TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM



VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

07

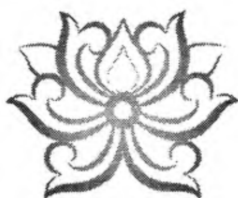
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ

07

KINH TIỂU BỘ

(Khuddaka Nikāya)

3



Dịch giả

NGUYÊN TÂM - TRẦN PHƯƠNG LAN

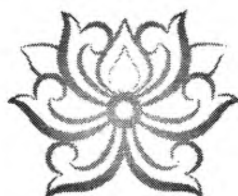
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

KINH TIỂU BỘ
(Khuddaka Nikāya)

❸

CHUYỆN TIỀN THÂN
(*Jātaka*)

Phần II



NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA

THÀNH KÍNH ĐẢNH LỄ
ĐỨC THẾ TÔN, BẬC ỨNG CÚNG, CHÁNH ĐẲNG GIÁC



HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

(Nhiệm kỳ 2017 – 2022)

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ

PHÓ PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ QUẢNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH GIÁC NHƯỜNG
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH DŨNG
- Trưởng lão Hòa thượng DƯƠNG NHƠN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH ĐÀM
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH ĐỨC NGHIỆP
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THANH TỪ
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH THIỆN DUYÊN
- Trưởng lão Hòa thượng THÍCH TRÍ TỊNH

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO PHIÊN DỊCH

- Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN

- Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN

- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

- Hòa thượng Tiến sĩ THÍCH GIA QUANG

- Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN
- Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội

- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT

- Cố vấn Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

BAN BIÊN TẬP & ẤN HÀNH
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ



•Cố vấn
- Hòa thượng VIÊN MINH
- Hòa thượng Tiến sĩ THIỆN TÂM

•Trưởng ban
- Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

•Phó Trưởng ban
- Giáo sư Tiến sĩ LÊ MẠNH THÁT
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH TÂM ĐỨC
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH ĐỨC THIỆN

•Tổng Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH MINH THÀNH
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH NHẬT TỪ

•Phó Tổng Biên tập
- Thượng tọa GIÁC GIỚI

•Thư ký Biên tập
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH GIÁC HOÀNG

•Ủy viên Biên tập
- Thượng tọa Thạc sĩ GIÁC TRÍ
- Thượng tọa Tiến sĩ BỬU HIỀN
- Ni sư Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN HÒA
- Sư cô Tiến sĩ THÍCH NỮ LIÊN THỦY

•Trưởng ban Tài chánh
- Thượng tọa Tiến sĩ THÍCH PHƯỚC TIẾN

LỜI CHỨNG MINH

Nam-mô Bản Sư Thích-ca Mâu-ni Phật

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* có ghi: "*Phật dĩ nhất nhất thân, xứ xứ chuyển pháp luân*" (佛以一一身, 處處轉法輪), nghĩa là đức Phật luôn dùng tất cả hóa thân của mình, ở mọi nơi mọi chốn chuyển bánh xe pháp.

Thật hoan hỷ, tinh thần chuyển bánh xe pháp của đức Phật đã và đang được chư Tôn đức Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai một cách hiệu quả. Đặc biệt, trên phương diện hoằng truyền kinh điển, chư Tôn đức đã có những định hướng đúng đắn cho Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tiến hành phiên dịch, san định, ấn tống Kinh, Luật, Luận, Sớ giải có nguồn gốc từ tạng Pāli, Sanskrit, Hán cổ và các ngôn ngữ khác.

Khi nghiên cứu, hoằng truyền kinh điển, nhà Phật thường có câu: "*Dĩ Thánh giáo vi minh cảnh chiếu kiến tự tâm, dĩ tự tâm vi trí đăng chiếu kinh u chỉ*" (以聖教爲明鏡照見自心, 以自心爲智燈照經幽旨), nghĩa là lấy Phật pháp làm tấm gương sáng soi vào tự tâm, lấy tự tâm làm ngọn đèn trí soi tỏ chỗ thâm sâu của kinh điển. Những Phật sự được chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã và đang thực hiện, thực sự là những việc làm trân quý. Việc ấy không chỉ làm sáng bản tâm của mỗi hành giả nghiên cứu mà còn chuyển hóa lời Phật dạy một cách dễ hiểu, dễ học, dễ hành, gần gũi với cuộc sống đời thường. Thông qua đó, mỗi hành giả có được cách tiếp cận, tu tập, thực hành lời Phật dạy, thành tựu nhiều kết quả hơn.

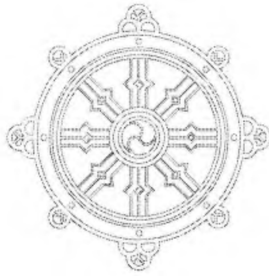
Từ việc nghiên cứu kinh điển, nhìn lại Phật giáo Việt Nam, chúng ta mới thấy, Phật giáo Việt Nam với chiều dài lịch sử trên dưới 2000 năm đồng hành cùng dân tộc, đã tạo nên những giá trị Phật giáo đặc biệt, đóng vai trò trụ cột trong việc gìn giữ nền văn hóa Việt thời kỳ 1000 năm Bắc thuộc, làm cho dân tộc Việt Nam trở nên vĩ đại nhất trong lịch sử phong kiến nước nhà vào thời đại Lý - Trần, vẫn đang tiếp tục đồng hành cùng đất nước trong thời kỳ hội nhập với phương châm "Đạo pháp - Dân tộc." Chính vì vậy, những Phật sự của chư Tôn đức trong Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đang thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc "kế vãng khai lai, truyền trì đạo mạch", không chỉ làm cho Phật pháp xương minh, trường tồn ở thế gian mà còn góp phần làm cho

Phật giáo Việt Nam tiếp nối truyền thống tốt đẹp từ ngàn xưa, phát triển lên một tầm cao mới. Hy vọng mỗi hành giả chúng ta nỗ lực hơn nữa để thành tựu giải thoát và hoàn thành sứ mệnh "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự."

Nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc.

Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát, tác đại chứng minh.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Trưởng lão Hòa thượng THÍCH PHỔ TUỆ
(Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam)



LỜI GIỚI THIỆU

Thay mặt Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi tán dương Hội đồng Quản trị Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, đặc biệt là Ban Biên tập ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** đã hoan hỷ đảm trách nhiệm vụ phiên dịch, biên tập và ấn hành bộ Thánh điển thiêng liêng này.

Phiên dịch Kinh, Luật, Luận từ các ngôn ngữ Phật học (Pāli, Sanskrit, Hán cổ) ra tiếng Việt là trách nhiệm cao quý của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN) do Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu thành lập năm 1989, nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học hỏi và thực tập Phật pháp của hàng triệu Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước.

1. Về thuật ngữ

Tôi tán đồng cách Hội đồng Quản trị VNCPHVN thay đổi cụm từ "*Đại tạng kinh Việt Nam*", vốn chịu ảnh hưởng từ cách đặt tựa tác phẩm của Phật giáo Trung Quốc, thành "*Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*", nhằm thể hiện bản sắc văn học Phật giáo Việt Nam, đồng thời thích ứng với cách đặt tên phổ biến của cộng đồng Phật giáo thế giới hiện nay.

Khái niệm "Đại tạng kinh" chỉ đề cập đến "Kinh tạng" (P. *Sutta Piṭaka*, H. 經藏) tức kho tàng Chân lý, trong khi khái niệm "Tam tạng Thánh điển Phật giáo" có nội hàm rộng hơn, bao quát hơn; đó là ngoài kho tàng Chân lý còn có kho tàng Đạo đức (P. *Vinaya Piṭaka*, H. 律藏, Luật tạng), kho tàng Triết học tâm (P. *Abhidhamma Piṭaka*, H. 論藏, Luận tạng), Văn học Chú giải (P. *Aṭṭhakathā*), Văn học Phụ chú giải (P. *Ṭīkā*), Văn học Tục tạng và các tác phẩm Phật học Việt Nam.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam bao gồm các tuyển tập Tam tạng Phật giáo Thượng Tọa bộ (ảnh hưởng các nước Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia), Tam tạng Phật giáo Bộ phái, Tam tạng Phật giáo Đại thừa (ảnh hưởng Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn, Tây Tạng), Văn học Sớ giải, Văn học Tông phái Phật giáo và Văn học Phật giáo Việt Nam, v.v...

2. Về Văn học sử Phật giáo

"Thánh điển Phật giáo" là khái niệm chỉ cho tuyển tập những lời dạy của đức Phật trong 45 năm (theo Phật giáo Nam truyền) hay 49 năm (theo Phật giáo

Bắc truyền) truyền bá Chân lý (P. *Dhamma*, S. *Dharma*, H. 法, Pháp), Đạo đức (P=S. *Vinaya*, H. 戒律, Giới luật), và Các pháp siêu việt (P. *Abhidhamma,* S. *Abhidharma,* H. 無比法, Vô tỷ pháp).

Thánh điển Phật giáo được truyền thừa qua hình thức khẩu truyền, được cho là bằng ngôn ngữ Pāli từ thời đức Phật (khoảng thế kỷ VI-V TTL) và lưu truyền qua ba lần kết tập kinh điển tại Ấn Độ. Đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ tư tại Tích Lan (khoảng thế kỷ I TTL), Thánh điển được viết trên lá bối và lưu truyền đến ngày nay. Hai tác phẩm *Đảo sử* (*Dīpavaṃsa*) và *Đại sử* (*Mahāvaṃsa*) đều ghi nhận rằng trong triều đại Valagamba (29-17 TTL) tại Anuradhapura, Tích Lan, các cao Tăng thuộc làu Tam tạng Pāli bắt đầu viết kinh Phật trên lá bối để giữ gìn và truyền bá lời Phật dạy một cách hiệu quả hơn.

Theo các nhà Đại thừa, cũng vào thế kỷ I TTL trở đi, kinh điển Đại thừa bằng tiếng Sanskrit lần lượt ra đời. Ngoài các bản kinh Đại thừa quan trọng tồn tại với ấn bản Sanskrit, phần lớn văn học Phật giáo Đại thừa được lưu giữ qua các bản dịch Hán cổ, được các vua chúa, đại tín chủ lưu bố qua các bản chép tay, khắc trên đá, khắc trên gỗ, và về sau biên tập thành các Đại tạng kinh mang tầm vóc quốc gia ở Trung Hoa; còn tiếng Tây Tạng cổ, được biên tập thành Kinh điển Phật giáo Tây Tạng (*Tibetan Buddhist Canon*) gồm hai tạng Kangyur (Kinh - Luật tạng gồm 100 bộ) và Tengyur (Luận tạng gồm 213 bộ).

3. Về phương diện lịch sử

Hơn 10 thế kỷ (từ thế kỷ I-X) bị Trung Quốc đô hộ, người Việt Nam đã sử dụng Đại tạng kinh Trung Hoa bằng Hán cổ và cho đến những thế kỷ sau. Giai đoạn 80 năm Pháp thuộc (1867-1945), người Việt lại buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa nên chữ Hán Nôm mất dần vị trí ngôn ngữ chính thống. Đứng trước nhu cầu thích nghi với quốc ngữ mới, các cao Tăng Việt Nam quyết định phiên dịch kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để phổ biến lời Phật dạy rộng rãi hơn, vì đại đa số người Việt trong thời Pháp thuộc không đọc được chữ Hán Nôm.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam được hình thành qua 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1 bắt đầu từ 1950 đến 1975, với đỉnh cao là sự ra đời của Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (GHPGVNTN) vào năm 1973 và ngưng hoạt động vào năm 1975. Các bậc Tôn túc đóng góp nổi bật trong việc phiên dịch kinh điển từ Hán cổ sang tiếng Việt trong giai đoạn này có Hòa thượng Thích Trí Tịnh (*Ma-ha Bát-nhã*, *Hoa Nghiêm*, *Đại Bảo Tích*, *Niết-bàn*, *Pháp Hoa*); Hòa thượng Thích Trí Nghiêm (*Đại Bát-nhã*); và chư vị Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Bửu Huệ, Hòa thượng Thích Thiền Tâm (*Trung A-hàm*, *Tăng nhất A-hàm*), Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Thượng tọa Thích Trí Thành (*Trường A-hàm*, *Tạp A-hàm*), v.v…

Giai đoạn 2 bắt đầu từ 1975 đến 2017, với sự ra đời của các bản dịch từ Pāli sang tiếng Việt.[1] Đóng góp nổi trội của Hòa thượng Thích Minh Châu là phiên dịch hầu hết Kinh tạng Pāli. Hòa thượng Hộ Tông, Hòa thượng Bửu Chơn, Hòa thượng Giới Nghiêm phiên dịch Luật tạng Pāli và Hòa thượng Tịnh Sự dịch Luận tạng Pāli. Gần đây, Thượng tọa Chánh Thân đã dịch mới một số kinh trong Tiểu bộ và Luật tạng Pāli.

Sau ba thập niên phiên dịch độc lập, đến năm 1991, Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam chính thức được Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành lập. Từ đó đến nay, VNCPHVN chỉ tái bản được Kinh tạng Nam truyền,[2] gồm 13 tập và một vài tập A-hàm. Trong thời gian này và trước đó, Hòa thượng Thích Trí Quang đã dịch hơn 25 tập Kinh, Luật, Luận; Hòa thượng Thích Đỗng Minh đã dịch một số bộ Luật và hướng dẫn, khuyến khích chư Tăng Ni tại Nha Trang phiên dịch các bộ Luật của các bộ phái Phật giáo, góp phần làm phong phú kho tàng Luật tạng Phật giáo Việt Nam.

Trong hai thập niên, 1994-2014, Hội đồng Dịch thuật do Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh khởi xướng và bảo trợ, có công tổng hợp, biên tập và xuất bản các công trình dịch thuật đã có, đồng thời dịch mới các Kinh, Luật, Luận quan trọng khác để hình thành *Linh Sơn Pháp bảo Đại tạng kinh*.

Giai đoạn 3 từ năm 2017 trở đi. Vào giữa năm 2018, Hội đồng Quản trị VNCPHVN thành lập Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tiến hành đối chiếu văn bản song ngữ, biên tập tiếng Việt, làm tổng mục lục mới, với mục tiêu phiên dịch hoàn tất, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, gồm Ba tạng Thượng Tọa bộ, Ba tạng Bộ phái và Ba tạng Đại thừa. Đồng thời, Văn học Sớ giải, Tục tạng, Văn học tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản và Văn học Phật giáo Việt Nam cũng sẽ được thực hiện tiếp theo. Công trình sưu tầm, phiên dịch, hiệu chú và ấn hành này dự kiến sẽ hoàn thành trong vòng 10 năm hoặc lâu hơn nữa.

4. Về bản sắc quốc gia

Thánh điển Phật giáo được xem là quốc bảo của nhiều quốc gia theo đạo Phật. Các quốc gia thuộc hai truyền thống Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền đều có Thánh điển Phật giáo bằng tiếng mẹ đẻ của họ từ lâu. Tại các nước Phật giáo Nam truyền như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, ngoài ấn bản Tam tạng Thánh điển Pāli, đều có bản dịch Thánh điển Phật giáo bằng quốc ngữ của họ.

Trong các nước Phật giáo Đại thừa, Trung Quốc là nước đầu tiên có *Khai Bảo tạng* được khắc gỗ từ năm 971 đến 983 thời nhà Bắc Tống. Các nước

[1] Hòa thượng Thích Minh Châu dấn thân vào sự nghiệp dịch thuật rất sớm. Hòa thượng đã dịch và ấn hành *Kinh Trường bộ* từ năm 1965 (tập I), 1967 (tập II), 1972 (tập III và IV). Các năm kế tiếp, Hòa thượng cho ấn hành các tập *Kinh Trung bộ*: 1973 (tập I), 1974 (tập II, III).

[2] Còn thiếu 5 quyển trong *Kinh Tiểu bộ*: *Diễn giải, Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử và Hạnh tạng*.

Phật giáo Đại thừa chịu ảnh hưởng từ Phật giáo Trung Quốc đều có ấn bản Đại tạng kinh chữ Hán theo phong cách riêng.

Đại Hàn (1011-1082) có ấn bản *Cao Ly Đại tạng kinh* (高麗大藏經), hay còn gọi là *Bát vạn Đại tạng kinh* (八萬大藏經), có cấu trúc mục lục khác với các Đại tạng kinh Trung Quốc, gồm Tam tạng Đại thừa (các bản văn 1-646), Tam tạng Tiểu thừa (các bản văn 647-978), Thánh Hiền Phật ký lục (các bản văn 979-1087) và các tác phẩm khác (1088-1498), trong đó, các bản văn 1402-1405 là các trước tác của Phật giáo Đại Hàn.

Nhật Bản có *Thiên Hải tạng* (天海藏) đầu tiên được thực hiện từ năm 1637 đến 1648. Đến đầu thế kỷ XX, *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經, 1924-1934) do các học giả Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và Ono Genmyo biên tập, gồm 100 tập, 3.493 bộ, 13.520 quyển, trong đó, 55 tập đầu gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, các tông phái Phật giáo Trung Quốc, Nhật Bản. Đây là ấn bản Đại tạng kinh bằng chữ Hán hoàn chỉnh nhất, có tính hệ thống về phân loại và chấm câu tốt nhất.

Phật giáo Tây Tạng cũng có Đại tạng kinh riêng khá sớm, từ năm 1290 đến 1364. Đại tạng này bao hàm hầu hết các bản luận Sanskrit của các bộ phái Phật giáo Ấn Độ, có nguồn gốc từ Trường Đại học Nalanda nổi tiếng và một số bản dịch từ tiếng Hán. Đại tạng này được hiệu chỉnh qua các thời kỳ và trở thành kho tàng Pháp bảo Tạng truyền đặc thù, vì nó chứa nhiều bộ mật chú và pháp môn tu bí truyền mà ngày nay không tìm thấy trong các Đại tạng Trung Hoa và các nước khác.

Tính từ thời điểm Pháp thuộc năm 1867 đến 2019, khi tiếng Hán - Việt trở thành tiếng Việt La-tinh hóa, 152 năm đã trôi qua, hoặc tính từ thời điểm Hội đồng Phiên dịch Kinh điển của GHPGVNTN hình thành từ năm 1973 cũng đã trải qua 46 năm, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chỉ mới hoàn tất một nửa chặng đường phiên dịch.

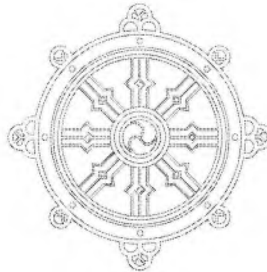
Bên cạnh việc trân trọng những thành quả dịch thuật của các bậc Tôn đức hữu công thuộc các thế hệ trước, GHPGVN cần có *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* hoàn chỉnh, không chỉ thể hiện bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam mà còn giúp cho người Việt Nam không biết các cổ ngữ Phật giáo, có thể tiếp cận lời Phật dạy bằng tiếng Việt, nhằm đạt được trí tuệ do nghe chân lý Phật (P. *Sutamayapaññā*, Văn tuệ), trí tuệ do nghiền ngẫm chân lý Phật (P. *Cintāmayapaññā*, Tư tuệ) và trên nền tảng này, tiếp tục đạt được trí tuệ do thực hành thiền chỉ, thiền quán (P. *Bhāvanāmayapaññā*, Tu tuệ).

Để tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam qua *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, tôi tha thiết kêu gọi quý Tăng Ni và Phật tử tham gia vào Ban Phiên dịch và Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*, góp phần phiên dịch và xuất bản hoàn chỉnh *Tam tạng Thánh điển*

Phật giáo Việt Nam. Đồng thời, tôi tha thiết kêu gọi quý mạnh thường quân và quý Phật tử phát tâm đóng góp tịnh tài để công trình phiên dịch, biên tập và xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* sớm thành tựu mỹ mãn.

Xuất bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* không chỉ là niềm mơ ước của Tăng Ni và Phật tử Việt Nam mà còn tạo thuận duyên cho 97 triệu người Việt Nam trong nước và hơn 5 triệu người Việt Nam ở hải ngoại có cơ hội học Phật, tu Phật bằng tiếng Việt, để diệt trừ tham ái, sân hận, si mê, chấp thủ, vốn là nhân khổ đau, đồng thời, trải nghiệm an vui, hạnh phúc bây giờ và tại đây, góp phần làm cho Tổ quốc Việt Nam ngày càng giàu, mạnh và phát triển bền vững.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019
Hòa thượng THÍCH THIỆN NHƠN
(Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN)



LỜI NÓI ĐẦU

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam là một kho tàng Pháp bảo đầy đủ của Phật giáo Việt Nam, gồm Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, Sử và các tác phẩm liên quan đến Phật giáo Việt Nam. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chứa đựng tư tưởng tâm linh, kho tàng trí tuệ, nền tảng văn hóa đạo đức có giá trị vượt thời gian và không gian. Cùng với những hệ thống tư tưởng lớn khác ở phương Đông và trên thế giới, hệ thống tư tưởng minh triết của đạo Phật lưu xuất từ Thánh điển Phật giáo trong từng thời kỳ, càng lúc càng có ảnh hưởng rộng lớn và thấm đượm nơi tâm hồn con người nói chung, tâm hồn người Phật tử Việt Nam nói riêng, góp phần tạo nên bản sắc văn hóa đạo đức Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam từ thời khởi nguyên đã có mối nối kết với Phật giáo. Phật giáo Việt Nam bắt đầu từ rất sớm và xuyên suốt dòng lịch sử luôn đồng hành cùng dân tộc. Đất nước và con người Việt Nam, trong không gian minh triết phương Đông, ân hưởng nguồn sáng thiêng liêng cùng với sức mạnh chuyển hóa nhiệm mầu của đạo Phật, đã phát triển, sánh vai với bạn bè trên thế giới. Ngày nay, Phật giáo Việt Nam đang tiếp tục vươn lên với những hoạt động mang tầm quốc gia và quốc tế trên nhiều phương diện, trong đó *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là một dấu chỉ quan trọng trên lộ trình phát triển, phát huy tiềm năng con người Việt Nam và Phật giáo Việt Nam về phương diện văn hóa tâm linh và hàn lâm học thuật.

Văn pháp được sử dụng để chuyển tải nội dung của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* tiệm cận những tiêu chí: Trung thực, uyên thâm, văn nhã. Những chuẩn mực khác cũng được quan tâm như: Trang trọng, uy nghiêm. Tiêu chí, chuẩn mực được đặt ra và triển khai nhằm nâng cao hiệu quả của việc tụng niệm và hành trì, gia tăng hiệu ứng tâm linh, khuếch tán ở mức cao nhất ánh sáng mầu nhiệm thiêng liêng lưu xuất từ đầu nguồn là đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Thuở khởi nguyên của Thánh điển bắt đầu với việc kết tập Tam tạng. Ba lần kết tập đầu tiên, Thánh điển được trùng tụng, chuẩn y và ghi nhớ từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng phương pháp khẩu truyền. Thế kỷ III TTL đã có những phái đoàn hoằng pháp do Vua Asoka chủ trương và thực hiện, trong đó Hoàng tử Mahinda và Công chúa Saṅghamittā của vương triều này đã truyền bá đạo Phật

sang Tích Lan. Hai thế kỷ sau, dưới triều đại nhà Vua Tích Lan Vaṭṭagāmaṇī Abhaya, Thánh điển được biên chép và bổ sung phần Chú giải. Ở Ấn Độ, lần kết tập thứ tư dưới sự bảo trợ của Vua Kaniṣka từ cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II, Thánh điển được viết xuống bằng ngôn ngữ Sanskrit. Như vậy, cả hai hệ thống kinh điển tiếp tục được lưu giữ, quảng bá ở bản địa và lan tỏa sang các nước khác dưới hai dạng, chữ viết và khẩu truyền.

Hầu hết Thánh điển Phật giáo từ hai hệ thống trên vẫn còn được bảo tồn đầy đủ trong dạng nguyên ngữ hay dịch ngữ, và có những phiên bản tiếp tục được phát hiện dù có những khoảng thời gian việc thế thế truyền thừa dường như bị gián đoạn, thậm chí mai một. Ánh sáng trí tuệ chứa đựng trong Thánh điển Phật giáo càng lúc càng được giới trí thức của thế giới cả phương Đông lẫn phương Tây nhận thức. Tạng Sanskrit được tái phát hiện ở Nepal vào năm 1822, có thể xem là tạng Sanskrit truyền sang thế giới phương Tây sớm nhất. Tạng Pāli do Hoàng tử Mahinda khởi động truyền bá từ Ấn Độ sang Tích Lan, sau đó nhờ được sự bảo trợ dưới triều Vua Vaṭṭagāmaṇī Abhaya vào thế kỷ I TTL, công trình trùng tụng, biên chép và bảo tồn được tổ chức thực hiện quy mô lớn tại Aluvihāra, thành phố Matale, với 500 nhân sự chuyên trách.

Tạng Pāli được xem là Thánh điển Phật giáo chính thống của các nước thuộc hệ thống Nam truyền như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào. Luận sư Buddhaghosa vĩ đại của thế kỷ V đã có công lớn đối với Thánh tạng Pāli. Nửa cuối thế kỷ XIX, Miến Điện tổ chức kết tập Tam tạng, trùng tụng, học thuộc Thánh điển, và nổi tiếng với bộ kinh bằng đá hoa cương thực hiện năm 1860 do Vua Mindon bảo trợ. Năm 1881, Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli) ra đời với mục tiêu là biên tập, ấn hành nguyên bản Pāli và phiên dịch sang tiếng Anh. Đầu thế kỷ XX, công trình phiên dịch Thánh tạng quy mô từ tiếng Pāli sang tiếng Thái được thực hiện và giới thiệu rộng rãi thông qua mạng lưới các trường đại học trên thế giới, dưới sự bảo trợ của Vua Chulalongkorn thứ V.

Ngoài tạng Pāli và tạng Sanskrit, khi nói về phương diện đầu nguồn, cổ kính và thẩm quyền, cần ghi nhận rằng Thánh tạng tiếng Hán cổ có truyền thống lâu đời, bao phủ một địa bàn văn hóa rộng lớn tầm châu lục. Từ nhà Tống đến nay, Trung Quốc có tất cả 25 bản Đại tạng, riêng nhà Tống đã có đến 8 bản Đại tạng khác nhau. Bản Đại tạng khắc gỗ đầy đủ đầu tiên của Trung Quốc được đặt tên là *Khai Bảo tạng*, hoàn thành năm 983. Cao Ly (tên gọi Triều Tiên từ thế kỷ X-XIV) có ba lần khắc Đại tạng, trong đó *Bát vạn Đại tạng kinh* (còn gọi là *Cao Ly Đại tạng kinh*) nổi tiếng với trên 81.000 phiến gỗ, khắc vào thế kỷ XI, đang được bảo tồn cẩn trọng tại Hải Ấn tự. Nhật Bản tiếp nhận suối nguồn Phật giáo khá trễ, có 9 bản Đại tạng. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*Taishō Shinshū Daizōkyō*, 大正新脩大藏經) do Takakusu Junjiro, Watanabe Umiakira và các cộng sự viên thực hiện, gồm 100 tập, dựa trên các bản của Đại tạng kinh Trung Hoa và Cao Ly, tạo nên một bản Đại tạng kinh Phật giáo Bắc truyền hoàn chỉnh

nhất cho đến năm 1934. Mông Cổ và Tây Tạng đều có Đại tạng riêng. Đại tạng Tây Tạng cũng đã trải qua 12 lần khắc bản, được in ấn khác nhau và bộ hiện nay rất lớn với 73 triệu chữ chia làm hai phần: Kangyur (Kinh tạng - Luật tạng) và Tengyur (Luận tạng).

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam có điểm xuất phát từ thời còn chia sẻ chung một dạng văn tự với người Hán, phục vụ cho Phật giáo của cả một khu vực địa lý văn hóa rộng lớn bao gồm nhiều quốc gia, dân tộc. Ở Việt Nam, nhà Đinh đã bắt đầu việc khắc kinh trên đá, đến thời nhà Lý việc khắc mộc bản khởi sự và hoàn thành một phần vào năm 1126, niên hiệu Thiên Phù Duệ Vũ. Vào năm 1311 (Tân Hợi), niên hiệu Hưng Long nhà Trần, Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng chiếu Vua Trần Anh Tông đảm trách công trình cấp quốc gia là khắc gỗ Đại tạng kinh. Trải qua những biến thiên của lịch sử, thế hệ chư cổ đức đã hết lòng truyền trì đạo mạch. Có những giai đoạn lịch sử, công trình phiên dịch và ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* có biểu hiện dừng lại hẳn, nhưng thật ra vẫn được chư Tôn đức tiền hiền âm thầm thực hiện.

Lịch sử thực hiện *Đại tạng kinh Việt Nam* khởi sắc trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo giữa thế kỷ XX. Việc phiên dịch, ấn hành *Đại tạng kinh Việt Nam* với những mảng lớn hơn và quy mô lớn hơn được triển khai thực hiện, tiêu biểu là Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh phiên dịch Đại tạng Bắc truyền và Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu phiên dịch Đại tạng Nam truyền. Những trung tâm phiên dịch với những dịch giả nổi tiếng cũng xuất hiện như Trung tâm Phiên dịch Huệ Nghiêm, Trung tâm Phiên dịch Hải Đức, sau này có Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang. Đặc biệt, chư Tôn đức Giáo phẩm, quý cư sĩ thiện hữu trí thức tiền bối và đương thời nối tiếp công việc phiên dịch các bộ Kinh, Luật, Luận, Sớ giải, như quý Ngài: Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, Hòa thượng Thích Hành Trụ, Hòa thượng Thích Mật Nguyện, Hòa thượng Thích Trí Quang, Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Hòa thượng Thích Huệ Hưng, Hòa thượng Thích Đỗng Minh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ, Hòa thượng Thích Phước Sơn, Hòa thượng Thích Minh Cảnh, Hòa thượng Thích Đức Thắng, Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám, Cư sĩ Đoàn Trung Còn, Cư sĩ Đào Nguyên, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyên Tâm - Trần Phương Lan,…

Như vậy, nội dung bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có sự khác biệt. Các Đại tạng khác chỉ chứa đựng một trong hai hệ thống, Nam truyền hoặc Bắc truyền, hoặc có một phần của nhau, nhưng không đầy đủ. Trong khi đó, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* chuyển tải cả hai hệ thống và được bố cục lại. Đối với Tam tạng Nam truyền (Thượng Tọa bộ), cấu trúc được giữ nguyên như trong hệ thống Pali Text Society (Chánh kinh, Chú giải, Phụ Chú giải). Đối với Bắc truyền, cấu trúc được chia thành hai phần: Bộ phái và Đại thừa, được bố cục lại theo cách phân chia Kinh, Luật, Luận, Sớ giải.

Nguồn tư liệu này dựa vào *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh*. Ngoài ra, còn có tham khảo thêm nguồn tiếng Sanskrit, tiếng Anh và một số ngôn ngữ khác. Phần Tục tạng của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* bao gồm các tác phẩm kinh điển do những thế hệ tri thức của Phật giáo Việt Nam trước tác, nối kết liền mạch từ thời sử dụng chữ Hán, Hán Nôm và chữ Quốc ngữ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay tiếp nối tinh thần phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* của chư tiền hiền hữu công, với sự khởi xướng của Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Châu, đã thành lập Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam làm cơ sở pháp lý, nền tảng hành chánh cho việc tổ chức nhân sự, giúp Giáo hội Phật giáo Việt Nam nâng mức độ hoàn thiện của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lên một tầm cao mới, đặt một dấu ấn cho sự hoàn chỉnh trang nghiêm của ngôi báu Pháp bảo.

Phiên dịch *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* là công việc cần một nguồn nhân lực trí thức và tinh thần làm việc bền bỉ, đồng thời phải vượt qua những rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và khoảng cách thế hệ. Những dịch giả đỉnh cao ở Trung Quốc như Đạo An, Cưu-ma-la-thập, Huyền Trang... đều bày tỏ sự khó khăn khi thực hiện bản Hán dịch. Trong khi đó, độ chính xác của bản Việt dịch nói chung phải dựa trên độ chính xác của bản Hán dịch. Phiên dịch Kinh tạng Pāli cũng không ngoại lệ, khi dựa vào những bản gốc đã được sao chép nhiều lần trước khi in ấn. May thay, với sự tiến bộ của thời đại, hầu hết những rào cản đều đã được vượt qua và phản ánh trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. Sự vượt qua những khó khăn trên nhờ vào sự phát triển của mạng lưới thông tin toàn cầu, nguồn tham khảo phong phú, kỹ thuật tra cứu tiên tiến. Mặt khác, *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* phản ánh việc định hình được một bộ thể lệ quy chuẩn, làm cơ sở tham chiếu cho việc biên tập và dịch bổ sung, song song với việc xây dựng một bộ thuật ngữ thiết yếu và chuyên sâu. Tất cả đều góp phần đáng kể cho tính hệ thống, tính nhất quán khoa học, nâng cao giá trị hàn lâm của *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam mở ra một triển vọng mới cho những tác phẩm hậu kỳ như tóm tắt, tân giải, đồ giải hay làm tiền đề cho những công trình hỗ trợ tiện ích theo sau: Tổng mục lục, Đại từ điển Thuật ngữ, Lịch sử hình thành *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*.

Ngoài ấn bản mang tính thiêng liêng của hiện tiền Pháp bảo được thực hiện trang nghiêm với chất liệu cao cấp, thiết kế mẫu mực, kỹ thuật in ấn tiên tiến, chứa đựng nội dung và văn pháp như đã được giới thiệu ở trên, Ban Biên tập *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* còn thực hiện bản số hóa làm tăng thêm khả năng đồng bộ, lan tỏa rộng khắp, khả năng tiếp cận và tham khảo nhanh chóng, hướng đến những tiêu chí học thuật hàn lâm tối ưu.

Bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* ra đời lần này là kết tinh từ các bậc Tổ sư, các bậc chân tu thật học, nhiều thế hệ dịch giả, nhà nghiên cứu... Hình ảnh các Ngài an nhẫn, kiên định, tận tụy, cần mẫn dịch từng trang kinh, chọn lựa từng chữ, cân nhắc từng thuật ngữ Phật học, đối khảo các bản dịch, bổ sung từng cước chú, nhuận sắc từng dấu chấm phẩy, để đảm bảo "văn nghĩa đầy đủ" một cách tốt đẹp nhất, luôn là nguồn động lực khích lệ cho các thế hệ Tăng Ni và Phật tử tiếp bước noi theo.

Hơn bảy thập niên trôi qua, các nhà phiên dịch Tam tạng ngày đêm âm thầm làm việc, đã đóng góp vào kho tàng văn học Phật giáo, tạo nên bản sắc văn hóa tâm linh Phật giáo Việt Nam, làm cho Pháp bảo được lưu bố ở nhân gian, công đức ấy đang ẩn tàng trong từng con chữ, trong số nhiều chục triệu con chữ của ấn bản *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* lần này thật bất khả tư nghì.

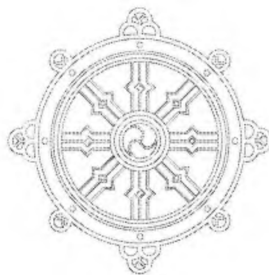
Việc phiên dịch và ấn hành Pháp bảo này thành tựu còn được sự yểm trợ, ủng hộ nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni và các mạnh thường quân cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước, từ quá khứ đến hiện tại. Xin thành kính tri ân công đức của quý liệt vị.

Thành kính cúng dâng ấn phẩm ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** này lên mười phương chư Phật, chư Tôn Bồ-tát, liệt vị Tổ sư, chư vị Tôn đức dịch giả và hiện tiền chư Tôn đức Giáo phẩm chứng minh. Thành tâm hồi hướng công đức, nguyện cầu Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, quốc thái dân an, pháp giới hữu tình ân triêm lợi lạc.

Vesak Liên Hợp Quốc, PL.2563 – DL.2019

Hòa thượng THÍCH GIÁC TOÀN

(Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam)



BẢNG VIẾT TẮT

TÁC PHẨM TIẾNG PĀLI

A.	*Aṅguttara Nikāya* (*Kinh Tăng chi bộ*)
AA.	*Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Tăng chi bộ*)
Ap.	*Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*)
ApA.	*Apadāna Aṭṭhakathā* (*Chú giải Thánh nhân ký sự*)
Asl.	*Aṭṭhasālinī* (*Chú giải Pháp tụ*)
Bvs.	*Buddhavaṃsa* (*Phật sử*)
BvsA.	*Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Phật sử*)
CNid.	*Cūḷaniddesa* (*Tiểu nghĩa thích / Tiểu diễn giải*)
CNidA.	*Cūḷaniddesa Aṭṭhakathā* (*Chú giải Tiểu nghĩa thích / Chú giải Tiểu diễn giải*)
Cp.	*Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*)
CpA.	*Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Hạnh tạng*)
Cv.	*Cūḷavagga* (*Tiểu phẩm*)
Cvs.	*Cūḷavaṃsa* (*Tiểu sử*)
D.	*Dīgha Nikāya* (*Kinh Trường bộ*)
DA.	*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Trường bộ*)
Dh.	*Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*)
DhA.	*Dhammapada Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Pháp cú*)
Dhs.	*Dhammasaṅgaṇī* (*Pháp tụ*)
Dpvs.	*Dīpavaṃsa* (*Đảo sử*)
Gāt.	*Gātha* (*Thera* và *Therī*): *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*
It.	*Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*)
ItA.	*Itivuttaka Aṭṭhakathā* (*Chú giải Kinh Phật thuyết như vậy*)
J.	*Jātaka* (*Chuyện Tiền thân*)
Kh.	*Khuddakapāṭha* (*Tiểu tụng*)

Kkvt.	*Kaṅkhāvitaraṇī (Giải nghi)*
Kv.	*Kathāvatthu (Luận sự / Những điểm dị biệt)*
M.	*Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ)*
MA.	*Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Trung bộ)*
Mhbv.	*Mahābodhivaṃsa (Đại sử về cây Bồ-đề ở Tích Lan)*
Mhvs.	*Mahāvaṃsa (Đại sử)*
Miln.	*Milindapañha (Mi-tiên vấn đáp / Milinda vấn đạo)*
MNid.	*Mahāniddesa (Đại nghĩa thích / Đại diễn giải)*
MNidA.	*Mahāniddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Đại nghĩa thích / Chú giải Đại diễn giải)*
MT.	*Majjhima Nikāya Ṭīkā (Phụ chú giải Kinh Trung bộ)*
Mv.	*Mahāvagga (Đại phẩm)*
Nid.	*Niddesa (Nghĩa thích / Diễn giải)*
NidA.	*Niddesa Aṭṭhakathā (Chú giải Nghĩa thích / Chú giải Diễn giải)*
Netti.	*Nettipakaraṇa (Chỉ đạo luận / Cẩm nang học Phật)*
Paṭ.	*Paṭṭhāna (Duyên hệ)*
Pe.	*Peṭakopadesa (Chú thích Kinh tạng / Tìm hiểu Tam tạng)*
Ps.	*Paṭisambhidāmagga (Vô ngại giải đạo / Phân tích đạo)*
PsA.	*Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (Chú giải Vô ngại giải đạo / Chú giải Phân tích đạo)*
Pug.	*Puggalapaññatti (Nhân thi thiết)*
PugA.	*Puggalapaññatti Aṭṭhakathā (Chú giải Nhân thi thiết)*
Pv.	*Petavatthu (Ngạ quỷ sự / Chuyện Ngạ quỷ)*
PvA.	*Petavatthu Aṭṭhakathā (Chú giải Ngạ quỷ sự / Chú giải Chuyện Ngạ quỷ)*
S.	*Saṃyutta Nikāya (Kinh Tương ưng bộ)*
SA.	*Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Tương ưng bộ)*
Sn.	*Suttanipāta (Kinh tập)*
SnA.	*Suttanipāta Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh tập)*
Sum.	*Sumaṅgalavilāsinī (Chú giải Kinh Trường bộ)*
Thag.	*Theragāthā (Trưởng lão Tăng kệ)*
ThagA.	*Theragāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Tăng kệ)*
Thīg.	*Therīgāthā (Trưởng lão Ni kệ)*

ThīgA.	*Therīgāthā Aṭṭhakathā (Chú giải Trưởng lão Ni kệ)*
Thūvs.	*Thūpavaṃsa (Biên niên sử chùa tháp Tích Lan)*
Ud.	*Udāna (Kinh Phật tự thuyết / Cảm hứng ngữ)*
UdA.	*Udāna Aṭṭhakathā (Chú giải Kinh Phật tự thuyết / Chú giải Cảm hứng ngữ)*
Uj.	*Upāsakajanālaṅkāra (Ưu-bà-tắc trang nghiêm)*
Vbh.	*Vibhaṅga (Phân tích)*
VbhA.	*Vibhaṅga Aṭṭhakathā (Chú giải Phân tích)*
Vin.	*Vinaya Piṭaka (Luật tạng)*
VinA.	*Vinaya Aṭṭhakathā (Chú giải Luật tạng)*
Vism.	*Visuddhimagga (Thanh tịnh đạo)*
Vv.	*Vimānavatthu (Thiên cung sự / Chuyện Thiên cung)*
VvA.	*Vimānavatthu Aṭṭhakathā (Chú giải Thiên cung sự / Chú giải Chuyện Thiên cung)*
Yam.	*Yamaka (Song đối)*

TÁC PHẨM TIẾNG SANSKRIT

Divy.	*Divyāvadāna (Thiên cung sự)*
Mhvu.	*Mahāvastu (Đại sự)*
MPS.	*Mahāparinirvānasūtra (Kinh Đại Bát-niết-bàn)*

TÁC PHẨM TIẾNG ANH

BBS.	*Burmese-script Buddhasāsana Samiti edition of the Majjhima Nikāya (Kinh Trung bộ*, phiên bản tiếng Miến, NXB. Buddhasāsana Samiti)
BD.	*Book of Discipline (Luật tạng)*
BI.	*Buddhist India (Phật giáo Ấn Độ)*
BPE.	*Buddhist Manual of Psychological Ethics (Cẩm nang Tâm lý Đạo đức Phật giáo)*
Cpd.	*Compendium of Philosophy (Cương yếu triết học / Tóm tắt và giải thích bộ Abhidhammatthasaṅgaha)*
DB.	*Dialogues of the Buddha (Kinh Trường bộ)*
Expos.	*Expositor (Chú giải Pháp tụ)*
GS.	*Gradual Sayings (Kinh Tăng chi bộ)*

KS. *Kindred Sayings* (*Kinh Tương ưng bộ*)
MB. *A Manual of Buddhism* (*Cẩm nang Phật giáo*)
MLS. *Middle Length Sayings* (*Kinh Trung bộ*)
QKM. *Questions of King Milinda* (*Milinda vấn đạo*)
PC. *Points of Controversy* (*Những điểm dị biệt*)
Pss. Breth. *Psalms of the Brethren* (*Trưởng lão Tăng kệ*)
Pss. Sis. *Psalms of the Sisters* (*Trưởng lão Ni kệ*)
SBB. *Sacred Books of the Buddhists* (*Thánh điển Phật giáo*)
SBE. *The Sacred Books of the East* (*Thánh điển phương Đông*)

TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

TTTĐPGVN. *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*
TTPV. *Tam tạng Pāḷi-Việt*

KINH THEO ĐẠI CHÁNH TẠNG

ĐCT./Đại./T. *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (大正新脩大藏經)
N. *Nam truyền Đại tạng kinh* (南傳大藏經)
Biệt Tạp. *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh* (別譯雜阿含經)
Tăng./ EĀ. *Tăng nhất A-hàm kinh* (增壹阿含經, *Ekottarikāgama*)
Tạp./ SĀ. *Tạp A-hàm kinh* (雜阿含經, *Saṃyuktāgama*)
Trung./ MĀ. *Trung A-hàm kinh* (中阿含經, *Mādhyamāgama*)
Trường./ DĀ. *Trường A-hàm kinh* (長阿含經, *Dīrghāgama*)

TỪ ĐIỂN

BHSD. *Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary* (*Từ điển Phật giáo Sanskrit hỗn hợp*)
CPD. *Critical Pāli Dictionary* (*Từ điển Biện giải Pāli*)
DPPN. *Dictionary of Pāli Proper Names* (*Từ điển Danh từ riêng Pāli*)
EB. *Encyclopaedia of Buddhism* (*Bách khoa Từ điển Phật giáo*)
EPD. *English-Pāli Dictionary* (*Từ điển Anh - Pāli*)
ERE. *Encyclopedia of Religion and Ethics* (*Bách khoa Từ điển Tôn giáo và Đạo đức*)
PED. *Pāli-English Dictionary* (*Từ điển Pāli - Anh*)

TỔ CHỨC HIỆP HỘI VÀ TẠP CHÍ

CST.	Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (Tam tạng kết tập lần thứ 6)
PTS.	Pali Text Society (Hội Thánh điển Pāli)
VRI.	Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán)
JPTS.	*Journal of Pali Text Society* (*Tạp chí Hội Thánh điển Pāli*)
JRAS.	*Journal of the Royal Asiatic Society* (*Tạp chí Hội Hoàng gia Á châu*)

CÁC TỪ VIẾT TẮT

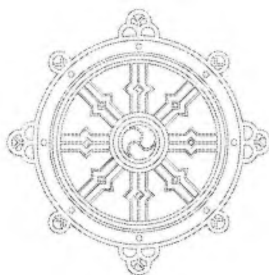
Tiếng Việt

S.	Tiếng Sanskrit	P.	Tiếng Pāli
H.	Tiếng Hán	E.	Tiếng Anh
TTL.	trước Tây lịch	DL.	Dương lịch
PL.	Phật lịch	tr.	trang
Sđd.	Sách đã dẫn	NXB.	Nhà xuất bản
nt.	như trên		
HT.	Hòa thượng	TT.	Thượng tọa
ĐĐ.	Đại đức	NS.	Ni sư
SC.	Sư cô	TS.	Tiến sĩ
ThS.	Thạc sĩ	ND.	Người dịch
BBT.	Ban Biên tập		

Tiếng Anh

AD. (Anno Domini)	Công nguyên
BC. (Before Christ)	trước Công nguyên
Cf. (confer)	Tham chiếu, so sánh
ed. (by)	biên tập (bởi)
edn. (edition)	ấn bản
etc. (et cetera)	vân vân… (v.v…)
f./ ff. (following pages)	trang kế tiếp / các trang kế tiếp
fig.	hình minh họa
ibid. (ibidem)	cùng trang đã dẫn / như trên
n. (note)	chú thích
op. cit (opere citato)	sách đã dẫn
p./ pp. (page/ pages)	trang / các trang

tr. (by)	dịch bởi
trans. (translation)	bản dịch
v. (verse)	bài kệ, khổ kệ, kệ ngôn
vol./ vols. (volume/ volumes)	tập, quyển / các tập, các quyển



TỔNG QUAN KINH TIỂU BỘ

1. Khái niệm "*Kinh Tiểu bộ*"

"*Kinh Tiểu bộ*" (*Khuddaka Nikāya,* 小部經) dịch sát nghĩa *là* "*Hợp tuyển các tập kinh ngắn*" (*The Collection of Little Texts, Minor Collection*), là tuyển tập (*nikāya*) điển tịch thứ năm trong năm bộ kinh thuộc kho tàng kinh điển Pāli (*Sutta Piṭaka,* 巴利文大藏經) của Phật giáo Thượng Tọa bộ (上座部佛教), còn gọi là Phật giáo Nam truyền (南傳佛教) hoặc Phật giáo Thượng Tọa bộ Nam truyền (南傳上座部佛教). Bộ này gồm 16 tập kinh chứa đựng nhiều bài kinh lẻ, thi kệ, đoạn kinh ngắn về chân lý, lộ trình tu tập, đạo đức sống và tư liệu lịch sử, phần lớn do đức Phật giảng và một số do các Thánh Tăng A-la-hán giảng hay biên tập.

Từ "*Khuddaka*" trong tiếng Pāli có nghĩa là "tiểu" (小) hay "tạp" (雜), tương đương trong tiếng Sanskrit là "*Kṣudraka.*" Trong văn học Hán tạng, chữ "*Nikāya*" thường được phiên âm là "Ni-kha-da" (尼柯耶), tương đương với từ "*Āgama*" trong tiếng Sanskrit mà Phật giáo Đại thừa thường sử dụng và được phiên âm trong Hán ngữ là "A-hàm" (阿含) hoặc "A-cấp-ma" (阿笈摩).

Cụm từ "*Khuddaka Nikāya*" (小部經) được phiên âm trong Hán ngữ là "Khuất-đà-ca Ni-kha-da" (屈陀迦尼柯耶). *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) gọi *Tiểu bộ kinh* là "Khuất-đà-ca kinh" (屈陀迦經).[1] Bộ tương đương với *Khuất-đà-ca kinh* gọi là "Khuất-đà-già A-hàm" (屈陀伽阿含). Tổng hợp vừa dịch nghĩa vừa phiên âm, "*Khuddaka Nikāya*" trong tiếng Pāli và từ tương đương "*Kṣudraka Āgama*" trong tiếng Sanskrit thường được dịch trong tiếng Hán là "Tiểu Ni-kha-da" (小尼柯耶), trong đó "tiểu" có nghĩa là nhỏ, "Ni-kha-da" là từ phiên âm Hán Việt. Phật-đà-thập (Buddhajīva) và Trúc Đạo Sinh trong *Ngũ phần luật* (五分律) gọi là "Tạp tạng" (雜藏),[2] còn Ngài Huyền Trang dịch là "Tạp loại A-cấp-ma" (雜類阿笈摩).[3]

---

[1] Xem *T*.24. 1462.1. 0675b19-20: 何謂為五部？答曰：長阿鋡經，中阿鋡經，僧述多經，殃堀多羅經，屈陀迦經。

[2] *Di-sa-tắc bộ Hòa-hê Ngũ phần luật* (彌沙塞部和醯五分律) (*T*.22. 1421.30. 0191a24) ghi: 此是長經, 今集為一部, 名長阿含; 此是不長, 不短, 今集為一部, 名為中阿含; 此是雜說, 為比丘, 比丘尼, 優婆塞, 優婆夷, 天子, 天女說, 今集為一部, 名雜阿含; 此是從一法, 增至十一法, 今集為一部, 名增一阿含;自餘雜說, 今集為一部, 名為雜藏, 合名為修多羅藏。

[3] Xem *Đại A-la-hán Nan-đề Mật-đa-la sở thuyết pháp trụ ký* 大阿羅漢難提蜜多羅所說法住記 (*T*.49. 2030. 0014b06): 有五阿笈摩, 謂長阿笈摩, 中阿笈摩, 增一阿笈摩, 相應阿笈摩, 雜類阿笈摩。

Về từ nguyên, "*Nikāya*" có nghĩa là: (i) Giáo phái (教派, *school*), bộ phái (部派, *sect*), (ii) Đoàn thể (團體, *body, assembly*), nhóm (部類, *group*),[4] (iii) Bộ sưu tập hay tuyển tập các bài kinh (收集, *collection*).[5] Trong ngữ cảnh văn học Pāli, "*Nikāya*" được hiểu là tuyển tập các bài kinh Phật (*collection of Buddhist suttas*). Theo từ điển *Pāli-English Dictionary,* tựa đề *Kinh Tiểu bộ* phát xuất từ thực tế rằng đây là tuyển tập các bài kinh ngắn so với bốn bộ kinh Pāli.[6] Theo tác phẩm *Chú giải Tiểu tụng* (*Paramatthajotikā*), tựa đề *Kinh Tiểu bộ* là do 15 bản văn của tuyển tập kinh điển này, chứa đựng nhiều chủ đề và sắc thái Phật học khác nhau.[7]

Phật Quang đại từ điển cho rằng: "Sở dĩ bộ kinh này có tên gọi là *Kinh Tiểu bộ* vì tuyển tập này tập hợp các truyền thuyết, kệ tụng và cách ngôn trong bốn bộ kinh Pāli gồm *Kinh Trường bộ, Kinh Trung bộ, Kinh Tương ưng bộ* và *Kinh Tăng chi bộ* thành các bài kinh ngắn."[8] Quan điểm này chỉ đúng một phần, vì trên thực tế có nhiều bài kinh, chương, đoạn và thi kệ trong *Kinh Tiểu bộ* hoàn toàn độc lập với bốn bộ kinh nêu trên. Từ góc độ nội dung, 15 bản văn kết hợp với bản *Milinda vấn đạo* (trong ấn bản *TTTĐPGVN* này) của *Kinh Tiểu bộ* là kho tàng văn học Phật giáo về những gì chưa được đề cập hoặc đã đề cập một phần trong bốn bộ kinh Pāli, chứa đựng các bản văn giai đoạn đầu và giai đoạn sau.[9] Đây chính là một trong những đóng góp quan trọng của *Kinh Tiểu bộ* trong văn học Kinh tạng Pāli.

2. Thể tài văn học của *Kinh Tiểu bộ*

Về thể loại, *Kinh Tiểu bộ* là tuyển tập hỗn hợp hay tạp kinh (雜文, *miscellaneous collection*) gồm thể tài văn xuôi và phần lớn là thi kệ (*gāthā,* 偈頌, *verse*). Bên cạnh một số chương và phẩm được thể hiện dưới dạng văn xuôi, nhiều nội dung của 16 tập kinh này là thi kệ, bao hàm các bài kệ thơ ngắn gọn, đa dạng, đặc sắc, thể hiện tính văn học và triết học Phật giáo sâu sắc.

Các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* có độ dài ngắn không đồng nhất. Ngắn nhất

---

[4] Xem mục từ "*Nikāya*" trong *Từ điển Pāli - Hán* (巴漢詞典) của Bhikkhu Mahāñāṇo, cũng như ấn bản tương tự do Tôn giả Minh Pháp (明法尊者) hiệu đính.

[5] Xem mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Pāli-English Dictionary* của Hội Thánh điển Pāli (Pali Text Society) và tương tự mục từ "*Nikāya*" trong từ điển *Concise Pāli-English Dictionary* của A. P. Buddhadatta Mahāthera, tr. 170.

[6] Nguyên tác: "The name *Khuddaka Nikāya* is taken from the fact that it is a collection of books-short, that is as compared with the Four Nikāyas." *The Anagatavaṃsa* (*JPTS.* 1886), p. 35; *The Gandhavaṃsa* (*JPTS.* 1886), p. 57.

[7] Xem H. Smith, (ed.), *The Khuddaka-Pāṭha Together with Its Commentary Paramatthajotikā* I (London: PTS, 1915), p. 12.

[8] Nguyên tác: 係集輯長，中，相應，增支等四尼迦耶之傳說，偈頌，格言等而成，概為短篇，故稱小部。

[9] Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "It has been suggested that the *Khuddaka Nikāya* was the repository for materials that were left out of the four Nikāyas (the *Dīgha Nikāya, Majjhima Nikāya, Saṃyutta Nikāya* and *Aṅguttara Nikāya*) and thus included both early and late texts."

là *Tiểu tụng,* chưa đầy 10 trang Pāli trong ấn bản của PTS, trong khi *Chuyện Tiền thân* với 547 câu chuyện có số trang lên đến cả ngàn. Trong mỗi tập kinh, có những bài kinh vài trang, nhưng cũng có những bài kinh rất ngắn với 4-5 hàng Pāli, chứa đựng những lời dạy minh triết mang tính trị liệu cao.

3. Vị trí của *Kinh Tiểu bộ* trong các thể tài kinh

Tam tạng Pāli (*Tipiṭaka*) phân loại 9 thể tài kinh,[10] vốn được Thượng Tọa bộ chủ trương và được sự chấp nhận cao trong Phật giáo bộ phái. Tam tạng Phật giáo Đại thừa phân loại thành 12 thể tài kinh (S. *dvādaśāṅga-dharma-pravacana*),[11] vốn bắt nguồn từ *Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự* (根本說一切有部毘奈耶雜事)[12] và được chấp nhận trong Pháp Tạng bộ (法藏部, S. Dharmaguptaka, P. Dhammaguptaka), Hóa Địa bộ (化地部, S. Mahīśāsaka, P. Mahisāsaka) và Đại Chúng bộ (大眾部, S. Mahāsaṁghika, P. Mahāsaṅghika).

Thứ tự về 9 thể tài kinh[13] và 12 thể tài kinh[14] được tìm thấy khác nhau trong văn học Kinh tạng chữ Hán như sau:

1. **Kinh** (經, S. *Sūtra, P. Sutta*) hoặc Khế kinh (契經), hay Trường hàng (長行), phiên âm là Tu-đa-la (修多羅), chỉ chung các bài kinh do Phật thuyết giảng.

2. **Trùng tụng** (重頌, S. *Geya,* P. *Geyya*) còn dịch là Ứng tụng (應頌), phiên âm là Kỳ-dạ (祇夜), loại kệ tụng có nhiều câu được lặp lại.

---

[10] Còn gọi là 9 phần giáo (九分教), 9 bộ kinh (九部經), 9 bộ pháp (九部法), 9 kinh (九經). Tham chiếu danh mục chín thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021).

[11] Còn gọi là thập nhị bộ kinh (十二部經), thập nhị phần giáo (十二分教), thập nhị phần Thánh giáo (十二分聖教), thập nhị phần kinh (十二分經). Tham chiếu danh mục 12 thể tài kinh trong *Phật Quang đại từ điển*: https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 11/02/2021). Tham chiếu: *Thanh tịnh kinh* 清淨經 (*T*.01. 0001.17. 0074b19-23); *Tăng.* 增 (*T*.02. 0125.49.1. 0794b14); *Đại trí độ luận* 大智度論 (*T*.25. 1509.33. 0306c17-19): 修多羅, 祇夜, 受記經, 伽陀, 優陀那, 因緣經, 阿波陀那, 如是語經, 本生經, 廣經, 未曾有經, 論議經。 Cách dụng ngữ không chính xác trong cước chú trên và trong cước chú này đã gây ngộ nhận cho nhiều độc giả khi chưa hiểu bản chất của 9 hoặc 12 thể loại văn học.

[12] (*T*.24. 1451.38. 0398c25-27): 契經, 應頌, 記別, 諷頌, 自說, 因緣, 本事, 本生, 方廣, 希有, 譬喻, 論議。

[13] *Ma-ha-tăng-kỳ luật* 摩訶僧祇律 (*T*.22. 1425.1. 0227b11): 爾時佛告舍利弗, 有如來不為弟子廣說修多羅, 祇夜, 授記, 伽陀, 憂陀那, 如是語, 本生, 方廣, 未曾有經。舍利弗, 諸佛如來不為聲聞制戒, 不立說波羅提木叉法, 是故如來滅度之後法不久住。Trật tự trong *Luật tạng Pāli* như sau: (巴利律藏): 舍利弗！拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 不疲厭為聲聞弟子廣說正法, 多為彼等說契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 自說經, 因緣經, 本生經, 未曾有經, 方等經, 為弟子制立學處, 教示波羅提木叉。

[14] *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.1138. 0300c05): 佛告二比丘。汝等持我所說修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 優陀那, 尼陀那, 阿波陀那, 伊帝目多伽, 闍多伽, 毘富羅, 阿浮多達摩, 優波提舍等法。Trật tự trong *Tứ phần luật* (四分律 (*T*.22. 1428.1. 0569b03): 佛告舍利弗。拘那含牟尼佛, 隨葉佛。不廣為諸弟子說法。契經, 祇夜經, 授記經, 偈經, 句經, 因緣經, 本生經, 善道經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優波提舍經。 如是生經, 本經, 善因緣經, 方等經, 未曾有經, 譬喻經, 優婆提舍經, 句義經, 法句經, 波羅延經, 雜難經, 聖偈經, 如是集為雜藏。Trong *Ngũ phần luật* 五分律 (*T*.22. 1421.1. 0001b25): 舍利弗。拘樓孫佛, 拘那含牟尼佛, 迦葉佛, 廣為弟子說法。無有疲厭所謂修多羅, 祇夜, 受記, 伽陀, 憂陀那, 尼陀那, 育多伽婆, 本生, 毘富羅, 未曾有, 阿婆陀那, 憂波提舍, 自餘雜說今集為一部, 名為雜藏。

3. **Ký thuyết** (記說, S. *Vyākaraṇa,* P. *Veyyākaraṇa*) còn gọi là Thọ ký (受記), phiên âm là Hoa-già-la-na (華遮羅那) hay Hòa-già-la-na (和伽羅那), bao gồm lời Phật chứng nhận cho các đệ tử sẽ thành Phật trong tương lai.

4. **Kệ-đà** (偈陀, S=P. *Gāthā*) thường dịch là Phúng tụng (諷頌) hay Ký chú (記註), gồm những bài thi kệ không có văn xuôi ở trước.

5. **Tự thuyết** (自說, S=P. *Udāna*) còn gọi là Vô vấn tự thuyết (無問自說) hoặc Tán thán kinh (讚歎經), phiên âm là Ưu-đà-na (憂陀那), gồm những bài kinh đức Phật giảng do cảm hứng tự nhiên, không có người thỉnh cầu.

6. **Nhân duyên** (因緣, S. *Nidāna*) còn dịch là Quảng thuyết (廣說), phiên âm là Ni-đà-na (尼陀那), gồm những bài kinh giảng về nhân duyên thuyết pháp.

7. **Thí dụ** (譬喻, S. *Avadāna*) còn gọi là Diễn thuyết giải ngộ kinh (演說解悟經), phiên âm là A-ba-đà-na (阿波陀那), gồm những kinh chứa nhiều thí dụ, ẩn dụ, ngụ ngôn để giải thích chân lý cho dễ hiểu hơn.

8. **Như thị ngữ** (如是語, S. *Itivṛttaka,* P. *Itivuttaka*) còn gọi là Bổn sự kinh (本事經), phiên âm là Y-đế-mục-đa-già (醫帝目多伽), gồm những bài kinh nói pháp tu tập của các đệ tử Thánh trong quá khứ và vị lai.

9. **Bổn sanh kinh** (本生經, S=P. *Jātaka*), phiên âm là Xà-đà-già (闍陀伽) gồm các bài kinh nói về tiền thân của đức Phật Thích-ca.

10. **Phương quảng** (方廣) còn gọi là Phương đẳng (方等, S. *Vaipulya,* P. *Vedalla*) hoặc Quảng kinh (廣經), phiên âm là Tỳ-phật-lược (毗佛略), gồm các bài kinh do đức Phật hay các đệ tử Thánh trao đổi, giảng giải, triển khai sâu rộng với các vị Tăng, Ni hay cư sĩ.

11. **Vị tằng hữu** (未曾有, S. *Adbhutadharma,* P. *Abbhutadhamma*) còn gọi là Hy pháp (希法), phiên âm là A-phù-đà-đạt-ma (阿浮陀達磨), gồm các kinh nói về thần lực siêu phàm của đức Phật mà người đời khó hiểu được.

12. **Luận nghị** (論議, S. *Upadeśa*) còn gọi là Cận sự thỉnh vấn kinh (近事請問經), phiên âm là Ưu-ba-đề-xá (優波提舍), gồm các bài kinh thiên nặng về lý luận và phân tích chi tiết các khái niệm Phật học.

Danh mục 9 thể tài kinh trong văn học Pāli gồm có: 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, tức không bao gồm ba thể loại "Nhân duyên" (thứ 6), "Thí dụ" (thứ 7) và "Luận nghị" (thứ 12) như trong văn học Phật giáo Đại thừa. *Kinh Ví dụ con rắn*", số 22, trong *Trung bộ* và một số kinh khác trong *Tăng chi bộ, Luật tạng* và *Luận tạng* đều thống nhất một danh sách 9 thể loại văn học: Kinh (*Sutta*), Ứng tụng (*Geyya*), Ký thuyết (*Veyyākaraṇa*), Kệ tụng (*Gāthā*), Cảm hứng ngữ (*Udāna*), Như thị ngữ (*Itivuttaka*), Bổn sanh (*Jātaka)*, Vị tằng hữu pháp (*Abbhutadhamma*), Phương quảng (*Vedalla*).[15]

[15] Xem *A*. II. 6, 103, 177; *Vin*. III. 8; *Pug*. 43.

Có thể nói, văn học *Kinh Tiểu bộ* bao gồm tất cả 9 thể tài văn học này. Các thể tài văn học "Nhân duyên", "Thí dụ" và "Luận nghị" tuy không được đề cập trong văn học Thượng Tọa bộ, nhưng trên thực tế, văn học Kinh tạng Pāli đều có các nội dung này. Do đó, có thể khẳng định rằng 16 tập trong *Kinh Tiểu bộ* có mối quan hệ mật thiết với hai hệ thống thể tài văn học của Thượng Tọa bộ và Đại thừa.

4. Niên đại và tác giả của *Kinh Tiểu bộ*

Đại Chúng bộ, Hóa Địa bộ và Pháp Tạng bộ chấp nhận đưa *Kinh Tiểu bộ* vào danh mục Kinh tạng của mình, đang khi một số bộ phái chỉ chấp nhận bốn bộ kinh Pāli. Ở chừng mực nào đó, *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Thượng Tọa bộ là ví dụ mở rộng của Tiểu tạng (*Khuddaka Piṭaka*).[16]

Dựa vào văn bản học, chúng ta có thể truy nguyên niên đại của *Kinh Tiểu bộ* gồm giai đoạn đầu và giai đoạn sau khác nhau.[17] Sáu tuyển tập của *Kinh Tiểu bộ* được ra đời trong giai đoạn đầu gồm *Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ.* Tuyển tập ra đời trong giai đoạn sau gồm *Chuyện Thiên cung, Chuyện Ngạ quỷ, Diễn giải* (*Nghĩa thích*), *Phân tích đạo* (*Vô ngại giải đạo*), *Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng, Tiểu tụng* và sau nhất là *Milinda vấn đạo.* Riêng *Chuyện Tiền thân* có hơn 500 câu chuyện ra đời trong giai đoạn đầu và một số câu chuyện được bổ sung trong giai đoạn sau.

Về niên đại ra đời, Giáo sư Oliver Abeynayaka cho rằng *Kinh Tiểu bộ* được ra đời gần với giai đoạn hình thành văn học A-tỳ-đạt-ma.[18] *Kinh Tiểu bộ* được hình thành và phát triển trong khoảng thời gian dài, bắt đầu từ thời đức Phật qua hình thức khẩu truyền cho đến Đại hội Kết tập kinh điển lần thứ 3 (*The Third Buddhist Council*) vào thế kỷ III TTL tại Pāṭaliputta, thủ phủ của Đại đế Asoka.[19] Giáo sư Rhys Davids dựa vào việc sử dụng khái niệm "người thông suốt năm bộ kinh Pāli" (*pañcanekāyika*) trên các chỉ dụ vào thế kỷ III TTL, gián tiếp chứng minh rằng *Kinh Tiểu bộ* ra đời vào thế kỷ III TTL.[20]

---

[16] Xem chi tiết trong Hirakawa Akira, *A History of Indian Buddhism*, tr. and ed. by Paul Groner (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers, 1993), p. 128: "Though Buddhist schools such as the Mahisāsaka, Dharmaguptaka and Mahāsaṁghika included a *Khuddaka Piṭaka* in their canons, the *Khuddaka Nikāya* of the Theravāda school is the only extant example of such a *Khuddaka Piṭaka*."

[17] Giáo sư Oliver Abeynayake, "*A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya*" (*Phân tích phương diện lịch sử và văn bản của Kinh Tiểu bộ*) (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 113, đưa ra luận điểm này với nhiều dẫn chứng thuyết phục: "The *Khuddaka Nikāya* can easily be divided into two strata, one being early and the other late. The texts *Sutta Nipāta*, *Itivuttaka*, *Dhammapada*, *Therīgāthā*, *Theragāthā*, *Udāna* and *Jātaka* belong to the early stratum and the texts *Khuddakapāṭha*, *Vimānavatthu*, *Petavatthu*, *Niddesa*, *Paṭisambhida*, *Apadāna*, *Buddhavaṃsa* and *Cariyapiṭaka* can be categorized in the later stratum."

[18] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 116.

[19] Xem chi tiết tại sách, Charles Willemen, Bart Dessein, Collett Cox, *Sarvāstivāda Buddhist Scholasticism* (*Handbuch Der Orientalistik*) (Leiden: Brill, 1998), p. 45.

[20] Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (London: G. P. Putnam's Sons, 1903), p. 168.

Về tác giả, phần lớn các học giả Phật giáo Nam truyền đều cho rằng đức Phật và một số vị A-la-hán là tác giả truyền miệng của 15 tập kinh đầu, đang khi hai tập 16-17 do Ngài Kaccāna (Ca-chiên-diên) làm tác giả, và tập 18[21] do Ngài Nāgasena trước tác. Bằng phương pháp phân tích văn bản học, Giáo sư Oliver Abeynayaka chứng minh rằng nếu bốn bộ kinh điển Pāli là do đức Phật thuyết giảng thì các bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ* do các vị đệ tử Thánh của đức Phật thuyết giảng hoặc biên tập.[22] Giáo sư A. K. Warder cho rằng tính tác giả của *Kinh Tiểu bộ* rất khó chứng minh rõ ràng. Có nhiều bài kinh do đức Phật giảng, đang khi nhiều bài kinh khác có thể do các vị đệ tử Thánh thuyết giảng hoặc biên tập.[23]

5. Phân loại và số lượng bản văn thuộc *Kinh Tiểu bộ*

Có bốn phân loại chính về *Kinh Tiểu bộ*: Bộ 14 tập, 15 tập, 17 tập và 18 tập. Theo *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* (善見律毘婆沙) quyển 1, *Kinh Tiểu bộ* chỉ có 14 tập, không bao gồm *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*, 小誦).[24]

Căn cứ theo *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādikā*) bản Pāli, cũng như lời tựa của bản *Chú giải Kinh Trường bộ* (*Sumaṅgalavilāsinī*) bản Pāli, do có bổ sung *Tiểu tụng* nên *Kinh Tiểu bộ* gồm có 15 tập.[25] Số lượng tuyển tập này tương ứng với phân loại Tam tạng Phật giáo Thái Lan (泰國所傳巴利三藏). Theo Étienne Lamotte, *Kinh Tiểu bộ* gồm 15 tập kinh thuộc Phật giáo Thượng Tọa bộ, trường phái Phật giáo duy nhất có đầy đủ *Kinh Tiểu bộ*.[26]

Căn cứ vào Lời tựa của ấn bản đầu trong *Chú giải Kinh Trường bộ* do Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) biên soạn vào thế kỷ V, các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* (*Dīgha-bhāṇaka,* 長部誦者, 長部誦師) chỉ liệt dẫn ra các tập 2-12 trong *Kinh Tiểu bộ*, trong khi các nhà đọc tụng *Kinh Trung bộ* (*Majjhima-bhāṇaka,*

---

[21] Theo cách phân loại Tam tạng của Phật giáo Miến Điện, *Tiểu bộ* có tất cả 18 tập, trong đó tập 16 là *Chỉ đạo luận* hay còn gọi là *Cẩm nang học Phật* (*Nettipakaraṇa*) và tập 17 là *Tạng thích* hay còn gọi là *Chú thích Kinh tạng* (*Peṭakopadesa*).

[22] Xem Oliver Abeynayaka, *A Textual and Historical Analysis of the Khuddaka Nikāya* (Colombo: Tisara Press, 1984), p. 16: "It is believed that the first four *Nikāyas* contain discourses preached by the Buddha, whereas the texts of the *Khuddaka Nikāya* are compositions of the disciples."

[23] Xem A. K. Warder, *Indian Buddhism* (Delhi: Motilal Banarsidass, 2000), p. 202-03.

[24] *Thiện Kiến luật Tỳ-bà-sa* 善見律毘婆沙 (*T*.04. 1462.1 0676a07-10): 法句, 喻, 軀陀那, 伊諦佛多伽, 尼波多, 毘摩那卑, 多涕羅, 涕利, 伽陀, 本生, 尼涕婆波, 致參毘陀, 佛種性經, 若用藏者, 悉入屈陀迦。

[25] Tác phẩm *Samantapāsādikā*, còn có tên khác là *Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā* (*paṭhamo bhāgo*). Chú giải chương Ba-la-di, phần mở đầu đã nêu: "Khuddakapāṭha-dhammapada-udāna-itivuttaka-suttanipāta-vimānavatthu-petavatthu-theragāthā-therīgāthā-jātaka-niddesa-paṭisambhidā-apadāna-buddhavaṃsa-cariyāpiṭakavasena pannarasappabhedo khuddakanikāyoti." Bản Hán dịch tác phẩm này cũng ghi nhận tương tự như vậy. Xem *Nhất thiết Thiện Kiến luật chú tự* 一切善見律註序 (*N*.70. 0036.1. 0019a06-08): 由小誦經, 法句經, 自說經, 如是語經, 小經, 集經, 天宮事經, 餓鬼事經, 長老長老尼偈經, 本生經, 義釋經, 無礙解道經, 譬喻經, 佛種姓經, 所行藏經, 之十五分為小部。 Trong đoạn này cũng có sự nhầm lẫn nhỏ, dịch giả xưa đã thêm "*Tiểu kinh*" (小經) vào danh sách *Kinh Tiểu bộ* này, và gộp "*Trưởng lão Tăng kệ*" và "*Trưởng lão Ni kệ*" thành một.

[26] Étienne Lamotte, (1956) "Problèmes Concernant les Textes Canoniques *Mineurs*", *Journal Asiatique*, số 244, tr. 249-64.

中部誦者, 中部誦師) liệt dẫn ra 14 tập gồm 2-15 trong *Kinh Tiểu bộ*. Bản *Chú giải Luật tạng* (*Samantapāsādikā*)[27] giới thiệu *Kinh Tiểu bộ* gồm tập 1-15 như ấn bản chúng ta có hiện nay, đang khi tác phẩm *Chú giải A-tỳ-đạt-ma* (*Aṭṭhasālinī*)[28] đề cập chỉ có 14 bản văn, không có *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*).[29]

Chú giải về Lời tựa Kinh Trường bộ bằng tiếng Pāli cho rằng chỉ có sự khác biệt về cách phân loại số lượng các tập kinh trực thuộc, hoàn toàn không khác biệt về nội dung của *Kinh Tiểu bộ*. Sở dĩ có sự khác biệt về số lượng các tập kinh trong *Kinh Tiểu bộ* là do tình trạng gộp lại của một số tập kinh, trong khi một số nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* và *Kinh Trung bộ* có khuynh hướng tách lập các bộ kinh riêng biệt. Chẳng hạn các nhà đọc tụng *Kinh Trường bộ* đề cập đến việc trùng tuyên 11 bản văn (ngoại trừ *Tiểu tụng, Thánh nhân ký sự, Phật sử* và *Hạnh tạng*). Trên thực tế, các bản văn này đã được gộp vào trong ấn bản của 11 bản văn trước.[30]

Theo phân loại của Tam tạng Phật giáo Tích Lan, *Kinh Tiểu bộ* có 17 tập kinh do bổ sung hai tuyển tập gồm "*Chỉ đạo luận*" hay còn gọi là "*Cẩm nang học Phật*" (*Nettippakaraṇa*, 指導論) và "*Tạng thích*" hay "*Giải thích kinh*" (*Peṭakopadesa*, 藏釋). Tam tạng Phật giáo Miến Điện bổ sung tập *Milindapañha* (*Milinda vấn đạo*), tức bản tiếng Hán "*Di-lan vương vấn*" (彌蘭王問) hay *Di-lan-đà vấn* (彌蘭陀問) nên *Kinh Tiểu bộ* của Miến Điện gồm 18 tập.[31]

Ấn bản *Kinh Tiểu bộ* gồm 18 tập của Phật giáo Miến Điện được biên tập trong Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 5 (*Pañcamasaṃgāyanā, The Fifth Buddhist Council*) tại thành phố Mandalay, Miến Điện vào năm 1871, dưới sự bảo trợ của Vua Mindon.[32] Tại Đại hội Kết tập Tam tạng Phật giáo lần thứ 6 (*Chaṭṭha Saṅgāyana, The Sixth Buddhist Council*) vào năm 1954 tại chùa Kaba Aye, thành phố Yangon, Miến Điện, nhân dịp nước này kỷ niệm 2500 năm đức Phật nhập Niết-bàn, Tam tạng Thánh điển Pāli được thống nhất một lần nữa, từ đó *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* (CST) chính thức ra đời, và *Kinh Tiểu bộ* cũng có 18 tập.

---

[27] J. Takakusu and M. Nagai (eds.), *Samantapāsādikā*: *Buddhaghosa's Commentary on the Vinaya Piṭaka*, 8 vols, (London: PTS, 1947-75), p. 12-15.

[28] Edward Müller (ed.), *The Aṭṭhasālinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dhammasaṅginī* (London: PTS, 1979), p. 26.

[29] Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pāli Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal, 1997), p. 42.

[30] Tham chiếu: T. W. Rhys Davids, J. E. Carpenter and W. Stede (eds.), *The Sumaṅgalavilāsinī*: *Buddhaghosa's Commentary on the Dīgha Nikāya*, vol. I. (London: PTS, 1886-1932), p. 15.

[31] Trong tác phẩm *An Introduction to Pāli Literature* (Calcutta, India: Punthi Pustak, 1964), p. 43, S. C. Banerji cho rằng: "*Kinh Tiểu bộ* theo truyền thống Miến Điện có tất cả 19 tập, bao gồm 15 tập trên và các tập sau: 1) *Milindapañha*, 2) *Suttasaṃgaha*, 3) *Peṭakopadesa*, 4) *Netti* hay *Nettipakaraṇa*." *Phật Quang đại từ điển* cũng cho rằng ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của Phật giáo Miến Điện gồm có 19 tập (十九部), tức là tính thêm bộ *Suttasaṃgaha* (經集). Tham chiếu tại đường dẫn: http://buddhaspace.org/dict/fk/data/ (truy cập ngày 13/01/2021).

[32] Xem thông tin chi tiết trong sách: Mendelson, *Sangha and State in Burma* (*Tăng đoàn và Nhà nước tại Miến Điện*), (Ithaca, New York: Cornell University Press, 1975), pp. 276ff.

Tựa tiếng Việt, Pāli, Hán	**Tiếng Anh**	**Ấn bản**
(1) *Tiểu tụng* (*Khuddakapāṭha*, 小誦)	*The Short Passages*	PTS, Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, CST, CBETA
(2) *Kinh Pháp cú* (*Dhammapada*, 法句)	*Verses on Dhamma*	- nt -
(3) *Kinh Phật tự thuyết* (*Udāna*, 自說)	*Inspired Utterances*	- nt -
(4) *Kinh Phật thuyết như vậy* (*Itivuttaka*, 如是語)	*Thus It Was Said*	- nt -
(5) *Kinh tập* (*Suttanipāta*, 經集)	*Group of Discourses*	- nt -
(6) *Chuyện Thiên cung* (*Vimānavatthu*, 天宮事)	*Stories of Heavenly Abodes*	- nt -
(7) *Chuyện Ngạ quỷ* (*Petavatthu*, 餓鬼事)	*Stories of Hungry Ghosts*	- nt -
(8) *Trưởng lão Tăng kệ* (*Theragāthā*, 長老偈)	*Verses of the Male Elders*	- nt -
(9) *Trưởng lão Ni kệ* (*Therīgāthā*, 長老尼偈)	*Verses of the Female Elders*	- nt -
(10) *Chuyện Tiền thân* (*Jātaka*, 本生)	*Birth Stories*	- nt -
(11) *Diễn giải* (*Niddesa*, 義釋)	*Exposition*	- nt -
(12) *Phân tích đạo* (*Paṭisambhidāmagga*, 無礙解道)	*Way of Analysis*	- nt -
(13) *Thánh nhân ký sự* (*Apadāna*, 譬喻)	*Legends*	- nt -
(14) *Phật sử* (*Buddhavaṃsa*, 佛種姓)	*Lineage of the Buddhas*	- nt -
(15) *Hạnh tạng* (*Cariyāpiṭaka*, 行藏)	*Basket of Conduct*	- nt -
(16) *Chỉ đạo luận* (*Nettipakaraṇa*, 指導論)	*The Guide*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST

(17) *Tạng thích* (*Peṭakopadesa*, 藏釋)	*Piṭaka Disclosure*	PTS, Tích Lan, Miến Điện và CST
(18) *Milinda vấn đạo* (*Milindapañha*, 彌蘭王問)	*Questions of Milinda*	PTS, Miến Điện và CST

Kế thừa việc bổ sung và chọn lọc ấn bản *Kinh Tiểu bộ* của các nước Phật giáo Nam truyền, Ban Biên tập đã thống nhất ấn bản *Kinh Tiểu bộ* thuộc *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* có 16 tập, gồm 15 tập đầu theo truyền thống chú giải của Phật giáo Thượng Tọa bộ từ thời Ngài Buddhaghosa và thêm tập thứ 18 như ấn bản PTS, Miến Điện và Ấn Độ (CST) ngày nay.

6. Dịch giả, bản dịch và nguyên tác *Kinh Tiểu bộ*

Trong bộ này có tất cả 16 tuyển tập, với ba dịch giả: Hòa thượng Thích Minh Châu, cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan và Tỳ-khưu Indacanda.

(1) Hòa thượng Thích Minh Châu dịch 7 tập, gồm: *Tiểu tụng, Kinh Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập, Trưởng lão Tăng kệ, Trưởng lão Ni kệ* và 120 câu chuyện đầu của *Chuyện Tiền thân*.

Đối với *Trưởng lão Tăng kệ* và *Trưởng lão Ni kệ*, Hòa thượng dựa vào bản *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) của hai bản kinh này để dịch và có tham khảo bản tiếng Anh "*Psalms of the Early Buddhist*" do Bà Rhys Davids dịch, PTS xuất bản năm 1909 (*Psalms of the Sisters*) và 1913 (*Psalms of the Brethren*).

(2) Cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan đã tham gia công tác phiên dịch cao quý này với hai tuyển tập *Chuyện Thiên cung* (*Thiên cung sự*), *Chuyện Ngạ quỷ* (*Ngạ quỷ sự*) và 427 câu chuyện tiền thân còn lại từ nguyên tác tiếng Anh, vốn được dịch từ *Chú giải*.

Về bản dịch *Chuyện Thiên cung* và *Chuyện Ngạ quỷ*, dịch giả dựa vào bản dịch tiếng Anh: *The Minor Anthologies of the Pali Canon (Part IV) - Vimāna Vatthu: Stories of Mansion, Peta Vatthu: Stories of the Departed* của Jean Kennedy và Henry S. Gehman, do Bà Rhys Davids biên tập và viết lời giới thiệu, PTS xuất bản năm 1942.

Tập *Chuyện Tiền thân đức Phật* (*Bổn sanh*) gồm 547 câu chuyện, được Robert Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell dịch sang Anh ngữ và được E. B. Cowell biên tập thành 6 tập, do PTS xuất bản năm 1895.

Điểm lưu ý khác, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dựa vào nguyên tác Pāli của Hội PTS ấn hành. Ban Biên tập đã đánh số bản dịch Việt theo CST, đồng bộ với 4 bộ đã ấn hành

để tiện việc tra cứu. Nhiều thi kệ trong tập *Chuyện Tiền thân* của ấn bản trước bị tỉnh lược và dịch ra Việt văn bằng văn xuôi, Ban Biên tập thống nhất dịch đủ và đúng theo thể văn vần như trong nguyên tác vốn có, để giữ được tính thi ca trong văn học Pāli, đồng thời bổ sung thêm những câu, đoạn bị thiếu, hoặc đánh máy nhầm, sai sót.

(3) Vị thứ ba đóng vai trò khá quan trọng trong việc hoàn thiện Tam tạng Thánh điển Pāli này là Tỳ-khưu Indacanda. Với sự nhẫn nại, kiên trì và hoài bão đóng góp cho kho tàng Pháp bảo Phật giáo Việt Nam, Tỳ-khưu Indacanda đã và đang dịch các kinh, luật, luận, chú giải chưa được dịch sang tiếng Việt.[33] Đối với Kinh tạng của bộ *TTTĐPGVN* này, có 6 dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda được đưa vào: *Diễn giải* (*Đại diễn giải* và *Tiểu diễn giải*), *Phân tích đạo, Thánh nhân ký sự, Phật sử, Hạnh tạng* và *Milinda vấn đạo.* Trong 6 bản dịch này, với tính đặc thù của nguyên tác Pāli Tích Lan, Ban Biên tập giữ nguyên theo cách chữ đậm, chữ nghiêng, đánh số bản dịch của dịch giả.

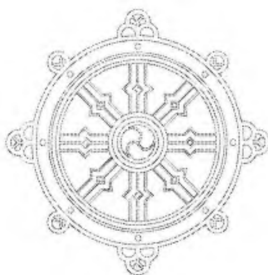
Nội dung khái lược của từng tập trong bộ này được giới thiệu trước mỗi tập trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam.*

Cẩn chí,

Mùa An cư PL. 2565 – DL. 2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



[33] Xem các bản dịch *Tam tạng Pāḷi-Việt* của Tỳ-khưu Indacanda (Sri Lanka: Buddhist Cultural Center), xuất bản từ năm 2007-2018, hoặc https://www.tamtangpaliviet.net/.

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Chúng tôi bắt đầu dịch tập *Jātaka* (*Bổn sanh* hay *Chuyện Tiền thân*) này, theo cách phân loại, đây là tập thứ 10 trong bộ *Khuddaka Nikāya* (*Kinh Tiểu bộ*). Những kinh đã được dịch là: *Dhammapada* (*Kinh Pháp cú*, số 2); *Udāna* (*Kinh Phật tự thuyết*, số 3); *Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*, số 4); *Suttanipāta* (*Kinh tập,* số 5); *Theragāthā* (*Trưởng lão Tăng kệ*, số 8); *Therīgāthā* (*Trưởng lão Ni kệ*, số 9); nay dịch tập *Jātaka* (*Bổn sanh*, số 10).

Theo tập *Jātaka* bằng chữ Pāli, thời con số cuối cùng là 547 mẩu chuyện. Nhưng ở bản dịch tiếng Anh ghi là 550 chuyện, chia thành 22 chương (*nipāta*). Phân loại này phần lớn dựa trên số kệ (*gāthā*) trong mỗi chuyện. Ví như chương một có 150 mẩu chuyện, mỗi mẩu chuyện có một bài kệ. Chương hai gồm 100 mẩu chuyện, mỗi mẩu chuyện có hai bài kệ. Chương ba, chương bốn, mỗi chương gồm 50 chuyện, mỗi chuyện có ba và bốn bài kệ. Cho đến chương hai mươi mốt có 5 câu chuyện, mỗi chuyện có 80 bài kệ. Chương hai mươi hai có 10 câu chuyện, với một số kệ nhiều hơn. Mỗi *Jātaka* (*Bổn sanh*) gồm có bốn phần:

1) Paccuppannavatthu (Câu chuyện hiện tại): Một câu chuyện được xem là xảy ra trong thời đức Phật tại thế, nên gọi là câu chuyện hiện tại, và vì câu chuyện này, đức Phật kể ra một câu chuyện quá khứ.

2) Atītavatthu: Câu chuyện quá khứ có liên hệ đến những nhân vật trong câu chuyện hiện tại. Trong câu chuyện quá khứ, luôn luôn có sự hiện diện của Bồ-tát (là tiền thân của đức Phật) trong một vai trò nào đó. Có một hay nhiều bài kệ, khi thì do Bồ-tát nói, khi thì do đức Phật nói, phần lớn dưới hình thức một bài dạy đạo đức.

3) Veyyākaraṇā: Giải thích bài kệ hay một vài danh từ trong câu chuyện quá khứ.

4) Samodhāna (Phần kết hợp): Đức Phật kết hợp hai mẩu chuyện hiện tại và quá khứ, có khi thêm một bài thuyết pháp, kết quả của bài ấy và cuối cùng là phần nhận diện Bổn sanh, chỉ rõ sự liên hệ giữa những nhân vật chính trong hai câu chuyện quá khứ và hiện tại.

Theo truyền thống Tích Lan, câu chuyện hiện tại, câu chuyện quá khứ, lời giải thích và phần kết hợp gồm thành tập *Jātaka Aṭṭhakathā* (*Bổn sanh sớ giải*).

Tập này được dịch sang tiếng Sinhala (Tích Lan), trừ các bài kệ vẫn giữ tiếng Pāli. Tập *Jātaka Aṭṭhakathā* bằng tiếng Sinhala lại được dịch qua tiếng Pāli với danh từ là *Jātakassa Atthavaṇṇanā*, mà nay chúng tôi đang dịch ra tiếng Việt. Truyền thống cho rằng chính Buddhaghosa đã dịch từ tiếng Sinhala ra tiếng Pāli, nhưng truyền thống này chưa được các học giả đồng ý.

Chúng tôi không dịch phần III, Veyyākaraṇā, vì phần này có tánh cách sớ giải.

Vì chỉ mới dịch có 120 mẫu chuyện..., nên chúng tôi chỉ có thể dựa vào số 120 mẫu chuyện này để phân tích và đưa đến một vài kết luận hay nhận xét cho riêng 120 mẫu chuyện mà thôi...

Trước hết là nhận xét về trú xứ của câu chuyện hiện tại và câu chuyện quá khứ:

Dựa theo những công trình của các vị học giả đã nghiên cứu trước, chúng ta nhận thấy các câu chuyện quá khứ được xảy ra phần lớn về phương Bắc và phương Tây nước Ấn Độ. Còn các câu chuyện hiện tại được xảy ra phần lớn về phương Đông Ấn Độ. Ví dụ, trong các câu chuyện quá khứ, Ba-la-nại được đề cập đến 428 lần, Gandhāra 25 lần; còn trong câu chuyện hiện tại, Kosala được đề cập 428 lần và Magadha 58 lần... Riêng trong 120 mẫu chuyện hiện được phiên dịch, trong các câu chuyện hiện tại, Kỳ Viên được nói đến 83 lần, Trúc Lâm 10 lần, Xá-vệ 6 lần, v.v...

Jātaka hay *Bổn sanh* là những mẫu chuyện diễn tả các đời sống trước (tiền thân) của đức Phật và danh từ dùng trong các câu chuyện quá khứ là Bồ-tát. Chúng ta phải xác nhận ở nơi đây, danh từ Bồ-tát trong các chuyện *Bổn sanh* chỉ cho tiền nhân của đức Phật trong những đời sống quá khứ, khi làm chư thiên, khi làm thú vật, khi làm vua, khi làm hoàng tử, v.v... Trong các câu chuyện quá khứ, nhân vật nổi bật nhất luôn luôn là Bồ-tát, thường đóng vai trò linh động nhất hay quan trọng nhất.

Phân tích 120 câu chuyện quá khứ đầu tiên..., chúng tôi xin ghi nhận nơi đây những vai trò Bồ-tát đã đóng như sau: 26 lần Bồ-tát làm chim làm thú: 1 lần làm chó, 2 lần làm ngựa, 4 lần làm bò đực, 1 lần làm voi, 2 lần làm cá, 5 lần làm nai, 3 lần làm khỉ và 8 lần làm chim. Về các loài chim: ngỗng trời 1 lần, cun cút 3 lần, chim trĩ 1 lần, chim chúa 2 lần, chim bồ câu 1 lần.

Bồ-tát làm vua 6 lần, làm con vua 6 lần, làm đại thần 7 lần, làm triệu phú 10 lần, làm địa chủ 1 lần, làm Bà-la-môn 4 lần, làm vị Hiền trí 11 lần, làm Sư trưởng 8 lần, làm ẩn sĩ 6 lần. Bồ-tát hành nghề cũng rất rộng rãi và đa dạng: làm trưởng đoàn lữ hành 3 lần, làm nghề đi buôn 2 lần, làm người cày ruộng 1 lần, làm người đánh trống 1 lần, làm người thổi tù và 1 lần, làm thầy thuốc 1 lần, làm thợ hớt tóc 1 lần, nghề nhào lộn 2 lần, làm con trai một gia đình 2 lần. Ngoài ra, chúng ta còn ghi nhận thêm: Bồ-tát làm chư thiên 5 lần, làm thần cây 8 lần.

Nhìn chung, chúng ta cũng thấy vai trò của vị Bồ-tát thật là đa dạng, thật là phong phú, và vì đóng vai trò tiền thân của đức Phật, phong cách đạo đức của Bồ-tát thật hoàn toàn tuyệt diệu từ lời nói, từ suy tư cho đến việc làm.

Mỗi chuyện tiền thân có một bài kệ, phần lớn do Bồ-tát nói, có khi đức Phật nói. Những bài kệ này có thể là một lời phê bình khi nhận xét những sự việc đã xảy ra, có khi là một lời cảnh cáo những nhân vật trọng yếu, sai trái, có khi là một lời khuyên giáo đạo đức, dựa trên câu chuyện đã xảy ra. Nghiên cứu các bài kệ này cũng là một nguồn cảm hứng đặc biệt, và các bài kệ được xem là phần cổ kính nhất của tập *Bổn sanh* này.

Phân tích 120 câu chuyện hiện tại trong *Bổn sanh* này, chúng ta nhận thấy những đề tài được đề cập liên hệ trực tiếp với đức Phật, với các vị Trưởng lão kề cận đức Phật, với các vị Tỷ-kheo, và một số cư sĩ liên hệ nhiều với đạo Phật. Ngoài ra, có đề cập những đề tài thông thường như đồ ăn cho người chết, lễ cúng dường khi cầu nguyện, các chòi lá bị cháy, v.v... Đề tài sau này chiếm tỷ lệ rất thấp.

Những đề tài liên hệ trực tiếp đến đức Phật như thần thông song hành (29), Devadatta luôn tìm cách hại Phật (11, 21, 26, 57, 58, 72, 113), nữ Bà-la-môn Ciñcā vu oan đức Phật (120), đức Phật nhập Niết-bàn (95). Tiếp đến là một số Trưởng lão thân cận với đức Phật như Ānanda (92, 95), Rāhula (số 16), Sāriputta (37, 69), Cullapanthaka (4), Lāludāyī (5), v.v... Tiếp đến nữa là đề cập một số Tỷ-kheo có các hạnh không được tốt đẹp và cần đức Phật giáo giới, đề tài này có thể nói là chiếm đa số. Như Tỷ-kheo thối thất tinh tấn (2, 3, 23, 24, 51, 52, 55), Tỷ-kheo có nhiều đồ vật (6, 32), Tỷ-kheo khó nói (15, 43, 48, 59, 60, 82, 104, 116), Tỷ-kheo bị ái luyến (30, 61, 63, 66, 85, 106), Tỷ-kheo nói khoác (80), Tỷ-kheo ném con ngỗng trời (107), Tỷ-kheo làm ồn phi thời (119), Tỷ-kheo uống nước không có lọc (31). Tiếp theo là các đề tài liên hệ đến các đệ tử cư sĩ của đức Phật hay của các vị Trưởng lão. Ông Cấp Cô Độc được nói đến khá nhiều (1, 40, 45, 83, 90, 103), đệ tử của Sāriputta (25, 39). Lại có một số đề tài có thể xem là không liên hệ đến đạo Phật như đồ ăn cho người chết (18), lễ cúng dường khi cầu nguyện (19), làm lợi ích cho bà con (12), cái chòi lá bị cháy (36), các cơn mộng (77) và đề tài liên hệ đến nữ nhân (61, 62, 63, 64, 65, 66, 67).

Dựa trên các đề tài được đề cập trong các câu chuyện hiện tại, chúng ta có thể nói, những đề tài phần lớn đề cập đến Giáo hội trong thời đức Phật còn tại thế và khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, nhất là một số tệ trạng các Tỷ-kheo gặp phải sau khi đạo Phật được truyền bá khắp xứ Ấn Độ và khi bậc Đạo sư không còn nữa. Các đề tài và các mẩu chuyện cũng giúp chúng ta hiểu được một số nét về tình trạng xã hội đương thời.

Ở đây, một vấn đề cần phải được đặt ra là: "Ai là tác giả các tập *Jātaka* này?" Tuy bộ này được phân loại vào *Khuddaka Nikāya* (*Kinh Tiểu bộ*), tức là

một trong năm bộ *Nikāya* (Kinh tạng), và mỗi câu chuyện đều được diễn tả như là đức Phật đã kể lại, chúng ta có những lý do xác đáng để khẳng định tác giả các tập này phải là các vị Tỳ-kheo, hoặc sống trong thời đức Phật, hoặc sau đó khoảng vài chục năm. Vì chỉ có những vị này mới thông hiểu được tổ chức của Giáo hội và hiểu được những mẫu chuyện dân gian của Ấn Độ. Vì chỉ những người am hiểu dân tình, đồng quê xứ sở Ấn Độ mới có thể ghi nhận và trình bày được. Bài giới thiệu không cho phép chúng tôi đi sâu vào vấn đề tác giả của các mẫu chuyện *Bổn sanh* này. Nhưng căn cứ trên ngôn ngữ học, trên cách hành văn, trên các danh từ được dùng trong các câu chuyện, các giáo lý được đề cập, đức Phật được diễn tả, pháp môn được tu tập, v.v... chúng ta có những lý do để khẳng định tập *Jātaka* này mở một kỷ nguyên mới trong văn học Phật giáo và trong cung cách truyền bá đạo Phật, được diễn ra sau khi Phật nhập Niết-bàn.

Tuy vậy, chúng ta phải xác nhận rằng nền văn học *Jātaka* này có tác dụng rất lớn, ảnh hưởng đến nền văn học Phật giáo, ảnh hưởng đến việc truyền bá đạo Phật, trong quá khứ cũng như trong hiện tại, ở Ấn Độ cũng như ngoài Ấn Độ, không những trong lãnh vực văn học mà còn lan rộng đến lãnh vực nghệ thuật, kiến trúc,... đời sống xã hội nhân dân.

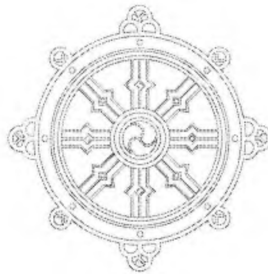
Trước hết, một số mẫu chuyện *Jātaka* được khắc trên những tác phẩm điêu khắc tại các chùa, các tháp như ở Sanchi, Amaravatī, đặc biệt Bharhut, Ấn Độ. Tại đây, tên các *Jātaka* được khắc rõ ràng. Ngày nay, một số công trình điêu khắc ấy vẫn còn được giữ khá nguyên vẹn tại các di tích Phật giáo Ấn Độ. Những công trình điêu khắc ấy chứng tỏ các câu chuyện tiền thân đã được biết đến rất nhiều vào thế kỷ III TTL. Pháp Hiển, nhà chiêm bái Trung Quốc, khi đến thăm Tích Lan vào thế kỷ IV, đã chứng kiến tại ngôi chùa Adhayagiri, sự trình diễn 500 chuyện tiền thân của đức Phật khi Ngài còn là Bồ-tát, dưới hình thức con voi, con nai, v.v... Chúng tôi khi còn ở Tích Lan, nhân ngày Phật đản, có chứng kiến các tấm pandal rất lớn về các mẫu chuyện *Jātaka* để dân chúng đến xem và chiêm ngưỡng. Và tại các pandal ấy, có diễn xuất các vở kịch mẫu chuyện *Jātaka* nữa. Vì vậy, ngày lễ Phật đản ở Tích Lan là ngày mà rất đông dân chúng đi từ pandal này qua pandal khác, vừa dự lễ vừa xem diễn các vở kịch về *Jātaka*; dân chúng vui chơi một đêm trong ngày hội lớn. Các mẫu chuyện này cũng được dùng làm đề tài thuyết pháp trong các dịp lễ, dân chúng đến nghe suốt đêm, nghe các vị sư Tích Lan kể chuyện tiền thân *Jātaka* mà không biết mệt.

Một ảnh hưởng nữa mà các câu chuyện này đem lại, nhất là các mẫu chuyện về súc vật, nhiều khi vượt qua biên giới tôn giáo Ấn Độ và trở thành những chuyện cổ tích dân gian, nửa thần thoại, nửa thực tế, không lệ thuộc tôn giáo nào hay xứ sở nào. Chúng tôi tin rằng có một số chuyện cổ tích Việt Nam được bắt nguồn từ những chuyện *Jātaka* này như chuyện *Tấm Cám* chẳng hạn. Những mẫu chuyện cổ tích này đã trở thành gia tài chung của nền văn hóa dân gian,

phản ánh được những tính chất bình thường của dân chúng dưới mọi chân trời, trong đời sống hằng ngày của dân chúng, khi phải tiếp xúc với những gì tốt hoặc xấu của cuộc đời. Chính vì vậy mà các tập *Jātaka* này rất được phổ biến, không những trong giới Phật tử mà còn lan tràn khắp mọi địa phương, mọi dân tộc.

Qua việc dịch tập *Jātaka*, chúng tôi gặp phải một thể văn hoàn toàn khác với các bản *Nikāya*, danh từ khác lạ, rất phong phú, rất nhiều chữ mới. Đó là thể văn kể chuyện, trực tiếp ghi chép các cuộc đối thoại, nên vừa dài vừa linh động, dịch cho gọn và cho sát với nguyên bản thật là cả một vấn đề.

Mùa An cư năm 1980 – Canh Thân
Tỷ-kheo Thích Minh Châu
(Viện trưởng Viện Phật học Vạn Hạnh)



DẪN LUẬN CHUYỆN TIỀN THÂN

Chuyện Tiền thân (*Jātaka*), còn được gọi là *Bổn sanh* (本生), là tuyển tập thứ 10 trong *Kinh Tiểu bộ* gồm 16 tập thuộc *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*. *Chuyện Tiền thân* khơi dậy cảm xúc tích cực và hiền thiện trong tâm hồn của người nghe cũng như người đọc, đồng thời xây dựng, củng cố niềm tin nơi Phật pháp và làm cho những thông điệp về từ bi và trí tuệ của Phật giáo lan xa tỏa rộng. Mặt khác, *Chuyện Tiền thân* còn là nguồn tư liệu giá trị về đời sống kinh tế, chính trị, tập quán, văn hóa, tôn giáo và xã hội của đất nước và con người Ấn Độ thời cổ đại.[1]

I. NHỮNG NÉT LỚN

1. Từ nguyên

Từ "Bổn sanh" hay "Tiền thân" có gốc Pāli và Sanskrit là *Jātaka*. Ngữ căn "*Jāta*" có nghĩa là "đã được sanh ra" + "*ka*" có nghĩa là "liên quan đến việc đã được sanh ra." *Jātaka* có ba nghĩa: (1) "Câu chuyện" được tìm thấy trong những tập sách có trước thời Phật. Trong phạm vi ngữ nghĩa này, *Jātaka* là câu chuyện kể lại kiếp sống trong quá khứ của đức Phật, một mẫu người hiền trí của đời trước; (2) Câu chuyện của kiếp quá khứ, trong những kiếp đó, tiền thân của đức Phật có thể trong hình hài của bất kỳ một sinh thể nào, từ con người cho đến con nai hay con chó rừng, v.v... Theo nghĩa này, các câu chuyện tiền thân được tìm thấy không nhiều trong 4 bộ Nikāya đầu tiên, nhưng lại có mặt nhiều ở Bharhut, một di tích cổ kính hàng đầu của Phật giáo có niên đại vào khoảng thế kỷ III TTL, và có mặt hầu hết trong mỗi câu chuyện của tập *Jātaka*; (3) *Jātaka* là tựa đề của tuyển tập thứ 10 trong *Tiểu bộ* gồm 547 câu chuyện.[2] Trong các thể loại văn học, *Jātaka* là một trong 9 thể loại ấy[3] và được đức Phật thỉnh thoảng sử dụng trong quá trình giáo hóa. Về mặt từ vựng, Ananda Salgadu Kulasuriya có một bài nghiên cứu chuyên sâu hơn về thuật ngữ *Jātaka*.[4]

---

[1] Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311.

[2] T. W. Rhys Davids & William Stede, *Pāli-English Dictionary* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1921), p. 281.

[3] Tham chiếu: HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung bộ* trong *TTTĐPGVN* (tập 2), (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2020), tr. 161: "... một số thiện nam tử học pháp như Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng."

[4] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 3-7.

2. Cấu trúc của một câu chuyện tiền thân

T. W. Rhys Davids cho rằng cấu trúc của một *Chuyện Tiền thân* gồm có 4 mục: "Trước hết chúng ta có một khung ngoại vi gồm (1) một đoạn giới thiệu và (2) một đoạn nhận diện tiền thân. Bên trong khung ngoại vi chúng ta có (3) câu chuyện tiền thân đơn thuần "câu chuyện của quá khứ" như cách mà nó được gọi trong văn học Pāli. Câu chuyện đó, chúng ta lại có trong tập *Jātaka* đang có mặt trong *Chánh tạng*, (4) hạt nhân của toàn thể, khổ kệ tụng."[5]

Lại có cách phân loại khác, cho rằng cấu trúc của một *Chuyện Tiền thân* hoàn chỉnh gồm 5 mục, hay 6 mục: (1) Câu chuyện hiện tại (*Paccuppannavatthu*) là duyên để đức Phật kể lại chuyện kiếp trước; (2) Câu chuyện quá khứ (*Atītavatthu*) được đức Phật kể lại; (3) Kệ tụng (*Gāthā*) là một thành tố của câu chuyện quá khứ nhưng cũng thường xuyên là thành tố của câu chuyện hiện tại; (4) Chú giải (*Veyyākaraṇa*) làm sáng tỏ hơn ý nghĩa của những từ ngữ trong mục kệ tụng; (5) Mối liên quan (*Samodhāna*) thường được gọi là mục nhận diện tiền thân,[6] trong đó đức Phật nói về những nhân vật trong câu chuyện hiện tại đã từng là nhân vật nào trong câu chuyện quá khứ;[7] (6) Tựa đề.[8]

Tuy có các cách phân chia như vậy nhưng khuôn mẫu 4 mục gồm 2 mục ngoại vi và 2 mục cốt lõi mà T. W. Rhys Davids chủ trương đã phản ánh đúng thực tế và có tính thuyết phục cao.

3. Cấu trúc của tuyển tập *Jātaka*

Nhìn tổng thể, tập *Jātaka* tiếng Việt hiện tại là một bộ sưu tập gồm 547 câu chuyện tiền thân phân bố thành 22 chương hay tiểu tập (*nipāta*) với 6.644 khổ kệ.[9] Nguyên tắc phân bố mang tính số học, chương I có 150 câu chuyện tiền thân, trong đó mỗi câu chuyện có 1 khổ kệ. Chương II có 100 câu chuyện, mỗi câu chuyện có 2 khổ kệ. Cũng vậy, chương III có 50 câu chuyện, mỗi chuyện có 3 khổ kệ… cho đến chương 22, theo nguyên tắc sẽ hàm chứa những câu chuyện có 22 khổ kệ. Chương số hiệu lớn dần thì số lượng chuyện tiền thân trong chương ấy càng nhỏ dần. Tuy phần lớn sự phân bố tuân theo nguyên tắc nhưng vẫn có độ linh hoạt nhất định. Ví dụ như chương VI, câu chuyện ít nhất có 6 khổ kệ và nhiều nhất 18 khổ kệ; chương XXI tuy là chương 80 kệ nhưng số khổ kệ dao động từ 81-124. Chương XIV gọi là "Tạp kệ", có câu chuyện ít

---

[5] "Mỗi một hạng mục như vậy có một lịch sử riêng biệt" là điều được nhấn mạnh. Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 194.

[6] Cũng có trường hợp ngoại lệ, như *Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta,* số §514, không có phần nhận diện tiền thân này.

[7] Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311; Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 111; G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 13.

[8] Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pali Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 56.

[9] Xem Phụ lục 3: Thống kê và đối chiếu số kệ *Chuyện Tiền thân* giữa 3 bản (CST, PTS và Tích Lan).

kệ nhất là 16 và nhiều nhất là 48 khổ kệ. Riêng chương XXII có 10 câu chuyện, chuyện ít nhất có 122 khổ kệ và nhiều nhất có 786 khổ kệ. Trong một số trường hợp thì khổ kệ được gắn vào câu chuyện tiền thân theo cấu trúc chung gồm 4 mục mà không phải là thành tố hữu cơ mật thiết với mạch lạc của câu chuyện.[10]

4. Các phiên bản của tuyển tập *Jātaka*

Con số 550[11] chuyện tiền thân chỉ là phiên bản chính của bộ sưu tập. Có khoảng thời gian tập *Jātaka* ấy thất lạc 3 câu chuyện nên còn lại 547. Cặn kẽ hơn, con số 547 cũng không phải là con số chính xác nên Maurice Winternitz đã cẩn thận khi dùng cụm từ "trên 500 *Jātaka*", bởi vì có trường hợp, nhiều câu chuyện được ghép lại với nhau, có trường hợp chỉ là những dẫn chiếu đến các câu chuyện tiền thân sau đó, cũng có trường hợp cùng một câu chuyện nhưng xuất hiện nhiều lần dưới hình thức dị bản.[12] Theo *Chú giải Luật tạng* của Theravāda, Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) trong phần mở đầu của *Pārājikakaṇḍa-aṭṭhakathā* (*paṭhamo bhāgo*) có nói rằng: "*Apaṇṇakajātakādīni paññāsādhikāni pañca jātakasatāni jātakanti veditabbaṃ*" nghĩa là nói chính xác về tập *Jātaka* thì có khoảng 505 *Jātaka* hoặc có mối liên hệ với *Jātaka* được biết đến.

Ngoài phiên bản 500 câu chuyện tiền thân, còn có nhiều phiên bản khác,[13] như 560 hay 565[14] câu chuyện cùng với những thông tin liên quan. Phiên bản có thể xem là nhỏ nhất của *Jātaka* có mặt ở Sài Gòn[15] năm 1954 tựa là *La Version Mône du Nārada Jātaka* (*Bản dịch tiếng Môn về chuyện tiền thân Nārada*) do École Française d'Extrême Orient xuất bản.[16] Từ lâu *Jātaka* đã trở thành một hình thái, bộ loại hay thể loại văn học riêng với những quy phạm và đặc sắc riêng có. Ngoài bản *Jātaka* này, chúng ta còn có một bộ sưu tập *Jātaka* nổi trội tên là *Jātakamāla* (*Bổn sanh man*, 本生蔓), nghĩa là *Tràng hoa những câu chuyện tiền thân* với 34 câu chuyện; một phiên bản khác có 35 câu chuyện và một phiên bản lớn hơn có 100 câu chuyện.[17]

---

[10] E. B. Cowell (ed.), *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxiii; Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 274; Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311-12; Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pali Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 54.

[11] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 24.

[12] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119.

[13] E. B. Cowell (ed.), *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxii; G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20.

[14] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20 và p. 24.

[15] Ngày nay là một khu vực lớn thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh.

[16] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 20.

[17] Pierre Dupont, *La Version Mône du Narada-Jataka* (Saigon: École Française d'Extrême Orient, 1954); G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 24.

Phiên bản 100 câu chuyện có từ câu chuyện kể về hành trạng của một vị Đạo sư thuở xa xưa tên là Āryaśūra (Thánh Dũng, 聖勇) do sử gia Tāranātha[18] kể lại. Thuở ấy, những câu chuyện tiền thân được lưu truyền bằng nhiều cách như nghe người khác kể, ghi nhớ, tích tập trong ký ức và thuật lại. Tất cả những phương thức ấy đều thuần là truyền khẩu. Truyền thống *Jātaka* chữ viết bắt đầu bằng câu chuyện Đạo sư Āryaśūra lập dự án cho công trình chọn lọc và viết xuống thành văn tự những câu chuyện tiền thân để tôn vinh mười Ba-la-mật của đức Phật. Mỗi một Ba-la-mật được tôn vinh bằng mười câu chuyện, như vậy tổng số sẽ là 100 câu chuyện. Tiếc thay, khi viết xong câu chuyện thứ 34 thì Āryaśūra mệnh chung.

Một thần tích kể rằng trong thời gian viết *Jātakamāla*, Āryaśūra quán chiếu về hạnh bố thí của vị Bồ-tát, cụ thể là vị Bồ-tát Thái tử Mahā Satva (Ma-ha Tát-đỏa, 摩呵薩埵) đã hy hiến thân thể của mình cho bầy hổ đói. Khi quán chiếu như vậy, Āryaśūra khởi phát tâm cao thượng hướng đến Ba-la-mật và nhận ra rằng hạnh bố thí như vậy không quá khó, ngay bản thân mình cũng có thể thực hiện được. Lúc ấy, Āryaśūra thấy một con hổ mẹ và bầy con đang đói lã, sắp chết. Thoạt đầu, Āryaśūra chưa quyết định hy hiến cho đến khi phát khởi độ thâm tín viên mãn và mạnh mẽ nơi đức Phật, khi ấy cũng là lúc Ngài đang sử dụng dòng máu của bản thân để viết xuống những câu chuyện tiền thân. Việc dùng máu làm mực đã là nếp quen của mỗi ngày, song giờ đây, Āryaśūra cũng dùng chính dòng máu của bản thân ấy nhưng không phải để viết tiếp mà là để bố thí cho những con hổ đói khát. Lúc ấy, những con hổ tỉnh dần và hồi phục sức lực thì cũng chính là lúc Āryaśūra hy sinh thân thể. Tập *Jātakamāla* vì vậy mà kết thúc với 34 câu chuyện thay vì 100 câu chuyện như dự án ban đầu của Āryaśūra.[19]

Nơi phát tích của những câu chuyện tiền thân đầu tiên là Bắc Ấn, cụ thể hơn là ở một xứ sở có tên là Madhyadesa (Quốc độ trung tâm),[20] và từ đó trải rộng tầm ảnh hưởng rộng khắp nhiều châu lục, liên tục bổ sung từ nhiều nguồn văn học qua việc giao thoa chia sẻ với và được chia sẻ từ các nền văn hóa khác nhau. Các học giả hàng đầu đều nhận định rằng hầu hết những câu chuyện tiền thân đều có nguồn gốc từ văn học dân gian lưu hành ở Bắc Ấn.[21] Mặt khác, bộ sưu tập *Jātaka* này không bao hàm hết những câu chuyện tiền thân đang hiện hữu ngay trong thời kỳ nguyên sơ của Phật giáo Bắc Ấn.[22] Trên thực tế, bản *Jātaka* không bao gồm những câu chuyện tiền thân được ghi lại trong *Trường*

---

[18] Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Lama Chimpa, Alaka Chattopadhyaya (from Tibetan), ed. by Debiprasad Chattopadhyaya (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted). Tác phẩm này cũng được V. Vasil'ev dịch sang tiếng Nga và Schiefner dịch sang tiếng Đức xuất bản năm 1869.

[19] Các học giả không dễ dàng đồng thuận với con số 34 *Jātaka* theo cách như vậy.

[20] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 237; Kanai Lal Hazra, *Pali Language and Literature*, vol. I (New Delhi: D. K. Printworld (P) Ltd., 1994), p. 311.

[21] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 274.

[22] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 8.

bộ như *Kinh Cứu-la-đàn-đầu* (số 5), *Kinh Đại Thiện Kiến vương* (số 17) và trong *Trung bộ* như *Kinh Ghaṭikāra* (số 81), *Kinh Makhādeva* (số 83).

Từ lúc phát tích đến lúc định hình vững chắc và cho ra đời những bộ sưu tập như chúng ta thấy ngày nay là một quá trình kéo dài hàng ngàn năm. Xuất phát là những câu chuyện đầu tiên có mặt ngay thời đức Phật còn tại thế, sau đó là những câu chuyện xuất hiện trong hình thức phù điêu và những dòng chữ được chạm khắc vào đá ở di tích Bharhut và Sanchi có niên đại vào thế kỷ III TTL, cuối cùng là số lượng lớn những câu chuyện nằm trong những bộ sưu tập, cụ thể là bộ sưu tập vào thế kỷ V tức bản *Jātaka* này.[23]

Công trình kéo dài cả ngàn năm như vậy được thực hiện bởi những người học thuộc lòng và kể lại, những người phiên tả, những tác gia, những nhà sưu tầm, biên tập, sao chép, dịch thuật... thuộc nhiều thế hệ, có khoảng cách khác biệt rất xa với nhau về thời đại, bối cảnh đời sống và về nhiều phương diện khác. Những người tham gia góp phần vào công trình này thuộc nhiều thành phần khác nhau, có cả tu sĩ lẫn cư sĩ, sống và làm việc trong các môi trường địa lý, chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, tín ngưỡng và xã hội khác nhau. Những khác biệt ấy đã để lại dấu vết trong bộ sưu tập được đưa vào *Chánh tạng*, đó là tập *Chuyện Tiền thân* mà chúng ta đang có.

5. Các thể loại câu chuyện tiền thân trong tuyển tập *Jātaka*

Trước hết chúng ta cần nhận thức rằng những đoạn văn vần trong *Chuyện Tiền thân* cổ kính hơn so với những thiên sử thi hay thể loại trường ca cùng loại. Tuy nhiên, sự cẩn trọng trong nghiên cứu cho biết rằng chúng ta không thể xác quyết độ cổ kính của những câu chuyện ngang qua hình thái câu chữ có khớp với thời gian thật trong lịch sử hay không.[24] *Chuyện Tiền thân* với hơn 500 câu chuyện chứa đựng trong đó tất cả hình thái, bộ loại, thể thức của dòng thơ ca. Maurice Winternitz cho rằng có 5 thể loại[25] như sau:

1) Dạng phổ quát là một mạch chuyện dưới dạng văn xuôi, thỉnh thoảng được ngắt quãng bằng những đoạn văn vần. Có khi mạch chuyện được dừng lại để đan xen vào một bài thơ ngụ ngôn hay những khổ kệ kể chuyện đời xưa. Cũng có khi mạch chuyện được điểm xuyết bởi một câu nói đạo lý thâm trầm. Thế nên, thơ và văn xuôi, chuyện đang diễn ra và chuyện đã diễn ra đan bện và tổng hòa vào nhau tạo thành một thực thể thẩm mỹ vừa cổ kính vừa thanh tân.

2) Dạng kịch thơ, như *Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta* (số §514)[26] với tựa đề gốc là "*Ái hậu mắt nhung đẹp tuyệt trần*" có đoạn đàm thoại bằng thơ giữa nhà Vua và Hoàng hậu Subhadda như sau:

---

[23] *Sđd.* tr. 7.

[24] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119.

[25] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 119-20; G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 15.

[26] M. L. Feer năm 1895 đã nghiên cứu cặn kẽ *Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta* dựa trên việc so sánh 5 phiên bản khác nhau: 2 phiên bản Pāli, 1 phiên bản Sanskrit và 2 phiên bản chữ Hán.

Khi nghe tin nàng bị bệnh, Vua vội vào hậu cung ngồi bên vương sàng vuốt nhẹ lưng nàng và ngâm vần kệ đầu tiên:

Ái hậu mắt nhung đẹp tuyệt trần,
Nàng xanh xao quá, dáng đau buồn,
Như tràng hoa dưới chân giày xéo,
Vì cớ sao nàng héo úa dần?

Nghe lời này, nàng liền đáp bằng vần kệ thứ hai:

Dường như chuyện thấy ở trong mơ,
Thần thiếp hằng mong mỏi thiết tha,
Mộng ước hão huyền e khó đạt,
Cho nên lòng thiếp mãi buồn lo.

Vua nghe thế lại ngâm vần kệ nữa:

Những lạc thú nào ở thế gian,
Con người khao khát tận tâm can,
Điều gì mong trẫm đem ban tặng,
Hãy nói trẫm nghe ước nguyện nàng!

Ở thể thức kịch thơ, người đọc cần phân biệt hai loại thơ kệ. Một, những dòng thơ đàm thoại như vừa nêu ở trên. Hai, những dòng thơ của người kể chuyện. Người kể chuyện ở đây chính là đức Phật, danh xưng trong câu chuyện là bậc Đạo sư. Trong câu chuyện trên, bậc Đạo sư nói lên bài kệ về cái hố và mũi tên mà con người giăng ra để chờ bắt con voi trắng như sau:

Che hố trước tiên đậy ván dày,
Bước vào, cung nắm ở trong tay,
Vừa khi bạch tượng đi qua đó,
Kẻ ác cho tên dữ vút bay.

3) Dạng chuyện dài bắt đầu bằng thể văn xuôi và nối theo bằng thơ, cũng có khi mạch chuyện theo thể văn xuôi được ngắt nhịp bằng những khổ thơ kể chuyện hay những khổ thơ đàm thoại; trong trường hợp như vậy thì mạch văn xuôi không thể không có. Tuy nhiên, mạch văn xuôi trong *Chuyện Tiền thân* thuộc dạng thứ ba này[27] không phải nguyên gốc xa xưa mà vốn là đã được viết thêm và hiệu đính nhiều lần với những đoạn chú giải được chèn vào.

4) Dạng chùm những câu châm ngôn về một chủ đề nào đó.

5) Dạng trường ca hay một phân khúc của trường ca. Trong hai dạng 4 và 5, Maurice Winternitz cho rằng phần văn xuôi hầu hết là những chú giải thừa thải và nhạt nhẽo.[28] Người viết lại cho rằng, nhiều câu chuyện văn xuôi cũng rất thú vị và lý giải sâu sắc và tinh tế được nội dung được trình bày trong thi kệ.

---

[27] Tên gốc trong tạng Pāli là *Jātakatthavaṇṇana* (*Chú giải Chuyện Tiền thân*).
[28] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 120.

6. Nội dung của các câu chuyện trong tuyển tập *Jātaka*

Tổng quan về nội dung, Maurice Winternitz[29] liệt kê 7 mục như sau:

(1) Chuyện ngụ ngôn, hầu hết đều giống với ngụ ngôn Ấn Độ nói về những điều khôn khéo trong cuộc sống thế gian, chỉ có một ít chuyện mang thiên hướng đạo đức trong hình thái thơ kệ của những vị ẩn sĩ. Còn lại là những chuyện ngụ ngôn nguyên chất Phật giáo.

(2) Chuyện thần tiên hay cổ tích, trong đó nhân vật là những con vật, hầu hết đều có sắc thái tương tự như những chuyện thần tiên lưu hành rộng rãi ở châu Âu, không liên hệ nhiều đến Phật giáo. Một số chuyện được bổ sung thêm ý hướng của Phật giáo hay cải biên thành chuyện nhà Phật. Một số chuyện khác dĩ nhiên là những sáng tác thuần chất Phật giáo.

(3) Những đoản cú hóm hĩnh hay ứng đối chớp nhoáng linh mẫn nhưng không liên hệ nhiều đến Phật giáo.

(4) Chuyện ngắn, chuyện dài hay tiểu thuyết, những câu chuyện này có khi kể lại những chuyến phiêu lưu, có khi chứa đựng một số ít hay nhiều những câu chuyện khác đan kết lại với nhau. Đó là những câu chuyện không liên quan nhiều đến Phật giáo ngoại trừ nhân vật chính diện là vị Bồ-tát.

(5) Những câu chuyện đạo lý.

(6) Một số câu châm ngôn.

(7) Một số thần tích nói về tấm lòng chí thành chí kính trong giới Phật giáo, số nhiều hơn là những thần tích khác thuộc về nền thơ ca của giới ẩn sĩ Ấn Độ.

II. KẾT CẤU LÕI VÀ KHUNG NGOẠI VI – PHƯƠNG THỨC HÌNH THÀNH MỘT CHUYỆN TIỀN THÂN CHUẨN

1. Cấu trúc bốn phần của một *Chuyện Tiền thân*

Một trong những *Jātaka* chuẩn mực là *Chuyện con nai Nigrodha* (số §12) gồm 4 phần được đánh số (1) đến (4) như sau:

(1) Sau sự cố một vị Tỷ-kheo-ni có thai và bị Đề-bà-đạt-đa tẩn xuất, đức Phật làm mọi chuyện trở nên rõ ràng và chứng minh rằng vị Tỷ-kheo-ni ấy Phạm hạnh thanh tịnh. Để làm nổi bật đạo lý trong câu chuyện ấy, Thế Tôn kể lại câu chuyện quá khứ.

(2) *Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh làm một con nai. Khi từ bụng mẹ sanh ra, con nai có màu sắc vàng, mắt của nó giống như hòn châu báu, sừng màu trắng bạc, miệng đỏ như tấm màn nhung, móng chân láng trơn như màu sơn mài, đuôi giống như đuôi con trâu rừng, thân to lớn bằng con nghé. Nó sống trong rừng, được vây quanh với năm trăm con nai và được gọi là "nai chúa Nigrodha." Không xa bao nhiêu, có một con nai*

[29] *Sđd*, tr. 120-21.

khác với năm trăm con nai tùy tùng và được gọi là nai Sākha, nai này cũng màu sắc vàng.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại thường hay săn bắn nai, không có thịt nai thì không ăn cơm. Hàng ngày, vua triệu tập tất cả dân chúng từ thành thị đến nông thôn lại, đình chỉ công việc của mọi người vì khoanh vùng cho vua đi săn bắn. Mọi người suy nghĩ: "Nay vua đình chỉ công việc của chúng ta; chúng ta hãy gieo bẫy mồi và đặt nước uống cho các con nai trong vườn, đuổi nhiều nai vào trong ấy, đóng cửa lại và bắt dẫn chúng đến vua."

Như vậy, họ gieo cỏ làm bẫy mồi, đặt nước uống khắp vườn, cho sắp đặt cửa, đem theo những người trong thành, tay cầm côn, gậy và các loại binh khí khác đi vào rừng tìm nai; họ bao một vòng vây khoảng độ một do-tuần để bắt đàn nai bị vây ở giữa, và như vậy, họ vây quanh chỗ ở của đàn nai Nigrodha và đàn nai Sākha.

Khi thấy đàn nai, họ bắt đầu lấy gậy đập cây, đập bụi, đập đất đuổi đàn nai ra khỏi chỗ ở của chúng, khua động các loại vũ khí như gươm, giáo, cung, la hét và đuổi đàn nai vào khu vườn. Rồi họ đóng cửa lại, đi đến gặp vua và thưa:

– Thưa Đại vương, vì luôn luôn đi săn nai, Đại vương phá hoại công việc của thần dân. Nay chúng thần đã dẫn đàn nai rừng vào đầy cả khu vườn của Đại vương. Từ nay trở đi, Đại vương có thể ăn thịt chúng.

Sau khi thưa như vậy, dân chúng bỏ đi. Nhà vua nghe họ nói, đi đến khu vườn, nhìn các con nai, thấy hai con nai vàng, liền tha chết cho chúng. Từ đấy về sau, có khi nhà vua tự đi bắn một con nai rồi đem về, có khi người đầu bếp đi đến bắn nai rồi đem về. Các con nai thấy cây cung liền run rẩy vì sợ chết nên bỏ chạy. Nhưng khi bị hai, ba vết thương, chúng mệt mỏi, bị bệnh và bị giết. Đàn nai báo sự việc như vậy lên Bồ-tát. Bồ-tát cho gọi Sākha và nói:

– Này bạn, nhiều con nai bị hại, dầu thế nào chúng cũng phải chết. Bắt đầu từ nay trở đi, chớ để các con nai bị tên bắn một cách vô ích. Hãy để các con nai thay phiên nhau đi đến chỗ phải chết. Một ngày là phiên đàn nai của tôi, một ngày là phiên đàn nai của bạn. Con nai nào đến phiên của mình cứ đi đến, nằm xuống, đặt đầu vào chỗ phải chết. Làm vậy, các con nai khác khỏi bị thương.

Con nai Sākha chấp thuận. Từ đấy trở đi, theo phiên mình, một con nai đi đến, nằm xuống đặt cổ vào chỗ bị giết. Người đầu bếp đến, bắt con nai nằm đấy rồi đem đi.

Một hôm, đến phiên một con nai cái có mang ở trong đàn nai Sākha. Con nai cái đến gặp Sākha và thưa:

– Thưa chúa tể, tôi có thai, sắp sanh con, như vậy đàn có hai mạng sống đến phiên, hãy cho qua phiên của tôi!

Nai Sākha nói:

– Không thể bảo những con nai khác thế phiên cho ngươi được. Ngươi hãy chịu những gì sẽ đến với ngươi, hãy đi đi!

Con nai cái ấy không được nai Sãkha chấp thuận, liền đi đến Bồ-tát và trình bày sự việc. Bồ-tát nghe xong liền nói:

– Được, hãy đi đi! Ta sẽ bỏ qua phiên của ngươi.

Rồi nai chúa tự mình đi đến, đặt đầu vào chỗ chết nằm chờ. Người đầu bếp thấy vậy liền nói:

– Con nai chúa đã được tha khỏi chết, nay lại nằm ở chỗ chết này. Sự việc này là cớ sao?

Rồi kẻ ấy đi báo cho vua hay. Nhà vua lập tức ngự lên xe, đi đến với đoàn tùy tùng đông đảo, thấy Bồ-tát liền nói:

– Này bạn nai chúa, ta đã tha khỏi chết cho ngươi. Sao nay ngươi nằm ở đây?

– Thưa Đại vương, một con nai cái đến gặp tôi, yêu cầu một con khác thay phiên cho nó. Tôi không có thể bắt một con nào khác chịu đau đớn vì bị chết được. Tôi quyết định cho con nai cái ấy mạng sống của tôi, nhận lấy cái chết thay cho con nai cái nên nằm ở đây, Đại vương chớ có nghi ngờ gì khác!

Vua nói:

– Hỡi nai chúa sắc vàng, từ trước, ta chưa bao giờ thấy giữa loài người, có ai đầy đủ kham nhẫn, hòa ái, từ bi như ngươi. Do vậy, ta thật bằng lòng với ngươi. Hãy đứng dậy, ta sẽ cho ngươi và con nai cái ấy thoát khỏi sợ hãi!

– Thưa bậc Nhân chủ, có hai con nai được thoát khỏi sợ hãi, đàn nai còn lại thì thế nào?

– Này nai chúa, ta sẽ cho đàn nai còn lại thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, như vậy, các con nai trong khu vườn này được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các con nai khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các con nai được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các loài sinh vật bốn chân khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài bốn chân được thoát khỏi sợ hãi nhưng các đàn chim thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, các loài chim như vậy được thoát khỏi sợ hãi nhưng còn đàn cá sống ở trong nước thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi. Như vậy, con nai chúa đã xin vua cho tất cả chúng sanh được thoát khỏi sợ hãi; đứng dậy, khuyên nhà vua thọ năm giới và nói:

– Thưa Đại vương, hãy sống theo Chánh pháp! Hãy xử sự đúng Chánh pháp đối với cha mẹ, đối với con trai, con gái; đối với Bà-la-môn, gia chủ; đối với dân chúng thành thị và nông thôn. Hãy tự mình sống đúng Chánh pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Sau khi thuyết pháp cho vua với uy lực kỳ diệu của vị Phật, Bồ-tát sống tại khu vườn trong một vài ngày để khuyến giáo vua, rồi cùng với đàn nai vây quanh đi vào rừng. Con nai cái đẻ ra một con nai đực đẹp như một nụ hoa. Nai con này đi chơi với đàn nai Sākha. Thấy nai mình đi chơi với đàn nai Sākha, nai mẹ khuyên con mình, bắt đầu từ nay chớ đi tới Sākha, nên đi tới Nigrodha và nói lên bài kệ:

(3) *Sống với Nigrodha, Chớ sống với Sākha.*
Chết với Nigrodha, Hơn sống với Sākha.

Từ đấy trở đi, các con nai thoát khỏi sợ hãi khi ăn lúa của dân chúng. Và dân chúng nhớ rằng, các con nai được thoát khỏi sợ hãi, nên không dám đánh đập hay đuổi chúng đi. Họ tụ họp tại sân vua và báo lên vua biết. Vua nói:

– Do ta bằng lòng, ta đã cho nai Nigrodha một đặc ân. Ta thà mất nước chớ không bỏ lời đã hứa. Hãy đi đi, trong quốc độ của ta, không con nai nào bị đánh cả!

Nai Nigrodha nghe tin này, liền họp đàn nai lại và bảo:

– Bắt đầu từ nay, chớ ăn lúa của người khác!

Sau khi bảo chúng hứa như vậy, nai Nigrodha báo tin cho dân chúng biết:

– Bắt đầu từ nay, những người trồng lúa chớ rào ruộng lại để bảo vệ lúa, chỉ làm dấu bằng cách cột lá lúa lại.

Bắt đầu từ đấy, theo tin đồn, khởi lên tục lệ cột lá lúa lại giữa các đồng ruộng. Bắt đầu từ đấy, các con nai không vượt qua đồng ruộng có lá lúa cột lại. Đây là nhờ Bồ-tát khuyến giáo chúng như vậy. Sau khi khuyến giáo đàn nai, Bồ-tát sống ở đấy cho hết tuổi thọ, rồi cùng với đàn nai đi theo nghiệp của mình. Còn nhà vua nghe lời khuyến giáo của Bồ-tát, suốt đời làm các công đức, rồi sau đó mạng chung đi theo nghiệp của mình.

(4) *Sau khi kể pháp thoại, bậc Đạo sư nói:*

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ nay Ta mới bảo vệ Trưởng lão Ni và Kumāra Kassapa mà thuở trước Ta cũng bảo vệ như vậy.

Rồi Ngài thuyết giảng bốn sự thật, nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận bằng cách nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, con nai Sākha là Devadatta, đàn nai là tùy tùng của Devadatta, nai cái là Trưởng lão Ni, nai con là Kumāra Kassapa, vua là Ānanda, còn nai chúa Nigrodha là Ta vậy.

Theo cách trình bày của T. W. Rhys Davids, bố cục hay kết cấu của một câu chuyện tiền thân gồm có 4 thành phần chính: Hai thành phần thuộc khung ngoại vi để trang hoàng bên ngoài của câu chuyện và hai thành phần thuộc căn cốt của câu chuyện được lồng vào nhau. Câu chuyện tiền thân *Chuyện con nai Nigrodha* trên đây[30] được thuật lại và đánh số từ (1) đến (4) để minh họa.

Khung ngoại vi của một câu chuyện tiền thân gồm phần giới thiệu, đoạn (1), và phần nhận diện tiền thân, đoạn (4). Bên trong là phần căn cốt hay "Câu chuyện quá khứ", đoạn (2). Ở giữa đoạn (2) chứa đựng yếu tố hạt nhân hay tinh hoa của toàn câu chuyện; trường hợp mẫu như chúng ta đã thấy ở trên, phần kệ tụng tức là đoạn (3).

Bàn thảo thêm về quá trình hình thành tập *Jātaka* mà chúng ta đang có, T. W. Rhys Davids nhấn mạnh rằng, mỗi một thành phần như vậy có lịch sử hay câu chuyện của riêng nó.

2. Cấu trúc đơn thuần của một câu chuyện tiền thân cổ xưa

Hình dạng cổ xưa nhất mà bất kỳ *Jātaka* nào cũng có một cách tự nhiên là hình dạng của câu chuyện ngụ ngôn hay dụ ngôn đơn giản và không có khung ngoại vi. Trường hợp *Chuyện con nai Nigrodha* trong hình dạng nguyên sơ sẽ không có đoạn (1) và (4), đồng thời cũng không có đoạn (3) tức phần kệ tụng.

Câu chuyện ngụ ngôn trong bài kinh *Kinh Con chim ưng* (*Sakuṇagghisutta*)[31] thuộc *Kinh Tương ưng bộ* được đơn cử như là một hình dạng gốc hay cổ xưa nhất của một *Jātaka*:

"Rồi này các Tỷ-kheo, con chim cút bị con chim ưng mái bắt, than khóc như sau:

– Như thế này, thật bất hạnh cho tôi! Thật thiếu công đức cho tôi! Vì rằng tôi đã đi vào chỗ không phải hành xứ của mình, đi vào cảnh giới của người khác. Nếu tôi đi trong chỗ hành xứ của tôi, trong cảnh giới của cha mẹ tôi, thời con chim ưng này không thể hơn tôi, nếu phải đánh nhau.

– Này chim cút, thế nào là chỗ hành xứ của ngươi, thế nào là cảnh giới của cha mẹ ngươi?

– Là vạt đất được lưỡi cày xới lên.

Rồi này các Tỷ-kheo, con chim ưng mái không có siết mạnh sức mạnh của mình, không có bóp chặt sức mạnh của mình, thả con chim cút rồi nói:

[30] Một bức phù điêu ở tháp Bharhut phác họa nhiều phân cảnh từ câu chuyện tiền thân này.

[31] Phiên bản trong *J.* II. 58, *Chuyện chim diều hâu* (*Sakuṇagghijātaka*), số §168.

– Hãy đi, này chim cút. Sau khi đi tại chỗ ấy, ta sẽ không thả ngươi.

Rồi này các Tỳ-kheo, con chim cút đi đến vạt đất được lưỡi cày xới lên, leo lên một hòn đất lớn, đứng trên ấy và nói với con chim ưng:

– Này, hãy đến ta, chim ưng! Này, hãy đến ta, chim ưng!

Rồi này các Tỳ-kheo, con chim ưng mái siết mạnh sức mạnh của mình, bóp chặt sức mạnh của mình, xếp cả hai cánh, thình lình vồ lấy con chim cút. Này các Tỳ-kheo, khi con chim cút biết được: "Con chim ưng này đang vồ mạnh xuống ta", liền nấp sau hòn đất ấy. Này các Tỳ-kheo, ở đây, con chim ưng bị bể ngực.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, đối với ai đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác. Do vậy, này các Tỳ-kheo, chớ có đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, chỗ cảnh giới của người khác. Này các Tỳ-kheo, đi đến chỗ không phải hành xứ của mình, đi đến cảnh giới của người khác, thời Ác ma nắm được cơ hội, Ác ma nắm được đối tượng.

Này các Tỳ-kheo, chỗ nào không phải hành xứ của Tỳ-kheo? Chỗ nào là cảnh giới của người khác? Chính là năm dục công đức..."[32]

Câu chuyện ngụ ngôn ở trên với chức năng dẫn khởi để đi đến lời khuyên răn đạo đức là một câu chuyện đơn giản, chỉ có thành phần căn cốt mà thôi. Ở dạng này, câu chuyện không có khung ngoại vi (câu chuyện dẫn khởi ở đoạn 1 và phần nhận diện tiền thân để kết thúc ở đoạn 4 và cũng không có kệ tụng). Do vậy, đây chưa phải là một *Jātaka* chuẩn định.

Thế nhưng, một trong những yếu tố định hình một *Jātaka* chính là câu chuyện ngụ ngôn ấy, phần lớn là khớp với nhau từng lời từng chữ. Câu chuyện sau đó được trang hoàng bằng một khung ngoại vi gồm câu chuyện dẫn khởi và phần nhận diện tiền thân... Đâu là phiên bản cổ kính hơn không còn là câu hỏi. Câu chuyện tiền thân đã trích xuất từ *Kinh Con chim ưng*, bài kinh chứa căn cốt của câu chuyện *Jātaka* trong kho tàng *Chánh tạng* đã có từ trước.

Nói cách khác, trong nhiều trường hợp, những nhà phát triển truyền thống *Jātaka* đã chọn ra và sử dụng một cái lõi hay cái căn cốt dưới hình thức một dụ ngôn, một câu chuyện ngụ ngôn, hay một minh dụ có sẵn trong *Chánh tạng*; sau đó trang hoàng phần căn cốt ấy bằng một khung ngoại vi rồi đặt một khổ kệ tụng làm điểm nhấn và cũng là chủ đề của toàn bộ câu chuyện. Như vậy, một *Jātaka* mới được hình thành.

Đây không phải là trường hợp cá biệt. T. W. Rhys Davids đã liệt kê thêm 9 trường hợp khác.

<u>Bảng 01</u>:

---

[32] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tương ưng bộ*, *Kinh Con chim ưng* (*Sakuṇagghisutta*), *TTTĐPGVN*, tập 3 (Hà Nội: NXB. Hồng Đức, 2020), tr. 1106-7.

STT	Số	Dựa trên bản dịch của Fausböll	Đối chiếu với Chánh tạng PTS		Jātaka tiếng Việt
1	1.	*Apaṇṇakajātaka*	*Majjhima*	II. 342	*Chuyện không lỗi lầm*
2	9.	*Makhādevajātaka*	*Majjhima*	II. 75	*Chuyện Vua Makhādeva*
3	10.	*Sukhavihārijātaka*	*Vinaya*	II. 183	*Chuyện Trưởng lão Sukhavihāri*
4	37.	*Tittirajātaka*	*Vinaya*	II. 161	*Chuyện con chim trĩ*
5	91.	*Littajātaka*	*Dīgha*	II. 348	*Chuyện đã được thoa*
6	95.	*Mahāsudassanajātaka*	*Dīgha*	II. 169	*Chuyện Vua Đại Thiện Kiến*
7	203.	*Khandhajātaka*	*Vinaya*	III. 1095	*Chuyện tu tập từ tâm*
8	253.	*Maṇikaṇṭhajātaka*	*Vinaya*	III. 145	*Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha*
9	405.	*Bakabrahmajātaka*	*Majjhima*	I. 328	*Chuyện Phạm thiên Baka*
			Saṃyutta	I. 142	

Những nhân vật chính diện trong *Chuyện Vua Makhādeva* (số §9) và *Chuyện Vua Đại Thiện Kiến* (số §95) đã có sẵn trong những bản kinh xưa hơn[33] và được nhận diện là tiền thân của đức Phật ở cuối câu chuyện. Một số trường hợp như *Chuyện đã được thoa* (số §91) và *Chuyện Phạm thiên Baka* (số §405), phần kệ tụng cũng đã có sẵn. Những câu chuyện tiền thân còn lại trong bảng danh sách trên đều thiếu cả phần kệ tụng lẫn phần nhận diện tiền thân.

Ở trên là những trường hợp dựa vào kinh điển cổ kính hơn để có phần căn cốt rồi gia công thêm phần khung và phần kệ. Kết quả là một chuyện tiền thân hoàn chỉnh với đầy đủ những thành phần thiết yếu. Nói cách khác, những nhà phát triển *Jātaka* đã khai thác nguồn tư liệu xưa hơn, phát hiện những chuyện tiền thân chưa hoàn chỉnh, làm cho hoàn chỉnh và đưa vào tập *Jātaka*.

Kế đến là những trường hợp gần như ngược lại, trong nguồn tư liệu cổ kính đã có sẵn những chuyện tiền thân hoàn chỉnh và đã có đầy đủ các thành phần. Thế nhưng những nhà phát triển *Jātaka* vì lý do nào đó lại không đưa vào tập *Jātaka*. Điều thú vị là trước khi có một bộ chuyện được đặt tên là *Jātaka*, những câu chuyện trong trường hợp trên đã có tên là *Jātaka*. Kho tàng kinh điển nhà Phật từ xưa đã được xếp thành 12 thể loại, xưa hơn nữa xếp thành 9 thể loại. Cách phân chia thành 9 thể loại được ghi lại trong *Trung bộ*, *Tăng chi bộ* và *Luật tạng*.[34] Trong cả hai trường hợp đều có thể loại tên là *Bổn sanh* (Tiền thân). Thể loại này bao gồm những đoạn kinh kể về những chuyện xa xưa ở kiếp trước, những đoạn kinh ấy phải có trước rồi sự phân chia thể loại mới có sau. Như vậy, thể loại *Bổn sanh* không phải chỉ cho tập *Chuyện Tiền thân*, đơn giản là vì tập *Jātaka* chưa có mặt. Điều quan trọng chúng ta cần ghi nhận, không có trường hợp nào thuộc về thể loại *Bổn sanh* mà tiền thân của đức Phật được nhận diện là

[33] *D.* 17, *Kinh Đại Thiện Kiến vương* (*Mahāsudassanasutta*); *M.* 83, *Kinh Makhādeva* (*Makhādevasutta*).
[34] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 196ff.

một con thú. Tiền thân của đức Phật chỉ được nhận diện là những vị Thánh trí, những vị Đạo sư trong kiếp trước. Đó là ý niệm mà từ vựng *Jātaka* thời nguyên sơ chuyển tải. Những điều mà chúng ta thấy trong tập chuyện *Jātaka* ngày nay đều nằm trong sự phát triển của giai đoạn sau này.

Hai sự thật quan trọng mà chúng ta có thể nhận ra khi ý thức được sự có mặt của những chuyện tiền thân nguyên sơ thuộc thể loại *Bổn sanh*. Một, những chuyện tiền thân nguyên sơ ấy hầu hết đều không có khung ngoại vi và không có kệ tụng, hoàn toàn bằng văn xuôi như những câu chuyện thần tiên,[35] thần thoại,[36] thần tích.[37] Hai, tập chuyện tiền thân mà chúng ta đang có chỉ là một phần được bảo tồn, không phải là tất cả những chuyện tiền thân đang lưu hành trong cộng động Phật giáo thuở xa xưa ấy.

III. DẤU VẾT CỦA NIÊN ĐẠI TRONG VĂN THỂ VÀ DỮ LIỆU LỊCH SỬ

1. *Jātaka* trong phiên bản kệ tụng

Ở vạch xuất phát, *Jātaka* xuất hiện trong thể văn nào, thể văn xuôi hay thể kệ tụng, và sau đó tiến triển ra sao vẫn là một câu hỏi khó có câu trả lời thuyết phục. Câu trả lời của Maurice Winternitz được xem khá có thẩm quyền, cho rằng:[38] "Phần văn xuôi không thể được xem là xa xưa và nguyên gốc khi so với phần kệ tụng. Điều này trở nên hiển nhiên khi phần văn xuôi được dịch từ tiếng Pāli sang tiếng Sinhalese (Tích Lan), sau đó lại được dịch ngược trở lại từ tiếng Sinhalese về tiếng Pāli; chưa kể trong quá trình dịch xuôi và dịch ngược như vậy đã xảy ra nhiều cải biến, thêm thắt, thậm chí là biên tập thành một phiên bản hoàn toàn mới. Trong nhiều trường hợp, phần văn xuôi bộc lộ cho chúng ta thấy sự không đồng nhất về phương diện văn chương, rất tuyệt trong những câu chuyện ngụ ngôn hay chuyện thần tiên ngắn và rất nhạt trong những trường hợp mà phần văn xuôi tỏ ra không cần thiết."[39] Thậm chí có những phần văn xuôi được biên soạn và thêm vào khá trễ sau này, trong đó có nhiều dẫn chiếu đến Tích Lan.

Hai phần văn xuôi và kệ tụng đôi khi như là bất nhất với nhau, cụ thể là trường hợp *Chuyện con mèo* (số §128), phần kệ tụng gọi là mèo, phần văn xuôi gọi là chó rừng. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu ở một cách khác là cách diễn đạt của thời cổ mượn việc A để nói việc B, vì tính mưu mẹo, lường gạt kẻ khác xem như là thói của con mèo. Ngôn ngữ được sử dụng trong phần kệ tụng là dạng ngôn ngữ cổ xưa hơn so với ngôn ngữ trong phần văn xuôi. Điều này thêm xác quyết khi cho rằng phần kệ tụng của *Jātaka* được giữ nguyên từ thời khởi phát, không phải trải qua hai lần dịch xuôi và ngược như phần văn xuôi.

[35] Câu chuyện đạo lý cổ xưa với đặc điểm là những con vật có những phẩm chất như con người.

[36] Câu chuyện đạo lý cổ xưa với đặc điểm là những con người có những phẩm chất siêu phàm.

[37] Câu chuyện đạo lý cổ xưa với đặc điểm là những con người có thật trong lịch sử được thần thánh hóa.

[38] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 115.

[39] *Sđd.* tr. 116.

Tiểu kết: Phần kệ tụng xa xưa hơn, xuất hiện trước và có mặt trong *Chánh tạng* trước. Chỉ có phần kệ tụng được chọn ghi chép vào *Chánh tạng* phiên bản đầu tiên, còn phần xuôi thì không. Lý do được nêu lên là vì phần kệ tụng đã được xác định như vậy, vững chắc và ổn định, cứ như vậy được viết xuống, trong khi phần văn xuôi bất định hơn. Nói cách khác, sở dĩ phần văn xuôi bất định hơn vì tùy vào phong cách thuyết giảng và vốn sống của từng vị giảng sư khác nhau, hình thành nên kỹ năng kể chuyện khác nhau, mạch lạc dẫn dắt câu chuyện khác nhau, thậm chí thay đổi, thêm hoặc bớt những chi tiết trong câu chuyện. Trái lại, như là một truyền thống cố định, khi kể chuyện gặp những đoạn kệ tụng, các vị giảng sư thường có ý hướng giữ gìn chính xác từng câu, từng chữ và ngâm nga lại những câu chữ ấy, thậm chí với những làn điệu trầm bổng như nhau. Vì vậy, phần kệ tụng có được sự thống nhất, tính đồng thuận cao nhất và được đưa vào *Chánh tạng* ngay từ đầu. Phần văn xuôi không được như vậy vì bị tùy thuộc nơi ý hướng và cảm xúc thường là rất khác nhau của từng vị giảng sư khi thuyết giảng.

2. *Jātaka* trong phiên bản kệ tụng và văn xuôi

Mặc dù bản *Chánh tạng* đầu tiên của *Jātaka* chỉ có phần kệ tụng nhưng điều này không có nghĩa là những câu chuyện tiền thân ở thời nguyên sơ có mặt trong Kinh tạng và Luật tạng hay trong nền văn hóa dân gian chỉ có kệ tụng. Cần phải nhận thức rằng thuở nguyên sơ ấy, *Jātaka* là những câu chuyện vừa có văn xuôi vừa có kệ tụng đan xen vào nhau. Đó là thể thức phổ quát và được ưa chuộng trong nền văn học Ấn Độ, là nền tảng mà trên đó nền văn học Phật giáo hình thành và phát triển. Người Ấn Độ thời cổ đại khi kể chuyện bằng văn xuôi, thỉnh thoảng đệm vào những câu kệ làm cho câu chuyện thêm sống động và dậy men cảm khái nơi người nghe. Những câu kệ ấy có khi là một tiểu kết ngắn gọn cho những nội dung đã diễn đạt, có khi là một bài học đạo lý rõ ràng và súc tích. Mặt khác, khi muốn ngâm nga một câu kệ, người xưa sẽ sử dụng câu văn xuôi để mào đầu như một kỹ thuật trần thiết khung cảnh trước, hay như một dạng tiền trạm rồi mới đưa những câu kệ vào.

Ananda Salgadu Kulasuriya[40] đã kết luận rằng mặc dầu mối quan hệ giữa phần văn xuôi và phần kệ tụng có mức độ chưa rõ ràng nhưng chúng ta đừng quên rằng phần kệ tụng cổ điển hơn và quan trọng hơn so với phần văn xuôi ở chỗ phần kệ tụng đặt nền móng cho một *Jātaka* và là một thành phần thiết yếu của câu chuyện.

3. Phân loại chi tiết các nhóm câu chuyện tiền thân

Ông Ananda Salgadu Kulasuriya cũng cố gắng làm rõ hơn mối tương quan của hai thể loại văn xuôi và kệ tụng thông qua việc xếp *Jātaka* thành những nhóm khác nhau như sau:

[40] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 10.

1. Nhóm *Jātaka* là những câu chuyện văn xuôi với một hoặc hai khổ kệ, hoặc nhiều hơn, được dùng để chuyển tải bài học đạo lý hay nêu lên đại ý của câu chuyện. Nhóm này giữ gìn ở nhiều mức độ nội dung của câu chuyện xa xưa.

2. Nhóm *Jātaka* là một thể thơ ca tên là *campu*,[41] với mạch lạc của câu chuyện được kể khi thì bằng văn xuôi khi thì bằng kệ tụng. Nhóm này chuyển tải một nguyên bản văn xuôi đầu nguồn.

3. Nhóm *Jātaka* trong phiên bản ngọn nguồn xa xưa chỉ gồm có phần kệ tụng. Dạng này lại được chia thành những chùm nhỏ hơn:

a) Chùm kịch thơ theo thể thức đối thoại bằng kệ tụng.

b) Chùm kịch thơ gồm hai thể thức kệ tụng kết hợp với nhau: Kệ tụng dẫn chuyện và kệ tụng đối thoại.

c) Chùm những thiên trường ca hay những phân đoạn của thiên trường ca.

d) Chùm những câu nói đạo lý xâu kết lại theo một chủ đề nào đó.

Trong tất cả trường hợp này, phần văn xuôi chỉ là diễn giải.

4. Vết tích của Bà-la-môn giáo trong *Jātaka*

Ngoài những điều trên, T. W. Rhys Davids đã đi thêm một mức và gợi ý rằng, nhân vật của 10 *Jātaka* như đã đề cập trong bản 01 vốn đã có mặt từ trước trong hình dạng nguyên sơ đã cho chúng ta thấy vết tích của lịch sử thuộc thời kỳ tiền Phật giáo. Trong 10 câu chuyện không có chứa điều gì đặc nét Phật giáo, không có nhân vật nào là thuần túy Phật giáo, ngay cả đạo lý mà 10 câu chuyện này chuyển tải cũng là đạo lý Ấn Độ, tất cả đều được cải biến để ít nhiều phù hợp với đạo đức nhà Phật.[42] Ngay cả câu chuyện của Vua Đại Thiện Kiến, mạch chính vẫn là một thần thoại của Ấn Độ về tín ngưỡng thờ mặt trời. Chín câu chuyện còn lại đều nằm trong kho tàng chuyện kể dân gian Ấn Độ. Chuyện dân gian đầy những yếu tố mê tín dị đoan. Phật giáo loại bỏ những yếu tố ấy. Thế thì dấu ấn Phật giáo nằm ở đâu? Câu trả lời là nằm ở cách lựa chọn, nằm ở sự cải biến. Như đã nói, sau khi chọn lựa, những nhà phát triển *Jātaka* cũng ra sức gia công để nâng cấp câu chuyện về cả hình thức văn chương lẫn nội dung tư tưởng.

5. *Jātaka* trong các bức điêu khắc bằng sa thạch

Nhìn vào một bức điêu khắc chứa nhiều phân cảnh của một chuyện tiền thân, đối với một người chưa từng biết qua câu chuyện bằng văn xuôi, T. W. Rhys Davids cho rằng người ấy hoàn toàn không thể hiểu nổi. Trường hợp ngoại lệ là một bức phù điêu không còn nguyên vẹn có khắc dòng chữ: "*Yaṃ*

[41] *Campu* là tiếng Sanskrit dùng để chỉ cho một thể loại thơ ca. Xem G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 19.

[42] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 197.

bāmaṇo avāyesi Jātaka."[43] Đây là những chữ khởi đầu trong bài kệ của câu chuyện tiền thân *Chuyện cô gái trên lầu bảy tầng*, số §62.

Tên gọi của một câu chuyện tiền thân cũng có những biến đổi. Từ năm 1880, T. W. Rhys Davids cho rằng cùng là một chuyện tiền thân nhưng được gọi bằng một tên khác khi nằm trong tập chuyện *Jātaka* chuẩn định. Ngay cả trường hợp của những bức phù điêu vô cùng xa xưa, có khi cũng điêu khắc hai tên gọi khác nhau cho cùng một câu chuyện. Một mẫu điêu khắc minh họa cho câu chuyện thần tiên về con mèo và con gà. Câu chuyện này được gọi cả hai tên trong tiếng Pāli: "*Chuyện Tiền thân con mèo*" và "*Chuyện Tiền thân con gà trống*."[44] Lý do tại sao một câu chuyện tiền thân có thể có nhiều tên cũng đơn giản. Trường hợp của câu chuyện tiền thân kể về con sư tử và con chó rừng[45] để chỉ cho sự ưu thắng của một đức tính tốt, câu chuyện cần có một tên gọi ngắn và được gọi là "*Chuyện Tiền thân sư tử*" hay được gọi bằng một tên khác là "*Chuyện Tiền thân chó rừng*", thậm chí cũng được gọi bằng một tên khác nữa là "*Chuyện Tiền thân về đức tính tốt.*" Khi câu chuyện tiền thân kể về một con rùa để chuyển tải đạo lý hậu quả của thói lắm lời,[46] câu chuyện ấy được gọi tên là "*Chuyện Tiền thân của kẻ huyên thuyên*", hoặc còn được gọi bằng tên "*Chuyện Tiền thân con rùa.*" Thế là chỉ có một câu chuyện mà có đến hai tên gọi khác nhau. Nhận thức thông thường cho chúng ta biết rằng rất khó nếu không nói là không thể trong một khoảnh khắc mà đặt định được một tên gọi nêu bật được đạo lý và hành vi của nhân vật khiến cho đạo lý ấy được chuyển tải. Như vậy, những tên gọi khác nhau được đặt định và chúng có thể hoán đổi cho nhau. Cũng không có gì ngạc nhiên khi chúng ta thấy trường hợp những từ vựng trọng yếu của phần kệ tụng được sử dụng làm tựa hay tên gọi cho câu chuyện *Jātaka*. May mắn lớn nhất vẫn là việc những từ trọng yếu ấy vẫn còn hiện hữu trên đời dưới dạng những dòng chữ khắc trên đá ở thế kỷ III TTL.

6. Giả thuyết về *Jātaka* được đưa vào *Chánh tạng* và tác giả

Một điều nữa cần được quan tâm là phiên bản gốc hay bản đầu nguồn của tập *Jātaka* khi được đưa vào *Chánh tạng* như thế nào. Bản gốc ấy[47] rất hiếm hoi, hiếm hoi ngay cả dưới dạng bản cảo nguyên sơ chưa biên tập. Vô cùng thú vị là việc khám phá ra được tập *Jātaka* phiên bản tinh tuyển, và chúng ta hãy xem trong phiên bản ấy có nói gì về tên gọi hay tựa đề của *Jātaka* hay không, có chứa dị bản nào của phần kệ tụng hay không.

---

[43] Pāli của ấn bản CST: "*Yaṃ brāmaṇo avādesi Jātaka.*"

[44] Theo ấn bản Tạm tạng của chúng ta đang thực hiện, chỉ có *Chuyện con mèo (Biḷārajātaka)*, số §128. Xem *J.* I. 460. Rất có thể "*Chuyện Tiền thân con gà trống*" xuất hiện trên các bản điêu khắc.

[45] *J.* II. 23, *Chuyện công đức* (*Guṇajātaka*), số §157; T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 199.

[46] *J.* II. 175, *Chuyện con rùa* (*Kacchapajātaka*), số §215.

[47] Tập *Jātaka* thuộc Thánh điển ấy trong phiên bản tinh tuyển đến độ chỉ chứa kệ tụng, vì vậy mà người đọc hay người nghe không thể hiểu được khi thiếu phần chú giải hay diễn giải.

Phiên bản của tập *Jātaka* nổi tiếng do Giáo sư Fausböll biên tập, cung cấp cho chúng ta phần chú giải nhưng không cho biết về niên đại. Điều mà chúng ta biết là trước thế kỷ V, không hề có dạng chú giải viết xuống dưới dạng kinh văn như vậy, tất cả đều ở dưới dạng truyền khẩu.[48]

Phần chú giải này có thể có cùng niên đại, tức là vào thế kỷ V. Người biên soạn đã tự giới thiệu một chút về bản thân trong dòng kệ tụng khởi đầu nhưng vẫn không giới thiệu đạo hiệu hay danh tánh. Thay vì nói tên của mình, người biên soạn ấy đã nói tên ba người thúc đẩy ông dấn thân vào công trình biên soạn, và nói thêm rằng công việc này kế tục theo truyền thống *Jātaka*, một truyền thống thế thế truyền thừa trong sơn môn Đại tu viện của xứ Anuradhapura (Tích Lan). Trong 7 tập lớn của công trình này, người biên soạn đã hai lần gián tiếp nhắc đến những vị học giả Tích Lan thuộc thế kỷ II.[49] Mặc dầu người biên soạn nhắc tên như vậy trong mục ghi chú nhưng như thế là đã khá đủ cho chúng ta đi đến kết luận rằng công trình này được thực hiện ở Tích Lan. Giáo sư Childers nghĩ rằng người biên soạn chính là Ngài Buddhaghosa, một tác gia nổi tiếng của nhiều công trình chú giải khác.[50]

7. Bối cảnh văn hóa, tôn giáo, chính trị thời tiền Phật giáo tại Ấn Độ trong *Jātaka*

Liên quan đến niên đại của tập *Chú giải*, của bối cảnh cuộc sống mà tập *Chú giải* phản ánh, của phần kệ tụng và phần văn xuôi... có nhiều học giả hàng đầu bàn đến như Lüders, Fick và Hofrath Bühler. Quan điểm của Hofrath Bühler được xem là có thẩm quyền và công tâm nhất, cho rằng:

"Điều chủ yếu cần nghĩ tới là khi vay mượn (cốt chuyện) như vậy những nhà Sư Phật giáo có cải biến nhiều không? Đặc biệt, những miêu tả về cuộc sống mà tập *Jātaka* chứa đựng có được canh tân cho khớp với thời đại khi mà Phật giáo đã trở thành một lực lượng ở Ấn Độ hay không? Câu trả lời chỉ có thể là: Có rất ít dấu vết Phật giáo trong những câu chuyện vay mượn ấy và tập *Jātaka* không miêu tả bối cảnh đời sống ở Ấn Độ trong thế kỷ III-IV TTL mà là bối cảnh đời sống xa xưa hơn nữa."[51]

Hofrath Bühler nêu lý do:

"Những miêu tả về bối cảnh chính trị, tôn giáo và xã hội ấy rõ ràng là dẫn chiếu tới một thời xa xưa trước khi những vương triều lớn phía Đông trỗi dậy như vương triều Nanda và vương triều Maurya, khi mà Pāṭaliputra đã trở thành thủ đô của Ấn Độ. Những *Jātaka* không đề cập đến vương triều này cũng không

[48] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 200-01.

[49] T. W. Rhys Davids đã bàn thảo về chi tiết thú vị này năm 1902 trong một bài viết nhan đề: "Người cuối cùng xuất gia" (*The Last to Go Forth*) đăng trong *JRAS*, vol. 33, kỳ 4/10 năm 1901.

[50] T. W. Rhys Davids không nghĩ như Giáo sư Childers. Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 201.

[51] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 202.

đề cập đến vương triều kia và không nhận thức gì về những vương quốc lớn phủ trùm toàn bộ hay phủ trùm những khu vực mênh mông của Ấn Độ. Số lượng đáng kể là những vương quốc mà nhà vua xuất hiện trong những câu chuyện tiền thân, cụ thể là Madra, Pancala, Kosala, Videha, Kasi và Vidarbha. Những vương quốc ấy lại khớp với những vương quốc mà nền văn học Vệ-đà đề cập đến. Trong khi đó, một số những vương quốc khác như Kaliṅga và Assaka đã được đề cập sớm nhất bởi những Thiên trường ca (*Epics*) và trong những bài kinh *Pāṇini* thuộc nền văn học Bà-la-môn. Những cái tên đặc biệt như Andhra, Pāṇḍya và Kerala lại không thấy được đề cập đến.

Mặc dầu đọc trong *Jātaka*, chúng ta không thấy một trung tâm chính trị nhưng có những câu nói liên quan đến việc giáo huấn dành cho những thanh niên Bà-la-môn và những người cao quý. Việc giáo huấn này cho chúng ta thấy rằng có một trung tâm học thuật ở Takkasilā, thủ đô của xứ Gandhāra… Hơn nữa, hầu như chắc chắn rằng Gandhāra, quê quán của *Pāṇini*, là một trung tâm học thuật vững mạnh của Bà-la-môn giáo vào thế kỷ IV-V TTL, thậm chí là xa xưa hơn nữa. Những câu nói trong *Jātaka* có liên quan đến bối cảnh tôn giáo của Ấn Độ dẫn chiếu tới một thời kỳ xa xưa như vậy. Cũng giống như ba tập Vệ-đà là căn bản cho giáo dục cao cấp, hoạt động tâm linh thịnh hành thời bấy giờ là con đường của lễ nghi và tế tự. Hai dạng tế lễ nổi tiếng là Vājapeya và Rājasūrya đặc biệt được *Jātaka* nhắc đến nhiều lần. Song song với giáo dục và lễ nghi là những lễ hội dân gian ăn mừng thời khắc Nakshatra[52] được công bố. Tưng bừng rộn rã với những cuộc vui chơi đủ kiểu, những cuộc chè chén say sưa với rượu mạnh *surah*. Ở một mảng sinh hoạt khác, người có tín tâm thì đi lễ bái các vị thần, thần cây, thần núi… Đậm chất tâm linh siêu phóng là hình bóng của những vị ẩn sĩ, du sĩ rày đây mai đó. Tất cả đều thuộc về thời kỳ ban sơ với những nét đặc trưng cổ đại. Nền văn minh mà *Jātaka* phản ánh mang tính giai đoạn sơ kỳ về nhiều phương diện, đáng chú ý là độ phổ biến của kiến trúc gỗ. Chỉ dấu từ những bức phù điêu bằng đá cho biết rằng kiến trúc gỗ không còn thịnh hành và hầu như biến mất vào thế kỷ III TTL. Thế mà những hoàng cung trong các câu chuyện tiền thân khi được miêu tả chi tiết thường cho chúng ta biết đấy là những kiến trúc làm bằng gỗ. Như vậy là đủ để chúng ta thấy độ xa xưa của những câu chuyện."

Trong bài tựa của tập *Jātaka* cuối cùng, bản thân Giáo sư Fausböll cũng đã cho chúng ta thấy điều này. Ngoài ra còn có sự đồng thuận của những học giả hàng đầu khác nên chúng ta đủ cơ sở khoa học để xác lập độ cổ kính được phản ánh trong truyền thống *Jātaka*. Mặt khác, dựa trên những kệ ngôn trong *Jātaka*, chúng ta có thể lọc ra được những thông tin để làm sử liệu cho một giai đoạn hay một thời kỳ trong trường thiên lịch sử Ấn Độ. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng việc đưa vào và lưu giữ *Jātaka* trong *Chánh tạng* xứng đáng nhận một lời

[52] Một dạng thiên văn học của Ấn Độ cổ đại. Xem T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 203.

cảm ơn từ chuyên ngành lịch sử Ấn Độ. Truyền thống *Jātaka* đã bảo tồn thông tin về xã hội và chính trị theo ánh nhìn của những người thuộc thế hệ xa xưa hơn. Phần kệ tụng trong *Jātaka*, dĩ nhiên, có độ khả tín cao nhất, dụng ngữ của nó thuộc về thời kỳ xưa hơn vài ba thế kỷ về trước. Phần văn xuôi từ trước đến nay hẳn là phần đồng hành xuyên suốt với phần kệ tụng[53] và được các bức phù điêu minh họa như thể đó là chuyện đương nhiên. Chúng ta cần nhìn nhận giá trị của phần văn xuôi ấy một cách tương xứng.

8. Các giai kỳ biên tập *Jātaka*

Chúng ta đã ghi nhận một vài điều về niên đại sớm hay muộn của những câu chuyện *Jātaka* khi so sánh với nhau và thấy rằng có hai giai đoạn riêng biệt trong tiến trình hình thành truyền thống *Jātaka*. Toàn bộ những câu chuyện dài, có trường hợp dài như một quyển tiểu thuyết ngắn của thời hiện đại, đều được xếp vào trong tập VI của phiên bản Fausböll tiếng Pāli. Những câu chuyện dài này thuộc về giai đoạn phát triển hậu kỳ thể hiện trong phương diện dụng ngữ cũng như trong ánh nhìn của chúng về bối cảnh đời sống của Ấn Độ cổ đại. Tập VI có niên đại trễ hơn so với 5 tập đầu. Tuy có niên đại trễ hơn và trễ nhất so với tổng thể nhưng một số câu chuyện tiền thân cũng đã kịp có mặt trong những bức phù điêu của thế kỷ III TTL. Niên đại ấy là niên đại của cả hai phần, kệ tụng và văn xuôi, bởi vì những bức phù điêu cũng đã dẫn chiếu đến phần văn xuôi của câu chuyện.

Ở một giai đoạn xa xưa hơn trước đó, chúng ta có thể kết luận rằng một số câu chuyện khi được đưa vào Phật giáo[54] thì bản thân chúng lúc ấy vốn đã là câu chuyện xa xưa lắm rồi. Như đã nói ở trên, niên đại của một số trường hợp có thể truy ngược thời gian về giai đoạn tập *Jātaka* chưa có mặt. Số trường hợp ấy chiếm đến 60-70%, chúng còn ở trong hình dạng đơn thuần và chưa có phần kệ tụng đi kèm theo. Ngày nay trong tập *Jātaka* mà chúng ta hiện có, vẫn còn một số lượng đáng kể những câu chuyện đơn thuần như vậy. Dạng kệ tụng[55] mà chúng ta thấy xuất hiện trong những trường hợp này chỉ là phần kệ tụng của khung ngoại vi.[56] Một dạng kệ tụng nữa[57] xuất hiện trong những trường hợp khác thực chất chỉ là một đoạn hợp xướng hay một đoạn ca tụng được đặt vào miệng của một vị thiên. Từ những điều trên T. W. Rhys Davids đi đến kết luận rằng những câu chuyện ấy đã có sẵn trước và trong tình trạng đơn sơ đơn tuyến không có kệ tụng đi theo. Sau đó, những nhà phát triển *Jātaka* đưa chúng vào khung chuẩn của một *Jātaka* kiểu mẫu thông qua việc thêm vào phần kệ

[53] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 204.

[54] Dĩ nhiên là không thể nào trễ hơn thế kỷ III TTL.

[55] Cần ghi nhận rằng khung ngoại vi như đã nói chỉ là công cụ thiết yếu trong tay của những nhà phát triển truyền thống *Jātaka* dùng để trang hoàng cho một câu chuyện xưa rồi dựa theo đó mà đưa câu chuyện vào truyền thống Phật giáo.

[56] M. Senart đã đề cập điều này trong bài viết của ông đăng trên *Journal Asiatique* (France: Paris Publisher, 1902).

[57] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 205.

tụng. Vì vậy, những câu chuyện ấy không chỉ thuộc về thời kỳ tiền Phật giáo mà chúng còn là di sản văn hóa được kế thừa từ những thời kỳ rất xa xưa, có thể nói là quá khứ của quá khứ.

Mặt khác, chúng ta cũng thấy rằng chính phương thức có tính tập tục được sử dụng trong việc truyền tải những câu chuyện hay những thần tích từ thế hệ tiền hiền xuống thế hệ hậu bối cũng là phương thức của thời tiền Phật giáo. Phật giáo dựa trên phương thức ấy mà truyền thừa di sản *Jātaka*, đó là những mạch chuyện truyền miệng bằng thể loại văn xuôi, chỉ có phần hội thoại bằng thể loại văn vần hay kệ tụng. Nói cách khác, di sản tập chuyện *Jātaka* chỉ là một thí dụ nữa tuy mang tầm vóc lớn hơn của hình thái tiền trường ca (*pre-epic*) văn vần thuộc một nền văn học cổ đại. Trong nền văn học ấy, có rất nhiều mảnh di sản khác ngắn hơn được lưu giữ trong kinh văn thuộc giai kỳ sớm hơn trong *Chánh tạng*.[58]

9. Đúc kết của đại học giả Rhys Davids về *Jātaka*

T. W. Rhys Davids tóm tắt những điều ông nói về *Jātaka* trong 15 điều:

(1) Tập *Jātaka* trong Thánh điển chỉ thuần là kệ tụng được biên soạn trước thời Asoka ở Bắc Ấn tại Madhyadesa. Tập *Jātaka* này vẫn chưa xuất bản.

(2) Chắc chắn rằng tập *Jātaka* thuần kệ tụng ngay từ đầu đã được truyền thừa song song với tập *Chú giải*. Tập *Chú giải* ấy chủ yếu là gồm những câu chuyện truyền khẩu bằng văn xuôi. Sở dĩ như vậy là bởi vì nếu không có những câu chuyện đi kèm theo, người ta không thể hiểu được những câu kệ tụng.

(3) Một số những câu chuyện trên đã được những bức phù điêu của thế kỷ III TTL minh họa. Không những vậy, một trong những bức phù điêu ấy còn ghi lại phân nửa của một khổ kệ.

(4) Có những câu chuyện tiền thân nằm trong Thánh điển, chúng xa xưa hơn những câu chuyện tiền thân nằm trong tập *Jātaka*.

(5) Những câu chuyện tiền thân xưa nhất còn giữ được là những dụ ngôn, những ngụ ngôn, hay những thần tích; chúng thường không có khung ngoại vi và cũng không có kệ tụng.

(6) Tập *Jātaka* mà chúng ta đang có không phải là tập *Chánh tạng Jātaka* mà là tập *Chú giải Jātaka*; tập *Chú giải* này hẳn là đã được viết xuống vào thế kỷ V ở Tích Lan, tác giả khiếm danh.

(7) Tập *Chú giải* này gồm tất cả những khổ kệ tụng và những câu chuyện bằng văn xuôi với những khổ kệ tụng được đan xen vào. Mỗi một câu chuyện như vậy được thêm vào một khung ngoại vi gồm một đoạn giới thiệu (cho biết thời gian, địa điểm và nhân duyên đức Phật kể lại) và một đoạn nhận diện tiền thân (nhân vật trong các câu chuyện được nhận diện là đức Phật và những người đồng đại với Ngài trong kiếp trước).

[58] *Sđd*, tr. 206.

(8) Tập *Chú giải* này là một bản dịch sang tiếng Pāli từ một tập *Chú giải* truyền thừa ở Tích Lan. Bản gốc của tập *Chú giải* trong tiếng Sinhalese (Tích Lan) trừ những khổ kệ tiếng Pāli và đã bị thất lạc.

(9) Những câu chuyện trong tập *Chú giải* tiếng Pāli mà chúng ta đang có đã giữ trọn vẹn truyền thống *Jātaka* của thế kỷ III TTL. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp vẫn có những cải biến đã bị phát hiện.

(10) Khi gián tiếp đụng chạm đến tình hình chính trị xã hội, hầu hết những câu chuyện tiền thân ấy đều dẫn chiếu tới tình hình ở Bắc Ấn Độ thời Phật và trước thời Phật.

(11) Khi tập *Jātaka* gốc đang trong quá trình tiệm tiến định hình, hầu hết những câu chuyện được khai thác nguyên dạng từ kho tàng văn học dân gian Bắc Ấn Độ.

(12) Việc xác định niên đại tương đối của những câu chuyện thời ấy phần nào đã tiến triển. Những câu chuyện trong tập VI là những câu chuyện dài nhất và trễ nhất. Trong đó, một số câu chuyện đã được chọn ra để minh họa bằng những bức phù điêu của thế kỷ III TTL.

(13) Tất cả những câu chuyện tiền thân ấy đều có kèm theo kệ tụng. Trong một vài trường hợp, những khổ kệ tụng nằm trong khung ngoại vi mà không nằm trong bản thân câu chuyện. Những câu chuyện không có kệ tụng ấy có lẽ đã giữ lại hình dạng gốc [của nó] trong kho tàng chuyện dân gian Ấn Độ.

(14) Trong một số trường hợp, những khổ kệ tụng mặc dầu thuộc về câu chuyện lại chỉ là một dạng đồng ca, không tham gia vào làm một phần của mạch chuyện. Trong những trường hợp này, chúng ta có thể đi đến kết luận tương tự [như kết luận ở (13)].

(15) Tập *Jātaka* này là bộ sưu tập cổ xưa nhất, hoàn chỉnh nhất, đáng tin cậy nhất của kho tàng chuyện cổ tích dân gian mà chúng ta còn giữ được trong nền văn học thế giới.[59]

IV. GIAO THOA, TIẾP BIẾN VỚI CÁC NỀN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY

1. Ảnh hưởng của các nhà hoằng pháp Phật giáo đối với *Jātaka*

Trải qua dòng lịch sử của gần một ngàn năm khởi phát và truyền thừa, bổ sung và chuẩn hóa ngang qua nhiều địa tầng văn hóa, văn học truyền khẩu và văn chương bác học của những nền văn minh Đông Tây tạo cho *Jātaka* có diện mạo mà chúng ta thấy hôm nay, đa dạng về thể loại, phong phú đến kinh ngạc về nội dung. *Jātaka* chứa đựng nhiều nội dung đậm đà bản sắc Phật giáo, có khi nhạt hơn, thậm chí có khi thiếu hẳn. Câu hỏi đặt ra: Tại sao phong phú, đa dạng và có sắc thái Phật giáo ở những mức độ cao thấp không đều như vậy? Câu trả lời là Phật giáo truyền đến đâu sẽ dung hòa hay dung nhiếp những yếu

[59] *Sđd*, tr. 206-08.

tố văn hóa ở đó. Thần thánh của những địa phương xa lạ cũng được cải biên để trở thành các vị thần hộ pháp; những câu chuyện dân gian của các xứ sở xa xôi cũng được cải biên để trở thành những câu chuyện Phật giáo. Đó là điều không hề hiếm thấy trong nhãn quan của các học giả chuyên ngành đã từng nỗ lực soi rọi vào những lớp trầm tích văn hóa cổ xưa.

Những nhà hoằng pháp Phật giáo thường có nguồn gốc xuất thân từ nhiều môi trường văn hóa khác nhau, thậm chí từ những tôn giáo khác nhau, đông đảo nhất là những vị trước kia là Bà-la-môn, gia chủ. Trước khi xuất gia, những nhà hoằng pháp Phật giáo đã sống trong những khung cảnh khác nhau, hoạt động ở những giai tầng xã hội khác nhau, làm việc mưu sinh trong những đoàn thể, ngành nghề, chức nghiệp khác nhau. Trong phạm vi của mỗi cộng đồng như vậy lại riêng có những cụm câu chuyện mang phong vị riêng trong giới của mình. Sau khi gia nhập vào hàng ngũ Tăng-già, tham gia hoạt động hoằng pháp, những vị ấy vẫn còn mang theo trong lòng những câu chuyện, điển tích, những nét văn hóa và kể lại sau khi đã tẩm sắc thái Phật giáo vào những câu chuyện ấy, nổi trội nhất là hạnh bố thí. Nói cách khác, khi giảng thuyết, những vị ấy thường cố gắng tiếp tục vận dụng những câu chuyện đã từng biết để minh họa cho ý pháp, làm cho bài thuyết giảng thực tế hơn, sống động và sâu sắc hơn. Lâu dần, những câu chuyện ấy được chọn lọc, biên tập và đưa vào Thánh điển thông qua khung cửa của truyền thống *Jātaka*.

2. Dấu chỉ văn hóa Ấn Độ cổ đại trong *Jātaka*

Trong *Chuyện tiền thân* có những chỉ dấu văn hóa của Ấn Độ thời cổ đại, cụ thể là những câu chuyện ngụ ngôn như *Chuyện con mèo* (trong phiên bản *Jātaka* là con chó rừng) giả dạng tu hành để ăn đàn chuột, chuyện con sư tử và con trâu vốn là bạn bị con dã can làm cho chia lìa và giết hại lẫn nhau, chuyện con khỉ khôn ngoan hơn so với con cá sấu. Những câu chuyện này vốn đã nằm sẵn trong những tác phẩm như *Tantrākhyāyika*, *Pañcatantra*, v.v... thuộc nền văn chương Ấn Độ cổ đại. Nói đúng hơn, mô-típ của những câu chuyện này có mặt khắp thế giới phương Đông lẫn phương Tây, vì vậy nguồn gốc rất khó xác định.[60]

Sau đây là *Chuyện con mèo* (*Biḷārajātaka*, số §128), kể lại chuyện con chó rừng giả dạng tu hành chơn chánh để lừa ăn gần hết đàn chuột.

Đầu đàn là một con chuột thông minh sáng suốt với thân hình to lớn giống như heo con. Con chó rừng ma mãnh và kín đáo chọn một vị trí không quá xa tầm ngắm của đàn chuột rồi hàng ngày đứng trên một chân, mặt hướng về mặt trời và hứng gió, ngửi gió, hít gió vào. Con chuột đầu đàn nghĩ đây là bậc có giới hạnh nên tiếp cận và hỏi:

– Thưa Tôn giả, Tôn giả tên gì?

[60] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 122.

– Ta tên là Dhammika (Như Pháp).

– Sao Tôn giả không đứng trên bốn chân mà chỉ đứng một chân thôi?

– Nếu ta đứng bốn chân thì trái đất không thể chở nổi, do vậy, ta chỉ đứng một chân.

– Vì sao Tôn giả đứng lại há miệng?

– Ta không ăn gì khác, ta chỉ ăn gió mà thôi.

– Tại sao Tôn giả đứng hướng mặt về phía mặt trời?

– Ta đảnh lễ mặt trời.

Thốt ra những điều phi thường, siêu việt, con chó rừng lừa được con chuột đầu đàn và lựa thế ăn thịt từng con chuột trong đàn. Mỗi lần ăn xong, nó chùi miệng sạch sẽ rồi về đúng vị trí, đứng trên một chân và há miệng như cũ. Đàn chuột vơi dần, sinh nghi, con chuột đầu đàn chủ động đi tìm hiểu và biết rõ sự tình. Một trận đối đầu đầy kịch tính diễn ra, bộ mặt thật của con chó rừng, kẻ làm xấu đi hình ảnh ngọn cờ Chánh pháp bị phơi bày:

Ai yêu cờ Chánh pháp,
Dụng ý để lường gạt,
Giới cấm kẻ như vậy,
Bí mật làm điều ác,
Các loài sinh vật khác,
Được gọi thói con mèo.

Kết thúc có hậu. Con chó rừng gặt hái những gì mà nó đã gieo. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Thời ấy, con chó rừng là Tỷ-kheo lừa đảo, còn chuột chúa là Ta vậy.

3. Giao thoa với tác phẩm *Tantrākhyāyika* thuộc nền văn hóa Ấn Độ cổ đại và Hy Lạp[61]

Chuyện lời gièm pha (*Sandhibhedajātaka*, số §349) nói về tình bạn giữa một con sư tử và một con bò mộng sẽ vô cùng bền vững nếu không có con chó rừng xuất hiện. Thuở ấy, con chó rừng rơi vào tình trạng không có thức ăn nên muốn ăn thịt con sư tử và con bò mộng bằng cách gây bất hòa giữa hai bên. Nó tới hầu hạ hai con kia và nói những lời gièm pha. Hai con vật cãi vã và đấu nhau chí mạng. Chờ cho đến khi cả hai đều chết, con chó rừng thong thả ăn thịt cả hai. Nhà vua nói lên bài kệ:

... Xảo gian thủ thuật khéo bày,
Phân chia bằng hữu lâu ngày kết thân,
Thú kia hèn kém nhất trần,
Nhưng bò, sư tử phải thành mồi ngon...

Sau đó, nhà vua nhặt lấy bờm, da, móng, răng của sư tử rồi quay về kinh thành. Bậc Đạo sư chấm dứt bài thuyết giảng và nhận diện tiền thân: Bấy giờ, Ta là vị vua nọ.

[61] *Sđd.*

"Cáo mượn oai hùm" là một điển tích mà thời nào cũng có, trong thực tiễn và cũng hầu như không có biên giới giữa các nền văn hóa, tuy có nhiều phiên bản khác nhau. *Chuyện tấm da sư tử* (*Sīhacammajātaka*, số §189) nói về một con lừa khoác lên lưng bộ da sư tử và có lợi thế được ăn uống. Không may, một khi cất tiếng kêu, nó liền bị phát hiện, bị đuổi đánh gãy xương và tử vong.

Tiếng hí này không phải, | *Tiếng sư tử hay cọp,*
Cũng không phải tiếng beo, | *Con vật ti tiện này,*
Dù trùm da sư tử, | *Cũng chỉ hí tiếng lừa.*

Sau bài pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Lúc bấy giờ, con lừa là Kokālika (một người tự khen mình), người nông phu hiền trí (người đã nhận ra đấy là con lừa) là Ta vậy.

Phiên bản *Jātaka* thì đó là da con sư tử, ngoài ra còn có những phiên bản khác của phương Đông cũng như phương Tây. Cụ thể, trong *Tantrākhyāyika* đó là da con báo đen, trong *Pañcatantra* và *Hitopadeśa* đó là da con hổ. Điều thú vị, Aesop là một người sống ở Hy Lạp vào thế kỷ VII TTL, chuyên kể những câu chuyện ngụ ngôn và có một bộ chuyện ngụ ngôn cùng tên với ông vào thời Hy Lạp cổ đại. Tác phẩm *Ngụ ngôn của Aesop* ấy lại có chứa một phiên bản rất gần với phiên bản *Jātaka*: Con lừa khoác lên mình bộ da con sư tử.

Mô-típ "ba-chọn-một" gần như không có biên giới giữa các nền văn hóa. Nói rõ hơn: Trong ba người thân chỉ được chọn ra một người để cứu. Ở đây, câu trả lời khôn ngoan của người phụ nữ đã cứu mạng được cả ba. Tác phẩm *Rāmāyaṇa* thuộc văn hệ Bà-la-môn có điểm nhấn là một tục ngữ Ấn Độ: "Trên đời mọi thứ khác đều dễ có hơn so với một người anh em ruột." Ta có thể nhận diện khoảng giao thoa và tiếp biến văn hóa qua câu chuyện của Herodotus trong nền văn học Hy Lạp kể về người vợ của Intaphernes và câu chuyện của Sophocles về nàng Antigone.[62] Chia sẻ cùng một mô-típ ấy, *Chuyện người đàn bà thôn quê* (*Ucchaṅgajātaka*, số §67) nói về vua xứ Kosala đang chuẩn bị hành quyết ba người nông phu bị cáo buộc là đã cướp phá dân làng, bỗng có chuyện khác thường xảy ra: Một người phụ nữ chạy đến hoàng cung khóc kể thảm thiết xin một cái gì đó để che thân. Vua sai cho cô ấy một tấm áo, cô ấy không nhận tấm áo mà lại muốn một tấm chồng và nói rằng người chồng mới thực sự là vật che thân cho đàn bà; còn người đàn bà nào không có chồng, dù cho nàng ấy mặc áo quần đáng giá cả ngàn đồng tiền cũng chẳng khác gì mình trần thân trụi.

Chẳng khác dòng sông suối cạn khô,
Cũng vậy, mình trần thân lại trụi,
Vì không tùng, trúc cạnh đào tơ,
Nhìn xem quả thật nàng trơ trọi,
Dù có mười anh ruột một nhà.

[62] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 131.

Khi nàng nhận diện được ba người thân đang bị nhà vua bắt là người chồng, anh trai và con trai, nhà vua ban cho nàng một ân sủng là nàng được chọn để cứu một trong ba người kia. Thật hài hước, người mà nàng chọn để cứu không phải là tấm chồng như mới đây nàng khóc lóc thảm thiết một mực xin cho được, mà người nàng chọn lại chính là người anh trai. Đối thoại với nhà vua, nàng trình bày lý lẽ rằng hai người kia có thể thay thế, nhưng anh trai thì không bao giờ có nữa. Rồi nàng lại ngâm nga:

Tìm kiếm chồng con thật dễ dàng,
Tha hồ chọn, họ đứng đầy đường,
Song tìm đâu được người anh nữa,
Dù khổ đau cho đến đoạn trường?

Kết thúc có hậu. Nhà vua đẹp ý phán: Nàng ấy nói chí lý!

Vua ra lệnh giao ba người đàn ông kia cho nàng, nàng liền đưa cả ba người ra về. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Người đàn bà và ba người đàn ông ngày nay cũng là người đàn bà và ba người đàn ông ngày trước và Ta chính là vị vua ấy.

4. Sự sâu sắc của *Jātaka* và sự gặp gỡ các chuyện cổ tích Đông Tây

Hài hước, thâm trầm, u mặc trong câu chuyện dưới đây nằm ở chỗ thế giới của loài người được nhìn bằng đôi mắt của con khỉ. *Chuyện đáng chỉ trích* (*Garahitajātaka*, số §219) nói về một con khỉ chúa vốn là vua của một bầy khỉ hoang dã, bị bắt, bị giam lỏng và phải phục vụ nhiều chục năm trong hoàng cung. Một hôm nọ, nhà vua thả tự do cho nó. Nó quay lại rừng, cả đám khỉ bề tôi vây quanh khỉ chúa và hỏi thăm sự tình như thế nào trong thế giới loài người trong ngần ấy năm dài. Con khỉ chúa lắc đầu, xua tay, nó không muốn nói nhưng cuối cùng vì áp lực của bầy khỉ nên nó phải nói một vài việc mà loài người hay làm như sau: "Loài người dù là Sát-đế-ly hay Bà-la-môn đều hay nói: 'Đây là tài sản của tôi!' Họ không hiểu tính vô thường làm cho mọi vật biến hoại. Các bạn hãy nghe hành động của những kẻ mù lòa ngu si ấy!" Rồi nó nói lên bài kệ:

Vàng ròng là của tôi! Ngọc quý là của tôi!
Như vậy suốt ngày đêm, Chúng rêu rao lớn tiếng,
Những người ngu si ấy, Không nhìn đến Chánh pháp.
Trong nhà có hai chủ, Một chủ không có râu,
Vú dài, có tóc bện, Hai tai có đâm lỗ,
Được mua với nhiều tiền, Làm khổ đau mọi người.

Nghe đến đấy bọn khỉ hết hồn chạy tán loạn, vừa bịt tai vừa hét lên: "Chớ nói nữa, chớ nói nữa, chúng tôi vừa nghe điều không đáng nghe!"

Kết thúc có hậu, sau bài pháp thoại ấy, vị Tỷ-kheo đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư nhận diện tiền thân: Lúc bấy giờ, đàn khỉ là hội chúng của Như Lai, còn khỉ chúa là Ta vậy.

Câu chuyện trên cho thấy thấp thoáng chút u mặc của phong hóa Ấn Độ, phảng phất chút trầm tư của sắc thái Hy Lạp, quả thật việc xác định Đông hay Tây, Ấn hay Hy,[63] đâu là gốc của câu chuyện là một việc không dễ dàng chút nào. Tuy nhiên, văn hóa phương Đông trên đại thể vẫn là nền văn hóa chủ đạo của *Jātaka*.

Một chỉ dấu rõ nét khác của nền văn hóa Ấn Độ là một số nhân vật của nền văn hóa cổ kính ấy xuất hiện và tái xuất hiện trong nền văn học *Jātaka*. *Chuyện thiên nữ Alambusā* (*Alambusajātaka*, số §523) và *Chuyện Công chúa Niḷinikā* (*Niḷinikājātaka*, số §526) kể lại chuyện chàng thanh niên ẩn sĩ Isisiṅga thuần khiết thanh tân, từ nhỏ đến lớn chưa hề biết đến nữ nhân.[64] Lại có một nàng thiên nữ Alambusā xinh đẹp, tài năng và khôn khéo. Cả hai nhân vật đã có mặt trong thiên trường ca lịch sử *Mahābhārata* và *Purāna* thuộc thể loại kịch thơ của nền văn học Bà-la-môn cổ đại[65] tái xuất hiện trong hình thái kệ tụng và được lồng vào trong những câu chuyện tiền thân.

Isisiṅga là một cậu bé sanh ra từ một con nai trong rừng núi trùng điệp hoang vu. Isisiṅga được vị ẩn sĩ nuôi lớn và truyền dạy các pháp thiền định. Vì sanh ra và lớn lên giữa chốn núi rừng hoang vắng, chỉ lo công phu thiền định không có một ý niệm gì về người khác giới nên dù đã thành niên, ẩn sĩ Isisiṅga vẫn là biểu tượng cao nhất của sự trong sáng, tinh khôi và thanh khiết đúng nghĩa trong thế giới của những vị ẩn sĩ. Uy lực của sự trong sáng, tinh khôi và thanh khiết ấy[66] gây chấn động, đặc biệt sự chấn động đã vượt lên mấy tầng trời, làm rung chuyển và lay động ngai vàng của Vua trời Đế-thích. Cảm thấy bị thách thức, Đế-thích ra lệnh cho thiên nữ Alambusā xuống phá hoại công hạnh của chàng thanh niên.

... Vậy nàng quả thật đóa hoa khôi,
Hãy bước lên đường, tố nữ ơi,
Dùng lực thần kia là mỹ sắc,
Buộc hiền nhân nọ phục oai trời...

Thế là giai nhân tuyệt sắc Alambusā nhận nhiệm vụ phải tiếp cận và chinh phục thanh niên ẩn sĩ Isisiṅga. Alambusā được trang điểm lộng lẫy và tinh tế của một tuyệt thế giai nhân với sự yểm trợ của đoàn tùy tùng thiện nghệ, am tường và thuần thục trong nhiệm vụ này. Trong rừng núi trùng điệp hoang vu, từ buổi sáng tinh mơ vị ẩn sĩ già đã đi vào rừng thiêng hái thuốc. Isisiṅga còn

[63] *Jātaka* còn có mặt trong nền văn chương Ả-rập. Xem G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 10.

[64] Phần dẫn khởi câu chuyện cho chúng ta thấy mẹ của cậu là một con nai. Câu chuyện này có niên đại rất xa xưa, nó đã xuất hiện trên bức phù điêu ở di tích Bharhut. Một con nai cái sanh em bé và vị ẩn sĩ nhặt về nuôi. Niên đại của bức phù điêu này vào khoảng thế kỷ III TTL.

[65] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 142.

[66] Uy lực của người thật tu được Đế-thích tiết lộ để Vua Brahmadatta biết qua câu thoại trong *Chuyện Công chúa Niḷinikā* (số §526): "Trên vùng Tuyết sơn, này Đại vương, có một ẩn sĩ tên là Isisiṅga. Vị này hành trì khổ hạnh hết sức khắc nghiệt, khi trời sắp mưa, ông giận dữ nhìn lên trời khiến mưa ngưng lại..."

lại một mình thiền định giữa chốn thảo lư. Chuyện gì phải đến đã đến. Isisiṅga và Alambusā chạm mặt, nữ nhân đầu tiên mà ẩn sĩ Isisiṅga gặp được. Một trải nghiệm hoàn toàn mới mẻ và đầy sức mê hoặc đối với vị thanh niên ẩn sĩ xưa nay sống và tu luyện trong cảnh trí hoang sơ, với tất cả sự hồn nhiên, trong sáng, tinh khôi và thanh khiết. Những phút giây gay cấn bắt đầu, mỗi một tình tiết, mỗi một diễn tiến là mỗi một sự hồi hộp cho người nghe. Isisiṅga ngâm kệ hỏi thiên nữ kiều diễm Alambusā:

... Ai đó như tia chớp sáng ngời,
Rõ ràng như thể ánh sao mai,
Đôi tay đeo ngọc, hoa tai điểm,
Lấp lánh từ xa rực cả trời?
Như phấn chiên-đàn tỏa ngát hương,
Huy hoàng chẳng khác ánh triêu dương,
Yêu kiều vóc liễu thanh thanh dáng,
Tuyệt sắc cho ai ngắm ngắm nàng.
Dịu dàng, trong trắng với lưng thon,
Nhún nhảy nhịp nhàng, nhón gót son,
Yểu điệu thân nàng bao diễm lệ,
Làm ta say đắm cả tâm hồn...[67]
Trong muôn loài giữa cõi trần gian,
Ta chẳng thấy ai sánh kịp nàng,
Thân phụ là ai cùng quý tánh,
Ta mong nàng thổ lộ cho tường.

Trong lúc vị ẩn sĩ tán tụng nàng Alambusā từ bàn chân lên đến đỉnh đầu không sót đường tơ kẻ tóc nào, nàng vẫn giữ yên lặng. Và khi nghe chàng nói lời lẽ dài dòng như vậy, nàng nhận biết tâm trạng của chàng đã dao động đến mức nào rồi, bèn ngâm nga bài kệ:

... Sao chàng mãi hỏi chi vơ vẩn,
Chẳng phải đôi ta chỉ một mình?...

Mạch lạc của câu chuyện lúc êm đềm du dương, lúc kịch tính, lúc vỡ òa. Diễn tiến của câu chuyện đang tiết điệu nhịp nhàng bỗng chuyển biến rẽ hẳn sang hướng khác. Kết thúc của câu chuyện ý nhị và thâm trầm như thế nào chỉ có người đọc trực tiếp, nghe trực tiếp thiên trường ca này mới cảm được. Tuy nhiên, mẫu số chung vẫn là một kết thúc có hậu với phần nhận diện tiền thân: Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại dành cho vị Tỷ-kheo kia và cuối phần giảng giải các Thánh đế, vị Tỷ-kheo ấy đắc Sơ quả (Dự lưu). Lúc bấy giờ, Alambusā chính là người vợ trước kia, Isisiṅga là vị Tỷ-kheo có tâm bất mãn này và đại ẩn sĩ cha chàng chính là Ta. Câu chuyện Alambusā ở trên là một điển

[67] Những câu kệ kế tiếp vì sắc thái phồn thực cổ đại quá phô bày nên không trích dẫn ở đây.

hình cho việc chuyển thể những câu chuyện có sẵn trong nền văn hóa chủ lưu Bà-la-môn thời bấy giờ[68] thành câu chuyện Phật giáo và đưa vào Thánh tạng.

5. *Jātaka* mang chức năng như một diễn đàn

Có những *Jātaka* tạo điều kiện hay làm nền cho những cuộc hội luận về triết học trong *Upaniṣads* (*Áo nghĩa thư*), những cuộc hội luận về lịch sử trong sử thi *Mahābhārata*, một trong hai bộ sử thi bằng tiếng Sanskrit nổi tiếng nhất của nền văn học Bà-la-môn thời cổ đại. Nói cách khác những *Jātaka* này chỉ có chức năng đơn thuần và duy nhất là khung sườn cho một diễn đàn hội luận để các nhân vật xuất hiện trò chuyện, tranh luận và giảng thuyết. *Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa* (*Mahānāradakassapajātaka*, số §545)[69] kể lại chuyện Vua Aṃgati của xứ Videha triệu tập ba vị đại thần để tham vấn. Đại tướng quân Alāta chỉ vẽ một cuộc chiến dữ dội và hài hước. Đại thần Sunāma lại bảo rằng không cần thiết phải có một cuộc chiến, tốt hơn là nên thưởng thức những tiếng đàn hát du dương, ngắm nhìn những vũ điệu nghê thường và còn có bao nhiêu là lạc thú. Đại thần Vijaya lại gợi ý rằng nhà vua nên nghe những lời đạo lý từ một vị ẩn sĩ tinh thâm hay một vị Bà-la-môn nói lên. Với những điều mà Đại tướng quân gợi ý, nhà vua cùng triều thần đến gặp vị ẩn sĩ lõa thể Guṇa Kassapa. Guṇa Kassapa tuyên bố thẳng thừng về giáo lý duy vật: "Không có quả báo của hành vi thiện ác, không có đời sau, không có đời trước, không có sư trưởng, mọi người đều bình đẳng và giống nhau, không có người đáng được kính lễ cũng như không có kẻ phải kính lễ người khác, không có các đức tính dũng mãnh hoặc can trường trong đời này, số phận đã an bài từ trước, không có bố thí." Alāta tuyên bố rằng ông tín thọ những lời giáo huấn ấy và nói: "Ta nhớ lại những kiếp xa xưa khi ta là một đồ tể, một người thợ săn và đã giết rất nhiều sanh mạng, thế màkiếp này ta lại sanh vào một gia đình danh giá được kính trọng và hiện giờ đang là một vị đại tướng." Đồng thuận với Alāta, một người nô lệ tên Bījaka đang có mặt ở đó nói: "Trong một kiếp quá khứ tôi là một người tốt và rộng lượng, thế mà tôi lại tái sanh làm con trai của một kỹ nữ và giờ đây là một người nô lệ. Tôi đã thua canh bạc kiếp người, Alāta đã chiến thắng vì đã khôn khéo khi chơi canh bạc này."

Vua Aṃgati bị thuyết phục bởi những lời như vậy nên khởi sự một cuộc sống hưởng thụ mọi sự sung sướng, và tâm lúc nào cũng nghĩ đến lạc thú nên đã để vương quốc cho những người khác cai trị. Một nhân vật khác lại xuất hiện, đó là Rujā, cô con gái tốt bụng và thành tâm của nhà vua. Rujā tuyên dương Chánh pháp: "Người nào nghe theo kẻ xấu quấy, người đó trở thành xấu quấy. Giống như chiếc thuyền của một thương nhân chở quá nặng chìm xuống nước, cũng vậy một người chìm xuống địa ngục khi đã gánh vác một gánh

[68] Jan Knappert, *Indian Mythology* (London: Diamond Books, 1995), p. 209-10. Trong tác phẩm này, Jan Knappert đã trình bày một phiên bản thú vị khác của câu chuyện về Isisiṅga. Đây là một phiên bản mang phong vị thuần túy Ấn Độ cổ đại, không mang sắc thái Phật giáo.

[69] Bản CST số 545. Bản Tích Lan và PTS số 544.

quá nặng vì chất đầy tội lỗi. Rồi Sujā kể lại kiếp quá khứ là một người thanh niên trẻ tán tỉnh nhiều phụ nữ, sau đó tái sanh nhiều lần vào thế giới của người nam, của những loài thú và rơi vào địa ngục, chịu đựng hình phạt khốc liệt. Lúc ấy, từ trên cõi trời, vị thiên tên là Nārada hiện xuống, và như Rujā, tuyên thuyết Chánh pháp: "Có nghiệp và có thế giới khác." Tuy nhiên, nhà vua nói: "Nếu có thế giới khác, ngươi hãy đưa cho ta 500 thỏi vàng và ta sẽ trả lại cho ngươi 1000 thỏi vàng trong thế giới khác đó." Nārada trả lời: "Ta chắc chắn sẽ đưa cho ngài 500 thỏi vàng nhưng ai sẽ bảo đảm với ta rằng ngài sẽ hoàn trả lại cho ta khi ngài còn phải ở trong địa ngục? Ngay cả trong đời này, người ta chỉ cho người đáng tin cậy mượn tiền." Rồi Nārada miêu tả cặn kẽ cảnh địa ngục và những hình phạt trong đó, kết luận bằng một minh dụ rằng thân thể con người như một cỗ xe. Cuối cùng, Nārada cảm hóa được nhà vua quay về với Chánh pháp.

V. *JĀTAKA* TRONG PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA VÀ SỰ BẢN ĐỊA HÓA

1. Hình ảnh Bồ-tát trong *Jātaka* với Phật giáo Đại thừa

Mối liên quan giữa *Jātaka* và Phật giáo Đại thừa hay Phật giáo phát triển đã thu hút sự chú ý của những học giả như Bimala Churn Law và Ananda Salgadu Kulasuriya. Sự chú ý này phần nào có thể đã được khơi gợi từ ánh nhìn của Edward Bytes Cowell vào cuối thế kỷ XIX. Tập chuyện *Jātaka* do E. B. Cowell biên tập năm 1895 viết: "Bản thân *Jātaka* dĩ nhiên là có tác dụng gây phấn chấn vì đó là những biểu mẫu đặc biệt của nền văn học Phật giáo, nhưng điều gây phấn chấn hơn cả lại nằm ở mối liên quan rất riêng giữa *Jātaka* và văn hóa dân gian."[70] Phấn chấn ở đây có nghĩa là một dạng cảm xúc tôn giáo, một dạng năng lượng tích cực và hướng thượng cần được nuôi dưỡng hay huân tu thường xuyên.

Giáo lý dễ trình bày, dễ hiểu, dễ tín thọ và dễ phụng hành nhất chắc chắn không phải là giáo lý Tánh không (*Śūnyatā*) hay Trí tuệ Bát-nhã (*Prajñāpāramitā*) mà là giáo lý Nhân quả được triển khai từ nguyên lý Nghiệp (*Karma*), thông qua những hành vi đạo đức (*sīla*) cụ thể. Hành trạng của vị Bồ-tát (P. Bodhisatta, S. Bodhisatva) trong những kiếp sống xưa kia được xem là mẫu mực về đạo đức và trí tuệ. Trên cuộc hành trình dài nhiều A-tăng-kỳ kiếp, để đạt đến Phật quả, vị Bồ-tát sanh vào đời dù ở hoàn cảnh nào, vị thứ xã hội ra sao vẫn thể hiện được những phẩm chất như hy sinh, can đảm, tốt bụng, thông minh hay trí tuệ đã đạt đến độ siêu phàm.

Vị hành giả trong *Jātaka* không canh cánh trong lòng lý tưởng A-la-hán với mục tiêu cần đạt đến là cảnh giới Niết-bàn theo nghĩa truyền thống. Vị hành giả trong *Jātaka* hướng về lý tưởng Bồ-tát, cụ thể là cứu cái khổ mà vị ấy đang

[70] E. B. Cowell (ed.), *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1895), p. xxv.

tiếp xúc, cái khổ đang xảy ra trong thực tế cuộc sống của vạn loại sanh linh, nhà Phật gọi là chúng sanh. Thính chúng hay đối tượng của dạng Phật giáo Đại thừa hay dạng Phật giáo phát triển phần nào phản ánh qua hình ảnh của đối tượng mà vị Bồ-tát cứu độ trong câu chuyện tiền thân nên mặc nhiên đã hình thành mối dây cảm xúc tuy vô hình mà vững chắc.

Đức độ được thể hiện qua những hạnh lành của vị Bồ-tát đều đạt đến độ viên mãn nên còn được gọi là Ba-la-mật (*Pāramitā*); tuy nhiên, hạnh bố thí vẫn nổi bật nhất và dễ lay động lòng người nhất, đặc biệt đối với những người bình thường của mọi tầng lớp xã hội. Điều này góp phần giải thích lý do tại sao Phật giáo trong *Jātaka* không mặn mà với tiêu chí nguyên chất hay thuần khiết mà lại thiên về dạng Phật giáo phát triển theo thời đại và quốc độ với lý tưởng được thể hiện bằng tiêu ngữ: "Phục vụ chúng sanh là thiết thực cúng dường chư Phật." Hai câu chuyện tiêu biểu cho đỉnh cao của hạnh bố thí là *Chuyện Đại vương Sivi* (*Sivijātaka*, số §499) và *Chuyện Đại vương Vessantara* (*Vessantarajātaka*, số §547).

Thính chúng của Phật giáo dân gian là một tập thể bao gồm những nhóm người vô cùng đa dạng về bối cảnh xuất thân, về nền văn hóa được un đúc sẵn, về ngành nghề chức nghiệp và về địa vị xã hội. Tất cả đều là những biến số lớn và vô cùng phức hợp. Để đáp ứng được yêu cầu càng lúc càng cao của thính chúng, những nhà phát triển *Jātaka* đã tăng dần về số lượng và độ dài của những câu chuyện. Càng về sau những câu chuyện càng dài và số kệ tụng cũng theo đó mà gia tăng với những con số đáng kinh ngạc. *Chuyện Đại vương Vessantara* có đến 786 khổ kệ, nếu tính mỗi khổ kệ thông thường có 4 câu, chúng ta sẽ có 3.144 câu kệ.[71] Từ những câu chuyện của một vài kiếp chót trong kinh tạng truyền thống, tức 4 bộ *Nikāya* đầu tiên, ở thời điểm xuất phát, *Jātaka* đã tăng dần số lượng của kiếp sống quá khứ trong những thời kỳ sau đó cho đến khi số kiếp sống không còn đếm được, hay vô số kiếp liên quan đến tổng số những câu chuyện tiền thân, nghĩa là con số 547 hay 550 không phải là con số cuối cùng mà chỉ là con số tạm dừng vào thời điểm tập *Jātaka* được cơ cấu vào Thánh điển.

Không chỉ có nhu cầu tăng số lượng, tăng độ dài của những câu chuyện mà còn có nhu cầu tăng độ phong phú, đa dạng, đa sắc thái và đa biến hóa liên quan tới nhân thân của Bồ-tát. "Đức Cồ-đàm được gọi là Bồ-tát cho đến khi Ngài đạt được giác ngộ; không chỉ (là Bồ-tát) trong kiếp chót ở cõi trần mà còn trong vô số kiếp, những kiếp đó có khi là con người, có khi là con thú, có khi là vị thần,

[71] Như vậy số kệ của câu chuyện khoảng 96,6% so với *Truyện Kiều* (3.254 câu). Chúng tôi đếm được tổng số kệ của bản PTS là 6.514 khổ kệ. Bản Tích Lan do TT. Indacanda dịch sang Việt ngữ có 6.796 khổ kệ. Ấn bản *Buddha Jayanti Tripiṭaka* cũng tại Tích Lan có tới 6.905 khổ kệ. Bản CST có 6.644 khổ kệ. Tính trung bình mỗi bài kệ chỉ 4 câu thì theo bản nào cũng đều dài hơn gấp 8 lần *Truyện Kiều*. Nếu tính chi tiết hết các bài kệ có 6 câu, 8 câu hoặc 12 câu và các bài kệ đan xen của các tuyến nhân vật trong khi đối đáp mà không được đánh số, có lẽ độ dài của nó có thể phải hơn gấp 9 lần *Truyện Kiều*.

vị Bồ-tát đều đã trải qua trước khi Ngài được tái sanh lần cuối vào hoàng cung dòng họ Thích-ca."[72] Ananda Salgadu Kulasuriya đã liệt kê những dạng nhân vật mà Bồ-tát tái sanh vào: Vua chúa, hoàng tử, quan đại thần, thương nhân, gia chủ, nông dân, người phiêu lưu hồ hải và vị khất sĩ du phương; các loài chim, các loài thú và các dạng thần rừng, quỷ, thần, hồn ma sống trên cây và dưới hồ nước, hiện thân của chân lý và trí tuệ của các thời đại.[73]

2. *Jātaka* với Phật giáo quần chúng

Phật giáo dân gian không ưa chuộng các kiểu lập luận, học thuyết này hay triết thuyết kia, không ưa chuộng các mạch suy tư về giáo lý khúc chiết cao siêu. Trái lại, Phật giáo dân gian ưa chuộng hình ảnh thực tế, cách diễn bày trực tiếp để tạo nên cảm xúc thánh thiện và thiêng liêng. Đó chính là chỗ đắc địa của nghệ thuật tạo hình. Truyền thống *Jātaka* đã cung cấp cho nghệ thuật tạo hình các đề tài đa dạng khác nhau, các hình tượng nhân vật phong phú từ muôn thú đến cỏ cây và đủ loại cốt truyện để các nghệ nhân thỏa sức miêu tả và biểu đạt. Mục tiêu là giúp con người có thể rời khỏi những thứ bình phàm thường nhật, hướng tâm hồn đến cảnh giới thiện lương siêu vượt. Tác động ngược lại, nghệ thuật đã làm cho những câu chuyện tiền thân có hình dáng và đường nét, màu sắc và phong thái, ắt hẳn là sống động hơn để khách hữu duyên vừa thưởng lãm cái đẹp của nghệ thuật vừa thấm dần những bài học đạo lý. Nói gọn, *Jātaka* dưới hình thái những câu chuyện được ghi nhớ và kể lại vốn là công cụ chuyển tải đạo Phật một cách hữu hiệu; giờ đây *Jātaka* lại được nghệ thuật tạo hình chắp cánh nên càng trở nên trực quan và hữu hiệu hơn.

Các ngành nghệ thuật như phù điêu, bích họa, tạo tượng... cho chúng ta thấy chỉ dấu của việc bản địa hóa ngay trong giai đoạn xuất phát của dòng lịch sử phát triển của *Jātaka*. Nhiều *Jātaka* vốn là những câu chuyện nằm sẵn nhiều đời trong kho tàng văn học của những nền văn minh lớn, cụ thể là nền văn minh Ấn Độ. Phật giáo đã kế thừa, tiếp biến và khai thác từ kho tàng chung ấy như chúng ta đã biết khi nói về những khoảng giao thoa nơi mà đạo lý Phật giáo vốn là đạo lý Ấn Độ, câu chuyện Phật giáo vốn là câu chuyện Ấn Độ.

Về phương diện minh triết, Phật giáo đã nâng đạo lý trong những câu chuyện ấy lên tầm cao mới, đạt đến độ viên mãn và vì vậy mà trở thành giáo lý đặc trưng của nhà Phật. Về phương diện câu chuyện, ngay từ khâu chọn lựa, Phật giáo đã có những tiêu chí nhất định. Kho tàng chung ấy chứa đầy những yếu tố mê tín, ma quái và thần quyền, như đã nói, khi Phật giáo chọn lựa để thừa tiếp, những yếu tố ấy bị Phật giáo loại bỏ. Sau khi chọn lựa, những nhà phát triển *Jātaka* cũng ra sức gia công để nâng cấp câu chuyện về cả hình thức văn chương lẫn nội dung tư tưởng. T. W. Rhys Davids trong tác phẩm *Buddhist*

---

[72] Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 109.
[73] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 19.

India xuất bản lần đầu năm 1903[74] đã trình bày mở rộng những điều mà ông đã nói năm 1878:[75]

"Tập *Jātaka* mà chúng ta đang có chỉ là một phần của những gì được lưu giữ. Tập sách này không chứa tất cả câu chuyện tiền thân đã từng lưu hành trong cộng đồng Phật giáo thời kỳ đầu của nền văn học *Jātaka*. Chắc chắn là như thế. Nhưng tôi (T. W. Rhys Davids) mạo muội đi xa hơn một chút và gợi lên rằng nhân vật trong 10 câu chuyện *Jātaka* đầu tiên này, trong hình dạng của phiên bản tiền *Jātaka*, cho phép chúng ta truy ngược dòng lịch sử đến chỗ vượt ngoài phạm vi của toàn bộ nền văn học Phật giáo. Không có nhân vật nào mang đặc nét Phật giáo. Có lẽ, tất cả đều được cải biến ít nhiều cho phù hợp với đạo đức Phật giáo. Hầu hết những câu chuyện khác đều như vậy, ngay cả câu chuyện Vua Đại Thiện Kiến, mạch lạc chính cũng đơn giản là một thần tích nói về việc thờ phụng mặt trời. Những mạch chuyện còn lại thuộc về chuyện dân gian tiền Phật giáo. Không có gì đặc nét Phật giáo ngay cả đạo lý mà những câu chuyện này truyền đạt. Như vậy, khi nói về chất Phật liên quan tới những câu chuyện ấy, trong hình dạng xa xưa nhất của chúng, chỉ nói về cách chọn lựa được thực hiện. Nhiều lắm những câu chuyện dân gian khác dĩ nhiên là đầy ắp sắc thái mê tín, sắc thái không được Phật giáo chọn lựa. Đạo lý dĩ nhiên thuộc dạng rất giản dị. Đó là sữa cho các em bé. Câu chuyện này rõ ràng có gốc là thần tích Vua Đại Thiện Kiến. Trong hình dạng *Jātaka* sau này, câu chuyện có trọng tâm là tính chất vô thường của tất cả các pháp thế gian, là bài học cổ xưa về tính phù phiếm của thế giới. Trong hình dạng xa xưa hơn, dạng (nằm trong) Thánh điển, câu chuyện còn có trọng tâm là những thiền chứng (*jhāna*), có lẽ thuộc thời tiền Phật giáo và các Phạm trú (*Brahma vihāra*), chắc chắn là đặc nét Phật giáo (mặc dù ý niệm tương tự cũng có mặt trong *Yoga Sūtra* thời kỳ sau). Đây là những nội dung sâu xa và khó nắm bắt hơn nhiều."[76]

3. *Jātaka* với nghệ thuật tạo hình

Những câu chuyện tiền thân ấy đi vào thế giới của nghệ thuật tạo hình, chúng ta lại thấy chỉ dấu của việc bản địa hóa. Việc chọn nội dung cho những bức phù điêu không chỉ là chỉ dấu của việc bản địa hóa mà còn là chỉ dấu của tâm thái cận nhân tình trong mối tương tác giữa Phật giáo với người dân khi thực hiện những công trình tín ngưỡng. Tất cả đều có chủ hướng là phục vụ cho mục tiêu truyền bá Chánh pháp, đem lại an vui hạnh phúc cho số đông sanh loại, hữu hình và vô hình.

Xa xưa nhất còn ghi nhận được là những bức phù điêu ở di tích Bharhut và Sanchi thuộc Ấn Độ cổ đại. Những ngôi tháp cổ được bao bọc bởi rào chắn làm bằng đá nguyên khối lớn và kiên cố với nhiều bức phù điêu miêu tả những

[74] In lại tại Ấn Độ năm 1997.

[75] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 189.

[76] *Sđd.* tr. 196-97.

phân cảnh trên đó có tựa đề của những câu chuyện tiền thân được viết bằng tự dạng của thế kỷ III TTL. Những phù điêu khác không có tựa đề nhưng những dòng chữ có cùng tự dạng. Có 27 phù điêu được nhận diện là những phân cảnh minh họa cho tập chuyện *Jātaka* đang hiện hành thời ấy và 23 phù điêu chưa nhận diện được, trong đó chắc chắn có những phù điêu minh họa cho những câu chuyện tiền thân được lưu hành trong dân chúng thuộc địa bàn nhưng không được đưa vào Thánh tạng.[77]

4. *Jātaka* trong các bức phù điêu tại di tích Bharhut và các nơi khác

Năm 1903, T. W. Rhys Davids đã liệt kê đề tựa của 28 phù điêu ở di tích Bharhut được khắc nổi và tên của *Jātaka* tương ứng trong tập *Jātaka* Pāli. Chúng ta cũng biết thêm rằng trước đó vào năm 1897 một bảng liệt kê tương tự cũng đã được công bố.[78]

Thông tin chi tiết về 28 bức phù điêu gồm (1) Số hiệu của phù điêu theo nhà khảo cổ học Cunningham, (2) tựa đề được khắc trên phù điêu, (3) số *Jātaka* theo phiên bản Fausböll, (4) tên câu chuyện theo PTS. Khi (5) tựa *Jātaka* bằng tiếng Việt tương ứng được đưa vào, chúng ta có bản liệt kê như dưới đây:

<u>Bảng 02</u>

Stt	Số hiệu			Tựa trên phù điêu	Số hiệu	Tựa theo PTS	Tựa tiếng Việt
1	XVIII			*Vitura Punakiya Jātaka*	545	*Vidhura Paṇḍita Jātaka*	*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*
2	XXV	Fig.	1	*Miga Jātaka*	12	*Nigrodhamiga Jātaka*	*Chuyện con nai Nigrodha*
3	“	“	2	*Nāga Jātaka*	267	*Kakkaṭa Jātaka*	*Chuyện con cua*
4	“	“	3	*Yavamajhakiya Jātaka*	546	*Episode in Mahāummagga Jātaka*	*Câu chuyện đàn bò* trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*
5	“	“	4	*Mugapakaya Jātaka*	538	*Mūgapakkha Jātaka*	*Chuyện Vương tử què câm*
6	XXVI	“	5	*Latuvā Jātaka*	357	*Laṭukikā Jātaka*	*Chuyện chim cút*
7	“	“	6	*Chadanatiya Jātaka*	514	*Chaddanta Jātaka*	*Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta*

[77] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 279.
[78] T. W. Rhys Davids, *Buddhist India* (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd., 1903), p. 209.

8	"	"	7	*Isisingiya Jātaka*	523	*Alambusa Jātaka*	*Chuyện thiên nữ Alambusā*
9	"	"	8	*Yaṃ bamaṇo avayesi Jātaka*	62	*Aṇḍabhūta Jātaka*	*Chuyện cô gái trên lầu bảy tầng*
10	XXVII	"	9		206	*Kuruṅgamiga Jātaka*	*Chuyện con nai núi*
11	"	"	10		349	*Sandhibheda Jātaka*	*Chuyện lời gièm pha*
12	"	"	11	*Hanasa Jātaka*	32	*Nacca Jātaka*	*Chuyện múa ca*
13	"	"	12	*Kinara Jātaka*	485	*Candakinnara Jātaka*	*Chuyện đôi ca thần Canda*
14	"	"	13		181	*Asadisa Jātaka*	*Chuyện Hoàng tử Asadisa*
15	"	"	14		461	*Dasaratha Jātaka*	*Chuyện Đại vương Dasaratha*
16	XXXIII	"	15		407	*Mahākapi Jātaka*	*Chuyện đại hầu vương*
17	XLI	"	1.3		324	*Cammasāṭaka Jātaka*	*Chuyện thầy tu mặc áo da*
18	XLIII	"	2.8	*Isimigo Jātaka*	372	*Migapotaka Jātaka*	*Chuyện chú nai con*
19	XLIV	"	2	*Janako Rājā Sivali devī*	539	*Mahājanaka Jātaka*	*Chuyện Đại vương Mahājanaka*
20	XLV	"	5		46&268	*Ārāmadūsaka Jātaka*	*Chuyện kẻ làm hại vườn*
21	"	"	7		42	*Kapota Jātaka*	*Chuyện chim bồ câu*
22	XLVI	"	2	*Uda Jātaka*	400	*Dabbhapuppha Jātaka*	*Chuyện Dabbhapuppha*
23	"	"	8	*Secha Jātaka*	174	*Dūbhiyamakkaṭa Jātaka*	*Chuyện con vượn lừa dối*
24	XLVII	"	3	*Sujato Gahuto Jātaka*	352	*Sujāta Jātaka*	*Chuyện chàng Sujāta*
25	"	"	5	*Biḍala Jātaka Kukuta Jātaka*	383	*Kukkuṭa Jātaka*	*Chuyện kê vương*

26	XLVIII	“	2	*Maghādeviya Jātaka*	9	*Makhādeva Jātaka*	*Chuyện Vua Makhādeva*
27	“	“	7	*Bhisa Haraniya Jātaka*	488	*Bhisa Jātaka*	*Chuyện củ sen*
28	L	“			547	*Vessantara Jātaka*	*Chuyện Đại vương Vessantara*

Đất nước Ấn Độ vừa là nơi phát tích vừa là một cường quốc *Jātaka* khi đã đưa truyền thống *Jātaka* đến khắp nơi trong nước với những trọng điểm như Bharhut đã nói ở trên, như Sanchi, Gayā, Amaravatī, Ajanta, Ellora; sau đó lan tỏa ra thế giới như trường hợp Borobudur ở Java (Indonesia), Pagan (Miến Điện) và Sukhodaya (Thái Lan). Trong *Bách khoa Toàn thư Tôn giáo và Đạo đức*, tập VII,[79] có đoạn:

"Quả vậy, những câu chuyện tiền thân đã cung cấp nhiều đề tài cho điêu khắc và hội họa xuyên suốt mọi thế kỷ, xuyên qua mọi đất nước Phật giáo. Sự thật ấy cho chúng ta thấy độ biến mãn của *Jātaka* tại Ấn Độ như ở Bharhut, Sanchi và Bodhgaya vào thế kỷ III-II TTL, ở Amaravatī vào thế kỷ II TTL, sau đó là ở Ajanta. Hàng trăm phù điêu với các phân cảnh của *Jātaka* được sử dụng để trang hoàng cho những ngôi đền thờ nổi tiếng hầu hết đều dựa trên những thần tích trong bộ chuyện *Lalitavistara Sūtra* (*Phổ Diệu kinh*, 普曜經)[80] như Borobudur xứ Java vào thế kỷ IX, các ngôi chùa xứ Pagan, đất nước Miến Điện vào thế kỷ XIII và xứ Sukhodaya ở đất nước Thái Lan vào thế kỷ XIV."

5. Ảnh hưởng của *Jātaka* từ Trung Á đến các nước lân cận

Nhìn bao quát hơn nữa, chúng ta thấy từ đất nước Ấn Độ, truyền thống *Jātaka* đã lan tỏa đến những khu vực địa lý rộng lớn từ Trung Á đến Đông Nam Á, từ Tây Âu đến Viễn Đông.[81] Trong đó những nước góp phần đáng kể vào việc bảo tồn, truyền bá và ghi dấu ấn riêng vào truyền thống *Jātaka* là Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, và những nước, khu vực khác như Lào, Campuchia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam.

Từ Trung Á đến Đông Nam Á, từ Tây Âu đến Viễn Đông ngày xưa, những nơi mà *Jātaka* đã ảnh hưởng đến, có nơi đã ảnh hưởng đến độ thấm đẫm trong lòng người dân thời ấy. Hình ảnh thường thấy là một đám đông dân chúng ngồi xung quanh một nhà Sư đang kể chuyện, câu chuyện thu hút tâm trí của họ khiến cho lòng họ đắm chìm vào thế giới linh thánh xa xưa, khi đức Phật còn là vị Bồ-tát. Những câu chuyện ấy được kể trong những đêm trăng rằm, những ngày Bố-tát và những lễ hội lớn... Nhiều người rướm lệ khi ngồi quanh

[79] James Hastings (ed.), *Encyclopedia of Religion and Ethics*, vol. VII (New York: Charles Scribner's Sons, 1915).

[80] Một tác phẩm kinh điển bằng tiếng Sanskrit được cho là thuộc Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Sarvāstivāda).

[81] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 22.

đống lửa bập bùng thâu đêm nghe câu chuyện hy sinh lay động lòng người của vị Bồ-tát. Đối với tâm hồn chất phác của những người dân sẵn tánh thiện lương, *Chuyện Tiền thân* không phải là một thể loại văn chương hay một câu chuyện bình phàm mà là những gì vừa hiện thực vừa thánh thiện đang xảy ra ngay trong thế gian này. Tuy việc hấp thụ có nhiều mức độ khác nhau nhưng khi ở mức độ như vậy, những câu chuyện tiền thân có khả năng tác động vào tâm hồn, thấm vào tận căn cốt của mỗi người.[82]

6. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Miến Điện

Ở Miến Điện, vô cùng phổ biến từ thế kỷ IV-XIII là một phiên bản hiện đại của *Nāradajātaka*. *Nāradajātaka* được đồng nhất với câu chuyện *Bậc Đại trí Nārada Kassapa*, số §545. Mặc dầu, câu chuyện thu hút sự chú ý của những học giả ngang qua nghệ thuật điêu khắc và kiến trúc, nhưng cần ghi nhận rằng câu chuyện tiền thân này còn được các bia ký đương thời dẫn chiếu tới. Ngoài ra, về mặt văn học phải kể tới một bộ chuyện tiền thân có tên là *Paññāsajātaka* (*Năm mươi Chuyện Tiền thân*) phổ biến rộng rãi ở Miến Điện được xem là hoa trái của quá trình địa phương hóa.[83] Lịch sử Phật giáo Miến Điện cho chúng ta biết rằng khoảng thời gian 1054-58, Vua Anuruddha (Miến Điện) chiếm được Thaton, thủ đô của người Mon, đã giải vua người Mon là Makuta về Pagan, cùng mang về các phiên bản Tam tạng Thánh điển, nhiều nhà Sư và nghệ nhân. Bản tường thuật xưa nhất của người Mon về tập *Jātaka* lớn được đề cập trên bia ký *Makuta's Pandit* được tìm thấy ở chùa Schwezagon, Thaton.[84]

Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể liên quan đến *Jātaka* ở Miến Điện bao gồm hầu hết những hình thái nghệ thuật biểu đạt cổ đại gồm có bia đá, kiến trúc, điêu khắc, tượng đất nung, bích họa. Nổi bật có khi là những pho tượng đất nung, có khi là những bức bích họa về toàn bộ 560 *Jātaka*. Ví dụ, *"Chuyện không lỗi lầm"* (*Apannakajātaka,* số §1) và *"Chuyện bậc Hiền trí Mātaṅga"* (*Mātaṅgajātaka*, số §497) ở chùa Ānanda, xứ Kyanzittha; *Mātaṅgajātaka* (số §497) ở chùa Đông Tây Petika; *"Chuyện lộc vương Rohanta* (*Rohantamigajātaka,* số §501) ở chùa Gubyaukgyi xứ Myinpagan*; "Chuyện vấn đáp của vị thiên"* (*Devatāpañhajātaka,* số §350) ở chùa Abeyadanā*; "Chuyện Trưởng lão Samiddhi"* (*Samiddhijātaka,* số §167), *"Chuyện con vẹt Rādha"* (*Rādhajātaka*, số §198) ở chùa Pyatsa Shwe và *"Chuyện lộc vương Rohanta"* (*Rohantamigajātaka*, số §501) ở chùa Mingalazedi. Tập *Jātaka* này không những được biểu đạt bằng nghệ thuật điêu khắc hay bích họa mà còn kèm theo những đoạn kinh văn, cụ thể như *Samiddhijātaka* dẫn chiếu tới câu chuyện vị Thánh giả là một ẩn sĩ; trong *Rādhajātaka* - Ngài là một loài két, và trong *Rohantamigajātaka* - vị Phật tương lai là một con nai vàng.[85]

---

[82] *Sđd.* tr. 20.
[83] *Sđd.* tr. 12.
[84] *Sđd.* tr. 20.
[85] *Sđd.* tr. 20.

7. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Tích Lan

Khi Ấn Độ là vùng đất phát tích để tập *Jātaka* dần dần hình thành và đạt đến chuẩn mực Thánh điển thì Tích Lan là vùng đất phong nhiêu kế thừa, góp phần cho truyền thống *Jātaka* được giữ gìn và phát huy cao nhất. Về phương diện văn học, như đã được trình bày, toàn bộ tập *Jātaka* trong Thánh điển Phật giáo hiện nay vốn là tập kinh tiếng Pāli được truyền sang đất nước Tích Lan, rồi được dịch toàn bộ sang tiếng bản địa Sinhalese trừ phần kệ tụng; sau đó, lại được dịch ngược trở lại tiếng Pāli và trở thành tập *Jātaka* mà chúng ta đang có. Vì vậy, phần kệ tụng trước và sau khi dịch, lần một và lần hai, đều không thay đổi nhưng phần văn xuôi có khác. Khả năng xảy ra gần như đương nhiên vì trong quá trình của hai lần dịch như vậy hẳn là đã có nhiều cải biến, thêm thắt, thậm chí là biên tập lại toàn bộ.

Về phương diện quảng bá, cũng như các nước Nam Á và Đông Nam Á khác, dưới ảnh hưởng sâu đậm của lý tưởng Bồ-tát, người ta thường thấy những câu chuyện tiền thân tại các ngôi chùa ở Tích Lan được biểu đạt bằng hình thức này hay hình thức khác. Không những ở các đô thị lớn, những cộng đồng dân cư tập trung đông đảo mà ngay cả ở những vùng nông thôn, làng mạc vẫn có những nhà Sư đứng ra chủ trương, dẫn dắt và tạo cảm hứng để các họa sĩ, nghệ nhân địa phương biểu đạt hình tượng những vị Bồ-tát từ truyền thống *Jātaka*, cũng có trường hợp các Tăng sĩ tự tay thực hiện.[86] Những điều trên làm cho chúng ta không cảm thấy ngạc nhiên khi biết rằng Pháp Hiển, một trong những nhà chiêm bái vượt qua cung đường ngàn dặm từ Trung Hoa đến Tích Lan vào năm 400 đã mục kích tại chùa Abhayagiri (Vô Úy Sơn),[87] ngôi chùa thờ Xá-lợi răng Phật, 500 thân tướng mà vị Bồ-tát từng tái sanh trong tiền kiếp. Pháp Hiển ấn tượng nhất là vị Bồ-tát trong thân tướng một tia chớp, một con voi chúa và một con nai.[88] Số lượng lớn những bản thảo *Jātaka* nằm rải rác nơi này nơi kia khắp đất nước Tích Lan là một chỉ dấu cho thấy độ phổ biến của truyền thống *Jātaka*. Ngày nay, những chùa chiền, tự viện ra công biên chép và in ấn *Jātaka* cũng như kinh điển nói chung, đã góp phần đáng kể vào việc nâng cao thói quen đọc sách của người dân.[89]

8. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Thái Lan

Có một khoảng cách địa lý nhất định đối với đất nước Ấn Độ so với Tích Lan và Miến Điện, cho nên việc Thái Lan phát triển *Jātaka* dưới hình thức phù

---

[86] Ngài Devaragampola Silvatanna nổi tiếng với những bức tranh vẽ tại tinh xá Malvatu và tinh xá Degaldoruwa ở Kandy (Tích Lan).

[87] 500 thân tướng của vị Bồ-tát có mặt trong đám rước Xá-lợi răng Phật đến tinh xá Abhayagiri vào thế kỷ V. Xem Oskar von Hinüber, *A Handbook of Pali Literature* (New Delhi: Munshiram Manoharlal Publishers Pvt. Ltd, 1996), p. 57.

[88] E. B. Cowell (ed.) *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (New Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Pvt. Ltd. 1895), tr. xxii.

[89] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 21.

điêu trễ hơn. Tuy nhiên, truyền thống *Jātaka* Thái Lan vẫn có độ phong phú đáng kể từ thế kỷ XIV. Hàng trăm bức phù điêu biểu đạt những phân cảnh của các câu chuyện tiền thân được dùng để trang trí cho những ngôi chùa nổi tiếng ở nhiều nơi,[90] nổi trội là xứ Sukhodaya vào thế kỷ XIV.[91] Hầu hết nội dung của những bức phù điêu ấy đều dựa vào *Lalitavistara Sūtra*, một tác phẩm thiêng liêng bậc nhất viết bằng ngôn ngữ Sanskrit thuộc hệ kinh điển Phương quảng của Phật giáo Phát triển.[92] Sau khi Thánh điển Phật giáo đã hoàn thành, chúng ta biết rằng văn học *Jātaka* vẫn tiếp tục phát triển với những tập *Jātaka* thời hậu Thánh điển, cụ thể như bộ *Paññāsajātaka* mà cả ba nước Thái Lan, Lào và Campuchia cùng nhau chia sẻ, trong đó đáng chú ý là *Sudhanajātaka* (số 2).[93] Câu chuyện này được học giả Louis Finot nhắc đến trong bài viết "Recherches sur la Littérature Laotienne" (*Nghiên cứu Văn học Lào*) do Viện Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội xuất bản năm 1917.

Ở Đông Nam Á, trong tác phẩm *La Version Mône du Nārada Jātaka* (*Bản dịch tiếng Mône của Bổn sanh Nārada*), xuất bản ở Saigon năm 1954, Pierre Dupont đã đề cập đến một phiên bản mới của *Nāradajātaka* (phiên bản Pāli cổ điển là *Mahānāradakassapajātaka*, số §545), một trong 10 câu chuyện làm nên *Mahānipātajātaka*. Đó là những câu chuyện rất phổ biến ở Miến Điện từ thế kỷ IV-XIII và được chuyển tải thông qua nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc; chúng còn được những bia ký thời đại ấy đề cập đến. Cần ghi nhận rằng Pagan, kinh đô của Miến Điện từ thế kỷ XI-XIII là nơi mà hầu hết dấu vết của Phật giáo Mon được tìm thấy, cụ thể là những bia ký bên cạnh các di tích kiến trúc và điêu khắc, tượng đất nung và bích họa.

9. Ảnh hưởng *Jātaka* tại Lào

Trong nền văn học Pāli ở Lào lại có thêm một tập *Jātaka* bản địa được xem là hoa trái của quá trình giao thoa tiếp biến thậm chí là hòa vào nhau giữa văn hóa Phật giáo và văn hóa dân gian Đông Nam Á.[94] Sự thật, đa phần những câu chuyện trong tập *Jātaka* ấy hầu như đều do chế tác mà có nên độ chính thống tông truyền rất hạn chế khi so với tập *Jātaka* trong Thánh tạng. Tuy nhiên, điều ấy không làm giảm sút giá trị của nhận thức rằng những câu chuyện ấy đã là thành tố quan trọng của nền văn học dân gian và có vai trò vô cùng mật thiết trong việc định hình phong thái sống cho người dân cũng như xây dựng một thế giới quan, vũ trụ quan cho những cộng đồng dân cư nơi mà tập *Jātaka* ấy lưu hành.[95]

---

[90] Xứ Java (Indonesia) vào thế kỷ IX, xứ Pagan (Miến Điện) vào thế kỷ XIII.

[91] Bimala Churn Law, *A History of Pali Literature* (Varanasi: Indica Books, 1933), p. 279.

[92] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 278.

[93] Đó là dị bản của "*Chuyện đôi ca thần Canda*" (*Candakinnarījātaka*, số §485).

[94] H. Saddhatissa đã trình bày trong bài viết: *Pali Literature from Laos* (*Nền văn học Pali từ đất nước Lào*)" đăng trong tuyển tập *Studies in Pali and Buddhism* (*Nghiên cứu Pāli và Phật giáo*), A Memorial Volumn in Honor of Bhikkhu Jagdish Kashyap, ed. by A. X. Narain (New Delhi: B. R. Pub. Corp., 1979).

[95] G. P. Malalasekera (ed.), *Encyclopaedia of Buddhism*, vol. VI (Government of Sri Lanka, 1996), p. 21.

10. Ảnh hưởng *Jātaka* có tầm châu lục

Một câu chuyện tiền thân thi vị, "*Chuyện con thỏ*" (*Sasajātaka*, số 316) có độ phổ biến hay độ trùng hợp đáng kinh ngạc. Một con thỏ hiền trí đã nhảy vào đống lửa để tặng thân thể của mình cho người khách:

"*Bảy cá hồng tôi đã gọn mang...*

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về sự cúng dường vật dụng cho các Tỷ-kheo.

Một người chủ đất nọ tại Xá-vệ cung cấp đủ mọi thứ cần thiết cho Tăng đoàn, đứng đầu là đức Phật. Ông ta dựng một cái rạp ở trước cửa nhà ông rồi mời các Tỷ-kheo cùng đức Phật là vị dẫn đầu, đến ngồi vào chỗ trang nghiêm đã chuẩn bị sẵn và cúng dường các vị đủ mọi thức ăn cao lương thượng hạng. Ông còn nói:

– Ngày mai, xin quý vị trở lại.

Ông khoản đãi họ trọn một tuần và đến ngày thứ bảy, ông dâng cúng đức Phật cùng năm trăm vị Tỷ-kheo của Ngài đủ mọi thứ vật dụng cần thiết. Vào cuối bữa tiệc, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức:

– Này cư sĩ, ông tạo sự thỏa lòng mãn ý do sự bố thí này, thật là đúng lý. Vì đây là một truyền thống của hàng trí giả ngày xưa, những vị đã hiến cả thân mạng mình cho bất cứ kẻ hành khất nào mà họ gặp, họ còn cho những kẻ ấy ăn cả thịt của chính họ nữa.

Rồi do thỉnh cầu của gia chủ, Ngài kể một chuyện đời xưa.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sanh ra là một con thỏ sống trong một khu rừng. Một phía rừng này là chân một ngọn núi, ở phía kia là một con sông và ở phía thứ ba là một ngôi làng biên địa. Thỏ có ba bạn: Một con khỉ, một con chó rừng và một con rái cá. Bốn con vật khôn ngoan này sống với nhau, mỗi con săn tìm thức ăn của mình trong một khu riêng biệt và đến chiều tối, chúng đến họp lại với nhau. Thỏ rất thông tuệ, có tài khuyến dụ, thường thuyết chân lý cho ba bạn kia, dạy các bạn ấy nên bố thí, nên tuân hành luật đạo đức và giữ gìn ngày trai giới. Chúng đều tiếp thu lời khuyến dụ ấy và mỗi con đến trú ở chỗ riêng của mình trong khu rừng ấy.

Thời gian trôi qua, một hôm Bồ-tát quan sát bầu trời, nhìn mặt trăng và biết rằng hôm sau là ngày trai giới liền dặn ba bạn kia:

– Ngày mai là trai nhật. Cả ba bạn hãy thực hành giới luật và giữ gìn ngày trai giới. Ai tỏ ra kiên định trong việc thực hiện đạo đức thì việc bố thí sẽ mang lại cho vị ấy kết quả xứng đáng. Thế thì hễ có kẻ nào đến xin bạn, bạn hãy cho họ ăn bằng chính thức ăn của bạn.

Tất cả đều đồng ý, rồi ai nấy về chỗ của mình. Tờ mờ sáng hôm sau, rái cá ra đi tìm mồi, xuống tới bờ sông Hằng. Bấy giờ, có một người đánh cá bắt được

bảy con cá hồng, xâu cá vào một sợi mây rồi đem chôn chúng dưới cát trên bờ sông. Sau đó, ông ta lại xuống sông để bắt thêm cá. Rái cá đánh hơi được mấy con cá đang được chôn vùi kia, liền bới cát lên, trông thấy cá liền lôi ra và kêu lớn lên ba lần:

– Cá của ai đây?

Không thấy chủ nhân đâu, nó liền lấy răng cắn xâu cá ấy mang vào rừng đem về để vào nơi nó ở, định sẽ ăn vào lúc thích hợp. Thế rồi nó nằm xuống suy nghĩ: "Mình thật đạo hạnh quá!"

Con chó rừng cũng ra đi kiếm thức ăn và tìm thấy trong túp lều của một người trông coi đồng ruộng hai xiên thịt nướng, một con rắn mối và một lọ sữa đông. Nó kêu lớn lên ba lần:

– Các thứ này của ai đây?

Sau đó không thấy ai là chủ nhân, nó tròng dây vào cổ mang cái lọ, dùng răng cắn con rắn mối và hai xiên thịt mang về cất vào hang của nó. Nó tự nghĩ: "Vào lúc thích hợp, ta sẽ ăn các thứ này." Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ vừa rồi nó giữ đạo hạnh thật tốt.

Con khỉ cũng vào trong lùm cây, lượm một cành xoài rồi mang lên cất vào khu của nó trong rừng, định sẽ ăn các trái xoài ấy vào lúc thích hợp. Rồi nó nằm xuống, suy nghĩ nó đã giữ đạo hạnh thật đúng.

Còn Bồ-tát vào lúc cần, ra ngoài định ăn đọt non trên bãi cỏ kusa và trong lúc nằm trong rừng, ngài chợt nghĩ: "Ta chẳng có dầu, chẳng có cơm, chẳng có các thứ như thế. Nếu có ai đến đây xin ta, ta đâu có thể lấy cỏ mà cho họ được. Nếu có người hành khất nào đến với ta, ta sẽ cho người ấy thịt của chính ta vậy." Sự biểu lộ đức hạnh sáng ngời ấy làm cho chiếc ngai bằng cẩm thạch trắng của Thiên chủ Đế-thích nóng lên. Đế-thích quán tưởng và khám phá ra duyên cớ, rồi quyết định thử lòng con thỏ chúa này. Trước hết, Thiên chủ giả làm một Bà-la-môn đến đứng gần nơi ở của con rái cá. Rái cá hỏi tại sao ông đứng đó, ông đáp:

– Này hiền giả, tôi vừa nhịn đói giữ trai giới, nếu có được thứ gì để ăn, tôi sẽ hoàn tất mọi bổn phận của một đạo sĩ.

Rái cá nói:

– Tốt lắm, tôi sẽ cho ngài thức ăn.

Rồi nó đọc bài kệ đầu để nói với Đế-thích:

Bảy cá hồng tôi đã gọn mang,
Từ dòng nước cả của sông Hằng,
Bà-la-môn hỡi, ăn cho thỏa,
Và ở lại đây chốn núi ngàn.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến ngày mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến với con chó rừng. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trước kia. Chó rừng cũng sẵn sàng hứa tặng ông đồ ăn và nói với ông bằng bài kệ thứ hai:

Người coi đồng dành thức ăn tối,
Bình sữa kia, rắn mối nữa đây,
Và hai xiên thịt nướng này,
Tôi đây trót dại lấy ngay ấy mà.
Có bao nhiêu tôi đà tặng đấy,
Bà-la-môn, xin hãy ăn thôi!
Nếu ngài hạ cố đến nơi,
Rừng này ở lại cùng tôi một hồi.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến với con khỉ. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trước. Khỉ sẵn sàng cho ông đồ ăn và nói với ông bài kệ thứ ba:

Dòng nước lạnh với cành xoài mọng,
Chốn rừng xanh rợp bóng yên lành,
Để ngài vui hưởng, sẵn dành,
Nếu ngài thỏa ý, rừng xanh nương mình.

Vị Bà-la-môn bảo:

– Hãy để đến mai rồi tôi sẽ tính.

Rồi ông đến con thỏ rừng tinh khôn. Khi được hỏi vì sao ông đứng đó, ông cũng trả lời như trên. Khi nghe ông ta muốn gì, Bồ-tát rất thỏa ý, liền nói:

– Này Bà-la-môn, ngài đến với tôi để kiếm đồ ăn thì thật là đúng lắm. Hôm nay, tôi muốn trao tặng một thứ mà trước đây tôi chưa bao giờ trao tặng và ngài sẽ không phải phạm giới sát sinh. Này bằng hữu, khi ngài chất củi và nhóm lên một ngọn lửa xong, hãy đến báo cho tôi biết, tôi sẽ nhảy vào trong lửa để hiến mạng sống của tôi. Khi thân tôi đã được nướng chín, ngài hãy ăn thịt tôi rồi hoàn thành các bổn phận đạo sĩ của ngài.

Rồi thỏ nói với ông bài kệ thứ tư:

Tôi chẳng có thức ăn mè, đậu,
Cùng gạo cơm để hậu đãi ngài,
Thịt tôi hãy nướng lửa thôi,
Nếu ngài sống với chúng tôi chốn này.

Thiên chủ Đế-thích nghe bảo thế, liền dùng thần lực tạo nên một đống than cháy đỏ rồi đến báo cho Bồ-tát hay, Bồ-tát từ chỗ nằm bằng cỏ kusa đứng lên

và đến nơi ấy, ngài lắc mình ba lần để nếu có côn trùng vào nằm trong bộ lông của ngài rơi ra mà thoát chết.

Rồi để hiến dâng toàn cả thân mình, Bồ-tát nhảy vọt lên trong một niềm hoan lạc tràn trề. Ngài rơi xuống đống than cháy rực giống như một con thiên nga vương giả đáp xuống cụm hoa sen. Nhưng ngọn lửa tắt ngay khi chạm đến những lỗ chân lông trên toàn thân ngài giống như ngài rơi vào vùng sương giá. Ngài liền hỏi Đế-thích:

– Này Bà-la-môn, ngọn lửa ngài vừa nhóm lên giá lạnh quá, nó chẳng làm nóng được các lỗ chân lông trên thân thể tôi. Tại sao thế?

Đế-thích đáp:

– Thưa Hiền giả, ta chẳng phải là một Bà-la-môn, ta là Đế-thích, ta đến đây để thử đức hạnh của ngài.

Bồ-tát nói:

– Thưa Đế-thích, không những chỉ riêng ngài mà nếu tất cả mọi người trên thế gian này đến đây để thử tôi về cung cách bố thí như thế kia thì họ cũng sẽ không bao giờ thấy rằng tôi từ bỏ một ý định bố thí nào.

Nói xong, Bồ-tát thốt lên tiếng reo sảng khoái như tiếng rống của sư tử.

Bấy giờ, Đế-thích nói với Bồ-tát:

– Này thỏ hiền trí, mong cho đức hạnh của ngài được tỏa sáng muôn đời.

Rồi Thiên chủ ép một trái núi, lấy nước tinh từ đó ra mà vẽ hình một con thỏ trên mặt trăng. Sau khi đặt thỏ vào chỗ nằm bằng cỏ non kusa, Thiên chủ quay về cung điện của mình ở trên trời.

Bốn con vật khôn ngoan kia sống hạnh phúc hài hòa bên nhau, giữ tròn giới luật, tuân hành các ngày trai giới, rồi khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

Sau khi kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết bốn chân lý. Ở phần kết thúc bốn chân lý, người gia trưởng đã cúng dường các vật dụng cần thiết cho các Tỳ-kheo kia đắc quả Dự lưu, và bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ Ānanda là con rái cá, Mục-kiền-liên là con chó rừng, Xá-lợi-phất là con khỉ, còn Ta là con thỏ hiền trí ấy."

Câu chuyện hào sảng này chứa đựng những chi tiết gây phấn chấn tâm hồn, vừa hoành tráng vừa thi vị. Để kỷ niệm hành động hy hiến bản thân của chú thỏ, Vua trời Đế-thích đã nhấc một hòn núi lên làm bút và vẽ hình ảnh của chú thỏ lên vầng trăng. Những người Phật tử Kalmuks, một trong hai sắc dân lớn nhất của người Mông Cổ, đã gìn giữ thần tích này với tên gọi: "Thỏ ngọc vầng trăng."[96] Câu chuyện "Thỏ ngọc" này không chỉ phổ biến rộng khắp một vùng

[96] T. W. Rhys Davids đề cập chuyện này trong tác phẩm *Buddhism* (London: Society for Promoting Christian Knowledge, 1890).

địa lý bao la bao gồm những đất nước và khu vực lớn nhỏ như Ấn Độ,[97] Tây Tạng, Miến Điện và Nhật Bản mà còn lan tỏa sang Trung Hoa và trở thành một nét văn hóa cơ hữu, đặc sắc của đất nước tỷ dân ấy. Không dừng ở đó, chú thỏ trên vầng trăng còn lan xa đến Âu Mỹ. Chắc chắn, Phật giáo Đại thừa dưới dạng những câu chuyện sẽ tiếp tục là nguồn dưỡng chất thánh thiện, cao siêu và trác tuyệt, tạo nền tảng cho mặt bằng đạo đức và lòng hy hiến nơi những tâm hồn hiền thiện và thanh lương.

VI. PHIÊN BẢN *JĀTAKA* TIẾNG VIỆT

1. Để bản của *Jātaka* tiếng Việt

Tập *Chuyện Tiền thân* (2 quyển) trong bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* này, mang số hiệu 06-07, được HT. Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dịch từ tiếng Pāli và tiếng Anh sang Việt ngữ. Các ấn bản tiếng Pāli này đều được PTS ấn hành.[98] Hòa thượng chỉ dịch 120 câu chuyện đầu từ tiếng Pāli và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan dịch các câu chuyện còn lại từ bản tiếng Anh. Phần dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, như *Lời giới thiệu* của Hòa thượng đã nói, là không dịch phần *Veyyākaraṇā*, tức phần giải thích bài kệ hoặc các danh từ trong câu chuyện quá khứ.

Cũng cần đề cập ở đây, bản *Jātaka* bằng tiếng Pāli của PTS do V. Fausböll biên tập đầu tiên với tựa đề: *The Jātaka Together with Its Commentary Bring Tales of the Anterior Births of Gotama Buddha* (*Jātaka kết hợp với Chú giải mang lại những câu chuyện về tiền thân của đức Phật Gotama*) gồm 6 tập, được PTS xuất bản tại London từ năm 1877-96. Ấn bản này có sự khác biệt rất lớn với ấn bản Tích Lan và CST, vì gom chung *Chánh tạng* (*Mūla*) và *Chú giải* (*Aṭṭhakathā*) thành một bản như chúng ta đang thấy trong *TTTĐPGVN*, trong khi đó, bản *Jātaka* thuộc *Chánh tạng* của Tích Lan và CST chỉ có các câu kệ và các phần còn lại như câu chuyện hiện tại, câu chuyện quá khứ, giảng giải các danh từ, giảng rộng nội dung bài kệ, v.v… được trình bày trong *Chú giải*.[99]

T. W. Rhys Davids đã dịch hai tập đầu sang tiếng Anh với tựa đề: *Buddhist Birth Stories* (*Những chuyện tiền thân Phật giáo*), được PTS xuất bản năm 1880. Sau đó các học giả R. Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell lần lượt dịch sang tiếng Anh, và E. B. Cowell biên tập thành 6 tập với tựa đề: *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births*, được PTS xuất bản tại London từ năm 1895-1913. Trong bản tiếng Anh này, các dịch

---

[97] Đây là câu chuyện có niên đại tiền Phật giáo. Xem Maurice Winternitz, *History of Indian Literature*, vol. II (Delhi: Motilal Banarsidass, 1983), p. 145.

[98] *Jātaka*, 6 vols., ed. by V. Fausböll (London: PTS, 1877-96); *The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births* (*A Translation of the Jātaka*), 6 vols., tr. by R. Chalmers, W. H. D. Rouse, H. T. Francis, R. A. Neil, E. B. Cowell, and ed. by E. B. Cowell (London: PTS, 1895-1913).

[99] Ngoại trừ câu chuyện 536, *Chuyện chim chúa Kuṇāla*, trong bản Tích Lan và CST vừa có văn xuôi vừa có bài kệ.

giả chuyển dịch từ Pāli sang Anh ngữ cũng lược bỏ bớt phần giải thích các danh từ và nội dung của bài thi kệ, tức là bỏ phần *Veyyākaraṇā*.

2. Ấn bản *Jātaka* tiếng Việt hiện nay

Trong quá trình nhuận sắc lại bản dịch tiếng Việt, Ban Biên tập có tham khảo bản *Jātaka* trong *Chánh tạng* và *Chú giải* của ấn bản Tam tạng do Tăng-già Phật giáo Theravāda kết tập lần thứ 6 (*Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka*) tại Miến Điện. Ấn bản này được Vipassana Research Institute (Viện Nghiên cứu Thiền quán) tại Ấn Độ biên tập và đăng tải tại tipitaka.org rất phổ biến trong giới học giả ngày nay.

Về bản dịch *Chuyện Tiền thân* trong ấn bản *TTTĐPGVN*, Ban Biên tập thống nhất giữ nguyên bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và cư sĩ Nguyên Tâm – Trần Phương Lan, đánh số kệ theo thứ tự mặc ước trong *Chánh tạng* CST, đồng thời bổ sung trên 600 bài thi kệ (dịch trên 100 bài kệ, tách kệ đã dịch theo bản CST trên 100, và chuyển thi kệ từ văn xuôi đã dịch trên 400 bài).

Một số dữ liệu khác trong bản dịch Việt cũng được điều chỉnh đúng theo *Chánh tạng* và *Chú giải Jātaka* của CST. Tuy nhiên, tiêu đề và các chữ dùng trong bản này cũng viết theo PTS và ghi chú sự khác biệt giữa chúng với bản CST và ấn bản Tích Lan trong Phụ lục 4.

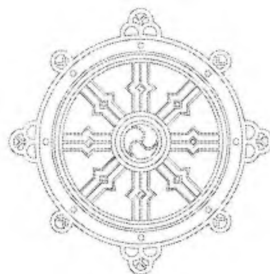
Tất cả sự nỗ lực của chư vị Trưởng lão, dịch giả tiền bối và Ban Biên tập ngày nay đều hướng đến sự hoàn thiện bộ *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam* như hàng triệu trái tim người con Phật Việt Nam trong nước và nước ngoài hằng mong đợi.

Cẩn bút,

Mùa An cư kiết hạ PL. 2565 – DL. 2021

TT.TS. Thích Minh Thành

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)



MỤC LỤC

CHUYỆN TIỀN THÂN

CHƯƠNG X
MƯỜI KỆ
(*DASANIPĀTA*)

§439. CHUYỆN BỐN CỔNG THÀNH (*Catudvārajātaka*)[1] (*J.* IV. 1)

Thành sắt này xây bốn cổng cao...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo phóng dật.

Các chi tiết của câu chuyện đã được nêu trong *Chuyện chim thứu*[2] thuộc chương IX. Ở đây, một lần nữa bậc Đạo sư hỏi Tỳ-kheo này:

– Có đúng như Tăng chúng nói rằng ông bất tuân giới luật?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Ngài bảo:

– Ngày xưa, cũng vì bất tuân lời dạy bảo của các bậc Trí nhân mà ông phải nhận lấy một bánh xe sắc như dao cạo.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, vào thời đức Phật Kassapa (Ca-diếp), tại thành Ba-la-nại có một thương gia làm chủ tài sản đến tám trăm triệu đồng, nhưng chỉ sinh được một cậu con trai tên là Mittavinda. Cha mẹ cậu này đã đi vào hướng Dự lưu, song cậu vẫn là một kẻ theo ác hạnh, không có lòng tin vào đạo.

Về sau, khi cha cậu mất, mẹ cậu thay thế điều hành sản nghiệp ấy, bà bảo con:

– Này con, thân người khó được, vậy con hãy bố thí, tu tập công đức, giữ ngày trai giới và lắng tai nghe pháp!

Cậu đáp lại:

– Này mẹ, không có chuyện bố thí, tu tập gì cả với con đâu, đừng bao giờ nhắc chúng với con nữa, con sống thế nào thì ngày sau con sẽ theo nghiệp đó.

Vào một ngày rằm trăng tròn, khi cậu con trai cũng nói như trên, mẹ cậu đáp:

---

[1] Xem *J.* I. 364, *Mittavindajātaka* (*Chuyện chàng trai Mittavinda*), số §82; *J.* I. 415, *Mittavindajātaka*, số §104; *J.* III. 207, *Mittavindajātaka*, số §369.

[2] Xem *J.* III. 483, *Gijjhajātaka* (*Chuyện chim thứu*), số §427.

– Con ơi, ngày hôm nay được dành làm ngày trai giới thanh tịnh. Vậy hôm nay, con hãy phát nguyện giữ giới, đi viếng tinh xá và lắng nghe pháp suốt đêm, rồi khi con trở về, mẹ sẽ cho con một ngàn đồng tiền nhé!

Vì tham số tiền ấy, cậu bằng lòng ngay. Ngay khi ăn sáng xong, cậu đi đến tinh xá, ở lại đó suốt ngày; song từ đầu hôm cho đến lúc canh tàn, chẳng một lời pháp nào lọt vào tai cậu cả. Cậu đi nằm một nơi và ngủ thẳng giấc. Ngày hôm sau, mới tảng sáng, cậu rửa mặt và đi về nhà rồi ngồi phịch xuống.

Bấy giờ, mẹ cậu nghĩ thầm: "Hôm nay, sau khi nghe pháp, con ta sẽ về từ sáng sớm, dẫn theo vị Trưởng lão đã giảng pháp." Vì thế, bà nấu cháo sẵn với thức ăn đủ loại cứng và mềm, sửa soạn chỗ ngồi xong rồi đợi con về. Khi bà thấy con đi về một mình, bà hỏi:

– Này con, sao con không đưa về vị Pháp sư?

Cậu đáp:

– Mẹ ạ, chẳng có Pháp sư nào giảng cho con cả.

Bà mẹ bảo:

– Thế thì con húp cháo này đi.

Cậu nói:

– Mẹ đã hứa cho con một ngàn đồng tiền, mẹ ạ. Trước tiên, mẹ hãy trao tiền cho con rồi sau đó con mới húp cháo.

– Húp cháo trước đi con, rồi con sẽ được tiền kia mà.

Cậu bảo:

– Không được, con không muốn húp cháo cho đến khi con được tiền kia.

Thế là bà mẹ đặt túi tiền một ngàn đồng trước mặt cậu. Cậu liền húp cháo xong cậu lấy túi tiền một ngàn đồng đi làm công chuyện của cậu và cứ thế về sau, chẳng bao lâu cậu kiếm được hai triệu đồng tiền. Lúc ấy, cậu chợt nghĩ ra rằng cậu muốn tậu lấy một con tàu rồi đi làm ăn trên đó. Thế là cậu sắm tàu, rồi bảo mẹ:

– Mẹ à, con có ý định đi làm ăn trên tàu.

Bà mẹ đáp:

– Con là con độc nhất của mẹ, mà trong nhà mình hiện có nhiều tài sản lắm rồi, còn biển cả lại đầy nguy hiểm, con đừng đi.

Song cậu bảo:

– Con quyết ra đi, mẹ không thể cản con được đâu.

Bà tiếp:

– Này, mẹ cứ muốn cản con đấy.

Rồi bà cầm lấy tay cậu, cậu hất tay bà ra khiến bà ngã xuống và trong chốc lát, cậu đã mất dạng, vội vã lên đường.

Vào ngày tháng Bảy, nhân vì có mặt Mittavinda, con tàu cứ đứng bất động trên biển sâu. Người ta rút thăm và cả ba lần đều trúng tay Mittavinda. Thế là họ cho cậu một chiếc bè và nói:

– Đừng để nhiều người phải chết chỉ vì một người này!

Rồi họ thả cậu trôi dạt trên đại dương, chỉ thoáng chốc sau, con tàu ấy đã lao nhanh vùn vụt trên biển. Còn cậu con trai trên chiếc bè trôi đến một đảo kia. Tại đó, trong một cung điện bằng thủy tinh, cậu chợt thấy bốn ma nữ. Trước kia, ma chúng thường phải chịu bảy ngày đau khổ và hưởng bảy ngày hạnh phúc. Được kết bạn với chúng, cậu thọ hưởng khoái lạc thần tiên. Rồi khi đến thời chúng phải chịu khổ hình, chúng bảo cậu:

– Thưa công tử, chúng em sắp xa chàng bảy ngày, trong lúc chúng em đi vắng, xin chàng ở lại đây và đừng lo buồn gì cả.

Nói xong, chúng giã từ. Song cậu con trai, lòng đầy khát vọng lại ra khơi trên chiếc bè kia và vượt đại dương đến một hòn đảo khác. Tại đây, trong một cung điện bằng bạc, cậu thấy tám ma nữ khác. Cứ như thế, cậu thấy trên một hòn đảo nữa mười sáu ma nữ trong một cung điện bằng ngọc; rồi trên một hòn đảo khác nữa, cậu thấy ba mươi hai ma nữ trong một cung điện bằng vàng. Cũng như trước kia, với các ma nữ này, cậu hưởng thọ lạc thú thần tiên, rồi khi chúng đi xa để chịu cực hình, cậu lại ra khơi lần nữa, lênh đênh trên đại dương mãi cho đến cuối cùng cậu thấy một kinh thành có bốn cổng lớn và hào lũy bao bọc. Người ta bảo đó là ngục Ussada,[3] nơi mà nhiều chúng sanh bị đọa đày, phải thọ lãnh các nghiệp báo của mình; song đối với Mittavinda, nó lại có vẻ như một kinh thành tuyệt mỹ. Cậu suy nghĩ: "Ta muốn vào thăm kinh thành kia và làm vua tại đó."

Thế là cậu bước vào, vừa thấy một sinh linh đang chịu khổ hình phải mang một cái bánh xe sắc như lưỡi dao cạo. Song đối với Mittavinda, dường như bánh xe dao ở trên đầu người kia lại giống như đóa hoa sen nở, năm vòng xiềng xích ở trên ngực người ấy nào khác chiếc áo choàng rực rỡ sang trọng, dòng máu nhỏ giọt ở trên đầu người ấy như thể phấn bột gỗ chiên-đàn đỏ thắm ngát hương, còn tiếng người ấy rên la tựa như tiếng ca êm dịu nhất trên đời. Vì vậy, cậu đến gần và bảo:

– Này người kia, anh đã mang cái hoa sen ấy lâu rồi, nay hãy đưa cho ta!

Người ấy đáp:

– Thưa ngài, nó không phải là hoa sen đâu mà nó là bánh xe sắc như dao cạo.

Cậu trai bảo:

– À, anh nói vậy vì anh không muốn đưa nó cho ta đấy thôi.

Người tội nhân khốn khổ liền suy nghĩ: "Ắt hẳn các nghiệp quá khứ của ta

[3] Ussada (增地獄, Tăng địa ngục; 小地獄, Tiểu địa ngục), chỉ cho một địa ngục trong núi sắt, núi Thiết Vi (鐵圍山).

đã tiêu trừ hết. Rõ ràng người này cũng như ta, đi đến đây vì đã đánh mẹ nó. Được rồi ta sẽ đưa cho nó bánh xe dao này." Người ấy liền bảo:

– Này đây, hãy cầm lấy hoa sen!

Cùng với lời nói trên, người ấy thả bánh xe dao trên đầu cậu, nó rơi xuống đỉnh đầu và nghiến sâu vào đó, lập tức Mittavinda biết ngay đó là bánh xe dao, cậu liền nói:

– Hãy lấy bánh xe của anh lại!

Và cậu gào thét dữ dội trong cơn đau đớn song người kia đã khuất dạng mất rồi. Vừa lúc ấy, Bồ-tát cùng đoàn tùy tùng đông đảo đang đi kinh lý qua ngục Ussada và đến nơi ấy, Mittavinda trông thấy ngài, vội kêu lên:

– Tâu Thiên chủ, Thượng đế của chư thiên, bánh xe này đang đâm thủng và xé nát đầu con như thể cái chày nghiền nát mớ hột cải. Vậy con đã phạm tội ác gì?

Cậu vừa hỏi vừa ngâm hai vần kệ này:

1. Thành sắt này xây bốn cổng cao,
Con nay mắc bẫy bước chân vào,
Chung quanh con lũy hào bao bọc,
Con đã gây nên ác nghiệp nào?

2. Giờ đây đóng chặt các thành môn,
Và bánh xe này hủy diệt con,
Nào khác chim lồng, con bị bắt,
Tại vì sao vậy, tấu Thiên vương?

Lúc ấy, Thiên chủ ngâm các vần kệ này để giải thích vấn đề cho cậu rõ:

3. Ngày xưa ngài có chục vạn đồng,
Hai mươi lần nữa đấy, Tôn ông,
Tuy nhiên ngài vẫn không hề muốn,
Tai lắng nghe bằng hữu nói năng.

4. Ngài đã vội vàng vượt đại dương,
Chất đầy nguy hiểm dọc đường trường,
Nữ ma bốn tám, ngài thăm viếng,
Mười sáu nàng theo kế tám nàng.

5. Tiếp theo mười sáu đến ba hai,
Tận hưởng dục tham cứ miệt mài,
Nay hãy nhìn đây phần tặng thưởng,
Bánh xe dục lạc ở đầu ngài.

6. Ai đi đại lộ dục tham đầy,
Con lộ thênh thang rộng lớn thay,
Vô độ, chúng không hề thỏa mãn,
Thì phần chúng đội bánh xe này.

7. Ai chẳng mong phân phát bạc vàng,
Chẳng cầu tìm chánh đạo bình an,
Cũng không biết phải làm như vậy,
Phần bánh xe này chúng sẽ mang.

8. Hãy xem kết quả việc ngài làm,
Gia sản ngài xem thật ngập tràn,
Đừng ước làm tài chủ bất chính,
Thực hành điều bạn tốt khuyên răn,
Về sau chẳng có bao giờ nữa,
Vòng bánh xe này đụng đến thân.

Nghe vậy, Mittavinda tự nhủ: "Vị Thiên chủ này vừa giải thích thật chính xác những việc ta làm. Chắc chắn ngài cũng biết được mức độ trừng phạt ta." Rồi cậu ngâm vần kệ thứ chín:

9. Vậy tấu Thiên vương, đến lúc nào,
Bánh xe này dính ở trên đầu,
Mấy ngàn năm nữa, xin ngài dạy,
Đừng để con hoài sức khẩn cầu?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ tuyên bố vấn đề qua vần kệ thứ mười:

10. Bánh xe này tiếp tục xoay vần,
Mà chẳng hiện ra vị cứu nhân,
Nó dính đầu ngài cho đến chết,
Này Mittavinda hỡi có nghe chăng?

Nói vậy xong, Thiên chủ trở về cõi của ngài, còn anh ta chìm vào cơn đau đớn cùng cực.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Tỷ-kheo phóng dật này là Mittavinda và Ta chính là Thiên chủ.

§440. CHUYỆN HẮC HIỀN GIẢ (*Kaṇhajātaka*)[4] (*J.* IV. 7)

Đằng kia, ngắm kẻ sắc đen tuyền...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong vườn Nigrodha (Ni-câu-luật) về một nụ cười.

Thời ấy, chuyện kể rằng bậc Đạo sư đang du hành cùng Tăng chúng trong vườn Nigrodha, lúc chiều xuống tại một chốn kia, Ngài mỉm một nụ cười. Trưởng lão Ānanda nghĩ: "Nguyên do gì, lý do gì khiến đức Thế Tôn mỉm cười? Đức Như Lai mỉm cười không phải là không có duyên cớ. Vậy ta muốn hỏi Ngài."

---

[4] Xem *Miln.* 383, *Āpaṅgapañha* (*Câu hỏi về tính chất của nước*).

Thế là Tôn giả cúi đầu đảnh lễ cung kính hỏi về nụ cười kia, bậc Đạo sư bảo:

– Ngày xưa, này Ānanda, có một bậc Hiền trí tên là Kaṇha đã sống ở nơi đây, chuyên tâm thiền tịnh và lạc trú trong thiền định nên nhờ uy lực công đức của ngài mà cung của Thiên chủ Đế-thích (Sakka) phải rúng động.

Song vì câu giải thích về nụ cười kia chưa được rõ ràng nên theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, đức Phật kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một vị Bà-la-môn không có con cái, nhưng của cải lên đến tám mươi triệu đồng, vị này phát nguyện giữ giới đức và cầu tự. Trong bụng bà vợ của vị Bà-la-môn này đang mang thai Bồ-tát. Do màu da đen của ngài, vào ngày lễ đặt tên, cha mẹ đặt tên cho ngài là Kaṇha (Hắc).

Đến năm mười sáu tuổi, ngài đầy vẻ uy nghi như một bức tượng bằng ngọc quý, được phụ thân đưa đến học ở Takkasilā. Nơi đây, ngài được dạy đầy đủ các môn văn học nghệ thuật xong rồi trở về nhà. Sau đó, cha ngài lại cưới cho ngài một người vợ xứng đôi vừa lứa. Dần dần theo thời gian, ngài hưởng trọn gia sản của song thân.

Bấy giờ, vào một ngày kia, sau khi kiểm tra các kho báu, đang lúc ngồi trên một bảo tòa lộng lẫy, ngài cầm trên tay một cái đĩa bằng vàng, đọc được trên đĩa những hàng chữ do các bậc tiền nhân của ngài ghi lại, rất nhiều tài sản do vị này kiếm được, rất nhiều tiền bạc do vị kia làm ra, v.v... Ngài nghĩ thầm: "Những vị tạo ra vàng bạc này bây giờ không còn nữa, song vàng bạc vẫn còn đó, không ai có thể mang chúng theo khi ra đi khỏi cuộc sống. Ta không thể buộc vàng bạc thành một bó rồi mang theo mình qua thế giới khác. Của cải liên hệ đến năm ác dục, còn phân phát bố thí của cải này là việc tốt đẹp hơn. Thân xác phù du này liên hệ với nhiều bệnh tật, còn tỏ lòng cung kính và nhân từ với những vị đức hạnh đem nhiều lợi lạc hơn. Cuộc đời tạm bợ phù phiếm này chỉ thoáng qua trong chốc lát, còn tinh tấn hành trì thiền định là phần cao cả hơn. Vậy thì những vàng bạc phù phiếm này ta sẽ đem bố thí hết, vì làm như thế ta sẽ thọ hưởng phước đức nhiều hơn."

Thế là ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, sau khi xin đức vua đồng ý, ngài bố thí rất hào phóng. Đến ngày thứ bảy, thấy vàng bạc vẫn không suy giảm, ngài suy nghĩ: "Vàng bạc này có nghĩa gì đối với ta? Trong khi ta chưa bị tuổi già chế ngự, ta muốn ngay bây giờ phát nguyện xuất gia tu hành, ta quyết tu tập các thắng trí và các thiền chứng, ta quyết tái sanh lên cõi Phạm thiên." Thế là ngài ra lệnh mở các cửa lớn trong nhà ra, rồi bảo gia nhân lấy của cải đem bố thí rộng rãi, tránh xa nó như một vật bất tịnh. Ngài đoạn trừ các đối tượng của tham dục, rời khỏi kinh thành đầy tiếng khóc than của dân chúng để vào tận vùng Tuyết Sơn. Tại đó, ngài sống theo lối độc cư và khi đi tìm một chốn an lạc để trú thân, ngài nhìn thấy một khu đất, ngài tới nơi này rồi quyết định ở lại,

chọn cây bầu làm nơi ăn chốn ở, sống dưới gốc cây bầu ấy. Không bao giờ cư trú tại bìa làng, ngài trở thành một người sống trong rừng; không bao giờ ngài dựng chòi lá mà chỉ ở dưới gốc cây, ở ngoài trời, thường an tọa, hoặc nếu ngài muốn nằm thì chỉ nằm trên mặt đất.

Ngài không dùng cái chày mà chỉ dùng hàm răng nghiền nát thức ăn, chỉ ăn những thức ăn không nấu bằng củi lửa, không bao giờ một thứ hạt còn vỏ nào lọt vào miệng ngài, ngài chỉ ăn ngày một lần và chỉ ngồi ăn một lần. Trên mặt đất, dường như ngài đã hòa cùng với tứ đại làm một, ngài sống hành trì giới luật của bậc xuất gia khổ hạnh. Trong tiền thân ấy, như ta được biết, Bồ-tát rất thiểu dục tri túc.

Vì vậy, chẳng bao lâu, ngài đạt các thắng trí (năm thần thông) và các thiền chứng (tám cấp thiền), ngài sống nơi ấy trong hỷ lạc của thiền định. Dù có trái cây hay không, ngài cũng không đi nơi nào khác; khi cây có trái, ngài ăn trái; có hoa, ăn hoa; có lá, ăn lá; hết lá, ăn vỏ cây. Một buổi sáng nọ, ngài hái trái chín của cây ấy, do không tham lam, ngài không đứng dậy đi hái ở chỗ nào khác. Ngồi tại chỗ, ngài dang tay ra thu lượm các trái cây trong tầm tay, ngài cứ ăn các trái cây có được, không phân biệt là ngon hay dở.

Ngài vô cùng tri túc và do công năng giới đức của ngài mà chiếc ngai hoàng thạch của Thiên chủ Đế-thích nóng rực lên (tương truyền chiếc ngai vàng này nóng lên khi Thiên chủ Đế-thích sắp mạng chung, hoặc lúc phước đức của ngài đã hết và kết thúc, hay khi có một vị Đại sĩ cầu nguyện, hay do công năng đức độ của các Sa-môn, Bà-la-môn đầy uy lực).

Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ: “Kẻ nào muốn làm ta phải rời khỏi ngai đây?” Vừa nhìn quanh, ngài thấy ở một nơi kia trong rừng sâu, bậc Hiền nhân Kaṇha đang sống nhờ nhặt trái rừng. Ngài biết rằng đó là một bậc Trí nhân hành trì khổ hạnh cao độ, tất cả các căn đều được điều phục, ngài suy nghĩ: “Ta muốn đi đến gặp vị ấy. Ta muốn bảo vị ấy thuyết pháp thật cao giọng, sau khi nghe lời giảng pháp đem lại an lạc này, ta sẽ làm vị ấy hoan hỷ với một điều ước và sẽ làm cho cây của vị ấy sinh quả không ngừng rồi ta mới trở về đây.”

Sau đó, nhờ thần thông lực, Thiên chủ vụt xuống trần gian, đứng ngay dưới gốc cây sau lưng bậc Hiền nhân. Ngài ngâm vần kệ đầu tiên để thử xem bậc Hiền trí kia có bực tức khi nghe nhắc đến vẻ xấu xí của mình chăng:

11. Đằng kia, ngắm kẻ sắc đen tuyền,
Sống ở nơi này cũng đất đen,
Miếng thịt đang ăn đen xám xịt,
Tâm ta chẳng thích dáng người hiền.

Hiền nhân Kaṇha nghe ngài nói vậy, hỏi:

– Ai nói với ta đấy?

Và nhờ thần thông lực, ngài nhận ra đó là Thiên chủ Đế-thích nên vẫn không cần quay đầu lại, ngài đáp vần kệ thứ hai:

12. Dù toàn sắc đen, hỡi Ngọc hoàng,
Tâm ta chân chính Bà-la-môn,
Màu da chẳng lỗi, nhưng làm ác,
Khiến kẻ phàm nhân đen tối luôn.

Và rồi sau đó, khi đã giải thích nhiều loại lỗi lầm và chê trách những lỗi lầm đã biến con người thành những kẻ đen tối cùng ca ngợi công đức, ngài thuyết giáo cho Thiên chủ Đế-thích chẳng khác nào ngài làm mặt trăng mọc lên giữa bầu trời. Thiên chủ Đế-thích nghe bài thuyết pháp, lòng vô cùng hoan hỷ liền ban tặng bậc Đại sĩ một điều ước và ngâm vần kệ thứ ba:

13. Nói năng khôn khéo, bậc La-môn,
Diễn đạt cao siêu, tối thắng luôn,
Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn!

Nghe vậy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Ta biết thế nào rồi. Vị này muốn thử ta, xem ta có giận dữ khi nói đến vẻ xấu xí của ta không nên ngài chê bai màu da của ta, thức ăn chốn ở của ta. Khi thấy rằng ta không giận thì ngài vui vẻ, ban cho ta một điều ước, chắc ngài tưởng ta hành trì lối sống này vì ước mong có thần lực của Thiên chủ Đế-thích hay Phạm thiên. Vậy nay để làm ngài tin tưởng, ta sẽ chọn bốn điều ước: Ta ước được an tịnh, không sân hận đối với kẻ xung quanh ta, không tham cảnh vinh quang của các vị xung quanh ta, hay không thèm muốn dục tình đối với các vị xung quanh ta."

Suy nghĩ như vậy xong, để giải quyết mối nghi hoặc của Thiên chủ, bậc Hiền trí ngâm vần kệ thứ tư chọn bốn điều ước này:

14. Thiên chủ Đế-thích của thế gian,
Chọn điều hạnh phúc, lệnh ngài ban,
Ta mong thoát khỏi lòng căm phẫn,
Sân hận, tiêu trừ mọi dục, tham,
Tất cả bốn điều này hạnh phúc,
Ta thường mơ ước tận tâm can.

Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ: "Hiền giả Kaṇha khi chọn điều ước đã chọn bốn điều an lạc, không lỗi lầm. Bây giờ, ta phải hỏi ngài về thiện ác liên hệ bốn điều này." Rồi ngài hỏi bằng cách ngâm vần kệ thứ năm:

15. Trong căm phẫn, dục với tham, sân,
Này hãy nói đi, hỡi Đạo nhân,
Ngài thấy điều gì là bất thiện,
Trả lời ta nhé, hãy làm ơn?

– Vậy hãy nghe đây!

Bậc Đại sĩ đáp lại và cảm khái ngâm bốn vần kệ này:

16. Căm phẫn được nuôi bởi bất kham,
Phát sinh từ nhỏ lớn lên dần,

Nên lòng tràn ngập niềm đau xót,
Vì thế ta không muốn phẫn căm.

17. Cứ vậy thông thường với ác nhân,
Trước tiên lời nói chạm vào thân,
Kế đến đấm đá, rồi cây gậy,
Sau hết lòe ra mũi kiếm trần,
Khi có ác tâm thường phẫn nộ,
Nên lòng ta chẳng muốn hờn sân.

18. Khi người thúc giục bởi tham lam,
Lừa đảo tăng dần với dối gian,
Vội đuổi theo tiền tài cướp bóc,
Vậy nên ta chẳng muốn tâm tham.

19. Trói chặt xiềng gông bởi dục tình,
Vẫn thường phát triển nảy sinh nhanh,
Trong tim, làm xót xa đau nhức,
Ái dục, ta không muốn phận mình.

Khi các câu hỏi đã được giải thích xong, Thiên chủ Đế-thích bảo:

– Thưa Hiền giả Kaṇha, nhờ ngài, các câu hỏi của ta đã được giải đáp êm đẹp với trí tuệ của một bậc Giác ngộ. Ta rất hoan hỷ vì ngài. Bây giờ, xin ngài chọn một điều ước khác nữa.

Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ thứ mười:

20. Nói năng chân chính, bậc La-môn,
Diễn đạt cao siêu, tối thắng ngôn,
Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn!

Lập tức Bồ-tát ngâm kệ:

21. Thiên chủ Đế-thích của trần gian,
Ngài bảo cho ta một đặc ân,
Mong chốn núi rừng ta ẩn náu,
Nơi nào ta trú ngụ đơn thân,
Bệnh không làm hại niềm an tịnh,
Hoặc phá niềm thiền lạc vỡ tan.

Nghe vậy, Thiên chủ Đế-thích suy nghĩ: "Khi chọn điều ước, Hiền giả Kaṇha không chọn điều gì liên hệ đến thức ăn mà những gì ngài chọn đều liên quan đến đời sống tu hành." Tâm càng hoan hỷ hơn nữa, Thiên chủ lại cho thêm một điều ước khác và ngâm kệ:

22. Nói năng thật khéo, bậc La-môn,
Diễn đạt cao siêu, tối thắng ngôn,

Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn!

Và Bồ-tát khi nói lên điều ước của ngài, đã thuyết pháp trong vần kệ cuối:

23. Thiên chủ Sakka của trần gian,
Ngài bảo cho ta một đặc ân,
Xin chẳng sinh linh nào bị hại,
Vì ta, dù khẩu, ý hay thân.
Nơi nào cũng vậy, này Thiên chủ,
Lời nguyện này ta vẫn ước mong.

Như vậy, trong sáu trường hợp bậc Đại sĩ lựa điều ước, ngài đều chỉ chọn những gì liên quan đến đời sống viễn ly. Ngài hiểu rõ thân người phải có bệnh và Thiên chủ Đế-thích không thể trừ diệt căn bệnh của thân nghiệp cũng không thể rửa sạch cho nhân thế trong ba cửa thân, khẩu, ý. Mặc dù vậy, ngài vẫn chọn điều ước ấy với mục đích thuyết pháp cho vị Thiên chủ. Sau đó, Thiên chủ Đế-thích làm cho cây ấy sinh quả quanh năm, vừa chắp tay lên trán đảnh lễ ngài vừa bảo:

– Xin Hiền giả an trú ở đây không bệnh tật!

Rồi ngài đi về cõi của ngài. Còn Bồ-tát không gián đoạn thiền định nên về sau được sinh lên Phạm thiên giới.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Này Ānanda, đây là nơi Ta đã an trú ngày xưa.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Thiên chủ Đế-thích và Hiền giả Kaṇha chính là Ta.

§441. CHUYỆN BỐN VỊ GIỮ TRAI GIỚI
(*Catuposathikajātaka*) (*J*. IV. 14)

Chuyện tiền thân này sẽ được kể trong *Chuyện bậc Đại trí Vidhura*.[5]

§442. CHUYỆN BÀ-LA-MÔN SAṀKHA (*Saṁkhajātaka*)[6] (*J*. IV. 15)

La-môn Tôn giả, bậc uyên thâm...

Chuyện này bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về tứ sự cúng dường.

Chuyện kể rằng ở thành Xá-vệ có một nam cư sĩ, sau khi nghe đức Như Lai

[5] Xem *J*. VI. 256, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

[6] Xem *Cp*. 74, *Saṅkhacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Saṅkha*).

thuyết pháp, tâm rất hoan hỷ nên đã mời chư Tăng [đến nhà] vào ngày hôm sau. Tại cửa nhà, ông dựng lên một cái rạp trang hoàng lộng lẫy rồi hôm sau đi thưa trình với đức Như Lai rằng đã đến giờ. Bậc Đạo sư đến nơi với năm trăm vị Tỷ-kheo theo sau và ngồi trên sàng tọa đã chuẩn bị sẵn dành cho Ngài. Vị cư sĩ sau khi đã dâng cúng các lễ vật sang trọng lên hội chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ, lại mời Tăng chúng vào ngày mai, và cứ thế trong bảy ngày liền, vị này mời Tăng chúng đến cúng dường. Vào ngày thứ bảy lại cúng dường những vật dụng cần thiết, trong buổi cúng dường này, ông tặng các đôi hài làm lễ vật đặc biệt. Đôi hài dâng lên đức Phật trị giá một ngàn đồng vàng. Hai đôi hài cúng hai vị Đại đệ tử (Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên) trị giá năm trăm đồng, còn những đôi trị giá hơn một trăm đồng dành cho các vị Tỷ-kheo khác.

Sau khi dâng cúng lễ vật đủ các thứ cần thiết cho chư Tăng, ông ngồi xuống trước đức Thế Tôn cùng với hội chúng của Ngài. Sau đó, bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ công đức bằng một giọng vô cùng êm dịu:

– Này gia chủ, thí vật của ông thật hào phóng biết bao, ông hãy hoan hỷ! Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã có những người nhờ cúng dường một đôi hài lên một vị Độc Giác Phật mà kết quả của việc bố thí đó là tìm được chỗ an trú trên biển cả không có nơi an trú. Và nay ông vừa cúng dường cho đức Phật trước tiên và hội chúng Tỷ-kheo mọi vật dụng cần thiết thì sự việc này sao lại không đưa đến an trú khi việc cúng đôi hài kia có kết quả.

Và theo lời thỉnh cầu của ông, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, thành Ba-la-nại có tên là Molinī. Trong lúc Vua Brahmadatta trị vì Molinī, một người Bà-la-môn tên là Saṁkha rất giàu có, đã xây bố thí trường ở sáu chỗ, một ở mỗi cổng thành, một ở giữa thành và một ở cạnh cửa nhà ông. Hằng ngày, ông bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền cho các kẻ lữ hành cùng kẻ ăn xin rất rộng rãi.

Một ngày kia, ông suy nghĩ: "Một khi kho của cải hết, ta không còn gì để bố thí nữa. Vậy trong lúc kho chưa cạn, ta muốn lấy con tàu đi đến xứ Vàng và sẽ mang của cải về." Thế là ông bảo đóng tàu, chất đầy hàng hóa và khi từ biệt vợ con, ông bảo:

– Bà và con hãy lo bố thí không ngừng cho đến khi ta trở về!

Nói xong, ông cầm lấy dù, mang giày cùng gia nhân hướng mặt về hải cảng rồi đúng ngọ ông khởi hành. Vào lúc ấy, một vị Độc Giác Phật ở trên đỉnh núi Gandhamādana (Hương Sơn) đang nhập định, thấy vị kia lên đường tìm kiếm vàng liền suy nghĩ: "Một bậc Đại sĩ đang vượt biển để tìm vàng. Có gặp gì trên biển cả gây trở ngại cho vị này chăng? Rồi sẽ có. Nếu ông ấy thấy Ta, sẽ dâng Ta đôi giày và chiếc dù. Và kết quả việc cúng dường này là ông sẽ tìm được nơi an trú khi tàu bị đắm trên biển. Ta muốn giúp đỡ ông."

Vì thế bay qua không gian, Ngài hạ xuống không xa chỗ người lữ hành kia rồi tiến đến gặp ông, giẫm chân trên cát nóng, nóng như thể một đống tro đang cháy bỏng trong luồng gió dữ dội và ánh mặt trời gay gắt. Vị Bà-la-môn nghĩ thầm: "Đây là cơ hội để tạo công đức, ta phải gieo một hạt giống ngày hôm nay tại chốn này." Lòng vô cùng hoan hỷ, ông vội vã đi đến đảnh lễ Ngài. Ông nói:

– Thưa Tôn giả, xin Tôn giả vui lòng ra khỏi con đường này trong chốc lát, đến dưới gốc cây kia.

Sau đó, khi đến chỗ ngồi dưới gốc cây, ông lau phủi hết cát cho Ngài, trải thượng y ra mời Ngài ngồi xuống rồi ông đảnh lễ Ngài; với nước sạch thơm, ông rửa chân Ngài, thoa dầu thơm, và từ chân của chính mình, ông rút ra đôi hài lau sạch, thoa dầu thơm xong mang vào cho Ngài, cúng dường Ngài đôi hài cùng với chiếc dù, xin Ngài mang hài và che dù trên đầu khi ngài lên đường. Vị Độc Giác Phật muốn làm ông vui lòng nên nhận lễ vật và trong khi vị Bà-la-môn chiêm ngưỡng Ngài để tăng trưởng tín tâm, Ngài bay lên về lại núi Gandhamādana. Còn vị Bà-la-môn với tâm đầy hoan hỷ, tiến ra hải cảng và lên thuyền.

Khi ra đến đại dương vào ngày thứ bảy, con thuyền nứt ra và họ không thể tát hết nước được. Tất cả mọi người lo sợ cho mạng sống của mình, đồng thanh kêu gào, mỗi người kêu cầu một vị thần linh riêng của mình. Bậc Đại sĩ chọn một người hầu, thoa dầu khắp mình mẩy, ăn một đống đường mịn hòa với bơ tươi cho thỏa thích và cho người kia cùng ăn rồi ngài leo lên cột buồm. Ngài bảo:

– Về hướng kia là kinh thành của ta.

Vừa chỉ tay về hướng ấy, vừa gạt bỏ nỗi sợ hãi về các loài rùa, cá, ngài lặn xuống cùng với người hầu một khoảng xa chừng hơn một trăm năm mươi *cubit*.[7] Đám người kia chết đuối cả, còn bậc Đại sĩ cùng người hầu ấy bắt đầu tiến lên trên biển cả. Trong bảy ngày liền, ngài tiếp tục bơi. Ngay cả giờ phút ấy, ngài vẫn giữ trọn ngày trai giới, súc miệng với nước mặn.

Lúc bấy giờ, một nữ thần tên là Maṇimekhalā (Ngọc Đới) đã được lệnh của Tứ Thiên Vương: "Nếu gặp tàu chìm và tai họa xảy đến cho người đã quy y Tam bảo, đầy đủ giới đức, hoặc phụng thờ cha mẹ thì nàng phải lo cứu độ." Và để bảo vệ cho những người như vậy, nữ thần an trụ trên mặt biển. Nhờ thần lực của bà, bà không cần canh phòng trong suốt bảy ngày ấy. Song đến ngày thứ bảy, nhìn lướt trên mặt biển, bà thấy vị Bà-la-môn Saṁkha đức độ kia nên suy nghĩ: "Người đằng kia đã bị rớt xuống biển đến nay là ngày thứ bảy rồi, nếu ông chết đi thì ta mắc phải tội nặng lắm." Vì thế sinh lòng lo lắng, bà vội đổ vào chiếc đĩa bằng vàng đầy đủ mọi thức ăn thiên giới, phi nhanh như gió đến phía ngài, rồi dừng lại trước mặt ngài trên không và bảo:

– Này Bà-la-môn, ngài không ăn gì đã bảy ngày rồi, vậy hãy ăn thức này đi!

---

[7] 150 *cubit* tức khoảng 67m.

Vị Bà-la-môn nhìn bà đáp:

– Cất thức ăn của nàng đi, ta đang giữ giới kiêng ăn.

Người hầu của ngài không thấy nữ thần mà chỉ nghe âm thanh nên nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này nói lảm nhảm, ta chắc vì cơ thể ngài yếu đuối lại nhịn đói đã bảy ngày nên đang đau đớn và sợ chết, ta muốn an ủi ngài." Và người ấy liền ngâm vần kệ đầu:

39. La-môn Tôn giả, bậc uyên thâm,
Tôn giả vốn đầy đủ thánh tâm,
Đồ đệ thánh sư, sao lại phải,
Hoài tâm vô cớ nói lầm bầm,
Trong khi chẳng có ai đây cả,
Đối đáp ngoài tôi, lúc luận đàm?

Vị Bà-la-môn nghe nói, biết rằng người ấy không thấy vị thần kia nên bảo:

– Này hiền hữu, không phải ta sợ chết đâu, song đang có một vị khác ở đây để đàm đạo với ta đó.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

40. Xuất hiện thiên thần rực ánh quang,
Tặng ta tiên phạn để ta ăn,
Cao sang trên đĩa vàng bày sẵn,
Ta đáp nàng "không", dạ lạc hoan.

Sau đó, người hầu ngâm vần kệ thứ ba:

41. Nếu như người thấy một thiên thần,
Người hãy yêu cầu một đặc ân,
Xin đứng chắp tay van vị ấy,
Cho hay thiên nữ hoặc phàm nhân?

Vị Bà-la-môn bảo:

– Bạn nói phải lắm!

Rồi ngài hỏi bằng cách ngâm vần kệ thứ tư:

42. Nàng nhìn ta với vẻ thiết thân,
Bảo ta cầm lấy thức này ăn,
Hỏi nàng cao cả đầy uy lực,
Là nữ nhi hay một nữ thần?

Vị nữ thần lập tức ngâm hai vần kệ:

43. Ta, nữ thần uy lực đại cường,
Nơi này vội đến giữa trùng dương,
Tràn đầy từ mẫn, tâm hoan hỷ,
Vì cứu ngài trong bước cuối đường.

44. Nhìn đây thực phẩm, chốn an lành,
Nhiều loại cỗ xe đủ dáng hình,

Cho ngài làm chủ quyền tất cả,
Những gì ao ước tự tim mình.

Khi vừa nghe vậy, bậc Đại sĩ suy nghĩ đắn đo: "Đây là nữ thần giữa đại dương, bà tặng ta vật này vật nọ, cớ gì bà lại muốn đem tặng chúng cho ta? Có phải vì một công đức nào đó của ta hay do quyền lực riêng của bà mà bà làm như thế? Được, ta sẽ hỏi." Và ngài chất vấn điều này qua vần kệ thứ bảy:

45. Thưa, vậy tiên nương chính nữ hoàng,
Nắm quyền bao lễ vật nàng ban,
Mỹ nương yểu điệu, mày thanh tú,
Nghiệp quả nào ta tạo đấy chăng?

Vị nữ thần nghe ngài hỏi, nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này đã hỏi thế, chắc vì ngài tưởng ta không biết ngài đã làm việc lành nào. Ta muốn nói ngay cho ngài rõ." Vì vậy, bà đáp ngài qua vần kệ thứ tám:

46. Trên đường nóng bỏng kẻ đơn thân,
Khát nước, mệt nhừ, lại nhức chân,
Ngài đã dừng, mang tài vật cúng,
Ngày nay lễ ấy được hồng ân.

Lúc bậc Đại sĩ nghe thế, ngài nghĩ thầm: "Ô kìa, giữa đại dương khó vượt qua này, việc cúng dường đôi hài trở thành một đại phước báu cho ta. Ôi, việc dâng lễ vật lên một vị Độc Giác Phật thật tốt lành thay!" Rồi trong niềm hân hoan, ngài ngâm vần kệ thứ chín:

47. Xin chiếc thuyền bằng ván khéo xây,
Thuận buồm xuôi gió chạy như bay,
Mà không thấm nước trên đường biển,
Không thể dùng xe cộ chốn đây,
Xin chở ta về Molinī gấp,
Làm sao vừa kịp đúng hôm nay.

Nữ thần rất đẹp ý khi nghe những lời này liền làm phép cho chiếc thuyền hiện ra, được làm bằng bảy báu vật, chiều dài tám trăm *cubit*, chiều rộng sáu trăm *cubit*, chiều sâu hai mươi sải;[8] có ba cột buồm bằng ngọc bích, dây buộc bằng vàng, cánh buồm bằng bạc, các mái chèo và bánh lái đều bằng vàng ròng. Trong thuyền, vị nữ thần chất đầy bảy báu vật rồi ôm lấy vị Bà-la-môn đưa lên chiếc thuyền huy hoàng kia. Bà không chú ý đến người hầu cận, song vị Bà-la-môn vẫn chia phần phước lành cho người ấy hưởng. Người hầu rất sung sướng và nữ thần kia cũng ôm anh ta đặt lên thuyền. Liền đó, bà đưa thuyền đến kinh thành Molinī và sau khi đã chất đầy châu báu vào kho nhà vị Bà-la-môn, bà trở về nơi an trú mình.

Bậc Đạo sư với trí tuệ tối thắng đã ngâm vần kệ cuối cùng:

---

[8] 1 sải = 1,82m.

48. Thần nữ hân hoan, hạnh phúc tràn,
Làm cho xuất hiện chiếc thuyền thần,
Đem Saṁkha với người hầu cận,
Về đến kinh đô đẹp tuyệt trần.

Còn vị Bà-la-môn suốt đời ở nhà không ngừng bố thí rộng rãi và giữ giới hạnh nên khi mạng chung, ngài cùng các gia nhân đi lên cộng trú với chư thiên.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, vị cư sĩ ấy chứng đắc Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là nữ thần, Ānanda là người hầu và Bà-la-môn Saṁkha chính là Ta.

§443. CHUYỆN TRÍ GIẢ CULLABODHI (*Cullabodhijātaka*)[9] (*J.* IV. 22)

Ví thử người ta bắt quý nương...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một người tính hay nóng giận.

Người này, sau khi đã xuất gia tu tập, hành trì giáo pháp đưa đến giải thoát, an lạc trọn vẹn, lại không thể chế ngự cơn giận của mình. Ông lòng đầy bực tức, hiềm hận, song lại ít nói nên khi phẫn nộ, bị lôi cuốn vào cơn nóng giận, ông trở nên gay gắt chua cay và khó dạy bảo. Khi nghe nói đến tính hay nóng giận của ông, bậc Đạo sư cho gọi ông vào và hỏi có thật là ông hay nổi giận như lời đồn chăng. Vị này đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, tính nóng giận phải được chế ngự, vì một kẻ hành ác hạnh như vậy không thể nào có nơi an trú dù trong đời này hoặc đời sau. Tại sao, sau khi tu tập pháp môn giải thoát của đức Phật không có lòng sân giận, cớ gì ông lại tự mình tỏ ra nóng giận hay phẫn nộ? Các bậc Trí nhân ngày xưa, ngay cả những vị hành trì giáo pháp khác với chúng ta cũng đã kiềm chế được lòng phẫn nộ.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta lên ngôi ở Ba-la-nại, trong một thị trấn ở xứ Kāsi có một vị Bà-la-môn rất giàu có vàng bạc, gia sản đồ sộ, song lại không có con nên bà vợ cầu mong con trai. Vào thời ấy, Bồ-tát từ cõi Phạm thiên đi xuống trần, nhập mẫu thai của bà, rồi vào ngày lễ đặt tên, cha mẹ chọn cho ngài cái tên Bodhi (Giác Ngộ). Khi ngài đến tuổi khôn lớn, ngài đi đến

[9] Xem *J.* III. 93, *Ananusociyajātaka* (*Chuyện không khóc người chết*), số §328; *Cp.* 86, *Cūḷabodhicariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Cūḷabodhi*).

Takkasilā nghiên cứu đủ các môn học thuật, và sau khi về nhà, dù ngài không muốn, cha mẹ ngài vẫn đi cưới một thiếu nữ từ một gia đình cùng chung giai cấp về làm vợ ngài. Nàng ấy cũng xuống cõi trần từ Phạm thiên giới, có nhan sắc tuyệt thế chẳng khác nào một vị tiên nữ. Cả hai trở thành vợ chồng song không ai mong muốn chuyện đó cả. Không vị nào phạm vào dâm dục, cũng không vị nào liếc mắt nhìn người kia một cách say đắm, ngay cả trong giấc ngủ, hai vị cũng không có hành động tương tự, cả hai vị đều sống thanh tịnh như vậy. Sau một thời gian, khi song thân đều mất, ngài lo việc tang lễ cho thi hài cha mẹ chu đáo. Bậc Đại sĩ gọi vợ đến, bảo nàng:

– Này quý nương, nàng hãy giữ lấy gia sản tám trăm triệu đồng này và sống đời hạnh phúc!

– Không phải vậy đâu, đó là phần của phu quân.

Ngài bảo:

– Ta không cần vàng bạc, ta sẽ lên vùng Tuyết Sơn, trở thành một ẩn sĩ và tìm nơi cư trú ở đó.

– Vậy thưa phu quân tôn quý, chỉ nam giới mới được xuất gia tu hành thôi chăng?

Ngài đáp:

– Không phải vậy, nữ giới cũng được.

– Vậy thì thiếp cũng không muốn nhận lấy thứ chàng đã phun khỏi miệng, vì thiếp cũng không ham thích vàng bạc gì hơn chàng, thiếp cũng muốn thành ẩn sĩ như chàng.

– Này quý nương, tốt lành thay!

Rồi hai vị đem phân phát bố thí phần lớn tài sản và xuất gia, đến một vùng đất an lạc dựng am thất, tu hạnh ẩn sĩ. Các vị sống bằng trái cây rừng mà các vị kiếm được và cứ sống như vậy mười năm tròn, song vẫn chưa chứng đắc thiền định của bậc Thánh.

Thế là sau một thời gian sống tại đó, hưởng hạnh phúc của cuộc đời ẩn dật suốt mười năm liền, các vị ra đi ngang qua vùng quê để tìm muối và đồ gia vị và thuận đường đến Ba-la-nại liền vào trú chân trong vườn ngự uyển.

Bấy giờ, một ngày kia, vua thấy người giữ ngự viên đến dâng một món quà trong tay, ngài phán:

– Trẫm muốn liên hoan trong ngự viên, vậy hãy sắp xếp cho chỉnh tề!

Và khi hoa viên đã được dọn dẹp sạch sẽ sẵn sàng, vua ngự vào đó cùng đoàn cận thần hộ tống đông đảo. Lúc đó, cả hai vị ở trên một chỗ trong ngự viên, an hưởng lạc thú của cuộc sống tu hành. Còn vua khi đi ngang qua ngự viên, thấy hai vị ngồi đó, và khi mắt ngài chợt bắt gặp vị nữ nhân diễm lệ khả ái kia, ngài say mê ngay. Lòng ngài rúng động vì khát vọng dục tình, ngài quyết

định hỏi nàng có liên hệ gì đối với ẩn sĩ kia nên khi đi đến gần Bồ-tát, ngài hỏi ngay câu ấy. Bồ-tát đáp:

– Tâu Đại vương, nay nàng ấy chẳng có liên hệ gì đối với ta cả, nàng chỉ cùng chung đời sống tu hành với ta thôi, song trước kia khi ta còn sống đời thế tục thì nàng ấy đã là vợ ta.

Nghe vậy, vua thầm nghĩ: "Như vậy, vị này bảo nữ nhân kia chẳng là gì đối với ông cả, song khi còn sống đời thế tục nàng ấy đã là vợ ông. Được rồi, nếu ta dùng vương quyền bắt lấy nàng thì ông làm gì được? Cho nên ta muốn chiếm lấy nàng." Và vua vừa đến gần vừa ngâm vần kệ:

49. Ví thử người ta bắt quý nương,
Mắt tròn và cướp khỏi Tôn ông,
Người yêu ngồi đó đang cười nụ,
Ngài sẽ làm gì, hỡi Đạo nhân?

Bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ hai để đáp lại câu hỏi này:

50. Khi đã khởi lên, nó chẳng rời,
Chẳng bao giờ nữa, suốt đời tôi,
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Dập tắt nó thời mới nhú thôi.

Bậc Đại sĩ trả lời như vậy, lớn tiếng như sư tử hống. Song nhà vua dù đã nghe thế, vẫn không thể nào chế ngự được con tim say đắm của mình. Do nỗi si mê mù quáng, vua liền ra lệnh cho vị cận thần phải bắt nàng kia vào cung.

Vị cận thần tuân lệnh dẫn nàng đi, dù nàng đã thở than khóc lóc rằng làm ác nghiệp phi pháp là thói thường của thế gian, còn Bồ-tát nghe tiếng nàng kêu khóc, ngài chỉ nhìn một lần thôi, không nhìn nữa. Vì thế nàng bị đưa vào cung trong lúc đang kêu gào thê thảm.

Vua xứ Ba-la-nại không còn chần chờ ở ngự viên nữa mà nhanh chóng trở về cung, triệu nàng đến chầu và ban cho nàng nhiều vinh dự cao sang. Song nàng bảo những vinh quang đó chẳng có giá trị gì cả và duy chỉ đời sống độc cư là cao thượng nhất. Vua thấy không thể dùng cách gì để chinh phục được trái tim nàng nên truyền giữ nàng trong một phòng biệt lập và bắt đầu suy nghĩ: "Đây là một người đàn bà khổ hạnh không màng mọi thứ vinh quang này, và vị ẩn sĩ kia cũng không hề tỏ ra giận dữ khi người hầu bắt đi một nữ nhân tuyệt mỹ như vậy. Song những ẩn sĩ thường có mưu sâu lắm, chắc chắn ông đang lập mưu để hại ta. Được rồi, ta muốn trở lại gặp ông và tìm hiểu tại sao ông vẫn ngồi đó." Và thế là không thể ngồi yên được, vua đi vào ngự viên. Lúc ấy, Bồ-tát đang ngồi vá chiếc y. Vua chỉ đi một mình nên đến tận nơi, bước nhẹ nhàng không gây tiếng động. Bồ-tát vẫn tiếp tục vá y, chẳng nhìn đến vua. Vua nghĩ: "Người này tức giận rồi không nói chuyện với ta. Kẻ khổ hạnh này đúng là gã bịp bợm, trước tiên thét lớn: 'Ta không để sự phẫn nộ khởi lên, song nếu nó đã khởi lên, ta sẽ dập tắt nó

ngay', nhưng giờ đây sự phẫn nộ này cứ đeo đẳng dai dẳng nên gã không nói chuyện với ta đó!" Với ý nghĩ này, vua ngâm vần kệ thứ ba:

51. Ngài lớn tiếng khoe hay, Chừng một lát trước đây,
Nay lặng thinh vì giận, Ngài ngồi đó vá may.

Khi bậc Đại sĩ nghe thế, ngài hiểu vua tưởng ngài im lặng vì tức giận nên muốn tỏ ra là ngài không hề bị lòng phẫn nộ chi phối, ngài ngâm vần kệ thứ tư:

52. Hễ lúc nào sinh khởi nó rồi,
Chẳng bao giờ nó chịu rời tôi,
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Tôi dập nó thời mới nhỏ nhoi.

Khi nghe những lời này, vua suy nghĩ: "Có phải người này nói đến lòng sân hận hay điều gì khác nữa? Ta muốn hỏi ông cho rõ." Rồi vua ngâm vần kệ thứ năm:

53. Gì đó mà không thể bỏ ngài,
Chẳng bao giờ hết, suốt trong đời?
Như cơn mưa lắng dần tro bụi,
Ngài dập tắt gì lúc nhỏ nhoi?

Vị kia đáp:

– Thưa Đại vương, như thế nỗi sân hận thường đem lại nhiều đau khổ, nhiều tai hại, tàn khốc, nó chỉ vừa khởi lên trong ta, song nhờ nuôi dưỡng lòng từ mẫn, ta đã dập tắt được nó.

Rồi ngài ngâm các vần kệ sau để thuyết giảng về nỗi khổ đau vì hiềm hận:

54. Con người không nó thấy minh quang,
Có nó, mù đui trước nẻo đàng,
Nó khởi trong ta không thoát được,
Hận sân nuôi dưỡng bởi si cuồng.

55. Điều gì làm thích thú cừu nhân,
Kẻ muốn tâm ta phải khổ buồn,
Phát khởi trong ta không thoát được,
Hận sân nuôi dưỡng bởi si cuồng.

56. Cái điều nếu nổi dậy trong mình,
Che khuất người ta trước hạnh lành,
Đã phát trong ta không thoát được,
Căm hờn nuôi dưỡng bởi vô minh.

57. Điều làm tổn phước đức vô song,
Khiến kẻ bị lừa bỏ lập công,
Mãnh liệt, phá tan, đầy khủng khiếp,
Không rời ta nữa, ấy là sân.

58. Ngọn lửa lên cao sẽ lớn hơn,
Nếu mồi nhiên liệu được khơi tròn,
Bởi vì ngọn lửa lên cao mãi,
Nhiên liệu tự mình phải cháy luôn.

59. Cũng vậy trong tâm trí kẻ đần,
Người không thể nhận chân ra rằng,
Phát sinh phẫn nộ từ tranh cãi,
Bởi vậy thanh danh phải bại tàn.

60. Phẫn nộ nào tăng tựa lửa hừng,
Với mồi than củi cháy bừng bừng,
Như trăng nửa tháng đêm trời tối,
Đức hạnh tiêu hao, hủy hoại dần.[10]

61. Người nào chế ngự được lòng sân,
Như lửa mà không có củi than,
Như trăng nửa tháng trời dần sáng,
Công đức người kia cứ mãi tăng.

Khi vua nghe bậc Đại sĩ thuyết pháp xong, lòng rất hoan hỷ nên ra lệnh cho một vị cận thần đi dẫn người đàn bà đến và mời vị ẩn sĩ vô sản kia cùng ở lại với nàng trong ngự viên để an hưởng lạc thú của cuộc sống độc cư, vua hứa sẽ chăm sóc bảo vệ cho hai vị như bổn phận của mình. Sau đó, nhà vua xin hai vị tha thứ lỗi lầm và kính cẩn từ tạ ra về. Thế là hai vị ấy ở lại đó.

Dần dần về sau, người đàn bà ấy từ trần và sau khi nàng qua đời, vị ẩn sĩ trở về vùng Tuyết Sơn, tu tập các thắng trí và các thiền chứng làm cho tứ vô lượng tâm[11] sinh khởi trong lòng nên ngài được sinh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỳ-kheo hay sân hận kia đã được an trú vào Tam quả (Bất lai). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, mẫu thân của Rāhula (La-hầu-la) là nữ ẩn sĩ ấy. Ānanda là vị vua kia và vị ẩn sĩ chính là Ta.

---

[10] Hai câu kệ 60-61, xem *D.* III. 180, *Singālovādasutta* (*Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt*), số 31; *A.* II. 19, *Tatiyaagatisutta* (*Kinh thứ ba về sanh thú không nên đi*).

[11] Tứ vô lượng tâm (P. *catasso appamaññā,* S. *catvāryapramāṇāni*, 四無量心) còn gọi là "tứ Phạm trú" (P. *cattāro brahmavihārā*, S. *caturbrahmavihāra*, 四梵住), gồm có: Từ (P. *mettā*, S. *maitrī*, 慈), bi (P. & S. *karuṇā*, 悲), hỷ (P. & S. *muditā*, 喜), xả (P. *upekkhā*, S. *upekṣā*, 捨).

§444. CHUYỆN HẮC NHÂN DĪPĀYANA

(*Kaṇhadīpāyanajātaka*)[12] (*J.* IV. 27)

Bảy ngày tâm trí thật thong dong...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Câu chuyện này sẽ được nói rõ trong *Chuyện Đại đế Kusa.*[13]

Khi bậc Đạo sư hỏi lời đồn ấy có đúng không và vị Tỷ-kheo ấy đáp là đúng thì Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, thuở xưa trước khi đức Phật xuất hiện ở đời, các bậc Trí nhân ngay cả những vị hành trì một nếp tu tập không theo Chánh pháp, trong suốt hơn năm mươi năm bước đi trong Thánh hạnh mà không thích thú nhiệt tâm, song vì bản tính thận trọng khôn ngoan nên không bao giờ nói cho ai hay biết là các ông đã thối thất. Còn nay tại sao ông đã hành trì giáo pháp của Ta đưa đến giải thoát và ông đang đứng trước mặt một đức Phật Thế Tôn như Ta, sao ông dám bộc lộ sự thối thất của ông trước bốn hàng đệ tử? Tại sao ông không giữ được tính thận trọng e dè?

Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, trong quốc độ Vaṁsa có một vị vua trị vì Kosambī mệnh danh là Kosambika. Thời ấy, có hai vị Bà-la-môn ở một thị trấn kia, mỗi vị đều có tài sản tám trăm triệu đồng và là bạn thân thiết của nhau. Cả hai ông sau khi đã nhận thức sự tai hại của tham dục và đã phân chia của cải ra để bố thí liền từ bỏ thế tục ngay giữa tiếng than khóc của nhiều người thân, khởi hành về phía Tuyết Sơn, dựng am ẩn sĩ ở đó cho mình. Tại chốn ấy, trong năm mươi năm liền, hai vị sống đời ẩn sĩ, nuôi thân bằng trái cây, củ rừng mà hai vị tình cờ kiếm được, song các vị không thể chứng đắc được thiền định.

Sau năm mươi năm ấy trôi qua, các vị đi du hành qua vùng quê để xin muối và gia vị, đi đến vương quốc Kāsi. Trong một thị trấn của quốc độ này có một vị gia chủ tên là Maṇḍavya, đã từng là một thân hữu tại gia ngày trước của ẩn sĩ Dīpāyana. Hai vị liền đi đến thăm ông Maṇḍavya này. Vừa trông thấy hai vị, ông chủ nhà vô cùng thích thú liền xây cho hai vị một am tranh, cung cấp bốn loại vật dụng cần thiết của cuộc sống ẩn sĩ. Hai vị ở đó ba bốn mùa rồi từ giã ông, tiến về Ba-la-nại. Tại đây hai vị vào ở trong nghĩa địa trồng toàn cây tơ mành (*atimuttaka*). Khi Dīpāyana đã ở lại đó một thời gian như ý muốn, ngài trở về nơi người bạn xưa lần nữa, còn ẩn sĩ Maṇḍavya vẫn ở chỗ cũ.

Lúc bấy giờ, một ngày kia, có tên đạo tặc gây cướp bóc trong thị trấn và trở về từ nơi ấy cùng một số của cải cướp được. Các gia chủ, lính canh chạy ra cùng la to "kẻ trộm". Kẻ trộm bị các người này đuổi gấp đã thoát thân qua một

[12] Xem *Cp.* 99, *Kaṇhadīpāyanacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Kaṇhadīpāyana*).

[13] Xem *J.* V. 278, *Kusajātaka* (*Chuyện Đại đế Kusa*), số §531.

ống cống và trong lúc đang chạy quanh gần nghĩa địa, gã làm rơi gói đồ ở cửa nhà lá của vị ẩn sĩ ấy. Khi các chủ nhà thấy gói này, đồng kêu to:

– À, đồ khốn kiếp! Anh là quân trộm cướp ban đêm, còn ban ngày anh đi quanh quẩn giả dạng tu hành.

Rồi vừa phỉ báng vừa đấm đá, họ đem vị này vào yết kiến vua. Vua không bảo điều tra gì cả mà chỉ nói:

– Dẫn nó đi ra và đóng cọc vào nó!

Họ đem ông đến nghĩa địa, đặt ông vào cái cọc bằng gỗ cây keo. Song cây cọc không chịu đâm qua thân của vị ẩn sĩ. Kế đó, họ mang vào cái cọc khác, song cái này cũng không đâm thủng ông. Kế đó là cái cọc sắt cũng không thể đâm thủng thân ông được. Ông tự hỏi hành động nào trong quá khứ của mình đã gây nên sự việc này liền quan sát quá khứ, trong tâm ông khởi lên tri kiến về các đời trước. Nhờ nhìn lại quá khứ, ông thấy những việc mình đã làm từ lâu, đó chính là việc đâm thủng một con ruồi trên một mảnh gỗ mun.

Chuyện kể rằng trong một đời trước, ông là con trai một người thợ mộc. Một bữa nọ, ông đi đến chỗ người cha thường đốn cây và ông đã dùng một mảnh gỗ mun đâm thủng một con ruồi như thể đóng cọc vào nó. Chính ông phát giác ra tội ác kia vào giờ phút nguy kịch này, ông nhận thức rằng không thể nào thoát khỏi ác nghiệp cũ được nên bảo các quân hầu của vua:

– Nếu các ông muốn đóng cọc ta, hãy lấy cái cọc bằng gỗ mun!

Họ làm theo và đóng cọc vào người ông xong, họ để lại một tên quân canh giữ và ra đi. Bọn lính canh từ một nơi ẩn nấp quan sát mọi việc xảy ra đối với ông. Lúc bấy giờ, Dīpāyana suy nghĩ: "Ta đã gặp đạo hữu của ta cách đây lâu rồi" liền muốn đi tìm bạn. Khi nghe tin bạn đã bị đóng cọc treo lên suốt ngày bên vệ đường, ông liền đi đến đứng bên bạn và hỏi bạn đã làm gì.

Vị ấy đáp:

– Ta không làm gì cả.

Vị kia lại hỏi:

– Thế Hiền hữu có biết cách đối trị với sân hận trong lòng hay không?

Người bạn đáp:

– Này Hiền hữu, ta không thấy sân hận gì những người đã bắt ta, cũng không hiềm hận vua, không có nỗi oán hờn nào trong tâm ta cả.

– Nếu vậy thì bóng mát của một vị đức độ như thế này cũng đủ đem lại an lạc cho đời ta rồi.

Cùng với những lời này, ông ngồi xuống cạnh cây cọc. Từ thân của Maṇḍavya rơi xuống vài giọt máu trên thân người bạn. Vì chúng rơi xuống làn da vàng óng và khô đi như thể các chấm đen trên đó. Từ đó về sau, ông có tên là Kaṇhadīpāyana (Hắc Nhân Dīpāyana). Và ông cứ ngồi yên tại chỗ suốt đêm.

Ngày hôm sau, bọn quân canh đến kể mọi chuyện với vua, ngài bảo:

– Ta đã hành động quá hấp tấp.

Rồi vua vội vã đến nơi, hỏi Dīpāyana chuyện gì đã khiến ông ngồi bên cây cọc. Ông đáp:

– Tâu Đại vương, thần ngồi đây để canh bạn. Nhưng xin cho biết người này đã làm gì, hay bỏ dở việc gì chưa làm mà Đại vương đối xử như vậy?

Vua giải thích là vấn đề chưa được điều tra. Vị kia đáp:

– Tâu Đại vương, một vị vua phải hành động cẩn trọng, một người thế tục phóng túng, ham mê dục lạc là điều không hay.

Và ông còn khuyến cáo nhà vua thêm những việc tương tự như thế nữa.

Khi vua thấy Maṇḍavya vô tội, ngài ra lệnh nhổ cọc lên. Nhưng dù bọn chúng gắng hết sức cũng không nhổ lên được. Maṇḍavya bảo:

– Tâu Đại vương, thần phải chịu mang sự ô nhục này là do một lỗi lầm đã phạm thời xa xưa nên không thể nào nhổ cọc ra khỏi thân này được. Song nếu Đại vương muốn cứu mạng thần, xin bảo đem đến cái cưa, xẻ cái cọc ngang sát lớp da.

Vua bảo làm như thế nên phần cây cọc nằm trong thân ông vẫn còn đó. Vì chuyện kể rằng trước kia có lần ông cầm một viên kim cương nhỏ đâm thủng ống mật của một con ruồi nọ để nó khỏi chết cho đến lúc nó tận số. Nhờ vậy ông cũng không chết luôn. Chuyện kể như thế.

Còn nhà vua đảnh lễ hai vị ẩn sĩ xin thứ lỗi rồi mời hai vị vào trú ngụ trong ngự viên và chăm sóc hai vị tại chỗ ấy. Cũng từ đó, Maṇḍavya được gọi là "Maṇḍavya mang cái cọc", cứ sống ở nơi này gần gũi nhà vua. Phần Dīpāyana, sau khi chữa lành vết thương cho bạn xong, lại trở về với bạn xưa là gia chủ Maṇḍavya. Khi gia nhân nhận thấy vị này đi vào am thất cũ liền đi báo tin với gia chủ. Ông chủ nghe tin lòng rất hoan hỷ, cùng với vợ con đem nhiều hương liệu, tràng hoa, dầu, đường đi đến am thất đảnh lễ Dīpāyana, rửa chân và thoa dầu thơm cho vị này xong đem mời nước uống và ngồi lắng nghe câu chuyện ẩn sĩ Maṇḍavya mang cái cọc.

Bấy giờ, con trai của gia chủ là Yaññadatta đang chơi đùa với quả cầu ở cuối mái hiên. Tại đó, có một con rắn sống trong một ổ mối. Trái cầu của cậu con trai bị ném xuống đất, chạy tọt vào ổ mối kia và rơi nhằm con rắn. Vì không biết sự này, cậu thò tay vào lỗ. Con rắn tức giận cắn tay cậu, khiến cậu ngã xuống bất tỉnh vì nọc độc của rắn quá mạnh. Sau đó, cha mẹ cậu thấy con bị rắn cắn liền nâng con dậy đem đến vị ẩn sĩ kia, đặt cậu nằm dưới chân vị này và nói:

– Thưa Tôn giả, các bậc tu hành thường biết các cây thảo dược và bùa chú, xin Tôn giả chữa trị cho con chúng tôi.

– Ta đâu biết gì về thảo dược, ta không làm nghề y sĩ bao giờ.

– Thưa Tôn giả, ngài là bậc tu hành xin thương xót thằng bé này và thực hiện một lời nguyện cầu chân thật.

Vị ẩn sĩ đáp:

– Được lắm, ta sẽ thực hiện một lời nguyện cầu chân thật.

Rồi vừa đặt tay lên đầu Yaññadatta, ông vừa ngâm vần kệ đầu:

62. Bảy ngày tâm trí thật thong dong,
Thanh tịnh sống đời ước lập công,
Từ đó năm mươi năm ẩn dật,
Chú tâm ta bộc bạch lời chân,
Nơi đây ta sống dù không muốn,
Lời thật này mong tạo phước ân,
Khiến nọc độc không còn hiệu lực,
Cậu trai này sẽ tỉnh lên dần.

Không bao lâu khi lời nguyện cầu chân thật này được thực hiện thì chất độc phóng ra từ ngực của Yaññadatta và chui xuống đất. Cậu bé mở đôi mắt nhìn cha mẹ và kêu:

– Mẹ ơi!

Rồi cậu quay người lại nằm im. Lúc ấy, Hắc Nhân Dīpāyana bảo người cha:

– Ta đã dùng hết khả năng của ta, nay đến thời bạn dùng khả năng của mình đi.

Người cha đáp:

– Vậy tôi sẽ thực hiện lời nguyện cầu chân thật!

Rồi vừa đặt tay lên ngực con trai, ông vừa ngâm vần kệ thứ hai:

63. Không chút quan tâm vật cúng dường,
Ta đem đãi mọi khách qua đường,
Song người Hiền trí chưa hề biết,
Ta đã tự kiềm chế bản thân,
Dù bố thí, ta lòng miễn cưỡng,
Cầu mong lời thật tạo hồng ân,
Làm cho nọc độc thành vô hiệu,
Thằng bé này đây được tỉnh dần.

Sau khi ông thực hiện lời nguyện cầu chân thật này, từ lưng cậu bé nọc độc xuất ra và chui xuống đất. Cậu ngồi dậy nhưng chưa thể đứng lên được. Lúc ấy, người cha bảo người mẹ:

– Này phu nhân, ta đã dùng hết khả năng của ta, bây giờ chính bà dùng năng lực của mình phát lời nguyện cầu chân thật để làm cho con bà đứng lên và đi được.

Bà vợ đáp:

– Tôi cũng có một sự thật muốn nói ra, nhưng trước mặt quý vị tôi không thể nói được.

Ông bảo:

– Này phu nhân, hãy dùng hết mọi phương cách làm cho con ta bình phục!

Bà đáp:

– Thế thì tốt lắm!

Và lời nguyện cầu chân thật của bà được đưa ra trong vần kệ thứ ba:

64. Rắn nọ cắn con mới nãy giờ,
Nằm trong lỗ ấy, hỡi con thơ,
Và cha con đó, này ta bảo,
Là một, trong tim mẹ hững hờ,
Mong sự thật này mang phước đức,
Nọc tan, con trẻ tỉnh hồn mơ!

Không bao lâu sau khi lời nguyện cầu chân thật này được thực hiện thì tất cả nọc độc đều tuôn ra và chui xuống đất. Yaññadatta đứng dậy, toàn thân cậu đã được tẩy sạch hết chất độc nên cậu bắt đầu chơi đùa. Khi cậu bé đã hồi tỉnh như thế xong, gia chủ Maṇḍavya hỏi về tâm tư của Dīpāyana qua vần kệ thứ tư:

65. Người ta xuất thế, trí quang minh,
Thuần thục, tâm không chút bất bình,
Trừ bạn Kaṇha, sao thối thất,
Chẳng mong tiến bước đạo tu hành?

Để đáp lại lời này, vị kia ngâm vần kệ thứ năm:

66. Xuất thế rồi quay lại cõi trần,
Chắc người ta nghĩ: "Kẻ ngu đần!"
Chính điều này khiến ta lùi bước,
Ta vẫn hành trì đạo Thánh nhân,
Tuy vậy ta không còn phát nguyện,
Ta theo Thánh đạo bởi nguyên nhân,
Được lời khen ngợi từ người trí,
Là cách người hiền thiện trú thân.

Sau khi đã giải thích lối suy nghĩ của mình như vậy xong, vị này hỏi Maṇḍavya lần nữa qua vần kệ thứ sáu:

67. Nhà bạn đây như thể quán ăn,
Chứa đồ ẩm thực để cúng dâng,
La-môn, Trí giả cùng du khách,
Thỏa mãn cơn khao khát, đói lòng,
Xong sợ điều gì gây tiếng xấu,
Nên lòng miễn cưỡng lại cho không?

Đến lượt Maṇḍavya giải thích ý tưởng mình qua vần kệ thứ bảy:

68. Giữ gìn Thánh hạnh các cha ông,
Là thí chủ ban phát rộng lòng,
Theo gót xưa, ta đầy cẩn trọng,
Sinh thời đường lối của gia tông,
Sợ mình sẽ biến thành suy thoái,
Nên miễn cưỡng lòng vẫn biếu không.

Sau khi nói xong, Maṇḍavya hỏi vợ qua vần kệ thứ tám:

69. Khi còn thiếu nữ trí ngây thơ,
Ta cưới bà về tự nhạc gia,
Bà chẳng bảo lòng ta lãnh đạm,
Làm sao bà sống cả đời bà,
Không tình gắn bó, không thương mến,
Bà đã vì đâu ở lại nhà,
Hỡi quý phu nhân đầy yểu điệu,
Sống đời lạnh lẽo thế cùng ta?

Bà vợ đáp qua vần kệ thứ chín:

70. Chẳng phải là nề nếp cổ phong,
Cho người làm vợ lại thay chồng,
Chẳng bao giờ thế nên tôi vẫn,
Giữ thói lề kia, kẻo ngại rằng,
Tôi bị người xem là thoái hóa,
Chính niềm lo sợ tiếng đồn hung,
Khiến tôi ở lại và chung sống,
Chẳng có tình yêu, vẫn lạnh lòng.

Sau khi vừa nói điều này ra xong, một ý nghĩ chợt đến với bà: "Nay ta đã nói điều bí mật kia với chồng ta rồi, cái điều bí mật chưa hề bao giờ được nói ra cả! Chắc chàng sẽ giận ta lắm. Vậy ta muốn được xin lỗi chàng ngay trước mặt vị ẩn sĩ này vốn là bạn chân tình của nhà ta!" Với mục đích trên, bà ngâm vần kệ thứ mười:

71. Giờ đây thiếp lỡ nói rồi,
Những điều chẳng đáng nên lời nói ra,
Vì con, mong ước thứ tha,
Không gì hơn được mẹ cha nồng tình,
Yaññadatta, con của chúng mình,
Trước đây đã chết, hồi sinh bây giờ!

Maṇḍavya nói:

– Thôi phu nhân hãy đứng dậy đi, tôi tha lỗi cho bà rồi! Từ nay bà đừng vô tình với tôi nữa, rồi tôi sẽ không bao giờ buồn phiền gì bà đâu.

Còn Bồ-tát bảo Maṇḍavya:

– Trong khi thu thập được nhiều của cải bất chính rồi bạn lại phân phát bố thí rộng rãi, song không có lòng tin rằng hành động ấy là hạt giống an lành mang lại dị thục quả, như thế là bạn sai lầm đấy. Trong tương lai, bạn hãy tin tưởng vào công đức của lễ vật bố thí và bạn hãy bố thí cúng dường!

Vị gia chủ hứa làm như vậy và nói với Bồ-tát:

– Thưa Tôn giả, chính Tôn giả cũng sai lầm khi nhận lễ vật của chúng tôi cúng dường trên bước đường Thánh hạnh mà lòng không phát nguyện tu hành. Giờ đây để cho hạnh nghiệp của Tôn giả mang lại nhiều phước quả dồi dào, xin từ nay về sau Tôn giả tiến lên trong Thánh đạo với lòng an tịnh thanh thản và tràn đầy thiên lạc.

Rồi hai ông bà giã từ bậc Đại sĩ và ra về. Từ đó về sau, bà vợ thương yêu chồng mình, gia chủ Maṇḍavya giữ tâm thanh tịnh, đem của cải bố thí với đầy đủ lòng tin, còn Bồ-tát xua tan hết lòng thối thất và tu tập các thắng trí, thiền định nên khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, khi kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là gia chủ Maṇḍavya, Visākhā (Tỳ-xá-khư) là bà vợ, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Maṇḍavya mang cái cọc và Hắc Nhân Dīpāyana chính là Ta.

§445. CHUYỆN VUA NIGRODHA (*Nigrodhajātaka*) (*J.* IV. 37)

Người đó là ai, ta chẳng hay...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Một bữa nọ, các Tỷ-kheo bảo vị này:

– Này Hiền hữu Đề-bà-đạt-đa, bậc Đạo sư cứu độ Hiền hữu rất nhiều! Từ bậc Đạo sư, Hiền hữu đã được xuất gia và thọ Đại giới, Hiền hữu đã học Tam Tạng là lời nói của đức Phật; Hiền hữu đã làm phát khởi thiền định trong tâm; việc nhận được lợi lộc cũng vậy, những điều ấy là từ đấng Thập Lực.

Nghe vậy, vị này liền đưa lên một cọng cỏ và nói:

– Ta không thấy một điều lợi lạc nào mà Sa-môn Gotama đã tạo cho ta cả dù chỉ bằng cọng cỏ này.

Tăng chúng bàn tán việc ấy trong pháp đường. Khi bậc Đạo sư bước vào, Ngài hỏi các vị ấy đang bàn luận điều gì trong lúc ngồi đó. Các vị trình lên Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu mà từ lâu cũng như bây giờ, Đề-bà-đạt-đa đã vô ơn và phản bội thân hữu.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, một vị vua danh hiệu là Magadha (Ma-kiệt-đà) cai trị ở thành Rājagaha (Vương Xá).

Một thương nhân trong thành ấy cưới về nhà cho con trai mình một người vợ, đó là con gái của một thương nhân ở thôn quê. Song nàng ấy không sinh sản gì. Theo thời gian, vì nguyên cớ đó, lòng kính trọng đối với nàng giảm đi, cả nhà thường nói chuyện để cho nàng có thể nghe được như vầy:

– Khi có một người vợ không sinh sản trong nhà, con trai ta làm sao nối dõi tông đường được?

Chuyện này cứ đến tai nàng mãi, nàng tự nhủ: "Ồ, được rồi, ta sẽ giả vờ mang thai để đánh lừa họ."

Thế là nàng hỏi nhũ mẫu tốt bụng của nàng:

– Đàn bà có thai phải làm gì?

Và khi được chỉ bảo những điều cần làm để giữ gìn thai nhi, nàng giấu kín thời kỳ hành kinh của nàng, lại tỏ ý thích ăn các vị chua mới lạ. Vào lúc tay chân bắt đầu to lên, nàng nhờ chúng bạn đập vào tay chân và lưng cho đến khi chúng sưng phồng lên. Dần dần nàng bó quanh người nàng bằng giẻ vụn và vải làm cho thân thể có vẻ lớn dần, lại bôi đen hai đầu vú và chỉ trừ bà nhũ mẫu ấy ra, không ai được phép ở bên nàng lúc nàng tắm rửa. Chồng nàng cũng tỏ ra chăm sóc nàng chu đáo cho phù hợp với hoàn cảnh ấy.

Sau chín tháng trôi qua trong cảnh này, nàng tỏ ý muốn trở về nhà sinh con trong nhà cha mẹ mình. Vì vậy, nàng từ giã cha mẹ chồng, lên xe cùng một số gia nhân từ bỏ thành Vương Xá lại đằng sau, thẳng tiến lên đường.

Lúc bấy giờ, trước mặt nàng có một đoàn xe ngựa đang du hành và lúc nào nàng cũng đến vào khoảng giờ ăn điểm tâm ở địa điểm mà đoàn xe kia vừa mới ra đi. Vào một đêm kia, một người đàn bà nghèo khổ trong đoàn xe đã hạ sinh một bé trai dưới gốc cây đa và nghĩ rằng nếu không có đoàn xe ấy thì bà không thể đi thêm được nữa; song nếu bà sống, bà có thể nhận được hài nhi ấy nên bà quấn nó lại, để nó nằm dưới gốc cây đa. Vị thần cây này săn sóc cho hài nhi. Đó không phải là một đứa bé bình thường mà chính là Bồ-tát xuất hiện ở đời trong hình thức ấy.

Vào giờ ăn sáng, đoàn lữ hành kia đã đến nơi đó, còn nàng ấy cùng nhũ mẫu của nàng đi riêng ra chỗ bóng mát của cây đa để rửa ráy, chợt thấy hài nhi có màu vàng chói nằm đó. Lát sau, nàng gọi bà nhũ mẫu bảo rằng mục tiêu của họ đã đạt được rồi, nàng liền mở các lớp vải quấn bụng ra, tuyên bố hài nhi ấy là con nàng và nàng vừa mới sinh ra nó.

Các kẻ hầu cận lập tức dựng lều để dành chỗ ở riêng cho nàng và vô cùng hân hoan gởi một lá thư về thành Vương Xá. Cha mẹ chồng nàng đáp thư lại

rằng vì hài nhi đã ra đời nên nàng không cần phải trở về nhà cha nàng nữa mà hãy quay lui. Vì vậy, nàng lập tức trở về Vương Xá. Và gia đình chồng thừa nhận hài nhi ấy nên khi hài nhi được đặt tên, họ đặt tên theo chốn ra đời là Nigrodha (Đa Mộc).

Cùng ngày hôm ấy, cô con dâu của một thương nhân trên đường về nhà cha ruột để sinh con đã cho ra đời một bé trai dưới cành cây nên họ đặt tên là Sākha (Nhành). Và cũng cùng ngày hôm đó, vợ của người thợ may làm việc cho thương nhân này lại sinh một con trai giữa đống vải vụn của nàng nên họ đặt tên là Pottika (Nhồi Bông).

Nhà đại phú thương cho đi tìm hai hài nhi ấy về, vì chúng sanh cùng một ngày với Nigrodha và nuôi chúng với nhau.

Các đứa trẻ cùng lớn lên, về sau cùng đi đến Takkasilā để hoàn thành việc học tập. Cả hai nam tử con các thương nhân nhận được hai ngàn đồng để trả học phí cho thầy giáo, Nigrodha bảo trợ việc học tập cho Pottika.

Khi việc học hành đã hoàn tất, các cậu từ giã thầy giáo và ra đi với ý định tìm hiểu phong tục dân quê nên cứ ngao du mãi, lúc vừa đến thành Ba-la-nại liền nằm xuống nghỉ ngơi trong một ngôi đền thờ.

Khi ấy, vua xứ Ba-la-nại đã băng hà được bảy ngày, có tiếng trống lệnh loan báo khắp kinh thành rằng ngày mai sẽ có xe hoa hành lễ. Ba người bạn ấy đang nằm ngủ dưới gốc cây, vào tảng sáng, Pottika thức dậy, vừa ngồi vừa xoa bóp chân cho Nigrodha. Có những con gà trống đang ở trên cây ấy, con gà trên ngọn cây làm rơi một cục phân trên con gà ở gần gốc cây.[14] Con này hỏi:

– Cái gì rớt trên ta thế này?

Con kia đáp:

– Xin Tôn ông đừng giận, ta không cố ý làm như vậy.

– Thế chú tưởng thân ta là chỗ để chú thả phân ra hay sao? Chú không biết giá trị của ta, điều ấy đã rõ quá!

Nghe vậy, con gà kia đáp lại:

– Ô kìa, ngài cứ thịnh nộ mãi, dù ta đã nói là ta không cố ý làm việc đó. Thế xin cho ta biết giá trị của ngài ra sao?

– Hễ bất kỳ ai giết ta ăn thịt sẽ được một ngàn đồng tiền ngay sáng nay. Đó không phải là điều đáng tự hào hay sao?

Gà kia đáp lại:

– Úi chà! Úi chà! Tự hào gì cái việc vặt vãnh ấy! Này, nếu cứ giết ta và ăn mỡ của ta thì sẽ trở thành vua ngay sáng nay, còn nếu ai ăn thịt ở bụng sẽ thành đại tướng, ai ăn thịt ở ức sẽ thành quan giữ ngân khố.

---

[14] Xem *J.* II. 411, *Sirijātaka* (*Chuyện vận may*), số §284.

Pottika nghe lọt hết mọi chuyện này. Cậu suy nghĩ: "Có một ngàn đồng tiền để làm gì chứ, được làm vua là tuyệt nhất!" Thế là nhẹ nhàng trèo lên cây, cậu nắm lấy con gà trống trên ngọn cây, giết nó đi và nướng gà trên than hồng, đem mỡ gà cho Nigrodha, thịt bụng cho Sākha, còn chính mình ăn thịt quanh xương ức. Khi đã ăn xong, cậu bảo:

– Thưa công tử Nigrodha, hôm nay ngài sẽ làm vua; thưa công tử Sākha, hôm nay ngài sẽ làm đại tướng; còn tôi sẽ làm quan giữ kho báu.

Hai cậu kia hỏi làm thế nào biết được chuyện ấy, cậu liền kể lại hết.

Vì vậy, vào khoảng giờ ăn buổi cơm sáng trong ngày, ba cậu vào thành Ba-la-nại. Tại nhà một vị Bà-la-môn, các cậu được ăn một bữa cháo gạo với bơ tươi và đường rồi từ kinh thành các cậu vào ngự viên. Nigrodha nằm xuống một phiến đá, hai cậu kia nằm bên cạnh. Vừa lúc ấy, dân chúng cử hành lễ rước xe hoa cùng với năm biểu tượng của vương quyền[15] trên đó. Các chi tiết câu chuyện này sẽ được tả trong *Chuyện Đại vương Mahājanaka*.[16] Vương xa tiến vào và dừng lại, đứng sẵn sàng để các vị bước lên. "Chắc có một bậc Đại nhân tài đức ở đây", viên quan tế lễ tự nhủ. Ông bước vào ngự viên, nhìn thấy cậu thanh niên này, rồi giở lớp vải dưới bàn chân cậu để quan sát các dấu hiệu trên đó. Ông bảo:

– Ô kìa, người này có số được làm vua toàn cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ), chứ nói gì chỉ một thành Ba-la-nại.

Và ông ra lệnh cho chuông trống, thanh la nổi lên. Nigrodha thức dậy, ném tấm vải trùm mặt ra liền thấy một đám đông vây quanh cậu. Cậu quay nhìn quanh quẩn, nằm im một lát rồi trở dậy ngồi xếp bằng đôi chân. Vị tế sư quỳ xuống bảo:

– Tâu Thần nhân, vương quốc này thuộc về ngài.

Cậu đáp:

– Được rồi, cứ như vậy.

Vị tế sư liền đặt cậu ngồi trên một đống báu vật rồi làm lễ Quán đảnh[17] phong vương cho cậu. Khi được phong vương như vậy rồi, vua ban chức Đại tướng cho Sākha, rồi vào kinh thành trong cảnh uy nghi trọng thể, còn Pottika cũng đi vào với hai người. Từ ngày ấy trở về sau, bậc Đại sĩ cai trị rất đúng pháp tại Ba-la-nại.

Một ngày kia, chợt nhớ đến song thân, ngài bảo tướng Sākha:

---

[15] Năm biểu tượng của vương quyền gồm có bảo kiếm, lọng trắng, vương miện, đôi hài và cái quạt bằng lông đuôi trâu rừng.

[16] Xem *J.* VI. 30, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Māhajanaka*), số §539.

[17] Quán đảnh (P. *Abhiseka*, S. *Abhiṣeka*, 灌頂): Khai tâm, xua tan sự bất tịnh, ủy quyền. Theo tập tục Ấn Độ cổ xưa, vị vua, hoàng hậu, hay thái tử trước khi lên ngôi sẽ được làm lễ Quán đảnh với nghi thức rưới nước lên đầu như một nghi tắc thiêng liêng. Phật giáo Tây Tạng cũng thực hiện nghi lễ Quán đảnh khi vị thầy truyền mật pháp cho đệ tử.

– Này hiền hữu, ta không thể sống thiếu cha mẹ được. Vậy hãy đem một đoàn người về tìm song thân ta!

Song tướng Sākha từ chối. Ông bảo:

– Đó không phải là việc của hạ thần.

Sau đó, ngài bảo Pottika làm việc ấy. Pottika tuân lệnh lên đường, tiến về nhà song thân của Vua Nigrodha, nói cho hai vị biết là con trai của họ đã lên làm vua và mong họ đến ở với ngài. Song họ từ chối, bảo rằng họ đã có cả thế lực lẫn giàu sang rồi, đầy đủ như vậy, họ không muốn đi nữa. Chàng cũng đi mời song thân tướng Sākha đến triều, nhưng họ cũng chỉ thích ở lại đấy hơn, và khi chàng về mời chính song thân, họ bảo:

– Chúng ta sống bằng nghề may vá, thế đủ rồi, đủ rồi!

Và họ cũng từ chối như những vị kia. Vì chàng không đáp ứng nguyện vọng các vị lão thân, chàng đành trở về Ba-la-nại. Chàng nghĩ rằng sẽ về và nghỉ ngơi cho đỡ mệt nhọc vì cuộc hành trình tại nhà vị đại tướng trước khi yết kiến Vua Nigrodha liền đến nhà kia. Chàng bảo người canh cổng:

– Xin báo cho đại tướng biết thân hữu Pottika đến đây.

Người ấy tuân lệnh. Song tướng Sākha vẫn mang mối hiềm hận đối với chàng vì tướng ấy cho rằng chàng đã giao vương quyền cho Nigrodha thay vì giao cho mình, cho nên khi nghe lời nhắn này, tướng quân nổi cơn thịnh nộ:

– Thân hữu như vậy ư? Ai là thân hữu của nó? Nó chỉ là thằng thô tục, hạ đẳng, ngu ngốc. Hãy tóm lấy nó ngay!

Thế là chúng đánh đá chàng, nện nhừ tử bằng chân cẳng, cùi chỏ một trận nên thân rồi tóm cổ chàng quẳng ra đường. Chàng suy nghĩ: "Sākha được chức vụ Đại tướng nhờ ta, thế mà nay nó phản bội, độc ác, đã đánh đập ta rồi quẳng ta ra đường. Song còn bạn Nigrodha là bậc Hiền nhân, biết ân nghĩa và lương thiện, ta sẽ đi gặp bạn ấy."

Thế là chàng đến cửa cung, đưa tin vào nhà vua rằng thân hữu của ngài là Pottika đang chờ ở cửa. Vua mời chàng vào, khi thấy chàng đến gần, ngài liền đứng dậy, tiến đến đón chàng, chào hỏi rất thân thiết. Ngài ra lệnh cạo râu tóc và chăm sóc chàng chu đáo rồi trang điểm cho chàng bằng các loại ngọc vàng, đãi tiệc chàng đầy đủ thức ăn cao lương mỹ vị. Xong xuôi, nhà vua lại ân cần ngồi bên chàng hỏi thăm song thân của mình, chàng tường trình cho ngài biết hai vị từ chối việc đến đây ở.

Lúc bấy giờ, tướng Sākha nghĩ rằng: "Chắc Pottika sẽ phỉ báng ta vào tai đức vua, song nếu ta đến bên ngài, gã sẽ không thể nói được." Vì thế, chàng này cũng đến đó. Còn Pottika, dù có Sākha hiện diện, vẫn tâu với vua:

– Tâu Chúa thượng, khi hạ thần mệt nhọc vì đường xa, đã đến nhà tướng Sākha, hy vọng nghỉ ngơi tại đó trước rồi đến yết kiến ngài sau. Song tướng Sākha bảo: "Ta chẳng biết gã đó!" rồi đối xử tàn tệ với hạ thần và tóm cổ hạ thần quẳng ra ngoài! Xin Chúa thượng tin lời hạ thần nói.

Cùng với các lời này, chàng ngâm ba vần kệ:

72. Người đó là ai, ta chẳng hay,
Ai là thân phụ của người đây,
Nhành còn hỏi: Nó là ai đó?
Đa hỡi, nghĩ sao trước việc này?

73. Đầy tớ Nhành kia cứ y lời,
Đấm, thoi, tát, đánh khắp người tôi,
Rồi còn chụp lấy tôi vào cổ,
Từ đó lôi tôi quẳng phía ngoài.

74. Phản bội như vầy đối với tôi,
Chỉ người độc ác mới làm thôi,
Vong ân bạc nghĩa là ô nhục,
Gã cũng bạn ngài, Chúa thượng ôi!

Nghe những lời này, Vua Nigrodha liền ngâm bốn vần kệ:

75. Ta chẳng hề nghe cũng chẳng hay,
Một ai từng nói chuyện như vầy,
Xấu xa như bạn đang tường thuật,
Nhành ấy vừa làm tại chốn đây.

76. Bạn cùng ta sống với Nhành,
Đồng bạn chí tình thuở đã qua,
Bạn đã dành phần cho mỗi một,
Hướng quyền vương tước tặng hai ta,
Vinh quang ta được là nhờ bạn,
Còn có gì nghi hoặc nữa mà.

77. Khi hạt ném trong ngọn lửa hồng,
Cháy rồi, hạt chẳng thể gieo trồng,
Ta làm việc thiện cho người ác,
Cũng vậy nó tàn lụi diệt vong.

78. Chúng chẳng như nhiều kẻ biết ơn,
Những người đức hạnh, bậc Hiền lương,
Đất lành, hạt chẳng hề quăng bỏ,
Như việc làm cho các thiện nhơn.

Trong khi Vua Nigrodha ngâm kệ trên, tướng Sākha đứng im tại chỗ. Sau đó vua hỏi:

– Này bạn Sākha, bạn có nhận ra anh chàng Pottika này không?

Gã đành câm lặng. Vua liền truyền lệnh xử gã này qua những lời của vần kệ thứ tám:

79. Tóm tên hèn hạ bội ân này,
Tư tưởng nó đà xấu ác thay,

Đâm nó, vì ta cho nó chết,
Nghĩa gì đời nó với ta đây?

Sau khi Pottika nghe nói vậy liền suy nghĩ trong lòng: "Chớ nên để kẻ ngu si này chết vì ta!" nên chàng ngâm vần kệ thứ chín:

80. Đại vương, mong mở lượng từ bi,
Thật khó tìm đời sống mất đi,
Chúa thượng dung tha cho nó sống,
Thần mong thằng khốn chẳng sầu chi.

Khi vua nghe vậy, ngài tha tội cho Sākha và ngài muốn ban chức Đại tướng cho Pottika, song chàng không nhận. Rồi vua phong chàng chức Chưởng khố, và với chức vụ đó, chàng xét xử các thương nhân. Trước kia chẳng có chức vụ đó, song chức vụ này tồn tại từ đây về sau. Dần dần với thời gian, quan Chưởng khố Pottika được phước đầy đủ con trai con gái, đã ngâm vần kệ cuối cùng để giáo hóa các con:

81. Ta cần sống với Nigrodha,
Chẳng tốt gì hầu hạ Sākha,
Nếu phải sống cùng Nhành Đại tướng,
Thà nên chịu chết với Vua Đa.[18]

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông thấy rằng trước kia Đề-bà-đạt-đa cũng đã vô ơn bạc nghĩa rồi.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời đó, Đề-bà-đạt-đa là Sākha, Ānanda là Pottika và Nigrodha chính là Ta.

§446. CHUYỆN CÂY HÀNH (*Takkaḷajātaka*) (*J.* IV. 43)

Chẳng rau để luộc, cũng không hành...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một cư sĩ phụng dưỡng cha mình.

Chuyện kể rằng người này tái sanh vào một gia đình nghèo khó. Sau khi mẹ mất, chàng thường dậy sớm vào buổi sáng và soạn tăm xỉa răng cùng nước súc miệng, sau đó đi làm thuê hay cày ruộng ngoài đồng. Chàng thường nấu cháo gạo nuôi cha theo phong cách phù hợp hoàn cảnh mình. Cha chàng bảo:

– Này con, con phải làm mọi việc từ trong nhà ra ngoài đường. Thôi để cha kiếm vợ cho con, nàng ấy sẽ làm việc nhà thay con.

Chàng đáp:

---

[18] Xem *J.* I. 152, *Nigrodhamigajātaka* (*Chuyện con nai Nigrodha*), số §12.

– Thưa cha, nếu có đàn bà đến nhà này, họ sẽ không làm cha con ta yên tâm được đâu. Xin cha đừng mơ tưởng chuyện đó nữa. Khi cha còn sống, con muốn phụng dưỡng cha, và khi cha từ trần, con sẽ biết việc gì cần làm.

Song người cha đi kiếm về một cô gái dù con mình không muốn, và nàng ấy lo chăm sóc chồng, cha chồng; tuy vậy, nàng là người hèn hạ. Lúc bấy giờ, chồng nàng hài lòng vì nàng đã săn sóc cha chàng, và bất cứ món gì chàng tìm được để làm nàng vui lòng, chàng đều đem về cho nàng và nàng đưa cho cha chồng. Rồi có lúc người đàn bà ấy suy nghĩ: "Bất cứ cái gì chồng ta kiếm được đều đem cho ta, chứ không cho cha chàng chút nào cả. Rõ ràng là chàng chẳng quan tâm gì đến cha. Ta phải tìm cách gây xích mích giữa ông già và chàng rồi ta sẽ đuổi ông già ra khỏi nhà."

Vì thế từ đó, nàng bắt đầu đem nước quá lạnh hoặc quá nóng cho ông lão, thức ăn thì nàng bỏ muối quá nhiều hoặc chẳng bỏ chút muối nào, cơm nàng nấu cứng ngắc hoặc mềm nhão, nàng cố làm đủ mọi thứ như vậy để khiêu khích ông lão. Rồi khi ông lão tức giận, nàng mắng lại:

– Ai hầu nổi một ông già như thế này?

Nàng vừa nói vừa gây chuyện ồn ào. Nàng khạc nhổ khắp mặt đất rồi đánh thức chồng nàng dậy và bảo:

– Xem kìa, cha chàng làm thế đó! Thiếp mãi van xin cha đừng làm thế này thế nọ mà cha chỉ nổi giận. Hoặc cha chàng, hoặc thiếp phải đi ra khỏi nhà này.

Lúc ấy, người chồng bảo:

– Này nàng, nàng còn trẻ, nàng muốn ở đâu tùy ý, song cha ta đã già, nếu nàng không thích ông cụ thì nàng cứ đi khỏi nhà.

Lời nói ấy khiến nàng khiếp sợ. Nàng quỳ xuống chân ông lão xin ông thứ lỗi và hứa từ nay sẽ không làm thế nữa rồi lại bắt đầu săn sóc ông lão như trước kia.

Vị cư sĩ đáng trọng ấy trước tiên quá lo âu vì cách đối xử của nàng nên bỏ việc đến yết kiến bậc Đạo sư để nghe thuyết pháp, song khi nàng đã hồi tâm, chàng lại đến. Bậc Đạo sư hỏi tại sao chàng không đến nghe Ngài thuyết giảng bảy tám ngày nay. Chàng kể lại mọi việc xảy ra. Bậc Đạo sư bảo:

– Lần này, ông không chịu nghe vợ và không đuổi cha ra khỏi nhà, nhưng trong một đời quá khứ, ông làm theo lời vợ bảo, đã đem cha ra bỏ trong một nghĩa địa và đào cho ông lão một cái hố. Vào thời ông sắp giết cha, Ta được bảy tuổi và nhờ Ta kể công đức cha mẹ và cản ông khỏi tội giết cha. Thời đó, ông đã nghe lời Ta và nhờ việc săn sóc cha trong lúc ông lão còn sống mà ông được sinh lên thiên giới. Thời ấy, Ta đã thuyết giảng và báo cho ông biết trước để đừng bỏ rơi cha khi sinh vào một đời khác, vì duyên cớ này nên ngày nay ông không chịu nghe theo lời người đàn bà kia bảo và cha ông không bị giết hại.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của người ấy, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, trong một làng kia ở Kāsi, một gia đình nọ có một con trai duy nhất tên gọi Vasiṭṭhaka. Chàng này nuôi nấng cha mẹ và sau khi mẹ mất, chàng phụng dưỡng cha như đã tả ở phần đầu. Nhưng có chỗ khác ở đây là khi người đàn bà bảo: "Nhìn kia kìa! Cha chàng làm thế đó, thiếp cứ mãi van xin cha chàng đừng làm thế này thế nọ, cha chỉ nổi giận." Nàng lại nói tiếp:

– Này phu quân, cha chàng hung dữ, độc ác lắm vì cứ mãi gây sự cãi vã. Một lão già lụ khụ như vậy, lại bị bệnh hoạn giày vò sắp chết đến nơi rồi nên thiếp không thể ở cùng nhà với ông được. Trước sau gì ông cũng chết già thôi, vậy chàng hãy đem ông ra nghĩa địa, đào hố ném ông vào và lấy cái cuốc đập đầu ông đi, khi ông chết rồi hãy xúc đất lấp hố lại và để mặc đó!

Cuối cùng, vì cứ nghe mãi những lời đinh tai nhức óc, chàng bảo:

– Này nàng ơi, giết người là việc hệ trọng, bằng cách nào ta có thể làm thế được?

Vợ đáp:

– Thiếp sẽ chỉ cho chàng một cách.

– Vậy cứ nói đi.

– Nào phu quân, rạng ngày mai, hãy đến nơi cha chàng ngủ, nói thật lớn với ông để mọi người đều nghe được, rằng có một con nợ của cha ở một làng kia mà chàng đã đến gặp nhưng gã không chịu trả tiền cho chàng. Nếu ông chết thì gã ấy chẳng bao giờ trả nợ nữa. Vậy hãy nói rằng hai cha con sẽ cùng đánh xe đến đó vào buổi sáng, rồi đến giờ đã định chàng hãy cột đôi bò vào xe, đưa ông đến nghĩa địa. Khi chàng đến đó, hãy chôn ông vào cái hố và la to lên như thể chàng bị cướp giữa đường và bị thương rồi gội đầu mà ra về.

Chàng bằng lòng làm theo lời bàn ấy và sắp sẵn chiếc xe bò lên đường. Lúc bấy giờ, người ấy có một con trai lên bảy tuổi nhưng rất khôn ngoan và thông minh. Cậu bé nghe lọt những chuyện mẹ nói và nghĩ thầm: "Mẹ ta thật là một ác phụ, đang cố thuyết phục cha ta giết ông nội. Ta muốn ngăn cản cha ta khỏi tội giết người này." Cậu ta liền chạy nhanh đến nằm cạnh ông nội. Vào giờ phút người vợ dặn dò, Vasiṭṭhaka đã sắp sẵn chiếc xe bò. Chàng bảo:

– Cha ơi, dậy đi, ta đi đòi nợ.

Rồi chàng đặt cha ngồi vào xe, song cậu bé ngồi vào xe trước tiên. Vasiṭṭhaka không thể cản con được nên cùng đem cậu đi ra nghĩa địa với họ. Sau đó, đem cha già và con trai ra để ngồi riêng một nơi với chiếc xe, còn chàng bước xuống lấy cuốc và cái giỏ đến một nơi, giấu mình cho họ khỏi thấy rồi bắt đầu đào một lỗ vuông lớn. Cậu bé đi xuống theo cha và làm như thể không biết việc gì đang xảy ra, cậu ngâm vần kệ đầu tiên để mở lời:

82. Chẳng rau để luộc, cũng không hành,
Chẳng bạc hà, cây để nấu canh,
Nếu chẳng cần, sao cha bới đất,
Một mình trong nghĩa địa rừng xanh?

Rồi cha cậu đáp lại bằng cách ngâm vần kệ thứ hai:

83. Ông nội già nua, quá yếu gầy,
Do nhiều bệnh hoạn, khổ tràn đầy,
Cha chôn ông nội trong mồ đó,
Cha chẳng muốn ông sống thế này.

Nghe thế, cậu bé đáp lại qua nửa vần kệ:

Cha cầu việc ấy, tội đã gây,
Vì việc làm này độc ác thay!

Cùng với những lời trên, cậu bé chụp lấy cái cuốc từ tay cha cậu và bắt đầu đào một hố khác không xa đó mấy.

Cha cậu liền đến gần hỏi tại sao con đào hố đó, cậu đáp lại bằng cách ngâm hết vần kệ thứ ba:

84. Con sẽ thờ cha lúc tuổi già,
Như cha đối xử với ông nhà,
Theo phong tục ấy trong gia tộc,
Con cũng chôn cha dưới hố mà.

Người cha đáp lại qua vần kệ thứ tư:

85. Thằng bé nói lời ác nghiệt thay,
Ông cha sao mắng mỏ như vầy,
Nghĩ rằng con trẻ rầy la bố,
Với bạn chí tình, tệ lắm đây!

Khi người cha nói vậy xong, cậu bé khôn ngoan ngâm ba vần kệ, một để đáp lời và hai để làm thành khúc thánh đạo ca:

86. Con không tồi tệ hoặc hung tàn,
Con đối với cha dạ thiết thân,
Nhưng việc này cha làm đại ác,
Sức nào gỡ lại, nếu sai lầm?

87. Người ác ý làm, hỡi Vasiṭṭhaka,
Hại người vô tội, mẹ cùng cha,
Đến khi người ấy thân vong hoại,
Địa ngục phải vào chắc chẳng xa.

88. Người dùng cơm nước, hỡi Vasiṭṭhaka,
Đem phụng dưỡng luôn mẹ với cha,
Người ấy đến khi thân hủy hoại,
Sẽ lên thiên giới hiển nhiên mà.

Người cha sau khi nghe con thuyết giáo liền ngâm vần kệ thứ tám:

89. Thấy con không tàn nhẫn, vong ơn,
Đối với cha đầy dạ mến thương,
Chính bởi cha vâng lời của mẹ,
Định làm việc ác thật kinh hồn.

Khi nghe vậy, cậu bé bảo:

– Thưa cha, đàn bà hễ khi làm việc ác mà không bị khiển trách thì còn tái phạm mãi. Vậy cha phải uốn nắn mẹ con để cho mẹ sẽ chẳng bao giờ làm lại một việc như vậy.

Rồi cậu ngâm vần kệ thứ chín:

90. Vợ cha là ác phụ vô lương,
Bà đã sinh con, chính mẹ con,
Ta hãy đuổi bà ra khỏi cửa,
Sợ bà gây việc khác cha buồn.

Nghe lời đứa con khôn ngoan, Vasiṭṭhaka rất hoan hỷ bảo:

– Nào ta đi con!

Chàng lại ngồi vào xe bò với cha và con mình.

Lúc bấy giờ, người đàn bà gây tội ác ấy cũng sung sướng lắm vì tưởng rằng đã tống được con người xui xẻo ra khỏi nhà rồi. Nàng trét đầy phân bò ướt trên sàn và nấu một mẻ cháo gạo. Song khi nàng ngồi trông ra con đường mà họ sẽ trở về, nàng thấy họ đang tiến đến: "Kìa, chàng ta đã về, lại có lão già xui xẻo ấy nữa." Nàng suy nghĩ, lòng đầy tức giận: "Hừ! Đồ vô dụng." Nàng la lớn:

– Sao đem về cái của nợ mà chàng đã mang đi vứt ấy à?

Vasiṭṭhaka không nói một lời và mở tháo dây chiếc xe bò ra. Rồi chàng bảo:

– Cô nói gì thế?

Chàng đánh cho nàng một trận nên thân rồi chụp đầu nàng tống ra khỏi cửa, cấm nàng đừng bao giờ đến làm bẩn cửa nhà chàng nữa. Rồi chàng tắm cho cha và con, chính chàng cũng tắm luôn và cả ba ngồi ăn cháo gạo. Còn người đàn bà độc ác liền đến ở nhà khác vài ngày.

Sau đó, cậu bé bảo cha:

– Cha ơi, về việc này mẹ con chưa hiểu đâu. Bây giờ, ta thử chọc tức bà ấy đi. Cha tung tin trong làng kia có cô cháu gái của cha, muốn săn sóc cha, ông và con, vì vậy cha định đem cô ấy về, rồi cha lấy hoa tươi và dầu thơm để lên xe và cứ đi quanh vùng suốt ngày đến tối mới về nhà.

Chàng làm theo như vậy. Những bọn đàn bà trong xóm nhà chàng đến bảo nàng:

– Chị có nghe nói chồng chị đã đi kiếm một cô vợ khác ở một chỗ nào đó chăng?

Nàng kêu lên:

– Ôi, thế là ta tàn đời rồi, chẳng còn chỗ nào dành cho ta cả!

Nhưng nàng muốn hỏi thăm con nàng, vì thế nàng vội vã đi tìm con, sụp xuống chân nó, kêu khóc lên:

– Trừ con ra, mẹ chẳng có nơi đâu nương tựa nữa! Từ nay về sau, mẹ cố quyết chăm sóc cha con và ông nội như thể chăm sóc ngôi bảo tháp tuyệt đẹp vậy. Cho mẹ vào nhà lần nữa đi con!

Cậu đáp:

– Vâng, thưa mẹ. Nếu mẹ không làm gì như trước nữa thì con sẽ để mẹ vào, thôi mẹ hãy vui lên nào!

Và khi cha cậu về, cậu ngâm vần kệ thứ mười:

91. Bà vợ cha kìa, bạc ác thay,
Người sinh con trẻ, chính là đây,
Như voi được luyện rất thuần thục,
Cho trở lui, người tội lỗi này.

Cậu nói thế với cha xong liền đi gọi mẹ cậu vào. Nàng làm lành với chồng và cha chồng xong, từ đó tánh tình thuần thục, tràn đầy đức độ chân chính và săn sóc cả cha chồng, chồng cùng con rất chu đáo. Cả hai vợ chồng cương quyết theo lời con khuyên nhủ, chuyên bố thí và làm các thiện sự rồi được sinh lên cộng trú với thiên chúng.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, người con hiếu thảo được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, hai cha con và nàng dâu ấy cũng là những người này, còn cậu bé khôn ngoan ấy chính là Ta.

§447. CHUYỆN ĐẠI NHÂN DHAMMAPĀLA

(***Mahādhammapālajātaka***) (*J.* IV. 50)

Tục lệ nào hay Thánh đạo nào...

Chuyện này bậc Đạo sư kể sau khi Ngài đã thành bậc Chánh Đẳng Giác, trong chuyến thăm viếng Kapilapura lần đầu tiên. Ngài trú ngụ tại vườn Nigrodha (cây đa) và nói về việc phụ vương không chịu tin lời đồn.

Vào lúc ấy, chuyện kể rằng Đại vương Suddhodana (Tịnh Phạn), sau khi cúng dường một bữa cháo sữa đặc kèm bánh tại cung điện của ngài cho đức Phật cùng hai mươi ngàn vị Tỷ-kheo, giữa bữa trò chuyện với đức Phật rất vui vẻ và nói:

– Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn hành trì khổ hạnh, có vài thần nhân đến gặp ta, đứng trên không và bảo: "Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta), Vương tử của Đại vương đã chết đói."

Bậc Đạo sư liền hỏi:

– Tâu Đại vương, thế Đại vương có tin chuyện đó không?

– Bạch Thế Tôn, ta không tin. Ngay cả khi các thần nhân đến, bay lượn trên không và bảo ta như vậy ta cũng không tin mà còn bảo rằng vương tử của ta không thể chết được cho đến khi chứng đắc Chánh đẳng Chánh giác dưới gốc cây Bồ-đề.

Bậc Đạo sư bảo:

– Tâu Đại vương, xưa kia vào thời Mahādhammapāla, ngay khi một vị giáo sư lừng danh thiên hạ đến bảo: "Con ngài đã chết, đây là xương của chàng", Đại vương cũng không tin và bảo: "Trong gia tộc ta, con cháu không bao giờ chết trẻ." Vậy thì làm sao bây giờ Đại vương lại tin được?

Rồi theo lời thỉnh cầu của phụ vương, bậc Đạo sư kể một chuyện ngày xưa.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta làm vua tại Ba-la-nại trong nước Kāsi, có một ngôi làng tên là Dhammapāla (Hộ Pháp), nó mang tên này vì có gia tộc một vị Dhammapāla cư ngụ tại đó. Do hành trì (duy trì việc thực hành) mười thiện nghiệp mà vị Bà-la-môn ấy nổi tiếng là một vị hộ pháp. Trong nhà vị ấy, ngay cả người làm công, tôi tớ cũng bố thí, giữ giới và hành trì các ngày trai giới.

Thời ấy, Bồ-tát tái sanh vào gia đình trên, vị gia chủ đặt tên ngài là Dhammapāla. Vừa khi đến tuổi khôn lớn, cha chàng trao cho chàng một ngàn đồng tiền vàng và gửi chàng đến học ở Takkasilā. Chàng đến đó, học tập với một vị giáo sư lừng danh thế giới và trở thành đệ tử trưởng trong hội chúng gồm năm trăm nam tử.

Vào lúc ấy, trưởng nam của vị giáo sư từ trần và vị giáo sư được các đệ tử vây quanh giữa các bà con quyến thuộc, vừa than khóc vừa cử hành tang lễ cho con trai trong nghĩa địa. Lúc ấy, vị giáo sư cùng thân bằng quyến thuộc và tất cả các đồ đệ đều than khóc kêu gào, chỉ riêng Dhammapāla không khóc cũng chẳng than. Sau khi năm trăm nam tử từ nghĩa địa về, họ ngồi xuống trước vị giáo sư và nói:

– Ôi, chàng trai thật tốt đẹp, non trẻ thế mà phải chia lìa cha mẹ trong tuổi thanh xuân!

Dhammapāla đáp:

– Non trẻ thay, đúng như các Hiền hữu nói! Này, tại sao chàng chết ở tuổi thanh xuân? Trẻ con phải chết lúc còn niên thiếu thật là chẳng hợp lý chút nào.

Chúng bạn liền đáp lại:

– Này Tôn giả, thế Tôn giả không biết rằng những người dù trẻ như vậy cũng phải chịu chết sao?

– Ta biết điều ấy lắm, nhưng lúc còn non trẻ chúng không chết, người ta chết lúc người ta già.

– Thế không phải mọi pháp hữu vi đều giả tạm nhất thời hay sao?

– Chúng thật là giả tạm, đúng vậy, nhưng lúc tuổi còn niên thiếu con người không chết, chỉ khi già người ta mới chết thôi.

– Ồ, thế đó là tục lệ trong gia tộc ngài sao?

– Phải, đó là tục lệ của gia tộc ta.

Bọn thanh niên liền kể câu chuyện này cho vị giáo sư ấy nghe. Ông cho gọi Dhammapāla đến, hỏi chàng:

– Này Dhammapāla, có phải trong gia tộc con chẳng có người nào chết trẻ chăng?

Chàng đáp:

– Thưa thầy, chính phải, đúng như vậy.

Nghe nói thế, vị giáo sư nghĩ thầm: "Chàng nói chuyện này thật hy hữu lắm thay! Ta muốn lên đường tới gặp cha chàng và hỏi chuyện ấy, nếu quả thực như vậy, ta sống theo giới luật chân chánh kia."

Thế là sau khi đã làm xong mọi việc cần làm cho cậu trưởng nam, khoảng bảy tám ngày sau đó, ông cho gọi Dhammapāla đến bảo:

– Này con, ta sắp đi xa nhà, vậy lúc ta đi vắng, con phải dạy bảo các đệ tử của ta.

Nói thế xong, ông đi tìm xương của một con dê rừng, rửa sạch và ướp hương rồi đặt vào giỏ, sau đó mang theo một chú tiểu đồng. Ông rời Takkasilā, dần dần đi đến làng kia, tại đó ông hỏi đường đi đến nhà Dhammapāla và dừng lại ở cửa.

Người đầy tớ đầu tiên của vị Bà-la-môn trông thấy vị này, dù đó là ai, cũng cất dù từ tay ông, cởi giày, cầm lấy túi xách trên tay tiểu đồng. Ông nhờ báo với thân phụ chàng rằng đây là giáo sư của Dhammapāla đang đứng ở cửa.

– Tốt lành thay!

Ông nhờ báo với thân phụ chàng rằng giáo sư của Dhammapāla đang đứng ở cửa: "Tốt lành thay!" Các gia nhân nói rồi đi mời vị thân sinh ra gặp ông. Vị thân sinh vội vã đến gần cửa và nói: "Xin mời vào!" Và ông dẫn đường vào nhà mình, mời khách ngồi xuống sàng tọa, ông làm bổn phận của chủ nhân như rửa chân vị kia, v.v... Khi vị giáo sư đã dùng cơm xong, hai vị ngồi đàm đạo thân thiết với nhau, vị giáo sư bảo:

– Này Tôn giả Bà-la-môn, Dhammapāla của ngài có trí tuệ sáng suốt, tinh

thông ba tập Vệ-đà và mười tám công trình học thuật, vì rủi ro đã mất mạng. Các pháp hữu vi đều giả tạm, xin ngài chớ đau buồn vì chàng.

Vị Bà-la-môn vỗ tay cười lớn. Vị giáo sư hỏi:

– Tại sao ngài cười, thưa Tôn giả Bà-la-môn?

Vị này đáp:

– Bởi vì không phải con tôi chết đâu, chắc là người khác.

Vị kia nói:

– Không đâu, thưa Tôn giả Bà-la-môn, chính con trai ngài chết chớ không phải người khác. Hãy nhìn kỹ xương chàng đây và tin tôi!

Nói thế xong, ông giở đống xương ra và nói:

– Đây là xương con trai ngài.

Người cha đáp:

– Có lẽ xương dê rừng hay xương chó, chứ con trai tôi không chết được. Trong gia tộc tôi bảy đời nay chưa hề xảy ra chuyện như là chết lúc tuổi còn non. Vậy ngài đang nói sai sự thật.

Rồi cả nhà cùng vỗ tay và cười lớn. Khi thấy việc kỳ diệu như thế, vị giáo sư rất hoan hỷ nói:

– Thưa Tôn giả Bà-la-môn, lề lối này trong gia tộc ngài không phải là không có nguyên nhân, đó là những thanh niên không hề chết yểu. Tại sao các ngài không chết yểu?

Ông hỏi bằng cách ngâm vần kệ đầu:

92. Tục lệ nào hay Thánh đạo nào,
Quả này do thiện nghiệp từ đâu,
Bà-la-môn, nói ta duyên cớ,
Người trẻ trong dòng chẳng chết sao?

Lúc ấy, vị Bà-la-môn giải thích những công đức gì đã đem lại kết quả là trong gia tộc mình không ai chết trẻ cả, ông ngâm các vần kệ sau:

93. Ta không lời dối, sống hiền chân,
Mọi ác nghiệp xa lánh, chẳng gần,
Điều bất thiện ta đều tránh cả,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.

94. Nghe việc người ngu lẫn Trí nhân,
Việc người ngu trí chẳng quan tâm,
Ta theo bậc Trí, ngu ta bỏ,
Nên chẳng ai người chết giữa xuân.

95. Trước khi bố thí, dạ hân hoan,
Lòng thật vui mừng lúc phát phân,

Khi bố thí xong, không hối tiếc,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.

96. Ta mời đoàn lữ khách, La-môn,
Khất sĩ, Sa-môn, mọi kẻ cần,
Ta đãi uống ăn, người đói khát,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.

97. Cưới vợ, không khao khát vợ người,
Giữ lời loan phụng đã thề bồi,
Vợ hiền tiết hạnh tòng phu cả,
Nên các con không sớm bỏ đời.

98. Mọi người tránh giết hại chúng sanh,
Cũng chẳng trộm đồ ở thế gian,
Không uống rượu say và nói dối,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.

99. Con được sinh từ vợ chính chuyên,
Tài cao, học rộng, xứng danh hiền,
Vệ-đà thông thạo, con toàn hảo,
Nên chẳng lìa đời giữa thiếu niên.

100. Gắng làm chân chánh đạt cao thiên,
Sống vậy từ cha đến mẹ hiền,
Đến mọi gái trai, anh chị nữa,
Nên không ai chết giữa thanh niên.

101. Mong cầu thiên giới, các gia nhân,
Trai gái thảy đều sống thiện lương,
Ngay bọn nô tỳ thấp kém nhất,
Nên không ai chết giữa thanh xuân.

Và cuối cùng, qua hai vần kệ này, ngài tuyên thuyết thiện nghiệp của những người bước trên đường chân chánh:

102. Chánh đạo cứu ai hướng chánh chân,
Khéo hành chánh đạo đạt hồng ân,
Phúc này ban tặng người làm chánh,
Người chánh không vào chốn khổ thân.[19]

103. Đạo đức hộ phò bậc chánh nhân,
Như cây che bóng giữa mưa tràn,
Con trai sống được nhờ hành thiện,
Tâm thiện cho người hộ pháp an,

---

[19] Xem *J.* IV. 494, *Ayogharajātaka* (*Chuyện Vương tử Thiết Thất*), số §510; *Thag.* v. 303, *Dhammikattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Dhammika*).

Còn đó là xương khô kẻ khác,
Đống xương Tôn giả mới vừa mang.

Khi nghe vậy, vị giáo sư đáp:

– Cuộc hành trình của ta thật an lạc lắm thay, nó mang lại nhiều kết quả chứ không phải là không có kết quả!

Đang lúc lòng đầy hoan hỷ, ông xin lỗi thân sinh Dhammapāla và nói thêm:

– Ta đến đây và mang theo mình một đống xương dê rừng cố ý để thử ngài, chứ con trai của ngài hiện đang bình yên mạnh khỏe. Xin ngài truyền cho ta những điều luật bảo tồn cuộc sống của gia tộc ngài.

Lúc ấy, vị kia viết quy luật ấy vào một ngọn lá. Sau khi lưu lại chỗ đó vài ngày, vị thầy trở về Takkasilā và khi đã dạy cho Dhammapāla đủ mọi tài nghệ và học thuật xong, ông cho phép chàng ra về cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo.

***

Khi bậc Đạo sư đã thuyết pháp thoại như vậy cho Đại vương Suddhodana xong, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, vị Đại vương được an trú vào Tam quả (Bất lai).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, người cha và người mẹ là hoàng tộc của Đại vương ngày nay, vị giáo sư là Sāriputta (Xá-lợi-phất), đoàn tùy tùng là các đệ tử của Như Lai và Ta chính là Dhammapāla.

§448. CHUYỆN KÊ VƯƠNG (*Kukkuṭajātaka*) (*J.* IV. 55)

Đừng đặt lòng tin bọn dối lừa...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Veḷuvana (Trúc Lâm) về vấn đề mưu toan sát hại. Trong pháp đường, các Tỷ-kheo đang bàn luận về bản tính độc ác của Đề-bà-đạt-đa:

– Này các Hiền giả, lạ quá, Đề-bà-đạt-đa đang mưu toan sát hại đấng Thập Lực bằng cách mua chuộc toán xạ thủ và nhiều người khác.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói chuyện gì trong lúc ngồi với nhau tại đây?

Tăng chúng trình với Ngài, Ngài đáp:

– Đây không phải là lần đầu người ấy toan hành thích Ta mà ngày xưa cũng đã có lần như vậy.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, tại Kosambī,[20] có một vị vua cai trị mệnh danh là Kosambaka. Vào thời ấy, Bồ-tát đầu thai làm con của một gà mái sống trong một rừng tre, sau đó làm chúa cả đàn gà hàng trăm con ở trong rừng. Không xa nơi đó, có một con diều hâu tìm cơ hội bắt từng con gà trong đàn và ăn thịt, dần dần nó ăn hết những con gà, chỉ còn Bồ-tát một mình sống sót. Ngài rất thận trọng trong lúc kiếm mồi và sống trong một rừng tre rậm. Tại đây, diều hâu không thể nào đến gần được, vì thế nó bắt đầu suy tính lập mưu để dụ dỗ ngài mà bắt lấy.

Sau đó, nó đậu trên một cành cây gần đó và gọi:

– Này kê Hiền hữu, chuyện gì khiến ngài sợ ta? Ta mong muốn kết bạn với ngài. Giờ đây, ở một nơi kia (nó nói tên nơi đó) có đầy thức ăn, chúng ta hãy cùng nhau đến đó ăn và sống bầu bạn với nhau!

Bồ-tát đáp:

– Không, thưa Tôn ông tốt bụng! Giữa ngài và ta không thể có tình bằng hữu được, xin hãy đi đi!

– Thưa Tôn giả, vì các tội ác trước đây của ta nên ngài không thể tin ta bây giờ, nhưng ta hứa với ngài rằng ta sẽ chẳng bao giờ làm như vậy nữa.

– Không, ta không muốn có bạn như vậy, hãy đi nơi khác, ta nói rồi đấy!

Đến lần thứ ba, Bồ-tát từ chối:

– Với một người hay vật có những đặc tính như vậy chẳng bao giờ nên kết tình bằng hữu cả.

Các vị thần hoan nghênh khi ngài khởi ngâm bài pháp, âm vang cả khu rừng:

104. Đừng đặt lòng tin bọn dối lừa,
Những ai chỉ biết lợi riêng tư,
Hoặc người đã phạm nhiều điều ác,
Những kẻ tỏ ra quá phụng thờ.

105. Lắm kẻ bản tâm giống lũ bò,
Tràn đầy khao khát với tham ô,
Nói lời thành thật nâng niu bạn,
Song chẳng hề hành động thế mà.

106. Bọn chúng chìa tay lạnh trống trơn,
Nói lời che giấu cả tâm hồn,
Bọn người phù phiếm ta nên tránh,
Những kẻ không hề biết nhớ ơn.

107. Nam nữ nào tâm chóng đổi thay,
Đừng tin tưởng các bọn người này,

[20] Kosambī (S. Kauśāmbī; 憍賞彌, Kiều-thưởng-di; 俱睒彌, Câu-thiểm-di), một thị tứ của xứ Vaṁsa (còn gọi Vatsa, 跋蹉, Bạt-sa) nằm bên bờ sông đoạn giao lưu của sông Yamuna và sông Hằng. Tham khảo: *MA*. II. 740f; *AA*. I. 170; *DhA*. I. 164f; *Sn*. v. 1010-13; *Vin*. I. 277; II. 184f; *PsA*. 491. Xem *Buddhist Birth Stories* (*Những câu chuyện bổn sanh Phật giáo*), p. 34.

Cũng đừng tin kẻ theo chiều hướng,
Làm hiệp ước rồi lại phá ngay.

108. Người bước theo đường ác vẫn đi,
Đến làm mọi việc cực gian nguy,
Liều thân, vô định, đừng tin nó,
Kiếm sắc trong bao có khác gì?

109. Nhiều kẻ nói năng thật dịu lành,
Những lời không phải tự tâm thành,
Lòng tin chớ đặt vào trong chúng,
Cố lấy lòng nên giả thật tình.

110. Khi kẻ ác tâm ấy ngắm xem,
Thức ăn hoặc lợi nhuận kề bên,
Nó hành động ác và đi mất,
Nhưng nó làm nguy bạn trước tiên.

Bảy vần kệ này được vị kê vương ngâm lên. Rồi bốn vần kệ tiếp theo được vị Pháp vương đọc khi đã là bậc Giác ngộ:

111. Lắm kẻ thù ra vẻ thiết thân,
Ra tay giúp đỡ sẵn sàng luôn,
Như gà rời bỏ diều hâu ấy,
Tốt nhất nên lìa những ác nhân.

112. Người nào không nhạy bén nhìn xa,
Ý nghĩa việc làm diễn biến ra,
Phải chịu bao cừu nhân chế ngự,
Ăn năn hối hận buổi sau mà.[21]

113. Nhanh trí, người nào nhận thấy ngay,
Việc làm mang ý nghĩa nào đây,
Như gà tránh bẫy diều hâu ấy,
Vậy tránh cừu nhân, phải chạy bay.

114. Bẫy đó thông thường lại dối gian,
Giết người giấu kín giữa rừng hoang,
Như gà xa lánh diều hâu ấy,
Người có nhãn quan phải kiếm đàng.

Và một lần nữa, sau khi ngâm các vần kệ này, gà gọi diều hâu lại khiển trách nó và bảo:

– Nếu ngài tiếp tục ở chốn này, ta sẽ biết việc cần phải làm.

---

[21] Hai câu kệ 112-13, xem *J.* III. 133, *Vānarajātaka* (*Chuyện con khỉ*), số §342; *J.* II. 265, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §383; *J.* III. 437, *Sulasājātaka* (*Chuyện kiều nữ Sulasā*), số §419.

Vì vậy, diều hâu đành bay đến nơi khác.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, ngày xưa cũng như bây giờ, Đề-bà-đạt-đa đã mưu toan sát hại Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Đề-bà-đạt-đa là diều hâu và Ta chính là kê vương.

§449. CHUYỆN NAM TỬ ĐEO VÒNG TAI

(*Maṭṭakuṇḍalijātaka*) (*J.* IV. 59)

Sao giữa rừng này có cậu trai...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một địa chủ có con trai mới chết.

Tại Xá-vệ, người ta truyền rằng thần chết đã cướp mất cậu con trai thân yêu của một người địa chủ thường đến cúng dường đức Phật. Quá sầu muộn vì con, người ấy chẳng rửa mặt mày ăn uống gì cả, cũng chẳng đi làm công việc của mình hay đi phụng sự đức Phật mà chỉ kêu khóc:

– Ôi! Con yêu quý! Con đã bỏ ta mà đi trước rồi!

Vào sáng sớm, khi bậc Đạo sư quán chiếu trần gian, Ngài thấy cận y duyên để chứng đắc quả Dự lưu của người này. Vì vậy, ngày hôm sau, khi đã dẫn các đệ tử đi trong kinh thành Xá-vệ để khất thực và thọ dụng bữa cơm xong, Ngài bảo các đệ tử đi nơi khác, còn Ngài được Tôn giả Ānanda theo hầu đi đến nơi người này ở. Bọn gia nhân báo tin cho vị địa chủ biết bậc Đạo sư đã đến, sau đó họ sắp đặt sàng tọa và mời bậc Đạo sư ngồi xuống, rồi dẫn chủ nhà đến yết kiến bậc Đạo sư.

Sau khi người ấy đảnh lễ Ngài xong và ngồi xuống một bên, bậc Đạo sư nói bằng giọng dịu dàng đầy lòng từ mẫn:

– Này cư sĩ, có phải ông vẫn đang đau buồn vì đứa con trai duy nhất chăng?

Ông đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Này cư sĩ, đã lâu, lâu lắm rồi, những người có trí đi lang thang nặng trĩu đau buồn vì cái chết của đứa con trai, đã nghe được lời các bậc Hiền nhân và hiểu rõ rằng không gì có thể đem lại người đã mất nên không còn thấy buồn rầu nữa dù chỉ một chút thôi.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của người ấy, bậc Đạo sư kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì Ba-la-nại, cậu con trai của một vị Bà-la-môn rất giàu có khoảng mười lăm, mười sáu tuổi lâm bệnh nặng và khi chết được tái sanh vào cõi chư thiên. Từ lúc con trai chết, người Bà-la-môn thường đi đến nghĩa địa và than khóc rồi đi quanh đống tro tàn, bỏ các phận sự dở dang, ông cứ lang thang với tâm tư nặng trĩu u sầu.

Một vị thiên tử khi đi dạo thấy vậy liền lập mưu để an ủi khổ đau của người kia. Chàng đến nghĩa địa lúc người này đang sầu bi, giả dạng làm chính con trai vị ấy và tô điểm đủ mọi thứ trang sức, chàng đứng một bên vừa ôm đầu trong hai tay vừa than khóc kêu gào. Vị Bà-la-môn nghe tiếng động và nhìn lên, lòng tràn đầy yêu thương đối với con trai mình liền dừng lại trước chàng và nói:

– Này con yêu quý, tại sao con đứng khóc giữa nghĩa địa này?

Ông đặt câu hỏi qua vần kệ sau:

115. Sao giữa rừng này có cậu trai,
Tràng hoa, vòng ngọc mỗi bên tai,
Chiên-đàn sực nức, giơ tay nọ,
Sầu khổ gì rơi lệ vắn dài?

Lúc ấy, chàng trai kể chuyện mình bằng cách ngâm vần kệ thứ hai:

116. Vàng ròng đúc chiếu rực hào quang,
Xe ấy con thường vẫn ngã lưng,
Đôi bánh này con tìm chẳng thấy,
Chắc con buồn khổ đến lìa trần.

Vị Bà-la-môn nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ ba:

117. Bằng vàng, dát ngọc, loại gì nào,
Bằng bạc, hay đồng, trí nghĩ sao?
Cứ nói ra lời, xe được đóng,
Ta tìm đôi bánh sẽ thêm vào.

Sau khi nghe vần kệ do chàng trai ngâm xong, bậc Đạo sư lúc đã là bậc Giác Ngộ ngâm câu đầu của một vần kệ, còn phần lại là của chàng trai:

118. Chàng trai đã đáp Bà-la-môn:
Nhật, nguyệt kia là hai đệ huynh,
Xe của con bằng vàng rực rỡ,
Nhờ đôi bánh ấy chiếu muôn phương.

Lập tức vị kia tiếp:

119. Chàng thật ngu vì việc đã làm,
Cầu xin chuyện chẳng có ai ham,
Bởi vì ta chắc chàng nên chết,
Nhật, nguyệt, đòi sao được hỡi chàng?

Thế rồi:

120. Trước mắt, trời, trăng, lặn, mọc dần,
Sắc màu, đường hướng vẫn không ngừng,
Còn ai thấy được hồn người chết,
Vậy kẻ nào ngu lúc khóc than?

Chàng trai nói vậy xong, vị Bà-la-môn tỉnh ngộ liền ngâm kệ:

121. Giữa ta, hai kẻ khóc than thân,
Chàng thật khôn, ta thật độn đần,
Quả đúng, đòi hồn người đã chết,
Khác nào con trẻ khóc đòi trăng?

Lúc ấy, vị Bà-la-môn được an ủi nhờ lời lẽ của chàng trai kia liền cám ơn chàng bằng cách ngâm các vần kệ cuối cùng:

122. Lòng ta thiêu đốt nóng bừng,
Như khi người đổ dầu trong lửa đào,
Chàng đà đem nước lạnh vào,
Và chàng dập tắt khát khao, tủi buồn.[22]

123. Vì con, bao nỗi sầu tuôn,
Mũi tên độc cắm trong hồn của ta,
Chàng đà an ủi giải khuây,
Nỗi niềm bi thiết, nhổ ra tên này.

124. Tên vừa nhổ, khỏi đau ngay,
Giữ tâm thanh thản, ta rày khinh an,
Nghe lời chân thật hỡi chàng,
Ta không còn phải khóc than muộn phiền.

Lúc ấy, chàng trai bảo:

– Này ngài Bà-la-môn, ta chính là người con trai mà ngài đang thương khóc, ta đã được tái sanh vào cõi chư thiên. Vậy từ đây xin đừng sầu muộn vì ta nữa mà hãy bố thí, giữ gìn giới đức và hành trì ngày trai giới!

Với lời khuyến giáo này, chàng trở về cõi của mình. Còn vị Bà-la-môn tuân theo lời khuyên của chàng nên sau khi làm nhiều công đức bố thí cùng các thiện sự khác, ông mạng chung và tái sanh vào cõi chư thiên.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, người địa chủ đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Ta chính là vị thiên tử đã nói lời thuyết giáo này.

---

[22] Ba câu kệ 122-24, xem *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352; *J.* III. 214, *Migapotakajātaka* (*Chuyện chú nai con*), số §372; *J.* III. 389, *Somadattajātaka* (*Chuyện voi con Somadatta*), số §410; *J.* IV. 84, *Ghatajātaka* (*Chuyện Trí giả Ghata*), số §454.

§450. CHUYỆN PHÚ ÔNG KEO KIỆT BIḶĀRI

(***Biḷārikosiyajātaka***) (*J.* IV. 62)

Khi món ăn không có giữa nồi...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo nhiệt tâm bố thí.

Chuyện kể rằng sau khi nghe thuyết pháp, từ lúc hành trì giáo lý, vị này rất nhiệt tâm bố thí, khát khao bố thí. Chưa bao giờ ông ăn chén cơm đầy trừ khi đã chia phần cho kẻ khác, ngay cả nước cũng không uống nếu không đem cho kẻ khác. Ông chuyên tâm bố thí như vậy.

Thời ấy, chúng Tỷ-kheo bắt đầu nói về các đức tính của ông trong pháp đường. Bậc Đạo sư đi vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì khi ngồi tại đây. Các vị ấy trình Ngài. Ngài cho gọi vị Tỷ-kheo ấy đến và hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có phải đúng như Ta đã nghe là ông nhiệt tâm bố thí, khát khao bố thí chăng?

Ông đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa, người này không có tín tâm nên không tin tưởng một điều gì, đến như một giọt dầu trên đầu ngọn cỏ cũng không muốn cho ai. Sau đó, Ta điều phục người ấy, giáo hóa làm cho thuần thục và dạy cho kết quả của bố thí nên hỷ tâm bố thí này không rời người ấy ngay cả khi đã sang một đời khác.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sinh vào một gia đình giàu có. Khi đến tuổi khôn lớn, ngài được hưởng tài sản và khi thân phụ mất đi, ngài tiếp nhận địa vị phú gia của cha ngài.

Một ngày kia, khi xem xét lại sự giàu sang của mình, ngài suy nghĩ: "Tài sản của ta đây dĩ nhiên đầy đủ lắm, song những vị đã tích lũy tài sản ấy nay ở đâu rồi? Ta phải phân chia tài sản ra và bố thí."

Vì thế, ngài xây một bố thí đường, trong lúc sinh thời, ngài bố thí rộng rãi và khi sắp mạng chung liền giao phó cho con trai ngài không được làm gián đoạn việc hành trì bố thí, còn ngài tái sanh làm Thiên chủ Đế-thích ở cõi trời Ba Mươi Ba. Con trai của ngài cũng bố thí như thân phụ đã làm rồi giao trọng trách ấy cho con trai mình và tái sanh lên làm Canda (thần Mặt trăng) giữa thiên chúng. Con trai vị này trở thành Suriya (thần Mặt trời), lại sinh ra một người con trở thành thần lái xe Mātali. Con trai vị này tái sanh làm Pañcasikha (Ngũ Kế), một vị gandhabba (càn-thát-bà), nhạc thần của Thiên chủ.

Song người con trai thứ sáu trong dòng họ này lại không có tín tâm, tàn nhẫn, không thương người, keo kiệt. Người này phá hủy, đốt cháy hết bố thí đường, đánh đập các hành khất, đuổi họ đi nơi khác làm ăn, chẳng hề cho ai chút gì dù bằng một giọt dầu ở đầu ngọn cỏ.

Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích nhìn lại các việc của ngài trong quá khứ, tự hỏi: "Truyền thống bố thí của ta có được tiếp tục chăng?" Suy nghĩ thế, ngài nhận xét: "Con trai ta tiếp tục bố thí, tái sanh làm Canda, con trai nó là Suriya, cháu nó là Mātali, và chắt nó là Pañcasikha, nhưng đứa con thứ sáu trong dòng họ đã phá bỏ truyền thống kia." Lúc ấy, ngài chợt có ý nghĩ này, ngài muốn đi điều phục con người độc ác kia và dạy cho nó kết quả của bố thí. Vì vậy ngài triệu tập Canda, Suriya, Mātali, Pañcasikha đến gặp ngài và bảo:

– Này các Hiền giả, người con thứ sáu trong dòng họ ta đã phá bỏ truyền thống gia đình, nó đã đốt bố thí trường, đuổi đánh bọn hành khất đi chỗ khác và không cho ai chút gì cả. Vậy ta phải điều phục nó.

Thế là ngài cùng họ lên đường đi đến Ba-la-nại. Vào lúc ấy, phú gia kia phải đến chầu vua và khi đã trở về, đang đi đi lại lại dưới tháp canh thứ bảy, nhìn theo con đường. Thiên chủ bảo các vị thần:

– Các Hiền giả, hãy đợi cho đến khi ta bước vào rồi hãy lần lượt theo sau!

Cùng với những lời này, ngài bước tới và đứng trước phú gia kia, bảo ông:

– Này đại phú gia, hãy cho ta ăn với!

– Này Bà-la-môn, chẳng có gì ở đây cho ngài ăn cả, hãy đi nơi khác!

– Này đại phú gia, khi các Bà-la-môn khất thực thì chẳng nên từ chối.

– Này Bà-la-môn, trong nhà ta chẳng có thức ăn nấu sẵn, cũng chẳng có thức ăn để nấu. Hãy đi đi!

– Này đại phú gia, ta muốn đọc một câu kệ cho ngài, hãy lắng nghe!

– Ta chẳng muốn nghe kệ gì cả, hãy đi đi, đừng đứng ở đây!

Nhưng Thiên chủ không để ý lời ông và ngâm hai vần kệ:

125. Khi món ăn không có giữa nồi,
Thiện nhân tìm, vẫn muốn cho người,
Còn ngài đang nấu thì không tốt,
Nếu chẳng muốn chia sẻ với ai.

126. Phóng dật, xan tham, kẻ chối từ,
Chẳng hề đem bố thí bao giờ,
Còn người nào thích làm công hạnh,
Là một Trí nhân, phải biết cho.[23]

Khi người này nghe nói vậy liền đáp:

– Thôi được, xin vào ngồi đó, ngài sẽ được ăn đôi chút.

[23] Hai câu kệ 126-27, xem *S.* I. 18, *Maccharisutta* (*Kinh Xan tham*).

Thiên chủ Đế-thích vừa bước vào vừa ngâm lại các vần kệ ấy và ngồi xuống. Kế đó Canda bước lên xin thức ăn. Người đó bảo:

– Chẳng có thức ăn cho ngài đâu, hãy đi đi!

Vị kia đáp:

– Thưa đại phú gia, có một vị Bà-la-môn ngồi trong đó, ta đoán chắc hẳn có đọc kinh chúc phúc của Bà-la-môn nên ta cũng bước vào.

Người đó bảo:

– Chẳng có đọc kinh chúc phúc của Bà-la-môn nào cả. Đi ngay đi!

Lúc ấy, Canda nói:

– Thưa đại phú gia, xin nghe chừng này.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

127. Sợ khi khát nước hoặc thèm cơm,
Khiến bọn xan tham phải hoảng hồn,
Trong cõi đời này, đời kế nữa,
Bọn ngu kia phải trả hoàn toàn.

128. Vậy nên bố thí, tránh xan tham,
Rửa sạch tâm nhơ ác dục tràn,
Trong cõi đời sau, nhiều thiện nghiệp,
Sẽ là nơi trú, tuyệt an toàn.[24]

Sau khi nghe những lời như vậy xong, ông bảo:

– Thôi được, xin bước vào và ngài sẽ được ăn một chút.

Vị kia bước vào ngồi xuống với Thiên chủ Đế-thích. Sau khi đợi một lát nữa, Suriya bước lên và xin ăn bằng cách ngâm hai vần kệ:

129. Thật khó làm như các thiện nhân,
Phát ban như các vị đem ban,
Khó mà kẻ ác làm theo được,
Theo pháp Hiền nhân chẳng dễ dàng.[25]

130. Vậy thì khi phải giã từ trần,
Kẻ ác, người hiền bỏ thế gian,
Kẻ ác tái sanh vào địa ngục,
Người hiền sinh ở cõi thiên đàng.

Vị phú gia thấy chẳng cách gì thoát được chuyện ấy, đành bảo:

---

[24] Tham chiếu: *S*. I. 18, *Maccharisutta* (*Kinh Xan tham*); *S*. I. 32, *Annasutta* (*Kinh Đồ ăn*); *S*. I. 57, *Serīsutta* (*Kinh Serī*); *S*. I. 71, *Piyasutta* (*Kinh Thân ái*); *S*. I. 91, *Dutiyaaputtakasutta* (*Kinh thứ hai về không có con*); *A*. III. 41, *Kāladānasutta* (*Kinh Cho đúng thời*); *Pháp cú kinh* "Hảo hỷ phẩm" 法句經好喜品 (*T*.04. 0210.24. 0567c11); *Xuất diệu kinh* "Niệm phẩm" 出曜經念品 (*T*.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Ái lạc phẩm" 法集要頌經愛樂品 (*T*.04. 0213.5. 0779c23).

[25] Hai câu kệ 129-30, xem *J*. II. 86, *Duddadajātaka* (*Chuyện khó cho*), số §180; *J*. VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547; *S*. I. 18, *Maccharisutta* (*Kinh Xan tham*).

– Thôi được, xin bước vào và ngồi với các vị Bà-la-môn này, rồi ngài sẽ được ăn đôi chút.

Mātali, sau khi chờ đợi một lát nữa, cũng bước lên xin ăn và được bảo là không có thức ăn. Vừa mới nghe lời ấy được thốt lên, vị này liền ngâm vần kệ thứ bảy:

131. Có người ít của vẫn đem ban,
Có kẻ không cho dẫu của tràn,
Người ít của cho không thể kém,
Kẻ kia ban phát cả ngàn lần.[26]

Ông bảo vị này:

– Thôi được, xin vào ngồi xuống!

Sau khi đợi thêm một lát, Pañcasikha bước lên xin ăn. Ông đáp:

– Không có, hãy đi đi!

Ngài bảo:

– Ta đã đến thăm nhiều nhà rồi! Ở đây chắc phải có bữa cơm cúng dường các Bà-la-môn chứ, ta đoán thế.

Rồi ngài bắt đầu nói với ông và ngâm vần kệ thứ tám:

132. Dù sống chắt chiu, phải chánh chân,
Con nhiều, của ít vẫn đem phân,
Trăm ngàn người cúng ngàn đồng bạc,
Chẳng sánh quà con của tiện dân.[27]

Vị phú gia suy nghĩ lại khi nghe lời của Pañcasikha. Rồi ông ngâm vần kệ thứ chín để yêu cầu vị ấy giải thích giá trị ít oi của các vật bố thí kia:

133. Sao dồi dào lễ vật cao sang,
Giá trị không bằng vật chánh chân?
Ngàn bạc từ trăm ngàn phú hộ,
Sao không bằng vật của cùng bần?

Pañcasikha ngâm vần kệ kết thúc để đáp lời:

134. Nhiều người sống độc ác hung tàn,
Đàn áp, giết rồi lại phát ban,
Thí vật chua cay, tàn nhẫn ấy,
Thua xa quà tặng với chân tâm,
Ngàn bạc từ trăm ngàn phú hộ,
Chẳng sánh quà con của tiện dân.

Nghe lời thuyết giáo của Pañcasikha xong, ông đáp:

– Thôi được, xin ngài vào nhà ngồi xuống, ngài sẽ được ăn đôi chút.

---

[26] Xem *S.* I. 18, *Maccharisutta* (*Kinh Xan tham*); *S.* I. 20, *Sādhusutta* (*Kinh Lành thay*).

[27] Ba câu kệ 132-34, xem *S.* I. 18, *Maccharisutta* (*Kinh Xan tham*).

Rồi ông cũng vào ngồi với các vị kia. Sau đó, phú ông keo kiệt Biḷāri ra hiệu cho một tỳ nữ, bảo nàng:

– Hãy đem cho các Bà-la-môn đằng kia một đấu thóc còn vỏ!

Nàng ấy đem thóc đến gần các vị, bảo các vị rằng:

– Nhận thóc rồi đem nơi khác nấu mà ăn.

Các vị đáp:

– Ta chưa hề đụng đến thóc còn vỏ trấu.

– Thưa ông chủ, các vị ấy bảo chưa hề đụng đến thóc còn vỏ.

– Được, vậy thì cho các ông gạo đã xay!

Nàng ấy đem gạo đã xay và bảo các vị nhận. Các vị bảo:

– Chúng ta không nhận thứ gì chưa nấu chín.

– Vậy thì nấu cho họ một ít thức ăn của bò trong cái nồi và đem ra mời khách.

Năm vị cầm lên mỗi người một miếng và đặt vào mồm, song để nó dính vào cổ họng rồi trợn mắt lên. Các vị bất tỉnh nằm đó như chết rồi. Cô nữ tỳ thấy thế nghĩ chắc các vị đã chết, nàng hoảng sợ chạy đi báo phú ông:

– Thưa ông chủ, các Bà-la-môn này không nuốt nổi thức ăn của bò nên chết cả rồi!

Ông suy nghĩ: “Bây giờ dân chúng sẽ trách mắng ta, bảo gã độc ác này đem đống thức ăn của bò cho các Bà-la-môn yếu đuối và các vị ấy không nuốt nổi nên đã chết.” Sau đó, ông bảo cô nữ tỳ:

– Mau đi chôn cất hết thức ăn trong bát của họ, rồi nấu cho họ một ít món đủ thứ gạo ngon nhất.

Nàng tuân lời. Phú ông tìm một số khách qua lại trên con đường gần đó, khi đã tập hợp số người ấy lại với nhau, ông bảo:

– Ta đã cúng dường các Bà-la-môn này thức ăn giống như các thức ta vẫn ăn, nhưng các vị tham lam nuốt từng miếng lớn, vì ăn như vậy nên thức ăn mắc ở cổ họng và phải chết. Ta mời các ngài đến làm chứng cho ta vô tội.

Trước đám đông đang tụ tập như vậy, các vị Bà-la-môn đứng dậy, vừa bảo vừa nhìn vào đám đông:

– Các vị hãy xem sự dối trá của phú gia này! Ông bảo cho chúng ta thức ăn của ông đấy! Một đống tạp nhạp thức ăn của bò là những thứ ông đã đem cho chúng ta trước tiên, sau khi chúng ta nằm như chết, ông bảo người nhà nấu thức ăn này đây.

Rồi các vị ấy nhả ra từ miệng những thứ đã ăn, rồi chỉ những thứ đó. Đám đông trách mắng vị phú gia, hét lớn:

– Đồ ngu si, mù quáng! Ông đã phá bỏ phong tục gia đình ông. Ông đốt bố thí đường, ông đã nắm cổ các hành khất tống ra đường, giờ đây khi bố thí các

Bà-la-môn yếu đuối này, ông lại cho một đống thức ăn cho bò. Đến lúc ông sang thế giới bên kia, chắc ông sẽ mang hết tài sản trong nhà buộc thật chặt quanh cổ đấy!

Vào lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích bảo đám đông:

– Các người có biết tài sản này là của ai chăng?

– Chúng tôi không biết.

Ngài bảo:

– Chắc các người có nghe nói một đại phú thương ở Ba-la-nại, ngày xưa sống ở thành này đã xây một bố thí đường và bố thí rất rộng rãi?

Họ đáp:

– Thưa có, chúng tôi có nghe nói về ông ấy.

Ngài bảo:

– Ta chính là vị thương gia đó, nhờ các vật tài thí ấy ta được làm Thiên chủ Đế-thích. con trai ta đã không phá vỡ truyền thống gia đình, trở thành thần Canda; con trai nó là Suriya và cháu trai của nó là Pañcasikha. Trong các vị này, đằng kia là Canda, đó là Suriya và đây là thần lái xe Mātali, còn đây nữa là Pañcasikha, nhạc thần, ngày xưa là cha của kẻ độc ác đằng kia ấy. Bố thí tạo công đức lớn như vậy, cho nên người có trí phải làm công đức.

Nói vậy xong, với ý định đánh tan các mối nghi hoặc của dân chúng đang tụ tập tại đó, các ngài bay lên không gian và đứng vững trên không. Nhờ thần lực của các ngài, hiện ra một đoàn tùy tùng đông đảo vây quanh. Toàn thân các ngài sáng rực lên, vì thế toàn thể kinh thành như ở trong đống lửa lớn. Sau đó, Thiên chủ Đế-thích bảo đám đông:

– Chúng ta đã rời thiên giới vinh quang để đến đây và chúng ta đến chỉ vì kẻ độc ác Bilārikosiya này, người cuối cùng trong dòng họ, người tàn phá cả giống nòi của mình. Với lòng lân mẫn mà chúng ta đến, vì chúng ta biết ác nhân này đã phá bỏ truyền thống gia đình, đốt bố thí đường, nắm cổ hành khất tống ra ngoài, vi phạm phong tục của nhà ta và do từ bỏ bố thí, nó sẽ tái sanh vào địa ngục.

Ngài thuyết giáo cho đám đông như vậy xong lại nói về công hạnh của bố thí. Bilārikosiya chắp hai tay thỉnh cầu và phát nguyện:

– Tâu Thiên chủ, từ nay trở đi, con xin nguyện sẽ không phá bỏ phong tục gia đình nữa mà con sẽ bố thí. Bắt đầu ngay hôm nay, con quyết chẳng bao giờ ăn mà không chia phần cho kẻ khác các vật dụng của riêng con, ngay cả nước uống và cả tăm xỉa răng con dùng cũng vậy.

Thiên chủ Đế-thích đã điều phục ông ta như vậy, làm cho ông biết xả thân và an trú ông trong ngũ giới rồi trở về cõi của ngài. Còn vị phú gia cứ bố thí suốt cả đời nên được tái sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này ngày xưa không có tín tâm và không bao giờ cho ai chút gì cả, song Ta đã điều phục ông ta và dạy cho ông ta kết quả của bố thí và tâm lành đó không rời ông ngay cả khi ông ta đã sinh vào một đời khác.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, Tỷ-kheo rộng lượng này là vị phú gia, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Canda, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Suriya, Kassapa (Ca-diếp) là Mātali, Ānanda (A-nan) là Pañcasikha và Ta là Thiên chủ Sakka.

§451. CHUYỆN CHIM HỒNG NGA (*Cakkavākajātaka*)[28] (*J.* IV. 70)

Màu lông tươi đẹp, dáng thanh tao...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc đang trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo tham lam. Chuyện kể rằng, người này bất mãn với bộ y khất sĩ cùng những thứ tương tự nên thường đi quanh quẩn hỏi:

– Nơi đâu có cơm cho Tăng chúng? Nơi đâu có người mời?

Và khi nào nghe nói có thịt, ông tỏ ra rất hoan hỷ. Lúc bấy giờ, có một vị Tỷ-kheo tốt bụng, vì lòng thương tưởng bạn nên đem chuyện ấy kể với bậc Đạo sư. Ngài triệu người ấy đến hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có thật đúng như Ta nghe rằng ông tham lam đó chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng thế.

– Này Tỷ-kheo, tại sao đã xuất gia tu theo giáo pháp đưa đến giải thoát như vậy mà ông còn tham lam? Tham tâm này là ác pháp, ngày xưa vì tham dục, ông bất mãn với các xác voi chết cùng nhiều vật thừa khác ở Ba-la-nại nên đã đi vào rừng rậm.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một con quạ tham ăn không hài lòng với các xác voi chết ở Ba-la-nại cùng mọi thứ xác chết khác. Nó suy nghĩ: "Bây giờ đây ta không biết rừng rậm ra sao nhỉ?" Thế là nó vào rừng xanh, song nó cũng không hài lòng với trái cây rừng mà nó tìm được nên đi đến sông Hằng.

Khi nó tiến về phía sông Hằng, chợt thấy một đôi hồng nga, nó suy nghĩ: "Những con chim đằng xa kia tuyệt đẹp, ta chắc chúng tìm ra nhiều thịt để ăn trên bờ sông Hằng này. Ta muốn hỏi chúng và nếu ta cũng ăn thịt chúng nữa, chắc chắn ta sẽ được màu lông tươi sáng như chúng vậy." Thế là khi đậu không xa đôi chim ấy, quạ hỏi hồng nga bằng cách ngâm hai vần kệ đầu:

---

[28] Xem *J.* III. 521, *Cakkavākajātaka* (*Chuyện chim hồng nga*), số §434.

135. Màu lông tươi đẹp, dáng thanh tao,
Thân thể tròn xinh, ửng sắc đào,
Này ngỗng, đúng là bạn tuyệt mỹ,
Năm căn và mặt sáng ngời sao!

136. Trong khi đậu ở bến sông Hằng,
Cá tráp, cá vền, ngỗng vẫn ăn,
Cá chép cùng nhiều loài cá khác,
Trên dòng sông nước lội tung tăng.

Hồng nga liền cãi lại quạ bằng cách ngâm vần kệ thứ ba:

137. Ta chẳng ăn bầy cá giữa dòng,
Cũng không nằm nghỉ ở trong rừng,
Mọi loài rong cỏ, ta nuôi sống,
Này bạn, đó là món ngỗng ăn.

Lúc ấy, quạ ngâm hai vần kệ:

138. Ta chẳng tin theo ngỗng giãi bày,
Xác minh thực phẩm nó ăn đây,
Của ngon trong xóm ngâm dầu muối,
Là món ta ăn sống mỗi ngày.

139. Món cơm tinh sạch, đẹp làm sao,
Có kẻ làm xong, lại đổ vào,
Món thịt ấy, nhưng này bạn ngỗng,
Sắc ta không giống bạn đâu nào.

Ngay sau đó hồng nga ngâm cho quạ nghe các vần kệ còn lại, nêu rõ lý do tại sao quạ có màu lông xấu xí và thuyết giảng đức tính chân chánh:

140. Ngắm xem tội ác ở lòng ngươi,
Làm hại, phá tan cả cuộc đời,
Lo sợ, kinh hoàng, ngươi ẩm thực,
Nên ngươi có được sắc này thôi.

141. Quạ ơi, lầm lạc khắp trên trần,
Tội ác trong đời trước hóa thân,
Bạn chẳng thích đồ ăn uống nữa,
Chính màu này quạ phải mang luôn.

142. Này bạn, vì ta chẳng hại ai,
Cũng không lo lắng, dạ an hoài,
Cũng không có việc gì sầu muộn,
Sợ hãi gì do kẻ địch ngoài.

143. Vậy bạn này nên sống dũng cường,
Giã từ đường lối sống vô lương,

Trên đời tiến bước không làm hại,
Tất cả cùng yêu mến tán dương.[29]

144. Người nào thân ái với muôn loài,
Không hại và không bảo hại ai,
Không quấy nhiễu, không ai quấy nhiễu,
Không thấy gì sân hận vì người.[30]

– Vậy nếu bạn muốn được mọi người thương mến, hãy từ bỏ các ái dục!

Hồng nga này thuyết giảng đạo đức chân chánh, đã nói như vậy. Quạ đáp:

– Đừng nói tầm phào với ta về cách sống của bạn.

Xong nó vừa kêu lên "quạ, quạ" vừa bay mất qua không gian đến bãi phân ở thành Ba-la-nại.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này xong. Ngài thuyết giảng các sự thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo tham lam đã được an trú vào Tam quả (Bất lai).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Tỷ-kheo tham lam này là con quạ, mẹ của La-hầu-la là chim bạn của hồng nga và Ta chính là hồng nga.

§452. CHUYỆN VẤN ĐỀ TRÍ TUỆ (*Bhūripañhajātaka*)[31] (*J.* IV. 72)

Chuyện này sẽ được kể trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.[32]

§453. CHUYỆN ĐIỀM LÀNH LỚN (*Mahāmaṅgalajātaka*)[33] (*J.* IV. 72)

Hiển bày chân lý, giải nghi nan...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về *Kinh Điềm lành* (*Tiểu tụng,* kinh số 5).

Tại kinh thành Vương Xá, vì một lý do này nọ, một đám đông tụ họp trong nhà nghỉ của vua, giữa những người ấy có người đứng dậy, bước ra nói:

– Hôm nay là ngày có điềm lành.

---

[29] Xem *Miln.* 185, *Ahiṃsāniggahapañha* (*Câu hỏi về sự không hãm hại và sự trấn áp*).

[30] Xem *A.* IV. 150, *Mettāsutta* (*Kinh Tâm từ*); *It.* 19, *Mettābhāvanāsutta* (*Kinh Tu tập tâm từ*).

[31] Xem *J.* IV. 351, *Mahāvāṇijajātaka* (*Chuyện vị đại thương nhân*), số §493; *J.* V. 232, *Mahābodhijātaka* (*Chuyện Hiền giả Mahābodhi*), số §528; *J.* VI. 4, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què câm*), số §538; *J.* VI. 262, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

[32] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

[33] Xem *Pv.* 25; *PvA.* 93, *Kaṇhapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Đại vương Kaṇha*).

Một người khác nghe được, bảo rằng: "Người kia bước ra và nói đến 'điềm lành' này, vậy người ấy muốn nói gì qua cái gọi là điềm lành này?"

Người thứ ba bảo:

– Dấu hiệu gì có vẻ may mắn thì đó là điềm lành, ví dụ một người thức dậy sớm và thấy một con bò đực toàn trắng hay một người đàn bà có thai, hay con cá màu đỏ, hay cái bình nước đầy đến tận miệng, hoặc bơ tươi hoặc bơ đặc, hoặc y phục mới chưa giặt, hoặc cháo gạo thì chẳng có điềm nào tốt hơn nữa.

Vài kẻ bàng quan bình phẩm lời giải thích này:

– Nói hay đấy!

Song có người khác chen vào:

– Ồ không, chẳng có điềm gì trong việc ấy cả, chỉ lời nói bạn nghe mới là điềm. Có người nghe người ta nói: "Đầy đủ", rồi lại nghe "lớn đầy đủ" hoặc "đang lớn", hoặc nghe chúng bảo: "Ăn đi" hay "nhai đi" thì chẳng có điềm nào tốt hơn nữa.

Một số kẻ bàng quan bảo:

– Nói hay đấy!

Và họ bình phẩm lời giải thích này. Một người khác lại nói:

– Chẳng có điềm gì trong mọi chuyện ấy cả. Hễ vật gì bạn đụng chạm đến mới là điềm. Nếu một người thức dậy sớm, đụng vào đất hay cỏ xanh, phân bò tươi, chiếc áo sạch, cá màu đỏ, vàng hay bạc, thức ăn... thì chẳng có điềm gì tốt hơn nữa.

Ở đây, vài kẻ bàng quan lại tán đồng và bảo là khéo nói. Và sau đó, số người theo phái chủ trương các điềm do mắt thấy, điềm về âm thanh, điềm về xúc chạm chia làm ba nhóm, không ai thuyết phục ai được. Từ chư thần trên mặt đất đến Phạm thiên giới, không ai có thể xác định điềm là như thế nào. Thiên chủ Đế-thích nghĩ thầm: "Giữa chư thiên và loài người, còn ai ngoài đức Thế Tôn có thể giải đáp đúng vấn đề điềm triệu. Ta muốn đi đến đức Thế Tôn và đặt vấn đề với Ngài."

Thế là ban đêm Thiên chủ đến thăm đức Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và chắp tay vào nhau để thỉnh cầu, Thiên chủ đặt câu hỏi bắt đầu bằng chư thiên và nhân loại. Sau đó, bậc Đạo sư dùng mười hai vần kệ nói cho Thiên chủ biết ba mươi tám điềm lành lớn. Và trong khi Ngài ngâm những lời kinh điềm lành ấy, lần lượt chư thiên lên đến con số một triệu triệu vị đắc Thánh quả A-la-hán, còn những vị đắc ba Đạo, Quả kia thì không sao kể xiết. Thiên chủ nghe xong các điềm lành liền trở về cõi của mình. Khi bậc Đạo sư nói các điềm lành xong, thế giới loài người và thiên giới đồng tán thành và bảo:

– Thật là khéo nói!

Sau đó trong pháp đường, Tăng chúng bắt đầu bàn luận về công đức của đức Như Lai:

– Này các Hiền giả, vấn đề điềm triệu vượt phạm vi hiểu biết của mọi người, nhưng Ngài đã tuệ tri tâm của loài người và chư thiên, cùng giải tỏa các mối nghi của quần chúng như thể Ngài khiến mặt trăng hiện lên trên bầu trời. Ôi, đức Như Lai là một bậc Đại Trí, này các Hiền giả!

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong lúc ngồi tại đó. Tăng chúng trình với Ngài, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, chẳng vi diệu gì khi Ta giải đáp vấn đề điềm lành vì nay Ta đã đạt trí tuệ tối thắng mà ngay cả khi Ta còn là Bồ-tát trên trần gian, Ta cũng đã giải đáp các mối nghi hoặc của chư thiên và loài người bằng cách trả lời vấn đề điềm lành.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, Bồ-tát tái sanh vào một thị trấn trong một gia đình Bà-la-môn giàu có, cha mẹ đặt tên ngài là Rakkhita (Bảo Hộ). Khi khôn lớn và đã hoàn thành việc học tập tại Takkasilā, ngài cưới vợ. Sau khi song thân qua đời, ngài kiểm tra lại gia sản, suy nghĩ kỹ, ngài phân chia tài sản để bố thí và điều phục các tham dục rồi ngài trở thành ẩn sĩ trong vùng Tuyết Sơn. Ở tại đó, ngài tu tập các thắng trí và an trú tại một nơi, tự nuôi sống bằng các thứ củ quả rừng. Theo thời gian, đệ tử của ngài rất đông, gồm năm trăm vị cùng sống với ngài. Một ngày kia, các ẩn sĩ này đến gần Bồ-tát nói như sau:

– Bạch Tôn sư, khi mùa mưa đến, xin cho chúng con xuống vùng Tuyết Sơn, đi qua đồng bằng để kiếm muối và các thứ gia vị, nhờ vậy thân thể chúng con sẽ được khỏe mạnh và chúng con sẽ thành tựu đời sống tu hành.

Ngài bảo:

– Được rồi, các con cứ đi. Còn ta sẽ ở lại nơi này.

Thế là các vị từ giã ngài, đi xuống từ vùng Tuyết Sơn, tiến hành trên lộ trình đến tận Ba-la-nại, tại đó các vị trú ngụ ở trong ngự viên. Dân chúng đón tiếp các vị rất trọng thể và nồng nhiệt.

Lúc bấy giờ, một ngày kia, có đám đông tụ tập trong nhà nghỉ của cung vua tại Ba-la-nại và vấn đề điềm triệu được đưa ra bàn cãi. Lúc ấy, cũng như trước kia, đám đông không thấy ai có đủ khả năng đánh tan mối hoài nghi của mọi người và giải đáp vấn đề điềm triệu, vì thế họ đi đến ngự viên đặt vấn đề cùng hội chúng Hiền nhân kia. Các Hiền nhân ấy nói với vua:

– Tâu Đại vương, chúng thần không thể giải đáp vấn đề này, song Bổn sư của chúng thần, ẩn sĩ Rakkhita, một bậc đại tuệ sống ở Tuyết Sơn, ngài sẽ giải đáp vấn đề ấy vì ngài thông suốt tư tưởng của chư thiên và loài người.

Vua đáp:

– Này các Hiền giả, Tuyết Sơn quá xa xôi và khó đi lắm đấy, chúng ta không thể nào đến đó được. Xin các Hiền giả đích thân đi về gặp vị Bổn sư và xin hỏi ngài vấn đề ấy. Sau khi các vị đã biết rồi, hãy trở lại đây nói cho chúng ta biết được chăng?

Các vị ấy hứa sẽ làm như vậy, khi các vị trở về gặp vị Bổn sư, đảnh lễ ngài và sau khi ngài đã hỏi thăm vua cùng các phong tục của dân chúng, các vị kể lại cho ngài toàn bộ câu chuyện các điềm triệu như trên từ đầu tới cuối và giải thích việc các vị về đây theo lời dặn dò của vua như thế nào để nghe tận tai lời giải đáp vấn đề này. Các vị thưa:

– Bạch Tôn sư, giờ đây xin Tôn sư giải thích vấn đề điềm triệu cho chúng con rõ và cho chúng con thấy chân lý.

Lúc ấy, vị đệ tử lớn tuổi nhất hỏi vị thầy bằng cách ngâm vần kệ đầu:

155. Hiển bày chân lý, giải nghi nan,
Xin dạy kinh gì của Thánh nhân,
Được học hành theo giờ thuận lợi,
Đời này, đời kế tạo hồng ân?

Khi vị đệ tử lớn nhất đã đặt vấn đề điềm lành qua các lời kệ này, bậc Đại sĩ muốn xóa tan mọi nỗi nghi ngờ của chư thiên và loài người liền đáp lại:

– Đây và đây chính là điềm lành!

Và như vậy, ngài diễn tả các điềm lành với tài thiện xảo của một bậc Giác ngộ:

156. Mọi Phạm thiên, thần thánh hiển linh,
Rắn rồng ta thấy giữa quần sinh,
Trong lòng mãi mãi đầy từ mẫn,
Vị ấy ban ơn mọi hữu tình.

Như vậy, bậc Đại sĩ đã thuyết giảng điềm lành thứ nhất rồi tiếp đến thuyết giảng điềm lành thứ hai và các điềm lành khác còn lại:

157. Kẻ nào khiêm tốn với muôn người,
Yêu mến nữ nam, mọi gái trai,
Đứng trước lời bình không đáp lại,
Sẽ mang hạnh phúc đến cho đời.

158. Gặp hiểm nguy, người có trí nhanh,
Chẳng khinh đồng nghiệp, bạn đồng hành,
Chẳng khoe dòng trí, giàu, giai cấp,
Hạnh phúc cho đời ắt khởi sinh.

159. Người nào kết bạn thiện, Hiền nhân,
Được trọng vì mồm chẳng ác thâm,
Không hại bạn, chia đều của cải,
Chính niềm hạnh phúc giữa thân bằng.

160. Vợ hiền đồng tuổi, có tình thân,
Tận tụy, nhân từ, trẻ lại đông,
Đức hạnh, trung thành, dòng quý tộc,
Ấy niềm hạnh phúc giữa hồng quần.

161. Vua nào Đại đế giữa thần dân,
Biết sống thanh cao, đủ khả năng,
Bảo "đấy bạn ta", không dối trá,
Chính niềm hạnh phúc giữa Vương quân.

162. Thành tín cùng cơm nước cúng dường,
Vòng hoa tươi tốt, các mùi hương,
Với tâm thanh tịnh gieo an lạc,
Ấy mang hạnh phúc mọi thiên đường.

163. Các Trí nhân thuần thiện, chánh chân,
Tâm tư rửa sạch, gắng tinh cần,
Theo đời thanh tịnh, người Hiền trí,
Phúc lạc thay người giữa Thánh nhân!

Cứ như vậy, bậc Đại sĩ đã đưa bài thuyết pháp lên đến đỉnh cao nhất của Thánh quả và sau khi đã giải thích các điềm lành trong tám vần kệ, ngài ngâm vần kệ cuối cùng để tán thán các điềm lành ấy:

164. Công đức như vầy giữa thế gian,
Được tôn sùng bởi mọi Hiền nhân,
Người khôn hãy bước đi theo chúng,
Điềm triệu chẳng mang tính thật chân.

Các bậc Hiền trí sau khi nghe các điềm lành này xong còn ở lại bảy tám ngày nữa rồi từ giã ngài và lên đường đến chỗ cũ. Vua đến thăm họ và hỏi chuyện kia. Các vị giải thích vấn đề điềm lành như cách đã được giải thích và trở lại Tuyết Sơn. Từ đó về sau, vấn đề điềm lành đã được thông hiểu trên thế gian. Sau khi đã chuyên tâm học tập vấn đề điềm lành, lúc mạng chung, các vị đều lên cộng trú với thiên chúng rất đông đảo. Còn Bồ-tát tu tập tứ vô lượng tâm và khi mạng chung cùng với hội chúng của ngài được tái sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Ta cũng đã giải thích vấn đề điềm lành.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, hội chúng đệ tử của Như Lai là các Hiền nhân kia, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị trưởng đệ tử, người đã hỏi vấn đề điềm lành và Ta chính là vị Bổn sư.

§454. CHUYỆN TRÍ GIẢ GHATA (*Ghatajātaka*) (*J.* IV. 79)

Hắc đế Kaṇha, hãy đứng lên...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về cái chết của một nam tử. Chuyện này cũng giống trong *Chuyện nam tử đeo vòng tai.*[34]

Ở đây, bậc Đạo sư hỏi vị nam cư sĩ:

– Này cư sĩ, có phải ông đang phiền muộn chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

– Này cư sĩ, ngày xưa, các bậc Trí nghe lời dạy của các Hiền nhân nên không phiền muộn về cái chết của con mình.

Và theo lời thỉnh cầu của ông, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, một vị vua có danh hiệu là Mahākaṃsa trị vì Uttarapatha, trong địa hạt Kaṃsa ở kinh thành Asitañjana. Ông có hai hoàng nam là Kaṃsa, Upakaṃsa và một công chúa là Devagabbhā. Vào ngày sinh nàng, các Bà-la-môn tiên đoán tương lai của nàng, bảo:

– Những hoàng nam do công chúa này sinh ra sẽ phá hoại xứ sở và dòng họ Kaṃsa.

Vua quá yêu thương con gái nên không thể giết nàng được mà để cho các hoàng huynh của nàng lo liệu việc đó, còn ngài khi sống hết đời thì từ trần. Khi ngài băng hà, Kaṃsa lên làm vua và Upakaṃsa làm phó vương.

Hai vị nghĩ sẽ có sự phản đối của quần thần nếu như bắt công chúa phải chết, vì thế quyết định không gả nàng cho ai cả mà cứ để nàng sống không có chồng và canh giữ thật kỹ. Các ngài lại xây một cái tháp tròn đơn độc để nàng ở đó. Bấy giờ, nàng có một nữ tỳ tên là Nandigopā và chồng nữ tỳ này là Andhakaveṇḍu, gã gia nô canh giữ nàng.

Thời ấy, vị vua danh hiệu Mahāsāgara đang trị vì phía Bắc Madhurā có hai vương tử là Sāgara và Upasāgara. Vào lúc vua cha băng hà, Sāgara lên ngôi vua và Upasāgara làm phó vương. Vương tử này là bạn của Upakaṃsa cùng lớn lên và cùng học một thầy. Song chàng đã có âm mưu gian díu trong khuê phòng của hoàng huynh và bị bại lộ nên phải chạy trốn đến với Upakaṃsa trong địa phận Kaṃsa. Upakaṃsa tiến cử chàng với vua xứ Kaṃsa và vua đón tiếp chàng rất trọng thể.

Upasāgara trong lúc vào chầu vua thường quan sát cái tháp mà Công chúa Devagabbhā trú ngụ và khi hỏi ai ở đó, rồi khi nghe chuyện kia, chàng đem lòng yêu nàng. Còn Devagabbhā, một hôm trông thấy chàng khi chàng cùng

[34] Xem *J.* IV. 60, *Maṭṭakuṇḍalijātaka* (*Chuyện nam tử đeo vòng tai*), số §449.

đi với Upakaṃsa vào chầu vua. Nàng hỏi ai đó và khi được Nandigopā nói đó là Upasāgara, con của Vua Mahāsāgara thì nàng cũng yêu chàng ngay. Chàng Upasāgara trao một món quà cho Nandigopā, bảo:

– Này hiền tỷ, xin chị thu xếp cho tôi được gặp Devagabbhā.

– Dễ lắm!

Nandigopā bảo và kể lại chuyện ấy với công chúa. Nàng đã thầm yêu chàng nên đồng ý ngay. Một đêm kia, Nandigopā sắp đặt một cuộc hẹn hò và đem Upasāgara lên tháp và chàng ở lại đó với Devagabbhā. Vì đôi bên tiếp xúc thường xuyên như thế nên Devagabbhā có thai. Dần dần, ai cũng biết nàng có thai nên hai vị hoàng huynh cật vấn Nandigopā. Nữ tỳ này xin hai vị tha tội cho nàng rồi kể tình tiết của câu chuyện. Khi hai vị nghe chuyện liền suy nghĩ: "Ta không thể bảo giết em gái ta được. Nếu em ta sinh con gái, chúng ta sẽ tha chết cho hài nhi ấy luôn, còn nếu con trai thì giết nó đi."

Và hai vị vua gả Devagabbhā cho Upasāgara đem về làm vợ. Đến thời mãn nguyệt khai hoa, nàng sinh hạ một cô con gái. Hai vị hoàng huynh nghe tin ấy rất hoan hỷ đặt cho hài nhi tên là Công nương Añjanā. Hai vị lại cho các em một ngôi làng để làm tài sản, đặt tên là Bhovaḍḍhamāna. Upasāgara đem Devagabbhā đến sống cùng nhau tại ngôi làng ấy.

Devagabbhā lại có thai nữa và đúng ngày đó Nandigopā cũng có thai. Khi đến kỳ, cả hai lại cùng sinh một ngày. Devagabbhā sinh con trai và Nandigopā sinh con gái. Song Devagabbhā sợ rằng con trai nàng có thể bị giết nên bí mật gởi con đến Nandigopā và nhận con gái của Nandigopā về nuôi. Chúng lại báo tin nàng sinh con với hai vị hoàng huynh. Hai vị hỏi:

– Con trai hay gái?

Chúng đáp:

– Con gái.

Các hoàng huynh bảo:

– Vậy thì lo nuôi nấng nó đi.

Cứ như vậy, Devagabbhā sinh mười con trai và Nandigopā sinh mười con gái. Bọn con trai sống với Nandigopā và bọn con gái sống với Devagabbhā, không một ai biết được bí mật kia.

Con trai trưởng của Devagabbhā được đặt tên là Vāsudeva, con trai thứ là Baladeva, thứ ba là Candadeva, thứ tư Suriyadeva, thứ năm Aggideva, thứ sáu Varuṇadeva, thứ bảy Ajjuna, thứ tám Pajjunna, thứ chín Ghatapaṇḍita, thứ mười Aṅkura. Ai cũng biết chúng là các con trai của gia nô Andhakaveṇḍu hay mười anh em nô lệ.

Theo thời gian chúng lớn khôn, rất cường tráng lại hung dữ, bạo tàn. Chúng đi khắp nơi cướp phá, chúng còn cả gan đến độ cướp lễ vật triều cống dâng vua. Dân chúng đến tụ tập ở sân chầu của vua, kêu than:

– Các con trai của gia nô Andhakaveṇḍu, cả mười anh em ấy đang cướp phá xứ sở.

Vì thế, vua triệu Andhakaveṇḍu đến, trách mắng y đã để các con mình đi cướp bóc. Cứ như vậy, các tiếng kêu than nổi dậy ba bốn lần, vua hăm dọa y. Vì lo sợ cho tính mạng mình nên y xin vua ban cho y đặc ân được an toàn tính mạng rồi kể chuyện bí mật kia, rằng chúng không phải là con trai của y như thế nào mà là con trai của Upasāgara. Vua hoảng sợ, ngài hỏi quần thần:

– Làm thế nào bắt chúng nó được?

Quần thần tâu:

– Tâu Đại vương, chúng nó là bọn đánh vật, chúng ta hãy tổ chức thi đánh vật tại kinh thành và khi chúng vào đấu trường, chúng ta sẽ bắt chúng và giết đi.

Thế là quần thần tìm hai người đánh vật tên là Cānura và Muṭṭhika và cho loan báo khắp kinh thành bằng trống lệnh rằng vào ngày thứ bảy sẽ có một cuộc thi đô vật. Đấu trường được chuẩn bị trước hoàng môn, có hàng rào bao quanh và trang hoàng rất vui mắt. Cờ chiến thắng được buộc sẵn sàng. Cả kinh thành quay cuồng như ở trong cơn lốc. Hàng hàng lớp lớp ghế ngồi chật ních.

Cānura và Muṭṭhika bước vào đấu trường, đi nghênh ngang, nhảy nhót, la hét, vỗ tay. Mười anh em kia cũng thế, trên đường đi, chúng đã cướp phá phố thợ giặt nên phục sức các xiêm y rực rỡ vào, lại cướp nước hoa của các tiệm nước hoa thoa dầu thơm khắp người, đeo vòng trên đầu, hoa tai trên tai, chúng nghênh ngang bước vào đấu trường, nhảy nhót, la hét, vỗ tay.

Vào lúc ấy, Cānura đang đi quanh và vỗ tay, Baladeva thấy gã liền suy nghĩ: "Ta không muốn đụng kẻ kia với bàn tay ta" nên chàng chụp lấy sợi dây lớn từ chuồng voi, vừa nhảy lên hò hét vừa ném dây quanh bụng Cānura, cột hai đầu dây lại thật chặt rồi tung gã kia lên, quay cuồng gã quanh đầu mình rồi đạp gã xuống đất cho lăn ra khỏi đấu trường. Khi Cānura đã chết, vua cho gọi Muṭṭhika. Muṭṭhika bước lên hò hét, vỗ tay. Baladeva tát mạnh vào mặt gã và trong lúc gã la lớn:

– Ta không phải kẻ đấu vật! Ta không phải kẻ đấu vật!

Baladeva cột hai tay gã lại bảo:

– Đấu vật hay không phải đấu vật đối với ta cũng thế thôi!

Rồi chàng xô mạnh gã xuống đất, giết gã và ném gã ra ngoài đấu trường.

Muṭṭhika trong cơn giãy chết, thốt ra lời nguyền: "Ước mong ta thành quỷ để xé xác nó ra" và gã trở thành con quỷ ở trong rừng có tên gọi là Kāḷamattika. Vua bảo:

– Bắt mười tên nô lệ này ra ngay!

Vào lúc ấy, Vāsudeva ném một cái bánh xe (một loại binh khí) chặt đứt đầu cả hai anh em nhà vua. Đám đông kinh hoàng quỳ xuống chân chàng và xin

chàng cứu giúp che chở cho họ. Thế là mười anh em này, sau khi đã giết hai ông cậu xong, lên làm vua tại kinh thành Asitañjana và đem cha mẹ về đó ở.

Lúc bấy giờ, họ bắt đầu dự định chinh phục cả cõi Diêm-phù-đề. Chẳng mấy chốc, họ đi đến kinh thành Ayojjhā, nơi ngự trị của Vua Kāḷasena. Họ bao vây kinh thành, tiêu diệt khu rừng rậm quanh đó, phá vỡ trường thành và bắt vua làm tù binh, chiếm vương quốc vào tay họ.

Sau đó, họ đến Dvāravatī. Bấy giờ, kinh thành này có một phía là biển, một phía là núi. Dân chúng đồn rằng nơi đó có quỷ hiện. Con quỷ giữ vị trí canh phòng, hễ thấy quân thù là nó hóa thành con lừa và hí như lừa vậy. Lập tức, nhờ sức kỳ bí của quỷ, cả kinh thành bay lên không gian đặt trên một hòn đảo giữa biển; khi quân thù đi rồi, nó sẽ trở lại và ổn định trên vị trí cũ.

Lần này, cũng như thường lệ, vừa khi con lừa thấy mười anh em kia đến thì nó hí lên như lừa. Cả kinh thành bay lên không gian và đặt trên hòn đảo kia. Họ không thấy kinh thành nữa nên quay lui. Sau đó, kinh thành lại trở về chỗ cũ. Bọn họ trở lại, con lừa lại làm như trước, bọn họ không thể nào chiếm lấy thành Dvāravatī được. Vì thế, họ đến yết kiến vị Hiền giả Kaṇhadīpāyana và nói:

– Thưa Tôn giả, chúng tôi đã thất bại trong việc chiếm vương quốc Dvāravatī, xin cho chúng tôi biết phải làm cách nào?

Ông bảo:

– Trong một cái hào ở nơi kia, có một con lừa đi quanh quẩn. Nó hí lên khi thấy quân thù nên lập tức kinh thành bay lên không. Các ngài phải ôm lấy chân nó[35] mà van xin, đó là cách để các ngài đạt được mục đích.

Sau đó, họ tạ từ ẩn sĩ và cả mười anh em đi đến con lừa, quỳ xuống chân nó và nói:

– Thưa Tôn ông, chúng ta không nhờ cậy ai được ngoài Tôn ông. Khi chúng ta đến chiếm thành, xin đừng hí lên!

Con lừa đáp:

– Ta không thể nào không hí được. Song nếu các ngài đến trước, bốn người trong các người đem các cây cày bằng sắt thật lớn và đặt bốn cột trụ sắt lớn ở dưới đất tại bốn cổng thành. Khi kinh thành bắt đầu bay lên, nếu các ngài đóng vào trụ sắt một dây xích bằng sắt buộc vào cây cày thì kinh thành không thể nào bay lên nổi.

Họ cảm ơn con lừa và nó không kêu một tiếng khi họ đem đến các cây cày đào hố chôn các cột trụ dưới đất ở bốn cổng thành rồi đứng đợi. Sau khi con lừa hí, cả kinh thành bắt đầu bay lên. Song những người đứng ở bốn cổng thành với bốn cây cày đã đóng vào các cột trụ các dây xích sắt buộc vào các cây cày nên kinh thành không thể bay lên được nữa. Thế là mười anh em vào thành giết vua và chiếm vương quốc.

---

[35] Xem *J.* IV. 27, *Kaṇhadīpāyanajātaka* (*Chuyện Hắc Nhân Dīpāyana*), số §444.

Như vậy, họ chiếm được toàn cõi Diêm-phù-đề và trong sáu mươi ba ngàn kinh thành, họ đã dùng bánh xe kia giết sạch tất cả vua của các nước đó rồi sống tại Dvāravatī, chia vương quốc thành mười phần. Song họ đã quên mất cô chị đầu là Công nương Añjanā, vì thế họ bảo:

– Hãy chia vương quốc ra mười một phần!

Song Aṅkura đáp:

– Hãy cho chị ấy phần của tiểu đệ và đệ sẽ làm việc khác mà sống, các vương huynh chỉ giảm thuế cho đệ ở mỗi vương quốc của các vương huynh thôi!

Họ đồng ý và đưa phần của chàng cho chị đầu, họ sống chung với nàng tại Dvāravatī cả chín ông vua, trong khi Aṅkura đóng tàu đi buôn. Với thời gian, các vua ấy sinh được nhiều con trai và con gái và lâu sau đó, các bậc cha mẹ của họ từ trần. Vào thời ấy, chuyện kể là con người sống đến hai mươi ngàn tuổi.

Sau đó, vương tử yêu quý của Đại vương Vāsudeva mất đi. Vua dở sống dở chết vì sầu muộn nên xao lãng mọi việc, cứ nằm than khóc, bám chặt lấy sàng tọa. Lúc ấy, Trí giả Ghata suy nghĩ: "Trừ ta ra không ai đủ khả năng xoa dịu nỗi buồn của hoàng huynh. Ta muốn tìm phương tiện để làm giảm nỗi ưu phiền cho ngài." Vì thế, chàng làm vẻ điên cuồng đi khắp kinh thành, nhìn lên bầu trời và kêu lớn:

– Cho ta một con thỏ! Cho ta một con thỏ!

Cả kinh thành chấn động lên. Họ bảo nhau:

– Trí giả Ghata nổi điên rồi!

Vừa lúc ấy, một cận thần tên là Rohiṇeyya đi vào yết kiến Vua Vāsudeva và mở đầu câu chuyện bằng cách ngâm vần kệ đầu tiên:

165. Hắc đế Kaṇha, hãy đứng lên,
Sao ngài nhắm mắt ngủ nằm yên,
Kìa bào đệ, gió to đang cuốn,
Tâm trí chàng bay mất, hãy nhìn,
Mất trí, Ghata mồm lảm nhảm,
Hỡi ngài Đại đế tóc đen huyền!

Khi viên cận thần nói vậy xong, bậc Đạo sư thấy vua ấy đứng dậy, rồi sau khi đã là bậc Giác Ngộ, Ngài ngâm vần kệ thứ hai:

166. Chốc lát vua dài tóc Kesava,
Nghe Rohiṇeyya lớn tiếng gào la,
Đứng lên Đại đế đầy phiền muộn,
Vì nỗi khổ buồn của Ghata.

Vua đứng lên, vội vàng bước xuống từ cung thất tiến về phía Trí giả Ghata, ngài chụp mạnh lấy chàng bằng cả hai tay và ngâm vần kệ thứ ba hỏi chàng:

167. Sao dáng điên rồ, đệ bước qua,
Khắp miền non nước Dvāraka,
Và kêu "thỏ, thỏ", này cho biết,
Ai lấy thỏ con của đệ à?

Trước câu hỏi của vua, chàng chỉ đáp lại bằng cách ngâm mãi các lời kệ ấy. Vua lại ngâm thêm hai vần kệ nữa:

168. Thỏ làm bằng ngọc hoặc vàng ròng,
Như đệ ước ao, bạc hoặc đồng,
Vỏ ốc, san hô, hay đá cuội,
Ta làm ngay thỏ, đệ an lòng.

169. Còn có nhiều loài thỏ biết bao,
Vẫn thường quanh quẩn chốn rừng sâu,
Được mang về nữa, ta đòi bắt,
Hãy nói, em thích chọn thứ nào?

Nghe lời vua, Trí giả Ghata đáp lại bằng cách ngâm vần kệ thứ sáu:

170. Em chẳng ước ao thỏ thế gian,
Mà mơ con thỏ ở cung trăng,
Này Kesava, thỏ kia đem xuống,
Em chẳng đòi thêm một đặc ân.

"Chắc em ta đã nổi điên rồi", vua suy nghĩ khi nghe nói vậy. Lòng đầy sầu muộn, ngài ngâm vần kệ thứ bảy:

171. Nói thật này, em sẽ chết thôi,
Nếu em cầu khẩn chuyện kia hoài,
Em đòi chuyện chẳng ai mong ước,
Con thỏ cung trăng ở cõi trời!

Trí giả Ghata khi nghe vua đáp lại liền đứng yên không nhúc nhích và nói:

– Này Vương huynh, anh biết rằng con người đòi thỏ mặt trăng thì không thể nào có được và sẽ phải chết. Vậy tại sao anh phiền muộn vì đứa con trai đã mất?

172. Nếu Kaṇha hiểu chuyện này mau,
Và giải khuyên người khóc khổ đau,
Anh vẫn cớ sao đang phiền muộn,
Đứa con trai đã chết từ lâu?

Rồi chàng nói tiếp khi vẫn đứng trên đường:

– Này anh, em chỉ cầu xin cái có thật, còn anh lại phiền muộn vì cái không còn nữa.

Sau đó, chàng giáo hóa vua bằng hai vần kệ sau:

173. Con ta sinh, ước chẳng lìa trần,
Không một người hay cả thánh thần,
Có thể đạt lời nguyện kia vậy,
Sao điều không có lại cầu mong?

174. Không có bùa thiên hoặc thuốc thần,
Chẳng loài cỏ thuốc hoặc tiền vàng,
Đủ công năng để làm cho sống
Người chết, Kaṇha vẫn khóc than.

Vua nghe vậy đáp:

– Này hiền đệ, em có mục đích tốt lành lắm. Em đã làm như vậy để xua tan mọi phiền muộn của ta.

Sau đó, ngài ngâm bốn vần kệ để tán thán Trí giả Ghata:

175. Trẫm nghe nhiều bậc Trí nhân,
Nhiều người lỗi lạc khuyên toàn điều hay,
Song Ghata đã khéo thay,
Mở đôi mắt trẫm từ nay sáng bừng!

176. Ta đang thiêu đốt trong lòng,
Như khi người đổ dầu trong lửa đào,
Em đà mang nước lạnh vào,
Và em dập tắt khát khao, tủi buồn.[36]

177. Vì con, bao nỗi sầu tuôn,
Mũi tên độc cắm trong hồn của ta,
Em vừa an ủi khuây khỏa,
Nỗi niềm bi thiết, nhổ ra tên này.

178. Tên vừa nhổ hết đau ngay,
Giữ tâm thanh thản, ta rày bình an,
Nghe lời chân lý, hỡi chàng,
Ta không còn phải khóc than đau buồn.

Và cuối cùng:

179. Hãy làm như đấng Từ Tâm,
Và như các bậc Trí nhân đại hiền,
Giải tan các nỗi ưu phiền,
Như Ghata đã giải khuyên anh mình.[37]

Đây là vần kệ của bậc Giác Ngộ.

---

[36] Ba câu kệ 176-78, xem *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352; *J.* III. 214, *Migapotakajātaka* (*Chuyện chú nai con*), số §372; *J.* III. 389, *Somadattajātaka* (*Chuyện voi con Somadatta*), số §410; *J.* IV. 60, *Maṭṭakuṇḍalijātaka* (*Chuyện nam tử đeo vòng tai*), số §449.

[37] Xem *J.* III. 156, *Sujātajātaka* (*Chuyện chàng Sujāta*), số §352; *Pv.* 25; *PvA.* 93, *Kaṇhapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Đại vương Kaṇha*).

Bằng cách ấy, Đại vương Vāsudeva đã được Vương tử Ghata an ủi nỗi buồn. Sau một thời gian dài vua cai trị vương quốc, các vương tử của mười anh em làm vua kia suy nghĩ:

– Dân chúng đồn rằng Kaṇhadīpāyana có thần thông lực. Ta thử xem sao.

Thế là cả bọn ấy tìm một thanh niên, cho gã phục sức đẹp rồi buộc một chiếc gối quanh bụng gã làm như thể gã có thai. Rồi họ đem gã vào yết kiến ngài và hỏi:

– Thưa Tôn giả, khi nào thì người đàn bà này sinh con?

Nhà ẩn sĩ nhận thấy [nhờ thần lực] rằng mười anh em vương tử này đã đến hồi mạt vận, rồi khi xem kỹ hạn kỳ mạng sống của chính mình được chừng nào, ngài hiểu là ngài phải chết đúng ngày hôm ấy. Sau đó, ngài hỏi:

– Thưa các vị Vương tử, người này là gì của các vị?

Họ khăng khăng đáp lại:

– Xin hãy trả lời cho chúng ta rõ!

Ngài đáp:

– Từ ngày thứ bảy kể từ nay, người này sẽ sinh ra một khúc gỗ keo. Với khúc gỗ ấy, nó sẽ phá tan dòng họ Vāsudeva dù cho các vị có lấy thanh gỗ ấy và đốt đi rồi thả tro xuống sông.

Họ đáp:

– A, đạo sĩ này giả hiệu. Đàn ông không thể nào đẻ con được!

Rồi họ làm một sợi dây thừng giết ngài lập tức. Các vị vua triệu các vương tử vào hỏi tại sao đã giết đạo sĩ. Khi các vị nghe như vậy đều kinh hãi. Các vị cho người canh giữ chàng trai kia và đến ngày thứ bảy, chàng ta lấy ra từ trong bụng một khúc gỗ keo, họ đem đốt đi và thả tro xuống sông. Tro ấy trôi theo dòng nước dính vào một bên bờ chỗ ngõ khuyết bên sông, từ nơi ấy mọc lên một cây eraka.

Một ngày kia, các vua đề nghị đi du hí dưới sông. Vì thế, các vị ấy đến ngõ khuyết bên sông này dựng một chiếc rạp lớn và trong cái rạp rực rỡ ấy, các vị vua ăn uống vui đùa. Sau đó, các vị bắt đầu đấm đá nhau và chia thành hai phe gây gổ dữ dội. Cuối cùng, một người trong số đó thấy không có gì tốt hơn để làm cây gậy liền hái một ngọn lá eraka chỗ rừng cây ấy, ngay sau khi hái, nó liền biến thành cái gậy gỗ keo trong tay, người ấy dùng gậy đánh nhiều người. Rồi các người khác cũng hái như vậy, các lá cây mà họ hái đều biến thành gậy gộc, và bọn người ấy dùng gậy đánh nhau cho đến chết. Trong lúc cả bọn tàn sát lẫn nhau, chỉ có bốn người là Vāsudeva, Baladeva, Công chúa Añjanā vương tỷ và vị quan tế sư nhảy lên xe chạy trốn, còn cả nhóm kia chết hết không sót ai.

Bấy giờ, bốn vị ấy dùng xe trốn đi đến khu rừng Kāḷamattika, nơi ấy gã đấu vật Muṭṭhika tái sanh làm quỷ đúng như lời nguyện của y. Khi y nhìn thấy

Baladeva, y liền dựng lên một ngôi làng tại đó rồi giả dạng làm người nô bộc vừa đi vừa nhảy nhót la hét vừa búng tay một hồi:

– Ai muốn đấu đây?

Baladeva mới thấy y liền nói:

– Này anh, em sẽ cố đánh gã này.

Vāsudeva cố hết sức ngăn cản chàng, song chàng vẫn xuống xe đi đến gã, búng tay. Gã kia chụp ngay chàng trong lòng bàn tay và nhai chàng ngấu nghiến như một củ cải. Vāsudeva thấy chàng đã chết liền đi suốt đêm cùng chị và vị tế sư, rạng ngày sau vừa đến một làng ở biên địa. Vua nằm xuống trong chỗ ẩn sau một bụi rậm, nhờ chị và vị tế sư vào làng bảo nấu một ít thức ăn đem đến dâng ngài. Một người thợ săn tên là Jarā (Lão Niên) thấy bụi rậm lay động: "Chắc có con lợn rồi!" Người ấy suy nghĩ và đâm một giáo xuyên suốt chân ngài. Vāsudeva la lớn:

– Ai đã đâm ta bị thương đó?

Người thợ săn thấy mình đã đâm nhầm một người nên kinh hoàng bỏ chạy trốn. Vua hồi tỉnh đứng lên gọi người thợ săn:

– Này lão tiều phu, tới đây đừng sợ!

Khi ông đến, Vāsudeva hỏi:

– Người là ai?

– Tâu Chúa thượng, tiểu thần là Jarā.

Vua nghĩ thầm:

– Than ôi! Hễ ai bị Jarā đâm bị thương đều phải chết, người xưa vẫn nói như vậy. Chắc chắn ta phải chết hôm nay rồi!

Sau đó, vua bảo:

– Này lão tiều phu, xin đừng sợ, đến đây buộc vết thương lại cho ta.

Khi miệng vết thương buộc lại xong, vua để ông ta đi. Vết thương khiến ngài đau đớn ghê gớm, ngài không thể ăn thứ gì mà các người kia mang đến. Sau đó, ngài bảo các người kia:

– Hôm nay ta phải chết. Các người yếu đuối lắm, không bao giờ có thể có nghề gì khác để sinh sống, vậy hãy học chuyên khoa này của ta!

Nói xong, ngài dạy cho hai người học một chuyên khoa rồi để cho họ ra đi và ngài chết ngay hôm đó. Như vậy, trừ Công nương Añjanā, tất cả đều chết không ai sống sót. Câu chuyện được kể như vậy.

***

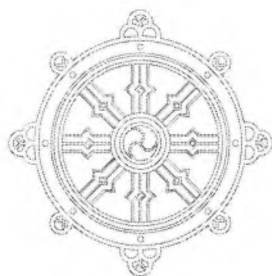
Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này cư sĩ, như vậy ngày xưa, có người đã thoát khỏi khổ đau vì con chết

bằng cách nghe theo lời dạy của các bậc Trí nhân. Vậy ông đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa!

Sau đó Ngài tuyên thuyết các sự thật, vị cư sĩ đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda (A-nan) là Rohiṇeyya, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Vāsudeva, các đệ tử của Như Lai là các người kia và Ta chính là Trí giả Ghata.



CHƯƠNG XI
MƯỜI MỘT KỆ
(*EKĀDASANIPĀTA*)

§455. CHUYỆN VOI HIẾU DƯỠNG MẸ (*Mātiposakajātaka*)[1] (*J.* IV. 90)

Cho dù voi chúa phải đi xa...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo còn mẹ phải cấp dưỡng. Chuyện này cũng giống như *Chuyện hiếu tử Sāma*.[2] Trong dịp này, bậc Đạo sư nói chuyện với chúng Tăng, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ giận Tỷ-kheo này! Ngày xưa, các bậc Hiền nhân, ngay cả lúc sinh ra từ bụng của loài vật và cách xa mẹ mình, cũng không chịu ăn uống gì trong bảy ngày, cứ gầy héo mỏi mòn. Dù được cung cấp đồ ăn vương giả, họ cũng chỉ đáp: "Không có mẹ ta thì ta không muốn ăn", cho đến lúc gặp lại mẹ, họ mới chịu ăn như trước.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm đại tượng vương ở vùng Tuyết Sơn. Toàn thân voi màu trắng rất đẹp, khả ái, duyên dáng, có đủ tướng tốt, là chúa đàn với tám mươi ngàn con voi vây quanh ngài, song mẹ ngài bị mù. Ngài thường đưa cho bầy voi những quả rừng thật ngon để đem về dâng mẹ, nhưng chúng chẳng đem gì về dâng cho voi mẹ mà chúng ăn hết. Khi ngài hỏi thăm và biết được việc ấy, ngài bảo:

– Ta muốn rời đàn để nuôi mẹ ta.

Thế là một đêm thuận lợi, bầy voi không hay biết, ngài đưa mẹ đi đến đỉnh núi Caṇḍoraṇa (Chiên-đồ-gia). Tại đó, ngài để mẹ ở trong một cái hang ở dưới đồi gần một hồ nước và nuôi nấng mẹ rất chu đáo.

Bấy giờ, một người thợ rừng ở Ba-la-nại đi lạc đường và không thể nào tìm được lối ra nên bắt đầu than khóc ầm ĩ. Nghe tiếng này Bồ-tát thầm nghĩ: "Đó là một người đang trong cơn hoạn nạn, khi ta đang ở đây mà người ấy gặp tai họa thật chẳng phải lẽ." Vì vậy, ngài đến gần, nhưng người ấy bỏ chạy vì quá sợ hãi. Thấy thế, voi chúa bảo gã:

---

[1] Xem *Cp.* 84, *Sīlavanāgacariya* (*Hạnh của tượng vương Sīlava*).

[2] Xem *J.* VI. 70, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

– Này người kia, anh không cần phải sợ ta, đừng chạy trốn, hãy nói tại sao anh vừa đi vừa khóc?

– Tâu chúa tể, kẻ hèn này bị lạc đường đã bảy ngày qua.

Voi chúa đáp:

– Anh đừng sợ nữa, ta sẽ đưa anh ra đường đi của dân chúng.

Sau đó, ngài bảo người ấy leo lên ngồi trên lưng ngài và đưa ra khỏi rừng xong ngài quay về. Còn con người độc ác kia quyết vào thành phố báo tin cho vua biết. Vì thế, gã đánh dấu các cây cối, các ngọn đồi rồi tiến về Ba-la-nại. Lúc ấy, vương tượng của đức vua vừa mới từ trần. Ngài cho truyền lệnh bằng một hồi trống: "Nếu kẻ nào thấy ở đâu có con voi xứng đáng để đức vua ngự du thì hãy báo ngay!"

Sau đó, gã kia đến triều yết kiến vua và tâu:

– Tâu Chúa thượng, tiểu thần đã thấy một con voi tuyệt mỹ, toàn thân màu trắng, một con vật tối thắng xứng đáng để Chúa thượng ngự lên. Tiểu thần xin chỉ đường, nhưng xin đưa các người quản tượng đi theo để bắt voi.

Vua chấp thuận, bảo một người thợ rừng cùng đi với gã ấy và một đoàn tùy tùng lên đường. Người thợ cùng đi với gã và trông thấy Bồ-tát đang ăn uống trong một hồ nước. Khi Bồ-tát thấy gã thợ rừng, ngài nghĩ: "Hiểm họa này chắc chắn không phát xuất từ ai khác ngoài kẻ kia. Nhưng ta rất mạnh, ta có thể đánh tan tành cả ngàn con voi trong lúc thịnh nộ, ta lại đủ sức tiêu diệt cả đàn voi ra trận của một vương quốc. Tuy nhiên, nếu ta bị lòng phẫn nộ chi phối thì công đức của ta sẽ bị tổn hại. Vì vậy, hôm nay ta sẽ không nổi giận cho dù có bị gươm giáo đâm vào da thịt." Với quyết định này, ngài cúi đầu đứng bất động.

Người thợ rừng bước xuống hồ sen, khi thấy vẻ tuyệt mỹ của các chóp ngà voi, gã bảo:

– Này con, hãy đến đây!

Rồi nắm lấy cái vòi giống như sợi dây thừng bằng bạc, gã dẫn voi về thành Ba-la-nại trong vòng bảy ngày. Khi mẹ Bồ-tát thấy con mình không trở về, bà đoán chắc hẳn ngài bị quan quân nhà vua bắt rồi và bà than khóc:

– Giờ đây cây cối vẫn mọc nhưng con ta đã đi xa rồi.

Và bà ngâm hai vần kệ:

1. Dù cho voi chúa phải đi xa,
Dược thảo, nhũ hương vẫn mọc ra,
Lúa cỏ, trúc đào cùng súng trắng,
Kèn xanh chỗ khuất vẫn đơm hoa.

2. Tượng vương hẳn đến tận phương nao,
Sung túc nhờ bao kẻ tước cao,
Trang điểm ngọc vàng, vua chúa cưỡi,
Oai hùng thắng địch thủ mang bào.

Bấy giờ, người luyện voi kia đang lúc còn đang đi đường đã gửi về triều một tờ sớ dâng vua. Nhà vua liền ra lệnh cả kinh thành trang hoàng thật lộng lẫy. Người luyện voi dẫn Bồ-tát vào một cái chuồng được tô điểm bằng các dây tua, tràng hoa và được vây quanh với các bức màn đủ màu rực rỡ xong đến trình vua. Vua mang các món cao lương mỹ vị ra bảo đưa cho Bồ-tát, nhưng ngài không ăn chút gì cả:

– Nếu không có mẹ ta, ta không muốn ăn gì đâu.

Vua van nài ngài ăn và ngâm vần kệ thứ ba:

3. Nào ăn đi một miếng, voi này,
Đừng có buồn chi, chớ héo gầy,
Để phụng sự vua, còn lắm việc,
Mà voi sẽ đảm trách sau này.

Nghe vậy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ tư:

4. Không, trên đỉnh núi Chiên-đồ-gia,
Khốn khổ bà kia, mắt lại lòa,
Giậm một chân vào gốc cổ thụ,
Vì không voi chúa, ấy con bà.

Vua ngâm vần kệ thứ năm để hỏi ý nghĩa lời ngài:

5. Ai ở trên đồi Chiên-đồ-gia,
Nào ai khốn khổ lại mù lòa?
Giậm chân vào một gốc cây nọ,
Vì chẳng chúa voi, con của bà?

Bồ-tát đáp lời qua vần kệ thứ sáu:

6. Mẹ ta trên núi Chiên-đồ-gia,
Khốn khổ mù lòa thật xót xa,
Giậm một chân vào gốc cổ thụ,
Bởi vì voi chúa ấy là ta.

Khi nghe nói vậy, vua liền cho ngài được tự do và ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Voi hùng phụng dưỡng mẫu thân mình,
Nên thả tự do, cứ mặc tình,
Thôi để voi đi về với mẹ,
Và cùng sum họp với gia đình.

Vần kệ thứ tám và thứ chín là của bậc Giác Ngộ:

8. Khỏi cảnh giam cầm được thoát thân,
Hết dây ràng buộc, chúa voi rừng,
Vài lời khuyên nhủ cùng vua ấy,
Voi lại trở về chốn núi ngàn.

9. Rồi xuống hồ kia mát lạnh trong,
Nơi này voi vẫn tới bao lần,

Dùng vòi hút nước từ hồ ấy,
Tung vẫy khắp mình của mẫu thân.

Nhưng mẹ của Bồ-tát tưởng là trời bắt đầu mưa nên ngâm vần kệ thứ mười để trách cơn mưa:

10. Ai đó đem mưa thật trái thời,
Thần nào độc ác quá, trời ơi!
Vì nay con trẻ đà đi vắng,
Con trẻ xưa thường phụng dưỡng tôi.

Lúc ấy, Bồ-tát ngâm vần kệ thứ mười một để trấn an mẹ:

11. Sao mãi nằm kia vậy, mẹ ơi!
Này đây con mẹ đã về rồi,
Ca-thi Đại đế, ngài thông tuệ,
Cho trẻ bình an được tái hồi.

Bà mẹ liền đáp lời cảm tạ vua qua vần kệ cuối cùng:

12. Vạn tuế trường tồn, đấng Đại vương!
Cầu ngài đem lại nước hùng cường,
Tự do ngài trả cho con đó,
Với mẹ, con tròn vẹn kính thương.

Vua rất hoan hỷ vì đức độ của Bồ-tát nên ra lệnh xây một thị trấn không xa hồ ấy và vua thường đến phụng sự Bồ-tát cùng mẹ ngài. Sau đó, khi mẹ ngài từ trần, ngài đi thật xa đến một tinh xá tên là Kāraṇḍaka. Tại đây, có năm trăm bậc Trí giả an trú và vua thường đến cúng dường các ngài. Vua lại truyền tạc một tượng bằng đá có hình Bồ-tát và thường đến chiêm bái để tỏ lòng ngưỡng mộ ngài. Dần dần, dân chúng khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) tụ tập lại đó cùng nhau cử hành ngày hội gọi là hội Voi.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các sự thật, Tỳ-kheo phụng dưỡng mẹ đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là nhà vua, Mẫu hậu Mahāmāyā là mẹ voi và Ta là voi chúa đã nuôi dưỡng mẹ mình.

§456. CHUYỆN VƯƠNG TỬ JUṆHA (*Juṇhajātaka*) (*J.* IV. 95)

Tâu Đại vương, nghe lão nói điều này...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các đặc ân mà Tôn giả Ānanda nhận được.

Suốt trong hai mươi năm đầu Ngài chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các thị giả đức Thế Tôn không phải chỉ là một người. Khi thì Tôn

giả Nāgasamāla, khi thì Nāgita, khi thì Upavāṇa, khi thì Sunakkhatta, khi thì Cunda, khi thì Nanda, khi thì Sāgata, khi thì Meghiya hầu hạ đức Thế Tôn. Một ngày kia, đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, nay Ta đã già, và khi Ta bảo chúng ta hãy đi đường này, vài người trong Tăng chúng lại đi đường khác, có người làm rơi bình bát và y của Ta xuống đường. Vậy hãy chọn một Tỷ-kheo luôn luôn hầu cận Ta!

Sau đó, Tăng chúng đồng đứng lên, bắt đầu với Tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) chắp hai tay lên đầu nói lớn:

– Bạch Thế Tôn, con xin hầu hạ Thế Tôn, con muốn hầu hạ Thế Tôn!

Nhưng Ngài từ chối, trả lời:

– Lời thỉnh cầu của các ông đã được Ta biết trước, thôi đủ rồi.

Sau đó, Tăng chúng nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Hiền giả, Hiền giả hãy xin giữ chức vụ thị giả!

Tôn giả đáp:

– Nếu đức Thế Tôn sẽ không ban cho ta chiếc y mà chính Ngài đã nhận, nếu Ngài sẽ không ban cho ta đồ ăn khất thực của Ngài, nếu Ngài sẽ không cho phép ta ở cùng trong hương phòng, nếu Ngài sẽ không muốn cho ta cùng Ngài đi đến nơi Ngài được mời, nhưng nếu đức Thế Tôn sẽ đi với ta đến nơi mà ta được mời, nếu ta sẽ được phép giới thiệu hội chúng vào lúc hội chúng từ các vùng xa xôi hay các nước ngoài đến yết kiến đức Thế Tôn, nếu ta sẽ được gặp đức Thế Tôn khi có nghi vấn khởi lên, hoặc nếu bất cứ khi nào đức Thế Tôn thuyết pháp mà ta vắng mặt thì Ngài sẽ thuyết pháp lại cho ta ngay lúc trở về, thế thì ta sẽ hầu hạ đức Thế Tôn!

Tôn giả cầu xin tám đặc ân này, bốn điều "không" và bốn điều "có", đức Thế Tôn ban tất cả cho Tôn giả. Sau đó, Tôn giả thường xuyên hầu hạ bậc Đạo sư trong hai mươi lăm năm liền. Vì vậy, sau khi đã đạt được năm đức tính xuất sắc và thành tựu bảy phúc lạc: "Phúc lạc về đạo pháp, phúc lạc về sự giáo hóa, phúc lạc về sự tuệ tri các nhân duyên, phúc lạc về sự quán sát công đức của mình, phúc lạc vì được ở trong Thánh chúng, phúc lạc về nhiệt tâm tinh cần được khai sáng, phúc lạc về khả năng đạt giác ngộ", vào hầu cận đức Phật, Tôn giả nhận được tám đặc ân và trở nên có danh tiếng trong giáo pháp của đức Phật. Tôn giả sáng chói chẳng khác nào mặt trăng trên bầu trời.

Một ngày kia, Tăng chúng bắt đầu nói đến chuyện ấy trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, đức Như Lai đã làm thỏa nguyện Tôn giả Ānanda bằng cách ban cho các điều ước của Tôn giả.

Bậc Đạo sư đi vào và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói chuyện gì trong khi ngồi ở đây?

Tăng chúng thưa với Ngài. Sau đó, Ngài bảo:

– Không phải đây là lần đầu tiên, này các Tỷ-kheo, mà thuở xưa cũng như bây giờ, Ta đã làm thỏa nguyện Ānanda với một đặc ân. Ngày xưa cũng như bây giờ, bất cứ điều gì ông muốn xin, Ta đều ban cho cả.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, một vương tử của ngài là Juṇha (Nguyệt Quang) đang theo học tại Takkasilā.

Một đêm kia, sau khi lắng nghe kỹ lưỡng lời dạy bảo của vị giáo sư, chàng từ giã nhà của thầy trong đêm tối và lên đường về nhà. Một vị Bà-la-môn đi khất thực và đang trên đường về nhà, vương tử vì không thấy vị này nên chạy đến đụng vào người, vị Bà-la-môn ngã xuống và kêu lên. Chàng động lòng thương liền quay lại, cầm lấy hai tay vị kia và đỡ dậy. Vị Bà-la-môn nói:

– Này con, con đã làm vỡ bình bát của ta, vậy hãy cho ta tiền mua một bữa ăn!

Vương tử đáp:

– Thưa Tôn giả Bà-la-môn, bây giờ tiểu sinh không thể cho ngài tiền bữa ăn được, nhưng tiểu sinh là Vương tử Juṇha, con vua xứ Kāsi, khi tiểu sinh về đến vương quốc, ngài có thể gặp tiểu sinh và xin số tiền ấy.

Khi chàng trai hoàn tất việc học tập, chàng tạ từ thầy dạy và trở về Ba-la-nại, trình vua cha việc học tập của chàng.

Vua phán:

– Trẫm đã thấy được con trước khi từ trần và trẫm muốn thấy con lên ngôi!

Sau đó, ngài làm lễ Quán đảnh cho con và phong chàng lên ngôi vua, với danh hiệu Đại vương Juṇha, nhà vua cai trị rất chân chánh.

Khi vị Bà-la-môn hay tin ấy, ông nghĩ rằng giờ đây mình có thể lấy lại tiền bữa ăn rồi. Thế là ông đến Ba-la-nại, thấy toàn thể kinh thành được trang hoàng rực rỡ và vua đang ngự du trong lễ rước rất uy nghi hướng về phía hữu, diễu quanh kinh thành. Đứng trên một chỗ cao, vị Bà-la-môn giơ tay kêu lớn:

– Đại vương toàn thắng!

Vua đi qua mà không nhìn thấy ông. Khi vị Bà-la-môn thấy mình không được chú ý liền ngâm một vần kệ để xin ngài giải thích:

13. Tâu Đại vương, nghe lão nói điều này,
Chẳng phải là vô cớ lão về đây,
Đời thường bảo mình không nên vượt quá,
Người du sĩ đứng ngay trên đường sá.

Khi nghe những lời này, vua thúc vương tượng quay lại với cái gậy nạm ngọc của ngài và ngâm vần kệ thứ hai:

14. Ta đứng nghe, này đạo sĩ nói ngay,
Cớ sao ngài cất bước đến nơi đây?

Ngài ao ước một đặc ân nào đó,
Mà phải tìm, xin nói rõ cho ta.

Câu chuyện của vua và vị Bà-la-môn hỏi đáp lẫn nhau được kể lại trong các vần kệ sau đây:

[Bà-la-môn:]

15. Xin cho lão năm ngôi làng thượng hạng,
Bảy trăm bò, tỳ nữ một trăm nàng,
Hơn một ngàn đồ trang sức bằng vàng,
Hai người vợ với ta cùng dòng dõi.

[Quốc vương:]

16. Đạo sĩ ơi, ngài có điều sám hối,
Thật hãi hùng khi phải thổ lộ ra,
Ngài có nhiều thần chú hoặc đạo bùa,
Hay ma quỷ sẵn sàng tuân mệnh lệnh,
Hoặc thỉnh cầu vì hầu ta chân chính?

[Bà-la-môn:]

17. Không ăn năn, chẳng thần chú, đạo bùa,
Không quỷ ma nào tuân lệnh của ta,
Không đòi thưởng vì công lao giúp đỡ,
Song trước kia chúng ta đà gặp gỡ,
Đây chính là sự thật phải trình ra.

[Quốc vương:]

18. Trẫm không sao nhớ nổi thời gian qua,
Rằng trẫm đã tương phùng ngài thuở nọ,
Trẫm van ngài nói điều này cho rõ,
Khi gặp nhau nơi chốn thuở xa xưa?

[Bà-la-môn:]

19. Trong thành đô mỹ lệ chúa Gandhāra,
Tâu Chúa thượng, Takkasilā là chốn ở,
Đêm tối đen như mực kia, tại đó,
Lão và ngài cùng vụt tới chạm vai.

20. Khi chúng ta đang đứng đó, thưa ngài,
Cuộc trò chuyện bắt đầu đầy thân thiện,
Chỉ lần đó chúng ta cùng diện kiến,
Trước chẳng hề và sau đó cũng không.

[Quốc vương:]

21. Khi Trí nhân đã gặp, hỡi La-môn,
Thiện nhân giữa đời không nên để mặc,

Tình bạn xưa nay cố nhân đi khuất,
Chẳng vì đâu, làm việc cũ chẳng quên!

22. Chính kẻ ngu chối bỏ việc xưa liền,
Và bỏ mặc tình người xưa chẳng nhớ,
Những người ấy chúng có lần gặp gỡ,
Người ngu làm nhiều việc chẳng ra gì,
Chúng vong ân và chúng cứ quên đi.

23. Song chánh nhân chẳng hề quên quá khứ,
Tình bằng hữu, người quen luôn gắn bó,
Việc nhỏ nhoi do bằng hữu làm nên,
Cũng chẳng hề bị từ chối, lãng quên,
Chánh nhân tận cuối đời ghi ơn bạn.

24. Trẫm ban cố nhân năm làng thượng hạng,
Bảy trăm bò, tỳ nữ một trăm nàng,
Hơn một ngàn đồ trang sức bằng vàng,
Hai người vợ với ngài cùng đẳng cấp.

[Bà-la-môn:]

25. Đại vương ôi, khi thiện nhân hòa hợp,
Như trăng rằm ta thấy giữa sao trời,
Như ta đây cũng vậy, Chúa công ôi,
Vì ngài đã giữ lời xưa giao ước!

Bồ-tát liền tỏ thêm niềm quý trọng đối với vị đạo sĩ kia.

***

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu Ta làm Ānanda thỏa nguyện với các đặc ân mà Ta cũng đã làm như vậy ngày xưa nữa.

Cùng với các lời này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là vị Bà-la-môn và Ta chính là vua.

§457. CHUYỆN THIÊN TỬ DHAMMA (*Dhammajātaka*)[3] (*J.* IV. 100)

Ta hành chánh hạnh ở trần gian...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị nuốt vào lòng đất như thế nào.

Tăng chúng tụ tập trong pháp đường đàm luận:

– Này các Hiền giả, Đề-bà-đạt-đa sinh lòng thù nghịch với đức Như Lai và đã bị nuốt vào lòng đất.

[3] Xem *Cp.* 89, *Dhammadevaputtacariya* (*Hạnh của thiên tử Dhamma*); *Miln.* 200, *Kusalākusalasamapañha* (*Câu hỏi về sự bằng nhau của thiện và bất thiện*).

Bậc Đạo sư đi vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì lúc ngồi ở đó. Tăng chúng trình với Ngài, Ngài đáp:

– Này các Tỷ-kheo, ngày nay kẻ ấy bị nuốt vào lòng đất vì đã giáng một đòn chống lại uy lực vinh quang của Ta, ngày xưa kẻ ấy cũng đã chống lại uy lực của lẽ phải nên đã bị nuốt vào lòng đất và đọa vào địa ngục.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời nọ, khi Vua Brahmadatta lên ngôi tại Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào cõi dục giới thiên làm một thiên tử có tên là Dhamma (Chánh Pháp), đồng thời Đề-bà-đạt-đa lại có tên là Adhamma (Tà Pháp).

Vào ngày trai giới trăng tròn, buổi chiều khi cơm nước xong xuôi, dân chúng ngồi vui vẻ trước sân nhà mình trong làng, ngoài phố hay trong kinh thành. Dhamma xuất hiện trước mặt quần chúng, đứng vững trên không gian, cưỡi chiếc thiên xa của ngài và phục sức thiên y rực rỡ giữa hội chúng thiên nữ, ngài dạy bảo như sau:

– Đừng đoạt mạng sống của mọi loài hữu tình và tránh mười ác đạo, hãy làm tròn phận sự phụng dưỡng cha mẹ cùng tam nghiệp chân chánh (chánh thân nghiệp, chánh khẩu nghiệp, chánh ý nghiệp), nhờ thế các người sẽ được tái sanh lên thiên giới và hưởng mọi vinh quang tuyệt diệu!

Như vậy, ngài khuyến cáo dân chúng hành trì mười thiện đạo và ngài diễu quanh cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) một vòng thật uy nghiêm hướng về phía hữu. Nhưng Adhamma lại dạy dân chúng:

– Hãy sát sinh các loài hữu tình!

Và như thế vị này đã xúi giục dân chúng theo mười ác đạo và diễu quanh cõi Diêm-phù-đề hướng về phía tả. Lúc bấy giờ, thiên xa của hai vị đối diện nhau trên không gian, đoàn tùy tùng của hai vị hỏi nhau:

– Các ông là tùy tùng của ai?

Và họ đáp:

– Chúng ta là tùy tùng của Dhamma.

– Còn chúng ta là tùy tùng của Adhamma.

Rồi họ chiếm chỗ làm cho lối đi được chia hai ra. Nhưng Dhamma bảo Adhamma:

– Này Hiền giả, ngài là Adhamma và ta là Dhamma, ta đi về hướng phải, vậy hãy quay xe qua một bên nhường lối cho ta!

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

26. Ta hành chánh hạnh ở trần gian,
Danh tiếng người đời được tặng ban,

Đạo sĩ, Hiền nhân, khen ngợi mãi,
Phần ta đường chánh được tôn sùng,
Đường ta là đó, ta chân chánh,
Tà Pháp, vậy ngài hãy tránh đường!

Đây là các vần kệ tiếp theo:

[Tà:]

27. Trong chiếc hùng xa của Pháp Tà,
Ngự trên ngôi báu ấy là ta,
Đại hùng không kẻ làm kinh hãi,
Vì vậy ta không tự trước giờ,
Nhường chỗ, sao nay đành nhượng bộ,
Để cho Chánh Pháp vượt xe qua?

[Chánh:]

28. Chánh Pháp đã bày tỏ trước tiên,
Là thần ưu thắng, bậc cao niên,
Tà Pháp trẻ hơn vì đẻ muộn,
Hậu sinh nhường bước, lệnh bề trên!

[Tà:]

29. Dù ngài đức độ hoặc cầu xin,
Hoặc nếu công bình lẽ tự nhiên,
Ta quyết cũng không hề nhượng bộ,
Hôm nay ta dự đấu tranh liền,
Bất kỳ ai, hễ giành ưu thắng,
Vị ấy được nhường chỗ trước tiên.

[Chánh:]

30. Khắp cõi gần xa, ta nổi danh,
Anh hùng vô địch, đại quang vinh,
Trong ta hình thái này mang đủ,
Tất cả công năng kết hợp thành,
Tà Pháp này, ta là Chánh Pháp,
Làm sao ngài chiến thắng phần mình?

[Tà:]

31. Nhờ sắt mà vàng được đập ra,
Lấy vàng đập sắt, thấy bao giờ?
Nếu Tà đánh Chánh mà Tà thắng,
Sắt đẹp như vàng chẳng kém thua.

[Chánh:]

32. Nếu ngài chiến đấu thật hùng cường,
Lời nói ngài dẫu chẳng thiện chơn,

Ta sẽ thứ tha lời ác ấy,
Và dù không muốn, phải nhường đường!

Hai vị ngâm sáu vần kệ trên để đối đáp lẫn nhau. Nhưng vừa lúc Bồ-tát ngâm vần kệ này, Adhamma không thể nào đứng trên xe được nữa mà ngã nhào đầu xuống đất, rơi vào khe nứt của đất và tái sanh vào địa ngục Avīci.

***

Đức Thế Tôn hiểu được ý nghĩa này, Ngài ngâm các vần kệ còn lại sau khi đã là bậc Giác Ngộ:

33. Lời ấy vừa nghe tự cõi cao,
Pháp Tà kia đã ngã lăn nhào,
Kinh hoàng số phận cho Tà Pháp,
Dù muốn, Ta không đánh trận nào.

34. Vậy Pháp Tà khiêu chiến bạo hung,
Bại vì Đại sĩ lượng khoan dung,
Chết vì bị nuốt vào lòng đất,
Bậc Chánh chân an lạc, đại hùng,
Bảo vệ cho mình bằng chánh lý,
Ngự lên xa giá vội đằng vân.

35. Ở nhà ai chẳng kính song thân,
Giáo sĩ, Hiền nhân, lúc mạng chung,
Thân hoại, bật tung dây trói buộc,
Từ đây kẻ ở chốn phàm trần,
Thẳng vào địa ngục ngay, nào khác,
Tà Pháp kia nhào xuống ngã lăn.

36. Ở nhà ai kính trọng song thân,
Giáo sĩ, Hiền nhân, lúc mạng chung,
Thân hoại, bật tung dây trói buộc,
Cõi thiên thẳng tiến tự phàm trần,
Như ngài Chánh Pháp trên xa giá,
Đi đến cung trời của thiện nhân.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa đã tấn công Ta và đã bị nuốt vào lòng đất.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Đề-bà-đạt-đa là Adhamma, đoàn tùy tùng của Adhamma này là tùy tùng của Đề-bà-đạt-đa, còn Ta là Dhamma và các đệ tử của Như Lai là tùy tùng của Dhamma vậy.

§458. CHUYỆN VUA UDAYA (*Udayajātaka*) (*J.* IV. 104)

Dung sắc nàng trong sáng, vẹn toàn...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.

Chuyện này sẽ được giải thích trong *Chuyện Đại đế Kusa*.[4]

Bậc Đạo sư hỏi người này:

– Này Tỷ-kheo, có đúng là ông thối thất như Tăng chúng bảo chăng?

Người ấy đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Ngài nói:

– Này Tỷ-kheo, tại sao ông xuất gia trong giáo pháp đưa đến giải thoát như vậy rồi mà ông lại thối thất vì tham dục? Các bậc Trí nhân ngày xưa từng làm vua tại Surundhana, một kinh thành phồn thịnh rộng mười hai do-tuần mỗi bề, dù suốt cả bảy trăm năm sống cùng phòng với một nữ nhân diễm lệ như thiên nữ cũng không hề bị lôi cuốn vào dục vọng, thậm chí cũng chẳng bao giờ đưa mắt nhìn nàng với lòng ham muốn cả.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi vua xứ Kāsi đang trị vì quốc độ Kāsi tại kinh thành Surundhana, ngài không có con cái gì cả. Vì thế, ngài ra lệnh cho các vương phi cầu tự. Bấy giờ, Bồ-tát từ cõi Phạm thiên xuống nhập vào mẫu thai của chánh hậu. Và do ngài sinh ra đời làm vui lòng đại chúng nên được đặt tên là Udayabhadda (Thiện Lai). Vào lúc vương nhi biết đi chập chững thì một người khác xuất hiện ở cõi đời này, từ cõi Phạm thiên xuống nhập mẫu thai làm công chúa của một bà vương phi khác và nàng cũng được đặt cùng tên Udayabhaddā.

Khi thái tử đến tuổi trưởng thành, chàng tinh thông mọi ngành học thuật, và hơn nữa, chàng trong sáng đến độ chàng không biết gì về các hành động xác thịt, ngay cả trong các giấc mơ, tâm chàng cũng không hướng đến ác dục. Vua cha ước mong con trai làm lễ Quán đảnh phong vương nên ra lệnh: "Đã đến lúc thái tử lên ngôi báu huy hoàng, ta sẽ cho người diễn tuồng để thái tử giải trí." Nhưng Bồ-tát đáp:

– Con không thiết ngai vàng, lòng con không hướng về ái dục.

Chàng cứ bị nài ép mãi nên đáp lại bằng cách bảo tạc một tượng nữ nhân bằng vàng ròng rồi trình lên song thân với lời tâu:

– Khi nào hoàng nhi tìm được một nữ nhân như vậy, hoàng nhi sẽ nhận ngôi báu.

[4] Xem *J.* V. 278, *Kusajātaka* (*Chuyện Đại đế Kusa*), số §531.

Quần thần đem bức tượng vàng đi khắp cõi Diêm-phù-đề, nhưng họ không tìm ra nữ nhân nào giống như vậy cả. Cuối cùng họ trang điểm cho nàng Udayabhaddā thật lộng lẫy rồi đưa nàng ra so với bức tượng, dung sắc nàng còn vượt xa khi nàng đứng cạnh nó. Thế là quần thần đem gả nàng cho Bồ-tát làm vương phi dù cả hai vị đều không muốn vì nàng là Công chúa Udayabhaddā, em ruột cùng cha khác mẹ với ngài, rồi quần thần lại làm lễ Quán đảnh phong vương cho ngài.

Cả hai vị cùng nhau sống một cuộc đời thanh tịnh, không vướng dục tình. Theo thời gian, khi song thân qua đời, Bồ-tát trị vì vương quốc. Hai vị ở chung phòng nhưng từ bỏ dục vọng đến độ không bao giờ nhìn nhau với vẻ ham muốn. Không những thế, hai vị còn ước nguyền rằng nếu một trong hai vị từ trần trước thì sẽ trở lại gặp vị kia từ cõi mới tái sanh để báo tin: "Ta đã tái sanh ở nơi kia."

Thời bấy giờ, từ lúc làm lễ Quán đảnh, Bồ-tát sống bảy trăm năm rồi từ trần. Vì không có vua nào nối ngôi nên có lệnh của Tiên đế Udayabhadda ban bố rằng triều đình phải lo trị nước. Bồ-tát đã trở thành Thiên chủ Sakka (Đế-thích) trên cõi trời Ba Mươi Ba, và do cảnh vinh quang này quá huy hoàng nên ngài không nhớ đến đời trước trong vòng bảy ngày. Thế là sau bảy trăm năm theo ước tính của loài người, ngài nhớ lại và tự nhủ: "Ta muốn trở về gặp Công chúa Udayabhaddā và sẽ thử lòng nàng bằng vàng bạc quý, rồi rống lên tiếng rống sư tử, ta sẽ thuyết giáo, như thế là ta thành tựu lời nguyện ước xưa."

Vào thời ấy, chuyện kể rằng đời sống con người kéo dài được mười ngàn năm. Bấy giờ, vào ban đêm, cửa cung khóa chặt, quân canh đã được bố trí cẩn mật và công chúa đang ngồi yên lặng một mình trong cung điện nguy nga ở lầu thượng, suy tư về công hạnh của nàng. Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích cầm một chiếc đĩa vàng đựng đầy tiền vàng và xuất hiện trong khuê phòng trước mặt nàng rồi đứng ra một bên. Ngài bắt đầu ngâm vần kệ thứ nhất với nàng:

37. Dung sắc nàng trong sáng, vẹn toàn,
Nàng ngồi lầu thượng, dáng cô đơn,
Diễm kiều trông tựa như thiên nữ,
Xin được đêm nay ở với nàng.

Công chúa đáp lời này qua hai vần kệ sau:

38. Thành này tường bọc, lũy đào sâu,
Việc đến gần đây khó biết bao,
Trong lúc tháp cao và lũy rộng,
Canh phòng đoàn kết với cung đao.

39. Chẳng người niên thiếu, bậc anh hùng,
Có thể vào đây được dễ dàng,
Hãy nói việc gì là cớ sự,
Cùng ta gặp gỡ chốn thâm cung?

Sau đó, Thiên chủ Đế-thích ngâm vần kệ thứ tư:

40. Đại quỷ là ta, hỡi tố nga,
Với nàng, ta xuất hiện bây giờ,
Ban ta ân huệ nàng nương tử,
Đây đĩa vàng, xin nhận của ta.

Nghe thế, công chúa liền ngâm vần kệ thứ năm:

41. Từ thuở Thiện Lai vĩnh biệt trần,
Ta không đòi, dẫu quỷ hay thần,
Hoặc người ở cạnh, này thiên tử,
Đừng đến nữa đây, chớ ở gần!

Nghe giọng sư tử hống của nàng, Thiên chủ không còn đứng lại nữa mà làm ra vẻ giã từ nàng rồi lập tức biến mất. Hôm sau cũng vào giờ ấy, ngài cầm cái chén bạc đựng đầy tiền vàng và đến nói với nàng qua vần kệ thứ sáu:

42. Cực lạc cùng nhau biết rõ rành,
Hoàn toàn trọn vẹn giữa đôi tình,
Khiến người đời phạm bao điều ác,
Ôi quý nương, nàng chớ vội khinh!
Chén bạc, hãy nhìn, ta kính tặng,
Hỡi nàng cười mỉm giá khuynh thành.

Lúc ấy, công chúa suy nghĩ: "Nếu ta cứ để vị kia nói mãi chuyện nhảm nhí, y sẽ đến hoài. Vậy ta không nói gì với y nữa." Thế là nàng không nói thêm lời nào. Thiên chủ Đế-thích thấy nàng không có gì để nói nữa nên biến mất từ chỗ đứng.

Ngày kế tiếp cũng vào giờ ấy, ngài cầm chén sắt đựng đầy tiền vàng và bảo:

– Thưa Công nương, nếu nàng ban cho ta tình yêu của nàng, ta sẽ tặng nàng chén sắt đầy vàng này.

Khi trông thấy ngài, công chúa ngâm vần kệ thứ bảy:

43. Nam nhi mong tán tỉnh hồng quần,
Đem tặng vàng kia cứ mãi tăng,
Cho đến khi nàng chiều thỏa ý,
Nhưng ta xét cách của thiên thần,
Nơi ngài khác hẳn, nay ngài đến,
Tặng vật xem ra cứ giảm dần.

Khi nghe những lời này, bậc Đại sĩ đáp:

– Thưa công nương, ta là một kẻ đi buôn rất thận trọng. Ta không phung phí của cải vô ích đâu. Nếu nàng tăng dần vẻ xuân sắc, ta sẽ tăng số tặng vật cho nàng, nhưng sắc đẹp của nàng đang tàn tạ dần vì thế ta giảm dần số tặng vật đó thôi.

Nói xong, ngài ngâm ba vần kệ:

44. Ôi mỹ nhân, xuân sắc tàn phai,
Hỡi nàng thục nữ giữa trần ai,

Hôm nay nàng phải già hơn trước,
Nên số vàng ta tặng giảm hoài.

45. Vậy thưa nàng, nữ chúa huy hoàng,
Trước mắt ta đang ngưỡng mộ nàng,
Trong lúc ngày đêm qua thấm thoát,
Sắc nàng tươi đẹp sẽ phai tàn.

46. Song hỡi công nương trí tuyệt trần,
Nếu như nàng thuận ý bằng lòng,
Giữ gìn Thánh đạo và thanh tịnh,
Nàng sẽ luôn kiều diễm bội phần.

Ngay sau đó, công chúa ngâm một vần kệ khác:

47. Chư thiên chẳng giống các người trần,
Da chẳng già, không thấy nếp nhăn,
Thiên chúng làm sao không thể xác?
Điều này, đại quỷ nói cho cùng.

Lúc ấy, Thiên chủ giải thích vấn đề này qua một vần kệ nữa:

48. Thiên chúng không như người thế gian,
Chẳng già, da chẳng thấy đường nhăn,
Mai đây và mãi về sau nữa,
Thiên lạc vô ngần, mỹ sắc tăng.

Khi nàng nghe nói dung sắc trên thiên giới, nàng hỏi con đường lên đó qua một vần kệ khác:

49. Điều gì làm khiếp sợ quần sinh,
Xin hỏi ở đời, đấng hiển linh,
Làm sáng tỏ con đường thiện ấy,
Xin ngài giải thích thật phân minh,
Làm sao đi hướng về thiên giới,
Nơi ấy chẳng còn phải hãi kinh.[5]

Kế đó, Thiên chủ giải thích vấn đề trong một vần kệ nữa:

50. Ai khéo hộ trì khẩu, ý, căn,
Chẳng ưa làm ác nghiệp về thân,
Trong nhà ta thấy nhiều lương thực,
Ban phát rộng lòng, tín chánh chân,
Hào phóng, ngọt ngào, đầy thiện ý,
Sẽ sinh thiên giới chẳng kinh hoàng.

Khi công chúa nghe lời ngài xong, nàng cảm tạ ngài qua một vần kệ khác:

---

[5] Hai câu kệ 49-50, tham chiếu *S.* I. 42, *Bhītāsutta* (*Kinh Khủng bố*); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1315. 0361b09); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.314. 0479c03).

51. Giống như bà mẹ, giống như cha,
Đại lực thần đang giáo hóa ta,
Hỡi đại thần oai hùng mỹ diệu,
Ngài là ai đó, nói ngay ra.

Liền đó, Bồ-tát ngâm kệ:

52. Ta chính Thiện Lai, hỡi mỹ nhân,
Vì lời ước hẹn đến bên nàng,
Giờ đây đã nói, ta từ giã,
Lời hứa ngày xưa hết buộc ràng!

Công chúa thở dài bảo:

– Ôi, Chúa thượng, ngài chính là Đại vương Udayabhadda ư?

Rồi nàng nức nở khóc, nước mắt tuôn như suối chảy:

– Vắng bóng Chúa thượng, thần thiếp không thể nào sống được. Xin Chúa thượng dạy bảo thần thiếp cách nào thiếp có thể sống cùng Chúa thượng mãi mãi!

Nói xong, nàng lại ngâm kệ khác:

53. Nếu Đại vương là chúa Thiện Lai,
Đến đây vì nguyện ước không sai,
Thì xin dạy thiếp, ôi Hoàng thượng,
Để sống cùng nhau mãi mãi hoài!

Tiếp theo, ngài ngâm vần kệ để giáo hóa nàng:

54. Thoáng chốc xuân thì vụt quá nhanh,
Đời không bền vững, mọi loài sinh,
Chết rồi sống lại đời sau nữa,
Thối nát thân này thật mỏng manh,
Vậy chớ buông lung cùng phóng dật,
Tiến lên vững bước giữ tâm thành.

55. Nếu cả trần gian mọi bạc vàng,
Thuộc quyền cai trị một anh quân,
Thánh nhân còn vượt xa vua ấy,
Trong cuộc thi đua giữa cõi trần,
Vậy chớ buông lung cùng phóng dật,
Tín tâm giữ vững bước lên đàng.

56. Song thân cùng quyến thuộc, anh em,
Và vợ [có tiền lại kết duyên],
Tất cả đều ra đi lũ lượt,
Kẻ này xa kẻ khác luân phiên,
Vậy đừng sống cuộc đời buông thả,
Giữ tín tâm bền vững bước lên.

57. Thân kia, hãy nhớ sẽ làm thành,
Thực phẩm cho nhiều loại chúng sanh,
Hoan lạc cũng như niềm khổ não,
Chỉ là giờ khắc thoáng trôi nhanh,
Đời này nối tiếp đời sau mãi,
Vậy chớ buông lung, giữ tín thành!

Bậc Đại sĩ đã thuyết pháp như vậy. Công chúa rất hoan hỷ với lời giáo hóa trên và nàng cảm tạ ngài với vần kệ cuối cùng:

58. Thiên thần này nói ngọt ngào,
Thế nhân thấy rõ ngắn sao cuộc đời,
Đời buồn, ngắn ngủi thế thôi,
Đi theo đời sống không rời sầu bi,
Giã từ trần thế ta đi,
Từ kinh đô xứ Kāsi lên đàng.

Sau khi thuyết giáo như vậy cho nàng xong, Bồ-tát trở lại cõi của ngài.

Ngày kế tiếp, công chúa liền giao việc trị nước cho các triều thần, còn nàng trở thành ẩn sĩ ngay trong kinh thành ấy, ở hoa viên đầy an lạc. Tại đó, nàng vẫn sống theo chánh hạnh cho đến khi mạng chung, nàng được tái sanh ở cõi trời Ba Mươi Ba làm thị nữ của Bồ-tát.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài thuyết giảng các sự thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các sự thật, vị Tỳ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, thân mẫu La-hầu-la là công chúa và Thiên chủ Đế-thích chính là Ta.

§459. CHUYỆN NGỤM NƯỚC UỐNG (*Pānīyajātaka*) (*J.* IV. 113)

Ngụm nước kia là của bạn mình...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự điều phục các ác dục.

Có một thời, năm trăm dân chúng thành Xá-vệ là gia chủ thân hữu của đức Như Lai đi nghe pháp và xuất gia thọ giới Tỳ-kheo. Trong khi sống ở tinh xá trên con đường lát vàng (Kỳ Viên), vào ban đêm, các vị chìm đắm trong dục tưởng [các chi tiết cũng được biết như trong chuyện trước[6]]. Theo lệnh của đức Thế Tôn, Tôn giả Ānanda liền tập hợp Tăng chúng lại. Bậc Đạo sư ngồi xuống ở chỗ đã được soạn sẵn và không cần hỏi Tăng chúng: "Có phải các ông chìm

[6] Xem *J.* III. 397, *Koṭisimbalijātaka* (*Chuyện thần cây bông vải*), số §412.

đắm trong dục tưởng chăng?" mà Ngài dạy bảo Tăng chúng bằng những lời tổng quát:

– Này các Tỷ-kheo, không có việc gì được xem là lỗi lầm nhỏ nhặt cả. Một Tỷ-kheo phải chế ngự tất cả các dục mỗi khi chúng khởi lên. Các bậc Trí nhân thuở xưa, trước khi đức Phật ra đời đã biết điều phục ác dục và đạt đến trí tuệ của một vị Độc Giác Phật.

Cùng với lời dạy này, Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, có hai người bạn trong một làng kia ở quốc độ Kāsi. Hai người ấy ra đồng mang theo hai bình nước uống, họ đặt khuất bên đường trong lúc cuốc đất, mỗi khi khát nước lại đến đó uống. Một trong hai người ấy, khi uống nước đã để dành nước trong bình của mình và uống nước trong bình của người kia. Buổi chiều khi ra khỏi rừng, tắm rửa xong, người ấy đứng suy nghĩ: "Ta có phạm lỗi gì hôm nay, hoặc do thân căn, hoặc do căn nào khác chăng?" Lúc đó, ông nhớ lại đã uống ngụm nước trộm như thế nào và buồn phiền kêu lên:

– Nếu sự thèm khát này khởi lên trong ta, nó sẽ khiến ta phải tái sanh vào cõi dữ. Vậy ta quyết nhiếp phục lỗi lầm.

Vì vậy, do chuyện uống ngụm nước trộm này mà ông dần dần đạt được thiền định và chứng đắc thắng trí của một vị Độc Giác Phật (Pacceka Buddha) và Ngài đứng đấy suy nghĩ về thắng trí của mình vừa đạt được.

Bấy giờ, người kia sau khi tắm xong bảo:

– Này hiền hữu, về nhà đi.

Ngài đáp:

– Hiền hữu về nhà đi, nhà cửa chẳng có ý nghĩa gì đối với Ta nữa! Ta là một vị Độc Giác Phật đây!

– Ô kìa, Độc Giác Phật giống như hiền hữu ư?

– Thế thì các vị ấy ra sao?

– Các vị ấy có tóc dài cỡ hai ngón tay, đắp y vàng, sống ở động Nandamūla tận trên vùng Tuyết Sơn.

Người kia vỗ vào đầu, ngay lập tức các dấu vết của một người thế tục biến mất, một cặp y đỏ đắp quanh mình vị ấy, một dây đai màu vàng như lằn chớp cột quanh thắt lưng, tấm thượng y màu son đỏ vắt qua một bên vai, một y phấn tảo màu đen sẫm như đám mây trời bão nằm vắt qua một vai kia, một bình bát bằng đất màu vàng nâu treo lủng lẳng trên vai tả. Ông đứng vững trên không, sau khi thuyết pháp xong liền bay lên cao và không hề hạ xuống cho đến khi bay đến tận hang núi Nandamūla.[7]

---

[7] Xem *J.* I. 252, *Vedabbhajātaka* (*Chuyện Bà-la-môn Vedabbha*), số §48.

Một người khác cũng sống trong một làng ở Kāsi, là một địa chủ, đang ngồi trong tiệm tạp hóa thì thấy một người nọ dẫn vợ đi tới. Vừa nhìn thấy nàng là một mỹ nhân dung sắc tuyệt thế, người kia lỡ phá giới đức và liếc nhìn nàng. Sau đó ông suy nghĩ: "Nếu tham dục này tăng trưởng, nó sẽ khiến ta đọa vào cõi ác." Ông vừa tu tập tâm vừa làm phát khởi thiền định và đạt thắng trí của một vị Độc Giác Phật rồi đứng trên không thuyết pháp, về sau cũng bay đến động Nandamūla.

Lại có hai cha con là dân làng Kāsi cùng du hành với nhau. Tại lối đi vào rừng có nhiều kẻ cướp trú ẩn. Những tên cướp này, nếu bắt được cả hai cha con thì sẽ giữ người con lại và bắt người cha đi về, bảo:

– Hãy đem tiền đến chuộc con trai ông!

Hoặc nếu là hai anh em, chúng sẽ giữ người em lại và bắt người anh đi về; nếu là hai thầy trò, chúng giữ ông thầy lại và bắt học trò đi về, người học trò muốn học hành sẽ đem tiền đến và chúng sẽ thả ông thầy.

Lúc bấy giờ, khi hai cha con này thấy bọn cướp đang nằm chờ, người cha bảo:

– Con đừng gọi ta là cha, ta cũng không gọi con là con đấy!

Hai người đồng ý như vậy nên khi quân cướp đi đến, chúng hỏi hai người là gì đối với nhau, hai người đáp:

– Chúng ta chẳng là gì đối với nhau cả.

Rồi họ nói dối một điều đã nghĩ sẵn từ trước. Khi hai người ra khỏi rừng và nghỉ ngơi sau khi đã tắm rửa buổi tối xong, người con xem xét lại đức hạnh của mình và nhớ lời nói dối kia, nghĩ thầm: "Lỗi lầm này nếu tăng trưởng sẽ nhấn chìm ta vào cõi ác. Ta quyết khắc phục lỗi lầm." Sau đó, người ấy tu tập thiền định và đạt thắng trí của một vị Độc Giác Phật, rồi đứng trên không thuyết pháp cho cha xong cũng đi đến hang Nandamūla.

Trong một làng ở Kāsi cũng có một địa chủ ra lệnh cấm sát sinh. Bấy giờ, đến lúc người ta thường dâng lễ tế thần, một đám đông tụ tập lại và nói:

– Thưa chủ nhân, đây là lúc tế lễ, xin cho chúng tôi giết dê, lợn và những súc vật khác để dâng lễ cúng thần linh.

Ông bảo:

– Cứ làm như các anh đã làm trước kia.

Dân làng liền làm một việc đại sát sinh. Khi người ấy thấy một số lớn cá thịt liền suy nghĩ: "Người ta đã giết hết các sinh vật này, tất cả cũng chỉ vì lời nói của ta mà thôi!" Ông ăn năn hối hận và khi đứng bên cửa sổ, ông tu tập thiền định và đạt thắng trí của một vị Độc Giác Phật rồi đứng trên không thuyết pháp xong cũng đi về hang động Nandamūla.

Một người địa chủ khác sống ở quốc độ Kāsi cấm bán rượu mạnh. Một đám đông đến kêu gào:

– Thưa chủ nhân, chúng tôi phải làm sao? Đây là tửu hội được yêu chuộng lâu đời rồi mà!

Người ấy đáp:

– Cứ làm như các anh vẫn làm trước kia.

Dân chúng tổ chức đại hội, uống rượu mạnh và gây sự lẫn nhau, kẻ gãy tay chân, người vỡ đầu sứt tai và phải chịu nhiều hình phạt về chuyện này. Người địa chủ thấy vậy, nghĩ thầm: "Nếu ta không cho phép chuyện này thì dân chúng đã không phải chịu khổ sở như vậy." Ông cảm thấy ăn năn dù chỉ một việc nhỏ nhặt kia. Sau đó, ông tu tập thiền định và đạt thắng trí của một vị Độc Giác Phật, đứng trên không thuyết pháp, khuyên bảo dân chúng phải tỉnh giác rồi ông cũng đi đến hang Nandamūla.

Một thời gian sau, năm vị Độc Giác Phật đều giáng lâm tại cổng thành Ba-la-nại để tìm đồ ăn bố thí. Thượng y và hạ y của các Ngài đều được đắp gọn ghẽ, với phong thái ung dung thanh thoát, các Ngài đi khất thực đến tận cung môn của vua. Vua rất hoan hỷ khi ngắm các vị ấy, ngài rước vào cung, rửa chân các vị và thoa dầu thơm, dâng lên đủ món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, rồi ngài ngồi xuống một bên và nói với các vị như sau:

– Thưa các Tôn giả, các Ngài đang còn thanh xuân mà đã sống đời tu hành, thật vi diệu biết bao! Ở tuổi này các Ngài đã là ẩn sĩ và các Ngài đã nhìn thấy nỗi khổ đau của ác dục. Nguyên nhân nào đã đưa đến hành động của các Ngài?

Các Ngài đáp lại:

59. Ngụm nước kia là của bạn mình,
Ta đà uống trộm, dẫu thân tình,
Chán chê lầm lỗi ta vừa phạm,
Phát nguyện về sau sẽ trở thành
Ẩn sĩ, giã từ đời thế tục,
Vì e tái phạm tội phần mình.

60. Vợ của người kia, lỡ liếc nhìn,
Trong lòng ta dục vọng bừng lên,
Chán chê lầm lỗi ta vừa phạm,
Ta quyết về sau tự phát nguyền,
Từ giã thế gian làm ẩn sĩ,
Vì e tái phạm lỗi lầm trên.

61-62. Trộm cướp trong rừng bắt phụ thân,
Ta đành nói với bọn kia rằng:
"Người này chẳng phải là thân phụ",
Ta biết ngay là nói dối gian,
Chán ghét lỗi lầm ta phạm phải,
Về sau ta ước nguyện tu thân,

Từ giã thế gian làm ẩn sĩ,
Vì e tái phạm lỗi lầm trên.

63-64. Người làm tửu hội sát sinh linh,
Chẳng phải là không thuận ý mình,
Chán ghét lỗi lầm ta đã phạm,
Về sau ta đã phát tâm thành,
Từ giã thế gian làm ẩn sĩ,
Vì e tái phạm lỗi lầm trên.

65-66. Cả bọn người kia một thuở xưa,
Cùng nhau chè chén thật say sưa,
Đánh nhau gây sự nhiều người khổ,
Chẳng phải là không thuận ý ta,
Chán ghét lỗi lầm ta đã phạm,
Về sau ta ước nguyện ly gia,
Giã từ thế tục làm tu sĩ,
Vì sợ ta còn phạm lỗi xưa.

Các Ngài ngâm lần lượt năm vần kệ trên.

Khi vua đã nghe xong lời giải thích của mỗi vị, ngài nói lời tán thán:

– Thưa các Tôn giả, việc tu hành của các Ngài thật xứng đáng lắm thay!

Vua rất hoan hỷ về bài thuyết pháp của các vị này. Ngài ban tặng các y trong, y ngoài cho các vị cùng thuốc men xong xuôi liền để các vị Độc Giác Phật ra đi. Các vị ấy cảm tạ ngài rồi trở về nơi đã xuất hành.

Sau đó, vua sinh chán ghét các dục lạc, ngài ly tham, tuy ngài vẫn dùng các món cao lương mỹ vị, song ngài không nói chuyện với bọn cung nhân cũng không nhìn đến chúng. Nhàm chán khởi lên trong tâm, ngài lui về cung thất nguy nga của ngài, ngồi đó nhìn thẳng vào bức tường trắng trước mặt cho đến khi nhập thiền định, cảm nhận trong tâm lạc thọ của thiền định. Mải mê trong nỗi hân hoan, ngài ngâm kệ chê bai tham dục:

67. Ta quyết ly tham, diệt dục tham,
Bốn bề vô vị tựa gai đâm,
Chẳng bao giờ nữa, dù từ trước,
Ta đã đi theo chuyện lỗi lầm,
Lạc thú như vầy ta đã gặp,
Đây là lạc thú của tham tâm.

Lúc ấy, bà chánh hậu của ngài suy nghĩ thầm: "Đức vua đã nghe lời thuyết pháp của các vị Độc Giác Phật và nay ngài tự giam mình với nỗi chán chường trong cung điện nguy nga của ngài. Ta phải chăm sóc ngài mới được." Vì thế, bà đến cung thất của vua và đứng ở cửa nghe rõ những lời cảm hứng đầy hoan lạc của ngài tỏ ý chê bai dục lạc, bà bảo:

– Tâu Hoàng thượng, ngài vừa chê bai dục lạc song chẳng có lạc thú nào bằng lạc thú của dục lạc êm ái cả.

Sau đó, để tán thán dục lạc, bà ngâm một vần kệ khác:

68. Cực lạc dịu êm thật khó lường,
Thú nào hơn được thú yêu thương,
Ai theo lạc thú này sau đạt,
Hạnh phúc trên cao cõi ngọc đường!

Nghe vậy, vua đáp:

– Này ác nữ nhân! Thật quái lạ, bà nói gì thế? Dục lạc phát xuất từ đâu đấy? Có nhiều khổ đau tiếp theo sau để trả giá cho dục lạc.

Cùng với những lời này, ngài ngâm các vần kệ cuối để bày tỏ sự chê bai dục lạc:

69. Tham dục hôi tanh thật đáng nhờm,
Chẳng còn khổ não khốc tàn hơn,
Ai theo ác dục này sau phải,
Gặt lấy sầu bi địa ngục môn.

70. Thèm muốn khát khao mãi chẳng nguôi,
Còn hơn kiếm sắc khéo tay mài,
Hơn dao đâm suốt vào lồng ngực,
Tham dục càng nên phỉ nhổ hoài.

71. Hố kia sâu đến cỡ thân người,
Than củi kia đang cháy đỏ tươi,
Cái lưỡi cày nung ngoài nắng gắt,
Dục tham còn độc hại hơn thôi.

72. Thuốc độc nào tàn hại tối đa,
Dầu nào nguy hiểm với thân ta,
Rỉ nào bám chặt đồng hư hoại,
Tham dục còn hơn chúng nữa mà.

Bậc Đại sĩ đã thuyết pháp cho bà chánh hậu như vậy. Sau đó, ngài tập hợp triều thần lại và phán:

– Này các khanh, các khanh hãy cai trị vương quốc! Ta sắp từ giã thế tục.

Và ngay giữa tiếng khóc lóc kêu gào của quần chúng, ngài vụt lên cao, vừa đứng vững trên không vừa thuyết pháp. Rồi theo hướng gió ngài bay đến vùng Tuyết Sơn cao xa nhất, ở một nơi đầy an lạc ngài dựng một am thất, tại đấy ngài sống đời của một bậc Hiền trí cho đến mạng chung, ngài được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư nói thêm:

– Này các Tỳ-kheo, không có gì gọi là lỗi lầm nhỏ nhặt cả, ngay đến những lỗi nhỏ nhất cũng phải được người trí điều phục.

Rồi Ngài tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc bài giảng, năm trăm vị Tỳ-kheo đã được an trú vào Thánh quả (A-la-hán).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, các vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là bà chánh hậu và Ta là vị vua kia.

§460. CHUYỆN THÁI TỬ YUVAÑJAYA (*Yuvañjayajātaka*)[8] (*J.* IV. 119)

Con xin đảnh lễ đấng Quân vương...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế của Ngài. Một ngày kia, các Tỳ-kheo tụ họp trong pháp đường, một vị Tỳ-kheo bảo vị kia:

– Này Hiền giả, đấng Thập Lực trước kia hẳn có thể sống tại gia, có thể làm một vị Chuyển Luân Thánh Vương ở giữa đại thế giới đầy đủ báu vật, vinh quang với bốn thần lực siêu phàm,[9] được các vương tử vây quanh hơn ngàn vị. Tuy thế, Ngài đã từ bỏ mọi cảnh vinh quang ấy khi Ngài nhận thấy mối nguy hiểm nằm trong các dục. Nửa đêm, cùng với Channa (Xa-nặc), Ngài cưỡi vương mã Kanthaka (Kiền-trắc) của Ngài và ra đi. Trên bờ sông Anoma, dòng sông vẻ vang ấy, Ngài từ giã thế tục và suốt sáu năm liền, Ngài sống khổ hạnh ép xác, sau đó Ngài tự tu tập và chứng đắc Chánh đẳng giác.

Tăng chúng nói với nhau như vậy về công hạnh của đức Phật. Bậc Đạo sư bước vào hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, trong lúc ngồi đây, các ông đang nói về vấn đề gì?

Tăng chúng thưa với Ngài, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế. Ngày xưa, Như Lai cũng đã từ bỏ ngai vàng ở vương quốc Ba-la-nại rộng đến mười hai do-tuần.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, có một vị vua mệnh danh là Sabbadatta cai trị thành Ramma. Kinh thành mà nay ta gọi là Ba-la-nại, đã được gọi là thành Surundhana

---

[8] Bản Tích Lan và Thái Lan viết Yudhañjaya. Bản CST viết Yudhañcaya. Xem *D.* II. 220, *Mahāgovindasutta* (*Kinh Đại Điển Tôn*), số 19; *Cp.* 92, *Yudhañjayacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Yudhañjaya*).

[9] Xem *J.* IV. 79, *Ghatajātaka* (*Chuyện Trí giả Ghata*), số §454.

trong *Chuyện Udaya*,[10] là Sudassana trong *Chuyện Tiểu Sutasoma*,[11] là Brahmavaddhana trong *Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*,[12] hay là Pupphavatī trong *Chuyện Khaṇḍahāla*,[13] hay là Molinī trong *Chuyện Bà-la-môn Saṁkha*.[14] Còn trong *Chuyện Thái tử Yuvañjaya* này, nó lại có tên là thành Ramma. Như vậy tên đó thay đổi theo nhiều hoàn cảnh.

Thời ấy, Vua Sabbadatta có một ngàn vương tử và ngài phong chức phó vương cho Thái tử Yuvañjaya. Một sáng sớm kia, thái tử ngự lên vương xa lộng lẫy của chàng trong quang cảnh cực kỳ uy nghi, chàng nhàn du trong vườn thượng uyển. Khắp các ngọn cây, ngọn cỏ, đầu cành, trên các mạng nhện giăng tơ qua các đầu ngọn lau, chàng thấy các giọt sương lủng lẳng như vô số xâu chuỗi ngọc trai. Chàng hỏi:

– Này hiền hữu quản xa, cái gì đây?

– Tâu Điện hạ, đây là chất lỏng rơi xuống trong mùa lạnh mà người ta gọi là sương mai.

Thái tử tiếp tục du ngoạn vui chơi trong ngự viên trọn ngày hôm đó. Về chiều, khi chàng quay lại lối cũ, chàng không còn thấy hạt sương nào nữa. Chàng hỏi:

– Này hiền hữu quản xa, những hạt sương đâu rồi, nay ta không còn thấy chúng nữa?

Vị kia đáp:

– Tâu Điện hạ, khi mặt trời lên cao, sương tan hết và chìm xuống đất.

Nghe vậy, thái tử thất vọng bảo:

– Đời người ta cũng được tạo thành chẳng khác gì các giọt sương mai trên ngọn cỏ. Ta cần phải thoát khỏi gánh nặng bức bách của bệnh tật, tuổi già và chết chóc. Ta phải từ giã song thân và rời thế tục.

Như vậy là do nhân duyên các giọt sương mai, chàng nhận thức ba cõi sinh hữu (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) như thể đang ở trong ngọn lửa cháy bừng. Khi chàng về cung, chàng vào yết kiến phụ vương trong [đại] pháp đình nguy nga của ngài. Đảnh lễ vua cha xong, chàng đứng sang một bên và ngâm vần kệ đầu để xin phép vua cha được rời thế tục:

73. Con xin đảnh lễ đấng Quân vương,
Giữa ngự quan, bằng hữu, đại thần,
Hoàng thượng, con mong rời thế tục,
Xin Hoàng thượng chẳng chối từ con.

---

[10] Xem *J.* I. 248, *Rohiṇījātaka* (*Chuyện nữ tỳ Rohiṇī*), số §45.

[11] Xem *J.* V. 177, *Cullasutasomajātaka* (*Chuyện Tiểu Sutasoma*), số §525.

[12] Xem *J.* V. 312, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532.

[13] Xem *J.* VI. 257, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

[14] Xem *J.* IV. 15, *Saṁkhajātaka* (*Chuyện Bà-la-môn Saṁkha*), số §442.

Kế đó, vua ngâm vần kệ thứ hai để khuyên can chàng:

74. Con có mơ gì, hỡi Yuvañ,
Cha ban tròn vẹn mọi cầu mong,
Nếu ai làm hại, cha che chở,
Con chớ làm tu sĩ ẩn thân.

Nghe thế, thái tử ngâm vần kệ thứ ba:

75. Chẳng có ai làm hại đến con,
Ước mơ con đạt được vuông tròn,
Song con muốn kiếm nơi an trú,
Mà tuổi già không phá mỏi mòn.

Bậc Đạo sư ngâm nửa vần kệ để giải thích vấn đề này:

76. Thái tử tâu vầy với phụ vương,
Vua cha liền phán bảo cùng con.

Nửa vần kệ sau do đức vua ngâm:

"Đừng rời thế tục, này Vương tử,
Dân chúng kinh thành thảy khóc thương."

Vương tử lại đáp vần kệ này:

77. Đại đế, đừng làm trẻ phải xa,
Cuộc đời không tục lụy phù hoa,
Con e say đắm nhiều tham dục,
Sẽ hóa mồi ngon của tuổi già.

Khi nghe nói điều này, vua cha phân vân do dự. Sau đó, mẫu hậu được tin:

– Tâu Lệnh bà, thái tử đang xin phép hoàng thượng để xuất gia.

Bà hỏi:

– Ngươi nói gì thế?

Tin ấy khiến bà ngạt thở liền ngự vào chiếc kiệu bằng vàng, bà bảo đi nhanh đến pháp đình và ngâm vần kệ thứ sáu:

78. Mẹ van con đó, hỡi con thân,
Và mẹ mong con phải ở gần,
Mẹ muốn gặp con hoài, thái tử,
Con đừng rời bỏ chốn phàm trần.

Khi nghe vậy, thái tử ngâm vần kệ thứ bảy:

79. Như đầu ngọn cỏ đọng hơi sương,
Khi mặt trời lên rực ánh dương,
Cũng vậy là đời người thế tục,
Xin đừng cản bước, mẹ hiền thương.

Chàng nói vậy xong, bà vẫn van xin chàng mãi với mục đích ngăn cản chàng. Sau đó, bậc Đại sĩ tâu với vua cha vần kệ thứ tám:

80. Bảo người khiêng kiệu, hãy cùng nâng,
Đừng để mẹ già cứ cản ngăn,
Con trẻ muốn đi vào Thánh đạo,
Xa đời sinh diệt, tấu Minh quân!

Khi vua cha nghe con nói, ngài phán:

– Này Ái hậu, hãy lên kiệu về cung Thường Lạc của ta mà an nghỉ!

Trước lệnh của vua, đôi chân vương hậu quỵ xuống, rồi bà được các cung nữ vây quanh dìu về. Khi bước vào hậu cung, đứng nhìn về phía pháp đình, bà băn khoăn hỏi tin tức con mình. Sau khi mẫu hậu đi rồi, Bồ-tát lại xin phép vua cha lần nữa. Vua không thể từ chối chàng được liền phán:

– Này Thái tử thân yêu, cứ làm theo ý nguyện của con và từ bỏ thế tục.

Khi vừa nghe cha chấp thuận điều này, tiểu hoàng đệ của Bồ-tát là Vương tử Yudhiṭṭhila đến đảnh lễ vua cha và cũng xin phép theo đời xuất gia như thế, vua liền bằng lòng ngay. Cả hai vị vương tử từ biệt vua cha, và giờ đây sau khi từ bỏ mọi dục lạc thế gian, hai vị ra đi từ pháp đình giữa đại chúng. Chánh hậu nhìn theo bậc Đại sĩ và than khóc:

– Thái tử đã từ giã thế tục, kinh thành Ramma này sẽ trống rỗng.

Rồi bà ngâm đôi kệ:

81. Nhanh lên cầu hạnh phúc, con ôi!
Ta chắc Ramma trống vắng thôi,
Đại đế Sabba vừa chấp thuận,
Yuvañ Thái tử xuất gia rồi.

82. Thái tử, đại huynh giữa cả ngàn,
Hoàng nhi trông dáng thật như vàng,
Từ đây vương tử oai hùng đã,
Đắp chiếc y vàng, bỏ thế gian.

Bồ-tát không đi ngay lên đường tu hành, ngài đến từ biệt song thân rồi cùng với tiểu đệ là Vương tử Yudhiṭṭhila rời kinh thành và bảo đại chúng đang theo sau hai vị phải quay về, còn hai vị tiến lên vùng Tuyết Sơn. Tại đó, hai vị dựng lên một thảo am ở một chốn đầy an lạc và hành trì cuộc đời của bậc Hiền nhân thanh tịnh, tu tập thiền định hướng thượng. Hai vị sống suốt đời bằng các củ quả rừng rồi khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

Vấn đề này được giải thích qua vần kệ cuối cùng phát xuất từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác Ngộ:

83. Vương tử Yuvañ với Yudhi,
Sống đời thanh tịnh của Hiền nhân,

Giã từ vương phụ và vương mẫu,
Chặt đứt làm đôi xích tử thần.

***

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu Như Lai từ bỏ vương quốc để đi theo đời tu hành mà ngày xưa cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thuở ấy, song thân trong hoàng tộc ngày nay là vương phụ và mẫu hậu, Ānanda là tiểu đệ Yudhiṭṭhila và Thái tử Yuvañjaya chính là Ta.

§461. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG DASARATHA

(*Dasarathajātaka*) (*J.* IV. 123)

Lakkhaṇa hiền đệ lẫn Sītā...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một người địa chủ có cha chết.

Khi người cha từ trần, lòng người ấy tràn ngập đau buồn, bỏ dở mọi công việc của mình, ông chìm đắm trong nỗi u sầu. Vào một buổi sáng, bậc Đạo sư quán chiếu thế gian, nhận thấy người ấy đã đến thời kỳ thuần thục để đắc quả Dự lưu. Hôm ấy, khi đã đi khất thực tại Xá-vệ và thọ thực xong, Ngài bảo các Tỷ-kheo lui về rồi Ngài đem theo một Tỷ-kheo trẻ đi đến nhà người ấy. Ngài chào và nói với ông trong lúc Ngài ngồi đó bằng những lời ngọt ngào như mật:

– Này cư sĩ, ông đang sầu muộn phải chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Con đang buồn vì cha con mất!

Bậc Đạo sư bảo:

– Này cư sĩ, các bậc Trí nhân ngày xưa hiểu rõ tám pháp của thế giới này,[15] nên khi cha mất, các ngài không thấy đau buồn dù chỉ là mảy may.

Rồi theo lời thỉnh cầu của ông, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, tại Ba-la-nại có một vị đại vương tên là Dasaratha từ bỏ các ác đạo và cai trị theo Chánh pháp. Trong số mười sáu ngàn cung phi, vị chánh hậu sinh hạ hai vương tử và một công chúa. Thái tử được đặt tên là Rāmapaṇḍita (Trí giả Rāma). Vị thứ hai được đặt tên Lakkhaṇa (Cát Tường) và tên của công chúa là Sītā (Thanh Lương).

Theo thời gian, chánh hậu qua đời. Lúc bà từ trần, vua bị nỗi đau buồn xâm chiếm trong một thời gian, nhưng khi được triều thần thúc giục, ngài cử hành tang lễ bà xong, lại phong cho một vương phi khác lên làm chánh hậu. Bà này

[15] Tám pháp của thế giới này chỉ cho được-mất, khen-chê, vui-buồn, vinh-nhục.

được vua hết sức sủng ái. Sau đó bà thụ thai, được vua chăm sóc rất ân cần chu đáo và sinh hạ một hoàng nam đặt tên là Bharata (Hộ Lực).

Vua rất yêu quý vương tử ấy và bảo chánh hậu:

– Này Ái khanh, ta ban cho nàng một ân huệ, nàng hãy chọn đi!

Bà nhận đặc ân trên, nhưng xin vua cho bà hoãn lại sự lựa chọn ấy một thời gian. Khi vương nhi lên bảy tuổi, bà đến yết kiến vua và tâu:

– Tâu Thánh thượng, ngài đã hứa ban một đặc ân cho vương tử con của thần thiếp, giờ đây xin ngài ban cho thần thiếp được chăng?

Vua phán:

– Ái khanh hãy chọn đi!

Bà bảo:

– Tâu Thánh thượng, xin ban vương quốc này cho con thần thiếp!

Nghe vậy, vua bất ngờ, sửng sốt liền răn đe:

– Lui ra ngay, này nữ nhân đê tiện! Hai vương nhi của ta sáng rực như hai ngọn lửa hồng, ngươi muốn giết chúng đi rồi đòi ngai vàng cho con của ngươi đấy chăng?

Bà hoảng sợ chạy về cung thất nguy nga của bà rồi các ngày tiếp theo lại cố xin vua đặc ân ấy mãi. Vua không chấp thuận ban cho bà ân huệ ấy. Ngài nghĩ thầm: "Nữ nhân thường vong ân và phản bội, ác phụ này có thể dùng chiếu chỉ giả mạo hay hối lộ gian trá để sai giết các con ta." Vì vậy, ngài cho triệu hai con đến và kể hết mọi việc cho con nghe rồi phán:

– Này hai vương nhi, nếu các con ở đây chắc tai họa có thể xảy ra cho các con. Vậy hãy qua vương quốc bên cạnh ta, hoặc vào rừng, rồi khi thân ta đã được hỏa táng, hãy trở về thừa kế vương vị thuộc về gia tộc của các con!

Sau đó, ngài triệu các thầy tướng số đến hỏi về thọ mạng của ngài. Họ tâu rằng ngài có thể sống thêm mười hai năm nữa. Rồi ngài bảo:

– Này các con, sau mười hai năm các con phải trở về và giương cao chiếc lọng của hoàng gia.

Hai vương tử hứa lời xong và vừa đi khỏi cung điện vừa khóc lóc. Công nương Sītā nói: "Ta cũng sẽ đi cùng hai vương huynh." Nàng vào từ biệt phụ vương, vừa ra đi vừa khóc lóc. Cả ba anh em lên đường giữa đám đông dân chúng. Ba vị bảo dân chúng lui về rồi tiến lên cho đến khi đi đến tận vùng Tuyết Sơn. Tại đó, ở một nơi có nước chảy nhiều và thuận tiện để hái quả rừng, hai vị dựng am tu và sống tại đó bằng quả cây.

Trí giả Lakkhaṇa và Sītā nói với Trí giả Rāma:

– Đại hiền huynh ở địa vị thân phụ của chúng em, vậy xin ở lại trong am và chúng em sẽ đi hái quả về nuôi hiền huynh.

Chàng đồng ý, từ đó Trí giả Rāma ở tại nhà, còn hai em cùng đi hái quả

rừng về nuôi chàng. Ba vị sống tại đó như vậy và nuôi thân bằng quả rừng hoang dại, song Vua Dasaratha héo mòn vì nhớ các con nên từ trần vào năm thứ chín. Trong lúc cử hành tang lễ vua, hoàng hậu ra lệnh giương chiếc lọng phong vương cho con trai bà là Vương tử Bharata. Nhưng triều thần bảo:

– Các vị vương tử chúa tể của chiếc lọng này đang ở trong rừng.

Nên các vị đại thần không cho phép việc ấy. Vương tử Bharata nói:

– Ta sẽ đi tìm Vương huynh Rāma trong rừng về và giương chiếc lọng phong vương cho ngài.

Mang theo năm biểu tượng của vương quyền, chàng lên đường cùng một đoàn hộ tống đầy đủ bốn đạo quân,[16] đến nơi ba vị đang trú ngụ. Không xa đó mấy, chàng ra lệnh cắm trại rồi cùng vài triều thần đi đến viếng vùng ẩn am vào lúc Trí giả Lakkhaṇa cùng Sītā đã đi vào rừng.

Trí giả Rāma đang ngồi ở cửa am, vô tư và thanh thản như một pho tượng bằng vàng ròng vững chắc. Vị vương tử đến gần ngài đảnh lễ rồi đứng một bên, kể cho ngài nghe mọi việc xảy ra ở vương quốc, vừa quỳ xuống chân ngài cùng triều thần vừa òa lên khóc nức nở. Trí giả Rāma không buồn cũng không khóc, tâm trí ngài không còn bị xúc động nữa.

Sau khi Bharata đã hết khóc và ngồi xuống, mãi đến chiều hai vị kia mới trở về với mớ quả rừng. Trí giả Rāma suy nghĩ: "Hai em kia còn trẻ, chúng không có trí tuệ tỉnh giác như ta. Nếu thình lình chúng được nghe tin rằng phụ vương đã băng hà, nỗi đau khổ sẽ lớn quá mức chúng chịu đựng, ai biết được tim chúng chẳng tan nát ra? Vậy ta sẽ dụ chúng bước xuống nước rồi tìm phương tiện tỏ bày sự thật." Rồi vừa chỉ cho hai em một nơi ở phía trước có nước, ngài bảo:

– Các em đi ra ngoài lâu quá, vậy đây là cách để các em hối lỗi. Hãy bước xuống vũng nước kia và đứng đó!

Rồi ngài ngâm nửa vần kệ:

84. Lakkhaṇa hiền đệ lẫn Sītā,
Bước xuống ao kia cả đấy mà.

Chỉ một lời thế là đủ, hai vị bước xuống nước và đứng đó. Lát sau, ngài báo tin cho hai em bằng cách ngâm nửa vần kệ tiếp:

Vương tử Bharata vừa nói rõ,
Dasaratha Đại đế đã băng hà.

Khi hai vị nghe tin phụ vương đã băng hà liền ngất xỉu. Ngài lặp lại tin ấy, hai vị lại ngất xỉu, đến lần thứ ba hai vị vẫn ngất đi. Các triều thần liền đỡ họ dậy và đem họ ra khỏi nước rồi đặt họ lên chỗ đất khô ráo. Tuy hai vị đã được an ủi khuyên lơn nhưng cả hai vẫn ngồi khóc lóc, kêu gào. Lúc ấy Vương tử Bharata suy nghĩ: "Vương huynh Lakkhaṇa và Vương tỷ Sītā không thể nào ngăn được nỗi sầu bi khi nghe tin phụ vương từ trần, song Trí giả Rāma chẳng

[16] Bốn đạo quân gồm có tượng binh (voi), kỵ binh (ngựa), xa binh (xe), bộ binh.

than khóc kêu gào gì cả. Ta không biết nguyên nhân gì khiến vương huynh chẳng sầu muộn, ta sẽ hỏi xem." Rồi chàng ngâm vần kệ thứ hai hỏi:

85. Cho biết, Rāma, bởi lực gì,
Gặp buồn huynh lại chẳng sầu bi,
Lòng huynh sầu muộn không tràn ngập,
Dù được tin vương phụ mất đi?

Sau đó, Rāma giải thích lý do tại sao ngài không cảm thấy sầu bi bằng cách đáp lời:

86. Khi chẳng làm sao giữ vật nào,
Dù cho người ấy có kêu gào,
Vậy nên người trí đầy thông tuệ,
Phải tự hành mình bởi cớ sao?

87. Các nhóm thanh niên, kẻ trưởng thành,
Người ngu cùng với bậc thông minh,
Giàu, nghèo, kết cuộc đều cầm chắc,
Phải chết từng người giữa chúng sanh.

88. Như ta đứng trước quả cây muồi,
Hay phát sinh niềm sợ quả rơi,
Cũng vậy phát sinh lòng sợ chết,
Với phàm nhân ở khắp muôn người.

89. Nhiều kẻ vừa trông thấy buổi mai,
Có khi chiều tối đã lìa đời,
Và người được thấy khi chiều xuống,
Vừa mới sáng mai đã mất rồi.

90. Nếu người ngu dại hoặc cuồng điên,
Phúc lạc đổ dồn đến tự nhiên,
Khi nó tự hành bằng nước mắt,
Bậc hiền làm giống kẻ kia liền.

91. Cách này đây nó tự hành mình,
Kẻ ấy gầy mòn lại tái xanh,
Nước mắt chẳng làm gì ích lợi,
Chẳng làm người chết được hồi sinh.

92. Như nhà cháy rực, lửa đang hồng,
Được dập tắt liền với nước sông,
Người mạnh, người hiền, người có trí,
Những người hiểu giáo lý tinh thông,
Nỗi buồn đem rắc như bông vải,
Khi có cuồng phong thổi bão bùng.

93. Một khi sinh vật phải lìa trần,
Một kẻ khác liền được thọ thân,
Kết hợp với nhiều dây trói buộc,
Có cùng đặc tính một nguồn căn,
Phước phần mỗi kẻ đều tùy thuộc,
Vào những dây liên hệ buộc ràng.

94. Người mạnh, tinh thông lý nhiệm mầu,
Quán sát đời này lẫn kiếp sau,
Hiểu bản chất này chung của chúng,
Cho nên chẳng bị nỗi buồn rầu,
Khiến cho tâm trí mình dao động,
Dù có khổ đau đến độ nào.

95. Vậy ta nên cống hiến song thân,
Phụng dưỡng các ngài phẩm vật dâng,
Ta sẽ bảo tồn di tích cũ,
Ấy là hành động của Hiền nhân.[17]

Trong các vần kệ này, ngài đã giải thích tính vô thường của vạn vật.

Khi hội chúng nghe pháp thoại này của Trí giả Rāma làm sáng tỏ quy luật vô thường, họ đều tiêu tan mọi nỗi sầu muộn. Sau đó, Vương tử Bharata kính chào Trí giả Rāma và van xin ngài nhận lãnh vương quốc ở Ba-la-nại. Trí giả Rāma bảo:

– Này Vương đệ, hãy đem Lakkhaṇa và Sītā về với Vương đệ và các Vương đệ hãy chăm lo cai trị đất nước!

– Tâu Chúa thượng, không được, xin Chúa thượng đảm nhận quốc độ.

– Này Vương đệ, Phụ vương đã ban lệnh cho ta nhận lãnh quốc độ sau mười hai năm. Nếu ta về bây giờ, ta sẽ không thi hành lệnh vua ban. Vậy ba năm nữa ta sẽ về.

– Thế ai sẽ trị nước trong thời gian này?

– Chính Vương đệ.

– Tiểu đệ không muốn thế.

– Vậy thì cho đến khi ta về, đôi hài này sẽ làm việc đó.

Rāma bảo, rồi tháo đôi hài rơm ra, ngài trao chúng cho vương đệ. Thế là ba vị nhận lấy đôi hài, từ tạ vị Hiền nhân và lên đường về Ba-la-nại cùng với đoàn người hộ tống đông đảo. Trong ba năm liền, đôi hài ấy cai trị vương quốc. Triều thần đặt chúng lên ngai khi hội chúng xét xử một việc gì. Nếu vụ kiện được xét xử sai, đôi hài sẽ đập vào nhau và khi thấy dấu hiệu ấy, sự việc kia được xét lại đến khi việc phán xét được đúng đắn thì đôi hài nằm yên.

[17] Xem *J.* III. 98, *Kālabāhujātaka* (*Chuyện con khỉ Kālabāhu*), số §329.

Khi thời gian ba năm ấy đã qua, bậc Trí nhân ra khỏi rừng, đi đến Ba-la-nại và vào ngự viên. Các vương tử nghe tin ngài đến liền cùng một đoàn hộ tống đông đảo đi đến hoa viên và phong Sītā lên làm chánh hậu rồi làm lễ Quán đảnh cho cả hai. Khi cử hành lễ Quán đảnh như thế xong, bậc Đại sĩ đứng trên chiếc vương xa lộng lẫy với một đám đông vây quanh tiến vào kinh thành, đi diễu quanh một vòng theo hướng bên hữu rồi ngự lên thượng lầu vĩ đại của cung điện nguy nga Candaka kia. Ngài trị nước tại đó rất chân chánh trong mười sáu ngàn năm và về sau đi lên cộng trú cùng hội chúng của chư thiên.

Vần kệ này là của bậc Giác Ngộ giải thích phần kết thúc câu chuyện:

96. Trăm năm nhân với sáu mươi lần,
Một vạn năm thêm, chuyện kể rằng,
Đại đế Rāma lên ngự trị,
Cổ ngài ba ngấn, hạnh phúc tràn.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các sự thật, người địa chủ đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Vua Suddhodana là Vua Dasaratha, Hoàng hậu Mahāmāyā là mẫu hậu, mẹ của Rāhula là Sītā, Ānanda là Bharata và Ta chính là Trí giả Rāma.

§462. CHUYỆN VƯƠNG TỬ SAṀVARA (*Saṁvarajātaka*) (*J.* IV. 130)

Quả xưa Thánh thượng đã tinh tường...

Chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo không giữ tinh tấn.

Chúng ta đã biết đây là một thiện gia nam tử ở Xá-vệ, sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp, người này từ bỏ thế tục. Trong khi vừa hoàn thành mọi nhiệm vụ do các Giáo sư và các vị Giáo thọ sư đề ra, người ấy vừa học thuộc lòng các chi phần của Giới bổn (*Pātimokkha*). Sau năm năm, ông nói:

– Khi nào ta đã được chỉ dạy pháp môn nhập thiền định, ta sẽ vào an trú trong rừng.

Sau đó, ông từ giã các giáo sư, đi vào một làng ở biên địa trong vương quốc Kosala. Dân chúng hài lòng với cách ăn ở của ông nên ông dựng am lá ở đó, được cung phụng đầy đủ. Vào mùa mưa, với nhiệt tâm tinh cần, nỗ lực phấn đấu, ông cố gắng đạt đến thiền định trong vòng ba tháng, song ông không đạt được chút gì từ việc này cả. Sau đó, ông suy nghĩ: "Quả thật ta là người đầy nhiệt tâm đối với các thế gian pháp nhất trong bốn hạng người được bậc Đạo sư thuyết giảng. Ta còn làm gì nữa với đời sống trong rừng?" Rồi ông lại nghĩ: "Ta sẽ trở về Kỳ Viên, trong lúc chiêm ngưỡng hảo tướng của đức Như Lai và nghe giọng Ngài thuyết pháp dịu ngọt như mật, ta sẽ sống cả đời tại đó."

Thế là người ấy giảm sút sự tinh tấn và lên đường lần hồi đi đến Kỳ Viên. Các giáo sư và các vị giám hộ của ông cùng bạn bè thân thuộc hỏi ông về nguyên nhân trở về đây. Ông bảo cho các vị kia biết, đại chúng đều chê trách ông về việc này và chất vấn ông tại sao lại làm như vậy. Sau đó, đại chúng dẫn ông đến yết kiến bậc Đạo sư. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, tại sao các ông dẫn một Tỳ-kheo đến đây mà kẻ ấy không muốn?

Tăng chúng đáp:

– Tỳ-kheo này đã đến đây vì ông ấy đã giảm sút tinh tấn.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Việc này có đúng như họ nói với Ta chăng?

Người ấy đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỳ-kheo, tại sao ông không còn tinh tấn nữa? Đối với một người yếu kém và lười biếng, không có quả vị cao cả nào dành cho người ấy trong giáo pháp này, người ấy cũng không thể đạt [được] Thánh quả. Chỉ những kẻ nào nỗ lực tinh cần mới hoàn thành việc ấy được. Ngày xưa ông đầy đủ dũng lực lại dễ dạy bảo và vì thế dù là nhỏ tuổi nhất trong số một trăm vương tử của vua xứ Ba-la-nại, ông cũng đã chiếm được chiếc lọng trắng nhờ tuân theo đúng lời giáo huấn của các bậc Hiền nhân.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vị trẻ tuổi nhất trong số một trăm vương tử của ngài tên là Saṁvara (Phòng Hộ). Vua giao mỗi con trai ngài cho một vị cận thần đảm trách cùng với lời chỉ dẫn để dạy mỗi người những môn học cần phải học tập. Vị cận thần dạy cho Vương tử Saṁvara là Bồ-tát, ngài thật sáng suốt, học rộng, làm tròn nhiệm vụ như một người cha đối với vương tử kia. Khi các vị vương tử đã học xong, các cận thần đem họ đến trình lên vua cha. Ngài ban cho mỗi vị một thị trấn và truyền lệnh ra đi nhận chức.

Khi Vương tử Saṁvara hoàn thành mọi việc học tập, chàng hỏi Bồ-tát:

– Thưa Dưỡng phụ, nếu Phụ vương đưa con đến một thị trấn thì con phải làm gì?

Ngài đáp:

– Này con, khi con được ban cho một thị trấn, con phải từ chối và tâu: "Tâu Phụ vương, con là con út trong nhà nếu đi nữa thì sẽ không còn ai dưới chân Phụ vương nên con muốn ở lại nơi đang sống đây dưới chân Phụ vương thôi."

Rồi một ngày kia, khi Vương tử Saṁvara đến đảnh lễ ngài và đang đứng một bên, vua hỏi chàng:

– Này Vương nhi, con đã học tập xong chưa?

– Tâu Phụ vương, đã xong.

– Vậy con hãy lựa chọn một thị trấn!

– Tâu Phụ vương, nếu vậy thì quanh mình Phụ vương sẽ trống vắng, Vương nhi xin ở lại dưới chân Phụ vương chứ không đi đâu khác.

Vua rất hoan hỷ và bằng lòng ngay.

Sau khi chàng ở lại bên vua cha, chàng hỏi Bồ-tát:

– Thưa Dưỡng phụ, con phải làm gì nữa?

Ngài bảo:

– Hãy xin Vua cha một ngự viên cũ!

Vương tử đồng ý và xin một hoa viên với số hoa quả trồng tại đó, chàng kết bạn cùng những người có thế lực trong kinh thành. Chàng lại hỏi phải làm gì nữa, Bồ-tát bảo:

– Hãy xin Vua cha cho phép phân phát tiền của khắp kinh thành!

Chàng làm theo và không bỏ sót một người nào, chàng phân phát tiền của khắp kinh thành. Chàng lại hỏi ý kiến Bồ-tát, và sau khi xin vua cha chấp thuận, chàng phân phát thực phẩm trong cung điện, bọn nô tỳ, bầy ngựa và quân lính, không sót một nơi nào; đối với sứ giả các nước ngoài đến, chàng sắp đặt nơi ăn chốn ở cho họ, chàng ấn định thuế má cho các thương nhân, mọi việc gì cần thu xếp, chàng đều làm một mình.

Như vậy, theo lời khuyên của bậc Đại sĩ, chàng kết bạn với mọi người, từ những người sống trong gia đình cho đến những người không gia đình, mọi người trong kinh thành, các triều thần của quốc độ này cho đến ngoại nhân. Nhờ sức thu hút của mình, chàng kết hợp mọi người lại với nhau, đối đãi họ tử tế và chàng được mọi người yêu mến thiết thân.

Đến khi vua lâm trọng bệnh trên vương sàng, triều thần hỏi ngài:

– Tâu Chúa thượng, khi Chúa thượng băng hà, chúng thần sẽ trao chiếc lọng trắng cho ai?

Ngài đáp:

– Này các hiền khanh, các vương tử của ta đều có quyền được chiếc lọng trắng, song các khanh hãy trao nó cho người nào làm hài lòng các khanh!

Vì vậy, sau khi ngài băng hà và khi lễ tang đã được cử hành xong, vào ngày thứ bảy, quần thần tụ họp lại và bảo:

– Tiên vương ra lệnh cho chúng ta trao chiếc lọng trắng cho người nào làm vừa lòng chúng ta. Vậy người mà tâm chúng ta hằng ao ước chính là Vương tử Saṁvara.

Cho nên đại chúng giương chiếc lọng trắng che lên đầu chàng cùng với các dây tua bằng vàng và chàng được cả vương tộc hộ tống lên ngôi. Đại vương Saṁvara tuân thủ lời khuyên răn của Bồ-tát nên cai trị rất đúng Chánh pháp. Còn chín mươi chín vị vương tử hay tin vua cha từ trần và chiếc lọng trắng đã giương lên cho Vương tử Saṁvara, các vị bảo:

– Nó là em út trong nhà, chiếc lọng không thuộc về nó được. Chúng ta hãy giương chiếc lọng lên cho vị huynh trưởng của chúng ta!

Họ tập hợp mọi lực lượng lại và gởi thư đến Saṁvara, buộc chàng hoàn trả chiếc lọng nếu không thì sẽ giao chiến, sau đó, các vị bao vây kinh thành. Vua báo tin này với Bồ-tát và hỏi phải làm gì bây giờ. Ngài đáp:

– Này Đại vương, ngài không nên gây chiến với các vương huynh. Hãy chia bạc vàng của vua cha thành một trăm phần rồi gởi chín mươi chín phần đến các vương huynh cùng thông điệp này: "Xin hãy nhận phần tài sản của phụ vương vì tiểu đệ không muốn gây chiến với các vương huynh!"

Vua liền làm như thế. Sau đó, vị huynh trưởng là Thái tử Uposatha triệu tập các vương tử kia lại bảo:

– Này các hiền đệ, không ai có khả năng chiến thắng vị vua này được và đây lại là em út của chúng ta. Mặc dù trước đây, đó là kẻ thù của chúng ta, nay không phải như vậy nữa mà em ta gởi vàng bạc đến chúng ta, không muốn gây chiến với chúng ta. Giờ đây, chúng ta không thể nào cùng một lúc giương cao chiếc lọng lên cho mọi người được, chúng ta hãy giương lọng lên cho một người thôi, hãy để một mình em út làm vua! Vậy khi gặp, chúng ta sẽ giao trả vàng bạc của vương tộc cho em chúng ta và trở về thị trấn của mình.

Sau đó, tất cả các vị ấy ngưng việc vây hãm kinh thành và đi vào trong thành, không còn là thù địch nữa. Vua bảo triều thần ra nghênh tiếp các vị và đại chúng đi đón các vương tử ấy. Các vương tử cùng đoàn tùy tùng đông đảo đi bộ vào, bước lên các bậc thềm của cung điện, hết sức khúm núm trước Đại vương Saṁvara và ngồi xuống một chỗ thấp. Còn Vua Saṁvara ngự trên ngai vàng dưới chiếc lọng trắng, trông ngài thật uy nghi cao cả và rực rỡ huy hoàng. Bất cứ nơi nào ngài nhìn đến, đại chúng đều rúng động toàn thân.

Thái tử Uposatha chiêm ngưỡng cảnh nguy nga lộng lẫy của Đại vương Saṁvara, nghĩ thầm: "Ta chắc Phụ vương biết rõ là Vương tử Saṁvara sẽ làm vua sau khi ngài băng hà nên ngài đã ban cho chúng ta các thị trấn mà chẳng cho Vương đệ ta vùng nào cả." Sau đó, chàng ngâm ba vần kệ nói với vua:

97. Quả xưa Thánh thượng đã tinh tường,
Bản chất tính tình của Đại vương,
Ân đã ban nhiều vương tử khác,
Đại vương lại chẳng được ban phần.

98. Chính là Phụ vương lúc sinh thời,
Hay lúc thành tiên đến cõi trời,

Vì thấy lợi nhiều cho quốc độ,
Nên vương tộc đã thuận theo lời.

99. Hãy nói lực gì, Saṁvara,
Đại vương vượt hẳn cả hoàng gia,
Sao Vương huynh lại không đoàn kết,
Để chiếm ngôi cao của đệ à?

Nghe vậy, Vua Saṁvara ngâm sáu vần kệ giải thích đặc tính của ngài:

100. Ta chẳng bao giờ miễn cưỡng dâng,
Những gì xứng với Đại Hiền nhân,
Sẵn sàng ban tặng đầy trân trọng,
Đảnh lễ, ta quỳ xuống dưới chân.

101. Ta chẳng tỵ hiềm, muốn học luôn,
Mọi điều đức hạnh hợp công bằng,
Các Hiền nhân dạy điều lương thiện,
Trong ấy các ngài thấy lạc hoan.

102. Ta vẫn thường nghe sự bảo ban,
Của nhiều bậc Trí, Đại Hiền nhân,
Tâm hồn ta hướng về lương thiện,
Ta chẳng coi thường lời dạy răn.

103. Voi chiến cùng nhiều đạo mã xa,
Bộ binh và vệ sĩ vương gia,
Ta không hề bớt phần công nhật,
Mà trả tiền lương đủ mọi nhà.

104. Quý tộc danh gia vẫn đến hầu,
Quân sư tài trí thật là cao,
Họ thường khen ngợi rằng lương thực,
Quả thật Ba-la-nại rất giàu.

105. Thịnh vượng như vậy, các lái buôn,
Từ nhiều quốc độ tới lui luôn,
Ta che chở họ, này vương tử,
Sự thật, hiền huynh đã tỏ tường.

Thái tử Uposatha nghe kể rõ đức tính của vua liền ngâm hai vần kệ:

106. Đạo đức vượt hơn gia tộc mình,
Và em cai trị thật công bình,
Saṁvara tài trí càng cao trọng,
Phúc lạc ban đều các đại huynh.

107. Vương huynh rày bảo vệ kho tàng,
Vương đệ sau này sẽ vạn an,

Tránh khỏi quân thù như Đế-thích,
Mình vàng tránh các La-hầu vương.

Vua Saṁvara tiếp đãi các vương huynh rất trọng thể. Các vị ở lại cùng vua một tháng rưỡi rồi bảo vua:

– Tâu Đại vương, chúng thần muốn đi xem có trộm cướp nào đặt chân lên lãnh thổ của chúng thần chăng. Cầu mong triều đại này được vạn phúc!

Các vị ấy lại ra về lãnh thổ của mình. Còn vua theo lời dạy của Bồ-tát nên sau khi mạng chung, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở thiên giới.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài nói thêm:

– Này Tỷ-kheo, xưa kia ông đã theo lời dạy bảo, tại sao nay ông lại không tiếp tục nỗ lực tinh cần?

Rồi Ngài thuyết giảng các sự thật. Bấy giờ, lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Tỷ-kheo này là Vua Saṁvara, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Thái tử Uposatha, các vị trưởng lão cao niên là các vương huynh kia, các đệ tử của Như Lai là đoàn tùy tùng của các vị ấy và Ta chính là vị cận thần đã khuyến giáo vua.

§463. CHUYỆN TRÍ GIẢ SUPPĀRAKA (*Suppārakajātaka*) (*J.* IV. 136)

Đám người kia mũi nhọn như dao...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự viên mãn của trí tuệ (trí tuệ Ba-la-mật).

Một ngày nọ vào buổi tối, các Tỷ-kheo đang đợi đức Như Lai đến thuyết pháp cho Tăng chúng, và trong lúc ngồi tại pháp đường, các vị nói với nhau:

– Này Tỷ-kheo, quả thật bậc Đạo sư có trí tuệ vĩ đại, trí tuệ quảng bác, trí tuệ mẫn tiệp, trí tuệ linh hoạt, trí tuệ tinh xảo, trí tuệ uyên thâm, trí tuệ của Ngài đáp ứng đúng nơi đúng lúc! Trí bao la như đại địa, sâu như đại dương, rộng mênh mông như bầu trời, khắp cả xứ Diêm-phù-đề không một vấn đề nào khởi lên có thể vượt qua đấng Thập Lực. Như một đợt sóng nổi lên trên đại dương không thể vượt qua bờ được, vì khi chạm vào bờ, sóng kia sẽ vỡ tan, cũng vậy không một vấn đề nào có thể vượt qua đấng Thập Lực vì khi vấn đề ấy đến chân bậc Đạo sư thì sẽ vỡ tan.

Bằng những lời ấy, Tăng chúng tán thán trí tuệ tối thắng của đấng Thập Lực. Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang nói gì trong khi ngồi đây?

Tăng chúng thưa với Ngài, Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ trí tuệ. Ngày xưa, ngay khi trí tuệ chưa viên thành Chánh giác, Như Lai cũng đã sáng suốt thông minh. Mặc

dù mù lòa, Như Lai cũng biết các dấu hiệu của đại dương là ở trong đại dương có chôn giấu các loại ngọc này ngọc nọ.

Sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, một vị vua mệnh danh Bharu trị vì trong quốc độ Bharu. Có một thị trấn bên hải cảng được đặt tên là Bharukaccha (đầm Bharu). Vào thời ấy, Bồ-tát sinh ra trong gia đình một thuyền trưởng ở tại đó, ngài rất khả ái với làn da màu vàng nâu. Cha mẹ đặt tên ngài là Suppāraka.

Ngài lớn lên xuất sắc khác thường, và ngay khi chỉ mới được mười sáu tuổi, ngài đã hoàn toàn tinh thông nghệ thuật hàng hải. Sau đó, khi thân phụ mất, ngài lãnh đạo đoàn thủy thủ và miệt mài với nghề hàng hải. Ngài thật thông minh sáng suốt, khi ngài lên tàu rồi thì không hề có chiếc tàu nào đến làm hại được.

Theo thời gian, ngài bị thương vì nước mặn nên đôi mắt ngài bị mất thị giác. Sau sự kiện ấy, dù ngài là thuyền trưởng của đoàn thủy thủ, ngài không còn đeo đuổi sự nghiệp thương mãi nữa mà quyết định về phục vụ vua. Ngài đến yết kiến vua với mục đích ấy và vua phong cho ngài chức Hội thẩm đánh giá các báu vật. Từ đó, ngài định giá trị voi báu, ngọc báu và châu báu.

Một hôm, một con voi được đem trình lên vua, da voi màu đá đen nên có thể được làm vương tượng. Vua liếc nhìn con voi rồi ra lệnh đem nó đi đến trình diện với bậc Trí giả. Quân hầu liền dẫn con vật đến gặp ngài. Ngài sờ tay lên khắp mình voi và bảo:

– Con voi này không xứng đáng làm vương tượng. Nó có đặc tính của một con vật bị dị tật ở phía sau. Khi voi mẹ sinh ra nó đã không đủ sức mang nó lên vai nên để nó ngồi xuống đất, vì vậy nó bị tật ở chân sau.

Họ chất vấn những người đem voi đến và những người ấy trả lời rằng bậc Trí giả đã nói đúng sự thật. Khi vua nghe nói chuyện kia, lòng rất hoan hỷ và ra lệnh ban cho bậc Trí giả tám đồng tiền vàng.

Một ngày khác, người ta đem một con ngựa dâng lên để làm vương mã. Con vật này cũng được dẫn đến bậc Trí giả. Ngài lấy tay sờ khắp mình ngựa rồi nói:

– Con vật này không thích hợp để làm vương mã cho đức vua ngự. Vào ngày nó sinh ra, ngựa mẹ chết đi nên do thiếu sữa mẹ, nó lớn lên không đầy đủ.

Lời nói này của ngài cũng đúng sự thật. Khi nghe được chuyện ấy, vua rất đẹp ý, phán bảo đem tặng ngài tám đồng tiền nữa.

Vào một ngày khác, một chiếc xe được đem đến để làm vương xa. Vua cũng đưa xe này đến ngài. Ngài lấy tay rờ khắp xe và bảo:

– Chiếc xe này được làm bằng gỗ rỗng nên không thích hợp với đức vua.

Lời nói này của ngài cũng đúng như các lời khác. Vua lại một phen hài lòng khi nghe chuyện này nên ban thêm cho ngài tám đồng tiền nữa. Một lần nữa, có

người đem dâng vua một tấm thảm quý có giá trị lớn. Vua liền đưa nó đến ngài như lần trước. Ngài sờ khắp tấm thảm rồi bảo:

– Ở đây có một chỗ mà con chuột đã cắn một lỗ.

Họ xem kỹ và thấy chỗ đó liền tâu với vua. Vua đẹp ý lại bảo cho ngài tám đồng tiền nữa. Lúc bấy giờ, bậc Trí giả mới suy nghĩ: "Chỉ được có tám đồng vàng để xem những việc kỳ diệu như thế đấy. Đây là món tiền tặng cho thợ hớt tóc, chắc hẳn vua này là cậu bé thường hớt tóc! Tại sao ta phải phụng sự một vị vua như thế chứ? Ta sẽ trở về nhà riêng của mình." Thế là ngài trở về hải cảng Bharukaccha và sống tại đó.

Lúc ấy, có vài thương nhân chuẩn bị một chiếc thuyền và đang đi tìm một thuyền trưởng. Họ suy nghĩ: "Trí giả Suppāraka thông minh kia là một bậc Trí giả tài ba, có ngài trên tàu thì không con tàu nào đến hại nữa. Dù ngài mù lòa, Trí giả Suppāraka vẫn là người tuyệt hảo." Vì thế, họ đi đến ngài và mời ngài làm thuyền trưởng. Ngài đáp:

– Này các hiền hữu, ta mù rồi, làm sao lái thuyền các bạn được?

Các thương nhân bảo:

– Thưa Tôn giả, quả ngài mù thật đấy, song ngài là người tài giỏi nhất.

Vì họ cứ năn nỉ ngài mãi không ngớt nên cuối cùng ngài chấp thuận.

Ngài bảo:

– Như các bạn đã nói với ta thì ta sẽ làm thuyền trưởng của các bạn.

Sau đó, ngài bước lên chiếc thuyền của họ. Họ lái thuyền ra giữa đại dương. Suốt bảy ngày liền, thuyền đi không gặp rủi ro nào, rồi một ngọn gió trái mùa nổi lên. Thuyền trôi dạt bốn tháng trên vùng đại dương hoang dã cho đến lúc vào được một nơi gọi là biển Khuramālī (bãi dao nhọn hoắt). Tại đây, loài cá có thân như người với mũi nhọn hoắt như lưỡi dao, nhào lộn dưới nước. Các thương nhân quan sát loài cá này, vừa hỏi bậc Đại sĩ biển này tên gì vừa ngâm vần kệ đầu:

108. Đám người kia mũi nhọn như dao,
Vừa nhảy lên cao, lại lộn nhào,
Suppāraka hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?

Bậc Đại sĩ nghe câu nói này liền ôn lại trong trí các kiến thức thủy thủ của ngài rồi đáp qua vần kệ thứ hai:

109. Này các thương nhân cảng Bharukaccha,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Khuramālī đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.

Lúc bấy giờ, đại dương này có nhiều kim cương. Bậc Đại sĩ suy nghĩ rằng nếu ngài bảo chúng bạn đây là biển kim cương, họ sẽ làm chìm tàu do lòng

tham hốt nhiều kim cương. Vì thế, ngài không nói gì cả. Song sau khi đưa thuyền đến, ngài lấy một sợi dây thừng và thả lưới xuống như thể bắt cá, với dây này, ngài đã hốt được một mớ kim cương và giấu trong thuyền rồi ngài lựa những thứ ít giá trị quăng xuống biển.

Chiếc thuyền đi qua vùng biển này đến một biển khác tên là Aggimālī (vũng lửa cháy). Biển này tỏa ra ánh sáng như thể một ngọn lửa đang bừng cháy, như mặt trời đúng ngọ. Các thương nhân hỏi han ngài qua vần kệ:

110. Kìa đại dương như ngọn lửa hồng,
Như vầng nhật chiếu, bạn cùng trông,
Suppāraka, hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?

Bậc Đại sĩ đáp lại họ qua vần kệ tiếp theo:

111. Này các thương nhân cảng Bharukaccha,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Aggimālī đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.

Bấy giờ, biển này chứa đầy vàng, cũng như trước, ngài lấy lên một mớ vàng và cất lên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển cả tên là Dadhimālī (vũng sữa đông) óng ánh như sữa tươi hay sữa đông. Các thương nhân lại hỏi tên của biển qua vần kệ:

112. Kìa biển trắng phau giống sữa tươi,
Trắng như nhìn vũng sữa đông rồi,
Suppāraka, hãy nói cho bè bạn,
Tên gọi là gì của biển khơi?

Bậc Đại sĩ đáp lại chúng bạn bằng câu kệ tiếp theo:

113. Này các thương nhân cảng Bharukaccha,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đây là biển cả Dadhimālī đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.

Trong biển này có rất nhiều bạc. Ngài lấy bạc theo cách như trước rồi cất lên tàu. Chiếc thuyền đi qua biển này và đến một đại dương tên là Kusamālī (thảm cỏ cát tường) có hình dáng một thảm cỏ cát tường xanh óng hay một cánh đồng lúa. Các thương nhân lại hỏi tên biển qua vần kệ:

114. Kìa biển xanh như cỏ cát tường,
Tưởng như nhìn đám bắp trên đồng,
Suppāraka, hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?

Ngài đáp lời qua vần kệ tiếp theo:

115. Này các thương nhân cảng Bharukaccha,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Đại dương đây chính Kusamālī đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.

Bấy giờ trong biển này có rất nhiều ngọc bích quý. Cũng như trước, ngài lấy một mớ ngọc và cất trên thuyền. Qua khỏi biển này, con thuyền đi đến một biển tên gọi là Nalamālī (bãi lau sậy) có hình dáng một bãi lau sậy hay một rừng tre. Các thương nhân hỏi tên biển qua vần kệ:

116. Kìa đại dương như một khóm lau,
Khác nào ta thấy rặng tre đâu,
Suppāraka, hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?

Bậc Đại sĩ đáp lại qua vần kệ sau:

117. Này các thương nhân cảng Bharukaccha,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Biển này tên gọi Nalamālī đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.

Bấy giờ, biển này đầy san hô với màu khóm tre, ngài lại hốt một mớ đá quý này và cất lên tàu. Sau khi đi qua biển Nalamālī, các thương nhân đến một biển có tên là Vaḷabhāmukhī[18] (hố xoáy mạnh). Ở đây, nước rút đi và dâng lên một phía và như vậy nước rút đi ở mọi phía và dâng lên trên các vách đá thẳng đứng để lại một vùng như thể cái hố sâu. Một đợt sóng dâng tràn lên một phía chẳng khác nào một bức tường, tai lại nghe một tiếng gầm thét khủng khiếp tưởng chừng làm thủng màng tai hoặc vỡ cả tim ra. Khi thấy cảnh này, các thương nhân kinh hoảng và hỏi tên biển qua vần kệ:

118. Này nghe tiếng thét thật kinh hoàng,
Từ biển cả kia thật dị thường,
Hố thẳm, hãy nhìn nhiều đợt sóng,
Dâng lên dốc đứng tựa sườn non,
Suppāraka, hãy nói cho bè bạn,
Đây gọi tên gì của đại dương?

Bồ-tát đáp lại qua vần kệ:

119. Này các thương nhân cảng Bharukaccha,
Đi tìm vàng bạc bán đường xa,
Vaḷabhāmukhī đại dương này đó,
Thuyền của các người đã lạc qua.

Ngài nói tiếp:

[18] Bản Tích Lan và PTS viết *Vaḷabhāmukhī*. Bản CST viết *Baḷavāmukhī*. Bản Thái Lan viết *Balavāmukhī*.

– Này các hiền hữu, một khi thuyền vào trong biển Vaḷabhāmukhī này thì không thể nào trở về được. Nếu thuyền này vào đó, nó sẽ chìm và tan nát.

Bấy giờ, có cả bảy trăm mạng người trên thuyền này, họ đều sợ chết nên họ đồng thanh thốt lên một tiếng kêu vô cùng thảm thiết chẳng khác nào tiếng kêu la của những kẻ đang bị đốt cháy trong chốn địa ngục tận cùng (địa ngục Vô Gián). Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Trừ ta ra không ai có thể cứu mạng họ được. Ta quyết cứu họ bằng một lời thề chân lý." Rồi ngài nói lớn:

– Này các hiền hữu, hãy mau mau tắm cho ta bằng nước hương thơm, mặc y phục mới cho ta, dọn ra một chén nước đầy và đưa ta đứng trước con thuyền!

Cả bọn vội làm như vậy. Bậc Đại sĩ cầm chén nước đầy bằng cả hai tay và đứng trước mũi thuyền thực hiện một lời nguyện cầu chân lý trong khi ngâm vần kệ cuối cùng:

120. Từ khi ta nhớ rõ về thân,
Trí tuệ đầu tiên phát khởi dần,
Không một người nào ta sát hại,
Là điều ta đã biết tinh tường,
Nếu lời cầu nguyện này chân chánh,
Mong ước thuyền về chốn vạn an.

Bốn tháng qua, con thuyền đã du hành trong những vùng biển xa xôi nay dường như được ban cho thần lực siêu phàm nên chỉ trong một ngày nó trở lại hải cảng Bharukaccha, vào tận trên đất liền cho đến khi dừng lại trước cửa nhà của vị thuyền trưởng kia sau khi nhảy vọt qua một khoảng chừng một ngàn một trăm *cubit*.[19] Bậc Đại sĩ phân phát cho các thương nhân tất cả vàng bạc, trân châu, san hô, kim cương và bảo:

– Số châu báu này là đủ cho các bạn rồi, vậy đừng du hành đường biển nữa!

Sau đó, ngài thuyết pháp cho họ, đến khi đã làm xong các việc bố thí và các thiện sự suốt đời, sau khi mạng chung, ngài đi lên cộng trú với hội chúng ở thiên giới.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, ngày xưa Như Lai cũng rất thông thái như bây giờ vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, hội chúng của đức Phật là hội chúng thương nhân và Ta chính là Trí giả Suppāraka.

[19] 1 *cubit* = 45cm.

CHƯƠNG XII
MƯỜI HAI KỆ
(*DVĀDASANIPĀTA*)

§464. CHUYỆN TIỂU ĐIỂU VƯƠNG KUṆĀLA
(*Cullakuṇālajātaka*) (*J.* IV. 144)

Chuyện này sẽ được kể trong chương XXI, *Chuyện chim chúa Kuṇāla.*[1]

§465. CHUYỆN CỔ THỤ CÁT TƯỜNG SĀLA
(*Bhaddasālajātaka*) (*J.* IV. 144)

Ngài là ai đứng giữa không gian...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc thực hành thiện sự đối với họ hàng quyến thuộc của mình.

Tại Xá-vệ, trong nhà ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) bao giờ cũng đầy đủ thực phẩm cho năm trăm vị Tỷ-kheo, tại nhà bà Visākhā (Tỳ-xá-khư) hay cung vua xứ Kosala cũng vậy. Nhưng trong cung vua, dù thực phẩm đầy đủ mỹ vị cao lương vẫn không ai tỏ ra thân thiết với Tăng chúng. Do đó, Tăng chúng không bao giờ ăn uống tại cung vua mà chỉ đem thực phẩm ra về, dùng tại nhà ông Cấp Cô Độc hay tại nhà bà Visākhā hay nhà một thân hữu nào đó.

Một ngày kia, vua bảo:

– Một tặng vật vừa được mang lại, hãy đem đến cho các Tỷ-kheo!

Rồi ngài bảo đưa nó đến trai đường, song họ tâu rằng không có Tăng chúng trong trai đường. Vua hỏi:

– Thế Tăng chúng đi đâu rồi?

Họ đáp:

– Tăng chúng đang ngồi ăn uống tại nhà các thân hữu.

Vì thế, sau khi dùng điểm tâm xong, vua liền đến yết kiến bậc Đạo sư và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, loại thực phẩm nào là tối thắng?

Ngài đáp:

– Thưa Đại vương, thực phẩm của bằng hữu là tối thắng, ngay cả món cháo thiu được thân hữu đem cho cũng trở thành ngon ngọt.

---

[1] Xem *J.* V. 413, *Kuṇālajātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.

– Như vậy, bạch Thế Tôn, Tăng chúng tìm được tình bằng hữu ở những người nào?

– Thưa Đại vương, với các thân tộc của họ hay các dòng họ Thích-ca (Sākya).

Sau đó, vua suy nghĩ, giá như ngài chọn một thiếu nữ dòng Thích-ca làm chánh hậu thì Tăng chúng sẽ là thân hữu của vua, cũng như đối với thân tộc của Tăng chúng vậy. Vì thế, ngài đứng dậy trở về cung và gửi thông điệp đến thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) với mục đích này: "Hãy dâng cho trẫm một cô gái của quý quốc để làm cung phi vì trẫm mong ước được kết thân với dòng họ của quý quốc!"

Khi nhận được thông điệp này, cả dòng họ Thích-ca tập hợp lại và thảo luận kỹ lưỡng:

– Chúng ta hiện sống trong một vùng thuộc quyền của vua xứ Kosala, nếu ta từ chối việc gả con gái, ngài sẽ nổi giận; còn nếu ta đem dâng con thì phong tục dòng họ của ta sẽ bị phá vỡ. Vậy ta phải làm gì đây?

Lúc ấy, Vương tử Mahānāma bảo:

– Xin đừng bận tâm việc này. Ta có một đứa con gái tên là Vāsabhakhattiyā. Mẹ nó là một nô tỳ tên là Nāgamuṇḍā, nay nó chừng mười sáu tuổi, dung sắc mỹ lệ khác thường và tướng mạo tốt lành, lại thuộc dòng dõi quý tộc (Sát-đế-ly) về bên phía họ cha. Chúng ta sẽ đem gả nó như một cô gái chính thống quý tộc.

Dòng họ Thích-ca chấp thuận và cho mời các sứ giả vào, bảo rằng dòng họ này sẵn sàng gả con gái trong gia tộc nên các sứ giả có thể mang nàng về nước ngay. Song các sứ giả suy nghĩ: "Các vị Thích-tử này vô cùng kiêu mạn về vấn đề dòng họ. Giả sử như các ngài gả một cô gái không thuộc dòng họ của các ngài và cứ bảo là đúng thế thì sao? Chúng ta sẽ không nhận nàng nào trừ ra người cùng ngồi ăn chung với các ngài." Vì thế, các sứ thần đáp:

– Được rồi, chúng thần sẽ nhận nàng. Song chúng thần sẽ chỉ nhận một nàng cùng ngồi dùng bữa với các ngài thôi.

Dòng họ Thích-ca sắp đặt một chỗn ở cho các sứ thần rồi băn khoăn không biết phải làm gì. Mahānāma bảo:

– Bây giờ đừng bận tâm gì chuyện ấy nữa, ta sẽ tìm cách. Vào giờ ta dùng bữa ăn, hãy đem Vāsabhakhattiyā được phục sức thật lộng lẫy đến đây, rồi ngay khi ta đã ăn một miếng hãy đem đến một lá thư và nói: "Tâu Chúa công, có vị vua kia gởi thông điệp đến Chúa công, xin Chúa công nghe thông điệp ngay bây giờ."

Hội chúng đồng ý và khi ông đang dùng bữa, họ phục sức và trang điểm cho cô gái kia. Mahānāma bảo:

– Hãy đưa ái nữ của ta vào và cho con ta cùng dùng bữa với ta!

Họ thưa:

– Xin Chúa công đợi một lát, nàng đang được trang điểm thật tề chỉnh.

Và chẳng mấy chốc họ đưa nàng vào. Nàng mong đợi được dùng cơm với vua cha nên đặt tay vào cùng một đĩa thức ăn với cha nàng. Mahānāma đã lấy xong một miếng và đã đưa vào mồm, ông vừa đưa tay ra lấy miếng khác thì họ đem vào một bức thư và nói:

– Tâu Chúa công, có vị vua kia gởi thông điệp đến cho Chúa công, xin Chúa công hạ cố nghe thông điệp ấy ngay bây giờ.

Mahānāma bảo:

– Này con yêu quý, con cứ dùng cơm đi nhé!

Rồi tay phải ông vẫn để trong đĩa, tay trái vừa cầm lá thư vừa nhìn vào đó. Trong khi ông xem bức thông điệp kia, cô gái vẫn tiếp tục ăn cơm. Khi nàng đã ăn xong, ông rửa tay và súc miệng. Các sứ thần tin chắc chắn nàng là con gái vị vương tử này vì họ không đoán ra điều bí ẩn.

Do vậy, Mahānāma tiễn đưa con gái ra đi vô cùng trọng thể. Các sứ thần đem ngay về Xá-vệ và bảo nàng này là con gái chính thức của Vương tử Mahānāma. Vua rất hoan hỷ, ra lệnh cả kinh thành trang hoàng thật đẹp rồi đặt nàng ngồi lên một khối châu báu và cử hành lễ Quán đảnh phong làm chánh hậu. Nàng được vua rất mực sủng ái. Chẳng bao lâu hoàng hậu có thai nên vua ra lệnh chăm sóc nàng thật chu đáo và sau mười tháng nàng hạ sinh một hoàng nam có màu da màu hoàng đồng. Vào ngày đặt tên hài nhi, vua gửi chiếu thư đến tổ mẫu của ngài hỏi:

– Vāsabhakhattiyā đã sinh ra một hoàng nam, nàng là công chúa dòng họ Thích-ca, vậy sẽ đặt tên hài nhi là gì?

Lúc bấy giờ, viên cận thần mang chiếu thư ấy hơi lãng tai, song lão cũng đi trình lại với bà tổ mẫu của vua. Khi bà nghe chuyện ấy, bà bảo:

– Ngay như khi Vāsabhakhattiyā chưa từng sinh ra một hoàng nam, nàng cũng đã là một người tuyệt thế và nay nàng đã là ái hậu của vua.

Lão điếc này không nghe rõ tiếng "ái hậu" (*vallabhā*) cho đúng mà cứ tưởng bà bảo là "Viḍūḍabha" nên lão về yết kiến vua, tâu với ngài rằng phải đặt tên hoàng tử là Viḍūḍabha. Vua tưởng đây hẳn là tên của một gia tộc cổ sơ nào đó nên đặt tên con là Viḍūḍabha.

Sau đó, hoàng tử ấy lớn lên được nuôi nấng đúng như cung cách của một hoàng tử. Khi hoàng tử lên bảy tuổi thường quan sát các vương tử kia nhận được quà voi ngựa và nhiều đồ chơi khác ra sao từ các gia tộc bên họ mẹ, cậu bảo mẹ:

– Thưa mẹ, các trẻ kia đều được quà từ bên mẹ của chúng, song không ai gửi cho con quà gì cả. Vậy mẹ có phải là con côi không?

Lúc ấy, nàng đáp:

– Này con, các tổ phụ của con là các vua dòng họ Thích-ca, song các ngài ở xa lắm vì thế chẳng gởi gì cho con cả.

Một lần nữa, lúc được mười sáu tuổi, cậu hỏi:

– Thưa mẹ, con muốn đi thăm gia tộc của tổ phụ.

Nàng bảo:

– Thôi con đừng nói đến chuyện ấy nữa, con sẽ làm gì khi đến đó?

Song dù nàng thoái thác, cậu cứ năn nỉ xin nàng mãi, cuối cùng mẹ cậu bảo:

– Thôi được, con cứ đi.

Vì vậy, cậu xin vua cha chấp thuận và lên đường cùng một đoàn tùy tùng. Vāsabhakhattiyā gởi thư về nhà trước khi cậu đến với ý định này:

– Con đang sống hạnh phúc ở đây, xin các Tôn giả đừng nói cho hoàng tử biết chuyện bí mật kia.

Song dòng họ Thích-ca khi hay tin Viḍūḍabha đến liền cho các vương tử trẻ tuổi đi về vùng quê. Họ bảo nhau:

– Ta không thể đón tiếp thằng bé này trịnh trọng được.

Khi hoàng tử đến Ca-tỳ-la-vệ, dòng họ Thích-ca tập hợp trong nhà nghỉ của vua. Vị hoàng tử đến gần nhà nghỉ ngồi đợi. Rồi bọn họ bảo cậu:

– Đây là ngoại tổ của con, đây là quốc cửu.

Họ chỉ rõ từng vị. Cậu đi đảnh lễ từng người nọ đến người kia, song mặc dù cậu đã cúi đầu chào toàn gia tộc đến mỏi cả lưng nhưng chẳng ai chịu hạ cố chào lại cậu cả, vì thế cậu hỏi:

– Sao lại chẳng có ai trong gia tộc chào lại con cả thế này?

Gia tộc Thích-ca đáp:

– Này con, các tiểu vương tử đi về quê cả rồi.

Sau đó, cả gia tộc thiết đãi cậu rất trọng thể. Sau vài ngày ở lại, hoàng tử trở về nhà cùng cả đoàn tùy tùng. Vừa lúc ấy, một nô tỳ vừa chùi chiếc ghế mà cậu đã dùng trong nhà nghỉ ấy với nước sữa vừa nói nhục mạ:

– Đây là ghế ngồi của con trai nàng Vāsabhakhattiyā, nữ tỳ ấy mà.

Một người hầu bỏ quên cây giáo đang đi tìm, nghe thoáng lời lăng mạ Hoàng tử Viḍūḍabha. Gã hỏi:

– Như thế nghĩa là gì?

Gã được kể cho biết là Vāsabhakhattiyā đã do một nữ tỳ sinh ra với Vương tử Mahānāma dòng Thích-ca. Gã liền kể chuyện này cho quân lính nghe. Thế là tiếng huyên náo vang lên, mọi người liền la lớn:

– Vāsabhakhattiyā là con gái của một nô tỳ, chúng bảo thế đấy!

Vị vương tử này nghe chuyện ấy, nghĩ thầm: “Được rồi, mặc chúng cứ đổ sữa trên ghế ta ngồi để rửa nó đi. Khi ta lên ngôi, ta sẽ rửa chỗ ngồi bằng máu trong tim chúng.”

Khi cậu trở về Xá-vệ, quần thần kể mọi chuyện với vua. Vua nổi cơn thịnh nộ với dòng họ Thích-ca vì đã đưa con gái của một nô tỳ về làm hoàng hậu của ngài, ngài truất hết các khoản tiền đã cấp phát cho Vāsabhakhattiyā và con trai nàng, chỉ còn những thứ vừa đủ với hạng gia nô mà thôi.

Vài ngày sau, bậc Đạo sư đến cung vua và ngồi xuống sàng tọa. Vua đến gần Ngài đảnh lễ và nói:

– Bạch Thế Tôn, trẫm nghe rằng thân tộc của Ngài đưa con gái của một nô tỳ về cho trẫm làm hoàng hậu. Trẫm đã truất hết phần trợ cấp của chúng, chỉ cho chúng những thứ dành cho nô tỳ mà thôi.

Bậc Đạo sư đáp:

– Tâu Đại vương, dòng họ Thích-ca đã làm việc trái đạo. Nếu họ dâng con gái, đáng lẽ ra họ phải dâng một công chúa thuộc dòng huyết thống của họ. Song, thưa Đại vương, Ta nói điều này, Vāsabhakhattiyā là con gái của vị vương tử và trong cung điện của một vị vua quý tộc Sát-đế-ly, nàng đã nhận lễ Quán đảnh; còn Viḍūḍabha cũng là vương tử của một vị vua quý tộc Sát-đế-ly. Các bậc Trí nhân ngày xưa đã bảo: Dòng họ mẹ nào có quan trọng, dòng họ cha mới là chuẩn mực. Với một người vợ nghèo khó, một người lượm củi, họ đã đưa lên địa vị chánh hậu và vị vương tử do bà ấy sinh ra được nắm vương quyền tại Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần đã trở thành Vua Kaṭṭhavāhana, hiệu là Tiều Phu.

Do đó, Ngài kể cho vua nghe *Chuyện nàng lượm củi*.[2]

Khi vua nghe bài thuyết giáo này, lòng rất hoan hỷ nhủ thầm: "Dòng họ cha là tiêu chuẩn đo lường một con người." Rồi vua lại ban những gì phù hợp cho hai mẹ con nàng như trước.

Lúc bấy giờ, viên đại tướng quân của vua là một người có tên gọi Bandhula. Vợ ông ta là Mallikā không sinh sản gì nên ông sai đưa nàng đến tận Kusinārā, bảo nàng trở về với gia đình nàng. Nàng nói:

– Ta sẽ đi khi nào ta đã kính bái bậc Đạo sư.

Nàng đi đến Kỳ Viên vái chào đức Như Lai rồi đứng đợi một bên. Ngài hỏi:

– Bà đi đâu bây giờ?

Nàng đáp:

– Bạch Thế Tôn, chồng của con bảo đưa con về nhà.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Vì cớ gì?

– Bạch Thế Tôn, vì con không sinh sản, con không có con trai.

Ngài đáp:

---

[2] Xem *J.* I. 133, *Kaṭṭhahārijātaka* (*Chuyện nàng lượm củi*), số §7.

– Nếu chỉ có vậy thì chẳng có lý do gì bà phải đi cả. Hãy về lại!

Nàng rất hoan hỷ kính chào bậc Đạo sư rồi trở về nhà. Chồng nàng hỏi tại sao nàng lại trở về, nàng đáp:

– Đấng Thập Lực bảo đưa thiếp trở lại, thưa phu quân!

Vị đại tướng nói:

– Thế thì đấng Thập Lực ắt hẳn đã thấy rõ lý do tốt lành rồi.

Chẳng bao lâu sau đó nàng thụ thai. Khi nàng bắt đầu những cơn thèm ăn của người mang thai, nàng bảo cho ông biết. Ông hỏi:

– Thế nàng muốn gì?

Nàng đáp:

– Thưa phu quân, thiếp muốn đi tắm và uống nước hồ ở thành Vesāli (Tỳ-xá-ly), nơi mà các hoàng gia thường lấy nước để làm lễ Quán đảnh phong vương.

Vị đại tướng hứa sẽ cố gắng chiều ý. Cầm lấy cây cung của ông mạnh bằng cả ngàn cây cung khác, ông đưa bà vợ lên xe rời thành Xá-vệ và đánh xe đến Tỳ-xá-ly.

Lúc bấy giờ, gần cổng thành có một người của bộ tộc Licchavī tên là Mahāli đã từng được học cùng một vị sư phụ với Đại tướng Bandhula của vua xứ Kosala. Người này mù, vẫn thường khuyên các người Licchavī về những thế sự cũng như thánh sự. Khi nghe tiếng xe chạy lóc cóc trên ngưỡng cửa, ông nói:

– Đây là tiếng xe của Đại tướng Bandhula! Ngày hôm nay các người Licchavī có mối lo sợ.

Bên hồ có một đội quân canh gác nghiêm ngặt bên trong lẫn bên ngoài, ở trên lại có lưới sắt, không một con chim nào tìm chỗ lọt vào được. Song vị đại tướng vừa xuống xe đã tung thanh kiếm ra khiến quân canh bỏ chạy và ông liền xông qua lưới sắt vào trong hồ cho bà vợ tắm và uống nước. Rồi sau khi chính ông cũng tắm xong, ông đưa Mallikā lên xe rời thành và trở về bằng đường đã đến. Quân canh đi thưa chuyện với các người Licchavī. Lúc ấy, các vương tử của bộ tộc Licchavī nổi giận, năm trăm vị leo lên năm trăm cỗ xe đi bắt Tướng quân Bandhula. Họ báo tin ấy cho Mahāli, ông bảo:

– Đừng đi, vì kẻ kia sẽ giết hết các ngài đấy!

Song họ bảo:

– Không, chúng ta muốn đi!

– Vậy khi nào các ngài đến một nơi mà bánh xe lún xuống tận trục thì phải trở về. Nếu các ngài không trở về lúc ấy, các ngài hãy trở về nơi mà các ngài nghe tiếng sấm sét. Nếu các ngài không trở về lúc ấy thì các ngài hãy trở về nơi mà các ngài thấy một cái lỗ ở phía trước các xe. Đừng đi xa nữa!

Song các người ấy không trở lại theo lời ông mà cứ đi tới mãi. Mallikā nhìn thấy họ và bảo:

– Thưa phu quân, có các cỗ xe xuất hiện kìa.

Ông bảo:

– Vậy hãy nói cho ta biết khi nào tất cả bọn chúng trông giống như một cỗ xe mà thôi.

Khi tất cả bọn chúng đứng thành một hàng giống như một chiếc xe, nàng bảo:

– Thưa phu quân, thiếp thấy chúng giống như thể cái đầu của một cỗ xe mà thôi!

– Vậy hãy cầm lấy dây cương!

Vị tướng quân bảo và trao dây cương vào tay bà. Ông đứng dậy trên cỗ xe và giương chiếc cung ra. Bánh xe kia lún vào đất đến tận trục xe. Người của bộ tộc Licchavī đến tận nơi thấy thế nhưng không trở lui về. Vị tướng quân kia tiến lên một đoạn nữa và bật dây cung lên liền phát ra một tiếng ầm như sấm dậy. Nhưng đám người kia vẫn chưa trở lui về mà cứ đuổi theo nữa. Bandhula đứng trên xe và bắn tên ra, mũi tên làm vỡ đầu cả năm trăm cỗ xe và xuyên qua cả năm trăm vương tử ở nơi có buộc dây đai rồi chôn vùi xuống đất. Các vị này không biết họ đã bị thương nên cứ tiếp tục đuổi theo nữa và la lớn:

– Dừng lại! Này, dừng lại!

Bandhula dừng xe lại, bảo:

– Các người chết cả rồi! Ta không đánh với người chết đâu!

Họ bảo:

– Sao, chúng ta thế này mà chết à?

Bandhula bảo:

– Hãy mở dây đai của người đầu tiên ra!

Bọn kia mở dây đai người ấy, ngay lúc mở dây ra, người kia liền ngã xuống chết luôn. Lúc ấy vị tướng quân bảo cả bọn:

– Các người đều bị như vậy cả, hãy về nhà đi, sắp đặt mọi việc gì cần sắp đặt, dặn dò vợ con gia tộc rồi hãy cởi giáp bào ra!

Họ làm theo như vậy xong đâu đó cả bọn đều trút hơi thở cuối cùng.

Sau đó, Tướng quân Bandhula đưa Mallikā về Xá-vệ. Bà sinh ra những cặp song nam liên tiếp mười sáu lần, chúng đều lớn lên dũng mãnh anh hùng, thành đạt trọn vẹn trong mọi việc. Mỗi người lại có cả ngàn quân tùy tùng và khi chúng theo cha vào chầu vua, riêng phần chúng đã đứng chật cả sân chầu.

Một ngày kia, một số người thua kiện vì bị vu cáo thấy Bandhula đi đến liền lên tiếng kêu than vang dậy và bảo cho ông biết các quan tòa đã hỗ trợ một chuyện vu cáo. Vì thế Bandhula vào triều, xử lại vụ án rồi cho phần mỗi người như cũ. Đám đông hò reo tán thưởng. Vua hỏi việc gì và khi nghe vậy, ngài rất hoan hỷ. Ngài chuyển các quan tòa kia đi xa, giao cho Bandhula trọng trách xử án, từ đó ông xử rất công minh. Sau đó, các quan tòa kia trở nên nghèo khó vì

họ không còn nhận hối lộ nữa nên họ phỉ báng Bandhula đến tận tai vua, kết tội vị tướng quân này muốn chiếm đoạt ngai vàng. Vua nghe lời họ, không sao tránh khỏi hoài nghi. Song vua suy nghĩ đắn đo: "Nếu lão ấy bị chết tại đây thì ta sẽ bị trách cứ." Ngài liền ra lệnh cho một số người cướp phá các vùng thị trấn ở biên địa rồi mời Bandhula đến và bảo:

– Biên thùy đang gặp khói lửa, khanh hãy cùng các công tử đi bắt bọn cướp kia!

Vua cũng đưa đi một số chiến sĩ dũng cảm tài ba rồi căn dặn họ giết vị tướng quân cùng ba mươi hai công tử, cắt lấy đầu đem về.

Khi ông lên đường, bọn cướp đánh thuê ấy biết tin đại tướng đến liền bỏ chạy. Vị tướng quân định cư lập nghiệp cho dân khu vực ấy rồi dẹp yên thành phố xong, lên đường về. Sau đó, khi ông đến gần kinh đô, các tùy tướng kia cắt đầu ông cùng các công tử.

Ngày hôm ấy, Mallikā mời hai vị Đại đệ tử cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo. Từ sáng sớm đã có thư đưa vào cho bà báo tin chồng bà và các công tử đã mất đầu. Khi nghe vậy, bà không nói với ai một lời, bà nhét thư vào áo và lo dọn bữa cơm mời chúng Tỳ-kheo. Khi các gia nhân của bà đã cúng dường cho các Tỳ-kheo xong, lại mang vào một chén đựng bơ tươi, vô ý làm vỡ cái chén ấy ngay trước Tăng chúng. Lúc ấy, vị Tướng quân Chánh pháp (Sāriputta) bảo:

– Chén bát được làm ra để đánh vỡ, xin bà đừng buồn phiền việc ấy!

Vị phu nhân đưa lá thư từ trong nếp áo ra và đáp:

– Đây, đệ tử được bức thư báo tin phu quân và ba mươi hai con trai của đệ tử đã bị cắt đầu. Nếu đệ tử không buồn phiền việc ấy, có lẽ nào lại buồn phiền khi cái chén bị đánh vỡ?

Vị Tướng quân Chánh pháp bấy giờ bắt đầu nói:

– Không được thấy, không được biết là đời người dưới đây[3]...

Rồi từ chỗ đứng dậy, ngài thuyết pháp và ra về.

Phu nhân liền triệu tập ba mươi hai nàng dâu lại bảo:

– Phu quân của các con mặc dù vô tội nhưng đã thọ lãnh nghiệp quả đời trước. Các con đừng sầu bi, cũng đừng tạo ác nghiệp nặng hơn tội của vua.

Phu nhân khuyên nhủ như vậy. Bọn thám tử mật của vua nghe lời này, trình với vua rằng họ chẳng oán hận. Sau đó, vua ân hận, đi đến nhà phu nhân cầu xin Mallikā và các con dâu của bà tha thứ và ban một điều ước. Bà đáp:

– Xin nhận!

Bà cử hành tang lễ xong, tắm rửa rồi đến yết kiến vua. Bà nói:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng đã ban cho thần thiếp một ân huệ. Thần

---

[3] Xem *Sn*. v. 574, *Selasutta* (*Kinh Mũi tên*).

thiếp không xin điều gì ngoài chuyện này, đó là xin Thánh thượng cho phép thần thiếp cùng ba mươi hai con dâu trở về nhà cha mẹ của mình.

Vua chấp thuận. Bà liền đưa mỗi nàng dâu về nhà cũ xong chính bà cũng về nhà cha mẹ mình ở thành Kusinārā. Rồi vua phong chức Đại tướng cho Dīghakārāyana, con trai của một bà chị Đại tướng Bandhula. Song vị này đi đâu cũng vạch tội vua và bảo:

– Vua đã giết cậu ta.

Mãi lâu sau vụ giết hại vị tướng quân vô tội Bandhula ấy, vua cứ bị hối hận giày vò nên tâm hồn không còn thanh thản, ngài không cảm thấy hứng thú khi được làm vua nữa. Thời ấy, bậc Đạo sư ở gần một thị trấn của dòng họ Thích-ca tên là Uḷumpa. Vua đến đó đóng trại không xa hoa viên ấy và cùng vài cận thần đi đến tinh xá để đảnh lễ bậc Đạo sư. Vua đem trao năm biểu tượng của vương quyền cho Kārāyana rồi một mình đi vào hương phòng. Mọi việc tiếp theo được mô tả như trong *Kinh Pháp trang nghiêm*.[4]

Khi vua bước vào hương phòng của đức Phật, Kārāyana cầm lấy năm biểu tượng của vương quyền ấy và tôn Viḍūḍabha lên làm vua, chỉ để lại đó cho vua cũ một con ngựa và một nữ tỳ rồi đi đến Xá-vệ.

Sau buổi đàm thoại vui vẻ với bậc Đạo sư, vua trở về chẳng thấy binh sĩ đâu cả, ngài hỏi người nữ tỳ và biết được mọi việc đã xảy ra. Rồi ngài đi đến kinh thành Vương Xá, quyết định đem theo người cháu trai cùng ngài đi bắt sống Viḍūḍabha. Khi vua đến kinh thành thì trời đã tối, cổng thành đã đóng nên ngài nằm nghỉ trong một túp lều, bị đuối sức vì dãi dầu sương gió, ngài băng hà tại đó. Khi đêm vừa sáng dần, cô nữ tỳ bắt đầu gào khóc:

– Trời ơi! Đại vương xứ Kosala đã vô phương cứu chữa rồi!

Có người nghe tiếng kêu than liền đưa tin đến vua xứ ấy (tức Ajātasattu). Vua này liền cử hành tang lễ cho cậu mình rất trọng thể.

Sau khi Vua Viḍūḍabha an vị trên ngai vàng, nhớ lại mối thù xưa của mình và quyết định đi sát hại tất cả dòng họ Thích-ca. Với mục đích trên, vua lên đường cùng với đoàn binh sĩ. Sáng tinh sương hôm ấy, bậc Đạo sư quán chiếu cõi trần, thấy việc tàn sát kia đang hăm dọa thân tộc Ngài, Ngài nghĩ thầm: "Ta phải cứu độ thân tộc Ta."

Vào buổi sáng, Ngài ra đi khất thực và sau khi dùng bữa xong, trở về an nghỉ với dáng nằm như sư tử trong hương phòng của Ngài. Vào buổi chiều, sau khi đã bay qua không gian đến một nơi gần Ca-tỳ-la-vệ, Ngài ngồi dưới một gốc cây đổ bóng thưa thớt; gần đó, một cây đa khổng lồ rợp bóng sừng sững trên biên thùy vương quốc của Vua Viḍūḍabha. Khi thấy bậc Đạo sư, Vua Viḍūḍabha đến gần đảnh lễ Ngài và nói:

---

[4] Xem *M.* II. 118, *Dhammacetiyasutta* (*Kinh Pháp trang nghiêm*), số 89.

– Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn lại ngồi dưới gốc cây thưa thớt như vậy trong bầu trời nóng nực này?

Ngài đáp:

– Thưa Đại vương, cứ để mặc Ta. Bóng cây của thân tộc Ta khiến cho Ta mát mẻ.

Vua suy nghĩ: "Chắc hẳn bậc Đạo sư đến đây để che chở cho thân tộc Ngài."

Vì thế, vua đảnh lễ bậc Đạo sư rồi lại trở về Xá-vệ. Còn bậc Đạo sư đứng dậy đi đến Kỳ Viên. Lần thứ hai, vua nhớ lại mối hận thù của mình đối với dòng họ Thích-ca, lần thứ hai vua lên đường cũng thấy bậc Đạo sư ngồi đúng chỗ cũ nên vua lại ra về.

Lần thứ tư vua ra đi, và bậc Đạo sư, khi xem xét kỹ những nghiệp quả quá khứ của dòng họ Thích-ca, nhận thấy rằng không thể nào tránh được hậu quả của ác nghiệp kia trong việc họ đã thả thuốc độc xuống dòng sông nên Ngài không đi đến đó lần thứ tư nữa. Lúc ấy, Vua Viḍūḍabha giết hết dòng họ Thích-ca, bắt đầu từ những hài nhi còn bú, lấy máu trong tim chúng và rửa cái ghế ngồi rồi ra về.

Vào ngày mà bậc Đạo sư ra đi lần thứ ba đã trở về, sau khi du hành khất thực và đã dùng bữa xong, Ngài đang nằm nghỉ trong hương phòng, Tăng chúng từ mọi nơi tụ tập trong pháp đường. Khi ngồi lại với nhau, Tăng chúng bắt đầu nói đến công hạnh của bậc Đạo sư:

– Này các Hiền giả, bậc Đạo sư chỉ cần xuất hiện và khiến cho vua lui về là giải quyết cho thân tộc Ngài khỏi nỗi sợ chết. Bậc Đạo sư thật là một người bạn lành hay cứu giúp gia tộc.

Bậc Đạo sư đi vào, hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong khi ngồi tại đó. Tăng chúng thưa lại với Ngài. Sau đó, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ Như Lai mới hành động vì lợi ích của các người thân tộc mà ngày xưa Như Lai cũng đã làm như thế.

Cùng với lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại và thực hành thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân), ngài nghĩ thầm: "Khắp cõi Diêm-phù-đề này, vua chúa đều sống trong các cung điện có nhiều cột trụ chống đỡ. Vậy một cung điện được nhiều cột trụ chống đỡ chẳng kỳ diệu gì, song nếu ta xây một cung điện chỉ có một trụ chống đỡ thì sao? Lúc ấy, ta sẽ thành vị đế vương bậc nhất giữa các vị vua!" Do vậy, ngài triệu tập các nhà kiến trúc lại, bảo họ xây cất cho ngài một cung điện nguy nga chỉ dựng trên một cột trụ thôi. Họ thưa:

– Xin tuân lệnh!

Rồi họ đi sâu vào rừng. Tại đó, họ ngắm nghía nhiều cây thẳng tắp, cao lớn, xứng đáng làm cây cột trụ duy nhất của một cung điện sang trọng như thế. Họ bảo nhau:

– Ở đây có đủ các cây loại này, song đường sá gồ ghề, chúng ta chẳng thể chở chúng theo được, vậy chúng ta phải thỉnh ý đức vua về chuyện đó.

Khi họ tâu như vậy, vua đáp:

– Hãy dùng cái móc hay neo mà kéo chúng về, thế càng nhanh hơn nữa!

Song họ thưa:

– Chẳng cái móc nào làm được việc này cả.

Vua phán:

– Vậy thì hãy tìm một cây trong thượng uyển của trẫm!

Các nhà xây dựng đi vào vườn ngự uyển. Tại đó, họ nhìn thấy một cây Sāla dáng vương giả cao quý, thẳng tắp, cành lá sum suê, vẫn thường được dân làng, thị trấn tôn sùng, ngay cả hoàng tộc cũng thường đến chiêm bái và dâng lễ vật. Họ liền tâu lại với vua. Ngài phán:

– Trong vườn ngự uyển của trẫm kia, các khanh đã tìm ra cho trẫm một cây đại thọ. Tốt lắm! Vậy hãy đi đốn nó xuống ngay!

Họ đáp:

– Xin tuân lệnh!

Họ đến khu vườn ngự, đôi tay cầm đầy các tràng hoa thơm và các hương liệu khác, sau đó treo lên cây một tràng hoa năm chùm, cuộn quanh thân cây một sợi dây thừng, buộc vào đó một bó hoa thơm rồi vừa thắp hương đèn vừa chiêm bái vừa khấn rõ:

– Từ nay đến bảy ngày nữa, chúng tôi sẽ đốn cây xuống theo lệnh vua truyền. Cầu xin các thần cư ngụ trên cây này hãy đi nơi khác và đó không phải là lỗi của chúng tôi.

Vị thần sống trên cây nghe nói vậy, nghĩ thầm: “Những người xây dựng này quyết đốn cây xuống và phá hoại chỗ cư ngụ của ta. Nay đời ta lại giới hạn bởi nơi cư trú này. Tất cả các cây Sāla non ở chung quanh cây này có các thần quyến thuộc của ta cư trú thật đông cũng sẽ bị phá hủy. Sự hủy hoại thân ta không quan trọng bằng sự tiêu diệt các con cháu ta. Vậy ta phải bảo vệ sinh mạng của chúng.” Thế là vào lúc nửa đêm, với trang phục huy hoàng, uy nghi, vị thần cây bước vào cung thất lộng lẫy của vua, chiếu ánh sáng rực rỡ khắp phòng và đứng khóc cạnh chiếc gối của vua. Ngài rất kinh hãi khi thấy vị thần liền thốt lên vần kệ đầu:

13. Ngài là ai đứng giữa không gian,
Mình khoác xiêm y tựa thánh thần,
Sao nỗi kinh hoàng kia phát khởi,
Mắt ngài sao đẫm lệ tuôn tràn?

Nghe vậy, vị chúa tể thần cây ngâm hai vần kệ:

14. Ở trong quốc độ, hỡi Quân vương,
Người biết danh cây Đại Cát Tường,
Đã sáu mươi ngàn năm vẫn đứng,
Toàn dân đều cúng bái ta luôn.

15. Dù chúng dựng xây lắm thị thành,
Lâu đài vương xá, các cung đình,
Tuy nhiên chúng chẳng hề phiền nhiễu,
Cũng chẳng gây tai hại thần linh,
Vì chúng tôn sùng ta đến thế,
Xin ngài, Chúa thượng cũng tôn vinh!

Tiếp theo, vua ngâm hai vần kệ khác:

16. Song một thân cây vĩ đại này,
Trẫm chưa hề thấy tự xưa nay,
Chu vi đẹp cả chiều cao nữa,
Hùng mạnh, một cây vững chắc thay!

17. Trẫm muốn xây nên mỹ lệ cung,
Chỉ cần độc nhất trụ làm chân,
Trẫm muốn đặt ngài vào chỗ đó,
Đời ngài không ngắn ngủi đâu thần.

Nghe vậy, vị thần chúa ngâm hai vần kệ:

18. Vì ngài mong muốn đẵn cây thần,
Xin hãy chặt ta nhỏ mỗi phần,
Và xẻ thân này từng mảnh một,
Hoặc đừng gì cả, tâu Anh quân!

19. Hãy chặt trước tiên lấy đỉnh đầu,
Kế là phần giữa, gốc về sau,
Nếu ngài đốn được ta như thế,
Cái chết chẳng còn tạo khổ sầu.

Sau đó, vua lại ngâm hai vần kệ:

20. Trước hết chân tay, kế mũi, tai,
Khi người lâm nạn chửa tàn hơi,
Cuối cùng thủ cấp này rơi xuống,
Cái chết này đau đớn rụng rời.

21. Cát Tường cổ thụ, chúa sơn lâm,
Lạc thú gì, ngài cảm thấy chăng?
Sao lý do gì ngài ước muốn,
Thân cây được xẻ nhỏ từng phần?

Đại thọ Cát Tường liền đáp lời qua hai vần kệ:

22. Vì lý do này cao cả thay,
Cớ sao ta muốn xẻ thân này,
Phân ra từng mảnh, tâu Hoàng thượng,
Xin lắng nghe lời ta nói đây.

23. Quanh ta phồn thịnh các thân bằng,
Sinh trưởng nhờ nơi trú vẹn toàn,
Nếu ta ngã mạnh đè tan chúng,
Nỗi đớn đau kia sẽ ngập tràn.

Vua nghe vậy xong, lòng đầy hoan hỷ: "Vị thần này thật cao cả thay, ngài không muốn quyến thuộc của mình phải mất nơi trú ẩn do việc ngài mất chốn cư ngụ của riêng ngài. Thế là ngài hành động vì lợi ích của thân tộc mình."

Và vua ngâm kệ cuối cùng:

24. Cát Tường cổ thụ, chúa rừng xanh,
Tư tưởng ngài cao cả thật tình,
Ngài muốn giúp thân bằng quyến thuộc,
Vậy trẫm cho ngài thoát hãi kinh!

Vị thần chúa sau khi thuyết giáo vua xong liền ra đi. Còn vua an trú vào lời khuyên nhủ của ngài, bố thí và làm nhiều thiện sự khác cho đến khi vua mạng chung đi lên cộng trú với hội chúng ở cõi trời.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, như thế là Như Lai vẫn hành động vì lợi ích của thân bằng quyến thuộc mình.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là vua kia, các đệ tử của Như Lai là các thần trú thân trong các cây con của cây Sāla và Ta chính là cổ thụ Cát Tường, vị thần chúa.

§466. CHUYỆN THƯƠNG NHÂN TRÊN BIỂN CẢ
(*Samuddavāṇijajātaka*) (*J.* IV. 158)

Người thì gieo hạt, kẻ đi cày...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), khi ông bị đọa xuống địa ngục kéo theo năm trăm gia đình bị đọa theo.

Bấy giờ, lúc hai vị Đại đệ tử là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên) đưa các Tỳ-kheo đã theo Đề-bà-đạt-đa trở về cùng mình, ông ta không thể chịu đựng nỗi khổ đau nên đã khạc ra máu và lúc sắp từ giã cõi đời, ông tự nhủ: "Trong chín tháng ròng ta đã nghĩ xấu về đức Như Lai, song trong tâm của đức Như Lai không hề có một ác ý đối với ta. Trong tám mươi vị Trưởng lão cũng không ai làm gì hại ta, chính vì những hành động của ta mà ta

thành kẻ bơ vơ lạc lõng. Ta đã bị bậc Đạo sư từ bỏ, rồi đến các Trưởng lão, Tôn giả La-hầu trưởng tộc cùng tất cả hoàng tộc dòng họ Thích-ca nên ta muốn đến gặp bậc Đạo sư và hòa giải với Ngài." Vì thế, ra hiệu cho các đệ tử, ông bảo họ mang ông trên chiếc cáng rồi du hành suốt ngày đêm đến kinh thành xứ Kosala. Trưởng lão Ānanda thưa với bậc Đạo sư:

– Họ bảo rằng Đề-bà-đạt-đa đang đi đến làm hòa với đức Thế Tôn.

– Này Ānanda, Đề-bà-đạt-đa không được gặp Ta đâu.

Một lần nữa, khi ông đã đến thành Xá-vệ, Tôn giả lại thưa trình với bậc Đạo sư và đức Thế Tôn cũng trả lời như trước. Khi ông đến cổng Kỳ Viên và tiến về hồ Kỳ Viên, tội ác đã đến tột đỉnh, một cơn sốt nổi lên trong người khiến ông muốn tắm và uống nước vì thế ông ra lệnh cho họ đưa mình ra khỏi cái cáng để có thể uống nước. Khi ông vừa bước xuống và đứng trên mặt đất thì trước khi ông có thể giải khát cho mình, quả đất rộng há miệng ra, một ngọn lửa phát xuất từ địa ngục tận cùng Avīci (A-tỳ hay Vô Gián) bao phủ lấy ông. Trong lúc biết các ác nghiệp của mình đã lên đến cực điểm cùng nhớ lại các công đức của Như Lai, ông ngâm vần kệ này:

Nắm xương này đem đến Tối Thượng Nhân,
Bậc Toàn Tri, đây trăm tướng tốt lành,
Bậc Điều Ngự Tâm Người hơn Thiên chủ,
Tâm trí ta bay về Ngài Giác Ngộ.

Trong khi đang đặt nơi quy ngưỡng qua vần kệ này thì ông bị đọa vào địa ngục Avīci và có năm trăm gia đình của các đồ đệ ông, những gia đình đã theo ông phỉ báng đấng Thập Lực (Dasabala), gièm pha Ngài nên cũng tái sanh vào địa ngục Avīci. Như thế ông xuống địa ngục Avīci kéo theo mình cả năm trăm gia đình. Vì vậy một ngày kia, Tăng chúng nói chuyện trong pháp đường:

– Này Hiền hữu Tỷ-kheo, Đề-bà-đạt-đa ác độc vì tham lợi dưỡng đã vô cớ khởi lên lòng sân hận với bậc Chánh Đẳng Giác và không biết đến nỗi kinh hoàng trong tương lai nên cùng với năm trăm gia đình bị đọa xuống địa ngục.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Hội chúng liền thưa lại Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, Đề-bà-đạt-đa vì ham lợi dưỡng và danh vọng nên không nhìn thấy những mối kinh hoàng trong tương lai, và ngày xưa cũng như bây giờ, vì không nhìn thấy những nỗi khủng khiếp trong tương lai mà kẻ ấy cùng các đệ tử tham muốn lạc thú hiện tại nên phải chịu hoàn toàn hủy diệt.

Nói vậy xong, Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, gần thành Ba-la-nại có một thị trấn lớn của các người thợ mộc gồm một ngàn gia đình. Những thợ mộc từ thị trấn này thường nói là "chúng tôi sẽ đóng giường, đóng ghế, làm nhà cửa

cho quý vị", nhưng sau khi nhận tiền trước của dân chúng lại tỏ ra không có năng lực để làm gì được cả. Dân chúng thường trách mắng bất cứ người thợ mộc nào tình cờ họ gặp mặt và gây trở ngại cho họ. Vì thế bọn người mắc nợ này gặp phiền nhiễu đến độ không thể nào sống yên ở đấy được nữa. Bọn họ bảo nhau:

– Chúng ta hãy đi ra xứ khác và kiếm một nơi nào đó ẩn thân!

Thế là họ vào rừng đốn cây làm thuyền lớn phóng xuống sông, đẩy thuyền ra khỏi thị trấn khoảng chừng ba phần tư do-tuần thì kéo thuyền vào bờ. Sau đó vào lúc nửa đêm, họ trở về thị trấn tìm gia đình của mình đưa lên thuyền rồi xuôi dòng tiến ra biển cả. Họ được thuận buồm xuôi gió cho đến khi cập vào một hòn đảo nằm giữa đại dương.

Lúc bấy giờ, trên đảo ấy đã mọc lên nhiều loại cây rừng có trái như lúa gạo, cây mía, chuối, xoài, mận, mít, dừa và đủ các loại khác nữa. Trước bọn ấy đã có một người bị đắm tàu và chiếm lấy đảo này sống tại đó, ăn lúa gạo và thưởng thức cây mía cùng các loại cây khác, nhờ thế gã trở thành lực lưỡng cường tráng, gã sống trần truồng, râu tóc dài ra. Bọn thợ mộc suy nghĩ: "Nếu đảo có loài quỷ ở thì bọn ta chắc phải chết hết vì vậy chúng ta thám hiểm xem sao."

Sau đó, bảy thanh niên dạn dĩ lực lưỡng trang bị năm thứ vũ khí rời thuyền đi thám hiểm đảo này. Ngay lúc ấy, người sống sót trên đảo vừa ăn sáng xong, uống nước mía và trong lúc sảng khoái nằm dựa lưng trên một nơi xinh tươi mát mẻ dưới bóng cây trên bãi cát lấp lánh như một cái đĩa bạc, gã suy nghĩ: "Những người sống ở cõi Diêm-phù-đề đang cày cấy kia không thể có được niềm hạnh phúc này, còn hòn đảo này đối với ta tuyệt hơn cả cõi Diêm-phù-đề nữa." Gã liền vui mừng trong niềm hoan lạc ấy.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu để giải thích việc người sống trên hoang đảo này ca hát vì niềm hoan lạc như thế nào:

25. Người thì gieo hạt, kẻ đi cày,
Sống với mồ hôi ở cuối mày,
Chúng chẳng hưởng vùng ta được sống,
Hơn xa Ấn Độ, chính nơi này!

Những người đi thám thính hòn đảo bắt gặp tiếng hát của gã, bảo nhau:

– Hình như ta nghe tiếng người, ta hãy đến làm quen với người đó!

Theo tiếng hát, họ đi đến gặp người kia, nhưng vẻ bề ngoài của gã làm họ kinh hãi. Họ kêu lên:

– Có phải quỷ đó chăng?

Rồi họ tra mũi tên vào cây cung. Khi người kia thấy họ, gã sợ bị thương nên la to:

– Ta không phải quỷ đâu, ta là người đấy, các ông ơi, xin tha mạng cho ta!

Họ bảo:

– Sao, người ta lại trần truồng và không có gì bảo vệ như ngươi ư?

Họ hỏi đi hỏi lại mãi cũng chỉ nhận được câu trả lời ấy, rằng gã là con người. Cuối cùng, họ đến gần gã và mọi người trò chuyện vui vẻ với nhau, những kẻ mới đến hỏi gã làm sao đến đó được. Gã kể cho họ nghe sự thật về việc này. Gã bảo:

– Do thiện nghiệp của các bạn mà các bạn đã đến đây, đảo này là phần thưởng của các bạn. Đây là đảo tuyệt hảo. Ở đây các bạn không cần làm việc với đôi tay để sinh sống, gạo mía và các loại cây khác ở đây có vô tận, tất cả đều mọc hoang. Các bạn sống ở đây không còn lo ngại gì nữa.

Họ hỏi:

– Có gì khác cản trở cuộc sống của chúng ta ở đây chăng?

– Không sợ gì cả trừ một điều: Đảo này có loài quỷ dữ, lũ quỷ này sẽ nổi giận khi thấy phân thải ra từ cơ thể các bạn. Vậy khi các bạn muốn đại tiện, hãy đào lỗ trong cát chôn đi. Đó là mối nguy hiểm duy nhất, ngoài ra không còn gì nữa, chỉ nhớ luôn luôn cẩn thận điều này.

Sau đó, họ lên cư ngụ trên đảo này. Song giữa một ngàn gia đình này có hai người cai thợ, mỗi người dẫn đầu năm trăm gia đình. Trong đó, một kẻ ngu si tham ăn món thượng hạng, người kia khôn ngoan và không thích chiếm phần ưu thắng trong mọi sự đời.

Theo thời gian, họ tiếp tục sống tại đó, tất cả đều trở thành lực lưỡng cường tráng. Khi đó bọn họ suy nghĩ: "Lâu nay chúng ta không vui chơi gì cả, chúng ta muốn làm một ít rượu mạnh với nước mía." Vì thế họ làm rượu mạnh và say sưa ca hát, nhảy múa, vui đùa. Họ vô ý đi đại tiện bừa bãi khắp nơi mà không giấu đi nên họ đã làm cho hòn đảo hôi hám thật ghê tởm. Các thần linh tức giận vì bọn người này làm nơi giải trí vui chơi thành ô uế. Các thần bàn tính kỹ lưỡng:

– Chúng ta sẽ dâng nước biển lên đảo để rửa sạch đảo này chăng? Nay là nửa tháng tối trời, cuộc hội họp của ta phải đình hoãn lại. Được rồi, vào ngày thứ mười lăm kể từ nay, vào ngày đầu tiên trăng tròn, vào giờ trăng mọc, chúng ta sẽ dâng nước biển lên và tận diệt chúng.

Như vậy, các thần đã định ngày. Lúc này, một vị thần công chính trong số ấy suy nghĩ: "Ta không muốn các người này chết trước mắt ta." Vì thế do lòng từ mẫn, vào lúc bọn người đang ngồi trước cửa trò chuyện vui vẻ sau buổi cơm chiều, vị này làm cho toàn hòn đảo sáng lòa với phục sức đầy vẻ huy hoàng, đứng trên không hướng về phía Bắc và nói với bọn họ như vầy:

– Này các thợ mộc, các thần linh nổi cơn thịnh nộ vì các ông. Đừng sống ở đây nữa, vì trong nửa tháng kể từ hôm nay, các thần sẽ dâng nước biển lên giết hết các ông đó. Vậy phải trốn khỏi nơi này!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

26. Trong hai tuần nữa thấy tròn trăng,
Từ biển này dâng ngọn sóng thần,
Tràn ngập đảo to này, hãy vội,
Di cư để khỏi hại người dân!

Cùng với lời khuyên này vị ấy trở về nơi ở của mình. Khi vị ấy đi rồi, một vị thần bạn là một hung thần, suy nghĩ: "Có lẽ dân chúng sẽ theo lời vị ấy khuyên mà trốn hết, còn ta muốn cản trở việc chúng đi để làm cho chúng phải bị tiêu diệt hoàn toàn." Vì vậy, vị thần này trang điểm thật huy hoàng, tỏa ra một luồng ánh sáng lớn bao trùm khắp hòn đảo ấy, đến gần đại chúng, đứng trên không hướng về phía Nam và hỏi:

– Có một vị thần vừa đến đây chăng?

Họ đáp:

– Thưa có.

– Vị ấy nói gì với ông?

Họ đáp:

– Tâu thần chúa biển cả, những việc như vầy, như vầy.

Lúc ấy vị thần bảo:

– Vị thần này không muốn các ông sống ở đây nên đã nói như thế trong cơn thịnh nộ. Vậy đừng đi nơi khác mà cứ ở lại đây!

Cùng với những lời này, vị thần ngâm hai vần kệ:

27. Theo nhiều dấu hiệu đã nêu rằng,
Dân chúng nghe tin đợt sóng thần,
Sẽ chẳng hề tràn lên đảo lớn,
Vui lên đừng sợ, chớ đau buồn!

28. Các ông gặp chốn rộng nơi đây,
Các thức uống ăn lại đủ thay,
Ta thấy chẳng gì nguy, cứ hưởng,
Đến đời sau, lạc thú như vầy.

Sau khi nói vậy qua hai vần kệ để làm nhẹ nỗi lo âu của dân chúng, vị thần này ra đi. Khi ông đi rồi, người thợ mộc ngu si cất cao giọng lên và không để ý đến lời nói của vị thần công chính, gã kêu lên:

– Xin quý ngài nghe theo ta!

Gã nói với những người thợ mộc bằng cách ngâm vần kệ thứ năm:

29. Từ hướng Nam, thần ấy hét vang,
Chúng ta nghe: "Vạn sự bình an",
Từ thần này nói là lời thật,
Sợ hãi, hay không phải hoảng hồn,

Vị Bắc thần kia nào có biết,
Vui lên đừng sợ, chớ lo buồn!

Khi nghe gã nói, năm trăm người thợ mộc tham hưởng lợi lạc muốn nghe theo lời khuyên của gã ngu si đó. Song lúc ấy, người thợ mộc khôn ngoan không chịu nghe theo gã và ngâm bốn vần kệ nói với những người thợ mộc:

30. Khi nói ngược nhau, nhị hải thần,
Một kêu sợ hãi, một an toàn,
Nghe lời ta dặn, e giây lát,
Tất cả người đây chết cả đoàn.

31. Ta cùng xây một đại thương thuyền,
Thuyền lớn, hành trang cất hết lên,
Nếu vị Nam thần này nói thật,
Thần kia nói nhảm nhí, quàng xiên.

32. Khi cần thuyền sẽ ích cho ta,
Ta chẳng rời ngay đảo ấy mà,
Song nếu Bắc thần kia nói đúng,
Thần Nam chỉ nói chuyện điên rồ,
Ta cùng lúc ấy lên thuyền cả,
Nơi có bình an sẽ vội qua.

33. Đừng xem ưu, liệt, chuyện vừa nghe,
Ai để lọt tai cả mọi phe,
Xét kỹ rồi theo phần chính giữa,
Bến bình an nhất kéo neo về.

Sau đó, người ấy lại nói:

– Này bây giờ, chúng ta hãy nghe theo lời cả hai vị thần ấy! Ta hãy đóng thuyền, rồi nếu lời của vị thần thứ nhất là đúng sự thật thì chúng ta sẽ leo lên thuyền và ra đi, nếu lời vị thần thứ hai đúng thì chúng ta sẽ cất thuyền chỗ khác và ở lại đây.

Khi người ấy nói vậy xong, người thợ mộc ngu si bảo:

– Anh cứ đi mà xem con cá sấu nằm trong chén trà. Anh thật quá ư chậm trí! Vị thần thứ nhất nói như vậy vì tức giận chúng ta, còn vị thứ hai nói vì thương yêu chúng ta. Nếu chúng ta rời hòn đảo tuyệt hảo này thì chúng ta sẽ đi đâu nữa? Song nếu anh cần phải đi thì cứ đi mà đóng thuyền, bọn ta không cần thuyền, bọn ta ở đây!

Người thợ mộc khôn ngoan cùng những người theo phe mình đóng một con thuyền, đặt mọi hành trang lên thuyền rồi cả bọn đứng vào thuyền. Sau đó, vào ngày trăng tròn, đúng lúc trăng mọc, từ đại dương dâng lên một ngọn sóng bao phủ khắp hòn đảo đến tận đầu gối. Khi người khôn ngoan ấy thấy đợt sóng dâng lên thì vội thả thuyền ra. Bọn người theo phe người thợ ngu si gồm năm trăm gia đình cứ ngồi bảo nhau:

– Một ngọn sóng đã dâng lên trên đảo nhưng nó sẽ không cao hơn đâu.

Sau đó, sóng biển dâng cao lên đến thắt lưng, rồi cao bằng đầu người, cao tận ngọn cây dừa, rồi bảy cây dừa, rồi phủ lên khắp hòn đảo. Con người nhiều mưu trí ấy biết đủ phương cách, không tham lam các tài vật nên đã ra đi an toàn; còn người thợ ngu si tham của cải, không thấy nỗi kinh hoàng trong tương lai nên đã bị hủy diệt cùng năm trăm gia đình nọ.

***

Và ba vần kệ nữa đầy tính cách giáo hóa để làm sáng tỏ vấn đề trên là kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác Ngộ:

34. Do nghiệp làm, như giữa đại dương,
Thương nhân thoát nạn, hạnh phúc tròn,
Nên người trí hiểu điều sâu kín,
Chẳng phạm ngày sau lỗi cỏn con.

35. Kẻ ngu khờ dại nuốt tham lam,
Chẳng hiểu tương lai hiểm họa tràn,
Chìm ngập trước nhu cầu hiện tại,
Như người tận số giữa trùng dương.

36. Hãy làm xong việc trước khi cần,
Đừng để túng cùng phải khổ thân,
Ai đúng thời làm điều thiết yếu,
Chẳng hề lâm cảnh ngộ đau buồn!

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa đã bị mắc vào bẫy dục lạc hiện tại mà không nhìn thấy tương lai nên đã bị hủy diệt cùng đồng bọn của kẻ ấy.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa là người thợ mộc ngu si, Kokālika là vị ác thần đứng ở phương Nam, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị thần đứng ở phương Bắc và Ta chính là người thợ mộc có trí khôn ngoan kia.

§467. CHUYỆN DỤC THAM (*Kāmajātaka*)[5] (*J.* IV. 167)

Người nào mong ước việc trong lòng...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về một Bà-la-môn.

Chuyện kể rằng, một vị Bà-la-môn trú ở Xá-vệ, lúc ấy đang đốn cây bên bờ sông Aciravatī để trồng trọt, cày cấy. Bậc Đạo sư nhìn thấy rõ nghiệp duyên của vị này [về khả năng tu tập] khi Ngài đến Xá-vệ để khất thực, Ngài liền bước ra khỏi con đường đang đi để nói chuyện ân cần với ông. Ngài hỏi:

[5] Xem *J.* II. 212, *Kāmanītajātaka* (*Chuyện Bà-la-môn Kāmanīta*), số §228.

– Này Bà-la-môn, ông đang làm gì đó?

Người ấy đáp:

– Thưa Sa-môn Gotama, tôi đang đốn cây ở một khoảng trống để trồng trọt.

Ngài bảo:

– Tốt lành thay, này Bà-la-môn, ông tiếp tục công việc đi!

Cứ như vậy bậc Đạo sư đi đến nói chuyện với ông, khi các thân cây đốn xong lại được mang đi nơi khác, người kia dọn sạch mẫu đất của mình. Và Ngài lại đến vào lúc cày cấy, hoặc lúc đào những hố vuông nhỏ để lấy nước. Bấy giờ, vào ngày gieo hạt, vị Bà-la-môn hỏi:

– Thưa Tôn giả Gotama, hôm nay là ngày lễ Hạ điền (lễ Cày bừa) của tôi. Khi bắp chín, tôi sẽ cúng dường nhiều cho Tăng chúng được đức Phật dẫn đầu.

Bậc Đạo sư nhận lời cúng dường của ông và ra đi. Một ngày khác, Ngài lại đến và thấy vị Bà-la-môn đang ngắm đám bắp ấy. Ngài hỏi:

– Này Bà-la-môn, ông đang làm gì đó?

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi đang ngắm đám bắp.

– Này Bà-la-môn, tốt lắm!

Bậc Đạo sư nói rồi đi thẳng. Lúc ấy, vị Bà-la-môn suy nghĩ: "Tôn giả Gotama vẫn thường đi qua đường này. Chắc chắn Ngài cần thực phẩm. Được, ta sẽ cúng dường thức ăn cho Ngài." Vào ngày ý tưởng này xuất hiện trong trí ông, khi về nhà, ông cũng thấy bậc Đạo sư đến nữa. Từ đó, trong lòng vị Bà-la-môn khởi lên một niềm tín thành kỳ diệu.

Dần dần, bắp đã chín, vị Bà-la-môn quyết định ngày mai sẽ gặt hái. Nhưng khi ông ngủ trên giường thì ở khoảng đất trên bờ sông Aciravatī mưa như trút nước. Lũ lụt kéo đến mang theo cả mùa màng ra biển, vì thế không còn sót một cây nào. Khi cơn lũ đã rút, vị Bà-la-môn thấy hoa màu bị tàn phá nên không còn sức mà đứng nữa, tay ông cứ ôm ngực, vì quá đau khổ, ông vừa khóc vừa về nhà nằm xuống kêu than. Buổi sáng, bậc Đạo sư đã thấy vị Bà-la-môn này tràn ngập khổ đau, Ngài suy nghĩ: "Ta sẽ là nơi nương tựa của người Bà-la-môn này."

Thế là hôm sau, khi đã đi khất thực quanh Xá-vệ rồi, Ngài trở về từ nơi thọ dụng thức ăn, bảo các Tỳ-kheo lui về tinh xá rồi chính Ngài cùng một tiểu thị giả đi với Ngài đến nhà ông. Khi vị Bà-la-môn nghe Ngài đến thì lòng hoan hỷ, nghĩ thầm: "Chắc hẳn vị Hiền hữu của ta đến để nói chuyện thân mật." Ông mời Ngài ngồi, bậc Đạo sư bước vào ngồi trên một sàng tọa đã soạn sẵn và hỏi:

– Này Bà-la-môn, tại sao ông nản lòng? Việc gì xảy ra khiến ông bất mãn?

– Thưa Sa-môn Gotama, từ lúc tôi đến đây trên bờ sông Aciravatī, Ngài cũng đã biết tôi làm gì rồi. Tôi đã đi đây đó, và hứa cúng dường Ngài khi hoa màu chín, nay cơn lụt đã cuốn trôi hết mọi hoa lợi ra biển, chẳng còn lại gì cả. Bắp ngô bị tiêu hủy cả đến trăm cỗ xe vì thế tôi đang sầu khổ lắm đây.

– Này Bà-la-môn, của mất mát có thể trở lại nhờ than khóc không?

– Thưa Sa-môn Gotama, nó không trở lại được.

– Nếu vậy tại sao ông sầu khổ? Sự giàu sang của người đời, hay thóc lúa, khi còn đó thì chúng có mặt và khi mất rồi thì thôi. Chẳng có vật hữu hình nào không chịu hoại diệt, thôi ông đừng sầu muộn vì nó nữa!

An ủi ông ta như thế xong, Ngài nhắc lại *Kinh Tham dục*[6] vì thích hợp với hoàn cảnh này. Khi Ngài kết thúc bài *Kinh Tham dục* ấy, vị Bà-la-môn buồn khổ đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Sau khi làm tan biến nỗi buồn của ông, bậc Đạo sư đứng dậy từ chỗ ngồi và trở về tinh xá. Cả thị trấn đều nghe tin bậc Đạo sư đã đi tìm vị Bà-la-môn đang bị đau khổ hành hạ như thế nào rồi an ủi ông và an trú ông vào quả Dự lưu ra sao.

Tăng chúng nói đến việc ấy tại pháp đường:

– Này các Hiền giả, đấng Thập Lực đã kết bạn với một vị Bà-la-môn ngày càng thân thiết, đã tạo cơ hội thuyết pháp cho ông đang lúc ông gặp cơn đau khổ xé nát cõi lòng. Ngài an ủi cho vơi niềm đau khổ rồi an trú ông vào quả Dự lưu.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các ông đang nói chuyện gì khi ngồi lại đây?

Tăng chúng thưa lại với Ngài. Ngài đáp:

– Đây không phải là lần đầu tiên, này các Tỳ-kheo, mà Ta chữa lành nỗi đau buồn của kẻ ấy, song ngày xưa đã lâu lắm, Ta cũng làm như vậy.

Và cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vua có hai vương tử. Ngài phong chức Phó vương cho thái tử, còn vị thứ hai làm Đại tướng quân. Sau đó, khi Vua Brahmadatta băng hà, triều thần phong vương cho thái tử bằng nghi lễ Quán đảnh. Song chàng bảo:

– Ta chẳng màng giang sơn quốc độ, hãy để Vương đệ ta trị nước!

Đại chúng van xin cầu khẩn thái tử, song chàng chẳng muốn chuyện đó nên vị vương đệ được quán đảnh phong vương. Thái tử cũng không màng ngôi vị Phó vương hay chức tước gì cả, khi triều thần xin chàng ở lại sinh sống trên mảnh đất trù phú này, chàng đáp:

– Không, ta không làm gì được trong kinh thành này cả.

Rồi chàng ra đi rời khỏi Ba-la-nại, chàng đến vùng biên địa và sống với một gia đình thương gia giàu có, làm việc bằng đôi tay của mình. Những người này sau một thời gian biết được chàng là thái tử nên không để cho chàng làm việc nữa, họ hầu hạ chàng như thể một vương tử phải được cung phụng vậy.

[6] Xem *Sn*. v. 776, *Kāmasutta* (*Kinh Về dục*).

Bấy giờ, sau một thời gian, triều thần đến làng đó để vẽ họa đồ đồng ruộng. Lúc ấy, người lái buôn nói với vương tử:

– Tâu Điện hạ, vì công lao chúng thần phụng dưỡng ngài, mong ngài gửi về vương đệ của ngài một bức thư để xin giùm cho chúng thần được miễn giảm thuế.

Chàng đồng ý làm việc ấy và viết như sau: "Ta đang sống với một gia đình thương nhân nọ, ta xin vương đệ vì ta mà miễn thuế cho họ." Vua chấp thuận và làm y theo như vậy. Từ đó, dân làng và dân cả vùng ấy đến gặp chàng bảo:

– Hãy xin cho chúng thần được miễn thuế rồi chúng thần sẽ đóng thuế cho ngài!

Chàng làm thỉnh nguyện thư cho họ và xin cho họ miễn thuế. Sau đó dân chúng trả thuế cho chàng. Lúc ấy, lợi tức và danh tiếng chàng rất lớn, cùng với lợi danh này, lòng tham của chàng cũng khởi lên, vì thế dần dần chàng đòi cả thị trấn, chàng đòi chức phó vương cũ và vương đệ ban cho chàng tất cả. Lúc ấy, lòng tham của chàng cứ tăng trưởng, chàng không hài lòng với chức vị phó vương và quyết định chiếm lại ngai vàng. Nhằm mục đích ấy, chàng lên đường cùng với một đoàn người, đóng tại ngoại ô kinh thành và gửi thư vào cho vương đệ:

– Hãy trao quốc độ cho ta, không thì giao chiến!

Vị vương đệ suy nghĩ: "Ngày trước kẻ ngu si này đã từ chối ngai vàng, địa vị phó vương và tất cả, nay lại bảo muốn đánh chiếm lại. Nếu ta giết anh ta trong chiến trận thì đó là điều ô nhục cho ta, vậy ta cần gì làm vua nữa?" Vì thế, chàng gửi chiếu chỉ:

– Tiểu đệ không muốn gây binh đao, xin Vương huynh cứ lấy ngai vàng!

Vị vương huynh chấp thuận việc ấy và phong vị vương đệ làm phó vương.

Từ đó, chàng cai trị vương quốc. Nhưng chàng tham lam như vậy nên một vương quốc chưa làm chàng thỏa mãn mà chàng muốn hai vương quốc rồi ba, tuy thế, vẫn thấy lòng tham vô tận.

Thời bấy giờ, Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nhìn ra ngoài, ngài suy nghĩ: "Ai là người chăm lo phụng dưỡng cha mẹ đây? Ai là người bố thí và làm điều thiện đây? Ai là người bị tham dục chi phối?" Ngài suy nghĩ: "Kẻ ngu si này không hài lòng trị vì Ba-la-nại. Được, ta sẽ dạy cho y một bài học." Vì vậy, ngài giả dạng một thanh niên Bà-la-môn đứng ở cửa cung rồi đưa tin rằng có một thanh niên lanh lợi đang đứng ở cửa. Chàng được phép vào chầu liền tung hô chúc tụng vạn tuế vua xong xuôi vua hỏi:

– Tại sao công tử đến đây?

Chàng đáp:

– Tâu Đại vương, tiểu sinh có chuyện cần tâu với Đại vương, song tiểu sinh muốn được giữ bí mật.

Nhờ thần lực của Thiên chủ Đế-thích, ngay lúc ấy, mọi người rút lui cả. Sau đó, chàng thanh niên nói:

– Tâu Đại vương, tiểu sinh biết ba kinh thành trù phú, đông dân, quân đội và chiến mã đều hùng cường. Tiểu sinh nhờ quyền lực của mình sẽ làm chủ ba kinh thành ấy và sẽ dâng tặng Đại vương. Song Đại vương không được trì hoãn mà phải đi liền lập tức.

Vua đầy lòng tham nên đồng ý ngay. Song vì thần lực của Đế-thích ngăn cản nên vua không hỏi: "Thế công tử là ai, từ đâu đến? Công tử sẽ nhận lại cái gì?" Thiên chủ Đế-thích nói vậy xong, trở về cõi trời Ba Mươi Ba.

Sau đó, vua triệu quần thần lại và bảo họ:

– Một thanh niên vừa đến đây, hứa sẽ lấy và dâng cho trẫm thống trị ba vương quốc. Các khanh hãy đi tìm kẻ ấy, ra lệnh đánh trống khắp kinh thành, triệu tập quân sĩ, không được trì hoãn vì trẫm sắp chiếm ba vương quốc kia đấy!

Quần thần đáp:

– Tâu Đại vương, thế Đại vương có tiếp đãi thanh niên ấy hoặc hỏi xem chàng ở đâu chăng?

– Ồ không, không, trẫm không tiếp đãi chàng cũng không hỏi chàng ở đâu cả. Vậy cứ đi tìm chàng!

Quần thần đi tìm, song không thể tìm ra chàng khắp kinh thành này. Nghe vậy, vua buồn bực:

– Quyền cai trị ba kinh thành đã mất rồi!

Vua lại suy nghĩ liên miên: "Ta bị tước mất vinh quang tột bậc, chắc chắn thanh niên ấy bỏ đi, bực tức ta lắm vì chẳng ban cho chàng tiền lộ phí cũng chẳng cấp nơi cư trú." Sau đó, trong cơ thể vua nóng như thiêu đốt, trong khi cơ thể nóng bừng như vậy thì ruột vua mắc bệnh kiết lỵ ra máu, thức ăn đưa vào lại chảy ra hết, các y sĩ không thể nào chữa trị được nên vua kiệt sức. Bệnh trạng vua được đồn đãi khắp kinh thành.

Lúc ấy, Bồ-tát từ Takkasilā trở về nhà cha mẹ ở Ba-la-nại sau khi đã tinh thông mọi ngành học thuật. Ngài được tin về vua liền đi đến cung môn với ý định chữa bệnh cho vua nên gửi vào một tờ sớ tâu rằng có một thanh niên đang sẵn sàng trị bệnh cho đức vua. Vua phán:

– Các đại danh y lừng lẫy khắp gần xa còn chưa chữa nổi căn bệnh của trẫm, một thanh niên làm gì được? Thôi trả tiền lộ phí cho gã rồi bảo gã ra về!

Thanh niên ấy đáp:

– Ta không cần chi phí chữa bệnh, song ta sẽ chữa lành bệnh cho vua, ngài chỉ cần trả tiền cho ta món thuốc chữa bệnh mà thôi.

Khi vua nghe vậy liền chấp thuận cho chàng vào. Chàng thanh niên kính lễ vua:

– Tâu Đại vương, chớ sợ gì! Thần sẽ trị lành bệnh của Đại vương, song xin Đại vương nói cho thần nghe nguyên cớ căn bệnh của ngài.

Vua nổi thịnh nộ đáp:

– Ngươi hỏi thế để làm gì chứ? Cứ làm món thuốc chữa trị đi!

Chàng bảo:

– Tâu Đại vương, đây là phương cách của y sĩ, trước tiên phải biết vì sao sinh bệnh tật, sau đó mới làm thuốc chữa cho thích hợp.

Vua phán bảo:

– Thôi được rồi, chú bé.

Và vua bắt đầu kể nguồn gốc căn bệnh từ lúc người thanh niên hứa hẹn rằng chàng ta sẽ giành lấy và dâng lên vua quyền thống trị ba kinh thành.

– Như vậy, này bé con, căn bệnh sinh ra từ lòng tham, chú có giỏi thì chữa đi.

Chàng đáp:

– Sao, tâu Đại vương, có chiếm được các kinh thành ấy nhờ buồn phiền chăng?

– Ồ không đâu, bé con.

– Nếu vậy thì tại sao Đại vương lại buồn phiền? Mọi vật dù vô tri hay có tri giác đều phải bị hủy diệt, bỏ lại tất cả, ngay cả thân xác của mình. Dù cho Đại vương có cai trị cả bốn kinh thành đi nữa, Đại vương cũng không thể cùng một lúc ăn bốn mâm cơm, ngủ bốn sàng tọa, mặc bốn bộ y phục. Đại vương không nên làm nô lệ cho tham dục, vì khi tham dục tăng trưởng thì ta không thể thoát được bốn cảnh khổ.

Sau khi khuyến giáo như vậy xong, bậc Đại sĩ thuyết pháp qua các vần kệ sau:

37. Người nào mong ước việc trong lòng,
Khi ước nguyện kia được vẹn toàn,
Chắc chắn tâm tràn đầy hỷ lạc,
Vì nay đã đạt được cầu mong.

38. Người nào ước vọng việc trong lòng,
Khi ước vọng kia được vẹn tròn,
Ước vọng tràn vào tâm trí mãi,
Như đang cơn khát gặp oi nồng.

39. Trong loại bò trâu có mọc sừng,
Sừng kia càng lớn cứ to dần,
Cũng như tâm địa người vô trí,
Chẳng biết chút gì, chẳng biệt phân,
Trong lúc người kia càng lớn tuổi,
Thì niềm khát vọng cứ gia tăng.

40. Đem hết lúa ngô ở cõi đời,
Bò trâu, nô lệ, ngựa cho người,
Vẫn chưa đầy đủ, này nên biết,
Và giữ đường công chính mãi thôi.

41. Một vua chinh phục cả phàm trần,
Trần thế trải mình tận đại dương,
Ở phía bên này chưa thỏa mãn,
Vật ngoài khơi vẫn thấy thèm thuồng.

42. Dục tham ấp ủ ở trong tim,
Tri túc chẳng hề phát khởi lên,
Người tránh dục tham tìm đúng thuốc,
Người nào tri túc, trí như nguyền.

43. Tối ưu là trí tuệ đầy tràn,
Tham dục không hề đốt cháy tan,
Chẳng có bao giờ người trí tuệ,
Lại làm nô lệ của lòng tham.

44. Thiểu dục phá tan mọi dục tham,
Chẳng ham chiếm đoạt cả trăm phần,
Người kia cũng giống như lòng biển,
Chẳng bị đốt thiêu bởi dục tầm,
Như thợ giày luôn bào guốc, dép,
Hợp làn da bọc ở bàn chân.

45. Cứ mỗi dục tham được bỏ đi,
Một niềm hạnh phúc đến liền khi,
Người nào muốn hưởng tròn an lạc,
Phải bỏ mọi tham dục tức thì.

Nhưng trong khi Bồ-tát ngâm các vần kệ này, tâm ngài chuyên chú vào chiếc lọng trắng của vua nên khởi lên sự hỷ lạc của thiền định đạt được qua ánh sáng trắng (một pháp thiền *kasiṇa*). Riêng phần vua được bình phục khỏe khoắn liền hoan hỷ đứng lên từ chỗ ngồi và nói với ngài:

– Trong khi các y sĩ kia không thể chữa lành cho trẫm thì một thanh niên Hiền trí làm cho trẫm khỏe mạnh nhờ phương thuốc trí tuệ.

Rồi vua ngâm vần kệ thứ mười:

46. Tám khúc chàng ngâm đáng tám ngàn,
Ngàn vàng mỗi khúc, đại La-môn,
Xin chàng nhận số vàng, vì lẽ,
Lời nói chàng nay thật dịu dàng.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ mười một:

47. Dù có ngàn, muôn, triệu, triệu lần,
Ngàn vàng ta cũng chẳng mơ màng,
Như lời kệ cuối vừa ngâm ấy,
Tham dục tâm ta đã lụi tàn.

Vua càng hân hoan hơn nữa liền ngâm vần kệ cuối cùng để tán thán bậc Đại sĩ:

48. Quả thiếu sinh này, thiện Trí nhân,
Am tường mọi kiến thức trần gian,
Dục tham kia chính là sinh mẫu,
Của khổ đau, chàng mới vạch trần.

Bồ-tát lại bảo:

– Tâu Đại vương, ngài phải biết tinh cần và bước vào chánh đạo.

Thuyết giáo cho vua xong, ngài bay qua không gian đến Tuyết Sơn và sống suốt đời làm một ẩn sĩ tu hành. Ngài chuyên chú hành trì tứ vô lượng tâm và khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa cũng như bây giờ, Ta đã làm Bà-la-môn này lành bệnh.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Bà-la-môn này là vị vua kia và Ta chính là chàng thanh niên Hiền trí.

§468. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG JANASANDHA

(*Janasandhajātaka*) (*J.* IV. 176)

Chúa tể Jana nói thế này...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về việc giáo hóa quốc vương xứ Kosala.

Có một thời, dân chúng bảo rằng vua mê đắm quyền lực, buông mình vào các ác dục, không trị nước công minh và ngày càng xao lãng việc đến yết kiến đức Phật. Một ngày kia, vua nhớ đến đấng Thập Lực liền suy nghĩ: "Ta phải đến viếng Ngài." Vì vậy sau khi điểm tâm, vua ngự lên chiếc vương xa lộng lẫy tiến về tinh xá, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống. Đức Phật hỏi:

– Thưa Đại vương, thế nào? Đã lâu Đại vương không đến đây?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, trẫm quá bận việc nên không có dịp đến đây hầu cận Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

– Thưa Đại vương, xao lãng việc đến gặp các bậc Chánh Đẳng Giác như Ta thật là không đúng, Ta là một vị Phật ở ngay trong một tinh xá trước mặt, có thể khuyến giáo Đại vương. Một vị vua phải cai trị sáng suốt trong mọi phận sự quân vương, đối với thần dân như cha mẹ đối với con, từ bỏ mọi ác đạo, không bao giờ quên lãng thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân). Khi một vị vua chân chính, các triều thần vây quanh cũng chân chính noi gương. Thật thế, nếu theo lời giáo huấn của Ta mà Đại vương đã cai trị chân chính thì cũng không lạ gì. Còn những bậc Hiền tài ngày xưa, ngay khi cả thời chưa có một bậc Đạo sư để giáo hóa vua chúa nhưng nhờ vào tri kiến riêng của chính mình, các vua đó đã được an trú vào việc thực hành ba thiện nghiệp, thuyết pháp cho đám đông dân chúng và cùng các tùy tùng lên cộng trú với các hội chúng ở cõi trời.

Cùng với các lời này, theo sự thỉnh cầu của vua, bậc Đạo sư kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sinh ra làm vị vương tử của chánh hậu. Cha mẹ ngài đặt tên ngài là Vương tử Janasandha.

Bấy giờ, khi đến tuổi trưởng thành và trở về từ Takkasilā, nơi ngài đã hoàn tất việc học tập, vua ra lệnh đại xá cho các tù nhân và phong ngài chức phó vương. Sau đó, khi vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua và ra lệnh xây sáu bố thí đường ở bốn cổng thành, giữa thành và tại cung môn. Cứ mỗi ba ngày, ngài phân phát sáu trăm ngàn đồng tiền và làm chấn động toàn cõi Diêm-phù-đề vì việc đại bố thí của ngài. Ngài mở cửa ngục ra thả hết tội nhân, phá bỏ những pháp trường, ngài che chở cho mọi người bằng bốn thiện pháp.[7] Ngài giữ ngũ giới, hành trì ngày trai giới và cai trị rất công chính. Thỉnh thoảng ngài hội họp quần thần lại và thuyết pháp cho họ:

– Các khanh hãy bố thí, trì giới, tu tâm, lo làm ăn buôn bán, lúc còn trẻ lo học nghề, tích lũy của cải, đừng làm gì lừa đảo dân làng hoặc nói lời đâm thọc, đừng hung dữ thô ác, hãy làm bổn phận với cha mẹ, sống trong gia đình hãy tôn trọng các bậc trưởng thượng!

Như vậy, ngài khuyến khích quần chúng giữ chánh mạng. Vào một ngày trai giới trăng tròn kia, sau khi đã hành trì ngày trai giới trọn vẹn, ngài tự nhủ: "Ta sẽ thuyết pháp cho đại chúng để luôn luôn làm tăng trưởng lợi lạc cho họ và khiến họ tinh cần trong cuộc sống." Sau đó, ngài ra lệnh đánh trống lên, bắt đầu với các cung phi, sau đó toàn thể dân chúng trong thành tụ tập lại. Tại sân chầu, ngài ngự trên một sàng tọa lộng lẫy đặt riêng biệt trong một ngôi đình được tô điểm toàn châu báu và thuyết pháp bằng những lời này:

[7] Bốn thiện pháp gồm bố thí, thân ái, công bình và thiện trị.

– Hỡi dân chúng trong kinh thành, trẫm sẽ tuyên thuyết cho các ngươi nghe những việc gì làm cho các ngươi đau khổ và những việc gì không làm cho các ngươi đau khổ. Hãy tỉnh giác, chú tâm nghe và khéo tác ý!

***

Bậc Đạo sư mở khuôn miệng là khuôn vàng thước ngọc, chứa đầy chân lý, thuyết rõ bài pháp với giọng ngọt ngào như mật cho vua xứ Kosala:

49. Chúa tể Jana nói thế này,
Có mười điều đúng thật như vầy,
Nếu người quên việc thi hành chúng,
Thì kẻ đó liền chịu khổ ngay.

50. Không tạo, chẳng tích trữ đúng thời,
Lòng kia giày xéo khổ đau hoài,
Về sau hối tiếc vì suy nghĩ,
"Không kiếm giàu sang thuở trước rồi."

51. Với người không học, sống gian lao,
Suy nghĩ, ăn năn, nó khổ sầu,
Kiến thức mà nay cần sử dụng,
Nó không thèm học trước đi nào.

52. Hai lưỡi ngày xưa chẳng thật thà,
Vọng ngôn, ỷ ngữ chẳng nhân từ,
Xưa ta độc ác và cay nghiệt,
Nay thấy nhân duyên khổ đó mà.

53. Xưa ta sát hại thật hung tàn,
Chẳng chúng sanh nào được phát ban,
Vì việc đáng khinh này [tự nhủ],
Nay ta phải chịu lắm buồn than.

54. Nó nghĩ xưa ta lắm thiếp thê,
Ta đành mắc nợ những người kia,
Vì ta bỏ chúng theo nàng khác,
Việc ấy nay ta hối tiếc ghê.

55. Xưa đã chứa đầy thức uống ăn,
Nay buồn nó hối tiếc vô ngần,
Nghĩ rằng nó chẳng bao giờ cả
Thuở trước đem ban bố một lần.

56. Nó khổ vì khi có thể làm,
Nó không lo phụng dưỡng chăm nom,
Mẹ cha nay đã thành già yếu,
Tuổi trẻ ngày nay đã lụi tàn.

57. Vì đã khinh thường vị giáo sư,
Những người khuyên bảo hoặc ông cha,
Cố làm nó đạt tròn tâm nguyện,
Việc ấy gây đau khổ xót xa.

58. Đối với Sa-môn quá hững hờ,
Nhiều nhà tu khổ hạnh ngày xưa,
Sống đời thánh thiện và thông thái,
Khiến nó ăn năn tự bấy giờ.

59. Khổ hạnh thực thi thật tốt lành,
Thiện nhân thường vẫn được tôn vinh,
Trước kia nó chẳng làm điều đó,
Nay phải buồn khi kể chuyện mình.

60. Mười điều nhờ trí tuệ khôn ngoan,
Người thực hiện cho được vẹn toàn,
Đối với mọi người làm phận sự,
Sẽ không hề phải chịu ăn năn.

Như vậy, cứ mỗi tháng hai lần, bậc Đại sĩ thuyết giáo theo đường lối ấy cho đại chúng. Và đại chúng được an trú vào giáo pháp của ngài, hoàn thành mười thiện pháp này nên được sinh lên thiên giới.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Thưa Đại vương, như vậy, các bậc Trí nhân ngày xưa dù chưa được dạy bảo mà chỉ do trí tuệ riêng của mình đã thuyết pháp và an trú đại chúng vào con đường đưa đến thiên giới.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, các đệ tử của Như Lai là dân chúng và Ta chính là Vua Janasandha.

§469. CHUYỆN ĐẠI HẮC THIÊN CẨU (*Mahākaṇhajātaka*) (*J.* IV. 180)

Chó săn đen sẫm buộc năm dây...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về sự sống vì lợi lạc cho cõi đời.

Chuyện kể rằng, một ngày kia, trong lúc các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường, họ nói chuyện với nhau. Một vị bảo:

– Này các Hiền giả, bậc Đạo sư bao giờ cũng thực hành từ tâm đối với số đông nên đã rời bỏ nơi an trú của Ngài và sống chỉ vì lợi lạc cho người đời. Ngài đã đạt Tối thượng trí, song Ngài tự nguyện mang y bát du hành cả mười tám do-tuần hoặc nhiều hơn nữa. Vì năm vị Trưởng lão ấy (nhóm Tôn giả

Koṇḍañña) Ngài đã chuyển bánh xe pháp, vào ngày mùng năm trong nửa tháng ấy, Ngài thuyết *Kinh Vô ngã tướng*[8] và làm cho các vị kia đều đắc Thánh quả A-la-hán. Ngài lại đến Uruvelā (Ưu-lâu-tần-loa) và trước các đạo sĩ khổ hạnh bện tóc này (các Tôn giả Kassapa), Ngài thị hiện cho ba ngàn rưỡi vị thấy các phép thần thông cùng thuyết giáo cho các vị ấy gia nhập Tăng chúng. Và tại Gayāsīsa,[9] Ngài đã thuyết pháp về lửa khiến cho cả ngàn nhà tu khổ hạnh trong số này đắc Thánh quả A-la-hán. Với Mahākassapa (Đại Ca-diếp), sau khi Ngài đi cả ba dặm[10] để gặp vị ấy và thuyết ba pháp thoại, Ngài đã truyền Đại giới cho vị ấy. Rồi một mình sau buổi thọ trai, Ngài ra đi đến bốn mươi lăm do-tuần để đưa một thiện gia nam tử là Pukkusa vào Tam quả (Bất lai). Ngài lại phải đi xa cả hai ngàn do-tuần để gặp Mahākappina (Đại Kiếp-tân-na) và làm cho vị này đắc Thánh quả. Rồi một mình Ngài vào buổi chiều đi ba mươi do-tuần để đưa con người độc ác tàn bạo là Aṅgulimāla (tướng cướp đeo vòng ngón tay) vào Thánh quả. Ngài đi ba mươi do-tuần nữa, đưa Āḷavaka (một con quỷ ăn thịt người) vào Sơ quả (Dự lưu) và cùng lúc cứu vị hoàng tử thoát nạn [khỏi bị quỷ kia ăn thịt].

Ngài an trú trên cõi trời Ba Mươi Ba suốt ba tháng và giảng toàn bộ giáo pháp cho tám trăm triệu thiên tử. Ngài lên cõi trời Phạm thiên và phá tan tà thuyết của Phạm thiên Baka,[11] làm cho mười ngàn vị Phạm thiên đắc Thánh quả. Mỗi năm, Ngài du hóa trong ba khu vực và đối với những ai có đủ căn cơ hiểu đạo, Ngài truyền dạy tam quy, ngũ giới và các quả vị khác nhau tùy mức độ khả năng. Ngài còn hành đạo vì lợi lạc của loài rắn rồng (nāga) hoặc Kim Sí điểu (Garuḷa) hoặc nhiều loài khác nữa theo nhiều phương tiện khác nhau.

Với những lời như trên, các Tỷ-kheo tán thán công đức trong đời sống của đấng Thập Lực vì lợi lạc của cõi trần gian này. Bậc Đạo sư bước vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong lúc ngồi tại đây. Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, ngày nay Ta đã đạt thắng trí viên mãn và sống vì lợi ích của chúng sanh thì cũng chẳng lạ gì, vì ngay cả xưa kia khi Ta còn tham dục, Ta cũng đã sống vì lợi lạc của chúng sanh.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, trong thời đức Phật Chánh Đẳng Giác Kassapa (Ca-diếp) có một vị vua mệnh danh là Usīnara. Một thời gian rất lâu, sau khi đức Phật Ca-diếp tuyên thuyết tứ đế (bốn sự thật) và giải thoát cho nhiều hội chúng khỏi khổ ách, cuối cùng đã nhập vào hội chúng chư Phật an trú trong Niết-bàn (Đại

---

[8] Xem *S.* III. 66, *Anattalakkhaṇasutta* (*Kinh Vô ngã tướng*).

[9] Một ngọn núi gần Gayā, nay là Brahmāyoni.

[10] 1 dặm (*gāvuta*) = 5.12 km = ¼ do-tuần.

[11] Xem *J.* III. 358, *Bakabrahmajātaka* (*Chuyện Phạm thiên Baka*), số §405.

diệt độ) thì giáo pháp đã suy tàn. Tăng chúng tìm kế sinh nhai bằng hai mươi mốt cách phi pháp, họ kết giao với các Tỷ-kheo-ni và sinh ra nhiều con cái. Các Tỷ-kheo xao lãng phận sự của Tỷ-kheo. Tỷ-kheo-ni cũng xao lãng phận sự của Tỷ-kheo-ni. Nam cư sĩ và nữ cư sĩ cũng vậy. Các Bà-la-môn không còn giữ phận sự của Bà-la-môn. Phần đông dân chúng theo mười ác đạo, vì vậy khi mạng chung, họ đều phải vào các đọa xứ thật đông đảo.

Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích nhận thấy không có vị thiên tử nào mới xuất hiện, ngài nhìn ra cõi trần gian và thấy loài người bị đọa vào các cõi dữ như thế nào, còn giáo pháp của đức Phật đã suy tàn. Ngài tự hỏi: "Ta phải làm gì?" "Ta nghĩ ra rồi, ta sẽ đe dọa loài người làm cho đại chúng kinh hãi và khi đại chúng đã kinh hãi, ta sẽ trấn an đại chúng và thuyết pháp, ta sẽ chấn hưng giáo pháp đã suy tàn, ta sẽ làm giáo pháp tồn tại một ngàn năm nữa!"

Cùng với quyết định này, ngài biến vị thần lái xe của ngài là Mātali thành một con chó săn đen đủi khổng lồ, loài chó thuần chủng có bốn nanh lớn như quả chuối, hình thù gớm ghiếc với cái bụng bự như đàn bà sắp sinh con. Ngài cột con chó bằng sợi xích năm vòng, cột tràng hoa đỏ lên mình nó và dẫn nó đi bằng một sợi dây. Chính ngài mặc y phục màu vàng, buộc tóc ra đằng sau, quấn tràng hoa đỏ rồi cầm một cây cung khổng lồ với dây cung màu san hô, lắc lư trong tay một cây lao có đầu mũi gắn hạt kim cương, ngài giả dạng một sơn nhân đi xuống một địa điểm cách kinh thành một do-tuần.

– Trần gian đang bị tiêu diệt! Trần gian đang bị tiêu diệt!

Ngài thét lớn ba lần để đe dọa mọi người và khi vào đến kinh thành, ngài lại thét lên như vậy. Dân chúng thấy con chó săn liền kinh hoảng bỏ chạy vào thành tâu trình với vua mọi việc. Vua vội vã truyền lệnh đóng các cổng kinh thành. Song Thiên chủ Đế-thích nhảy qua bức thành cao mười tám *cubit*[12] cùng con chó săn, đứng bên trong kinh thành. Dân chúng hoảng hốt chạy vào nhà đóng cửa thật chặt. Con chó đen khổng lồ rượt theo người nào nó gặp phải và dọa nạt họ, cuối cùng vào đến tận cung vua. Trong cơn khủng khiếp, dân chúng đi ẩn náu khắp sân chầu, vào tận cung điện và đóng cửa lại.

Còn vua cùng các vương phi đi lên thượng lầu. Hắc thiên cẩu đưa chân đặt vào cửa sổ và rống lên thật kinh hoàng. Tiếng rống vang dội từ địa ngục lên đến tận trời xanh cao ngất, cả vũ trụ vang rền tiếng rống đó. Có ba tiếng rống lớn từng vang dậy khắp cõi Diêm-phù-đề là: Tiếng rống của vua dạ-xoa Puṇṇaka trong *Chuyện bậc Đại trí Vidhura*,[13] tiếng rống của Vua Kusa trong *Chuyện Vương tử Kusa*, tiếng rống của long vương Sudassana trong *Chuyện bậc Đại trí Bhūridatta*[14] và tiếng rống này trong *Chuyện đại hắc thiên cẩu*.[15]

---

[12] 1 *cubit* = 45cm.

[13] Xem *J.* VI. 256, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

[14] Xem *J.* VI. 157, *Bhūridattajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Bhūridatta*), số §543.

[15] Xem *J.* IV. 180, *Mahākaṇhajātaka* (*Chuyện đại hắc thiên cẩu*), số §469.

Vua thu hết can đảm đến gần cửa sổ, kêu lớn vào Thiên chủ:

– Này thợ săn kia, sao con chó của ngươi rống lên thế?

– Vì nó đói.

Vua bảo:

– Được, trẫm sẽ ra lệnh đem thức ăn cho nó.

Thế là vua ra lệnh đem thức ăn ngự thiện của ngài cùng thức ăn trong cả cung điện. Con chó hình như chỉ ngoạm một miếng là hết tất cả xong lại gào thét. Vua hỏi nữa, Thiên chủ đáp:

– Con chó còn đói.

Sau đó, vua bảo đem thức ăn của voi, ngựa ra cho nó. Nó cũng ăn hết lập tức, vua lại phải lấy hết thức ăn trong kinh thành ra cho nó, con chó cứ nuốt chửng hết như vậy rồi gào thét nữa. Vua bảo:

– Đây không phải chó, chắc chắn là con quỷ dữ. Ta muốn xem nó từ đâu đến.

Lòng kinh hãi, vua ngâm vần kệ đầu hỏi:

61. Chó săn đen sẫm buộc năm dây,
Nanh trắng nhe ra cả miệng này,
Oai vệ gây kinh hoàng dữ dội,
Nó làm gì được với người đây?

Nghe vậy, Thiên chủ Đế-thích ngâm vần kệ thứ hai:

62. Chó đen chẳng đến để săn mồi,
Song nó làm công dụng trị người,
Đại đế Usīnara này phải biết,
Khi ta thả lỏng nó ra thôi.

Lúc ấy, vua bảo:

– Sao, thợ săn, con chó này sẽ xé xác hết mọi người hay chỉ xé những kẻ thù của ngươi thôi?

– Tâu Đại vương, chỉ những kẻ thù của tiểu thần thôi.

– Vậy ai là kẻ thù của ngươi?

– Tâu Đại vương, những kẻ nào thích gian tà và theo đường ác.

Vua bảo:

– Hãy tả bọn chúng cho ta nghe!

Vị Thiên chủ liền tả bọn chúng qua các vần kệ:

63. Giả làm Tăng chúng, bát trong tay,
Mình khoác chiếc y, cạo tóc này,
Lại muốn theo nghề cày ruộng đất,
Thì ta sẽ thả chó đen ngay.

64. Khi nào Ni chúng Giáo đoàn này,
Đắp một chiếc y, cạo tóc vầy,
Lại thấy đua chen đời thế tục,
Thì ta sẽ thả chó đen đây.

65. Khi nhà tu lại muốn cho vay,
Nặng lãi, môi trên chẫu thật dài,
Cả miệng răng hôi, đầu tóc bẩn,
Thì ta sẽ thả chó đen này.

66. Giáo sĩ không kinh thánh, lễ đàn,
Lại dùng hết cả mọi tài năng,
Tế đàn vì chỉ ham tiền của,
Lúc ấy ta liền thả chó săn.

67. Nay đã già nua, nhị lão thân,
Đến thời tàn tạ hết ngày xuân,
Nó không cấp dưỡng dù dư sức,
Chống nó, ta liền thả chó săn.

68. Kẻ nào đối với mẹ cha già,
Nay đến lúc tàn xuân đã qua,
Kêu: "Các người kia, đồ ngốc dại!"
Chống y, ta thả chó săn ra.

69. Khi đàn ông tán vợ người ta,
Vợ của thầy, hay của bạn nhà,
Em của cha mình, hay vợ cậu,
Thì ta liền thả chó đen ra.

70. Khi mộc trên vai, kiếm dưới tay,
Làm quân cường đạo, vũ trang đầy,
Chiến trường giết hại và ăn cướp,
Ta sẽ thả ra hắc cẩu này.

71. Con trai bà góa dưỡng da ngà,
Vô dụng, không tài giỏi việc nhà,
Lực lưỡng, chỉ gây trò đánh lộn,
Thì ta sẽ thả chó săn ra.

72. Khi tâm người chứa rẫy ý tà,
Những kẻ dối gian, chẳng thật thà,
Quanh quẩn vào ra trong thế giới,
Thì ta sẽ thả chó đen mà.

Như vậy, khi Thiên chủ bảo: "Những người này là kẻ thù của ta, tâu Đại vương", ngài làm thế như sắp thả chó xông ra xé những kẻ nào làm các hành động của cừu nhân. Song trong lúc cả đám đông đang kinh hoàng, ngài cầm lấy

dây xích chó làm như thể buộc chặt nó vào chỗ đó rồi ngài trút bỏ bộ dạng thợ săn, dùng thần lực bay lên đứng trên không, sáng rực rỡ và bảo:

– Này Đại vương, ta là Thiên chủ Đế-thích, vì thấy trần gian sắp bị hủy diệt nên ta đến đây. Quả thật bây giờ người chết đọa vào các cõi khổ đầy rẫy vì chúng làm toàn chuyện độc ác, còn thiên giới thì trống vắng. Từ nay ta sẽ biết cách trừng trị bọn gian ác, song các người phải cố gắng tinh cần.

Rồi sau khi thuyết pháp trong bốn vần kệ đáng ghi nhớ và hướng dẫn dân chúng vào các công đức thiện sự như bố thí, ngài tăng cường uy lực của giáo pháp đang suy tàn để giáo pháp được tồn tại thêm một ngàn năm nữa rồi ngài cùng thần Mātali trở lại cõi của ngài.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này. Ngài nói thêm:

– Này các Tỳ-kheo, như vậy ngày xưa cũng như nay, Ta đã sống vì lợi lạc của cõi đời.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời đó, Ānanda là Mātali và Ta là Thiên chủ Đế-thích.

§470. CHUYỆN PHÚ ÔNG KEO KIỆT KOSIYA (*Kosiyajātaka*) (*J.* IV. 186)

Chuyện phú ông keo kiệt Kosiya sẽ được kể trong *Chuyện thực phẩm thiên giới.*[16]

§471. CHUYỆN CON DÊ (*Meṇḍakajātaka*) (*J.* IV. 186)

Chuyện con dê sẽ được kể trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[17]

§472. CHUYỆN VƯƠNG TỬ PADUMA VĨ ĐẠI (*Mahāpadumajātaka*) (*J.* IV. 187)

Vua chẳng nên trừng phạt tội hình...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về Ciñcamāṇavikā [người đã vu cáo đức Phật về việc thông gian].

Khi đấng Thập Lực mới đạt Vô thượng Chánh đẳng giác, sau đó chúng đệ tử này càng đông đảo, vô số chư thiên và loài người đã được sinh lên thiên giới, hạt giống duyên lành gieo rắc khắp nơi nên Ngài được uy danh lừng lẫy và lễ vật cúng dường cao trọng. Bọn ngoại đạo tà giáo chẳng khác nào bầy đom đóm

---

[16] Xem *J.* V. 382, *Sudhābhojanajātaka* (*Chuyện thực phẩm thiên giới*), số §535.

[17] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

sau buổi bình minh, họ chẳng còn danh vọng, lợi dưỡng cúng dường nữa. Họ liền ra giữa đường hét lớn vào đám đông:

– Sao, Sa-môn Gotama là bậc Giác Ngộ à? Chúng ta cũng là những bậc giác ngộ. Chỉ có các lễ vật cúng dường cho vị ấy mới mang lại kết quả lớn sao? Những vật cúng dường cho chúng ta cũng mang lại kết quả lớn cho các người. Vậy các người hãy cúng dường cho chúng ta, phục vụ cho chúng ta nữa chứ?

Song dù họ kêu gào mãi, họ cũng chẳng hưởng được danh vọng, lợi dưỡng nào cả. Sau đó, họ bí mật họp nhau lại và bàn bạc vấn kế:

– Làm thế nào chúng ta có thể gây ô nhục cho Sa-môn Gotama trước mặt công chúng để chấm dứt danh vọng, lợi dưỡng cúng dường của ông ấy đây?

Lúc bấy giờ, tại Xá-vệ có một cô gái tên là Ciñcamāṇavikā đẹp tuyệt trần, dáng kiều diễm, mảnh mai như một nữ thần, ánh sáng như tỏa ra từ thân thể cô. Có người bày mưu kế ác độc như sau:

– Nhờ Ciñcamāṇavikā giúp sức, chúng ta có thể gây ô nhục cho Sa-môn Gotama và chấm dứt danh vọng, lợi dưỡng mà ông đang hưởng.

Cả bọn đồng ý:

– Phải lắm, chúng ta sẽ làm theo cách ấy!

Khi cô ấy đến chỗ tu hành của bọn ngoại đạo tà giáo, đảnh lễ họ rồi đứng yên, bọn tà đạo sư không nói gì với cô cả. Cô hỏi:

– Con có lỗi gì chăng? Con đã chào các Tôn giả ba lần rồi.

Cô lại bảo:

– Thưa các Tôn giả, tại sao các vị không nói gì với con?

Họ đáp:

– Này chị, chị có biết Sa-môn Gotama đang du hành qua đây và làm hại chúng ta, làm mất hết mọi danh vọng, lợi dưỡng cúng dường mà chúng ta đã được hưởng trước kia chăng?

– Thưa các Tôn giả, con không biết việc đó, nhưng con có thể làm gì được?

– Này chị, nếu chị muốn chúng ta được tốt lành thì hãy tự mình gây ô nhục cho Sa-môn Gotama để chấm dứt danh vọng, lợi dưỡng mà vị ấy đang hưởng!

Cô đáp:

– Thưa các Tôn giả, được lắm, xin để việc ấy cho con, đừng lo lắng gì nữa!

Nói vậy xong, cô từ giã ra đi. Sau đó, cô dùng mọi xảo thuật của nữ nhân để đánh lừa người đời. Khi dân chúng ở Xá-vệ nghe pháp xong và ra về từ Kỳ Viên, cô lại thường đi về phía Kỳ Viên, khoác chiếc y nhuộm màu đỏ yên chi, tay cầm vòng hoa thơm ngát. Khi có ai hỏi cô đi đâu vào giờ này, cô thường trả lời: "Các vị có liên quan gì đến việc tôi đi, tôi về mà hỏi?"

Cô cứ ở lại ban đêm trong am thất của bọn tà đạo sư ấy sát gần Kỳ Viên, rồi đến sáng sớm mai, khi các cư sĩ cận sự của Tăng chúng từ kinh thành đến đảnh

lễ Tăng chúng buổi sáng, cô thường hay gặp gỡ họ như thể cô đã ở lại ban đêm tại Kỳ Viên rồi đi về kinh thành. Nếu có ai hỏi cô đã ở lại nơi đâu, cô liền trả lời: "Tôi ở lại nơi đâu thì có việc gì đến các vị?" Song sau chừng sáu tuần lễ, cô đáp: "Tôi ở ban đêm tại Kỳ Viên với Sa-môn Gotama trong hương phòng."

Các người ngoại đạo bắt đầu thắc mắc không biết việc ấy có đúng vậy chăng. Sau chừng ba bốn tháng, cô lại quấn nhiều lớp vải quanh bụng, làm ra vẻ như thể cô đang có thai và khoác áo choàng đỏ ra ngoài rồi cô tuyên bố là cô có thai với Sa-môn Gotama khiến cho nhiều người ngu si mù quáng tin theo lời. Sau chừng tám chín tháng, cô cột quanh người những miếng gỗ cuộn thành bó, khoác áo đỏ phủ lên, lấy xương hàm của bò đập vào tay chân, thân thể cho sưng phồng to và làm ra dáng mệt mỏi.

Một buổi chiều, khi đức Như Lai đang ngồi trên bảo tòa thuyết pháp, cô bước vào giữa hội chúng, đứng trước mặt đức Như Lai và nói:

– Này Đại Sa-môn, quả thực Ngài đang thuyết pháp cho nhiều hội chúng. Giọng nói của Ngài thật êm dịu, đôi môi che hàm răng Ngài thật êm ái, nhưng Ngài đã làm cho tiện thiếp có thai và ngày sanh đã gần kề, tuy thế Ngài không sắp đặt phòng bảo sanh cho thiếp, Ngài không cho thiếp bơ tươi hay dầu ăn gì cả. Những việc tự Ngài không muốn làm, Ngài cũng không nhờ một người cư sĩ nào làm thay thế như vua xứ Kosala, ông Cấp Cô Độc hay nữ cận sự Visākhā. Tại sao Ngài không bảo một người trong các vị ấy làm những việc cần cho thiếp? Ngài biết cách hưởng dục lạc, song lại không biết cách chăm sóc kết quả sẽ phát sinh từ đó.

Thế là cô ta phỉ báng đức Như Lai giữa đại chúng như một người cố ném bùn làm vấy bẩn mặt trăng. Đức Như Lai ngưng thuyết giảng và thét lên như tiếng rống sư tử vang dội khắp nơi:

– Này chị, những điều chị vừa nói đúng hay sai, chỉ mình Ta và chị biết thôi.

Cô đáp:

– Đúng thế, quả thực vậy, việc này xảy ra như thế nào chỉ mình Ngài và thiếp biết thôi.

Ngay lúc ấy, chiếc ngai vàng của Thiên chủ Đế-thích nóng rực lên. Khi xem xét kỹ, ngài thấy rõ lý do: "Ciñcamāṇavikā đang vu cáo đức Như Lai về một việc không có thực." Ngài quyết định làm sáng tỏ vấn đề này liền cùng bốn thiên thần đi đến đó. Các thiên thần giả dạng bầy chuột đồng lập tức cắn sợi dây cột bó gỗ kia rồi một cơn gió thổi tốc lên chiếc y đỏ cô đang mặc, bó gỗ lộ ra và rơi xuống chân cô, các ngón chân cô đều bị đứt lìa cả. Đại chúng la lớn:

– Một con mụ phù thủy đang vu cáo bậc Chánh Đẳng Giác!

Đại chúng liền khạc nhổ lên đầu cô, lấy gậy gộc, đất đá xua đuổi cô ra khỏi tinh xá Kỳ Viên. Khi cô đi khuất tầm mắt của đức Như Lai, đại địa liền há miệng ra thành một đường nứt khổng lồ, ngọn lửa từ dưới địa ngục thấp nhất

bốc lên khiến cô bị bao vây giữa đám lửa như thể trong chiếc hồng y hôn lễ mà nhóm bạn phủ lên cô, rồi cô rơi xuống tầng địa ngục thấp nhất và tái sanh tại đó. Danh vọng và lợi dưỡng của các tà sư tiêu tan, còn danh vọng và lợi dưỡng của đấng Thập Lực lại tăng trưởng dồi dào hơn nữa.

Ngày hôm sau, Tăng chúng bàn luận trong pháp đường:

– Này các Hiền hữu Tỳ-kheo, Ciñcamāṇavikā đã vu cáo đức Phật Chánh Giác với công đức cao cả xứng đáng mọi lễ vật cúng dường và đã bị đọa đày khủng khiếp.

Bậc Đạo sư đi vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì khi ngồi tại đây. Đại chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ nữ nhân này mới vu cáo Ta rồi bị tiêu diệt thảm khốc mà ngày xưa cũng vậy.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sinh làm vương tử của chánh hậu. Vì thấy dung mạo của Bồ-tát đầy đủ phước lành như đóa sen nở, vua đặt tên ngài là Paduma (Liên Hoa). Khi lớn lên, ngài được dạy đầy đủ mọi ngành học thuật. Lúc đó, bà chánh hậu qua đời, vua lại sắc phong một vương hậu khác và phong cho ngài làm phó vương.

Sau đó, vua sắp sửa lên đường đi dẹp loạn ở biên địa liền phán bảo vương hậu:

– Này Ái khanh, hãy ở lại đây trong lúc trẫm đi dẹp loạn biên cương!

Song nàng đáp:

– Tâu Chúa thượng, không được đâu, thiếp không muốn ở lại mà thiếp xin đi theo hầu Chúa thượng.

Vua liền chỉ cho nàng thấy nỗi nguy hiểm ở chiến trường và nói thêm:

– Nàng hãy ở lại đây, đừng lo buồn gì cho đến khi trẫm hồi cung, trẫm sẽ giao phó Thái tử Paduma trọng trách chăm sóc mọi việc cần làm cho Ái khanh rồi trẫm sẽ đi!

Nói vậy xong, vua lên đường. Khi ngài đã đánh tan kẻ thù, bình định đất nước, ngài trở về cắm trại ngoài kinh thành. Bồ-tát biết tin vua cha trở về liền trang hoàng kinh thành thật rực rỡ rồi canh phòng cẩn mật cung điện, xong xuôi một mình ngài lên đường đón phụ vương. Vương hậu quan sát diện mạo khôi ngô của ngài liền đem lòng say mê ngài. Khi giã từ vương hậu, ngài bảo:

– Tâu Mẫu hậu, Vương nhi có thể làm gì cho Mẫu hậu được chăng?

Nàng bảo:

– Chàng gọi thiếp là Mẫu hậu ư?

Rồi nàng đứng lên nắm hai tay ngài bảo:

– Chàng hãy nằm trên vương sàng của thiếp!

Ngài hỏi:

– Để làm gì?

– Chúng ta hãy tận hưởng lạc thú ái ân cho đến khi đức vua trở về!

– Tâu Mẫu hậu, Mẫu hậu là mẹ của thần nhi và Mẫu hậu đang còn có Phụ vương đây. Chưa bao giờ thần nhi nghe chuyện một nữ nhân, một kế mẫu lại phá bỏ đạo lý, đi theo dục lạc xác thịt như thế. Làm sao thần nhi có thể phạm tội lỗi ô uế như vậy với Mẫu hậu được?

Nàng nài nỉ ngài hai ba lần, ngài vẫn từ chối, nàng liền bảo:

– Thế ngươi không chịu làm như ta bảo ư?

– Quả thật thần nhi không chịu!

– Vậy thì ta sẽ tâu trình Đại vương ra lệnh chém đầu ngươi đi!

Bồ-tát bảo:

– Xin cứ làm như ý Mẫu hậu!

Rồi ngài bỏ đi, để nàng lại đó lòng đầy hổ thẹn nhục nhã. Rồi trong lúc quá kinh hoàng, nàng suy nghĩ: "Nếu vương tử đi nói chuyện với vua cha trước ta thì ta sẽ không sống nổi đâu. Vậy chính ta phải lo nói trước với ngài."

Thế là nàng không đụng tới các món ngự thiện mà khoác vào chiếc hoàng y lấm lem, lại lấy móng tay cào xước cả người rồi ra lệnh cho cung nữ:

– Hễ khi nào đức Vua hỏi Vương hậu ở đâu thì hãy tâu là "Lệnh bà bị bệnh!"

Rồi nàng nằm xuống giả vờ đau ốm. Lúc bấy giờ, vua uy nghi diễu quanh kinh thành theo hướng bên hữu rồi vào cung thất. Khi ngài không thấy nàng, ngài hỏi:

– Chánh hậu đâu rồi?

Chúng đáp:

– Muôn tâu, Lệnh bà đang bị bệnh.

Ngài liền vào nội cung, hỏi nàng:

– Ái hậu có việc gì bất an chăng?

Nàng cứ làm như thể không nghe gì cả. Vua hỏi đến đôi ba lần nàng mới đáp:

– Tâu Đại vương, ngài hỏi làm gì thế? Xin Đại vương hãy im lặng! Phụ nữ xuất giá đều phải chịu cảnh như thần thiếp cả.

Vua bảo:

– Ai đã làm phiền lòng Ái hậu? Nói nhanh lên rồi trẫm sẽ hạ lệnh chém đầu nó.

– Thế Đại vương đã để lại kẻ nào thay Đại vương trong kinh thành này khi Đại vương ra đi?

– Vương tử Paduma.

Nàng nói tiếp:

– Và thế là vương tử vào phòng của thiếp, thiếp liền hỏi: "Này vương nhi đừng làm vậy, ta là mẫu hậu của vương nhi." Nhưng vương tử kêu lên: "Không ai là đức vua ở đây trừ ta. Vậy ta sẽ đưa nàng về cung thất của ta và hưởng ái ân với nàng." Rồi vương tử nắm lấy tóc thiếp cứ kéo nhổ ra mãi và do thiếp không chiều theo ý vương tử nên vương tử đánh đập thiếp trọng thương rồi bỏ đi.

Vua không cần điều tra sự việc mà nổi cơn thịnh nộ lên như con mãnh xà liền ra lệnh cho quân sĩ:

– Bây hãy đi trói Vương tử Paduma rồi đem lại đây cho trẫm!

Họ liền đi đến cung thất của ngài, đông đảo lũ lượt kéo qua kinh thành, trói ngài lại, đánh đập, cột chặt hai tay ngài ra sau lưng, quấn quanh cổ ngài một vòng hoa đỏ của một tên tử tội rồi dẫn ngài đến cung, vừa đi vừa đánh đập. Ngài biết rõ việc này là do vương hậu gây ra nên trong khi ngài vừa đi vừa kêu lớn:

– Này các ngươi, ta không làm tội gì chống lại đức vua cả. Ta vô tội.

Cả kinh thành vang dội tin dữ: "Chúng bảo vua sắp hành hình thái tử theo lệnh một nữ nhân đấy!" Dân chúng ùa tới quỳ dưới chân thái tử mà kêu khóc vang lừng:

– Chúa công ơi! Ngài không đáng bị trừng phạt như thế này!

Cuối cùng, họ đem ngài đến trước vua. Vừa chợt thấy mặt ngài, vua không đè nén được những gì đang chất chứa trong lòng liền kêu lớn:

– Kẻ này không phải là vua, song đã làm thế công việc của vua cha rất hoàn hảo, đó là vương nhi của ta, tuy vậy nó đã xúc phạm vương hậu. Bây hãy lôi cổ nó, đem thả xuống vực của bọn trộm cướp cho nó chết đi!

Nhưng vương tử tâu:

– Tâu Phụ vương, con không hề phạm tội ấy. Xin đừng giết con vì lời của một nữ nhân.

Vua vẫn không nghe theo ngài, rồi toàn thể mười sáu ngàn cung phi ở chốn hậu cung đồng cất tiếng khóc than vang dội:

– Ôi, Vương tử Paduma thân yêu, Vương tử Paduma hùng dũng, ngài không đáng bị đối xử như thế này!

Kế đó, tất cả các tướng quân và các lãnh chúa cùng các vị đại thần đều kêu lớn:

– Tâu Chúa thượng, vương tử là người hiền thiện và đức hạnh, vẫn giữ đúng truyền thống của dòng dõi, là bậc kế vị trên ngai. Xin đừng giết ngài theo lời một nữ nhân mà không chịu nghe tâu trình gì cả. Phận sự một minh quân là phải hành động hết sức cẩn trọng.

Nói vậy xong, hội chúng liền ngâm bảy vần kệ:

106. Vua chẳng nên trừng phạt tội hình,
Mà không nghe lý lẽ phân minh,
Cũng không tự xét suy cho kỹ,
Mọi mặt, dù to nhỏ thật tinh.

107. Tướng quân trừng phạt lỗi lầm sai,
Trước lúc đem ra xử hẳn hòi,
Giống kẻ sinh ra mù cặp mắt,
Ăn toàn xương xẩu lẫn đàn ruồi.

108. Ai phạt kẻ không có tội gì,
Để người có tội lọt qua đi,
Khác gì hơn một người mù mắt,
Bước trên đường cái quá gồ ghề.

109. Người xét xem toàn thể sự tình,
Trong việc dù to nhỏ thật rành,
Cai trị nước nhà theo cách ấy,
Xứng ngôi chúa tể giữa quần sinh.

110. Người nào ở địa vị cao sang,
Xử sự không nên quá dễ dàng,
Cũng chẳng nên làm khe khắt quá,
Song song thực hiện cả đôi đàng.

111. Quá dễ dàng hay bị miệt khinh,
Khắt khe thường nổi trận lôi đình,
Giữa hai điều ấy cần thông hiểu,
Và giữ đường trung chính hợp tình.

112. Người đang nổi giận, hỡi Quân vương,
Cũng nói nhiều như kẻ bất lương,
Và thế là đừng vì phụ nữ,
Giết vương nhi nối dõi tông đường.

Song dù nói hết mọi cách, quần thần vẫn không thuyết phục được vua theo lời họ. Bồ-tát cũng vậy, đã dùng hết mọi lời lẽ van xin nhưng không làm vua cha nghe theo ngài. "Không", vua thật ngu si mù quáng phán bảo:

– Lôi cổ nó đi thả xuống vực sâu dành cho bọn trộm cướp!

Rồi vua ngâm vần kệ thứ tám:

113. Cả nước này đang đứng một bên,
Bên kia ái hậu một mình riêng,
Với nàng, tuy vậy ta khăng khít,
Thả nó vào hang, hãy cút liền!

Nghe các lời lẽ ấy, không ai giữa mười sáu ngàn phi tần đứng yên được,

trong khi toàn thể thần dân đưa tay lên vò đầu bứt tóc và kêu than khóc lóc. Vua phán:

– Đừng để bọn này cản trở việc quẳng tên kia xuống vực sâu!

Rồi giữa quần thần và dân chúng vây quanh than khóc, vua cứ ra lệnh tóm lấy vương tử quẳng lộn nhào xuống vực sâu. Lúc ấy, vị thần trú ngụ ở trên đồi ấy dùng uy lực nhân từ an ủi vương tử, bảo:

– Hỡi Vương tử Paduma, xin ngài đừng sợ hãi!

Vị thần đưa cả hai tay ra đón lấy ngài, ôm chặt ngài vào lòng mình, truyền qua thân thể ngài một niềm xúc động kỳ diệu, đem ngài vào nơi cư trú của bầy rắn gồm tám loại dưới quyền của vị xà vương. Vị rắn chúa đón Bồ-tát vào hang rắn, song lại chia cho ngài một nửa giang sơn vinh hiển và ngài ở đó một năm tròn rồi sau đó ngài bảo:

– Ta muốn trở về cõi nhân gian.

Chúng hỏi:

– Đến nơi đâu?

– Đến Tuyết Sơn, nơi ta muốn sống đời tu hành.

Xà vương chấp thuận, mang ngài đi đến tận nơi có loài người đi qua lại, trao cho ngài đủ mọi vật dụng cần thiết của đời tu hành rồi trở về chốn cũ. Thế là ngài tiến lên vùng Tuyết Sơn, đi theo cuộc đời đạo hạnh, tu tập năng lực thiền định đem đến an lạc, ngài ở đó nuôi sống mình bằng các thứ củ quả rừng.

Lúc bấy giờ, có một người kiểm lâm ở Ba-la-nại đi đến chốn ấy và nhận ra bậc Đại sĩ. Gã bảo:

– Tâu Chúa công, có phải chăng ngài là Thái tử Paduma vĩ đại?

Ngài đáp:

– Chính phải, thưa ông.

Kẻ kia đảnh lễ ngài và ở lại chơi vài ngày. Sau đó, y trở về Ba-la-nại trình với vua:

– Tâu Chúa thượng, thái tử đã theo cuộc đời tu hành ở vùng Tuyết Sơn, hiện đang sống trong am lá. Hạ thần đã đến tận đó ở với ngài và trở về đây.

Vua hỏi:

– Ngươi có chính mắt trông thấy thái tử chăng?

– Tâu Chúa thượng, chính phải.

Vua liền cùng đám đông tùy tùng đến đó, đóng trại ở ven rừng rồi cùng vài cận thần đi đến đảnh lễ bậc Đại sĩ lúc ấy đang ngồi ở ngưỡng cửa am trong vẻ uy nghi rực rỡ, còn vua ngồi xuống một bên; các cận thần cũng đảnh lễ ngài với lời lẽ rất thân ái xong cùng ngồi một bên cả. Về phần bậc Đại sĩ, ngài mời vua dùng trái rừng và đàm đạo rất vui vẻ với vua. Sau đó, vua hỏi:

– Này Vương nhi, con bị ta thả xuống vực sâu, làm cách nào mà còn sống sót được?

Và vua ngâm vần kệ thứ chín để hỏi chuyện đó:

114. Con bị thả vào miệng vực sâu,
Bên sườn núi dựng, dốc đèo cao,
Chẳng ai cứu giúp, rừng dừa rậm,
Con vẫn bình an bởi cách nào?

Sau đây là những câu kệ còn lại gồm năm vần xen kẽ nhau, ba kệ do Bồ-tát ngâm và hai kệ do vua ngâm.

115. Một mãnh xà kia đủ lực hùng,
Sinh ra sống dưới đất trong rừng,
Bắt con cuộn lấy trong mình rắn,
Con được bình an, thoát tử thần.

116. Cha sẽ đưa con, hỡi thiếu nhi,
Quay về cung điện của cha đi,
Con làm gì nữa trong rừng núi,
Hạnh phúc con nay sẽ trị vì.

117. Kẻ nào đã nuốt móc mồi câu,
Khi kéo móc ra, máu đỏ trào,
Kéo được móc rồi là hạnh phúc,
Lòng con hỷ lạc tuyệt thanh cao.

118. Sao con nói đến móc mồi câu,
Con nói vậy sao đến máu đào,
Con lại nói sao về rút móc,
Cha nay muốn biết việc kia nào?

119. Dục tham là chính móc mồi câu,
Con nói ngựa voi, chính máu đào,
Con rút ra nhờ lìa thế tục,
Cha cần biết chuyện ấy, muôn tâu!

– Tâu Đại vương, như vậy việc làm vua không có nghĩa gì đối với con cả. Song Đại vương phải chú tâm đừng vi phạm thập vương pháp mà phải từ bỏ các ác nghiệp và trị dân thật chân chính.

Bậc Đại sĩ khuyến giáo vua cha qua những lời đó. Vua vừa than khóc vừa từ giã ra đi, và trên đường về kinh, vua hỏi các cận thần:

– Vì ai mà ta phải chia lìa với một người con đức độ như thế?

Hội chúng đáp:

– Chính vì vương hậu.

Vua liền ra lệnh bắt vương hậu thả xuống vực sâu dành cho bọn trộm cướp rồi vào thành cai trị theo đúng Chánh pháp.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, như vậy, nữ nhân này đã vu cáo Ta thuở xưa và phải chịu hủy diệt thương đau.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân bằng cách ngâm vần kệ cuối cùng:

120. Kẻ mẫu của Ta là Ciñcā,
Đề-bà-đạt-đa chính vua cha,
Ta là Thái tử Liên Hoa nọ,
Còn vị thần non thuở ấy là,
Xá-lợi-phất giờ đây Trưởng lão,
Thiện xà chúa nọ A-nan-đà,
Và này Tăng chúng, Ta tuyên bố,
Kết thúc tiền thân ấy của Ta.

§473. CHUYỆN BẠN VÀ THÙ (*Mittāmittajātaka*) (*J.* IV. 196)

Làm sao người trí phải tinh cần...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một vị đại thần chính trực của vua xứ Kosala.

Tương truyền rằng, vị quan này rất có công với vua, và sau đó vua ban tặng ông sự vinh hiển tột bực. Các vị quan khác không thể nào chịu đựng được việc ấy nên vu cáo với vua ông đã làm những việc xúc phạm đến vua. Vua cho điều tra về vị ấy và thấy ông không có lỗi gì cả liền suy nghĩ: "Ta không thấy người này phạm lỗi gì cả, làm sao ta biết được đó là bạn hay thù?" Rồi vua lại nghĩ: "Không có ai ngoài đức Như Lai có đủ khả năng quyết đoán vấn đề này, vậy ta đi tham vấn Ngài xem sao." Thế là sau khi dùng điểm tâm xong, vua đến viếng bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, làm sao có thể phân biệt một người là bạn hay thù?

Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư đáp:

– Này Đại vương, những người khôn ngoan ngày xưa đã suy nghĩ về vấn đề này và đã hỏi các bậc Hiền trí, rồi theo lời khuyến giáo của các vị ấy mà tìm ra chân lý, lánh xa các cừu nhân và chú tâm đến các bạn lành.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là vị cận thần khuyến giáo vua về thế sự cũng như thánh sự. Thời ấy, nhóm triều thần kia vu cáo một vị quan chính trực. Vua thấy vị ấy không có lỗi gì liền hỏi bậc Đại sĩ:

– Này, bằng cách nào ta có thể phân biệt bạn và thù?

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ nhất:

121. Làm sao người trí phải tinh cần,
Phân biệt làm sao được thực chân,
Những việc làm nào tai mắt thấy,
Tỏ rằng kẻ ấy chính cừu nhân?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ ngâm năm vần kệ này để giải thích các dấu hiệu của một kẻ thù:

122. Khi ngài thăm, nó chẳng tươi cười,
Nó chẳng tỏ ra muốn đón mời,
Nó chẳng quay nhìn theo cách ấy,
Và trả lời "không có" với ngài.

123. Kẻ thù ngài, nó lại tôn vinh,
Bạn thiết của ngài, nó miệt khinh,
Nó cản người khen ngài tốt đẹp,
Những người phỉ báng, nó hoan nghênh.

124. Nó chẳng hề tâm sự mảy may,
Chuyện ngài tâm sự, nó phơi bày,
Việc ngài làm chẳng hề khen tốt,
Cũng chẳng hề khen trí tuệ ngài.

125. Khi ngài hạnh phúc nó không mừng,
Ô nhục ngài mang, nó thỏa lòng,
Nếu được món ngon không nghĩ tới,
Tên ngài trong dạ chẳng buồn thương,
Cũng không kêu lớn: Ô, này bạn,
Ta ước bạn ta cũng có phần!

126. Mười sáu điều trên cớ rõ ràng,
Cho ngài thấy được một cừu nhân,
Nếu người có trí nào nghe thấy,
Sẽ biết kẻ thù để nhận chân.

Sau khi ngâm năm vần kệ này, Bồ-tát lại nói:

127. Làm sao người trí phải tinh cần,
Phân biệt làm sao được thực chân,
Các việc làm nào tai mắt thấy,
Tỏ ra người ấy chính thân bằng?

Khi được hỏi qua lời kệ trên, vị quan liền ngâm các vần kệ còn lại:

128. Kẻ ấy nhớ người lúc vắng xa,
Mừng vui khi bạn trở về nhà,

Trong lòng hoan hỷ lên cao độ,
Chàng cất tiếng liền đón rước ta.

129. Chàng chẳng tôn vinh kẻ chống ngài,
Chỉ ưa phụng sự bạn ngài thôi,
Những ai phỉ báng, chàng ngăn cản,
Ai tán tụng ngài, lại thấy vui.

130. Chàng kể nhiều tâm sự với ngài,
Chuyện ngài tâm sự chẳng phơi bày,
Đề cao những việc ngài làm được,
Khen ngợi tài năng bạn thật hay.

131. Chàng vui khi nghe bạn an lành,
Chàng khổ lòng khi bạn ố danh,
Nếu được gì cao lương mỹ vị,
Chàng liền nghĩ đến bạn thân mình,
Cảm thương ngài quá, chàng kêu lớn,

132. Ta ước ao phần bạn được dành,
Mười sáu điều trên ấy chứng minh,
Rõ ràng xác định bạn thân tình,
Nếu người có trí nào nghe thấy,
Có thể nói ngay bạn chí thành.

Vua hoan hỷ nghe lời thuyết giảng của bậc Đại sĩ nên ban tặng ngài vinh quang tột đỉnh.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Thưa Đại vương, như vậy vấn đề này nảy sinh từ ngàn xưa và các bậc Trí nhân dạy bảo nhờ ba mươi hai biểu hiện trên mà Ta có thể biết được bạn hay thù.

Cùng với các lời này Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là vua và Ta chính là vị đại thần Hiền trí.

CHƯƠNG XIII
MƯỜI BA KỆ
(*TERASANIPĀTA*)

§474. CHUYỆN TRÁI XOÀI (*Ambajātaka*) (*J.* IV. 200)

Trước kia, khi trẫm bảo chàng trai...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Đề-bà-đạt-đa không thừa nhận bậc Đạo sư của mình và bảo:

– Chính ta sẽ là bậc Chánh Đẳng Giác và Sa-môn Gotama không phải là bậc Đạo sư hướng dẫn của ta.

Vì vậy, khi xuất định, ông gây chia rẽ trong Tăng chúng. Sau đó, dần dà ông tiến về Xá-vệ, ở bên ngoài tinh xá Kỳ Viên thì mặt đất há miệng, ông rơi vào địa ngục Avīci.[1] Lúc ấy, tất cả Tăng chúng đều nói chuyện ấy tại pháp đường:

– Này các Hiền hữu, Đề-bà-đạt-đa đã xa rời bậc Đạo sư và bị hủy diệt khủng khiếp, đó là sinh vào một đời sống khác trong địa ngục Avīci sâu thẳm.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì, hội chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa cũng như nay, Đề-bà-đạt-đa đã xa rời bậc Đạo sư của mình và bị hủy diệt khủng khiếp.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, cả gia đình của vị tế sư trong triều bị bệnh dịch hạch tiêu diệt, chỉ một người con trai duy nhất phá được tường nhà trốn thoát đi xa. Chàng đến Takkasilā và học tập đủ các kỹ năng nghệ thuật với một vị giáo sư tiếng tăm lừng lẫy khắp thiên hạ. Sau đó, chàng từ giã sư phụ và ra đi với ý định chu du khắp nhiều miền. Trên bước giang hồ, chàng đến một làng ở biên địa, gần đó là một làng của giai cấp hèn hạ Chiên-đà-la (*Caṇḍāla*). Thời đó, Bồ-tát cư ngụ trong làng này và ngài là một bậc Hiền trí. Ngài biết một thần chú làm cho quả trên cây mọc rộ lên trong lúc trái mùa.

[1] Avīci, phiên âm là A-tỳ (阿鼻), dịch nghĩa là Vô Gián (無間): Liên miên, không đứt đoạn. Ở đây chỉ cho địa ngục Vô Gián, người bị đọa trong địa ngục này chịu khổ hành hạ khốc liệt, triền miên, không ngơi nghỉ.

Một buổi sáng kia, ngài mang đòn gánh đi ra khỏi làng mãi đến tận cây xoài mọc trong rừng, khi đứng cách đó bảy bước, ngài đọc thần chú và rảy một bụm nước vào cây đó. Trong chớp mắt, lớp lá khô rụng hết, lớp lá non mọc mầm, hoa nở rồi hoa tàn rụng, các trái xoài nhú ra. Song chỉ trong chốc lát chúng đã chín mọng, ngọt ngào thơm ngát, xoài lớn nhanh như loại trái thần rồi rụng xuống đất. Bậc Đại sĩ chọn ăn tùy thích rồi chất đầy hai giỏ trên đòn gánh, đem trái đi bán và kiếm tiền nuôi vợ con.

Lúc bấy giờ, một chàng trai Bà-la-môn thấy bậc Đại sĩ bán xoài chín trái mùa. Chàng suy nghĩ: "Chắc hẳn phải nhờ công năng của một loại thần chú nào đó xoài ấy mới mọc được. Người này có thể dạy ta một thần chú vô giá." Chàng rình ngắm kỹ cách thức bậc Đại sĩ hóa phép ra các thứ xoài của ngài và phát hiện việc này một cách chính xác. Sau đó, chàng đi đến nhà bậc Đại sĩ lúc ngài chưa trở về từ khu rừng ấy, rồi làm như thể chưa biết gì cả, chàng hỏi người vợ của bậc Đại sĩ:

– Đại sư đâu rồi?

Bà đáp:

– Đã vào rừng.

Chàng đợi cho đến khi ngài về liền tiến tới phía ngoài, đỡ lấy đòn gánh và đôi thúng từ vai ngài, đem hết đồ đạc vào nhà và đặt ở đó.

Bậc Đại sĩ nhìn chàng trai rồi bảo vợ:

– Này hiền thê, chàng trai này đến đây để được dạy thần chú, song chẳng có thần chú nào ở lâu với gã ấy cả vì gã là người không tốt đâu.

Còn chàng trai nghĩ thầm: "Ta sẽ học được thần chú bằng cách làm tôi tớ cho thầy ta." Thế là từ đó chàng làm mọi công việc trong nhà như gánh củi, giã gạo, nấu nướng, mang đến thầy đủ các thứ cần thiết để rửa mặt rửa chân.

Một ngày kia, bậc Đại sĩ bảo chàng:

– Này con, đem cho ta một cái ghế đẩu để gác chân.

Chàng ta chẳng còn cách nào khác liền để hai chân của bậc Đại sĩ lên đùi mình suốt đêm. Sau đó, bà vợ của ngài sinh hạ một con trai, chàng lại làm đủ mọi việc phục dịch trong thời kỳ bà ấy sinh sản. Một ngày nọ, bà vợ bảo bậc Đại sĩ:

– Này phu quân, chàng trai dù là ở giai cấp quý tộc lại hạ mình làm mọi việc tôi đòi, phục dịch cho nhà ta chỉ vì muốn có được thần chú. Vậy phu quân hãy dạy thần chú cho cậu ấy đi, dù thần chú có chịu ở với cậu ấy hay không.

Ngài đồng ý việc đó liền dạy thần chú cho chàng trai và bảo thế này:

– Con ạ, đây là thần chú vô giá, con nhờ nó sẽ được vinh quang phú quý tột bực. Nhưng hễ khi nào đức vua hoặc vị đại thần của ngài có hỏi ai là thầy dạy con thì con đừng giấu tên ta, vì nếu con hổ thẹn về chuyện người dạy con câu thần chú là một người hạ đẳng và con bảo rằng thầy dạy con là một

vị Bà-la-môn quyền cao chức trọng thì con sẽ chẳng được kết quả gì do thần chú đem đến cả đâu.

– Tại sao con lại phải giấu tên của sư phụ kia chứ? Khi nào con được ai hỏi thì con sẽ nói chính sư phụ đây.

Sau đó, chàng kính lễ thầy rồi từ giã thôn làng hạ đẳng kia, chàng vừa ra đi vừa suy nghĩ mãi về thần chú ấy, kịp lúc đến Ba-la-nại. Tại đó, chàng bán xoài và thu được nhiều tiền bạc.

Bấy giờ, một ngày kia, người giữ vườn ngự uyển dâng vua một trái xoài gã mới mua từ chàng trai ấy. Sau khi ăn xoài, vua hỏi gã kiếm được ở đâu ra trái xoài ngon ngọt như thế. Gã đáp:

– Tâu Chúa thượng, có một chàng trai mang xoài trái mùa tới bán. Tiểu thần đã mua được từ chàng ấy.

Vua bảo:

– Hãy dặn cậu ta từ nay mang xoài đến đây cho trẫm!

Người ấy làm y lời dặn, từ đó chàng đem xoài đến cung vua. Vua mời chàng đến phục vụ ngài, từ đó chàng trở thành bề tôi phục dịch vua, được hưởng đại phú quý, dần dần chàng được vua rất tin cậy. Một ngày nọ vua hỏi chàng:

– Này thiếu sinh, khanh kiếm ra xoài trái mùa này ở đâu mà ngon ngọt, thơm ngạt ngào và màu sắc tươi đẹp thế? Có phải một vị long vương, Kim Sí điểu hay thần linh nào đó ban thưởng cho khanh, hoặc đây là phép tiên chăng?

Chàng trai đáp:

– Tâu Đại vương, chẳng ai cho tiểu sinh cả, song tiểu sinh có một thần chú vô giá và đây là thần lực của chú ấy.

– Được, thế khanh có định biểu diễn cho trẫm xem thần lực của chú này một ngày nào đó chăng?

Chàng đáp:

– Tâu Chúa thượng, tiểu sinh xin sẵn sàng thực hiện điều đó hầu Chúa thượng.

Hôm sau, vua cùng chàng ta vào vườn ngự uyển và ngài phán bảo chàng hãy biểu diễn thần chú. Chàng trai vâng dạ và đi đến gần cây xoài, đứng cách chừng bảy bước, đọc thần chú và rảy nước vào cây. Trong chốc lát, cây xoài sinh trái như cách đã tả trên đây. Một mớ xoài rụng xuống ào ào như cơn bão, những người xem vô cùng thích thú, vung vẩy khăn để hoan nghênh. Còn vua dùng xoài xong, thưởng công chàng hậu hĩ rồi bảo:

– Này thiếu sinh, ai đã dạy khanh thần chú kỳ diệu này?

Bấy giờ, chàng nghĩ thầm: "Nếu ta bảo một kẻ Chiên-đà-la hạ đẳng đã dạy ta thì ta sẽ bị làm nhục, hội chúng sẽ chế giễu khinh thị ta. Nay ta đã thuộc lòng thần chú này, ta không bao giờ có thể mất nó. Được rồi, ta sẽ nói đó là một giáo sư lẫy lừng thiên hạ." Vì thế, chàng nói dối và bảo:

– Tiểu thần đã học được tại Takkasilā từ một danh sư lẫy lừng thiên hạ.

Khi chàng nói những lời phủ nhận thầy dạy mình như thế, lập tức thần chú biến mất. Còn vua rất hoan hỷ cùng chàng trở về kinh thành.

Một ngày kia, vua muốn ăn xoài liền đi vào ngự uyển ngồi trên ghế đá nơi thường dùng vào những dịp quốc lễ, ngài ra lệnh chàng trai đem xoài dâng ngài. Chàng trai tuân lệnh đi đến cây xoài, đứng xa bảy bước bắt đầu đọc thần chú, song thần chú không công hiệu. Lúc ấy, chàng biết mình đã mất thần chú nên đứng im đầy hổ thẹn. Còn vua suy nghĩ: “Trước kia chàng này đã dâng xoài ào ào như mưa dông ngay giữa đám đông người, nay chàng đứng như trời trồng, vì nguyên cớ nào đây?” Vì thế, ngài ngâm vần kệ đầu hỏi chuyện ấy:

1. Trước kia, khi trẫm bảo chàng trai,
Lớn nhỏ chàng đem đủ loại xoài,
Nay trái trên cây không xuất hiện,
Dù chàng vẫn đọc chú kia hoài.

Khi nghe vậy, chàng trai nghĩ thầm rằng nếu chàng bảo hôm nay trái cây không thể có được thì vua sẽ tức giận. Vì thế, chàng nghĩ cách nói dối để lừa vua liền ngâm vần kệ thứ hai:

2. Thời gian không hợp, đợi khi nào,
Kết hợp hành tinh giữa cõi cao,
Gặp gỡ đúng thời, giây phút đến,
Sẽ dâng xoài chín thật dồi dào!

“Cái gì thế này?” Vua tự hỏi. “Chàng trai này trước kia chẳng hề nói chuyện hành tinh gặp gỡ gì cả.” Ngài liền ngâm vần kệ để điều tra vấn đề này:

3. Bữa trước chàng không nói lúc nào,
Hay mùa gặp gỡ các vì sao,
Song xoài thơm ngát, ngon thanh vị,
Màu đẹp, chàng dâng trẫm biết bao.

4. Buổi nọ chàng phô diễn trái cây,
Nhờ câu thần chú thật tài thay,
Nay không làm được, dù chàng đọc,
Trẫm muốn hỏi chàng ý nghĩa đây?

Nghe thế chàng trai suy nghĩ: “Không nên lừa phỉnh vua bằng lời dối trá. Nếu như khi ta nói sự thật mà ngài trừng phạt ta thì cứ để ngài trừng phạt, song ta phải nói sự thật này.” Rồi chàng ngâm hai vần kệ:

5. Một người hạ đẳng chính là thầy,
Dạy đúng chú thần hữu hiệu đây,
Bảo: “Được hỏi tên thầy, chủng tộc,
Con đừng giấu, kẻo chú thần bay!”

6. Thần được hỏi thăm bởi Đại vương,
Dù thần đã biết thật tinh tường,
Vẫn mong lừa phỉnh, thần khai dối:
"Thần chú kia là của đạo nhân."
Thần nói dối, nay đành mất chú,
Đắng cay lòng tiếc việc si cuồng.

Nghe chàng nói điều này, vua tự nhủ: "Kẻ độc ác này không biết giữ gìn một kho báu vĩ đại dường ấy! Khi người ta có báu vật vô giá thì nguồn gốc gia tộc có liên quan gì đến báu vật đó đâu." Trong cơn thịnh nộ, ngài ngâm các vần kệ sau:

7. Cây nimba, hồng phượng hoặc thầu dầu,
Bất cứ loại cây gỗ thế nào,
Nơi đó thấy tầng ong mật ngọt,
Người xem cây ấy tốt hàng đầu.

8. Dù là đạo sĩ, Khattiya,
Vessa, Sudda, Caṇḍāla,
Pukkusa, người ta học tập,
Thảy đều tối thượng với đời ta.

9. Trừng phạt oắt con tệ bạc này,
Hoặc lôi cổ nó giết đi ngay,
Kho tàng đã được bao công khó,
Lại vứt vì tâm ngã mạn đầy!

Quân sĩ của vua theo lời, bảo:

– Hãy trở lại thầy dạy anh và xin ngài tha thứ, rồi nếu anh học được thần chú lần nữa thì hãy về đây, còn nếu không thì đừng bao giờ hòng để mắt đến xứ này nữa!

Nói thế xong, họ đuổi chàng đi. Chàng trai hoàn toàn bơ vơ lạc lõng. Chàng nghĩ thầm: "Chẳng có nơi nào cho ta nương tựa trừ thầy ta ra. Ta quyết trở về với thầy ta, xin thầy tha tội cho, rồi xin học lại thần chú." Vậy là chàng vừa than khóc vừa tiến về phía làng ấy. Bậc Đại sĩ thấy chàng đến liền chỉ cho vợ và bảo bà:

– Này hiền thê, hãy nhìn gã kia trở lại nhưng thần chú đã biến mất rồi!

Chàng đến gần bậc Đại sĩ, kính lễ ngài và ngồi xuống một bên. Ngài hỏi:

– Tại sao con đến đây?

Chàng đáp:

– Thưa sư phụ, con đã nói dối, chối bỏ về vị sư phụ của mình nên nay con hoàn toàn tiêu tan sự nghiệp.

Sau đó, chàng kể lại lỗi lầm của mình trong một bài kệ và xin thần chú lần nữa:

10. Kẻ nào nghĩ mặt đất san bằng,
Đang trải dài ra dưới gót chân,
Liền ngã vào hang, hồ, vực thẳm,
Bãi lầy cây ngã mục hư thân,
Vật giống sợi dây, kẻ giẫm lên,
Hóa ra con rắn sắc đen huyền,
Kẻ kia sa cẳng vào trong lửa,
Vì mắt mù không thể xét xem.
Con phạm tội nên mất chú thần,
Nhưng còn sư phụ, bậc Hiền nhân,
Xin thầy tha thứ cho lần nữa,
Nhìn tận mắt thầy, hưởng đặc ân!

Nhưng sư phụ chàng đáp:

– Sao, con bảo gì vậy? Chỉ cần ra dấu cho kẻ mù lòa là nó tránh được ao hồ đủ thứ rồi, còn ta đây đã dạy thần chú cho con một lần, con lại muốn gì nữa đây chứ?

Rồi ngài ngâm các vần kệ sau:

11. Đúng cách ta từng dạy bảo ngươi,
Chú kia ngươi học đúng theo thời,
Ta đà giảng đủ phần tinh túy,
Ngươi khéo làm hay, chú chẳng rời.

12. Ai đầy cực nhọc, hỡi ngu nhân,
Học chú thần gian khổ, khó khăn,
Đối với loài người trên hạ giới,
Rồi khi kẻ ngốc đã làm ăn,
Cuối cùng nó lại đem quăng bỏ,
Cũng chỉ vì mồm nói dối gian.

13. Với kẻ ngu si muốn dối gian,
Người không tự chế, kẻ vong ân,
Cút ngay, đừng hỏi gì ta nữa,
Ta chẳng còn cho nó chú thần!

Bị thầy dạy đuổi như vậy, chàng trai nghĩ thầm: "Đời còn có nghĩa lý gì với ta nữa!" Rồi chàng vào rừng sâu và chết bơ vơ một mình ở đó.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Không phải chỉ bây giờ, này các Tỷ-kheo, Đề-bà-đạt-đa mới chối bỏ vị thầy dạy của mình và phải chịu tiêu diệt thảm khốc.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Đề-bà-đạt-đa là kẻ vong ân bội nghĩa kia, A-nan là vua và Ta chính là người Chiên-đà-la hạ đẳng.

§475. CHUYỆN CÂY HỒNG PHƯỢNG VĨ (*Phandanajātaka*) (*J.* IV. 207)

Người đứng cầm rìu ở dưới tay...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trên bờ sông Rohiṇī về một việc tranh chấp, cãi cọ trong thân tộc.

Hoàn cảnh câu chuyện này sẽ được mô tả đầy đủ trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla*.[2] Vào dịp này, bậc Đạo sư gọi những người thân tộc đến và kể rằng:

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, bên ngoài kinh thành là một làng thợ mộc. Trong làng có một người Bà-la-môn làm nghề kiếm sống bằng cách mang gỗ từ rừng về đóng xe kéo.

Vào thời ấy, có một cây hồng phượng vĩ đại thọ ở vùng Tuyết Sơn. Một con hắc sư tử thường đến nằm dưới gốc cây ấy săn mồi. Một ngày kia, gió đánh mạnh vào cây khiến một cành cây khô rơi xuống trúng vai sư tử, đập mạnh vào khiến cho nó đau đớn vùng lên chạy trốn vì sợ hãi, sau đó, nó quay lui nhìn con đường vừa mới chạy qua, khi chẳng thấy có gì cả, nó suy nghĩ: "Chẳng có sư tử, cọp, beo hay con gì nữa đuổi theo ta ở đây, ta chắc rằng vị thần cây không chịu cho ta nằm ở đó. Ta muốn xem có đúng vậy không?" Suy nghĩ thế nó liền giận dữ thật vô lý, vừa đánh vào cây vừa thét lên:

– Ta chẳng ăn một ngọn lá nào bẻ trên cây của ông cũng chẳng bẻ gãy cành nào, thế sao ông chịu cho các loài vật khác ở đây mà ông không chịu cho ta ở? Ta có làm gì sai trái đâu, cứ đợi vài ngày nữa ta sẽ phá nát gốc rễ, cành lá của ông, ta sẽ làm ông tan tác từng mảnh!

Sư tử mắng rủa vị thần cây như vậy, rồi bỏ đi tìm một người.

Lúc ấy, người thợ mộc Bà-la-môn nói trên cùng với hai, ba người khác đã dùng xe đi đến vùng lân cận ấy để kiếm gỗ đóng xe. Gã để chiếc xe một nơi rồi cầm búa rìu trong tay đi tìm cây gỗ, gã chợt đến gần cây hồng phượng vĩ. Con sư tử thấy gã liền đi đến đứng dưới gốc cây vì nó nghĩ thầm: "Hôm nay ta phải trừ khử kẻ thù của ta mới được." Người kia thấy nó và vội chạy trốn ra khỏi rừng cây đó. Sư tử nghĩ thầm: "Ta phải nói chuyện với kẻ đó trước khi nó chạy đi mất." Rồi nó ngâm vần kệ đầu:

14. Người đứng cầm rìu ở dưới tay,
Đi lui, đi tới chốn rừng này,
Mau lên nói rõ cho ta biết,
Ông muốn cây gì ở chốn đây?

---

[2] Xem *J.* V. 413, *Kuṇālajātaka* (*Chuyện chim chúa Kuṇāla*), số §536.

Khi nghe lời ấy, người kia nghĩ: "Ô kìa, thật là kỳ diệu! Ta chưa bao giờ nghe thấy súc vật nói được tiếng người. Chắc chắn nó sẽ biết rõ loài cây nào có gỗ tốt để đóng xe. Ta muốn hỏi nó." Rồi gã liền ngâm vần kệ thứ hai:

15. Trên đồi, dưới vực, khắp đồng bằng,
Làm chúa, ngài đi khắp núi rừng,
Nói thật cho nghe, ta muốn hỏi,
Cây gì tốt để bánh xe lăn?

Sư tử nghe vậy, nghĩ thầm: "Bây giờ ta đã được toại nguyện rồi!" Nó liền ngâm vần kệ thứ ba:

16. Chẳng keo, tai ngựa, chẳng chiên-đàn,
Chẳng bụi cây nào tốt gỗ hơn,
Cây ấy, phượng hồng như vẫy gọi,
Làm xe gỗ tốt nhất trần gian.

Kẻ kia nghe vậy rất hài lòng, nghĩ thầm: "Thật là một ngày tốt lành đưa ta vào rừng. Đây là một vị nào mang lốt thú vật chỉ bảo cho ta cây gỗ tốt để ta làm bánh xe. Kỳ lạ thật, song lại tuyệt quá!" Vì vậy, gã hỏi sư tử qua vần kệ thứ tư:

17. Cành lá cây kia kiểu thế nào,
Thân cây trông thấy, loại ra sao,
Mong ngài nói thật, ta xin hỏi,
Để biết loài cây ấy ở đâu?

Sư tử ngâm hai vần kệ đáp lời:

18. Này cây cành rũ thấy là đà,
Cong xuống song không gãy trước giờ,
Cây hồng phượng vĩ này đấy bạn,
Gốc cây thường đứng nhà của ta.

19. Để làm vành trục hoặc khung càn,
Đôi bánh, hay bất cứ mọi phần,
Cây giống như vầy đều ích lợi,
Cho người khi đóng chiếc xe lăn.

Sau khi tuyên bố như vậy, sư tử đứng xích ra một bên, lòng mừng khấp khởi. Còn người thợ mộc bắt đầu đẵn cây. Lúc ấy, vị thần cây nghĩ thầm: "Ta không hề làm rớt cành nào trên con thú kia mà nó lại nổi cơn thịnh nộ thật phi thời, bây giờ nó lại đang muốn phá nhà của ta và ta cũng sẽ bị hủy diệt nữa. Vậy ta phải tìm cách đập tan oai lực của nó." Vì thế, vị thần này giả dạng tiều phu, đến gần gã thợ mộc kia bảo:

– Này người kia, anh kiếm được cây này đẹp quá! Thế anh định làm gì khi chặt nó đây?

– Làm bánh xe.

– Sao, có kẻ nào bảo anh là cây ấy làm bánh xe tốt lắm ư?

– Đúng thế, một con hắc sư tử.

– Tốt lắm, hắc sư tử khéo nói lắm. Song, này ta bảo anh là lột được da cổ sư tử màu đen rồi phủ lên quanh vành ngoài của bánh xe như một tấm chắn bằng sắt, chỉ một mảnh rộng chừng bốn lóng tay thôi thì bánh xe vững vàng lắm, anh sẽ hưởng lợi rất lớn nhờ đó.

– Nhưng làm sao ta kiếm được da sư tử bây giờ?

Thần cây nổi cơn thịnh nộ:

– Sao anh ngu thế? Cây này đứng trong rừng, nó chạy đi đâu được. Anh cứ đi tìm sư tử kia đã chỉ bảo cho anh cây này và hỏi nó xem phải chặt phần cây nào, rồi đem nó về đây. Sau đó, nó chẳng nghi ngờ gì cả và chỉ nơi này nơi nọ, cứ chờ lúc nó nhe hàm răng ra thì lấy chiếc rìu bén nhất đập nó trong khi nó đang nói, giết nó đi mà lột da ra, ăn phần thịt ngon nhất rồi hãy chặt cây tùy thích.

***

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

20. Cây kia lập tức bảo như vầy,
Ý nguyện ước ao được tỏ bày,
"Ta cũng có điều này muốn nói,
Này Bhāradvāja hỡi, hãy nghe đây!

21. Từ bên vai chúa tể khu rừng,
Anh hãy cắt ra rộng bốn phân,
Bao phủ da quanh vành gỗ ấy,
Rồi xe sẽ mạnh gấp đôi lần."

22. Cây kia phút chốc nổi lôi đình,
Trút xuống loài sư tử đã sinh,
Cả với loài chưa xuất hiện nữa,
Gây ra tàn sát khiến hồn kinh.

Người thợ làm xe nghe theo lời chỉ dẫn của thần cây, kêu to:

– Ôi, hôm nay thật là một ngày may mắn cho ta!

Rồi gã đi giết sư tử, chặt cây xuống và đi về.

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

23 Cây phượng vĩ tranh đấu chúa rừng,
Chúa rừng tranh đấu với cây thần,
Mỗi bên tranh chấp nhau như vậy,
Đem lại bên kia họa tử vong.

24. Vậy giữa người, nơi có hận hiềm,
Hoặc là cãi cọ nổi hăng lên,
Khác nào thú dữ và cây gỗ,
Chúng nhảy như loài công múa men.

25. Đây này ta bảo, chính điều lành,
Là lúc các ông thuận ý tình,
Hãy giữ đồng tâm đừng cãi vã,
Như cây và thú đã thi hành.

26. Nên tập bình an với mọi người,
Điều này bậc Trí tán dương hoài,
Ai mong an ổn và chân chánh,
Tối hậu bình an sẽ đạt thôi.

Khi nhóm người ấy nghe lời khuyến giáo của vị vua tộc Thích-ca, họ liền giải hòa với nhau.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ta là vị thần sống trong rừng kia và đã chứng kiến toàn bộ câu chuyện này.

§476. CHUYỆN THIÊN NGA CHÚA THẦN TỐC

(***Javanahaṁsajātaka***) (*J.* IV. 211)

Chúa thiên nga, đến đậu nơi đây...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về *Kinh Thí dụ các lực sĩ* hay *Kinh Vua Daḷhadhamma* (*Daḷhadhammasuttanta*).[3]

Đức Thế Tôn dạy:

– Này các Tỷ-kheo, giả sử có bốn thiện xạ đứng ở bốn hướng, là người khéo huấn luyện, rất tài giỏi, thiện xảo nghề cung tên; rồi có một người đến bảo: "Ta sẽ bắt lấy các mũi tên được bắn ra từ bốn thiện xạ đứng ở bốn hướng, là những người khéo huấn luyện, rất tài giỏi, thiện xảo nghề cung tên, trước khi các mũi tên này chạm đất, và mang lại đây." Phải chăng rõ ràng các ông đều đồng ý rằng kẻ đó là một người rất nhanh nhẹn và chính là hiện thân của tốc lực tuyệt vời? Nhưng này các Tỷ-kheo, dù tốc lực của người kia nhanh đến đâu đi nữa, dù cho thần kỳ như tốc lực của mặt trăng, mặt trời, cũng còn cái khác nhanh hơn. Này các Tỷ-kheo, Ta bảo tốc lực của người kia dù cho thần kỳ đến đâu đi nữa, dù nhiều vị thiên bay nhanh hơn cả mặt trăng, mặt trời, vẫn còn có cái khác nhanh hơn chư thiên ấy nữa. Này các Tỷ-kheo, tốc lực của người kia thần diệu là dường ấy… (như trên). Tuy thế, còn nhanh hơn cả chư thiên biết bay là sự biến hoại của tứ đại hợp thành sự sống. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các ông phải học tập điều này, phải tinh cần. Thật vậy, Ta bảo các ông phải học tập điều này!

Hai ngày sau lời giáo huấn này, Tăng chúng bàn luận chuyện đó trong pháp đường:

---

[3] Xem *J.* III. 384, *Daḷhadhammajātaka* (*Chuyện Vua Daḷhadhamma*), số §409.

– Này các Hiền hữu Tỳ-kheo, bậc Đạo sư trong địa vị tối thượng của một bậc Chánh Đẳng Giác đã chứng minh bản chất của những gì tác hợp nên sự sống, chỉ rõ đời sống thật là giả tạm và yếu ớt mỏng manh khiến cho Tăng chúng lẫn người ngoại đạo phải hết sức kinh hoàng. Ôi, thần diệu thay uy lực của đức Phật!

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị thưa với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, nay Ta đạt trí tuệ viên mãn mà dùng lời khuyến giáo để báo trước cho Tăng chúng thấy rõ tứ đại thật là giả tạm thì cũng chẳng kỳ diệu gì. Ngay cả khi Ta hóa sinh thành một chim thiên nga, Ta cũng đã chứng tỏ tính cách giả tạm của tứ đại trong đời sống và bằng giáo pháp của Ta, đã gây kinh hoàng cho cả triều đình một vị vua cùng với chín vị vua ở Ba-la-nại nữa.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta lên ngôi ở Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một chim thiên nga chúa có thần tốc, sống ở đỉnh Cittakūṭa, dẫn đầu một đoàn gồm chín mươi ngàn chim thiên nga khác. Một ngày kia, sau khi cùng cả đoàn đi ăn lúa mọc hoang trong cái hồ ở vùng đồng bằng ở xứ Diêm-phù-đề, ngài bay qua không gian như thể một tấm thảm vàng óng ánh trải dài từ đầu nọ đến đầu kia của kinh thành Ba-la-nại và lượn chầm chậm như đùa chơi về phía đỉnh Cittakūṭa. Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại trông thấy ngài liền bảo các triều thần:

– Con chim đằng kia ắt hẳn là chim chúa như trẫm đây.

Vua sinh lòng yêu mến chim chúa nên đã đem vòng hoa, hương liệu và dầu thơm đi tìm Bồ-tát và bảo trình diễn đủ loại âm nhạc cho ngài nghe. Khi Bồ-tát thấy vua tôn vinh ngài như vậy, ngài hỏi các chim thiên nga kia:

– Khi một ông vua muốn tôn vinh ta như vậy, vua ấy muốn gì chăng?

– Tâu Chúa thượng, ngài muốn bầu bạn với Chúa thượng.

– Được rồi, thế thì ta bầu bạn với vua ấy.

Ngài bảo như vậy và ngài làm bạn với vua, rồi sau đó bay về tổ.

Một ngày kia, sau việc kết bạn này, vua vào ngự uyển và đi đến hồ Anotatta, chim chúa bay đến gần vua với một cánh mang đầy nước và cánh kia mang bột gỗ chiên-đàn, chim rảy nước lên mình vua và rắc bột gỗ chiên-đàn cho vua nữa. Trong lúc hội chúng đang nhìn theo, ngài lại cùng với đàn chim bay về đỉnh Cittakūṭa. Từ lúc ấy về sau, vua cứ mong ngóng Bồ-tát mãi, ngài thường nấn ná chờ đợi vừa nhìn con đường Bồ-tát đến và nghĩ thầm: "Hôm nay thân hữu ta sẽ đến."

Lúc bấy giờ, hai con thiên nga non trẻ nhất trong đàn của Bồ-tát quyết định thi đua với mặt trời, vì vậy chúng xin phép Bồ-tát thử sức bay qua với mặt trời. Ngài bảo:

– Này các chú, tốc lực mặt trời rất thần kỳ, các chú không bao giờ có thể thi đua với mặt trời đâu. Các chú sẽ chết tiêu tan trong cuộc thi tài ấy. Vậy các chú đừng đi!

Lần thứ hai chúng xin phép, rồi lần thứ ba, song Bồ-tát phản đối chúng đến lần thứ ba chúng xin. Tuy nhiên, chúng vẫn khăng khăng giữ ý định đó, không tự lượng sức mình, rồi cương quyết bay đua với mặt trời mà không tâu trình với chim chúa. Vì thế, trước lúc rạng đông, chúng đã đậu trên đỉnh núi Yugandhara, một trong bảy rặng núi lớn quanh núi Sineru (Tu-di).

Bồ-tát thấy vắng chúng liền hỏi chúng đi đâu. Khi ngài nghe những việc xảy ra, ngài nghĩ thầm: "Chúng sẽ chẳng bao giờ đủ sức bay đua với mặt trời và chúng sẽ bị tiêu diệt trong cuộc so tài ấy. Ta phải cứu mạng chúng mới được." Vì vậy, ngài bay đến đỉnh núi Yugandhara và đậu bên cạnh chúng. Khi vầng nhật xuất hiện trên đường chân trời, đôi tiểu thiên nga vùng lên lao tới đằng trước theo mặt trời, Bồ-tát cũng bay theo chúng. Con chim bé nhất bay tới trước giờ ngọ thì ngất xỉu. Bên trong khớp xương đôi cánh nó cảm thấy như thể đang bị lửa đốt. Rồi nó ra hiệu cho Bồ-tát:

– Thưa đại huynh, tiểu đệ không tiếp tục được nữa.

Bồ-tát bảo:

– Đừng sợ, ta sẽ cứu chú.

Rồi mang nó trên đôi cánh dang rộng của mình, ngài an ủi nó, đưa nó về đỉnh Cittakūṭa, đặt nó xuống giữa đàn thiên nga, sau đó ngài lại bay đi bắt kịp mặt trời đến bên cạnh chim kia. Con chim ấy bay đua với mặt trời cho đến gần đúng ngọ thì ngất ngư và thấy như thể lửa đang thiêu đốt trong khớp xương ở đôi cánh của nó. Nó vừa làm dấu cho Bồ-tát vừa kêu lên:

– Thưa đại huynh, tiểu đệ không thể tiếp tục được nữa.

Ngài cũng an ủi nó như trên, rồi mang nó trên đôi cánh dang rộng của mình, ngài đưa nó về đỉnh Cittakūṭa. Vào lúc ấy mặt trời đang ở trên đỉnh đầu. Bồ-tát suy nghĩ: "Hôm nay ta sẽ thử xem uy lực của mặt trời ra sao." Thế là chỉ cần phóng lui một vòng, ngài đã đậu trên đỉnh Yugandhara. Sau đó, vừa tung cánh lên là ngài bắt kịp mặt trời, ngài bay đi, lúc tiến về phía trước, lúc lùi lại phía sau. Ngài nghĩ thầm: "Đối với ta thì chuyện bay đua với mặt trời thật là vô ích, chỉ do trí ngu si mà ra cả, nó có nghĩa lý gì đối với ta đâu. Ta muốn bay đến Ba-la-nại, nói cho thân hữu của ta là vua ấy một lời khuyến giáo về công bình và chân chánh."

Rồi quay lại trước khi mặt trời dần đi xuống giữa không gian, ngài bay qua toàn cõi thế giới từ đầu chí cuối xong, ngài giảm dần tốc lực, bay từ đầu nọ đến đầu kia toàn xứ Diêm-phù-đề, cuối cùng đến thành Ba-la-nại. Cả kinh thành này với chu vi chừng mười hai do-tuần như thể đang nằm dưới bóng chim chúa, không có một khe hở nào lộ ra; rồi tốc lực giảm dần, những lỗ trống, kẽ hở lại

xuất hiện trên bầu trời. Bồ-tát bay chầm chậm rồi đáp xuống từ không trung, hạ cánh trước song cửa. Vua vui mừng reo lớn:

– Thân hữu của ta đang đến kìa!

Rồi đặt chiếc bảo tòa bằng vàng cho chim đậu, vua phán:

– Xin Hiền hữu vào đây, an tọa tại nơi này.

Và ngài ngâm vần kệ đầu:

27. Chúa thiên nga, đến đậu nơi đây,
Lòng trẫm thiết tha diện kiến ngài,
Hãy chọn thứ gì ngài thấy được,
Nay ngài là chúa tể nơi này.

Bồ-tát đậu trên bảo tòa bằng vàng. Vua thoa vào dưới đôi cánh của ngài những loại dầu thơm đã lọc sạch cả trăm lần hay còn hơn thế nữa, cả ngàn lần, ban cho ngài thứ gạo mềm mại và nước đường trong cái đĩa bằng vàng, rồi nói chuyện với ngài bằng giọng ngọt ngào như mật:

– Này Hiền hữu, ngài đến đây một mình, vậy ngài từ đâu lại?

Chim chúa kể hết mọi việc. Sau đó vua bảo ngài:

– Này Hiền hữu, xin ngài lần nữa biểu diễn tốc lực của ngài so với mặt trời kia.

– Thưa Đại vương, tốc lực ấy không thể phô diễn được.

– Vậy xin ngài biểu diễn một việc tương tự như thế.

– Được lắm, thưa Đại vương, ta sẽ biểu diễn một việc tương tự như vậy. Xin triệu tập các xạ thủ bắn nhanh như chớp lại đây!

Vua liền ra lệnh triệu tập họ. Bồ-tát lựa bốn người rồi cùng họ từ cung điện đến sân chầu. Nơi đó, ngài bảo dựng một trụ đá và buộc vào cổ ngài một cái chuông nhỏ. Sau đó, ngài đậu trên đỉnh trụ đá, đặt bốn xạ thủ quay lưng từ trụ đá hướng ra bốn phía, bảo:

– Thưa Đại vương, xin ra lệnh cho bốn xạ thủ bắn ra cùng một lúc bốn mũi tên về bốn hướng và ta sẽ chụp lấy bốn mũi tên ấy trước khi chúng chạm mặt đất rồi đặt xuống chân các xạ thủ. Đại vương sẽ biết khi nào ta đi nhặt các mũi tên nhờ tiếng chuông reng reng, song Đại vương chẳng trông thấy được ta đâu.

Sau đó, đồng loạt các xạ thủ bắn bốn mũi tên ra, ngài liền chụp lấy chúng và đặt dưới chân toán xạ thủ kia, còn mọi người thấy ngài đang đậu trên trụ đá.

– Thưa Đại vương, ngài đã thấy tốc lực của ta chăng?

Rồi ngài nói tiếp:

– Thưa Đại vương, tốc lực ấy không phải là tốc lực bậc nhất của ta đâu, cũng không phải là tốc lực bậc trung mà là tốc lực kém nhất trong các tốc lực thấp kém. Thế mà nó đã chứng tỏ cho Đại vương thấy ta nhanh nhẹn đến mức độ nào.

Sau đó, vua hỏi ngài:

– Này Hiền hữu, thế có tốc lực nào nhanh hơn tốc lực của ngài chăng?

– Thưa Hiền hữu, có chứ. Nhanh hơn tốc lực của ta đến trăm lần, à không, cả ngàn lần, là sự biến hoại của tứ đại trong đời sống của loài hữu tình. Chúng tan rã như vậy đó, chúng bị tiêu diệt như vậy đó.

Bằng cách ấy, ngài đã làm sáng tỏ cách thế giới hữu hình hoại vong như thế nào, bị hủy diệt như thế nào trong từng giây, từng phút. Khi nghe nói vậy, vua sợ chết, không còn giữ bình tĩnh được nữa mà ngất xỉu đi. Cả hội chúng kinh hoàng, rảy nước vào mặt vua khiến ngài hồi tỉnh. Sau đó, Bồ-tát nói với vua:

– Thưa Đại vương, chớ sợ hãi, nhưng hãy nhớ đến thần chết! Hãy tiến lên trong đường công chính, bố thí và làm thiện sự, phải cố gắng tinh cần!

Lúc ấy, vua đáp lại:

– Thưa ngài, nếu không có một Đạo sư Hiền trí như ngài, trẫm không thể nào sống được, vậy xin ngài đừng trở về đỉnh Cittakūṭa mà hãy ở lại đây dạy bảo trẫm. Xin hãy làm đạo sư để giáo hóa trẫm!

Rồi vua ngâm hai vần kệ thỉnh cầu ngài:

28. Nhờ nghe nói đến người mình yêu mến,
Mà tình yêu thương được dưỡng nuôi hoài,
Lòng nhớ nhung người vắng bóng dần phai,
Vì nghe thấy khiến người sinh lưu luyến,
Xin hãy cho ta đặc ân diện kiến.

29. Giọng nói ngài thật thân ái bên ta,
Diện kiến ngài còn thắm thiết hơn xa,
Vì ta thích được cùng ngài diện kiến,
Thiên nga hỡi, ở cùng ta, xin đến!

Bồ-tát đáp:

30. Ví dù ta ở lại với Quân vương,
Trong cảnh vinh quang dường ấy được ban,
Song ngày kia, choáng men nồng, Chúa thượng,
Có thể truyền: "Đem chúa chim ra nướng!"

Vua nói:

– Không đâu, lúc có ngài ở bên cạnh, trẫm sẽ không bao giờ đụng đến men rượu nồng nữa.

Rồi vua cam kết hứa hẹn điều này qua vần kệ sau:

31. Thức uống ăn kia thật đáng rủa nguyền,
Nếu trẫm quý yêu hơn cả bạn hiền,
Trẫm không nếm dầu giọt nào hay ngụm,
Bao lâu ngài ở lại đây cùng trẫm.

Sau vần kệ này, Bồ-tát ngâm sáu vần kệ khác:

32. Tiếng loài sơn cầu, tiếng chim muông,
Cũng rất dễ dàng được cảm thông,
Tiếng nói người đời tuy rõ thế,
Vô cùng tối nghĩa, hỡi Quân vương!

33. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc là đây, bạn chí tình."
Song tình bằng hữu thường hay mất,
Căm hận, oán thù lại khởi sinh.

34. Ai được ngài thương cũng quý ngài,
Gần ngài dù ở tận phương trời,
Song người sống cận kề ngài đó,
Lòng ngài hờ hững cũng xa vời.

35. Ai ở nhà ngài dạ mến thương,
Vẫn ân cần dẫu cách trùng dương,
Nhà ngài ai ở, tâm thù nghịch,
Xa cách trùng dương vẫn oán hờn!

36. Những người thù nghịch, Chúa công ôi!
Dù ở gần nhau vẫn cách vời,
Song hỡi Đại vương, nuôi quốc độ,
Các Hiền nhân kết hợp nhau hoài.

37. Ai ở quá lâu sẽ thấy rằng,
Thân bằng có lúc hóa cừu nhân,
Trước khi để mất tình thân hữu,
Ta giã biệt ngài, cất bước chân.

Sau đó, vua nói với ngài:

38. Dù trẫm chắp tay lại cố nài,
Ngài không hề chịu để vào tai,
Chẳng dành lời nói cho bằng hữu,
Tha thiết cầu mong giúp đỡ hoài,
Trẫm khát khao ngài ban đặc huệ,
Trở về đây viếng trẫm nay mai.

Thế rồi, Bồ-tát đáp lời:

39. Nếu không gì gián đoạn dòng đời,
Ví thử ngài, ta, Chúa thượng ôi!
Còn sống, hỡi người nuôi đại chúng,
Ta bay về lại chốn đây thôi,
Rồi ta còn dịp lành tương kiến,
Trong lúc ngày đêm lờ lững trôi.

Với lời nhắn nhủ vua xong, Bồ-tát lên đường về đỉnh Cittakūṭa.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày xưa, ngay cả khi Ta được sinh vào loài súc vật, Ta đã chứng minh tính cách mong manh của tứ đại trong cuộc sống và tuyên thuyết Chánh pháp.

Nói vậy xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là vua, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là con chim trẻ nhất, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là chim non thứ hai, hội chúng của Như Lai là tất cả thiên nga và Ta chính là thiên nga chúa có thần tốc.

§477. CHUYỆN TIỂU ĐẠO SĨ NĀRADA

(***Cullanāradajātaka***)[4] (*J.* IV. 219)

Không có củi nào được bổ ra...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các trò quyến rũ của một cô gái thô tục.

Chuyện kể rằng có một cô gái chừng mười lăm, mười sáu tuổi, con của một người dân ở thành Xá-vệ, là một cô gái có thể đem vận may đến cho đàn ông, song chẳng có nam nhân nào chọn nàng cả. Vì vậy, mẹ nàng nghĩ thầm: "Con gái ta đã đến tuổi trưởng thành, song chẳng ai chọn nó cả. Ta muốn dùng nó như miếng mồi câu cá, khiến cho một vị xuất gia tu hành trong dòng họ Thích-ca phải hoàn tục và nó sống nương nhờ vị ấy."

Lúc bấy giờ, có một thiện gia nam tử ở Xá-vệ đã quyết tâm tu hành và gia nhập Tăng chúng. Nhưng từ khi chàng đã thọ Đại giới xong, chàng lại mất cả ước vọng tu tập và cứ sống chuyên lo tô điểm bản thân.

Người nữ cư sĩ này thường hay dọn sẵn cháo gạo trong nhà và nhiều thức ăn loại cứng, loại mềm rồi đứng ở cửa trong khi Tăng chúng đi ngang qua đường phố và cố tình xem ai là người có thể bị lòng thèm ăn của ngon vật lạ lôi cuốn. Tuần tự trên đường là những vị hành trì Tam tạng Kinh, Luật, Luận, song bà không tìm được ai có thể mắc vào mồi của bà cả. Giữa các vị mang bình bát, đắp y kia là những vị Pháp sư thuyết giáo với giọng ngọt ngào như mật, họ nhận đồ khất thực nhanh gọn như mưa dông chợt đến chợt đi.

Song cuối cùng, bà chợt thấy một nam nhân tiến tới, khóe mắt thoa dầu thơm, tóc buông xõa, mang chiếc y trong bằng thứ lụa mượt mà, chiếc y ngoài được giặt giũ sạch sẽ, bình bát có màu sắc đẹp như loại bảo châu, chiếc dù thật vừa ý; một con người buông thả các căn theo sở thích, toàn thân một màu đồng

---

[4] Xem *J.* III. 524, *Haliddirāgajātaka* (*Chuyện ước mơ chóng phai tàn*), số §435; *Miln.* 403, *Gharakapotaṅgapañha* (*Câu hỏi về tính chất của loài bồ câu nhà*).

vàng bóng lộn. "Đây chính là người mà ta có thể bắt lấy", bà nghĩ thầm và đảnh lễ vị kia, bà đến cầm lấy bình bát và mời ông vào nhà.

Bà dọn chỗ ngồi cho ông, đưa cháo gạo và các thức ăn khác. Rồi sau bữa ăn, bà yêu cầu ông ghé nhà bà làm nơi nghỉ chân lui tới trong tương lai. Vì thế, ông thường viếng thăm nhà đó. Về sau, dần dần với thời gian trở nên thân thiết.

Một ngày kia, bà cư sĩ ấy nói cốt cho ông nghe:

– Trong nhà này, chúng ta sung sướng lắm, duy chỉ một điều là ta chẳng có con trai hay con rể để bảo tồn gia sản thôi.

Ông nghe được, tự hỏi không biết lý do gì bà lại nói vậy. Chẳng mấy chốc dường như việc đó đã đâm sâu vào tim ông. Bà ta bảo con gái:

– Con hãy quyến rũ người này đi, hãy tìm cách điều khiển chàng theo ý con!

Vì thế sau đó, cô gái tô điểm đầy mình đủ loại trang sức và quyến rũ vị kia, dùng đủ mánh lới xảo quyệt của nữ nhân. Ta phải hiểu rằng một cô gái thô tục đây không có nghĩa là thân hình mập mạp, nhưng dù mập hay gầy, cô ta cũng bị gọi là "cô gái thô tục" vì mãnh lực năm thứ dục tình của cô ta.

Sau đó, nam tử kia còn trẻ lại bị dục tình chi phối nên lòng thầm nghĩ: "Nay ta không thể nào tu theo giáo pháp của đức Phật được nữa." Và ông đi đến tinh xá đặt y bát xuống, nói với các vị Giáo thọ sư của mình:

– Tâm con đang thối thất.

Rồi các Tỷ-kheo ấy dẫn ông đến bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này đang thối thất.

Ngài hỏi:

– Này Tỷ-kheo, họ bảo rằng tâm ông đang thối thất. Có đúng vậy không?

– Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy.

– Thế việc gì khiến ông như vậy?

– Bạch Thế Tôn, một cô gái thô tục.

Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, ngày xưa lâu lắm rồi khi ông ở trong rừng, chính cô gái này đã cản trở đời thanh tịnh của ông và đã làm hại ông rất nhiều. Thế thì tại sao ông lại sinh thối thất vì cô ta nữa?

Rồi theo lời thỉnh cầu của Tăng chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời kia, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn rất giàu có. Sau khi thành đạt việc học vấn, ngài về điều hành cả tài sản. Kế đó, bà vợ ngài sinh một con trai rồi qua đời. Ngài suy nghĩ: "Cũng như vợ yêu quý của ta, cái chết sẽ không chừa ta đâu, vậy gia đình có nghĩa gì với ta nữa? Ta muốn xuất gia tu hành." Vì thế, ngài từ bỏ mọi tham

dục cùng con trai đi vào vùng Tuyết Sơn, ở đó cùng sống đời ẩn sĩ, tu tập thiền định và thắng trí, cư trú trong rừng, sinh sống bằng trái cây và củ rừng.

Vào thời ấy, dân chúng ở biên địa cướp phá xứ sở. Sau khi tấn công một thị trấn và bắt các tù nhân, bọn chúng chất đầy chiến lợi phẩm rồi trở về vùng biên địa. Trong số ấy có một cô gái tuyệt đẹp, song đầy mánh khóe giả dối. Cô ta nghĩ thầm: "Những người đàn ông này khi mang chúng ta đi xa nhà sẽ biến bọn ta thành nô lệ, ta quyết tìm cách trốn thoát." Vì vậy, cô ta bảo:

– Thưa chủ nhân, thiếp muốn nghỉ chân, vậy cho thiếp nghỉ chân một lát.

Nàng đánh lừa bọn cướp như thế rồi trốn đi.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đã đi vào rừng tìm củ quả, để con trai ở lại am lá. Trong khi ngài đi vắng, cô gái đang lang thang trong rừng, bước đến am này vào sáng sớm, quyến rũ chàng trai bằng dục tình, phá hủy công đức của chàng và chinh phục chàng theo ý mình. Nàng bảo chàng:

– Sao chàng lại ở trong rừng này? Đôi ta cùng về một làng kia làm nhà riêng cho chúng ta ở. Tại đó đôi ta dễ dàng tận hưởng mọi lạc thú ái tình.

Chàng bằng lòng và bảo:

– Nay cha ta đang ở trong rừng kiếm trái cây, khi nào gặp lại cha ta thì chúng ta sẽ cùng nhau đi xa.

Lúc ấy, cô gái thầm nghĩ: "Cậu trai khờ dại này chẳng biết gì cả, song còn cha cậu ắt hẳn đã xuất gia tu hành lúc tuổi già. Khi ông ấy về nhà, ông ấy sẽ biết ta làm gì ở đây và đánh đập ta, lôi cổ, kéo căng ta ra, quẳng ta vào rừng sâu. Vậy ta muốn đi ngay trước khi ông ấy về." Rồi chỉ rõ dấu hiệu đi đường xong, nàng liền đi ngay. Sau khi nàng vừa khuất bóng, chàng trai trở nên buồn bã, không làm phận sự hàng ngày như thường lệ mà trùm kín từ đầu tới chân, nằm dài ra trong am lá, u sầu phiền muộn.

Khi bậc Đại sĩ đem mớ quả rừng về nhà, ngài quan sát dấu chân cô gái: "Đây là dấu chân một nữ nhân", ngài nghĩ thầm: "Ắt hẳn công đức của con trai ta đã mất rồi." Sau đó, ngài bước vào am đặt mớ quả rừng xuống và ngâm vần kệ đầu hỏi con trai ngài:

40. Không có củi nào được bổ ra,
Và không kéo nước tự ao hồ,
Cũng không có lửa nào con nhóm,
Đờ đẫn nằm, sao giống kẻ rồ?

Nghe giọng của cha, chàng trai vùng dậy đảnh lễ cha và hết sức cung kính, chàng thổ lộ rằng chàng không thể nào chịu được cuộc sống trong rừng nữa và chàng ngâm đôi vần kệ:

41. Con không thể sống ở sơn lâm,
Cuộc sống trong rừng thật khó khăn,
Con quyết điều này, Ca-diếp hỡi,
Con mong trở lại chốn phàm nhân.

42. Xin Đại sĩ ơi, hãy dạy con,
Khi con từ giã, bước lên đường,
Thế nào phong tục trong toàn quốc,
Con phải biết cho thật tỏ tường?

Bậc Đại sĩ bảo:

– Này con, được lắm, ta sẽ dạy con mọi phong tục trong nước!

Và ngài ngâm đôi vần kệ:

43. Nếu con đã quyết chí xa rời,
Các trái cây rừng với sắn khoai,
Về sống thị thành, nghe dạy bảo,
Làm sao phong cách hợp theo đời.

44. Tránh nơi vách đá, chốn hang sâu,
Thuốc độc rời xa, dẫu loại nào,
Bước thận trọng nơi loài rắn ở,
Đống bùn nhơ bẩn chớ sa vào.

Con trai vị ẩn sĩ không hiểu được lời khuyên cốt lõi ấy liền hỏi:

45. Vách đá, dốc cao ấy có gì,
Liên quan đến thánh đạo ta đi,
Bùn nhơ, thuốc độc cùng loài rắn,
Xin nói điều này với tiểu nhi.

Vị ấy đáp lời giải thích:

46. Có thuốc uống kia ở cõi trần,
Mà người ta gọi rượu, con thân,
Thơm tho như mật ong ngon ngọt,
Giá rẻ, đầy hương vị dịu dàng,
Cái ấy Nārada, bậc Trí,
Bảo là thuốc độc đối Hiền nhân.

47. Và bọn nữ nhân ở cõi trần,
Làm người ngu trí phải điên cuồng,
Chúng lôi đám trẻ người non dạ,
Như bão dưới đường bắt hạt bông,
Ta nói vực sâu là đấy nhé,
Đang nằm ngay trước mặt Hiền nhân.

48. Được đời trao tặng đại vinh quang,
Ân sủng, lộc nhiều, tiếng tốt vang,
Này đó Nārada, bùn cấu uế,
Có cơ làm bẩn các Hiền nhân.

49. Đế vương cùng với các quần thần,
Đang ngự trong cung chốn thế nhân,

Này đó Nārada, đều chức trọng,
Mỗi vua là một chúa oai hùng.

50. Trước chân vua chúa, các quân vương,
Con nhớ đừng nên chọn bước đường,
Vì đó Nārada, là rắn cả,
Những người ta đã nói, con thương.

51. Ngôi nhà con đến để xin ăn,
Khi mọi người an tọa trước bàn,
Nếu thấy tốt lành trong chỗ ấy,
Thì con ăn uống thỏa thuê lòng.

52. Khi người kia dọn bữa mời con,
Thực hiện điều này lúc uống ăn,
Đừng uống quá chừng, ăn quá độ,
Tránh xa nguồn dục lạc phàm trần.

53. Rượu chè, chuyện phiếm, bạn tà gian,
Các tiệm bán buôn của thợ vàng,
Con hãy tránh xa như những kẻ,
Đi trên đường lộ chẳng bình an.

Trong khi người cha cứ tiếp tục nói mãi, nói mãi bên tai, chàng trai dần dần hồi tỉnh và nói:

– Thưa phụ thân, con đã chán chê cõi phàm trần rồi.

Sau đó, người cha dạy cho chàng tu tập từ tâm và các thiện pháp khác. Người con nghe theo lời cha dạy bảo, chẳng bao lâu phát khởi thiền định trong tâm trí chàng. Và cả hai cha con không bao giờ gián đoạn thiền định nên được tái sanh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, cô gái thô tục này là thiếu nữ kia, Tỷ-kheo thối thất là con trai vị ẩn sĩ và Ta chính là người cha.

§478. CHUYỆN SỨ GIẢ (*Dūtajātaka*)[5] (*J.* IV. 224)

Trầm tư bên bến nước sông Hằng...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc tán thán trí tuệ của Ngài.

Trong pháp đường, Tăng chúng đang bàn luận:

---

[5] Xem *J.* IV. 212, *Javanahaṁsajātaka* (*Chuyện thiên nga chúa thần tốc*), số §476.

– Này các Hiền hữu Tỷ-kheo, tài trí của đấng Thập Lực thật dồi dào, phương tiện thiện xảo biết bao! Ngài đã chỉ cho Vương tử Nanda (em trai của Ngài) thấy các thiên nữ xong, khiến vị ấy đắc Thánh quả. Ngài lại trao tấm vải cho Cullapanthaka, vị ấy chứng quả A-la-hán và bốn vô ngại giải. Ngài chỉ đóa hoa sen cho người thợ rèn nọ khiến người ấy đạt Thánh quả. Quả thật Ngài đang hóa độ chúng sanh với muôn vàn phương tiện khác nhau!

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang ngồi bàn luận chuyện gì. Các vị trình với Ngài, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên Như Lai có đủ phương tiện thiện xảo và tài trí để biết rõ việc gì sẽ đem lại kết quả như ý mà ngày xưa Như Lai cũng đã đầy đủ tài trí.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, cả nước đó không có vàng vì vua áp bức toàn dân và lấy hết kho vàng. Vào thời ấy, Bồ-tát sinh vào một gia đình Bà-la-môn ở một làng nọ trong xứ Kāsi. Khi ngài đến tuổi khôn lớn, ngài đến Takkasilā và nghĩ thầm:

– Ta sẽ kiếm tiền để trả học phí cho sư phụ ta sau bằng phương pháp xin của bố thí một cách kín đáo.

Ngài đi đến thọ giáo và khi đã hoàn thành việc học tập, ngài nói:

– Thưa sư phụ, con sẽ dùng hết năng lực tinh cần của con để đem về dâng sư phụ số tiền xứng đáng với việc sư phụ dạy bảo.

Thế là xin phép từ giã thầy dạy, ngài ra đi tất cả vùng đó để cầu bố thí. Sau khi ngài đã kiếm được vài lạng vàng theo đúng cách chân chánh và ngay thẳng, rồi trên đường đi đã dùng thuyền vượt qua sông Hằng, ngài ra về định trao tận tay thầy mình. Khi con thuyền tròng trành trên mặt nước, số vàng ấy rơi mất. Ngài suy nghĩ: "Xứ này thật khó kiếm vàng, nếu ta lại đi lần nữa để kiếm tiền trả thầy ta thì sẽ chậm trễ lắm. Vậy nếu ta cứ ngồi tuyệt thực bên bờ sông Hằng thì sao? Dần dần cũng có lúc đức vua biết được việc ta ngồi đây và vua sẽ phái một vài cận thần đến, nhưng ta sẽ chẳng nói gì với họ. Sau đó, chính đức vua sẽ đến và nhờ đó ta sẽ kiếm được tiền học phí trả thầy ta."

Vì vậy, ngài đắp thượng y lên mình, đặt sợi dây tế đàn ra ngoài và ngồi bên bờ sông Hằng như thể một pho tượng vàng trên vùng cát bạc. Đám đông đi ngang qua thấy ngài ngồi đó không ăn thứ gì cả liền hỏi tại sao ngài ngồi như vậy, nhưng ngài không nói lời nào với dân chúng. Hôm sau, dân làng kế cận hay tin ngài ngồi đó cũng đến hỏi han nhưng ngài cũng không nói gì. Dân chúng thấy ngài kiệt sức như vậy thì vừa bỏ đi vừa thương xót than vãn.

Ngày thứ ba, dân từ kinh thành kéo đến, ngày thứ tư là các bậc quyền cao chức trọng trong kinh thành, ngày thứ năm là các triều thần quanh vua, ngày thứ

sáu vua sai các đại thần đến nhưng ngài chẳng hề nói với ai điều gì. Ngày thứ bảy, vua lo ngại đến gặp ngài và xin ngài giải thích qua vần kệ đầu:

54. Trầm tư bên bến nước sông Hằng,
Và tại sao chàng chẳng nói năng,
Để trả lời ta truyền nhắn hỏi,
Hay chàng giấu chuyện khổ đau chăng?

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Chúa thượng, nỗi sầu của thần chỉ được thổ lộ cho người có thể vứt bỏ nó đi chứ không nói với ai khác được.

Rồi ngài ngâm bảy vần kệ:

55. Hỡi Đại vương nuôi xứ Kāsi!
Số ngài ví thử gặp sầu bi,
Nỗi sầu chớ lộ cho người khác,
Nếu kẻ này không có ích gì.

56. Song nếu ai san sẻ một phần,
Nỗi sầu, nhờ thế lực quyền năng,
Thì con người ấy đang sầu muộn,
Nói rõ người kia mọi ước mong.

57. Tiếng loài sơn cẩu, tiếng chim muông,
Cũng rất dễ dàng được cảm thông,
Tiếng nói người đời tuy rõ thế,
Vô cùng khó hiểu, hỡi Quân vương!

58. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc bà con, bạn chí tình."
Song mối tình thân thường biến mất,
Oán thù, căm hận lại dần sinh.

59. Người không được hỏi gặng nhiều lần,
Nói chẳng đúng thời nỗi khổ tâm,
Chắc chắn làm phiền lòng bạn hữu,
Mong mình an ổn, phải than van.

60. Tìm kiếm cơ may để nói năng,
Biết người Hiền trí lại đồng lòng,
Bạn hiền tỏ nỗi ưu cùng bạn,
Ý nghĩa nằm sau tiếng dịu dàng.

61. Song nếu Trí nhân thấy rõ ràng,
Không gì giải được nỗi gian truân,
Điều gì đem nói cho người biết,
Cũng chẳng đạt thành quả ước mong,

Bậc Trí một mình đành nín lặng,
E dè nhẫn nhục đến sau cùng.

Bậc Đại sĩ đã thuyết pháp như vậy qua bảy vần kệ trên để giáo hóa vua rồi ngâm thêm bốn vần nữa để kể chuyện ngài đi kiếm tiền trả cho thầy dạy:

62. Đại vương! Thần đã phải lang thang,
Nhiều nước, kinh thành, mỗi quốc vương,
Thị trấn, thôn làng, cầu bố thí,
Bởi vì học phí quyết lòng mang.

63. Đến trước thềm ai, mọi chủ nhà,
Triều thần, đạo sĩ hoặc thương gia,
Cầu xin một ít vàng, thần được,
Chừng một hay hai lạng ấy mà,
Chúa thượng, số vàng nay đã mất,
Nên thần buồn bã thật sâu xa.

64. Các sứ giả không thế lực gì,
Làm thần thoát khỏi nỗi sầu bi,
Thần đà cân nhắc hoài cho kỹ,
Chúa thượng, thần không giải thích chi.

65. Song ngài uy lực đủ, Anh quân!
Giải thoát cho thần nỗi khổ thân,
Vì xét kỹ ngài nhiều đức độ,
Thần cho ngài biết thật tinh tường.

Khi vua nghe lời cảm khái ấy liền đáp:

– Này chàng Bà-la-môn, thôi đừng phiền muộn nữa. Trẫm sẽ tặng học phí cho chàng đem trả sư phụ.

Rồi vua hoàn lại gấp đôi số vàng cũ.

***

Để làm sáng tỏ vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ cuối cùng:

66. Đại vương nuôi dưỡng cả giang san,
Hoàn lại người kia một số vàng,
[Tròn vẹn với lòng tin tưởng nhất]
Trước chàng đã có, gấp đôi lần.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ phương tiện thiện xảo, xưa kia Như Lai cũng như vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy Ānanda (A-nan) là vua, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị giáo sư và Ta là chàng thanh niên kia.

§479. CHUYỆN VUA KĀLIṄGA VÀ CÂY BỒ-ĐỀ

(*Kāliṅgabodhijātaka*) (*J*. IV. 228)

Kāliṅga Thánh đế, Chuyển Luân Vương...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về việc Tôn giả Ānanda cử hành lễ cúng dường cây Bồ-đề.

Trong lúc đức Như Lai đi du hành vì mục đích thâu nhận những người đủ cơ duyên để giáo hóa, dân chúng thành Xá-vệ tiến đến Kỳ Viên, tay cầm rất nhiều vòng hoa thơm ngát, thấy không có nơi nào khác để tỏ lòng ngưỡng mộ sùng kính liền đặt hoa bên cổng vào hương phòng của đức Phật rồi ra đi. Việc này đã gây được niềm hoan hỷ rất lớn. Song trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) nghe được chuyện ấy, khi đức Như Lai trở về, vị trưởng giả liền đến thăm Tôn giả Ānanda và nói với ngài:

– Thưa Tôn giả, tinh xá này không được cúng dường trong lúc đức Như Lai du hóa và không có nơi nào cho dân chúng dâng hoa thơm để tỏ lòng sùng bái. Xin Tôn giả từ bi thưa với đức Như Lai về vấn đề này, để Ngài cho biết xem có thể tìm được nơi nào dùng vào mục đích này chăng.

Tôn giả sẵn sàng làm theo liền thưa với đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu loại bảo tháp?

– Này Ānanda, có ba loại.

– Bạch Thế Tôn, đó là các loại nào?

– Bảo tháp thờ kim thân, bảo tháp thờ các vật thường dùng hay mang trên người và bảo tháp thờ các kỷ vật (ảnh tượng).

– Trong lúc Thế Tôn còn tại thế, có thể xây một bảo tháp được chăng?

– Không được, này Ānanda, không thể xây một bảo tháp thờ kim thân, loại tháp đó chỉ được xây khi nào một đức Phật diệt độ [đắc Niết-bàn Vô dư y]. Một bảo tháp thờ kỷ vật cũng không đúng vì mối liên hệ chỉ tùy thuộc vào tâm tưởng mà thôi. Còn cây Đại Bồ-đề đã được chư Phật sử dụng nên rất đáng làm nơi chiêm bái, dù chư Phật còn tại thế hay diệt độ.

– Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn du hóa xa xôi, ngôi tinh xá Kỳ Viên này không nơi nương tựa và dân chúng không có nơi nào để có thể tỏ bày lòng quy ngưỡng. Xin Thế Tôn cho phép con trồng một hạt giống từ cây Đại Bồ-đề (ở Bồ-đề Đạo tràng) ngay trước cổng tinh xá này được chăng?

– Dĩ nhiên nên làm như vậy lắm, này Ānanda, và nó cũng sẽ là một nơi an trú cho Ta như trước kia.

Tôn giả nói lại chuyện ấy với trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Visākhā và Vua Pasenadi. Sau đó, tại cổng tinh xá Kỳ Viên, Tôn giả đào một lỗ để trồng cây Bồ-đề và nói với Đại Trưởng lão Moggallāna (Mục-kiền-liên):

– Tiểu đệ muốn trồng một cây Bồ-đề trước tinh xá Kỳ Viên, xin Tôn huynh kiếm cho tiểu đệ một quả Bồ-đề có được chăng?

Vị Trưởng lão sẵn sàng đồng ý liền bay qua không gian đến tận vùng đất có cây Bồ-đề ấy. Ngài lấy đặt dưới tấm y một quả Bồ-đề đang rụng ra khỏi thân cây nhưng không rớt xuống đất và mang nó về giao cho Tôn giả Ānanda. Vị Tôn giả này báo tin cho vua xứ Kosala biết là mình sắp trồng cây Bồ-đề. Vì thế, buổi chiều vua đến cùng với đông đảo tùy tùng, sau đó ông Cấp Cô Độc và bà Visākhā cũng đến cùng một nhóm người mộ đạo nữa.

Ở chỗ cây Bồ-đề sắp được trồng, Tôn giả Ānanda đặt một chiếc bình vàng dưới đáy có lỗ, đựng đầy đất tẩm nước hương thơm ngát. Tôn giả bảo:

– Tâu Đại vương, xin hãy trồng hạt giống Bồ-đề này!

Và Tôn giả trao hạt ấy cho vua, song vua nghĩ rằng vương quốc này không ở trong tay mình mãi được nên để cho ông Cấp Cô Độc trồng, liền giao hạt giống cho vị trưởng giả đại phú kia. Sau đó, ông Cấp Cô Độc xới đất thơm lên và thả hạt giống vào. Vừa lúc hạt rơi ra khỏi tay vị ấy, ngay trước mắt mọi người vọt lên một cây Bồ-đề con to cỡ bằng đầu lưỡi cày, cao chừng năm mươi *cubit*, tứ phía nảy ra năm cành lớn dài năm mươi *cubit* như thân cây ấy. Cây đứng sừng sững như thế quả là một chúa tể rừng xanh, một phép lạ hy hữu thần kỳ!

Vua tưới quanh thân cây những bình bằng vàng, bằng bạc, tất cả tám trăm bình đựng đầy nước tỏa hương thơm ngát, tươi đẹp với vô số hoa sen xanh. Bao giờ cũng vậy, vua ra lệnh tất cả mang một dãy dài bình bát đựng đầy thực phẩm và một sàng tọa làm bằng bảy báu vật có lớp nhủ vàng rảy lên, rồi dựng một bức tường bao quanh vùng ấy, lại xây một nhà canh cổng làm bằng bảy báu vật. Vua bày tỏ lòng sùng kính đặc biệt như vậy đối với cây Bồ-đề.

Trưởng lão Ānanda đến gần đức Như Lai và thưa với Ngài:

– Bạch đức Thế Tôn, vì lợi lạc của chúng sanh, xin Thế Tôn an tọa, thị hiện ngay dưới cây Bồ-đề con vừa mới trồng này sự chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác mà Thế Tôn đã thành tựu dưới gốc cây Bồ-đề trước kia.

– Này Ānanda, ông nói gì thế? Không có nơi nào khác có thể chịu đựng nổi sức mạnh của Ta nếu Ta ngồi nơi đó để chứng đắc quả vị mà Ta đã chứng đắc trong khu vực có cây Đại Bồ-đề trước kia cả đâu.

Tôn giả Ānanda lại nói:

– Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì lợi lạc của chúng sanh mà dùng cây Bồ-đề này làm nơi nhập đại định, bao lâu mặt đất chốn này đủ sức chịu đựng sức mạnh của Thế Tôn.

Bậc Đạo sư liền sử dụng nơi mới trồng cây Bồ-đề ấy để nhập đại định suốt một đêm. Tôn giả Ānanda liền thông báo với vua và mọi người khác, rồi gọi buổi dâng cúng hoa, vật thơm đến cây Bồ-đề là hội Bồ-đề. Và cây này do Tôn giả Ānanda trồng nên được đặt tên là “Cây Bồ-đề của Ānanda.”

Vào thời ấy, Tăng chúng bắt đầu nói đến việc trên tại pháp đường:

– Này Hiền hữu, ngay khi đức Như Lai còn tại thế, Tôn giả Ānanda đã xin

trồng một cây Bồ-đề và cử hành đại lễ cúng dường cây ấy. Uy lực của Tôn giả thật cao cả thay!

Bậc Đạo sư đi vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị thưa với Ngài, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa Ānanda cũng đã hướng dẫn hội chúng loài người trên khắp bốn châu thế giới cùng các tùy tùng đông đảo mang đến vô số vòng hoa thơm, v.v… và mở hội Bồ-đề trong vùng đạo tràng quanh cây Bồ-đề.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, trong vương quốc Kāliṅga tại kinh thành Dantapura có một vị vua mệnh danh là Kāliṅga cai trị. Vua có hai vương tử tên là Mahākāliṅga và Cullakāliṅga. Thời ấy, các nhà tiên tri đã đoán rằng vị thái tử sẽ cai trị sau khi vua cha băng hà, còn vị vương đệ sẽ trở thành nhà tu khổ hạnh, sống đời khất sĩ; tuy thế, con trai vị này sau này sẽ làm một đấng Chuyển Luân Thánh Vương.[6]

Thời gian trôi qua và khi vua cha băng hà, thái tử lên ngôi báu, còn vương đệ làm phó vương. Vị vương đệ cứ nghĩ rằng con trai mình sau này sẽ là một Chuyển Luân Vương nên sinh lòng kiêu mạn về cớ đó. Vua không chịu được chuyện này liền ra lệnh cho một vị sứ thần truy bắt Phó vương Cullakāliṅga. Vị sứ giả kia đi đến bảo:

– Tâu Điện hạ, Đại vương muốn sai bắt ngài, vậy ngài hãy lo cứu mạng mình!

Vương tử này liền chỉ cho vị sứ thần được giao trọng trách này thấy chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng của mình, một tấm thảm thật đẹp và một cây kiếm, có ba bảo vật tất cả, rồi vị vương đệ bảo:

– Khanh phải nhận ra được vương nhi của ta nhờ những tín vật này và phò vương nhi lên ngôi báu.

Cùng với những lời dặn dò này, vương tử vội trốn vào rừng. Tại đó, chàng dựng một am thất ở một nơi đẹp, vừa ý và sống như người tu khổ hạnh trên một bờ sông.

Lúc bấy giờ, trong vương quốc Madda ở kinh thành Sāgala, vua xứ Madda vừa hạ sinh một công chúa. Về phần công chúa này cũng như vương tử kia, các nhà tiên tri đoán rằng nàng sẽ phải làm nhà tu khổ hạnh, song con trai nàng lại sẽ thành một vị Chuyển Luân Vương. Các vị vua ở Diêm-phù-đề nghe tin đồn ấy liền đồng một lúc đến bao vây kinh thành. Vua nghĩ thầm: "Nay ta gả con gái ta cho một quốc vương nào thì các vị vua kia sẽ nổi giận. Vậy ta phải cố

---

[6] Chuyển Luân Thánh Vương (P. Cakkavattirāja, S. Cakravartirāja, 轉輪聖王), vị vua có đầy đủ 4 đức (sống lâu, không bệnh, dung mạo tốt đẹp, kho báu sung mãn), thống nhất bốn châu Tu-di, lấy chánh pháp trị vì, đất nước thái hòa, dân chúng an vui. Vua có 7 báu (xe báu, voi báu, ngựa báu, ma-ni báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, tướng quân báu).

gắng cứu mạng con gái ta." Vì thế, vua cùng hoàng hậu và công chúa cải trang trốn vào rừng. Và sau khi dựng một am thất hơi xa bờ sông, phía trên thảo am của Vương tử Cullakāliṅga, họ cùng sống tại đó như người tu khổ hạnh, ăn toàn những thứ trái cây lượm hái được.

Hai vị cha mẹ muốn con gái được an ổn nên để nàng ở lại trong am, rồi đi ra hái trái rừng. Trong lúc hai vị đi vắng, nàng lượm đủ các loại hoa kết thành vòng hoa. Bấy giờ, trên bờ sông Hằng có một cây xoài nở hoa đẹp, tạo thành một cái thang thiên nhiên. Nàng trèo lên đó đùa chơi và tìm cách thả vòng hoa xuống nước.

Một ngày kia, Vương tử Cullakāliṅga vừa bước ra khỏi nước sau khi tắm thì vòng hoa nọ vướng lên tóc chàng. Chàng nhìn hoa và bảo:

– Một nữ nhân nào đã kết hoa này, song đó không phải là một người đàn bà trưởng thành mà là một cô gái còn thơ dại. Ta phải kiếm nàng mới được.

Thế là chàng đâm ra si tình, đi lên phía thượng lưu sông Hằng cho đến khi chàng nghe nàng ca hát bằng một giọng ngọt ngào trong lúc ngồi trên cây xoài. Chàng đến gần gốc cây, vừa thấy nàng liền bảo:

– Này giai nhân, nàng là loài gì thế?

Nàng đáp:

– Thưa công tử, thiếp là người.

Chàng bảo:

– Thế thì hãy xuống đi!

– Thưa công tử, không được, vì thuộc dòng dõi Sát-đế-lỵ.

– Thưa công nương, ta cũng vậy, xin nàng bước xuống!

– Thưa công tử, không được, thiếp không xuống đâu. Lời nói không làm nên một Sát-đế-lỵ, nếu quả thật ngài là một vị Sát-đế-lỵ, xin hãy kể cho thiếp nghe những điều bí mật của nghi lễ truyền thống kia!

Sau đó, hai người nói cho nhau nghe những điều bí mật truyền kỳ trong dòng họ. Rồi công chúa bước xuống và hai bên kết giao với nhau. Khi cha mẹ nàng trở về, nàng kể cho hai vị nghe chuyện vương tử của Vua Kāliṅga, vì sao chàng vào rừng với đầy đủ mọi chi tiết. Hai vị bằng lòng đem gả nàng cho chàng. Trong thời gian sống chung sắc cầm hòa hợp, công chúa thụ thai và sau mười tháng hạ sinh một nam tử đầy đủ tướng mạo tốt lành, phước đức và đặt tên là Kāliṅga. Chàng trai lớn lên, học tập đủ mọi nghệ thuật tài năng từ thân sinh và tổ phụ của chàng.

Về sau, cha chàng nhìn cách kết hợp của ngôi sao và biết được vương huynh đã băng hà. Vì thế, ông gọi con trai vào và bảo:

– Này con, con không nên phí cuộc đời trong rừng già buồn tẻ vì vương huynh ta, Đại vương Kāliṅga ấy đã qua đời. Vậy con phải về Dantapura và kế vị vương quyền của dòng họ ta!

Sau đó, người cha trao cho con các vật mang theo mình: Chiếc nhẫn có tín hiệu, tấm thảm và thanh kiếm rồi bảo:

– Này con, trong kinh thành Dantapura, ở phía kia có một vị đại thần vốn là bề tôi thân tín của cha. Con hãy đến nhà vị ấy, đi thẳng vào phòng riêng, đưa cho ông ta thấy ba vật này rồi nói cho ông biết con là con của ta. Ông ta sẽ đưa con lên ngai vàng!

Chàng trai giã từ cha mẹ, ông bà, và nhờ thần lực công đức của chàng, chàng bay qua không gian, xuống nhà vị đại thần nọ, đi thẳng vào phòng riêng của vị ấy. Vị quan hỏi:

– Công tử là ai?

Chàng đáp:

– Ta là con trai của Cullakāliṅga.

Rồi chàng rút ba tín vật ấy ra. Vị quan liền báo tin cho cả hoàng cung, các triều thần liền trang hoàng kinh thành và giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu chàng. Sau đó, vị tế sư của triều đình tên là Kāliṅgabhāradvāja dạy chàng mười pháp mà một vị Chuyển Luân Thánh Vương phải thành tựu và chàng học tất cả mười phận sự ấy. Thế rồi vào một ngày rằm, tức là ngày trai giới, từ Cakkadaha xuất hiện cho vua bánh xe báu (bảo luân), từ dòng họ Uposatha xuất hiện voi báu, từ giống quý tộc Valāha xuất hiện ngựa báu, từ Vepulla xuất hiện bảo châu, kế là nữ vương báu cùng gia chủ báu và tướng quân báu dần dần xuất hiện. Sau đó vua thống trị toàn cõi địa cầu.

Một ngày kia, ngài được đoàn tùy tùng hộ tống suốt ba mươi sáu do-tuần, ngự trên bảo tượng toàn trắng cao như đỉnh núi Kelāsa. Trong cảnh uy nghi lộng lẫy, ngài trở về thăm song thân ở chốn cũ. Nhưng khi muốn vượt qua vùng đất quanh cây Đại Bồ-đề, bảo tòa vinh quang của chư Phật, nơi đã trở thành tâm điểm của vũ trụ thì voi báu không thể nào qua được. Vua cứ thúc voi mãi, song voi vẫn không thể nào vượt qua.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu:

67. Kāliṅga Thánh đế, Chuyển Luân Vương,
Chân chánh, ngài cai trị cõi trần,
Một thuở đến Bồ-đề đại thọ,
Trên mình voi báu, đại oai thần.

Do đó, vị tế sư của triều đình cùng du hành với vua thầm nghĩ: "Trên không gian chẳng có gì cản trở cả, tại sao đức vua không giục voi qua được? Ta muốn đến xem sao." Từ trên không hạ xuống, vị này chiêm ngưỡng bảo tòa vinh quang của chư Phật và khu vực quanh cây Đại Bồ-đề.

Thời ấy, tương truyền rằng, trong khoảng chừng một dặm vuông ấy không bao giờ có một ngọn cỏ mọc dù chỉ bằng một sợi lông nhỏ; mặt đất như thể cát

mịn, bốn bề là thảo mộc, dây leo và đại thọ chẳng khác nào chúa tể sơn lâm sừng sững như đang chiêm ngưỡng, đầu quay mặt về hướng bảo tòa Bồ-đề. Khi vị tế sư Bà-la-môn quan sát chỗ này lại suy nghĩ: "Đây là nơi chư Phật đã đoạn tận mọi dục tham của trần thế nên không ai có thể vượt qua được dù cho đó chính là Thiên chủ Đế-thích đi nữa." Và tiến về phía đức vua, vị tế sư tâu với ngài các đặc tính của địa phận quanh cây Bồ-đề cùng thỉnh cầu vị Chuyển Luân Vương ngự xuống voi.

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

68. Vị tế sư tâu với Thánh vương,
Là con nhà khổ hạnh hiền nhơn,
Khi ngài chuyển vận xa luân báu,
Đảnh lễ ngài xong, hướng dẫn đường.

69. "Đây các thi nhân vẫn tán dương,
Xin ngài ngự xuống, tấu Hùng vương,
Nơi đây chư Phật-đà vô thượng,
Chánh Giác viên thành tỏa ánh quang.

70. Tương truyền rằng ở chốn phàm trần,
Đây chính là linh địa Thánh thần,
Thảo mộc, cát đằng cùng đại thọ,
Đứng quanh trong dáng điệu tôn sùng.

71. Xuống đây, xin đảnh lễ trang nghiêm,
Vì đến miền xa tận hải biên,
Trên đại địa cầu nuôi vạn vật,
Nơi này là đất Thánh thiêng liêng.

72. Đại vương đầy đủ mọi loài voi,
Thuần chủng nhờ cha mẹ tốt đôi,
Ngự giá đến đây, voi vẫn muốn,
Song không thể tiến bước gần nơi.

73. Ngự trên mình bảo tượng thuần nòi,
Thánh ý tùy nghi cứ thúc voi,
Song chẳng cách nào voi bước nữa,
Đến đây voi phải đứng yên thôi."

74. Vua nghe lời nói vị tiên tri,
Vừa phán truyền cho bảo tượng đi,
Vừa thúc gậy sâu vào bảo tượng,
"Nếu vậy ta sẽ thấy liền khi."

75. Bị thúc voi kêu thét tựa kèn,
Như còi lanh lảnh, hạc vang rền,

Chuyển rung liền ngã vì hùng lực,
Đè nặng sườn không thể đứng lên.

Vì cứ bị đức vua thúc mãi, voi không thể nào chịu được cơn đau đớn nên phải chết ngay. Song đức vua không biết là voi đã chết, cứ điềm nhiên ngự trên lưng voi. Một lát sau, Tế sư Kāliṅgabhāradvāja nói:

– Tâu Thánh thượng, vương tượng đã chết rồi, xin Thánh thượng ngự qua voi khác.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười để giải thích việc này:

76. Quốc sư lo sợ lúc nhìn voi,
Đã chết, lòng kinh động thốt lời,
"Xin tìm voi khác, tâu Hoàng thượng,
Bảo tượng ngài nay bỏ mạng rồi."

Nhờ công đức và thần lực của vị Thánh vương, một con voi khác thuộc chủng loại Uposatha xuất hiện trước đức vua và đưa lưng ra mời, vua ngự trên lưng nó. Lúc ấy, thi thể vương tượng kia liền ngã xuống đất.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để giải thích việc này:

77. Vua hãi kinh nghe tấu việc này,
Ngự lên voi khác, bỗng liền ngay,
Thi hài bảo tượng kia nhào xuống,
Lời thật tiên tri đã hiển bày.

Lập tức vua ngự xuống từ trên không trung và chiêm ngưỡng vùng đất quanh cây Bồ-đề. Trước việc thần kỳ kia vừa thị hiện xong, đức vua tán thán vị Tế sư Bhāradvāja qua vần kệ:

78. Thế này với vị tế sư mình,
Đại đế Kāliṅga bảo: "Thực tình,
Mọi việc khanh am tường thấu suốt,
Hiền khanh thấy tất cả duyên sinh."

Bấy giờ, vị Bà-la-môn kia không muốn nhận lời tán thán trên mà vẫn giữ sự khiêm tốn của mình, ông tán thán công đức chư Phật và ca tụng các Ngài hết lời.

Bậc Đạo sư lại ngâm kệ để giải thích vấn đề:

79. Quốc sư từ chối sự tuyên dương,
Và tấu như vầy với Thánh vương,
"Thần chỉ biết điềm vùng tướng triệu,
Còn chư Phật giác ngộ hoàn toàn.

80. Phật-đà tri kiến đạt toàn chân,
Điềm triệu các Ngài chẳng chú tâm,

Chư Phật toàn tri nhờ tuệ quán,
Thần là học giả chẳng uyên thâm."

Vua nghe nói về công đức của chư Phật nên lòng đầy hoan hỷ liền ban lệnh cho những người trần thế đem thật nhiều vòng hoa thơm đến cúng dường vùng đất quanh linh thọ Bồ-đề suốt bảy ngày đêm liền.

Bậc Đạo sư ngâm đôi vần kệ để giải thích việc này:

81. Thánh thọ Bồ-đề, Chúa cúng dường,
Với bao âm nhạc thật du dương,
Các vòng hoa đẹp thơm ngào ngạt,
Ngài lại xây quanh một bức tường.

82. Thế rồi Thánh đế ngự ra về,
Mang đến hoa đầy sáu vạn xe,
Làm lễ cúng dường vì Đại đế,
Kāliṅga sùng Thánh địa Bồ-đề.

Sau khi đã làm lễ cúng dường trọng thể cây Đại Bồ-đề như trên, đức vua thăm song thân rồi rước hai vị về thành Dantapura sống cùng ngài. Tại đấy, ngài chuyên bố thí và làm các phận sự khác cho đến khi mạng chung, ngài được tái sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại trên, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ānanda làm lễ cúng dường cây Bồ-đề mà ngày xưa cũng vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là Vua Kāliṅga và Ta chính là vị Tế sư Kāliṅgabhāradvāja.

§480. CHUYỆN HIỀN GIẢ AKITTI (*Akittijātaka*)[7] (*J.* IV. 236)

Sakka, Chúa tể của quần sinh...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một đại thí chủ rất rộng lượng sống ở Xá-vệ.

Chuyện kể rằng, người này mời bậc Đạo sư đến nhà và suốt bảy ngày đã cúng dường rất nhiều thí vật cho Tăng chúng đi theo Ngài. Vào ngày cuối cùng lại cúng dường Thánh chúng đủ các vật dụng cần thiết, sau đó bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ với ông:

---

[7] Xem *J.* III. 39, *Khantivādījātaka* (*Chuyện đạo lý kham nhẫn*), số §313; *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547; *Pv.* 32, *Aṅkurapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Aṅkura*); *Cp.* 73, *Akitticariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Akitti*).

– Này nam cư sĩ, công đức bố thí của ông thật là rộng lớn, ông đã thực hành một việc khó lắm thay. Bố thí là tục lệ của các bậc Hiền trí ngày xưa, thí vật phải được phân phát dù người còn tại gia hay xuất gia. Các bậc Trí giả ngày xưa, ngay khi đã rời thế tục vào sống ở trong rừng, khi chỉ ăn lá kāra rảy nước mà không có thứ gia vị nào cả, cũng vẫn đem cho những người khất thực đi qua đó để đáp ứng nhu cầu của các vị ấy và vẫn an trú trong hỷ lạc của bản thân mình.

Gia chủ kia đáp:

– Bạch Thế Tôn, việc cúng dường mọi vật dụng cần thiết ấy cho Tăng chúng thật rõ ràng, dễ hiểu. Song lời dạy của Thế Tôn chúng con chưa được rõ. Xin Thế Tôn giải thích cho chúng con.

Rồi theo lời thỉnh cầu trên, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh trong một gia đình đại phú Bà-la-môn có tài sản lên tới tám trăm triệu. Ngài được đặt tên là Akitti. Khi ngài vừa biết đi thì một bé gái được sinh ra đời với tên Yasavatī.

Lúc mười sáu tuổi, bậc Đại sĩ đi đến Takkasilā học tập cho đến lúc thành đạt rồi về. Sau đó, cha mẹ ngài qua đời. Khi ngài cử hành tang lễ cho song thân đã khuất xong, ngài xem xét lại kho tàng của gia tộc, trong danh mục ghi rõ: "Các vị này, vị kia đã tích trữ những tài sản lớn như vậy rồi qua đời, kế đến là các vị khác cũng tích trữ nhiều như vậy..." Khi thấy chuyện này, ngài phiền muộn trong trí và nghĩ thầm: "Kho báu này ai cũng thấy cả, song những vị tích trữ tài sản thì không còn nữa. Các vị đã ra đi để lại kho báu đằng sau mình, nhưng khi ta từ trần, ta muốn đem theo bảo vật." Vì vậy, ngài cho tìm em gái đến và bảo:

– Hiền muội, hãy trông nom kho báu này!

– Ý hiền huynh là thế nào?

Ngài đáp:

– Ta muốn làm người tu khổ hạnh.

Nàng đáp:

– Này hiền huynh, tiểu muội không muốn đội lên đầu những thứ mà hiền huynh đã nhổ ra khỏi miệng, tiểu muội chẳng muốn thứ gì cả mà chỉ muốn sống đời khổ hạnh thôi.

Rồi sau khi xin phép vua, ngài bảo đánh trống vang dội khắp kinh thành, bố cáo cho mọi người rõ:

– Toàn dân lắng nghe này, ai muốn có tiền bạc cứ đến nhà Hiền nhân kia!

Suốt bảy ngày, ngài phân phát những kho tài sản lớn, tuy thế kho báu vẫn chưa hết, ngài lại nghĩ thầm: "Tứ đại trong thân ta đang tan rã, ta còn muốn cái trò phân phát tài sản này nữa sao? Thôi, ai muốn lấy cứ lấy đi!"

Thế là ngài từ giã ngôi nhà đầy châu báu, giữa các gia nhân, thân quyến khóc lóc xung quanh, ngài cùng em gái ra đi. Và cổng thành Ba-la-nại, nơi ngài đi qua được gọi là cổng Akitti, còn bến đò ngài bước xuống bến sông cũng được đặt tên là bến đò Akitti.

Ngài băng qua ba do-tuần đến một nơi mát mẻ dễ chịu thì dựng lên một am lá và cùng em gái sống tu khổ hạnh. Sau thời gian từ bỏ thế tục, nhiều người khác cũng làm như vậy, dân ở thôn quê, thị trấn, hoặc ở kinh thành có đầy đủ cả. Hội chúng thật đông đảo, các vị ấy nhận được nhiều vật cúng dường cùng sự tôn trọng sùng kính chẳng khác nào thời có một đức Phật xuất hiện ở đời. Lúc ấy, bậc Đại sĩ thầm nghĩ: "Ở đây thật nhiều vinh quang trọng vọng cùng với vô số thí vật và hội chúng đông đảo, song ta phải độc cư."

Vì thế, vào một lúc không ai ngờ được và cũng không báo trước cho cô em gái, ngài ra đi một mình, dần dần đến tận vương quốc Damiḷa [ở cực Nam của Ấn Độ], sống trên một hoa viên sát trên vùng Kāvīrapaṭṭana, ngài tu tập thiền định và thắng trí. Tại đó, ngài cũng nhận được sự ngưỡng mộ và vô số thí vật của dân. Điều ấy không thích hợp với ngài, ngài liền từ bỏ hết và phi hành qua không gian rồi đến tận đảo Kāradīpa [thuộc bờ biển Bắc Tích Lan]. Vào thời ấy, Kāradīpa được gọi là Ahidīpa hay đảo Rắn Rồng. Tại đó, ngài xây một ẩn am cạnh một cây kāra lớn và an trú. Song việc ngài ở đó không ai hay biết cả.

Lúc bấy giờ, em gái ngài đi tìm anh, dần dần đến tận vương quốc Damiḷa, vẫn không gặp ngài, nàng lại ở ngay chính nơi ngài đã ở, song nàng không thể phát khởi thiền định.

Còn bậc Đại sĩ sống thiểu dục đến độ ngài không đi đâu cả mà cứ vào mùa có trái cây chín, ngài chỉ sống bằng trái cây đó, còn vào mùa lá trổ bông thì ngài ăn lá đó luộc với ít nước lã. Nhờ ngọn lửa công đức của ngài mà chiếc ngai báu bằng cẩm thạch của Thiên chủ Sakka nóng rực lên. Thiên chủ nghĩ: "Ai đã khiến ta phải bước xuống khỏi chiếc ngai ta đang ngự?" Ngài nhận xét và thấy bậc Hiền nhân này, ngài nghĩ thầm: "Tại cớ gì vị tu khổ hạnh kia hộ trì công đức? Có phải vị ấy muốn lên ngôi Thiên chủ chăng, hay vì một duyên cớ nào khác? Ta muốn thử vị ấy xem. Vị ấy sống rất khổ cực, chỉ ăn lá kāra luộc với nước thôi. Nếu vị đó ước muốn làm Thiên chủ, vị ấy sẽ nhường cho ta mớ lá cây luộc với nước của mình, còn nếu không thì vị ấy sẽ không đưa." Sau đó, Thiên chủ giả dạng một Bà-la-môn đến gặp Bồ-tát.

Bồ-tát đang ngồi ở cửa thảo am, sau khi luộc lá và đem xuống, ngài nghĩ: "Khi nào nguội xong ta sẽ ăn." Vào lúc ấy, Thiên chủ Sakka đứng trước mặt ngài và xin bố thí. Khi Bồ-tát nhìn thấy Thiên chủ, lòng rất hoan hỷ, ngài nghĩ thầm: "Thật là một niềm hạnh phúc cho ta, ta thấy một vị khất thực, hôm nay ta sẽ đạt được tâm nguyện và ta sẽ bố thí." Lúc món ăn đã sẵn sàng, ngài liền múc vào bát và vừa tiến về phía Thiên chủ vừa nói:

– Đây là vật cúng dường của ta, ước mong rằng đây là phương tiện để ta đạt Chánh giác Tối thượng.

Rồi chẳng để lại chút gì cho mình, ngài đặt hết thức ăn vào bình bát của Thiên chủ. Vị Bà-la-môn này cầm lấy, vừa đi một khoảng ngắn thì biến mất. Còn bậc Đại sĩ, sau khi cúng dường cũng không nấu thêm thứ gì nữa mà cứ ngồi an tịnh trong niềm hỷ lạc. Hôm sau, ngài cũng luộc lá và ngồi trước cửa am như cũ. Thiên chủ Sakka lại đến giả dạng một Bà-la-môn và bậc Đại sĩ cũng bố thí rồi tiếp tục an trú vào hỷ lạc. Vào ngày thứ ba, ngài lại bố thí như trước và bảo:

– Ngài hãy xem phần phước lạc dành cho ta nhiều biết bao! Chỉ một ít lá kāra đã mang lại công đức lớn cho ta rồi.

Trong niềm hỷ lạc phát xuất tận đáy lòng như vậy, ngài thấy yếu người vì thiếu ăn đã ba ngày, ngài liền ra khỏi am đúng lúc ngọ và ngồi trước cửa, suy nghĩ về tặng vật ngài đã đem cúng dường.

Còn Thiên chủ Sakka nghĩ thầm: "Vị đạo sĩ Bà-la-môn này nhịn ăn đã ba ngày, yếu ớt thế kia song vẫn nhường cho ta và tìm an lạc trong việc bố thí. Trong tư tưởng vị này không còn ý định nào khác. Ta không hiểu vị ấy ao ước điều gì và tại sao lại bố thí như vậy nên ta phải hỏi để hiểu vị ấy muốn gì và biết được nguyên nhân việc bố thí trên."

Vì thế, Thiên chủ chờ đợi đến quá giờ ngọ và trong vẻ huy hoàng oai nghi tột bực, ngài xuất hiện trước mặt bậc Đại sĩ, sáng chói như mặt trời ban mai. Vừa đứng trước bậc Đại sĩ, Thiên chủ hỏi:

– Này đạo sĩ, tại sao ngài hành trì khổ hạnh trong rừng này, xung quanh là biển mặn bao bọc với những cơn gió nóng hừng hực đang hắt mạnh vào người?

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu để giải thích vấn đề này:

83. Sakka, Chúa tể của quần sinh,
Trông thấy Akitti đáng kính danh,
Liền hỏi: "Tại sao, này Đại sĩ,
Trú đây trời hực nắng vàng hanh?"

Khi bậc Đại sĩ nghe vậy và thấy vị đó chính là Sakka, ngài đáp:

– Ta không ước ao đạt đến những cảnh giới trên kia mà chỉ ao ước chứng đắc Chánh giác Tối thượng nên ta đã sống đời khổ hạnh ở đây.

Ngài ngâm vần kệ thứ hai để làm sáng tỏ điều này:

84. Thân hoại, tái sanh, tử biệt trần,
Mê lầm, tất cả chính đau buồn,
Thiên chủ Sakka, nay vì vậy,
Ta vẫn trú đây được vạn an.

Nghe những lời này, Thiên chủ Sakka hoan hỷ trong lòng và thầm nghĩ: "Vị ấy không ham thích bất cứ sinh loại hữu tình nào và vì muốn chứng đắc

Niết-bàn nên vào an trú ở trong rừng. Ta muốn ban cho vị ấy một điều ước."
Thế là Thiên chủ mời ngài chọn một điều ước qua lời kệ thứ ba:

85. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây lời ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.

Bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ tư nói lên điều ngài ước mong:

86. Thiên chủ Sakka của chúng sanh,
Ban cho ta hưởng một ân lành,
Vợ con, vàng bạc cùng kho lúa,
Dù có dư, ta vẫn bất bình,
Ta ước những điều tham dục ấy,
Chẳng còn trú ẩn ở tâm mình.

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka vô cùng hoan hỷ, ban cho ngài thêm nhiều đặc ân khác nữa và bậc Đại sĩ nhận lãnh, mỗi vị lần lượt ngâm một vần kệ như sau:

87. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.

88. Chúa tể muôn loài chính Sakka,
Ân lành, ngài muốn tặng cho ta,
Ruộng, vàng, của cải, tôi đòi, ngựa,
Trâu, chó, ngay sau phải chết già,
Ta ước sẽ không còn giống chúng,
Ta mong nhược điểm ấy rời ta.

89. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.

90. Sakka, Thiên chủ ngự trên trần,
Ban tặng cho ta một đặc ân,
Ước chẳng nghe nhìn người độn trí,
Kẻ kia chẳng sống với ta cùng,
Chẳng ham trò chuyện người vô trí,
Chẳng kết bạn cùng kẻ độn căn.

91. Kẻ ấy làm gì, Kassapa,
Cho ngài, xin hãy nói ngay ra,
Tại sao bầu bạn người vô trí,
Ngài chẳng ưa, này, hãy bảo ta?

92. Hành động người ngu thật bạo tàn,
Buộc ràng gánh nặng chẳng ai mang,
Thực hành ác nghiệp, đích mong muốn,
Nổi giận khi nghe nói thật chân,
Nó chẳng biết gì là chánh hạnh,
Nên ta không muốn kẻ ngu gần.

93. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.

94. Sakka, Thiên chủ của quần sinh,
Ban tặng cho ta một phước lành,
Ta ước nghe nhìn người có trí,
Ước mong vị ấy ở cùng mình,
Ta mong đàm luận cùng người trí,
Được kết giao cùng bậc Trí minh.

95. Bậc Trí làm gì, Kassapa,
Cho ngài, xin hãy nói ngay ra,
Sao ngài ao ước nơi ngài ở,
Người trí cùng chung sống một nhà?

96. Hành động tốt lành, bậc Trí nhân,
Chẳng ràng buộc gánh khổ vào thân,
Chuyên tâm, bậc Trí làm ân phước,
Chẳng giận khi nghe nói thật chân,
Thông hiểu chánh hành, và bởi vậy,
Lành thay bậc Trí sống chung cùng.

97. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.

98. Sakka, Thiên chủ của quần sinh,
Ban tặng cho ta một phước lành,
Mong giải thoát ngoài vòng ái dục,
Và khi vầng nhật chiếu bình minh,
Mong chư Thánh giả du hành đến,
Đem thực phẩm thiên giới tặng mình.

99. Mong tặng nó không giảm sút dần,
Ta không hối tiếc việc ta làm,

Mong lòng hoan hỷ lúc phân phát,
Ta chọn ước kia để hưởng phần.

100. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.

101. Sakka, Thiên chủ của quần sinh,
Ngài đã ban ta một phước lành,
Thiên chủ, xin đừng thăm viếng nữa,
Điều này khao khát tự tim mình.

102. Song các nam nhân, các nữ nhân,
Những người đang sống thật hiền lương,
Đều ước ao cùng ta diện kiến,
Việc này có tác hại gì chăng?

103. Dung mạo ngài muôn vẻ thiện toàn,
Vô cùng hoan hỷ, đại vinh quang,
Thấy ngài, xao lãng điều tâm nguyện,
Nguy hại là trông thấy Ngọc hoàng.

Thiên chủ đáp:

– Thôi được rồi, thưa Tôn giả, ta quyết sẽ chẳng bao giờ viếng thăm ngài nữa.

Và vừa đảnh lễ ngài vừa xin ngài thứ lỗi, Thiên chủ ra đi. Từ đó, bậc Đại sĩ an trú tại nơi ấy suốt đời, tu tập tứ vô lượng tâm và khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda (A-nan) là Thiên chủ Sakka và Ta chính là Trí giả Akitti.

§481. CHUYỆN HIỀN GIẢ TAKKĀRIYA (*Takkāriyajātaka*) (*J.* IV. 242)

Ta nói điên cuồng tựa ễnh ương...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Tỷ-kheo Kokālika.

Trong một thời an cư mùa mưa, hai vị Đại đệ tử Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallāna (Mục-kiền-liên) muốn rời hội chúng và sống độc cư nên từ giã bậc Đạo sư, đi vào vương quốc nơi có Kokālika trú ngụ. Các vị đến nhà Kokālika và nói với ông như vầy:

– Này Hiền hữu Kokālika, vì chúng tôi thích sống với Hiền hữu và Hiền hữu cũng thích sống với chúng tôi nên chúng tôi muốn ở lại đây ba tháng.

Vị kia hỏi:

– Các Tôn giả hoan hỷ khi an trú với tiểu đệ theo cách nào?

Hai vị đáp:

– Nếu Hiền hữu không nói với ai rằng hai Đại đệ tử đang ở đây thì chúng tôi sẽ rất hoan hỷ, đó là niềm an lạc của chúng tôi khi sống với Hiền hữu.

– Thế còn tiểu đệ được hoan hỷ như thế nào khi sống chung với các Tôn giả?

– Chúng tôi sẽ thuyết pháp cho Hiền hữu trong ba tháng tại nhà Hiền hữu. Chúng tôi sẽ giảng giáo lý cho Hiền hữu và việc đó là niềm hoan lạc của Hiền hữu khi sống với chúng tôi.

– Xin các Tôn giả Hiền huynh hãy an trú tại đây bao lâu các Hiền huynh muốn!

Rồi ông dành một nơi cư trú an lạc cho các ngài. Các ngài an trú tại đó trong quả vị của các thiền chứng và không ai biết về việc các ngài an trú tại nơi ấy.

Sau khi hai vị đã trải qua mùa mưa như vậy, hai vị bảo ông ấy:

– Này Hiền hữu, nay chúng tôi đã ở với Hiền hữu xong, chúng tôi muốn trở lại với bậc Đạo sư.

Và hai vị từ giã lên đường. Ông chấp thuận cùng với hai vị lên đường đi khất thực vào một làng đối diện nơi đã ở. Sau buổi cơm, các vị Tỷ-kheo Trưởng lão rời làng ấy, còn Kokālika từ giã các vị xong, trở về nói với dân chúng:

– Này các cư sĩ, các ông thật giống loài thú hoang sơ. Đây là hai vị Đại đệ tử của đức Phật đã an cư suốt ba tháng trong một tinh xá đối diện nơi này, thế mà các ông không hay biết gì cả, nay các ngài đã đi rồi.

Dân chúng hỏi:

– Thưa Tôn giả, tại sao ngài không nói cho chúng tôi gì cả?

Rồi họ đem bơ tươi, thuốc men và y phục đến gần các vị Trưởng lão, kính lễ các vị và nói:

– Bạch các Tôn giả, xin các Tôn giả tha thứ cho chúng con. Chúng con không biết các ngài là Đại đệ tử, chúng con chỉ mới biết điều ấy do lời của Tôn giả Kokālika. Xin các ngài từ bi đối với chúng con và nhận các thuốc men, y phục này.

Kokālika cùng dân chúng đi theo các Trưởng lão vì ông suy nghĩ: "Các Tôn giả này sống rất đạm bạc và thiểu dục, các ngài sẽ không nhận các vật dụng này rồi sẽ đem chúng cho ta." Nhưng hai vị Trưởng lão không nhận các vật dụng ấy cho phần mình cũng không cho Kokālika, lý do là các vật ấy được cúng dường theo lời xúi giục của một Tỷ-kheo. Lúc ấy, các cư sĩ liền nói:

– Bạch các Tôn giả, nếu các ngài không nhận các món này, xin đến đây lần nữa để ban phước cho chúng con.

Hai Trưởng lão chấp thuận hứa lời xong rồi đi về yết kiến bậc Đạo sư.

Lúc bấy giờ, Kokālika tức giận vì hai Trưởng lão không nhận vật cúng dường cho phần mình mà cũng không đem cho vị này. Còn hai vị Trưởng lão,

sau khi ở lại một thời gian ngắn với bậc Đạo sư liền chọn năm trăm Tỷ-kheo làm đoàn tùy tùng cho mỗi vị, rồi cùng cả ngàn Tỷ-kheo này du hóa khất thực đến tận xứ sở của Kokālika. Các cư sĩ ra đường đón Tăng chúng và dẫn họ đến tinh xá trước kia cùng bày tỏ lòng ngưỡng mộ hàng ngày đối với các vị. Dân chúng cúng dường Tăng chúng cả kho lớn y phục và thuốc men. Các Tỷ-kheo đi khất thực cùng hai vị Trưởng lão phân phát y phục cho tất cả các Tỷ-kheo đã đến đây, song không chia cho Kokālika cái nào cả, và hai vị Trưởng lão cũng không cho ông chút gì. Kokālika không nhận được y phục nên bắt đầu phỉ báng, mạ lỵ hai vị Trưởng lão:

– Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thật tràn đầy ác dục, trước kia đã không nhận các lễ vật cúng dường nhưng nay lại nhận hết. Chẳng có gì làm thỏa mãn hai vị này cả. Các vị không thương tưởng đến kẻ khác.

Nhưng hai vị Trưởng lão nhận thấy ông đang nuôi ác tâm đối với mình nên các vị cùng đồ chúng ra đi, các vị cũng không muốn trở lại dù dân chúng van nài các vị hãy ở lại thêm vài ngày nữa. Lúc ấy, một vị Tỷ-kheo trẻ hỏi:

– Hai vị Trưởng lão sẽ không ở lại đâu, này các cư sĩ. Vị Tỷ-kheo khó tính của các ông không muốn các ngài ở lại đây.

Sau đó, dân chúng đi đến gặp Kokālika và hỏi:

– Thưa Tôn giả, chúng con được nghe nói Tôn giả không muốn hai vị Trưởng lão ở lại đây. Xin hãy đi ngay, hoặc là khuyên giải các ngài và đưa các ngài trở lại đây, hoặc là Tôn giả cũng đi tìm chỗ khác mà ở!

Vì sợ dân chúng, vị này đi thỉnh cầu các Trưởng lão. Các vị đáp:

– Này Hiền hữu, hãy đi về! Chúng ta không trở lại đâu!

Thế là ông không thể thuyết phục hai vị, phải trở về tinh xá. Sau đó, các cư sĩ hỏi ông các Trưởng lão có trở lại nữa không. Ông đáp:

– Ta không thể thuyết phục các ngài trở lại được.

– Tại sao không, thưa Tôn giả?

Và họ bắt đầu suy nghĩ chắc hẳn không có thiện Tỷ-kheo nào muốn ở đó nữa vì người này sống theo tà hạnh và họ phải tống xuất ông đi. Họ liền bảo:

– Thưa Tôn giả, xin đừng lại ở đây, chúng con chẳng cung cấp gì cho Tôn giả nữa đâu.

Bị hội chúng làm ô nhục như vậy, vị ấy cầm bình bát, đắp y và đi đến Kỳ Viên. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, ông nói:

– Bạch Thế Tôn, các Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên tràn đầy ác dục, hai vị đang bị ác dục chế ngự.

Bậc Đạo sư đáp:

– Này Kokālika, đừng nói vậy, này Kokālika, ông hãy có từ tâm đối với Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, phải biết rằng đó là các thiện Tỷ-kheo!

Kokālika nói:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn tin tưởng hai vị Đại đệ tử của Thế Tôn, còn con thấy tận mắt hai vị đang có ác dục, hai vị có những việc riêng tư trong lòng, hai vị ấy là các ác nhân.

Người ấy nói như vậy ba lần [mặc dù bậc Đạo sư đã ngăn cản] rồi đứng dậy ra đi. Ngay khi đang đi trên đường, khắp thân thể ông mọc lên các mụt nhọt bằng hạt cải, sau lớn dần bằng hạt cây vilva chín muồi, vỡ ra, máu chảy khắp người. Ông rên rỉ ngã xuống bên cổng ở tinh xá Kỳ Viên, đau đớn điên cuồng. Bỗng có tiếng kêu lớn vang dội đến cõi trời Phạm thiên:

– Kokālika đã phỉ báng hai vị Đại đệ tử.

Rồi một vị Phạm thiên tên là Tudu, biết được chuyện này, xuất hiện với ý định hòa giải các Tỳ-kheo liền bảo trong lúc đứng vững trên không:

– Này Kokālika, ông đã làm một việc ác, vậy hãy đi giảng hòa với hai vị Đại đệ tử!

Người ấy hỏi:

– Hiền hữu là ai thế?

Vị thần kia đáp:

– Ta là Phạm thiên Tudu.

Người này lại bảo:

– Ngài đã chẳng phải được đức Thế Tôn tuyên bố ngài là một vị Bất lai đó sao? Chữ ấy có nghĩa là một vị không trở lại đời này nữa. Ngài sẽ trở thành một con quỷ trên đống phân đấy.

Ông lại mạ lỵ vị Đại Phạm thiên như vậy. Vì không thể thuyết phục người ấy theo lời khuyên của mình, vị Phạm thiên đáp:

– Ông sẽ bị hành hạ theo khẩu nghiệp của ông.

Sau đó, vị thần ấy trở về cõi an lạc của ngài. Còn Kokālika chết đi liền tái sanh vào địa ngục Hoa Sen. Việc người này bị tái sanh tại đó được vị Đại Phạm thiên chủ đầy oai thần Sahampati (Ta-bà chủ) trình đức Như Lai và bậc Đạo sư kể lại cho các Tỳ-kheo.

Trong pháp đường, Tăng chúng bàn luận về ác tâm của người ấy:

– Này Hiền hữu, Kokālika đã phỉ báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiền-liên, và vì lời nói phát xuất từ chính miệng kia mà vị ấy đã bị đọa xuống địa ngục Hoa Sen.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các ông đang nói chuyện gì trong lúc ngồi đây?

Tăng chúng trình Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Kokālika bị hủy hoại vì

chính khẩu nghiệp và bởi chính do miệng mình nên phải bị đày đọa khổ sở mà trước kia cũng vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vị tế sư của vua có màu da ngăm ngăm đen và mất hết cả hàm răng. Bà vợ của ông thông gian với một vị Bà-la-môn khác. Vị sau này cũng giống như vị trước. Nhiều lần vị tế sư cố tìm cách ngăn cản vợ mình nhưng không thể được. Rồi ông suy nghĩ: "Đấy là kẻ thù của ta, ta không thể chính tay giết được mà ta phải lập mưu kế giết nó đi." Thế là ông đến yết kiến vua và tâu:

– Tâu Đại vương, kinh thành của Đại vương là kinh thành trọng yếu nhất trong toàn cõi Diêm-phù-đề. Đại vương là vị vua cao trọng bậc nhất, nhưng dù Đại vương là vị vua thủ lãnh, hoàng môn phía Nam của Đại vương lại có điềm xấu, nó được xây theo kiểu xui xẻo.

– Được rồi, này tế sư, ta phải làm gì?

– Xin Đại vương đem may mắn cho nó và chỉnh trang nó.

– Vậy phải làm gì đây?

– Ta phải hạ cổng cũ xuống, lấy loại gỗ mới có dấu hiệu may mắn, lập tế đàn cúng các vị thần canh giữ hoàng thành rồi xây hoàng môn theo cách kết hợp tốt lành của các vì sao.

– Khanh hãy làm như vậy!

Vào thời ấy, Bồ-tát là một trang nam tử tên là Takkāriya đang học tập với vị tế sư này. Bấy giờ, vị tế sư ra lệnh hạ cổng thành cũ xuống làm cổng mới cho sẵn sàng, khi đã xong xuôi, ông vào tâu trình vua:

– Tâu Đại vương, cổng thành đã xong, ngày mai lại có sự kết hợp tốt lành của các tinh tú. Vậy trước khi ngày mai trôi qua hết, ta phải làm tế lễ và dựng cổng thành mới.

– Được rồi, này tế sư, phải cần tế lễ như thế nào?

– Tâu Đại vương, đại hoàng môn đang được các đại thần linh chiếm cứ và bảo vệ. Vậy phải giết một Bà-la-môn có da ngăm ngăm đen và không có răng, thuần chủng cả hai bên cha mẹ, lấy máu thịt vị đó đem ra tế lễ, thân thể đặt phía dưới và cổng dựng lên trên đó. Vị ấy sẽ đem lại vận may cho Đại vương cùng cả kinh thành này.

– Được lắm, này tế sư, hãy tìm một Bà-la-môn như vậy mà giết đi rồi dựng hoàng môn lên trên đó!

Vị tế sư rất hoan hỷ, ông bảo:

– Ngày mai ta sẽ trừ khử được kẻ thù của ta rồi!

Lòng đầy hăng hái, ông trở về nhà nhưng không thể giữ yên cái miệng được liền nói ngay với vợ:

– Này mụ già xấu xí kia, rồi mụ sẽ còn ai để hú hí nữa chứ? Ngày mai ta sẽ giết tình lang của mụ và đem tế lễ đấy!

– Tại sao ông muốn giết người vô tội?

– Đức vua ra lệnh cho ta giết một Bà-la-môn có da ngăm đen và dựng cổng thành lên người đó. Tình lang của mụ da cũng ngăm ngăm đen nên ta định giết nó để tế lễ.

Bà vợ liền gởi cho tình quân một lá thư nhắn nhủ: "Chúng bảo đức vua muốn giết một Bà-la-môn da ngăm ngăm đen để tế lễ. Vậy nếu chàng muốn cứu lấy mạng mình xin hãy lo đào tẩu kịp thời, đem theo cả những người nào giống như chàng nữa." Người kia làm theo như vậy, tin đó lan khắp kinh thành, và những người nào có màu da đen đều tẩu thoát cả. Vị tế sư không hề biết gì về việc kẻ thù đã chạy trốn. Sáng hôm sau vào yết kiến vua thật sớm và tâu:

– Tâu Đại vương, trong chỗ kia có một Bà-la-môn da ngăm ngăm đen, xin cho bắt nó lại.

Vua bảo vài người đến tìm kẻ đó, nhưng họ chẳng thấy ai cả liền trở về thông báo cho vua rằng kẻ ấy đã trốn thoát rồi. Vua phán:

– Vậy hãy tìm nơi khác!

Họ lục soát khắp kinh thành nhưng chẳng tìm được ai. Vua phán:

– Phải kiếm thật nhanh lên!

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, ngoại trừ vị tế sư, chẳng còn ai khác nữa.

Vua phán:

– Tế sư không thể đem ra giết được.

– Tâu Đại vương, Đại vương đã phán bảo điều gì vậy? Theo lời tế sư này, nếu cổng thành không được dựng hôm nay thì kinh thành sẽ gặp nguy hiểm. Khi vị tế sư giải thích việc này, ông ta để ngày này trôi qua thì giờ tốt không trở lại nữa cho đến cuối năm. Kinh thành này không có cổng suốt một năm ròng là cơ hội ngàn vàng cho kẻ thù của chúng ta. Chúng ta phải giết một người nào đó và làm tế lễ nhờ sự trợ lực của một vị Bà-la-môn Hiền trí rồi dựng cổng thành.

– Nhưng có vị Bà-la-môn nào đủ tài trí như sư phụ ta chăng?

– Tâu Đại vương, có đồ đệ của vị ấy, một nam tử tên là Takkāriya, xin hãy phong vị ấy làm Tế sư và cử hành lễ Cát tường này!

Vua liền triệu vị nam tử ấy vào, ban cho chàng vinh hiển và phong chàng làm Tế sư rồi ra lệnh làm mọi sự như đã nói. Vị nam tử ấy đi đến hoàng môn với một đám đông theo sau. Nhân danh Hoàng đế, họ trói vị tế sư cũ và đem đến. Bậc Đại sĩ bảo đào một cái hố tại nơi hoàng môn sắp được dựng lên, che

một cái lều lên trên đó cùng với sư phụ bước vào lều. Vị tế sư ấy nhìn cái hố, thấy không lối nào thoát liền bảo bậc Đại sĩ:

– Mục đích của ta đã thành đạt, ta thật là một kẻ ngu si, ta đã không biết giữ mồm giữ miệng cho yên mà lại hấp tấp nói với mụ đàn bà độc ác kia. Ta đã tự sát bằng chính binh khí của ta.

Rồi ông ngâm vần kệ đầu:

104. Ta nói điên cuồng tựa ễnh ương,
Trong rừng gọi rắn, ngã nhào luôn,
Vào trong hố, thật vậy Takka hỡi,
Lời nói phi thời phải tiếc thương!

Sau đó, vị nam tử đáp lời ông và ngâm vần kệ này:

105. Người nói phi thời phải diệt vong,
Như vầy than khóc với đau buồn,
Xin thầy tự trách mình nay phải,
Nhận lỗ đào này, ấy hố chôn.

Cùng với lời ấy, ngài nói thêm:

– Thưa sư phụ, không phải chỉ mình sư phụ mà nhiều người khác nữa, đã phải chịu khổ đau vì không biết phải giữ lời nói cho kỹ.

Nói vậy xong, ngài kể một chuyện quá khứ để minh chứng điều đó.

***

CHUYỆN KỸ NỮ KĀLĪ

Chuyện kể rằng, ngày xưa tại Ba-la-nại có một cô kỹ nữ sang trọng tên là Kālī, nàng có một người anh tên là Tuṇḍila. Trong một ngày, Kālī có thể kiếm cả ngàn đồng tiền. Bấy giờ, Tuṇḍila là một gã trác táng, nghiện rượu, mê cờ bạc, hễ nàng cho gã tiền thì gã có được bao nhiêu tiền đều phung phí hết. Nàng cố sức ngăn cản gã nhưng không thể được.

Một hôm, gã thua bài xúc xắc phải mất cả áo quần đang mặc trên mình. Gã vừa mang quanh mình một tấm khố rách vừa đi đến nhà em gái. Nhưng nàng đã ra lệnh cho các tỳ nữ rằng, nếu Tuṇḍila có đến thì bọn họ không được cho gã cái gì cả mà phải lôi cổ gã quẳng ra ngoài. Vì thế, họ đã làm đúng như vậy. Gã liền đứng lại bên thềm và kêu than.

Bấy giờ, có con trai một phú thương nọ thường vẫn cho Kālī cả ngàn đồng tiền, hôm ấy tình cờ gặp gã liền hỏi:

– Tại sao lại khóc lóc vậy, Tuṇḍila?

Gã đáp:

– Thưa công tử, tôi đã thua bài xúc xắc, đến cầu xin em tôi, bọn nữ tỳ lại nắm lấy cổ tôi lôi ra ngoài.

– Được rồi, cứ ở lại đây, ta sẽ nói chuyện với em gái cậu.

Chàng vào nhà bảo:

– Anh của nàng đang đứng đợi ngoài kia, chỉ mặc khố rách che thân. Tại sao nàng không cho anh áo quần mặc?

Nàng đáp:

– Đúng vậy, thiếp chẳng muốn cho gì cả, nếu chàng thích anh ta thì chàng cho đi.

Bấy giờ, trong ngôi nhà mang tai tiếng xấu xa kia có tục lệ như vầy: "Cứ mỗi một ngàn đồng tiền nhận được thì năm trăm đồng được dùng cho bọn nữ nhân, năm trăm đồng để mua sắm xiêm y, dầu thơm và vòng hoa. Bọn khách làng chơi đến đây nhận áo quần mặc vào, ở lại đêm tại đó, rồi ngày hôm sau cởi áo quần ấy ra trả, mặc quần áo của mình và ra đi. Trong dịp ấy, con trai vị phú thương mặc áo quần mà bọn họ đưa cho chàng và đem áo quần của chàng cho Tuṇḍila. Gã ấy mặc áo quần vào, vừa la hét vừa chạy đến tửu quán.

Nhưng nàng Kālī ra lệnh cho bọn nữ tỳ rằng khi chàng trai ra về ngày hôm sau, họ phải lấy lại áo quần. Vì vậy, khi chàng bước ra, bọn họ chạy đến từ khắp nơi như bọn cướp, lột hết áo quần trên thân của chàng trần như nhộng, rồi bảo:

– Công tử hãy ra về đi!

Họ tống khứ chàng ta như vậy. Chàng ra đi trần truồng, bị mọi người chế giễu. Chàng ta hổ thẹn than khóc:

– Đây chính là việc ta gây ra vì ta không giữ được mồm miệng!

Để làm sáng tỏ vấn đề này, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ ba:

106. Tại sao lại hỏi chuyện Kālī,
Cư xử thế nào với Tuṇḍi?
Gặp phải tay em, chàng hãy ngắm,
Áo quần ta đã biến bay đi,
Ta đành trần trụi, như tai vạ
Xảy với thầy, sao thật quái kỳ!

***

CHUYỆN CHIM ĐUÔI CHĨA

Một người khác lại kể chuyện này: Do sự bất cẩn của người chăn dê, hai con dê đực đánh nhau trên đồng cỏ ở Ba-la-nại. Trong lúc đang hăng máu, có một con chim đuôi chĩa nghĩ thầm: "Chúng sẽ vỡ đầu ra mà chết mất, ta phải ngăn cản chúng mới được!" Thế là nó cố gắng ngăn cản bằng cách kêu la:

– Chú ơi, đừng đánh nhau nữa!

Nó chẳng nghe chúng nói gì đáp lại. Ngay giữa trận đánh, nó nhảy lên lưng

trước, rồi sau nhảy lên đầu, van xin chúng dừng lại nhưng chẳng được gì. Cuối cùng, nó kêu to:

– Thế thì cứ đánh nhau đi nhưng giết tôi trước đã!

Và nó đứng chen vào giữa hai cái đầu dê. Chúng vẫn tiếp tục húc nhau văng ra xa. Con chim bị nghiền nát như thể bởi cái chày và chịu hủy hoại do chính hành động của nó.

Để giải thích việc này, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ tư:

107. Chim đuôi chĩa vội đến bên sườn,
Hai chú dê rừng lúc đả thương,
Dù chẳng dự phần trong trận đấu,
Hai đầu dê nghiến nát như tương,
Ngay liền tại chỗ như thầy vậy,
Số phận chim kỳ quái lạ thường!

***

CHUYỆN CÂY CỌ DỪA

Một chuyện khác nữa: Gần một cây cọ dừa kia, bọn chăn bò cất giấu nhiều của cải. Dân chúng Ba-la-nại thấy cây đó liền cho một người leo lên cây hái quả. Trong lúc gã đang ném quả xuống thì một con rắn hổ đen bò ra từ một ổ mối bắt đầu leo lên cây, bọn người đứng phía dưới cố xua đuổi nó bằng gậy, đá, v.v... nhưng không được nên kêu lớn gọi người kia:

– Con rắn đang bò lên cây!

Gã ấy kinh hoảng hét lớn. Những người đứng dưới lấy tấm vải thô cầm bốn góc, bảo gã kia ngã vào tấm vải. Gã gieo mình xuống, rơi vào chính lòng tấm vải giữa bốn người kia nhanh như gió, khiến bọn người ấy không giữ gã được, phải đập đầu vào nhau mà chết.

Để giải thích việc này, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ năm:

108. Bốn người muốn cứu mạng anh chàng,
Bốn góc cầm chung một tấm màn,
Bọn chúng vỡ đầu ra chết tiệt,
Như thầy, thật quái lạ kinh hoàng!

***

CHUYỆN CON DÊ CÁI

Đám người khác lại kể chuyện này: Một bọn ăn trộm dê sống ở Ba-la-nại, một đêm kia bắt được một con dê cái, định làm một bữa chè chén trong rừng. Để dê khỏi kêu, chúng bịt mõm nó và cột vào một bụi tre. Hôm sau, khi chúng đến giết con dê, chúng quên mất con dao phay.

Chúng bảo nhau:

– Này, chúng ta hãy giết dê rồi nấu! Hãy đem con dao phay ra đây!

Nhưng chẳng ai có dao.

– Nếu không có dao thì chúng ta không thể nào ăn thịt nó được, dù chúng ta có giết chết nó. Thôi thả nó ra, việc này cũng do phước phần nào đó của con dê đây.

Vì thế, chúng thả dê ra. Bấy giờ, tình cờ có người thợ tre đến trước đó lấy một bó tre. Gã để quên một con dao của người đan rổ, đem giấu dưới đám lá, định khi trở về sẽ lấy dùng. Nhưng con dê tưởng mình đã thoát thân nên bắt đầu vui chơi nhảy nhót dưới bụi tre, lấy chân sau đánh đá làm sao mà con dao rớt ra. Đám ăn trộm nghe tiếng dao rớt, chạy đến nơi thấy việc như vậy vô cùng mừng rỡ, thế rồi chúng giết dê ăn thịt.

Như vậy, để giải thích việc con dê đã tự giết mình bằng chính hành động của nó như thế nào, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ sáu:

109. Dê cái cột trong bụi trúc dày,
Nhảy quanh làm rớt một dao phay,
Cổ dê chúng cắt bằng dao ấy,
Kỳ quái, dê kia giống hệt thầy!

Sau khi kể chuyện này, ngài giải thích:

– Song còn những kẻ dè dặt trong lời nói, biết giữ gìn ngôn ngữ, thường thoát khỏi số phận chết chóc đau thương.

Rồi ngài kể một chuyện thần tiên của loài kinnara.[8]

***

CHUYỆN ĐÔI CA THẦN

Chuyện kể rằng, một thợ săn sống ở Ba-la-nại, một bữa nọ vào vùng Tuyết Sơn, bằng cách nào đó đã bắt được một cặp tiên núi, gồm một tiên nữ và lang quân của nàng, rồi đem về dâng vua. Vua chưa bao giờ thấy loài hữu tình này cả. Vua hỏi:

– Này thợ săn, chúng là loài gì?

– Tâu Chúa thượng, chúng có thể hát êm tai và nhảy múa rất đẹp mắt, không có con người nào có thể ca múa hay bằng chúng được.

Vua ban thưởng gã thợ săn ấy rất hậu hĩ, rồi ra lệnh cho đôi tiên ca múa. Song hai vị nghĩ: "Nếu chúng ta không diễn tả đầy đủ ý nghĩa bài ca thì bài ca sẽ thất bại, hội chúng sẽ mạ lỵ và làm thương tổn chúng ta, và hơn nữa, người nào nói nhiều thường hay nói dối." Vì thế, sợ phải dối trá này kia, hai

---

[8] Khẩn-na-la (P. Kinnara, S. Kiṁnara, 緊那羅), một loại phi cầm có đầu giống người (人頭鳥), là ca thần của Thiên chủ Sakka.

vị không múa hát dù vua nài nỉ thế nào cũng mặc. Cuối cùng, vua nổi cơn thịnh nộ và bảo:

– Hãy giết bọn này, đem nấu và dâng cho ta dùng!

Vua ban lệnh này qua vần kệ thứ bảy:

110. Bọn này đây chẳng phải là tiên,
Cũng chẳng nhạc thần của cõi thiên,
Là thú do người kia dẫn đến,
Vì mong kiếm một túi đầy tiền,
Vậy bây hãy nấu, ta dùng tối,
Một đứa, rồi mai một đứa liền!

Lúc ấy tiên nữ nghĩ thầm: "Bây giờ vua nổi giận, chắc chắn ngài sẽ giết chúng ta. Vậy đây là lúc nên nói" và lập tức nàng ngâm vần kệ:

111. Mười vạn khúc ca biểu diễn lầm,
Chẳng bằng một mảy khúc kỳ âm,
Hát tồi có tội nên tiên chúng,
Chẳng dám làm [không bởi hận tâm].

Vua rất hoan hỷ vì tiên nữ, lập tức đáp vần kệ:

112. Hãy để nàng đi, bởi nói rồi,
Cho nàng thấy lại Tuyết Sơn thôi,
Song bây hãy bắt chàng kia giết,
Bảo nấu, ta dùng bữa sáng mai!

Trong lúc ấy, vị tiên kia suy nghĩ: "Nếu ta giữ yên mồm, chắc chắn vua sẽ giết ta, vậy đây là lúc phải nói." Và chàng ngâm vần kệ nữa:

113. Trâu bò trông cậy đám mây trời,
Trông cậy bò trâu ấy mọi người,
Còn phận tôi nương nhờ Chúa thượng,
Hiền thê này lại dựa vào tôi,
Xin ngài đoán số phần chàng nọ,
Trước lúc chàng quay lại núi đồi.

Khi chàng nói lời này xong, chàng ngâm hai vần kệ nữa để nói rõ cho vua rằng hai vị yên lặng không phải vì không muốn tuân lệnh vua, song vì hai vị nghĩ rằng nói là sai lầm:

114. Khác người khác cách, tâu Minh quân,
Tránh lỗi cho mình thật khó khăn,
Điều được kẻ này khen tốt đẹp,
Kẻ kia lại thấy đó sai lầm.

115. Có người cho tất cả điên cuồng,
Tưởng tượng mỗi người vẫn khác luôn,

Thật khác nhiều người nên lắm ý,
Ý người chẳng có luật thông thường.

Vua phán:

– Chàng ta nói đúng sự thật, đó quả là một vị tiên khôn ngoan.

Vì thế vua rất hoan hỷ, ngâm vần kệ cuối cùng:

116. Đôi vợ chồng tiên giữ lặng thinh,
Nay chàng cất tiếng bởi hồn kinh,
Bình an, hạnh phúc, tha chàng bước,
Vẫn biết lời hay tạo phước lành.

Sau đó, vua đặt đôi tiên núi vào chiếc lồng vàng, truyền đưa người thợ săn vào, bảo gã thả hai vị ra ở nơi trước kia gã đã bắt.

Bậc Đại sĩ nói thêm:

– Này sư phụ, đôi tiên núi biết phòng hộ lời nói như trên và nhờ nói đúng thời nên được thả tự do vì nói năng khéo léo, còn thầy do nói năng sai lạc mà phải chịu đại họa.

Rồi sau khi so sánh cho vị tế sư thấy rõ như thế, ngài an ủi ông:

– Xin sư phụ đừng sợ, con sẽ cứu mạng sư phụ.

Vị kia hỏi:

– Còn có cách nào chăng? Làm thế nào con cứu ta được nữa?

Ngài đáp:

– Vì chưa đến đúng lúc các hành tinh gặp gỡ.

Ngài để cho ngày ấy trôi qua, vào canh giữa đêm (canh ba) liền đem đến đó một con dê đã chết và nói:

– Xin thầy muốn đi đâu thì đi mà sinh sống.

Rồi ngài thả cho ông đi ngay, chẳng hề có ai hay biết gì cả. Còn ngài làm tế lễ với thịt dê ấy xong dựng cổng thành trên đó.

***

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Kokālika bị hủy hoại vì chính lời nói của mình mà ngày xưa cũng thế nữa.

Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Kokālika là người tế sư da ngăm ngăm đen, còn Ta là Trí giả Takkāriya.

§482. CHUYỆN LỘC VƯƠNG RURU (*Rurujātaka*)[9] (*J.* IV. 255)

Ai mang tin báo trẫm về nai...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Có người bảo vị ấy:

– Bậc Đạo sư đem lại thật nhiều lợi ích cho hiền hữu, này Hiền hữu Đề-bà-đạt-đa. Hiền hữu đã thọ Đại giới từ đức Như Lai, Hiền hữu đã học với Ngài Tam tạng Kinh điển, Hiền hữu đã nhận được nhiều lợi dưỡng và danh vọng.

Khi những điều như vậy được nói, người ta thường nghe thuật lại một cách đáng tin cậy là vị ấy sẽ trả lời:

– Không đâu Hiền hữu, bậc Đạo sư chẳng làm gì lợi lạc cho ta dù chỉ bằng một cọng cỏ. Ta đã thọ Đại giới của chính ta, ta tự học Tam tạng Kinh điển, ta nhận được lợi dưỡng và danh vọng do từ bản thân ta chứ không nhờ ai cả.

Trong pháp đường, Tăng chúng nói về việc này:

– Đề-bà-đạt-đa thật là vong ân bội nghĩa, này Hiền hữu, và lại quên cả thân tình.

Bậc Đạo sư bước vào và muốn biết Tăng chúng đang bàn luận gì khi ngồi đó. Các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, nay không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa vong ân bội nghĩa mà trước kia kẻ ấy cũng đã vô ơn. Thuở xưa, kẻ ấy đã được Ta cứu mạng nhưng kẻ ấy không biết công đức to lớn của Ta.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một vị đại phú thương có tài sản tám trăm triệu chỉ sinh được một con trai đặt tên là Mahādhanaka (Đại Phú Ông). Nhưng ông không dạy cho con việc gì cả, ông bảo:

– Con trai ta sẽ thấy việc học làm mệt mỏi tấm thân mà thôi.

Ngoài việc múa ca, ăn uống, tiệc tùng, cậu ta chẳng biết việc gì cả. Khi cậu khôn lớn, cha mẹ cưới cho cậu một cô gái xứng đôi với cậu, rồi cả hai vị qua đời. Sau khi song thân mất đi, cậu bị nhóm người chơi bời phóng đãng, rượu chè cờ bạc vây quanh nên đã tiêu hết tài sản một cách hoang phí. Lúc đó, cậu phải vay tiền rồi không trả nổi, bị chủ nợ thúc đòi. Cuối cùng, cậu nghĩ: "Đời ta còn nghĩa lý gì với ta nữa? Ta đang bị biến thành một con người khác rồi, thà chết sướng hơn." Sau đó, cậu bảo đám chủ nợ:

– Hãy đem các giấy nợ đến đây, ta có cả một gia bảo chôn ở bờ sông Hằng, các ông sẽ được phần đó!

Họ cùng đi với cậu. Cậu làm như thể chỉ chỗ đây đó là nơi chôn gia sản [lúc

[9] Xem *Cp.* 87, *Rurumigarājacariya* (*Hạnh của con nai chúa Ruru*).

đó cậu có ý định nhảy xuống sông trầm mình] và cuối cùng cậu ta nhảy xuống sông Hằng. Trong lúc nước xoáy cuốn cậu đi ra, cậu kêu to lên đầy kinh hoảng.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát sinh làm một con nai chúa và sau khi rời đàn, hiện đang trú ẩn tại một khúc sông, chỉ riêng mình nai trong đám cây sāla chen lẫn cây xoài trổ hoa rất đẹp. Lớp da trên mình nai có màu vàng óng ả láng mượt, bàn chân trước và bàn chân sau đỏ như thể nhuộm son, cái đuôi giống như cái đuôi bò rừng, cặp sừng như hình xoắn ốc bằng bạc, đôi mắt nai tựa hồ đôi hạt minh châu lóng lánh, khi nai quay mõm về hướng nào thì trông chẳng khác quả cầu bằng vải đỏ. Vào khoảng nửa đêm, nai nghe tiếng kêu thê thảm ấy liền nghĩ thầm: "Ta nghe tiếng người kêu. Trong lúc ta đang sống đây, người ấy không phải chết! Ta sẽ cứu mạng người ấy."

Rời khỏi chỗ ẩn nấp trong bụi cây, nai bước xuống bờ sông và gọi to bằng giọng nói an ủi:

– Này người kia, đừng sợ, ta sẽ cứu anh sống!

Rồi nai rẽ dòng nước mang cậu lên bờ, đến tận nơi nai trú ẩn. Suốt hai ba ngày liền, nai săn sóc và cho cậu ăn trái cây rừng. Sau đó, nai bảo cậu:

– Này người kia, ta sẽ mang anh ra khỏi rừng và đặt anh trên đường cái đến Ba-la-nại, anh sẽ trở về bình an. Xong ta yêu cầu anh đừng bị lòng tham tiền bạc lôi kéo mà báo cho vua hay một người quyền thế nào đó biết là trong chỗ kia có một con nai vàng óng cần phải bắt đấy.

Người kia hứa giữ lời và Bồ-tát sau khi được hứa rồi liền để cậu ta trên lưng và đưa ra đường cái, hướng về thành Ba-la-nại rồi trở về đường cũ.

Vào ngày cậu ta đi về thành Ba-la-nại, hoàng hậu mệnh danh Khemā (Thái Hòa) nằm mộng về sáng thấy một con nai màu hoàng kim thuyết pháp cho bà nên bà suy nghĩ: "Nếu không có một nai thần như thế này thì chắc hẳn ta đã không nằm mộng thấy ngài. Hẳn nhiên phải có một vị như vậy nên ta muốn thông báo việc này với đức vua." Sau đó, bà đến yết kiến vua và thưa:

– Tâu Đại vương, thần thiếp đang mong mỏi được nghe bài thuyết pháp của một con nai hoàng kim, làm được việc ấy thiếp mới sống, nếu không thiếp chẳng thiết sống nữa.

Vua an ủi bà và bảo:

– Nếu có một con vật như thế sống trong cõi trần gian này thì Ái khanh sẽ được toại nguyện.

Rồi vua triệu các Bà-la-môn vào và hỏi:

– Có loài vật nào như loài nai hoàng kim chăng?

– Tâu Đại vương, có.

Vua liền đặt một túi tiền mười ngàn đồng tiền vàng đựng bên trong một cái hộp bằng vàng lên lưng một con voi đã được trang điểm thật lộng lẫy: "Bất kỳ ai được tin về một con nai hoàng kim thì vua sẽ chấp thuận trao cho người đó

túi tiền mười ngàn đồng tiền vàng này cùng chiếc hộp bằng vàng và cả con voi ấy nữa hoặc một con khác tốt đẹp hơn." Vua ra lệnh khắc một vần kệ trên một phiến vàng, giao cho một viên quan trong triều và bảo vị ấy nhân danh vua hát vần kệ ấy lên giữa dân chúng toàn thành. Sau đó, vua ngâm vần kệ đầu trong chuyện tiền thân này:

117. Ai mang tin báo trẫm về nai,
Tối thượng lộc vương của cả loài,
Ai được trẫm ban phần thưởng quý,
Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi?

Viên triều thần mang phiến vàng ấy đi công bố khắp kinh thành. Vừa lúc ấy, con trai của vị phú thương đi vào Ba-la-nại, khi nghe lời công bố ấy, cậu đến gần viên quan và nói:

– Tiểu sinh có thể đưa tin về một con nai như vậy, các ngài hãy dẫn tiểu sinh vào yết kiến đức vua!

Viên quan liền xuống voi, dẫn cậu vào yết kiến vua và tâu:

– Tâu Đại vương, người này có thể đưa tin tức trình Đại vương về con nai kia.

Vua phán:

– Có đúng như vậy chăng, người kia?

Cậu đáp:

– Tâu Đại vương, quả đúng như vậy, xin Đại vương cho tiểu thần vinh dự đó.

Và cậu ngâm vần kệ thứ hai:

118. Thần tâu Hoàng thượng biết tin nai,
Tối thượng lộc vương của cả loài,
Xin Đại vương ban phần thưởng quý,
Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi!

Vua rất hoan hỷ khi nghe những lời này của tên phản bạn. Vua phán:

– Này mau lên! Phải tìm con nai này ở đâu thế?

Gã đáp:

– Tâu Đại vương, ở chỗ như vầy.

Và gã chỉ rõ đường đi. Cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vua ra lệnh tên phản bội dẫn ngài đến nơi ấy, rồi gã bảo:

– Xin ra lệnh cho đoàn quân sĩ dừng lại.

Khi quân sĩ đã được lệnh dừng, gã chỉ tay nói tiếp:

– Nơi có con nai vàng ánh ở chốn đằng xa xa kia kìa.

Và gã ngâm vần kệ thứ ba:

119. Bụi cây xoài ở phía đàng xa,
Cùng đám sāla nở rộ hoa,

Đất tựa yên chi màu đỏ thắm,
Nai này có thể được tìm ra.

Khi vua nghe những lời này, ngài bảo các cận thần:

– Đừng để nai chạy thoát mà phải lập tức bủa vây quanh bụi cây này, còn binh sĩ cầm binh khí trong tay.

Họ làm theo lệnh ấy và đồng thanh la lớn. Vua cùng một số người khác đứng riêng ra, song gã đó cũng không đứng xa mấy. Bồ-tát nghe tiếng kêu ấy, nghĩ thầm: "Đây là tiếng thét của một đoàn người đông đảo, vậy ta phải đề phòng họ mới được." Ngài đứng lên và khi nhìn cả một đoàn người, ngài nhận thấy nơi vua đứng, ngài nghĩ thầm: "Nơi nào vua đứng, ta sẽ được bình an, vậy ta phải đến đó." Rồi ngài chạy về phía vua. Khi vua thấy ngài chạy đến liền bảo:

– Một con vật mạnh như voi có thể quật mọi thứ trên đường đi của nó. Ta muốn giương cung lên dọa con nai này. Nếu nó chạy, ta sẽ bắn cho nó yếu đi rồi ta mới bắt nó được.

Sau đó, vua giương cung lên ngay trước mặt Bồ-tát.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm đôi vần kệ:

120. Nai tiến lên, cung đã được giương,
Mũi tên nằm ở sợi dây trương,
Đằng xa, vì vậy nai kêu lớn,
Ngay lúc nai nhìn thấy Đại vương.

121. "Đại vương, chúa tể của vương xa,
Xin đứng yên và chớ bắn ta,
Ai đã mang tin Hoàng thượng biết,
Nơi này nai sẽ được tìm ra?"

Vua say mê giọng ngọt như mật của ngài liền thả cung đứng yên chiêm ngưỡng ngài. Lúc ấy, Bồ-tát bước lên chỗ vua, nói chuyện vui vẻ với vua và đứng một bên. Cả đoàn tùy tùng cũng hạ binh khí xuống, bước lên vây quanh vua. Vào lúc ấy, Bồ-tát hỏi vua với giọng êm ái như tiếng chuông vàng rung nhè nhẹ:

– Ai đem tin đến cho ngài rằng nơi đây sẽ tìm được nai vàng?

Vừa lúc ấy, con người gian ác kia bước lại gần và đứng nghe lỏm. Vua chỉ gã và nói:

– Đó là người báo tin cho trẫm.

Rồi vua ngâm vần kệ thứ sáu:

122. Kẻ ác kia, bằng hữu của ta,
Con người đang đứng ở đằng xa,

Mang tin nó đã cho ta biết,
Rằng ở đây nai được thấy mà.

Nghe vậy, Bồ-tát trách mắng người bạn phản bội kia và ngâm vần kệ thứ bảy nói với vua:

123. Nhiều người ở cõi thế gian này,
Tục ngữ thường hay nói đúng thay,
"Thà vớt gỗ trôi sông còn tốt,
Hơn là cứu một kẻ như mày!"

Khi vua nghe lời kệ này liền ngâm vần kệ khác:

124. Muốn trách người có thể hỏi nai?
Là chim, là thú hoặc là ai?
Lòng ta đầy nỗi lo vô hạn,
Khi tiếng nai nghe giống tiếng người!

Đến đây, Bồ-tát đáp lại:

– Tâu Đại vương, ta không trách một thú vật hay chim chóc nào cả mà ta trách một người.

Để giải thích việc này, ngài ngâm vần kệ thứ chín:

125. Ta cứu gã kia đã một lần,
Khi gần như gã phải chìm dần,
Trên dòng chảy xiết dìm thân gã,
Vì đó nay đành phải khổ thân,
Ngài cứ đi cùng phường độc ác,
Ngày sau chắc chắn sẽ ăn năn.

Khi vua nghe vậy liền nổi giận lôi đình với gã kia. Vua phán:

– Sao? Ngươi không nhìn nhận công đức của ngài sau một việc cứu vớt đầy nhân từ như vậy ư? Ta muốn bắn chết gã kia ngay.

Vua liền ngâm vần kệ thứ mười:

126. Ta sẽ đâm tên bốn cánh này,
Xuyên vào tim nó, bỏ thân ngay,
Ác nhân này đã đầy tâm phản,
Chẳng đội ơn sâu cứu giúp vầy!

Lúc ấy, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta không muốn nó chết vì ta" nên ngài ngâm vần kệ thứ mười một:

127. Người ngu đáng thẹn, tấu Minh quân,
Song việc giết người, bậc thiện nhân,
Chẳng tán thành, xin tha kẻ khốn,
Và ban cho gã thưởng toàn phần,
Những gì ngài hứa, còn ta sẽ,
Phục vụ Quân vương những lúc cần.

Vua hoan hỷ khi nghe lời này nên ngâm vần kệ tiếp để tán thán ngài:

128. Nai này quả thật có lòng nhân,
Không trả hận sân với hận sân,
Tống gã hèn ngay! Ta thưởng nó,
Làm tròn lời hứa đã từng ban,
Còn nai đi đến nơi tùy ý,
Xin chúc ngài luôn được vạn an!

Nghe lời này, Bồ-tát đáp:

– Tâu Đại vương, người ta có thể miệng nói một đường mà làm một nẻo.

Và ngài ngâm hai vần kệ để giải thích điều đó:

129. Tiếng loài sơn cầu, tiếng chim muông,
Thường cũng dễ dàng được cảm thông,
Còn tiếng người đời tuy rõ thế,
Vô cùng khó hiểu, tấu Quân vương!

130. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc là đây, bạn chí tình."
Tuy thế tình thân thường biến mất,
Oán thù, căm hận lại dần sinh.

Khi vua nghe lời này, ngài đáp:

– Này lộc vương, xin đừng nghĩ rằng ta thuộc loại người như vậy. Vì ta quyết sẽ không chối từ đặc ân mà ta đã ban cho ngài, dù ta có mất cả quốc độ vì chuyện đó. Hãy tin tưởng vào ta!

Rồi vua cho ngài chọn điều ước. Bồ-tát nhận đặc ân này và ước mong rằng tất cả các loài vật từ chính ngài trở đi đều được bình an thoát khỏi mọi tai họa. Vua thuận cho ngài điều ước ấy rồi đem ngài về thành Ba-la-nại, và sau khi trang hoàng cả kinh thành lộng lẫy, lại tô điểm luôn cả Bồ-tát nữa. Vua mời ngài thuyết pháp cho bà chánh hậu, sau đó vua và triều đình nghe bằng thứ tiếng của loài người ngọt ngào như mật. Ngài khuyến giáo vua hành trì thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân) và khích lệ hội chúng đông đảo ấy xong liền trở về chốn núi rừng nơi ngài sống chung với bầy nai.

Vua ra lệnh đánh trống khắp kinh thành cùng lời loan báo:

– Hoàng thượng bảo vệ mọi loài thú vật!

Từ đó về sau, không ai dám giơ tay giết hại thú vật hay chim muông cả. Nhưng nhiều đàn nai phá hoại mùa màng của người và không ai đủ sức xua đuổi chúng đi. Một đám đông tụ tập trước sân chầu, kêu than với vua.

***

Để làm sáng tỏ việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ sau:

131. Dân thành thị theo với tiện dân,
Đều đi thẳng đến tấu vương quân,
"Đàn nai ăn hết mùa màng cả,
Chúa thượng, việc này phải cản ngăn."

Nghe vậy, vua ngâm đôi vần kệ:

132. Dân chúng dù mong muốn hoặc không,
Ví dù đất nước trẫm tiêu vong,
Trẫm không thể hại đàn nai được,
Trẫm hứa cho nai sống vẹn toàn.

133. Thần dân có thể bỏ rơi ta,
Hủy bỏ vương quyền của thế gia,
Lời ước ta đà ban lộc chúa,
Ta không hề chối bỏ đâu mà.

Dân chúng nghe lời vua phán bảo, thấy mình không thể nói gì được nữa, đành ra về. Lời vua phán lan ra khắp nơi. Bồ-tát nghe được tin ấy liền tập hợp cả đàn nai lại và ra lệnh cho chúng:

– Từ nay về sau, các con không được phá hoại mùa màng của loài người nữa.

Ngài đã gởi thông báo cho dân chúng hay rằng mỗi người phải dựng một tấm bảng hiệu lên vùng đất của mình. Dân chúng làm theo và nhờ dấu hiệu ấy cho đến nay, loài nai không phá hoại mùa màng nữa.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa vong ân bội nghĩa.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là con trai nhà phú thương, Ānanda (A-nan) là vua và Ta chính là nai chúa.

§483. CHUYỆN LỘC VƯƠNG SARABHA

(*Sarabhamigajātaka*)[10] (*J.* IV. 263)

Cứ hy vọng, người ơi, là bậc Trí...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên để giải thích đầy đủ một câu hỏi do Ngài nêu ra một cách tổng quát cho vị Tướng quân Chánh pháp (Sāriputta).

[10] Xem *J.* I. 267, *Mahāsīlavajātaka* (*Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại*), số §51; *J.* VI. 35, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539; *J.* V. 21, *Jayaddisajātaka* (*Chuyện Vương tử Jayaddisa*), số §513; *Dh.* v. 337; *Thag.* v. 399; *Miln.* 172, *Rukkhācetanabhāvapañha* (*Câu hỏi về bản thể suy tư của cây cối*); *Pháp cú kinh* "Ái dục phẩm" 法句經愛欲品 (*T.*04. 0210.32. 0570c16); *Xuất diệu kinh* "Ái phẩm" 出曜經愛品 (*T.*04. 0212.3. 0632b21).

Vào thời ấy, bậc Đạo sư nêu vắn tắt câu hỏi với Trưởng lão ấy. Đây là câu chuyện đầy đủ chi tiết về nguồn gốc của một số chư thiên. Khi Tôn giả Piṇḍolabhāradvāja dùng thần thông để lấy được cái bình bát bằng gỗ chiên-đàn trước sự hiện diện của vị đại phú thương ở thành Rājagaha (Vương Xá), bậc Đạo sư cấm các Tỷ-kheo sử dụng thần thông lực.

Lúc ấy, các Tỷ-kheo ly khai Giáo hội suy nghĩ: “Sa-môn Gotama đã cấm sử dụng thần thông lực. Nay chính vị ấy cũng sẽ không sử dụng thần thông lực nữa.” Đám đệ tử của các vị ly khai Giáo hội lo lắng, nói với họ:

– Tại sao các Tôn giả không dùng thần thông lực lấy cái bát kia?

Họ đáp:

– Này Hiền hữu, việc này không khó gì đối với chúng ta. Song chúng ta nghĩ: “Ai lại muốn thị hiện thần thông cao quý vi diệu của mình trước người thế tục chỉ vì cái bình bát bằng gỗ nhỏ mọn kia chứ? Do thế, chúng ta không lấy nó xuống. Các Sa-môn dòng họ Thích-ca đã lấy nó xuống và thị hiện thần thông chỉ vì tham lam ngu xuẩn mà thôi. Đừng tưởng biến hóa thần thông là việc khó khăn gì với chúng ta đâu. Giả sử ta đừng kể đến các đệ tử của Sa-môn Gotama, nếu chúng ta muốn, chúng ta sẽ biến hóa thần thông với chính Sa-môn Gotama nữa kia. Nếu Sa-môn Gotama thị hiện một phép thần thông thì chúng ta sẽ thị hiện một phép khác kỳ diệu gấp hai lần.”

Tăng chúng nghe chuyện này liền thưa với đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ly khai Giáo hội nói họ muốn thị hiện thần thông lực.

Bậc Đạo sư bảo:

– Cứ để họ làm đi, Ta cũng sẽ làm việc ấy.

Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la) nghe vậy, đi đến hỏi đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Ngài định thị hiện thần thông lực chăng?

– Thưa Đại vương, phải.

– Bạch Thế Tôn, chẳng phải là có lệnh cấm về vấn đề này rồi sao?

– Thưa Đại vương, lệnh ấy dành cho các đệ tử của Ta chứ không có lệnh nào có thể ngăn cản chư Phật. Cũng như hoa quả trong vườn ngự uyển là của cấm đối với kẻ khác chứ không hề áp dụng luật này đối với Đại vương.

– Bạch Thế Tôn, vậy Ngài sẽ thị hiện phép thần thông ở nơi đâu?

– Tại Xá-vệ, dưới một cây xoài có cục nu.

– Vậy trẫm sẽ làm gì lúc đó?

– Thưa Đại vương, chẳng cần làm gì cả.

Ngày kế đó, sau khi điểm tâm xong, bậc Đạo sư đi khất thực. Dân chúng hỏi:

– Bậc Đạo sư đi đâu thế?

Các Tỷ-kheo đáp lại:

– Ở cổng thành Xá-vệ, dưới một gốc cây xoài có cục nu, Ngài sẽ thị hiện một phép thần thông Song hành[11] để đánh bại những kẻ ly khai Giáo hội.

Đám người ấy nói:

– Phép thần thông này sẽ là tuyệt tác nên chúng ta muốn đi xem.

Sau khi rời nhà, dân chúng đi theo bậc Đạo sư và vài kẻ ly khai Giáo hội cũng đi theo Ngài cùng với nhóm đệ tử của họ. Họ nói:

– Chúng ta sẽ thị hiện một phép thần thông ở nơi mà Sa-môn Gotama sắp thị hiện phép thần thông của mình.

Dần dần, bậc Đạo sư đi đến Xá-vệ. Vua hỏi Ngài:

– Bạch Thế Tôn, có đúng là Ngài sắp thị hiện thần thông lực như chúng đồn chăng?

Ngài đáp:

– Quả đúng vậy.

Vua hỏi:

– Bạch Thế Tôn, khi nào?

– Ngày thứ bảy kể từ đây, vào đúng rằm tháng sáu trăng tròn.

– Bạch Thế Tôn, thế trẫm có cần dựng lên một ngôi đình chăng?

– Đại vương cứ an tâm, ở ngay nơi mà Ta sắp thị hiện thần thông, Thiên chủ Sakka sẽ dựng lên một ngôi đình bằng châu ngọc có chu vi mười hai do-tuần.

– Bạch Thế Tôn, trẫm có cần loan báo việc này khắp kinh thành chăng?

– Đại vương cứ loan báo.

Vua liền đặt người thông tin Chánh pháp này trên một con voi được trang hoàng thật lộng lẫy, đi công bố như sau:

– Hãy nghe tin này! Bậc Đạo sư sắp thị hiện thần thông để đánh bại những kẻ ly khai Giáo hội trước cổng thành Xá-vệ, dưới gốc cây xoài có cục nu trong bảy ngày nữa kể từ ngày hôm nay.

Cứ mỗi ngày họ lại báo tin này. Khi những người ly khai nghe tin rằng phép lạ sẽ được thị hiện dưới một gốc cây xoài có cục nu, họ liền ra lệnh chặt hết mọi cây xoài gần thành Xá-vệ rồi đền tiền bạc cho các chủ vườn xoài.

Vào đêm trăng tròn, người thông tin Chánh pháp ấy công bố:

– Hôm nay vào buổi sáng, phép thần kỳ sẽ xuất hiện.

Nhờ oai lực của chư thiên, người người khắp cõi Diêm-phù-đề dường như đều ra đứng ở cửa và nghe tin báo ấy. Bất cứ người nào trong lòng có ý muốn đi xem, đều thấy mình đến tại Xá-vệ. Dân chúng chiếm khoảng mười hai do-tuần.

---

[11] *Yamakapāṭihāriya. Yamaka* (一雙, một đôi); *pāṭihāriya* (神變神通, biến hóa thần thông): Phép thần thông biến hóa trên thân ra lửa, dưới thân ra nước và ngược lại.

Từ sáng sớm, bậc Đạo sư đi khất thực. Viên quan giữ ngự uyển tên là Gaṇḍa (Cục Nu), sắp đem đi dâng vua một trái xoài chín trông thật đẹp, lớn bằng cái giạ đựng lúa, vừa độ chín muồi thì ông thấy bậc Đạo sư tại cổng thành liền nghĩ:

– Trái xoài này thật xứng đáng với bậc Đạo sư.

Rồi ông dâng xoài lên Ngài. Bậc Đạo sư cầm lấy, ngồi xuống một bên cổng, dùng trái xoài. Khi đã thọ thực xong, Ngài bảo:

– Này Ānanda, đưa cho người giữ vườn hột xoài này để trồng ngay chỗ này, nó sẽ thành cây xoài có cục nu.

Tôn giả tuân lệnh. Người giữ vườn đào một lỗ dưới đất, trồng hạt xoài ấy. Trong chốc lát, hạt xoài nứt ra, rễ đâm ra và nhú lên một mầm đỏ cao bằng cái chày, ngay khi đám đông đang trố mắt nhìn, nó lớn dần thành một cây xoài cao cả trăm *cubit*[12] với thân cây cao năm mươi *cubit*, những cành lá cũng cao năm mươi *cubit*, cùng lúc hoa nở rộ, trái chín dần, cây vẫn đứng choáng rợp cả bầu trời, có đàn ong vây quanh, cành sai nặng trĩu quả vàng óng. Khi có làn gió thổi, trái ngọt rơi xuống, các Tỳ-kheo đến lượm lấy xoài, ăn xong ra về. Vào buổi chiều, Thiên chủ Sakka suy xét, nhận thấy mình có bổn phận dựng lên một ngôi đình gồm bảy báu vật, chu vi rộng mười hai do-tuần, che kín mọi nơi bằng hoa sen xanh. Như vậy, chư thiên của mười ngàn thế giới tụ tập tại đây.

Sau khi đã thị hiện phép thần thông vô cùng kỳ diệu trước các đệ tử của Ngài để đánh bại những người ly khai Giáo hội, bậc Đạo sư làm phát khởi lòng tin trong các hội chúng xong, Ngài đứng lên, ngự trên bảo tòa dành cho đức Phật và thuyết pháp. Hàng trăm triệu chúng sanh uống được nguồn nước trường sinh. Sau đó, Ngài nhận định để biết rõ chư Phật quá khứ đi về đâu sau khi đã thực hiện một phép thần thông và nhận thấy chính là về cõi trời Ba Mươi Ba, Ngài liền rời khỏi bảo tòa, chân phải Ngài đặt lên đỉnh Yugandhara, chân trái Ngài bước qua đỉnh Sineru (Tu-di), Ngài bắt đầu an cư vào mùa mưa dưới cây Pāricchattakamūle (San Hô), an tọa trên chiếc ngai hoàng thạch và suốt thời gian ba tháng, Ngài thuyết Thắng pháp (*Abhidhamma*) siêu phàm cho chư thiên.

Dân chúng không biết bậc Đạo sư đi đâu, họ nhìn nhau bảo: "Thôi ta về nhà", và an trú tại nơi đó suốt ba tháng mùa mưa.

Khi [mùa an cư gần chấm dứt] ngày đại lễ Tự tứ cận kề, Đại Trưởng lão Moggallāna đi thông báo với đức Thế Tôn. Ngài hỏi:

– Sāriputta nay ở đâu?

– Bạch Thế Tôn, sau khi phép thần thông làm cho Tôn giả hoan hỷ, vị ấy đã ở lại cùng năm trăm vị Tỳ-kheo trong kinh thành Saṅkassa và vẫn còn an trú tại đó.

– Này Moggallāna, vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, Ta sẽ xuống hạ giới

---

[12] 1 *cubit* = 45cm.

bằng cổng thành Saṅkassa.[13] Vậy kẻ nào muốn chiêm ngưỡng Như Lai hãy tụ tập tại thành Saṅkassa!

Trưởng lão này đồng ý đi báo cho dân chúng hay. Tôn giả mang toàn thể hội chúng từ Xá-vệ đến Saṅkassa cách xa nhau cả ba mươi do-tuần chỉ trong chớp mắt.

Khi mùa an cư trai giới qua rồi, đại lễ Tự tứ đã được cử hành xong, bậc Đạo sư bảo Thiên chủ Sakka rằng Ngài sắp trở về cõi nhân thế. Sau đó, Thiên chủ cho triệu thần xây dựng Vissakamma vào và bảo:

– Hãy làm một cầu thang để đấng Thập Lực bước xuống cõi trần!

Vị này đặt cầu thang trên đỉnh Sineru, chân nằm trên cổng thành Saṅkassa; ở giữa, vị ấy làm ba bậc thang liền nhau, một bậc bằng ngọc, một bậc bằng bạc và một bậc bằng vàng, còn lan can và mái làm bằng bảy báu vật.

Sau khi bậc Đạo sư thị hiện thần thông để cứu độ cõi thế gian, Ngài bước xuống bậc thang chính giữa làm bằng ngọc. Thiên chủ Sakka cầm chiếc bình bát và chiếc y, Suyāma cầm cái quạt bằng đuôi trâu rừng (yak), Phạm thiên chủ mang chiếc lọng và chư thiên trong mười ngàn thế giới đồng chiêm bái Ngài với các vòng hoa trời và các hương liệu.

Khi bậc Đạo sư đã đứng ở chân cầu thang, vị Đệ nhất Trưởng lão Sāriputta đảnh lễ Ngài, sau đó là toàn thể hội chúng. Ở giữa hội chúng này, bậc Đạo sư suy nghĩ: "Moggallāna đã chứng tỏ đầy đủ thần thông lực, Upāli là người tinh thông giới luật của bậc Thánh, song đặc tính đại trí tuệ của Sāriputta lại chưa được dịp tỏ bày. Trừ một mình Ta, chẳng ai đạt trí tuệ đầy đủ trọn vẹn như vậy nên Ta muốn tỏ bày năng lực trí tuệ của vị này cho hội chúng biết rõ."

Trước tiên, Ngài đặt câu hỏi thông thường cho những người phàm phu không biết gì cả. Cùng cách ấy, Ngài lần lượt đặt câu hỏi vừa tầm hiểu biết của những vị Nhất lai, Bất lai và các vị A-la-hán, các vị Thánh đệ tử trong từng trường hợp; những vị nào dưới cấp bậc ấy lần lượt không trả lời được, chỉ những vị ở trên cấp bậc ấy mới có thể trả lời. Sau đó, Ngài đặt câu hỏi trong khả năng hiểu biết của Tôn giả Sāriputta thì chỉ Trưởng lão này trả lời được, còn các vị khác không thể. Dân chúng hỏi nhau:

– Vị Trưởng lão trả lời bậc Đạo sư là ai thế?

Họ được bảo đó là vị Tướng quân Chánh pháp tên gọi Sāriputta. Họ bảo nhau:

– Ôi, trí tuệ của ngài thật cao cả thay!

Từ đó về sau, đặc tính đại trí tuệ của Trưởng lão này vang dội khắp chư thiên và loài người. Lúc ấy, bậc Đạo sư nói với vị này:

---

[13] Saṅkassa (S. Sāṅkāśya, 桑咖沙, Tang-già-sa; cổ dịch âm: 僧伽施, Tăng-già-thi, 僧迦尸, Tăng-ca-thi, 僧柯奢, Tăng-kha-xa), một thị tứ cách thành Sāvatthi (Xá-vệ) 30 do-tuần. Đây là nơi ghi nhận bước chân của đức Phật chạm trên mặt đất, sau khi Ngài thuyết Vi diệu pháp (*Abhidhamma*) ở cõi trời Tam Thập Tam (Tāvatiṃsa) trở về. Tham khảo: *DhA*. III. 224; *SnA*. II. 570; *Vism*. 391.

Người này thử thách phải đi qua,
Kẻ khác đạt rồi mục đích xa,
Tư cách khác nhau đều hiển lộ,
Vì ông biết rõ hết kia mà.

Như vậy, sau khi hỏi một câu thuộc phạm vi hiểu biết của một vị Phật, Ngài hỏi thêm:

– Đây là vấn đề được đặt ra tổng quát sơ lược, còn đâu là ý nghĩa của vấn đề trong mọi phương diện?

Vị Trưởng lão xem xét vấn đề. Vị ấy suy nghĩ: "Bậc Đạo sư hỏi về đường lối tu tập thích hợp cho Tăng chúng tinh tấn tăng trưởng, gồm cả những người mới đạt được những quả vị thấp lẫn những bậc Thánh A-la-hán đó chăng?" Về vấn đề tổng quát, Tôn giả này không có điều gì nghi hoặc. Nhưng rồi Tôn giả suy xét: "Đường lối tu tập thích hợp có thể được diễn tả bằng nhiều cách nói theo ngũ uẩn trong mỗi vị hữu tình, khởi đầu là như vậy, song bây giờ làm sao ta có thể đáp đúng ý nghĩa của bậc Đạo sư?" Tôn giả hoài nghi về ý nghĩa ấy.

Bậc Đạo sư nghĩ thầm: "Sāriputta không hoài nghi gì về vấn đề tổng quát, song còn nghi hoặc về khía cạnh đặc biệt của vấn đề mà Ta đang xem xét. Nếu Ta không đưa ra lời gợi ý hướng dẫn thì ông ấy không thể nào giải đáp được. Vậy Ta phải gợi ý cho ông ấy." Rồi Ngài đưa lời gợi ý bằng cách hỏi:

– Này Sāriputta, ông có chấp nhận điều này là đúng chăng?

[Ngài nói một vấn đề nào đó]. Tôn giả Sāriputta chấp nhận vấn đề ấy. Gợi ý như vậy xong, Ngài biết Tôn giả Sāriputta đã nắm vững ý nghĩa và sẽ giải đáp đầy đủ bắt đầu từ ngũ uẩn trong mỗi vị hữu tình. Sau đó, vấn đề hiện ra rõ ràng trước mắt vị Trưởng lão như có cả trăm ngàn lời gợi ý. Ồ không! Cả ngàn lời nữa, và theo lời hướng dẫn của đức Phật, Tôn giả giải đáp vấn đề kia thuộc về tri kiến Phật.

Bậc Đạo sư thuyết pháp cho cả hội chúng khắp cả mười hai do-tuần. Ba trăm triệu vị hữu tình uống được nguồn nước trường sinh. Khi hội chúng ra về, bậc Đạo sư lại du hành khất thực, dần dần đến Xá-vệ. Ngày hôm sau, khi đã khất thực tại Xá-vệ xong, Ngài trở về và dạy bảo các Tỳ-kheo giữ phận sự của mình rồi bước vào hương phòng. Vào buổi tối, các Tỳ-kheo bàn luận đến đức tính cao cả của Trưởng lão Sāriputta trong lúc Tăng chúng ngồi tại pháp đường:

– Này các Hiền giả, Tôn giả Sāriputta thật là bậc đại trí tuệ, Tôn giả có trí tuệ quảng bác, trí tuệ mẫn tiệp, trí tuệ tinh xảo, trí tuệ lanh lợi. Bậc Đạo sư đặt câu hỏi tổng quát, Tôn giả đã trả lời thật đầy đủ sâu rộng.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì trong lúc ngồi đó. Các vị trình với Ngài, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu vị ấy trả lời rộng rãi một vấn đề được nêu tổng quát mà ngày xưa cũng đã làm như vậy.

Và Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một con nai sống trong rừng. Bấy giờ, vua thích săn bắn, và vua lại là một người đầy uy lực, ngài cho rằng không có ai xứng danh con người cả.

Một ngày kia, lúc ngài đi săn, ngài bảo các cận thần:

– Hễ ai để thoát một con nai vì mình thì sẽ bị trừng phạt như vầy, như vầy…

Bọn họ suy nghĩ: “Người ta có thể đứng trong nhà mà không tìm thấy vựa lúa. Khi một con nai bị vây bắt bằng cái móc hay gậy cong, ta phải lùa nó đến nơi đức vua đứng.”

Bọn họ liền giao ước với nhau để thực hiện điều này và sắp đặt vua đứng ở cuối đường. Sau đó, họ vây quanh một hang lớn và bắt đầu lấy dùi cui, gậy gộc đập lên mặt đất. Con vật đầu tiên bị vây bắt chính là nai vàng. Ba lần nai nhìn quanh bụi cây tìm cơ hội trốn thoát. Nai thấy khắp nơi người ta đứng chật ních chen tay, cung kề cung, chỉ có nơi vua đứng là nai thấy may ra còn có dịp. Với đôi mắt chiếu sáng lòa, nai vụt đến phía vua làm chói mắt vua như thể tung cát bụi vào đôi mắt ấy. Lập tức vua thấy nai, bắn tên ngay và hụt mất.

Ta phải biết rằng loài nai rất thông minh, tránh được các mũi tên. Khi các mũi tên vụt thẳng vào chúng, chúng đứng yên để tên bay đi; nếu tên vụt tới phía sau, nai sẽ vụt chạy nhanh hơn; nếu tên bay xuống từ phía trên chúng cong lưng lại; nếu từ phía sườn, nai nghiêng mình một tí; nếu tên nhắm vào bụng, nai lăn một vòng; khi tên đã lướt qua rồi thì nai vụt nhanh như gió cuốn mây bay. Vì vậy, khi vua thấy nai lăn qua, tưởng nai đã bị thương liền kêu lên một tiếng “ô này!” Nai vùng đứng dậy, vụt nhanh như gió, phá được vòng vây của đám người kia. Các triều thần ở cả hai phía nhìn thấy con nai chạy thoát liền tụ tập lại với nhau và hỏi:

– Nai tiến về chỗ của ai thế?

– Chỗ của Chúa thượng.

– Song Chúa thượng đã la lớn: “Ta bắn được nai rồi” kia mà!

– Vậy Chúa thượng bắn được cái gì? Tôi dám chắc với quý vị, Chúa thượng bắn hụt rồi! Chúa thượng bắn mặt đất đấy!

Như vậy, hội chúng chế nhạo vua không ngớt. Vua nghĩ thầm: “Bọn này đang chế nhạo ta, chúng không biết sợ ta.” Rồi khi nai nịt thắt lưng, vua đi bộ, cầm kiếm trong tay, vừa đi thật nhanh vừa la to:

– Ta sẽ đi bắt nai!

Vua nhìn sát theo nai và đuổi nai chừng ba do-tuần. Nai tiến sâu vào rừng, vua cũng tiến theo. Lúc bấy giờ, trên đường nai đi có một cái hố thật lớn với một cây đã mục nát sâu chừng sáu mươi *cubit* đầy nước lên đến ba mươi *cubit*,

đám cỏ dại mọc che phía trên. Nai ngửi được mùi nước, thấy đó là cái hố nên nghiêng mình qua một bên tránh đường. Song vua cứ đi thẳng lên nên ngã vào hố. Nai không còn nghe tiếng chân vua nữa liền quay lại. Thấy không có ai, nai biết là vua hẳn đã rơi xuống hố. Vì thế, nai đến gần nhìn vào, thấy vua trong tình cảnh nguy khốn, vùng vẫy trong nước sâu. Song nai không để lòng oán hận đối với việc ác mà vua đã làm, còn thương hại nghĩ thầm: "Không được để vua này chết trước mắt ta, ta sẽ cứu vua qua khỏi cơn hoạn nạn này."

Vừa đứng trên miệng hố, nai vừa kêu lớn:

– Đại vương đừng sợ, ta sẽ cứu thoát ngài khỏi cảnh hiểm nguy này.

Rồi dùng hết sức lực, sốt sắng thiết tha như thể cứu lấy đứa con yêu quý của mình, nai đỡ vua lên dốc đá, chính vua kia đã đuổi theo nai để giết hại đó. Nai kéo vua ra khỏi hố sâu sáu mươi *cubit* và nói lời an ủi vua rồi đặt vua lên lưng mình mang vua ra khỏi rừng, đặt vua xuống không xa đám quân sĩ mấy. Sau đó, nai thuyết giáo cho vua và an trú vua vào ngũ giới. Tuy nhiên, vua không thể rời Bồ-tát được mà bảo:

– Này lộc vương, xin hãy cùng ta đến Ba-la-nại vì ta muốn nhường ngôi cho ngài tại Ba-la-nại, một kinh thành trải rộng khắp mười hai do-tuần để ngài ngự trị toàn quốc độ ấy!

Song ngài đáp:

– Thưa Đại vương, ta là thú vật, ta không muốn chiếm vương quốc nào cả. Nếu ngài có lòng thương mến ta, xin hãy giữ ngũ giới mà ta đã dạy ngài, rồi ngài dạy cho quần thần của ngài cũng giữ giới nữa!

Cùng với lời khuyên này, ngài trở về rừng. Còn vua đến gặp quân sĩ và trong khi hồi tưởng những đức tính cao thượng của nai kia, mắt vua đẫm lệ. Vừa được đoàn binh sĩ hộ tống, vua ngự khắp kinh thành trong hồi trống ban lệnh vang rền, truyền rao lời bố cáo này:

– Từ nay về sau, dân chúng toàn thành hãy giữ ngũ giới!

Song vua không nói với ai về lòng nhân từ mà Bồ-tát đã ban cho ngài. Sau khi dùng xong các món cao lương mỹ vị, về buổi chiều tối, vua an nghỉ trên vương sàng lộng lẫy. Sáng sớm hôm sau, vua nhớ lại những đức tính cao thượng của Bồ-tát, ngài liền trở dậy và ngồi chéo chân trên vương tọa, tâm tràn đầy hân hoan, ngài cất tiếng ca lên nguyện vọng của ngài qua sáu vần kệ:

134. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!

135. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,

Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.

136. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!

137. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.

138. Bậc Trí nhân dù gặp đau thương,
Cũng không tắt ước vọng an khương,
Nhiều lần trải nghiệm lạc, không lạc,
Khi chẳng suy tầm chịu mạng vong.

139. Có việc ta không nghĩ lại sanh,
Việc ta nghĩ đến thì không thành,
Những người nam, nữ được tài sản,
Chẳng phải do suy nghĩ đắc nhanh.

Trong lúc vua đang ca khúc hát này, mặt trời cũng vừa lên. Còn vị tế sư của ngài cũng dậy sớm, vào vấn an sức khỏe của ngài. Lúc đang đứng ở cửa, vị này nghe tiếng ca ấy, nghĩ thầm: "Hôm qua đức vua đi săn. Chắc ngài đã hụt mất con nai và khi bị quần thần chế nhạo, ngài phán rằng ngài sẽ đích thân đuổi bắt con mồi và giết đi. Sau đó, hẳn ngài săn đuổi theo nai, vì bị lòng kiêu mạn của một chiến sĩ thúc đẩy nên bị rơi vào cái hố sâu sáu mươi *cubit*. Rồi nai có từ tâm chắc hẳn đã kéo ngài lên mà không hề có chút ý nghĩ gì đến tội ác của đức vua đối với mình. Chắc vì thế nên đức vua hát lên khúc tụng ca này đây."

Như vậy, vị Bà-la-môn này nghe hết lời ca của khúc hát kia và những việc gì đã xảy ra giữa vua với nai đều rõ ràng như một khuôn mặt phản chiếu trong chiếc gương được lau chùi thật kỹ. Ông lấy đầu ngón tay gõ nhẹ lên cửa. Vua hỏi:

– Ai đó?

– Tâu Đại vương, hạ thần là tế sư đây.

– Này Sư trưởng, cứ vào đi.

Vua bảo rồi mở cửa. Vị ấy bước vào, tung hô vạn tuế đức vua và đứng sang một bên. Sau đó, ông thưa:

– Tâu Đại vương, hạ thần biết những việc đã xảy ra với Đại vương ở trong rừng. Trong lúc đuổi theo con nai, Đại vương rớt vào hố và con nai dựa vào sườn đá bên hố mà kéo Đại vương lên. Vì vậy, Đại vương nhớ lại đặc tính cao cả của nai và hát một bài tụng ca.

Rồi ông ngâm hai vần kệ:

140. Bên sườn non nọ có con nai,
Trước đó là con thịt của ngài,
Dũng cảm nai ban ngài cuộc sống,
Vì ly tham hận hết trong đời.

141. Khỏi hố đáng kinh, vuốt tử thần,
Dựa vào tảng đá, bạn khi cần,
Chúa nai cứu mạng nên ngài bảo,
"Trí tuệ nai vàng vượt hận sân."

"Ô kìa!" Vua suy nghĩ khi nghe lời trên: "Người này không cùng đi săn với ta, tuy thế lại biết hết mọi sự. Làm sao lại biết được thế? Ta muốn hỏi vị ấy." Và vua ngâm vần kệ thứ chín:

142. Đạo sĩ, hôm kia có mặt chăng?
Hoặc nghe từ một kẻ bàng nhân?
Tấm màn tham dục ngài đã vén,
Trí tuệ ngài làm trẫm hãi hùng!

Song vị Bà-la-môn đáp:

– Hạ thần không phải là một vị Phật toàn tri đâu, hạ thần chỉ nghe lóm khúc tụng ca của Đại vương vừa hát đó thôi mà không bỏ sót ý nghĩa nên mọi việc trở nên rõ ràng trước mắt hạ thần.

Để giải thích điều này, ông ngâm vần kệ thứ mười:

143. Tâu Đại vương! Việc ấy thần chẳng nghe,
Không vào rừng để chứng kiến ngày kia,
Song từ khúc kệ ngài ca êm dịu,
Việc ra sao, Trí nhân đà thấu hiểu.

Vua rất hoan hỷ nên ban thưởng ông một tặng phẩm quý giá. Từ đó về sau, vua chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự, dân chúng cũng đem hết lòng làm thiện sự nên khi mạng chung được sinh lên cùng thiên chúng thật đông đảo.

Lúc bấy giờ, vua đi vào thượng uyển cùng với vị tế sư để bắn bia. Thời ấy, Thiên chủ Sakka đang suy gẫm xem những tiên đồng ngọc nữ kia mới từ đâu đến mà ngài thấy thật đông đảo chung quanh ngài như thế. Khi xét kỹ, ngài chợt hiểu toàn câu chuyện: Vua đã được nai cứu thoát khỏi cái hố như thế nào, vua đã được an trú vào giới đức, nhờ uy lực của vua ra sao mà dân chúng đã làm nhiều thiện sự nên thiên giới trở thành đông đúc như thế, và nay vua lại vào ngự uyển để bắn một cái bia. Vì thế, Thiên chủ cũng đến nơi đó. Với giọng sư tử hống, ngài tuyên thuyết tính cao thượng của nai và bảo cho biết ngài chính là Thiên chủ Sakka rồi đứng vững trên không mà thuyết pháp, nêu rõ công đức của lòng từ bi và ngũ giới xong, ngài trở về. Bấy giờ, vua dự định bắn bia, giương chiếc cung và lắp mũi tên vào dây. Ngay lúc ấy, Thiên chủ Sakka dùng thần lực hóa hiện ra con nai đứng giữa vua và tấm bia, vua thấy vậy không bắn tên nữa. Lúc ấy, Thiên chủ nhập vào thân của vị tế sư ngâm kệ này cho vua nghe:

144. Tên ngài giết lắm vật oai hùng,
Sao lại cầm tên lặng giữa cung?
Hãy bắn tên bay vào lộc ấy,
Đó là ngự thiện, tấu Minh vương!

Vua đáp lại qua vần kệ:

145. Tế sư, trẫm thấu suốt hơn ngài,
Trẫm biết dâng vua chính thịt nai,
Song trẫm nhớ ơn đà cứu giúp,
Trẫm dừng tay chẳng hại đời ai.

Sau đó, Thiên chủ Sakka ngâm đôi vần kệ:

146. Chẳng phải là nai, tấu Đại vương,
Mà đây là một tu-la thần,
Ngài là chúa tể nơi trần thế,
Giết nó, ngài lên đấng Ngọc hoàng!

147. Nếu ngài do dự, tấu Anh quân,
Khi giết nai vì chính bạn thân,
Sẽ vào sông lạnh Diêm vương phủ,
Cùng vợ con ngài xuống cõi âm.

Nghe thế, vua liền ngâm hai vần kệ:

148. Cứ vậy Diêm vương với tử hà,
Đưa ta đến đủ cả toàn gia,
Cùng thân bằng nữa, ta không thể,
Tự giết nai bằng tay của ta.

149. Đầy rẫy rừng sâu nỗi hãi hùng,
Chính nai đã cứu khỏi tai ương,
Sao ta muốn vị ban ân chết,
Sau việc thi ân ấy đã mang?

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka xuất ra khỏi thân của vị tế sư, hiện đúng hình dáng của ngài và đứng vững trên không, ngâm hai vần kệ nêu rõ đức tính cao thượng của vua:

150. Thiện hữu muôn năm ở cõi trần,
Dạy đời lương thiện, lý toàn chân,
Rồi thiên nữ sẽ theo hầu hạ,
Ngài chính Inda[14] giữa các thần.

151. Thoát dục tâm mình mãi trú an,
Khi nhiều người lạ đến kêu van,

[14] P. Inda; S. Indra; 因陀羅 (Nhân-đà-la), 帝釋 (Đế-thích), 天王 (Thiên chủ), chỉ cho Thiên chủ Đế-thích (Sakka), vua của chư thiên. Tham khảo: *D.* I. 85; II. 261; III. 197f; *A.* V. 325.

Hãy cho chúng những gì cần thiết,
Vì Đại vương đầy đủ khả năng,
Hãy sống phân minh không phạm lỗi,
Ngày sau thiên giới sẽ dành phần.

Nói vậy xong, Thiên chủ tiếp tục như sau:

– Ta đến đây để thử ngài, này Đại vương, và ngài đã không đồng ý với ta. Ta xin ngài hãy gắng tinh cần mãi!

Cùng với lời khuyên này, ngài trở về cõi của mình.

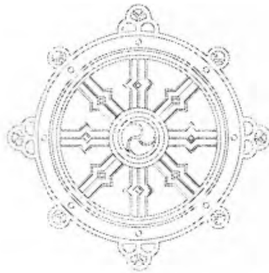
***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Sāriputta hiểu đầy đủ những điều được nói tổng quát mà ngày xưa cũng vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda (A-nan) là vua, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị tế sư và Ta chính là nai chúa.



CHƯƠNG XIV

TẠP KỆ

(*PAKIṆṆAKANIPĀTA*)

§484. CHUYỆN CÁNH ĐỒNG LÚA SĀLI (*Sālikedārajātaka*) (*J.* IV. 276)

Mùa lúa chiêm vàng thật đẹp thay...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình. Chuyện này sẽ được giải thích trong *Chuyện hiếu tử Sāma.*[1]

Lúc ấy, bậc Đạo sư cho gọi Tỷ-kheo này đến và hỏi:

– Này Tỷ-kheo, Ta nghe nói ông cấp dưỡng người thế tục, có đúng vậy chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

– Họ là ai thế?

– Bạch Thế Tôn, chính là song thân của con.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Tỷ-kheo, tốt lành thay! Các Trí nhân ngày xưa, ngay khi còn mang thân thú vật hạ liệt, dù chỉ sinh làm loài anh vũ, nhưng khi cha mẹ già yếu, đã đem cha mẹ vào tổ và nuôi nấng bằng chính thức ăn mà chúng ngậm về trong mỏ của mình.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, vị vua mệnh danh là Đại vương Magadha (Ma-kiệt-đà) trị vì Rājagaha (Vương Xá). Thời ấy, có một làng Bà-la-môn tên là Sālindiya[2] ở phía Đông Bắc kinh thành này. Vùng Đông Bắc này là địa phận thuộc về nước Ma-kiệt-đà. Có một Bà-la-môn sống ở Sālindiya tên là Kosiyagotta, chiếm giữ điền sản cả ngàn mẫu đất để trồng lúa. Khi vụ mùa đến, ông làm một hàng rào vững chắc, giao đất cho các gia nhân, có người được năm mươi mẫu, người khác sáu mươi mẫu, và cứ như vậy, vị địa chủ chia khoảng năm trăm mẫu đất cho các gia nhân.

Còn năm trăm mẫu kia, ông giao cho một người làm thuê lấy công, người ấy dựng túp lều và ở đó suốt ngày đêm. Lúc bấy giờ, về phía Đông Bắc vùng

---

[1] Xem *J.* VI. 68, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

[2] Bản CST viết Sāliddiya.

đồng ruộng này là một khu rừng cây bông vải rộng lớn mọc trên một ngọn đồi bằng phẳng, trong rừng này có một đàn chim anh vũ (chim két) rất đông.

Vào thời ấy, Bồ-tát sinh vào đàn chim anh vũ này, làm vương tử của chúa anh vũ. Ngài lớn lên đẹp và khỏe mạnh, thân lớn bằng cái trục bánh xe. Khi chim chúa đã già, bảo ngài:

– Nay ta không thể nào bay ra đồng được nữa, con hãy chăm sóc cả đàn chim này!

Và phong cho ngài chức chim chúa. Từ hôm sau, ngài không chịu để cha mẹ đi kiếm mồi nữa mà ngài cùng cả đàn bay về vùng Tuyết Sơn, và sau khi ăn lúa no nê từ đám ruộng mọc hoang tại đó, ngài trở về mang đầy đủ thức ăn để nuôi cha mẹ. Một ngày kia, đàn chim anh vũ hỏi ngài một chuyện. Chúng nói:

– Trước đây, vào lúc này lúa đã chín trong nông trại ở Ma-kiệt-đà, bây giờ lúa có được trồng nữa chăng?

Ngài đáp:

– Cứ đi xem!

Rồi ngài bảo hai chim anh vũ đi tìm hiểu. Đôi chim anh vũ bay đi và hạ cánh xuống đồng bằng xứ Ma-kiệt-đà ở phần đất được người làm mướn canh giữ, chúng ăn lúa rồi mang một cọng lúa về rừng, thả xuống trước đôi chân của Bồ-tát và nói:

– Lúa này mọc tại đó.

Hôm sau, ngài bay đến nông trại đó và hạ xuống cùng với cả đàn chim. Người làm công ấy cứ chạy đằng này đến chạy đằng kia cố xua đuổi đàn chim, song không thể nào đuổi chúng được. Cả đàn anh vũ ăn lúa xong, ra đi với những mỏ trống không, nhưng chim anh vũ chúa thu lượm một số lúa mang về cho cha mẹ.

Hôm sau, bầy anh vũ lại đến đó ăn lúa lần nữa và hôm sau nữa cũng vậy. Lúc ấy người kia bắt đầu suy nghĩ: “Nếu những con vật này cứ tiếp tục ăn thêm vài ngày nữa thì ta chẳng còn chút gì. Vị Bà-la-môn kia sẽ định giá cả cho cả đám lúa này và sẽ phạt tiền ta. Ta phải đi báo cho ông ấy biết.” Vừa cầm lấy một nắm lúa và một món quà kèm theo, gã đi đến gặp vị Bà-la-môn kia, kính chào vị ấy và đứng sang một bên. Ông chủ bảo:

– Nào, anh bạn, có được mùa lúa chăng?

– Thưa Tôn giả Bà-la-môn, được mùa lắm!

Gã đáp và ngâm hai vần kệ:

1. Mùa lúa chiêm vàng thật đẹp thay,
Song tôi xin nói để ngài hay,
Đàn anh vũ phá tan đồng lúa,
Tôi chẳng làm sao đuổi chúng bay.

2. Có một chim kia đẹp nhất đàn,
Trước tiên tìm lúa chín mà ăn,
Rồi mang một nắm vào trong mỏ,
Để sẵn mai sau những lúc cần.

Khi vị Bà-la-môn nghe chuyện này, lòng phát sinh mối tình thương cảm đối với chim anh vũ chúa. Ông hỏi:

– Này chú, thế chú có biết cách đặt bẫy chăng?

– Thưa Tôn giả, tôi có biết.

Ông chủ ấy liền nói với gã qua vần kệ này:

3. Đặt bẫy lông đuôi ngựa thế này,
Chim kia rồi cũng bị sa ngay,
Bắt cho cẩn thận, chim còn sống,
Rồi lấy chim về gặp lão đây.

Người giữ ruộng rất vui mừng vì ông chủ không định giá tiền về đám lúa kia và không ai nhắc gì đến nợ nần cả. Gã đi ngay và làm một cái bẫy bằng lông đuôi ngựa. Sau đó, gã tìm hiểu xem lúc nào đàn chim sắp đáp xuống ngày hôm ấy, rồi gã thấy được nơi chim anh vũ chúa đậu. Hôm sau, từ sáng sớm gã làm một cái lồng to cỡ bằng cái bình nước và đặt bẫy rồi ngồi trong lều đợi đàn chim đến.

Chim chúa đến giữa đàn và chim không tỏ chút gì tham ăn, vừa bước xuống đúng nơi đã đậu ngày hôm qua thì chân đặt ngay vào chiếc thòng lọng. Khi chim thấy chân bị siết chặt liền nghĩ thầm: "Nếu bây giờ ta thốt lên tiếng kêu của con chim mắc bẫy thì đàn chim thân thuộc của ta sẽ kinh hoàng và chạy trốn mà chưa ăn được gì. Vậy ta hãy chịu đựng cho đến khi chúng ăn xong!"

Cuối cùng, khi chim chúa thấy chúng đã no nê, mới lo sợ cho tính mạng của mình mà thốt lên ba lần tiếng kêu của con chim bị nạn. Cả đàn chim bay trốn mất. Lúc ấy, chim anh vũ chúa bảo:

– Cả đàn chim bà con quyến thuộc của ta đây, chẳng con nào quay lại nhìn ta nữa! Ta đã phạm tội gì vậy?

Và chim cảm hứng ngâm vần kệ quở trách chúng:

4. Bầy chim ăn uống thật no say,
Rồi chúng liền tung cánh vút bay,
Bị bắt mình ta vào chiếc bẫy,
Ta đà gây tội lỗi gì đây?

Người giữ ruộng chợt nghe tiếng kêu của chim chúa và âm thanh của cả đàn chim kia bay qua không gian. "Cái gì đó?" Gã nghĩ thầm. Gã đứng dậy ra khỏi lều và đi về phía cái bẫy, gã thấy chim chúa ở đó. "Đúng là con chim mà ta muốn đặt bẫy đã bị bắt." Gã kêu lên mừng rỡ vô cùng, gã lấy con chim ra khỏi bẫy, buộc đôi chân vào nhau và đi về phía làng Sālindiya, gã giao chim cho vị

Bà-la-môn. Vị này với tình cảm đậm đà dành cho Bồ-tát, ôm ngài trong đôi tay, đặt ngài trên đùi mình và nói chuyện với ngài qua hai vần kệ sau:

5. Bụng chim lớn vượt các chim kia,
Trước hết chim ăn bữa thỏa thuê,
Sau đó ngậm thêm đầy mỏ nữa,
Trước khi giương cánh rộng bay về.

6. Chim có một kho phải đổ vào,
Và chim ghét lão đắng cay sao?
Lão đòi chim phải trình cho đúng,
Chim để kho kia ở chốn nào?

Nghe lời này, chim anh vũ chúa đáp lời, ngâm vần kệ thứ bảy bằng giọng người ngọt ngào như mật:

7. Ta chẳng ghét ngài, Kosiya,
Ta không hề có vựa kho nhà,
Khi vào rừng ở, ta hoàn nợ,
Và cũng cho vay mượn nữa mà,
Nơi đó ta dồn kho báu mãi,
Đây là câu giải đáp phần ta.

Tiếp theo, vị Bà-la-môn hỏi chim chúa:

8. Món nào chim lại muốn cho vay?
Gì đó là công phải trả đây?
Cho biết kho nào đang tích trữ?
Rồi ta sẽ thả tự do bay.

Chim anh vũ chúa vừa đáp lời vị Bà-la-môn yêu cầu vừa giải thích ý định của mình qua bốn vần kệ:

9. Lũ chim non nớt ở nhà ta,
Đôi cánh còn chưa mọc đủ ra,
Chúng sẽ nuôi ta mai mốt nọ,
Nay ta cho chúng mượn vay mà.

10. Mẹ cha già yếu cả song thân,
Hai vị xa dần hạn tuổi xuân,
Với lúa ta mang trong chiếc mỏ,
Đem về dâng trả các ân nhân.

11. Còn lắm chim đang sống lẻ đơn,
Bầy chim yếu đuối lại nhiều hơn,
Ta cho bọn chúng vì từ mẫn,
Đây chỗ Hiền nhân gọi trữ tồn.

12. Đây là phần nợ muốn cho vay,
Đấy lại là công phải trả đầy,

Nơi nọ là kho đang tích trữ,
Giờ ta phân giải hết lời này.

Vị Bà-la-môn rất hoan hỷ khi nghe bài thuyết giáo hợp đạo lý này của Bồ-tát liền ngâm hai vần kệ:

13. Đạo lý cuộc đời tối thượng thay!
Làm bao công đức chính chim này,
Từ mồm nhiều kẻ trên trần thế,
Chẳng có hề nghe luật lệ vầy.

14. Ăn cho vừa ý thật no nê,
Và mọi chim thân cũng thỏa thuê,
Anh vũ, rồi ta còn gặp lại,
Ta yêu hình bóng bạn quay về.

Cùng với những lời này, ông nhìn Bồ-tát với lòng trìu mến như thể nhìn đứa con yêu quý nhất của mình, rồi thả dây trói khỏi chân chim, ông thoa lên đôi chân ấy một loại dầu quý đã lọc kỹ cả trăm lần và đặt chim lên một bảo tòa rất sang trọng, đãi chim ăn món bắp ngọt trên một cái đĩa vàng và uống nước đường. Sau đó, chim anh vũ chúa vừa khuyên nhủ vị Bà-la-môn tinh cần vừa ngâm kệ này:

15. Trong nhà ngài đấy, Kosiya,
Ta uống ăn, tình bạn thiết tha,
Xin hãy cúng dường cho những vị,
Trong đời gánh nặng đã quăng xa,
Và xin phụng dưỡng song thân đủ,
Khi các ngài kia đã xế tà.

Lúc ấy, vị Bà-la-môn vô cùng hân hoan trong lòng, thốt lời cảm hứng của mình qua vần kệ này:

16. Thần nữ Cát Tường hẳn đến đây,
Khi ta nhìn thấy chúa chim này,
Ta nguyền thực hiện nhiều công đức,
Chẳng có bao giờ muốn nghỉ tay,
Vì giọng chim thần nay lảnh lót,
Ta vừa nghe thật tuyệt vời thay!

Kế đó, Bồ-tát không chịu nhận cả ngàn mẫu ruộng do vị Bà-la-môn tặng ngài mà chỉ nhận tám mẫu thôi. Vị ấy cho chôn các trụ đá làm ranh giới để dành riêng điền sản cho ngài rồi lại dâng ngài vòng hoa thơm... rất cung kính và nói:

– Xin Chúa công thượng lộ bình an và mau về khuyên dỗ song thân đang ràn rụa nước mắt than khóc!

Xong ông tiễn ngài bay đi. Ngài rất đẹp ý, ngậm một cọng lúa đem về cho cha mẹ, rồi vừa thả cọng lúa trước song thân vừa bảo:

– Nào dậy đi thôi, cha mẹ thân yêu của con!

Hai vị nghe lời ngài liền vùng dậy, mắt nhòa lệ thảm. Sau đó, cả đàn anh vũ kia lục tục kéo đến hỏi thăm:

– Tâu Chúa thượng, ngài làm sao thoát thân được?

Ngài kể cho chúng nghe toàn câu chuyện từ đầu đến cuối. Còn gia chủ Kosiya nghe lời khuyên nhủ của chim anh vũ chúa, đem phân phát nhiều của cải, bố thí cúng dường các vị chân nhân, các ẩn sĩ khổ hạnh cùng các Bà-la-môn.

Vần kệ cuối cùng do bậc Đạo sư ngâm để giải thích việc này:

17. Kosiya này với đại hân hoan,
Thực phẩm làm phong phú ngập tràn,
Đãi uống ăn La-môn, Thánh giả,
Bản thân vị ấy thật hiền lương.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, phụng dưỡng mẹ cha mình là một mỹ tục cổ truyền của các bậc Trí nhân và thiện nhân.

Sau đó, Ngài thuyết giảng các sự thật và nhận diện tiền thân. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo đó đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

– Vào thời ấy, các đệ tử Phật là đàn anh vũ; phụ hoàng, mẫu hậu ngày nay là cha mẹ chim chúa; Channa (Xa-nặc) là người giữ ruộng; Ānanda là vị Bà-la-môn và Ta chính là chim anh vũ chúa kia.

§485. CHUYỆN ĐÔI CA THẦN CANDA

(***Candakinnarajātaka***) (*J.* IV. 282)

Chắc hẳn đời ta sắp sửa tàn...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại vườn Nigrodha gần Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) về thân mẫu của Rāhula (La-hầu-la) khi bà còn ở trong cung.

Tiền thân này phải được kể bắt đầu từ thời quá khứ xa xưa của tiền thân đức Phật.[3] Song câu chuyện về các thời kỳ này, bắt đầu từ tiếng sư tử hống của Tôn giả Uruvela Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp) tại Laṭṭhivana (Rừng Mía, gần Trúc Lâm), đã được kể trước kia trong *Chuyện không lỗi lầm*.[4] Phần tiếp theo chuyện cho đến khi Ngài trở về Kapilavatthu sẽ được nói rõ trong *Chuyện Đại vương Vessantara*.[5]

---

[3] Xem *Buddhist Birth Stories* (*Những câu chuyện bổn sanh Phật giáo*), pp. 2, 58; *Buddhism in Translations* (*Các dịch phẩm Phật giáo*), pp. 38, 82.

[4] Xem *J.* I. 1, *Apaṇṇakajātaka* (*Chuyện không lỗi lầm*), số §1.

[5] Xem *J.* VI. 479, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547.

Đang lúc Ngài ngồi trong cung phụ vương, trong buổi ăn, bậc Đạo sư kể *Chuyện Đại nhân Dhammapāla*,[6] và sau khi buổi ăn đã xong, Ngài nói:

– Ta muốn tán thán những đức tính cao quý của thân mẫu Rāhula ngay ở cung thất của bà bằng cách kể *Chuyện đôi ca thần Canda* này.

Rồi vừa trao bình bát cho vua cha, Ngài cùng hai vị Đại đệ tử bước qua cung thất của mẫu thân Rāhula. Thời ấy, có bốn mươi ngàn cung nữ giỏi ca múa hay đến bầu bạn với bà, trong đó có một ngàn chín mươi nàng là con gái dòng Sát-đế-lỵ. Khi bà nghe báo tin đức Như Lai đến viếng, bà ra lệnh tất cả cung nữ này đắp y vàng và hội chúng tuân lệnh.

Bậc Đạo sư bước vào, ngồi xuống chỗ đã được dành sẵn cho Ngài. Lúc ấy, cả hội chúng nữ nhân đều kêu lên một tiếng và than khóc rền rĩ. Sau khi để mặc dòng lệ tuôn tràn, thân mẫu Rāhula cố dẹp nỗi sầu riêng, đứng lên đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống với vẻ vô cùng tôn kính dành cho một vị vua. Lúc ấy, phụ vương của Ngài bắt đầu kể đức hạnh của bà:

– Bạch Thế Tôn, xin hãy nghe đây! Khi nàng hay tin Thế Tôn đã đắp y vàng, nàng cũng đắp y vàng. Thế Tôn bỏ hết các vòng hoa và đồ trang sức, nàng cũng bỏ hết mọi thứ và chỉ nằm, ngồi dưới đất. Khi Thế Tôn đã xuất gia, nàng liền trở thành cô phụ và từ chối mọi tặng vật mà các vương tử khác gửi đến nàng. Lòng nàng bao giờ cũng trung thành với Thế Tôn.

Như thế, phụ vương của Ngài đã kể hết đức hạnh của nàng trong nhiều cách, bậc Đạo sư liền bảo:

– Thưa Phụ vương, thật không lạ gì ngày nay trong đời cuối cùng của Như Lai, công chúa này đã yêu thương, gìn giữ lòng trung thành đối với Như Lai và chỉ muốn được một mình Như Lai dìu dắt mà thôi. Quả vậy, ngay cả khi được sinh làm loài phi nhân, bà cũng giữ dạ thủy chung với phu quân của mình mà thôi.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua cha, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh trong vùng Tuyết Sơn làm một vị tiên kinnara (khẩn-na-la, ca thần) tên là Canda (Nguyệt Lang), vợ ngài là Candā (Nguyệt Nga). Cả hai vị sống cùng nhau trên một dãy núi bạc tên là Canda (Nguyệt Sơn).

Thời ấy, vua xứ Ba-la-nại giao phó việc triều chính cho các quan đại thần, một mình vua khoác hai chiếc hoàng bào, trang bị năm thứ vũ khí và tiến về vùng Tuyết Sơn.

Trong lúc đang thưởng thức món sơn hào, vua chợt nhớ nơi có con suối nhỏ nên bắt đầu leo lên đồi. Thời bấy giờ, đôi tiên sống trên đỉnh Nguyệt Sơn thường ở trong núi vào mùa mưa và chỉ xuống núi vào mùa nắng. Vừa lúc ấy,

[6] Xem *J.* IV. 50, *Mahādhammapālajātaka* (*Chuyện Đại nhân Dhammapāla*), số §447.

tiên nam Canda cùng vợ xuống núi và đi quanh quẩn. Đôi tiên tẩm nước hoa, ăn phấn hoa, mặc xiêm y bên trong lẫn bên ngoài đều bằng thứ lụa sa dệt từ bông hoa, vừa lắc lư trong đám cát đằng (dây leo) vừa vui đùa ca hát bằng một giọng ngọt ngào như mật.

Vị tiên nam tiến dần đến con suối này, và tại một chỗ dừng chân bên suối chàng bước xuống, vừa cùng vợ rắc hoa khắp mặt suối vừa vui đùa dưới nước. Khi cả hai vị đã mặc lại xiêm y bằng hoa xong, trên một khoảng cát trắng sáng láng như một tấm bạc, hai vị trải hoa làm sàng tọa và nằm xuống. Lượm được một khúc cây trúc, vị tiên nam bắt đầu thổi sáo, thỉnh thoảng ca hát ngọt ngào như mật rót vào tai, trong lúc tiên nữ uốn lượn đôi tay mềm mại, vừa nhảy vừa hát ca gần đó.

Nhà vua nghe tiếng hát liền đi rón rén để đừng ai nghe lọt bước chân, vừa đến gần ngắm nghía đôi tiên từ một nơi ẩn nấp kín đáo. Vua bỗng nhiên sinh ra si tình tiên nữ và nghĩ thầm: "Ta muốn bắn chàng kia và sống ở đây với vợ chàng." Sau đó, vua liền nhắm bắn trọng thương vị tiên nam Canda. Chàng đau đớn thốt lên bốn vần kệ:

18. Chắc hẳn đời ta sắp sửa tàn,
Máu ta đang chảy xiết, tuôn tràn,
Ta dần mất hết nguồn sinh lực,
Hơi thở đang thoi thóp, hỡi nàng!

19. Ta đang chìm ngập với đau thương,
Lòng dạ ta đang đốt cháy bừng,
Song bởi chính nàng sầu, Candā hỡi,
Mà tim ta cảm xúc khôn lường.

20. Như cỏ cây, ta cứ lụi tàn,
Héo hon như suối cạn khô dần,
Lòng đầy xúc cảm, Candā hỡi,
Vì nỗi buồn đau của chính nàng.

21. Dòng lệ tuôn từ cặp mắt ta,
Như mưa chân núi chảy vào hồ,
Bởi vì lòng dạ đầy thương cảm,
Cho nỗi sầu nàng, hỡi Candā!

Bồ-tát than khóc như vậy qua bốn vần kệ trong khi quằn quại trên sàng tọa bằng hoa rồi bất tỉnh quay mặt đi. Nhà vua vẫn đứng ở nơi đã nấp. Còn tiên nữ không biết Bồ-tát bị thương, ngay khi ngài than khóc như thế, nàng cũng không hay biết vì nàng đang say sưa với niềm hoan lạc của mình. Nhưng khi thấy ngài quay đi và nằm bất động, nàng bắt đầu tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với vị phu quân. Vội đến gần quan sát chồng, nàng thấy máu đang chảy ra từ miệng vết thương nên không thể nào chịu đựng nổi cơn đau đớn khủng khiếp trước tình cảnh phu quân yêu quý của mình, nàng kêu gào thất thanh.

"Vị tiên nam ắt hẳn đã chết", vua thầm nghĩ và bước ra lộ diện. Khi tiên nữ Candā thấy vua, nàng nghĩ thầm: "Đây hẳn là kẻ cướp đã giết chồng yêu quý của ta" và nàng run rẩy chạy trốn. Khi đã đứng trên đỉnh đồi, nàng kết tội vua quyết liệt qua năm vần kệ:

22. Ôi khổ thân ta, chúa bạo tàn,
Nhà ngươi đã bắn trọng thương chàng,
Nay chàng nằm đó trên đất lạnh,
Dưới một gốc cây giữa núi ngàn.

23. Vương tử, sầu đau xé ruột này,
Ta mong thái hậu phải đền thay!
Mối sầu đang bóp tim tan nát,
Khi thấy chàng yêu đã chết đây.

24. Vương tử, sầu đau xé ruột này,
Ta mong vương hậu phải đền thay!
Mối sầu đang bóp tim tan nát,
Khi thấy chàng yêu đã chết đây.

25. Mong thái hậu nay khóc phụ hoàng,
Và sau lại phải khóc hoàng nam,
Kẻ vì tham dục đang làm ác,
Cho chính chồng ta thật uổng oan.

26. Ước mong vương hậu phải chờ trông,
Tình cảnh mất con lẫn mất chồng,
Là kẻ vì tham làm việc ác,
Cho chàng vô tội, chính phu quân.

Sau khi nàng kêu gào than khóc như vậy qua năm vần kệ trên, nhà vua vừa đứng trên đỉnh núi vừa cất tiếng an ủi nàng qua một vần kệ khác:

27. Thôi đừng than khóc, chớ sầu thương,
Ta chắc rừng đêm quáng mắt nàng,
Cung điện vua ban nàng diễm phúc,
Nàng làm hoàng hậu của quân vương!

– Ngươi vừa nói gì thế?

Tiên nữ Candā thét lên khi nghe lời này và nàng cất giọng sư tử hống hùng hồn đáp lời:

28. Không, ta đành kết liễu cuộc đời,
Ta chẳng bao giờ muốn lấy ngươi,
Ngươi giết chồng ta nào có tội,
Tất cả vì tham ái ta thôi!

Khi nghe lời này, lòng say mê của vua đối với nàng đều tan hết, sau đó, vua liền ngâm một vần kệ khác nữa:

29. Sống cho thỏa nguyện, hỡi tiên nương,
Thôi hãy quay về đỉnh Tuyết Sơn,
Ta biết có nhiều loài thú vật,
Ăn toàn hoa cỏ, mến rừng hoang.

Cùng với những lời này, vua bình thản bỏ đi. Ngay khi Candā biết vua đi rồi, nàng bước đến ôm lấy Bồ-tát đem tận đỉnh đồi và đặt ngài nằm trên một chỗ đất bằng phẳng. Tại đó, vừa kê đầu ngài lên lòng nàng, nàng vừa than thở qua mười hai vần kệ sau:

30. Đây giữa vùng đồi núi đỉnh cao,
Trong nhiều thung lũng, dưới hang sâu,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì bóng chàng nay thiếp thấy đâu?

31. Thú rừng lang bạt khắp nơi nơi,
Lá trải trên nhiều chốn đẹp tươi,
Thiếp phải làm gì, Canda hỡi,
Vì nay chàng vắng bóng trên đời?

32. Dã thú tung hoành, hoa ngát hương,
Lan tràn bao chốn đẹp hoang đường,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn đâu thấy bóng chàng?

33. Trong veo nhiều suối chảy ven đồi,
Hoa dại muôn ngàn phủ khắp nơi,
Thiếp phải làm gì, Canda hỡi,
Vì nay chàng bỏ thiếp đơn côi?

34. Xanh thẳm là đồi núi Tuyết Sơn,
Khi nhìn đồi núi đẹp vô vàn,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn đâu thấy bóng chàng?

35. Bao đỉnh Tuyết Sơn nhuộm ánh vàng,
Nhìn xem đồi núi đẹp huy hoàng,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng chàng?

36. Đồi núi Tuyết Sơn đỏ rực lên,
Núi đồi tuyệt diệu lúc nhìn xem,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì thiếp còn đâu thấy bóng tiên?

37. Tuyết Sơn đỉnh nhọn vút trời cao,
Đồi núi nhìn xem đẹp biết bao!

Thiếp sẽ làm gì, Canda hỡi,
Vì nay thiếp chẳng thấy chàng đâu?

38. Lấp lánh Tuyết Sơn đỉnh trắng ngần,
Nhìn xem đồi núi đẹp muôn phần,
Thiếp làm gì nữa, chàng tiên hỡi,
Vì chẳng còn trông thấy phu quân?

39. Tuyết Sơn lại đổi sắc cầu vồng,
Tuyệt diệu là khi đứng ngắm trông,
Thiếp phải làm gì, Canda hỡi,
Vì không còn được thấy lang quân?

40. Đồi Hương thân thiết với yêu ma,
Khắp chốn phủ đầy vạn cỏ hoa,
Thiếp phải làm gì, Canda hỡi,
Vì đâu còn thấy bóng phu quân?

41. Thần tiên yêu mến ngọn đồi Hương,
Cây cỏ bao quanh khắp nẻo đường,
Thiếp sẽ làm gì, Canda hỡi,
Vì đâu còn thấy bóng chàng thương?

Nàng cứ than thở mãi như vậy, rồi khi cầm tay Bồ-tát đặt lên ngực nàng, nàng thấy tay ngài còn ấm. Nàng nghĩ thầm: "Candā còn sống đây, ta quyết khiêu khích các thần linh cho đến khi chàng được sống lại!" Rồi nàng lớn tiếng quở trách các thần:

– Chẳng có vị thần nào cai trị cõi trần hay sao? Các ngài đi ngao du ở đâu cả rồi? Chắc hẳn các ngài chết hết rồi nên chẳng còn ai cứu mạng chồng yêu quý của ta đây!

Vì uy lực nỗi khổ đau thống thiết của nàng, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích nóng rực lên. Khi xét kỹ, ngài thấy rõ nguyên nhân liền giả dạng một vị Bà-la-môn đến gần nàng, cầm bình nước thần dược rảy lên mình Bồ-tát. Trong chốc lát, thuốc độc mất công hiệu, sắc mặt ngài trở lại tươi tỉnh, ngài cũng không còn biết gì đến chỗ bị thương nữa. Bồ-tát đứng dậy hoàn toàn hồi phục. Khi Candā thấy vị phu quân muôn vàn yêu quý của mình đã hoàn toàn bình an, nàng hân hoan quỳ xuống chân của Thiên chủ Đế-thích và tán thán ngài qua vần kệ:

42. La-môn Thánh giả đáng tôn vinh,
Cho phận thiếp đây kém phước lành,
Được thấy phu quân đầy ái kính,
Rảy lên chàng thánh dược hồi sinh!

Sau đó, Thiên chủ Đế-thích khuyên nhủ:

– Từ nay về sau, hai vị đừng xuống khỏi đỉnh Nguyệt Sơn ra giữa đường đi của loài người nữa mà cứ ở chốn đây thôi.

Ngài lặp lại câu này hai lần rồi trở về cõi của ngài. Còn Candā hỏi chồng nàng:

– Này phu quân, sao ta lại ở chốn đầy nguy hiểm này? Ta hãy mau về đỉnh Nguyệt Sơn.

Rồi nàng ngâm vần kệ cuối cùng:

43. Ta hãy lui về đỉnh Nguyệt Sơn,
Nơi khe suối diễm lệ tuôn tràn,
Suối khe phủ ngập đầy hoa lá,
Mãi mãi chốn kia, gió nhẹ nhàng,
Thầm thì len qua ngàn cổ thụ,
Mải mê trò chuyện, phút bình an.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa cũng thế, công chúa luôn luôn tận tụy và giữ lòng trung thành với Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Anuruddha (A-na-luật-đà) là vua, thân mẫu của Rāhula là tiên nữ Candā và Ta chính là vị tiên nam Canda.

§486. CHUYỆN CHIM ƯNG CHÚA (*Mahāukkusajātaka*) (*J.* IV. 288)

Dân chúng đang nhen lửa đảo này...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về cư sĩ Mittagandhaka (người kết giao nhiều bằng hữu). Tương truyền, người này là con cháu một dòng họ đã suy tàn ở Sāvatthi (Xá-vệ), phải nhờ một người bạn đi cầu hôn một thiếu nữ sang trọng. Nhà kia hỏi:

– Thế cậu ấy có bạn bè thân thích nào để có thể giải quyết công việc cần lo liệu chăng?

Nhà trai đáp:

– Không, chẳng có ai cả.

Bên kia bảo:

– Thế thì trước tiên phải kiếm bạn đã.

Người ấy nghe lời khuyên này đi bầu bạn với bốn người giữ cổng thành. Sau đó, chàng dần dần kết bạn với những người giữ thành, những nhà thiên văn, nhiều người quý tộc trong triều, ngay cả vị tướng lãnh và phó vương. Nhờ giao thiệp với những người này, chàng trở thành bạn thân thiết của vua, rồi sau đó là đạo hữu của tám mươi vị Trưởng lão; và nhờ Trưởng lão Ānanda, chàng đến yết kiến đức Như Lai. Lúc ấy, bậc Đạo sư an trú cả gia đình chàng vào tam

quy và ngũ giới, vua lại phong cho một chức vụ cao và chàng được biệt danh "Mittagandhaka".

Vua còn ban cho chàng một dinh cơ lớn rồi ra lệnh cử hành hôn lễ cho chàng nên tất cả mọi người từ vua chúa trở xuống đều mang tặng vật đến nhà. Lúc ấy, vợ chàng nhận được một tặng vật của vua ban, rồi tặng vật của vị đại tướng quân, tặng vật của vị phó vương, cứ thế dân chúng toàn thành đều đến nhà nàng. Vào ngày thứ bảy, đôi tân hôn ấy tổ chức đại lễ để mời đấng Thập Lực. Nhiều phẩm vật cúng dường cao sang được đem dâng đức Phật và Tăng chúng lên đến năm trăm vị Tỳ-kheo. Cuối buổi lễ, đôi tân hôn nhận lời tùy hỷ công đức từ đức Phật và được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Trong pháp đường, hội chúng nói đến chuyện này:

– Này các Hiền giả, cư sĩ Mittagandhaka theo lời vợ khuyên nhủ và nhờ nàng, đã trở thành bạn của mọi người, được vinh quang tột bực từ vua ban; và sau khi thành thân hữu của bậc Đạo sư, đôi vợ chồng đã được an trú vào Sơ quả.

Bậc Đạo sư đi vào và hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì. Các vị thưa với Ngài. Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên, này các Tỳ-kheo, người này nhận được vinh quang nhờ nữ nhân kia. Ngày xưa, khi còn là súc sinh, nhờ lời khuyên của nàng nên vị ấy đã kết bạn rất nhiều và thoát khỏi sự lo âu về tính mạng của đàn con trẻ.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, một số người ở vùng biên địa thường cư trú tại nơi nào họ có thể tìm kiếm thực phẩm nhiều nhất như sống trong rừng và bắn giết những loài thú vật đông đúc tại đó để lấy thịt cho họ và gia đình họ. Không xa làng của họ là một cái hồ rộng, về phía Nam bờ hồ đó có một chim ưng trống; phía Tây là một chim ưng mái; phía Bắc là một sư tử, chúa của mọi loài dã thú; phía Đông là một chim ưng biển (đại bàng), chúa loài chim; và ở giữa là một con rùa sống trong một cái hồ.

Chim ưng trống đến hỏi chim ưng mái làm vợ. Chim mái bảo:

– Chàng có bạn bè nào không?

Chim trống đáp:

– Thưa cô nương, không.

– Chúng ta cần phải có vài chim bạn để bảo vệ cho chúng ta chống lại mọi hiểm nguy hay chuyện rắc rối có thể xảy ra, vậy chàng phải đi kiếm vài chim bạn!

– Ta phải làm bạn với ai đây?

– Ô kìa, với đại bàng chúa sống trên bờ phía Đông chứ còn ai nữa, rồi với sư tử ở phía Bắc và rùa ở giữa hồ này.

Chàng theo lời khuyên của nàng và làm như vậy. Sau đó, đôi chim sống với nhau trong một cái tổ do chúng xây lấy; cũng cần nói thêm rằng trên một đảo nhỏ trong hồ này có một cây kadamba[7] mọc, bốn phía là nước bao quanh. Sau đó, chúng sinh được hai chim trống.

Một ngày kia, khi lông cánh đôi chim non còn non nớt, có vài trai làng đi săn mồi khắp rừng suốt ngày mà chẳng kiếm được gì cả. Vì không muốn trở về làng tay không, họ đi xuống hồ bắt rùa, cá; họ lên đảo, nằm dưới bóng cây kadamba và đang lúc bị ruồi, muỗi, bọ chích đốt thật khổ sở, họ nhóm lửa lên đuổi muỗi mòng bằng cách chà xát củi khô vào nhau để hun khói. Khói đùn lên làm bầy chim khó chịu, khiến đôi chim non kêu lên chiêm chiếp.

Đám dân làng bảo nhau:

– Kìa, có tiếng chim!

– Nào đốt lửa nhanh lên! Chúng ta không thể nằm nhịn đói ở đây, trước khi nằm ngủ, chúng ta phải ăn một bữa thịt chim rừng chứ!

Họ nhóm lửa làm cho ngọn lửa cao dần. Song chim mẹ nghe tiếng động ấy, nghĩ thầm: "Những người này muốn ăn con ta. Ta phải kiếm bạn để cứu nhà ta thoát khỏi hiểm họa này. Ta muốn bảo chim trống đi đến chim đại bàng chúa kia." Rồi chim mái bảo:

– Này chàng, hãy đi báo cho chim đại bàng chúa biết mối nguy hiểm đang đe dọa các con ta!

Và nó ngâm vần kệ này:

44. Dân chúng đang nhen lửa đảo này,
Để ăn đàn trẻ chốc liền đây,
Hỡi chàng, mau bảo cùng bè bạn,
Nguy hiểm con ta cấp báo ngay!

Chim trống liền bay hết tốc lực đến chỗ kia và kêu lên để báo hiệu nó đến. Khi được phép, nó đến gần đại bàng chúa và kính chào. Chim đại bàng chúa bảo:

– Tại sao bạn đến?

Chim trống liền ngâm vần kệ thứ hai:

45. Chim chúa là ngài, hỡi chúa công,
Nay ta tìm chốn chúa an thân,
Dân làng săn muốn bắt đàn trẻ,
Xin chúa ban cho bạn nỗi mừng.

Chim đại bàng chúa bảo chim ưng trống:

– Đừng sợ!

Vừa an ủi, nó vừa ngâm vần kệ thứ ba:

---

[7] P. Kadamba, 迦蘭波樹 (Ca-lan-bà thọ), E. Anthocephalus cadamba: Cây gáo tròn hay còn gọi cây gáo vàng.

46. Đúng lúc hay không, bậc Trí nhân,
Kết giao cùng bảo vệ thân bằng,
Vì chim ưng hỡi, ta hành động,
Bạn thiện giúp nhau những lúc cần.

Sau đó, chim đại bàng chúa hỏi tiếp:

– Này bạn, thế dân làng đã trèo lên cây chưa?

– Họ chưa trèo lên, họ chỉ mới chất củi lên để đốt lửa.

– Vậy bạn nên trở về mau và an ủi hiền thê của bạn rồi nói ta sẽ đến ngay.

Chim ưng làm theo lời. Chim đại bàng chúa cũng đi, và từ một nơi gần cây kadamba, nó đậu trên một ngọn cây và nhìn nhiều người ấy leo lên cây. Ngay khi một người trèo lên đến gần tổ, chim đại bàng chúa liền nhào xuống hồ, dùng đôi cánh và mỏ rảy nước lên đám lửa đang cháy khiến chúng tắt hết. Đám người ấy trèo xuống, nhóm ngọn lửa khác để nấu bầy chim, rồi khi chúng trèo lên, chim đại bàng chúa lại dập tắt ngọn lửa lần nữa. Cứ thế, khi lửa được nhóm lên là chim dập tắt đi. Cho đến nửa đêm, chim đại bàng chúa đã kiệt sức, lớp da dưới bụng trầy ra xơ xác dần, đôi mắt rướm máu. Thấy thế, chim mái bảo chim trống:

– Này phu quân, đại bàng chúa đã mệt lả rồi, hãy đi đến báo cho bạn rùa, để chim đại bàng chúa được nghỉ ngơi!

Khi nghe vậy, chim ưng trống đến gần chim đại bàng chúa, ngâm kệ bảo bạn:

47. Bạn thiện giúp nhau ấy việc cần,
Ngài làm vì xót bạn gian nan,
Bình an con trẻ, ngài còn sống,
Cẩn thận, đừng cho thể lực tàn.

Khi nghe lời này, chim đại bàng chúa cất cao giọng sư tử hống ngâm vần kệ thứ năm:

48. Khi ta canh giữ ở cây này,
Ta chẳng lo rằng nếu chẳng may,
Ta mất mạng mình vì chúng bạn,
Thiện nhân hành động vẫn như vầy.
Thế nên bạn hãy làm vì bạn,
Dù chính đời mình kết liễu ngay.

Còn vần kệ thứ sáu này do bậc Đạo sư ngâm, phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài khi Ngài tán thán công đức của chim đại bàng chúa:

49. Vương điểu noãn sanh lượn cõi không,
Đã làm một việc khó vô cùng,
Chúa ưng, trước lúc màn đêm xuống,
Canh giữ bầy chim nhỏ vạn an.

Sau đó, chim ưng trống nói:

– Xin hiền hữu chúa chim đại bàng hãy nghỉ ngơi chốc lát!

Rồi nó bay đi đến con rùa, đánh thức rùa dậy. Rùa hỏi:

– Này bạn, bạn đến có việc gì vậy?

– Có mối hiểm nguy như vậy xảy ra với chúng tôi và chim đại bàng chúa đã chịu khổ nhọc hết sức từ canh một, nay gần kiệt lực cho nên tôi phải đến gặp bạn.

Cùng với những lời này, nó ngâm vần kệ thứ bảy:

50. Cho dầu những kẻ bị sa chân,
Qua lắm việc làm ác, bất nhân,
Cũng có cơ vươn mình tiến được,
Nếu xin nhờ giúp đỡ khi cần.
Các con ta gặp khi nguy khốn,
Ta chẳng bay ngay đến bạn vàng,
Hỡi bạn ngâm mình trong đáy nước,
Giúp nhà tôi, hãy vội lên đàng!

Khi nghe vậy, rùa ngâm vần kệ khác:

51. Thiện nhân đối với một thân bằng,
Cho cả đồ dùng lẫn bản thân,
Vì bạn, hỡi ưng, ta hành động,
Thiện nhân giúp đỡ bạn khi cần.

Chú rùa con nằm không xa đó, nghe tiếng cha nói liền suy nghĩ: "Ta không muốn cha ta phải nhọc sức mà ta sẽ lãnh phần của cha ta." Vì vậy, chú ngâm vần kệ thứ chín:

52. Xin cha an dưỡng, hỡi cha thân,
Việc của cha, con sẽ lãnh phần.
Con phụng sự cha là tốt nhất,
Con đi cứu cả tổ chim bằng.

Rùa cha đáp lời con qua vần kệ:

53. Cứ làm việc thiện, hỡi rùa con,
Con phải giúp cha thật chánh chơn,
Song chúng chỉ tha đàn trẻ nhỏ,
Vì cha, người thầy lớn khôn ngoan.

Cùng với những lời này, rùa bảo chim ưng bay về và nói thêm:

– Này bạn ơi, đừng sợ! Bạn cứ đi trước rồi ta sẽ theo sau lập tức.

Rùa lặn xuống nước, lượm một ít bùn, đến đảo dập tắt ngọn lửa và nằm im. Lúc ấy, dân làng kêu lên:

– Này, tại sao phải nhọc công về bầy chim ưng con thế kia? Ta hãy lật con rùa đáng ghét này lên mà giết nó cũng vừa đủ cho cả bọn ta mà!

Vì thế, họ hái ít dây leo bện thành sợi dây, nhưng khi họ đã buộc chặt dây ở chỗ này chỗ kia rồi và xé cả áo quần để dùng vào việc này thì họ lại không thể lật con rùa lên được. Con rùa cứ lôi họ đi theo nó rồi nhào xuống nước sâu. Bọn người ấy nôn nóng bắt rùa đến độ cũng nhào xuống theo, lội bì bõm, bắn nước lên tung tóe và uống nước đầy bụng. Họ bảo nhau:

– Này cứ xem đi, chim đại bàng chúa cứ làm tắt ngọn lửa của ta đến nửa đêm, nay thì con rùa làm ta rớt xuống nước và uống nước nhiều, thật quá khổ sở. Thôi, ta cố nhen ngọn lửa khác, rồi đến sáng mai sẽ ăn được bầy chim ưng con.

Sau đó, họ lại bắt đầu nhóm lửa. Chim ưng mái nghe tiếng ồn ào của bọn người này liền bảo:

– Này chàng, sớm muộn gì bọn người này cũng xé xác các con ta rồi mới chịu đi. Vậy chàng hãy đến báo cho bạn sư tử biết chuyện!

Lập tức, chàng chim ưng đến gặp sư tử, sư tử này hỏi tại sao chim ưng đến giờ bất thường như vậy. Chim ưng liền kể cho sư tử nghe mọi việc từ đầu và ngâm vần kệ thứ mười một:

54. Oai hùng bậc nhất của muôn loài,
Loài thú vật kia lẫn mọi người,
Chạy đến anh hùng lúc hoảng sợ,
Chim non gặp nạn, giúp nhà tôi,
Ngài là chúa tể muôn loài đó,
Vì thế nên tôi phải đến nơi.

Nghe nói vậy, sư tử ngâm vần kệ nữa:

55. Ta giúp chim ngay, hỡi bạn ưng!
Mau, ta đi giết bọn cừu nhân,
Hiển nhiên bậc Trí nhiều thông hiểu,
Cần gắng công che chở bạn thân.

Nói vậy xong, sư tử bảo chim ưng ra về, còn dặn thêm:

– Thôi, bây giờ hãy về đi và an ủi các con dại!

Rồi sư tử tiến lên, đập tung tóe nước hồ trong suốt. Khi dân làng thấy sư tử đến gần, họ sợ chết khiếp liền kêu lên:

– Chim đại bàng chúa thổi tắt củi lửa của ta, con rùa làm ta mất quần áo đang mặc, song giờ đây ta tàn đời rồi! Con sư tử này sẽ giết chết chúng ta lập tức.

Họ liền chạy tứ tán. Khi sư tử đến gốc cây, chẳng còn thấy gì nữa. Sau đó, chim đại bàng chúa, chim ưng trống, con rùa đều tiến lên vây quanh sư tử. Sư tử bảo cho chúng biết ích lợi của tình bằng hữu và nói:

– Từ nay về sau, hãy cẩn thận đừng để tan vỡ mối tình bằng hữu thân ái!

Với lời khuyên này, sư tử ra đi. Rồi bọn kia cũng về chốn ở của riêng mình.

Chim ưng mái nhìn con tự nghĩ: "Nhờ tình bằng hữu mà các con ta được trả lại cho ta." Và trong lúc chim mái vui mừng, nó vừa nói với chim trống vừa ngâm vần kệ nêu rõ hiệu lực của tình bằng hữu:

56. Rõ ràng kết bạn hữu đầy nhà,
Gặp bạn hiền, hoan lạc hiện ra,
Tên bắn trên quân bào bất lợi,
Ta mừng, an ổn các con ta.

57. Nhờ công giúp của bạn chân tình,
Chim bạn đến mong góp sức mình,
Đối đáp, chim non kêu ríu rít,
Làm say lòng mẹ với âm thanh.

58. Người khôn nhờ bạn giúp bàn tay,
Sống với đàn con hạnh phúc đầy,
Ta với chồng con cùng đứng vững,
Vì thân bằng hữu mến thương lây.

59. Dân cần bảo vệ bởi vua quan,
Những vị tình thân hữu vẹn toàn,
Hạnh phúc chàng mong, uy lực đủ,
Là người hưng thịnh, lắm thân bằng.

60. Này ưng, cần phải kiếm thân bằng,
Dù bạn nghèo hèn hoặc yếu non,
Nay hãy xem, nhờ tình thắm thiết,
Ta và gia quyến thảy bình an.

61. Chim ưng tìm được bậc anh hùng,
Để đóng vai chim bạn thiết thân,
Ưng hỡi, như đôi ta hạnh phúc,
Chim kia cũng hạnh phúc trong lòng.

Như vậy, chim mái nêu rõ đặc tính của tình bằng hữu qua sáu vần kệ. Từ đó, đám bạn hữu sống với nhau suốt đời không làm đứt đoạn sợi dây thân ái, rồi lúc mạng chung chúng đều đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên người này được hạnh phúc nhờ vợ mình mà trước kia cũng vậy.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, đôi vợ chồng này là đôi chim đại bàng, Rāhula (La-hầu-la) là rùa con, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là rùa cha, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là chim đại bàng chúa và Ta chính là sư tử kia.

§487. CHUYỆN NAM TỬ UDDĀLAKA (*Uddālakajātaka*)[8] (*J.* IV. 296)

Hàm răng bẩn, áo da dê, tóc bện...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người gian dối.

Người này, mặc dù đã đặt cuộc đời mình vào giáo pháp đưa đến giải thoát, nhưng trong lúc muốn kiếm lợi dưỡng cần dùng để sống, đã hành động lừa dối cả ba mặt. Tăng chúng đều rõ ra những ác hạnh của người này trong lúc bàn luận tại pháp đường:

– Này các Hiền giả, người đó sau khi đã đặt hết cuộc đời mình vào giáo pháp của đức Phật đưa tới giải thoát, lại sống lừa dối kẻ khác.

Bậc Đạo sư bước vào và muốn biết Tăng chúng đang bàn luận gì tại đó. Tăng chúng trình với Ngài, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên, kẻ ấy trước kia cũng đã lừa dối rồi.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát là một vị tế sư rất thông thái. Một ngày kia, ngài vào vườn hoa để giải trí, chợt thấy một cô gái có sắc đẹp lẳng lơ, đâm say mê nàng và đem nàng về nhà mình chung sống.

Khi thấy mình thọ thai, nàng liền bảo ngài:

– Thưa đại quan, thiếp đã có thai, khi sinh con, thiếp sẽ đặt tên cho nó là gì?

Ngài suy nghĩ: "Chẳng bao giờ tên họ của một dòng quý tộc lại đặt cho đứa con hoang của một nô tỳ." Vì thế, ngài bảo:

– Này ái nương, cây này tên là uddāla (quế), nàng có thể đặt tên con là Uddālaka vì nó thọ thai ở gốc cây này.

Sau đó, ngài cho nàng một chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng và bảo:

– Nếu nó là con gái, hãy dùng chiếc nhẫn này mà nuôi dưỡng nó cho lớn khôn, còn nếu là con trai thì hãy đem đến cho ta lúc nó trưởng thành!

Đến kỳ hạn, nàng sinh hạ một con trai và đặt tên là Uddālaka. Khi chàng trai lớn lên, chàng hỏi mẹ:

– Mẹ ơi, cha con là ai thế?

– Là vị tế sư đấy con ạ.

– Nếu vậy, con sẽ học các kinh Thánh.

Thế là khi nhận được chiếc nhẫn từ tay mẹ và số học phí dành cho thầy giáo, chàng lên đường đi đến Takkasilā và học ở đó với một giáo sư lừng danh thế giới. Trong thời gian học tập, chàng thấy một nhóm người tu khổ hạnh. Chàng suy nghĩ: "Những người kia chắc chắn phải có kiến thức vẹn toàn, vậy ta muốn học hỏi ở họ." Vì thế, chàng từ giã thế tục, và vì chàng ước mong có được kiến

[8] Xem *J.* III. 232, *Setaketujātaka* (*Chuyện Bà-la-môn Setaketu*), số §377.

thức nên làm việc phục dịch các vị này, chỉ yêu cầu các vị ấy dạy lại cho chàng những kiến thức thông thái của họ. Thế rồi, các vị ấy dạy cho chàng mọi điều hiểu biết, song giữa năm trăm người ấy, chẳng có ai vượt chàng về kiến thức cả, chàng là người thông thái nhất.

Sau đó, những người ấy tập hợp lại và bầu chàng làm thầy. Chàng bảo họ:

– Thưa các Tôn giả, các ngài sống suốt đời ở trong rừng ăn toàn hoa quả, củ rừng. Tại sao các ngài không đi đến chỗ của người thế tục?

– Thưa Tôn giả, người đời muốn cúng dường chúng ta nhưng lại muốn chúng ta trả ơn bằng cách thuyết pháp, họ hay hỏi chúng ta nhiều chuyện lắm. Vì sợ điều này nên chúng ta không muốn đến sống giữa người đời.

Chàng đáp:

– Thưa các Tôn giả, nếu các ngài có ta cùng đi thì cứ để một vị Chuyển Luân Vương cật vấn, một mình ta sẽ giải đáp ổn thỏa, đừng sợ gì cả!

Thế là chàng cùng hội chúng đi du hành khất thực để sống và cuối cùng đến Ba-la-nại, trú ngụ trong vườn ngự uyển. Hôm sau, cùng với những người ấy, chàng khất thực ở một làng trước cổng thành. Dân chúng bố thí rất nhiều. Ngày hôm sau nữa, các nhà tu khổ hạnh đi qua kinh thành, dân chúng lại bố thí rất nhiều. Vị khổ hạnh Uddālaka nói lời tùy hỷ công đức rồi giải đáp những lời chất vấn. Dân chúng rất hoan hỷ và lại cúng dường phong phú cho hội chúng mọi thứ cần dùng. Toàn kinh thành vang dậy tin đồn:

– Một vị giáo sư thông thái mới đến, một vị Thánh nhân khổ hạnh.

Và vua nghe được tin đó. Nhà vua hỏi:

– Các vị ấy đang ở đâu?

Dân chúng tâu:

– Trong ngự uyển.

Nhà vua bảo:

– Tốt lắm, hôm nay ta sẽ đi thăm các vị ấy.

Một người đi báo với Uddālaka:

– Đức vua sẽ đến viếng các Tôn giả hôm nay.

Chàng gọi hội chúng lại và bảo:

– Này các Tôn giả, đức vua sắp đến, hãy chiếm cho được ân vua trong một ngày cũng đủ cho cả đời người!

– Vậy ta phải làm gì, thưa Sư trưởng?

Chàng đáp:

– Một vài vị phải chịu khổ hình treo người lủng lẳng,[9] vài vị ngồi xổm dưới đất, vài vị nữa nằm trên giường chông, vài vị khác chịu khổ hạnh với năm ngọn

[9] Xem *JPTS*. 1884, p. 95.

lửa, thêm vài vị ngâm mình xuống nước và vài vị tụng Thánh kinh ở chỗ này chỗ nọ.

Các vị ấy làm y lời. Chính chàng cùng độ mười vị Hiền giả ngồi trên một chỗ đã soạn sẵn có lót gối dựa, bàn luận với nhau; có một quyển sách đẹp cân xứng nằm trên một cái giá mực sang trọng bên cạnh chàng và thính chúng vây quanh.

Lúc ấy, vua và vị tế sư cùng với đoàn tùy tùng đông đảo bước vào ngự uyển, và khi vua thấy tất cả hội chúng ở đây đang chuyên chú trong dáng điệu khổ hạnh như vậy, vua rất hoan hỷ, nghĩ thầm: "Các vị này đều giải thoát khỏi nỗi lo âu về các cõi dữ ở đời sau rồi." Khi đến gần Uddālaka, vua ân cần đảnh lễ và ngồi xuống một bên. Rồi với lòng hân hoan, vua bắt đầu nói chuyện với vị tế sư và ngâm vần kệ đầu:

62. Hàm răng bẩn, áo da dê, tóc bện,
Miệng thì thầm lời Thánh đạo bình an,
Chẳng từ nan nhiều phương tiện Hiền nhân,
Chắc đã đạt chân như và giải thoát.

Nghe vậy, vị tế sư nghĩ:

– Đức vua hoan hỷ ở một chỗ đáng lẽ không nên hoan hỷ, vậy ta không được giữ yên lặng.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

63. Một Trí nhân có thể làm ác hạnh,
Một Trí nhân có thể chẳng chánh chân,
Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn,
Khi việc hỏng, hoặc cứu người lâm nạn.

Khi Uddālaka nghe những lời này liền nghĩ thầm: "Vua hài lòng về những vị khổ hạnh này, song vị tế sư lại đụng ngay vào mõm con bò khi chạy quá nhanh, làm rơi đồ dơ vào đĩa cơm đã dọn sẵn. Ta phải nói chuyện với vị ấy mới được." Vì thế, chàng đáp lời ngài qua vần kệ thứ ba:

64. Ngàn câu Vệ-đà chẳng tạo an toàn,
Khi việc hỏng, hoặc cứu người nguy khốn,
Kinh Vệ-đà hẳn là đồ vô dụng,
Chánh đạo là làm chánh, tự điều thân.

Vị tế sư nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ tư:

65. Không phải thế, Vệ-đà không vô dụng,
Dù tự điều thân là đạo chánh chân,
Học Vệ-đà vẫn mang lại vinh quang,
Song ta đạt tối an nhờ chánh hạnh.

Bấy giờ, Uddālaka suy nghĩ: "Gây gổ với vị này sẽ không bao giờ ích lợi đâu. Nếu ta bảo ngài ta chính là con trai của ngài, ngài phải thương yêu ta. Vậy ta phải quyết cho ngài biết ta là con của ngài." Thế rồi chàng ngâm vần kệ thứ năm:

66. Cha mẹ và thân quyến họ hàng,
Đòi ta chăm sóc với yêu thương,
Mẹ cha là bản thân con đó,
Con Uddāla chính búp non,
Từ gốc rễ nhà ngài quý tộc,
Thưa ngài, Tôn giả Bà-la-môn.

Ngài hỏi:

– Thế con chính là Uddālaka đấy ư?

Chàng đáp:

– Thưa, chính phải.

Sau đó, ngài hỏi:

– Trước kia, ta đã cho mẹ con một vật làm tin, nay nó đâu rồi?

Chàng đáp:

– Thưa Tôn giả Bà-la-môn, chính nó đây!

Rồi chàng trao chiếc nhẫn cho ngài. Ngài nhận ra chiếc nhẫn ấy rồi bảo:

– Con là một Bà-la-môn hẳn nhiên rồi, song có biết phận sự của một Bà-la-môn chăng?

Ngài hỏi về các phận sự này qua vần kệ thứ sáu:

67. Điều gì thành tựu một La-môn,
Vị ấy làm sao được thiện toàn,
Hãy nói thế nào người chánh hạnh,
Làm sao đạt hạnh phúc Niết-bàn?

Uddālaka giải thích việc ấy qua vần kệ thứ bảy:

68. Bỏ đời, sùng bái lửa thiêng hồng,
Vung gậy tế đàn, rảy nước trong,
Phận sự làm xong, người tán tụng,
La-môn như vậy được an lòng.

Vị tế sư lắng nghe chàng kể các phận sự của một vị Bà-la-môn như vậy xong, ngài ngâm vần kệ thứ tám để phê bình chuyện ấy như sau:

69. Rảy nước không làm sạch đạo nhân,
Thiện toàn chẳng phải việc đăng đàn,
Cũng không an ổn và thân ái,
Chẳng đạt tối cao lạc Niết-bàn.

Nghe thế, Uddālaka lại hỏi:

– Nếu việc này không làm thành một Bà-la-môn, thế thì việc gì?

Và chàng ngâm vần kệ thứ chín:

70. Điều gì thành tựu hạnh La-môn,
Vị ấy làm sao được thiện toàn,
Xin bảo thế nào người chánh hạnh,
Làm sao thành tựu lạc Niết-bàn?

Vị tế sư đáp lời qua vần kệ khác:

71. Người không của cải, chẳng nương đồng,
Không có họ hàng, chẳng ước mong,
Chẳng thiết cuộc đời, không ái dục,
Hoặc không ác hạnh, thảy đều không.
Đạo nhân vậy đạt tâm thanh tịnh,
Giữ phận chánh chân, được tán đồng.

Sau đó, Uddālaka lại ngâm kệ nữa:

72. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người đầy trắc ẩn,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Vậy ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các Thánh hiền tối thượng chăng?

Khi đó, vị Bà-la-môn kia ngâm vần kệ nêu rõ ràng không có ai cao, ai thấp khi đã đạt Thánh quả:

73. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người đầy trắc ẩn,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các bậc Hiền thánh đại nhân.

Song Uddālaka phê bình điểm này bằng cách ngâm vần kệ:

74-75. Công, nông, giáo sĩ, đến vua quan,
Nô lệ, chiên-đà, các tiện dân,
Tất cả những người này đức hạnh,
Đều thành tựu cực lạc Niết-bàn,
Chẳng ai cao trọng, ai hèn kém,
Giữa các bậc Hiền thánh đại nhân,
Giáo sĩ, vậy ngài vô tích sự,
Hư danh địa vị, hẳn rồi chăng?

Đến đây, vị tế sư ngâm đôi vần kệ nữa cùng với một ví dụ:

76. Với tấm vải thô nhuộm đủ màu,
Ngôi đình được dựng, mái đình cao,

Đỉnh tròn rực rỡ đầy màu sắc,
Bóng đổ một màu vẫn giống nhau.

77. Vậy khi nhiều kẻ đạt thanh tâm,
Tại chính nơi đây, giữa cõi trần,
Người thiện thấy toàn là bậc Thánh,
Chẳng hề hỏi huyết thống nguồn căn.

Bấy giờ, Uddālaka không còn nói gì được nữa nên chàng ngồi yên lặng. Lúc ấy, vị tế sư Bà-la-môn nói với vua:

– Tâu Đại vương, tất cả bọn này đều là phường dối trá, toàn cõi Diêm-phù-đề sẽ bị suy tàn vì nạn lừa dối kia. Xin Đại vương hãy khuyến dụ Uddālaka từ bỏ việc hành trì khổ hạnh của nó và làm tế sư theo gót hạ thần, lại cho phép những người này khỏi phải tu tập khổ hạnh rồi cho chúng đủ gươm, giáo, mộc để làm tùy tùng của Đại vương.

Vua chấp nhận, làm theo lời ngài dạy và tất cả những người ấy đều đến phụng sự vua.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên mà kẻ này trước kia cũng đã làm một tên lừa đảo.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Tỷ-kheo gian dối này là Uddālaka, Ānanda là vua và Ta chính là vị tế sư.

§488. CHUYỆN CỦ SEN (*Bhisajātaka*)[10] (*J.* IV. 304)

Mong nhiều trâu ngựa, lắm kim ngân...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất. Trường hợp này cũng sẽ xuất hiện trong *Chuyện Đại đế Kusa*.[11] Ở đây, một lần nữa, bậc Đạo sư hỏi:

– Này Tỷ-kheo, có đúng là ông đã thối thất chăng?

– Bạch Thế Tôn, quả đúng vậy.

– Vì cớ gì?

– Bạch Thế Tôn, vì ác dục.

– Này Tỷ-kheo, tại sao đã xuất gia trong giáo pháp đưa đến giải thoát như vậy mà ông lại thối thất chỉ vì ác dục? Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, những bậc Trí nhân khởi đầu cuộc sống tu hành, ngay cả những vị ngoại đạo

[10] Xem *Cp.* 94, *Bhisacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Bhisa*).

[11] Xem *J.* V. 278, *Kusajātaka* (*Chuyện Đại đế Kusa*), số §531.

cũng đã phát hạnh nguyện và đoạn trừ ngay các tưởng khởi lên có liên hệ đến các dục hoặc sức cám dỗ của dục.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai của một đại danh gia Bà-la-môn có tài sản đến tám trăm triệu đồng tiền. Gia đình đặt tên ngài là Mahākañcana (Đại Hoàng Kim). Vào lúc ngài mới biết đi chập chững, một bé trai khác lại được sinh ra trong nhà vị Bà-la-môn ấy và đặt tên là Upakañcana (Tiểu Hoàng Kim). Cứ như vậy, bảy nam nhi liên tiếp ra đời và cuối cùng là một quý nữ, được đặt tên là Kañcanadevi (Công nương Hoàng Kim).

Khi Mahākañcana lớn lên, ngài đi học tập tại Takkasilā đầy đủ mọi môn học thuật rồi trở về nhà. Lúc ấy, song thân ngài muốn lập cho ngài một gia thất riêng. Hai vị bảo:

– Cha mẹ sẽ tìm cho con một thiếu nữ nhà lành để kết bạn xứng đáng với con rồi con sẽ yên bề gia thất.

Song ngài đáp:

– Thưa cha mẹ, con không muốn lập gia đình. Đối với con, ba cõi sinh hữu đều như lửa đốt, bị trói buộc xiềng xích như ngục tù, đáng ghê tởm tựa đống phân. Con chẳng hề có ý nghĩ gì về việc đó dù chỉ là trong giấc mộng. Cha mẹ có các con trai kia, xin bảo chúng làm chủ gia đình và để cho con yên thân.

Dù hai vị van nài ngài nhiều lần, nhờ bạn hữu của ngài đến năn nỉ ngài tha thiết, ngài cũng chẳng muốn gì về việc ấy cả. Sau đó, bạn bè hỏi ngài:

– Này Hiền hữu, thế bạn muốn gì mà bạn chẳng thiết tha đến việc tận hưởng tình yêu và lạc thú?

Ngài bảo họ, ngài đã từ bỏ thế tục. Khi song thân hiểu việc này, hai vị đề nghị việc kia với các con trai thứ, nhưng chẳng ai chịu nghe cả, ngay cả Kañcanadevi cũng không. Dần dà cha mẹ qua đời, Trí giả Mahākañcana làm lễ an táng song thân xong, với kho tàng tám trăm triệu ấy, ngài phân phát hào phóng cho tất cả những người hành khất và du sĩ rồi đem sáu em trai cùng em gái, một gia nhân và một nữ tỳ cùng một người bạn đường làm một đại sự. Họ xuất gia và sống ẩn dật trong dãy Tuyết Sơn.

Tại đó, trên một vùng đất vừa ý gần một hồ sen, các vị xây một khu am thất ẩn cư tu hành và ăn toàn trái cây, củ rừng. Khi họ vào rừng, chỉ đi từng người một, nếu có vị nào thấy trái cây hay lá rau gì liền gọi các vị kia. Và tại đó, vừa bảo nhau những điều gì nghe thấy được, các vị vừa thu lượm các thức ăn sẵn có, chẳng khác gì cái chợ nhỏ trong làng. Song bậc Sư trưởng, vị khổ hạnh Mahākañcana lại nghĩ thầm: "Ta đã bỏ qua cả gia sản tám trăm triệu và sống đời tu hành rồi để ham đi quanh quẩn kiếm trái rừng, thật chẳng hợp lý. Từ nay, ta

muốn một mình ta đi lượm trái rừng thôi." Sau đó trở về nhà, buổi tối ngài tập hợp mọi người lại và nói cho họ biết ý định của ngài:

– Các em cứ ở đây và tu tập đời ẩn sĩ, để ta đi hái quả cho các em.

Nghe vậy, Upakañcana và các người kia ngắt lời:

– Chúng tiểu đệ đã theo hiền huynh đi tu hành, vậy chính hiền huynh phải ở nhà và tu tập đời ẩn sĩ, hiền muội cũng ở nhà cùng với nữ tỳ. Tám người chúng em thay phiên nhau đi hái quả, còn ba người ở nhà khỏi làm việc ấy.

Ngài đồng ý. Từ đó, tám người này thay phiên nhau đem trái cây về từng người một. Các người kia nhận được phần chia trong số kiếm được và mang đi về am thất của mình rồi ở trong lều tranh riêng của mỗi người. Như vậy, các vị ấy không gặp gỡ nhau nếu không có duyên cớ. Người nào đến phiên mang thức ăn vào để ở một khu đất có rào thì đặt trên một phiến đá phẳng, chia ra mười một phần rồi đánh cồng lên, sau đó lấy phần mình đi về chỗ của mình. Khi nghe tiếng cồng các vị kia đến, không chen lấn nhau mà theo đúng lễ nghi trật tự, nhận phần mình đã được chia từ các thức kiếm được rồi trở về chỗ của mình mới ngồi ăn và sau đó lại tiếp tục hành thiền, tu tập khổ hạnh.

Sau một thời gian, họ lượm các củ sen để ăn và sống tại đó, tự hành xác với lửa nóng như thiêu như đốt và các loại cực hình khác nên các giác quan đều tê liệt cả trong khi họ cố hết sức để nhập định. Vì công hạnh sáng chói của họ, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích nóng rực lên. Ngài bảo:

– Các vị này chỉ thoát khỏi tham dục thôi, hay họ là các vị Hiền nhân rồi? Họ có phải Hiền nhân chăng? Nay ta muốn tìm hiểu xem sao.

Thế là nhờ thần lực của mình, suốt ba ngày Thiên chủ làm cho phần thực phẩm của Bồ-tát biến mất. Ngày đầu tiên, khi không thấy phần của mình, ngài nghĩ: "Có lẽ phần của ta đã bị quên mất." Vào ngày thứ hai: "Chắc hẳn ta có lỗi lầm nào. Chính là vì muốn nhắc nhở ta về điều này một cách cung kính mà người đó không chia phần cho ta." Vào ngày thứ ba: "Tại sao họ lại không chia phần cho ta như thế được? Nếu ta có gì lỗi lầm thì ta phải hòa giải phần mình trước."

Vì thế, buổi tối ngài đánh cồng lên. Tất cả đều đến và hỏi ai đã đánh cồng.

– Này các hiền đệ, chính ta đánh.

– Thưa Tôn sư, tại sao vậy?

– Này các hiền đệ, trong ba ngày qua, ai đem thức ăn vào?

Một người đứng dậy nói:

– Chính tiểu đệ.

Rồi vị ấy vẫn đứng yên rất cung kính.

– Khi hiền đệ chia phần, có để dành phần cho ta chăng?

– Có chứ, thưa Tôn sư, đó là phần của vị Sư trưởng.

– Còn ai mang về thực phẩm hôm qua?

Một người khác đứng lên và nói:

– Chính tiểu đệ.

Rồi vị ấy kính cẩn đứng chờ.

– Thế hiền đệ có nhớ phần ta chăng?

– Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy.

– Thế hôm nay ai đem thực phẩm về?

Một người nữa đứng dậy và kính cẩn đứng chờ.

– Hiền đệ có nhớ chia phần cho ta không?

– Tiểu đệ đã để phần Sư trưởng cho hiền huynh đấy.

Ngài liền bảo:

– Này các hiền đệ, hôm nay là ngày thứ ba ta không có phần ăn. Ngày đầu tiên ta không thấy phần của mình, ta nghĩ người nào chia phần đã quên ta. Ngày thứ hai, ta nghĩ chắc ta đã phạm lỗi lầm gì. Song hôm nay, ta quyết định rằng nếu có lỗi lầm gì, ta sẽ hòa giải và vì thế ta đánh cồng triệu tập các hiền đệ. Các hiền đệ bảo đã để các phần củ sen cho ta mà ta chẳng có được chút gì cả. Ta phải tìm hiểu xem ai đã lấy trộm và ăn hết phần đó. Khi ta đã từ bỏ cuộc đời và mọi tham dục ở đời rồi thì lấy trộm là chuyện không đúng đắn dù chỉ là một củ sen.

Khi các vị kia nghe thấy lời ấy, họ đồng kêu to:

– Ôi, thật là một việc ác!

Và tất cả các vị đều lo lắng vô cùng.

Lúc bấy giờ, vị thần trú trên cây gần am thất ấy, đó là cây cổ thụ lớn nhất rừng, bước ra ngồi giữa các vị. Cũng vậy, có một con voi, không thể nào chịu nổi sự huấn luyện mà không đau đớn nên phá chiếc cọc ở nơi nó bị trói vào rồi chạy trốn vào rừng. Thỉnh thoảng, voi thường đi đến kính lễ các vị Hiền giả này nên bây giờ nó cũng đến đứng một bên. Có một con khỉ đã được huấn luyện để làm trò với bầy rắn, cũng chạy trốn thoát khỏi tay người luyện rắn vào trong rừng, nó ở tại vùng am thất ấy nên hôm nay nó cũng đến kính lễ các Hiền giả và đứng sang một bên. Thiên chủ Đế-thích quyết tâm thử các vị ẩn sĩ này nên cũng tàng hình đứng cạnh hội chúng.

Lúc ấy, vị em kế của Bồ-tát, ẩn sĩ Upakañcana từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ ngài rồi cúi chào khắp hội chúng và nói như sau:

– Bạch Tôn sư, không kể đến các người kia, tiểu đệ xin được phép thanh minh cho mình khỏi tội này được chăng?

– Này hiền đệ, được lắm!

Vị ấy đứng lên giữa các Hiền nhân và nói:

– Nếu đệ đã ăn các củ sen của Tôn sư, đệ sẽ thành một người như vầy, như vầy.

Và vị ấy trang nghiêm phát nguyện qua vần kệ đầu:

78. Mong nhiều trâu ngựa, lắm kim ngân,
Vợ quý, nó giữ gìn luyến thương,
Mong nó sinh nhiều trai gái đủ,
Kẻ ăn phần trộm của La-môn!

Nghe thế, các vị tu khổ hạnh kia đều đặt tay lên hai tai và kêu to:

– Không, không, thưa Tôn sư, lời thề nguyền ấy quả thật nặng nề lắm!

Và Bồ-tát cũng nói:

– Này hiền đệ, lời nguyền của em nặng lắm đấy! Em không ăn phần đó, thôi ngồi xuống nệm rơm đi.

Vị ấy sau khi thề nguyện xong liền ngồi xuống. Người em thứ hai đứng lên đảnh lễ bậc Đại sĩ và ngâm vần kệ thứ hai để thanh minh cho mình:

79. Mong nó nhiều con, lắm áo quần,
Vòng hoa tay khoác, ngát chiên-đàn,
Tâm tư sôi sục đầy tham dục,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi đạo nhân!

Khi vị ấy ngồi xuống, các vị kia lần lượt ngâm vần kệ.

[Vị thứ ba:]

80. Mong nó nhiều danh vọng, ruộng vườn,
Nhà kho, con cái, sẵn sàng dâng,
Nó không hiểu tháng năm dần mất,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi đạo nhân!

[Vị thứ tư:]

81. Mong nó lừng danh đại tướng quân,
Đế vương tối thượng ngự huy hoàng,
Thế gian bốn cõi đều phần nó,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi đạo nhân!

[Vị thứ năm:]

82. Mong nó trở thành một đạo nhân,
Mà không chế ngự được tham sân,
Chỉ tin tinh tú, ngày lành tốt,
Được hiển vinh nhờ các đế vương,
Ân thưởng, kẻ ăn phần trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!

[Vị thứ sáu:]

83. Vệ-đà, mong nó học uyên thâm,
Người quý trọng đức độ Thánh nhân,
Mong nó được muôn người bái phục,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!

[Người bạn đường:]

84. Ơn trời cho nó được ngôi làng,
Có đủ giàu sang bốn loại hàng,
Khi chết, dục tham không chế ngự,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!

[Gia nhân:]

85. Nó làm lý trưởng, bạn quây quần,
Vũ khúc, hoan ca, nhạc đắm hồn,
Sẽ chịu rủi ro nào của chúa,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!

[Tiểu muội:]

86. Mong nàng làm tuyệt thế giai nhân,
Chúa tể thế gian chọn má hồng,
Chánh hậu giữa muôn người toại ý,
Kẻ ăn phần trộm, hỡi La-môn!

[Nô tỳ:]

87. Khi mọi nữ tỳ tập hợp xong,
Mong nàng oai vệ ngự ngai vàng,
Cao lương mỹ vị đầy ngon ngọt,
Kiêu hãnh vì ân phước của nàng,
Người đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!

[Thần cây:]

88. Mong nó bảo tồn viện Kajañ,
Trùng tu quang cảnh đã tiêu tàn,
Hàng ngày làm cửa song nhà mới,
Kẻ trộm phần ngài, hỡi đại nhân!

[Con voi:]

89. Mong nó bị người bắt lấy thân,
Sáu trăm dây trói tự rừng hoang,
Mang về thành, bị người vây đánh,
Bằng gậy, giáo, gươm, phải phát cuồng,
Kẻ đã lấy phần ăn trộm đó,
Hỡi ngài, Tôn giả Bà-la-môn!

[Con khỉ:]

90. Vòng hoa trên cổ, chì đeo tai,
Mong nó đi đường, khiếp sợ oai,
Chiếc gậy luyện chơi gần lũ rắn,
Kẻ ăn phần trộm ấy, thưa ngài!

Khi cả hội cùng thề nguyện xong qua mười ba vần kệ này, Bồ-tát suy nghĩ: "Có lẽ chúng tưởng chính ta nói dối rằng không có phần ăn để đó trong khi nó vẫn có", vì thế ngài cũng thề nguyền phần mình qua vần kệ thứ mười bốn:

91. Ai thề thực phẩm biến đi rồi,
Mà nếu không mất mát, vậy thời,
Mong nó hưởng tràn đầy dục lạc,
Và mang kết quả việc kia hoài,
Ước mong cái chết đầy phàm tục,
Số phận dành cho nó cuối đời,
Điều ấy cũng dành cho quý vị,
Nếu bây giờ quý vị nghi tôi!

Khi các bậc Hiền nhân đã thề nguyền như thế xong, Thiên chủ Đế-thích nghĩ thầm: "Đừng sợ gì cả. Ta đã làm cho các củ sen kia biến mất để thử các người này và nay các vị ấy đều thề nguyền cả, lại đều ghê tởm hành động ấy như thể một cục đờm phải nhổ. Nay ta muốn hỏi các vị tại sao lại ghê tởm dục tham như vậy." Thiên chủ đặt câu hỏi này để chất vấn Bồ-tát trong vần kệ tiếp, sau khi Thiên chủ đã hiện nguyên hình:

92. Người kiếm tìm luôn ở cõi trần,
Cái điều vui đẹp, thiết thân lòng,
Được nhiều kẻ ước mong mê mẩn,
Như vậy, vì sao các Thánh nhân,
Lại chẳng tán dương nhiều sự việc,
Vẫn thường ham muốn bởi phàm nhân?

Để trả lời câu hỏi này, Bồ-tát ngâm hai vần kệ:

93. Tham dục là tai họa chết người,
Là dây xiềng xích trói trên đời,
Ở trong ác dục, ta tìm thấy,
Đau khổ và kinh hãi cả thôi,
Khi bị dục tham nào cám dỗ,
Vua thường phạm tội, đắm say hoài.

94. Phải vào địa ngục, các phàm nhân,
Gây tội khi tan rã nhục thân,
Vì biết khổ đau trong ác dục,
Bậc Hiền chê trách, chẳng đồng lòng.

Khi Thiên chủ Đế-thích nghe Bồ-tát giải thích xong, lòng đầy xúc động nên ngài ngâm vần kệ này:

95. Chính ta trộm, thử các Hiền nhân,
Ta đặt bên hồ các thức ăn,
Bậc Trí thật hiền lương thánh thiện,
Hỡi người Phạm hạnh, hãy nhìn phần!

Nghe thế, Bồ-tát liền ngâm kệ nữa:

96. Chúng ta không múa rối vui chơi,
Làm các trò tiêu khiển với ngài,
Chẳng quyến thuộc ngài, hay bạn hữu,
Tại sao vậy thế, hỡi Vua trời?
Thưa ngài Ngàn mắt, sao ngài nghĩ,
Bậc Trí bày trò giải trí thôi?

Thiên chủ Đế-thích ngâm vần kệ thứ hai mươi để làm lành với ngài:

97. Ngài chính là Sư trưởng đại nhân,
Chính ngài là một vị cha thân,
Chở che cho trẫm đà sai phạm,
Xin hãy thứ tha trót lỗi lầm,
Chẳng có bao giờ, thưa Thánh giả,
Bậc Hiền lại phát khởi lòng sân!

Bậc Đại sĩ liền tha thứ cho Thiên chủ Đế-thích, và về phần ngài, để hòa giải với các Thánh nhân kia, ngài ngâm vần kệ nữa:

98. An lạc một đêm với Thánh nhân,
Chúng ta hội kiến đấng Thiên vương,
Chư hiền, hãy đẹp lòng khi thấy,
Thực phẩm mất nay được phục hoàn.

Thiên chủ Đế-thích liền đảnh lễ hội chúng Hiền nhân rồi trở về thiên giới. Còn các vị ấy đã làm cho phát khởi thiền định và các thắng trí trong tâm nên về sau được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, như vậy các bậc Trí ngày xưa đã phát hạnh nguyện và từ bỏ ác dục.

Nói xong, Ngài thuyết giảng các sự thật. Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Và Ngài ngâm ba vần kệ này để nhận diện tiền thân:

99. Mục-liên, Xá-lợi-phất và Ta,
Ca-diếp, A-na-luật, Phú-lâu-na,
Cùng với A-nan-đà[12] thuở ấy,
Thất hiền huynh đệ chốn kia mà.

[12] Tôn giả Mahāmoggallāna (大目犍連, Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Sāriputta (舍利弗, Xá-lợi-phất), Tôn giả Kassapa (迦葉, Ca-diếp), Tôn giả Anuruddha (阿那律, A-na-luật), Tôn giả Puñña (富樓那, Phú-lâu-na), Tôn giả Ānanda (阿難陀, A-nan-đà).

100. Liên Hoa Sắc,[13] tiểu muội ngày xưa,
Tỳ nữ Khujju,[14] thuở bấy giờ,
Cổ thụ thần kia, Sātā[15] đó,
Citta[16] gia chủ chính gia nô.

101. Con voi ngày trước chính Pāri,[17]
Con khỉ là Madhuva[18] đây,
Đế-thích là Kāḷu[19] thuở ấy,
Chúng Tăng giờ hiểu tiền thân này.

§489. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG SURUCI (*Surucijātaka*)[20] (*J.* IV. 314)

Thiếp là chánh hậu Chúa Suruci...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể lúc trú gần Xá-vệ, trong tòa nhà của Lộc Mẫu về việc nữ cư sĩ đệ nhất Visākhā đã được Ngài ban tám điều nguyện ước như thế nào.

Một buổi nọ, bà ấy nghe thuyết pháp ở Kỳ Viên xong rồi trở về nhà sau khi thỉnh đức Phật và chúng đệ tử của Ngài đến nhà vào ngày hôm sau. Nhưng khuya hôm ấy, một cơn cuồng phong dữ dội hoành hành cả bốn châu thiên hạ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Khi mưa rơi ở Kỳ Viên, này các Tỳ-kheo, mưa cũng rơi khắp bốn châu thế giới. Các ông hãy thấm nhuần ơn mưa móc đến tận thịt da, vì đây là cơn đại cuồng phong cuối cùng của Ta thổi khắp thế giới!

Rồi cùng với các Tỳ-kheo thân mình đã thấm ướt nước mưa, Ngài dùng thần lực biến mất khỏi Kỳ Viên và xuất hiện trong gian phòng khách của tòa nhà bà Visākhā. Bà kêu lên:

---

[13] Nữ Tôn giả Uppalavaṇṇā (蓮華色, Liên Hoa Sắc) được đức Phật khen ngợi là vị "Đệ nhất về thần thông" trong hàng Ni giới. Tham khảo: *S.* I. 131f; *A.* I. 25; *Thīg.* v. 234-5; *Vin.* III. 208f.

[14] Nữ cư sĩ Khujju, viết đủ: Khujjuttarā (cổ dịch âm: 久壽多羅, Cửu-thọ-đa-la) được đức Phật khen ngợi là vị "Đệ nhất về nghe nhiều" trong hàng nữ cư sĩ. Cô đã trùng tuyên lại 112 bài kinh, được kết tập thành tuyển tập *Itivuttaka* (*Kinh Phật thuyết như vậy*) thuộc *Khuddaka Nikāya* (*Kinh Tiểu bộ*). Tham khảo: *A.* I. 26, 89; II. 164; IV. 347; *AA.* I. 226, 232, 237; *ItA.* 23f; *PsA.* 498f.

[15] Sātā, viết đủ là Sātāgira, một dạ-xoa rất kính ngưỡng Tam bảo. Tham khảo: *D.* III. 204; *AA.* I. 134, 221; *SA.* I. 199; *UdA.* 64.

[16] Citta, viết đủ: Cittagahapati (cổ dịch âm: 質多羅, Chất-đa-la), một cư sĩ triệu phú ở Macchikāsanda thuộc nước Kāsi, sau khi học Phật, giữ giới, tu tập và đắc quả Bất lai (*Anāgāmī*).

[17] Con voi Pāri, viết tên đầy đủ là Pārileyya. Tên này cũng trùng với tên gọi của thôn Pārileyya, ngoại thành Kosambī. Voi Pārileyya đã hộ trì vật thực và tìm suối nước nóng cho đức Phật khi Ngài rời nhóm Tỳ-kheo cãi cọ ồn ào, một mình vào trú ở trong rừng Pārileyya. Tham khảo: *M.* I. 320; *S.* III. 95; *Ud.* IV. 5; *Vin.* I. 352f.

[18] Con khỉ Madhuva, chỉ cho con khỉ đã mang mật về cúng dường đức Phật khi Ngài rời nhóm Tỳ-kheo cãi cọ ồn ào, một mình vào trú ở trong rừng Pārileyya. Không lâu, sau khi cúng dường, khỉ bị rơi từ cây cao xuống mà chết và được tái sanh vào cõi trời Tam Thập Tam.

[19] Kāḷu, viết đủ: Kāḷudāyi (cổ dịch âm: 迦留陀夷, Ca-lưu-đà-di).

[20] Xem *J.* VI. 95, *Nimijātaka* (*Chuyện Đại vương Nimi*), số §541; *S.* I. 209, *Sānusutta* (*Kinh Sānu*); *A.* I. 142, *Catumahārājasutta* (*Kinh Bốn bậc Đại vương*); *A.* I. 143, *Dutiyacatumahārājasutta* (*Kinh thứ hai về bốn bậc Đại vương*); *Thīg.* v. 31, *Mittātherīgāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Mittā*).

– Thật hy hữu thay! Thật linh diệu thay là thần thông lực của đức Như Lai thị hiện! Nước ngập lụt đến tận đầu gối, nước ngập lụt đến tận thắt lưng nhưng không có bàn chân hay chiếc y của một Tỷ-kheo nào bị ướt cả!

Trong nỗi hân hoan tràn ngập ấy, bà cùng các tín nữ phục vụ đức Phật và Tăng chúng. Sau buổi thọ thực, bà thưa với đức Phật:

– Thật tình con ước ao nhận được nhiều thỉnh nguyện từ đức Thế Tôn.

– Này Visākhā, các đức Như Lai có vô lượng ân lành.

– Song những điều thỉnh nguyện này xin được ban cho chúng con, những điều này không lỗi lầm!

– Này Visākhā, cứ nói đi!

– Con ước ao rằng suốt đời con được quyền dâng áo khoác về mùa mưa cho Tăng chúng, thực phẩm cho các vị khách đến thăm nhà, thực phẩm cho Tăng chúng du hóa đường xa, thực phẩm cho các vị bị bệnh, thực phẩm cho những vị Tỷ-kheo phục vụ các bệnh nhân, thuốc men cho các bệnh nhân, thường xuyên cúng dường cháo gạo và suốt đời cúng dường y phục cho các Tỷ-kheo-ni khi đi tắm.

Bậc Đạo sư đáp:

– Này Visākhā, bà dự định làm công đức gì khi bà thỉnh cầu Như Lai tám nguyện ước này?

Bà liền thưa với Ngài những lợi lạc mà bà mong có được và Ngài đáp:

– Lành thay, lành thay, này Visākhā, thật tốt lành thay là điều lợi lạc mà bà mong sẽ được khi thỉnh cầu Như Lai tám nguyện ước này!

Rồi Ngài bảo:

– Này Visākhā, Ta ban cho bà tám đặc ân này đó.

Sau khi ban cho bà tám thỉnh nguyện ấy xong và nói lời tùy hỷ công đức, Ngài ra về.

Một hôm, khi bậc Đạo sư đang trú tại Đông Viên, Tăng chúng bắt đầu bàn luận việc này trong pháp đường:

– Này Hiền hữu, nữ thí chủ Visākhā, dù là nữ nhân, đã được chính đẳng Thập Lực ban cho tám thỉnh nguyện. Công đức của bà ấy thật cao cả thay!

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Tăng chúng thưa với Ngài. Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên nữ nhân này nhận được những thỉnh nguyện từ Ta vì bà ấy xưa kia cũng đã nhận được như vậy.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thời, có vị Vua Suruci trị vì Mithilā. Vua này có một vương tử đặt tên là Suruci (Huy Hoàng). Khi chàng lớn lên, chàng quyết định đi học tại Takkasilā, vì thế chàng đến đó và ngồi nghỉ ở một sảnh đường tại cổng thành. Bấy giờ, vương tử của vua xứ Ba-la-nại tên là Vương tử Brahmadatta cũng đi đến đó và ngồi nghỉ trên cùng một chiếc ghế dài mà Vương tử Suruci đã ngồi. Hai người trò chuyện và kết bạn với nhau rồi cả hai cùng đi đến vị giáo sư kia. Hai chàng trả học phí và học tập, chẳng bao lâu việc học đã hoàn tất. Rồi hai chàng từ giã thầy dạy và cùng nhau lên đường. Sau khi đi một đoạn ngắn, họ dừng lại ở một nơi có ngã rẽ, cả hai ôm nhau từ biệt, và để giữ mãi tình bạn thắm thiết, hai vị giao ước với nhau:

– Nếu ta có con trai và bạn có con gái hoặc bạn có con trai và ta có con gái thì chúng ta sẽ kết đôi cho chúng.

Khi hai vị lên ngôi, Vua Suruci sinh hạ một vương tử và cũng đặt tên vương tử là Suruci. Còn Vua Brahmadatta sinh con gái đặt tên là Sumedhā (Thiện Trí).

Vào đúng thời lớn khôn, Vương tử Suruci đi đến Takkasilā để học tập và khi việc học hoàn tất, lại trở về. Sau đó, vua cha muốn phong vương cho con mình bằng lễ Quán đảnh và nghĩ thầm: "Bạn ta là vua xứ Ba-la-nại đã sinh con gái, ta nghe nói vậy. Nay ta muốn cưới nàng ấy làm vương hậu cho con ta." Vì mục đích trên, vua phái sứ thần đem các sính lễ rất trang trọng ra đi. Song trước khi sứ thần đến nơi, vua xứ Ba-la-nại hỏi bà chánh hậu điều này:

– Này Ái hậu, điều gì là nỗi khổ đau nhất đối với một nữ nhân?

– Muôn tâu, đó là việc tranh chấp với các thê thiếp khác của chồng mình.

– Vậy thì, này Ái hậu, để tránh cho con gái duy nhất của ta là Công chúa Sumedhā khỏi nỗi khổ đau ấy, ta sẽ chẳng gả con cho một ai, ngoại trừ người nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không có thê thiếp khác.

Vì vậy, khi các sứ thần đến và nêu danh hiệu công chúa để cầu hôn, vua bảo họ:

– Này các Hiền hữu, quả thực ta đã hứa gả con gái ta cho con của vị vua thân bằng của ta ngày xưa. Song chúng ta không muốn thả con gái vào giữa các nữ nhân. Vì vậy, chúng ta muốn gả con gái cho vị vua nào chỉ cưới một mình nàng, chứ không thêm ai khác.

Các sứ giả đem thông điệp ấy về tâu với vua. Nhưng vua này phật ý, bảo:

– Nước ta là một đại vương quốc với kinh thành Mithilā chiếm bảy do-tuần, toàn thể đất nước gồm cả ba trăm do-tuần. Một vị đại vương như vậy phải có cả mười sáu ngàn cung phi là ít nhất.

Còn Vương tử Suruci vừa nghe danh tiếng dung sắc tuyệt mỹ của Công chúa Sumedhā liền đâm ra si tình công chúa, dù chỉ là nghe đồn thôi nên chàng nhờ thưa lại song thân là:

– Con quyết sẽ cưới một mình nàng chứ không thêm ai khác nữa. Con có cần gì các nữ nhân kia. Xin đi cưới nàng về ngay!

Hai vị không cản trở ước vọng của chàng liền gửi sính lễ trang trọng cùng đông đảo sứ thần đi rước nàng về cung. Thế là nàng được phong làm vương hậu và cả hai người đều được tôn lên ngôi bằng lễ Quán đảnh. Chàng trở thành Quốc vương Suruci, cai trị rất đúng pháp và sống rất hạnh phúc với hoàng hậu. Song dù nàng đã về sống ở nhà chồng đến mười ngàn năm, nàng chẳng hề sinh hạ con trai hay con gái gì cả.

Sau đó, dân chúng tụ tập lại trước sân chầu với những lời trách móc. Vua hỏi:

– Có chuyện gì thế?

Dân chúng tâu:

– Chúng thần chẳng thấy lỗi lầm nào ngoại trừ việc này, đó là Chúa thượng không có con trai để nối dõi. Chúa thượng chỉ có một chánh hậu, tuy nhiên một quốc vương phải có ít nhất là mười sáu ngàn cung tần. Xin Chúa thượng hãy tuyển một số phi tần mỹ nữ, rồi một thứ phi xứng đáng sẽ hạ sinh cho Chúa thượng một hoàng nam!

– Này, các hiền hữu nói điều gì thế? Ta đã hứa không cưới ai khác ngoài hoàng hậu và theo những điều kiện thỏa thuận trên mà ta đã chiếm được nàng làm vợ. Ta không thể nuốt lời được, ta không cần các nữ nhân đâu!

Như thế vua từ chối lời thỉnh cầu của dân chúng nên họ ra về. Song Sumedhā nghe được câu chuyện. Bà nghĩ thầm: "Đức vua từ chối việc tuyển chọn cung phi vì lòng trung tín của ngài, được rồi, ta sẽ tìm thê thiếp khác cho ngài." Bà vừa đóng vai người mẹ cùng vai người vợ đối với vua nên bà tự nguyện tuyển một ngàn công nương thuộc dòng Sát-đế-ly, một ngàn tiểu thư con của các quan trong triều, một ngàn thiếu nữ nhà lành, một ngàn vũ nữ đủ loại, tổng cộng bốn ngàn, rồi đem dâng vua.

Các nàng ấy sống trong cung suốt mười ngàn năm cũng chẳng hề sinh con cái gì cả. Cứ theo cách ấy, ba lần nữa, bà dâng vua bốn ngàn cung nữ, song họ chẳng sinh được con cái gì. Như vậy, bà đã dâng vua cả mười sáu ngàn cung tần mỹ nữ. Bốn mươi ngàn năm trôi qua, nghĩa là năm mươi ngàn năm tất cả, tính luôn mười ngàn năm vua đã chỉ sống với một mình hoàng hậu thôi. Sau đó, dân chúng lại tụ tập với những lời trách móc, vua hỏi:

– Cái gì đây nữa?

– Tâu Chúa thượng, xin ngài ra lệnh cho các cung phi cầu tự.

Từ đó để cầu tự, các nàng cúng bái đủ các loại thần linh và thề nguyền khấn khứa đủ mọi cách, tuy thế vẫn không có vương tử nào xuất hiện. Rồi vua ra lệnh cho bà Sumedhā cũng phải cầu tự, hoàng hậu đồng thuận.

Vào dịp lễ trai giới ngày mười lăm (rằm) trong tháng, hoàng hậu giữ hạnh nguyện bát quan trai giới và ngồi trầm tư về các công đức trong một cung

thất lộng lẫy trên một sàng tọa êm ái. Các cung nữ khác đều ở trong ngự uyển cầu nguyện sẽ cúng tế đủ loại dê, bò. Vì công đức sáng chói của Hoàng hậu Sumedhā nên cung điện của Thiên chủ Sakka rúng động.

Thiên chủ Đế-thích suy xét và hiểu rằng bà Sumedhā đang cầu tự. "Được rồi, bà sẽ được một hoàng nam. Song ta không thể ban cho bà một hoàng nam này hay một hoàng nam nọ một cách thiếu quan tâm mà ta muốn đi tìm một vị nào xứng đáng." Rồi ngài thấy một thiên tử còn trẻ tên là Naḷakāra (người đan giỏ). Chàng có đầy đủ đức độ thiện hạnh, trong một đời trước đó sống ở Ba-la-nại thì chuyện này xảy ra cho chàng. Vào mùa gieo hạt, khi chàng ra đồng, chàng gặp một vị Độc Giác Phật. Chàng bảo các tá điền gieo hạt, cúng dường một bữa ăn rồi dẫn vị ấy trở lại bờ sông Hằng. Chàng cùng con trai dựng túp lều, trụ bằng thân cây sung và đan kết lau sậy làm vách tường, gắn cửa vào và dọn một lối đi. Chàng mời vị Độc Giác Phật ở đó suốt ba tháng và khi hết mùa mưa, hai cha con chàng đắp lên Ngài ba chiếc y rồi để Ngài ra đi. Cùng cách ấy, hai cha con thiết đãi đồ ẩm thực bảy vị Độc Giác Phật trong túp lều ấy rồi cúng dường mỗi vị ba chiếc y xong để các vị ai đi đường nấy.

Vì vậy, dân chúng vẫn kể chuyện hai cha con làm nghề đan giỏ tìm các cây liễu trên bờ sông Hằng (để lấy gỗ đan giỏ), và hễ khi nào thấy một vị Độc Giác Phật thì họ cúng dường như trước đã nói. Lúc mạng chung, họ được tái sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba và cứ an trú sáu tầng trời cõi dục liên tục tới lui theo vòng luân hồi sinh tử, tận hưởng vinh quang tột đỉnh giữa chư thiên.

Hai vị ấy sau khi mạng chung ở cõi này lại ước mong được lên các cõi trời cao hơn. Thiên chủ Đế-thích nhận thức rằng một trong hai vị thiên tử này sẽ thành đức Như Lai nên Thiên chủ đến cửa cung của hai vị, đảnh lễ vị ấy khi vị ấy đứng lên chào đón Thiên chủ và bảo:

– Thưa Tôn giả, ngài nên sinh vào thế giới loài người.

Song vị thiên tử bảo:

– Tâu Đại vương, thế giới loài người đầy hận thù đáng kinh tởm. Những người ở đó làm thiện sự và bố thí cũng đều ước mong được lên thiên giới. Vậy thần xuống đó làm gì chứ?

– Thưa Tôn giả, ngài sẽ được hưởng trọn vẹn mọi lạc thú có thể hưởng được trong nhân giới. Ngài sẽ ngự trong một cung điện làm toàn bằng bảo ngọc, cao hai mươi lăm do-tuần. Xin ngài đồng ý cho!

Vị thiên tử liền chấp thuận. Khi Thiên chủ Đế-thích đã được vị ấy hứa lời rồi liền giả dạng một Hiền nhân giáng xuống ngự viên, xuất lộ nguyên hình vừa bay lượn trên đầu các cung phi này vừa ca hát:

– Ta sẽ ban diễm phúc cho ai được một nam tử đây? Ai mong được diễm phúc có một nam tử đây?

– Thưa ngài, xin cho con, xin cho con!

Hàng ngàn cánh tay giơ lên. Sau đó, Thiên chủ bảo:

– Ta sẽ ban các nam tử cho những người đức độ. Vậy về công đức các nàng làm được những gì? Cuộc đời các nàng, lối sống các nàng ra sao?

Họ đều hạ tay xuống và thưa:

– Nếu ngài muốn thưởng công cho người đức hạnh thì xin ngài đi tìm chánh hậu Sumedhā.

Ngài liền bay qua không gian và dừng lại ở cửa sổ cung thất của bà. Khi đó, các cung nữ đến trình với bà:

– Tâu Lệnh bà, một vị Thiên chủ đã bay qua không gian và đứng ngay tại cửa sổ cung thất của Lệnh bà để ban cho Lệnh bà diễm phúc được một vương tử.

Bà liền đến đó đón ngài vô cùng trọng thể. Vừa mở cửa sổ ra, bà vừa hỏi:

– Tâu Thiên chủ, tiện thiếp trộm nghe rằng ngài sẽ ban diễm phúc cho một nữ nhân đức hạnh được một nam tử, có đúng vậy chăng?

– Đúng vậy, ta sẽ làm như thế.

– Vậy xin ngài làm ơn ban cho tiện thiếp diễm phúc ấy.

– Hãy cho ta biết, chánh hậu đã tạo được công đức gì, nếu chánh hậu làm đẹp ý ta, ta sẽ ban cho diễm phúc ấy!

Bà liền ngâm mười lăm vần kệ này nêu rõ công đức của mình:

102. Thiếp là chánh hậu Chúa Suruci,
Vương hậu đầu tiên chúa cưới về,
Với Chúa Suruci vạn tuế,
Thiếp đã sống trọn đạo hiền thê.

103. Suruci Chúa tể Mithilā,
Là chính kinh thành của quốc gia,
Thiếp chẳng hề xem thường thánh ý,
Chẳng chê ngài thấp kém, sai ngoa,
Dù sau lưng chúa, hay ngoài mặt,
Về khẩu, ý, thân, đủ cả ba.

104. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

105. Phụ hoàng, mẫu hậu của vương quân,
Hai đấng sinh thành ngự trị dân,
Trong lúc các ngài còn tại thế,
Vẫn thường dạy thiếp đạo Hiền nhân.

106. Thiếp ước không làm hại mạng ai,
Quyết lòng hành động chánh chân hoài,

Ân cần tận tụy hầu hai vị,
Không mệt mỏi cho dẫu tối ngày.

107. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

108. Thứ phi sau thiếp cứ tăng dần,
Mười sáu ngàn không thiếu một nàng,
Tuy thế, chẳng hề, thưa Thánh giả,
Xảy hờn ghen giữa đám hồng quần.

109. Thiếp mừng khi chúng được an lành,
Với mọi cung phi, thắm thiết tình,
Lòng thiếp nhân từ cùng tất cả,
Khác nào đối với bản thân mình.

110. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

111. Nô tỳ, thị giả, mọi gia nhân,
Tất cả nơi đây ở hợp quần,
Thiếp đối ân cần, ban thực phẩm,
Tươi cười nét mặt tạo hân hoan.

112. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

113. Các nhà ẩn sĩ, Bà-la-môn,
Hễ thấy người nào đến khẩn van,
Thiết đãi uống ăn đều khắp cả,
Đôi bàn tay rửa sạch hoàn toàn.

114. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

115. Vào ngày mồng tám, nửa tuần trăng,
Mười bốn, mười lăm, các buổi rằm,
Thiếp vẫn chuyên tâm trì giới luật,
Bước theo Thánh đạo của Hiền nhân.

116. Thánh giả, điều này nếu thật chân,
Cầu mong vương tử được ngài ban,
Còn khua môi thiếp toàn hư vọng,
Bảy mảnh đầu này phải vỡ tan.

Quả thật, dù cả trăm, cả ngàn câu kệ cũng không đủ lời tán thán mọi công đức của bà; tuy thế, Thiên chủ Đế-thích cứ để cho bà tự tán thán trong mười lăm vần kệ. Ngài cũng không ngắt ngang câu chuyện, mặc dù ngài còn nhiều việc phải làm ở nơi khác. Sau đó, ngài bảo:

– Công đức của chánh hậu thật là kỳ diệu và sung mãn tràn trề thay!

Rồi ngài ngâm hai vần kệ ca ngợi bà:

117. Nương nương hỡi, Chánh hậu Suruci,
Công đức này cao trọng thập toàn,
Đều thấy trong nàng, này Chánh hậu,
Chính nàng ca ngợi đại danh nàng.

118. Một hoàng nam chính thống cao sang,
Muôn vẻ vinh quang, trí vẹn toàn,
Đại đế Videha chánh trực,
Sắp ra đời đó chính con nàng.

Khi bà nghe những lời này, bà vô cùng hoan hỷ ngâm hai vần kệ để hỏi Thiên chủ:

119. Bụi bẩn, lấm lem tóc rối bồng,
Hình ngài lơ lửng ở trên không,
Nói bằng một giọng đầy thân ái,
Làm thiếp cảm rung tận cõi lòng.

120. Có phải ngài Thiên đế đại hùng,
Trên trời ngài ngự, hỡi Hiền nhân?
Xin cho thiếp biết từ đâu đến,
Cho biết là ai đó giáng trần?

Thiên chủ đáp lời bà qua sáu vần kệ:

121. "Thiên nhãn Sakka" nàng thấy đây,
Vì thiên chúng vẫn gọi như vầy,
Khi thiên chúng lễ ta, đoàn tụ,
Trong Thiện Pháp đường mỹ diệu thay.

122. Khi nữ nhân hiền đức vẹn toàn,
Tại đây được thấy giữa trần gian,
Chánh chân nội tướng đầy nhân ái,
Với mẹ chồng như phận sự nàng.

123. Khi chư thiên biết một hồng nhan,
Lòng trí cao minh, nghiệp thiện toàn,

Dù nữ nhi mà từ thượng giới,
Thiên chúng đích thân đến với nàng.

124. Giữ đời đức hạnh, hỡi nương nương,
Nhờ tích trữ toàn việc thiện lương,
Công chúa xuất thân đà đạt được,
Trọn niềm hạnh phúc vẫn cầu mong.

125. Vậy nàng gặt hái nghiệp duyên nàng,
Bằng cảnh huy hoàng ở thế gian,
Công chúa về sau trên thượng giới,
Tái sanh nàng được hóa thiên thần.

126. Nữ nhi hiền đức hưởng hồng ân,
Cứ sống giữ gìn hạnh chánh chân,
Nay lúc ta cần về thượng giới,
Vui mừng vì diện kiến tôn nhan.

Ngài bảo:

– Ta còn việc phải làm trên thiên giới. Vậy ta đi đây, còn nàng hãy chuyên tâm tinh cần!

Cùng với lời khuyên nhủ này, ngài ra về. Tảng sáng hôm ấy, thiên tử Naḷakāra được nhập mẫu thai của hoàng hậu. Khi bà biết chuyện ấy, bà liền tâu với vua. Vua làm đủ mọi việc cần thiết cho một thai phụ. Sau mười tháng, bà sinh hạ một vương tử, hai vị đặt tên là Mahāpanāda. Toàn dân của hai quốc độ đều đến kêu lên:

– Tâu Chúa thượng, chúng hạ thần xin mang tiền mua sữa tới tặng hoàng thái tử.

Rồi mỗi người thả một đồng vàng vào trong sân chầu thành một đống tiền lớn. Vua không muốn nhận tiền này, nhưng dân chúng không chịu lấy lại và tâu với vua khi họ ra về:

– Tâu Chúa thượng, số tiền này để dành cấp dưỡng vương tử khi ngài lớn lên.

Vương tử lớn lên giữa cảnh huy hoàng và khi chàng đến tuổi trưởng thành, không quá mười sáu, chàng đã kiện toàn tất cả mọi môn học thuật. Vua nghĩ đến tuổi trưởng thành của chàng, bảo hoàng hậu:

– Này Ái hậu, khi đến thời làm lễ Quán đảnh cho hoàng nhi, ta hãy xây cho con ta một cung điện tuyệt đẹp vào dịp đó!

Bà hoàn toàn đồng thuận. Vua liền cho triệu những người có tài đoán biết nơi chốn an lành để xây cung điện và bảo họ:

– Này các hiền hữu, hãy tìm một kiến trúc sư thượng thủ và xây cho ta một cung điện không xa cung của ta! Cung này dành cho hoàng tử mà chúng ta sắp phong vương để kế vị ta đó.

Họ tâu rằng việc ấy tốt lành thay và bắt đầu đi vào khảo sát mặt đất. Lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích nóng rực lên. Nhận thấy điều này, Thiên chủ lập tức triệu Vissakamma, vị thiên thần chuyên xây dựng đến và bảo:

– Này Hiền giả Vissakamma, hãy xây cho Vương tử Mahāpanāda một cung điện dài chín do-tuần, rộng tám do-tuần và cao hai mươi lăm dặm, toàn bằng bảo ngọc!

Vissakamma liền giả dạng thợ hồ đi đến gần đám thợ kia bảo:

– Hãy đi ăn sáng xong rồi trở về đây!

Sau khi họ đi khuất cả rồi, vị ấy lấy cây gậy đập xuống đất, lập tức một cung điện hiện ra cao bảy tầng đúng kích thước như trên.

Bấy giờ, triều đình cử hành liên tiếp ba đại lễ cho Mahāpanāda: Lễ Khánh thành cung điện, lễ Phong vương giương chiếc lọng hoàng gia trên đầu chàng và lễ Thành hôn cho chàng. Trong thời gian hành lễ, toàn dân cả hai xứ tụ tập lại tổ chức hội hè yến tiệc suốt bảy năm mà vua cũng không giải tán quần chúng. Xiêm y, đồ trang sức, đồ ẩm thực và mọi thứ khác hoàng gia đều cung cấp đầy đủ cả. Sau bảy năm ấy, dân chúng bắt đầu càu nhàu than phiền và Vua Suruci hỏi tại sao, họ đáp:

– Tâu Đại vương, trong lúc chúng hạ thần mãi vui chơi hội hè đình đám thì bảy năm đã trôi qua. Thế khi nào thì lễ hội này mới chấm dứt?

Vua đáp:

– Này các hiền hữu, suốt thời gian qua, vương nhi chưa hề một lần nào cười cả. Vậy khi nào vương nhi cười thì ta sẽ giải tán.

Sau đó, dân chúng đi đánh trống và tập hợp các người làm trò múa rối, nhào lộn lại với nhau. Hàng ngàn người diễn trò kéo đến và chia nhau thành bảy ban ca múa, nhưng họ không thể nào làm cho vương tử cười được. Rõ ràng chàng là một người đã từng xem múa hát của các vũ thần chốn thiên đình rồi thì không thể nào ham thích được các vũ công hạ giới như thế này.

Sau đó, hai tên hề múa rối lanh lợi xuất hiện, đó là Bhandukaṇṇa (Tai Cụt) và Pandukaṇṇa (Tai Vàng). Chúng tâu:

– Chúng tiểu thần sẽ làm cho hoàng tử cười.

Bhandukaṇṇa liền hóa phép ra một cây xoài vĩ đại mà gã gọi là "Vô song địch", mọc lên trước cửa cung, sau đó gã ném ra một cuộn dây làm cho nó mắc vào một cành xoài rồi gã trèo lên cây xoài Vô song địch ấy.

Thời bấy giờ người ta bảo cây xoài Vô song địch ấy là của Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn Thiên vương). Bọn nô lệ của thần Vessavaṇa bắt lấy gã, như thường lệ chặt ra từng khúc và thả xuống đất. Bọn người làm trò ảo thuật kia ghép các khúc đó lại và tưới nước lên. Gã đó liền choàng mớ xiêm y cả bên trong lẫn bên ngoài đều kết bằng hoa rồi đứng dậy bắt đầu ca múa như cũ. Ngay cái cảnh tượng kỳ dị này cũng không làm vương tử cười được.

Sau đó, Pandukaṇṇa chất dầu củi đốt lửa lên trước sân chầu và nhảy vào lửa với đồng bọn múa rối ấy. Khi lửa tan hết, người ta tưới nước vào đó, Pandukaṇṇa cùng cả bọn lại vùng dậy ca múa với đủ xiêm y từ trong ra ngoài kết bằng hoa. Khi dân chúng thấy họ không thể làm cho vương tử cười được thì họ bực tức lắm.

Thiên chủ Đế-thích nhận thấy việc này liền phái xuống một vũ công trên trời, bảo vị ấy làm cho Mahāpanāda cười. Thế rồi vị ấy đứng lơ lửng giữa không gian trên sân chầu và biểu diễn một điệu múa gọi là vũ khúc bán thân, chỉ một tay, một chân, một mắt, một răng nhảy múa rung rinh, lắc lư qua lại, còn mọi phần kia vẫn trơ như đá. Khi Mahāpanāda thấy thế thì chàng hơi nhếch mép cười một chút thôi. Còn dân chúng đều cười rộ lên từng tràng dài và không thể nào kiềm chế chân tay được nữa nên họ cứ lăn quay long lóc khắp cả sân rồng. Thế là kết thúc hội hè. Phần còn lại:

Đại đế Panāda, chúa đại hùng,
Cung điện của đại đế bằng vàng ròng...

Đã được giải thích trong *Chuyện Đại vương Mahāpanāda.*[21]

Vua Mahāpanāda chuyên tâm làm thiện sự và bố thí nên lúc mạng chung được sinh lên thiên giới.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, Visākhā đã nhận được điều ước Ta ban thuở trước kia.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, Bhaddaji là Mahāpanāda, Visākhā là Hoàng hậu Sumedhā, Ānanda là Vissakamma và Ta chính là Thiên chủ Đế-thích.

§490. CHUYỆN NĂM VỊ HÀNH TRÌ TRAI GIỚI

(*Pañcūposathajātaka*) (*J.* IV. 325)

Ta chắc giờ chim thiểu dục rồi...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về năm trăm cư sĩ giữ hạnh trai giới. Thời đó, người ta nói là bậc Đạo sư ngồi trên bảo tòa dành cho đức Phật trong pháp đường, giữa tứ chúng, nhìn quanh hội chúng với từ tâm, Ngài thấy rằng hôm nay bài thuyết giảng sẽ quay về đề tài chuyện các nam cư sĩ. Sau đó, Ngài hỏi hội chúng:

– Các nam cư sĩ có giữ hạnh trai giới (*Uposatha*) chăng?

Họ đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

---

[21] Xem *J.* II. 331, *Mahāpanādajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahāpanāda*), số §264.

– Lành thay, việc hành trì ngày trai giới là tập tục của các Trí nhân từ thuở xưa! Ta bảo là các bậc Trí từ ngàn xưa đã hành trì trai giới để nhiếp phục các tham dục.

Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, có một khu rừng lớn ngăn chia vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà) với hai vương quốc giáp với nó. Bồ-tát sinh ra ở Ma-kiệt-đà trong một gia đình Bà-la-môn sang trọng. Khi ngài lớn lên, ngài từ bỏ các tham dục, đi vào rừng dựng lên một ẩn am và sống tại đó. Bấy giờ, không xa nơi am thất ấy có một con bồ câu rừng sống cùng chim mái, trong một ổ mối kia có con rắn, trong bụi rậm nọ có con chó rừng làm hang ổ và trong một bụi rậm khác lại có con gấu. Cả bốn con vật này thường đến viếng vị Hiền nhân và nghe ngài thuyết pháp.

Một ngày kia, bồ câu cùng vợ rời tổ đi kiếm thức ăn. Chim mái bay sau và khi nó đang bay, một con chim ưng thình lình chụp bắt lấy nó và tha đi. Nghe tiếng kêu thét của chim mái, chim trống quay lại nhìn và thấy chim ưng đang tha vợ nó đi. Chim ưng giết chết chim mái ngay khi nó đang kêu cứu và xé xác ăn ngay. Bấy giờ, lòng chim trống nóng như lửa đốt vì thương tiếc chim mái phải bị chia lìa đột ngột với nó như vậy. Rồi chim suy nghĩ: "Ái dục này xâu xé lòng ta đau đớn quá sức chịu đựng. Ta không còn muốn đi tìm mồi cho đến khi nào ta thấy được cách nhiếp phục nỗi đau." Thế là chim bỏ ngang việc kiếm ăn, bay đến tận nhà tu khổ hạnh kia, quyết tâm giữ hạnh nguyện nhiếp phục tham ái và nằm xuống một bên.

Con rắn cũng nghĩ rằng nó muốn kiếm ăn nên bò ra khỏi lỗ và kiếm được chút gì đó trên lối nó bò đi gần một làng ở biên địa. Vừa lúc ấy, một con bò đực của người lý trưởng, một con vật tuyệt đẹp toàn màu trắng, sau khi gặm cỏ xong, quỳ mọp xuống gần một ổ mối, lấy sừng hất tung đất lên để đùa chơi. Con rắn kinh hoảng khi nghe tiếng móng bò sột soạt, phóng đến ẩn mình trong một ổ mối. Con bò tình cờ giẫm lên con rắn, làm con rắn tức giận cắn con bò và con bò chết tại chỗ. Khi dân làng khám phá ra con bò đã chết, họ vừa chạy vừa khóc than, đem cúng vòng hoa cho bò rất trọng thể rồi mới chôn nó xuống mồ và trở về nhà. Khi dân chúng đã đi hết, con rắn bò ra và suy nghĩ: "Vì giận dữ, ta đã đoạt mạng sống của con vật này và đã gây bao đau buồn cho nhiều người. Ta chẳng bao giờ muốn đi ra kiếm mồi nữa cho đến khi ta học được cách nhiếp phục sân hận." Vì thế, nó quay về thảo am của ẩn sĩ kia và quyết giữ hạnh nguyện nhiếp phục sân hận, nó nằm xuống một bên.

Con chó rừng cũng đi kiếm mồi và thấy một con voi đã chết.[22] Nó vui mừng quá:

– Thức ăn nhiều lắm đây rồi!

---

[22] Xem *J.* I. 502, *Sigālajātaka* (*Chuyện con chó rừng*), số §148.

Nó kêu lên và cắn một miếng vào thân voi, chẳng khác nào cắn vào một thân cây. Nó thấy chẳng thích thú gì cả nên cắn vào chiếc vòi cứ như thể là cắn vào hòn đá. Nó thử cắn cái bụng, cũng như là cái thúng vậy nên nó nhào vào đuôi voi, giống như cái bát sắt. Rồi nó chồm lên mông voi, và ô kìa, chiếc mông mềm như chiếc bánh sữa. Nó thích thú quá nên cứ ăn sâu vào trong. Rồi ở đó ăn mãi khi đói, còn khi khát thì uống máu voi. Khi nằm xuống, nó trải phần trong ruột và ngực voi ra như cái giường để ngã lưng. Nó suy nghĩ: "Ở đây ta đã tìm được thức ăn uống và giường nằm rồi, vậy còn đi đâu làm gì nữa."

Thế là nó ở lì đó, lòng rất thỏa mãn trong cái bụng voi và chẳng hề chui ra ngoài lần nào cả. Dần dần, xác voi khô cứng dưới sức nắng gió, cái chỗ hở phía sau mông voi khép kín lại. Con chó rừng quằn quại bên trong mất dần máu thịt, thân thể võ vàng, song không tìm được cách thoát ra ngoài. Rồi một ngày kia, có cơn bão rớt thình lình, cái lỗ hở ấy thấm nước và mềm ra, bắt đầu hé miệng. Khi thấy khe hở, chó rừng kêu lên:

– Lâu nay ta đã bị hành hạ quá nhiều, giờ đây ta phải thoát ra bằng lỗ này.

Rồi nó đi ra lỗ đó bằng cái đầu trước tiên. Bấy giờ cái lỗ còn hẹp mà nó ra mau quá nên thân thể bầm dập và lông lá rụng xuống đất. Khi ra ngoài được rồi, nó trần trụi như khúc thân dừa, không còn một sợi lông nào nữa. Nó suy nghĩ: "À, vì tham ăn mà ta chịu nỗi cực khổ này. Ta chẳng bao giờ muốn đi ra kiếm mồi nữa cho đến khi ta học được cách chế ngự dục tham trong ta." Sau đó, nó đi đến ẩn am kia, quyết giữ hạnh nguyện chế ngự dục tham và nằm xuống một bên.

Phần con gấu ra khỏi rừng và vì lòng tham ăn thúc đẩy nó đi về phía làng biên địa của quốc độ Mallā.

– Ồ, con gấu đây này!

Toàn dân làng la to lên, họ bước ra trang bị đầy cung, gậy, giáo và nhiều thứ khác nữa, vây quanh bụi cây mà gấu đang nằm. Nó thấy mình bị cả đám người vây quanh thì vụt chạy trốn đi. Vừa chạy vừa bị đám người ấy đánh cho một trận nhừ tử bằng cung gậy, về đến hang, nó bị dập đầu và chảy máu. Nó nghĩ thầm: "À, chính vì lòng tham ăn thái quá đã gây cho ta tai họa này. Thôi ta chẳng bao giờ muốn đi ra kiếm mồi nữa cho đến khi học được cách nhiếp phục lòng tham ấy." Vì thế nó đi đến thảo am, quyết giữ hạnh nguyện nhiếp phục tính tham lam và nằm xuống một bên.

Còn vị tu khổ hạnh này không thể phát khởi thiền định được vì ngài vốn vẫn tràn đầy kiêu mạn về dòng dõi quý tộc của ngài. Một vị Độc Giác Phật nhận thấy ngài đang bị ngã mạn chi phối, tuy vậy, vị này biết rõ ngài không phải là người tầm thường. Vị ấy suy nghĩ: "Người này sẽ thành bậc Chánh Giác và ngay trong hiện kiếp này người ấy sẽ đạt tối thắng trí. Ta muốn giúp người ấy nhiếp phục ngã mạn và khiến người ấy tu tập các thiền chứng."

Vì vậy, trong khi ngài đang ngồi trong thảo am, vị Độc Giác Phật kia từ vùng thượng Tuyết Sơn đi xuống và an tọa trên một phiến đá của nhà tu khổ hạnh. Vị này bước ra, thấy vị Phật ngồi trên sàng tọa của mình thì do lòng đầy kiêu mạn, ngài không tự chủ được nữa, ngài bước lên búng ngón tay vào mặt vị kia và kêu to:

– Đồ vô tích sự xấu xa kia, thật đáng nguyền rủa, quân giả dối trọc đầu, tại sao ngươi dám ngồi trên sàng tọa của ta?

Vị kia đáp:

– Bạch Thánh giả, tại sao ngài đầy lòng kiêu mạn thế kia? Ta đã đạt trí tuệ của một vị Độc Giác Phật nên Ta bảo cho ngài biết rằng ngay trong chính hiện kiếp này, ngài sẽ được hoàn toàn giác ngộ. Ngài đã đủ cơ duyên thành Phật. Khi ngài đã thành tựu thập hạnh Ba-la-mật và sau một thời gian dài bằng thời kỳ đó trôi qua, ngài sẽ thành bậc Chánh Giác, danh hiệu là Siddhattha.

Sau đó, vị ấy mới cho ngài biết về danh tánh, dòng họ, gia tộc, các đệ tử, v.v… và nói thêm:

– Vậy thì bây giờ tại sao ngài quá kiêu mạn và sân hận như vậy? Việc ấy không xứng đáng với ngài.

Đó là lời khuyên của vị Độc Giác Phật. Nghe những lời này, nhà khổ hạnh chẳng nói gì nữa cũng chẳng đảnh lễ vị kia, chẳng hỏi xem nơi đâu, bao giờ, và bằng cách nào mình sẽ thành Phật. Sau đó, vị khách lại bảo:

– Ngài hãy học cách đánh giá dòng dõi của ngài và thần lực của Ta qua việc này, nếu làm được thì hãy bay lên không như Ta đây!

Nói vậy xong, vị này bay lên không, hất tung bụi bám trên đôi chân mình vào cuốn tóc trên đầu nhà khổ hạnh, rồi lại trở về vùng thượng Tuyết Sơn.

Khi vị ấy đi rồi, lòng nhà khổ hạnh tràn ngập đau buồn. Ngài nghĩ: "Đó là một bậc Thánh, với tấm thân nặng như thế kia mà có thể bay qua không gian như một hạt bông bị gió cuốn. Một vị Độc Giác Phật như vậy mà ta chẳng hề hôn chân Ngài, vì ta đây kiêu mạn về dòng dõi của ta nên cũng không hỏi Ngài xem bao giờ ta sẽ thành Phật. Cái dòng dõi này có làm gì được cho ta đã chứ? Trong thế giới này, cuộc sống thuần thiện chính là một cách thể hiện uy lực, còn lòng kiêu mạn của ta chỉ đưa ta đến địa ngục thôi. Vậy ta sẽ chẳng bao giờ đi kiếm trái rừng nữa cho đến khi nào ta học được cách nhiếp phục lòng kiêu mạn của ta."

Sau đó, ngài vào thảo am và quyết giữ hạnh nguyện nhiếp phục lòng kiêu mạn. Khi tĩnh tọa trên tấm đệm rơm, bậc Trí giả quý tộc kia nhiếp phục được lòng kiêu mạn rồi làm phát khởi thiền định, tu tập các thắng trí và các thiền chứng xong liền bước ra ngồi trên phiến đá cuối mái hiên.

Lúc bấy giờ, chim bồ câu và các con vật kia đứng lên đảnh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên, bậc Đại sĩ hỏi bồ câu:

– Các ngày kia chim chẳng hề đến đây vào giờ này mà chim đi kiếm mồi. Vậy hôm nay chim giữ trai giới đó chăng?

– Thưa Tôn giả, chính vậy.

Ngài hỏi:

– Tại sao thế?

Và ngài ngâm vần kệ đầu:

127. Ta chắc giờ chim thiểu dục rồi,
Nay bồ câu chẳng muốn tìm mồi,
Tại sao đành chịu nằm thèm khát,
Sao nguyện theo trai giới hỡi ngài?

Bồ câu đáp lời qua hai vần kệ:

128. Xưa đầy tham đắm, cặp uyên ương,
Đùa giỡn quanh đây tựa phượng loan,
Ưng ác chụp nàng bay biến mất,
Chia lìa duyên kiếp đã tan hoang.

129. Con biết sự mất mát phũ phàng,
Bạo tàn, khốc liệt biết dường bao,
Con nhìn mọi vật lòng đau đớn,
Vì thế con tìm đến náu nương,
Nhờ giới hạnh, thề nguyền ái dục,
Chẳng bao giờ trở lại lòng con.

Khi bồ câu đã tán thán hành động của mình liên quan đến hạnh nguyện ấy, Bồ-tát lại hỏi câu đó với con rắn và lần lượt các con vật kia. Mỗi con trong bọn chúng đều nêu lên sự việc như đã xảy ra:

[Bồ-tát:]

130. Vật ở cây, bò sát cuộn mình,
Đầy răng nhọn hoắt, nọc truyền nhanh,
Rắn sao muốn giữ truyền trai giới,
Sao đói khát cam chịu cố tình?

[Con rắn:]

131. Con bò thôn trưởng thật oai hùng,
Dáng đẹp, lưng gù cứ chuyển rung,
Bò giẫm lên, con hờn cắn nó,
Đau đớn bò chết ngã lăn đùng.

132. Dân làng mọi kẻ đổ ra đường,
Than khóc vì trông thấy tận tường,
Vì vậy con nương nhờ giới hạnh,
Thề sân hận chẳng trở về con.

[Bồ-tát:]

133. Xác chết, thức ăn quý sẵn đầy,
Nằm trong nghĩa địa rã tan thây,
Chó rừng sao chịu đành thèm khát,
Sao lại thề tuân giới hạnh này?

[Chó rừng:]

134. Tìm được voi và thích thịt ngon,
Con vào bụng nó ở lì luôn,
Song nhiều gió mạnh, trời gay gắt,
Làm héo khô khe hở chó chui.

135. Tôn giả, con vàng võ, ốm gầy,
Vì không lối thoát phải nằm đây,
Rồi cơn bão nọ bùng vang dội,
Làm ướt mềm đi ngã hậu này.

136. Để thoát ra, con chẳng chậm đâu,
Như trăng thoát khỏi vuốt La-hầu,
Nên con chạy đến nhờ trai giới,
Con nguyện tham tâm tránh chạy mau.

[Bồ-tát:]

137. Ngài có thói xưa vẫn kiếm mồi,
Nằm trên ổ mối, gấu ông ơi,
Sao nay lại chịu nằm thèm khát,
Sao muốn thề nguyền trai giới thôi?

[Con gấu:]

138. Bỏ nhà vì quá đói trong lòng,
Con đến Mallā, chạy vội vàng,
Dân chúng trong làng đều đổ đến,
Dùng cung, gậy, chúng đánh hung tàn.

139. Mình con vấy máu, vỡ tan đầu,
Con chạy về nơi trú ẩn mau,
Vì vậy con nguyền theo giới hạnh,
Dục tham chẳng kéo đến ngày sau.

Như vậy, cả bốn con vật đều tán thán hành động của chúng trong việc quyết tâm giữ hạnh trai giới xong, vừa đứng lên đảnh lễ Bồ-tát, chúng vừa hỏi ngài câu này:

– Thưa Tôn giả, các ngày trước ngài ra đi kiếm trái rừng vào giờ này. Tại sao hôm nay ngài không đi mà lại hành trì trai giới?

Chúng liền ngâm vần kệ này:

140. Điều ấy, ngài mong muốn giãi bày,
Mọi điều con biết đã thưa thầy,
Song nay đến lượt mình xin hỏi,
Tôn giả sao theo hạnh nguyện này?

Bồ-tát giải thích cho chúng:

141. Một vị Độc Giác Phật qua đây,
Chốc lát trong am đã giãi bày,
Mọi việc vãng lai, danh tiếng, hiệu,
Gia đình và đạo lộ sau này.

142. Ta không quỳ, bởi quá kiêu căng,
Ở trước chân Ngài, chẳng hỏi han,
Vì thế, ta nương vào giới hạnh,
Để kiêu căng ấy chẳng đeo gần.

Bằng cách ấy, Bồ-tát giải thích việc hành trì hạnh nguyện của mình. Sau đó, ngài thuyết giáo cho chúng, bảo chúng ra đi và ngài bước vào thảo am. Các con vật kia trở về chốn ở của mình. Bồ-tát không hề gián đoạn thiền định nên được sinh vào cõi Phạm thiên. Còn các con vật ấy tuân hành lời thuyết giáo của ngài nên đã lên cộng trú đông đảo với thiên chúng.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các cư sĩ, giữ hạnh nguyện trai giới là một tập tục của các bậc Trí ngày xưa và nay các ông phải biết hành trì.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Anuruddha (A-na-luật-đà) là chim bồ câu, Kassapa (Ca-diếp) là con gấu, Mục-kiền-liên là chó rừng, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là con rắn và Ta chính là nhà tu khổ hạnh kia.

§491. CHUYỆN ĐẠI KHỔNG TƯỚC (*Mahāmorajātaka*)[23] (*J.* IV. 332)

Bắt ta bạn sẽ được ngàn vàng...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỳ-kheo thối thất.

Bậc Đạo sư bảo vị Tỳ-kheo này:

– Có đúng như Ta nghe nói là ông đã thối thất chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, quả đúng vậy.

Ngài liền nói:

– Này Tỳ-kheo, chẳng lẽ lòng ưa thích dục lạc này sẽ không lay động một người như ông sao? Trận lốc xoáy thổi quanh núi Sineru (Tu-di) thì kể gì một

[23] Xem *J.* II. 33, *Morajātaka* (*Chuyện con công*), số §159.

ngọn lá khô. Ngày xưa tham dục này cũng đã lay động các bậc thanh tịnh, là những vị đã lánh xa bảy ngàn năm khỏi mọi tham dục khởi lên trong tâm mình.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào bụng một con công mái ở một vùng biên địa. Khi thai kỳ đã mãn, công mẹ sinh trứng ở một nơi nó kiếm mồi và bỏ đi xa. Lúc bấy giờ, trứng chim công khỏe mạnh chẳng bị tai nạn gì nếu không có những mối hiểm nguy từ loài rắn hay các loài bọ tai hại tương tự như thế.

Vì vậy, cái trứng công này có màu vàng óng như chồi cây kaṇikāra.[24] Khi nó đã đủ thuần thục thì tự nó nứt ra và một con công xuất hiện có màu vàng óng ánh với con mắt như hạt guñjā,[25] chiếc mỏ màu san hô và ba sọc đỏ chạy quanh cổ xuống đến giữa lưng. Khi chim lớn lên, thân mình to bằng chiếc xe đẩy của người bán hàng trông thật đẹp mắt nên cả đàn công màu đen tụ tập lại chung quanh bầu chim công này làm chim đầu đàn.

Một hôm, chim công đang uống nước trong hồ, nhìn thấy vẻ đẹp của mình liền suy nghĩ: “Ta đẹp nhất trong đàn công. Nếu ta ở chung với chúng giữa mọi nẻo đường đời, ta sẽ gặp nguy hiểm. Ta muốn đi xa đến vùng Tuyết Sơn và ở đó một mình tại một nơi vừa ý.” Thế là về đêm, khi cả đàn công lui về nơi trú ẩn riêng biệt kín đáo, công ra đi mà không ai biết, về phía khu vực Tuyết Sơn. Sau khi băng qua ba rặng núi, công vào ẩn thân tại rặng thứ tư. Đây là khu rừng mà công khám phá ra một hồ thiên nhiên rộng bát ngát phủ đầy hoa sen, không xa một cây đa cạnh một ngọn đồi, chim công chúa đậu trên cành cây này. Trong lòng ngọn đồi này có một hang động kỳ thú và vì muốn ở đó nên chim công chúa đậu trên một vùng đất phẳng ngay trước miệng hang.

Lúc bấy giờ, không ai có thể trèo đến chốn này được dù từ dưới lên hay từ trên xuống, cho nên nó tránh khỏi mọi nỗi lo sợ về chim muông, mèo rừng, rắn rít hay loài người. Công suy nghĩ: “Đây là một nơi thích hợp dành cho ta.” Hôm ấy, công ở đó và sáng hôm sau bước ra khỏi hang, công đậu trên đỉnh đồi hướng về phía Đông. Khi thấy mặt trời lên, công tự nhắc mình trong ngày sắp đến bằng cách đọc câu ca:

– Ngài đã hiện kia, đấng Toàn tri.

Sau đó công đi kiếm mồi. Buổi chiều, công lại trở về đậu trên đỉnh đồi hướng về phía Tây, và khi nhìn thấy mặt trời biến mất dạng, công tự nhắc mình trước màn đêm sắp buông xuống bằng cách đọc câu ca:

[24] Kaṇikāra hoặc kaṇṇikāra (迦尼迦, ca-ni-ca; 黃花樹, hoàng hoa thọ; tên khoa học là Pterospermum Acerifolium, Cathartocarpus Fistula), cây có hoa vàng, chỉ cho cây lòng mán lá phong, cây muồng hoàng yến.

[25] Guñjā, 藥用蔓草 (dược dụng mạn thảo), 相思子 (tương tư tử), 香思子 (hương tư tử), Abrus Precatorius: Cam thảo dây.

– Ngài đã lặn kia, đấng Toàn tri.

Bằng cách ấy, cuộc đời công cứ trôi qua. (Xem lại *Chuyện con công*[26]).

Song một hôm, có người thợ săn ở trong rừng bất chợt thấy công đang đậu trên đỉnh đồi ấy và trở về nhà. Khi lão sắp chết, lão bảo với con trai về chuyện ấy:

– Này con, trong rặng núi thứ tư của dãy núi trong rừng, có một con công màu vàng ánh. Nếu nhà vua muốn có một con công như vậy thì con biết nơi kiếm nó rồi đấy.

Một ngày kia, chánh hậu của vua xứ Ba-la-nại tên là Khemā (Thái Hòa) nằm mộng vào lúc tảng sáng và giấc mộng diễn ra như thế này: Một con công màu vàng óng đang thuyết pháp và bà chăm chú nghe rất hoan hỷ. Khi công đã thuyết pháp xong liền bay lên ra đi, bà vội kêu to: "Kìa chim công chúa đang chạy thoát, hãy bắt công lại ngay!" Và trong khi bà thốt lên các lời này, bà liền thức dậy. Khi tỉnh lại, bà biết đó chỉ là giấc mộng và suy nghĩ: "Nếu ta trình đức vua đó là cơn mộng thì ngài sẽ chẳng quan tâm đến, song nếu ta bảo đó là niềm mong ước của một thai phụ thì ngài sẽ lưu ý ngay."

Thế là bà liền giả bộ làm như thể bà đang khao khát một thứ gì đó theo cách thông thường của một thai phụ và nằm xuống. Nhà vua đến viếng bà và hỏi bà đau bệnh gì. Bà đáp:

– Thần thiếp đang có một niềm khát vọng.

– Ái khanh ao ước điều gì thế?

– Tâu Chúa thượng, thần thiếp ước ao nghe lời thuyết pháp của một con chim công màu vàng ánh.

– Song, này Ái khanh, ta tìm đâu ra được một con chim như vậy?

– Như vậy thì tâu Chúa thượng, thần thiếp sẽ chết mất.

– Này Ái khanh, đừng lo buồn chuyện ấy, nếu nơi nào có con chim như vậy thì nó sẽ được bắt về cho Ái khanh.

Nhà vua an ủi bà như vậy rồi đi ra ngoài ngồi xuống, hỏi các triều thần:

– Này các khanh, chánh hậu ao ước nghe lời thuyết pháp của một con chim công vàng ánh. Vậy có loại công vàng ánh ấy chăng?

– Tâu Chúa thượng, các Bà-la-môn biết chuyện đó.

Nhà vua hỏi các Bà-la-môn. Họ đáp như vầy:

– Tâu Đại vương, theo những vần kệ nói về điềm lành của chúng thần thì trong loài thủy tộc có cá, rùa, cua; trong các loài thú rừng thì có hươu, nai, thiên nga, công, trĩ... Các loài đó cùng loài người, đều có thể sinh ra với sắc vàng ánh.

Sau đó, nhà vua triệu tập tất cả thợ săn trong quốc độ lại và hỏi họ có từng

---

[26] Xem *J.* II. 33, *Morajātaka* (*Chuyện con công*), số §159.

thấy con công vàng ánh bao giờ chưa. Bọn họ đều trả lời không, trừ người thanh niên đã được cha mách bảo về chuyện ông ta đã thấy. Gã đáp:

– Chính hạ thần chưa thấy, song thân phụ hạ thần đã bảo cho thần biết một nơi có thể tìm ra một chim công chúa vàng ánh.

Nhà vua liền bảo:

– Này hiền hữu, đây là chuyện sống chết của trẫm và chánh hậu. Vậy hãy cố bắt lấy công ấy đem về đây.

Nhà vua cho gã thật nhiều tiền bạc và bảo gã ra đi. Gã ấy đem tiền về cho vợ con rồi đi đến nơi kia. Gã thấy Bồ-tát, gã đặt bẫy bắt ngài. Mỗi ngày gã tự nhủ thầm là chắc chắn sẽ bắt được chim công, tuy nhiên gã chết đi mà chưa bắt được chim công ấy. Rồi chánh hậu cũng từ trần mà không thỏa tâm nguyện. Nhà vua nổi trận lôi đình và ngài phán:

– Ái hậu của trẫm đã qua đời vì chim công này!

Rồi nhà vua truyền lệnh chép câu chuyện ấy vào một phiến vàng, kể rằng trong rặng thứ tư của khu vực Tuyết Sơn có con chim công vàng ánh sống ra sao, hễ ai ăn được thịt nó sẽ trường sinh bất tử. Nhà vua đặt phiến vàng ấy trong kho báu và sau đó qua đời.

Kế vị vua ấy, một vua khác lên ngôi, đọc lời lẽ câu chuyện ghi trên phiến vàng nên ước mong được trường sinh bất tử liền cho người thợ săn đi bắt chim công; song nhà vua ấy cũng chết trước khi mãn nguyện giống như vua kia.

Cùng cách ấy, sáu vị vua kế tiếp qua đời và sáu người thiện xạ chết đi mà không được kết quả gì ở khu vực Tuyết Sơn cả. Song người thợ săn thứ bảy, được nhà vua thứ bảy phái đi không thể nào bắt được chim suốt bảy năm liền, mặc dù mỗi ngày gã đều mong đợi chuyện ấy nên bắt đầu suy nghĩ không biết tại sao lại không thể bắt được đôi chân chim sa vào bẫy.

Vì thế gã ngắm nghía chim, thấy chim cầu nguyện để được phù hộ mỗi buổi sáng, tối đều đặn và gã lý luận về trường hợp này như sau: "Không có con chim công nào khác ở vùng này, rõ ràng đây đúng là chim công sống đời thanh tịnh. Chính uy lực đời sống thanh tịnh của chim ấy cùng uy lực của thần chú hộ mệnh đã khiến cho đôi chân chim không bao giờ sa vào bẫy của ta được." Khi kết luận như vậy rồi, gã đi đến vùng biên địa bắt một con công mái, gã luyện cho nó hót tiếng gáy mỗi khi gã búng tay và xòe cánh múa mỗi khi gã vỗ tay.

Gã đem chim mái trở về rồi đặt bẫy trước khi Bồ-tát đọc thần chú hộ mệnh, gã búng tay và làm cho công mái gáy. Công trống nghe tiếng gáy ấy lập tức ác dục đã ngủ yên suốt bảy ngàn năm bỗng vùng dậy như con rắn hổ mang giương mào lên khi bị đánh. Bị ác dục làm cho mê muội, chim công không thể nào đọc thần chú hộ mệnh được nữa mà vội vàng bay về phía chim mái; từ trên không, chim hạ cánh xuống đặt đôi chân ngay vào bẫy. Chiếc bẫy kia suốt bảy ngàn năm không đủ uy lực bắt chim nay đã kẹp chặt lấy chân chim thần.

Khi người thợ săn thấy chim nằm tòn ten ở cuối sợi dây, gã nghĩ thầm: "Sáu người thợ săn trước đã không thể bắt được chim công chúa này và trong bảy năm liền ta cũng không bắt được nó. Nhưng hôm nay, ngay khi chim đâm si tình chim mái thì nó không đọc thần chú được nên sa vào bẫy và bị bắt, nó đang nằm tòn ten với cái đầu lộn ngược kia kìa. Ôi sinh vật mà ta đã làm hại kia thật là đức hạnh! Nếu ta giao một linh vật như vậy cho một người khác chỉ vì bị mua chuộc tiền bạc thì thật là không xứng đáng. Danh vọng của vua chúa có nghĩa gì đối với ta chứ? Ta muốn thả chim ấy bay đi."

Nhưng rồi gã lại nghĩ: "Đó là một thần điểu kỳ dị phi thường, nếu ta đến gần nó, nó sẽ tưởng ta đến để giết nó, nó sẽ lo sợ cho tính mạng của mình mà vùng vẫy thì có thể gãy chân hay cánh. Vậy ta không muốn đến gần nó mà chỉ đứng ẩn mình và cắt đứt cái thòng lọng bằng một mũi tên bắn ra. Sau đó, chim muốn đi đâu tùy ý." Thế là gã đứng ẩn mình, giương cung lên lắp một mũi tên vào dây và kéo ra sau.

Bấy giờ, chim công trống suy nghĩ: "Người thợ săn này đã làm ta mê mệt vì ái dục và khi thấy ta bị sa bẫy rồi lại không còn quan tâm đến ta nữa. Gã ấy ở đâu kìa?" Chim công cứ nhìn hướng này, hướng nọ và thấy người kia đứng với cây cung sẵn sàng bắn. "Chắc chắn gã muốn giết ta rồi ra đi", chim công chúa suy nghĩ và sợ chết nên ngâm vần kệ đầu xin tha mạng:

143. Bắt ta bạn sẽ được ngàn vàng,
Bắt sống, xin đừng bắn bị thương,
Van bạn đem ta về chúa thượng,
Chắc ngài sẽ thưởng thật giàu sang.

Nghe vậy, người thợ săn suy nghĩ: "Đại khổng tước này tưởng ta sắp bắn nó bằng mũi tên đây. Ta phải trấn an nó mới được." Vì mục đích ấy, gã ngâm vần kệ thứ hai:

144. Trên cung ta chẳng ráp tên này,
Để bắn chim công chúa, ở đây,
Ta muốn cắt dây thòng lọng ấy,
Để chim tùy ý, hãy xa bay!

Nghe lời này, chim công chúa đáp qua hai vần kệ:

145. Bảy năm theo đuổi, thợ săn này,
Đói khát bạn cam chịu tháng ngày,
Bạn muốn gì, nay ta mắc bẫy,
Vì sao muốn thả để ta bay?

146. Hiển nhiên mọi vật được an lành,
Bạn nguyện từ đây bỏ sát sinh,
Mắc bẫy thân ta tuy thế bạn,
Muốn ta được thả để bay nhanh!

[Thợ săn nói tiếp:]

147. Khi người từ bỏ sát quần sinh,
Nhờ nó muôn loài thoát hãi kinh,
Phước đức nào đời sau sẽ đến,
Việc này khổng tước đáp cho mình.

[Công chúa:]

148. Nhờ nó muôn loài thoát hãi kinh,
Khi người thề chẳng sát quần sinh,
Đời này nó được nhiều ca ngợi,
Thiên giới đời sau hưởng phước lành.

[Thợ săn:]

149. Nhiều người nói chẳng có thiên thần,
Cực lạc đời này có thể mang,
Sinh quả dữ lành ngay hiện tại,
Vì nhiều bậc Thánh đã cho rằng,
Thi ân là việc đầy ngu xuẩn,
Vì thế tôi thường đánh bẫy săn,
Chim thú, giờ đây tôi muốn hỏi,
Lời kia xứng đáng để tin chăng?

Lúc ấy, Bồ-tát quyết định giảng cho người này biết quả thực có đời sau nên trong lúc ngài đang nằm lủng lẳng ở cuối sợi dây, đầu lộn ngược xuống đất, ngài ngâm vần kệ:

150. Đôi vầng nhật nguyệt rõ ràng ràng,
Đi khắp trời cao tỏa sáng quang,
Người gọi là gì nơi hạ giới,
Thuộc về cõi khác hoặc trần gian?

Người thợ săn ngâm vần kệ đáp lại:

151. Rõ ràng nhật nguyệt thấy đôi vầng,
Đi khắp trời cao, tỏa ánh quang,
Chúng chẳng thuộc về nơi hạ giới,
Mà về cõi khác, miệng người trần.

Lúc ấy, Bồ-tát bảo gã:

152. Vậy chúng đều sai lạc hết đây,
Những người gian dối nói như vầy,
Chẳng vì duyên cớ gì đi nữa,
Lại bảo chỉ riêng thế giới này,
Mang nghiệp quả lành hay quả dữ,
Còn xem bố thí việc ngu thay!

Trong khi Bồ-tát nói, người thợ săn suy nghĩ rồi ngâm hai vần kệ:

153. Điều này ngài nói quả là chân,
Sao có người kia lại bảo rằng?
"Bố thí không mang về kết quả,
Rằng đây, ngay ở cõi phàm trần.
Người ta gặt quả lành hay dữ,
Bố thí là công việc độn đần."

154. Cách nào nên sống, phải làm gì?
Thánh đạo là đâu phải bước đi?
Công chúa, xin ngài cho lão biết,
Pháp môn khổ hạnh phải hành trì,
Cầu mong lão được chim công chúa,
Cứu khỏi không vào địa ngục kia!

Khi nghe vậy, Bồ-tát suy nghĩ: "Nếu ta giải đáp vấn đề này cho gã thì cả thế giới này đối với gã thành ra trống rỗng và hư vọng. Lần này, ta sẽ nói cho gã biết bản chất của các Thánh giả Bà-la-môn chân chính." Với ý định trên, ngài ngâm hai vần kệ:

155. Người truyền khổ hạnh ở trần gian,
Chẳng ở nhà đâu, đắp áo vàng,
Sáng sớm đi ra đường khất thực,
Không đi chiều tối chính Hiền nhân.

156. Đúng thời thăm các thiện nhân vầy,
Bạn sẽ vui lòng dẫu hỏi ai,
Giải vấn đề, vì chư vị biết,
Cõi trên kia với cõi đời này.

Khi nói như vậy, ngài muốn cho người ấy phải biết kinh sợ cảnh giới địa ngục. Còn người ấy đã đạt đến tri kiến viên mãn của một vị Độc Giác Phật, vì người ấy đã sống đến độ tri kiến sắp thành thục như búp hoa sen tròn đầy sung mãn đợi chờ các tia nắng chiếu vào. Trong lúc người ấy nghe bài thuyết pháp của ngài, ngay tại chỗ đang đứng, người ấy lập tức hiểu mọi yếu tố cấu tạo nên các vật hữu hình (tứ đại), thấu suốt cả ba đặc tính căn bản của chúng (vô thường, khổ, vô ngã) và thâm nhập tri kiến của một Độc Giác Phật. Tri kiến trên của vị này cùng với việc giải thoát Bồ-tát khỏi cái bẫy kia xảy ra cùng một lúc. Vị Độc Giác Phật, sau khi đã đoạn diệt mọi dục tham của mình, đang đứng trên bờ sinh tử cuối cùng liền thốt lên cảm thán nguyện trong vần kệ này:

157. Như rắn lột quăng lớp vỏ tàn,
Lá khô cây trút lúc xanh dần,
Hôm nay ta bỏ nghề săn bắn,
Mãi mãi xa lìa nghiệp thợ săn.

Sau khi thốt lên ý nguyện cao cả của mình, vị ấy suy nghĩ: "Ta vừa được

giải thoát khỏi các dây trói buộc của ác dục, song ở nhà ta còn rất nhiều chim đang bị giam cầm. Vậy làm thế nào ta giải thoát cho chúng đây?" Vì thế, vị ấy hỏi Bồ-tát:

– Này chim công chúa, còn giam cầm nhiều chim tại nhà, làm sao giải thoát cho chúng được?

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là bậc Toàn tri, có tri kiến tinh thông mọi đường lối và phương tiện hơn cả một vị Độc Giác Phật nên ngài bảo:

– Khi Ngài đã phá vỡ sức chi phối của tham dục và thâm nhập tri kiến của một vị Độc Giác Phật, nhờ lẽ đó Ngài hãy tuyên thệ điều chân lý thì trong toàn cõi Diêm phù-đề sẽ không còn sinh vật nào bị giam cầm nữa cả!

Sau đó, vị ấy vừa đi vào bằng cánh cửa mà Bồ-tát mở ra như vậy, vừa ngâm vần kệ này tuyên thệ một hành động chân lý:

158. Tất cả chim nào Ta đã giam,
Trong nhà Ta có đến hàng trăm,
Nay Ta trả cuộc đời cho chúng
Về tổ, bầy chim được thoát nạn!

Lúc ấy, nhờ hành động thề nguyền chân lý kia, dù đã muộn, tất cả bầy chim cũng được thoát cảnh giam cầm, ríu rít líu lo bay về tổ của mình. Cùng lúc ấy, khắp cõi Diêm-phù-đề, tất cả mọi sinh vật đã bị bắt đều được thả tự do, không còn con vật nào sót lại trong cảnh giam cầm cả, dù chỉ là con mèo.

Vị Độc Giác Phật ấy giơ tay lên vừa xoa trán mình, lập tức các dấu vết của dòng họ cũ biến mất và dấu hiệu của bậc tu hành xuất hiện vào chỗ ấy. Lúc bấy giờ, vị này trông giống như một Trưởng lão Tỷ-kheo đã sáu mươi tuổi đắp y đầy đủ, mang tám vật cần thiết (bình bát, ba y, đai lưng, dao cạo, cây kim và cái lọc nước), cung kính đảnh lễ chim công chúa và đi nhiễu quanh ngài, thân hướng về phía hữu, rồi bay vụt lên không gian đến động Nandamūla. Chim công chúa cũng bay ra khỏi cái bẫy, kiếm mồi và trở về chốn ở của mình.

Vần kệ cuối cùng do bậc Đạo sư ngâm, kể chuyện trong suốt bảy năm trời người thợ săn quanh quẩn với chiếc bẫy trong tay và sau đó được giải thoát khỏi khổ đau nhờ chim công chúa như thế nào:

159. Thợ săn xuyên suốt khắp rừng cây
Tìm kiếm chúa công, bẫy dưới tay,
Đã giải thoát đau cho khổng tước,
Khi vừa bị bắt giống ta đây.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đã đắc Thánh quả (A-la-hán). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ta là chim công chúa kia.

§492. CHUYỆN LỢN RỪNG TACCHA (*Tacchasūkarajātaka*)[27] (*J.* IV. 342)

Lang thang tìm kiếm khắp xa gần...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về hai Trưởng lão.

Người ta đồn rằng khi Vua Mahākosala (Đại vương xứ Kiều-tát-la) gả con gái cho Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), ngài đã chia phần nàng một ngôi làng ở Kāsi để nàng lấy tiền mua dầu thơm tắm gội. Sau khi Vua Ajātasattu (A-xà-thế) sát hại vua cha Bimbisāra, Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc), con của Vua Mahākosala phá hủy ngôi làng ấy. Trong các trận chiến xảy ra giữa hai nước về chuyện này, ban đầu chiến thắng thuộc về Ajātasattu, còn vua xứ Kosala thua trận liền hỏi các vị quân sư:

– Ta lập mưu gì để bắt được A-xà-thế?

Các vị ấy đáp:

– Tâu Đại vương, Tăng chúng có đại tài về thần chú. Hãy phái sứ giả đến hỏi ý kiến của Tăng chúng tại tinh xá!

Vua đồng ý việc này. Vì thế, vua truyền quân hầu tới bảo họ đi đến đó, ẩn mình ở nơi kín để nghe lóm câu chuyện giữa Tăng chúng.

Bấy giờ, tại Kỳ Viên, có một số đại thần của nhiều vua chúa đã từ giã thế tục xuất gia. Hai người trong số ấy là hai Trưởng lão sống trong một thảo am ở bên ngoài tinh xá, một vị tên là Trưởng lão Dhanuggahatissa, vị kia là Trưởng lão Mantidatta. Hai vị đã ngủ suốt đêm và thức dậy khi vầng đông vừa hé.

Trưởng lão Dhanuggahatissa bảo trong khi nhóm lửa:

– Thưa Hiền giả Tỷ-kheo Datta.

– Thưa vâng, Hiền giả bảo gì?

– Hiền giả đang ngủ chăng?

– Thưa không, tôi không ngủ. Ta phải làm gì bây giờ?

– Này, vua xứ Kosala thật là một kẻ ngu ngốc bẩm sinh, vua ấy chỉ biết một chuyện là ăn cả đống thức ăn tạp nhạp.

– Thưa Hiền giả muốn nói gì thế?

– Vua ấy đã để cho Vua Ajātasattu đánh bại, mà Ajātasattu có hơn gì con giun trong bụng vua ấy đã chứ?

– Vậy thì vua ấy phải làm gì đây?

– Này Trưởng lão Datta, Hiền giả phải biết có ba cách bày binh bố trận: Bày binh hình chiếc xe, bày binh hình bánh xe và bày binh hình hoa sen. Chính là cách bày binh hình chiếc xe ấy, vua kia phải sử dụng để bắt Ajātasattu. Vua ấy phải bố trí các dũng sĩ hai bên cạnh mình trên đỉnh đồi rồi dàn đạo binh chính yếu ra trước mặt trận. Một khi vua kia lọt vào giữa rồi và vừa nhảy ra vừa hét lớn thì họ bắt ngay vua kia như cá nằm trong giỏ. Đó là cách bắt Ajātasattu đấy!

---

[27] Xem *J.* II. 402, *Vaḍḍhakisūkarajātaka* (*Chuyện con heo rừng của người thợ mộc*), số §283.

Các sứ giả này nghe hết mọi chuyện và trở về tâu trình với vua mình, vua lập tức đem một đạo quân lớn ra, bắt được Ajātasattu làm tù binh và trói lại bằng các dây xích xiềng. Sau khi trừng phạt như vậy vài ngày, vua này thả vua kia ra, khuyên không nên làm chuyện như trước nữa. Và để an ủi Vua Ajātasattu, vua lại đem chính con gái là Công chúa Vajrā gả cho Vua Ajātasattu rồi tiễn đưa về nước rất trọng thể.

Giữa Tăng chúng có lời bàn tán chuyện này rất nhiều:

– Ajātasattu đã bị vua xứ Kosala bắt sống theo lời chỉ dẫn của Trưởng lão Dhanuggahatissa.

Tăng chúng cũng đàm luận việc này tại pháp đường và khi bậc Đạo sư đi vào, Ngài hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì. Tăng chúng trình với Ngài. Sau đó, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu Dhanuggahatissa biểu lộ tài nghệ về chiến lược đâu.

Và Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, có một người thợ mộc sống trong ngôi làng gần cổng thành Ba-la-nại đi vào rừng đốn củi. Ông tìm được một con lợn rừng đực rớt xuống hố liền đem về nhà nuôi nấng và đặt tên là "Lợn rừng của người thợ mộc." Con lợn rừng trở thành tên đầy tớ của ông. Nó nhổ bật cây cối lên bằng chiếc mõm và đem về nhà cho ông, nó buộc cái dây đo đạc quanh mũi nó và kéo lê đi, rồi tìm thấy cái rìu, cái đục, cái vồ ngậm trong miệng.

Khi lợn rừng khôn lớn, nó thành một con vật lực lưỡng dị thường, người thợ mộc thương yêu nó như con ruột của mình và sợ có ai làm hại nó nên thả nó vào rừng. Con lợn rừng suy nghĩ: "Ta không thể sống một mình bơ vơ trong rừng này. Nếu ta kiếm bà con và ở với chúng chẳng hay lắm sao?" Vì thế, nó tìm bầy lợn khắp rừng cây cho đến khi gặp được cả đàn, nó rất vui mừng liền ngâm ba vần kệ:

160. Lang thang tìm kiếm khắp xa gần,
Đồi núi chung quanh, các khóm rừng,
Thơ thẩn ta đi tìm quyến thuộc,
Kìa ta tìm thấy các thân bằng!

161. Đây củ quả rừng phong phú sao,
Với kho thực phẩm thật dồi dào,
Núi đồi khe suối xinh tươi quá,
Sống ở đây đời đẹp biết bao!

162. Ta sống đây toàn quyến thuộc thân,
Hưởng thư nhàn chẳng phải băn khoăn,

Cũng không lo lắng và kinh hãi,
Dù chuyện gì do phía địch quân.

Bầy lợn rừng kia nghe vần kệ này liền đáp lời qua vần kệ thứ tư:

163. Cừu địch là đây, ở chốn nào,
Xin tìm đường lối ẩn thân vào,
Nó thường giết hại, này Taccha,
Lợn đẹp nhất đàn, loại tối cao!

[Hỏi]:

164. Kẻ thù các bạn ấy đâu đây?
Nói thật cho ta, hạnh ngộ thay,
Kẻ giết họ hàng, ai đó vậy?
Dù là chưa giết trọn luôn bầy.

[Đáp:]

165. Đó chính là vua của thú rừng,
Với răng để cắn, sọc đen vằn,
Ấy là mãnh thú oai hùng quá,
Thường giết lợn ưu tú nhất đàn.

[Hỏi:]

166. Thân thể ta tàn hết lực chăng?
Thế sao ta lại chẳng nhe răng?
Nếu ta chung sức thì nhờ vậy,
Ta sẽ thắng ngay chú cọp vằn!

[Đáp:]

167. Lời nói này nghe tuyệt diệu thay!
Taccha, ta thích nói như vầy,
Đừng cho chú lợn nào đi trốn,
Hoặc bị giết sau trận đấu này.

Bấy giờ, lợn rừng của người thợ mộc đã làm cho cả đàn lợn đồng tâm nhất trí liền nói:

– Khi nào cọp sẽ đến?

– Hôm nay nó đã đến sớm và bắt mất một con lợn rồi, ngày mai nó lại sẽ đến sớm đấy.

Lợn rừng rất thiện chiến và biết lợi thế để tấn công vì vậy có thể đạt được chiến thắng. Lợn rừng nhìn quanh tìm một nơi, bảo cả đàn ăn uống khi đêm chưa đến rồi tảng sáng hôm sau nó giải thích cho cả đàn nghe cách bày binh gồm ba kiểu: Đội hình theo chiếc xe, v.v...

Sau đó, nó bày binh hình hoa sen theo cách trên. Ở giữa, nó đặt bầy lợn con đang còn bú, chung quanh là mẹ chúng, kế đó là bầy lợn cái không sinh

sản, kế nữa là một vòng gồm các lợn mới lớn mập mạp, tiếp đến là bầy lợn có răng nanh mới nhú, tiếp nữa là bầy lợn có răng nanh đã lớn, còn đám lợn rừng đực già cả ở ngoài cùng. Rồi nó bố trí những tiểu đội chừng mười, hai mươi, ba mươi quân rải rác đây đó. Nó lại bảo chúng đào cho chính nó một cái hố và một hố cho con cọp rơi vào có hình cái rổ sàng. Giữa hai hố đó có để một dải đất nhỏ cho nó đứng. Sau đó, nó cùng đám lợn đực thiện chiến hùng dũng đi khắp nơi khích lệ cả đàn.

Trong khi nó bận rộn như thế thì mặt trời mọc. Con cọp vừa ra khỏi vùng thảo am của một nhà khổ hạnh giả danh và xuất hiện trên đỉnh đồi. Bầy lợn rừng kêu to:

– Thưa chúa công, kẻ thù của chúng ta đã đến.

Lợn rừng bảo:

– Đừng sợ, hễ nó làm gì, các bạn cứ làm lại hệt như thế!

Con cọp rùng mình thật mạnh làm như thể sắp đi tiểu tiện, bầy lợn cũng làm theo như thế. Con cọp nhìn bầy lợn rừng và gầm một tiếng thật lớn, bọn chúng cũng làm y như vậy. Nhìn thái độ của chúng, con cọp nghĩ thầm: "Chúng có vẻ thay đổi, hôm nay chúng đối diện với ta như những kẻ thù trong hàng ngũ chỉnh tề, chắc có một tên thiện chiến nào đó đã tập hợp chúng lại đây, ta không nên đến gần chúng hôm nay." Vì sợ chết, cọp cụp đuôi chạy vội về nhà vị tu hành giả mạo kia, và vị này khi thấy con cọp đi về tay không liền ngâm vần kệ thứ chín:

168. Cọp thề bỏ giết mọi loài chăng?
Cọp đã cho muôn vật vạn toàn,
Chắc hẳn hàm răng không bén nữa,
Đàn heo đã gặp, lại xin ăn?

Nghe thế, cọp ngâm ba vần kệ đáp lời:

169. Răng của ta không cắn được rồi,
Sức ta đà kiệt quệ mà thôi,
Cùng nhau chúng đứng toàn huynh đệ,
Vì thế ta phiêu bạt lẻ loi.

170. Xưa chúng ngược xuôi bại tẩu nhanh,
Tìm hang tháo chạy phách hồn kinh,
Nhưng nay chúng rống vòng vây chặt,
Vô địch đấu tranh giáp mặt mình.

171. Bây giờ chúng thỏa thuận đồng tâm,
Chúng đã bầu lên một tướng quân,
Chúng hại thân này khi hiệp lực,
Nên ta thấy chúng, cũng không cần!

Nghe lời này, vị tu khổ hạnh giả hiệu đáp lời qua vần kệ sau:

172. Diều hâu đơn độc giết đàn chim,
Chiến thắng la thần bởi Đế thiên,
Khi mãnh hổ nhìn bầy dã thú,
Lựa con đẹp nhất giết êm liền.

Sau đó, cọp ngâm kệ:

173. Chẳng diều, chẳng hổ, chúa sơn lâm,
Thiên chủ, làm sao đủ lực thần,
Khống chế cả bầy heo đánh hổ,
Họ hàng hiệp lực để tranh hùng.

Nghe vậy, vị tu hành giả hiệu lại ngâm hai vần kệ để thúc giục nó:

174. Con chim bé bỏng phủ đầy lông,
Bay nhảy từng đàn lũ thật đông,
Tụ tập trên cao thành đám lớn,
Cùng nhau lướt nhẹ khoảng trời không.

175. Một mình đáp xuống, chú diều hâu,
Trong lúc cả bầy chúng giỡn nhau,
Tàn sát chúng ngay như ý muốn,
Đó là cách hổ phải theo mau.

Nói xong, ông còn khuyến khích cọp thêm:

– Này cọp chúa, ngài chưa biết oai lực của ngài đâu. Chỉ một tiếng gầm, một bước phóng mình thôi là ta dám chắc không sống sót đến hai con lợn nữa đấy!

Con cọp làm theo đúng như vậy.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

176. Với con mắt ác độc thèm ăn,
Cọp tưởng lời này quả thật chân,
Can đảm mồm nhe răng nhọn hoắt,
Nhảy vào đám lợn cũng đầy răng.

Vậy là con cọp quay trở lại và đứng một lát trên đồi. Bầy lợn rừng báo cho lợn rừng của người thợ mộc biết rằng con cọp lại đến, lợn rừng bảo:

– Đừng sợ!

Lợn trấn an chúng và đến đứng bên bờ giữa hai cái hố. Cọp phóng nhanh về phía chú lợn rừng. Song lợn rừng lăn quay vào hố đầu tiên. Cọp không kiềm hãm được sức phóng của nó, ngã gọn vào trong cái hố có hình cái rổ sàng. Lập tức, lợn rừng nhảy lên đâm sâu răng nanh vào sườn cọp thấu tận tim nó, nhét nó vào hố bên kia và kêu to:

– Đó, cứ ăn thịt tên khốn kiếp đi!

Con lợn nào đến trước được ăn thịt cọp thỏa thê, những con đến sau cứ đi quanh mà hỏi:

– Này, thịt cọp mùi vị ra sao đó?

Lợn rừng của người thợ mộc nhảy ra khỏi hố nhìn quanh cả bọn và hỏi:

– Nào, các bạn chẳng thích thịt đó sao?

Song bọn kia đáp:

– Tâu chúa công, chúa công đã trừ được cọp, đó mới là một tên, tuy thế còn một tên nữa nguy hiểm gấp mười lần cọp ấy!

– Xin nói rõ đó là ai thế?

– Một vị tu khổ hạnh giả hiệu thường ăn thịt mà cọp kia vẫn đem đến.

– Vậy thì ta sẽ đi bắt nó mau lên!

Thế là cả bọn cùng ra đi. Bấy giờ, vị khổ hạnh giả hiệu kia đang trông ngóng ra con đường, chờ mong cọp đến từng phút. Song vị ấy có thấy gì ngoài bầy lợn rừng đâu. "Chúng đã giết cọp rồi, chắc thế, và nay chúng lại đến giết ta!" Vị ấy vội chạy trốn và leo lên một cây sung dại. Bầy lợn rừng báo cho chủ tướng:

– Nó đã leo lên cây rồi!

– Được lắm, chúng ta sẽ bắt nó tức thì!

Lợn rừng bảo bầy lợn con ủi đất ra khỏi rễ cây và bầy lợn cái hút thật nhiều nước trong mõm đem về cho đến khi đứng trơ trụi tận gốc rễ. Sau đó, lợn rừng bảo bọn kia lui ra rồi chú quỳ xuống lấy răng nanh đâm vào rễ cây, chú cắt ngang cả rễ như cái rìu vậy, cây liền ngã xuống; song người kia chẳng bao giờ đặt chân xuống đất được vì đã bị chúng xé tan từng mảnh mà ăn thịt trên đường về. Vừa chứng kiến việc kỳ diệu hy hữu này, vị thần cây vừa ngâm kệ:

177. Bạn bè hiệp lực tựa cây rừng,
Đó thật là quang cảnh đáng mừng,
Bầy lợn hợp quần làm nhiệm vụ
Giết ngay cọp chúa trọn thành công.

***

Và bậc Đạo sư ngâm một vần kệ nữa nói về cách cả hai (con người và con vật này) bị tiêu diệt như thế nào:

178. Bầy lợn thế là đã diệt tan,
Bà-la-môn với cọp đen vằn,
Rồi gầm thét chúng la vang dội,
Trong nỗi lòng vui sướng ngập tràn.

Lần nữa, lợn rừng Taccha lại hỏi:

– Thế các bạn còn kẻ thù nào nữa chăng?

– Tâu chúa công, không.

Sau đó, chúng đề nghị làm lễ Quán đảnh phong vương cho lợn rừng. Chúng liền đi tìm nước. Khi thấy vỏ ốc mà vị ẩn sĩ giả hiệu ấy dùng để uống, đó là chiếc vỏ sò rất quý với hướng xoắn ốc về phía hữu, chúng liền đổ đầy nước vào vỏ sò và làm lễ phong vương cho lợn rừng của người thợ mộc ngay dưới gốc cây sung ấy, và tại đó, nước dùng làm lễ Quán đảnh được rảy lên đầu lợn rừng. Một ả lợn cái son trẻ được chúng bầu làm vương phi. Từ đó, xuất hiện một phong tục còn thịnh hành mãi cho đến nay là khi làm lễ tấn phong cho một vị vua, quần thần đặt vua lên ngự trên một chiếc ngai bằng gỗ sung và rảy nước lên một cái vỏ ốc có đường xoắn hướng về phía hữu, đó là một vật rất hiếm và đắt giá, chỉ dùng cho lễ phong vương.

Bậc Đạo sư cũng giải thích việc này bằng cách ngâm vần kệ cuối cùng:

179. Bầy heo ở dưới gốc sung rừng,
Đổ nước thánh đầy để tấn phong,
Chú lợn rừng con người thợ mộc,
Đồng hô: "Chúa tể của thần dân!"

***

Khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Không đâu, này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Trưởng lão Dhanuggahatissa chứng tỏ mình có tài tinh thông chiến lược mà trước kia cũng vậy.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là vị khổ hạnh giả danh, Dhanuggahatissa là lợn rừng của người thợ mộc và Ta chính là thần cây.

§493. CHUYỆN VỊ ĐẠI THƯƠNG NHÂN(*Mahāvāṇijajātaka*)[28] (*J.* IV. 350)

Từ nhiều quốc độ, các thương nhân...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về những người thương nhân sống ở Xá-vệ. Tương truyền rằng, những người này lúc đi buôn bán xa đã đem lễ vật cúng dường bậc Đạo sư và được an trú vào tam quy, ngũ giới. Họ nói:

– Bạch Thế Tôn, nếu chúng con trở về bình an, chúng con sẽ hôn chân đảnh lễ Thế Tôn.

Họ lên đường cùng với năm trăm cỗ xe chất đầy hàng hóa, chẳng bao lâu đi vào rừng hoang dã, họ không thấy đường nào đi nữa. Bị lạc đường, không

[28] Tham chiếu: *J.* IV. 72, *Bhūripañhajātaka* (*Chuyện vấn đề trí tuệ*), số §452; *J.* V. 232, *Mahābodhijātaka* (*Chuyện Hiền giả Mahābodhi*), số §528; *J.* VI. 4, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què câm*), số §538; *J.* VI. 262, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546; *Ap.* I. 14, *Sāriputtattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Sāriputta*); *Ap.* I. 37, *Upālittheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Upāli*); *Ap.* I. 70, *Upavānattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Upavāna*); *Ap.* II. 413, *Maṇipūjakattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Maṇipūjaka*).

nước uống thức ăn, họ băng qua rừng cho đến khi thấy một cây đa khổng lồ có loài rắn ẩn náu, họ liền thả dây cương xe ngựa ra và ngồi xuống đó. Nhìn lên đám lá, họ thấy chúng sáng loáng như thể thấm nước, còn cành cây như mọng đầy nước làm cho cả bọn suy nghĩ: "Dường như nước đang chảy trong thân cây này. Ta hãy cắt lấy một nhánh trở về hướng Đông xem sao. Chắc là có nước để uống."

Một người trèo lên cây chặt một cành, từ đó một dòng nước chảy ra sền sệt như nước trong thân cây thốt nốt, họ lấy nước rửa mặt và uống. Kế đó, họ chặt một cành ở hướng Nam, từ đó xuất hiện đủ loại cao lương mỹ vị, họ liền ăn uống. Rồi họ chặt một cành ở hướng Tây liền hiện ra các nữ nhân xinh đẹp trang sức lộng lẫy, họ vui chơi hưởng lạc với các nữ nhân kia. Cuối cùng, họ chặt một nhánh ở hướng Bắc, từ đó rớt tung tóe bảy báu vật, họ lượm lấy chất đầy năm trăm cỗ xe ngựa và trở về Xá-vệ.

Tại đó, họ cho người bảo vệ tài vật rất cẩn thận. Rồi tay mang vòng hoa, hương liệu đủ loại, họ đi đến Kỳ Viên đảnh lễ bậc Đạo sư và cúng dường Ngài xong liền ngồi xuống một bên. Ngày hôm ấy, họ nghe thuyết pháp và hôm sau họ đem dâng lễ vật rất hào phóng mà lại khước từ công đức kia. Họ thưa:

– Bạch Thế Tôn, công đức của lễ vật này chúng con xin nhường lại hồi hướng đến vị thần cây đã ban cho chúng con tất cả tài vật đó.

Khi cơm nước xong, bậc Đạo sư hỏi:

– Các ông muốn hồi hướng công đức này cho thần cây nào?

Các thương nhân trình đức Như Lai việc họ đã được cây đa cho kho báu như thế nào, bậc Đạo sư bảo:

– Các ông đã nhận được kho báu vật ấy vì cách sống tiết độ của các ông và các ông không buông mình cho dục lạc chi phối; song ngày xưa, có những người không tiết dục và bị dục tham chi phối nên chúng mất cả tài sản lẫn tính mạng.

Rồi theo lời thỉnh cầu của họ, Ngài kể cho họ nghe một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, gần bên thành Ba-la-nại cũng có chính khu rừng hoang này cùng cây đa này, một nhóm thương nhân đi lạc đường và chợt thấy cây đa ấy.

Với trí tuệ viên mãn của Ngài, bậc Đạo sư giải thích vấn đề qua các vần kệ sau:

180. Từ nhiều quốc độ, các thương nhân,
Đến họp cùng nhau cả một đoàn,
Bầu chọn trưởng đoàn và thẳng tiến,
Lên đường tìm kiếm một kho tàng.

181. Đoàn lữ hành kia thiếu thức ăn,
Đến rừng khô cháy nắng oi nồng,

Chợt nhìn thấy gốc đa hùng vĩ,
Với bóng cây che mát dịu lòng.

182. Thế rồi dưới tán lá cây che,
Cả bọn thương nhân thảy dựa kề,
Lý luận như vầy vì ám độn,
Nghèo nàn trí tuệ hóa u mê.

183. "Cây này đầy ẩm ướt bên trong,
Từ đó hình như nước có dòng,
Ta hãy chặt từ cây một nhánh,
Cành nào đã mọc hướng về Đông."

184. Cành kia được chặt nước tuôn dòng,
Từng giọt tinh nguyên thật sáng trong,
Cả bọn thương nhân cùng tắm rửa,
Uống cho đến lúc thỏa thuê lòng.

185. Lại vì trí tuệ chúng nghèo nàn,
Vì sự ngu si đã cản ngăn,
Chúng bảo: "Phía Nam còn một nhánh,
Chúng ta hãy đến cắt nhanh chân."

186. Cành này vừa chặt xuống liền mang,
Lúa gạo, thức ăn cứ chảy tràn,
Cháo đặc, nghệ gừng cùng súp đậu,
Và nhiều món khác thật vô vàn.

187. Bọn thương nhân uống uống ăn ăn,
Chúng nhét vào đầy bụng thật căng,
Rồi bảo với lòng đầy ám độn,
Và vì trí tuệ quá nghèo nàn:
"Mau lên các bạn phú thương này,
Ta hãy cắt cành lá phía Tây",
Mỹ nữ các nàng ùa tứ phía,
Xiêm y lộng lẫy diễm kiều thay!

188-89. Kìa xiêm y có đủ muôn màu,
Lủng lẳng vòng vàng với bảo châu,
Trong số cả trăm người mỗi một,
Mỗi chàng chiếm một gái xinh sao!
Cùng đứng bên nhau cả bọn này,
Quây quần dưới bóng mát tàng cây,
Đám thương nhân thảy đều vào giữa,
Đùa giỡn bày trò thích thú thay!

190. Lại vì trí tuệ chúng nghèo nàn,
Vì sự ngu si đã cản ngăn,
Chúng bảo: "Bắc phương còn một nhánh,
Chúng ta hãy chặt xuống lìa thân."

191. Khi cành hướng Bắc chặt vừa xong,
Vàng bỗng tuôn ra cả một dòng,
Bạc chảy đầy tay và thảm quý,
Bảo ngọc, trân châu nói chẳng cùng.

192. Trang phục Ba-la-nại mượt mà,
Chăn màn dày mỏng thực xa hoa,
Thương nhân lúc ấy liền hành sự,
Cuộn hết thành bao lớp lụa là.

193. Cũng vì ngu muội với si mê,
Chúng lại bảo nhau như trước kia:
"Ta hãy chặt cây từ gốc rễ,
Chắc càng thâu của cải tràn trề."

194. Kìa vội đứng lên vị trưởng đoàn,
Cúi đầu cung kính lại thưa rằng:
"Cây đa làm hại gì chư vị,
Mong ước trời cho hưởng phước phần!

195. Cành hướng Đông cho nước chảy tràn,
Cành Nam cho thực phẩm ta ăn,
Cành Tây cho các nàng kiều nữ,
Cành Bắc cho tơ lụa bạc vàng,
Cây đó hại gì cho quý vị,
Cầu chư vị hưởng phước trời ban!

196. Cây này cho bóng mát an nhàn,
Nằm nghỉ, ngồi chơi những lúc cần,
Không được phá tan cành đổ hết,
Hành vi bừa bãi thực hung tàn!"

197. Song ngài chỉ một, chúng nhiều thay,
Tiếng nói ngài sao cản chúng đây,
Chúng nện những dao rìu sắc bén,
Vào phần gốc để đốn thân cây.

Lúc ấy, linh xà vương thấy bọn chúng đến gần gốc để đốn ngã cây liền nghĩ thầm: "Ta đã cho bọn này nước để uống khi khát, lại cho thức ăn thần tiên, bạc chất đầy năm trăm cỗ xe mà giờ đây chúng bảo nhau hãy chặt cây đến tận gốc rễ. Chúng thật tham lam vô độ, và trừ vị trưởng đoàn ra, chúng đều phải chết!" Thế là rắn chúa tập hợp quân đội rắn ngay:

– Ta truyền thật nhiều quân sĩ hãy mang giáp bào và đứng ra dàn trận; thật nhiều xạ thủ hãy mang cung, kiếm và mộc che thân sẵn sàng chiến đấu!

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

198. Rắn mặc giáp bào đủ bách quân,
Đứng lên cùng giữ vững sa trường,
Ba trăm xạ thủ, sáu ngàn nữa,
Trang bị mộc khiên với kiếm thần.

Vần kệ sau đây do rắn chúa ngâm:

199. Bắn hạ bọn kia, trói chặt mau,
Chẳng tha mạng sống một tên nào,
Đốt thành tro bụi trừ đoàn trưởng,
Như thế hoàn thành việc đã giao.

Bầy rắn thần làm đúng như vậy. Sau đó, chúng chất đầy các tấm thảm từ cảnh phương Bắc và mọi vật kia lên năm trăm chiếc xe, rồi di chuyển đoàn xe cùng vị trưởng đoàn lữ hành về Ba-la-nại, cất hết hàng hóa vào nhà ngài rồi trở về nơi trú ngụ của loài rắn.

Khi bậc Đạo sư đã chứng kiến việc này, Ngài ngâm vần kệ khuyên giáo:

200. Vậy Trí nhân nên thấy thiện hành,
Chẳng bao giờ để bản tâm thành,
Tôi đòi nô lệ lòng tham dục,
Phá vỡ mục tiêu đối thủ mình.

201. Bậc Trí khi xem việc ác làm,
Khổ đau bắt rễ tự lòng tham,
Đoạn trừ tham dục và dây trói,[29]
Phát nguyện sống đời thanh tịnh tâm.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa các thương nhân bị dục tham trấn áp nên đã bị hủy diệt tàn khốc, vậy các ông đừng chiều theo lửa dục.

Rồi Ngài thuyết giảng các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, các thương nhân kia đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy Sāriputta (Xá-lợi-phất) là linh xà vương và Ta là vị trưởng đoàn lữ hành.

---

[29] Xem *A.* II. 10, *Taṇhuppādasutta* (*Kinh Ái sanh*); *It.* 8, *Taṇhāsaṃyojanasutta* (*Kinh Ái kiết sử*); *It.* 109, *Taṇhuppādasutta* (*Kinh Ái sanh*); *Sn.* 139, *Dvayatānupassanāsutta* (*Kinh Hai pháp tùy quán*).

§494. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG SĀDHĪNA (*Sādhīnajātaka*)[30] (*J.* IV. 355)

Việc lạ trên trần đã được xem...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các nam cư sĩ giữ hạnh nguyện trai giới. Nhân dịp này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các cư sĩ, các Trí nhân ngày xưa nhờ công đức hành trì hạnh nguyện trai giới mà đã thân hành lên cõi trời và an trú ở đó thật lâu dài.

Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, Vua Sādhīna ở thành Mithilā cai trị rất đúng pháp. Tại bốn cổng thành, giữa kinh thành cùng cửa cung thất, ngài đều ra lệnh xây sáu bố thí đường, và công đức bố thí của ngài làm chấn động khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ). Mỗi ngày, ngài bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền. Ngài giữ ngũ giới, hành trì hạnh nguyện các ngày trai giới, còn dân trong kinh thành cũng theo lời khuyến cáo của ngài bố thí và làm thiện sự nên lúc mạng chung đều tái sanh cõi thiên.

Các vị thiên tử khi ngồi tụ họp tại Thiện Pháp đường của Thiên chủ Đế-thích đồng tán thán đời sống đạo hạnh và công đức của Vua Sādhīna. Lời đồn đại về vua này khiến các thiên thần khác ao ước được gặp mặt ngài. Thiên chủ Đế-thích biết được tâm tư của các vị liền nói:

– Các hiền hữu ước ao diện kiến Vua Sādhīna phải chăng?

Các vị đồng thanh đáp phải, Thiên chủ ra lệnh cho thần Mātali:

– Khanh hãy đến điện Vejayanta (Tối Thắng) của trẫm, thắng ngựa vào thiên xa và đi đón Vua Sādhīna lên đây!

Vị kia tuân lệnh và đi thắng ngựa vào thiên xa để xuống vương quốc Videha.

Đó là một ngày trăng tròn. Vào lúc dân chúng dùng cơm chiều xong, đang ngồi nhàn nhã trước cửa nhà, thần Mātali lái thiên xa song hành bên cạnh vầng trăng đỏ. Dân chúng đồng reo lớn:

– Xem kìa, có hai mặt trăng trên trời!

Nhưng khi họ thấy thiên xa vượt qua mặt trăng và tiến về phía hạ giới, họ lại kêu lên:

– Không phải mặt trăng mà là chiếc xe, hình như có vị thiên tử nào đó. Ngài đang đem chiếc thiên xa này với cả đoàn ngựa thuần chủng, những linh vật ở trong trí tưởng tượng, vậy xe đến đón ai đây? Há không phải là để đón đức vua của ta sao? Phải lắm, đức vua của ta thật là một minh quân chân chánh!

Trong nỗi vui mừng tột độ, họ chắp tay cung kính vái chào và đứng lên ngâm vần kệ đầu:

---

[30] Xem *J.* VI. 35, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539; *J.* VI. 97, *Nimijātaka* (*Chuyện Đại vương Nimi*), số §541; *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547; *Vv.* 77, *Revatīvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Revatī*); *Pv.* 83, *Revatīpetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Revatī*).

202. Việc lạ trên trần đã được xem,
Làm cho dựng đứng tóc người lên,
Vì mời Đại đế Vi-đề quốc,
Phái xuống thiên xa tự cõi thiên.

Thiên sứ Mātali lái thiên xa xuống dần, trong lúc dân chúng chiêm bái với vòng hoa và hương liệu, vị thần này lái ba vòng kinh thành hướng về phía hữu. Sau đó, vị ấy tiến đến cung môn, dừng xe lại và đứng yên trước cửa sổ phía Tây, tỏ ý muốn đi lên. Lúc bấy giờ là ngày vua đích thân quan sát các bố thí đường và đã ra lệnh cho các cận thần phải phân chia ra sao. Khi xong việc, ngài phát nguyện giữ ngày trai giới và cả ngày cứ trôi qua như vậy. Ngay lúc ấy, ngài đang ngồi trên một chiếc ngai lộng lẫy hướng ra cửa sổ phía Đông với các triều thần vây quanh, ngài thuyết giảng về lẽ chân chánh và công bình. Chính vào thời điểm này, Mātali đến mời đức vua ngự lên thiên xa và khi đã xong xuôi, thần cùng ra đi với ngài.

***

Bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau đây để giải thích vấn đề này:

203. Thiên sứ Mātali đại cường,
Vị thần điều ngự ấy vừa mang,
Lời truyền đến tận Vi-đề quốc,
Ngay tại kinh thành triệu quốc vương.

204. "Xin tấu Đại vương, bậc Thánh quân,
Ngự trên xa giá để theo thần,
Inda Thiên chủ cùng thiên chúng,
Tam Thập Tam thiên giới lẫy lừng,
Chư vị giờ này đang hội họp,
Và đồng mơ tưởng đến Hiền nhân."

205. Đại đế Sādhi ngước mắt lên,
Và liền ngự giá chiếc xe tiên,
Thần xa được cả ngàn thiên mã,
Đồng kéo ngài lên đến cõi thiên.

206. Chư thiên chiêm ngưỡng đấng anh quân,
Thượng khách lên chơi, vội đón mừng:
"Đại đế", đồng hô lời chúc tụng,
"Thật là hạnh ngộ cuộc tao phùng!
Trên ngai vàng cạnh ngai Thiên chủ,
An tọa xin mời đấng Thánh nhân!"

207. Sakka chào đón chúa Vi-đề,
Ngự trị kinh thành tại Mỹ-thi,

Thiên chủ ban ngài ngàn lạc thú,
Thỉnh ngài an tọa thật uy nghi.

208. "Giữa các đế vương ở cõi trần,
Chào mừng Thánh thượng đến thiên cung,
Đại vương an trú cùng thiên chúng,
Được phỉ ước nguyền đúng lệnh ban,
Xin hưởng lạc thiên đường bất tận,
Trên trời Đao-lợi, cảnh thiên đàng!"

Thiên chủ Đế-thích ban tặng ngài một nửa kinh thành của chư thiên rộng mười ngàn do-tuần, nửa số hai mươi lăm triệu thiên nữ và nửa cung điện Vejayanta. Ngài ở đó hưởng thọ cực lạc trong suốt bảy trăm năm theo ước tính của loài người. Rồi khi phước đức của ngài đã tận, theo cách ấy ở thiên giới, nỗi bất mãn khởi lên trong lòng, ngài liền ngâm kệ nói lời này với Thiên chủ Đế-thích:

209. Ta hưởng từ khi đến ngọc đường,
Đàn ca, vũ khúc, nhạc du dương.
Nay ta chẳng thấy niềm hoan lạc,
Lâm mạng chung thời đến phải chăng,
Hay chính là vì lòng ám độn,
Làm ta sợ hãi, tấu Thiên hoàng?

Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích đáp lời ngài:

210. Đời ngài chưa hết, chẳng lâm chung,
Ngài chẳng cuồng si, hỡi Đại vương,
Song thiện nghiệp ngài nay đã tận,
Giờ công đức trước hưởng xong phần.

211. Song cứ ở đây, hỡi Đại vương,
Bởi quyền tối thượng của ta ban,
Hưởng đi thiên lạc cùng thiên chúng,
Tam Thập Tam thiên giới trú an.

Tuy nhiên, Bồ-tát chối từ và đáp lại Thiên chủ:

212. Như lúc thiên xa đã giáng trần,
Hoặc khi phước lộc được dành phần,
Chính là thọ hưởng niềm thiên lạc,
Do bởi bàn tay khác thưởng ân.

213. Ta chẳng cầu mong nhận phước phần,
Do bàn tay kẻ khác thi ân,
Chính nhờ thiện nghiệp phần ta tạo,
Thiện sự riêng ta đứng vững chân.

214. Ta sẽ ra đi tạo việc lành,
Phát ban cả nước, khắp quần sinh,
Tuân theo giới hạnh và tu tập,
Điều phục thân tâm quyết thực hành,
Người biết làm vầy là hạnh phúc,
Chẳng ăn năn hối tiếc phần mình.

Nghe thế, Thiên chủ Đế-thích liền ra lệnh cho Mātali:

– Này hiền khanh, hãy đưa Vua Sādhīna về lại Mithilā và đặt đức vua xuống vườn ngự uyển!

Vị thiên thần tuân lệnh. Đức vua đến nơi, bước đi thơ thẩn trong vườn ngự uyển. Người giữ vườn trông thấy ngài và sau khi hỏi ngài là ai liền mang tin ấy về tâu trình với đương kim Hoàng đế Nārada. Khi vua này biết tin Tiên đế trở về trần liền ra lệnh cho người giữ vườn:

– Ngươi cứ đi trước và sắp đặt hai chiếc ngai, một dành cho Tiên đế và một dành cho trẫm.

Người ấy tuân lệnh. Sau đó, đức Vua Sādhīna hỏi:

– Ngươi soạn hai chiếc ngai vàng cho ai đây?

– Muôn tâu, một chiếc dành cho Hoàng thượng và một chiếc dành cho đức vua của chúng thần.

Lúc ấy, Đại đế Sādhīna bảo:

– Còn ai khác dám ngồi trước mặt ta chứ?

Rồi ngài ngự lên một chiếc ngai và đặt hai chân lên chiếc kia. Vua Nārada đến gần, sau khi đảnh lễ dưới chân ngài liền ngồi xuống một bên. Bấy giờ, theo truyền thuyết, vua này là vị vua thứ bảy trong dòng dõi chính thống của ngài, và thời ấy, tuổi thọ của con người chỉ là một trăm năm. Còn Bồ-tát đã trường thọ như thế là do công đức thiện nghiệp của ngài. Ngài cầm lấy tay Vua Nārada dạo bước quanh vườn ngự uyển và ngâm ba vần kệ này:

215. Lãnh thổ là đây, tổ quốc ta,
Máng tròn dẫn nước suối băng qua,
Cỏ xanh bao phủ đầy nơi chốn,
Khe nhỏ, lạch ngòi vẫn chảy ra.

216. Các hồ diễm lệ lắng nghe vang,
Khi đám hồng nga réo gọi đàn,
Bao đóa sen xanh chen lẫn trắng,
Cây hình đá biến mọc lan tràn,
Song người yêu cảnh cùng ta trước,
Nay ở đâu, lòng ta muốn hỏi han?

217. Đây là điền thổ ruộng cùng nương,
Đồng lúa lạc viên, chính cố hương,

Song chẳng thấy đâu người quyến thuộc,
Tưởng chừng sa mạc quá thê lương!

Nghe vậy, Vua Nārada đáp:

– Tâu Hoàng Tổ phụ, từ khi Tổ phụ thăng thiên giới đến nay đã bảy trăm năm trôi qua, giờ đây hoàng tôn là cháu bảy đời của Tổ phụ, các vị quan cận thần của Tổ phụ đều đã hóa ra người thiên cổ. Nhưng đây chính là vương quốc của Tổ phụ, hoàng tôn xin Tổ phụ nhận lại đất nước.

Đức vua đáp:

– Này Hoàng tôn Nārada, ta không đến đây để rồi lên làm vua nữa đâu mà ta đến đây để làm thiện sự và ta sẽ làm thiện sự thôi.

Rồi ngài ngâm kệ như sau:

218. Ta đã nhìn cung điện cõi trời,
Huy hoàng chiếu sáng khắp muôn nơi,
Chư thiên ở cõi trời Đao-lợi,
Thiên chủ cùng ta diện kiến rồi.

219. Ta hưởng bao hoan lạc tuyệt trần,
Ngôi nhà thiên giới để riêng phần,
Tràn đầy tất cả điều tâm nguyện,
Tam Thập Tam thiên của Ngọc hoàng.

220. Ta ngắm xong và đã tái hồi,
Để thi hành thiện sự mà thôi,
Và ta sẽ sống đời thanh tịnh,
Ta chẳng màng gì đến chiếc ngôi.

221. Đạo này không dẫn đến đau buồn,
Chánh đạo mà chư Phật chỉ đường,
Đường đó giờ đây ta tiến bước,
Là đường bậc Thánh vẫn theo luôn.

Bồ-tát đã nói như vậy với trí tuệ tối thắng của ngài và làm cô đọng tất cả ý nghĩ qua các vần kệ trên. Sau đó, Vua Nārada một lần nữa lại thưa với ngài:

– Xin Hoàng Tổ phụ nhận lấy quyền cai trị vương quốc.

Và ngài đáp:

– Này Hoàng tôn yêu quý, ta không thiết gì vương vị đâu, song ta lại muốn phân phát trong vòng bảy ngày tất cả tài vật cần được bố thí trong bảy năm qua.

Vua Nārada lãnh ý và làm như ngài yêu cầu, truyền chuẩn bị vô số của cải để phân phát rộng rãi. Đức Tiên đế bố thí trong bảy ngày xong xuôi, vào ngày thứ bảy, ngài băng hà và tái sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Việc hành trì hạnh nguyện ngày trai giới là bổn phận cần phải giữ gìn.

Và Ngài tuyên thuyết các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, một số nam cư sĩ đắc Sơ quả (Dự lưu), một số khác đắc Nhị quả (Nhất lai). Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là Vua Nārada, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Thiên chủ Đế-thích và Ta chính là Vua Sādhīna.

§495. CHUYỆN MƯỜI HẠNG BÀ-LA-MÔN

(***Dasabrāhmaṇajātaka***) (*J.* IV. 360)

Chúa thượng Yudhi thật chánh chân...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một lễ vật cúng dường tối thượng. Chuyện này đã được giải thích trong chương VIII, *Chuyện ngọn lửa đốt cháy.*[31]

Ta biết rằng nhà vua trong lúc thực hiện việc cúng dường này đã quan sát kỹ lưỡng năm trăm vị Tỷ-kheo với đức Phật là vị thượng thủ và đã dâng lễ vật lên các bậc Thánh cao trọng nhất trong Tăng chúng. Sau đó, Tăng chúng ngồi trong pháp đường và nói về công đức của vua ấy như sau:

– Này Hiền hữu Tỷ-kheo, vị vua này trong lúc dâng lễ vật tối thượng đã cúng dường các vị đạo cao đức trọng.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các vị bàn luận gì trong lúc ngồi tại đây, các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, thật không kỳ diệu gì khi ngày nay vua xứ Kosala đã là đệ tử của bậc Đạo sư như Ta lại cúng dường có phân biệt rõ ràng. Ngay các bậc Hiền trí xưa kia, trước khi Như Lai xuất hiện ở đời cũng đã cúng dường có phân biệt.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, trong vương quốc Kuru và kinh thành Indapatta có Vua Koravya cai trị, thuộc dòng dõi Yuddhiṭṭhila. Còn quốc sư về thế sự cũng như thánh sự của vua là vị đại thần mệnh danh Vidhūra (Hiền Trí). Vua thực hành đại bố thí làm chấn động khắp cõi Diêm-phù-đề, nhưng trong số những người thọ hưởng các thí vật này không có ai là người giữ đúng ngũ giới, tất cả họ đều độc ác trên phương diện làm người nên việc bố thí của vua không làm tâm ngài thỏa mãn. Ngài suy nghĩ: “Kết quả của việc cúng dường có phân biệt thật là vĩ đại thay!” Và với lòng ước ao cúng dường các bậc có đức độ cao cả, ngài quyết

[31] Xem *J.* III. 469, *Ādittajātaka* (*Chuyện ngọn lửa đốt cháy*), số §424.

định hỏi ý kiến bậc Hiền nhân Vidhūra. Vì thế khi Quốc sư Vidhūra vào chầu vua, ngài mời vị này ngồi xuống và đưa vấn đề ra hỏi vị này.

Để trả lời việc này, bậc Đạo sư ngâm nửa vần kệ đầu. (Phần sau là phần vấn đáp giữa nhà vua và Vidhūra:)

222. Chúa thượng Yuddhi thật chánh chân,
Một hôm hỏi ý bậc Hiền nhân,
Vidhū tìm các La-môn thiện,
Những bậc Hiền nhân trí tuệ tràn.

223. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng như vầy, thiện hữu,
Để ngày sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

224. Thật khó tìm Hiền thánh thế này,
La-môn trí đức đủ như vầy,
Những người giữ trọn tâm ly dục,
Để thọ hưởng phần phẩm thực đầy.

225. Giữa đời mười loại Bà-la-môn,
Xin hãy lắng nghe, tấu Đại vương,
Trong lúc hạ thần phân biệt họ,
Thần xin nói rõ họ hoàn toàn.

226. Vài người mang túi xách trên lưng,
Củ, rễ chất đầy buộc thật căng,
Những kẻ góp gom cây cỏ thuốc,
Tắm mình, tụng chú thuật, bùa thần.

227. Bọn họ như thầy thuốc, Đại vương,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

228. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

229. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

230. Bọn người đi trước lại mang chuông,
Trong lúc vừa đi họ réo vang,
Họ biết lái xe đầy khéo léo,
Thư từ thông điệp họ đều mang.

231. Họ chẳng khác nào đám dịch nhân,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

232. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

233. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

234. Với bình nước uống, gậy cong cong,
Họ chạy đuổi theo kịp quốc vương,
Qua các thôn làng cùng thị trấn,
Trong khi theo đuổi lại ca rằng:
"Ta không đi nữa dù rừng, phố,
Cho đến khi Hoàng thượng cúng dường."

235. Họ quấy rầy như các thế nhân,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

236. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

237. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

238. Móng dài, lông rậm cả tay chân,
Tóc bện và hôi thối miệng răng,
Bụi bặm bám đầy người bẩn thỉu,
Họ đi đường tựa bọn xin ăn.

239. Là bọn tiều phu, tấu Đại vương!
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

240. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

241. Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

242. Kha tử, lý gai, đào đỏ hồng,
Sa kê, xoài chín, trái chùi răng,
Bầu nâu, trái vibhīṭaka,
Cùng với số nhiều trái táo ta.

243. Hộp mía, trái mà-ca, mật ong,
Thuốc tra nhỏ mắt, ống khói xông,
Món nhiều đủ thứ như đi bán,
Tâu Chúa thượng xem, họ bán hàng.

244. Chúa thượng, khác nào bọn lái buôn,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

245. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

246. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,

Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

247. Những người làm ruộng hoặc đi buôn,
Nuôi lắm đàn dê ở trại chuồng,
Trao đổi cưới xin làm sính lễ,
Bán các con gái để mua vàng.

248. Giống bọn con lai, đám tiện dân,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

249. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

250. Những người đoạn ác nghiệp, ly dâm,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

251. Bọn thầy cúng tế, đoán điềm hên,
Thiến, lựa bò, dê để lấy tiền,
Dân chúng mời về, thường ở lại,
Có đầy thực phẩm được dâng lên,
Nơi kia bò cái, bê, bò thiến,
Dê, lợn đều đem giết lắm phen.

252. Bọn họ như hàng thịt hạ tầng,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

253. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

254. Những người đoạn ác nghiệp, ly tham,
Ao ước chư Hiền thọ thức ăn,

Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

[Trí giả Vidhūra nói:]

255. Bọn mang gươm, giáo, mộc che mình,
Tay lại cầm rìu tựa chiến binh,
Họ đứng trước đoàn thương khách nọ,
Sẵn sàng hướng dẫn nhóm du hành.

256. Như mục phu, quân cướp bạo gan,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

257. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

258. Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm mong dâng cúng người hiền thiện,
Để chính mình sau gặt quả lành.

[Trí giả Vidhūra nói:]

259. Có bọn xây lều đặt bẫy giăng,
Bất kỳ nơi chốn ở trong rừng,
Bắt loại cá, tôm cùng rùa, trạch,
Mèo, thỏ, tắc kè, mọi thú hoang.

260. Tâu Đại vương, đây chính thợ săn,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

261. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

262. Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện cúng dâng chư Hiền giả,
Để chính mình sau gặt quả lành.

[Trí giả Vidhūra nói:]

263. Lại có bọn ham chuộng bạc vàng,
Chịu nằm xuống dưới chiếc vương sàng,
Để vua tắm rửa trên đầu họ,
Trong lễ Soma rảy tế đàn.

264. Thợ cạo khác gì, tấu Đại vương,
Cũng đều được gọi Bà-la-môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

[Đại vương Koravya đáp:]

265. Họ không chân chánh với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

266. Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện cúng dâng người như vậy,
Để chính mình sau gặt quả lành.

Như vậy, sau khi miêu tả các loại Bà-la-môn chỉ mang hư danh mà thôi, bậc Trí giả nói tiếp để miêu tả các vị Bà-la-môn theo đúng ý nghĩa cao cả nhất trong hai vần kệ:

267. Song các La-môn, tấu Đại vương,
Những người đại trí tuệ, hiền lương,
Đoạn trừ mọi ác hạnh, tham dục,
Để thọ thức ăn được cúng dường.

268. Chư vị chỉ dùng một bữa ăn,
Chẳng bao giờ đụng rượu men nồng,
Đại vương biết rõ người như vậy,
Ta có nên tìm các vị không?

Khi vua nghe các lời này liền hỏi:

– Này Hiền hữu Vidhūra, các vị Bà-la-môn này xứng đáng cúng dường tối thượng ở đời, hiện nay các vị đang ở đâu?

– Tâu Đại vương, ở trên dãy Tuyết Sơn xa xôi kia, trong hang động Nandamūla.

– Vậy thì, này bậc Trí giả, hãy dùng uy lực của ngài mang các vị Bà-la-môn ấy đến ngay đây cho trẫm!

Rồi trong nỗi hân hoan tột độ, vua ngâm vần kệ này:

269. Quốc sư đem hết các La-môn,
Thanh tịnh tràn đầy, trí chánh chơn,

Mời các ngài ngay, hiền sĩ hỡi,
Chần chờ gì nữa, hãy lên đường!

Bậc Đại sĩ chấp thuận làm theo lời vua yêu cầu và nói thêm:

– Bây giờ, tâu Đại vương, hãy truyền lệnh cho đánh trống khắp kinh thành, loan báo rằng toàn thành phải trang hoàng rực rỡ, toàn dân phải bố thí và hành trì ngày trai giới, nguyện giữ mình đức độ, và chính Đại vương cùng cả triều đình cũng phát nguyện giữ ngày trai giới!

Còn chính ngài, ngay từ tảng sáng, sau khi điểm tâm xong liền phát nguyện giữ ngày trai giới; đến chiều, ngài bảo đem đến một giỏ hoa lài, rồi cùng vua đảnh lễ với năm phần thân thể sát đất và khi ngài vừa nhớ lại những công đức của các vị Độc Giác Phật, ngài vừa khấn vái lời này:

– Kính thỉnh năm trăm vị Độc Giác Phật đang trú trong vùng Bắc Tuyết Sơn, hang động Nandamūla, ngày mai xin các Ngài hạ cố hưởng thọ thực phẩm của triều đình.

Ngài thả tám nắm tay đầy hoa lên không gian, lập tức các hoa này rơi trên năm trăm vị Độc Giác Phật vào đúng nơi các Ngài đang an trú. Các Ngài ấy suy xét và thấy ngay sự việc kia liền nhận lời mời và bảo nhau:

– Này các Tôn giả, chúng ta được vị Hiền nhân Vidhūra mời đến, vị này không phải người phàm tục đâu, ngài có hạt giống Phật trong mình nên ngay trong kiếp này, ngài sẽ thành Phật. Chúng ta hãy tỏ lòng kính mến đặc biệt với ngài!

Bậc Đại sĩ hiểu các Ngài đã chấp thuận lời mời, bằng chứng là các hoa kia không bay trở lại. Sau đó, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, ngày mai các vị Độc Giác Phật sẽ đến, vậy hãy lo cung thỉnh các vị trọng thể và dâng lễ cúng dường!

Ngày hôm sau, đức vua đón tiếp các Ngài vô cùng trọng thể, sửa soạn bảo tòa để các Ngài ngồi trên một cái bệ uy nghi cao cả. Các vị Độc Giác Phật ở hồ Anotatta đợi cho đến lúc cảm thấy đói bụng liền du hành qua không gian và giáng hạ ngay sân chầu của hoàng cung. Vua cùng Bồ-tát đầy lòng thành tín, đón lấy các bình bát từ tay các Ngài và thỉnh các Ngài đi lên chiếc bệ đài hoa kia, mời an tọa, rảy nước cúng dường lên tay các Ngài rồi phục vụ các Ngài thực phẩm thượng hạng, đủ loại cứng và loại mềm. Sau buổi thọ thực, vua lại mời các Ngài đến vào ngày hôm sau và cứ thế trong bảy ngày liền, dâng cúng các Ngài nhiều lễ vật, và vào ngày thứ bảy, vua cúng dường đủ mọi vật cần thiết. Lúc ấy, chư vị nói lời tùy hỷ với vua xong liền bay qua không gian trở về nơi trú ngụ cũ, còn các vật cúng dường cũng đều bay theo các Ngài.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, thật chẳng kỳ lạ gì việc vua xứ Kosala nay là đệ tử của Ta đã cúng dường Ta lễ vật tối thượng vì các bậc Trí nhân ngày xưa ở thời chưa có đức Phật cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là vua và bậc Trí giả Vidhūra chính là Ta.

§496. CHUYỆN CÚNG THỰC PHẨM ĐÚNG CẤP BẬC

(*Bhikkhāparamparajātaka*) (*J.* IV. 369)

Ta trông ngài xứng đáng ngôi cao...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một vị điền chủ. Người ấy là một tín đồ mộ đạo, thường xuyên tỏ lòng cung kính trọng thể đức Như Lai và Tăng chúng. Một hôm, ông suy nghĩ như sau: "Ta thường xuyên tỏ lòng cung kính trọng thể đức Phật là ngôi báu và Tăng chúng là một ngôi báu nữa bằng cách cúng dường thực phẩm thượng vị và y phục. Nay ta muốn tỏ lòng cung kính trọng thể Pháp bảo. Song làm cách nào để cúng dường ngôi báu ấy?" Vì vậy, ông đem nhiều vòng hoa thơm và hương liệu đi về phía Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và hỏi Ngài:

– Bạch Thế Tôn, ước nguyện của con là cúng dường Pháp bảo, vậy làm sao một người có thể thực hiện việc ấy?

Bậc Đạo sư đáp:

– Nếu tâm nguyện của ông là cúng dường trọng thể ngôi Pháp bảo thì ông hãy cúng dường trọng thể cho Ānanda, vị Thủ kho Chánh pháp (Dhamma Bhaṇḍāgārika)!

– Lành thay!

Ông đáp và xin hứa sẽ thực hiện việc ấy. Ông đi mời Tôn giả Ānanda đến viếng nhà mình, rồi hôm sau rước Tôn giả về nhà với lễ nghi vô cùng huy hoàng trọng thể. Ông mời Tôn giả ngồi trên một bảo tòa lộng lẫy và cúng dường Tôn giả vòng hoa thơm cùng hương liệu, rồi thiết đãi đủ loại cao lương mỹ vị, lại dâng loại vải vóc rất sang trọng vừa đủ cho ba y. Tôn giả liền suy nghĩ: "Vinh dự này dành cho Pháp bảo, nó không thích hợp với ta mà thích hợp với vị Tướng quân Chánh pháp (Dhamma Senāpati)."

Thế là đặt thực phẩm vào bình bát và cầm vải vóc, Tôn giả đem đến tinh xá tặng lễ vật cho Tôn giả Sāriputta. Tôn giả này cũng nghĩ như vậy: "Vinh dự này dành cho ngôi Pháp bảo, nó không thích hợp với ta mà nó chỉ thích hợp duy nhất với bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đấng Pháp Vương." Và Tôn giả dâng nó lên đấng Thập Lực. Bậc Đạo sư thấy không còn ai trên Ngài nữa nên thọ hưởng thực phẩm và nhận số vải vóc để làm ba y.

Sau đó, Tăng chúng bàn luận việc này trong pháp đường:

– Này các Hiền giả Tỷ-kheo, thế là vị điền chủ kia muốn tỏ lòng cung kính, trọng vọng đối với Chánh pháp nên cúng dường Tôn giả Ānanda là vị Thủ kho Chánh pháp. Tôn giả này nghĩ mình chưa xứng đáng với lễ vật ấy nên trao lại vị Tướng quân Chánh pháp. Tôn giả này cũng nghĩ mình không xứng đáng nên dâng lên đức Như Lai. Đức Như Lai thấy không còn ai trên Ngài, biết rằng Ngài xứng đáng với lễ vật ấy ở vị trí đấng Pháp Vương nên Ngài đã thọ hưởng thực phẩm và nhận số vải để làm ba y kia. Như vậy, thực phẩm cúng dường đã tìm được chủ nhân nhờ đi đến đúng người có quyền thọ hưởng.

Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì khi ngồi ở đây. Các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên thực phẩm cúng dường đến đúng vào phần của người xứng đáng bằng những cấp bậc tiến lên tuần tự mà ngày xưa trước thời Như Lai cũng thế.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, Vua Brahmadatta trị vì rất chân chánh tại Ba-la-nại sau khi đã đoạn trừ các ác nghiệp và hành trì thập vương pháp. Vì thế, tòa án xử kiện của vua trở nên trống rỗng, vua muốn tìm kiếm cho ra lỗi lầm của mình, cứ hỏi han mọi người bắt đầu với những người ở chung quanh ngài, nhưng không nơi nào dù trong các hậu cung, trong kinh thành hay các thôn làng lân cận, ngài tìm được người nói một lỗi gì cho ngài cả. Sau đó, ngài quyết định đi thăm dò dân chúng vùng quê. Vì thế, sau khi giao quyền trị nước cho các triều thần, ngài đem vị tế sư đi theo ngài. Hai vị cải trang du hành xuyên qua quốc độ Kāsi. Tuy thế, ngài cũng không thấy ai nói về ngài vì một lỗi nào cả.

Cuối cùng, ngài đến một làng ở biên địa, ngồi ở một sảnh đường ngoài cổng thành. Thời đó, một vị điền chủ của làng ấy là một phú ông giàu có, có đến tám trăm triệu đồng tiền, đi cùng một đoàn tùy tùng đông đảo đến một bến tắm, thấy vua ngồi trong sảnh đường kia với thân tướng cao sang và sắc da vàng óng. Ông sinh lòng yêu mến ngài liền đi vào sảnh đường và bảo:

– Hãy ngồi đây một lát!

Sau đó ông về nhà, bảo soạn sẵn đủ loại thực phẩm thượng vị rồi trở lại với đoàn tùy tùng đông đảo mang theo các bình bát đựng thức ăn.

Cùng lúc ấy, một vị tu khổ hạnh từ vùng Tuyết Sơn đi xuống cũng ngồi xuống đó, vị này đã chứng được năm thắng trí. Và một vị Độc Giác Phật cũng từ hang động Nandamūla hạ sơn đến ngồi đó. Vị điền chủ kia đưa nước cho vua rửa tay rồi dọn một đĩa thức ăn thượng hạng đủ loại hương vị thơm ngon và đặt trước mặt vua. Ngài nhận và trao cho vị tế sư Bà-la-môn, vị tế sư cầm lên trao cho nhà tu khổ hạnh. Nhà tu khổ hạnh bước đến gần vị Độc Giác Phật, tay trái cầm bình đựng thức ăn, tay phải cầm bình nước, trước tiên rót nước cúng dường

(như chuyện trước), rồi đặt thức ăn vào bát vị này. Vị ấy liền ăn ngay, không mời ai cùng chia phần với mình hay xin phép gì cả.

Khi bữa xong, vị điền chủ suy nghĩ: "Ta dâng thức ăn lên đức vua, ngài trao cho vị tế sư, vị tế sư trao cho vị tu khổ hạnh, vị tu khổ hạnh lại trao cho vị Độc Giác Phật, và vị Độc Giác Phật đã thọ thực ngay mà không xin phép ai nữa. Việc cúng dường này có ý nghĩa gì chăng? Tại sao vị cuối cùng thọ thực và không cần xin phép ai hay nhờ ai cho phép? Ta sẽ hỏi lần lượt các vị này."

Rồi vị ấy lần lượt đến gần mỗi người, đảnh lễ xong liền nói câu ấy và được các vị trả lời. Vị điền chủ hỏi:

270. Ta trông ngài xứng đáng ngôi cao,
Ngài đến từ cung điện xứ nào,
Sa mạc vùng này hoang vắng quá,
Dáng hình ngài quả thật thanh tao?

271. Vì mến thương ngài, ta đã dâng,
Cao lương khéo chọn lựa vừa ăn,
Món cơm kia được tài người khéo,
Nấu đổ lên trên món thịt hầm.

272. Thực phẩm ngài cầm lại chẳng ăn,
Ngài đem tặng vị Bà-la-môn,
Lòng đầy cung kính, nay xin hỏi,
Việc mới làm mang ý nghĩa chăng?

[Đức vua đáp:]

273. Sư trưởng ta đây thật nhiệt thành,
Việc dù lớn nhỏ vẫn thi hành,
Nên ta phải tặng phần cơm cúng,
Xứng đáng quốc sư, quả thật tình.

[Vị điền chủ hỏi:]

274. Dù vua cũng trọng Bà-la-môn,
Xin nói, sao ngài lại chẳng ăn,
Một đĩa cao lương tài nấu khéo,
Người đổ đầy trên món thịt ngon?

275. Ngài chẳng hiểu thông nghĩa cúng dường,
Song ngài đem tặng vị Hiền nhân,
Với lòng kính trọng, nay xin hỏi,
Việc ấy ngài làm có nghĩa chăng?

[Tế sư đáp:]

276. Ta có gia đình với vợ con,
Ta thường cư trú tại gia môn,

Dục tham vua chúa, ta điều phục,
Tham dục riêng ta vẫn đắm hồn.

277. Với người khổ hạnh, bậc Hiền nhân,
Xưa ở trong rừng vẫn trú thân,
Già cả, thực hành theo giáo lý,
Nên ta cầm thực phẩm đem dâng.

[Vị điền chủ hỏi:]

278. Nay ta xin hỏi bậc Hiền nhân,
Ở dưới da ngài lộ rõ gân,
Với móng mọc dài, đầu tóc rối,
Cái đầu dơ bẩn lẫn hàm răng.

279. Ngài chẳng màng đời sống thế gian,
Hỡi người đơn độc trú rừng hoang,
Tôn sư nay có gì ưu thắng,
Mà phải đem lương thực cúng dâng?

[Vị khổ hạnh đáp:]

280. Ta đào củ cải, tỏi, hành hoang,
Cỏ, lá, bạc hà, vẫn kiếm luôn,
Nhặt hạt cải đen, rung lúa dại,
Trải ra phơi nắng thật khô giòn.

281. Ngó sen, dược thảo, táo, chà là,
Am-lặc, mật ong, miếng thịt thừa,
Là của ta dành phần kiếm được,
Rồi làm thành món hợp cho ta.

282. Ngài không, lão nấu, lão nhiều hàng,
Ngài chẳng có chi, lão buộc ràng,
Thế sự bao điều, Ngài giải thoát,
Món cơm Ngài hưởng đúng công bằng.

[Vị điền chủ hỏi:]

283. Xin hỏi ngồi kia bậc Trí hiền,
Mọi nguồn dục vọng thảy nằm yên,
Món cơm nấu khéo đầy ngon ngọt,
Có kẻ đem phần thịt đổ lên.

284. Ngài nhận và ngon miệng uống ăn,
Chẳng mời ai đến để chia phần,
Đầy lòng kính trọng, nay xin hỏi,
Việc ấy Ngài làm có nghĩa chăng?

[Độc Giác Phật đáp:]

285. Không nấu cũng không bảo nấu giùm,
Nay không làm hại, trước không làm,
Vị kia biết rõ Ta không của,
Ta quyết đoạn trừ mọi dục tham.

286. Tay phải vị kia nắm chiếc bình,
Thức ăn cầm phía trái bên mình,
Cho Ta món thịt hầm người đặt,
Trên bát cơm ngon thật tốt lành.

287. Chúng nhiều tài sản, lắm kim ngân,
Bổn phận là đem của phát phân,
Ai bảo người cho cùng thọ hưởng,
Ấy là thù địch, chớ phân vân.

Khi nghe những lời này, vị điền chủ vô cùng hoan hỷ ngâm hai vần kệ cuối cùng:

288. Thật là ta được một duyên may,
Hạnh ngộ quân vương ngự tới rày,
Thuở trước ta không hề biết rõ,
Cúng dường mang phước quả tràn đầy.

289. Đế vương với các Bà-la-môn,
Trị nước mà tâm ác dục tràn,
Các Trí nhân tìm cây quả dại,
Bậc tu hành giải thoát lòng tham.

Khi vị Độc Giác Phật thuyết giáo cho vị kia xong liền trở về cõi của Ngài và vị tu khổ hạnh cũng thế. Còn nhà vua, sau vài ngày ở lại với vị điền chủ cũng trở về Ba-la-nại.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên thực phẩm đến tay người xứng đáng mà trước kia cũng vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, người điền chủ đã tôn trọng cúng dường Pháp là người điền chủ trong chuyện này, Ānanda là vua, Sāriputta là vị tế sư và Ta chính là vị tu khổ hạnh trên vùng Tuyết Sơn.

CHƯƠNG XV
HAI MƯƠI KỆ
(*VĪSATINIPĀTA*)

§497. CHUYỆN BẬC HIỀN TRÍ MĀTAṄGA

(***Mātaṅgajātaka***)[1] (*J.* IV. 375)

Lão từ đâu đến, đắp y dơ...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Vua Udena.

Vào thời ấy, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja phi hành từ Kỳ Viên qua không gian, thường đến tránh cơn nóng ban ngày trong vườn ngự uyển của Vua Udena, nước Kosambī. Chuyện kể rằng, Tôn giả này trong một đời trước đã làm vua và một thời gian dài thọ hưởng cảnh vinh hoa phú quý trong chính vườn ngự uyển kia cùng những người hầu cận. Nay nhờ công đức thiện nghiệp ông đã tạo được nên ông thường đến tọa thiền tại đây, tránh cơn nóng ban ngày và hưởng lạc trong [Thánh] quả nhập thiền.

Một hôm, ông vào chỗ đó ngồi dưới một cây sāla đang trổ đầy hoa thì Vua Udena đi vào vườn với một đoàn tùy tùng đông đảo. Suốt bảy ngày trước, vua uống rượu say nên muốn vào ngự viên giải trí. Vua nằm trên vương sàng, trên cánh tay của một nàng cung nữ và được dỗ dành cho mau chóng ngủ thiếp đi. Sau đó, các nữ nhạc công ngồi ca hát quanh vua đặt nhạc khí xuống, vừa đi quanh quẩn trong vườn ngự uyển vừa nhặt hoa trái. Họ thấy vị Trưởng lão ấy nên bước đến đảnh lễ vị ấy và ngồi xuống. Vị Trưởng lão ngồi tại chỗ đó thuyết pháp cho họ nghe. Nàng cung nữ kia đổi cánh tay để đánh thức vua dậy, vua hỏi:

– Các tiện nữ kia đi đâu cả rồi?

Nàng đáp:

– Họ đang ngồi vòng quanh một nhà tu khổ hạnh.

Vua nổi cơn thịnh nộ, đi đến gặp vị Trưởng lão và mạ lỵ, phỉ báng:

– Đi ngay, ta muốn kẻ kia phải bị bầy kiến xé xác ra!

Thế là trong cơn thịnh nộ, vua truyền đem một thúng kiến đỏ đến rải tung trên thân thể vị Trưởng lão. Song vị này đã bay lên không gian và thuyết giáo

[1] Xem *S.* I. 13, 165, *Jaṭāsutta* (*Kinh Triền phược*); *S.* I. 235, *Satthāravandanāsutta* (*Kinh Đảnh lễ bậc Đạo sư*); *Cp.* 88, *Mātaṅgacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Mātaṅga*).

cho vua, sau đó trở về Kỳ Viên hạ xuống trước cổng hương phòng. Đức Như Lai hỏi:

– Ông từ đâu đến?

Trưởng lão ấy kể lại sự việc trên. Ngài bảo:

– Này Bhāradvāja, đây không phải là lần đầu tiên Vua Udena nổi sân hận và lăng mạ người tu hành mà trước kia cũng đã như thế.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta lên ngôi tại Ba-la-nại, bậc Đại sĩ sinh làm con trai của một người Chiên-đà-la[2] ở ngoại thành, họ đặt tên ngài là Mātaṅga (chú voi). Sau đó, ngài thông đạt trí tuệ, danh tiếng lan truyền khắp nơi được gọi là Hiền trí Mātaṅga.

Lúc bấy giờ, có một nàng tên là Diṭṭhamaṅgalikā (người thấy các điềm lành), là con gái của một vị thương nhân ở thành Ba-la-nại, cứ một hoặc hai tháng một lần, cô thường vào ngự viên vui đùa cùng đông đảo bạn đồng hành.

Một ngày kia, bậc Đại sĩ đi vào thành liền gặp Diṭṭhamaṅgalikā, ngài bước sang một bên rồi ước muốn và đứng đó. Từ sau bức màn, Diṭṭhamaṅgalikā trông thấy ngài và hỏi:

– Ai đó?

– Thưa cô nương, một kẻ Chiên-đà-la.

Nàng đáp:

– Hừ, ta đã thấy nhằm một vật mang điềm xui xẻo.

Rồi nàng rửa mắt bằng nước hoa và quay đi. Những người đi với nàng la lớn:

– Này tên bần cùng hèn hạ kia, mày đã làm chúng ta mất phần cơm rượu miễn phí hôm nay.

Trong cơn giận dữ, họ lấy tay chân đấm đá Hiền trí Mātaṅga, khiến cho ngài bất tỉnh rồi bỏ đi. Sau một lát, ngài hồi tỉnh và nghĩ thầm: “Đám người đi theo Diṭṭhamaṅgalikā đã vô cớ đánh đập ta, một kẻ vô tội. Ta quyết sẽ cố gắng cho đến khi ta chiếm được nàng, chẳng để mất nàng.”

Với quyết định này, ngài bước đi đến trước cửa nhà cha nàng và nằm xuống. Khi đám gia nhân hỏi tại sao ngài nằm đó, ngài đáp:

– Ta chỉ muốn được nàng Diṭṭhamaṅgalikā mà thôi.

Một ngày trôi qua, rồi hai, ba, bốn, năm, sáu, quyết định của chư Bồ-tát thường thường không sao lay chuyển được, vì thế vào ngày thứ bảy, họ phải đem cô gái ra trao cho ngài. Sau đó, nàng bảo:

– Nào đứng lên chàng ơi, ta cùng đi về nhà chàng đi!

---

[2] Chiên-đà-la (P. Caṇḍāla, S. Caṇḍāla, 旃陀羅), thuộc giai cấp hạ đẳng, tiện dân.

Song ngài đáp:

– Cô nương ôi, ta vừa bị bọn người nhà nàng đánh đập cả người, giờ ta yếu lắm, nàng hãy cõng ta trên lưng và mang đi!

Nàng làm theo lời ấy ngay trước mặt mọi người dân trong thành và nàng cứ tiến dần từ thành đô đi đến vùng tiện dân Chiên-đà-la cư trú.

Ở đó trong vài ngày, bậc Đại sĩ giữ nàng lại mà không chút nào xâm phạm các luật lệ của giai cấp. Rồi ngài suy nghĩ: "Chỉ bằng cách từ bỏ thế tục, chứ không còn cách nào khác để ta mới có thể cho cô nương này thấy cảnh vinh hiển tột bậc và làm cho nàng hưởng những lễ vật cao sang nhất." Vì thế, ngài bảo nàng:

– Này nương tử, nếu ta không vào rừng kiếm ăn thì chúng ta không thể sống được. Vậy ta muốn vào rừng, nàng hãy đợi cho đến khi ta về, đừng có lo âu gì cả!

Ngài ra lệnh cho gia nhân không được xao nhãng đối với nàng, rồi đi vào rừng, sống cuộc đời của người tu hành, rất nhiệt tâm tinh tấn. Vì vậy, trong bảy ngày, ngài tu tập và thành tựu tám thiền chứng và năm thắng trí. Sau đó, ngài suy nghĩ: "Nay ta đã có thể bảo vệ Diṭṭhamaṅgalikā được rồi."

Nhờ thần thông lực, ngài trở về và hạ xuống cổng làng Chiên-đà-la, từ đó đi đến nhà Diṭṭhamaṅgalikā. Khi nghe tin ngài trở về, nàng bước ra và òa lên khóc:

– Tại sao chàng bỏ thiếp và đi tu khổ hạnh?

Ngài đáp:

– Này nương tử, đừng lo gì cả. Nay ta có thể làm cho nàng vinh quang hơn trước kia nữa. Vậy nàng có chịu nói lên giữa mọi người đúng lời này: "Phu quân ta không phải là Hiền trí Mātaṅga mà là một đấng Đại Phạm thiên chăng?"

– Thưa phu quân được, thiếp sẽ nói điều ấy.

– Tốt lành thay! Khi dân chúng hỏi: "Chồng nàng đâu?" Nàng trả lời: "Chàng đã đi lên Phạm thiên giới." Nếu họ lại hỏi: "Thế khi nào chàng về?" Nàng phải đáp: "Trong bảy ngày nữa chàng sẽ về, xuyên qua mặt trăng tròn đầy của đêm rằm."

Nói xong những lời này, ngài đi vào vùng Tuyết Sơn. Lúc bấy giờ, Diṭṭhamaṅgalikā nói những điều nàng đã được căn dặn tại khắp nơi ở Ba-la-nại, giữa quần chúng đông đảo. Dân chúng tin ngay lời ấy, bảo nhau:

– Ngài là đấng Đại Phạm thiên nên đã không đến thăm viếng Diṭṭhamaṅgalikā, nhưng mọi việc sẽ như vầy, như vầy.

Vào đêm trăng rằm, trong lúc vầng trăng đang lên giữa bầu trời, Bồ-tát hóa thành một vị Phạm thiên ở giữa luồng ánh sáng tràn ngập vương quốc Kāsi và kinh thành Ba-la-nại đến mười hai do-tuần, băng ngang qua mặt trăng và giáng trần. Ngài đi vòng quanh kinh thành Ba-la-nại ba lần, được rất nhiều dân chúng tỏ lòng sùng bái bằng các vòng hoa thơm và hương liệu khác rồi quay mặt về hướng ngôi làng Chiên-đà-la.

Những người ngưỡng mộ Phạm thiên tụ tập cùng nhau đi về phía làng Chiên-đà-la ấy. Họ bao phủ căn nhà của Diṭṭhamaṅgalikā bằng màu vải trắng tinh, lau sàn nhà bằng bốn loại hương thơm, rải hoa khắp nơi, đốt trầm hương, trương một tấm vải làm mái che, đặt một bảo tòa rực rỡ, thắp đèn dầu thơm, rắc lớp cát mịn như phiến bạc rồi treo đèn, kết hoa và cờ xí rợp trời.

Trước gian nhà được trang hoàng lộng lẫy thế kia, bậc Đại sĩ bước vào và ngồi một lát trên bảo tòa. Lúc ấy, Diṭṭhamaṅgalikā đang kỳ kinh nguyệt. Ngài lấy ngón tay trỏ rờ vào rốn nàng và nàng thụ thai. Sau đó, bậc Đại sĩ bảo nàng:

– Này hiền thê, nàng đã thụ thai, nàng sẽ sinh ra một con trai. Nàng và con trai nàng sẽ được phú quý tột bậc. Nước rửa chân nàng sẽ được vua chúa dùng làm lễ Quán đảnh phong vương ở cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ). Nước nàng tắm sẽ là thứ tiên dược trường sinh bất tử, người nào rảy nước đó lên đầu sẽ thoát khỏi mọi thứ bệnh tật và không gặp điềm xui xẻo. Những người nào được đặt đầu dưới chân nàng và kính lễ nàng sẽ dâng lên một ngàn đồng tiền vàng. Những người nào được đứng gần đủ để có thể nghe nàng nói và kính lễ nàng sẽ dâng lên một trăm đồng. Những người nào được đứng để trông thấy nàng và kính lễ nàng sẽ dâng một đồng kahāpaṇa.[3] Vậy nàng hãy tỉnh giác giữ mình cẩn thận!

Cùng với lời khuyến giáo này, trước mặt một đám đông, ngài đứng dậy và lại đi vào mặt trăng. Những người sùng bái Phạm thiên tụ tập nhau lại và đứng đó suốt đêm. Sáng hôm sau, họ mời nàng lên chiếc kiệu bằng vàng và đội nàng lên đầu, rước nàng vào kinh đô. Một đám đông dân chúng chạy đến phía nàng kêu lớn:

– Kìa, hoàng hậu của đấng Phạm thiên!

Rồi họ cúng bái nàng với các thứ hoa thơm và nhiều thứ nữa, những người nào được phép đặt đầu dưới chân nàng và kính lễ đều dâng lên túi tiền một ngàn đồng. Người nào đứng gần nàng và kính lễ thì dâng một trăm. Người nào đứng đủ nhìn thấy được nàng và kính lễ thì dâng một đồng kahāpaṇa. Cứ vậy, họ tiến dần khắp thành Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần và thu được tổng số một trăm tám chục triệu đồng.

Sau khi đi xung quanh thành như vậy, họ rước nàng vào nội thành, dựng lên một ngôi đình lớn vây màn chung quanh, mời nàng yên nghỉ tại đó giữa cảnh huy hoàng vinh quang như thế. Tới ngôi đình, họ bắt đầu xây bảy thành lũy và dựng một lâu đài bảy tầng, họ đã tạo được nhiều công đức.

Cũng trong ngôi đình ấy, Diṭṭhamaṅgalikā sinh hạ con trai. Vào ngày đặt tên hài nhi, các Bà-la-môn tụ họp nhau và đặt tên nó là Maṇḍavya (Trung Đình), vì nó được sinh ra tại đó. Độ mười tháng, lâu đài kia đã được xây xong, từ đó nàng vào ở trong lâu đài vô cùng vinh hiển và Vương tử Maṇḍavya lớn lên giữa cảnh huy hoàng tột bực.

---

[3] Đồng tiền Ấn Độ trị giá khoảng 5 đồng shilling của Anh.

Khi hài nhi được bảy tuổi, những bậc thầy danh tiếng nhất khắp toàn cõi Diêm-phù-đề tập hợp lại và dạy cậu ba tập Vệ-đà. Từ lúc mười sáu tuổi, cậu đã cúng dường thực phẩm cho các vị Bà-la-môn và thường xuyên có mười sáu ngàn Bà-la-môn thọ thực; các vị Bà-la-môn được cúng dường phẩm vật tại thành lũy thứ tư.

Bấy giờ vào một ngày hội lớn, dân chúng chuẩn bị một lượng lớn cháo sữa, rồi mười sáu ngàn Bà-la-môn ngồi tại thành lũy thứ tư dùng món cháo ấy cùng với món bơ tươi màu vàng óng ánh, nước đường pha mật ong đặc. Và chính vị vương tử trang điểm ngọc châu sáng rực rỡ, mang đôi hài vàng dưới chân, cầm chiếc gậy vàng ròng trong tay, vừa đi quanh vừa chỉ dẫn:

– Này bơ đây, mật ong đây!

Vào lúc ấy, Hiền trí Mātaṅga đang ngồi trong thảo am ở vùng Tuyết Sơn, và hướng tâm tứ vào việc xem xét những gì xảy ra cho con trai của nàng Diṭṭhamaṅgalikā. Khi nhận thấy cậu con trai đang đi lạc vào tà đạo, ngài suy nghĩ: "Hôm nay ta sẽ đi giáo hóa cho cậu bé kia và dạy cho nó biết cúng dường như thế nào để lễ vật bố thí ấy sẽ mang lại kết quả lớn."

Ngài liền bay qua không gian đến hồ Anotatta, rửa mặt và súc miệng. Rồi khi đứng tại Manosilātala (thuộc vùng Tuyết Sơn), ngài khoác đôi tấm y được nhuộm vào, quấn thắt lưng quanh người rồi đắp phấn tảo y (áo may bằng vải cũ dơ lượm ở bãi rác hoặc mộ địa) ra ngoài, cầm bình bát đất, phi hành qua không gian đến thành lũy thứ tư ấy, tại nơi đó ngài hạ xuống ngay cạnh bố thí đường và đứng một bên. Đang lúc Maṇḍavya nhìn quanh quẩn, chợt thấy ngài liền kêu to:

– Lão từ đâu đến đây, hỡi kẻ khổ hạnh kia, lão giống một thứ yêu quỷ rác rưởi, xấu xí như vậy?

Rồi cậu ngâm vần kệ đầu:

1. Lão từ đâu đến, đắp y dơ,
Người ngợm tồi tàn tựa quỷ ma,
Giẻ rách làm y quàng trước ngực,
Lão là ai, chẳng xứng phần quà?

Bậc Đại sĩ lắng nghe, rồi với lòng từ mẫn, ngài đáp lời cậu qua vần kệ thứ hai:

2. Vương tử, thức ăn đã sẵn bày,
Mọi người ăn uống hưởng no say,
Bọn ta, ngài biết thường sinh sống,
Bằng thứ tìm ra bởi gặp may,
Xin hãy ban cho người hạ tiện,
Hưởng phần thực phẩm còn thừa đây!

Tiếp theo Maṇḍavya ngâm vần kệ thứ ba:

3. Phần các La-môn hưởng phước ân,
Này đây thực phẩm chính tay dâng,
Bản thân lợi ích, thí thành kính,
Lão đứng chi đây? Hãy cút nhanh!
Chẳng có phần cho người hạ tiện,
Kẻ hèn kia hãy bước đi luôn!

Vì nghe thế, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ:

4. Mọi nơi cao thấp họ gieo trồng,
Mong gặt quả trên đám ruộng đồng,
Chánh đạo này đây, xin bố thí,
Sau ngài xứng đáng hưởng phần công.

Sau đó, Maṇḍavya đáp kệ:

5. Ta biết đất ta muốn cấy trồng,
Những vùng xứng đáng hạt đâm bông,
La-môn quý tộc, thông kinh thánh,
Là đất lành phong phú ruộng đồng.

Rồi bậc Đại sĩ lại ngâm hai vần kệ:

6. Ngạo mạn giống dòng quá tự kiêu,
Tham sân si, uống rượu say nhiều,
Người tâm chứa đủ sai lầm ấy,
Là đất hoang cằn để hạt gieo.

7. Ngạo mạn giống dòng quá tự kiêu,
Tham sân si, uống rượu say nhiều,
Người tâm không chứa sai lầm ấy,
Là đất tốt mềm để hạt gieo.

Bậc Đại sĩ cứ ngâm đi ngâm lại những lời kệ ấy mãi nên cậu trai nổi giận và kêu lớn:

– Lão này nói quàng xiên quá nhiều rồi, những người gác cổng đi đâu cả mà không tống cổ lão ra?

Rồi cậu ngâm kệ:

8. Này Bhaṇḍakucchi,[4] hỡi Upajjhāya!
Ta bảo, đâu rồi Upajotiya,
Trừng phạt lão này bằng gậy gộc,
Tên hèn hạ, tống cổ ngay ra!

Bọn gia nhân nghe tiếng cậu gọi liền chạy đến ngay, kính lễ cậu rồi hỏi:

– Tâu chúa công, chúng tiểu nô phải làm gì đây?

– Thế các ngươi không thấy tên hạ liệt tồi tàn này sao?

---

[4] Bản CST viết Gaṇḍakucchi.

– Tâu chúa công, không, chúng tiểu nô không biết lão đã tới đây lúc nào, chắc chắn lão là tên lừa bịp xảo trá rồi!

– Vậy sao các ngươi còn đứng đó?

– Tâu chúa công, vậy chúng tiểu nô phải làm gì đây?

–Phải vả vào mồm, bẻ hàm lão ra, lấy roi gậy đánh cho nát lưng, trừng phạt lão đi. Tóm lấy tên khốn kiếp này, quăng lão xuống, tống ra khỏi đây ngay!

Song trước khi bọn chúng đến gần ngài, bậc Đại sĩ đã bay lên không, vừa đứng vững ở đó vừa ngâm kệ:

9. Phỉ báng Hiền nhân lợi ích bằng,
Với khi nuốt ngọn lửa đang hồng,
Hay là sắt cứng đưa răng cắn,
Đào núi mà dùng móng vuốt không.

Sau khi nói xong những lời này, bậc Đại sĩ vụt lên cao trong khi cậu trai và các Bà-la-môn ngơ ngác nhìn theo.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ để giải thích việc này:

10. Nói vậy, Mātaṅga Trí nhân,
Ẩn tu, nỗ lực đạt thuần chân,
Rồi ngài bay bổng trên không khí,
Trước mắt Bà-la-môn dõi theo.

Ngài quay mặt về hướng Đông, hạ xuống một đường phố với ý định làm cho dấu chân ngài được nhìn thấy nên ngài khất thực gần Đông môn. Lúc ấy, sau khi đã nhận được một số thực phẩm đủ loại, ngài ngồi xuống một sảnh đường và bắt đầu ăn.

Song các thần linh trong kinh thành chợt đến, thấy rằng người này đã nói năng như vậy làm phiền nhiễu vị Hiền nhân của họ là điều không thể dung thứ được nên vị thần cao niên nhất chụp lấy cổ Maṇḍavya và vặn tréo, các quỷ kia lại chụp lấy cổ các Bà-la-môn ấy và vặn luôn. Song vì thương cảm Bồ-tát, các vị ấy không giết Maṇḍavya, các vị bảo:

– Đó là con trai của ngài.

Và các vị chỉ hành hạ cậu ta thôi. Đầu của Maṇḍavya bị vặn tréo ra đằng sau vai, tay chân cậu cứng đờ, mắt trợn trừng như thể chết rồi, cậu nằm rũ liệt tại đó. Các Bà-la-môn kia quay cuồng vật vã, mồm chảy nước miếng tràn ra. Dân chúng đến báo tin cho Diṭṭhamaṅgalikā:

– Thưa phu nhân, có chuyện chẳng lành xảy ra cho vương tử!

Bà vội chạy đến thấy cậu con trai liền kêu lớn:

– Ôi, sao lại thế này?

Rồi bà ngâm kệ:

11. Vặn tréo đầu con khỏi bả vai,
Kìa sao con duỗi cánh tay dài,
Bơ vơ mắt trắng dường như chết,
Kẻ hại con mình đó chính ai?

Khi ấy, những người đứng ngoài xem liền ngâm kệ nói cho bà biết chuyện kia:

12. Ẩn sĩ đây khoác áo dơ,
Tồi tàn người ngợm tợ yêu ma,
Y bằng giẻ rách quàng ngang ngực,
Chính kẻ hành hung quý tử bà.

Nghe vậy, bà suy nghĩ: "Chắc chắn đó là Hiền trí Mātaṅga, không ai khác có thần lực như vậy. Song một người thủy chung và đầy thiện ý đối với mọi loài, chẳng bao giờ lại bỏ đi để cho những người này phải chịu sự hành hạ thế kia, nay không biết ngài đã đi hướng nào?" Bà hỏi câu này qua vần kệ sau:

13. Về hướng đi nào, bậc Trí nhân?
Trả lời ta, hỡi các vương tôn!
Chúng ta đi chuộc cho lầm lỗi,
Để giúp con ta được tỉnh hồn.

Các chàng trai kia đáp lời bà theo cách này:

14. Bậc Hiền vụt hiện giữa không gian,
Như thể vầng trăng giữa tối rằm,
Đẹp mặt thay, ngài sùng chánh đạo,
Phương Đông theo hướng ấy lên đàng.

Khi họ đáp như thế, bà liền bảo:

– Ta quyết sẽ đi tìm phu quân ta.

Bà ra lệnh đem theo nhiều bình vàng và chén vàng, rồi được một nhóm tỳ nữ vây quanh, bà ra đi, tìm thấy nơi có dấu chân của ngài đã in xuống đất, bà cứ theo dấu chân này cho đến khi gặp ngài đang ngồi trên một chỗ kia và ăn cơm. Đi đến gần ngài, bà đảnh lễ rồi đứng im. Khi thấy bà, ngài đặt miếng cơm vào bát. Diṭṭhamaṅgalikā rót nước lên tay ngài từ chiếc bình vàng, ngài lập tức rửa tay và súc miệng. Sau đó bà hỏi:

– Ai đã làm việc tàn ác này cho con trai của thiếp?

Và bà ngâm kệ:

15. Vặn tréo đầu con khỏi bả vai,
Kìa sao con duỗi cánh tay dài,
Bơ vơ mắt trắng dường như chết,
Kẻ hại con mình đó chính ai?

Các vần kệ sau đây là lời đối đáp xen kẽ nhau giữa hai vị:

[Hiền trí Mātaṅga:]

16. Dạ-xoa có đại lực uy thần,
Theo ẩn sĩ nào hạnh tốt lành,
Chúng thấy con nàng sân, ác ý,
Khiến cho như vậy đối con nàng.

[Diṭṭhamaṅgalikā:]

17. Chính các dạ-xoa tạo việc này,
Xin ngài đừng giận thiếp nơi đây,
Thiếp đây sầu khổ vì con trẻ,
Theo đến, quy y dưới gót ngài.

[Hiền trí Mātaṅga:]

18. Tâm ta, hãy biết, chẳng tiềm tàng,
Từ trước đến giờ, ý hận sân,
Con trẻ không thông ba Thánh điển,
Vì đầy vọng tưởng, ngập kiêu căng.

[Diṭṭhamaṅgalikā:]

19. Con người có thể, hỡi Hiền nhân,
Bỗng chốc trí khôn hóa tối tăm,
Tha lỗi thiếp này, thưa Trí giả,
Bậc Hiền không để khởi hờn căm.

Bậc Đại sĩ được bà xoa dịu bằng lời lẽ như vậy liền đáp:

– Được, ta sẽ cho nàng thứ tiên dược trường sinh bất tử để đuổi bọn quỷ ma ấy đi xa.

Rồi ngài ngâm kệ:

20. Chút của thừa này, hãy lấy mang,
Cho Maṇḍa khốn khổ phần ăn,
Con nàng sẽ mạnh, mau bình phục,
Bọn quỷ tha mồi, được thoát thân.

Khi bà nghe những lời này của bậc Đại sĩ liền đưa chiếc bình bát vàng ra và nói:

– Xin phu quân hãy cho thiếp thuốc tiên bất tử ấy!

Bậc Đại sĩ đổ vào đó một ít cháo còn lại và bảo:

– Hãy đổ một nửa cháo này vào miệng con nàng, còn lại thì trộn với nước rồi đổ vào miệng các Bà-la-môn kia, chúng sẽ được bình phục!

Rồi ngài đứng lên đi về phía Tuyết Sơn. Bà mang bình ấy trên đầu và kêu:

– Ta đã được thuốc tiên bất tử rồi.

Khi về đến nhà, trước hết bà đổ một ít cháo vào miệng con trai bà. Dạ-xoa liền chạy trốn.

Maṇḍavya đứng dậy, phủi bụi bặm rồi hỏi:

– Cái gì đây mẹ?

– Con sẽ hiểu rõ những việc con đã làm. Này con, hãy lại đây xem tình cảnh của những người đáng cúng dường của con kìa!

Khi cậu nhìn thấy họ, lòng cậu đầy ân hận. Rồi mẹ cậu bảo:

– Này Maṇḍavya yêu quý, con thực là kẻ ngu si, không biết bố thí cách nào để của bố thí ấy mang lại kết quả tốt. Bọn này không xứng đáng với lòng hào phóng của con đâu, chỉ những vị nào như bậc Hiền trí Mātaṅga mới xứng đáng thôi. Từ nay về sau, đừng đem cho những người kém giới như bọn này mà chỉ nên bố thí cúng dường những người đức hạnh.

Rồi bà ngâm kệ:

21. Maṇḍavya, tiểu trí ngu đần,
Chẳng hiểu rõ gì là phước điền,
Con cúng dường bao người trọng tội,
Lũ người ô nhiễm, không điều thân.

22. Xiêm áo da dê, bện tóc dày,
Miệng như giếng cũ, để râu dài,
Hãy nhìn tư cách không lành thiện,
Đừng cúng kẻ ngu, trang phục vầy.

23. Vị nào dứt ái dục, si, sân,
Thành bậc A-la-hán, lậu dừng,
Nếu cúng Hiền nhân thanh tịnh ấy,
Người này hưởng quả lớn riêng phần.

Vậy từ nay về sau, con đừng bố thí cho hạng người thiếu giới hạnh như thế này mà chỉ nên bố thí cúng dường những người nào ở trên đời này đạt tám thiền chứng, là những nhà tu khổ hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn chân chính đã chứng năm thắng trí, các vị Độc Giác Phật. Này con, để mẹ đưa loại thuốc tiên bất tử này cho bọn gia nhân của ta đây và làm chúng bình phục.

Nói vậy xong, bà lấy miếng cháo thừa ấy đổ vào một bình nước và rảy lên miệng mười sáu ngàn Bà-la-môn kia. Mọi người đều đứng dậy và phủi hết bụi bặm.

Sau đó, vì các Bà-la-môn này đã phải nếm thức ăn thừa của một kẻ Chiên-đà-la nên bị các Bà-la-môn khác tống xuất ra khỏi giai cấp ấy. Đầy ô nhục, họ rời thành Ba-la-nại và đi về vương quốc Mejjha, tại đây họ ở chung với vua xứ đó. Còn Maṇḍavya vẫn ở chốn cũ.

Vào thời đó, có một Bà-la-môn tên là Jātimanta, là một người tu hành ở gần kinh thành Vettavatī trên bờ sông có cùng tên ấy, ông là kẻ rất kiêu mạn về dòng dõi của mình. Bậc Đại sĩ liền đến đó, quyết đập tan lòng kiêu mạn của ông ta. Ngài dựng am trú ngụ gần đó, sống ở phía thượng nguồn con sông.

Một hôm, sau khi xỉa răng xong, ngài thả cây tăm xuống dòng nước, cố ý để cho nó vướng vào búi tóc của Jātimanta. Vì vậy, trong khi ông ấy đang tắm trong dòng nước sông, cây tăm ấy vướng vào búi tóc ông. "Đồ súc sinh!" Ông nói trong khi thấy cây tăm: "Nó từ đâu đến đây, cái đồ phá hoại này. Ta phải tìm hiểu xem."

Ông liền đi ngược dòng, khi thấy bậc Đại sĩ liền hỏi:

– Ông thuộc giai cấp nào?

– Ta là một Chiên-đà-la.

– Có phải ông đã thả cây tăm xuống dòng sông chăng?

– Chính phải.

– Đồ súc sinh, quân tồi tàn hạ đẳng! Đồ mắc dịch, ngươi không được ở đây mà phải đi xuống chỗ hạ lưu kia!

Song khi ngài xuống ở vùng hạ lưu, cây tăm ngài thả trôi ngược dòng nước vẫn vướng vào tóc Jātimanta. Ông ta mắng:

– Quân đáng nguyền rủa! Nếu ngươi ở đây trong bảy ngày nữa, đầu ngươi sẽ tan thành bảy mảnh.

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Nếu ta buông mình theo cơn thịnh nộ với người này thì ta không giữ được công đức, song ta sẽ tìm cách phá tan lòng kiêu mạn của ông ta."

Vào ngày thứ bảy, ngài ngăn cản mặt trời mọc, cả trần gian đều tối tăm nên dân chúng kéo đến vị tu khổ hạnh Jātimanta và hỏi:

– Thưa Tôn giả, có phải chính ngài ngăn cản mặt trời mọc chăng?

Ông ta đáp:

– Việc đó không phải do ta làm mà có một lão Chiên-đà-la sống gần bờ sông, chắc lão ấy làm đấy.

Sau đó, dân chúng đến gặp bậc Đại sĩ và hỏi lại:

– Thưa Tôn giả, có phải chính Tôn giả ngăn cản mặt trời mọc chăng?

Ngài đáp:

– Này các Hiền hữu, chính phải!

Họ hỏi:

– Tại sao thế?

– Vị tu khổ hạnh được các Hiền hữu quý mến đã phỉ báng ta, một người vô tội, vậy khi nào vị đó đến quỳ dưới chân ta để xin thương xót thì ta mới để cho mặt trời mọc lên.

Dân chúng đi kéo lê ông ta rồi thả ông xuống trước chân bậc Đại sĩ và vừa cố sức vỗ về ngài vừa nói:

– Thưa Tôn giả, xin cho mặt trời mọc.

Song ngài đáp:

– Ta không thể để mặt trời mọc được, vì nếu ta làm như thế, đầu kẻ này sẽ vỡ thành bảy mảnh.

Họ hỏi:

– Thưa Tôn giả, vậy chúng tôi phải làm gì?

– Hãy đem cho ta một cục đất!

Họ đem lại một cục đất.

– Nào, hãy đặt cục đất lên đầu người khổ hạnh này, rồi kéo ông ta xuống nước!

Sau khi sắp đặt việc này xong, ngài để cho mặt trời mọc lên. Vừa khi mặt trời được di chuyển tự do, cục đất nứt thành bảy mảnh, còn người tu khổ hạnh nhảy tùm xuống nước.

Sau khi đã hàng phục ông ta như vậy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Mười sáu ngàn Bà-la-môn kia hiện ở đâu?" Ngài nhận ra họ đang ở với vua xứ Mejjha và quyết định đi hàng phục họ nên dùng thần lực, ngài hạ xuống vùng ngoại thành, cầm bình bát trong tay đi khất thực. Khi các Bà-la-môn thấy ngài, họ bảo nhau:

– Chỉ để lão ở đây hai ngày thôi là lão sẽ làm ta mất nơi nương tựa!

Họ vội vàng chạy đến yết kiến vua và kêu to:

– Tâu Đại vương, có một lão khoác lác đại bịp đến đây, xin hãy bỏ tù lão!

Vua rất sẵn sàng. Còn bậc Đại sĩ với bát thức ăn đủ loại đang ngồi ăn bên cạnh bức thành trên một chiếc ghế dài. Tại đó, trong khi ngài đang ăn, đám thị vệ của vua tìm đến, lấy kiếm đánh ngài rồi giết đi. Sau khi mạng chung, ngài tái sanh lên cõi Phạm thiên.

Chuyện kể rằng, trong kiếp này Bồ-tát là một người chuyên điều phục những kẻ thô ác và ngài phải chịu chết vì công việc này. Các vị thần nổi giận liền trút xuống toàn vương quốc Mejjha một trận lửa tro nóng rực, phá hủy toàn bộ nước ấy.

Vì thế có lời lưu truyền:

Người ta kể chuyện cả non sông,
Của xứ Mejjha phải diệt vong,
Nước kia bị xóa tan bờ cõi,
Vì giết Mātaṅga, bậc lẫy lừng.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này. Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên Vua Udena phỉ báng các vị tu khổ hạnh mà xưa kia cũng thế.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Vua Udena là Maṇḍavya và Ta chính là Hiền trí Mātaṅga.

§498. CHUYỆN ĐÔI BẠN CITTA VÀ SAMBHŪTA

(***Citta-Sambhūta-jātaka***)[5] (*J.* IV. 390)

Các nghiệp người làm, quả sẽ mang...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về hai người bạn đồng tu của Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp) sống rất hòa hợp với nhau.

Chuyện kể rằng đôi bạn này vô cùng thân thiết, phân chia mọi thứ cùng nhau hết sức công bằng, ngay cả khi đi khất thực, hai vị cũng cùng đi và cùng trở về với nhau, hai vị không hề rời nhau.

Trong pháp đường, Tăng chúng đang ngồi tán thán về tình bằng hữu ấy thì bậc Đạo sư bước vào, hỏi các vị đang bàn luận chuyện gì khi ngồi tại đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài đáp:

– Này các Tỷ-kheo, tình bạn này chỉ trong một đời sống chẳng có gì kỳ lạ cả, vì các bậc Trí nhân ngày xưa đã giữ được tình bằng hữu vững bền suốt cả ba, bốn đời.

Nói vậy xong, Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, trong quốc độ Avanti, tại kinh thành Ujjenī, Đại vương Avanti đang trị vì dân chúng. Lúc ấy, Bồ-tát ra đời tại một làng Caṇḍāla (Chiên-đà-la) ở ngoại thành Ujjenī. Một người khác được sinh làm con trai bà dì của ngài. Một cậu bé tên là Citta, cậu kia tên là Sambhūta. Khi hai cậu trưởng thành thì đã học được nghề gọi là quét bằng chổi của dòng họ Chiên-đà-la. Một ngày nọ, hai cậu nghĩ rằng mình sẽ đi trình diễn nghề này tại cổng thành Ujjenī, thế là một cậu biểu diễn tại Bắc môn, một cậu tại Đông môn.

Bấy giờ, trong kinh thành này có hai cô gái giỏi nghề xem tướng, một cô là con gái của một thương nhân và cô kia là con của một vị tế sư. Hai cô gái ấy đi vui trong công viên, sau khi bảo gia nhân đem theo thực phẩm đủ loại cứng, loại mềm, vòng hoa hương liệu, ngẫu nhiên một cô đi ra cổng phía Bắc và một cô ra cổng phía Đông. Khi thấy hai thanh niên Chiên-đà-la đang biểu diễn tài nghệ, hai cô hỏi:

– Chúng là ai đây?

Rồi hai cô được cho biết đó là hai kẻ Chiên-đà-la. Hai cô bảo:

– Thấy điềm này xui xẻo lắm!

Và sau khi rửa mắt bằng nước hương thơm, cả hai đều đi về. Sau đó, dân chúng la lớn:

– Này bọn hạ đẳng tồi tàn kia, chúng bây đã làm chúng ta mất phần cơm rượu đáng lẽ được hưởng miễn phí đấy!

[5] Xem *J.* IV. 476, *Hatthipālajātaka* (*Chuyện Hiền giả Hatthipāla*), số §509; *D.* II. 220, *Mahāgovindasutta* (*Kinh Đại Điển Tôn*), số 19; *S.* I. 2, *Upanīyasutta* (*Kinh Đưa đến đoạn tận*); *S.* I. 54, *Uttarasutta* (*Kinh Uttara*); *A.* I. 155, *Paṭhamadvebrāhmaṇasutta* (*Kinh thứ nhất về hai Bà-la-môn*).

Chúng đánh đập hai anh em cùng họ ấy một trận nhừ tử, làm cả hai đau đớn ê chề. Khi hai người tỉnh dậy liền đi tìm nhau và kể cho nhau nghe tai họa đã đến cho mình, rồi lại kêu gào và cố nghĩ cách xem phải làm gì đây. Cả hai suy nghĩ: "Tất cả những sự đau khổ này đã giáng xuống chúng ta chỉ vì dòng giống ta sinh ra. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ làm kẻ Chiên-đà-la nữa mà chúng ta phải giấu tung tích dòng họ để rồi đi tới Takkasilā, giả dạng các nam tử Bà-la-môn và học tập tại đó."

Sau khi đã quyết định như vậy, cả hai cùng đến đó học tập với một vị giáo sư danh tiếng lẫy lừng. Thiên hạ đồn vang khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) rằng có hai nam tử Chiên-đà-la đang làm thư sinh và giấu giếm tung tích gia tộc mình. Trí giả Citta học tập thành công, song chàng Sambhūta thì không được như vậy.

Một ngày kia, có người dân làng mời vị giáo sư ấy với ý định cúng dường thực phẩm cho các Bà-la-môn. Bấy giờ, do ngẫu nhiên, mưa suốt đêm ấy làm ngập lụt mọi hang động trên đường đi. Sáng sớm hôm sau, vị giáo sư gọi Trí giả Citta vào và bảo:

– Này con, hôm nay thầy không đi được, vậy con đi cùng các nam tử kia, rồi làm lễ chúc phước lành và khi con ăn thực phẩm của mình xong, hãy mang về những món để dành cho thầy!

Do đó, chàng đem các thanh niên Bà-la-môn khác cùng lên đường. Trong khi các thanh niên tắm rửa và súc miệng, dân chúng dọn món cháo gạo đã chuẩn bị sẵn để mời khách quý và bảo:

– Để cho nó nguội đi.

Trước khi cháo nguội, các thanh niên đã đến ngồi xuống. Dân chúng dâng nước cúng dường, rồi đặt các bát cháo trước mặt họ. Trí óc Sambhūta có hơi trì độn nên tưởng cháo đã nguội liền múc một hớp bỏ vào miệng, song nó như viên sắt rực đỏ làm phỏng miệng chàng. Trong lúc hoảng sợ, chàng quên mất vai trò của mình liền liếc qua Trí giả Citta và nói bằng ngôn ngữ của dân Chiên-đà-la:

– Phỏng rồi, phỏng rồi!

Chàng kia quên mất bản thân mình nên đáp lại theo ngôn ngữ của họ:

– Nhổ ra, nhổ ra mau!

Nghe thế, các thanh niên nhìn nhau bảo:

– Loại ngôn ngữ gì thế này?

Lúc ấy, Trí giả Citta nói lời chúc lành cho tất cả. Khi các chàng trai kia về nhà, họ tụ tập thành tụm năm, tụm ba và ngồi bàn luận về những từ ngữ đã được dùng kia. Khi nhận ra đó là ngôn ngữ của bọn Chiên-đà-la, họ kêu to:

– Quân hạ đẳng tồi tàn kia! Chúng bây đã lừa dối cả bọn ta, lâu nay cứ giả dạng làm Bà-la-môn!

Rồi họ đánh đập hai vị ấy. Có một người tốt bụng xua đuổi hai vị ra và nói:

– Đi ngay, vết nhục nằm trong huyết thống kia! Phải đi ngay, đến đâu đó mà làm ẩn sĩ khổ hạnh!

Rồi các thanh niên Bà-la-môn trình với vị giáo sư rằng đấy là hai kẻ Chiên-đà-la giả dạng. Hai chàng đi vào rừng, sống đời sống khổ hạnh tại đó, sau một thời gian chết đi, họ tái sanh làm hai chú nai con bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiền). Từ lúc sinh ra, chúng luôn luôn ở bên nhau. Một ngày kia, sau khi chúng ăn xong, một người thợ săn chợt thấy chúng dưới một gốc cây đang ngồi nhai lại [thức ăn], âu yếm vuốt ve nhau rất hạnh phúc, đầu sát đầu, mõm kề mõm, sừng bên sừng. Gã liền phóng lao tới, giết trọn luôn cả hai bằng nhát lao ấy.

Sau đó, chúng tái sanh làm con của chim ưng biển trên bờ Nerbudda (Niết-bút). Cũng tại đó, chúng lớn lên, sau khi ăn xong lại ôm ấp, đầu sát đầu, mỏ kề mỏ. Một kẻ bẫy chim trông thấy, bắt cả hai và giết đi.

Sau đó, Trí giả Citta tái sanh tại Kosambī, làm con vị tế sư, còn Trí giả Sambhūta tái sanh làm vương tử của Vua Uttarapañcāla. Ngay từ ngày được đặt tên, hai hài nhi ấy đã có khả năng nhớ lại các đời trước của mình. Song Trí giả Sambhūta không thể nào nhớ hết tất cả mà không bị gián đoạn, cậu chỉ nhớ đời thứ tư hoặc đời Chiên-đà-la thôi, còn Trí giả Citta lại nhớ đủ cả bốn đời theo thứ tự.

Khi Citta được mười sáu tuổi, chàng xuất gia làm ẩn sĩ khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn, tu tập làm phát khởi thắng trí do thiền định và an trú trong hỷ lạc thiền định. Còn Trí giả Sambhūta, sau khi phụ vương băng hà liền được phong chiếc lọng trắng trên đầu. Vào ngày lễ phong vương, giữa quần thần đông đảo, ngài làm một bài ca tức vị rồi rung cảm ngâm lên hai đoạn.

Khi quần thần nghe xong, các cung phi và nhạc công đều ca hát, bảo nhau:

– Đây là khúc đăng quang của đức vua chúng ta!

Dần dà với thời gian, dân chúng đều ca khúc hát ấy vì đó là đạo ca được vua yêu thích. Trí giả Citta đang an trú ở vùng Tuyết Sơn, tự hỏi không biết hiền đệ Sambhūta của ngài đã được giương chiếc lọng trắng ấy chưa. Khi nhận thấy việc đã xong, ngài suy nghĩ: "Ta không đủ sức giáo hóa một vị tân vương còn trẻ, song khi nào em ta già rồi, ta sẽ đến thăm và khuyên nhủ em ta đi làm ẩn sĩ khổ hạnh."

Suốt năm mươi năm ngài không hề đi thăm viếng, và trong thời gian ấy, vua có đông con cái lên dần. Về sau nhờ thần lực của mình, Trí giả Citta phi hành đến vườn ngự uyển, đáp xuống ngồi trên bảo tòa, oai nghi như một bức tượng bằng vàng.

Vừa lúc ấy, một chàng trai kiếm củi vừa làm việc vừa hát khúc đạo ca ấy. Trí giả Citta gọi chàng trai lại gần, chàng tiến đến cung kính đảnh lễ rồi đứng chờ. Trí giả Citta bảo chàng:

– Từ sáng đến giờ, cậu chỉ hát khúc đạo ca ấy, thế cậu không biết khúc nào nữa chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ, con biết nhiều khúc ca lắm, song đây là những lời ca được đức vua yêu chuộng, vì thế con không hát khúc nào khác.

– Thế không có ai biết hát một điệp khúc đáp lại khúc ca của đức vua chăng?

– Thưa Tôn giả, con biết hát nếu con được dạy khúc ca ấy.

– Thế thì được, hễ khi nào đức vua hát hai khúc trên thì cậu hát khúc này làm khúc thứ ba đấy.

Rồi ngài ngâm một khúc và bảo:

– Bây giờ cậu hãy đi hát khúc này trước mặt đức vua, ngài sẽ hài lòng và quý trọng cậu lắm!

Chàng trai vội vàng chạy về tìm mẹ, bảo mẹ mặc cho chàng y phục thật tề chỉnh rồi đến cửa cung vua, nhờ người tâu lên rằng có một chàng trai xin được yết kiến để hát một khúc ca đáp lại lời đức vua. Vua bảo:

– Cho nó vào.

Khi chàng trai tiến lên, đảnh lễ xong, vua phán:

– Họ tâu rằng cậu muốn hát một khúc đáp lại lời trẫm có phải chăng?

Chàng trai đáp:

– Tâu Chúa thượng, đúng vậy, xin ngài triệu tập quần thần để cùng nghe!

Ngay khi quần thần tụ họp xong, chàng tâu:

– Tâu Chúa thượng, xin ca khúc hát của ngài trước, rồi thần sẽ xin hát lời đối lại.

Vua liền ngâm đôi vần kệ:

24. Các nghiệp người làm, quả sẽ mang,
Và còn tích tập qua thời gian,
Nghiệp nào mà lại không sinh quả,
Thấy Sambhūta đại lực tràn,
Điều ấy đạt thành do quả phước,
Sinh từ các nghiệp bản thân mình.

25. Các nghiệp người làm, quả sẽ mang,
Và còn tích tập qua thời gian,
Nghiệp nào mà lại không sinh quả,
Citta cũng y vậy phải chăng?
Tâm ý người này được thỏa mãn,
Giống như tâm ý trẫm từng thành?

Khúc đạo ca trên vừa chấm dứt, chàng trai liền đáp vần thứ ba:

26. Thiện nghiệp chóng chầy đều đạt quả,
Nghiệp nào mà chẳng quả lai sinh,

Không gì vô ích tâu Hoàng thượng,
Xin ngắm Citta tại cổng thành,
Chẳng khác quân vương, tâm vị ấy,
Đã đem hỷ lạc đến cho mình.

Nghe lời này, vua lại ngâm vần kệ thứ tư:

27. Vậy có phải chăng chính Citta,
Hay chàng nghe được chuyện ngày xưa,
Từ ngài, hay một người nào khác?
Ôi ngọt ngào thay khúc thánh ca!
Ta chẳng sợ gì, ta sẽ thưởng,
Ngôi làng hay tặng vật làm quà.

Tiếp theo, chàng trai ngâm vần kệ thứ năm:

28. Hạ thần nào có phải Citta,
Song chuyện ấy thần được biết qua,
Chính một Hiền nhân vừa dạy bảo:
"Đi ngâm lời hát đối dâng vua,
Rồi chàng sẽ được ngài ban thưởng,
Tay của ngài ân nghĩa đậm đà."

Nghe lời này, vua suy nghĩ: "Chắc hẳn đó là hiền huynh Citta của ta rồi, ta muốn đi tìm ngài ngay." Thế là vua ra lệnh cho quần thần qua hai vần kệ sau:

29. Các vương xa hãy thắng yên cương,
Chạm trổ tinh vi, đẹp tuyệt trần,
Đem buộc cân đai vào bảo tượng,
Điểm trang vòng cổ sáng huy hoàng.

30. Quần thần hãy đánh trống liên hoan,
Bảo thổi tù và, ốc dậy vang,
Chuẩn bị vương xa nhanh bậc nhất,
Bởi vì trẫm muốn sớm lên đàng,
Hôm nay tìm thảo am cô tịch,
Yết kiến Hiền nhân trước tọa sàng.

Vua nói vậy xong liền ngự lên vương xa lộng lẫy và vội vàng đến ngay cổng ngự viên. Tại đó, ngài dừng xa giá và đến gần Trí giả Citta, đảnh lễ rất cung kính rồi ngồi xuống một bên, lòng tràn ngập hân hoan, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

31. Thật quý thay là thánh khúc xưa,
Trẫm từng ca hát thật say sưa,
Trong khi dân chúng đông dồn dập,
Quần tụ chung quanh chật cả nhà,
Nay đến đây xin chào thánh giả,
Hân hoan, hạnh phúc ngập tâm ta.

Từ lúc tái ngộ Trí giả Citta, vua hoan hỷ ra lệnh làm mọi sự cần thiết và truyền chuẩn bị bảo tòa dành cho vị hiền huynh, rồi ngài ngâm vần kệ thứ chín:

32. Đúng pháp là đem lễ cúng dâng,
Sàng tọa, nước mát, dầu xoa chân,
Và thêm thực phẩm cùng nhiều món,
Ngài thọ nhận cho, trẫm ân cần!

Sau lời mời ngọt ngào này, vua ngâm vần kệ khác để tặng bạn hiền một nửa giang san của mình:

33. Hãy để họ làm chỗ trú thân,
Cho ngài trú thoải mái nhiều hơn,
Hãy cho phép nữ tỳ hầu hạ,
Cơ hội này ngài hãy đỡ nâng,
Và cả hai ta cùng góp sức,
Hầu cai trị nước, giúp muôn dân.

Khi nghe những lời này, Trí giả Citta thuyết giáo cho vua qua sáu vần kệ:

34. Hỡi Đại vương, nhìn quả ác hành,
Thấy bao lợi lạc thiện hành sinh,
Ta mong điều ngự thân tu tập,
Con, của, không lôi cuốn trí mình.

35. Trăm năm tròn cuộc sống người đời,
Năm tháng theo nhau kế tiếp trôi,
Khi đến hạn kỳ, người héo úa,
Tựa hồ lau sậy nát tan thôi.

36. Thế nghĩa gì hoan lạc, ái ân,
Nghĩa gì săn đuổi cảnh giàu sang?
Nhiều con, nghĩa lý gì nên biết,
Hỡi Đại vương, ta thoát buộc ràng.

37. Ta biết vì đây chính thật chân,
Ta không qua khỏi tử ma thần,
Nghĩa gì vàng bạc và ân ái,
Khi bạn đến thời phải mạng vong?

38. Dòng giống hạ đẳng bước hai chân,
Hạ liệt Chiên-đà nhất thế nhân,
Do chính nghiệp mình tạo xấu ác,
Nhập thai hạ tiện, đó tiền thân.

39. Tại Avanti, bạn trẻ Chiên-đà,
Là cặp nai vàng bến nước xưa,
Đôi chú chim ưng bờ Niết-bút,
Giờ đây giáo sĩ đó làm vua.

Sau khi đã nói rõ các tiền thân hạ liệt của mình trong quá khứ như vậy, tại đây trong đời hiện tại này, ngài tuyên thuyết tính vô thường của mọi pháp hữu vi và ngâm bốn vần kệ làm phát khởi tinh tấn lực:

40. Đời người ngắn ngủi, chết cùng đường,
Già cả không nơi chốn náu nương,
Này hỡi Pañcāla thực hiện,
Những gì ta khuyến nhủ Quân vương,
Tránh xa tất cả hành vi ác,
Đưa đẩy vào đau khổ đoạn trường.

41. Đời người ngắn ngủi, chết sau cùng,
Già cả không nơi chốn trú thân,
Này hỡi Pañcāla, thực hiện,
Những gì ta khuyến nhủ Quân vương,
Tránh xa tất cả hành vi ác,
Mang đến khổ đau, quả chẳng lường.

42. Nhân thế ngắn sao, chết cuối cùng,
Người già không chốn để nương thân,
Pañcāla hỡi, xin thành tựu,
Những việc ta khuyên nhủ Đại vương,
Xin hãy xa lìa bao vọng nghiệp,
Nhiễm ô, toàn ác dục tham sân.

43. Đời người ngắn ngủi, chết vong thân,
Bệnh, lão làm suy thế lực dần,
Ta chẳng làm sao ra thoát được,
Pañcāla xin thực hiện lời răn,
Tránh xa tất cả hành không thiện,
Đưa đẩy vào trong quả khổ đau.

Vua rất hoan hỷ khi nghe bậc Đại sĩ khuyến giáo liền đáp lời qua ba vần kệ:

44. Lời kia Tôn giả, quả toàn chân,
Ngài dạy lời như bậc Thánh nhân,
Song dục tham ta đều khó bỏ,
Với người như trẫm, chúng vô cùng.

45. Như voi chìm xuống vũng bùn nhơ,
Không thể bò lên dẫu thấy bờ,
Trẫm cũng lún sâu bùn dục lạc,
Nên không theo nổi đạo Tỷ-kheo!

46. Như mẹ như cha dạy bảo con,
Thành người sống hạnh phúc, hiền lương,
Dạy ta hạnh phúc làm sao đạt,
Xin chỉ cho ta bước đúng đường.

Sau đó, bậc Đại sĩ bảo nhà vua:

47. Ngài không thể bỏ, hỡi Quân vương,
Các dục tham đây cũng thế thường,
Vậy chớ bắt dân nhiều thuế nặng,
Trị sao dân chúng thấy công bằng.

48. Gửi sứ thần đi khắp bốn phương,
Mời Sa-môn với Bà-la-môn,
Cúng dường thức uống ăn đầy đủ,
Y áo và nơi nghỉ ngơi an.

49. Đem thức uống ăn để đãi đằng,
Các Sa-môn với Bà-la-môn,
Tâm đầy thành tín khi dâng cúng,
Ban phát, hưởng phần theo khả năng.
Người ấy sẽ không gây lầm lỗi,
Sau này lên đến cõi thiên đàng.

50. Song nếu vây quanh bởi má hồng,
Dục tham ngài thấy quá say nồng,
Trong tâm hãy nhớ vần thi kệ,
Và hát hò lên giữa đám đông.

51. "Dưới trời không mái để che thân,
Bầy chó xưa cùng nó ngủ lăn,
Mẹ nó cho ăn lúc bước vội,
Mà nay làm một vị vương quân."

Đó là lời khuyến giáo của bậc Đại sĩ, rồi ngài lại bảo:

– Ta đã khuyên nhủ Đại vương rồi. Bây giờ Đại vương có muốn làm người tu khổ hạnh hay không là tùy ý Đại vương, song ta sẽ tiếp tục theo đúng nghiệp quả của chính ta làm.

Sau đó, ngài bay vụt lên không đi về vùng Tuyết Sơn, bụi bặm trên đôi chân ngài rơi rớt trên đầu vua. Còn phần vua trông thấy cảnh này, lòng vô cùng xúc động liền giao quốc độ cho thái tử, triệu tập quân sĩ thẳng tiến về vùng Tuyết Sơn. Khi bậc Đại sĩ nghe vua đến liền bước ra cùng những Hiền nhân đồ đệ của ngài đón tiếp vua và truyền giới cho vua sống đời Phạm hạnh, rồi dạy vua phương tiện biến xứ[6] (*kasiṇa*) làm phát khởi thiền định. Vua tu tập chứng đắc thần thông do thiền định, vì vậy cả hai vị đều cùng được sinh lên cõi Phạm thiên khi mạng chung.

***

Sau khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

[6] P. *kasiṇa*, S. *kṛtsna*, 一切 (nhất thiết), 遍 (biến), 遍處 (biến xứ): Đề mục thiền quán. Tham khảo: *D.* 33; *M.* 77; *Vism.* IV-V; *Asl.* I. 248.

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, các bậc Trí nhân ngày xưa giữ vững tình bằng hữu lâu dài qua ba, bốn đời.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là Trí giả Sambhūta và Ta chính là Trí giả Citta.

§499. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG SIVI (*Sivijātaka*)[7] (*J.* IV. 401)

Chẳng có mắt nên chính lão già...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường tối thượng. Trường hợp này đã được kể đầy đủ trong chuyện tiền thân của Sivi, thuộc chương VIII, *Chuyện các căn*.[8] Song tại đây vào ngày thứ bảy, vua dâng đủ tất cả các vật cúng dường và thỉnh cầu lời tùy hỷ; tuy nhiên, bậc Đạo sư ra đi mà không tán thán công đức của vua. Sau buổi điểm tâm, vua đi đến tinh xá và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, vì cớ gì Thế Tôn không đáp lời tùy hỷ hôm ấy?

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, hội chúng kia không thanh tịnh.

Ngài lại tiếp tục thuyết pháp, ngâm vần kệ bắt đầu bằng câu: "Người hạ tiện sẽ không lên thiên giới."[9] Vua đầy hoan hỷ, bày tỏ lòng tôn kính đối với đức Như Lai bằng cách dâng cúng chiếc thượng y của xứ Sivi trị giá một ngàn đồng tiền, sau đó vua trở về thành.

Ngày hôm sau trong pháp đường, Tăng chúng nói về chuyện ấy:

– Này các Hiền giả, vua xứ Kosala đã cúng dường lễ vật tối thượng và chưa hài lòng với việc ấy nên sau khi đấng Thập Lực thuyết giáo cho vua, vua liền dâng cúng chiếc y của xứ Sivi trị giá một ngàn đồng tiền. Quả thật vua không hề thỏa mãn với việc cúng dường.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các vị đang bàn việc gì khi ngồi đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, bố thí ngoại tài quả thật là điều có thể thực hiện tốt, song các bậc Trí nhân ngày xưa đã bố thí cho đến khắp cả Diêm-phù-đề, mỗi ngày bố thí cả sáu trăm ngàn đồng tiền mà vẫn chưa thỏa mãn với việc bố thí ngoại tài và họ nghĩ: "Khi cho đi cái gì yêu quý thì sẽ nhận được sự yêu quý", cho nên các vị ấy đã móc đôi mắt mình ra tặng những ai đòi xin chúng.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

---

[7] Xem *Vv*. 123. *Maṭṭhakuṇḍalīvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng chói*); *Pv*. 24, *Maṭṭhakuṇḍalīpetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Maṭṭhakuṇḍalī*); *Ap*. I. 108, *Pañcadīpakattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Pañcadīpaka*); *Ap*. II. 373, *Ekadīpiyattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya*); *Cp*. 77, *Sivirājacariya* (*Hạnh của đức Vua Sivi*).

[8] Xem *J*. III. 461, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

[9] Xem *Dh*. v. 177.

Một thuở nọ, khi Đại đế Sivi cai trị tại kinh thành Ariṭṭhapura trong quốc độ Sivi, bậc Đại sĩ sinh ra làm vương tử, triều thần đặt tên ngài là Vương tử Sivi. Khi ngài lớn lên, ngài đi đến Takkasilā học tập tại đó xong, trở về chứng tỏ tài năng, kiến thức của ngài trước vua cha nên được phong làm phó vương.

Lúc phụ vương băng hà, ngài lên ngôi vua và từ bỏ các ác đạo, ngài hành trì thập vương pháp và trị dân rất chân chánh. Ngài truyền xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và ngay cửa cung của ngài. Ngài bố thí rất hào phóng, mỗi ngày sáu trăm ngàn đồng tiền. Vào các ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm, ngài chẳng hề quên thăm viếng các bố thí đường để xem xét việc bố thí được thực hành ra sao.

Vào một ngày trăng tròn kia, chiếc lọng hoàng gia đã được giương lên từ sáng sớm và ngài ngự trên ngai vàng, suy ngẫm về các thí vật ngài đã ban phát. Ngài tự nghĩ: "Trong tất cả các tài vật bên ngoài, chẳng có món gì ta không đem cho hết, song cách bố thí này chưa làm ta hài lòng. Ta muốn bố thí vật gì thuộc về bản thân ta. Được rồi, hôm nay ta sẽ đến bố thí đường phát nguyện rằng, nếu có người nào không xin một vật gì đó ngoài thân ta, lại nói rõ tên một phần thân thể ta. Nếu người ấy muốn nói đến chính quả tim ta, ta sẽ quyết lấy dao xẻ phăng lồng ngực ta và chẳng khác nào ta nhổ lên một cọng sen từ hồ nước phẳng lặng, ta sẽ móc lấy quả tim ta đang chảy máu từng cục đem cho người ấy. Nếu người ấy muốn xin thịt ta, ta sẽ xẻ thịt ra từ thân thể và cho nó như thể ta dùng cái dao mà khắc chạm tấm thân này. Người đó có nói đến máu của ta, ta sẽ lấy máu ta nhỏ từng giọt vào miệng người đó, hoặc đổ đầy một chén rồi đem cho. Hoặc nữa, giả sử có ai bảo: 'Hạ thần không làm nổi việc nhà, xin hãy đến làm gia nô tại nhà hạ thần', ta nhận mình là nô lệ và ta sẽ làm hết các việc nô dịch. Hoặc giả có ai đó xin đôi mắt ta, ta sẽ móc mắt ra cho như người ta lấy lõi của cây dừa nước." Ngài nghĩ thầm như vậy.

Nếu thí tài gì thuộc thế nhân,
Dẫu là đôi mắt chẳng hề ban,
Giờ đây ta sẽ đem ban bố,
Lòng chẳng hãi kinh, thật vững vàng.

Thế rồi, ngài tắm mình với mười sáu bình nước hoa thơm, trang sức cực kỳ lộng lẫy và sau một buổi cơm đầy cao lương mỹ vị, ngài ngự lên một con voi được tô điểm cân đai rất rực rỡ đưa ngài đến bố thí đường.

Khi Thiên chủ Đế-thích nhận thấy quyết tâm của ngài liền suy nghĩ: "Vua Sivi đã cương quyết đem đôi mắt của ngài bố thí cho kẻ nào ngẫu nhiên đến xin ngài. Thế nhưng ngài có đủ hùng lực để thực hiện việc đó hay chăng?"

Thiên chủ quyết định đi thử thách ngài nên giả dạng một Bà-la-môn già mù mắt. Thiên chủ đứng trên một chỗ cao, khi đức vua bước vào bố thí đường, Thiên chủ đưa tay ra, kêu lớn:

– Vạn tuế Đại vương!

Lúc ấy, vua hướng vương tượng về phía Thiên chủ và bảo:

– Này Bà-la-môn, ông nói gì vậy?

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, trên cõi thế gian này không nơi nào không vang dậy phương danh về từ tâm hào phóng bố thí của Đại vương. Nay lão đã mù lòa, còn Đại vương có đủ hai mắt.

Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ đầu để xin một con mắt:

52. Chẳng có mắt nên chính lão già,
Đến xin con mắt, tự phương xa,
Lão cầu Chúa thượng ban con mắt,
Một mắt cùng nhau mỗi chúng ta.

Khi bậc Đại sĩ nghe lời này, ngài suy nghĩ: "Chính đó là chuyện mà ta suy nghĩ ở hậu cung trước khi ta đến đây! Ồ, cơ duyên đến mới tuyệt diệu làm sao! Tâm nguyện của ta hôm nay sẽ được thành tựu, ta sẽ bố thí một tài vật mà chưa một người thế tục nào từng ban phát", và ngài ngâm vần kệ thứ hai:

53. Ai đã dạy ông bước đến đây
Để xin một mắt, lão ăn mày?
Đây phần thân thể người cao trọng,
Chúng bảo xa lìa khó lắm thay!

Các vần kệ sau là do hai vị ngâm để đối đáp với nhau.

[Lão Bà-la-môn:]

54. Sujampati phu tướng, chính nơi đây,
Người gọi Maghavā cũng hiệu này,
Ngài dạy lão về đây yết kiến,
Van nài cho được một mắt ngay.

55. Thí tài tối trọng đại, mong cầu,
Chúa thượng ban già một bảo châu,
Xin chớ chối từ già một mắt,
Thí tài tối trọng đứng hàng đầu,
Như lời thế tục thường hay nói:
"Thật khó cho người dứt bỏ sao!"

[Vua Sivi:]

56. Ước nguyện làm ông đến tận đây,
Trong lòng ông khởi ước như vầy,
Cầu mong nguyện ước kia thành tựu,
Đạo sĩ cầm đôi mắt trẫm này!

57. Ông chỉ xin ta một mắt thôi,
Nhìn xem, ta bố thí tròn đôi,
Hãy đi với nhãn quang hoàn hảo,

Trước mắt nhìn theo của mọi người,
Vậy ước nguyện ông mong thực hiện,
Giờ đây hẳn đã đạt thành rồi!

Đức vua đã nói nhiều như thế. Song nghĩ rằng nếu ngài tự móc mắt của mình ra mà tặng ngay tại đó vào lúc ấy thì không thích hợp nên ngài đem vị Bà-la-môn cùng vào nội cung với ngài. Và khi ngự lên ngai vàng, ngài truyền lệnh triệu một vị phẫu thuật sư tên là Sīvaka vào chầu rồi ngài phán:

– Khanh hãy lấy mắt trẫm ra!

Lúc bấy giờ, cả kinh thành vang dậy nguồn tin rằng đức vua muốn lấy đôi mắt ngài ra để bố thí cho một lão Bà-la-môn. Sau đó, vị đại tướng quân cùng với các viên quan khác và những người thân thuộc của vua từ trong kinh thành lẫn hậu cung đều tề tựu cùng nhau và ngâm ba vần kệ để xin vua từ bỏ ý định trên:

58. Xin đừng cho mắt, tâu Minh quân!
Chúa thượng ôi, đừng bỏ chúng thần!
Bố thí san hô, tiền, bảo ngọc,
Và nhiều vật khác quý vô ngần.

59. Cho bầy tuấn mã đủ yên cương,
Bảo kéo đoàn xa giá xuống đường,
Chúa thượng truyền xua đoàn bảo tượng,
Cân đai tuyệt mỹ rặt toàn vàng.

60. Các vật này xin Chúa thượng ban,
Chúng thần mong hộ Chúa bình an,
Toàn dân trung tín cùng xa pháp,
Tề tựu quanh vương vị xếp hàng.

Vua lập tức đáp lời, ngâm ba vần kệ:

61. Tâm kẻ muốn ban bố, phát nguyền,
Về sau lại thấy chẳng trung kiên,
Cổ mình tự đặt vào thòng lọng,
Che giấu nằm sâu dưới đất liền.

62. Tâm nào đã thệ nguyện thi ân,
Sau lại thấy lòng chẳng thủy chung,
Thật lỗi lầm hơn là tội ác,
Phải đày đọa ngục Dạ-ma cung.

63. Đừng cho gì nếu chẳng ai xin,
Cũng chớ cho ai thứ chẳng thèm,
Vậy vật này đây hành khất muốn,
Cầu xin, trẫm bố thí ngay liền.

Lúc ấy, triều thần hỏi: "Vậy Chúa thượng ước nguyện điều gì khi bố thí cặp mắt của Chúa thượng?"

Họ ngâm vần kệ:

64. Thọ mạng, sắc, quyền lực, lạc hoan,
Đâu là phần thưởng, tấu Minh quân?
Lực nào thúc giục ngài hành động,
Chúa thượng Sivi của quốc dân,
Sao lợi gì cho đời kế vậy,
Ngài đành bỏ cặp mắt mình vàng?

Vua đáp lại hội chúng qua vần kệ:

65. Như vậy trong khi muốn cúng dường,
Đích ta chẳng nhắm đạt vinh quang,
Nhiều con, nhiều của, nhiều vương quốc,
Để nắm quyền cai trị thế gian,
Đây chính là con đường thánh thiện,
Từ xưa của các bậc Hiền nhân,
Tâm ta nồng nhiệt hằng mong ước,
Đem mọi thí tài để phát ban.

Trước lời lẽ của bậc Đại sĩ, quần thần không đáp được nữa, vì thế bậc Đại sĩ ngâm kệ bảo Sīvaka, vị phẫu thuật sư:

66. Bạn hiền chí thiết Sīvaka,
Xin hãy làm theo lệnh của ta,
Bạn có đầy tài năng kỹ xảo,
Xin đem liền cặp mắt ta ra,
Vì đây là chính điều tâm nguyện,
Và tặng vào tay khất sĩ già.

Song Sīvaka đáp:

– Tâu Chúa thượng, xin Chúa thượng suy nghĩ lại, đem cho cặp mắt không phải là chuyện tầm thường đâu.

– Này Sīvaka, trẫm đã suy xét kỹ rồi. Xin đừng trì hoãn hay nói chuyện gì nhiều trước mặt trẫm nữa.

Lúc ấy, Sīvaka suy nghĩ: "Một phẫu thuật sư như ta lại lấy lưỡi dao đâm thủng cặp mắt một bậc quân vương thật không hợp lý chút nào." Vì vậy, vị ấy giã một ít cây thuốc, chà xát một đóa sen xanh với thứ bột ấy rồi thoa khắp lên mắt phải của vua, con mắt liền đảo lộn tròng, hết sức đau đớn.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ kỹ, hạ thần có thể làm cho mắt bình phục được ngay!

– Này hiền hữu, cứ làm tiếp đi, xin đừng trì hoãn nữa!

Vị ấy lại xát thứ bột kia vào mắt và xoa bóp cho thuốc thấm. Con mắt bật ra khỏi lỗ, nỗi đau đớn lại càng khốc liệt hơn trước nữa.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lại, hạ thần vẫn có khả năng phục hồi con mắt ngài như cũ!

– Khanh hãy làm việc nhanh lên!

Lần thứ ba, vị phẫu thuật sư thoa một thứ bột mạnh hơn nữa và xát vào, nhờ công hiệu của thuốc này, con mắt đảo lộn và lăn ra ngoài lỗ mắt, dính lủng lẳng ở đầu sợi dây gân.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lần nữa, nay hạ thần vẫn có thể phục hồi con mắt lại như trước.

– Thôi nhanh lên!

Nỗi đau đớn đến tột độ, máu chảy từng giọt, hoàng bào của vua vấy toàn máu đỏ. Các cung tần cùng triều thần quỳ xuống kêu van:

– Tâu Chúa thượng, xin đừng hy sinh đôi mắt của Chúa thượng!

Mọi người kêu gào thảm thiết. Vua cố chịu đựng đau đớn và bảo:

– Này hiền hữu, hãy nhanh lên!

– Xin vâng, tâu Chúa thượng.

Phẫu thuật sư đáp, tay trái cầm lấy tròng mắt, tay phải cầm dao cắt đứt sợi gân và đặt con mắt vào bàn tay của bậc Đại sĩ.

Ngài nhìn con mắt phải ấy bằng mắt trái vừa cố chịu đau vừa phán:

– Này Bà-la-môn, hãy đến đây!

Khi vị Bà-la-môn đến gần, ngài nói tiếp:

– Nhãn quan Chánh giác còn thân thiết hơn nhãn quan này cả trăm lần, à không, cả ngàn lần kia. Đấy, các người đã hiểu lý do trẫm hành động như vậy.

Rồi ngài trao mắt cho vị Bà-la-môn. Lão liền đưa tay ra đón lấy mắt, đặt ngay vào chỗ mắt mình. Nhờ thần lực của vị ấy, con mắt dính chặt vào đó chẳng khác nào đóa sen xanh nở ra.

Khi bậc Đại sĩ dùng mắt trái nhìn thấy con mắt kia trên mặt của vị Bà-la-môn, ngài kêu lớn:

– Ôi, tốt lành thay là việc bố thí con mắt này của ta!

Rồi nỗi hân hoan sinh khởi trong tâm ngài làm rung động toàn thân, ngay giây phút ấy ngài lại bố thí luôn con mắt kia. Thiên chủ Đế-thích cũng đặt con mắt này vào lỗ mắt của mình, và từ cung vua, Thiên chủ ra đi, sau đó rời khỏi kinh thành trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người nhìn theo rồi trở về thiên giới.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm một vần kệ rưỡi:

67. Vua Sivi giục Sīvaka,
Hoàn tất mong cầu của đức vua,
Trao tặng Bà-la-môn thí vật,
Y sư lấy cặp mắt ngài ra,
Bà-la-môn có liền đôi mắt,
Chúa thượng giờ đây phải tối lòa.

***

Chẳng bao lâu, đôi mắt vua bắt đầu mọc lại, trong lúc chúng xuất hiện từ từ và trước khi lên đến đỉnh cao của hai lỗ mắt, một cục thịt lớn dần bên trong lỗ như thể trái cầu bằng lông thú, tựa hồ đôi mắt trên hình đứa trẻ nhồi bông, song nỗi đau đớn đã chấm dứt. Bậc Đại sĩ an nghỉ trong cung thất ít ngày. Sau đó, ngài suy nghĩ: "Một kẻ mù lòa còn dính líu gì đến việc trị nước nữa. Ta muốn giao quốc độ cho các triều thần rồi vào ngự viên, thành kẻ khổ hạnh sống đời thanh tịnh."

Ngài liền triệu tập quần thần, nói cho hội chúng nghe những việc ngài dự định làm. Ngài phán:

– Một người sẽ ở bên ta để rửa mặt, chăm sóc ta, làm những gì cần thiết và phải buộc một sợi dây để dắt ta đi về nơi ẩn dật.

Sau đó, ngài truyền gọi viên quan đánh xe của ngài đến và ra lệnh cho người ấy chuẩn bị vương xa. Song triều thần không muốn ngài ra đi bằng xe ngựa, họ đưa ngài lên đường trong chiếc kiệu bằng vàng và đặt ngài xuống bên cạnh bờ hồ, đứng vây quanh ngài, canh phòng cẩn thận xong lại ra về. Còn vua ngồi trong kiệu suy nghĩ đến việc bố thí của mình.

Lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích nóng rực lên. Thiên chủ xem xét và nhận thấy lý do kia: "Ta sẽ ban thưởng cho vua một điều ước", ngài suy nghĩ và làm đôi mắt của vua bình phục trở lại. Vì thế, Thiên chủ đến chỗ ấy. Khi không còn cách xa bậc Đại sĩ mấy, Thiên chủ cất bước đi đi lại lại quanh đó.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

68. Vài ngày qua cặp mắt vừa lành,
Bình phục dần nên lại hiện hình,
Đại đế Sivi nuôi quốc độ,
Triệu quan điều ngự của riêng mình.

69. "Ngự quan, chuẩn bị chiếc vương xa,
Rồi đến đây trình báo với ta,
Ta muốn vào khu rừng thượng uyển,
Đầy hồ sen, súng mọc chen hoa."

70. Quan đặt vua vào chiếc kiệu hoa,
Và đây, dừng kiệu ở bên bờ,

Suja phu tướng, ngài Thiên chủ,
Xuất hiện chính là đại Sakka.

Bậc Đại sĩ kêu lên khi ngài nghe tiếng bước chân kia:

– Ai đó?

Thiên chủ Đế-thích liền ngâm vần kệ:

71. Chính ta là Thiên chủ Sakka,
Ta đến đây tham kiến nhà vua,
Hãy chọn hồng ân, này thánh chúa,
Điều gì ngài ước, nói cùng ta!

Vua đáp lời qua vần kệ khác:

72. Sinh lực, kho vô tận bảo châu,
Ta đều bỏ lại hết đằng sau,
Thiên hoàng, ta chẳng mong gì nữa,
Trừ chết, vì ta có mắt đâu!

Sau đó, Thiên chủ hỏi:

– Này Đại vương Sivi, ngài cầu mong cái chết vì ngài muốn chết hay vì ngài mù lòa?

– Tâu Thiên chủ, vì ta mù lòa.

– Này Đại vương, tài vật bố thí tự nó không phải là hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa mà nó phải được bố thí với một cái nhìn hướng về đời sau. Tuy thế, vẫn còn có duyên cớ liên quan đến cuộc đời hiện tại này. Trước đây, người kia xin ngài chỉ một mắt, ngài lại cho cả hai, vậy ngài hãy phát nguyện nói lời chân thật về việc đó!

Rồi Thiên chủ ngâm kệ:

73. Chúa tể của loài lưỡng túc nhân,
Hãy nguyền nói đúng lẽ toàn chân,
Nếu ngài tuyên bố lời chân thật,
Đôi mắt ngài nay sẽ phục hoàn.

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Thiên chủ, nếu ngài muốn ban cho trẫm con mắt thì xin đừng cố tìm phương tiện gì khác nữa mà hãy làm cho mắt trẫm phục hồi như là kết quả hạnh bố thí của trẫm thôi!

Thiên chủ bảo:

– Này Đại vương, dù ta được chúng gọi là Đế-thích, chúa tể chư thiên, ta cũng không thể đem con mắt cho ai được cả. Tuy thế, nhờ thiện quả từ hạnh bố thí của Đại vương, chứ chẳng phải do việc gì khác mà mắt của Đại vương sẽ được phục hồi đó thôi.

Tiếp theo, vua ngâm kệ xác nhận việc bố thí của mình đã được thực hiện tốt đẹp chân chánh:

74. Loài nào bất kể, muốn cầu ân,
Hễ có ai nài nỉ lại gần,
Ai đến bất kỳ xin bố thí,
Lòng ta cũng thấy thật thương thân,
Nếu lời đại nguyện này chân thật,
Cầu mắt ta nay sẽ hiện dần!

Ngay khi ngài vừa thốt những lời này, một con mắt của ngài xuất hiện ra trong lỗ mắt. Sau đó, ngài ngâm đôi vần kệ để xin phục hồi con mắt kia:

75. Một đạo sĩ kia đến viếng ta,
Chỉ cần xin một mắt thôi mà,
Ta đà đem trọn đôi con mắt,
Bố thí La-môn khất sĩ già.

76. Hoan hỷ càng nhiều, lạc thọ tăng,
Chính hành động ấy đã ban phần,
Nếu lời nguyện ước này chân thật,
Mong được mắt kia cũng phục hoàn!

Lập tức con mắt thứ hai xuất hiện, song đôi mắt này không phải là tự nhiên hay của thần linh nào. Con mắt do Thiên chủ Đế-thích giả dạng Bà-la-môn ban cho không thể là con mắt tự nhiên mà có được. Còn về phương diện khác thì một con mắt thần linh không thể hóa hiện ra bất cứ sinh vật nào đã bị thương tật, nhưng thật sự cặp mắt này được gọi là nhãn quan toàn chân và tối thắng.

Vào lúc chúng xuất hiện, toàn thể triều thần tề tựu lại nhờ thần lực của Thiên chủ Đế-thích, và Thiên chủ Đế-thích đứng giữa hội chúng cảm hứng ngâm đôi vần kệ tán thán đức vua:

77. Đại đế Sivi bảo dưỡng dân,
Bài ca thánh thiện của Minh quân,
Cho ngài được hưởng phần ân huệ,
Vô giá này đây cặp mắt thần.

78. Xuyên qua tường, núi, đá, đồng bằng,
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,
Đôi mắt ngài đây đều thấy suốt,
Khoảng chừng trăm dặm ở mười phương.

Khi ngâm kệ xong, ngài vụt đứng trên không trước hội chúng này cùng với lời khuyến giáo bậc Đại sĩ phải tỉnh giác tu tập, rồi Thiên chủ trở về thiên giới.

Còn bậc Đại sĩ được các tùy tùng vây quanh, ngự xa giá về kinh thành

trong cảnh uy nghi trọng thể và ngài bước vào cung điện mệnh danh Candaka[10] (Khổng Tước nhãn, con mắt chim công).

Nguồn tin đức vua đã được phục hồi cặp mắt vang dậy khắp vương quốc Sivi. Toàn dân tập hợp lại để yết kiến ngài cùng với các cống vật trong tay. Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Giờ đây hội chúng này đã tụ họp đông đủ, ta sẽ tán thán việc bố thí vừa rồi đã làm." Ngài truyền lệnh dựng lên một ngôi đình ngay cổng thành, nơi đó ngài ngự trên một vương tòa với chiếc lọng trắng hoàng gia che trên đầu ngài, triệu tập các hội đoàn, dân chúng, quân sĩ lại, rồi ngài phán:

– Này dân chúng Sivi, nay các người đã nhìn thấy cặp thiên nhãn này thì đừng bao giờ ăn thứ gì mà không đem bố thí đi một ít!

Rồi ngài ngâm bốn vần kệ tuyên thuyết pháp lành:

79. Nếu mình được gợi ý thi ân,
Nào ai có từ chối được chăng,
Dù đó là phần cao quý nhất,
Của mình bảo vật giá vô ngần.
Dân chúng Sivi hội họp đoàn,
Đến đây nhìn cặp mắt trời ban!

80. Xuyên qua tường, núi, đá, đồng bằng,
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,
Đôi mắt ta đều trông thấy suốt,
Một trăm dặm trải khắp mười phương.

81. Từ bỏ thân mình giữa thế nhân,
Là điều cao quý nhất trên trần,
Ta đem bố thí mắt phàm tục,
Nên được trời cho cặp mắt thần.

82. Dân chúng này xem, hãy phát ban,
Nhường phần cho kẻ khác khi ăn,
Nếu làm việc ấy đầy tâm thiện,
Người sẽ sinh thiên, chẳng lỗi lầm!

Đức vua thuyết pháp qua bốn vần kệ này, về sau cứ mỗi nửa tháng vào ngày trai giới và mỗi ngày rằm, ngài lại thuyết pháp qua các vần kệ trên liên tục trước dân chúng quây quần đông đảo. Nghe lời ấy, dân chúng bố thí và làm nhiều thiện sự, cho nên đã đi lên gia nhập hội chúng cõi trời thật đông đúc.

***

Sau khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

---

[10] Bản CST viết Sucandaka.

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, các bậc Trí nhân ngày xưa không thỏa mãn việc bố thí ngoại tài nên đã bố thí cho bất cứ người nào ngẫu nhiên đến xin cả đôi mắt của chính mình lấy từ đầu ra nữa.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là phẫu thuật sư Sīvaka, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Thiên chủ Đế-thích, hội chúng của Như Lai là toàn dân và Ta chính là Vua Sivi.

§500. CHUYỆN THẦN NỮ CÁT TƯỜNG (*Sirimandajātaka*) (*J.* IV. 412)

Chuyện thần nữ Cát Tường này sẽ được kể đầy đủ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[11]

§501. CHUYỆN LỘC VƯƠNG ROHANTA (*Rohantamigajātaka*) (*J.* IV. 413)

Hãi kinh thần chết, hỡi Citta...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm (Veḷuvana) về Tôn giả Ānanda (A-nan) đã hy sinh tính mạng mình. Sự hy sinh này được miêu tả trong chương XXI, *Chuyện tiểu thiên nga*,[12] chuyện điều phục con voi Dhanapāla (Tài Hộ).

Sau khi Tôn giả đã hy sinh tính mạng mình vì bậc Đạo sư, Tăng chúng bàn tán việc ấy trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, Tôn giả Ānanda, sau khi đạt tri kiến đầy đủ về con đường tu tập giáo pháp, đã hy sinh tính mạng mình vì đấng Thập Lực (Dasabala).

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi Tăng chúng nói chuyện gì trong khi ngồi tại đó. Tăng chúng trình bày với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên vị ấy hy sinh tánh mạng vì Ta mà trước kia cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể cho hội chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, chánh hậu của vua tên là Khemā (Thái Hòa). Thời ấy, Bồ-tát được sinh làm con hươu ở vùng Tuyết Sơn, có màu da vàng óng ả tuyệt đẹp, em trai của ngài là Cittamiga và em gái ngài là Sutanā cũng có màu da như thế. Bấy giờ, Bồ-tát có tên Rohanta (Lỗ-hân), làm chúa tể đàn hươu lớn. Ngài băng ngang qua hai ngọn núi lớn nhất dãy Tuyết

[11] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

[12] Xem *J.* V. 333, *Cullahaṁsajātaka* (*Chuyện tiểu thiên nga*), số §533.

Sơn, đến giữa ngọn núi thứ ba ngài quyết định sống bên hồ Rohanta và được cả bầy hươu nai tám mươi ngàn con vây quanh hầu hạ. Thời ấy, ngài phụng dưỡng song thân già cả, mù lòa.

Bấy giờ, một người thợ săn ở trong một làng thợ săn gần Ba-la-nại đi đến vùng Tuyết Sơn và chợt thấy Bồ-tát. Lão trở về làng mình và vào lúc lâm chung, lão dặn con trai:

– Này con, ở một nơi nọ trong vùng đất cha săn bắn có một con hươu màu vàng óng, nếu khi nào đức vua hỏi thì con hãy tâu trình với ngài về chuyện đó!

Một ngày kia, Hoàng hậu Khemā trong một giấc mộng về sáng, nằm mơ thấy cảnh như vầy: Một con hươu màu vàng óng ngồi trên một chiếc kim đôn thuyết pháp cho hoàng hậu nghe bằng giọng nói ngọt ngào như mật, chẳng khác gì tiếng chuông ngân vang. Song trước khi bài giảng chấm dứt, con hươu đứng lên và chạy mất, bà giật mình tỉnh dậy và kêu to:

– Bắt lấy con hươu!

Các nữ tỳ nghe tiếng bà kêu, bật cười giòn giã:

– Đây là cung thất đóng kín mọi cửa lớn lẫn cửa sổ, ngay cả một mảy gió cũng không lọt vào được, giữa lúc này mà Lệnh bà gọi lớn bảo bắt con hươu kia.

Đến khi ấy bà mới biết đó chỉ là giấc mộng. Song bà tự nhủ: "Nếu ta bảo đó là giấc mộng thì đức vua sẽ không để ý. Nhưng nếu ta bảo đó là nỗi ước ao của một thai phụ thì ngài sẽ quan tâm lo lắng ngay. Vậy ta quyết phải nghe cho được lời thuyết pháp của chính con hươu màu hoàng kim ấy!"

Sau đó, bà liền nằm xuống giả vờ ngã bệnh. Vua bước vào, ngài hỏi:

– Này Ái khanh, có việc gì thế?

– Ôi tâu Chúa thượng, đó chỉ là nỗi ao ước tự nhiên của thần thiếp.

– Thế Ái khanh muốn điều gì?

– Thần thiếp ước ao được nghe lời thuyết pháp của một con hươu màu hoàng kim chân chánh.

– Kìa Ái khanh, điều Ái khanh ao ước không hề có, chẳng bao giờ có con vật nào là loài hươu hoàng kim cả.

Bà đáp:

– Nếu thần thiếp không được như ý, thần thiếp sẽ phải chết ngay lập tức.

Bà liền quay lưng lại về phía vua và nằm im. Vua bảo:

– Nếu có một con vật như thế trên đời này thì nó sẽ được bắt về ngay.

Sau đó, vua hỏi triều thần và các Bà-la-môn như trong *Chuyện con công*,[13] để xem thử có loài vật nào là hươu hoàng kim chăng. Khi được biết là hiện có, ngài triệu tập các thợ săn vào và hỏi:

[13] Xem *J.* II. 33, *Morajātaka* (*Chuyện con công*), số §159.

– Trong các ngươi, ai đã từng thấy hoặc nghe nói về một con vật như thế chăng?

Con trai của lão thợ săn mà ta đã nói trên đây liền kể lại câu chuyện gã nghe được. Vua phán:

– Này ngươi, khi nào ngươi đem về cho trẫm con hươu kia thì trẫm sẽ ban thưởng cho ngươi rất trọng hậu, vậy ngươi hãy đi tìm kiếm nó và đem về đây!

Ngài bảo đưa tiền lộ phí cho gã và bảo gã lui ra. Người thợ săn tâu:

– Xin Chúa thượng đừng lo, nếu như tiểu thần không đem được con hươu ấy về thì tiểu thần cũng đem được bộ da nó về, nếu không đem được da thì cũng đem được lông nó về đây.

Sau đó, người ấy trở lại nhà, đưa số tiền vua ban cho gia đình mình rồi ra đi vào rừng và trông thấy lộc vương. Gã suy nghĩ: "Ta phải đặt bẫy ở đâu để bắt hươu đây?" Gã thấy ngay cơ hội tốt ở chỗ hươu nai uống nước. Gã kết một sợi dây bằng da thật chặt và đặt sợi dây vào một cái sào ở nơi mà Bồ-tát thường xuống để uống nước.

Hôm sau, Bồ-tát cùng với tám mươi ngàn con hươu trong lúc tìm kiếm thức ăn, đi đến đó để uống nước tại bến sông thường lệ. Ngài vừa đặt chân xuống liền bị kẹt ngay vào dây thòng lọng. Ngài suy nghĩ: "Nếu ta rống lên tiếng kêu bị nạn thì cả đàn hươu sẽ kinh hoàng chạy trốn mà không được ăn uống gì cả." Vì thế, mặc dầu ngài bị siết chặt ở đầu cây sào, ngài vẫn đứng giả vờ uống nước như thể đang còn được tự do.

Khi tám mươi ngàn con hươu đã uống xong và bấy giờ chúng đã bước ra khỏi nước, ngài liền lắc mạnh cái thòng lọng ấy ba lần cố làm nó đứt ra. Lần đầu ngài làm rách da, lần thứ hai nó đâm sâu vào thịt và lần thứ ba làm giãn gân ra, vì thế cái thòng lọng siết tới tận xương tủy. Sau đó, vẫn không thể nào phá đứt thòng lọng, ngài rống lên tiếng kêu bị nạn. Cả bầy hươu kinh hoàng chạy thoát thân thành ba đàn lớn.

Cittamiga không tìm được Bồ-tát trong ba đàn ấy liền suy nghĩ: "Mối hiểm họa này vừa xảy ra cho bọn ta đã gieo xuống đại huynh của ta." Khi quay lại, chú hươu em thấy ngài đã bị mắc bẫy thật chặt. Bồ-tát chợt thấy em mình liền kêu lên:

– Này hiền đệ, đừng đứng đây nữa, ở đây nguy hiểm lắm!

Rồi ngài ngâm kệ, thúc giục em chạy trốn:

104. Hãi kinh thần chết, hỡi Citta,
Cả đám hươu kia chạy thoát xa,
Hiền đệ hãy đi, vì bọn chúng
Cùng em sẽ sống, chớ chần chờ.

Ba vần kệ sau do hai anh em đối đáp nhau.

[Citta:]

105. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng lìa anh tại nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tấm thân.

[Rohanta:]

106. Chẳng ai bảo dưỡng lại mù lòa,
Phải chết song thân, mẹ lẫn cha,
Em hãy về ngay cùng phụ mẫu,
Hỡi em đừng nấn ná gần ta.

[Citta:]

107. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng rời anh ở nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tấm thân.

Rồi Citta đứng vững làm chỗ dựa cho Bồ-tát ở bên phải và cố làm vui vẻ để ngài phấn khởi tinh thần.

Còn Sutanā là bé hươu còn non tơ, cứ chạy quanh quẩn giữa bầy hươu, song không tìm thấy hai anh đâu cả, cô bé hươu non suy nghĩ: "Chắc tai họa đã xảy ra cho hai anh của ta rồi." Bé hươu quay lại, đến chỗ hai anh. Và khi Bồ-tát thấy em gái tới liền ngâm vần kệ thứ năm:

108. Hươu nhút nhát, mau chạy trốn xa,
Bạo tàn thòng lọng siết chân ta,
Hãy đi theo chúng đừng lưu luyến,
Em phải sống cùng với mẹ cha!

Ba vần kệ sau lại được hai anh em đối đáp như trên.

[Sutanā:]

109. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng rời anh ở nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tấm thân.

[Rohanta:]

110. Chẳng ai bảo dưỡng lại mù lòa,
Phải chết song thân, mẹ lẫn cha,
Em hãy về ngay cùng phụ mẫu,
Hỡi em đừng nấn ná gần ta!

[Sutanā:]

111. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,

Em liều mất mạng, song không thể,
Bỏ mặc anh sa bẫy buộc chân.

Như vậy, nàng hươu non cũng không chịu nghe lời ngài nên cứ đứng bên cạnh ngài mà an ủi vỗ về.

Bấy giờ, người thợ săn thấy bầy hươu đã chạy trốn mất và nghe tiếng kêu của con vật mắc nạn. "Ắt hẳn là hươu chúa đã bị lọt bẫy rồi!" Gã nói xong, nai nịt dây đai thật kỹ và chạy vội đi.

Bồ-tát thấy gã đến liền ngâm vần kệ thứ chín:

112. Thợ săn hung dữ, giáo trong tay,
Nhìn gã kìa đang bước đến đây,
Rồi với mũi tên hay ngọn giáo,
Chúng mình, gã giết nội ngày nay.

Cittamiga không chạy trốn, dù chú hươu này cũng trông thấy gã thợ săn. Còn bé Sutanā không đủ mạnh dạn để đứng yên, cứ vẫn chạy loanh quanh vì sợ chết. Rồi nàng hươu bé bỏng kia suy nghĩ: "Ta sẽ chạy thoát đi đâu nếu ta bỏ mặc các anh của ta?" Thế là cô nàng quay lại, đành chịu hy sinh tánh mạng, mặc cho tử thần ghi dấu trên đôi mày và đứng yên phía bên trái anh mình.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười để giải thích việc này:

113. Hươu non mềm yếu quá kinh hoàng,
Sợ hãi chạy quanh cố kiếm đường,
Rồi có hành vi đầy quyết liệt,
Vì nàng đành chịu phận đau thương.

Khi người thợ săn đến nơi, gã thấy cả ba sinh vật này đứng bên nhau. Một ý tưởng từ mẫn thương xót nổi lên trong lòng, vì gã đoán chúng là anh em cùng một mẹ. Gã suy nghĩ: "Chỉ một mình hươu chúa đàn bị mắc bẫy, còn hai hươu kia thì bị ràng buộc bởi những mối liên hệ thương yêu tôn trọng mà thôi. Thế chúng có họ hàng gì với hươu chúa chăng?" Gã hỏi câu ấy như vầy:

114. Đôi lộc dù không bị buộc chân,
Là ai, chầu chực cạnh tù nhân?
Không đành bỏ mặc chàng hươu chúa,
Và chạy trốn đi để thoát thân.

Bồ-tát liền đáp:

115. Em gái, em trai ấy thật là,
Cùng chung một mẹ đã sinh ra,
Không đành phận được riêng mình sống,
Bỏ mặc ta trơ trọi đấy mà.

Những lời này lại làm cho tim gã mềm dịu, xúc cảm tột độ. Lộc vương đệ Citta nhận thấy lòng gã thợ săn đã trở thành thân ái nhu hòa liền nói:

– Này hiền hữu thợ săn, hiền hữu đừng tưởng rằng đây là một con hươu tầm thường không có gì khác, ngài đây chính là lộc vương của tám mươi ngàn con hươu. Ngài đã sống đời đạo hạnh, có từ tâm đối với muôn loài và trí tuệ cao minh, ngài đã phụng dưỡng song thân nay đã già cả, mù lòa. Nếu hiền hữu giết một bậc chân chánh như vậy tức là giết chết song thân ta, em gái ta và ta nữa, luôn năm mạng tất cả. Còn nếu hiền hữu tha mạng ngài là hiền hữu đem cuộc sống lại cho cả năm mạng chúng ta đó.

Rồi hươu này ngâm kệ:

116. Chẳng ai chăm sóc lại mù lòa,
Đành phải chết luôn cả mẹ cha,
Thiện hữu hãy tha năm mạng ấy,
Và xin thiện hữu thả anh ta!

Khi người thợ săn nghe lời thuyết giáo đầy hiếu thảo này, lòng gã vô cùng hoan hỷ, gã đáp:

– Xin chúa hươu đừng sợ!

Rồi gã ngâm tiếp kệ đáp lời:

117. Thôi được, này xem ta thả ra,
Chúa hươu hiếu dưỡng mẹ cùng cha,
Khi nhìn con bảo toàn thân mạng,
Cha mẹ vui mừng sẽ múa ca.

Trong khi nói thế, gã suy nghĩ: “Nay ta còn thiết gì đến đức vua cùng các danh vọng ngài ban cho nữa? Nếu ta làm hại hươu chúa này thì hoặc là mặt đất sẽ há miệng ra nuốt chửng ta, hoặc là thiên lôi sẽ giáng xuống đánh tan xác ta. Vậy ta quyết thả hươu này thôi.” Vì thế, gã đến gần Bồ-tát, hạ cây sào xuống và cắt sợi dây da. Sau đó, gã ôm lấy hươu chúa vào lòng, đặt hươu xuống gần mặt nước, nhẹ nhàng từ tốn tháo gỡ nút dây thòng lọng ra khỏi chân hươu, nối các đầu dây gân lại với nhau, làm kín vết thương trên da thịt cùng các mép da bị xây xát, lấy nước rửa sạch máu, rồi cứ thoa bóp khắp mình mẩy hươu một cách đầy thương xót.

Nhờ uy lực của lòng nhân ái kia cùng với công hạnh viên mãn của Bồ-tát (thập hạnh Ba-la-mật) nên toàn thân ngài bình phục như trước, đủ gân, da, thịt, lông tơ và da non bao phủ cẳng chân nên không ai đoán biết được chỗ nào hươu đã bị trọng thương. Bồ-tát đứng tại đó và tràn ngập hạnh phúc trong lòng. Cittamiga nhìn ngài vô cùng hoan hỷ nên ngỏ lời cảm tạ người thợ săn qua vần kệ này:

118. Chú thợ, cầu mong phước lộc tràn,
Ước ao hạnh phúc cả thân bằng,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm,
Đại lộc vương nay được thoát nàn.

Lúc ấy, Bồ-tát suy nghĩ: "Phải chăng vì tự ý mà người thợ săn đánh bẫy ta, hay do lệnh của một ai khác?" Và ngài hỏi nguyên nhân bắt hươu này. Người thợ săn đáp:

– Thưa chúa hươu, kẻ hèn này không có liên can gì đến chúa hươu cả, chính Vương hậu Khemā của đức vua ước mong nghe ngài thuyết giảng Chánh pháp, cho nên kẻ hèn này đã đánh bẫy ngài theo lệnh vua truyền.

– Hiền hữu, bạn đã dám cả gan thả ta ra ư? Mau lên, đưa ta vào yết kiến đức vua, rồi ta sẽ thuyết giáo trước mặt hoàng hậu.

– Quả thật, tâu chúa hươu, các vua chúa thường ác độc lắm. Làm sao ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra? Kẻ hèn này chẳng màng thứ công danh gì mà đức vua có thể ban cho mình đâu. Vậy ngài hãy ra đi nơi nào như ý!

Nhưng Bồ-tát lại suy nghĩ rằng gã thả ngài ra là một việc quá liều lĩnh nên ngài phải tìm cơ hội cho gã đạt vinh quang, danh vọng đã được vua hứa hẹn trước ấy. Vì thế, ngài bảo:

– Này hiền hữu, hãy lấy tay xát mạnh vào lưng ta!

Gã làm y lời, bàn tay gã liền dính đầy lông tơ vàng óng.

– Thưa chúa hươu, kẻ hèn này sẽ làm gì với đám lông tơ này đây?

– Này hiền hữu, hãy đem chúng về trình lên đức vua cùng hoàng hậu, tâu các ngài rằng đây là đám lông tơ của hoàng kim lộc vương kia, rồi hãy thay mặt ta thuyết giáo cho hai vị ấy nghe các lời kệ mà ta sắp ngâm đây! Khi hoàng hậu nghe lời hiền hữu như thế là cũng đủ làm thỏa mãn niềm khát khao của hoàng hậu rồi.

– Lộc vương, xin ngài hãy thuyết pháp!

Người thợ săn nói và hươu chúa dạy cho gã mười vần kệ về đời sống Thánh hạnh, trình bày ngũ giới và bảo gã ra đi với lời dặn dò, khuyên nhủ gã phải tỉnh giác hộ phòng.

Người thợ săn cư xử với Bồ-tát như cách người ta tôn trọng một bậc thầy vậy. Gã đi nhiễu quanh ngài ba lần hướng về phía hữu, đảnh lễ bốn lần rất cung kính và gói ghém đám lông tơ vàng ấy trong ngọn lá sen rồi ra đi. Ba anh em chúa hươu tiễn đưa gã đi một đoạn đường. Sau khi ăn uống xong, ba vị liền trở về với cha mẹ. Song thân vội hỏi ngài:

– Này con yêu Rohanta, cha mẹ đã nghe con bị bắt, làm sao con trở về được tự do đây?

Hai vị hỏi qua vần kệ:

119. Làm thế nào con được tự do,
Khi đời con suýt dứt đường tơ,
Sao người săn nọ cho con thoát,
Chiếc bẫy giăng kia đã phỉnh lừa?

Bồ-tát ngâm ba vần kệ đáp lời:

120. Citta đã giải thoát cho con,
Bằng những lời rung động tâm hồn,
Mê mẩn đôi tai, xuyên thấu dạ,
Lời đưa trong sáng thật du dương.

121. Sutanā đã giải thoát cho con,
Bằng những lời rung động tâm hồn,
Mê mẩn đôi tai, xuyên thấu dạ,
Lời đưa trong sáng thật du dương.

122. Chú thợ kia đã giải thoát con,
Khi nghe lời nói thật mê hồn,
Thấm sâu tâm trí, xuyên vào dạ,
Lời lẽ thanh tao dịu ngọt tuôn.

Song thân của ngài bày tỏ lòng cảm ơn bằng một vần kệ:

123. Ta chúc người, gia quyến, vợ con,
Cầu mong các vị phước duyên tròn,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm,
Nay Rohanta được thoát nàn.

Bấy giờ, người thợ săn ra khỏi rừng đi về yết kiến vua, gã đảnh lễ ngài và đứng chầu một bên. Khi vua trông thấy gã liền bảo:

124. Lạp hộ, mau lên nói trẫm hay,
Nhà ngươi có phải muốn thưa vầy,
"Tâu Hoàng thượng, tấm da hươu chúa,
Nay tiểu thần dâng ngự lãm ngay."
Hoặc giả da hươu ngươi chẳng có,
Để dâng, vì cớ sự gì đây?

[Thợ săn:]

125. Chúa hươu đã đến tận tay rồi,
Vào bẫy nằm sâu kín của tôi.
Bị bắt liền, song đôi lộc khác,
Thong dong chầu chực một bên ngài.

126. Xót thương, thần rợn cả làn da,
Từ mẫn lạ thường mới khởi ra:
"Nếu giết hươu này [thần nghĩ ngợi],
Đời thần ắt cũng hóa ra ma!"

[Nhà vua:]

127. Lạp hộ, bầy hươu ấy thế nào,
Phong tư, cốt cách chúng ra sao,
Màu lông, đặc tính gì trong chúng,
Xứng đáng lời kia tán tụng cao?

Vua cứ hỏi đi hỏi lại câu này mãi như thể một người tràn đầy kinh ngạc. Gã thợ săn đáp lời qua vần kệ:

128. Đôi sừng như bạc, dáng cao sang,
Với bộ lông, da sáng rỡ ràng,
Chân đỏ, mắt ngời sao chói lọi,
Toàn thân tuyệt mỹ giữa trần gian.

Trong lúc vừa ngâm kệ, gã vừa đem đặt vào lòng bàn tay vua một nắm lông tơ vàng ánh của Bồ-tát, và qua một vần kệ khác, gã trình bày sơ lược đặc tính của các hươu này:

129. Phong tư, cốt cách chúng như vầy,
Tâu Chúa công, là đám lộc này,
Chúng vẫn tìm mồi nuôi phụ mẫu,
Thần không đem được chúng về đây.

Qua những lời này, gã miêu tả các đức tính của Bồ-tát, chú hươu em Citta và cô bé hươu non Sutanā, rồi nói thêm điều này:

– Tâu Đại vương, hươu chúa cho tiểu thần một nắm lông, lại bảo thần thay thế địa vị ngài ấy mà thuyết pháp trước hoàng hậu qua mười vần kệ về cách thực hành bổn phận chân chánh của nhà vua.

Nghe xong, vua sai người tắm gội, thay đồ mới cho gã, rồi đặt gã thợ săn lên chiếc vương tòa được chạm cẩn với bảy loại châu báu, còn chính vua cùng hoàng hậu ngồi trên một bảo tòa thấp hơn đặt ở một bên, cung kính chắp tay, thỉnh cầu gã thuyết giảng. Người thợ săn thuyết giảng như vầy:

Tâu Hoàng thượng, đối với song thân,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Với đàn thê tử, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Đại vương với thân hữu, quần thần,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Trong bước lãng du hoặc chiến trường,
Thực hành đường lối sống thuần lương,
Vì nhờ sống cuộc đời chân chánh,
Thiên giới sẽ về, tấu Đại vương.

Trong làng, thị trấn, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Mọi miền quốc độ, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Với các Sa môn, Bà-la-môn,
Thực hành đường lối sống Hiền nhân,
Vì nhờ sống cuộc đời chân chánh,
Thiên giới sẽ về, tấu Đại vương.

Với loài cầm thú, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Từ đây nguồn hạnh phúc tuôn tràn,
Nhờ đi theo cuộc đời chân chánh,
Chúa thượng sẽ lên cõi ngọc đường.

Hộ phòng tỉnh giác, tấu Quân vương,
Tiến bước trên đường lối thiện lương,
Thiên chủ, chư thiên cùng giáo sĩ,
Từ lâu đã đạt cõi thiên đường.

Ngàn xưa đây chính các phương ngôn,
Đi đúng theo đường lối Trí nhân,
Thiên nữ được tràn đầy hạnh phúc,
Tự mình thăng tiến cõi thiên đường.

Người thợ săn đã thuyết pháp như trên theo cách Bồ-tát đã giảng bày cho gã với tài năng của một bậc Giác ngộ, chẳng khác nào người đem từ bầu trời xuống trần thế cả dải thiên hà kia. Hội chúng gồm đủ ngàn giọng nói đồng reo hò tán thán. Lòng khát khao của hoàng hậu đã được thỏa mãn lúc bà nghe lời thuyết pháp ấy. Vua đầy hoan hỷ liền ngâm các vần kệ này khi ngài ban thưởng người thợ săn đại vinh hoa phú quý:

130. Nạm ngọc vòng tai, trẫm muốn ban,
Tặng khanh cùng với sáu cân vàng,
Xinh tươi bảo tòa như hoa tấm,
Với nệm, nằm chen cả bốn hàng.

131. Hai vợ cùng giai cấp xứng đôi,
Trâu bò thưởng đúng một trăm rồi,
Trẫm nguyền sẽ trị dân công chính,
Mãi mãi, ân nhân của trẫm ôi!

132. Cho vay, cày ruộng hoặc kinh doanh,
Hễ đó là nghề nghiệp của khanh,
Trẫm thấy khanh không làm việc ác,
Song nhờ đó cấp dưỡng gia đình.

Khi nghe vua nói những lời này, người ấy đáp:

– Tiểu thần không có nhà cửa hay gia đình gì nữa, xin Chúa thượng cho phép tiểu thần được làm ẩn sĩ khổ hạnh.

Sau khi được vua chấp thuận, người ấy đem mọi vật vua ban thưởng trọng hậu ấy về cho vợ con, gia đình xong rồi lại ra đi lên vùng Tuyết Sơn. Nơi đây, người ấy sống theo đời khổ hạnh, tu tập tám thiền chứng và được sinh lên cõi Phạm thiên. Còn vua vẫn tuân hành lời giáo huấn của Bồ-tát nên về sau lên cộng trú với hội chúng chư thiên dục giới. Lời giáo huấn ấy tồn tại cả ngàn năm sau nữa.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, xưa kia cũng như bây giờ, Ānanda hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Channa (Xa-nặc) là người thợ săn, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vua, một Tỷ-kheo-ni là Hoàng hậu Khemā, hai người trong hoàng tộc là mẹ cha của hươu chúa, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là Sutanā, Ānanda (A-nan) là Citta, dòng họ Sākya (Thích-ca) này là đàn hươu tám mươi ngàn con và Ta chính là lộc vương Rohanta.

§502. CHUYỆN THIÊN NGA CHÚA (*Haṁsajātaka*)[14] (*J.* IV. 423)

Kìa đám thiên nga cất cánh bay...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về việc Tôn giả Ānanda hy sinh tính mạng.

Lúc ấy, Tăng chúng đang bàn luận trong pháp đường về các đức tính của Tôn giả này thì bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì tại đó. Rồi Ngài bảo:

[14] Xem *J.* V. 359, *Mahāhaṁsajātaka* (*Chuyện đại thiên nga*), số §534.

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ānanda từ bỏ tính mạng vì Ta mà xưa kia cũng đã làm như thế.

Và Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, có một vị vua ngự trị tại thành Ba-la-nại mệnh danh là Bahuputtaka (thân phụ của nhiều vương tử) và chánh cung hoàng hậu của ngài là Khemā (Thái Hòa).

Thuở ấy, Bồ-tát sống trên đỉnh Cittakūṭa, ngài là chúa tể của chín mươi ngàn con thiên nga sau khi được sinh làm chim thiên nga với màu lông vàng ánh.

Thuở ấy, như đã thuật trước đây, chánh hậu nằm mộng và tâu vua rằng bà đã mang nỗi khát khao của một thai phụ muốn nghe chim kim nga thuyết pháp. Khi vua hỏi xem có loài vật nào như chim kim nga chăng, và ngài được báo tin là hiện có loài ấy trên đỉnh Cittakūṭa. Sau đó, ngài bảo xây cái hồ đặt tên là Khemā, lại truyền lệnh trồng đủ loại ngũ cốc làm thực phẩm, hằng ngày rao truyền khắp tứ phương, ban bố lệnh bảo vệ hồ ấy, rồi phái một thợ săn đến bắt thiên nga.

Người này được phái đi cách nào, người ấy canh chừng chim muông ra sao, tin tức được tâu trình vua khi bầy thiên nga xuất hiện như thế nào, cái bẫy được giăng theo kiểu gì và Bồ-tát bị mắc vào bẫy, rồi đại tướng thiên nga Sumukha (Sư-mục-kha) không thấy ngài trong ba đàn chim kia liền trở về tìm ngài ra sao, tất cả những chi tiết này sẽ xuất hiện trong *Chuyện đại thiên nga,*[15] trong đó thiên nga chúa có tên Dhataraṭṭha.

Bấy giờ, ngay lúc Bồ-tát bị bắt vào thòng lọng và cây sào, dù cho ngài đang treo lủng lẳng trong chiếc thòng lọng ở đầu cây sào, ngài cũng cố vươn cổ ra nhìn theo hướng bầy chim đã bay trốn và chợt thấy tướng Sumukha quay trở lại, ngài suy nghĩ: "Khi chim tướng đến đây, ta sẽ thử lòng chim tướng ấy xem sao." Vì thế, khi chim kia đến, Bồ-tát ngâm ba vần kệ:

133. Kìa đám thiên nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hãi kinh đầy,
Đi ngay, Sư-mục lông vàng óng,
Khanh muốn gì chăng ở chốn này.

134. Họ hàng ta đã bỏ rơi ta,
Bọn chúng đều cao chạy vút xa,
Đào tẩu ngay, không hề nghĩ lại,
Sao khanh đơn độc ở đây mà?

135. Thiên nga cao thượng hãy bay về,
Tù tội, thân không có bạn bè,

[15] *Như trên.*

Lúc được tự do, Sư-mục hỡi,
Bay đi, đừng bỏ dịp may kề.

Nghe vậy, tướng quân Sumukha đáp lời lúc đang đậu trên vũng bùn:

136. Không, thần sẽ chẳng bỏ nga vương,
Khi đến gần tai họa thảm thương,
Song ở lại đây, thần đã quyết,
Bên ngài dù sống chết không màng.

Như thế, Sumukha đã cất giọng sư tử hống và chim chúa Dhataraṭṭha đáp kệ này:

137. Những lời khanh nói thật anh hùng,
Đại tướng ôi, cao cả tấm lòng,
Vì muốn thử lòng hiền hữu đó,
Trẫm đà bảo bạn hãy phi thân!

Trong lúc hai vị đang trò chuyện với nhau như vậy, người thợ săn vừa tới nơi, cầm gậy trong tay, gã chạy như bay hết tốc lực. Sumukha khuyến khích chim chúa Dhataraṭṭha cho phấn khởi tinh thần, rồi bay ra đón người thợ săn, kính cẩn đề cao đức hạnh của chim chúa đàn. Lập tức, tâm hồn người thợ săn trở nên nhu hòa. Sumukha nhận thấy ngay điều này liền quay lại đứng cạnh thiên nga chúa để khích lệ ngài phấn khởi tinh thần. Còn người thợ săn tiến đến gần chim chúa và ngâm vần kệ thứ sáu:

138. Bọn chúng đều co cẳng vút bay,
Bầy chim tung cánh giữa trời mây,
Thiên nga vương giả, sao chim chẳng,
Trông thấy từ xa chiếc bẫy này?

Bồ-tát đáp lại:

139. Khi đời sắp sửa phút lâm chung,
Giờ tử thần đang tiến lại gần,
Dù bạn đứng kề bên chiếc bẫy,
Cũng không thấy bẫy đặt dây giăng.

Người thợ săn hài lòng với lời nhận xét của chim chúa liền ngâm thêm ba vần kệ hỏi Sumukha:

140. Kìa đàn thiên nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hãi kinh thay,
Còn thiên nga có sắc vàng óng,
Bị bỏ rơi còn nán đợi đây.

141. Cả đàn thiên nga đã uống ăn,
Rồi bay về hết, chẳng quan tâm,
Qua không gian chúng lao vùn vụt,
Và bỏ mặc chim chỉ một thân.

142. Có gì quan hệ với chim này,
Khi cả đàn ruồng rẫy vụt bay,
Dù được tự do, chim ở lại,
Một mình kết bạn kẻ tù đày?

Sumukha đáp lời:

143. Chim chúa là đây, bạn chí tình,
Thiết thân như chính cuộc đời mình,
Bỏ ngài ư, chẳng bao giờ có,
Dù lúc tử thần gọi đích danh!

Nghe thế, người thợ săn vô cùng hoan hỷ và nghĩ thầm: "Ví thử ta làm hại các sinh vật đức hạnh như thế này, chắc chắn mặt đất sẽ há miệng ra và nuốt chửng ta đi mất. Ta còn thiết gì đến ân thưởng vua ban nữa. Ta quyết thả chúng ra thôi." Rồi gã ngâm kệ:

144. Thấy rằng vì trọng nghĩa thân bằng,
Chim sẵn sàng từ bỏ tấm thân,
Ta thả chúa chim đồng mệnh ấy,
Để cùng nhau khắp chốn đằng vân.

Vừa nói lời này xong, gã kéo nga vương Dhataraṭṭha xuống khỏi cây sào, nới lỏng dây thòng lọng ra và đem thiên nga tới bờ hồ, rửa sạch máu trên thân chim với lòng đầy xót thương, rồi thoa bóp các bắp thịt cùng gân cốt bị trặc khớp lại cho đúng chỗ. Nhờ tâm từ ái của người thợ săn cùng uy lực các công hạnh viên mãn của Bồ-tát nên lập tức chân ngài lành mạnh như trước, không còn một dấu vết nào chứng tỏ ngài đã bị mắc bẫy cả. Tướng quân Sumukha chiêm ngưỡng Bồ-tát với lòng hân hoan và cảm tạ qua những lời này:

145. Lạp hộ cùng thân hữu, họ hàng,
Cầu mong các vị phước ân tràn,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm,
Chim chúa giờ đây thoát buộc ràng.

Khi người thợ săn nghe lời này, gã nói:

– Này Hiền hữu, ngài có thể bay đi rồi đấy.

Lúc ấy, Bồ-tát bảo gã:

– Thưa Hiền giả, thế ngài đã bắt ta theo ý riêng của ngài hay do lệnh một người khác?

Gã liền kể cho ngài nghe mọi sự. Chim chúa tự hỏi nên trở về đỉnh Cittakūṭa hay đi vào kinh thành kia. Ngài suy nghĩ: "Nếu ta vào thành thì người thợ săn sẽ được vua ban thưởng, nỗi khao khát của hoàng hậu sẽ được thỏa mãn, tình bằng hữu của Sumukha sẽ được mọi người biết rõ, rồi cũng nhờ công đức trí tuệ của ta, ta sẽ được vua ban thưởng hồ Khemā như một đặc ân. Vậy ta vào thành thì hơn." Quyết định xong ngài nói:

– Này thợ săn, bạn hãy mang chúng ta trên đòn gánh của bạn, đưa vào yết kiến đức vua và nếu ngài muốn, ngài sẽ thả ta ra!

– Này chúa chim ơi! Tính vua chúa bạo tàn lắm, vậy các ngài cứ đi đường của các ngài cho yên thân.

– Sao thế? Ta đã làm mềm lòng một thợ săn như bạn mà ta lại không chiếm được ân sủng của vua chúa kia ư? Cứ để việc ấy cho ta lo liệu, này bạn hữu, phần của bạn là mang chúng ta đến yết kiến đức vua.

Người ấy đành tuân lời. Khi vua nhìn thấy đôi thiên nga, ngài rất đẹp ý. Ngài đặt đôi chim lên một cành đậu bằng vàng, bảo đem mật ong và hạt mễ cốc rang chín cùng nước đường lên mời đôi chim, sau đó ngài đưa đôi tay lên thỉnh cầu đôi chim thuyết pháp. Nga vương thấy vua tha thiết nghe pháp như thế nên trước tiên ngài nói với vua bằng những lời lẽ nhu hòa êm ái.

Sau đây là các vần kệ trình bày câu chuyện giữa vua và thiên nga chúa:

[Thiên nga:]

146. Đại vương, ngọc thể có khang an,
Quý quốc giờ đây có hưởng tràn,
Hạnh phúc, giàu sang cùng thịnh vượng,
Và ngài trị nước thật công bằng?

[Đức vua:]

147. Thiên nga, đây trẫm được khang an,
Và bổn quốc đây được vẹn toàn,
Hạnh phúc, giàu sang cùng thịnh vượng,
Với nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

148. Triều đình ngài chẳng phạm sai lầm,
Và đám quốc thù vẫn biệt tăm,
Bọn chúng chẳng bao giờ xuất hiện,
Khác nào bóng tối hướng Nam chăng?

[Đức vua:]

149. Triều thần trẫm chẳng thấy sai lầm,
Và đám quốc thù vẫn biệt tăm,
Bọn chúng chẳng bao giờ xuất hiện,
Khác nào bóng tối ở phương Nam.

[Thiên nga:]

150. Phải chăng chánh hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi thánh ý chờ mong?

[Đức vua:]

151. Thưa vâng, chánh hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi ý trẫm hằng mong.

[Thiên nga:]

152. Đại đế nuôi dân, ngài có đông,
Hoàng nam được dưỡng dục oai phong,
Thông minh ứng đối, người nhu thuận,
Bất cứ việc gì cũng gắng công?

[Đức vua:]

153. Nga vương, trẫm có đủ hoàng nam,
Nổi tiếng một trăm lẻ một chàng,
Dạy bảo chúng làm tròn phận sự,
Chúng không bỏ dở các lời vàng.

Nghe điều này, Bồ-tát khuyến giáo hội chúng qua năm vần kệ:

154. Kẻ hoãn trì cho quá muộn màng,
Thiện hành mà chẳng gắng công làm,
Dù nhiều đức tính, dòng cao quý,
Cũng vẫn chìm sâu xuống dưới dòng.

155. Người kia tri kiến cứ tàn dần,
Tổn hại lớn lao, nó lãnh phần,
Như kẻ quáng gà vì bóng tối,
Khi nhìn mọi vật hóa phồng căng,
Gấp đôi tầm cỡ thường nơi chúng,
Vì có nhãn quan chẳng vẹn toàn.

156. Ai nhìn hư vọng thấy toàn chân,
Chẳng đạt chút nào trí tuệ thông,
Như thể trên đường đèo lởm chởm,
Bầy hươu nai vẫn té nhào lăn.

157. Nếu người nào dũng cảm can cường,
Đức hạnh mến yêu, giữ đúng đường,
Dù chỉ là người dòng hạ liệt,
Cũng bừng lên tựa lửa đêm trường.

158. Cứ dùng ngay ví dụ trên này,
Chân lý Hiền nhân, hãy giãi bày,
Dưỡng dục hoàng nam thành bậc Trí,
Như mầm non gặp lúc mưa đầy.

Bồ-tát đã thuyết giáo như vậy cho vua suốt đêm ròng, lòng khao khát của hoàng hậu đã được thỏa mãn. Trước buổi bình minh, ngài an trú vua vào thập vương pháp và khuyên nhủ vua tinh cần tỉnh giác. Sau đó, ngài cùng tướng quân Sumukha bay ra khỏi khung cửa sổ hướng Bắc về đỉnh Cittakūṭa.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, trước kia người này cũng đã hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Channa (Xa-nặc) là người thợ săn, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vua, một Tỷ-kheo-ni là Hoàng hậu Khemā, bộ tộc Thích-ca (Sākya) là đàn thiên nga, Ānanda là Sumukha và Ta chính là thiên nga vương.

§503. CHUYỆN ANH VŨ SATTIGUMBA (*Sattigumbajātaka*)[16] (*J.* IV. 430)

Vua xứ Pañcā với đạo quân...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại vườn nai Maddakucchi về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Khi Đề-bà-đạt-đa xô tảng đá lớn và một mảnh đâm vào chân của đức Thế Tôn khiến chân Ngài nhức nhối, nhiều nhóm Tăng chúng họp lại đến viếng đức Như Lai.

Bấy giờ, lúc đức Thế Tôn thấy quần chúng tụ họp đầy đủ, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, nơi đây đông đảo lắm, dân chúng sẽ tụ tập nhiều nữa. Vị nào hãy dùng cái cáng khiêng ta đến Maddakucchi.

Các Tỷ-kheo liền làm theo đúng như vậy. Còn Tôn giả Jīvaka chữa cho chân đức Như Lai bình phục. Khi ngồi trước bậc Đạo sư, Tăng chúng nói về chuyện này:

– Đề-bà-đạt-đa là một kẻ ác và toàn thể hội chúng của ông ta đều là bọn người ác, kẻ gây ác nghiệp thường thân cận với lũ ác nhân.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nói chuyện gì vậy?

Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa thân cận với bọn ác mà xưa kia cũng vậy.

Sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

[16] Xem *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540; *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547; *J.* VI. 221, *Mahānāradakassapajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 544, trong bản CST là số 545.

Một thuở nọ, có một vị vua mệnh danh là Pañcāla ngự trị trong kinh thành Uttarapañcāla. Bồ-tát được sinh làm vương tử của anh vũ vương trong khóm cây bông vải mọc trên cao nguyên giữa lòng một khu rừng rậm, có tất cả hai anh em trai. Ngược chiều gió với vùng đồi núi này là một làng trộm cướp có năm trăm tên cướp trú ngụ. Thuận chiều gió núi rừng lại là một vùng ẩn am với năm trăm vị Hiền nhân.

Vào thời kỳ loài chim anh vũ thay lông, một cơn lốc cuốn đi mất một chim anh vũ và rớt vào làng trộm cướp kia, nằm giữa đống vũ khí của bọn cướp và do chim rớt vào đó nên bọn chúng gọi nó là Sattigumba (gươm giáo tua tủa). Còn con chim kia rơi vào am ẩn sĩ, giữa đám hoa mọc trên chỗ đất cát, vì lý do đó nên nó được đặt tên là Pupphaka (hoa điểu). Thế là chim Sattigumba lớn lên giữa bọn cướp, còn Pupphaka sống với các vị Hiền nhân.

Một ngày kia, vua phục sức oai nghi sang trọng, dẫn đầu một đoàn tùy tùng đông đảo, ngự trên vương xa lộng lẫy để đi săn hươu nai. Không xa kinh thành mấy, vua vào rừng cây xinh tươi tràn đầy hoa quả. Vua phán:

– Nếu kẻ nào để cho một con nai thoát đi do lỗi mình thì phải lãnh trách nhiệm ấy!

Sau đó, vua xuống xa giá tìm nơi ẩn mình, đứng yên với cung trong tay, dưới túp lều dành cho ngài. Bọn người xua dã thú, đập vào các bụi rậm để đuổi con mồi. Một con hươu liền vùng dậy tìm đường thoát thân, nó thấy một kẽ hở ở cạnh vua liền chui lọt qua đó biến mất. Mọi người hỏi nhau:

– Ai đã để con hươu chạy thoát? Chính là đức vua rồi!

Nghe vậy cả bọn cười nhạo vua, và vì lòng tự kiêu, ngài không chịu được trò đùa này:

– Nay ta phải bắt cho được con hươu!

Vua kêu lớn và nhảy lên xe.

– Nhanh lên!

Ngài bảo người quản xa và ngài vụt biến mất theo con hươu. Vua đi nhanh quá khiến bọn kia không theo kịp ngài, chỉ có vua và viên quản xa, hai người này cứ tiến lên đến giữa trưa, song chẳng gặp hươu đâu cả. Sau đó, vua trở lại và khi thấy cạnh làng bọn cướp có một thung lũng đẹp mắt, ngài đi xuống tắm rửa, uống nước rồi đi lên khỏi con suối.

Sau đó, người quản xa lấy tấm thảm từ trong vương xa ra trải dưới bóng cây, vua nằm trên đó, người quản xa ngồi dưới chân vua xoa bóp, vua cứ thức ngủ chập chờn. Dân chúng trong làng bọn cướp và cả bọn cướp nữa đều đã vào rừng để chầu vua vì thế trong làng không còn ai ngoài Sattigumba và người đầu bếp tên là Patikolamba.

Vào lúc ấy, Sattigumba bước ra khỏi làng và khi thấy vua, nó liền suy nghĩ:

"Giá ta giết chết người kia đang nằm ngủ và lấy hết đồ trang sức ấy nhỉ?" Vì thế, nó trở lại gọi Patikolamba và kể cho gã nghe mọi sự việc.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm năm vần kệ:

159. Vua xứ Pañcā với đạo quân,
Lên đường săn bắn lũ nai rừng,
Trong rừng sâu thẳm vua đi lạc,
Chẳng có một ai ở kế gần.

160. Kìa, ngài trông thấy ở trong rừng,
Bọn cướp đã làm chốn ẩn thân,
Anh vũ, một chim đang tiến bước,
Tức thì lời ác nó kêu vang.

161. "Ngồi trên xe nọ, một nam trang,
Châu báu nhiều sao, lắm ngọc vàng,
Vương miện trên đầu vàng óng ánh,
Chiếu hồng như thể ánh trời quang.

162. Ngự quan cùng chúa ngủ say sưa,
Nằm đó lúc trời nắng giữa trưa,
Ta hãy cướp ngay đồ báu vật,
Nhanh lên, cất giấu hết bây giờ!

163. Cảnh lặng yên như lúc nửa đêm,
Ngự quan cùng chúa ngủ nằm yên,
Bạc vàng châu báu, nào ta lấy,
Giết họ rồi ta chất củi lên!"

Nghe nói vậy, người kia bước ra khỏi nhà, khi nhìn thấy đó chính là vua, gã kinh hãi và ngâm kệ này:

164. Này Satti, có phát điên khùng?
Lời lẽ nào nghe mới nói chăng?
Vua chúa giống như vầng lửa cháy,
Vô cùng nguy hiểm, nếu ta gần.

Chim đáp lại qua kệ khác:

165. Ngu dại Pati nói chuyện này,
Và ông điên, chẳng phải ta đây,
Mẹ ta trần trụi, sao khinh bỉ,
Nghề nghiệp nhà ta sống thuở rày?

Bấy giờ vua thức dậy và khi nghe chúng nói chuyện với nhau bằng tiếng người, nhận thấy nguy hiểm, ngài ngâm kệ sau để đánh thức người lái xe:

166. Dậy mau hiền hữu quản xa này,
Vào cỗ xe, nào thắng ngựa ngay,
Chỗ khác, ta tìm nơi ẩn náu,
Vì ta chẳng thích chú chim đây.

Gã liền vùng dậy, thắng đôi ngựa vào xe rồi ngâm kệ nữa:

167. Xa mã thắng rồi, tâu Đại vương,
Sẵn sàng đã buộc đủ dây cương,
Đại vương, xin ngự vào xa giá,
Nơi khác ta tìm để náu nương.

Vua vừa ngự vào trong xe thì đôi tuấn mã thuần chủng đã lao vút nhanh như gió. Khi chim Sattigumba thấy xe vua đi xa rồi, lòng dao động nôn nao, nó liền ngâm hai vần kệ:

168. Này đi đâu cả đám râu mày,
Họ vẫn thường lai vãng chốn đây?
Vua nước Pañcā vừa chạy mất,
Chúng không thấy nữa, hãy đi ngay!

169. Vua ấy thoát thân có được chăng?
Hãy cầm lao, giáo với tên, cung,
Kìa Pañcā chúa vừa bay mất,
Này chớ cho vua ấy thoát thân!

Con chim nói huyên thuyên như thế, đạp cánh xào xạc bay lui bay tới đầy vẻ bồn chồn. Trong lúc ấy, vua vừa kịp thì giờ đến am ẩn sĩ của các Hiền nhân. Vào lúc này, các vị ấy đã ra đi kiếm củ quả rừng, chỉ còn một mình chim anh vũ Pupphaka ở trong am. Khi chim thấy vua liền ra chào đón ngài và nói chuyện với ngài rất cung kính tao nhã.

***

Lúc ấy, bậc Đạo sư ngâm bốn vần kệ:

170. Chim anh vũ với mỏ tươi hồng,
Cung cách ân cần đã nói năng:
"Vạn tuế Đại vương, duyên hạnh ngộ,
Đưa đường ngài ngự đến đây chăng?
Vinh quang Đại đế đầy uy lực,
Chúa thượng cần gì phải giáng lâm?

171. Tinduka, piyāla, các lá cây,
Cùng kāsumārī quả ngọt ngào thay,
Dù còn ít ỏi, tâu Hoàng thượng,
Chọn thức tối ưu, đó sẵn bày.

172. Nước mát từ hang núi thật sâu,
Ẩn mình bên dưới ngọn đồi cao,

Oai hùng Đại đế, tâu ngài ngự,
Ẩm thực tùy nghi thỏa khát khao.

173. Mọi người đang lượm trái trong rừng,
Các vị nơi này vẫn trú thân,
Xin Chúa đích thân cầm ngự thiện,
Tay thần chẳng có để cúng dâng."

Vua rất đẹp ý khi nghe lời nói tao nhã lịch thiệp này liền đáp lời qua đôi vần kệ:

174. Chưa có chim nào ưu tú hơn,
Trên đời, anh vũ quả thuần chơn,
Còn chim anh vũ đằng kia ấy,
Đã nói bao điều thật ác ngôn.

175. "Đừng để nhà vua chạy thoát thân,
Đến mau! Trói giết!" nó kêu vang,
Trẫm đi tìm đến am tu sĩ,
Và thấy nơi này chốn vạn an.

Khi được vua bảo như thế, Pupphaka ngâm đôi vần kệ:

176. Đại đế, chúng thần chính đệ huynh,
Cùng chung một mẹ đã khai sinh,
Cưu mang đôi trẻ trên cây nọ,
Song chốn khác nhau đã trưởng thành.

177. Vì Satti đến bọn cường gian,
Còn tiểu thần đi đến Trí nhân,
Ác nọ, thiện đây, từ chỗ đó,
Phát sinh lề thói chẳng cùng đàng.

Sau đó, anh vũ giải thích đầy đủ chi tiết những sự khác nhau bằng cách ngâm vần kệ:

178. Đâm chém, xích xiềng, kế bất lương,
Những hành vi bịp bợm, tồi tàn,
Bao nhiêu bạo động và xung kích,
Chính đó là môn nó sở trường.

179. Còn đây tiết độ, tự điều thân,
Nhân ái, công bằng với chánh chân,
Lữ khách uống ăn cùng trú ẩn,
Quây quần thân lớn giữa Hiền nhân.

Tiếp theo, chim lại thuyết pháp cho vua qua các vần kệ sau:

180. Đối với ác nhân hoặc thiện nhân,
Mà người ta kính trọng tôn sùng,

Cho dù ác độc hay hiền đức,
Cũng khiến kẻ kia phải phục tùng.

181. Khi ta ngưỡng mộ bạn tâm đồng,
Như một người tri kỷ, bạn lòng,
Người ấy sẽ đồng hành, kế cận,
Bên mình ta đến phút sau cùng.

182. Tình bạn kết giao thấm nhiễm dần,
Chuyện này ngài thấy quả là chân,
Cứ ngâm thuốc độc vào tên bắn,
Vỏ bọc cũng thành nhiễm độc luôn.

183. Người trí tránh bầu bạn ác nhân,
Vì e ô nhiễm chạm vào thân,
Cá ươn cứ gói trong chùm cỏ,
Sẽ thấy cỏ kia cũng thối nồng,
Những kẻ kết giao phường trí độn,
Chính mình cũng sẽ hóa ngu đần.

184. Lá kia đem gói gỗ trầm hương,
Ngọn lá liền thơm ngát dịu dàng,
Cũng vậy nhiều người thành có trí,
Khi ngồi chầu các bậc Hiền nhân.

185. Nhờ ví dụ này bậc Trí nhân,
Phải am tường lợi lạc riêng phần,
Tránh xa bầu bạn phường gian ác,
Và sánh vai cùng bậc chánh chân,
Thiên giới đợi chờ người chánh hạnh,
Đọa vào ngục tối bọn tà gian.

Vua rất hoan hỷ với bài thuyết giảng này. Kế đó, các bậc Trí giả từ rừng trở về. Vua đảnh lễ các vị và nói:

– Cầu mong các Tôn giả tỏ lòng từ bi hạ cố đến an trú trong ngự viên của trẫm.

Và ngài đã thuyết phục được các vị nhận lời mời. Khi hồi cung, vua liền ban bố lệnh thả hết mọi chim anh vũ. Còn các bậc Trí nhân vẫn đến yết kiến vua. Ngài tặng các vị khu vườn thượng uyển để trú ngụ và chăm nom các vị rất chu đáo trong thời gian ngài còn tại thế. Sau khi mạng chung, ngài lên cộng trú với hội chúng chư thiên, hoàng thái tử của ngài được quần thần giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu làm lễ phong vương. Vị tân vương này cũng chăm sóc các Hiền nhân, và cứ thế cha truyền con nối suốt bảy đời vua đều bố thí cúng dường rất rộng rãi. Còn Bồ-tát an trú trong rừng cho đến khi mạng chung liền đi theo nghiệp của mình.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, các ông thấy xưa kia Devadatta cũng đã thân cận bạn ác như bây giờ.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là Sattigumba, đoàn tùy tùng của kẻ ấy là bọn cướp, Ānanda là vua, hội chúng của Như Lai là các Trí giả và Ta là anh vũ Pupphaka.

§504. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG BHALLĀṬIYA
(*Bhallāṭiyajātaka*)[17] (*J.* IV. 437)

Ngày xưa Đại đế Bhallāṭiya...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi) [tức Nương tử Vũ Quý Hoa].

Một buổi kia, chuyện kể rằng có việc xích mích giữa hoàng hậu và vua về quyền lợi trong đời sống nội cung, vua nổi giận và không muốn nhìn mặt bà. Bà suy nghĩ: "Ta chắc đức Như Lai không biết đức vua đang giận hờn ta."

Khi bậc Đạo sư biết chuyện ấy, ngày hôm sau, Ngài đi vào khất thực tại Ba-la-nại có Tăng chúng theo hầu, rồi đến tận cung môn. Vua bước ra đón Ngài và cầm lấy bình bát của Ngài, rước Ngài lên thượng lầu, mời Tăng chúng ngồi theo thứ tự thích hợp, rồi dâng nước chào mừng cùng với thực phẩm thượng vị. Sau buổi cơm, vua ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Tại sao Hoàng hậu Mallikā không đến?

Vua đáp:

– [Bạch đức Thế Tôn], chỉ vì lòng kiêu mạn ngu si về cảnh vinh quang của bà ta đấy.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Đại vương, xưa kia đã lâu lắm rồi, khi Đại vương còn là một tiên nam, Đại vương rời xa bạn đời của mình chỉ một đêm thôi mà về sau cứ mãi thương tiếc cả bảy trăm năm đó.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, có một vị vua tên là Bhallāṭiya trị vì Ba-la-nại. Do nỗi say mê món thịt nai rừng bốc khói trên hỏa lò lôi cuốn, ngài giao phó vương quốc cho các đại thần, rồi trang bị đủ năm thứ vũ khí cùng một bầy chó săn thông minh tinh luyện, ngài lên xa giá rời kinh tiến về vùng Tuyết Sơn. Ngài cứ du hành dọc theo sông Hằng mãi đến tận nơi không còn lên cao được nữa liền đi theo một

---

[17] Xem *Miln.* 406, *Sappaṅgapañha* (*Câu hỏi về tính chất của loài rắn*).

phụ lưu thêm vài đoạn đường, vừa giết nai, lợn rừng vừa thưởng thức món thịt nướng kia cho đến khi ngài trèo lên tận một đỉnh cao.

Nơi đó có một con suối đầy thi vị chảy xuống khắp vùng, nước cao lên tận ngực, song vào các mùa khô ráo chỉ gần đến đầu gối. Lúc ấy, các đàn cá, rùa, đủ loại tung tăng; dải cát dưới nước sáng loáng như bạc; cây cối hai bên bờ rũ xuống nặng trĩu hoa trái; chim chóc, ong bướm say sưa hút nước trái chín và mật ong, bay lượn dưới bóng cây râm mát. Nơi đây từng đàn hươu nai đủ loại vẫn lai vãng luôn. Bấy giờ, trên bờ suối xinh đẹp này có đôi tiên đang ôm chặt nhau, âu yếm vuốt ve nhau rồi bỗng khóc than rền rĩ vô cùng thảm thiết.

Trong lúc vua trèo lên đỉnh Gandhamādana (Hương Sơn) men theo dòng suối này, ngài chợt nhận thấy đôi tiên kia. "Tại sao họ cứ khóc than rền rĩ như thế này?" Ngài suy nghĩ: "Ta muốn hỏi xem sao." Ngài chỉ cần liếc bầy chó săn và búng ngón tay, bầy chó thuần chủng thấy dấu hiệu này là hiểu ngay phần việc của chúng, liền bò vào dưới bụi rậm và nằm sát đất. Vừa khi ngài thấy chúng đã khuất dạng, ngài đặt cung tên cùng các vũ khí kia cạnh gốc cây gần đó và rón rén đi nhẹ nhàng đến gần đôi tiên để khỏi ai nghe lọt bước chân rồi ngài cất tiếng hỏi:

– Tại sao các ngươi than khóc?

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm ba vần kệ:

186. Ngày xưa Đại đế Bhallāṭiya,
Ngài vẫn đi săn bắn thật xa,
Trèo tận Hương Sơn và chợt thấy,
Đầy hoa nở rộ với yêu ma.

187. Ngài truyền bầy chó thảy nằm yên,
Đặt các cung tên xuống đất liền,
Tiến bước để đưa lời ướm hỏi,
Chốn kia vừa thấy cặp thần tiên.

188. "Đông đã qua, sao lại trở về,
Hàn huyên tâm sự cạnh sơn khê,
Các ngươi sao giống phàm nhân quá,
Người gọi loài gì, nói trẫm nghe?"

Nghe vua hỏi, vị tiên nam không nói gì nhưng tiên nữ đáp lại như sau:

189. Tam đỉnh, Hoàng giang, núi Malla,
Dạo quanh, sông nước mát băng qua,
Chúng thần là thú nhưng nhân dạng,
Những thợ săn kêu "nhân điểu" kia.

Kế đó, vua ngâm ba vần kệ:

190. Các ngươi âu yếm tựa tình nhân,
Song lại khóc than thật não nùng,
Tiên chúng giống như người thế tục,
Cớ sao than khóc, hãy phân trần?

191. Các ngươi mơn trớn tựa uyên ương,
Song khóc đầy ai oán thảm thương,
Đôi lứa khác nào người thế tục,
Sao sầu đau thế, nói cho tường?

192. Như các tình nhân cứ vuốt ve,
Song lời than khóc thật lê thê,
Các ngươi trông giống người trần tục,
Sao quá bi ai, nói trẫm nghe?

Các vần kệ sau là do đôi bên đối đáp nhau:

[Tiên nữ:]

193. Chàng, thiếp một đêm cách biệt nhau,
Không tình ân ái, nặng u sầu,
Tương tư, song chẳng bao giờ có,
Đêm ấy trở về được nữa đâu.

[Quân vương:]

194. Sao nằm đêm ấy quá cô đơn,
Đã khiến ngươi rền rĩ tiếc thương?
Đôi trẻ giống như người thế tục,
Mất tiền, hay lão phụ từ trần?

[Tiên nữ:]

195. Đằng kia, bóng mát, suối tuôn ra,
Giữa đá, rồi cơn bão thổi qua,
Vì quá lo âu tìm kiếm thiếp,
Nên tình quân đã lội qua bờ.

196. Trong lúc đôi chân thiếp rộn ràng,
Thiếp đi tìm cỏ nội hoa ngàn,
Làm vòng đeo tặng chàng yêu dấu,
Và thiếp vừa khi gặp lại chàng.

197. Kết bó chuông vàng, đồng thảo xanh,
Thủy tiên trắng mát đượm sương lành,
Cho chàng yêu cả vòng hoa cổ,
Cùng thiếp vừa khi gặp bạn tình.

198. Rồi sau thiếp hái bó hoa hồng,
Là thứ hoa xinh đẹp nhất vùng,

Để kết liền cho chàng với thiếp,
Vòng hoa đeo cổ lúc tương phùng.

199. Kể hoa là lá, thiếp đi tìm,
Về trải đầy trên mặt đất mềm,
Nơi suốt đêm trường chung gối mộng,
Uyên ương thiêm thiếp giấc nồng êm.

200. Gỗ quế, trầm hương kế tiếp liền,
Đặt trên hòn đá, thiếp đâm nghiền,
Làm hương tẩm khắp chàng yêu dấu,
Và thiếp, mùi hương cực diệu huyền.

201. Đứng bên bờ suối chảy tuôn dòng,
Thiếp hái hoa sen mãi đến cùng,
Chiều xuống, suối kia tràn khắp chốn,
Muốn sang bờ nọ, hết chờ mong.

202. Đành đứng cả hai ở mỗi bờ,
Nhìn nhau tha thiết, ngóng ngang qua,
Ôi, bao tiếng khóc cười đôi ngả,
Đêm ấy cùng đau đớn xót xa.

203. Sáng lại, vừng đông đã mọc cao,
Khi nhìn con suối cạn khô mau,
Thiếp, chàng vội bước ôm nhau chặt,
Lập tức cùng cười, khóc với nhau.

204. Gần bảy trăm năm chỉ thiếu ba,
Từ khi chàng, thiếp phải chia xa,
Tim yêu tan nát sầu ly biệt,
Dằng dặc tưởng chừng trọn kiếp qua.

[Quân vương:]

205. Đời người kỳ hạn đến bao giờ?
Nếu chuyện này truyền lại thuở xưa,
Hoặc giả theo lời nhiều Trưởng lão,
Thì đừng sợ hãi, nói cùng ta.

[Tiên nữ:]

206. Một ngàn mùa hạ thắm, an khương,
Chẳng chịu nhiều đau khổ đoạn trường,
Ít gặp ưu sầu, đầy cực lạc,
Suốt đời ngập hạnh phúc yêu đương.

Khi vua nghe vậy, ngài suy nghĩ: "Các sinh vật này thấp kém còn hơn loài người, thế mà vẫn khóc than mãi suốt bảy trăm năm ròng chỉ vì một đêm xa

cách nhau, huống hồ ta đây, chúa tể cả một quốc độ rộng ba trăm do-tuần, lại đành bỏ hết cả vinh quang huy hoàng ấy đằng sau để phiêu bạt trong chốn núi rừng hoang dã. Thật là một sai lầm nghiêm trọng."

Ngài liền quay về lập tức. Khi đến thành Ba-la-nại, triều thần hỏi ngài có thấy việc gì hy hữu ở vùng Tuyết Sơn chăng, ngài kể cho hội chúng nghe toàn thể câu chuyện kỳ dị kia, rồi từ đó về sau ngài thực hành bố thí và an hưởng cảnh vinh hoa của mình.

***

Để giải thích việc này bậc Đạo sư ngâm vần kệ sau:

207. Nhờ được đôi tiên khuyến bảo vầy,
Đại vương trở lại bước đường ngay,
Bỏ săn, cấp dưỡng người nghèo túng,
An hưởng tháng ngày lướt nhẹ bay.

Và Ngài ngâm thêm hai vần kệ nữa:

208. Rút ra bài học của tiên kia,
Đừng cãi nhau mà sửa thói lề,
Kẻo các ngài sầu như bọn chúng,
Suốt đời, vì chính bởi lầm mê.

209. Lấy ngay bài học tự đôi tiên,
Đừng khẩu tranh mà sửa thói quen,
Kẻo chịu đau buồn như bọn chúng,
Suốt đời, vì chính lỗi lầm riêng.

Bấy giờ, Hoàng hậu Mallikā đứng dậy từ bảo tòa khi bà nghe đức Như Lai thuyết giáo, rồi bà chắp hai tay đảnh lễ Ngài rất cung kính, trong lúc bà ngâm vần kệ cuối cùng:

210. Giờ đây kính bạch Thánh Nhân,
Với lòng nhu thuận phục tuân sẵn sàng,
Con nghe được các lời vàng,
Tràn đầy thiện ý, chứa chan nhân từ,
Muôn vàn phước đức Tôn sư,
Ngài vừa khuyến nhủ, ưu tư trút liền!

Từ đó về sau, vua xứ Kosala chung sống sắc cầm hòa hợp với hoàng hậu mãi mãi.

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vua xứ Kosala là vị tiên nam, Hoàng hậu Mallikā là tiên nữ và Ta chính là Vua Bhallāṭiya.

§505. CHUYỆN VƯƠNG TỬ SOMANASSA

(***Somanassajātaka***)[18] (*J.* IV. 444)

Kìa ai phá hoại hoặc khinh chê...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về cách Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) dự định sát hại Ngài. Sau đó, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa tìm cách sát hại Ta mà trước kia cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng nghe một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, trong quốc độ Kuru (Câu-lâu), tại kinh thành Uttarapañcāla có vị vua ngự trị với danh hiệu Reṇu. Lúc ấy, có một ẩn sĩ khổ hạnh tên là Mahārakkhita sống ở vùng Tuyết Sơn cùng hội chúng năm trăm vị tu khổ hạnh khác. Trong lúc xuống vùng đồng bằng để xin muối và gia vị, vị tu khổ hạnh ấy đến thành Uttarapañcāla và cư trú trong ngự viên.

Cùng với hội chúng của mình đi khất thực, vị ấy đến tận cung môn, và khi vua chiêm ngưỡng các Hiền nhân, ngài rất đẹp lòng về cung cách của các vị nên mời ngồi trên bảo tòa lộng lẫy, rồi cúng dường cao lương mỹ vị để các vị dùng. Vua lại mời các vị an cư trong ngự viên suốt mùa mưa. Ngài rước các vị vào trong vườn ngự, cung cấp đủ nơi chốn để an trú cùng các vật cần dùng cho đời sống tu hành xong rồi từ giã. Sau đó, các vị đều ăn uống trong cung vua. Bấy giờ, vua không có con và đang ước mong sinh được hoàng nam, song chẳng có vương tử nào ra đời cho ngài cả.

Khi mùa mưa qua rồi, vị ẩn sĩ Mahārakkhita nói:

– Nay vùng Tuyết Sơn xinh tươi dễ chịu lắm, ta hãy trở về đó!

Rồi vị ấy tạ từ vua, ngài liền tỏ bày đủ mọi cách tôn vinh trọng vọng rất hào phóng đối với các Hiền nhân, xong hội chúng ra đi. Trên bước du hành, vào đúng ngọ, vị ấy rời đường cái cùng hội chúng của mình ngồi xuống trên thảm cỏ êm ái dưới bóng cây râm mát. Các vị khổ hạnh kia bắt đầu đàm đạo, họ nói:

– Nay không có hoàng nam trong cung để nối nghiệp hoàng gia. Nếu vua có được một vương tử thì thật là điều vạn phúc để kế tục vương nghiệp.

Mahārakkhita nghe lời hội chúng nói liền suy nghĩ: "Vua này có sinh được hoàng nam hay chăng?" Rồi vị này nhận xét thấy rằng vua sẽ có một hoàng nam liền bảo:

– Này các Hiền giả, các bạn đừng lo lắng gì, đêm nay lúc rạng đông, một đấng thiên tử sẽ giáng trần và sẽ nhập mẫu thai của chánh hậu.

---

[18] Xem *Cp.* 92, *Somanassacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Somanassa*).

Một vị tu khổ hạnh giả danh nghe được chuyện ấy, nghĩ thầm: "Nay ta muốn trở thành người tâm phúc của hoàng gia." Khi đến thời hội chúng khổ hạnh phải lên đường, vị ấy liền nằm xuống giả vờ lâm bệnh.

Hội chúng bảo nhau:

– Mau lên, ta cùng đi.

Người kia đáp:

– Đệ không đi nổi.

Sau đó, Hiền giả Mahārakkhita biết được tin vì sao người ấy phải nằm yên tại chỗ. Ngài bảo:

– Hễ khi hiền hữu đi được thì hãy theo chúng ta ngay!

Rồi ngài cùng các Hiền nhân kia tiến về Tuyết Sơn.

Bấy giờ, kẻ lừa dối ấy liền ra sức chạy thật nhanh đến đứng tại cửa cung, dâng sớ tâu rằng có một người tùy tùng của Hiền giả Mahārakkhita đến chầu. Kẻ ấy được vua triệu vào ngay lập tức và bước lên thượng lầu, ngồi xuống sàng tọa đã được mời. Vua chào mừng kẻ ấy rồi ngồi xuống một bên, hỏi thăm sức khỏe của kẻ ấy. Ngài bảo:

– Tôn giả trở lại quá sớm. Thế vì nguyên cớ gì Tôn giả vội vàng quay lại đây?

Kẻ ấy đáp:

– Tâu Đại vương, trong lúc chư Hiền đang ngồi thong dong cùng nhau, hội chúng bắt đầu nói chuyện nếu đức vua sinh được hoàng nam để kế nghiệp thì thật là điều đại phúc. Khi tiểu thần nghe thế liền suy ngẫm xem Đại vương có sinh được hoàng nam không, nhờ thiên nhãn, thần thấy được một vị thiên tử vĩ đại sắp giáng trần và vị ấy sẽ nhập vào mẫu thai của Chánh hậu Sudhammā. Rồi thần suy nghĩ: "Nếu họ không biết, họ có thể vô tình phá hoại bào thai ấy, vậy thì ta phải thông báo cho họ biết." Và thế là, vì để trình Đại vương về tin ấy nên hạ thần đến đây, tâu Đại vương. Nay hạ thần đã tâu trình xong, xin cho hạ thần lên đường.

– Không, không, này Tôn giả, không thể đi như vậy được.

Vua vô cùng hoan hỷ, đem kẻ lừa gạt kia vào ngự viên ban cho ông một nơi an trú. Từ đó về sau, ông sống trong cung vua, được dâng món ngự thiện tại đó và được mệnh danh là Dibbacakkhuka (Thiên nhãn Đạo nhân).

Sau đó, Bồ-tát từ cõi trời Ba Mươi Ba giáng trần, nhập mẫu thai của chánh hậu và khi ngài ra đời, triều thần đặt tên ngài là Somanassa (Hoan Lạc), rồi ngài được nuôi nấng theo cung cách của vua chúa.

Bấy giờ, vị tu khổ hạnh giả hiệu ở trong góc vườn ngự thường trồng rau đậu, củ, quả rồi đem bán cho người trồng rau ở chợ nên kiếm được nhiều tiền bạc. Khi Bồ-tát lên bảy, ở biên thùy có xảy ra bạo loạn. Vua ra đi dẹp giặc, giao phó vị tu khổ hạnh Dibbacakkhuka ấy cho thái tử chăm sóc và dặn không được xao nhãng vị ấy.

Một ngày kia, thái tử đến thăm vị ẩn sĩ. Ngài thấy ông mang cả hai chiếc y vàng, buộc chặt thượng y lẫn hạ y, hai tay cầm hai bình nước tưới cây, ngài nghĩ thầm: "Lão tu hành giả hiệu này lo làm vườn chứ chẳng lo làm phận sự tu hành." Ngài liền hỏi:

– Ông đang làm gì thế, này kẻ làm vườn phàm tục kia?

Ngài làm nhục ông như vậy và bỏ về chẳng chào hỏi gì ông cả. Ông suy nghĩ: "Nay ta đã khiến thằng bé này thành kẻ thù của ta rồi, ai biết được nó sẽ làm gì cơ chứ? Ta phải tiêu diệt nó ngay lập tức."

Vào lúc vua sắp hồi cung, ông ta ném chiếc trường kỷ bằng đá sang một bên, đập bể vụn bình bát, rải cỏ rác khắp am thất, lấy dầu bôi khắp người rồi vào am nằm trên nệm rơi kia, trùm kín mít từ đầu đến chân làm ra vẻ đau đớn lắm.

Vua đã hồi loan, xa giá diễu quanh kinh thành theo hướng bên hữu, song trước khi vào nội cung, ngài đến thăm vị thân hữu Dibbacakkhuka ấy. Vừa đến bên cửa am, ngài đã thấy cảnh bừa bãi kia liền bước vào mà không biết việc gì đã xảy ra. Còn kẻ đó đang nằm dưới đất. Vua xoa bóp chân ông và ngâm vần kệ đầu:

211. Kìa ai phá hoại hoặc khinh chê,
Sao khổ buồn, ngài quá ủ ê,
Thương khóc mẹ cha ai đó vậy,
Đất này ai lại xuống nằm lê?

Nghe lời này, kẻ bịp bợm kia liền vùng dậy rên rỉ đáp vần kệ thứ hai:

212. Hân hoan thần bái kiến long nhan,
Xa cách từ lâu, tấu Đại vương,
Thái tử vừa đi thăm lão đó,
Chẳng ai khiêu khích lại làm càn.

Các vần kệ sau đây theo mạch lạc rõ ràng được sắp đặt đúng với diễn biến của câu chuyện:

213. Ô kìa, đao phủ, hãy xem nào,
Thị giả, đưa trường kiếm lại mau,
Giết chết Soma hoàng thái tử,
Đem đầu cao quý đến đây giao.

214. Sứ giả nhà vua bước vội vàng,
Đến cung hoàng tử, họ kêu ran,
"Phụ vương đã bỏ hoàng nam đó,
Điện hạ ôi, ngài phải chết oan!"

215. Hoàng tử đứng kia cũng khóc than,
Vòng đôi tay lại, khẩn cầu ân,
"Xin tha mạng trẻ trong giây lát,
Đem trẻ đi nhìn mặt phụ vương."

216. Nghe lời thỉnh nguyện tự nơi chàng,
Họ dẫn hoàng nhi đến phụ hoàng,
Hoàng tử từ xa nhìn đại đế,
Chàng liền tâu vậy với nghiêm đường.

217. "Quân sĩ cứ mang kiếm chém đầu,
Song nghe con trẻ trước, muôn tâu,
Xin cho con rõ, tâu Hoàng thượng,
Con đã làm nên tội lỗi nào?"

Vua cha đáp:

– Hoàng triều đang suy sụp điêu tàn, tội của con làm trọng đại lắm.

Rồi vua giải thích qua vần kệ:

218. Sáng chiều kéo nước, bậc Hiền nhân,
Ngọn lửa chăm nom chẳng chút ngừng,
Hãy trả lời ta, sao lại dám,
Gọi ngài thánh thiện kẻ phàm trần?

Vương tử đáp:

– Tâu Chúa thượng, nếu thần nhi gọi một kẻ phàm tục là một kẻ phàm tục thì có hại gì đâu?

Rồi chàng ngâm kệ:

219. Lão có nhiều cây với trái đầy,
Phụ vương xem đủ sắn, khoai này,
Chăm nom chúng, lão không ngừng nghỉ,
Lão chính phàm nhân, trẻ nói ngay.

Hoàng tử nói tiếp:

– Và đó là lý do con gọi lão là người phàm tục. Nếu Phụ vương không tin con, xin cứ hỏi thăm những người trồng rau ở bốn cổng thành thì rõ.

Vua cha truyền đi điều tra việc ấy. Dân chúng đáp:

– Thưa vâng, chúng thần đã mua của vị ấy đủ loại rau quả.

Khi vua khám phá ra việc buôn bán rau quả này, ngài công bố cho mọi người biết. Gia nhân của hoàng tử vào am lão và lục soát được một bó đồng tiền và đồng xu nhỏ là số tiền bán rau quả kia, họ liền trình vua.

Lúc ấy, vua biết bậc Đại sĩ vô tội liền ngâm kệ:

220. Đúng là lão có thật nhiều cây,
Với các loại rau, củ trái đầy,
Chăm sóc trông nom không chút nghỉ,
Phàm nhân, quả đúng trẻ tâu bày.

Sau đó, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Trong khi có một kẻ ngu si ám độn như thế này ở hoàng cung thì thượng sách là đi vào vùng Tuyết Sơn và sống đời tu tập.

Vậy trước tiên ta công bố tội trạng của lão với quần chúng tại đây, sau đó ngay hôm nay, ta sẽ xuất gia thành ẩn sĩ.” Thế là ngài cúi chào hội chúng và nói lớn:

221. Này nghe ta nói, hỡi toàn dân,
Dân chúng thị thành lẫn dã nhân,
Chúa thượng nghe lời người xuẩn ngốc,
Khiến người vô tội phải vong thân.

Nói xong, ngài xin phép thực hiện ước nguyền trên qua vần kệ tiếp theo:

222. Phụ vương, cây tỏa rộng hùng cường,
Nhành trẻ, con sinh từ phụ vương,
Con cúi mình đây xin phép được,
Giã từ thế tục để lên đường.

Các vần kệ sau đây thuật lại cuộc trò chuyện giữa vua cha và vương tử.

[Phụ vương:]

223. Vương nhi, hưởng phú quý huy hoàng,
Ngự trị Câu-lâu chiếc bệ vàng,
Đừng bỏ thế gian, gây khổ não
Cho mình, hãy nhận lễ đăng quang!

[Vương tử:]

224. Trần thế này đem lạc thú nào?
Khi xưa con đã ở trời cao,
Sắc, thanh, hương, vị và xúc cảm,
Lòng vẫn thường yêu chuộng biết bao.

225. Con từ bỏ hết nghiệp duyên xưa,
Thiên lạc cùng thiên nữ ngọc ngà,
Với Phụ vương là vua yếu kém,
Con không muốn ở nữa bây giờ.

[Phụ vương:]

226. Nếu cha kém trí, hỡi hoàng nam,
Tha thứ cha nay việc đã làm,
Giả sử cha còn làm việc ấy,
Cha tùy con định chẳng kêu than.

Sau đó, bậc Đại sĩ ngâm tám vần kệ khuyến giáo vua cha:

227. Hành động không suy nghĩ trước sau,
Hoặc làm không cân nhắc dài lâu,
Cũng như sử dụng lầm phương thuốc,
Hậu quả ắt là phải khổ đau.

228. Hành động nào suy tính thật lâu,
Khôn ngoan thận trọng tiếp theo sau,

Giống như vị thuốc nhiều công hiệu,
Kết quả tất nhiên phải nhiệm mầu.

229. Con chán ghét người ở thế gian,
Buông lung phóng dật, dục tham tràn,
Người tu khổ hạnh hư danh đó,
Là kẻ dối gian lộ rõ ràng.
Một vị hôn quân thường xử án,
Chẳng hề nghe lý lẽ phân trần,
Chẳng bao giờ gọi là chân chánh,
Cơn giận bùng lên ở Trí nhân.

230. Một vị vua xem xét kỹ càng,
Rồi ban lời phán xử công bằng,
Khi vua cân nhắc lời phân xử,
Danh tiếng đời đời mãi vọng vang.

231. Những hình phạt Chúa thượng truyền ban,
Phải được đắn đo thật kỹ càng,
Những việc làm trong lúc vội vã,
Sẽ gây hối hận lúc thư nhàn,
Nếu lòng phát nguyện nhiều điều tốt,
Sau chẳng đau buồn hối tiếc mang.

232. Những người có việc phải thi hành,
Muốn chẳng gây ân hận với mình,
Thường đắn đo bao điều thận trọng,
Tạo nên thiện nghiệp thật an lành,
Làm công đức thỏa lòng Hiền thánh,
Được tán tụng từ bậc Trí minh.

233. Cha thét: "Kìa đao phủ, hãy mau,
Đi tìm vương tử của ta nào,
Nơi đâu bày kiếm liền đem giết!"
Lúc trẻ ngồi bên mẹ dựa đầu,
Bọn chúng tìm ra con trẻ đó,
Rồi lôi đi thật bạo tàn sao!

234. Trẻ thơ non nớt, xử như vầy,
Con thấy chúng tàn nhẫn quá tay,
Nay thoát cảnh đày thân độc ác,
Con rời thế, chẳng sống nơi đây.

Khi bậc Đại sĩ đã thuyết giáo như vậy xong, vua phán bảo hoàng hậu:

235. Vậy vương nhi đó, Sudhammā,
Vừa thốt lời từ chối lệnh ta,

Quý tử Soma bao khả ái,
Vì ta không mãn nguyện bây giờ,
Đích thân Hoàng hậu nên xem thử,
Có chuyển lay lòng trí trẻ thơ.

Song hoàng hậu thúc giục vương tử rời bỏ thế tục:

236. Hãy vui đời Thánh hạnh, hoàng nam,
Tuân thủ chánh chân, bỏ cõi phàm,
Ai giữa quần sinh không độc ác,
Sẽ lên thiên giới, chẳng sai lầm!

Vua ngâm kệ tiếp theo:

237. Chuyện lạ này nghe tự ái khanh,
Sầu đang chất ngất ở trong mình,
Bảo nàng khuyên nhủ con dừng lại,
Nàng chỉ giục con phải bước nhanh.

Hoàng hậu lại ngâm kệ nữa:

238. Có hạng người không đắm dục tham,
Thoát sầu bi, sống chẳng sai lầm,
Nhiều người đắc Niết-bàn cao thượng,
Ví thử hoàng nhi muốn dự phần,
Cùng tiến lên con đường Thánh hạnh,
Thì hoài công cản bước hoàng nam.

Vua ngâm vần kệ cuối cùng để đáp lời:

239. Quả thật là chân chánh thiện tâm,
Tôn sùng bậc Trí tuệ cao thâm,
Tâm tư siêu việt thường sinh khởi,
Ái hậu từng nghe các diệu âm,
Thông hiểu kiến văn nhiều bậc Thánh,
Nên không còn khổ não, tham lam.

Sau đó, bậc Đại sĩ đảnh lễ song thân, xin hai vị tha thứ cho ngài nếu có lỗi lầm gì, rồi vào cung kính vái chào toàn thể hội chúng, ngài quay mặt về hướng Tuyết Sơn. Khi dân chúng đã về, ngài cùng với các thiên thần vừa đến đó giả dạng người trần, vượt băng qua bảy ngọn đồi cao lên tận Tuyết Sơn. Trong chiếc am tranh do vị thiên thần Vissakamma giáng thế xây dựng cho ngài, ngài sống đời tu hành. Tại đó, ngài được các thiên thần ấy giả dạng làm tùy tùng của vị hoàng tử, hầu hạ ngài đến năm lên mười sáu tuổi. Còn kẻ tu hành lừa bịp kia bị dân chúng bao vây đánh chết. Về sau, bậc Đại sĩ tu tập làm phát khởi năng lực thiền định và khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, như vậy ngày xưa cũng như bây giờ, kẻ ấy đã dự mưu sát hại Ta.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là kẻ lừa dối, Mẫu hậu Māyā là vương hậu kia, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Hiền giả Mahārakkhita và Ta chính là Vương tử Somanassa.

§506. CHUYỆN LONG VƯƠNG CAMPEYYA
(*Campeyyajātaka*)[19] (*J.* IV. 454)

Ai đó như tia chớp sáng bừng...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các hạnh nguyện ngày trai giới. Bậc Đạo sư bảo:

– Lành thay, này các thiện nam tử, các ông đã phát nguyện giữ trai giới! Những bậc Trí xưa kia cũng đã từ bỏ ngay cả vinh quang của một long vương và sống theo các giới hạnh này.

Sau đó, theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi vua xứ Aṅga (Ương-già) trị vì quốc độ Aṅga và vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) trị vì Ma-kiệt-đà, giữa hai quốc độ Ương-già và Ma-kiệt-đà là con sông Campā (Chiêm-bà), nơi có loài rồng rắn (nāga) sinh sống, được rồng chúa Campeyya cầm quyền thống lãnh.

Đôi khi vua xứ Ma-kiệt-đà chiếm nước Ương-già, và có khi vua xứ Ương-già chiếm Ma-kiệt-đà. Một ngày kia, vua xứ Ma-kiệt-đà, sau khi lâm chiến với Ương-già và thất bại liền leo lên chiến mã đào tẩu và bị quân sĩ Ương-già đuổi gấp. Khi vua đến sông Campā lại đang mùa lũ lụt, nhưng vua nói:

– Thà chết chìm trong dòng sông này hơn là chết trong tay kẻ thù của ta!

Rồi cả người và ngựa đều nhào xuống dòng sông ấy.

Thời bấy giờ, long vương đã xây dựng cho mình ở dưới nước một ngôi nhà thủy tạ bằng châu ngọc, ngay lúc ấy đang ở giữa triều đãi tiệc say sưa, nhưng vua trên kia cùng chiến mã rớt xuống sông ngay chính trước mặt rồng chúa. Rồng chúa ngắm vị vua lộng lẫy cao sang này, sinh lòng yêu mến liền đứng lên từ bảo tòa, mời vua ngự lên chính ngai vàng của mình, bảo vua đừng sợ gì cả, rồi hỏi tại sao vua lại nhảy xuống sông. Vua kể hết mọi sự xảy ra cho rồng chúa nghe. Rồng chúa liền bảo:

– Tâu Đại vương, đừng sợ gì cả! Trẫm sẽ làm cho Đại vương trở thành bá chủ hai vương quốc ấy.

---

[19] Xem *J.* V. 194, *Naḷinikājātaka* (*Chuyện Công chúa Naḷinikā*), số §526.

Rồng chúa an ủi vua như vậy và suốt bảy ngày liên tiếp đãi vua vô cùng trọng thể. Vào ngày thứ bảy, rồng chúa cùng vua xứ Ma-kiệt-đà rời long cung. Sau đó, nhờ thần lực của long vương, vua xứ Ma-kiệt-đà chiếm lấy quốc độ Ương-già, giết vua Ương-già rồi thống trị cả hai lãnh thổ ấy. Từ đó trở đi, có mối giao hảo mật thiết giữa vua và rồng chúa. Dần dần, vua truyền lệnh xây một ngôi đình bằng châu báu trên bờ sông Campā, triều cống rồng chúa đủ lễ vật rất cao sang. Rồng chúa cùng đoàn tùy tùng đông đảo xuất hiện từ long cung, lên tiếp nhận lễ triều cống và mọi người được dịp chiêm ngưỡng cảnh vinh quang của rồng chúa.

Thời ấy, Bồ-tát sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó, ngài thường đi cùng thần dân ấy đến bờ sông. Tại đó, khi trông thấy cảnh vinh quang của rồng chúa, ngài sinh lòng thèm muốn và ngài chết đi trong nỗi khát vọng này. Rồi bảy ngày sau khi rồng chúa Campeyya ấy từ trần, phần Bồ-tát vì suốt một đời đã sống đầy đủ đức hạnh và chuyên bố thí nên được tái sanh vào cung điện của rồng chúa ấy trên long sàng kia, thân thể ngài như một chuỗi vũ quý hoa (hoa lài) vĩ đại.

Khi thấy vậy, lòng ngài tràn ngập niềm hối hận. Ngài bảo: "Ta đã có quyền lực để dành trên sáu cảnh trời dục giới là do kết quả các thiện nghiệp của ta như hạt thóc tích trữ trong vựa. Song nay hãy xem đây, ta lại sinh làm thân rồng rắn, vậy ta còn thiết gì đời sống nữa?" Và vì thế, ngài có ý định kết liễu cuộc đời mình. Nhưng có một long nữ tên là Sumanā, trông thấy ngài liền báo tin cho cả loài biết:

– Vị này ắt hẳn là Thiên chủ Đế-thích đầy uy lực vừa ra đời tại đây với chúng ta!

Sau đó, long chúng cùng đi đến dâng lễ vật cho ngài với đủ loại đàn ca múa hát. Long cung của ngài chẳng khác nào cung của Thiên chủ nên ngài không còn nghĩ đến chuyện chết nữa, ngài trút bỏ hình tướng rồng và ngự lên bảo tòa, lộng lẫy xiêm y cùng ngọc vàng trang điểm. Từ đó về sau, cảnh vinh quang của ngài thật vĩ đại, ngài thấy hối tiếc ăn năn thầm nghĩ: "Ta còn ham thích gì cái thân rồng rắn này nữa? Ta muốn sống theo các hạnh nguyện trai giới, ta muốn thoát thân khỏi nơi này, ta sẽ ra đi đến giữa loài người học hỏi các chân lý và chấm dứt khổ đau."

Nhưng sau đó, ngài vẫn ở lại trong cung điện ấy và thành tựu các hạnh nguyện trai giới, rồi khi các long nữ trang điểm rực rỡ đến vây quanh ngài, ngài lại thường vi phạm giới đức. Về sau, ngài rời bỏ cung điện đi vào ngự viên, nhưng bọn chúng theo ngài đến đó, và hạnh nguyện của ngài cũng bị phá bỏ như trước kia. Ngài liền suy nghĩ: "Ta phải rời cung này đi vào thế giới loài người và tại đó, ta phải sống theo đúng hạnh nguyện của trai giới."

Vì thế, vào ngày trai giới, ngài rời cung điện ra đi, vào nằm trên nóc ổ mối cạnh đường cái không xa một thôn làng biên địa. Ngài nói:

– Ai muốn lấy da thịt ta thì cứ lấy, hoặc có ai muốn bắt ta làm trò con rồng nhảy múa thì cứ bắt ta đi.

Như vậy, ngài đã chịu xả thân ra bố thí nên vừa thu gọn chiếc mồng lại, ngài vừa nằm đó hành trì hạnh nguyện trai giới. Nhiều người qua lại trên đường cái trông thấy ngài liền cúng dường ngài đủ hương hoa thơm ngát. Và dân chúng trong thôn làng biên địa kia xem ngài là rồng chúa đại oai lực nên dựng một ngôi đình trên chỗ ngài nằm, rải cát trước đó và cúng dường chiêm bái đủ thứ hương liệu, nước hoa.

Bấy giờ, dân chúng bắt đầu cầu tự nhờ ngài giúp sức nên có lòng tín ngưỡng Bồ-tát và sùng kính tôn thờ ngài. Tại đó, Bồ-tát giữ hạnh nguyện vào các ngày mười bốn, rằm giữa tháng, an tọa trên ổ mối, rồi đến ngày mồng một âm lịch, ngài lại về long cung và cứ như vậy, ngài giữ tròn hạnh nguyện theo thời gian.

Một hôm, Vương phi Sumanā thưa với ngài:

– Tâu Chúa thượng, ngài ra đi đến cõi nhân gian để giữ hạnh nguyện trai giới, song nhân thế đầy nguy hiểm kinh hoàng. Giả sử có mối nguy cơ nào xảy ra cho Chúa thượng thì nay ngài hãy bảo cho thần thiếp biết nhờ dấu hiệu gì để nhận ra việc ấy!

Sau đó, ngài dẫn vương phi đến bên một hồ nước an toàn và bảo:

– Nếu có ai đánh ta hay làm ta bị thương thì nước hồ sẽ vẩn đục lên. Còn nếu có con chim đại bàng nào tha ta đi thì nước hồ sẽ biến mất. Nếu có kẻ bỏ bùa bắt rắn nào tóm được ta thì hồ sẽ đổi thành màu máu.

Sau khi giải thích ba dấu hiệu này cho vương phi, ngài rời cung điện ra đi, giữ hạnh nguyện trai giới trong ngày mười bốn, đến nằm trên ổ mối, ánh sáng trên thân ngài tỏa rực rỡ khắp chỗ đó. Toàn thân ngài trắng ngần như một cuộn dây toàn bạc, đầu ngài như một cuộn len đỏ. Trong chuyện tiền thân này, thân thể Bồ-tát to bằng cái đầu lưỡi cày, còn trong *Chuyện bậc Đại trí Bhūridatta*[20] ngài lớn bằng bắp đùi và trong *Chuyện long vương Saṁkhapāla*[21] thân ngài tròn trịa như chiếc xuồng dài có móc chèo.

Thời ấy, có một thanh niên Bà-la-môn ở Ba-la-nại đến Takkasilā học tập dưới sự dạy bảo của một vị giáo sĩ lừng danh thế giới. Nhờ vị này, chàng ta học được bùa chú sai khiến mọi loài hữu tình. Khi về nhà theo đường cái ấy, chàng chẳng thấy gì ngoài Bồ-tát. Chàng suy nghĩ: "Ta sẽ bắt con rồng này và sẽ du hành khắp thôn làng thị trấn, kinh thành, bắt nó nhảy múa và tha hồ kiếm lợi lớn."

Sau đó, chàng lấy thứ cỏ thuốc linh dược, đọc thần chú và đến gần rồng chúa. Vừa nghe tiếng niệm chú này, tức thì Bồ-tát cảm thấy hai lỗ tai như bị củi đốt cháy đâm thủng, đầu ngài như thể vỡ ra vì bị kiếm đâm vào. Ngài suy nghĩ:

[20] Xem *J.* VI. 157, *Bhūridattajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Bhūridatta*), số §543.

[21] Xem *J.* V. 161, *Saṁkhapālajātaka* (*Chuyện long vương Saṁkhapāla*), số §524.

"Ta gặp chuyện gì đây?" Rồi ló đầu ra khỏi chiếc mồng, ngài trông thấy người bỏ bùa bắt rắn ấy. Ngài liền suy nghĩ: "Nọc độc của ta cực kỳ mãnh liệt, nếu ta nổi giận và phì hơi độc từ lỗ mũi ra thì thân nó sẽ tan nát ra như một nắm trấu vậy, và thế là công đức của ta sẽ bị tiêu diệt hết nên ta không muốn nhìn nó." Ngài vừa nhắm mắt lại vừa thụt đầu vào trong chiếc mồng.

Người Bà-la-môn bỏ bùa rắn kia nhai một cây cỏ thuốc, niệm chú rồi nhỏ lên mình ngài. Nhờ công hiệu cỏ thuốc và bùa chú nên nơi nào có nước miếng của người đó dính vào thì các mụn mủ nổi lên. Sau đó, chàng ta nắm lấy được ngài. Chàng ta lấy chiếc gậy hình chân dê thúc ép ngài cho đến lúc ngài yếu sức rồi nắm chặt phần đầu ngài mà chà xuống. Bồ-tát há miệng ra, chàng nhỏ nước miếng vào, do công hiệu của cỏ thuốc và bùa chú, răng ngài gãy tan hết, cái miệng đầy cả máu. Song Bồ-tát sợ phải phá hủy công đức của ngài nên ngài chịu mọi khổ hình này và không hề mở mắt ra đủ để liếc nhìn gã.

Sau đó, chàng nói:

– Ta sẽ làm rồng chúa này yếu đi!

Chàng ép chặt thân rồng chúa từ đầu chí đuôi như thể chàng muốn chà nát xương ngài thành bột. Rồi chàng gói ngài trong thứ thường được gọi là mảnh vải cuộn, thắt thêm một vật gọi là dây thừng rồi nắm đuôi ngài và đấm đá. Thân thể của Bồ-tát bê bết máu và ngài đau đớn vô cùng. Khi thấy rồng chúa này đã yếu sức, chàng làm cái thúng bằng cây liễu gai để đặt rồng chúa vào.

Sau đó, chàng đem ngài vào làng xóm, bắt ngài làm trò cho dân chúng. Dù phải hóa thành màu xanh, đen hay màu gì khác nữa; biến ra hình tròn, vuông, lớn, nhỏ ra sao; hễ chàng Bà-la-môn muốn gì, Bồ-tát đều làm cả, vừa nhảy múa, giương mồng quay tít thành thiên hình vạn trạng. Dân chúng quá thích thú nên cho thật nhiều tiền. Trong một ngày chàng đã kiếm được cả ngàn đồng kahāpaṇa và nhiều trò đáng giá cả ngàn đồng khác nữa.

Lúc đầu, chàng dự định thả ngài ra khi đã kiếm được một ngàn đồng, nhưng khi được rồi, chàng lại nghĩ: "Trong một làng biên địa mà ta đã kiếm được chừng này, nếu gặp vua quan thì ta còn mong được biết bao nhiêu của cải nữa."

Thế là chàng mua một chiếc xe bò và một chiếc xe du ngoạn. Trong xe bò, chàng chất đầy hàng hóa, còn chàng ngồi xe kia. Như vậy, cùng với một đoàn tùy tùng hầu cận, chàng đi qua thôn làng thị trấn, bắt Bồ-tát làm trò và tiếp tục du hành với ý định trình diện ngài trước Vua Uggasena ở Ba-la-nại rồi mới thả ngài đi.

Chàng ta thường giết ếch nhái và đem cho rồng chúa nhưng rồng từ chối mỗi khi chàng ta đưa vậy, để không một sinh vật nào bị chàng ta giết vì ngài nữa. Sau đó, chàng ta đem mật và bắp rang cho ngài. Nhưng ngài cũng không chịu ăn, vì ngài nghĩ: "Nếu ta ăn gì thì ta sẽ ở trong giỏ này cho đến chết."

Suốt một tháng, người Bà-la-môn đến ở Ba-la-nại. Tại đó, chàng kiếm được

nhiều tiền nhờ bảo rồng chúa diễn trò trong các thôn làng ngoài cổng thành. Vua cho triệu chàng vào và ra lệnh diễn trò. Chàng hứa sẽ làm vào ngày hôm sau, là ngày cuối trong mỗi nửa tháng. Sau đó, vua bảo đánh trống khắp kinh thành, bố cáo ngày mai sẽ có một rồng chúa nhảy múa trong sân chầu, dân chúng được phép tụ tập để xem thật đông. Hôm sau, sân chầu được trang hoàng và người Bà-la-môn được triệu vào. Chàng mang Bồ-tát trong cái thúng có dát ngọc vàng, trên một tấm thảm rực rỡ, chàng đặt thúng xuống, vua an tọa trên ngai vàng giữa thần dân chật ních vây quanh.

Người Bà-la-môn bắt Bồ-tát ra và bảo nhảy múa. Dân chúng không thể nào ngồi yên được. Hàng ngàn chiếc khăn quăng tung vẫy giữa không gian, bảy loại châu báu rớt xuống như mưa quanh Bồ-tát.

Từ khi long vương bị bắt đến nay đã một tháng tròn và suốt thời gian ấy ngài chẳng ăn uống gì cả. Bấy giờ, vương phi Sumanā bắt đầu suy nghĩ: "Phu quân yêu quý của ta đã ở nán lại trên đó lâu rồi. Cả tháng nay ngài chưa trở về chắc có việc gì chăng?" Vì thế, nàng bước ra xem mặt nước hồ: "Kìa, nước đỏ như máu!" Thế là nàng biết chắc hẳn ngài đã bị hành hạ và nàng khóc than.

Sau đó, nàng vào ngôi làng biên địa kia để hỏi thăm và khi biết hết mọi sự, nàng đi thẳng đến Ba-la-nại, và ngay giữa quần chúng trên khoảng không của chính sân chầu, nàng cứ đứng than khóc mãi.

Trong lúc Bồ-tát nhảy múa, ngài chợt nhìn lên trên không và thấy nàng, ngài hổ thẹn, bò ngay vào thúng nằm yên. Khi ngài bò vào thúng, vua kêu lớn:

– Sao, có gì thế này?

Nhìn quanh quẩn đâu đó, ngài thấy long nữ đứng ở trên không liền ngâm vần kệ:

240. Ai đó như tia chớp sáng bừng,
Hay vầng tinh tú tỏa hào quang,
Tu-la thần nữ hay thiên nữ,
Ta chắc nàng không phải thế nhân?

Sau đây là câu chuyện giữa hai vị qua các vần kệ.

[Long nữ:]

241. Chẳng là thiên nữ, tu-la thần,
Cũng chẳng loài người, tâu Đại vương,
Tiện thiếp chính là long nữ đó,
Đến đây vì có việc cầu ân.

[Đức vua:]

242. Nàng tỏ ra hờn giận, bất bình,
Mắt nàng mưa lệ cứ tuôn tràn,
Việc gì, ước vọng nào đưa đến,
Hãy nói, ta mong biết, hỡi nàng!

[Long nữ:]

243. Rắn rồng bò tựa lửa hung hăng,
Chúng vẫn gọi ngài thế, bỗng dưng,
Gã bắt ngài đi vì hám lợi,
Thiếp cầu Chúa thượng thả long quân!

[Đức vua:]

244. Vì sao kẻ ốm đói như vầy,
Bắt được rồng kia mãnh lực đầy,
Long nữ, xin nàng cho trẫm biết,
Làm sao đánh giá đúng rồng này?

[Long nữ:]

245. Thần lực ngài, ngay cả thị thành,
Ngài thiêu ra đống bụi tan tành,
Song ngài yêu chuộng đường thanh tịnh,
Khổ hạnh đi tìm lại chính danh.

Sau đó, vua hỏi bằng cách nào chàng kia bắt được ngài, nàng đáp qua vần kệ sau:

246. Vào ngày trai giới, đấng long vương,
Bốn pháp hành trì hạnh Thánh nhân,
Gã múa rối kia tìm bắt được,
Xin ngài vì thiếp, cứu lang quân!

Sau những lời trên, nàng lại ngâm hai vần kệ khác xin giải thoát cho ngài:

247. Mười sáu ngàn, kìa đám nữ nhân,
Rỡ ràng vòng ngọc với kim ngân,
Dưới dòng nước đã tôn rồng thánh,
Là chúa tể cho chúng ẩn thân.

248. Đại vương, mong rộng lượng công bằng,
Xin chuộc long vương được thoát thân,
Bằng một làng, trăm bò cái chẵn,
Thêm vàng, đem phước báu Quân vương.

Đức vua liền ngâm tiếp ba vần kệ:

249. Này xem ta chánh đáng, hào hoa,
Ta chuộc cho rồng chúa được tha,
Bằng một làng, trăm bò cái chẵn,
Thêm vàng, đem phước báu cho ta.

250. Rồi trẫm tặng chàng vòng ngọc trai,
Với vàng trăm lượng chẳng hề sai,
Sàng tọa xinh đẹp như hoa gấm,
Gối nệm nằm chen bốn dãy dài.

251. Bò đực cùng bò cái một trăm,
Và hai người vợ cũng chung dòng,
Xin tha rồng chúa đầy thanh tịnh,
Việc ấy sẽ đem lắm phước phần.

Nghe vậy, người bắt rắn đáp lời:

252. Thần không cầu thưởng, tấu Anh quân,
Mà để chúa rồng được thoát thân,
Như vậy, nay thần xin giải phóng,
Việc này sẽ tạo lắm hồng ân.

Sau lời này, chàng ta đem Bồ-tát ra khỏi thúng. Long vương từ từ bò ra, tiến vào trong một cái hoa, tại đó ngài trút bỏ xác cũ và hiện hình một nam tử phục sức cực kỳ lộng lẫy. Ngài đứng sừng sững chẳng khác nào ngài vừa rẽ mặt đất ra và bước lên. Còn nàng long nữ Sumanā từ trên trời giáng xuống đứng cạnh ngài. Vị rồng chúa đứng chắp tay tỏ vẻ tôn trọng vua lắm.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ:

253. Tự do, rồng chúa xứ Campā,
Liền nói như vầy với đức vua,
"Chúa tể Kāsi nuôi quốc độ,
Cầu ngài vinh hiển tự bây giờ,
Thần xin đảnh lễ ngài cung kính,
Trước lúc trở về viếng cố gia."

[Đức vua:]

254. Đời thường nói các đấng siêu phàm,
Khó được lòng tin ở thế gian,
Ví thử chúa rồng nay nói thật,
Long cung đâu, hãy chỉ ngay đàng!

Nhưng Bồ-tát muốn vua tin tưởng liền thề nguyền như sau qua hai vần kệ:

255. Dù gió thổi tung cả núi đồi,
Mặt trời, trăng rớt khỏi bầu trời,
Suối sông xoáy ngược dòng đang chảy,
Chúa thượng, thần không thể dối lời.

256. Ví trời nứt nẻ, hải dương khô,
Đất mẹ bao la vỡ vụn ra,
Dù núi Tu-di rung bật gốc,
Đại vương, thần chẳng dối bao giờ.

Dù có lời cam đoan như vậy, vua vẫn chưa tin Bồ-tát và bảo:

257. Đời thường nói các đấng siêu phàm,
Khó được lòng tin ở thế gian,

Ví thử chúa rồng nay nói thật,
Long cung đâu, hãy chỉ ngay đàng!

Một lần nữa, vua ngâm vần kệ trên và thêm:

– Ngài phải biết ơn ta về các hành động tốt ta đã làm cho ngài đấy. Tuy nhiên, ta có tin ngài chân chánh hay không thì việc ấy tùy ta định đoạt.

Vua nói rõ điều này qua vần kệ:

258. Ngài đầy nọc độc, đủ quyền năng,
Chiếu sáng rực trời, chóng nổi sân,
Ngài bị giam, nhờ ta giải thoát,
Quyền ta là phải được tri ân.

Bồ-tát liền thề nguyền như vầy để vua tin tưởng:

259. Kẻ nào không muốn đáp ân tình,
Sẽ chẳng làm sao hưởng phước lành,
Kẻ đó bỏ mình trong rọ nhốt,
Chịu thiêu trong ngục tối hồn kinh.

Bấy giờ, vua mới tin ngài và cảm ơn ngài như vầy:

260. Ngài nguyện lời kia quả thật chân,
Giận hờn tan biến, tránh thù hằn,
Như ta tránh lửa trong mùa hạ,
Mong điểu vương xa lánh chúa rồng.

Phần ngài, Bồ-tát cũng ngâm kệ nữa để cảm tạ vua:

261. Như mẹ hiền kia muốn bố ân,
Cho con độc nhất quý vô ngần,
Đại vương nhân ái cùng rồng rắn,
Xin phụng sự vua, mỗi chúng thần.

Bấy giờ, vua ước ao đi viếng cảnh giới loài rồng nên truyền lệnh cho quân sĩ chuẩn bị sẵn sàng lên đường qua vần kệ:

262. Đoàn vương xa, hãy thắng yên cương,
Đứng sẵn bầy la khéo luyện thuần,
Vương tượng cân đai vàng chói lọi,
Ta cùng đi viếng xứ long vương!

Sau đây là vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật:

263. Trống con, trống lớn, đánh thì thùng,
Chũm chọe, tù và thổi dậy rân,
Kìa ngắm Ugga vương ngự đến,
Huy hoàng hiện giữa các cung tần.

Vào lúc vua rời kinh thành, Bồ-tát dùng thần lực khiến cảnh giới long vương xuất hiện với một bức tường thành bao quanh làm bằng bảy loại châu báu cùng các tháp canh tại cổng thành. Ngài hóa phép cho các con đường dẫn

đến long cung đều được trang hoàng rực rỡ. Theo đường này, vua cùng đoàn tùy tùng bước vào cung và trông thấy một khung cảnh đầy kỳ thú với nhiều lâu đài nguy nga lộng lẫy cao sang.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

264. Chúa tể Kāsi thấy đất bằng,
Nơi nơi rải khắp cát như vàng,
Hoa san hô đẹp trồng quanh chốn,
Đỉnh tháp bằng vàng ở tứ phương.

265. Sau đó, đại vương lại đặt chân,
Ngự vào đại sảnh của long thần,
Tựa thiên lôi chủy đồng lóe sáng,
Hay cả vầng hồng tỏa ánh quang.

266. Đến Campeyya đại sảnh đường,
Vừa dời gót ngọc, đấng quân vương,
Ngàn cây đổ bóng che im mát,
Không khí ngàn mùi tỏa diệu hương.

267. Trong cung điện chúa Campeyya,
Đại đế vừa khi ngự đến đây,
Đàn trỗi khúc thần tiên tuyệt diệu,
Yêu kiều long nữ múa như bay.

268. Ngài được mời lên bảo tòa vàng,
Nệm êm ái sực nức chiên-đàn,
Cả đoàn kiều nữ khoan thai lướt,
Khắp sảnh đường theo gót rộn ràng.

Vừa khi vua an tọa tại đó, quân hầu đã dâng lên đủ thứ cao lương mỹ vị thần tiên, họ cũng đem các thứ này mời mười sáu ngàn long nữ kia và toàn thể hội chúng ấy. Suốt bảy ngày, vua cùng đoàn tùy tùng thọ hưởng các thực phẩm thần tiên cùng mọi lạc thú khác. Vừa ngự trên bảo tòa, vua vừa ca ngợi cảnh vinh quang của Bồ-tát. Vua hỏi:

– Này long vương, tại sao ngài bỏ mọi cảnh huy hoàng này để đi nằm trên ổ mối giữa cảnh trần thế của con người và hành trì ngày trai giới vậy?

Bồ-tát kể cho vua nghe.

***

Để giải thích sự việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

269. Chốn kia vua hưởng thú vui tràn,
Tới Campeyya, chúa hỏi han,

"Cung điện ngài đây vinh hiển quá,
Hồng như vầng nhật tỏa hào quang,
Trên trần không chốn nào như vậy,
Vì cớ sao ngài muốn ẩn thân?

270. Đứng đây toàn tuyệt sắc giai nhân,
Cầm lấy bằng đầu ngón búp măng,
Chén rượu trong bàn tay ửng đỏ,
Đai vàng ôm sát ngực và thân,
Tại sao ngài muốn làm tu sĩ,
Chẳng thấy cảnh kia ở cõi trần?

271. Suối, sông, hồ, cá đẹp, trong ngần,
Đều có bến xây bậc vững vàng,
Trên trần chẳng chốn nào như thế,
Vì cớ sao ngài muốn ẩn thân?

272. Đàn công, sếu hạc với thiên nga,
Bao vẻ mê hồn cu gáy ca,
Vì cớ sao ngài làm ẩn sĩ,
Trên đời đâu thấy cảnh kia mà?

273. Có xoài, mận đỏ, tilaka, sāla,
Hoa quế, hoa chuông nở rộ tràn,
Chẳng thấy cảnh này nơi địa giới,
Sao ngài làm ẩn sĩ trần gian?

274. Nhìn các hồ kia, gió thoảng đưa,
Hương thần tiên tỏa khắp đôi bờ,
Cảnh này không thấy trên trần giới,
Vì cớ sao ngài muốn ẩn cư?"

[Long vương:]

275. Chẳng vì thọ mạng, của hay con,
Ta phấn đấu vầy với bản thân,
Nếu được, chính lòng ta ước nguyện,
Tái sanh làm một kẻ phàm nhân.

Vua lại nói:

276. Phục sức cao sang, mắt đỏ ngầu,
Rộng vai và nhẵn nhụi đầu râu,
Chiên-đàn tẩm ướt, như Thiên đế,
Phán bảo toàn dân chúng địa cầu.

277. Lực thần vĩ đại thật hùng oai,
Làm chủ quyền mơ ước mọi loài,

Rồng chúa, xin vui lòng giải đáp,
Vì sao địa giới vượt long đài?

Câu hỏi này được rồng chúa đáp lại như sau:

278. Thanh tịnh, điều thân, chỉ đạt thành,
Khi người ta sống giữa quần sinh,
Nếu làm người, chẳng bao giờ nữa,
Ta thấy tử sinh đến với mình.

Vua lắng nghe và đáp kệ này:

279. Quả thật là chân chánh thiện tâm,
Tôn sùng bậc Trí tuệ uyên thâm,
Tầm tư siêu việt thường sinh khởi,
Khi trẫm nay chiêm ngưỡng chúa rồng,
Cùng với cả đàn long nữ ấy,
Trẫm mong làm thiện nghiệp muôn phần.

Long vương bảo ngài:

280. Quả thật là chân chánh thiện tâm,
Tôn sùng bậc Trí tuệ uyên thâm,
Tâm tư siêu việt thường sinh khởi,
Khi Đại vương nhìn thấy tiểu quân,
Cùng với cả đàn long nữ ấy,
Ngài mong thành thiện nghiệp muôn phần.

Sau buổi đàm đạo ấy, Vua Uggasena muốn ra đi liền tạ từ ngài và bảo:

– Này long vương, trẫm ở lại đây đã lâu rồi, nay trẫm cần phải ra về.

Bồ-tát liền chỉ các kho báu cho vua xem, vừa tặng bất cứ thứ gì vua muốn lấy, ngài vừa ngâm kệ:

281. Vàng thoi bỏ đó, kể không cùng,
Bạc chất như cây cả mấy tầng,
Ngài lấy mà xây tường đá bạc,
Đem về dựng gác ngọc lầu vàng.

282. Ta đoán năm ngàn xe ngọc trai,
San hô chen giữa ửng hồng tươi,
Lấy đi để trải đầy cung điện,
Chẳng thấy đất dơ lộ phía ngoài.

283. Đại vương, hãy dựng một cung đình,
Như tiểu quân nay muốn tấu trình,
Tại đó xin ngài lên ngự trị,
Thành Ba-la-nại sẽ phồn vinh,
Mong ngài cai trị dân hiền đức,
Và trị nước nhà thật xứng danh!

Vua chấp thuận lời đề nghị này. Sau đó, Bồ-tát ban lời bố cáo khắp kinh thành bằng tiếng trống lệnh:

– Hãy để cho đoàn tùy tùng của đức vua từ nhân giới lấy đem về bất cứ món gì trong các kho báu của ta, cả vàng ròng nữa như ý muốn!

Rồi ngài truyền đưa bảo vật đến tặng vua, chất đầy hàng trăm cỗ xe. Xong xuôi, vua giã từ cảnh giới long cung trong muôn vẻ huy hoàng trọng thể và trở về thành Ba-la-nại. Từ đó về sau, tục truyền rằng đất được lát vàng khắp cả xứ Diêm-phù-đề.

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, các bậc Trí ngày xưa đã từ giã cảnh vinh quang trong thế giới loài rồng để hành trì ngày trai giới.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là người nhử rắn, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là nàng Sumanā, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Vua Uggasena và Ta chính là long vương Campeyya.

§507. CHUYỆN SỨC CÁM DỖ MẠNH (*Mahāpalobhanajātaka*) (*J.* IV. 468)

Từ cõi Phạm thiên, một vị thần...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự ô nhiễm lậu hoặc của các bậc thanh tịnh. Các hoàn cảnh đã được nêu trước kia.

Tại đây, một lần nữa, bậc Đạo sư bảo:

– Nữ nhân thường gây cấu uế cho cả những người đã đạt tâm thanh tịnh.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, tại thành Ba-la-nại... Câu chuyện đời xưa này cũng diễn tiến như trong *Chuyện ít dục tham.*[22] Bấy giờ, một lần nữa, bậc Đại sĩ từ Phạm thiên giới giáng trần làm vương tử của vua xứ Kāsi và ngài có tên là Anitthigandha (người ghét nữ nhân). Vương tử hài nhi không muốn ở trong tay bất cứ một nữ nhân nào nên họ phải mặc áo quần nam nhân khi cho vương tử bú sữa và chàng cứ ở riêng trong một thiền thất, không hề thấy bóng một nữ nhân nào cả.

***

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm bốn vần kệ:

284. Từ cõi Phạm thiên, một vị thần,
Đến đây là thế giới phàm nhân,

[22] Xem *J.* II. 328, *Cullapalobhanajātaka* (*Chuyện ít dục tham*), số §263.

Tái sanh, ngài được làm hoàng tử,
Mỗi ước mơ là lệnh phải vâng.

285. Chẳng có nghiệp tình, cõi Phạm thiên,
Chưa hề nghe nói chuyện tình duyên,
Giờ sinh dục giới này, vương tử,
Nghe chữ "tình" thôi, chán ngấy liền.

286. Ở nội cung hoàng tử đã xây,
Một am thất nhỏ của riêng tây,
Nơi chàng chìm đắm vào thiền định,
Đơn độc trôi qua chuỗi tháng ngày.

287. Phụ vương lo lắng trước hoàng nam,
Khi biết chàng trong ấy, khóc than:
"Trẫm chỉ sinh ra mình thái tử,
Mà bao dục lạc, trẻ không màng."

Vần kệ thứ năm diễn tả lời than vãn của vua cha:

288. Ai cho trẫm biết phải làm gì,
Ôi, lẽ nào không có cách chi,
Ai dạy con thèm mùi dục lạc,
Có ai làm thái tử mê ly?

Một vần kệ rưỡi này là của chính đức Phật:

289. Có thiếu nữ kia dáng mỹ miều,
Làn da trắng muốt thật yêu kiều,
Nàng thông suốt một trời ca nhạc,
Và uốn người quay tít thật đều.

290. Xuân nữ này đi tìm Chúa thượng,
Thế là nàng khởi chuyện tình yêu.

Nửa vần kệ này do cô gái ngâm:

Thần thiếp sẽ đi quyến rũ chàng,
Nếu duyên cầm sắc được ngài ban.

291. Cô gái vừa ngâm như thế rồi,
Đức vua bèn phán lại đôi lời:
"Gắng công cám dỗ cho hoàn mãn,
Chàng sẽ là vương tử của nàng."

Bấy giờ, vua truyền lệnh tạo ra mọi cơ hội thuận tiện cho nàng và triệu nàng vào chầu chực bên mình vương tử. Buổi sáng kia, nàng đem cây đàn đến đứng ngay bên ngoài tịnh thất của vương tử và chạm nhẹ các đầu ngón tay vào đàn, cố ra sức quyến rũ chàng bằng giọng ca êm ái dịu ngọt làm sao.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ để giải thích việc này:

292. Kiều nhi vào tận chốn cung đình,
Nơi đó nàng riêng đứng một mình,
Hát khúc ngọt ngào đầy khát vọng,
Xuyên vào tim của bạn chung tình.

293. Xuân nữ đứng kia cất tiếng oanh,
Ông hoàng nghe lọt được âm thanh,
Tức thì bỗng thấy lòng mê mẩn,
Chàng hỏi quân hầu đứng chực quanh.

294. "Âm thanh nào đó thật du dương,
Đưa đến phòng ta rõ lạ thường,
Đâm suốt con tim đầy dục tưởng,
Bên tai kỳ thú thật khôn lường."

295. "Vương tử, nàng kia ngắm tuyệt xinh,
Biết bao đùa cợt, vẻ đa tình,
Ví ngài mong hưởng tình ngon ngọt,
Thì lạc thú đây, hãy đắm mình!"

296. "Này, bảo nàng kia hãy đến gần,
Rồi nàng ca hát thật nhiều lần,
Đến đây trước mặt ta rồi hát,
Ngay chính bên trong cánh cửa phòng!"

297. Cô gái vừa ca ngoài bức tường,
Đứng kia trong thất của ông hoàng,
Nàng vây chàng chặt như voi nọ,
Bị mắc bẫy giăng giữa núi ngàn.

298. Chàng hưởng tròn hoan lạc ái ân,
Kìa xem, tràn ngập nỗi ghen tuông,
"Không ai được phép yêu nàng cả,
Chỉ một mình ta được luyến thương."

299. "Một mình ta, chẳng được người nào"
Rồi chạy ra, chàng cứ thét gào,
Cầm kiếm lồng lên như khát máu,
Đi tàn sát hết bọn mày râu.

300. Lâm nguy, dân chúng thét vang lừng,
Toàn thể phi thân đến hậu cung,
"Vương tử giết người bất kể số,
Chẳng ai khiêu khích", họ kêu rần.

301. Đại vương truyền bắt lấy chàng ngay,
Khuất mắt phụ vương, phán lệnh đày:

"Con chẳng được tìm nơi trú ẩn,
Trong vùng biên địa nước ta này."

302. Chàng đem vợ quý nọ lên đường,
Cho đến khi dừng cạnh đại dương,
Tại đó chàng xây lều lợp lá,
Sống bằng của nhặt ở rừng hoang.

303. Một đạo nhân thanh tịnh lướt ngang,
Bay qua biển cả giữa không gian,
Đi vào lều lá, sao vừa lúc,
Cơm nước vừa đem dọn sẵn sàng.

304. Cô nàng kia quyến rũ ngài ngay,
Xem việc làm sao hạ liệt thay,
Ngài đọa khỏi con đường Thánh hạnh,
Mọi thần thông lực thảy xa bay.

305. Chiều đến khi vương tử trở về,
Do chàng thâu nhặt thật tràn trề,
Quả, rau, một đống trên đòn gánh,
Đồ vật rừng hoang dã phủ phê.

306. Ẩn sĩ nhìn vương tử đến gần,
Ngài ra bờ biển vội rời chân,
Ngỡ là hành cước qua không khí,
Song chỉ chìm sâu xuống biển dần.

307. Vương tử vừa khi thấy Trí nhân,
Vào trong biển cả cứ chìm thân,
Từ tâm khởi dậy trong vương tử,
Liền đó chàng ngâm kệ mấy vần.

308. "Ngài phi hành đến bởi thần thông,
Trên biển không buồm để ruổi dong,
Chìm xuống giờ đây vì ác phụ,
Khiến ngài chịu nhục nhã tiêu vong.

309. Phản bội, hồng quần cám dỗ ta,
Khiến người thanh tịnh nhất sa đà,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết hồng quần, phải tránh xa!

310. Nói ngọt ngào, song khó thỏa lòng,
Cũng như khó đổ nước đầy sông,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết nên xa lánh má hồng!

311. Bất kể hồng nhan phục vụ ai,
Hoặc vì tham dục hoặc tiền tài,
Chúng thiêu chàng rụi như nhiên liệu,
Được thả cháy trong lửa sáng ngời."

312. Ẩn sĩ nghe lời thái tử khuyên,
Chán chê trần thế quả hư huyền,
Trở về Thánh đạo xưa thanh tịnh,
Ngay giữa không gian đứng vụt liền.

313. Vương tử vừa khi đứng ngắm trông,
Cách ngài bay bổng giữa hư không,
Buồn phiền, vương tử liền cương quyết,
Lựa chọn đời thanh tịnh vững lòng.

314. Chuyển hướng tu hành, quyết đập tan,
Dục tham và khát vọng nồng nàn,
Dục tham lắng dịu, chàng thề nguyện:
"Đến cõi Phạm thiên, tiến thẳng đàng."

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ vì nữ nhân mà ngay những người có tâm thanh tịnh cũng vẫn gây ác nghiệp.

Rồi Ngài thuyết giảng các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đã đắc Thánh quả (A-la-hán).

Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ta chính là Vương tử Anitthigandha.

§508. CHUYỆN NĂM VỊ HIỀN NHÂN (*Pañcapaṇḍitajātaka*) (*J.* IV. 474)

Chuyện tiền thân về năm vị Hiền nhân sẽ được kể trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[23]

§509. CHUYỆN HIỀN GIẢ HATTHIPĀLA (*Hatthipālajātaka*)[24] (*J.* IV. 473)

Cuối cùng thấy được Bà-la-môn...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế của Ngài. Rồi cùng với các lời sau đây:

---

[23] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

[24] Xem *J.* IV. 394, *Citta-Sambhūta-jātaka* (*Chuyện đôi bạn Citta và Sambhūta*), số §498; *D.* II. 220, *Mahāgovindasutta* (*Kinh Đại Điển Tôn*), số 19; *S.* I. 3, *Accentisutta* (*Kinh Thời gian trôi qua*); *S.* I. 62, *Nandasutta* (*Kinh Nanda*).

– Này các Tỷ-kheo, không phải đây là lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế mà xưa kia cũng vậy.

Bậc Đạo sư kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thời, tại Ba-la-nại có một vị vua cai trị mệnh danh là Esukārī. Vị tế sư của ngài vốn là bạn đồng môn được ngài yêu chuộng từ thuở niên thiếu. Cả hai đều không có con. Một ngày kia, trong lúc hai vị đang ngồi chuyện trò thân thiết cùng nhau, hai vị nghĩ thầm: "Chúng ta cùng hưởng cảnh đại vinh quang, song chẳng hề có con trai, con gái nào cả, vậy phải làm sao bây giờ?" Vua liền bảo vị tế sư:

– Này Hiền hữu, nếu nhà Hiền hữu sinh được một công tử thì hài nhi đó sau này sẽ trở thành chúa tể trong quốc độ ta, song nếu ta sinh được một hoàng nam thì đó sẽ là chủ nhân tài sản nhà Hiền hữu vậy.

Cả hai vị giao ước với nhau về các chuyện tiếp theo các điều lệ này.

Một hôm, vị tế sư đi đến ngôi làng có hoa lợi của mình và vào làng bằng cổng phía Nam. Vị này thấy ngoài cổng làng một người đàn bà cùng khổ lại sinh nhiều con trai quá, có đến bảy đứa. Tất cả đều cường tráng khỏe mạnh, đứa cầm nồi chảo đi nấu bếp, đứa thì lấy chiếu trải giường, đứa này đi trước, đứa nọ theo sau, đứa khác nắm tay mẹ, đứa kia ngồi trong lòng mẹ, một đứa nữa trèo trên vai bà. Vị tế sư hỏi:

– Thế cha đàn trẻ này đâu?

Bà ấy đáp:

– Thưa ngài, chắc chắn là đàn trẻ chẳng có cha nào cả.

Vị này hỏi:

– Vậy thì làm sao bà có được bảy đứa con xinh tốt như thế này?

Người đàn bà không để ý đến cả khu rừng rậm mà chỉ tay vào cây đa đứng cạnh cổng thành và nói:

– Thưa ngài, tiện thiếp cầu khẩn vị thần sống ở cây này, vị thần ấy đáp lại lời cầu xin của thiếp bằng cách ban cho bảy đứa bé ấy.

Vị tế sư liền bảo:

– Thôi được, bà đi đi.

Rồi vị này xuống xe bước lên cây ấy, cầm một cành mà lắc mạnh, bảo:

– Này thần linh, đức vua có thiếu món gì cúng ông, suốt năm này qua năm khác ngài cúng ông cả ngàn đồng tiền mà ngược lại ông chẳng ban cho ngài vị vương tử nào cả. Còn mụ ăn mày kia đã làm gì mà ông cho mụ cả bảy đứa con trai? Ông phải cho đức vua một đứa con trai này trong vòng bảy ngày, nếu không ta sẽ bảo chặt đốn thân ông xuống và xẻ ra từng khúc đấy.

Khi trách mắng vị thần cây đa như thế xong, vị tế sư ra đi. Suốt sáu ngày, vị tế sư cứ làm như vậy và vào ngày thứ sáu, vừa nắm một cành cây vừa bảo:

– Này thần cây, chỉ còn một đêm nữa thôi đấy, nếu ông không cho đức vua một con trai thì thân ông phải ngã xuống ngay.

Vị nữ thần trên cây suy nghĩ mãi cho đến khi nàng thấy sự việc ấy rõ ràng như thế nào. Nàng nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn kia sẽ phá tan nhà của ta nếu vị ấy không được đứa con trai. Vậy ta biết cho ngài một đứa con trai bằng cách nào đây chứ?" Sau đó nàng yết kiến Tứ Đại Thiên Vương và tâu trình với các ngài. Các ngài phán:

– Này, chúng ta không thể ban cho người ấy một đứa con trai được!

Kế đó, nàng đến gặp hai mươi tám vị thần dạ-xoa (yakkha), các thần kia cũng trả lời nàng như vậy. Nàng liền đến yết kiến Thiên chủ Sakka và tâu trình với ngài.

Thiên chủ suy nghĩ trong lòng: "Nhà vua nay có sinh được hoàng nam xứng đáng với mình hay chăng?" Rồi ngài nhìn quanh và chợt thấy bốn vị thiên tử đức độ. Chuyện kể rằng, các vị này nguyên là thợ dệt ở Ba-la-nại, trong một đời trước, tất cả mọi tiền của kiếm được nhờ buôn bán, các vị ấy chia làm năm phần, bốn phần làm của riêng mỗi người, còn phần thứ năm là của chung được đem ra bố thí hết. Từ thành ấy, chư vị tái sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, sau đó lại tái sanh vào cõi trời Yāma (Dạ-ma), từ đấy cứ tái sanh liên tục lên xuống qua về sáu tầng trời cõi dục và hưởng thọ vô số vinh quang.

Ngay thời bấy giờ là lúc chư vị phải đi từ cõi trời Ba Mươi Ba đến cõi trời Yāma. Thiên chủ Sakka tới chỗ họ và truyền lệnh: "Đến lúc các vị đi xuống cõi nhân gian và nhập mẫu thai chánh hậu của Đại vương Esukārī!"

– Lành thay, tâu Thiên chủ!

Và các vị cùng nói những lời này:

– Chúng thần sẽ đi, song chúng thần không muốn liên quan gì đến hoàng gia cả. Chúng thần sẽ tái sanh vào gia đình vị tế sư và ngay khi còn thanh niên, chúng thần sẽ từ giã thế tục.

Thế là Thiên chủ tán thành với các vị ngay về lời cam kết kia xong ngài trở về kể lại mọi chuyện cho nữ thần sống trên cây đa ấy. Nữ thần rất vui mừng, tạ từ Thiên chủ Sakka và lui về nơi cư ngụ của mình.

Còn vị tế sư ngày hôm sau lại đến cùng với một nhóm người lực lưỡng mà vị này đã tập hợp lại, mỗi người cầm một cây rìu thật bén hay một vật tương tự. Vị tế sư bước gần cây, nắm một cành và kêu to:

– Này thần cây, đây là ngày thứ bảy kể từ khi ta cầu khẩn ông một đặc ân. Nay đã đến lúc phá hoại cây rồi đó!

Vị thần cây dùng đại lực của nàng làm nứt nẻ thân cây và xuất hiện với giọng ngọt ngào, bảo vị ấy như vầy:

– Này vị Bà-la-môn, ngài muốn có một nam tử chăng? Chà, ta sẽ ban cho ngài cả bốn đứa kia!

Vị tế sư bảo:

– Ta không muốn có con, xin nàng có một đứa con trai cho đức vua của ta thôi.

Nàng đáp:

– Không được đâu, ta chỉ muốn ban cho ngài thôi.

– Vậy thì nàng hãy ban cho đức vua hai đứa và ta hai đứa đi!

– Không được, đức vua chẳng thể nào có con đâu, phần ngài phải có cả bốn đứa, mà chúng chỉ được phép ban cho riêng ngài thôi, là vì chúng sẽ không muốn sống cuộc đời thế tục tại gia nên ngay lúc tuổi còn thanh xuân, chúng sẽ từ giã thế tục này.

Vị ấy đáp:

– Vậy nàng cứ cho ta các đứa con trai ấy đi, ta quyết chăm sóc để bọn chúng không từ giã thế tục.

Như vậy là nữ thần đã chấp thuận lời cầu tự của vị tế sư này và trở về chỗ cư ngụ của nàng. Từ đó về sau, nữ thần kia được trọng vọng tôn vinh lắm.

Bấy giờ, vị thiên tử lớn nhất giáng trần, nhập mẫu thai phu nhân của vị quốc sư kia. Vào ngày đặt tên, gia đình ấy gọi hài nhi là Hatthipāla (người quản tượng) và để ngăn cản con trai rời khỏi thế tục này, họ giao hài nhi cho vài người giữ voi chăm sóc nên hài nhi lớn lên giữa những người ấy.

Khi hài nhi mới vừa biết đi chập chững thì hài nhi thứ hai ra đời cũng từ phu nhân ấy. Vào ngày sanh, họ đặt tên hài nhi là Assapāla (người giữ ngựa) và hài nhi lớn lên giữa những người giữ ngựa. Hài nhi thứ ba lúc ra đời được đặt tên là Gopāla (người chăn trâu) và hài nhi lớn lên giữa những mục tử. Còn Ajapāla (người chăn dê) là tên hài nhi thứ tư được gọi lúc ra đời và hài nhi này lớn lên giữa những người chăn dê. Khi các trẻ lớn lên, chúng là những nam tử có đầy đủ tướng mạo tốt lành.

Lúc bấy giờ, vì lo sợ các con trai từ bỏ thế tục nên những người tu khổ hạnh xuất gia đều bị đuổi ra khỏi quốc độ này. Trong toàn xứ sở Kāsi không còn sót tu sĩ nào cả. Riêng các nam tử này tính tình thô bạo lắm, hễ chúng đi trên con đường nào là chúng cướp đoạt những lễ vật cúng cấp đây đó trong vùng.

Khi Hatthipāla lên mười sáu tuổi, vua và vị tế sư thấy dung mạo hoàn mỹ của chàng liền nghĩ thầm: "Các con nay đã khôn lớn mạnh mẽ. Khi đã giương lên chiếc lọng hoàng gia rồi thì ta sẽ làm gì chúng được nữa? Ngay khi làm lễ Quán đảnh cho chúng xong, chúng sẽ thống trị tất cả. Các vị tu khổ hạnh sẽ đến, bọn chúng sẽ thấy các vị đó và cũng sẽ trở thành các vị tu khổ hạnh. Một khi chúng hành động như thế thì cả nước sẽ loạn lên mất. Vậy trước tiên ta phải thử lòng chúng rồi sau đó mới làm lễ Quán đảnh."

Thế là hai vị này cải trang làm các nhà tu khổ hạnh và đi khất thực cho đến khi vào tận cửa nhà của Hatthipāla đang ở. Chàng trai này vui vẻ, thích thú ngay khi gặp hai vị liền bước đến gần, đảnh lễ hai vị rất cung kính và ngâm vần kệ:

337. Cuối cùng thấy được Bà-la-môn,
Đầu tóc búi to, tựa Thánh thần,
Răng bẩn, hôi dơ đầy bụi bặm,
Lại gồng gánh nặng nhọc trên lưng.

338. Cuối cùng thấy được một Hiền nhân,
Vui thú theo đường lối chánh chân,
Với vỏ cây làm y phủ kín,
Và thêm một chiếc nữa màu vàng.

339. Xin nhận sàng tọa, nước rửa chân,
Thật là chân chánh lúc đem dâng,
Tặng nhiều thực phẩm chư hiền khách,
Xin nhận, vì gia chủ đón mừng.

Chàng trai lần lượt nói như vậy với hai vị. Rồi vị tế sư bảo:

– Này Hatthipāla con hỡi, con nói điều này vì con không biết chúng ta. Con tưởng chúng ta là các bậc Hiền nhân từ vùng Tuyết Sơn xuống đây ư, song thật chúng ta không phải như vậy đâu con ạ. Đây là Đại vương Esukārī và ta là thân phụ của con, vị quốc sư đó.

Chàng trai nói:

– Thế thì tại sao Đại vương và thân phụ đắp y như các bậc Hiền giả?

Vị ấy đáp:

– Để thử lòng các con đó mà!

Chàng hỏi:

– Tại sao lại thử con chứ?

– Bởi vì, nếu con gặp chúng ta mà không muốn từ giã thế tục thì chúng ta sẵn sàng làm lễ Quán đảnh phong vương cho con ngay.

Chàng đáp:

– Ồ thưa phụ thân, con chẳng ham vương vị, con muốn rời bỏ thế tục.

Thân phụ chàng liền đáp:

– Này con Hatthipāla, đây chưa phải thời để rời bỏ thế tục đâu.

Rồi vị này giải thích ý định của mình qua vần kệ thứ tư:

340. Học Vệ-đà kinh việc trước tiên,
Làm giàu và cưới vợ vầy duyên,
Nhiều con, hưởng thú vui trần thế,
Thanh, sắc cùng hương, vị, xúc êm,

Sau đó ẩn cư rừng khả ái,
Thế là người trí xứng danh hiền.

Hatthipāla đáp lại với vần kệ:

341. Chân lý không sao lại đạt thành,
Từ vàng bạc hoặc Vệ-đà kinh,
Nhiều con chẳng khỏi thành già cả,
Có lối thoát ra mọi dục tình,
Như các Trí nhân đều thấu suốt,
Gieo gì gặt nấy kiếp lai sinh.

Bấy giờ, vua ngâm kệ đáp lời chàng trai:

342. Lời tự mồm con quả thật chân,
Đời sau ta gặt thứ đang trồng,
Hai thân con đó, nay già yếu,
Song các người mong muốn thấy rằng,
Cuộc sống trăm năm đầy hạnh phúc,
An khang cho trẻ hưởng riêng phần.

– Tâu Chúa thượng, ngài muốn ám chỉ việc gì thế?

Chàng trai hỏi như thế và ngâm hai vần kệ:

343. Kẻ nào khi chết, tấu Anh quân,
Có thể tìm ra một bạn thân,
Đã ký với tuổi già thỏa ước,
Để cho người ấy chẳng từ trần,
Mong lời cầu nguyện trên Hoàng thượng,
Dành bách niên kẻ đó hưởng phần.

344. Cũng giống như người lái vượt dòng,
Con thuyền sang bến nọ bên sông,
Phàm nhân đều vậy, không sao khỏi,
Bệnh, lão niên, rồi tử, mạng chung.

Bằng cách trên, chàng trai đã chỉ cho các vị này thấy cuộc sống thế nhân giả tạm phù du ra sao rồi thêm lời khuyên nhủ:

– Tâu Đại vương, ngài đứng đó và ngay khi tiểu sinh đang đàm đạo với ngài, ngay bây giờ đây, bệnh tật, tuổi già và thần chết đang tiến gần ta. Vậy xin Đại vương hãy tỉnh giác!

Sau khi vái chào vua và phụ thân, chàng đem theo những người hầu cận muốn đi cùng chàng, bỏ lại vương quốc Ba-la-nại đằng sau và lên đường với ý định theo đời sống khổ hạnh. Cả một hội chúng đông đảo cùng đi với chàng thanh niên Hatthipāla, vì hội chúng bảo:

– Cuộc sống tu hành này chắc hẳn phải cao thượng lắm!

Hội chúng ấy trải dài suốt một do-tuần, chàng nam tử cùng hội chúng tiến lên cho đến tận bờ sông Hằng. Tại đó, chàng làm phát khởi thiền định bằng cách quán sát dòng nước sông Hằng. Chàng nghĩ thầm: "Tại đây rồi sẽ có hội chúng đông lắm. Ba vị hiền đệ của ta sẽ đến, kế là song thân, đức vua và hoàng hậu, tất cả cùng với đoàn tùy tùng sẽ sống theo đời tu tập. Thành Ba-la-nại sẽ trống vắng. Ta sẽ ở đây cho đến khi các vị đến đủ." Thế là chàng ngồi tại đó, khích lệ cả đám đông dân chúng đang ngồi.

Hôm sau, vua và vị tế sư suy nghĩ: "Như vậy Vương tử Hatthipāla đã thực sự rời bỏ quyền làm vua và hiện đang ngồi bên bờ sông Hằng, từ đó chàng sẽ đi theo cuộc sống tu hành cùng với một hội chúng đông đảo ở bên chàng. Song ta hãy đi thử Assapāla xem sao, rồi làm lễ Quán đảnh phong vương cho chàng." Vì thế cũng như trước kia, khoác bộ y phục của nhà tu khổ hạnh, hai vị cùng đi đến cửa nhà chàng. Chàng rất hoan hỷ khi thấy hai vị liền bước tới gần hai vị ngâm câu kệ: "Cuối cùng…" ấy giống như anh cả của chàng đã ngâm. Hai vị này cũng làm như trước, và báo cho chàng biết nguyên nhân hai vị đến đây. Chàng đáp:

– Tại sao chiếc lọng trắng hoàng gia lại dành ưu tiên cho phần con, khi con có một hoàng huynh như Hatthipāla?

Hai vị đáp:

– Này con, hoàng huynh con đã ra đi để sống đời tu tập, anh con chẳng muốn liên hệ gì với hoàng gia nữa.

Chàng hỏi:

– Thế bây giờ anh con đâu rồi?

– Hiện đang ngồi bên bờ sông Hằng.

– Tâu Chúa thượng và thân phụ, con cũng chẳng màng đến cái thứ mà anh con đã nhổ khỏi mồm. Chỉ có những kẻ ngu si và thiếu trí mới không đủ năng lực vứt bỏ ác dục này, còn con quyết sẽ vứt bỏ nó.

Sau đó, chàng thuyết pháp cho thân phụ và đức vua qua hai vần kệ được chàng ngâm lên:

345. Dục lạc là bùn bẩn, uế nhơ,
Tham tâm gây chết chóc, sầu tư,
Ai chìm trong vũng bùn vô trí,
Không thể bước sang đến bến bờ.

346. Đây là kẻ đã chịu sầu tư,
Nó bị bắt giam trước đến giờ,
Tìm lối thoát thân nào chẳng thấy,
Để không làm những chuyện như xưa,
Từ nay con quyết lòng xây dựng,
Những bức tường không thể lọt vô.

– Tiểu sinh xin thưa Chúa thượng cùng thân phụ hiện đứng chỗ kia và ngay khi tiểu sinh đang trình với hai vị thì bệnh tật, tuổi già và cả thần chết cũng đang tiến đến gần ta hơn.

Cùng với lời khuyến giáo này, được một đám đông hộ tống kéo dài cả do-tuần, chàng ra đi tìm gặp Vương tử Hatthipāla. Vị vương huynh của chàng liền đứng ở trên không và thuyết pháp cho chàng, rồi nói:

– Này hiền đệ, sau sẽ có một đám đông dân chúng đến đây, vậy hai ta hãy cùng ở lại chốn này!

Chàng đồng ý ở lại đó ngay. Hôm sau, vua và vị tế sư cũng theo cách trên đến nhà Vương tử Gopāla. Khi được chàng hoan hỷ chào đón theo như cách hai vị vương tử trước. Hai vị giải thích duyên cớ đến đây. Cũng như Hatthipāla, chàng từ chối lời đề nghị của hai ngài:

– Từ lâu, con đã ước mong sống đời tu tập như một bò cái bị lạc trong rừng vẫn còn đi lang thang tìm lối sống. Nay con nhìn thấy con đường mà hai vương huynh của con đã đi qua, giống như dấu chân kia của con bò bị lạc nên con cũng theo đường ấy mà ra đi.

Sau đó, chàng ngâm kệ:

347. Như tìm bò cái lạc trên đường,
Bối rối, loanh quanh mãi giữa rừng,
Cũng vậy an vui con đã mất,
Sao còn do dự với phân vân,
Tâu Vua Esukārī rõ,
Khi bước đi tìm theo dấu chân.

Hai vị đáp:

– Nhưng này Gopāla thân yêu, con hãy đến ở cùng chúng ta một ngày, hoặc đến với chúng ta hai, ba ngày, để nhà chúng ta được hạnh phúc hân hoan, rồi sau đó con hãy rời thế tục!

Chàng đáp:

– Tâu Đại vương, xin đừng bao giờ hoãn lại đến ngày hôm sau chuyện gì đáng làm hôm nay. Nếu Đại vương muốn an lành xin hãy hành động ngay hôm nay, đừng trì hoãn nữa!

Sau đó, chàng ngâm kệ khác:

348. "Ngày mai", kêu lớn gã ngu nhân,
Gã thét "ngày mai" mãi chẳng ngừng,
"Thời vị lai không còn sự nghiệp",
Bậc Hiền nhân vẫn cứ khuyên răn,
Chẳng bao giờ bậc Hiền khinh rẻ,
Thiện nghiệp nằm ngay đúng với tầm.

Gopāla vừa nói như vậy vừa thuyết pháp qua hai vần kệ trên xong rồi nói thêm:

– Ngay nơi Đại vương đứng đó và ngay lúc con đang thưa trình với Đại vương thì bệnh tật, tuổi già và cả thần chết nữa cũng đang tiến tới gần.

Sau đó, được dân chúng hộ tống cả một do-tuần, chàng ra đi tìm kiếm hai vị hiền huynh. Rồi Tôn giả Hatthipāla vừa đứng ở trên không vừa thuyết pháp cho chàng như trước.

Ngày kế đó, vua và vị tế sư cũng theo cách trên và đi đến nhà Vương tử Ajapāla. Chàng hoan hỷ đón chào hai vị giống như các vương huynh chàng đã làm. Hai vị nói rõ duyên cớ đến đây và đề nghị giương cho chàng chiếc lọng hoàng gia. Vương tử bảo:

– Thế các vương huynh của con đâu rồi?

Hai vị đáp:

– Các vương huynh của con không muốn liên hệ với giang sơn quốc độ này nữa, cả ba đã khước từ chiếc lọng trắng và cùng với một hội chúng trải rộng cả ba do-tuần đang ngồi trên bờ sông Hằng.

– Thế thì con cũng không muốn đặt lên đầu vật mà các vương huynh đã nhả ra khỏi mồm và đi sống đời tu hành như thế, con muốn hành trì đời sống xuất gia thôi.

Hai vị bảo:

– Này con, con còn trẻ lắm, hạnh phúc của con là mối quan tâm lo lắng của hai ta, vậy để lúc già hơn rồi con hãy sống đời tu tập!

Song chàng trai đáp:

– Đại vương và thân phụ bảo con điều gì thế kia? Hiển nhiên cái chết vẫn đến với tuổi trẻ cũng như với tuổi già. Không ai có dấu hiệu gì trong bàn tay hay không biết được lúc nào con chết cả vì vậy con muốn rời thế tục ngay bây giờ đây.

Rồi chàng ngâm hai vần kệ:

349. Con thường thấy thiếu nữ xinh tươi,
Mắt sáng, say sưa với cuộc đời,
Chưa hưởng phần vui xuân mới hé,
Tử thần mang liễu yếu đi rồi.

350. Cũng vậy nhiều nam tử thật sang,
Khôi ngô, cường tráng tuổi xuân quang,
Bao quanh những chiếc cằm đen nhánh,
Xúm xít chòm râu cứ mọc tràn,
Con giã biệt đời người thế tục,
Cùng bao dục lạc của trần gian,

Để làm ẩn sĩ, xin tha thứ,
Và hãy trở về chốn cố hương!

Sau đó, chàng nói tiếp:

– Nay Đại vương đứng chỗ kia và ngay lúc tiểu sinh đang tâu trình với Đại vương cùng thân phụ thì bệnh tật, tuổi già và thần chết cũng đang tiến tới gần tiểu sinh.

Rồi chàng đảnh lễ cả hai vị, dẫn đầu một hội chúng dài cả do-tuần, chàng ra đi đến bờ sông Hằng. Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp cho chàng rồi ngồi xuống đợi đại chúng mà ngài mong gặp.

Hôm sau, vị tế sư bắt đầu suy tư trầm ngâm trong lúc ngồi trên bảo tòa. Ông nghĩ thầm: "Các con ta đã sống đời tu tập, nay chỉ còn lại một mình ta là lão già như gốc cây đã cằn cỗi tàn rụi, ta cũng muốn theo cuộc sống tu hành."

Rồi ông ngâm kệ với phu nhân mình:

351. Cái vật kia đâm lộc trổ cành,
Người ta gọi đó một cây xanh,
Chặt cành chẳng phải là cây nữa,
Nó chỉ còn trơ trụi khúc mình.
Người chẳng cháu con gì cũng vậy,
Hỡi phu nhân quý tộc cao danh,
Đây là thời điểm dành cho lão,
Sống cuộc đời tu tập Thánh hành.

Nói lời này xong, vị tế sư triệu tập các Bà-la-môn vào diện kiến mình. Sáu mươi ngàn vị đến nơi. Sau đó, ông hỏi cả hội chúng muốn làm gì. Họ đồng đáp:

– Ngài là sư phụ của chúng thần.

Ông bảo:

– Được lắm, thế thì ta sẽ đi tìm con trai ta và theo đời sống tu hành!

Hội chúng đáp:

– Không chỉ riêng ngài mới thấy địa ngục nóng rực lửa, chúng tiểu thần cũng sẽ làm y như ngài vậy.

Vị tế sư liền giao hết kho tàng châu báu cả tám trăm triệu đồng tiền cho bà phu nhân, rồi dẫn đầu cả một đoàn Bà-la-môn trải dài suốt một do-tuần, ra đi đến vùng đất các vị vương tử đang cư trú. Với hội chúng này, cũng như trước, Tôn giả Hatthipāla đứng ở trên không và thuyết pháp.

Ngày hôm sau, bà phu nhân nghĩ thầm: "Bốn nam tử của ta đã từ chối chiếc lọng trắng của hoàng gia để sống đời tu tập. Trượng phu của ta cũng đã để lại kho tài sản và vứt bỏ luôn chức vụ tế sư của triều đình rồi đi theo các con, thế ta còn làm gì một thân trơ trọi nữa? Theo cách các con ta đã đi, ta cũng đi luôn."

Rồi bà ngâm kệ nói lên ước vọng qua câu tục ngữ:

352. Tháng ngày mưa gió đã qua,
Lưới kia đã bị thiên nga phá rồi,
Tự do bay lượn giữa trời,
Như đàn sếu hạc tung đôi cánh liền,
Vậy ta theo đúng đường thiêng,
Chồng con đã bước, ta tìm tâm minh.

Bà nhủ thầm: "Vì ta biết rõ điều này, sao ta lại không rời bỏ thế tục?" Với dự định trên, bà triệu tập các phu nhân Bà-la-môn lại và bảo:

– Các phu nhân định làm gì giờ đây?

Họ bảo bà:

– Thế phu nhân muốn làm gì?

– Về phần ta, ta sẽ từ giã thế tục.

– Vậy chúng thần thiếp cũng làm việc ấy.

Như thế, bà từ giã mọi cảnh huy hoàng này, ra đi tìm các con mình, đem theo những nữ nhân trải dài trên một do-tuần. Với hội chúng này, Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp.

Hôm sau, vua hỏi:

– Vị tế sư của trẫm đâu rồi?

Triều thần đáp:

– Tâu Chúa thượng, vị tế sư và phu nhân đã vứt bỏ hết cảnh phú quý lại đằng sau rồi ra đi theo các công tử cùng với một hội chúng dài đến hai, ba dặm đường.

Vua phán:

– Tiền bạc vô chủ đến tay ta rồi!

Vua truyền lệnh đem tiền bạc từ nhà vị tế sư về cung. Lúc bấy giờ, chánh hậu muốn biết nhà vua đang làm gì, bà được trình báo:

– Hoàng thượng đang truyền đem về cả kho báu từ nhà vị tế sư.

Bà hỏi:

– Thế vị tế sư đâu?

– Tâu Lệnh bà, ngài đã xuất gia làm ẩn sĩ khổ hạnh cùng với cả vợ con và gia quyến.

Hoàng hậu nghĩ: "Thế tại sao Chúa thượng đây lại truyền đem vào nhà mình thứ phân uế và nước bọt mà vị Bà-la-môn này cùng gia quyến vợ con đã nhổ ra thế kia? Thật là một kẻ ngu si mê mờ, tham đắm làm sao! Ta sẽ khuyên bảo ngài qua ví dụ này."

Bà truyền lấy một mớ thịt dành cho chó, chất thành một đống giữa sân hoàng cung, rồi bà đặt một cái bẫy quanh đó, để cho lối ra vào bẫy mở rộng thẳng lên trời. Bầy kên kên thấy thịt, từ xa vội sà xuống. Song những con chim

khôn ngoan trong đàn ấy nhận ra cái bẫy đã được giăng quanh đó và tự biết thân mình quá nặng nề nên không thể bay vụt thẳng được liền nôn ra hết mọi thứ chúng đã ăn và không để cho mình bị mắc bẫy, chúng lại vút lên không và bay biến mất. Còn những con chim khác vì ngu si mà giáng xuống, ngốn ngấu hết các thức mửa ra của đàn trước nên quá nặng nề không thể nào bay thoát được và bị mắc vào bẫy. Quân hầu mang một con chim mắc bẫy vào dâng lên hoàng hậu và bà tự mang đến chỗ vua. Bà nói:

– Tâu Chúa thượng, hãy nhìn xuống, trong sân chầu có một cảnh lạ mắt cho ta nhìn đấy!

Rồi bà vừa mở cánh cửa sổ vừa nói:

– Tâu Chúa thượng, hãy nhìn đám kên kên kia kìa!

Sau đó, bà ngâm hai vần kệ:

353. Đám nọ đã ăn, đã mửa rồi,
Tự do bay lượn giữa bầu trời,
Đám kia ăn nán và lưu lại,
Giờ bị bắt giam bởi thiếp rồi.

354. Vị tế sư nôn hết dục tham,
Vật kia, Chúa thượng muốn ăn phàm?
Người ăn đồ mửa, tâu Hoàng thượng,
Xứng đáng chê bai cực tệ tàn!

Nghe những lời này, vua tràn đầy ăn năn hối hận, ba cõi sinh hữu đều chẳng khác nào đám lửa đang cháy bừng bừng nên vua bảo:

– Ngay chính hôm nay, trẫm phải từ giã vương vị này và sống theo đời ẩn dật tu hành.

Lòng nặng trĩu ưu phiền, ngài tán thán chánh hậu qua vần kệ:

355. Khác nào người lực sĩ can cường,
Giúp cánh tay vì kẻ yếu hơn,
Bị chìm trong vũng bùn dơ bẩn,
Hay bãi cát lầy đã lún thân,
Chánh hậu Pañcālī này cũng vậy,
Nàng vừa giải cứu đấng Quân vương,
Bằng nhiều vần kệ ngâm êm dịu,
Như mật rót tai trẫm dịu dàng!

Vua vừa nói như thế xong liền lập tức triệu hồi quần thần, lòng nôn nóng theo đuổi cuộc sống tu hành, ngài bảo:

– Còn các khanh sẽ ý sao? Trẫm sẽ đi tìm Hatthipāla và trở thành người tu hành.

Quần thần đáp:

– Tâu Chúa thượng, vậy chúng thần cũng xin làm việc ấy.

Nhà vua rời bỏ vương quyền khắp Ba-la-nại, kinh thành vĩ đại rộng cả mười hai dặm và bảo:

– Ai muốn thì cứ giương lên chiếc lọng trắng vương quyền.

Sau đó, được các triều thần vây quanh, ngài dẫn đầu một dòng người dài cả ba do-tuần, đi đến trình diện vị nam tử kia. Với những người này, Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ kể chuyện vua này xuất thế thành tu sĩ ra sao:

356. Như vậy, Esukārī Đại vương,
Nắm quyền nhiều lãnh thổ, giang sơn,
Từ vua, ngài hóa thành tu sĩ,
Như thể voi vùng đứt bộ cương.

Ngày hôm sau, dân chúng còn lại trong kinh thành tụ tập lại trước cung môn xin trình báo với chánh hậu, rồi họ đi vào đảnh lễ chánh hậu xong liền ngồi sang một bên và ngâm kệ:

357. An lạc thay là đấng Thánh quân,
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần,
Chúng thần nay nguyện cầu Hoàng hậu,
Vào ngự trong ngôi vị đế vương,
Xin hãy yêu thương toàn quốc độ,
Được tay phò trợ của quần thần!

Bà lắng nghe những lời hội chúng thỉnh nguyện xong, bà liền ngâm các vần kệ còn lại:

358. An lạc thay là đấng Thánh quân,
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần,
Bây giờ hãy biết rằng ta quyết,
Tiến bước đơn thân giữa thế nhân,
Cùng bao lạc thú đủ toàn phần.

359. An lạc thay là đấng Thánh quân,
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần,
Bây giờ hãy biết rằng ta quyết,
Tiến bước đơn thân giữa thế nhân,
Bất cứ nơi nào còn ngũ dục,
Ta đều vứt bỏ chúng toàn phần.

360. Thời gian trôi, sáng tối không ngừng,
Dung sắc thanh xuân phải úa dần,
Nay hãy biết rằng ta đã quyết,
Bước đi đơn độc giữa phàm trần,

Giã từ khát vọng và tham ái,
Cùng các thú vui đủ mọi phàm.

361. Thời gian trôi, sáng tối qua dần,
Dung sắc thanh xuân phải úa dần,
Nay hãy biết rằng ta quyết chí,
Bước đi đơn độc giữa phàm trần,
Nơi nào bất kể còn tham dục,
Ta cũng rời xa chúng mọi phần.

362. Thời gian trôi, sáng tối xoay vần,
Dung sắc thanh xuân phải úa dần,
Nay hãy biết rằng ta ước nguyện,
Bước đi đơn độc giữa phàm trần,
Mọi dây ràng buộc đều quăng bỏ,
Cũng chẳng còn uy lực dục tâm.

Qua các vần kệ trên, bà thuyết pháp cho hội chúng đông đảo ấy xong rồi triệu tập các vị phu nhân của các triều thần và bảo:

– Nay các phu nhân muốn làm gì?

– Tâu Nương nương, thánh ý định thế nào?

– Ta muốn sống đời tu tập.

– Thế thì chúng thần thiếp cũng làm theo Lệnh bà.

Vậy là chánh hậu mở rộng cửa kho vàng trong cung, bà ra lệnh khắc một phiến đá vàng ghi câu: "Nơi ấy là cả một đại kho tàng, bất cứ ai muốn đều có thể lấy về." Phiến vàng ấy được bà cho buộc vào một cái trụ trên một đài cao. Sau đó, từ giã bao cảnh vinh quang tráng lệ của hoàng cung, bà ra đi khỏi kinh thành. Tiếp theo, toàn thành nhốn nháo lên với tiếng la hét:

– Đại vương và chánh hậu đã rời thành đi theo hội chúng tu khổ hạnh, vậy bây giờ ta phải làm gì?

Từ đó về sau, dân chúng rời bỏ nhà cửa cùng các đồ vật trong đó và ra đi, đem theo con cái. Các tiệm buôn bán mở rộng cửa hàng, song chẳng ai buồn quay lại nhìn chúng nữa, cả kinh thành trống vắng không một bóng người.

Và chánh hậu cùng với đoàn người hộ tống dài cả ba do-tuần đi đến cùng nơi chốn như các vị trước đây. Với hội chúng này, Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp, rồi sau đó cùng toàn thể dân chúng dài mười hai do-tuần khởi hành về hướng Tuyết Sơn.

Toàn quốc độ Kāsi náo loạn, la hét vang lừng. Câu chuyện nam tử Hatthipāla đã làm cho kinh thành Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần trống vắng bằng cách nào, với hội chúng chàng ra đi về vùng Tuyết Sơn ra sao để theo sống đời tu khổ hạnh, dân chúng bảo nhau:

– Thế thì hiển nhiên chúng ta càng nên làm việc ấy!

Cuối cùng, hội chúng này cứ tăng dần đến độ chiếm cả ba mươi do-tuần, rồi vương tử cùng cả đại chúng ấy đi đến Tuyết Sơn.

Thiên chủ Đế-thích trong lúc xét suy, đã nhận biết mọi việc đang xảy ra. Ngài suy nghĩ: "Vương tử Hatthipāla đã làm đại sự xuất thế, quần chúng đông đúc lắm, như thế họ phải có nơi cư trú." Ngài liền ra lệnh cho thiên sứ Vissakamma (thần xây dựng):

– Này Hiền hữu, hãy ra đi xây dựng vùng am tu dài ba mươi sáu do-tuần và rộng mười lăm do-tuần, rồi thâu góp về đó tất cả mọi thứ cần dùng cho các vị tu hành!

Vị này tuân lệnh và dựng bên bờ sông Hằng một nơi ở mát mẻ, dễ chịu cả một vùng am thất theo đúng tầm cỡ cần dùng, chuẩn bị trong các am đầy đủ nệm rơm lót bằng cành lá cây, lại để sẵn sàng mọi vật dụng cần thiết cho các vị tu hành. Mỗi am đều có các cửa ra vào, một chốn đi dạo mát, có chỗ ở riêng biệt dùng cho ban ngày và ban đêm, tất cả đều được quét vôi trắng sạch sẽ sáng sủa, lại có thêm các trường kỷ để nghỉ ngơi. Đó đây rải rác đủ loại trái cây trổ hoa chi chít trên cành khoe đủ sắc hương ngào ngạt. Cuối mỗi chốn dạo chơi là một cái giếng để kéo nước, cạnh đó có cây ăn trái, mỗi cây đều mọc đủ mọi thứ. Tất cả những thứ này đều nhờ thần lực hóa ra cả.

Khi thiên sứ Vissakamma đã xây xong khu ẩn cư này và cung cấp cho các thảo am đủ mọi vật cần thiết, vị ấy ghi các hàng chữ bằng son đỏ trên bức tường: "Ai muốn sống đời tu tập, xin mời đến chỗ các vật dụng này!" Sau đó, vị ấy lại dùng thần lực xua đuổi ra khỏi vùng ấy mọi thứ tiếng kêu kỳ quái, mọi ác điểu và mãnh thú, những loại phi nhân rồi trở về cõi của mình.

Tôn giả Hatthipāla chợt thấy vùng ẩn am này là tặng vật của Thiên chủ Đế-thích, ngài đi theo con đường mòn và thấy phiến đá ghi chữ kia, ngài nghĩ thầm: "Thiên chủ Đế-thích hẳn đã nhận thấy ta vừa làm đại sự xuất thế." Ngài mở một cánh cửa và bước vào am, cầm lên những vật dụng dành cho người tu khổ hạnh; ngài lại bước ra đi dọc theo chốn dạo chơi và quanh quẩn đó đây vài lần. Sau đó, ngài thâu nhận cả hội chúng vào nếp sống tu hành và đi quan sát cả vùng ẩn cư ấy. Ngài để dành phần giữa cho phụ nữ có con thơ, phần kế đó cho các bà già, phần kế nữa cho những phụ nữ không có con cái, còn các am thất khác ở chung quanh đều dành cho nam giới.

Thế rồi một hôm, vị vua kia nghe tin đồn là không có vua trị vì Ba-la-nại liền đi xem và thấy cả kinh thành được trang hoàng rực rỡ với nhiều báu vật. Bước vào cung điện, vua thấy vàng bạc nằm ngổn ngang từng đống. Vị ấy bảo:

– Kìa, rời bỏ kinh thành như thế này để trở thành người tu hành ngay khi cơ duyên tốt lành vừa đến, thật là một việc cao cả thay!

Vị vua ấy vừa hỏi đường một anh chàng say rượu nào đó liền đi tìm Tôn giả Hatthipāla. Khi Hatthipāla nhận biết vị vua ấy đã đến ven rừng liền bước ra đón mừng, vừa đứng trên không vừa thuyết pháp cho toàn hội chúng mới. Sau đó,

ngài dẫn những người ấy vào rừng ẩn cư, tiếp nhận cả đoàn vào hội chúng tu tập. Cùng cách trên, sáu vị vua khác gia nhập vào đây. Bảy vị vua này đều từ bỏ mọi phú quý vinh quang. Chốn ẩn cư này rộng cả ba mươi sáu do-tuần cứ đông đúc dần dần. Mỗi khi có một vị đạo nhân nào khởi tư tưởng tham dục hay các tưởng tượng như thế, ngài thường thuyết pháp cho vị đó và giảng dạy hội chúng tư duy về các công hạnh viên mãn (các hạnh Ba-la-mật) và thiền định nên dần dần các vị này tu tập pháp môn nhập định. Hai phần ba hội chúng được tái sanh vào cảnh giới Phạm thiên, còn một phần ba lại được chia ra thành ba nhóm: Một nhóm được sanh lên cõi Phạm thiên; một nhóm được sanh vào sáu tầng trời dục giới; và một nhóm sau khi hoàn thành sứ mạng của vị kiến giả, được sinh vào thế giới loài người. Như vậy, mỗi người trong ba nhóm đều được thọ hưởng công đức của mình. Thế là việc giáo hóa của Hiền giả Hatthipāla đã cứu độ mọi người khỏi đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và khỏi trở thành một asura.[25]

***

Trên đảo Tambapaṇṇi (Tích Lan, Ceylon) này, các vị đã làm đại sự xuất thế là Trưởng lão Dhammagutta, vị này đã làm cho địa cầu chấn động; Trưởng lão Phussadeva, một thị dân của thành Kaṭakandhakāra; Trưởng lão Mahāsaṁgharakkhita từ vùng Uparimaṇḍala; Trưởng lão Malayamahādeva từ vùng Abhayagiri; Trưởng lão Mahāsīva từ vùng Gāmantapabbhāra; Trưởng lão Mahānāga từ vùng Kāḷavallimaṇḍapa; các vị trong hội chúng của ngài Kuddāla, Mūgapakkha, Cullasuttasoma, của Hiền giả Ayoghara và cuối cùng của tất cả hội chúng Hatthipāla.

Do vậy, đức Thế Tôn bảo:

– Hãy vội làm việc lành, ngăn tâm làm điều ác; ai chậm làm phước lành, ý ưa thích điều ác![26]

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỳ-kheo, ngày xưa Như Lai làm đại sự xuất thế cũng như bây giờ.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Phụ vương Suddhodana (Tịnh Phạn) là Vua Esukārī, Mẫu hậu Mahāmāyā là vị chánh hậu kia, Kassapa (Ca-diếp) là vị tế sư, Bhaddakāpilānī là vị phu nhân, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Ajapāla, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Gopāla, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Assapāla, hội chúng của Như Lai là toàn thể những người kia và Ta chính là Hiền giả Hatthipāla.

---

[25] Asura (阿修羅, a-tu-la; 修羅, tu-la), một loại ác thần có tánh nóng nảy, sân hận, thường gây chiến với chư thiên cõi trời dục giới.

[26] Xem *Dh*. v. 116.

§510. CHUYỆN VƯƠNG TỬ THIẾT THẤT

(*Ayogharajātaka*)[27] (*J.* IV. 491)

Mầm sống một khi nhập tử cung...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể về đại sự xuất thế của Ngài. Tại đây, một lần nữa, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế vì trước kia Như Lai cũng đã làm như thế.

Và Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, bà chánh hậu thọ thai, đến thời mãn nguyệt khai hoa, bà sinh một vương tử ngay sau buổi rạng đông. Bấy giờ, trong một đời trước, có một phụ nữ khác cũng lấy chồng chung với bà, đã thốt lời thề rằng nàng sẽ tìm cách ăn thịt hài nhi của bà ở đời sau. Chuyện kể lại, vì nàng không sinh sản gì nên đem lòng tức giận cả hai mẹ con bà thuở ấy mới thốt lên lời nguyền như trên. Bởi duyên cớ đó, nàng tái sanh thành một con quỷ cái. Còn người mẹ kia nay trở thành chánh hậu và sinh hạ hoàng nam này. Con quỷ cái ấy tìm cơ hội hiện hình khủng khiếp chụp lấy hài nhi ngay trước mặt người mẹ và mang đi mất. Hoàng hậu thét lên vang lừng:

– Một con quỷ đã bắt hoàng nam của ta rồi!

Con quỷ kia nhai ngấu nghiến trệu trạo đứa hài nhi như ăn một củ hành sống rồi nuốt chửng hết. Sau đó, nó lại biến hóa tay chân ra đủ hình dạng để đe dọa cho hoàng hậu kinh hoảng lên rồi biến đi. Khi vua hay tin dữ ấy, ngài im lặng không nói được gì, ngài suy nghĩ: "Còn biết làm sao chống chọi lại con quỷ cái kia chứ?"

Lần kế tiếp, hoàng hậu lâm bồn, vua sắp đặt quân canh phòng bên cạnh bà. Bà hạ sinh một vương tử nữa, con quỷ ấy lại đến vồ lấy đứa bé ăn thịt rồi biến mất. Lần thứ ba, chính là bậc Đại sĩ nhập mẫu thai của chánh hậu. Vua triệu tập một số người lại phán:

– Hễ hoàng nhi nào do chánh hậu của trẫm sinh ra đều bị một con quỷ cái đến vồ lấy ăn thịt. Vậy phải làm sao bây giờ?

Sau đó, có người tâu:

– Bọn quỷ rất sợ lá thốt nốt, Chúa thượng nên cho buộc một ngọn lá ấy vào tay chân hoàng hậu.

Một kẻ khác lại tâu:

---

[27] Tham chiếu: *J.* IV. 52, *Mahādhammapālajātaka* (*Chuyện Đại nhân Dhammapāla*), số §447; *Cp.* 94, *Ayogharacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Ayoghara*); *Pe.* 1, *Ariyasaccappakāsanapaṭhamabhūmi* (*Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thánh đế*); *Thag.* v. 303, *Dhammikattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Dhammika*); *Xuất diệu kinh* "Vô thường phẩm" 出曜經無常品 (*T.*04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Hữu vi phẩm" 法集要頌經有為品 (*T.*04. 0213.1. 0777a02); *Buddhist Birth Stories* (*Những câu chuyện bổn sanh Phật giáo*), p. 34.

– Bọn quỷ cũng sợ cái nhà bằng sắt. Vậy phải dựng lên một cái.

Nhà vua chấp thuận. Ngài triệu tập tất cả thợ rèn trong quốc độ, ra lệnh dựng cho ngài một cái nhà bằng sắt và cho người giám sát công việc của họ. Ngay trong kinh thành, tại một địa điểm khả ái, họ xây lên một ngôi nhà có cột trụ và mọi bộ phận trong nhà không gì khác ngoài sắt. Trong chín tháng, ngôi nhà được hoàn tất, thật là một lâu đài vững chắc kiên cố, được đèn chiếu sáng suốt ngày đêm không bao giờ ngưng cả.

Khi vua biết rằng hoàng hậu sắp mãn nguyệt khai hoa, ngài truyền lệnh sắp đặt tiện nghi đầy đủ cho tòa nhà sắt rồi rước bà vào trong đó. Bà hạ sinh một hoàng nam có đầy đủ mọi quý tướng tốt lành và hai vị đặt tên con là Ayoghara (Thiết Thất, ngôi nhà sắt).

Vua giao hài nhi cho các nhũ mẫu trông nom, lại sắp đặt một đội vệ sĩ hùng hậu giữ quanh lâu đài ấy, trong khi ngài cùng chánh hậu đi diễu quanh kinh thành hướng về phía hữu rồi ngự lên thượng lầu nguy nga lộng lẫy của hoàng cung. Đồng thời, con quỷ cái vì cần uống nước đã đi tìm thứ nước của Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) nên bị giết.

Trong ngôi nhà sắt kia, bậc Đại sĩ lớn lên cùng với trí khôn phát triển dần, ngài được dạy đủ mọi môn học thuật cũng tại nơi đó cả.

Vua hỏi các triều thần:

– Nay vương nhi đã mấy tuổi rồi?

Hội chúng đáp:

– Tâu Chúa thượng, vương tử vừa lên mười sáu. Thật là một trang anh hùng đầy dũng lực cường tráng, đủ để chế ngự cả ngàn con quỷ kia!

Vua liền quyết định giao vương quyền vào tay vương tử. Ngài ra lệnh cho kinh thành trang hoàng rực rỡ, truyền bảo rước vương tử ra khỏi ngôi nhà sắt đến triều kiến ngài. Quần thần tuân lệnh. Toàn thành Ba-la-nại được trang hoàng rực rỡ, kinh đô vĩ đại ấy trải khắp mười hai do-tuần, họ lại tô điểm cho vương tượng bằng tấm khăn phủ lưng thật lộng lẫy, phục sức cho vương tử cực kỳ sang trọng rồi đặt ngài lên lưng vương tượng và tâu:

– Tâu Điện hạ, xin Điện hạ ngự du một vòng theo phía hữu quanh kinh thành đang nô nức mở hội này, đây chính là giang sơn sự nghiệp của Điện hạ, sau đó sẽ đến đảnh lễ Hoàng thượng là đại vương quốc độ Kāsi, vì hôm nay chính là ngày Điện hạ đón nhận chiếc lọng trắng.

Bậc Đại sĩ ngự lễ rước ngài diễu quanh kinh thành theo về phía bên hữu, ngài thấy các hoa viên tuyệt mỹ, đủ màu sắc xinh tươi với hồ nước, các thửa ruộng, vườn cây, nhà cửa phố xá, khắp nơi đều đẹp mắt. Ngài tự nhủ thầm: "Tất cả cảnh sắc thế này mà trong bao lâu nay vương phụ lại giam giữ ta rất cẩn mật, chẳng hề cho ta thấy kinh thành được trang hoàng rực rỡ như thế kia. Ta đã có lỗi gì vậy?" Ngài liền đem câu ấy hỏi các triều thần. Hội chúng đáp:

– Tâu Điện hạ, ngài chẳng có lỗi gì. Song có một con quỷ cái đã xé xác ăn hai vương huynh của ngài mất đi nên đức Thượng hoàng cho ngài ở trong ngôi nhà sắt và chính ngôi nhà sắt ấy đã cứu mạng ngài.

Những lời này lại làm ngài suy nghĩ: "Suốt mười tháng ta đã ở trong bụng mẹ, chắc chẳng có khác gì cái địa ngục hình Chảo Sắt (Thiết Oa) hay địa ngục Phân Dơ (Phẩn Nị) đâu; rồi khi ta ra khỏi bụng mẹ, cả mười sáu năm trời nay ta sống trong ngục thất kia, không bao giờ có cơ hội nhìn ra ngoài. Mặc dù ta đã thoát được đôi bàn tay của con quỷ kia, ta vẫn không sao thoát được tuổi già và thần chết. Vậy ta sẽ xin phép phụ vương đi theo đời sống tu hành và ta sẽ lên vùng Tuyết Sơn để thực hiện ước nguyện."

Như vậy, sau khi dự lễ hội rước ngài ngự quanh kinh thành xong, ngài vào hoàng cung đảnh lễ phụ vương và đứng chờ lệnh. Vua ngắm dung sắc tuyệt mỹ của ngài, lại nhìn đến quần thần với tấm lòng yêu thương mãnh liệt bừng lên trong đôi mắt. Quần thần hỏi:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng muốn truyền cho chúng thần làm gì?

– Các hiền khanh hãy đưa vương nhi ngự lên một khối trân châu bảo ngọc, làm lễ Quán đảnh cho vương nhi với nước từ ba vỏ ốc xà cừ xong rồi giương chiếc lọng trắng viền tua vàng lên che cho vương nhi!

Song bậc Đại sĩ đảnh lễ phụ vương và thưa trình:

– Tâu Phụ vương, con không muốn liên hệ gì với vương triều nữa. Con ước ao sống đời tu tập và con tha thiết cầu mong Phụ vương cho phép con làm việc ấy.

– Này Vương nhi, tại sao con lại muốn rời bỏ vương vị và sống theo đời tu khổ hạnh?

– Tâu Phụ vương, suốt mười tháng con nằm trong bụng mẹ chẳng khác nào địa ngục Phân Dơ; khi đã sinh ra đời, vì sợ con quỷ dữ mà con phải sống trong cảnh giam cầm, chẳng bao giờ có cơ hội nhìn ra ngoài. Con thấy giống như bị nhốt vào ngục Ussada. Nay đã thoát nạn quỷ cái ấy, song con chẳng bao giờ thoát được tuổi già và cái chết, vì không ai có thể chiến thắng thần chết cả. Con nhàm chán sự sinh ra đời rồi. Vậy trước khi già, bệnh, chết kéo đến với con, con quyết theo đời sống tu hành, tiến bước trong chánh hạnh. Con không muốn ngai vàng dành cho con. Tâu Phụ vương, xin Phụ vương ban ơn, chấp thuận cho con đi!

Rồi ngài thuyết pháp cho thân phụ như vầy:

363. Mầm sống một khi nhập tử cung,
Mới vừa khởi sự bước đầu xong,
Nó liền tiến mãi hoài liên tục,
Sinh mệnh dòng kia chẳng thể dừng.

364. Không một quyền năng, chẳng lực hùng,
Giúp người tránh lão tử sau cùng,
Mọi loài khổ lụy vì sinh lão,
Con quyết tìm thanh tịnh bản thân.

365. Đại vương chiến thắng bởi hùng binh,
Bốn đạo quân nhìn thật đáng kinh,
Song chẳng phá tan quân Diêm chúa,
Nên con nguyền Phạm hạnh phần mình.

366. Dù mã, tượng, xa với đạo quân,
Vây quanh, vài kẻ thoát nhanh chân,
Song không ai thoát tay thần chết,
Con quyết đời thanh tịnh để phần.

367. Với mã, tượng, xa, các đạo binh,
Anh hùng tiêu diệt thảy tan tành,
Song không thấy có người nào đủ,
Sức mạnh phá tan được tử hình,
Vì thế lòng con nay đã quyết,
Cuộc đời Phạm hạnh để cho mình.

368. Voi điên, da đẫm ướt trên đường,
Phố xá giẫm tan, giết hại dân,
Song chẳng thấy người đầy thế lực,
Giẫm tan tiêu diệt tử Ma vương,
Cho nên con quyết lòng tu tập,
Thanh tịnh đời riêng với bản thân.

369. Xạ thủ đại hùng, thiện xảo thay,
Bắn như tia chớp tự xa bay,
Song con không thấy người thừa sức,
Làm tổn thương được thần chết này,
Vì thế lòng con giờ quyết định,
Theo đời thanh tịnh để phần đây.

370. Rừng núi, hồ sông với thạch bàn,
Không lâu để sụp đổ điêu tàn,
Đúng thời vạn vật thành không cả,
Con quyết đời thanh tịnh bước đàng.

371. Giống như cây ở mé bờ sông,
Bán áo, người say đổi rượu nồng,
Cuộc sống muôn loài đều khổ cả,
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần.

372. Tứ đại rã tan, chúng lụi dần,
Trẻ già, nam nữ, cả nhân quần,
Ngã như trái rụng vì cây đổ,
Con quyết đời thanh tịnh bản thân.

373. Xuân của thế gian khác nữ thần,
Ngự trên tinh tú ấy cô Hằng,
Chẳng bao giờ tuổi xuân về nữa,
Đối với lão niên kiệt quệ dần,
Lạc thú ái ân nào có được,
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần.

374. Ác quỷ, thần tiên lúc nổi sân,
Phun luồng khí độc hại phàm nhân,
Song làn khí độc thần linh ấy,
Chẳng giúp vào xô ngã tử thần.
Vì vậy lòng con giờ đã quyết,
Cuộc đời thanh tịnh để riêng phần.

375. Khi ác thần, yêu quái, quỷ tinh,
Nổi sân được vuốt dịu làm lành,
Do người cúng bái, song không thể,
Vì vậy giờ con đây quyết định,
Cuộc đời thanh tịnh để phần mình.

376. Những người gây tội ác, hung tàn,
Khi lộ bị hình phạt chúa ban,
Song với tử thần không thể phạt,
Nên con nguyền Phạm hạnh lên đàng,

377. Những người gây tội ác đau thương,
Tìm cách cản tay các đế vương,
Song với tử thần tay lưỡi hái,
Việc này xem quả thật vô phương.
Cho nên con quyết giờ đây chọn,
Thanh tịnh đời con tiến thẳng đường.

378. Quân vương, võ tướng, Bà-la-môn,
Những kẻ mang danh vị tối tôn,
Những đại phú gia, người thế lực,
Tử thần cũng chẳng rũ lòng thương.
Cho nên con quyết từ đây sống,
Phạm hạnh đời con đã chọn đường.

379. Cọp, beo, sư tử chụp con mồi,
Tất cả đều ăn sống, nuốt tươi,

Cho dẫu con mồi mong giãy giụa,
Tử thần đâu sợ hổ, sư nhai.
Cho nên con trẻ từ đây quyết,
Phạm hạnh riêng con sống cả đời.

380. Kẻ xiếc trên sân khấu lộn sòng,
Diễn trò lừa bịp mắt người trông,
Muốn lừa thần chết, không mưu kế,
Thánh hạnh đời con đã quyết lòng.

381. Nọc độc rắn rồng lúc nổi sân,
Tấn công giết lập tức người trần,
Nọc kia thần chết không hề sợ,
Thanh tịnh đời con quyết chọn phần.

382. Nanh độc rắn dùng lúc nổi sân,
Vị lương y có đủ tài năng,
Làm tiêu tan hết xà công lực,
Song chữa vết thương của tử thần,
Không một anh hùng nào đủ sức,
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần.

383. Lương y chữa nọc rắn tài tình,
Đã chết, giờ đây khuất bóng hình,
Bố-giạ, Vệ-tài, Đa-mẫn nữa,
Nên con quyết Phạm hạnh cho mình.

384. Vài kẻ tinh thông thuật chú thần,
Tàng hình đi trước mặt tha nhân,
Tuy nhiên không thể tàng hình mãi,
Mà tử thần trông thấy vẫn gần.
Vì vậy lòng con nay quyết định,
Cuộc đời thanh tịnh để riêng phần.

385. Bất cứ ai theo hạnh phúc chánh chân,
Đều là người được hưởng bình an,
Khéo hành chánh đạo nhiều công đức,
Hạnh phúc thay là bậc chánh chân!
Chẳng bao giờ có người chánh hạnh,
Rơi vào trong đọa xứ đau buồn.

386. Đúng chăng nghiệp quả của riêng mình,
Đều phải do tà, chánh phát sinh?
Tà hạnh dẫn người vào địa ngục,
Chánh chân đưa đến cõi thiên đình.

Khi bậc Đại sĩ đã thuyết pháp như vậy qua hai mươi bốn vần kệ xong, ngài tiếp:

– Tâu Phụ vương, xin Phụ vương giữ quốc độ cho mình, phần con không màng đến nó chút nào. Ngay khi con đang tâu trình với Phụ vương thì bệnh tật, tuổi già và thần chết đều tiến đến gần con hơn. Xin Phụ vương ở lại vương vị cũ.

Sau đó, chẳng khác nào con voi điên cuồng bật tung xiềng xích bằng sắt, hoặc như chú sư tử trẻ sung sức phá vỡ chiếc lồng vàng, ngài đập tan mọi dục vọng phàm tục trong lòng và đảnh lễ song thân rồi ra đi.

Tiếp theo đó, phụ vương của ngài phán:

– Ta cũng không thiết ngai vàng, quốc độ nữa!

Rồi vua cha từ giã thế sự, ra đi cùng ngài. Khi các ngài đi rồi, chánh hậu, các triều thần Bà-la-môn, gia chủ cùng những người khác trong kinh thành đều bỏ nhà cửa ra đi hết. Thế là một đoàn đại chúng trải dài cả mười hai do-tuần, cùng với đám đông này, ngài tiến về phía Tuyết Sơn.

Khi Thiên chủ Đế-thích biết rằng ngài đã xuất gia, liền sai thiên sứ đi xây dựng một vùng am thất trải dài cả mười hai do-tuần, bề rộng bảy do-tuần và truyền bảo vị ấy đem vào đó mọi thứ cần thiết cho cuộc đời tu tập khổ hạnh. Cách thức bậc Đại sĩ tiếp tục thâu nhận những người này vào hội chúng xuất gia của ngài và thuyết giáo cho hội chúng, sau đó hội chúng được sinh lên Phạm thiên giới hay chứng đắc quả Tam quả (Bất lai) như thế nào, tất cả đều diễn ra giống như trước kia.

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy này các Tỳ-kheo, trước kia Như Lai cũng đã làm đại sự xuất thế.

Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, song thân của vương tử kia là phụ hoàng và mẫu hậu ngày nay, hội chúng của Như Lai là các thần dân và Ta chính là Hiền giả Ayoghara.

CHƯƠNG XVI
BA MƯƠI KỆ
(*TIṀSATINIPĀTA*)

§511. CHUYỆN MONG MUỐN GÌ (*Kiṁchandajātaka*) (*J.* V. 1)

Vì cớ sao ngài ở bến sông...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc hành trì ngày trai giới (*Uposatha*).

Một ngày nọ, một số nam nữ cư sĩ đang hành trì ngày trai giới đến nghe pháp và ngồi tại pháp đường. Bậc Đạo sư hỏi xem hội chúng có hành trì ngày trai giới không và khi họ đáp là có, Ngài nói thêm:

– Các ông hành trì ngày trai giới, thật tốt lành thay! Ngày xưa, có những người chỉ nhờ hành trì nửa ngày trai giới mà đạt được vinh quang tột bực.

Rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, tại thành Ba-la-nại, Vua Brahmadatta cai trị quốc độ rất đúng pháp và là một người sùng đạo, ngài nhiệt tình hành trì mọi thiện sự trong ngày trai giới, giữ đúng giới luật và bố thí. Ngài cũng khuyên các cận thần cùng nhiều người khác giữ hạnh nguyện bố thí, làm phước đức, nhưng vị quốc sư của ngài là một kẻ xấu miệng, ưa gièm pha, tham của hối lộ nên xử án bất công.

Vào một ngày trai giới kia, vua triệu các cận thần lại và bảo họ giữ giới. Vị quốc sư này không thi hành phận sự của ngày trai giới. Vì vậy, trong ngày ấy, lão nhận hối lộ và xử án bất công rồi sau đó đến chầu vua. Sau khi hỏi mỗi vị cận thần xem có giữ giới không, vua hỏi vị quốc sư:

– Này Tôn giả, ông có giữ giới không?

Lão nói dối là có, rồi rời cung vua. Lúc ấy, một vị cận thần khác quở trách lão:

– Chắc chắn ngài chẳng giữ giới.

Lão đáp:

– Ta đã ăn từ sáng sớm, nhưng khi ta về nhà sẽ súc miệng và giữ giới luật, ta sẽ không ăn gì buổi chiều và suốt đêm ta sẽ giữ giới luật, như thế ta cũng giữ được nửa ngày trai giới.

Họ đáp:

– Thưa Tôn giả, thế thì tốt lắm!

Lão đi về nhà và làm đúng như vậy.

Một ngày kia, khi lão đang ngồi xử kiện, một người đàn bà vốn là người giữ đúng giới luật đang gặp chuyện thưa kiện và vì không thể về nhà được, bà ấy nghĩ thầm: "Ta không thể vi phạm hành trì ngày trai giới." Nên lúc đến gần giờ trì giới, bà ấy bắt đầu súc miệng. Và lúc ấy có người mang vào một mâm xoài chín biếu vị tế sư Bà-la-môn. Lão thấy bà ta đang giữ giới liền bảo:

– Bà ăn đi rồi giữ giới.

Bà ấy vâng theo. Hạnh nghiệp tốt của vị Bà-la-môn kia chỉ nhiều chừng này.

Về sau đó, lão chết đi và tái sanh vào vùng Tuyết Sơn trong một nơi phong cảnh tươi đẹp bên bờ sông Kosikī, nhánh của sông Hằng, trong một khu rừng xoài rộng ba do-tuần, trên một vương sàng nguy nga của một cung điện bằng vàng. Lão tái sanh như thể một người vừa thức giấc liền được phục sức xiêm y, điểm trang lộng lẫy với dung mạo tuyệt vời, lại được mười sáu ngàn tiên nữ chầu hầu chung quanh. Suốt đêm trường, lão thọ hưởng vinh quang này vì đã được sinh làm vị thần trong ma cung, phước lộc của lão cũng tương xứng với hạnh nghiệp xưa của lão.

Vì thế khi bình minh đến, lão vào rừng xoài; ngay lúc vừa bước chân vào, thân thể thần tiên của lão biến mất, lão hóa hình thù to lớn như một cây thốt nốt cao tám mươi *cubit*, toàn thân rực sáng như một cây phượng vĩ đang trổ hoa đỏ thắm. Lão chỉ có một ngón tay trên mỗi bàn tay nhưng móng lại to như bàn cuốc; với các móng tay này, lão móc thịt sau lưng, xé thịt mình ra mà ăn rồi đau đớn điên cuồng lên, lão cứ khóc rống thật to. Mãi vào lúc mặt trời lặn, thân hình này biến mất và phong cách thần tiên của lão hiện ra. Các tiên nữ nhảy múa, cầm nhiều nhạc cụ trong tay hầu hạ quanh lão; trong lúc hưởng đại vinh hiển như vậy, lão bước lên tiên cung trong khu rừng xoài diễm lệ.

Như vậy là do kết quả việc tặng trái xoài cho người đàn bà đang trì giới, lão được hưởng một khu rừng xoài rộng ba dặm. Nhưng vì phải thọ lãnh nghiệp quả về việc nhận hối lộ và xử án sai lầm, lão phải xé thịt trên lưng ra mà ăn; đồng thời nhờ việc hành trì nửa ngày trai giới, lão tận hưởng vinh quang mỗi đêm cùng với mười sáu ngàn tiên nữ múa hát hầu hạ quanh mình.

Vào thời ấy, vua xứ Ba-la-nại hiểu rõ tội lỗi do tham dục gây ra nên xuất gia tu hành, ẩn cư trong một thảo am nọ trên một vùng phong cảnh xinh đẹp ở miền hạ lưu sông Hằng, sống khổ hạnh với những vật ngài kiếm được.

Một ngày kia, có quả xoài chín trong rừng ấy bằng cái bát rơi xuống sông Hằng, theo dòng sông đến nơi đối diện với chỗ định cư của vị khổ hạnh này. Trong khi ngài đang súc miệng, chợt thấy trái xoài trôi giữa dòng, ngài liền lội qua lấy nó mang về am, cất vào nội thất, nơi ngài đốt ngọn lửa thiêng.[1] Sau đó,

[1] Xem *Mv*. I. 24.

khi xẻ xoài ra, ngài chỉ ăn vừa đủ sống rồi gói phần còn lại bằng lá chuối. Ngài cứ ăn dần dần trái xoài như vậy cho đến hết.

Khi đã ăn hết xoài, ngài không thể ăn trái cây nào khác nữa, nhưng bị thói tham ăn của ngon trói buộc, ngài thốt lời thề từ nay chỉ ăn xoài chín mà thôi, liền đến bờ sông nhìn xuống dòng nước, quyết không bao giờ đứng dậy cho đến khi tìm được một trái xoài. Thế là ngài nhịn ăn sáu ngày liền, cứ ngồi đó chờ mong tìm xoài cho đến khi ngài bị khô héo vì nắng gió.

Đến ngày thứ bảy, một vị nữ thần xem xét sự việc ấy, thấy rõ lý do hành động của ngài và suy nghĩ: "Vị tu khổ hạnh này bị thói tham ăn câu thúc, cứ ngồi đó nhịn đói bảy ngày nhìn xuống sông Hằng. Việc ta chối từ ngài một quả xoài là điều sai lầm, vì nếu không có xoài, ngài sẽ chết, vậy ta sẽ cho ngài một trái."

Thế là nữ thần liền hiện lên giữa không gian trên sông Hằng và nói với ngài vần kệ đầu tiên:

1. Vì cớ sao ngài ở bến sông,
Suốt trong mùa hạ nắng oi nồng,
Bà-la-môn hỡi, người thầm nguyện,
Chủ đích gì ngài vẫn ước mong?

Nhà tu khổ hạnh nghe thế liền đáp lại chín vần kệ:

2. Bồng bềnh trôi nổi ở trên dòng,
Ta thấy xoài kia, hỡi nữ thần,
Vươn cánh tay dài ta lấy quả,
Đem về nhà cất ở gian trong.

3. Ngọt ngào hương vị thật thanh tao,
Ta nghĩ của trời quý giá sao,
Hình dáng đẹp tươi này sánh với,
Chiếc bình lớn nhất khác chi nào.

4. Ta giấu xoài trong lá chuối cây,
Cắt ra từng lát với dao này,
Ít oi thực phẩm, phần ăn uống,
Hợp với đời người đạm bạc đây.

5. Phần ăn dần hết, bớt thèm thuồng,
Tuy thế lòng ta vẫn tiếc luôn,
Trong các trái nào ta kiếm được,
Ta đều không thấy vị thơm ngon.

6. Héo hắt ta đà mỏi mắt trông,
Xoài ngon ta lượm ở bên dòng,
Sẽ làm ta chết, ta lo sợ,
Chẳng trái cây nào ta ước mong.

7. Vì sao giữ giới đã trình nàng,
Cho dẫu ta đang ở cạnh dòng,
Sóng vỗ chập chùng bao loại cá,
Đầy đàn bơi lội cứ tung tăng.

8. Nay ta cầu khẩn nói cho ta,
Chớ sợ hãi rồi bỏ chạy xa,
Hỡi nàng tố nữ là ai đó?
Tại sao nàng lại đến đây mà?

9. Thị nữ chư thiên đẹp tuyệt vời,
Khác nào vàng óng ánh ngời soi,
Xinh như bầy hổ còn thơ dại,
Dọc các sườn non vẫn giỡn chơi.

10. Cũng ở nơi đây cõi thế gian,
Muôn vàn vẻ đẹp lắm hồng nhan,
Song không ai giữa nhân, thiên ấy,
Lại dám khoe tươi với nữ hoàng.
Ta hỏi nữ thần muôn diễm lệ,
Được trời phú mọi vẻ thiên quang,
Xin cho ta biết phương danh tánh,
Nơi chốn xuất thân quý tộc nàng.

Nữ thần liền đáp tám dòng kệ:

11. Trên dòng sông nước thật xinh tươi,
Bên cạnh Hằng giang đạo sĩ ngồi,
Bá chủ ngôi cao ta ngự trị,
Dưới vùng sâu thẳm thủy triều trôi.

12. Cầm quyền ngàn thạch động xung quanh,
Che phủ rừng cây rậm lá xanh,
Từ đó bao dòng tràn ngập chảy,
Hòa theo với sóng nước sông mình.

13. Mỗi khu rừng, mỗi khóm vườn cây,
Đưa đến long cung lắm suối đầy,
Đổ xuống bao nguồn nước xanh biếc,
Ngập dòng bát ngát của ta này.

14. Lệ thường trên các phụ lưu này,
Nhiều trái sinh từ đủ loại cây,
Đào đỏ, chà là, sung, mít, vả,
Với xoài, người thấy rõ ràng ngay.

15. Trái kia đều mọc mỗi bên bờ,
Rơi xuống vừa tầm với của ta,

Ta bảo của trời cho chánh đáng,
Danh ta, ai có thể gièm pha?

16. Hiểu thông điều ấy, lắng nghe đây,
Hỡi Đại vương thông tuệ, trí tài,
Chớ đắm tham vào tâm dục vọng,
Bỏ ngay lời nguyện đáng chê bai.

17. Đại vương xưa ngự trị giang sơn,
Nay việc ngài, ta chẳng tán dương,
Muốn chết giữa mùa xuân tuổi trẻ,
Rõ ràng biểu lộ đại điên cuồng.

18. Giáo sĩ, chư thần, quỷ hiển linh,
Mọi người biết hạnh nghiệp uy danh,
Của ngài, mọi Thánh nhân thanh tịnh,
Dưới thế đã thành tựu hiển vinh,
Quả thấy việc ngài làm trái đạo,
Hiền nhân tất cả biểu đồng thanh.

Tiếp theo đó, vị tu hành ngâm bốn vần kệ:

19. Ai biết đời người thật mỏng manh,
Mọi loài dục giới thoáng qua nhanh,
Không hề nghĩ đến điều sinh sát,
Mà trú an trong mọi hạnh lành.

20. Xưa nàng được hội Thánh tôn vinh,
Là bậc làm công đức sáng danh,
Nay lại giao du nhiều kẻ ác,
Tiếng xấu nàng đang cố tạo thành.

21. Ví ta chết cạnh bến sông nàng,
Hỡi nữ thần dung sắc vẹn toàn,
Tiếng xấu trùm lên nàng tất cả,
Khác nào mây phủ giữa không gian.

22. Vậy kiều tiên hỡi, lão van nàng,
Hãy tránh xa điều ác, sợ rằng,
Mặc lão chết đi, rồi hối tiếc,
Làm trò đàm tiếu giữa trần gian!

Nghe nói vậy, nữ thần đáp lại năm vần kệ:

23. Ta biết ngài thầm kín ước mong,
Và ngài nhẫn nhục thật cam tâm,
Ta cam đành phận làm tỳ nữ,
Đem đến xoài ngon tặng đạo nhân.

Kìa ác dục từ bao thuở trước,
Khó thay bỏ lạc thú phàm trần,
Ngài đã đạt đến tâm thanh tịnh,
Và trí bình an phải giữ luôn.

24. Người nào đã thoát buộc ràng xưa,
Lại bám xiềng gông trước chuyện thừa,
Phóng dật bước vào phi thánh đạo,
Chất chồng ác nghiệp mãi luôn mà.

25. Ta tặng ngài điều nguyện khát khao,
Rồi ngài tiêu hết mọi ưu sầu,
Ta đưa ngài đến nơi êm mát,
Ngài sống đời an lạc biết bao.

26. Mây-na, cu gáy, hạc, hồng nga,
Say mật quây quần cạnh khóm hoa,
Từng đám thiên nga cao vút lượn,
Chim đồng, đàn khổng tước kiêu sa,
Cùng nhau hòa tiếng ca êm ái,
Đánh thức rừng cây tỉnh giấc mơ.

27. Hoa nghệ, kadamba rộ bông,
Khác nào rơm rạ ở trên đồng,
Chà là, thốt nốt nồng nàn chín,
Tô điểm chung quanh lủng lẳng chùm,
Và giữa cây cành đầy trĩu trái,
Xoài cây sung mãn, hãy nhìn trông!

Vừa ca tụng thắng cảnh kia, tiên nữ vừa mang nhà tu hành đến đó và mời ngài ăn xoài trong rừng này cho đến khi thỏa thích rồi nàng lại ra đi. Nhà ẩn sĩ ăn xoài mãi đến lúc đã hết cơn thèm xong nghỉ ngơi chốc lát. Sau đó, đi loanh quanh thơ thẩn trong rừng, ngài thấy vị thần kia đang lúc chịu khổ sở đau đớn, ngài không còn lòng dạ nào thốt ra lời hỏi han vị ấy, nhưng khi hoàng hôn đến, ngài thấy vị thần kia được các tiên nữ hầu hạ và thọ hưởng vinh quang của tiên giới, ngài liền ngâm ba vần kệ:

28. Suốt đêm hưởng thụ tiệc vui say,
Khăn đội, đeo vòng tay, cổ tay,
Tô điểm thêm tràng hoa đẹp đẽ,
Khổ đau phải chịu lúc ban ngày.

29. Hàng ngàn tiên nữ hộ quanh ngài,
Thần lực ngài kia thật đại tài,
Kỳ diệu biết bao quyền biến đổi,
Khổ hình lại hóa cảnh bồng lai!

30. Ngài đã làm sao phải đọa đày,
Tội gì ngài hối tiếc ngày nay,
Sao từ lưng nọ nay ngài phải,
Móc thịt mình ăn lại mỗi ngày?

Vị thần kia nhận ra ngài liền bảo:

– Đại vương không nhận ra tiểu thần, nhưng ngày xưa tiểu thần là tế sư của Đại vương. Hạnh phúc này thần được hưởng hằng đêm là nhờ ơn Đại vương. Đó là kết quả hành trì nửa ngày trai giới của thần, còn nỗi thống khổ thần phải chịu ban ngày là kết quả nghiệp ác mà thần đã làm. Vì khi thần được Đại vương cho ngồi ghế phán quan, thần đã ăn hối lộ và phán xét sai trái, thần lại là kẻ xấu miệng, ưa phỉ báng sau lưng người khác nên kết quả việc ác thần đã tạo những ngày đó, nay thần phải chịu khổ đau này.

Nói xong, vị thần ngâm hai vần kệ:

31. Xưa thân thọ hưởng thánh tam kinh,
Song ác nghiệp giam hãm đắm mình,
Việc ác đã làm cho bạn hữu,
Bao năm ròng cuộc sống trôi nhanh.

32. Kẻ nào phỉ báng các tha nhân,
Cứ thích rình mò phá tiếng thơm,
Phải móc thịt mình ăn lại mãi,
Như ta việc ấy hiện đang làm.

Nói xong, vị thần hỏi nhà tu khổ hạnh tại sao đã đến đây. Vị này liền kể hết đầu đuôi câu chuyện của mình. Vị thần lại hỏi:

– Vậy xin thưa ngài, ngài định ở đây hay lại ra đi?

– Ta không muốn ở lại, ta muốn trở về am.

Vị thần đáp:

– Thưa ngài, lành thay, thần sẽ dâng cúng ngài trái xoài chín thường xuyên đầy đủ.

Rồi vị ấy dùng thần lực đưa vị vua ẩn sĩ trở về vùng thảo am, khuyên ngài sống thiểu dục ở đó, yêu cầu ngài phải giữ tròn lời nguyền rồi ra đi. Từ đó, vị thần kia thường xuyên cung cấp xoài cho nhà tu khổ hạnh. Ngài thọ hưởng thứ trái cây ấy, hành trì những pháp môn tu tập để làm phát khởi thiền định và về sau được thọ sanh vào Phạm thiên giới.

***

Bậc Đạo sư sau khi chấm dứt pháp thoại với các cư sĩ liền thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, nữ thần ấy là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) và ẩn sĩ khổ hạnh chính là Ta.

Vào lúc kết thúc các sự thật một số người đạt Sơ quả (Dự lưu), một số người đạt Nhị quả (Nhất lai), lại có một số người khác đạt Tam quả (Bất lai).

§512. CHUYỆN BÌNH RƯỢU (*Kumbhajātaka*)[2] (*J.* V. 11)

Ai từ thiên giới, hiện trên không...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về việc năm trăm nữ nhân, các vị thân hữu của bà Visākhā (Tỳ-xá-khư) là những kẻ uống rượu nồng.

Lúc bấy giờ, chuyện kể rằng có một tửu hội được tổ chức tại Sāvatthi (Xá-vệ) và năm trăm nữ nhân này, sau khi đem rượu nồng cho các vị phu quân xong, vào cuối tửu hội lại suy nghĩ: "Chúng ta cũng muốn dự tửu hội."

Họ liền tìm đến bà Visākhā và bảo:

– Này Hiền hữu, chúng ta cũng muốn dự hội.

Bà đáp:

– Đây là một tửu hội, còn ta không muốn uống rượu nồng.

Họ bảo:

– Thế Hiền hữu hãy cúng dường đức Phật Chánh Giác, còn chúng tôi muốn dự hội này!

Nàng chấp thuận ngay và để họ đi. Sau khi đã cho người thỉnh bậc Đạo sư và cúng dường Ngài trọng thể, buổi chiều bà đi đến Kỳ Viên, cầm nhiều tràng hoa thơm cùng các nữ nhân kia để nghe thuyết pháp. Bấy giờ, đám nữ nhân kia thèm uống rượu cùng khởi hành với bà nên lúc họ đứng tại cổng, họ uống rượu nồng rồi cùng bà Visākhā đến yết kiến bậc Đạo sư.

Bà Visākhā đảnh lễ bậc Đạo sư và cung kính ngồi qua một bên. Vài người đàn bà trong bọn ấy dám múa ca ngay trước mặt bậc Đạo sư, có người lại lấy tay, chân làm những cử chỉ thô lỗ, có người còn cãi nhau nữa. Bậc Đạo sư muốn gây chấn động cho họ liền phóng ra một tia hào quang từ chân mày của Ngài. Tiếp theo đó bầu trời tối đen kịt. Bọn nữ nhân kinh hoàng sợ chết vì thế tỉnh rượu ngay.

Bậc Đạo sư biến mất khỏi bảo tòa Ngài đang ngồi, xuất hiện trên đỉnh núi Tu-di và phóng ra một tia hào quang từ giữa chân mày, rực rỡ chẳng khác nào ngàn vầng trăng hiện. Trong lúc đứng đó, bậc Đạo sư nói lên kệ này để gây kinh động cho đám nữ nhân kia:

Ở đây nào phải chốn vui cười,
Lửa dục đốt tan mọi cảnh đời,
Sao mãi chìm thân trong bóng tối,
Không tìm ngọn đuốc nẻo đường soi.[3]

[2] Xem *Kv.* 1, *Puggalakathā* (*Vấn đề hiện hữu của một thực ngã*).
[3] Xem *Dh.* v. 146.

Câu kệ vừa chấm dứt, cả năm trăm nữ nhân đều đắc quả Dự lưu. Bậc Đạo sư lại xuất hiện trên bảo tòa dành cho đức Phật chỗ bóng mát của hương phòng. Lúc ấy, bà Visākhā đảnh lễ Ngài và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, việc uống rượu mạnh phát xuất từ đâu đã phá hỏng tàm và quý của con người?

Để trả lời bà, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta đang trị vì quốc độ Ba-la-nại, có người thợ rừng tên gọi Sura, sống ở quốc độ Kāsi, đến vùng Tuyết Sơn đi tìm hàng buôn bán. Ở đó, có một cây mọc lên cao vừa tầm vóc người giơ hai tay lên đầu và chia làm ba nhánh, giữa cái chĩa ba này là một lỗ lớn bằng bình rượu, khi trời mưa lỗ này đầy nước. Chung quanh cây này có hai cây āmalaka (am-ma-lặc) và một bụi tiêu, khi trái chín được cắt xuống lại rơi vào lỗ này. Không xa cây này lại có một ruộng lúa tự mọc lên. Chim sẻ mổ lúa ăn đến đậu trên cây này. Trong lúc chim ăn, lúa và gạo sạch trấu rơi xuống đó, chỗ ấy nước lên men dưới ánh nắng mặt trời nên có màu đỏ như máu. Mùa nắng, từng đàn chim khát nước, uống nước ấy và say sưa ngã xuống dưới gốc cây, sau khi ngủ một lát lại bay đi, kêu chiêm chiếp rất vui tai. Việc này cũng diễn ra với các loài chó hoang, khỉ và nhiều dã thú khác nữa. Người thợ rừng thấy vậy nghĩ thầm: "Nếu đây là thuốc độc thì chúng chết hết rồi, nhưng còn đây sau một giấc ngủ ngắn, chúng bay đi như ý muốn, vậy không phải là thuốc độc."

Gã uống thứ nước ấy và lúc say rượu, gã thấy thèm ăn thịt liền nhóm lửa lên, giết chim trĩ và gà gô vừa ngã gục dưới gốc cây, gã nướng thịt trên đám lửa hồng rồi một tay gã múa may, tay kia cầm thịt ăn, gã ở lại chỗ đó một, hai ngày.

Bấy giờ, không xa nơi ấy, có một vị ẩn sĩ tên gọi Varuṇa, nhiều lúc gã thợ rừng đến viếng ẩn sĩ, gã nghĩ thầm: "Ta sẽ uống thứ rượu này với vị ẩn sĩ ấy."

Gã đổ đầy nước vào một ống sậy cùng một ít thịt nướng, rồi gã đi đến am tranh và bảo:

– Thưa ngài, xin ngài thử nếm rượu này!

Hai người cùng uống rượu và ăn thịt. Vì thứ rượu này do Sura và Varuṇa phát hiện nên được đặt tên theo đó là rượu Surā và Varuṇī. Cả hai suy nghĩ: "Đây là cách sử dụng rượu này." Họ đổ đầy nước vào ống sậy, gánh đi đến làng lân cận, dâng sớ tâu vua rằng có vài người lái buôn rượu đã đến. Nhà vua cho triệu họ vào và họ dâng rượu lên. Nhà vua uống rượu hai, ba lần là say mèm. Rượu này chỉ đủ dùng chừng hai, ba ngày, sau đó vua hỏi còn rượu không. Họ bảo:

– Tâu Đại vương, còn.

– Ở đâu thế?

– Tâu Đại vương, trong vùng Tuyết Sơn.

– Thế đem rượu về đây.

Họ đi tìm rượu kia chừng hai, ba lần rồi suy nghĩ: "Ta không thể đến đó mãi."

Họ nghiên cứu các thành phần chế tạo rượu ấy và bắt đầu dùng thứ vỏ cây kia, họ đổ thêm các thứ kia vào và làm rượu ngay tại kinh thành. Dân trong thành uống rượu say, trở thành những kẻ khốn cùng lười biếng. Vùng ấy trở nên một kinh thành hoang vắng.

Các lái buôn rượu bỏ đi đến Ba-la-nại, dâng sớ tâu nhà vua xin trình báo họ đến thành. Nhà vua triệu họ vào, trả tiền cho họ và họ lại làm rượu tại đó. Thành ấy cũng hoang tàn như kiểu trên. Sau đó, họ đến Sāketa, từ Sāketa họ đến Xá-vệ.

Lúc bấy giờ, có vị vua mệnh danh Sabbamitta ngự tại Xá-vệ. Nhà vua tỏ ra ưu ái họ và hỏi họ muốn gì. Khi họ bảo: "Chúng tiểu thần muốn có các vật liệu chính cùng gạo xay và năm trăm chiếc bình", nhà vua ban đủ mọi thứ họ xin.

Thế là họ cất rượu trong năm trăm bình kia và họ cột một con mèo vào một bình rượu để canh giữ. Khi rượu lên men và bắt đầu phun ra, bầy mèo uống rượu mạnh chảy ra từ trong bình cho đến khi say mèm, chúng nằm xuống ngủ, bọn chuột đến gặm tai, mũi, răng và đuôi mèo. Quân cận thần đến tâu vua:

– Bầy mèo đã chết vì uống rượu.

Nhà vua phán:

– Chắc chắn hai gã kia đã làm thuốc độc.

Rồi vua ban lệnh chém đầu họ. Và khi phải chết, họ còn la lớn:

– Là rượu, tâu Đại vương; là mật lên men, tâu Đại vương!

Nhà vua sau khi xử tử bọn kia rồi, ra lệnh mở các bình ra. Còn bầy mèo, khi tác dụng rượu đã hết, tỉnh dậy đi lại chơi đùa. Các cận thần thấy vậy liền tâu vua. Vua bảo:

– Nếu đó là thuốc độc thì chúng đã chết hết rồi, chắc đây là mật lên men, ta phải uống mới được.

Thế là vua ra lệnh trang trí kinh thành, dựng ngôi đình trong sân chầu và ngự vào đình nguy nga trên ngai vàng có lọng trắng che đầu với các cận thần chầu quanh, nhà vua nhập tiệc uống rượu.

Lúc ấy, Thiên chủ Đế-thích bảo:

– Có ai dưới trần là những kẻ phụng dưỡng mẹ cha lại tinh cần giữ trọn ba chánh hạnh chăng?

Rồi nhìn xuống thế gian, ngài thấy nhà vua đang ngồi uống rượu nồng, ngài nghĩ: "Nếu vua ấy cứ uống rượu nồng mãi thì toàn cõi Diêm-phù-đề sẽ bị hủy diệt, ta muốn thấy chắc chắn vua không được uống rượu nữa."

Thế là đặt bình rượu vào lòng bàn tay, ngài giả dạng một Bà-la-môn, đứng trên không ngay trước mặt vua, kêu lớn:

– Mua bình này đi, mua bình này đi!

Vua Sabbamitta thấy ngài đứng trên không và nói như vậy liền hỏi:

– Bà-la-môn này từ đâu đến đây?

Và nhà vua ngâm vần kệ trò chuyện với ngài:

33. Ai từ thiên giới, hiện trên không,
Mình phóng hào quang rực ánh hồng,
Như chớp ngang trời đang lóe sáng,
Đêm đen kịt chiếu ánh trăng trong.

34. Giữa chốn bao la, lướt nhẹ mình,
Đi đứng trong khoảng chẳng âm thanh,
Lực thần ngài đạt, ôi vi diệu,
Chứng tỏ ngài thần thánh hiển linh!

35. Đạo sĩ, xin cho biết bậc nào,
Vật gì trong ấy, chiếc bình cao,
Giữa không trung giáng trần như vậy,
Chắc muốn bán hàng cho trẫm sao?

Lúc ấy, Thiên chủ đáp lại:

– Này nhà vua hãy nghe đây!

Rồi vừa thuyết giảng mọi đặc điểm xấu xa của rượu nồng, ngài vừa ngâm vần kệ:

36. Bình không đựng lạc, chẳng dầu hương,
Chẳng phải mật ong, chẳng mía đường,
Song chuyện xấu xa không kể xiết,
Chứa đầy trong bụng quả cầu tròn.

37. Ai uống, tội thay kẻ dại khờ,
Sẽ chìm trong hố thẳm đen dơ,
Đâm đầu trong vũng bùn ghê tởm,
Ăn phải vật xưa đã nguyện chừa,
Đại đế, xin mua bình rượu nặng,
Đầy lên tận miệng của nhà ta.

38. Rượu vào trí đảo lộn quay cuồng,
Như chú bò ăn cỏ lạc đường,
Tâm trí phiêu diêu người lảo đảo,
Múa men, ca hát suốt ngày trường,
Bình ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh, mua ngay, hỡi Đại vương!

39. Người uống rượu trơ trẽn chạy rong
Khắp thành, như ẩn sĩ trần truồng,

Đến khuya nằm nghỉ liền đâm hoảng,
Quên cả thì giờ phải ngả lưng,
Bình rượu ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Quân vương!

40. Bợm rượu như người hoảng, múa men,
Ngả nghiêng, dường chẳng đứng ngồi yên,
Tay chân run rẩy, đầu co giật,
Như nộm gỗ nhờ tay kéo lên,
Đại đế, mua đi bình rượu đó,
Đầy lên tận miệng, rượu cay men.

41. Bợm rượu bị thiêu đốt ruột gan,
Hoặc làm mồi lũ chó rừng hoang,
Dấn thân tù ngục hay thần chết,
Còn phải chịu hao tổn bạc vàng,
Bình rượu ta đầy lên tận miệng,
Cực nồng, mua lấy, hỡi Quân vương!

42. Túy ông mất hết vẻ thanh tao,
Trò chuyện những điều bẩn thỉu sao,
Ngồi đứng trần truồng cùng đám bạn,
Mọi đàng ô trọc, bệnh lao đao,
Bình ta đầy rượu tràn lên miệng,
Cực mạnh, Quân vương, hãy lấy vào!

43. Kẻ uống thường hay thói tự cao,
Nhãn quang chẳng sáng suốt đâu nào,
"Thế gian của tớ", lòng thầm nghĩ,
Chẳng có vua nào sánh kịp đâu!

44. Rượu nồng là thứ đại kiêu căng,
Ác quỷ nhát gan tựa nhộng trần,
Kết hợp đánh nhau và phỉ báng,
Ấy nhà cho trộm, điếm dung thân.

45. Dù gia đình có thật giàu sang,
Hưởng thọ kho vô số bảo tàng,
Giữ của trời cho phong phú nhất,
Rượu này cũng sẽ phá tan hoang.

46. Bạc vàng, đồ đạc ở trong nhà,
Đồng ruộng, trâu bò, thóc vựa kho,
Ta sợ tiêu vong vì rượu mạnh,
Là mầm suy sụp của toàn gia.

47. Túy ông đầy nặng tính kiêu căng,
Phỉ báng cả hai bậc lão thân,
Thách đố bà con cùng máu huyết,
Dám làm ô uế mối hôn nhân.

48. Nữ nhân uống rượu cũng kiêu căng,
Phỉ báng chồng mình lẫn phụ thân,
Bất chấp thanh danh nhà quý tộc,
Biến thành nô lệ tính điên khùng.

49. Bợm rượu gan liều dám sát nhân,
Sa-môn chân chính, Bà-la-môn,
Rồi cùng mọi cõi đời đau khổ,
Hối tiếc hành vi quá bạo tàn.

50. Rượu vào phạm ác nghiệp ba phần,
Lời nói, việc làm với ý tâm,
Địa ngục chìm sâu đầy khổ não,
Vì hành động ác tạo sai lầm.

51. Có kẻ người năn nỉ uổng công,
Dù đem dâng mấy đồng vàng, song
Khi say, chúng dụ theo đường chúng,
Lời dối tuôn ra cũng sẵn lòng.

52. Ví người say giữ việc thông tin,
Gặp cảnh gian nguy đến đột nhiên,
Hãy xem, kẻ này thề thốt nặng,
Việc này tâm trí chợt quên liền!

53. Ngay người thanh lịch nhất khi say,
Cũng hóa ra phường tục tử ngay,
Đệ nhất Trí nhân mà túy lúy,
Cũng huyên thuyên nói xuẩn ngu đầy.

54. Uống nhiều, nhịn đói, ngã chơi vơi,
Đất cứng trần là chỗ nghỉ ngơi,
Lúc nhúc trên trơ như lũ lợn,
Chịu bao nhục nhã nhất trên đời.

55. Như bò bị đánh ngã trên sàn,
La liệt nằm từng đống hỗn mang,
Ngọn lửa chứa trong men rượu nặng,
Sức người không thể sánh ngang bằng.

56. Mọi người kinh hoảng vội lùi ra,
Tránh độc dược kia tựa độc xà,

Dũng sĩ to gan nào giải khát,
Cho mình bằng rượu giết người ta?

57. Ta chắc sau khi uống rượu nồng,
Tộc Andhaka với Veṇḍa,
Lang thang bờ biển rồi nhào xuống,
Vì chiếc chùy kia của họ hàng.

58. Tiên say bị đọa khỏi cung trời,
Thần lực mất liền, Đại đế ơi!
Ai muốn nếm mùi ghê tởm ấy,
Mua đi bình rượu của nhà tôi.

59. Chẳng phải sữa chua, mật ngọt đây,
Song ngài luôn nhớ mãi từ nay,
Cái gì chứa đựng trong bầu ấy,
Đại đế, xin mua lấy rượu này!

Khi nghe xong bài thuyết giảng trên, vua nhận thấy nỗi thống khổ do rượu nồng gây ra nên lòng hoan hỷ, tán thán Thiên đế qua hai vần kệ sau:

60. Chẳng song thân dạy khéo như ngài,
Ngài thật nhân từ, thiện hảo thay,
Chân lý ngài tìm ra tối thượng,
Trẫm vâng lời dạy bảo hôm nay.

61. Năm đệ nhất thôn của trẫm ban,
Bảy trăm bò, thị nữ trăm nàng,
Mười xe tuấn mã thuần cao quý,
Vì lợi ích ngài đã dạy răn.

Đế-thích nghe vậy liền xuất đầu lộ diện, vừa trụ trên không vừa ngâm hai vần kệ:

62. Một trăm thị nữ vẫn nhà ngài,
Làng mạc, đàn bò, cũng mặc ai,
Chẳng ngựa xe, đòi thuần chủng quý,
Sakka Thiên chủ chính danh này.

63. Hưởng đủ bơ tươi, thịt ướp, cơm,
Vui lòng ăn bánh mật men thơm,
Thích nhiều chân lý ta vừa dạy,
Trong sạch cõi thiên đến đúng đường.

Thiên chủ Đế-thích thuyết giáo cho ngài xong lại trở về thiên giới. Nhà vua liền chừa bỏ rượu mạnh và ra lệnh đập vỡ các bình rượu kia. Sau đó, ngài kiên tâm giữ ngũ giới và bố thí, về sau được sinh vào cõi thiên.

Nhưng việc uống rượu mạnh dần dần phát triển khắp cõi Diêm-phù-đề.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là nhà vua kia, còn Thiên chủ Đế-thích chính là Ta.

§513. CHUYỆN VƯƠNG TỬ JAYADDISA (*Jayaddisajātaka*)[4] (*J.* V. 21)

Kìa, bảy ngày qua chịu đói lòng...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình.

Phần mở đầu cũng giống như chuyện kể trong *Chuyện hiếu tử Sāma*.[5] Nhưng vào dịp này, bậc Đạo sư bảo:

– Các Hiền nhân ngày xưa đã từ bỏ chiếc lọng trắng có các vòng kim hoa để phụng dưỡng song thân.

Nói xong, Ngài liền kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, có một vị vua ở kinh thành Uttarapañcāla, trong quốc độ Kampilla,[6] mệnh danh là Pañcāla. Hoàng hậu của ngài có thai, sinh được một hoàng nam. Trong suốt tiền kiếp xưa, bà có một tình địch trong hậu cung, đang trong cơn nóng giận đã thề:

– Một ngày kia ta sẽ ăn thịt con bà!

Và để lời nguyền kia có công hiệu, nàng biến thành một con quỷ cái. Sau đó, ác quỷ tìm cơ hội chụp lấy hài nhi ngay trước mặt hoàng hậu, nhai ngấu nghiến như miếng thịt tươi rồi biến đi. Lần thứ hai cũng làm y hệt như thế, nhưng đến lần thứ ba, khi hoàng hậu đã vào phòng sinh, đám vệ binh liền canh gác quanh hoàng cung rất chặt chẽ. Vào ngày bà sinh con, quỷ cái lại xuất hiện và chụp lấy hài nhi. Hoàng hậu thét lên:

– Quỷ cái!

Lập tức binh lính cầm khí giới chạy đuổi theo con quỷ cái khi nghe báo động. Vì không kịp ăn thịt hài nhi, quỷ cái chạy trốn, ẩn mình dưới cống. Hài nhi nhận quỷ cái ấy làm mẹ, ngậm vú đòi bú và quỷ cái kia bỗng sinh lòng thương hài nhi như mẹ thương con liền đi đến nghĩa địa giấu hài nhi trong hang đá và chăm sóc kỹ lưỡng.

Hài nhi lớn dần, quỷ cái đem thịt người về cho nó ăn và cả hai đều sống bằng thức ăn này. Đứa trẻ không biết mình là người, song dù tưởng mình là con của quỷ, cậu bé cũng không thể biến hóa khỏi hình người hay giấu mình được. Để thực hiện việc này, con quỷ đưa cho cậu bé cất một loại rễ cây. Nhờ công lực của thứ rễ này, cậu biến hình được và tiếp tục sống bằng thịt người. Lúc bấy giờ, quỷ cái có việc đi xa để chầu đại lực quỷ vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn)

---

[4] Xem *Cp.* 90, *Alīnasattacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Alīnasatta*).

[5] Xem *J.* VI. 69, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

[6] Bản CST viết Kapila.

rồi chết luôn tại đó. Còn phần hoàng hậu, lần thứ tư sinh được một hoàng nam bình yên vì quỷ cái đã chết. Và do sự kiện hoàng nam sinh ra chiến thắng kẻ thù là quỷ cái kia nên được đặt tên là Jayaddisa (Chiến Thắng).

Khi hoàng tử khôn lớn, học hành tinh thông mọi mặt, chàng lên nắm vương quyền theo nghi lễ giương chiếc lọng trắng và trị vì quốc độ. Vào thời ấy, hoàng hậu của vua sinh hạ Bồ-tát và được đặt tên là Alīnasattu (Dũng Cảm). Khi hoàng tử lớn khôn, tinh thông mọi môn học thuật liền được phong làm phó vương. Còn cậu bé làm con của quỷ cái vì bất cẩn làm hư hỏng rễ cây kia nên không thể giấu mình được nữa, phải sống trong nghĩa địa, ăn thịt người nhưng vẫn xuất lộ nguyên hình. Dân chúng thấy vậy sợ hãi, đến kêu than với nhà vua:

– Tâu Đại vương, một con quỷ có hình dạng rõ ràng đang ăn thịt người trên nghĩa địa. Dần dần nó sẽ tìm đường vào kinh thành ăn thịt dân. Xin Đại vương ra lệnh bắt nó đi!

Nhà vua chấp thuận ngay và ra lệnh bắt quỷ nọ. Một đạo binh cầm khí giới đứng quanh thành. Con quỷ ấy trần truồng nom thật khủng khiếp, nhưng lại sợ chết nên thét to và nhảy vào giữa ba quân. Quân sĩ la lên:

– Quỷ đây rồi!

Và họ cũng lo sợ cho mạng sống của họ nên tan rã thành hai nhóm và bỏ chạy. Con quỷ chạy thoát được và ẩn mình trong rừng, từ đó không dám lai vãng ở chỗ có người.

Nó sống dưới gốc cây đa gần con đường lớn xuyên qua rừng. Khi dân chúng qua lại đường đó, nó bắt lấy từng người một đem vào rừng giết ăn thịt. Lúc bấy giờ, có một Bà-la-môn dẫn đầu đoàn bộ hành, đưa một ngàn đồng tiền cho nhóm kiểm lâm rồi đi ngang qua đường ấy với năm trăm cỗ xe. Con quỷ có hình người liền rống lên, nhảy vào đoàn người ấy. Họ hốt hoảng chạy trốn, ngã lăn lóc dưới đất. Quỷ chụp lấy gã Bà-la-môn, nhưng vì bị mảnh gỗ gây thương tích trong lúc đang chạy trốn, lại bị nhóm kiểm lâm đuổi theo rất gắt nên nó thả gã Bà-la-môn và đi đến nằm dưới gốc cây vẫn thường trú ẩn.

Đến ngày thứ bảy, Vua Jayaddisa truyền lệnh đi săn và khởi hành từ kinh thành. Ngay lúc nhà vua lên đường, một người dân vùng Takkasilā là một Bà-la-môn tên gọi Nanda, đang phụng dưỡng cha mẹ, đến yết kiến đức vua, mang theo bốn bài kệ, mỗi bài trị giá bốn trăm đồng tiền. Nhà vua dừng lại để nghe kệ và ra lệnh làm chỗ nghỉ ngơi cho ngài. Trong lúc đi săn, ngài bảo:

– Người nào để con hươu chạy thoát từ phía mình thì phải trả tiền cho vị Bà-la-môn về các bài kệ ấy.

Sau đó, một con hươu sao xuất hiện, chạy thẳng về phía nhà vua để thoát thân. Các cận thần cười rộ lên. Nhà vua chụp lấy kiếm, đuổi theo con hươu chừng ba do-tuần, bắt được nó liền lấy kiếm xẻ đôi và gánh lên đòn.

Lúc trở về, ngài đi đến chỗ quỷ nhân thường ngồi, nghỉ ngơi một lát trên bãi cỏ kusa rồi định tiếp tục đi. Lúc đó quỷ nhân xuất hiện và thốt lên:

– Dừng lại, ngươi định đi đâu, ngươi là mồi ngon của ta!

Rồi chụp lấy tay ngài, quỷ ngâm vần kệ:

64. Kìa, bảy ngày qua chịu đói lòng,
Mồi ngon bỗng xuất hiện sau cùng,
Phải chăng danh tiếng ngươi lừng lẫy,
Ta muốn biết tên họ, giống dòng?

Nhà vua kinh hoảng khi thấy quỷ nhân nên đứng sững như trời trồng, không thể chạy trốn được, song rồi tỉnh trí dần, ngài đáp vần kệ thứ hai:

65. Nếu ngươi biết Chiến Thắng là vua,
Của xứ Pañcāla quốc độ ta,
Săn bắn trong rừng ta lạc bước,
Xin dùng hươu nọ thả ta ra.

Con quỷ nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ ba:

66. Muốn cứu mạng, ngài đã hiến dâng,
Mồi kia ngon thật đấy Quân vương,
Ta xơi ngài trước và không bỏ,
Thú nếm thịt hươu, chớ nói quàng!

Khi nhà vua nghe vậy liền nhớ đến Bà-la-môn Nanda và ngâm vần kệ thứ tư:

67. Ví ta chẳng thuộc mạng an toàn,
Được thả như ta khẩn thiết van,
Thì hãy cho ta tròn hứa cũ,
Ta đà giao ước Bà-la-môn,
Sáng mai cứu được lời danh dự,
Rồi sẽ trở về với quỷ nhân.

Quỷ nhân nghe vậy, lại ngâm vần kệ thứ năm:

68. Đến gần chỗ chết chẳng an lòng,
Lo lắng việc gì hỡi Đại vương,
Nói thật cho ta, rồi có thể,
Ta bằng lòng thả một ngày ròng.

Nhà vua ngâm vần kệ thứ sáu để giải thích sự việc ấy:

69. Ta hứa lời cùng một đạo nhân,
Nợ kia chưa trả, hứa chưa xong,
Mong tròn nguyện ước, thanh danh cứu,
Ta sẽ gặp ngài buổi rạng đông.

Nghe vậy, quỷ nhân đáp vần kệ thứ bảy:

70. Ngài đã hứa cùng một đạo nhân,
Nợ kia chưa trả, hứa chưa xong,

Mong tròn nguyện ước, thanh danh cứu,
Rồi trở về đây buổi rạng đông.

Nói xong, con quỷ để cho vua đi. Vua được tha về liền bảo:

– Xin đừng bận tâm vì ta, sáng sớm mai ta sẽ trở lại.

Rồi ghi nhận một số dấu đường xong, ngài trở lại với đoàn binh sĩ và chúng hộ tống ngài về kinh thành. Sau đó, ngài triệu vị Bà-la-môn vào ban tặng bốn ngàn đồng tiền. Rồi ngài lại truyền đưa vị Bà-la-môn lên ngồi trên một cỗ xe, ra lệnh cho đoàn tùy tùng rước vị này thẳng đến Takkasilā. Ngày hôm sau, nôn nóng đến gặp quỷ nhân, ngài gọi hoàng thái tử đến dặn dò.

***

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ giải thích việc này:

71. Thoát ác quỷ kia lại trở về,
Nhà yêu, mộng ước đẹp tràn trề,
Với La-môn bạn không sai hứa,
Song dặn Alīnasattu quý tử kia.

72. Vương nhi nay nhận chức Quân vương,
Cai trị bạn thù thật chính chân,
Đừng để bất công làm hại nước,
Cha đành nộp mạng chốn hung thần.

Thái tử nghe vậy liền ngâm vần kệ thứ mười:

73. Hoàng nhi mong biết rõ nguyên nhân,
Khiến trẻ mất ân lộc phụ hoàng,
Cha phải đưa con lên kế vị,
Thiếu cha, con chẳng thiết ngai vàng.

Nhà vua nghe vậy, ngâm vần kệ tiếp theo:

74. Này con, cha chẳng thể tìm ra,
Một ác ngôn hay một nghiệp tà,
Song nợ thanh danh giờ trả trọn,
Còn lời nguyền giữ với yêu ma.

Thái tử nghe thế liền ngâm vần kệ:

75. Cha ở lại đây, con sẽ đi,
Trở về an ổn, có mong gì,
Nếu cha đi nữa, con theo gót,
Phụ tử cùng nhau chẳng sống chi.

Nghe lời này, nhà vua đáp kệ:

76. Vương tử, con theo đúng đạo trời,
Song cha mất hết thú yêu đời,

Nếu yêu tinh nọ dùng xiên gỗ,
Nướng thịt con ăn trọn cả đời.

Nghe vậy, thái tử lại ngâm vần kệ nữa:

77. Nếu cha thoát được vuốt yêu tinh,
Vì Phụ vương, con nguyện bỏ mình,
Hơn nữa, con tràn trề hỷ lạc,
Được đem đời hiến đấng sinh thành.

Nghe vậy, vua nhận thấy đức hiếu thảo của con liền nhận lời cầu mong của con và bảo:

– Tốt lành thay, vương nhi, hãy ra đi!

Thế là thái tử giã từ song thân và rời kinh thành.

Bậc Đạo sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vần kệ:

78. Thái tử anh hùng, xin vĩnh biệt,
Cúi đầu, ngài đảnh lễ song thân.

Lúc ấy, song thân ngài, em gái ngài, vương phi cùng triều thần tiễn ngài ra khỏi kinh thành. Ngài hỏi vua cha lối đi và sau khi sắp xếp mọi việc cẩn thận cùng dặn dò khuyên nhủ những người thân, ngài lên đường tiến về hang quỷ, oai hùng như con sư tử có bờm. Mẹ ngài thấy ngài ra đi, không thể kiềm chế được liền ngất lịm. Vua cha giơ hai tay khóc lớn.

***

Bậc Đạo sư làm sáng tỏ việc này qua nửa vần kệ:

Phụ vương khóc lớn giơ tay cản,
Hiền mẫu buồn thương ngã lịm dần.

Như vậy, muốn nêu rõ lời nguyện cầu của vua cha và lời thề chân thực của mẹ ngài, em ngài cùng vương phi, bậc Đạo sư ngâm thêm bốn vần kệ:

79. Khi hình thái tử khuất mờ dần,
Trước mắt thảm sầu của phụ thân,
Cầu nguyện chư thần tay chắp khấn,
Varuṇa với Soma vương,
Phạm thiên, nhật nguyệt, chư thần nữa,
"Bảo vệ hoàng nhi được vạn an,
Nhờ các thần linh này, thái tử,
Mong con thoát ác quỷ kinh hoàng!"

[Mẫu hậu:]

80. Như mẹ Rāma đẹp dáng người,
Cứu con nàng đã bặt tăm hơi,
Khi vào rừng rậm Daṇḍaka ấy,
Con trẻ ta mong giải thoát thôi,

Nhờ khẩn lời chân thành, ước nguyện,
Chư thần cho trở lại an vui!

[Vương muội:]

81. Hoàng huynh chẳng có lỗi lầm gì,
Dù lộ rõ ràng hoặc giấu che,
Chứng thực lời này, con nguyện ước,
Chư thần mang thái tử quay về!

[Vương phi:]

82. Với thiếp, chàng không phạm lỗi lầm,
Lòng đầy yêu dấu, hỡi lang quân,
Chứng thực lời này, xin ước nguyện,
Thần thánh cho chàng trọn tấm thân!

Về phần thái tử ra đi theo lời hướng dẫn của vua cha lên đường đến nơi quỷ nhân ở. Song quỷ nhân nghĩ thầm: "Các vua Sát-đế-lỵ nhiều mưu mẹo lắm, ai biết được việc gì sẽ xảy ra?" Rồi nó trèo lên cây đợi nhà vua đến. Khi nhìn thấy thái tử, nó nghĩ: "Người con đã ngăn cản vua cha và tự dẫn thân đến. Không có gì phải sợ người ấy cả." Và quỷ trèo xuống, ngồi quay lưng về phía thái tử. Khi đến nơi, thái tử đứng trước quỷ nhân, vừa lúc quỷ nhân này ngâm vần kệ:

83. Chàng từ đâu đến, hỡi hoàng nam,
Có biết rừng này của quỷ chăng?
Ai đến thật xem thường tính mạng,
Nơi loài quỷ dữ chiếm làm hang.

Nghe vậy, thái tử bèn đáp kệ:

84. Ta biết rõ ngươi, quỷ bạo tàn,
Chốn này ngươi ở giữa rừng hoang,
Ta là đích tử Jaya đế,
Ăn thịt ta rồi thả phụ vương.

Quỷ nhân lại ngâm vần kệ:

85. Ta biết con trai chúa Jaya,
Dáng chàng để lộ việc kia mà,
Thật là gian khổ cho chàng quá,
Phải chết vì thay mạng của cha.

Thái tử liền đáp kệ nữa:

86. Nghĩ rằng chẳng phải việc anh hùng,
Được chết vì ân phước phụ thân,
Và mẹ quý yêu khi bỏ mạng,
Đời đời hưởng cực lạc thiên cung.

Nghe vậy, quỷ liền nói:

– Này thái tử, không có kẻ nào không sợ chết. Thế tại sao chàng lại không sợ?

Ngài liền nói lý do cho quỷ nghe qua hai vần kệ:

87. Nhớ ta không phạm lỗi lầm gì,
Dù lộ ra ngoài hoặc giấu che,
Sinh tử ta đều cân nhắc kỹ,
Dù đây, hay các cõi sau về.

88. Ăn thịt ta đây, hỡi quỷ nhân!
Phải làm công việc ấy cho xong,
Ta buông mình xuống trên cao chết,
Người cứ ăn ta thỏa nguyện lòng.

Quỷ kia nghe vậy kinh hoảng liền bảo:

– Ta không thể ăn thịt người này được.

Rồi nghĩ mưu kế cho ngài chạy trốn, quỷ liền bảo:

89. Nếu chàng tự nguyện muốn liều thân,
Thái tử đem đời cứu phụ vương,
Ta bảo chàng rời ngay bước vội,
Tìm gom củi đốt lửa than hừng.

***

Bậc Đạo sư ngâm một vần kệ nữa làm sáng tỏ vấn đề này:

90. Hoàng nam anh dũng nhặt cây rừng,
Và chất cao lên một cái giàn,
Và thét vừa châm: "Bày tiệc sẵn,
Hãy xem, ta nhóm lửa cho hừng!"

Khi thấy thái tử trở về và nhóm lửa, quỷ nhân nói:

– Người này thật gan dạ, không sợ chết. Xưa nay ta chưa từng thấy ai can đảm như vậy.

Nó ngồi sững sờ, thỉnh thoảng lại nhìn thái tử. Ngài thấy thái độ quỷ nhân như thế liền ngâm vần kệ:

91. Đừng đứng nhìn ta dáng sững sờ,
Ta cầu ngươi giết bắt ăn ta,
Khi đang còn sống ta trù tính,
Muốn để ngươi ăn thịt đúng giờ.

Quỷ nhân nghe vậy liền ngâm kệ:

92. Một Hiền nhân chánh trực, công bằng,
Chắc chẳng bao giờ phải bị ăn,
Hoặc kẻ nào ăn người ắt hẳn,
Đầu kia tan nát bảy phần chăng?

Thái tử nghe vậy hỏi:

– Nếu ngươi không muốn ăn ta, tại sao ngươi bảo ta bẻ cành về nhóm lửa?

Quỷ nhân nói:

– Ta muốn thử chàng đó thôi, vì ta chắc chàng sẽ bỏ chạy trốn.

Thái tử đáp:

– Bây giờ làm sao ngươi thử ta được, bởi vì lúc còn là súc sinh, ta đã để cho Thiên chủ thử đức hạnh của ta rồi.

Cùng với lời này, ngài ngâm vần kệ:

93. Đế Thiên giả dạng một La-môn,
Thỏ lấy thịt mình để cúng dâng,
Từ đó mặt trăng in dáng thỏ,
Ta chào nguyệt diện dạ-xoa thần!

Quỷ nhân nghe vậy thả cho thái tử đi về và bảo:

94. Như trăng thoát vuốt La thần,
Chiếu giữa đêm rằm tỏa ánh quang,
Ngài, chúa Kampilla anh dũng đã,
Thoát tay quỷ dữ, sáng huy hoàng,
Bạn đang sầu, bỗng tung hô dậy,
Trước mặt ngài xuất hiện vẻ vang,
Phụ mẫu thân yêu, ngài cống hiến,
Bao niềm hạnh phúc ngập hân hoan.

Rồi nó nói thêm:

– Hỡi đấng anh hùng, hãy đi đi!

Và nó để bậc Đại sĩ lên đường. Sau khi đã hàng phục quỷ nhân xong, ngài còn dạy nó ngũ giới và muốn thử xem nó có phải quỷ không, ngài nghĩ thầm: "Mắt bọn quỷ thường đỏ và không chớp. Chúng không đổ bóng xuống đường và không hề biết sợ gì cả. Còn đây không phải quỷ. Đây là người. Nghe nói, cha ta có ba vương huynh bị quỷ dữ tha đi, hai người ắt hẳn đã bị ăn thịt rồi, còn một người được quỷ cái thương yêu với tình mẹ con. Chắc là đây thôi. Ta phải đem vị này về tâu với vua cha để đưa lên ngôi báu mới được."

Nghĩ vậy, ngài kêu lên:

– Này Tôn ông, Tôn ông chẳng phải là quỷ đâu mà là bào huynh của vua cha ta. Xin mời Tôn ông đi về, cùng ta giương chiếc lọng trắng biểu hiện vương quyền trong giang sơn của tổ tiên mình.

Khi quỷ nhân đáp:

– Ta không phải là người.

Thái tử nói:

– Tôn ông chẳng tin ta ư? Vậy kẻ nào cho Tôn ông tin được?

Quỷ đáp:

– Có chứ, ở một nơi nọ có một ẩn sĩ đã thành tựu Thiên nhãn thông.

Thế là ngài dẫn quỷ đến nơi ấy. Vừa trông thấy hai người xuất hiện, vị ẩn sĩ hỏi ngay:

– Hai vị có cùng dòng họ tổ tiên, cần gì mà đến đây?

Nói xong, vị ẩn sĩ lại nói rõ về liên hệ dòng họ giữa hai người. Con quỷ ăn thịt người liền tin ngay và bảo:

– Này hiền hữu cứ về triều đi, phần ta, ta sinh ra với hai bản chất trong một hình hài. Ta không muốn làm vua. Ta sẽ đi tu làm ẩn sĩ.

Thế là quỷ thọ giới tu hành với vị ẩn sĩ ấy. Sau đó, thái tử đảnh lễ hai vị và trở về triều.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ làm sáng tỏ thêm vấn đề này:

95. Alīnasattu, thái tử anh hùng,
Nghiêng mình kính lễ quỷ nhân hung tàn,
Thêm lần thoát nạn lên đàng,
Về Kampilla xứ, an toàn tấm thân.

Ngâm kệ xong, bậc Đạo sư diễn tả những gì dân thành thị, nông thôn đã làm khi thái tử trở về thành, qua vần kệ cuối cùng:

96. Từ thành thị đến thôn trang,
Nhân dân lũ lượt lên đàng chen chân,
Kìa, đồng nô nức hô vang,
Uy danh thái tử can tràng hùng anh,
Tượng, xa ngất nghểu đăng trình,
Đến ngài đảnh lễ, cung nghênh khải hoàn.

Vua nghe thái tử đã trở về liền đi ra ngoài đón ngài. Thái tử được đám đông hộ tống bước đến đảnh lễ vua cha. Vua cha hỏi:

– Này Vương nhi, làm thế nào con thoát được ác quỷ kia?

Ngài đáp:

– Tâu Phụ vương, vị đó chẳng phải quỷ đâu, chính là bào huynh của Phụ vương, là bá phụ của con đấy.

Ngài liền kể mọi chuyện cho vua cha nghe và nói:

– Vương phụ nên đi thăm bá phụ ngay.

Vua lập tức ban lệnh khua trống lên rồi cùng đoàn tùy tùng lên đường đi thăm hai vị ẩn sĩ. Vị ẩn sĩ trưởng kể lại đầy đủ chi tiết câu chuyện hài nhi bị quỷ bắt đi ra sao; thay vì ăn thịt, quỷ cái đem hài nhi về nuôi thành quỷ nhân, vua và quỷ liên hệ máu huyết như thế nào. Vua liền bảo:

– Này Hoàng huynh, hãy về làm vua trị nước!

– Xin cảm tạ Đại vương, không được đâu.

Vua lại nói:

– Thế thì Hoàng huynh đến ở trong vườn thượng uyển, ta sẽ cung cấp đủ bốn thứ vật dụng.

Nhà ẩn sĩ lại từ chối. Sau đó, vua cho lập ngôi làng trên một ngọn núi không xa nơi ẩn cư kia, xây hồ, trồng trọt đất đai và đem một ngàn gia đình cùng nhiều của cải đến lập một ngôi làng lớn cùng bố thí, cúng dường cho hai vị ẩn sĩ. Ngôi làng lớn dần thành thị trấn Cullakammāsadamma. Vùng có quỷ nhân được bậc Đại sĩ Sutasoma điều phục mệnh danh là thị trấn Mahākammāsadamma.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại xong liền tuyên thuyết các sự thật và nhận diện tiền thân:

– Vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình đã đắc quả Dự lưu. Thời ấy, phụ vương và mẫu hậu là hai thân trong hoàng tộc ngày nay, ẩn sĩ là Sāriputta (Xá-lợi-phất), quỷ nhân là Aṅgulimāla, vương muội là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), hoàng hậu là mẹ của Rāhula và Thái tử Alīnasattu chính là Ta.

§514. CHUYỆN TƯỢNG VƯƠNG Ở HỒ CHADDANTA
(*Chaddantajātaka*)[7] (*J.* V. 36)

Ái hậu mắt nhung đẹp tuyệt trần...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một Tỷ-kheo-ni ít tuổi hạ. Một thiện gia tín nữ ở Xá-vệ nhận thấy nỗi khổ đau của cuộc đời thế tục đã xuất gia tu hành. Một ngày kia, nàng cùng các Tỷ-kheo-ni khác đi đến nghe pháp.

Trong lúc đức Phật ngồi thuyết giảng trên bảo tòa uy nghi, nàng chiêm ngưỡng kim thân của Ngài đầy đủ vẻ tối thắng mỹ diệu phát xuất từ công đức vô lượng của Ngài, nàng nghĩ thầm: "Ta không biết trong một đời trước nào ta từng phụng sự là thê thiếp của bậc Vĩ Nhân này chăng?"

Ngay lúc ấy, nàng chợt nhớ lại các đời trước của nàng: "Vào thời tượng vương Chaddanta, ta đã từng làm vợ bậc Vĩ Nhân này." Tâm nàng tràn ngập hân hoan hạnh phúc khi nhớ lại việc ấy. Trong niềm xúc động sung sướng kia, nàng bật cười lớn và nghĩ thầm: "Ít phụ nữ có thiện ý đối với chồng mình, đa số đều có ác ý cả. Ta không biết xưa kia ta có thiện ý hay ác ý đối với vị này."

---

[7] Tham chiếu: *J.* II. 198, *Kāsāvajātaka* (*Chuyện tấm y vàng*), số §221; *Dh.* v. 9-10; *Miln.* 221, *Chaddantajotipālārabbhapañha* (*Câu hỏi về Chaddanta và Jotipālā*); *Thag.* v. 949-80, *Phussattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Phussa*); *Pháp cú kinh* "Song yếu phẩm" 法句經雙要品 (*T*.04. 0210.9. 0562a11); *Xuất diệu kinh* "Song yếu phẩm" 出曜經雙要品 (*T*.04. 0212.30. 0747c06); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Tương ưng phẩm" 法集要頌經相應品 (*T*.04. 0213.29. 0792c29).

Rồi hồi tưởng lại quá khứ, nàng nhận ra là vì cảm thấy bị đối xử thờ ơ, lãnh đạm nên nàng đã sinh lòng oán hận đại tượng vương Chaddanta có chiều dài một trăm hai mươi *cubit*,[8] và nàng đã nhờ thợ săn Sonuttara dùng tên tẩm thuốc độc bắn trọng thương để giết ngài. Lúc ấy niềm đau khổ khởi lên, lòng nàng bồn chồn nóng rang, rồi không thể kiềm chế xúc động kia, nàng bật tiếng khóc nức nở.

Thấy thế, bậc Đạo sư nở một nụ cười và khi được hội chúng Tỳ-kheo hỏi:

– Bạch Thế Tôn, duyên cớ gì khiến Thế Tôn mỉm cười?

Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ít tuổi hạ này vừa khóc khi nhớ lại một tội ác đã từng phạm để hại Ta trong một đời trước.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, có tám ngàn vương tượng nhờ tu luyện thần thông, du hành qua không gian đến an trú gần bên hồ Chaddanta ở vùng Tuyết Sơn. Vào thời ấy, Bồ-tát tái sanh làm con của voi chúa, thân ngài thuần trắng, bàn chân đỏ, da mặt đỏ hồng. Dần dần lớn khôn, ngài cao đến tám mươi tám *cubit* và dài một trăm hai mươi *cubit*. Ngài có cái vòi như cuộn dây thừng bằng bạc dài năm mươi tám *cubit*; bộ ngà có chu vi mười lăm *cubit*, dài ba mươi *cubit*, tỏa ánh sáng lục sắc. Ngài là chúa đàn voi lớn gồm tám ngàn con, thường tôn kính cúng dường các vị Độc Giác Phật. Hai vị chánh cung hoàng hậu của ngài là Cullasubhaddā (Tiểu Hiền Phi) và Mahāsubhaddā (Đại Hiền Phi). Tượng vương với quần thần tám ngàn voi sống trong Kim động.

Lúc bấy giờ, hồ Chaddanta dài năm mươi do-tuần và rộng năm mươi do-tuần. Ở giữa hồ khoảng mười hai do-tuần không hề có cây sevāla hoặc paṇaka nào mọc nên nước trong như khối ngọc thần. Bao quanh vùng nước này, gần đó là một dải toàn hoa súng trắng tinh khiết rộng chừng một dặm. Kế đó là một dải toàn hoa súng xanh bao bọc rộng chừng một dặm. Tiếp theo đó là loại sen trắng, sen hồng, đến súng trắng, súng hồng và loại súng trắng ăn được; đám súng trắng chen lẫn các loại súng khác rộng chừng một dặm, cứ mỗi lớp bao quanh các lớp trước. Kế tiếp bảy lớp cây này là một đám súng trắng xen lẫn các loại súng khác cũng rộng chừng một do-tuần, bao quanh tất cả các lớp trước.

Kế đó, trong vùng nước sâu vừa cho voi đứng được là một đám lúa đỏ. Tiếp theo, trong vùng nước bao quanh là những khu rừng cây nhỏ đầy hoa thơm dịu dàng đủ màu vàng, xanh, trắng, đỏ. Như vậy, mười rừng hoa này rộng chừng một do-tuần mỗi thứ. Kế đó là rừng đậu đủ loại. Kế nữa là rừng chen lẫn bìm bìm, dưa, bí, bầu và nhiều cây leo khác. Tiếp theo là một rừng mía cao bằng cây cau. Rồi đến một rừng chuối có quả lớn bằng chiếc ngà voi. Kế đó là một ruộng

[8] 120 *cubit* tức hơn 50m.

lúa. Rồi đến một vườn mít, trái bằng bình nước lớn. Tiếp theo là một vườn me đầy quả ngon ngọt. Sau đó là vườn táo voi. Rồi đến một rừng cây lớn đủ loại. Kế tiếp là một rừng tre. Vào thời ấy, phong cảnh vùng này tráng lệ như thế. Vẻ kỳ vĩ của thời đó được miêu tả trong *Chú giải Tương ưng bộ* (*Saṃyuttaṭṭhakathā*).

Song vùng bao quanh rừng tre lại là bảy ngọn núi. Từ phía ngoài cùng là ngọn Tiểu Hắc Sơn. Kế đó là Đại Hắc Sơn, Thủy Sơn, Nguyệt Sơn, Nhật Sơn, Ngọc Sơn và núi thứ bảy theo thứ tự là Kim Sơn. Núi này cao bảy do-tuần, vươn cao lên quanh hồ Chaddanta như đường viền cái chén, vách núi bên trong màu vàng chói. Do ánh sáng tỏa ra từ đó, hồ Chaddanta rực rỡ như mặt trời mới mọc.

Trong số các núi phía ngoài, có một ngọn cao sáu do-tuần, một ngọn cao năm do-tuần, ngọn cao bốn do-tuần, ngọn cao ba do-tuần, ngọn cao hai do-tuần và ngọn chỉ cao một do-tuần. Lúc bấy giờ, phía Đông Bắc góc hồ được bao bọc bằng bảy ngọn núi như vậy, ở một nơi gió thường thổi trên mặt nước có một cây đa lớn mọc lên. Thân cây có chu vi năm do-tuần, cao bảy do-tuần. Bốn cành vươn ra bốn phía rộng sáu do-tuần, những cành mọc thẳng lên cao sáu do-tuần. Như vậy, từ rễ đến ngọn cao mười ba do-tuần, từ đầu ngọn cành cây phía này sang đầu ngọn cành cây phía kia rộng mười hai do-tuần. Cây này sinh ra tám ngàn chồi mọc thẳng tuyệt đẹp chẳng khác nào Ngọc Sơn lồ lộ kia.

Song về phía Tây hồ Chaddanta trong Kim Sơn có Kim động chừng mười hai do-tuần. Tượng vương Chaddanta cùng đoàn tùy tùng tám ngàn voi, về mùa mưa thường sống ở Kim động này; về mùa nóng lại đứng dưới gốc đa lớn kia giữa các nhánh cây để đón gió nhẹ hiu hiu thổi từ mặt hồ nước.

Một ngày kia, quần thần tâu với ngài:

– Đại thọ Sāla vương đang độ nở hoa.

Thế là được đoàn tùy tùng hộ tống, ngài có ý định đi du ngoạn trong vườn Sāla, và khi vừa đến nơi ấy, trán ngài đụng vào một cây Sāla đang nở rộ hoa.

Lúc bấy giờ, nàng Cullasubhaddā đứng theo chiều gió nên một đám cành lá khô cùng kiến đỏ rớt xuống thân nàng. Còn nàng Mahāsubhaddā đứng chỗ khuất gió nên các hoa tươi cùng phấn hoa và cành lá xanh tươi rơi trên thân nàng.

Cullasubhaddā nghĩ thầm: "Ngài để rơi trên mình nàng ái phi của ngài đầy hoa tươi, phấn hoa cùng cành lá xanh, còn trên mình ta, ngài lại làm rớt cả một mớ cành lá khô cùng bầy kiến đỏ lẫn lộn! Được lắm, rồi đây ta sẽ biết cách làm gì!" Và nàng sinh lòng oán hận Bồ-tát từ đó.

Một ngày kia, tượng vương cùng đoàn tùy tùng xuống hồ Chaddanta để tắm. Lúc ấy, hai chú voi dùng vòi cầm các bó rễ cây usira để hầu ngài tắm, chà xát cả thân ngài cao như thể núi Kelāsa. Chúng bước ra khỏi nước, lên đứng trước mặt Bồ-tát.

Sau đó, tám ngàn voi kia xuống hồ vui đùa thỏa thích trong nước, hái đủ loại hoa dưới hồ trang điểm Bồ-tát chẳng khác nào một ngôi đền bằng bạc. Sau

đó, chúng trang điểm cả hai hoàng hậu của voi chúa. Lúc ấy, có một con voi kia bơi quanh hồ, hái một đóa sen lớn bảy chồi dâng Bồ-tát. Ngài dùng vòi cầm hoa sen rảy phấn lên trán mình xong đưa tặng hoa cho chánh hậu Mahāsubhaddā. Thấy việc này, nàng tình địch của chánh hậu lại nghĩ: "Hoa sen bảy chồi này ngài cũng tặng cho ái hậu của ngài, chứ không phải tặng ta!" Nàng lại càng sinh lòng căm hờn ngài thêm nữa.

Một ngày kia, khi Bồ-tát đã ướp hoa quả ngon cùng ngó sen và củ sen với mật ong xong, ngài đem cúng dường năm trăm vị Độc Giác Phật thọ thực. Nàng Cullasubhaddā cũng đem các thứ quả rừng nàng đã hái dâng cúng các vị Độc Giác Phật ấy và nàng cầu nguyện như vầy:

– Từ nay, sau khi con lìa trần, ước mong rằng con được tái sanh làm Công chúa Subhaddā trong hoàng tộc của vua xứ Madda, và khi đến tuổi trưởng thành, mong rằng con được vinh dự làm hoàng hậu của vua xứ Ba-la-nại. Lúc ấy, con sẽ đầy vẻ diễm lệ trước mắt ngài, được ngài sủng ái và sẽ có đầy đủ quyền lực thực hiện điều gì con ước muốn. Thế là con sẽ tâu đức vua cho người thợ săn dùng tên độc bắn tử thương voi chúa này. Và như vậy, con ước mong có thể bảo chúng đem về dâng con một cặp ngà tỏa hào quang lục sắc kia.

Từ đó, nàng bỏ ăn uống nên héo mòn dần, chẳng bao lâu nàng từ trần rồi tái sanh làm con chánh hậu vua xứ Madda và được đặt tên là Subhaddā. Khi nàng đến tuổi dậy thì, song thân nàng liền se duyên nàng với vua xứ Ba-la-nại. Nàng làm đẹp lòng vua và được sủng ái nên được phong làm chánh hậu giữa mười sáu ngàn phi tần.

Khi nhớ lại các đời trước của mình, nàng nghĩ thầm: "Lời nguyện cầu của ta đã thành tựu, nay ta phải truyền đem bộ ngà voi ấy dâng ta mới được." Thế là nàng thoa dầu khắp người, mặc áo dơ bẩn nằm lên giường giả vờ bệnh. Nhà vua hỏi:

– Ái hậu Subhaddā của trẫm đâu rồi?

Khi nghe tin nàng bị bệnh, ngài vội vào hậu cung, ngồi bên vương sàng, vuốt nhẹ lưng nàng và ngâm vần kệ đầu tiên:

97. Ái hậu mắt nhung đẹp tuyệt trần,
Nàng xanh xao quá, dáng đau buồn,
Như tràng hoa dưới chân giày xéo,
Vì cớ sao nàng héo úa dần?

Nghe lời này, nàng liền đáp vần kệ thứ hai:

98. Dường như chuyện thấy ở trong mơ,
Thần thiếp hằng mong mỏi thiết tha,
Mộng ước hão huyền e khó đạt,
Cho nên lòng thiếp mãi buồn lo.

Vua nghe thế, lại ngâm vần kệ nữa:

99. Những lạc thú nào ở thế gian,
Con người khao khát tận tâm can,
Điều gì mong trẫm đem ban tặng,
Hãy nói trẫm nghe ước nguyện nàng!

Nghe vậy, hoàng hậu bảo:

– Tâu Đại vương, ước nguyện của thiếp thật khó đạt thành, thiếp chưa thể nói được ngay bây giờ ước nguyện ấy. Xin cho tất cả các tay thiện xạ trong nước tụ tập về đây, lúc ấy thiếp sẽ nói ra giữa toán thiện xạ ấy.

Và nàng ngâm vần kệ để giải thích ý nàng muốn nói:

100. Truyền toán thợ săn phụng mệnh ngay,
Những người cư ngụ nước non này,
Điều thần thiếp muốn nhờ tay họ,
Khi diện kiến, xin sẽ giãi bày.

Vua chấp thuận, và từ hậu cung ngài ban lệnh cho các đại thần:

– Hãy cho đánh trống ban lệnh rằng tất cả các thợ săn trong quốc độ Kāsi trải dài ba trăm do-tuần này, phải đến tụ tập tại đây!

Họ tuân lệnh, chẳng bao lâu các thợ săn trong quốc độ Kāsi mang tặng vật tùy theo phương tiện của họ, nhờ tâu trình vua họ xin bệ kiến. Lúc ấy, họ đến chừng sáu mươi ngàn người. Vua nghe tin ấy liền đứng trước cửa sổ mở rộng, giơ tay chỉ cho hoàng hậu thấy họ đã trình diện, ngài bảo:

101. Nhìn toán thợ săn dũng cảm đây,
Nghề săn môi lão luyện cao tay,
Với tài chém giết bầy hoang thú,
Vì trẫm, sẵn sàng bỏ mạng ngay.

Hoàng hậu nghe thế liền ngâm vần kệ bảo họ:

102. Lạp hộ can trường tụ tập đây,
Những lời ta nói, lắng nghe vầy:
"Dường như ta thấy trong cơn mộng,
Bạch tượng sáu ngà tuyệt mỹ thay,
Ta ước bộ ngà, lòng khắc khoải,
Chẳng còn gì đáng giá đời này."

Toán thợ săn nghe nàng nói, đáp lời:

103. Các bậc tổ tiên thuở đã qua,
Sáu ngà voi trắng thấy bao giờ,
Loài gì thú ấy, xin cho biết,
Đã hiện trong mơ của Lệnh bà?

Sau đó, họ lại còn ngâm thêm vần kệ nữa:

104. Bốn phương Nam, Bắc với Tây, Đông,
Chính giữa bốn miền cũng họp chung,

Thiên đỉnh thêm vào Thiên đế nữa,
Nơi nào trong thập hướng không trung,
Tượng vương này ở, xin cho biết,
Xuất hiện trong mơ của chánh cung?

Nghe nói thế, Hoàng hậu Subhaddā nhìn toàn thể toán thợ săn, thấy trong đó có một người chân lớn, bắp chân phồng to như một cái thúng đựng đầy lễ vật, xương sườn, đầu gối đều vạm vỡ, bộ râu rậm, hàm răng vàng khè, mặt mũi méo mó đầy sẹo, là người thật xấu xí, đồ sộ, nổi bật lên giữa toán thợ săn tên là Sonuttara; trong một đời trước đã từng là kẻ cựu thù của Bồ-tát. Nàng liền nghĩ: "Người này có thể làm theo lời ta được." Và xin phép vua đem gã kia đi lên thượng lầu của cung điện bảy tầng, nàng mở cửa sổ hướng Bắc, chỉ tay thẳng về phía Bắc dãy Tuyết Sơn rồi ngâm bốn vần kệ:

105. Hướng Bắc bên kia dãy Thất Sơn,
Cuối cùng ta đến vách Non Vàng,
Đỉnh cao thường có loài ma quỷ,
Hoa tự chân lên ngọn rỡ ràng.

106. Dưới núi ma kia lại thấy ngay,
Xanh um cả khối dáng như mây,
Một cây đa chúa từ nhiều gốc,
Sinh tám ngàn cành tráng kiện thay.

107. Trú đây bạch tượng mạnh vô song,
Có sáu ngà, quân đội tám ngàn,
Ngà tựa càng xe tài thiện chiến,
Hộ phòng, giao đấu tốc như phong.

108. Thở phì, voi đứng mắt trừng trừng,
Hơi gió nhẹ đưa cũng nổi sân,
Nếu chợt thấy người gây mảy gió,
Đùng đùng chúng giẫm nát tan thân.

Sonuttara nghe tả thế, hồn vía bay lên mây, vội đáp vần kệ:

109. Lam ngọc sáng ngời hoặc bảo trân,
Biết bao trang sức với kim ngân,
Việc gì Hoàng hậu cần ngà ấy,
Hay Lệnh bà mong giết thợ săn?

Hoàng hậu lại ngâm vần kệ:

110. Nung nấu lòng ta rẫy giận hờn,
Mỗi lần nhớ lại vết đau thương,
Cho ta, lạp hộ, điều ta ước,
Làng đẹp năm ngôi sẽ thưởng ơn.

Nói xong, nàng nói thêm:

– Này hiền hữu thiện xạ, ngày trước, khi ta cúng dường các vị Độc Giác Phật, ta dâng lời cầu nguyện rằng ta muốn có đủ thần lực giết con voi sáu ngà kia để chiếm một đôi ngà. Điều này ta không phải chỉ thấy trong giấc mộng mà thôi đâu, đó còn là lời nguyện ta phải thành đạt. Hiền hữu hãy ra đi, đừng lo sợ gì cả!

Nàng nói vậy để trấn an gã. Gã chấp thuận lời nàng và đáp:

– Xin tuân lệnh Hoàng hậu, nhưng trước hết xin Lệnh bà chỉ rõ cho thần biết voi ấy hiện ở đâu.

Và gã hỏi qua vần kệ:

111. Voi ở đâu, tìm kiếm chốn nào,
Đường voi đi tắm, hướng ra sao,
Nơi nào vương tượng thường bơi lội,
Xin chỉ con đường để bắt mau?

Lúc ấy, nàng hồi tưởng lại đời trước của mình và nhớ rõ địa điểm ấy nên chỉ đường cho gã qua hai vần kệ:

112. Không xa nơi tắm ấy là bao,
Thăm thẳm hồ sâu diễm lệ sao,
Hoa rộ nở đầy ong bướm lượn,
Đấy nơi vương tượng dễ tìm cầu.

113. Tắm mát, cài sen chiếc miện hoa,
Hân hoan voi rảo bước về nhà,
Như cành sen trắng cao vòi vọi,
Theo gót bà hoàng yêu thiết tha.

Sonuttara nghe vậy chấp thuận ngay và thưa:

– Tâu Lệnh bà, tiểu thần xin đi giết voi này và đem về dâng cặp ngà.

Nàng hoan hỷ ban thưởng gã một ngàn đồng tiền vàng và bảo:

– Hiền khanh cứ trở về nhà đã, sau bảy ngày nữa hãy khởi hành đến đó!

Nàng cho gã lui về và triệu tập nhóm thợ rèn lại, truyền lệnh:

– Này các khanh, ta cần một cái rìu, một cái xẻng, một cái khoan, một cái búa, dụng cụ để chặt tre, cái liềm cắt cỏ, một gậy sắt, một cái cọc, một cái chĩa ba bằng sắt. Hãy làm mọi thứ thật gấp rồi đem đến đây ngay!

Nàng lại cho triệu tập nhóm thợ đồ da, bảo họ:

– Này các khanh, hãy làm cho ta một cái túi da đủ đựng đồ vật nặng cỡ một đầu heo lớn; ta lại cần các dây da, các lưới da, đôi giày lớn vừa cho voi mang và một cái dù da để nhảy xuống. Hãy làm mọi thứ thật cấp bách rồi đem lại đây ngay!

Cả hai nhóm thợ rèn và thợ da kia làm gấp mọi vật rồi mang lại cho nàng. Sau khi có đủ mọi vật dụng cần thiết cho cuộc hành trình cùng lửa củi đủ loại,

nàng đặt mọi món trang bị cần thiết như bánh nướng, lương khô… vào túi da. Tất cả nặng cỡ chiếc đầu heo. Còn Sonuttara, sau khi sắp đặt xong xuôi, đến ngày thứ bảy, cung kính diện kiến hoàng hậu. Nàng bảo:

– Này hiền hữu, tất cả mọi hành trang đã hoàn thành, hãy cầm túi da này đi!

Gã này là một tên hạ đẳng lực lưỡng gan dạ, mạnh bằng năm con voi nên cầm chiếc túi kia như thể túi đựng bánh đặt lên sườn rồi đứng lên như thể hai tay không. Nàng Subhaddā trao lương thực cho đoàn tùy tùng của gã và tâu trình vua rồi truyền gã lui ra. Gã đảnh lễ vua cùng hoàng hậu xong, xuống thềm cung điện đặt các vật dụng lên một cỗ xe, khởi hành khỏi kinh thành cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, rầm rộ, vượt qua vô số thôn làng tới vùng biên địa.

Lúc ấy, gã bảo dân chúng lui về và tiếp tục đi cùng đám dân cư ngụ trên biên giới cho đến khu rừng. Qua khỏi những nơi có người ở, gã lại cho dân biên giới lui về và một mình gã tiến lên một khoảng ba mươi do-tuần, băng qua rừng cỏ kusa và nhiều cỏ khác rậm rạp, những đám dày đặc rau quế, lau sậy, cây đậu, những khóm gai, mía và cây đủ loại; rồi các rừng rậm toàn lau, mía dày, rậm đến độ rắn cũng không thể bò qua được; rồi các rừng cây lớn, tre nứa, những bãi nước lầy, những dãy núi. Gã lần lượt đi qua mười tám vùng tất cả.

Qua rừng cỏ, gã cắt bằng lưỡi liềm; qua các đám rau, gai, tre, nứa, gã mở đường bằng dụng cụ để chặt tre; gã chặt các cây lớn bằng cái rìu; còn các cây cổ thụ quá lớn, đầu tiên gã phải đục bằng cái khoan.

Sau đó, tiếp tục cuộc hành trình, gã làm một cái thang trong rừng tre và trèo lên ngọn cây, gã đặt một cây tre vừa chặt lên trên bụi tre kế đó, cứ thế gã bò dần qua các đọt tre đến một bãi lầy. Gã lại trải một tấm ván khô trên bùn, bước qua rồi ném một tấm ván khác ra phía trước và cứ như thế đi băng qua bãi lầy. Sau đó, gã lại đóng thuyền để vượt qua một vùng ngập nước, cuối cùng đến đứng dưới chân các ngọn núi.

Gã buộc cái móc sắt có chĩa ba vào sợi dây, ném lên cao cho nó dính chặt vào sườn núi. Leo lên sợi dây, gã khoan núi bằng đầu gậy có gắn kim cương, đóng cọc vào lỗ rồi đứng lên đó. Sau đó gã lại kéo cái móc sắt có chĩa ba ra đóng vào sườn núi cao hơn trước. Từ nơi này gã để dây da thòng xuống xong gã cầm dây trèo xuống, buộc dây vào cọc phía dưới. Rồi tay trái cầm dây, tay phải cầm búa, gã đánh vào sợi dây để kéo cái cọc ra và trèo lên lần nữa.

Bằng cách này gã trèo lên đỉnh núi đầu tiên, rồi bắt đầu đi xuống phía bên kia sau khi đóng cọc vào đỉnh núi đầu tiên như trước đây; xong buộc dây vào túi da và bao quanh cái cọc, gã ngồi vào trong túi da và thả mình xuống bằng cách buông dần cuộn dây như thể nhện nhả tơ vậy. Gã để cho cái dù da bắt gió và hạ xuống nhanh như chim. Tương truyền ít nhất là thế đấy.

***

Như vậy, bậc Đạo sư kể chuyện gã thợ săn tuân lệnh nàng Subhaddā xông pha từ kinh thành băng qua mười bảy địa giới khác nhau cho đến khi vào tận

miền núi rừng, những cách gã băng rừng vượt qua sáu vùng núi non như thế nào để leo lên đỉnh Kim Sơn:

114. Thợ săn nghe lệnh vững can tràng,
Nai nịt cung tên tiến bước đàng,
Băng vượt bảy tầng non bát ngát,
Cuối cùng đến thượng đỉnh Kim Sơn.

115. Đến núi cao đầy quỷ ẩn thân,
Khối gì trước mắt dáng như vân,
Chính cây đa chúa thân to lớn,
Đỡ tám ngàn cành tán trải giăng.

116. Trú đây bạch tượng mạnh vô song,
Có sáu ngà, quân đội tám ngàn,
Ngà tựa càng xe, tài thiện chiến,
Hộ phòng, giao đấu tốc như phong.

117. Gần đó, hồ kia nước tận bờ,
Xứng nơi vương tượng lội bơi qua,
Đôi bờ khả ái muôn hoa đẹp,
Ong lượn quanh đầy tiếng nhỏ to.

118. Đánh dấu đường đi của tượng vương,
Những khi bơi lội, chí kiên cường,
Gã đào hố, việc làm hèn hạ,
Xúi giục cho vương hậu giận hờn.

Tiếp theo đây là câu chuyện từ đầu đến cuối. Chuyện kể rằng, sau bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, khi đến tận nơi cư trú của Bồ-tát theo cách kể trên, gã thợ săn ghi dấu kỹ nơi ấy và đào một cái hố ở đó, gã bảo:

– Ta sẽ đứng đây và đâm chết voi chúa.

Gã sắp đặt công việc như vậy xong, vào rừng chặt cây làm cột trụ cùng chuẩn bị một số vật dụng khác. Khi đàn voi đến tắm ở nơi voi chúa thường đứng, gã lại đào một hố vuông bằng một cái cuốc lớn, đám đất đào lên gã rải khắp mặt nước như thể gieo hạt và trên đầu các tảng đá hình cối xay gã trồng một trụ, chôn thêm các vật nặng cùng dây da và trải nhiều ván lên trên. Kế đó, gã đào lỗ vừa cỡ một mũi tên rồi ném đất đá, rác rến lên nữa, còn một bên gã làm lối ra vào cho gã.

Thế là khi hố đã xong xuôi, vào lúc tảng sáng, gã buộc một chùm tóc giả trên chỏm, mặc hoàng y vào, cầm cung và mũi tên độc, gã bước xuống đứng dưới hố kia.

***

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

119. Che hố trước tiên đậy ván dày,
Bước vào cung nắm ở trong tay,
Vừa khi bạch tượng đi qua đó,
Kẻ ác cho tên dữ vút bay.

120. Voi bị thương gầm rống thảm thương,
Cả đàn đáp lại cũng gầm vang,
Ngàn cây nghiêng ngả giày tan cỏ,
Tán loạn đàn voi chạy thẳng đường.

121. Voi chúa đã gần giết địch nhân,
Vì chứng đau đớn hóa điên cuồng,
Nhưng kìa, đôi mắt ngài vừa gặp,
Biểu tượng thanh cao, chiếc áo vàng,
Bộ áo tu hành bất khả phạm,
Ấy điều suy nghĩ của Hiền nhân.

Bồ-tát trong lúc nói chuyện với gã thợ săn, ngâm hai vần kệ này:

122. Người nào vấy phải tội đầy thân,
Chẳng chế ngự mình, thiếu thật chân,
Dù chiếc hoàng y, mình nó mặc,
Chẳng hòng mong đạt tịnh thanh tâm.

123. Còn kẻ thoát ra mọi lỗi lầm,
Đầy lòng chân thật, tự điều tâm,
Vững lòng cương quyết theo công chánh,
Xứng đáng y vàng khoác tấm thân.

Nói xong, Bồ-tát dập tắt mọi nỗi hận sân đối với gã kia và hỏi:

– Tại sao ông bắn ta bị thương? Có phải vì lợi ích riêng hay vì bị kẻ nào mua chuộc?

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

124. Voi trúng tên tàn bạo quỵ chân,
Trong lòng bình thản, hỏi cừu nhân:
"Đích gì khi giết nhằm ta thế,
Cho biết ai xúi giục, bạn thân?"

Kế tiếp, gã thợ săn đáp kệ này:

125. Ái hậu Kāsi bậc đại quân,
Subhaddā bảo đã từng trông,
Dáng ngài trong mộng và vì thế,
"Ta muốn ngà kia, hãy kiếm dâng!"

Nghe gã nói điều này, ngài nhận ra đây là việc làm của nàng Cullasubhaddā nên ngài nhẫn nhục chịu đựng đau đớn và suy nghĩ: "Nàng chẳng cần gì đôi ngà của ta đâu, nàng bảo gã đi đến đây chỉ vì muốn giết ta đấy thôi."

Và để làm sáng tỏ việc này, ngài ngâm hai vần kệ:

126. Kho báu ta mang ở bộ ngà,
Hình hài di tích của ông cha,
Điều này ác phụ am tường quá,
Nên kẻ khốn nhằm đoạt mạng ta.

127. Trước khi ta chết, thợ săn ôi,
Cưa lấy bộ ngà của chúa voi,
Bảo ác phụ kia mừng mãn nguyện,
"Đây ngà, bạch tượng đã lìa đời."

Nghe ngài bảo vậy, gã thợ săn đứng dậy từ nơi gã đang ngồi, cầm cưa trong tay đi đến gần ngài để cắt đôi ngà. Lúc bấy giờ, vương tượng như một ngọn núi cao tám mươi tám *cubit*[9] nên không thể cưa được như ý muốn vì gã này không thể lên tới tận đôi ngà. Thấy thế, Bồ-tát phải cúi mình trước gã, nằm xuống kê đầu dưới đất.

Lúc ấy, gã mới trèo lên chiếc vòi của Bồ-tát, giẫm chân lên đó như thể sợi dây thừng bạc rồi đứng trên trán ngài như thể đỉnh núi Kelāsa. Sau đó, gã nhét chân gã vào miệng ngài, đầu gối gã đập vào da thịt trong miệng ngài, gã bò xuống từ trán ngài và thọc cây cưa vào miệng ngài. Bồ-tát chịu đựng nỗi thống khổ hành hạ và miệng ngài ứa đầy máu. Còn gã thợ săn đi loanh quanh chỗ này chỗ kia vẫn không thể nào dùng cái cưa cắt được đôi ngà. Vì thế, Bồ-tát để máu rơi ra từ miệng ngài, chịu đựng nỗi đau đớn cực độ, hỏi gã:

– Này Tôn ông, không cưa được sao?

Và khi nghe gã bảo:

– Không.

Ngài liền lấy lại sự bình tĩnh trong tâm, bảo:

– Vậy thì được rồi, vì ta không còn đủ sức đưa chiếc vòi lên, ông hãy nhắc nó lên cho ta và nó sẽ cầm một đầu cưa!

Gã thợ săn làm theo. Bồ-tát dùng vòi cầm phía đầu cưa, đưa lui đưa tới và đôi ngà được cắt rời ra ngay như đọt cây. Sau đó, ngài bảo gã cầm lấy đôi ngà và nói:

– Này hiền hữu lạp hộ, không phải ta cho ông đôi ngà này vì ta không quý trọng chúng, cũng không phải giống như một người mong ước địa vị của Thiên chủ Đế-thích, Ma vương hay Phạm thiên đâu, nhưng đôi ngà toàn giác còn đáng quý hơn đối với ta gấp cả trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn lần đôi ngà này và ta

[9] 88 *cubit* tức gần 40m.

ước mong công đức thiện hành này sẽ làm nhân duyên cho ta chứng đắc quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vừa khi cho gã đôi ngà, ngài hỏi:

– Ông đến đây phải đi mất bao lâu?

– Bảy năm, bảy tháng, bảy ngày.

– Vậy nhờ thần lực của đôi ngà này, ông sẽ về đến Ba-la-nại trong bảy ngày thôi.

Sau khi ngài bảo gã ra đi và trước khi đàn voi kia cùng Hoàng hậu Subhaddā đến nơi, ngài đã qua đời.

***

Bậc Đạo sư giải thích sự việc qua vần kệ:

128. Rồi thợ săn cưa lấy bộ ngà,
Từ hàm bạch tượng tối cao ra,
Sáng ngời bảo vật vô song ấy,
Gã bước nhanh chân trở lại nhà.

Khi gã đi rồi, đàn voi không còn thấy bóng kẻ thù trở lại nữa.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

129. Kinh hãi nhìn vương tượng bỏ thân,
Đàn voi vùng tán loạn, hoang mang,
Chẳng tìm thấy vết cừu nhân ác,
Trở lại nhìn vua ngã xuống đàng.

Vương hậu Subhaddā cùng đến với đàn voi, tất cả đều đau đớn than khóc, từ đó đi yết kiến các vị Độc Giác Phật trước kia thường rất thân thiết với Bồ-tát và thưa:

– Bạch các Tôn giả, đức vua thường vẫn cúng dường các Tôn giả mọi vật dụng cần thiết đã từ trần vì trúng một mũi tên độc. Xin các Tôn giả đến viếng thi hài của ngài đang được quàng tại nơi kia!

Năm trăm vị Độc Giác Phật liền bay qua không trung, hạ mình xuống vùng đất thiêng ấy vào lúc hai chú voi con lấy ngà nâng thi hài của voi chúa lên để thể hiện dấu hiệu sùng kính các vị Độc Giác Phật rồi nâng thi hài cao đến tận giàn hỏa thiêu và làm lễ hỏa táng. Suốt đêm ấy, các vị Độc Giác Phật tụng kinh trong thánh địa này. Tám ngàn voi ấy, sau khi dập tắt các ngọn lửa liền tắm rửa rồi cùng Hoàng hậu Subhaddā dẫn đầu, trở lại nơi cư ngụ như cũ.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề như sau:

130. Đàn voi khóc lóc lẫn kêu gào,
Tất cả chất tro đội đỉnh đầu,
Chầm chậm trở về nơi cư trú,
Theo sau hoàng hậu mãi thanh cao.

Còn gã Sonuttara trong bảy ngày đã về tới Ba-la-nại cùng với bộ ngà voi.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

131. Thẳng đến Kāsi, gã thợ săn,
Vô song tặng vật, gã vừa mang,
Bộ ngà của chúa voi ngời chiếu,
Làm mọi tâm hoan với ánh vàng,
Đến trước bà hoàng kia, gã nói:
"Đây ngà vương tượng đã từ trần."

Bấy giờ khi mang đôi ngà đến dâng hoàng hậu, gã thưa:

– Tâu Hoàng hậu, chúa voi mà Hoàng hậu mang mối thù hận trong lòng chỉ vì một lỗi lầm nhỏ nhặt ấy đã bị tiểu thần giết chết rồi.

Nàng kêu lớn:

– Ngươi bảo rằng ngài đã chết rồi ư?

Gã dâng đôi ngà lên và tâu:

– Hoàng hậu cứ tin chắc rằng ngài đã chết, đây là đôi ngà của ngài.

Nàng nhận lấy đôi ngà có sáu sắc hào quang ấy để lên chiếc quạt nạm ngọc của nàng rồi đặt vào lòng, nàng nhìn đôi ngà của voi chúa ngày trước, trong một đời trước đã là vị quân vương ái kính của nàng, nàng nghĩ thầm: "Gã thợ săn này trở về với đôi ngà gã cưa được từ bảo tượng mà gã đã giết bằng mũi tên độc." Rồi nhớ lại Bồ-tát, lòng nàng bỗng tràn ngập đau thương đến độ nàng không thể chịu đựng được nữa, tim nàng tan nát ra và nàng từ trần ngay hôm ấy.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để làm sáng tỏ câu chuyện:

132. Bà hoàng vừa chợt thấy đôi ngà,
Chúa thượng dấu yêu thuở đã qua,
Lòng quá đau thương, tim vỡ nát,
Vì ngài, kẻ ngốc hóa ra ma.

133. Khi Đại Trí nhân đủ lực thần,
Mỉm cười trước mắt các Hiền Tăng,
Tức thì Thánh chúng liền suy nghĩ:
"Chư Phật chẳng cười chuyện bỗng dưng!"

134. Ngài bảo: "Các ông thấy nữ nhi,
Làm Sa-di ấy, khoác hoàng y,
Xưa là hoàng hậu và Ta nữa,
Ngài tiếp: 'Là voi chúa mất đi.'

135. Kẻ ác cưa ngà báu trắng tinh,
Vô song dưới thế, ánh quang minh,
Đem về thành phố Ba-la-nại,
Nay chính Đề-bà-đạt đích danh."

136. Phật-đà với trí tuệ riêng Ngài,
Kể lại chuyện xưa ấy thật dài,
Đủ mọi nỗi buồn đau thống thiết,
Dù Ngài đã thoát hết bi ai.

137. "Ngày xưa bạch tượng chính Ta đây,
Làm chúa voi đông đảo cả bầy,
Như vậy chư Tăng, Ta muốn bảo,
Các ông hiểu rõ tiền thân này."

Các vần kệ trên được các Trưởng lão ghi nhớ để lưu tập lời pháp ngợi ca đức hạnh của đấng Thập Lực.

***

Khi nghe pháp thoại này xong, một số trong đại chúng chứng quả Dự lưu, còn vị Tỷ-kheo-ni ấy về sau nhờ tu tập thiền định đã chứng đắc quả A-la-hán.

§515. CHUYỆN NAM TỬ SAMBHAVA (*Sambhavajātaka*)[10] (*J.* V. 56)

Trẫm chẳng màng ngôi vị đế vương...

Trong lúc trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện này liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ tối thắng. Câu chuyện này sẽ được nêu rõ chi tiết trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[11]

***

Ngày xưa, có vị vua danh hiệu Dhanañjaya Koravya trị vì kinh đô Indapatta ở quốc độ Kuru (Câu-lâu). Bà-la-môn tên Sucīrata là tế sư cũng là quốc sư của ngài trong mọi vấn đề thế sự cũng như thánh sự. Nhà vua cai trị rất đúng pháp, thực hành bố thí cùng nhiều thiện sự khác. Một ngày kia, ngài chuẩn bị một câu hỏi liên quan việc phụng sự chân lý nên sau khi mời Bà-la-môn Sucīrata an tọa xong, cung kính đảnh lễ vị ấy, ngài đưa vấn đề ra hỏi bằng cách ngâm bốn vần kệ:

138. Trẫm chẳng màng ngôi vị đế vương,
Sucīrata và thống trị giang sơn,

---

[10] Xem *A.* III. 32, *Sumanasutta* (*Kinh Sumana*); *Ap.* I. 14, *Sāriputtattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Sāriputta*).

[11] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

Vì mong trẫm đạt thành cao cả,
Ngự trị khắp toàn cõi thế gian.

139. Bằng chánh chân thôi, tránh lỗi lầm,
Bởi vì tất cả đấng quân vương,
Ở trên trần thế cần theo đúng,
Bất cứ điều chân chánh thiện lương.

140. Do đó ta xa lánh lỗi lầm,
Đời này và mãi mãi ngàn năm,
Ta cầu mong được danh vinh hiển,
Ở giữa chư thiên lẫn thế nhân.

141. Này hỡi tế sư, hãy biết rằng,
Những gì chân thiện, trẫm mong làm,
Vậy khi được hỏi, xin cho biết,
Những việc làm nào đúng thiện chân!

Lúc bấy giờ, đó là cả vấn đề cao siêu thuộc phạm vi tri kiến của một vị Phật. Đó là vấn đề ta phải đem ra thưa trình lên đức Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc nếu không có Ngài thì ta phải trình với một vị Bồ-tát đang mong cầu quả vị Chánh đẳng Chánh giác kia. Còn Sucīrata không phải là một vị Bồ-tát nên không lý giải được vấn đề, vì thế ông không thể làm ra vẻ thông thái mà đành thú nhận sự bất tài của mình qua vần kệ sau:

142. Khải tấu Đại vương, chẳng có ai,
Ngoài Vidhura ấy đủ thiên tài,
Nói điều kỳ diệu là chân thiện,
Chúa thượng hằng mong thực hiện hoài.

Nhà vua nghe lời này liền phán:

– Vậy Tôn giả hãy đi ngay!

Và vua ban một tặng vật để vị tế sư đem theo, và trong niềm mong mỏi ông lên đường, ngài ngâm vần kệ:

143. Hiền hữu đi ngay lấy phiến vàng,
Đến Vidhura ấy, trẫm nhờ mang,
Tặng phần xứng Trí nhân ưu tú,
Dạy trẫm điều chân thiện tỏ tường.

Nói xong, ngài cho ông một phiến vàng đáng giá một trăm ngàn đồng tiền dùng để viết lời giải đáp vấn đề lên trên đó, một xe ngựa để đi đường, một đạo binh hộ tống, một tặng vật và bảo ông đi ngay.

Ông ra khỏi thành Indapatta ngay và đi đến Ba-la-nại, trước tiên đến thăm nhiều nơi chốn các bậc Hiền nhân cư ngụ, vẫn không thấy ai trong cả xứ Diêm-phù-đề có thể giải đáp vấn đề được, ông đi dần đến Ba-la-nại. Trong khi nghỉ tại đó, ông cùng vài người tùy tùng đến nhà Vidhura vào giờ ăn sáng. Sau khi

nhờ thông báo việc đến yết kiến, ông được mời vào và thấy Tế sư Vidhura đang dùng điểm tâm tại nhà riêng.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ bảy để giải thích sự việc này:

144. Bhāradvāja vội vã tiến lên đàng,
Đến gặp Vidhura, thấy bạn vàng,
Ngồi tại nhà riêng, sắp sửa dự,
Bữa cơm thanh đạm sáng tinh sương.

Lúc bấy giờ, Vidhura là bạn thiếu thời của Sucīrata, đã học chung tại nhà một vị giáo sư nên sau khi cùng ăn điểm tâm với nhau, Tế sư Sucīrata an tọa và được Tế sư Vidhura hỏi:

– Hiền hữu đến đây có việc gì?

Tế sư Sucīrata nêu rõ lý do đến đây và ngâm vần kệ thứ tám:

145. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiền hữu Vidhura, cho đệ biết,
Thiện lương, chân chánh phải là đâu?

Lúc bấy giờ, vị Bà-la-môn này đang đeo đuổi công việc sưu tập các dòng tư tưởng của một số người, việc ấy cứ chồng chất lên cao như thể nước lụt sông Hằng dâng tràn, cho nên chẳng có thì giờ giải đáp vấn đề này được nữa. Vì thế, ông ngâm vần kệ thứ chín nêu rõ trường hợp mình:

146. Tràn ngập chủ đề quá lớn lao,
Như sông Hằng nước lụt tuôn trào,
Ta không thể nói đâu là lẽ,
Chân thiện, hiền huynh đến thỉnh cầu.

Nói vậy xong, ông lại nói thêm:

– Ta có một con trai rất thông minh, cháu ấy còn mẫn tuệ hơn ta nhiều. Cháu sẽ giải thích rõ cho hiền hữu. Vậy hãy đến gặp cháu!

Và ông ngâm vần kệ thứ mười:

147. Hiện giờ đệ có một con trai,
Tên gọi Bhadrakāra ở giữa đời,
Tìm đến chàng ngay, chàng sẽ nói,
Thiện lương, chân lý rõ cho ngài.

Nghe điều này, Tế sư Sucīrata liền rời khỏi nhà vị Tế sư Vidhura, đến tư thất của Bhadrakāra và thấy chàng đang ngồi ăn điểm tâm giữa những người thân của chàng.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười một làm sáng tỏ vấn đề này:

148. Lúc ấy, Bhāradvāja lại vội vàng
Đến Bhadrakāra gấp tại gia đường,
Giữa bao bằng hữu đang tề tựu,
An tọa thong dong được thấy chàng.

Khi đến nơi, vị tế sư được chàng thanh niên Bhadrakāra tiếp đãi nồng hậu, mời lên sàng tọa cùng nhiều tặng vật. Vừa khi an tọa và được hỏi nguyên cớ đến thăm, ông ngâm vần kệ thứ mười hai:

149. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng họ Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiền điệt Bhadrakāra, cho chú biết,
Thiện lương, chân lý phải là đâu?

Lúc ấy, Bhadrakāra đáp lại:

– Thưa Tôn giả, ngay bây giờ, cháu đang có dự mưu dan díu với vợ một người khác, cho nên trí óc không được thư thái để giải đáp vấn đề. Song em trai cháu tên là Sañjaya còn thông thái hơn cháu nhiều. Xin Tôn giả đi hỏi em cháu, vấn đề của Tôn giả sẽ được giải đáp.

Chàng ngâm vần kệ để bảo ông đến đó:

150. Cháu bỏ thịt nai thật ngọt ngon,
Và đang theo đuổi tắc kè con,
Làm sao có thể nào thông hiểu,
Đâu lẽ thiện lương với thật chơn.

151. Song có em trai, ngài phải biết,
Sañjaya tên gọi, hãy lên đường,
Kiếm em cho được, em tuyên thuyết,
Chân thiện, ngài nghe thật tỏ tường.

Ông liền đi đến nhà Sañjaya ngay và được chàng tiếp niềm nở, khi được hỏi lý do đến đây, ông nói rõ ra.

***

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để giải thích sự việc này:

152. Lúc ấy Bhāradvāja phải vội vàng
Đến Sañjaya gấp tại gia đường,
Giữa bao bằng hữu đang tề tựu,
An tọa thong dong được thấy chàng.

153. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiền điệt Sañcaya, cho chú biết,
Thiện lương, chân lý phải là đâu?

Nhưng Sañjaya cũng đang bận bày mưu tính kế, chàng liền thưa với ông:

– Thưa Tôn giả, cháu đang theo đuổi vợ người khác, và lại sắp đi xuống sông Hằng để qua sông. Sáng tối, trong lúc cháu qua sông thường phải gặp nanh vuốt tử thần, cho nên tâm trí đang rối ren, cháu không thể giải đáp vấn đề của Tôn giả được. Song em trai của cháu là Sambhava, mới lên bảy tuổi đã thông minh tài trí hơn cháu gấp cả trăm ngàn lần đấy. Em cháu sẽ nói chuyện với Tôn giả, xin hãy đi tìm để hỏi em cháu ngay!

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để giải thích sự việc:

154. Tử thần há miệng rộng đầy chông,
Sáng tối chờ con, hối thúc ông,
Làm thế nào con thưa với chú,
Đâu là chân lý, với hiền lương?

155. Song có em thơ, chú biết chăng,
Sambhava tên gọi, hãy lên đường,
Tìm em, thưa chú, em nêu rõ,
Chân lý, thiện lương thật tỏ tường.

Nghe vậy, Tế sư Sucīrata nghĩ thầm: "Vấn đề này ắt là điều kỳ bí nhất trên đời. Ta chắc không ai đủ sức giải đáp cả." Nghĩ vậy, ông ngâm hai vần kệ:

156-57. Việc lạ lùng này phật ý ta,
Chẳng hai con lớn, chẳng người cha,
Biết phương giải đáp điều mầu nhiệm.
Vậy nếu như em cũng chịu thua,
Thì phải chăng đây là cậu bé,
Biết gì về sự, lý chân ư?

Nghe vậy, Sañjaya đáp:

– Thưa Tôn giả, xin ngài đừng tưởng Sambhava chỉ là đứa trẻ thơ dại. Nếu không ai giải đáp được vấn đề của Tôn giả thì cứ đi hỏi em cháu.

Rồi chàng ngâm mười hai vần kệ nêu lên những đức tính của cậu bé này qua các ví dụ chứng minh trường hợp trên:

158. Xin ngài hỏi Sambhava,
Xin ngài chớ vội khinh là trẻ thơ,
Em đầy thông thái tài ba,
Nói ngay ngài biết đâu là thiện chân.

159. Khác nào ánh nguyệt trong ngần,
Sáng bừng vượt hẳn sao giăng đầy trời,
Ánh sao le lói mờ soi,
Chìm dần trong ánh rạng ngời Hằng Nga.

160. Cũng như bé Sambhava,
Trí tài kiệt xuất vượt xa tuổi vàng,

Hỏi Sambhava, tỏ tường,
Xin ngài chớ vội khinh thường tuổi thơ.

161. Em đầy thông thái tài ba,
Nói rành chân thiện đâu là lẽ ngay,
Tháng Tư quyến rũ đắm say,
Vượt xa tất cả tháng ngày trong năm.

162. Hoa xuân đâm lộc nảy mầm,
Màu xanh bát ngát bao trùm rừng cây,
Bé Sambhava cũng thế này,
Vượt xa tuổi trẻ, trí tài tuyệt luân.

163. Như trên đỉnh tuyết Hương Sơn,
Rừng cây bao phủ, các thần ngự an,
Có thần dược, sáng huy hoàng,
Mùi hương ngào ngạt dần lan toàn miền.

164. Như Sambhava ấu niên,
Sinh ra được phú tuệ riêng phi thường,
Hỏi em, sự lý tỏ tường,
Xin ngài chớ vội khinh thường trẻ măng.

165. Khác nào ngọn lửa hung hăng,
Cháy tràn lan khắp rừng hoang tung hoành,
Với cây cột lửa cuộn nhanh,
Không hề biết thỏa, tan tành cỏ non.
Để trơ một lối đen ngòm,
Bất kỳ nơi chốn lửa bùng lướt xen.

166. Khác nào một ngọn lửa thiêng,
Đốt bằng bơ sống trong đêm tối trời,
Gặp cây gỗ quý nhất đời,
Giục cơn thèm cháy sáng ngời cao xa.

167. Cũng vầy chú bé Sambhava,
Thông minh trí tuệ vượt xa tuổi vàng,
Hỏi Sambhava, chớ coi thường,
Em thông hiểu, nói tận tường thiện chơn.

168. Trâu nhờ sức lực tráng cường,
Ngựa nhờ tốc độ phô trương giống nòi,
Bò nhờ vắt sữa tuôn vòi,
Hiền nhân, ta biết nhờ lời khôn ngoan.

169. Sambhava cũng vậy, mầm non,
Thông minh trí tuệ vượt hơn tuổi vàng,

Hỏi Sambhava, chớ coi thường,
Em thông thái, hiểu tận tường thiện chân.

Trong khi Sañjaya ca ngợi Sambhava như vậy, Tế sư Sucīrata nghĩ thầm: "Ta sẽ đặt vấn đề với cậu bé này là biết ngay."

Ngài hỏi:

– Thế cháu bé ở đâu rồi?

Chàng liền mở cửa sổ, giơ tay chỉ và nói:

– Ngài nhìn cậu bé đằng kia, da óng như vàng ròng đang chơi cùng các trẻ khác bên đường trước cửa chính đó là em trai của cháu. Xin cứ đến hỏi, em cháu sẽ giải đáp vấn đề của ngài với mọi lý lẽ huyền diệu của bậc Giác ngộ.

Sucīrata nghe thế liền bước xuống khỏi dinh đến gần cậu bé vừa đúng lúc cậu bé đang đứng, áo quần xốc xếch vắt qua vai, hai tay đang bốc đất.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ giải thích sự việc này:

170. Lúc ấy Bhāradvāja lại vội vàng,
Đến Sambhava gấp, tại gia đường,
Ở ngoài công lộ, kìa ngay đó,
Cậu bé đùa chơi thấy rõ ràng.

Bậc Đại sĩ vừa khi thấy vị Bà-la-môn kia đến đứng trước ngài liền hỏi:

– Hiền hữu đến đây có việc gì chăng?

Vị tế sư đáp:

– Này cháu bé, ta đã đi khắp cõi Diêm-phù-đề mà không tìm ra được người nào đủ tài trí giải đáp vấn đề ta đặt ra nên nay ta đến đây tìm cháu.

Cậu bé nghĩ thầm: "Họ bảo đây là vấn đề khắp cả cõi Diêm-phù-đề chưa giải đáp được nên vị này đến tìm ta. Còn ta đã am hiểu thông thạo rồi." Lúc ấy, cậu thấy hổ thẹn liền vứt cục đất đang cầm trong tay, sửa sang áo quần lại đàng hoàng và bảo:

– Này Tôn giả Bà-la-môn, cứ hỏi đi, ta sẽ giải đáp cho ngài với cung cách của một bậc Giác ngộ.

Rồi với trí tuệ tối thắng, ngài mời vị kia lựa chọn đề tài để hỏi. Vị Bà-la-môn liền hỏi vấn đề qua các câu kệ:

171. Đến vì thánh chỉ chúa Câu-lâu,
Dòng dõi Yudhiṭṭhila, hiện thỉnh cầu,
Hiền điệt Sambhava, cho chú biết,
Thiện lương, chân lý phải là đâu?

Vấn đề được hỏi kia quá rõ ràng đối với Sambhava như thể vầng trăng tròn giữa bầu trời cao. Ngài bảo:

– Này, hãy nghe lời ta!

Và ngài giải đáp vấn đề phụng sự chân lý qua các vần kệ:

172. Hiền hữu, ta nay sẽ bảo ngài,
Đúng như bậc Trí phải trình bày,
Vua cần biết rõ điều chân thiện,
Song việc vua làm, ai có hay?

Trong khi ngài đứng giữa đường phố thuyết giảng chân lý với giọng ngọt như mật, âm thanh vang dội khắp thành Ba-la-nại, mỗi phía vang đến mười hai do-tuần. Nhà vua cùng các phó vương và nhiều vua khác tụ tập lại, bậc Đại sĩ liền đứng giữa đám đông ấy, tuyên thuyết chân lý. Sau khi đã hứa giải đáp vấn đề qua vần kệ này, giờ đây ngài nêu lời giải đáp vấn đề phụng sự chân lý:

173. Đáp lại đức vua, hãy tấu ngài:
"Ngày nay không hẳn giống ngày mai,
Thần khuyên Chúa thượng nên thông suốt,
Nắm lấy thời cơ kịp đến tay."

174. Ta ước mong Hiền hữu tế sư,
Gợi cho vua biết cách suy tư,
Nhờ đây tâm trí ngài an lạc,
Vua phải tránh xa mọi oán thù,
Cũng chớ đi theo đường ác độc,
Như là người độn trí mê mờ.

175. Đừng gây tội lỗi mất tâm hồn,
Đừng phạm hành vi bất chánh chơn,
Đừng có bao giờ theo ác hạnh,
Đừng đưa huynh đệ bước sai đường.

176-77. Ai biết hoàn thành đúng chánh chân
Những điều này, giống nguyệt tròn dần,
Như vua danh tiếng tăng lên mãi,
Làm ánh sáng soi đám bạn thân,
Yêu mến họ hàng, khi tận mạng,
Hiền nhân sẽ đạt đến thiên cung.

Như vậy, chẳng khác nào đem vầng trăng soi rọi khắp bầu trời, bậc Đại sĩ giải đáp vấn đề của vị Bà-la-môn này với mọi vẻ tinh thông của một bậc Giác ngộ. Dân chúng reo hò vỗ tay vang dậy. Hàng ngàn tiếng reo tán thưởng cùng vô số khăn vẫy lên không và tiếng búng tay lách tách. Họ thả luôn cả đồ trang sức trên tay. Vua xứ Ba-la-nại hoan hỷ tỏ lòng tôn kính, ngưỡng mộ ngài. Còn vị Tế sư Sucīrata, sau khi tặng thưởng ngài một ngàn cân vàng liền viết câu giải đáp vấn đề trên bằng son đỏ vào phiến vàng ấy và khi đến kinh thành Indapatta,

ông tâu trình vua về câu giải đáp phụng sự chân lý như trên. Phần vua nhờ kiên tâm hành trì các pháp chân chánh, về sau được lên thiên giới.

***

Khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay từ xa xưa, Như Lai đã dùng đại trí để giải đáp mọi vấn đề.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời bấy giờ, Ānanda (A-nan) là Vua Dhanañjaya, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Sucīrata, Kassapa (Ca-diếp) là Vidhura, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Bhadrakāra, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là chàng trai trẻ Sañjaya và Trí giả Sambhava chính là Ta.

§516. CHUYỆN KHỈ CHÚA (*Mahākapijātaka*)[12] (*J.* V. 67)

Tương truyền đại đế xứ Kāsi...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) ném đá vào Ngài. Vì vậy, khi các Tỷ-kheo quở trách Đề-bà-đạt-đa về việc xúi giục các xạ thủ bắn cung vào đức Phật và sau đó lại ném đá vào Ngài, bậc Đạo sư bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa cũng đã ném đá vào Ta.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một nông dân dòng họ Bà-la-môn trong làng thuộc xứ Kāsi, sau khi cày ruộng xong, thả trâu ra và bắt đầu cuốc đất. Đàn trâu trong khi gặm lá ở bụi cây dần dần chạy vào trong rừng. Người ấy nhận thấy trời tối liền đặt cuốc xuống đi tìm đàn trâu nhưng chẳng thấy đâu, gã quá buồn khổ đi lang thang vào trong rừng tìm chúng, dần dần đến tận vùng Tuyết Sơn. Vì lạc mất phương hướng, gã lang thang bảy ngày nhịn đói, nhưng khi nhìn thấy cây tinduka, gã trèo lên hái trái ăn. Rồi tuột khỏi cây này, gã rơi xuống một vực thẳm như địa ngục sâu sáu mươi *cubit*[13] và ở đó cả mười ngày.

Thời bấy giờ, Bồ-tát sinh làm thân khỉ, đang lúc ăn trái rừng ngài thấy gã kia liền chuyển dời đá và lôi gã ra khỏi vực. Khỉ nằm nơi tảng đá nói rằng: "Tôn ông mến, tôi mệt nên sẽ chợp mắt một chút, xin hãy canh phòng cho tôi!" Trong lúc khỉ đang ngủ, gã kia đập đầu khỉ bằng một cục đá, Bồ-tát biết được việc này liền vùng dậy nhảy lên cành cây, đứng lại và kêu to:

---

[12] Tham chiếu: *Dh*. v. 337; *Thag*. v. 339; *Pháp cú kinh* "Ái dục phẩm" 法句經愛欲品 (*T*.04. 0210.32. 0570c16); *Xuất diệu kinh* "Ái phẩm" 出曜經愛品 (*T*.04. 0212.3. 0632b21).

[13] 1 *cubit* = 45cm.

– Này Tôn ông, ngài đang đi trên đất bằng, ta sẽ chỉ đường cho ngài từ trên ngọn cây này rồi ta sẽ đi ngay.

Thế là ngài cứu gã kia ra khỏi rừng, chỉ đúng đường cho gã rồi biến mất trong rừng núi ấy. Còn gã kia vì đã gây tội ác với Bồ-tát nên hóa thành tên hủi, chẳng khác nào ngạ quỷ đội lốt người trên trần thế. Trong bảy năm liền, gã đau đớn chất chồng, lang thang hết nơi này sang nơi khác, gã đến ngự viên Migācira (Lộc Uyển) tại thành Ba-la-nại, trải ngọn lá chuối trên một góc, gã nằm xuống, lòng đau khổ điên cuồng.

Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại đến ngự viên và trong khi dạo chơi, nhìn thấy gã liền hỏi:

– Ngươi là ai và ngươi đã làm gì đến nỗi phải khổ như vậy?

Gã trình bày cho vua nghe toàn câu chuyện với đầy đủ chi tiết.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

178. Tương truyền đại đế xứ Kāsi,
Một thuở Ba-la-nại trị vì,
Cùng với hiền thần trên đại lộ,
Vào đến Vườn Nai một bữa kia.

179. Đằng kia vua thấy gã La-môn,
Một bộ xương khô bước chập chờn,
Da trắng vì mang dòng máu hủi,
Xù xì xương xẩu tựa cây mun.

180. Ngạc nhiên trước cảnh tượng đau thương,
Của kẻ không may, nặng khổ buồn,
"Thật tội nghiệp ngươi", ngài phán hỏi,
"Tên gì, ác quỷ phận đành mang?

181. Giống như tuyết trắng cả tay chân,
Ta chắc đầu ngươi lại trắng hơn,
Thân thể ngươi tràn đầy vết hủi,
Bệnh kia ghi dấu ấn riêng phần.

182. Lưng ngươi như suốt chỉ giăng hàng,
Lồi lõm, dài ngoằn lại uốn quăn,
Đen đúa tay chân như mẩu gỗ,
Chẳng hề ai thấy kẻ ngang bằng.

183. Ngươi từ đâu đến, kẻ lang thang,
Khốn khổ bơ vơ, da bọc xương,
Đầu đội nắng trời nung bức lửa,
Chịu bao đói khát quá đau thương?

184. Hình hài tàn phá thật kinh hoàng,
Chẳng xứng nhìn lên ánh nhật quang,
Ngay chính mẹ ngươi chắc cũng chẳng,
Còn mong nhìn trẻ quá tồi tàn.

185. Ác nghiệp gì xưa ngươi đã gây,
Hay là ngộ sát kẻ nào đây,
Tội gì ngươi phạm, ta mong biết,
Xui khiến ngươi mang nỗi khổ này?"

Gã Bà-la-môn đáp lại:

186. Thần xin thưa thật với Tôn quân,
Hành động đúng như một thiện nhân,
Vì kẻ không bao giờ dối trá,
Người hiền khen ngợi giữa phàm trần.

187. Xưa kia thần đến một rừng hoang,
Tìm kiếm đàn trâu tối lạc đàng,
Băng mãi lối mòn rừng rậm rạp,
Nơi loài voi ở, bước lang thang.

188. Lạc trong rừng rậm quá hoang sơ,
Chịu đói khát, đau khổ xót xa,
Suốt bảy ngày ròng thần lẩn quẩn,
Chốn loài hổ dữ mớm con thơ.

189. Trái độc tối kinh cũng cứ thèm,
Ô kìa, đôi mắt bỗng bừng lên,
Cây xinh lắt lẻo ngang bờ vực,
Lơ lửng trái thơm trĩu nhánh mềm.

190. Những trái rơi theo gió lạnh rung,
Thần nhai ngấu nghiến nuốt thơm lừng,
Vẫn còn khao khát, thần leo vội,
Cách ấy no nê được vẹn toàn.

191. Chưa từng ăn quả chín ngon sao,
Thần vội giơ tay hái thêm vào,
Cành lá dựa thân vào gãy đứt,
Như là chặt bởi búa ông tiều.

192. Cành gãy làm cho ngã lộn thân,
Không gì chặn lại, rớt nhanh dần,
Trên bờ vực thẳm đầy tường đá,
Không thoát khỏi hang vực thẳm cùng.

193. Nước sâu nằm dưới bờ vực kia,
Cứu mạng không tan nát thảm thê,

Rồi bất hạnh thay, thần tuyệt vọng,
Mười đêm nằm đợi thật dài ghê.

194. Cuối cùng một chú khỉ dài đuôi,
Trú ẩn trong hang đá đến nơi,
Nhảy nhót cành này sang bụi nọ,
Hái ăn trái chín thật xinh tươi.

195-96. Chợt thấy thần vàng vọt héo khô,
Động lòng trắc ẩn, khỉ kêu to:
"Khốn thay! Ta thấy ai nằm đó,
Tuyệt vọng đau thương ngập tận bờ,
Như vậy, ví như người hoặc quỷ,
Ông là ai đó, nói nguyên do."

197. Thần đầy cung kính, vội thưa ngay:
"Một kẻ khốn cùng chính lão đây,
Song phước đức dành cho khỉ hết,
Nếu tìm được cách cứu thân này."

198. Chúa khỉ chuyền cành ở núi cao,
Mang hòn đá nặng lực anh hào,
Ấy nhờ tu luyện tròn công hạnh,
Mục đích tỏ bày trọng đại sao.

199. "Tôn ông, trèo đến chỗ lưng này,
Quanh cổ ta, ghì chặt cánh tay,
Tức tốc ta đem ông thoát khỏi,
Vách tường đá, chính cảnh tù đày."

200. Hoan hỷ, thần ghi nhớ rõ ràng,
Lời khuyên của chúa khỉ vinh quang,
Trèo lên lưng nọ, đôi tay bám,
Quanh cổ Trí nhân thật vững vàng.

201. Chúa khỉ lúc này thật mạnh thay,
Kiên cường can đảm đến như vầy,
Dẫu rằng mệt lả vì hao sức,
Chốc lát đưa lên vách đá dày.

202. Kéo thần xong, cất tiếng anh hùng:
"Ta mệt nhoài, xin đứng hộ phòng,
Bên cạnh mình ta, Tôn giả hỡi,
Trong khi ta ngủ giấc say nồng.

203. Các thứ như beo, gấu, hổ, sư,
Nếu nhìn ta, thấy quá thờ ơ,

Chúng liền giết hại ta ngay đấy,
Tôn giả canh phòng, chớ phải lo."

204. Trong lúc thần đang đứng hộ phòng,
Hầu vương đánh một giấc an thân,
Một tư tưởng xấu xa nhen nhúm,
Tiềm ẩn lan dần ở nội tâm.

205. "Khỉ, thú khác cho người thịt ăn,
Vậy sao ta chẳng giết hầu vương,
Đỡ cơn đói khát vì phần thịt,
Cung cấp cho ta món tuyệt trần?

206. Khi no dạ, chẳng muốn chần chờ,
Song kiếm thật đầy thực phẩm khô,
Tích trữ cho nhiều ngày vất vả,
Từ rừng ta sẽ kiếm đường ra."

207. Cầm viên đá suýt đánh tan tành,
Chiếc sọ kia, song bởi phận mình,
Tay vụng về đưa lên loạng quạng,
Vung ra yếu ớt chẳng nên hình.

208. Chúa khỉ nhanh chân nhảy ngọn cây,
Toàn thân bê bết máu tuôn đầy,
Từ xa trách móc nhìn thần mãi,
Với cặp mắt tuôn lệ chảy dài.

209. "Đừng đối với ta làm thế này,
Tôn ông, người hỡi, đã làm sai,
Thật ông có thể ngăn kẻ khác,
Cho mạng sống không thọ kéo dài.

210. Ôi người lầm lỗi đến như vầy,
Sao trả ơn ta cách thế này?
Vì đã cứu ông ra thoát khỏi,
Vực kia sâu thẳm hãi kinh đầy!

211. Ta cứu tử, ông phản bội ta,
Âm mưu sát hại với tâm ma,

212. Coi chừng kẻ ác, e đày đọa,
Khốc liệt xuất từ ác nghiệp kia,
Đem họa tử vong cho chủ nó,
Khác nào trái giết gốc tre già.

213. Ta chẳng còn tin tưởng ở ngươi,
Vì ngươi làm ác với ta rồi,

Hãy đi tới trước kia cho khéo,
Còn để ta nhìn thấy bóng thôi.

214. Thoát bầy dã thú đói tìm mồi,
Ngươi trở về nơi người sống đời,
Thẳng tắp con đường dài trước mặt,
Đi theo như ý muốn nhà ngươi."

215. Nói xong khỉ nhảy xuống hồ rồi,
Rửa sạch chiếc đầu dính máu tươi,
Và khỉ lau khô dòng lệ ướt,
Cố leo khỏi núi ấy lên đường.

216. Từ đấy đầy đau khổ đoạn trường,
Đốt thiêu, vò xé bởi hầu vương,
Lê bước thân tàn, thần thất thểu,
Tìm nơi giải khát cho mình luôn.

217. Nhưng khi thần đến vũng hồ kia,
Mặt nước đều loang lổ máu me,
Một dòng đỏ sẫm dần dần hiện,
Thành một đám như lửa lập lòe.

218. Mỗi giọt nước kia dính đến thân,
Hóa thành mụt nhọt lớn lên dần,
Như bầu nâu, trái khô rồi nứt,
Giống hệt sắc da lẫn cỡ tầm.

219. Máu mủ tràn ra thật đáng nhờm,
Nơi nào thần muốn được an thân,
Dù là thành thị hay thôn dã,
Dân chúng chạy bay hỗn loạn luôn.

220. Lảng tránh vì mùi quá thối tha,
Trong khi gậy, đá cứ tung ra:
"Này tên khốn nạn, đừng đi đến,
Gần chúng ta!" toàn thể hét la.

221. Như vậy khổ đau thật đáng thương,
Thần mang theo suốt bảy năm trường,
Tùy theo hạnh nghiệp mình gây tạo,
Mỗi người đi đến một con đường.

222. Thần ước mong chư vị vạn an,
Mọi người, thần gặp gỡ trên đàng,
Xin đừng phản bạn, ôi hèn hạ,
Kẻ phạm tội mưu chống bạn vàng.

223. Tất cả những ai với bạn mình,
Tỏ ra là kẻ thiếu chân thành,
Như bầy hủi phải ăn năn tội,
Thân hoại vào trong ngục tái sanh.

Đây là vần kệ xuất phát từ trí tuệ của bậc Giác Ngộ: "Này các Tỳ-kheo, nghĩa là ở đời này, kẻ nào phản bội, hại bằng hữu sẽ bị như vậy." Và trong lúc kẻ kia đang tâu trình vua, ngay chính thời điểm ấy, mặt đất há miệng rộng ra làm gã mất dạng và bị tái sanh vào địa ngục. Khi gã bị trái đất nuốt xong, vua ra khỏi ngự viên và trở về thành.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Devadatta cũng đã ném đá vào Ta.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, kẻ phản bạn kia là Devadatta và Ta chính là khỉ chúa.

§517. CHUYỆN THỦY THẦN (*Dakarakkhasajātaka*) (*J.* V. 75)

224-57. Chuyện này sẽ được trình bày trong *Chuyện đường hầm vĩ đại.*[14]

§518. CHUYỆN LONG VƯƠNG PAṆḌARA (*Paṇḍarajātaka*) (*J.* V. 75)

Người nào chuyện bí mật đem phơi...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) nói dối và quả đất đã há miệng nuốt sống ông như thế nào.

Thời đó là lúc Đề-bà-đạt-đa bị chúng Tỳ-kheo quở trách, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Đề-bà-đạt-đa cũng đã nói dối và đã bị quả đất nuốt chửng.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có năm trăm thương nhân lên tàu ra khơi. Vào ngày thứ bảy, khi họ đã khuất dạng khỏi đất liền, họ bị đắm tàu giữa biển và tất cả làm mồi cho cá, chỉ trừ một người. Người này nhờ gió đẩy đến bờ Karampiya. Lên bờ, mình trần trụi, gã vô cùng khốn khổ, lang thang khắp nơi khất thực. Dân chúng nghĩ: "Đây là bậc tu hành khổ hạnh, thiểu dục tri túc." Và họ tiếp đãi gã rất ân cần. Song gã bảo:

---

[14] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

– Ta đã có đủ sống rồi.

Và khi họ cúng dường y trong, y ngoài, gã đều không nhận thứ gì cả. Họ bảo nhau:

– Chẳng có bậc khổ hạnh nào vượt qua vị này về phương diện thiểu dục tri túc.

Và lại càng hân hoan vô cùng vì gã, họ xây am ẩn sĩ cho gã trú ẩn và gã lấy danh hiệu là Karampiya đạo sĩ. Trong khi gã ở đó, gã được nhiều lợi dưỡng vinh quang, cả long vương lẫn Kim Sí điểu vương đều đến bày tỏ lòng tôn kính gã. Vị long vương này có danh hiệu là Paṇḍara. Một ngày kia, Kim Sí điểu vương đến gặp đạo sĩ, sau khi đảnh lễ vị này, ngồi xuống một bên và bảo:

– Thưa Tôn giả, dân chúng của ta khi tấn công loài rồng rắn thường hay bị chết đuối. Ta không biết cách nào bắt rồng rắn cho đúng. Nghe nói có điều bí ẩn chi đây. Ngài có thể dỗ dành chúng nói ra điều bí ẩn ấy chăng?

Đạo sĩ nói:

– Được rồi.

Khi điểu vương từ giã ra về, vừa đúng lúc long vương đến tôn kính đảnh lễ xong ngồi xuống, gã hỏi:

– Này long vương, loài Kim Sí điểu nói rằng khi bắt loài rồng, chúng bị giết chết rất nhiều. Thế lúc đánh bắt rồng rắn, làm sao cho chúng được an toàn?

Long vương đáp:

– Thưa Tôn giả, đây là điều bí mật của loài ta, nếu ta nói ra thì ta sẽ gây tai họa tàn sát cả chủng tộc của ta.

– Sao thế, ngài nghĩ rằng ta nói với kẻ nào chăng? Ta chẳng nói với ai đâu, ta chỉ hỏi cho thỏa thích hiếu kỳ thôi. Ngài cứ tin ta và nói cho ta biết, đừng e sợ gì cả!

Long vương hứa sẽ nói và từ giã. Ngày hôm sau, ẩn sĩ lại gạn hỏi, long vương cũng không nói ra. Song vào ngày thứ ba, lúc long vương đến và ngồi xuống, ẩn sĩ bảo ngay:

– Hôm nay là ngày thứ ba ta hỏi ngài rồi. Tại sao ngài không nói?

– Thưa Tôn giả, ta sợ ngài kể lại cho kẻ khác.

– Ta sẽ không hé môi với ai cả, nói đi, đừng sợ gì!

Thế là long vương bảo ẩn sĩ hứa sẽ không kể lại với ai rồi nói:

– Thưa Tôn giả, loài rồng rắn chúng ta nuốt đá lớn cho nặng mình và nằm sát xuống, rồi loài Kim Sí điểu đến, chúng ta há miệng ra, nhe răng nhào đến chúng. Chúng chụp lấy đầu bọn ta và trong khi chúng cố nhấc lên mà chúng ta lại nặng và nằm sát đất, nước tràn lên chúng khiến chúng chết chìm giữa biển. Một số Kim Sí điểu chết như vậy. Trong lúc bắt bọn ta, tại sao chúng lại chụp lấy đầu? Nếu bọn ngu xuẩn kia chụp lấy đuôi của chúng ta và dốc ngược đầu

xuống, chúng sẽ bắt bọn ta phải nhả ra những hòn đá đã nuốt ấy, thế là làm cho bọn ta nhẹ đi và tha bọn ta về tổ chúng.

Long vương đã tiết lộ bí mật như vậy với ác nhân này.

Sau đó, khi long vương ra về, điểu vương lại đến đảnh lễ đạo sĩ Karampiya xong liền hỏi:

– Thưa Tôn giả, thế Tôn giả đã biết điều bí mật của long vương chưa?

– Thưa ngài, ta đã biết rồi.

Và gã kể mọi điều vừa được kể trên cho gã. Nghe xong, điểu vương bảo:

– Long vương đã sai lầm nặng nề, đáng lẽ không nên nói cho ai biết cách tàn sát chủng tộc mình như vậy.

Thế là vừa nổi gió lên, điểu vương liền chụp lấy đuôi long vương Paṇḍara và dốc ngược đầu xuống làm rồng chúa nay phải nhả những hòn đá đã nuốt vào cổ, rồi điểu vương mang long vương bay lên không. Rồng Paṇḍara, trong lúc bị treo ngược đầu lên không như vậy liền than khóc thê thảm:

– Ta tự gây khổ cho ta rồi!

Và rồng chúa ngâm các vần kệ:

258. Người nào chuyện bí mật đem phơi,
Bất cẩn, lòng không muốn giữ lời,
Kẻ ngốc bị kinh hoàng trấn áp,
Như ta, rồng chúa ngã nhào thôi.

259. Người nào ngu xuẩn lộ ra ngoài,
Tư tưởng cần che giấu mặt trời,
Kinh hoàng ngập tràn vì lẻo mép,
Như ta, rồng chúa gặp chim mồi.

260. Không nên để bạn hữu tham gia,
Ý tưởng thâm trầm nhất của ta,
Bạn tốt có khi đầy xuẩn ngốc,
Kẻ khôn lừa dối, phải phòng xa!

261. Tin tưởng gã, ôi, có phải chăng,
Chuyên trì khổ hạnh bậc Hiền nhân,
Phơi bày bí mật, ta lầm lỗi,
Ta khóc giờ đây nỗi đoạn trường.

262. Chuyện riêng tư, gã khốn xen vào,
Bí mật ta không giữ được nào,
Ta sợ mối nguy từ gã đến,
Giờ ta khóc chính nỗi thương đau.

263. Tưởng bạn trung thành tận tủy xương,
Sinh lòng kính sợ, nặng tình thương,

Ẩn tình tiết lộ cho người khác,
Ngã gục, người ngu chẳng thể vươn.

264. Ai nói lên cùng đám ác nhân,
Điều thầm kín phải giữ trong tâm,
Được xem rắn độc nơi trần giới,
“Kẻ ấy, tránh xa!”, chúng thét rần.

265. Cẩm y, mỹ nữ, gỗ chiên-đàn,
Hương liệu, vòng hoa, thực phẩm ngon,
Mọi dục ác kia, ta tránh cả,
Điểu vương, nếu đến giúp long vương!

Rồng chúa Paṇḍara đã khóc than như vậy qua tám vần kệ trong khi bị dốc ngược trên không. Điểu vương nghe tiếng than khóc liền khiển trách long vương và bảo:

– Này long vương, tại sao lại than khóc sau khi đã tiết lộ bí mật cho đạo sĩ kia?

Và điểu vương ngâm vần kệ:

266. Trong chúng ta, ba kẻ sống đây,
Nói tên ai kẻ đáng trách này?
Chẳng sư, chẳng điểu, nhưng ngài ngốc,
Mang họa long vương nhục nhã đầy.

Nghe vậy, rồng Paṇḍara liền ngâm vần kệ khác:

267. Đạo sĩ, theo ta, một bạn vàng,
Chuyên trì khổ hạnh, bậc Hiền nhân,
Ẩn tình ta lộ, ta lầm lỗi,
Ta khóc, giờ đây chính khổ thân.

Kế đó, điểu vương lại ngâm bốn vần kệ khác nữa:

268. Nhân sinh trần thế phải lìa đời,
Thánh đạo cho con cháu phải soi,
Bằng tự điều thân, chân chánh hạnh,
Con người thành đạt đích cao vời.

269. Chẳng ai thân thiết vượt song thân,
Không kẻ thứ ba ái luyến bằng,
Song ẩn tình người đừng tỏ lộ,
E rằng phản bội thật không lường!

270. Mẹ cha, quyến thuộc khắp xa gần,
Bạn hữu đồng minh dẫu thiết thân,
Ẩn ý người đừng nên tỏ lộ,
Về sau phản bội, phải ăn năn.

271. Vợ hiền xinh đẹp tuổi còn xuân,
Chia sẻ đàn con, đám bạn thân,
Song chớ tỏ bày điều bí ẩn,
E nàng phản bội, phải đề phòng.

Tiếp theo là các vần kệ sau:

272. Đừng ai đem chuyện kín phơi ra,
Phải giữ như kho báu của nhà,
Việc tiết lộ ra điều bí mật,
Hiền nhân chẳng muốn ngợi khen mà.

273. Bậc Trí không nên lộ tấc lòng,
Với cừu nhân hoặc với hồng quần,
Những người nô lệ cho tài vật,
Bọn chúng giả vờ để kết thân.

274. Ai hé lộ ra một ẩn tình,
Cho người không có trí thông minh,
Sợ lo phá vỡ bao điều kín,
Phải chịu người kia khống chế mình.

275. Những người biết được chuyện riêng tư,
Mà bạn chẳng nên để lộ ra,
Sẽ khiến bất an tâm trí bạn,
Vậy đừng tiết lộ chuyện riêng mà.

276. Ban ngày, lúc riêng rẻ nơi xa,
Cứ bạo gan nêu chuyện kín ra,
Song giữa đêm khuya trời vắng vẻ,
Đừng liều lĩnh lộ chuyện riêng mà.
Bởi vì chắc chắn ở bên lưng,
Có kẻ lén ta đứng sẵn sàng,
Lời thoáng đưa đều nghe lọt cả,
Và rồi chuyện mật sẽ tan hoang.

Đây là năm vần kệ sẽ xuất hiện trong *Vấn đề của năm vị Trí giả* của *Chuyện đường hầm vĩ đại*.

Tiếp theo là các vần kệ này:

277. Như cổ thành vây bọc tứ phương,
Với hào, cọc sắt, chẳng thông thương,
Cửa song không lắp và tương tự,
Bí mật người khôn giữ kín luôn.

278. Những người dù vội vã nhanh lời,
Chuyện kín vẫn không hé hở môi,

Mà quyết giữ mình luôn vững chắc,
Thật lòng chân chánh, đấy là người,
Cừu nhân phải tránh như đi trốn,
Lúc rắn độc đang đuổi chạy dài.

Khi chân lý đã được điểu vương tuyên thuyết như vậy, long vương Paṇḍara liền ngâm vần kệ:

279. Lõa thể, cạo đầu, gã xuất gia,
Lang thang khất thực khắp quê nhà,
Ôi, đem bí mật khai cùng gã,
Sự, lý tan tành, số phận ta.

280. Giới hạnh nào tu sĩ phải trì,
Phát nguyền nào, tránh lỗi lầm chi,
Làm sao thoát ác hành, tham chấp,
Để đạt thiên cung cuối hạn kỳ?

Điểu vương đáp:

281. Biết tàm, kham nhẫn, tự điều thân,
Vứt bỏ vu oan với hận sân,
Tu sĩ đoạn tham chấp, ác nghiệp,
Sau cùng đạt đến cảnh thiên cung.

Long vương Paṇḍara nghe điểu vương thuyết pháp như vậy liền xin tha mạng và ngâm vần kệ này:

282. Như trẻ sơ sinh, mẹ ngắm nhìn,
Khắp người rung động, thú thần tiên,
Điểu vương cũng vậy, xin ban bố,
Từ ái đàn con, đấng mẹ hiền!

Sau đó, điểu vương tha mạng cho long vương và ngâm vần kệ nữa:

283. Chúa rồng, ta thả bạn bây giờ,
Thoát chết, cho ngài được tự do,
Trong các đàn con này chỉ có,
Con nuôi, con ruột, học trò ta,
Là ba trẻ hưởng nhiều sung sướng,
Quả thật ngài là một giữa ba.

Nói vậy xong, điểu vương hạ cánh từ trên không và đặt long vương xuống mặt đất liền.

***

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

284. Nói vậy xong, chim chúa thả ngay,
Kẻ thù, đáp nhẹ địa cầu này,

Nay ta giải phóng, mau đi kiếm,
An trú xa nơi hiểm họa đầy,
Dù bạn lên bờ hay dưới nước,
Ta nguyền phòng hộ kỹ từ rày.

285. Như lương y có đủ tài năng,
Con bệnh hiểm nghèo đã chữa xong,
Như nước mát trong hồ giải khát,
Cho bao người được thỏa thuê lòng,
Như nhà trú ẩn trời băng giá,
Ta, chốn bạn nhờ lúc bại vong.

Điểu vương lại bảo:

– Xin hãy đi ngay!

Rồi chim thần thả long vương ra. Long vương liền biến mất vào cảnh giới của loài rồng rắn. Còn điểu vương trở về nơi cư ngụ của loài Kim Sí điểu, tự nhủ:

– Long vương Paṇḍara đã được ta tin tưởng nhờ lời thề nguyền nên được ta thả ra. Bây giờ, ta phải thử thách xem tình cảm của vị này đối với ta ra sao.

Rồi đi đến cảnh giới của long vương, chim thần này nổi cơn thần phong của loài Kim Sí điểu lên thật mạnh. Thấy vậy, long vương tưởng Kim Sí điểu vương đến bắt mình liền hóa hình dài cả ngàn sải[15] và nuốt cát sỏi cho nặng rồi nằm sâu xuống, vừa giấu đuôi dưới mình vừa vội giương cao mồng lên như thể sẵn sàng cắn điểu vương. Thấy vậy, điểu vương liền ngâm vần kệ:

286. Loài thai sanh trước đã làm lành,
Với kẻ thù là loài noãn sanh,
Nay bỗng dưng ngài nanh rộng há,
Vì đâu ngài phách lạc hồn kinh?

Nghe lời này, long vương ngâm ba vần kệ:

287. Phải luôn nghi ngại kẻ thù mình,
Chớ quá tin ngay bạn chí tình,
Lòng cả tin sinh niềm sợ hãi,
Giết ngươi từ gốc đến đầu cành.

288. Sao đặt lòng tin tưởng một người,
Trước kia ta đã cãi tranh rồi?
Hãy lo phòng hộ mình cho kỹ,
Yêu kẻ địch à? Chẳng có ai!

289. Hãy gây tin tưởng khắp nơi nơi,
Song chớ tin vào bất cứ ai,
Đừng để người nghi ngờ chính bạn,
Song tâm hướng đến mối nghi hoài.

---

[15] 1 sải = 1m82.

Người nào thực sự là người trí,
Cần phải hết lòng gắng sức thôi,
Bản tính mình không hề để lộ,
Phơi bày ra trước mặt người đời.

Hai vị đã trò chuyện với nhau như vậy xong liền hòa giải với nhau và cùng nhau thân thiết đi đến am của ẩn sĩ khổ hạnh kia.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

290. Này thấy xứng đôi bạn thánh thần,
Dáng thanh, tâm tịnh, phước bằng phần,
Như đôi tuấn mã cùng cương chạy,
Đến Karampiya lõa nhân.

Về vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm thêm một vần kệ nữa:

291. Long vương đi thẳng đến thầy tu,
Rồng chúa báo ngay với kẻ thù:
"Phải biết hôm nay ta thoát nạn,
Không nhờ tình thánh giả dành cho!"

Tiếp theo, vị khổ hạnh liền ngâm vần kệ khác:

292. Trịnh trọng ta thề trước điểu vương,
Với ngài, ta nặng trĩu tình thương,
Hơn bao giờ cả, song rung cảm,
Vì mối tình thân với đại bàng,
Ta đã sai lầm vì cố ý,
Chớ không do bởi tính si cuồng.

Nghe vậy, long vương liền ngâm hai vần kệ:

293. Người thấy đời này lẫn kiếp sau,
Chẳng hề thương ghét nhọc lòng đâu,
Tu hành đội lốt, ngài mong giấu,
Hành động phi nhân ngược thánh bào.

294. Nhuốm đầy ti tiện, dáng cao siêu,
Khoác áo tu lòng chẳng tự điều,
Bản tính chứa tầm tư hạ liệt,
Ngài chuyên tạo ác nghiệp bao nhiêu.

Rồi để khiển trách gã, vị này lại ngâm vần kệ nhiếc mắng:

295. Chỉ điểm, dối lừa, muốn giết oan,
Bạn lành vô tội, vậy ta mong,
Nhờ đây thề nguyện điều chân thật,
Bảy mảnh đầu ngài phải vỡ tan.

Thế là ngay trước mắt long vương, đầu kẻ tu khổ hạnh kia bị vỡ nát thành bảy mảnh và mặt đất nứt ra ngay ở nơi gã đang ngồi. Gã biến mất vào lòng đất và tái sanh vào địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián). Còn long vương và điểu vương đều trở về cảnh giới của riêng mình.

***

Bậc Đạo sư làm sáng tỏ sự kiện gã ấy đã bị nuốt chửng vào lòng đất bằng vần kệ sau cùng:

296. Vì thế Ta nay nhắn nhủ rằng,
Chớ bao giờ phản bội thân bằng,
Còn gì tồi tệ hơn nhìn thấy,
Một thứ bạn bè giả dối chăng,
Bị nuốt trôi vào lòng đất lạnh,
Kẻ mồm độc ấy ngã nhào lăn,
Và người khổ hạnh nay đành chết,
Vì chính lời kia của chúa rồng.

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả xưa kia nữa, Devadatta đã nói dối và bị nuốt chửng vào lòng đất.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, ẩn sĩ là Devadatta, long vương là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và Kim Sí điểu vương chính là Ta.

§519. CHUYỆN HOÀNG HẬU SAMBULĀ (*Sambulajātaka*) (*J.* V. 88)

Run rẩy nép mình dáng hãi kinh...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc Ngài trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikā (Mạt-lợi).

Phần khởi đầu được kể đầy đủ trong *Chuyện phần cháo sữa chua.*[16] Lúc bấy giờ, nhờ công đức cúng dường ba phần cháo dâng đức Như Lai, ngay hôm ấy, bà được sắc phong địa vị chánh hậu, cai quản các cung tần trung tín. Bà có đầy đủ năm vẻ nữ sắc yêu kiều, tài trí tột bực, lại là đệ tử của đức Phật, là một người vợ hiền tận tụy. Lòng nhiệt tình của bà sáng chói tỏa khắp cả kinh thành.

Vì vậy, một ngày kia, các Tỳ-kheo bắt đầu bàn luận trong pháp đường việc Hoàng hậu Mallikā là một hiền phụ trung kiên, tận tụy như thế nào. Bậc Đạo sư lúc đó đến, liền hỏi các Tỳ-kheo đang bàn luận đề tài gì, và khi được biết, Ngài bảo:

---

[16] Xem *J.* III. 406, *Kummāsapiṇḍajātaka* (*Chuyện phần cháo sữa chua*), số §415.

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả ngày xưa nữa, bà ấy cũng là một người vợ hiền tận tụy.

Nói vậy xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, Vua Brahmadatta có một hoàng nam mệnh danh là Sotthisena, và lúc đến tuổi trưởng thành, chàng được phong làm phó vương. Chánh phi của chàng là Sambulā cực kỳ diễm lệ, dung sắc rực rỡ chói lọi như thể ánh đèn chiếu sáng trong chốn tối tăm.

Song dần dần, chứng bệnh phong cùi xuất hiện trên mình Phó vương Sotthisena và mọi lương y đành bó tay, không thể chữa trị. Khi các vết lở loét chảy mủ ra, hôi tanh khủng khiếp đến độ phó vương tuyệt vọng kêu lên:

– Ngai vàng có ích gì cho ta đâu? Thôi ta vào rừng sâu này chết một mình, không cần bạn bè cho xong.

Khi đã cho trình vua cha, chàng rời hậu cung ra đi. Mặc dù chàng cố sức ngăn cản, Sambulā vẫn không chịu trở về, mà bảo:

– Thiếp xin nguyện chăm sóc Chúa công trong rừng thẳm.

Rồi nàng cùng chàng từ bỏ kinh thành ra đi. Khi vào rừng, chàng dựng một lều cỏ để trú thân ở một nơi có bóng cây và nước suối, trái rừng đầy đủ. Còn vương phi săn sóc chàng ra sao? Nàng dậy thật sớm, quét dọn lều sân, mang nước đến cho chàng súc miệng. Khi chàng súc miệng xong, nàng nghiền nát nhiều loại cỏ thuốc thoa vào các vết lở loét của chàng rồi đưa trái cây ngon ngọt cho chàng ăn. Khi chàng đã súc miệng, rửa tay, nàng chào chàng và bảo:

– Xin Chúa công hãy chuyên tâm làm việc thiện!

Rồi nàng cầm cái thúng, cái xẻng và cái móc đi vào rừng hái trái cây cho chàng. Khi chàng ăn hết, nàng đem nước thơm cho chàng uống rồi mới ăn phần trái cây của mình.

Nàng lại sắp đặt một sàng tọa có khăn phủ lên và trong lúc chàng nằm trên đó, nàng rửa chân cho chàng, thay áo quần, tắm gội cho chàng xong nàng đến nằm xuống cạnh sàng tọa. Nàng chăm sóc chúa công của nàng như vậy đó.

Một ngày kia, trong lúc đem trái cây về nhà, nàng thấy một hang có con suối, nàng liền đặt thúng trên đầu xuống, đứng bên bờ hang rồi bước xuống tắm, nàng thoa khắp người với thuốc nhuộm vàng rồi tắm rửa. Xong xuôi, nàng bước lên mặc áo quần bằng vỏ cây và đứng trên bờ suối. Cả khu rừng sáng rực lên vì dung sắc rực rỡ tỏa ra từ thân thể nàng. Lúc ấy, có một con quỷ dạ-xoa đi tìm mồi, thoạt trông thấy nàng liền mê mẩn ngâm đôi vần kệ sau:

297. Run rẩy nép mình dáng hãi kinh,
Ai đây đang đứng cạnh hang ghềnh,

Nói đi, thục nữ thân bồ liễu,
Quyến thuộc là ai với quý danh?

298. Nương tử là ai, đẹp rỡ ràng,
Đâu là dòng giống của nhà nàng,
Khiến nàng chiếu rực khu rừng sáng,
Chốn lạc cư muôn loại thú hoang?
Yêu quỷ là ta đầy kính cẩn,
Nghiêng mình bái phục trước tôn nhan!

Nghe con quỷ nói thế, nàng đáp lời qua ba vần kệ:

299. Thái tử Sotthisena kế vị ngai,
Xứ Kāsi, hãy biết như vầy,
Ta là vương hậu hoàng nam ấy,
Thường gọi Sambulā chính hiệu này.

300. Vương tử Videhaputta,
Khổ thân bệnh hoạn ở rừng xa,
Mình ta chăm sóc chàng nằm đó,
Không thế, chắc chàng phải chết mau.

301. Đây miếng thịt nai thật ngọt ngon,
Ta vừa kiếm được chốn rừng hoang,
Đem về dâng chúa công ta đó,
Giờ bởi thiếu ăn đã mỏi mòn.

[Ác quỷ:]

302. Chúa công bệnh hoạn ích gì chăng?
Ngài chẳng cần vương hậu, hỡi nàng,
Mà chỉ cần người nuôi bảo hộ,
Ta mong chiếm địa vị chồng nàng.

[Vương phi:]

303. Lòng ta mòn mỏi với ưu sầu,
Khốn khổ bơ vơ, đẹp chẳng cầu,
Nếu quỷ vương tìm nương tử mới,
Hãy cầu nàng khác đẹp dường nào.

[Ác quỷ:]

304. Thê thiếp bốn trăm sẵn của ta,
Tôn vinh lầu các ở đồi xa,
Xin nàng chiếu cố, ngôi cao ngự,
Cho thỏa bao nguyền ước thiết tha.

305. Hỡi mỹ nhân tươi sáng ánh vàng,
Những gì nàng quý chuộng cho nàng,

Ta đều ban tặng, xin mời đến,
Cùng ta tận hưởng thú trần gian.

306. Nếu chối từ làm vợ quỷ vương,
Hiển nhiên nàng hóa miếng mồi ngon,
Cho ta thọ dụng hôm nay đấy,
Để lót lòng ta đã nhịn cơm.

[Bậc Đạo sư:]

307. Ác quỷ mày râu rậm bảy chòm,
Khiến cho người thất đảm kinh hoàng,
Thấy nàng lạc lỏng bơ vơ bước,
Liền nắm chặt tay ấy của nàng.

308. Bị cầm giam bởi quỷ hung tàn,
Cừu địch nàng kia, ác dục tràn,
Nàng chỉ khóc thương chàng vắng mặt,
Chẳng hề quên nỗi khổ riêng chàng.

[Vương phi:]

309. Ta chẳng buồn vì số phận ta,
Làm mồi cho quỷ ác căm thù,
Song vì tình trượng phu tôn quý,
Ly biệt ta, chàng sẽ khổ ưu.

310. Chư thần đi vắng cả rồi chăng?
Chẳng vị nào cai quản thế gian,
Để trấn áp hành vi sỉ nhục,
Cản ngăn điều phóng đãng dâm loàn.

Lúc ấy, cung đình của Thiên chủ Đế-thích rung động vì công năng đức hạnh của nàng, chiếc ngai bằng hoàng thạch của ngài trông có vẻ nóng lên. Ngài suy nghĩ tìm ra duyên cớ, liềm cầm kim cang chùy phi nhanh đến trước con quỷ và ngâm vần kệ:

311. Giữa phái quần thoa đệ nhất danh,
Chính nàng toàn hảo, trí thông minh,
Khác nào ngọn lửa đang bừng sáng,
Ví thử ngươi ăn thịt gái lành,
Ác quỷ, đầu ngươi liền vỡ nát,
Thành ra bảy mảnh phải tan tành.
Vậy đừng làm hại nàng nên thả,
Nàng, vợ hiền dâng hiến trọn mình.

Nghe vậy, con quỷ liền thả Sambulā. Thiên chủ nghĩ thầm: "Con quỷ này sẽ còn tái phạm một lần nữa." Vì thế, ngài lấy dây trói, giam lỏng nó trên ngọn núi thứ ba cách xa chỗ ấy, để nó không trở lại đấy được, rồi nồng nhiệt ngợi khen

vương phi xong, ngài trở về thiên đình của ngài. Còn vương phi, sau khi mặt trời lặn, phải nhờ ánh trăng trở về lều cỏ.

***

Bậc Đạo sư ngâm tám vần kệ giải thích sự việc:

312. Thoát quỷ kia, nàng vội lại nhà,
Như chim về thấy chết con thơ,
Hay bò bị cướp bê con dại,
Than khóc nhìn hang ổ trống trơ.

313. Kia Sambulā danh tốt vang,
Hoàng phi liền cất giọng kêu than,
Thất thần, đôi mắt mờ mỏi cả,
Không thấy chàng đâu giữa núi ngàn.

314. "Tiện thiếp xin quỳ lạy Sa-môn,
La-môn, Hiền thánh, Trí nhân từ,
Nay tìm hoàng tử mà không thấy,
Thiếp đến thần nhân để trú nhờ.

315-16. Cọp beo, sư tử, chúa sơn lâm,
Cùng các loài hoang thú giữa rừng,
Tiện thiếp xin chào kính tất cả,
Cỏ, dây leo, dược thảo um tùm,
Xin chào rừng rậm màu xanh ngắt,
Cùng núi cao dốc đứng chập chùng.
Hoàng tử thiếp tìm mà chẳng thấy,
Nơi này thiếp đến để nhờ nương.

317. Tiện thiếp xin thi lễ dạ thần,
Thiên môn chùm, sắc biếc xanh xinh,
Vòng hoa tinh tú lung linh đẹp,
Không thấy chàng đâu, thiếp đến nương.

318. Thiếp xin thi lễ cả sông Hằng,
Là mẹ hiền chung hợp suối sông,
Hoàng tử thiếp tìm mà chẳng thấy,
Nơi này thiếp đến để nhờ nương.

319. Tiện thiếp xin chào đỉnh Tuyết Sơn,
Là vua ngự trị mọi sơn lâm,
Nay tìm hoàng tử mà không thấy,
Thiếp đến nơi này để cậy nương.

Nhìn thấy nàng đang than khóc như thế, Sotthisena nghĩ thầm: "Nàng than khóc quá lời. Ta không biết có ý gì đây, nếu nàng làm thế vì yêu thương ta thì tim nàng sẽ tan nát. Thôi ta phải thử nàng xem sao."

Chàng liền đi đến ngồi ở cửa lều. Nàng đến cửa vẫn còn than khóc, đảnh lễ chàng xong, nàng hỏi:

– Nãy giờ Chúa công ở đâu?

Chàng đáp:

– Này Vương phi, ngày thường nàng chưa hề về nhà giờ này, hôm nay nàng về quá trễ.

Rồi chàng ngâm vần kệ hỏi nàng:

320. Này Quý phi danh tiếng vọng vang,
Sao nàng về muộn quá chiều tàn?
Tình lang yêu dấu nào đâu hẳn,
Đã giữ nàng lâu hóa trễ tràng?

Nàng đáp lại:

– Tâu Chúa công, thiếp đang mang trái cây về nhà thì gặp một con quỷ si tình thiếp, nắm tay thiếp và bảo: "Nếu nàng không nghe lời ta, ta sẽ ăn thịt nàng ngay."

Và nàng ngâm vần kệ:

321. Bị cừu địch bắt, nặng sầu tư,
Thiếp nói lời cùng quỷ dạ-xoa:
"Ta chẳng buồn đau vì số phận,
Làm mồi cho ác quỷ tinh ma,
Song vì tình trượng phu tôn quý,
Ly biệt ta, chàng sẽ khổ ưu."

Rồi nàng kể hết mọi chuyện cho chàng nghe và nói:

– Khi thiếp đang bị quỷ bắt giữ như vậy không thể nào thoát thân được, thiếp liền xin sự phò hộ của chư thần nên Thiên chủ Đế-thích hiện ra, cầm chùy kim cang trong tay, ở trên không hăm dọa ác quỷ thả thiếp ra. Rồi ngài lại lấy dây thần trói quỷ trên ngọn núi thứ ba xa chỗ ấy xong biến mất. Thế là thiếp đã được Thiên chủ Đế-thích cứu mạng.

Thái tử Sotthisena nghe xong liền bảo:

– Này Vương phi, chuyện có thể là như vậy. Với nữ nhân thật khó biết được sự thật. Trong vùng Tuyết Sơn có nhiều sơn nhân, ẩn sĩ và pháp sư. Ai sẽ tin nàng đây?

Nói vậy xong, chàng ngâm vần kệ:

322. Các nàng ngọc nữ quá tinh khôn,
Thật hiếm khi tìm được thật chơn,
Cung cách nữ nhân làm rối trí,
Như đường cá lội giữa trùng dương.

Nghe vậy, nàng đáp:

– Tâu Chúa công, dù chàng không tin thiếp, thiếp vẫn nói nhân danh chân lý và thiếp sẽ chữa bệnh cho chàng.

Thế là khi đã rót đầy một bình nước để thực hiện một lời ước nguyện chân lý, nàng đổ nước từ trên đầu chàng và ngâm vần kệ:

323. Ước mong chân lý, chốn nương thân,
Thiếp chẳng yêu ai khác Chúa công,
Thiếp nguyện cầu xin nhờ nói thật,
Bệnh chàng nay được chữa lành chăng?

Khi nàng thực hiện lời nguyện cầu chân lý ấy xong, nước vừa được rảy lên đầu Sotthisena thì bệnh hủi liền biến mất như thể rỉ đồng gặp cường toan vậy. Sau khi ở lại đó vài ngày, hai vị rời khu rừng đi đến Ba-la-nại và vào ngự viên.

Phụ vương biết chuyện hai con đã về liền vào ngự viên. Ngay tại đó, ngài bảo đem chiếc lọng hoàng gia đến che lên đầu Sotthisena làm lễ Quán đảnh, sắc phong Sambulā lên ngôi chánh hậu. Sau đó, ngài đưa hai con về thành, và chính ngài xuất gia tu hành, lập am trong ngự viên nhưng vẫn thường dùng ngự thiện trong cung.

Còn Vua Sotthisena chỉ phong Sambulā lên ngôi chánh hậu, song chẳng ban ân huệ gì cho nàng, chàng chẳng quan tâm ngay cả đến đời sống của nàng mà chỉ ham hưởng lạc thú với những nữ nhân khác. Sambulā hờn ghen với đám tình địch kia nên gầy mòn bạc nhược, cả thân hình nổi gân xanh xao ra dáng bệnh hoạn.

Một ngày kia, phụ hoàng của vua, vị ẩn sĩ đã xuất gia ấy đến dùng ngự thiện, nàng liền yết kiến ngài cho khuây khỏa nỗi buồn. Sau khi ngài dùng bữa xong, nàng đảnh lễ ngài và ngồi xuống một bên. Trông thấy tình trạng suy nhược của nàng, ngài ngâm vần kệ hỏi:

324. Bảy trăm vương tượng trực bên mình,
Phòng hộ sẵn sàng khởi chiến binh,
Thiện xạ hàng trăm ngừa hiểm họa,
Đâu cừu nhân đến khiến hồn kinh?

Nghe vậy, nàng đáp lại:

– Tâu Phụ vương, chúa thượng không còn như xưa đối với thần thiếp nữa.

Rồi nàng ngâm năm vần kệ:

325. Chàng yêu mỹ nữ tựa liên hoa,
Giọng điệu thiên nga cất tiếng thưa,
Rung động lòng chàng say đắm đuối,
Khi chàng nghe chúng nhịp nhàng ca,
Thiếp không còn ngự trong tâm tưởng,
Tình cảm chàng như một thuở xưa.

326. Nữ nhân dáng đẹp tựa thiên nga,
Trang điểm toàn châu báu sáng lòa,
Tuyệt sắc cung tần nằm yểu điệu,
Mê hồn quyến rũ mắt vương gia.

327. Mong lần nữa lạc bước rừng hoang,
Kiếm mỗi bữa ăn đỡ dạ chàng,
Thiếp sẽ được chàng yêu quý lại,
Rừng xanh ngự trị, bỏ ngai vàng.

328. Gấm vóc lụa là khoác nữ nhi,
Cao lương mỹ vị đủ tràn trề,
Diễm kiều, song nếu chàng không chuộng,
Thà kết lụa đào để chết đi.

329. Gái nghèo khốn khổ ngủ nệm rơm,
Nếu được yêu thương dưới mắt chồng,
Cũng hưởng một đôi niềm hạnh phúc,
Mà người chỉ thiếu tấm tình nồng,
Không hề biết đến, dù đầy đủ,
Tất cả mọi điều, tấu Phụ vương!

Khi nàng giải thích cho vị vua ẩn sĩ hiểu nguyên nhân vì đâu nàng héo mòn như vậy, ngài liền triệu vua tới và bảo:

– Này Vương nhi Sotthisena, khi Vương nhi bị bệnh hủi giày vò khốn khổ phải trốn vào rừng sâu, nàng đã cùng Vương nhi vào rừng, săn sóc hầu hạ đủ mọi nhu cầu cho Vương nhi, lại nhờ thần lực chân lý chữa bệnh cho Vương nhi nữa. Bây giờ, sau khi nàng đã làm phương tiện cho Vương nhi ngự trên chiếc ngai vàng, Vương nhi không biết đến địa vị của nàng, thật là lỗi đạo lắm! Một hành động phản bội bạn hiền như vậy là một tội lớn.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

330. Khó tìm được vợ chung tình,
Nam nhi tốt với vợ mình, khó sao,
Vương phi đức hạnh dường nào,
Với chồng, nàng lại dạt dào tình thương.
Vậy giờ đây, hỡi Quân vương,
Với Sambu, phải trọn đường thủy chung.

Sau khi khiển trách vương nhi xong, ngài đứng dậy bỏ ra về ngay. Khi vương phụ đi rồi, vua triệu Sambulā đến và bảo:

– Này Ái hậu, xin hãy tha thứ lỗi lầm của trẫm bấy lâu nay! Từ nay về sau, trẫm giao hết quyền hành cho Ái hậu.

Và nhà vua ngâm vần kệ cuối cùng:

331. Hưởng đầy phúc lộc dồi dào,
Ái khanh vẫn cứ xanh xao héo mòn,
Vì lòng nặng trĩu ghen hờn,
Từ nay trẫm với phi tần cung nga,
Là người dưới trướng Sambulā,
Sẵn sàng tuân phục Lệnh bà phán sai.

Từ đó, nhà vua cùng hoàng hậu sống hạnh phúc bên nhau, thực hành bố thí và các thiện pháp. Đến khi từ trần, hai vị đi theo đúng hạnh nghiệp của mình. Còn vị ẩn sĩ khổ hạnh tu tập phát khởi thiền định, về sau tái sanh vào Phạm thiên giới.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại xong, lại bảo:

– Không chỉ bây giờ mà ngay cả ngày xưa nữa, Mallikā đã là người vợ thủy chung.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Sambulā là Mallikā, Sotthisena là vua xứ Kosala, vị ẩn sĩ kia chính là Ta.

§520. CHUYỆN VỊ THẦN CÂY TINDU (*Gaṇḍhatindujātaka*)[17] (*J.* V. 98)

Sự tỉnh giác là hướng Niết-bàn...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo hóa một ông vua. [Việc giáo hóa này được kể đầy đủ trong *Chuyện khuyến dụ Quốc vương,*[18] *Chuyện ba con chim.*[19]]

***

Ngày xưa tại quốc độ Kampilla, trong kinh thành Uttarapañcāla có vị vua danh hiệu Pañcāla, cai trị bất công vì theo ác đạo và phóng dật buông lung, bởi thế quần thần cũng trở nên bất công như nhà vua. Dân chúng bị thuế má nặng nề áp bức liền đem vợ con đi lang thang vào rừng như bầy dã thú.

Những vùng trước kia là làng mạc nay hoang vắng cả, dân chúng ban ngày thì sợ quân sĩ của nhà vua nên không dám ở trong nhà và lấy hàng rào gai bao bọc lại; khi trời mới tảng sáng, họ đã vào rừng. Ban ngày họ bị quân lính của vua tước đoạt của cải, còn ban đêm lại bị bọn cướp hoành hành.

Vào thời ấy, Bồ-tát xuất hiện trong thân hình một vị thần cây tindu ở ngoại

[17] Tham chiếu: *Dh.* v. 21; *Pháp cú kinh* "Phóng dật phẩm" 法句經放逸品 (*T.*04. 0210.10. 0562b19); *Xuất diệu kinh* "Phóng dật phẩm" 出曜經放逸品 (*T.*04. 0212.5. 0641c17); *Pháp tập yếu tụng kinh,* "Phóng dật phẩm" 法集要頌放逸品 (*T.*04. 0213.4. 0779a01).

[18] Xem *J.* III. 110, *Rājovādajātaka* (*Chuyện khuyến dụ Quốc vương*), số §334.

[19] Xem *J.* V. 100, *Tesakuṇajātaka* (*Chuyện ba con chim*) số §521.

thành, hằng năm nhận được phẩm vật cúng dường của nhà vua trị giá một ngàn đồng tiền, ngài nghĩ thầm: "Nhà vua thật buông lung phóng dật, quốc độ đang suy tàn, ngoài ta ra không ai có thể đưa vua trở về chánh đạo. Vua này là kẻ ban ơn cho ta, hằng năm lại dâng tặng ta phẩm vật một ngàn đồng tiền. Vậy ta sẽ giáo hóa cho vị vua này." Thế là đang đêm tối, ngài vào hậu cung, đứng trên không ngay phía đầu vương sàng, phóng ra một luồng hào quang. Vua thấy ngài sáng chói như mặt trời mọc liền hỏi ngài là ai và từ đâu đến. Nghe vua hỏi, ngài đáp:

– Này Đại vương, ta là thần cây cườm thị thơm (gandhatindu) đến đây khuyên nhủ ngài.

Vua hỏi:

– Ngài muốn khuyên trẫm điều gì?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Đại vương buông lung việc trị nước, cả quốc độ đang điêu tàn như thể làm mồi cho bọn quần thần tay sai. Vua chúa buông lơi việc trị nước không thể nào làm chủ vận mệnh quốc gia được. Ngay trong đời này, chính họ sẽ bị suy tàn và đời sau phải tái sanh vào địa ngục. Một khi vua chúa buông lơi việc cai trị, quần thần bên ngoài lẫn bên trong quốc độ buông lơi theo cả, vì thế nhà vua phải hết sức lo trị nước.

Nói xong, ngài ngâm các vần kệ ghi lại một bài học đạo đức:

332. Sự tỉnh giác là hướng Niết-bàn,
Buông lung thường dẫn đến vong thân,
Những người tỉnh giác không hề chết,
Phóng dật khác nào đã mạng vong.

333. Sự mê đắm tạo ra buông lung,
Phóng dật sinh hư hỏng, mạng vong,
Hư hỏng tác thành ra ác nghiệp,
Đoạn trừ mê đắm, hỡi Anh quân!

334. Người hùng phóng dật biết bao phen,
Bị tước giang sơn lẫn bạc tiền,
Điền chủ trở thành người thất lạc,
Chủ nhà, nhà mất khổ triền miên.

335. Khi vua buông lỏng việc kinh bang,
Không đúng theo danh nghĩa, tiếng vang,
Ví thử bạc vàng đều biến mất,
Chỉ còn ô nhục với ông hoàng.

336. Buông lung lâu quá, hỡi Quân vương!
Từ chánh, ngài đi lạc bước đường,

Quốc độ phồn vinh ngày trước ấy,
Nay làm mồi bọn cướp tan hoang.

337. Hoàng nam chẳng hưởng được giang san,
Vàng bạc, lúa ngô, viện bảo tàng,
Quốc độ làm mồi cho kẻ ác,
Ngài còn bị tước cảnh vinh quang.

338. Ông hoàng bị tước đoạt giang san,
Với các kho châu báu, bạc vàng,
Chẳng được niềm tin yêu thuở trước,
Của thân bằng quyến thuộc, lân bang.

339. Quản tượng, mã, xa, với bộ binh,
Bốn quân lúc trước thật hùng anh,
Khi nhìn vua phải tiêu cơ nghiệp,
Cũng chẳng còn vị nể, kính danh.

340. Ngu xuẩn sống đời chẳng kỷ cương,
Bị lời tà dụ dỗ sai đường,
Người ngu chóng mất vinh quang cũ,
Như rắn phải quăng lớp vỏ tàn.

341. Song kẻ nào thức dậy đúng thời,
Không hề mỏi mệt, kỷ cương noi,
Cả đàn gia súc đều tăng trưởng,
Tài sản người kia lớn mãi hoài.

342. Đại đế, xin ngài mở rộng tai,
Lắng nghe dân chúng nói bao lời,
Nhờ nghe nhìn được điều chân lý,
Thành đạt đường theo phước nghiệp ngài.

Như vậy, bậc Đại sĩ đã giáo hóa vua qua mười một vần kệ rồi bảo:

– Đại vương hãy đi nuôi dưỡng quốc độ, đừng chậm trễ, chớ để đất nước suy tàn!

Nói xong, ngài trở lại cõi của ngài. Vua nghe các lời khuyên ấy vô cùng cảm kích, ngay hôm sau, ngài liền giao việc nước cho các vị đại thần và cùng với vị tế sư của hoàng gia rời kinh thành bằng Đông môn và đi được một khoảng chừng vài trăm mét. Nhằm lúc ấy có một ông lão vốn là dân làng, lấy những cành cây gai trong rừng về đặt quanh nhà, sát cửa lớn rồi cùng vợ con vào rừng. Buổi chiều, khi quân lính của vua đã bỏ đi, người ấy trở về nhà đến gần cửa, bị đầu gai nhọn đâm vào chân, lão ngồi vắt chân lên, vừa rút gai ra vừa nguyền rủa vua qua vần kệ:

343. Mong tên trúng ở chiến trường,
Cho Pañcāla thọ thương khóc thầm,

Như ta nay bị gai đâm,
Đớn đau phải chịu nơi thân của mình.

Lời nguyền rủa vua này phát ra nhờ thần lực của Bồ-tát, lão già nguyền rủa vua như thể một người được Bồ-tát nhập vào, hành động này của lão phải được hiểu như vậy. Vào lúc đó, vua cùng vị tế sư của ngài đang cải trang đứng trước mặt lão. Vị tế sư nghe như vậy liền đáp kệ:

344. Tôn ông nay tuổi đã già,
Và đôi mắt đã yếu nhòa, cho nên,
Chẳng công bằng để xét xem,
Chính ta đáng bị rủa nguyền đó sao?
Chúa Brahmadatta biết thế nào,
Khi chân ông bị gai cào đâm da?

Nghe lời này, ông lão ngâm ba vần kệ:

345. Hiển nhiên vì Chúa Brahmadatta,
Cho nên mới khổ thân ta thế này,
Như dân cô thế thường hay,
Chịu phần thuế nặng đọa đày tấm thân.

346. Ban đêm bị trộm ăn phần,
Ban ngày gặp lũ thuế nhân thu tiền,
Ác nhân đầy rẫy toàn miền,
Khi tên bạo chúa nắm quyền trong tay.

347. Khổ đau vì sợ nỗi này,
Dân lành đành phải chạy bay vào rừng,
Chung quanh nhà, rải lung tung
Đám gai để được yên thân phận mình.

Nghe nói vậy, vua bảo vị tế sư:

– Này Sư trưởng, lão già này nói đúng lắm, đó là lỗi của ta. Vậy ta hãy trở về cai trị nước cho đúng pháp!

Lúc ấy, Bồ-tát nhập vào thân của vị tế sư, đứng trước mặt vua bảo:

– Tâu Đại vương, ta hãy xem xét vấn đề này cho kỹ!

Rồi từ làng ấy qua một làng khác, hai vị lại nghe lời của một bà già. Nghe nói bà này nghèo khổ, có hai con gái đã lớn mà bà không muốn cho hai con vào rừng. Nhưng chính bà phải tìm củi, lá khô về cung cấp cho hai con. Một ngày kia, bà lão trèo lên cây lượm lá, bị té lăn tròn xuống đất liền nguyền rủa vua phải chết đi và ngâm vần kệ này:

348. Khi nào vua ấy chết đi,
Chao ôi, còn chúa trị vì non sông?
Các con lẻ bóng phòng không,
Thở than mong kiếm tấm chồng hoài hơi.

Vị tế sư ngâm vần kệ ngăn lời bà lão:

349. Nói lời xấu bậy, bà ơi!
Không thông chữ nghĩa, kêu trời gào la,
Làm sao vua kiếm đâu ra,
Mỗi chồng cho mỗi gái tơ hỡi bà?

Bà già nghe nói, đáp lại hai vần kệ:

350. Lời ta chẳng phải ác ngôn,
Ta đây chữ nghĩa cũng thông, thưa ngài,
Khi còn thất thế dân đen,
Chịu phần thuế nặng bao phen chết người.

351. Đêm nằm cho trộm làm mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần,
Ác nhân đầy rẫy non sông,
Khi quyền cai trị hôn quân nắm hoài,
Thời suy, khó dưỡng vợ thay,
Nên con gái lớn tìm ai làm chồng?

Nghe bà lão nói, cả hai vị đều nghĩ: "Bà lão này nói đúng vấn đề đây!"

Rồi hai vị đi xa hơn một quãng đường, lại nghe một gã nông dân nói chuyện. Trong lúc gã cày ruộng, con bò của gã tên gọi Sāliya ngã lăn ra vì bị lưỡi cày đụng phải, gã chủ bò liền nguyền rủa vua qua vần kệ:

352. Cầu Pañcāla ngã lăn,
Trúng nhằm mũi giáo của quân thù hằn,
Như Sāliya ngã xuống đường,
Thương thay, cày đụng bị thương nằm đờ!

Vị tế sư liền ngâm vần kệ chặn gã lại:

353. Ngươi hờn Brahmadatta,
Song ai có thấy đâu là nguyên do?
Chính ngươi phỉ báng đức vua,
Trong khi tội ấy đều là của ngươi.

Nghe thế, gã nông phu đáp ba vần kệ:

354. Vì vua, ta cứ giận sôi,
Nên ta cương quyết giữ lời thẳng ngay,
Dân đen thất thế như vầy,
Bị tàn hại bởi thuế dày khắp nơi.

355. Đêm nằm cho trộm làm mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần.
Toàn miền đầy rẫy ác nhân,
Khi tên bạo chúa trị dân ngang tàng.

356. Gia nô phải nấu hai lần,
Rồi mang cơm nước muộn màng cho ta,
Lúc ta nôn nóng chờ nhà,
Bò ta bị đụng ắt là mạng toi.

Đi xa hơn một đoạn nữa, hai vị vào một làng kia. Sáng sớm hôm sau, một con bò trở chứng đá người vắt sữa ngã nhào, sữa đổ tung tóe. Người này liền ngâm vần kệ nguyền rủa Vua Brahmadatta:

357. Cầu Pañcāla ngã lăn,
Vì do một mũi kiếm đâm trận tiền,
Như ta, bò đá lăn chiêng,
Đá luôn thùng sữa đổ liền hôm nay.

Vị tế sư ngâm vần kệ đáp:

358. Này, bò đá gậy thúc dai,
Hay là thùng sữa của ngài đổ ra,
Việc gì đến Chúa Brahmadatta,
Khiến ngài chịu mọi gièm pha thế này?

Nghe vậy, người vắt sữa bò ngâm ba vần kệ đáp:

359. Pañcāla đáng trách thay,
Vì nền cai trị, thưa ngài La-môn,
Dân lành cô thế thấy luôn,
Bị tàn bởi thuế nặng thân rã rời.

360. Ban đêm bị trộm rình mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần.
Toàn miền đầy rẫy ác nhân,
Khi tên bạo chúa trị dân ngang tàng.

361. Hung hăng là thứ bò rừng,
Việc đem vắt sữa, chưa từng trước đây,
Ta đành vắt sữa hôm nay,
Vì nhu cầu sữa mỗi ngày một tăng.

Hai vị bảo nhau:

– Gã này nói đúng đấy.

Rồi từ làng ấy, hai vị đi ra đường cái tiến về kinh thành. Trong một làng nọ, có gã thu thuế giết một con bê con có đốm rồi lột da để làm bao da bọc kiếm, khiến bò mẹ quá buồn khổ vì mất con thơ, bỏ cả ăn cỏ uống nước, chỉ lang thang kêu khóc. Thấy vậy, trẻ con trong làng nguyền rủa vua:

362. Cầu Pañcāla héo mòn,
Hoài công than khóc mất con như vầy,
Bò kia quẫn trí thương thay,
Đi tìm bê nhỏ, chạy hoài loanh quanh.

Vị tế sư liền ngâm vần kệ khác:

363. Khi bò trâu phải lạc đàn,
Trước người chăn giữ, lang thang kêu gào,
Vậy thì duyên cớ làm sao,
Khiến ngươi chê trách nhắm vào vua ta?

Lũ trẻ đáp lại hai vần kệ sau:

364. Tội tình Brahmadatta,
Việc này con thấy rõ ra rành rành,
Bơ vơ khốn đốn dân lành,
Vẫn thường bị thuế nặng hành khổ thôi.

365. Ban đêm bị trộm rình mồi,
Ban ngày lũ thuế nhân xơi mất phần,
Ác nhân đầy rẫy non sông,
Khi quyền cai trị hôn quân nắm tròn,
Cớ sao bê hãy còn non,
Phải đem giết bỏ, chỉ cần bao da?

– Các ngươi nói đúng đấy.

Hai vị nói xong liền ra đi. Trên đường, họ thấy trong một hồ nước khô cạn, bầy quạ đang lấy mỏ bắt ếch nhái ăn thịt. Khi hai vị đến nơi, Bồ-tát vận dụng thần lực [nguyền rủa vua] qua miệng con nhái:

366. Cầu Brahmadatta chết chùm,
Cùng các con cháu ở trong chiến trường,
Như ta nhái bén rừng hoang,
Làm mồi cho lũ quạ làng hôm nay.

Nghe vậy, vị tế sư ngâm vần kệ nói chuyện với con nhái:

367. Nhái này, cần biết rõ ràng,
Đại vương không thể bảo toàn chúng sanh,
Việc này vua chẳng tội tình,
Khi bầy quạ đớp em anh nhà mày.

Nghe vậy, nhái đáp lại hai vần kệ:

368. Tế sư lời nịnh khéo thay,
Phỉnh lừa vua chúa như vầy ác gian,
Mặc cho dân bị sát tàn,
Nhà vua cứ tưởng lối đàng quốc sư,
Quả là đệ nhất tài ba,
Giá như có phúc mọi nhà phồn vinh.

369. Nước này an lạc, thái bình,
Quạ kia được hưởng phần mình cực sang,

Có đâu cần phải giết càn,
Các loài nhỏ mọn như đàn ễnh ương?

Nghe vậy, vua và vị tế sư đều nghĩ thầm: "Tất cả mọi loài, ngay cả nhái rừng đều nguyền rủa ta." Vì thế, khi về thành, hai vị lo cai trị nước thật đúng pháp và hành trì theo lời thuyết giảng của bậc Đại sĩ. Hai vị chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự khác.

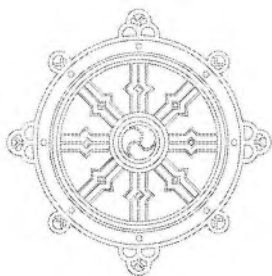
***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại với vua xứ Kosala bằng các lời này:

– Này Đại vương, một vị vua phải dứt bỏ các ác đạo và cai trị đúng pháp.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vị thần cây tindu chính là Ta.



CHƯƠNG XVII
BỐN MƯƠI KỆ
(*CATTĀLĪSANIPĀTA*)

§521. CHUYỆN BA CON CHIM (*Tesakuṇajātaka*)[1] (*J.* V. 109)

Điều này cha muốn hỏi Vessan...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo giới vua xứ Kosala. Bấy giờ, vị vua này đến nghe thuyết pháp và bậc Đạo sư bảo vua như sau:

– Thưa Đại vương, một vị vua phải cai trị vương quốc chân chánh vì bất cứ khi nào các quân vương bất chánh thì quần thần cũng bất chánh theo.

Và khi giáo giới vua theo chánh đạo như đã kể trong chương IV, Ngài nêu ra những khổ đau liên hệ đến việc hành ác đạo, những hạnh phúc liên hệ đến việc từ bỏ ác đạo và trình bày đầy đủ chi tiết nỗi bất hạnh phát sinh từ dục lạc, vừa so sánh dục lạc với cơn mộng hoặc tương tự như thế, Ngài vừa bảo:

> Trong trường hợp những người ở đời này,
> Không bạc tiền mua chuộc được tử thần,
> Không từ tâm làm lắng dịu ma quân,
> Không ai thắng trong chiến trường thần chết,
> Vì tất cả đều có ngày tiêu diệt.

Và khi bước sang thế giới bên kia, trừ các thiện nghiệp công đức của riêng mình, con người không có một nương tựa vững chắc nào khác. Vì vậy, con người cần phải từ bỏ các mối quan hệ hạ liệt và vì thanh danh của mình, con người không được buông lung, phóng dật mà phải tinh cần thực hành giới luật chân chánh, giống như các vị vua ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời đã an trú vào lời dạy của các bậc Trí, cai trị đúng pháp và lúc từ trần đạt đến cõi trời.

Và theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại không có con kế vị và lời vua cầu xin vương tử hoặc công chúa đều không được đáp ứng. Bấy giờ, một hôm, vua cùng đông đảo quần thần hộ tống đến ngự viên, và sau khi vui chơi

[1] Xem *Miln.* 185, *Ahiṃsāniggahapañha* (*Câu hỏi về sự không hãm hại và sự trấn áp*).

nửa ngày trong vùng ấy, ngài bảo trải sàng tọa cho ngài nằm dưới gốc cây sāla vương giả. Sau một giấc ngủ trưa ngắn, ngài thức dậy và nhìn lên cây sāla, ngài thấy một tổ chim trên đó. Vừa chợt thấy nó, một ước muốn chiếm lấy tổ chim kia nảy sinh trong lòng, ngài truyền gọi một vị hầu cận đến bảo:

– Hãy trèo lên cây xem thử có gì trong tổ không?

Người ấy trèo lên, thấy có ba quả trứng trong đó liền trình vua. Ngài phán:

– Vậy khanh hãy cẩn thận đừng thổi hơi vào chúng!

Rồi trải một ít vải trong một cái hộp, ngài dặn người ấy đi xuống nhẹ nhàng và đặt trứng vào trong đó. Khi trứng đã được đưa xuống xong, ngài cầm cái hộp đến hỏi các cận thần xem các trứng này thuộc giống chim gì. Họ đáp:

– Chúng thần không biết, song toán thợ săn sẽ biết.

Vua truyền gọi các thợ săn đến hỏi. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, một trứng chim cú, một trứng khác là chim nhồng và trứng thứ ba là chim anh vũ.

– Có ba loại trứng khác nhau trong cùng một tổ chim ư?

– Tâu Đại vương, phải, khi không có gì đáng lo ngại thì vật gì được khéo sắp đặt sẽ không hư hoại được.[2]

Vua đẹp ý bảo:

– Chúng nhất định sẽ là các con trẫm!

Rồi vua giao ba quả trứng chim cho ba vị quan trong triều chăm sóc. Ngài bảo:

– Đây sẽ là các con trẫm. Các khanh hãy cẩn thận chăm nom chúng và khi nào chim non nở ra khỏi vỏ, hãy báo tin cho trẫm!

Ba vị chăm sóc trứng chim rất chu đáo. Trước tiên, trứng chim cú được ấp nở, vị quan đầu tiên đi tìm một người thợ săn và bảo:

– Hãy xem chim non này thuộc giống gì, nó là chim trống hay mái?

Khi người ấy xem xong, nói đó là chim trống, vị quan đến trình vua:

– Tâu Đại vương, một vương nhi đã ra đời.

Vua hài lòng, ban thưởng cho ông nhiều vàng bạc và bảo:

– Hãy chăm sóc con trẫm cẩn thận và đặt tên nó là Vessantara!

Rồi ngài bảo ông ra về. Ông làm những việc được giao.

Sau đó vài hôm, trứng chim nhồng được ấp nở; vị quan thứ hai cũng vậy, sau khi bảo một thợ săn xem xét và nghe nói đó là chim mái liền đi tâu trình với vua một công chúa ra đời. Vua đẹp ý ban thưởng nhiều vàng bạc và bảo:

– Hãy chăm nom con gái trẫm thật cẩn thận và đặt tên nó là Kuṇḍalinī!

---

[2] Ở đây, "khéo đặt xuống" nghĩa là mỗi một chim cứ đến khéo đẻ trứng; "không có trở ngại" nghĩa là không con nào giành tổ, không bị mổ hư trứng của con khác.

Ngài lại bảo ông ra về. Ông cũng làm những việc được giao.

Sau đó vài hôm nữa, trứng chim anh vũ được ấp nở và vị quan thứ ba, sau khi được người thợ săn xem xét kỹ, nói đó là chim trống liền đi tâu vua một vương tử mới ra đời. Vua hoan hỷ ban thưởng rộng rãi và bảo:

– Hãy làm lễ tôn vinh vương tử của trẫm thật long trọng và đặt tên nó là Jambuka!

Rồi ngài bảo ông ra về. Ông cũng làm những việc được giao.

Ba con chim lớn lên trong nhà ba vị quan ấy với mọi lễ nghi thích hợp với hoàng gia. Vua thường gọi chúng là "con trai trẫm, con gái trẫm."

Các triều thần thường nói đùa với nhau:

– Hãy xem Chúa thượng làm kia, ngài cứ đi quanh nói chuyện về bầy chim như các con của ngài vậy!

Vua suy nghĩ: "Quần thần này không biết mức độ trí tuệ của các con ta. Ta muốn chứng tỏ việc này cho họ thấy." Vì thế, ngài truyền một vị cận thần đến bảo Vessantara: "Phụ vương muốn hỏi vương tử một câu. Vậy khi nào ngài có thể đến hỏi được?"

Vị ấy đến chào Vessantara và truyền lại lời của vua. Vessantara mời vị quan chăm sóc mình đến và nói:

– Họ bảo Phụ vương ta muốn hỏi ta một câu. Khi ngài đến, chúng ta phải bày tỏ tất cả lòng tôn kính đối với ngài.

Và chim hỏi thêm:

– Vậy khi nào Phụ vương có thể đến?

Vị này đáp:

– Xin mời Đại vương đến vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay.

Vessantara nghe vậy liền bảo:

– Xin mời Phụ vương đến vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay.

Cùng với những lời này, chim bảo vị cận thần ra về. Ông đi đến trình vua. Vào ngày thứ bảy, vua truyền đánh trống khắp kinh thành và đi đến nhà vương nhi của ngài đang ở. Vessantara tiếp đãi phụ vương vô cùng cung kính và tỏ ra hết lòng quý trọng ngay cả với các nô tỳ và gia nhân. Sau khi vua ngự yến tiệc tại nhà Vessantara và thọ hưởng mọi sự chiêu đãi trọng thể, ngài ra về cung thất của ngài. Sau đó, ngài truyền dựng một cái đình lớn trong sân chầu và truyền đánh trống khắp kinh thành báo tin. Ngài ngự vào ngôi đình nguy nga lộng lẫy được đông đảo quần thần vây quanh, rồi bảo một vị quan đưa Vessantara đến yết kiến ngài. Vị ấy đặt Vessantara lên một kim đôn, con chim đậu vào lòng phụ vương và chơi với ngài, sau đó bay qua đậu lên kim đôn ấy.

Rồi giữa quần thần, vua ngâm vần kệ đầu hỏi chim về phận sự của quân vương:

1. Điều này cha muốn hỏi Vessan,
Cầu chúc con yêu được lạc an,
Với một vị vua mong trị nước,
Sống sao tốt đẹp nhất trần gian?

Vessantara không trả lời trực tiếp câu hỏi trên mà khiển trách vua cha về tính buông lung phóng dật và ngâm vần kệ thứ hai:

2. Kaṃsa, chúa tể xứ Kāsi,
Phóng dật buông lung đã lắm khi,
Thúc giục con, dù đầy nhiệt huyết,
Phải luôn tỏ nhiệt huyết tràn trề.

Chim khiển trách vua qua vần kệ này và bảo:

– Tâu Đại vương, một vị vua phải cai trị đất nước đúng pháp và tuân thủ ba chân lý.

Rồi chim ngâm các vần kệ nói về phận sự của quân vương:

3. Trước hết vị vua phải vứt đi,
Mọi điều giả dối, giận, khinh khi,
Phải làm những việc cần hành động,
Nếu chẳng làm xong sẽ lỗi thề.

4. Nếu trước kia đi lạc hướng tà,
Vì tham sân hướng dẫn đường vua,
Rõ ràng phải sống ăn năn tội,
Luyện tập để đừng phạm lỗi xưa.

5. Khi vua trị nước quá buông lung,
Đối với thanh danh, chẳng thật chân,
Mọi sự phồn vinh đều biến mất,
Chỉ còn ô nhục với hôn quân.

6. Thần nữ Cát Tường với Vận May,
Khi con hỏi, đã đáp như vầy:
"Chúng ta thích hạng người can đảm,
Nghị lực, thoát ly tật đố này."

7. Rủi ro luôn phá hoại phồn vinh,
Thích những người làm các ác hành,
Những kẻ nhẫn tâm đầy độc ác,
Trong tâm ganh tị cứ dần sinh.

8. Thân thiết mọi người, tấu Đại vương,
Để cho mọi sự được an toàn,
Tránh xa vận rủi, song làm chỗ,
An trú vận may thật vững vàng.

9. Con người tốt số lại can trường,
Ngự trị Kāsi, chính phụ vương,
Tiêu diệt địch quân từ gốc ngọn,
Hiển nhiên sẽ đạt đại vinh quang.

10. Thiên chủ Sakka mãi ngắm trông,
Tấm lòng can đảm ở phàm nhân,
Vì ngài giữ vững lòng can đảm,
Nhận thức đó là chánh thiện lương.

11. Thát-bà, thiên chúng lẫn loài người,
Ca ngợi minh quân ấy hết lời,
Các bậc thần linh đều ủng hộ,
Tán dương nhiệt huyết lẫn anh tài.

12. Nỗ lực làm bao việc chánh chân,
Dù ai phỉ báng, chẳng buông lung,
Chuyên tâm tinh tấn làm điều thiện,
Phóng dật chẳng mong đạt phước phần.

13. Đây là phận sự của quân vương,
Dạy bảo phụ vương bước đúng đường,
Đủ đạt phước phần cho thiện hữu,
Hoặc mang sầu não đến cừu nhân.

Như thế, chim Vessantara đã khiển trách vua phóng dật trong mười một vần kệ, rồi ngâm mười một vần kệ nữa để giảng đạo lý, trả lời câu hỏi của vua với trí tuệ của một bậc Giác ngộ. Tâm quần chúng tràn đầy thích thú lẫn kinh ngạc chưa từng có và vô số tiếng reo tán thán vang dậy. Vua xúc động với niềm hân hoan liền hỏi quần thần phải làm gì cho vương tử vì đã nói như vậy. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, vương tử phải được phong chức Đại tướng quân.

Ngài phán:

– Tốt lắm, trẫm ban cho vương tử chức Đại tướng.

Và ngài bổ nhiệm Vessantara vào chức vụ còn trống ấy. Từ đó về sau, ở địa vị này, vương tử thực hành mọi ước nguyện của phụ vương.

Đến đây chấm dứt chuyện về câu hỏi chim Vessantara.

***

Lại nữa, sau vài ngày, cũng như trước kia, vua gởi thông điệp đến Kuṇḍalinī và vào ngày thứ bảy, ngài ngự đến thăm chim con rồi trở về cung, ngự giữa ngôi đình và truyền đưa Kuṇḍalinī đến yết kiến ngài. Khi chim này đã đậu trên kim đôn, ngài ngâm vần kệ hỏi chim về phận sự của quân vương:

14. Kuṇḍalinī, ái điểu hoàng gia,
Con hãy đáp câu hỏi của cha,

Kẻ muốn lên ngôi vua trị nước,
Sống sao tốt nhất cõi người ta?

Khi vua cha hỏi chim về phận sự của quân vương như thế, chim con đáp:

– Tâu Phụ vương, con chắc Phụ vương muốn thử con vì nghĩ rằng: "Nữ nhi có thể bảo ta việc gì nào?" Vậy con xin đáp lời Phụ vương bằng cách đặt mọi phận sự của quân vương vào đúng hai phương châm.

Và chim ngâm các vần kệ sau:

15. Vấn đề được đặt, hỡi cha thân,
Trong cặp phương châm thật rõ ràng:
Gìn giữ những gì ta đã đạt,
Và thành đạt những gì chưa thành.

16. Quốc sư hãy chọn các Hiền nhân,
Thấy lợi ích vua thật rõ ràng,
Không gian dối và không phí phạm,
Thoát ly cờ bạc, rượu say nồng.

17. Người vậy hộ phòng vua chánh chân,
Nhiệt tình bảo vệ các kho tàng,
Như người điều ngự vương xa ấy,
Lèo lái giang sơn đến phú cường.

18. Luôn trị thần dân thật khéo khôn,
Giữ gìn đúng đắn các kho lương,
Đừng giao kẻ khác cho vay mượn,
Phải tự mình làm đúng kỷ cương.

19. Những ích lợi hay việc hại mình,
Đại vương phải biết thật phân minh,
Phải chê trách kẻ mang lầm lỗi,
Khen thưởng những người thật xứng danh.

20. Và chính bản thân, tấu Đại vương,
Dạy thần dân mọi nẻo hiền lương,
Kẻo e quốc độ cùng tài sản,
Phải hóa mồi quan lại ác gian.

21. Canh phòng hành động của vua quan,
Cẩn thận, đừng nên quá vội vàng,
Vì kẻ ngu làm không nghĩ ngợi,
Về sau chắc chắn sống ăn năn.

22. Ta chẳng bao giờ được hận sân,
Vì chứng sân hận vỡ tràn lan,
Liền đem nguy hại cho vua chúa,
Đánh bại bao người, gia tộc tan.

23. Phải biết chắc rằng bậc Đại vương,
Đừng đưa dân chúng bước sai đường,
E rằng tất cả người nam nữ,
Sa đọa vào trong biển khổ buồn.

24. Khi vua dứt bỏ mọi lo toan,
Dục lạc là nguồn sống bản thân,
Tài sản, kho tàng đều mất hết,
Chỉ còn ô nhục với hôn quân.

25. Đây là nhiệm vụ của quân vương,
Chỉ dạy Phụ vương bước đúng đường,
Thực hiện chuyên tâm, toàn thiện nghiệp,
Chống điều quá độ, thói hoang tàn,
Hộ phòng giới hạnh, vì lầm lỗi,
Luôn dẫn đến đau khổ, đoạn trường.

Như vậy, Kuṇḍalinī cũng dạy phận sự của quân vương trong mười một vần kệ. Vua thích thú hỏi quần thần:

– Phải ban thưởng gì cho ái nữ của trẫm vì đã nói như vậy?

– Tâu Đại vương, ban chức Thủ ngân khố.

Và vua chỉ định Kuṇḍalinī vào địa vị còn trống ấy. Từ đó, chim này giữ chức vụ trên và làm việc cho vua.

Đến đây chấm dứt chuyện về câu hỏi chim Kuṇḍalinī.

***

Sau chừng vài ngày, cũng như trước kia, vua truyền sứ giả đến gặp trí điểu Jambuka, rồi khi ngài đến viếng nhà con trai vào ngày thứ bảy, đã được chiêu đãi trọng thể tại đó, ngài trở về cung. Và cũng như trên, ngài ngự vào bảo tòa giữa cung đình, một vị cận thần đặt trí điểu Jambuka lên một kim đôn, rồi đội kim đôn trên đầu mình. Chim anh vũ thông thái ngồi trong lòng phụ vương, chơi với ngài rồi sau đó đậu trên kim đôn ấy. Khi đó, vua ngâm vần kệ hỏi chim:

26. Chúng ta đã hỏi đủ hoàng huynh,[3]
Và cả Kuṇḍalinī đẹp xinh,
Đến lượt Jambuka hãy nói,
Cho cha biết lực tối cao minh.

Như vậy, trong lúc đặt vấn đề với Bồ-tát, vua đã không hỏi theo cách vua đã hỏi hai chim kia mà hỏi theo một cách đặc biệt. Lúc ấy, con chim thông thái bảo ngài:

– Tốt lắm, tâu Phụ vương, xin hãy lắng nghe kỹ, con sẽ trình Phụ vương tất cả!

[3] Chỉ cho chim Vessantara, dòng Kosiya.

Rồi giống như một người đặt chiếc túi đựng một ngàn đồng tiền vào một bàn tay mở rộng, chim bắt đầu thuyết giảng phận sự của quân vương:

27. Năm loại lực này ở thế gian,
Làm cho người vĩ đại muôn phần,
Ở đây yếu nhất trong năm lực,
Được kể là từ lực của thân.

28. Lực từ của cải, kính thưa ngài,
Thì đó được xem lực thứ hai,
Còn lực thứ ba đề cập đến,
Là lời cố vấn, người khuyên hay.

29. Lực thứ tư thì chắc chắn rằng,
Xuất thân dòng tộc quý, cao sang,
Những người có trí vượt qua hết,
Tất cả mục tiêu ấy dễ dàng.

30. Lực tối ưu trong các lực này,
Khả năng trí tuệ chính là đây,
Nhờ vào tuệ lực mà người trí,
Hiểu biết điều lành, lợi ích ngay.

31. Ví thử quốc gia đại phú cường,
Rơi vào tay của một ngu nhân,
Một người khác sẽ dùng cường bạo,
Chiếm nước, gây bao nỗi oán hờn.

32. Dù quân vương quý tộc cao sang,
Phận sự chính là ngự trị dân,
Vua ấy quả là rất khó sống,
Nếu vua chứng tỏ trí ngu đần.

33. Trí tuệ xét xem các việc làm,
Làm cho danh vọng mãi tăng dần,
Người nào trí tuệ đầy thông thái,
Vẫn thấy vui dù gặp khổ buồn.

34. Không ai sống phóng dật buông lung,
Lại có thể nào đạt trí thông,
Nhưng phải theo lời khuyên bậc Trí,
Nếu không sẽ mãi mãi ngu đần.

35. Ai dậy sớm, luôn giữ đúng thời,
Chuyên tâm không mỏi mệt, vui tươi,
Làm bao phận sự đang mời gọi,
Chắc chắn thành công ở giữa đời.

36. Ai hướng tâm vào việc tổn thương,
Hoặc hành động với trí buông lung,
Việc gì kẻ ấy hòng theo đuổi,
Cũng chẳng thể nào đạt ước mong.

37. Song ai không mỏi mệt, chuyên cần,
Theo đuổi đường đời thật chánh chân,
Chắc chắn sẽ đạt thành trọn vẹn,
Bất kỳ công việc họ đang làm.

38. Hộ phòng, bảo vệ các kho tàng,
Là tạo nguồn tài lợi lớn dần,
Đây chính những điều con ước muốn,
Phụ vương hãy tạc dạ ghi lòng!
Vì do ác nghiệp, người ngu trí,
Cũng giống nhà lau sậy rỗng không,
Sụp đổ tan tành trong chốc lát,
Đằng sau để lại cảnh tiêu vong.

Như vậy, qua các vấn đề này, Bồ-tát vừa ca ngợi năm uy lực vừa tán dương uy lực của trí tuệ, như người dùng lời nói gõ vào mặt trăng, ngài khuyến giáo vua trong mười một vần kệ:

39. Với song thân, hỡi đấng Anh quân,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

40. Đại vương hỡi, đối vợ con thân,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

41. Đại vương đối bạn, người thân cận,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

42. Đại vương đối bộ binh, xa binh,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

43. Đại vương đối thị tứ, làng thôn,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

44. Đại vương đối đất nước, vùng biên,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

45. Đối Sa-môn với Bà-la-môn,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

46. Đối loài chim, thú, hỡi Quân vương,
Phận sự thi hành thật chánh chân,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

47. Thực hành chân pháp, hỡi Quân vương,
Mang lại quả lành, nhiều lạc an,
Như vậy sống theo đời chánh trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

48. Thực hành chân pháp, hỡi Quân vương,
Đế-thích, chư thiên và Phạm thiên,
Đạt cõi trời nhờ hành khéo léo,
Đại vương theo pháp, chớ khinh thường!

Sau khi ngâm mười vần kệ về nếp sống chân chánh, ngài lại ngâm vần kệ kết thúc để khuyến giáo vua thêm nữa:

49. Đây là phận sự của quân vương,
Dạy bảo Phụ vương bước đúng đường,
Theo bậc Trí làm người thiện hảo,
Hiểu điều chân lý thật hoàn toàn.[4]

Như vậy, Bồ-tát đã thuyết pháp với tất cả vẻ kỳ diệu của một bậc Giác ngộ, chẳng khác nào đem dải thiên hà từ trên trời xuống. Quần thần tỏ ra vô cùng kính trọng ngài và vô số tiếng hò reo tán thán vang dậy. Vua hân hoan hỏi các quốc sư:

– Làm sao để vương tử của trẫm, trí điểu Jambuka với chiếc mỏ như quả hồng đào tươi mát được phần thưởng vì đã nói như thế?

– Tâu Đại vương, xin ban chức Thống soái.

– Thế thì trẫm sẽ ban cho con trẫm chức vụ ấy.

Vua phán rồi chỉ định vương nhi vào chức vụ còn trống ấy. Từ đó về sau, ở địa vị thống soái, ngài thi hành các mệnh lệnh của phụ vương.

---

[4] Xem *J.* IV. 412, *Rohantamigajātaka* (*Chuyện lộc vương Rohanta*), số §501.

Cả ba chim con đều được tôn vinh trọng thể và cả ba đã khuyến giáo vua các vấn đề về thế sự và thánh sự. Vua an trú vào lời giáo giới của Bồ-tát, chuyên bố thí và làm các thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới.

Sau khi cử hành tang lễ cho vua, quần thần nói với ba con chim con:

– Tâu Chúa công Jambuka, tiên vương đã ra lệnh giương chiếc lọng hoàng gia lên che cho Chúa công.

Bồ-tát đáp:

– Ta không cần vương quốc, các vị hãy chuyên tâm tỉnh giác lo việc trị nước!

Sau khi an trú quốc dân vào giới đức, ngài bảo:

– Hãy thực hành công lý!

Rồi ngài truyền đem cách xử án công bằng khắc vào một tấm bảng vàng và biến mất vào rừng. Lời giáo huấn của ngài tiếp tục có hiệu lực trong bốn mươi ngàn năm.

***

Bậc Đạo sư giảng pháp thoại này làm phương tiện giáo giới vua và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda (A-nan), Kuṇḍalinī là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Vessantara là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và chim Jambuka chính là Ta.

§522. CHUYỆN ĐẠI NHÂN THIỆN XẠ SARABHAṄGA
(*Sarabhaṅgajātaka*)[5] (*J*. V. 125)

Vòng vàng, xiêm áo thật cao sang...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về sự diệt độ của Trưởng lão Mahāmoggallāna (Đại Mục-kiền-liên).

Còn về phần Trưởng lão Sāriputta (Xá-lợi-phất), sau khi được đức Như Lai chấp thuận trong lúc Ngài trú tại tinh xá Kỳ Viên, Trưởng lão liền đi đến làng Nāla và nhập diệt tại đó, ngay chính trong căn phòng xưa kia Trưởng lão sinh ra đời.[6] Bậc Đạo sư nghe tin Trưởng lão nhập diệt liền đến thành Rājagaha (Vương Xá), trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm).

Lúc ấy, Trưởng lão Mahāmoggallāna trú ngay trên sườn núi Isigili (chư tiên đọa xứ) tại Hắc Thạch động. Trưởng lão khi đắc Thánh quả, nhờ thần thông có thể lên trời hay xuống địa ngục. Trên thiên giới, Trưởng lão thấy các vị đệ tử của đức Phật thọ hưởng đại quyền lực. Còn ở hạ giới, Trưởng lão lại thấy đệ tử của đám ngoại đạo tà giáo chịu đau khổ kinh hồn. Nên khi trở về cõi nhân gian, Trưởng lão kể cho mọi người nghe chuyện trên một cõi thiên kia có một cận sự nam này hay cận sự nữ nọ được tái sinh thọ hưởng vinh quang cao trọng; còn

[5] Xem *S*. I. 226, *Araññāyatanaisisutta* (*Kinh Các ẩn sĩ ở rừng*).
[6] Xem *J*. I. 390, *Mahāsudassanajātaka* (*Chuyện Vua Đại Thiện Kiến*), số §95.

những kẻ theo ngoại đạo tà giáo lại có người thác sinh vào địa ngục hay các đọa xứ đầy đau khổ khác.

Dân chúng hoan hỷ với lời dạy của Trưởng lão, bác bỏ tà thuyết ngoại đạo. Họ bày tỏ sự tôn kính rất mực đối với các đệ tử của đức Phật, còn lòng kính trọng đối với các ngoại đạo sư giảm dần. Bọn ấy sinh lòng căm hận vị Trưởng lão này, bảo nhau:

– Bao lâu lão này còn sống là còn nhiều chia rẽ giữa các tín đồ của ta, lòng tôn trọng đối với ta bị mất dần. Vậy ta phải giết lão đi mới được!

Họ liền đưa một ngàn đồng tiền cho tên cướp thường canh giữ các ẩn sĩ để giết vị này. Gã liền quyết tâm giết Trưởng lão nên đi đến Hắc Thạch động cùng với nhiều đồng bọn. Vị Trưởng lão khi thấy gã đến liền dùng thần lực bay lên không biến mất. Hôm ấy, tên cướp không thấy Trưởng lão đành trở về nhà rồi lại đến trong sáu ngày liền, song Trưởng lão vẫn dùng thần thông biến mất như trước. Vào ngày thứ bảy, một tiền nghiệp do Trưởng lão gây ra trong một đời trước mang theo hậu quả lâu dài ở đời sau, giờ đây đang có cơ duyên xuất hiện để gây tai họa.

Chuyện kể rằng, một thuở xa xưa, vì nghe theo lời vợ mình xúi giục, vị này tìm cách làm cho cha mẹ mình chết đi, đã đem xe chở cha mẹ mình vào rừng, giả vờ như bị bọn cướp tấn công rồi đánh đập song thân. Do tuổi già mắt kém không thấy mọi vật rõ ràng, hai vị không nhận ra chính con mình, cứ tưởng có bọn cướp thật liền kêu lên:

– Con ơi, bọn cướp đang giết mẹ cha, vậy con hãy trốn đi!

Rồi họ chỉ than khóc vì con mình thôi. Vị này liền nghĩ: "Dù cha mẹ ta bị ta đánh đập, hai vị chỉ vì ta mà than khóc đó thôi. Ta thật đã làm một việc đáng sỉ nhục." Vì thế, ông an ủi mẹ cha, giả vờ bảo bọn cướp đã bị đánh đuổi đi rồi và vỗ về tay chân cha mẹ, thưa rằng:

– Xin song thân chớ sợ, bọn cướp trốn cả rồi.

Sau đó, ông đem cha mẹ về nhà. Hành nghiệp này mãi từ lâu không tìm được cơ duyên, nhưng vẫn đợi thời như ngọn lửa ấp ủ dưới tro tàn, bùng dậy bắt lấy vị này khi tái sinh lần cuối nên vị Trưởng lão mang nghiệp quả đã chín muồi ấy không thể nào bay lên không được nữa. Thần thông của Trưởng lão này ngày xưa đã có lần nhiếp phục Nanda cùng Upananda, hai long vương và làm rung chuyển cả điện Vejayanta (Tối Thắng) ở thiên cung, giờ đây vì chịu nghiệp quả phải suy yếu đi. Thế là tên cướp đập nát xương ngài ra, bắt ngài chịu thứ cực hình gọi là "rơm và bột", rồi tưởng ngài đã chết nên cùng đồng bọn bỏ đi. Nhưng khi Trưởng lão tỉnh lại liền dùng định lực bao phủ thân mình như đắp y bay lên không, trở về yết kiến bậc Đạo sư, đảnh lễ Ngài và thưa:

– Bạch Thế Tôn, thọ mạng của con đã tận, con sắp tịch diệt.

Rồi được bậc Đạo sư chấp thuận, Trưởng lão nhập diệt ngay tại chỗ. Vào lúc ấy, sáu cõi thiên giới cùng nổi lên chấn động, chư thiên đồng nhau khóc:

– Thầy của chúng ta đã tịch diệt!

Thiên chúng liền đem hương liệu, tràng hoa ngát mùi hương thiên giới cùng gỗ đủ loại đến và giàn hỏa táng được dựng lên bằng gỗ chiên-đàn cùng chín mươi chín bảo vật.

Bậc Đạo sư bảo Tăng chúng đặt kim thân Trưởng lão vào địa điểm hành lễ, trong lúc Ngài đứng ngay cạnh đó, suốt trong khoảng một do-tuần quanh giàn hỏa táng, hoa trời rơi xuống như mưa sa. Chư thiên và loài người cũng đứng chen nhau dự lễ, rồi dạ-xoa, càn-thát-bà, rồng, Kim Sí điểu, khẩn-na-la đứng vào, đến bảo cái, tràng phan. Thánh lễ diễn ra suốt bảy ngày. Bậc Đạo sư bảo lượm Xá-lợi của Trưởng lão và dựng đền thờ trong ngôi nhà có nóc nhọn tại Trúc Lâm.

Vào lúc ấy, trong pháp đường, Tăng chúng đưa đề tài ấy ra, bảo nhau:

– Thưa các Hiền hữu, Trưởng lão Xá-lợi-phất vì không diệt độ trong khi yết kiến Như Lai nên không được hưởng nghi lễ trọng thể từ bàn tay đức Phật, còn Trưởng lão Mục-kiền-liên vì diệt độ cạnh bậc Đạo sư nên đã được vinh dự cao cả như thế.

Bậc Đạo sư đến nơi, hỏi các Tỳ-kheo đang ngồi đàm luận vấn đề gì và khi được biết, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Mục-kiền-liên cũng nhận được đủ vinh dự từ bàn tay Ta.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát nhập mẫu thai phu nhân vị quốc sư của hoàng gia. Sau mười tháng, ngài được sinh ra đời vào một sáng sớm kia. Lúc ấy, một loạt đủ loại binh khí ở kinh thành Ba-la-nại sáng rực trong khoảng mười hai do-tuần. Vị quốc sư ấy, vào hôm hài nhi ra đời, bước ra khỏi cửa nhìn lên trời để tiên đoán số mạng của con và biết rằng hài nhi sinh ra theo một sự kết hợp của các vì sao ở thiên giới, về sau chắc chắn sẽ làm thủ lĩnh thiện xạ toàn cõi Diêm-phù-đề.

Vì thế, ông vội đi thật sớm đến hoàng cung vấn an vua. Khi vua phán:

– Này quốc sư, làm sao trẫm an khang được, hôm nay một loạt vũ khí sáng rực lên trong cung.

Ông tâu:

– Xin Đại vương chớ sợ, không những chỉ trong cung mà khắp kinh thành đều thấy ánh sáng của binh khí. Đó là do một hài nhi ra đời trong nhà chúng thần.

– Này quốc sư, việc ra đời của một hài nhi trong những cơ duyên như thế sẽ đem lại hậu quả gì?

– Tâu Đại vương, không hề gì cả, nhưng sau này hài nhi ấy sẽ là thủ lĩnh của các thiện xạ trong cõi Diêm-phù-đề.

– Tốt lành thay, này quốc sư, hãy khéo chăm sóc hài nhi và khi nó lớn lên, hãy đem nó đến trình diện trẫm!

Nói xong, vua ra lệnh ban một ngàn đồng tiền để nuôi dưỡng hài nhi. Vị quốc sư nhận lãnh đem về nhà. Vào ngày đặt tên hài nhi, ông gọi hài nhi là Jotipāla (Hộ Minh) vì có ánh sáng của các binh khí trong lúc hài nhi ra đời. Hài nhi được nuôi dưỡng rất đầy đủ và đến năm mười sáu tuổi, chàng có dung sắc tuyệt hảo. Thân phụ chàng thấy tướng mạo khác thường như vậy liền bảo:

– Này con, con hãy đi đến thành Takkasilā và thọ giáo mọi môn học từ một vị danh sư tiếng tăm lẫy lừng thế giới!

Chàng tuân lệnh, đem theo học phí, giã từ song thân rồi lên đường đến đó. Chàng dâng lên một ngàn đồng tiền làm lễ nhập học rồi bắt đầu thọ giáo, chỉ trong vòng bảy ngày đã đạt đến tuyệt đích.

Vị Tôn sư kia hoan hỷ tặng chàng một bảo kiếm của mình, một chiếc cung sừng dê và một bao đựng tên, cả hai được buộc vào nhau thật khéo, một áo giáp của ông cùng một chiếc mão rồi bảo chàng:

– Này con Jotipāla yêu quý, ta đã già, vậy con hãy tập luyện các môn đồ này!

Vị này lại trao cho chàng năm trăm môn đồ. Bồ-tát nhận lãnh mọi vật xong, tạ từ sư phụ, trở về Ba-la-nại để thăm viếng song thân.

Thân phụ nhìn thấy chàng cung kính đứng trước mặt liền hỏi:

– Này, con đã học xong chưa?

– Thưa cha, đã xong.

Nghe chàng trả lời thế, người cha liền vào cung và trình vua:

– Tâu Đại vương, con trai của tiểu thần đã học hành xong, bây giờ phải làm gì nữa?

– Quốc sư hãy đem chàng vào chầu ta!

– Tâu Đại vương, xin ban bổng lộc thế nào?

– Cứ ban cho chàng mỗi ngày một ngàn đồng tiền.

Vị quốc sư tuân lệnh ngay, trở về nhà gọi con trai ra bảo:

– Này con, con phải vào chầu đức vua.

Từ đó, mỗi ngày chàng hưởng một ngàn đồng tiền và lo phụng sự nhà vua.

Các quan cận thần lộ vẻ bất mãn:

– Chúng ta không thấy Jotipāla làm gì cả, thế mà hưởng một ngàn đồng tiền mỗi ngày, ta muốn xem chàng có biệt tài gì.

Vua nghe họ nói thế liền nói với quốc sư. Ông tâu:

– Tâu Đại vương, xin vâng lệnh.

Rồi ông trở về nhà nói chuyện với con trai.

– Thưa thân phụ, thế thì tốt quá, vào ngày thứ bảy kể từ nay, con sẽ xin trình diễn tài nghệ, xin đức vua triệu tập tất cả xạ thủ trong nước về đây.

Vị quốc sư đi vào cung, tâu vua mọi chuyện mà chàng nói. Vua truyền lệnh đánh trống khắp kinh thành triệu tập các xạ thủ. Họ đến rất đông, tính được tất cả là sáu mươi ngàn người. Vua nghe họ đã tề tựu liền phán:

– Dân chúng khắp kinh thành hãy đến chứng kiến tài nghệ của Jotipāla!

Sau khi cho trống truyền tin ra, ngài ban lệnh chuẩn bị sân chầu, rồi được đông đảo tùy tùng theo hầu, ngài ngự lên bảo tòa nguy nga; vừa khi triệu tập tất cả xạ thủ xong, ngài cho mời Jotipāla. Dưới lớp y trong, chàng mang cung, bao tên, áo giáp và mão, những vật đã được vị sư phụ tặng chàng trước kia. Chàng lại bảo mang thanh kiếm cho chàng và đến yết kiến vua trong bộ thường phục của chàng rồi cung kính đứng sang một bên.

Các xạ thủ kia suy nghĩ: “Người ta đồn Jotipāla đến đây cho chúng ta thấy biệt tài của chàng, nhưng chàng đến mà không mang kiếm chứng tỏ chàng muốn nhận kiếm từ tay ta.” Thế rồi họ lại thỏa thuận với nhau sẽ không trao kiếm cho chàng. Vua bảo Jotipāla:

– Hãy cho ta thấy tài nghệ của khanh!

Thế là chàng tung ra một tấm màn giống túp lều quanh chàng rồi đứng vào trong đó, cởi áo khoác ra, nịt áo giáp trong xong mang áo giáp ngoài và buộc mão lên đầu. Sau đó, chàng lại giương sợi dây màu san hô trên chiếc cung sừng dê, buộc bao tên sau lưng và thanh kiếm bên sườn trái; chàng xoay tít mũi tên có đầu nhọn đính kim cương trên móng tay chàng, tung bức màn ra và xuất hiện như một vị long vương vọt lên từ lòng đất với trang phục huy hoàng rực rỡ và đứng đảnh lễ vua.

Quần chúng thấy chàng liền nhảy lên reo hò vỗ tay vang dội. Vua bảo:

– Này Jotipāla, hãy trình diễn tài nghệ của khanh!

Chàng đáp:

– Tâu Đại vương, trong các xạ thủ này có những người bắn tên nhanh như chớp, chẻ được cả sợi tóc, hay bắn vào một tiếng động mà không cần nhìn thấy, hoặc bắn gãy một mũi tên đang rơi. Xin triệu bốn vị đó đến đây.

Vua liền triệu họ ngay. Bậc Đại sĩ dựng rạp trên một khoảng đất vuông trong sân chầu, bốn góc chàng để bốn xạ thủ ấy đứng; mỗi vị được phát cho ba mươi ngàn mũi tên, bảo người đưa tận tay mỗi vị; còn chính chàng cầm mũi tên có gắn đầu kim cương ấy đứng giữa rạp nói lớn:

– Tâu Đại vương, xin cho bốn xạ thủ này bắn tên vào tiểu thần. Tiểu thần sẽ gạt hết tên bắn ấy ra ngoài.

Vua ra lệnh cho họ làm như vậy. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, chúng thần bắn tên nhanh như chớp, lại chẻ được cả sợi tóc, hay bắn vào một tiếng động mà không cần nhìn thấy, hoặc bắn gãy mũi tên đang rơi; còn Jotipāla chỉ là chàng trai mới lớn, chúng thần không muốn bắn vào chàng.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Nếu các ngài bắn được ta thì cứ bắn.

– Đồng ý!

Họ bảo và đồng loạt bắn tên. Bậc Đại sĩ gạt tên tới tấp bằng mũi tên sắt của chàng, bằng đủ cách làm chúng rớt xuống đất rồi xoay một vòng quanh chúng. Chàng chất chúng lên thành một kho đầy tên xếp ăn khớp với nhau, cán với cán, chuôi với chuôi, lông chim với lông chim, cho đến khi tất cả các mũi tên của toán xạ thủ được dùng hết sạch. Chàng thấy vậy mà không muốn đụng vào kho tên kia, chàng liền nhảy lên không đến trước vua. Dân chúng reo hò vang dậy, la hét nhảy múa vỗ tay, ném cả áo quần, đồ trang sức thành một đống của cải châu báu đến một trăm tám mươi triệu đồng. Lúc ấy, vua hỏi:

– Này Jotipāla, khanh gọi xảo thuật này là gì?

– Tâu Đại vương, đó là cách đỡ tên.

– Có nhiều người biết cách ấy chăng?

– Tâu Đại vương, không có ai ngoài tiểu thần trong toàn cõi Diêm-phù-đề.

– Khanh hãy biểu diễn xảo thuật khác đi!

– Tâu Đại vương, bốn xạ thủ kia đứng bốn góc không bắn trúng tiểu thần được. Song nếu họ cứ đứng bốn góc ấy, thần sẽ bắn trúng cả bọn họ chỉ bằng một mũi tên thôi.

Bốn xạ thủ kia không dám đứng đó nữa, vì thế bậc Đại sĩ dựng bốn cây chuối ở bốn góc, buộc mỗi sợi chỉ đỏ tía trên phần gắn lông chim của mũi tên rồi chàng bắn mũi tên nhắm vào một cây chuối. Mũi tên đâm vào cây chuối xuyên qua đến cây thứ hai, thứ ba, thứ tư rồi trở lại cây đầu tiên mà nó đã vừa xuyên thủng rồi trở về trong tay vị xạ thủ, đồng thời các cây chuối đứng vòng quanh theo sợi chỉ đỏ. Dân chúng lại hò reo vang dậy.

Vua hỏi:

– Xảo thuật này gọi là gì, Jotipāla hiền hữu?

– Tâu Đại vương, đó là vòng tròn bị xuyên thủng.

– Thế khanh trổ thêm tài nghệ nữa đi.

Bậc Đại sĩ liền trình diễn các kiểu bắn tên hình gậy, hình dây thừng, hình bện tóc và biểu diễn các xảo thuật khác gọi là bắn tên hình cái đài cao, tên hình ngôi đình, tên hình bức tường, tên hình cầu thang, tên hình hồ nước, tên hình hoa sen nở và bắn mưa tên.

Như vậy, chàng biểu diễn mười hai tài nghệ vô song và làm gãy bảy vật lớn vô địch. Chàng bắn thủng một tấm ván gỗ sung dày hai tấc, một tấm gỗ asana (kha tử) dày một tấc, một đĩa đồng dày năm phân, một đĩa sắt dày hai phân; và sau khi bắn thủng một trăm tấm ván ghép vào nhau, lần lượt chàng bắn mũi tên vào phía trước, vào các toa xe đựng đầy rơm, cát và ván gỗ rồi làm cho tên xuyên qua phía sau, rồi lại bắn phía sau các toa xe và làm cho tên xuyên qua phía trước.

Chàng bắn mũi tên xuyên qua một khoảng độ hai trăm năm mươi mét dưới nước và hơn năm trăm mét trên đất liền, chàng lại bắn trên chóp quả cà tím cách khoảng sáu mươi mét ngay dấu hiệu đầu tiên nó vừa lay động theo gió. Bồ-tát tung tên ra, tạo thành hình cái đài cao, v.v... giữa không trung, rồi lại dùng một mũi tên bắn tan các tên rơi xuống, gọi là phá hình tên. Khi chàng biểu diễn mọi kỳ công về tài nghệ này xong, mặt trời vừa lặn.

Lúc ấy, vua hứa ban cho chàng chức Tổng lãnh binh và bảo:

– Này Jotipāla, nay đã tối rồi, ngày mai khanh sẽ nhận vinh dự làm Đại tướng quân. Hãy đi cắt tỉa râu tóc và tắm gội!

Cùng ngày ấy, vua ban cho chàng một trăm ngàn đồng tiền để chi tiêu. Bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, tiểu thần không cần tiền.

Rồi chàng ban tài sản trị giá một trăm tám mươi triệu đồng cho các vị lãnh chúa và cùng đông đảo tùy tùng đi ra sông tắm. Sau khi đã tô điểm râu tóc và mặc xiêm y với đủ loại trang sức, chàng thưởng thức cao lương mỹ vị xong, đến nằm nghỉ trên vương tòa; ngủ được hai canh, đến canh cuối cùng chàng thức giấc, ngồi xếp bằng trên vương tòa, suy nghĩ đến phần khởi đầu, phần giữa và phần cuối việc phô diễn kỳ công về tài nghệ của mình.

Chàng nghĩ thầm: "Tài nghệ của ta hiển nhiên khởi đầu là chết chóc, phần giữa là thọ hưởng ái dục và cuối cùng là tái sanh vào địa ngục. Vì hủy diệt mạng sống và buông lung phóng dật trong việc thọ hưởng dục, tội lỗi sẽ đưa đến tái sanh vào địa ngục. Vua ban ta chức Đại tướng quân và uy quyền cao trọng sẽ về tay ta. Ta sẽ có vợ con nhưng nếu các dục lạc cứ tăng mãi thì thật khó thoát ra được. Bây giờ, ta bỏ đời sống thế tục để đi vào rừng sống đời ẩn sĩ tu hành là đúng đắn nhất."

Bậc Đại sĩ đứng lên khỏi vương tòa, không cho ai biết, ngài bước xuống từ thượng lầu, ra đường bằng cửa hậu, đi vào rừng một mình đến một nơi trên bờ sông Godhāvarī gần rừng Kaviṭṭha rộng chừng ba do-tuần.

Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nghe tin ngài xuất gia liền triệu thần Vissakamma đến và bảo:

– Này Hiền hữu, Jotipāla đã xuất gia và một hội chúng đông đảo sẽ hầu ngài. Vậy hãy dựng am ẩn sĩ bên bờ sông Godhāvarī gần rừng Kaviṭṭha và cung cấp đủ vật dụng cần thiết cho đời sống tu hành!

Thần Vissakamma tuân lệnh. Còn bậc Đại sĩ khi đến nơi, thấy con đường vừa cho một người đi bộ, nghĩ thầm: "Chắc đây là nơi dành cho các vị khổ hạnh trú thân", rồi đi theo con đường đó, ngài không gặp ai liền bước vào lều cỏ, chợt thấy vật dụng dành cho đời ẩn sĩ, ngài tự bảo: "Chắc Thiên chủ Sakka biết ta đã xuất gia." Rồi cởi áo khoác, ngài đắp thượng y và hạ y bằng sợi vỏ cây đã được nhuộm, khoác tấm da hươu lên một bên vai. Ngài buộc các cuộn tóc, khoác lên vai túi đựng các vật dụng, cầm gậy nhỏ đi đường bước ra khỏi am, leo lên thềm đi kinh hành.

Như vậy, ngài đã làm vinh quang khu rừng bằng vẻ cao đẹp của đời sống khổ hạnh và sau khi thực hành pháp môn thiền định đề mục biến xứ xong, vào ngày thứ bảy kể từ khi xuất gia, ngài chuyên tâm tu tập tám thiền chứng và năm thắng trí, theo hạnh độc cư, đi khất thực và dùng củ quả rừng.

Cha mẹ, thân bằng, bà con quyến thuộc không thấy ngài đâu liền đi tìm khắp nơi, lòng buồn phiền thất vọng. Sau đó, một sơn nhân đã từng gặp và nhận ra bậc Đại sĩ trong vùng am thất Kaviṭṭha kia liền đi báo với song thân ngài và họ tâu trình vua. Vua phán:

– Này, ta đi thăm chàng ngay.

Rồi cùng với song thân chàng và một đoàn tùy tùng theo hầu, vua đến bờ sông Godhāvarī theo con đường mà sơn nhân ấy đã chỉ dẫn. Bồ-tát đến bờ sông, ngồi trên không thuyết pháp cho hội chúng nghe, sau đó dẫn hội chúng về am, ngài cũng ngồi trên không, giảng rõ cho họ nỗi đau khổ vì tham đắm dục lạc rồi dạy họ Chánh pháp. Tất cả cùng với vua xuất gia tu hành.

Bồ-tát vẫn tiếp tục sống ở đó cùng hội chúng tu hành chung quanh ngài. Tin ngài ẩn cư tại đó lan rộng khắp cõi Diêm-phù-đề. Vua chúa cùng quần thần đến đó sẵn sàng theo lệnh ngài, hội chúng dần dần lên đến hàng ngàn người. Hễ ai nghĩ đến tham dục, hay muốn hại người khác, bậc Đại sĩ liền đi đến, ngồi trên không và thuyết pháp cho người ấy cùng dạy pháp môn thiền đề mục biến xứ.

Bảy đại đệ tử của ngài là Sālissara,[7] Meṇḍissara, Pabbata, Kāḷadevala, Kisavaccha, Anusissa và Nārada. Các vị này nhờ tuân hành lời thuyết giáo của ngài, đều đạt tám thiền chứng và thiền định viên mãn. Dần dần, vùng thảo am Kaviṭṭha trở nên đông đúc, không còn chỗ cho các vị ẩn sĩ sống nữa.

Bậc Đại sĩ liền bảo Sālissara:

– Này Sālissara, nơi này không đủ cho các ẩn sĩ ở. Vậy Hiền hữu đi cùng hội chúng này đến ẩn cư gần thị trấn Lambacūḷaka thuộc thành trì của Vua Caṇḍapajjota.

Vị này tuân lệnh ấy, đem theo hội chúng hàng ngàn người đến cư trú ở đó. Nhưng nhiều người vẫn đến gia nhập với hội chúng khổ hạnh kia nên thảo am lại đông dần như trước. Bồ-tát nói với Meṇḍissara:

[7] Xem *J.* III. 463, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

– Này Meṇḍissara, trên biên giới xứ Suraṭṭha có dòng sông Sātodikā, Hiền hữu hãy đem chúng ẩn sĩ này đến cư trú trên bờ sông ấy!

Và ngài bảo vị ấy ra đi. Cũng cách ấy, lần thứ ba, ngài gọi Pabbata đến bảo:

– Này Pabbata, trong đại lâm có núi Ārañjara, Hiền hữu hãy đến an trú tại đó!

Lần thứ tư, ngài gọi Kāḷadevala đến bảo:

– Phía Nam quốc độ Avanti là núi Ghanasela, Hiền hữu hãy đến an trú gần đó!

Dần dần, thảo am tại Kaviṭṭha lại đông đảo dù đã có năm hội chúng ẩn sĩ đi đến cư trú năm vùng khác nhau, tính được mấy ngàn người. Rồi Kisavaccha xin phép bậc Đại sĩ đến cư trú trong ngự viên gần vị tổng tướng quân tại kinh thành Kumbhavatī trong quốc độ của Vua Daṇḍakī. Ẩn sĩ Nārada cư trú trong địa phận chính của dãy núi Ārañjara. Còn Anusissa ở lại cùng bậc Đại sĩ.

Vào thời ấy, Vua Daṇḍakī thất sủng một cung phi mà trước kia vua rất quý trọng nên trong lúc buồn phiền, nàng đi ngao du đến ngự viên kia; khi thấy ẩn sĩ Kisavaccha, nàng liền nghĩ: "Chắc hẳn đây là kẻ mang vận xui. Ta phải vứt bỏ tội lỗi của ta trên người của kẻ này rồi đi tắm rửa." Trước hết, nàng cầm cây tăm xỉa răng rồi nhổ ra một đống nước bọt ngay trên nắm tóc bện lại của vị ẩn sĩ, nàng còn ném cây tăm trên đầu vị này rồi đi tắm.

Còn vua khi nhớ đến nàng, lại cho nàng phục chức như cũ. Trong lúc lòng say sưa cuồng nhiệt, nàng kết luận rằng nàng phục hồi vinh dự ấy là do vứt bỏ được tội lỗi của mình trên con người xui xẻo kia. Không lâu sau đó, vua lại cách chức của vị tế sư hoàng gia, lão này cũng đi hỏi nàng cung phi kia nhờ cách gì nàng được phục chức. Nàng kể lại đó là nhờ nàng vứt bỏ tội lỗi trên con người xui xẻo ở trong ngự viên.

Lão quốc sư cũng đi vứt bỏ tội lỗi của mình theo cách ấy và cũng được vua phục chức như cũ. Thời ấy, dần dần có loạn ở biên giới, vua đem một đoàn quân đi đánh trận. Lão quốc sư đang cuồng nhiệt mê mờ kia tâu vua:

– Tâu Đại vương, Đại vương muốn thắng hay bại?

Vua bảo:

– Thắng!

Lão liền nói:

– Thế thì có người xui xẻo đang trú ngụ trong ngự viên, xin Đại vương đem tội lỗi đến vứt lên đầu gã ấy!

Vua tán thành ý kiến ấy, phán:

– Các binh sĩ hãy cùng đi với trẫm đến ngự viên vứt bỏ tội lỗi lên con người xui xẻo kia!

Khi đến nơi, trước tiên vua ngậm cây tăm rồi nhổ nước bọt và thả cây tăm rơi trên mớ tóc bện chặt của vị ẩn sĩ, sau đó còn làm ướt đầu ngài, cả đoàn quân

lính cũng làm theo như vậy. Khi vua đi rồi, vị tổng tướng quân đến, thấy vị ẩn sĩ liền lấy cây tăm ra khỏi tóc và tắm gội cho vị này thật sạch sẽ xong lại hỏi:

– Đức vua sau này sẽ ra sao?

– Thưa ngài, tâm ta không sân hận gì, nhưng chư thần phẫn nộ nên vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, quốc độ của ngài sẽ tan tành, ngài nên mau thoát đi nơi khác.

Vị tướng quân vô cùng kinh hãi, về tâu vua. Vua không tin, vì thế vị tướng quân đem vợ con trốn sang quốc độ khác. Bậc Đạo sư Sarabhaṅga (tức Bồ-tát Jotipāla) nghe tin ấy liền bảo hai ẩn sĩ trẻ tuổi đến đem Kisavaccha trên chiếc cáng bay về từ trên không. Còn vua đánh trận xong, đem đám phản loạn làm tù binh trở về thành.

Vào lúc vua trở về, trước hết chư thần làm mưa xuống, các xác chết được cơn mưa lũ cuốn trôi đi hết, lại có trận mưa cát trắng tinh khiết, rồi có mưa hoa trời rơi trên lớp cát trắng tinh khiết, trên hoa trời có mưa tiền nhỏ rơi xuống, sau đó có mưa tiền lớn, tiếp theo là trận mưa đầy châu báu cõi trời.

Dân chúng hân hoan lượm báu vật bằng vàng ròng. Sau đó, rơi xuống trên thân họ một trận mưa đủ loại binh khí đang bừng cháy, dân chúng bị phân thây tan tành. Kế đến là trận mưa than hồng nóng bỏng rơi trên người họ và trên các đám lửa cao như núi ấy rơi xuống một trận mưa cát mịn tràn ngập một khoảng rộng chừng sáu mươi *cubit*.[8] Một phần quốc độ rộng sáu mươi do-tuần bị tàn phá tan tành và tin trận hủy diệt này loan ra khắp toàn cõi Diêm-phù-đề.

Các lãnh chúa trong các xứ chư hầu, ba vị vua xứ Kāliṅga, Aṭṭhaka và Bhīmaratha nghĩ thầm: "Ngày xưa ở Ba-la-nại, vua xứ Kāsi là Kalābu[9] đã phạm tội với ẩn sĩ Khantivādī, chuyện kể rằng vua ấy bị nuốt vào lòng đất; cũng vậy, Vua Nāḷikīra đem các ẩn sĩ cho chó ăn thịt; Vua Ajjuna có ngàn cánh tay đã phạm tội với Aṅgīrasa nên cũng chết như cách trên. Nay Vua Daṇḍakī phạm tội với Kisavaccha nên tương truyền cũng bị tan tành quốc độ, bị hủy diệt hết thảy. Chúng ta không biết các vị vua ấy tái sanh cõi nào, không ai trừ ngài Sarabhaṅga, Đạo sư của chúng ta có thể nói về điều này. Vậy chúng ta hãy đi hỏi ngài!"

Rồi cả ba vị vua cùng đông đảo tùy tùng đi hỏi chuyện này. Nhưng dù cả ba vị vua đã nghe tin đồn như vầy như kia cũng không biết thực hư ra sao, mỗi vị cứ tưởng rằng chỉ riêng mình lên đường nên khi không còn cách xa Godhāvarī mấy, cả ba vị vua gặp nhau, cùng bước xuống các vương xa và ngự lên một chiếc vương xa duy nhất để cùng lên đường đến bờ sông Godhāvarī.

Vào lúc ấy, Thiên chủ ngự trên ngai hoàng cẩm thạch, xem xét bảy vấn đề và tự nhủ thầm: "Ngoại trừ bậc Đạo sư Sarabhaṅga, không có ai trên trần thế

[8] 1 *cubit* = 45cm.

[9] Xem *J.* III. 40, *Khantivādijātaka* (*Chuyện đạo lý kham nhẫn*), số §313.

hay thiên giới có thể giải đáp các vấn đề trên. Vậy ta hãy đi hỏi ngài! Ba vị vua kia đã đi đến bờ sông Godhāvarī để hỏi bậc Đạo sư Sarabhaṅga. Ta cũng sẽ đến hỏi ngài vấn đề ba vị kia hỏi."

Sau đó, được chư thiên của hai thiên giới hộ tống, ngài giáng trần. Ngay hôm ấy, ẩn sĩ Kisavaccha từ trần nên lúc cử hành tang lễ có vô số hội chúng ẩn sĩ cư trú ở nhiều nơi khác nhau đến dựng giàn hỏa táng bằng gỗ chiên-đàn để hỏa thiêu ngài. Và quanh chỗ hỏa thiêu khoảng chừng nửa do-tuần, hoa trời rơi xuống như mưa.

Bậc Đại sĩ sau khi xem xét việc cất giữ phần di cốt của vị đệ tử xong liền vào am cùng các ẩn sĩ theo hầu và ngồi xuống. Khi các vua đến bờ sông, có tiếng nhạc quân hành trỗi. Bậc Đại sĩ nghe vậy, bảo ẩn sĩ Anusissa:

– Ông hãy ra xem nhạc ấy có ý nghĩa gì?

Sau khi cầm bình nước uống, ẩn sĩ đến đó, khi thấy ba vị vua, ngài ngâm vần kệ đầu để thăm hỏi:

50. Vòng vàng, xiêm áo thật cao sang,
Chư vị đeo gươm nạm bảo trân,
Trân trọng kính chào chư đại tướng,
Danh gì cho biết giữa trần gian?

Nghe lời ngài hỏi, ba vị vua liền xuống xe đảnh lễ ngài. Trong ba vị, Vua Aṭṭhaka lên tiếng đáp lời ngài qua vần kệ thứ hai:

51. Bhīmaratha, danh đế Kāliṅga,
Cùng trẫm, Aṭṭhaka chính hiệu ta,
Yết kiến chư Hiền nhân khổ hạnh,
Đến đây tham vấn đủ ba vua.

Ẩn sĩ bảo ba vị vua:

– Thế thì tâu Đại vương, các ngài đã đến tận nơi các ngài muốn. Sau khi tắm rửa nghỉ ngơi, các ngài vào am đảnh lễ hội chúng ẩn sĩ rồi đem vấn đề ra hỏi Đạo sư Sarabhaṅga.

Như vậy, ngài chuyện trò thân mật cùng ba vị vua rồi cầm lấy bình nước và lau hết những giọt nước rớt ra ngoài. Ngài nhìn lên thấy Thiên chủ Sakka được đông đảo chư thiên hộ tống đang giáng trần ngự trên lưng thiên tượng Erāvaṇa, ẩn sĩ liền đối thoại với Thiên chủ qua vần kệ thứ ba:

52. Ngài ngự trên cao, giữa cõi trời,
Như vầng trăng tỏa ánh vàng soi,
Đại Thiên thần, dám xin ngài dạy,
Danh tiếng ngài sao ở cõi đời.

Nghe thế, Thiên chủ đáp vần kệ thứ tư:

53. Sujampati danh tiếng trên trời,
Tên gọi Maghavā ở cõi đời,
Thiên chủ hôm nay vừa giáng thế,
Thăm Hiền nhân khổ hạnh bao người.

Lúc ấy, ẩn sĩ Anusissa nói với ngài:

– Tâu Thiên chủ, xin ngài hãy theo chúng thần!

Rồi cầm bình nước, vị ẩn sĩ vào am, cất bình nước xong liền đến báo tin cho bậc Đại sĩ biết có ba vị vua cùng Thiên chủ giáng thế để hỏi ngài một số vấn đề. Lúc ấy, hội chúng ẩn sĩ vây quanh Đạo sư Sarabhaṅga đang an tọa giữa một khoảng rộng có rào che. Ba vị vua đến đảnh lễ chúng ẩn sĩ rồi ngồi xuống một bên. Còn Thiên chủ Sakka đến gần hội chúng, chắp tay vái chào và tán thán hội chúng này qua vần kệ thứ năm:

54. Ẩn sĩ vang danh đã hội đây,
Thần thông và đại lực tràn đầy,
Tôi thành tâm đảnh lễ Hiền thánh,
Bậc thượng nhân trong thế giới này.

Thiên chủ Sakka chào hội chúng như vậy xong liền ngồi riêng ra để tránh khỏi sáu cố tật lúc ngồi. Sau đó, ẩn sĩ Anusissa thấy ngài ngồi phía dưới hội chúng liền ngâm vần kệ thứ sáu:

55. Ẩn sĩ xuất gia đã lâu ngày,
Mùi từ cơ thể gió mang bay,
Tựa tràng đủ loại hoa thơm ngát,
Tôn giả, chúng tôi mong ước thay,
Hương ấy chư thiên thật muốn có,
Nên không nhờm gớm mùi hương này.

Nghe nói vậy, Thiên chủ Sakka đáp vần kệ khác:

56. Dù các Thánh nhân tuổi đã già,
Gây mùi xúc phạm mũi người ta,
Nhiễm ô luồng khí đưa hương ngát,
Ta vẫn yêu mùi Thánh bốc ra,
Hơn các tràng hoa thơm rực rỡ,
Chư thiên chẳng ghét chuyện kia mà.

Nói vậy xong, ngài thêm:

– Này ẩn sĩ Anusissa, ta gắng công đến đây để hỏi một số vấn đề, xin hãy cho phép ta làm việc ấy!

Nghe xong lời Thiên chủ Sakka, ẩn sĩ Anusissa liền từ chỗ ngồi đứng dậy ngâm hai vần kệ đề nghị với hội chúng ẩn sĩ:

57. Sujam phu tướng,[10] Maghavā,[11]
Thí chủ lừng danh, chúa quỷ ma,
Dẹp lũ yêu tinh, Thiên đế ấy,
Ước ao được hỏi chuyện cùng ta.

58. Ai đây trong các bậc Hiền nhân,
Giải đáp vấn đề thật khó khăn,
Cho cả ba vua đang trị nước,
Và Sakka, Chúa tể thiên thần?

Nghe vậy, cả hội chúng ẩn sĩ đều bảo:

– Này Hiền hữu Anusissa, bạn nói chẳng khác nào bạn không thấy quả đất bạn đang ở. Ngoại trừ bậc Đạo sư Sarabhaṅga của chúng ta, còn ai xứng đáng để trả lời các vấn đề kia nữa?

Nói xong, các vị ấy liền ngâm vần kệ khác:

59. Sarabhaṅga, Thánh giả chân hiền,
Thanh tịnh, thoát ly mọi trược phiền,
Pháp tử tinh thông trì giới luật,
Giải trừ nghi hoặc của nhân, thiên.

Nói xong, hội chúng bảo ẩn sĩ Anusissa:

– Thưa Hiền hữu, xin Hiền hữu nhân danh hội chúng đến đảnh lễ bậc Đạo sư và tìm cơ hội thưa với ngài về vấn đề Thiên chủ đặt ra.

Vị này chấp thuận ngay rồi tìm được cơ hội liền ngâm tiếp vần kệ khác:

60. Ngài Koṇḍañña, xin trả lời!
Thánh hiền ẩn sĩ đang kêu nài,
Đây là quy luật của người định,
Bậc trưởng thượng mang bổn phận này.

Bậc Đại sĩ liền chấp thuận và ngâm vần kệ sau:

61. Cho phép người đem hỏi chuyện gì,
Thực lòng người vẫn ước mong nghe,
Đời này, đời kế, ta đều biết,
Trí chẳng nghi nan mọi vấn đề.

Sau khi được bậc Đại sĩ cho phép, Thiên chủ đưa ra vấn đề ngài chuẩn bị hỏi.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ sự việc này:

[10] Sujam, viết đủ: Sujampati (善生主), phu quân của nàng Sujā, tức chỉ cho Thiên chủ Sakka (Đế-thích).

[11] Maghavā, tên của Thiên chủ Sakka trong một tiền kiếp, khi ấy được sanh làm một nam tử ở làng Macala thuộc nước Magadha (Ma-kiệt-đà). Tham khảo: *S.* I. 231; *J.* I. 127; III. 146; IV. 403; VI. 102, 481, 573.

62. Thiên chủ tìm chân lý pháp trần,
Đến chư Hiền giả lượng khoan hồng,
Để ngài học những điều mong biết,
Và bắt đầu tham vấn mọi phần.

63. Cái gì ta phải diệt hoàn toàn,
Mà chẳng bao giờ hối tiếc không,
Và cái gì ta cần vứt bỏ,
Mà người hiền thiện thảy đồng lòng?
Lời ai, ta phải cần kham nhẫn,
Cho dẫu là thô lỗ tận cùng?
Đây chính là điều ta ước muốn,
Koṇḍañña Thánh giả nói cho thông.

Bậc Đại sĩ ngâm kệ giải thích vấn đề:

64. Sân hận là tâm phải diệt trừ,
Mà ta chẳng hối tiếc bao giờ,
Giả nhân, giả nghĩa cần quăng bỏ,
Được tán đồng ngay bởi bậc từ.
Ta phải nhịn lời từ mọi phía,
Dù lời thô lỗ thật vô bờ,
Lòng kham nhẫn ấy, Hiền nhân bảo,
Đệ nhất ngôi cao quả thật là.

Thiên chủ:

65. Những lời thô ác của hai người,
Ta phải kiên tâm chịu đựng hoài,
Là bậc trên, người cùng đẳng cấp,
Song làm sao nhẫn nhịn bao lời,
Của người thấp kém hơn ta nữa,
Là việc ta mong học hỏi ngài.

Sarabhaṅga:

66. Lời ác thô từ các bậc trên,
Ta thường kham nhẫn bởi lòng kiêng,
Hoặc không tranh cãi người đồng đẳng,
Song nhịn lời thô kẻ thấp hèn,
Là chính viên thành lòng nhẫn nhục,
Như lời Hiền thánh vẫn thường khuyên.

Các vần kệ trên đây là những lời đối đáp giữa hai vị. Khi ngài nói xong, Thiên chủ Sakka bảo bậc Đại sĩ:

– Thưa Thánh giả, trong phần đầu ngài bảo: "Nhẫn nhịn lời thô lỗ của mọi người, đó là lòng kiên nhẫn tối thượng", song nay ngài lại bảo: "Nhẫn nhịn lời

thô lỗ của kẻ dưới, đó là lòng kiên nhẫn tối thượng." Lời nói sau không ăn khớp với lời nói đầu tiên của ngài.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói với Thiên chủ:

– Thưa Thiên chủ, lời sau cùng này của ta dành cho một người nhẫn nhịn lối nói thô lỗ của một kẻ mà người ấy biết là thấp kém hơn mình, còn lời nói đầu tiên của ta là do khi chỉ nhìn bề ngoài, ta không thể biết chắc hoàn cảnh của người khác có thấp kém hơn ta hay không.

Rồi để nêu rõ thật khó khi chỉ nhìn bề ngoài mà phân biệt người thấp kém hay cao sang, trừ phi là phải qua tiếp xúc thân mật, ngài liền ngâm kệ:

67. Khó nhìn hào nhoáng vẻ bề ngoài,
Mà đoán hơn, thường hay giả dạng,
Tồi tàn xuất hiện ở trong đời.
Vậy thì bạn hỡi, ta khuyên nhủ,
Hãy nhịn lời thô của mọi người!

Khi nghe điều này, Thiên chủ đầy lòng tín thành, cầu xin ngài:

– Thưa Tôn giả, xin Tôn giả thuyết giảng cho chúng ta biết lợi lạc của sự nhẫn nhục này.

Bậc Đại sĩ liền ngâm kệ:

68. Sức mạnh quân vương đến bực nào,
Cũng không thắng lợi chốn binh đao,
Bằng Hiền nhân tạo nhờ kham nhẫn,
Đại nhẫn xóa tan mọi hận cừu.

Khi bậc Đại sĩ đã thuyết giảng các công đức do nhẫn nhục tạo nên như vậy xong, các vị vua suy nghĩ: "Thiên chủ Sakka hỏi vấn đề của riêng ngài mà lại không để cho chúng ta có cơ hội hỏi vấn đề của chúng ta."

Biết được ước vọng của các vua ấy, Thiên chủ để riêng bốn vấn đề ngài đã chuẩn bị trước đây qua một bên, và khi hỏi về mối hoài nghi của các vị vua kia, Thiên chủ ngâm kệ này:

69. Lời ngài đang dạy thật êm tai,
Song muốn hỏi thêm một chuyện này,
Xin hỏi phận Daṇḍakī chúa tể,
Cùng ba tòng phạm lỗi lầm gây,
Cõi nào phải tái sanh đày đọa,
Vì phá Thánh hiền thế giới đây?

Bậc Đại sĩ ngâm năm vần kệ giải đáp các vấn đề trên:

70. Thuở nọ tan tành cả quốc gia,
Vì làm ô nhục Thánh Kisa,
Daṇḍakī ngã xuống Kukkula địa,
Tràn ngập than hừng hóa bụi tro.

71. Nāḷikīra đầy hoảng hốt rơi vào,
Địa ngục trong nanh vuốt chó ngao,
Vì nhạo báng Hiền nhân, đạo sĩ,
Pháp sư chẳng phạm lỗi lầm nào.

72. Cũng vậy Ajjuna giết ngay,
Thánh nhân thanh tịnh, luyện tu dày
Aṅgīrasa nên bị xô đầu xuống,
Hành hạ thân trong chốn đọa đày.

73. Kalābu cháy tại Diêm cung,
Giữa khổ đau thê thảm, hãi hùng,
Vì đã hại Hiền nhân đức hạnh,
Bậc thầy nhẫn nhục, tiếng vang lừng.

74. Người trí nghe xong các chuyện trên,
Về miền địa ngục khổ triền miên,
Chẳng hề hại Đạo sư Hiền trí,
Nhờ chánh nghiệp, sau đạt cõi thiên.

Khi bậc Đại sĩ đã nêu rõ các cõi mà bốn vị vua kia phải thác sanh về, ba vị vua này giải tỏa được hết mối nghi ngờ. Rồi Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ để nêu lên bốn vấn đề của ngài:

75. Lời ngài đáng quý trọng êm tai,
Song muốn nghe thêm một chuyện này,
Ai được người đời xem đức độ?
Thế nhân gọi "Trí giả" là ai?
Người trần xem kẻ nào thành tín?
Ai kẻ vận may chẳng bỏ rơi?

Bậc Đại sĩ liền ngâm bốn vần kệ trả lời:

76. Khẩu hành chứng tỏ tự điều thân,
Tư tưởng tránh xa mọi lỗi lầm,
Chẳng dối gian nhằm đích hạ liệt,
Được xem đức độ giữa nhân quần.

77. Giải đáp vấn đề, trí tuệ thâm,
Không làm điều ác độc, vô lương,
Lời hay đúng lúc đem khuyên nhủ,
Được mọi người xem đúng Trí nhân.

78. Biết ơn vì đã nhận ân lành,
Làm nhẹ buồn đau với nhiệt tình,
Chứng tỏ bạn hiền lòng vững chắc,
Mọi người ca ngợi kẻ tâm thành.

79. Kẻ nào tài khéo đủ trong tay,
Chân thật, dịu dàng, rộng lượng thay,
Ái ngữ, ân cần, người cảm phục,
Vận may chẳng bỏ kẻ như vầy.

Bậc Đại sĩ trả lời bốn vấn đề trên như vậy, chẳng khác nào làm vầng trăng hiện lên bầu trời. Sau đó là những câu hỏi đáp khác nữa:

[Thiên chủ:]

80. Lời ngài đáng thán phục êm tai,
Ao ước nghe thêm một chuyện này,
Đức hạnh, vận may, hiền trí, thiện,
Cái nào tối thắng giữa trần ai?

81. Người thiện xem Hiền trí tối cao,
Như trăng che khuất các vì sao,
Đức hạnh, hiền lương cùng vận tốt,
Rõ ràng bậc Trí phải theo mau.

82. Lời người thân ái thật êm tai,
Mong ước nghe thêm một chuyện này,
Muốn đạt thành tâm minh trí tuệ,
Đường nào hành động phải theo hoài?
Đâu là Trí đạo xin cho biết,
Nhờ việc nào người có trí ngay?

[Bậc Đại sĩ:]

83. Kết bạn người uyên bác lão thành,
Nhờ tham vấn, học trí thông minh,
Phải nghe theo các lời khuyên tốt,
Vì vậy con người trí tuệ sinh.

84. Bậc Trí nhìn tham dục giác quan,
Thấy đầy bệnh khổ, lắm vô thường,
Giữa tham, ưu não, gây kinh hãi,
An tịnh, Hiền nhân dạ chẳng màng.

85. Vậy điều phục ác nghiệp, ly tham,
Tu tập từ bi vô lượng tâm,
Với mọi hữu tình đều quý mến,
Tâm thanh tịnh đến Phạm thiên cung.

Trong khi bậc Đại sĩ thuyết giảng như vậy về các tội lỗi do tham dục gây ra, ba vị vua cùng với đoàn quân sĩ đều đoạn trừ tham ái nơi ngũ dục lạc nhờ từ bỏ yếu tố bất thiện này. Bậc Đại sĩ biết được việc này liền ngâm kệ tán thán cả ba vị vua:

86. Nhờ thần lực nên Chúa Bhīmaratha,
Cùng với ngài, này Chúa Aṭṭhaka,
Đại đế Kāliṅga hiển hách,
Đến đây các vị đủ luôn ba,
Xưa làm nô lệ cho tham dục,
Nay được tự do giải thoát ra.

Nghe vậy, cả ba vị đại vương ngâm kệ tán thán bậc Đại sĩ:

87. Chính ngài là bậc Tha tâm thông,
Nhờ vậy từ vua đến đạo quân,
Giải thoát khỏi vòng vây dục vọng,
Xin ngài ban bố một hồng ân,
Chúng ta quả thật đều mong ước,
Đạt đến niềm an lạc Thánh nhân.

Sau đó, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ khác để ban cho các vị đặc ân này:

88. Ta ban điều các vị mong cầu,
Để các vị xa ác dục mau,
Hoan hỷ vô biên, tâm thấm đượm,
Đạt thành cực lạc ước về sau.

Nghe vậy các vị ngâm kệ tán đồng:

89. Mọi việc làm theo lệnh của ngài,
Những gì ngài nghĩ tối ưu thôi,
Để tâm thấm đượm vô biên hỷ,
Đạt đến lạc an, dạ ước hoài.

Sau đó, bậc Đại sĩ truyền cho xuất gia đối với đoàn quân sĩ của ba vị vua và bảo hội chúng khổ hạnh ra về qua vần kệ này:

90. Đã kính lễ Kisavaccha,
Giờ đây chư vị hãy đi về,
Hỡi chư Tôn đức hạnh tu tốt,
Hãy trú an trong thiền tịnh kia,
Hỷ lạc trong đời tu xuất thế,
Chính là cực lạc tối cao xa.

Các Thánh nhân này tán đồng ý kiến của ngài bằng cách cung kính đảnh lễ ngài rồi bay lên hư không trở về nơi cư trú của mình. Còn Thiên chủ Sakka từ chỗ ngồi chắp tay đảnh lễ bậc Đại sĩ chẳng khác nào tôn kính vầng nhật rồi cùng hội chúng ra về. Thấy vậy, bậc Đại sĩ ngâm các vần kệ sau:

91. Nghe thuyết toàn chân lý tối cao,
Bởi Hiền nhân giọng điệu thanh tao,
Chư thiên trở lại miền thiên giới,
An lạc, ân tình thắm thiết sao.

92. Lời lẽ Thánh hiền dạy lọt tai,
Mang đầy ý nghĩa, giọng thanh bai,
Ai tinh cần tập trung tâm trí,
Tầm tứ chuyên đề sẽ thấy ngay,
Chứng ngộ trước sau sẽ đạt được,
Đạt xong thoát tử thần quyền oai.

***

Bậc Đạo sư đã thuyết giáo như vậy đưa đến quả A-la-hán tối thượng và bảo:

– Không phải chỉ ngày nay mà ngay cả ngày xưa nữa, cũng có trận mưa hoa trời nơi đài hỏa táng của Mục-kiền-liên.

Rồi Ngài giảng bày các Thánh đế và nhận diện tiền thân:

93. Xá-lợi-phất Sālissara,
A-na-luật-đà Pabbata,
Ca-chiên-diên chính Devala,
Ca-diếp là Meṇḍissara.

94. Và A-nan Anusissa,
Mục-kiền-liên Kisavaccha,
Sarabhaṅga chính là Ta,
Câu chuyện tiền thân hiểu thế này.

§523. CHUYỆN THIÊN NỮ ALAMBUSĀ (*Alambusajātaka*) (*J*. V. 152)

Thiên chủ Inda, đấng vạn năng...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc một Tỳ-kheo bị mê hoặc bởi người vợ trước đây. Câu chuyện được kể đầy đủ trong *Chuyện các căn.*[12] Lúc bấy giờ, bậc Đạo sư hỏi vị Tỳ-kheo:

– Này Tỳ-kheo, có thật ông sinh tâm bất mãn chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn, quả đúng vậy.

– Do ai gây nên?

– Bạch Thế Tôn, do người vợ của con ngày trước.

– Này Tỳ-kheo, nữ nhân này đã làm hại ông, chính vì kẻ đó mà trước kia ông đã mất hết thiền lực và phải nằm liệt suốt ba năm ròng trong trạng thái mê man bất tỉnh, đến khi hồi tỉnh, ông đã than khóc thảm thiết.

Nói xong, Ngài kể cho vị này nghe câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, dưới triều Vua Brahmadatta ở Ba-la-nại, Bồ-tát tái sinh vào một gia đình Bà-la-môn ở quốc độ Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thông thạo

[12] Xem *J.* III. 463, *Indriyajātaka* (*Chuyện các căn*), số §423.

mọi môn học thuật và sau đó ngài xuất gia, vào rừng sống bằng củ quả rừng. Lúc bấy giờ, một con nai cái sống trong vùng thảo am của vị Bà-la-môn này ăn cỏ và uống nước suối có hòa lẫn tinh dịch của ngài, rồi lại sinh lòng say mê ngài đến độ nó mang thai và từ đó đến trú luôn ở nơi gần nhà của ẩn sĩ.

Bậc Đại sĩ xem xét kỹ vấn đề và biết được sự thật của trường hợp trên. Về sau, nai cái sinh một nam nhi, bậc Đại sĩ chăm sóc hài nhi ấy với tình phụ tử. Hài nhi được đặt tên là Isisiṅga (Ẩn sĩ Lộc Tử). Khi chàng trai đến tuổi trưởng thành, ngài cho chàng thọ giới tu hành; khi ngài đã già, ngài dẫn chàng đến rừng Nāri và căn dặn:

– Này con yêu quý, ngay trong vùng Tuyết Sơn này có nhiều nữ nhân tươi đẹp như hoa, chúng thường đem lại tai họa tàn khốc cho những ai rơi vào uy lực của chúng. Vậy con đừng để cho chúng chinh phục.

Không bao lâu sau đó, ngài từ trần và sinh lên Phạm thiên giới. Còn ẩn sĩ Isisiṅga trong lúc tham thiền nhập định, an trú tại vùng Tuyết Sơn làm một nhà đại khổ hạnh khắc nghiệt, hộ trì các căn, tu tập tinh chuyên. Vì uy lực giới đức của ẩn sĩ này, cung của Thiên chủ Sakka bị rúng động. Thiên chủ xem xét, tìm ra nguyên nhân và suy nghĩ: "Người này sẽ hạ ta xuống khỏi ngôi vị Thiên chủ, vậy ta quyết sai một thiên nữ đi phá hoại công đức của vị này."

Sau khi quan sát toàn thế giới chư thiên, giữa hai mươi lăm triệu nàng thiên nữ cõi trời, ngài thấy ngoại trừ thiên nữ Alambusā, không có ai xứng hợp với công việc này hơn cả. Ngài liền triệu nàng đến và ban lệnh cho nàng phải đi phá hoại công đức của Thánh nhân thanh tịnh kia.

***

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu:

95. Thiên chủ Inda, đấng vạn năng,
Xưa kia đã giết Vatra thần,
Triệu nàng thiên nữ vào cung điện,
Vì biết nàng mưu chước lẫy lừng.

96. Thiên nữ Alambusā, Đế-thích truyền,
Ở trên hội chúng của chư thiên,
Bảo nàng đến gặp Isisiṅga nọ,
Quyến rũ chàng say đắm mối duyên.

Thiên chủ Sakka ra lệnh cho Alambusā:

– Nàng hãy tìm gặp Isisiṅga, dùng uy lực của nàng chinh phục và phá hủy công đức của chàng!

Rồi ngài ngâm vần kệ:

97. Hãy theo cám dỗ sát bên chàng,
Vì chính chàng là bậc Thánh nhân,

Trong lúc đi tìm nguồn cực lạc,
Lại còn chiến thắng cả Thiên hoàng.

Nghe nói vậy, nàng Alambusā đáp hai vần kệ:

98. Giữa bao thiên nữ, tấu Thiên hoàng,
Sao chỉ riêng nhìn đến tiện nhan,
Và bảo phận hèn đi quyến rũ,
Thánh nhân đe dọa chiếc ngai vàng?

99. Vườn Nanda, cực lạc thần tiên,
Có biết bao thiên nữ diệu huyền,
Đến lượt một nàng trong số ấy,
Xin giao việc đáng rủa nguyền trên.

Tiếp theo, Thiên chủ ngâm ba vần kệ:

100. Nàng nói đúng thay, ở lạc viên,
Nandana, trẫm biết vườn tiên,
Nhiều thiên nữ diễm kiều dung sắc,
Sánh kịp nàng, thường được ngắm xem.

101. Nhưng này, hỡi tuyệt thế tiên nương,
Chẳng có ai dùng kế mỹ nhân,
Điêu luyện như nàng, hòng quyến rũ,
Thánh nhân bằng mọi cách điên cuồng.

102. Vậy nàng quả thật đóa hoa khôi,
Hãy bước lên đường, tố nữ ôi,
Dùng lực thần kia là mỹ sắc,
Buộc Hiền nhân nọ phục oai trời.

Nghe lời này, nàng Alambusā ngâm hai vần kệ:

103. Phận hèn sẽ quyết, tấu Thiên hoàng,
Tiến bước lên đường phụng mệnh ban,
Song vẫn lo âu phần thiếp dám,
Liều mình hại bậc Thánh nghiêm trang.

104. Bởi vì lắm kẻ đáng thương thay,
[Thiếp sợ run vì ý nghĩ này]
Làm hại Thánh hiền nên phải đọa,
Ăn năn ngục tối khổ đau đầy.

Các vần kệ này là của bậc Giác Ngộ:

105. Thiên nữ Alambusā nói vậy xong,
Khởi hành, nàng lướt tốc như phong,
Đi lôi cuốn tịnh nhân lừng lẫy,
Vào các hành vi bất tịnh nhân.

106. Đến cánh rừng kia nửa dặm sâu,
Thắm tươi đỏ rực các chùm dâu,
Isisiṅga trú ẩn trong rừng ấy,
Nàng biến mình đi chẳng thấy đâu.

107. Tảng sáng tinh mơ chớm nắng đào,
Trước khi vầng nhật hiện lên cao,
Nàng thiên nữ đến gần hiền giả,
Đang quét thảo am sạch biết bao.

Lúc ấy, vị khổ hạnh ngâm kệ hỏi nàng:

108. Ai đó như tia chớp sáng ngời,
Rõ ràng như thể ánh sao mai?
Đôi tay đeo ngọc, hoa tai điểm,
Lấp lánh từ xa rực cả trời.

109. Như phấn chiên-đàn tỏa ngát hương,
Huy hoàng chẳng khác ánh triêu dương,
Yêu kiều vóc liễu thanh thanh dáng,
Tuyệt sắc cho ai được ngắm nàng.

110. Dịu dàng, trong trắng với lưng thon,
Nhún nhẩy nhịp nhàng nhón gót son,
Yểu điệu thân nàng bao diễm lệ,
Làm ta say đắm cả tâm hồn.

111. Cặp đùi nàng giống chiếc vòi voi,
Dài thẳng, thon dần thật mảnh mai,
Mông của nàng êm đềm xúc cảm,
Tròn như mặt gỗ để chơi bài.

112. Rốn nàng để lộ đám lông mềm,
Ta tưởng chừng tơ các ngó sen,
Từ phía xa xa nhìn chỉ thấy
Tựa hồ đầy dược thủy đen huyền.

113. Đôi vú sữa như nửa quả bầu,
Căng phồng khoe cả cặp hình cầu,
Săn tròn cho dẫu không cây chống,
Chúng thật hoàn toàn chẳng dựa đâu.

114. Môi lưỡi nàng đều đỏ thắm tươi,
Thật là quý tướng hiếm hoi ôi!
Cổ dài như thể linh dương núi,
Lại vẽ thêm ba ngấn rạch ròi.

115. Răng nàng dùng chút gỗ lau chùi,
Trong sạch luôn luôn giữ sáng ngời,

Lấp lánh cả hàm trên lẫn dưới,
Chiếu đầy tia sáng trắng tinh khôi.

116. Đôi mắt nàng bầu dục dáng hình,
Khi nhìn, bao vẻ đẹp đa tình,
Khác nào đôi trái dâu đen láy,
Tô điểm màu đo đỏ mép vành.

117. Bím tóc mướt trơn chẳng quá dài,
Kết thành từng cuốn gọn nhất đời,
Điểm vàng đầu mút mùi thơm ngát
Dầu phấn đàn hương quý tuyệt vời.

118. Giữa mọi người theo nghiệp bán mua,
Nuôi bầy gia súc hoặc cày bừa,
Giữa bao ẩn sĩ đầy uy lực,
Nguyện sống đời thanh tịnh ẩn cư.

119. Trong muôn loài giữa cõi trần gian,
Ta chẳng thấy ai sánh kịp nàng,
Thân phụ là ai, cùng quý tánh,
Ta mong nàng thổ lộ cho tường.

Trong lúc vị ẩn sĩ tán tụng nàng Alambusā từ bàn chân lên đến đỉnh đầu không sót đường tơ kẽ tóc nào, nàng vẫn giữ lời yên lặng. Và khi nghe chàng nói lời lẽ dài dòng như vậy, nàng nhận thấy tâm trạng của chàng đang rất dao động liền ngâm kệ này:

120. Vạn phúc trời ban đến bạn lành,
Thời gian, Ca-diếp hỡi, trôi nhanh,
Sao chàng mãi hỏi chi vơ vẩn,
Chẳng phải đôi ta chỉ một mình?
Hãy vào am thất, chốn tu hành,
Chụp lấy ngay cơ hội chứng minh,
Ngàn thú giao hoan này khét tiếng,
Giữa người sùng bái đạo si tình.

Nói vậy xong, thiên nữ Alambusā nghĩ thầm: “Nếu ta cứ đứng yên, chàng sẽ không đến gần cho ta được dịp quyến rũ chàng, vậy ta phải làm như thể sắp bỏ chạy.” Rồi dùng mỹ nhân kế để làm dao động quyết tâm của vị ẩn sĩ, nàng bỏ chạy về hướng ban nãy nàng đã đến.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

121. Nói xong thiên nữ Alambusā,
Vội vã tạ từ cất bước xa,

Danh sĩ Isisiṅga, hòng quyến rũ,
Hiền nhân vướng phải nghiệp dâm tà.

Vị ẩn sĩ thấy nàng bỏ đi liền kêu lên:

– Nàng đã đi rồi.

Và chàng nhanh nhẹn chặn lối nàng, trong khi nàng đang chầm chậm bước đi rồi lấy tay nắm tóc nàng lại.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

122. Như gió, chàng mau lướt vội vàng,
Cố ngăn nàng chạy trốn xa chàng,
Hăng say đeo đuổi theo thiên nữ,
Chụp lấy đầu, cầm bím tóc nàng.

123. Chính tại nơi chàng đứng lặng yên,
Hằng nga ôm chặt giữa tay tiên,
Tức thì công hạnh chàng tiêu hết,
Biết vậy, nàng tiên thấy thỏa nguyền.

124. Khởi niệm, nàng bay đến Ngọc cung,
Tại Nanda thượng uyển muôn trùng,
Ngọc hoàng hiểu rõ điều nàng ước,
Phái vội thiên xa lấp lánh vàng.

125. Che năm mươi lọng ở bên trên,
Bên dưới cả ngàn tấm trải lên,
Tại đó, Hiền nhân nằm khuất phục,
Trong tay thiên nữ lắm ngày trường.

126. Ba năm ròng rã lướt qua đầu,
Trên cõi trời giây lát bóng câu,
Cho đến phút sau cùng, ẩn sĩ,
Trở mình thức khỏi cánh tay mầu.

127-28. Cây xanh chàng thấy khắp nơi nơi,
Bệ lửa thờ nằm cạnh đó thôi,
Thăm thẳm ngàn cây vang vọng mãi,
Tiếng sơn ca lảnh lót ngân dài.

129. Nhìn quanh, chàng nức nở đau thương,
Nhỏ lệ đắng cay phận tủi hờn:
"Ta chẳng cầu kinh, dâng lễ vật,
Nơi đây chẳng cúng tế đăng đàn.

130. Ta trú rừng hoang vắng, độc thân,
Nào ai người cám dỗ mình chăng,

Ai dùng tà hạnh làm tiêu tán,
Tất cả lương tâm với trí năng,
Chẳng khác con thuyền đầy báu vật,
Bị chìm đắm giữa chốn trùng dương?"

Nghe vậy, Alambusā nghĩ thầm: "Nếu ta không nói rõ, ắt chàng sẽ nguyền rủa ta, vậy ta phải nói cho chàng hay." Rồi nàng hiện hình ra đứng bên cạnh chàng ngâm kệ:

131. Thiên chủ Sakka phái đến đây,
Nguyện làm tỳ nữ phục tuân ngài,
Dù vô tình thiếp không hay biết,
Đã hại người trong cực lạc này.

Nghe nàng nói vậy, chàng liền nhớ lại lời cha dạy rồi than khóc về việc chàng đã bị phá tan hết công hạnh chỉ vì không nghe lời cha và ngâm kệ:

132. Ca-diếp, cha ta đã dạy rằng:
"Này con, hãy cảnh giác đề phòng,
Nữ nhân như đóa hoa sen đẹp,
Ẩn chứa bên trong hấp lực thần."

133. Đề phòng nữ sắc đắm mê hồn,
Hiểm họa đâu đây chực kế gần.
Do vậy lòng nhân từ thúc đẩy,
Nghiêm đường khuyên nhủ trẻ phòng thân.

134. Phóng dật, ta cam chịu bỏ qua,
Những lời thông tuệ của cha già,
Than ôi, đơn độc, ta đau đớn,
Nay sống rừng hoang, dạ xót xa!

135. Đời cũ, ta nguyền rủa lắm thay,
Vâng lời cha dạy kể từ đây,
Thà đành vong mạng còn hơn phải,
Trở lại đường xưa lối cũ này.

Sau đó, chàng từ bỏ dục lạc và tham thiền nhập định. Còn Alambusā thấy rõ công đức tu tập của chàng, biết rằng chàng đã đạt thiền chứng liền hoảng sợ cầu xin chàng tha tội.

***

Bậc Đạo sư ngâm hai vần kệ làm sáng tỏ vấn đề này:

136. Bỗng chốc Alam hiểu rõ ràng,
Lực chàng kiên định, thật can tràng,
Vội quỳ đảnh lễ Hiền nhân ấy,
Lập tức nàng ôm lấy gót chàng:

137. "Xin dẹp lôi đình, đấng Thánh minh,
Thiếp đã gây một chuyện tày đình,
Khi chư thiên cõi trời vinh hiển,
Rúng động kinh hoàng nghe đại danh."

Sau đó, chàng để thiên nữ ra đi và bảo:

– Này thiên nữ, ta tha tội cho nàng, thôi nàng hãy đi nơi nào tùy ý!

Rồi chàng ngâm kệ:

138. Tam Thập Tam thiên, hưởng phước lành,
Cùng Vāsava,[13] chúa tể quần sinh,
Và nàng thiên nữ, xin từ giã,
Nàng được tự do thỏa nguyện mình.

Từ tạ chàng xong, nàng trở về thiên giới trong chiếc xe vàng ấy.

***

Bậc Đạo sư ngâm ba vần kệ làm sáng tỏ vấn đề này:

139. Ôm lấy đôi chân bậc Trí nhân,
Đi về phía hữu, nhiễu quanh vòng,
Chắp tay dáng điệu cầu tha tội,
Nàng hiện hình đi khỏi mắt chàng.

140. Nàng thiên nữ lại cưỡi xe vàng,
Lộng lẫy yên cương được điểm trang,
Mọi vẻ huy hoàng khăn ngọc phủ,
Nàng phi nhanh đến cõi thiên đàng.

141. Như đuốc hồng hay chớp lóe ngang,
Nàng du hành vượt thẳng trời quang,
Sakka Thiên chủ hân hoan phán:
"Chẳng ước nguyện nào trẫm chẳng ban."

***

Khi nhận được điều ước do ngài ban, nàng ngâm vần kệ kết thúc:

142. Ví dầu Đế-thích, chúa chư thiên,
Ban thiếp điều tâm ước nguyện riêng:
"Xin chẳng bao giờ còn cám dỗ,
Thánh nhân nào phá bỏ lời nguyền."

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại dành cho vị Tỷ-kheo kia và giảng

[13] Vāsava (天神王, Thiên Thần vương), một tên của Thiên chủ Sakka (Đế-thích). Tham khảo: *D*. II. 260, 274; *S*. I. 221, 223, 229, 234; *DhA*. III. 270; *J*. I. 65.

giải các Thánh đế cùng nhận diện tiền thân; cuối phần các Thánh đế, vị Tỳ-kheo ấy đắc Sơ quả (Dự lưu):

– Lúc bấy giờ, Alambusā chính là người vợ trước kia, Isisiṅga là vị Tỳ-kheo có tâm bất mãn này và đại ẩn sĩ cha chàng chính là Ta.

§524. CHUYỆN LONG VƯƠNG SAṀKHAPĀLA

(*Saṁkhapālajātaka*)[14] (*J.* V. 161)

Dáng điệu thanh tao, tướng đẹp xinh...

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên, liên quan đến các phận sự trong những ngày trai giới.

Lúc bấy giờ, nhân dịp này bậc Đạo sư tán thán một số cư sĩ hành trì trai giới và bảo:

– Các Hiền nhân ngày xưa đã từ bỏ cảnh giới huy hoàng của long vương (*nāga*) và hành trì trai giới.

Rồi theo lời thỉnh cầu của các Tỳ-kheo, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cai trị thành Rājagaha (Vương Xá). Thời bấy giờ, Bồ-tát sinh làm vương tử của chánh hậu, được đặt tên là Duyyodhana. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thông đạt các môn học thuật tại Takkasilā và trở về triều thăm vua cha. Phụ vương liền truyền ngôi cho ngài và xuất gia tu hành tại ngự viên.

Cứ ba lần trong ngày, Bồ-tát đến yết kiến phụ vương, thời bấy giờ đang được tôn kính và cung phụng trọng thể. Việc này gây trở ngại khiến vua cha không thể thực hành những pháp môn làm phát khởi thiền định nên ngài suy nghĩ: "Ta đang hưởng đầy đủ lợi dưỡng cùng với sự tôn sùng tột bực, nếu ta còn ở đây thì không thể nào đoạn trừ được tham dục. Vậy ta không nói với hoàng nhi, cứ việc bỏ đi nơi khác."

Thế là không nói với một ai, ngài rời ngự viên và vượt qua biên giới của quốc độ Ma-kiệt-đà, ngài dựng một lều lá trong quốc độ Mahiṁsaka, gần núi Candaka bên dòng sông Kaṇṇapeṇṇā bắt nguồn từ hồ Saṁkhapāla. Ngài an trú tại nơi đó cho đến khi thành tựu các pháp môn làm phát khởi thiền định, ngài tu tập các thắng trí và chỉ thọ dụng những gì ngài kiếm được. Một vị long vương thuộc loài rồng (nāga) có danh hiệu Saṁkhapāla sinh trưởng từ dòng sông Kaṇṇapeṇṇā cùng hội chúng đông đảo loài rồng thỉnh thoảng đến yết kiến ẩn sĩ nên ngài thuyết pháp cho long vương.

---

[14] Xem *J.* VI. 262, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546; *M.* II. 54, *Raṭṭhapālasutta* (*Kinh Raṭṭhapāla*), số 82; *Thag.* v. 769, *Raṭṭhapālattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Raṭṭhapāla*); *Cp.* 91, *Saṅkhapālacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Saṅkhapāla*); *Vv.* 126, *Serīssakavimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Serissaka*); *Pv.* 74, *Serīssakapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Serīssaka*).

Lúc bấy giờ, vương tử nóng lòng gặp cha nhưng không biết ngài hiện ở đâu nên thân hành đi tìm. Khi biết được nơi ngài đang cư ngụ như thế, vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo đến yết kiến ngài. Sau khi dừng lại ở một đoạn đường ngăn cách với nơi ấy, vua cùng một số cận thần đi về phía lều ẩn sĩ. Lúc ấy, long vương Saṁkhapāla đang cùng đoàn tùy tùng nghe thuyết pháp, nhưng khi thấy vua đến gần liền đứng dậy vái chào ngài rồi từ tạ ra về.

Vua đảnh lễ phụ vương và sau các nghi lễ thông thường của đôi bên, vua hỏi:

– Bạch Tôn giả, vị vua nào vừa yết kiến Tôn giả?

– Này Vương nhi, đó là long vương Saṁkhapāla.

Vương tử liền mong ước được viếng thăm cảnh giới rồng vì vẻ huy hoàng rực rỡ ở đó. Khi ở lại cùng cha vài ngày, ngài cung cấp cho phụ vương đủ thực phẩm như thường lệ rồi trở về thành.

Nơi đó, ngài cho xây bố thí đường tại bốn cổng thành, nhờ công đức bố thí ấy, ngài gây chấn động khắp cõi Diêm-phù-đề. Vì ước nguyện đến cảnh giới rồng, ngài luôn hành trì giới luật và giữ các phận sự trong ngày trai giới nên khi mạng chung, ngài được tái sanh vào cảnh giới rồng làm long vương Saṁkhapāla.

Dần dần qua thời gian, ngài đâm chán cảnh huy hoàng này nên từ khi ước nguyện tái sanh làm người, ngài lại hành trì các ngày trai giới. Nhưng ở trong cảnh giới rồng, việc hành trì giới luật không có kết quả gì mà giới đức của ngài lại bị hao tổn. Từ đó, ngài lìa bỏ cảnh giới rồng và đến một nơi không xa dòng sông Kaṇṇapeṇṇā ấy, cuộn mình quanh ổ mối giữa đường cái và đường mòn, ngài quyết tâm giữ ngày trai giới và thực hành giới đức. Và ngài bảo:

– Kẻ nào cần da thịt ta thì cứ lấy hết đi!

Và như vậy theo hạnh bố thí, ngài hy sinh thân mình, nằm trên ổ mối, an nghỉ tại đó trong các ngày mười bốn và rằm giữa tháng. Ngài trở về cảnh giới rồng vào ngày mười sáu và mùng một.

Một ngày kia, ngài vừa thọ trì hạnh đó xong và đang nằm nghỉ thì có mười sáu nam nhân ở làng bên cạnh, thèm ăn thịt nên lang thang vào rừng, cầm vũ khí trong tay. Khi trở về chẳng kiếm được thú vật gì, chúng thấy ngài nằm trên ổ mối liền nghĩ: "Hôm nay ta chẳng bắt được một con tắc kè nhỏ nào, vậy ta phải giết rồng chúa này mà ăn thịt." Nhưng vì sợ thân mình ngài quá to lớn, cho dù chúng có bắt được ngài, ngài cũng sẽ thoát ra nên chúng nghĩ rằng phải đâm ngài bằng các cây cọc ngay khi ngài đang nằm cuộn mình ở đó và sau khi gây thương tích cho ngài như vậy, chúng sẽ bắt ngài đi. Thế là chúng cầm cọc tiến đến gần ngài.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát biến hình to lớn như chiếc thuyền rộng cực kỳ xinh đẹp, tựa vòng hoa lài đặt trên mặt đất, đôi mắt như hạt cam thảo rừng (jiñjuka), cái đầu như hoa ngũ phướng (jayasumana). Khi nghe tiếng chân của mười sáu người kia, ngài ngẩng đầu lên từ thân thể cuộn tròn, mở to đôi mắt rực lửa nhìn cả bọn đi đến cầm cọc trong tay. Ngài suy nghĩ: "Hôm nay ước nguyện của ta

sẽ thành tựu trong lúc ta nằm ở đây, vậy ta phải nhất tâm cao độ và hy sinh thân mạng ta cho bọn chúng. Khi chúng lấy dao đâm ta, gây thương tích đầy mình ta, ta cũng không được mở mắt ra căm hận nhìn chúng." Rồi để giữ vững quyết tâm này vì sợ phạm giới luật, ngài giấu đầu vào giữa đám mào và nằm yên.

Bọn người kia đến gần ngài, nắm lấy đuôi kéo lê trên mặt đất. Sau đó lại thả ngài xuống, chúng dùng cọc nhọn đâm vào tám chỗ trên thân ngài rồi lấy gậy tre màu đen, gai nhọn đủ thứ đâm vào các vết thương đang nứt nẻ xong lại bước đi, lôi ngài theo bằng dây thừng buộc vào tám chỗ ấy. Bậc Đại sĩ từ lúc bị thương bởi cọc nhọn kia, không hề mở mắt hay căm hận nhìn chúng, song khi ngài bị kéo lê đi bằng tám sợi dây ấy, đầu ngài trút xuống đập vào đất. Vì thế, khi chúng thấy đầu ngài rũ xuống, chúng đặt ngài trên con đường dốc cao, đâm qua mũi ngài một chiếc cọc mỏng, nhấc đầu ngài lên luồn sợi dây vào mũi và sau khi buộc đầu dây xong, chúng lại nhấc đầu ngài tiếp tục kéo đi.

Vừa lúc ấy, một vị điền chủ tên gọi là Āḷāra sống ở trong thành Mithilā thuộc quốc độ Videha đang ngồi trong một cỗ xe sang trọng du hành cùng năm trăm cỗ xe nữa, trông thấy bọn ác nhân đang cố lôi Bồ-tát trên đường liền cho cả mười sáu người trong bọn chúng mỗi người một con bò, một nắm tiền vàng, đầy đủ y phục bên trong lẫn bên ngoài, lại cho vợ con chúng đồ kim hoàn để đeo xong bảo chúng thả ngài ra.

Bồ-tát liền trở về cung điện của nāga, lập tức đem theo đoàn tùy tùng đông đảo đến gặp Āḷāra; và sau khi tán dương cảnh đẹp của long cung, ngài đem ông về đó. Ngài ban tặng đại vinh hoa phú quý cho ông cùng với ba trăm long nữ và mời ông thọ hưởng đủ lạc thú thần tiên. Āḷāra sống một năm tròn tại cung thất của nāga, hưởng mọi thiên lạc xong liền bảo long vương:

– Này Hiền hữu, ta muốn trở thành ẩn sĩ tu hành.

Rồi đem theo đủ mọi thứ cần dùng cho đời ẩn sĩ, ông rời long cung đi đến vùng Tuyết Sơn tu hành, an trú tại đó một thời gian dài. Sau đó, ông đi đến gần thành Ba-la-nại và an trú trong ngự viên. Hôm sau, ông vào thành khất thực, đi đến cung vua. Vua xứ Ba-la-nại thấy diện mạo ông trông thật uy nghi liền cho gọi vào yết kiến, đặt ông lên chiếc bảo tòa đặc biệt và ban cho đầy đủ cao lương mỹ vị, còn vua ngồi trên chiếc bảo tòa thấp hơn, đảnh lễ xong lại đàm đạo với ông. Vua ngâm vần kệ đầu:

143. Dáng điệu thanh tao, tướng đẹp xinh,
Chắc con dòng thế phiệt trâm anh,
Niềm vui thế tục sao rời bỏ,
Khoác áo tu theo luật Thánh hành?

Các vần kệ sau đây là những lời đối đáp xen kẽ giữa vị ẩn sĩ khổ hạnh và vua:

[Ẩn sĩ Āḷāra:]

144. Tâu Chúa công, ta nhớ rõ rành,
Cung long vương nọ, dáng oai linh,

Quả lành phát xuất từ thanh tịnh,
Nên nguyện khoác lên áo Thánh hành.

[Đức vua:]

145. Chẳng mối hãi kinh hoặc dục, sân,
Khiến Hiền nhân phải bỏ lời chân,
Nói cho ta rõ điều mong biết,
Tịnh tín tâm ta phát triển dần.

[Ẩn sĩ Āḷāra:]

146. Trong lúc bán buôn, tâu Đại vương!
Ta nhìn thấy một bọn trai làng,
Đang lôi rồng lớn, thân đồ sộ,
Hí hửng cười vui trên bước đường.

147. Đại vương, ta cảm thấy kinh hoàng,
Lông tóc dựng lên, bảo chúng rằng:
"Sao quái long này bị kéo thế,
Các ngươi lôi nó đi đâu chăng?"

[Trai làng:]

148. Rồng này bị kéo làm đồ ăn,
Rồng lớn có thân hình nở nang,
Thịt nó ngọt ngon, mềm, rất béo,
Người Videha rõ chưa từng.

149. Chúng tôi đi thẳng về nhà xong,
Mang các dao ra cắt xẻ rồng,
Thích thú ăn ngon từng miếng thịt,
Vì rồng quả thực kẻ thù chung.

[Āḷāra:]

150. Nếu kéo vật này làm thức ăn,
Con rồng lớn, phát tướng to thân,
Tôi cho mười sáu con bò đực,
Xin hãy thả rồng có được chăng?

[Trai làng:]

151. Thịt bò nghe quả thật bùi tai,
Rồng rắn ê hề thịt bấy nay,
Lời ấy, Āḷāra, ta chấp thuận,
Từ đây, tình bạn sẽ lâu dài.

[Āḷāra:]

152. Chúng thả ngài ra khỏi sợi dây,
Buộc xuyên qua lỗ mũi căng thay,

Chúa rồng thoát được vòng tù tội,
Hướng mặt về Đông nghỉ lát giây.

153. Vẫn nhìn Đông, đã sẵn sàng bay,
Quay lại ngắm ta, mắt lệ đầy,
Trong lúc ta nhìn theo hướng ấy,
Như người cầu nguyện, chắp đôi tay:

154. "Nhanh chân chạy trốn, hỡi thân bằng,
E lại sa vào lũ địch nhân,
Tránh bọn bạo tàn, dù thoáng thấy,
Nếu không ắt phải họa vào thân."

155. Ngài vội đến hồ nước đẹp trong,
Đôi bờ lau sậy lẫn đào hồng,
Trong lòng hoan hỷ, không còn sợ,
Lặn xuống vực sâu thăm mịt mùng.

156. Vừa khi biến mất, vị long vương,
Hiển lộ thần thông thực rõ ràng,
Thái độ ân cần, đầy tín cẩn,
Lời tri ân cảm động can tràng.

[Long vương:]

157. Ngài thân thiết vượt đấng sinh thành,
Đã cứu đời ta, bạn chí tình,
Đến tận tủy xương, nhờ chính bạn,
Niềm hoan lạc trước được hồi sinh,
Āḷāra, ngài viếng nơi ta ngự,
Cung điện đầy kho thực phẩm lành,
Chẳng khác Inda thành thượng giới,
Masakkasāra, xứ sở lừng danh.

– Tâu Đại vương, sau khi nói xong những lời này, long vương còn ca tụng thêm cảnh giới của ngài qua hai vần kệ:

158. Quốc độ ta bao cảnh tuyệt vời,
Dưới chân cỏ mướt phủ xanh tươi,
Chẳng vương cát bụi trên đường lộ,
Chốn ấy ly sầu, hưởng lạc thôi.

159. Sân bằng tường ngọc bích bao quanh,
Xoài đẹp sum suê tứ diện thành,
Chùm trái chín muồi khoe sắc thắm,
Bốn mùa thay đổi suốt năm lành.

[Āḷāra:]

160. Giữa rừng xoài ấy, điện bằng vàng,
Ngài ngắm, then cài bạc chắn ngang,
Rực rỡ cung đình kia nổi bật,
Hơn làn chớp lóe giữa không gian.

161. Tô điểm bảo châu đẹp dị thường,
Biết bao tranh vẽ quý trang hoàng,
Quần tiên phục sức xa hoa quá,
Trước ngực đong đưa chuỗi hạt vàng.

162. Saṁkha Đại đế ngự lên mau,
Lầu thượng, quyền uy thật tối cao,
Được dựng lên ngàn hàng cột trụ,
Ấy cung hoàng hậu được ngài giao.

163. Nhanh nhẹn một tiên nữ lúc này,
Cầm viên ngọc báu ở trong tay,
Ngọc lam quý hóa đầy thần lực,
Tự ý mời ta một chiếc ngai.

164. Rồng chúa nắm tay dẫn đến nơi,
Sừng sững cao sang một chiếc ngai:
"Xin ngài an tọa, ta ngồi cạnh,
Như đấng sinh thành, thắm thiết thay!"

165. Thêm một nàng theo kịp lệnh ngài,
Đến cùng bình nước ở trong tay,
Rửa chân, hầu hạ ta chu đáo,
Như chánh hậu chầu long đế đây.

166. Thêm nàng tiên nữa thật nhanh chân,
Dâng chén vàng, cơm thập cẩm ngon,
Gia vị thơm nồng càng cám dỗ,
Kẻ thèm ăn mỹ vị cao lương.

167. Trỗi nhạc lên, nàng hiểu rằng,
Đó là ý chúa chúng hằng mong,
Chiếm lòng ta, cũng như long đế,
Đem thú thần tiên để tấn công.

Rồi vị chúa rồng đến gần ta ngâm thêm vần kệ:

168. Ba trăm tỳ thiếp, hỡi Āḷāra,
Trẫm có sẵn đây cả ấy mà,
Tất cả đều lưng thon yểu điệu,
Yêu kiều dung sắc vượt liên hoa,
Kìa xem, chúng chỉ chiều tôn ý,

Xin nhận lời ban tặng của ta.

Āḷāra nói tiếp:

169. Một năm thiên lạc hưởng tràn đầy,
Ta hỏi long vương một chuyện này:
"Sao được tiên cung làm nội thất,
Làm sao cung điện đến phần ngài?

170. Tiên cảnh này thành tựu ngẫu nhiên,
Được ngài xây, tặng vật chư thiên,
Long vương xin nói điều chân thật,
Sao đến an nhàn ở cảnh tiên?"

Sau đây là các vần kệ đối đáp nhau giữa đôi bên:

[Long vương:]

171. Chẳng phải tình cờ, chẳng tự nhiên,
Chẳng do ta tạo, hoặc chư thiên,
Chính nhờ thiện nghiệp ta, ngài biết,
Nhờ đức hạnh, ta hưởng cảnh tiên.

[Āḷāra:]

172. Ngài hành gì, Phạm hạnh ngài gầy,
Ngài khéo làm gì được quả đây,
Xin nói cho tôi được rõ biết,
Tại sao cung điện được như vầy?

[Long vương:]

173. Xưa ta chúa tể Magadha,
Oai lực, danh Duyyodhana,
Ta biết mạng này rất ngắn ngủi,
Vô thường, biến hoại, thời mau qua.

174. Tâm ta thanh tịnh, kính thành dâng,
Vật thí rất nhiều, nước, thức ăn,
Nhà của ta như nguồn giếng nước,
Toại lòng Sa-môn, Bà-la-môn.

175. Nơi đó ta thành kính cúng dường,
Tràng hoa, dầu xức, phấn thơm hương,
Đèn, xe di chuyển, nơi cư ngụ,
Vải vóc, uống ăn, cả ghế giường.

176. Vậy đó ta hành Phạm hạnh này,
Khéo làm điều ấy, quả như đây,
Ta nhờ tạo phước được cung điện,
Đủ món uống ăn, vật thực đầy,

Lại có thêm nhiều điệu múa, hát,
Hưởng lâu nhưng chẳng mãi còn hoài.

[Āḷāra:]

177. Sao kẻ yếu kia hại đến ngài,
Một vị oai phong, đại lực vầy,
Ngài có răng nanh làm vũ khí,
Lại bại kẻ hèn vì cớ chi?

178. Đại lực tan theo nỗi hãi hùng,
Răng nanh nọc độc cũng tiêu chăng,
Sao ngài thần lực đầy răng ấy,
Mà phải chịu đau bởi ác nhân?

[Long vương:]

179. Đại lực không tan vì hãi hùng,
Cũng không bị chúng hủy tiêu vong,
Ta gìn lời bậc Trí răn dạy,
Như biển bờ cao, khó vượt tràn.

180. Vào ngày mười bốn và mười lăm,
Trai giới ta thường hành tín tâm,
Mười sáu trai làng khi đó đến,
Cầm theo bẫy cứng chắc, dây thừng.

181. Bọn ác nhân đâm thủng mũi ta,
Xuyên dây thừng ấy kéo ta qua,
Đớn đau ta chịu, ôi đành phận,
Giữ Thánh nhật cho khỏi phạm mà.

[Āḷāra:]

182. Thấy trên đường vắng trải giăng dài,
Hình đẹp, khổng lồ, đại lực oai,
"Bậc Trí hiền vinh", ta thét lớn:
"Sao nguyền đời khổ hạnh, thưa ngài?"

[Long vương:]

183. Ta chẳng cầu con, chẳng ước giàu,
Chẳng mong thọ mạng được dài lâu,
Song trên nhân thế ta mong sống,
Nỗ lực, anh hùng đạt đích cao.

[Āḷāra:]

184. Tóc râu chải chuốt, dáng oai hùng,
Phục sức hoàng y, mắt lửa bừng,
Đỏ thắm chiên-đàn, ngài rực rỡ,
Xa xa nào khác nhạc thiên thần.

185. Hưởng bao ân huệ lộc trời cho,
Đầy đủ mọi điều dạ ước mơ,
Ta hỏi long vương, xin nói thật,
Cõi người sao lại muốn an cư?

[Long vương:]

186. Không đâu trừ thế giới người đời,
Thanh tịnh điều thân được thấy rồi,
Chỉ sống giữa đời người thế tục,
Đoạn trừ sinh tử kiếp sau thôi.

[Āḷāra:]

187. Dù hưởng đầy hoan lạc dị thường,
Cùng long vương sống suốt năm trường,
Giờ ta vĩnh biệt, ra đi mãi,
Không ở vì xa vắng cố hương.

[Long vương:]

188. Thê nhi trẫm với những cung nhân,
Được luyện hầu ngài, lệnh phục tuân,
Chắc chẳng kẻ nào gây xúc phạm,
Vì ngài, trẫm thấy rất thương thân.

[Āḷāra:]

189. Như ở gia đình đủ mẹ cha,
Con trai được mến yêu, chăm lo,
Nhưng nơi này tốt hơn nơi đó,
Tâm của ngài, thành tín ở ta.

[Long vương:]

190. Bảo châu trẫm có điểm hồng vân,
Đem đại phú cho kẻ thiếu phần,
Nhận lấy về nhà, khi phú quý,
Xin đưa trả ngọc lại long quân.

Ẩn sĩ sau khi nói xong những lời này liền tiếp tục như sau:

– Tâu Đại vương, sau đó ta đáp lời long vương: "Tâu Đại đế, ta không màng giàu sang, ta chỉ muốn xuất gia tu hành." Sau khi xin ban đủ mọi vật cần thiết cho đời sống tu hành ẩn sĩ, ta từ giã cảnh giới nāga cùng với long vương, và khi đã mời ngài trở lui về, ta vào vùng Tuyết Sơn tu tập.

Nói xong, ẩn sĩ lại thuyết giáo cho vua và ngâm thêm hai vần kệ:

191. Dục tham trần thế thoáng qua nhanh,
Chẳng phục tuân quy luật trưởng thành,
Thấy khổ phát sinh từ ái dục,
Tín tâm dẫn bước đến tu hành.

192. Người tàn như trái rụng tiêu vong,
Già trẻ, muôn loài rã mục thân,
Ta chỉ trú an trong Thánh hạnh,
Tối ưu là thực thể thuần chân.

Nghe lời này, vua ngâm kệ đáp lời:

193. Quả thật nên thân cận Trí nhân,
Bậc suy nghĩ thấu đáo, đa văn,
Nghe lời ngài nói cùng long đế,
Trẫm sẽ làm nhiều điều thiện lành.

Vị ẩn sĩ muốn khuyến khích vua tinh tấn liền ngâm kệ kết thúc:

194. Quả thật nên thân cận Trí nhân,
Bậc suy nghĩ thấu đáo, đa văn,
Nghe lời ngài nói cùng long đế,
Chúa thượng hãy làm điều thiện lành.

Vị này thuyết giáo như vậy với vua và sau khi ở lại đó bốn tháng mùa mưa liền trở về Tuyết Sơn sống và tu tập tứ vô lượng tâm, đến khi mạng chung được tái sanh lên Phạm thiên giới.

Còn Vua Saṁkhapāla trong suốt quãng đời còn lại chuyên tâm hành trì các ngày trai giới, bố thí cùng nhiều thiện sự khác nên sau khi mạng chung, ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, vị vua cha trở thành ẩn sĩ khổ hạnh chính là Kassapa (Ca-diếp), vua xứ Ba-la-nại là Ānanda (A-nan), ẩn sĩ Āḷāra là Sāriputta (Xá-lợi-phất) và long vương Saṁkhapāla chính là Ta.

§525. CHUYỆN TIỂU SUTASOMA (*Cullasutasomajātaka*) (*J.* V. 177)

Hiền hữu, thần dân tụ tập đây...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự tu tập viên mãn hạnh xuất gia của Ngài. Phần đầu câu chuyện tương tự với phần đầu trong *Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa.*[15]

***

Ngày xưa, tại thành Ba-la-nại, trước đây là kinh thành Sudassana có Vua Brahmadatta trị vì. Chánh hậu của ngài sinh ra Bồ-tát. Khuôn mặt ngài sáng rực như trăng rằm, vì thế ngài được đặt tên Soma (Nguyệt Cung). Khi ngài đến

[15] Xem *J.* VI. 220, *Mahānāradakassapajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa*), số §545.

tuổi trưởng thành, vì ngài có nhiều kiến thức và thường xuyên học hỏi nên ngài được mệnh danh là Sutasoma (Soma thông thái).

Đến tuổi khôn lớn, ngài được truyền dạy các môn học thuật tại Takkasilā và sau khi trở về nhà, ngài được vua cha ban chiếc lọng trắng. Ngài trị vì quốc độ rất đúng pháp, cai quản cả một lãnh thổ rộng lớn cùng mười sáu ngàn cung tần với nàng Candā làm chánh hậu. Dần dần, ngài có nhiều hoàng tử, công chúa, ngài đâm nhàm chán với cuộc sống gia đình nên lui vào rừng, mong ước thọ trì giới luật tu hành. Một ngày kia, ngài triệu người hớt tóc vào, phán bảo:

– Khi nào khanh thấy sợi tóc bạc trên đầu trẫm, khanh phải nói cho trẫm biết!

Người hớt tóc tuân lệnh, sau đó thấy một sợi tóc bạc liền tâu với ngài ngay. Vua bảo:

– Vậy khanh hãy nhổ ra và đưa cho trẫm!

Người hớt tóc lấy cái nhíp vàng nhổ ra và đặt vào tay ngài. Bậc Đại sĩ thấy sợi tóc bạc, kêu to:

– Thân ta sắp bị tuổi già tàn phá.

Rồi ngài kinh hoảng cầm sợi tóc bạc bước xuống lầu, ngự lên ngai đặt trước thần dân. Sau đó, ngài triệu tám mươi ngàn triều thần do vị đại tướng cầm đầu và sáu mươi ngàn Bà-la-môn do vị tế sư của triều đình lãnh đạo cùng nhiều cận thần và dân chúng đến, bảo:

– Tóc bạc đã xuất hiện trên đầu trẫm, trẫm đã già rồi, các khanh phải biết rằng trẫm muốn trở thành ẩn sĩ.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

195. Hiền hữu, thần dân tụ tập đây,
Quân sư tin cẩn, hãy nghe vầy:
"Giờ đầu tóc bạc ta dần hiện,
Ta muốn trở thành ẩn sĩ ngay."

Nghe vậy, mỗi người trong số đông kia đều thất vọng ngâm vần kệ này:

196. Bất xứng lời kia đã thốt ra,
Mũi tên Hoàng thượng thấu tim ta,
Bảy trăm cung nữ, tâu Hoàng thượng,
Sẽ thế nào khi Chúa xuất gia?

Tiếp theo, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ ba:

197. Kẻ khác sẽ khuyên chúng hết buồn,
Chúng đều kiều diễm, tuổi thanh xuân,
Còn ta hướng đích lên thiên giới,
Nên muốn làm tu sĩ ẩn thân.

Các vị quân sư không thể nào đáp lời vua được liền đi yết kiến thái hậu và trình câu chuyện với bà. Thái hậu liền vội vã đi đến hỏi vua:

– Này Vương nhi, quần thần bảo rằng Vương nhi muốn làm ẩn sĩ có đúng chăng?

Bà lại ngâm hai vần kệ:

198. Than ôi! Ngày bất hạnh như vầy,
Ngày được Vương nhi gọi mẹ đây,
Vì quá vô tình nhìn lệ thảm,
Con làm ẩn sĩ kể từ nay.

199. Bạc phận, than ôi, quả đúng thời,
Soma con trẻ đã chào đời,
Vô tình trước lệ sầu cay đắng,
Sao quyết tu hành, Vương tử ôi!

Trong khi thái hậu than khóc như vậy, Bồ-tát không thốt lên lời nào. Thái hậu vẫn ngồi một mình khóc lóc mãi. Sau đó, quần thần tâu với phụ hoàng. Ngài đi đến ngâm kệ sau:

200. Pháp nào đây hướng dẫn Vương nhi,
Mong ước rời vương quốc biệt ly,
Bỏ mặc song thân già quạnh quẽ,
Ẩn am tìm đến để tu trì?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ liền trấn an ngài. Phụ vương lại bảo:

– Này Vương nhi Sutasoma, cho dù con không thương tiếc gì đến song thân nữa nhưng con vẫn còn nhiều vương tử, công chúa lắm. Chúng không thể nào sống thiếu con được. Vậy đợi đến khi chúng trưởng thành rồi Vương nhi hãy xuất gia tu hành có được chăng?

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ bảy:

201. Vương nhi nhiều ấu tử, e rằng,
Hết thảy còn đang độ búp măng,
Đến lúc Vương nhi vừa vắng bóng,
Nỗi buồn nào sánh chúng hay chăng?

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp vần kệ:

202. Quả thật thần nhi có lắm con,
Chúng còn đang độ tuổi măng non,
Dù bao năm sống gần bên chúng,
Con phải giờ đây vĩnh biệt luôn.

Thế là bậc Đại sĩ thuyết pháp cho phụ vương và khi nghe ngài thuyết pháp, vua cha bình tâm lại, rồi quần thần thông báo cho bảy trăm cung phi. Họ từ trên thượng lầu bước xuống yết kiến ngài, ôm lấy chân ngài và ngâm vần kệ:

203. Tim chàng có bị vỡ tan ra,
Hay giả là chàng chẳng xót xa?

Cất bước vui theo đời ẩn sĩ,
Khóc than, chúng thiếp mắt lệ nhòa.

Bậc Đại sĩ nghe họ khóc than như vậy, trong lúc họ ngã mình dưới chân ngài và gào thét, ngài liền ngâm thêm một vần kệ:

204. Tim ta cũng nát vỡ tan ra,
Nghĩ đến các nàng, dạ xót xa,
Vì ước nguyện lên thiên giới ấy,
Nên ta kiên quyết sẽ ly gia.

Sau đó, quần thần trình lên chánh cung hoàng hậu. Bà đang mang thai nặng nhọc vì ngày sinh cận kề, bà liền đến gần bậc Đại sĩ, đảnh lễ ngài và kính cẩn đứng qua một bên rồi ngâm ba vần kệ:

205. Than ôi! Bất hạnh chính là ngày,
Thiếp được se duyên Chúa thượng đây,
Vì quá vô tình nhìn lệ thảm,
Đại vương quyết chí xuất gia ngay.

206. Bạc phận, than ôi, đó chính ngày,
Cùng Soma kết tóc se dây,
Vì chàng để mặc ai sầu chết,
Quyết chí theo đời ẩn sĩ đây.

207. Mãn nguyệt khai hoa đã kế gần,
Mong chàng ở lại, hỡi Vương quân,
Khi con sinh hạ, ngày sầu thảm,
Thiếp biết từ đây mất Chúa công.

Đến lượt bậc Đại sĩ ngâm vần kệ đáp:

208. Mãn nguyệt khai hoa đã tới hồi,
Ta chờ đến lúc trẻ ra đời,
Rồi ta từ giã ngay vương tử,
Xuất thế, ta thành ẩn sĩ thôi!

Nghe ngài nói vậy, bà không thể nào kiềm chế nỗi sầu thảm được nữa liền lấy hai tay ôm ngực, bảo ngài:

– Tâu Chúa thượng, từ nay cảnh vinh quang của đôi ta không còn nữa.

Rồi lau dòng lệ xong, bà lại than khóc thảm thiết. Bậc Đại sĩ ngâm kệ an ủi bà:

209. Vương hậu mắt huyền hoa mượt mà,
Xin nàng đừng khóc nữa vì ta,
Candā lên thượng lầu an nghỉ,
Ta sẽ đi, lòng chẳng thiết tha!

Không thể nào chịu đựng những lời nói của ngài được nữa, bà vội bước lên thượng lầu ngồi khóc một mình. Lúc ấy, vị thái tử của Bồ-tát thấy vậy, hỏi bà:

– Tại sao mẫu hậu ngồi khóc ở đây?

Và chàng ngâm kệ này hỏi mẹ:

210. Mẫu hậu, có ai khiến mẹ buồn,
Cớ sao mẹ khóc, lại nhìn con,
Ai không thể giết trong hoàng tộc,
Vì mẹ, con đành giết sạch luôn.

Hoàng hậu liền ngâm vần kệ đáp:

211. Không ai dám hại đến người kia,
Người khiến ta sầu khổ não nề,
Vì chính phụ vương con đã nói:
"Ta không đoái tưởng, sẽ ra đi."

Nghe lời mẹ, thái tử nói:

– Tâu mẫu hậu, sao mẫu hậu lại nói thế? Nếu quả vậy thì chúng con thật bơ vơ.

Chàng liền than khóc và ngâm kệ:

212. Có lần ta dạo khắp hoa viên,
Nhìn lũ voi giao đấu trận tiền,
Ví thử phụ vương thành ẩn sĩ,
Ta làm gì, hỡi kẻ vô duyên?

Sau đó, một vị vương tử vừa lên bảy, thấy anh và mẹ đang khóc liền đến gần mẹ hỏi:

– Mẫu hậu và hoàng huynh ơi, cớ sao lại than khóc?

Và khi nghe duyên cớ, cậu bé bảo:

– Thôi được, đừng khóc nữa, con sẽ không để phụ vương xuất gia đâu.

Rồi vương tử an ủi hai vị xong, cùng nhũ mẫu bước xuống khỏi thượng lầu, đến yết kiến phụ vương và thưa:

– Tâu Phụ vương, thần nhi nghe nói Phụ vương sắp rời bỏ chúng con mà xuất gia, mặc dù chúng con không muốn. Vậy con không chịu để Phụ vương đi tu đâu.

Rồi ôm chặt lấy cổ vua cha, vương tử ngâm vần kệ:

213. Mẫu hậu đang ngồi khóc nỉ non,
Vương huynh cũng muốn giữ cha thương,
Con ôm vương phụ bằng tay vậy,
Chẳng để cha đi trái ý con.

Bậc Đại sĩ liền suy nghĩ: "Thằng bé này thật là mối nguy hiểm cho ta, ta làm thế nào để thoát được nó đây?" Rồi nhìn người nhũ mẫu, ngài bảo:

– Này hiền nhũ mẫu, hãy nhìn viên ngọc trang sức này, ta cho ngươi đấy, chỉ việc đem đứa bé này đi nơi khác, đừng để nó cản trở ta!

Vì ngài không thể tự mình tránh được cậu bé đang nắm chặt lấy tay ngài, ngài hứa ban thưởng cho nhũ mẫu ấy và ngâm kệ:

214. Gắng nuôi vương tử lớn lên dần,
Đem trẻ vui đùa chốn khác hơn,
E trẻ phá tan niềm hỷ lạc,
Cản chân ta vội đến thiên đường.

Nhũ mẫu nhận món quà thưởng và dỗ dành cậu bé rồi dẫn đi nơi khác. Bà vừa than khóc vừa ngâm kệ:

215. Ví ta từ khước hạt minh châu,
Ta chẳng màng chi, sẽ thế nào,
Vì Chúa thượng ta làm ẩn sĩ,
Bảo châu còn có nghĩa gì đâu?

Lúc ấy, vị đại tướng của ngài suy nghĩ: "Chắc đức vua tưởng ngài chỉ có rất ít bảo vật trong cung thôi. Vậy ta sẽ cho ngài biết ngài có vô số kể." Vì thế, vị này đứng lên đảnh lễ vua và ngâm kệ:

216. Đại vương đầy ắp mọi kho tàng,
Chúa thượng tạo nên đại phú cường,
Toàn cõi thế gian đều khuất phục,
Chớ làm ẩn sĩ, sống thư nhàn.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đáp vần kệ:

217. Kho tàng đầy ắp các kim ngân,
Ta đã tạo nên đại phú cường,
Toàn cõi thế gian đều khuất phục,
Nay làm ẩn sĩ, bỏ phàm trần.

Khi ấy, một vị đại phú thương vừa đi đến có tên là Kulavaddhana, nghe lời liền đứng lại đảnh lễ vua và ngâm kệ:

218. Đại vương, thần tột đỉnh giàu sang,
Chẳng đếm làm sao xiết bạc vàng,
Xin ngắm hạ thần dâng tất cả,
Đừng làm ẩn sĩ, sống thư nhàn.

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp vần kệ:

219. Này hỡi Kula, vẫn biết rằng,
Khanh mong dâng hiến cả kho tàng,
Song ta hướng đích về thiên giới,
Nên khước từ nhân giới dục tham.

Ngay khi Kulavaddhana nghe nói vậy và đi khuất rồi, vua liền bảo Hoàng đệ Somadatta:

– Này Hoàng đệ, ta bất mãn như gà rừng bị nhốt trong lồng, ta nhàm chán

cuộc sống gia đình này lắm rồi. Ngay hôm nay ta sẽ làm ẩn sĩ, vậy hoàng đệ hãy đảm nhận trọng trách cai trị nước này!

Giao phó xong việc cho vị kia, ngài ngâm kệ:

220. Này Soma, trẫm thấy ngay rằng,
Nhàm chán lạ thường khắp cảm quan,
Khi nghĩ chất chồng đầy ác nghiệp,
Nay đời ẩn sĩ bước lên đàng.

Nghe lời này, Hoàng đệ Somadatta cũng muốn thành ẩn sĩ và để làm sáng tỏ vấn đề này, chàng ngâm kệ nữa:

221. Anh hỡi Suta đến ẩn mình,
Như lòng nguyện ước chốn am tranh,
Cầu mong đệ cũng làm tu sĩ,
Đời chẳng nghĩa gì nếu vắng anh.

Vua Sutasoma muốn từ chối lời này liền ngâm nửa vần kệ:

222. Hoàng đệ đừng đi, kẻo ngại rằng,
Khắp nơi đời sống thảy đều ngưng.

Nghe như vậy, dân chúng quỳ xuống chân bậc Đại sĩ và than khóc:

Ví dầu hoàng đệ này đi khuất,
Rồi sẽ ra sao, phận chúng thần?

Bậc Đại sĩ liền bảo:

– Thôi đừng than khóc nữa, dù lâu nay ta ở cùng các ngươi, giờ đây ta cũng phải xa lìa các ngươi, chẳng có gì trường tồn trong mọi pháp hữu vi cả.

Rồi ngài ngâm kệ thuyết pháp cho dân chúng:

223. Ngày như nước chảy lọc qua sàng,
Ngắn ngủi, than ôi, lướt vội vàng,
Đời sống xoay vần trong hạn hẹp,
Làm sao được phép thiếu siêng năng.

224. Ngày như nước chảy lọc qua sàng,
Ngắn ngủi, than ôi, lướt vội vàng,
Đời sống xoay vần trong hạn hẹp,
Chỉ người ngu xuẩn thiếu siêng năng.

225. Đày đọa vì xiềng xích dục tham,
Lằn ranh đọa xứ cứ lan tràn,
Càng đông ngạ quỷ, súc sanh giới,
Hội chúng Ma vương cứ mãi tăng.

Bậc Đại sĩ thuyết pháp như vậy cho dân chúng rồi bước lên thượng lầu của cung Vạn Hoa, ngài đứng trên tầng thứ bảy, cắt búi tóc và bảo:

– Bây giờ, ta không là gì nữa đối với các ngươi, vậy các ngươi hãy chọn một vị vua khác đi!

Cùng với những lời này, ngài ném búi tóc của ngài, khăn đội đầu cùng các bảo vật khác xuống giữa quần thần dân chúng. Quần thần cầm lấy búi tóc, lăn lóc trên mặt đất kêu gào thảm thiết. Rồi một đám bụi từ nơi ấy tung lên cao, dân chúng đứng lùi lại nhìn theo bảo nhau:

– Có lẽ đức vua đã cắt búi tóc và ném xuống cùng khăn đội đầu đủ cả vào dân chúng cho nên mới có đám bụi tung lên gần cung điện.

Rồi họ khóc than ngâm kệ:

226. Nhìn đám bụi kia chợt tỏa cao,
Gần hoàng cung Đại Vạn Hoa lầu,
Chắc rằng Minh đế lừng danh vọng,
Đã cắt tóc ngài với bảo đao!

Còn bậc Đại sĩ truyền gọi một quân hầu tìm đủ vật dụng cần thiết của một ẩn sĩ đem đến cho ngài, lại bảo người thợ hớt tóc cạo sạch râu tóc cho ngài. Ném chiếc hoàng bào rực rỡ xuống bảo tòa, ngài cắt bỏ mọi dải lụa màu, đắp lên người những miếng vải màu vàng nối lại, buộc cái chén đất lên đầu vai trái rồi cầm chiếc gậy nhỏ đi đường, ngài đi lui đi tới trên thượng lầu, sau đó bước xuống lầu đi ra đường, song không ai nhận ra ngài khi ngài đi xuống cả.

Còn bảy trăm cung tần bước lên thượng lầu không tìm thấy ngài mà chỉ thấy đống xiêm y của ngài liền bước xuống bảo mười sáu ngàn cung phi khác:

– Đại đế Sutasoma, Chúa thượng tôn quý của chúng ta đã trở thành ẩn sĩ rồi.

Và họ than khóc bước ra. Vừa lúc ấy, dân chúng hay tin ngài đã làm ẩn sĩ, cả kinh thành chấn động hẳn lên, dân chúng bảo nhau:

– Người ta bảo đức vua đã trở thành ẩn sĩ rồi.

Họ đều tụ tập tại cung môn, kêu lên:

– Chúa thượng chắc đang ở một nơi nào đó.

Rồi họ đổ xô ra khắp nơi ngài thường lui tới, song không tìm được ngài. Họ đi lang thang đây đó, vừa than khóc vừa ngâm kệ:

227-42. Này đây cung điện, tháp lầu vàng,
Lủng lẳng vòng hoa tỏa ngát hương,
Rộn rịp bao cung tần mỹ nữ,
Ngày xưa Chúa thượng ngự du thường.

Giăng mắc vòng hoa, dát ngọc vàng,
Ta nhìn cung điện nóc cao sang,
Là nơi hoàng tộc chầu bên cạnh,
Đại đế kiêu hùng bước dọc ngang.

Đây vườn thượng uyển rực muôn hoa,
Thay đổi quanh năm với các mùa,
Rộn rịp bao cung tần mỹ nữ,
Ngày xưa Chúa thượng ngự loan xa.

Hồ kia phủ khắp đám sen xanh,
Nơi chốn chim muông đến lượn quanh,
Tất cả hoàng gia chầu cạnh đó,
Ngày xưa Chúa thượng vẫn du hành.

Cứ thế, dân chúng vừa đi khắp nơi vừa than khóc rồi trở lại sân chầu, họ ngâm kệ:

243. Thật buồn thay, Chúa thượng Soma,
Đã bỏ ngai vàng để xuất gia,
Mặc chiếc hoàng y, ngài rảo bước,
Như voi đơn độc lạc đường xa.

Rồi họ ra đi, bỏ hết nhà cửa đồ đạc, dắt theo con cái, cha mẹ và cháu chắt đi theo Bồ-tát. Họ cùng đi theo với mười sáu ngàn cung phi ca múa. Cả kinh thành như bãi sa mạc vì dân chúng đi theo nhau cả. Bồ-tát và dân chúng chiếm cứ một vùng mười hai do-tuần về Tuyết Sơn.

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka chú tâm đến đại sự xuất thế của ngài liền bảo Vissakamma:

– Này Hiền hữu Vissakamma, Vua Sutasoma đã từ bỏ thế tục. Ngài phải có nơi ẩn cư, vì dân chúng tụ tập quanh ngài rất đông. Hãy đi dựng am thất ẩn sĩ dài ba mươi do-tuần, rộng năm do-tuần trên bờ sông Hằng ở vùng Tuyết Sơn!

Vị này tuân lệnh, cung cấp các lều ẩn sĩ đầy đủ mọi vật dụng cần thiết và lại làm một con đường dẫn đến đó rồi trở về thiên giới.

Bậc Đại sĩ theo đường này đến vùng am tranh. Sau khi tự xuất gia trở thành ẩn sĩ, ngài độ cho những người còn lại thành ẩn sĩ, nhiều người khác cũng tu theo, khu vực ba mươi do-tuần này đông đảo người tu. Lúc bấy giờ, việc Vissakamma xây am ẩn sĩ ra sao, đại chúng được truyền giới như thế nào, vùng am thất của Bồ-tát được sắp đặt ra sao đã được biết đến trong *Chuyện Hiền giả Hatthipāla.*[16] Ở đây, nếu có một dục tưởng hay tà kiến nào khởi lên trong tâm bất cứ người nào, bậc Đại sĩ liền đến gần người đó ở trên không, ngồi kiết-già giữa không gian và thuyết pháp qua hai vần kệ:

244. Quên đi chuyện ái dục ngày xưa,
Khi vẻ mặt người vẫn cợt đùa,
Kẻo sợ kinh thành hoan lạc ấy,
Làm bừng dục vọng, phải tiêu ma.

---

[16] Xem *J.* IV. 474, *Hatthipālajātaka* (*Chuyện Hiền giả Hatthipāla*), số §509.

245. Thoát người tham đắm, tự điều thân,
Thiện ý ngày đêm với thế nhân,
Ngươi sẽ hưởng ngôi nhà thượng giới,
Nơi người hành thiện đến chung phần.

Hội chúng ẩn sĩ này hành trì theo lời giáo huấn của ngài nên được tái sinh lên Phạm thiên giới. Câu chuyện được kể giống hệt như trong *Chuyện Hiền giả Hatthipāla*.[17]

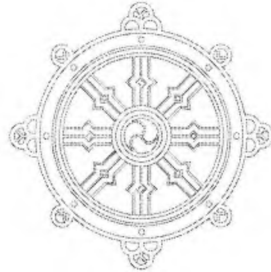
***

Sau khi bậc Đạo sư chấm dứt thời pháp thoại, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Như Lai đã làm đại sự xuất thế.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, song thân là phụ vương và mẫu hậu trong triều đình, Candā là mẹ Rāhula (La-hầu-la), thái tử là Sāriputta (Xá-lợi-phất), tiểu vương tử là Rāhula, nhũ mẫu là Khujjuttarā, vị phú thương Kulavaddhana là Kassapa (Ca-diếp), vị đại tướng là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Hoàng đệ Somadatta là Ānanda (A-nan) và Vua Sutasoma chính là Ta.



[17] *Như trên.*

CHƯƠNG XVIII
NĂM MƯƠI KỆ
(*PAṆṆĀSANIPĀTA*)

§526. CHUYỆN CÔNG CHÚA NAḶINIKĀ (*Naḷinikājātaka*)[1] (*J.* V. 193)

Nhìn kia, mặt đất cháy khô cằn...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc một Tỷ-kheo bị người vợ trước đây cám dỗ.

Khi kể chuyện này, Ngài hỏi vị Tỷ-kheo:

– Vì ai mà ông khởi tâm ham muốn.

Ông đáp:

– [Bạch Thế Tôn], vì người vợ cũ.

Bậc Đạo sư bảo:

– Quả vậy, này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy đã làm hại ông. Ngày xưa, chính vì nàng ấy mà ông đã sa đọa mất hết thiền lực và bị sụp đổ hoàn toàn.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát tái sinh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có ở phương Bắc. Khi ngài khôn lớn và đã được huấn luyện đủ các môn học thuật, ngài xuất gia làm ẩn sĩ. Sau khi đạt được thần lực nhờ tu tập thiền định, ngài vào trú ẩn tại Tuyết Sơn.

Giống như câu chuyện được kể trong *Chuyện thiên nữ Alambusā*,[2] một con nai cái đã thụ thai vì ngài và hạ sinh một nam tử được đặt tên là Isisiṅga. Khi cậu bé lớn khôn, cha cậu truyền giới cho cậu và dạy cậu đủ mọi pháp môn đưa đến thiền định. Nhờ pháp môn này, không bao lâu chàng đạt được thần lực và hưởng thú cực lạc trong miền Tuyết Sơn, rồi nhờ pháp khổ hạnh, chàng trở thành một bậc Hiền trí chuyên tu khổ hạnh, đến độ cung của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) bị rúng động vì đức độ của chàng.

Thiên chủ suy xét, tìm ra nguyên nhân liền suy nghĩ: "Ta phải tìm cách phá tan công hạnh của vị này." Trong khoảng ba năm liền, trời ngưng không đổ mưa

---

[1] Xem *J.* IV. 459, *Campeyyajātaka* (*Chuyện long vương Campeyya*), số §506.

[2] Xem *J.* V. 152, *Alambusajātaka* (*Chuyện thiên nữ Alambusā*), số §523.

xuống quốc độ Kāsi, xứ sở này bị khô cằn nứt nẻ, không một vụ mùa nào có kết quả cả. Dân chúng bị nạn đói bức bách liền tụ tập trước sân chầu và oán trách vua. Đứng trước cửa sổ mở rộng, vua hỏi họ có việc gì. Dân chúng tâu:

– Tâu Thánh thượng, trong ba năm liền, mưa trên trời không rơi xuống, cả nước bị khô cháy, dân chúng vô cùng khổ sở, xin Thánh thượng hãy cầu trời mưa!

Vua phát nguyện giữ đức độ, hành trì ngày trai giới, nhưng vẫn không có mưa xuống. Rồi vào lúc nửa đêm, Thiên chủ Sakka giáng hạ tại hoàng cung, vừa chiếu sáng lòa khắp vùng vừa đứng trên không. Vua thấy ngài liền hỏi:

– Ngài là ai?

Ngài đáp:

– Ta là Thiên chủ Sakka.

– Tại sao ngài giáng thế?

– Này Đại vương, mưa có rơi trên quốc độ của ngài chăng?

– Không có mưa rơi.

– Thế ngài có biết tại sao chăng?

– Trẫm không biết.

– Trên vùng Tuyết Sơn, này Đại vương, có một ẩn sĩ tên là Isisiṅga. Vị này hành trì khổ hạnh hết sức khắc nghiệt; khi trời sắp mưa, ông giận dữ nhìn lên trời khiến mưa ngưng lại.

– Vậy phải làm sao đây?

– Nếu công hạnh vị này sụp đổ thì mưa sẽ rơi xuống.

– Nhưng ai có thể chiến thắng đức độ của vị ấy?

– Này Đại vương, Công chúa Naḷinikā của ngài có thể làm được việc này. Xin hãy triệu nàng đến đây và bảo nàng đến nơi đó phá tan công hạnh của vị ẩn sĩ kia!

Sau khi khuyên bảo vua như thế xong, Thiên chủ trở về cõi của ngài. Ngày hôm sau, vua hội ý với quần thần và triệu công chúa đến, bảo nàng qua vần kệ đầu:

1. Nhìn kia, mặt đất cháy khô cằn,
Quốc độ chìm trong cảnh lụi tàn,
Con hỡi, Naḷinikā, đi đến đó,
Khiến La-môn nọ phải quy hàng.

Nghe lời này, nàng đáp vần kệ thứ hai:

2. Làm sao con chịu được gian nan,
Khi giữa bầy voi, lạc bước đàng,
Trong chốn rừng xanh xa vắng ấy,
Làm sao cất bước được bình an?

Vua cha lại ngâm hai vần kệ:

3. Con hỡi, đi về mỹ lạc cung,
Rồi từ đấy phải vội rời chân,
Lên xe gỗ được trang hoàng khéo,
Ngự giá, công nương tiến thẳng đường.

4. Chiến mã, tượng cùng với bộ binh,
Chỉnh tề hàng ngũ hãy bao quanh,
Với mê hồn sắc, con cần kíp,
Khiến đạo nhân kia quy lụy mình.

Như vậy, vì muốn bảo vệ quốc độ, vua đã nói với công chúa những việc không nên nói bằng những lời trên. Nàng bằng lòng tuân theo lệnh cha. Thế là sau khi cung cấp cho nàng đủ mọi thứ cần thiết, vua bảo nàng lên đường cùng những cận thần kia.

Họ đi đến gần biên giới và sau khi đóng trại ở đó, họ đưa công chúa đi theo con đường do các sơn nhân chỉ dẫn. Rạng ngày hôm sau, họ vào đến vùng Tuyết Sơn, tiến sát vùng ẩn am ấy. Lúc bấy giờ, Bồ-tát để con trai ở lại thảo am, còn ngài đã vào rừng hái quả dại. Các sơn nhân đến gần vùng thảo am, đứng ở nơi có thể nhìn thấy rõ, vừa chỉ lều cho Naḷinikā vừa ngâm kệ:

5. Nổi bật với hàng chuối lá xanh,
Giữa ābhujī khóm, lắm cây cành,
Nhìn xem, lều của Isisiṅga đấy,
Xinh đẹp hiện ra một mái tranh.

6. Chắc rằng lắm khói ở đằng kia,
Phát xuất từ trong lửa tỏa ra,
Được ấp ủ nhờ tay bậc Trí,
Nổi danh thần lực thật cao xa.

Đúng lúc Bồ-tát đã đi vào rừng, các cận thần của vua đã vào bao vây vùng ẩn cư ấy và canh chừng kỹ. Họ cho công chúa giả dạng một ẩn sĩ khổ hạnh, khoác lên mình nàng đủ y trong, y ngoài bằng vỏ cây đẹp có tô điểm mọi thứ trang sức rồi bảo nàng cầm một quả cầu được vẽ màu, buộc vào một sợi dây và đưa nàng vào vùng am tranh kia, còn họ đứng canh bên ngoài. Thế là vừa chơi quả cầu, nàng vừa tiến vào am thất ấy.

Lúc bấy giờ, Isisiṅga đang ngồi trên phiến đá đặt tại cửa lều, thoạt trông thấy nàng tiến đến, chàng kinh hoảng đứng dậy chạy trốn vào trong. Nàng cứ tiến lại gần cửa lều và tiếp tục chơi quả cầu.

***

Bậc Đạo sư ngâm ba vần kệ để làm sáng tỏ việc này:

7. Tô điểm bảo châu, tiến lại gần,
Một nàng kiều nữ sáng huy hoàng,

Isisinga tội nghiệp liền kinh hoảng,
Vội bước vào am, chốn ẩn thân.

8. Lúc đứng trước thềm của đạo nhân,
Công nương đùa với quả cầu tròn,
Thân hình diễm lệ nàng phô diễn,
Lồ lộ hiện ra trước mắt chàng.

9. Chàng thấy nàng đùa thế thật hay,
Từ trong, chàng vội phóng ra ngay,
Vụt nhanh từ túp lều tranh ấy,
Chàng thốt ra lời lẽ thế này.

10. "Quả cây gì đó, dám thưa ngài,
Dù có tung xa tít tận trời,
Cũng sẽ quay về ngài như vậy,
Chẳng bao giờ quả bặt tăm hơi?"

Nàng đáp vần kệ này, nói cho chàng biết về cây kia:

11. Đỉnh Hương Sơn nọ, chính quê nhà,
Vốn tự hào khoe chốn tệ gia,
Có thật nhiều cây sinh quả ấy,
Dù tung cao vút tận trời xa,
Vẫn còn trở lại tay lần nữa,
Chẳng có bao giờ lạc mất ta.

Nàng nói dối như vậy, nhưng chàng tin nàng ngay, cứ tưởng đấy là một vị tu khổ hạnh nên chàng ân cần chào đón nàng và ngâm vần kệ này:

12. Xin vào an tọa, hỡi Hiền nhân,
Nhận thức ăn và nước rửa chân,
An nghỉ đây, cùng nhau thọ dụng,
Chùm dâu, khoai ấy sẵn lòng dâng.

Nàng đi vào lều, ngồi trên sàn gỗ, cởi hai lớp y vàng ra, lộ thân trần. Vì chưa từng nhìn thấy thân thể của nữ nhân nên khi thấy vậy, ẩn sĩ cho là thân thể này thật đẹp và nói rằng:

13. Cái gì ở giữa hai đùi ông,
Trông dễ thương và có sắc đen,
Xin hãy trả lời ta được rõ,
Bọc trong là của quý phải chăng?

Rồi nàng nói dối chàng qua vần kệ:

14. Khi đi tìm củ, quả trong rừng,
Thiếp đã làm phiền con gấu hung,
Thiếp bị ngã lăn, nó bắt được,
Vội cầm của quý nhổ cho phăng.

15. Vết thương trở thành rát, ngứa đây,
Làm thiếp thấy không dễ chịu gì,
Chàng hãy triệt tiêu cơn ngứa ấy,
Chàng hành hạnh Bà-la-môn đi!

Ẩn sĩ tin lời nói dối kia là sự thật hiển nhiên, chàng nghĩ nếu như vậy thì chàng sẽ thực hiện. Chàng nhìn vào chỗ ấy và nói vần kệ:

16. Vết thương có vẻ sâu và đỏ,
Không có mùi máu mủ thối đâu,
Ta sẽ làm cho ngài loại thuốc,
Khiến ngài dễ chịu nhất, không lo!

Vậy là đúng ý nên nàng ngâm vần kệ:

17. Dùng chú thuật, cao dán, cỏ cây,
Cũng không vào thấm được, thưa ngài,
Hãy trừ bằng vật mềm chàng có,
Như thế thiếp đây dễ chịu ngay.

Chàng cho rằng điều nàng nói là thật nên không biết rằng giới hạnh bị mất do việc hành dâm, thiền lực thì tiêu tan; chàng đã bị cuốn theo lòng dâm dục của nàng vì nàng nói đó là "thuốc trị", bởi chàng không biết về việc hành dâm với nữ nhân chưa từng thấy trước đây. Chàng thực hiện hai, ba lần, rồi mệt mỏi và đi xuống hồ tắm rửa; và khi đã hết cơn mệt, chàng trở về ngồi trong lều, vẫn còn tưởng nàng là một ẩn sĩ; một lần nữa chàng hỏi nàng ở nơi đâu và ngâm kệ này:

18. Ngài đã đến đây bởi lối nào,
Hẳn ngài thích ở núi ngàn cao,
Đói lòng ăn trái sim, khoai sắn,
Song thú săn mồi tránh được sao?

Tiếp theo, Naḷinikā đáp bốn vần kệ:

19. Hướng Bắc vùng đây, suối Thái Hòa,
Chảy xuôi từ dãy Tuyết Sơn ra,
Trên bờ, thắng cảnh ôi kỳ thú,
Nhìn thấy ẩn am ấy của ta.

20. Đây xoài, tilaka với sāla,
Nở rộ hoa kèn với quế hoa,
Khúc hát yêu tinh văng vẳng lại,
Thưa chàng nơi ấy thấy nhà ta.

21. Ta đoán chà là, củ sắn khoai,
Nhìn đây đủ loại trái cây tươi,
Một nơi vui đẹp và thơm ngát,
Đã lọt phần ta chiếm hết rồi.

22. Mọi thứ mơ, dâu, đậu mọc tràn,
Ngọt ngào, tươi đẹp ngát hương lan,
Song ta sợ lũ cường gian đến,
Sẽ phá nhà ta, chốn lạc an.

Chàng ẩn sĩ nghe nói vậy, muốn cầm chân nàng lại cho tới khi thân phụ chàng về liền ngâm kệ này:

23. Thân phụ đi tìm quả thật xa,
Mặt trời khuất bóng, sẽ về nhà,
Khi người trở lại từ rừng ấy,
Ta sẽ cùng đi viếng đại gia.

Lúc ấy, nàng suy nghĩ: "Chàng trai này sinh trưởng trong rừng nên không biết ta là nữ nhân, chứ cha chàng sẽ biết ngay điều đó khi vừa thấy ta và sẽ hỏi ta có việc gì mà đến đây, ngài sẽ đánh vỡ đầu ta với cái đòn gánh của ngài. Thôi, chắc ta phải chạy trốn trước khi ngài trở về, vì mục đích ta đến đây đã hoàn thành." Rồi dặn chàng cách tìm đường đi đến nhà nàng, nàng ngâm thêm một vần kệ nữa:

24. Ôi! Ta ngại chẳng ở lâu hơn,
Song tại nơi này, lắm Thánh nhơn,
Xin hỏi một ngài đưa đúng lối,
Hân hoan ngài hướng dẫn lên đường.

Khi nàng nghĩ ra một kế để thoát thân như vậy, nàng liền rời vùng thảo am và bảo chàng cứ ở lại nơi này trong lúc chàng khao khát nhìn theo. Nàng trở về gặp các triều thần theo đúng con đường nàng đã đến trước kia, rồi họ đưa nàng về trại và vượt qua nhiều trạm đường, họ đã về đến thành Ba-la-nại.

Ngay hôm ấy, Thiên chủ Sakka đẹp ý đến độ ngài làm mưa rơi xuống trên khắp quốc độ này. Nhưng cũng ngay khi nàng từ giã ẩn sĩ Isisiṅga, chàng bỗng dưng nổi cơn nóng sốt khắp toàn thân và chàng run rẩy bước vào trong lều đắp thêm y ngoài bằng vỏ cây rồi nằm xuống rên rỉ.

Buổi chiều thân phụ chàng về, không thấy chàng liền tự hỏi: "Con ta đi đâu rồi?" Ngài vội đặt đòn gánh bước vào trong am và khi thấy chàng nằm đó liền hỏi:

– Này con thân, con đau gì vậy?

Và vừa xoa bóp lưng con, ngài vừa ngâm các vần kệ:

25. Không bổ củi, nước chẳng gánh về,
Lửa không đốt sáng, nói ta nghe,
Này con sao trẻ người non dạ,
Mơ mộng suốt ngày mãi thế kia?

26. Củi rừng vẫn chẻ tự xưa nay,
Lửa đốt, đem nồi nấu đặt ngay,

Sắp sẵn sàng tọa rồi lấy nước,
Con làm bổn phận thật vui vầy.

27. Nay củi không, mà nước cũng không,
Lửa không, thức nấu kiếm hoài công,
Sao con chẳng đón mừng cha nữa,
Con mất gì, sao phải nhọc lòng?

Nghe cha hỏi, chàng liền ngâm các vần kệ giải đáp việc này:

28. Cha hỡi, hôm nay một thiếu niên,
Xinh trai, sang trọng, dáng ưa nhìn,
Chàng không thấp quá, không cao quá,
Làn tóc đen sao tựa hạt huyền.

29. Chàng trẻ không râu, má mịn màng,
Sáng ngời trên cổ, ngọc trang hoàng,
Đôi gò bồng đảo phô kiều diễm,
Sáng tựa kim cầu rực ánh quang.

30. Mặt chàng tuyệt đẹp, mỗi bên tai,
Có một vành khuyên lủng lẳng cài,
Chiếc mạng trên đầu chàng tỏa sáng,
Hào quang khi chuyển nhẹ đôi hài.

31. Chàng trẻ còn mang đủ bội hoàn,
Đỏ, xanh trên áo, tóc tai chàng,
Chàng đi mỗi bước đều rung nhạc,
Ríu rít như chim gặp nước tràn.

32. Chẳng áo vỏ cây dáng đạo nhân,
Chẳng dây đai cỏ thắt vào thân,
Lung linh xiêm áo ôm đùi sát,
Như chớp sáng lòe giữa khoảng không.

33. Quả cây gì buộc cạnh sườn ai,
Mềm mại, không nhành, chẳng có gai,
Bên áo kết vào, buông lủng lẳng,
Chạm vào nhau lách tách rung hoài.

34. Tóc đầu chàng kết đẹp phi thường,
Cuộn tóc hàng trăm, tỏa ngát hương,
Đôi mái tóc này chàng rẽ giữa,
Tóc con cũng ước chải như chàng.

35. Tình cờ chàng thả tóc buông dây,
Bao vẻ yêu kiều gửi gió bay,
Sực nức lều ta miền thảo dã,
Như mùi sen thoảng gió lung lay.

36. Người của chàng xinh, ngắm mỏi mòn,
Thân chàng cao thật khác thân con,
Bay mùi thoang thoảng cùng nơi chốn,
Như khóm hoa hè nở ngát hương.

37. Trái chàng sáng đẹp có nhiều màu,
Trên đất, dù chàng ném thật cao,
Nó cũng về nơi chàng đứng mãi,
Trái gì, con muốn hỏi cha nào.

38. Răng chàng đều đặn, trắng trong ngần,
Mọi vẻ yêu kiều sánh bảo trân,
Chàng hé đôi môi, ôi quyến rũ!
Thức chàng ăn khác củ, rau rừng.

39. Tiếng nói chàng êm dịu, rõ, trong,
Vào tai âm hưởng tận trong lòng,
Xuyên vào tim thật du dương điệu,
Giai khúc sơn ca chẳng sánh bằng.

40. Giọng kia dịu xuống, lắng thâm trầm,
Con chắc dành ngâm tụng chú thần,
Tuy thế chàng ân cần quyến luyến,
Cùng chàng con ước kết thân bằng.

41. Cánh tay chàng ấm, sáng kim ngân,
Như chớp bao lần cuộn lấy thân,
Được phủ lông tơ mềm, các ngón
Như san hô đỏ ửng, tròn dần.

42-43. Tứ chi mềm dịu, tóc buông lơi,
Các móng tay tô đỏ thật dài,
Với cánh tay mềm ôm siết chặt,
Trai xinh tạo khoái lạc cho đời.

44. Tay ngà như lụa chiếu huỳnh quang,
Như tấm gương vàng phản ánh dương,
Chạm nhẹ làm con bừng rúng động,
Chàng đi, lòng đốt nóng như rang.

45-46. Chàng không gánh thóc lúa bao giờ,
Tay của chàng không bổ củi ra,
Cũng chẳng đem rìu cưa gỗ xuống,
Không mang cọc nhọn, đẹp lòng ta.

47. Sàng tọa bằng lá kết giày vò,
Chứng kiến đùa vui, trẻ lắm trò,

Rồi đến hồ kia, con tắm mát,
Xong thèm nghỉ mệt ở trong nhà.

48. Thánh kinh, con chẳng đọc nay mai,
Chẳng đốt lửa thiêng tế lễ đài,
Con sẽ nhịn ăn dâu, củ, đậu,
Đến khi con gặp lại chàng trai.

49. Phụ thân, cho biết, hẳn am tường,
Nơi chốn đạo nhân ở cõi trần,
Con muốn phi thân ngay đến đó,
Bằng không con chết tại tiền đường.

50. Nghe rừng chàng nói rực tươi hoa,
Nhộn suốt ngày chim ríu rít ca,
Con muốn phi thân nhanh đến đó,
Bằng không con chết tại đây mà.

Bậc Đại sĩ nghe chàng trai nói lảm nhảm như vậy thì hiểu ngay chàng đã đánh mất công hạnh vì một nữ nhân nào đó nên ngài ngâm sáu vần kệ để giáo huấn con mình:

51. Ngôi nhà xưa của các Hiền nhân,
Ở giữa rừng này ngập ánh quang,
Nơi ẩn của chư thần, thánh nữ,
Chẳng hề cảm thấy mất an toàn.

52-53. Tình bạn phát sinh sẽ diệt vong,
Mọi người yêu mến các thân nhân,
Song kẻ đáng thương nào có biết,
Nhờ ai, có gốc rễ tình thân.

54-55. Tình bạn kết nhờ gặp gỡ luôn,
Đoạn giao, tình bạn phải tiêu vong,
Nếu con nhìn lại chàng trai ấy,
Như trước cùng trò chuyện thiết thân,
Như lụt cuốn trôi thóc lúa chín,
Công năng đức hạnh bại vong dần.

56. Ma quỷ thường đi khắp thế gian,
Thiên hình giả dạng, hãy coi chừng,
Hiền nhân chẳng kết giao cùng chúng,
Công hạnh tan hoang nếu chúng gần!

Nghe những lời cha dạy, chàng trai suy nghĩ: "Cha ta bảo nàng ấy là một con quỷ cái!" Sau đó, chàng xin cha tha lỗi và nói:

– Thưa thân phụ, xin hãy tha tội cho con, con sẽ không rời nơi này đâu!

Cha chàng liền an ủi chàng, ngài bảo:

– Này con thân, con hãy tu tập từ, bi, hỷ, xả!

Và ngài thuyết giảng cho chàng pháp môn đưa đến chứng đắc tứ vô lượng tâm này. Từ đó, chàng trai thực hành theo lời dạy bảo trên và tu tập thiền định như trước.

***

Khi đã chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng các Thánh đế và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người vợ trước đây của người này là Naḷinikā, Tỷ-kheo bị cám dỗ là Isisiṅga và Ta chính là người cha.

Vào lúc kết thúc các Thánh đế, vị Tỷ-kheo bị cám dỗ đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

§527. CHUYỆN CÔ GÁI UMMADANTĪ (*Ummadantījātaka*)[3] (*J.* V. 209)

Kia nhà ai đó, hỡi Sunanda,…

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một Tỷ-kheo thối thất.

Chuyện kể rằng, một ngày kia, trong khi đi quanh thành Sāvatthi (Xá-vệ) để khất thực, ông chợt trông thấy một nữ nhân tuyệt sắc với xiêm y diễm lệ liền sinh lòng mê mẩn nàng ấy. Khi trở về tinh xá, ông không thể nào xua tan hình bóng nàng ra khỏi tâm tư. Từ lúc ấy, như thể trúng mũi tên độc của dục tình, ông mắc bệnh tương tư, gầy gò như chú nai rừng, gân xanh nổi khắp mình mẩy và mong manh như cành liễu rũ.

Ông không tìm thấy an lạc trong bất cứ pháp nào của tứ oai nghi, cũng không ham thích trầm tư; một khi xao lãng phận sự đối với vị Giáo thọ sư, ông xao lãng luôn cả việc học hỏi, suy tư và tham thiền nhập định. Các bạn đồng Phạm hạnh bảo:

– Này Hiền giả, trước đây, bạn an tịnh và tự tại trong tứ oai nghi. Sao giờ đây không như vậy nữa, vì cớ gì?

Ông đáp:

– Này các Hiền giả, ta chẳng còn ham thích gì nữa.

Tăng chúng khuyên ông giữ an lạc và bảo:

– Đức Phật thị hiện ở đời thật khó lắm thay, được nghe Chánh pháp và làm người là chuyện cũng khó như vậy, song trước đây, Hiền giả đã đạt được điều này. Và vì mong ước đoạn trừ phiền não, Hiền giả đã để mặc thân nhân khóc lóc và trở thành người tu hành sống đời ẩn sĩ. Tại sao nay Hiền giả lại rơi vào vòng tham dục? Những tham dục xấu xa này rất thông thường đối với mọi chúng

---

[3] Xem *A.* II. 74, *Adhammikasutta* (*Kinh Phi pháp*); *J.* III. 111, *Rājovādajātaka* (*Chuyện khuyến dụ Quốc vương*), số §334; *J.* V. 232, *Mahābodhijātaka* (*Chuyện Hiền giả Mahābodhi*), số §528.

sanh si ám từ loài sâu bọ trở lên. Những tham dục này có gốc ở sắc pháp hữu vi, vì thế chúng rất đáng nhàm chán. Tham dục đầy phiền não, khổ ưu ở đây lại tăng trưởng nhiều hơn nữa. Tham dục giống như xương khô, như miếng thịt. Tham dục như bó đuốc làm bằng cỏ khô hay lửa than hồng. Tham dục tan biến như cơn mơ, hay của nợ, hoặc như trái cây. Tham dục làm đau đớn như mũi giáo nhọn hay chiếc đầu rắn. Thế mà Hiền giả, thật vậy, sau khi đã thọ trì giáo pháp sáng ngời như thế này và xuất gia tu tập, giờ đây lại rơi vào vòng tham dục tai hại kia.

Khi thấy những lời khuyến giáo của Tăng chúng không làm ông hiểu được ý nghĩa, Tăng chúng đưa ông đến yết kiến đức Thế Tôn tại pháp đường. Đức Thế Tôn hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, tại sao các ông đem người này lại đây dù người đó không muốn?

Tăng chúng đáp:

– Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-kheo này bị thối thất.

Bậc Đạo sư hỏi xem có đúng chăng, khi nghe ông thú nhận quả đúng như vậy, Ngài bảo:

– Này Tỳ-kheo, các bậc Trí nhân ngày xưa dù đang trị vì một quốc độ, vậy mà hễ khi nào tham dục khởi lên trong tâm cũng bị chúng chi phối một thời gian, nhưng rồi cũng đã cố điều phục những tâm tư tán loạn ấy và không còn phạm vào tà hạnh bất xứng nữa.

Nói xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, trong kinh thành Ariṭṭhapura của quốc độ Sivi có vị vua trị vì mệnh danh là Sivi. Bồ-tát sinh ra làm con của chánh hậu và được đặt tên là Sivi. Vị đại tướng trong triều cũng sinh con trai đặt tên là Ahipāraka (người vượt qua bờ bên kia). Hai thiếu nhi lớn lên trở thành thân hữu; khi được mười sáu tuổi, hai vị đến thành Takkasilā học tập, thành tài xong liền trở về nhà. Vua giao vương quốc cho vương tử, tân vương này phong bạn Ahipāraka làm Đại tướng và cai trị rất đúng pháp.

Trong kinh thành có một phú thương tên gọi Tiriṭavaccha, gia sản đến tám trăm triệu đồng, sinh được một con gái rất yêu kiều diễm lệ, thân nàng có đủ mọi tướng tốt của phúc phận mai sau. Đến ngày lễ đặt tên, nàng được gọi là Ummadantī (người làm điên đảo say mê). Khi đến mười sáu tuổi, nàng đẹp như tiên nữ với một dung sắc siêu phàm. Những phàm nhân nào chiêm ngưỡng nàng đều không thể chế ngự được lòng mình, đều say mê nàng như thể say rượu nồng và mất hẳn tính tự chủ, vì thế thân phụ nàng đến yết kiến vua và tâu:

– Tâu Thánh thượng, nhà hạ thần có một nữ báu thật xứng đáng tiến cung hầu hạ Thánh thượng, xin hãy triệu các tiên tri vào! Những vị này biết cách

xem quý tướng trên thân người, để các vị ấy thử xét đoán nàng xong, xin Thánh thượng cứ tuyển dụng nàng tùy thích!

Vua chấp thuận, cho triệu các vị Bà-la-môn. Rồi họ đi đến nhà phú thương ấy, được tiếp đón rất trọng thể linh đình và dự tiệc bánh sữa. Vào lúc ấy, Ummadantī ra tiếp kiến quan khách với xiêm y lộng lẫy. Thoạt trông thấy nàng, họ đều mất hết tự chủ, chẳng khác nào bị say rượu mạnh, họ quên mất rằng đang ăn tiệc dở dang. Có người cầm chiếc bánh lên nghĩ mình sẽ ăn bánh, lại đặt bánh lên đầu. Có người đem bánh kẹp nách, có người lại ném bánh vào tường. Mọi người đều như mất trí. Nàng thấy bọn họ như vậy liền bảo:

– Thế mà họ bảo ta rằng các người này đến đây để xem xét các đặc điểm của ta.

Nàng ra lệnh nắm gáy cả bọn ném ra ngoài đường. Họ rất bực tức, trở về cung với lòng uất hận Ummadantī và trình:

– Tâu Thánh thượng, nữ nhân này không xứng với Thánh thượng, đó là một tay phù thủy.

Vua nghĩ thầm: "Họ bảo ta nàng ấy là một phù thủy." Vì thế, vua không triệu nàng vào. Nghe được việc ấy, nàng bảo:

– Ta không được vua tuyển vào làm vương hậu vì họ bảo ta là phù thủy, như vậy bọn phù thủy đều giống ta. Được lắm, nếu ta có dịp vào yết kiến vua, ta sẽ biết cách hành động.

Nàng lại sinh lòng thù oán vua. Sau đó, cha nàng đem gả nàng cho Ahipāraka và nàng rất được vị phu quân yêu quý, say mê. Nguyên nhân gì khiến nàng thành diễm lệ như vậy? Đó là nhờ một chiếc áo đỏ. Ngày xưa, đã có một đời nàng sinh ra trong một gia đình nghèo khổ ở Ba-la-nại. Vào một ngày lễ, nàng trông thấy một vài nữ nhân cao quý phục sức lộng lẫy trong những chiếc y rực rỡ nhuộm màu hoa cúc đỏ thắm đang vui đùa, nàng nói với cha mẹ là nàng cũng muốn mặc áo như vậy để chơi đùa. Họ bèn bảo:

– Này con, nhà ta nghèo lắm, làm sao kiếm ra áo ấy cho con được?

Nàng đáp:

– Vậy thì cha mẹ hãy cho con đi làm kiếm tiền ở một gia đình giàu có, khi nào họ biết đến công lao của con, họ sẽ thưởng cho con một chiếc áo!

Được cha mẹ chấp thuận, nàng liền đến một gia chủ xin làm công việc phục dịch để lấy một chiếc áo đỏ, họ bảo:

– Sau khi làm việc ba năm, ta sẽ trả công cho nàng một chiếc áo.

Nàng bằng lòng ngay, bắt đầu làm cho họ. Trước khi mãn hạn ba năm, họ đã thưởng công nàng một chiếc áo dày nhuộm màu hoa rum cùng với một chiếc y khác và đưa nàng ra về, họ bảo:

– Hãy đi tìm các bạn nàng và sau khi tắm gội xong, hãy mặc các y này!

Thế là nàng cùng các bạn ra đi tắm dưới sông, để chiếc áo đỏ trên bờ. Lúc ấy, một vị đệ tử của đức Phật Kassapa (Ca-diếp) vừa bị cướp mất y, đang mặc những mảnh lá cây dùng làm y trong và y ngoài đang đi đến chỗ này.

Thấy vị này, nàng nghĩ:

– Vị Thánh nhân này chắc bị cướp mất y. Ngày xưa ta cũng vậy, vì không có ai cho y nên thật khó kiếm ra một chiếc.

Nàng liền quyết định chia chiếc y làm đôi, cho vị này một nửa, vì vậy nàng bước lên bờ mặc chiếc áo cũ vào và thưa:

– Xin Thánh giả nán lại.

Nàng đảnh lễ vị Tỳ-kheo và xé chiếc y đỏ làm đôi, cúng vị kia một nửa.

Sau đó, vị này đứng nghiêng một bên trong một nơi kín đáo, ném chiếc y bằng lá cây ra, lấy một mảnh áo làm y trong và mảnh kia làm y ngoài rồi bước ra giữa khoảng không, cả người chói rực lên nhờ màu sắc huy hoàng của chiếc y như thể vầng dương mới xuất hiện.

Thấy vậy, nàng suy nghĩ: "Vị Thánh nhân này trước đây trông không sáng chói, thế mà bây giờ ngài rực rỡ như vầng dương mới xuất hiện. Thôi để ta cúng dường ngài thêm cái này nữa." Nàng liền cúng nửa áo kia và phát nguyện:

– Thưa Thánh giả, con xin nguyện kiếp sau sẽ được sắc đẹp tuyệt trần. Hễ ai thấy con đều không tự chủ được và không nữ nhân nào đẹp hơn con cả!

Vị Tỳ-kheo cảm tạ nàng và ra đi. Sau một kiếp luân hồi trong thiên giới, nàng tái sanh vào thành Ariṭṭhapura và diễm lệ như đã được tả trên đây.

Lúc bấy giờ, trong kinh thành, dân chúng mở hội Kattikā vào ngày rằm trăng tròn tháng Mười âm lịch, họ trang hoàng cả kinh thành. Khi Ahipāraka đi đến trạm canh phòng, chàng dặn dò nàng:

– Phu nhân Ummadantī, hôm nay là ngày hội Kattikā, đức vua dự đám rước linh đình khắp kinh thành, trước tiên sẽ đến trước cửa nhà ta. Vậy phu nhân đừng lộ diện, e ngài thấy phu nhân sẽ không chế ngự được tâm tư ngài.

Trong lúc chàng từ giã nàng, nàng đáp:

– Thiếp xin lưu tâm việc ấy.

Vừa khi chàng đi khuất, nàng liền ra lệnh nữ tỳ phải báo cho nàng biết ngay khi vua tới cổng nhà nàng. Thế rồi vào lúc mặt trời lặn, mặt trăng hiện lên, đèn đuốc sáng rực, khắp kinh thành vừa được trang hoàng như thể một kinh thành của chư thiên. Đức vua phục sức vô cùng lộng lẫy, ngự trên vương xa tuyệt đẹp do các tuấn mã kéo cùng quần thần theo hầu, đi vòng quanh kinh thành với vẻ uy nghi cao cả. Trước tiên, ngài đến trước cửa nhà Ahipāraka.

Lúc bấy giờ, ngôi dinh thự này đứng trong bức tường bao quanh màu son đỏ thắm với các cổng cao và tháp canh được trang hoàng rất sang trọng, rực rỡ. Vừa khi ấy, nữ tỳ đưa tin hoàng thượng giáng lâm, nàng Ummadantī ra lệnh

đem đến một giỏ hoa, nàng lại đứng gần bên cửa sổ ném hoa xuống khắp mình vua với tất cả dáng điệu mê hồn của một thiên thần.

Thoạt nhìn lên thấy nàng, vua như ngây ngất điên cuồng và không thể nào tự chủ được tâm trí nên ngài không còn nhận ra nơi đây là tư thất của Đại tướng quân Abhipāraka. Vì vậy, ngài ngâm hai vần kệ hỏi người quản xa:

57. Kia nhà ai đó, hỡi Sunanda,
Bao bọc thành cao, tỏa ánh vàng,
Bảo vật này như sao sáng rực,
Hay thiều quang chiếu đỉnh cao san?

58. Chắc nàng con gái chốn khuê môn,
Chính chủ nhà, hay vợ cậu tôn,
Chỉ một lời, mau cho trẫm biết,
Có chồng hay chưa được cầu hôn?

Người quản xa đáp lời vua qua hai vần kệ:

59. Chuyện ấy, Đại vương hỏi hạ thần,
Đôi bên cha mẹ, thảy am tường,
Chồng nàng tận tụy ngày đêm vẫn,
Phụng sự quân vương đủ mọi đường.

60. Đại thần này chính của Anh quân,
Phú quý vinh hoa hưởng trọn phần,
Mệnh phụ Ahipāraka lừng lẫy ấy,
Lọt lòng được gọi Ummadantī.

Nghe vậy, vua ngâm kệ tán tụng tên nàng:

61. Trời hỡi! Tên kia thật bất tường,
Song thân nàng đã đặt cho nàng,
Ummadantī, từ lúc nàng nhìn trẫm,
Trẫm bỗng hóa ra kẻ dại cuồng.

Trông thấy vua dao động như thế, nàng vội đóng cửa sổ lại và đi thẳng vào khuê phòng. Còn vua từ lúc trông thấy nàng, chẳng còn thiết gì đến việc đi dự đám rước linh đình quanh kinh thành nữa. Ngài bảo người quản xa:

– Này Hiền hữu Sunanda, hãy dừng xe lại! Đám hội này không hợp với ta nữa, nó chỉ hợp với Ahipāraka, Đại tướng quân của ta thôi. Ngai vàng cũng xứng đáng với vị ấy hơn ta.

Và khi vương xa dừng lại, ngài trở về hoàng cung, vào nằm nghỉ trên long sàng và nói huyên thuyên mê mẩn:

62. Ngọc nữ mắt nai thật dịu hiền,
Trăng rằm vằng vặc mới vừa lên,
Ngắm nàng trong áo bồ câu trắng,
Ta tưởng đôi vầng nguyệt hiện tiền.

63. Thu ba gợn sóng mắt long lanh,
Quyến rũ hồn như sét ái tình,
Nào khác yêu tinh trên đỉnh núi,
Dáng yêu kiều chiếm trọn tim mình.

64. Tố nga huyền bí thật cao vời,
Bảo ngọc lung linh dưới mỗi tai,
Mình chỉ khoác xiêm y độc nhất,
Rụt rè như vẻ một con nai.

65. Các móng tô son, cuốn tóc mây,
Chiên-đàn tỏa ngát dịu đôi tay,
Búp măng duyên dáng, ôi kiều nữ,
Đến thuở nào cười với trẫm đây?

66. Bao giờ thục nữ có lưng thon,
Trước ngực phô trương món bội hoàn,
Đôi cánh tay mềm ôm trẫm chặt,
Khác nào cát lũy bám cây rừng?

67. Nàng điểm chấm son sáng rực lên,
Ngực tròn, ngọc nữ trắng như sen,
Bao giờ trao nụ hôn cho trẫm,
Như rượu nồng đưa đến bợm ghiền.

68. Nàng đứng kia, ta chợt thấy nàng,
Cực kỳ diễm lệ trước long nhan,
Không còn tự chủ lòng ta nữa,
Hồn vía quẳng đâu, trí biến tan.

69. Khi ta chiêm ngưỡng dáng Umma,
Sáng rực đôi tai điểm ngọc hoa,
Như kẻ bị đền tiền phạt nặng,
Ngày đêm chẳng chợp mắt phần ta.

70. Nếu được trời ban, trẫm ước nguyền,
Trẫm làm đại tướng một hai đêm,
Hưởng đời cùng với Ummadantī ấy,
Để tướng Ahipāraka trị nước liền.

Sau đó, các vị cận thần nói với tướng Ahipāraka:

– Thưa chủ tướng, đức vua đang lúc dự đám rước linh đình khắp kinh thành đã đi đến cửa dinh của ngài rồi trở về cung ngay.

Ahipāraka liền về nhà hỏi Ummadantī xem nàng có xuất hiện trước mắt vua không. Nàng bảo:

– Thưa phu quân, có một lão bụng bự, răng hô đứng trên vương xa đến đây. Tiện thiếp không biết là đức vua hay vương tử, nhưng nghe bảo đó cũng là

một vị vương gia nào đó nên tiện thiếp đang lúc đứng trên cửa sổ liền ném hoa xuống người ấy. Sau đó, người ấy liền quay xe bỏ đi mất.

Nghe nói vậy, chàng bảo:

– Thôi nàng đã hại ta tàn đời rồi!

Sáng sớm hôm sau lên đến cung vua, chàng đứng trước cửa vương thất và nghe vua đang nói huyên thuyên về nàng Ummadantī, chàng suy nghĩ: "Đức vua đang si tình Ummadantī, nếu không chiếm được nàng, ngài sẽ chết mất. Vậy bổn phận ta là phải cứu sống ngài, nếu ta làm việc ấy mà không gây tội lỗi cho ngài hoặc cho ta." Thế là chàng trở về nhà, gọi một tên gia nô bạo gan đến và bảo:

– Này hiền hữu, ở chốn kia có một gốc cây thân rỗng, trong ấy là đền thờ thần. Hiền hữu đừng cho ai biết cả, đợi lúc sẩm tối hãy đến ngồi trong bọng cây ấy. Ta sẽ đến đó cúng lễ dâng thần thánh và sẽ cầu nguyện như vầy: "Tâu Thiên vương, đức vua của chúng thần, trong lúc đám rước đang diễu hành, ngài đã không dự vào, lại về cung thất nằm nói lảm nhảm không đâu, chúng thần không hiểu cớ gì. Đức vua đã từng là đại ân nhân của chư thần, hằng năm đã chi tiêu vào việc cúng tế cả ngàn đồng tiền vàng. Xin Thiên vương cho biết tại sao đức vua lại nói nhảm như vậy và xin ban cho chúng thần một điều ước để cứu mạng ngài", ta sẽ khấn như vậy, và Hiền hữu hãy nhớ lặp lại những lời này: "Này Đại tướng, đức vua chẳng bệnh tật gì cả, song ngài đang si tình phu nhân Ummadantī đấy. Nếu ngài chiếm được nàng, ngài sẽ sống, bằng không e ngài phải chết. Nếu Đại tướng muốn cho ngài sống thì hãy dâng nàng Ummadantī cho ngài", Hiền hữu nhớ nói như vậy!

Sau khi dặn dò gã ấy xong, chàng bảo gã ra đi. Thế là hôm sau, người gia nô đến ngồi trong bọng cây kia và khi vị đại tướng đến nơi cầu khẩn, gã ấy đọc lại đủ điều đã nói ở trên. Đại tướng bảo:

– Tốt lắm!

Rồi đảnh lễ vị thần xong, đại tướng đến kể chuyện với các vị đại thần của vua, sau đó vào cung, gõ cửa cung thất của vua. Vua đã hồi tỉnh và hỏi ai đó.

– Tâu Thánh thượng, hạ thần là Ahipāraka.

Rồi chàng mở cửa cung thất, bước vào làm lễ triều kiến vua và ngâm vần kệ:

71. Quỳ trước đền thiêng, tấu Đại vương,
Thần nghe quỷ nói chuyện phi thường:
"Ummadantī mê hoặc lòng Kim thượng"
Mong Chúa thỏa tâm nguyện tuyển nàng.

Vua liền hỏi:

– Này Hiền hữu Ahipāraka, ngay các vị thần dạ-xoa cũng biết trẫm đang nói ngông cuồng vì say mê nàng Ummadantī đấy ư?

– Tâu Thánh thượng, quả vậy.

Vua nghĩ thầm: "Việc hèn hạ xấu xa kia của trẫm đã bị khắp thế gian biết cả rồi" và ngài cảm thấy hổ thẹn khôn cùng. Vừa khi lấy lại được sự bình tĩnh vững vàng, ngài ngâm vần kệ sau:

72. Phước trời chẳng hưởng, trẫm đành sa,
Thế giới đều hay đại tội ta,
Phải biết lòng khanh đầy khổ não,
Nếu khanh chẳng gặp lại Umma.

Các vần kệ sau đây là do hai vị đối đáp xen kẽ:

[Đại tướng:]

73. Trừ Đại vương cùng với hạ thần,
Việc kia ai biết giữa trần gian?
Umma tặng vật, xin dâng chúa,
Phỉ nguyện rồi đem trả lại nàng.

[Quân vương:]

74. Kẻ ác nghĩ không một thế nhân,
Hắn từng chứng kiến tội ta làm,
Song toàn việc ấy đều hay biết,
Bởi các Thánh nhân lẫn quỷ thần.

75. Dù khanh có bảo chẳng yêu nàng,
Điều ấy, ai tin giữa thế gian?
Phải biết lòng khanh đầy khổ não,
Nếu khanh chẳng gặp lại phu nhân.

[Đại tướng:]

76. Nàng quý yêu như mạng sống mình,
Thực là vợ thắm thiết bao tình,
Song hoàng thượng đến Umma gấp,
Như hổ, sư về thạch động nhanh.

[Quân vương:]

77. Bậc Trí dù đau khổ ngập tràn,
Cũng không bỏ việc tạo bình an,
Kẻ ngu dù đắm chìm hoan lạc,
Tội lỗi thế kia chẳng dám làm.

[Đại tướng:]

78. Bởi Đại vương là dưỡng phụ thân,
Là Thiên đế, chúa tể thần dân,
Thê nhi xin hiến làm nô lệ,
Thánh thượng Sivi, hãy đẹp lòng!

[Quân vương:]

79. Kẻ làm hại bạn chẳng ăn năn,
Bảo chính đây là chúa vạn năng,
Chỉ nửa đời thôi e khó sống,
Thánh thần thấy vậy chẳng bằng lòng.

[Đại tướng:]

80. Nếu chánh nhân thâu nhận lễ dâng,
Do người tình nguyện, tâu Minh quân,
Vậy người đem tặng cùng người nhận,
Làm việc thành công, quả lạc an.

[Quân vương:]

81. Dù khanh có bảo chẳng yêu nàng,
Điều ấy ai tin giữa thế gian?
Phải biết lòng khanh đầy khổ não,
Ví khanh chẳng gặp lại phu nhân.

[Đại tướng:]

82. Nàng thiết thân như mạng sống thần,
Thật nàng là vợ quý vô ngần,
Umma tặng vật, xin dâng hiến,
Thỏa nguyện rồi đem trả lại nàng.

[Quân vương:]

83. Làm mình khỏi khổ, hại cho người,
Kẻ khác mất vui, dạ vẫn tươi,
Chẳng cảm niềm đau người khác khổ
Như mình, chẳng biết chánh chân rồi.

[Đại tướng:]

84-85. Nàng quý như đời sống, Đại vương,
Thật nàng được ái luyến khôn lường,
Thần dâng bảo vật, không hoài của,
Như vậy người cho đã hưởng phần.

[Quân vương:]

86. Ta có thể làm hại bản thân,
Vì thèm dục lạc của phàm nhân,
Song ta quyết chẳng bao giờ dám,
Làm hại điêu tàn bậc chánh chân.

[Đại tướng:]

87. Ví thử Minh quân phải khước từ,
Chỉ vì nàng, vợ hạ thần ư?

Từ nay giải phóng nàng, từ biệt,
Xin triệu nô tỳ với chiếu thư.

[Quân vương:]

88. Ví dù đại tướng hại thân mình,
Lìa bỏ phu nhân chẳng tội tình,
E phải chịu bao lời khiển trách,
Chẳng hề ai nói đúng công bình.

[Đại tướng:]

89. Mặc lời khiển trách, mặc than phiền,
Để mặc lời bình phẩm ngợi khen,
Trút xuống hạ thần như ý muốn,
Trước tiên ước chúa thỏa tâm nguyền.

[Quân vương:]

90. Kẻ không màng đến việc khen chê,
Chỉ trích, tuyên dương, chẳng sá gì,
Tài sản, vinh quang đều biến mất,
Như cơn lũ rút, đất khô đi.

[Đại tướng:]

91. Bất cứ lạc hay khổ nảy sinh,
Vượt qua ngay, hoặc não lòng mình,
Thần xin đón nhận dù ưu, hỷ,
Như đất khoan dung cả dữ, lành.

[Quân vương:]

92. Ta chẳng muốn người khác khổ đau,
Làm càn cho bạn phải ưu sầu,
Gánh sầu mang nặng, mình riêng chịu,
Chân chánh, không làm vướng bận nhau.

[Đại tướng:]

93. Thiện hành dẫn dắt tới thiên đường,
Xin chớ cản chân, tấu Đại vương,
Tặng vật Umma, thần cống hiến,
Như vua ban thưởng bậc Sa-môn.

[Quân vương:]

94. Khanh đối cùng ta thật chí thành,
Khanh và hiền nội, bạn chân tình,
Đạo nhân, thần thánh đều chê trách,
Nguyền rủa ta mang mãi nặng mình.

[Đại tướng:]

95. Thần chắc dân quê đến thị dân,
Chẳng hề than chúa thiếu công bằng,
Vì Umma, chính thần dâng hiến,
Thỏa nguyện rồi đem trả lại thần.

[Quân vương:]

96. Khanh cùng trẫm quả thật ân cần,
Khanh với phu nhân chính bạn vàng,
Chánh nghiệp thiện nhân vang vọng khắp,
Chánh hành khó vượt, tựa triều dâng.

[Đại tướng:]

97. Tâu Chúa công, ban thưởng hạ thần,
Những gì thần ước, đại ân nhân,
Xin hoàn gấp bảy quà thần tặng,
Xin nhận lấy nàng, của biếu không.

[Quân vương:]

98. Tri kỷ Ahipāraka quả thật tình,
Theo đường chân chánh tự xuân xanh,
Đâu còn ai nữa trong nhân thế,
Nỗ lực cho ta được tốt lành?

[Đại tướng:]

99. Tấu Minh quân, hiển hách vô song,
Thông hiểu chánh hành, Đại Trí nhân,
Vạn tuế pháp vương đầy chánh hạnh,
Tránh đường tà, dạy bảo cho thần.

[Quân vương:]

100. Đến đây, Đại tướng Ahipāraka,
Hãy lắng nghe lời nói của ta,
Ta sẽ dạy khanh toàn chánh đạo,
Thực hành bởi các thiện nhân xưa!

101. Vua cầu chánh pháp, được ân trời,
Bậc Trí tối ưu giữa mọi người,
Không phản bạn lành là thiện hảo,
Tránh đường tà, cực lạc cao vời.

102. Dưới quyền đức độ của minh quân,
Như bóng cây che nắng trú thân,
Tất cả thần dân đều lạc nghiệp,
Hưởng đời phú quý mãi gia tăng.

103. Việc ác, nào ta có tán đồng,
Dù là vô ý vẫn sai lầm,
Ngu si là tội ta khinh ghét,
Nghe ví dụ này khắc tận tâm.

104-05. Bò già đi lạc giữa dòng sông,
Cả đám bò con lạc bước luôn,
Vậy nếu trưởng đoàn đi lạc lối,
Mục tiêu hạ liệt lại đưa đường,
Cả đoàn thấp kém liền theo gót,
Cả nước than "thời loạn nhiễu nhương."

106-07. Song nếu bò cha dẫn đúng dòng,
Đàn bò thẳng tiếp bước sau lưng,
Vậy khi tướng lãnh theo chân chánh,
Dân chúng sẽ cùng tránh bất công,
Thanh tịnh, an bình liền phát khởi,
Khắp miền cương thổ với non sông.

108. Ví dầu trẫm được cả trần gian,
Cũng chẳng làm sao, hỡi tướng quân,
Trẫm chẳng thể nào gây ác nghiệp,
Mà mong đạt đến cõi thiên đàng.

109-10. Những gì quý giá giữa nhân gian,
Nô lệ, bò trâu với bạc vàng,
Tuấn mã, xiêm y, kho của cải,
Ngọc châu sáng rực, gỗ chiên-đàn,
Mọi nơi nhật nguyệt ngày đêm chiếu,
Đổi lấy bất công cũng chẳng màng,
Trẫm vốn Sivi dòng quý tộc,
Người cai trị chính đáng công bằng.

111. Làm cha, lãnh đạo, giữ giang sơn,
Trẫm bảo tồn quyền lợi nước non,
Trẫm quyết trị dân theo chánh đạo,
Chẳng còn ai lệ thuộc riêng phần.

[Đại tướng:]

112. Luật pháp Đại vương thật tốt lành,
Mong ngài ngự trị hưởng trường sinh,
Dẫn đường đưa nước nhà an lạc,
Cường thịnh nhờ ngài đại trí minh.

113. Hân hoan tràn ngập chúng thần dân,
Vì Đại vương chân chánh nhiệt tâm,

Các bạo chúa nào quên chánh đạo,
Từ nay ắt phải mất ngai vàng.

114. Với xuân huyên là đấng song thân,
Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

115. Với hoàng nam, chánh hậu, cung tần,
Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

116. Với bao bằng hữu, các triều thần,
Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

117. Trong chinh chiến hoặc bước hành trình,
Xin Đại vương chân chánh thực hành,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

118. Nơi thôn dã hoặc chốn kinh thành,
Xin Đại vương chân chánh thực hành,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

119. Mọi miền quốc độ khắp giang sơn,
Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

120. Với La-môn, các bậc Sa-môn,
Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

121. Với loài súc vật, các chim muông,
Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

122. Thực hành chân chánh, tấu Quân vương,
Do đấy nguồn ân phước tưới tràn,
Nhờ tiến bước lên theo chánh đạo,
Đại vương sẽ đạt đến thiên đường.

123. Chính nhờ tỉnh giác, tấu Quân vương,
Thiện đạo tiến lên vững bước luôn,
Giáo sĩ, chư thiên và Đế-thích,
Từ xưa đã đạt đến thiên đường.

Khi vua nghe Đại tướng Ahipāraka thuyết pháp như vậy xong, ngài đoạn trừ hết lòng tham đắm đối với nàng Ummadantī.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư thuyết giảng các Thánh đế và nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, Ānanda (A-nan) là người lái xe Sunanda, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Tướng quân Ahipāraka, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là nàng Ummadantī, các đệ tử của Như Lai là các triều thần và Ta chính là Vua Sivi.

Vào đoạn kết thúc các Thánh đế, vị Tỳ-kheo kia đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

§528. CHUYỆN HIỀN GIẢ MAHĀBODHI (*Mahābodhijātaka*)[4] (*J.* V. 227)

Có nghĩa gì chăng những vật này...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự viên mãn của trí tuệ tối thắng. Câu chuyện được nói rõ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.[5] Song trong chuyện này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả xưa kia nữa, Như Lai cũng đã sáng suốt đánh bại mọi kẻ tranh chấp biện luận.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát sinh vào một gia đình Bà-la-môn giàu có ở phương Bắc, của cải lên đến tám trăm triệu. Cha mẹ đặt tên ngài là Bodhi (Bồ-đề). Khi ngài lớn khôn, ngài được dạy đủ các môn học thuật tại Takkasilā; lúc trở về nhà, ngài sống trong sự săn sóc nuông chiều của gia đình.

Dần dần, ngài đoạn trừ mọi ác dục thế gian và lui về sống ở vùng Tuyết Sơn, bắt đầu cuộc đời tu hành của một du sĩ khất thực. Ngài ở đó một thời gian rất lâu, ăn toàn củ quả rừng. Vào mùa mưa, ngài hạ sơn đi khất thực, dần dần đến gần thành Ba-la-nại. Tại đây, ngài trú ngụ trong vườn ngự uyển. Hôm sau, ngài đi vào kinh thành khất thực theo cách thức của một du sĩ khất thực, ngài

[4] Xem *D.* I. 47, *Sāmaññaphalasutta* (*Kinh Sa-môn quả*), số 2.

[5] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

đến gần hoàng môn. Vua đứng bên cửa sổ trông thấy ngài, rất hoan hỷ trước dáng điệu thanh thản của ngài liền mời ngài vào cung và ngồi trên vương tòa.

Sau một hồi đàm đạo thân hữu, vua được nghe ngài thuyết pháp rồi tiếp đãi cúng dường ngài đủ thứ cao lương mỹ vị. Bậc Đại sĩ nhận vật thực và suy nghĩ: "Thật ra vương triều này đầy hận thù và cừu địch. Ta không biết ai sẽ giải thoát cho ta khỏi nỗi lo sợ đang khởi lên trong lòng ta."

Vừa nhìn thấy con chó săn màu hung được vua cưng quý đang đứng gần đó, ngài lấy một miếng thịt tỏ vẻ muốn cho con chó. Vua thấy thế liền truyền đem đĩa của con chó lại và bảo ngài lấy thức ăn cho con chó. Bậc Đại sĩ cho nó ăn rồi chấm dứt bữa ăn.

Vua xin ngài chấp nhận việc xây một túp lều tranh cho ngài trong ngự viên của hoàng thành, truyền ban tặng ngài đủ vật dụng của một ẩn sĩ và mời ngài an trú tại đó. Mỗi ngày hai ba lần, vua đến thăm tỏ lòng cung kính đối với ngài. Đến giờ cơm, bậc Đại sĩ liên tục được ngồi vào vương tòa thọ dụng các thức ngự thiện cùng với vua. Cứ thế mười hai năm liền trôi qua.

Lúc bấy giờ, vua có năm vị cố vấn đã dạy ngài các vấn đề về sự và lý. Một vị trong số đó không chấp nhận thuyết Nghiệp nhân. Một vị khác tin rằng mọi việc đều do một đấng Tối cao sắp đặt. Vị thứ ba chủ trương thuyết Tiền nghiệp. Vị thứ tư tin vào thuyết Đoạn diệt sau khi chết. Vị thứ năm chủ trương thuyết Giai cấp Sát-đế-ly. Vị không chấp nhận thuyết Nghiệp nhân dạy dân chúng rằng: "Con người trong thế gian này sẽ được thanh tịnh hóa nhờ luân hồi." Vị tin vào hành động của đấng Tối cao dạy rằng: "Thế giới này do đấng Tối cao sáng tạo." Vị tin vào thuyết Tiền nghiệp dạy rằng: "Mọi ưu, lạc ở đời này là kết quả của một nghiệp quá khứ." Vị tin vào thuyết Đoạn diệt dạy rằng: "Không ai ở đời này tái sanh vào một thế giới khác vì thế giới này sẽ bị đoạn diệt." Vị chủ trương thuyết Giai cấp Sát-đế-ly dạy rằng: "Quyền lợi của cá nhân phải được thỏa mãn cho dù phải giết cả cha mẹ mình."

Họ được vua chỉ định ngồi xử án trong triều và vì tham muốn của hối lộ, họ đã tước đoạt tài sản của những người chủ nhân chính đáng. Một ngày kia, có một người bị sạt nghiệp vì vụ án bị xử sai nhìn thấy bậc Đại sĩ đi vào cung khất thực liền đảnh lễ và than thở với ngài:

– Thưa Tôn giả, tại sao ngài thọ thực trong cung điện mà lại thờ ơ[6] trước việc những vị phán quan cầm cân nảy mực của Thánh thượng đang làm tan gia bại sản của mọi người vì muốn ăn hối lộ? Bây giờ, năm vị cố vấn kia nhận của hối lộ từ tay một người vu cáo nên đã tước đoạt hết tài sản của tôi một cách vô lý.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ động lòng thương hại, đi vào triều xử lại bản án cho đúng và trả lại tài sản cho người kia. Dân chúng đồng tình, hoan nghênh ngài

[6] Xem *Cv.* IV. 78.

nhiệt liệt. Vua nghe tiếng ồn ào liền hỏi có việc gì, khi nghe nói vậy vừa lúc bậc Đại sĩ dùng cơm xong đến ngồi cạnh ngài, vua hỏi:

– Này Tôn giả, có thực là ngài vừa xử án như dân chúng đồn chăng?

– Tâu Đại vương, quả đúng vậy.

Vua bảo:

– Nếu ngài xử án, ngài sẽ đem lợi lạc cho dân chúng. Vậy từ nay ngài cần phải xử án!

Ngài đáp:

– Chúng thần là những kẻ tu khổ hạnh, việc này không phải là việc của chúng thần.

– Này Tôn giả, ngài phải làm việc đó vì từ tâm đối với dân. Ngài không cần xử án suốt ngày mà chỉ khi nào ngài từ vườn ngự uyển đến đây thì hãy đến công đường từ sáng sớm để xử bốn vụ án rồi trở về ngự viên, sau khi thọ dụng thức ăn xong lại xử bốn vụ nữa. Như vậy, dân chúng sẽ được lợi lạc.

Sau khi nghe nài nỉ nhiều lần, ngài nhận lời và từ đó xử án như vậy. Những kẻ lừa đảo không còn cơ hội làm ăn nữa, các vị cố vấn kia không nhận hối lộ được lâm vào cảnh khốn đốn, nghĩ thầm: "Từ khi có gã khất thực Bodhi bắt đầu xử án, chúng ta chẳng được gì cả." Bọn họ gọi ngài là thù địch của vua và bảo nhau:

– Này, chúng ta phải vu cáo nó và làm cho nó chết đi.

Họ liền đến yết kiến vua và tâu:

– Tâu Đại vương, gã khất thực Bodhi muốn làm hại Đại vương.

Vua không tin họ và phán:

– Không đâu, ngài là bậc thiện nhân uyên bác, ngài không làm như thế đâu.

Họ lại bảo:

– Tâu Đại vương, dân chúng đều là người của gã cả, chỉ có năm chúng thần là không ở trong tay gã thôi. Nếu Đại vương không tin chúng thần thì lần sau khi gã đến đây, xin Đại vương để ý đến đoàn tùy tùng của gã.

Vua ưng thuận, khi đứng bên cửa sổ nhìn ngài đi đến, vua thấy đám người thưa kiện theo sau ẩn sĩ Bodhi mà ngài không biết. Vua tưởng đó là tùy tùng của ngài liền có thành kiến với ngài ngay nên triệu tập các cố vấn vào hỏi họ:

– Ta phải làm sao đây?

Chúng đáp:

– Xin Đại vương ra lệnh bắt gã lại.

Vua đáp:

– Nếu ta không thấy gã vi phạm lỗi lầm nào hiển nhiên, làm sao ta bắt gã được?

– Vậy thì xin Đại vương giảm bớt ân huệ thường dành cho gã, khi gã thấy vinh dự bị sa sút, là một khất sĩ khôn ngoan, gã sẽ tự ý bỏ đi, không hé răng điều gì với ai đâu.

Vua chấp thuận lời đề nghị ấy và dần dần giảm bớt mọi sự tôn trọng đối với ngài. Ngày đầu tiên sau đó, bọn họ mời ngài ngồi trên một sàng tọa không có nệm. Ngài nhận thấy thế, hiểu ngay là đám kia đã vu cáo ngài với vua nên khi trở về ngự viên, ngài định ra đi ngay hôm đó, song ngài lại suy nghĩ: "Khi nào biết chắc chắn, ta sẽ ra đi" nên ngài không bỏ đi.

Ngày hôm sau, khi ngài ngồi vào sàng tọa không nệm lót, quân hầu dâng ngự thiện dành cho vua cùng nhiều thực phẩm khác và đem cho ngài thực phẩm trộn lẫn cả hai thứ trên.

Ngày thứ ba, quân hầu không để ngài đến gần bệ rồng mà đặt ngài ngồi ở đầu bệ rồi chúng đem đến ngài các thức ăn trộn chung lại. Ngài nhận lấy và trở về ngự viên tự làm thức ăn cho mình tại đó.

Ngày thứ tư, họ đặt ngài trên hiên nhà phía dưới và đem cho ngài cháo bột gạo, ngài cũng đem về ngự viên tự dọn thức ăn lấy. Vua bảo:

– Mặc dù mọi vinh quang dành cho gã đã giảm sút, khất sĩ Bodhi vẫn không bỏ đi. Vậy ta phải làm sao đây?

Họ bảo:

– Tâu Đại vương, không phải gã đến đây để khất thực mà vì gã muốn tranh quyền bá chủ. Nếu gã đến đây để khất thực thì gã đã bỏ đi ngay hôm đầu tiên gã bị coi khinh.

– Vậy ta phải làm gì đây?

– Xin Đại vương truyền lệnh giết gã ngày mai!

Vua đáp:

– Được lắm!

Vua trao kiếm vào tay các vị kia và bảo:

– Ngày mai khi gã đến đứng trong cửa, hãy chặt đầu gã và phanh thây gã ra, chẳng cần nói gì với ai cả, cứ ném xác gã vào đống phân rồi tắm rửa và trở về đây!

Bọn họ sẵn sàng tuân lệnh ngay và tâu:

– Ngày mai chúng thần xin đến làm như thế!

Sau khi sắp đặt công việc với nhau, họ trở về tư thất. Còn vua sau buổi ăn tối, nằm trên vương tòa nhớ lại mọi công đức của bậc Đại sĩ, nỗi ưu phiền đột nhiên kéo đến trong tâm, mồ hôi đổ ra khắp thân thể và không thể nào nằm yên trên giường, vua cứ trằn trọc mãi. Lúc bấy giờ, chánh hậu nằm bên cạnh vua, song vua chẳng thốt ra một lời nào với bà. Vì vậy bà hỏi vua:

– Tâu Thánh thượng, tại sao Thánh thượng không nói gì với thần thiếp? Thần thiếp có làm điều gì xúc phạm đến Thánh thượng chăng?

Vua bảo:

– Không đâu Ái hậu, nhưng chúng bảo khất sĩ Bodhi trở thành kẻ thù địch của ta rồi nên ta đã ra lệnh cho năm vị cố vấn ngày mai phải giết gã đi, giết xong phải phanh thây gã mà vứt vào đống phân. Nhưng trong suốt mười hai năm trường gã đã giảng dạy ta biết bao chân lý. Trước đây, ta không hề thấy gã có một điều xúc phạm mảy may nào mà chỉ vì do sự xúi giục của kẻ khác, ta đã ra lệnh giết đi, vì thế ta rất ưu phiền.

Lúc ấy, bà vội an ủi vua:

– Tâu Thánh thượng, nếu gã là kẻ thù của ta, tại sao Thánh thượng lại buồn rầu khi giết gã? Phải giữ gìn thánh thể an khang, dù cho kẻ thù phải giết đi chính là vương tử của Thánh thượng. Xin Thánh thượng đừng bận tâm làm gì.

Lời bà khiến vua an tâm và ngủ thiếp đi. Vào lúc ấy, con chó săn màu hung giống tốt kia nghe được câu chuyện, nghĩ thầm: "Ngày mai ta phải dùng sức mạnh của ta để cứu người này." Thế là sáng sớm hôm sau, con chó từ cung điện đi xuống cửa lớn, đặt đầu trên bậc thềm, nằm đó canh chừng con đường bậc Đại sĩ đi đến. Nhưng năm vị cố vấn cầm kiếm trong tay đã đến từ tảng sáng và đứng bên trong cửa lớn.

Ẩn sĩ Bodhi thấy đúng giờ, từ ngự viên đi đến cửa cung. Lúc ấy, con chó thấy ngài liền há miệng nhe bốn răng thật lớn ra và suy nghĩ: "Thưa Tôn giả, tại sao Tôn giả không đi khất thực nơi khác ở cõi Diêm-phù-đề? Đức vua đã sắp đặt cho năm vị cố vấn cầm kiếm đứng bên trong cửa chực giết ngài. Xin đừng đến cam phận chịu chết mà phải nhanh chân tẩu thoát." Rồi nó sủa lớn tiếng. Nhờ biết rõ ý nghĩa mọi thứ âm thanh nên ẩn sĩ Bodhi hiểu có chuyện chẳng lành liền trở về ngự viên thu dọn mọi vật cần thiết để lên đường.

Nhưng vua đứng bên cửa sổ thấy ngài không đến liền nghĩ: "Nếu người này là kẻ thù của ta thì gã sẽ trở về ngự viên thu thập mọi lực lượng để sẵn sàng hành động. Còn nếu không, chắc chắn gã sẽ lấy mọi thứ cần dùng và chuẩn bị ra đi. Ta muốn đi xem gã sẽ làm gì." Khi đến ngự viên, vua thấy bậc Đại sĩ bước ra khỏi am tranh cùng mọi vật dụng cần thiết đặt ở cuối lối đi trong am thất, sắp sửa lên đường. Vua đảnh lễ ngài rồi đứng qua một bên và ngâm vần kệ đầu tiên:

124. Có nghĩa gì chăng những vật này,
Lọng, giày, y, gậy lại cầm tay,
Thượng y, bình bát cùng dao quắm,
Ta muốn hiểu ra cớ sự vậy,
Đến xứ sở nào xa cách lắm,
Sao ngài nóng vội bỏ đi ngay?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Ta chắc vua không hiểu mình đã làm gì. Ta muốn cho vua biết." Ngài liền ngâm hai vần kệ này:

125. Tâu Đại vương, hơn một thập niên,
Hạ thần an trú chốn hoa viên,

Từ nay về trước chưa hề thấy,
Con chó này cất tiếng sủa lên.

126. Hôm nay chó nọ lại nhe răng,
Trắng nhởn, kiêu căng thật dữ dằn,
Vì đã nghe ngài cùng chánh hậu,
Báo cho thần biết, sủa vang rần.

Lúc ấy, vua đành nhận tội và ngâm vần kệ thứ tư xin ngài tha thứ:

127. Tội ấy của ta thật đúng phần,
Đích ta đà nhắm giết Tôn nhân,
Song nay ân huệ ban lần nữa,
Mong ước Tôn nhân hãy nán chân!

Nghe lời trên, bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, các bậc Trí không ở cùng với một người không nhìn thấy sự việc bằng chính mắt mình mà lại nghe theo lời chỉ dẫn của kẻ khác.

Nói xong, ngài vạch rõ cách xử thế sai lầm của vua như sau:

128. Thực phẩm ngày xưa sạch, trắng ngần,
Kế theo màu sắc tạp nham dần,
Đến nay đã hóa thành nâu sẫm,
Chính lúc này ta phải rút chân.

129. Buổi đầu tọa thực ở trên ngai,
Kế đó cầu thang, cuối bệ dài,
Trước lúc ta chờ dài cổ họng,
Ta đành từ giã chốn này thôi.

130. Ngài chớ mến yêu bạn bất trung,[7]
Khác gì đâu cái giếng khô cùn,
Dù đào sâu đến bao nhiêu mẫu,
Dòng nước tuôn ra cũng đục bùn.

131. Phải lo kết nghĩa bạn trung can,
Hãy tránh xa liền bạn bất nhân,
Như kẻ khát đi tìm suối nước,
Bạn vàng trung tín phải theo gần.

132. Lưu luyến bạn thân luyến ái ngài,
Đem tình ngài đáp lại tình ai,
Kẻ ruồng bỏ bạn vàng trung tín,
Được kể là người đốn mạt thôi.

---

[7] Tham chiếu: *Pháp cú kinh* "Đốc tín phẩm" 法句經篤信品 (*T*.04. 0210.4. 0560b20); *Xuất diệu kinh* "Tín phẩm" 出曜經信品 (*T*.04. 0212.11. 0672a17); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Chánh tín phẩm" 法集要頌經正信品 (*T*.04. 0213.10. 0782a19).

133. Kẻ chẳng luyến lưu bạn thủy chung,
Chẳng đem tình đáp lại tình thân,
Giữa đời là kẻ đê hèn nhất,
Địa vị không hơn lũ khỉ rừng.

134. Gặp gỡ quá nhiều cũng xấu xa,
Khác nào chẳng gặp gỡ bao giờ,
Hỏi xin ân huệ nào nhanh quá,
Cũng khiến tình thân hóa nhạt nhòa.

135. Viếng bạn, song đừng đến viếng luôn,
Cũng không nấn ná bước dừng chân,
Đúng thời ta mới cầu ân huệ,
Nhờ thế tình thân chẳng lụi dần.

136. Ai cứ kéo dài cuộc trú chân,
Thấy thường bằng hữu hóa cừu nhân,
Trước khi ta mất tình bằng hữu,
Xin giã biệt ngay, tiến bước đường.

Vua bảo:

137. Dù trẫm chắp tay khẩn thiết nài,
Ngài không muốn để lọt vào tai,
Chẳng dành lời nói cho quần chúng,
Tha thiết cầu ân đức của ngài,
Trẫm khát khao ngài ban tối huệ,
Xin về đây viếng trẫm nay mai.

Bồ-tát đáp:

138. Nếu không gì gián đoạn dòng đời,
Ví thử ngài, ta, Đại đế ơi!
Còn sống, hỡi người nuôi quốc độ,
Ta bay về lại chốn này thôi,
Rồi ta còn dịp lành tương kiến,
Trong lúc ngày đêm lờ lững trôi.

Bậc Đại sĩ nói như vậy xong rồi thuyết giáo cho vua, ngài bảo:

– Xin Đại vương hãy luôn tỉnh giác!

Sau khi rời khỏi ngự viên và đi một vòng khất thực trong khu phố của ngài, ngài rời thành Ba-la-nại và đi dần dần đến một chỗ trong vùng Tuyết Sơn, trú tại đó một thời gian rồi ngài hạ sơn đến trú trong một khu rừng gần một thôn làng ở vùng biên địa.

Khi ngài vừa ra đi, các cố vấn lại ngồi xử án, bóc lột dân chúng và suy nghĩ: "Nếu gã khất sĩ Mahābodhi trở lại đây, chúng ta sẽ mất kế sinh sống, vậy chúng ta phải làm gì để ngăn cản gã ấy trở lại?" Rồi họ nghĩ đến điều này: "Những

người như vậy không thể rời vật mà họ lưu luyến. Vậy vật gì làm gã lưu luyến đây?” Khi thấy chắc chắn đó phải là bà chánh hậu của vua, họ suy nghĩ: “Đây là lý do khiến gã ấy trở về đây. Chúng ta phải nhanh tay với bọn họ và khiến bà ta phải chết.” Họ liền nói lại điều này với vua:

– Tâu Đại vương, hôm nay có một lời đồn đại lan khắp kinh thành.

– Đồn đại việc gì?

– Khất sĩ Mahābodhi và chánh hậu vẫn gửi tin tức cho nhau.

– Với mục đích gì?

– Dân chúng bảo, vị ấy nhắn tin với chánh hậu như vầy: “Lệnh bà có đủ khả năng giết đức vua và trao chiếc lọng trắng cho ta chăng?” Chánh hậu nhắn lại vị kia: “Việc giết vua đúng là trọng trách của ta, vậy ngài phải đến đây gấp!”

Bọn họ cứ nói đi nói lại mãi điều này cho đến khi vua tin đó là sự thật liền hỏi:

– Vậy phải làm gì bây giờ?

Họ bảo:

– Ta phải giết chánh hậu đi.

Rồi không cần tìm hiểu sự thật của chuyện này ra sao, vua phán:

– Vậy thì giết chánh hậu đi rồi phanh thây bà ném vào đống phân!

Họ tuân lệnh ngay và tin hoàng hậu chết chấn động khắp kinh thành.

Lúc ấy bốn vương tử bảo nhau:

– Mẫu hậu ta vô tội đã bị hành hình do lệnh người này.

Và bọn họ trở thành cừu địch của vua. Vua vô cùng kinh hãi. Bậc Đại sĩ lúc ấy đã hay tin sự việc xảy ra liền suy nghĩ: “Lúc này không có ai ngoài ta có thể làm dịu lòng các vương tử này và khuyên họ tha tội phụ vương, ta sẽ về cứu mạng vua và giải thoát các vương tử khỏi mục đích tội lỗi của họ.”

Vì thế, ngày hôm sau, ngài đi vào ngôi làng ở biên địa. Sau khi ăn thịt khỉ do dân làng cúng dường, ngài xin miếng da khỉ đem về phơi khô trong am tranh cho đến khi hết mùi hôi rồi làm thành y trong, y ngoài và khoác lên vai. Tại sao ngài làm thế? Ngài bảo: “Nó có nhiều lợi ích cho ta.” Khoác tấm da lên, ngài đi dần vào thành Ba-la-nại, tiến lại gần các vương tử và bảo họ:

– Giết phụ thân là một việc ác khủng khiếp, các vương tử không nên làm vậy. Làm người không ai thoát khỏi mạng vong chết chóc. Ta phải đến đây để hòa giải các vị, khi ta đưa tin, các vị phải đến gặp ta.

Sau khi khích lệ các vương tử xong, ngài đi vào ngự viên trong kinh thành, ngồi trên phiến đá rồi trải miếng da khỉ lên trên. Khi người giữ vườn thấy thế liền vội phi báo cho vua. Vua nghe xong lòng đầy hoan hỷ, bảo năm vị cố vấn cùng đi với vua đến đảnh lễ bậc Đại sĩ rồi ngồi xuống để chuyện trò vui vẻ cùng ngài.

Bậc Đại sĩ chẳng hề đáp lễ thân mật gì cả, cứ tiếp tục vuốt tấm da khỉ. Vua hỏi:

– Này Tôn giả, tại sao không nói một lời nào với trẫm mà cứ vuốt tấm da, vậy nó ích lợi cho ngài hơn trẫm chăng?

– Tâu Đại vương, chính thế, con khỉ này hữu dụng bậc nhất cho bần đạo. Khi bần đạo đi đây đó, thường ngồi trên lưng nó. Nó mang bình nước cho bần đạo, nó quét sạch chỗ ở của bần đạo. Nó làm đủ mọi việc lặt vặt cho bần đạo. Vì tính khờ khạo của nó, bần đạo đã ăn thịt nó, lấy da phơi khô rồi trải ra nằm lên trên. Thật nó rất ích lợi cho bần đạo!

Ngài nói vậy để đánh tan luận điệu của đám tà đạo kia, gán mọi việc làm của một con khỉ vào tấm da khỉ và với mục đích này, ngài đã nói như trên. Từ việc [khoác tấm da khỉ] đi lại sinh hoạt, ngài bảo: "Khi [bần đạo] đi đây đó thường ngồi trên lưng khỉ." Từ việc đắp da lên vai và mang bình nước, ngài bảo: "Nó mang bình nước." Từ việc quét nhà có tấm da, ngài bảo: "Nó quét nhà." Khi ngài nằm, lưng ngài đụng vào tấm da; khi ngài bước đi lên tấm da, chân ngài đụng vào nó, ngài bảo: "Nó làm đủ mọi việc cho bần đạo." Khi ngài đói lòng, ngài đã ăn thịt nó, nay ngài bảo: "Nó khờ khạo như thế nên bần đạo đã ăn thịt nó rồi."

Nghe vậy, các vị cố vấn suy nghĩ: "Người này mang tội sát sinh. Hãy xem hành vi của ẩn sĩ này, gã bảo gã giết con khỉ, ăn thịt nó rồi đi khắp nơi mang theo da khỉ", rồi họ vỗ tay cười chê ngài.

Bậc Đại sĩ thấy họ làm như vậy, tự bảo: "Bọn này không biết ta đến đây với tấm da này để đánh bại các tà thuyết của chúng. Ta không bảo cho chúng biết đâu." Khi nói chuyện với kẻ không chấp nhận thuyết Nghiệp nhân, ngài hỏi:

– Tại sao Tôn giả khiển trách ta?

– Vì ngài đã phạm tội phản bạn và sát sinh.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ bảo:

– Nếu người ta tin vào Tôn giả và giáo lý của ngài rồi hành động theo đó thì còn gây tội lỗi nào nữa?

Rồi để đánh bại tà thuyết của lão, ngài nói:

139. Nếu thuyết ngài cho "thiện, ác hành,
Đều do duyên cớ tự nhiên sinh",
Thì trong các việc làm vô ý,
Tội lỗi làm sao thấy chỗ mình?

140. Nếu lý thuyết này ngài chủ trương,
Và đây là giáo pháp như chân,
Thì hành vi của ta là đúng,
Khi giết khỉ kia để hưởng phần.

141. Song nếu ngài trông thấy rõ ràng,
Đây là lý thuyết thật sai lầm,
Thì ngài sẽ chẳng bao giờ nữa,
Khiển trách việc ta với luận đàm.

Bậc Đại sĩ đã chỉ trích lão như vậy khiến lão phải im lặng. Vua cảm thấy buồn bực ngồi xuống. Còn bậc Đại sĩ, sau khi đánh bại tà thuyết của lão ấy lại nói với kẻ tin rằng mọi việc đều do một đấng Tối cao tạo ra, ngài bảo:

– Này Tôn giả, tại sao ngài khiển trách ta khi ngài thực sự tin vào lý thuyết cho rằng mọi vật đều do một đấng Tối cao tạo nên?

Rồi ngài ngâm kệ:

142. Nếu có Chúa trời đủ vạn năng,
Cho người thiện, ác, lạc, ưu tràn,
Đấng kia quả thật mang đầy tội,
Người theo ý Chúa chỉ chuyên làm.

143. Nếu lý thuyết này ngài chủ trương,
Và đây là giáo pháp như chân,
Thì hành vi của ta là đúng,
Khi giết khỉ kia để hưởng phần.

144. Song nếu ngài trông thấy rõ ràng,
Đây là lý thuyết thật sai lầm,
Thì ngài sẽ chẳng bao giờ nữa,
Khiển trách việc ta với luận đàm.

Như vậy, chẳng khác nào một người đánh ngã cây xoài bằng chính cây gậy chặt ra từ cây xoài ấy, ngài lại nói đã đánh bại người tin vào đấng Tối cao bằng chính lý thuyết của lão ta, rồi ngài lại nói với người tin vào các nghiệp quá khứ, ngài bảo:

– Này Tôn giả, tại sao ngài chê trách ta khi ngài tin vào lý thuyết cho rằng các nghiệp đã có sẵn trong quá khứ?

Rồi ngài ngâm kệ:

145. Lạc, ưu, khởi tự nghiệp duyên xưa,
Khỉ ấy nay đền tội đã qua,
Mỗi nghiệp ta làm đều trả nợ,
Vậy thì tội lỗi ở đâu ra?

146. Nếu lý thuyết này ngài chủ trương,
Và đây là giáo pháp như chân,
Thì hành vi của ta là đúng,
Khi giết khỉ kia để hưởng phần.

147. Song nếu ngài trông thấy rõ ràng,
Đây là lý thuyết thật sai lầm,
Thì ngài sẽ chẳng bao giờ nữa,
Khiển trách việc ta với luận đàm.

Sau khi bác bỏ tà thuyết của người này, ngài quay lại kẻ tin vào thuyết Đoạn diệt và bảo:

– Này Tôn giả, ngài chủ trương là không có thưởng phạt, mọi chúng sinh đều phải đoạn diệt ở đời này và không ai tái sinh vào đời sau. Vậy tại sao ngài lại trách ta?

Và ngài ngâm kệ bác bỏ kẻ ấy:

148. Tứ đại hợp thành mỗi loại sinh,
Mạng chung, mọi bộ phận tan tành,
Mất đi, người chết còn đâu nữa,
Người sống vẫn theo cuộc sống mình,

149. Ví thử thế gian đều hủy diệt,
Người ngu, bậc Trí thảy đi nhanh,
Chẳng ai tội lỗi đầy ô uế,
Giữa cõi trần gian đã hoại hình.

150. Nếu lý thuyết này ngài chủ trương,
Và đây là giáo pháp như chân,
Thì hành vi của ta là đúng,
Khi giết khỉ kia để hưởng phần.

151. Song nếu ngài trông thấy rõ ràng,
Đây là lý thuyết thật sai lầm,
Thì ngài sẽ chẳng bao giờ nữa,
Khiển trách việc ta với luận đàm.

Như thế, ngài bác bỏ tà thuyết của kẻ này và tiếp theo với kẻ chủ trương thuyết Giai cấp Sát-đế-ly, ngài bảo:

– Này Tôn giả, ngài chủ trương là con người phải phục vụ quyền lợi riêng của mình dù phải giết cha mẹ mình đi nữa. Nếu ngài đi truyền bá thuyết này, tại sao ngài còn trách ta?

Và ngài ngâm vần kệ này:

152. Sát-đế-ly kia vẫn bảo rằng,
Lũ ngu lại tưởng chúng khôn ngoan,
Mẹ cha cũng giết, tùy cơ hội,
Anh chị, vợ con, nếu có cần.

Như vậy, ngài đã chống lại quan điểm của kẻ kia và nêu ra quan điểm của ngài:

153. Bóng mát ta ngồi xuống nghỉ chân,
Cành cây ta chặt đứt lìa thân,

Tội kia bội nghĩa vong ơn đấy,
Bằng hữu dối gian, hãy ghét căm.[8]

154. Song nếu do cơ hội nảy sinh,
Thì ta chặt gốc, rễ, cây, cành,
Vì cần phục vụ nhu cầu đó,
Nên giết khỉ kia cũng hợp tình.

155. Nếu lý thuyết này ngài chủ trương,
Và đây là giáo pháp như chân,
Thì hành vi của ta là đúng,
Khi giết khỉ kia để hưởng phần.

156. Song nếu ngài trông thấy rõ ràng,
Đây là lý thuyết thật sai lầm,
Thì ngài sẽ chẳng bao giờ nữa,
Khiển trách việc ta với luận đàm.

Như vậy, ngài lại bác bỏ luận thuyết của người này. Lúc bấy giờ, cả năm vị tà sư ngoại đạo kia đều câm lặng, bối rối. Ngài lại bảo vua:

– Tâu Đại vương, những kẻ mà Đại vương đang thân cận đó là những tên đại đạo tặc đang cướp bóc toàn quốc độ của Đại vương. Ôi! Đại vương thật ngu si quá, một người thân cận với những kẻ ác như thế kia sẽ phải gặp đại khổ não trong đời này lẫn đời sau!

Nói vậy xong, ngài thuyết pháp cho vua:

157. Người này quả quyết: "Chẳng nguyên nhân",
Kẻ khác: "Có Trời, đấng Chí tôn",
Kẻ nói: "Nghiệp này do nghiệp trước",
Người thì: "Thế giới thảy tiêu vong."

158. Người: "Vua chúa với ngoại đạo sư",
Tưởng mình có trí giữa người ngu,
Ác nhân gây tội, khuyên làm ác,
Truyền bá ác hành tạo khổ ưu.

Rồi ngài giảng rộng bài thuyết pháp bằng các ví dụ chứng minh:

159. Sói đội lốt cừu một thuở xưa,
Đến gần chuồng nọ, chẳng ai ngờ,
Giết đàn cừu hoảng hồn kinh vía,
Xông tới đồng xanh chạy thẳng giò.

---

[8] Xem *J.* IV. 72, *Bhūripañhajātaka* (*Chuyện vấn đề trí tuệ*), số §452; *J.* IV. 451, *Mahāvāṇijajātaka* (*Chuyện vị đại thương nhân*), số §493; *J.* VI. 4, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què câm*), số §538; *J.* VI. 262, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

160. Cũng vậy, Sa-môn hoặc đạo nhân,
Thường dùng chiếc áo gạt lương dân,
Kẻ nằm trên đất, mình dơ bẩn,
Chồm hổm người ngồi, kẻ nhịn ăn,
Bọn thì không uống, bọn thì ăn,
Theo luật tạo ra vẻ thánh thần.

161. Bọn chúng đều là phường bất thiện,
Người ngu lại tưởng chúng "hiền nhân",
Bọn này không những gây bao tội,
Chúng lại khuyên người khác lỗi lầm,
Truyền bá ác hành luôn tạo quả,
Khổ đau và hoạn nạn muôn phần.[9]

162. Bảo rằng mọi vật chẳng nguồn căn,
Chúng phủ nhận luôn mọi nghiệp nhân,
Xem nhẹ nghiệp mình cùng kẻ khác,
Như là huyễn hoặc, hỡi Vương quân!

163. Bọn chúng đều là lũ bất lương,
Người ngu lại tưởng chúng Hiền nhân,
Chúng gây tội lỗi còn khuyên ác,
Truyền bá ác hành tạo khổ thân.

164. Nếu chẳng nghiệp nhân ở chốn nào,
Cũng không có thiện, ác hành sao,
Vua thường tuyển thợ đầy tài khéo,
Để hưởng lợi nhờ kỹ xảo cao?

165. Vậy cũng chính vì có nghiệp nhân,
Thiện hành, ác nghiệp có thông thường,
Nên vua chúa tuyển người tài khéo,
Để hưởng lợi nhiều bởi kỹ năng.

166. Ví thử trăm năm chẳng có mưa,
Tuyết sương chẳng rớt đúng theo mùa,
Ở trong thế giới suy tàn cả,
Dân chúng diệt vong chẳng kẻ chừa.

167. Song có mưa rơi, với tuyết sương,
Bốn mùa thay đổi luật thông thường,
Làm cho thóc lúa dần dần chín,
Đất nước trải bao thế kỷ trường.

---

[9] Tham chiếu: *Dh*. v. 141; *Pháp cú kinh* "Đao trượng phẩm" 法句經刀杖品 (*T*.04. 0210.18. 0565a29); *Pháp cú thí dụ kinh* "Đao trượng phẩm" 法句譬喻經刀仗品 (*T*.04. 0211.18. 0591b09); *Xuất diệu kinh* "Phạm chí phẩm" 出曜經梵志品 (*T*.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Phạm chí phẩm" 法集要頌經梵志品 (*T*.04. 0213.33. 0798a01).

168. Nếu lúc đàn bò đang vượt sông,
Con bò đực dẫn đi lòng vòng,
Thì toàn bộ các con bò cái,
Cũng sẽ đi theo kiểu lòng vòng.

169. Cũng vậy loài người có khác chi,
Nếu vua, thủ lĩnh chẳng tuân nghi,
Bất minh, không thực hành theo pháp,
Đất nước lầm than, dân chúng suy.

170. Nếu lúc đàn bò đang vượt sông,
Con bò đực dẫn thẳng đường sang,
Thì toàn bộ các con bò cái,
Cũng sẽ đi theo thẳng một đường.

171. Như vậy con người cũng giống y,
Quốc vương, chủ tướng chánh chân quy,
Công minh, gương sáng soi muôn nẻo,
Đất nước phồn vinh, hạnh phúc đầy.[10]

172. Kẻ hái trái còn quá nhỏ nhoi,
Trước khi trái ấy chín cho muồi,
Chính là hủy hoại bao mầm hạt,
Chẳng thể biết đâu quả ngọt bùi.

173. Cũng vậy người nào trị quốc dân,
Bằng nền cai trị chẳng công bằng,
Chẳng hề thưởng thức bao mùi ngọt,
Phát xuất từ đường lối chánh chân.

174. Nhưng kẻ nào hay để trái tươi,
Trên cây, khi trái chín cho muồi,
Là người giữ được bao mầm hạt,
Biết hưởng trái ngon ngọt tuyệt vời.

175. Cũng vậy người nào trị quốc dân,
Bằng đường chân chánh giữ giang san,
Trái cây công lý bao ngon ngọt,
Có thể hưởng cho thật vẹn tròn.

176. Quốc vương cai quản cả giang san,
Dùng bạo quyền trị nước bất công,
Phải chịu mất đi nhiều thảo mộc,
Dù cho đất kết quả bao phần.

---

[10] Xem *J.* III. 111, *Rājovādajātaka* (*Chuyện khuyến dụ Quốc vương*), số §334; *J.* V. 209, *Ummadantījātaka* (*Chuyện cô gái Ummadantī*), số §527.

177. Nếu vua làm hại các thần dân,
Có đủ tài sinh lợi bán buôn,
Khi lợi tức kia đà giảm sút,
Kho tàng vua cũng cạn vơi dần.

178. Nếu vua quấy nhiễu những hùng anh,
Có tài điều khiển việc đao binh,
Đội quân sẽ giã từ vua ấy,
Và tước của vua mọi bạo hành.

179. Nếu làm sai với Thánh, Hiền nhân,
Vua ấy về sau hưởng xứng phần,
Dù quý tộc mà gây tội lỗi,
Cũng đều phải mất cảnh thiên đàng.

180. Nếu hôn quân giết một vương phi,
Dầu chẳng hề gây tội lỗi gì,
Vua liền bị khổ đau xâu xé,
Bởi các con cùng địa ngục kia.

181. Hãy xử công bằng với quốc dân,
Ân cần tử tế với toàn quân,
Với thê nhi hãy đầy thân ái,
Để các Hiền nhân an trú chân.

182. Vị vua như vậy, hỡi Vương quân,
Giải thoát được bao nỗi hận sân,
Chẳng khác Inda, Thiên chủ ấy,
Tạo nên khiếp phục giữa quần thần.

Bậc Đại sĩ sau khi giảng pháp cho vua xong liền triệu bốn vương tử lại và dạy bảo họ, giải thích cho họ hiểu hành động của vua, rồi ngài nói:

– Hãy xin vua cha tha tội!

Sau khi thuyết phục vua tha thứ cho họ, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, từ nay xin Đại vương đừng nghe lời các kẻ vu cáo mà không cân nhắc thực hư, cũng đừng phạm các tội bạo hành tương tự như thế nữa; còn các vương tử, xin đừng phản bội vua cha!

Như vậy, ngài đã thuyết giáo cho cả hai bên. Lúc ấy, vua bảo:

– Thưa Tôn giả, chính vì những kẻ này mà trẫm phạm tội với ngài cùng hoàng hậu, chính vì nghe lời chúng mà trẫm gây tội ác, trẫm muốn xử tử chúng luôn cả năm tên.

– Xin Đại vương đừng làm vậy.

– Thế thì trẫm sẽ ra lệnh chặt tay chân chúng đi.

– Xin cũng đừng làm việc đó.

Vua ưng thuận bảo:

– Thôi cũng được.

Rồi vua tước bỏ mọi tài sản của họ và hạ nhục họ bằng nhiều cách như buộc tóc họ thành năm chòm, xiềng họ lại và rảy phân bò lên người họ rồi đuổi ra khỏi nước. Còn Bồ-tát, sau khi ở lại thêm vài ngày nữa để thuyết giáo vua, khuyên vua phải tỉnh giác đề phòng, lại ra đi lên vùng Tuyết Sơn tu tập thần thông phát xuất từ thiền định, và suốt đời ngài thực hành tứ vô lượng tâm nên được tái sinh vào Phạm thiên giới.

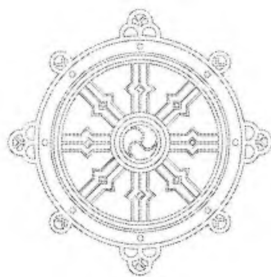
***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Như Lai đã có đại trí đánh bại mọi kẻ tranh luận.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời bấy giờ, năm vị tà sư đó là Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Pakudha Kaccāna, Ajita Kesakambalī, Nigaṇṭha Nāthaputta, con chó màu hung là Ānanda và khất sĩ Mahābodhi chính là Ta.



CHƯƠNG XIX

SÁU MƯƠI KỆ

(*CHAṬṬHINIPĀTA*)

§529. CHUYỆN HIỀN GIẢ SONAKA (*Sonakajātaka*) (*J*. V. 247)

Một ngàn đồng trầm tặng cho người...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong lúc Ngài ngụ tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế viên mãn của Ngài. Lúc bấy giờ, bậc Chánh Giác ngồi ở pháp đường trong lúc Tăng chúng đang tán thán công hạnh viên mãn của việc Ngài xuất thế. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Như Lai cũng đã thật sự thoát tục và làm đại sự xuất thế.

Nói xong, Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) cai trị tại thành Rājagaha (Vương Xá). Bồ-tát được sinh ra làm con của chánh hậu, vào ngày đặt tên, hoàng gia gọi ngài là Arindama (Chiến Thắng). Chính vào ngày ngài ra đời, một bé trai khác cũng ra đời tại nhà của vị quốc sư, được cha mẹ đặt tên là Sonaka (Mộc Hồ Điệp).

Hai cậu bé lớn lên, khi đến tuổi khôn lớn đều cực kỳ thanh tú và giống nhau như đúc. Họ cùng đi đến Takkasilā, sau khi luyện tập xong đủ các học thuật, họ ra đi với ý định học các nghề thông dụng và xem các tập tục địa phương, dần dần họ đi du hành đến tận Ba-la-nại.

Tại đó, họ cư ngụ trong ngự viên và hôm sau đi vào kinh thành. Chính ngày hôm ấy, một số người dự định cúng dường thực phẩm cho các vị Bà-la-môn, đem ra món cháo và sắp đặt ghế sẵn; khi trông thấy hai vị nam tử này đến gần liền mời họ vào nhà ngồi trên các ghế đã được soạn ra. Trên ghế dành cho Bồ-tát có trải tấm vải trắng, còn ghế dành cho Sonaka trải tấm thảm len đỏ.

Khi thấy điềm ấy, Sonaka hiểu ngay là ngày hôm ấy, Arindama bạn chàng sẽ lên ngôi vua tại Ba-la-nại và phong cho chàng chức Đại tướng. Sau khi ăn xong, hai vị cùng trở về ngự viên. Lúc bấy giờ, đã đến ngày thứ bảy từ khi vua xứ Ba-la-nại băng hà và hoàng gia không có người kế vị. Vì thế, các quân sư cùng hoàng tộc sau khi tắm rửa gội đầu xong, tụ tập nhau lại và bảo:

– Các người hãy đến nhà người xứng đáng lên ngôi vua!

Họ bắt đầu đánh xe hoa ra đi. Khi ra khỏi thành, xe đi dần đến ngự viên và dừng tại cổng, sẵn sàng đợi một người bước lên xe. Bồ-tát đang nằm nghỉ trên phiến đá dành cho vua với y ngoài đắp quanh đầu, trong khi nam tử Sonaka ngồi bên cạnh. Khi nghe tiếng nhạc cụ, Sonaka nghĩ thầm: "Đây là xe hoa đến đón Arindama, hôm nay ngài sẽ lên ngôi vua và phong ta chức Đại tướng. Song thật ra ta không muốn trị dân, khi ngài đi rồi, ta sẽ rời thế tục và làm ẩn sĩ khổ hạnh."

Thế rồi, ngài đứng ẩn mình sang một bên. Vị quốc sư đi vào ngự viên thấy bậc Đại sĩ nằm đó liền ra lệnh thổi kèn lên. Bậc Đại sĩ thức dậy, quay mình nằm thêm một lát rồi ngồi xếp chân trên phiến đá. Lúc ấy, vị quốc sư giơ tay ra cầu khẩn ngài:

– Tâu Đại vương, quốc độ này thuộc quyền ngài.

– Sao thế, không có kẻ thừa kế ngai vàng ư?

– Quả vậy, tâu Đại vương.

Ngài bảo:

– Thế thì được.

Họ liền làm lễ Quán đảnh phong ngài lên ngôi vua ngay tại đó. Rồi để ngài lên xe hoa xong, họ rước ngài vào thành cùng đoàn tùy tùng rầm rộ. Sau lễ rước thật trọng thể quanh kinh thành, ngài đi về hoàng cung. Trong cảnh đại huy hoàng vinh quang ấy, ngài quên bẵng người bạn trẻ Sonaka. Nhưng khi vua đi rồi, Sonaka trở lại ngồi trên phiến đá và một ngọn lá úa của cây sāla lìa cành rơi trước mặt ngài, khiến ngài trông thấy liền kêu lên:

– Thân ta rồi cũng bị hư hoại như chiếc lá này!

Và khi chứng đạt được thắng trí nhờ quán sát tính vô thường của các pháp, Ngài đắc quả vị Độc Giác Phật. Ngay lúc ấy, những đặc tính của con người thế tục trong Ngài biến mất và những dấu hiệu của một bậc Chân tu hiện rõ ra. Ngài bảo:

– Ta không còn tái sanh vào đời sau nữa.

Trong khi thốt lên lời nói này, Ngài khởi hành tiến về hang Nandamūla.

Còn bậc Đại sĩ, sau bốn mươi năm trôi qua, chợt nhớ đến Sonaka và nói:

– Bạn hữu Sonaka nay ở đâu trên đời này?

Dần dần mỗi khi nhớ lại thân bằng, vua không thấy ai báo cho ngài biết: "Hạ thần có thấy vị ấy, hạ thần có nghe nói đến vị ấy." Khi lên ngồi xếp bằng trên ngai vàng đặt trên chiếc bệ nguy nga có đoàn nhạc công và vũ nữ ca kịch vây quanh, tận hưởng cảnh vinh hoa phú quý ấy, vua bảo: "Bất kỳ ai nghe được có người nói Sonaka đang ở nơi này nơi nọ và báo tin cho trẫm, trẫm hứa sẽ ban tặng một trăm đồng tiền. Còn ai thấy chàng tận mắt và báo cho trẫm, trẫm hứa tặng một ngàn đồng tiền."

Rồi ngài thốt lên lời cảm hứng này như khúc ca, ngài ngâm kệ đầu tiên:

Một ngàn đồng trẫm tặng cho người,
Trông thấy thân bằng, bạn trẫm chơi,
Tặng một trăm đồng cho kẻ khác,
Biết Sonaka ấy, chút tăm hơi.

Lúc ấy, một vũ nữ bắt được điệu hát từ miệng vua liền hát lên khúc ca ấy. Rồi dần dần một người khác, rồi một người nữa hát lên cho đến khi khắp cả hậu cung cho rằng đó là điệu hát được vua ưa chuộng nên đồng hát lên. Dần dần, dân chúng khắp thị thành đến thôn quê đều hát bài ấy và chính vua cũng thường hát bài ấy. Sau năm mươi năm, vua đã sinh hạ nhiều vương tử và công chúa, vị thái tử tên là Dīghāvu.

Vào lúc ấy, vị Độc Giác Phật Sonaka nghĩ thầm: "Vua Arindama rất nóng lòng gặp lại Ta. Ta muốn đi giải thích cho ngài hiểu nỗi khổ đau của tham dục và công đức của việc xuất gia, Ta sẽ chỉ cho ngài con đường tu hành ẩn sĩ."

Rồi nhờ thần lực, Ngài đến đó ngay và an tọa trong ngự viên. Lúc bấy giờ, một đứa bé lên bảy để tóc năm chòm, được mẹ sai đến đây vừa lượm củi khô vừa hát đi hát lại bài ấy. Ngài Sonaka gọi cậu bé lại và hỏi:

– Này con, sao con cứ hát mãi bài ấy mà chẳng hề hát bài nào khác, con không biết bài nào khác hay sao?

– Thưa Tôn giả, con biết nhiều bài khác nhưng bài này đức vua yêu thích lắm, vì thế con cứ hát hoài.

– Thế có ai hát điệp khúc của bài này không?

– Thưa Tôn giả, không.

– Vậy Ta muốn dạy con một điệp khúc rồi con đi về hát cho đức vua nghe.

– Thưa vâng.

Thế là Ngài dạy cậu bé điệp khúc: "Một ngàn đồng" và cả đoạn sau, đến khi cậu bé hát thật thông thạo, Ngài để cậu bé về và bảo:

– Này con, con hãy đi về hát điệp khúc này trước mặt đức vua, ngài sẽ ban cho con nhiều quyền thế. Con cần gì phải lượm củi khô nữa. Thôi hãy đi về nhanh lên!

– Thế thì tốt lắm!

Cậu bé đáp sau khi đã thông thạo khúc hát liền từ tạ Tôn giả Sonaka:

– Thưa Tôn giả, xin Ngài ngồi lại đây cho đến khi con thỉnh đức vua đến.

Nói xong, cậu vội vàng chạy thật nhanh về gặp mẹ và nói:

– Mẹ hãy tắm rửa cho con và mặc vào áo quần thật đẹp. Hôm nay mẹ con ta sẽ thoát cảnh nghèo hèn!

Sau khi cậu đã tắm rửa, ăn mặc lịch sự xong, cậu đến cửa cung và nói:

– Này ông lão canh cổng, xin hãy đi trình Đại vương biết: "Có một cậu bé đến đây, đang đứng ở cửa, chuẩn bị ca một bài dâng lên Thánh thượng!"

Người giữ cổng vội phi báo với vua. Vua triệu cậu bé vào yết kiến và bảo:

– Này con, muốn hát đối cùng trẫm chăng?

– Tâu Đại vương, đúng thế.

– Vậy thì hát đi.

– Tâu Đại vương, con không muốn hát ở đây, mà con muốn xin cho tiếng trống đánh lên khắp kinh thành báo hiệu dân chúng tụ tập tại đây. Con mong muốn được hát trước mặt dân chúng.

Vua ra lệnh làm như vậy, rồi ngự giữa bảo tọa dưới một ngôi đình thật lộng lẫy và dành một chỗ ngồi xứng đáng cho cậu bé, ngài bảo:

– Bây giờ, hãy hát đi!

Cậu bé đáp:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương hát trước rồi con sẽ xin hát điệp khúc của bài đó.

Vua liền hát trước tiên vần kệ này:

1. Một ngàn đồng trẫm tặng cho người,
Trông thấy thân bằng, bạn trẫm chơi,
Tặng một trăm đồng cho kẻ khác,
Biết Sonaka ấy, chút tăm hơi.

***

Lúc ấy, bậc Đạo sư muốn làm sáng tỏ việc cậu bé còn để tóc năm chòm này ca điệp khúc do vua khởi xướng và với trí tuệ tối thắng, Ngài ngâm một vần kệ rưỡi:

2. Rồi cậu bé kia bỗng nói rằng:
"Trên đầu còn để tóc năm chòm,
Ngàn đồng xin tặng cho con thấy,
Và đã nghe, xin tặng một trăm,
Con sẽ đưa tin Tôn giả ấy,
Bạn thân ngày trước của Minh quân."

Các vần kệ sau đây do bậc Giác Ngộ ngâm và được hiểu theo tương quan diễn tiến của câu chuyện:

[Đức vua:]

3. Thành thị, thôn quê, quốc độ gì,
Mà con lê mãi bước chân đi,
Thấy đâu Hiền hữu Sonaka ấy,
Con hãy vui lòng nói trẫm nghe?

[Đứa bé:]

4. Trong quốc độ này, chính ngự viên,
Nhiều sāla lớn mọc đua chen,
Xanh tươi cành lá, thân cao vút,
Phong cảnh đẹp sao trước mắt nhìn.

5. Cành lá giao nhau kết thật dày,
Vươn lên trời tựa các vầng mây,
Sonaka dưới gốc cây thiền định,
Ly dục, tâm an, thanh tịnh đầy.

[Bậc Đạo sư:]

6. Vua liền khởi sự quyết lên đàng,
Cùng với quân binh đông bốn đoàn,
Rẽ lối sang bằng đường tiến vội,
Đến nơi trú của Sonaka.

7. Quẩn quanh vườn ngự rộng thênh thang,
Họ thấy Sonaka tọa an,
Tâm thái tịnh thanh, ly thoát dục,
Chẳng còn thiêu đốt giữa nhân gian.

Vua không đảnh lễ Ngài mà chỉ ngồi xuống một bên, và bởi lẽ bản thân vua đã đắm mình vào nhiễm ô nên cứ tưởng vị cố bằng hữu này là một kẻ khốn khổ bần hàn lắm liền ngâm kệ bảo bạn:

8. Trọc đầu mất cả mẹ cùng cha,
Trẫm thấy người kia khoác áo dà,
Kẻ khó tu hành đang nhập định,
Trú mình đây dưới gốc sāla.

9. Nghe thế, Sonaka bảo rằng:
"Chẳng là khốn khổ, tấu Vương quân,
Kẻ nào biết rõ trong hành động,
Luôn hướng về điều phải, lẽ chân."

10. Khốn hèn là kẻ bỏ điều chân,
Và lại thực hành chuyện bất nhân,
Với kẻ ác kia, ngài phải biết,
Khổ đau, mạt vận để dành phần.

Ngài đã khiển trách Bồ-tát như vậy. Còn vua giả vờ không biết mình bị khiển trách, cứ làm vẻ thân hữu trò chuyện cùng Ngài, nêu rõ danh tánh, gia tộc qua vần kệ:

11. Vua Kāsi nọ chính là ta,
Ta mệnh danh là Arindama,
Từ lúc đến đây, thưa Thánh giả,
Có điều chi đáng để vui an?

Vị Độc Giác Phật liền đáp:

– Này Đại vương, không chỉ khi an trú nơi đây mà bất cứ ở nơi nào khác, Ta cũng không gặp điều gì gọi là không vui cả.

Rồi Ngài bắt đầu ngâm kệ nêu lên các phước lạc của bậc tu hành:

12. Một kẻ xuất gia chẳng bạc tiền,
Được bao phước lạc kể đầu tiên,
Trong bình, chậu, vựa không tồn trữ,
Khất thực nhà người, sống thản nhiên.[1]

13-14. Phước lạc tiếp theo đáng tán đồng,
Vị này thọ thực chẳng sai lầm,
Thứ ba, hạnh phúc hằng ngày được,
Thọ thực an vui, chẳng mếch lòng.

15-16. Phước lạc thứ tư, chốn đến đi,
Thong dong chẳng biết luyến lưu gì,
Thứ năm ví thử thành kia cháy,
Người chẳng thiệt thòi, chẳng mất chi.

17. Thứ sáu là điều hạnh phúc đây,
Người tu tính để phận riêng tây,
Ví dù quốc độ tàn do cướp,
Người ấy chẳng hề thiệt mảy may.

18. Thứ bảy là điều hạnh phúc kia,
Vì chưng nghèo khó chẳng còn gì,
Dù bọn cướp chặn đường vây hãm,
Cừu địch, dù bao kẻ hiểm nguy,
Bình bát, hoàng y, người Phạm hạnh,
Bình an vẫn cứ bước chân đi.

19. Còn đây là hạnh phúc sau cùng,
Vị ấy lang thang khắp mọi vùng,
Không của, không nhà, không ngóng đợi,
Lên đường chẳng luyến tiếc băn khoăn.

Như thế, vị Độc Giác Phật Sonaka đã nêu lên tám phước lạc của một tu sĩ, rồi hơn thế nữa, Ngài có thể kể cả trăm, cả ngàn, vô lượng phước lạc, nhưng vì vua đang tham đắm dục lạc nên vội ngắt ngang lời Ngài và bảo:

– Trẫm không màng các phước lạc của đời tu hành kia.

Để làm sáng tỏ việc mình mê đắm dục lạc ra sao, vua ngâm kệ:

20-21. Phước lạc Ngài ca, trẫm chẳng màng,
Trẫm truy tầm lạc thú trần gian,

[1] Xem *S.* I. 235, *Saṅghavandanāsutta* (*Kinh Đảnh lễ chúng Tăng*).

Nhân, thiên lạc, trẫm đều yêu thích
Đạt cả hai ngay, hãy chỉ đàng!

Vị Độc Giác Phật liền đáp lời:

22. Ai cứ tham lam muốn hưởng tràn,
Biết bao dục lạc cõi trần gian,
Tạo nên ác nghiệp trong đời sống,
Sau phải tái sinh cõi khổ buồn.

23. Bỏ ái dục kia lại phía sau,
Suốt đời vô úy tiến lên mau,
Tham thiền, đạt đến tâm thanh tịnh,
Chẳng phải luân hồi cõi khổ đau.

24. Ta nói Đại vương ví dụ này,
Arindama, lắng nghe đây,
Những người Hiền trí nhờ lời dụ,
Ý nghĩa cao siêu sẽ hiểu ngay.

25. Trên sông Hằng sóng thủy triều dâng,
Kìa chú quạ ngu thấy cuốn phăng,
Một xác vật gì to quái lạ,
Tự nhủ thầm khi nó nổi gần.

26. "Vật kia tìm được lớn lao thay,
Ôi thật là kho thực phẩm đầy,
Để tận hưởng bao niềm khoái lạc,
Đây ta sẽ ở suốt đêm ngày."

27. Như thế thịt voi quạ cứ ăn,
Uống thêm nước mát tự sông Hằng,
Trong khi trôi nổi, lo ăn uống,
Không thấy có nhiều tháp trong rừng.

28. Cứ vậy buông lung, chú quạ trôi,
Đắm mình trên xác chết tanh hôi,
Sông Hằng cuốn chú lao đầu thẳng,
Vào chốn hiểm nguy của biển khơi.

29. Song lúc thức ăn đã cạn đi,
Ôi, chim tội nghiệp cố bay về,
Đông, Tây, Nam, Bắc nào đâu hướng,
Chẳng thấy đất đai, biển bốn bề.

30. Xa giữa trùng dương đã mệt phờ,
Trước khi chú quạ đến bên bờ,
Giữa muôn vàn hiểm nguy trên biển,
Ngã xuống không bay nữa bấy giờ.

31. Nơi chú chim kia khốn khổ rơi,
Cả đàn sấu, thủy quái đang bơi
Chung quanh, vội đến và xâu xé,
Tan xác run run của quạ mồi.

32. Cũng vậy, Đại vương với những người
Tham lam, tìm lạc thú kia hoài,
Tưởng mình có trí như chim quạ,
Cho đến khi lìa bỏ cuộc đời.

33. Ví dụ Ta bày tỏ thật chân,
Đại vương có thể hiểu am tường,
Giờ đây tùy thuộc nơi ngài cả,
Hành được hay không thôi, Đại quân.

Như vậy, nhờ ví dụ kia, Ngài đã khuyến giáo vua và để cho vua ghi nhớ mãi điều này, Ngài ngâm kệ:

34. Vì từ tâm nói một hai lần,
Nhắc nhở đôi lời để hộ thân,
Song chớ nhắc đi nhắc lại mãi,
Giống gia nô trước chủ nhân ông.

35. Với trí vô biên, bậc Đại Nhân,
Sonaka Giác giả dạy vương quân,
Vừa xong Ngài thẳng đàng bay biến,
Trong khoảng không gian rộng mịt mùng.

Đây là vần kệ của bậc Giác Ngộ.

***

Bồ-tát đứng ngắm Ngài bay qua không gian trong lúc còn nhìn thấy hình bóng Ngài; song khi Ngài đã khuất dạng, Bồ-tát vô cùng xúc động nghĩ thầm: "Người Bà-la-môn này thuộc dòng giống thấp kém, thế mà bay lên trên không, làm rơi rớt bụi bặm trên bàn chân lên đầu ta, một người xuất thân từ dòng dõi quý tộc được kế tục từ đời này qua đời khác. Vậy hôm nay ta phải giã từ thế tục và thành người tu khổ hạnh ngay." Trong niềm ước mong làm ẩn sĩ, sau khi từ bỏ vương quyền, ngài ngâm hai vần kệ:

36. Các vị quan nào quán đảnh vua,
Những người có đủ tài năng đâu?
Trẫm không muốn ngự trên ngai nữa,
Trẫm sẽ bàn giao chiếc miện vàng.

37. Ngày mai ta chết, có ai hay?
Trẫm mong thọ giới tự hôm nay,
Sợ rằng như quạ kia ngu dại,
Ác dục cuốn lôi, trẫm đọa đày.

Nghe vua muốn thoái vị như vậy, các vị cố vấn tâu:

38. Đại vương có Thái tử Dīghāvu,
Có thể làm hưng thịnh quốc gia,
Quán đảnh suy tôn lên bảo tọa,
Sẽ làm đại đế của triều ta.

Tiếp theo đây, khởi đầu bằng vần kệ do vua ngâm, các câu sau tuần tự được hiểu theo diễn tiến câu chuyện:

39. Mau triệu Dīghāvu đến nhanh,
Bậc làm hưng thịnh quốc gia mình,
Sắc phong quán đảnh lên vương vị,
Ấy chính là vua của các khanh.

40. Khi quần thần dẫn đến Dīghāvu,
Chúa tể tương lai của nước nhà,
Vương phụ bảo cùng hoàng thái tử,
Con yêu độc nhất quả chàng là.

[Vua cha:]

41. Ở đây có sáu vạn thôn làng,
Mọi thứ đều đầy đủ, sẵn sàng,
Hãy nhận chúng đi, này Thái tử!
Từ nay trẫm giã biệt giang san.

42. Ngày mai ta chết, có ai hay?
Trẫm muốn hôm nay tu xuất ngay,
Vì sợ ngu si như chú quạ,
Đắm mê ác dục, trẫm sa lầy.

43. Kìa xem vương tượng sáu mươi ngàn,
Được điểm tô bao vẻ rỡ ràng,
Với đủ cân đai vàng chói lọi,
Yên cương kim bảo sáng huy hoàng.[2]

44. Quản tượng ngồi lên cưỡi mỗi con,
Tay cầm giáo có móc câu tròn,
Nhận đi Thái tử, cha ban tặng
Con, kẻ lên ngôi trị nước non.

45. Ngày mai ta chết, có ai hay?
Trẫm muốn hôm nay tu xuất ngay,
Vì sợ ngu si như chú quạ,
Đắm mê ác dục, trẫm sa lầy.

---

[2] Từ số 43-49, xem *J.* VI. 35, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539; *Ap.* II. 351, 354, 365.

46. Kìa xem vương mã sáu mươi ngàn,
Tô điểm yên cương sáng rỡ ràng,
Tuấn mã Sindh đều dòng giống quý,
Sức luôn bền bỉ và phi nhanh.

47. Chúng đều mang quản mã oai hùng,
Đầy đủ trong tay với kiếm cung,
Thái tử nhận đi, cha tặng cả
Cho con, người ngự trị toàn dân.

48. Ngày mai ta chết, có ai hay?
Trẫm muốn hôm nay tu xuất ngay,
Vì sợ ngu si như chú quạ,
Đắm mê ác dục, trầm sa lầy.

49. Vương xa sáu vạn đủ yên cương,
Cờ xí tung bay ngập bốn phương,
Da cọp, da beo bao phủ khắp,
Điểm tô mọi thứ thật huy hoàng.

50. Quản xa điều ngự, giáp bào mang,
Cung tiễn cầm tay, thảy vũ trang,
Thái tử nhận đi, cha tặng cả,
Vì con, người ngự trị giang san.

51. Ngày mai ta chết, có ai hay?
Trẫm mong được xuất gia hôm nay,
Sợ rằng như quạ kia ngu dại,
Ác dục đắm mê, trầm đọa đày.

52. Sáu vạn con bò cái đỏ hồng,
Cùng đàn bò đực đi đầu hàng,
Nhận đi Thái tử, cha ban tặng,
Vì chính con cai trị quốc dân.

53. Ngày mai ta chết, có ai hay?
Trẫm muốn hôm nay tu xuất ngay,
Vì sợ ngu si như chú quạ,
Đắm mê ác dục, trầm sa lầy.

54. Sáu vạn cung phi đẹp nõn nà,
Đứng kia xiêm áo thật xa hoa,
Đầy trang sức đẹp, hoa tai ngọc,
Cha tặng con, người trị quốc gia.

55. Ngày mai ta chết, có ai hay?
Trẫm mong được xuất gia hôm nay,

Sợ rằng như quạ kia ngu dại,
Ác dục đắm mê, trầm đọa đày.

[Thái tử:]

56. Ngay thời thơ ấu của hoàng nhi,
Con đã nghe Vương mẫu mất đi,
Giờ nếu Phụ vương không ở cạnh,
Con đây không thiết sống làm chi.

57. Như ở sau lưng, sát với cha,
Voi con thường thấy theo voi già,
Xuyên đèo, xuyên núi hay rừng rậm,
Bằng phẳng, gồ ghề cũng vượt qua.

58. Bình bát trong tay, con bước sau,
Theo cha dẫn lối bất kỳ đâu,
Cha không thấy gánh con làm nặng,
Hay phải nuôi con khó nhọc nào.

[Vua cha:]

59. Như thương nhân, chủ các con tàu,
Kiếm lợi, tìm hàng để bán mau,
Có thể bị trôi vào vực xoáy,
Cả thuyền, thủy thủ thảy tiêu hao.

60. Sợ rằng ta gặp bước gian nan,
Con trẻ gây phiền lụy, cản đàng,
Làm lễ phong vương trong bảo điện,
Cho con hưởng lạc thú trần gian.

61. Các nàng cung nữ vuốt ve chàng,
Ngời chói đôi tay với ngọc vàng,
Như Đế-thích cùng nhiều thị nữ,
Từ đây chàng sẽ được hân hoan.

[Bậc Đạo sư:]

62. Họ rước Dīghāvu, Thái tử này,
Vào cung điện, chốn lạc hoan đầy,
Vừa nhìn vương tử, đoàn thanh nữ,
Kiều diễm liền thưa gửi giãi bày.

63. Chàng là ai, nhạc sĩ, thiên thần,
Hay Đế-thích danh tiếng lẫy lừng,
Bố thí của tiền khắp thị trấn,
Xin cho thiếp biết tộc, danh xưng?[3]

---

[3] Xem *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hại Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 4, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què câm*), số §538.

64. Ta không nhạc sĩ, chẳng thiên thần,
Chẳng Đế-thích danh tiếng lẫy lừng,
Thái tử của Vua Kāsi ấy,
Dīghāvu, khiến thịnh giang san,
Hãy yêu ta nhé và an lạc,
Ta sắc vương phi đủ mọi nàng.[4]

65. Rồi với Dīghāvu, vị chúa công,
Các nàng kiều nữ lại thưa rằng:
"Thượng hoàng tìm chỗ nào an trú,
Và kể từ nay sẽ ẩn thân?"

[Thái tử:]

66. Phụ vương đã tránh chốn bùn nhơ,
Ngài đã bình an ở đất khô,
Thoát khỏi chông gai rừng rậm rạp,
Cuối cùng ngài đã thấy đường to.

67. Còn ta mới cất bước lên đường,
Dẫn đến nơi đầy rẫy khổ buồn,
Qua đám chông gai rừng rậm rạp,
Tiến lên tìm số phận kinh hoàng.

[Cung phi:]

68. Cung nghênh Thánh thượng đến hoàng cung,
Như hổ tìm con ở động hang,
Thánh thượng từ đây lên ngự trị,
Chánh chơn thừa kế chiếc ngai vàng.

Nói xong, cả đoàn cung nữ cùng đánh nhạc cụ vang lừng và biểu diễn đủ loại ca múa, cảnh vinh quang huy hoàng tuyệt diệu đến độ thái tử say mê quên hết mọi sự về phụ vương. Nhưng sau đó, chàng cai trị đúng pháp, rồi sau khi mạng chung đi theo nghiệp của mình. Còn Bồ-tát tu tập thiền định làm phát khởi thắng trí và khi mạng chung, ngài sanh lên cõi Phạm thiên.

***

Bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngay cả ngày xưa nữa, Như Lai cũng đã làm đại sự xuất thế.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vị Độc Giác Phật chứng đắc Niết-bàn, thái tử là Rāhula (La-hầu-la), những người còn lại là đồ chúng của Như Lai và Vua Arindama chính là Ta.

---

[4] Xem *J.* VI. 4, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què câm*), số §538.

§530. CHUYỆN HIỀN GIẢ SAṀKICCA (*Saṁkiccajātaka*) (*J*. V. 261)

Vừa thấy Brahmadatta đại vương...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể lại trong khi trú ở vườn xoài của Jīvaka về việc mưu sát phụ vương của Vua Ajātasattu (A-xà-thế). Theo sự xúi giục của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), vua ấy đã nhờ vị này sát hại phụ vương.

Nhưng sau khi Tăng chúng chia rẽ xong thì bệnh tật tràn lan trong nhóm người ly khai, Devadatta quyết định ra đi và xin đức Như Lai thứ tội. Trong lúc đi đường đến Sāvatthi (Xá-vệ), trên một chiếc cáng, vị này bị nuốt vào lòng đất ngay tại cổng tinh xá Kỳ Viên. Khi được tin trên, Vua Ajātasattu suy nghĩ: "Vì Devadatta thù nghịch với đức Thế Tôn nên phải bị mất xác vào trong lòng đất và đọa vào địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián). Vì lão ấy mà ta đã can tội giết hại phụ vương thánh thiện, vị vua của công lý, chắc chắn ta cũng sẽ bị nuốt vào lòng đất."

Vì thế, vua kinh hoàng đến độ không còn hứng thú an hưởng cảnh vương giả trong triều đình. Và trong khi tưởng rằng chỉ nằm nghỉ ngơi chốc lát, vua đã ngủ thiếp dần, rồi thấy mình dường như rơi vào một cảnh giới toàn bằng sắt dày chín do-tuần, bị đâm bằng cọc sắt nhọn và bị bầy chó xâu xé, chúng cứ nhe răng dọa nạt ông, làm ông kêu lớn và giật mình tỉnh dậy.

Vì vậy, vào ngày lễ hội trăng tròn rằm tháng Mười, khi được đám đông quần thần vây quanh, ông nghĩ đến cảnh vinh quang của mình, lại thấy cảnh vinh quang của phụ vương còn vượt xa hơn mình nữa, mà chỉ vì Devadatta, ông đã giết một vị vua chân chính như vậy. Trong khi nghĩ đến điều này, một cơn sốt nổi lên khắp thân thể, mồ hôi đổ ra như tắm. Rồi ông xem xét ai có thể xua tan nỗi sợ hãi này khỏi lòng mình, ông kết luận là ngoại trừ đấng Thập Lực không còn ai nữa. Ông suy nghĩ: "Ta đã có tội lớn đối với đức Như Lai, vậy ai có thể đem ta đến yết kiến đức Thế Tôn?"

Và xem ra không còn ai ngoài Jīvaka, ông tìm cách mời vị này cùng đi đến yết kiến đức Phật. Vua thốt ra một tiếng kêu vui mừng. Vua bảo:

– Này hiền khanh, đêm nay trăng sáng đẹp quá, hôm nay ta muốn đi cúng dường đảnh lễ một vị Sa-môn hay Bà-la-môn, có nên chăng?

Khi nghe các công đức của Pūraṇa[5] và các vị đạo sư khác được các đệ tử của họ tán thán, vua không quan tâm mà chỉ hỏi Jīvaka. Khi nghe vị này kể các công đức của đức Như Lai và tâu: "Xin Thánh thượng hãy đi đảnh lễ đức Thế Tôn", vua ra lệnh cho các tượng xa chuẩn bị đi đến vườn xoài của Jīvaka.

Khi đến gần đức Như Lai, vua đảnh lễ và được đức Phật thân ái đáp lễ lại, vua hỏi đức Phật về quả của việc tu hành trong đời này. Sau khi nghe đức Như Lai thuyết pháp êm dịu về Sa-môn quả, cuối bài pháp vua xin làm đệ tử đức Phật và ra về sau khi đã sám hối trước đức Phật.

---

[5] Xem *D*. I. 47, *Sāmaññaphala Sutta* (*Kinh Sa-môn quả*), số 2.

Từ đó, thực hành bố thí và trì giới, vua thường kề cận đức Như Lai, nghe Ngài thuyết pháp êm dịu và nhờ thân cận bậc thiện hữu tri thức, nỗi lo sợ giảm bớt và cảm giác kinh hoàng của ông dần dần biến mất, ông đã được an tâm trở lại và hân hoan tu tập tứ nhiếp pháp.

Một ngày kia, Tăng chúng bắt đầu bàn luận tại pháp đường, bảo nhau:

– Này các Hiền giả, sau khi giết phụ vương, Vua Ajātasattu quá kinh hoàng, không còn muốn hưởng cảnh vương giả nữa, cứ luôn luôn bị cảm giác khổ đau trong mọi hành động. Sau đó, vua tìm đến đức Như Lai, nhờ thân cận với bậc thiện hữu, vua đã quên hết mọi nỗi lo âu và an hưởng vinh hoa hạnh phúc của đời vương giả.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các Tỳ-kheo, các ông đang bàn luận vấn đề gì?

Và khi nghe các vị ấy nói vấn đề kia, Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, người này sau khi giết cha mình đã nhờ Ta mà phục hồi sự thanh thản của tâm trí.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, tại thành Ba-la-nại, Vua Brahmadatta sinh được một con trai và cũng đặt tên là Brahmadatta. Vào thời ấy, Bồ-tát được sinh vào nhà của vị tế sư. Ngày ngài ra đời, họ đặt tên ngài là Saṁkicca. Hai hài nhi cùng lớn lên trong cung vua nên trở thành đôi bạn chí thân. Khi hai vị đến tuổi khôn lớn, và sau khi đã hoàn tất mọi môn học tại Takkasilā liền trở về nhà. Vua phong cho con làm phó vương và Bồ-tát vẫn sống chung cùng bạn.

Một ngày kia, khi vua cha du ngoạn tại lạc viên, phó vương nhìn thấy cảnh đại vinh quang của ngài, sinh lòng ao ước và nghĩ thầm: "Phụ vương [mạnh] như vương huynh của ta, nếu ta đợi chờ vua cha chết thì ta đã già nua khi lên ngôi báu. Lúc ấy, ta được giang sơn thì có lợi gì? Ta muốn giết cha và làm vua ngay." Chàng liền nói với Bồ-tát về dự định sẽ làm gì, Bồ-tát phản đối dự tính đó và bảo:

– Này Hiền hữu, giết cha là một tội trọng. Chuyện ấy sẽ đưa đường đến địa ngục, xin ngài đừng làm việc ấy, xin đừng giết đức vua!

Song phó vương cứ nhắc đi nhắc lại chuyện ấy và bị bạn thân phản đối đến lần thứ ba. Phó vương liền vấn kế bọn hầu cận, bọn chúng đồng ý và lập mưu giết vua cha. Khi Bồ-tát nghe tin này, nghĩ thầm: "Ta không muốn thân cận với hạng người như thế." Rồi không kịp từ giã song thân, ngài trốn đi bằng cửa hậu, và sống cảnh ẩn dật trong vùng Tuyết Sơn. Tại đó, ngài theo đời khổ hạnh và chứng đắc các thắng trí phát xuất từ thiền định, chỉ nuôi thân bằng các thứ củ quả rừng. Còn vương tử, khi bạn bỏ đi rồi, đã mưu giết phụ vương và tận hưởng cảnh vinh quang.

Nghe tin nam tử Saṁkicca xuất gia tu hành, nhiều thiện gia nam tử cũng rời bỏ thế tục và xin thọ giới với ngài để sống đời khổ hạnh. Ngài sống tại đó với hội chúng đông đảo các vị khổ hạnh kia và tất cả đều đạt các thiền chứng.

Phần vua, sau khi giết cha và hưởng thọ dục lạc của đời sống đế vương được một thời gian ngắn, lại thấy lo sợ và tâm bất an như thể một người đã thấy rõ hình phạt của mình trong địa ngục. Lúc ấy, vua nhớ đến Bồ-tát liền nghĩ: "Bạn ta đã cố ngăn cản ta, bảo rằng giết cha là một việc kinh hoàng,[6] song đã không thuyết phục được ta nên đã bỏ đi để khỏi vướng lụy. Nếu trước kia có bạn ta ở đây, ắt hẳn đã không để ta phạm tội giết cha và đã cứu ta thoát được nỗi kinh hoàng này. Không biết bây giờ bạn ta ở đâu. Nếu ta biết được chàng ở đâu, ta sẽ cho mời chàng về. Ai có thể cho ta biết nơi chàng ở chăng?"

Từ đó, ở trong hậu cung cũng như ngoài triều đình, vua vẫn thường tán dương Bồ-tát. Một thời gian lâu sau đó, khi đã sống ở Tuyết Sơn cả năm mươi năm, Bồ-tát nghĩ thầm: "Vua đang nhớ đến ta. Ta phải đi tìm bạn và thuyết pháp để bạn ta khỏi lo sợ." Thế là được năm trăm vị khổ hạnh theo hầu, ngài bay qua không gian rồi hạ xuống hoa viên Dāyapassa và an tọa trên phiến đá với các Hiền nhân vây quanh.

Người giữ vườn thấy ngài liền hỏi:

– Thưa Thánh giả, vị nào là bậc thượng thủ của hội chúng Hiền nhân này?

Khi được biết đó là Trí giả Saṁkicca và lão cũng nhận ra ngài liền thưa:

– Thưa Tôn giả, xin ngài ở nán lại đây cho đến khi tôi đi thỉnh hoàng thượng đến. Hoàng thượng đang nóng lòng gặp ngài.

Đảnh lễ ngài xong, lão vội đến cung tâu trình về việc ngài trở về. Vua đến thăm ngài và sau khi cung kính đảnh lễ theo đúng phép xã giao xong liền đưa ra vấn đề hỏi ngài.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ việc này:

69. Vừa thấy Brahmadatta đại vương,
Ngôi cao chễm chệ thật huy hoàng,
Lão tâu: "Chúa thượng, thân bằng cũ,
Chúa thượng vẫn thường dạ luyến thương.

70. Tôn giả Saṁkicca đã đến đây,
Giữa Hiền nhân, nổi tiếng vai thầy,
Đại vương, xin vội lên đường sớm,
Chớ chậm tìm thăm bậc Thánh này."

71. Vua ngự lên xa giá vội vàng,
Sẵn sàng theo lệnh của vua ban,

[6] Xem *JPTS*. 1884, p. 76.

Triều thần, bạn hữu vây quanh đủ,
Tìm kiếm Thánh nhân tiến thẳng đàng.

72. Cả năm biểu tượng của vương gia,
Vị chúa Kāsi vội bỏ ra,
Lọng, quạt đuôi trâu rừng, mão niệm,
Đôi hài, bảo kiếm cũng trao qua.

73. Rồi vua ngự xuống khỏi vương xa,
Cởi hết bào y rực sáng lòa,
Đến Dāyapassa ngự uyển,
Là nơi an tọa Thánh Saṁkicca.

74. Và vua vội vã tiến lên gần,
Đảnh lễ trang nghiêm, lại hỏi thăm,
Trao đổi đôi câu khi hội ngộ,
Xong rồi vua lại dời chân sang.

75. Cạnh bạn, vua an tọa một bên,
Đến khi dịp tốt bắt đầu lên,
Hỏi câu liên hệ bao điều ác,
Vua vội nêu ra với bạn hiền.

76. "Saṁkicca, thượng thủ Hiền nhân,
Tĩnh tọa ở Dāyapassa,
Phía trước một đoàn nhiều ẩn sĩ,
Bao điều trẫm muốn hỏi thân bằng.

77. Ra sao, kẻ ác lúc từ trần,
Cảnh giới nào đâu phải thọ thân?
Trẫm đã đi sai đường chánh đạo,
Trẫm mong lời giải của Hiền nhân."

Sau khi nghe như vậy, Bồ-tát nói rằng: "Vậy thì xin Đại vương hãy lắng nghe!" rồi cho lời khuyên.

***

Bậc Đạo sư nói thêm để làm sáng tỏ việc này:

78. Và Saṁkicca bảo Đại vương,
Vua Kāsi giúp thịnh giang sơn,
Tại Dāyapassa ngự viên an tọa:
"Đại đế, lắng nghe sẽ tỏ tường.

79. Ví thử ngài đưa lối chỉ đường,
Cho người đi lạc bước vô phương,
Người kia theo đúng lời khuyên nhủ,
Chẳng gặp chông gai cản bước chân.

80. Nếu kẻ kia đi lạc nẻo tà,
Nếu ngài dẫn dắt đúng đường ra,
Kẻ kia tuân thủ lời khuyên nhủ,
Sẽ thoát ra bao cảnh khổ mà."

***

Ngài đã khuyến giáo vua như vậy và hơn nữa ngài còn dạy vua pháp lành:

81. Đường đúng chính là pháp chánh ngay,
Còn phi pháp chính là đường sai,
Pháp thì đưa lối lên thiên giới,
Phi pháp dẫn vào ngục đọa đày.

82. Kẻ hành phi pháp, hỡi Quân vương,
Là kẻ có đời sống bất lương,
Khi chết đọa vào trong địa ngục,
Quân vương nghe rõ sẽ am tường,

83. [Các địa ngục kia được gọi là:]
Sañjīva, Kāḷasutta,
Và hai địa ngục Roruva,
Saṅghāta, Đại Avīci,
Tapana, Patāpana,

84. Tám địa ngục kia tiếng lẫy lừng,
Rất nhiều kẻ tạo nghiệp hung tàn,
Thoát thân từ đó đều vô vọng,
Mỗi ngục bằng mười sáu [ngục] Ussada.

85. Lửa cháy hành hình các tội nhân,
Thảy đều tạo ác nghiệp vô ngần,
Kinh hồn, hoảng hốt, đầy đau đớn,
Khổ não, hãi hùng ngập bốn phương.[7]

86. Bốn phía đều xây cửa bốn tầng,
Chia từng khoảng cách, thật cân phân,
Mái vòm bằng sắt trên che phủ,
Tường sắt lại còn bao bọc quanh.[8]

87. Nền ngục này bằng sắt cả vùng,
Ngập tràn lửa dữ, nóng hừng hừng,

---

[7] Xem *CNid.* 57, *Khaggavisāṇasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh sừng tê ngưu*); *MNid.* 401, *Attadaṇḍasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân*).

[8] Kệ 86-87, xem *M.* III. 163, *Bālapaṇḍitasutta* (*Kinh Hiền ngu*), số 129; *M.* III. 178, *Devadūtasutta* (*Kinh Thiên sứ*), số 130; *A.* I. 138, *Devadūtasutta* (*Kinh Thiên sứ*).

Dù xa trăm dặm chung quanh đó,
Cũng thấy nóng lan tỏa chẳng ngừng.[9]

88. Ai làm thương tổn các Hiền nhân,
Bậc khổ hạnh, gìn giới, chánh chân,
Rơi chúi đầu vào miền địa ngục,
Chẳng còn cơ hội để vươn thân.

89. Thân thể tả tơi, cảnh hãi hùng,
Khác nào cá nướng lửa đang nồng,
Cũng vì ác nghiệp chịu nung nấu,
Đày xuống ngục kia vô số năm.

90. Thân thể trong ngoài bị bỏng sôi,
Hành hình làm hoảng sợ con mồi,
Dù mong giải thoát ra ngoài ngục,
Cũng chẳng tìm đâu lối thoát rồi.

91. Chạy tới, chạy lui kiếm lối đi,
Đông, Tây, Nam, Bắc chẳng mong gì,
Vì chư thần đó ngăn đường lối,
Họ cố tìm đường có ích chi.[10]

92. Hàng ngàn năm, số phận đau thương,
Chúng sống trong miền địa ngục môn,
Với cánh tay vươn lên đợi cứu,
Khóc than, nỗi khổ ngập tâm hồn.

93. Cũng như rắn độc giết con mồi,
Nổi giận hung tàn nếu bị khơi,
Phải tránh tổn thương cho Thánh giả,
Những người nguyền khổ hạnh trong đời.

94. Tộc trưởng Kekaka - Ajjuna,
Tan tành vì hại Gotama,
Dù ngàn tay, vóc người cường tráng,
Thiện xạ lẫy lừng một thuở xưa.

95. Daṇḍakī[11] ném đồ dơ vào,
Bậc vô nhiễm Kisavaccha,
Như cọ dừa đang bị chặt gốc,
Vị vua bị hủy diệt kia mà.

---

[9] Xem *CNid.* 57, *Khaggavisāṇasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh sừng tê ngưu*); *MNid.* 401, *Attadaṇḍasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân*).

[10] *Như trên.*

[11] Xem *J.* V. 126, *Sarabhaṅgajātaka* (*Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhaṅga*), số §522.

96. Mejjha[12] hại bậc Trí Mātaṅga,
Phải rớt từ trên bảo tọa kia,
Đất nước trở thành hoang phế địa,
Chúa tôi đều phải hóa ra ma.

97. Dân Vishṇu - Andha[13] tấn công
Dīpāyana[14] Hắc Hiền nhân,
Rồi dùng chày giết nhau tranh bá,
Phải đến Diêm cung cả hai dân.

98. Bị mắc lời nguyền của Trí nhân,
Cecca[15] xưa bước giữa không trung,
Tương truyền bị nuốt vào lòng đất,
Biến mất vào ngày đã định phần.

99. Do vậy, bậc Hiền trí chẳng khen,
Người nào cứ ham muốn, đua chen,
Thiện nhân tâm tốt thường cân nhắc,
Chỉ nói lời gì thuộc chánh chân.

100. Kẻ nào thường rắp tâm chờ mong,
Soi mói bậc minh, hạnh vẹn toàn,
Sẽ bị cuốn chìm vào địa ngục,
Vì tâm ý độc, phải ăn năn.

101. Kẻ nào lời thô lỗ hung tàn,
Xông đến bậc tôn trưởng, mắng càn,
Sẽ giống cọ dừa bị chặt gốc,
Chẳng con thừa kế, phải tàn dần.

102. Kẻ nào dám giết Đại Hiền nhân,
Hoặc bậc tu hành sống chánh chơn,
Sẽ đọa Kāḷasutta ngục,
Cực hình phải chịu lắm ngày ròng.

103. Còn nếu Maga, một ác vương,
Muốn làm điên đảo cả giang sơn,
Mạng chung vào ngục Tapana ấy,
Phải chịu nhiều đau khổ đoạn trường.

104. Trăm ngàn năm sống đọa đày thân,
Như cách chư thiên tính tháng năm,

---

[12] Xem *J.* IV. 375, *Mātaṅgajātaka* (*Chuyện bậc Hiền trí Mātaṅga*), số §497.
[13] Xem *J.* V. 11, *Kumbhajātaka* (*Chuyện bình rượu*), số §512.
[14] Xem *J.* IV. 80, *Ghatajātaka* (*Chuyện Trí giả Ghata*), số §454.
[15] Xem *J.* III. 11, *Cetiyajātaka* (*Chuyện Quốc vương Ceti*), số §422.

Mặc áo làm bằng cây lửa đỏ,
Giữa đau thương địa ngục muôn phần.

105. Lửa phun lên rực sáng nơi nơi,
Tung tóe từ thân thể tả tơi,
Chân cẳng, tóc râu cùng tất cả,
Chỉ dùng nuôi ngọn lửa làm mồi.

106. Thân thể trong ngoài cháy thật nhanh,
Khổ đau hành hạ đến tan tành,
Như voi bị quất bằng cây móc,
Kẻ khốn rống lên hết sức mình.

107. Có kẻ tham sân lại giết cha,
Ấy người hèn hạ, đại gian tà,
Chịu nhiều thống khổ trong hầm ngục,
Tên Kāḷasutta mãi mà.

108. Trong chảo sắt sôi đến lột da,
Bị đâm tên sắt đến mù lòa,
Ăn phân, kẻ giết nhằm thân phụ,
Nước muối chìm thân chuộc tội xưa.

109. Quỷ sứ bèn cầm lấy lưỡi cày,
Đã nung nóng rực trong nhiều ngày,
Có dây thừng buộc lưỡi cày ấy,
Bọn chúng mở banh miệng kẻ này,
Và đặt một hòn sắt nóng đỏ,
Vào nơi miệng của nạn nhân đây.

110. Kên kên đầy lực, quạ, diều hâu,
Chó mực và chim mỏ sắt vào,
Phanh lưỡi nó ra từng mảnh nhỏ,
Nghiến nhai từng miếng, máu tuôn trào.

111. Bầy quỷ theo sau kẻ bị hành,
Đánh cho thân thể họ tan tành,
Tựa cây thốt nốt bị thiêu cháy,
Quỷ thích vui, người thấy khổ nàn,
Ai vào địa ngục chịu như thế,
Là bởi kiếp này giết phụ thân.

112. Còn nếu kẻ nào giết mẫu thân,
Đọa ngay vào ngục Dạ-ma quân,
Để đền tội phạm hành vi ác,
Nhận quả khổ đau thật xứng phần.

113-14. Quỷ dữ nắm người giết mẫu thân,
Dùng dây roi sắt quất nhiều lần,
Máu đào rịn đổ từ cơ thể,
Trông tựa đồng tan chảy cả dòng,
Chúng bèn bắt kẻ giết người mẹ
Uống máu đỏ tươi thỏa khát lòng.

115-16. Hồ máu đỏ kia nó ngập mình,
Hít mùi xác chết hoặc bùn, phân,
Bầy sâu khủng khiếp dùng mồm sắt,
Xuyên suốt da người chịu cực hình,
Xâu xé thịt kia nhai ngấu nghiến,
Hút ngay máu đỏ thật ngon lành.

117. Khi kẻ ấy vào ngục ngập thân,
Tên là Sataporisa,
Tức thì chìm đắm trong hôi thối,
Trăm dặm quanh đầy xác hủy phân.

118. Bởi chính mùi hôi kinh khủng kia,
Xưa dù mắt sáng cũng mờ đi,
Tâu Vua Brahmadatta rõ,
Kẻ giết mẹ mình phải khổ nguy.

119. Khi qua ngục Khuradhāra,
Ngục bén nhọn dao khó vượt qua,
Những kẻ phá thai, sao thoát được,
Sông kinh khiếp Vetaraṇī.

120. Cây vải có gai sắt thật dài,
Cỡ mười sáu ngón tay người đời,
Treo hai bên dọc con sông ấy,
Vượt Vetaraṇī khó thay!

121. Tất cả nạn nhân trong lửa hồng,
Đứng lên bị đốt tựa trời trồng,
Cháy bùng rực rỡ như cây tháp,
Cao cả dặm đường giữa cõi không.

122-23. Trên lửa gai nung, ngục hiện ra,
Gian phu, dâm phụ, bọn gian tà,
Roi da vụt xuống đầu lăn lóc,
Hỗn loạn quay cuồng chạy trốn xa,
Tơi tả tứ chi nhừ nát cả,
Chúng nằm thức đợi suốt đêm qua.

124-25. Tảng sáng vào nồi sắt bỏng thân,
To như núi, nước lửa bừng bừng,
Do si vây bọc tâm tánh ấy,
Bọn ác nhân kia sáng tối ròng,
Vì ác nghiệp gây từ kiếp trước,
Nay đền nợ cũ xứng cân phần.

126. Người vợ được mua với bạc vàng,
Đem lòng coi rẻ đức lang quân,
Hoặc nhìn khinh bỉ người thân thích,
Lưỡi bị móc ra, thống khổ tràn.

127. Thấy lưỡi căng đầy lũ bọ sâu,
Kêu than chẳng thể được đâu nào,
Âm thầm phải gánh bao hình phạt
Trong ngục Tapana, chịu khổ đau.

128-29. Kẻ giết heo cừu, bọn thợ săn,[16]
Chài ngư, trộm cướp, lũ tà nhân,
Xem hành vi thiện là hèn kém,
Bị đánh bằng dùi sắt, kiếm, cung,
Nhào xuống cả toán trong sông nóng,
Bị tên giáo đuổi, ngã vào dòng.

130. Những người lường gạt, suốt ngày đêm
Bị búa sắt kia đánh đập mềm,
Chỉ sống bằng đồ ăn bẩn thỉu,
Nhả ra bởi các kẻ đê hèn.

131. Diều quạ, kên kên với chó rừng,
Hàm nhe toàn sắt, sẵn sàng luôn,
Vồ ngay kẻ khốn đang lăn lộn,
Nuốt sống vào mồm quá hám ăn.

132. Ai dùng thú dữ giết hươu nai,
Hoặc giết chim, bằng chim bẫy mồi,
Tội lỗi đọa vào Ussada,
Ăn năn vì ác độc, nhơ hôi.

Như vậy, miêu tả các địa ngục như trên xong rồi, bây giờ ngài mở bày thiên giới và miêu tả thiên giới như sau:

133. Nhờ tích đức trên cõi thế gian,
Từ xưa, người thiện đến thiên đàng,
Chư thiên, Phạm chúng, kìa Thiên chủ,
Đạt quả công năng, chín vẹn toàn.

---

[16] Xem *Thīg.* v. 236. *Puṇṇātherīgāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Puṇṇā*).

134. Ta bảo ngài cai trị chánh chơn,
Suốt trong quốc độ, hỡi Quân vương,
Đạt thành phước đức nhờ công chánh,
Hối tiếc về sau chẳng phải mang.

Nghe xong bài thuyết giáo của bậc Đại sĩ, vua bình tâm lại, còn Bồ-tát sau khi ở đó một thời gian nữa liền trở về nơi an trú của mình.

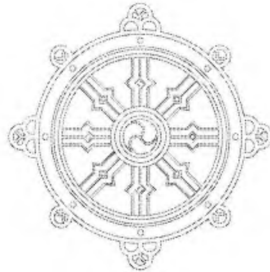
***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Không chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, vua ấy cũng đã được Ta làm cho an tâm.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời bấy giờ, nhà vua kia là Vua Ajātasattu (A-xà-thế), hội chúng của vị khổ hạnh là các đệ tử của Như Lai và Trí giả Saṁkicca chính là Ta.



CHƯƠNG XX
BẢY MƯƠI KỆ
(*SATTATINIPĀTA*)

§531. CHUYỆN ĐẠI ĐẾ KUSA (*Kusajātaka*) (*J*. V. 278)

Quốc độ này hoan lạc ngập tràn...

Câu chuyện này, bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về một Tỷ-kheo thối thất.

Chuyện kể rằng vị ấy thuộc dòng quý tộc, sống ở Sāvatthi (Xá-vệ), vì nhiệt tâm tin vào Chánh pháp nên ông xuất gia tu tập.

Một ngày kia, trong lúc vào thành Sāvatthi để khất thực, ông gặp một nữ nhân xinh đẹp liền đem lòng say mê ngay khi mới nhìn thấy nàng. Bị tham dục chi phối, ông sống trong đau khổ, để mặc cho lông, tóc, móng tay, móng chân mọc dài ra, mặc y trong lẫn y ngoài đều dơ bẩn. Và ông cứ héo mòn dần đến độ xanh xao chẳng khác nào cây liễu rũ, với các đường gân nổi lên khắp mình mẩy.

Cũng giống như trên thiên giới, khi một vị thiên tử sắp bị đọa, sắp mãn kiếp sống thiên thần, thường để lộ ra năm dấu hiệu quen thuộc, đó là: Các vòng hoa của vị ấy mang héo dần, xiêm y dơ bẩn, thân thể trở nên xấu xí, mồ hôi ở nách đổ ra và vị ấy không còn cảm thấy lạc thú gì trong thiên cung nữa.

Trường hợp của các Tỷ-kheo ở thế gian cũng vậy, khi thối thất tín tâm trong Chánh pháp có năm dấu hiệu tương tự hiện ra: Hoa tín tâm héo úa, y giới đức dơ bẩn, thân thể trở nên xấu xí do bất mãn và ảnh hưởng của sự ô danh, mồ hôi bất tịnh cứ tuôn ra đầm đìa, và họ không còn cảm thấy lạc thú gì trong đời sống độc cư dưới gốc cây rừng nữa.

Những dấu hiệu đó đã xuất hiện ở vị này. Vì thế, Tăng chúng đưa ông đến yết kiến bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, vị này đang thối thất.

Bậc Đạo sư hỏi có đúng không và khi nghe ông thú nhận là đúng, Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, đừng làm nô lệ cho tham dục! Đây là một ác nữ nhân, ông hãy chế ngự tham dục của ông đối với kẻ ấy, hãy hân hoan trong Chánh pháp! Chính vì mê say một nữ nhân mà các bậc Hiền trí ngày xưa, mặc dù có đủ uy lực phi thường cũng đã mất hết quyền năng và phải chịu khốn đốn đến suy tàn.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa tại quốc độ Malla, trong kinh thành Kusāvatī,[1] Vua Okkāka cai trị rất chân chánh. Đứng đầu mười sáu ngàn phi tần của ngài là Chánh hậu Sīlavati. Bấy giờ, bà không sinh con cái gì nên dân chúng trong kinh đô cùng các triều thần tụ họp tại cửa cung, than vãn rằng quốc độ này sẽ bị diệt vong.

Vua mở cửa sổ ra phán hỏi:

– Trong triều đại trẫm, không có ai làm điều gì bất công trái đạo. Tại sao các ngươi trách móc trẫm?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, quả đúng vậy, không ai làm gì trái đạo lý cả, nhưng Đại vương không có hoàng nam để nối dõi. Kẻ ngoại bang sẽ chiếm lấy vương quốc và hủy diệt đất nước này. Vậy xin Đại vương hãy cầu tự để có hoàng nam trị nước cho đúng pháp!

– Thế khi muốn cầu tự, trẫm phải làm gì?

– Trước tiên, xin Đại vương hãy truyền đưa ra đường một đoàn cung nữ ca múa hạ đẳng suốt trong một tuần lễ, xem đó như một lễ cúng tế thần. Rồi nếu có một nàng nào sinh được con trai thì tốt lắm, nếu không thì xin hãy đưa một đoàn nữ nhạc trung lưu và cuối cùng là đoàn nữ nhạc thượng lưu. Chắc hẳn giữa số nữ nhân như thế sẽ có một nàng đầy đủ đức độ để sinh con trai!

Vua liền làm theo lời họ khuyên và cứ đến mỗi ngày thứ bảy trong tuần, ngài hỏi thăm những người ấy khi họ trở về cung sau khi đã hưởng thú vui chơi thỏa thích, xem có nàng nào đã thọ thai chưa. Và khi tất cả bọn họ đáp:

– Tâu Hoàng thượng, không có ai.

Bấy giờ, vua thất vọng kêu lên:

– Ta chẳng có được hoàng nhi nào cả!

Dân chúng trong kinh thành lại trách móc vua như trước. Vua bảo:

– Tại sao các ngươi lại trách trẫm, theo lời các ngươi thỉnh cầu, nhiều nữ nhân đã được đưa ra trình diễn ngoài đường nhưng không nàng nào thọ thai cả. Vậy trẫm phải làm sao bây giờ?

Họ đáp:

– Tâu Hoàng thượng, chắc hẳn những nữ nhân này đều vô hạnh và thiếu đức cả. Chúng không đủ công đức để sinh con trai. Song vì chúng chưa thọ thai, vậy Hoàng thượng đừng nản lòng, Chánh hậu Sīlavati là một nữ nhân đầy đủ đức hạnh, xin hãy đưa Chánh hậu ra đường, Lệnh bà sẽ sinh được hoàng nam!

---

[1] Kusāvatī là thủ phủ của người dân Malla. Ngày nay có tên gọi là Kusinārā (拘尸那羅, Câu-thi-na-la). Đức Phật đã nhập Niết-bàn tại đây. Tham khảo: *D*. II. 146f, 573; *DA*. II. 572f; *M*. II. 238f; *UdA*. 238, 402f; *J*. I. 392; *A*. I. 247f; V. 79f; *Vin*. I. 247f.

Vua vui lòng chấp thuận, truyền lệnh đánh trống công bố rằng vào ngày thứ bảy kể từ hôm ấy, dân chúng phải tề tựu lại và vua sẽ đưa Chánh hậu Sīlavati ra đường làm tế lễ. Rồi vào ngày thứ bảy, vua truyền lệnh trang điểm cho chánh hậu thật lộng lẫy và rước bà từ trong cung ra đường phố biểu diễn. Do uy lực công đức của bà, cung thất của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nóng dần lên. Thiên chủ Sakka xem xét việc này có ý nghĩa gì và nhận thấy chánh hậu đang khao khát một hoàng nam liền suy nghĩ: "Ta phải ban cho chánh hậu một hoàng nam."

Rồi trong khi tìm hiểu xem có vị nào trên thiên giới xứng đáng làm con bà không, Thiên chủ chợt trông thấy Bồ-tát.

Chuyện kể rằng, vào thời ấy, sau khi đã hưởng hết thọ mạng ở cõi trời Ba Mươi Ba, ngài (Bồ-tát) ước mong được tái sinh ở một cảnh giới cao hơn. Thiên chủ Sakka đến gần cửa cung của ngài, triệu ngài ra và bảo:

– Này Hiền giả, ngài sẽ phải đến cõi nhân gian và thọ sinh làm hoàng nam của chánh hậu Vua Okkāka.

Rồi Thiên chủ lại mời được một thiên tử khác đến và bảo:

– Hiền giả cũng sẽ làm hoàng nam của chánh hậu.

Và vì muốn rằng không có một nam nhân nào được phép làm tổn hại đức hạnh của chánh hậu nên Thiên chủ Sakka giả dạng làm một lão Bà-la-môn, đi đến cửa cung. Đám dân chúng sau khi tắm rửa trang điểm cho mình xong, mỗi người đều thầm mong sẽ chiếm được hoàng hậu nên tề tựu ngay tại hoàng môn, nhưng khi thấy Thiên chủ Sakka họ cười ầm lên, hỏi ngài tại sao đến đây. Thiên chủ bảo:

– Tại sao lại trách lão? Thân lão già rồi song dục tình vẫn không giảm xuống nên lão đến đây với hy vọng đưa hoàng hậu về với lão, giả sử lão chiếm được bà.

Cùng với những lời này, Thiên chủ dùng thần lực tiến lên phía trước đám người ấy, và vì công đức của ngài tỏa ra nên không ai có thể đứng trước mặt ngài được. Ngay lúc chánh hậu vừa mới bước ra khỏi cung, được trang điểm cực kỳ rực rỡ uy nghi, ngài liền nắm lấy tay bà và đưa đi mất.

Thế rồi đám người kia đứng trơ ra đó mạ lỵ ngài, bảo:

– Thật là nhục nhã, một lão Bà-la-môn đã biến đi mất cùng một bà hoàng hậu dung sắc tuyệt thế. Lão cũng chẳng biết chuyện gì là cân xứng với lão nữa.

Chánh hậu cũng suy nghĩ: "Một ông già đang bắt ta đi mất đây", bà nổi giận và lại cảm thấy ghê tởm. Còn vua đứng ở cửa sổ mở rộng, nhìn ra xem ai sẽ cướp được hoàng hậu mang đi và khi thấy đó là ai rồi thì ngài hết sức bất bình.

Khi Thiên chủ Sakka vừa cùng bà thoát ra khỏi cổng thành, ngài liền dùng thần lực hóa hiện ra một ngôi nhà ngay gần đó, cửa đã mở sẵn cùng với một bó củi khô. Bà hỏi:

– Chỗ ở của lão đây chăng?

– Tâu Lệnh bà, phải! Trước kia lão ở đây chỉ một mình, nay có cả đôi ta. Lão sẽ đi quanh đây kiếm ít gạo về, trong lúc ấy xin Lệnh bà nằm nghỉ trên đống củi này.

Nói vậy xong, ngài vỗ nhẹ trên người bà, khiến bà rúng động vì sự tiếp xúc với Thiên chủ, rồi ngài đặt bà nằm xuống đó, ngài vừa đụng vào người bà là bà thiếp đi ngay. Sau đó, ngài dùng thần lực siêu phàm đưa bà lên cõi trời Ba Mươi Ba và đặt bà xuống trên thiên sàng trong một cung điện lộng lẫy nguy nga.

Vào ngày thứ bảy, ngay khi vừa thức giấc, bà ngắm cảnh huy hoàng này và hiểu rằng đây không phải là một Bà-la-môn mà chắc hẳn là Thiên chủ Sakka. Vào lúc này, Thiên chủ Sakka đang ngự trên bảo tọa dưới cây San Hô, được đoàn thiên nữ ca múa vây quanh. Bà liền bước ra khỏi thiên sàng, đi đến gần đảnh lễ Thiên chủ và kính cẩn đứng một bên. Sau đó, Thiên chủ bảo:

– Ta ban cho bà một điều ước, hãy chọn đi!

– Vậy xin Thiên chủ ban cho thần thiếp một hoàng nam!

– Này Hoàng hậu, không chỉ một mà thôi đâu, Ta sẽ ban hai vương tử cho bà. Một người thông minh trí tuệ nhưng xấu xí, người kia đẹp tướng song lại ngu đần, bà muốn có đứa con nào trước?

Bà đáp:

– Xin Thiên chủ ban cho đứa con thông minh trước!

Ngài bảo:

– Được lắm!

Rồi đưa cho bà một cọng cỏ kusa (cát tường), một chiếc thiên y cùng với gỗ chiên-đàn, một đóa thiên hoa san hô và cây đàn kokanuda màu đỏ cánh sen.

Sau đó, ngài đưa bà trở lại nội cung của hoàng gia, đặt bà nằm xuống trên cùng một vương sàng với vua và ngài lấy ngón tay đụng vào lỗ rốn của bà là ngay lúc ấy Bồ-tát nhập mẫu thai, còn Thiên chủ lập tức trở về cõi của ngài. Bà hoàng hậu hiền đức biết rằng mình đã thọ thai.

Lát sau vua tỉnh giấc thấy bà liền hỏi ai đã đem bà đi.

– Tâu Thánh thượng, chính Thiên chủ Sakka.

– Chính mắt trẫm thấy một lão già Bà-la-môn mang nàng đi, tại sao nàng muốn đánh lừa trẫm?

– Tâu Thánh thượng, xin hãy tin thần thiếp, chính Thiên chủ Sakka đã đưa thiếp lên thiên giới!

– Trẫm không tin khanh đâu.

Lúc ấy, bà đưa vua xem cọng cỏ kusa mà Thiên chủ đã tặng bà và nói:

– Bây giờ xin Thánh thượng hãy tin lời thần thiếp!

Vua nghĩ thầm: "Cỏ kusa hái được khắp nơi", nên ngài vẫn không tin bà. Bà liền đưa cho vua xem các thiên y của bà. Thấy vậy, ngài mới tin và bảo:

– Này Ái hậu, nếu Thiên chủ đem nàng đi thì nàng đã có thai chưa?

– Tâu Thánh thượng, thần thiếp đã có thai.

Vua rất hoan hỷ và truyền lệnh chăm sóc thai phụ. Mười tháng sau, bà hạ sinh một hoàng nam, triều đình không đặt tên gì khác ngoài tên theo ngọn cỏ kusa. Vào thời gian Vương tử Kusa biết chạy một mình, bà lại có thai một thiên tử thứ hai. Đủ mười tháng, bà hạ sinh một hoàng nam, họ đặt tên là Jayampati. Hai vương tử được nuôi dưỡng theo cung cách cao sang trọng vọng.

Bồ-tát vô cùng thông minh, không cần học với thầy nào cả mà tự khả năng ngài đã tài giỏi, thành thạo mọi môn học thuật. Vì vậy khi ngài được mười sáu tuổi, vua nóng lòng trao quốc độ cho ngài liền bảo chánh hậu:

– Này Ái hậu, khi trao vương quyền cho vương nhi, ta sẽ cử hành lễ thật trọng thể, ta muốn nhìn thấy vương nhi được an vị trên ngai vàng khi ta còn sống. Nếu có công chúa ở xứ nào trong cõi Diêm-phù-đề mà Ái hậu yêu mến thì rước nàng về đây, ta sẽ phong cho nàng ấy làm chánh hậu của vương nhi. Vậy hãy thăm dò xem vương nhi có yêu mến công chúa xứ nào chăng?

Bà ưng thuận ngay và cho một cung nữ đệ trình vấn đề ấy lên thái tử để biết ý kiến ngài. Nàng ấy đến trình vương tử mọi việc.

Nghe nói vậy, bậc Đại sĩ liền suy nghĩ: "Ta không được tốt tướng, hễ một công chúa diễm lệ nào được rước về đây làm tân nương của ta thì khi thấy mặt ta cũng sẽ nói: 'Mình sẽ phải làm gì với một người chồng xấu xí như thế này', rồi nàng ấy trốn đi và chúng ta chỉ thêm mang nhục. Vậy ta còn phải cần gì cuộc sống gia đình thế tục nữa? Ta muốn phụng dưỡng song thân lúc còn sống và khi song thân từ trần, ta quyết xuất gia làm ẩn sĩ." Vì thế, ngài đáp:

– Ta có cần gì quốc độ, ngai vàng hay yến tiệc hội hè. Khi song thân ta từ trần, ta quyết xuất gia tu hành.

Nàng cung nữ ấy trở về và kể lại với chánh hậu chuyện ngài vừa nói. Vua rất buồn bực, sau vài ngày lại gửi một chiếu chỉ khác nhưng vương tử vẫn không chịu nghe theo. Sau ba lần từ chối lời đề nghị của vua cha, đến lần thứ tư ngài suy nghĩ: "Quyết liệt phản đối mẹ cha mãi là điều không hợp lý nên ta muốn bày một mưu kế gì đó." Rồi ngài triệu người trưởng đoàn thợ vàng vào, đưa cho người ấy một số vàng và bảo làm bức tượng một nữ nhân. Khi người ấy đi rồi, ngài lấy thêm vàng và tự tay ngài nặn hình một nữ nhân.

Thật vậy, mục đích của chư Phật bao giờ cũng được thành tựu. Bức tượng tuyệt đẹp vượt ngoài mọi ngôn ngữ miêu tả của con người. Sau đó, bậc Đại sĩ truyền đem xiêm y khoác cho tượng ấy và đặt trong cung thất. Khi thấy bức tượng do người trưởng đoàn thợ vàng đem vào, ngài chê bai và bảo:

– Ngươi hãy đi nhìn xem bức tượng đặt trong hoàng cung!

Người thợ ấy bước vào, thấy bức tượng liền suy nghĩ: "Chắc đây phải là một thiên nữ đến hưởng lạc thú cùng với vương tử." Anh ta bỏ đi ra khỏi phòng mà không dám đưa tay về phía bức tượng ấy, rồi nói:

– Tâu Điện hạ, trong cung ngài có một thiên nữ cao quý của chư thiên, hạ thần không dám đến gần.

Ngài bảo:

– Hiền hữu, hãy đi đem bức tượng vàng ấy về đây!

Được bảo đến lần thứ hai, anh ta mới đi mang bức tượng về. Vương tử ra lệnh đem bức tượng do người thợ vàng đúc đặt vào trong cung thất, còn bức tượng bằng vàng do ngài nặn thì được trang hoàng thật đẹp, đặt lên một chiếc xe đem đệ trình mẫu hậu và thưa:

– Khi nào con tìm ra được một nữ nhân như thế này, con xin lấy nàng làm vợ.

Mẫu hậu triệu các quốc sư vào bảo:

– Này các hiền khanh, vương tử có đầy đủ công đức do Thiên chủ Sakka ban cho ta, vương tử phải tìm được một công chúa xứng đáng với chàng. Vậy các khanh hãy đem bức tượng này đặt vào vương xa phủ kín, đi khắp cõi Diêm-phù-đề, hễ thấy công chúa của vua nào giống với bức tượng thì hãy trao tượng cho vua ấy và bảo: "Quốc vương Okkāka sẽ làm hôn lễ với công chúa của Đại vương", rồi hãy thu xếp ngày trở về nước!

Họ tuân lệnh rồi đem bức tượng ra đi cùng một đoàn tùy tùng đông đảo. Trong cuộc hành trình ấy, dù đến kinh thành nào, vào lúc hoàng hôn, đoàn người ấy cũng tụ tập lại rồi sau khi trang hoàng xiêm y, vòng hoa, nữ trang cho bức tượng, họ đặt tượng lên chiếc vương xa đưa ra bến tắm, còn họ trở lui đứng bên vệ đường nghe ngóng người qua lại có bàn tán gì chăng.

Dân chúng thấy bức tượng vàng, bảo nhau:

– Bức tượng này là một nữ nhân vô cùng diễm lệ chẳng khác một vị thiên nữ. Tại sao nàng đến đây, nàng từ đâu lại? Trong kinh thành này của ta, không có ai sánh bằng nàng được.

Sau khi tán dương sắc đẹp của tượng vàng, họ lại đi đường của họ.

Các quốc sư bảo:

– Nếu có một cô gái nào như thế ở đây, dân chúng sẽ bảo: "Bức tượng này giống công chúa nọ, hoặc tiểu thư kia", chắc là tại đây không có cô gái nào như vậy cả.

Họ liền đem bức tượng đi đến kinh thành khác. Cứ lang thang như vậy, dần dà họ đến kinh thành Sāgala ở quốc độ Madda. Lúc bấy giờ, vua xứ Madda có tám công chúa xinh đẹp tuyệt vời như những nàng tiên trên trời. Công chúa lớn nhất tên là Pabhāvatī (Quang Huy), thân nàng chiếu tỏa ra các tia sáng như thể ánh bình minh. Khi trời tối, trong căn phòng của nàng rộng chừng bốn *cubit* không cần thắp đèn mà cả căn phòng cũng sáng rực lên.

Lúc bấy giờ, nàng có một bà nhũ mẫu lưng gù, sau khi đã bưng cơm lên hầu Pabhāvatī lại muốn gội đầu cho nàng vào lúc trời sẩm tối, bà ra đi múc nước cùng với tám nữ tỳ, mỗi người mang một bình đựng nước đến bến tắm; chợt thấy bức tượng, bà tưởng đó là Pabhāvatī liền kêu lên:

– Cô bé này tệ thật, cứ giả vờ muốn gội đầu và bảo ta đi múc nước, lại lẻn đi trước chúng ta, ra đứng ngoài đường kia kìa.

Đang lúc giận dữ, bà kêu lên:

– Tệ quá, nàng làm nhục gia phong, nàng ra đứng kia trước cả bọn ta nữa. Nếu đức vua biết được, chúng ta sẽ chết mất!

Nói xong, bà dùng tay đánh vào má bức tượng, [khiến cho] lòng bàn tay bà bị tổn thương như bị tét ra. Khi biết đó là một bức tượng vàng, bà bật cười đến bảo các nữ tỳ:

– Hãy đến xem ta đã làm gì kìa! Ta tưởng đó là con gái của ta nên ta đánh nó, bức tượng kia thật có đáng gì nếu đem so với con gái ta. Ta chỉ làm đau tay ta mà thôi!

Thế là các sứ giả của vua chạy ngay lại nắm lấy bà bảo:

– Đây là chuyện gì bà bảo cho ta biết, con gái bà đẹp hơn tượng này sao?

– Ta muốn nói đến Pabhāvatī, công chúa của vua xứ Madda, giá trị của tượng này không bằng một phần mười sáu của nàng ấy.

Họ vui mừng trong dạ, tìm lối vào cung nhờ người trình vua rằng sứ giả của Vua Okkāka đang đứng ở cung môn. Vua từ bảo tòa đứng dậy, ra lệnh cho họ vào chầu. Khi vào, họ đảnh lễ vua và tâu:

– Tâu Đại vương, Bổn vương của chúng thần xin gửi lời hỏi thăm ngọc thể của ngài có được khang an chăng?

Họ được tiếp đón nồng hậu và khi được hỏi tại sao đến đây, họ đáp:

– Bổn vương của chúng thần có một hoàng nam là Vương tử Kusa rất dũng cảm, đức vua muốn trao quốc độ cho con nên sai chúng thần đến xin Đại vương gá duyên Công chúa Pabhāvatī cho chàng và nhận bức tượng vàng này làm sính lễ.

Nói xong, họ dâng lên tượng vàng ấy. Vua rất đẹp ý, nghĩ rằng được kết thân với một dòng vua cao quý như vậy thật là vạn phúc. Các sứ giả lại tâu:

– Tâu Đại vương, chúng thần không dám chậm trễ ở nán lại đây, chúng thần phải về trình đức vua là chúng thần đã đi cầu hôn công chúa được rồi, ngài sẽ đến đón dâu sau.

Vua chấp thuận, tiếp đãi họ rất nồng hậu, sau đó để họ ra về. Họ về cung trình lại mọi việc lên đức vua và hoàng hậu. Vua cùng đoàn tùy tùng đông đảo khởi hành từ Kusāvatī dần dần theo thời gian đi đến kinh thành Sāgala.

Vua xứ Madda thân hành đón rước ngài vào thành tiếp đãi rất trọng thể.

Hoàng hậu Sīlavati là một nữ nhân thông thái liền suy nghĩ: “Do nguyên nhân gì mà có việc này?” Sau một hai ngày, bà bảo vua:

– Chúng ta đang mong được gặp tân nương.

Vua chấp thuận truyền lệnh triệu công chúa vào. Nàng Pabhāvatī được phục sức cực kỳ lộng lẫy và cung nữ theo hầu, bước ra đảnh lễ mẫu hậu tương lai. Vừa trông thấy nàng, chánh hậu liền suy nghĩ: “Công chúa này tuyệt đẹp, còn con ta lại xấu xí, nếu nàng thấy con ta, nàng sẽ không ở dù chỉ một ngày và sẽ trốn đi ngay. Vậy ta phải bày mưu mới được.” Bà liền nói với vua xứ Madda:

– Tân nương thực là đẹp đôi với hoàng nhi của ta. Tuy thế hoàng tộc ta có một tục lệ cổ truyền, nếu nàng tuân theo luật đó, chúng ta sẽ rước nàng về làm hoàng phi.

– Đó là tục lệ gì?

– Trong dòng họ ta, người vợ không được phép nhìn chồng ban ngày cho đến bao giờ nàng thọ thai. Nếu nàng chịu làm theo đúng như vậy, chúng ta sẽ đón nàng về.

Vua hỏi công chúa:

– Này con yêu quý, con có làm thế được chăng?

Nàng đáp:

– Tâu Phụ vương, con làm được.

Sau đó, Vua Okkāka đem nhiều sính lễ tặng vua xứ Madda và rước nàng cùng ra đi. Vua xứ Madda tiễn đưa công chúa về nhà chồng cùng với một đoàn hộ tống thật đông đảo. Còn Vua Okkāka khi vừa về tới thành Kusāvatī liền ban lệnh cho kinh thành trang hoàng thật lộng lẫy, tất cả tù nhân đều được thả ra, và sau khi làm lễ Quán đảnh cho tân vương cùng sắc phong nàng Pabhāvatī làm chánh hậu, ngài truyền đánh trống loan báo triều đại Vua Kusa ra đời.

Tất cả các vua toàn cõi Diêm-phù-đề có công chúa đều gửi đến triều cống Vua Kusa, hoặc có vương tử thì gửi đến làm cận thần để mong bầu bạn với ngài. Bồ-tát lại có cả đoàn nữ nhạc đông đảo và trị dân với danh tiếng lan rộng. Tuy vậy ngài không được phép nhìn Pabhāvatī ban ngày, nàng cũng không được nhìn ngài, chỉ ban đêm ngài mới được tự do đi lại với nàng.

Vào thời ấy, thân thể của nàng Pabhāvatī tỏa sáng lạ thường, song Bồ-tát phải rời hậu cung khi trời còn tối. Vài ngày sau, ngài thưa với mẫu hậu rằng ngài muốn nhìn thấy Pabhāvatī vào ban ngày. Bà từ chối, bảo ngài:

– Con không nên ước muốn việc đó, phải đợi đến bao giờ nàng có thai đã.

Ngài van xin mẹ nhiều lần, vì thế bà bảo:

– Thôi được, con hãy đến chuồng voi đứng đó giả làm người quản tượng. Mẹ sẽ đem nàng lại đó, con sẽ tha hồ ngắm nàng, nhưng hãy cẩn thận đừng để nàng biết con.

Ngài thỏa thuận đi đến chuồng voi, mẫu hậu truyền làm lễ hội voi và bảo Pabhāvatī:

– Này con, ta hãy cùng đi xem bầy voi của đức phu quân con.

Khi đem nàng lại đó, bà chỉ cho nàng tên của voi này voi nọ; trong lúc Pabhāvatī đi sau lưng mẫu hậu, vua ném vào lưng nàng một cục phân voi. Nàng tức giận bảo:

– Ta sẽ bảo đức vua chặt đầu ngươi.

Nói xong, nàng lại càu nhàu với mẫu hậu khiến bà phải dỗ dành nàng bằng cách xoa lưng nàng. Lần thứ hai, vua mong muốn nhìn thấy hoàng hậu, lại giả dạng làm người giữ ngựa trong chuồng ngựa; cũng như lần trước, ngài ném cục phân ngựa vào mình nàng và khi nàng bực tức, mẫu hậu lại dỗ dành nàng.

Một ngày kia, Pabhāvatī tâu với mẫu hậu là nàng mong muốn nhìn thấy bậc Đại sĩ. Bà từ chối lời thỉnh cầu của nàng và bảo:

– Thôi con đừng ước muốn như vậy nữa.

Nàng lại cứ nài nỉ bà mãi, cuối cùng bà bảo:

– Thôi được, ngày mai hoàng nhi sẽ làm đám rước trọng thể khắp kinh thành. Con cứ mở cửa sổ mà nhìn.

Nói xong, hôm sau, bà ra lệnh cho trang hoàng kinh thành rực rỡ rồi truyền cho Vương tử Jayampati mặc hoàng bào, cưỡi voi, cử hành lễ khải hoàn rất trọng thể khắp kinh thành. Mẫu hậu cùng đứng nơi cửa sổ với nàng Pabhāvatī, bảo nàng:

– Con hãy xem cảnh huy hoàng của đức phu quân con.

Nàng bảo:

– Con đã được một đấng vương quân thật xứng đôi vừa lứa với con.

Lòng nàng vô cùng hoan hỷ. Song cũng ngày đó, bậc Đại sĩ giả dạng làm người quản tượng, ngồi sau Vương tử Jayampati. Khi đã được nhìn thấy Pabhāvatī cho thỏa lòng ao ước, ngài vui thích đưa tay làm điệu bộ trêu ghẹo nàng.

Khi con voi đi qua, mẫu hậu hỏi nàng có nhìn thấy đức vua chăng, nàng bảo:

– Tâu mẫu hậu, con có thấy, song sau lưng đức vua là người quản tượng rất thô lỗ đã lấy tay làm điệu bộ trêu con. Tại sao chúng lại để một người xấu xí, có dáng xui xẻo như vậy ngồi sau đức vua chứ?

– Con ạ, chúng muốn phía sau đức vua phải có người cận vệ.

Nàng suy nghĩ: "Người quản tượng này thật to gan, không tỏ lòng kính trọng đức vua tí nào, hay đó chính là Vua Kusa? Chắc chắn vì đức vua xấu xí nên họ không muốn cho ta thấy mặt ngài."

Thế là nàng rỉ tai bà nhủ mẫu lưng gù của nàng:

– Này nhũ mẫu, hãy lập tức đi ra xem thử đức vua ngồi trước hay sau!

– Làm thế nào ta biết được điều đó?

– Nếu là đức vua thì ngài sẽ bước xuống voi trước, nhũ mẫu sẽ biết được nhờ dấu hiệu này.

Bà vú đi ra đứng xa xa nhìn thấy bậc Đại sĩ bước xuống voi trước và sau đó là Vương tử Jayampati. Bậc Đại sĩ nhìn quanh hết phía này đến phía kia, chợt trông thấy bà lão gù lưng, biết được lý do tại sao bà ta đến liền triệu bà ta lại và nghiêm khắc bảo bà ấy không được tiết lộ bí mật của ngài rồi cho bà ta về.

Bà vú về và bảo hoàng hậu:

– Vị ngồi phía trước đã xuống voi trước tiên.

Và Pabhāvatī tin bà ta ngay. Một lần nữa, vua muốn thấy mặt nàng và cầu xin mẫu hậu sắp đặt việc ấy. Bà không thể từ chối ngài và bảo:

– Thôi được rồi, con hãy vào ngự viên.

Ngài vào đó giấu mình trong hồ sen đến tận cổ, đứng dưới nước lấy lá sen che đầu và hoa sen che mặt. Và mẫu hậu đem Pabhāvatī vào ngự viên lúc trời vừa sẩm tối, bảo nàng:

– Này con hãy nhìn cây này, chim kia, nai nọ...

Như thế bà dụ nàng đi mãi cho đến khi nàng tới gần bờ hồ sen. Khi nàng nhìn thấy hồ phủ đầy năm loại hoa sen, nàng muốn tắm liền bước xuống mé nước cùng các cung nữ. Trong lúc vui đùa, nàng thấy hoa sen kia liền đưa tay ra hái. Lúc đó vua rẽ lá sen ra, nắm lấy tay nàng bảo:

– Ta là Vua Kusa.

Vừa thấy mặt ngài, nàng hét to:

– Kìa con quỷ đang chụp lấy ta.

Rồi nàng ngất đi ngay, vì thế vua thả tay nàng ra. Khi tỉnh lại, nàng nghĩ thầm: "Chúng bảo Vua Kusa đã nắm lấy tay ta, ngài chính là người đã ném vào ta một cục phân voi trong chuồng voi, rồi một cục phân ngựa trong chuồng ngựa, cũng chính là người ngồi sau lưng voi và trêu ghẹo ta. Ta còn làm gì nữa với một người chồng xấu xa dị dạng như vậy? Nếu ta sống thì ta phải lấy người chồng khác mà thôi."

Thế là nàng triệu tập các quan đại thần đã hộ giá nàng đến đây và bảo họ:

– Hãy chuẩn bị vương xa, ngay hôm nay ta phải trốn đi!

Họ liền tâu chuyện này cùng đức vua. Ngài nghĩ thầm: "Nếu nàng không trốn được, lòng nàng sẽ đau khổ tan nát. Thôi để nàng đi, với tài năng của chính mình, rồi đây ta sẽ đưa nàng trở lại." Thế là ngài cho phép nàng ra đi, nàng liền về ngay kinh thành của vua cha nàng. Lúc ấy bậc Đại sĩ đi từ ngự viên về thành và bước lên cung điện nguy nga của ngài.

Thật ra chính là do kết quả một lời nguyền của nàng trong một đời trước mà nàng không ưng thuận Bồ-tát và cũng vì một nghiệp quá khứ của ngài mà ngài phải chịu xấu xí như thế. Chuyện kể rằng, ngày xưa tại ngoại ô thành Ba-la-nại, ở tại phố trên, phố dưới, một gia đình nọ có hai con trai và một gia đình kia có

một con gái. Bồ-tát là người em trong hai anh em kia, còn cô gái kết duyên với người anh. Người em không có gia thất nên vẫn sống chung với anh.

Một ngày kia, nhà này nướng loại bánh hảo hạng, trong lúc Bồ-tát còn ở trong rừng nên họ để dành cho ngài một cái rồi chia bánh ra ăn hết. Lúc bấy giờ, một vị Độc Giác Phật đến khất thực ở nhà ấy. Người chị dâu của Bồ-tát nghĩ rằng nàng sẽ nướng một chiếc bánh khác cho người em nên đem chiếc bánh để dành phần cậu cúng cho vị Độc Giác Phật.

Ngay lúc ấy cậu trở về từ khu rừng, nàng bảo:

– Này chú em, đừng giận tôi đã cúng phần bánh của chú cho vị Độc Giác Phật.

Cậu em đáp:

– Chị đã ăn hết phần mình rồi lại đem cho phần của ta đi, còn bảo sẽ làm cái bánh khác cho ta đấy!

Cậu liền giận dữ bước ra lấy lại chiếc bánh từ bình bát của vị khất sĩ. Nàng vội trở về nhà mẹ mình lấy một ít bơ tươi mới tan, có màu như hoa champa (hoa sứ) đổ đầy vào bình bát ấy, nó liền tỏa ra một làn ánh sáng. Thấy vậy nàng cầu nguyện:

– Lạy Thánh giả, ước gì khi con tái sinh, thân thể con sẽ phát ra một luồng ánh sáng, con sẽ được xinh đẹp và không bao giờ ở chung nhà với kẻ đê tiện này nữa.

Vì kết quả lời nguyền ngày xưa này, nàng không muốn gặp lại người em nữa. Và Bồ-tát khi thả chiếc bánh lại vào bình bát, đã khấn:

– Lạy Thánh giả, dù nàng ở cách xa trăm dặm cũng xin cho con có đủ uy lực bắt nàng về làm vợ.

Vì cậu đã giận dữ lấy chiếc bánh nên kết quả của nghiệp quá khứ ấy là cậu bị tái sinh rất xấu xí.

Phần Vua Kusa vô cùng đau khổ khi Pabhāvatī bỏ ngài ra đi, đến độ các cung phi khác dù đã phụng sự ngài đủ mọi cách, ngài cũng không còn lòng dạ nào ngó ngàng đến họ. Toàn cung điện ngài thiếu mất Pabhāvatī trông thật vô cùng hiu quạnh. Sau đó ngài nghĩ thầm: "Lúc này chắc nàng đã về đến thành Sāgala" và ngay sáng ngày hôm sau, ngài tìm đến mẹ và thưa:

– Tâu Mẫu hậu, con sẽ đi tìm Pabhāvatī về đây. Xin Mẫu hậu trị vì quốc độ thay con!

Và ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Quốc độ này hoan lạc ngập tràn,
Ngọc vàng châu báu, vật trang hoàng,
Thay con, Mẫu hậu lên cai trị,
Con sẽ ra đi để kiếm nàng.[2]

[2] Xem *J.* V. 250, *Sonakajātaka* (*Chuyện Hiền giả Sonaka*), số §529.

Khi nghe ngài nói vậy, mẫu hậu bảo:

– Này Vương nhi, con phải thật hết sức tỉnh giác, nữ nhân là giống có tâm bất tịnh.

Sau đó, bà đổ đầy thực phẩm cao lương vào chiếc bát vàng và bảo:

– Vương nhi để dành lương thực lúc đi đường.

Rồi bà từ giã ngài. Cầm lấy bát thức ăn ấy xong, ngài đảnh lễ mẫu hậu rất cung kính rồi nói to:

– Nếu con còn sống, con sẽ có ngày gặp mẹ.

Và ngài trở về cung thất của mình. Ngài trang bị năm thứ vũ khí cho mình, đặt một ngàn đồng tiền vào túi xách xong cầm cái bát thức ăn, đem theo cây đàn kokanuda và rời kinh thành. Ngài là người có sức lực phi thường nên đến giữa trưa, ngài đã đi được năm mươi do-tuần. Sau khi ăn xong, còn nửa ngày, ngài đi thêm năm mươi do-tuần nữa, vì thế chỉ trong vòng một ngày, ngài đã đi được cả trăm do-tuần.

Chiều tối, ngài tắm rửa và vào kinh thành Sāgala. Khi ngài vừa đến nơi thì do uy lực đức độ của ngài nên Pabhāvatī không thể nằm yên trên vương sàng mà phải bước xuống nằm trên sàn nhà. Bồ-tát lúc ấy đã mệt lã vì cuộc hành trình, trong lúc ngài đang lang thang trên đường, ngài gặp một người đàn bà mời vào nhà nghỉ ngơi. Sau khi rửa chân xong, bà ấy mời ngài đi ngủ.

Lúc ngài đang ngủ, bà ấy lo dọn cơm cho ngài, rồi thúc ngài dậy ăn cơm. Ngài vô cùng đẹp ý nên đã cho bà ấy luôn cả ngàn đồng tiền và cái bát vàng. Để lại chỗ đó luôn cả năm loại vũ khí, ngài bảo:

– Ta cần phải đi vài chỗ nữa.

Khi cầm cây đàn lên, ngài đi đến chuồng voi và gọi những người quản tượng:

– Hãy cho ta ở đây và ta sẽ chơi nhạc để các anh nghe!

Họ đồng ý. Ngài liền đi ra ngoài và nằm xuống. Khi đã hết mệt mỏi, ngài đứng dậy mở đàn ra, vừa hát vừa nghĩ: "Dân chúng trong kinh thành sẽ nghe tiếng đàn."

Trong lúc Pabhāvatī nằm trên sàn nhà, nàng nghe tiếng đàn và suy nghĩ: "Tiếng đàn này không thể của ai khác ngoài vua ấy", nàng biết chắc rằng Vua Kusa đã đến đây chỉ vì nàng. Vua xứ Madda cũng nghe tiếng đàn liền nghĩ thầm: "Người kia chơi đàn thật du dương. Ngày mai ta sẽ gọi người ấy vào cho làm nhạc công." Còn Bồ-tát suy nghĩ: "Ta không thể nào thấy Pabhāvatī nếu ta ở đây, chỗ này không phải dành cho ta."

Sáng hôm sau, ngài dậy thật sớm, ăn điểm tâm trong nhà trọ xong, ngài bỏ đàn và đi đến người thợ gốm của vua xin làm thợ học việc. Một ngày kia, sau khi đổ đất sét vào đầy nhà, ngài hỏi người kia xem ngài có thể làm một số bình đất được chăng, người thợ gốm đáp: "Được". Ngài liền đặt cục đất lên bánh xe quay tròn, khi đã quay được rồi, bánh xe quay đến giữa trưa. Sau khi làm đủ

mọi loại bình đất lớn nhỏ, ngài bắt đầu làm một chiếc đặc biệt cho Pabhāvatī với nhiều hình vẽ trên đó.

Thật vậy, mục đích của chư Phật bao giờ cũng thành tựu. Ngài quyết định chỉ một mình Pabhāvatī được thấy các hình vẽ này thôi. Sau khi ngài phơi khô và nung các bình xong, ngôi nhà đầy cả đồ gốm. Người thợ gốm ấy đem nhiều mẫu hàng đến cung vua. Vua thấy đồ gốm liền hỏi ai đã làm ra chúng.

– Tâu Đại vương, chính hạ thần.

– Trẫm chắc không phải ngươi làm được, vậy thì ai làm?

– Tâu Đại vương, người thợ học việc của hạ thần.

– Không thể là thợ của ngươi được, phải là thầy của ngươi mới đúng. Ngươi hãy học nghề với người ấy. Từ nay hãy để người ấy làm bình gốm cho các công chúa của trẫm!

Vua ban cho anh ta một ngàn đồng tiền và bảo:

– Hãy trao tiền này cho người ấy và đưa các bình nhỏ đến cho các công chúa!

Gã cầm các bình nhỏ đến trao các công chúa và thưa:

– Những thứ này làm riêng để các Công nương chơi.

Các công chúa đều có mặt để nhận quà tặng. Sau đó, người thợ gốm trao cho Pabhāvatī cái bình mà bậc Đại sĩ đã làm riêng cho nàng. Khi cầm lên, nàng nhận ra ngay hình vẽ nàng và nhũ mẫu lưng gù, và biết đó là công trình bằng tay không của ai khác ngoài Vua Kusa, nàng tức giận bảo:

– Ta không cần cái này, đem cho ai muốn lấy nó đi!

Các công chúa kia thấy nàng giận dữ đều cười bảo:

– Đại tỷ tưởng đó là công trình của Vua Kusa, chính người thợ gốm làm nó chứ có phải vua ấy đâu, hãy nhận đi!

Nàng không bảo cho các em biết vị vua ấy đã đến đây và làm đồ gốm. Còn người thợ gốm trao một ngàn đồng tiền ấy cho Bồ-tát và bảo:

– Này con, đức vua rất hài lòng về con. Từ nay con phải làm đồ gốm cho các công chúa, còn ta sẽ đem chúng đến tặng các nàng.

Ngài suy nghĩ: "Mặc dù ta ở đây, ta cũng không thể thấy Pabhāvatī được." Ngài liền trả tiền lại cho người thợ gốm và đi đến nhà người đan giỏ cho vua.

Sau khi trở thành thợ học việc với người này, ngài làm một chiếc quạt bằng lá thốt nốt cho Pabhāvatī, trên đó ngài vẽ một chiếc lọng trắng (biểu tượng của vương quyền) và lấy đề tài một phòng đại tiệc có nhiều hình người, trong ấy ngài vẽ hình Pabhāvatī đang đứng giữa.

Người thợ đan giỏ đem những thứ thủ công do Vua Kusa làm đến cung điện. Vua thấy, hỏi ai làm chúng như trước và ban một ngàn đồng tiền vàng cho người này rồi bảo:

– Hãy trao những mẫu đồ đan lát này cho các công chúa!

Ngài lại trao chiếc quạt đặc biệt dành cho Pabhāvatī. Lần này cũng vậy, không ai nhận ra các hình vẽ, song Pabhāvatī khi thấy chúng liền hiểu ngay công trình của Vua Kusa và bảo:

– Hãy đưa thứ này cho ai thích nó thì cứ lấy đi!

Rồi nàng giận dữ ném xuống đất. Các công chúa kia lại cười nàng. Còn người thợ đan giỏ đem tiền về trao cho Bồ-tát. Ngài nghĩ rằng nơi này cũng không phải chỗ dành cho ngài ở được nên ngài trả tiền lại cho người đan giỏ rồi đi đến gặp người giữ ngự viên của vua và trở thành thợ học việc. Trong khi làm đủ loại vòng hoa, ngài làm một vòng đặc biệt dành cho Pabhāvatī nổi bật với nhiều hình dáng khác nhau. Người giữ vườn lại đem đến cung điện, khi vua thấy, bèn hỏi ai làm các kiểu vòng hoa này.

– Tâu Đại vương, chính hạ thần.

– Ta chắc ngươi không thể làm được, vậy là ai?

– Muôn tâu, chính chú thợ học việc của hạ thần.

– Kẻ này không thể là thợ của nhà ngươi mà phải là bậc thầy. Ngươi hãy học nghề với người này, từ nay người này phải kết vòng hoa cho các công chúa và trao cho anh ta một ngàn đồng tiền này.

Khi ban tiền cho người thợ, vua phán:

– Hãy đem các vòng hoa đến dâng lên các công chúa của trẫm!

Còn người giữ vườn lại dâng lên Pabhāvatī vòng hoa mà Bồ-tát đã làm riêng tặng nàng. Ở đây nữa, nàng lại thấy giữa các hình ảnh khác nhau có cả hình nàng và vua, nàng lại nhận ra đó là công trình mỹ nghệ của Vua Kusa nên nàng lại giận dữ ném xuống đất. Các công chúa em nàng cũng cười nhạo nàng như trước. Người làm vườn đem một ngàn đồng tiền về trao cho Bồ-tát và kể hết mọi sự tình đã xảy ra. Ngài suy nghĩ: "Chỗ này cũng không phải của ta." Ngài trả lại tiền cho người làm vườn rồi đi làm thợ học việc với hỏa đầu quân của vua.

Một ngày kia, người đầu bếp đem đủ loại cao lương mỹ vị đến dâng vua, và trao cho Bồ-tát một miếng thịt để nấu cho phần ngài. Ngài nấu thịt tuyệt khéo đến độ mùi thơm bay khắp kinh thành. Vua ngửi mùi thơm, hỏi người đầu bếp còn nấu thêm món thịt gì trong bếp chăng.

– Tâu Đại vương, không. Song hạ thần có trao cho người thợ học việc một miếng thịt xương để nấu, chắc đó là mùi thịt mà Đại vương vừa ngửi.

Vua truyền đem món thịt ấy đến và đặt một miếng lên đầu lưỡi, lập tức nó làm bừng dậy và lay động cả bảy ngàn vị giác. Vua say mê lạc thú được thưởng thức các cao lương mỹ vị nên trao cho người đầu bếp một ngàn đồng tiền và phán:

– Từ nay ngươi phải đem ngự thiện dâng lên trẫm và các công chúa do thợ học việc của ngươi nấu. Ngươi đem phần của trẫm đến dâng trẫm, còn thợ học việc của ngươi thì đem dâng phần cho các công chúa.

Người thợ về kể lại mọi sự, nghe thế ngài suy nghĩ: "Nay ước vọng của ta đã thành tựu. Ta sẽ gặp được Pabhāvatī." Lòng đầy hân hoan, ngài trao một ngàn đồng tiền cho người đầu bếp và hôm sau ngài nấu các món ăn để dâng vua, còn chính ngài đi lên nội cung nơi Pabhāvatī đang cư ngụ, gánh theo một gánh thức ăn cho các công chúa.

Pabhāvatī thấy ngài đi lên với gánh nặng như vậy liền suy nghĩ: "Ngài đang làm công việc của kẻ gia nô phục dịch thật không xứng đáng với ngài chút nào. Song nếu ta để yên, ngài sẽ tưởng ta đồng ý như vậy, rồi không chịu đi nơi khác, cứ ở tại đây mà nhìn ta chằm chặp. Ta phải lập tức nhục mạ phỉ báng ngài và đuổi ngài đi, không cho ngài ở lại đây thêm phút nào nữa."

Thế là nàng mở hé cửa ra, để một tay trên cánh cửa, tay kia đè lên then cửa và ngâm vần kệ thứ hai:

2. Kusa, ngài phải chịu ngày đêm,
Mang gánh nặng này thực chẳng nên,
Đất nước, Kusa mau trở lại,
Dị hình, ta chẳng chút ưa nhìn.

Ngài liền suy nghĩ: "Ta đã nghe được lời Pabhāvatī nói rồi." Lòng mừng khấp khởi, ngài vội ngâm ba vần kệ:

3. Pabhā, say đắm bởi dung nhan,
Đất nước ta đâu thiết ngó ngàng,
Mỹ quốc Madda, niềm lạc thú,
Bỏ ngai, ta sống để tìm nàng.

4. Pabhā kiều nữ mắt mơ màng,
Sao chiếm lòng ta đến dại cuồng?
Hiểu rõ giang sơn là đất mẹ,
Điên rồ phiêu bạt khắp mười phương.

5. Mình khoác tấm da rực sáng ngời,
Vòng lưng đai quấn ánh vàng tươi,
Tình nàng kiều nữ, ta khao khát,
Ta chẳng màng ngôi báu ở đời.

Khi ngài đã nói vậy xong, nàng suy nghĩ: "Ta cố phỉ báng ngài chỉ vì muốn làm cho ngài uất hận trong lòng, song ngài lại dùng lời lẽ hòa dịu với ta. Nếu như ngài bảo: 'Ta là Vua Kusa' và bắt lấy ta thì có ai cản ngài được. E rồi có kẻ nghe lọt được câu chuyện giữa ta và ngài nói đây." Thế là nàng vội đóng cửa lại và cài then kỹ bên trong. Còn ngài cầm đòn gánh lên và đem thức ăn đến cho các công chúa kia. Pabhāvatī bảo nữ tỳ lưng gù đem cho nàng các món ăn do Vua Kusa nấu. Bà vú đem lại và bảo:

– Công chúa ăn đi nào.

Pabhāvatī nói:

– Ta không muốn ăn những thức ăn do vua ấy nấu đâu. Bà hãy ăn rồi đi lấy thức ăn của bà nấu cho ta và đem lại đây. Song đừng nói cho ai biết Vua Kusa đã đến rồi đấy nhé!

Bà vú lưng gù từ đó đem về ăn phần thức ăn của công chúa và đưa cho nàng phần thức ăn của bà ta. Cũng từ đó Vua Kusa không thể nào thấy nàng được, lại suy nghĩ: "Ta không biết Pabhāvatī có thương yêu ta chút nào chăng, ta muốn thử nàng xem sao."

Thế là sau khi đưa thức ăn đến dâng cho các công chúa kia, ngài lại gánh thức ăn lên vai, bước ra đạp chân xuống sàn nhà cạnh cửa khuê phòng của Pabhāvatī, làm cho các đĩa thức ăn đụng nhau kêu loảng xoảng, rồi ngài vừa hét lên vừa ngã nhào xuống đất mê man bất tỉnh giữa đống đồ đạc.

Khi nghe tiếng ngài kêu lớn, nàng mở cửa phòng ra, nhìn thấy ngài ngã quỵ dưới sức nặng của gánh đồ ngài đang mang đi, nàng thầm nghĩ: "Đây là vị đại vương ngự trị toàn cõi Diêm-phù-đề, thế mà vì ta, ngài đã chịu bao khổ sở ngày đêm. Bởi vì trước kia ngài được nâng niu chiều chuộng kỹ lưỡng nên nay đã ngã nhào do phải gánh nặng những thức ăn mà ngài đang mang đây. Thôi để ta xem ngài còn sống hay không."

Rồi bước ra khỏi phòng, nàng rướn cổ lên nhìn vào miệng ngài xem hơi thở ra sao. Ngài phì nước bọt ra đầy miệng làm văng cả lên người nàng. Nàng vội rút lui về phòng và phỉ báng ngài khi nàng đứng bên cửa hé mở. Nàng ngâm kệ sau:

6. Rủi thay phận kẻ mãi mong cầu,
Thấy bị chối từ mọi ước ao,
Như Đại vương theo đòi thắm thiết,
Tình kia chẳng đáp được đâu nào!

Nhưng vì ngài đang si tình nàng đến độ điên cuồng nên dù bị nàng phỉ báng, mạ lỵ đến đâu đi nữa, ngài vẫn không tỏ vẻ oán hận mà chỉ ngâm kệ này:

7. Ai chiếm được người dạ luyến thương,
Dù tình đáp lại hoặc đơn phương,
Chỉ thành công ấy làm khâm phục,
Thất bại là bi thảm đoạn trường.

Trong khi ngài nói như vậy, nàng vẫn không động lòng thương còn đáp lại với giọng cương quyết như để xua đuổi ngài đi bằng vần kệ sau:

8. Theo đuổi nữ nhi chẳng thuận lòng,
Khác nào đào đá tảng trên đồng,
Lưỡi cày bằng gỗ giòn mau gẫy,
Hay đón gió bằng chiếc lưới không.

Nghe thế, vua ngâm tiếp ba vần kệ nữa:

9. Như đá trơ trơ, quả dạ nàng,
Bề ngoài hiền dịu tuyệt trần gian,
Không lời thăm hỏi dù ta đến,
Theo đuổi tình ai vạn dặm đàng.

10. Nàng cứ cau mày lúc ngắm ta,
Sa sầm dáng điệu, chúa kiêu sa,
Còn ta chỉ một tên đầu bếp,
Trong chốn cung đình xứ Madda.

11. Hoàng phi, ví thử xót thương người,
Hạ cố ban ta một nụ cười,
Ta chẳng còn làm đầu bếp nữa,
Kusa chúa tể ngự trên đời.

Nghe ngài nói vậy, nàng nghĩ thầm: "Ông vua này thật cứ nói dai dẳng đến cùng. Ta phải tìm mưu nói dối để đuổi ngài đi nơi khác." Nàng liền ngâm kệ này:

12. Nếu thầy tướng số nói không sai,
Thì chính tiên tri đúng thế này:
"Nàng bị chặt ra thành bảy mảnh,
Khi nàng lấy Chúa Cát Tường đây."

Nghe vậy, vua cãi lại ngay:

– Này Ái hậu, ta cũng đã hỏi ý các thầy tướng số ở xứ ta và họ tiên đoán chẳng ai có thể làm phu quân của Ái hậu trừ vị chúa công có giọng như sư tử là Đại đế Kusa. Và theo trí hiểu biết của ta, ta cũng thấy những điều trên đúng như vậy.

Ngài lại ngâm vần kệ khác:

13. Nếu thầy tướng số khác cùng ta,
Nói những lời chân thật, quả là:
"Nàng chẳng tôn ai làm chúa tể
Của nàng, trừ Đại đế Kusa!"

Nghe ngài nói vậy, nàng tự bảo: "Ta không thể làm nhục ngài được. Vậy dù ngài chịu rời bỏ đi hay không thì có nghĩa lý gì đối với ta." Nàng liền đóng cửa lại để khỏi ló đầu ra nữa. Ngài đành gánh đồ đạc lên rồi ra đi.

Từ ngày ấy, ngài không còn trông thấy nàng nữa và ngài trở nên vô cùng chán nản với công việc bếp núc của ngài. Khi ăn điểm tâm xong, ngài phải chẻ củi, rửa bát đĩa, gánh nước rồi nằm nghỉ ngơi trên đống thóc. Ngài dậy thật sớm lo nấu cháo rồi đem thức ăn đi phục dịch, và ngài chịu đựng mọi sự hành hạ thân xác này chỉ vì quá si tình nàng Pabhāvatī.

Một ngày kia, ngài thấy bà vú lưng gù đi ngang qua cửa bếp liền chào bà. Vì sợ Pabhāvatī, bà vú không dám đến gần ngài, chỉ làm ra vẻ đang vội vàng lắm. Thế là ngài chạy ngang đến gần bà ta, bảo:

– Này bà già gù!

Bà vú quay lại hỏi:

– Ai đấy nhỉ? Già này chẳng dám nghe những gì ngài nói đâu!

Ngài liền bảo:

– Cả hai chủ tớ các ngươi thật quá ngang bướng! Dù ta ở gần các ngươi lâu nay, ta cũng chẳng nghe già nói gì về ngọc thể của nàng cả.

Bà gù đáp:

– Thế ngài có quà gì cho già này chăng?

Ngài vội đáp:

– Giả sử ta cho ngươi quà, ngươi có gắng sức làm cho Pabhāvatī nguôi lòng và cho ta gặp mặt nàng chăng?

Nghe bà vú ưng thuận, ngài bảo:

– Nếu ngươi làm được việc ấy, ta sẽ chữa cho lưng gù của ngươi thẳng lên, rồi tặng ngươi một vòng vàng đeo cổ.

Rồi để dụ bà vú, ngài ngâm năm vần kệ:

14. Chuỗi vàng ta sẽ tặng cho già,
Khi đến Kusa xứ sở nhà,
Ví thử Pabhā thân yểu điệu,
Rủ lòng hạ cố đoái nhìn ta.

15. Chuỗi vàng ta sẽ tặng cho già,
Khi đến Kusa xứ sở nhà,
Ví thử Pabhā nàng thục nữ,
Rủ lòng hạ cố nói cùng ta.

16. Chuỗi vàng ta sẽ tặng cho già,
Khi đến Kusa xứ sở nhà,
Ví thử Pabhā nàng thục nữ,
Rủ lòng cười hé nụ cùng ta.

17. Chuỗi vàng ta sẽ tặng cho già,
Khi đến Kusa xứ sở nhà,
Ví thử Pabhā thân yểu diệu,
Sẽ tươi cười diện kiến cùng ta.

18. Chuỗi vàng ta sẽ tặng cho già,
Khi đến Kusa xứ sở nhà,
Ví thử Pabhā nàng thục nữ,
Âu yếm đặt tay trong tay ta.

Nghe lời ngài, bà vú bảo:

– Thôi xin Đại vương đi cho rồi, chỉ trong vài ngày nữa thôi, già này sẽ đưa nàng đặt vào tay Đại vương! Đại vương sẽ thấy già này đắc lực ra sao.

Nói vậy xong, bà già quyết định hành động ngay. Vừa đi đến gặp Pabhāvatī, bà làm bộ lau chùi phòng nàng thật sạch, không còn sót một chút bụi nào, rồi cởi đôi hài của nàng ra, bà quét dọn cả phòng nàng. Sau đó, bà già đặt một chiếc ghế cao cho bà ở ngay bậc cửa [để giữ kỹ phía ngoài cửa], rồi trải nệm trên một chiếc ghế thấp cho nàng. Bà bảo:

– Này Công chúa yêu ơi, để già bắt chấy trên đầu nàng nhé!

Bà đặt nàng ngồi đó kê đầu vào lòng bà, xoa nhẹ cho nàng một lát rồi bảo:

– Ô kìa, ta bắt được nhiều chấy quá!

Bà già bắt được vài con chấy trên đầu bà đặt lên đầu công chúa, rồi nói về bậc Đại sĩ với lời lẽ yêu thương. Bà ca ngợi ngài qua vần kệ này:

19. Công nương này chẳng thấy lòng vui,
Nhìn Chúa Kusa chút nữa rồi,
Dù chẳng thiếu gì, ngài phục dịch,
Kiếm tiền như nấu bếp, tôi đòi.

Pabhāvatī liền nổi giận với bà gù. Thế là bà vú già nắm cổ nàng đẩy vào phòng, còn bà đứng phía ngoài đóng cửa lại, đứng sát vào sợi dây thừng kéo cửa. Pabhāvatī không thể tới gần chụp bà vú được, phải đứng sát cửa và mắng nhiếc bà vú qua vần kệ khác:

20. Mụ già nô lệ lưng gù này,
Sao dám buông lời quái dị thay,
Xứng đáng được ta truyền cắt lưỡi,
Bằng thanh kiếm ngọt nhất đời này!

Bà già gù cứ đứng sát như vậy vào sợi dây thừng buông thả xuống và nói:

– Này, nàng chỉ là người vô dụng lại đối xử tàn tệ thế kia, sắc đẹp của nàng có ích lợi cho ai chăng?

Nói xong, bà già cao giọng nêu rõ mọi công đức của Bồ-tát, vừa thét to bằng giọng khàn khàn của một người lưng gù qua mười ba vần kệ sau:

21. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy gắng làm cho ngài đẹp ý,
Vinh quang ngài vĩ đại cao vời!

22. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Triều ngài hưng thịnh nhất trên đời!

23. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Quyền uy ngài vĩ đại trên đời!

24. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Quyền ngài cai trị rộng khắp nơi!

25. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Ngài là vị Đại đế hùng oai!

26. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Giọng của ngài như sư tử hống,
Hãy làm toại ý đẹp lòng ngài!

27. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Giọng ngài trong trẻo vút ngân dài!

28. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Giọng ngài trầm lắng tận lòng ai!

29. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Giọng ngài êm dịu quá, nàng ôi!

30. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy cố làm cho ngài đẹp ý,
Giọng ngài như mật rót vào tai!

31. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy gắng làm cho ngài mãn nguyện,
Vì ngài có cả một trăm tài!

32. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.
Hãy gắng làm cho ngài mãn nguyện,
Ngài, vua Sát-đế-ly anh tài!

33. Pabhā hỡi, chớ quý yêu người,
Vì dáng bề ngoài hảo tướng thôi.

Hãy gắng làm cho ngài đẹp ý,
Kusa Đại đế chính là ngài!

Nghe bà vú nói vậy, Pabhāvatī đe dọa:

– Này mụ già gù lưng ơi, sao mụ la to thế kia? Nếu ta chụp được mụ thì ta sẽ cho mụ biết tay, ta là chủ đấy nhé!

Bà vú đáp:

– Lâu nay già vị tình nàng nên đã không tâu trình đức vua về việc Vua Kusa đến đây. Được rồi, hôm nay già sẽ đi trình lên ngài.

Bà ta cũng cất cao giọng để hăm he nàng. Vì sợ có người nghe lọt chuyện này nên nàng đành hòa dịu với bà già gù lưng ấy.

Thế là Bồ-tát không còn cách nào nhìn thấy nàng được nữa, sau bảy tháng ròng rã, ngài đâm chán ngán cảnh giường thô cơm hẩm. Ngài suy nghĩ: "Ta cần gì nàng nữa chứ? Sau bảy tháng ở đây, ta chẳng còn cách nào được gặp mặt nàng, nàng thật quá nhẫn tâm tàn ác. Thôi, ta quyết đi về thăm song thân ta mà thôi!"

Vào lúc ấy, Thiên chủ Sakka xem xét vấn đề này và nhận thấy Vua Kusa đã bất mãn đến độ nào rồi nên ngài suy nghĩ: "Sau bảy tháng Vua Kusa không còn biết làm sao gặp mặt Pabhāvatī, ta cố tìm cách gì để giúp ngài thấy được nàng."

Sau đó, Thiên chủ Sakka sai các thiên sứ đi yết kiến bảy vị quốc vương khác làm như thể vừa từ kinh đô của vua xứ Madda đến và tâu:

– Nàng Pabhāvatī đã rời bỏ Vua Kusa và trở về nhà phụ vương nàng. Vậy xin Đại vương hãy đến cầu hôn nàng gấp!

Cứ mỗi vị quốc vương, Thiên chủ đều gửi riêng một thông điệp như vậy. Mỗi vị vua kia đều đi đến kinh thành cùng một đoàn tùy tùng đông đảo và đều không biết lý do đến đây của các vua khác. Các vị liền hỏi nhau:

– Tại sao Đại vương đến đây?

Và khi khám phá được các sự việc đang diễn tiến ra sao, các vua ấy đều nổi giận và bảo:

– Quốc vương này có ý muốn gả một nàng công chúa cho cả bảy chúng ta ư? Hãy nhìn xem lão đối xử tồi tệ mức nào. Lão nhạo báng chúng ta khi bảo: "Hãy cưới nàng làm vương hậu!" Vậy lão phải gả Pabhāvatī cho cả bảy chúng ta hoặc là phải chiến đấu với chúng ta mà thôi.

Các vua ấy liền gửi thông điệp cho vua xứ Madda về việc này và bao vây kinh thành. Khi nghe thông điệp, vua xứ Madda lo ngại và hỏi ý kiến quần thần:

– Ta phải làm sao đây?

Quần thần đáp:

– Tâu Chúa thượng, bảy vua này đến đây tìm Công chúa Pabhāvatī. Nếu Chúa thượng từ khước việc gả nàng, các vị ấy sẽ phá thành xông vào kinh đô,

rồi sau khi tiêu diệt chúng ta xong, họ sẽ chiếm vương quốc của Chúa thượng. Vậy trong khi thành chưa bị phá vỡ, ta hãy trao công chúa Pabhāvatī cho họ.

Rồi quần thần ngâm kệ này:

34. Như thể bầy voi trận vẻ vang,
Dàn binh sừng sững, giáp bào mang,
Trước khi chúng giẫm tan thành lũy,
Xin Chúa mau mau gửi cống nàng!

Vua nghe vậy liền phán:

– Ví thử trẫm trao Pabhāvatī cho bất cứ một vua nào thì các vua kia sẽ giao chiến với trẫm. Vậy không thể nào gả nàng cho bất cứ một ai cả. Sau khi bỏ rơi vị chúa tể tối cao của toàn cõi Diêm-phù-đề, nàng phải nhận lãnh lấy phần thưởng do việc nàng trở về nhà. Trẫm sẽ giết nàng và phân thây làm bảy mảnh để tặng cho bảy vị vua này mỗi người một phần.

Nói xong, vua ngâm kệ khác:

35. Chặt Pabhā bảy khúc cho cân,
Ấy chính lời này của trẫm ban,
Cho bảy vua kia người một mảnh,
Những người đến giết phụ vương nàng.

Lời nói này của vua được truyền vang khắp cung điện. Các tỳ nữ của Pabhāvatī đến bảo nàng:

– Người ta đồn rằng Chúa thượng sẽ truyền chặt công chúa ra bảy mảnh rồi gửi cho bảy vị vua ấy.

Nàng kinh hồn bạt vía, vùng đứng lên từ chỗ ngồi, rồi được các cô em gái hộ tống đến cung thất của mẫu hậu.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ để giải thích vấn đề:

36. Diễm lệ, dù da nhuốm sắc đen,
Bà hoàng vụt cất bước chân lên,
Trước đoàn thị nữ theo hầu cận,
Mình khoác lụa tơ, tiếng khóc rền.

Nàng bước vào yết kiến mẫu hậu, đảnh lễ bà xong liền cất lời than vãn:

37. Mặt phấn điểm trang này soi gương sáng,
Khéo gắn khung ngà quyến rũ, giờ đây,
Bao nét trắng trong biểu lộ thơ ngây,
Sắp bị các vua quăng nằm rừng vắng.

38. Làn tóc đen huyền, cuộn tròn duyên dáng,
Thật dịu mềm, ngào ngạt tỏa chiên-đàn,

Kền kền tìm, dù che kín rừng hoang,
Dùng móng vuốt xé tan, tung theo gió.

39. Đôi tay đầu ngón sơn màu đồng đỏ,
Tẩm trầm hương sực nức, mịn lông măng,
Chặt vứt rừng hoang bởi chúa kiêu căng,
Loài sói chụp tha về hang giấu kín.

40. Đầu vú tròn như chà là muồi chín,
Ngát đàn hương người đốn ở Kāsi,
Sơn cẩu đến gần chắc sẽ kéo đi,
Như đứa trẻ ôm ghì bầu sữa mẹ.

41. Đôi mông đầy, dáng căng tròn, mạnh khỏe,
Quấn quanh vòng đai rực rỡ vàng ròng,
Chặt vứt rừng hoang bởi chúa kiêu hùng,
Loài sói chụp tha về nơi muốn giấu.

42. Cho dù quạ, sài lang, hay sơn cẩu,
Hoặc bất kỳ mãnh thú có răng nanh,
Hễ một khi chúng ăn thịt Pabhā,
Thì không thể chết già gì nữa cả.

43. Nếu các võ vương đến từ viễn xứ,
Chặt tấm thân này của nàng thục nữ,
Xin lấy xương con đốt với lửa nồng,
Ở một nơi nào xa lánh bụi hồng.

44. Rồi mẹ lập một vườn hoa gần đó,
Mẹ trồng khóm kaṇikāra nhỏ,
Khi đông tàn, cây ấy sẽ đơm hoa,
Và mẹ ôi, khi mẹ nhớ con thơ,
Mẹ hãy chỉ vào hoa mà kể lể:
"Ái nữ Pabhā ngày xưa là thế."

Như vậy, nàng quá kinh hoàng vì sợ chết nên cứ than khóc nỉ non với mẹ nàng. Còn vua xứ Madda ra lệnh cho đao phủ đến, đem theo cái rìu và tấm thớt. Việc đao phủ sắp đến được đồn vang khắp hoàng cung, mẫu hậu nàng nghe tin lão đến liền vùng dậy khỏi chiếc bảo tòa của bà và đi vào yết kiến vua, lòng tràn ngập đau buồn.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

45. Khi nhìn tấm thớt với gươm trần,
Đã đặt trong vòng tử tội nhân,
Mẫu hậu như thiên thần đứng dậy,
Vội đi tìm gặp đấng Vương quân.

Rồi mẫu hậu ngâm kệ sau:

46. Với gươm này, Chúa tể Madda,
Sẽ giết nàng công chúa nõn nà,
Rồi gửi tấm thân nàng mỗi mảnh,
Mỗi vua cừu địch để làm quà.

Vua cố trấn an bà và phán:

– Này Ái hậu nói gì thế này? Công chúa của Ái hậu đã từ bỏ vị Đại đế của toàn cõi Diêm-phù-đề chỉ vì duyên cớ vua ấy xấu xí và cam phận chịu chết nên vội trở về nhà trước khi dấu chân nàng được xóa sạch trên con đường nàng đã đi qua. Vậy thì nay nàng phải gặt hái lấy hậu quả của lòng ganh tị do sắc đẹp của nàng gây ra đó thôi!

Sau khi nghe vua nói, mẫu hậu đến gặp con gái và than thở như vầy:

47. Con chẳng nghe lời nói của ta,
Đã khuyên con phận đẹp duyên ưa,
Nay thân con phải vương màu máu,
Con sẽ chìm vào cõi Yama.

48. Số phận kia ta phải gánh mang,
Hoặc chung cùng gặp lắm bi thương,
Vì làm ngơ trước lời khuyên tốt,
Bỏ các lời răn của bạn vàng.

49. Ví thử hôm nay con sánh vai,
Cùng hoàng tử dũng cảm anh tài,
Đại vương trang điểm toàn vàng ngọc,
Sinh trưởng Kusa xứ sở ngài,
Thì hẳn bạn bè không hộ tống,
Con đành mau bước xuống tuyền đài.

50. Khi trống đánh, vương tượng thét vang,
Trong cung đình giữa chốn trần gian,
Còn nơi nào nữa ta tìm thấy,
Hạnh phúc cao hơn được hỡi nàng?

51. Khi bầy ngựa hí, các ca nhân,
Rền rĩ điệu buồn với chúa công,
Lạc thú như vầy trong bảo điện,
Còn gì đâu để sánh ngang bằng?

52. Khi tiếng sơn ca hòa tiếng công,
Cò kêu, hạc sếu gọi lừng vang,
Như vầy cực lạc sao tìm được,
Nơi khác hay chăng, mẹ hỏi nàng?

Sau khi trò chuyện với nàng như vậy qua các vần kệ này, mẫu hậu suy nghĩ: "Nếu như bây giờ có Vua Kusa ở đây thì ngài sẽ đuổi bảy vua kia cao chạy xa bay và sau khi giải thoát con gái ta khỏi chịu khổ hình, lại sẽ rước nàng đi về nước." Rồi bà ngâm kệ:

53. Nay ở đâu người giẫm nát tan,
Nước thù và chiến thắng cừu nhân?
Kusa cao thượng đầy mưu trí,
Sẽ cứu nhà ta khỏi đoạn trường!

Lúc ấy, Pabhāvatī suy nghĩ: "Mẫu hậu không đủ lời lẽ để tán dương Vua Kusa. Ta sẽ cho mẹ ta biết ngài đang ở đây làm hết mọi việc của một kẻ đầu bếp" và nàng ngâm kệ này:

54. Bậc chiến thắng tiêu diệt kẻ thù,
Kìa trông, ngài đã đến nơi này,
Kusa cao thượng, đầy mưu trí,
Sẽ giết cừu nhân cứu liễu bồ!

Mẫu hậu liền suy nghĩ: "Chắc con ta quá kinh hoàng vì sợ chết nên nói lảm nhảm đây", rồi bà ngâm kệ:

55. Phải chăng con đã hóa điên rồ,
Như kẻ si cuồng nói vẩn vơ,
Ví thử Kusa đà trở lại,
Thì sao con chẳng nói cùng ta?

Nghe nói lời này, Pabhāvatī suy nghĩ: "Mẹ ta không tin lời ta. Bà không biết là ngài đã đến và đang sống tại đây từ bảy tháng nay. Ta muốn chỉ cho mẹ thấy việc này." Thế là nàng vừa dắt tay mẹ vừa mở cửa sổ, đưa tay chỉ về phía ngài và ngâm kệ:

56. Mẹ trông, kẻ nấu bếp đằng kia,
Đai quấn ngang lưng thật chỉnh tề,
Đang cúi rửa nồi niêu, bát đĩa,
Nơi các công chúa ngự phòng khuê.

Chuyện kể rằng lúc bấy giờ, Vua Kusa nghĩ thầm: "Hôm nay tâm nguyện của ta sẽ thành tựu. Thực vậy, Pabhāvatī đang kinh hoàng vì sợ chết nên sẽ báo tin ta đang ở đây. Vậy ta phải rửa bát đĩa và đem cất hết." Rồi ngài đi lấy nước về và bắt đầu rửa bát. Lúc ấy, mẹ nàng mắng nhiếc nàng qua vần kệ:

57. Con hạ tiện dòng dõi phải chăng?
Đường đường là một vị công nương,
Hạ mình yêu lấy tên nô lệ,
Điếm nhục Madda tận tủy xương!

Còn Pabhāvatī suy nghĩ: "Chắc mẹ ta không biết rằng chỉ vì ta mà ngài đã sống khổ như thế này bấy lâu nay." Và nàng ngâm kệ nữa:

58. Hạ tiện con đâu phải giống dòng,
Con thề chẳng điếm nhục hoàng tông,
May thay ngài chẳng là nô lệ,
Ngài kế vị Okkā Đại vương.

Bấy giờ, nàng nói tiếp để tán tụng uy danh của ngài:

59. Hai vạn Sa-môn vẫn cúng dường,
Chính là Thái tử Okkā vương,
Con thề, ngài chẳng là nô lệ,
Người mẹ thấy đang đứng dưới tường.

60. Ngài thắng cân đai hai vạn voi,
Con thề, ngài chẳng phải nô tài,
Ngài là Vương tử Okkā đế,
Người mẹ thấy đang đứng đó rồi.

61. Ngài thắng cương hai vạn ngựa nòi,
Con thề, ngài chẳng phải tôi đòi,
Okkā Vương tử là ngài đó,
Người mẹ thấy đang đứng giữa trời.

62. Ngài vẫn cầm cương hai vạn xe,
Ngài không nô lệ đấy con thề,
Ngài là Vương tử Okkā đế,
Người mẹ thấy đang đứng dưới kia.
Hoàng ngưu hai vạn vẫn cầm cương,
Ngài chẳng là nô lệ, tiện dân,
Mà chính Okkāka Thái tử,
Là người mẹ thấy đứng bên đường.

63. Ngài lấy sữa tươi hai vạn bò,
Con thề, ngài chẳng phải gia nô,
Mà là Thái tử Okkā đế,
Người mẹ thấy đang đứng dưới nhà.

Như thế là cảnh huy hoàng của bậc Đại sĩ đã được nàng tán dương qua năm vần kệ. Lúc ấy, mẫu hậu suy nghĩ: “Con ta nói một cách chắc chắn đầy tin tưởng, hẳn là đúng vậy” nên bà tin lời nàng và đem kể cho vua nghe đầu đuôi câu chuyện. Vua vội vã đến gặp Pabhāvatī và hỏi:

– Có thật là Vua Kusa đã đến đây như chuyện chúng đồn chăng?

– Tâu Phụ vương, quả đúng vậy, đã bảy tháng nay, ngài làm hỏa đầu quân cho các công chúa.

Vua cha không tin lời nàng liền chất vấn bà già lưng gù và khi nghe bà kể mọi việc trong chuyện này, vua quở trách con gái qua vần kệ này:

64. Như thể voi kia giả ễnh ương,
Đến đây thái tử đại hùng cường,
Con sai lầm quá và khờ dại,
Giấu chuyện, song thân chẳng tỏ tường.

Vua đã quở trách công chúa như vậy xong, vội vã đi tìm Vua Kusa và sau các lễ nghi chào hỏi thông thường giữa hai vị, vua nhìn nhận sự xúc phạm của mình và ngâm kệ này:

65. Vì trẫm không nhìn thấy được ngay,
Đại vương giả dạng đến như vầy,
Toàn gia trẫm trót làm sai phạm,
Đành phận xin tha thứ lỗi này!

Nghe lời này, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Nếu ta nói nặng lời với vua cha thì lòng ngài sẽ đau đớn nát tan ngay nên ta muốn nói lời an ủi vỗ về ngài thôi", rồi vừa đứng giữa đống bát đĩa, ngài vừa ngâm kệ:

66. Hỏa đầu quân muốn đóng tròn vai,
Mình chính đã làm việc trái sai,
Ví thử thân này ngài chẳng biết,
Yên tâm, lỗi ấy chẳng do ngài!

Sau khi vua cha được nghe những lời ân cần như vậy liền trở về cung triệu Pabhāvatī đến, bảo nàng đi thỉnh cầu Vua Kusa thứ lỗi và ngài ngâm kệ:

67. Mau lên, cô bé quá khù khờ,
Cầu khẩn đại vương thứ tội cho,
Mong ước ngài nguôi cơn thịnh nộ,
Vui lòng cứu lấy mạng đào tơ!

Nghe lời vua cha dạy như vậy, nàng liền được cả đoàn công chúa và cung nữ hộ tống đi đến gặp ngài. Đúng ngay lúc ngài đang đứng trong bộ áo quần nô dịch, thấy nàng tiến về phía mình, ngài nghĩ thầm: "Hôm nay ta quyết đánh tan lòng kiêu mạn của Pabhāvatī và khiến nàng phải nằm mọp dưới chân ta trong vũng bùn." Rồi ngài đổ xuống đất hết cả thùng nước mà ngài đã đem đến đó, giẫm chân lên một khoảng rộng bằng cái sàn nhà đập lúa, làm thành một vũng bùn. Nàng vừa bước tới liền trượt té dưới chân ngài, phải nằm phủ phục trong vũng bùn mà xin ngài thứ tội.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề này:

68. Pabhā trong dáng điệu thiên thần,
Vâng lệnh truyền kia của phụ vương,
Đầu cúi xuống, tay ôm chặt lấy,
Đôi chân của chúa tể hùng cường.

Rồi nàng ngâm các vần kệ sau:

69. Chuỗi ngày đêm thiếp sống xa ngài,
Hoàng thượng, giờ đây đã hết rồi,
Nhìn thiếp cúi hôn chân Chúa thượng,
Xin đừng thịnh nộ nữa, ngài ôi!

70. Thần thiếp giờ xin hứa với ngài,
Nếu ngài hạ cố để vào tai,
Chẳng bao giờ lại về sau nữa,
Thiếp dám làm sai phạm đến trời.

71. Song nếu lời xin bị khước từ,
Phụ vương liền giết mạng con thơ,
Gửi đi từng mảnh thân tan tác,
Khắp các địch vương để tặng quà.

Nghe vậy, vua nghĩ thầm: "Nếu ta bảo nàng: 'Việc này nàng phải tự lo liệu đấy chứ', chắc tim nàng phải tan nát mất. Thôi ta chỉ muốn nói lời an ủi nàng." Và ngài ngâm các vần kệ đáp lời:

72. Ta nguyền vâng lệnh của nàng ban,
Đem hết tâm can để cứu nàng,
Ta chẳng thấy lòng hờn giận nữa,
Pabhā ngọc nữ chớ kinh hoàng!

73. Này nghe ta nói, hỡi công nương,
Ta cũng trao lời hứa thật chơn,
Ta sẽ không làm gì xúc phạm,
Chẳng bao giờ nữa với nàng thương.

74. Ta phải chịu bao nỗi muộn phiền,
Vì yêu nàng quá, hỡi người tiên,
Ta nguyền giết hết các vua chúa,
Cùng với nàng, ta lại đẹp duyên.

Vua Kusa lúc ấy tràn đầy niềm tự hào của một bậc Đế vương khi thấy nàng như thể một thị nữ của Thiên chủ Sakka đang hầu hạ ngài. Ngài nghĩ thầm: "Trong lúc ta còn sống đây, kẻ nào dám đến cướp mất giai nhân của ta được chứ?" Ngài liền giương oai giữa sân hoàng cung như sư tử, ra lệnh:

– Hãy truyền cho toàn dân kinh thành biết ta ngự đến đây!

Rồi ngài nhảy múa, reo hò và vỗ tay kêu lớn:

– Nay ta muốn bắt sống chúng, hãy bảo quân hầu đem bầy ngựa đến thắng vào các cỗ xe của ta!

Rồi ngài ngâm vần kệ sau:

75. Đi mau thắng tuấn mã nhu thuần,
Vào các cỗ xe khéo điểm trang,
Rồi hãy nhìn ta anh dũng tiến,
Đánh cho tan tác bọn cừu nhân.

Bấy giờ, ngài từ giã Pabhāvatī và bảo:

– Việc đi hỏi tội các quốc thù của nàng là trách nhiệm của ta. Còn Ái khanh hãy đi tắm rửa, điểm trang rồi lên cung của mình mà nghỉ.

Vua xứ Madda gửi các quan cố vấn đến để làm vệ sĩ danh dự cho ngài. Quân thị vệ buông màn quanh ngài ngay tại cửa bếp và đem bọn thợ hớt tóc đến chăm sóc ngài. Khi râu mép và tóc của ngài đã được cắt tỉa, đầu đã được gội xong xuôi, ngài được phục sức đầy đủ mọi vẻ lộng lẫy cùng với đoàn tùy tùng vây quanh. Ngài bảo:

– Ta muốn bước lên cung điện.

Vừa nhìn quanh tứ phương, ngài vỗ tay, hễ ngài nhìn tới nơi nào là mặt đất nơi ấy rung chuyển và ngài thét lớn:

– Này hãy xem uy lực của ta!

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề này:

76. Công nương nội điện chúa Madda,
Chiêm ngưỡng ngài đang đứng phía xa,
Chẳng khác mãnh sư chồm đứng dậy,
Đôi tay đấm giữa khoảng bao la.

Sau đó, vua xứ Madda đưa đến cho ngài một con voi đã được huấn luyện thuần thục, có thể giữ vững bình tĩnh khi bị tấn công và voi ấy được trang hoàng thật rực rỡ. Vua Kusa ngự lên lưng voi với chiếc lọng trắng che đầu ngài và ra lệnh đem Pabhāvatī đến đó, đặt nàng lên ngồi sau lưng ngài xong, ngài rời kinh thành bằng cửa phía Đông được cả đoàn đầy đủ bốn đạo quân hộ tống. Và ngay khi thấy các lực lượng của quân thù, ngài thét lớn:

– Ta là Vua Kusa, kẻ nào khôn hồn muốn sống hãy nằm mọp xuống sát đất!

Rồi ngài rống lên ba lần tiếng rống sư tử và hoàn toàn đánh bại đám địch quân.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề này:

77. Ngự mình voi, bà hoàng ngồi sau chúa,
Vua Kusa lâm trận, giọng vang rền,

78. Muôn loài nghe sư tử rống gầm lên,
Địch vương thảy bàng hoàng vùng tán loạn.

79. Vệ sĩ, bộ binh, pháo, xa, mã, tượng,
Nghe tiếng Kusa, rủ liệt hãi hùng,
Chúng rã rời và tháo chạy đường cùng.

80. Đế-thích ngắm chiến trường lòng hoan hỷ,
Tặng Hoàng đế Kusa viên ngọc quý,
Verocana là mỹ hiệu bảo trân.

81. Chiến thắng rồi, vua nhận lấy ngọc thần,
Ngất nghểu ngự mình voi về thị trấn,
Của Madda, bảy địch vương bị bắt.

82. Bị gông xiềng, đem đến trước phụ vương:
"Xin Chúa công hãy ngắm các cừu nhân,
Nay nằm đó, tùy nghi quyền sinh sát.

83. Chúng chiến bại đầy đắng cay chua chát,
Nay Chúa công tàn sát cứ thỏa lòng,
Hay thả ra lần nữa hưởng hồng ân."

Quốc vương đáp:

84. Các địch vương này thuộc về thiên tử,
Nào phải quyền ta, tùy ngài xử sự,
Chỉ ngài là chúa tể của thần dân,
Xin giết đi hoặc thả chúng thoát thân.

Khi nghe nói vậy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Ta còn làm gì được với những người này một khi họ chết cả rồi? Không nên để cho họ mất công đến đây mà chẳng được kết quả gì. Pabhāvatī còn có bảy cô em gái đều là công chúa của xứ Madda, ta muốn cho họ kết duyên với bảy vương tử này." Rồi ngài ngâm kệ:

85. Bảy nàng công chúa tựa tiên nga,
Tuyệt thế giai nhân đẹp mắt ta,
Gả các nàng cho vua bảy nước,
Để làm phò mã của vương gia.

Quốc vương đáp:

86. Ngự ngôi tối thượng trước toàn dân,
Quyết định ngài nay phải vẹn tròn,
Xin gả công nương theo thánh ý,
Ngài là chúa tể của quần thần.

Thế rồi quốc vương truyền lệnh trang điểm các công chúa thật đẹp và cử hành hôn lễ cho mỗi nàng được kết duyên với mỗi vị vua kia.

***

Bậc Đạo sư ngâm năm vần kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

87. Kusa sư tử hống vang rền,
Đem Madda công chúa kết duyên,
Cả bảy nàng ban phần bảy vị,
Anh hùng sánh với gái thuyền quyên.

88. Hoan hỷ đón bao nỗi ước mơ,
Từ bàn tay Chúa tể Kusa,
Bảy vương tử nọ liền hồi giá,
Trở lại triều vua mỗi nước nhà.

89. Cầm lấy bảo châu tỏa sáng bừng,
Xa giá Kusa trở lại cung,
Rước về ngọc nữ Pabhā ấy,
Hoàng đế Kusa, bậc đại hùng.

90. Cùng ngự vào trong một bảo xa,
Sánh đôi vương giả trở về nhà,
Chẳng ai sáng chói hơn người khác,
Vì cả hai đồng đẹp tuyệt mà.

91. Mẹ hiền ra đón rước hoàng nhi,
Từ đó quân vương với ái thê,
Hạnh phúc lứa đôi cùng tận hưởng,
Nước nhà hưng thịnh, lạc tràn trề.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài thuyết giảng các Thánh đế và nhận diện tiền thân; vào lúc kết thúc các Thánh đế, vị Tỷ-kheo thối thất đã chứng Sơ quả (Dự lưu):

– Thời bấy giờ phụ vương và mẫu hậu là song thân trong hoàng gia ngày nay, vương đệ là Ānanda, bà nhũ mẫu gù lưng là Khujjutarā, nàng Pabhāvatī là thân mẫu của Rāhula, hội chúng ấy là hội chúng của Như Lai và Đại đế Kusa chính là Ta.

§532. CHUYỆN HAI HIỀN GIẢ SONA VÀ NANDA

(***Sona-Nanda-jātaka***)[3] (*J.* V. 312)

Phải ngài là nhạc thần, thiên nam...

Chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc đang trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ mình. Chuyện này cũng tương tự như trong *Chuyện hiếu tử Sāma*.[4] Nhưng vào dịp này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, chớ xúc phạm Tỷ-kheo này. Các bậc Hiền trí thời xưa, dù được thỉnh cầu thống trị toàn cõi Diêm-phù-đề cũng đã từ chối việc ấy và phụng dưỡng song thân.

Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

[3] Xem *Cp.* 95, *Soṇapaṇḍitacariya* (*Hạnh của vị Hiền trí Soṇa*).
[4] Xem *J.* VI. 70, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

Ngày xưa, thành Ba-la-nại được mệnh danh là Brahmavaddhana. Thời ấy, Vua Manoja[5] trị vì ở đó, có một Bà-la-môn có thế lực và giàu sang với tài sản lên đến tám trăm triệu đồng nhưng không có con thừa kế. Bà vợ của Bà-la-môn ấy vâng lời chồng đi cầu tự.

Lúc ấy, Bồ-tát từ giã Phạm thiên giới và nhập mẫu thai bà, khi sinh ra đời, ngài được gọi tên là Sona. Vào thời ấu nhi, khi ngài biết đi, một vị thiên tử khác từ giã Phạm thiên giới và cũng nhập mẫu thai bà. Lúc ra đời, vị ấy được gọi là Nanda. Ngay khi hai vị nam tử đã trưởng thành, được dạy đủ các thánh điển Vệ-đà và thông thạo mọi môn học thuật, vị Bà-la-môn nhìn thấy hai con trai mình đầy đủ hảo tướng liền bảo vợ:

– Này phu nhân, chúng ta cần sắp đặt việc hôn nhân cho nam tử Sona.

Bà vợ chấp thuận ngay và thông báo việc này cho con trai. Chàng đáp:

– Con sống đời gia đình thế này là vừa đủ rồi. Bao lâu cha mẹ còn sống, con muốn phụng dưỡng cha mẹ, đến khi cha mẹ qua đời, con muốn lui về vùng Tuyết Sơn và thành người tu khổ hạnh.

Bà mẹ kể chuyện này với vị Bà-la-môn và khi họ nhắc đi nhắc lại nhiều lần nhưng không thuyết phục được con liền bảo Nanda:

– Này con yêu, con hãy yên bề gia thất!

Chàng đáp:

– Con không muốn lượm những vật mà anh con đã vứt bỏ như thể một cục đờm. Con cũng nguyện khi cha mẹ từ trần, con cùng anh con gia nhập hội chúng khổ hạnh.

Song thân suy nghĩ: "Nếu các con ta dù còn thanh xuân đã từ bỏ mọi dục lạc thân xác thì chúng ta lại càng phải sống đời khổ hạnh." Và hai vị bảo:

– Này con yêu, sao con lại nói chuyện làm người tu khổ hạnh sau khi cha mẹ qua đời? Cả nhà ta đều muốn cùng phát nguyện xuất gia.

Khi trình vua về mục đích của mình, họ quyết định phân phát tất cả tài sản theo cách bố thí, giải phóng các gia nhân, nô tỳ và đem tặng những tài sản xứng đáng thích hợp cho thân quyến; rồi sau đó cả bốn vị khởi hành đi từ kinh thành Brahmavaddhana đến lập thảo am ở vùng Tuyết Sơn, trong một khu rừng đầy an lạc, cạnh một hồ nước được phủ năm loại sen và sống đời khổ hạnh.

Hai anh em cùng săn sóc cha mẹ. Từ sáng sớm, hai vị đưa tăm xỉa răng và nước súc miệng cho song thân. Hai vị lại quét dọn am thất, đem nước uống, dâu rừng ngọt ngon để cha mẹ ăn, nước nóng, nước lạnh để tắm, kết tóc cha mẹ thành từng búi, thoa dầu thơm vào chân cùng phục vụ mọi việc tương tự. Thời gian cứ trôi qua như thế, Trí giả Nanda suy nghĩ: "Ta sẽ dâng đầy đủ mọi loại trái cây làm thức ăn cho cha mẹ." Thế là bất cứ loại trái cây nào hái được tại chỗ

[5] Xem *J.* III. 322, *Manojajātaka* (*Chuyện sư tử Manoja*), số §397.

ấy ngày hôm trước và hôm trước đó nữa, vị ấy đều đem dâng cha mẹ vào sáng sớm hôm sau. Hai vị dùng trái cây xong liền súc miệng và giữ giới kiêng ăn.

Còn Trí giả Sona đi thật xa để hái trái chín ngọt về dâng lên cha mẹ. Hai vị liền bảo:

– Này con yêu, chúng ta đã ăn từ sáng các thứ em con mang về và bây giờ chúng ta đang kiêng ăn nên không cần thứ trái cây này nữa.

Vì thế các thứ trái cây của ngài không được dùng và phải bỏ phí cả. Ngày hôm sau và sau đó nữa cũng vậy. Do đó, ngài đã dùng năm thắng trí đi thật xa để đem trái cây về nhưng song thân cũng không ăn. Sau đó, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Cha mẹ ta giờ đây rất yếu ớt và Nanda lại đem về toàn trái cây chưa chín hoặc mới chín cho cha mẹ ăn. Nếu thế này mãi, cha mẹ sẽ không sống lâu. Ta quyết ngăn cản em ta làm việc này." Vì vậy, ngài bảo em:

– Này Nanda, từ nay về sau, khi em đem trái cây, em phải đợi đến lúc ta về và hai chúng ta đều dâng cha mẹ các thức ăn cùng một lần.

Mặc dù đã được bảo vậy, Nanda vẫn muốn làm công đức riêng một mình nên không quan tâm lời anh dặn. Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Nanda hành động không đúng khi bất tuân lời ta. Ta muốn đuổi nó đi xa."

Rồi nghĩ rằng tự ngài muốn chăm sóc cha mẹ, ngài bảo:

– Này Nanda, em đã bỏ qua lời răn dạy và không lưu tâm đến lời nói của bậc Trí. Ta là huynh trưởng, cha mẹ thuộc về trách nhiệm của ta. Ta muốn chỉ mình ta săn sóc cha mẹ. Em không thể ở đây được nữa. Hãy đi nơi khác!

Rồi ngài búng các ngón tay vào mặt em. Sau khi bị đuổi như vậy, Nanda không thể nào ở lại trước mặt anh nữa liền đến từ giã cha mẹ và thưa hết mọi việc xảy ra. Sau đó lui về am thất riêng, ông chú tâm thiền định và ngay hôm ấy, ông phát khởi năm thắng trí và tám thiền chứng. Ông suy nghĩ: "Ta có thể đi tìm loại cát quý từ chân núi Sineru (Tu-di) về rải khắp thảo am của anh ta và xin anh ta thứ lỗi. Nếu anh ta chưa hồi tâm, ta sẽ đi tìm nước hồ Anotatta về xin anh ta thứ lỗi. Nếu anh ta cũng chưa hồi tâm bằng cách ấy, giả sử vì chư thiên, anh ta không tha thứ cho ta thì ta sẽ đem Tứ Thiên Vương và Thiên chủ Sakka ra xin anh ta thứ lỗi. Và nếu anh ta cũng chưa hồi tâm, ta sẽ mang vị Đại đế Manoja của toàn cõi Diêm-phù-đề cùng các vương hầu khác ra xin anh ta thứ lỗi. Làm như vậy, danh tiếng về đức hạnh của anh ta sẽ vang dậy khắp cả Diêm-phù-đề và sẽ sáng ngời ở mọi nơi như đôi vầng nhật nguyệt."

Lúc bấy giờ, nhờ thần lực, ông bay xuống kinh thành Brahmavaddhana đến trước cửa cung của vua và dâng sớ lên tâu vua:

– Có một vị khổ hạnh muốn yết kiến Đại vương.

Vua phán:

– Một vị khổ hạnh muốn gặp ta làm gì chứ? Chắc vị ấy đến khất thực.

Vua truyền bảo đem cơm cho ông, nhưng ông không dùng chút nào. Rồi vua bảo cho gạo, y phục và các loại củ, khoai môn, nhưng ông cũng không muốn gì cả. Cuối cùng vua gửi một sứ giả đi hỏi tại sao ông đến, ông nói với sứ giả:

– Bần đạo đến để hầu hạ đức vua.

Khi nghe vậy, vua gửi lời nhắn lại:

– Ta thiếu gì nô tỳ, bảo vị ấy hãy làm phận sự của một ẩn sĩ khổ hạnh!

Nghe vậy, ông nói:

– Nhờ thần lực riêng, bần đạo sẽ được quyền thống trị toàn cõi Diêm-phù-đề, xin dâng tất cả lên đại vương của các vị.

Vua nghe vậy liền suy nghĩ: "Quả thật các vị khổ hạnh rất thông thái. Chắc chắn các vị ấy biết được vài mưu thần." Sau đó vua triệu ông vào yết kiến, mời ông ngồi lên bảo tọa, kính lễ và hỏi:

– Thưa Thánh giả, chúng tâu với trẫm rằng ngài sẽ được quyền thống trị toàn cõi Diêm-phù-đề và muốn ban quyền ấy cho trẫm phải chăng?

– Tâu Đại vương, thật vậy.

– Làm thế nào Thánh giả đạt được việc ấy?

– Tâu Đại vương, không cần đổ một giọt máu của người nào cả, dầu là một giọt vừa đủ cho con ruồi tí hon hút được, cũng không cần tiêu phí kho báu của Đại vương; chỉ cần nhờ thần lực của riêng mình, bần đạo sẽ chiếm quyền thống trị và dâng hết lên Đại vương. Chỉ cần ngay lập tức không chút trì hoãn, Đại vương phải khởi hành ngay hôm nay.

Vua tin lời ấy và khởi hành ngay với một đạo quân hộ tống. Nếu đạo quân gặp trời nóng, Trí giả Nanda dùng thần lực tạo bóng cây khiến cho trời mát. Nếu trời mưa, ông không để cho mưa rơi xuống đạo quân. Ông ngăn cản luồng gió oi nồng. Ông phá bỏ gai góc trên đường đi cùng các thứ hiểm nguy khác. Ông làm cho con đường bằng phẳng như vòng tròn dùng trong pháp môn thiền định đề mục biến xứ, rồi trải một tấm da, ông ngồi kiết-già trên không và cứ thế tiến dần về phía trước đạo quân.

Theo cách này, trước tiên ông cùng đạo quân trên đến vương quốc Kosala, đóng trại gần kinh thành, gửi sớ lên vua xứ Kosala, bảo hoặc tham chiến hoặc đầu hàng trước uy lực của ông. Vua nổi trận lôi đình, quát:

– Thế thì trẫm không phải là quốc vương hay sao? Trẫm sẽ chinh phạt các ngươi!

Vua dẫn đầu bốn đạo quân và hai phe lâm trận. Trí giả Nanda trải tấm da hươu ra ngồi giữa hai đạo quân, dùng tấm da bắt hết mọi mũi tên do hai phe chiến đấu bắn ra nên không có một ai trong đạo quân nào bị thương vì trúng tên cả. Đến khi tất cả số tên của họ đều dùng hết, hai đạo quân đứng ngẩn ngơ không còn biết nương tựa vào đâu nữa.

Rồi Trí giả Nanda đến yết kiến vua xứ Kosala và trấn an vua:

– Tâu Đại vương, xin đừng lo âu tuyệt vọng, không có nguy cơ nào đe dọa Đại vương cả! Vương quốc vẫn thuộc về Đại vương, chỉ cần Đại vương thần phục Vua Manoja thôi.

Vua tin lời ông nói và thỏa thuận điều ấy. Sau đó, dẫn vua ấy đến yết kiến Vua Manoja, ông thưa:

– Tâu Đại vương, quốc vương xứ Kosala xin thần phục Đại vương. Hãy để yên quốc độ ấy như cũ!

Vua Manoja sẵn sàng chấp thuận và nhận sự quy phục ấy. Vua cùng hai đạo quân tiến đến quốc độ Aṅga và chiếm Aṅga, sau đó chiếm quốc độ có tên Magadha, và nhờ các phương cách này, vua trở thành bá chủ của mọi vương quốc trên toàn cõi Diêm-phù-đề, rồi được chư hầu hộ tống đi thẳng đến thành Brahmavaddhana.

Bấy giờ, vua chiếm được mọi quốc độ từ các vua này trong bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Từ mỗi kinh thành, vua truyền đem đủ thức ăn loại cứng, loại mềm và mời một trăm lẻ một quốc vương nâng chén rượu khải hoàn suốt bảy ngày đại lễ hội. Trí giả Nanda suy nghĩ: "Ta không muốn xuất hiện trước mặt vua cho đến khi ngài đã hưởng mọi lạc thú của vương quyền thống trị trong bảy ngày." Rồi khi đi khất thực trong xứ Bắc Kuru, ông an trú suốt bảy ngày ở Tuyết Sơn, ngay cửa vào Kim động.

Phần Hoàng đế Manoja, vào ngày thứ bảy, sau khi ngắm cảnh đại vinh quang quyền lực của mình, tự nghĩ: "Cảnh huy hoàng này không phải do cha mẹ ta hay người khác trao tặng mà nó xuất phát từ ẩn sĩ Nanda. Và rõ ràng đã bảy ngày trôi qua từ khi ta thấy ngài, không biết nay vị Hiền hữu đã ban cho ta cảnh huy hoàng này đang ở đâu trên đời này?" Và vua nhớ đến Trí giả Nanda.

Còn Trí giả Nanda khi biết vua đang nhớ đến mình liền xuất hiện trước vua trên không. Vua suy nghĩ: "Ta không biết vị khổ hạnh này là người phàm hay thần thánh. Nếu là người phàm, ta sẽ dâng ngài quyền thống trị khắp cõi Diêm-phù-đề. Còn nếu ngài là thần thánh, ta sẽ bày tỏ lòng tôn kính xứng đáng với ngài." Và để thử vị ấy, vua ngâm vần kệ đầu:

92. Phải ngài là nhạc thần, thiên nam,
Hay ngẫu nhiên ta gặp Ngọc hoàng,
Hoặc một người thần thông quảng đại,
Ngự bao thành, cúng dường, ban tặng,
Nay ta ao ước ngài cho biết,
Quý tánh phương danh thật rõ ràng.

Nghe lời của vua, Trí giả Nanda ngâm vần kệ thứ hai nêu rõ thân thế mình:

93. Ta chẳng thiên nam, hoặc nhạc thần,
Cũng không Thiên chủ hoặc Quân vương,

Ta là người đủ thần thông lực,
Sự thật nay ta đã tỏ tường.

Vua nghe vậy, nghĩ thầm: "Ngài bảo ngài là một con người, như vậy ngài đã làm nhiều công đức cho ta lắm. Ta sẽ bày tỏ sự tôn kính tối cao với ngài để ngài đẹp ý." Và vua đáp lời:

94. Công đức ngài ban bố chúng tôi,
Làm sao nói hết được nên lời,
Giữa dòng mưa lũ tuôn ồ ạt,
Chẳng có trên đầu một giọt rơi.

95. Bóng mát ngài làm cho chúng ta,
Khi luồng gió đốt cháy bay qua,
Khỏi làn tên ác, ngài bao phủ,
Giữa biết bao cừu địch quốc gia.

96. Thật nhiều quốc độ, lạc an tràn,
Ngài bảo tôn ta Đại đế vương,
Hơn cả một trăm vị lãnh chúa,
Trở thành tuân phục lệnh ta ban.

97. Những gì ngài chọn giữa kho tàng,
Hoan hỷ ta trao nhượng sẵn sàng,
Xe thắng đàn voi hay tuấn mã,
Cung tần xiêm áo đẹp trang hoàng,
Vương cung mỹ lệ nào ngài thích,
Đều sẽ trở thành của đại nhân.

98. Nếu muốn ngự cung Magadha,
Hoặc là quốc độ xứ Aṅga,
Avanti, trẫm vui lòng nhượng,
Hoặc đến trị dân Assaka.

99. Dẫu ngài muốn một nửa giang sơn,
Trẫm nhượng với tâm hỷ lạc tràn,
Chỉ nói một lời điều ước muốn,
Tức thì vật ấy của hiền nhơn.

Nghe vậy, Trí giả Nanda ngâm vần kệ giải thích ước nguyện của mình:

100. Vương quốc ta nào có ước ao,
Kinh thành, lãnh địa chẳng mong cầu,
Cũng không tìm kiếm nhiều tài sản,
Từ chính bàn tay Đại đế đâu.

Vị ấy nói tiếp:

– Nhưng nếu Đại vương có lòng ưu ái ta, xin hãy làm theo lời thỉnh cầu của ta về việc duy nhất này:

101-02. Dưới quyền ngài, ngụ lão song thân,
Hưởng cảnh am tranh ở núi rừng,
Ta chẳng được làm gì phước đức,
Với song thân ấy, lão Hiền nhân,
Nếu ngài nói hộ điều ta muốn,
Hiền giả Sona hết hận sân.

Vua liền bảo vị ấy:

103. Hoan hỷ ta xin sẽ vẹn tròn,
Lệnh ngài, hỡi vị Bà-la-môn,
Song ai là kẻ ta cần chọn,
Để tiến hành ngay lệnh đại nhơn?

Hiền giả Nanda đáp:

104. Hơn trăm phú hộ, Bà-la-môn,
Võ tướng oai quyền, danh vọng vang,
Đại đế Manoja, đủ số,
Làm ta thỏa nguyện ước hoàn toàn.

Vua lại bảo:

105. Thắng ngay tượng, mã vào vương xa,
Từ trụ, càng xe, vẫy ngọn cờ,
Theo gió ta đi tìm ẩn sĩ,
Trú nơi xa vắng, Kosiya.

106. Hộ giá theo hầu, bốn đạo binh,
Đại vương tiến bước để đăng trình,
Đi tìm chốn thảo am tươi đẹp,
Ẩn sĩ trú an với hạnh lành.

Các vần kệ này là của bậc Giác Ngộ.

Bấy giờ, vào ngày ấy, vua đến vùng thảo am, Trí giả Sona suy nghĩ: "Đã hơn bảy năm, bảy tháng, bảy ngày kể từ lúc tiểu đệ ta ra đi khỏi nhà. Không biết bây giờ em ta đang ở đâu?" Rồi dùng thiên nhãn, ngài nhìn thấy em liền nghĩ thầm: "Em ta đang đến đây với một trăm lẻ một vị vua và một đoàn hộ tống gồm hai mươi bốn đạo quân để xin ta thứ lỗi. Các vua này cùng đoàn tùy tùng đã chứng kiến nhiều thần thông do em ta biến hóa, và vì không biết gì về thần lực của ta nên họ bảo: 'Vị ẩn sĩ giả mạo này quá tự cao về thần lực của mình và tự sánh mình với vị chúa tể của chúng ta.' Do lời kiêu mạn này, họ sẽ đọa vào địa ngục. Vậy ta sẽ cho họ xem một điển hình về phép thần thông của ta."

Rồi đặt đòn gánh giữa không gian, không chạm vào vai ngài một khoảng chừng bốn phân, cứ thế ngài du hành giữa khoảng không bao la, bay ngang gần vua để đi lấy nước từ hồ Anotatta.

Nhưng khi Trí giả Nanda thấy ngài đến, lại không có can đảm lộ diện mà lập tức biến mất ngay nơi vị ấy đang ngồi và ẩn mình trong vùng Tuyết Sơn. Tuy thế, khi Vua Manoja thấy Trí giả Sona đến gần trong dáng điệu uy nghi của bậc tu hành liền ngâm kệ này hỏi:

107. Ai đi tìm nước giữa không gian,
Với bước chân kia thật nhịp nhàng,
Đòn gánh cách xa chừng một tấc,
Chẳng hề đụng chạm tới mình vàng?

Khi nghe nói vậy, bậc Đại sĩ liền đáp hai vần kệ:

108. Sona đạo sĩ chẳng bao giờ,
Đi lạc ra ngoài luật ẩn cư,
Phụng dưỡng song thân ta sớm tối,
Ngày đêm không mỏi mệt, ưu tư.

109. Khoai sắn, chùm dâu, ấy thức ăn,
Trong rừng ta kiếm để đem dâng,
Đời đời ghi nhớ ơn hai vị,
Xưa đã cho ta hưởng phước phần.

Nghe lời này, vua muốn làm bạn với ngài liền ngâm vần kệ khác:

110. Ta mong đến tận chốn am tranh,
Đạo sĩ Kosiya ẩn mình,
Hiền giả Sona xin chỉ lối,
Đưa ta đến tịnh thất an lành.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ dùng thần lực vạch ra một con đường mòn đưa đến thảo am và ngâm vần kệ này:

111. Đây lối Đại vương hãy nhớ rành,
Đằng xa khóm lá đậm màu xanh,
Giữa lùm mun mọc như rừng nhỏ,
Nơi ấy thảo am sẽ hiện hình.

112. Như vậy bậc Hiền trí đại hùng,
Chỉ đường cho các vị vương quân,
Xong ngài vội vã về am thất,
Lần nữa du hành giữa cõi không.

113. Kế đó quét xong chốn thảo am,
Đi tìm nơi ẩn dật nghiêm đường,
Ngài vừa thức lão Hiền nhân dậy,
Vừa tặng dâng cha một tọa sàng.

114. Ngài nói: "Thánh nhân sẽ đến ngay,
Con xin cha tọa lạc nơi này,

Các vua quý tộc danh lừng lẫy,
Sắp ngự giá qua giữa lối này."

115. Như vậy sau khi vị lão niên,
Nghe con đòi hiện diện cầu xin,
Vội vàng chân bước từ am thất,
An tọa ở bên cạnh cửa tiền.

Các vần kệ này là của bậc Giác Ngộ.

Phần Trí giả Nanda đi yết kiến vua ngay khi Bồ-tát vừa về đến am thất và đem nước về từ hồ Anotatta rồi cắm trại không xa am thất ấy.

Sau đó vua tắm rửa và phục sức vô cùng lộng lẫy, được một trăm lẻ một tiểu vương hộ tống, vua cùng Trí giả Nanda bước vào am thất trong cảnh huy hoàng trọng thể và cầu khẩn Bồ-tát tha thứ cho hiền đệ của ngài. Lúc ấy phụ thân của Bồ-tát thấy vua ngự đến gần liền hỏi Bồ-tát và ngài giải thích vấn đề với cha.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ việc này:

116. Thấy vua đứng đó đại vinh quang,
Được hộ tống quanh bởi tiểu vương,
Bậc lão Hiền nhân liền cất tiếng,
Hỏi thăm con trẻ chuyện trên đường:

117. "Ai đến đây trong tiếng rộn ràng,
Tù và, trống lớn nhỏ lừng vang,
Âm thanh làm các vua hoan hỷ,
Ai đến đây ca khúc khải hoàn?[6]

118. Ai đây đang đến thật huy hoàng,
Khăn quấn đầu cao dệt sợi vàng,
Như chớp sáng ngời, cung tiễn đủ,
Anh hùng trẻ tuổi thật can tràng?

119. Ai đây đang đến thật vinh quang,
Nét mặt vui tươi tỏa ánh vàng,
Như đám lửa tàn, cành phượng vĩ,
Sáng ngời đang cháy ở lò than?

120. Ai đến đây cùng chiếc lọng cao,
Được giương lên thật khéo làm sao,
Lọng che với gọng sườn tô điểm,
Xua ánh nắng gay gắt chói vào?

121. Ai kia xòe quạt để phòng thân,
Quạt kết lông đuôi trâu chúa rừng,

---

[6] Các câu kệ từ 117-21, xem *J.* VI. 163, *Bhūridattajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Bhūridatta*), số §543.

Như một vị Hiền nhân trí giả,
Cưỡi lưng voi nọ, dáng oai phong?

122. Ai đang đến rực rỡ, huy hoàng,
Các lọng giương cao trắng vẹn toàn,
Tuấn mã giáp bào dòng quý tộc,
Vây quanh phải trái thật hiên ngang?

123. Ai kia đang đến tận nơi đây,
Được cả hơn trăm lãnh chúa này,
Hộ tống một đoàn vua quý tộc,
Sau lưng và trước mặt như vầy?

124. Các vương xa với một đàn voi,
Bộ binh cùng với đám ngựa nòi,
Ai đến với oai nghi chiến đấu,
Bốn đoàn quân bố trận kia rồi?

125. Ai đến cùng toàn thể đạo quân,
Theo sau hộ giá nhiều vô cùng,
Không hề gián đoạn, dài vô tận,
Như sóng đại dương vỗ chập chùng?"

126. "Manoja Đại đế với Nanda,
Ngự giá đến đây viếng, hỏi cha,
Như thể Inda Thiên chủ ấy,
Đến đây thăm chốn ẩn am ta.

127. Hộ tống ngài đang đến cả đoàn,
Sẵn sàng tuân lệnh, thật hùng cường,
Không hề gián đoạn, dài vô tận,
Như sóng chập chùng giữa đại dương."

Bậc Đạo sư lại ngâm kệ:

128. Lụa tốt cao sang, khoác cẩm bào,
Dầu trầm hương ngát điểm tô vào,
Các vua này đến gần hai vị,
Thánh giả, dáng cung kính khẩn cầu.

Sau đó Vua Manoja kính lễ xong, ngồi xuống một bên, vừa trao đổi những lời chào hỏi ân cần vừa ngâm đôi vần kệ:

129. Trẫm vẫn tin rằng các Thánh nhân,
Sống đời thịnh vượng lẫn an khang,
Kiếm nhiều mễ cốc cùng rau trái,
Phong phú khắp nơi chốn trú an.

130. Hẳn các ngài không bị bọ rầy,
Loài bò sát quấy nhiễu lâu nay,

Các ngài tránh được bao phiền lụy,
Do thú săn mồi ở chốn đây?

Các vần kệ sau đây do hai bên đối đáp nhau:

[Ẩn sĩ:]

131. Xin cám ơn ngài, hỡi Đại vương,
Chúng ta luôn thịnh vượng, an khương,
Kiếm nhiều mễ cốc cùng rau quả,
Phong phú khắp nơi chốn náu nương.

132. Bần đạo cũng không bị bọ rầy,
Loài bò sát quấy nhiễu lâu nay,
Chúng ta tránh được bao phiền lụy,
Do thú săn mồi đến chốn đây.

133. Các loại cây cao vẫn mọc đầy,
Cho người ẩn sĩ sống như vầy,
Cũng không bệnh tật gây tai hại,
Từng thấy xảy ra ở chốn này.

134. Bần đạo xin nghênh tiếp Đại vương,
Dịp may nào chỉ lối đưa đường,
Trông ngài hùng hậu, vinh quang quá,
Sứ mệnh gì mang, hãy tỏ tường?[7]

135. Tiṇḍuka, piyāla, các lá cây,
Kāsumā chín, ngọt ngào thay,
Như đường mật, kính dâng ngài ngự,
Thứ tuyệt hảo nhà có sẵn đây.[8]

136. Và nước mát này ở động sâu,
Ẩn mình trong một ngọn đồi cao,
Đại vương, xin kính dâng bình nước,
Ngài ngự cho lòng thỏa khát khao.

[Đại vương:]

137. Trẫm đây cùng tất cả vị vua,
Xin nhận quà ngài tặng chúng ta,
Song hãy lắng nghe lời sắp nói,
Của Hiền hữu, Trí giả Nanda.

---

[7] Xem *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540; *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547.

[8] Hai câu kệ 135-36, xem *J.* IV. 432, *Sattigumbajātaka* (*Chuyện anh vũ Sattigumba*), số §503; *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540; *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547.

138. Chúng ta tất cả bước theo hầu,
Hiền giả Nanda, đến khẩn cầu,
Ngài chiếu cố nghe lời Hiền giả,
Và lời hội chúng sẽ trình sau.

Nghe nói vậy, Trí giả Nanda đứng dậy từ chỗ ngồi, vừa đảnh lễ cha mẹ và huynh trưởng vừa ngâm kệ đàm đạo với đoàn tùy tùng của mình:

139. Xin cả toàn dân lẻ một trăm,
Những người danh vọng Bà-la-môn,
Các vua Sát-lỵ dòng cao quý,
Sáng chói với tên tuổi lẫy lừng,
Cùng với Manoja Đại đế,
Thảy đều công nhận việc cầu ân.

140. Dạ-xoa thần ở thảo am này,
Các vị đang quy tụ ở đây,
Lão, ấu các sơn thần, thổ địa,
Lắng nghe ta nói chuyện như vầy:[9]

141. "Tiểu nhi xin kính lễ song thân,
Kế đến xin thưa bậc Thánh nhân,
Tiểu đệ là em đây thuở trước,
Ngài xem có mặt tựa tay chân.

142. Làm sao phụng dưỡng lão song thân,
Ấy chính em cầu nguyện đặc ân,
Xin Thánh nhân thôi đừng cản trở,
Cho em làm thánh sự riêng phần.

143. Ân cần phụng dưỡng cả song thân,
Trước đã được làm bởi Thánh nhân,
Người thiện tán đồng bao thiện sự,
Sao phiên tiểu đệ chẳng nhường phần?
Do vậy em đạt nhiều công đức,
Đạo lộ lên thiên giới sẵn sàng.

144. Nhiều người khác biết rõ nơi đây,
Đạo lộ dành cho phận sự này,
Ấy chính con đường lên thượng giới,
Xin Hiền nhân nhận thức như vầy.

145. Song bậc Thánh nhân đã cản ngăn,
Em làm thiện sự thế này chăng?
Khi em mong muốn nhờ công đức,
Đem lại song thân trọn lạc an."

---

[9] Xem *Ap.* I. 81, *Kuṇḍadhānattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Kuṇḍadhāna*).

Khi được Trí giả Nanda nói như vậy, bậc Đại sĩ bảo:

– Các vị đã nghe những lời Nanda nói ra, giờ đây hãy nghe ta!

Và ngài ngâm các vần kệ sau:

146. Các vị theo hầu tiểu đệ ta,
Hãy nghe ta nói lượt bây giờ,
Kẻ nào thái độ mà khinh suất,
Đối với người trong tộc, mẹ cha,
Phạm tội ác cùng chư Trưởng lão,
Tái sinh địa ngục đốt tiêu ma.

147. Song kẻ tinh thông đạo Thánh nhân,
Con đường chân lý hiểu tinh tường,
Giữ gìn giới luật và công hạnh,
Quyết sẽ chẳng sa cảnh khổ buồn.

148. Anh em cùng các bậc thân sinh,
Tất cả do đây kết hợp thành,
Nhiệm vụ suốt đời luôn đặt nặng,
Trên vai của vị trưởng hiền huynh.

149. Làm trưởng huynh, thiên chức nặng sao,
Hân hoan ta gánh vác đi đầu,
Như thuyền trưởng hộ phòng thuyền nọ,
Chân lý ta không hề lãng xao.

Khi nghe lời này, tất cả các vua đều vô cùng hoan hỷ và nói:

– Hôm nay, chúng ta đều biết được rằng toàn thể gia đình là trách nhiệm đặt lên người huynh trưởng.

Rồi các vị rời bỏ Trí giả Nanda và vừa chú tâm hướng về bậc Đại sĩ vừa ngâm hai vần kệ tán dương ngài:

150. Tri kiến tìm ra tựa lửa bừng,
Sáng ngời chiếu rọi giữa đêm trường,
Cũng như Thánh giả Kosi ấy,
Hiển lộ cho ta lý chánh chân.

151. Như nhật thần kia chiếu ánh quang,
Sáng ngời khắp mặt biển mênh mang,
Phô bày hình thể bao sinh vật,
Dù chúng xấu xa hoặc thiện lương,
Cũng vậy Kosiya Thánh giả,
Hiển bày chân lý với quân vương.

Như vậy là mặc dù từ lâu các vua chúa đã tin tưởng vào Trí giả Nanda vì chứng kiến các kỳ tích thần thông của vị ấy, tuy thế bậc Đại sĩ nhờ uy lực của

tri kiến đã phá hủy lòng tin của họ, khiến họ phải chấp nhận lời ngài. Do vậy tất cả đều trở thành những người hầu cận tuân phục ngài nhất trên đời.

Lúc ấy, Trí giả Nanda suy nghĩ: "Đại huynh ta là một bậc Trí giả tinh thông am tường kinh điển. Ngài đã chinh phục các vị vua này và đưa họ về phía ngài. Ngoài ngài ra, ta không có nơi nương tựa nào khác. Ta chỉ còn biết khẩn cầu ngài thôi." Thế rồi, ông ngâm vần kệ này:

152. Huynh chẳng lưu tâm dáng khẩn cầu,
Cũng không dang rộng cánh tay đâu,
Em mong làm kẻ hèn nô lệ,
Đợi lệnh huynh ban, vội đến hầu.

Dĩ nhiên bậc Đại sĩ không cảm thấy hờn giận hay oán trách gì đối với Nanda, nhưng ngài đã hành động như một cách khiển trách em để hạ bớt lòng kiêu mạn của vị ấy khi phát biểu tự cao thái quá như vậy. Nhưng bây giờ khi nghe những lời em nói ra, ngài vô cùng hoan hỷ và muốn ban ân huệ cho em. Ngài bảo:

– Nay ta tha thứ hiền đệ rồi và sẽ cho phép hiền đệ chăm sóc cha mẹ.

Và ngài ngâm kệ nêu rõ đức tính của hiền đệ:

153. Em thông chánh pháp, hỡi Nanda,
Như các Thánh nhân đã dạy mà,
Duy nhất quý cao là thiện sự,
Em làm đẹp ý thỏa lòng ta!

154. Mẹ cha xứng đáng được tôn thờ,
Em hãy nghe điều ta nói ra,
Nhiệm vụ phần em lo gánh vác,
Mà không cảm thấy nặng bao giờ.

155. Mẹ cha, ta bảo dưỡng lâu nay,
Cũng để cầu mong hạnh phúc vầy,
Đến lượt Nanda nay đã tới,
Cầu xin khúm núm phụng thờ đây.

156. Vị nào trong nhị Thánh nhân hiền,
Mong muốn Nanda phụng dưỡng riêng,
Xin nói một lời và tiểu đệ,
Phải theo hầu vị ấy ưu tiên.

Lúc ấy, mẹ ngài từ chỗ ngồi đứng dậy và bảo:

– Sona thân yêu, em con đã vắng nhà lâu nay. Bây giờ rốt cuộc nó đã trở về, ta không đích thân hỏi thăm nó vì chúng ta đều nương tựa vào con cả. Song nếu con cho phép, bây giờ ta xin được ôm lấy nam tử thánh thiện này trong tay và hôn lên trán nó.

Rồi bà ngâm kệ này nêu rõ ý của bà:

157. Sona, cha mẹ dựa con đây,
Nếu được con cho phép việc này,
Mẹ sẽ ôm vào lòng của mẹ,
Nanda thánh thiện, quý cao vầy.

Sau đó, bậc Đại sĩ nói với mẹ:

– Này mẹ yêu quý, con cho phép mẹ rồi, mẹ hãy đi ôm lấy Nanda con trai mẹ, rồi ngửi tóc và hôn lên đầu nó để xoa dịu nỗi sầu trong lòng mẹ.

Thế là bà đi đến Trí giả Nanda và ôm choàng lấy con trước toàn thể hội chúng và ngửi tóc, hôn lên đầu con, làm tiêu tan mọi nỗi khổ trong lòng bà và bà ngâm kệ nói với bậc Đại sĩ:

158. Giống như cây yếu ớt Bồ-đề,
Rung động vì cơn gió nặng bề,
Cũng vậy tim ta vui rộn rã,
Thấy Nanda đã được quay về.

159. Dường như ta thấy lại Nanda,
Cũng chẳng khác nào một giấc mơ,
Hóa dại, vui mừng ta hét lớn:
"Nanda nay trở lại cùng ta!"

160. Song nếu khi tàn giấc ngủ mê,
Thấy Nanda ấy đã ra đi,
Tâm ta sẽ chịu bao giày xéo,
Do nỗi buồn đau quá não nề.

161. Trở lại hôm nay với mẹ cha,
Nanda rốt cuộc đã về nhà,
Thân yêu với mẹ cha đồng đẳng,
Con tạo ngôi nhà với chúng ta.

162. Dù nghiêm đường quý mến Nanda,
Hãy để em con ở tự do,
Con phục vụ nhu cầu lão phụ,
Nanda cần trọn nghĩa cùng ta.

Bậc Đại sĩ chấp thuận lời mẹ và nói:

– Con mong được như vậy.

Và ngài khuyến giáo em:

– Này Nanda, em đã lãnh phận sự của người anh cả, quả thật mẫu thân chính là đại ân nhân của ta. Em hãy thận trọng chăm nom mẹ!

Ngài lại ngâm hai vần kệ tán thán công đức của mẹ hiền:

163. Là nơi nương tựa thật ân cần,
Mẹ đã nuôi ta với sữa nguồn,

Mẹ chính là đường lên thượng giới,
Mẹ thương hiền đệ nhất trên trần.

164. Mẹ đã chăm lo bảo dưỡng ta,
Mẹ nhiều ân huệ phát ban ra,
Mẹ là đường dẫn lên thiên giới,
Và mẹ yêu hiền đệ nhất nhà.

Như vậy, bậc Đại sĩ đã nêu lên công đức của mẹ qua hai vần kệ và khi mẹ ngài đã về chỗ ngồi, một lần nữa ngài bảo:

– Này Nanda, em có một bà mẹ đã chịu đựng nhiều gian lao khó vượt qua. Cả hai ta đã được mẹ nuôi nấng rất nhọc nhằn. Em hãy thận trọng chăm sóc mẹ và không được đưa thứ dâu chua cho mẹ ăn nữa!

Và để làm sáng tỏ cho hội chúng thấy rõ những công việc cực kỳ gian khổ được dành cho số phận bà mẹ, ngài ngâm kệ:

165. Cầu nguyện khát khao một đứa con,
Mẹ quỳ trước mỗi một đền thần,
Bốn mùa thay đổi thường quan sát,
Khảo cứu thiên văn thật tận tường.

166. Hoài thai theo với khoảng thời gian,
Mẹ thấy lòng mong đợi dịu dàng,
Thoáng chốc hài nhi vô ý thức,
Bắt đầu quen biết một thân bằng.

167. Suốt khoảng thai kỳ ngót một năm,
Mẹ chăm chút kỹ một kho tàng,
Rồi sau sinh hạ con yêu quý,
Ngày ấy vui lòng tiếng "mẹ" mang.

168. Với bầu sữa, mẹ hát ru con,
Xoa dịu hài nhi khóc nỉ non,
Ấp ủ trong vòng tay ấm áp,
Nỗi đau của trẻ được xua tan.

169. Trông nom trẻ tội nghiệp thơ ngây,
Sợ nắng gió làm hại trẻ đây,
Được gọi "vú nuôi" thôi cũng được,
Nâng niu con trẻ cứ như vầy.

170. Tài vật nào cha mẹ có đây,
Mẹ dành cho trẻ để sau này,
Bà suy: "Cũng có ngày con hỡi,
Gia sản may ra đến tận tay."

171. "Làm như này, thế nọ, con ơi!"
Bà mẹ lo âu nhắc thế hoài,

Khi trẻ thành người trai lực lưỡng,
Mẹ còn kêu khóc, thở than dài,
Nó liều lĩnh dám đi tìm gặp,
Vợ láng giềng nhân lúc tối trời.
Bà mẹ buồn rầu, đau khổ hỏi:
"Chiều hôm, sao chẳng về, con ơi?"

172. Nếu được nuôi đầy khổ nhọc vầy,
Mà người xao lãng mẹ hiền này,
Chơi trò gian dối thì ta hỏi,
Còn đợi gì ngoài ngục đọa đày?

173. Nếu được nuôi đầy khổ nhọc vầy,
Mà người xao lãng phụ thân này,
Chơi trò gian dối thì ta hỏi,
Còn đợi gì ngoài ngục đọa đày?

174. Kẻ nào tài sản quá mê say,
Tài sản mất đi cũng có ngày,
Còn kẻ thờ ơ xao lãng mẹ,
Hối hận vì tai hại đắng cay.

175. Kẻ nào tài sản quá mê say,
Tài sản mất đi cũng có ngày,
Còn kẻ thờ ơ thân phụ nó,
Hối hận vì tai hại đắng cay.

176. An vui nhàn nhã với cười đùa,
Giải trí là tài sản tại gia,
Của kẻ chăm lo đầy tận tụy,
Mẫu thân khi tuổi tác già nua.

177. An vui nhàn nhã với cười đùa,
Giải trí là tài sản tại gia,
Của kẻ chăm lo đầy tận tụy,
Phụ thân khi tuổi tác già nua.

178. Quà tặng cùng lời nói dễ thương,
Ân cần phục vụ cạnh song đường,
Nhiệt tình tâm trí luôn bình đẳng,
Bày tỏ đúng thời, đúng chốn luôn.
Đối với thế nhân, sự tử tế,
Giống như mấu trục bánh xe lăn.

179. Nếu như tử tế không tồn tại,
Hiếu thảo mẹ cha chẳng có ai,

Chẳng quà dâng biếu, hay tôn trọng,
Chẳng kính song thân, chẳng đoái hoài.

180. Do tứ tế này, các Hiền nhân,
Thảy đều quý trọng những ai ngoan,
Có lòng hiếu thảo cha và mẹ,
Thành bậc thượng nhân, được tán dương.[10]

181. Song thân hiền phải được tôn vinh,
Xứng đáng từ con cái của mình,
Người dưỡng mẹ cha theo chánh hạnh,
Là người có trí tuệ thông minh.

182. Đem dâng thức uống với đồ ăn,
Sàng tọa và y phục xứng phần,
Phải tắm mẹ cha, dầu tẩm ướt,
Rửa cho sạch sẽ cả đôi chân.[11]

183. Bậc Trí tán dương các việc trên,
Làm con phụng sự mẹ cha hiền,
Hân hoan tràn ngập trên trần thế,
Thân hoại, an vui hưởng cõi thiên.[12]

Như vậy, bậc Đại sĩ chấm dứt pháp thoại khác nào làm cho núi Sineru (Tu-di) xoay chuyển. Nghe ngài nói, tất cả các quốc vương cùng đoàn tùy tùng phát khởi đức tin. Sau đó an trú hội chúng vào ngũ giới và khuyến giáo họ tinh cần bố thí, v.v... ngài bảo họ ra về. Sau khi cai trị quốc độ một cách chân chánh, vào cuối đời, tất cả các vua ấy đều đi lên cộng trú với chư thiên. Hai Trí giả Sona và Nanda suốt đời sống phụng sự cha mẹ và về sau được sinh lên Phạm thiên giới.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và tuyên thuyết các Thánh đế. Lúc kết thúc tuyên thuyết các Thánh đế, vị Tỳ-kheo phụng dưỡng mẹ được an trú vào Sơ quả (Dự lưu) và Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, song thân là phụ mẫu trong hoàng gia, Trí giả Nanda là Ānanda, Vua Manoja là Sāriputta, một trăm lẻ một vị vua là tám mươi Đại trưởng lão và một số vị khác, hai mươi bốn đạo quân là đệ tử Như Lai, còn Trí giả Sona chính là Ta.

---

[10] Các câu kệ 179-80, xem *D*. III. 180, *Siṅgālovādasutta* (*Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt*), số 31; *A*. II. 32, *Saṅgahasutta* (*Kinh Nhiếp pháp*).

[11] Xem *A*. I. 132, *Sabrahmakasutta* (*Kinh Có Phạm thiên*); *A*. II. 70, *Brahmasutta* (*Kinh Phạm thiên*); *It*. 109, *Sabrahmakasutta* (*Kinh Có Phạm thiên*).

[12] Xem *S*. I. 181, *Mātuposakasutta* (*Kinh Mātuposaka*); *A*. I. 132, *Sabrahmakasutta* (*Kinh Có Phạm thiên*); *A*. II. 70, *Brahmasutta* (*Kinh Phạm thiên*); *It*. 109, *Sabrahmakasutta* (*Kinh Có Phạm thiên*).

CHƯƠNG XXI
TÁM MƯƠI KỆ
(*ASĪTINIPĀTA*)

§533. CHUYỆN TIỂU THIÊN NGA (*Cullahaṁsajātaka*)[1] (*J*. V. 333)

Bầy chim không để ý gì ta...

Đây là chuyện do bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Veḷuvana (Trúc Lâm) về cách Tôn giả Ānanda đã hy sinh tính mạng.

Khi những người thiện xạ được mua chuộc để sát hại đức Như Lai và người đầu tiên được Devadatta (Đề-bà-đạt-đa)[2] phái đi làm việc này đã trở về, y nói:

– Bạch Tôn giả, con không thể đoạt mạng sống của đức Thế Tôn vì Ngài có đủ đại thần thông lực.

Devadatta đáp:

– Thôi được, ông không cần phải sát hại Sa-môn Gotama. Ta sẽ đích thân đoạt mạng sống của người ấy.

Thế rồi, trong khi đức Như Lai đang đi dạo dưới bóng mát ngã về Tây[3] của Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), Devadatta trèo lên đỉnh núi và ném xuống một tảng đá lớn như thể từ chiếc máy lăn đá bắn ra và tự nhủ: "Với tảng đá này, ta sẽ giết Sa-môn Gotama." Song hai đỉnh núi giao nhau chặn lấy tảng đá và một mảnh vụn văng ra đụng vào chân của đức Thế Tôn làm chảy máu và gây đau nhức dữ dội. Jīvaka lấy dao cắt rộng miệng vết thương ở chân đức Như Lai để máu độc chảy ra và cắt bỏ chỗ thịt sưng rồi thoa thuốc vào vết thương cho lành.

Bậc Đạo sư đi lại như trước với các vị đại đệ tử hầu cận quanh Ngài trong dáng điệu uy nghi của một vị Phật. Vì thế, khi thấy Ngài, Devadatta nghĩ thầm: "Quả thật không có một kẻ phàm phu nào chiêm ngưỡng dung sắc tối thắng kim thân của Sa-môn Gotama lại dám tới gần vị ấy ngoại trừ vương tượng Nāḷāgiri, là một mãnh thú hung dữ, chẳng biết gì về các công đức của Phật, Pháp, Tăng. Nó sẽ tiêu diệt được Sa-môn này."

Thế là ông liền đi kể chuyện này với vua. Vua sẵn sàng đồng ý với đề nghị này và triệu người quản tượng vào bảo:

---

[1] Xem *J*. IV. 424, *Haṁsajātaka* (*Chuyện thiên nga chúa*), số §502.

[2] Xem *Cv*. VII. 187ff.

[3] Xem *Cv*. VII. 193.

– Này khanh, ngày mai khanh phải làm cho Nāḷāgiri say rượu đến độ điên cuồng và lúc tảng sáng thả nó ra đường phố mà Sa-môn Gotama đi qua.

Devadatta hỏi người quản tượng ngày thường con voi này uống bao nhiêu rượu men và khi y đáp: "Tám vò", ông bảo:

– Ngày mai hãy cho nó uống mười sáu vò rồi thả nó ra về phía con đường Sa-môn Gotama đi qua!

Người quản tượng đáp:

– Được lắm!

Vua truyền đánh trống khắp kinh thành và công bố:

– Ngày mai Nāḷāgiri sẽ say rượu mạnh đến điên cuồng và được thả lỏng trong kinh thành. Dân chúng trong thành phải làm mọi việc cần làm vào sáng sớm và sau đó không ai được liều lĩnh ra đường phố.

Devadatta từ cung vua xuống tận chuồng voi và bảo những người quản tượng:

– Này ta bảo cho các ông biết, chúng ta có thể hạ nhục một người từ địa vị cao sang xuống địa vị thấp hèn và nâng một người từ địa vị thấp hèn lên địa vị cao sang. Nếu các ông muốn danh giá thì sáng sớm ngày mai hãy cho Nāḷāgiri uống mười sáu vò rượu mạnh và đúng lúc Sa-môn Gotama đi đến lối ấy, hãy đâm con voi kia với các gậy nhọn, nó sẽ phá chuồng nổi điên, các ông hãy đuổi nó ra về phía con đường Sa-môn Gotama thường đi qua và thế là tiêu diệt vị ấy.

Bọn chúng sẵn sàng làm như vậy. Tiếng đồn vang dậy khắp kinh thành. Các đệ tử tại gia thành kính, nhiệt thành, thân tín với Phật, Pháp, Tăng nghe tin ấy liền đến gần bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, Devadatta đã âm mưu với vua, ngày mai sẽ cho thả con voi Nāḷāgiri ra đường mà Thế Tôn đi qua. Xin Thế Tôn ngày mai đừng vào thành khất thực mà cứ ở lại đây. Chúng con sẽ cúng dường thực phẩm ngay tại tinh xá lên Tăng chúng với đức Phật đứng đầu.

Đức Phật không nói thẳng: "Ngày mai Ta sẽ không vào thành khất thực" mà Ngài đáp:

– Ngày mai Ta sẽ thị hiện thần thông để nhiếp phục Nāḷāgiri và đánh bại tà đạo. Và vì không đi khất thực trong thành Vương Xá, Ta sẽ rời thành cùng một số Tỷ-kheo hộ tống đi thẳng đến Trúc Lâm, rồi dân chúng ở Vương Xá sẽ đến đó mang theo nhiều bình bát thực phẩm và ngày mai họ sẽ cúng dường bữa ăn tại trai đường của tinh xá ấy.

Bằng cách này, bậc Đạo sư đã chấp thuận lời thỉnh cầu của họ. Khi được tin đức Như Lai đã tán đồng nguyện vọng của họ, họ ra đi từ kinh thành, mang theo nhiều bình bát thực phẩm và bảo nhau:

– Chúng ta sẽ cúng dường lễ vật ngay tại tinh xá ấy.

Bậc Đạo sư thuyết pháp vào canh một, giải đáp các vấn đề khó khăn vào canh giữa. Đầu canh cuối, Ngài nằm nghiêng về phía hữu như dáng sư tử, giữa

canh cuối Ngài an trú trong Thánh quả và sau cùng khi Ngài nhập định "Đại bi" vì nhân loại khổ đau, Ngài quán sát thấy mọi quyến thuộc của Ngài đã đủ cơ duyên thuần thục để được giáo hóa và nhận thấy rằng do kết quả của việc nhiếp phục con voi Nāḷāgiri, tám mươi bốn ngàn người sẽ được thông hiểu giáo pháp.

Rạng sáng ngày hôm sau, sau khi đã phục vụ mọi nhu cầu của thân thể, Ngài nói với Tôn giả Ānanda:

– Này Ānanda, hôm nay hãy bảo tất cả Tỷ-kheo trong mười tám tinh xá quanh thành Vương Xá đến hộ tống Ta vào trong thành ấy.

Tôn giả tuân lệnh và tất cả Tăng chúng tập hợp tại Trúc Lâm. Bậc Đạo sư được Tăng chúng đông đảo hộ tống đi vào thành Vương Xá và bọn quản tượng tiến hành công việc theo lệnh truyền, còn quần chúng tụ họp thành nhiều nhóm. Những người mộ đạo nghĩ thầm: "Hôm nay sẽ có cuộc đại chiến giữa đức Phật là Vương Tượng với con voi của thế giới phàm tục này. Chúng ta sẽ chứng kiến đức Phật đánh bại Nāḷāgiri nhờ thần lực vô song của Ngài", rồi họ trèo lên đứng trên các lầu thượng và mái nhà cùng nóc nhà.

Còn những người tà đạo không tin tưởng lại suy nghĩ: "Nāḷāgiri là một con dã thú hung hãn, không biết gì về công đức của chư Phật. Hôm nay, nó sẽ giẫm nát hình thể vinh quang của Sa-môn Gotama và khiến vị ấy phải chết. Hôm nay, chúng ta sẽ trừ khử địch thủ của chúng ta." Họ cũng đứng trên các lầu thượng và các chỗ cao khác.

Còn con voi, khi nhìn thấy đức Thế Tôn đến gần, đã làm mọi người kinh hoàng bằng cách phá sập nhà cửa, giương vòi ra nghiền nát xe cộ, tai vểnh, đuôi dựng ngược, hùng hổ chạy như một ngọn núi sừng sững lao về phía đức Thế Tôn. Khi thấy nó, Tăng chúng thưa với đức Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Nāḷāgiri là một dã thú hung hãn, là tên sát nhân đang tiến đến đường này. Thật ra nó chẳng biết gì đến công đức của chư Phật. Xin đức Thế Tôn, bậc Thiện Thệ hãy lùi bước!

– Này các Tỷ-kheo, đừng sợ. Ta có đủ uy lực nhiếp phục Nāḷāgiri.

Sau đó, Tôn giả Sāriputta thỉnh cầu đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, khi nào có việc gì phải phụng sự phụ thân thì đó là trách nhiệm đặt lên vai con trưởng. Con xin nguyện nhiếp phục con vật này!

Bậc Đạo sư lại bảo:

– Này Sāriputta, uy lực của đức Phật là một việc, còn uy lực của các đệ tử là một việc khác.

Ngài từ chối lời đề nghị của Tôn giả và bảo:

– Ông hãy ở lại đây!

Đây cũng là lời thỉnh cầu của tám mươi vị Trưởng lão nhưng Ngài từ chối tất cả. Lúc ấy, Tôn giả Ānanda vì lòng ái kính bậc Đạo sư nồng nhiệt nên không thể chấp nhận việc này và kêu lớn:

– Hãy để con voi này giết con trước tiên!

Rồi Tôn giả đứng ngay trước bậc Đạo sư, sẵn sàng hy sinh tính mạng vì đức Như Lai. Vì thế, bậc Đạo sư bảo vị ấy:

– Này Ānanda, đi ra ngay, đừng đứng trước mặt Ta!

Vị Trưởng lão đáp:

– Bạch Thế Tôn, con voi này rất hung bạo và man rợ, đó là một tên sát nhân, giống như ngọn lửa ở đầu cái vòng. Xin để nó giết con trước rồi sau đó mới đến gần đức Thế Tôn.

Và mặc dù đã được bảo đến lần thứ ba, vị Trưởng lão này vẫn đứng yên tại chỗ và không lui ra. Lúc ấy, đức Thế Tôn dùng thần lực đẩy vị ấy ra sau và đưa Tôn giả vào giữa Tăng chúng. Ngay lúc này, một phụ nữ chợt trông thấy Nāḷāgiri, quá kinh hoảng vì sợ chết liền chạy làm rơi đứa con mà bà đang bế bên hông xuống khoảng giữa đức Như Lai và con voi rồi vội thoát thân.

Con voi đuổi theo bà, chợt đến gần đứa bé đang khóc lớn. Bậc Đạo sư gây xúc động với lòng từ bi được trải rộng rất đặc biệt, vừa cất giọng dịu ngọt như tiếng của Phạm thiên vừa gọi con voi Nāḷāgiri:

– Này Nāḷāgiri, những kẻ đã làm ngươi điên cuồng với mười sáu vò rượu mạnh không phải để cho ngươi tấn công kẻ khác mà chúng làm vậy vì nghĩ rằng ngươi sẽ tấn công Ta. Đừng nhọc công chạy quanh không mục đích mà hãy đến đây!

Khi nghe giọng nói của bậc Đạo sư, con voi mở mắt và nhìn dáng vẻ uy nghi của đức Thế Tôn liền xúc động mãnh liệt; và nhờ thần lực của đức Phật, công hiệu độc hại của rượu mạnh tan biến mất, vừa hạ vòi và vẫy tai, nó vừa đi đến quỳ xuống dưới chân đức Như Lai. Lúc ấy, bậc Đạo sư bảo nó:

– Này Nāḷāgiri, ngươi là một con voi hung dữ, Ta là Vương Tượng đã thành Phật. Từ nay ngươi đừng hung dữ và man rợ nữa, đừng sát nhân mà hãy tu tập tâm từ!

Nói vậy xong, Ngài đưa tay phải ra vỗ về trán voi và thuyết pháp qua các vần kệ này:[4]

Nếu voi dám đánh Chúa Voi này,
Voi sẽ khóc than kiếp đọa đày,
Đánh Chúa Voi này, ngươi phải chịu,
Đọa vào khổ cảnh kiếp sau hoài.
Từ bỏ buông lung với dại cuồng,
Kẻ ngu không đạt đến thiên đường,
Nếu mong thiên lạc trong đời kế,
Voi phải lo làm việc thiện lương.

[4] Xem *Cv*. VII. 194.

Toàn thân con voi được thấm nhuần niềm hoan hỷ và giá như không phải là loài vật bốn chân thì nó đã đắc Sơ quả (Dự lưu). Dân chúng chiêm ngưỡng phép thần thông này liền reo hò vang dậy và búng ngón tay giòn giã. Trong niềm hân hoan, họ tung lên đủ mọi trang sức phủ khắp mình voi. Từ đó, Nāḷāgiri được mệnh danh là Dhanapālaka (Tài Hộ, giữ kho báu).

Bấy giờ, vào dịp gặp gỡ voi Tài Hộ này, tám vạn bốn ngàn chúng sanh được uống vị ngọt của pháp bất tử. Bậc Đạo sư đã an trú voi Tài Hộ vào ngũ giới. Nó vừa dùng vòi hất bụi bặm từ chân đức Thế Tôn rải lên đầu nó vừa cúi mình đi lui rồi đứng đảnh lễ đấng Thập Lực cho đến khi Ngài khuất dạng, sau đó nó quay về chuồng voi. Từ đó về sau, nó hoàn toàn thuần thục và không hại ai cả.

Bấy giờ, ý nguyện của bậc Đạo sư đã thành tựu nên Ngài quyết định rằng kho báu ấy vẫn là tài sản của những người đã ném nó lên con voi, Ngài suy nghĩ: "Hôm nay Ta đã thực hiện một đại thần thông. Nếu Ta đi khất thực trong kinh thành này thì không thích hợp." Thế là sau khi đánh bại những người tà đạo, Ngài được các Tỷ-kheo hộ tống đi ra kinh thành như một vị tướng lãnh chiến thắng và tiến thẳng về phía Trúc Lâm. Dân chúng đem theo một số cơm nước và thức ăn loại cứng đi vào tinh xá rồi cử hành đại lễ cúng dường.

Chiều hôm ấy, trong lúc ngồi đông đủ tại pháp đường, Tăng chúng bắt đầu thảo luận, bảo nhau:

– Tôn giả Ānanda đã thành tựu một việc hy hữu khi sẵn sàng hy sinh tính mạng để cứu đức Như Lai. Vừa trông thấy Nāḷāgiri, mặc dù đã bị bậc Đạo sư bảo ba lần không được ở lại đó, Tôn giả vẫn không chịu đi ra. Này các Hiền giả, quả thật Tôn giả ấy đã làm một việc hy hữu.

Bậc Đạo sư suy nghĩ: "Câu chuyện này xoay quanh vấn đề đức hạnh của Ānanda, Ta phải hiện diện ở đó mới được." Ngài liền bước ra khỏi hương phòng, đến hỏi hội chúng:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang bàn vấn đề gì trong lúc ngồi tại đây?

Và khi Tăng chúng đáp: "Về vấn đề như vầy, như vầy..." Ngài bảo:

– Không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa nữa, ngay khi còn ở hình hài súc sanh, Ānanda cũng đã hy sinh tính mạng vì Ta.

Nói vậy xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, trong quốc độ Mahiṃsaka ở kinh thành Sakuḷa, có vị vua mệnh danh Sakuḷa, cai trị vương quốc theo Chánh pháp. Thời ấy, không xa kinh thành có một người bẫy chim ở trong ngôi làng của dân bẫy chim, kiếm sống bằng nghề đánh bẫy chim và đem ra phố bán. Gần kinh thành là một hồ sen Mānusiya có chu vi mười hai do-tuần, phủ đầy năm loại hoa sen. Một đàn chim đủ loại thường đến đó và người thợ kia tha hồ đặt bẫy. Bấy giờ, chúa loài thiên nga là

Dhataraṭṭha có đoàn tùy tùng gồm chín mươi sáu ngàn thiên nga an trú trong Kim động trên đỉnh Cittakūṭa và vị đại tướng của đàn là Sumukha (Sư-mục-kha).

Một ngày kia, một đàn thiên nga màu vàng óng ả bay đến hồ Mānusiya và sau khi gặm chồi sen thỏa thích trong vùng đất phong phú thực phẩm này, chúng bay về đỉnh Cittakūṭa mỹ lệ kia và trình báo với chúa chim Dhataraṭṭha:

– Tâu Đại vương, có hồ sen tên là Mānusiya, một vùng đất thực phẩm phong phú nằm giữa nơi cư trú của loài người. Chúng thần muốn đến nơi đó ăn uống.

Chúa chim đáp:

– Những nơi cư trú của loài người đầy nguy hiểm. Đừng để chuyện này lôi cuốn các bạn.

Sau đó, mặc dù không ưng thuận đi, ngài vẫn bị chúng nài nỉ mãi liền bảo:

– Nếu các bạn thích chuyện ấy thì chúng ta sẽ đi.

Rồi cùng với đám hầu cận, ngài bay đến đó. Vừa đáp xuống từ trên không, ngài đã đặt chân vào dây thòng lọng ngay đúng lúc ngài chạm mặt đất. Thế là dây ấy siết chân ngài như thể cái kẹp sắt và giữ chân ngài thật chặt.

Lúc ấy, ngài nghĩ cách phá cái bẫy liền giật mạnh nó, trước tiên da chân rách ra, kế đó thịt bị xé ra và cuối cùng dây gân đứt, đến khi cái bẫy chạm tới xương, máu tuôn xối xả gây đau nhức dữ dội. Ngài suy nghĩ: "Nếu ta thốt lên tiếng kêu bị bắt, đồng loại ta sẽ hốt hoảng và nếu không được ăn gì chúng sẽ nhịn đói bay về và do kiệt sức, chúng sẽ rơi xuống nước."

Vì vậy, ngài chịu đau cho đến khi bầy chim thân thuộc đã ăn uống no nê và vui đùa theo kiểu của thiên nga, ngài mới cất tiếng kêu của con chim bị nạn. Nghe vậy, cả bầy thiên nga kinh hoảng sợ chết liền bay về phía đỉnh Cittakūṭa. Ngay khi chúng đã khuất dạng, Sumukha, đại tướng thiên nga suy nghĩ: "Có thể đây là một việc khủng khiếp đã xảy ra với đại vương chăng? Ta muốn tìm hiểu xem sao." Rồi bay hết tốc lực mà vẫn không nhìn thấy Bồ-tát trong số đàn chim thiên nga đang bay về, chim ấy đi tìm ngài ở đàn chim lớn và cũng không thấy ngài đâu cả, nó tự bảo: "Chắc chắn có việc gì ghê gớm xảy ra rồi." Khi quay lại nó liền thấy Bồ-tát bị mắc bẫy, thân đầy máu đang chịu đau đớn vô cùng và đang nằm trên vũng bùn. Chim ấy hạ cánh xuống đậu trên mặt đất, vừa cố sức an ủi Bồ-tát vừa nói:

– Xin Đại vương chớ sợ, thần sẽ giải cứu Đại vương khỏi cái bẫy dù phải hy sinh tính mạng của mình.

Lúc ấy, muốn thử lòng chim bạn, Bồ-tát ngâm vần kệ đầu:

1. Bầy chim không để ý gì ta,
Vội vã chúng bay biến thật xa,
Chim bị giam tìm đâu bạn hữu?
Bay ngay, đừng ở nán đây mà.

Tiếp theo đây là các vần kệ đối đáp nhau:

[Đại tướng:]

2. Dù có đi hay ở với ngài,
Ngày kia thần cũng phải lìa đời,
Thần theo ngài thuở còn vinh hiển,
Lúc khổ đau không thể bước rời.

3. Hoặc thần phải chết với quân vương,
Hoặc sống đời hiu quạnh đoạn trường,
Thà chết ngay đây thì thật tốt,
Còn hơn sống để khóc bi thương.

4. Bỏ ngài không đúng nghĩa quân thần,
Khi ở trong tình cảnh đáng buồn,
Thần sẽ rất hài lòng, mãn nguyện,
Cùng ngài chung số phận phong trần.

[Nga vương:]

5. Số phận nào cho chim bị giam,
Ngoại trừ dây nướng thịt hung tàn,
Tự do, trí vẫn còn suy nghĩ,
Sao có thể đành chịu bỏ thân?

6. Có lợi gì khanh hoặc với ta,
Từ đây khanh xét thấy, thiên nga,
Lợi gì quyến thuộc ta còn sống,
Nếu cả hai ta phải chết mà?

7. Kim nga, nghĩa cử của hiền khanh,
Sẽ bị màn đêm phủ thật nhanh,
Hành động hy sinh này biểu lộ,
Đức gì nếu đặt dưới bình minh?

[Đại tướng:]

8. Ngài không thấy, hỡi thiên nga vương,
Hạnh phúc theo sau việc chánh chân?
Chánh nghĩa được tôn sùng xứng đáng,
Dạy cho người thực chất hiền lương.

9. Thấy chân chánh tất cả việc lành,
Có thể từ chân chánh phát sinh,
Vì đã quý yêu ngài thắm thiết,
Thần hân hoan phóng xả thân mình.

10. Nếu biết điều chân chánh, chúng ta
Không hề bỏ bạn lúc sa cơ,

Cho dù phải cứu mình đi nữa,
Bậc Trí khuyên đây chánh nghĩa mà.

[Nga vương:]

11. “Chánh nghĩa của khanh đã thực hành,
Trong khi ta nhận thấy chân tình,
Đi ngay nếu thật khanh mong muốn,
Làm việc mà ta rất tán thành.

12. Có lẽ các dây thuở đã qua,
Buộc ràng quyến thuộc dưới quyền ta,
Kịp thời chuyển đến khanh sau đó,
Với trí tài điều khiển vượt xa.”

13. Trong khi đôi bạn quý cao này,
Trao đổi tâm tư tuyệt diệu vầy,
Hãy nhìn, gã săn chim táo bạo,
Hiện ra trước mắt chúa tôi đây,
Khác gì thần chết đang đi đến,
Trước kẻ liệt giường khốn khổ thay.

14. Đôi bạn thấy kia một kẻ thù,
Nên lòng lo sợ, nặng ưu tư,
Lặng yên đậu đó, không di chuyển,
Khi gã đến gần tự nẻo xa.

15. Thấy bầy ngỗng nọ đã tung bay,
Đây đó, biến dần giữa cõi không,
Nơi chốn đôi chim cao thượng đậu,
Cừu nhân vội vã tiến lên gần.

16. Trong lúc gã đang vội bước chân,
Đến nơi định mệnh đã dành phần,
Thợ săn rung động vì tư tưởng,
Kêu lớn: “Bầy chim bị bắt không?”

17. Gã thấy một chim trong bẫy giăng,
Và con chim nọ, gã nhìn sang,
Chăm lo chim bạn đang tù hãm,
Còn nó không xiềng xích buộc ràng.

18. Hoang mang trí óc lẫn hoài nghi,
Gã ngắm đôi chim cao thượng kia,
Khôn lớn cả đôi cùng đẹp mã,
Gã liền cất tiếng, giọng từ bi.

[Thợ săn:]

19. Đành rằng chim bị bắt trong dây,
Không thể bao giờ cất cánh bay,
Ngươi vẫn tự do và lớn mạnh,
Sao ngươi quyết ở với chim này?

20. Với ngươi, chim có họ hàng gì,
Khi cả đàn kia đã trốn đi,
Dầu được tự do, ngươi ở lại,
Bên chim bị bắt một mình kia?

[Đại tướng:]

21. Hỡi cừu nhân của đàn thiên nga,
Ngài chính quân vương, vốn bạn mà,
Thân thiết như đời ta chẳng khác,
Ồ không, ta chẳng muốn bao giờ,
Bỏ ngài trong lúc ngài lâm nạn,
Cho đến khi thần chết gọi ta.

[Thợ săn:]

22. Chim này không phát hiện hay sao,
Chiếc bẫy người giăng kín thế nào?
Phận sự của anh hùng tướng lãnh,
Là đề phòng hiểm họa gian lao.

[Đại tướng:]

23. Khi người sắp gặp bước suy tàn,
Giờ tử thần đang tiến lại gần,
Dù bạn đến kề bên chiếc bẫy,
Cũng không thấy bẫy sập dây giăng!

[Thợ săn:]

24. Bẫy dù đủ loại, hỡi chim thần,
Đôi lúc đặt ra chỉ uổng công,
Đến phút cuối cùng do định mệnh,
Con người bị bẫy kín, thương vong.

Như vậy là nhờ đối thoại với người bẫy chim mà đại tướng thiên nga đã xoa dịu được lòng anh ta và chim ấy ngâm vần kệ xin người ấy tha mạng cho Bồ-tát:

25. Có phải đây là kết quả lành,
Do lời thân thiện với tôn huynh,
Xin người tha mạng đôi ta với,
Ta được tự do, giải thoát nhanh.

Người bẫy chim say mê giọng đối đáp dịu ngọt của Sumukha liền ngâm kệ:

26. Này chim, ngươi chẳng bị giam mình,
Hãy chạy đi, mau chạy thật nhanh,
Ta chẳng muốn thân ngươi đổ máu,
Bình an, hãy sống chuỗi ngày xanh.

Tiếp theo sau, chim Sumukha ngâm bốn vần kệ:

27. Ta không tha thiết sống riêng ta,
Nếu bạn ta đây phải chết mà,
Xin hãy vui lòng tha vị ấy,
Thịt ta thay thế chúa thiên nga.

28. Chúng ta về tuổi tác tương đồng,
Cùng cỡ rộng dài các cẳng chân,
Không mất gì dù người đổi lấy,
Mạng ta thay thế mạng vương quân.

29. Hãy xét xem ta với cách này,
Thỏa lòng thèm muốn với ta đây,
Trước tiên hãy buộc ta vào bẫy,
Rồi để chúa chim giải thoát ngay.

30. Do đó người thành tựu ước mong,
Và ta đạt nguyện vọng trong lòng,
Thiên nga, tôn giả đều hòa hợp,
Trong lúc đời trôi mãi chẳng dừng.

Vậy là nhờ nghe giảng pháp lành, tim người bẫy chim dịu lại như thể vải được nhúng dầu và anh ta giao Bồ-tát cho chim ấy, khác nào giao nô lệ cho chủ nhân, rồi ngâm kệ:

31. Xin làm chứng, các bậc Hiền nhân,
Nô lệ, họ hàng, các bạn thân,
Do chính một mình ngươi cứu giúp,
Chúa chim được giải thoát giam cầm.

32. Ít ai có được một thân bằng,
Như chính ngươi đang thật sẵn sàng,
Chia sẻ cùng nhau chung số phận,
Khi chim chúa gặp bẫy vong thân.

33. Vậy chúa chim này, ta thả ra,
Bạn ngươi theo gót cũng bay xa,
Mau lên giữa đàn chim thân thuộc,
Ngươi sẽ như sao chiếu sáng lòa.

Nói vậy xong, người bẫy chim kia với từ tâm đến gần Bồ-tát và cắt các sợi dây ra, ôm ngài trong tay, đưa ngài ra khỏi nước và đặt ngài trên đám cỏ xanh

tươi bên bờ hồ, rồi hết sức dịu dàng, nhẹ tay nới lỏng chiếc bẫy đã trói chân ngài rồi ném nó ra xa.

Sau đó, phát sinh tình thương mến mãnh liệt đối với Bồ-tát với tấm lòng tràn ngập niềm thân ái, người ấy lấy nước rửa máu ở vết thương của ngài và chùi sạch sẽ. Do năng lực của từ tâm ấy, vết thương ở chân Bồ-tát khép lại dần, gân nối liền gân, thịt liền thịt, da liền da, da non hiện ra và lông tơ mọc phủ lên đó. Bồ-tát vẫn giống hệt như trước kia, chân ngài như không hề bị sa bẫy bao giờ và an toàn theo tư thế bình thường hoan hỷ. Lúc ấy, Sumukha chiêm ngưỡng Bồ-tát hạnh phúc như vậy, tất cả đều do hành động của mình, trong niềm vui tràn trề, nó ca tụng người bẫy chim.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ làm sáng tỏ vấn đề:

34. Hoan hỷ nhìn chim chúa thoát thân,
Ngỗng làm vinh dự đấng minh quân,
Và êm tai kẻ làm ân phước,
Bằng những lời hay đẹp nhất trần:

35. "Lạp hộ cùng thân quyến cả nhà,
Mong chư vị hạnh phúc chan hòa,
Như ta hạnh phúc khi nhìn thấy,
Chim chúa thiên nga được thả ra."

Sau khi tán thán người bẫy chim như vậy, tướng quân Sumukha nói với Bồ-tát:

– Tâu Chúa thượng, người này đã cống hiến cho chúng ta một công đức thật vĩ đại. Ví thử người ấy không nghe lời chúng ta, anh ta có thể được đại phú hoặc bằng cách luyện tập chúng ta cho thuần để nuôi làm trò tiêu khiển và đem dâng cho các vị đại vương nào đó hoặc giết chúng ta để bán làm thức ăn. Song người ấy đã nghe theo lời chúng ta mà hoàn toàn không quan tâm đến kế sinh nhai của mình. Vậy chúng ta hãy đưa anh ta vào yết kiến quốc vương và làm cho anh ta được hạnh phúc suốt đời.

Bồ-tát chấp thuận việc này ngay. Sau khi vừa đàm luận với Bồ-tát bằng ngôn ngữ riêng của loài chim xong, tướng quân Sumukha nói với người bẫy chim bằng tiếng người và hỏi:

– Này hiền hữu, tại sao hiền hữu đặt bẫy?

Gã đáp:

– Để kiếm lợi.

Sumukha bảo:

– Nếu vậy thì hiền hữu hãy đưa chúng ta vào thành trình diện với đức vua, ta sẽ thuyết phục đức vua ban phú quý cho hiền hữu.

Và chim ấy ngâm các vần kệ:

36. Nhanh lên, ta sẽ dạy cho người,
Phương cách tìm ra thật lắm lời,
Khi thấy đại danh chim ngỗng chúa,
Chẳng mang tì vết nhỏ nhất đời.

37. Mau đem ta đến chốn triều đường,
Thân thể bình an được vẹn toàn,
Đứng ở mỗi đầu, không trói buộc,
Phía trên đòn gánh của người mang.

38. Rồi người hãy nói: "Tấu Minh quân,
Thần đến mang theo cặp ngỗng hồng,
Một chủ tướng đầu đàn ngỗng ấy,
Còn chim kia, chính thiên nga vương."

39. Chúa tể loài người ấy ngắm xem,
Thiên nga vương giả, sẽ bừng lên,
Bao niềm hoan hỷ và sung sướng,
Sẽ tặng người vô số bạc tiền.

Khi chim ấy nói xong, người bẫy chim đáp:

– Xin các vị đừng mong muốn yết kiến đức vua nữa. Vua chúa quả thật tâm tính hay thay đổi. Họ sẽ bắt giữ các vị để làm trò tiêu khiển hoặc giết chết các vị đấy.

Sumukha đáp:

– Này hiền hữu, đừng sợ gì cả. Ta đã thuyết pháp làm dịu lòng một kẻ độc ác như bạn và đã khiến bạn quy phục ta, dù người là một kẻ bẫy chim với bàn tay vấy máu đỏ. Còn các vua chúa thật ra đầy nhân từ và trí tuệ, là những người có thể phân biệt lời lẽ thiện ác. Vậy hãy mau đưa chúng ta vào yết kiến đức vua của hiền hữu!

Người bẫy chim nói:

– Thôi được, xin các vị chớ giận tôi! Nếu việc này làm các vị thật sự thích thú thì tôi sẽ đưa các vị đến yết kiến đức vua.

Thế rồi, người ấy đưa đôi chim lên đòn gánh của mình và đi đến triều đình xin bệ kiến vua. Khi được vua hỏi chuyện, người bẫy chim trình bày hết sự việc theo lẽ thật.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

40. Vội làm khi gã mới nghe xong,
Việc các chim mong tận cõi lòng,

Đem cặp hồng nga vào bệ kiến,
Bình an, thân thể mạnh hoàn toàn,
Đậu kia chẳng có gì ràng buộc,
Trên mỗi đầu đòn gánh gã mang.

41. Rồi người ấy nói: "Tấu Minh quân,
Thần đến mang theo cặp ngỗng hồng,
Một chủ tướng đầu đàn ngỗng ấy,
Còn chim kia, chính thiên nga vương."

42. "Kìa những chim này mạnh biết bao,
Trở thành mồi bẫy của ngươi sao,
Sao ngươi bò tới gần bên chúng,
Chẳng khiến chúng kinh hãi tẩu đào?"

43. "Trong ao hồ, khải tấu Minh quân,
Xin hãy ngắm xem bẫy lưới giăng,
Trong mọi chốn loài chim trú ẩn,
Bẫy thường được đặt tạo thương vong.

44. Chính trong một bẫy kín như vầy,
Thần đã bắt chim chúa ngỗng này,
Chim bạn tự do, ngồi kế cận,
Và mong cầu chúa thoát tù đày.

45. Chim này làm phận sự hơn xa,
Thành tựu phàm nhân đạt đến mà,
Cương quyết tập trung toàn nỗ lực,
Làm cho chim chúa được buông tha.

46. Chim đằng kia muốn chịu hy sinh,
Xứng đáng hưởng thêm cuộc sống mình,
Ví thử chúa chim này được sống,
Chúa chim đã được bạn tôn vinh.

47. Nghe những lời chim ấy giãi bày,
Tiểu thần liền đạt phước ân ngay,
Hân hoan giải phóng chim tù tội,
Ra lệnh đôi chim cất cánh bay.

48. Hoan hỷ nhìn chim chúa thoát thân,
Ngỗng làm vinh dự đấng minh quân,
Và êm tai kẻ làm ân phước,
Bằng những lời hay đẹp nhất trần:

49. 'Lạp hộ cùng thân quyến họ hàng,
Mong chư vị hạnh phúc muôn vàn,

Như ta hạnh phúc khi nhìn thấy,
Chim chúa thiên nga được thoát nàn.

50. Nhanh lên, ta sẽ dạy cho người,
Phương cách tìm ra thật lắm lời,
Khi thấy đại danh chim ngỗng chúa,
Chẳng mang tì vết nhỏ nhất đời.

51. Mau đem ta đến chốn triều đường,
Thân thể bình an được vẹn toàn,
Đứng ở mỗi đầu không trói buộc,
Phía trên đòn gánh của người mang.

52. Rồi người hãy nói: 'Tấu Minh quân,
Thần đến mang theo cặp ngỗng hồng,
Một chủ tướng đầu đàn ngỗng ấy,
Còn chim kia chính thiên nga vương.'

53. Chúa tể loài người ấy ngắm xem,
Thiên nga vương giả, sẽ bừng lên,
Bao niềm hoan hỷ và sung sướng,
Sẽ tặng người vô số bạc tiền.'"

54. Do vậy theo lời chim bảo ban,
Thần đưa đôi ngỗng đến triều đường,
Mặc dù chúng tự do tìm kiếm,
Nơi trú bình an ở núi ngàn.

55. Chim kia có số phận như vầy,
Dù thật chánh chân đến thế này,
Có thể chuyển lay lòng trắc ẩn,
Thợ săn hung bạo tựa thần đây.

56. Thiên nga này, khải tấu Minh quân,
Tặng vật tiểu thần đến hiến dâng,
Giữa những chốn người săn đặt bẫy,
Hiếm khi tìm được vật ngang bằng."

Như vậy, gã đứng đó tán dương những đức hạnh của Sumukha. Sau đó, Vua Sakuḷa tặng ngỗng chúa một bảo tòa sang trọng và Sumukha một kim đôn quý giá. Khi đôi chim đã an tọa, vua mời dùng bắp rang, mật ong, mật mía và các món tương tự đựng trong các chén đĩa bằng vàng. Khi đôi chim đã ăn xong, vua chắp hai tay thỉnh cầu Bồ-tát thuyết pháp rồi ngồi xuống một kim đôn nữa.

Theo lời thỉnh cầu ấy, chúa thiên nga đàm đạo đầy hứng thú với vua.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ mọi việc:

57. Giờ đây nhìn thấy đấng quân vương,
An tọa kim đôn sáng rỡ ràng,
Chim ngỗng dùng âm thanh dịu ngọt,
Làm êm tai chúa tể trần gian.

[Thiên nga:]

58. Đại vương, ngọc thể có khang an,
Vạn sự Đại vương thảy vẹn toàn,
Quý quốc hẳn là đang thịnh vượng,
Được ngài cai trị thật công bằng?

[Quân vương:]

59. Nga vương, trẫm vẫn được khang an,
Vạn sự trẫm đây được vẹn toàn,
Bổn quốc hiện giờ rất thịnh vượng,
Hưởng nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

60. Ngài có triều thần thật chánh chân,
Biết khuyên nhủ chúa chẳng sai lầm,
Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết,
Vì chánh nghĩa và danh Chúa công?

[Quân vương:]

61. Trẫm có triều thần thật chánh chân,
Biết khuyên nhủ trẫm chẳng sai lầm,
Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết
Vì chánh nghĩa và danh quả nhân.

[Thiên nga:]

62. Phải chăng hoàng hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi thánh ý Minh quân?

[Quân vương:]

63. Trẫm nay có chánh hậu chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi ý trẫm cầu mong.

Khi Bồ-tát đã chấm dứt những lời chào hỏi thân hữu xong, vua lại đàm đạo cùng ngài:

[Quân vương:]

64. Khi vận rủi kia đưa đẩy ngài,
Đến cừu nhân tối hiểm trên đời,
Khi ngài gặp phải tay người ấy,
Ngài đã chịu bao thống khổ rồi?

65. Gã kia có đến, gậy trong tay,
Đánh đập các ngài, nói trẫm hay?
Với những con người gian ác ấy,
Trẫm thường nghe nói cách như vậy.

[Thiên nga:]

66. Ta không hề gặp bước gian nan,
Trong lúc lòng ta vẫn nhớ ơn,
Kẻ ấy chẳng bao giờ đối xử,
Với ta, như những bọn cừu nhơn.

67. Người bẫy chim run rẩy, ngạc nhiên,
Cầu mong hỏi chuyện của đôi chim,
Và Sumukha, tướng quân khôn nhất,
Đã trả lời ngay kẻ ấy liền.

68. Nghe những lời chim tướng giãi bày,
Người kia liền đạt phước ân ngay,
Hân hoan giải thoát ta từ bẫy,
Ra lệnh đôi ta cất cánh bay.

69. Tâu Đại vương, Sumukha ước mong,
Đến đây và yết kiến long nhan,
Nghĩ rằng người bẫy chim thân hữu,
Sẽ kiếm ra vô số bạc vàng.

[Quân vương:]

70. Cung nghênh các vị, đúng hoàn toàn,
Trẫm thật hân hoan gặp bạn vàng,
Hiền hữu bẫy chim rồi sẽ nhận,
Thỏa lòng mọi tặng vật trần gian.

Nói vậy xong, vua nhìn một vị cận thần và khi vị ấy hỏi:

– Tâu Đại vương, xin cho biết thánh ý?

Vua đáp:

– Khanh hãy đưa người bẫy chim này đi tỉa gọn râu tóc và sau khi người ấy được tắm rửa, thoa dầu thơm, hãy cho phục sức xiêm y lộng lẫy và đưa người ấy lại đây.

Khi việc này đã xong và người bẫy chim được dẫn đến, vua ban ân cho anh ta một ngôi làng hằng năm sinh lợi một trăm ngàn đồng tiền và thêm một ngôi nhà xây ở vị trí giáp hai mặt đường, một cỗ xe lộng lẫy và cả kho vàng ròng.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

71. Quân vương rộng lượng đã truyền ban,
Người bẫy chim vô số bạc vàng,
Sau đó hồng nga cất tiếng nói,
Âm thanh mê mẩn cả tâm can.

Sau đó, Bồ-tát thuyết pháp cho vua và khi nghe ngài giảng giải, vua sinh tâm hoan hỷ, mong muốn bày tỏ dấu hiệu kính trọng đối với vị Pháp sư, vua liền tặng ngài chiếc lọng trắng, vừa dâng lên ngài cả quốc độ vừa ngâm các vần kệ này:

72. Những gì trẫm có đúng công bằng,
Những vật trẫm đòi hỏi chánh chân,
Sẽ chuyển qua quyền ngài thọ hưởng,
Nếu ngài nêu nguyện ước trong tâm.

73. Dẫu ngài đem bố thí ban ân,
Hoặc sử dụng, hay muốn hưởng phần,
Trẫm nhượng quyền hành cùng tất cả,
Và giao ngài cả chiếc ngai vàng.

Bồ-tát liền trao trả chiếc lọng trắng mà vua đã tặng ngài. Rồi vua suy nghĩ: "Ta đã nghe pháp do vị chúa hồng nga thuyết giảng, song vị tướng quân Sumukha này được người bẫy chim tán tụng nhiệt liệt là nói năng dịu ngọt như mật rót vào tai, vậy ta cũng muốn nghe chim ấy thuyết pháp." Thế là vua ngâm vần kệ khác để đàm đạo với chim ấy:

74. Trí hiền Sumukha thật tinh thông,
Ví thử nói ra tự nguyện lòng,
Chỉ một hai lời thôi cũng đủ,
Trẫm đây hạnh phúc bội muôn phần.

Sau đó, Sumukha đáp:

75. Xin tâu Chúa thượng, trước Minh quân,
Đúng phép, tôi không dám nói năng,
Dù chỉ một đôi lời nhỏ mọn,
Khác nào vương tử của long thần.

76. Vì chúa hồng nga hiện diện đây,
Và ngài, đại đế tối cao vậy,

Có quyền đòi hỏi đầy chân chánh,
Niềm kính trọng, tôi phải tỏ bày.

77. Thần tôi hèn mọn, tấu Quân vương,
Nên chẳng dám can thiệp luận bàn,
Khi nhị Đại vương đang nghị sự,
Bao điều quan trọng giữa triều đường.

Vua nghe chim ấy nói, lòng đầy hoan hỷ phán bảo:

– Người bẫy chim nhiệt liệt ca tụng tướng quân, chắc chắn không thể có được ai khác như khanh cả, quả thật khanh là vị thuyết pháp êm dịu làm sao!

Vua ngâm các vần kệ này:

78. Người bẫy chim ca tụng nhiệt tình,
Chim này trí tuệ, tuyệt thông minh,
Tinh khôn như vậy đâu tìm thấy,
Ở kẻ trí chưa được học hành.

79. Trong đàn chim cao quý trẫm xem,
Chim này vô địch giữa đàn em,
Tối cao đức tính chim đầy đủ,
Đệ nhất hữu tình vượt hẳn lên.

80. Hình dáng thanh cao, giọng ngọt ngào,
Khiến lòng mê mẩn biết dường nào,
Ước mong của trẫm là hai vị,
Ở mãi bên mình thỏa ước ao.

Sau đó, Bồ-tát ngâm kệ ca tụng vua:

81. Ngài đối đãi đây với chúng thần,
Như người đối với đại thân bằng,
Này đây Chúa thượng vừa ban phát,
Hèn mọn đôi chim hưởng phước ân.

82. Song đàn chim quyến thuộc kêu than,
Xa vắng lâu ngày đã bặt tăm,
Và có nhiều chim đầy khổ não,
Vì không còn thấy bóng nga vương.

83. Vậy để xua tan nỗi khổ này,
Đại vương, xin thả chúng thần ngay,
Cúi xin Chúa thượng nay cho phép,
Gặp lại thân bằng, cất cánh bay.

84. Hôm nay hạnh ngộ đấng Quân vương,
Thần thấy tâm hoan hỷ ngập tràn,
Thần chắc từ nay toàn bạn hữu,
Chẳng còn duyên cớ để kinh hoàng.

Khi ngài nói vậy xong, vua mới chịu để hai vị ra đi. Bồ-tát lại thuyết giảng cho vua về nỗi khổ đau theo liền sau ngũ dục và niềm hạnh phúc đi theo công đức, rồi ngài khích lệ vua:

– Xin Đại vương giữ giới luật và trị dân chân chánh cùng thu phục nhân tâm với tứ nhiếp pháp.[5]

Sau đó, ngài khởi hành bay về đỉnh Cittakūṭa.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

85. Như vầy với chúa tể loài người,
Chim chúa Dhata đã đáp lời,
Sau đó tìm thân bằng quyến thuộc,
Tung đôi cánh mạnh nhất lên trời.

86. Nhìn chủ tướng chim được vạn an,
Trở về từ cõi chết nhân gian,
Đàn chim vỗ cánh kêu ầm ĩ,
Chào đón chúa chim lại họp đàn.

87. Vây quanh chúa tể, chúng tôn sùng,
Tin tưởng, giờ đây đàn ngỗng hồng,
Kính cẩn nghiêng mình chào chúa tể,
Hân hoan vì chúa được an thân.

Trong khi hộ tống chim chúa, bầy thiên nga hỏi ngài:

– Tâu Chúa thượng, làm thế nào ngài thoát nạn?

Bồ-tát thuật cho chúng nghe ngài được giải thoát là nhờ Sumukha giúp đỡ và nói về hành động của Vua Sakuḷa cùng người bẫy chim.

Nghe vậy cả bầy thiên nga hân hoan ca ngợi tất cả các vị:

– Vạn tuế tướng quân Sumukha của đàn thiên nga và Đại vương Sakuḷa cùng người bẫy chim. Cầu mong các vị được an lạc, hạnh phúc lâu dài!

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ cuối cùng để làm sáng tỏ vấn đề:

88. Ai có từ tâm ắt đạt thành,
Việc gì các vị ấy thi hành,
Như thiên nga trở về bằng hữu,
Lần nữa đôi chim được trọn lành.

***

[5] Tứ nhiếp pháp (*cattāri saṅgahavatthūni*, 四攝法), còn gọi "tứ sự nhiếp" (四事攝) gồm 4 pháp: Bố thí (P. *dāna*, 布施, E. liberality), ái ngữ (P. *peyyavajja*, 愛語, E. kindly speech), lợi hành (P. *atthacariyā*, 利行, E. a life of usefulness), đồng sự (P. *samānattatā*, 同事, E. impartiality). Tham chiếu: *D*. III. 152, 232; *A*. II. 32, 248; IV. 219, 364.

Đến đây bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa nữa, Ānanda cũng đã hy sinh tính mạng vì Ta.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người bẫy chim là Channa (Xa-nặc), nhà vua là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Sumukha là Ānanda (A-nan), chín mươi ngàn thiên nga là các đệ tử đức Như Lai và chúa thiên nga chính là Ta.

§534. CHUYỆN ĐẠI THIÊN NGA (*Mahāhaṁsajātaka*)[6] (*J.* V. 355)

Kìa đàn thiên nga cất cánh bay...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về việc Trưởng lão Ānanda hy sinh tính mạng. Phần duyên khởi cũng giống hệt như chuyện đã kể trên, nhưng vào dịp này, trong lúc bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ đã tường thuật chuyện sau đây.

***

Ngày xưa, ở thành Ba-la-nại, một vị quốc vương mệnh danh là Saṃyama có vị chánh hậu tên là Khemā (Thái Hòa). Thời ấy, Bồ-tát cùng đoàn tùy tùng chín mươi ngàn con thiên nga trú trên đỉnh Cittakūṭa.

Một ngày kia, vào lúc tảng sáng, Hoàng hậu Khemā chiêm bao thấy một bầy thiên nga màu vàng ánh đến đậu trên ngai vua và thuyết pháp với giọng ngọt ngào. Trong khi hoàng hậu đang lắng tai nghe và tán thán mà chưa được trọn bài thuyết giảng thì bình minh đã đến, bầy thiên nga liền chấm dứt pháp thoại và bay qua cửa sổ mở rộng. Hoàng hậu vội vàng thức dậy kêu to:

– Bắt lấy chúng, bắt lấy bầy thiên nga trước khi chúng thoát thân!

Và trong lúc vừa dang rộng cánh tay, bà tỉnh dậy. Nghe lời bà, các cung nữ thưa:

– Tâu Lệnh bà, bầy thiên nga ở đâu?

Và chúng cười khúc khích. Lúc ấy, hoàng hậu biết đó chỉ là giấc mơ và nghĩ thầm: "Ta không thể thấy một vật không có thật, chắc chắn có loài kim nga trên đời này, song nếu ta tâu đức vua: 'Thiếp mong muốn nghe chim kim nga thuyết pháp', ngài sẽ bảo: 'Ta chưa từng thấy giống kim nga nào cả, làm gì có chuyện chim kim nga thuyết pháp' và ngài sẽ không quan tâm đến vấn đề đó. Tuy nhiên, nếu ta tâu: 'Thần thiếp có niềm ao ước ấy trong lúc mang thai', ngài sẽ cho tìm chúng bằng mọi cách và thế là ta được thỏa tâm nguyện."

Vì vậy, vừa giả bệnh vừa dặn dò các cung nữ xong, bà đi nằm. Khi vua đã ngự lên ngai mà không thấy bà đến yết kiến như thường lệ liền hỏi Hoàng hậu

[6] Xem *J.* IV. 424, *Haṁsajātaka* (*Chuyện thiên nga chúa*), số §502.

Khemā ở đâu và khi nghe bà bị bệnh, vua đến thăm, vừa ngồi một bên giường vừa vuốt lưng và hỏi thăm bệnh tình của bà. Bà đáp:

– Tâu Chúa thượng, thần thiếp không có bệnh gì cả, song thiếp chợt có những niềm ao ước của một thai phụ.

– Này Ái khanh, cứ nói đi, Ái khanh muốn gì, trẫm sẽ tìm được cho Ái khanh ngay.

– Tâu Chúa thượng, thiếp ao ước nghe chim kim nga thuyết pháp trong lúc chim ấy ngự trên ngai vàng có chiếc lọng che trên đầu, và thiếp mong dâng lên chim ấy nhiều tràng hoa thơm cùng các lễ vật khác để tỏ lòng cung kính tán thán của thiếp. Nếu thiếp đạt được điều này thì quý biết bao, nếu không thiếp chẳng muốn sống nữa.

Vua liền an ủi bà và bảo:

– Nếu có vật ấy trên thế giới này thì Ái khanh sẽ được toại nguyện, chớ lo buồn.

Rồi ra khỏi cung thất của hoàng hậu, vua tham vấn các vị đại thần và phán:

– Này các khanh, hãy lưu ý, Hoàng hậu Khemā bảo: "Nếu thiếp nghe được chim kim nga thuyết pháp thì thiếp sẽ sống, nếu không thiếp sẽ chết." Vậy hãy cho trẫm biết, có loài chim kim nga nào chăng?

Triều thần đáp:

– Tâu Chúa thượng, chúng thần chưa từng nghe hoặc thấy loài ấy.

– Thế ai biết được chuyện này?

– Tâu Chúa thượng, các Bà-la-môn.

Vua liền triệu tập các Bà-la-môn đến và hỏi:

– Có chuyện nào như việc loài chim kim nga thuyết pháp chăng?

– Tâu Đại vương, có. Theo truyền thuyết của chúng thần, các loài cá, cua, rùa, nai, công và thiên nga đều có sắc vàng ánh. Trong số ấy, người ta bảo dòng giống thiên nga Dhataraṭṭha rất tinh khôn, thông thái. Cộng thêm loài người nữa là bảy loài sinh vật có màu vàng ánh.

Vua vô cùng hoan hỷ, hỏi:

– Vậy loài thiên nga Dhataraṭṭha thông thái này cư ngụ ở đâu?

– Tâu Đại vương, chúng thần không biết.

– Thế thì ai biết chứ?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, những người bẫy chim.

Vua liền tập hợp tất cả dân bẫy chim từ khắp nước về và hỏi họ:

– Này các hiền hữu, các chim kim nga thuộc dòng giống Dhataraṭṭha cư trú ở đâu?

Một người bẫy chim đáp:

– Tâu Đại vương, theo truyền thuyết từ đời nọ sang đời kia, người ta bảo chúng cư trú trong dãy Tuyết Sơn, trên đỉnh Cittakūṭa.

– Vậy khanh có biết làm cách nào bắt được chúng chăng?

– Tâu Đại vương, thần không biết.

Vua liền triệu tập các Bà-la-môn thông thái. Sau khi cho họ biết có loài chim kim nga trên đỉnh Cittakūṭa, vua hỏi họ có cách nào để bẫy chúng chăng. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, cần gì chúng thần phải bắt chim? Chúng thần sẽ bày mưu kế đưa chim về gần kinh thành và bắt chúng.

– Mưu kế gì vậy?

– Tâu Đại vương, về phía Bắc kinh thành, xin Đại vương ra lệnh đào một cái hồ rộng ba dặm, một địa điểm thật an toàn, chứa đầy nước, trồng đủ loại ngũ cốc cùng năm loại hoa sen phủ mặt hồ. Rồi giao hồ cho một người bẫy chim thiện xảo chăm sóc, không cho phép ai đến gần hồ và phân công nhiều người canh giữ bốn góc, rao truyền cho dân chúng biết đây là hồ bảo tồn chim muông. Khi nghe vậy, mọi loài chim sẽ đến đó. Sau đó, các con chim kim nga này nghe bọn chúng bảo nhau hồ này thật an toàn, tất nhiên sẽ đến thăm hồ và Đại vương bảo lấy thòng lọng bẫy chúng.

Vua nghe vậy liền bảo đào hồ như họ miêu tả ở vùng họ nói, rồi triệu một người bẫy chim thiện xảo đến ban cho gã một ngàn đồng tiền và phán:

– Từ nay ngươi hãy bỏ nghề cũ, trẫm sẽ cấp dưỡng cho vợ con, gia đình ngươi. Hãy cẩn thận canh giữ hồ Khema này và buộc mọi người phải tránh xa hồ! Truyền rao khắp bốn phương rằng đây là hồ bảo tồn chim muông, hễ có loài chim nào lai vãng đến nơi đây đều là của trẫm và khi loài chim kim nga đến, ngươi sẽ được vinh hoa phú quý.

Cùng với những lời khích lệ này, vua giao gã chăm nom hồ bảo tồn. Từ ngày ấy, gã bẫy chim làm đúng như lệnh vua truyền, canh giữ nơi ấy và do gã bảo vệ hồ được bình an nên được mệnh danh là Khemaka "người bẫy chim ở hồ Khema."

Từ đấy, mọi loài chim bay đến đậu nơi ấy, và vì chúng truyền tin cho nhau rằng hồ này bình an ổn định nên nhiều loài thiên nga bay đến. Trước hết là loài thiên nga màu cỏ xanh, rồi nhờ chúng loan báo, kế đó là loài hoàng nga, và theo cách này, giống thiên nga đỏ tía, thiên nga trắng và thiên nga Pāka lần lượt bay đến.

Khi chúng đến, Khemaka trình vua như vầy:

– Tâu Đại vương, năm loài thiên nga đã đến và chúng vẫn đang tiếp tục ăn uống ở hồ này. Giờ đây thiên nga Pāka đã đến, chỉ vài ngày nữa là loài kim nga sẽ đến. Xin Đại vương chớ lo âu!

Vua nghe vậy liền truyền đánh trống lệnh công bố khắp kinh thành rằng không ai được phép đến nơi kia, bất cứ kẻ nào bất tuân lệnh sẽ chịu hình phạt chặt tay chân và tịch thu gia sản nên từ đó không ai dám đến đó nữa.

Bấy giờ, thiên nga Pāka cư trú trong Kim động, không xa đỉnh Cittakūṭa. Loài chim này có sức mạnh phi thường và cũng giống như thiên nga dòng họ Dhataraṭṭha, màu sắc thân của chúng rất đặc sắc, còn con gái của thiên nga vương Pāka lại có màu vàng ánh. Vì thế, vua cha nghĩ rằng nàng xứng đôi với thiên nga vương Dhataraṭṭha và gả nàng cho vua chim. Nàng rất được vua chim sủng ái, nhờ vậy hai dòng họ thiên nga này trở nên thân thiết nhau.

Một hôm, bầy thiên nga hầu cận Bồ-tát hỏi thiên nga Pāka:

– Hiện giờ, các bạn tìm thức ăn ở đâu?

– Chúng tôi đang kiếm ăn gần Ba-la-nại, trong một vùng nước an toàn, nhưng còn các bạn bay tận đâu?

Chúng đáp:

– Đến nơi như vầy, như vầy.

– Sao các bạn không đến hồ bảo tồn chim muông? Đó là một cái hồ tuyệt đẹp, đủ các loài chim, được năm loại sen bao phủ, có rất nhiều loại ngũ cốc và quả cây cùng nhiều đàn ong đủ loại bay lượn vo ve. Tại bốn phía đều có người canh giữ, công bố hồ được vĩnh viễn tránh khỏi hiểm nguy, không ai được phép đến gần, lại càng không có việc hại nhau đâu.

Theo cách này, chúng cứ ca tụng hồ Khema mãi. Khi nghe chuyện thiên nga Pāka nói, chúng trình với Sumukha (Sư-mục-kha):

– Bầy chim kia bảo với chúng thần ở gần Ba-la-nại có một hồ Khema như vầy, dòng họ Pāka vẫn thường đi ăn tại đó. Xin tướng quân tâu với đại vương Dhataraṭṭha và nếu ngài cho phép chúng thần thì chúng thần cũng sẽ kiếm mồi tại đó.

Sumukha trình với chúa chim, ngài suy nghĩ: "Loài người quả thật đầy mưu thần chước quỷ. Chắc chắn phải có lý do gì đây. Từ xưa tới nay không hề có hồ như vậy. Chắc hẳn bây giờ hồ đã được xây để bắt chúng ta." Ngài liền bảo Sumukha:

– Khanh đừng tán thành việc đi đến hồ kia. Hồ này chẳng được họ xây bằng thiện ý đâu mà nó được xây để bắt chúng ta đó. Chắc chắn loài người đầy ác tâm và mưu mô xảo quyệt. Hãy ở lại chỗ các khanh thường kiếm mồi!

Lần thứ hai, lần thứ ba, bầy kim nga thưa với tướng quân Sumukha rằng chúng rất nóng lòng đi đến hồ Khema và vị ấy lại trình nguyện vọng của chúng lên Bồ-tát. Bồ-tát suy nghĩ: "Không nên để quyến thuộc bất mãn vì ta. Vậy chúng ta cùng đến đó." Vì vậy, được chín mươi ngàn chim thiên nga hộ tống, ngài bay đến đó và gặm chồi non, vui đùa theo cung cách của loài thiên nga xong rồi bay về đỉnh Cittakūṭa.

Sau khi bầy chim đã ăn uống và giã từ, người bẫy chim Khemaka đi trình với vua xứ Ba-la-nại việc chim đã đến. Vua vô cùng hoan hỷ phán:

– Này hiền hữu Khemaka, hãy cố gắng bắt lấy một hai thiên nga, rồi ta sẽ ban thưởng vinh hoa phú quý cho khanh!

Cùng với các lời này, vua ban bổng lộc cho gã và bảo gã ra về. Khi trở lại hồ, người bẫy chim ngồi giấu mình trong cái thùng rỗng và ngắm các hoạt động của bầy thiên nga. Các vị Bồ-tát quả thật đã thoát ly tham dục vì thế Bồ-tát bắt đầu từ nơi đã hạ cánh xuống, bước đi ăn lúa một cách chừng mực, từ tốn. Còn các con chim kia đều bay nhảy kiếm mồi khắp nơi. Do vậy, người bẫy chim suy nghĩ: "Thiên nga này đã thoát ly tham dục. Đây chính là con chim ta phải bắt lấy."

Ngày hôm sau, trước khi bầy thiên nga hạ cánh xuống hồ, gã đến một nơi gần đó giấu mình trong cái thùng rỗng, ngồi yên tại đó nhìn qua khe hở của thùng. Lúc ấy, Bồ-tát được chín mươi ngàn chim thiên nga hộ tống đáp xuống nơi ngài đã đến hôm trước và đậu ngay tại chỗ ăn hôm qua, tiếp tục ăn lúa.

Người bẫy chim nhìn qua khe hở của thùng, chú ý ngay vẻ đẹp phi thường của chim này và suy nghĩ: "Chim này lớn bằng cỗ xe, lông vàng ánh và cổ lại có ba khoang đỏ. Ba khoang này chạy từ cổ xuống dọc theo phần giữa bụng, trong khi ba khoang khác chạy xuống nổi rõ trên lưng, toàn thân tỏa sáng như một khối vàng ròng treo trên sợi dây làm bằng chỉ đỏ. Đây chắc hẳn là chim chúa và chính là con chim ta quyết bắt lấy."

Còn chúa thiên nga, sau khi ăn lúa trên đồng ruộng xong, lại vui đùa trong vũng nước và sau đó được đàn chim hộ tống trở về đỉnh Cittakūṭa. Suốt sáu ngày liền, ngài kiếm mồi theo kiểu ấy. Vào ngày thứ bảy, Khemaka kết một sợi dây lớn bằng lông ngựa đen và buộc dây thòng lọng trên cây sào, rồi vì biết chúa thiên nga sẽ đáp xuống ngày mai vào chỗ cũ, gã đặt cây sào có buộc cái bẫy ở trên vào trong vũng nước.

Hôm sau, chúa thiên nga hạ cánh xuống liền bị mắc chân vào bẫy, nó kẹp chặt chân chim như sợi dây sắt siết mạnh. Chim chúa muốn phá bẫy nên kéo lê nó đi và lấy hết sức đạp mạnh vào bẫy. Trước tiên, chỗ da vàng ánh bị bầm dập, kế đó thịt màu đỏ thắm bị rách, rồi gân đứt lìa, cuối cùng đáng lẽ chân chim đã bị gãy, song nghĩ rằng thân thể tàn tật không xứng đáng với một chúa chim nên chim không chống cự nữa. Trong khi các chỗ đau bắt đầu nhức nhối, chim suy nghĩ: "Nếu ta thốt tiếng kêu cứu, quyến thuộc ta sẽ hoảng hốt và dù chưa ăn no đủ chúng cũng sẽ chạy trốn thì e còn đói lòng, chúng sẽ rơi xuống nước."

Vì thế cố chịu đựng nỗi đau, chim đứng yên trong gọng kìm của chiếc bẫy, giả vờ ăn lúa. Nhưng khi đàn chim đã no nê rồi và đang chơi đùa theo kiểu cách của thiên nga, chim chúa liền thốt lên tiếng kêu bị nạn. Bầy thiên nga nghe vậy bay bổng lên đi mất như đã được tả trước đây. Tướng quân Sumukha cũng xem xét mọi việc như đã kể rồi bay đi tìm quanh quẩn mà không thấy Bồ-tát trong ba

đàn thiên nga lớn kia liền suy nghĩ: "Chắc hẳn đây là một chuyện khủng khiếp đã xảy ra với đức vua", thế rồi Sumukha quay lại và nói:

– Tâu Chúa thượng, xin đừng sợ, thần sẽ giải cứu Chúa thượng dù phải hy sinh tánh mạng của thần!

Rồi vừa đáp xuống vũng bùn, chim ấy an ủi vỗ về Bồ-tát. Bồ-tát suy nghĩ: "Chín mươi ngàn chim thiên nga đã bỏ ta bay đi mất, chỉ còn chim này một mình trở lại đây. Ta không biết khi người bẫy chim đến, Sumukha cũng sẽ bỏ ta mà bay đi không." Rồi để thử lòng chim kia, ngài dựa mình đầy máu vào chiếc sào buộc cái bẫy và ngâm ba vần kệ:

89. Kìa đàn thiên nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hãi kinh đầy,
Đi ngay, Sumukha vàng ánh,
Khanh muốn gì chăng ở chốn này?

90. Họ hàng ta đã bỏ rơi ta,
Bọn chúng đều cao chạy vút xa,
Đào tẩu ngay không hề nghĩ ngợi,
Sao khanh đơn độc ở đây mà?

91. Thiên nga cao thượng, hãy bay về,
Tù tội làm sao có bạn bè?
Lúc được tự do, Sumukha hỡi,
Bay đi, đừng bỏ dịp may kề!

Nghe vậy, Sumukha nghĩ thầm: "Thiên nga vương này không biết bản tính của ta, ngài tưởng ta chỉ là thứ bạn nói lời xu nịnh. Ta sẽ tỏ cho ngài thấy ta yêu quý ngài biết bao", rồi chim ấy ngâm bốn vần kệ:

92. Không, thần sẽ chẳng bỏ nga vương,
Khi đến gần tai họa thảm thương,
Song ở lại đây thần đã quyết,
Bên ngài, dù sống chết không màng.

93. Không, thần sẽ chẳng bỏ nga vương,
Khi đến gần tai họa thảm thương,
Chẳng dự vào hành vi hạ liệt,
Với bầy chim nọ, chẳng theo gương.

94. Thần đồng tâm hiệp ý cùng ngài,
Đồng bạn vui chơi thuở thiếu thời,
Giữa các quần thần, tâu Chúa thượng,
Nổi danh là thủ lãnh hùng oai.

95. Khi về với quyến thuộc thân bằng,
Thần biết làm sao để nói năng,

Ví thử bỏ ngài cho số phận,
Vô tình bay bổng thật nhanh chân?
Không, thà chịu chết hơn là sống,
Khi phải đóng vai hạ liệt thần!

Khi Sumukha đã ngâm bốn vần kệ như giọng sư tử rống, Bồ-tát lên tiếng nêu rõ đức độ của bạn:

96. Bản tính khanh, Sumukha tướng quân,
Vẫn thường an trú lý như chân,
Không bao giờ bỏ rơi vua chúa,
Thân hữu, hãy tìm cách thoát thân!

97. Khi ta nhìn thấy mặt hiền khanh,
Trong trí ta không khỏi hãi kinh,
Dù cảnh ngộ buồn, khanh cũng sẽ,
Tìm đường giải cứu bạn thân mình.

Trong lúc đôi chim đang đàm luận như vậy, người bẫy chim đứng trên bờ hồ thấy bầy thiên nga bay rẽ ra thành ba đàn và không biết việc này có ý nghĩa gì, gã chợt nhìn đến nơi gã đã đặt bẫy và thấy Bồ-tát dựa mình vào cây gậy có cột thòng lọng. Vô cùng mừng rỡ, gã buộc thắt lưng lại, cầm gậy vội vàng đến gần và đứng trước đôi chim; như ngọn lửa ở đầu chiếc vòng, đầu gã vươn cao trên đôi chim và gót chân chôn chặt dưới bùn.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng rõ vấn đề:

98. Đôi chim cao thượng đã trao nhau,
Tư tưởng như vầy, thật quý cao,
Hãy ngắm kẻ săn chim táo bạo,
Tay cầm chiếc gậy bước chân mau!

99. Thấy gã đến gần, Sumukha,
Đứng lên ngay trước chúa thiên nga,
Hiên ngang khích lệ quân vương ấy,
Đầy nỗi lo trong bước sẩy sa.

100. "Nga vương cao quý, chớ kinh hoàng,
Kinh hãi chẳng là cách đại vương,
Với lẽ công bằng, thần nỗ lực,
Khẩn cầu với lý luận khôn ngoan,
Bằng hành động hết lòng can đảm,
Lần nữa chúa công được thoát nàn."

Sumukha an ủi Bồ-tát như vầy, rồi vừa đi đến bên người bẫy chim vừa dùng tiếng người thật êm dịu hỏi:

– Này hiền hữu, danh tánh của bạn là gì?

Y đáp:

– Này chúa loài kim nga, ta có tên là Khemaka.

Sumukha đáp:

– Này hiền hữu, đừng tưởng rằng chỉ một thiên nga tầm thường đã bị bắt vào bẫy lông ngựa của hiền hữu. Đó chính là chúa công Dhataraṭṭha, lãnh tụ của chín mươi ngàn thiên nga đang bị mắc bẫy. Ngài thật là hiền trí, đức hạnh và đang sẵn sàng hòa giải. Ta sẽ làm bất cứ việc gì mà ngài phải làm cho hiền hữu. Ta cũng có sắc vàng ánh và ta muốn hy sinh thân mạng mình vì ngài. Nếu hiền hữu muốn nhổ lông ngài, xin hãy nhổ lông ta, hoặc nếu hiền hữu muốn làm việc gì khác với da, thịt, gân, xương của ngài, xin cứ lấy ra từ thân ta. Hơn nữa, giả sử hiền hữu muốn luyện ngài thành chim thuần, xin hãy luyện ta, bán ta lúc còn sống, hoặc nếu muốn kiếm tiền, xin hãy bán ta, chứ đừng giết ngài, vì ngài là bậc đầy đủ trí tuệ và đức hạnh như thế. Nếu hiền hữu muốn giết ngài, hiền hữu sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi địa ngục hoặc đọa xứ khổ cảnh tương tự!

Sau khi đe dọa kẻ bẫy chim bằng nỗi kinh hoàng địa ngục khiến y phải nghe lời khuyến dụ êm tai của mình, Sumukha lại đến gần đứng cạnh Bồ-tát và an ủi ngài. Gã bẫy chim nghe lời ấy, suy nghĩ: "Chỉ là một con chim như thế, nó lại có thể làm được những gì loài người không thể làm được. Vì loài người không chung thủy trong tình bằng hữu. Ôi, đấy thật là một chim thần đầy trí tuệ và biện tài!" Toàn thân gã rúng động với nỗi hoan lạc kỳ diệu, tóc gã dựng đứng vì kinh ngạc, gã làm rơi chiếc gậy và chắp hai tay lên trước trán như người kính lễ mặt trời. Gã đứng đó tuyên dương công hạnh của Sumukha.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

101. Người săn chim nọ đã nghe lời,
Chim ấy nói ra với biện tài,
Tóc dựng đứng lên, tay chắp lại,
Tôn sùng kính lễ trước chim trời.

102. Chưa được nghe hay thấy trước giờ,
Chim dùng tiếng nói của người ta,
Và bằng giọng lưỡi, chim tuyên thuyết,
Chân lý tối cao quả thật là!

103. "Với ngươi, chim có họ hàng gì,
Khi cả đàn cùng chạy trốn đi,
Dù được tự do, ngươi ở lại,
Bên chim bị bắt một mình kia?"

Khi nghe người bẫy chim độc ác hỏi câu này, Sumukha suy nghĩ: "Kẻ ấy đã động lòng, ta muốn bày tỏ cho y thấy đức tính của ta để y hồi tâm thêm nữa." Và chim ngâm kệ:

104. Hỡi cừu nhân của đàn thiên nga,
Ngài chúa công, ta đại tướng mà,
Ta chẳng bỏ ngài cho số phận,
Bình an đào thoát một mình ta.

105. Đừng để thiên nga chúa đại hùng,
Nơi đây phải chết thật đơn thân,
Bên ngài, hạnh phúc ta tìm thấy,
Ta được ngài như đáng chúa công.

Khi nghe lời thuyết giáo dịu dàng về cách nhận lãnh trách nhiệm của chim kia, người bẫy chim tràn ngập hân hoan và lông tóc dựng đứng vì kinh ngạc, suy nghĩ: "Giả sử ta giết thiên nga chúa đầy đủ đạo hạnh và mọi đức tính này, ta sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi bốn khổ hình. Vậy cứ để vua xứ Ba-la-nại muốn làm gì ta cũng mặc, ta sẽ trao chim mắc bẫy này như quà biếu không cho Sumukha và thả chim đi." Gã liền ngâm kệ:

106. Ngươi kính điểu vương cao quý thay,
Vì ngươi vẫn sống với chim này,
Hãy bay về chốn ngươi chung sống,
Ta thả tự do hiền chúa ngay.

Nói vậy xong, người bẫy chim đầy thiện ý đến gần Bồ-tát, uốn cây sào xuống, đặt chim chúa trên bùn và lại nhấc sào ra khỏi thòng lọng. Sau đó gã kéo chim ra khỏi hồ, vừa đặt chim trên đám cỏ kusa non, gã vừa nhẹ tay tháo chiếc bẫy đã kẹp chân chim. Lòng gã dạt dào tình thân mến Bồ-tát và với từ tâm, gã lấy nước rửa sạch máu rồi chùi đi chùi lại nhiều lần. Nhờ uy lực của từ tâm ấy, gân dính liền gân, thịt liền thịt, da liền da, chân chim lại lành như trước, chẳng còn gì khác với chân kia, và Bồ-tát ngồi đó hân hoan thư thái vì được như xưa.

Sumukha thấy chim chúa hạnh phúc [dường nào] nhờ hành động của mình nên vô cùng hoan hỷ, nghĩ thầm: "Người này đã đem lại lợi ích cho ta, nhưng ta chưa làm gì cho y cả. Nếu y bắt ta và giao cho các triều thần, y sẽ được một số tiền lớn, và nếu y bắt ta cho chính y, y sẽ bán ta rồi thu lợi lớn. Ta muốn hỏi y đôi điều." Như vậy, do lòng mong ước làm lợi ích cho gã, chim ngâm kệ hỏi:

107. Nếu vì mục đích của riêng tây,
Ông đã bắt ta, đặt bẫy này,
Ta được tự do ông trả lại,
Lòng không lo lắng, nghĩ suy đầy.

108. Song bằng không, quả thật to gan,
Người bẫy chim tha mạng điểu vương,
Mà chẳng vì ân vua phép nước,
Hiển nhiên trộm cướp chẳng gì hơn.

Người bẫy chim nghe vậy, bảo:

– Ta không bắt chim cho ta đâu, ta được Vua Saṃyama ở Ba-la-nại sai làm.

Rồi gã kể cho chim nghe toàn thể câu chuyện, từ lúc đầu hoàng hậu nằm mộng cho đến khi vua nghe có loài thiên nga đến và vua phán rằng: "Này hiền hữu Khemaka, hãy cố bắt một hai con thiên nga rồi trẫm sẽ ban đại phú quý cho khanh!" và cấp lương thực cho gã lên đường.

Khi nghe vậy, Sumukha suy nghĩ: "Người bẫy chim này không kể gì đến kế sinh nhai của riêng mình, khi thả chúng ta ra là gây khó khăn cho y. Song nếu từ đây ta trở về đỉnh Cittakūṭa thì trí tuệ siêu phàm của thiên nga Dhataraṭṭha cũng như hành động vì tình bằng hữu của ta đều không được biểu lộ, người bẫy chim cũng sẽ không hưởng đại phú quý, nhà vua cũng không được an trú vào ngũ giới và ước nguyện của hoàng hậu cũng không thành tựu." Vì thế, chim ấy đáp:

– Này hiền hữu, nếu quả thật như vậy thì ông không thể để cho chúng ta đi. Hãy đưa chúng ta đến yết kiến vua và ngài sẽ đối xử với chúng ta tùy thích.

Chim ấy lại ngâm vần kệ làm sáng tỏ vấn đề:

109. Ông là tôi tớ của quân vương,
Ý nguyện ngài, ông phải vẹn toàn,
Tùy thích Vua Saṃyama định đoạt,
Với ta, đối xử hợp tâm can.

Nghe vậy, người bẫy chim nói:

– Thưa các ngài, các ngài không nên mong ước diện kiến đức vua. Vua chúa quả thật là những người vô cùng nguy hiểm. Họ sẽ luyện các ngài thành chim thuần tính hoặc giết đi.

Sumukha liền đáp:

– Này hiền hữu bẫy chim, đừng bận lòng vì chúng ta. Nhờ thuyết pháp, ta đã khiến cho một người độc ác như ông phát khởi từ tâm. Vậy sao ta không làm việc này với vua? Vua chúa đủ trí tuệ để hiểu lời chân thiện. Hãy mau đưa ta đến yết kiến vua. Ông đừng đem chúng ta đi như đôi chim mắc bẫy mà hãy đặt ta vào chiếc lồng hoa và đưa đi như vậy. Hãy làm chiếc lồng lớn phủ sen trắng cho thiên nga Dhataraṭṭha và lồng nhỏ hơn phủ sen đỏ cho ta, đặt ngài phía trước, ta phía sau, hơi thấp hơn một chút, rồi khẩn cấp đưa ta đi yết kiến vua!

Khi nghe lời Sumukha, người bẫy chim suy nghĩ: "Sumukha đến yết kiến đức vua chắc hẳn mong ta được đại vinh hiển." Lòng vô cùng hoan hỷ, gã làm

đôi lồng bằng các cành liễu mềm phủ hoa sen xong liền lên đường cùng với đôi chim theo cách đã miêu tả.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

110. Người săn chim nắm cả hai tay,
Trong lúc được nghe nói thế này,
Liền đặt vào lồng đôi ngỗng đỏ,
Sắc da vàng ánh đẹp như vầy.

111. Bộ lông ngời sáng, chúa thiên nga,
Càng đẹp mắt trông với Sumukha,
Yên ổn trong lồng người đặt bẫy,
Cầm lên cùng với ngỗng đi ra.

Ngay khi người bẫy chim lên đường cùng với đôi ngỗng, chim chúa Dhataraṭṭha chợt nhớ đến vương hậu của mình là công chúa của thiên nga vương Pāka; do lòng tham ái chi phối, chim chúa than thở với Sumukha.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

112. Nga vương vừa mới được mang ra,
Liền nói như vầy với Sumukha:
"Vương hậu diễm kiều đầy quý tướng,
Bây giờ đang khổ não vì ta.
Nếu nàng nghe nói rằng ta chết,
Ta sợ đời nàng cũng phải sa.

113. Như cò hương khóc bạn tình lang,
Đơn độc bên bờ vắng đại dương,
Rực rỡ, Suhemā[7] da óng ả,
Sẽ còn thương tiếc mãi quân vương."

Nghe vậy, Sumukha suy nghĩ: "Thiên nga này, dù luôn sẵn sàng khuyến giáo kẻ khác, lại bị tham dục chi phối, tất cả chỉ vì chim mái nên cứ lảm nhảm như nước đang sôi sùng sục, hoặc chẳng khác tiếng bầy chim từ bến bờ vụt lên rồi sà xuống mổ lúa trên ruộng. Hay ta cố dùng trí tuệ nêu rõ cho ngài thấy những thói xấu của nữ giới và làm ngài tỉnh táo lại." Rồi chim này ngâm kệ:

114. Thiên nga vĩ đại, trí vô song,
Lãnh đạo anh minh của giống dòng,
Sao phải ưu phiền vì nữ giới,
Tỏ bày bao nhược điểm trong lòng.

---

[7] Suhemā chỉ cho tên hoàng hậu thiên nga.

115. Như gió mang đi đủ thứ mùi,
Dù là thơm ngát hoặc tanh hôi,
Tham lam như trẻ thành mù quáng,
Ăn thức còn tươi hoặc chín rồi.

116. Không xét suy chân chánh việc làm,
Mê mờ, ngài chẳng thấy trên đàng,
Việc gì cần tránh, gì làm được,
Trong lúc sa cơ gặp hiểm nàn.

117. Hóa dại, ngài ca tụng má hồng,
Có đầy vẻ diễm lệ say lòng,
Tầm thường, tuy vậy là đa số,
Chẳng khác trà đình của túy ông.

118. Ưu phiền, bệnh tật với tai ương,
Như xích xiềng, gông, cực bạo tàn,
Ảo ảnh, dối gian và cạm bẫy,
Tử thần cất kín tận tâm can.
Nữ nhân đều thế, ai tin chúng,
Hạ liệt quả là nhất thế gian!

Lúc ấy, chúa chim Dhataraṭṭha đang say mê nữ giới liền bảo:

– Hiền hữu không biết các đức tính của phái nữ, nhưng các bậc Hiền trí biết rõ, nữ giới không đáng bị chỉ trích đâu.

Rồi ngài giải thích qua các vần kệ:

119. Bậc Trí nhìn chân lý rõ ràng,
Còn ai khiển trách, dám phê bình?
Nữ nhân sinh ở trong trần thế,
Để hưởng đặc quyền với đại danh.

120. Nhi nữ sinh ra để cợt đùa,
Tình yêu lạc thú được ban cho,
Hạt mầm nảy nở trong nhi nữ,
Nguồn gốc đời ta được hộ phò,
Từ đó nam nhân bừng nhịp thở,
Khó lòng khinh thị phái quần thoa.

121. Riêng khanh, Sumukha có tinh thông,
Cung cách dung nghi giới má hồng,
Xúc động hãi kinh, khanh có thấy,
Trí này sáng suốt muộn màng không?

122. Khi một nam nhân gặp bất an,
Giữa tai biến chịu đựng can cường,

Trong cơn khủng hoảng, bao Hiền trí,
Cố sức cho ta được thoát nàn.

123. Quân vương muốn gặp bậc anh hùng,
Để có người khuyên nhủ hộ phòng,
Chống nỗi kinh hoàng do nghịch cảnh,
Giãi bày thích đáng cứu nguy vong.

124. Ta mong đầu bếp của hoàng gia,
Đừng nướng thân ta đã xác xơ,
Như trái cây tre thường giết mẹ,
Bộ lông vàng cũng giết đời ta.

125. Tự do, khanh chẳng muốn bay đi,
Tự nguyện giam cầm để cứu nguy,
Giờ phút hiểm nghèo, đừng nói nữa,
Hãy hoàn thành sứ mạng nam nhi!

Bằng cách tán tụng nữ giới, Bồ-tát đã làm cho Sumukha phải im lặng, nhưng khi thấy vị ấy buồn bực như vậy, ngài muốn hòa giải với bạn liền ngâm kệ này:

126. Gắng sức làm sao thật đúng thời,
Với công bằng biện hộ như lời,
Anh hùng hành động, xin hiền hữu,
Đem lại cho ta cả cuộc đời.

Lúc ấy, Sumukha suy nghĩ: "Ngài hết sức kinh hãi vì sợ chết, ngài không biết uy lực của ta. Sau khi yết kiến vua xứ Ba-la-nại và đàm đạo đôi điều với vua, ta sẽ biết cách hành động. Lúc này ta muốn an ủi đại vương của ta." Rồi vị ấy ngâm vần kệ:

127. Nga vương cao quý, chớ kinh hoàng,
Kinh hãi chẳng là cách đại vương,
Với lẽ công bằng, thần nỗ lực,
Khẩn cầu với lý luận khôn ngoan,
Bằng hành động hết lòng can đảm,
Lần nữa chúa công được thoát nàn.

Trong lúc hai vị đang nói chuyện với nhau bằng tiếng chim như vậy, người bẫy chim chẳng hiểu lời nào chim nói cả, cứ mang đôi chim trên đôi gánh đi vào thành Ba-la-nại. Gã được một đám đông theo sau vì tràn đầy thích thú, kinh ngạc trước cảnh kỳ dị kia, họ đưa hai tay lên trời với dáng điệu nguyện cầu. Khi đến hoàng môn, người bẫy chim nhờ trình vua về việc gã đến chầu.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

128. Người săn chim đến cổng hoàng gia,
Tiến lại gần cùng gánh nặng kia:
"Trình tấu Đại vương, thần yết kiến,
Thưa rằng đây chính hiệu kim nga."

Người canh cổng đi vào trình vua là y đã đến. Vua vô cùng hoan hỷ, phán:

– Cho phép y vào chầu tức thì.

Rồi được triều thần vây quanh, vua ngự lên ngai vàng có lọng trắng che trên đầu, thấy Khemaka bước lên bệ với gánh nặng trên vai, vừa khi nhìn đôi thiên nga sắc vàng óng ả, vua phán:

– Ước nguyện của ta đã thành tựu.

Rồi vua truyền lệnh cho quần thần làm mọi việc xứng đáng để đền đáp lại người bẫy chim.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

129. Nhìn thấy đôi chim dáng thánh thần,
Tràn đầy quý tướng, đẹp vô ngần,
Vua Saṃyama ấy liền lên tiếng,
Cùng với lời trao các cận thần:

130. "Ban gã săn chim thức uống ăn,
Loại mềm, y phục đẹp oai hùng,
Vàng ròng cả khối màu hồng đỏ,
Ban thật nhiều như dạ ước mong."

Lòng vô cùng hân hoan, vua muốn bày tỏ nỗi thích thú của mình liền phán:

– Hãy đi trang điểm cho người bẫy chim rồi đưa y đến đây!

Thế là các triều thần đưa người bẫy chim ra khỏi cung, tỉa râu tóc cho y. Sau khi y đã tắm rửa, thoa dầu thơm và mặc y phục lộng lẫy, họ đưa y vào yết kiến vua. Lúc đó, vua ban cho y hai thôn làng hưởng lợi tức hàng năm một trăm ngàn đồng tiền, một cỗ xe do bầy ngựa thuần chủng kéo, một ngôi nhà rộng rãi đầy đủ tiện nghi cùng đại phú quý vinh hiển. Khi nhận được đại danh vọng như vậy, người bẫy chim tâu trình để giải thích những việc y đã làm:

– Tâu Đại vương, thần không dâng Đại vương loại thiên nga bình thường đâu. Đây chính là chúa tể của cả đàn chín mươi ngàn thiên nga, mệnh danh Dhataraṭṭha và đây là đại tướng Sumukha.

Sau đó, vua hỏi:

– Này hiền hữu, làm sao khanh bắt được đôi chim ấy?

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề:

131. Đại vương nhìn thấy kẻ đi săn,
Đẹp ý hân hoan mới phán rằng:
“Hồ ấy, Khema, đàn ngỗng đến,
Hàng ngàn con để kiếm đồ ăn.

132. Giữa cả đàn chim một giống dòng,
Làm sao khanh cố sức thi công,
Chọn ra chim chúa này kiều diễm,
Và bắt thiên nga vẫn sống còn?”

Người săn chim đáp lời vua:

133. Bảy ngày ròng rã, dạ âu lo,
Thần đã hoài công đánh dấu hồ,
Tìm vết thiên nga này tuyệt đẹp,
Ẩn mình trong một cái lu to.

134. Hôm nay thần thấy bãi chim ăn,
Mà chính thiên nga đã đến gần,
Lập tức chỗ kia thần đặt bẫy,
Thiên nga phút chốc bị sa chân.

Khi nghe vậy, vua suy nghĩ: “Kẻ này lúc đứng ở cổng chỉ kể chuyện chim chúa Dhataraṭṭha bay đến, và bây giờ y cũng chỉ nói về chim này thôi. Thế việc này có ý nghĩa gì?” và vua ngâm vần kệ:

135. Thợ săn trình chỉ một chim thôi,
Nhưng trẫm thấy đầy đủ cả đôi,
Nhầm lẫn gì chăng, khanh đến tặng,
Trẫm đây thêm một chú chim trời?

Lúc ấy, người bẫy chim đáp:

– Tâu Đại vương, không có gì thay đổi trong ý định của thần và thần cũng không muốn dâng thiên nga thứ hai này cho ai cả. Hơn nữa, thần chỉ bắt được một con trong bẫy thôi.

Rồi y nói tiếp để giải thích:

136. Thiên nga có những sọc vàng hồng,
Tất cả đều vòng xuống dưới thân,
Đã bị bắt vào trong chiếc bẫy,
Thần dâng đây đúng lệnh Minh quân.

137. Chim tuyệt đẹp này được tự do,
Vẫn ngồi bên cạnh bạn sa cơ,
Dùng lời lẽ thế nhân êm dịu,
Cố sức làm cho bạn khỏi lo.

Theo cách này y tuyên dương đức hạnh của Sumukha:

– Ngay khi biết thiên nga Dhataraṭṭha bị bắt, chim ấy ở lại an ủi bạn và khi thần đến gần, nó liền bay đến gặp thần, đứng giữa không gian vừa đàm luận vui vẻ với thần bằng tiếng người và nói rõ mọi đức hạnh của chim chúa Dhataraṭṭha. Và sau khi đã làm cho lòng thần dịu lại như vậy, nó liền đến đứng trước bạn mình lần nữa. Tâu Đại vương, khi nghe tài hùng biện của Sumukha, thần đã được cảm hóa và thả chim Dhataraṭṭha. Do vậy, việc thả chim Dhataraṭṭha khỏi bẫy và việc thần đến đây với đôi chim này đều nhờ công Sumukha cả.

Khi nghe vậy, vua nóng lòng nghe Sumukha thuyết giáo, và trong khi người bẫy chim vẫn đang cung kính đảnh lễ vua thì mặt trời vừa lặn, đèn đuốc được thắp sáng, một số tướng lãnh và nhiều người khác tụ họp lại. Hoàng hậu Khemā được đoàn nữ nhạc hộ tống đến ngự bên phải vua. Ngay lúc ấy vua muốn thuyết phục Sumukha cất tiếng nói liền ngâm kệ:

138. Sao ngươi im tiếng, hỡi thiên nga,
Ta đoán phải chăng bởi sợ ta,
Đến trước quân vương, ngươi diện kiến,
Mà sao chẳng thốt một lời ra?

Nghe vậy, Sumukha đáp để chứng tỏ mình không sợ gì cả:

139. Ta chẳng sợ gì, tấu Đại vương,
Khi trao lời giữa chốn triều đường,
Nếu cơ hội tốt nào đi đến,
Ta quyết sẽ không tránh luận bàn.

Nghe vậy, vua mong ước làm chim ấy nói nhiều hơn liền ngâm kệ chê bai vị tướng chim:

140. Chẳng đoàn xạ thủ mặc quân bào,
Chẳng mão, chẳng da bảo hộ nào,
Không có tùy tùng người hoặc ngựa,
Cũng không xa, pháo để theo hầu.

141. Chẳng thấy vàng đâu, chẳng thị thành,
Chẳng lâu đài tráng lệ quang vinh,
Tháp canh không có, phòng xâm phạm,
Với lũy hào bao bọc bản doanh,
Do tướng Sumukha xây dựng vậy,
Không gì đáng sợ ở bên mình.

Khi vua dùng cách này hỏi chim tại sao không kinh hãi, Sumukha liền đáp kệ:

142. Chẳng ai bảo vệ hoặc quân canh,
Chẳng muốn kim ngân hoặc thị thành,

Giữa chốn không gian, ta kiếm lối,
Vân du khắp cả cõi trời xanh.

143. Nếu ngài an trú lý như chân,
Ta ước mong tuyên thuyết, Đại vương,
Bài học giúp cho ngài lợi lạc,
Bằng lời tinh tế lại khôn ngoan.

144. Song nếu Đại vương chỉ dối gian,
Một người tâm tính thật tồi tàn,
Lời người đặt bẫy này hùng biện,
Chẳng ích gì cầu khẩn Đại vương.

Nghe vậy, vua liền đáp:

– Tại sao ngươi dám bảo trẫm lừa dối tồi tàn? Thế trẫm đã làm gì chăng?

Sumukha liền đáp:

– Vậy Đại vương hãy nghe đây!

Và chim nói như sau:

145. Nghe lời các vị Bà-la-môn,
Ngài dựng hồ lạc lẫy lừng,
Và đã truyền rao khắp thập hướng,
An toàn đây chỗ của chim muông.

146. Trong chốn hồ này thật tịnh thanh,
Các dòng nước phẳng lặng trong xanh,
Chim muông thấy thức ăn phong phú,
Sống cuộc đời an ổn trọn lành.

147. Nghe tiếng đồn này vọng thật xa,
Chúng ta thăm cảnh đẹp hoàng gia,
Than ôi! Mắc bẫy, ta tìm thấy,
Lời hứa quân vương hóa phỉnh phờ.

148. Song lời dối trá khéo bao che,
Hành động tham lam, tội lỗi kia,
Chẳng tái sinh thiên, người thế tục,
Thẳng đường địa ngục sẽ đưa về.

Như vậy, ngay giữa triều thần, chim đã làm vua phải hổ thẹn. Sau đó, vua phán:

– Này Sumukha, trẫm không bắt ngươi để giết và ăn thịt đâu, song nghe tiếng ngươi thông tuệ biết bao nên trẫm muốn tận tai nghe ngươi hùng biện đấy thôi.

Rồi vua ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

149. Sumukha, trẫm chẳng phạm sai lầm,
Trẫm chẳng bắt chim bởi dục tâm,
Đây chính nguyên nhân gây việc ấy,
Danh ngươi thông tuệ, trí cao thâm.

150. "Nơi đây chắc hẳn chúng nêu ra,
Chân thật, những lời ích lợi ta",
Nên kẻ bẫy chim, ta hạ lệnh,
Đem ngươi về đó, hỡi thiên nga!

Nghe thế, Sumukha đáp:

– Tâu Đại vương, ngài đã hành động sai lầm.

Và chim ngâm các vần kệ sau:

151. Ta chẳng thể tuyên thuyết thật chân,
Khi ta kinh hãi chết kề gần,
Cũng không hít thở hơi từ giã,
Hấp hối phút giây của tử thần.

152. Ai muốn lấy chim để bẫy mồi,
Săn mồi bằng thú dữ tìm tòi,
Pháp sư đánh bẫy bằng bài giảng,
Kẻ ấy không sao khỏi đọa rồi.

153. Ai buông lời lẽ thật cao sang,
Dự định hành vi hạ liệt tràn,
Thì ở đời này, đời kế nữa,
Sa từ hạnh phúc đến đau buồn.

154. Đừng say sưa quá phút vinh quang,
Cũng chớ khổ đau lúc hiểm nàn,
Hãy sửa lỗi lầm thành tốt đẹp,
Hết lòng phấn đấu trước tai ương.

155. Bậc Trí đến khi cuối cuộc đời,
Đã nhìn thấy đích tử thần rồi,
Sống trên trần đúng đường chân chánh,
Theo hướng đi lên đến cõi trời.

156. Nghe những lời này, giữ chánh chân,
Mau mau giải phóng, hỡi Minh quân,
Dhataraṭṭha ấy là chim chúa,
Tuyệt thế thiên nga giữa cả đàn.

Nghe vậy, vua phán:

157. Mau hãy đi tìm nước rửa chân,
Đem vào đây cả chiếc kim đôn,

Hãy nhìn trẫm thả từ lồng ấy,
Tối thượng thiên nga ở cõi trần.

158. Cùng bậc anh hùng đại tướng quân,
Thật là tài giỏi lại tinh thông,
Dầu khi hoạn nạn hay vinh hiển,
Đều dạy thiết thân với chúa công.

159. Bậc chân chánh ấy xứng uy danh,
Theo bước chúa công suốt lộ trình,
Vì đã sẵn sàng trang bị đủ,
Với vua chia sẻ tử cùng sinh.

Nghe lời vua phán, quan hầu đem bảo tòa đến mời đôi chim. Hai vị đậu ở đó rửa chân với nước hoa và thoa dầu thơm đã được lọc cả trăm lần.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề:

160. Chim chúa ngự trên một chiếc ngai,
Tám chân ngời chói, đặc vàng thoi,
Bên ngoài có lụa Kāsi phủ,
Quang cảnh này trông thật tuyệt vời.

161. Sumukha ngồi bên cạnh điểu vương,
Tướng công trung tín lại can cường,
Ở trên bảo tòa trùm da hổ,
Tất cả đều nguyên cả khối vàng.

162. Nhiều chúa Kāsi đựng chén vàng
Chọn đầy thực phẩm đủ cao lương,
Mang vào mời cặp thiên nga ấy,
Tặng vật cúng dâng của Đại vương.

Khi thực phẩm được đem thiết đãi hai vị như thế, vua xứ Kāsi muốn đích thân đón tiếp hai vị liền tự tay lấy chén vàng mời khách. Hai vị thưởng thức mật ong, gạo rang và uống rượu đường. Sau đó, Bồ-tát nhận thấy cung cách vua thiết đãi thật ân cần như vậy liền đàm đạo thân mật với vua.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

163. Nghĩ thầm lễ vật thật cao sang,
Chúa tể Kāsi đã cúng dường?
Thông hiểu triều nghi nên ngỗng chúa,
Như vầy cất tiếng hỏi quân vương.

[Thiên nga:]

164. Đại vương, ngọc thể có khang an,
Vạn sự Đại vương thảy vẹn toàn,
Quý quốc hẳn là đang thịnh vượng,
Được ngài cai trị thật công bằng?

[Quân vương:]

165. Nga vương, trẫm vẫn được khang an,
Vạn sự trẫm đây được vẹn toàn,
Bổn quốc hiện giờ rất thịnh vượng,
Hưởng nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

166. Ngài có triều thần thật chánh chân,
Biết khuyên nhủ chúa chẳng sai lầm,
Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết,
Vì chánh nghĩa và danh Chúa công?

[Quân vương:]

167. Trẫm có triều thần thật chánh chân,
Biết khuyên nhủ trẫm chẳng sai lầm,
Nếu cần, họ sẵn sàng liều chết,
Vì chánh nghĩa và danh quả nhân.

[Thiên nga:]

168. Phải chăng hoàng hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi thánh ý Minh quân?

[Quân vương:]

169. Trẫm nay có chánh hậu chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu biết phục tòng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi ý trẫm cầu mong.

[Thiên nga:]

170. Và nay quốc độ lạc an chăng,
Thoát được bao đàn áp bạo tàn,
Chẳng chịu độc tài chuyên chế trị,
Hưởng nền cai trị thật công bằng?

[Quân vương:]

171. Ngày nay vương quốc trẫm bình an,
Thoát được bao đàn áp bạo tàn,
Chẳng chịu độc tài chuyên chế trị,
Hưởng nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

172. Có xua ác đảng khỏi giang san,
Đưa các thiện nhân đến vẻ vang?
Ngài có tránh xa điều chánh trực,
Hoặc theo đường lối bọn tà gian?

[Quân vương:]

173. Trẫm xua ác đảng khỏi giang san,
Đưa các thiện nhân đến vẻ vang;
Trẫm quyết tránh xa bao ác hạnh,
Và theo đường lối bậc Hiền lương.

[Thiên nga:]

174. Đại vương có thấy quãng đời mình,
Đã vụt trôi qua thật quá nhanh,
Hay mãi say sưa vì vọng tưởng,
Nhìn thấy đời sau chẳng hãi kinh?

[Quân vương:]

175. Thiên nga, trẫm thấy quãng đời mình,
Đã vụt trôi qua thật quá nhanh,
Nên vẫn hành trì mười giới hạnh,
Chẳng hề kinh hãi cõi lai sinh.

176. Bố thí, ăn năn, trí chánh chân,
Ôn nhu, hiền dịu, chuộng bình an,
Từ bi, nhẫn nhục, đầy thân ái,
Đạo đức không ô nhiễm bụi trần.

177. Những điều đức hạnh tận tâm can,
Vững chắc vươn lên thấy rõ ràng,
Từ đó nảy sinh nguồn hạnh phúc
Hân hoan cho trẫm, quý muôn vàn.

178. Song dù Sumukha chẳng hề hay,
Tội ác trẫm đâu có phạm này,
Vẫn cứ vô tình tuôn xối xả,
Những lời thô lỗ, giọng nồng cay.

179. Ta chẳng biết chi các việc này,
Chim kia đổ trách nhiệm lầm đây,
Nói năng thô lỗ nên ta nghĩ,
Trí tuệ yếu non đã hiển bày.

Khi nghe vậy, Sumukha suy nghĩ: "Vị vua đức hạnh này đang phẫn nộ vì ta đã khiển trách ngài. Rồi ta sẽ xin ngài tha thứ." Rồi chim ấy ngâm kệ:

180. Thần đã lỗi lầm với Đại vương,
Nói năng bừa bãi, thật điên cuồng,
Song khi chim chúa này lâm nạn,
Lòng của hạ thần tựa nát tan.

181. Như đất chứa đầy mọi chúng sinh,
Như người cha đối với con mình,
Đại vương, xin rộng lòng tha thứ,
Lỗi chúng thần đây phạm đã đành.

Lúc ấy, vua liền nâng chim lên ôm vào lòng và đặt chim trên một kim đôn. Vua chấp nhận lời thú nhận lỗi lầm kia và phán:

182. Trẫm cám ơn Sumukha tướng quân,
Khanh không hề giấu tính chơn thuần,
Khanh làm nhụt chí ta cương quyết,
Trẫm thấy khanh cương trực, thật chân.

Cùng với những lời này, vua hết sức hoan hỷ về bài thuyết pháp của Bồ-tát và lời lẽ cương trực của Sumukha liền suy nghĩ: "Khi ta hoan hỷ, ta phải hành động để bày tỏ niềm hoan hỷ của ta." Rồi muốn nhường cảnh vinh hiển của mình cho đôi chim, vua phán:

183. Những gì châu báu với kim ngân,
Bảo vật, ngọc trai, hoặc ngọc hồng,
Ở tại Kāsi thành của trẫm,
Trữ trong kho báu chốn hoàng cung.

184. Đồng, sắt, vỏ sò với ngọc trai,
Bảo châu vô số, đám ngà voi,
Gỗ chiên-đàn quý màu vàng ánh,
Y phục cao sang, da hổ, nai,
Tất cả kho tàng, quyền trị nước,
Trẫm xin ban tặng hết cho ngài.

Cùng với những lời trên, vua làm vinh dự đôi chim bằng chiếc lọng trắng và trao vương quốc cho đôi chim. Sau đó, Bồ-tát ngâm kệ đàm đạo với vua:

185. Ngài muốn làm vinh dự chúng thần,
Xin hãy vui lòng, tấu Đại quân,
Làm đạo sư cho thần học hỏi,
Mười điều vương pháp để an dân.

186. Rồi nếu chúng thần được Đại vương,
Chuẩn phê đồng ý, lạc an tràn,
Chúng thần xin phép ngài từ biệt,
Và trở về thăm viếng họ hàng.

Vua cho phép đôi chim ra đi và trong khi Bồ-tát còn đang thuyết pháp, mặt trời đã mọc.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề:

187. Kāsi chúa tể suốt đêm thâu,
Chìm đắm trong tư tưởng thật sâu,
Sau đó vua bằng lòng chấp thuận,
Theo lời vương điểu ấy yêu cầu.

Khi đã được vua cho phép từ giã, Bồ-tát lại nói:

– Xin Đại vương tỉnh giác và trị nước chân chánh.

Và ngài an trú vua vào ngũ giới. Vua ban hai vị bắp rang với mật ong và nước đường trong đĩa vàng. Khi hai vị đã dùng bữa ăn xong, vua cung kính dâng hai vị các hoa thơm và nhiều lễ vật khác, rồi tự tay nâng Bồ-tát lên trong chiếc lồng vàng và Hoàng hậu Khemā nâng Sumukha lên. Khi mặt trời mới mọc, vua và hoàng hậu mở cửa sổ và nói:

– Xin các Tôn giả hãy ra đi!

Rồi hai vị tháo lồng thả đôi chim ra.

***

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ giải thích vấn đề:

188. Cũng vừa lúc ấy mặt trời lên,
Ngày tỏa sáng dần mất bóng đêm,
Phút chốc đôi chim vừa khuất bóng,
Trong vùng sâu thẳm của thanh thiên.

Bồ-tát là một trong đôi chim bay ra khỏi lồng vàng đứng trên không và bảo:

– Xin Đại vương chớ lo âu, phải luôn tỉnh giác và an trú vào giáo pháp của ta!

Ngài an ủi vua như vậy rồi cùng Sumukha bay về thẳng đỉnh Cittakūṭa. Chín mươi ngàn thiên nga kia cất cánh bay ra khỏi Kim động, tụ tập trên cao nguyên và khi thấy hai vị đến, chúng ra nghênh tiếp và hộ tống hai vị về nhà. Như vậy, hai vị được cả đàn chim quyến thuộc đưa về tận cao nguyên Cittakūṭa.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ làm sáng tỏ vấn đề:

189. Nhìn chủ tướng chim được vạn an,
Trở về từ cõi chết nhân gian,
Đàn chim vỗ cánh kêu ầm ĩ,
Chào đón chúa chim lại họp đàn.

190. Vây quanh chúa tể chúng tôn sùng,
Tin tưởng, giờ đây đàn ngỗng hồng,

Kính cẩn nghiêng mình chào chúa tể,
Hân hoan vì chúa được an thân.

Trong khi hộ tống chúa chim, bầy thiên nga hỏi ngài:

– Tâu Đại vương, làm thế nào ngài thoát nạn?

Bồ-tát kể cho chúng nghe ngài thoát nạn nhờ Sumukha giúp đỡ và các hành động của Vua Saṃyama cùng triều thần.

Nghe vậy, bầy thiên nga hân hoan ca ngợi các vị:

– Vạn tuế đại tướng Sumukha của chúng ta! Vạn tuế Đại vương và người bẫy chim! Cầu mong các vị được hạnh phúc và thoát khỏi khổ đau!

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

191. Ai có từ tâm ắt đạt thành,
Việc gì các vị ấy thi hành,
Như thiên nga trở về bằng hữu,
Lần nữa, đôi chim được trọn lành.

Chuyện này đã được kể đầy đủ trong *Chuyện tiểu thiên nga*.[8]

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, người bẫy chim là Channa (Xa-nặc), Hoàng hậu Khemā là Tỳ-kheo-ni Khemā (Thái Hòa), vua là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Sumukha là Ānanda (A-nan), đoàn tùy tùng của vua là các đệ tử Như Lai và chúa thiên nga Dhataraṭṭha chính là Ta.

§535. CHUYỆN THỰC PHẨM THIÊN GIỚI (*Sudhābhojanajātaka*)[9] (*J.* V. 382)

Ta không phải kẻ bán buôn rong...

Chuyện này được bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) liên hệ đến một Tỳ-kheo có tâm bố thí hào phóng.

Tương truyền vị ấy là một người thuộc dòng dõi quý tộc ở tại Sāvatthi (Xá-vệ), sau khi nghe bậc Đạo sư thuyết pháp đã xin quy y và sống đời tu hành. Khi đã viên mãn giới đức và đầy đủ đạo hạnh của người xuất gia, lòng tràn ngập thân ái đối với các bạn đồng tu, mỗi ngày ba lần ông nhiệt tâm phụng sự Phật, Pháp, Tăng, gương mẫu trong đức hạnh và chuyên cần bố thí. Để thành tựu pháp hòa ái, bất cứ vật gì nhận được, ông đều bố thí cả, bao lâu còn người nhận, cho đến khi ông chẳng còn gì để ăn.

---

[8] Xem *J.* V. 334, *Cullahaṁsajātaka* (*Chuyện tiểu thiên nga*), số §533.

[9] Xem *J.* IV. 187, *Kosiyajātaka* (*Chuyện phú ông keo kiệt Kosiya*), số §470.

Ý nguyện bố thí và sự chuyên tâm bố thí của ông được đồn đại khắp Tăng chúng. Vì vậy, một hôm, câu chuyện bắt đầu trong pháp đường về một Tỷ-kheo có tâm hào phóng và chuyên bố thí đến độ dù chỉ nhận được nước uống vừa đủ trong lòng bàn tay, ông cũng đem cho các bạn đồng tu với tâm ly tham. Ý nguyện của vị ấy chẳng khác gì một vị Bồ-tát. Với thiên nhĩ thông, bậc Đạo sư nghe được chuyện Tăng chúng đang nói liền bước ra khỏi hương phòng của Ngài, đến gần và hỏi Tăng chúng đang bàn luận chuyện gì. Khi các vị đáp chuyện như vầy, như vầy, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa, vị Tỷ-kheo này không hề hào phóng, trái lại ông ấy keo kiệt đến độ không thể cho một giọt dầu trên ngọn cỏ. Vì vậy, Ta đã giáo hóa, khiến ông ấy biết hy sinh bản thân và bằng cách tán thán các công đức bố thí, Ta đã an trú ông vào hạnh bố thí. Cho nên khi nhận được nước chỉ vừa đủ trong lòng bàn tay, ông cũng nói: "Ta không muốn uống một giọt nào mà không cho bớt đôi chút." Rồi ông nhận được một điều ước Ta ban cho và kết quả của việc bố thí kia là ông ấy có tâm hào phóng và chuyên bố thí.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một gia chủ giàu có, gia sản đến tám trăm triệu đồng và vua ban cho ông chức giữ ngân khố. Được vua ban vinh hiển như thế và được dân chúng vô cùng trọng vọng, một hôm ông suy xét về cảnh thịnh vượng của đời mình liền suy nghĩ: "Cảnh vinh quang này ta đạt được không phải do lười biếng hay các ác nghiệp trong đời trước mà là do thành tựu các công đức. Vậy ta cần phải lo liệu cho cuộc sống tương lai thật vững chắc!" Vì thế, ông đến yết kiến vua và thưa:

– Tâu Đại vương, trong nhà hạ thần có kho báu trị giá tám trăm triệu đồng, xin Đại vương nhận lấy từ hạ thần.

Vua đáp:

– Trẫm không cần tài sản của khanh, trẫm đã có nhiều tài sản rồi, vậy cứ lấy của cải làm việc gì tùy thích.

Ông thưa:

– Tâu Đại vương, hạ thần có thể đem tiền để bố thí chăng?

Vua phán:

– Cứ làm như khanh muốn.

Ông liền ra lệnh xây sáu bố thí đường, mỗi ngôi ở mỗi cổng thành, một ngôi ở giữa thành phố và một ngôi ở cổng nhà mình rồi mỗi ngày đem chi tiêu sáu trăm ngàn đồng tiền, ông bắt đầu làm đại sự bố thí. Trong lúc sinh thời, ông chuyên bố thí và dạy bảo các con: "Hãy cố chăm lo để đừng gián đoạn truyền thống bố thí này của cha!" Đến lúc mạng chung, ông tái sinh làm Thiên chủ Sakka (Đế-thích).

Con trai ông cũng bố thí như vậy và tái sinh làm Canda (Nguyệt thần), con của Canda là Suriya[10] (Nhật thần), con của Suriya là Mātali (thần lái thiên xa) và con của Mātali là Pañcasikha (Ngũ Kế nhạc thần).

Bấy giờ, con trai của Pañcasikha, cháu thứ sáu trong dòng ấy, là người thủ kho tên là Maccharikosiya[11] (triệu phú keo kiệt), tài sản vẫn còn cả tám trăm triệu nhưng ông ta nghĩ: "Tổ tiên ta thật khờ dại. Các vị ấy đã ném bỏ tài sản do công khó góp nhặt, còn ta sẽ giữ gìn kho báu. Ta quyết không cho ai cái gì cả."

Ông liền phá hủy và đốt rụi các bố thí đường rồi trở thành kẻ keo kiệt kinh niên. Vì thế, những người hành khất tụ tập trước cổng nhà ông, chìa tay ra và kêu lớn:

– Thưa đại quan thủ kho, xin ngài đừng bỏ tục cổ truyền của tổ tiên, xin ngài hãy bố thí!

Khi nghe vậy, dân chúng khiển trách ông và bảo:

– Vị triệu phú biển lận này đã bỏ đi truyền thống gia đình.

Ông hổ thẹn, bảo canh giữ để ngăn những người hành khất đứng ở cổng nhà ông, vì thế họ vô cùng khốn đốn cơ cực, không còn để mắt vào cổng ấy nữa. Từ đó, ông tiếp tục cuốn tiền lại để cất, chứ không hưởng thụ phần mình, cũng không chia với vợ con. Ông sống bằng cơm gạo đỏ dọn với tương chua, mặc áo quần vải thô, chỉ gồm toàn sợi lấy từ rễ và thân cây dâu, che đầu bằng dù lá, đi chiếc xe cũ ọp ẹp do đôi bò tồi tàn kéo. Như vậy, tất cả tiền bạc của con người độc ác này chẳng khác gì con chó nhặt được quả dừa.

Một hôm, khi sắp vào chầu vua, ông nghĩ nên đưa vị phó thủ kho đi cùng, và khi đến gần nhà vị kia, ông thấy vị phó thủ kho đang ngồi giữa vợ con ăn cháo gạo nấu với đường mịn, bơ tươi và mật ong. Khi thấy Maccharikosiya, vị ấy đứng dậy bảo:

– Xin mời Đại quan thủ kho vào ngồi trên sàng tọa này và ăn cháo gạo cùng tiểu đệ.

Vừa trông thấy cháo gạo, miệng ông đã chảy nước miếng và muốn ăn ngay, nhưng ông chợt suy nghĩ: "Nếu ta ăn một chút cháo thì khi vị phó thủ kho đến nhà, ta phải đáp lại lòng hiếu khách của y và như vậy là sẽ tiêu phí tiền của. Ta không muốn ăn đâu." Sau đó, bị nài ép mãi, ông vẫn từ chối và bảo:

– Ta đã ăn rồi, ta no lắm!

Song suốt buổi vị phó thủ kho ăn cháo, ông cứ ngồi nhìn và chảy nước miếng, rồi khi xong bữa, ông cùng vị ấy vào cung.

Khi về nhà, lòng ông tràn ngập nỗi thèm ăn cháo gạo nhưng lại nghĩ: "Nếu ta nói ta muốn ăn cháo gạo, nhiều người cũng sẽ muốn ăn theo và sẽ tiêu phí một số gạo giã trắng. Thôi ta chẳng muốn nói một lời với ai." Vì thế, suốt đêm

[10] Bản CST viết Sūriya.

[11] Bản CST viết Macchariyakosiya.

ngày, ông cứ miên man suy nghĩ không gì khác ngoài cháo, nhưng vì sợ tốn tiền nên không nói với ai mà chỉ ráng chịu đựng. Tuy thế, không thể nào chịu đựng mãi được chuyện ấy, ông dần trở nên xanh xao và do sợ tiêu phí của cải, ông không nói với ai và dần dần ông kiệt sức phải nằm liệt giường. Lúc ấy, vợ ông đến thăm, lấy tay vỗ vào lưng ông và hỏi:

– Phu quân có bệnh chăng?

Ông kêu to:

– Bà bệnh ấy chứ, ta khỏe lắm mà!

– Phu quân xanh xao lắm. Phu quân có điều gì lo nghĩ? Đức vua không đẹp ý hay các con đối xử bất kính với chàng? Hay chàng thèm muốn vật gì chăng?

– Phải, ta đang thèm muốn.

– Phu quân nói cho thiếp biết với.

– Bà có giữ kín miệng được chăng?

– Được lắm, thiếp sẽ giữ kín mọi điều thèm muốn cần được giữ kín.

Nhưng dù vậy, do sợ tiêu phí của cải, ông không có can đảm nói với vợ, nhưng sau bị bà thúc giục mãi, ông đáp:

– Này bà, hôm kia ta thấy vị phó thủ kho ăn cháo gạo nấu với đường mịn, bơ tươi và mật ong, từ đấy, ta cứ thèm ăn loại cháo như vậy.

– Thiếp sẽ nấu cháo gạo cho cả dân thành phố Ba-la-nại ăn mà.

Lúc ấy, ông cảm thấy như bị ai đánh cái gậy vào đầu, ông nổi cơn thịnh nộ với vợ và nói:

– Ta dư biết bà giàu có lắm. Nếu ở nhà bà thì bà tha hồ nấu cháo và cho cả thành phố ăn.

– Thế thì thiếp sẽ nấu vừa đủ cho dân cả một khu phố ăn thôi.

– Bà có liên hệ gì với chúng cơ chứ? Mặc chúng ăn thứ gì chúng có.

– Thế thì thiếp sẽ nấu đủ cho bảy gia đình chọn rải rác đâu đó.

– Chúng là gì của bà vậy?

– Thế thì thiếp chỉ nấu cho gia nhân trong nhà này thôi.

– Chúng là gì của bà vậy?

– Thế thì thiếp chỉ nấu cho gia đình ta thôi.

– Chúng là gì của bà vậy?

– Thế thì thiếp chỉ nấu cho phu quân và thiếp thôi.

– Ôi kìa, bà là ai chớ? Trường hợp bà cũng không được đâu.

– Vậy thiếp chỉ nấu cho một mình phu quân thôi.

– Xin bà đừng nấu cho ta. Nếu bà nấu trong nhà, nhiều người sẽ thấy. Chỉ cần cho ta một đấu gạo giã trắng, một góc tư lít sữa, một cân đường, một hũ mật ong, một cái nồi, ta sẽ đi vào rừng nấu cháo và ăn.

Bà vợ làm như vậy. Ông bảo một gia nô đem tất cả những thứ ấy và ông ra lệnh gia nô đến đứng ở nơi kia. Sau khi bảo gia nô đi khuất, một mình ông trùm kín người, giả dạng đi đến đó và cạnh bờ sông gần bụi rậm, ông bảo làm cái lò, đem củi và nước cho ông, rồi dặn kẻ gia nô:

– Đi ra đứng ở đường kia, nếu chú thấy ai hãy ra hiệu cho ta và khi ta gọi, chú hãy đến!

Bảo tên gia nô đi xong, ông nhóm lửa và nấu cháo. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka đang chiêm ngưỡng kinh thành tráng lệ của chư thiên rộng mười ngàn do-tuần, con đường lát vàng dài sáu mươi do-tuần, điện Vejayanta (Tối Thắng) cao một ngàn do-tuần, Thiện Pháp đường bao quát năm trăm do-tuần, chiếc ngai hoàng thạch rộng sáu mươi do-tuần, chiếc lọng trắng với cành hoa vàng chu vi năm do-tuần và bản thân ngài được một đoàn tùy tùng thật huy hoàng gồm hai mươi lăm triệu thiên nữ.

Vừa chiêm ngưỡng mọi cảnh vinh quang này, ngài vừa suy nghĩ: “Ta đã làm gì để đạt đến vinh quang này?” Rồi ngài thấy hạnh bố thí mà ngài đã tạo nên trong thời làm quan thủ kho tại Ba-la-nại và suy nghĩ: “Thế nay các con cháu ta tái sinh ở cõi nào?” Vừa xem xét vấn đề ấy, ngài vừa nói: “Con trai Canda của ta tái sinh làm thiên tử và con trai nó là Suriya.” Khi để ý đến việc tái sinh của tất cả con cháu, ngài kêu lên: “Thế số phận con trai của Pañcasikha thì sao?” Quan sát kỹ, ngài thấy truyền thống dòng dõi đã bị phá hủy và ý tưởng này chợt đến với ngài: “Tên hà tiện độc ác này chẳng hưởng tài sản cũng chẳng cho ai cả. Truyền thống gia tộc đã bị nó phá hoại. Khi chết, nó sẽ tái sinh vào địa ngục. Bằng cách thuyết giáo cho nó và tái lập truyền thống gia đình, ta sẽ chỉ cho nó con đường tái sinh thiên giới.”

Vì thế, ngài triệu tập Canda và các vị kia rồi bảo:

– Này, ta sẽ giáng trần. Truyền thống gia đình ta đã bị Maccharikosiya phá hủy, các bố thí đường đã bị đốt sạch và nó chẳng hưởng thụ tài sản cũng chẳng cho ai cả. Song giờ đây nó đang thèm ăn cháo gạo và suy nghĩ: “Nếu nấu cháo trong nhà thì cháo phải được đem cho người khác” nên nó vào rừng và nấu cháo một mình. Chúng ta sẽ đi giáo hóa nó và dạy nó hiểu kết quả của bố thí. Song nếu tất cả chúng ta đồng thời xin nó cho cháo gạo, nó sẽ ngã lăn đùng ra chết tại chỗ. Vậy ta sẽ đi trước và khi ta đã xin nó cháo rồi ngồi xuống, các khanh hãy đến, lần lượt từng vị giả dạng Bà-la-môn xin cháo!

Nói vậy xong, ngài giả dạng một Bà-la-môn đến gần người triệu phú và kêu to:

– Này, đường nào đi đến Ba-la-nại?

Maccharikosiya đáp:

– Lão có mất trí không đấy? Lão không biết cả con đường đến Ba-la-nại ư? Tại sao lão đến đường này? Hãy từ đây mà đi ra!

Sakka giả vờ không nghe ông nói, cứ tiến gần hỏi ông nói gì. Thế rồi, ông ta hét lên:

– Này, Bà-la-môn điếc đặc kia, ta bảo tại sao lão đến đường này? Hãy đi ra đường kia!

Sakka đáp lại:

– Tại sao ông hét to thế? Ta thấy đây có khói và lửa, cháo gạo lại đang sôi, chắc là dịp thiết đãi các Bà-la-môn đấy mà. Khi các Bà-la-môn được mời ăn, ta cũng muốn hưởng đôi chút. Tại sao ông xua ta đi?

– Ở đây chẳng đãi tiệc Bà-la-môn nào cả. Lão hãy cút đi!

– Thế tại sao ông nổi giận như vậy? Khi ông dùng bữa, tôi muốn xin một chút.

Lúc ấy, ông ta đáp:

– Ta chẳng muốn cho lão dù chỉ một miếng cháo. Món ăn hiếm hoi này chỉ vừa đủ nuôi sống ta thôi và đây cũng do ta đi xin. Lão hãy đi kiếm đồ ăn nơi khác!

Ông ta nói vậy là muốn nhắc đến việc đã xin vợ phần gạo ấy và ngâm kệ:

192. Ta không phải kẻ bán buôn rong,
Không của cho vay hoặc biếu không,
Chút cháo thí này rất khó kiếm,
Chẳng vừa dọn đủ cả ta, ông!

Nghe vậy, Thiên chủ Sakka đáp:

– Ta cũng sẽ lấy giọng ngọt như mật ngâm kệ đáp lễ ông đây, hãy lắng nghe ta!

Rồi ông cố ngăn ngài và bảo:

– Kệ đối với ta thật chẳng có nghĩa lý gì!

Thiên chủ Sakka vẫn ngâm đôi vần kệ:

193. Của ít cũng nên bố thí mà,
Của vừa cũng phải lấy cho vừa,
Của nhiều càng phải cho nhiều nữa,
Không thí, vấn đề chẳng đặt ra.

194. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bố thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bố thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Sau khi nghe ngài nói, ông đáp:

– Này Bà-la-môn, đây là một lời nói nhân từ của lão, thôi để khi cháo chín, lão sẽ được ăn một chút. Hãy ngồi xuống đây!

Sakka ngồi xuống một bên. Khi ngài vừa ngồi, Canda theo cách này đến gần và bắt đầu nói chuyện như vậy, dù ông ta cố ngăn chặn, vị này vẫn ngâm đôi vần kệ:

195. Nào có ích chi lễ tế thần,
Hoài công ước vọng ở trong tâm,
Nếu ông ăn cháo và không muốn,
Cho thực khách đây một ít phần.

196. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bố thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bố thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Sau khi nghe vị ấy nói, kẻ hà tiện miễn cưỡng bảo:

– Thôi được, hãy ngồi xuống, ông cũng sẽ được một ít cháo!

Vị ấy liền đến ngồi cạnh Sakka. Sau đó, Suriya cũng theo cách này đến gần và bắt đầu nói chuyện như vậy, mặc dù kẻ hà tiện cố ngăn chặn, vị ấy vẫn ngâm đôi vần kệ:

197. Chân thật ông dâng lễ tế thần,
Chẳng hoài công ước nguyện trong tâm,
Nếu ông không một mình ăn cháo,
Mà biếu khách đây một ít phần.

198. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bố thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bố thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Nghe lời này, kẻ hà tiện lại càng thêm miễn cưỡng bảo:

– Thôi được, cứ ngồi xuống và lão sẽ được một ít cháo!

Suriya đến ngồi cạnh Canda. Lúc ấy, Mātali theo cách trên cũng đến gần và bắt đầu nói chuyện. Mặc dù kẻ hà tiện cố ngăn chặn, vị này vẫn ngâm kệ:

199. Hồ, lạch Gayā chảy xiết dòng,
Ai đem dâng lễ cúng chư thần,
Đến Timbaru hoặc Doṇa ấy,
Sóng nước trôi nhanh lớp chập chùng.

200. Hưởng kết quả do dâng lễ vật,
Đạt thành ước nguyện ở trong lòng,

Nếu không ngồi một mình ăn cháo,
Mà biếu khách đây một ít phần.

201. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bố thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bố thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Nghe lời này, ông bối rối như thể có đỉnh núi đè nặng lên, ông miễn cưỡng nói:

– Thôi được, cứ ngồi xuống, lão sẽ được một ít!

Mātali đến ngồi cạnh Suriya. Sau đó, Pañcasikha cũng theo cách trên đến gần và bắt đầu nói chuyện, dù kẻ hà tiện cố ngăn chặn, vị này vẫn ngâm đôi vần kệ:

202. Như cá tham ăn vội nuốt mau,
Miếng mồi buộc ở chiếc cần câu,
Người ngồi riêng biệt và ăn cháo,
Khi có khách này kế cận sao?

203. Kosiya, ta nói một đôi lời,
Bố thí của ông một chút thôi,
Ông chớ một mình ăn thực phẩm,
Ăn riêng chẳng hưởng lạc cao vời,
Chính nhờ bố thí, ông thăng tiến,
Đạo lộ thanh cao đến cõi trời.

Maccharikosiya nghe vậy, khổ sở rên rỉ:

– Thôi được, cứ ngồi xuống, lão sẽ được ăn một chút!

Pañcasikha liền đến ngồi cạnh Mātali. Khi năm vị Bà-la-môn đều an tọa, cháo cũng đã chín. Lúc ấy, Kosiya nhấc cháo ra khỏi lò, bảo các vị Bà-la-môn đem lá tới. Vẫn ngồi tại chỗ, năm vị vươn tay ra đưa các ngọn lá cây leo hái từ Tuyết Sơn. Kosiya thấy vậy, bảo:

– Ta không thể cho cháo vào các ngọn lá to như thế của các vị đâu. Hãy lấy lá cây keo hay các cây tương tự!

Các vị đi lượm lá ấy, mỗi lá lớn bằng cái mộc của chiến sĩ. Ông lấy muỗng múc một ít cháo cho tất cả các vị. Vào lúc ông đã múc xong cho vị cuối cùng vẫn còn nhiều cháo trong nồi, sau khi cho năm vị xong, ông cầm lấy cái nồi rồi ngồi xuống. Ngay lúc ấy, Pañcasikha đứng lên, biến hình thành con chó đến đứng trước các vị và tiểu tiện. Mỗi vị Bà-la-môn đều lấy một ngọn lá che cháo. Một giọt nước tiểu của chó rơi vào mu bàn tay của Kosiya. Các vị Bà-la-môn lấy nước trong bình ra trộn với cháo giả vờ ăn. Kosiya nói:

– Cho ta một chút nước, rửa tay xong ta mới ăn cháo.

Các vị bảo:

– Hãy đi kiếm nước cho mình và rửa tay!

– Ta đã cho các vị cháo thì nay hãy cho ta một chút nước.

– Chúng ta không làm việc trao đổi thí vật.

– Thế thì giữ giùm ta nồi cháo, sau khi rửa tay xong, ta sẽ trở về.

Và ông xuống bờ sông. Lúc ấy, con chó tiểu tiện đầy nồi. Kosiya thấy chó tiểu tiện liền lấy gậy lớn và đến gần hăm dọa nó. Bấy giờ, con chó biến thành con ngựa thuần chủng và trong khi nó đuổi theo ông ta, nó biến hóa đủ màu, khi thì chó màu đen, khi thì trắng, khi thì vàng, khi thì lốm đốm, dáng nó khi thì cao, khi thì thấp. Nó hiện ra đủ hình dáng khác nhau như vậy và rượt theo Kosiya khiến ông sợ chết khiếp, chạy đến gần các Bà-la-môn trong khi các vị bay lên đứng trên không. Khi thấy thần lực các vị, ông ngâm kệ:

204. Các ngài Thánh giả Bà-la-môn,
Đang đứng trên cao giữa cõi không,
Con chó các ngài sao lạ vậy?
Thay hình đổi dạng cả ngàn lần,
Dầu là chỉ một mình con chó,
Các vị là ai, nói thật chân.

Nghe vậy, Thiên chủ Sakka đáp:

205. Đó Canda với Suriya,
Và nọ Mātali quản xa,
Thiên chủ là ta đây, Đế-thích,
Ở trên thiên giới Ba Mươi Ba,
Pañcasikha là thần nhạc,
Ngũ Kế đuổi ngươi chạy đầy mà.

Và Sakka ngâm kệ ca ngợi danh vọng của Pañcasikha:

206. Trống to, trống nhỏ thảy vang lừng,
Đánh thức thần dậy khỏi giấc nồng,
Khi tỉnh, nhạc hân hoan trỗi khúc,
Làm tim chàng rộn rã vui mừng.

Nghe lời ngài, Kosiya hỏi:

– Thưa Thiên chủ, nhờ hành động gì, con người đạt vinh quang thiên giới như vậy?

– Những người không thực hành bố thí, những kẻ tạo ác nghiệp và keo kiệt không thể lên thiên giới mà tái sanh địa ngục.

Sakka ngâm kệ nêu rõ điều này:

207. Sinh ra keo kiệt, kẻ xan tham,
Khinh bỉ Bà-la-môn, đạo nhân,
Khi chết bỏ thân phàm tục ấy,
Phải vào địa ngục trú thân tàn.

Và ngài ngâm các kệ sau để chứng tỏ những người Hiền trí theo chánh hạnh sẽ đạt thiên giới:

208. Kiên trì chánh hạnh đạt thiên đàng,
Bố thí, điều thân, tránh lỗi lầm,
Khi chết bỏ thân phàm tục ấy,
Sẽ lên thiên giới sống bình an.

Sau đó, Sakka lại bảo:

– Này Kosiya, chúng ta không đến để xin ăn cháo đây, nhưng vì lòng thương xót ngươi mà chúng ta đến.

Và ngài ngâm kệ nêu rõ việc ấy cho ông:

209. Dù trong đời trước có thân tình,
Ngươi hận sân, keo kiệt, ác hành,
Nên chính vì ngươi, ta giáng thế,
Ngăn ngươi khỏi địa ngục lai sinh.

Nghe vậy, Kosiya suy nghĩ: "Các ngài nói các ngài có thiện chí đối với ta, muốn ta khỏi đọa đày địa ngục và an trú ta vào thiên giới", và ông vô cùng hoan hỷ ngâm kệ:

210. Như vầy ngài thuyết giảng cho ta,
Chắc chắn ngài mong lợi lạc mà,
Ta sẽ theo lời ngài khuyến giáo,
Như ta hiểu được ý sâu xa.

211. Từ nay ta bỏ thói xan tham,
Kiêng kỵ việc hung ác bạo tàn,
Bố thí gia tài cho tất cả,
Dù là chén nước cũng chia phần.

212. Sakka, bố thí mãi như vầy,
Tài sản nhà ta giảm sút ngay,
Ta quyết sẽ tu hành xuất thế,
Tham dục loại nào cũng chạy bay.

Sau khi cảm hóa Kosiya, Thiên chủ Sakka lại dạy ông các quả báo của hạnh bố thí, làm cho ông biết hy sinh quên mình và ngài đã an trú ông vào ngũ giới xong liền cùng các vị thiên hầu cận trở về cõi trời.

Phần Kosiya cũng vào thành Ba-la-nại, sau khi xin phép vua, ông bảo gia nhân đi lấy tất cả nồi chảo mà họ có được, đổ đầy vàng bạc từ kho báu đem cho hành khất. Bấy giờ, ông khởi hành từ vùng Tuyết Sơn bên phía hữu, ở một nơi

giữa sông Hằng và một hồ thiên nhiên, ông xây một am thất bằng lá, trở thành ẩn sĩ khổ hạnh sống bằng củ quả rừng. Vị ẩn sĩ sống ở đó một thời gian cho đến tuổi già.

Thời ấy, Thiên chủ Sakka có bốn ái nữ là Āsā (Hy Vọng), Saddhā (Tín Thành), Sirī (Vinh Quang) và Hirī (Liêm Sỉ). Các nàng đem theo nhiều tràng hoa trời thơm ngát đến hồ Anotatta, chơi đùa trong nước và sau khi đã chơi thỏa thích ở đó lại an tọa trên đỉnh Manosilātala.

Ngay lúc ấy, ẩn sĩ Bà-la-môn Nārada lên cung đình cõi trời Ba Mươi Ba nghỉ ngơi tránh cơn nắng gắt ban ngày. Sau khi an trú ngay dưới khóm cây Cittakūṭalata[12] trong thiên lạc viên Nandana, ông cầm một đóa san hô trong tay để làm lọng che nắng và về Kim động, nơi ông an trú trên đỉnh Manosilātala. Các thiên nữ thấy đóa hoa trong tay ông liền xin ông cho hoa.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

213. Trên đỉnh Hương Sơn, chúa núi rừng,
Sakka ái nữ, các tiên nương,
Hân hoan nhìn Thánh nhân lừng lẫy,
Bước đến cầm hoa đẹp dị thường.

214. Cành hoa trong sáng ngát mùi hương,
Xứng với thiên tiên, các thánh thần,
Chẳng quỷ ma hay người thế tục,
Dám đòi hoa quý giá vô ngần.

215. Āsā, Sirī, với Saddhā,
Và Hirī, da sáng tựa vàng,
Bốn tiên nương đều là tuyệt sắc,
Đứng lên nói với Bà-la-môn:

216. "Cho đóa san hô, hỡi Thánh nhân,
Nếu cho hoa ấy thuộc oai thần,
Chúng con kính lễ như Thiên chủ,
Ngài sẽ được ban mọi phước phần."

217. Nārada thấy chúng mong cầu,
Liền khởi ngay tranh chấp lớn lao:
"Ta chẳng cần hoa, ai muốn được,
Phải là vương hậu các nàng bầu."

Bốn thiên nữ nghe vậy liền ngâm kệ:

218. Nārada, tối thượng là ngài,
Ngài muốn ban ai ước nguyện này,

[12] Bản CST viết Cittalatā.

Ai được ngài ban quà tặng ấy,
Sẽ là tiên đẹp nhất trong đàn!

Nārada nghe vậy liền bảo:

219. Tiên nương, lời ấy chẳng như chân,
Tu hành nào dấy cuộc tranh phân?
Hãy tìm lập tức ngài Tiên chúa,
Sẽ biết ai dung sắc tuyệt trần.

***

Lúc ấy, bậc Đạo sư ngâm kệ này:

220. Kiêu ngạo về sắc đẹp, phát cuồng,
Nóng lòng vì bậc Trí tinh khôn,
Họ đi đến Sakka Thiên chủ,
Để biết ai xinh đẹp nhất đàn.

Các nàng đứng hỏi vậy xong:

221. Các nàng hăm hở vội đi tìm,
Đế-thích đầy tôn trọng, phán liền,
"Tất cả tiên nương đều tuyệt sắc,
Vậy ai phá hoại sự bình yên?"

Nghe ngài hỏi vậy, các nàng đáp:

222. Nārada, bậc Đại Hiền nhân,
Nhẹ bước du hành giữa cõi không,
Chân lý uyên thâm, chuyên chánh hạnh,
Như vầy đã nói ở Hương Sơn,
"Hãy tìm Thiên chủ Sakka ấy,
Để biết ai ưu, liệt giữa đàn."

Nghe thế, Thiên chủ Sakka suy nghĩ: "Nếu ta bảo ai trong bốn ái nữ của ta đức hạnh vượt lên các nàng kia, chúng sẽ nổi giận. Trường hợp này ta không thể quyết định được. Ta sẽ đưa chúng đến Kosiya, vị ẩn sĩ tại Tuyết Sơn, vị ấy phải quyết định vấn đề này cho chúng nó." Vì thế, ngài bảo:

– Ta không thể quyết định trường hợp các con được. Trên vùng Tuyết Sơn có vị ẩn sĩ tên là Kosiya. Ta muốn gửi một chén tiên thực tặng vị ấy. Vị ấy chẳng ăn gì mà không chia cho kẻ khác và trong lúc cho, vị ấy biểu lộ sự xét đoán bằng cách tặng kẻ nào đức hạnh. Ai trong các con nhận được thực phẩm từ tay vị kia thì nàng ấy sẽ là nàng tiên tối thắng.

Vừa nói vậy, ngài vừa ngâm kệ:

223. Hiền nhân trú ở khóm rừng xa,
Chẳng đụng thức ăn chưa phát ra,
Vừa tặng quà, Kosi xét đoán,
Ai là đệ nhất các tiên nga.

Rồi ngài triệu tập Mātali và bảo vị ấy đi đến ẩn sĩ kia, khi truyền lệnh, ngài ngâm kệ sau:

224. Trên sườn núi Tuyết, chỗ Hằng hà,
Xuôi phía Nam, Hiền thánh ẩn cư,
Tiên thực, Mātali đến tặng,
Ngài đang thiếu ẩm thực đây mà.

***

Lúc ấy, bậc Đạo sư ngâm kệ:

225. Mātali nhận lệnh trời ban,
Lái chiếc thiên xa ngựa cả ngàn,
Thoắt đứng giấu mình am ẩn sĩ,
Và dâng tiên thực tặng Hiền nhân.

Kosiya nhận lấy và ngay khi đang đứng, ông ngâm hai vần kệ:

226. Khi lửa tế đàn lão đốt lên,
Ngợi ca vầng nhật đuổi đêm đen,
Sakka ngự trị trên thiên giới,
Ai khác trao tay thực phẩm tiên?

227. Như hạt ngọc trai trắng tuyệt trần,
Ngát hương, thanh tịnh, đẹp vô ngần,
Mắt ta từ trước chưa hề thấy,
Ai đặt vào tay thực phẩm thần?

Mātali liền đáp:

228. Ta đến, Sakka hạ lệnh truyền,
Vội vàng mang thực phẩm thần tiên,
Cao lương thượng vị, đừng lo sợ,
Xin hãy ăn đi, hỡi bậc Hiền,
Ngài thấy Mātali trước mắt,
Quản xa thần ở cõi chư thiên.

229. Do thọ dụng đây thực phẩm thần,
Mười hai ác nghiệp thảy tiêu dần,
Đói cơm, khát nước, buồn, đau, mệt,
Nóng, lạnh, đấu tranh, với hận sân,
Lười biếng, nộ cuồng, mồm phỉ báng,
Mời ngài tiên thực, chớ phân vân!

Nghe vậy, Kosiya ngâm kệ giải thích rằng ông đã có lời phát nguyện xưa:

230. Ăn một mình, ta thấy thật sai,
Nên xưa ta đã nguyện thành lời,
Ta không đụng đến thức ăn nữa,
Nếu chẳng cho ai bớt một vài.

Ăn một mình không được tán thành,
Bởi người có trí tuệ cao minh,
Ai không san sẻ cho người khác,
Hạnh phúc làm sao đến với mình.

Khi Mātali hỏi vị này:

– Thưa Thánh giả, ngài thấy điều gì sai trái khi ăn mà chẳng chia phần cho kẻ khác nên ngài phát nguyện này?

Ông đáp:

231. Những người nào phạm tội tà dâm,
Hoặc bọn người tàn sát nữ nhân,
Phỉ báng, rủa nguyền bao Thánh giả,
Hoặc người phản bội các thân bằng,
Hoặc tồi tệ nhất, người keo kiệt,
Ta chẳng hề mong xếp hạng chung,
Nước uống cho dù là một giọt,
Ta không đụng, nếu chẳng chia phần.

232. Vật ta đem tặng mãi tuôn tràn,
Cùng khắp nam nhân lẫn nữ nhân,
Bậc Trí sẽ tuyên dương những kẻ,
Phát ban của cải để thi ân.
Những ai hào phóng trên trần giới,
Và tránh xan tham đủ mọi đàng,
Sẽ được mọi người đồng tán thán,
Quý yêu như thiện hữu, chân nhân.

Nghe nói vậy, Mātali xuất hiện nguyên hình trước vị này. Vừa lúc ấy, bốn thiên nữ đứng ở bốn phương: Sirī ở phía Đông, Āsā ở phía Nam, Saddhā ở phía Tây và Hirī ở phía Bắc.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

233. Cả bốn tiên nương sắc tựa vàng,
Tên là Hirī với Saddhā,
Āsā, Sirī, tuân thiên mệnh,
Bước đến Kosiya ẩn am.

234. Thiên nữ hình dung rực lửa hồng,
Mỗi phương đến đứng một cô nàng,
Trước Mātali quản xa thiên,
Bậc Trí vui mừng vội hỏi han:

235. "Là ai, thiên nữ tựa sao mai,
Chiếu sáng trời Đông khắp mọi nơi,
Mình khoác xiêm y[13] vàng chói lọi,
Tên gì cho biết, gái nhà trời?"

236. "Sirī, bạn quý của người đời,
Ta bảo vệ người trong sạch thôi,
Ta đến đây mong cầu thực phẩm,
Xin làm toại nguyện, Thánh nhân ôi!

237. Ta ban hạnh phúc đến người nào,
Ta muốn tâm cầu thỏa ước ao,
Tên gọi Sirī, thưa Thánh giả,
Xin đem tiên thực tặng ta nào!"

Nghe vậy, Kosiya đáp:

238. Những người tài đức lại tinh thông,
Xuất chúng mọi điều trí ước mong,
Song bởi thiếu nàng nên thất bại,
Việc này ta trách ác phần nàng.

239. Kẻ kia tham dục lại chây lười,
Dị tướng, con dòng hạ liệt thôi,
Song được nàng ban cho phú quý,
Khiến người quý tộc hóa nô tài.

240. Ta thấy nàng hư dối, độn đần,
Cuốn lôi bọn ngốc, thật liều thân,
Lại còn đánh bại bao người trí,
Không có quyền đòi nước, tọa sàng,
Nói gì thực phẩm thần tiên ấy,
Đi gấp, ta không chút thích nàng!

Thế là nàng tiên liền biến mất ngay lập tức. Sau đó, ông nói chuyện với nàng Āsā:

241. Nàng là ai, hỡi tiên nga,
Trong sáng, hàm răng trắng mượt mà,
Sáng chói vòng vàng, khuyên lấp lánh,
Xiêm y rực rỡ gợn thu ba,
Đầu cài thoa đỏ như màu lửa,
Được đốt bằng chùm cỏ kusa?

242. Trông nàng như một chị nai rừng,
Chạm nhẹ mũi tên của thợ săn,

[13] Xem *Cv*. X. 16.

Thơ thẩn mắt nhìn quanh hốt hoảng,
Khác nào con vật bị kinh hoàng.
Hỡi nàng thiên nữ mắt dịu hiền,
Nàng có bạn nào ở đấy chăng,
Vì thế lạc đường không sợ hãi,
Một mình phiêu bạt giữa rừng hoang?

Nàng đáp vần kệ này:

243. Ta chẳng có đây bạn chí thân,
Từ Sakka điện, chốn thiên cung,
Masakkasāra[14] ấy là tên gọi,
Ta chính là thiên nữ giáng trần,
Āsā giờ đây đang xuất hiện,
Để mong cầu thực phẩm thiên thần,
Xin ngài nghe kỹ, thưa Tôn giả,
Và tặng ta điều vẫn ước mong.

Nghe vậy, Kosiya bảo:

– Người đời vẫn nói với ta rằng bất cứ ai làm nàng hài lòng, nàng liền ban hy vọng cho kẻ ấy bằng cách hoàn thành kết quả của niềm hy vọng, còn ai không làm nàng vui lòng thì nàng không ban cho kẻ ấy. Như thế, thành công không đến với kẻ ấy là do nàng tạo ra thất bại.

Để chứng minh điều này, ông ngâm kệ:

244. Lái buôn hy vọng kiếm kho tàng,
Ra biển lên tàu vượt đại dương,
Đôi lúc chìm tàu đâu thấy nữa,
Mất vàng, thoát chết cũng kêu than.

245. Nông gia cày ruộng vẫn cầu mong,
Gieo hạt, cố làm hết khả năng,
Song gặp tai ương hay hạn hán,
Mất mùa gặt hái để bù công.

246. Kẻ thích giàu, hy vọng hết lòng,
Vì vua chiến đấu thật anh hùng,
Ngã nhào, địch xiết vòng vây hãm,
Chiến đấu vì vua phải thiệt thân.

247. Để vàng, kho lúa tặng bà con,
Vì lạc thiên đường vẫn ước mong,
Chịu đựng lâu ngày bao khổ hạnh,
Do tà pháp dẫn đến đau buồn.

---

[14] Masakkasāra là tên gọi cung điện chính của cõi trời Tāvatiṁsa (Ba Mươi Ba). Tham khảo: *J.* V. 161, *Saṁkhapālajātaka* (*Chuyện long vương Saṁkhapāla*), số §524.

248. Lừa dối thế nhân, ước hão huyền,
Hãy lìa hư vọng thỏa tâm nguyền,
Không quyền đòi hỏi ngay tọa sàng,
Bình nước, nói gì thực phẩm tiên!
Ta chẳng thích nàng, Āsā hỡi,
Biến đi, nàng hãy biến đi liền!

Nàng thiên nữ ấy cũng bị khước từ liền biến mất dạng ngay lập tức. Sau đó, vị ấy lại ngâm kệ trò chuyện với thiên nữ Saddhā:

249. Lừng danh thiên nữ sắc huy hoàng,
Đứng phía trời Tây, phía thấp thường,
Mình khoác xiêm y vàng rực rỡ,
Tên gì cho biết, hỡi tiên nương?

Nàng liền ngâm kệ đáp:

250. Saddhā, bạn quý của người đời,
Ta bảo vệ người trong sạch thôi,
Ta đến đây cầu mong thực phẩm,
Xin làm toại nguyện, Thánh nhân ôi!

Kosiya bảo:

– Những người nào vì tin tưởng từ lời này đến lời khác vẫn hay làm các chuyện nọ chuyện kia, thường làm những việc không nên làm hơn là những việc nên làm và thực sự tất cả đều do nàng.

Và vị ấy ngâm các vần kệ:

251. Bố thí rộng tay bởi tín tâm,
Cữ kiêng, điều phục, hộ phòng thân,
Vì nàng có lúc mất ân phước,
Trộm cắp, vu oan, lại vọng ngôn.

252. Với vợ hiền cao quý, thục đoan,
Đàn ông thường thận trọng, khôn ngoan,
Dục tình chế ngự đầy chu đáo,
Song đặt lòng tin ả bán hương.

253. Vì nàng lan rộng thói tà dâm,
Nàng bỏ thiện lương, sống lỗi lầm,
Không có quyền đòi bình nước uống,
Cũng chẳng đòi đâu được tọa sàng,
Nói gì thực phẩm từ thiên giới,
Đi gấp, ta không chút thích nàng!

Nàng thiên nữ cũng biến ngay lập tức. Nhưng Kosiya lại trò chuyện với nàng Hirī khi nàng đang đứng ở phương Bắc và ngâm hai vần kệ:

254. Bình minh viền rực, bóng đêm tàn,
Như chóa mắt ta, sắc đẹp nàng,
Thiên nữ hình dung, ôi tuyệt mỹ,
Nàng là ai, hãy nói danh xưng?

255. Như một cây mềm, dễ mọc ngang,
Trên vùng đất lửa đốt lan tràn,
Lá hồng theo gió mùa hè rụng,
Sao cứ nhìn ta, dáng thẹn thuồng,
Như thể có điều gì muốn nói,
Nhưng yên lặng đứng đó, cô nàng?

Lúc ấy, nàng ngâm kệ đáp:

256. Hirī là ta, bạn chí thân,
Vẫn thường giúp đỡ các chân nhân,
Đến đây ta muốn xin tiên thực,
Song ước mơ nào dám nói năng,
Cầu khẩn đáng là điều hổ thẹn,
Nhất là đối với gái hồng quần.

Nghe vậy, vị ẩn sĩ ngâm hai vần kệ:

257. Nàng chẳng cần đòi hỏi khẩn van,
Nhận sao cho hợp với quyền nàng,
Ta ban điều dám đâu mơ tưởng,
Hãy nhận món này thỏa ước mong.

258. Hôm nay dùng tiệc ở trong am,
Xin hạ cố, thiên nữ sắc vàng,
Ta thiết đãi nàng bao thượng vị,
Món ăn thiên giới cũng chia nàng.

***

Những vần kệ sau đây là của bậc Giác Ngộ:

259-60. Hirī tiên nương thật vẻ vang,
Được mời làm khách ở trong am,
Kosiya có nhiều hoa quả,
Khe suối quanh năm chảy ngập tràn,
Lại thấy từng đoàn Hiền thánh giả,
Vẫn thường lui tới các thôn làng.

261. Rậm rạp khóm cây đang trổ hoa,
Piyāla, xoài, mít, cạnh juda,
Sāla, đào đỏ tươi tô điểm,
Hùng vĩ sung, bàng đổ bóng xa.

262. Theo gió, nhiều hoa tỏa ngát hương,
Đậu, kê, gạo đủ thứ, kìa trông,
Nơi nơi buồng chuối trồng phong phú,
Tre, sậy chen nhau rậm nhất vùng.

263. Ở về phía Bắc, được viền quanh,
Bờ bến phẳng phiu, mát dịu lành,
Khe suối trong ngần tuôn chảy mãi,
Hãy nhìn hồ nước dáng uy linh.

264. Đàn cá tung tăng hạnh phúc tràn,
Tự do nô giỡn thật bình an,
Giữa bao thực phẩm đầy phong phú,
Hưởng thọ sao cho thỏa ước mong.

265. Bầy chim hạnh phúc chốn an bình,
Thưởng thức cao lương thật thỏa tình,
Thiên nga, ưng, hạc, chim công quý,
Cu gáy, ngỗng hồng với trĩ xanh.

266. Cọp, beo, sư tử đến từng bầy,
Làm dịu ngay cơn khát chốn này,
Gấu, chó, sói rừng thường lảng vảng,
Đấy là nguồn nước uống tràn đầy.

267. Trâu nghé, tê ngưu cũng đến đây,
Linh dương, nai đỏ, lợn từng bầy,
Hươu rừng rất lớn và nhiều loại,
Xuất hiện mèo tai thỏ lắm thay.

268. Các sườn núi rực rỡ muôn hoa,
Tươi thắm bao màu sắc điểm tô,
Vang dội tiếng chim muông ríu rít,
Lượn bay khắp cả chốn rừng thưa.

Đức Thế Tôn đã ca tụng vùng thảo am của Kosiya như vậy. Bấy giờ, Ngài ngâm kệ để miêu tả cung cách thiên nữ Hirī đi vào am:

269. Nàng thiên nữ dựa một cây cành,
Bao phủ quanh bằng tán lá xanh,
Như chớp từ vầng mây sấm sét,
Nàng vào rực sáng cảnh am tranh.
Sàng tọa thanh lịch soạn cho nàng,
Ở phía trên đầu, nệm thật sang,
Bằng cỏ kusa thơm sực nức,
Phủ ngoài da quý của linh dương.

Vị Thánh ẩn cư lại bảo ban,
Cùng nàng Hirī, vị tiên nương,
“Sàng tọa đã soạn cho nàng hưởng,
Xin hãy an tâm nhận tọa sàng.”

270. Ẩn sĩ lấy ra nước uống trong,
Đựng vào lá mới hái, nhanh chân,
Biết điều thầm kín nàng mơ ước,
Hoan hỷ người trao thực phẩm thần.

271. Bằng cả hai tay nhận thức ăn,
Hỷ hoan thiên nữ đáp lời ngài:
“Giờ đây, thiếp được ngài dâng cúng,
Người thắng nên đi đến cõi trời.”

272. Thiên nữ say kiêu hãnh vẻ vang,
Với ân huệ yết kiến Thiên hoàng:
“Hãy nhìn, Thiên đế ngàn con mắt,
Tiên thực đây, phần thưởng hãy ban!”

273. Sakka cùng với chúng thiên thần,
Kính lễ nàng thiên nữ tuyệt luân,
Trong lúc nàng ngồi trên bảo tọa,
Thiên nhân đồng ái mộ dung nhan.

Trong lúc tôn vinh nàng như vậy, ý tưởng này chợt đến với Thiên chủ Sakka: “Vì duyên cớ gì Kosiya từ chối ban tặng vật cho các nàng kia, lại ban thực phẩm thần tiên cho nàng này thôi?” Để xác định lý do này, ngài lại triệu Mātali đến.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

274. Sakka Thiên chủ cõi Băm Ba,
Phán lệnh Mātali quản xa,
Truyền đến bảo Hiền nhân giải thích,
Cớ gì Hirī được ban quà?

Tuân lệnh ngài, Mātali cưỡi thiên xa Vejayanta (Tối Thắng xa của Đế-thích)[15] khởi hành đến nơi kia.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả vấn đề:

275. Vì vậy Mātali vội vàng,
Phóng xe du lịch giữa không gian,
Phụ tùng mọi thứ đều cân xứng,
Trong vẻ vinh quang đẹp dị thường,

[15] Xem *J.* I. 203; II. 254; IV. 355; VI. 106.

Càng đúc bằng vàng tinh luyện kỹ,
Khung xe đóng khéo được trang hoàng,
Cầu kỳ đủ các hình tô điểm,
Tất cả xe đều chạm trổ vàng.

276. Trên vàng được phát họa chim công,
Khéo tạo thành con số thật đông,
Bò, ngựa, hổ, voi và báo nữa,
Linh dương, nhung lộc sắp tranh hùng,
Ở trong bảo ngọc này đều khắc,
Đàn cưỡng cùng chim khác lượn vòng.

277. Xe được thắng thiên mã cả ngàn,
Mạnh như voi trẻ, sắc kim hoàn,
Cảnh này xem thực vinh quang quá,
Ngực chúng đều bao mạng lưới vàng,
Cùng các tràng hoa treo lủng lẳng,
Được buông lơi lỏng sợi dây cương,
Vừa khi nghe một lời ra lệnh,
Chúng lướt nhanh như gió nhẹ nhàng.

278. Ngay lúc Mātali nhảy vụt nhanh,
Cưỡi thiên xa ấy giữa thiên thanh,
Âm thanh mười hướng đồng vang dội,
Qua giữa không gian đã tốc hành,
Thiên tử làm trần gian chấn động,
Biển, trời, đất với núi rừng xanh.

279. Chẳng bao lâu đến thảo am kia,
Mong ước tỏ lòng tôn kính ra,
Để một vai trần chào Thánh giả,
Mātali lại bắt đầu thưa,
Với vị Bà-la-môn trí tuệ,
Tinh thông thánh điển thật cao xa:

280. "Nghe đây, Tôn giả Kosiya,
Lời nói của Thiên chủ Sakka,
Về việc ngài đang mong muốn biết,
Kìa xem, sứ mạng được giao ta,
'Trong khi Tôn giả không công nhận,
Quyền của Āsā, Saddhā và
Sirī, xin hỏi sao Hirī
Riêng nhận từ tay ấy thưởng quà?'"

Khi nghe những lời này, vị ẩn sĩ khổ hạnh ngâm vần kệ:

281. Mātali hỡi, nàng Saddhā,
Là ngọc nữ không được vẹn toàn,
Trong lúc Sirī tâm bất định,
Hỡi ngài, thiên tử quản xa thần,
Nàng Āsā vẫn thường lừa dối,
Thích phản bội lời hứa của nàng,
Hirī riêng mình theo đức hạnh,
Trú thân trong Thánh đạo bình an.

Bấy giờ, vị ấy lại ngâm kệ ca ngợi đức hạnh của nàng:

282. Sống ở gia môn, gái má hồng,
Vẫn luôn được bảo vệ, canh phòng,
Nữ nhân đã quá thời xuân sắc,
Và những kẻ đang sống với chồng,
Ví thử có khi nào nhục dục,
Bỗng nhiên phát khởi ở trong lòng,
Nghe lời nói của nàng Hirī,
Chế ngự dục tâm hạ xuống dần.

283. Khi các giáo, tên ở chiến trường,
Phóng nhanh rào rạt tựa mưa tuôn,
Trong cơn trốn chạy, bao đồng đội,
Ngã xuống hay đào tẩu loạn cuồng,
Nghe được lời nàng Hirī nói,
Nhiều người dừng chạy, dẫu nguy nan,
Và dầu đang ngập tràn kinh hoảng,
Lần nữa xông ra chốn kiếm thương.

284. Giống như bờ biển vẫn thường ngăn,
Những đợt ba đào giữa đại dương,
Hirī cũng thường hay trấn áp,
Con đường của những bọn tà gian.
Mātali hỡi, mau về gặp,
Thiên chủ Inda, nói rõ ràng,
"Bậc Thánh khắp nơi trên thế giới,
Thảy đều tôn trọng đại danh nàng."

Nghe vậy, Mātali ngâm vần kệ:

285. Kosiya, kẻ ấy là ai,
Đã gợi ý kia đến với ngài,
Có phải là Inda Đại đế,
Phạm thiên, hay Pajāpati?

Nàng Hirī ấy, thưa Tôn giả,
Phải biết được sinh bởi ý trời,
Thiên chủ Inda trên thượng giới,
Riêng nàng đức hạnh tối cao ngôi.

Trong lúc vị thiên tử nói, ngay chính thời khắc ấy, Kosiya sắp phải tái sinh. Mātali liền bảo:

– Này Kosiya, thân ngũ uẩn đang lìa Tôn giả. Việc thực hành hạnh bố thí đã viên mãn. Tôn giả còn có gì liên hệ với nhân thế nữa đâu? Bây giờ chúng ta sẽ lên thiên giới.

Vừa quyết định đưa vị ấy lên trời, thiên tử vừa ngâm kệ:

286. Thánh nhân, hãy bước đến bây giờ,
Lập tức lên xe quý của ta,
Ta sẽ dẫn ngài về thượng giới,
Cung đình ngự trị cõi Băm Ba,
Inda đang đợi chờ Tôn giả,
Quyến thuộc Inda quả thực là,
Thiên đạo hôm nay lên cộng trú,
Ngài thành đạt với Chúa Inda.

Trong lúc Mātali đang nói, Kosiya từ trần và hóa sanh vào hàng thiên chúng mà không cần qua trung gian cha mẹ, rồi bước lên đứng trên thiên xa. Sau đó, Mātali đưa vị ấy đến yết kiến Thiên chủ Sakka. Khi thấy vị ấy, Thiên chủ rất đẹp ý và thưởng thiên nữ Hirī cho vị ấy đưa về làm vương hậu chánh cung, lại ban cho vị ấy vương quyền cai trị một miền rộng bao la nữa.

Hiểu rõ điều này, bậc Đạo sư bảo: "Chính hành động của một số Hiền nhân được thanh tịnh theo cách ấy." Và Ngài ngâm vần kệ cuối cùng:

287. Chính hành động của Thánh, Hiền nhân,
Đưa đến đời sau quả phước ân,
Kết quả thiện hành an trú mãi,
Người nhìn thực phẩm của thiên thần,
Được đem trao tặng nàng Hirī,
Thân hoại, trú an với Ngọc hoàng.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại với những lời này:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa nữa, Ta cũng đã giáo hóa kẻ xan tham này vốn là gã keo kiệt cố hữu.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

288. Uppalavaṇṇā là nàng Hirī,
Tỷ-kheo bố thí ấy Kosiya,

Pañcasikha là Anuruddha,
Mātali là thị giả Ānanda.

289. Suriya chính Kassapa,
Canda ngày ấy, Moggallāna,
Nārada là Sāriputta,
Vua trời Đế-thích chính là Như Lai.

§536. CHUYỆN CHIM CHÚA KUṆĀLA (*Kuṇālajātaka*)[16] (*J.* V. 413)

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú gần hồ Kuṇāla, liên hệ đến năm trăm vị Tỳ-kheo bị tâm bất mãn chi phối. Câu chuyện diễn tiến theo trình tự sau đây.

Hai bộ tộc Sākya (Thích-ca) và Koliya (Câu-ly) có con sông Rohiṇī chảy ở giữa hai thành phố Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) và Koliya. Sông này được ngăn bằng một con đê duy nhất, nhờ đó dân chúng cày bừa gặt hái. Trong tháng Jeṭṭhamūla (tháng Năm và Sáu), khi lúa bắt đầu trổ bông và rũ xuống, nông dân cư trú ở hai thành này tụ họp lại. Rồi dân chúng Koliya nói:

– Nếu cả hai bên cùng lấy nước thì nước sẽ không đủ cho cả hai thành phố chúng ta. Song dân chúng tôi sẽ được mùa to nếu chỉ một bên chúng tôi kéo nước, vậy hãy cho chúng tôi nước sông này!

Dân chúng thành Kapilavatthu đáp:

– Khi các ông đã chất thóc đầy vựa thì chúng tôi không dám cả gan đem rubi, vàng ròng, sa-phia, tiền đồng, thúng, giỏ trong tay lai vãng trước cửa nhà các ông đâu. Chúng tôi cũng sẽ được mùa to nếu chỉ riêng chúng tôi lấy nước, vậy hãy cho chúng tôi lấy nước này đi!

Đám người này đáp:

– Ta không muốn cho.

Đám người kia trả lại:

– Ta cũng không muốn.

Trong lúc lời qua tiếng lại ồn ào như vậy, một người trong bọn họ đứng lên đấm vào một kẻ khác, đến lượt người ấy đấm trả một kẻ thứ ba và cứ thế họ đấm đá nhau và xúc phạm đến nguồn gốc hoàng tộc của nhau, làm tăng dần cảnh huyên náo ấy. Các nông gia Koliya bảo:

– Các người Kapilavatthu, con cháu dòng Sākya hãy cút ngay đi, chúng bây là loài cẩu trệ, lang sói, ăn ở với chị em gái của mình như súc vật kia. Voi, ngựa, giáo, khiên của chúng bây chống lại ta có lợi ích gì?

Các nông gia Sākya đáp:

---

[16] Xem *J.* I. 328, *Rukkhadhammajātaka* (*Chuyện luật cây rừng*), số §74.

– Này lũ người cùi khốn nạn, hãy cút đi mau với con cháu của bây, một lũ tồi tàn, thân phận hèn hạ, chẳng khác bầy dã thú sống nơi cây táo. Voi, ngựa, giáo, khiên của chúng bây chống lại ta có ích lợi gì?

Vì thế, họ đi kể chuyện với các viên chức trong hội đồng phụ trách công việc ấy và các vị này lại báo cáo với các vị trưởng tộc hoàng gia. Sau đó, các vị trưởng tộc Sākya bảo:

– Phe ta sẽ cho chúng thấy những người ăn ở với chị em gái của mình hùng dũng như thế nào.

Rồi họ xông ra, sẵn sàng chiến đấu. Còn bộ tộc Koliya bảo:

– Phe ta sẽ cho chúng thấy những người sống trong bọng cây táo hùng dũng ra sao.

Và họ cũng xông tới, sẵn sàng chiến đấu.

Nhưng một số Đạo sư khác lại kể chuyện như vầy: "Khi các nữ tỳ của bộ tộc Sākya và bộ tộc Koliya ra sông để lấy nước, vừa ném xuống đất các vành khăn họ đội trên đầu vừa ngồi xuống chuyện trò vui vẻ thì một người cầm nhầm khăn của người khác vì tưởng đó là khăn của mình. Và khi có tranh cãi do việc này gây ra, mỗi người đều bảo khăn kia của mình. Dần dần dân chúng của hai thành gồm cả nô lệ, nông dân, tùy tùng, thủ lãnh, quan chức, phó vương đều xông ra sẵn sàng chiến đấu." Tuy thế, bản kinh trước được tìm thấy trong nhiều tập *Chú giải* và được xem là hợp lý, đáng chấp nhận hơn bản sau.

Bấy giờ, vào buổi xế chiều, dân chúng đã xông ra sẵn sàng lâm trận. Thời ấy, đức Thế Tôn đang trú tại Sāvatthi, lúc rạng đông, trong khi đang quán sát thế gian, Ngài thấy họ khởi hành ra trận. Ngài tự hỏi nếu Ngài đến đó, trận chiến có chấm dứt chăng và Ngài quyết định: "Ta quyết đến đó và để dập tắt cuộc tử chiến này, Ta sẽ kể hai câu chuyện tiền thân để chứng minh lợi lạc của tình đoàn kết. Ta sẽ dạy họ *Kinh Chấp trượng*[17] và sau khi nghe Ta thuyết giảng, dân chúng hai thành này sẽ đưa đến diện kiến Ta mỗi bên hai trăm năm mươi thanh niên, Ta sẽ nhận họ vào Giáo đoàn và hội chúng ngày càng thêm đông đảo."

Vì thế, sau khi đã tắm rửa, Ngài đến thành Sāvatthi khất thực. Trở về sau buổi thọ trai, vào xế chiều, Ngài bước ra từ hương phòng, không báo cho ai một lời, Ngài cầm y bát, một mình ra đi và ngồi kiết-già trên không, giữa hai nhóm người ấy. Thấy rằng đây là cơ hội làm quần chúng kinh ngạc, Ngài ngồi đấy tỏa ra các tia sáng xanh đậm[18] từ tóc Ngài khiến bầu trời đen tối. Rồi khi tâm họ lo âu, Ngài liền xuất hiện và tỏa ra ánh sáng lục sắc từ thân Phật.

Dân chúng Kapilavatthu thấy đức Thế Tôn liền suy nghĩ: "Đức Thế Tôn, vị thân tộc cao quý của chúng ta đã đến. Có thể Ngài đã thấy phận sự chiến đấu đặt trên phe ta chăng? Nay bậc Đạo sư đã đến, ta không thể lao vũ khí chống kẻ thù nào nữa?" Rồi họ hạ vũ khí xuống và nói:

---

[17] Xem *Sn*. 182, *Attadaṇḍasutta* (*Kinh Chấp trượng*).

[18] Xem *J*. I. 327.

– Dân Koliya cứ giết chết hay thiêu sống chúng ta đi.

Dân Koliya cũng làm giống như vậy. Lúc ấy, đức Thế Tôn giáng lâm và ngự trên bảo tọa của đức Phật đặt ở một nơi tuyệt đẹp trên bãi cát, Ngài chiếu hào quang vô thượng của một bậc Giác Ngộ.

Các vị vua đảnh lễ đức Thế Tôn và an tọa. Sau đó, bậc Đạo sư hỏi, mặc dù Ngài đã biết rõ sự việc:

– Thưa các Đại vương, tại sao các vị đến đây?

– Bạch Thế Tôn, chúng con đến đây không phải để ngắm dòng sông hay vui chơi mà để chiến đấu.

– Các Đại vương có tranh chấp về việc gì?

– Bạch Thế Tôn, về nước sông.

– Thế nước sông đáng giá bao nhiêu?

– Bạch Thế Tôn, rất ít.

– Thế đất đai đáng giá bao nhiêu?

– Bạch Thế Tôn, đất vô giá.

– Thế các vị tướng quân đáng giá bao nhiêu?

– Bạch Thế Tôn, họ cũng vô giá.

– Đại vương, thế tại sao chỉ vì một chút nước chẳng ra gì mà các vị phải hủy diệt các tướng quân cao quý? Quả thật, cuộc tranh chấp này không có gì đền bù được cả, song vì một cuộc tử chiến giữa một vị thần cây và một sư tử đen nên một mối thù truyền kiếp đã được tạo ra và kéo dài đến tận hiện kiếp này.

Cùng với những lời trên, Ngài kể cho họ nghe chuyện tiền thân trong *Chuyện cây hồng phượng vĩ.*[19] Sau đó, Ngài bảo:

– Các vị vua không nên đi theo nhau một cách lệ thuộc thế này. Một đoàn súc vật bốn chân ở vùng Tuyết Sơn trải dài ba ngàn do-tuần đã nghe lời một con thỏ, lần lượt đâm đầu xuống biển; vì vậy, không nên theo nhau cách này.

Nói vậy xong, Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện tiếng động mạnh.*[20]

Sau đó, Ngài lại bảo:

– Đôi khi kẻ yếu nhìn thấy nhược điểm của người mạnh, khi khác người mạnh thấy nhược điểm của kẻ yếu nên có lần một con chim cút mái đã giết một vương tượng.

Và Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện chim cút.*[21]

Như vậy, để làm dịu cuộc tranh chấp, Ngài đã kể ba câu chuyện tiền thân. Và để chứng minh hiệu quả của sự đoàn kết, Ngài kể hai câu chuyện tiền thân:

---

[19] Xem *J.* IV. 207, *Phandanajātaka* (*Chuyện cây hồng phượng vĩ*), số §475.

[20] Xem *J.* III. 77, *Daddabhajātaka* (*Chuyện tiếng động mạnh*), số §322.

[21] Xem *J.* III. 174, *Laṭukikajātaka* (*Chuyện chim cút*), số §357.

– Trong trường hợp những sinh vật sống chung đoàn kết, không ai tìm ra kẽ hở để tấn công cả.

Nói vậy xong, Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện luật cây rừng*.[22]

Sau đó, Ngài lại nói:

– Đối với những sinh vật đoàn kết, không ai có thể tìm ra lỗ hổng để tấn công, nhưng khi chúng đã tranh chấp lẫn nhau thì một kẻ đi săn nào đó cũng có thể tàn phá và tiêu diệt chúng. Quả thật không có phần thưởng gì trong cuộc tranh chấp cả.

Cùng với những lời này, Ngài kể chuyện tiền thân trong *Chuyện sống hòa hợp*.[23] Sau khi đã kể năm chuyện tiền thân như vậy, Ngài chấm dứt bằng cách thuyết *Kinh Chấp trượng*.[24]

Khi đã trở thành những kẻ mộ đạo, các vị vua nói:

– Nếu bậc Đạo sư không đến, chúng ta đã tàn sát lẫn nhau làm máu chảy thành sông. Chính nhờ bậc Đạo sư mà chúng ta còn sống. Nhưng ví thử trước kia bậc Đạo sư sống đời thế tục thì giang sơn gồm bốn đại châu cùng với hai ngàn đảo nhỏ nữa hẳn đã vào tay Ngài và hẳn Ngài đã có hơn một ngàn vương tử. Hơn nữa, chắc hẳn Ngài đã có một đoàn tùy tùng gồm các tướng lãnh quý tộc. Song từ bỏ mọi vinh quang này, Ngài xuất thế và đạt trí tuệ tối thắng. Bây giờ, chúng ta hãy tiễn Ngài lên đường cùng một đoàn tùy tùng tướng lãnh quý tộc.

Thế là dân chúng hai thành mỗi bên tặng Ngài hai trăm năm mươi vị quý tộc. Sau khi truyền giới xuất gia cho họ, Ngài đi về một khu rừng lớn. Từ ngày hôm sau, được đệ tử hộ tống, Ngài đi khất thực ở hai thành, khi thì vào Kapilavatthu, lúc khác lại vào Koliya, dân chúng cả hai thành đều hết sức kính trọng Ngài.

Trong số vương gia quý tộc này có những vị thọ giới không do hoan hỷ mà vì kính trọng bậc Đạo sư nên nỗi bất mãn trong tâm khởi sinh. Những người vợ cũ của họ muốn khơi dậy niềm bất mãn của họ, cứ gửi đi những lời nhắn tin này nọ, khiến họ lại càng trở nên nản lòng thối chí hơn nữa. Khi quán sát, bậc Đạo sư nhận thấy tâm họ đã bất mãn như thế nào liền suy nghĩ: "Các Tỷ-kheo này, dù sống với một bậc Giác Ngộ như Ta, vẫn sinh tâm bất mãn. Ta thử xem cách thuyết giảng nào sẽ ích lợi cho họ." Ngài nghĩ đến pháp thoại về Kuṇāla. Rồi ý tưởng này chợt nảy ra trong trí Ngài: "Ta sẽ đưa các Tỷ-kheo này đến vùng Tuyết Sơn và sau khi chứng minh các ác dục liên hệ đến nữ giới qua câu chuyện Kuṇāla và xóa tan nỗi bất mãn của họ, Ta sẽ làm cho họ đạt Sơ quả trong Thánh đạo."

Vì thế sáng sớm Ngài đắp y và cầm y bát đi khất thực ở thành Kapilavatthu, sau khi trở về và dùng ngọ trai đã xong, Ngài bảo năm trăm vị Tỷ-kheo:

---

[22] Xem *J*. I. 328, *Rukkhadhammajātaka* (*Chuyện luật cây rừng*), số §74.

[23] Xem *J*. I. 213, *Vaṭṭakajātaka* (*Chuyện con chim cút*), số §35.

[24] Xem *Sn*. 182, *Attadaṇḍasutta* (*Kinh Chấp trượng*).

– Các ông đã từng thấy vùng Tuyết Sơn đầy lạc thú chưa?

Các vị đáp:

– Bạch Thế Tôn, chưa.

– Thế các ông có muốn đi chiêm bái Tuyết Sơn chăng?

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có thần thông lực, làm sao chúng con đi được?

– Song giả sử có ai đó đưa các ông cùng đi, các ông có muốn đi chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bậc Đạo sư liền dùng thần lực đưa tất cả các vị lên không gian và du hành đến vùng Tuyết Sơn. Vừa trụ trên không, Ngài vừa chỉ cho hội chúng xem một dãy Tuyết Sơn kỳ diệu với nhiều đỉnh núi như Kim Sơn, Ngân Sơn, Ngọc Sơn, Hồng Sơn, Ánh Sơn, Bình Địa Sơn, Thủy Tinh Sơn, với năm sông lớn và các hồ Kaṇṇamuṇḍaka, Rathakāra, Sīhapapāta, Chaddanta, Tiyaggala, Anotatta và Kuṇāla, tất cả bảy hồ.

Tuyết Sơn là một vùng mênh mông cao năm trăm do-tuần, rộng ba ngàn do-tuần. Ngài đã dùng thần thông lực chỉ cho hội chúng thấy cảnh tuyệt mỹ của vùng này cùng các chỗ cư trú được xây tại đó và các loài động vật như từng đoàn sư tử, cọp, voi. Ngài đều chỉ rõ từ nơi này các vùng đất thiêng và nhiều lạc viên khác đầy hoa quả sum suê, từng đàn chim đủ loại và các cây hoa mọc trên đất lẫn dưới nước. Bên sườn Đông của Tuyết Sơn là một bình nguyên đất vàng và bên sườn Tây là một bình nguyên đất đỏ.

Thoạt nhìn thấy những vùng kỳ vĩ này, nỗi lòng mong nhớ khát khao của các Tỷ-kheo đối với những người vợ cũ tiêu tan mất. Sau đó, bậc Đạo sư cùng các Tỷ-kheo từ không trung hạ xuống sườn Tây của Tuyết Sơn, trên cao nguyên Manosilātala rộng sáu mươi do-tuần, trong thung lũng đỏ kéo dài ba do-tuần, bên dưới cây sāla bảy do-tuần sừng sững cả kiếp, bậc Đạo sư được Tăng chúng vây quanh, Ngài tỏa hào quang lục sắc làm chấn động cả lòng đại dương, chiếu sáng như mặt trời, Ngài an tọa và nói với các Tỷ-kheo bằng một giọng ngọt như mật:

– Này các Tỷ-kheo, hãy hỏi Ta về các kỳ quan mà các ông chưa từng thấy ở vùng Tuyết Sơn này.

Lúc ấy, hai chim cu cườm ngậm một khúc cây ở hai đầu và ở giữa có đặt chim chúa. Tám chim cu ở trước và tám con ở sau, tám con bên phải và tám con bên trái, tám con ở dưới và tám con ở trên, cứ thế che bóng cho chim chúa trong khi vừa hộ tống chim chúa vừa bay qua không gian.

Khi thấy đàn chim này, các Tỷ-kheo hỏi bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, bầy chim này có ý nghĩa gì chăng?

– Này các Tỷ-kheo, đây là một tục lệ cổ của gia tộc Ta, một truyền thống do Ta tạo ra, thời xưa chúng hộ tống Ta như vậy. Thuở bấy giờ, có cả một đàn chim

lớn. Ba ngàn năm trăm chim mái son trẻ đã hộ tống Ta. Dần dần chúng tản mát và đàn chim còn lại như các ông thấy đó.

– Bạch Thế Tôn, chúng đã hộ tống Thế Tôn trong rừng như thế nào?

Bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, hãy nghe đây!

Ngài hồi tưởng chuyện cũ và kể một chuyện quá khứ như vầy.

***

Chuyện được tương truyền và được nghe rằng:

Ở một vùng có đầy đủ mọi thứ thảo dược, được phủ bởi nhiều khóm hoa, có nhiều loài thú lai vãng như voi, bò tót, trâu, nai sao, trâu rừng, hươu sao, tê giác, nai lớn, sư tử, hổ, báo, gấu, sói, linh cẩu, rái cá, linh dương kadali, mèo rừng, thỏ tai dài, có đông đúc các bầy thú nhỏ, heo rừng, voi đực, voi cái, lại có các loài gấu đen, khỉ, nai sarabha, sơn dương, nai gió, nai nhiều màu, nữ dạ-xoa mõm lừa, nhân điểu, dạ-xoa, la-sát. Có nhiều bụi cây đâm chồi nảy lộc, hoa đơm trĩu cành, hàng trăm con chim chuyền cành nhảy nhót, say sưa hót vang, rộn ràng như chim ưng, gà gô, phượng hoàng, chim công, chim cu gáy, gà lôi, kền kền, chim bách thanh, chim cu rừng. Vùng đất được tô điểm và bao phủ với hàng trăm khoáng chất như ăng-ti-mon, thạch tín, hùng hoàng, thần sa, vàng, bạc, vàng khối.

Quả thật, ở khu rừng rậm kỳ thú như thế này có một con chim tên là Kuṇāla vô cùng xinh đẹp với bộ lông sặc sỡ, óng ánh. Chim Kuṇāla này có ba ngàn năm trăm chim mái theo hầu. Thời ấy, hai con chim mái ngậm một khúc cây trong mỏ, đặt chim Kuṇāla ở giữa và bay lên vì sợ rằng nỗi gian lao trong quãng đường xa sẽ làm chim này rơi khỏi chỗ đậu.

Năm trăm chim mái bay phía dưới và chúng suy nghĩ: "Nếu chim Kuṇāla này rơi xuống khỏi chỗ đậu thì chúng ta sẽ giữ lấy ngài trong đôi cánh của chúng ta."

Năm trăm chim mái bay phía trên vì sợ rằng sức nóng làm cháy da chim Kuṇāla.

Năm trăm chim mái bay ở phía hai bên hông để cản lạnh, nóng, cỏ rác, bụi bặm, gió, sương đụng vào chim Kuṇāla.

Năm trăm chim mái phía trước vì sợ rằng bọn chăn trâu bò, chăn dê, những người cắt cỏ, những người lượm củi, tiều phu, kiểm lâm, công kích chim Kuṇāla bằng que củi, mảnh sành, nắm tay, hòn đất, cây gậy, con dao, hòn sỏi, hoặc lo rằng chim Kuṇāla sẽ va chạm vào bụi cây, dây leo, thân cây, cành cây, cột trụ, tảng đá hoặc một con chim có sức mạnh.

Năm trăm chim mái bay phía sau, nói những lời dịu dàng, thân ái bằng những âm điệu du dương, ngọt ngào vì e rằng chim Kuṇāla chán nản ở nơi chỗ ngồi.

Năm trăm chim mái bay lượn vòng quanh đây đó, mang về đủ loại trái cây khác nhau vì sợ rằng chim Kuṇāla phải chịu mệt nhọc vì đói.

Thời ấy, bầy chim mái nhanh nhẹn đưa chim Kuṇāla đi thưởng ngoạn từ lạc viên này đến lạc viên khác, từ khu vườn này đến khu vườn khác, từ bến sông này đến bến sông khác, từ đỉnh núi này đến đỉnh núi khác, từ vườn xoài này đến vườn xoài khác, vườn hồng đào này đến vườn hồng đào khác, vườn mít này đến vườn mít khác, rừng dừa này đến rừng dừa khác. Cứ thế ngày nọ sang ngày kia, chim Kuṇāla được bầy chim này hộ tống như vậy, nhưng lại trách mắng chúng:

– Này lũ xấu xa kia, chết đi, chết tiệt cả đi, chúng bây là quân trộm cắp, lừa đảo, vô tâm, phù phiếm, bạc nghĩa vong ân, đi bất cứ nơi nào chúng bây muốn như cơn gió!

***

Nói vậy xong, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, hiển nhiên là ngay khi Ta còn ở đời sống súc sinh, Ta đã hiểu rõ tính tình vô ơn, độc ác, vô luân của nữ giới. Ngay thời ấy Ta đã không rơi vào uy lực của họ và Ta đã đặt họ dưới uy lực của Ta.

Sau khi xóa tan nỗi bất mãn trong tâm của Tăng chúng bằng những lời này, Ngài lại giữ im lặng. Vào lúc này, hai chim cu màu đen đến nơi đây, nâng chim chúa lên cao trên khúc cây, trong khi mỗi bên có bốn chim khác bay phía dưới. Thấy chúng, các Tỷ-kheo lại hỏi bậc Đạo sư về bầy chim và Ngài đáp:

– Này các Tỷ-kheo, ngày xưa Ta có bạn là một chim cu chúa tên là Puṇṇamukha, và truyền thống trong gia tộc chim ấy là như vầy.

Để đáp lại câu hỏi của các Tỷ-kheo như trước, Ngài bảo:

– Quả thật, trên sườn Đông của dãy Tuyết Sơn, chúa tể của núi đồi là những dòng suối xanh biếc, bắt nguồn từ những sườn núi thoai thoải, trong một vùng thơm ngát, mê hồn, sáng tươi, diễm lệ với hoa sen nở rộ đủ màu như sen xanh, sen hồng, sen trắng, sen bách diệp, súng trắng và cây hoa thần tiên. Một miền bát ngát mỹ miều với đủ loại kỳ hoa dị thảo, cây leo; vang rền tiếng thiên nga, vịt, ngỗng; có từng đoàn ẩn sĩ khổ hạnh, những vị có đủ thần thông biến hóa; lại có các thần linh, ma quỷ, dạ-xoa, yêu quái, nhạc thần, tiên nữ và mãng xà.

Chính trong một khu rừng kỳ ảo như vậy, chim cu chúa Puṇṇamukha đã cư trú. Giọng nó thật du dương êm ái, chính đôi mắt tươi vui ấy là đôi mắt của con chim đang say sưa với nhiều hoan lạc. Ba ngàn năm trăm chim mái theo hộ tống chim chúa Puṇṇamukha này. Cũng vậy, có hai con chim vừa ngậm khúc cây trong mỏ và đặt Puṇṇamukha ở giữa vừa bay lên không gian vì sợ chim chúa phải chịu mệt nhọc. Thuở ấy, chim Puṇṇamukha được đàn chim này hộ tống ban ngày, đã ca ngợi chúng như vầy:

– Các hiền muội thật đáng tuyên dương, hành động này của các hiền muội

rất phù hợp với các mệnh phụ cao sang vì các hiền muội đã phụng sự chúa công mình.

Lúc ấy, thực ra chim Puṇṇamukha đến gần nơi chim Kuṇāla đang đậu. Và đàn chim mái hầu cận chim Kuṇāla đã thấy chim kia trong khi chim ấy còn ở đằng xa, chúng kéo đến gần chim Puṇṇamukha và cầu thân như vầy:

– Này hiền hữu Puṇṇamukha, chim Kuṇāla là một con chim hung bạo với giọng lưỡi thô tục. Có lẽ nhờ hiền hữu giúp đỡ, chúng tôi may ra mới nghe được lời nói tử tế của vị ấy.

– Thưa các quý nương, có lẽ ta làm được việc ấy.

Nói vậy xong, chim ấy đến gặp chim Kuṇāla, sau lời chào hỏi ân cần, chim ấy cung kính đậu một bên và nói với Kuṇāla như vầy:

– Này hiền hữu Kuṇāla, tại sao hiền hữu đối xử tàn tệ với các quý nương này mặc dù họ giữ phẩm hạnh tốt đẹp? Hiền hữu Kuṇāla, ta nên nói lời dịu ngọt ngay cả với các nữ nhân có lời lẽ thiếu tao nhã, huống hồ đối với các quý nương thanh cao thế này.

Khi chim ấy nói vậy xong, Kuṇāla liền phỉ báng Puṇṇamukha như sau:

– Này quân khốn nạn kia, hãy chết đi, chết tiệt cả đi! Ai lại giống như ngươi cứ mềm lòng trước lời van xin của nữ giới?

Khi bị khiển trách như vậy, chim Puṇṇamukha liền bỏ đi. Rồi chẳng bao lâu sau đó, Puṇṇamukha lâm bệnh nặng và chịu đau đớn kịch liệt vì chứng xuất huyết, làm chim gần chết. Bầy chim hầu cận chim Puṇṇamukha liền suy nghĩ: "Chim Puṇṇamukha này bị bệnh nặng, qua khỏi được căn bệnh này thì tốt."

Nghĩ vậy, chúng liền rời đi, bỏ chim ấy một mình và kéo đến gần chim Kuṇāla. Kuṇāla nhìn chúng bay lại từ xa, khi thấy chúng liền hỏi:

– Lũ khốn nạn kia, chúa của bây đâu?

– Hiền hữu Kuṇāla, chim Puṇṇamukha bị bệnh, qua khỏi được căn bệnh này thì tốt.

Khi chúng nói vậy xong, chim Kuṇāla nguyền rủa chúng:

– Hãy chết đi, lũ khốn nạn kia, chết tiệt đi, chúng bây là lũ trộm cắp, lừa đảo, vô tâm, phù phiếm, bạc nghĩa vong ân, đi bất cứ nơi nào chúng bây muốn như cơn gió!

Nói vậy xong, chim ấy đến gần nơi chim Puṇṇamukha nằm và nói như sau:

– Chào hiền hữu Puṇṇamukha.

Chim kia đáp:

– Chào hiền hữu Kuṇāla.

Sau đó, chim Kuṇāla dùng đôi cánh và mỏ ôm lấy Puṇṇamukha và vừa nâng bạn lên vừa cho uống đủ thứ thuốc. Nhờ thế, bệnh tình của chim Puṇṇamukha đã thuyên giảm. Khi chim Puṇṇamukha đã khoẻ mạnh, bầy chim bay trở về; và

Kuṇāla cho Puṇṇamukha ăn quả rừng trong vài ngày, đến khi bạn đã hồi sức, chim chúa bảo:

– Này hiền hữu, nay đã bình phục, hãy tiếp tục sống với đàn chim hộ tống bạn, còn ta sẽ trở về nơi cư trú của ta!

Lúc ấy, Puṇṇamukha bảo bạn:

– Chúng đã bỏ ta khi ta lâm trọng bệnh và bay đi nơi khác. Ta không cần bọn lừa đảo ấy nữa!

Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

– Này hiền hữu, ta sẽ kể cho bạn nghe về tính độc ác của nữ giới.

Rồi ngài ôm lấy Puṇṇamukha và đưa đến Manosilātala trên sườn Tuyết Sơn, đậu trên một tảng hồng thạch tín dưới gốc cây sāla tỏa rộng bảy do-tuần. Trong lúc Puṇṇamukha an tọa có đoàn tùy tùng đậu xung quanh, khắp cả vùng Tuyết Sơn vang lên lời bố cáo của chư thiên:

– Hôm nay, điểu vương Kuṇāla an tọa trên phiến hồng thạch tín ở Tuyết Sơn sẽ thuyết pháp với vẻ kỳ diệu của một bậc Giác ngộ. Xin các vị hãy lắng tai nghe ngài!

Nhờ bố cáo như vậy, lần lượt chư thiên ở sáu tầng trời dục giới đều nghe và tụ họp lại; nhiều sơn thần, rắn thần, Kim Sí điểu (chim thần Cánh Vàng), kên kên cũng loan báo sự kiện trên. Thời ấy, thứu vương Ānanda cùng với đàn tùy tùng mười ngàn kên kên trú ngụ tại đỉnh Linh Thứu. Khi nghe tin chấn động này, chim ấy suy nghĩ: "Ta sẽ đi nghe thuyết pháp", rồi cùng đàn chim hộ tống đến đậu riêng một nơi.

Ẩn sĩ Nārada đã đắc năm thắng trí đang ở vùng Tuyết Sơn cùng đoàn đệ tử gồm mười ngàn ẩn sĩ, khi nghe tin chư thiên loan truyền liền suy nghĩ: "Chúng bảo nhau hiền hữu Kuṇāla sẽ nói về các lỗi lầm của nữ giới, ta cũng phải đi nghe bạn thuyết giảng." Vị ấy dùng thần thông du hành đến đó cùng mười ngàn ẩn sĩ và ngồi một bên. Thế là đã có một hội chúng tập hợp lại đông như vậy để nghe pháp của bậc Giác ngộ.

Lúc ấy, Bồ-tát với tri kiến của một vị nhớ lại tiền thân của mình, lấy Puṇṇamukha làm nhân chứng, kể lại một trường hợp trong tiền kiếp liên hệ đến lỗi lầm của nữ giới.

***

Để làm sáng tỏ vấn đề, bậc Đạo sư nói:

– Thời ấy, chim Kuṇāla nói với chim Puṇṇamukha vừa mới được khỏi bệnh: "Này hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã thấy Kaṇhā, một nữ nhân có hai cha và năm chồng, lại còn luyến ái một nam nhân thứ sáu là một gã lùn có đầu thụt vào cổ và què chân nữa."

Ngoài ra, lại có thêm lời này:

290. Chuyện cổ Kaṇhā, được kể rằng,
Cả năm hoàng tử gả cho nàng,
Tham lam nàng vẫn còn ham muốn,
Một gã gù lưng, gái điếm đàng!

Này hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã thấy trường hợp một nữ tu sĩ khổ hạnh tên Saccatapāvī sống trong nghĩa địa và bỏ cả buổi ăn thứ tư, song lại phạm tội lỗi với một người thợ làm vàng.

Này hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã chứng kiến trường hợp nàng Kākāti, vợ của Vua Venateyya, sống giữa biển cả, tuy thế đã phạm tội lỗi với nhạc công Naṭakuvera.[25]

Này hiền hữu Puṇṇamukha, ta đã thấy nàng tóc vàng Kuraṅgavī, mặc dù yêu Eḷakamāra, lại phạm tội lỗi với Chaḷaṅga và Dhanantevāsī.

Ta cũng biết chuyện mẹ của Brahmadatta đã bỏ vua xứ Kosala và phạm tội lỗi với Pañcālacaṇḍa ra sao.

291. Nhiều nữ nhân theo ác dục tình,
Ta không ca ngợi, đặt lòng tin,
Ví như quả đất kia bình đẳng,
Các thứ chứa dung, của cải gìn,
Cam tâm, không động, không dời đổi,
Nữ vậy, nam nhân chẳng được tin!

292. Sư tử sống bằng máu thịt tươi,
Dùng năm móng sắc xé con mồi,
Tìm vui trong nỗi đau loài khác,
Cẩn thận, nữ nhân cũng một nòi!

Này hiền hữu Puṇṇamukha, thật vậy, những người đàn bà này không phải là bọn gái điếm, giang hồ, chúng thật ra không là kẻ giam cầm, không là sát nhân, tức bọn gái đứng đường buôn hương bán phấn. Chúng giống như quân cường đạo với cuộn tóc vàng kết lại, chúng như thuốc độc, như lũ lái buôn tự khoe mình, quanh co như sừng dê, miệng lưỡi độc địa như loài rắn, như cái hố có nắp đậy, tham lam vô tận như địa ngục, khó làm thỏa mãn như quỷ cái, ngốn ngấu mọi loài như Diêm vương, tàn phá mọi sự như ngọn lửa, cuốn trôi mọi vật ở trước nó như dòng sông, như cơn gió thổi tới nơi nào nó muốn, không biết phân biệt gì như đỉnh núi Neru,[26] kết trái quanh năm như loài cây độc.

Ngoài ra, lại có thêm lời này nữa:

293. Như độc dược, quân cướp bạo tàn,
Quanh co như gạc của sơn dương,

[25] Xem *J.* III. 91, *Kākātijātaka* (*Chuyện Hoàng hậu Kākāti*), số §327.
[26] Xem *J.* III. 328, *Nerujātaka* (*Chuyện núi Neru*), số §379.

Mãnh xà hai lưỡi là loại chúng,
Chực sẵn khoe khoang tựa lái buôn.

294. Họ giống như là hố đậy che,
Như là vực thẳm khó tràn trề,
Như loài quỷ dữ tham vô độ,
Thần chết mang theo mọi vật kia.

295. Ngốn ngấu khác đâu ngọn lửa nồng,
Mạnh như hồng thủy hoặc cuồng phong,
Như Neru đỉnh màu vàng chói,
Thiện ác không hề biết biệt phân.
Não hại như cây độc sát nhân,
Chúng luôn tàn phá cả năm phần,
Gia tài sự nghiệp đều tiêu tán,
Phung phí bạc vàng, mọi bảo trân.

***

CHUYỆN CÔNG CHÚA KAṆHĀ

Truyền thuyết kể rằng, thời xưa, Vua Brahmadatta ở xứ Kāsi nhờ có quân hùng tướng mạnh chiếm quốc độ Kosala, giết vua xứ Kosala và cướp vị chánh hậu lúc ấy đang có thai đưa về Ba-la-nại và phong bà làm vương phi. Về sau bà sinh một con gái. Vua này không có con trai hay con gái gì cùng huyết thống với mình nên vô cùng hoan hỷ và phán:

– Này Mỹ hậu, hãy chọn một điều ước trẫm ban tặng Ái khanh!

Bà nhận điều ước nhưng chưa lựa chọn. Bấy giờ, họ đặt tên công chúa là Kaṇhā. Vừa khi nàng lớn lên, mẫu hậu bảo:

– Này con yêu quý, phụ vương đã ban mẹ một điều ước, mẹ đã nhận song còn trì hoãn sự lựa chọn. Nay con hãy chọn điều gì con thích.

Do dục tình phát triển đến độ phá tan nỗi e thẹn của một thiếu nữ, nàng nói với mẹ:

– Con không thiếu thứ gì cả. Xin phụ vương hãy triệu tập một đại hội để kén phò mã cho con.

Mẫu hậu kể lại chuyện này với vua. Vua phán:

– Hãy cho công chúa thứ gì nàng muốn!

Và vua ban lệnh truyền mở hội kén phò mã. Trong sân chầu, nhiều nam nhi tụ tập phục sức cực kỳ lộng lẫy. Kaṇhā cầm một giỏ hoa trong tay, đứng nhìn từ cánh cửa lầu thượng và không hài lòng về một chàng trai nào cả.

Lúc ấy, Ajjuna, Nakula, Bhīmasena, Yudhiṭṭhila, Sahadeva, thuộc dòng Vua Paṇḍu, là năm hoàng tử của vua này, sau khi học tập đủ các học thuật tại Takkasilā với một vị giáo sư lừng danh thế giới, đang lãng du đây đó với ý định

tìm hiểu thông suốt các phong tục địa phương và vừa đến Ba-la-nại. Khi nghe tin loan báo vang dậy khắp kinh thành, và hỏi thăm để biết chuyện gì đang xảy ra, họ liền đến đứng cả năm người thành một hàng, trông hình dáng như năm pho tượng bằng vàng. Thoạt nhìn thấy họ, Kaṇhā say mê luôn cả năm liền ném vòng hoa lên đầu của năm chàng trai khi họ đứng trước mặt nàng và bảo:

– Tâu mẫu hậu, con xin chọn cả năm chàng.

Hoàng hậu trình việc này với vua. Vì vua đã ban cho nàng điều ước nên không thể nói: "Con không được làm việc này", nhưng lòng vua vô cùng phiền muộn. Tuy thế, sau khi hỏi nguồn gốc năm chàng là con ai, và khi biết đó là con Vua Paṇḍu, vua nghênh tiếp năm chàng vô cùng trọng thể và gả công chúa làm vợ cả năm chàng. Nhờ mãnh lực của dục tình nồng nhiệt, nàng chiếm được tình yêu của năm chàng vương tử trong cung điện bảy tầng của nàng.

Bấy giờ, nàng có một kẻ hầu cận vừa gù vừa què và dù nàng đã chiếm trọn con tim của năm vương tử, nhưng ngay khi năm chàng ra khỏi cung, nàng tìm được cơ hội và bị lửa dục nung nấu nên đã phạm tội lỗi với gã nô lệ lưng gù kia.

Trong khi trò chuyện với gã, nàng nói:

– Không có ai được ta yêu quý bằng chàng. Ta sẽ giết năm vương tử này và lấy máu từ cổ họ xoa vào đôi chân chàng.

Khi nàng bầu bạn với vị thái tử trong năm vị kia, nàng thường bảo:

– Chàng thân yêu đối với thiếp hơn bốn chàng kia. Vì chàng, thiếp sẽ hy sinh cả đến tính mạng mình. Khi phụ vương băng hà, thiếp sẽ trao quốc độ cho riêng chàng.

Nhưng khi bầu bạn với các chàng kia, nàng cũng làm y hệt như vậy. Các chàng vô cùng đẹp lòng vì nàng và suy nghĩ: "Nàng thương yêu ta và nhờ đó vương vị này sẽ thuộc về ta."

Một hôm, nàng bị bệnh, họ tụ tập quanh nàng, một người xoa đầu, kẻ xoa tay chân, trong khi gã nô lệ ngồi dưới chân nàng. Với vị Vương tử Ajjuna đang xoa đầu nàng, nàng lấy đầu ra hiệu ngầm bảo: "Không ai được thiếp thương yêu hơn chàng. Bao lâu thiếp còn sống, thiếp sẽ sống vì chàng và khi phụ vương từ trần, thiếp sẽ trao vương quốc cho chàng" và thế là nàng chiếm trọn tim chàng.

Đối với các người kia, nàng cũng làm dấu bằng tay chân với ý nghĩa như vậy. Nhưng đối với gã gù lưng, nàng làm dấu bằng lưỡi với ngụ ý: "Chỉ có chàng là người duy nhất được ta yêu quý. Ta chỉ sống vì chàng."

Nhờ những điều nàng đã nói trước kia, tất cả bọn họ đều hiểu các dấu hiệu này có ý nghĩa gì. Nhưng trong khi mỗi người nhận ra dấu hiệu dành riêng cho mình, Vương tử Ajjuna vừa thấy các dấu hiệu tay, chân và lưỡi ấy liền suy nghĩ: "Trong trường hợp ta cũng như với các người khác, chắc phải có điều gì đó nàng muốn chứng tỏ bằng dấu hiệu kia, vậy đối với gã lưng gù này hẳn cũng có một thân tình nào đây." Thế rồi vừa đi ra ngoài với các em, chàng hỏi:

– Các hoàng đệ có thấy công chúa năm chồng này làm dấu với ta bằng đầu nàng chăng?

– Thưa vâng, có thấy.

– Các em có hiểu ý nghĩa của nó chăng?

– Thưa không.

– Ý nghĩa của nó là như vầy, như vầy. Thế các em có biết ý nghĩa dấu hiệu bằng tay chân của nàng với các em chăng?

– Thưa vâng, chúng em có biết.

– Nàng cũng làm dấu cho ta như vậy. Thế các em có biết ý nghĩa dấu hiệu nàng bảo gã lưng gù bằng lưỡi chăng?

– Chúng em không biết.

Chàng liền bảo họ:

– Nàng cũng phạm tội với gã đó.

Vì họ không tin chàng, chàng bảo gã lưng gù đến và hỏi gã, gã liền kể cho chàng mọi chuyện. Khi họ nghe gã nói, họ đều mất hết lòng say mê đối với nàng và bảo nhau:

– Ôi, rõ ràng giống đàn bà thật xấu xa tội lỗi! Vừa rời khỏi các nam nhi như chúng ta vốn quý tộc cao sang và đầy đủ phúc phận, nàng đã phạm tà hạnh với một gã lưng gù gớm ghiếc, đáng ghê tởm như thế này. Ai có trí tuệ lại ham thích kết duyên với nữ nhi vô sỉ, gian tà như vậy?

Sau khi lần lượt phỉ báng nữ nhân như trên, năm vương tử suy nghĩ: "Chúng ta đã chán chê đời sống vợ chồng rồi." Các vị lui về ở ẩn tại vùng Tuyết Sơn, và sau khi đã thành tựu pháp môn thiền định đề mục biến xứ, lúc mạng chung, các vị đi theo nghiệp của mình.

Chim chúa Kuṇāla là Vương tử Ajjuna, chính vì lý do ấy, khi nêu ra điều gì bản thân đã thấy, chim ấy đều bắt đầu câu chuyện với lời: "Ta đã thấy." Khi kể lại những việc khác mà chim ấy đã thấy thời xưa, chim ấy cũng dùng những lời ấy.

***

CHUYỆN NỮ KHỔ HẠNH SACCATAPĀVĪ

Sau đây là phần giải thích chuyện thứ hai được nêu ra ở phần khởi đầu:

Ngày xưa, tương truyền có một nữ khổ hạnh bạch y tên là Saccatapāvī xây một thảo am ở một nghĩa địa gần Ba-la-nại. Trong lúc sống ở đây, cô nhịn luôn bốn bữa ăn trong số năm bữa; khắp kinh thành, danh tiếng của cô sáng chói gần xa chẳng khác nào đôi vầng nhật nguyệt. Dân chúng thành Ba-la-nại nếu có hắt hơi hay vấp ngã đều bảo: "Cầu phúc cho Saccatapāvī!"

Bấy giờ, vào ngày đầu một lễ hội, một số thợ vàng dựng lều tại một nơi dân

chúng tụ tập và đem theo cá, thịt, rượu mạnh, dầu thơm, tràng hoa, v.v... rồi bắt đầu tiệc rượu say sưa. Lúc ấy, một gã thợ vàng nghiện rượu đang lúc nôn tháo đã kêu lên: "Cầu phúc cho Saccatapāvī!" Có người khôn ngoan trong bọn họ bảo:

– Ôi, thật là điên rồ mù quáng, chú đang tôn trọng một nữ nhân tính khí thay đổi bất thường. Chú thật là đồ điên!

Gã đáp:

– Này bạn, đừng nói vậy, nếu không sẽ phạm tội đọa vào địa ngục đấy.

Người khôn ngoan liền bảo:

– Đồ điên, hãy câm mồm lại! Hãy đánh cuộc với ta một ngàn đồng vàng. Trong bảy ngày kể từ nay, cứ ngồi tại chính nơi đây, ta sẽ giao tận tay chú cô Saccatapāvī phục sức diễm lệ cùng liên hoan rượu mạnh và ta cũng sẽ say sưa đánh chén với cô ấy. Bọn nữ nhi đều tính tình bất định như thế.

Gã kia đáp:

– Bạn không thể có khả năng làm việc ấy đâu.

Và gã đánh cuộc một ngàn đồng vàng. Thế rồi, thông báo với những người thợ vàng kia xong, sáng sớm hôm sau, người khôn ngoan giả dạng một vị khổ hạnh tiến vào nghĩa địa, không xa nơi cô cư ngụ và đứng chiêm bái mặt trời. Cô thấy người ấy lúc bắt đầu đi khất thực và suy nghĩ: "Chắc chắn đây là một vị khổ hạnh có thần thông. Ta ở một bên nghĩa địa, còn ngài ở ngay chính giữa. Tâm ngài chắc hẳn thuần tịnh như bậc Thánh. Ta muốn tỏ lòng ngưỡng mộ ngài."

Thế là cô đến gần người ấy đảnh lễ, nhưng anh ta không nhìn cũng không nói gì. Ngày hôm sau, anh ta cũng cứ làm như vậy. Nhưng qua ngày thứ ba, khi cô đảnh lễ, anh ta nhìn xuống và bảo:

– Hãy đi ngay!

Qua ngày thứ tư, anh ta ân cần nói với cô:

– Cô đi khất thực có mệt nhọc chăng?

Cô nghĩ thầm: "Ta đã được chào hỏi ân cần rồi" và hoan hỷ ra đi. Ngày thứ năm, cô lại nhận được một lời chào hỏi ân cần hơn và sau khi ngồi nghỉ chốc lát, cô đảnh lễ anh ta và ra đi. Vào ngày thứ sáu, cô lại đến đảnh lễ anh ta khi anh ta ngồi đó. Anh ta nói:

– Này hiền muội, có tiếng gì ồn ào, ca nhạc vang lừng ở Ba-la-nại hôm nay thế?

Cô đáp:

– Bạch Thánh giả, ngài không biết có mở lễ hội trong thành và đây là tiếng những người đang liên hoan tại đó ư?

Giả vờ không biết, anh ta bảo:

– Phải, chắc đây là tiếng ồn ta nghe được.

Rồi anh ta lại hỏi:

– Này hiền muội, cô nhịn ăn bao nhiêu bữa?

– Bạch Thánh giả, bốn bữa. Còn Thánh giả nhịn bao nhiêu bữa?

– Này hiền muội, bảy bữa.

Nhưng đó là lời nói dối vì anh ta thường ăn suốt ngày đêm. Rồi anh ta lại hỏi:

– Cô đã thọ giới bao nhiêu năm?

Cô nói:

– Mười hai năm. Thế Thánh giả xuất gia bao lâu?

Anh ta đáp:

– Đây là năm thứ sáu.

Rồi anh ta lại hỏi:

– Này hiền muội, cô đã đạt đến sự thanh tịnh của bậc Thánh chưa?

– Bạch Thánh giả, chưa. Còn Thánh giả?

Anh ta đáp:

– Chúng ta đều chưa đạt cả. Này hiền muội, chúng ta không hưởng thọ dục lạc, cũng không thành tựu viễn ly lạc. Vậy thì địa ngục nóng bỏng có nghĩa gì với chúng ta chứ? Chúng ta hãy theo con đường của đại chúng đi. Ta sẽ trở thành gia chủ và vì ta có sẵn tài sản của mẹ ta, ta sẽ chẳng thiệt hại gì cả.

Khi nghe anh ta nói và do thiếu tịnh tín bất động, cô đem lòng say mê anh ta liền nói:

– Thưa ngài, tiện nữ cũng thấy tâm bất mãn, nếu ngài không từ chối, thiếp xin theo về ở nhà cùng ngài.

Anh ta đáp ngay:

– Ta không từ chối cô đâu, cô sẽ là vợ ta.

Sau đó, anh ta đưa cô ta về thành và sống chung với cô ấy. Khi cùng cô đến tửu quán, chính anh ta uống rượu và bảo cô dùng tiệc rượu. Vì thế, gã con trai kia thua cuộc, mất một ngàn tiền vàng, còn cô được người thợ vàng này ban cho các con trai, con gái. Thời ấy, chim Kuṇāla là người thợ vàng và khi kể chuyện này, chim bắt đầu bằng những lời: "Ta đã thấy."

Chuyện thứ ba là một cổ tích được kể đầy đủ trong *Chuyện Hoàng hậu Kākāti* thuộc chương IV.[27] Vào thời ấy, Kuṇāla là chim Garuḷa (Kim Sí điểu) và vì lý do này, khi chứng minh điều gì thấy tận mắt, chim ấy bắt đầu bằng lời: "Ta đã thấy."

***

[27] Xem *J.* III. 91, *Kākātijātaka* (*Chuyện Hoàng hậu Kākāti*), số §327.

CHUYỆN CÔNG CHÚA KURAṄGAVI

Trong chuyện thứ tư, một thuở nọ, Vua Brahmadatta giết vua xứ Kosala và chiếm quốc độ, cướp hoàng hậu đang có thai. Vua trở về Ba-la-nại, và dù biết rõ tình trạng của bà, vua vẫn phong bà làm hoàng hậu. Đến kỳ khai hoa nở nhụy, bà sinh một hoàng nam giống như một bức tượng vàng ròng.

Bà suy nghĩ: "Khi con ta lớn lên, vua xứ Ba-la-nại sẽ bảo: 'Nó là con trai của kẻ thù ta. Nó có nghĩa gì với ta đâu!' Và sẽ giết nó. Nhưng không, ta không thể để con ta chết vì tay kẻ thù." Vì thế, bà bảo nhũ mẫu:

– Này chị, hãy lấy vải thô quấn hài nhi này và đi quẳng vào nhà xác!

Nhũ mẫu làm theo lời bà và sau khi tắm rửa xong liền về nhà.

Còn vua xứ Kosala, sau khi từ trần, tái sinh làm vị thần hộ mạng hài nhi ấy và do thần lực xui khiến, một con dê cái của một mục tử đang nuôi đàn dê ở vùng này, thấy đứa bé liền đem lòng thương yêu, cho nó bú sữa xong đi quanh quẩn một lát rồi trở về hai, ba hoặc cả bốn lần để cho nó bú.

Người chăn dê thấy con dê đi quanh đó liền đến nơi, thấy đứa bé cũng đem lòng thương yêu và ẵm nó về cho vợ. Bấy giờ, bà vợ không có con nên không có sữa cho bú, vì thế con dê cái tiếp tục cho nó bú.

Từ hôm ấy, cứ mỗi ngày đều có hai, ba con dê chết. Người chăn dê suy nghĩ: "Nếu đứa bé này được ta tiếp tục chăm sóc thì tất cả đàn dê đều chết. Nó có nghĩa gì với ta chứ!" Sau đó, y đặt nó vào một nồi đất, đậy lên một cái nắp và thoa lên mặt nó đầy bột đậu không chừa một kẽ hở nào rồi thả nó xuống sông.

Đứa bé do dòng nước cuốn trôi đến bờ thấp gần cung vua thì được một kẻ vá đồ cũ hạ đẳng trông thấy khi đang đứng rửa mặt với vợ. Y vội vàng chạy đến kéo cái nồi ra khỏi nước và đặt trên bờ. Y suy nghĩ: "Ta lấy được cái gì đây?" Vừa mở nồi ra, y liền thấy đứa bé. Vợ y cũng không có con nên sinh lòng thương yêu nó, vì thế bà đem nó về nhà săn sóc.

Khi đứa bé lên bảy, tám tuổi, cha mẹ nó thường đem nó theo mỗi khi đến cung vua. Lúc được mười sáu tuổi, chàng trai thường đến cung vua để vá đồ cũ. Vua và hoàng hậu có một công chúa tên Kuraṅgavī, là một cô gái nhan sắc phi thường. Từ lúc nàng trông thấy chàng trai, nàng đem lòng luyến ái chàng và không còn để ý đến ai nữa, nàng thường đi đến nơi chàng làm việc. Do thường xuyên gặp gỡ nhau, họ say mê lẫn nhau và lén lút phạm tà hạnh trong ngự viên. Dần dần, bọn thị nữ tâu lên vua cha chuyện ấy. Vua nổi trận lôi đình, triệu tập các cận thần lại phán:

– Tên hạ đẳng này đã phạm các tội như vầy, như vầy. Các khanh xem phải làm gì để trị nó đi!

Các cận thần tâu:

– Tội nó nặng lắm, sau khi buộc nó chịu mọi hình phạt, ta phải xử tử nó.

Thuở ấy, cha của chàng trai là vua xứ Kosala đã trở thành vị thần hộ mạng của chàng liền nhập vào thân mẹ chàng nên nhờ thần lực ấy, bà đến gần vua và thưa:

– Tâu Đại vương, chàng trai này không phải là kẻ hạ đẳng đâu. Nó là con trai thiếp sinh ra với vua xứ Kosala. Thiếp đã nói dối Đại vương khi bảo rằng con thiếp đã chết. Vì biết rằng nó là con trai kẻ thù của Đại vương nên thiếp đã sai một nhũ mẫu đem nó bỏ vào nhà xác. Sau đó, một người chăn dê chăm sóc nó, nhưng khi cả bầy dê bắt đầu chết, y đã thả nó xuống sông và do dòng nước cuốn đến đây, nó được kẻ hạ đẳng vá đồ cũ trong cung này tìm thấy và nuôi nấng. Nếu Đại vương không tin thiếp, xin cứ gọi những kẻ này vào và hỏi họ.

Vua triệu những người ấy vào, bắt đầu với nhũ mẫu, khi chất vấn, biết rõ các sự kiện do bà kể, vua rất hân hoan thấy chàng trai thuộc dòng quý tộc liền ra lệnh cho chàng đi tắm rửa, trang điểm thật lộng lẫy và gả công chúa cho chàng. Thuở ấy, do việc chàng đã gây ra cái chết của đàn dê, chàng được đặt tên Eḷakamāra (bả thuốc giết dê).

Sau đó, vua giao cho chàng xe cộ, một đạo quân và bảo chàng lên đường:

– Hãy đi làm chủ quốc độ của phụ vương con ngày trước!

Vì thế, chàng ra đi cùng với Kuraṅgavī và được tôn lên ngôi báu. Lúc ấy, vua xứ Ba-la-nại suy nghĩ: "Con ta chẳng được học hành gì cả" nên truyền Chaḷaṅga đến làm thầy dạy chàng các môn học thuật. Khi nhận vị này làm Sư trưởng, chàng lại phong ông chức Đại tướng. Dần dà, Kuraṅgavī thông gian với ông. Vị đại tướng có một quan hầu cận tên Dhanantevāsī và ông nhờ kẻ ấy trao các món y phục cùng nữ trang khác cho Kuraṅgavī, nàng cũng thông gian với kẻ ấy.

– Bọn ác nữ nhân thật là hư hỏng, vô đạo như vậy nên ta không thể tán dương họ.

Bậc Đại sĩ dạy điều này khi ngài kể một chuyện quá khứ, vì thuở ấy, ngài là Chaḷaṅga, do đó sự kiện ngài kể là một việc chính mắt ngài thấy.

***

CHUYỆN VƯƠNG HẬU XỨ KOSALA

Trong chuyện thứ năm này, có một thời vua xứ Kosala chiếm quốc độ Ba-la-nại và phong bà chánh hậu đang có thai của vua ấy lên ngôi chánh cung rồi trở về kinh đô của mình. Về sau, bà sinh ra một vương tử. Vì không có con riêng của mình nên vua rất yêu quý hài nhi và truyền dạy bảo cho chàng mọi môn học thuật. Khi chàng trưởng thành, vua cha truyền chàng đi làm chủ quốc độ thuộc quyền của cha chàng thuở trước. Chàng ra đi ngự trị xứ ấy. Sau đó, mẫu hậu chàng bảo bà nhớ con trai liền xin phép vua xứ Kosala khởi hành đến Ba-la-nại cùng một đoàn hộ tống đông đảo và trú chân ở một thị trấn giữa hai

nước. Tại đây, có một thanh niên Bà-la-môn tuấn tú tên gọi Pañcālacaṇḍa đem dâng hoàng hậu một tặng vật. Vừa thấy kẻ ấy, bà liền say mê và phạm tà dục với y.

Sau khi ở lại đó vài ngày, bà đến Ba-la-nại thăm hoàng tử. Lúc trở về, bà lại trú chân ở tại thị trấn nọ và sau nhiều ngày thông gian với tình nhân, bà trở về Kosala. Chẳng bao lâu sau, bà lấy cớ này cớ nọ để đi thăm con, bà xin phép vua và đến ở nửa tháng trong thị trấn kia để thông gian với tình nhân.

– Bọn nữ nhi đầy tội lỗi và giả dối như vậy đó.

Trong khi kể chuyện quá khứ này, ngài bắt đầu với những lời: "Chuyện này cũng có ý nghĩa ấy."

Về sau, với nhiều cách biểu lộ sự khéo léo trong khi thuyết pháp, ngài nói:

– Này hiền hữu Puṇṇamukha, có bốn thứ tỏ ra tai hại khi gặp hoàn cảnh, ta bảo bốn thứ này không được đặt vào nhà láng giềng, đó là: Bò đực, bò cái, cỗ xe và vợ. Một người có trí không nên để bốn loại phương tiện này lìa khỏi nhà mình.

Ở đây, còn có thêm lời nói rằng:

296. Chớ cho hàng xóm mượn bò xe,
Chớ gửi vợ ta đến bạn bè,
Bò đực chết vì làm quá độ,
Phá xe vì chúng thiếu tay nghề,
Sữa bò cái vắt cho khô cạn,
Vợ đến bà con hỏng thói lề.

Này hiền hữu Puṇṇamukha, có sáu thứ không có lợi ích khi có công việc phải làm:

297. Chẳng có ích gì, những lúc cần,
Cây cung nhưng chẳng có dây cung,
Thuyền ở bờ kia, xe gãy trục,
Vợ nhà đang sống chỗ bà con,
Bè bạn khi cần ở chốn xa,
Cộng sự cận kề, người xấu ác.

Này hiền hữu Puṇṇamukha, thật vậy, có tám duyên cớ khiến đàn bà khinh bỉ chồng, đó là: Do nghèo khó, bệnh tật, già cả, nghiện rượu, ngu đần, phóng túng, bôn ba đủ mọi thứ việc, xao lãng bổn phận đối với vợ. Thật vậy, đàn bà khinh bỉ chồng mình vì tám duyên cớ ấy.

Ở đây lại thêm vần kệ này:

298. Bệnh, nghèo, già, nghiện rượu, buông lung,
Việc quá bôn ba, hoặc độn đần,
Hoặc thấy chồng không lo bổn phận,
Vợ thường chẳng trọng đấng phu quân.

Thật vậy, do chín nguyên nhân này, một nữ nhân phạm lỗi lầm: Nàng thích lui tới các công viên, vườn hoa, bờ sông, thích thăm viếng nhà bà con, hoặc người xa lạ, ham mê trang điểm trang phục tốt đẹp nhất, hoặc nàng nghiện rượu mạnh, ưa nhìn quanh quẩn bên mình, hoặc đứng tựa cửa; thì này ta bảo do chín duyên cớ này, một nữ nhân phạm lỗi lầm.

Ở đây lại thêm vần kệ này:

299. Đàn bà ưa mặc áo quần sang,
Nghiện rượu, rong chơi, dạ vẫn ham,
Vườn cảnh, công viên, trên bến nước,
Đến nhà người lạ hoặc thân bằng.

300. Nàng thường đến đứng bên khung cửa,
Lơ đãng nhìn quanh quẩn mặt đàng.
Theo chín cách này hư hỏng sớm,
Lạc xa đường đức hạnh hiền lương.

Thật vậy, này hiền hữu Puṇṇamukha, nữ nhân làm xiêu lòng nam nhi bằng bốn mươi cách khác nhau: Nàng uốn người lên, nàng cong người xuống, nàng nhảy tung tăng, nàng làm vẻ e thẹn, nàng lấy móng tay này gõ móng tay kia, nàng đặt chân này lên chân kia, nàng lấy que cào mặt đất, nàng tung chàng trai lên rồi hạ xuống, nàng nô đùa và khiến chàng trai nô đùa, nàng hôn chàng và bảo chàng hôn nàng, nàng ăn và cho chàng ăn, nàng trao tặng, hoặc cầu xin vật gì đó, nàng nhại lại những gì chàng làm, nàng nói giọng trầm, nàng nói giọng bổng, nàng nói chuyện cởi mở, nàng nói có vẻ bí mật, nàng cười cợt lôi cuốn chàng bằng múa, ca, đàn địch, bằng những giọt nước mắt, hay cách làm dáng, hoặc với áo quần lộng lẫy, hay nhìn chờ đợi, nàng lắc hông, hay lắc bộ phận kín của người nữ, khoe đùi ra, hoặc che đùi lại, nàng khoe ngực, khoe nách, khoe rốn, nàng nhắm mắt, nàng nhướng mày, nàng mím môi, nàng lè lưỡi, nàng thả lỏng xiêm y, hay kéo sát xiêm y, nàng buông lơi khăn trùm đầu, hay quấn chặt khăn trùm đầu. Quả thật nàng lôi cuốn nam nhi bằng bốn mươi cách này.

Thật vậy, này hiền hữu Puṇṇamukha, một nữ nhân hư đốn được biết rõ qua hai mươi lăm cách khác nhau: Nàng ca ngợi việc chồng nàng vắng mặt, nàng không nhớ khi chồng đi xa, nàng chẳng thích chồng trở về, nàng chê bai chồng, nàng không lên tiếng khen chồng, nàng làm thương tổn chồng, nàng không làm lợi ích chồng, nàng làm những việc có hại cho chồng, nàng không muốn làm gì giúp đỡ chồng, nàng mặc cả xiêm y lúc đi ngủ, nàng nằm ngoảnh mặt làm ngơ chồng, nàng lăn lóc qua lại gây chuyện ầm ĩ, nàng thở dài sườn sượt, nàng kêu đau nhức mình mẩy, nàng thường hay đi tiểu tiện, nàng hay chống đối, hễ nghe tiếng người lạ nàng lắng tai nghe chăm chú, nàng phung phí tài sản của chồng, nàng giao du thân mật với bạn hàng xóm, nàng hay đi lang thang ra ngoài thơ thẩn dạo phố, nàng phạm tội ngoại tình, vì khinh bỉ chồng mà nàng có nhiều tư tưởng xấu xa trong lòng, nàng hay đứng nơi cửa, nàng hở bày ngực

cùng tay chân và nách, nàng đi khắp nơi trông ngóng. Quả thật, này hiền hữu Puṇṇamukha, một nữ nhân hư hỏng được biết qua hai mươi lăm cách này.

Và đây lại thêm các vần kệ cảm thán:

301. Đồng tình sự vắng mặt phu quân,
Chàng bước ra đi chẳng não lòng,
Dạ chẳng vui mừng chàng trở lại,
Chẳng bao giờ tán thán công chồng,
Đây là dấu hiệu nêu cho rõ,
Lề thói thông thường ác nữ nhân.

302. Bất tuân, tính kế hại phu quân,
Làm việc không nên, bỏ lợi chồng,
Mặt ngoảnh đi, nàng nằm xuống ngủ,
Bên chàng xiêm áo phủ hoàn toàn,
Đây là dấu hiệu nàng hư đốn,
Chắc chắn lộ ra thật rõ ràng.

303. Trằn trọc, chẳng nằm một lát yên,
Thở dài sườn sượt, lại kêu rên,
Hoặc nàng cứ giả vờ đau bụng,
Như muốn tiểu, nàng vẫn đứng lên,
Các dấu hiệu này người thấy rõ,
Tính tình của phụ nữ hư hèn.

304. Độc ác trong hành động của nàng,
Nàng làm những việc phải can ngăn;
Nghe lời người lạ cầu ân huệ,
Tài sản chồng, nàng thật phí hoang,
Để được ngoại tình là dấu hiệu,
Mọi người thấy rõ tính tà gian.

305. Bạc vàng góp nhặt bởi công chồng,
Đồ đạc chất đầy thật khổ thân,
Nàng phí phạm nhanh, cùng lối xóm,
Nàng thân mật quá độ, dần dần,
Chính nhờ dấu hiệu này ta biết,
Tính nết gian tà của nữ nhân.

306. Hãy ngắm nàng đi dạo phố phường,
Phũ phàng đối xử với phu quân,
Khinh khi thô lỗ nhất trần thế,
Chẳng ngớt ngoại tình, loạn trí tâm,
Nhờ dấu hiệu này ta thấy rõ,
Bọn hồng quần quả thật tà gian.

307. Nàng vẫn đứng ngay trước cửa nhà,
Coi thường mọi phép tắc đoan trang,
Khoe thân trơ trẽn cho hành khách,
Buồn bực nhìn quanh quẩn mọi phương,
Các dấu hiệu này cho thấy rõ,
Thói tà gian của bọn hồng quần.

308. Như rừng cây được gỗ làm thành,
Như các dòng sông chảy uốn quanh,
Vậy cứ tạo thời cơ thuận tiện,
Nữ nhân đều lạc lối vô minh.

309. Tạo nơi kín đáo, hợp thời cơ,
Con đường đức hạnh phải rời xa,
Nữ nhân tất cả đều hư đốn,
Nếu có chốn nơi, lại đúng giờ,
Ví các tình nhân kia chẳng đến,
Chúng liền phạm tội với tên gù.

310. Đàn bà phục vụ thú đàn ông,
Chớ một ai tin bọn nữ nhân,
Lòng dạ chúng thường thay đổi mãi,
Dục tham chúng lại cứ buông lung.
Nữ nhân xứng gọi người cầu lạc,
Hèn mạt nhất trong đám hạ tầng,
Chúng vẫn giống như là bến tắm,
Thường chung chạ với mọi nam nhân.

***

CHUYỆN VƯƠNG HẬU KINNARĀ

Ngày xưa tại Ba-la-nại, có vị vua tên là Kaṇḍari rất khôi ngô tuấn tú. Hằng ngày, các cận thần đem đến dâng một ngàn hộp nước hoa. Với nước hoa này, họ làm cho cung điện thật cao sang thanh lịch. Sau đó, họ chẻ các hộp ấy nhóm lửa thơm ngát và nấu thức ăn với lửa ấy.

Bấy giờ, vương hậu là một nữ nhân diễm lệ có tên Kinnarā và vị tế sư của vua là Pañcālacaṇḍa cùng tuổi với vua và rất thông tuệ. Phía trong bức tường cạnh cung vua có một cây hồng đào, cành lá sà xuống tận bức tường và một tên què dị dạng gớm ghiếc sống ở dưới bóng cây ấy.

Một hôm, Vương hậu Kinnarā nhìn ra cửa sổ thấy gã liền đem lòng say mê gã. Ban đêm, sau khi đã chiếm được sự sủng ái của vua nhờ các tài quyến rũ của bà, vừa khi vua ngủ say, bà thường rón rén đứng dậy sắp đặt mọi thứ cao lương mỹ vị vào một cái bát bằng vàng và đeo nó bên hông, bà hoàng đu mình qua cửa

sổ nhờ một sợi dây vải, trèo lên cây hồng đào và buông mình xuống bằng một nhánh cây, bà đưa cao lương mỹ vị cho gã què ăn rồi giao hoan với gã xong bà lại trèo lên cung điện theo cách bà đã đi xuống. Sau khi tắm gội toàn thân bằng nước hương, bà liền nằm xuống bên cạnh vua. Theo cách này, bà thường xuyên phạm tà hạnh với gã què mà vua không biết gì cả.

Một ngày kia, sau một lễ hội oai nghi diễu quanh kinh thành, vua đi vào cung chợt thấy tên què kia, một sinh vật đáng thương đang nằm dưới bóng cây hồng đào và vua bảo vị tế sư:

– Khanh hãy nhìn con ma trên đất này.

– Tâu Đại vương, truyền việc gì chăng?

– Này hiền hữu, có thể nào một nữ nhân bị dục tình kích động lại muốn đến gần một sinh vật đáng ghê tởm như thế này chăng?

Nghe lời vua phán, gã què tràn đầy kiêu mạn suy nghĩ: "Vua này nói gì thế? Có lẽ vua không biết tý nào về việc hoàng hậu đến thăm ta." Rồi chắp hai tay về phía cây hồng đào, gã la to:

– Tâu vị thần hộ mạng cây này, trừ ngài ra, không ai biết chuyện ấy cả.

Vị tế sư thấy hành vi của gã, nghĩ thầm: "Chắc chắn chánh hậu của vua nhờ cây này giúp đi xuống phạm tà hạnh với gã." Vì thế, vị ấy tâu với vua:

– Tâu Đại vương, ban đêm Đại vương tiếp xúc với thân thể chánh hậu thì thấy như thế nào?

Vua đáp:

– Ta không nhận thấy gì cả. Song vào canh giữa thân thể bà lạnh lắm.

– Thế thì tâu Đại vương, dù trường hợp các nữ nhân khác ra sao đi nữa, Chánh hậu Kinnarā cũng đã thông gian với gã kia.

– Hiền hữu nói gì thế này? Lẽ nào một nữ nhân diễm lệ thế kia lại hành lạc cùng với con vật gớm ghiếc này ư?

– Vậy thì tâu Đại vương, ta thử tìm chứng cớ chuyện này.

Nhà vua bảo:

– Trẫm chấp thuận.

Và sau buổi cơm tối, vua nằm xuống cạnh bà để thử việc kia. Vào giờ ngủ như thường lệ, vua giả vờ ngủ say và bà cũng hành động như trước. Vua muốn theo dõi bước chân bà liền đứng nấp trong bóng cây hồng đào. Tên què đang giận dữ với bà và bảo:

– Tối nay nàng đến chậm quá.

Rồi gã lấy tay đánh vào chiếc vòng tai của bà, vì thế bà đáp:

– Xin lang quân chớ giận. Thiếp phải chờ nhà vua ngủ say đã chứ.

Nói vậy xong, bà làm mọi việc như thể đóng vai một người vợ trong nhà gã què. Nhưng khi gã đánh bà, chiếc vòng tai có hình đầu sư tử rời khỏi tai bà

rớt xuống chân vua. Nhà vua nghĩ thầm: "Chính cái này sẽ là vật tuyệt diệu cho ta." Rồi vua lượm chiếc vòng giấu đi. Sau khi phạm tà dục với tình nhân, bà trở về như trước và đi vào nằm cạnh vua. Nhà vua khước từ mọi điệu bộ gợi tình của bà. Ngày hôm sau, vua truyền lệnh:

– Hoàng hậu Kinnarā phải đến chầu và mang theo mọi món trang sức trẫm đã ban.

Bà đáp:

– Món nữ trang có hình đầu sư tử của ta đang để ở tiệm vàng.

Và bà từ chối đi diện kiến. Khi lệnh vua ban ra lần thứ hai, bà đến với một chiếc hoa tai độc nhất. Nhà vua hỏi:

– Hoa tai kia của khanh đâu?

– Ở chỗ người thợ vàng.

Vua truyền người thợ vàng đến, phán:

– Tại sao ngươi không để hoàng hậu đeo hoa tai?

– Tâu Đại vương, hạ thần không giữ hoa tai ấy.

Nhà vua nổi cơn thịnh nộ, bảo:

– Này con tiện tỳ hư đốn kia, gã thợ vàng của ngươi chắc hẳn là một người giống như ta.

Nói vậy xong, vua ném chiếc hoa tai ấy xuống trước mặt bà và bảo vị tế sư:

– Này hiền hữu, khanh đã nói đúng, hãy đi bảo chém đầu nó ngay!

Vị ấy liền đem bà giấu ở một nơi an toàn trong cung và đến tâu trình vua:

– Tâu Đại vương, xin chớ giận Hoàng hậu Kinnarā, mọi nữ nhân đều như vậy cả. Nếu Đại vương muốn thấy bọn nữ nhân vô đạo ra sao, hạ thần sẽ chỉ cho Đại vương thấy tính gian tà và lừa dối của chúng. Vậy ta hãy cải trang và vi hành xuống thôn quê.

Nhà vua sẵn sàng chấp thuận, giao vương quốc cho mẫu hậu rồi lên đường ngao du với vị tế sư. Khi hai vị đã đi một do-tuần và ngồi bên đường cái thì một phú gia nọ đang mở hội rước dâu cho con trai, đã đặt cô dâu ngồi vào một cỗ xe đóng kín và hộ tống nàng với một đoàn tùy tùng rầm rộ. Khi thấy đám rước này, vị tế sư nói:

– Nếu Đại vương muốn, ngài có thể làm cho cô gái này thông gian với ngài.

– Này hiền hữu, khanh nói gì thế? Với cả đoàn tùy tùng rầm rộ này, làm sao có chuyện ấy được?

– Vậy thì xin Đại vương hãy nhìn đây.

Rồi tiến lên phía trước, ông dựng lên một bức màn giống như một túp lều không xa đường cái, để vua ở trong màn, còn chính ông ngồi bên đường khóc lóc. Lúc ấy, vị phú ông thấy vậy liền hỏi:

– Tại sao hiền hữu khóc?

Ông đáp:

– Tiện nội đang thai nghén nặng nề nên tiểu đệ lên đường đưa nàng về nhà mẹ, đang lúc đi đường nàng lên cơn đau đớn khổ sở trong bức màn kia và nàng lại không có người phụ nữ nào ở bên nàng, còn tiểu đệ thì không thể vào đó với nàng được. Tiểu đệ không biết việc sẽ ra sao nữa.

– Nàng phải có một người đàn bà ở bên cạnh. Thôi đừng khóc nữa. Ở đây có nhiều đàn bà lắm, một người trong bọn sẽ đến với nàng.

– Vậy thì xin để tiểu thư này vào. Đây sẽ là điềm lành cho tiểu thư.

Phú ông nghĩ thầm: "Người kia nói đúng đấy. Đây sẽ là việc lành cho con dâu ta. Nó sẽ được phước sinh ra vô số con trai, con gái." Rồi ông đưa nàng vào trong đó. Vừa bước vào màn, thoạt trông thấy vua, nàng đã say mê và phạm tà hạnh với vua, rồi vua tặng nàng một chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng của mình.

Khi việc ấy đã xong và nàng bước ra khỏi lều, chúng bạn hỏi:

– Bà ấy sinh con gì thế?

– Một cậu trai sắc vàng óng!

Thế rồi vị phú ông đem nàng đi mất. Vị tế sư đến gặp nhà vua và nói:

– Tâu Đại vương, ngài vừa thấy ngay cả một thiếu nữ cũng đã hư hỏng như vậy. Còn nói gì các nữ nhân khác càng hư hỏng đến đâu. Xin Đại vương cho biết ngài có ban nàng vật gì không?

– Có, ta ban nàng chiếc nhẫn có tín hiệu riêng của ta.

– Hạ thần quyết không cho nàng giữ vật ấy đâu.

Ông liền vội vã chạy theo bắt kịp chiếc xe và khi bọn họ hỏi:

– Thế này là nghĩa lý gì?

Ông đáp:

– Cô tiểu thư này ra đi với chiếc nhẫn mà tiện nội Bà-la-môn đặt trên gối của nàng, vậy tiểu thư hãy trả chiếc nhẫn lại đi.

Khi trao nhẫn lại, nàng cào vào tay vị Bà-la-môn và nói:

– Hãy cầm lấy, quân đểu giả!

Như vậy, vị Bà-la-môn này dùng đủ mọi cách nêu cho vua thấy nhiều nữ nhân khác cũng phạm tà dâm rồi nói:

– Tâu Đại vương, thế này là đủ rồi. Chúng ta sẽ đi nơi khác thôi!

Vua đi khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) và hai vị bảo nhau:

– Tất cả nữ nhân đều giống hệt nhau. Chúng có nghĩa gì với ta đâu. Thôi ta hãy quay về đi!

Thế rồi, hai vị đi thẳng về Ba-la-nại. Vị tế sư nói:

– Tâu Đại vương, mọi nữ nhân đều như thế cả, bản chất của chúng đều gian tà. Xin ngài tha tội cho chánh hậu Kinnarā!

Thể theo lời khẩn cầu của vị tế sư, vua tha tội cho bà, song truyền đuổi bà ra khỏi cung. Khi vua đã tống bà ra khỏi cung rồi, vua chọn một vương hậu khác và truyền lệnh đuổi luôn tên què cùng chặt nhánh cây hồng đào bỏ đi.

Vào thời ấy, chim chúa Kuṇāla là Pañcālacaṇḍa. Vì thế khi kể lại chuyện ngài đã chứng kiến tận mắt, ngài ngâm kệ để chứng minh:

311. Từ chuyện Kinnarā, Kaṇḍari vương,
Có nhiều việc tỏ lộ ra rằng,
Nữ nhân tất cả đều không thấy,
Thích thú trong nhà chúng trú an.
Người vợ bỏ rơi chồng cách ấy,
Dù chồng thắm thiết lại hùng cường,
Vẫn thường đi với đàn ông khác,
Ngay với gã què cũng lạc đường.

***

CHUYỆN VƯƠNG HẬU PAÑCAPĀPĀ

Đây là một chuyện khác nữa. Ngày xưa, vị vua ở xứ Ba-la-nại mệnh danh là Baka cai trị vương quốc đúng Chánh pháp. Thời ấy, một người đàn ông nghèo khổ sống ở cửa Đông thành Ba-la-nại sinh được một người con gái đặt tên là Pañcapāpā. Chuyện kể rằng, trong một đời quá khứ nàng làm con gái nhà nghèo nhào trộn đất sét để đắp tường. Lúc ấy, một vị Độc Giác Phật suy nghĩ: “Ta phải tìm đất sét ở đâu để đắp hang núi này cho sạch sẽ gọn gàng? Có thể Ta sẽ tìm được ở Ba-la-nại.”

Vị ấy liền đắp y, cầm bình bát trong tay đi vào kinh thành và đứng không xa nữ nhân này. Nàng tức giận nhìn vị ấy, nghĩ thầm: “Trong tâm địa xấu xa của y chắc đang cầu xin cả đất sét lẫn thức ăn.” Vị Độc Giác Phật vẫn đứng bất động. Vì thế, khi nàng thấy vị ấy đứng yên, nàng hồi tâm, nhìn vị ấy một lần nữa và nói:

– Bạch Tôn giả, Ngài chưa có đất sét.

Rồi nàng lấy một cục đất lớn đặt vào bình bát, với cục đất sét này, vị ấy làm cho trong hang được gọn gàng. Và phần thưởng dành cho cục đất sét ấy là thân thể nàng trở nên êm dịu lúc tiếp xúc, nhưng hậu quả của nét mặt giận dữ kia là tay chân, miệng, mắt, mũi nàng trở nên xấu xí dị dạng, vì thế quần chúng biết nàng qua biệt hiệu Pañcapāpā (Ngũ Ác Tật).

Bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại có dịp du hành quanh kinh thành vào ban đêm, khi đi đến chốn này, nàng đang nô đùa với các thôn nữ khác, và vì không biết đó là vua, nàng nắm lấy tay vua. Kết quả việc xúc chạm với nàng làm vua mất hết tự chủ và như thể bị rúng động vì xúc chạm với thần tiên, lòng rạo rực dục tình, vua nắm lấy tay nàng mặc dù nàng trông thật xấu xí dị dạng, hỏi nàng là con gái nhà ai. Nàng đáp:

– Con gái một người cư ngụ bên cổng thành.

Và khi nghe nàng chưa có chồng, vua bảo:

– Ta sẽ là chồng nàng. Hãy đi xin phép cha mẹ chấp thuận!

Nàng đến gặp cha mẹ và nói:

– Có một anh chàng muốn cưới con làm vợ.

Khi cha mẹ đồng ý và bảo:

– Chắc người kia cũng nghèo khó tội nghiệp lắm mới muốn cưới cô gái như con.

Nàng đến báo tin cho nhà vua biết cha mẹ nàng đã bằng lòng. Thế rồi, vua ở chung với nàng ngay trong chính nhà ấy và tảng sáng hôm sau lại tìm về cung. Từ hôm ấy, vua thường cải trang đến đó và không còn quan tâm đến bất cứ nữ nhân nào khác.

Bấy giờ, một hôm cha nàng mắc bệnh lên máu. Liều thuốc chữa bệnh cho cha là thường xuyên cung cấp cháo nấu với sữa, lạc, mật ong và đường. Song vì nhà nghèo, họ không thể kiếm đâu ra món ấy. Sau đó, bà mẹ bảo con gái:

– Này con, chồng con có thể kiếm cho ta một ít cháo này chăng?

Nàng đáp:

– Mẹ ơi, chồng con chắc còn nghèo hơn ta nữa; song dù vậy, con cũng sẽ hỏi chàng, mẹ đừng lo gì.

Nói thế xong, vào lúc vua trở về, nàng ngồi xuống như thể đang buồn bực. Khi vua đến hỏi tại sao nàng buồn như vậy và nghe chuyện ấy, vua bảo:

– Này hiền thê, thế khi nào ta sẽ phải đem về món thuốc công hiệu này?

Rồi vua suy nghĩ: “Ta không thể tiếp tục đến đây bằng cách này mãi được, ta phải xem xét nỗi hiểm nguy vì cứ đi tới đi lui như thế này. Song nếu ta đưa nàng về triều, quần thần không biết nàng có được làn da xúc chạm êm dịu, họ sẽ chế nhạo ta và nói: ‘Đức vua đem về một con quỷ cái.’ Còn nếu ta để cho cả kinh thành biết được xúc giác êm dịu ấy của nàng thì ta sẽ gạt bỏ hết mọi lời chê bai chống đối ta.” Vì thế, vua bảo nàng:

– Này ái thê, thôi đừng buồn bực nữa. Ta sẽ đem cho cha nàng một ít cháo ấy.

Nói xong, sau khi hưởng lạc thú cùng nàng, vua trở về cung. Hôm sau vua bảo nấu món cháo như nàng đã tả và lấy lá kết thành hai cái giỏ, một giỏ đựng cháo gạo và trong giỏ kia vua đặt một vương miện bằng ngọc rồi buộc chặt chúng lại. Ban đêm vua đến bảo nàng:

– Này ái thê, chúng ta nghèo lắm. Phải khó khăn vất vả lắm ta mới kiếm được cháo này. Nàng phải dặn cha nàng: “Hôm nay ăn cháo trong giỏ này, ngày mai giỏ kia.”

Nàng làm theo lời dặn. Còn cha nàng, sau khi ăn một ít cháo đã thấy thỏa mãn ngay nhờ các chất bổ dưỡng tăng dần sinh lực, phần còn lại nàng đưa cho

mẹ và chính nàng cũng ăn một phần nên cả ba đều cảm thấy vô cùng sung sướng, còn cái giỏ đựng vương miện bằng ngọc ấy, họ để dành cho nhu cầu hôm sau.

Khi về cung thất, vua rửa mặt và bảo:

– Hãy đem vương miện của trẫm đến đây!

Quần hầu đáp:

– Chúng thần không tìm ra vương miện.

Vua phán:

– Hãy đi tìm khắp kinh thành!

Họ đi tìm nhưng vẫn không thấy đâu cả. Vua phán:

– Thôi được, hãy đi tìm trong các nhà nghèo ngoại thành, bắt đầu từ các giỏ lá đựng thức ăn!

Họ đi tìm và thấy vương miện bảo châu trong nhà này liền la lên:

– Cha mẹ của cô nàng này là bọn trộm!

Họ trói cả hai và đem đến trình vua. Lúc ấy, cha nàng thưa:

– Tâu Chúa thượng, chúng thần không phải bọn trộm, có một người đã mang cho chúng thần bảo vật này.

Vua hỏi:

– Ai thế?

Lão đáp:

– Con rể của thần.

Khi được hỏi người ấy ở đâu, lão đáp:

– Tiện nữ biết.

Rồi lão nói chuyện với nàng:

– Này con, con biết chồng con là ai chứ?

– Con không biết.

– Nếu vậy thì chúng ta tiêu đời rồi!

– Thưa cha, chàng đến lúc trời tối và đi trước khi trời sáng, vì vậy con không biết hình dáng chàng, nhưng con có thể nhận ra chàng bằng cách nắm tay chàng.

Cha nàng kể việc này với các quan và họ tâu trình vua. Vua giả vờ không biết gì về việc này và phán:

– Được, hãy để nữ nhân này ở trong bức màn ở sân chầu và đục một lỗ trên màn lớn bằng bàn tay đàn ông rồi gọi dân chúng đến đây để tìm cho ra tên trộm bằng cách chạm vào tay nó.

Quần thần làm theo lệnh vua. Khi đến gặp nàng và thấy nàng như vậy, họ đều ghê tởm bảo nhau:

– Nó là con quỷ cái.

Trong nỗi ghê tởm, họ không dám đụng vào nàng. Nhưng họ cũng đưa nàng đặt vào trong bức màn ở sân chầu và tập hợp dân chúng lại. Khi cầm tay mỗi người đến đưa qua lỗ hổng, nàng bảo:

– Không phải người này.

Dân chúng đều say mê vì sự xúc chạm thần tiên của nàng nên không thể bỏ đi được. Họ suy nghĩ: "Nếu nàng ấy đáng bị trừng phạt thì dù chúng ta phải lấy gậy đánh nàng, chúng ta cũng sẵn sàng chịu đựng mọi việc phục dịch của bọn tôi đòi vì nàng và rước nàng về nhà làm vợ chánh." Sau đó, quân hầu của vua đánh đuổi bọn họ đi thì tất cả quần chúng bắt đầu từ vị phó vương đều làm như lũ người điên. Lúc ấy, vua bảo:

– Thế trẫm có thể là người ấy chăng?

Rồi vua đưa tay qua lỗ hổng. Người đàn bà ấy nắm lấy tay vua và la to:

– Ta đã bắt được tên trộm!

Vua hỏi quần thần:

– Khi tay các khanh được nàng ấy nắm, các khanh nghĩ sao?

Họ tâu vua giống hệt cảm giác họ đã nhận được. Vì thế, vua phán:

– Do duyên cớ này trẫm đã bảo chúng đưa nàng về cung. Nếu dân chúng không biết gì về xúc giác của nàng, họ sẽ khinh chê trẫm. Nay các khanh đã biết mọi sự thật nhờ trẫm, vậy hãy nói ra nàng ấy nên ở nhà ai để làm vợ?

Quần thần đáp:

– Tâu Đại vương, ở cung của Đại vương.

Thế rồi cử hành lễ Quán đảnh, vua phong nàng làm chánh hậu và ban cho cha mẹ nàng quyền cao chức trọng. Từ đó về sau, vì say mê nàng, vua không bảo tiến hành điều tra về nàng cũng chẳng ngó ngàng đến nữ nhân nào khác. Các vương phi kia tìm cách khám phá điều bí mật liên quan đến nàng.

Một hôm, nàng nằm mộng thấy điềm nàng làm chánh hậu của hai vị vua liền kể giấc mộng ấy với vua. Vua triệu các người giải mộng đến hỏi:

– Giấc mộng chánh hậu thấy như vậy có nghĩa gì?

Bấy giờ, bọn họ đã nhận hối lộ từ các vương phi kia liền thưa:

– Việc chánh hậu ngồi trên lưng voi toàn trắng là dấu hiệu Đại vương băng hà và việc Lệnh bà sờ mặt trăng trong khi cưỡi trên lưng voi là dấu hiệu bà đưa một vị địch vương đến chống Đại vương.

Vua hỏi:

– Vậy phải làm gì bây giờ?

– Đại vương không thể xử tử bà nhưng Đại vương phải đặt bà lên chiếc thuyền và đẩy xuống cho trôi sông.

Ban đêm, vua sai đặt nàng lên thuyền cùng thức ăn, áo quần và đồ nữ

trang rồi đẩy nàng trôi theo dòng. Trong khi nàng được dòng nước cuốn đi trên thuyền, nàng đến diện kiến Vua Pāvāriya, lúc ấy đang du hí trên dòng sông. Vị đại tướng của vua thấy chiếc thuyền liền hỏi:

– Chiếc thuyền này thuộc về ta.

Vua bảo:

– Hàng hóa trên thuyền thuộc về trẫm.

Khi chiếc thuyền đến gần, hai vị thấy nữ nhân kia và vua hỏi:

– Ngươi là ai mà giống như quỷ cái thế?

Nàng mỉm cười đáp nàng là chánh hậu của Vua Baka rồi kể cho vua nghe tất cả chuyện đời nàng, rằng nàng lừng danh khắp cõi Diêm-phù-đề với biệt hiệu là Pañcapāpā. Lúc ấy, vua nắm tay nàng nhấc ra khỏi thuyền, vừa cầm bàn tay nàng, vua liền thấy rạo rực say mê vì sự xúc chạm ấy; bởi thế các cung tần mỹ nữ của vua chẳng còn được xem là xứng đáng với danh hiệu nữ nhân nữa, vua liền tôn nàng lên địa vị chánh hậu và nàng được vua sủng ái như chính bản thân của vua vậy.

Khi Vua Baka nghe mọi chuyện đã xảy ra liền bảo:

– Ta không cho phép vua ấy phong nàng làm chánh hậu đâu.

Rồi truyền triệu tập quân sĩ, vua đến đóng quân ở một cảng đối diện bên kia sông, gửi thông điệp với mục đích là bảo Vua Pāvāriya hoặc phải giao trả vị chánh hậu của mình hoặc ứng chiến. Vị địch vương kia sẵn sàng lâm trận, nhưng các quân sư của cả hai vua đều nói:

– Không cần phải chết vì một nữ nhân. Bà ấy thuộc về Vua Baka vì đó là phu quân đầu tiên của bà, song bà ấy lại thuộc về Vua Pāvāriya vì vua này đã cứu bà ra khỏi chiếc thuyền. Do vậy, hãy để bà ấy ở trong khoảng thời gian bảy ngày tại cung của mỗi vị vua.

Sau khi bàn luận kỹ lưỡng, họ thuyết phục hai vị vua đồng ý quan điểm này và cả hai đều vô cùng hoan hỷ, bảo xây kinh thành ở hai bờ đối diện của sông ấy và ngự đến ở đó, còn nữ nhân ấy nhận địa vị chánh hậu của cả hai vua và cả hai đều say mê nàng.

Bấy giờ, nàng ở bảy ngày cùng một vị vua, rồi nàng lên thuyền qua sông đến cung của vị kia, và lúc ở giữa dòng, nàng lại phạm tà hạnh với tên lái thuyền là một lão già vừa hói vừa què.

Thời ấy, chúa chim Kuṇāla là Vua Baka nên ngài kể chuyện này là việc do chính mắt ngài trông thấy và ngài ngâm kệ để chứng minh điều này:

312. Pañcapāpā chánh hậu Baka vương,
Tham dục hai vua thật khó lường,
Tuy thế, nàng kia còn phạm tội,
Với tên nô lệ của chồng nàng,

Vậy còn tên hạ tiện nào khác,
Nàng lại không mong muốn phạm gian?

***

CHUYỆN VƯƠNG HẬU PIṄGIYĀNĪ

Tuy nhiên còn một chuyện khác nữa. Ngày xưa, vương hậu của Vua Brahmadatta mệnh danh là Piṅgiyānī mở cửa sổ nhìn xuống và thấy một người giữ ngựa của hoàng gia. Đến khi vua đã ngủ say, nàng trèo xuống qua cửa sổ, phạm tà dục với y rồi lại trèo lên cung điện, tắm rửa toàn thân với đủ loại nước hoa và nằm xuống cạnh vua. Bấy giờ, một hôm vua suy nghĩ: "Ta không biết vì sao vào lúc nửa đêm, thân thể hoàng hậu luôn giá lạnh, ta muốn xem xét vấn đề này."

Vì thế một ngày kia, vua giả vờ ngủ rồi trở dậy đi theo nàng và thấy nàng phạm tà hạnh với gã giữ ngựa. Vua trở về bước lên nội cung, và nàng cũng vậy, sau khi phạm tội ngoại tình liền trở vào nằm trên chiếc giường nhỏ.

Hôm sau, trước mặt quần thần, vua triệu nàng vào chầu rồi công bố tà hạnh của nàng và phán:

– Tất cả đàn bà đều tội lỗi như thế cả.

Rồi mặc dù tội ấy đáng hành hình, tù đày, xẻo thịt hoặc phanh thây, vua vẫn tha tội cho nàng, nhưng vua lại truất phế nàng khỏi ngôi cao và phong một nữ nhân khác làm chánh hậu.

Vào thời ấy, chim chúa Kuṇāla là Vua Brahmadatta, vì thế chính ngài kể chuyện này là một việc ngài đã thấy tận mắt và ngâm kệ để chứng minh:

313. Kiều nữ Piṅgiyānī, ái hậu vua,
Brahmadatta ngự trị sơn hà,
Tuy nhiên nàng với tên nô lệ,
Của đấng quân vương phạm dục tà,
Do bởi hoang dâm, nàng mất hết,
Cả quân vương lẫn gã gia nô.

Sau khi kể tội lỗi của nữ giới trong các chuyện đời xưa, ngài lại nói về tà hạnh của họ bằng cách khác nữa:

314. Hèn hạ, đổi thay ấy nữ nhân,
Chúng còn bội nghĩa với vong ân,
Nam nhân ví thử không si ám,
Chẳng hạ cố tin chúng nói năng.

315. Chúng ít quan tâm bổn phận mình,
Hoặc lời kêu gọi của ân tình,
Vô tâm trước tấm lòng cha mẹ,
Hoặc mối buộc ràng của đệ huynh.

Chúng đóng vai người không hổ thẹn,
Khi vi phạm luật lệ công bình,
Mọi hành vi chúng đều tuân phục,
Ước vọng trong tâm của chính mình.

316. Dù ở với chàng bao tháng năm,
Dù chàng yêu dấu lại ân cần,
Nồng nàn trong dạ và thân thiết,
Như chính đời chàng quả thật chân,
Trong lúc gian lao và khốn khổ,
Chúng đành lòng bỏ đức phu quân.
Về phần ta chẳng bao giờ nữa,
Còn đặt lòng tin bọn nữ nhân.

317. Tâm nữ nhân thường thấy đổi thay,
Như là loài vượn khỉ leo cây,
Hoặc như tàng lá cây soi bóng,
Trên đỉnh non cao, vực thẳm dày.
Chủ đích ở trong lòng nữ giới,
Sao cũng chập chờn cứ chuyển lay,
Như thể bánh xe lăn vút mãi,
Không hề có lúc nghỉ, ngừng quay.

318. Khi đã nghĩ suy thật kỹ càng,
Chúng nhìn quanh quẩn kiếm tìm đàng,
Để đi bắt một người giàu có,
Biến gã thành mồi của chúng săn.
Những bọn dại khờ như vậy đó,
Chúng dùng lời mật ngọt chiêu hàng,
Như chàng giữ ngựa miền Cam-bốt,
Dụ dỗ ngựa rừng với cỏ rêu.

319. Song nếu nhìn quanh thật kỹ càng,
Mà không tìm thấy được con đường,
Để mong chiếm đoạt phần tài sản,
Biến gã thành mồi của chúng săn,
Chúng đuổi gã ngay như một kẻ,
Đã lên bờ nọ lúc sang ngang,
Tức thì bỏ mặc thuyền trôi dạt,
Thuyền ấy từ đây chúng chẳng màng.

320. Như ngọn lửa thiêu đốt bạo hung,
Chúng ôm ghì gã chặt trong lòng,
Hoặc là đẩy gã như dòng nước,
Lũ lụt chảy cuồn cuộn tứ tung,

Chúng tán tỉnh chàng nào chúng ghét,
Cũng nhiều như kẻ chúng tôn sùng,
Như con thuyền vẫn thường kề sát,
Cả bến bờ xa lẫn bến gần.

321. Chúng chẳng thuộc về một hoặc hai,
Chúng như hàng quán mở ra mời,
Người dùng lưới bắt nhanh làn gió,
Như nữ nhân cầm giữ bọn trai.

322. Như quán nước, sông suối, mặt đường,
Hoặc như nhà trọ, sảnh công đường,
Nữ nhân buông thả cùng tất cả,
Tội chúng làm sao có thể lường.

323. Độc hại như đầu rắn hổ đen,
Tham mồi như ngọn lửa vừa nhen,
Như bò lựa cỏ ngon lành nhất,
Chúng muốn tình lang lắm của tiền.

324. Tránh loài voi, rắn hổ đen mun,
Ngọn lửa tưới bằng lạc cháy bùng,
Người được phong vương và quán đảnh,
Bọn hồng quần, phải chạy nhanh chân.
Những ai biết sống luôn phòng hộ,
Xem các thứ này tựa địch quân,
Quả thật chính là tâm địa chúng,
Làm sao biết rõ, khó vô cùng.

325. Má hồng tài trí thật thông minh,
Hay có hình dung tuyệt đẹp xinh,
Và đám mày râu thường ái mộ,
Bọn này ta phải tránh cho nhanh.
Vợ người hàng xóm, cô nàng kiếm,
Một phú ông loan phượng hợp thành,
Năm hạng nữ nhi này tất cả,
Nam nhân không được kết ân tình.

Và quả thật, thứu vương Ānanda, sau khi biết được phần đầu, phần giữa và phần cuối lời thuyết giảng của chim chúa Kuṇāla, vào lúc ấy đã nói lên lời kệ này:

326. Dù một nam nhân chứa bạc vàng,
Cả trần gian để tặng riêng nàng,
Mà tim chàng vẫn yêu thương nhất,
Nàng cũng làm ô nhục đến chàng,

Nếu có thời cơ nào thuận tiện.
Vậy nên cẩn thận kẻo e rằng,
Bạn sẽ rơi vào tay độc ác,
Của bọn người hèn hạ dối gian.

327. Chàng phô dáng khỏe mạnh hùng cường,
Không phạm lỗi lầm của thế gian,
Chàng đến cầu hôn cô thiếu nữ,
Chàng vừa tuấn tú lại yêu thương.
Gặp cơn hoạn nạn và đau khổ,
Nàng sẽ rời xa, sẽ bỏ chàng,
Ta chẳng bao giờ tin tưởng chúng,
Phần ta đối với bọn hồng nhan.

328. Chàng chớ tin vì cứ nghĩ rằng:
"Nàng yêu ta đó, đúng rồi chăng?"
Chàng đừng tin lẽ thường nhi nữ,
Trước mặt chàng tuôn lệ ướt đầm.
Chúng tán tỉnh chàng nào chúng ghét,
Cũng nhiều như kẻ chúng tôn sùng,
Như con thuyền vẫn thường kề sát,
Cả bến bờ xa lẫn bến gần.

329. Chớ tin cái ổ lót cành khô,
Cùng các lá cây tự thuở xưa,
Người bạn ngày xưa, đừng tín nhiệm,
Ngày nay có thể hóa người thù.
Chớ tin vua chú vì suy nghĩ:
"Người ấy, bạn ta thuở trước giờ."
Và chớ tin vào người phụ nữ,
Dù sinh cho bạn chục con thơ.

330. Cầu lạc chính là bọn nữ nhân,
Dục tham sao cứ mãi buông lung,
Lũ người vi phạm nền luân lý,
Bọn chúng, bạn đừng có cậy trông.
Vợ cứ giả vờ trò luyến ái,
Bao la, vô hạn trước ông chồng,
Chớ tin nàng ấy vì nhi nữ,
Chung chạ như bao bến tắm sông.

331. Sẵn sàng chém giết hoặc phân thây,
Không có việc gì chẳng nhúng tay,
Khi đã diễn xong trò cắt cổ,
Chúng còn uống máu của chàng ngay.

Bọn mày râu chớ say mê chúng,
Một lũ dục tham hạ liệt đầy,
Phóng đãng và còn chung chạ nữa,
Như là bến tắm ở dòng sông.

332. Lời nói chúng thường chẳng biệt phân,
Giữa điều chân thật với tà gian,
Như bò lựa cỏ ngon lành nhất,
Chúng kiếm tình nhân lắm bạc vàng.

333. Dụ một chàng bằng mắt, nụ cười,
Chàng kia bằng cách bước đi chơi,
Giả trang lôi cuốn vài chàng nữa,
Đám khác bằng câu chuyện ngọt bùi.

334. Hung bạo, nhẫn tâm, lại bất lương,
Song lời lẽ chúng ngọt như đường,
Không gì bọn nữ nhi không biết,
Để gạt chàng nào chúng kết hôn.

335. Quả thật đàn bà thảy ác gian,
Việc ô nhục của chúng không lường,
Chúng đều tham đắm và liều lĩnh,
Thiêu đốt nhanh như ngọn lửa bừng.

336. Nữ nhân chẳng phải được sinh ra,
Để thích người này, ghét kẻ kia,
Chúng tán chàng nào mà chúng ghét,
Cũng nhiều như kẻ chúng tôn thờ,
Như con thuyền vẫn thường kề sát,
Cả bến bờ gần lẫn bến xa.

337. Vì phải đâu là chuyện ghét thương,
Mà ta thường thấy ở hồng quần,
Đàn ông chúng bám vì vàng bạc,
Như bám vào cây, lũ bọ trùng.

338. Kẻ làm nghề đốt xác người ta,
Hoặc quét hoa khô ở điện thờ,
Hoặc gã giữ voi hay giữ ngựa,
Đến cùng là đứa giữ trâu bò,
Tuy nhiên vì bạc tiền, nhi nữ,
Vẫn chạy theo phường hạ đẳng kia.

339. Bỏ rơi quý tộc nếu nghèo nàn,
Nhưng chính tên vô loại, hạ tầng,

Đối với tên này như xác thối,
Nếu giàu chúng cũng chạy nhanh chân.

Như vậy, Ānanda, vị thứu vương, dựa theo những sự việc do chính ngài biết, đã nói về những tính xấu của nữ giới, rồi giữ im lặng. Còn Nārada, sau khi nghe những gì ngài cần phải nói, cũng dựa theo những việc chính mình biết liền kể ra những tính xấu của họ.

Để diễn tả việc này, bậc Đạo sư bảo:

– Thật vậy, lúc ấy Nārada, vị Bà-la-môn của thiên giới, khi nghe kể đoạn khởi đầu, đoạn giữa và đoạn cuối lời thuyết giảng của thứu vương Ānanda, vào lúc ấy nói lên những lời kệ này:

340. Bốn vật chẳng hề biết thỏa thuê,
Những lời ta nói, lắng tai nghe,
Đại dương, đạo sĩ và vua chúa,
Hỡi điểu vương và bọn nữ nhi.

341. Mọi dòng trong đất gặp quê hương,
Cũng chẳng làm đầy đủ đại dương,
Vẫn có cái gì còn thiếu thốn,
Dù cùng nước biển thảy hòa tan.

342. Bà-la-môn thuộc các kinh thơ,
Tri kiến theo truyền thuyết thuở xưa,
Thánh kiến, tuy nhiên còn thiếu thốn,
Và khao khát mãi, mãi chưa vừa.

343. Vị vua chinh phục cõi trần ai,
Tất cả núi đồi, các biển khơi,
Có thể gọi kho tàng bất tận,
Chứa đầy tài sản của mình thôi,
Vẫn mơ thế giới bên kia biển,
Vì nghĩ bên này quá nhỏ nhoi.

344. Nhi nữ kết duyên với tám chồng,
Sẵn sàng tuân phục ý riêng nàng,
Anh hùng gan dạ đầy tài giỏi,
Nhiệm vụ tình quân thảy vẹn toàn,
Tuy vậy nàng yêu chàng thứ chín,
Bởi vì còn thiếu thốn trong lòng.

345. Đàn bà như lửa nuốt con mồi,
Như nước lũ tuôn thảy cuốn trôi,
Tai họa, gai đâm là bọn chúng,
Chúng thường đi lạc kiếm vàng thôi.

346. Chàng kia dùng lưới đón xuân phong,
Hoặc chỉ một mình tát biển đông,
Vỗ với một tay, xưa lại dám,
Để tâm tư hướng đến giai nhân.

347. Các nàng ngọc nữ quá tinh khôn,
Thật hiếm khi tìm được thật chơn,
Cung cách nữ nhân làm rối trí,
Như đường cá lội giữa trùng dương.

348. Nói ngọt ngào, song khó thỏa lòng,
Cũng như khó đổ nước đầy sông,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết nên xa lánh má hồng!

349. Phản bội, hồng quần cám dỗ ta,
Khiến người thanh tịnh nhất sa đà,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết hồng quần phải tránh xa!

350. Bất kể hồng nhan phục vụ ai,
Hoặc vì tham dục hoặc tiền tài,
Chúng thiêu chàng rụi như nhiên liệu,
Được thả cháy trong lửa sáng ngời.

Khi Nārada đã nêu ra các tội lỗi của nữ nhân như vậy, Bồ-tát một lần nữa dùng những thí dụ đặc biệt chứng minh các tính xấu của họ.

***

Để làm sáng tỏ việc này, bậc Đạo sư nói:

– Thật vậy, chim chúa Kuṇāla, sau khi biết được phần đầu, phần giữa và phần kết thúc câu chuyện của vị thiên Bà-la-môn tên là Nārada kể, đến đây liền nói lên những lời kệ này:

351. Người khôn dám nói một đôi lời,
Với quỷ cầm gươm sắc mới mài,
Đánh đập hung xà, song chớ bạo,
Chuyện trò với gái một mình thôi.

352. Nữ sắc làm mờ trí tục nhân,
Nói, cười, ca, múa, cánh tay trần,
Gây phiền lụy những tâm dao động,
Như quỷ dữ xưa giết lái buôn.

353. Đắm say rượu thịt, cố hoài công,
Kiềm chế cơn thèm, nén dục tâm,

Như quái vật xưa trong biển cả,
Nuốt trôi tài sản của nam nhân.

354. Chúng chiếm riêng tham dục ngũ phần,
Buông lung kiêu mạn cứ tuôn tràn,
Như sông tìm đại dương đi tới,
Bọn phóng dật làm mồi nữ nhân.

355. Trai tráng được nhi nữ thích ham,
Động tâm bởi nhục dục tham lam,
Kẻ kia nung nấu vì cuồng vọng,
Chúng đốt sạch trơn tựa lửa than.

356. Kẻ nào nếu chúng biết giàu sang,
Nhào đến cướp đi trọn bạc vàng,
Tay quấn chặt chàng bừng lửa dục,
Như dây leo quấn chặt cành sāla.

357. Như trái bimba, miệng đỏ tươi,
Dùng nhiều mưu kế hại con người,
Khi thì cười lớn, khi cười nụ,
Như Samvara, chúa bẫy mồi.

358. Nữ nhi trang điểm đủ kim hoàn,
Được họ nhà trai đón thật sang,
Cho dẫu được canh phòng cẩn mật,
Vẫn thường phạm tội phản phu quân,
Như nàng kiều nữ ngày xưa ấy,
Đã được mang trong bụng quỷ nhân.[28]

359. Người có trí và thật nổi danh,
Được tôn sùng dưới mắt quần sinh,
Tuy nhiên sa dưới quyền nhi nữ,
Sẽ không còn tươi sáng hiển vinh,
Như cả vầng trăng vừa bị nuốt,
Bởi La-hầu đại lực yêu tinh.

360. Cừu nhân trút hận xuống cừu nhân,
Hay bạo chúa phô nỗi hận sân,
Số phận còn đau hơn thế nữa,
Che mờ tất cả bởi nguồn căn,
Dục tham nên phải đành sa đọa,
Ở dưới quyền uy của nữ nhân.

---

[28] Xem *J.* III. 527, *Samuggajātaka* (*Chuyện cái hộp*), số §436.

361. Bị hăm cào cấu khắp thân hình,
Hoặc nắm tóc lôi kéo khỏi mình,
Dọa quất bằng roi, hay gậy gộc,
Hoặc là đấm đá khắp chung quanh,
Nữ nhi vẫn chạy đi tìm kiếm,
Một gã cùng đinh kết bạn tình,
Vì thấy lạc hoan trong gã ấy,
Như loài ruồi kiếm xác ươn sình.

362. Tránh bọn nữ nhân ở giữa đường,
Hoặc kinh thành hoặc ở công trường,
Của vua, thị trấn, thôn làng nhỏ,
Bậc có trí hiền sẽ lạc an,
Tránh được bẫy đang giăng vậy đó,
Bởi Namuci, chính Ma vương.

363. Kẻ nào buông lỏng luật Sa-môn,
Tập những thói đê tiện, hạ tầng,
Kẻ khốn ngu si đành đổi lấy,
Ngục sâu thay thế cảnh thiên đường,
Giống như những kẻ nào đem đổi,
Ngọc có tỳ thay ngọc vẹn toàn.

364. Đời này, đời kế đáng khinh khi,
Là kẻ cố tâm khổ lụy vì,
Bọn ác nữ nhân, đi lảo đảo,
Ngã nhào liều lĩnh, thật ê chề,
Như con lừa dữ cuồng điên chạy,
Với chiếc xe lăn lóc mọi bề.

365. Hoặc vào rừng lụa lắm gươm dao,
Ngục Patāpana phải đọa vào,
Đội lốt thú rừng đi lảng vảng,
Chốn ma đói chẳng thoát thân nào.

366. Trong vườn Hỷ Lạc thú vui chơi,
Của các thiên tiên ở cõi trời,
Quyền đại đế vương trên mặt đất,
Tiêu vong vì nữ giới, than ôi!
Thói phường phóng dật, buông lung ấy,
Đi đến sầu, bi, đọa xứ thôi.

367. Khó đâu thành đạt thú thiên đường,
Cũng chẳng khó quyền lực đế vương,

Trải rộng khắp nơi trên cõi đất,
Các nàng thiên nữ ở lầu vàng,
Đã thành tựu các điều như vậy,
Đoạn diệt từ lâu ác dục tham.

368. Từ dục giới này được hóa thân,
Đi vào sắc giới đủ quyền năng,
Tái sinh vào cõi A-la-hán,
Những vị đã trừ diệt dục tâm.

369. Cực lạc vượt qua mọi khổ đau,
Không duyên sinh, bất động, thâm sâu,
Đạt thành bởi những người thanh tịnh,
Đắc Niết-bàn ly dục đã lâu.

***

Như vậy, Bồ-tát chấm dứt pháp thoại sau khi làm cho hội chúng đắc Đại Niết-bàn bất diệt. Các loài yêu quỷ, mãnh xà và đồng loại ở vùng Tuyết Sơn cùng các vị thần đứng trên không gian đều reo mừng tán thán:

– Lành thay! Thật là khéo nói với đầy đủ vẻ nhiệm mầu của một bậc Giác ngộ!

Thứu vương Ānanda, vị thiên Bà-la-môn Nārada, chim cu chúa Puṇṇamukha và Bồ-tát đều trở về trú xứ của mình. Song các vị kia thỉnh thoảng còn trở lại nhận lời chỉ giáo trực tiếp từ Bồ-tát và do tuân thủ giáo pháp của ngài nên được tái sinh vào cõi trời.

***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt bài giảng và ngâm vần kệ cuối cùng để nhận diện tiền thân:

370. Udāyi là chim cu chúa,
Thứu vương chính thực Ānanda,
Nārada là Sāriputta,
Kuṇāla chúa chính là Ta.
Hội chúng ấy là đệ tử Như Lai,
Các người hãy nhớ tiền thân này.

Bấy giờ, các Tỷ-kheo này khi đến đây, đã đến bằng thần thông của bậc Đạo sư; còn khi về, lại về bằng chính uy lực thần thông của mình. Và ở trong Đại Lâm, bậc Đạo sư đã đưa ra đề tài thiền định nên ngay hôm ấy các vị đắc quả A-la-hán. Có một số đông chư thiên tụ họp nơi ấy nên đức Thế Tôn tuyên thuyết cho các vị nghe *Kinh Đại hội*.[29]

---

[29] Xem *D.* II. 253, *Mahāsamayasutta* (*Kinh Đại hội*), số 20.

§537. CHUYỆN ĐẠI SUTASOMA (*Mahāsutasomajātaka*)[30] (*J*. V. 456)

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Jetavana (Kỳ Viên) về việc điều phục Trưởng lão Aṅgulimāla (Người đeo vòng ngón tay). Cách vị ấy tái sinh, xuất gia và thành tựu phải được hiểu như đã được trình bày chi tiết trong *Kinh Aṅgulimāla*.[31]

Bấy giờ, từ khi nhờ phát nguyện một hành động nói lời chân thật, ông đã cứu sống một người đàn bà sinh khó, rồi ông kiếm được thực phẩm cúng dường thật dễ dàng. Sau đó, nhờ tu tập hạnh viễn ly, ông chứng đắc quả A-la-hán và được công nhận là một trong tám mươi vị Đại Trưởng lão.

Bấy giờ, Tăng chúng bắt đầu nói về đề tài này, bảo nhau:

– Này các Hiền giả, thật vi diệu thay là phép thần thông do đức Thế Tôn thị hiện để giáo hóa nhẹ nhàng như vậy, và không cần dùng chút bạo lực nào, Ngài đã điều phục một tướng cướp hung bạo khát máu như Aṅgulimāla! Ôi, quả thật chư Phật đã thành tựu những việc hy hữu thay!

Bậc Đạo sư ngồi trong hương phòng, với thiên nhĩ thông hiểu được chuyện đang nói, biết rằng hôm nay Ngài đến đó sẽ rất lợi ích và sẽ quảng thuyết giáo pháp; nên với oai nghi tối thắng của một bậc Giác Ngộ, Ngài đi đến pháp đường, ngồi trên sàng tọa dành cho Ngài và hỏi hội chúng đang thảo luận đề tài gì. Khi được trình chuyện ấy, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, thật không kỳ diệu gì việc Ta giáo hóa vị ấy ngày nay khi Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh giác. Ta cũng đã điều phục vị ấy khi ta còn sống trong một đời trước chỉ với một trình độ tri kiến hạn hẹp mà thôi.

Sau những lời này, theo lời thưa thỉnh của hội chúng, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, Vua Koravya cai trị rất đúng pháp tại thành Indapatta trong quốc độ Kuru (Câu-lâu). Bồ-tát được sanh ra đời làm con của vị chánh hậu. Do ngài có nhiều kiến thức và thường xuyên học hỏi nên được đặt tên Sutasoma (Soma thông thái). Khi ngài đến tuổi trưởng thành, vua gửi ngài đến Takkasilā để thọ giáo với một vị danh sư lẫy lừng khắp thế giới. Thế là khi nhận lãnh học phí để trả cho thầy, ngài lên đường đến đó.

Tại Ba-la-nại, Vương tử Brahmadatta con vua xứ Kāsi cũng được cha gửi đến đó cùng mục đích như trên và cùng lên đường theo hướng ấy. Trong lúc du hành, Sutasoma ngồi nghỉ trên ghế dài trong một sảnh đường cạnh cổng thành. Vương tử Brahmadatta cũng đến ngồi xuống cạnh ngài trên ghế đó. Sau khi chào hỏi thân hữu xong, Sutasoma hỏi bạn:

---

[30] Xem *J*. V. 21, *Jayaddisajātaka* (*Chuyện Vương tử Jayaddisa*), số §513; *Cp*. 100, *Sutasomacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Sutasoma*).

[31] Xem *M*. II. 98, *Aṅgulimālasutta* (*Kinh Aṅgulimāla*), số 86.

– Này hiền hữu, bạn đã mệt mỏi vì cuộc hành trình. Bạn từ đâu đến?

Vị kia đáp:

– Từ Ba-la-nại.

Ngài lại hỏi vị kia là con của ai.

– Con vua xứ Kāsi.

– Quý danh là gì?

– Vương tử Brahmadatta.

– Hiền hữu đến đây với mục đích gì?

– Với mục đích học tập các môn học thuật.

Sau đó, Vương tử Brahmadatta bảo:

– Hiền hữu cũng mệt mỏi vì chuyến đi này rồi.

Và hỏi thăm ngài tương tự như trên, Sutasoma kể cho bạn nghe mọi chuyện về mình. Cả hai vị đều suy nghĩ: "Chúng ta đều là các vương tử đi thọ giáo các môn học thuật cùng một vị thầy" liền kết bạn với nhau.

Khi vào thành, hai vị đến nhà vị giáo sư, đảnh lễ thầy và sau khi nêu rõ lai lịch danh tánh, hai vị nói mục đích đến đây để xin thọ giáo các môn học thuật. Vị thầy sẵn sàng nhận lời thỉnh cầu ấy. Sau khi trao học phí xong, hai vị bắt đầu học tập và không chỉ hai vị mà còn nhiều vương tử khác ở xứ Diêm-phù-đề thời ấy, tất cả lên đến hơn một trăm vị cũng xin thọ giáo với vị thầy này.

Sutasoma là đệ tử lớn, chẳng bao lâu đạt đến tài năng giảng dạy, nhưng không muốn thăm hỏi các bạn kia. Ngài suy nghĩ: "Đây là thân hữu của ta", ngài chỉ đến với Vương tử Brahmadatta mà thôi và trở thành thầy riêng của bạn. Ngài giáo huấn bạn, trong lúc các vị kia phải từ từ thu thập kiến thức cho mình. Các vị ấy sau thời gian tinh cần học tập cũng từ giã sư phụ và tập hợp thành một đoàn tùy tùng theo Sutasoma lên đường hồi hương. Sau đó, Sutasoma đứng trước đám đông để từ giã họ, bảo:

– Sau khi các vị chứng tỏ tài học của mình trước phụ vương, các vị sẽ ổn định cuộc đời của mỗi người trong vương quốc của mình. Khi ổn định xong, xin nhớ tuân theo lời giáo huấn của ta.

– Thưa Tôn sư, đó là những gì?

– Vào những ngày trăng non và trăng tròn,[32] phải giữ trai giới và không được sát sinh.

Chúng bạn đều đồng ý tuân lời dặn ấy. Bồ-tát nhờ thần lực tiên tri theo tướng mạo mỗi người, biết rằng đại nạn sẽ xảy đến với vương tử xứ Ba-la-nại trong tương lai, và sau khi giảng dạy đầy đủ như vậy, ngài cho họ ra đi.

Các vị ấy đều trở về xứ sở và sau khi trình bày việc học hành của mình

[32] Xem *J.* III. 292; IV. 97.

trước phụ vương, các vị ấy lên nối ngôi trong vương quốc của mình. Rồi để thông báo việc này cùng việc tiếp tục tuân thủ lời dạy của Bồ-tát, các vị vua ấy gửi thư cùng tặng vật đến Sutasoma.

Khi biết được tình hình mọi việc, bậc Đại sĩ liền trả lời các thư kia cùng dặn dò các vị giữ vững niềm tin. Một trong các vị ấy là vua xứ Ba-la-nại, vốn chưa bao giờ ăn cơm mà không có thịt; vì thế, để giữ ngày trai giới, quân hầu thường lấy thịt cất riêng một nơi.

Bấy giờ, một hôm thịt được cất riêng như vậy, do người đầu bếp bất cẩn bị bầy chó khéo nuôi của hoàng cung ăn hết. Người đầu bếp không tìm ra thịt vội cầm một nắm tiền đi quanh quẩn vẫn không mua được thịt gì cả, tự nhủ: "Nếu ta dọn cơm không có thịt, ta sẽ chết mất. Ta phải làm gì đây?" Nhưng lại nghĩ: "Còn có một cách", đến chiều tối, y ra nghĩa địa phơi đầy xác chết lấy một ít thịt đùi của một người mới chết, y nướng thịt thật chín và dọn lên làm thức ăn.

Khi một lát thịt vừa chạm vào đầu lưỡi của vua thì nó gây rung động khắp bảy ngàn dây thần kinh vị giác và tiếp tục tạo ra sự xáo trộn toàn thân. Tại sao vậy? Đó là do trước kia, vua đã từng dùng thịt này rồi. Vì chuyện kể rằng, trong đời sống ngay trước đời này, vua đã là một quỷ dạ-xoa (yakkha) từng ăn nhiều thịt người nên nó hợp khẩu vị vua. Vua suy nghĩ: "Nếu ta giữ im lặng mà ăn thịt này, y sẽ không nói cho ta biết đó là thịt gì." Vì thế, khi nhổ ra, vua để rơi một miếng thịt xuống đất. Người đầu bếp thưa:

– Tâu Đại vương, xin ngài dùng thịt này, không sao cả đâu.

Vua ra lệnh mọi quân hầu lui ra và bảo:

– Trẫm biết rõ lắm nhưng đó là thịt gì?

– Đó là thứ thịt Đại vương đã thưởng thức như các lần trước.

– Chắc chắn các lần khác thịt không có mùi thơm này.

– Tâu Đại vương, hôm nay thịt được nấu kỹ lắm ạ.

– Chắc chắn trước kia ngươi cũng nấu giống thế này chăng?

Rồi khi thấy y im lặng, vua phán:

– Hoặc là phải nói thật với trẫm hoặc ngươi phải chết!

Thế là y cầu khẩn vua cam đoan không trừng phạt và kể đúng sự thật. Vua bảo:

– Đừng nói gì việc ấy nữa. Ngươi sẽ phải ăn thịt nướng thường lệ và chỉ nấu thịt người cho trẫm.

– Tâu Đại vương, chắc chắn việc này khó lắm ạ.

– Đừng sợ, chẳng có gì khó cả.

– Thế tiểu thần kiếm đâu ra thường xuyên thứ thịt ấy?

– Chả phải là có bọn tù nhân trong ngục đó sao?

Từ đó, y làm theo lời vua dặn. Dần dần, khi thiếu tù nhân, y trình:

– Tiểu nhân phải làm gì bây giờ?

Vua phán:

– Hãy ném xuống đường cái một gói có ngàn đồng tiền rồi bắt lấy kẻ nào lượm gói ấy như kẻ trộm và xử tử nó đi.

Y tuân lệnh. Dần dần, không tìm ra kẻ nào có ý nhìn đến gói tiền ấy nữa, gã thưa:

– Tiểu thần phải làm sao đây?

– Vào lúc trống điểm canh đêm, kinh thành thật đông người. Vậy ngươi hãy xuống vào trong một chỗ nứt ở tường nhà hay ở ngã tư, hạ thủ một người và cắt đi vài miếng thịt.

Từ đó, y thường trở về với một ít thịt mỡ và nhiều nơi trong kinh thành phát hiện nhiều xác chết. Tiếng than khóc vang lên: "Tôi đã mất cha, mất mẹ, mất anh em rồi." Dân trong thành kinh hoàng bảo nhau:

– Chắc chắn sư tử, cọp beo hay quỷ dữ đã ăn thịt các người này.

Khi quan sát các tử thi, họ thấy có chỗ giống vết thương hở miệng liền nói:

– Kìa, ắt hẳn một người nào đó ăn thịt chúng đấy.

Dân chúng tụ tập ở sân chầu và kêu than. Nhà vua hỏi:

– Này các hiền hữu, có chuyện gì thế?

– Tâu Đại vương, trong kinh thành này có kẻ cướp ăn thịt người. Xin ngài ra lệnh bắt nó.

– Làm sao trẫm biết đó là ai được? Trẫm phải đi quanh quẩn kinh thành này mà canh giữ chăng?

Dân chúng bảo nhau:

– Nhà vua không quan tâm đến kinh thành. Chúng ta sẽ báo cáo việc này lên vị Đại tướng Kāḷahatthi.

Họ đến trình vị tướng ấy việc này và nói:

– Xin Đại tướng tìm cho ra tên cướp này.

Vị ấy đáp:

– Hãy đợi bảy ngày ta sẽ tìm ra tên cướp và giao cho các vị.

Khi giải tán quần chúng xong, ông ra lệnh cho các tướng lãnh:

– Này các hiền hữu, dân chúng bảo có tên cướp ăn thịt người trong thành này. Các hiền hữu, hãy mai phục ở nhiều nơi và bắt nó.

Họ đáp:

– Được lắm!

Từ ngày ấy, họ vây quanh toàn thành. Bấy giờ, người đầu bếp đang ẩn mình trong cái lỗ ở tường nhà kia đã giết một phụ nữ và bắt đầu nhét đầy thịt này vô

giỏ của y. Vì thế, các tướng lãnh chụp y, đánh đấm túi bụi và vừa trói y ra sau vừa la lớn:

– Chúng ta đã bắt được tên trộm ăn thịt người rồi!

Một đám đông vây quanh họ. Rồi vừa đánh đập y một trận tơi bời vừa buộc giỏ thịt trên cổ y, họ đem y đến trước vị đại tướng. Khi thấy y, vị ấy suy nghĩ: "Có thể là kẻ này ăn thịt người hay trộn nó với các thứ thịt khác rồi đem bán, hoặc y giết người theo lệnh ai khác chăng?" Và để hỏi vấn đề này, ông ngâm vần kệ đầu:

371. Hỡi người sành các món cao lương,
Đòi hỏi gì, sao thật khẩn trương,
Đã giục ngươi làm điều khủng khiếp?
Chỉ vì thực phẩm hoặc tiền vàng,
Ngươi tàn sát những người này vậy,
Hỡi kẻ khốn kia lạc bước đàng?

[Đầu bếp:]

372. Chẳng vì thê tử hoặc thân bằng,
Quyến thuộc, bản thân hoặc bạc vàng,
Thần giết bà này vì chúa thượng,
Vị vua ngự trị cả giang san,
Vẫn ăn thịt ấy, thần gây tội,
Chính là do lệnh của vua ban.

[Tướng quân:]

373. Nếu do mua chuộc để chiều lòng
Thèm khát tham tàn của chúa công,
Ngươi đã phạm hành vi khủng khiếp,
Vậy ngày mai đến lúc hừng đông,
Chúng ta tìm chúa công tham kiến,
Đưa cáo trạng ra trước mặt rồng.

[Đầu bếp:]

374. Kāḷa, Đại tướng đáng tôn sùng,
Thần sẽ tuân lời của Tướng quân,
Đến rạng đông thần tìm chúa thượng,
Và đưa cáo trạng trước sân rồng.

Thế rồi, vị đại tướng bảo đặt y xuống, trói thật chặt. Rạng sáng hôm sau, ông bàn bạc với các tướng lãnh xong, sau khi tất cả đều đồng ý liền cho đóng quân canh mọi hướng. Khi đã kiểm soát kinh thành thật kỹ, ông buộc giỏ thịt vào cổ người đầu bếp và đưa y đến cung điện, khắp kinh thành đều náo động cả lên.

Vua đã dùng điểm tâm ngày hôm trước nhưng đã bỏ cơm tối và suốt đêm cứ ngồi chờ đợi người đầu bếp từng giây phút. Vua suy nghĩ: "Hôm nay nữa, gã đầu bếp cũng không đến và ta nghe tiếng náo động khắp kinh thành. Chuyện gì sắp xảy ra chăng?" Vừa nhìn ra cửa sổ, vua thấy người ấy bị kéo đến đây như đã tả ở trên và nghĩ rằng mọi sự đã bị phát giác, vua thu hết can đảm đi đến ngồi trên ngai. Khi Tướng quân Kāḷahatthi đến gần hỏi chuyện, vua đáp lời.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

375. Vầng nhật vừa lên, mới rạng đông,
Đem theo đầu bếp đến sân rồng,
Kāḷa tiến lại gần thiên tử,
Tâu những lời này với chúa công:

376. "Hỏa đầu quân, có đúng vậy chăng,
Đưa lệnh vua ra tận phố phường,
Tàn sát nam nhi cùng phụ nữ,
Để dâng Chúa thượng món cao lương?"

377. "Điều này thật đúng đấy, Kāḷa,
Việc ấy được làm bởi lệnh ta,
Sao khiển trách tên đầu bếp nọ,
Vì làm theo lệnh của ta mà?"

Khi nghe như vậy, đại tướng suy nghĩ: "Chính miệng nhà vua thú nhận việc ấy, ôi thật là con người hung bạo! Bấy lâu nay, vua đã và đang ăn thịt người. Ta phải ngăn chặn việc này mới được" và ông đáp:

– Tâu Chúa thượng, chớ làm việc này, xin chớ ăn thịt người!

– Này Kāḷahatthi, khanh nói gì thế? Trẫm không thể ngừng được.

– Tâu Chúa thượng, nếu ngài không ngừng việc này lại, ngài sẽ hủy diệt cả mạng rồng cùng giang san này đấy.

– Cho dù vương quốc ta bị tiêu diệt, ta cũng không thể ngừng việc ấy được đâu.

Lúc ấy, vị đại tướng muốn làm vua tỉnh trí hơn liền kể một chuyện quá khứ để chứng minh.

***

CHUYỆN THỦY QUÁI ĀNANDA

Ngày xưa, có sáu thủy quái sống ở đại dương. Trong số đó, có Ānanda, timanda, ajjhohāra, ba con này dài năm trăm do-tuần; và timiṅgala, timirapiṅgala, mahātimirapiṅgala ba con này dài một ngàn do-tuần; cả bọn chúng tự nuôi sống bằng rong biển, hẹ nước (sevāla) mọc trên đá.

Trong bọn có Ānanda sống ở một phía đại dương và được nhiều loài thủy tộc đến viếng. Một hôm, chúng suy nghĩ: "Các loài vật hai chân và bốn chân đều có vua nhưng chúng ta không có. Vậy ta muốn tôn thủy quái này làm vua." Thế là chúng đồng lòng tôn Ānanda lên làm vua, từ đó, sáng chiều chúng đều đến bày tỏ lòng tôn kính với vua mình.

Một hôm, Ānanda ở trên tảng đá nọ ăn rong, hẹ nước và vô ý ăn nhầm một con cá vì tưởng đó là rong. Thịt nó thật ngon miệng nên thủy quái tự hỏi thứ gì mà ngọt ngào như vậy liền lấy ra khỏi mồm và nhìn thấy đó là một miếng cá. Nó suy nghĩ: "Bấy lâu nay ta không hề biết nên chẳng ăn thứ này, mỗi sáng chiều loài cá vẫn thường đến để bày tỏ lòng tôn kính ta, ta sẽ ăn một hai con thôi, vì nếu khi chúng đang bị ta ăn và ta lộ rõ mọi việc cho chúng biết thì không có con nào dám bén mảng đến gần ta, bọn chúng sẽ chuồn hết cả."

Thế rồi nằm ẩn mình, thủy quái chụp những con cá nào đang bơi lùi lại phía sau và ăn thịt chúng. Khi số cá giảm dần, chúng suy nghĩ: "Hiểm họa này đe dọa chúng ta từ phía nào đây?" Rồi một con cá tinh khôn trong bọn suy nghĩ: "Ta không hài lòng với việc Ānanda đang làm. Ta muốn tìm hiểu rõ vị ấy sắp làm gì đây." Khi bầy cá đến kính lễ Ānanda, con cá tinh khôn kia ẩn mình trong lỗ tai Ānanda. Lúc bảo đàn cá quay về, Ānanda vồ lấy những con nào bơi lùi phía sau. Con cá khôn ngoan thấy việc này, thuật lại cho bọn kia, chúng đều kinh hoảng chạy trốn hết.

Từ ngày ấy, Ānanda thèm mùi cá, không chịu ăn các thứ khác. Khi phát bệnh vì đói, nó suy nghĩ: "Đàn cá đi đâu cả trên đời này?" Trong lúc tìm chúng, nó thấy một ngọn núi và suy nghĩ: "Vì sợ ta, chắc đàn cá đang sống trong núi này. Ta sẽ bao vây núi và canh chừng thật kỹ." Thế là vừa vây quanh núi với đầu đuôi cuộn tròn cả hai phía, nó suy nghĩ: "Nếu chúng ở đây, chúng sẽ trốn thoát."

Khi nhìn thấy chính đuôi nó cuộn tròn quanh núi, nó lại nghĩ: "Con cá này sống gần núi và đang cố tránh ta." Trong cơn cuồng nộ, nó chụp lấy đuôi mình dài năm mươi do-tuần mà tưởng là bắt được cá, nó ăn ngấu nghiến, kêu ken két, do đó nó phải chịu đau đớn hành hạ khủng khiếp. Khi ngửi mùi máu, đàn cá tụ tập cùng nhau kéo từng mảnh đuôi của Ānanda ra ăn hết cho đến tận đầu. Vì thân xác khổng lồ như vậy, nó không thể nào trở mình được nên phải mạng chung. Rồi ở đó có một đống xương cao như núi.

Các vị nam nhi Thánh giả khổ hạnh khi du hành qua không gian, trông thấy đống xương liền kể cho dân chúng nghe nên dân chúng khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) đều biết chuyện ấy.

Kāḷahatthi kể chuyện này để chứng minh và ngâm kệ:

378. A-nan ăn cá, biết bao loài,
Lúc đoàn tùy tùng trốn thoát rồi,
Nó cắn đuôi mình nhai ngấu nghiến,
Đến khi thủy quái phải lìa đời.

379. Nô lệ dục tham chẳng biết gì,
Thú vui nào khác kẻ ngu si,
Đui mù, phóng dật gây đau khổ,
Hủy diệt họ hàng cả thiếu nhi,
Rồi biến thân thành mồi béo bở,
Cho lòng tham quái ác ly kỳ.

380. Nghe lời thần nói, tấu Quân vương,
Món thịt người, xin Chúa chớ ăn,
Việc ác kiêng làm, e ngại phải,
Cùng chung số phận thật kinh hoàng,
Của con thủy quái và đành để
Đất nước Chúa công phải mạt tàn.

Khi nghe vậy, vua bảo:

– Này Kāḷahatthi, ta cũng biết một ví dụ như khanh.

Rồi kể một chuyện cổ làm ví dụ chứng minh tính thèm thịt người của mình, vua ngâm kệ:

381. Nam nhi thừa kế Sujāta,
Đòi quả hồng đào, cứ hét la,
Cậu bé buồn phiền vì mất chúng,
Phải đành thiệt mạng hóa ra ma.

382. Vậy xưa nay, trẫm vẫn ăn luôn,
Những món, Kāḷa hỡi, cực sang,
Thiếu món thịt người, e có lẽ,
Không còn đời sống để lo toan.

***

CHUYỆN NAM TỬ CỦA PHÚ ÔNG SUJĀTA

Tương truyền ngày xưa, một vị địa chủ trưởng giả có tên là Sujāta ở Ba-la-nại, làm chỗ cư trú trong hoa viên của mình và cung phụng năm trăm vị ẩn sĩ đến đấy từ vùng Tuyết Sơn để tìm muối và giấm. Trong nhà ông luôn có thực phẩm dọn sẵn mời các vị ấy, nhưng các vị thỉnh thoảng vẫn đi khất thực trong vùng quê và đem về những miếng hồng đào lớn để ăn.

Trong lúc các vị ấy đang ăn hồng đào đã đem về, Sujāta nghĩ thầm: "Hôm nay là ngày thứ ba hay thứ tư rồi mà các thánh giả này chưa đến nhà ta đây. Không biết các ngài đã đi đâu trên đời này?" Thế rồi, bảo cậu con trai cầm tay mình, ông đi đến đó trong lúc các vị ấy đang dùng bữa ăn. Lúc ấy, một chú tiểu đang đưa nước để các vị trưởng lão súc miệng và chú đang ăn một miếng đào đỏ. Sujāta đảnh lễ các ẩn sĩ và khi đã an tọa liền hỏi:

– Thưa các Tôn giả, các ngài đang dùng gì thế?

– Thưa gia chủ, những miếng đào đỏ lớn đấy.

Cậu bé nghe vậy cảm thấy thèm vì thế vị trưởng chúng ẩn sĩ bảo cho cậu một miếng nhỏ. Cậu bé ăn đào và quá say mê mùi vị thơm ngon ấy nên cứ nằn nì đòi các vị cho thêm miếng nữa. Ông phú hộ đang nghe pháp liền bảo:

– Thôi đừng khóc, khi về nhà, con sẽ được ăn một miếng!

Ông đánh lừa cậu bé như vậy vì sợ các thánh giả kia sẽ mệt nhọc bởi tiếng kêu khóc của con. An ủi cậu bé xong, ông từ giã hội chúng ẩn sĩ và về nhà. Từ lúc đến nhà, cậu bé cứ lải nhải kêu to:

– Cho con một miếng.

Còn các ẩn sĩ lại bảo:

– Chúng ta đã ở đây lâu ngày rồi.

Và họ ra đi về vùng Tuyết Sơn. Vì không thấy cậu bé trong hoa viên, các ẩn sĩ gửi cho cậu một món quà gồm nhiều miếng xoài, đào, mít, chuối và vài trái cây khác nữa; tất cả trộn chung với đường mịn. Món trái cây trộn đường vừa đặt lên đầu lưỡi cậu bé liền gây tác dụng như một thứ thuốc độc giết người. Suốt bảy ngày cậu không ăn gì được và chết sau đó.

Vua kể chuyện này như một cách tự chứng minh. Lúc ấy Kāḷahatthi nghĩ thầm: "Ông vua này thật quá tham ăn của ngon vật lạ. Ta sẽ kể nhiều ví dụ khác nữa" và nói:

– Tâu Đại vương, xin chừa món này đi!

Vua đáp:

– Không thể được.

– Nếu ngài không chừa được, ngài sẽ bị gia tộc từ bỏ dần và tước mất hết vương quyền vinh hiển. Xin hãy nghe đây!

***

CHUYỆN NAM TỬ BÀ-LA-MÔN

Ngày xưa, cũng tại chính trong kinh thành Ba-la-nại này, có một gia đình Bà-la-môn tuân hành ngũ giới. Nhà này chỉ sinh được một con trai độc nhất nên được cha mẹ yêu quý và là niềm vui của hai thân, một cậu trai thông minh, am hiểu thấu suốt ba tập Vệ-đà.

Cậu thường đi chu du cùng những thanh niên đồng tuổi với cậu. Các người ấy thường ăn cá thịt cùng các thức tương tự và uống rượu mạnh. Còn cậu trai này không ăn thịt cũng không uống rượu mạnh. Chúng bạn chợt suy nghĩ: "Thằng bé này vì không uống rượu mạnh nên không phải trả tiền, ta phải lập mưu bắt nó uống mới được."

Thế rồi bọn chúng tụ tập nhau lại, bảo:

– Này hiền hữu, chúng ta hãy tổ chức đám hội!

Cậu đáp:

– Các bạn uống rượu mạnh nhưng ta thì không, vậy các bạn cứ đi mà không có ta.

– Này hiền hữu, ta sẽ lấy sữa để bạn uống.

Cậu đồng ý nói:

– Được rồi.

Bọn trai lêu lổng ấy ra vườn lấy một ít rượu mạnh buộc vào một ngọn lá làm thành cái chén và đặt nó giữa đám lá sen. Thế rồi, khi họ bắt đầu uống, họ cho cậu trai một ít sữa. Một tên ranh mãnh trong bọn kêu lớn:

– Hãy đem cho ta một ít mật hoa sen!

Sau khi đã bảo đem mật ấy vào, y đục một lỗ dưới đáy ngọn lá nằm giữa đám sen kia và đưa lên miệng hút vào. Bọn kia cũng bảo đem một ít cho họ uống. Cậu trai hỏi đó là thức gì và uống một ít rượu mạnh cứ tưởng đó là mật hoa sen. Sau đó, họ lại đưa cho cậu một ít thịt hầm và cậu cũng ăn luôn.

Khi cậu đã say vì uống nhiều ngụm rượu liên tiếp, họ bảo cậu:

– Đây không phải mật hoa sen đâu. Rượu mạnh đấy.

Cậu đáp:

– Bấy lâu nay ta chưa hề biết vị ngọt là thế nào cả. Này ta bảo, hãy đem cho ta thêm rượu mạnh nữa đi!

Họ mang rượu đến và một lần nữa trao cho cậu vì cậu rất thèm khát. Sau đó, khi cậu đòi thêm nữa, họ bảo cậu hết sạch rượu rồi. Cậu nói:

– Mau lên, ta bảo kiếm thêm cho ta nữa đi.

Và cậu đưa cho họ chiếc nhẫn có tín hiệu của cậu. Sau khi uống với họ suốt ngày, cậu say túy lúy, mắt đỏ ngầu như máu, người run rẩy, nói lảm nhảm, cậu về nhà nằm vật xuống. Lúc ấy, cha cậu nhận thấy cậu đã uống rượu, đến khi hiệu lực của rượu đã hết hẳn, ông bảo cậu:

– Này con, con đã làm một việc rất sai lầm, là người trong gia tộc Bà-la-môn mà con uống rượu mạnh; từ nay đừng bao giờ làm vậy nữa!

– Cha bảo sao? Suốt đời con, chưa bao giờ con nếm được vị gì ngon ngọt đến thế.

Vị Bà-la-môn cứ nài nỉ con chừa rượu. Cậu đáp:

– Con không thể bỏ được.

Sau đó, vị Bà-la-môn suy nghĩ: "Nếu như vậy thì truyền thống gia tộc ta sẽ bị hủy hoại và tài sản ta cũng tiêu tan." Ông liền ngâm kệ này:

383. Nam tử La-môn tộc quý cao,
Là trai khả ái, lại thanh tao,
Con đừng uống vật đầy ghê tởm,
Không một La-môn hưởng thụ nào.

Sau những lời này, ông lại bảo:

– Này con yêu, phải chừa rượu đi, nếu không cha sẽ tống con ra khỏi nhà và xin vua đuổi con khỏi vương quốc này.

Cậu trai đáp:

– Cho dù vậy, con cũng không thể bỏ rượu mạnh.

Và cậu ngâm hai vần kệ:

384. Bởi vì cha muốn cản ngăn con,
Uống thứ này, hương vị tuyệt ngon,
Con sẽ đi xa bất kể số,
Tìm nơi đâu rượu vẫn trường tồn.

385. Con sẽ ra đi vội bước chân,
Chẳng còn ở lại với song thân,
Vì nay thấy mặt con, e hẳn,
Cha ghét con cay đắng bội phần!

Cậu lại còn nói thêm:

– Con quyết sẽ không chừa rượu đâu. Cha cứ làm gì tùy ý.

Lúc ấy, vị Bà-la-môn đáp:

– Được rồi, nếu con từ bỏ cha mẹ thì cha mẹ cũng từ bỏ con luôn.

Và ông ngâm vần kệ này:

386. Ta sẽ tìm vài cậu thiếu niên,
Để cho thừa kế mọi kim tiền,
Cút đi đồ khốn, nơi ta chẳng,
Nghe thấy tên ngươi đáng rủa nguyền!

Sau đó, đem cậu con ra tòa án, ông truất quyền thừa kế của cậu và sai đuổi cậu ra khỏi nhà. Cậu trai về sau làm kẻ khốn khổ bần cùng, mặc áo quần vải thô, cầm bát khất thực trong tay đi lang thang xin ăn rồi dựa vào một bức tường mà chết. Kāḷahatthi kể chuyện này để làm bài học răn vua và bảo:

– Tâu Đại vương, nếu ngài từ chối nghe lời chúng thần thì họ sẽ sai người đuổi ngài ra khỏi quốc độ này.

Nói vậy xong, ông ngâm kệ:

387. Vậy lắng nghe này, tấu Đại vương,
Tuân theo lời dặn của ngu thần,
Nếu không sẽ giống chàng say rượu,
Ngài bị đuổi ra khỏi thổ cương.

Ngay sau ví dụ được Kāḷahatthi dẫn chứng như vậy, vua cũng không thể từ bỏ thói quen của mình và kể một chuyện khác để chứng minh:

388. Đồ đệ của chư Đại Thánh hiền,
Sujāta, cổ tích lưu truyền,

Nhịn luôn thực phẩm cùng đồ uống,
Vì đã đắm say một nữ tiên.

389. Như đầu ngọn cỏ đọng hơi sương,
So với mọi nguồn nước đại dương,
Cũng vậy tình người đem sánh với,
Ái tình dâng tặng một tiên nương.

390. Vậy xưa nay, trẫm vẫn ăn luôn,
Kāḷa hỡi, những món cực sang,
Thiếu món thịt người, e có lẽ,
Không còn đời sống để lo toan.

***

CHUYỆN PHÚ ÔNG SUJĀTA

Chuyện này cũng giống như chuyện đã kể trên.

Tương truyền, phú ông Sujāta này thấy rằng các vị ẩn sĩ kia không trở về vào thời các vị đang ăn những miếng hồng đào lớn liền nghĩ thầm: "Ta không biết tại sao các vị ấy không trở về. Nếu các vị đi nơi khác, ta sẽ đi tìm cho ra, hơn nữa, ta lại muốn nghe các vị thuyết pháp."

Thế rồi, ông ra hoa viên nghe vị trưởng hội chúng ấy thuyết pháp, và khi mặt trời lặn, dù ông được bảo ra về, ông vẫn nói:

– Đệ tử muốn ở lại đây hôm nay.

Và đảnh lễ hội chúng Hiền nhân xong, ông vào am tranh của mình nằm xuống. Ban đêm, Thiên chủ Sakka được cả đoàn thiên nhân hộ tống cùng với các thị nữ của ngài đến đảnh lễ hội chúng Hiền nhân kia khiến cả vùng thảo am sáng rực lên. Sujāta không biết chuyện gì, đứng dậy nhìn qua khe hở của am tranh, nhìn thấy Sakka đến đảnh lễ hội chúng Hiền nhân và được cả đoàn tùy tùng tiên nữ Apsaras hộ tống. Vừa thấy các nàng tiên, lòng ông đã bùng lên dục vọng như lửa đốt. Thiên chủ Sakka an tọa và sau khi nghe thuyết pháp xong, trở về cõi của ngài.

Hôm sau, vị địa chủ đến đảnh lễ các ẩn sĩ và hỏi:

– Bạch các Tôn giả, vị nào đêm qua đến đảnh lễ các vị?

– Thưa Tôn ông, đó là Thiên chủ Sakka.

– Thế các vị vây quanh ngài là ai?

– Đó là các tiên nữ Apsaras.

Sau khi đảnh lễ các vị khổ hạnh, ông về nhà và từ lúc đó, ông cứ điên cuồng kêu gào: "Cho ta một nàng tiên Apsaras." Đám quyến thuộc vây quanh ông, tự hỏi không biết ông có bị quỷ ám chăng và họ búng tay. Ông bảo:

– Không phải ta nói đến chuyện búng tay này đâu mà chuyện các nàng tiên Apsaras kia.

Khi họ mặc y phục chỉnh tề và đưa vào cho ông một bà vợ hay thậm chí một kỹ nữ sang trọng và nói:

– Đây là một nàng tiên Apsaras.

Ông đáp:

– Đây không phải là nàng tiên Apsaras mà là con quỷ cái!

Rồi ông cứ lảm nhảm la hét điên cuồng.

– Cho ta một nàng tiên Apsaras!

Sau đó, không chịu ăn uống gì cả, ông chết đi.

Khi nghe vậy, Kāḷahatthi tự nhủ: "Ông vua này thật là kẻ đại tham của lạ. Ta quyết làm cho vua tỉnh trí hơn lên", rồi ông nói:

– Những chim kim nga bay qua không gian cũng chết vì ăn thịt đồng loại của chúng.

Và để chứng minh việc này, ông ngâm hai vần kệ:

391. Như các thiên nga có sắc vàng,
Du hành qua giữa cõi không gian,
Thảy đều phải chết vì sinh sống,
Bằng thực phẩm kia trái lẽ thường.

392. Cũng vậy xin ngài, hỡi Đại vương,
Lắng nghe thần nói thật tinh tường,
Vì ăn thực phẩm này phi pháp,
Dân sẽ đuổi ngài khỏi thổ cương.

***

CHUYỆN ĐÀN THIÊN NGA

Tương truyền, ngày xưa chín mươi ngàn thiên nga sống ở Kim động trên đỉnh Cittakūṭa. Suốt bốn tháng mùa mưa, chúng không di chuyển ra ngoài. Vì nếu chúng làm vậy, đôi cánh chúng sẽ ướt sũng nước, chúng sẽ không thể bay xa và sẽ rơi xuống biển. Do đó, chúng không đi ra ngoài. Nhưng khi mùa mưa sắp đến, chúng nhặt thóc lúa hoang ở một cái hồ thiên nhiên đem về chất đầy hang và sống bằng thóc lúa.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau khi chúng vào hang thì con nhện Uṇṇanābhi to bằng cái bánh xe vẫn thường giăng tơ hằng tháng ở cửa hang, mỗi sợi tơ của nó to bằng sợi dây thừng bò. Đàn thiên nga cho một thiên nga còn trẻ hai phần thức ăn vì nghĩ rằng nó có thể phá thủng màng nhện kia. Khi trời trở nên quang đãng, con thiên nga trẻ này đứng trước chúng, phá hủy màng nhện và cả đoàn thoát ra bằng cách này.

Bấy giờ, có một mùa mưa kéo dài năm tháng nên lương thực của đàn thiên nga cạn dần, chúng hỏi ý kiến nhau phải làm gì rồi nói:

– Nếu muốn sống, chúng ta phải lấy trứng.

Trước hết, chúng ăn trứng, rồi đến lượt thiên nga con và kế đó là thiên nga già. Sau năm tháng mùa mưa chấm dứt, con nhện đã giăng năm màng lưới to tướng; còn đàn thiên nga vì ăn thịt đồng loại, chúng đã trở nên yếu đuối. Con thiên nga trẻ kia đã nhận phần ăn gấp đôi, cố phá vỡ được bốn màng nhện nhưng không thể phá nổi màng thứ năm và bị dính chân vào đó. Thế rồi con nhện cắt đầu nó và hút máu. Hết thiên nga đầu rồi đến lượt con thứ hai đến phá màng nhện, con nhện suy nghĩ: "Đây lại thêm một con thiên nga nữa dính vào chỗ ấy" và nó hút máu cả bầy. Thời bấy giờ, dòng giống thiên nga Dhataraṭṭha phải tuyệt diệt, tương truyền như vậy.

***

Vua nôn nóng kể thêm một chuyện chứng minh, nhưng các thị dân đứng lên nói:

– Thưa Đại tướng, ngài đề nghị phải làm gì? Ngài sẽ tiến hành ra sao vì nay ngài đã bắt được tên ăn thịt người dã man ấy? Nếu y không từ bỏ việc ấy, hãy sai người đuổi y ra khỏi vương quốc này!

Và quần chúng không chịu để cho vua nói lời nào nữa. Khi nghe câu chuyện chung của quần chúng, vua kinh hoảng không nói gì thêm. Một lần nữa vị đại tướng hỏi vua:

– Tâu Đại vương, ngài có thể từ bỏ việc ấy chăng?

Vua đáp:

– Không thể được.

Thế rồi vị đại tướng sắp vào một phía tất cả hậu cung của vua gồm các vương tử, công chúa trang sức thật lộng lẫy và nói:

– Đại vương, hãy nhìn toàn bộ quyến thuộc này, các cận thần và cảnh huy hoàng vương giả của ngài, xin đừng để ngài phải tiêu tan tất cả, xin ngài hãy ngừng ăn thịt người!

Vua đáp:

– Tất cả mọi thứ này không còn thân thiết với ta hơn món thịt người.

– Vậy xin Đại vương hãy ra đi khỏi kinh thành và quốc độ này!

Vua đáp:

– Kāḷahatthi, ta không cần quốc độ, ta sẵn lòng ra đi nhưng hãy cho ta một ân huệ. Hãy cho ta lấy thanh kiếm và người đầu bếp của ta!

Do đó, họ cho vua lấy một cây kiếm, một cái nồi để nấu thịt người và một cái thùng cùng người đầu bếp; họ đuổi vua ra khỏi xứ sở. Đem theo người đầu bếp, vua ra khỏi kinh thành, đi vào rừng làm chỗ cư trú dưới gốc cây đa. Khi sống ở

đó, vua thường đứng trên con đường đưa vào rừng, và giết người, đem xác về đưa cho người đầu bếp. Y nấu thịt dọn lên và cả hai đều sống theo cách ấy.

Mỗi khi vua xông ra, hét lớn: "Ta đây là tên cướp ăn thịt người!" Không ai đứng vững được nữa, họ đều ngã xuống đất. Người nào vua thích thì vua cứ tóm lấy, xách chổng ngược chân lên trời hay không đều có thể cả, rồi đưa cho người đầu bếp. Một hôm, vua không tìm ra người nào trong rừng cả, khi về nhà, người đầu bếp hỏi:

– Tâu Đại vương, thế nào đây?

Vua bảo y đặt nồi lên lò lửa.

– Nhưng thịt đâu, tâu Đại vương?

Vua đáp:

– Ồ ta sẽ tìm ra thịt mà!

Người đầu bếp suy nghĩ: "Thôi chết ta rồi!", vừa run rẩy y vừa nhóm bếp và đặt nồi lên lò. Sau đó, kẻ ăn thịt người giết y với một nhát kiếm và nấu thịt ăn. Từ đó, vua hoàn toàn cô độc và phải tự nấu ăn cho mình.

Tiếng đồn vang dậy khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ): "Kẻ ăn thịt người kia giết hại khách qua đường." Thời ấy, có một vị Bà-la-môn giàu có đang đi buôn với năm trăm cỗ xe hàng hóa từ Đông sang Tây và suy nghĩ: "Dân chúng đồn rằng kẻ ăn thịt người ấy giết người trên xa lộ. Ta sẽ đi xuyên qua rừng này bằng cách trả tiền mãi lộ."

Thế là ông trả một ngàn đồng tiền cho những người dân sống ở lối đi vào rừng, dặn họ chở ông an toàn qua khu rừng rồi lên đường cùng với họ. Ông đặt cả đoàn xe đi trước và sau khi tắm gội, thoa dầu thơm và phục sức lộng lẫy, ông ngồi vào chiếc xe êm ái do đôi bò trắng kéo và được cả đoàn hộ tống, ông khởi hành cuối cùng.

Kẻ ăn thịt người trèo lên cây ngồi rình đợi người, mặc dù y không cảm thấy thèm ăn bất cứ người nào trong đoàn xe nhưng vừa chợt thấy vị Bà-la-môn thì nước miếng trong mồm y nhỏ ra vì thèm ăn thịt vị ấy. Khi vị Bà-la-môn đến gần, y xưng danh hiệu thét lớn:

– Ta là tên cướp ăn thịt người đây!

Vừa vung kiếm lên giống như một người tung cát mù mắt kẻ khác, y nhào tới đoàn người và không ai có khả năng chống cự lại y, tất cả đều ngã sóng soài xuống đất. Vừa chụp lấy chân vị Bà-la-môn đang ngồi trên chiếc xe êm ái kia, tên cướp ném ông lên lưng mình, đầu dốc ngược xuống đất, đập mạnh vào gót chân y trong khi kéo ông đi xa. Đám người kia đứng dậy kêu nhau:

– Này bạn, hãy dậy mau lên! Ta đã nhận một ngàn đồng tiền từ tay vị Bà-la-môn. Ai trong bọn ta ra dáng nam nhi đây? Cả bọn ta dù mạnh hay yếu, đều phải đuổi theo nó một đoạn đường.

Họ đuổi theo y và kẻ ăn thịt người dừng lại nhìn lui, khi không thấy ai, lại tiếp tục đi chầm chậm. Lúc ấy, một người bạo gan chạy hết tốc lực bắt kịp y. Khi thấy gã kia, kẻ cướp nhảy lên một hàng rào, giẫm nhầm một mảnh gỗ cây keo nhô ra ở đầu bàn chân khiến y bị thương, phải lê bước trong khi máu rỉ ra từ vết thương. Lúc ấy, người đuổi theo thấy vậy liền nói:

– Chắc chắn ta đã làm y bị thương, các bạn cứ bám sát theo, ta sẽ bắt được y.

Họ thấy y yếu sức quá liền hợp sức đuổi bắt y. Khi thấy mình bị đuổi theo, kẻ cướp thả vị Bà-la-môn và tìm cách thoát thân. Đám người hộ tống vị Bà-la-môn suy nghĩ ngay khi cứu được ông: "Chúng ta phải làm gì với kẻ cướp này nữa?" rồi quay về. Còn kẻ ăn thịt người đi đến gốc đa, nằm xuống giữa đám cây con và khấn vái thần cây này:

– Lạy nữ thần cây, nếu trong bảy ngày bà có thể làm lành vết thương của ta thì ta nguyện sẽ tắm thân cây bằng máu lấy từ cổ họng của một trăm lẻ một vị Sát-đế-ly khắp cõi Diêm-phù-đề và treo ruột gan chúng quanh thân cây rồi dâng lễ tế đàn bằng năm loại thịt ngon ngọt.

Bấy giờ, do y không có gì để ăn uống, thân thể y hao mòn dần và trong bảy ngày vết thương đã lành. Y nhận thấy y lành bệnh là nhờ nữ thần cây đa và chỉ trong vài ngày, y phục hồi sức mạnh bằng cách ăn thịt người nên y suy nghĩ: "Vị thần đã giúp đỡ ta rất nhiều. Ta phải thực hiện lời thề nguyện ấy." Y cầm kiếm xông ra từ gốc cây và lên đường với mục đích đem về các vị Sát-đế-ly.

Bấy giờ, một dạ-xoa đã từng làm bạn đường cùng đi đây đó với y và cùng ăn thịt người, vì trong một tiền kiếp, y cũng đã là một dạ-xoa, chợt trông thấy y và biết rằng trong một tiền kiếp y chính là bạn mình liền hỏi:

– Này bạn có nhận biết ta chăng?

– Ta không biết.

Sau đó, dạ-xoa kể cho kẻ cướp nghe một việc mà cả hai đã cùng làm trong đời trước, kẻ ăn thịt người nhận ra bạn và chào hỏi ân cần. Khi được hỏi tái sinh thời nào, ở đâu, y kể cho bạn nghe nơi sinh trưởng của mình, trước kia đã bị đuổi ra khỏi vương quốc ra sao và hiện đang ở đâu. Y còn kể thêm cho bạn nghe y đã bị thương vì mảnh gỗ như thế nào và bây giờ y đang viễn du để giải lời thề với vị nữ thần cây. Y nói:

– Ta sẽ phải vượt qua nỗi gian khổ này nhờ sự trợ giúp của bạn, này bạn, chúng ta hãy cùng đi!

– Ta không đi được, nhưng có việc này ta có thể giúp bạn. Ta biết chắc chắn một lá bùa đặc biệt có lời quý vô giá. Nó giữ vững sức mạnh, tốc độ của đôi chân và tăng cường uy lực. Hãy học bùa chú này!

Y đồng ý ngay và vị quỷ thần trao bùa cho y rồi ra đi. Kẻ ăn thịt người học thuộc lòng thần chú ấy, từ đó y đi nhanh như gió và rất gan dạ. Trong vòng bảy ngày, y tìm được một trăm lẻ một vị vua đang đi trên đường tới ngự viên

và nhiều nơi khác. Y chồm lên các vị ấy nhanh như gió cuốn, xưng danh hiệu xong, y nhảy quanh và hét lớn khiến họ kinh hoảng. Rồi y nắm lấy chân họ, dốc ngược đầu xuống đất, mang đi thật nhanh như gió cuốn. Kế đó, y đục lỗ trong lòng bàn chân họ và treo họ lên bằng dây trên cây đa, gió đánh lên họ khi họ vừa chạm đầu ngón chân xuống đất. Họ bị treo lủng lẳng trên cây, quay cuồng như chuỗi hoa héo trong gió.

Nhưng kẻ ăn thịt người lại suy nghĩ: "Sutasoma là thầy giáo riêng của ta. Đừng để cho toàn cõi Diêm-phù-đề phải suy tàn." Vì thế, y không mang vị ấy về.

Khi có ý định dâng lễ tế thần cây, y nhóm lửa và ngồi xuống mài cọc nhọn. Vị nữ thần cây suy nghĩ: "Y chuẩn bị dâng lễ tế đàn cho ta, nhưng không phải chính ta đã chữa lành vết thương của y. Nay y sắp làm một việc sát sanh trọng đại. Phải làm gì đây? Ta không đủ khả năng ngăn cản y."

Vì thế, bà vội đi kể với Tứ Đại Thiên Vương về sự việc này và xin các vị ngăn cản y. Khi các vị đáp không thể làm việc ấy, bà đến yết kiến Thiên chủ Sakka, kể cho ngài nghe toàn thể câu chuyện và xin ngài ngăn cản y. Ngài nói:

– Ta không thể làm việc ấy, nhưng ta sẽ chỉ cho ngươi một người có thể làm được.

Bà hỏi:

– Đó là ai?

– Trong thế giới chư thiên và loài người, không có ai khác ngoại trừ Sutasoma, vương tử xứ Kuru ở trong kinh thành Indapatta. Ngài sẽ giáo hóa cho y thuần thục, sẽ điều phục y để cứu mạng các vua kia, chữa cho y khỏi bệnh ăn thịt người và tưới nước cam lồ khắp cõi Diêm-phù-đề. Nếu ngươi muốn cứu mạng các vua kia, hãy bảo y trước tiên phải đem Sutasoma đến rồi dâng lễ tế đàn lên cây.

Vị thần đáp:

– Thật chí lý!

Rồi bà vội vàng ra đi, giả dạng một ẩn sĩ đến gần kẻ ăn thịt người. Nghe tiếng chân, y nghĩ thầm: "Một vua nào đó đã trốn thoát được chăng?" Vừa nhìn lên thấy vị ẩn sĩ, y lại nghĩ: "Các ẩn sĩ chắc chắn đều là Sát-đế-ly. Nếu ta bắt được nó, ta sẽ làm tròn con số một trăm lẻ một vua và dâng lễ."

Y đứng lên, mang kiếm trong tay đuổi theo vị ẩn sĩ nhưng dù y đã săn lùng vị ấy suốt ba do-tuần, y vẫn không bắt kịp vị ấy và mồ hôi đổ ròng ròng khắp tứ chi. Y nghĩ thầm: "Trước kia ta từng đuổi theo và bắt được voi, ngựa hoặc xe chạy hết tốc lực, nhưng hôm nay dù ta đã chạy hết sức mình cũng không thể bắt được vị ẩn sĩ này vẫn đang đi thật tự nhiên. Vì lý do gì vậy?" Rồi y lại nghĩ: "Các ẩn sĩ thường có thói quen vâng lời, nếu ta bảo vị ấy dừng lại và vị ấy làm theo thì ta sẽ bắt lấy." Y liền kêu lớn:

– Thánh giả, hãy đứng lại!

Vị ấy đáp:

– Ta đang đứng đây. Ngươi cũng thử đứng lại nào.

Y đáp:

– Ô kìa, các ẩn sĩ dù có phải cứu mạng mình cũng không nói dối, nhưng ngài lại nói dối đấy!

Và y ngâm kệ:

393. Mặc dù ta bảo đứng yên ngay,
Ngài vẫn phóng mình tựa gió bay,
Ngài lại thét: "Này, ta đứng đó!"
Chắc là ngài nói dối ta đây.
Chuyện này quả thật không phù hợp,
Ẩn sĩ ôi, mang lấy kiếm này,
Ngài phải giả làm tên bất hại,
Điểm lông chim hạc trắng, con mây.

Kế đó vị nữ thần đáp đôi vần kệ:

394. Ta vẫn lòng theo đạo chánh chân,
Chẳng thay tên họ hoặc thân nhân,
Cường gian đây sống đời phù phiếm,
Phút chốc đọa vào ngục khổ thân.

395. Can đảm lên đi, hỡi chúa công,
Bắt Sutasoma vĩ đại anh hùng,
Đem về đây để ngài dâng lễ,
Sẽ đạt thiên đường, có biết không?

Cùng với những lời này, nữ thần cởi lớp áo giả dạng ẩn sĩ và xuất lộ nguyên hình, chói sáng giữa bầu trời như vầng nhật. Kẻ ăn thịt người nghe bà nói và ngắm hình dung bà liền hỏi bà là ai. Khi nghe bà đáp bà ra đời làm vị thần cây này, y thích thú nghĩ thầm: "Ta đã trông cậy thần hộ mạng của ta rồi" và nói:

– Thưa nữ thần tiên, xin đừng lo ngại về Sutasoma, mà xin ngài hãy nhập vào thân cây lần nữa!

Vị thần nhập vào thân cây ngay trước mắt y. Vừa lúc ấy, mặt trời lặn và mặt trăng lên. Kẻ ăn thịt người vốn tinh thông kinh Vệ-đà và các sách bổ sung vào kinh ấy, lại quen với cách vận hành của các thiên thể nên khi nhìn lên trời, y suy nghĩ: "Ngày mai sẽ có chòm sao Phussa xuất hiện, Sutasoma sẽ đến tắm ở ngự viên và ta sẽ ra tay với vua ấy. Nhưng vì vua ấy có một vệ sĩ lực lưỡng và dân chúng khắp cõi Diêm-phù-đề sẽ đến hộ vệ vua trong vòng ba do-tuần, vậy vào canh một trước khi vệ sĩ đóng quân, ta sẽ đến ngự viên Migācira, xuống hồ hoàng gia và đứng đó."

Thế rồi, y xuống hồ và đứng đó, che đầu bằng ngọn lá sen. Do uy lực vĩ

đại của y, các loài cá, rùa đều lùi lại phía sau và bơi quanh từng đàn lớn bên bờ nước. [Ta có thể hỏi:] "Do đâu y lại có uy lực này?" Đó là do lòng mộ đạo của y trong đời trước.

Vào thời đức Phật Kassapa (Ca-diếp), y bắt đầu phân phát sữa theo phiếu. Nhờ vậy, y trở thành người rất có thế lực, và sau khi bảo Tăng chúng dựng sảnh đường để đốt lửa chống mùa lạnh, y cúng dường lửa, củi và cái rìu chẻ củi. Do kết quả của việc này, y rất nổi tiếng. Vì thế, bấy giờ, khi y vào ngự viên, trời chỉ vừa rạng đông, quân sĩ đã canh phòng suốt ba do-tuần chung quanh. Còn Vua Sutasoma, sau buổi điểm tâm lúc sáng sớm, đã ngự lên mình voi được tô điểm yên cương thật lộng lẫy với bốn đội quân hùng hậu hộ giá tiến ra khỏi kinh thành.

Ngay lúc ấy, một Bà-la-môn tên Nanda đi từ Takkasilā, mang theo bốn vần kệ, mỗi vần đáng giá một trăm đồng tiền, vừa đến kinh thành sau cuộc hành trình dài một trăm hai mươi do-tuần và trú ngụ ở một vùng ngoại ô.

Vừa rạng đông, vị ấy vào thành, thấy vua đang ngự xa giá đi qua Đông môn liền giơ tay lên hô lớn: "Vạn tuế Đại vương!" Bấy giờ, vua bị viễn thị, trong khi đang cưỡi voi, vua thấy cánh tay giơ lên của vị Bà-la-môn đang đứng trên một mô đất cao liền tiến đến gần trên mình voi vừa ngâm kệ vừa hỏi như sau:

396. Trẫm hỏi ngài sinh ở xứ nào,
Đến đây, đạo sĩ hỡi, vì sao?
Nói rồi, nay trẫm liền ban tặng
Bất cứ điều chi đấy nguyện cầu.

Kế đó, vị Bà-la-môn đáp lời vua:

397. Bốn vần thi kệ, tấu Quân vương,
Ý nghĩa sâu xa tựa hải dương,
Mang đến đây, xin nghe thật kỹ,
Cao siêu, huyền bí thảy am tường.

Vị ấy tiếp:

– Tâu Đại vương, bốn vần thi kệ này do đức Phật Kassapa dạy tiểu thần, mỗi vần đáng giá một trăm đồng tiền. Sau khi nghe xong, nếu Đại vương muốn dâng tế lễ nước trái cây soma, tiểu thần sẽ đến chỉ dẫn Đại vương.

Vua vô cùng hân hoan phán:

– Này Tôn sư, ngài khéo làm việc này lắm, nhưng hôm nay trẫm không trở về triều được. Hôm nay là ngày giao hội của chòm sao Phussa, là ngày trẫm đi gội đầu. Khi trở về, trẫm sẽ nghe lời ngài. Xin đừng phật ý vì trẫm!

Cùng với những lời này, vua ra lệnh quần thần:

– Các khanh đến nhà một Bà-la-môn nào đó chuẩn bị một sàng tọa và sắp đặt một nơi ăn dưới mái hiên.

Xong vua đi vào ngự viên. Khu vườn được bao bọc bởi một tường thành cao mười tám *cubit*[33] và được bầy voi canh phòng chung quanh đứng kề sát nhau. Kế tiếp là bầy ngựa, đoàn xe, cuối cùng là toán xạ thủ và các bộ binh khác; đạo quân được di chuyển đến đây thật giống như cả đại dương dậy sóng.

Sau khi đã trút bỏ các vật trang sức nặng nề và được cạo râu, gội đầu với dầu thơm rồi, vua đi tắm hồ sen trong dáng điệu uy nghi cao quý và khi bước ra khỏi nước, vua đứng đó trong bộ áo tắm, quân hầu liền đem vòng hoa thơm ngát đến trang điểm cho ngài.

Kẻ ăn thịt người suy nghĩ: "Khi đã phục sức đầy đủ, nhà vua hẳn sẽ nặng lắm. Ta muốn bắt lấy vua khi còn nhẹ để mang đi." Thế rồi vừa thét lớn vừa nhảy quanh và vung kiếm trên đầu nhanh như chớp, y xưng danh hiệu xong liền nói to:

– Này, ta đây là kẻ cướp ăn thịt người!

Rồi đặt ngón tay trên trán vua, y bước ra khỏi nước. Ngay khi nghe tiếng thét, các quản tượng cùng đàn voi, các kỵ mã cùng đàn ngựa, các quản xe cùng đoàn xe đều ngã xuống đất, cả đoàn quân sĩ đều thả vũ khí đang cầm và nằm sát xuống bụng. Kẻ ăn thịt người chụp lấy Sutasoma, dựng ngài thẳng đứng lên. Tất cả các vị vua trước kia, y đều bắt lấy từ bàn chân và dốc ngược đầu xuống đất, rồi kéo lê họ đi khiến đầu họ đập vào gót chân y; nhưng nay đến gần Bồ-tát, y cúi xuống nhấc ngài lên và đặt trên vai mình.

Nghĩ rằng có lối đi quanh qua cổng thành, y nhảy lên bức thành cao mười tám *cubit* ngay tại điểm đối diện con đường ấy. Y vừa tiến lên vừa giẫm chân lên trán bầy voi làm rỉ ra chất dịch, lật nhào chúng xuống như thể các đỉnh núi. Kế đó, y giẫm chân lên lưng bầy ngựa, dù thường ngày chúng chạy nhanh như gió và quý vô cùng, rồi cũng đạp chúng ngã xuống đất.

Sau đó, y bước lên mặt trước của các cỗ xe lộng lẫy chẳng khác gì người quay con vụ (con cù), hay như thể người giẫm nát cây phalaka xanh biếc hay đám lá bàng; và thoắt một cái, y đã chạy xa ba do-tuần.

Rồi muốn biết có ai chạy theo để cứu Sutasoma không, y nhìn lên và thấy không có ai, y lại đi chầm chậm. Khi nhận ra những giọt nước rơi xuống mình từ tóc Sutasoma, y nghĩ thầm: "Không ai sống mà không sợ chết. Chắc có lẽ Sutasoma cũng đang khóc vì sợ đấy" và y ngâm kệ:

398. Những bậc uyên thâm, các Trí nhân,
Tư duy cao cả phát sinh luôn,
Chẳng bao giờ khóc, tìm an trú,
Bậc Thánh xua tan nỗi khổ buồn.

399. Có phải vợ con hoặc họ hàng,
Bản thân, kho thóc, bạc hay vàng,

---

[33] 1 *cubit* = 45cm.

Đã làm lệ chảy, Sutasoma hỡi,
Đại đế Kuru, đáp rõ ràng!

Sutasoma đáp:

400. Không khóc gì cho chính bản thân,
Vợ con, đất nước hoặc kho tàng,
Thánh hạnh ngày xưa ta vẫn giữ,
Khóc vì lời hứa chẳng chu toàn.

401. Trước một La-môn, đã hứa lời,
Khi ta trị nước với quyền oai,
Lời kia ta ước mong gìn giữ,
Danh dự cứu xong, trở lại ngài!

Kẻ ăn thịt người đáp lại:

402. Ta chẳng tin rằng có thế nhân,
Vận may thoát móng tử ma thần,
Trở về nộp mạng cho cừu địch,
Nếu để ngài đi chẳng phục hoàn.

403. Thoát kẻ sát nhân ác trở về,
Hoàng cung, mộng ước đẹp tràn trề,
Cuộc đời thân thiết đầy lôi cuốn,
Hồi phục cho ngài phải đắm mê.
Vì lý do gì trên thế giới,
Mà ngài trở lại với ta hề?

Khi nghe lời này, bậc Đại sĩ vẫn gan dạ như sư tử, đáp:

404. Vô tội, con người thích chết hơn,
Sống mang đầy tội đáng khinh nhờn,
Nếu vì cứu mạng, buông lời dối,
Người chẳng thoát đâu ngục khổ buồn.

405-06. Gió có thể lay chuyển núi cao,
Trời, trăng rụng xuống cõi trần lao,
Thưa ngài, và mọi dòng sông cạn,
Nhưng vọng ngôn, ta chẳng phạm vào.

Dù ngài nói vậy, kẻ ăn thịt người vẫn không tin ngài. Do đó, Bồ-tát suy nghĩ: "Kẻ này không tin ta, ta quyết làm cho y tin bằng một lời thề" và bảo:

– Thưa hiền hữu ăn thịt người, xin hãy thả ta xuống khỏi lưng, ta sẽ thề nguyền khiến ngài tin ta.

Sau những lời này, ngài được kẻ ăn thịt người đưa xuống, đặt trên mặt đất và ngài phát nguyện:

407. Này! Khi ta chạm kiếm, đao này,
Thề nguyện trang nghiêm trước mặt ngài,

Hãy thả ta và ta thoát nợ,
Cứu xong danh dự, trở về đây.

Lúc ấy, kẻ ăn thịt người nghĩ thầm: "Vua Sutasoma này thề chịu hình phạt nếu vi phạm luật lệ dòng Khattiya (Sát-đế-ly). Ta còn muốn gì với vị ấy nữa? À, ta cũng là một vua Sát-đế-ly. Ta sẽ lấy máu từ chính cánh tay mình và tế lễ thần cây. Đây thật là một chàng trai rất nhát gan." Rồi y ngâm kệ:

408. Trước một La-môn, đã hứa lời,
Khi ngài trị nước với quyền oai,
Lời kia, ta phải bắt ngài giữ,
Danh dự cứu rồi, trở lại thôi.

Sau đó, bậc Đại sĩ nói:

– Này hiền hữu, xin chớ phật lòng. Sau khi ta đã nghe bốn vần kệ kia, mỗi vần đáng giá một trăm đồng tiền và dâng lễ cúng dường vị Pháp sư xong, ta sẽ trở lại vào lúc rạng đông.

Và ngài ngâm kệ này:

409. Trước một La-môn đã hứa lời,
Khi ta trị nước với quyền oai,
Lời kia ta ước mong gìn giữ,
Danh dự cứu xong, trở lại ngài.

Kẻ ăn thịt người đáp:

– Ngài đã thề chịu hình phạt nếu vi phạm phong tục của dòng Sát-đế-ly. Ngài hãy cẩn thận hành động cho đúng phép!

Ngài nói:

– Này hiền hữu ăn thịt người, ngài đã biết ta từ bé. Trước kia ta chưa bao giờ nói dối dù để đùa chơi, còn nay ta đã được lên ngai vàng và biết điều phải trái thì sao ta lại nói dối được. Hãy tin ta, ta sẽ dâng lễ vật tế đàn cho hiền hữu!

Được thúc giục phải tin tưởng ngài, y đáp:

– Thôi được, Đại vương hãy ra đi và nếu Đại vương không trở lại thì sẽ không có tế lễ và thần cây cũng không chấp nhận lễ nếu không có Đại vương. Vậy đừng làm trở ngại việc dâng lễ của ta.

Rồi y để bậc Đại sĩ ra đi. Giống như mặt trăng thoát khỏi móng vuốt của thần Rāhu (La-hầu) và với sức mạnh như một chú voi còn trẻ, ngài nhanh chân về đến kinh thành. Còn đám quân sĩ của ngài suy nghĩ: "Đại vương Sutasoma là bậc Hiền trí và là vị Pháp sư tuyệt hảo. Nếu ngài có thể nói một hai lời với y, ngài sẽ cảm hóa y và trở về như con voi dũng mãnh thoát khỏi mồm sư tử." Rồi họ lại nghĩ: "Dân chúng sẽ khiển trách chúng ta và nói: 'Sau khi bỏ mặc đức vua của các ông cho kẻ ăn thịt người, các ông còn trở lại với bọn này ư?'"

Vì thế, họ cắm trại ngoài kinh thành và khi chợt thấy ngài từ xa đi đến, họ bước ra đón ngài, đảnh lễ ân cần và thưa:

– Tâu Đại vương, ngài không khiếp sợ kẻ ăn thịt người ấy ư?

Ngài đáp:

– Kẻ ăn thịt người ấy đã làm một việc khó khăn hơn bất cứ việc gì song thân ta đã làm. Là một kẻ hung tàn bạo ngược như vậy mà sau khi nghe ta thuyết pháp, y đã để ta đi.

Sau đó, quân hầu trang điểm xiêm y cho ngài xong, đưa ngài lên lưng voi và hộ tống ngài về kinh. Khi thấy ngài, dân chúng hân hoan, và do lòng nhiệt thành của ngài đối với pháp, ngài không đi viếng song thân mà lại nghĩ: "Ta sẽ thăm cha mẹ sau" và ngài vào cung điện ngự lên ngôi báu.

Rồi ngài triệu vị Bà-la-môn đến, ra lệnh cạo râu cho ông, sau khi râu tóc được tỉa xong, ông được tắm rửa, thoa dầu thơm và phục sức xiêm y lộng lẫy, họ đưa ông đến trước mặt vua. Khi vị Bà-la-môn đã được đưa vào yết kiến, chính Vua Sutasoma cũng đi tắm gội sau đó và ra lệnh đem ngự thiện của ngài dâng vị Bà-la-môn. Đến khi vị Bà-la-môn đã thọ thực xong, chính vua mới dùng phần ngự thiện ấy.

Sau đó, ngài đặt vị Bà-la-môn lên một bảo tọa và để tỏ lòng tôn kính. Ngài cúng dường vị ấy các tràng hoa thơm cùng các lễ vật tương tự, rồi chính ngài ngự trên một bảo tọa thấp hơn và thỉnh cầu vị kia:

– Thưa Tôn sư, chúng ta muốn nghe các vần kệ mà Tôn sư đã đem đến cho chúng ta.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề:

410. Thoát tay tàn bạo giết nhân dân,
Đến đạo sĩ, người bạn thiết thân,
Ngài bảo: "Chúng ta đều ước muốn,
Nghe bài thi kệ giá trăm đồng,
Nếu ngài chiếu cố ban lời dạy,
Lợi lạc chúng ta được hưởng phần."

Khi Bồ-tát thỉnh cầu, vị Bà-la-môn liền rửa tay với nước hoa rồi rút ra một quyển sách đẹp từ túi xách, cầm sách cả hai tay và nói:

– Tâu Đại vương, xin hãy nghe bốn vần kệ của tiểu thần, mỗi vần đáng giá một trăm đồng tiền. Chúng đã được đức Phật Kassapa dạy cho tiểu thần. Chúng có đặc tính hủy diệt tham đắm, kiêu mạn và các ác hạnh tương tự. Chúng tạo cho con người khả năng tiêu trừ dục vọng, an tịnh các căn, thậm chí đưa đến Niết-bàn có uy lực vĩnh cửu, đoạn diệt khát ái, chặt đứt vòng luân hồi và nhổ tận gốc chấp thủ.

Cùng với những lời này, ông nhìn vào sách và ngâm các vần kệ sau:

411. Hãy hòa hợp với Thánh, Hiền nhân,
Này hỡi Đại vương, chỉ một lần,
Và chớ bao giờ thân kẻ ác,
Bình an tràn ngập khắp toàn thân.

412. Thường xuyên giao kết với Hiền nhân,
Chỉ nhận Hiền nhân chính bạn thân,
Học chánh lý từ bao bậc Thánh,
Mỗi ngày tu tập tốt thêm dần.[34]

413. Như các xe vua khéo điểm trang,
Cũng thành mờ nhạt, sẽ tan hoang,
Thân ta yếu đuối càng mòn mỏi,
Và phải chịu nhanh chóng lụi tàn.
Song đạo Thánh, Hiền nhân vĩnh cửu,
Chẳng hề tàn tạ với thời gian,
Thiên nhân tuyên thuyết cùng người thiện,
Qua các thời chưa được bảo ban.[35]

414. Bầu trời giăng rộng rãi bao la,
Quả đất trải dài ở dưới ta,
Lãnh thổ bên kia bờ đại hải,
Chúng ta đều biết thật là xa.
Song còn vĩ đại hơn muôn vật,
Tầm mức ấy càng tỏa rộng ra,
Là đạo lý về điều thiện ác,
Người hiền, kẻ ác dạy cho ta.[36]

Như vậy, vị Bà-la-môn đã dạy ngài bốn vần kệ, mỗi vần trị giá một trăm đồng, đúng như trước kia đã được đức Phật Kassapa thuyết giảng, rồi ông ngồi yên lặng. Bậc Đại sĩ rất hoan hỷ nghe kệ và bảo:

– Chuyến đi của ta về đây không phải là không được phần thưởng xứng đáng!

Rồi ngài suy nghĩ: "Những vần kệ này không phải chỉ là lời của một đệ tử hay một Thánh nhân, cũng không phải là tác phẩm của một thi sĩ mà đó chính là do một đấng Toàn Tri Kiến nói ra. Ta không biết chúng đáng giá ra sao. Dù ta có dâng toàn thế giới trải dài lên tận cõi trời Phạm thiên, sau khi chất đầy cả thế giới ấy với bảy báu vật, ta cũng không thể đền đáp xứng đáng. Chắc chắn ta có thể trao vương quyền cho vị ấy tại kinh thành Indapatta rộng bảy do-tuần

---

[34] Xem *S.* I. 56, *Sivasutta* (*Kinh Siva*).

[35] Tham chiếu: *S.* I. 71, *Jarāmaraṇasutta* (*Kinh Già chết*); *Dh.* v. 151; *Pháp cú kinh* "Lão mạo phẩm" 法句經老耄品 (*T.*04. 0210.19. 0565b25); *Xuất diệu kinh* "Vô thường phẩm" 出曜經無常品 (*T.*04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Hữu vi phẩm" 法集要頌經有為品 (*T.*04. 0213.1. 0777a02).

[36] Xem *A.* II. 50, *Suvidūrasutta* (*Kinh Rất xa xăm*).

trong đất nước Kuru trải dài hơn ba trăm do-tuần này. Dĩ nhiên số phần vị ấy xứng đáng làm vua."

Nhưng khi nhìn ông với khả năng tiên đoán tương lai của một người theo hình dáng bề ngoài, ngài không thấy các dấu hiệu như thế. Rồi ngài lại nghĩ đến ông với chức vụ đại tướng quân hay những chức vụ tương tự, nhưng cũng không thấy ông có tướng cầm đầu dù chỉ là một ngôi làng nhỏ.

Kế đó, khi xem xét trường hợp hưởng thọ tài sản, bắt đầu từ mười triệu đồng, ngài thấy vị ấy đáng được hưởng bốn ngàn đồng và nghĩ cách làm vinh dự vị ấy chỉ với số tiền này thôi, ngài ban tặng vị ấy bốn cái túi, một túi đựng một ngàn đồng tiền và bảo:

– Thưa Tôn sư, khi ngài dạy các vương tử khác những vần kệ này, ngài nhận được bao nhiêu?

– Tâu Đại vương, mỗi vần một trăm đồng, chúng chỉ đáng giá một trăm thôi.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Thưa Tôn sư, ngài không biết tính chất vô giá của món hàng mà ngài đem bán đâu. Từ nay phải xem là chúng đáng giá một ngàn đồng tiền.

Nói vậy xong, ngài ngâm kệ này:

415. Các kệ này không chỉ bốn trăm,
Đúng hơn phải nói giá hàng ngàn,
Bà-la-môn lấy bốn ngàn đây,
Đem chúng đi ngay, hãy vội vàng!

Sau đó, ngài đưa vị ấy lên một cỗ xe êm ái và ra lệnh cho quân hầu:

– Hãy đưa vị Bà-la-môn này về nhà an toàn!

Rồi ngài bảo ông đi về. Lúc này có tiếng tung hô tán thán nổi lên cùng tiếng kêu lớn:

– Hoan hô! Hoan hô! Đại vương Sutasoma đã tôn vinh các vần kệ này rất trọng thể, khi nghĩ rằng mỗi vần kệ đáng giá một ngàn đồng tiền mà trước kia chỉ đáng giá một trăm.

Song thân của vua nghe tiếng ồn nên hỏi chuyện gì, và khi nghe sự thật của việc ấy, do lòng tham lam, hai vị nổi giận với bậc Đại sĩ. Còn ngài, sau khi cho vị Bà-la-môn ra về liền đến thăm song thân và đảnh lễ hai vị. Sau đó, phụ vương bảo:

– Này Vương nhi, con đã thoát khỏi tay của kẻ được xem là tướng cướp hung bạo.

Rồi thay vì lộ vẻ vui mừng khi thấy ngài, nhưng do lòng tham tiền, vua cha hỏi:

– Có thật chúng nói con ban bốn ngàn đồng tiền vì nghe bốn vần kệ chăng?

Khi nghe ngài thú nhận là đúng, vua cha ngâm kệ này:

416. Kệ thường mỗi khúc tám mươi đồng,
Hoặc đến một trăm, giá tận cùng,
Song hỡi Sutasoma nên tự chủ,
Một ngàn là giá kệ chưa từng!

Lúc ấy, bậc Đại sĩ muốn thúc giục vua cha nhìn sự vật theo cách khác liền nói:

– Tâu Phụ vương, chính là con không muốn tăng thêm tài sản mà tăng thêm kiến thức thôi.

Và ngài ngâm các kệ này:

417. Con mong Thánh kiến cứ tăng dần,
Bầu bạn thiết thân với Thánh nhân,
Chẳng có sông nào đầy biển cả,
Thiện ngôn con học mãi không cùng.

418. Như lửa khát khao réo củi rơm,
Biển đòi sông lạch đổ nhiều hơn,
Hiền nhân cũng vậy, tâu Hoàng thượng,
Khao khát nghe lời nói thiện chơn.[37]

419. Từ miệng nô tỳ, nếu được nghe,
Tối cao ý nghĩa kệ tràn trề,
Lời kia con nhận đầy cung kính,
Đạo lý thiện chân thỏa chẳng hề.

Sau khi nói vậy xong, ngài bảo:

– Xin Phụ vương đừng chỉ vì tiền mà trách móc con. Con đã về đây, sau khi thề nguyền rằng con sẽ trở lại đó khi đã nghe pháp xong. Nay con sẽ trở lại với quái nhân kia, xin Phụ vương nhận lấy vương quyền.

Ngài trao chủ quyền cho phụ vương và ngâm kệ:

420. Đất nước của cha lắm bạc vàng,
Cân đai, quốc phục, lạc vô ngàn,
Sao còn khiển trách khi con bỏ
Dục lạc, chết vào tay sát nhân?

Lúc này, tim vua cha nóng rực lên và ngài bảo:

– Này Vương nhi Sutasoma yêu quý, con nói gì thế? Cha sẽ đi cùng tất cả bốn đạo quân và sẽ bắt được kẻ cướp ấy.

Rồi ngài ngâm kệ:

421. Dũng sĩ đến đây bảo vệ ta,
Kẻ thì cưỡi tượng, kẻ lên xa,

[37] Xem *Miln.* 380, *Samuddaṅgapañha* (*Câu hỏi về tính chất của biển cả*).

Bộ binh, kỵ mã đầy cung tiễn,
Thống lãnh đạo quân, giết địch nhà!

Lúc ấy, phụ vương, mẫu hậu ngài mắt đẫm lệ, năn nỉ ngài:

– Này Vương nhi, chớ đi, con không thể đi được.

Rồi mười sáu ngàn cung nữ ca múa cùng các cận thần than khóc:

– Tâu Đại vương, sao Đại vương nỡ đến đó, bỏ chúng thần bơ vơ?

Và khắp kinh thành, không ai giữ được niềm xúc động, họ bảo nhau:

– Người ta nói ngài đã trở về đây sau khi đã hứa lời với kẻ ăn thịt người. Giờ đây ngài đã nghe bốn vần kệ, mỗi vần đáng giá một trăm đồng và đã bày tỏ lòng cung kính trọng thể đối với vị Pháp sư, cùng từ giã song thân, ngài sẽ quay lại lần nữa với kẻ ăn thịt người ấy.

Rồi cả kinh thành náo động dữ dội. Còn ngài khi nghe cha mẹ bảo thế liền ngâm kệ này:

422. Hành động cừu nhân ăn thịt người,
Bắt con rồi thả, thật cao vời,
Khắc ghi thuở trước tình bằng hữu,
Đã hứa làm sao con nuốt lời?

Ngài lại an ủi song thân:

– Phụ vương và Mẫu hậu yêu quý, xin đừng lo âu vì con. Con đã làm một việc công đức nên uy quyền nơi sáu tầng trời dục giới không phải là vấn đề khó khăn gì.

Vừa từ giã song thân, ngài vừa khuyến giáo quần chúng và ra đi.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ làm sáng tỏ vấn đề:

423. Lời khéo khuyên, từ biệt lão thân,
Chân thành nhắn nhủ cả quân, dân,
Giữ lời thệ ước không lừa dối,
Vội trở về bên kẻ sát nhân.

***

Lúc ấy, kẻ ăn thịt người suy nghĩ: "Nếu Hiền hữu Sutasoma của ta muốn trở về thì cứ để bạn trở về, không thể khác được, và mặc vị thần cây muốn làm gì tùy ý, còn ta sẽ giết các vương tử này và dâng lễ tế đàn bằng thịt của chúng với năm món ngon ngọt nữa." Thế rồi, kẻ ấy chất đống củi hỏa thiêu và châm lửa, nghĩ rằng phải đợi cho đến khi than nóng đỏ lên. Trong lúc y ngồi mài cái xiên thịt thì Sutasoma đến. Vừa thấy ngài, kẻ ăn thịt người vui mừng trong lòng liền hỏi:

– Này hiền hữu, bạn đã làm được những gì bạn muốn rồi chứ?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Thưa vâng, này Đại vương, ta đã nghe những vần kệ do đấng Thập Lực Kassapa dạy vị Bà-la-môn kia, ta đã tỏ lòng tôn kính trọng thể đối với vị Pháp sư và vì thế ta đã trở lại sau khi làm xong việc ta cần làm.

Để chứng minh điều này, ngài ngâm kệ:

424. Trước một La-môn đã hứa lời,
Khi ta trị nước với quyền oai,
Nay ta đã trọn lời thề ước,
Danh dự cứu xong, trở lại rồi.
Vậy hãy giết ta và tế lễ,
Dâng thần cây gỗ của nhà ngài,
Hay là thỏa mãn lòng tham muốn,
Độc ác bạo hung với thịt người!

Nghe lời vầy, kẻ ăn thịt người suy nghĩ: "Vua này không sợ, vị ấy nói lên với lòng đã xua tan mọi nỗi kinh hoàng chết chóc. Ta muốn biết uy lực này phát xuất từ đâu. Không thể có gì khác được, vị ấy nói: 'Ta đã nghe các vần kệ mà đấng Thập Lực Kassapa dạy.' Chắc hẳn uy lực siêu phàm này phát xuất từ đây. Ta sẽ bảo vị ấy ngâm kệ này cho ta nghe và do đó ta cũng sẽ thoát khỏi bất cứ nỗi sợ hãi nào." Khi đã quyết định như vậy xong, y ngâm kệ này:

425. Dù ta trì hoãn một hai ngày,
Lửa vẫn còn làm khói tỏa bay,
Chẳng mất quyền ăn mồi thịt ấy,
Thịt quay than nóng thật ngon thay,
Các vần kệ giá trăm đồng chẵn,
Ngài hãy mau lên, đọc kệ ngay!

Nghe vậy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Kẻ ăn thịt người này là kẻ phạm tội ác. Ta sẽ khiển trách y đôi lời và làm y biết ô nhục vì những lời của ta." Ngài liền bảo:

426. Kẻ ăn đồng loại, bạo tàn thay,
Thèm thịt đã rơi khỏi chiếc ngai,
Vần kệ dạy cho ta chánh lý,
Chánh, tà phải kết hợp sao đây?

427. Với kẻ cướp hung ác bạo tàn,
Bàn tay đã nhúng máu đầy tràn,
Lợi gì Thánh kiến này đem đến,
Phát xuất từ đâu lẽ chánh chân?

Cho dù được nghe nói các lời này, kẻ ăn thịt người cũng không tức giận. Vì sao vậy? Đó là do uy lực từ tâm của bậc Đại sĩ. Lúc ấy, y nói:

– Này Hiền hữu Sutasoma, chỉ một mình ta là bất chánh thôi sao?

Và y ngâm kệ:

428. Kẻ nọ đi săn bắt thú rừng,
Để làm thành món thịt thơm lừng,
Và người kia giết người đồng loại,
Lấy thịt bà con để nấu ăn,
Khi chết, cả hai đồng tội lỗi,
Sao ngài chỉ trách mỗi riêng ta?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ ngâm kệ này để phá tan tà kiến ấy:

429. Trong ngũ thú, loài có móng, răng,
Khôn ngoan, vương tử cứ dùng ăn,
Còn ngài ăn thịt đà kiêng kỵ,
Này Đại vương ôi, thật bạo hung!

Khi nghe lời khiển trách trên, y thấy không còn đường nào thoát được cả liền cố tìm cánh che giấu tội lỗi của mình và ngâm kệ:

430. Thoát kẻ bạo hung nuốt thịt người,
Về cung, đầy mộng ước xinh tươi,
Sao còn nộp mạng cho cừu địch,
Ngài chắc tinh thông đạo lý trời?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ đáp:

– Này hiền hữu, một người như ta chắc hẳn phải thông thạo kiến thức truyền thống Khattiya. Ta hiểu rõ lắm chứ, nhưng ta không hướng dẫn hành động của ta theo đó.

Và ngài ngâm kệ:

431. Ai thông đạo Khattiya vầy,
Đều xuống ngục sâu sống đọa đày,
Ta vốn ghét căm truyền thống ấy,
Theo lời đã hứa trở về đây.
Hãy làm tế lễ và ăn thịt
Ta trọn, Đại vương khủng khiếp này.

Kẻ ăn thịt người hỏi:

432. Đất rộng, cung đình, bò, ngựa, trâu,
Hương thơm, áo đẹp, lắm nàng hầu,
Đại vương đầy đủ bao điều ấy,
Chánh pháp, ngài tìm hạnh phúc đâu?

Bồ-tát đáp lại:

433. Mọi lạc thú mà cõi thế gian
Tặng ta, chẳng có thú nào hơn,
Niềm vui Chánh pháp ta tìm thấy,
Ẩn sĩ, La-môn vẫn trú an,

Trong đạo chánh chân và giải thoát,
Tử sinh, bờ nọ đến an toàn.

Như vậy, bậc Đại sĩ đã thuyết giảng cho kẻ ấy về hạnh phúc trong Chánh pháp. Lúc ấy, kẻ ăn thịt người nhìn vào mặt ngài sáng rực rỡ như đóa sen nở hay vầng trăng tròn đầy, lại suy nghĩ: "Vua Sutasoma này thấy ta đang sửa soạn một đống than hồng và mài nhọn cái xiên nướng thịt, tuy nhiên không hề tỏ ra chút mảy may sợ hãi. Có thể đây là thần lực của các vần kệ đáng giá một trăm đồng kia hay là nó phát xuất từ một chân lý nào khác? Ta sẽ hỏi vị ấy." Và y ngâm kệ theo hình thức câu hỏi:

434. Thoát kẻ bạo hung nuốt thịt người,
Về cung, tràn mộng ước xinh tươi,
Sao còn trở lại thăm thù địch?
Vương tử chắc không sợ chết rồi,
Để giữ trọn lời ngài đã hứa,
Bỏ qua dục lạc ở trên đời.

Bậc Đại sĩ đáp lại:

435. Ta phát nguyện làm muôn ngàn công đức,
Lễ dồi dào được danh tiếng lừng vang,
Đến đời sau, ta giữ thẳng con đường,
Ai sợ chết khi trú an Chánh pháp?

436. Ta phát nguyện làm muôn ngàn công đức,
Lễ dồi dào được danh vọng vẻ vang,
Không ăn năn, ta tiến đến thiên đàng,
Hãy tế lễ và xé mồi ăn thịt.

437. Song thân, ta đã thương yêu khắng khít,
Ta được khen cai trị tuyệt công bình,
Đến đời sau ta chọn lối quang vinh,
Ai sợ chết khi trú an Chánh pháp?

438. Song thân, ta đã phụng thờ chu đáo,
Ta được khen cai trị tuyệt công bình,
Không ăn năn, ta tiến đến thiên đình,
Hãy tế lễ và xé mồi ngon ngọt.

439. Ta phục vụ các thân bằng quyến thuộc,
Cai trị công bình được mọi người khen,
Đến đời sau ta chọn lối quang vinh,
Ai sợ chết khi trú an Chánh pháp?

440. Ta phục vụ các thân bằng quyến thuộc,
Cai trị công bình được mọi người khen,

Không ăn năn, ta chọn lối thăng thiên,
Hãy tế lễ và xé mồi ăn gấp.

441. Biết bao người, ta cúng dường cung cấp,
Bà-la-môn, đạo sĩ, thảy hân hoan,
Đến đời sau, ta chọn lối thiên đàng,
Ai sợ chết khi trú an Chánh pháp?

442. Biết bao người, ta cúng dường cung cấp,
Bà-la-môn, đạo sĩ, thảy hân hoan,
Không ăn năn, ta tiến tới thiên đàng,
Hãy tế lễ và xé mồi ăn thịt.

Nghe vậy, kẻ ăn thịt người suy nghĩ: "Vua Sutasoma này là bậc Thiện nhân tài trí. Giả sử ta ăn thịt vị ấy, sọ đầu ta sẽ vỡ ra bảy mảnh, hoặc quả đất sẽ há miệng nuốt ta mất", và y hoảng sợ nói:

– Này hiền hữu, bạn không phải hạng người mà ta phải ăn thịt đâu.

Và y ngâm kệ:

443. Thuốc độc kẻ nào uống chủ tâm,
Độc xà hung bạo lấy tay cầm,
Tan thành bảy mảnh ngay đầu nó,
Người chẳng dối lời, lại dám ăn.

Y nói với bậc Đại sĩ như vầy:

– Ta chắc bạn như thể là thứ thuốc độc chết người, ai dám ăn bạn chứ?

Và nóng lòng muốn nghe các vần kệ, y van xin ngài ngâm kệ cho y. Nhưng khi muốn tỏ lòng cung kính cao trọng đối với đạo Thánh hiền, lời thỉnh cầu của y bị bậc Đại sĩ từ chối vì lý do rằng y không phải là kẻ xứng đáng nhận vần kệ đầy đạo đức vẹn toàn như vậy. Y tự nhủ: "Khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) không có vị Hiền nhân nào như thế này, vì khi vị ấy thoát được tay ta, vị ấy đi về nghe kệ và sau khi bày tỏ lòng cung kính trọng thể đối với vị Pháp sư, vị ấy trở lại đây với dấu hiệu của thần chết in trên trán. Các vần kệ này chắc hẳn có giá trị siêu phàm." Lòng y vẫn tràn đầy ước vọng cung kính muốn nghe kệ ấy, y van xin bậc Đại sĩ và ngâm kệ này:

444. Những người nghe giáo lý như chân
Thiện, ác sẽ mau chóng biệt phân,
Có lẽ nếu nghe vần kệ ấy,
Tâm ta sẽ hỷ lạc vô ngần.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Nay kẻ ăn thịt người mong muốn nghe kệ, ta sẽ ngâm kệ cho y", và ngài nói:

– Thôi được, này hiền hữu, hãy lắng nghe thật kỹ!

Sau khi đã làm người kia chú ý, ngài ngâm nga các vần kệ đúng như ngài đã được Bà-la-môn Nanda thuyết giáo, trong lúc chư thiên thần ở sáu cõi trời

dục giới đều đồng thanh hô lớn và thiên chúng đều hoan nghênh tán thán. Bậc Đại sĩ thuyết pháp cho kẻ ăn thịt người như vầy:

445. Hãy hòa hợp với Thánh, Hiền nhân,
Này hỡi Sutasoma, chỉ một lần,
Và chớ bao giờ thân kẻ ác,
Bình an tràn ngập khắp toàn thân.

446. Thường xuyên giao kết với Hiền nhân,
Chỉ nhận Hiền nhân chính bạn thân,
Học chánh lý từ bao bậc Thánh,
Mỗi ngày tu tập tốt thêm dần.[38]

447. Như các xe vua khéo điểm trang,
Cũng thành mờ nhạt, sẽ tan hoang,
Thân ta yếu đuối càng mòn mỏi,
Và phải chịu nhanh chóng lụi tàn.
Song đạo Thánh, Hiền nhân vĩnh cửu,
Chẳng hề tàn tạ với thời gian,
Thiên nhân tuyên thuyết cùng người thiện,
Qua các thời chưa được bảo ban.[39]

448. Bầu trời giăng rộng rãi bao la,
Quả đất trải dài ở dưới ta,
Lãnh thổ bên kia bờ đại hải,
Chúng ta đều biết thật là xa.
Song còn vĩ đại hơn muôn vật,
Tầm mức ấy càng tỏa rộng ra,
Là đạo lý về điều thiện ác,
Người hiền, kẻ ác dạy cho ta.[40]

Nhờ các vần kệ được bậc Đại sĩ khéo ca tụng và cũng chính vì kẻ ăn thịt người có trí khôn ngoan, ông ta nghĩ thầm: "Các vần kệ này giống như lời của đức Phật Toàn Tri." Và toàn thân rúng động vì năm thứ hỷ lạc, ông ta cảm thấy một niềm từ ái đối với Bồ-tát và nhìn ngài theo cách một người cha sẵn sàng ban chiếc lọng trắng của hoàng gia cho con mình. Rồi ông lại nghĩ: "Ta không có tặng vật bằng vàng ròng để tặng Sutasoma nhưng ta sẽ ban một điều ước cho mỗi vần kệ ấy." Và ông ngâm kệ:

449. Ý nghĩa chứa chan, giọng sáng trong,
Lọt tai vương tử, các chân ngôn,

---

[38] Xem *S*. I. 56, *Sivasutta* (*Kinh Siva*).

[39] Tham chiếu: *S*. I. 71, *Jarāmaraṇasutta* (*Kinh Già chết*); *Dh*. v. 151; *Pháp cú kinh* "Lão mạo phẩm" 法句經老耄品 (*T*.04. 0210.19. 0565b25); *Xuất diệu kinh* "Vô thường phẩm" 出曜經無常品 (*T*.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Hữu vi phẩm" 法集要頌經有為品 (*T*.04. 0213.1. 0777a02).

[40] Xem *A*. II. 50, *Suvidūrasutta* (*Kinh Rất xa xăm*).

Tâm ta hoan hỷ, ta thích thú,
Muốn tặng bạn hiền bốn đặc ân.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ lại quở trách kẻ ấy:

– Này, quả thật còn điều ước nào bạn muốn ban cho ta nữa ư?

Và ngài ngâm kệ:

450. Người chẳng biết gì phận bản thân,
Điều lành, điều ác chẳng hề phân,
Chẳng phân địa ngục cùng thiên giới,
Nô lệ cho lòng dục hám ăn,
Sao kẻ đê hèn như bạn vậy,
Biết ban ân huệ đến tha nhân?

451. Nếu bảo: "Cho ta ân huệ này",
Rồi ngài lấy lại lời thề ngay,
Ai khôn ngoan muốn, đành lòng chịu,
Liều lĩnh phân tranh vậy, hỡi ngài?

Kẻ ăn thịt người tự nhủ: "Vị ấy không tin ta, ta muốn làm vị ấy tin." Rồi y ngâm kệ:

452. Chẳng ai đòi tặng một hồng ân,
Rồi lại nuốt lời hứa, giả nhân,
Bạo dạn chọn hồng ân, hỡi bạn,
Dù ta mất mạng vẫn ban phần.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Kẻ này nói như một vị anh hùng và hứa làm những gì ta nói, ta sẽ nhận lời đề nghị của y. Nhưng nếu ta chọn ngay điều ước đầu tiên là y phải chừa ăn thịt người, chắc y sẽ đau lòng lắm. Vậy trước hết ta sẽ chọn ba điều ước khác, sau đó sẽ chọn điều này", và ngài ngâm kệ:

453. Ai kẻ sống cùng một Thánh nhân,
Thường xuyên đối diện với đồng tâm,
Vậy là người trí luôn tin chắc,
Làm đẹp ý lòng bậc Trí chân,
Ta nguyện cầu ngài luôn tráng kiện,
Sống lâu đến cả một trăm năm,
Đây lời cầu nguyện đầu tiên vậy,
Ta muốn ngài ban tặng đặc ân.

Kẻ ăn thịt người nghe vậy, suy nghĩ: "Người này, dù ta đã đẩy ra khỏi vương quyền, nay vẫn cầu chúc trường thọ cho ta, một kẻ cướp lừng danh thèm khát thịt người và muốn làm hại vị ấy. Ôi! Thật là một người đầy thiện ý đối với ta." Y thấy lòng hân hoan mà không biết rằng lời ước này được chọn để đánh lừa y và sẽ có lợi cho ngài, y liền ngâm kệ ban lời ước:

454. Ai kẻ sống cùng một Thánh nhân,
Thường xuyên đối diện với đồng tâm,
Vậy là người trí luôn tin chắc,
Làm đẹp ý lòng bậc Trí chân.
Ngài nguyện cầu ta luôn tráng kiện,
Sống lâu đến cả một trăm năm,
Trước lời cầu nguyện đầu tiên ấy,
Hoan hỷ ta ban tặng đặc ân.

Tiếp theo, Bồ-tát nói:

455. Các vua bị bắt dưới tay ngài,
Nhiều nước phong vương, quán đảnh rồi,
Những vị vua hùng trên cõi đất,
Chớ nên ăn thịt, Đại vương ôi!
Đây là điều kế ta cầu khẩn,
Như một lời nguyền ước thứ hai.

Như vậy, trong khi lựa chọn đặc ân thứ hai, ngài đã đạt ước nguyện đem lại mạng sống cho hơn một trăm vị vua Sát-đế-ly, và kẻ ăn thịt người ngâm kệ ban ngài điều ước ấy:

456. Các vua bị bắt dưới tay ta,
Nhiều nước phong vương, quán đảnh xưa,
Những vua hùng mạnh, ta thề nguyện,
Ta sẽ không ăn thịt nữa mà.
Ước thứ hai này ta cũng tặng,
Thể theo lời bạn nguyện cầu ta.

Như thế các vị vua ấy có nghe được những gì hai vị này nói chăng? Họ chẳng nghe được gì cả vì khi kẻ ăn thịt người châm lửa, và sợ khói lửa làm hại cây, y bước lùi một khoảng xa cây ấy. Bậc Đại sĩ đàm luận với y, ngồi ở khoảng giữa cây và đống lửa cho nên các vua không nghe mọi chuyện hai vị nói mà chỉ nghe một phần và an ủi lẫn nhau:

– Thôi đừng sợ hãi, nay Sutasoma đang cải hóa kẻ ăn thịt người!

Lúc ấy, bậc Đại sĩ ngâm kệ:

457. Hơn trăm vua ấy bị ngài giam,
Đều bị trói tay, lại khóc than,
Xin trả mỗi người về cố quốc,
Đệ tam ân huệ, ước ngài ban.

Như vậy, trong khi chọn điều ước thứ ba, bậc Đại sĩ xin cho các vị vua được quy hồi quê quán, mỗi vị về vương quốc mình. Tại sao vậy? Bởi vì kẻ ăn thịt người kia, giả sử không ăn thịt họ, nhưng vì sợ các vua thù oán y, sẽ giam cầm họ lại và bắt họ ở trong rừng hoặc giết họ rồi phơi thây, hoặc đem họ ra vùng

biên địa bán làm nô lệ. Do đó, ngài chọn điều ước cho các vua quy hồi cố quốc, và kẻ ăn thịt người ngâm kệ chấp thuận lời thỉnh cầu này:

458. Hơn trăm vua ấy bị ta giam,
Đều bị trói tay, lại khóc than,
Ta sẽ quy hồi về cố quốc,
Đệ tam ân huệ được ta ban.

Bấy giờ, Bồ-tát ngâm kệ chọn điều thứ tư:

459. Vương quốc hãi kinh, hóa dại cuồng,
Trốn ngài, dân chúng ẩn trong hang,
Thịt người, Chúa thượng, xin kiêng kỵ,
Ấy nguyện thứ tư, ước được ban.

Khi ngài nói vậy xong, kẻ ăn thịt người vỗ tay cười lớn:

– Này Hiền hữu Sutasoma, quả thật đây là điều bạn muốn nói đúng không? Làm sao ta có thể ban cho bạn đặc ân này chứ? Nếu bạn muốn nhận một đặc ân khác thì hãy chọn một điều nữa đi.

Rồi y ngâm kệ này:

460. Ta thấy món này, hợp vị ta,
Nếu ta ẩn náu chốn rừng già,
Làm sao lạc thú ta kiêng kỵ,
Nguyện ước thứ tư, chọn lại mà!

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói:

– Vì ngài thích thịt người nên ngài nói: "Ta không thể từ bỏ nó được." Người nào làm ác chỉ vì thú vui thì thật là kẻ ngu si.

Và ngài ngâm kệ:

461. Vua chúa như ngài chẳng được chơi,
Hy sinh cuộc sống chỉ vì vui,
Hãy tìm ý nghĩa cao siêu nhất,
Cuộc sống tặng ban quý tuyệt vời,
Lạc thú vị lai đời kế tiếp,
Rồi ngài hưởng phước đức này thôi.

Khi những lời này được bậc Đại sĩ nói xong, kẻ ăn thịt người bị nỗi kinh hoàng trấn áp và suy nghĩ: "Ta không thể từ chối lời ước mà Sutasoma lựa chọn, cũng không thể chừa ăn thịt người. Vậy ta phải làm gì đây?"

Với đôi mắt đẫm lệ, y ngâm kệ này:

462. Ngài biết ta yêu thích thịt người,
Sutasoma đại sĩ, thế này thôi,
Ta không bỏ nó bao giờ nữa,
Suy nghĩ chọn điều khác, bạn ôi!

Bồ-tát lại đáp:

463. Người nào luôn hưởng thú vui chơi,
Hủy diệt cuộc đời để được vui,
Như kẻ say dùng liều thuốc độc,
Về sau phải chịu khổ khôn nguôi.

464. Người quyết tâm chừa lạc thú đời,
Con đường phận sự khó theo hoài,
Như người đau uống liều điều trị,
Sống lại đời sau cực lạc thôi.

Sau khi ngài nói vậy xong, kẻ ăn thịt người đau đớn khóc than, ngâm vần kệ:

465. Ngũ lạc phát sinh tự giác quan,
Ta đều từ bỏ, cả song thân,
Ta vào rừng ở vì nhân ấy,
Lời bạn ước sao có thể ban?

Bậc Đại sĩ ngâm kệ đáp:

466. Trí nhân không thể nói hai lời,
Ta biết thiện nhân đúng ước thôi:
"Hiền hữu chọn đi vài nguyện ước"
Là điều ngài đã bảo ta rồi,
Giờ đây những chuyện ngài đang nói,
Khó hợp điều này, Chúa thượng ôi!

Một lần nữa, kẻ ăn thịt người vừa khóc vừa ngâm kệ:

467. Tổn đức, ô danh, khổ nhục tràn,
Tham lam, tà hạnh, tội muôn vàn,
Ta đều phạm để ăn đồng loại,
Lời bạn ước, sao ta phải ban?

Bậc Đại sĩ lại nói:

468. Không ai đòi tự nguyện ban ân,
Rồi lấy lại lời, kẻ giả nhân,
Bạo dạn chọn ân này, bạn hỡi,
Dù ta mất mạng cũng ban phần.

Khi ngài đã đưa ra vần kệ do chính kẻ ăn thịt người cảm khái thốt lên trong giai đoạn đầu, ngài lại ngâm kệ để khích lệ y can đảm ban điều ước ấy:

469. Thiện nhân đành mất cả dòng đời,
Song giữ lời xưa, dẫu thiệt thòi,
Chúa thượng, nếu ngài ban ước nguyện,
Làm ngay chuyện ấy, trọn công ngài.

470. Ai đem tài sản cứu tay chân,
Sẽ bỏ tay chân cứu lấy thân,

Tài sản, tứ chi, thân sẽ mất,
Chỉ còn chân lý khẩn cầu ân.

Như vậy, bậc Đại sĩ dùng nhiều phương tiện an trú kẻ ăn thịt người vào Chánh pháp và bây giờ ngài ngâm kệ để giải thích việc cần phải tôn trọng danh hiệu của ngài:

471. Miệng kẻ nào minh chứng thật chân,
Đoạn nghi nhờ các bậc Hiền nhân,
Kẻ ấy chính là nơi ẩn trú,
Chính là điểm tựa, chốn nương thân.
Lòng Hiền nhân mến thương người ấy,
Sẽ chẳng bao giờ phải diệt vong.

Sau khi ngâm kệ xong, ngài bảo:

– Này hiền hữu ăn thịt người, nếu bạn vi phạm lời dạy của một bậc Đạo sư đức hạnh như vậy thì thật không hợp lẽ phải; và hơn nữa, khi bạn còn trẻ, ta đã làm vị trợ giáo cho bạn, đã chỉ bảo bạn nhiều rồi, nay ta dùng uy lực của một bậc Giác ngộ ngâm cho bạn nghe các vần kệ trị giá mỗi vần một trăm đồng. Vậy bạn hãy vâng lời ta!

Khi nghe vậy, kẻ ăn thịt người suy nghĩ: “Sutasoma đã là thầy dạy ta, vừa là bậc đa văn uyên bác và ta đã ban cho vị ấy chọn điều ước. Ta phải làm gì đây? Cái chết quả thật là một sự dĩ nhiên trong cuộc đời mỗi người. Vậy ta sẽ không ăn thịt người nữa nhưng sẽ ban ân huệ.”

Với dòng lệ tuôn tràn từ đôi mắt, y đứng lên và quỳ xuống chân Sutasoma, ngâm kệ ban ân:

472. Thực phẩm ngọt ngon, thú vị thay,
Vì duyên cớ ấy, ẩn rừng cây,
Nhưng nay bạn bảo ta làm vậy,
Ta tặng bạn, thầy ân huệ đây.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói:

– Này hiền hữu, mong được như vậy. Đối với người đã đứng vững vàng trong giới hạnh thì ngay cái chết cũng là một ân huệ. Thưa Đại vương, ta xin nhận đặc ân mà ngài đã ban cho ta. Ngay từ hôm nay, ngài được an trú trong con đường của một bậc Đạo sư hướng dẫn, và vì vậy, ta xin ngài một đặc ân này nữa: Nếu ngài có lòng thương mến ta, xin ngài chấp nhận ngũ giới.

Y đáp:

– Tốt lành thay, xin hiền hữu dạy ta ngũ giới.

– Xin Đại vương học ngũ giới từ ta.

Thế rồi, y đảnh lễ bậc Đại sĩ với năm phần thân thể sát đất rồi ngồi xuống một bên và bậc Đại sĩ an trú y vào ngũ giới.

Lúc ấy, các địa thần tụ họp lại, bảo nhau:

– Không ai từ các chúng sinh trong địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián) đến chư thiên tối cao trong các cõi vô sắc mà vì lòng thương mến đối với bậc Đại sĩ có thể làm cho kẻ ăn thịt người này từ bỏ việc sát nhân ấy. Ôi! Sutasoma đã thị hiện một phép thần thông vi diệu thay!

Các vị hoan nghênh làm rừng cây vang dội với những tiếng reo hò lớn và khi nghe huyên náo, Tứ Đại Thiên Vương cũng reo lớn như vậy, toàn thế giới vang rền tiếng tán thán đến tận cõi Phạm thiên.

Các vị vua bị treo trên cành cây nghe tiếng náo động reo mừng của chư thần và nữ thần cây vẫn còn đứng ở nơi trú ẩn cũng thốt ra âm thanh hưởng ứng. Như vậy, người ta nghe tiếng reo hò của các vị thần nhưng không thể thấy được hình dáng các vị.

Khi nghe tiếng reo lớn hoan nghênh của chư thần, các vị vua suy nghĩ: "Nhờ Sutasoma chúng ta được cứu mạng, Sutasoma đã thị hiện phép thần thông để giáo hóa kẻ ăn thịt người ấy" và các vị cũng dâng lên lời tán tụng Bồ-tát.

Còn kẻ ăn thịt người đứng sang một bên sau khi đảnh lễ dưới chân Bồ-tát. Bậc Đại sĩ bảo y:

– Này hiền hữu, hãy thả các vương tử này!

Y suy nghĩ: "Ta là kẻ thù của họ. Nếu họ được ta thả ra, họ sẽ nói: 'Hãy bắt y, y là kẻ thù của chúng ta' và sẽ làm hại ta. Nhưng dù có mất mạng sống, ta cũng không thể phạm vào giới hạnh mà ta đã nhận từ tay Sutasoma. Ta sẽ đi cùng ngài và thả họ ra, như thế ta sẽ được bình an." Rồi vừa đảnh lễ Bồ-tát, y vừa nói:

– Này Sutasoma, chúng ta hãy cùng đi thả các vương tử!

Và y ngâm kệ:

473. Ngài là thầy giáo của riêng ta,
Cùng với bạn thân, chỉ một mà.
Hãy ngẫm, thưa ngài, lời bạn bảo,
Ta vừa mới thực hiện bây giờ.
Lượt ngài thực hiện lời ta bảo,
Ta sẽ đi cùng thả các vua.

Lúc ấy, Bồ-tát đáp:

474. Ta là thầy giáo của ngày xưa,
Cùng với bạn thân, chỉ một mà.
Quả thật, thưa ngài, lời dạy bảo,
Ngài vừa mới thực hiện bây giờ.
Lượt ta thực hiện lời ngài bảo,
Ta sẽ cùng đi thả các vua.

Khi đến gần các vua kia, ngài nói:

475. Các ngài bị trói trên cây này,
Nước mắt chảy tuôn đã ngập đầy,
Vì ác quỷ này làm hại vậy,
Song ta vẫn muốn các ngài hay,
Một lời ước hẹn cùng vua ấy,
Chẳng có bao giờ đụng ngón tay.

Các vị vua đáp liền:

476. Khóc than vì bị trói trên cây,
Ác quỷ hại người, đáng ghét thay,
Tuy thế chúng ta long trọng hứa,
Nếu còn sống, chẳng hại người này.

Lúc ấy, Bồ-tát nói:

– Tốt lành thay, xin hãy hứa lời này với ta!

Và ngài ngâm kệ:

477. Như với các con, bậc mẹ cha,
Tỏ tình yêu thắm thiết, bao la,
Ước mong vua ấy luôn minh chứng,
Là một người cha đúng nghĩa mà,
Mong ước các ngài như lũ trẻ,
Thương yêu vua ấy thật sâu xa.

Lúc ấy, các vị vua cũng đều đồng ý việc này và ngâm kệ:

478. Như với các con, bậc mẹ cha,
Tỏ tình yêu thắm thiết, bao la,
Ước mong vua ấy luôn minh chứng,
Là một người cha đúng nghĩa mà,
Mong ước chúng ta như lũ trẻ,
Thương yêu vua ấy thật sâu xa.

Như vậy, bậc Đại sĩ đã đòi các vị ấy thề ước xong, ngài gọi kẻ ăn thịt người đến và bảo:

– Hãy đến thả các vương tử này ra!

Kẻ ăn thịt người cầm kiếm cắt dây trói một vua trong số đó. Vì vua này đã nhịn ăn suốt bảy ngày, cùng chịu đau khổ đến điên cuồng nên vừa được cắt dây thả ra, vị ấy ngã nhào xuống đất. Bậc Đại sĩ thấy vậy động lòng từ bi liền nói:

– Này hiền hữu ăn thịt người, đừng cắt dây thả họ xuống như vậy!

Rồi ôm lấy một vị vua thật chặt trong đôi tay, ngài ôm sát vị ấy vào ngực mình và nói:

– Bây giờ hãy cắt dây đi!

Như vậy, kẻ ăn thịt người cắt dây trói họ với thanh kiếm, và bậc Đại sĩ nhờ có sức mạnh phi thường liền ôm mỗi vị vua vào ngực và đưa xuống nhẹ nhàng như thể đó là con mình rồi đặt vị ấy nằm sát xuống đất. Cứ vậy, ngài đặt tất cả các vị vua xuống đất và sau khi rửa các vết thương, ngài nhẹ nhàng kéo các dây trói khỏi tay họ giống như thể sợi dây ở tay trẻ con; ngài chùi sạch máu đông, làm cho các vết thương không nhiễm độc rồi ngài bảo kẻ ăn thịt người:

– Này hiền hữu, hãy giã một ít vỏ cây kia trên hòn đá rồi mang đến cho ta!

Sau khi ngài bảo y đi tìm vỏ cây về, ngài thực hiện một lời thề chân lý và chà xát lòng bàn tay các vua ấy thì các vết thương lành lặn ngay lập tức.

Kẻ ăn thịt người lấy một ít gạo đã chà vỏ, nấu thành một thứ thuốc phòng bệnh, rồi hai vị đưa cho một trăm lẻ một vị vua Sát-đế-ly uống như thuốc phòng bệnh, vì vậy mọi người đều hân hoan vừa lúc mặt trời lặn.

Hôm sau vào lúc rạng đông, giữa trưa và xế chiều, hai vị đều cho họ uống nước cháo, nhưng ngày thứ ba, hai vị cho họ ăn cháo gạo và cơm chín, cứ thế cho đến khi họ bình phục. Sau đó, bậc Đại sĩ hỏi xem họ đủ mạnh hẳn để về nhà chưa và khi họ đáp họ có thể lên đường, ngài bảo:

– Này hiền hữu ăn thịt người, chúng ta cùng đi về vương quốc của mình.

Nhưng y vừa khóc vừa quỳ xuống chân bậc Đại sĩ và kêu to:

– Xin hiền hữu đem các vua này ra đi, còn ta sẽ tiếp tục ở đây sống bằng củ quả rừng.

– Này hiền hữu, bạn muốn làm gì ở đây thế? Vương quốc bạn là nơi đầy lạc thú. Hãy đi về cai trị ở Ba-la-nại!

– Này hiền hữu nói gì thế? Ta không thể về đó được. Toàn dân kinh thành đều là kẻ thù của ta. Họ sẽ phỉ báng ta và nói: "Kẻ này đã ăn thịt mẹ, cha ta, hãy bắt tên cướp này!", và họ sẽ lấy hòn đất đoạt mạng sống ta, nhưng còn ta đã quyết nhờ hiền hữu an trú vào ngũ giới, ta không thể giết ai được cả cho dù để cứu mạng mình. Ta không muốn đi vì ta từ bỏ thói ăn thịt người, ta sẽ sống bao lâu nữa đây? Và giờ đây ta cũng sẽ không còn thấy hiền hữu nữa.

Kẻ ấy vừa khóc vừa nói:

– Thôi bạn hãy ra đi!

Bậc Đại sĩ vỗ lưng y và bảo:

– Này hiền hữu, ta tên là Sutasoma. Trước đây, ta vừa cải hóa một người độc ác như bạn, và nếu bạn hỏi bạn sẽ phải kể chuyện gì ở Ba-la-nại, tại sao ta muốn an trú bạn ở đó, hoặc chia đôi vương quốc của ta thì ta sẽ giao bạn một nửa đất nước ấy.

Y đáp:

– Trong kinh thành của bạn cũng có những kẻ thù của ta.

Sutasoma nghĩ thầm: "Khi vâng lời ta, người này đã hoàn thành một nhiệm

vụ thật khó khăn. Vậy ta phải dùng phương tiện nào đó đưa y về cảnh vinh quang ngày trước." Và để chiêu dụ y, ngài ca tụng cảnh huy hoàng, vĩ đại trong kinh thành của y như sau:

479. Thú vật, chim muông đủ mọi nơi,
Ngày xưa, thịt của chúng ngài xơi,
Do đầu bếp khéo tài đun nấu,
Thật đúng cao lương, vị tuyệt vời,
Tạo nỗi hân hoan như Đế-thích,
Hưởng bao tiên thực ở trên trời,
Tại sao ngài bỏ rơi tất cả,
Tìm lạc thú rừng vắng lẻ loi?

480. Cung nữ cao sang, dáng mảnh mai,
Xiêm y lộng lẫy khoác hình hài,
Chung quanh chúa thượng ngày xưa ấy,
Cả đám vây quanh chật ních người,
Như Đế-thích trong thiên chúng nọ,
Ngài đi lòng hạnh phúc vui tươi,
Sao ngài lìa bỏ đời như vậy,
Tìm lạc thú rừng vắng lẻ loi?

481. Giữa vương sàng rộng rãi mênh mông,
Ngài ngự ngày xưa, hỡi Chúa công,
Nhiều lớp chăn màn lông thú quý,
Chất lên cao, phủ cả mình rồng,
Dưới đầu, ngài gối màu hồng thắm,
Giường nệm sạch tinh, trắng tựa bông,
Sao lại giã từ tất cả vậy,
Tìm vui đơn độc ở trong rừng?

482. Nơi kia nhiều lúc giữa đêm thanh,
Ngài vẫn thường nghe tiếng trống canh,
Và những âm thanh siêu thế tục,
Vẫn thường vang dội đến tai mình,
Lời ca, tiếng nhạc đồng hòa điệu,
Khơi dậy tâm tư rộn rã tình,
Sao lại giã từ tất cả vậy,
Tìm vui đơn độc giữa rừng xanh?

483. Ngài có hoa viên đẹp đắm say,
Nơi kia phong phú cỏ hoa đầy,
Migācira vốn đã từng danh tiếng,
Là chốn ngự viên đô thị này,

Xa pháo dập dìu vô số kể,
Ngựa, voi lũ lượt đứng từng bầy,
Sao ngài lại bỏ rơi tất cả,
Tìm thú rừng hoang cô độc vầy?

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Có lẽ khi người này nhớ lại hương vị các món cao lương mà y đã thưởng thức ngày xưa, y sẽ mong muốn trở về với ta." Vì thế, ngài chiêu dụ y trước tiên bằng thức ăn, kế đó là lôi cuốn các sắc dục của y, thứ ba là ý nghĩ về sàng tọa, thứ tư là ca múa nhạc, thứ năm là gợi lại ngự viên và kinh thành.

Ngài làm cho kẻ ấy mê mẩn với những ý tưởng trên rồi nói:

– Thưa Đại vương, ta sẽ đi cùng ngài về Ba-la-nại và ổn định ngài tại đó xong, ta mới trở về vương quốc của ta. Nhưng nếu chúng ta thất bại trong việc ổn định vương quốc Ba-la-nại thì ta sẽ tặng ngài một nửa giang sơn của ta. Ngài còn làm gì với cuộc sống ở rừng nữa chứ? Chỉ cần làm theo lời ta dặn ngài là được.

Sau khi nghe lời ngài, kẻ ăn thịt người nôn nóng đi với ngài và suy nghĩ: "Sutasoma mong muốn ta an lạc, quả thật là người đầy nhân từ. Trước tiên, ngài đã an trú ta trong giới đức, nay lại bảo sẽ phục hồi vinh quang cũ cho ta và ngài có khả năng làm việc đó. Ta cần phải đi với ngài. Ta còn làm gì với rừng hoang nữa chứ?" Lòng đầy hoan hỷ, y ước mong ca ngợi Sutasoma về đức hạnh của ngài liền nói:

– Này Hiền hữu Sutasoma, không gì tốt đẹp hơn kết giao với bạn hiền, không gì xấu xa hơn kết giao với bạn ác.

484. Giống như trong nửa tháng đêm đen,
Mặt nguyệt mỗi ngày một khuyết thêm,
Cũng vậy kết giao cùng kẻ ác,
Chịu bao hủy hoại, hỡi vua hiền!

485. Như ta kết bạn hỏa đầu quân,
Kẻ tối liệt trong bọn hạ tầng,
Ta đã phạm vào bao ác nghiệp,
Kịp thời xuống địa ngục đày thân.

486. Ví như trong nửa tháng trời quang,
Mặt nguyệt ngày thêm một sáng dần,
Cũng vậy kết giao cùng bậc thiện,
Đại vương ôi, sẽ chẳng suy tàn!

487. Như với bạn, ta được kết đôi,
Này Sutasoma, phải biết ngay thôi,
Sau khi thành tựu điều chân chánh,
Tất cả an vui đến cõi trời.

488. Như lũ lụt tràn mặt đất khô,
Thấy thường tạm bợ, chóng trôi qua,
Cũng vậy kết bạn cùng người ác,
Là việc phù du, nước nổi mà.

489. Song nước lụt tràn khắp hải dương,
Thấy bền lâu ấy chuyện bình thường,
Cũng như giao kết cùng người thiện,
Là chuyện lâu dài, hỡi Đại vương.

490. Giao kết thiện nhân chẳng chóng qua,
Tình huynh đệ vững suốt đời ta,
Kết giao kẻ ác mau tàn lụi,
Kẻ ác thường đi lạc hướng tà.[41]

Như vậy, kẻ ăn thịt người ca tụng bậc Đại sĩ qua bảy vần kệ trên. Còn ngài đem kẻ ấy và các vua kia đi đến một làng biên địa. Khi thấy bậc Đại sĩ, quần chúng vào kinh thành thông báo việc ấy. Quần thần của vua đi cùng một đạo quân hộ tống bậc Đại sĩ và ngài cùng đoàn tùy tùng này đi vào vương quốc Ba-la-nại. Trên đường đi, dân chúng mang quà đến tháp tùng ngài, thế rồi cả đại chúng theo ngài đến Ba-la-nại.

Thời ấy, vương tử của kẻ ăn thịt người đang làm vua và Kāḷahatthi vẫn là đại tướng quân nên dân kinh thành đến trình vua việc này:

– Tâu Đại vương, nhiều người kể với chúng thần rằng Vua Sutasoma đã giáo hóa kẻ ăn thịt người và đang đến đây với y, chúng thần không muốn cho phép y vào kinh thành!

Họ vội vàng đóng cổng thành và đứng đó với binh khí trong tay. Khi thấy cổng thành đã đóng, bậc Đại sĩ để kẻ ăn thịt người và một trăm lẻ một vua kia ở lại rồi cùng với vài cận thần đi kêu lớn:

– Ta là Vua Sutasoma, hãy mở cổng ngay!

Các tướng lãnh đi tâu trình vua và vua ra lệnh mở cổng thành lập tức để bậc Đại sĩ vào thành. Vua cùng vị Đại tướng Kāḷahatthi ra nghênh tiếp ngài và đưa ngài cùng lên thượng lầu của cung điện.

Bậc Đại sĩ an tọa trên ngai vàng, triệu tập bà chánh hậu của kẻ ăn thịt người cùng các cận thần đến, rồi ngài bảo Kāḷahatthi:

– Này Kāḷahatthi, tại sao khanh không cho vua ấy vào thành?

Vị này đáp:

– Đó là một kẻ cùng hung cực ác. Trong khi làm vua cai trị kinh thành này, đã ăn thịt nhiều người, làm điều phi pháp đối với các vị vua Sát-đế-ly và làm tan nát toàn cõi Diêm-phù-đề. Đó là lý do khiến chúng thần hành động như vậy.

---

[41] Xem *A.* II. 50, *Suvidūrasutta* (*Kinh Rất xa xăm*).

Ngài đáp:

– Các khanh chớ nghĩ rằng bây giờ kẻ ấy còn hành động như thế nữa. Ta đã giáo hóa y và an trú y vào giới đức. Y sẽ không làm tổn hại ai cho dù để cứu mạng mình đi nữa. Các khanh không còn gì nguy hiểm do y gây ra cả, vậy các khanh đừng hành động như thế. Thực ra các con phải chăm sóc cha mẹ. Ai yêu quý cha mẹ sẽ lên thiên giới, còn các người khác sẽ xuống địa ngục.

Ngài khuyên răn vương tử như thế, trong lúc vị ấy ngồi trên một bảo tọa thấp bên cạnh ngài. Rồi ngài giáo huấn vị đại tướng:

– Này Kāḷahatthi, khanh là bạn thân cũng là tùy tướng của vua, ngày trước khanh đã được vua phong quyền cao chức trọng, vậy khanh cũng phải hành động vì quyền lợi của vua.

Ngài lại khuyến giáo vương hậu:

– Này Vương hậu, bà xuất thân dòng quý tộc và tự tay vua, bà đã đạt ngôi vị chánh hậu, lại đầy đủ con trai, con gái với vua ấy. Vậy bà cũng phải hành động vì quyền lợi của vua.

Rồi ngài thuyết giảng Chánh pháp để đưa vấn đề này lên hàng đầu:

491. Không vua nào được quyền chinh phục,
Người chẳng nên xâm phạm suốt đời,
Không bạn nào nên lừa dối bạn,
Bằng hành vi bội bạc tình người.

Nàng nào có ý sợ phu quân,
Ta bảo chẳng là vợ chánh chân,
Khi phụ thân già không cấp dưỡng,
Làm con chẳng đúng với danh xưng.

492. Chẳng phải là nơi chốn hội trường,
Nếu Hiền nhân chẳng vãng lai luôn,
Những ai không giảng bày chân lý
Rộng khắp, chẳng là bậc Trí nhân.

Những bậc ly tham dục, hận sân,
Si mê, là những Thánh, Hiền nhân,
Chẳng hề quên giảng bày chân lý,
Cho các thế nhân khắp mọi vùng.

493. Bậc Hiền ở giữa đám ngu đần,
Nếu lặng thinh, ai biết Trí nhân,
Vị ấy nói lên thì tất cả,
Nhận ra thầy dạy pháp như chân.[42]

[42] Hai bài kệ 493-94, xem *S.* II. 280, *Visākhasutta* (*Kinh Visākha*); *A.* II. 51, *Visākhasutta* (*Kinh Visākha*).

494. Thuyết giảng, tôn vinh pháp chánh chân,
Giương cao cờ hiệu của Hiền nhân,
Thánh nhân biểu tượng là lời thiện,
Ngài phất ngọn cờ Chánh pháp luôn.

Vua và vị đại tướng nghe ngài thuyết Chánh pháp đều rất hoan hỷ liền nói:

– Chúng ta hãy đi rước Đại vương về đây!

Sau khi truyền đánh trống báo cáo khắp kinh thành, hai vị triệu tập dân chúng lại và bảo:

– Đừng sợ nữa, chúng ta nghe tin đức vua đã được an trú vào Chánh pháp. Chúng ta hãy đi đón ngài về đây!

Thế rồi, hai vị cùng quần chúng được bậc Đại sĩ dẫn đầu đi đảnh lễ vua kia. Họ đưa các thợ cạo đến và khi tóc râu được cạo sạch xong, vua ấy tắm rửa, mặc xiêm y sang trọng vào, họ đặt vua ngồi trên một đống bảo ngọc, làm lễ Quán đảnh rồi rước vua vào thành.

Vị vua ăn thịt người làm lễ, cung kính chào một trăm lẻ một vua Sát-đế-lỵ và bậc Đại sĩ. Khắp cõi Diêm-phù-đề chấn động vì tin loan truyền rằng Sutasoma, chúa tể của loài người, đã giáo hóa kẻ ăn thịt người kia và phục hồi vương vị cho y.

Còn dân chúng thành Indapatta dâng sớ cầu xin vua trở về. Bậc Đại sĩ ở lại đó đúng một tháng và thuyết giáo vua kia:

– Này hiền hữu, chúng ta sắp ra đi, hãy chăm lo, tinh cần làm thiện pháp và truyền xây năm bố thí đường ở các cổng thành và tại cung vua, tuân hành thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân) và tránh xa ác đạo.

Rồi từ hơn một trăm kinh thành, các đạo quân đông đảo tụ tập lại. Ngài lên đường rời khỏi Ba-la-nại cùng với đoàn hộ tống này. Vị vua ăn thịt người cũng tiễn đưa ngài đến nửa đường thì dừng lại. Bậc Đại sĩ tặng ngựa của vua cho những ai không có ngựa để cưỡi, rồi cho phép tất cả ra đi. Họ trao đổi những lời từ giã thân tình với ngài và sau các nghi lễ ôm nhau thắm thiết, họ trở về xứ sở riêng của mỗi người.

Bậc Đại sĩ cũng về đến thành Indapatta trong cảnh uy nghi trọng thể, kinh thành ấy được dân chúng trang hoàng giống như kinh thành của chư thiên. Sau khi cung kính đảnh lễ song thân và bày tỏ nỗi hân hoan được gặp lại cha mẹ, ngài đi lên thượng lầu của hoàng cung.

Trong thời gian thực hành nền cai trị chân chánh tại vương quốc, tư tưởng này chợt nảy ra trong trí ngài: “Vị thần cây thật ích lợi cho ta, ta muốn vị ấy được cúng dường lễ vật.”

Vì thế, ngài truyền xây một hồ nước rộng ở gần cây đa và di chuyển nhiều gia đình đến đó dựng một ngôi làng. Chẳng bao lâu nó trở thành một vùng rộng lớn có được tám mươi ngàn tiệm buôn. Và bắt đầu từ mút xa nhất của các cành

cây, ngài bảo san bằng mặt đất quanh gốc cây và xây một hành lang bao bọc có các cửa vòng cung và cổng ra vào, thế là thần cây được lợi lộc.

Chính nhờ việc thiết lập ngôi làng trên địa điểm quỷ ăn thịt người được giáo hóa, vùng ấy trở thành thị trấn với tên là Kammāsadamma.[43]

Còn các vị vua kia tuân theo lời giáo huấn của bậc Đại sĩ, thực hành các thiện sự như bố thí và nhiều việc khác nên về sau được sanh lên thiên giới.

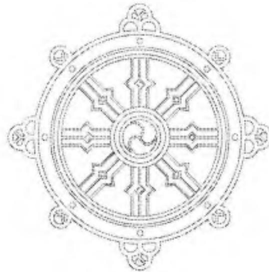
***

Đến đây, bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại và nói:

– Này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ Ta mới cải hóa Aṅgulimāla mà ngày xưa nữa, vị ấy cũng được ta cải hóa.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị vua ăn thịt người là Aṅgulimāla, Đại tướng Kāḷahatthi là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Bà-la-môn Nanda là Ānanda (A-nan), thần cây là Kassapa (Ca-diếp), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), quần thần của các vua là hội chúng của Như Lai, song thân của vua là các vị trong hoàng gia của Đại vương và Vua Sutasoma trong chuyện chính là Ta.



[43] Kammāsadamma (劍磨瑟曇, Kiếm-ma-sắt-đàm), nơi có quỷ ăn thịt người. *J.* V. 21, *Jayaddisajātaka* (*Chuyện Vương tử Jayaddisa*), số §513 viết rằng có 2 thị trấn tên Cullakammāsadamma và Mahākammāsadamma. Vùng có quỷ nhân là Mahākammāsadamma. Kammāsadhamma còn là một thị tứ của nước Kuru (拘樓, Câu-lâu). Nhiều kinh quan trọng được đức Phật thuyết tại đây. Tham khảo: *D.* II. 55, 290; *M.* I. 55; II. 26; *S.* II. 92.

CHƯƠNG XXII
ĐẠI PHẨM
(*MAHĀNIPĀTA*)

§538. CHUYỆN VƯƠNG TỬ QUÈ CÂM (*Mūgapakkhajātaka*)[1] (*J*. VI. 1)

Con ơi đừng lộ trí thông minh...

Chuyện này bậc Đạo sư kể tại Jetavana (Kỳ Viên) về đại sự xuất thế của Ngài.

Một ngày nọ, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường tán thán công hạnh xuất gia cao cả của đức Thế Tôn. Khi đức Thế Tôn đến, hỏi các Tỷ-kheo đang ngồi bàn luận đề tài gì. Và khi được biết đề tài ấy, Ngài bảo:

– Không đâu, này các Tỷ-kheo, việc xuất thế của Ta ngày nay sau khi từ bỏ ngai vàng, không có gì kỳ diệu khi Ta đã thành tựu đầy đủ thập Ba-la-mật (mười hạnh viên mãn của Bồ-tát). Vì trước kia, ngay khi trí của Ta chưa thành tựu và Ta đang tinh tấn đạt đến các hạnh viên mãn, Ta cũng đã rời bỏ ngai vàng và xuất thế.

Rồi theo lời thỉnh cầu của các Tỷ-kheo, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, tại thành Ba-la-nại thuộc xứ Kāsi, có vị vua tên là Kāsi trị vì quốc độ rất đúng pháp. Ngài có mười sáu ngàn phi tần nhưng không bà nào có con cả. Quần thần họp lại bảo nhau như trong *Chuyện Đại đế Kusa*:[2]

– Chúa thượng không có con trai nối dõi.

Rồi họ xin nhà vua cầu tự như trong *Chuyện Đại đế Kusa*. Nhà vua ra lệnh cho mười sáu ngàn phi tần cầu tự nhưng dù họ thờ phượng cầu tự thần mặt trăng và nhiều thần linh khác, họ vẫn không có con.

Lúc bấy giờ, chánh cung Vương hậu Candā, con gái đức vua thuộc dòng họ Madda vốn chuyên tâm làm các việc thiện, vua bảo bà cũng phải cầu tự. Thế là vào một ngày rằm trăng tròn, bà thọ giới vào ngày trai giới (*Uposatha*) và trong khi nằm trên chiếc giường nhỏ suy ngẫm về cuộc đời đức hạnh của bà, bà thực hiện một lời cầu nguyện chân lý như sau: "Nếu ta chưa bao giờ phạm các giới luật thì hãy vì lòng thành của lời cầu nguyện này, xin ban cho ta một đứa con trai."

---

[1] Xem *Cp*. 96, *Temiyapaṇḍitacariya* (*Hạnh của vị Hiền trí Temiya*).

[2] Xem *J*. V. 278, *Kusajātaka* (*Chuyện Đại đế Kusa*), số §531.

Vì uy lực của lòng thành này, cung thất của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nóng rực lên. Thiên chủ Sakka sau khi xem xét và xác định rõ nguyên cớ xong liền bảo:

– Vương hậu Candā đang cầu tự, ta sẽ cho bà thỏa nguyện.

Vì thế, trong khi Thiên chủ tìm một đứa con xứng đáng cho bà, chợt trông thấy Bồ-tát. Lúc bấy giờ, Bồ-tát sau khi trị vì hai mươi năm tại Ba-la-nại, đã tái sinh vào ngục Ussada và chịu đọa đày trong tám vạn năm, rồi lại hóa sinh vào cõi trời Ba Mươi Ba. Sau khi kỳ hạn ở đó đã mãn, ngài mạng chung và ước mong lên các thiên giới cao hơn. Thiên chủ Sakka đến bảo ngài:

– Này Hiền giả, nếu Hiền giả sinh vào thế giới loài người, Hiền giả sẽ thành tựu đầy đủ các hạnh Ba-la-mật và sẽ làm lợi lạc quần sinh. Hiện nay, Chánh hậu Candā đang cầu tự, xin hãy nhập mẫu thai của bà!

Ngài bằng lòng và được năm trăm vị thiên tử hộ tống, ngài nhập mẫu thai của chánh hậu, còn năm trăm vị thiên tử được cưu mang trong bào thai các phu nhân của các quan đại thần. Tử cung của chánh hậu như chứa đầy kim cương. Khi nhận thấy thế, bà liền tâu chuyện với vua. Vua ra lệnh chăm sóc thật chu đáo cho hài nhi sắp chào đời được mọi sự bình an và cuối cùng bà hạ sinh một hoàng nam đầy đủ mọi tướng tốt lành. Cùng ngày ấy, năm trăm hài nhi quý tộc ra đời trong dinh các quan. Vào lúc đó, nhà vua ngự trên bệ rồng, quần thần vây quanh thì có kẻ trình lên:

– Tâu Đại vương, một vương tử vừa ra đời.

Vua nghe vậy, tình phụ tử khởi lên xuyên suốt từ da thịt đến tận xương tủy, lòng ngài rộn rã niềm vui, ngài thấy như trẻ lại. Ngài hỏi quần thần:

– Các khanh có hoan hỷ khi nghe vương tử được sinh ra không?

Quần thần đều đáp:

– Sao Đại vương lại hỏi thế? Trước đây chúng thần thật bơ vơ, nay đã có nơi nương tựa, chúng thần đã có một vị chúa tể.

Vua ra lệnh cho vị tể tướng:

– Hãy chuẩn bị nhiều người hầu cận cho con ta, hãy xem số hài nhi công tử vừa ra đời hôm nay là bao nhiêu?

Vị này xem thấy đủ năm trăm liền trình lên. Vua ban năm trăm vương bào danh dự cùng năm trăm nhũ mẫu cho năm trăm vương tử ấy.

Ngài lại ban sáu mươi bốn nhũ mẫu cho Bồ-tát, những người này không được có khuyết điểm nào như quá cao, quá gầy, v.v... ngực không xệ xuống và phải đầy sữa ngọt. Nếu một hài nhi bú sữa trong lòng một nhũ mẫu quá cao thì cổ hài nhi sẽ bị dài ra, nếu bú sữa trong lòng một nhũ mẫu quá thấp thì xương vai hài nhi sẽ bị co lại, nếu nhũ mẫu quá gầy thì đùi hài nhi sẽ bị đau nhức, nếu quá thô kệch thì hài nhi sẽ bị chân cong, cơ thể của một nhũ mẫu da đen sẽ quá lạnh, cơ thể của nhũ mẫu da trắng sẽ quá nóng, hài nhi nào bú sữa của một nhũ

mẫu ngực cao quá thì đầu mũi sẽ bị tẹt, một số nhũ mẫu lại có sữa chua, sữa đắng, v.v...

Vì vậy, để tránh những khuyết điểm trên, vua gởi đến sáu mươi bốn nhũ mẫu có sữa ngọt và không bị khuyết điểm nào. Và sau khi ngợi khen Bồ-tát với đủ lời tán tụng, ngài cũng ban cho vương hậu một điều ước. Bà thọ lãnh ân huệ đó và ghi nhớ trong lòng.

Đến ngày đặt tên cho hài nhi, triều thần ca ngợi các vị Bà-la-môn đã thấy được những điềm lành khác nhau cùng hỏi xem họ có thấy điềm trở ngại nào chăng. Các Bà-la-môn chiêm ngưỡng vẻ đẹp tuyệt vời của thân tướng ngài, đồng nói:

– Tâu Hoàng thượng, thái tử có đầy đủ mọi tướng mạo của phúc phận mai sau, ngài sẽ có tài cai trị không những một châu mà cả bốn châu trong thiên hạ, ngoài ra không có điềm trở ngại nào khác.

Vua đầy hoan hỷ, đặt tên con là Temiya, vì ngày sinh ra vương tử trời mưa khắp cả vương quốc Kāsi và vương tử sinh ra đã bị ướt đẫm.

Khi vương tử đầy tháng, ngài được chưng diện thật đẹp và đem vào yết kiến vua. Nhìn đứa con yêu, vua liền ôm vào lòng chơi đùa với con. Cùng lúc ấy, có bốn tên cướp được đưa đến trước mặt vua. Một trong bốn tên đó bị ngài xử phạt một ngàn roi quấn gai nhọn, một tên khác phải bị gông cùm xiềng xích, một tên nữa phải bị đâm bằng giáo và tên cuối cùng bị đâm cọc xuyên suốt toàn thân. Bồ-tát nghe vua cha nói, kinh hãi nghĩ thầm: "Ôi, cha ta vì làm vua mà mang lấy những ác nghiệp khiến cho người phải đọa địa ngục."

Ngày hôm sau, ngài được đặt nằm trên một chiếc giường lộng lẫy che lọng trắng. Khi ngài tỉnh dậy sau một giấc ngủ ngắn, mở mắt nhìn lên lọng trắng cùng vẻ nguy nga của hoàng cung, nỗi kinh hãi càng tăng lên, ngài tự hỏi: "Từ đâu ta lại đến cung này?" Và hồi tưởng lại các đời trước, ngài nhớ ra rằng xưa kia ngài đã đi từ thế giới chư thiên và đã chịu đọa đày ở địa ngục, rồi ngài cũng đã làm vua trong chính kinh thành này.

Trong lúc ấy, ngài suy nghĩ: "Ta đã làm vua hai mươi năm, rồi chịu đọa đày tám vạn năm ở ngục Ussada, bây giờ ta lại sinh vào ngôi nhà có trộm cướp này và cha ta khi thấy bốn tên cướp được đưa vào, đã thốt ra những lời ác độc khiến người phải đọa địa ngục. Nếu ta làm vua, ta cũng sẽ lại bị đọa vào địa ngục và chịu khổ hình." Ngài vô cùng kinh hãi, thân thể vàng óng của ngài tái nhợt đi và héo úa như đóa sen bị giày vò trong tay, ngài nằm suy nghĩ tìm cách thoát khỏi ngôi nhà đầy kẻ cướp này.

Lúc ấy, vị nữ thần trong chiếc lọng, ở một kiếp xa xưa nào đó đã là mẹ của ngài, hiện ra an ủi ngài:

– Này con Temiya của ta, con đừng sợ hãi, nếu con thật sự muốn thoát khỏi đây, con cứ giả vờ què dù con không thực què, cứ giả vờ điếc dù con không

thực sự điếc, cứ giả vờ câm dù con không thực sự câm. Cứ khoác lên mình những dị tật đó, đừng lộ chút dấu hiệu thông minh nào cả!

Rồi bà ngâm vần kệ thứ nhất:

1. Con ơi đừng lộ trí thông minh,
Cứ giả ngu đần trước chúng sinh,
Hãy chịu khinh khi từ tất cả,
Cuối cùng con đạt đến quang minh.

Được lời an ủi của bà, ngài ngâm vần kệ thứ hai:

2. Con sẽ làm theo ý nữ thần,
Những lời mẹ dạy quý vô ngần,
Mẹ hiền ước muốn con an lạc,
Mẹ chỉ mong con hưởng phước ân.

Vì thế, ngài thực hiện ngay ba ác tật trên. Vua muốn con trai khỏi buồn liền bảo đem năm trăm công tử đến bên ngài. Những hài nhi này bắt đầu khóc đòi bú, nhưng Bồ-tát vì sợ đọa địa ngục, nghĩ rằng thà chết khát còn hơn làm vua nên không khóc. Các nhũ mẫu tâu chuyện đó với vương hậu và lại tâu lên vua, vua liền cho mời các Bà-la-môn giỏi tướng số đến hỏi ý. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy cho vương tử bú sau thời hạn quy định, vương tử sẽ khóc rồi ngậm chặt vú để bú tùy thích.

Thế rồi họ cho vương tử bú sau một thời hạn quy định, có khi họ để thời hạn quy định quá một lần, có khi cả ngày họ không cho ngài bú sữa. Nhưng ngài sợ đọa địa ngục nên dù khát sữa cũng không khóc đòi bú. Thế rồi mẹ ngài cùng các nhũ mẫu cứ cho ngài bú dù ngài không khóc, họ bảo:

– Hài nhi đói lả rồi.

Các hài nhi khác khóc la khi chưa được bú nhưng ngài không khóc, không ngủ, cũng không co duỗi tay chân, cũng không tỏ ra nghe được tiếng động nào. Thế là các nhũ mẫu suy nghĩ: "Tay chân người què không giống thế này, hình dáng quai hàm người câm không giống thế này, hình dáng tai kẻ điếc cũng không phải thế này, chắc phải có lý do gì đây, chúng ta phải xem kỹ ra sao!"

Vì vậy họ quyết định lấy sữa thử ngài, cả ngày họ không cho ngài bú, nhưng dù khát khô cổ họng, ngài vẫn không thốt một tiếng kêu đòi bú. Sau đó mẹ ngài nói:

– Con ta đói lả rồi. Hãy cho nó bú!

Và bà bảo họ cho ngài bú. Như vậy, thỉnh thoảng họ cho ngài bú để thử ngài suốt cả năm trường nhưng vẫn không khám phá ra chỗ yếu của ngài. Rồi họ bảo nhau: "Trẻ con thường thích bánh kẹo và của ngon vật lạ, ta hãy đem ra thử hài nhi này xem."

Họ đặt năm trăm ấu nhi cạnh ngài, đem đủ cao lương mỹ vị đến, bảo các ấu nhi lựa món ăn tùy thích rồi họ lánh mặt đi. Các trẻ kia gây gổ đánh nhau rồi

chụp giật bánh kẹo ăn, nhưng Bồ-tát tự nhủ: "Này Temiya, cứ ăn bánh kẹo cùng cao lương mỹ vị đó nếu ngươi muốn xuống địa ngục." Rồi vì sợ đọa địa ngục nên ngài không muốn nhìn các thức ăn nữa. Và cứ thế, dù họ đem kẹo bánh, cao lương mỹ vị ra thử ngài cả năm ròng, họ cũng không khám phá ra chỗ yếu của ngài.

Sau đó, họ lại bảo: "Trẻ con thường thích đủ loại trái cây." Và họ đem đủ thứ trái cây ra thử ngài. Các trẻ kia đòi ăn trái cây nhưng ngài không buồn nhìn chúng và cứ thế suốt năm ròng, họ đem trái cây đủ loại ra để thử ngài.

Rồi họ lại bảo: "Trẻ con thích đồ chơi." Thế là họ đem đồ chơi bằng vàng, các hình voi ngựa, v.v... đến gần ngài. Các trẻ kia giành nhau như thể tranh đoạt chiến lợi phẩm nhưng Bồ-tát không buồn nhìn đến chúng và cứ thế suốt cả năm ròng, họ đem đồ chơi ra thử ngài.

Rồi họ lại bảo nhau: "Có một thức ăn đặc biệt đối với một đứa trẻ lên bốn, ta thử xem sao!" Thế là họ đem ra đủ loại thức ăn, các trẻ kia bẻ chúng ra từng miếng ăn ngay, nhưng Bồ-tát tự nhủ: "Này Temiya, trong quá khứ đã có vô số kiếp mà ngươi chẳng được ăn uống gì cả." Và vì sợ đọa địa ngục nên ngài chẳng nhìn các món ăn, cho đến khi lòng mẹ ngài muốn tan nát ra vì đau khổ, chính tay bà phải cho ngài ăn.

Sau đó, họ bảo nhau: "Trẻ con năm tuổi thường sợ lửa, ta hãy thử xem sao!" Rồi họ bảo làm một ngôi nhà lớn có nhiều cửa, che bằng lá cây tāla (cọ dừa), họ đặt ngài giữa đám trẻ con rồi nổi lửa lên. Đám trẻ la hét chạy trốn, nhưng Bồ-tát tự nhủ thế này còn tốt hơn các khổ hình ở địa ngục. Vì vậy, ngài hoàn toàn ngồi yên như thể vô tri giác nên khi lửa đến gần, họ đành mang ngài đi nơi khác.

Sau đó, họ bảo nhau: "Trẻ con sáu tuổi thường sợ con voi hung dữ." Thế là họ bảo luyện một con voi cho thuần tính rồi họ để Bồ-tát ngồi cùng đám trẻ trong sân rồng và thả voi ra. Voi rống to, lấy vòi giậm đất thình thịch khiến ai nấy khiếp đảm. Đám trẻ chạy tứ tán vì sợ nguy đến tính mạng. Riêng Bồ-tát vì sợ địa ngục nên vẫn ngồi yên. Con voi đã được huấn luyện kỹ, nhấc ngài lên rồi đặt xuống và bỏ đi chứ không hại ngài.

Đến khi ngài được bảy tuổi, lúc ngồi chơi có đám bạn ngồi vây quanh ngài, họ thả ra bầy rắn đã bị nhổ hết răng và buộc miệng chặt lại, bọn trẻ la hét bỏ chạy nhưng Bồ-tát nhớ lại những nỗi kinh hoàng ở địa ngục nên vẫn ngồi yên, tự nhủ: "Thà chết vì miệng rắn độc còn tốt hơn." Rồi bầy rắn vây quanh thân ngài và cuộn tròn vòng trên đầu ngài nhưng ngài vẫn ngồi bất động. Cứ thế, họ thử ngài mãi nhưng vẫn không khám phá ra chỗ yếu của ngài.

Sau đó, họ bảo nhau: "Thiếu nhi thường thích hội hè." Thế là họ đem ngài vào sân rồng cùng năm trăm đứa trẻ kia và cho một đoàn hề họp lại làm trò. Lũ trẻ thấy đoàn hề liền la hét cổ vũ và cười đùa vang dội nhưng Bồ-tát tự nhủ thầm, nếu ngài thác sinh vào địa ngục sẽ không bao giờ được một phút cười vui nên ngài vẫn ngồi yên, suy nghĩ đến địa ngục và không hề để mắt đến đám

người hề đang nhảy múa. Họ cứ thử ngài như thế mãi, vẫn không tìm ra chỗ yếu của ngài.

Rồi họ bảo nhau: "Ta hãy lấy kiếm ra thử xem sao!" Thế là họ đặt ngài ngồi giữa sân rồng trong khi đám trẻ đang chơi đùa, bỗng một người đàn ông chạy vụt qua bọn chúng, vung kiếm sáng loáng như gương vừa nhảy vừa la to: "Con quỷ của vua xứ Kāsi đâu rồi, ta sẽ cắt đầu nó đây!" Đám trẻ thấy vậy kinh hãi chạy trốn, la hét ầm ĩ. Nhưng Bồ-tát đã suy nghĩ nhiều về những nỗi kinh hoàng ở địa ngục nên vẫn ngồi yên bất động như thể vô tri giác, dù người đó cọ xát thanh kiếm trên đầu ngài và dọa cắt cổ cũng không làm ngài kinh hoàng nên cuối cùng gã phải bỏ đi. Thế là dù thử ngài nhiều lần như thế nhưng họ vẫn không tìm ra điểm yếu của ngài.

Khi ngài lên mười tuổi, họ muốn thử xem ngài có điếc thật không liền treo một cái màn quanh giường, có đục lỗ bốn phía và đặt ống thổi hơi bằng vỏ ốc ở dưới đó mà không cho ngài biết. Họ đồng loạt thổi qua vỏ ốc bật ra một tiếng vang ầm ĩ, nhưng quần thần dù đứng cả bốn phía nhìn xuyên qua những lỗ trên màn suốt ngày vẫn không tìm ra được một dấu hiệu cho thấy ngài bị rối trí hay cựa quậy tay chân, ngay cả một cái giật mình cũng không có.

Một năm ròng trôi qua như vậy, rồi họ lấy trống thử một năm nữa vẫn không khám phá ra điểm yếu của ngài. Sau đó, họ bảo: "Ta lấy đèn ra thử xem!" Thế là để thử xem trong đêm tối ngài có cử động tay chân hay không, họ thắp đèn vào trong các bình thủy tinh sau khi đã tắt hết mọi đèn khác. Họ giấu các đèn thủy tinh trong bóng tối một lát rồi thình lình giơ cao các ngọn đèn ấy lên, tạo ra một luồng sáng lòa đồng loạt để xem cử chỉ ngài ra sao. Nhưng dù họ thử ngài như vậy cả năm trời, họ vẫn không thấy ngài giật mình lần nào cả.

Thế rồi, họ bảo nhau: "Ta lấy mật mía thử xem sao!" Và họ bôi mật mía khắp thân ngài, đặt ngài vào một nơi đầy ruồi nhặng rồi xua chúng ra. Chúng bu đặc trên thân ngài và chích ngài như kim châm nhưng ngài vẫn nằm như thể vô tri giác. Cứ thế suốt năm ròng họ thử ngài nhưng vẫn không khám phá ra điểm yếu nào.

Đến năm ngài lên mười bốn tuổi, họ bảo nhau: "Bây giờ đã lớn rồi, thiếu niên này chỉ thích sạch sẽ và ghét dơ bẩn, vậy ta lấy đồ dơ ra thử xem!" Thế là từ đó họ không cho ngài tắm rửa, súc miệng hay tẩy uế thân thể cho đến khi ngài bị đẩy vào một tình cảnh vô cùng khốn khổ như tên tù giam lỏng.

Khi ngài nằm đó, mình mẩy đầy ruồi nhặng, mọi người vây quanh nhạo báng ngài:

– Này Temiya, ngài đã lớn rồi, còn ai hầu hạ ngài nữa, ngài không hổ thẹn sao cứ nằm đó mãi, hãy dậy và tắm rửa cho sạch sẽ!

Nhưng ngài nhớ lại những nỗi thống khổ đọa đày ở địa ngục Gūtha (Phân Dơ) nên ngài vẫn nằm bất động trong tình trạng dơ bẩn khổ sở đó. Suốt cả năm trường họ vẫn không tìm ra điểm yếu nơi ngài.

Sau đó, họ đặt những chảo lửa dưới giường ngài và bảo nhau: "Khi vương tử bị lửa nóng hành hạ, sẽ không chịu nổi và sẽ tỏ dấu hiệu đau đớn quằn quại." Những vết bỏng dường như muốn nứt ra trên người ngài nhưng ngài vẫn nhẫn nhục tự nhủ: "Lửa ở địa ngục Avīci (A-tỳ hay Vô Gián) tỏa lan ra cả trăm do-tuần, chứ ngọn lửa này còn dễ chịu hơn trăm, ngàn lần." Vì thế, ngài nằm bất động. Vua cha và vương hậu lòng đau như cắt, bảo những người hầu cận trở lại đem ngài ra khỏi lửa và năn nỉ ngài:

– Này Temiya, ta biết con sinh ra không què quặt vì người què không thể có tay chân mặt mũi như con được. Ta đã sinh được con sau bao năm cầu tự, vậy con đừng làm tuyệt dòng họ ta. Hãy tránh cho ta khỏi bị sự chê trách của các vua trong cõi Jambudīpa (Diêm-phù-đề, Ấn Độ)!

Nhưng dù họ van xin thế nào đi nữa, ngài vẫn nằm im bất động như không nghe thấy gì. Thế là phụ vương và mẫu hậu đành khóc lóc và bỏ đi. Thỉnh thoảng phụ vương hay mẫu hậu trở lại một mình van xin ngài như thế suốt cả năm ròng nhưng vẫn không khám phá ra điểm yếu của ngài.

Đến khi ngài lên mười sáu tuổi, họ suy nghĩ: "Dù què quặt, câm, điếc đi nữa, không ai lớn lên lại không thích hưởng lạc, ghét điều bất lạc. Chuyện này đến thời hạn thì cũng tự nhiên như hoa nở đó thôi. Vậy ta sẽ bảo đóng tuồng cho con ta xem thử!" Vì thế, họ triệu tập một số nữ nhân đẹp như tiên và giao hẹn rằng nàng nào làm được cho vương tử cười to hay gây cho ngài khởi lên tư tưởng dục vọng thì sẽ được tôn làm chánh hậu. Rồi họ tắm cho ngài bằng nước thơm và trang điểm cho ngài thật đẹp như thiên thần, đặt ngài nằm trên long sàng ở trong một dãy cung thất trang hoàng như các động tiên. Nội thất của ngài được xông sực nức đủ mùi hương hoa, thuốc cao, trầm, linh tửu đủ loại... và họ rút lui.

Trong lúc đó, các nữ nhân cứ vây quanh ngài tìm cách làm vui lòng ngài với tiếng ca, điệu múa cùng những lời lẽ êm dịu ngọt ngào nhưng ngài nhìn chúng bằng trí tuệ tối thắng và bế hết hơi thở vô ra vì sợ chúng đụng vào thân ngài, vì thế mà cơ thể ngài trở nên cứng đờ. Chúng không thể nào đụng vào ngài được liền tâu với đức vua:

– Cơ thể vương tử cứng đờ, ngài không phải là người mà có lẽ là quỷ dữ.

Như vậy, cha mẹ ngài dù trong mười sáu năm liền thử thách ngài bằng mười sáu cách ghê rợn cùng nhiều lối thử lặt vặt khác, cũng không thể nào khám phá ra điểm yếu của ngài. Thế là vua cha đầy phẫn nộ, cho triệu tập nhiều thầy tướng số đến bảo:

– Khi vương tử ra đời, các ngươi đã bảo là vương tử tốt số có đủ mọi điềm lành và không có điềm trở ngại nào. Nhưng vương tử sinh ra đã bị què, câm, điếc. Thế là lời các ngươi không đúng sự thật.

Họ đồng đáp:

– Tâu Đại vương, không có gì các đạo sư của ngài không thấy cả, nhưng

chúng thần biết ngài sẽ buồn khổ ghê gớm ra sao nếu chúng thần nói rằng hoàng nam do cả triều cầu tự này lại bạc phước, vì thế chúng thần không nói ra điều đó.

– Vậy phải làm thế nào đây?

– Tâu Đại vương, nếu vương tử ở lại trong cung sẽ có ba mối hiểm họa đe dọa tính mệnh của Đại vương hoặc ngôi báu của ngài hoặc cho chánh hậu. Vậy thì thượng sách là cho vài con ngựa yếu hèn buộc vào một cỗ xe thật tầm thường rồi đặt vương tử lên đó, đưa qua cửa Tây và đem chôn vương tử trong nghĩa địa.

Vua đồng ý vì sợ các hiểm họa sẽ xảy ra. Khi vương hậu hay tin và vội đến gặp vua:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng đã ban cho thần thiếp một lời ước và thần thiếp vẫn chưa thỉnh nguyện, vậy giờ đây xin ban cho thiếp ân huệ đó!

– Ái hậu cứ thỉnh cầu.

– Xin Chúa thượng hãy trao ngôi báu cho con thiếp.

– Không thể được, này Ái hậu, con trai của khanh quá bạc phước.

– Nếu Chúa thượng không ban cho con trai thiếp cả đời thì hãy cho con trai thiếp làm vua trong bảy năm.

– Không thể được đâu, Ái khanh.

– Vậy thì trong sáu, năm, bốn, ba, hai, một năm hoặc bảy tháng, sáu, năm, bốn, ba, hai, một tháng hoặc nửa tháng.

– Không thể được, Ái khanh.

– Thế thì bảy ngày vậy!

– Thôi được rồi, Ái hậu nhận lấy ân huệ này.

Thế là vương hậu ra lệnh cho các cung nữ trang điểm vương tử thật lộng lẫy và cả kinh thành phải trưng bày thật đẹp mắt. Rồi một lệnh được truyền đi cùng với tiếng trống vang dội:

– Đây là triều đại của Thái tử Temiya!

Và ngài được đặt trên mình voi đi ngất ngưởng khắp kinh thành với chiếc lọng trắng trên đầu. Khi trở về, ngài được đặt trên long sàng, vương hậu lại van xin suốt đêm:

– Vương tử Temiya con ơi, vì con trong mười sáu năm qua mẹ đã khóc than và không hề ngủ. Mắt mẹ đã khô ráo hẳn, lòng mẹ đã tan nát vì buồn phiền. Mẹ biết con không thật què quặt, câm, điếc gì, đừng làm mẹ khốn khổ tuyệt vọng nữa!

Cứ thế, bà van xin ngài hết ngày này qua ngày khác trong năm hôm liền. Qua ngày thứ sáu, vua triệu người quản xa Sunanda đến bảo:

– Sáng sớm mai ngươi hãy cột vài con ngựa thật xấu vào một cỗ xe thật tầm thường, bỏ vương tử vào, đem ra cửa Tây và đào một hố có bốn góc trong nghĩa

địa ném nó vào, lấy xẻng đập đầu nó và giết chết nó đi, rồi lấp đất lên thành một đống cao xong tắm rửa sạch sẽ rồi trở về đây!

Đêm thứ sáu đó, vương hậu lại van xin:

– Vương tử con ơi, phụ vương Kāsi đã ra lệnh ngày mai đem chôn con vào nghĩa địa, ngày mai chắc con phải chết rồi con ạ!

Khi Bồ-tát nghe nói vậy, ngài nghĩ thầm rằng: "Này Temiya, hoạn nạn của ngươi trong mười sáu năm đã mãn" và ngài vui mừng lắm, nhưng lòng mẹ ngài dường như tan nát thành hai mảnh. Tuy thế, ngài không muốn nói gì với bà, sợ rằng ước nguyện của ngài không thành tựu. Hết đêm đó, mới sáng tinh sương, người quản xa Sunanda đã đưa cỗ xe đến trước cổng thành, vào hoàng cung tâu:

– Xin Vương hậu chớ giận dữ, đây là lệnh của Đại vương.

Nói xong, trong khi vương hậu đang ôm con trong lòng, gã lấy tay đẩy bà ra, nhấc hoàng tử lên nhẹ như một đóa hoa và đi ra khỏi cung, còn lại hoàng hậu ở trong phòng đấm ngực than khóc thảm thiết.

Khi đó Bồ-tát nhìn mẹ và nghĩ: "Nếu ta không nói thì mẹ ta sẽ chết vì buồn phiền." Dù ngài định nói nhưng ngài lại suy nghĩ: "Nếu ta nói thì công phu của ta trong mười sáu năm sẽ trở thành tro bụi, còn nếu ta không nói thì ta sẽ cứu được chính ta và cả cha mẹ ta nữa."

Sau đó, người quản xa nhấc ngài lên xe và bảo:

– Ta sẽ đánh xe qua cửa Tây.

Nhưng gã lại đánh xe qua cửa Đông và bánh xe lăn chạm mạnh vào bậc thềm. Bồ-tát nghe tiếng động nhủ thầm: "Ước nguyện của ta đã đạt được rồi." Lòng ngài càng hoan hỷ lên.

Khi xe ra khỏi kinh thành, nó đã đi được chừng ba do-tuần, nhờ các thần trợ lực, đến khoảng cuối một khu rừng mà người đánh xe tưởng là nghĩa địa. Vì thế, gã nghĩ rằng đây là chỗ thích hợp, gã liền quay xe ra khỏi đường cái, dừng lại bên đường, bước xuống lấy hết đồ trang hoàng của Bồ-tát cột thành một bó đặt xuống đất rồi lấy xẻng ra bắt đầu đào hố.

Lúc đó, Bồ-tát nghĩ: "Đây là lúc ta phải vận dụng sức lực, mười sáu năm qua ta không hề cử động tay chân, không biết nay ta có điều khiển chúng được chăng?" Thế là ngài đứng dậy, chà xát tay phải với tay trái, tay trái với tay phải, chà hai tay vào hai chân rồi quyết định bước ra khỏi xe. Khi chân ngài chạm đất, đất đội lên như cái túi da đầy khí và ngài sờ đuôi xe. Sau khi xuống xe, đi lui đi tới vài vòng ngài cảm thấy đã dư sức đi như thế này một trăm do-tuần trong một ngày.

Rồi ngài lại nghĩ: "Nếu gã lái xe chống đối ta, ta có đủ sức chống lại gã chăng?" Vì thế, ngài cầm lấy đuôi xe, nhấc nó lên như đồ chơi trẻ con và ngài tự nhủ: "Ta đủ sức chống lại gã." Khi ngài nhận thức điều này, lòng ngài khởi lên một ước muốn được trang hoàng cho thật đẹp. Vào lúc ấy, cung Thiên chủ Sakka (Đế-thích) nóng rực lên. Thiên chủ Sakka tìm ra duyên cớ liền bảo:

– Ước nguyện của Vương tử Temiya đã thành tựu rồi, ngài muốn được trang hoàng cho đẹp. Ngài có cần gì đồ trang sức của hạ giới?

Vì thế, Thiên chủ truyền thiên thần Vissakamma đem đồ trang sức thiên giới ra tô điểm cho con trai của vua xứ Kāsi. Vị này quấn lên mình vương tử cả vạn tấm vải vóc tua đỏ và trang điểm ngài bằng đủ loại trang sức của thiên đình lẫn hạ giới chẳng khác nào Thiên chủ Sakka. Vương tử được điểm tô đủ mọi oai nghi lộng lẫy của một vị Thiên chủ, đi đến bên bờ hố mà người lái xe đang đào, vừa đứng vừa ngâm vần kệ thứ ba:

3. Sao chú lái xe lại vội vàng,
Bới đào hố nọ ở bên đàng,
Trả lời câu hỏi ta thành thật,
Ngươi muốn làm gì hố ấy chăng?

Người lái xe vẫn tiếp tục đào hố, không ngước mắt lên nhìn và ngâm vần kệ thứ tư:

4. Chúa thượng của ta thấy thiếu nhi,
Bị què, câm, điếc, thật ngu si,
Nên ta được lệnh đi đào hố,
Chôn bỏ chàng cho rảnh mắt đi.

Bồ-tát đáp lời:

5. Hiền hữu, ta không bị điếc, câm,
Và ta cũng chẳng bị què chân,
Nếu chôn ta ở trong rừng rậm,
Ngươi sẽ phạm vào tội sát nhân.

6. Hãy ngắm tay chân đây của ta,
Và nghe giọng nói thốt lời ra,
Hôm nay ngươi sẽ mang trọng tội,
Nếu chôn ta ở chốn rừng già!

Lúc đó, người lái xe hỏi:

– Ai đấy? Chỉ từ lúc ta tới đây người mới lộ nguyên hình như người tả.

Vì thế, gã dừng đào hố, ngước mắt lên chiêm ngưỡng dung mạo sáng ngời của ngài, gã không biết ngài là người hay thần thánh liền ngâm kệ:

7. Chàng là nhạc sĩ hoặc thiên thần,
Hay chính Sakka Thiên chủ chăng?
Xin nói là con ai đấy nhỉ,
Tên gì ta sẽ gọi danh xưng?[3]

Lúc ấy, Bồ-tát vừa lộ diện vừa thuyết pháp và ngâm kệ:

[3] Xem *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *Pv.* 24, *Maṭṭhakuṇḍalīpetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Maṭṭhakuṇḍalī*); *Pv.* 79, *Nandakapetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Nandaka*); *Vv.* 90, *Tatiyanāgavimānavatthu* (*Chuyện thứ ba về Lâu đài con voi*).

8. Chẳng là nhạc sĩ hoặc thiên thần,
Cũng chẳng Sakka, đấng Ngọc hoàng,
Ta chính Kāsi vương tử ấy,
Ngươi đem chôn sống thật hung tàn.

9. Ta chính con vua triều đại này,[4]
Ngươi đang phục vụ hiển vinh thay,
Nếu đem ta đến đây chôn sống,
Ngươi sẽ phạm vào trọng tội ngay.

10. Nếu dưới gốc cây ta nghỉ chân,
Tàng cây đổ bóng để che thân,
Ta không bẻ một cành dù nhỏ,
Chỉ kẻ ác làm hại bạn thân.[5]

11. Cây che chỗ ấy chính là vua,
Ta chính là cành lá tỏa ra,
Ngươi lái xe là người lữ khách,
Nằm ngồi ở dưới bóng cây mà,
Tội to giáng xuống đầu ngươi đó,
Nếu ở rừng này chôn sống ta.

Nhưng dù Bồ-tát nói vậy, gã này vẫn không tin ngài. Vì thế, Bồ-tát quyết định thuyết phục gã nên ngài làm cho cả khu rừng vang dậy tiếng nói của ngài và lời tán thán của chư thiên trong khi ngài bắt đầu ngâm mười vần kệ này để tôn vinh tình bằng hữu:

12. Một kẻ trung thành với bạn thân,
Dù đi phiêu bạt khắp xa gần,
Nhiều người hoan hỷ đem cung phụng,
Thực phẩm tất nhiên được hiến dâng.

13. Dù đất nước nào phiêu bạt qua,
Kinh thành, thị trấn khắp gần xa,
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu,
Cũng được vinh quang danh vọng mà.

14. Không đạo tặc nào dám tổn thương,
Cũng không võ tướng dám khinh nhờn,
Người nào trung tín cùng bằng hữu,
Sẽ thoát khỏi bao kẻ oán hờn.

---

[4] Xem *J.* V. 250, *Sonakajātaka* (*Chuyện Hiền giả Sonaka*), số §529; *Vv.* 90, *Tatiyanāgavimānavatthu* (*Chuyện thứ ba về Lâu đài con voi*).

[5] Xem *J.* IV. 72, *Bhūripañhajātaka* (*Chuyện vấn đề trí tuệ*), số §452; *J.* IV. 351, *Mahāvāṇijātaka* (*Chuyện vị đại thương nhân*), số §493; *J.* V. 232, *Mahābodhijātaka* (*Chuyện Hiền giả Mahābodhi*), số §528; *J.* VI. 262, *Vidhurapaṇḍitajātaka* (*Chuyện bậc Đại trí Vidhura*), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

15. Người ấy hoàn hương, thảy đón chào,
Lòng không mòn mỏi với ưu sầu,
Kẻ nào chung thủy cùng bằng hữu,
Giữa những bà con, đệ nhất cao.

16. Tôn vinh người, lại được tôn vinh,
Được kính trọng và đáp thịnh tình,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Nhận phần vinh hiển khắp quần sinh.

17. Người nào biết quý trọng người đời,
Sẽ được mọi người quý trọng thôi,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Phần mình được tiếng tốt cao vời.

18. Kẻ ấy giống như lửa cháy bừng,
Tỏa ra ánh sáng tựa thiên thần,
Người nào trung tín cùng bằng hữu,
Chiếu ánh huy hoàng rực rỡ luôn.

19. Trâu bò tăng trưởng thật là nhanh,
Hạt giống thường xuyên mọc tốt lành,
Một kẻ trung thành cùng bạn hữu,
Tất nhiên gặt hái mọi công thành.

20. Nếu bị rơi từ đỉnh núi cao,
Hoặc từ cây cối hoặc hang hào,
Người nào chung thủy cùng bằng hữu,
Cũng thấy đất bằng vững chắc sao.

21. Cây đa thách đố mọi cuồng phong,
Cành lá mọc quanh gốc rễ chung,
Kẻ biết trung thành cùng bạn hữu,
Oán hờn cừu địch thảy tiêu vong.[6]

Dù ngài đã thuyết pháp như vậy, gã Sunanda vẫn không nhận ra ngài và cứ hỏi ngài là ai. Nhưng rồi gã đến gần xe và trước khi thấy rõ chiếc xe cùng mọi thứ trang sức mà vương tử mang trên người, gã đã nhận ra ngài trong lúc nhìn ngài, liền quỳ xuống chắp tay lại, ngâm kệ:

22. Đến đây, này hỡi vị Vương gia,
Tôi sẽ xin đưa trở lại nhà,
Ngài ngự ngai vàng và trị nước,
Sao còn thơ thẩn chốn rừng già?

Bậc Đại sĩ đáp:

---

[6] Xem *Ap*. II. 343, *Dhotakattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Dhotaka*).

23. Ta không màng của cải, ngai vàng,
Chẳng thiết bạn thân hoặc họ hàng,
Vì chính ngôi vua ta đã đạt,
Là do những ác nghiệp ta làm.

Người lái xe nói:

24. Chén rượu đón mừng, Thái tử ôi,
Được người chuẩn bị để chờ ngài,
Phụ vương, mẫu hậu đầy hoan hỷ,
Sẽ tặng nhiều quà cho chính tôi.

25. Cung phi, mỹ nữ, các vương gia,
Vệ-xá, Bà-la-môn, mọi nhà,
Trong nỗi hân hoan đầy trọn vẹn,
Sẽ cho tôi hưởng thật nhiều quà.

26. Các vị cưỡi voi, cưỡi mã xa,
Bộ binh, vệ sĩ của hoàng gia,
Sẽ cho tôi hưởng nhiều quà tặng,
Khi Thái tử quay trở lại nhà.

27. Thần dân thành thị đến thôn quê,
Tụ tập mừng vui, mở hội hè,
Sẽ tặng cho tôi nhiều lễ vật,
Khi nhìn Thái tử đã quay về.

Bậc Đại sĩ đáp:

28. Ta bị bỏ rơi bởi mẹ cha,
Kinh thành, thị trấn ở gần xa,
Vương tôn bỏ mặc, ta đành phận,
Ta chẳng có nhà của chính ta.

29. Mẫu hậu của ta cho phép đi,
Phụ vương cũng bỏ mặc hoàng nhi,
Trong rừng hoang vắng này đơn độc,
Ẩn sĩ ta nguyền hạnh xuất ly.

Đang khi nhớ lại các công hạnh của mình, một nỗi hoan hỷ khởi lên trong lòng ngài và trong niềm hạnh phúc cao độ, ngài thốt lên khúc đạo ca toàn thắng:

30. Cũng giống những ai chẳng vội vàng,
Đạt thành nguyện ước của tâm can,
Quản xa hãy biết, hôm nay nhé,
Thánh hạnh ta thành đạt vẹn toàn.

31. Cũng giống những ai chẳng bước nhanh,
Tối cao cứu cánh được viên thành,

Ta đi đầy đủ tâm thanh tịnh,
Hoàn thiện sợ gì giữa chúng sinh.

Người lái xe đáp lại:

32. Những lời ngài nói thật êm tai,
Chân thật, sáng trong, lý lẽ ngài,
Tại sao thuở trước đành câm lặng,
Khi thấy song thân ở cạnh hoài?

Bậc Đại sĩ bảo:

33. Ta chẳng què vì thiếu khớp xương,
Cũng không điếc bởi thiếu tai thường,
Cũng không câm lặng vì không lưỡi,
Như dáng ta nay hiện rõ ràng.

34. Ta vẫn nhớ rành một kiếp xưa,
Trong tiền thân ấy được làm vua,
Nhưng từ ngôi báu ta rơi xuống,
Ta thấy mình trong chốn ngục tù.

35. Hai mươi năm sống cảnh xa hoa,
Trên chiếc ngai vàng chỉ thoáng qua,
Nhưng tám mươi ngàn năm địa ngục,
Ta đền tội ác đã gây ra.

36. Dư vị hoàng gia thuở đã qua,
Làm kinh hãi ngập cả tâm ta,
Cho nên ta phải đành câm lặng,
Dù thấy gần bên cạnh mẹ cha.

37. Phụ vương bồng bế trẻ vào lòng,
Nhưng giữa lúc đùa giỡn thiết thân,
Nghe lệnh vua ban đầy khắc nghiệt:
"Tức thì giết kẻ đại cường gian,
Hãy cưa xẻ nó ra từng mảnh,
Đóng cọc tên kia chớ muộn màng!"

38. Nghe lời hăm dọa thật kinh hồn,
Ta cố làm què lại điếc, câm,
Lăn lóc trong bùn nhơ khốn khổ,
Làm người ngu dại cũng đành phần.

39-40. Biết rõ cuộc đời ngắn ngủi thay,
Sầu, bi, khổ, não lại tràn đầy,
Ai vì đời sống mà khơi dậy
Sân hận cho người khác khổ lây?

41-42. Ai vì đời sống hại tha nhân,
Để mặc cho mình trút hận sân,
Vì muốn giành quyền cầm chánh lý,
Và mù quáng trước lẽ công bằng?

Lúc đó, gã Sunanda suy nghĩ: "Vương tử này từ bỏ vàng son cung điện như thể bỏ thây ma, nay vào rừng cương quyết sống đời ẩn sĩ, thế thì ta còn làm gì với cuộc đời khốn nạn này nữa? Thôi ta cũng muốn làm ẩn sĩ như ngài cho rồi." Gã liền ngâm kệ:

43. Tôi cũng ước mong chọn cuộc đời,
Của người khổ hạnh ở cùng ngài,
Xin ngài hãy gọi tôi, Vương tử,
"Ẩn sĩ", như ngài muốn vậy thôi!

Khi nghe gã thỉnh cầu, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Nếu ta nhận ngay gã này làm ẩn sĩ thì cha mẹ ta không đến đây được và như thế sẽ chịu thiệt thòi, rồi ngựa xe và các vật trang sức này sẽ bị hủy hoại. Ta sẽ bị buộc tội vì người đời sẽ bảo: 'Hắn là quỷ dữ đã nuốt sống người lái xe.'" Vì thế, muốn tránh tiếng xấu cho mình và đem lại an lạc cho cha mẹ, ngài giao ngựa xe và các thứ trang sức lại cho gã rồi ngâm kệ:

44. Trước tiên đem trả lại vương xa,
Ngươi chẳng phải người được tự do,
Trả nợ trước tiên, đời vẫn bảo,
Rồi sau nguyện khổ hạnh ly gia.

Người lái xe nghĩ thầm: "Nếu ta về kinh thành trong lúc ngài bỏ đi nơi khác, rồi khi cha mẹ ngài hay tin ngài còn sống sẽ cùng đến đây với ta để gặp ngài mà không tìm thấy ngài, họ sẽ trừng phạt ta. Thôi ta phải nói rõ hoàn cảnh này của ta cho ngài biết và xin ngài hứa ở lại đây."

Vì thế, gã ngâm hai vần kệ:

45. Vì lẽ tôi theo lệnh của ngài,
Thỉnh cầu Vương tử hãy nghe tôi,
Xin ngài hãy rộng lòng hoan hỷ,
Làm những việc tôi sẽ mở lời.

46. Xin hãy làm ơn nán lại chờ,
Đến khi tôi thỉnh được vương gia,
Phụ vương sẽ ngập tràn hoan hỷ,
Nhìn thấy dung nhan Vương tử mà.

Bậc Đại sĩ đáp:

47-48. Mong được như ngươi nói, quản xa,
Ta đây hoan hỷ gặp vua cha,

Mau đi chào hỏi toàn gia tộc,
Đặc biệt vấn an cha mẹ ta.

Sau khi nói vậy, bậc Đại sĩ hướng về thành Ba-la-nại như chiếc phướn vàng, phủ phục năm vóc sát đất kính lễ cha mẹ rồi truyền lệnh cho người lái xe. Người này tuân lệnh, thân phía hữu hướng về vương tử kính chào từ biệt và lên xe thẳng tiến về thành.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư nói rằng:

49. Rồi gã quản xa giậm bước chân,
Tỏ lòng cung kính thật ân cần,
Bắt đầu công cuộc hành trình ấy,
Như mệnh lệnh ban của chủ nhân.

Vào lúc ấy, Vương hậu Candā mở cửa, bà đang bồn chồn đợi tin con, cứ nhìn ra phía con đường người lái xe trở về nên khi thấy gã về một mình, bà đấm ngực than khóc.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

50. Khi thấy một mình gã quản xa,
Chiếc xe trống vắng, chợt nhìn ra,
Tâm hồn tràn ngập niềm lo sợ,
Mắt mẹ hiền dâng lệ ướt nhòa:

51. "Người quản xa kia mới trở về,
Con ta bị giết ở đằng kia,
Rừng hoang hiu quạnh con nằm đó,
Đất lại hòa cùng đất phủ che.

52-54. Cừu nhân cực ác sẽ hân hoan,
Thấy kẻ sát nhân được vạn an,
Câm, điếc lại què chân, thử hỏi,
Làm sao con cất tiếng kêu van,
Nằm trên nền đất bơ vơ quá,
Con chiến đấu sao với sức tàn?

55. Tay chân con chẳng đủ công năng,
Xô đẩy người ra để thoát thân,
Trong lúc nằm trên nền đất lạnh,
Mặc dù câm, điếc lại què chân."

Người lái xe tâu:

56. Lệnh bà, xin thứ tội cho tôi,
Xin để cho tôi được mở lời,
Tôi sẽ kể bà nghe tất cả,
Những gì tôi đã thấy, nghe rồi.

Vương hậu đáp:

57. Ta nay hứa thứ tội cho ngươi,
Ta để cho ngươi được mở lời,
Hãy kể cho ta nghe tất cả,
Những gì ngươi đã thấy, nghe rồi!

Người lái xe liền tâu:

58. Ngài không câm, điếc, chẳng què chân,
Giọng nói ngài trôi chảy, sáng trong,
Ngài đóng vai trò kia giả dạng,
Bởi vì ngài sợ chốn vương cung.

59. Ngài vẫn nhớ rành một kiếp xưa,
Trong tiền thân ấy được làm vua,
Nhưng từ ngôi báu, ngài rơi xuống,
Ngài thấy mình trong chốn ngục tù.

60. Hai mươi năm sống cảnh xa hoa,
Trên chiếc ngai vàng chỉ thoáng qua,
Nhưng tám mươi ngàn năm địa ngục,
Ngài đền tội ác đã gây ra.

61. Dư vị hoàng gia một thuở xưa,
Làm ngài kinh hãi ngập tâm tư,
Cho nên ngài phải đành câm lặng,
Dù thấy gần bên cạnh mẹ cha.

62. Thân thể ngài nay được kiện toàn,
Cao sang tuyệt mỹ, dáng hùng cường,
Giọng ngài trong sáng, tâm minh mẫn,
Ngài chọn đời thanh tịnh bước đường.

63. Nếu Lệnh bà mong muốn gặp con,
Tức thì hãy đến đó cùng thần,
Ngắm nhìn Vương tử Temiya ấy,
An tịnh, thong dong thật vẹn toàn.

Nhưng khi vương tử cho người lái xe đi rồi, ngài muốn thực hiện ngay lời nguyện khổ hạnh. Biết được ước nguyện đó, Thiên chủ Sakka truyền gọi thần xây dựng Vissakamma và bảo:

– Vương tử Temiya nguyện khổ hạnh, vậy khanh hãy dựng cho ngài một túp lều lá với đủ vật dụng cần thiết của một ẩn sĩ!

Vì thế, vị ấy vội ra đi và đến một khu rừng rộng chừng ba do-tuần, vị ấy dựng một am ẩn sĩ có một gian dành để ở ban đêm và một gian để ở ban ngày, có một hồ nước, một cái giếng, nhiều cây ăn trái và chuẩn bị đầy đủ mọi vật dụng cần thiết cho một vị tu khổ hạnh rồi ra về.

Khi Bồ-tát thấy cảnh này, ngài biết đây là lễ vật cúng dường của Thiên chủ Sakka. Vì thế, ngài bước vào lều, cởi trang phục của mình ra, mặc vào bộ y bằng vỏ cây màu đỏ, cả y trên lẫn y dưới và đắp tấm da hươu đen một bên vai, buộc mớ tóc được bện chặt của ngài lại rồi mang đòn gánh lên vai kia, cầm cây gậy và bước ra khỏi lều. Ngài đi quanh quẩn trong bộ y khổ hạnh ấy và thốt lên lời cảm khái:

– Ôi, an lạc! Ôi, an lạc!

Rồi trở về lều, ngồi kiết-già trên tấm thảm vải, ngài chứng đắc năm thắng trí (năm thần thông). Buổi chiều ngài bước ra lượm vài lá cây kāra gần đó nhúng vào bình bát nước của Thiên chủ Sakka cúng dường ngài, không có một chút muối, chút bơ hay gia vị gì cả. Ngài ăn lá cây như thể ăn cao lương mỹ vị rồi trong khi ngài quán sát tứ vô lượng tâm, ngài quyết định an trú ở đó.

Trong lúc ấy, vua xứ Kāsi nghe lời gã Sunanda tâu liền triệu tập vị tể tướng vào, ra lệnh thu xếp cuộc hành trình. Vua phán:

64. Thắng đủ ngựa vào các cỗ xe,
Buộc cân đai cả đàn voi kia,
Tù và, trống nhỏ khua vang khắp,
Đánh dậy trống to cả tứ bề.

65. Trống cao ầm ĩ tận không gian,
Trống nhỏ âm vang thật dịu dàng,
Tất cả kinh thành theo gót trẫm,
Ta đi lần nữa đón hoàng nam.

66. Các vương phi, tất cả hoàng gia,
Vệ-xá, Bà-la-môn trẻ, già,
Hết thảy thắng cương xe ngựa sẵn,
Ta đi đón thái tử về nhà.

67. Các vị cưỡi voi, cưỡi mã xa,
Bộ binh, vệ sĩ của hoàng gia,
Mọi người chuẩn bị lên đường gấp,
Ta đến đón vương tử lại nhà.

68. Thần dân thành thị đến thôn quê,
Khắp nẻo đường đông đảo tựu tề,
Tất cả sẵn sàng theo gót trẫm,
Ta đi đón thái tử quay về.

Thế rồi, các quản xa ra lệnh thắng yên cương ngựa xong, đem xa giá đến trước cung môn rồi thông báo để vua biết.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

69. Ngựa Sindh dòng giống tuyệt cao sang,
Nai nịt yên cương trước ngọ môn,

Các quản xa trình tin tức đến,
Cả đoàn chờ yết kiến long nhan.

Khi nghe các quản xa nói xong, nhà vua phán qua nửa vần kệ:

70. "Bầy ngựa bất kham hãy loại ra,
Đừng đem ngựa yếu đến xe ta!"
Lệnh vua như vậy vừa ban xuống,
Tuân phục tức thì các quản xa.

Quân hầu bảo các quản xa:

– Đừng đem theo các loại ngựa như thế!

Trước khi đi đón con, vua triệu tập bốn đẳng cấp trong triều, mười tám hội đoàn và toàn quân đội cùng tập hợp trong ba ngày. Vào ngày thứ tư, sau khi đã đem tất cả đoàn tùy tùng lên đường, vua ngự giá đến thảo am ẩn sĩ. Ngài được vương tử đón tiếp tại đó và đáp lễ với con theo đúng nghi thức.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

71. Lúc ấy vương xa đã sẵn sàng,
Không còn trì hoãn, đấng quân vương,
Bước lên gọi các bà phi hậu:
"Tất cả cùng ta tiến bước đường!"

72. Với quạt đuôi trâu, mão đội đầu,
Lọng vua màu trắng ở trên cao,
Ngài lên ngự giá vương xa ấy,
Trang điểm ngọc vàng tuyệt mỹ sao.

73. Rồi nhà vua lập tức đăng trình,
Cùng gã quản xa ở cạnh mình,
Vội vã ngài đi ngay đến chốn,
Temiya trú thật thanh bình.

74. Vương tử Temiya thấy phụ vương,
Đến đây, lộng lẫy, đại huy hoàng,
Quanh mình chiến sĩ đoàn hầu cận,
Vì vậy ngài lên tiếng nói rằng:

75. "Phụ vương con chắc được an bình,
Cha có đủ tin tức tốt lành,
Con chắc các vương phi, mẫu hậu,
Thảy đều khang kiện ở triều đình?"

76. "Này con, cha vẫn được an bình,
Cha có đủ tin tức tốt lành,
Tất cả các vương phi, mẫu hậu,
Quả đều khang kiện ở triều đình."

77. “Con chắc cha không uống rượu men,
Rượu nồng các loại thảy đều kiêng,
Trí tâm cha vẫn luôn thành khẩn,
Bố thí và hành động chính chuyên?”

78. “Thật vậy, cha không đụng rượu men,
Rượu nồng các loại thảy đều kiêng,
Trí tâm cha vẫn luôn thành khẩn,
Bố thí và hành động chính chuyên.”

79. “Bầy ngựa và voi của Phụ vương,
Con mong đều mạnh khỏe hùng cường,
Không con nào phải mang thân bệnh,
Không có yếu hèn hoặc bất tường?”

80 “Phải, các bầy voi của Phụ vương,
Và bầy ngựa mạnh khỏe, hùng cường,
Không con nào phải mang thân bệnh,
Không có yếu hèn hoặc bất tường.”

81. “Biên thùy cùng địa phận trung ương,
Tất cả đều trù mật, lạc an,
Xin hỏi các nơi này có đủ,
Các ngân khố với các kho tàng?”

82. “Biên thùy cùng địa phận trung ương,
Tất cả đều trù mật, lạc an,
Các nơi này của cha có đủ,
Các ngân khố với các kho tàng.”

83. “Phụ vương, nay trẻ đón chào mừng,
Hạnh ngộ giờ đây với phụ thân,
Hãy đặt vương sàng ra tại chỗ,
Để ngài an tọa, hỡi ba quân!”

Nhà vua vì tỏ lòng cung kính đối với bậc Đại sĩ nên không muốn ngự trên long sàng. Bậc Đại sĩ liền nói:

– Nếu Phụ vương không muốn ngự long sàng, hãy đem sàng tọa kết bằng lá trải cho ngài!

Rồi ngài ngâm kệ:

84. Xin hãy ngự trên thảm lá này,
Trải cho đẹp ý Phụ vương đây,
Quân hầu lấy nước nơi này đến,
Để rửa tay chân Chúa thượng ngay.

Nhưng nhà vua vì lòng cung kính con của ngài nên không chịu ngồi trên giường lá mà chỉ ngồi dưới đất. Lúc ấy, Bồ-tát vào thảo am lấy ra cây kāra, vừa mời vua cha vừa ngâm kệ:

85. Con không có muối, lá cây này,
Là thực phẩm con sống mỗi ngày,
Cha đã đến đây làm khách quý,
Xin vui lòng nhận thức ăn vậy.

Vua cha đáp:

86. Lá cây không phải món cha ăn,
Đem đến cho cha chén gạo trong,
Nấu với thịt hầm thơm dịu ngọt,
Để làm thành một món canh ngon.

Ngay lúc ấy, Vương hậu Candā được các vương phi hộ tống vừa đến nơi liền ôm chân con đảnh lễ, ngồi xuống một bên, đầm đìa nước mắt. Nhà vua bảo bà:

– Này Ái hậu, hãy xem thức ăn của vương nhi!

Và vua đặt vài ngọn lá trong tay bà cùng các vương phi kia. Các bà này cầm lá và kêu:

– Ôi Vương tử, ngài ăn uống như thế kia sao, ngài chịu khổ hạnh biết dường nào!

Rồi họ ngồi xuống, lúc ấy nhà vua bảo:

– Ôi Vương nhi, thật kỳ diệu thay!

Và vua ngâm kệ:

87. Quả thật diệu kỳ đối với ta,
Vương nhi cô độc phải lìa nhà,
Sống bằng thực phẩm nghèo hèn vậy,
Tuy thế con không đổi sắc da.

Vương tử đáp:

88. Trên thảm lá này được trải ra,
Con nằm cô độc ở rừng già,
Sàng tọa quả thật đầy an lạc,
Vì thế con không đổi sắc da.

89. Không đoàn vệ sĩ gác canh phòng,
Bao bọc chung quanh với kiếm trần,
Sàng tọa thật là an lạc quá,
Nên màu da trẻ vẫn tươi hồng.

90. Con chẳng tiếc thương gì quá khứ,
Cũng không than khóc chuyện tương lai,

Con chờ hiện tại đang đi tới,
Nên sắc da con giữ được hoài.

91. Khóc than quá khứ đã qua rồi,
Còn chuyện tương lai bất định thôi,
Việc ấy làm khô sinh lực trẻ,
Như khi người cắt cỏ xanh tươi.[7]

Nhà vua nghĩ thầm: "Thôi để ta tấn phong cho vương nhi rồi đem con về triều với ta." Vì thế, ngài ngâm kệ mời vương tử về chung hưởng ngai vàng:

92. Con hỡi, các bầy tượng, mã, xa,
Bộ binh, kỵ sĩ của hoàng gia,
Lâu đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.

93. Và các hậu cung cha cũng ban,
Với bao vinh hiển, mọi cao sang,
Con là vua ở ngôi duy nhất,
Hãy nắm vương quyền, trị nước an!

94. Mỹ nhân tài giỏi múa, đàn, ca,
Điêu luyện bao cung cách thướt tha,
Ru cõi lòng con vào khoái lạc,
Sao còn thơ thẩn mãi rừng già?

95. Con gái của bao vị địch quân,
Tự hào hầu hạ cạnh con luôn,
Đến khi sinh được nhiều vương tử,
Con hãy làm tu sĩ ẩn thân.

96. Con đầu lòng kế vị cha đây,
Trong tuổi đầu xuân rực rỡ vầy,
Hãy tận hưởng ngai vàng trọn vẹn,
Con làm gì ở thảo am này?

Bồ-tát đáp lại:

97. Không, trẻ muốn từ giã thế gian,
Tránh bao phù phiếm ở phàm trần,
Cuộc đời khổ hạnh con yêu nhất,
Khuyên nhủ như vầy mọi Trí nhân.

98. Không, con trẻ muốn xuất trần gian,
Ẩn sĩ đơn thân ở thảo am,
Con sẽ đi theo đời khổ hạnh,
Con không thiết phú quý, ngai vàng.

---

[7] Hai câu kệ 90-91, xem *S.* I. 5, *Araññasutta* (*Kinh Rừng núi*).

99. Con ngắm bé trai, miệng trẻ thơ,
Vừa kêu bập bẹ "mẹ" cùng "cha",
Lớn lên thành một chàng trai tráng,
Rồi cũng già nua, phải chết mà.

100. Cũng vầy thiếu nữ độ hoa cười,
Vui vẻ, đẹp xinh trước mọi người,
Phút chốc úa tàn vì lưỡi hái,
Tử thần cắt bỏ tựa măng tươi.

101. Mọi người nam nữ dẫu còn xuân,
Phút chốc úa tàn, vậy thế nhân,
Ai đặt lòng tin vào cuộc sống,
Bị lừa phỉnh bởi tuổi xuân hồng.[8]

102. Đêm tàn nhường chỗ ánh bình minh,
Phút chốc cũng thu ngắn lộ trình,
Như cá ở vùng khô cạn nước,
Nghĩa gì tuổi trẻ của nhân sinh?

103. Đời này bị đánh ngã, đau thương,
Luôn bị canh phòng bởi địch quân,
Chúng mãi đi qua đầy ác ý,
Sao còn nói mão miện, ngai vàng?

Vua xứ Kāsi đáp kệ:

104. Ai đánh ngã đời sống thế gian,
Nào ai canh giữ thật hung tàn,
Nào ai ác ý đi qua mãi,
Hãy nói chuyện huyền bí rõ ràng?

Bồ-tát thưa:

105. Thần chết đánh tan thế giới này,
Tuổi già canh giữ cửa ta đây,
Chính đêm tối vẫn trôi qua mãi,
Đạt thành mục đích chóng hay chầy.

106. Như khi bà nọ bên khung cửi,
Ngồi dệt vải trong suốt cả ngày,
Công việc của bà dần ít lại,
Đời ta tàn lụi cũng như vầy.

107. Như thể dòng sông cuồn cuộn trôi,
Vẫn luôn trôi chảy chẳng hề lui,

[8] Hai câu kệ 101-02, tham chiếu: *Xuất diệu kinh* "Vô thường phẩm" 出曜經無常品 (*T*.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Hữu vi phẩm" 法集要頌經有為品 (*T*.04. 0213.1. 0777a02).

Dòng đời thế tục là như vậy,
Cũng cứ luôn đi tới mãi thôi.

108. Như thể dòng sông cuốn thật xa,
Những cây bật gốc ở đôi bờ,
Con người cũng chịu lao đầu tới,
Hủy hoại do thần chết, tuổi già.

Khi nghe lời thuyết giảng của bậc Đại sĩ, vua sinh nhàm chán cuộc sống thế tục chỉ muốn xuất gia liền bảo:

– Ta không muốn trở về kinh thành nữa, ta sẽ sống đời tu hành tại đây, nếu con ta chịu về, ta sẽ truyền trao cho cây lọng trắng này.

Vì thế, vua cố thử mời mọc lần nữa để vương tử trở lại ngai vàng:

109. Con hỡi, các bầy tượng, mã, xa,
Bộ binh, kỵ sĩ của hoàng gia,
Lâu đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.

110. Và các hậu cung, cha cũng ban,
Với bao vinh hiển mọi cao sang,
Con là vua ở ngôi duy nhất,
Hãy nắm vương quyền, trị nước an!

111. Mỹ nhân tài giỏi múa, đàn, ca,
Điêu luyện bao cung cách thướt tha,
Ru cõi lòng con vào khoái lạc,
Sao còn thơ thẩn mãi rừng già?

112. Con gái của bao vị địch quân,
Tự hào hầu hạ cạnh con luôn,
Đến khi sinh được nhiều vương tử,
Con hãy làm tu sĩ ẩn thân.

113. Con đầu lòng kế vị cha đây,
Trong tuổi đầu xuân rực rỡ vầy,
Hãy tận hưởng ngai vàng trọn vẹn,
Con làm gì ở thảo am này?

114. Công khố và kho báu của cha,
Bộ binh, kỵ mã của hoàng gia,
Đền đài cung điện đầy hoan lạc,
Cha sẽ cho con tất cả mà.

115. Nô lệ từng đoàn phụng sự luôn,
Vương phi, mỹ hậu để yêu thương,
Ngai vàng tận hưởng đầy khang kiện,
Sao ở mãi đây chốn thảo đường?

Nhưng bậc Đại sĩ tỏ ra không chút gì ham thích ngai vàng:

116. Sao kiếm giàu sang chẳng vững bền?
Sao mong cầu, vợ cũng quy tiên?
Sao suy nghĩ mãi về xuân sắc?
Thoáng chốc xuân xanh sẽ hết liền,
Còn lại tuổi già hăm dọa đó,
Bao giờ cũng đứng cạnh triền miên.

117. Đâu lạc thú đem đến cuộc đời,
Đẹp giàu, ngự thiện, thú vui chơi,
Thê nhi có nghĩa gì con nữa,
Xiềng xích con nay giải thoát rồi.

118. Điều con biết mọi chốn đi đường,
Số phận luôn canh giữ chẳng ngừng,
Lạc thú sang giàu đâu ích lợi,
Cho người thấy móng vuốt ma thần.[9]

119. Tựa như quả chín phải lìa cành,
Nguy hiểm này đây lẽ rõ rành,
Cũng vậy nguy cơ người gánh chịu,
Có sanh phải tử ấy thường tình.

120. Buổi sáng còn trông thấy nhiều người,
Tối về chẳng gặp, chẳng còn ai,
Những người buổi tối còn trông thấy,
Lại chẳng thấy ai buổi sáng mai.

121. Hôm nay làm việc bạn cần làm,
Ai chắc ngày mai có ánh quang?
Thần chết chính là viên đại tướng,
Không cho ai bảo đảm an toàn.[10]

122. Trộm luôn rình rập lấy kho tàng,
Con đã thoát bao mối buộc ràng,
Cha hãy trở về vương vị cũ,
Con màng gì nữa với giang san!

---

[9] Tham chiếu: *J.* IV. 126, *Dasarathajātaka* (*Chuyện Đại vương Dasaratha*), số §461; *Sn.* 112, *Sallasutta* (*Kinh Mũi tên*); *Pháp cú kinh* "Sanh tử phẩm" 法句經生死品 (*T.*04. 0210.37. 0574a06); *Pháp cú thí dụ kinh* "Sanh tử phẩm" 法句譬喻經生死品 (*T.*04. 0211.37. 0605c18); *Xuất diệu kinh* "Vô thường phẩm" 出曜經無常品 (*T.*04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Hữu vi phẩm" 法集要頌經有為品 (*T.*04. 0213.1. 0777a02).

[10] Xem *M.* III. 187, *Bhaddekarattasutta* (*Kinh Nhất dạ Hiền giả*), số 31; *M.* III. 189, *Ānandabhaddekarattasutta* (*Kinh A-nan Nhất dạ Hiền giả*), số 132; *M.* III. 192, *Mahākaccānabhaddekarattasutta* (*Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhất dạ Hiền giả*), số 133; *M.* III. 199, *Lomasakaṅgiyabhaddekarattasutta* (*Kinh Lomasakaṅgiya Nhất dạ Hiền giả*), số 134.

Khi bậc Đại sĩ chấm dứt bài giảng đầy thực tiễn của ngài, không những chỉ nhà vua và vương hậu nghe theo ngài mà cả mười sáu ngàn cung phi cũng muốn sống đời tu hành. Rồi vua ban lệnh đi khắp kinh thành cùng với tiếng trống vang dậy rằng ai muốn làm ẩn sĩ đều được đi tu với vương tử của ngài.

Vua bảo mở cửa kho báu ra, truyền viết chiếu chỉ trên một chiếc đĩa vàng, dựng trên một cột tre, ban lệnh rằng các bình châu báu của vua sẽ được đem trưng bày ra nhiều nơi và người nào muốn lấy cũng được.

Dân chúng bỏ nhà, mở hết mọi cửa ngõ như mở hội chợ và ra đường vây quanh nhà vua. Vua cùng với dân chúng ấy đều thề nguyền sống khổ hạnh trước bậc Đại sĩ. Am ẩn sĩ được Thiên chủ Sakka cho dựng lên suốt ba do-tuần. Bậc Đại sĩ bước qua các túp lều làm bằng lá cành cây này, chỉ định các lều ở giữa dành cho phụ nữ vì họ bản tánh rụt rè. Còn những lều bên ngoài dành cho phái nam. Vào ngày trai giới, họ đều đứng ở vùng đất ấy, tụ tập lại ăn trái cây do Vissakamma trồng trước đây và họ giữ giới luật tu hành. Bậc Đại sĩ biết rõ tâm người nào đang chìm đắm vào dục tưởng, sân tưởng hay hại tưởng liền ngồi trên không thuyết pháp cho từng người và trong khi nghe pháp, họ nhanh chóng tăng trưởng các thắng trí và các thiền chứng.

Một vị vua láng giềng hay tin vua xứ Kāsi đã trở thành vị khổ hạnh liền quyết định lập vương quốc của mình tại Ba-la-nại. Vì thế, vua ấy vào kinh thành, thấy khắp nơi trang hoàng rực rỡ. Vua bước vào cung chiêm ngưỡng đồ thất bảo và nghĩ thầm chắc phải có chuyện nguy hiểm gì đó quanh ngôi báu này. Vua bảo đi triệu vài kẻ đang say rượu vào và hỏi họ vị vua trước đây rời cung điện bằng cung môn nào.

Họ tâu lên:

– Tâu Đại vương, bằng Đông môn.

Vì thế, vua thân hành ra cổng thành ấy và đi thẳng tới dọc theo bờ sông. Bậc Đại sĩ biết vua ấy đến, bước ra đón vua và ngồi trên không thuyết pháp. Rồi lúc đó vị vua định chiếm nước này lại nguyện xuất gia cùng với hội chúng của mình. Và việc này lại xảy ra một lần nữa cho một vị vua khác.

Như vậy, có cả ba quốc độ không người cai trị, voi ngựa được thả đi lang thang khắp các khu rừng. Xe ngựa gãy tan tành vứt trong rừng, tiền bạc trong các kho báu nhiều như cát bụi, tung vãi quanh vùng am ẩn sĩ. Các cư dân tại đó chứng đắc tám thiền chứng và lúc mạng chung đều được sinh lên Phạm thiên giới. Ngoài ra, ngay cả ngựa, voi có tâm được an tịnh nhờ chiêm ngưỡng các bậc Hiền trí, cuối cùng được tái sinh vào sáu cõi thiên ở dục giới.

***

Khi bậc Đạo sư đã thuyết pháp thoại này xong, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ ngày nay mà ngày xưa kia Ta cũng đã từ bỏ ngai vàng và xuất gia sống đời khổ hạnh.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Nữ thần trong chiếc lọng là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), người lái xe là Sāriputta (Xá-lợi-phất), cha mẹ Ta là đại vương và hoàng hậu, triều đình là hội chúng của Như Lai và Trí giả què câm chính là Ta.

§539. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG MAHĀJANAKA (*Mahājanakajātaka*)[11] (*J*. VI. 30)

Chàng là ai, chiến đấu anh hùng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong khi đang ở tại Jetavana (Kỳ Viên) về đại sự xuất thế cao cả của Ngài.

Một ngày kia, các Tỷ-kheo ngồi tại pháp đường bàn luận về việc xuất thế của đức Như Lai. Bậc Đạo sư đến và nghe vấn đề này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Như Lai thực hành đại sự xuất thế, trước kia Như Lai cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, có một vị vua tên là Mahājanaka trị vì Mithilā trong quốc độ Videha. Ngài có hai con trai là Ariṭṭhajanaka và Polajanaka. Ngài phong thái tử làm vua kế nghiệp và vương tử thứ hai làm đại tướng quân. Sau đó, khi Vua Mahājanaka qua đời, Ariṭṭhajanaka lên ngôi vua và lại phong vương đệ làm vị kế nghiệp.

Một ngày kia, có một nô lệ vào tâu vua rằng vương đệ muốn giết ngài. Nhà vua nghe tâu chuyện đó nhiều lần đâm ra nghi ngờ, ra lệnh cầm tù Polajanaka trong gông cùm và canh giữ chàng kỹ ở một nơi không xa hoàng cung. Vương tử phát nguyện:

– Nếu ta là kẻ thù của anh ta thì cứ cho các xiềng xích và cửa ngõ không ai mở ra được; nếu không thì xin các xiềng xích, cửa ngõ hãy mở ra hết!

Lập tức các xiềng xích đứt ra từng mảnh và cửa ngõ bật tung. Vương tử liền thoát ra, đi đến một làng ở biên địa và sống ở đó.

Dân chúng nhận ra vương tử liền đến hầu hạ chàng, vì thế nhà vua không thể nào ra lệnh bắt chàng được. Dần dà, chàng trở thành người cai trị xóm làng ở vùng biên địa ấy. Với đoàn tùy tùng đông đảo, chàng nghĩ thầm: "Ngày trước ta không phải là kẻ thù của anh ta, nhưng nay ta lại là kẻ thù của anh ta rồi." Thế rồi, chàng trở lại Mithilā với đông đảo người hầu cận đóng quân phía ngoài kinh thành.

[11] Xem *J*. I. 267, *Mahāsīlavajātaka* (*Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại*), số §51; *J*. IV. 269, *Sarabhamigajātaka* (*Chuyện lộc vương Sarabha*), số §483; *J*. IV. 355, *Sādhīnajātaka* (*Chuyện Đại vương Sādhīna*), số §494; *J*. VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547; *Ap*. II. 354, *Todeyyattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Todeyya*).

Dân chúng hay tin vương tử trở về liền đem voi ngựa đến đón chàng, và dân chúng các thành thị khác cũng đến tụ tập quanh vương tử. Sau đó, chàng gửi một thông điệp cho anh của chàng: "Ngày xưa ta không phải là kẻ thù của ngươi, nhưng nay ta chính là kẻ thù của ngươi đó. Hãy trao lại ta cây lọng trắng của vua, không thì ta gây chiến!"

Khi vua sắp ra chiến trường, ngài giã từ chánh hậu:

– Này Ái khanh, không ai biết trước được thắng bại ở sa trường. Nếu ta có mệnh hệ nào, Ái khanh phải bảo vệ vương nhi trong bụng thật cẩn thận.

Rồi ngài ra đi và binh lính của Vương tử Polajanaka đã sớm kết liễu đời ngài trong chiến địa. Tin nhà vua tử trận gây đại hỗn loạn khắp kinh thành. Vương hậu hay tin dữ, vội thu góp tư trang quý giá nhất vào trong một chiếc giỏ, trải khăn và gạo trên mặt, ăn mặc dơ bẩn, cải trang, đội giỏ lên đầu và trốn đi vào lúc nào không ai hay biết.

Bà đi ra cửa Bắc nhưng không biết đường vì bà chưa hề đi đâu cả, lại không biết nhắm hướng địa bàn. Trước kia, bà có nghe nói đến kinh thành Kāḷacampā nên bà ngồi chờ hỏi thăm xem có ai đi đến Kāḷacampā không.

Lúc bấy giờ, hài nhi trong bụng bà không phải đứa trẻ tầm thường mà đó là bậc Đại sĩ tái thế sau khi đã thành tựu các công hạnh viên mãn (Ba-la-mật) nên làm cho Thiên chủ Sakka rúng động vì uy lực của vị ấy. Thiên chủ Sakka xem xét duyên cớ và nghĩ rằng có lẽ một bậc Đại sĩ tài đức đang được cưu mang trong bụng chánh hậu nên ngài phải đi xem sao. Thế là ngài làm phép hiện ra một chiếc xe có phủ trần và đặt một chiếc giường lên rồi đứng đợi trước cửa ngôi nhà vương hậu đang ngồi, giả dạng làm một lão già lái xe ngựa và hỏi có ai muốn đi đến Kāḷacampā không.

– Cha ơi, con muốn đi đến đó!

– Thế thì leo lên mà ngồi, con gái ạ!

– Cha ơi, con có thai gần ngày nên không leo được, con muốn ngồi đằng sau, cho con chỗ để chiếc giỏ này của con thôi!

– Con gái ơi, nói gì vậy? Không ai biết lái xe như lão đâu, đừng sợ, cứ leo lên và ngồi xuống!

Nhờ thần lực của Thiên chủ, mặt đất trồi lên cao đưa bà leo lên đến tận phía sau xe. Khi nằm trên giường, bà đoán biết đây phải là một vị thần. Vừa đặt mình xuống chiếc giường thần, bà liền ngủ ngay. Sau chừng ba mươi do-tuần, Thiên chủ Sakka đến một con sông, đánh thức bà dậy và bảo:

– Con gái ơi, hãy dậy mà tắm sông, đầu giường có một cái áo choàng cứ mặc vào, trong xe có bánh cứ ăn nhé!

Bà làm theo lời Thiên chủ rồi lại lên giường nằm đến chiều tối. Khi đến Kāḷacampā, bà thấy cổng thành, tháp chuông và thành lũy. Bà hỏi thành này tên gì, Thiên chủ đáp:

– Thành Kāḷacampā đó, con gái!

– Cha nói gì thế, từ kinh thành của con đến Kāḷacampā không phải sáu mươi do-tuần đó sao?

– Đúng vậy, con gái, nhưng lão biết đường tắt.

Thế rồi, ngài để bà xuống xe ở cổng Nam.

– Con gái ơi, làng của lão ở đằng kia kìa, con gái cứ vào kinh thành đó.

Nói xong, Thiên chủ Sakka biến đi, trở lại cõi trời. Vương hậu ngồi xuống một thềm nhà bên đường. Lúc bấy giờ, có một Bà-la-môn dạy kinh Vệ-đà ở tại thành Kāḷacampā đang cùng năm trăm đệ tử đi tắm, chợt thấy vương hậu ngồi đó, dáng điệu xinh đẹp và thanh lịch. Và nhờ thần lực của bậc Đại sĩ trong bụng bà nên người này thấy mến yêu bà như đối với một cô em gái liền bảo các đồ đệ đợi bên ngoài, một mình bước lên thềm nhà, hỏi bà:

– Này cô em, cô ở xóm làng nào?

Bà đáp:

– Ta là chánh hậu của Vua Ariṭṭhajanaka ở kinh thành Mithilā.

– Tại sao bà đến đây?

– Đức vua vừa mới bị em ngài giết chết, ta sợ quá phải đến đây để cứu mạng đứa con sắp ra đời.

– Thế bà có họ hàng tại đây không?

– Không ai cả.

– Đừng lo gì cả, ta là một Bà-la-môn miền Bắc thuộc gia đình có thân thế lớn. Ta là một đại sư danh tiếng khắp xa gần. Ta sẽ chăm sóc bà như em gái ta vậy, hãy gọi ta là anh và ôm chân ta mà khóc la to lên nào!

Bà liền khóc lóc thảm thiết, gục dưới chân ông ta và họ an ủi lẫn nhau. Các đệ tử của vị thầy chạy đến hỏi cớ sự ra sao.

– Đây là em gái út của ta, cô ấy sinh ra lúc ta đã đi xa nhà.

– Ồ, Sư phụ đừng buồn, bây giờ Sư phụ đã gặp lại sư muội rồi!

Vị thầy liền bảo đem lại một xe lớn có mui trên, mời bà lên ngồi và đưa về nhà mình, dặn họ bảo bà vợ ông ta rằng đây là em gái mình và phải đón tiếp tử tế. Bà vợ vị Bà-la-môn này đem nước ấm cho bà tắm xong, dọn giường cho bà nằm. Người Bà-la-môn đi tắm về, vào giờ cơm ông cho gọi cô em gái ra cùng ăn và chăm sóc bà chu đáo trong nhà ông.

Chẳng bao lâu bà hạ sinh một con trai, họ đặt tên hài nhi theo tên tổ phụ là Mahājanaka. Khi lớn lên, cậu bé thường chơi đùa với các thiếu niên khác, và khi chúng trêu ghẹo cậu để khoe dòng dõi chính thống quý tộc (Khattiya) của chúng, cậu thường đánh lại chúng bằng sức mạnh siêu đẳng và lòng dũng cảm của mình.

Khi chúng kêu khóc và được hỏi ai đánh chúng, chúng thường trả lời:

– Con bà góa.

Vương tử suy nghĩ: "Chúng cứ gọi ta là con bà góa mãi, ta sẽ hỏi mẹ xem sao."

Một hôm, cậu hỏi mẹ:

– Mẹ ơi, con là con của ai?

Bà nói dối cậu, bảo rằng vị Bà-ba-môn là cha cậu. Khi cậu đánh chúng bạn, chúng lại gọi cậu là con bà góa, cậu trả lời vị Bà-la-môn là cha của cậu, chúng vặn lại:

– Vị Bà-la-môn là gì của bạn?

Cậu suy nghĩ: "Mấy tên này bảo ta: 'Vị Bà-la-môn là gì của bạn?' Mẹ ta không muốn giải thích việc này cho ta, bà không muốn nói thật vì danh dự của bà, thôi ta phải xin bà nói sự thật cho ta rõ."

Thế rồi khi bú sữa mẹ, cậu cắn vú bà và bảo:

– Mẹ hãy cho con biết cha con là ai, nếu không con sẽ cắn đứt vú mẹ đấy!

Bà không thể dối cậu được nữa, đành đáp:

– Con ơi, con là con Vua Ariṭṭhajanaka ở thành Mithilā đó, cha con bị chú Polajanaka giết, mẹ phải đem con đến đây để cứu mạng con. Vị Bà-la-môn này xem mẹ như em gái và săn sóc mẹ chu đáo.

Từ đó, cậu không tức giận khi ai gọi cậu là con bà góa nữa. Trước năm mười sáu tuổi, cậu đã thuộc ba tập kinh Vệ-đà và nhiều môn học khác. Khi đến mười sáu tuổi, cậu rất khôi ngô tuấn tú. Cậu nghĩ thầm: "Ta sẽ chiếm lại ngai vàng của cha ta." Thế rồi, cậu hỏi mẹ:

– Mẹ có tiền không mẹ? Nếu không, con sẽ đi buôn kiếm tiền và giành lại ngai vàng của cha con.

– Con ơi, mẹ đến đây không phải hai tay trắng đâu, mẹ có để dành ngọc ngà, châu báu, kim cương, đủ để chiếm lại ngai vàng. Hãy đem chúng đi giành lại ngôi vua, đừng tính đi buôn nữa!

– Thưa mẹ, hãy cho con một nửa số châu báu đó, con sẽ đi đến Suvaṇṇabhūmi (Xứ Vàng) và làm giàu tại đó, sau đó mới đi lấy lại ngai vàng.

Cậu xin bà một nửa số châu báu và cùng với số vốn liếng đi buôn của cậu, cậu đi theo chiếc tàu buôn và một số thương nhân đi đến Suvaṇṇabhūmi. Cậu từ giã mẹ và nói cho bà biết nơi cậu sắp đến.

– Con ơi, đi biển may ít rủi nhiều, con đừng đi! Con có đủ vàng bạc để chiếm lại ngôi báu mà.

Nhưng cậu nói với mẹ rằng cậu muốn đi nên cậu từ giã bà và lên tàu ra khơi. Cùng ngày ấy, Vua Polajanaka phát trọng bệnh không ngồi dậy được. Còn chiếc tàu buôn chở cả bảy đoàn lữ hành cùng đàn gia súc của họ, trong bảy ngày đi được bảy trăm do-tuần. Nhưng vì quá nặng nề không thể chịu đựng được nữa, ván tàu nứt ra, nước ùa vào mỗi lúc một cao thêm. Tàu bắt

đầu chìm giữa biển cả trong lúc các thủy thủ la khóc thảm thiết và cầu cứu các thần linh.

Riêng bậc Đại sĩ không hề kêu khóc cầu cứu gì cả. Biết rằng con tàu đã tận số, ngài trộn đường với bơ tươi ăn thật no nê rồi bôi dầu vào áo quần sạch, thắt chặt đồ đạc quanh mình cậu và đứng dựa cột buồm. Khi con tàu chìm, chiếc cột buồm vẫn đứng thẳng. Người, vật trên tàu đều làm mồi cho cá và rùa biển. Nước biển nhuộm màu máu cả một vùng.

Nhưng bậc Đại sĩ đứng trên cột buồm, định hướng thành Mithilā rồi bay bổng lên từ đỉnh cột buồm, vận dụng hết sức mạnh băng qua bầy cá, rùa biển ấy và rơi xuống cách con tàu chừng khoảng một trăm bốn mươi *cubit.*[12] Cũng vào ngày đó, Vua Polajanaka từ trần.

Sau đó, bậc Đại sĩ vượt dòng sóng biếc, rẽ sóng như một khối vàng ròng. Một tuần trôi qua như chỉ một ngày. Khi nhận biết "nay là ngày trăng tròn", ngài liền súc miệng bằng nước muối và giữ gìn trai giới. Lúc bấy giờ, tiên nữ Maṇimekhalā (Ngọc Đới) được Bốn Thiên vương cai quản thế gian phong làm thần giữ biển. Các vị ấy bảo nàng:

– Những con người có đạo hạnh như hiếu thảo với mẹ không đáng bị chết chìm dưới biển. Hãy thử tìm và cứu họ!

Nhưng trong bảy ngày liền, nàng không nhìn ra biển và có người cho là tâm trí nàng đã ngẩn ngơ vì ham hưởng lạc thú thiên giới. Có người lại cho là nàng bận đi dự hội ở thiên đình. Tuy thế, đến ngày thứ bảy nàng cũng nhìn ra biển và tự nhủ: "Hôm nay là ngày thứ bảy rồi ta không nhìn ra biển, ai đang tiến tới kia?" Khi thấy bậc Đại sĩ, nàng nghĩ thầm: "Nếu Vương tử Mahājanaka mà chết chìm dưới biển thì ta sẽ không được phép dự hội tại thiên đình."

Vì thế, nàng hóa hình thật lộng lẫy, đứng trên không gần chỗ Bồ-tát và ngâm vần kệ thứ nhất để thử năng lực của ngài:

123. Chàng là ai, chiến đấu anh hùng,
Giữa đại dương xa hẳn đất bằng,
Bạn hữu là ai chàng tín nhiệm,
Đến bên chàng giúp một tay cùng?

Bồ-tát đáp lời:

– Đây là ngày thứ bảy ta ở trên đại dương, ngoài ta ra không có bóng người thứ hai nào cả. Ai đang nói với ta vậy kìa?

Rồi nhìn lên không trung, ngài ngâm vần kệ thứ hai:

124. Biết phận sự ta ở cõi trần,
Khi ta nỗ lực, hỡi thiên thần,
Nơi đây giữa đại dương xa đất,
Ta đấng nam nhi gắng hết lòng.

[12] 140 *cubit* tức khoảng 64m.

Vì muốn nghe pháp lành, nữ thần liền ngâm vần kệ thứ ba:

125. Đây giữa biển sâu, rộng chẳng cùng,
Bến bờ xa tít mắt vời trông,
Sức chàng tận dụng thành mây khói,
Giữa đại dương, chàng gặp tử thần.

Bồ-tát trả lời:

– Tại sao nàng nói như vậy? Nếu ta mất trong lúc ta gắng hết sức mình thì dẫu sao đi nữa ta cũng không bị ai chê trách.

Rồi ngài ngâm kệ:

126. Ai không có nợ với thân nhân,
Không nợ chư thiên lẫn phụ thân,
Phận sự nam nhân đang thực hiện,
Sau này chẳng ân hận trong lòng.

Kế đó, nữ thần ngâm kệ:

127. Chiến đấu như vầy ích lợi sao,
Phí công vô ích được gì nào?
Báo đền không có gì thành đạt,
Chỉ có tử thần, đổi khổ đau.

Thế là Bồ-tát ngâm các vần kệ sau để cho nữ thần thấy nàng nhận xét thiếu sáng suốt:

128. Ai nghĩ không gì để đấu tranh,
Và không chiến đấu hết lòng mình,
Bại vong là lỗi cần chê trách,
Vì chính lòng hèn yếu bất thành.

129. Con người dự định việc trên đời,
Làm việc mình xem tốt tuyệt vời,
Dự định thành công hay thất bại,
Tương lai chỉ rõ cuối cùng thôi.

130. Nữ thần chẳng thấy đó hay chăng,
Chính việc ta nay quyết định phần,
Bao kẻ chết chìm, ta được sống,
Và nàng đang đứng cạnh trên không.

131. Vậy ta chiến đấu hết sức ta,
Qua giữa đại dương thẳng đến bờ,
Trong lúc sức tàn ta vẫn gắng,
Quyết không lùi đến lúc nguy cơ.

Nữ thần nghe những lời lẽ hùng hồn đó liền ngâm vần kệ tán thán ngài:

132. Chàng đang chiến đấu thật hùng cường,
Giữa biển mênh mông thật bạo tàn,
Chẳng thối lui chối từ nhiệm vụ,
Gắng công nơi phận sự chờ chàng,
Hãy đi đến chốn lòng chàng muốn,
Đừng để gian nan cản bước đường!

Sau đó, nữ thần hỏi ngài muốn đưa đi đâu, ngài đáp:

– Tới kinh thành Mithilā.

Nàng liền tung ngài lên không như một tràng hoa rồi ôm ngài vào lòng như đứa con thân yêu và vụt lên giữa không gian. Bồ-tát ngủ suốt bảy ngày, thân thể ướt đẫm nước muối và rúng động vì sự tiếp xúc với thần tiên này. Rồi nữ thần mang ngài đến Mithilā, đặt ngài nằm nghiêng bên hữu trên bệ đá dùng để tế lễ trong một vườn xoài, giao cho các nữ thần trong ngôi vườn phò trợ ngài rồi trở về nơi cũ.

Lúc bấy giờ, Vua Polajanaka không có vương tử, chỉ có một công chúa thông thái và hiền đức tên là Sīvalī. Quần thần hỏi nhà vua khi ngài sắp băng hà:

– Tâu Đại vương, chúng thần sẽ trao ngôi báu cho kẻ nào khi Đại vương từ trần?

Nhà vua bảo:

– Hãy giao lại cho kẻ nào làm đẹp lòng Công chúa Sīvalī, hoặc người nào biết được đâu là phía đầu của chiếc ngự sàng hình vuông, hoặc người nào giương được chiếc cung cần sức mạnh của cả ngàn người, hoặc người nào tìm ra được mười sáu kho báu.

– Tâu Đại vương, xin cho chúng thần biết danh sách mười sáu kho báu ấy.

Nhà vua liền nêu danh sách ấy:

Kho báu phương vầng nhật rạng hồng,
Kho phương vầng nhật lặn, hoàng hôn,
Kho tàng trong, với kho ngoài ấy,
Kho báu không ngoài cũng chẳng trong.

Kho ở nơi lên, xuống tượng vương,
Ở nơi bốn trụ sāla giường,
Ở đầu răng, với ở đầu đuôi ấy,
Và khoảng ách xe ngựa khắp vòng.

Kho nơi cổ thụ ở đầu cành,
Ở Kebuka hồ nước xanh
Mười sáu kho châu báu ngọc quý,
Phải tìm nơi để các kho tàng.

Chiếc cung cần một ngàn nam tử,
Làm đẹp lòng công chúa ngự sàng.

Ngoài các kho báu trên, vua còn nêu danh sách các kho báu khác. Sau khi vua từ trần, các đại thần làm lễ tống táng xong, vào ngày thứ bảy, họ hội họp lại và quyết định:

– Đại vương ban lệnh chúng ta giao ngôi báu cho kẻ nào làm đẹp lòng con gái ngài, nhưng ai là kẻ có khả năng làm vừa ý công chúa đây?

Họ đồng đáp:

– Viên đại tướng là một kẻ được vua sủng ái.

Thế rồi, họ cho triệu vị này đến. Vị này liền đến trước cung môn và báo cho công chúa biết ông ta đã đến chầu. Công chúa hiểu duyên cớ gì ông ta đến và để thử xem ông ta có đủ tài trí xứng đáng với chiếc lọng của hoàng gia không, nàng cho triệu ông ta vào. Nghe lệnh công chúa và ước mong làm đẹp lòng nàng, ông liền chạy lên bệ rồng và đứng cạnh nàng. Muốn thử ông, nàng bảo:

– Chạy ra ngoài sân, nhanh lên!

Ông ta vùng lên chạy, tưởng là công chúa hài lòng lắm. Công chúa lại bảo:

– Đến đây!

Ông ta vội chạy đến. Công chúa thấy ông ta thiếu hẳn tài trí, nàng nói:

– Đến xoa chân ta!

Ông ta liền ngồi xuống xoa chân công chúa cho nàng hài lòng. Thế là, nàng đá vào ngực ông ta té lăn rồi bảo các thị nữ:

– Đánh tên khùng mù quáng ngu ngốc này và lôi cổ nó ra!

Chúng dạ vâng tuân lệnh. Rồi chúng nói với ông:

– Thưa Đại tướng...

Ông ta đáp:

– Thôi đừng nói nữa, nàng ấy không phải là người.

Sau đó, viên quan giữ kho tàng đến, nàng cũng làm nhục ông ta như vậy. Lần lượt các viên quan giữ kho, giữ lọng, giữ kiếm đều bị nàng hạ nhục.

Thế rồi, quần thần quyết định:

– Không kẻ nào làm đẹp lòng công chúa, vậy hãy gả nàng cho kẻ nào giương được cây cung cần sức mạnh của cả ngàn người.

Nhưng không ai giương cung nổi cả. Sau đó, họ bảo:

– Hãy gả nàng cho người nào biết được đâu là đầu của chiếc ngự sàng hình vuông.

Nhưng không một ai biết cả.

– Vậy thì gả nàng cho kẻ nào tìm được mười sáu kho báu.

Nhưng rồi cũng chẳng ai tìm ra. Sau đó, quần thần họp lại bảo nhau:

– Ngôi báu không thể nào không có vua trị, vậy phải làm gì bây giờ?

Lúc đó, vị tế sư của hoàng gia bảo họ:

– Đừng lo, ta phải đem ra một chiếc xe hoa, hễ vị nào được xe hoa rước về thì sẽ có đủ uy lực cai trị cõi Diêm-phù-đề.

Họ chấp thuận, ra lệnh cho cả kinh thành trang hoàng thật lộng lẫy, cho bốn con ngựa màu đỏ tía buộc vào chiếc xe hoa, phủ kín màn vải lên chúng, gắn năm phù hiệu của hoàng gia vào và một đoàn tùy tùng vây quanh bốn phía xe. Bấy giờ, tiếng kèn khua vang dội phía trước xe, chỉ có một người lái xe, ngoài ra không có ai ở trong xe cả. Sau đó, vị tế sư ra lệnh khua chiêng trống ở đằng sau, và sau khi rảy nước trong chiếc bình bằng vàng lên dây cương và roi ngựa, vị này ra lệnh cho xe đi tìm vị vua đủ tài đức cai trị quốc độ.

Chiếc xe hoa oai vệ đi quanh hoàng cung rồi tiến ra đường cái. Vị đại tướng cùng nhiều viên quan trong triều đều tưởng rằng xe đang đi tới phía nhà mình. Nhưng rồi xe cứ đi thẳng ngang qua mọi phố phường trang nghiêm, diễu hành quanh kinh thành, ra khỏi Đông môn và tiến tới ngự viên. Khi ấy xe đi quá nhanh, những người hầu cận bảo xe dừng lại nhưng vị tế sư bảo:

– Đừng dừng lại, cứ để nó đi một trăm do-tuần tùy thích!

Xe tiến vào ngự viên, trịnh trọng đi vòng quanh bệ đá và dừng lại như thể sẵn sàng cho người bước lên. Vị tế sư ngắm bậc Đại sĩ đang nằm đó và bảo các vị đại thần:

– Thưa các ngài, ta thấy có người nằm nơi bệ đá, ta không biết người đó có đủ tài trí xứng đáng với chiếc lọng trắng của hoàng gia không. Nếu vị này là người có phước báu thì sẽ không thèm nhìn ta đâu, nhưng nếu đó là một kẻ hạ tiện thì sẽ giật mình khiếp sợ khi nhìn thấy ta, vậy hãy đánh chiêng trống lên cả nào!

Vì thế họ khua dậy hàng trăm thứ trống kèn chẳng khác nào tiếng gầm thét của biển cả. Bậc Đại sĩ lúc đó thức giấc vì nghe tiếng ồn ào, mở khăn che đầu ra nhìn quanh thấy đám đông rầm rộ. Ngài nghĩ, có lẽ chiếc lọng trắng đã đến tay ngài nên lại che đầu và quay sang nằm phía bên tả. Vị tế sư mở chân ngài ra xem, ngắm các tướng mạo của ngài và bảo:

– Đừng nói một châu thiên hạ mà làm gì, vị này có đủ uy lực cai trị cả bốn châu.

Thế là ông ta ra lệnh đánh chiêng trống lại lần nữa. Bậc Đại sĩ mở khăn trùm mặt ra, quay người sang bên hữu và nhìn đám đông. Vị tế sư trấn an mọi người xong, chắp hai tay lại cúi xuống trước ngài, cung kính nói:

– Xin Đại vương đứng dậy, vương quốc này thuộc quyền ngài rồi.

Bồ-tát trả lời:

– Thế đức vua đâu?

– Vua đã băng hà.

– Ngài không có vương tử, vương đệ gì sao?

– Tâu Đại vương, không.

– Thôi được, thế thì ta nhận ngai vàng.

Rồi ngài đứng dậy, ngồi xếp bằng trên bệ đá. Quần thần làm lễ Quán đảnh phong vương cho ngài tại đó và thế là ngài trở thành Vua Mahājanaka. Rồi ngài bước lên xe về thành với vẻ uy nghi lẫm liệt của bậc đế vương. Ngài vào cung, bước lên ngai vàng, ban chức tước cho các vị đại thần và các quan lại khác.

Lúc bấy giờ, công chúa muốn thử tài của ngài qua cách xử sự đầu tiên liền cho gọi một thị vệ đến bảo:

– Ngươi hãy tâu với Đại vương là Công chúa Sīvalī muốn mời ngài đến lập tức.

Vị vua tài trí này làm như không nghe lời gã, cứ tiếp tục phát họa cung điện:

– Phải thế này mới được!

Biết không thể nào làm nhà vua chú ý tới mình, gã trở lại tâu công chúa:

– Tâu Công chúa, Đại vương nghe Công chúa nói vậy mà cứ tiếp tục phát họa sơ đồ hoàng cung thôi, ngài chẳng quan tâm gì đến Công chúa cả.

Công chúa tự nhủ: "Đây phải là người có tâm hồn cao cả lắm." Và nàng cho một sứ giả thứ hai, rồi thứ ba đến nữa. Sau cùng, vua vào cung với dáng điệu thong dong thư thái, dáng vẻ oai phong như sư tử. Khi ngài đến gần, công chúa không thể nào đứng yên được trước vẻ uy nghi của ngài liền bước lên đưa tay ra cho ngài vịn. Ngài cầm lấy tay nàng đi lên bệ vàng và sau khi ngự trên vương sàng dưới cây lọng trắng, ngài hỏi các đại thần:

– Khi Tiên đế băng hà, ngài có chỉ dạy các ngươi điều gì không?

Họ đáp:

– Vương quốc phải được giao cho kẻ nào có thể làm đẹp lòng Công chúa.

– Thế Công chúa đã đưa tay cho ta vịn khi ta đến gần nàng, như vậy ta đã làm đẹp lòng nàng rồi, còn điều gì khác nữa?

– Tiên đế bảo vương quốc phải được trao lại cho kẻ biết được phía đầu của ngự sàng hình vuông này.

Vua đáp:

– Điều này khó nói thật, nhưng cũng có thể biết được nhờ sáng kiến.

Thế là ngài rút ra một cây kim vàng trên đầu ngài và đưa cho công chúa, bảo:

– Đặt cái này vào cho đúng chỗ.

Nàng cầm lấy kim đặt vào đầu của chiếc ngự sàng. Cũng có chỗ nói rằng chàng đã đưa nàng thanh kiếm. Nhờ dấu hiệu này, ngài biết đâu là phía đầu ngự sàng nhưng cứ vờ làm như ngài không nghe họ nói. Ngài hỏi họ nói gì và khi họ lặp lại câu đó, ngài bảo:

– Biết đầu chiếc ngự sàng cũng không kỳ diệu gì.

Rồi ngài hỏi:

– Còn gì để thử tài nữa.

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, Tiên đế ra lệnh trao ngôi báu cho người nào giương được cây cung cần sức mạnh của cả ngàn người.

Khi họ đem cây cung đến theo lệnh ngài, ngài giương nó lên ngay lúc đang ngồi trên long sàng như thể đó là cái khung xe chỉ của đàn bà.

Ngài bảo:

– Còn gì nữa cứ nói đi!

– Tiên đế ra lệnh trao vương quốc cho kẻ nào tìm ra được mười sáu kho tàng.

– Danh sách đâu?

Các đại thần kể lại danh sách đã nói trên. Trong lúc nghe họ nói, ngài thấy ý nghĩa dần dần sáng tỏ ra như thể trăng hiện lên trên bầu trời.

– Hôm nay chưa phải lúc, để ngày mai ta sẽ đi lấy các kho báu.

Ngày hôm sau, ngài họp quần thần lại và hỏi:

– Tiên đế trước đây có cúng dường các vị Độc Giác Phật không?

Khi nghe họ bảo có, ngài nghĩ thầm: "Mặt trời ở đây không phải là mặt trời thật mà các vị Độc Giác Phật thường được gọi là mặt trời vì hình dáng tương tự như thế. Vậy kho tàng phải ở nơi Tiên đế thường đến gặp các vị này." Rồi ngài bảo họ:

– Khi các vị Độc Giác Phật đến, Tiên đế thường gặp các Ngài ở đâu?

Họ tâu lại nơi này nơi nọ. Ngài ra lệnh đào chỗ đó lên và tìm ra kho tàng.

– Thế khi Tiên đế tiễn các vị Độc Giác Phật ra về, ngài đứng ở đâu để tạ từ?

Họ tâu lại và ngài ra lệnh đào chỗ đó lên. Quần thần reo hò vang dậy tỏ lòng hân hoan, đồng nói:

– Khi nghe nói chỗ mặt trời mọc, dân chúng trước kia đã quanh quẩn đào đất về phía mặt trời mọc thật. Rồi khi nghe phía mặt trời lặn, họ lại đào đất phía đó, nhưng đây mới đúng là kho tàng châu báu, thật là kỳ diệu!

Khi họ bảo:

– Kho tàng bên trong.

Ngài liền cho đào lên kho tàng ở bậc thềm nhà bên trong đại môn của hoàng cung.

– Kho tàng bên ngoài.

Ngài liền cho đào kho tàng ở bên ngoài thềm.

– Không ở trong cũng không ở ngoài.

Ngài cho đào kho tàng ở dưới thềm.

– Ở nơi bước lên.

Ngài cho đào kho tàng ở nơi đặt chiếc thang bằng vàng để nhà vua ngự lên vương tượng.

– Ở nơi bước xuống.

Ngài cho lấy ra kho tàng ở nơi nhà vua ngự xuống từ vương tượng.

– Ở bốn cột trụ lớn bằng gỗ sāla.

Có bốn chân chống lớn dưới vương sàng làm bằng gỗ sāla nơi triều thần phủ phục trên sân chầu, từ đó ngài cho lấy ra bốn bình đầy châu báu.

– Khoảng ách xe ngựa khắp vòng.

Lúc bấy giờ, yojana là ách xe ngựa, thế là ngài cho đào quanh long sàng cỡ bằng một ách xe ngựa, rồi lấy ra các bình châu báu.

– Kho tàng ở đầu răng.

Ở nơi vương tượng đứng, ngài lấy ra hai bình châu báu ngay trước hai ngà voi.

– Ở mút đuôi.

Từ nơi vương mã đứng, ngài lấy ra những bình châu báu nằm chỗ đối diện với cái đuôi của vương mã.

– Trong nước kebuka.

Lúc bấy giờ, nước được gọi là kebuka, thế là ngài cho tát hết nước trong hồ của hoàng cung và lấy lên kho báu.

– Kho báu ở ngọn cây.

Ngài lấy ra các bình báu vật chôn trong khoảng tàng cây sāla che bóng trưa giữa vườn ngự uyển. Như vậy, ngài đã lấy ra đủ mười sáu kho báu và hỏi xem còn nữa không, họ đồng đáp:

– Không còn.

Dân chúng vô cùng hoan hỷ. Nhà vua lại bảo:

– Ta sẽ đem châu báu này ra bố thí.

Thế là ngài bảo dựng lên năm sảnh đường bố thí giữa kinh thành và tại các cung môn rồi ban lệnh đại chẩn tế. Sau đó, ngài truyền đi mời mẹ ngài và vị Bà-la-môn từ Kāḷacampā về tuyên dương, tán thán công đức của hai vị.

Trong những ngày đầu tiên trị nước, Vua Mahājanaka, con trai của Vua Ariṭṭhajanaka, cai trị khắp mọi quốc độ ở Videha. Dân chúng bảo nhau:

– Hoàng đế thật tài đức, chúng ta muốn yết kiến long nhan.

Thế là cả kinh thành xôn xao muốn yết kiến tân vương, đem đến kinh đô đủ lễ vật từ khắp nơi. Họ chuẩn bị đại lễ tại kinh đô, phủ lên hào lũy của hoàng

cung một lớp hồ vữa in dấu tay của họ, treo đầy hương liệu và tràng hoa, tung vãi ngũ cốc rang, hoa, hương trầm mù mịt cả bầu trời và soạn sẵn đủ loại thức ăn nước uống. Khi mang lễ vật vào dâng lên vua, họ đứng vây quanh với đủ loại phẩm vật cứng, mềm, mọi thức uống, trái cây.

Các đại thần ngồi một bên, một bên là các Bà-la-môn, một phía nữa là các thương nhân giàu có, một phía nữa là các vũ nữ xinh đẹp. Các Bà-la-môn danh ca có tài về lễ nhạc, hát vang những khúc hoan ca với hàng trăm nhạc cụ được khua động, vì vậy hoàng cung vang dậy lên âm thanh ầm ĩ như giữa lòng đại dương Yugandhara. Khi vua nhìn quanh mọi nơi, hết thảy đều rúng động.

Bồ-tát ngồi dưới cây lọng trắng, ngắm cảnh huy hoàng rực rỡ chẳng khác nào cung của Thiên chủ Sakka và ngài hồi tưởng những chiến đấu gian nan của ngài trên đại dương: "Dũng cảm là điều chính đáng cần phải biểu dương, nếu ta không biểu lộ lòng dũng cảm trên đại dương thì làm sao ta được huy hoàng như ngày nay?" Một nỗi hoan hỷ khởi lên trong lòng ngài trong lúc hồi tưởng quá khứ, khiến ngài lập tức bật lên lời cảm hứng:

133. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!

134. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.

135. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Muốn gì sẽ trở thành vậy thôi!

136. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi,
Bậc Trí sẽ không nản ở đời,
Vì bản thân ta nhìn thấy rõ,
Vượt từ biển nước ta lên bờ.

137. Bậc Trí nhân dù gặp đau thương,
Cũng không tắt ước vọng an khương,
Nhiều lần trải nghiệm lạc, không lạc,
Khi chẳng suy tầm chịu mạng vong.

138. Có việc ta không nghĩ lại sanh,
Việc ta nghĩ đến thì không thành,
Những người nam, nữ được tài sản,
Chẳng phải do suy nghĩ đắc nhanh.

Sau đó, ngài hoàn thành thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân), cai trị rất đúng pháp và thường cúng dường các vị Độc Giác Phật. Cùng với thời gian này, Hoàng hậu Sīvalī hạ sinh một hoàng nam có đầy đủ các tướng tốt lành và được đặt tên là Dīghāvu (Trường Thọ). Khi hoàng tử lớn lên, nhà vua phong con làm phó vương và đã trị vì đất nước bảy ngàn năm.

Một ngày kia, người giữ vườn ngự uyển đem dâng vua đủ loại hoa quả. Vua rất đẹp ý và muốn làm vinh dự cho gã, ngài bảo gã trang hoàng ngôi vườn ngự uyển rồi ngài sẽ đến viếng. Người giữ vườn vâng lời ngài dạy xong liền tâu vua. Ngài liền ngự trên vương tượng có cận thần theo hầu, đi vào cổng ngự viên.

Bấy giờ, gần đó có hai cây xoài xanh tươi, một cây không trái, còn một cây đầy trái rất ngon ngọt. Trước đây, vua chưa nếm trái nào nên không ai dám hái cả. Ngay khi nhà vua đi ngang qua trên mình voi, ngài hái một trái ăn thử. Lúc quả xoài đụng đầu lưỡi ngài, một mùi hương tuyệt diệu xông lên khiến ngài nghĩ thầm: "Khi trở về, ta sẽ hái thêm nhiều trái nữa." Nhưng khi được biết vua đã nếm trái đầu tiên rồi thì mọi người từ thái tử đến các người quản tượng đều tụ tập lại ăn xoài, còn những người không ăn trái thì lại lấy gậy phá cây, ngắt lá cho đến lúc cây tơi tả, xơ xác, trong lúc cây kia vẫn đứng sững tươi đẹp như một ngọn núi ngọc bích. Khi ra khỏi ngự viên, thấy vậy vua liền hỏi các đại thần. Họ tâu:

– Khi đám người này thấy Hoàng thượng đã "ngự" trái đầu tiên rồi thì họ phá cây.

– Nhưng cây kia không mất một ngọn lá nào.

– Nó không thiệt hại gì vì nó không có quả.

Vua vô cùng xúc động liền nghĩ: "Cây này giữ được màu xanh tươi vì nó không có quả, trong lúc cây bạn nó bị tan tành vì có quả. Vương quốc này cũng như cây có quả kia, còn đời người tu hành chẳng khác nào cây không trái. Chính người có của cải mới sợ hãi, chứ kẻ mình trần thân trụi thì chẳng phải sợ gì. Ta sẽ giống như cây không trái kia, chứ chẳng giống cây có trái nọ. Ta quyết sẽ từ bỏ tất cả cảnh huy hoàng lại, từ bỏ thế gian và trở thành vị khổ hạnh." Quyết định vậy xong, ngài mới vào thành, đứng ở cửa cung, cho mời vị đại tướng vào bảo:

– Này tướng quân, từ hôm nay đừng cho ai yết kiến ta, trừ một thị giả đem cơm cho ta, một thị giả khác đem nước và bàn chải cho ta súc miệng. Còn khanh hãy cùng các chánh phán quan lão thần trong triều lo cai trị nước. Từ nay, ta sẽ sống đời tu sĩ trên tầng thượng của hoàng cung.

Nói xong, ngài đi lên tầng thượng của hoàng cung một mình và sống đời tu sĩ. Thời gian qua, dân chúng tụ tập trong sân chầu mà không yết kiến Bồ-tát được, họ bảo nhau:

– Ngài chẳng giống Đại vương của chúng ta ngày trước.

Rồi họ ngâm kệ:

139. Chúa thượng, Đại vương cõi thế gian,
Đổi thay thật khác trước hoàn toàn,
Hoan ca, ngài chẳng lưu tâm đến,
Vũ nữ, ngài không thiết ngó ngàng.

140. Hươu nai, ngự uyển, đàn thiên nga,
Chẳng quyến rũ, đôi mắt hững hờ,
Tĩnh tọa, ngài thành câm lặng quá,
Để bao việc nước cứ trôi qua.

Họ lại hỏi thị giả và người hầu cận của vua:

– Đại vương có bao giờ nói chuyện với quý vị không?

Họ đáp:

– Không bao giờ cả!

Rồi họ kể lại chuyện đức vua với tâm trí luôn luôn trầm mặc, xa rời mọi dục lạc. Ngài nhớ lại các bậc Hiền hữu của ngài, các vị Độc Giác Phật và tự nhủ: "Ai có thể chỉ cho ta biết nơi an trú của các Hiền nhân đã giải thoát mọi tham ái và đầy đủ mọi công đức này?"

Rồi ngài cảm khái ngâm lớn ba vần kệ:

141. Tránh ngoại cảnh, chuyên chú lạc tâm,
Thoát ràng buộc, sợ hãi phàm trần,
Đâu vườn tiên giới, già cùng trẻ,
Đồng trú bao Hiền thánh, Trí nhân?

142. Bỏ lại đằng sau mọi dục tham,
Ta tôn sùng các Thánh vinh quang,
Giữa đời điên đảo vì cuồng vọng,
Chư vị ly tham, bước tịnh an.

143. Các Ngài phá hết lưới Ma thần,
Cạm bẫy kẻ lừa dối đã giăng,
Thoát mọi buộc ràng thanh thản bước,
Ai đưa ta đến chỗ Ngài chăng?

Ngài sống đời ẩn sĩ tu hành trong cung vua được bốn tháng, cuối cùng ngài quyết tâm từ bỏ đời thế tục. Ngài thấy cung vua chẳng khác nào một tầng địa ngục ở giữa các thế gian và ba cõi sinh hữu (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) đang bốc cháy. Trong tâm trạng ấy, ngài bỗng phát họa cảnh kinh thành Mithilā cùng với ý tưởng: "Bao giờ thì đến lúc ta từ giã kinh thành Mithilā huy hoàng rực rỡ như cung trời Sakka (Đế-thích) này để đi vào dãy Tuyết Sơn khoác áo khổ hạnh?"

144. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Công trình cân đối, chia nhiều cấp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

145. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Công trình rộng lớn, huy hoàng khắp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

146. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi nhiều thành vách, cung môn đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

147. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi đồn lũy, tháp canh bền chắc,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

148. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Phân chia đại lộ thật đều đặn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

149. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Phân chia phố, tiệm, chợ đều đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

150. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Nơi trâu, bò, ngựa, xe đông đúc,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

151. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Có hoa viên thắm, rừng cây quý,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

152. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Có vườn thượng uyển rừng hoa đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

153. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,

Dãy cung điện với rừng xanh mướt,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

154. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời thành phồn thịnh Mithilā,
Tường thành ba lớp, có hoàng tộc,
Được tạo bởi Somanassa,
Vua xứ Videha danh tiếng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

155. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời quê hưng thịnh Videha,
Kho tàng đầy ắp, hộ theo pháp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

156. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời quê hưng thịnh Videha,
Hùng cường vô địch, hộ theo pháp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

157. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
Chia dinh thự khéo, đo cân đối,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

158. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
Tường tô đất sét, vôi màu trắng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

159. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời hoàng cung lộng lẫy, nguy nga,
Mùi hương tinh khiết bay thoang thoảng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

160. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các mái tháp gần xa,
Chia từng phần khéo, đo cân đối,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

161. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các mái tháp gần xa,
Tường tô đất sét, vôi màu trắng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

162. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các mái tháp gần xa,

Mùi hương tinh khiết bay thoang thoảng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

163. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các mái tháp gần xa,
Chiên-đàn tẩm ướp, hương thoang thoảng,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

164. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời long sàng quý dát bằng vàng,
Phía trên trải thảm lông dài mịn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

165. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời long sàng khảm ma-ni sang,
Phía trên trải thảm lông dài mịn,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

166. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời y bông vải, lanh Khoma,
Gấm Kodumba cùng tơ lụa,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

167. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Rời hồ nước mát xinh xinh kia,
Thiên nga hồng lượn kêu nhau suốt,
Hồ phủ đầy sen súng như vầy,
Nổi bật sen hồng, hoa súng biếc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

168-69. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ vương tượng cả binh đoàn,
Có đai, cương ánh vàng, trang sức,
Điều tượng sư trên thân tọa an,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

170-71. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ ngựa chiến cả binh đàn,
Giống thuần Sindh hiếm, phi nhanh lẹ,
Tô điểm rất nhiều món phục trang,
Điều mã sư mang cung với kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

172-73. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ xa chiến cả binh đoàn,

Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

174-75. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ, rời hẳn các kim xa,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

176-77. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ xa bạc ánh cao sang,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

178-79. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc mã xa kia,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

180-81. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc lạc đà xa,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

182-83. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ hẳn những chiếc ngưu xa,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

184-85. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc xe dê kia,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

186-87. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc xe cừu kia,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

188-89. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những chiếc xe nai kia,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

190. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ điều tượng sư hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

191. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ điều mã sư hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay kia giữ kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

192. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ viên quản xa hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

193. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những xạ thủ hùng anh,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

194. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ những hoàng tử hùng anh,
Họ mang áo giáp nhiều màu đẹp,
Tô điểm trên mình các phục trang,

Đầu đội vòng hoa vàng óng ánh,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

195. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các giáo sĩ thanh cao,
Chuyên lo các lễ nghi tôn giáo,
Phục sức, tẩm chiên-đàn loại vàng,
Mặc vải Kāsi chất lượng nhất.
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

196. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ các đại thần, thân quan,
Họ đi phía trước, rất anh dũng,
Tô điểm trên mình áo giáp vàng,
Lại có mang thêm trang sức quý,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

197. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
Điểm tô đủ mọi trang sức đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

198. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
Đảm đang, hiểu biết, vòng eo nhỏ,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

199. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ phi, hậu, bảy trăm bà,
Ân cần, niềm nở, lời hiền diệu,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

200. Biết đến bao giờ ta xuất gia,
Giã từ bát nặng trăm pala,
Làm bằng vàng, khắc trăm hình ảnh,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

201-02. Biết đến khi nào ta tiến ra,
Cả đoàn binh tượng không theo ta,
Có đai, cương ánh vàng, trang sức,
Điều tượng sư trên thân tọa an,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

203-04. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Cả đoàn ngựa chiến không theo ta,

Giống thuần Sindh hiếm, phi nhanh lẹ,
Tô điểm rất nhiều món phục trang,
Điều mã sư mang cung với kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

205-06. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Cả đoàn xa chiến không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

207-08. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn kim xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

209-10. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Cả đoàn xa bạc không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

211-12. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn xa mã cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

213-14. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Lạc đà xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

215-16. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn ngưu xa cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

217-18. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn xe dê cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

219-20. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn xe cừu cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

221-22. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đoàn xe nai cũng không theo ta,
Có giăng cờ hiệu, điểm tô đẹp,
Trang bị, da beo hổ trải sàng,
Viên quản xa mang cung, áo giáp,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

223. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Các viên điều tượng không theo ta,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Tay giữ thương, tay kia giữ móc,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

224. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Các viên điều mã không theo ta,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay kia giữ kiếm,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

225. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Quản xa sư cũng không theo ta,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

226. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Những người xạ thủ không theo ta,
Họ mang áo giáp xanh oai vệ,
Tô điểm trên mình các phục trang,

Tay giữ cung, tay tên một bó,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

227. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Những hoàng tử cũng không theo ta,
Họ mang áo giáp nhiều màu đẹp,
Tô điểm trên mình các phục trang,
Đầu đội vòng hoa vàng óng ánh,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

228. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Mà đoàn giáo sĩ không theo ta,
Họ chuyên các lễ nghi tôn giáo,
Phục sức, tẩm chiên-đàn loại vàng,
Mặc vải Kāsi chất lượng nhất.
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

229. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Đại thần thân cận không theo ta,
Họ đi phía trước, rất anh dũng,
Tô điểm trên mình áo giáp vàng,
Lại có mang thêm trang sức quý,
Ôi, khi nào thỏa nguyện cho ta?

230. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ mang đủ mọi trang sức đẹp,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

231. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ nhiều hiểu biết, vòng eo nhỏ,
Ôi, đến khi nào thỏa nguyện ta?

232. Biết đến bao giờ ta tiến ra,
Bảy trăm phi, hậu không theo ta,
Họ luôn niềm nở, lời hiền diệu,
Ôi, biết khi nào thỏa nguyện ta?

233. Biết đến bao giờ có bát rồi,
Đầu ta đã cạo, đắp y đôi,
Ta đi khất thực ở nhiều chỗ,
Biết đến bao giờ thỏa nguyện, ôi!

234. Bao giờ sẽ có y đôi thường,
Từ các mảnh vải bẩn bên đường,

Làm y phấn tảo ta dùng mặc,
Ôi, biết khi nào thỏa ước mong?

235. Bao giờ sẽ có trận mưa dai,
Mưa đổ suốt trong cả bảy ngày,
Ta khất thực mang y ẩm ướt,
Ôi, khi nào có việc như này?

236. Khi nào ta sẽ đi muôn phương,
Qua các cội cây, các cánh rừng,
Trong dạ không còn những ước vọng,
Ôi, điều này sẽ xảy ra bao giờ?

237. Biết đến bao giờ ta độc hành,
Qua đồi núi hiểm trở, loanh quanh,
Không còn nỗi hãi kinh, lo lắng,
Ôi, biết khi nào việc trở thành?

238. Biết lúc nào tu trực hạnh tâm,
Như người nghệ sĩ thất huyền cầm,
Đàn hòa tuyệt dịu nghe thanh thoát,
Ôi, biết khi nào việc trở thành?

239. Đoạn lúc nào thì kiết sử rời,
Chính dây dục trói cõi người, trời,
Giống như thợ mộc thật nhuần nhuyễn,
Gọt láng sạch quanh guốc gỗ rồi?

Lúc bấy giờ, ngài sinh vào thời kỳ con người thọ đến một muôn tuổi. Vì vậy, sau khi trị nước bảy ngàn năm, ngài làm ẩn sĩ, ngài còn ba ngàn năm nữa và lúc bắt đầu sống đời khổ hạnh, ngài vẫn còn ở hoàng cung bốn tháng kể từ ngày thấy cây xoài nhưng rồi ngài tự nhủ ở am ẩn sĩ tốt hơn ở hoàng cung.

Thế là ngài bí mật bảo người hầu cận tìm cho ngài vài chiếc y vàng và một bình bát bằng đất bán ở chợ. Ngài cho mời người thợ hớt tóc vào cạo bỏ râu tóc ngài, mặc một y vàng bên trong, một y vàng bên ngoài, đắp một y nữa lên vai. Rồi cầm chiếc gậy, ngài đi lui đi tới nhiều lần trên gác hoàng cung với những bước chân ngất ngưởng của một vị Độc Giác Phật. Ngày hôm ấy ngài còn ở đấy, nhưng sáng sớm hôm sau, ngài bắt đầu đi xuống.

Hoàng hậu Sīvalī cho gọi bảy trăm cung nữ được sủng ái vào bảo:

– Đã lâu lắm rồi, cả bốn tháng tròn kể từ khi chúng ta gặp Thánh thượng lần cuối, hôm nay chúng ta sẽ giáp được mặt rồng. Vậy các nàng hãy trang điểm cho mình thật đẹp, làm sao cố mê hoặc Thánh thượng để ngài tham đắm dục lạc không thoát ra nổi!

Được các cung nữ trang sức lộng lẫy hộ tống, hoàng hậu bước lên hoàng cung để yết kiến vua. Nhưng dù thấy ngài đi xuống, bà không nhận ra ngài, cứ

tưởng đó là một vị Độc Giác Phật đến giáo hóa vua. Bà đảnh lễ và đứng qua một bên, rồi Bồ-tát bước xuống khỏi hoàng cung. Nhưng hoàng hậu khi lên lầu ngắm các lọn tóc của vua màu ong nghệ rớt trên long sàng cùng các vật dụng tắm rửa của ngài liền thét lên:

– Đó không phải vị Độc Giác Phật đâu, có lẽ đó là Thánh thượng tôn quý của ta rồi. Thôi ta phải van xin ngài trở lại!

Thế là từ gác hoàng cung đi xuống sân rồng, hoàng hậu cùng các cung phi xõa tóc rũ rượi trên lưng, đấm ngực đi theo nhà vua than khóc thảm thiết:

– Ôi, Đại vương, sao ngài nỡ làm vậy?

Cả kinh thành náo động lên, dân chúng ùa theo đức vua khóc lóc:

– Thánh thượng đã làm ẩn sĩ rồi, ta còn tìm đâu ra một vị anh quân như vậy nữa?

Lúc ấy, bậc Đạo sư tả cảnh các cung phi khóc lóc và nhà vua cứ bỏ mặc họ mà đi, đã ngâm kệ này:

240. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Tô điểm trên người mọi phục trang,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
"Sao ngài nỡ bỏ thiếp lên đàng?"

241. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Họ có eo thon, rất đảm đang,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
"Sao ngài nỡ bỏ thiếp lên đàng?"

242. Bảy trăm nàng hậu với phi tần,
Niềm nở, ân cần, lời dịu ngoan,
Tay hướng lên cao, than khóc lớn:
"Sao ngài nỡ bỏ thiếp lên đàng?

243. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Tô điểm trên người mọi phục trang,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cắt ái, ly gia.

244. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Họ có eo thon, rất đảm đang,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cắt ái, ly gia.

245. Giã từ phi, hậu, bảy trăm nàng,
Niềm nở, ân cần, lời dịu ngoan,
Đại đế lên đường rời chỗ ấy,
Ngài luôn trọng cắt ái, ly gia.

246. Giã từ chén rượu lễ đăng quang,
Dấu xưa vương giả cảnh huy hoàng,
Hôm nay ngài lấy bình bằng đất,
Sự nghiệp mới đang phải khởi đường.[13]

Hoàng hậu Sīvalī thấy khóc than không thể cản bước vua được liền nghĩ một cách khác. Bà cho triệu viên đại tướng quân đến, ra lệnh đốt lửa trước mặt vua, giữa những căn nhà hoang phế nằm trên hướng vua đi tới, chất cao cỏ rác thành từng đống, khói tỏa mịt mù khắp nơi. Vị này tuân lệnh. Rồi bà chạy đến bên chân vua, quỳ xuống dưới chân ngài, tâu rằng kinh thành Mithilā đang bốc cháy qua hai vần kệ này:

247. Thật là khủng khiếp, lửa hoành hành,
Kho báu, kho hàng cháy thật nhanh,
Vàng, bạc, ngọc, sò lần lượt cháy,
Thảy đều tiêu hủy đến tan tành.

248. Xiêm y lộng lẫy, ngà, da, đồng,
Tất cả gặp chung phận phũ phàng,
Tâu Chúa thượng, xin mau trở lại,
Cứu tài sản trước lúc tiêu vong!

Bồ-tát trả lời:

– Ô hay, Hoàng hậu nói gì vậy? Kẻ nào có của cải mới lo bị đốt cháy, chứ ta có gì đâu?

249. Ta chẳng có đâu của cải gì,
Sống không lo lắng hoặc sầu bi,
Mithilā có nguy cơ cháy,
Ta cũng chẳng còn cháy vật chi![14]

Nói xong, ngài đi ra phía Bắc môn, các cung phi cũng theo sau. Hoàng hậu Sīvalī ra lệnh bảo họ chỉ cho ngài xem các làng mạc bị tàn phá, đất bị bỏ hoang và họ lại chỉ cho ngài thấy nhiều người mang khí giới chạy đi cướp bóc khắp nơi, trong khi một số người khác được phết sơn đỏ lên người và khiêng đi trên các tấm ván như thể bị thương hay đã chết rồi. Dân chúng la hét lên:

– Tâu Đại vương, trong khi ngài gìn giữ giang sơn, chúng phá phách giết hại đồng bào như vậy đó.

Thế là hoàng hậu ngâm vần kệ van xin vua trở về:

---

[13] Xem *Thag*. v. 97, 892.

[14] Tham chiếu: *Dh*. v. 200; *S*. I. 113, *Piṇḍasutta* (*Kinh Khất thực*); *Pháp cú kinh* "An ninh phẩm" 法句經安寧品 (*T*.04. 0210.23. 0567b17); *Pháp cú thí dụ kinh* "An ninh phẩm" 法句譬喻經安寧品 (*T*.04. 0211.23. 0594c07); *Xuất diệu kinh* "Lạc phẩm" 出曜經樂品 (*T*.04. 0212.31. 0753a10); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Lạc phẩm" 法集要頌經樂品 (*T*.04. 0213.30. 0794a16).

250. Bọn giữ rừng đang bỏ đất hoang,
Xin ngài về cứu độ toàn dân,
Giang sơn đừng để ngài không trị,
Đành sụp đổ vô vọng nát tan.

Nhà vua suy nghĩ: "Khi ta đang cai trị, không có cướp bóc nào nổi lên phá hoại đất nước cả, chắc đây là trò bịa đặt của Hoàng hậu Sīvalī." Vì vậy, ngài ngâm các vần kệ này như thể ngài không biết bà nói gì:

251. Ta chẳng có đâu của cải gì,
Sống không lo lắng hoặc sầu bi,
Giang sơn có thể nằm hoang vắng,
Nhưng chính ta không thiệt hại chi.

252. Chúng ta không có của gì riêng,
Sống chẳng lo âu, chẳng muộn phiền,
Thọ hưởng niềm vui trong cực lạc,
Khác gì một vị Quang Âm thiên.

Dù ngài nói vậy, dân chúng vẫn đi theo ngài, ngài tự nhủ: "Họ không muốn trở về, vậy ta phải buộc họ trở về." Rồi khi ngài đi được chừng nửa dặm, ngài quay lui hỏi vị đại thần:

– Đất nước này của ai đây?

– Tâu Đại vương, đất nước của Đại vương.

– Vậy thì hãy trừng phạt kẻ nào vượt khỏi ranh giới này.

Nói xong, ngài vạch một lằn ranh bằng cây gậy của ngài. Không một kẻ nào dám vi phạm ranh giới này cho nên dân chúng đứng sau lằn ranh la khóc ầm ĩ. Hoàng hậu cũng không thể vượt lằn ranh, chỉ biết nhìn theo nhà vua đang đi xa dần, quay lưng về phía bà. Rồi bà không ngăn được sầu khổ, đấm ngực khóc lóc, ngã xuống, cố vượt qua khỏi lằn ranh. Dân chúng la to:

– Quân canh giữ đã phá lằn ranh rồi.

Thế là họ theo gương hoàng hậu bước qua.

Bậc Đại sĩ đi về phía bắc dãy Himavanta (Tuyết Sơn), hoàng hậu cũng đi theo ngài, kéo theo cả binh sĩ cùng đàn voi ngựa để cưỡi. Vua không ngăn chặn họ được nên cứ tiếp tục cuộc hành trình chừng sáu mươi do-tuần nữa.

Lúc bấy giờ, có một ẩn sĩ tên gọi Nārada ở trong Kim động thuộc dãy Himavanta đã chứng được năm thắng trí. Sau bảy ngày nhập định, vị ấy xuất thiền và đắc thắng reo lên:

– Ôi, cực lạc! Ôi, cực lạc!

Rồi trong khi vị ấy dùng thiên nhãn nhìn xem có ai trong cõi Diêm-phù-đề này đang đi tìm cực lạc như vậy không, chợt vị ấy thấy Bồ-tát Mahājanaka. Vị ấy nghĩ: "Ông vua này đã làm đại sự xuất thế nhưng lại không ngăn được đám

đông dân chúng do Hoàng hậu Sīvalī dẫn đường, họ có thể gây cản trở cho ngài. Vậy ta phải khích lệ sao cho nhà vua giữ chí nguyện vững vàng hơn nữa."

Rồi vị ấy dùng thần lực đứng trên không trước mặt vua ngâm kệ để giúp tăng cường quyết tâm của ngài:

253. Do đâu huyên náo ở đằng kia,
Như thể là đình đám hội hè,
Sao đám đông này đang tụ tập,
Xin ngài ẩn sĩ nói cho nghe?

Vua liền đáp:

254. Ta đã vượt ranh giới, xuất gia,
Cho nên dân chúng đến đây mà,
Ta xa đời với lòng an lạc,
Người đã biết rồi, sao hỏi ta?

Vị ẩn sĩ ngâm vần kệ để xác nhận ý chí của vua:

255. Đừng nghĩ rằng ngài đã vượt ranh,
Vẫn còn dao động ở trong mình,
Vẫn còn chướng ngại ngay đằng trước,
Chiến thắng ngài chưa thể đạt thành.

Bậc Đại sĩ lớn tiếng tuyên bố:

256. Không dục lạc dầu thuộc loại nào,
Làm sờn ý chí vững bền đâu,
Cừu nhân nào cản đường ta được,
Trong lúc ta đang tới đích mau?

Sau đó, ẩn sĩ ngâm vần kệ nêu rõ các chướng ngại:

257. Hôn trầm, phóng dật theo tham dục,
Mê đắm, tâm bất mãn, hận sân,
Thân đón bọn này như khách quý,
Tất nhiều chướng ngại phải đa mang.

Bậc Đại sĩ liền khen ngợi vị ấy qua vần kệ:

258. Đạo sĩ, lời khuyên đáng bậc Hiền,
Cám ơn người đã nói lời trên,
Trả lời ta hỏi như người muốn,
Xin nói là ai đó, họ tên?

Ẩn sĩ đáp:

259. Ta đây danh hiệu Nārada,
Từ chốn ẩn cư tiên giới, ta
Vừa đến nói điều này với bạn,
Kết giao bậc Trí tối ưu mà.

260. Thực hành bốn pháp tối cao thay,
Tìm cực lạc trong Thánh đạo này,
Dù thiếu thứ gì ngài cũng mặc,
Sống bằng nhẫn nhục, tịnh an đây.

261. Ngã tưởng dù là thấp hoặc cao,
Đều không xứng với bậc Hiền đâu,
Hãy xem giới luật và tri kiến,
Pháp bảo hộ cho cuộc Thánh cầu.

Rồi Nārada bay về cõi an trú của mình. Sau đó, một ẩn sĩ khác tên Migājina vừa mới xuất thiền định, đang chiêm ngưỡng bậc Đại sĩ và quyết định khuyến khích ngài bảo dân chúng ra về nên vị này hiện ra trên không trước mặt ngài và ngâm các vần kệ sau:

262. Các đàn ngựa, voi, các cỗ xe,
Thần dân thành thị lẫn thôn quê,
Mahājanaka đã lìa xa chúng,
Bình bát đất làm ngài thỏa thuê.

263. Hãy nói, phải chăng các đại thần,
Chư hầu, quyến thuộc hoặc thân bằng,
Làm ngài thương tổn vì lừa phản,
Ngài chọn đây làm chỗ trú chân?

Bậc Đại sĩ đáp:

264. Hiền nhân, không thể có khi nào,
Bất cứ nơi nào, hoặc cớ sao,
Ta đã làm sai cho quyến thuộc,
Hoặc là họ khiến ta buồn đau.

Sau khi bác lại câu hỏi như vậy, giờ ngài nói vần kệ này để chỉ rõ nguyên nhân đi tu:

265. Thấy đời bị nghiền nát đau thương,
Tăm tối vì ô nhiễm, bụi bùn,
Thấy nạn nhân gông xiềng, giết chết,
Người đời dính mắc dục phàm trần,
Lấy đây ví dụ cho mình vậy,
Khất sĩ từ đây khởi bước đường.

Vị khổ hạnh muốn nghe thêm nữa liền hỏi ngài:

266. Không ai muốn khổ hạnh lang thang,
Nếu chẳng Đạo sư chỉ lối đường,
Dù cách thực hành hay lý thuyết,
Ai là sư phụ nói cho tường?

Bậc Đại sĩ đáp:

267. Hiền giả, chưa hề trước đến giờ,
Ta nghe lời nói động tâm ta,
Từ môi đạo sĩ hay du sĩ,
Khuyên bảo ta làm khổ hạnh gia.

Bậc Đại sĩ nói cho vị ấy đầy đủ chi tiết lý do ngài xuất thế:

268. Ta đã nhàn du chốn ngự viên,
Một ngày mùa hạ đại trang nghiêm,
Với bao ca khúc và đàn địch,
Tràn ngập không gian khắp mọi miền.

269. Nơi kia ta thấy một cây xoài,
Đứng cạnh bức tường gốc rễ phơi,
Vì bọn phàm nhân tìm hái trái,
Toàn thân xơ xác, lá tơi bời.

270. Giật mình rời cảnh tượng oai hùng,
Dừng bước ngắm cây, mắt lạ lùng,
So sánh cây xoài này có trái,
Với cây không trái mọc kề gần.

271. Cây có trái kia đứng lụi tàn,
Mọi cành trơ trụi lá tan hoang,
Cây không trái đứng xanh, cường tráng,
Tán lá vẫy trong gió nhẹ nhàng.

272. Cây đầy trái cũng giống như vua,
Lắm địch thủ mong giết hại ta,
Và cướp của ta bao trái ngọt,
Trong thời gian ngắn phô bày ra.

273. Voi bị giết vì chính bộ ngà,
Cọp beo bị giết bởi vì da,
Bơ vơ, không cửa nhà, bằng hữu,
Người đại phú sau rốt hiểu ra:
Tài sản chính là tai họa lớn,
Hai cây xoài ấy chính thầy ta,
Từ hai cây ấy ta tìm được
Bài học dạy ta sống xuất gia.

Ẩn sĩ Migājina nghe vua nói như vậy liền khuyên nhủ ngài nên nhất tâm rồi trở về nơi trú của mình. Khi ẩn sĩ đi rồi, Hoàng hậu Sīvalī liền quỳ xuống chân vua và tâu:

274. Ở trên vương tượng hoặc vương xa,
Kỵ mã, bộ binh khắp mọi nhà,

Tất cả thần dân đều khóc lớn:
"Đại vương đã xuất thế ly gia!"

275. Xin trấn an lòng chúng trĩu buồn,
Hoàng nhi, ngài hãy đợi phong vương,
Rồi xa trần thế như ngài muốn,
Khổ hạnh đơn thân tiến bước đường.

Bồ-tát đáp:

276. Ta bỏ đằng sau những cận thần,
Thân bằng, quyến thuộc khắp non sông,
Nhưng còn vương tộc Vi-đề ấy,
Huấn luyện Dīghāvu trị dân,
Hoàng hậu Mithilā chớ sợ,
Quần thần sẽ hỗ trợ kề gần!

Hoàng hậu kêu lên:

– Tâu Đại vương, Đại vương đã làm ẩn sĩ, vậy thần thiếp phải làm gì bây giờ?

Nhà vua liền bảo:

– Ta khuyên Hoàng hậu thế này, hãy gắng thực hiện lời ta!

Rồi ngài nói với bà như sau:

277-78. Nếu dạy hoàng nhi lúc trị dân,
Sai lầm trong ý tưởng, lời, thân,
Sau nàng sẽ gặp nhiều đau khổ,
Vận mạng này đây đã định phần.
Vật bố thí dành cho khất sĩ,
Bậc Hiền bảo đấy chúng ta cần.

Ngài khuyên nhủ hoàng hậu như thế xong rồi cùng đàm đạo với bà trên đường đi cho đến khi mặt trời lặn. Hoàng hậu cho cắm trại vào một nơi thích hợp, còn nhà vua đến một gốc cây ngủ qua đêm. Ngày hôm sau, khi tắm rửa xong, ngài lại tiếp tục ra đi. Hoàng hậu ra lệnh cho binh lính phải đi theo và bà cũng đi theo ngài.

Vào giờ khất thực, họ đến kinh thành Thūṇa. Lúc đó, có một người đàn ông mua một miếng thịt lớn ở hàng thịt xong, đem nướng chín trên vĩ và đặt trên một tấm thớt chờ nguội. Nhưng trong khi gã bận rộn làm việc khác thì một con chó đến tha thịt đi mất. Người ấy đuổi theo đến cửa Nam kinh thành nhưng vì mệt quá phải dừng lại.

Vua và hoàng hậu đang đi đến trước mặt con chó, nó hoảng sợ khi thấy hai vị nên làm rơi miếng thịt và chạy mất. Bậc Đại sĩ thấy vậy liền nghĩ: "Nó đã làm rớt miếng thịt và chạy trốn, không màng đến thịt nữa mà chủ nhân thì không biết là ai, thật không có của bố thí nào tốt hơn cái này, ta phải ăn mới được."

Thế rồi ngài lấy bình bát đất ra, cầm miếng thịt lên phủi bụi dơ đặt vào bình bát, tìm một nơi dễ chịu mát mẻ có nước chảy rồi ăn thịt.

Hoàng hậu nghĩ thầm: "Nếu đức vua xứng đáng ngồi trên ngai vàng thì ngài đã không ăn vật thừa đầy bụi bặm của chó, thật bây giờ ngài không còn là quân vương của ta nữa." Rồi bà nói to:

– Đại vương ôi! Ngài ăn miếng thịt ghê tởm như vậy sao?

– Ấy chính sự ngu dại mù quáng của nàng làm cho nàng không thấy được giá trị đặc biệt của vật bố thí này.

Rồi ngài thận trọng quan sát chỗ miếng thịt đã rơi xuống và ăn thịt ngon lành như thể cao lương mỹ vị của thần tiên xong rửa miệng và tay chân.

Lúc ấy, hoàng hậu nói giọng khiển trách ngài:

279. Tứ thời ăn cứ đến xoay vần,
Nếu nhịn ăn, người phải bỏ thân,
Tuy thế một người dòng quý tộc,
Sẽ không nếm vật bẩn kinh hồn.

Ngài đã làm đây việc trái sai,
Đại vương ôi, đáng thẹn cho ngài,
Lấy ăn đồ vật thừa từ chó,
Việc bất xứng kia đã phạm rồi.

Bậc Đại sĩ đáp:

280. Vật thừa từ chó hoặc từ người,
Ta chắc chẳng là của cấm ai,
Nếu được vật kia theo đúng pháp,
Thức ăn hợp lý, sạch mà thôi.

Đang lúc nói chuyện, vua và hoàng hậu đi đến cổng thành. Trẻ con đang chơi đùa ở đó, một cô bé đang sảy cát trong một cái sàn sảy thóc nhỏ. Trên tay cô bé có một chiếc vòng không gây tiếng động nào, còn tay kia có hai chiếc vòng kêu reng reng. Nhà vua thấy vậy nghĩ thầm: "Sīvalī cứ đi theo ta mãi, kẻ khổ hạnh còn có vợ thật là tai hại, người đời sẽ chê trách ta và bảo rằng ngay cả khi ta đã xa lìa thế tục mà ta lại không xa vợ được. Vậy nếu cô gái này khôn ngoan, cô bé có thể nói cho Sīvalī hiểu tại sao nàng phải quay về và xa lìa ta cho rồi. Ta sẽ nghe chuyện cô bé này và bảo Sīvalī phải đi ngay." Rồi ngài bảo:

281. Cô bé nép mình dưới mẹ hiền,
Với vòng nho nhỏ ấy đeo trên,
Vì sao chỉ một tay rung nhạc,
Trong lúc tay kia mãi lặng yên?

Cô bé đáp:

282. Hai vòng đeo ở cánh tay tôi,
Chẳng phải một vòng, khất sĩ ôi!

Vì xúc phạm nhau gây tiếng động,
Việc này do chính chiếc vòng đôi.

283. Nhưng chú ý xem tay phía này,
Chiếc vòng độc nhất nó đeo vậy
Đứng yên tại chỗ không lên tiếng,
Im lặng chỉ vì chẳng có hai.

284. Chính chiếc vòng đôi tạo tiếng ồn,
Một vòng độc nhất ấy thì không,
Ngài tìm hạnh phúc nên đơn độc,
Hạnh phúc chỉ người sống độc thân.

Nghe lời cô gái, ngài hiểu ý và bảo hoàng hậu:

285. Hãy nghe lời nói của cô này,
Cô gái làm ta hổ thẹn đầy,
Ví thử nghe lời nàng thỉnh nguyện,
Lỗi lầm chính kẻ thứ hai gây.

286-87. Đây hai đường, chọn một cho nàng,
Còn lối kia, ta chọn chính ta,
Đừng gọi ta là chồng vậy nữa,
Nàng không còn vợ, hãy chia xa!

Hoàng hậu nghe ngài nói thế liền xin ngài đi rẽ về phía tay phải tốt hơn, còn bà đi về phía trái. Nhưng chỉ đi được một đoạn, bà không ngăn chặn được sầu khổ liền trở lại với ngài và cùng ngài đi vào thành.

***

Bậc Đạo sư giải thích chuyện này và nói như sau:

Cùng với những lời này trên môi,
Hai vị đi vào thành Thūṇa.

Sau khi đã vào thành, Bồ-tát tiếp tục đi khất thực, đến cửa nhà một người làm cung tên, trong khi đó hoàng hậu đứng một bên. Bấy giờ, người thợ đang nung đỏ mũi tên trên một lò than rồi nhúng ướt tên đó trong một ít bột hồ chua, nheo một mắt lại, còn mắt kia nhắm mũi tên cho thẳng. Bồ-tát nghĩ: "Nếu người này khôn ngoan thì có thể giải thích cho ta rõ chuyện này. Để ta hỏi gã thử xem!" Rồi ngài đến gần gã.

Bậc Đạo sư tả cảnh này qua vần kệ:

288. Đến nhà khất thực kẻ làm tên,
Người ấy nheo con mắt đứng lên,
Và với mắt kia nhìn một hướng,
Để làm cho thẳng mũi tên rèn.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ bảo gã:

289. Một mắt sao ngươi cứ nhắm hoài,
Chỉ nhìn một mắt chẳng hề sai,
Xin ngươi giải thích hành vi ấy,
Ngươi nghĩ nó hoàn thiện mắt ngươi?

Gã đáp lại:

290. Tầm mắt hai tròng mở rộng ra,
Chỉ làm lạc hướng nhãn quang ta,
Không nhìn thấy được chỗ cong vẹo,
Chẳng tạo được tên nào thẳng ngay.

291. Khi một mắt vừa nhắm lại xong,
Chỉ dùng một mắt ngắm nơi cong,
Mới nhìn thấy rõ chỗ sai khác,
Tạo được chiếc tên thẳng ước mong.

292. Có kẻ thứ hai có cãi tranh,
Một người thì cãi với ai đành?
Nếu ngài muốn cõi phúc, thiên giới,
Hãy mến ưa đơn độc, gắng hành!

Sau mấy lời khuyên nhủ này, gã yên lặng. Bậc Đại sĩ lại tiếp tục đi khất thực, khi đã thọ lãnh đủ loại thức ăn, ngài liền đi ra khỏi thành tìm chỗ mát mẻ có nước chảy ngồi xuống. Khi đã ăn uống xong xuôi, ngài cất bình bát vào chiếc bị và bảo Hoàng hậu Sīvalī:

293. Nàng nghe lời gã nhắm tên vầy,
Chẳng khác gì cô gái trước đây,
Gã sẽ làm cho ta rối trí,
Với bao hổ thẹn ngập đầu này,
Nếu ta nhượng bộ nàng cầu thỉnh,
Gây lỗi chính là kẻ thứ hai.

294-95. Đây hai đường, chọn một cho nàng,
Còn lối kia, ta chọn chính ta,
Đừng gọi ta là chồng vậy nữa,
Ta không có vợ, giã từ nàng!

Dù nghe lời ngài nói vậy, hoàng hậu vẫn đi theo ngài nhưng bà hiểu bà không thể nào thuyết phục vua quay trở về được nữa, còn dân chúng cũng cứ tiếp tục theo sau bà. Lúc bấy giờ, có một khu rừng không xa đó mấy, bậc Đại sĩ thấy bóng cây đổ xuống tối mờ, ngài muốn bảo hoàng hậu quay về nên khi thấy cỏ muñja mọc bên lề đường, ngài ngắt một cọng cỏ, bảo bà:

– Này Sīvalī, thân cây cỏ này không thể nối lại được nữa, vậy từ nay mối liên lạc giữa ta và nàng cũng không bao giờ nối lại được nữa đâu.

Rồi ngài ngâm lớn nửa vần kệ:

Như cỏ muñja đã lớn này,
Sīvalī, độc trú từ đây.

Khi hoàng hậu nghe thế, bà nói:

– Từ nay ta cũng không liên lạc gì với Vua Mahājanaka nữa.

Rồi không thể ngăn được sầu khổ, bà đấm ngực la khóc và ngất xỉu bên vệ đường. Bậc Đại sĩ thấy bà đã bất tỉnh mê man, lập tức đi sâu vào rừng, cẩn thận xóa mờ dấu chân của ngài. Các quan đại thần chạy đến rảy nước vào thân thể hoàng hậu, xoa bóp tay chân của bà một lát thì bà hồi tỉnh. Bà hỏi:

– Đại vương đâu rồi?

Họ tâu:

– Thế Hoàng hậu không biết sao?

Hoàng hậu bảo họ:

– Đi tìm Hoàng thượng ngay!

Nhưng dù họ đi quanh quẩn khắp nơi, họ cũng không tìm thấy ngài đâu. Vì thế bà than khóc thảm thiết, và sau khi bảo dựng đền thờ nơi ngài đứng trước kia, bà cúng dường hương hoa rồi trở về.

Bậc Đại sĩ ở trong Tuyết Sơn, trong bảy ngày ngài chứng đắc năm thắng trí và tám thiền chứng rồi ngài không trở lại cõi đời này nữa. Hoàng hậu bảo dựng đền thờ ở các nơi ngài đã đến và nói chuyện với người thợ làm tên, với cô bé gái, nơi ngài đã ăn miếng thịt, nơi ngài nói chuyện với hai ẩn sĩ Migājina và Nārada xong, bà làm lễ cúng dường hương hoa.

Rồi được binh lính hộ tống, bà vào thành Mithilā cử hành lễ phong vương cho hoàng tử trong vườn xoài và ra lệnh đem hoàng tử cùng binh lính vào thành. Còn phần bà, sau khi chọn đời khổ hạnh của một nữ ẩn sĩ, bà sống ở trong vườn xoài và hành trì các pháp môn đưa đến thiền định cho đến khi bà chứng đắc thiền định và được sinh vào cảnh giới của Phạm thiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này xong, bậc Đạo sư nói với các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế mà xưa kia Như Lai cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc ấy, vị nữ hải thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Hiền giả Nārada là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Hiền giả Migājina là Moggallāna (Mục-kiền-liên), cô gái là Tỷ-kheo-ni Khemā, người làm tên là Ānanda (A-nan), Hoàng hậu Sīvalī là mẹ của Rāhula, Hoàng tử Dīghāvu là Rāhula (La-hầu-la), cha mẹ của Bồ-tát là hai vị trong vương tộc ngày nay và Vua Mahājanaka chính là Ta.

§540. CHUYỆN HIẾU TỬ SĀMA (*Sāmajātaka*)[15] (*J*. VI. 68)

Ai đó đang mai phục bắn mình...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ.

Chuyện kể rằng có một thương nhân giàu có tại thành Xá-vệ, của cải lên đến một trăm tám mươi triệu, người này có một cậu con trai rất được yêu quý. Một ngày nọ, cậu con trai đi lên lầu, mở cửa nhìn xuống đường, khi thấy đám đông dân chúng đang đi đến Kỳ Viên, tay cầm hương hoa cúng dường để nghe thuyết pháp, cậu bảo rằng cậu cũng muốn đi. Cậu truyền đem hương hoa lại, rồi cậu đi đến tinh xá cúng dường y phục, dược phẩm cùng các thức ăn uống cho chúng Tỷ-kheo ở đó, và đảnh lễ đức Thế Tôn với hương hoa rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi nghe thuyết pháp, cậu nhận thức được các quả ác do tham dục gây ra và những quả phúc do đời sống tu hành mang lại. Rồi khi hội chúng ra về, cậu xin đức Thế Tôn cho cậu thọ giới. Nhưng đức Như Lai bảo cậu rằng Ngài không truyền giới cho ai khi chưa xin phép cha mẹ. Vì thế cậu ra về, nhịn ăn một tuần, cuối cùng được cha mẹ chấp thuận, cậu trở lại và xin thọ giới. Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho cậu.

Sau đó, vị Tỷ-kheo mới này được tán thán và đạt nhiều công hạnh, được sự ái mộ của các vị Sư trưởng và Giáo thọ sư; và khi đã thọ Đại giới, ông tinh thông giáo pháp trong vòng năm năm. Rồi vị Tỷ-kheo này nghĩ: "Ta sống viễn ly ở chốn này thật không thích hợp với ta." Và ông nóng lòng đạt cứu cánh của thiền định. Thế là sau khi nghe lời dạy của vị Giáo thọ sư về thiền định, ông đi đến một làng ở biên địa sống trong rừng sâu hành trì thiền định, nhưng không đạt được ý niệm nào đặc biệt dù ông đã tinh cần tu tập trong mười hai năm liền mà tâm vẫn không được định tĩnh.

Cũng trong thời gian này, cha mẹ của Tỷ-kheo này trở nên nghèo túng vì những người thuê đất hay bán hàng cho nhà này thấy trong nhà không có con em gì đến buộc họ trả nợ cho nên đã chiếm đoạt hết những của cải nào rơi vào tay họ và tha hồ chạy trốn, gia nhân tôi tớ trong nhà lại trộm vàng bạc trốn đi. Vì thế cuối cùng hai người lâm vào cảnh khốn cùng, không còn đến cái bình đựng nước, phải bán nhà đi lang thang hết sức cùng cực, phải đi ăn xin, mặc áo rách rưới và mang chiếc bình mẻ trong tay.

Lúc bấy giờ, có một Trưởng lão Tỷ-kheo từ Kỳ Viên đến nơi cư trú của người con trai ấy, ông tiếp đón ân cần vị khách kia xong, ngồi yên lặng hỏi thăm khách từ đâu đến. Khi được biết từ Kỳ Viên, ông hỏi thăm sức khỏe của bậc Đạo sư cùng các vị đại đệ tử của Ngài xong rồi hỏi thăm tin tức cha mẹ mình.

– Thưa Tôn giả, xin Tôn giả cho biết tình cảnh của một gia đình thương nhân ở Xá-vệ!

[15] Xem *Cp*. 101, *Suvaṇṇasāmacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Suvaṇṇasāma*).

– Này Hiền hữu, đừng hỏi thăm tin tức gia đình ấy nữa!

– Tại sao thế, thưa Tôn giả?

– Người ta nói gia đình ấy có một cậu con trai nhưng cậu ta đã đi tu theo đạo pháp, và từ khi cậu ấy xuất gia thì gia đình cậu bị sạt nghiệp, lúc này cả hai ông bà lão đang lâm vào tình cảnh rất thê thảm và phải đi ăn xin.

Khi ông nghe khách nói xong, không thể nào cầm lòng được, nước mắt cứ ràn rụa, và khi khách hỏi tại sao lại khóc, ông đáp:

– Thưa Tôn giả, đó chính là cha mẹ tôi, tôi là con của các vị ấy.

– Này Hiền hữu, cha mẹ bạn đã sạt nghiệp vì bạn, vậy hãy về phụng dưỡng các vị!

Ông liền nghĩ: "Trong mười hai năm liền ta tinh cần tu tập mà không thể nào đạt đạo hay đắc quả, có lẽ ta vô tài trí. Vậy ta có làm gì được với đời sống Phạm hạnh này? Chi bằng ta trở về làm một gia chủ phụng dưỡng cha mẹ già và bố thí của cải. Như vậy, cuối cùng ta cũng sẽ được sinh lên thiên giới." Quyết định xong, ông nhường chỗ cư trú của mình trong rừng cho vị Trưởng lão kia.

Hôm sau ông ra đi, qua nhiều chặng đường thì tới tinh xá phía sau Kỳ Viên không xa thành Xá-vệ mấy. Tại đó ông thấy hai con đường, một đường dẫn đến Kỳ Viên, một đường dẫn đến Xá-vệ. Khi đứng đó, vị Tỳ-kheo này suy nghĩ: "Ta đến viếng cha mẹ ta trước hay đức Phật trước?" Rồi ông tự nhủ: "Ngày xưa ta gặp cha mẹ ta luôn, từ đây ta sẽ ít có dịp yết kiến đức Phật, vậy ta hãy đến yết kiến bậc Chánh Đẳng Giác ngày hôm nay và nghe thuyết pháp rồi ngày mai ta sẽ đi thăm cha mẹ."

Thế là ông bỏ con đường đi Xá-vệ và đi đến Kỳ Viên vào lúc chiều tối. Vào ngày đó, lúc tảng sáng, bậc Đạo sư quan sát thế gian đã thấy được tiềm lực ngộ đạo của vị này nên khi ông đến yết kiến Thế Tôn, Ngài tán thán công đức của cha mẹ theo như trong *Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ*.[16] Trong khi đứng ở cuối hội chúng Tỳ-kheo và nghe thuyết pháp, ông nghĩ: "Nếu ta trở thành người gia chủ, ta có thể phụng dưỡng cha mẹ ta, nhưng bậc Đạo sư cũng dạy: 'Một người con đi xuất gia vẫn có thể giúp đỡ cha mẹ mình.' Trước kia, khi ta rời bỏ thế tục mà không đến yết kiến đức Thế Tôn và ta đã thất bại trong sự thọ giới không trọn vẹn như vậy. Bây giờ, ta muốn phụng dưỡng cha mẹ ta mà vẫn duy trì đời sống tu hành chứ không làm một người gia chủ."

Ông đi đến nơi phát thẻ, nhận thẻ phát vật thực và cháo của mình, cảm thấy như thể mình đã phạm trọng tội đáng bị khai trừ sau mười hai năm làm Tỳ-kheo tu trong rừng. Sáng hôm sau, ông đi đến Xá-vệ và nghĩ thầm: "Ta nên đi lấy cháo trước hay thăm cha mẹ ta trước đây?" Ông nghĩ lại và thấy rằng đi thăm cha mẹ trong lúc cha mẹ nghèo khổ mà không có gì trong tay để biếu thì thật là không phải đạo. Vì thế, ông đi lấy cháo trước rồi đến trước cửa nhà cũ, vừa thấy

[16] Xem *J.* IV. 90, *Mātiposakajātaka* (*Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ*), số §455.

cha mẹ ngồi cạnh bức tường đối diện. Sau khi đã đi một vòng khất thực được cháo lỏng, ông đứng không cách xa họ mấy và bỗng thấy nỗi sầu thương trỗi lên, mắt đẫm lệ. Còn họ thấy ông nhưng không nhận ra, rồi bà mẹ tưởng rằng đó là một kẻ đang chờ của bố thí liền nói:

– Chúng ta không có gì để bố thí cho người cả, người chịu khó đi nơi khác.

Nghe bà mẹ nói vậy, ông cố nén nỗi buồn đang trào dâng trong lòng, đứng yên mắt đẫm lệ. Và khi được bảo lần thứ hai, lần thứ ba, ông vẫn đứng yên. Cuối cùng, ông cha bảo bà mẹ:

– Bà đến xem thử có phải con trai bà đó không?

Bà vùng dậy chạy đến nhìn ra con, gục xuống chân mà than khóc, người cha cũng khóc theo, bao nỗi sầu khổ đều tuôn ra hết. Gặp lại cha mẹ, ông không thể kìm nén được lòng mình cũng bật khóc. Sau cơn xúc động, ông nói:

– Đừng buồn nữa cha mẹ ôi, con sẽ phụng dưỡng cha mẹ!

Thế là sau khi an ủi cha mẹ và cho họ húp nước cháo rồi ngồi xuống bên đường, ông lại ra đi khất thực đem về cho cha mẹ dùng, sau đó mới đi khất thực cho chính mình. Xong bữa ăn, ông liền đi tìm nơi trú chân không xa đó mấy. Từ ngày ấy về sau, ông chăm sóc cha mẹ bằng cách này, ông đem cho cha mẹ đồ khất thực dành cho mình, luôn cả những vật dụng bố thí mỗi nửa tháng một lần, và ông đi khất thực nhiều lần để thọ dụng. Còn những vật thực dành cho mùa mưa cũng đều đem cho cha mẹ dùng, trong khi ông đem áo quần rách của cha mẹ về đóng kín cửa mà nhuộm lại để mặc. Nhưng rất ít ngày ông đi khất thực được đồ dùng, phần nhiều là chẳng được gì cả nên y trong cũng như y ngoài đều rách tả tơi cả. Trong thời gian chăm sóc cha mẹ như thế, ông dần dần trở nên xanh xao gầy ốm. Bạn hữu thấy vậy, bảo:

– Da dẻ bạn trước đây tươi sáng nhưng nay bạn xanh xao quá, hẳn có bệnh gì?

Ông đáp:

– Ta không có bệnh gì cả, nhưng ta đang gặp một chướng ngại.

Rồi ông kể cho họ nghe câu chuyện nhà. Họ đáp:

– Thưa Hiền giả, bậc Đạo sư không cho phép chúng ta phí phạm lễ vật cúng dường của các thí chủ, bạn đã làm việc trái phép khi đem lễ vật cúng dường của thí chủ cho người thế tục.

Nghe nói vậy, ông hổ thẹn cúi gằm mặt xuống, nhưng vẫn chưa thỏa dạ, họ đem chuyện kể với bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, người này đã phí phạm lễ vật cúng dường và đem cho người thế tục.

Bậc Đạo sư cho gọi vị Tỳ-kheo trẻ ấy đến và hỏi:

– Có phải ông đã xuất gia mà còn lấy vật cúng dường của thí chủ đem cho người thế tục không?

Ông thú nhận là có. Rồi bậc Đạo sư muốn ngợi khen việc làm của ông và nói về một việc cũ của Ngài liền hỏi:

– Thế ông phụng dưỡng người thế tục nào đó?

Ông đáp:

– Bạch Thế Tôn, chính cha mẹ của con.

Lúc đó, Thế Tôn muốn khuyến khích việc làm của ông hơn nữa, Ngài bảo ba lần:

– Tốt lành thay! Tốt lành thay! Ông đang đi con đường ngày xưa Ta đã đi qua, ngày xưa khi đi khất thực, Ta cũng phụng dưỡng cha mẹ Ta.

Như thế, vị Tỳ-kheo được Ngài khích lệ vì việc đó. Rồi theo lời thỉnh cầu của chúng Tỳ-kheo, bậc Đạo sư kể chuyện quá khứ để cho biết các nghiệp đời trước của Ngài.

***

Ngày xưa, không xa thành Ba-la-nại, ở phía bên này sông có một làng thợ săn và một làng nữa ở bên kia sông, mỗi làng có chừng năm trăm gia đình cư trú. Lúc bấy giờ, có hai nhà thiện xạ trong hai làng đó là đôi bạn thân thích, họ giao ước với nhau từ thời trẻ rằng, nếu đôi bên sinh con trai và con gái thì sẽ gả con cho nhau. Theo thời gian trôi, một cậu trai được hạ sinh trong nhà thiện xạ bên này sông và một cô gái được sinh vào nhà thiện xạ kia. Cậu bé được đặt tên là Dukūlaka[17] vì khi sinh ra đời cậu được quấn trong lớp tã lót thật đẹp. Cô gái được đặt tên là Pārikā vì cô sinh ra bên kia sông. Cả hai đều xinh đẹp với làn da óng ả như vàng và mặc dù được sinh ra trong làng săn bắn nhưng chúng không hề sát sinh hại mạng. Khi cậu bé lên mười sáu tuổi, cha mẹ cậu bảo:

– Này con, cha mẹ sẽ cưới vợ cho con.

Nhưng cậu là một người thanh tịnh từ Phạm thiên giới mới xuống đây cho nên cậu bịt tai lại bảo:

– Con không muốn ở trong nhà, đừng nói chuyện ấy với con!

Rồi mặc dù cha mẹ cậu nói chuyện đó đến ba lần, cậu không tỏ ý ham thích chút nào. Còn nàng Pārikā cũng vậy, khi cha mẹ nàng bảo:

– Con trai của ông bạn nhà ta thật khôi ngô với làn da óng ả như vàng, cha mẹ định gả con cho cậu ấy đấy.

Nàng cũng bịt tai lại và trả lời như chàng trai kia vì chính nàng cũng xuống đây từ Phạm thiên giới. Cậu Dukūlaka bí mật gửi cho cô gái một lời nhắn nhủ: "Nếu nàng muốn sống đời vợ chồng thì hãy tìm đến một gia đình khác, vì ta không muốn như vậy." Và nàng cũng gửi cậu một lời nhắn nhủ tương tự như thế. Nhưng dù họ không đồng ý, cha mẹ họ vẫn cử hành hôn lễ. Thế là cả hai

[17] Bản CST viết Dukūla.

người sống riêng lẻ như các vị Phạm thiên, không hề sa vào bể ái dục. Dukūlaka không hề giết cá hay nai hươu cũng không hề bán các thứ cá mà người khác mang đến cho cậu. Cuối cùng, cha mẹ cậu bảo:

– Con sinh ra trong gia đình săn bắn mà con lại không thích sống trong nhà, cũng không sát sinh hại vật, vậy con muốn gì?

Cậu đáp:

– Nếu cha mẹ cho phép, chúng con xin làm ẩn sĩ ngay ngày hôm nay.

Cha mẹ họ đều cho phép họ ngay lập tức. Thế là họ từ giã cha mẹ ra đi dọc theo bờ sông Hằng, rồi rời bỏ sông Hằng, họ đi lên núi dọc theo sông Migasammatā. Lúc bấy giờ, cung của Thiên chủ Sakka bỗng nóng rực lên. Thiên chủ Sakka sau khi xác định duyên cớ liền bảo thần Vissakamma:

– Này Vissakamma, có hai bậc Đại nhân đã xuất thế và đang đi vào Tuyết Sơn, chúng ta phải tìm nơi trú ẩn cho họ. Vậy ông hãy đi dựng am lá và cung cấp mọi vật dụng cần thiết cho cuộc đời tu hành của họ ở một nơi cách sông Migasammatā chừng một phần tư dặm đường xong rồi trở lại đây.

Thế là vị này đi chuẩn bị đủ mọi vật dụng giống như được mô tả trong *Chuyện Vương tử què câm*,[18] rồi trở về sau khi đã xua hết mọi súc vật có thể gây ồn ào khó chịu trong rừng và mở một con đường mòn gần đó. Hai vị ẩn sĩ thấy có đường mòn liền theo đó đến am. Khi Dukūlaka bước vào trong am, thấy đủ mọi vật dụng cần thiết liền kêu lên:

– Đây chính là lễ vật của Thiên chủ Sakka cúng dường ta.

Thế rồi Dukūlaka cởi áo ngoài ra, mặc vào chiếc y màu vỏ dà, đắp tấm da hươu qua một bên vai, cột túm tóc lại ra dáng một vị khổ hạnh, rồi cũng làm lễ truyền giới cho Pārikā như vậy; xong rồi họ sống ở đó, tu tập lòng từ thuộc về cõi dục. Nhờ ảnh hưởng lòng từ của họ đối với mọi vật, chim muông và thú rừng cũng khởi lên lòng từ ái đối với nhau, không hề làm hại lẫn nhau.

Pārikā lo kiếm nước và thức ăn, quét dọn am, làm đủ mọi việc cần thiết, rồi cả hai người đi kiếm đủ loại trái cây về ăn. Sau đó, họ vào ở trong thảo am riêng của mình, hành trì đủ mọi giới luật của đời Phạm hạnh. Thiên chủ Sakka cung cấp đủ mọi nhu cầu của họ.

Một ngày kia, ngài tiên tri được một hiểm họa sắp xảy ra cho họ, họ sẽ mất thị giác. Vì thế, ngài tìm đến Dukūlaka, đảnh lễ xong, ngồi xuống một bên, ngài bảo:

– Thưa Tôn giả, ta thấy trước một hiểm họa sắp đe dọa các Tôn giả, vậy các Tôn giả phải sinh một đứa con trai để phụng dưỡng các vị sau này, hãy đi theo đường lối của thế gian!

– Thưa Thiên chủ, tại sao ngài lại bảo vậy? Ngay cả khi còn ở chung một

[18] Xem *J.* VI. 1, *Mūgapakkhajātaka* (*Chuyện Vương tử què câm*), số §538.

nhà trước kia, chúng ta cũng đã chán ghét ái dục, giờ đây làm sao thực hiện điều ấy được khi chúng ta đã vào rừng sống đời Phạm hạnh của kẻ xuất gia?

– Được rồi, nếu Tôn giả không muốn làm như ta nói thì đợi đến lúc thuận tiện hãy lấy tay sờ rốn của Pārikā.

Dukūlaka ưng thuận làm theo. Thiên chủ Sakka từ giã ra về. Dukūlaka kể chuyện ấy với Pārikā và đến lúc thời cơ thuận lợi, lấy tay sờ vào rốn Pārikā. Ngay lúc ấy, Bồ-tát từ thiên giới xuống nhập vào bụng bà và bà mang thai từ đó. Sau mười tháng, bà hạ sinh một hài nhi da vàng óng, vì thế nên họ đặt tên là Suvaṇṇasāma (Hoàng Kim).

Lúc bấy giờ, các nữ thần kinnara[19] ở núi bên kia đến chăm sóc Pārikā lúc bà lâm bồn. Đôi cha mẹ này tắm rửa hài nhi xong, đặt vào chòi lá và đi kiếm đủ loại trái cây. Trong khi họ ra ngoài, các nữ thần kinnara đem hài nhi vào động của họ, tắm rửa và đem lên đỉnh núi, trang hoàng cho hài nhi đủ loại hoa, lấy chất sơn vàng đỏ xanh làm dấu đặc biệt trên thân thể rồi đem về để lại trên giường trong chòi lá, sau đó Pārikā về chòi cho con bú.

Họ yêu quý con, nâng niu chăm sóc con cho đến năm mười sáu tuổi. Họ thường để con ở trong chòi rồi đi vào rừng kiếm củ và trái cây. Bồ-tát suy nghĩ: "Mối hiểm họa một ngày kia sẽ xảy ra." Ngài thường canh chừng con đường cha mẹ ngài đi ra.

Một ngày kia, họ trở về lúc chiều tối sau khi đã nhặt củ và trái cây. Vừa đến gần chòi thì một đám mây lớn kéo tới. Họ vội ẩn mình dưới gốc cây trên một ổ mối. Trong ổ mối này có một con rắn độc. Lúc bấy giờ, nước trên thân họ nhỏ giọt xuống mang theo mùi mồ hôi xông đến mũi con rắn làm nó tức giận, thổi phà hơi độc lúc họ đứng đó để tấn công họ, khiến cho cả hai đều bị mù, không nhìn thấy nhau được nữa. Dukūlaka gọi lớn Pārikā:

– Mắt ta mù rồi, ta không thấy nàng nữa.

Họ bảo nhau trong khi quờ quạng đi quanh, khóc lóc và không sao tìm được lối về. "Đời trước ta đã phạm tội gì?", họ nhủ thầm như vậy. Thuở tiền kiếp, họ sinh vào gia đình một y sĩ. Vị y sĩ đó chữa bệnh mắt cho một người giàu có nhưng người này không chịu trả y phí, vị y sĩ tức giận nói với vợ:

– Ta phải làm sao đây?

Bà vợ cũng tức giận bảo:

– Ta không cần tiền của nó, cứ chế ra một thứ thuốc rồi bảo đó là thuốc chữa bệnh và ta làm mù mắt nó đi.

Vị y sĩ đồng ý làm theo lời vợ và chính vì tội này mà giờ đây cả hai đều bị mù lòa.

---

[19] Khẩn-na-la (P. kinnara, S. kiṁnara, 緊那羅), một loại phi cầm có đầu giống người (人頭鳥), là ca thần của Thiên chủ Sakka.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Trước đây cha mẹ ta thường về vào giờ này, ta chẳng biết chuyện gì xảy ra cho cha mẹ ta, ta phải đi tìm mới được." Vì thế, ngài ra đi tìm họ và gây nên một tiếng động. Họ nhận ra tiếng động ấy nên cũng làm một tiếng động đáp lại và vì lòng thương con, họ bảo con:

– Sāma ơi, ở đây nguy hiểm lắm, con đừng tới gần!

Vì thế, ngài đưa cho cha mẹ một cây gậy dài, bảo họ cầm lấy đầu cây gậy rồi đi lần về phía ngài. Ngài bảo với họ:

– Cha mẹ bị mù mắt vì duyên cớ gì?

– Khi trời mưa chúng ta núp dưới gốc cây trên một ổ mối, thế là chúng ta bị mù mắt.

Nghe thế ngài biết ngay sự việc đã xảy ra. "Có lẽ ở đó có rắn độc, đang lúc nổi giận, nó phun nọc độc ra đấy." Khi ngài nhìn cha mẹ, ngài bật khóc rồi lại bật cười. Cha mẹ ngài hỏi tại sao, ngài đáp:

– Con khóc vì cha mẹ bị mù lúc còn trẻ nhưng con lại cười vì từ đây con sẽ phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ đừng buồn, con sẽ chăm nom cha mẹ chu đáo.

Thế rồi ngài dẫn họ về chòi, buộc dây thừng tứ phía, phân chia các gian để ở ban ngày và ban đêm, các trai phòng và các phòng khác nữa. Từ ngày ấy, ngài bảo cha mẹ ở nhà, còn ngài đi kiếm củ và trái rừng. Buổi sáng, ngài dọn dẹp nhà cửa, đi lấy nước sông Migasammatā về nấu thức ăn và nước, rồi lấy nước rửa mặt đánh răng cho cha mẹ, đem đến cho cha mẹ đủ loại trái cây ngon ngọt. Khi cha mẹ súc miệng xong, ngài mới dùng. Ăn xong, ngài chào cha mẹ rồi được một đàn nai hộ tống, ngài vào rừng hái quả.

Sau khi hái quả cùng với các nữ thần kinnara trên núi, ngài trở về lúc chiều tối, nấu nước nóng tắm rửa chân tay cho cha mẹ rồi mang lại một mẻ chậu than hồng hơ ấm tay chân cha mẹ. Ngài đem đủ loại trái cây cho cha mẹ dùng, sau đó ngài mới ăn phần mình và cất dọn các thứ còn lại. Cứ thế, ngài chăm sóc cha mẹ mỗi ngày.

Lúc ấy, có một vị vua tên Piliyakkha[20] trị vì Ba-la-nại. Vị này rất thích thịt thú rừng nên đã giao việc triều chính cho mẹ rồi nai nịt năm loại vũ khí đi vào Tuyết Sơn săn bắn hươu nai để ăn thịt, tiến lần đến con sông Migasammatā và cuối cùng tới nơi Sāma thường xuống múc nước. Thấy có vết chân hươu nai, vua dựng chỗ trú ẩn dưới các bụi cây màu ngọc bích, lấy tên tẩm thuốc độc vào, sẵn sàng giương lên và nằm mai phục.

Buổi chiều, bậc Đại sĩ đã hái trái cây xong, đem về lều, chào hỏi cha mẹ rồi nói:

– Con sẽ đi tắm và múc ít nước.

Ngài cầm bình, cả một đàn nai vây quanh, ngài chỉ chọn ra hai con buộc

[20] Bản CST viết Pīḷiyakkha.

bình vào lưng chúng rồi dẫn chúng đến nơi tắm sông. Nhà vua thấy ngài đến gần tự nhủ: "Suốt thời gian ta đi quanh quẩn nơi đây, ta chưa hề thấy bóng người nào cả, vậy đó là thiên thần hay rắn thần? Bây giờ nếu ta đến gần hỏi nó ắt nó sẽ bay lên trời nếu đó là thiên thần, hoặc sẽ độn thổ nếu đó là rắn thần. Nhưng ta có ở Tuyết Sơn này mãi đâu, một ngày kia ta sẽ trở về Ba-la-nại. Lúc đó, các quan đại thần sẽ hỏi ta có thấy được việc gì kỳ lạ trong thời gian ta lang bạt ở đây không. Nếu ta bảo họ ta có thấy một người như vầy như vầy thì họ sẽ gạn hỏi ta tên nó là gì, nếu ta trả lời không biết thì họ sẽ chê trách ta. Vậy thì ta cứ bắn nó cho bị thương rồi hỏi nó sau."

Vừa lúc ấy, bầy nai đi xuống trước để uống nước rồi bước lên khỏi chỗ tắm. Sau đó, Bồ-tát chầm chậm bước xuống nước như thể một vị đại Trưởng lão đầy đủ giới luật uy nghi đang chuyên tâm đạt đại định, khoác bộ áo bằng vỏ cây và đắp tấm y bằng da nai qua một bên vai, nhấc bình lên múc đầy nước rồi đặt trên vai trái. Ngay lúc này, vua thấy rằng đã đến thời liền bắn mũi tên tẩm thuốc độc, làm bậc Đại sĩ bị thương ở sườn bên phải rồi mũi tên xuyên qua sườn bên trái.

Bầy nai thấy ngài bị thương, kinh hãi chạy trốn, nhưng Suvaṇṇasāma mặc dù bị thương nặng, vẫn hết sức giữ bình nước cho vững và cố định thần, ngài chầm chậm bước ra khỏi nước. Ngài đào cát chất lên một ụ cao, kê đầu lên hướng về phía chòi của cha mẹ và ngài nằm xuống chẳng khác nào một bức tượng vàng trên bãi cát màu sáng bạc. Rồi hồi tưởng lại, ngài suy xét mọi việc đã xảy ra: "Ta không có kẻ thù nào trong vùng Tuyết Sơn này, ta cũng không thù oán ai cả." Khi ngài nói như vậy, máu từ miệng ngài tuôn ra và vì không nhìn thấy vua, ngài liền ngâm kệ:

296. Ai đó đang mai phục bắn mình,
Khi ta đã múc nước đầy bình,
Bà-la-môn, quý tộc, nô lệ,
Ai ám hại ta chẳng biết danh?

Rồi ngài ngâm thêm một vần kệ cho biết thịt của ngài vô dụng, không làm thức ăn được:

297. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Ngài lại ngâm thêm một vần kệ khác hỏi họ tên của vua:

298. Người là ai, hãy nói con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên người,
Tại sao người lại nằm mai phục,
Thành thật xin người hãy trả lời?

Khi nghe vậy, vua tự nhủ: "Mặc dù kẻ này đã bị ta bắn trọng thương bằng tên độc vẫn không mạ lỵ ta, oán trách ta, lại còn nói năng dịu dàng như thể ru lòng ta vậy. Thôi ta đến xem sao!" Thế là vua đến gần bên ngài và ngâm kệ:

299. Chúa tể Kāsi quốc chính ta,
Đại vương danh hiệu Piliyakkha,
Ta rời ngôi báu vì thèm thịt,
Thơ thẩn tìm nai rừng núi xa.

300. Tài thiện xạ ta thật khéo thay,
Tâm ta can đảm chẳng lung lay,
Chẳng rồng rắn thoát tên ta được,
Khi nó đã vào tầm bắn đây.

Sau khi tự khen ngợi tài năng mình như vậy, vua hỏi gia thế của ngài:

301. Ngươi là ai đó vậy, con ai,
Là gì ta sẽ gọi tên ngươi,
Và tên thân phụ cùng gia tộc,
Tên của nhà ngươi, hãy trả lời?

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Nếu ta bảo rằng ta là thiên thần hay dòng dõi các nữ thần kinnara, hoặc bảo ta là một Sát-đế-lỵ hay thuộc một quý tộc tương tự, vị này sẽ tin ngay, nhưng ta phải nói sự thật." Vì thế, ngài nói:

302. Lúc ta sinh được gọi Sāma,
Con thợ săn cùng khổ chính ta,
Nay ở đây nằm trên đất lạnh,
Người nhìn ta đã gặp nguy cơ.

303. Tên độc của người bắn trọng thương,
Ta nằm đơn độc tựa linh dương,
Nạn nhân người giết nhờ tài nghệ,
Lăn lóc ta nay nhuộm máu hường.

304. Tên của người xuyên suốt thịt da,
Theo từng hơi thở máu trào ra,
Ngất ngư, ta vẫn còn than hỏi,
Người muốn gì, mai phục bắn ta?

305. Người chẳng thể nào ăn thịt ta,
Cũng không thể sử dụng bao da,
Sao người nghĩ lấy ta làm đích,
Người đã tưởng đâu thắng lợi mà?

Khi vua nghe vậy, biết rằng không thể nói thật được liền bịa một câu chuyện như sau:

306. Một nai đã đến đúng vừa tầm,
Ta nghĩ rằng ta sắp hưởng phần,

Nhưng thấy ngươi, nai kinh hoảng chạy,
Với ngươi, ta chẳng có lòng sân.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Tại sao Đại vương nói như vậy được? Cả vùng Tuyết Sơn này không có con nai nào thấy ta mà bỏ chạy.

307-10. Từ khi ta mới biết suy tư,
Nhớ lại thời xưa mãi đến giờ,
Không thú mồi hay nai chạy trốn,
Kinh hoàng khi gặp bước ta qua.

Từ lúc ta mang áo vỏ cây,
Bỏ đằng sau chuỗi ngày thơ ngây,
Không nai hay thú mồi đào tẩu,
Khi thấy ta qua các lối này.

Các thú hoang kia chính bạn mình,
Cùng ta phiêu bạt khắp rừng xanh,
Nai này sao lại như người nói,
Khi thấy ta liền chạy hãi kinh?

Khi vua nghe nói liền nghĩ thầm: "Ta đã làm trọng thương con người vô tội này và lại còn nói dối, thôi ta phải thú tội mới được." Nghĩ vậy, vua nói:

311. Chẳng có nai nào thấy Sāma,
Sao ta nói dối quá dư thừa?
Lòng ta tràn ngập niềm tham, hận,
Và bắn đầu tên ấy, chính ta.

Rồi vua nghĩ: "Suvaṇṇasāma không thể sống một mình trong rừng được, chắc phải có thân thích ở đây, để ta thử hỏi xem." Vì thế, vua ngâm kệ:

312. Sáng sớm từ đâu đến, bạn lành,
Ai người bảo bạn phải cầm bình,
Đổ đầy nước múc bờ sông ấy,
Mang gánh nặng lui bước lộ trình?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ cảm thấy một nỗi đau đớn vô cùng và ngâm vần kệ trong khi máu trào ra từ miệng:

313. Cha mẹ sống rừng vắng phía xa,
Mù lòa chỉ lệ thuộc con thơ,
Vì hai thân, đến bên bờ nước,
Ta đổ đầy bình nước của ta.

Rồi ngài tiếp tục than khóc số phận của cha mẹ:

314. Đời sống chỉ như lửa chập chờn,
Một tuần thực phẩm trữ không hơn,

Nếu không có nước ta đem lại,
Yếu đuối, mù lòa chết thảm thương.

315. Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân mẫu,
Điều ấy khiến tâm trí hãi hùng.

316. Ta chẳng sợ đau khổ tử vong,
Ấy là số phận mọi loài chung,
Sống không còn được nhìn thân phụ,
Điều ấy khiến tâm trí hãi hùng.

317. Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Mẹ ta ấp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.

318. Thời khắc lê thê nặng khổ buồn,
Cha ta ấp ủ nỗi sầu thương,
Nửa đêm và cả khi trời sáng,
Dòng lệ chảy như suối nước tuôn.

319. Họ lang thang khắp chốn rừng hoang,
Than vãn con đi quá muộn màng,
Chờ đợi hoài công nghe tiếng bước,
Hay chờ ta vuốt tấm thân tàn.

320. Ý tưởng này, tên độc thứ hai,
Đâm sâu hơn trước nữa, than ôi!
Vì ta nằm tại đây chờ chết,
Không thể nhìn cha mẹ nữa rồi!

Nhà vua nghe ngài than khóc, nghĩ thầm: "Người này phụng dưỡng cha mẹ hết lòng hiếu thảo tận tụy, ngay bây giờ đang lúc đau đớn mà cũng chỉ nghĩ đến cha mẹ, ta thật đã gây tội ác với một Thánh nhân như vậy, làm sao ta an ủi được người đây? Khi ta đọa xuống địa ngục rồi thì ngai vàng có ích gì cho ta? Thôi ta nguyện phụng dưỡng cha mẹ người như người đã phụng dưỡng họ. Như thế cái chết của người không ảnh hưởng mấy đến họ." Liền sau đó, vua nói lên quyết tâm của mình qua các vần kệ sau:

321. Này hỡi Sāma dáng cát tường,
Chớ nên tuyệt vọng ngập tâm hồn,
Vì ta phụng dưỡng hai thân lão,
Trong cảnh cô đơn nặng khổ buồn.

322. Ta nay thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,

Ta sẽ thay người và phụng dưỡng,
Mẹ cha người sống ở trong rừng.

323. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ hai thân lão,
Ta chính gia nô của các ngài.

324. Hiện nay hai vị ở rừng nào?
Này hỡi Sāma, hãy nói mau!
Ta thề bảo vệ, nuôi hai vị,
Như chính người làm tự bấy lâu.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Thế thì tốt quá, xin Đại vương nuôi nấng cha mẹ ta giùm!

Rồi ngài chỉ đường cho vua:

325. Nơi chốn đầu ta đặt ở đây,
Hai trăm tầm chạy giữa rừng cây,
Con đường dẫn đến lều cha mẹ,
Xin đến làm ơn phụng dưỡng thay.

Sau khi chỉ đường và kiên nhẫn chịu đựng sự đau đớn khủng khiếp vì lòng thương yêu cha mẹ, ngài kính cẩn chắp tay lại, thỉnh cầu vua một lần cuối hãy nuôi dưỡng cha mẹ thay mình:

326. Cung kính lễ ngài, bậc Đại vương,
Ngài đi như vậy đúng con đường,
Mù lòa, cha mẹ ta đơn độc,
Xin bảo vệ, nuôi dưỡng, đoái thương!

327. Kính lễ Kāsi Chúa thượng ôi!
Hai tay ta chắp khẩn cầu ngài,
Nhân danh ta gửi về cha mẹ,
Lời nhắn nhủ ta đã nói rồi.

Vua nhận lời ủy thác, và bậc Đại sĩ sau khi nói xong lời nhắn nhủ cuối cùng liền bất tỉnh.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

328. *Sāma với vẻ mặt hiền lương,*
Đã nói lời này với Đại vương,
Rồi ngất lịm dần vì thuốc độc,
Nằm mê man tựa bỏ thân tàn.[21]

---

[21] Xem *Miln.* 198, *Mettānisaṃsapañha* (*Câu hỏi về lợi ích của tâm từ*).

Từ trước đến giờ ngài cố gắng thốt ra những lời lẽ trên như thể người bị hụt hơi nhưng đến đây tiếng nói đã đứt quãng vì toàn thân, tim óc, sinh lực của ngài đều lần lượt chịu sự tác động dữ dội của thuốc độc nên miệng và mắt ngài khép lại, tay chân cứng đờ, toàn thân đẫm máu. Vua kêu lên:

– Người này đang nói với ta cho đến giờ phút này, bỗng dưng tại sao lại hết thở vô ra rồi kìa? Các cơ quan đã ngưng hoạt động, thân thể đã cứng đờ, chắc chắn Sāma đã chết rồi!

Và không thể nào ngăn được sầu thương, vua đấm vào đầu than khóc thảm thiết.

Đến đây, bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

329. Đau đớn nhà vua đã khóc than:
"Trước kia chưa xảy đến tai nàn,
Ta không hề biết già rồi chết,
Trời hỡi, giờ ta biết rõ ràng!

330. Nay thấy mọi người phải chết thôi,
Chính Sāma cũng chết, than ôi!
Chàng vừa khuyên nhủ, lời trăn trối,
Khi hấp hối từ giã cõi đời.

331. Địa ngục đày, ta đọa hiển nhiên,
Thánh nhân bị giết đó, nằm yên,
Mọi người thôn xóm nào ta gặp,
Sẽ nói đồng thanh tội lỗi trên.

332-33. Sống ở rừng hoang vắng vẻ này,
Họ tên ta có kẻ nào hay?
Đây miền hiu quạnh không người ở,
Ai sẽ nhắc ta mối nhục này?"

Lúc bấy giờ, có một nữ thần tên gọi Bahusodarī ở tại núi Gandhamādana (Hương Sơn) đã là mẹ của Bồ-tát cách đây bảy đời trước, vẫn thường tưởng nhớ đến ngài với tình mẹ thương con, nhưng ngày hôm đó vì ham hưởng lạc thú thiên giới nên bà không nhớ đến ngài như thường lệ. Các bằng hữu của bà lại bảo bà đã đi dự hội trên thiên giới cho nên đã không nói gì.

Bỗng nhiên, bà nghĩ đến ngài đúng lúc ngài đang bất tỉnh. Bà tự nhủ: "Việc gì đã xảy ra cho con ta?" và bà nhìn thấy Vua Piliyakkha đã giết ngài bằng mũi tên tẩm thuốc độc bên bờ sông Migasammatā. Ngài đang nằm trên bờ cát, còn nhà vua đang than khóc thảm thiết. Bà nghĩ: "Nếu ta không đến đó thì con ta sẽ chết, vua sẽ đau đớn lắm, còn cha mẹ Sāma sẽ chết đói, chết khát. Nhưng nếu ta đến thì vua sẽ mang bình nước lại cho cha mẹ của con ta. Sau khi nghe họ nói, vua sẽ dẫn họ đến gặp con, rồi ta và họ sẽ cùng thành tâm thực hiện lời nguyền trang nghiêm để đánh tan chất độc trong thân thể Sāma, làm cho con ta sống

lại. Cha mẹ của con ta lại được sáng mắt ra và sau đó khi đã nghe Sāma thuyết giảng, vua sẽ làm bố thí lớn và được tái sinh lên cõi trời, vậy ta phải đi liền!" Thế rồi, bà đến bờ sông Migasammatā và ẩn mình đứng trên không, thuyết pháp cho vua nghe.

Đến đây, bậc Đạo sư ngâm kệ để làm sáng tỏ vấn đề này:

334. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Rót vài câu kệ vào tai nọ,
Vì bởi xót thương vị chúa công:

335. "Ngài đã tạo ra một ác hành,
Tội kia đè nặng ở trên mình,
Mẹ, cha, con thảy đều vô tội,
Mũi tên ngài giết cả gia đình."

336. Đến đây ta bảo với ngài nào:
"Tìm chỗ trú an nương tựa vào,
Cấp dưỡng người mù rừng vắng nọ,
Tâm ngài sẽ hạnh phúc dường bao!"

Nghe nữ thần dạy bảo, vua tin lời bà ngay, rằng nếu đi phụng dưỡng hai người mù lòa đó, vua sẽ được lên thiên giới. Vì thế, vua quyết định: "Ta còn cần gì ngai vàng nữa, ta sẽ bỏ đi và hết lòng phụng dưỡng họ." Sau một hồi tuôn trào lời than khóc, vua cố nén nỗi sầu bi vì cho rằng Sāma đã chết thật rồi. Vua làm lễ cung kính thi thể ngài với đủ loại hoa thơm, rảy nước lên thi thể ngài, đi nhiễu quanh ba vòng, thân phía bên hữu hướng về thi thể và lễ bái khắp bốn phương. Rồi vua cầm bình nước đã được giao và đi về hướng Nam, lòng nặng trĩu u sầu.

Đến đây, bậc Đạo sư giải thích thêm qua vần kệ:

337. Sau một hồi tuôn lệ khóc than,
Thương chàng xấu số nửa chừng xuân,
Vua liền tiến lại cầm bình nước,
Và hướng mặt đi đến phía Nam.

Nhà vua vốn là người mạnh khỏe nên cầm bình nước, cương quyết băng rừng đến am ẩn sĩ và cuối cùng cũng đến trước cửa am của bậc Hiền giả. Hiền giả Dukūlaka đang ngồi trong am, nghe tiếng chân người đến gần, phân vân không biết là ai liền thốt lên lời kệ:

338. Ta đang nghe các bước chân này,
Một kẻ nào đi đến lối đây,
Không phải tiếng chân Sāma bước,
Này người, cho hỏi người là ai?

339. Sāma con lão đi êm, lặng,
Lúc đặt bàn chân rất nhẹ nhàng,
Tiếng bước chân này không phải nó,
Này người, cho hỏi là ai sang?

Vua nghe nói liền suy nghĩ: "Nếu ta bảo thật cho ông lão biết ta đã giết con ông và không nói rõ ta là vua thì họ sẽ phẫn nộ và mắng chửi ta và lòng sân hận của ta sẽ nổi lên khiến ta xúc phạm đến họ, lại càng gây thêm tội ác. Nhưng thường tình ai gặp vua mà lại không kinh sợ, vậy ta phải nói cho họ biết." Vì thế, vua đặt bình nước vào đúng chỗ rồi đứng trước cửa am nói to:

340. Kāsi Chúa tể chính là ta,
Tên được gọi là Piliyakkha,
Từ giã ngôi vì thèm món thịt,
Săn nai, phiêu bạt chốn rừng già.

341. Có tài thiện xạ chính ta đây,
Cương quyết lòng ta chẳng chuyển lay,
Chẳng rắn thần nào hòng thoát khỏi,
Một khi đã đến trong tầm tay.

Lão Hiền nhân chào mừng vua với tình thân hữu và đáp lời:

342. Kính mừng vạn tuế, đấng Quân vương!
Hạnh ngộ ngài đi lạc bước đường,
Chúa thượng vinh quang và vĩ đại,
Sứ mạng gì xin được tỏ tường?[22]

343. Tinduka, piyāla, các lá cây,
Kāsumārī trái ngọt ngào thay,
Dù còn chỉ ít oi đôi chút,
Chọn thứ thiệt ngon có sẵn đây.[23]

344. Nước mát này từ dưới động sâu,
Ẩn mình trên một ngọn đồi cao,
Kính mời Chúa thượng, xin ngài ngự,
Cầm lấy uống vào thỏa ước ao.

Vua nghe lời tung hô nọ liền nghĩ: "Nếu ta nói ngay với ông lão rằng ta vừa giết chết con lão thì thật là thất sách. Vậy ta phải khởi đầu câu chuyện như ta chẳng biết gì cả rồi sẽ nói sau." Vì thế, vua hỏi:

345. Sao người mù lẩn quẩn rừng hoang,
Các trái này đây, ai đã mang?

---

[22] Xem *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547.

[23] Hai câu kệ 343-44, xem *J.* VI. 481, *Vessantarajātaka* (*Chuyện Đại vương Vessantara*), số §547.

Người ấy phải là người sáng mắt,
Hái nhiều loại tích trữ kho hàng.

Lão Hiền nhân ngâm hai vần kệ sau cho biết hai vợ chồng lão không đi hái trái mà là con trai đã mang về:

346. Sāma con trẻ tuổi hoa niên,
Tầm thước đẹp sao mắt ngắm xem,
Tóc dài đen nhánh quanh đầu nọ,
Cứ cuộn tròn trông thật tự nhiên.

347. Đem trái cây rồi lại bước ra,
Vội đi đổ nước đầy bình ta,
Sẽ quay trở lại tức thì đó,
Đường đến bờ sông cũng chẳng xa.

Vua đáp lời:

348-49. Sāma hiếu tử của hai người,
Người tả đẹp sao, tốt tuyệt vời,
Ta đã giết chàng nằm ở đó,
Tóc đen kia nhuộm máu hồng rồi!

Chòi lá của Pārikā gần đó, trong lúc bà ngồi nghe giọng nói của vua, bà lo ngại không biết việc gì đã xảy ra và khi đi đến gần men theo sợi dây thừng đến trước Hiền giả Dukūlaka, bà kêu lên:

350. Cho biết là ai, Dukūla,
Nói rằng con bị giết, Sāma,
Sāma đã chết, đây tin dữ,
Như xẻ làm đôi tim của ta!

351. Như thể chồi cây sung trẻ non,
Bị cơn gió mạnh xé lìa tan,
Sāma đã chết, nghe tin ấy,
Đau khổ làm ta nát ruột gan.

Lão nhân khuyên nhủ bà:

352. Đây là chúa tể nước Kāsi,
Cung ác của ngài đã giết đi,
Con của chúng ta bên bến nước,
Song ta đừng có rủa nguyền gì.

Pārikā đáp lại:

353. Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Sao tâm chứa đủ niềm căm hận,
Với kẻ ra tay giết hại người?

Lão nhân nói lớn:

354. Chỗ dựa, con yêu độc nhất đời,
Trông mong, chờ đợi mãi không thôi,
Nhưng Hiền nhân cấm ta căm hận,
Với kẻ ra tay giết hại người!

Rồi cả hai ông bà đều lớn tiếng than khóc, đấm ngực tán thán công đức của Bồ-tát. Lúc đó, vua cố hết sức an ủi hai vị:

355. Thôi đừng khóc nữa, ta van người,
Vì trẻ Sāma bạc phận rồi,
Ta sẽ phụng thờ hai vị mãi,
Đừng buồn như thể quá đơn côi.

356. Ta đây thành thạo với cây cung,
Lời hứa ta cương quyết thủy chung,
Ta sẽ hầu bên hai vị mãi,
Và nuôi hai vị ở trong rừng.

357. Ta sẽ đi tìm miếng thịt nai,
Đủ dùng củ, rễ, trái cây tươi,
Rồi ta hầu hạ bên hai vị,
Ta chính gia nô của các người.

Hai ông bà lão liền phản đối vua:

358. Chuyện này chẳng phải đạo, Quân vương,
Chẳng thích hợp đâu, trái lẽ thường,
Ngài chính là quân vương hợp pháp,
Chúng thần xin đảnh lễ đôi chân.

Khi nghe vậy, vua rất hoan hỷ nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay! Họ đã không mở lời hung hăng trách mắng ta là kẻ gây tội lỗi, lại còn tiếp đón ta thật ân cần." Rồi vua ngâm kệ:

359. Sơn nhân tuyên bố lẽ công bằng,
Tiếp đón như vầy thật chí thân,
Ngài chính từ đây cha của trẫm,
Và bà là mẹ của thần dân.

Cả hai ông bà đều cung kính giơ tay lên trời thỉnh cầu vua:

– Chúng tôi không dám nhờ Đại vương phụng dưỡng, chỉ mong Đại vương cầm đầu cây gậy dẫn chúng tôi đến chỗ Sāma nằm.

Rồi họ ngâm hai vần kệ:

360. Kāsi chúa tể thật huy hoàng!
Ngài sẽ làm dân tộc phú cường,
Xin hãy đưa ta đi đến chỗ,
Sāma yêu quý của ta nằm.

361. Tại đó, ta quỳ xuống dưới chân,
Chúng ta sờ mắt, mũi, toàn thân,
Chúng ta quyết đợi chờ thần chết,
Kiên nhẫn bên con mãi đến cùng.

Trong lúc họ đang nói chuyện thì mặt trời lặn. Vua nghĩ thầm: "Bây giờ nếu ta đưa họ đến đó, họ sẽ tan nát cõi lòng trước cảnh đau thương và nếu ba mạng người chết vì ta thì chắc chắn ta sẽ đọa vào địa ngục. Thôi ta đừng dẫn họ đến đó nữa!" Thế rồi, vua ngâm ba vần kệ này:

362. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Như vầng trăng rụng xuống trần rồi.

363. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Như vầng dương rụng xuống trần rồi.

364. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Bao nhiêu bụi đất phủ lên rồi.

365. Một vùng đầy dã thú săn mồi,
Như tận cùng biên giới cõi đời,
Chính chỗ Sāma nằm hiện tại,
Xin hai vị ở lại am thôi!

Hai ông bà đáp lời chứng tỏ lòng gan dạ của họ:

366. Mặc loài dã thú phá tan hoang,
Hàng vạn triệu con cứ ngập tràn,
Ta chẳng sợ đâu bầy dã thú,
Chúng không thể hại đến thân tàn.

Như thế, vua không thể ngăn cản họ được, đành phải cầm tay dắt họ đến đó.

***

Để làm rõ ý nghĩa này, bậc Đạo sư ngâm [vần kệ]:

367. Để dẫn người mù lòa bước chung,
Đến nơi rừng lớn đầy gian truân,
Vua Kāsi phải cầm tay họ,
Dìu tận chỗ Sāma mạng vong.

Khi đến nơi, vua bảo:

– Con trai của hai vị nằm đây rồi.

Ông lão liền áp đầu vào lòng con và bà mẹ gục đầu xuống chân con khóc lóc thảm thiết.

Bậc Đạo sư ngâm kệ này để làm sáng tỏ vấn đề:

368-71. Lấm bụi và tan nát ruột gan,
Vừa nhìn cảnh tượng Sāma nằm,
Họ quỳ xuống giống như nhìn thấy,
Vầng nhật nguyệt rơi rụng xuống trần,
Cha mẹ giơ cao đôi tay họ,
Khóc than thật thống thiết muôn phần.

372-76. Phải chăng con ngủ hỡi Sāma,
Con giận hờn, quên cả mẹ cha,
Hãy nói việc gì làm mệt trí,
Khiến con nằm chẳng trả lời ta?

377. Ai sẽ bây giờ kết tóc ta,
Rồi ai sẽ phủi bụi trong nhà,
Khi Sāma chẳng còn đây nữa,
Ở lại chỉ hai kẻ mắt lòa?

378-80. Ai sẽ quét sàn cho chúng ta,
Ai đem nước nóng, lạnh bây giờ,
Ai tìm củ, quả rừng về nữa,
Cô độc, già, mù cả mẹ cha?

Bà mẹ đấm ngực than khóc hồi lâu rồi suy xét kỹ nỗi sầu thương của mình, bà tự nhủ: "Tất cả chuyện đau thương này là do con ta bị hôn mê vì chất độc quá mạnh, vậy ta phải thành khẩn thề nguyền để giải độc cho con." Nghĩ vậy rồi, bà trang nghiêm tuyên thề.

***

Bậc Đạo sư nói rõ về điều này:

381. Khi biết Sāma ngã gục nằm,
Bao nhiêu bụi đất phủ trên thân,
Muộn sầu, khốn khổ thương con trẻ,
Người mẹ bèn tuyên lời thật chân:

382. "Quả thật Sāma con trẻ đây,
Là người theo pháp, chẳng hề sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

383. Quả thật Sāma con trẻ tôi,
Thực hành Phạm hạnh, chẳng buông lơi,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất thôi.

384. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Lời luôn chân chánh, chẳng đơn sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

385. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Chăm lo cha mẹ quá tròn đầy,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

386. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Kính cung bậc trưởng thượng, hay thay!
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

387. Quả thật Sāma con trẻ ngoan,
Mẹ luôn yêu quý hơn sinh mạng,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia lập tức tan.

388. Việc phước thiện nào cha mẹ hay,
Trước giờ tích tạo đến hôm nay,
Cầu mong thiện sự bao nhiêu ấy,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay."

Sau khi bà mẹ trang nghiêm thề nguyền như vậy qua bảy vần kệ, Sāma bỗng nghiêng mình và nằm lại. Rồi người cha nghĩ: "Con trai ta còn sống, ta cũng sẽ trang nghiêm thề nguyền", và ông thành khẩn thề nguyền tương tự.

***

Bậc Đạo sư nói rõ về điều này:

389. Khi biết Sāma ngã gục nằm,
Bao nhiêu bụi đất phủ trên thân,
Muộn sầu, khốn khổ thương con trẻ,
Cha cậu bèn tuyên lời thật chân:

390. "Quả thật Sāma con trẻ đây,
Là người theo pháp, chẳng hề sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

391. Quả thật Sāma con trẻ tôi,
Thực hành Phạm hạnh, chẳng buông lơi,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất thôi.

392. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Lời luôn chân chánh, chẳng đơn sai,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

393. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Chăm lo cha mẹ quá tròn đầy,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

394. Quả thật Sāma con trẻ đây,
Kính cung bậc trưởng thượng, hay thay!
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay.

395. Quả thật Sāma con trẻ ngoan,
Cha luôn yêu quý hơn sinh mạng,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến chất độc kia lập tức tan.

396. Việc phước thiện nào cha mẹ hay,
Trước giờ tích tạo đến hôm nay,
Cầu mong thiện sự bao nhiêu ấy,
Khiến chất độc kia tiêu mất ngay."

Sau khi người cha tuyên bố những lời chân thật này thì Bồ-tát xoay người sang phía bên kia rồi nằm lại. Kế đến, nữ thần cũng thề nguyện trang nghiêm lần thứ ba.

***

Bậc Đạo sư giải thích rõ về điều này:

397. Thần nữ ẩn mình giữa cõi không,
Ở trên thượng đỉnh của Hương Sơn,
Thực hành tuyên bố lời chân thật,
Vì với Sāma dạ xót thương:

398. "Ở lâu trên thượng đỉnh Hương Sơn,
Sāma là người ta quý hơn,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến độc trong Sāma biến tan.

399. Tất cả rừng cây ở Hương Sơn,
Thảy đều lan tỏa ngát mùi thơm,
Cầu mong lời thật tôi vừa nói,
Khiến độc trong Sāma biến tan."

400. Trong khi thương xót, họ thay phiên,
Chứng thực trang nghiêm, họ phát nguyền,
Kìa thấy Sāma vùng đứng dậy,
Xinh tươi, cường tráng, thật hồn nhiên.

Thế là bậc Đại sĩ đã phục hồi khỏi vết trọng thương, cha mẹ ngài cũng phục hồi lại thị giác vừa lúc bình minh xuất hiện. Các phép lạ ấy xảy ra cùng một lúc tại chốn am tranh nhờ thần lực của nữ thần. Đôi cha mẹ đều vui mừng không sao kể xiết khi thấy mình được sáng mắt ra và con trai đã được hồi sinh. Lúc ấy, Sāma ngâm kệ này:

401. Con chính Sāma được vạn an,
Nhìn con trước mặt, hãy hân hoan,
Hãy lau khô hết đôi dòng lệ,
Và đón chào con, hạnh phúc tràn!

402. Vạn tuế, cầu mong bậc Đại vương,
Phước phần phục vụ lệnh ngài luôn,
Ngài là chúa tể thần dân đó,
Ước nguyện gì xin hãy tỏ tường!

403. Tinduka, piyāla, madhukā tươi,
Trái cây quý hiếm nhất, xin mời,
Dâng lên thượng khách, ngon như mật,
Ngài ngự dùng cho thỏa ý thôi.

404. Nước mát đây từ dưới động sâu,
Ẩn mình trên một ngọn đồi cao,
Suối trong làm dịu ngay cơn khát,
Ngài ngự dùng cho thỏa khát khao.

Vua nhìn cảnh tượng kỳ diệu này liền nói to:

405. Ta lạ lùng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể nói hướng phương nào,
Một giờ trước thấy chàng nằm chết,
Nay sống dậy đây, thật nhiệm mầu!

Sāma nghĩ thầm: "Vua tưởng ta đã chết, vậy ta phải giải thích rõ là ta vẫn còn sống", và ngài nói:

406-07. Một người đầy đủ các công năng,
Tình cảm, tâm tư chẳng thoát thân,
Vì bất tỉnh là ngưng hoạt động,
Người ngoài tưởng kẻ ấy từ trần.

Rồi muốn cho hiểu rõ ý nghĩa thật sự của chuyện này, ngài ngâm kệ thuyết pháp:

408. Các thế nhân theo pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên nhìn thấy lòng con hiếu,
Và đến chữa lành các bệnh luôn.

409. Các thế nhân theo pháp chánh chân,
Chăm nuôi cha mẹ lúc gian truân,
Chư thiên thế giới này ca tụng,
Đời kế cõi thiên hưởng phước phần.

Vua nghe vậy nghĩ thầm: "Thật kỳ diệu thay, ngay cả các thiên thần cũng xuống trần chữa lành bệnh cho người phụng thờ cha mẹ khi người này bị bệnh hoạn, chàng Sāma này thật vinh quang vượt bậc!"

Rồi vua ngâm kệ:

410. Ta lạ lùng kinh ngạc biết bao,
Ta không thể thấy hướng phương nào,
Sāma, ta đến nhờ chàng giúp,
Chàng chính là nơi ta trú vào.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương muốn lên thiên giới và hưởng an lạc ở đó thì Đại vương phải thực hành mười phận sự như sau.

Rồi ngài ngâm kệ về vấn đề này:

411. Trước tiên là đối với song thân,
Ngài phải làm tròn phận sự luôn,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên nhân.

412. Đối với vương phi, với các con,
Phải làm tròn phận sự, Quân vương,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên nhân.

413-16. Với thân bằng và các triều thần,
Binh sĩ trong tất cả đạo quân,
Với các thôn làng và thị trấn,
Giang sơn ngài, với mọi tùy tùng.

417-19. Với người thanh tịnh, Bà-la-môn,
Ẩn sĩ, thú, chim, hỡi Chúa công,
Phận sự hoàn thành trên cõi đất,
Sẽ đưa ngài đến cõi thiên thần.

420. Phận sự tròn đem lại phước ân,
Phạm thiên, Đế-thích, các thiên thần,

Nhờ làm phận sự đầy an lạc,
Vậy phải hoàn thành phận thế nhân.

Sau khi thuyết giảng thập vương pháp cho vua xong, bậc Đại sĩ còn thuyết giảng thêm nhiều pháp nữa và dạy vua giữ năm giới. Vua cúi đầu tín thọ lời thuyết giảng và sau khi cung kính từ tạ ra về liền trở lại Ba-la-nại thực hành đại bố thí cùng nhiều công đức khác rồi sau khi mạng chung đi theo nghiệp của mình, cùng với triều thần gia nhập hội chúng thiên giới. Còn Bồ-tát cùng với cha mẹ ngài đều đạt các thắng trí và nhiều cấp độ thiền chứng khác nhau, rồi đi lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi thuyết giảng xong, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, người hiền phụng dưỡng cha mẹ là một phong tục tối cổ.

Rồi Ngài tuyên thuyết các sự thật, vị Tỷ-kheo phụng dưỡng mẹ đắc quả Dự lưu. Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vua là Ānanda (A-nan), nữ thần là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), người cha là Mahākassapa (Đại Ca-diếp), người mẹ là Bhaddakāpilānī và Sāma chính là Ta.

§541. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG NIMI (*Nimijātaka*)[24] (*J.* VI. 95)

Quả thật diệu kỳ ở thế gian...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại vườn xoài của Vua Makhādeva[25] gần thành Mithilā về một nụ cười.

Một buổi chiều nọ, bậc Đạo sư cùng hội chúng đông đảo Tỷ-kheo đang dạo chơi trong vườn xoài, Ngài chợt thấy một nơi hợp ý. Vì muốn kể lại hành nghiệp của mình ở thời quá khứ, Ngài liền để lộ một nụ cười trên khuôn mặt cho hội chúng chiêm ngưỡng. Khi Tôn giả Ānanda hỏi tại sao, Ngài đáp:

– Này Ānanda, ở chỗ kia, ngày xưa Ta đã nhập thiền định vào thời Vua Makhādeva.

Rồi theo lời thỉnh cầu của Tôn giả, đức Thế Tôn ngồi xuống nơi Tôn giả mời Ngài và kể câu chuyện quá khứ.

***

[24] Tham chiếu: *J.* I. 138, *Makhādevajātaka* (*Chuyện Vua Makhādeva*), số §9; *M.* II. 74, *Makhādevasutta* (*Kinh Makhādeva*), số 83; *Đại Thiên nại lâm kinh* 大天奈林經 (*T.*01. 0026.67. 0511c21); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.1.1. 0549b09); *Tăng.* 增 (*T.*02. 0125.50.4. 0806c21); *Ma-điều Vương kinh* 摩調王經 (*T.*03. 152.87. 0048b25); *Pháp cú kinh* "Đao-lợi phẩm" 法句經道利品 (*T.*04. 0210.38. 0574b16); *Pháp cú thí dụ kinh* "Đao-lợi phẩm" 法句譬喻經道利品 (*T.*04. 0211.38. 0606b16); *Phật thuyết Trừ khủng tai hoạn kinh* 佛說除恐災患經 (*T.*17. 744. 0553b01).

[25] Bản CST viết *Maghadeva.*

Thuở xưa, ở quốc độ Videha, trong kinh thành Mithilā có một vị vua tên là Makhādeva. Khi còn thanh xuân, vua hưởng thọ dục lạc trong khoảng tám mươi bốn ngàn năm, kế đó ngài làm phó vương trong tám mươi bốn ngàn năm, rồi lên làm vua trong tám mươi bốn ngàn năm nữa.

Lúc bấy giờ, ngài bảo người thợ hớt tóc phải báo cho ngài biết ngay khi gã thấy sợi tóc bạc đầu tiên trên đầu ngài. Thời gian qua, khi người ấy thấy sợi tóc bạc liền tâu với vua, vua bảo gã lấy nhíp nhổ ra để lên tay ngài; ngài thấy như thể thần chết đang bám vào trán ngài vậy. Ngài nghĩ thầm: "Bây giờ đã đến lúc ta phải rời khỏi thế tục." Vì thế, ngài cho phép người thợ hớt tóc lựa chọn một ngôi làng theo ý muốn, còn ngài cho triệu thái tử đến giao việc triều chính vì ngài sẽ xuất gia.

Thái tử hỏi:

– Tâu Phụ vương, tại sao vậy?

Ngài đáp:

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra,
Cướp dần đời sống tháng năm qua,
Chúng là thiên sứ nhắc ta nhớ,
Nay đến thời ta phải xuất gia.

Cùng với những lời này, ngài phong vương cho con theo nghi lễ Quán đảnh, huấn dạy tân vương phép trị nước rồi ngài rời kinh thành theo đời sống của một ẩn sĩ. Suốt tám mươi bốn ngàn năm ngài tu tập tứ vô lượng tâm, rồi ngài được sinh lên Phạm thiên giới.

Con của ngài cũng theo gương cha. Các hoàng tử về sau cũng vậy, cứ lần lượt tám mươi bốn ngàn vị, khi thấy sợi tóc bạc đầu tiên xuất hiện, họ liền xuất gia, ẩn cư trong vườn xoài, hành trì tứ vô lượng tâm và được sinh lên Phạm thiên giới. Là vị vua đầu tiên trong hoàng tộc được sinh cõi này, Vua Makhādeva đứng trên Phạm thiên giới nhìn xuống hoàng tộc của mình, ngài rất hoan hỷ khi thấy tám mươi bốn ngàn hoàng tử thiếu hai vị đã xuất gia. Ngài suy nghĩ: "Sẽ có Niết-bàn bây giờ hay không?" Ngài thấy là không thể có được nên ngài quyết định chính ngài chứ không ai khác nữa phải kế tục sự nghiệp hoàng gia. Vì thế, ngài từ thiên giới xuống nhập mẫu thai hoàng hậu của vị vua thành Mithilā.

Vào ngày đặt tên, các nhà tiên tri nhìn tướng mạo của hài nhi, đồng tâu:

– Tâu Đại vương, vương tử này ra đời để kế tục sự nghiệp hoàng gia. Từ đây về sau, hoàng tộc của ngài sẽ không còn là hoàng tộc ẩn sĩ nữa.

Nghe vậy, vua bảo:

– Hài nhi này ra đời để nối nghiệp hoàng gia như thể chiếc vành bánh xe vậy.

Vì thế, ngài đặt tên con là Nimi (Xa Luân).

Từ thuở ấu thơ, vương tử này đã chuyên tâm bố thí, làm các công đức, giữ giới vào ngày trai giới (*Uposatha*). Khi vua cha theo lệ thường, trông thấy sợi tóc bạc đầu tiên liền ban một ngôi làng cho người hớt tóc, phong vương cho con rồi trở thành ẩn sĩ trong vườn xoài và được sinh lên Phạm thiên giới.

Còn Vua Nimi chuyên tâm bố thí nên đã lập năm bố thí đường tại bốn cổng thành và ngay chính giữa thành để thực hành đại bố thí. Trong mỗi bố thí đường, ngài ban phát một trăm ngàn đồng tiền, thế là ngài phát ra năm trăm ngàn đồng tiền mỗi ngày. Ngài thường xuyên giữ ngũ giới, vào các ngày rằm ngài giữ giới hạnh Bố-tát. Ngài khuyến khích dân chúng bố thí và làm các công đức, chỉ dạy cho họ con đường đi lên thiên giới, khiến họ thấy kinh sợ thần chết rồi ngài thuyết pháp cho họ nghe. Dân chúng tin theo lời thuyết giáo của ngài, bố thí, làm thiện sự nên khi từ trần đều lần lượt được sinh lên thiên giới, vì thế thiên giới trở nên đông đảo, còn địa ngục như thể trống vắng.

Lúc ấy, ở cõi trời Ba Mươi Ba, chư thiên đang tụ họp tại Thiện Pháp (Sudhammā) đường đồng thanh hô to:

– Hoan nghênh bậc Sư trưởng của chúng ta, Đại vương Nimi vạn tuế! Chính nhờ ngài hành thiện nghiệp, nhờ tri kiến Phật của ngài mà chúng ta đã đạt được an lạc vô biên ở thiên giới này.

Như thế họ tán thán công đức của bậc Đại sĩ. Ngay trong cõi nhân gian, tiếng tán thán cũng lan tràn khắp nơi như dầu loang trên mặt biển cả.

Bậc Đạo sư giải thích việc này cho hội chúng Tỷ-kheo qua các vần kệ sau:

421. Quả thật diệu kỳ ở thế gian,
Các Hiền nhân đã được vinh thăng,
Vào thời Minh chúa Nimi ấy,
Thánh giả, Hiền nhân đã ngập tràn.

422. Videha Đại đế ngày xưa,
Bậc chiến thắng bao kẻ địch thù,
Trong lúc ngài thi hành bố thí,
Vẫn thường sinh khởi mối suy tư:
"Điều gì đem lại nhiều thành quả,
Bố thí, tu hành, ai bảo cho?"

Lúc ấy, cung của Thiên chủ Sakka (Đế-thích) bỗng nóng rực lên. Thiên chủ tìm hiểu lý do, thấy vua đang suy nghĩ như vậy, ngài nói:

– Ta sẽ giải quyết vấn đề này.

Rồi ngài ra đi, bỗng chốc đã biến hoàng cung thành một vùng sáng lòa, ngài bước vào cung điện, sừng sững tỏa hào quang rực rỡ và theo lời thỉnh cầu của vua, ngài làm sáng tỏ mọi việc.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

423. Đại đế chư thiên, đấng vạn năng,
Là ngài Thiên Nhãn[26] tỏa hào quang,
Nhận ra tư tưởng trong vua ấy,
Trước ánh sáng ngài bóng tối tan.

424. Đại đế Nimi rởn thịt da,
Vội tâu Thiên chủ Vāsava:
"Thiên hay càn-thát-bà, cho biết,
Như Đế-thích, Purindada?

425. Hào quang như vậy ở trên trần,
Tôi chẳng từng nghe thấy một lần,
Tôn giả, xin người hãy nói rõ,
Thế nào? Ta muốn biết nguyên nhân."

426. Đã thấy đức vua rởn thịt da,
Vị Thiên chủ nói Nimi là:
"Ta đây Đế-thích, vị Thiên chủ,
Đã đến thăm ngài chẳng ngại xa.
Hỏi điều ngài muốn, kìa Hoàng thượng,
Chớ sợ hãi và rởn thịt da!"

427. Sakka Thiên chủ, đấng toàn năng,
Giải quyết cho ta nỗi khó khăn,
Bố thí hay tu hành Thánh hạnh,
Việc gì đem kết quả nhiều hơn?

428. Rồi Vāsa lại bảo Nimi,
Giải quyết cho vua chính vấn đề,
Nói quả tu hành đời Thánh hạnh,
Cho nhà vua ấy được liễu tri:

429. Người sinh làm một Khattiya,
Kẻ sống đời thanh tịnh bậc ba,
Một vị thiên thần vào bậc giữa,
Thánh hiền bậc nhất đạt tinh hoa.

430. Nhờ bố thí thôi khó đạt thành,
Như vầy những quả vị an lành,
Những gì bậc Thánh nhân xuất thế,
Chứng đắc nhờ tu tập khổ hành.

Qua các vần kệ này, ngài làm sáng tỏ thành quả vĩ đại của đời tu hành rồi ngài đọc các bài kệ khác nêu tên các vị vua trong quá khứ đã không thể vượt qua dục giới nhờ thực hành đại bố thí, đó là các vị vua:

[26] Sahassanetta: Ngàn mắt; còn được viết: Sahassakkha (千眼帝釋), Thiên Nhãn Đế-thích, một danh hiệu của vị Thiên chủ cõi trời Tāvatiṃsa (三十三, Tam Thập Tam, Ba Mươi Ba).

431. Dudīpa, Sāgara, Sela,
Mucalinda, Bhagīrasa,
Usīnara và Aṭṭhaka,
Assaka và Puthujjana.

432. Các vua, giáo sĩ, Khattiya,
Và biết bao nhiêu kẻ đã qua,
Vì chỉ chuyên thi hành tế lễ,
Không ai vượt khỏi cảnh quỷ ma.

Sau khi giải thích thành quả của đời sống tu hành cao hơn hẳn thành quả của bố thí như vậy, ngài nêu rõ những vị ẩn sĩ nhờ sống đời Thánh hạnh đã vượt qua thế giới ma quỷ (*peta*) và được sinh lên Phạm thiên giới, rồi ngài nói:

433-34. Và đây bảy ẩn sĩ Hiền nhân,
Những vị đã siêu thoát cõi trần,
Yāmahanu, Somayāga,[27]
Manojava, Samudda,
Māgha, Bharata, Kālikara.[28]

[Còn có bốn Hiền nhân khác nữa]:
Aṅgīrasa, Kassapa,
Kisavaccha, Akitti,
Thảy đều lên cõi Phạm thiên thần.

Từ trước đến giờ, ngài theo truyền thuyết mô tả thành quả vĩ đại của đời Thánh hạnh, bây giờ ngài tiếp tục tuyên bố những gì chính ngài đã thấy:

435. Sīdā phương Bắc, một trường giang,
Sâu thẳm, thuyền bè khó vượt ngang,
Quanh nó giống như rừng lửa sậy,
Sáng ngời các dốc núi màu vàng.

436. Cát đằng bao phủ ở quanh vùng,
Thơm ngát cây trên núi, dưới sông,
Ở đó mười ngàn nhà ẩn sĩ,
Một thời đã trú ngụ tu thân.

437. Ta giữ lời nguyền của Thánh nhân,
Chuyên tâm tiết dục, tự điều thân,
Thực hành bố thí, đời đơn độc,
Chăm sóc tâm từng bước vững vàng.

438. Bất cứ ở trong đẳng cấp nào,
Phải tìm bậc Thánh để theo hầu,

[27] Bản CST viết Somayāma.
[28] Kālikara, viết đủ là Kālikarakkhiya.

Vì con người thảy đều ràng buộc,
Do chính mọi hành nghiệp bấy lâu.

439. Xa chánh đạo tất phải đọa thân,
Vào miền địa ngục mọi giai tầng,
Mọi giai tầng trở thành thanh tịnh,
Nếu tạo thiện hành, sống chánh chân.

Sau đó, ngài bảo:

– Tuy nhiên, này Đại vương, mặc dù đời tu hành đạt kết quả cao hơn bố thí nhiều nhưng các bậc đại nhân đều phải lưu tâm đến cả hai việc này: Bố thí và giữ giới hạnh.

Sau lời nhắn nhủ này, Thiên chủ trở về cảnh giới của ngài.

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy rằng:

440. Vừa khi Đế-thích dứt lời này,
Đối Videha để chỉ bày,
Thiên đế, chồng Sujā cất bước,
Quay về lại cõi chúng thiên ngay.

Lúc ấy, hội chúng chư thiên liền hỏi ngài:

– Tâu Thiên chủ, lâu nay chúng con không được yết kiến Thiên chủ, chẳng hay ngài ở đâu vậy?

– Này các Hiền giả, Vua Nimi ở thành Mithilā đang có mối hoài nghi trong lòng nên ta phải đi giải quyết vấn đề để vua khỏi nghi ngờ nữa.

Rồi ngài tả sự việc qua các vần kệ:

441. Này chư thiên, hãy lắng nghe ta,
Tất cả đây tề tựu nãy giờ,
Các bậc chánh nhân đều khác hẳn,
Cả về đẳng cấp lẫn tài hoa.

442. Nimi chúa tể ở phàm trần,
Là bậc Trí hiền đức, chánh chân,
Vua nước Vi-đề chuyên bố thí,
Là người chiến thắng các cừu nhân.

443. Trong lúc ngài ban phát rộng tay,
Khởi sinh trong trí mối nghi này:
"Điều gì kết quả nhiều hơn hẳn,
Bố thí, tu hành, ai có hay?"

Sau đó, ngài kể lại các đức tính của vua không sót điều gì, khiến chư thiên mong ước được gặp vua liền nói:

– Tâu Thiên chủ, Vua Nimi là bậc Sư trưởng của chúng con, nhờ lời dạy bảo của ngài cùng các phương tiện của ngài, chúng con đã đạt được niềm an lạc

trên thiên giới. Chúng con ao ước được gặp ngài. Vậy xin Thiên chủ hãy cho mời ngài đến để chúng con được bái yết ngài!

Thiên chủ Sakka chấp thuận, truyền gọi thần Mātali đến:

– Này hiền hữu, hãy buộc ngựa vào xa giá của ta, rồi xuống kinh thành Mithilā rước Vua Nimi lên thiên xa và đem ngài về đây!

Thần Mātali vâng lệnh ra đi. Trong khi Thiên chủ Sakka đàm đạo với chư thiên và ra lệnh cho Mātali đem xe xuống trần, tính ra ở hạ giới đã một tháng trôi qua. Lúc đó, đúng ngày trai giới trăng tròn, Vua Nimi mở cửa sổ hướng Đông, ngồi trên lầu cùng các triều thần vây quanh, suy ngẫm đến công hạnh của mình. Vừa lúc trăng lên ở hướng Đông thì thiên xa xuất hiện. Dân chúng đã ăn cơm tối xong, đang cùng nhau trò chuyện vui vẻ trước cửa, họ kêu lên:

– Ô kìa! Sao hôm nay lại có đến hai vầng trăng thế?

Trong lúc họ đang bàn tán thì chiếc xe lộ rõ dần:

– Ồ không phải vầng trăng mà là chiếc xe ngựa!

Lúc đó, đoàn tuấn mã cả ngàn con của thần Mātali cùng xe của Thiên chủ Sakka xuất hiện, dân chúng tự hỏi: "Xe này dành cho ai đây? Phải rồi, vua của chúng ta thật anh minh, chắc Thiên chủ Sakka dành xe này cho vua của chúng ta rồi, chắc Thiên chủ muốn gặp vua."

Vì thế, họ hoan hỷ reo hò:

444. Một việc diệu kỳ ở thế gian,
Làm ta rợn gáy bởi hân hoan,
Vì Vi-đề đại vương vinh hiển,
Nên chiếc thiên xa xuống cõi phàm!

Trong lúc dân chúng đang mải mê bàn tán như vậy thì nhanh như gió, Mātali quay xe lại, dừng xe bên song cửa hoàng cung, mời vua lên xe.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

445-46. Mātali, đại lực thiên thần,
Điều ngự thiên xa của Ngọc hoàng,
Đến thỉnh Videha chúa tể,
Ở Mithilā điện: "Tâu Minh quân,
Chúa công dưới thế lên xa giá,
Thiên chủ Inda với các thần,
Ở cõi Băm Ba, cung Thiện Pháp,
Đang chờ để yết kiến tôn nhan."

Vua suy nghĩ: "Ta sắp viếng cõi trời mà ta chưa từng biết, vậy ta phải tỏ lòng tri ân đối với thần Mātali." Thế rồi, ngài bảo các cung phi cùng thần dân:

"Chẳng bao lâu ta sẽ trở về trần thế, vậy các người phải chuyên tâm làm việc thiện và bố thí." Rồi ngài lên xe.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

447-48. Khi ấy, Videha đại quân,
Vội vàng tiến đến chiếc xe thần,
Bước vào, khi Đại vương an tọa,
Thần lái thiên xa lại hỏi rằng:
"Thánh chúa, đường nào ngài muốn chọn,
Nơi người ác ở hoặc Hiền nhân?"

Nghe nói vậy, vua liền nghĩ: "Cả hai chốn này ta đều chưa hề thấy bao giờ cả, vậy ta muốn xem cả hai." Ngài đáp lại:

449. Mātali, hỡi quản xa thần!
Hai chỗ ta đều muốn ngắm trông,
Nơi chốn bậc Hiền nhân trú ngụ,
Và nơi kẻ ác đọa đày thân.

Mātali suy nghĩ: "Không thể đi xem cả hai nơi cùng một lúc được, vậy ta phải hỏi lại vua xem sao." Rồi thần ngâm kệ:

450. Chỗ nào đi trước, Đại minh quân,
Nơi trước tiên ngài muốn ngắm trông,
Nơi chốn bậc Hiền nhân trú ngụ,
Hay nơi kẻ ác đọa đày thân?

Vua suy nghĩ thế nào ngài cũng sẽ lên thiên giới và ngài lại ước mong thấy địa ngục nên ngài ngâm kệ:

451. Ta muốn xem nơi của tội nhân,
Hãy đưa ta đến ngục sau cùng,
Nơi người đã phạm hành vi ác,
Nơi kẻ ác nay đang trú thân.

Lúc ấy, Mātali chỉ cho vua thấy dòng sông ở địa ngục tên gọi Vetaraṇī.

Bậc Đạo sư giải thích việc này:

452. Thần lái thiên xa chỉ chúa công,
Dòng sông hôi thối Vetaraṇī,
Chứa đầy chất nước đang thiêu hủy,
Nóng bỏng, phủ toàn lửa cháy bừng.

Vua kinh hoàng khi nhìn thấy những tội nhân bị hành hạ đau đớn trong dòng sông Vetaraṇī, ngài liền hỏi Mātali họ đã mắc những tội gì, Mātali liền kể lại.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

453. Vua Nimi thấy tội nhân sa xuống,
Dòng sông sâu liền hỏi Mātali:
"Ta kinh hoàng thấy cảnh tượng đằng kia,
Những kẻ này phạm tội gì, xin nói,
Mà nay bị sa xuống sông Vetaraṇī."

454. Vừa được hỏi, thần khiển thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tường minh,
Ác nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trổ quả, ai làm thì phải gánh.

455. "Ai trong đời ỷ sức mạnh riêng mình,
Lại ức hiếp kẻ nghèo hèn, yếu đuối,
Kẻ ác kia đã gây bao tội lỗi,
Bị thả vào dòng nước Vetaraṇī."

Mātali đáp lời vua như vậy. Khi vua đã thấy địa ngục Vetaraṇī rồi, Mātali liền làm cho cảnh này biến mất rồi lái xe đến xem nơi tội nhân bị các loài chó và ác thú khác xâu xé. Vua kinh sợ, thắc mắc và thần Mātali trả lời.

Bậc Đạo sư giải thích việc này:

456. "Bầy chó đen, đàn kên kên cùng quạ,
Đang đợi mồi kinh khủng, lúc ta trông,
Mātali, ta kinh hãi trong lòng,
Tội lỗi gì họ gây ra, xin nói,
Quạ rình ai? Mātali hãy đáp!"

457. Vừa được hỏi, thần khiển thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tường minh,
Ác nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trổ quả, ai làm thì phải gánh.

458. "Những kẻ xan tham, sân hận, nói xàm,
Làm tổn hại Bà-la-môn, ẩn sĩ,
Những kẻ ác đã gây bao tội thế,
Nay làm mồi cho diều quạ, ngài xem!"

Những câu hỏi khác của vua cũng đều được thần Mātali đáp lại tương tự như trên.

459. Mình rực lửa khi họ nằm phủ phục,
Đống than hồng vùi dập lúc ta trông,
Mātali, ta hoảng sợ trong lòng,
Tội lỗi gì các kẻ này phạm phải,
Thần quản xa nói cho ta biết với,
Nay nằm vùi dập dưới đống than hồng?

460. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:

461. Sống ở đời ai có tánh bạo hung,
Gây phiền hại nữ, nam nhân hiền hậu,
Họ thật đúng là người tâm rất xấu,
Tạo ác xong bị khối sắt dập cùng.

462. "Những người khác nằm hố than vật vã,
Gầm thét lên, thân cháy lúc ta trông,
Mātali, ta hoảng sợ trong lòng,
Bọn này phạm tội gì cho ta rõ,
Ai nằm vẫy vùng trong hầm lửa đỏ?"

463. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:

464. Kẻ nào vì tài sản thuộc nghiệp đoàn,
Đã làm chứng xong rồi lật lọng nợ,
Họ làm hại số đông, tấu Bệ hạ,
Kẻ xấu xa này phạm tội bất nhân,
Nay nằm đó vẫy vùng trong hố lửa.

465. "Ánh lửa rực vạc đồng đang cháy đỏ,
Ta thấy kìa một vạc lớn gớm ghê,
Khi ta nhìn lòng sợ hãi tràn trề,
Mātali nói cho ta biết rõ,
Những kẻ ấy tội gì đã tạo đó,
Nay chúc đầu vào vạc đồng khổng lồ?"

466. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:

467. Kẻ làm hại Bà-la-môn, Sa-môn,
Kẻ xấu xa làm hại các thiện nhân,
Những ác nhân mang ác nghiệp vào thân,
Nay phải chúi đầu vào vạc đồng lớn.

468. "Cổ bị tóm quay tròn, nhúng nước nóng,
Nước đang sôi sùng sục thật kinh hồn,

Mātali, ta sợ hãi từng cơn,
Những kẻ ấy tội gì phạm, lầm lạc,
Giờ đây đầu bị đứt, nằm chịu phạt?

469. Nghe hỏi vậy Mātali đáp vội,
Thần điều xa giải thích thật rõ ràng,
Nói những điều mình thật sự am tường,
Tội lỗi chín mang liền nhiều quả khổ:

470. Đó là những ác nhân trên hạ giới,
Bắt chim muông rồi sát hại tiêu vong,
Và sát sinh như vậy, hỡi Quân vương,
Kẻ nghiệp xấu đã gây bao tội lỗi,
Nay nằm đó với đầu bị chặt khỏi.

471-72. Dòng sông kia sâu thẳm, bờ nông cạn,
Dễ đi qua bờ bên ấy, thế nhân,
Nóng như thiêu liền uống, nhưng vừa dùng,
Nước thành trấu lửa khi ta nhìn thấy,
Mātali, lòng ta đầy kinh hãi,
Nói cho ta tội lỗi của thế nhân,
Sao uống vào, nước hóa trấu cháy bừng?

473-74. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Đây những người trộn gạo với trấu tro,
Đem bán gian cho những kẻ đi mua,
Nên giờ phải chịu khát thiêu cổ họng,
Nhưng uống vào nước hóa ra trấu nóng.

475. Bao gươm giáo cung tên đâm xuyên thủng,
Hai bên sườn những kẻ nọ thét gào,
Mātali, ta kinh hãi, nói mau,
Tội lỗi gì các kẻ kia đã tạo,
Nên ngày nay chịu biết bao gươm giáo,
Phải nằm kia hứng lấy mọi cung tên?

476-77. Mātali, thần điều ngự đáp liền,
Tả tội chín muồi và nay mang quả:
Kìa những thế nhân lòng đầy gian trá,
Đã lấy của người để sống giàu sang,
Trâu, dê, cừu, ngựa, thóc, lúa, bạc, vàng,
Những ác nhân này gieo trồng tội báo,
Nên giờ đây nằm hứng bao gươm giáo.

478. Những kẻ này bị cột cổ là ai,
Kẻ xé thịt, người chặt xương từng mảnh,
Mātali, lòng ta đầy kinh hoảng,
Nói cho ta tội tạo bởi chúng sinh,
Đang nằm kia thân bị xé tan tành?

479-80. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Dân chài, hàng thịt, săn bắn hươu nai,
Kẻ giết trâu, dê đem bán ở đời,
Những ác nhân đã gây bao tội ác,
Nay nằm kia với tấm thân tan nát.

481. Hố hôi đầy phân bẩn ở đằng kia,
Mùi thối xông lên, bao người chết đói,
Ăn đồ dơ, lòng ta đầy kinh hãi,
Khi ta nhìn, hãy nói, Mātali,
Các thế nhân kia mắc tội lỗi gì,
Nay ta thấy ăn toàn đồ dơ thối?

482-83. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi nay quả phải mang:
Những kẻ tinh ma ích kỷ hại nhân,
Sống với bạn mà đem lòng hại bạn,
Những ác nhân này đã gây nghiệp chướng,
Nay ăn đồ dơ bẩn tội tình thay.

484. Hố đằng kia đầy máu mủ hôi tanh,
Mùi thối xông lên, kìa đám sinh linh,
Khát thiêu họng, uống vào, ta kinh hãi,
Khi ta nhìn, Mātali hãy nói,
Bọn người kia đã tạo lỗi lầm gì,
Nên bây giờ phải uống dòng máu kia?

485-86. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Những kẻ này đã giết mẹ hoặc cha,
Chúng phải tôn sùng, tội ngỗ nghịch mà,
Bọn ác này đã tạo ra trọng tội,
Chúng đang uống đằng kia dòng máu thối.

487-88. Kìa lưỡi xuyên ngang bằng cái móc câu,
Như trăm mũi gai trên gỗ cắm vào,
Ai vẫy vùng như cá nằm trên cạn,
Khi thấy người đang thét gào lảm nhảm,

Ta kinh hoàng, hãy nói, Mātali,
Tội lỗi gì phạm bởi đám người kia,
Nay nằm đó nuốt móc câu như vậy?

489-91. Mātali, thần lái xe đáp lại,
Nêu tội chín muồi và quả phải mang:
Những thế nhân kia buôn bán chợ hàng,
Tranh giành mua rẻ vì tham tư lợi,
Tưởng đâu che được bao trò gian dối,
Như người câu cá, những kẻ dối đời,
Phải lâm nguy bởi nghiệp cũ theo hoài,
Bọn gian ác này đã gây tội ấy,
Đang nằm kia nuốt móc câu như vậy.

492-93. Những nữ nhân tơi tả, đứng giơ tay,
Gào thét lên, khốn khổ, máu bôi đầy,
Như thú trong lò, thân vùi đến ngực,
Còn nửa người trên lửa thiêu rừng rực,
Ta kinh hoàng, cho biết, Mātali,
Đám nữ nhân kia phạm tội ác gì,
Nay phải đứng chôn vùi trên mặt đất,
Nửa người trên lửa đang thiêu rừng rực,
Phần nằm sâu dưới đất đến nửa người?

494-95. Mātali khi ấy vội đáp lời,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Những kẻ kia cao sang trên thế giới,
Đời sống dâm ô, gây nghiệp bất nhân,
Phản bội, trốn chồng làm việc vô luân,
Để thỏa mãn những tấm lòng tham dục,
Họ phung phí cuộc đời trong trụy lạc,
Giờ đây mình rực lửa đứng chôn thân.

496. Sao những kẻ kia bị người lôi cẳng,
Và thả vào dòng nước Naraka?
Lòng kinh hoàng, Mātali nói ra,
Tội lỗi gì những thế nhân tạo vậy,
Nên ngày nay trôi vào dòng sông ấy?

497-99. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu nghiệp nhân mang quả đã chín muồi:
Những kẻ kia trên thế gian độc ác,
Trộm báu vật, tư thông vợ người khác,
Nên giờ đây bị thả xuống dòng sông,
Chịu khổ hình trong địa ngục muôn năm,

Không an lạc cho người gây tội lỗi,
Vì nó luôn bị nghiệp mình theo dõi,
Những ác nhân này gây tạo lỗi lầm,
Nên ngày nay bị thả xuống dòng sông.

Nói xong, Mātali làm cho cảnh địa ngục biến mất rồi tiếp tục lái xe tiến lên, chỉ cho vua xem địa ngục hành hình kẻ theo tà giáo. Theo lời vua yêu cầu, thần Mātali giải thích:

500. Ta chứng kiến bao nghiệp nhân gây quả,
Thật kinh hoàng trong địa ngục, khi trông,
Mātali, ta sợ hãi trong lòng,
Tội lỗi gì những thế nhân phạm phải,
Nên ngày nay bị trầm luân khổ ải,
Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua?

501-02. Mātali, thần điều ngự đáp vua,
Nêu tội chín muồi và nay mang trái:
Bọn ác tà kiến kia trên thế giới,
Đặt lòng tin vào vọng tưởng hư danh,
Buộc tha nhân phải tín ngưỡng theo mình,
Vì tà kiến đã gây bao tội lỗi,
Nên ngày nay phải chịu bao khổ ải,
Rất đau thương, thống thiết, khó vượt qua.

Bấy giờ trên thiên giới, chư thiên đang tụ tập tại Thiện Pháp đường chờ đợi nhà vua đến. Thiên chủ Sakka nghĩ thầm: “Mātali đã đi lâu lắm rồi”, và khi xét thấy lý do, ngài bảo:

– Mātali đang đi vòng quanh làm vị hướng dẫn chỉ các cảnh giới địa ngục cho nhà vua xem và giải thích các tội lỗi đã đưa đường đến mỗi địa ngục ấy.

Rồi cho gọi một vị thiên đồng trẻ tuổi nhanh nhẹn, ngài bảo vị này:

– Hãy đi bảo Mātali mang nhà vua đến đây ngay! Vị ấy đang tiêu phí hết cuộc đời của nhà vua đấy, không nên đi quanh các địa ngục quá lâu như vậy!

Lập tức vị thiên đồng ra đi, truyền lệnh của Thiên chủ cho Mātali. Nghe xong, Mātali đáp:

– Chúng tôi không dám chậm trễ nữa.

Rồi trong một thoáng nhanh như chớp, thần Mātali chỉ tất cả mọi cảnh giới địa ngục rộng lớn khắp bốn phương cho vua xem và ngâm kệ sau:

503. Giờ Đại vương đã chứng kiến nhiều nơi,
Của thế nhân mắc tội lỗi trên đời,
Nên đọa đày và đây Minh quân hỡi,
Nhanh lên thăm Đại đế của cõi trời.

Nói xong, thần quay xe lên thiên giới. Khi ấy, vua thấy trên không tòa lâu đài của một thiên nữ tên là Bīraṇī với các đỉnh tháp đầy ngọc vàng, được trang hoàng thật lộng lẫy, có hoa viên và hồ hoa sen, hoa súng cùng những cây quý bao quanh xứng đáng với cảnh đẹp ấy. Thiên nữ này ngồi trên sàng tọa trong căn phòng có đỉnh tháp hướng ra phía trước và được cả ngàn tiên nữ hầu hạ chung quanh, bà đang nhìn ra cửa sổ. Vua liền hỏi Mātali nữ thần ấy là ai và Mātali giải thích:

504-05. Ngắm lâu đài kia với năm đỉnh tháp,
Đầy tràng hoa tô điểm, ngự tọa sàng,
Một nữ thần thật diễm lệ huy hoàng,
Muôn vẻ uy nghi, muôn phần kỳ lực,
Mātali, lòng ta vui náo nức,
Nói ta nghe những thiện nghiệp của nàng,
Khiến nàng nay hạnh phúc ở thiên đàng?

506-07. Mātali, thần quản xa đáp lại,
Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:
Ngài nghe chăng ở xứ Bīraṇī,
Một Bà-la-môn có một nô tỳ,
Tiếp một khách đúng thời, lòng niềm nở,
Như mẹ đón con mình nên từ đó,
Cao sang, trong sạch, sống hưởng lâu đài.

Nói xong, Mātali lái xe tiến lên và chỉ vua xem bảy tòa lâu đài bằng vàng của thiên tử Soṇadinna. Vua thấy cảnh tượng huy hoàng của thiên tử này liền xin Mātali giải thích:

508-09. Kia bảy lâu đài sáng ngời chói lọi,
Một thiên nhân đang ngự trị huy hoàng,
Cùng các vợ tiên trú ngụ thiên đường,
Ta hoan hỷ nhìn, Mātali hỡi,
Thiện nghiệp nào thế nhân kia vun xới,
Mà bây giờ lạc trú cảnh thiên đình?

510-14. Mātali, thần điều ngự lại trình,
Tuyên thiện nghiệp chín muồi và mang quả:
Soṇadinna trước làm vua đã,
Đem cúng dường với đại lượng quân vương,
Bảy am tu cùng tất cả đồ dùng,
Cung cấp đủ tâm thành và vật thực,
Sàng tọa, đèn, hương cùng nhiều y phục,
Hoan hỷ, tâm thành với các chánh nhân,
Ngài giữ ngày trai giới mỗi hai tuần,
Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,

Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
Nên bây giờ tận hưởng lạc thiên cung.[29]

Mātali kể rõ các thiện nghiệp của thiên tử Soṇadinna xong liền lái xe tiến tới nữa. Rồi thần lại chỉ một tòa lâu đài bằng pha lê cao đến hai mươi lăm do-tuần có hàng trăm cột trụ làm bằng thất bảo, hàng trăm đỉnh tháp, rải rác các rèm treo và chuông nhỏ. Một lá cờ bằng bạc và vàng đang phất phới, cạnh đó là một công viên đầy hoa lá tốt tươi, có một hồ thả hoa súng xinh xinh, các nữ thần yêu kiều ca hát muôn điệu nhạc. Khi vua thấy cảnh này liền hỏi các nữ thần này đã tạo những thiện nghiệp gì và Mātali đáp:

515-16. Kìa cung pha lê sáng ngời rực rỡ,
Các đỉnh cao chất ngất đến tầng mây,
Thức uống, đồ ăn la liệt đủ đầy,
Thiên nữ kỳ tài cả đoàn tuyệt sắc,
Đang trình diễn múa ca cùng tiếng hát,
Ta hân hoan, hãy nói, Mātali,
Các nữ nhân này đã tạo nghiệp gì,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc?

517-18. Mātali, thần quản xa liền đáp,
Tả những thiện duyên mang lại quả lành:
Các nữ nhân này Thánh hạnh tu hành,
Tín nữ tại gia giữ ngày trai giới,
Rộng lượng, điều thân, tịnh tâm, tỉnh giác,
Nên giờ đây hạnh phúc ở thiên cung,
Mà Đại vương đã tận mắt ngắm trông.

Rồi thần lái xe tiến lên, chỉ cho vua một tòa lâu đài bằng ngọc bích, sừng sững trên một nơi đất bằng phẳng, hùng vĩ như ngọn núi ngọc bích sáng ngời, các thiên tử đang nô đùa ca hát khúc nhạc thiên đường. Thấy cảnh này, vua liền hỏi về các thiện nghiệp của các thiên tử này và vị kia đáp lại:

519-22. Lâu đài ngọc kia tỏa đầy ánh sáng,
Cảnh nguy nga, tráng lệ, thật huy hoàng,
Nhạc du dương đang trổi khúc thiên đường,
Đàn, ca, trống âm vang theo vũ khúc,
Ta chưa từng nhìn cảnh nào ngoạn mục,
Âm thanh kia êm dịu chẳng hề nghe,
Lòng hân hoan, hãy nói, Mātali,

---

[29] Xem *S*. I. 209, *Sānusutta* (*Kinh Sānu*); *A*. I. 142, *Catumahārājasutta* (*Kinh Bốn bậc Đại vương*); *A*. I. 143, *Dutiyacatumahārajasutta* (*Kinh thứ hai về bốn bậc Đại vương*); *Vv*. 26, *Bhadditthivimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của phu nhân Khả Ái*); *Vv*. 28, *Soṇadinnāvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Soṇadinnā*); *Vv*. 29. *Uposathāvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Uposathā*); *Vv*. 30, *Niddāvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Niddā*); *Vv*. 54. *Visālakkhivimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Visālakkhi*); *Thīg*. v. 31, *Mittātherīgāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ni Mittā*).

Nghiệp lành nào những vị này tạo tác,
Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?

523-27. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên nay đem quả chín muồi:
Đây các vị tại gia trong đời trước,
Bố thí nhiều vườn cây và giếng nước,
Kéo nước và thành tín cúng Thánh nhân,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hoan hỷ cùng chân nhân chính trực,
Cứ mỗi hai tuần giữ ngày trai giới,
Mùng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài hoan lạc.

Như vậy, khi đã nêu các thiện nghiệp của các vị thiên tử kia, Mātali liền lái xe đến một tòa lâu đài pha lê khác với nhiều đỉnh tháp, hoa thơm cỏ lạ và cây cối xinh đẹp mọc khắp nơi, vang dội muôn tiếng chim ca hát bên cạnh một dòng sông trong vắt. Đó là nơi cư ngụ của một vị hữu phước có cả một đoàn tiên nữ hầu hạ quanh mình. Thấy cảnh tượng này, nhà vua lại hỏi về các nghiệp quả của vị ấy và được Mātali giải thích:

528-30. Kìa cung pha lê chói ngời ánh sáng,
Các đỉnh cao chất ngất đến từng mây,
Thức uống đồ ăn la liệt, cả đoàn
Thiên nữ diễm kiều đủ tài múa hát,
Bao hoa lá viền đôi bờ sông mát,
Ta hân hoan, hãy nói, Mātali,
Nam nhân này đã tạo nghiệp lành gì,
Nay thọ hưởng lâu đài đầy thiên lạc?

531-35. Mātali, thần lái xe liền đáp,
Nêu nghiệp lành nay quả tốt sinh ra:
Một chủ nhà ở tại Kimbilā,
Hào phóng cúng các vườn cây, giếng nước,
Kéo nước dâng Thánh nhân lòng thành thực,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hân hoan cùng các bậc chánh nhân,
Ngày trai giới giữ hai lần nửa tháng,
Mùng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
Điều thân, rộng lượng, theo bước Thánh hành,
Nay trú an trong lạc thú thiên đình.

Như vậy, sau khi tả nghiệp lành của vị này xong, thần lái xe đi nữa, rồi thần chỉ cho vua một tòa lâu đài pha lê khác. Lâu đài này lại còn nhiều cỏ cây hoa

trái muôn màu bao quanh hơn các lâu đài trước nữa. Thấy vậy, vua liền hỏi các thiện nghiệp của vị thiên thần đầy diễm phúc kia và Mātali đáp:

536-39. Kìa ngọc cung đang tỏa đầy ánh sáng,
Các đỉnh cao chất ngất đến từng mây,
Thức uống, đồ ăn la liệt, các nàng
Thiên nữ diễm kiều đủ tài múa hát,
Bao hoa lá viền đôi bờ sông mát,
Sāla, xoài, mà-ca, táo rừng cao,
Piyāla, cườm thị, đào đỏ ngọt ngào,
Vườn cây trái mọi nơi sinh quả quý,
Mātali nói đi, ta hoan hỷ,
Thiên nhân này đã tạo nghiệp lành gì,
Nay hưởng lâu đài thiên lạc tràn trề?

540-44. Mātali, thần lái xe đáp lại,
Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang trái:
Một chủ nhà ở tại Mithilā,
Hào phóng đem cho giếng nước, vườn hoa,
Kéo nước cúng Thánh nhân lòng ngưỡng mộ,
Y phục, thức uống ăn và tọa cụ,
Mọi nhu cầu, hòa hợp với chánh nhân,
Người giữ ngày trai giới mỗi hai tuần,
Mồng tám, mười tư, ngày rằm trăng sáng,
Thanh tịnh bước đường, điều thân, độ lượng,
Nên giờ đây an trú lạc thiên cung.

Tả xong thiện nghiệp của vị này như vậy, thần tiếp tục lái xe đi đến một lâu đài bằng ngọc giống lâu đài đầu tiên, và vua lại yêu cầu thần kể các hành nghiệp của vị thiên thần đang hưởng lạc tại đây:

545-48. Kìa ngọc cung đang chiếu đầy ánh sáng,
Cảnh nguy nga tráng lệ thật huy hoàng,
Nhạc du dương đang trỗi khúc thiên đường,
Đàn ca trống âm vang theo vũ khúc,
Ta chưa từng thấy cảnh nào ngoạn mục,
Âm thanh êm dịu quá chẳng hề nghe.
Lòng hân hoan, hãy nói, Mātali,
Các nghiệp lành những vị này tạo tác,
Nay hạnh phúc trong thiên cung hoan lạc?

549-53. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi,
Một vị tại gia ở thành Ba-la-nại,
Bố thí nhiều vườn cây cùng giếng nước,

Kéo nước và dâng cúng Thánh nhân,
Y phục, thức ăn, tọa cụ, vật cần,
Lòng hòa hợp cùng thiện nhân chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày trai giới,
Mồng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú trong lâu đài an lạc.

Vừa lái thiên xa tiến lên, thần vừa chỉ một lâu đài bằng vàng như mặt trời đang tỏa ánh sáng và theo lời thỉnh cầu của nhà vua, thần kể các thiện nghiệp của vị thiên nhân đang an trú ở đấy:

554-55. Ngắm lâu đài kia sáng ngời ánh lửa,
Đỏ như mặt trời đang lúc lên cao,
Mātali, lòng hoan hỷ nói mau,
Thiện nghiệp gì thế nhân này vun xới,
Nay an trú hưởng lâu đài trên thiên giới?

556-60. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên nay mang quả chín muồi,
Một chủ nhà xưa ở thành Xá-vệ,
Giếng nước, vườn cây, rộng lòng bố thí,
Kéo nước dâng các Thánh với tín tâm,
Thức uống ăn và y phục, tọa sàng,
Vật cần thiết, tâm hòa, người chánh trực,
Mỗi tháng hai lần giữ ngày trai giới,
Mùng tám, mười tư cùng với ngày rằm,
Rộng lượng, điều thân theo bước Thánh nhân,
Nay an trú lâu đài đầy hoan lạc.

Trong khi thần Mātali tả cảnh tám lâu đài này, Thiên chủ Sakka, Đại đế của chư thiên nghĩ rằng Mātali còn lâu lắm mới trở về nên đã phái một thiên tử nhanh chân khác đi đưa tin triệu hồi. Mātali nghe lệnh, thấy không thể nào trì hoãn được nữa liền trong một thoáng nhanh như chớp, thần chỉ một lượt nhiều lâu đài và nêu cho vua thấy những thiện nghiệp của các thiên nhân ở trong đó:

561-62. Nhìn những lâu đài rực sáng trên không,
Như tia chớp xuyên qua đám mây hồng.
Lòng hoan hỷ, Mātali, hãy nói,
Thiện nghiệp gì các vị này vun xới,
Nên bây giờ an hưởng cảnh thiên đường?

563-64. Mātali đáp lại đấng quân vương,
Nêu thiện nghiệp chín muồi và mang quả,
Sống hướng thiện, tín thành và thức giả,
Thi hành những lời dạy của Đạo sư,

Nhờ sống như Phật Đại Giác dạy cho,
Nay lên các thiên cung ngài đang ngắm.

Sau khi đã chỉ cho nhà vua các lâu đài trên không, thần lên đường trở về yết kiến Thiên chủ Sakka với những lời này:

565. Ngài đã thấy cảnh người lành, kẻ dữ,
Giờ ta mau bái yết đấng Thiên Hoàng.

Nói xong, thần tiếp tục lái xe đi và chỉ cho nhà vua xem bảy ngọn đồi bao quanh núi Sineru (Tu-di) làm thành một vòng tròn, rồi để giải thích cách vua hỏi Mātali khi thấy cảnh này, bậc Đạo sư nói:

566. Khi Đại vương du hành lên thiên giới,
Ngự thiên xa ngàn thiên mã kéo đi,
Thấy những đỉnh non cao ngất đằng kia,
Trên biển cả Sīdā, ngài liền hỏi:
"Núi đồi này là gì xin hãy nói?"

567. Vừa được hỏi, thần khiển thiên xa đáp,
Giải thích cho Nimi hiểu tận tường,
Thiện nghiệp nào đã tạo tác ra sao,
Đều trổ quả, ai làm thì được hưởng.

568. Nhiều núi hùng vĩ Sudassana,
Karavīka, Īsadhara,
Yugandhaka,Nemindhara,
Vinataka, Assakaṇṇa.

569. Những núi này giữa biển cả Sīdā,
Theo lớp hàng sừng sững núi dần cao,
Là nơi chốn các Đại vương đang trú,
Ngài tận mắt đang ngắm nhìn tuần tự.

Rồi thần chỉ thiên giới của Tứ Đại Thiên Vương và tiếp tục đi cho đến lúc thấy các tượng thần Inda đứng sừng sững quanh đại thiên môn Cittakūṭa ở cõi trời Ba Mươi Ba. Thấy cảnh tượng này, vua liền hỏi và Mātali đáp lại.

570-71. Cảnh đẹp tinh vi, tráng lệ, huy hoàng,
Tượng thần Inda sừng sững thiên môn,
Như thần hổ đứng canh, ta nhìn kỹ,
Mātali, lòng ta đầy hoan hỷ,
Nói cho ta tên cảnh đẹp tuyệt vời?

572-74. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện nghiệp chín muồi nay mang trái:
Cittakūṭa, nơi ngài chiêm bái,
Cổng đi vào cung Đại đế Thiên Hoàng,
Đây đại môn quan của ngọn Mỹ Sơn,

Diễm lệ, huy hoàng, bao quanh sừng sững,
Với tượng Inda như bầy hổ đứng.
Mời Hiền vương vào chốn thanh tịnh này!

Nói xong, Mātali dẫn vua vào trong và việc ấy được tả lại như sau:

575. Khi Đại vương ngự giá chiếc thiên xa,
Được cả ngàn tuấn mã kéo đi qua,
Nhà vua ngắm nơi chư thiên hội họp.

Trong khi ngài đi ngang qua, ngắm nơi chư thiên hội họp tại Thiện Pháp đường, ngài liền hỏi và Mātali đáp lại.

576-77. Như mùa thu, trời cả một màu xanh,
Tòa lâu đài ngọc bích hiện nguyên hình,
Lòng hoan hỷ, Mātali, hãy nói,
Tên lâu đài mà ta đang chiêm bái?

578-81. Mātali, thần điều ngự đáp lời,
Nêu thiện duyên đem quả tốt chín muồi:
Đây Thiện Pháp đường chư thiên tụ tập,
Trụ đứng nguy nga, công trình mỹ thuật,
Tám bề xây bằng ngọc bích, bảo trân,
Tam Thập Tam thiên với đấng Ngọc hoàng,
Đại đế Inda cầu mong lạc phước,
Cho trời, người mời Đại vương hãy bước,
Chốn diễm kiều, nơi trú ngụ chư thiên!

Các vị thiên lúc ấy đang ngồi đợi vua đến. Khi nghe tin, họ bước ra đón ngài với hoa hương cõi trời thơm tỏa ngào ngạt đến tận cổng Cittakūṭa ấy và mời ngài vào Thiện Pháp đường. Vua xuống xe vào sảnh đường, chư thiên mời ngài ngồi và Thiên chủ Sakka cũng ban tặng ngài đủ mọi hoan lạc của thiên giới.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

582. Chư thiên ngắm đức Vua vừa mới đến,
Đồng chào mừng vị khách quý Minh quân:
Cung nghênh ngài! Thiên chủ rất hân hoan,
Được diện kiến, bên Sakka Thiên chủ,
Chúng thiên đồng kính mời Minh quân ngự.

583. Thiên chủ mời Đại đế Videha,
Vị Minh quân ngự trị Mithilā,
Vāsava liền tặng ngài tất cả,
Thiên lạc và thỉnh Minh quân an tọa.

584. Giữa các quân vương cai trị cõi đời,
Xin cung nghênh Chúa tể đến cung trời,

An trú với chư thiên, này Chúa tể,
Ngài sẽ được mọi ước nguyền như ý,
Hưởng trường xuân nơi Tam Thập Tam thiên.

Như vậy, Thiên chủ Sakka ban ngài các thiên lạc nhưng vua từ chối khéo và đáp lại:

585. Như khi ta được ngự giá xe tiên,
Được tặng thêm bao của báu, bạc tiền,
Những vật ấy đều như đồ vay mượn,
Do người khác ban cho mình thọ hưởng.

586. Ta không màng những phúc lạc đặc ân,
Nhận từ tay do kẻ khác phát phân,
Các thiện nghiệp đều của ta duy nhất,
Trên các nghiệp riêng, ta luôn vững chắc.

587. Ta sẽ đi làm thiện nghiệp cho người,
Bố thí cúng dường ở khắp mọi nơi,
Ta sẽ bước theo con đường giới đức,
Tập phòng hộ và tự thân điều phục,
Người thực hành như vậy sẽ hân hoan,
Không còn lo phải gặp lúc ăn năn.[30]

Như vậy, bậc Đại sĩ thuyết pháp cho chư thiên với âm thanh ngọt như mật. Ngài ở lại đó bảy ngày theo ước tính của loài người, đem đến niềm hân hoan cho thiên chúng. Rồi đứng giữa các vị thiên thần, ngài nêu rõ công đức của Mātali:

588. Mātali, thần quản xa thiên giới,
Là vị thần đặc biệt đã ban ân,
Vị ấy chỉ cho ta thấy rõ ràng,
Nơi kẻ dữ, người lành đang cư trú.

Rồi vua từ giã Thiên chủ Sakka, nói rằng ngài muốn trở về hạ giới. Sau đó, Thiên chủ bảo:

– Này hiền hữu Mātali, hãy rước Đại vương Nimi về thành Mithilā ngay lập tức!

Xa giá đã sẵn sàng và vua đáp lại những lời chúc tụng thân hữu của chư thiên rồi từ tạ lên xe. Mātali lái xe về hướng Đông, đến thành Mithilā. Dân chúng thấy thiên xa, hoan hỷ biết vua đã trở về. Nhiều người vây quanh vua và hỏi ngài cảnh thiên giới. Ngài tả cho họ nghe cảnh an lạc của chư thiên và Thiên chủ Sakka, rồi khuyến dụ họ làm lành, bố thí để được tái sinh lên cõi trời.

[30] Xem *J.* IV. 355, *Sādhīnajātaka* (*Chuyện Đại vương Sādhīna*), số §494; *Vv.* 77. *Revatīvimānavatthu* (*Chuyện lâu đài của Revatī*); *Pv.* 83, *Revatīpetavatthu* (*Chuyện ngạ quỷ Revatī*).

Sau đó, khi người thợ hớt tóc thấy sợi tóc bạc đầu tiên và bảo cho ngài hay, ngài liền bảo gã cắt sợi tóc bạc ấy, rồi ban cho gã một ngôi làng. Ngài muốn rời thế tục nên phong vương cho con ngài. Khi được hỏi tại sao ngài muốn xuất thế, ngài đọc câu kệ:

Kìa tóc bạc trên đầu hiện ra,
Cướp dần đời sống tháng năm qua,
Chúng là thiên sứ nhắc ta nhớ,
Nay đến thời ta phải xuất gia.

Và cũng như các vua trước, ngài xuất gia, vào sống trong vườn xoài, tu tập tứ vô lượng tâm rồi khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

Việc xuất gia của ngài được bậc Đạo sư tả trong vần kệ cuối cùng:

589. Nimi, chúa tể Mithilā,
Khi đã làm đại sự xuất gia,
Ngài bước vào con đường Thánh hạnh.
Bản thân chế ngự với thiền-na.

Và con ngài, Vua Kāḷārajanaka cũng xuất gia, chấm dứt triều đại của ngài.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài nói:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Như Lai xuất thế mà Như Lai đã xuất thế trong đời trước.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), Mātali là Ānanda (A-nan), tám mươi bốn vị vua là đệ tử đức Như Lai và Vua Nimi chính là Ta vậy.

§542. CHUYỆN ĐƯỜNG HẦM VĨ ĐẠI
(*Mahāummaggajātaka*)[31] (*J.* VI. 329)

Vua Brahmadatta đến từ xa...

Trong khi trú tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể chuyện này liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ.[32]

Một ngày kia, các Tỳ-kheo ngồi tại pháp đường, tán dương sự viên mãn trí tuệ của đức Phật:

– Này các Hiền giả, đức Phật Chánh Đẳng Giác có trí tuệ thật quảng bác, thâm thúy, tinh tế, linh lợi, sắc sảo, đánh tan mọi tà thuyết. Chính nhờ thần lực đại trí của Ngài, sau khi quy phục Bà-la-môn Kūṭadanta và nhiều Bà-la-môn

[31] Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản PTS viết *Mahāummaggajātaka*, số 546. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542.

[32] *Paññāpārami* (智慧波羅蜜, trí tuệ ba-la-mật): Trí tuệ viên mãn.

khác, ẩn sĩ Sabhiya và nhiều ẩn sĩ khác, cường đạo Aṅgulimāla cùng nhiều cường đạo khác, dạ-xoa Āḷavaka cùng nhiều dạ-xoa khác, Thiên chủ Sakka cùng nhiều Thiên chủ khác, Bà-la-môn Baka cùng nhiều Bà-la-môn khác, v.v... khiến họ trở nên thuần hòa, không kiêu mạn. Ngài lại truyền Đại giới cho một số đông ẩn sĩ và an trú họ vào Đạo và Quả.

Bậc Đạo sư đi đến hỏi các Tỷ-kheo đang bàn luận gì, khi các vị nói cho Ngài biết, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không phải bây giờ Như Lai mới có trí tuệ viên mãn mà ngày xưa, trước khi có được trí tuệ viên mãn, Như Lai cũng đã có đủ đại trí vào thời kỳ còn đang đi tìm tuệ giác.

Sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, có vị vua danh hiệu Vedeha trị vì Mithilā trong quốc độ Videha. Ngài được bốn vị Hiền trí dạy về sự và lý, đó là Senaka, Pukkusa, Kāvinda và Devinda.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát còn ở trong mẫu thai, vào một buổi sáng sớm, vua chiêm bao thấy mộng như sau: Bốn cột lửa bừng sáng ở bốn góc hoàng cung cao như bức tường thành, ở giữa nổi lên một tia lửa bằng con đom đóm, bỗng chốc nó vượt cao quá bốn ngọn lửa kia và bùng lên đến tận Phạm thiên giới, soi sáng toàn cõi thế gian, ngay đến một hột cải cũng được thấy rõ. Nhân giới và thiên giới liền đưa hương hoa ra cung kính cúng dường ngọn lửa ấy, rồi một đám đông đi xuyên qua ngọn lửa nhưng không bị cháy sợi tóc nào. Vua thấy cảnh tượng ấy, giật mình kinh hãi ngồi dậy, suy đoán những điềm sắp xảy ra và đợi trời sáng.

Bốn vị Hiền trí sáng hôm sau đến vấn an vua, hỏi ngài có được an giấc chăng. Ngài bảo:

– Làm sao mà trẫm an giấc được khi trẫm chiêm bao như vậy!

Trí giả Senaka tâu:

– Xin Đại vương đừng ngại, đó là mộng lành, Đại vương sẽ được vinh quang.

Rồi khi được yêu cầu giải thích rõ, ông nói:

– Tâu Đại vương, một vị Hiền trí thứ năm sắp ra đời sẽ vượt hẳn chúng thần. Chúng thần nay như bốn cột lửa, nhưng ở giữa chúng thần sẽ phát ra cột lửa thứ năm là bậc Vô Thượng Sĩ, chiếm vị trí tối cao trong cõi nhân thiên.

– Thế vị ấy bây giờ ở đâu?

– Tâu Đại vương, vị ấy hoặc sẽ xuất hiện hoặc sẽ sinh ra từ mẫu thai.

Vị này nói như vậy dựa vào tài nghệ của mình, y như đã thấy bằng Thiên nhãn thông nên từ đó vua nhớ kỹ những lời ấy.

Lúc bấy giờ, ở bốn cổng thành Mithilā có bốn thị trấn gọi là Đông trấn, Nam trấn, Tây trấn và Bắc trấn. Ở Đông trấn có một phú thương tên gọi Sirivaḍḍhaka[33] và bà vợ tên là Sumanādevī.[34] Vào ngày vua nằm mộng ấy, bậc Đại sĩ từ cõi trời Ba Mươi Ba xuống nhập thai mẹ và một ngàn vị thiên tử cũng từ thiên giới xuống đầu thai vào gia đình các phú thương ở trong làng ấy.

Sau mười tháng, bà Sumanādevī sinh một người con trai có màu da như vàng ròng. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka phóng tầm mắt nhìn xuống thế gian, thấy bậc Đại sĩ ra đời, ngài nghĩ rằng phải thông báo cho khắp cõi nhân thiên biết vị Phật tương lai đã ra đời. Ngài liền xuất hiện khi hài nhi vừa sinh ra, đặt một nhánh cỏ thuốc vào tay hài nhi rồi trở về thiên giới. Bậc Đại sĩ nắm chặt nhánh cỏ trong tay và khi ngài ra đời từ bụng mẹ, mẹ ngài không thấy đau đớn chút nào cả, ngài ra đời nhẹ nhàng như nước tuôn ra từ bình thánh lễ. Khi mẹ ngài trông thấy nhánh cỏ thuốc trong tay ngài, bà liền nói:

– Này con, con cầm vật gì thế?

Ngài đáp:

– Thưa mẹ, đó là cỏ thuốc.

Ngài đặt nó vào tay mẹ và bảo bà cất lấy để dành cho bất cứ người nào bị bệnh, dù đó là bệnh gì. Lòng đầy hoan hỷ, bà mẹ liền nói chuyện này với phú thương Sirivaḍḍhaka vốn đã bị bệnh nhức đầu trong bảy năm qua. Ông sung sướng tự nhủ: "Hài nhi này sinh ra từ bụng mẹ đã cầm cây thuốc và vừa ra đời đã trò chuyện cùng mẹ. Cây thuốc do một bậc tài trí siêu phàm như vậy trao cho chắc phải có đại công lực."

Thế là ông chà cây thuốc vào hòn đá mài rồi thoa một ít lên trán, lập tức chứng nhức đầu đeo đẳng ông trong bảy năm qua liền tiêu tan như nước lăn khỏi lá sen. Vô cùng sung sướng, ông kêu to:

– Đây là cây thuốc thần!

Tin tức lan truyền khắp nơi rằng bậc Đại sĩ ra đời với cây thuốc thần trong tay, khiến bệnh nhân kéo đến tấp nập tại nhà vị phú thương xin thuốc. Họ lấy một ít đem cho các bệnh nhân, chà lên đá mài, trộn với nước, hễ thân của bệnh nhân nào đụng đến thuốc thần đều lành bệnh cả nên các bệnh nhân hân hoan ra đi loan truyền tin về công lực kỳ diệu của thần dược trong nhà phú thương Sirivaḍḍhaka.

Vào ngày đặt tên hài nhi, vị phú thương nghĩ thầm: "Con ta không cần phải được đặt tên theo dòng họ tổ tiên mà lúc được sanh ra đã cầm cây thuốc, vậy phải để con ta mang tên cây thuốc mới được", và ông liền đặt tên con là Mahosadha (Đại Dược Thảo). Rồi ông lại nghĩ thầm: "Con ta có được đại công đức như thế, chắc không ra đời một mình đâu, chắc còn có nhiều hài nhi khác

[33] Bản CST viết Sirivaḍḍhana.

[34] Bản CST viết Sumanadevī.

cũng ra đời cùng một lượt." Khi hỏi thăm, phú ông nghe được cả ngàn hài nhi khác cùng ra đời một lượt với con mình, ông liền gởi cho chúng y phục đẹp, gởi chúng cho nhũ mẫu và quyết định rằng những hài nhi kia sẽ là người hầu cận của con ông. Ông cử hành một đại lễ dành cho bậc Đại sĩ cùng các hài nhi kia, điểm trang cho chúng thật đẹp và ngày ngày đến chơi đùa với ngài. Bậc Đại sĩ vui đùa và lớn lên cùng với các trẻ kia.

Khi được bảy tuổi, ngài xinh đẹp như một pho tượng bằng vàng. Những lúc ngài chơi đùa với đám trẻ trong làng, các bầy voi, ngựa thường đi ngang qua cản trở trò chơi, hoặc đôi khi đám trẻ bị mệt nhọc vì mưa nắng. Một ngày kia khi họ đang vui chơi, thình lình một cơn bão trái mùa chợt đến, bậc Đại sĩ lúc ấy mạnh như voi, thấy vậy vội chạy vào nhà, đám trẻ kia chạy theo vào, va vấp chân nhau, té ngã sưng trầy đầu gối, v.v... Ngài liền nghĩ thầm: "Ta phải xây một giải trí trường tại đây, ta không thể chơi kiểu này mãi được." Ngài liền bảo đám trẻ kia:

– Ta hãy xây một giải trí trường tại đây để có thể vào đó đứng, nằm, ngồi những lúc mưa gió, oi nồng. Vậy các bạn hãy đem mỗi người một đồng tiền lại đây!

Đám trẻ kia vâng lời và bậc Đại sĩ mời một thợ cả đến trao số tiền một ngàn đồng và nhờ ông ta xây một sảnh đường tại đó. Người thợ cả nhận lời, lấy một ngàn đồng, đốn cây, dậm nền, san bằng mặt đất, dựng cột và giăng dây đo. Bậc Đại sĩ không hài lòng với cách giăng dây này nên ngài phải dặn người thợ cả giăng dây thế nào cho phù hợp ý ngài. Người ấy nói:

– Lão giăng dây theo kinh nghiệm hành nghề của lão thôi, chứ lão không biết làm cách khác.

– Nếu lão không biết nhiều như vậy thì làm sao lão nhận tiền của ta mà xây nhà cho được? Vậy lão hãy mang dây lại đây, ta sẽ giăng và chỉ cho lão thấy!

Ngài bảo ông mang dây lại rồi chính ngài tự giăng lấy như thể thiên tử Vissakamma đã thực hiện trước đây vậy. Xong ngài hỏi người thợ mộc:

– Thế lão có biết giăng cách này không?

– Thưa ngài, lão không biết.

– Thế lão có thể làm theo lời ta chỉ dẫn không?

– Thưa ngài, được.

Bậc Đại sĩ liền sắp đặt sảnh đường có một phần là nơi cư trú cho những người không chốn nương thân, một phần là nơi cư trú cho các phụ nữ nghèo khổ sanh con, một phần là nơi cư trú cho các khách là Sa-môn, Bà-la-môn, một phần khác dành cho các khách nam nhân, một phần khác dành cho các khách thương buôn đến sắp xếp hàng hóa. Mỗi phòng đều có cửa lớn thông ra ngoài. Bậc Đại sĩ cho làm sân chơi tròn dành cho các trò giải trí, một nơi phân xử và một phòng lớn để làm thánh lễ.

Khi công việc đã hoàn tất, ngài triệu tập các họa sĩ lại và chính ngài xem họ họa hình thật đẹp để trang hoàng sảnh đường chẳng khác nào thiên cung Sudhammā [của Thiên chủ Sakka]. Ngài vẫn nghĩ rằng cung điện ấy chưa hoàn hảo: "Ta phải cho xây một hồ nước mới được." Ngài liền ra lệnh đào đất và bàn luận việc này với một kiến trúc sư. Sau đó, ngài trao tiền bảo ông ta xây một hồ nước có một ngàn lối đi và một trăm bến tắm. Mặt hồ phủ đầy năm loại hoa sen rực rỡ chẳng khác nào hồ Nanda. Trên bờ, ngài trồng nhiều loại cây đang đơm hoa kết trái và hoa viên trông chẳng khác nào vườn thiên lạc Nandana. Gần sảnh đường, ngài dựng lên một nơi để cúng dường các bậc tu hành dù là Sa-môn hay Bà-la-môn cùng các lữ khách hay dân chúng từ các làng lân cận.

Những việc làm của ngài gây tiếng vang khắp nơi, khiến dân chúng tụ tập tại sảnh đường. Bậc Đại sĩ thường ngồi đó bàn luận chánh tà trong các việc thiện ác của các đoàn người đến xin ở lại đây. Ngài phán xét từng trường hợp và thời kỳ ấy chẳng khác nào thời một đức Phật xuất hiện tại thế gian.

Lúc bấy giờ, khi mãn hạn bảy năm, Vua Vedeha nhớ lại bốn vị Hiền trí đã bảo rằng một vị Hiền trí thứ năm sẽ ra đời vượt lên hẳn bốn vị ấy về tài trí, và tự nhủ: "Thế vị này hiện nay ở đâu?" Vua liền phái bốn vị cận thần ra bốn cổng thành, ban lệnh cho họ đi tìm vị Hiền trí ấy. Khi họ ra ba cổng thành kia, họ không tìm thấy bậc Đại sĩ; nhưng khi ra phía Đông môn, vị cận thần thấy sảnh đường ấy cùng nhiều tòa nhà khác nên tin chắc rằng chỉ có bậc Hiền trí mới xây dựng lâu đài này hoặc bảo dân chúng xây dựng lên như vậy liền hỏi công chúng:

– Vị kiến trúc sư nào đã xây lên sảnh đường này?

Dân chúng đáp:

– Sảnh đường này không phải do một kiến trúc sư nào xây mà do sự hướng dẫn bằng tuệ lực của bản thân bậc Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaḍḍhaka.

– Bậc Trí giả ấy bao nhiêu tuổi?

– Cậu ấy vừa tròn bảy tuổi.

Vị cận thần suy xét lại mọi biến cố xảy ra từ ngày vua chiêm bao đến nay và tự nhủ: "Chuyện này ứng với chiêm bao của vua rồi, đây quả là bậc Trí giả ấy" liền sai sứ giả dâng sớ trình vua:

– Tâu Bệ hạ, bậc Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaḍḍhaka ở ngôi làng Yavamajjhaka phía Đông, nay lên bảy tuổi, đã thiết kế, bảo xây một sảnh đường cùng hoa viên và hồ nước như vậy; tiểu thần đem cậu bé ấy đến yết kiến Đại vương được chăng?

Khi nghe vậy, vua vô cùng hoan hỷ, truyền mời Senaka đến. Sau khi kể lại sự việc, vua hỏi ông xem có nên triệu vị Trí giả ấy đến chăng. Nhưng ông ganh tị với vị Trí giả ấy liền đáp:

– Tâu Đại vương, ta không nên gọi một người nào là "trí giả" chỉ vì người ấy ra lệnh bảo xây những sảnh đường, v.v... Ai cũng có thể ra lệnh xây như vậy cả. Đó chỉ là việc nhỏ!

Khi vua nghe vậy, nhủ thầm: "Chắc phải có lý do nào đây", rồi ngài im lặng. Ngài gửi tin dặn vị cận thần phải ở lại nơi ấy một thời gian và quan sát vị Trí giả ấy thật kỹ lưỡng. Vị cận thần ở lại đó thăm dò mọi hành vi của vị Trí giả.

Và sau đây là một loạt các cách thử tài hay cuộc thăm dò.

I. ĐỌ TÀI CẬU BÉ BẢY TUỔI

1. MIẾNG THỊT

Một ngày kia, khi bậc Đại sĩ đi đến giải trí trường, một con diều hâu tha đi một miếng thịt từ chiếc bàn đồ tể bay vụt lên không, vài người thấy vậy định bắt nó thả miếng thịt xuống nên đuổi theo nó. Con diều hâu bay đủ hướng, khiến họ nhìn lên đuổi theo nó, vấp vào đá, v.v... trượt ngã, mệt nhoài. Bậc Trí giả liền bảo họ:

– Ta sẽ làm cho nó thả miếng thịt xuống.

Họ liền yêu cầu ngài làm ngay. Ngài bảo họ nhìn lên rồi chính ngài cũng nhìn lên và chạy nhanh như gió giẫm lên bóng con diều hâu, vỗ tay thật lớn. Nhờ uy lực của ngài, âm thanh ấy dường như xuyên thủng bụng diều hâu khiến nó kinh hoảng thả miếng thịt xuống. Bậc Đại sĩ canh chừng theo cái bóng nó rớt xuống, chụp lấy miếng thịt ở trên không trước khi nó chạm đất. Dân chúng thấy việc hy hữu như vậy, reo hò vỗ tay vang dội.

Vị cận thần nghe tin ấy liền gởi sớ về dâng vua, kể chuyện vị Trí giả dùng phương tiện bắt con diều hâu thả miếng thịt. Vua được tin, hỏi Senaka có nên triệu hồi bậc Trí giả về triều không. Senaka suy nghĩ: "Nếu nó về đây, ta sẽ mất hết vinh quang và đức vua sẽ quên ta mất. Thôi, ta không thể để đức vua mang nó về đây được!" Thế là vì ganh tị, ông bảo:

– Không thể gọi là "trí giả" chỉ vì một việc như vậy, đó chỉ là việc nhỏ.

Vua muốn thật chí công vô tư liền ra lệnh nhắn vị cận thần phải thử thách ngài thêm nữa.

2. ĐÀN BÒ

Một người dân ở làng Yavamajjhaka phía Đông mua một số con bò từ làng bên cạnh đem về nhà. Hôm sau, người ấy đem đàn bò ra đồng cho ăn cỏ rồi cưỡi một con dạo chơi. Khi mệt mỏi, anh ta ngồi xuống đất ngủ say, một tên trộm xuất hiện mang đàn bò đi mất. Khi thức dậy chẳng thấy đàn bò đâu, nhưng khi nhìn quanh, người ấy thấy tên trộm đang chạy trốn. Anh ta nhảy tới kêu gào:

– Ngươi đem đàn bò của ta đi đâu?

– Đây là đàn bò của ta, ta muốn đem đi đâu mặc ta.

Một đám người xúm lại nghe đấu khẩu. Bậc Trí giả nghe tiếng ồn ào lúc bọn ho đi ngang qua cửa sảnh đường, ngài cho mời họ vào. Khi ngài thấy dáng điệu của họ, ngài biết ngay ai là tên trộm còn ai là chủ nhân thật sự của đàn bò. Nhưng dù ngài biết chắc như vậy, ngài vẫn hỏi họ đang tranh cãi điều gì. Chủ nhân đàn bò bảo:

– Tôi mua đàn bò của người kia ở một làng nọ, tôi đem chúng về nhà rồi cho ra đồng ăn cỏ. Tên trộm này thấy tôi không canh chừng kỹ liền đến dắt nó đi. Nhìn quanh tôi thấy gã liền chạy theo bắt lấy. Dân ở làng kia biết tôi mua bò và mang về.

Tên trộm đáp:

– Người này nói dối, đàn bò sinh ra trong nhà tôi.

Bậc Trí giả nói:

– Ta sẽ xử vụ này công bình, các anh có nghe ta xử chăng?

Họ đều hứa sẽ tuân theo. Thế là tự nhủ rằng ngài sẽ chiếm được lòng dân chúng, ngài hỏi tên trộm trước tiên:

– Anh cho đàn bò ăn thức gì?

– Chúng uống nước cháo cùng ăn bột mè và đậu.

Ngài lại hỏi chủ nhân thật sự, người này đáp:

– Thưa Tôn ông, nhà nghèo như kẻ hèn đây, làm gì có cháo cùng các thức kia, kẻ hèn chỉ cho bò ăn cỏ.

Bậc Trí giả liền triệu tập một đám người lại, bảo họ đem lá kê vàng đến, nghiền nát trong cối, trộn với nước rồi cho bò ăn, chúng liền nôn ra toàn cỏ. Ngài chỉ cho đám đông thấy rồi hỏi tên trộm:

– Anh có phải kẻ trộm hay không?

Gã liền thú nhận mình chính là tên trộm. Ngài bảo gã:

– Thôi, từ nay đừng phạm tội như thế nữa!

Nhưng quân hầu của Bồ-tát mang gã ra ngoài và đập tay chân, làm cho gã kiệt sức. Ngài liền khuyên răn thêm:

– Nỗi khổ đau này đến với anh trong đời hiện tại nhưng đời sau anh sẽ chịu cực hình ở nhiều địa ngục nữa. Vậy từ nay, anh phải từ bỏ ác hạnh như vậy đi!

Rồi ngài dạy gã ngũ giới.

Vị cận thần dâng sớ tâu việc này, vua lại hỏi ý Senaka nhưng ông khuyên vua nên chờ đợi:

– Đây chỉ là việc nhỏ về việc đàn bò, ai cũng có thể xử được.

Vì muốn công bình, vua ban lệnh như trước.

Các trường hợp sau đây cũng được hiểu như vậy, ta cứ theo thứ tự từng chuyện một.

3. DÂY ĐEO BẰNG CHỈ

Một người đàn bà nghèo buộc nhiều sợi chỉ màu lại làm thành sợi dây phục sức đeo cổ. Bà cởi nó ra để trên áo quần khi xuống tắm trong hồ mà bậc Trí giả đã cho đào. Một cô gái thấy vậy đem lòng thèm muốn, cầm sợi dây lên bảo:

– Mẹ ơi, dây đeo cổ này đẹp quá, giá bao nhiêu, con muốn làm cho con một sợi. Mẹ cho con đeo thử ở cổ để biết chắc cỡ nào nha mẹ?

Bà kia cho phép cô gái, cô liền đeo vào và chạy mất. Bà già vội nhảy ra khỏi nước, mặc áo quần đuổi theo cô gái, chụp lấy áo cô ta, thét lên:

– Cô lấy sợi dây phục sức của ta mà chạy đi đâu?

Cô kia đáp:

– Tôi không lấy cái gì của bà cả, dây này tôi vẫn đeo trên cổ lâu nay.

Một đám đông tụ lại xem khi nghe chuyện cãi cọ. Bậc Trí giả đang nô đùa cùng lũ trẻ, nghe họ cãi nhau khi đi ngang qua sảnh đường liền hỏi chuyện gì gây ồn ào. Khi biết nguyên nhân vụ cãi cọ, ngài cho gọi cả hai vào, nhìn dáng điệu ngài biết ngay ai là kẻ cắp liền hỏi họ có chịu nghe theo ngài xét xử không. Cả hai đều bằng lòng, ngài hỏi kẻ cắp:

– Cô dùng hương gì để tẩm vào sợi dây đeo cổ này?

Cô gái đáp:

– Tiện nữ luôn luôn dùng hương tổng hợp gồm nhiều thứ hương pha trộn (*sabbasaṃhāraka*) để tẩm vào nó.

Rồi ngài lại hỏi bà kia, bà liền đáp:

– Một người nghèo như lão làm gì có hương tổng hợp đó? Lão chỉ tẩm nó với hương hoa piyaṅgu (cây kê vàng) mà thôi.

Bậc Trí giả bảo đem đến một bình nước và thả dây vào trong, rồi ngài cho gọi một người bán nước hoa đến ngửi bình nước để nhận ra mùi gì, gã liền nhận ra ngay mùi hoa piyaṅgu và đọc bài kệ đã từng đưa ra trong chương I, *Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương*:[35]

Chẳng có mùi hương của bá hoa,
Chỉ kaṅgu cứ thoảng bay ra,
Nữ nhân ác độc kia gian dối,
Bà lão nhà quê nói thật thà.

Bậc Đại sĩ nhờ người công bố cho dân chúng biết sự việc như thế xong hỏi: "Chị là kẻ cắp phải không?" Rồi ngài bắt cô gái kia phải nhận tội. Từ đó, ngài nổi tiếng là khôn ngoan, tài trí.

---

[35] Xem *J.* I. 424, *Sabbasaṁhārakapañha* (*Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương*), số §110.

4. SỢI CHỈ

Một người đàn bà kia thường đứng canh ruộng bông vải. Một bữa nọ, chị ta lấy một ít sợi đẹp cuộn thành quả cầu, dệt trên vạt áo. Lúc đi về làng, chị ta nghĩ thầm: "Ta xuống tắm trong hồ của bậc Trí giả mới được", rồi chị ta đặt quả cầu trên áo, bước xuống hồ tắm. Một người đàn bà khác thấy vậy sinh lòng thèm muốn, bảo:

– Quả cầu chỉ này đẹp quá, chị cuộn lấy phải không?

Chị ta bật nhẹ ngón tay, đặt quả cầu trên vạt áo như thể muốn xem thật kỹ rồi bỏ đi. Phần còn lại [của chuyện này] cũng theo cách thức như các chuyện trước đây.

Bậc Trí giả hỏi kẻ cắp:

– Khi cuộn quả cầu này, chị bỏ gì vào trong đó?

Chị ta trả lời:

– Thưa ngài, một hột bông vải.

Rồi ngài hỏi người kia, chị ta đáp:

– Thưa ngài, một hột timbaru (cây cườm thị).

Khi đám đông đã nghe hai người nói xong, ngài tháo quả cầu, lấy ra một hột timbaru bên trong, khiến cho kẻ cắp phải thú nhận tội. Đám đông vui vẻ reo hò trước cảnh xử kiện của bậc Trí giả.

5. ĐỨA CON TRAI

Một người đàn bà kia đem con trai đi xuống hồ của bậc Trí giả tắm rửa. Khi tắm con xong, chị đặt con nằm trên áo mình rồi đi tắm. Lúc ấy, một nữ quỷ dạ-xoa thấy đứa bé nên muốn ăn thịt liền nắm áo người đàn bà và hỏi:

– Này chị bạn, cháu xinh quá, con trai chị đấy phải không?

Rồi nó hỏi xem nó có thể cho đứa bé bú không. Khi người mẹ bằng lòng, nó liền ẵm đứa bé lên chơi đùa một lát rồi chạy mất. Bà mẹ rượt theo chụp lấy nó, la lên:

– Này chị, chị mang con tôi đi đâu?

Con quỷ cái đáp:

– Sao chị dám đụng vào đứa bé này? Nó là con tôi mà.

Họ vừa cãi cọ vừa đi ngang qua cửa sảnh đường, bậc Trí giả nghe tiếng ồn ào liền cho gọi họ và hỏi chuyện. Nghe xong, mặc dù nhìn thấy đôi mắt đỏ không chớp của nữ yêu tinh, bậc Trí giả biết ngay ai là con quỷ cái, ngài cũng hỏi họ có chịu nghe theo lời ngài xét xử chăng. Khi họ đồng ý nghe theo, ngài liền vẽ một đường thẳng, đặt đứa bé lên, bảo con quỷ nắm tay đứa bé và người mẹ nắm chân nó. Rồi ngài bảo:

– Nắm lấy nó mà lôi đi, kẻ nào lôi được nó về phía mình là con của mình.

Cả hai đều lôi kéo, đứa bé bị đau òa khóc to. Người mẹ đau lòng như cắt đành để đứa bé bị lôi đi và đứng khóc. Bậc Trí giả hỏi đám đông:

– Này, chính lòng mẹ mới thương yêu con mình hay lòng của kẻ không phải là mẹ?

Họ đáp:

– Chính lòng mẹ mới yêu thương con mình.

– Thế người nắm chặt đứa bé là mẹ nó hay người để cho nó bị lôi đi là mẹ nó?

Họ đáp:

– Người để cho nó bị lôi đi, thưa bậc Trí giả.

– Các ngươi có biết kẻ trộm đứa bé là ai chăng?

– Thưa bậc Trí giả, chúng tôi không được biết.

– Nó là con quỷ cái bắt trẻ con để ăn thịt.

Họ hỏi làm thế nào ngài biết được như vậy, ngài đáp:

– Ta nhìn thấy đôi mắt đỏ của nó, nó lại không đổ bóng xuống đường, tính tình táo tợn và tàn nhẫn nữa.

Rồi ngài hỏi nó là ai, nó thú nhận chính là quỷ cái.

– Tại sao ngươi bắt đứa bé?

– Thưa ngài, để ăn thịt.

– Ngươi thật ngu muội quá, đời trước ngươi đã phạm tội nên phải sinh làm yêu quỷ, nay lại vẫn tiếp tục gây tội, thật mê mờ quá!

Rồi ngài dạy nó giữ ngũ giới và khuyên: "Từ nay trở đi, ngươi đừng tạo nghiệp ác nữa" xong thả cho nó đi, còn người mẹ nhận được đứa con thì chúc tụng ngài:

– Xin cầu chúc ngài trường thọ!

Rồi chị ẵm con về.

6. NGƯỜI LÙN

Có một người đàn ông tên gọi Goḷakāḷa[36] (người lùn đen). "Goḷa" nghĩa là người lùn bé bởi vì thân hình lùn tịt và "kāḷa" vì màu da đen bóng. Người ấy làm việc trong nhà kia bảy năm liền, cưới được cô vợ tên là Dīghatālā (cây bối cao).

Một ngày kia, anh ta bảo vợ:

– Này hiền thê, nàng hãy làm bánh, thức ăn rồi chúng ta về thăm cha mẹ.

Lúc đầu, người vợ phản đối dự định này, bảo chồng:

– Cha mẹ chàng bị làm sao à?

[36] Bản CST viết Gotakāḷa.

Nhưng sau khi người chồng nài nỉ ba lần, cũng bảo được vợ làm bánh, thức ăn, đem thêm một số thực phẩm đi đường và quà biếu rồi cùng vợ lên đường. Trên đường đi, anh ta đến một dòng sông không sâu lắm nhưng cả hai đều sợ nước nên không dám lội qua, chỉ đứng trên bờ.

Bấy giờ, có một người nghèo khổ tên Dīghapiṭṭhi (lưng dài) đi dọc bờ sông đến nơi này, họ liền hỏi người ấy sông sâu hay cạn. Thấy họ sợ nước, anh ta bảo:

– Sâu lắm và đầy loài cá ăn thịt.

– Thế làm sao ông qua sông được?

– Ta đã kết bạn với cá sấu và thủy quái ở đây nên chúng không hại ta.

Họ bảo:

– Vậy xin Tôn ông đem chúng tôi qua sông với.

Khi người ấy bằng lòng, họ cho anh ta bữa cơm. Xong bữa, anh ta hỏi họ sẽ đem ai qua trước. Goḷakāḷa bảo:

– Xin đem tiểu muội qua trước rồi tiểu đệ sẽ qua sau.

Người ấy nhận lời, đặt nàng ngồi trên vai, cầm lấy thực phẩm đi đường, quà biếu và bước xuống dòng sông. Khi đã đi được một lát, anh ta cúi người ngồi xụp xuống và lom khom đi. Goḷakāḷa đứng trên bờ thấy vậy, nghĩ thầm: “Dòng sông này chắc phải sâu lắm, một người cao như anh ta mà còn khó khăn vậy thay, huống gì ta chắc không thể nào qua được.” Khi người kia đem người đàn bà ra đến giữa dòng, anh ta bảo nàng:

– Nương tử ơi, ta sẽ yêu quý nàng, nàng sẽ sống đời cao sang, mặc gấm vóc lụa là, đeo nữ trang ngọc vàng, có kẻ hầu người hạ, chứ gã lùn tịt kia làm gì cho nàng được? Xin nàng hãy nghe ta!

Nàng nghe anh ta nói êm tai nên không còn yêu chồng nữa mà mê mẩn ngay kẻ xa lạ này, nàng bằng lòng và bảo:

– Nếu chàng không bỏ thiếp, thiếp xin vâng lời chàng.

– Nương tử ơi, dù nàng có nói gì ta cũng sẽ yêu thương nàng.

Thế là khi họ sang bờ bên kia, họ vui thú cùng nhau, bỏ rơi Goḷakāḷa bên bờ. Trong lúc anh ta đứng trông chừng thì họ ăn hết lương thực và ra đi. Anh ta thấy vậy liền nghĩ:

– Chúng đã kết bạn với nhau và bỏ ta mà chạy trốn!

Trong khi chạy lui chạy tới, anh ta mới bước xuống nước một khoảng liền thối lui vì sợ hãi, nhưng vì lòng căm giận cách ăn ở của bọn kia, anh ta tuyệt vọng nhảy ùm xuống nước và bảo:

– Một là sống, hai là chết!

Và khi xuống nước rồi anh ta mới biết nước quá cạn. Thế là anh ta lội qua, vừa đuổi theo chúng vừa la to:

– Tên trộm khốn nạn kia, ngươi đem vợ ta đi đâu?

Người kia đáp:

– Này gã lùn khốn nạn, sao lại vợ ngươi? Vợ ta chứ!

Rồi nắm cổ người lùn ném ra xa. Người lùn chụp tay Dīghatālā hét to:

– Ngừng lại, nàng đi đâu đấy! Nàng là vợ ta, ta cưới được nàng sau bảy năm làm lụng tại nhà kia mà.

Họ đang cãi cọ như vậy thì vừa đến sảnh đường, một đám đông tụ lại xem. Bậc Trí giả hỏi chuyện gì gây ồn ào, ngài hỏi họ có chịu nghe ngài xử kiện chăng. Khi họ đều bằng lòng, ngài gọi Dīghapiṭṭhi lại hỏi tên xong hỏi tên vợ nhưng người này không biết nên nói một tên khác. Rồi ngài hỏi tên cha mẹ, anh ta đáp được nhưng khi ngài hỏi tên cha mẹ vợ thì anh ta cũng không biết nên đã nói một tên khác.

Ngài sắp đặt câu chuyện của người này xong và cho lui ra. Rồi ngài cho gọi người lùn vào và cũng hỏi tên họ như vậy. Người này biết hết nên trả lời đúng cả. Ngài lại bảo anh ta lui ra rồi cho gọi Dīghatālā vào hỏi tên nàng, nàng đáp được nhưng khi hỏi tên chồng, nàng không biết nên nói sai. Khi hỏi tên cha nàng, nàng đáp đúng nhưng khi được hỏi tên cha mẹ chồng, nàng đáp bừa và nói sai. Sau đó, bậc Trí giả cho gọi hai người vào và hỏi đám đông:

– Câu chuyện của người đàn bà này hợp với Dīghapiṭṭhi hay Goḷakāḷa?

Họ đáp:

– Hợp với Goḷakāḷa, thưa bậc Trí giả.

Rồi ngài tuyên án:

– Người này là chồng chị ta, người kia là kẻ trộm.

Khi ngài hỏi lại gã: "Ngươi là kẻ trộm phải không?" Gã thú nhận: "Dạ phải, thưa ngài, con là kẻ trộm." Sau khi nhận được người vợ của mình nhờ sự phân xử của bậc Trí giả, Goḷakāḷa ca ngợi bậc Đại sĩ rồi đem vợ đi. Bậc Trí giả bảo Dīghapiṭṭhi đừng làm như vậy nữa.

7. CỖ XE

Một ngày nọ, một người đàn ông đang ngồi trên xe ngựa bước xuống đất để rửa mặt. Vừa lúc ấy, Thiên chủ Sakka đang xem xét thế gian, khi ngài thấy bậc Trí giả liền quyết định làm cho thế nhân biết được uy lực và tài trí của Mahosadha, đức Phật trong thời vị lai. Vì thế, ngài giáng thế, giả dạng đàn ông theo sau chiếc xe, giữ phần đuôi xe. Người ngồi trên xe hỏi:

– Anh đến đây làm gì?

Ngài đáp:

– Thưa Tôn ông, để hầu hạ Tôn ông.

Người ấy bằng lòng ngay và xuống xe, qua bên đường đi tiểu tiện. Lập tức Thiên chủ Sakka lên xe phóng đi mất. Người chủ xe xong việc trở lại, thấy Thiên chủ Sakka phóng xe chạy trốn liền đuổi theo và la to:

– Ngừng lại, ngừng lại, anh đem xe của ta đi đâu?

Thiên chủ đáp:

– Xe của ông là cái nào kia chứ, đây là xe của ta mà!

Vừa cãi cọ, họ vừa chạy ngang qua cửa sảnh đường. Bậc Trí giả hỏi:

– Chuyện gì thế?

Và ngài cho mời Thiên chủ vào. Khi Thiên chủ vào, nhìn dáng điệu oai vệ và đôi mắt không chớp của ngài, bậc Trí giả biết ngay là Thiên chủ Sakka và kẻ kia là chủ xe. Tuy thế, ngài vẫn hỏi nguyên do cuộc cãi vã và bảo họ:

– Các vị có chịu nghe ta xét xử chăng?

Họ đồng đáp:

– Thưa vâng.

Ngài tiếp tục nói:

– Ta sẽ làm cho xe chạy, cả hai vị đều phải giữ phần sau xe và chạy theo, người nào là chủ chiếc xe sẽ không buông ra, còn người kia sẽ buông.

Xong ngài bảo một người lái xe, còn hai người kia giữ phần sau xe và chạy theo. Chủ xe chạy được một quãng thì buông ra và dừng lại, còn Thiên chủ Sakka vẫn tiếp tục chạy theo xe và còn quay về cùng xe. Bậc Trí giả bảo với đám đông:

– Người này mới chạy một lát đã buông ra và dừng lại, còn người kia chạy đến cùng với chiếc xe rồi còn quay về cùng xe nữa mà lại chẳng đổ một giọt mồ hôi nào trên thân, không thở dốc, không sợ sệt gì cả, đôi mắt lại không chớp. Đây chính là Thiên chủ Sakka, Đại đế của chư thiên.

Rồi ngài hỏi:

– Thưa ngài, có phải ngài là Thiên chủ chăng?

– Chính phải, thưa bậc Trí giả.

– Thế ngài đến đây làm gì?

– Để làm rạng danh tài trí của ngài, thưa bậc Trí giả.

Ngài khuyên:

– Vậy thì xin Thiên chủ chớ làm như vậy nữa!

Bấy giờ, Thiên chủ Sakka xuất lộ oai thần bằng cách đứng lơ lửng trên không, tán thán bậc Trí giả:

– Thật là một lối xét xử đầy tài trí!

Rồi ngài trở về thiên giới. Lúc ấy, vị cận thần không đợi lệnh vua triệu tập, vội trở về triều đình:

– Tâu Đại vương, việc cỗ xe ấy đã quyết định được rồi. Ngay đến Thiên chủ Sakka còn chịu khuất phục trước ngài ấy nữa, cớ sao Đại vương không chịu thừa nhận tính siêu phàm ở thế nhân?

Nhà vua hỏi Senaka:

– Khanh nghĩ sao Senaka, ta có nên đem bậc Trí giả về triều chăng?

Senaka tâu:

– Việc đó cũng chưa hẳn quyết định một bậc Trí giả, tâu Đại vương, ta cứ đi thử tài vị này rồi sẽ biết.

Chấm dứt phần *Đọ tài cậu bé bảy tuổi*.

II. VẤN ĐỀ VỀ CON LỪA

8. KHÚC CÂY

Thế rồi một ngày kia, với mục đích thử tài bậc Trí giả, họ bảo người mang đến khúc cây keo cao, cắt độ một gang tay, cho gọi thợ tiện đẽo thật láng rồi đưa về làng Yavamajjhaka phía Đông với lời rao:

– Dân làng Yavamajjhaka phía Đông này nổi danh tài trí, vậy hãy tìm cho ra phía nào là đầu ngọn, phía nào là gốc của cành cây này. Nếu không biết sẽ bị phạt một ngàn đồng tiền.

Dân chúng tụ tập lại nhưng không ai tìm ra được liền nói với chủ của họ:

– Có lẽ Trí giả Mahosadha sẽ biết, ta mời ngài hỏi xem.

Người chủ cho mời bậc Trí giả đang ở ngoài sân chơi, kể chuyện đó xong rồi hỏi: "Con à, chúng ta không thể biết nhưng con thì có thể, đúng không?" Nghe xong, bậc Trí giả nghĩ thầm: "Đức vua chẳng lợi gì khi biết gốc ngọn cây ấy, chắc chắn ngài đưa nó đến đây để thử tài ta." Ngài bảo:

– Xin hãy mang nó lại đây, con sẽ biết, thưa cha!

Khi cầm trong tay, ngài biết đâu là ngọn, đâu là gốc. Tuy nhiên, để làm vui lòng mọi người, ngài cho đem đến một chậu nước, buộc một sợi dây ở giữa khúc cây keo cao rồi cầm đầu dây, thả khúc cây vào mặt nước. Phía gốc nặng hơn nên chìm trước. Ngài hỏi dân chúng:

– Gốc cây nặng hơn hay ngọn cây nặng hơn?

– Thưa Trí giả, gốc cây nặng hơn.

– Vậy hãy nhìn đây, phần này chìm trước vậy là gốc.

Nhờ dấu hiệu này, ngài đã phân biệt được gốc ngọn. Dân chúng trình khúc cây lên vua đã phân biệt phía nào gốc, phía nào ngọn. Vua hoan hỷ hỏi:

– Ai đã tìm ra?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, chính Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaḍḍhaka.

– Này Senaka, thế ta triệu vị ấy về triều được chăng?

– Tâu Đại vương, xin cứ chờ đợi để chúng thần thử tài vị ấy bằng cách khác nữa.

9. CHIẾC ĐẦU NGƯỜI

Một ngày kia, hai chiếc đầu người được mang đến để phân biệt chiếc nào là đầu đàn bà, chiếc nào là đầu đàn ông. Nếu không tìm ra được, họ phải chịu phạt một ngàn đồng tiền. Dân chúng không đoán được liền mời Trí giả. Ngài nhận ra vì người ta thường nói đường khớp trên xương đầu đàn ông thì thẳng, còn đường khớp trên xương đầu đàn bà thì cong. Nhờ dấu hiệu này, ngài phân biệt được ngay và dân chúng trình lên vua. Phần cuối như các chuyện trên.

10. CON RẮN

Một ngày nọ, một con rắn đực và một con rắn cái được đưa đến cho dân làng đoán thử, họ không biết nên hỏi Trí giả. Ngài biết ngay khi thấy rắn, vì đuôi rắn đực dày, đuôi rắn cái mỏng; đầu rắn đực rộng, đầu rắn cái hẹp; mắt rắn đực lớn, mắt rắn cái nhỏ; vảy rắn đực khít, liên tiếp nhau, vảy rắn cái không khít, bị đứt quãng. Nhờ những dấu hiệu này mà ngài phân biệt con đực với con cái. Phần cuối như các chuyện trên.

11. CON GÀ TRỐNG

Ngày nọ, vua ban lệnh xuống: "Dân chúng ở làng Yavamajjhaka phía Đông hãy đưa về triều một con bò đực, có sừng trên chân, cục bướu trên đầu, rống lên không quá ba thời [một ngày], nếu không sẽ phải bị phạt một ngàn đồng tiền!"

Dân chúng không biết làm sao liền hỏi Trí giả. Ngài đáp:

– Nhà vua đòi các ông gửi dâng ngài con gà trống đấy. Con gà trống có sừng trên chân đó là cái cựa, cục bướu trên đầu đó là mào và rống lên không quá ba thời là cất giọng gáy đúng ba lần. Do đó, hãy dâng vua con gà trống như vậy!

Họ liền gửi dâng vua.

12. VIÊN NGỌC

Viên ngọc này do Thiên chủ Sakka tặng Vua Kusa có hình bát giác. Sợi dây đeo ngọc bị đứt nhưng không ai lấy được sợi dây cũ ra để xâu dây mới vào.

Một ngày kia, họ đem viên ngọc đến bảo dân làng lấy sợi dây cũ ra để xâu dây mới vào. Dân làng không làm gì được đành đem chuyện khó khăn này kể lại với bậc Trí giả. Ngài bảo họ đừng lo sợ gì cả, bảo đem đến một cục mật. Ngài thoa mật vào hai lỗ của hạt ngọc, rồi se một sợi len, thoa mật vào một đầu dây, đẩy đầu dây vào một chút trong lỗ của hạt ngọc xong đặt viên ngọc vào nơi kiến thường đi qua. Bầy kiến nghe mùi mật bò ra, cắn hết sợi dây cũ rồi cắn sợi dây len kéo qua tận lỗ bên kia.

Khi ngài thấy lỗ đã thông, ngài bảo dân làng trình lên vua, khiến vua rất đẹp lòng khi nghe câu chuyện sợi dây được xâu như vậy.

13. BÒ ĐỰC ĐẺ CON

Một ngày kia, con bò đực của nhà vua được cho ăn quá nhiều trong vòng

mấy tháng nên bụng nó trương lên, sừng nó phờ phạc, nó phải được thoa dầu, tắm nghệ, rồi họ đem nó đến dân làng với lệnh vua ban:

– Nghe các khanh thật tài trí, vậy đây là con bò đực của đức vua đang có chửa, hãy giúp nó sinh con rồi dẫn về triều có cả bò con. Nếu không sẽ chịu phạt vạ một ngàn đồng tiền!

Dân làng chẳng biết làm sao liền vấn kế bậc Trí giả, ngài nghĩ nên đặt một câu hỏi trùng hợp với câu kia và hỏi:

– Các ông có thể tìm ra một người bạo gan dám đối đáp với đức vua chăng?

Họ đáp chuyện ấy không khó gì, rồi họ đem một người đến. Bậc Đại sĩ bảo:

– Này anh bạn, anh hãy xõa tóc xuống vai đi đến hoàng môn khóc lóc kêu than thật thống thiết. Ai hỏi gì cũng không trả lời mà chỉ kêu khóc, trừ khi đức vua hỏi. Nếu đức vua bảo đem anh vào để hỏi tại sao than khóc, anh cứ tâu: "Bảy ngày nay cha của thần [đang lâm bồn] nhưng không thể nào sinh con được, xin cứu thần với. Xin nói cho thần biết làm cách nào giúp cha thần sinh con?" Đức vua sẽ bảo: "Ngươi nói nhảm gì vậy? Điều này thật là vô lý! Làm sao đàn ông có thể sinh con được?" Lúc ấy, anh sẽ đáp: "Nếu quả thật như thế thì làm sao dân làng Yavamajjhaka phía Đông có thể giúp bò đực của Đại vương sinh bò con được?"

Người ấy nhận lời và cứ thế mà thi hành. Vua hỏi ai nghĩ ra cách trả lời phản công lại như vậy và khi nghe nói chính là Trí giả Mahosadha, ngài rất đẹp lòng.

14. NẤU CƠM

Một ngày kia, để thử tài bậc Trí giả, lệnh vua phán ra:

– Dân làng Yavamajjhaka phía Đông phải dâng về kinh một thứ cơm nấu theo tám điều kiện sau: Không gạo, không nước, không nồi, không lò, không lửa, không củi, không nhờ đàn ông hay đàn bà, không đi bằng đường cái. Nếu không làm được phải chịu phạt một ngàn đồng tiền!

Dân làng bối rối không biết làm sao nên vấn kế bậc Trí giả. Ngài bảo:

– Đừng lo gì, hãy đem một ít tấm lại đây vì nó không phải gạo, đem tuyết vì nó không phải nước, đem đến một cái bát đất vì nó không phải nồi, chặt lấy các khúc gỗ kê quanh vì đó không phải là cái lò, nhóm lửa bằng cách cọ xát chứ không dùng mồi lửa thật, đốt lá thay vì gỗ. Nấu cơm xong để vào một chậu khác, niêm phong lại, đặt trên đầu của một người bị hoạn vì người này phi nam phi nữ, bỏ đường cái mà đi theo đường mòn đem lên dâng vua.

Dân chúng làm như vậy và vua rất đẹp lòng khi nghe chuyện nhờ bậc Trí giả Mahosadha mà vấn đề đã được giải quyết.

15. CÁT

Một ngày kia, để thử tài của bậc Trí giả, lệnh vua ban xuống cho dân làng này:

– Đức vua rất thích nằm võng mà võng cũ đã bị đứt. Vậy các ngươi hãy làm một chiếc võng bằng cát. Nếu không phải chịu phạt vạ một ngàn đồng tiền!

Dân làng phải cầu cứu bậc Trí giả. Ngài thấy đây cũng là chuyện đặt vấn đề phản công lại. Ngài trấn an dân chúng rồi đi tìm hai ba người đối đáp thật thông minh lanh lợi đến và ngài bảo họ đến trình lên vua: "Tâu Đại vương, dân làng chúng thần không biết chiếc võng cát phải dày hay mỏng, vậy xin cho chúng thần một mảnh chiếc võng cũ, dài độ một gang tay hay chừng bốn ngón tay, chúng thần sẽ nhìn theo đó mà bện đúng cỡ đó." Nếu đức vua đáp: "Trẫm chẳng hề có chiếc võng cát trong cung" thì họ phải tâu ngay: "Nếu Đại vương không thể làm võng bằng cát thì làm sao dân làng Yavamajjhaka phía Đông có thể làm được!"

Dân làng vâng theo lời nói như vậy và vua rất hài lòng khi nghe bậc Trí giả Mahosadha đã nghĩ ra cách đối đáp phản công lại như trên.

16. HỒ NƯỚC

Một ngày kia, để thử tài của bậc Trí giả, lệnh vua ban xuống cho dân làng này:

– Đức vua muốn vui chơi dưới nước, các ngươi phải đem dâng ngài một hồ nước có đủ năm loại sen súng, nếu không phải chịu phạt một ngàn đồng tiền!

Dân làng kể chuyện với bậc Trí giả, ngài thấy đây cũng cần đối đáp phản công lại. Ngài cho gọi nhiều người đối đáp lanh lợi đến rồi bảo họ:

– Hãy lội xuống nước chơi đùa cho đỏ cả mắt, rồi đi đến hoàng môn với tóc tai, áo quần lấm bê bết, tay cầm dây thừng, gậy gộc, đất đá, nhờ người tâu trình với đức vua rằng các ông đã đến chầu, và khi các ông được phép vào cung, hãy tâu với ngài: "Tâu Đại vương, vì Đại vương ban lệnh cho dân làng Yavamajjhaka phía Đông dâng ngài một hồ nước, chúng thần đã mang đến đây một hồ nước thật lớn để đẹp ý Đại vương nhưng hồ này quen sống ở rừng nên vừa thấy thị thành với cổng, tường, hào lũy, tháp canh thì nó sợ hãi bức tung dây thừng chạy trốn vào rừng. Chúng thần đã ném đất đá vào nó, lấy gậy gộc đánh đập nó nhưng cũng không bắt nó trở lại được. Vậy xin cho chúng thần cái hồ cũ mà chúng thần nghe nói Đại vương đã mang từ rừng về, chúng thần sẽ buộc chúng chung với nhau để mang cái hồ kia trở lại đây." Đức vua sẽ bảo: "Trẫm không hề bảo ai đem hồ từ rừng về đây cả và cũng không hề bảo buộc hồ lại rồi đem hồ kia về đây." Khi ấy các ông sẽ phải tâu: "Tâu Đại vương, nếu vậy thì làm sao dân làng Yavamajjhaka phía Đông dâng Đại vương một hồ nước được?"

Họ y theo vậy mà làm khiến đức vua rất đẹp lòng khi nghe nói bậc Trí giả đã nghĩ ra chuyện ấy.

17. HOA VIÊN

Lại một ngày kia, vua ban lệnh:

– Trẫm muốn giải trí trong hoa viên và hoa viên của trẫm đã xưa cũ gãy đổ.

Dân làng Yavamajjhaka phía Đông phải dâng trẫm một hoa viên mới đầy đủ kỳ hoa dị thảo!

Dân làng kể chuyện với bậc Trí giả, ngài thấy đây cũng cần đối đáp phản công lại nên trấn an dân chúng, rồi cho người đi đối đáp với vua như trên.

18. YẾT KIẾN VUA VỚI CON LỪA

Lúc ấy, vua rất hoan hỷ bảo Senaka:

– Này Senaka, thế ta triệu vị Trí giả này về triều được chăng?

Nhưng ông ta ganh ghét khi thấy kẻ khác được vinh hiển liền tâu:

– Tâu Đại vương, như thế chẳng có gì phải gọi là "trí giả" cả, ta hãy chờ xem!

Nghe vậy, vua nghĩ thầm: "Bậc Trí giả Mahosadha khiến ta rất ái mộ qua các lần đọ tài cậu bé bảy tuổi. Trong những cuộc thử thách đầy bí hiểm và những lần đối đáp phản công vừa qua, vị này đã ứng đối như một vị Phật. Tuy nhiên, một người tài trí như vậy thì Senaka lại không muốn ta triệu về triều. Vậy ta cần gì Senaka nữa chứ? Ta cứ triệu vị ấy về đây."

Thế là vua cùng với một đám đông tùy tùng khởi hành đến ngôi làng ấy và vua ngự trên vương mã. Nhưng lúc đang đi con ngựa sụp hố gãy chân, vua phải trở về cung. Senaka liền vào cung yết kiến vua và nói:

– Tâu Đại vương, phải chăng Đại vương đã đi đến làng Yavamajjhaka phía Đông để đem bậc Trí giả vào triều?

– Chính phải, hiền khanh.

Senaka lại tâu:

– Đại vương xem tiểu thần chẳng vào đâu cả. Tiểu thần xin Đại vương chờ đợi một ít lâu, nhưng Đại vương cứ vội ra đi và do đi trước mà vương mã đã bị gãy chân.

Vua không nói gì với ông ta nữa. Một ngày kia, vua lại hỏi Senaka:

– Này Senaka, thế ta triệu vị Trí giả này về triều được chăng?

– Tâu Đại vương, nếu vậy xin Đại vương đừng tự thân hành ngự đi mà chỉ cần cho sứ giả đến bảo: "Này Trí giả, trẫm đã thân hành đi triệu hồi ngài và con ngựa của trẫm bị gãy chân. Vậy hãy tiến cung một con ngựa tốt hơn và một đại tuấn mã." Nếu vị ấy chọn tiến con ngựa tốt hơn, vị ấy sẽ đích thân về triều; nếu chọn tiến đại tuấn mã, vị ấy sẽ nhờ thân phụ đi thế. Như vậy cũng là việc để thử thách vị ấy nữa.

Vua bằng lòng, rồi cho sứ giả đem lệnh ấy ra đi. Bậc Trí giả khi nghe vậy, hiểu ngay rằng vua mong muốn gặp ngài và phụ thân ngài. Ngài liền đi tìm phụ thân và chào hỏi:

– Thưa phụ thân, đức vua muốn gặp cha con ta. Xin phụ thân lên đường trước cùng đoàn tùy tùng gồm cả ngàn thương nhân. Khi đi đường, phụ thân đừng đi tay không mà đem theo một hộp bằng gỗ đàn hương đựng đầy bơ tươi.

Đức vua sẽ ân cần chào hỏi phụ thân và mời phụ thân ngồi ghế gia chủ, xin phụ thân cứ ngồi xuống. Khi ấy con sẽ đến, đức vua cũng lại ân cần chào đón con và mời con ngồi một ghế như vậy. Rồi con sẽ nhìn phụ thân, phụ thân biết ý và đứng lên bảo: "Nam tử Mahosadha, hãy ngồi xuống ghế này đi!" Vấn đề lúc ấy sẽ chín muồi để con giải quyết.

Thân phụ ngài làm theo như vậy. Khi đến cung, ông xin trình vua là họ đã đến, rồi được vua cho vào. Ông đến thi lễ, tung hô chúc tụng vua xong và đứng sang một bên. Vua ân cần chào đón ông và hỏi thăm Trí giả Mahosadha, nam tử của ông đâu.

– Tâu Đại vương, hiền nhi sẽ đến sau.

Vua hài lòng khi nghe Trí giả sắp đến liền mời thân phụ ngài ngồi xuống một nơi thích hợp. Ông ngồi xuống. Trong lúc ấy, bậc Đại sĩ được trang sức xiêm y lộng lẫy cùng với một ngàn nhi đồng theo hầu, ngồi trên chiếc xe trang hoàng đẹp đẽ. Khi đến kinh thành, ngài thấy một con lừa đứng cạnh một cái hồ liền bảo mấy người bạo dạn buộc miệng con lừa lại để cho nó khỏi kêu xong lấy chiếu bó, lấy tấm trải bọc nó lại và vác lên vai. Họ làm như vậy, rồi Bồ-tát vào cung với đoàn tùy tùng đông đảo của ngài. Dân chúng nhìn theo, không ngớt tán thán ngài:

– Nghe nói đây là Trí giả Mahosadha, con của phú thương Sirivaḍḍhaka. Người ta bảo ngài sinh ra có cây thuốc chữa bệnh trong tay, chính ngài đã biết cách giải đáp mọi vấn đề được đặt ra để thử tài ngài.

Khi đến trước cung, ngài bảo trình vua ngài đã đến. Vua rất đẹp ý liền bảo:

– Hãy mời Trí giả Mahosadha của trẫm mau vào chầu!

Vì thế, ngài liền vào cung cùng một ngàn tùy tùng. Thi lễ, tung hô vua xong, ngài đứng sang một bên. Vua rất hoan hỷ khi trông thấy ngài nên nói giọng rất ngọt ngào, ban lệnh cho ngài tìm một nơi thích hợp mà ngồi. Ngài liền nhìn cha, ông thấy ám hiệu liền đứng dậy mời con ngồi chỗ ấy, ngài liền ngồi ngay. Thế là các kẻ ngu si đằng kia như Senaka, Pukkusa, Kāvinda, Devinda cùng nhiều kẻ khác nữa, thấy ngài ngồi như vậy liền vỗ tay cười rộ lên và bảo:

– Đây là thằng ngốc đui mù mà chúng bảo là bậc Trí giả. Nó bảo cha nó đứng dậy để nó ngồi vào chỗ ấy. Chắc chắn không thể gọi nó là bậc Trí giả được.

Vua cũng bất bình, mặt mày tiu nghỉu. Bậc Trí giả liền hỏi:

– Tâu Đại vương, Đại vương không đẹp ý chăng?

– Đúng vậy, này Trí giả, trẫm buồn lắm. Trước đây trẫm rất hoan hỷ khi nghe nói về khanh, nhưng nay gặp khanh trẫm lại không được vừa lòng.

– Tại sao như vậy, thưa Đại vương?

– Chỉ vì khanh bảo thân phụ khanh đứng dậy để khanh ngồi vào chỗ ấy.

– Tâu Đại vương, ngài cho rằng lúc nào cha ông cũng hơn con cái cả hay sao?

– Đúng vậy, này Trí giả!

Bồ-tát nói:

– Thế không phải Đại vương đã ban lệnh cho tiểu thần tiến dâng một tuấn mã tốt hơn nữa hoặc một đại tuấn mã ưu tú nhất đó sao?

Nói xong, ngài đứng dậy nhìn các nhi đồng theo hầu ngài và bảo:

– Đem con lừa của các bạn vào đây.

Đặt con lừa trước mặt vua, ngài tiếp tục hỏi:

– Tâu Đại vương, con lừa này đáng giá bao nhiêu?

Vua đáp:

– Nếu dùng được thì nó đáng giá tám đồng tiền.

– Nhưng nếu nó tạo được một con la con với một ngựa cái thuần giống Sindh thì giá con la sẽ bao nhiêu?

– Thế thì nó vô giá.

– Tâu Đại vương, tại sao ngài lại nói vậy? Ngài chẳng vừa bảo là bất cứ lúc nào ông cha cũng hơn con cái cả hay sao? Theo như ngài nói thì con lừa phải đáng giá hơn con la chứ! Các trí giả của ngài lại vỗ tay cười chế nhạo tiểu thần chỉ vì họ không biết điều ấy sao? Vậy tài trí của các trí giả ấy ở đâu chứ? Đại vương đã tìm họ ở đâu ra vậy?

Rồi tỏ vẻ khinh thường cả bốn vị kia, ngài đọc bài kệ này trong chương I, *Câu hỏi về con lừa,*[37] trình vua:

> Tâu Đại vương, ngài vẫn nghĩ rằng,
> Con luôn thua kém bậc cha ông?
> Thế thì lừa phải hơn la chứ,
> Lừa ấy với la chính phụ thân!

Sau đó, ngài tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, nếu ông cha phải hơn con cái thì xin Đại vương hãy sử dụng thân phụ của tiểu thần, còn nếu con cái hơn ông cha thì xin sử dụng tiểu thần.

Vua rất đẹp ý và tất cả quần thần reo hò nhiệt liệt tán thán cả ngàn lần:

– Bậc Trí giả giải quyết vấn đề thật vi diệu thay!

Tiếng vỗ tay vang dậy và cả ngàn chiếc khăn quàng giơ lên vẫy tưng bừng khiến bốn vị kia tiu nghỉu.

Thật sự không ai hiểu rõ hơn Bồ-tát về giá trị của phụ mẫu mình. Nếu ai hỏi lúc ấy tại sao ngài lại làm như vậy thì đó không phải là vì ngài xem thường thân phụ ngài, nhưng chỉ vì khi vua ban lệnh tiến dâng một tuấn mã tốt hơn hoặc một tuấn mã ưu tú đệ nhất, ngài phải làm như thế để giải quyết vấn đề vua đặt ra, để làm hiển lộ tài trí của ngài vượt hẳn bốn vị trí giả kia.

Chấm dứt *Vấn đề về con lừa*.

---

[37] Xem *J.* I. 424, *Gadrabhapañha* (*Câu hỏi về con lừa*), số §111.

III. VẤN ĐỀ THỨ MƯỜI CHÍN

Vua rất hoan hỷ, cầm chiếc bình vàng đựng nước hương, rót nước lên bàn tay của vị phú thương kia và phán:

– Khanh hãy thọ hưởng làng Yavamajjhaka phía Đông là tặng vật trẫm ban thưởng cho khanh. Các phú thương trong vùng phải phục vụ vị này!

Sau đó, vua lại ban thưởng mẫu thân của Bồ-tát đầy đủ các loại nữ trang. Vì đẹp ý trước cách Bồ-tát giải quyết vấn đề con lừa, vua ước mong nhận Bồ-tát làm con mình liền nói với cha của ngài:

– Này hiền khanh, hãy để bậc Đại trí làm con trẫm!

Ông đáp:

– Tâu Đại vương, nay con của tiểu thần còn quá thơ dại, miệng còn hôi sữa; nhưng khi lớn khôn, tiểu nhi sẽ đến hầu hạ Đại vương.

Tuy thế, vua vẫn phán:

– Này hiền khanh, từ nay đừng lưu luyến cậu bé này nữa, từ hôm nay nó là con của trẫm. Trẫm có thể nuôi nấng con của trẫm, vậy khanh hãy đi về!

Rồi vua ban lệnh cho ông ra về. Ông tuân lệnh vua, ôm con vào lòng vỗ về, hôn lên đầu và nhắn nhủ con tiết chế, điều độ. Cậu bé giã biệt phụ thân, khuyên cha chớ lo âu rồi để cha ra đi.

Sau đó, vua hỏi bậc Trí giả muốn dùng cơm bên trong cung hay ở ngoài. Ngài nghĩ rằng với đoàn tùy tùng đông đảo như vậy, tốt nhất nên ăn uống bên ngoài cung điện nên tâu trình vua mục đích ấy. Vua liền ban cho ngài một ngôi nhà thích hợp, cung cấp vật dụng đầy đủ cho một ngàn nhi đồng ăn ở tại chỗ. Từ đó, bậc Trí giả phụng sự cho vua.

19. VIÊN BẢO NGỌC

Lúc bấy giờ, vua lại muốn thử tài ngài. Thời đó, có một viên bảo châu nằm trong tổ quạ trên cây thốt nốt (tāla) bên bờ hồ cạnh Nam môn và ảnh của viên bảo ngọc thường phản chiếu trên mặt hồ. Dân chúng trình vua rằng có viên bảo ngọc dưới hồ. Vua liền triệu Senaka đến bảo:

– Dân chúng bảo có viên bảo ngọc dưới hồ, làm thế nào để lấy lên được?

Senaka tâu:

– Cách tốt nhất là tát cạn nước.

Vua bảo ông thi hành, ông liền tập hợp một đám người tát nước và lấy bùn ra, rồi đào đất dưới đáy hồ, nhưng chẳng thấy ngọc đâu. Thế mà khi hồ đầy nước lại, ánh ngọc vẫn phản chiếu trên hồ như cũ. Senaka lại cho tát nước nữa và cũng không tìm thấy ngọc. Sau đó, vua triệu bậc Trí giả và bảo:

– Dân chúng có thấy viên ngọc trong hồ, Senaka đã cho tát nước bùn ra và đào đất lên mà chẳng thấy ngọc đâu, nhưng vừa khi nước hồ đầy thì ngọc lại hiện lên, hiền nhi có thể lấy ngọc lên chăng?

– Tâu Phụ vương, chuyện đó không khó gì, thần nhi xin đi lấy ngọc về dâng Phụ vương.

Vua rất đẹp ý khi nghe ngài hứa, rồi cùng một đám đông cận thần theo hầu, vua ngự ra hồ, sẵn sàng chứng kiến oai lực đại trí của bậc Trí giả. Bậc Đại sĩ đứng trên hồ quan sát, ngài biết rằng ngọc không ở trong hồ mà ở trong tổ quạ trên cây thốt nốt nên ngài nói to:

– Tâu Phụ vương, ngọc không có trong hồ.

– Thấy ngọc dưới nước mà, không phải sao?

Thế là ngài bảo đem đến một thùng nước và nói:

– Tâu Phụ vương, đây chẳng phải là ta thấy ngọc trong thùng nước và cả trong hồ sao?

– Thế thì ngọc ở đâu?

– Tâu Phụ vương, đây chỉ là ánh ngọc phản chiếu trong hồ nước lẫn trong thùng chứ không phải ngọc, còn ngọc ở trong tổ quạ ở trên cây thốt nốt kia. Xin Phụ vương cho người lên lấy ngọc và đem xuống đây.

Vua y lời, cho người đem ngọc xuống và bậc Trí giả đặt viên ngọc vào tay vua. Mọi người tán dương bậc Trí giả và nhạo báng Senaka:

– Viên bảo ngọc nằm trong tổ quạ trên cây, thế mà Senaka ngốc lại bảo đám người đào hồ. Chắc chắn một bậc Trí giả phải như Mahosadha này!

Họ cứ ca ngợi bậc Đại sĩ như vậy, còn vua thì rất đẹp ý, ban cho ngài xâu chuỗi ngọc trai mà vua đang đeo trên cổ và ban đủ chuỗi ngọc trai cho cả ngàn nhi đồng kia, lại cho phép từ nay, ngài và đoàn tùy tùng của ngài vào chầu vua được miễn lễ.

Chấm dứt *Vấn đề thứ mười chín*.

IV. VẤN ĐỀ CON TẮC KÈ

Một ngày kia, vua cùng bậc Trí giả bước vào ngự viên thì một con tắc kè ở trên chiếc cổng vòng cung trông thấy vua liền bò xuống nằm sát đất. Vua thấy vậy, hỏi:

– Này bậc Trí giả, con tắc kè này làm gì vậy?

– Tâu Phụ vương, nó tỏ lòng cung kính đối với Phụ vương.

– Nếu vậy, ta chẳng nên bỏ qua việc nó cung kính mà không thưởng nó, hãy cho nó thật nhiều tặng vật!

– Tâu Phụ vương, tặng vật chẳng ích lợi gì cho nó, cái nó cần là thức ăn.

– Vậy nó ăn gì?

– Tâu Phụ vương, thịt.

– Nó cần ăn độ bao nhiêu?

– Chừng một xu, tâu Phụ vương.

Vua bảo:

– Chỉ đáng một xu thì chẳng xứng quà thưởng của vua ban.

Rồi ngài truyền cho một người đến, ban lệnh đem cho con tắc kè đều đều mỗi ngày năm xu thịt. Việc này được thi hành sau đó. Nhưng vào ngày trai giới không có sát sinh, người đó không kiếm ra thịt nên gã đục một lỗ qua đồng nửa hào và buộc vào cổ con tắc kè bằng sợi dây. Việc ấy làm con tắc kè sinh lòng kiêu mạn.

Một ngày kia, vua lại vào ngự viên cùng với Mahosadha, nhưng con tắc kè thấy vua đến gần, mà nó đang kiêu mạn vì cho rằng nó cũng nhiều của cải như vua, nó nghĩ thầm: "Này Đại vương Vedeha, Đại vương giàu có lắm, nhưng ta đây cũng vậy." Thế là nó không bò xuống mà cứ nằm yên trên cổng vòng cung gõ nhịp chiếc đầu. Vua thấy vậy liền hỏi:

– Này bậc Trí giả, hôm nay con vật kia không xuống đây như lệ thường, cớ sao vậy?

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu tiên:

Tắc kè thuở trước chẳng bò lên
Khung cửa vòng cung, bậc Trí hiền,
Hãy giải thích ngay cho trẫm rõ,
Tắc kè sao cứng cổ như trên?

Bậc Trí giả nhận thấy rằng có lẽ gã kia không kiếm đâu ra thịt vào ngày trai giới cấm sát sinh nên con vật này sinh lòng kiêu mạn vì đồng tiền buộc vào cổ nó. Bởi thế, ngài ngâm kệ này:

Con tắc kè kia được thưởng cho,
Món tiền nó chẳng có bao giờ,
Nửa hào nên nó không tôn trọng,
Đại đế trị vì Mithilā.

Vua truyền triệu gã kia đến hỏi chuyện và gã kể mọi sự đúng như vậy. Vua lại càng đẹp ý về bậc Trí giả hơn nữa vì hình như ngài biết được ý con tắc kè mà chẳng cần hỏi han gì, thật tài trí chẳng khác nào trí tuệ tối thắng của một vị Phật. Vì thế, vua cho phép ngài thu lợi tức cả bốn cửa thành. Vua giận con tắc kè, muốn gián đoạn việc ban thưởng cho nó, nhưng bậc Trí giả bảo đó là việc không nên làm và khuyên can vua.

Chấm dứt *Vấn đề con tắc kè.*

V. VẤN ĐỀ ĐẠI PHƯỚC VÀ BẤT HẠNH

Thời bấy giờ, một thiếu sinh tên gọi Pinguttara ở thành Mithilā đến Takkasilā học với một danh sư. Sau thời kỳ tinh cần học tập đã viên mãn, chàng tạ từ sư phụ ra về. Nhưng trong gia tộc của danh sư này có tục lệ nếu con gái đến tuổi lấy chồng thì phải gả cho môn đồ lớn tuổi nhất. Vị danh sư này có cô con gái đẹp như tiên, do đó bảo môn đồ:

– Này đệ tử, ta sẽ gả con gái ta cho đệ tử, vậy con hãy đem con ta cùng đi về với con!

Lúc ấy, cậu thiếu sinh thật là kẻ bất hạnh, thiếu may mắn, còn cô gái kia thật có phước lớn. Khi chàng ta thấy nàng, chàng chẳng hề quan tâm đến nàng, nhưng nghe thầy bảo vậy, chàng cũng đồng ý vì không muốn xem thường lời dạy của thầy. Thế là vị Bà-la-môn này gả con gái cho chàng. Đêm động phòng hoa chúc, chàng lên giường nằm, nàng vừa mới leo lên giường thì chàng càu nhàu leo xuống đất, nàng cũng bước xuống nằm cạnh chàng. Chàng liền đứng dậy leo lên giường lại, nàng cũng bước lên giường, chàng lại bước xuống, vì kẻ bất hạnh không đi đôi với người đại phước được. Thế là cô gái nằm trên giường, cậu trai nằm dưới đất. Cứ thế bảy ngày trôi qua.

Sau đó, chàng trai tạ từ sư phụ và ra đi với vợ chàng. Trên đường đi, chẳng có gì hơn ngoài vài câu chuyện trao đổi giữa hai vợ chồng. Cả hai đều buồn khổ đi đến thành Mithilā. Không xa thành mấy, Piṅguttara thấy một cây sung đầy trái và đang lúc đói bụng, chàng trèo lên cây hái vài quả ăn. Cô gái cũng đói bụng đến gốc cây gọi lên:

– Xin chàng ném xuống cho thiếp vài quả.

Chàng bảo:

– Ô hay, nàng không có tay chân sao? Trèo lên mà tự hái lấy.

Nàng đành trèo lên hái sung ăn. Chàng vừa thấy nàng trèo lên liền nhanh chân trèo xuống, chất gai góc quanh gốc cây và bỏ đi, tự nhủ thầm: "Nay ta đã thoát được người đàn bà tồi tệ này rồi." Nàng không leo xuống được đành ngồi trên cây.

Lúc bấy giờ, vua đang vui chơi trong rừng đến chiều rồi ngự lên vương tượng trở về thành. Khi thấy nàng, vua đem lòng yêu ngay, vì thế vua cho người hỏi nàng có chồng chưa, nàng đáp:

– Tiện thiếp đã có chồng do gia đình gả cho, nhưng người ấy đã ra đi và bỏ tiện thiếp lại đây một mình.

Vị cận thần trình chuyện với vua, ngài bảo:

– Thật là bảo vật vô chủ đưa về tay vua.

Nàng liền được mang xuống, đặt lên voi chở về triều. Tại đây, nàng được rảy nước phong chức Hoàng hậu. Nàng được vua rất sủng ái và được mệnh danh là Udumbarādevī (Hoàng hậu Cây Sung) vì vua thấy nàng trên cây sung lần đầu tiên.

Một ngày nọ, dân chúng ở cạnh cổng kinh thành phải dọn đường cho vua ngự du vào hoa viên và Piṅguttara phải đi kiếm ăn nên cũng xắn áo quần lên và dùng cái cào dọn đường. Trước khi đường sá dọn dẹp xong, vua cùng Hoàng hậu Udumbarā đã ngự đến trên vương xa, hoàng hậu trông thấy kẻ khốn khổ ấy

đang dọn đường, không giữ được vẻ đắc thắng, nàng nhìn chàng ta mỉm cười. Vua nổi giận khi nàng mỉm cười liền hỏi tại sao.

Nàng đáp:

– Tâu Đại vương, kẻ dọn đường kia là chồng cũ của thần thiếp, người đã bắt thần thiếp trèo lên cây sung rồi chất gai quanh gốc cây xong lại bỏ đi. Bây giờ gặp lại gã, thần thiếp không sao khỏi thấy đắc thắng về số phận may mắn của thần thiếp và mỉm cười khi gặp gã đằng kia.

Vua bảo:

– Ngươi nói láo, ngươi cười với một kẻ khác, ta sẽ giết ngươi!

Và vua rút kiếm ra. Nàng hoảng hốt kêu lên:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương vấn ý các vị hiền thần của Đại vương.

Vua hỏi Senaka xem ông có tin lời nàng hay chăng. Ông đáp:

– Tâu Đại vương, thần không tin được vì ai có thể bỏ một mỹ nhân đẹp thế kia mà đi?

Nàng nghe vậy càng run sợ hơn nữa. Nhưng vua nghĩ thầm: "Senaka làm sao biết được chuyện này, để ta hỏi bậc Trí giả xem sao." Rồi vua ngâm kệ hỏi ngài:

Một nữ nhi đức hạnh, diễm kiều,
Nhưng nam nhân ấy chẳng thương yêu,
Hiền khanh có thể tin không chứ?
Mahosadha hãy nói nào!

Bậc Trí giả đáp:

Thần vẫn tin điều ấy, Đại vương,
Kẻ kia thật bất hạnh bần cùng,
Người nhiều ân phước và vô phước,
Chẳng có bao giờ kết bạn chung.

Những lời này làm dịu cơn thịnh nộ của vua, lòng ngài bình tĩnh lại và rất hân hoan, ngài bảo:

– Này bậc Trí giả, nếu khanh không ở đây, ắt hẳn trẫm đã nghe lời kẻ ngu si Senaka kia và mất nữ báu này, khanh đã cứu hoàng hậu cho trẫm.

Vua liền ban thưởng bậc Trí giả một ngàn đồng tiền. Rồi hoàng hậu kính cẩn tâu với vua:

– Tâu Đại vương, chính nhờ bậc Hiền trí này mà thần thiếp được cứu sống. Vậy xin Đại vương ban cho thần thiếp một ân huệ: Đó là cho phép thần thiếp đối xử với bậc Trí giả như một tiểu đệ.

– Được, này Ái khanh, trẫm chấp thuận ban ân huệ ấy.

– Tâu Đại vương, nếu được như vậy, bắt đầu từ hôm nay thần thiếp không thể dùng cao lương mỹ vị mà không có tiểu đệ. Từ nay, đúng mùa hay trái mùa,

thiếp đều mở cửa cung đem bánh trái cho tiểu đệ, thần thiếp tha thiết ước ao như vậy.

Vua bảo:

– Ái khanh cũng được toại nguyện nữa.

Chấm dứt *Vấn đề đại phước và bất hạnh*.

VI. VẤN ĐỀ CON DÊ

Một ngày kia, sau bữa điểm tâm, vua dạo chơi trên lối đi bộ, chợt thấy qua bậc cửa một con dê và một con chó đang kết bạn với nhau. Lúc bấy giờ, con dê có thói quen ăn cỏ ném cho bầy voi cạnh chuồng voi trước khi voi ăn, cho nên những người quản tượng đánh đuổi con dê đi. Trong khi nó vừa chạy vừa kêu be be thì một người rượt theo lấy gậy đánh vào lưng nó. Con dê oằn lưng lại vì đau đớn, chạy đến nằm cạnh bức tường lớn của hoàng cung.

Lúc bấy giờ, có một con chó đã ăn hết xương, da và vật thừa trong nhà bếp của hoàng cung. Cùng ngày hôm ấy, người đầu bếp đã nấu nướng thức ăn xong, để vào đĩa hẳn hoi. Trong khi gã đang lau mồ hôi trên mình thì con chó nghe mùi thơm của cá thịt, chịu không nổi liền vào bếp giở nắp đậy ra và bắt đầu ăn thịt. Người đầu bếp nghe tiếng bát đĩa rổn rảng liền chạy vào thấy chó đang ăn thịt, gã đóng cửa lại, lấy đá và gậy đánh nó. Con chó thả miếng thịt vừa chạy vừa la ẳng ẳng. Người đầu bếp thấy nó chạy còn rượt theo đánh một gậy đích đáng vào lưng. Con chó cong lưng lại co rút một chân lên, chạy đến nơi con dê đang nằm. Con dê hỏi:

– Này bạn, tại sao bạn cong lưng lại, bạn đau bụng chăng?

Con chó đáp:

– Bạn cũng đang cong lưng lại đấy chứ, bạn cũng đau bụng chăng?

Con chó liền kể chuyện của nó xong, con dê hỏi thêm:

– Thế bạn có vào nhà bếp được nữa không?

– Không, chuyện này cũng đáng đời ta lắm rồi, thế bạn có đến chuồng voi được nữa chăng?

– Cũng chẳng hơn gì bạn, chuyện đó cũng đáng đời ta lắm rồi.

Thế rồi, chúng bắt đầu băn khoăn không biết làm cách nào để sống. Dê nói:

– Hay là ta cùng chung sống được chăng? Tôi có ý kiến này.

– Xin cho ta biết ngay!

– Này bạn, bạn hãy đi đến chuồng voi, những người quản tượng sẽ không để ý đến bạn vì họ nghĩ rằng chó không ăn cỏ đâu, thế là bạn mang cỏ về cho tôi. Tôi sẽ đến nhà bếp và người đầu bếp sẽ không chú ý đến tôi vì nghĩ rằng tôi không ăn cá thịt được đâu. Thế là tôi sẽ đem thịt về cho bạn.

Con chó đáp:

– Thật là diệu kế!

Rồi chúng giao hẹn, con chó đến chuồng voi tha về một nắm cỏ trong mồm, đặt cạnh bức tường lớn, và con dê vào nhà bếp mang ra một miếng thịt lớn đặt vào cùng chỗ ấy. Con chó ăn thịt và con dê ăn cỏ. Theo cách này, chúng sống chung hòa hợp cạnh bức tường lớn.

Khi vua thấy tình bằng hữu của chúng, ngài suy nghĩ: "Trước kia, ta chưa từng thấy một việc kỳ lạ như thế. Hai kẻ thù truyền kiếp lại sống chung đầy thân tình với nhau. Ta sẽ đưa câu chuyện này thành một vấn đề bàn cãi cho các hiền thần của ta. Nếu họ không hiểu nổi, ta sẽ đuổi họ ra khỏi triều, còn nếu ai đoán được, ta sẽ tuyên dương là bậc Trí giả vô thượng và sẽ tỏ lòng tôn kính vị ấy. Hiện nay không có việc, nhưng ngày mai khi họ đến chầu ta, ta sẽ đem vấn đề ra hỏi." Thế là hôm sau, khi các hiền thần vào chầu vua, ngài liền đặt vấn đề qua vần kệ:

Hai kẻ thù theo lẽ tự nhiên,
Chưa từng bảy bước đứng kề bên,
Trở thành bạn thiết không rời nữa,
Duyên cớ là đâu, các bậc Hiền?

Sau đó, vua ngâm thêm một vần kệ:

Nếu không giải đáp trước trưa nay,
Trẫm sẽ đuổi luôn nhóm người này,
Trẫm không cần những người ngu nữa,
Vậy hãy tìm lời giải đáp ngay!

Lúc bấy giờ, Senaka ngồi trên chiếc cẩm đôn hàng đầu. Bậc Trí giả ngồi trên chiếc cẩm đôn cuối cùng, ngài tự nhủ thầm: "Đức vua chậm hiểu không tự nghĩ ra cách giải quyết vấn đề này, chắc ngài phải thấy một chuyện gì đấy. Nếu ta được gia hạn một ngày, ta sẽ giải quyết xong việc này. Senaka chắc chắn sẽ tìm kế hoãn lại một ngày. Còn bốn vị kia chẳng thấy việc gì cả, chẳng khác nào như ở trong phòng tối." Senaka nhìn Bồ-tát xem ngài sẽ làm gì, Bồ-tát liền nhìn lại Senaka. Nhìn vẻ mặt bậc Trí giả Mahosadha, Senaka hiểu được tâm trạng ngài. Ông thấy rằng ngay cả bậc Trí giả cũng không hiểu vấn đề, ngài chưa giải đáp được hôm nay mà cần gia hạn thêm một ngày nữa ngài sẽ hoàn thành việc giao ước này. Thế là ông cười to để trấn an và nói:

– Tâu Đại vương, Đại vương sẽ đuổi chúng thần nếu chúng thần không giải đáp được vấn đề này chăng?

– Chính phải, hiền khanh.

– Đại vương biết đây là một vấn đề rắc rối, chúng thần không thể giải đáp nổi, vậy xin Đại vương đợi một thời gian. Một vấn đề rắc rối không thể giải quyết giữa đám đông. Xin cho chúng thần suy nghĩ thật kỹ rồi sẽ giải đáp sau. Xin hãy cho chúng thần một cơ hội!

Ông nói vậy vì tin tưởng bậc Đại sĩ, rồi ngâm hai vần kệ:

Giữa đám đông, nhiều người tập trung,
Thật ồn ào quá, trí mông lung,
Không sao tập hợp tư duy được,
Để giải đáp ngay, tâu Đại vương.
Nhưng hễ khi nào được độc cư,
Bình tâm tĩnh trí để suy tư,
Vấn đề xem xét cho tường tận,
Sẽ giải đáp ngay, hãy đợi chờ!

Mặc dù nổi giận khi nghe lời này, vua vẫn đáp lại giọng đe dọa:

– Được lắm, các khanh cứ suy nghĩ cho kỹ rồi trả lời trẫm, nếu không được, trẫm sẽ đuổi hết đi!

Bốn vị hiền thần rời triều ra về, Senaka bảo ba vị kia:

– Chư hiền, đức vua đặt một vấn đề gay go, nếu chúng ta không giải quyết nổi thì thật đại họa cho chúng ta. Vì vậy, ta hãy ăn uống no say rồi suy nghĩ cho kỹ.

Sau đó mỗi vị về tư dinh, còn bậc Trí giả đi tìm Hoàng hậu Udumbarā và thưa bà:

– Tâu Hoàng hậu, hôm qua và hôm nay Thánh thượng thường ở đâu?

– Này bậc Trí giả, ngài dạo chơi trên lối đi và nhìn ra cửa sổ.

Bồ-tát liền nghĩ: "Ồ, thế thì phải thấy chuyện gì đó." Bồ-tát liền đến nơi ấy nhìn ra và thấy việc làm của con chó và con dê. "Vấn đề của đức vua đã được giải quyết rồi", ngài kết luận và đi về nhà.

Ba vị hiền thần kia chẳng tìm thấy gì liền đi đến Senaka, ông hỏi:

– Các vị đã tìm ra vấn đề ấy chưa?

– Thưa ngài, chưa.

– Nếu vậy, đức vua sẽ đuổi chúng ta, các vị tính sao đây?

– Còn ngài đã nghĩ ra chưa?

– Cũng chưa nghĩ ra.

– Ngài còn chưa tìm ra, huống hồ chúng tôi. Chúng ta đã rống lên như sư tử trước mặt đức vua là xin để chúng ta suy nghĩ rồi sẽ giải quyết, nay ta làm không được ắt vua sẽ tức giận. Vậy ta phải làm thế nào đây?

– Vấn đề này chúng ta giải quyết không được đâu. Chắc chắn bậc Trí giả đã giải quyết cả trăm cách rồi.

– Thế thì ta đi đến ngài xem sao.

Cả bốn vị kéo nhau đến trước cửa nhà Bồ-tát, nhờ thông báo việc họ đến gặp ngài rồi bước vào kính cẩn chào ngài xong, họ đứng sang một bên hỏi bậc Đại sĩ:

– Thưa ngài, ngài đã nhìn ra vấn đề ấy chưa?

– Nếu ta chưa nghĩ ra thì còn ai nghĩ ra đó chứ. Dĩ nhiên ta đã nghĩ ra rồi.

– Vậy xin ngài cho chúng tôi biết với.

Ngài nghĩ thầm: "Nếu ta không nói cho họ biết, đức vua sẽ đuổi họ và ban thưởng cho ta bảy báu vật, nhưng thôi, chớ để những tên ngu si kia tàn đời, ta sẽ cho họ biết." Rồi ngài bảo họ ngồi xuống ghế thấp, đưa tay lên chào ngài. Sau đó, không nói thẳng cho họ biết những gì vua đã thấy tận mắt, ngài chỉ làm bốn vần kệ, dạy cho mỗi vị một vần bằng tiếng Pāli để đọc lên trình vua khi được hỏi đến rồi cho họ ra về.

Ngày hôm sau, khi họ vào chầu vua rồi ngồi xuống chỗ được vua cho phép, vua liền hỏi Senaka:

– Hiền khanh đã giải đáp vấn đề được chưa Senaka?

– Tâu Đại vương, nếu thần không giải đáp được thì còn ai nữa chứ?

– Vậy nói cho trẫm biết.

– Xin Đại vương nghe đây.

Rồi vị này đọc bài kệ đã học được:

Bọn hành khất trẻ, các ông hoàng,
Rất thích thịt dê đực ngọt ngon,
Thịt chó, họ đều không thọ dụng,
Nhưng dê, chó giữ mối thân bằng.

Mặc dù Senaka đọc kệ, ông vẫn chẳng hiểu ý nghĩ gì, còn phần vua lại hiểu, vì ngài đã chứng kiến sự việc ấy. Ngài nghĩ: "Senaka đã tìm ra rồi." Ngài liền quay sang hỏi Pukkusa, và ông ta hỏi lại: "Tại sao thế tâu Đại vương, tiểu thần không phải là người có trí chăng?" rồi đọc bài kệ đã học được:

Họ lấy da dê phía núi rừng,
Phủ che ngựa quý ở trên lưng,
Còn da của chó không dùng được,
Nhưng chó, dê cùng kết bạn thân.

Ông này cũng chẳng hiểu chuyện gì, nhưng vua tưởng ông hiểu vì chính ngài đã chứng kiến sự việc. Rồi ngài lại hỏi Kāminda và ông cũng đọc vần kệ:

Cặp sừng cong xoắn, chú dê rừng,
Nhưng chó lại không có cặp sừng,
Một con ăn cỏ, con ăn thịt,
Tuy thế chó, dê kết bạn thân.

"Vị này cũng tìm ra rồi." Vua nghĩ thầm rồi hỏi đến Devinda, ông ta cũng như các vị kia, đọc lên bài kệ đã học được:

Cừu dê ăn cỏ, lá cây luôn,
Cỏ, lá thì con chó chẳng ăn,

Chó thích ăn mèo hay thịt thỏ,
Nhưng dê, chó giữ mối thân bằng.

Kế đó, vua hỏi bậc Trí giả.

– Này vương nhi, con có hiểu vấn đề này chăng?

– Tâu Đại vương, từ địa ngục Avīci[38] cho đến tầng trời Bhavagga,[39] còn ai khác ngoài con hiểu được vấn đề này?

– Vậy thì hãy nói cho trẫm!

– Xin Phụ vương nghe đây.

Rồi ngài nói rõ sự hiểu biết vấn đề của ngài qua hai bài kệ này:

Con dê cao tám tấc dùng chân,
Tám móng, không ai thấy vội mang,
Món thịt về cho con chó ấy,
Chó đem cỏ đến chú dê rừng.
Vedeha, chúa toàn dân chúng,
Đứng tại thượng lầu tận mắt trông,
Việc lấy thức ăn trao đổi ấy,
Giữa dê, chó kết mối thân bằng.

Vua không hiểu các vị kia đã biết câu chuyện nhờ Bồ-tát nên rất hoan hỷ cho rằng cả năm vị đều tìm ra câu giải đáp vấn đề nhờ tài trí riêng của mình, và ngài cũng ngâm kệ:

Trẫm có các bậc Hiền giả tại triều,
Thật là ích lợi biết bao nhiêu,
Vấn đề tế nhị và uyên áo,
Họ thấu triệt, lời lẽ tối ưu.

Rồi ngài bảo họ rằng kẻ có công sẽ được đền đáp xứng đáng. Và ngài ân thưởng qua câu kệ:

Cứ mỗi hiền khanh, trẫm thưởng ban,
Một xe, la cái, một ngôi làng,
Giàu sang thượng hạng cho người trí,
Trẫm thích thú lời lẽ ngọc vàng!

Rồi ngài ban thưởng tất cả các thứ ấy cho họ.

Chấm dứt *Vấn đề con dê* trong chương XII.

***

[38] Avīci, phiên âm là A-tỳ (阿鼻), dịch nghĩa là Vô Gián (無間): Liên miên, không đứt đoạn. Ở đây chỉ cho địa ngục Vô Gián, người bị đọa trong địa ngục này chịu khổ hành hạ khốc liệt, triền miên, không ngơi nghỉ. Địa ngục Avīci là cõi thấp nhất trong 31 cõi dục giới và sắc giới.

[39] Bhavagga (有頂天, Hữu Đảnh thiên) còn gọi là Aṭṭhakathā (色究竟天, Sắc Cứu Cánh thiên) là cõi trời cao nhất trong 31 cõi dục giới và sắc giới. Tham khảo: *Vbh.* 426; *Mil.* 132, 336; *J.* IV. 182; VI. 354.

Nhưng Hoàng hậu Udumbarā biết rõ các kẻ kia hiểu được vấn đề nhờ bậc Trí giả, bà nghĩ thầm: "Đức vua ban thưởng giống nhau cho cả năm vị, chẳng khác nào một kẻ không phân biệt được đậu nhỏ và đậu lớn, chắc chắn hiền đệ của ta phải được phần thưởng đặc biệt hơn."

Rồi bà đến hỏi vua:

– Tâu Đại vương, ai đã giải đáp câu đố ấy cho Đại vương?

– Này Ái khanh, cả năm hiền giả.

– Nhưng tâu Đại vương, nhờ ai mà bốn vị kia biết được?

– Ái khanh, trẫm không rõ.

– Tâu Đại vương, các vị kia biết gì? Chính bậc Trí giả muốn các vị ấy khỏi bị suy tàn vì ngài nên cho họ biết vấn đề ấy. Thế mà Đại vương ban thưởng cho cả năm vị giống nhau. Như vậy không công bằng, Đại vương nên có phần thưởng đặc biệt cho bậc Trí giả.

Vua rất đẹp ý vì bậc Trí giả không tiết lộ chuyện các vị kia biết được là nhờ ngài và muốn ân thưởng thật trọng hậu cho ngài, vua nghĩ: "Không hề gì, ta sẽ hỏi con ta một vấn đề nữa, nếu con ta đáp đúng ta sẽ hậu thưởng." Nghĩ vậy xong, vua đặt ra vấn đề giàu nghèo.

VII. GIÀU VÀ NGHÈO

Một ngày kia, năm vị hiền thần vào chầu vua và khi họ đã an tọa, vua hỏi:

– Senaka, ta sẽ hỏi hiền khanh một chuyện.

– Tâu Đại vương, xin cứ hỏi!

Vua liền đọc vần kệ đầu trong vấn đề giàu nghèo:

> Có trí khôn nhưng thiếu bạc vàng,
> Hoặc giàu tiền lại kém khôn ngoan,
> Senaka, trẫm hỏi khanh nhé,
> Bậc Trí gọi ai tốt đẹp hơn?

Lúc bấy giờ, vấn đề này được truyền lại từ đời này sang đời khác trong gia tộc Senaka nên ông đáp ngay:

> Quả thật, kẻ ngu hoặc Trí nhân,
> Vô văn phàm tục hoặc đa văn,
> Đều hầu hạ những người giàu có,
> Dù họ cao sang hoặc hạ tầng,
> Nhìn thấy điều này, thần mới nói,
> Trí nhân thua kém kẻ giàu sang.

Vua nghe đáp xong, không nói gì thêm với ba vị kia mà nói với bậc Trí giả Mahosadha ngồi bên cạnh:

> Ta cũng hỏi con, Đại Trí nhân,
> Bậc tinh thông vạn pháp trên trần,

Kẻ ngu lắm của, người khôn khó,
Bậc Trí gọi ai tốt bội phần?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Xin Đại vương nghe đây!

Người ngu phạm tội, nghĩ suy rằng:
Trên cõi đời, ta thắng thế hơn,
Họ thấy đời này không cõi kế,
Nên mang tai họa cả hai đường.
Điều này con thấy nên con nói,
Bậc Trí hơn xa trọc phú đần.

Nghe nói vậy, vua nhìn Senaka và nói:

– Này hiền khanh, có thấy Mahosadha bảo bậc Trí nhân là cao hơn cả đấy chăng?

Senaka đáp:

– Tâu Đại vương, Mahosadha chỉ là một trẻ thơ miệng còn hôi sữa đã biết gì?

Và ông ngâm kệ:

Kiến thức không đem lại bạc vàng,
Cũng không gia thế hoặc dung nhan,
Hãy nhìn Goravinda ngốc,
Đang hưởng vinh hoa, đại phú cường,
Vì đại vận chiều người hạ tiện,
Điều này thần thấy mới thưa rằng:
Bậc Hiền trí chịu phần hèn mọn,
Còn kẻ giàu tiền thắng thế hơn.

Nghe vậy, vua bảo:

– Này Vương nhi Mahosadha, bây giờ con nghĩ sao?

Ngài đáp:

– Tâu Phụ vương, Senaka có biết gì! Lão chỉ như con quạ thấy nơi nào có thóc vãi, hay như con chó cố liếm cho hết sữa, chỉ thấy mình mà không thấy chiếc gậy đang sẵn sàng giáng xuống đầu. Xin Phụ vương hãy nghe đây!

Một người tiểu trí hóa mê man,
Bị nhiễm độc khi hưởng bạc vàng,
Nếu gặp tai ương thành ngớ ngẩn,
Rủi may số phận đến không lường,
Nó vùng như cá phơi ngoài nắng,
Khi thấy điều trên trẻ nói rằng:
Người trí hơn xa người có của,
Giàu tiền nhưng trí óc ngu đần.

– Này Senaka, thế thì sao?

Vua bảo khi nghe ngài nói vậy, Senaka liền đáp:

– Tâu Đại vương, cậu ấy nào biết gì! Chẳng nói gì đến người mà ngay cả chim chóc cũng bay đến đậu trên các cây tốt tươi trong rừng, mang đầy quả ngọt.

Rồi ông ngâm kệ:

Trong rừng, chim chóc tự mười phương,
Tụ tập trên cây có trái ngon,
Cũng vậy người nhiều tiền lắm của,
Đám đông hám lợi đến quây quần.
Thấy vầy thần nói, người Hiền trí,
Hèn kém, kẻ giàu thắng thế hơn.

Vua hỏi:

– Này vương nhi, bây giờ con nghĩ sao?

Bậc Trí giả đáp:

– Lão bụng bự ấy nào có biết gì, xin Phụ vương nghe đây!

Rồi ngài ngâm kệ:

Kẻ ngu quyền thế, chẳng hiền lương,
Dùng bạo lực khi chiếm bạc vàng,
Nó rống thật to tùy ý thích,
Quỷ nhân kéo nó xuống âm cung.
Thấy điều này, tiểu nhi xin nói,
Bậc Trí hơn xa trọc phú đần.

Vua lại bảo:

– Này Senaka, thế nào?

Senaka liền đáp:

Mọi dòng nước đổ xuống sông Hằng,
Đều mất tánh danh với giống dòng,
Đổ xuống biển, sông Hằng cũng sẽ,
Không còn phân biệt được thành phần.
Vậy đời phục vụ người giàu của,
Nhìn thấy điều trên thần nói rằng:
Người có trí chịu phần thấp kém,
Còn người giàu của chiếm phần hơn.

Vua lại bảo:

– Này bậc Trí giả nghĩ sao?

Ngài liền đáp:

– Xin Phụ vương nghe đây!

Rồi ngài ngâm vần kệ:

Biển cả, người kia nói lệ thường,
Muôn sông đổ xuống, đập không ngừng,
Vào bờ nhưng chẳng bao giờ vượt
Bờ nọ, dù hùng vĩ đại dương.
Cũng vậy lời người ngu nhảm nhí,
Phồn vinh không thể vượt Hiền nhân,
Thấy điều này tiểu nhi xin nói,
Người trí hơn xa trọc phú đần.

Vua hỏi:

– Khanh nghĩ sao, Senaka?

– Xin Đại vương nghe đây!

Ông đáp và ngâm vần kệ:

Người giàu ở địa vị cao sang,
Có thể thiếu phòng hộ bản thân,
Nhưng nếu nói gì cùng kẻ khác,
Lời kia giá trị giữa nhân quần.
Trí khôn không thể gây uy tín,
Cho kẻ nào không có bạc vàng,
Thấy vậy thần nói, người Hiền trí,
Thấp kém, người giàu thắng thế hơn.

Vua hỏi:

– Con nghĩ sao?

– Tâu Phụ vương, xin nghe đây. Kẻ ngu si Senaka ấy nào có biết gì!

Rồi ngài ngâm vần kệ:

Vì kẻ khác hay chính bản thân,
Kẻ ngu thường chẳng nói chân ngôn,
Chịu ô nhục giữa nơi quần chúng,
Đời kế nó rơi cảnh khổ buồn.
Vì thấy điều này, con trẻ nói,
Trí nhân hơn trọc phú ngu đần.

Sau đó, Senaka lại ngâm vần kệ:

Cho dù người đại trí khôn ngoan,
Thiếu gạo thóc lâm cảnh khốn nàn,
Nếu có nói điều gì phải trái,
Cũng không giá trị giữa thân nhân,
Phồn vinh không đến nhờ tri kiến,
Nhìn thấy điều trên, thần nói rằng:

Người trí phải chịu phần thấp kém,
Còn người giàu của thắng phần hơn.

Vua lại hỏi:

– Vương nhi nói sao về việc này?

Bậc Trí đáp:

– Senaka nào có biết gì! Lão chỉ nhìn đời này, chứ không thấy đời sau.

Và ngài ngâm vần kệ:

Chẳng vì mình cũng chẳng vì người,
Bậc Đại Trí nhân phải dối lời,
Người được tôn sùng trong hội chúng,
Đời sau hưởng hạnh phúc an vui,
Thấy điều này trẻ thơ xin nói,
Bậc Trí hơn người trọc phú thôi.

Kế đó, Senaka lại ngâm vần kệ:

Voi, ngựa, bò, vòng ngọc, nữ nhân,
Thấy nhiều trong các hộ giàu sang,
Để dành cho các người giàu hưởng,
Mà chẳng cần uy lực thánh thần,
Nhìn thấy điều này thần dám nói,
Bậc Hiền thấp kém, phú gia hơn.

Bậc Trí giả đáp:

– Lão ấy nào có biết gì!

Rồi ngài ngâm kệ, tiếp tục giải thích vấn đề:

Người ngu hành động thiếu suy tư,
Nói những lời ngu xuẩn, dại rồ,
Vô trí bị quăng vì đại vận,
Như con rắn bỏ lớp da khô,
Thấy điều này, trẻ thơ xin nói,
Bậc Trí hơn xa phú hộ ngu.

Vua hỏi:

– Khanh nghĩ sao?

Senaka liền đáp:

– Tâu Đại vương, trẻ thơ này nào biết gì, xin Đại vương nghe đây!

Rồi lão ngâm kệ vì tưởng rằng sẽ làm cho bậc Trí giả không nói thêm gì được nữa:

Năm Trí nhân là bọn chúng thần,
Thảy đều hầu cận đấng Tôn quân,

Hết lòng kính trọng ngài là chúa,
Là chủ nhân ông của thứ dân,
Như Đế-thích là vua vạn vật,
Chính là chúa tể của thiên nhân,
Thấy vầy thần nói, người Hiền trí,
Thấp kém, người giàu thắng thế hơn.

Khi vua nghe vậy liền nghĩ thầm: “Điều ấy đã được Senaka nói thẳng ra, ta không biết con ta có bác bỏ được và nói gì thêm không đây.” Vì thế, vua hỏi:

– Này, bậc Trí giả nghĩ sao đây?

Tuy nhiên, lý luận này của Senaka không ai bác bỏ được ngoại trừ Bồ-tát, thế là bậc Đại sĩ liền bác bỏ ngay, ngài đáp:

– Tâu Phụ vương, kẻ ngu ngốc kia nào biết gì! Lão chỉ nhìn thấy mình mà không biết đến tính siêu việt của trí tuệ, xin Phụ vương hãy nghe đây!

Rồi ngài ngâm kệ:

Người ngu nô lệ của người hiền,
Khi vấn đề này phát khởi lên,
Bậc Trí giải đề khôn khéo lắm,
Kẻ ngu rối trí tựa cuồng điên.
Thấy điều này, trẻ thơ xin nói,
Bậc Trí hơn xa kẻ lắm tiền.

Bậc Đại sĩ đưa ra lý luận này biểu lộ đại trí của ngài, chẳng khác nào ngài đào được cát vàng dưới chân núi Tu-di hay đem vầng trăng tròn sáng tỏ lên bầu trời.

– Này Senaka, nếu được thì khanh cứ đối đáp lại đi!

Nhưng Senaka đã tiêu hoang hết những kiến thức như kẻ dùng hết thóc gạo đã được đặt trong kho, ông ngồi yên, rầu rĩ, lòng phiền muộn không nói năng gì được nữa. Nếu ông tìm ra được một lý luận khác, chắc cả ngàn câu kệ nữa cũng chưa hết chuyện tiền thân này. Nhưng khi ông ấy không trả lời được nữa, bậc Đại sĩ lại tiếp tục ngâm kệ tán thán trí tuệ, chẳng khác nào ngài để dòng hồng thủy tuôn tràn:

Trí tuệ được sùng bởi thiện nhân,
Bạc vàng được chuộng bởi người trần,
Đắm say hưởng thụ bao tham dục,
Tri kiến Phật đà thật tuyệt luân,
Vàng bạc chẳng bao giờ vượt quá
Trí cao siêu việt, tấu Vương quân.

Nghe xong vua rất hoan hỷ với cách giải đáp vấn đề của bậc Đại sĩ đến độ vua ban thưởng ngài vô số tài sản và ngâm kệ:

Con đáp mọi câu hỏi của ta,
Vị thấy toàn pháp, Mahosadha,
Ngàn bò cái, một voi, bò đực,
Tuấn mã kéo mười cỗ đại xa,
Mười sáu ngôi làng giàu đẹp nhất,
Hân hoan ta tặng thưởng con thơ.

Chấm dứt *Vấn đề Giàu và nghèo* trong chương XX.

VIII. CON ĐƯỜNG BÍ MẬT

Từ ngày ấy, vinh quang của Bồ-tát thật lẫy lừng và Hoàng hậu Udumbarā điều hành mọi việc cho ngài. Khi ngài được mười sáu tuổi, bà nghĩ thầm: "Tiểu đệ đã lớn, danh vọng thật lẫy lừng, vậy ta phải tìm nơi se duyên cho tiểu đệ." Bà liền tâu chuyện này với vua và vua rất hài lòng:

– Tốt lắm, Ái khanh cứ nói chuyện cho vương nhi biết.

Bà nói với ngài chuyện ấy, ngài ưng thuận và bà nói:

– Vậy để ta tìm tân nương cho em.

Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Có lẽ ta sẽ không vừa ý nếu họ chọn vợ cho ta, thà ta tự chọn lấy." Ngài liền đáp:

– Tâu Hoàng hậu, khoan nói chuyện này với Thánh thượng trong vài ngày nữa. Xin để tiểu đệ tự đi tìm vợ cho hợp ý mình rồi tiểu đệ sẽ tâu trình sau!

– Được rồi, em cứ làm như vậy.

Ngài từ giã hoàng hậu, đi về nhà thông báo cho các thân hữu. Rồi ngài tìm cách kiếm được bộ đồ của người thợ may, cải trang và một mình đi ra cửa Bắc, tiến vào làng Yavamajjhaka ở phía Bắc.

Lúc bấy giờ, ở đó có một gia đình thương nhân lâu đời bị suy sụp, là gia đình của cô gái tên là Amarā (Bất Tử) rất xinh đẹp, khả ái, thanh tú, có phước lành, có đủ mọi tướng tốt. Sáng sớm hôm ấy, cô gái đi đến nơi cha nàng đang cày ruộng để đem cháo nàng nấu cho cha, tình cờ nàng cũng đi trên con đường ấy. Khi Bồ-tát thấy nàng đi đến, ngài tự nhủ: "Một nữ nhân đủ mọi tướng tốt lành thay! Nếu nàng chưa có gia thất, nàng làm vợ ta là hợp đấy." Còn nàng khi vừa trông thấy ngài cũng tự nhủ: "Nếu ta được sống với một nam nhân như vậy, ta có thể khôi phục gia sản."

Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Ta không biết nàng có gia thất chưa, vậy ta sẽ hỏi nàng bằng cách ra dấu tay và nếu nàng thông minh, nàng sẽ hiểu; nếu không, nàng sẽ không hiểu và ta sẽ rời đi." Thế là đứng đằng xa, ngài nắm chặt tay lại. Nàng hiểu rằng ngài hỏi nàng có chồng chưa liền xòe tay ra. Thế rồi ngài vội đi đến hỏi tên nàng. Nàng đáp:

– Tên thiếp là cái hiện nay không có, trước đã không có và sau này cũng sẽ không có được.

– Thưa ái nương, trên đời này không có cái gọi là bất tử, vậy chắc hẳn tên nàng là Amarā phải chăng?

– Đúng vậy, thưa công tử.

– Ái nương đem cháo cho ai?

– Cho vị thần ngày xưa.

– Các thần ngày xưa là cha mẹ. Vậy chắc ái nương đem cháo cho phụ thân?

– Đúng vậy, thưa công tử.

– Quý thân phụ hiện đang làm gì?

– Người đang làm một thành hai.

– Làm một thành hai gọi là cày ruộng. Phụ thân cày ruộng chăng, hỡi ái nương?

– Thưa công tử, phải.

– Thế ruộng người cày ở đâu?

– Ở nơi người ra đi nhưng không trở lại nữa.

– Nơi người ra đi không trở lại là nghĩa địa, vậy người đang cày ruộng gần nghĩa địa?

– Đúng thế, thưa công tử.

– Ái nương có trở lại đây nữa chăng?

– Nếu nó đến thì thiếp không đến, còn nếu nó không đến thì thiếp sẽ đến, thưa công tử.

– Có lẽ quý thân phụ cày ruộng cạnh bờ sông nên nếu nước dâng thì ái nương không trở lại được, còn nước không dâng thì nàng sẽ trở lại phải không?

Sau cuộc trò chuyện trao đổi này, nàng Amarā mời ngài uống nước cháo. Bậc Đại sĩ nghĩ, nếu từ chối thì khiếm nhã nên ngài nhã nhận xin nàng một ít. Khi nàng để bình nước cháo xuống đất, ngài nghĩ thầm: "Nếu nàng mời ta mà không rửa cái hũ và cho ta nước rửa tay, ta sẽ từ giã nàng ra đi."

Nhưng nàng lấy nước trong hũ đưa ngài rửa tay rồi đặt chiếc hũ không xuống đất chứ không đưa ngài cầm, khuấy nước cháo trong bình xong, nàng đổ đầy vào hũ. Nhưng thấy rất nhiều gạo nấu trong nước cháo, ngài bảo:

– Này ái nương, cháo đặc quá!

– Thưa công tử, trước đây chúng tôi không có nước.

– Ái nương muốn bảo là không có nước nơi cánh đồng chăng?

– Đúng vậy, thưa công tử.

Rồi nàng để lại một ít nước cháo cho cha và mời Bồ-tát một ít. Ngài uống xong, súc miệng và hỏi:

– Thưa ái nương, ta muốn đến thăm nhà nàng, xin nàng làm ơn chỉ đường.

Nàng chỉ đường cho ngài bằng cách đọc bài kệ đã được đưa ra trong chương I:

Nhờ món bánh và cháo nấu nhừ,
Cùng cây song điệp trổ muôn hoa,
Hướng bàn tay thiếp dùng dâng cúng,
Chẳng phải bàn tay thiếp bỏ qua,
Đó chính là đường đi thị trấn,
Con đường bí mật phải tìm ra.

Chấm dứt *Vấn đề con đường bí mật*.

IX. VIỆC THĂM DÒ NÀNG AMARĀ

Ngài đến nhà nàng theo con đường đã chỉ dẫn, mẹ nàng Amarā thấy ngài liền mời ngài ngồi:

– Ta muốn mời công tử dùng cháo, được chăng?

– Xin cám ơn hiền mẫu, hiền muội Amarā đã cho tiểu sinh ăn cháo rồi.

Bà mẹ liền nhận ra ngay là chắc hẳn ngài đến đây vì ái nữ của bà. Bậc Đại sĩ thấy cảnh nghèo túng của họ, lại nói:

– Thưa hiền mẫu, tiểu sinh làm nghề thợ may, hiền mẫu cần may vá gì không?

– Thưa công tử, có chứ, nhưng không có tiền để trả công.

– Thưa hiền mẫu, không cần phải trả công, hiền mẫu cứ đem các thứ ra đây cho tiểu sinh may vá.

Bà liền đem áo quần cũ ra, Bồ-tát vá từng thứ, công việc của người có trí bao giờ cũng trôi chảy, và ngài lại bảo bà:

– Hiền mẫu đi báo cho dân chúng ngoài đường biết nhé.

Bà liền thông báo khắp làng, chỉ một ngày nhờ công việc may vá, bậc Đại sĩ kiếm được một ngàn đồng tiền. Bà lão nấu cơm trưa cho ngài ăn và buổi chiều bà hỏi cần nấu bao nhiêu nữa.

– Thưa hiền mẫu, nấu đủ cho mọi người trong nhà thôi.

Bà liền đi nấu nhiều cơm với cà-ri và các món ăn.

Buổi xế chiều, Amarā từ khu rừng trở về nhà, mang theo một bó củi trên đầu và bó lá quanh hông. Nàng để củi xuống ở cửa trước và đi vào cửa sau. Cha nàng cũng về sau đó. Bậc Đại sĩ ăn một bữa cơm thật ngon miệng. Cô gái hầu cơm cha mẹ trước khi ăn rồi rửa chân cho cha mẹ cùng Bồ-tát. Ngài ở đó vài ngày thăm dò nàng. Rồi một ngày kia, để thử nàng, ngài bảo:

– Ái nương ơi, đem nửa đấu thóc ra làm cho ta một cái bánh, một nồi cháo và một nồi cơm.

Nàng bằng lòng ngay, đi sàng gạo sạch trấu, lấy hột lớn nấu cơm, hột vừa nấu cháo, hột nhỏ gãy làm bánh, nấu thêm các món ăn kèm. Nàng đem cháo đã nêm gia vị mời bậc Đại sĩ. Ngài vừa để một miếng vào miệng đã cảm thấy vị ngon lan khắp bảy ngàn tế bào vị giác và đọng lại. Tuy nhiên để thử nàng, ngài bảo:

– Ái nương ơi, nếu nàng không biết nấu, sao nàng lại làm hỏng gạo của ta?

Rồi ngài nhổ cháo, đổ xuống đất như đang bực bội, nhưng nàng không hề giận, chỉ trao bánh cho ngài và bảo:

– Thưa công tử, nếu cháo không ngon thì xin hãy ăn bánh!

Với các bánh kia ngài cũng làm như thế. Nàng đưa cơm và nói:

– Thưa công tử, nếu bánh không ngon thì xin hãy ăn cơm!

Với món cơm, ngài cũng làm như thế và bảo:

– Nếu nàng không biết nấu nướng sao lại phí phạm của cải của ta?

Rồi như thể giận dữ lắm, ngài trộn cả ba thứ với nhau bôi khắp người nàng từ đầu đến chân, bảo nàng đi ra ngồi xuống bậc cửa.

– Hay lắm, thưa công tử.

Nàng vâng lời ngồi xuống, không tỏ vẻ giận dữ gì. Thấy nàng không có vẻ cao ngạo, ngài bảo:

– Ái nương ơi, đến đây.

Vừa nghe ngài gọi tiếng đầu, nàng đã đến ngay. Khi Đại sĩ đến đây, ngài có đem theo một ngàn đồng tiền vàng và một bộ trang phục trong giỏ cau trầu. Bấy giờ, ngài lấy nó ra đưa cho nàng và bảo:

– Ái nương ơi, hãy cùng bạn hữu đi tắm, mặc trang phục này vào và đến đây với ta.

Nàng vâng lời. Bậc Trí giả trao cho cha mẹ nàng tất cả số tiền ngài đem theo và vừa kiếm được, khuyên họ an lòng, rồi xin phép đem nàng lên kinh thành.

Tại đây, ngài muốn thử nàng liền bảo nàng ngồi trong nhà người canh cổng, nói cho bà vợ người canh cổng biết mưu kế của ngài rồi về nhà ngài. Tại đó, ngài cho gọi các quân hầu của ngài đến và bảo:

– Ta có để lại một nữ nhân ở nhà kia, hãy đem một ngàn đồng tiền đến thử nàng xem!

Ngài đưa tiền và bảo họ đi. Họ làm theo lời ngài dặn. Nàng từ chối, bảo:

– Số tiền này không đáng giá bằng đất bụi bám trên chân của chồng ta.

Các quân hầu trở về kể lại cho ngài nghe kết quả cuộc thử. Ngài lại bảo họ đi lần nữa, đến lần thứ ba, thứ tư, rồi bảo họ nắm tay kéo nàng đi. Họ vâng theo và khi nàng nhìn thấy bậc Đại sĩ uy nghi rực rỡ, nàng không nhận ra ngài mà chỉ cười rồi khóc khi nhìn ngài. Thấy thế, ngài hỏi cớ sao, nàng đáp:

– Thưa công tử, thiếp mỉm cười khi ngắm vẻ huy hoàng của công tử và nghĩ rằng công tử được hưởng cảnh huy hoàng này không phải là không có nhân duyên mà là do thiện nghiệp của công tử đã làm trong đời trước. Ồ, thật đúng là quả phước báu! Thiếp nghĩ vậy và mỉm cười. Nhưng rồi thiếp khóc khi nghĩ rằng công tử sẽ gây tội ác phá hại tài sản mà kẻ khác trông nom, chăm sóc và sẽ xuống địa ngục nên vì thương cảm, thiếp phải khóc.

Sau lần thử này, ngài biết nàng rất tiết hạnh nên bảo họ đem nàng về chỗ cũ. Ngài giả dạng người thợ may, trở về với nàng và ở lại đêm đó.

Sáng hôm sau, ngài trở về cung, kể mọi chuyện với Hoàng hậu Udumbarā. Bà báo cho vua biết, sau đó trang điểm cho Amarā với đủ loại trang sức, đặt nàng ngồi trên một cỗ xe sang trọng, đầy vẻ uy nghi, vinh hiển rước nàng về cung của bậc Đại sĩ và làm lễ cưới.

Vua ban thưởng Bồ-tát món quà đáng giá một ngàn đồng tiền, dân chúng trong thành đem quà đến dâng, từ người giữ cửa trở đi. Nàng Amarā chia quà vua ban làm hai phần, gửi lại một phần dâng lên vua. Các món quà dân chúng tặng, nàng cũng chia như vậy, trả về cho họ một nửa, vì thế rất được lòng dân. Từ ngày ấy, bậc Đại sĩ cùng nàng sống rất hạnh phúc và chỉ bảo cho vua mọi thế sự cũng như thánh sự.

Chấm dứt *Việc thăm dò nàng Amarā.*

X. VIỆC TRỘM CÁC BẢO VẬT

Một ngày kia, Senaka bảo ba người kia nhân lúc họ đến thăm:

– Này các hiền hữu, chúng ta chưa đấu trí nổi với Mahosadha, con nhà nông này. Nay nó tìm được vợ khôn lanh hơn cả nó nữa, làm sao chúng ta kiếm kế ly gián nó với đức vua đây?

– Thưa Tôn sư, làm sao chúng tiểu đệ biết được? Chuyện đó tùy ngài định đoạt.

– Được rồi đừng lo gì, ta đã có cách. Ta sẽ trộm hạt bảo châu trên vương miện của đức vua, hiền hữu Pukkusa trộm chuỗi đeo cổ bằng vàng, hiền hữu Kāvinda trộm chiếc áo lông và hiền hữu Devinda lấy đôi hài bằng vàng của ngài. Ngay sau khi đem về nhà mình thì chúng ta gửi sang nhà của con trai anh nhà nông này.

Cả bốn người ấy cùng làm như vậy. Senaka để hạt bảo châu vào bình sữa bơ, bảo một tỳ nữ:

– Nếu ai mua bình sữa bơ này, ngươi đều từ chối, chỉ bán cho người nhà Mahosadha mà thôi đưa luôn cái bình.

Người tỳ nữ đến cửa nhà vị Trí giả đi lên đi xuống và rao:

– Mua sữa bơ đi! Mua sữa bơ đi!

Nhưng nàng Amarā đứng bên cửa nhìn thấy rõ, nàng nhận xét cô nữ tỳ nọ không đi nơi nào khác ngoài nhà nàng, chắc phải có điều gì bên trong chuyện này. Nàng liền ra dấu cho tỳ nữ của nàng lại gần, còn chính nàng kêu to gọi cô gái:

– Đến đây cô bé, ta muốn mua sữa bơ.

Khi cô gái đến, nàng gọi các nữ tỳ ra, nhưng không có ai trả lời cả nên phải nhờ cô gái đi kiếm hộ. Khi cô gái đi rồi, nàng thọc tay vào bình tìm ra hạt bảo châu. Khi cô gái trở lại, nàng liền hỏi:

– Cô là tỳ nữ nhà ai?

– Thưa phu nhân, là tỳ nữ của Trí giả Senaka.

Nàng liền hỏi tên họ tỳ nữ cùng tên mẹ cô gái rồi bảo:

– Sữa bơ này bao nhiêu?

– Thưa phu nhân, bốn ống.

– Vậy thì hãy đưa ta sữa bơ này.

– Thưa phu nhân, nếu bà cần thì cứ lấy cả bình, con không lấy tiền đâu.

– Vậy thì cô về đi!

Amarā bảo người tỳ nữ ra về rồi nàng viết trên một chiếc lá: Vào ngày ấy tháng ấy, đại sư Senaka gửi đến một hạt bảo châu trên vương miện của đức vua để làm quà tặng do một nữ tỳ tên họ ấy đem đến.

Pukkusa gửi đến chuỗi đeo cổ bằng vàng giấu trong giỏ hoa lài, Kāvinda gửi đến chiếc áo lông giấu trong giỏ rau, Devinda gửi đến đôi hài bằng vàng để trong bó lúa mạch. Nàng nhận tất cả và viết tên họ vào các chiếc lá, cất đi rồi kể lại cho bậc Đại sĩ nghe mọi chuyện.

Khi bốn vị trí giả kia vào cung liền hỏi vua:

– Tâu Đại vương, sao Đại vương không đội vương miện có bảo châu?

Vua bảo:

– Được, đem nó ra đây cho trẫm đội vào!

Nhưng họ không kiếm ra viên bảo châu và các thứ kia. Thế là cả bốn vị bảo:

– Tâu Đại vương, các vật trang sức của Đại vương đều nằm trong nhà Mahosadha, gã ấy đang dùng chúng đấy, gã con trai nhà nông ấy chính là kẻ thù của Đại vương.

Họ vu cáo cho ngài như vậy. Sau đó, những người tốt bụng đi tìm Mahosadha kể chuyện cho ngài, ngài bảo:

– Ta đến yết kiến đức vua rồi ắt sẽ biết.

Ngài đến chầu vua. Đang cơn thịnh nộ, vua phán:

– Ai mà biết tiểu tử kia sẽ trở thành gì nữa, sẽ làm gì nữa?

Vua không cho phép ngài vào trần tình. Khi Trí giả biết vua đang cơn thịnh nộ, ngài trở về nhà. Vua ban lệnh bắt ngài và ngài biết được nhờ những người tốt bụng nên bảo cho Amarā biết đã đến lúc ngài phải ra đi, rồi ngài bí mật trốn ra khỏi kinh thành, đến làng Yavamajjhaka phía Nam, làm công việc của thợ gốm. Cả kinh thành loan tin ngài bỏ trốn.

Khi Senaka và ba vị kia hay tin ấy, mỗi người liền gửi cho phu nhân Amarā một bức thư mà không cho ba vị kia biết, nhắn tin với nàng: "Xin phu nhân đừng ngại gì, chúng ta không phải là những trí giả hay sao?"

Nàng cất cả bốn bức thư rồi trả lời cho mỗi vị đến gặp nàng vào một ngày giờ nào đó. Rồi nàng cho đào một cái hố, đổ đầy vô đó phân và nước, đậy phía trên bằng các tấm ván bẫy, che phủ lại hoàn chỉnh.

Vào buổi chiều, Senaka tắm gội, trang sức đẹp đẽ, ăn các loại cao lương mỹ vị xong, đi đến nhà của Bồ-tát. Khi tới cửa, vị này báo cho biết là mình đã đến. Nàng liền nói: "Mời vào, thưa Đại sư." Vị này đến đứng gần nàng. Nàng nói rằng: "Thưa ngài, giờ đây thiếp vâng theo sự định đoạt của ngài, nếu chưa tắm rửa mình mẩy mà đi ngủ thì không hay cho lắm!" Vị ấy nghe nàng nói như vậy liền bằng lòng. Nàng đi ra, lấy cái bình đầy nước mà vừa rắc nước vừa gọi: "Hãy đến đây Đại sư! Hãy bước lên các tấm ván mà tắm!" Vị ấy đi vô nhà, ngay lúc bước lên trên tấm ván để đứng đó thì té xuống hố phân.

Pukkusa cũng vậy, vào buổi chiều, sau khi tắm gội, trang sức đẹp đẽ, ăn các loại cao lương mỹ vị xong, đi đến nhà của Bồ-tát. Khi tới cửa, vị này báo cho biết là mình đã đến. Các cô hầu gái liền trình cho Amarā. Nghe xong, nàng nói: "Mời vào, thưa Đại sư, nếu chưa tắm rửa mình mẩy mà đi ngủ thì không hay cho lắm!" Vị ấy nghe nàng nói như vậy liền bằng lòng. Nàng đi ra, lấy cái bình đầy nước mà vừa rắc nước vừa gọi: "Hãy đến đây Đại sư, hãy bước lên các tấm ván mà tắm!" Vị ấy đi vô nhà, ngay lúc bước lên trên tấm ván để đứng đó thì té ngay xuống hố phân.

Senaka hỏi Pukkusa:

– Ai đây?

– Tôi là Pukkusa.

– Ông tên là gì?

– Tôi là Senaka.

Họ đứng hỏi nhau như vậy. Và hai người kia cũng bị té xuống đó. Tất cả bọn họ đứng dưới hố phân nhờm gớm. Sáng ra, nàng cho người lấy dao cạo râu tóc bốn người sạch nhẵn, lấy gạo trộn nước đem giã, nấu thành cháo đặc thêm bột tắm thơm, quết lại, đắp cả người lên đến đầu họ, lấy len rắc lên, hành hạ họ thật khổ sở, rồi lấy chiếu quấn bên trong, đặt họ nằm xuống bọc lại và thông báo cho vua biết. Nàng đem họ cùng bốn bảo vật đến cung đình, thi lễ, tung hô vua xong, ngồi xuống một bên, nàng nói:

– Tâu Đại vương, xin hãy nạp thọ món quà lớn gọi là khỉ trắng!

Nói rồi, nàng cho người đặt dưới chân vua bốn bó chiếu. Vua cho người mở ra thì nhận thấy bốn phần giống con khỉ trắng ấy là bốn con người. Tất cả mọi người đều thốt:

– Ôi, chưa từng thấy! Ôi, khỉ trắng lớn!

Họ cười phá lên. Bốn người kia vô cùng hổ thẹn. Lúc này, nàng Amarā tâu vua về sự vô tội của chồng mình:

– Tâu Đại vương, Trí giả Mahosadha không phải là kẻ trộm mà chính đây là các kẻ trộm: Senaka trộm bảo châu, Pukkusa trộm dây chuyền vàng, Kāvinda trộm chiếc áo lông, Devinda trộm đôi giày mạ bằng vàng. Các vụ trộm này vào những ngày ấy, tháng ấy, do tay của những nữ tỳ ấy, các vật này được gửi đến

làm quà tặng. Xin Đại vương nhìn chiếc lá này và nhận lại các bảo vật rồi thả các kẻ trộm ra.

Làm cho các vị kia chịu muôn phần sỉ nhục như thế xong, nàng lễ vua rồi ra về. Tuy nhiên, vua lại bối rối trước chuyện này, vì lúc đó Bồ-tát đã ra đi, bốn hiền thần kia thì không có mặt, ngài không nói gì với họ, chỉ truyền bảo họ tắm rửa rồi ra về. Bốn vị ấy chịu nhục nhã ê chề, lễ vua và ra về.

Chấm dứt *Việc trộm các bảo vật.*

XI. CÂU HỎI VỀ CON ĐOM ĐÓM

Lúc bấy giờ, vị thiên ở trong chiếc lọng hoàng gia không được nghe giọng Bồ-tát thuyết pháp, không hiểu nguyên nhân gì và khi vị ấy biết được liền quyết định đem bậc Trí giả trở về.

Vì thế ban đêm, vị ấy hiện ra từ một cái lỗ quanh lọng, hỏi vua bốn vấn đề được tìm thấy trong chương IV, *Chuyện vấn đề của vị thiên* với các vần kệ bắt đầu: "Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay." Vua không trả lời được, nhưng hứa sẽ hỏi các vị hiền thần và xin gia hạn một ngày.

Hôm sau, vua ban lệnh triệu hồi họ, nhưng họ đều đáp:

– Chúng thần hổ thẹn nếu xuất hiện trước công chúng, vì chúng thần bị cạo râu tóc sạch nhẵn.

Thế là ngài gửi cho họ bốn chiếc mão đội đầu (dân chúng cho rằng đó là nguồn gốc các chiếc mão). Khi họ đến, họ được mời ngồi xong, vua bảo:

– Này Senaka, đêm qua vị thiên ở trong chiếc lọng của trẫm hỏi trẫm bốn vấn đề mà trẫm không giải đáp được nên phải bảo là trẫm sẽ hỏi các hiền thần. Vậy các khanh hãy giải đáp cho trẫm!

Và ngài đọc bài kệ thứ nhất:

Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay,
Đánh luôn cả mặt, mũi, tai, mày,
Tuy nhiên kẻ ấy, tâu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ thay!

Senaka lắp bắp các chữ đầu:

– Đánh làm sao, đánh ai đã chứ?

Rồi ông chẳng tìm ra đầu đuôi gì cả. Ba vị kia đều im lặng. Vua hết sức túng thế. Đêm đến, vị thiên lại hỏi ngài đã giải đáp câu hỏi được chưa, ngài bảo:

– Trẫm đã hỏi bốn hiền thần mà không ai nói được cả.

Vị thiên đáp:

– Họ có biết gì chứ, trừ Trí giả Mahosadha, chẳng ai giải đáp được cả. Nếu Đại vương không triệu ngài về giải đáp các vấn đề này, ta sẽ chặt đầu Đại vương với lưỡi dao oan nghiệt này.

Sau khi dọa vua như vậy, vị ấy nói tiếp:

– Tâu Đại vương, khi Đại vương cần lửa đừng thổi con đom đóm, khi cần sữa đừng vắt cái sừng bò.

Rồi vị thiên lặp lại *Chuyện con con đom đóm* trong chương V:

Người nào trong lúc có cây đèn,
Đang muốn đi tìm lửa để nhen,
Trông thấy giữa đêm đom đóm nhỏ,
Nghĩ rằng ắt hẳn lửa đây chăng?

Người này bèn lấy vụn phân bò,
Cùng với cỏ khô vò để vô,
Nghĩ suy chẳng đúng nên không thể,
Làm cháy cỏ, phân, thành lửa to.

Tương tự, ta dùng cách thức sai,
Sẽ không đạt lợi ích gì đây,
Con bò ta vắt từ sừng nó,
Chẳng được sữa chi, chỉ phí hoài!

Người trẻ đang thu lợi ích thêm,
Từ nhiều cách thức hình thành nên,
Người không thân thiện thì rày trách,
Bạn hữu chở che, nâng đỡ lên.

Nhờ thu phục được tướng, ba quân,
Nhờ diệu kế từ các cận thần,
Mà những vị vua trên thế giới,
Ngự toàn cõi hưởng báu châu trần.

Các vị vua ấy chẳng giống Đại vương đang thổi con đom đóm và tưởng đó là lửa. Đại vương giống như người thổi con đom đóm khi ngọn lửa đang sẵn sàng bên cạnh, như người ném cái cân xuống và đo lường bằng tay, như người cần sữa vắt sừng bò khi ngài đem các vấn đề sâu xa như vậy mà hỏi Senaka và những kẻ tương tự lão ấy, chúng có biết gì đâu chứ? Chúng chỉ là những con đom đóm, còn Mahosadha sáng ngời trí tuệ mới là ngọn lửa vĩ đại đang cháy bùng rực rỡ. Nếu Đại vương không tìm ra lời giải đáp vấn đề này, Đại vương sẽ là cái xác không hồn.

Sau khi dọa cho vua khiếp sợ như thế, vị ấy biến mất.

Chấm dứt *Câu hỏi về con đom đóm*.

XII. CÂU HỎI TRÍ TUỆ

Khi ấy, vua kinh hoàng vì sợ chết. Sáng hôm sau, vua ra lệnh bốn cận thần lên bốn cỗ xe đi ra bốn cửa thành và bất kỳ nơi nào họ tìm được vương tử, Trí giả Mahosadha, đều phải đón chào ngài thật trọng thể rồi lập tức rước ngài về

hoàng cung. Bốn vị ấy mỗi vị ra một cửa thành. Ba vị trong số này không tìm được Trí giả, nhưng vị thứ tư đi ra phía Nam môn tìm thấy bậc Đại sĩ ở làng Yavamajjhaka phía Nam, lúc ấy đang ngồi trên bó rơm lấm lem bùn đất, ăn những vắt cơm và ít thức ăn sau khi đã kiếm xong đất sét và quay bánh xe cho chủ lò gốm. Ngài làm như vậy là vì ngài nghĩ rằng vua có thể nghi ngờ ngài muốn lên cầm vương quyền, nhưng nếu vua hay tin ngài đang sống bằng nghề thợ gốm thì mối nghi kỵ sẽ tan ngay. Khi ngài trông thấy vị cận thần, ngài hiểu ông đi đến tìm ngài, ngài hiểu rằng vinh quang của ngài đã được phục hồi, ngài sẽ được thưởng thức mọi cao lương mỹ vị do phu nhân Amarādevī dọn ra thiết đãi, vì thế ngài thả vắt cơm đang cầm và đứng dậy súc miệng. Vừa lúc ấy, vị cận thần đi đến, đây là một người trong vây cánh của Senaka, nói với ngài một cách thô lỗ như sau:

– Này Trí giả, những lời mà hiền giả Senaka nói đều là những điều báo trước rất hữu ích cho ngài. Vinh quang của ngài đã mất, tài trí của ngài chả ích lợi gì. Bây giờ đây, ngài ngồi trên đống rơm bê bết bùn đất mà ăn cơm như vậy đó.

Rồi gã này đọc bài kệ trong chương X, *Chuyện vấn đề trí tuệ*:

Có thật ngài là bậc Trí nhân,
Như người đồn có trí uyên thâm,
Vậy tài trí, đại vinh quang ấy,
Chẳng phục vụ ngài đúng nghĩa chăng,
Và đã trở thành không ý nghĩa,
Trong khi ngài nuốt chút cơm hẩm?

Bậc Đại sĩ liền đáp lại:

– Tên ngu si mê muội kia, nhờ tài trí của ta, khi nào ta muốn phục hồi vinh quang đều được cả.

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

Vinh quang ta tạo bởi gian truân,
Đúng lúc, trái thời, ta biệt phân,
Để ẩn náu mình theo ý muốn,
Mở toang các cửa lợi vô ngần,
Cho nên ta biết điều tri túc,
Với chút cơm hẩm vẫn muốn ăn.
Khi ta nhận thấy đúng thời cơ,
Nỗ lực tạo thành mối lợi to,
Theo kế hoạch, ta liền chịu đựng,
Giống như sư tử, khí anh hào,
Và nhờ năng lực oai hùng ấy,
Ông sẽ thấy ta trở lại mà.

Lúc ấy, vị cận thần đáp:

– Thưa bậc Trí giả, vị thiên ở trong chiếc lọng hoàng gia đặt một câu hỏi cho đức vua, ngài liền hỏi cả bốn vị trí giả nhưng không ai giải đáp nổi, vì thế đức vua ra lệnh tiểu thần đi rước ngài về.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Trong trường hợp như thế mà ông chưa thấy được uy lực của trí tuệ hay sao? Những lúc như vậy của cải nào có ích gì, chỉ có trí tuệ là hữu ích.

Ngài tán thán năng lực của trí tuệ như vậy. Sau đó, vị cận thần trao cho bậc Đại sĩ một ngàn đồng tiền để hậu tạ nơi ngài đang ở và giã từ. Người chủ lò gốm kinh hãi vì đã thật sự sai khiến bậc Trí giả Mahosadha như người giúp việc của lão. Tuy nhiên, bậc Đại sĩ đã trấn an lão:

– Tôn ông đừng sợ, ông đã cứu giúp ta, thật quý giá vô cùng!

Rồi ngài tặng lão một ngàn đồng tiền và với thân mình còn lấm lem bùn đất, ngài đã leo lên xe về kinh thành ngay. Viên cận thần báo tin cho vua biết ngài đã về.

– Này hiền khanh, khanh đã tìm ra Trí giả ở đâu?

– Tâu Đại vương, vương tử đang sống bằng nghề làm đồ gốm ở làng Yavamajjhaka phía Nam, nhưng vừa được tin Đại vương triệu ngài về là ngài về ngay chẳng đợi tắm rửa gì, đất còn lấm lem cả người.

Vua nghĩ thầm: "Nếu nó là kẻ thù của ta thì nó đã trở về trong cảnh xa hoa long trọng, có tùy tùng hầu hạ kia chứ. Như vậy, nó chẳng phải là đối thủ của ta rồi." Vua liền ban lệnh đưa ngài về tư thất tắm rửa, trang sức cho ngài rồi trở lại chầu vua với lễ nghi rực rỡ long trọng mà vua đã ban. Khi mọi việc xong xuôi, ngài trở vào triều, thi lễ, tung hô vua xong liền đứng sang một bên. Vua nói năng ôn tồn chào đón ngài, rồi muốn thử ngài, ông ngâm kệ này:

Lắm kẻ không gây tạo lỗi lầm,
Bởi vì họ đã được giàu sang,
Nhưng nhiều người chẳng gây lầm lỗi,
Vì sợ bùn nhơ cấu uế tâm,
Con đủ tài năng làm sự nghiệp,
Sao con không hãm hại vương quân?

Bồ-tát đáp lại:

Bậc Trí giả không tạo lỗi lầm,
Chỉ vì lạc thú hưởng giàu sang,
Thiện nhân dù gặp cơn tai họa,
Và bị lâm vào cảnh khốn nàn,
Chẳng vì thân hữu hay thù hận,
Mà phải khước từ đạo chánh chân.

Vua lại đọc bài kệ này, là những lời đầy ý nghĩa, kinh nghiệm của một vị Sát-đế-ly:

Người nào vì bất cứ nguyên nhân,
Dù nhỏ, dù to với bản thân,
Đưa chính mình lên từ chỗ thấp,
Về sau tiến bước đạo như chân.

Bậc Đại sĩ đọc kệ này, lấy ví dụ cái cây để minh họa:

Dưới một gốc cây bóng mát lành,
Nếu ta ngồi xuống nghỉ thân mình,
Chặt cành lá ấy là làm phản,
Bọn giả dối, ta phải ghét khinh.

Rồi ngài tiếp tục:

– Tâu Đại vương, nếu chặt cành của một cây mà ta đã hưởng lợi lạc là chuyện phản bội thì còn nói gì đến kẻ sát nhân? Đại vương đã ban cho phụ thân tiểu thần hưởng đại phú quý và sủng ái tiểu thần phúc lộc tràn trề, làm sao tiểu thần có thể phản trắc làm hại Đại vương được?

Sau khi bày tỏ lòng trung thành của mình, ngài lại khiển trách vua về lầm lỗi ấy:

Nếu một người khai đạo chánh chân,
Đánh tan nghi hoặc của tha nhân,
Người này thành một nơi nương tựa,
Và bảo hộ cho chính bản thân,
Bậc Trí không bao giờ hủy diệt,
Mối dây này kết hợp thân bằng.

Bấy giờ, để khuyến giáo vua, ngài ngâm hai vần kệ:

Ta ghét thế nhân đắm dục tình,
Giả tu là dối gạt rành rành,
Hôn quân xử án không nghe thấy,
Sân hận người hiền chẳng biện minh.

Vị vua thận trọng suy tư kỹ,
Xử án đầy suy xét tận tình,
Vua chúa suy tư phân xử đúng,
Đời đời danh vọng mãi quang vinh.

Chấm dứt *Câu hỏi trí tuệ*.

XIII. CÂU HỎI CỦA VỊ THIÊN

Khi vua nghe xong liền mời bậc Đại sĩ ngồi lên ngai vàng dưới chiếc lọng hoàng gia màu trắng mở rộng, còn chính vua ngồi xuống một ghế thấp và nói:

– Thưa Trí giả, vị thiên ở trong chiếc lọng trắng này hỏi trẫm bốn câu. Trẫm đã hỏi ý bốn vị trí giả mà không ai tìm ra lời giải đáp. Vậy xin vương nhi giải đáp cho trẫm.

– Tâu Đại vương, dù là vị thiên trong chiếc lọng, hay Bốn Đại Thiên Vương, hoặc dù ai đi nữa, xin cứ hỏi, tiểu thần sẽ giải đáp.

Vua liền đưa câu hỏi vị thiên đã đọc ra và nói:

Kẻ ấy đánh bằng chân lẫn tay,
Đánh luôn cả mặt, mũi, tai, mày,
Tuy nhiên kẻ ấy, tâu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ thay!

Khi bậc Đại sĩ nghe câu hỏi xong, ngài thấy ý nghĩa rõ ràng chẳng khác nào trăng rằm giữa trời. Ngài nói:

– Xin Đại vương nghe đây! Khi đứa bé ngồi trong lòng mẹ sung sướng chơi đùa lấy tay đánh mẹ nó, kéo tóc mẹ nó, nắm tay lại đấm mẹ nó, mẹ nó bảo: "Này ranh con, sao dám đánh mẹ?" Rồi bà âu yếm ôm sát con vào ngực và không nén được lòng thương yêu con, bà mẹ hôn hít con, vào lúc đó đứa con thân thiết với bà còn hơn là cha nó nữa.

Ngài đã làm sáng tỏ vấn đề như thể vầng nhật đang hiện lên giữa bầu trời. Nghe xong, vị thiên hiện nửa thân qua kẽ hở của chiếc lọng và tán thành một giọng dịu dàng:

– Câu hỏi đã được Trí giả giải đáp thỏa đáng.

Sau đó, vị ấy tặng bậc Đại sĩ một giỏ đầy hoa tiên và hương thần rồi biến mất. Vua cũng ban thưởng ngài các loại hương hoa như vậy rồi đọc câu kệ thứ hai, hỏi vấn đề thứ hai:

Bà mắng kẻ kia thật tệ tàn,
Nhưng bà muốn nó ở kề gần,
Kẻ kia, tuy vậy, tâu Hoàng thượng,
Còn thiết thân hơn chính cả chồng.

Bậc Đại sĩ:

– Tâu Đại vương, đứa bé lên bảy, có thể làm theo lời mẹ dặn. Khi bà bảo nó ra đồng hay đến tiệm tạp hóa, nó đáp: "Nếu mẹ cho con bánh kẹo con sẽ đi." Bà mẹ bảo: "Bánh kẹo đây con", rồi đưa bánh kẹo cho nó. Nó ăn xong lại nói: "Này mẹ, mẹ ngồi trong nhà im mát mà con lại phải đi ra ngoài làm công việc cho mẹ." Nó nhăn mặt làm bộ điệu chế nhạo mẹ nó rồi không chịu đi. Bà nổi giận chụp lấy chiếc gậy la lên: "Mày ăn các thứ ta cho mày rồi lại không chịu ra đồng làm việc cho ta." Bà dọa nó, nó vụt chạy thật nhanh, bà theo không kịp liền la lên: "Đi đi cho kẻ trộm xé xác mày ra." Thế là bà mắng nhiếc nó thật thậm tệ, nhưng dù miệng nói gì đi nữa, bà cũng không muốn thế chút nào, bà chỉ muốn nó ở gần bà. Nó đi chơi lang thang suốt ngày, đến tối không dám trở

về nhà, nó đến nhà bà con. Bà mẹ trông ra đường chờ nó về mà không thấy, nghĩ rằng nó không dám về, lòng bà đau đớn, nước mắt giàn giụa, bà đi đến nhà các quyến thuộc tìm nó. Khi thấy con, bà ôm nó hôn hít, kéo nó sát vào lòng và thấy thương yêu nó hơn bao giờ hết, bà kêu lên: "Con tưởng mẹ nói thật sao?" Thế là, tâu Đại vương, lúc giận người mẹ lại thương con hơn trước nữa.

Ngài giải đáp vấn đề thứ hai như vậy. Vị thiên lại tặng thưởng ngài như lần trước và vua cũng thế. Sau đó, vua hỏi ngài vấn đề thứ ba qua một vần kệ khác:

Nàng mắng nhiếc chàng chẳng lý do,
Và nàng trách móc thật vu vơ,
Tuy nhiên, chàng ấy, tâu Hoàng thượng,
Thân thiết hơn chồng nữa, lạ chưa!

Bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, khi một đôi uyên ương lén lút hưởng lạc thú ái tình, người nọ bảo người kia: "Người chẳng hề để ý đến ta, ta biết tâm hồn người để tận đâu đâu." Tất cả đều ngụy tạo và không có lý do gì cả, họ la mắng trách móc lẫn nhau rồi họ càng thân thiết nhau hơn. Đó là ý nghĩa câu hỏi trên.

Vị thiên lại tặng quà cho ngài và vua cũng vậy. Sau đó, vua lại hỏi câu nữa qua vần kệ thứ tư:

Lấy đồ uống ăn, y, tọa sàng,
Thiện nhân mang mọi vật lên đàng,
Tuy nhiên, các vị, tâu Hoàng thượng,
Còn thiết thân hơn chính cả chồng.

Ngài đáp:

– Tâu Đại vương, vấn đề này liên hệ đến các khất sĩ Bà-la-môn chân chính. Các gia đình sùng đạo tin tưởng vào đời này và đời sau thường cúng dường các vị này và hoan hỷ lúc cúng dường. Khi họ thấy các Bà-la-môn nhận vật cúng dường và ăn uống liền nghĩ thầm: "Chính các vị này đến nhà ta khất thực để thọ dụng" nên họ càng tăng mối cảm tình đối với các vị này. Thật vậy, các vị này nhận phẩm vật, đặt lên vai mọi vật cúng dường và trở thành thân thiết với gia chủ.

Khi ngài giải đáp xong vấn đề này, vị thiên bày tỏ sự tán thán bằng tặng vật như trước và đặt dưới chân bậc Đại sĩ một giỏ quý đựng đầy bảy báu vật, xin ngài nhận lấy. Vua cũng hoan hỷ phong ngài làm Đại tướng. Từ đó, vinh quang của bậc Đại sĩ càng chói lọi, huy hoàng hơn nữa.

Chấm dứt *Câu hỏi của vị thiên.*

XIV. VẤN ĐỀ CỦA NĂM VỊ TRÍ GIẢ

Bốn vị trí giả lại bảo nhau:

– Này, con trai của gã thường dân lại càng cao danh vọng hơn nữa, ta phải làm sao đây?

Senaka bảo họ:

– Được rồi, ta đã có kế! Ta cứ đến gặp con trai của gã thường dân ấy và hỏi: "Ta nên nói chuyện bí mật với ai?" Nếu gã bảo: "Không nên nói với ai cả", ta sẽ nói xấu với đức vua để hại gã và bảo gã là tên phản bội.

Cả bốn vị liền kéo đến nhà bậc Trí giả và chào ngài xong liền bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ta muốn hỏi ngài một chuyện.

Ngài bảo:

– Xin cứ nói ngay.

Senaka nói:

– Thưa bậc Trí giả, con người phải an trú vững chắc ở đâu?

– Ở chân lý.

– Xong rồi còn phải làm gì nữa?

– Phải tạo sự nghiệp.

– Rồi phải làm gì nữa?

– Phải học hỏi các lời khuyến thiện.

– Và sau đó nữa?

– Đừng nói với ai chuyện bí mật của mình.

– Hay thay, bậc Trí giả!

Họ nói xong, sung sướng ra về và nghĩ: "Hôm nay, ta sẽ tống cổ con trai của gã thường dân đi khuất mắt." Rồi họ vào yết kiến vua và tâu:

– Tâu Đại vương, con trai của gã thường dân ấy là tên phản bội Đại vương.

Vua đáp:

– Trẫm không tin các khanh đâu, bậc Trí giả không bao giờ phản bội trẫm.

– Tâu Đại vương, xin hãy tin chúng thần vì đó là sự thật. Nếu Đại vương không tin, xin cứ hỏi gã: "Ta nên nói điều bí mật với ai?" Nếu gã không phản bội, gã sẽ bảo nói với người này người nọ, còn nếu gã phản bội, gã sẽ bảo: "Không nên nói điều bí mật với ai cả. Khi nguyện ước đã thành tựu rồi mới được nói." Xin Đại vương hãy tin chúng thần, đừng nghi ngờ gì nữa!

Vua đồng ý. Thế là một ngày kia, khi cùng ngồi với các cận thần, vua đọc bài kệ đầu trong chương XV, *Vấn đề của năm vị Trí giả*:

Năm vị Trí nhân họp buổi nay,
Vấn đề trẫm chợt nghĩ, nghe đây:
Cùng ai, bí mật nên bày tỏ,
Dù tốt xấu, hay dở, nói ngay!

Senaka muốn kéo vua về phe mình liền ngâm kệ:

Xin Đại vương cho biết ý trời,
Muôn tâu Chúa thượng ở trên đời,

Là người bảo hộ, cưu mang nặng,
Năm trí giả mong hiểu ý ngài,
Cùng sở thích ngài, xin hãy nói,
Muôn tâu Chúa tể cõi trần ai!

Vua vốn bản chất yếu đuối liền ngâm kệ:

Nếu nữ nhân đức hạnh phục tùng,
Tuân theo ý nguyện của phu quân,
Đầy tình thân ái thì nên nói,
Điều bí mật, hay dở mặc lòng!

"Nhà vua theo phe ta rồi", Senaka nghĩ thầm, sung sướng đọc câu kệ nói rõ lối xử thế của mình:

Ai bảo vệ người bệnh khốn cùng,
Là nguồn cấp dưỡng, chốn nương thân,
Thì nên bày tỏ cùng thân hữu,
Điều bí mật, hay dở mặc lòng.

Rồi vua lại hỏi Pukkusa:

– Hiền khanh nghĩ sao, Pukkusa? Phải nói chuyện bí mật với ai?

Pukkusa liền ngâm kệ:

Dù già hay trẻ, hoặc trung niên,
Nếu chú em đức hạnh đáng khen,
Với chú em này, điều bí mật,
Dù là tốt xấu, hãy nêu lên.

Kế đó, vua hỏi Kāvinda và ông ngâm kệ:

Khi đứa con vâng phục ý cha,
Con trai thành thật, trí cao xa,
Với con như vậy thì nên nói,
Điều bí mật, dù tốt xấu mà.

Sau đó, vua hỏi Devinda và ông ngâm kệ:

Muôn tâu Chúa tể của quần sinh,
Nếu mẹ yêu con thật tận tình,
Đối với mẹ này, điều bí mật,
Dở hay có thể nói cho rành.

Sau khi hỏi bọn họ xong, vua hỏi Trí giả:

– Này Trí giả, con nghĩ sao, có nên nói bí mật với ai không?

– Tâu Đại vương, bản thân người không muốn tiết lộ thì bậc Trí giả sẽ thuận theo, sẽ không nói với một ai.

Và ngài ngâm kệ:

Giữ gìn bí mật chính là hay,
Chẳng đáng khen cơ mật tỏ bày,
Người khôn phải giữ điều thầm kín,
Khi việc chưa thành tựu, khéo thay!
Sau lúc thực hành điều bí mật,
Khi muốn có thể nêu ngay.

Khi bậc Trí giả nói xong, vua phật ý nên nhìn Senaka và Senaka cũng nhìn lại vua. Bồ-tát thấy ngay điều này và nhận rõ sự thật là trước kia bốn kẻ này đã vu cáo ngài với vua, còn vấn đề này ắt hẳn cũng được đặt ra để thử ngài.

Lúc bấy giờ, trong lúc họ đang đàm luận thì mặt trời đã lặn, đèn đã được thắp sáng. Ngài nghĩ thầm: "Cung cách vua chúa thật khó lắm thay, chẳng ai còn biết sẽ xảy ra chuyện gì nữa, thôi ta phải lo nhanh chân tẩu thoát mới được."

Thế là ngài liền đứng dậy, vái chào vua rồi ra về và nghĩ thầm: "Trong bốn vị này, người thì bảo phải nói với bạn, người thì bảo nói với anh em, người thì bảo với con trai, người thì bảo nói với mẹ, chắc hẳn họ đã làm hay thấy cái gì rồi, hoặc ta chắc chắn rằng họ đã nghe các kẻ kia kể những điều đã trông thấy. Thôi được rồi, ta phải tìm ra nội trong hôm nay."

Lúc bấy giờ, vào các ngày khác, khi bốn vị này ra khỏi cung, thường ngồi trên ống dẫn nước ở cửa cung, bàn bạc mưu kế trước khi về nhà, vì thế bậc Trí giả nghĩ rằng ngài phải núp dưới ống dẫn nước đó mới có thể biết được những chuyện bí mật của họ. Do vậy, ngài giở ống dẫn nước lên, trải một tấm nệm phía dưới và bò vào, ra lệnh cho quân hầu của ngài tìm ngài khi bốn vị kia ra về sau cuộc bàn bạc.

Đám quân hầu tuân lệnh ra đi. Trong lúc ấy, Senaka tâu với vua:

– Tâu Đại vương, ngài không tin chúng thần, bây giờ Đại vương tính sao?

Vua liền công nhận lời của các kẻ gây hận thù này mà không cần tìm hiểu điều tra gì cả, hốt hoảng hỏi:

– Hiền khanh Senaka, bây giờ phải làm sao đây?

– Tâu Đại vương, phải giết con trai của gia chủ ấy đi, không được trì hoãn, không được tiết lộ với ai.

– Này Senaka, không ai lưu tâm đến quyền lợi của trẫm ngoài hiền khanh. Vậy hiền khanh hãy đem thân hữu đến đợi ở cửa, sáng mai con trai của gia chủ đến chầu trẫm, hãy lấy kiếm chặt đầu gã đi!

Nói xong, vua trao cho họ thanh bảo kiếm của mình.

– Tâu Đại vương, tuyệt quá! Đại vương chớ sợ gì, chúng thần quyết giết nó cho được.

Họ đồng bước ra và nói:

– Chúng ta đã tống cổ được kẻ thù đi rồi.

Và họ ngồi trên ống dẫn nước. Rồi Senaka hỏi:

– Này các hiền hữu, ai sẽ hạ thủ thằng con trai của gia chủ đó?

Các vị kia đáp:

– Thưa Đại sư, chính ngài, hãy hạ thủ!

Họ giao trách nhiệm cho lão. Senaka lại hỏi:

– Này các hiền hữu, các vị đã nói rằng nên tiết lộ bí mật với người nọ người kia, vậy các vị đã làm hay nghe thấy chuyện đó chăng?

– Thưa Đại sư, đừng ngại gì, khi ngài bảo nên tiết lộ bí mật với một thân hữu, vậy chính ngài đã làm điều đó chăng?

Lão hỏi:

– Điều ấy có liên quan gì đến các vị đâu?

Họ đồng đáp:

– Xin Đại sư cho chúng tiểu đệ biết với!

Lão đáp:

– Giá như đức vua biết chuyện này thì đời ta phải tiêu ma.

– Xin Đại sư đừng sợ, không ai ở đây tiết lộ bí mật của ngài đâu, xin Đại sư cho chúng tiểu đệ biết với!

Senaka liền dùng móng tay gõ vào ống dẫn nước và bảo:

– Nếu thằng nhà quê ấy núp dưới này thì sao?

– Thưa Đại sư, thằng nhãi ấy đang hưởng vinh hoa, đời nào lại bò xuống dưới chỗ này làm gì? Chắc nó đang mê mẩn trong cảnh phú quý rồi, xin Đại sư nói đi!

Senaka liền kể bí mật của mình ra:

– Các vị có biết cô ả bán phấn nọ trong kinh thành này chăng?

– Thưa Đại sư, chúng đệ có biết.

– Giờ đây có ai thấy ả chăng?

– Thưa Đại sư, không.

– Trong khóm sāla kia, ta đã ân ái cùng ả, sau đó giết ả đi để lấy nữ trang, ta đã buộc thành một gói đem về nhà treo trên chiếc ngà voi để trong phòng kia của tầng lầu nọ, nhưng ta chưa dùng chúng được cho đến khi câu chuyện chìm đi, ta đã tiết lộ tội ác này với một người bạn. Người này không nói với ai nữa nên ta mới bảo là có thể tiết lộ bí mật với bạn.

Bậc Trí giả nghe chuyện bí mật của Senaka liền ghi nhớ thật kỹ. Sau đó, Pukkusa kể bí mật của lão:

– Trên đùi đệ có một vết hủi lở. Buổi sáng, em trai của đệ rửa ráy nó xong, bôi thuốc rồi băng lại mà chẳng hề nói với ai. Những khi đức vua yếu lòng, ngài kêu lên: “Này Pukkusa đến đây!” Và ngài thường đặt đầu lên đùi của đệ, nhưng

nếu ngài biết, chắc ngài giết đệ mất. Chẳng ai biết trừ em trai của đệ, vì thế đệ nói: "Có thể kể chuyện bí mật với anh em."

Kāvinda lại kể chuyện bí mật của lão:

– Về phần đệ, trong nửa tháng tối trời vào ngày trai giới, một con yêu quỷ tên Naradeva cứ cắn lấy đệ và đệ sủa như chó dại. Đệ kể chuyện với con trai đệ nên con trai đệ mỗi khi thấy đệ bị quỷ ám liền trói đệ trong nhà rồi đóng cửa lại, tổ chức đám hội đông đảo để che lấp tiếng sủa ồn ào của đệ. Vì thế, đệ mới nói là có thể tiết lộ bí mật với con trai.

Sau đó, cả ba vị hỏi Devinda và ông tiết lộ bí mật:

– Đệ là viên tuần tra các đồ trang sức của đức vua và đệ đã trộm một viên ngọc thần ban phúc lộc, đó là tặng vật của Thiên chủ Sakka ban cho Vua Kusa và đệ đã đem về cho mẹ. Mỗi khi đệ vào cung, mẹ của đệ lại trao cho đệ mà không nói với ai. Nhờ có viên ngọc ấy, đệ tràn đầy phúc phận mỗi khi vào cung. Đức vua ban phát cho đệ trước các vị, mỗi ngày cho đệ tiêu dùng tám, hoặc mười sáu, hoặc ba mươi hai, hoặc sáu mươi bốn đồng tiền. Nếu đức vua biết đệ lấy viên ngọc ấy, chắc đệ phải chết mất! Vì lẽ đó, đệ bảo chuyện bí mật có thể nói với mẹ.

Bậc Đại sĩ ghi nhớ cẩn thận mọi chuyện bí mật của họ. Còn bọn họ, sau khi tiết lộ bí mật như thể mổ bụng phơi bày gan ruột rồi liền đứng dậy đi về, bảo nhau:

– Chắc chắn chúng ta phải đến sớm mà giết thằng khốn đó mới được!

Khi họ đi rồi, quân hầu của bậc Trí giả đến lật ống dẫn nước lên đưa bậc Đại sĩ về nhà. Ngài tắm rửa thay áo quần, ăn uống xong xuôi và ngài biết rằng chị ngài, Hoàng hậu Udumbarā ngày hôm ấy sẽ gửi cho ngài một thông điệp từ hoàng cung nên ngài cử người thân tín ra canh chừng, bảo người ấy thấy ai từ hoàng cung đến phải đưa vào trong lập tức. Rồi ngài nằm ngủ trên giường.

Lúc ấy, vua cũng nằm trên vương sàng nhớ lại công đức của bậc Trí giả: "Trí giả Mahosadha đã phụng sự ta từ khi mới bảy tuổi, chưa bao giờ làm gì sai trái cả. Khi vị thiên nam hỏi ta, giá như không có Trí giả thì ta đã chết rồi. Nay ta tin theo lời các kẻ báo thù, trao kiếm cho chúng rồi ra lệnh giết bậc Trí giả vô thượng, thật là chuyện ta chẳng nên làm, từ ngày mai ta chẳng còn thấy bậc Trí giả nữa." Ngài buồn bã, mồ hôi đổ ra như tắm, lòng nặng trĩu ưu phiền, ngài cảm thấy bất an. Hoàng hậu Udumbarā ở bên cạnh ngài trên vương sàng, thấy tâm trạng ngài như vậy liền hỏi:

– Tâu Đại vương, thần thiếp có làm gì xúc phạm đến Đại vương chăng? Chẳng hay việc gì khiến Đại vương sầu muộn?

Rồi bà ngâm kệ:

> Vì sao lo lắng, tâu Quân vương?
> Thần thiếp chẳng nghe giọng Chúa công,

Hoàng thượng nghĩ gì sinh khổ não,
Có gì lầm lỗi, thiếp làm chăng?

Vua liền ngâm kệ:

Lệnh mai, Trí giả Mahosadha,
Phải bị giết ngay vì đức vua,
Đệ nhất Hiền nhân, ta xử trảm,
Khi ta nghĩ vậy, trí buồn lo,
Không gì lầm lỗi từ khanh cả,
Hỡi Ái hậu yêu dấu của ta!

– Nghĩ đến việc này, trẫm buồn phiền lắm, ái khanh không có lỗi gì!

Nghe xong, nỗi sầu muộn âu lo vì bậc Đại sĩ đè lên nặng bà như đá tảng, bà nghĩ thầm: "Ta biết kế an ủi đức vua rồi, khi ngài ngủ ta sẽ gửi thông điệp cho em ta." Bà liền thưa:

– Tâu Đại vương, chính nhờ Đại vương trọng dụng mà gã thường dân ấy được lên đài vinh quang, Đại vương phong gã làm Tổng tư lệnh. Bây giờ, họ bảo gã đã trở thành kẻ thù của Đại vương. Không có kẻ thù nào không đáng kể đâu, phải giết gã đi, vậy xin Đại vương đừng ưu phiền!

Nàng cứ thế an ủi vua, khiến nỗi buồn của vua vơi dần và ngài ngủ thiếp đi, Hoàng hậu Udumbarā liền trở dậy về phòng, bà viết thư báo tin như sau: "Mahosadha, bốn vị trí giả đã vu cáo hiền đệ khiến đức vua phẫn nộ, ngày mai ra lệnh giết hiền đệ tại cửa cung. Vậy đừng vào cung sáng mai, hoặc hiền đệ có đến thì phải đặt toàn kinh thành dưới quyền điều khiển của hiền đệ." Bà đặt thư trong gói kẹo, buộc dây, bỏ vào một cái bình mới, gói xong dán kín lại, trao cho một nữ tỳ và dặn:

– Đem gói kẹo này cho em ta.

Nàng ấy tuân lệnh. Không có gì đáng nghi chuyện nàng ấy ra khỏi cung ban đêm, vì vua đã ban đặc ân này cho hoàng hậu nên không ai cản trở nàng. Bồ-tát nhận được quà tặng ấy rồi bảo tỳ nữ ra về. Nàng này về tường trình việc đã giao xong, lúc ấy hoàng hậu trở lại nằm cạnh vua. Bồ-tát mở gói kẹo, đọc thư xong hiểu rõ mọi chuyện. Sau khi tính toán mọi việc phải làm, ngài đi nghỉ.

Sáng hôm sau, bốn vị trí giả cầm kiếm đứng ở cung môn, nhưng không thấy bậc Trí giả, họ thất vọng buồn bã đi vào yết kiến vua. Vua hỏi:

– Này, tên khốn kiếp ấy đã bị giết chưa?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, chúng thần không thấy gã đâu cả.

Còn bậc Đại sĩ, lúc tảng sáng, nắm toàn binh lực trong tay, cử quân bảo vệ khắp nơi, rồi ngài lên xe cùng đoàn tùy tùng rầm rộ uy nghi tiến vào cung môn. Vua đứng nhìn ra từ cửa sổ. Khi ấy, bậc Đại sĩ xuống xe liền vái chào vua và vua nghĩ thầm: "Nếu gã là kẻ thù của ta thì gã đã không vái chào ta." Rồi vua

cho mời ngài vào xong ngồi trên ngai. Bậc Đại sĩ bước vào, ngồi qua một bên, bốn vị hiền thần cũng ngồi xuống đó. Vua làm như thể không biết chuyện gì cả, ngài bảo:

– Này vương nhi, hôm qua vương nhi bỏ ra về, hôm nay lại đến đây, tại sao vương nhi thờ ơ đối với ta như vậy?

Rồi vua ngâm kệ:

Chiều tối hôm qua, con đã đi,
Bây giờ lại đến, hỡi vương nhi!
Điều gì lo sợ trong tâm trí,
Hoặc giả con nghe nói những gì?
Ai bảo con làm, này Trí giả,
Nào ta lắng đợi, nói ngay đi!

Bậc Đại sĩ bảo:

– Tâu Đại vương, Đại vương đã nghe lời bốn vị trí giả này, ra lệnh giết tiểu thần vì thế tiểu thần không đến.

Rồi ngài ngâm kệ trách vua:

Bậc Hiền trí Mahosadha,
Phải bị giết ngay, nếu tối qua,
Ngài kể chuyện này cho chánh hậu,
Thì điều bí mật bị phơi ra!

Vua nghe vậy giận dữ nhìn hoàng hậu, cho rằng có lẽ bà đã nhắn tin này cho ngài. Thấy vậy, bậc Đại sĩ bảo:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương nổi thịnh nộ với hoàng hậu? Tiểu thần biết việc quá khứ, hiện tại và vị lai mà. Giả sử hoàng hậu tiết lộ bí mật của Đại vương thì ai tiết lộ bí mật của các vị Senaka, Pukkusa và đồng bọn? Nhưng tiểu thần đều biết hết cả.

Rồi ngài kể chuyện bí mật của Senaka qua câu kệ:

Tội ác bạo tàn Senaka,
Đã làm trong bụi rậm sāla,
Lão cho bạn biết nơi thầm kín,
Thần đã nghe cơ mật lộ ra.

Nhìn Senaka, vua hỏi:

– Có thật không Senaka?

– Tâu Đại vương, có thật.

Vua ra lệnh bắt giam lão lại. Rồi bậc Trí giả kể chuyện bí mật của Pukkusa qua vần kệ:

Trong người này, lão Pukkusa,
Có một bệnh không thích hợp cho,

Một đấng quân vương nào đụng chạm,
Lão đem bí mật nói riêng tư,
Cho em mình biết điều thầm kín,
Thần đã nghe được tiết lộ ra.

Vua nhìn lão và hỏi:

– Có đúng không Pukkusa?

– Tâu Đại vương, đúng.

Vua lại bắt giam lão. Rồi bậc Trí giả kể bí mật của Kāvinda qua vần kệ:

Kẻ kia bệnh hoạn, tính tà gian,
Bị quỷ Nara ám ảnh tâm,
Lão nói cho con điều bí mật,
Thần nghe bí mật bị phơi trần.

Vua hỏi:

– Có đúng không Kāvinda?

Lão đáp:

– Tâu Đại vương, đúng.

Vua lại bắt giam lão. Bấy giờ, bậc Trí giả nói chuyện bí mật của Devinda qua vần kệ:

Bát giác ngọc thần ấy thuở xưa,
Thượng hoàng được tặng bởi Sakka,
Devinda giữ trong tay lão,
Lão kể chuyện kia với mẹ già,
Trong chỗ kín thần nghe thấy được,
Điều cơ mật ấy được phơi ra.

Vua hỏi:

– Có đúng không Devinda?

Lão đáp:

– Tâu Đại vương, đúng.

Thế là vua bắt giam lão. Như vậy, những kẻ âm mưu giết Bồ-tát đều bị giam cầm. Bồ-tát lại nói:

– Tâu Đại vương, vì thế tiểu thần bảo là ta không nên tiết lộ bí mật với ai cả. Kẻ nào bảo phải tiết lộ bí mật, kẻ đó sẽ bị tổn thất nghiêm trọng.

Rồi ngài ngâm các vần kệ tuyên thuyết đạo lý cao siêu hơn:

Giữ điều bí mật mới là hay,
Bí mật không nên được tỏ bày,
Người trí phải duy trì bí mật,
Khi người thành tựu mục tiêu này,

Thì người hãy nói như mình muốn,
Vậy chớ phơi ra bí mật vầy,
Phải giữ nó như kho bảo vật,
Người khôn chẳng lộ việc riêng tư,
Người trí chẳng nên nói lộ ra,
Một điều bí mật với đàn bà,
Với cừu địch, người ham tư lợi,
Hoặc bởi tình thân ái thiết tha.
Người tiết lộ ra điều bí mật,
Vì lo sợ bạn chẳng tin ta,
Về sau phải chịu làm nô lệ,
Cho chính kẻ kia, thật dại khờ!
Càng nhiều người biết chuyện riêng tư,
Càng có thêm nhiều mối sợ lo,
Vậy chẳng nên phơi bày bí mật,
Ban ngày hãy đến một nơi xa,
Nói điều bí mật, còn đêm tối,
Hãy nói giọng nho nhỏ ấy mà,
Vì lắm người nghe lời nói ấy,
Nên lời ấy thoáng chốc tuôn ra.

Khi vua nghe bậc Đại sĩ nói xong liền nổi trận lôi đình và nghĩ thầm: "Các tên kia phản bội quân vương mà lại bảo bậc Trí giả phản bội ta." Vua liền bảo:

– Đem chúng ra khỏi thành đóng cọc qua thân chúng hay chặt đầu đi!

Bậc Trí giả thưa:

– Tâu Đại vương, họ là những cựu đại thần của Đại vương, xin tha tội cho họ!

Vua chấp thuận, cho họ làm nô lệ, rồi phóng thích họ ra. Vua lại bảo:

– Thôi, chúng không được sống trong quốc độ ta nữa!

Rồi vua ban lệnh đuổi họ đi. Nhưng bậc Trí giả van xin vua tha tội lỗi mù quáng của họ, ngài xoa dịu vua và thuyết phục vua cho họ phục hồi chức vị cũ. Vua rất đẹp ý vì bậc Trí giả đối với các kẻ thù ngài mà ngài từ bi như vậy, huống gì đối với các người khác. Từ đó, bốn vị trí giả kia như rắn mất răng, nọc độc đã hết nên không còn nói gì được nữa.

Chấm dứt *Vấn đề của năm vị Trí giả* và *Chuyện chia rẽ*.

XV. THUA TRẬN

Sau thời kỳ này, bậc Trí giả thường khuyến cáo vua về thế sự cũng như thánh sự, ngài nghĩ thầm: "Ta thật đúng là chiếc lọng trắng của đức vua, chính ta điều khiển việc nước. Vậy ta phải cảnh giác mới được."

Ngài truyền xây thành lũy quanh kinh thành. Dọc theo tường thành là các tháp canh. Tại cửa thành giữa các tháp canh, ngài cho đào ba hào, một hào nước,

một hào đất sét và một hào khô. Bên trong kinh thành ngài bảo trùng tu các ngôi nhà xưa cũ, đắp bờ đê thật lớn, làm hồ chứa nước, kho vựa chứa đầy thóc. Các bậc khổ hạnh thân tín phải đem đất sét và hột giống sen ăn được từ vùng Tuyết Sơn về. Các ống nước được chùi rửa sạch sẽ, nhà cửa cũ ở ngoài thành cũng được trùng tu. Mọi việc đó được làm để đề phòng hiểm họa trong tương lai. Các thương nhân từ mọi nơi đến đây đều được hỏi họ từ đâu lại, khi họ nói xong, họ được hỏi vua của họ thích gì, họ lại được ân cần tiếp đãi trước khi ra đi.

Rồi ngài cho triệu một trăm lẻ một quân sĩ đến bảo họ:

– Hỡi các binh sĩ của ta, các bạn hãy đem các tặng vật này đến một trăm lẻ một kinh thành, dâng lên các vị vua ở đó để làm đẹp lòng các ngài. Hãy ở lại đó hầu hạ các ngài, làm theo công việc và kế hoạch của các ngài, và nhắn tin về cho ta rõ. Ta sẽ chăm sóc vợ con các bạn!

Ngài trao cho người này các hoa tai, người nọ đôi hài bằng vàng, vòng đeo cổ bằng vàng có khắc chữ lên đó mà ngài định sẽ cho chúng lộ ra khi cần phù hợp với mục đích của ngài. Đám quân sĩ ra đi mọi nơi, đem tặng vật dâng các quốc vương và tâu rằng họ đến để phụng sự các ngài. Khi được hỏi họ từ đâu đến, họ nói tên của các kinh thành khác với nơi họ đã thực sự ra đi. Lễ vật được nhận xong xuôi, họ ở lại đó phục dịch và cố gầy dựng lòng tin.

Lúc bấy giờ, tại quốc độ Ekabala[40] có vị vua danh hiệu Saṁkhapāla[41] đang chiêu mộ binh khí và tập hợp binh chủng. Người đi sứ đến yết kiến vua này liền gửi thông điệp về cho bậc Trí giả, nói: "Ở đây hiện có tin loan như vậy, nhưng vị vua này dự mưu gì thì tiểu thần chưa rõ, xin ngài phái người đến tìm hiểu sự thật của vấn đề này."

Bậc Đại sĩ liền gọi một con két và bảo:

– Hiền hữu hãy đi tìm xem Vua Saṁkhapāla đang làm gì ở Ekabala rồi chu du qua khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) và đem tin về cho ta.

Ngài cho nó ăn mật ong và hạt đậu, uống nước ngọt, thoa dầu vào các khớp xương cánh bằng một loại dầu thơm đã lọc cả trăm ngàn lần rồi ngài đứng bên cửa sổ hướng Đông thả nó đi. Con két đi đến nơi ấy và tìm ra sự thật. Khi nó bay về, nó bay ngang qua toàn cõi Diêm-phù-đề đến kinh thành Uttarapañcāla thuộc quốc độ Kampilla.

Vị vua cai trị xứ này danh hiệu là Cūḷanibrahmadatta có một quân sư về thế sự và thánh sự là một Bà-la-môn tên Kevaṭṭa, một bậc Trí giả thông thái. Vị Bà-la-môn ấy, một buổi sáng sớm thức dậy nhìn quanh tư thất tráng lệ của mình dưới ánh sáng ngọn hoa đăng và trong khi nhìn vẻ nguy nga của tư thất, ông nghĩ thầm: "Cảnh huy hoàng này thuộc quyền ai? Chẳng ai hết ngoại trừ Vua Cūḷanibrahmadatta. Một vị vua ban cảnh huy hoàng như thế này phải làm Đại Hoàng đế toàn cõi Diêm-phù-đề và ta sẽ là Đại Sư trưởng của ngài."

[40] Bản CST viết Kapila.

[41] Bản CST viết Saṅkhabalaka.

Thế là ông đi chầu vua thật sớm, sau khi vấn an vua có được ngon giấc chăng, ông thưa:

– Tâu Đại vương, tiểu thần có điều này xin tâu trình Đại vương.

– Đại sư cứ nói đi.

– Tâu Đại vương, chuyện bí mật không nên tiết lộ giữa kinh thành, xin hãy vào ngự viên!

– Được rồi, Đại sư.

Vua đi đến ngự viên cùng ông, để quân hầu ở ngoài, vào hoa viên xong, ngài ngồi xuống vương tọa. Con két trông thấy vậy, nghĩ chắc phải có điều gì dưới kia: "Hôm nay, ta sẽ nghe được câu chuyện để nhắn tin về bậc Trí giả, chủ nhân của ta." Thế là nó bay vào hoa viên đậu giữa đám lá sāla của hoàng cung. Vua vừa bảo:

– Nói đi, Đại sư.

Ông đáp:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương cúi xuống đây, kế này chỉ vừa cho bốn tai nghe thôi. Nếu Đại vương chịu nghe lời tiểu thần khuyên nhủ, tiểu thần sẽ tôn Đại vương lên làm Đại Hoàng đế toàn cõi Diêm-phù-đề.

Vua nôn nóng nghe nên hoan hỷ đáp:

– Đại sư nói đi, trẫm sẽ làm theo ngay.

– Tâu Đại vương, ta hãy khởi binh, trước tiên tấn công một kinh thành bằng cửa hậu và bảo vua ở đó: "Này Đại vương, Đại vương có chiến đấu cũng chẳng ích gì, hãy về phe tiểu thần, quốc độ của Đại vương xin cứ giữ lấy, còn nếu Đại vương chống lại binh hùng tướng mạnh của tiểu thần thì Đại vương sẽ đại bại." Nếu vị vua đó làm theo lời khuyên của tiểu thần, ta sẽ thâu nhận vị ấy. Nếu không ta sẽ đánh và giết đi, rồi với hai đạo binh ta sẽ đi đánh chiếm một kinh thành khác, rồi một kinh thành khác nữa. Cứ thế ta sẽ thâu nhập giang sơn toàn cõi Diêm-phù-đề và nâng chén rượu khải hoàn. Rồi ta sẽ đem cả trăm lẻ một vị vua về thành của ta, xây tửu điếm trong ngự viên, bắt các vua ấy vào đó uống độc dược, giết toàn thể và quăng thây xuống sông Hằng. Ta sẽ nắm được cả trăm lẻ một kinh thành trong tay và Đại vương sẽ là chúa tể của toàn cõi Diêm-phù-đề.

Vua đáp:

– Này Đại sư, thật là diệu kế, ta sẽ làm như vậy.

– Tâu Đại vương, kế này chỉ cho bốn tai nghe mà thôi, không ai được biết đến, không nên trì hoãn mà phải tiến hành ngay lập tức.

Vua rất đẹp ý về lời khuyên này nên quyết định làm ngay. Nghe xong câu chuyện này, con két làm rớt cục phân trên đầu Kevaṭṭa như thể từ trên cành cây.

– Cái gì thế này?

Lão vừa kêu vừa nhìn lên, há hốc mồm, con két lại thả thêm một cục phân vào mồm lão vừa bay vụt đi vừa kêu:

– Két két, này Kevaṭṭa, ông tưởng kế của ông chỉ có bốn tai nghe thôi ư, nhưng bây giờ là sáu tai nghe rồi, dần dần sẽ đến tám tai và còn cả trăm tai nữa.

– Bắt lấy nó, bắt lấy nó!

Họ la lên, nhưng nhanh như gió, két đã bay về kinh thành Mithilā và vào cung thất của bậc Trí giả. Lúc bấy giờ, két có thói quen như vầy: Nếu là tin riêng từ bất cứ nơi nào chỉ dành cho bậc Trí giả mà thôi thì nó sẽ đậu trên vai ngài, nếu phu nhân Amarā cũng nghe được thì nó đậu trên lòng ngài, nếu cả hội chúng nghe được thì nó đậu dưới đất. Lần này, nó đậu trên vai ngài, thấy dấu hiệu ấy, hội chúng của ngài đều rút lui, biết là chuyện bí mật.

Bậc Trí giả đem nó lên thượng lầu và hỏi:

– Này két yêu quý, bạn đã nghe thấy gì?

Nó đáp:

– Thưa Chúa công, tiểu thần không thấy hiểm họa từ vị vua nào trên toàn cõi Diêm-phù-đề, nhưng chỉ có Kevaṭṭa, quân sư của Vua Cūḷanibrahmadatta tại kinh thành Uttarapañcāla, đem vua vào ngự viên bàn mưu tính kế riêng giữa hai người. Tiểu thần đậu trên cành cây thả cục phân vào mồm lão và bay về đây!

Rồi nó kể cho bậc Trí giả mọi điều nó đã nghe thấy. Ngài hỏi:

– Thế vua có chấp thuận chăng?

Con két đáp:

– Thưa có.

Sau đó, bậc Trí giả chăm sóc con két thật chu đáo, đặt nó vào cái lồng vàng trải thảm thật êm. Ngài nghĩ thầm: "Chắc Kevaṭṭa không hề biết ta là Trí giả Mahosadha, ta không để cho lão hoàn tất mưu kế được đâu." Ngài liền đưa đám người nghèo khó ra khỏi kinh thành và đem về từ khắp nơi trong nước, từ thôn quê, ngoại thành đến kinh đô, định cư cho những gia đình giàu có thế lực và thu góp thật nhiều thóc lúa.

Còn Vua Cūḷanibrahmadatta làm theo mưu kế của Kevaṭṭa, đem binh đi tấn công một kinh thành. Như lão đã đưa ý kiến, lão vào thành giải thích sự việc cho vua tại đó và chinh phục vị vua ấy. Rồi nhập hai đạo binh lại, Vua Cūḷanibrahmadatta theo lời quân sư Kevaṭṭa tiến vào một quốc độ khác, cho đến khi thâu phục hết các vua chúa trên toàn cõi Diêm-phù-đề dưới quyền mình, trừ Vua Vedeha. Quân hầu của Bồ-tát vẫn tiếp tục thông báo tin cho ngài rõ: "Vua Cūḷanibrahmadatta đã chiếm các kinh thành kia, xin canh phòng nghiêm mật." Ngài đáp lại: "Ta vẫn canh phòng ở đây, các ngươi hãy cẩn thận, giữ mình đừng vô tâm, xao lãng." Trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, Vua Cūḷanibrahmadatta xâm chiếm toàn cõi Diêm-phù-đề, trừ quốc độ Videha. Lúc ấy, vua bảo Kevaṭṭa:

– Này Đại sư, chúng ta hãy đánh chiếm quốc độ Videha ngay chỗ thành Mithilā.

Lão đáp:

– Tâu Đại vương, chúng ta sẽ chẳng bao giờ chiếm được kinh thành bậc Trí giả Mahosadha đang ở, vị ấy đầy tài trí và rất mưu lược.

Rồi lão kể dông dài về tài đức của bậc Đại sĩ như thể vẽ vòng trên mặt trăng. Lúc bấy giờ, chính lão ta cũng đầy mưu trí nên lão nói:

– Kinh thành Mithilā quá nhỏ bé, toàn cõi Diêm-phù-đề cũng đủ cho ta lắm rồi.

Lão an ủi như vậy. Nhưng các vương hầu kia bảo:

– Không, ta sẽ đánh chiếm thành Mithilā rồi hãy nâng chén rượu khải hoàn!

Kevaṭṭa lại phải ngăn cản họ, lão bảo:

– Chiếm quốc độ Videha nào có ích gì? Vua đó là chư hầu của ta rồi, trở lui đi!

Lão khuyến cáo họ như vậy. Họ đành nghe theo và rút lui. Quân hầu của bậc Đại sĩ báo cho ngài biết Vua Brahmadatta cùng một trăm lẻ một vị vua khác đang tiến tới Mithilā đã rút lui về kinh thành của họ. Ngài trả lời, bảo họ phải quan sát kỹ những việc mà vua này làm.

Lúc bấy giờ, Vua Brahmadatta bàn tính với Kevaṭṭa những việc làm kế tiếp. Đầy hy vọng sẽ nâng chén rượu khải hoàn, họ trang hoàng ngự viên, cho thị vệ đem rượu cả ngàn bình bày yến tiệc linh đình đầy sơn hào hải vị. Quân của bậc Trí giả cũng báo tin này cho ngài biết mưu kế đầu độc các vua bại trận, nhưng bậc Đại sĩ đã biết nhờ con két kể lại với ngài. Ngài liền gửi lệnh bảo họ phải báo cho ngài biết ngày tổ chức đại lễ. Họ tuân lệnh. Lúc ấy, ngài nghĩ thầm: "Nhiều vị vua phải chết như vậy trong lúc một kẻ có trí như ta còn sống là điều không hợp lý. Ta phải cứu giúp họ mới được." Ngài cho một ngàn chiến sĩ cùng quê với ngài đến và bảo họ:

– Này các hiền hữu, có người cho ta biết vào ngày kia Vua Cūḷanibrahmadatta muốn trang hoàng ngự viên để đối ẩm cùng một trăm lẻ một vị vua khác. Các hiền hữu hãy đến đó và trước khi có người nào ngồi xuống bảo tọa dành cho các vị vua, các vị hãy chiếm lấy chỗ danh dự kế Vua Cūḷanibrahmadatta, bảo: "Chỗ này dành cho Đại vương của chúng thần." Khi họ hỏi các bạn là người của ai, xin cứ bảo với họ là người của Vua Vedeha. Họ sẽ la lớn lên: "Sao, trong bảy năm bảy tháng bảy ngày, chúng ta đã chinh phục mọi quốc độ mà chưa lần nào chúng ta thấy Đại vương Vedeha của các người. Vị vua ấy ra sao? Hãy đi tìm chỗ vua ấy ở cuối bàn tiệc!" Các bạn phải la ầm ó lên và bảo: "Trừ Vua Brahmadatta ra, không vị vua nào cao hơn Đại vương của chúng ta cả. Nếu chúng ta không tìm được bảo tọa cho Đại vương của chúng ta thì chúng ta sẽ không để yên cho quý Đại vương hưởng yến tiệc đâu!" Rồi cứ thế la hét nhảy

nhót khắp nơi, lấy gậy lớn đập các bình rượu, làm vung vãi thức ăn ra để không thể nào ăn được nữa, cứ chạy vùn vụt qua lại đám tiệc ấy gây náo loạn như thể các thần asura đánh chiếm kinh thành của chư thiên và gọi to lên: "Chúng ta là người của bậc Trí giả Mahosadha ở thành Mithilā, có giỏi thì cứ bắt chúng ta đi." Như thế cho họ biết các hiền hữu đã đến đó, rồi trở về đây.

Họ tuân lệnh ra đi, đem đủ năm loại vũ khí và khởi hành. Họ vào ngự viên đã được trang hoàng chẳng khác nào vườn Nandana trên thiên giới, ngắm mọi cảnh nguy nga lộng lẫy, các bảo tọa dành cho một trăm lẻ một vị vua, các lọng trắng được giương lên cùng nhiều bảo vật khác. Họ làm theo lời dặn của bậc Đại sĩ, sau khi gây náo loạn giữa đám tiệc xong, họ trở về Mithilā.

Thị vệ của nhà vua tâu trình mọi sự việc xảy ra, Vua Cūḷanibrahmadatta nổi trận lôi đình vì mưu kế đầu độc các quốc vương kia đã hỏng, trong khi các quốc vương kia lại thịnh nộ vì không được uống chén rượu khải hoàn, quân sĩ cũng thịnh nộ vì lỡ dịp chè chén thỏa thích. Vì vậy, Vua Brahmadatta bảo các quốc vương kia:

– Này các hiền hữu, ta hãy cùng đến thành Mithilā chém đầu vua xứ Videha, đạp chân lên đầu nó rồi trở về nâng chén khải hoàn, bảo ba quân hãy sẵn sàng!

Rồi vị vua này đi nói riêng với Kevaṭṭa:

– Này, ta sẽ bắt lấy kẻ thù đã phá hoại diệu kế này với một trăm lẻ một quốc vương và mười tám đạo binh hùng hậu, ta sẽ đánh chiếm kinh thành đó. Mau lên Đại sư!

Nhưng lão Bà-la-môn này đủ trí khôn để hiểu rằng họ sẽ không bao giờ bắt được bậc Trí giả Mahosadha mà chỉ chuốc lấy nhục nhã thôi, phải can gián vua mới được. Vì thế, lão nói:

– Tâu Đại vương, vua xứ Videha này không tài hùng trí dũng đâu, mọi việc trị dân đều ở trong tay bậc Trí giả Mahosadha, vị này rất thế lực. Thành Mithilā được vị này bảo vệ chẳng khác nào con sư tử bảo vệ hang động của nó, không ai chiếm được đâu. Chúng ta sẽ chuốc lấy nhục nhã mà thôi. Đại vương đừng suy nghĩ đến việc đi đánh nữa!

Nhưng vua này đang bị kích động do tánh kiêu ngạo của Sát-đế-lỵ liền nói:

– Gã ấy làm gì được?

Rồi vua tiến lên cùng với một trăm lẻ một vị quốc vương và mười tám đạo binh hùng hậu. Kevaṭṭa không thể nào thuyết phục được vua nghe theo mình và cho rằng cản trở vua cũng hoài công nên đành đi theo.

Nhưng một đêm kia, các chiến sĩ về đến thành Mithilā tường trình với bậc Trí giả mọi việc đã xảy ra. Và các quân hầu mà ngài đã gửi đi phục dịch trước kia cũng nhắn tin rằng: "Vua Cūḷanibrahmadatta đang cùng một trăm lẻ một vị quốc vương tiến lên đánh bắt vua xứ Videha, Trí giả phải đề phòng cẩn mật!" Hôm nay vua đang ở chốn này, hôm nay họ đã đến chỗ kia, hôm nay họ sẽ đến

kinh thành. Các thông điệp gửi về cho Trí giả tới tấp. Nghe vậy, bậc Đại sĩ tăng cường phòng vệ gấp đôi. Vua xứ Videha nghe tin đồn đãi khắp nơi rằng Vua Brahmadatta đang tiến quân đến chiếm kinh thành.

Bấy giờ, trời mới sẩm tối, Vua Brahmadatta bao vây kinh thành bằng ánh sáng cả trăm ngàn ngọn đuốc. Vua này lại xiết chặt vòng vây bằng những hàng rào voi ngựa, chiến xa và sắp đặt từng đoàn quân sĩ vào những khoảng cách đều nhau. Họ đứng đó la hét, búng tay, reo hò, nhảy múa, kêu gào dưới ánh sáng của ngọn đuốc và ánh phản chiếu của vũ khí. Toàn kinh thành Mithilā như một đám lửa bừng sáng suốt bảy do-tuần, tiếng voi ngựa, xe pháo và người ta ầm ĩ làm mặt đất cũng muốn nứt ra. Bốn vị trí giả nghe những tiếng âm thanh vang dội như thế, không biết phải xử trí ra sao liền yết kiến vua:

– Tâu Đại vương, có cảnh tượng đại náo loạn mà chúng thần không biết chuyện gì, xin Đại vương hỏi xem sao?

Nghe vậy, vua nghĩ: "Chắc chắn Cūḷanibrahmadatta đã đến." Ngài mở cửa sổ nhìn ra, khi ngài thấy vị vua kia đã đến thật thì hốt hoảng bảo họ:

– Chúng ta sắp chết rồi, ngày mai, chắc chắn chúng sẽ giết sạch chúng ta!

Vua quan cứ ngồi bàn bạc như vậy. Còn bậc Đại sĩ khi thấy vua kia đã đến, ngài oai dũng như con sư tử, sắp đặt quân phòng vệ khắp kinh thành rồi đi lên cung điện trấn an vua. Vái chào vua xong, ngài đứng sang một bên. Vua phấn khởi khi thấy ngài, nghĩ thầm: "Không ai có thể cứu ta được ngoại trừ bậc Trí giả Mahosadha." Rồi vua nói với ngài như sau:

590. Vua Brahmadatta đến từ xa,
Cùng với đạo binh xứ Pañcāla,
Tất cả họ, lượng nhiều vô số kể,
Hãy nhìn xem, này Mahosadha!

591. Bộ binh đông đúc sắp thành hàng,
Thiện chiến dày công các chiến trường,
Hò hét, xông pha, hừng hực khí,
Tù và, tiếng trống, giục rền vang.

592. Áo giáp và binh khí sáng ngời,
Tả thì có tượng, kỵ binh, kỳ,
Họ rành tài nghệ nơi chinh chiến,
Dũng sĩ đông nhiều, bố trận hay.

593. Trí giả có mười vị ở đây,
Uyên thâm, mưu lược thật sâu dày,
Có thêm thái hậu, vị mười một,
Cố vấn đạo quân Pañcāla.

594. Một trăm lẻ một Khattiya,
Là các vương hầu vang tiếng xa,

Nước bị chiếm và bị thống trị,
Dưới quyền lực của Pañcāla.

595. Họ theo phò trợ cho quân vương,
Miễn cưỡng dù lời ngài dễ thương,
Bị buộc theo hầu vua nước ấy,
Vì giờ họ dưới trướng, đơn phương.

596. Đạo quân ấy đến Mithilā,
Các phía sắp bày ba đợt vây,
Thành của Videha thất thủ,
Đạo quân tiến đánh khắp thành đây.

597. Các hướng bị vây phủ tấn công,
Tựa muôn sao sáng ở trên không,
Này Mahosadha, khanh nghĩ,
Xem có cách nào giải cho xong?

Khi bậc Đại sĩ nghe vậy, ngài nghĩ thầm: "Vua này quá lo sợ cho mạng sống của mình. Lương y là nơi an trú của bệnh nhân, thức ăn là nơi an trú của người đói, thức uống là nơi an trú của người khát, nhưng chỉ mình ta là nơi an trú của vua này, ta phải trấn an ngài mới được." Rồi chẳng khác nào con sư tử gầm thét trên cao nguyên Hồng Thổ (Manosīlata) ở Tuyết Sơn, ngài la to:

– Xin Đại vương chớ sợ, xin cứ an hưởng cảnh cung đình. Như tiểu thần thường ném hòn đất dọa con quạ, lấy cung dọa con khỉ, thần sẽ giải tán đạo quân ấy, cho chúng không còn một manh giáp nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

598 Đại vương hãy duỗi thẳng đôi chân,
Mở hội vui chơi, tiệc uống ăn,
Chốc lát Brahma, vua địch ấy,
Sẽ đào tẩu bỏ mặc binh hùng.

Sau khi trấn an vua, bậc Trí giả ra ngoài ban lệnh đánh trống hội khắp kinh thành cùng với lời huấn dụ:

– Nghe đây, toàn dân chớ kinh sợ. Hãy sắm sửa tràng hoa, hương trầm, nước hoa, thức ăn uống mở hội trong bảy ngày. Dân chúng muốn ở đâu tùy ý, uống rượu thật say sưa, ca múa vui chơi, gào thét, nô đùa, búng tay tùy thích, mọi phí tổn ta sẽ chịu hết. Ta là Trí giả Mahosadha, hãy xem oai lực của ta đây!

Cứ thế ngài khích lệ toàn dân. Họ vâng lệnh ngài, người bên ngoài nghe tiếng ca nhạc tưng bừng, người ta ra vào bằng cửa hậu. Lúc bấy giờ, họ không có tục lệ bắt kẻ lạ mặt trừ ra kẻ thù địch cho nên lối ra vào mở ngỏ. Do đó, những kẻ này thấy dân chúng đang mải mê vui đùa ca hát, còn Vua Cūḷanibrahmadatta nghe tiếng ồn ào trong kinh thành liền bảo quần thần:

– Này các khanh, xem đây quân ta bao vây kinh thành này với mười tám đạo binh hùng hậu, thế mà dân chúng không tỏ vẻ lo âu sợ hãi, lại còn vui chơi thỏa thích, ca hát, búng tay, nhảy nhót tưng bừng, thế là nghĩa lý gì?

Lúc ấy, các quân hầu được ngài gửi đi phục dịch ở nước ngoài trước đây liền nói dối như sau:

– Tâu Đại vương, chúng thần có việc vào thành bằng cửa hậu, thấy dân chúng đang mải mê vui chơi đã hỏi: "Tại sao các người quá vô tâm chểnh mảng trong khi tất cả quân vương toàn cõi Diêm-phù-đề đang bao vây kinh thành của các ngươi?" Họ liền đáp: "Khi quốc vương của chúng ta còn bé, ngài có ước nguyện tổ chức hội hè khi nào tất cả quốc vương toàn cõi Diêm-phù-đề đến bao vây kinh thành. Bây giờ ước nguyện đã thành nên ngài liền ban lệnh khắp nơi và chính ngài cũng tổ chức hội hè ở trong cung."

Nghe vậy, vị vua này nổi trận lôi đình, gọi một đoàn quân ra ban lệnh:

– Hãy phân tán ra khắp kinh thành, lấp hào phá thành, san bằng tháp canh, vào thành chặt đầu vua xứ Videha đem đến đây cho ta!

Thế là các chiến sĩ dũng cảm trang bị đủ loại vũ khí, rầm rộ tiến vào cổng thành, nhưng bị đàn áp phải lui lại vì quân của bậc Trí giả với vũ khí nóng đỏ rực, ném bùn, đá như mưa rào. Khi họ đứng dưới hào phá tường, quân lính trên tháp canh chống trả bằng cung tên, lao, giáo bắn xuống. Quân của bậc Trí giả vừa chế nhạo quân của Vua Brahmadatta bằng bộ điệu tay chân vừa la lớn:

– Nếu các ngươi không bắt được ta thì hãy ăn uống một tí nào!

Họ giơ ra những chén rượu nồng và xiên cá thịt mà họ đang ăn uống dạo chơi quanh tường. Quân địch không làm gì được, đành trở về trình với Vua Cūḷani:

– Tâu Đại vương, chẳng ai vào thành được trừ khi kẻ có thần thông.

Vua kia đợi bốn, năm ngày không tìm được kế gì chiếm thành như ý muốn, lại hỏi Kevaṭṭa:

– Này Đại sư, ta không thể chiếm thành này, không ai có thể đến gần thành được cả, làm sao bây giờ?

– Tâu Chúa thượng, đừng ngại gì, kinh thành này lấy nước từ bên ngoài, ta sẽ cắt nguồn nước và chiếm được thành. Chúng sẽ kiệt quệ vì thiếu nước và sẽ mở cửa thành.

Vua đáp:

– Thật là diệu kế!

Sau đó, họ cản trở dân chúng đến gần nguồn nước. Quân do thám của bậc Trí giả viết tin trên một ngọn lá buộc vào mũi tên bắn đi nhắn cùng ngài rõ. Lúc bấy giờ, ngài đã ra lệnh hễ ai thấy ngọn lá buộc vào mũi tên phải đem dâng ngài. Một người thấy vật này liền đem trình bậc Trí giả. Ngài đọc tin xong, nghĩ

thầm: "Vua ấy không biết ta là bậc Trí." Ngài cho lấy những thanh tre dài chừng sáu mươi *cubit*[42] chẻ đôi ra, bỏ hết các mắt, làm sạch sẽ trắng trẻo rồi cột lại, bọc da bên ngoài và trét bùn lên.

Ngài lại cho lấy đất và hột sen do các ẩn sĩ đem về từ Tuyết Sơn trồng trong bùn bên cạnh hồ nước, đặt tre lên và đổ đầy nước vào. Qua một đêm sen mọc và trổ hoa, cao hơn đọt tre chừng ba tấc. Ngài nhổ lên đưa cho quân hầu mang đến dâng Vua Cūḷanibrahmadatta. Họ cuộn tròn cọng sen lại ném qua thành, kêu to:

– Này quân hầu của Vua Brahmadatta, đừng để chết đói vì thiếu lương thực. Đây ta cho các ngươi mang hoa lên và ăn ngó sen vào cho đầy bụng.

Một người trong đám quân do thám của bậc Trí giả lượm cọng sen mang vào dâng vua:

– Tâu Đại vương, đây là cọng sen, chưa bao giờ có cọng sen dài như thế này cả.

Vua bảo:

– Đo thử xem.

Những người của bậc Trí giả đo cọng sen sáu mươi *cubit* thành tám mươi *cubit*. Vua hỏi:

– Sen này mọc ở đâu?

Một người bịa chuyện đáp:

– Tâu Đại vương, một ngày nọ vì thèm rượu, tiểu thần vào thành bằng cửa hậu và thấy các hồ nước lớn được đào cho dân chúng vui chơi. Có một đám người trên thuyền đang hái sen. Cây sen này mọc cạnh bờ hồ, chứ còn những cây mọc dưới nước sâu chắc phải cao cả trăm *cubit*.

Nghe vậy, vua bảo Kevaṭṭa:

– Này Đại sư, ta không thể chiếm thành bằng cách cắt nguồn nước đâu, thôi đừng cố đánh chiếm thành này nữa.

Lão đáp:

– Thôi được, ta sẽ chiếm thành bằng cách cắt nguồn lương thực vì kinh thành này lấy lương thực từ ngoài vào.

– Này Đại sư, cứ như vậy!

Bậc Trí giả đã biết trước việc này nên nghĩ thầm: "Bà-la-môn Kevaṭṭa ấy không biết ta là bậc Trí." Dọc theo tường thành, ngài đổ đất bùn và trồng lúa. Ước nguyện của Bồ-tát bao giờ cũng đạt thành nên qua một đêm lúa mọc vượt lên cả tường thành. Vua Cūḷanibrahmadatta thấy vậy liền hỏi:

– Này hiền hữu, cây gì mọc xanh um trên cả tường thành vậy?

---

[42] 60 *cubit* tức gần 30m.

Quân do thám của bậc Trí giả đáp lại ngay như thể chụp lấy lời nói của vị vua này:

– Tâu Đại vương, bậc Trí giả Mahosadha là con nhà nông, đã thấy trước tai họa sắp đến nên đã thu góp thóc khắp nơi về chứa đầy kho vựa, ném đồ dư thừa trên tường thành, chắc chắn lúa này gặp đủ nắng mưa nên mọc cây rất nhanh. Một bữa nọ, chính tiểu thần có việc vào thành bằng cửa hậu, lượm một nắm thóc trong đống thóc trên thành vãi ra đường liền bị dân chúng chế nhạo, la lên: "Chắc anh đói lắm, vậy hãy lấy một ít thóc buộc vào chéo vạt áo mà đem về nhà nấu ăn!" Nghe vậy, vua bảo Kevaṭṭa:

– Này Đại sư, cắt nguồn lương thực ta cũng không chiếm được thành này đâu, việc đó không đúng cách.

– Tâu Đại vương, thế thì ta sẽ chiếm thành bằng cách cắt nguồn cung cấp than củi từ bên ngoài.

– Được rồi, Đại sư.

Trí giả cũng đã biết trước chuyện này nên ngài cho chặt củi thành đống, cao hơn cả lúa nơi tường thành. Người của Trí giả lại chế nhạo quân lính của Vua Cūḷanibrahmadatta, bảo:

– Nếu các anh đói thì lấy củi này mà nấu nướng thức ăn.

Vừa nói, họ vừa ném những thanh củi lớn xuống. Vua hỏi:

– Củi nào chất cao hơn cả tường thành vậy?

Các thám tử đáp:

– Vị này con nhà nông thấy được hiểm họa sắp đến nên thu góp than củi chất đống trước mọi nhà, còn thừa ngài chất bên lề thành đó.

Vua bảo Kevaṭṭa:

– Này Đại sư, ta cũng không thể chiếm thành bằng cắt nguồn than củi đâu, kế này chẳng cần thiết nữa.

– Tâu Đại vương chớ ngại, tiểu thần đã có cách khác.

– Kế gì vậy Đại sư? Trẫm thấy các mưu kế của khanh đều không có kết quả gì, ta không thể chiếm được thành Videha đâu. Thôi ta hãy rút quân về!

– Tâu Đại vương, nếu có ai bảo Vua Cūḷanibrahmadatta cùng một trăm lẻ một vị quốc vương không chiếm nổi thành Videha thì chúng ta sẽ mang nhục mà thôi. Mahosadha không phải là một trí giả duy nhất trên đời vì tiểu thần cũng là trí giả, tiểu thần sẽ dùng mưu lược.

– Mưu gì vậy, Đại sư?

– Chúng ta sẽ bày trận pháp chiến.

– Thế nào gọi là pháp chiến?

– Tâu Đại vương, là không cần đánh trận nào cả, chỉ có hai trí giả của hai vị vua đến một nơi nào đó, và kẻ nào cúi chào người kia sẽ bị bại trận. Mahosadha

không biết ý định này, tiểu thần già hơn, gã ấy trẻ tuổi hơn nên khi gã thấy tiểu thần, gã sẽ chào trước, khi ấy nước Videha sẽ thua. Sau khi chinh phục được nước Videha, ta sẽ hồi hương và như vậy ta mới khỏi bị nhục. Đó là pháp chiến mà tiểu thần muốn tâu trình.

Nhưng Trí giả đã biết trước chuyện bí mật này rồi: "Nếu ta để cho Kevaṭṭa thắng ta như vậy thì ta đâu phải là người có trí." Còn Vua Cūḷanibrahmadatta bảo:

– Thật là đại diệu kế!

Rồi vua viết thông điệp gửi cho Vua Vedeha bằng cửa hậu, báo tin: "Ngày mai sẽ có trận pháp chiến giữa hai vị trí giả, vị nào không chịu tham chiến được xem như bại trận."

Nhận được thông điệp này, Vua Vedeha cho triệu bậc Trí giả đến kể chuyện, ngài đáp:

– Hay lắm, tâu Đại vương, xin Đại vương truyền sứ giả đưa tin chuẩn bị sẵn sàng nơi chốn dành cho trận pháp chiến bên cổng Tây, sáng sớm mai sẽ dàn binh ở đó!

Rồi ngài trao bức thông điệp cho sứ giả và hôm sau chuẩn bị nơi dành cho trận pháp chiến ở cổng Tây để chứng kiến cảnh thảm bại của Kevaṭṭa. Nhưng cả một trăm lẻ một vị quốc vương không biết chuyện sẽ xảy ra nên vây quanh Kevaṭṭa để bảo vệ lão. Một trăm lẻ một vua này đến nơi chiến địa, đứng nhìn về phía Đông, nơi Trí giả Kevaṭṭa đã đến. Sáng hôm đó, Bồ-tát đã tắm rửa nước thơm, mặc cẩm bào Kāsi trị giá cả trăm ngàn đồng tiền, trang sức lộng lẫy và sau bữa điểm tâm thịnh soạn, ngài cùng đoàn tùy tùng đông đảo đi đến cửa cung. Khi được triệu vào, ngài vái chào vua xong, rồi ngồi sang một bên.

Vua hỏi:

– Vương nhi định đi đâu?

Ngài đáp:

– Tâu Đại vương, tiểu thần sắp ra chỗ lâm chiến.

– Thế có cần gì không?

– Tâu Đại vương, tiểu thần muốn dụ Kevaṭṭa bằng viên bảo ngọc nên tiểu thần cần có viên bảo ngọc bát giác ấy.

– Vương nhi cứ lấy đi.

Ngài nhận lấy bảo ngọc, tạ từ vua ra đi, có cả một ngàn chiến sĩ vây quanh, đó là các thân hữu từ thuở bé của ngài. Ngài ngồi vào chiếc bảo xa do đàn bạch mã thuần giống kéo. Vào giờ điểm tâm, ngài đến trước cổng thành.

Kevaṭṭa đứng chờ ngài đến và bảo:

– Kìa gã đến, kìa gã đến!

Lão vừa nghển cổ dài ra, ướt mồ hôi dưới ánh nắng gay gắt. Bậc Đại sĩ cùng đoàn tùy tùng như biển dậy sóng, như sư tử vươn mình khiến người khiếp

sợ nổi gai ốc, oai nghi trầm tĩnh, ngài ban lệnh mở cửa thành. Ra khỏi kinh thành xong, ngài xuống xe như con sư tử vùng dậy rảo bước. Cả trăm lẻ một vị quốc vương chiêm ngưỡng vẻ uy nghi của ngài liền reo hò tung hô vang dậy:

– Đây bậc Trí giả Mahosadha, con trai của phú thương Sirivaḍḍhaka, người có trí tuệ vô song trong toàn cõi Diêm-phù-đề!

Chẳng khác nào Thiên chủ Sakka được chư thiên vây quanh, trong vẻ huy hoàng cao cả, ngài cầm viên bảo ngọc trong tay đứng trước Kevaṭṭa. Còn Kevaṭṭa vừa trông thấy ngài đã không thể nào đứng yên được mà tiến lên đón ngài và bảo:

– Này bậc Trí giả Mahosadha, hai ta đều là trí giả và dù xưa nay ta ở gần ngài, ngài chưa hề gửi tặng ta vật nào cả, vì cớ gì vậy?

Bậc Đại sĩ bảo:

– Thưa bậc Trí giả, tiểu đệ đã cố công kiếm một tặng vật thật xứng đáng với ngài và hôm nay tiểu đệ tìm ra viên ngọc bảo châu này, xin bậc Trí giả nhận lấy vì không có viên ngọc thứ hai như vậy trên đời.

Vị kia thấy viên bảo ngọc sáng ngời trong tay ngài, tưởng rằng ngài muốn đưa ra tặng liền bảo:

– Vậy thì xin trao ngọc cho ta!

Rồi lão đưa tay ra xin nhận lấy. Bậc Đại sĩ vừa nói: "Hãy cầm lấy, Đại sư!" vừa hất rớt viên ngọc trên các ngón tay của bàn tay lão đang dang ra. Bà-la-môn không giữ được viên ngọc nặng trong các ngón tay nên nó tuột xuống và lăn tới chân bậc Đại sĩ. Lão lại quá thèm viên ngọc nên cúi xuống chân ngài để nhặt lấy. Lúc ấy, bậc Đại sĩ không để cho lão ngẩng lên, dùng một tay ấn vai lão xuống và tay kia chộp đai lưng lão, kêu to:

– Này Đại sư, ngẩng lên chứ, ngẩng lên chứ, ta trẻ hơn ngài nhiều, chỉ đáng cháu chắt ngài, đừng cúi chào ta chứ!

Ngài vừa nói vậy mãi vừa chà mặt mũi lão xuống đất đến chảy máu rồi lại bảo:

– Này tên ngu si mê muội kia, ngươi tưởng sẽ được ta cúi đầu chào ngươi hay sao?

Ngài chụp lấy cổ áo lão ném thật xa. Lão văng ra xa cả một trăm bốn mươi *cubit*[43] mới bò dậy chạy trốn mất. Lúc ấy, quân hầu của bậc Đại sĩ lượm viên bảo ngọc lên, nhưng âm thanh của lời Bồ-tát: "Ngẩng lên đi, đừng cúi đầu chào ta như vậy", vang dội át cả tiếng reo hò của đám đông. Dân chúng reo hò nhất loạt:

– Bà-la-môn Kevaṭṭa cúi chào chân của Mahosadha!

Tất cả các vua, từ Brahmadatta đến các vị vua kia đều thấy Kevaṭṭa cúi đầu xuống chân bậc Đại sĩ. Họ đều nghĩ thầm: "Bậc Trí giả của chúng ta đã cúi đầu

[43] 140 *cubit* tức khoảng 64m.

chào Mahosadha, chúng ta thua trận rồi. Ngài sẽ giết hết bọn ta bây giờ." Ai nấy đều lên ngựa chạy trốn về đến thành Uttarapañcāla. Quân của Bồ-tát thấy họ chạy trốn, lại la hét vang trời:

– Vua Cūḷanibrahmadatta đang tẩu thoát cùng một trăm lẻ một vị vương hầu.

Nghe vậy, các vương hầu càng hoảng hốt chạy dài, tan rã cả đại đạo binh trong khi quân của Bồ-tát reo hò mỗi lúc càng vang dậy hơn. Bậc Đại sĩ cùng đoàn tùy tùng trở về kinh thành trong khi đạo binh của Vua Cūḷanibrahmadatta tháo chạy tán loạn suốt ba do-tuần.

Kevaṭṭa lên ngựa gặp đạo binh liền chùi vết máu trên trán, la lên:

– Này đừng chạy, ta có cúi đầu chào thằng khốn kiếp đó đâu. Dừng lại, dừng lại!

Nhưng đạo binh không nghe còn chế nhạo, phỉ báng lão:

– Này lão Bà-la-môn khốn nạn kia, lão là kẻ có tội, lão bày ra trận pháp chiến rồi lại cúi đầu chào thằng trẻ ranh chỉ đáng cháu chắt lão, chuyện ấy chẳng đáng đời lão hay sao?

Họ không còn nghe lão nữa và cứ tiếp tục đi về. Lão chạy vụt vào đám quân lính, kêu lên:

– Này các người phải nghe ta, ta có cúi chào nó đâu, nó lấy viên ngọc lừa ta mà.

Rồi lão dùng đủ mọi cách thuyết phục các vị vương hầu tin lời lão và thu thập đám tàn quân. Lúc bấy giờ, đám quân này quá đông đảo, ví thử mỗi người trong đó lượm được một hòn đá hay nắm đất ném vào hào cũng đủ lấp đầy hào và còn chất đống cao lên bằng tường thành. Nhưng hễ là ý nguyện của Bồ-tát thì bao giờ cũng sẽ đạt thành nên không có ai ném đất đó vào kinh thành cả. Họ rút lui về vị trí cũ, rồi vua hỏi Kevaṭṭa:

– Này Đại sư, ta phải làm gì bây giờ?

– Tâu Đại vương, ta đừng cho ai ra cửa hậu nữa và cắt mọi mối giao thông. Dân chúng không ra vào được sẽ sinh chán nản và mở cửa thành. Lúc ấy, ta sẽ bắt được quân thù.

Bậc Trí giả cũng được báo tin về vấn đề này như trước nên ngài nghĩ thầm: "Nếu họ đóng quân ở đây lâu thì chúng ta không sống yên ổn được, vậy ta hãy tìm cách tống họ đi, ta sẽ sắp đặt chiến lược để đuổi họ về."

Thế là ngài đi tìm một người thông thạo các việc này và kiếm được một Bà-la-môn tên là Anukevaṭṭa. Ngài bảo ông này:

– Này Đại sư, ta có một việc muốn nhờ ông thi hành.

– Thưa Trí giả, tiểu thần phải làm gì, xin cho biết?

– Ông hãy đứng trên tường thành, thừa lúc quân ta vô ý, hãy lập tức ném kẹo bánh, cá thịt và các thức ăn khác xuống cho quân của Brahmadatta rồi bảo:

“Này ăn đi, đừng ngã lòng, gắng ở đây thêm ít hôm nữa, chẳng mấy chốc dân chúng như gà mái trong rọ sẽ tự mở cổng thành, rồi các người vào mà bắt lấy Vua Vedeha và gã con trai nông dân khốn kiếp kia!” Quân ta nghe vậy sẽ mắng nhiếc ông tàn tệ rồi trói tay chân ông lại trước quân của Brahmadatta và giả bộ lấy gậy tre đập ông, kéo ông xuống, buộc tóc ông thành năm chòm, phết đất bùn lên người ông, đeo chùm hoa trúc đào (kaṇavīra) dành cho tử tội vào cổ ông, quất ông vun vút cho đến khi nổi lằn roi trên lưng ông rồi lại đem ông lên tường thành trói ông lại, thòng dây thừng thả ông xuống chỗ đóng quân của Cūḷaṇibrahmadatta, thét to: “Cút đi, quân phản bội!”

Lúc ấy, ông sẽ được dẫn đến trước vua ấy. Vua này sẽ hỏi ông về việc sỉ nhục kia, ông phải trình bày với vua ấy: “Tâu Đại vương, ngày xưa tiểu thần đã được nhiều vinh hiển nhưng gã con trai nhà nông ấy đã vu cáo tiểu thần phản bội đức vua nên tiểu thần bị tước đoạt tất cả giàu sang danh vọng. Tiểu thần sẽ lấy đầu gã con trai nhà nông đã phá hoại thanh danh của mình và vì thương tướng quân của Đại vương đang thối chí nản lòng nên đem cho họ thức ăn uống. Đã tạo mối thù hận cũ trong lòng tiểu thần nhiều như vậy mà gã còn làm tiểu thần thân tàn ma dại như thế này. Tâu Đại vương, quân của Đại vương đều biết rõ chuyện này.” Như vậy, bằng mọi cách ông phải chiếm được lòng tin của vua rồi lại tâu với vua ấy: “Tâu Đại vương, bây giờ đã có tiểu thần, xin Đại vương chớ lo âu nữa. Vua Vedeha và gã con trai nông dân kia phải chết thôi! Thần biết rõ mọi yếu điểm cùng nhược điểm của bức tường thành này. Tiểu thần biết nơi nào dưới hào có cá sấu, nơi nào không. Chẳng mấy chốc, tiểu thần xin dâng trọn kinh thành này vào tay Đại vương.”

Vua ấy sẽ tin tưởng và quý trọng ông, giao cho ông thống lãnh đạo binh. Sau đó, ông phải đưa đạo binh xuống nơi đầy rắn rít, cá sấu, chúng sợ hãi sẽ không chịu xuống. Lúc ấy, ông phải trình vua: “Tâu Đại vương, quân sĩ của Đại vương đã bị gã con trai nhà nông ấy làm tan rã mất rồi, không còn người nào, thậm chí cả Đại sư Kevaṭṭa và các vương hầu đều bị mua chuộc. Họ chỉ rảo quanh quẩn rình rập Đại vương thôi, chứ họ thành người tay chân của gã nông dân ấy cả rồi, chỉ còn một mình tiểu thần là tôi trung của Đại vương, nếu Đại vương không tin tiểu thần, xin Đại vương ban lệnh cho các vương hầu mặc triều phục đến chầu Đại vương. Sau đó, Đại vương quan sát y phục của họ, đồ trang sức, cung kiếm của họ xem, thấy đều do gã con trai nhà nông dân ấy tặng và khắc tên gã vào rồi ngài sẽ biết chắc mọi việc.”

Vua ấy sẽ y lời và tin chắc như vậy nên lo sợ, phải đuổi các vương hầu về xứ. Rồi vua ấy sẽ hỏi: “Kế đó phải làm gì?” Ông phải đáp: “Tâu Đại vương, gã nông dân ấy đầy mưu lược tài trí, nếu Đại vương còn ở đây vài ngày nữa, gã sẽ chiếm cả đạo quân và bắt lấy Đại vương. Vậy xin Đại vương chớ chậm trễ, ngay đêm nay vào canh giữa, ta hãy lấy ngựa lên đường, đừng để phải chết trong tay kẻ thù.” Vua ấy sẽ nghe theo lời khuyên của ông và trong khi vua ấy đào tẩu, ông hãy trở lui báo cho dân chúng ta rõ.

Nghe vậy, Anukevaṭṭa đáp:

– Thưa bậc Trí giả, được lắm, tiểu thần xin nghe theo lời của ngài!

– Vậy thì xin ông ráng chịu vài cái đấm đá.

– Thưa bậc Trí giả, ngài muốn làm gì tấm thân hèn này cũng được, chỉ xin tha mạng và toàn gia được an lành.

Thế là sau khi tỏ lòng ân cần quý trọng gia quyến Anukevaṭṭa, ngài ban lệnh đem ông ấy ra hành hạ tàn tệ như trên rồi mang giao cho quân của Vua Brahmadatta. Vua này thử lòng ông xong lại tin dùng, quý trọng và giao cho ông việc điều khiển đạo binh. Ông liền mang quân sĩ đến những nơi đầy rắn rít, cá sấu, khiến họ kinh hoảng, rồi lại bị tên, giáo, lao trên pháo đài bắn xuống bị thương nên sau đó không còn ai dám cả gan đến gần nữa.

Lúc ấy, Anukevaṭṭa yết kiến vua và nói:

– Tâu Đại vương, không còn ai chiến đấu cho Đại vương nữa rồi, tất cả đều bị mua chuộc. Nếu Đại vương không tin tiểu thần, xin Đại vương triệu các vương hầu đến chầu rồi xem chữ khắc trên quân phục và quân trang của họ.

Vua y lời và khi thấy những chữ khắc trên quân phục và quân trang của họ, ông tin chắc họ đều bị mua chuộc cả nên ông hỏi:

– Đại sư, vậy phải làm gì bây giờ?

– Tâu Đại vương, không còn làm gì được nữa cả. Nếu Đại vương chậm trễ, gã nông dân ấy sẽ bắt lấy Đại vương mất thôi. Tâu Đại vương, nếu Đại sư Kevaṭṭa phải ra đường với vết thương trên trán, đại sư cũng đã lấy của đút lót, đại sư đã nhận viên bảo ngọc ấy khiến Đại vương phải tìm đường tẩu thoát suốt cả ba do-tuần, rồi lại được Đại vương tin cậy và rước Đại vương trở về. Đó là một phản thần! Tiểu thần không thể tuân lệnh lão ấy dù chỉ một đêm, vậy ngay đêm nay vào canh giữa, Đại vương phải tẩu thoát. Đại vương không còn ai là thân hữu trừ tiểu thần cả.

– Này Đại sư, vậy thì khanh phải đem ngựa và xe của trẫm đến đây sẵn sàng.

Thấy vua đã quyết tâm đào tẩu, ông liền trấn an vua bảo đừng lo sợ gì rồi đi tìm các thám tử bảo rằng vua sẽ đào tẩu đêm nay, họ đừng tính chuyện ngủ nghỉ nữa. Kế đó, ông lại chuẩn bị vương mã, sắp đặt dây cương sẵn sàng để cho vua càng kéo dây thì ngựa càng chạy nhanh hơn. Vào nửa đêm, ông tâu:

– Tâu Đại vương, vương mã đã sẵn sàng, đã đến giờ khởi hành rồi!

Vua liền lên ngựa tẩu thoát. Anukevaṭṭa cũng lên ngựa như thể tháp tùng vua, nhưng chỉ được một khoảng ông trở lui và vương mã theo sự sắp xếp dây cương sẵn sàng, đã phi thật nhanh khi vua kéo dây thúc ngựa. Sau đó, Anukevaṭṭa đến giữa ba quân thét vang:

– Vua Cūḷanibrahmadatta đã tẩu thoát!

Các thám tử và tùy tùng đều thét lên như vậy. Các vương hầu kia nghe tiếng

ồn ào, hoảng hốt nghĩ thầm: "Bậc Trí giả Mahosadha ắt hẳn đã mở cổng thành, chúng ta sẽ chết mất thôi."

Họ chỉ còn nhìn thoáng các vật dụng cùng các món giải trí rồi chạy trốn. Đám người kia lại la to hơn:

– Các vương hầu đã tẩu thoát!

Nghe tiếng ồn ào, các quân sĩ đang ở cổng thành và các tháp canh la hét, vỗ tay ầm ĩ. Rồi toàn thể nội thành cũng như ngoại thành đều hô vang dậy như thể quả đất nứt nẻ ra hay đại dương tan tành, trong khi vô số quân sĩ của đạo binh hùng mạnh kia kinh hoảng vì sợ chết, lại không nơi nương tựa hay ẩn náu liền thét vang:

– Vua Brahmadatta đã bị bậc Trí giả Mahosadha bắt đi cùng với một trăm lẻ một vị vương hầu rồi!

Họ liền tháo chạy tán loạn, ném bỏ cả tấm khố quanh lưng. Chiến trường bị bỏ hoang, Vua Cūḷanibrahdatta về kinh thành của mình cùng với một trăm lẻ một vị tướng lãnh vương hầu kia.

Sáng hôm sau, quân sĩ mở cửa thành đi vào, thấy đủ các chiến lợi phẩm liền trình với bậc Đại sĩ và hỏi ý những việc phải làm. Ngài bảo:

– Các vật dụng họ để lại đều là của ta. Các ngươi hãy dâng đức vua những vật dụng của các vương hầu, đem cho ta những vật dụng của Kevaṭṭa và của những tướng lãnh khác, còn lại bao nhiêu để cho dân chúng lấy đi.

Cả nửa tháng ròng mới lấy hết các châu báu và vật dụng quý giá, bốn tháng sau mới thu dọn hết mọi đồ vật khác. Bậc Đại sĩ ban tặng đại vinh hiển cho Anukevaṭṭa. Từ đó, dân chúng Mithilā có vô số vàng ngọc. Còn Vua Brahmadatta cùng các vương hầu ấy sống một năm ở kinh thành Uttarapañcāla.

Chấm dứt phần *Thua trận của Brahmadatta.*

XVI. CON KÉT

Một ngày kia, Kevaṭṭa nhìn bóng mình trong gương, thấy vết sẹo trên trán, nghĩ thầm: "Cái này là do gã con trai người nông dân ấy gây ra, gã khiến ta bị nhục nhã trước các vương hầu ấy." Lão thấy uất hận tràn ngập trong lòng, lão nghĩ thầm: "Làm sao trừ khử nó? Ồ mưu kế này đây. Công chúa của vua ta là Pañcālacandī có nhan sắc tuyệt thế, chẳng khác nào tiên nữ trên trời. Ta sẽ cho Vua Vedeha thấy nàng. Vua ấy sẽ say mê nàng như thể cá mắc câu. Ta sẽ bắt lấy vua cùng gã Mahosadha và giết trọn cả hai, rồi nâng chén rượu mừng chiến thắng." Quyết định như thế xong, lão đến chầu vua:

– Tâu Đại vương, thần xin dâng kế sách này.

– Này Đại sư, kế sách của khanh đã làm trẫm không còn mảnh vải che thân. Bây giờ khanh còn muốn gì nữa đây? Hãy bình tâm lại!

– Tâu Đại vương, chưa bao giờ có mưu kế nào sánh với kế này được.

– Vậy khanh hãy nói đi!

– Tâu Đại vương, xin chỉ nói riêng giữa Đại vương và tiểu thần.

– Thì hẳn là vậy.

Lão Bà-la-môn liền đưa vua lên thượng lầu và nói:

– Tâu Đại vương, thần sẽ lôi cuốn vua xứ Videha bằng tham dục để đem cho được vua ấy về đây và giết đi.

– Này Đại sư, thật là diệu kế, nhưng phải làm sao để gợi tham dục của vua ấy được?

– Tâu Đại vương, Công chúa Pañcālacaṇḍī có nhan sắc tuyệt thế. Ta sẽ bảo các thi sĩ ca tụng nhan sắc và đức hạnh của nàng bằng thi ca rồi phổ biến các bài ca đó tại thành Mithilā. Khi nào biết vua ấy đã nghe, bị lôi cuốn và nghĩ rằng: "Nếu vị Anh quân Vedeha không chiếm được nữ báu này thì ngai vàng và quốc độ này còn nghĩa lý gì nữa!" Khi vua ấy đã bị lôi cuốn vào tư tưởng kia, thần sẽ đi định ngày sính lễ, vào ngày đã định, vua ấy sẽ đến. Như cá nuốt câu, gã nông dân kia cũng đến với vua, thế là ta sẽ nuốt trọn.

Vua nghe vậy đẹp ý và chấp nhận ngay.

– Này Đại sư, thật là diệu kế, ta sẽ làm như vậy.

Nhưng có một con chim nhồng đứng bên cạnh vương sàng đã ghi nhận sự việc trên. Sau đó, vua cho gọi các thi sĩ tài hoa, ban tiền bạc rất hậu hĩ, cho họ được chiêm ngưỡng công chúa rồi bảo họ làm thơ ca tụng nhan sắc của nàng nên họ làm những bài ca vô cùng du dương rồi ngâm thơ cho vua nghe. Vua lại ban thưởng họ rất trọng hậu. Các nhạc sĩ học các bài ca này từ các thi sĩ kia, đem ra hát giữa dân chúng, nhờ vậy chúng được truyền bá rất nhanh ra ngoại thành. Khi chúng đã lan rộng khắp nơi, vua cho triệu các ca sĩ vào và phán:

– Này các con, ban đêm hãy trèo lên cây cùng với chim chóc và ca hát, rồi sáng mai, buộc chuông lục lạc vào cổ chúng, thả chúng bay đi xong, trèo xuống.

Vua cho thi hành việc này để thế nhân có thể bảo chính chư thiên ca tụng sắc đẹp của công chúa con vua xứ Pañcāla. Vua lại triệu các thi sĩ kia vào và phán:

– Này các con, hãy làm thơ đưa tin này: "Công chúa diễm lệ kia không dành cho vua nào ở cõi Diêm-phù-đề trừ Vua Vedeha ở thành Mithilā." Các con hãy ca tụng oai danh của vua ấy cùng nhan sắc của công chúa.

Họ vâng theo rồi tường trình công việc ấy, vua ban thưởng họ rất hậu, sau đó bảo họ đi Mithilā, ca hát trên đường và tán tụng như trên. Họ liền đến Mithilā. Dân chúng tụ tập lại nghe hát rất đông và hoan hô nhiệt liệt. Ban đêm họ trèo lên cây ca hát, buổi sáng họ lại buộc chuông lục lạc vào cổ chim rồi mới trèo xuống.

Dân chúng nghe tiếng lục lạc trên không, rồi khắp kinh thành vang dậy tin đồn rằng chính các thiên thần đang tán tụng nhan sắc diễm kiều của công chúa

con vua xứ Pañcāla. Vua hay tin cho triệu các ca sĩ vào và mở hội ngay trong cung điện. Vua tưởng rằng họ muốn dâng công chúa diễm lệ vô song của Vua Cūḷani cho ngài nên ngài ban thưởng họ rất hậu. Sau đó về nước, họ trình Vua Brahmadatta, Kevaṭṭa liền thưa:

– Tâu Đại vương, đã đến lúc thần đi định ngày sính lễ.

– Này Đại sư, thật là tuyệt diệu, khanh muốn đem theo vật gì?

– Xin cho thần một tặng vật nhỏ!

Vua liền ban nó ngay. Lão đem quà đi cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo hộ tống đến xứ Videha. Khi lão cho báo tin lão đã đến, cả thành chấn động:

– Nghe nói hai Vua Cūḷani và Vedeha sẽ kết tình thân hữu. Vua Cūḷani sẽ gả công chúa cho Đại vương của chúng ta và Kevaṭṭa đến đây định ngày sính lễ.

Vua Vedeha nghe tin này và bậc Đại sĩ cũng nghe tin liền nghĩ thầm: "Ta không thích lão ấy đến đây, ta phải tìm hiểu xem chuyện này hư thực thế nào." Thế là ngài thông tin với các thám tử đang ở tại nước của Vua Cūḷani. Họ trả lời:

– Chúng thần không hiểu rõ việc này. Vua cùng Kevaṭṭa ngồi đàm đạo riêng trong vương thất, nhưng có con chim nhồng đứng cạnh bên vương sàng hiểu rõ việc này.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Muốn cho kẻ thù ta không đắc thắng, ta phải ngăn chia kinh thành ra từng phần và trang hoàng cho đẹp, nhưng đừng cho Kevaṭṭa thấy được." Thế là từ cổng thành đến cung điện và từ cung điện đến tư dinh của ngài, hai bên đường ngài cho dựng hàng rào lưới, phủ thảm lên trên, treo đầy tranh ảnh, rải hoa khắp mặt đường, đặt bình nước khắp nơi, cờ xí rợp trời. Khi Kevaṭṭa vào thành, lão không thể thấy mọi việc sắp đặt như trên, lão tưởng vua trang hoàng kinh thành để đón lão, chứ không hiểu người ta làm vậy để che mắt lão. Khi lão yết kiến vua, lão dâng tặng vật, cung kính chúc tụng rồi ngồi xuống một bên.

Sau khi được đón tiếp trọng thể, lão đọc hai vần kệ tuyên bố lý do xin yết kiến:

599. Một vị vua muốn kết thân bằng,
Tặng bảo vật này đến Đại vương,
Mong các sứ thần lời êm dịu,
Từ nơi chốn nọ chóng lên đường.

600. Ước mong lời lẽ họ ôn hòa,
Đem lại hân hoan cho chúng ta,
Mong ước dân Videha quốc,
Hòa đồng với tộc Pañcāla.

Lão lại tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, đáng lẽ quốc vương của thần sai kẻ khác đi thay thần nhưng ngài đã phái thần đi vì tin chắc rằng không ai nói chuyện này dễ nghe

cho bằng thần. Ngài bảo: "Này Đại sư, Đại sư hãy đi thuyết phục đức vua ấy xem xét chuyện này thật thuận lợi và rước đức vua ấy về đây!" Vậy tâu Đại vương, xin Đại vương ngự lên xa giá, Đại vương sẽ đón về một công chúa tuyệt trần diễm lệ và tình thân hữu sẽ được tạo lập giữa Đại vương và quốc vương của thần!

Vua rất đẹp ý khi nghe lời tâu trình này, ông say sưa vì ý tưởng sắp đón về một công chúa diễm lệ vô song liền phán:

– Này Đại sư, trước kia có mối bất hòa giữa Đại sư và bậc Trí giả Mahosadha tại trận pháp chiến. Nay Đại sư hãy đi gặp vương tử của trẫm, hai vị trí giả hãy hòa giải và sau khi đàm đạo cùng nhau, xin trở lại đây!

Lão Kevaṭṭa hứa đi hội kiến bậc Trí giả rồi lui ra. Ngày ấy, bậc Đại sĩ quyết định tránh mọi việc đàm luận với con người độc ác kia nên buổi sáng ngài uống một chút bơ tươi rồi bảo quân hầu bôi phân bò ướt trên sàn nhà, bôi dầu vào cột nhà, dẹp hết mọi ghế ngồi, sàng tọa trừ một sàng tọa nhỏ hẹp vừa cho ngài nằm. Ngài ra lệnh cho quân hầu:

– Khi lão Bà-la-môn ấy bắt đầu nói, các ngươi hãy bảo: "Thưa Tôn sư Bà-la-môn, xin ngài đừng trò chuyện với bậc Trí giả, hôm nay bậc Trí giả đã dùng một liều bơ tươi." Và khi ta làm như thể muốn trò chuyện với lão thì phải ngăn lại và bảo: "Tâu Chúa công, ngài đã dùng một liều bơ tươi, xin đừng nói chuyện nữa!"

Sau khi căn dặn họ, bậc Đại sĩ khoác hồng y nằm trên sàng tọa, cùng sắp đặt quân hầu ở bảy tháp canh xong xuôi. Khi Kevaṭṭa đến cổng thành thứ nhất liền hỏi bậc Đại sĩ ở đâu, các quân hầu trả lời:

– Thưa Tôn giả Bà-la-môn, xin đừng gây tiếng ồn ào, nếu ngài muốn vào thành, xin giữ yên lặng! Hôm nay bậc Trí giả dùng bơ tươi nên cử tiếng ồn.

Khi đến các cổng thành kia, họ cũng bảo như vậy. Đến cổng thứ bảy, lão hội kiến bậc Đại sĩ và ngài ra vẻ muốn nói chuyện, quân hầu liền thưa:

– Thưa Chúa công, ngài vừa uống một liều bơ tươi thật mạnh, cớ sao ngài lại trò chuyện với lão Bà-la-môn khốn nạn này?

Thế là họ ngăn ngài lại. Khi lão kia bước vào, lão không tìm được chỗ ngồi cũng không có chỗ nào đứng bên sàng tọa của ngài được, lão liền bước qua lớp phân bò ẩm ướt rồi đứng lại. Lúc ấy, một kẻ nhìn thấy lão liền dụi mắt, một kẻ nhướng mày và một kẻ gãi cùi chỏ. Lão thấy vậy, bực mình bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ta đi đây.

Một kẻ khác đáp:

– Ô hay, tên Bà-la-môn khốn nạn kia, đừng làm ồn ào, nếu không ta sẽ bẻ gãy xương của ngươi ra!

Lão hoảng hốt nhìn lui thì một kẻ lấy gậy đánh lưng lão, kẻ khác nắm cổ lão đẩy ra, kẻ khác đấm vào lưng lão cho đến lúc lão kinh hoàng bỏ chạy như con hươu trong miệng hổ báo và trở về cung.

Lúc bấy giờ, vua nghĩ thầm: "Hôm nay vương nhi sẽ hài lòng khi được tin này. Hai bậc Trí giả sẽ đàm đạo tương đắc biết bao về đạo pháp. Hôm nay họ sẽ giải hòa và ta sẽ là người thắng cuộc." Vì thế, khi vua thấy Kevaṭṭa, ông liền ngâm kệ hỏi về cuộc đàm đạo ấy:

601. Việc ngài hội kiến Mahosadha,
Diễn tiến ra sao, Kevaṭṭa,
Xin hãy nói ngay cho trẫm biết,
Mahosadha có muốn cầu hòa?

Kevaṭṭa đáp lại:

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ đó là bậc Trí giả, nhưng thật chẳng có kẻ nào tồi tệ hơn nữa.

Và lão ngâm kệ:

602. Kẻ kia bản chất thật gian tà,
Tâu Đại vương, ngoan cố, xấu xa,
Khó chịu, tính tình đầy độc ác,
Như người câm điếc, chẳng lời ra.

Lời này không làm vừa lòng vua, nhưng vua cũng không bắt bẻ gì được. Vua liền ban cho Kevaṭṭa cùng các người hầu cận mọi thứ cần dùng và một ngôi nhà để ở rồi bảo lão lui về an nghỉ. Sau khi lão đi rồi, vua nghĩ thầm: "Vương nhi là bậc Trí, biết rõ cách cư xử nhã nhặn, tuy thế vương nhi lại không muốn nói chuyện lịch sự với lão này cũng không muốn thấy lão, chắc hẳn vương nhi đã thấy nguyên cớ bất an sau này rồi." Và ông ngâm kệ:

603. Quyết định này sao khó hiểu vầy,
Một nguyên nhân thật rõ ràng thay,
Được người dũng cảm này tiên đoán,
Vì vậy thân ta rung động đây,
Ai sẽ là người mất tính mạng,
Và rơi vào địch thủ cao tay?

Chắc chắn vương nhi đã thấy mối nguy hại nào đó trong cuộc viếng thăm của lão Bà-la-môn này. Lão chẳng đến đây vì mục đích thân hữu đâu. Ắt hẳn lão muốn lôi kéo ta bằng sắc dục, khiến ta phải đến kinh thành của lão rồi bắt lấy ta. Bậc Trí giả chắc thấy trước nguy cơ nào đó sắp xảy ra?

Trong lúc vua đang quay cuồng lo lắng với những ý nghĩ trong đầu thì bốn hiền thần bước vào. Ông bảo Senaka:

– Này Senaka, khanh nghĩ trẫm có nên đến thành Uttarapañcāla và cầu hôn công chúa của Vua Cūḷani chăng?

Senaka đáp:

– Tâu Đại vương, sao Đại vương lại nói vậy? Khi duyên lành đến với Đại vương, ai dám xua đuổi nó được? Nếu Đại vương đến đó và cầu hôn công chúa

thì chẳng có vị vua nào sánh bằng Đại vương trong toàn cõi Diêm-phù-đề trừ Vua Cūḷanibrahmadatta vì Đại vương đã kết duyên được với công chúa của vị Đại đế đệ nhất. Đại đế kia biết các vương tử khác đều chỉ là chư hầu của ngài, chỉ duy nhất Vua Vedeha có thể sánh bằng ngài thôi nên mới mong gả công chúa diễm lệ vô song ấy. Xin Đại vương cứ làm theo lời ngài và chúng thần cũng sẽ được ban tặng y phục cùng các vật trang hoàng!

Khi vua hỏi các vị kia, họ cũng đều trả lời như vậy. Trong lúc họ đang đàm đạo thì lão Bà-la-môn Kevaṭṭa từ tư dinh đến tạ từ vua để ra về, lão nói:

– Tâu Đại vương, thần không thể ở lại đây được nữa, xin cho phép thần ra về!

Vua trọng đãi lão, rồi cho lão ra về. Khi bậc Đại sĩ hay tin lão đi rồi, ngài tắm rửa, thay quần áo và vào chầu vua, cung kính bái vua rồi ngồi qua một bên. Vua nghĩ thầm: "Vương nhi Mahosadha là bậc Trí giả vĩ đại, đầy tài ứng biến, thông hiểu quá khứ hiện tại và vị lai, vậy sẽ biết được ta nên đi hay không." Tuy thế, do bị mê mờ vì tham dục, vua không giữ được quyết định đầu tiên và ngâm kệ:

604. Sáu người một ý thật hòa đồng,
Là các bậc Hiền trí thượng nhân,
Đi, hoặc không đi và ở lại,
Mahosadha hãy nói ta cùng!

Lúc ấy, bậc Trí giả nghĩ thầm: "Vua này ham đắm sắc dục quá độ nên mù quáng điên rồ nghe theo lời bốn vị hiền thần kia. Ta sẽ bảo cho vua biết việc ra đi tai hại dường nào và can gián ngài." Thế là ngài ngâm bốn vần kệ sau:

605. Ngài có biết chăng, tâu Đại vương,
Cūḷani thế lực hùng cường,
Vua kia muốn giết ngài như thể,
Lạp hộ bắt nai với lúa hương!

606. Như cá tham ăn không nhận thấy,
Lưỡi câu giấu kín dưới mồi ngon,
Một người đời chẳng hề trông thấy,
Bóng dáng đâu đây của tử thần.

607. Cũng vậy đầy tham dục, Đại vương,
Không sao nhận thấy vị công nương,
Con Cūḷa đế là thần chết,
Vì chính ngài là một thế nhân.

608. Đại vương cứ đến Pañcāla,
Và tự diệt vong chốc lát mà,
Như chú nai kia lâm đại nạn,
Trên con đường nọ bị sa cơ.

Nghe lời quở trách nặng nề như thế, vua nổi cơn thịnh nộ: "Gã này tưởng ta là nô lệ của gã." Ông nghĩ thầm: "Gã quên rằng ta là vị chúa tể, gã biết rằng vị Đại đế kia nhắn gả công chúa cho ta mà không nói ra được một lời chúc tụng tốt lành nào, lại dám tiên đoán ta sẽ bị bắt rồi bị giết như con nai ngu xuẩn hay con cá mắc câu hoặc con hươu bị bắt trên đường." Lập tức, vua ngâm kệ:

609. Trẫm thật điếc, câm, ngu dại thay,
Hỏi ngươi những việc tối cao vầy,
Làm sao ngươi hiểu như người khác,
Khi đã lớn lên bám lưỡi cày?

Cùng với những lời thóa mạ này, vua phán:

– Gã con trai người nông dân này đang cản trở duyên may của trẫm, hãy cút đi!

Rồi ông ngâm kệ để tống ngài ra:

610. Bắt lấy gã này, tóm cổ mau,
Tống ra khỏi xứ sở ta nào,
Con người dám nói hòng ngăn cản,
Việc trẫm sắp đi lấy bảo châu!

Nhưng ngài thấy vua thịnh nộ liền nghĩ thầm: "Nếu có kẻ nào tuân lệnh vua lôi cổ, nắm tay ta hay đụng vào thân ta, ta sẽ bị ô nhục đến ngày tàn, vậy ta muốn tự mình ra đi mà thôi." Thế là ngài từ tạ vua về tư dinh.

Lúc bấy giờ, vua chỉ nói thế trong cơn thịnh nộ, nhưng vì kính nể bậc Đại sĩ nên ông không ra lệnh cho ai thi hành điều ấy cả. Bậc Đại sĩ lại nghĩ thầm: "Vua này thật ngu muội, không biết chuyện lợi hại cho mình. Vua lại đang si tình nên định đi đón công chúa về mà không thấy hiểm họa đang kề gần sẽ đi đến chỗ diệt vong. Ta không nên bận tâm đến lời lẽ của vua. Đó là Đại ân nhân của ta, đã hậu đãi ta lâu nay. Ta phải tỏ lòng trung thành với vua, nhưng trước hết ta phải cho gọi chim két vào và tìm hiểu sự thật rồi ta sẽ đích thân đi việc này." Thế là ngài cho gọi chim két.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

611. Sau đó ngài đi khuất mắt vua,
Nói cùng chim két Māṭhara:
"Đến đây, anh vũ màu xanh lục,
Bạn hãy làm công việc giúp ta!

612. Pañcā Đại đế có chim nhồng,
Nó giữ canh sàng của đại vương,
Hỏi nó ngọn nguồn điều cơ mật,
Về Kosiya nó am tường."

613-15. Māṭhara trí điểu nghe rồi,
Két lục bay đi đến tận nơi,
Trú ngụ chim nhồng kia quý tộc,
Māṭhara trí điểu trao lời,
Với chim nhồng giọng du dương ấy,
Trong chiếc lồng son đẹp tuyệt vời.

616. "Bạn ơi, bạn có được khang an,
Trong chiếc lồng vàng của bạn chăng?
Hạnh phúc có tràn đầy, Vệ-xá,
Họ cho bạn đủ mật, ngô rang?"

617-18. "Em đầy an lạc, hỡi Tôn ông,
Quả thật nơi đây hạnh phúc tròn,
Họ tặng em ngô rang, mật ngọt,
Hỡi anh vũ có trí tinh thông,
Sao ngài đến vậy, ai sai đến,
Em chẳng hề nghe thấy quý ông?"

Khi nghe vậy, két nghĩ thầm: "Nếu ta bảo ta từ Mithilā đến, chắc nó chẳng bao giờ tin cậy ta vì lo bảo vệ sinh mạng mình. Trên đường đi ta có thấy kinh thành Ariṭṭhapura trong quốc độ Sivi. Vậy ta sẽ bịa chuyện nói là Vua Sivi phái ta đến đây." Két bảo:

619. Ta là thị giả Chúa Sivi,
Ở chính trong cung điện xứ kia,
Từ đó vị minh quân giải thoát,
Các tù nhân được tự do đi.

Chim nhồng liền cho két bắp rang tẩm mật cùng nước mật để sẵn cho nó trên đĩa vàng rồi bảo:

– Thưa Tôn ông, ngài từ phương xa đến, ngài mang theo những vật gì?

Két bịa chuyện vì muốn biết điều bí mật và đáp:

620. Một thuở chim nhồng là vợ ta,
Du dương tiếng hót rất ngân nga,
Rồi chim ưng nọ vồ nàng chết,
Mang xác nàng đi trước mắt ta.

Chim nhồng hỏi:

– Làm thế nào diều hâu giết hại hiền tỷ được?

Két liền kể câu chuyện này:

– Cô nương hãy nghe đây. Một ngày nọ, vua ta cho phép ta dự tiệc nước của ngài. Ta và hiền thê cùng đến nô đùa. Buổi chiều tối, chúng ta cùng vua trở về cung, muốn cho lông khô ráo, ta cùng hiền thê bay ra đậu trên nóc cung điện. Lúc ấy, một con diều hâu sà xuống chụp lấy chúng ta khi chúng ta vừa rời

nóc hoàng cung. Ta kinh hoảng bay nhanh để bảo vệ tính mạng, còn hiền thê ta đang thai nghén nên không bay nhanh được, thế là nó giết hại nàng ngay trước mắt ta và tha đi. Đức vua thấy ta thương khóc vì mất nàng nên hỏi nguyên do. Khi nghe sự việc xảy ra, ngài phán: "Thôi hiền hữu, thế là đủ rồi đừng khóc nữa, hiền hữu hãy đi tìm vợ khác!" Ta đáp: "Tâu Chúa công, tiểu thần đâu cần cưới một vợ khác độc ác xấu xa. Tiểu thần sống một mình tốt hơn." Ngài bảo: "Này hiền hữu, trẫm biết một con chim đức hạnh như vợ bạn, cận thần của Vua Cūḷani, cũng là một chim nhồng như vợ bạn vậy. Hãy đi cầu hôn nàng, xin nàng đáp lại. Nếu nàng ưng thuận, hãy đến nói cho trẫm rõ, trẫm hoặc hoàng hậu sẽ đi cưới nàng về thật trọng thể!" Nói xong, ngài phái ta đi, vì thế ta đến đây.

Két lại nói:

621. Yêu quý vợ hiền, ta đến đây,
Nếu nàng cho phép, tự hôm nay,
Chúng ta có thể cùng nhau hưởng,
Cuộc sống lứa đôi hạnh phúc thay.

Lời này khiến chim nhồng vô cùng đẹp ý nhưng không muốn lộ ra, nàng đáp như thể không ưng thuận:

622. Anh vũ phải yêu anh vũ thôi,
Chim nhồng kết hợp chim nhồng hoài,
Làm sao có thể đem hòa hợp,
Anh vũ, chim nhồng cho đẹp đôi?

Két nghe vậy nghĩ thầm: "Nàng đâu khước từ ta, nàng chỉ làm ra vẻ quan trọng thế thôi, chắc chắn nàng yêu ta thật tình rồi. Ta sẽ tìm lời ví von cho nàng tin tưởng ta." Vì thế, két bảo:

623. Khi kẻ si tình yêu quý ai,
Dù Chiên-đà hạ liệt mà thôi,
Họ đều đồng đẳng bên nhau cả,
Trong ái tình không có khác sai.

Nói xong, két lại tiếp tục nói về mức độ khác nhau trong dòng giống loài người:

624. Mẫu thân của Chúa thượng Sivi,
Tên gọi là Jambāvatī,
Bà đã được lên ngôi chánh hậu,
Vāsu Hắc đế vẫn yêu vì.

Lúc bấy giờ, mẫu hậu của Vua Sivi, bà Jambāvatī thuộc dòng Chiên-đà-la, là ái hậu của Vua Vāsudeva, một vị vua trong bộ tộc Kaṇhāyana, vị thái tử trong số mười hoàng tử. Chuyện kể rằng, một ngày nọ ngài từ cung Dvāravatī đi vào ngự viên, trên đường ngài gặp một kiều nữ đứng bên vệ đường trong lúc nàng đi công việc từ làng Chiên-đà-la của nàng đến thị trấn, vua yêu nàng ngay rồi hỏi gốc gác nàng. Khi nghe nàng là một người Chiên-đà-la, vua rất buồn phiền, song khi biết nàng chưa có chồng, ngài liền mang nàng về cung và trang điểm

cho nàng với đủ loại trân bảo rồi phong nàng làm chánh hậu. Nàng sinh hạ được một hoàng nam là Sivi sau đó cai trị thần dân Dvāravatī khi vua cha mất.

Sau khi nêu gương ấy xong, két lại tiếp tục:

– Như vậy, ngay một vương tử như vua kia còn sánh duyên với một thiếu nữ Chiên-đà-la, huống hồ chúng ta chỉ ở thế giới loài vật? Nếu chúng ta muốn sánh duyên với nhau thì chẳng có gì phải nói thêm nữa.

Và két đưa ra một gương khác như sau:

625. Rathavatī nọ, một tiên nga,
Cũng đã từng yêu quý Vaccha,
Người ấy đã yêu loài thú vật,
Trong tình yêu chẳng khác nhau mà.

Vaccha là một ẩn sĩ và cách chàng yêu nàng như sau: Ngày xưa, một Bà-la-môn thấy rõ những tội lỗi của tham dục nên từ bỏ cảnh phú quý xuất gia tu hành, sống trong vùng Tuyết Sơn dưới túp lều lá tự xây. Không xa lều này có nhiều nàng tiên (nửa người nửa thú) sống trong hang đá, cùng nơi ấy lại có một con nhện. Con nhện này thường giăng tơ đâm thủng đầu các tiên nữ này để hút máu. Lúc bấy giờ, các tiên nữ thì yếu đuối và nhút nhát, còn con nhện thì hung bạo độc ác nên họ không làm gì chống lại nó được liền đến gặp vị ẩn sĩ. Đảnh lễ xong, họ kể cho ông nghe câu chuyện con nhện đang tàn phá họ như thế nào và họ bơ vơ không ai giúp đỡ nên họ xin ông giết con nhện để cứu họ. Nhưng vị ẩn sĩ đuổi họ ra và la lên:

– Người như ta không sát sinh!

Một tiên nữ trong số này tên là Rathavatī chưa chồng và họ trang điểm cho nàng thật diễm lệ rồi đem đến vị ẩn sĩ, bảo:

– Xin cho nàng này làm thị nữ của ngài và xin ngài giết kẻ thù của chúng tiện nữ!

Khi vị ẩn sĩ thấy nàng, đem lòng yêu ngay và giữ nàng ở lại với mình rồi nằm đợi con nhện ở miệng hang, khi nó bò ra kiếm mồi liền lấy gậy giết nó. Sau đó, vị này sống với nàng tiên nữ, sinh con đẻ cái với nàng rồi qua đời, như vậy tiên nữ đã yêu vị này.

Con két kể gương này xong liền bảo:

– Ẩn sĩ Vaccha dù là người vẫn sống với một tiên nữ thuộc nòi giống loài vật. Thế thì sao chúng ta lại không làm như vậy khi chúng ta đều là loài chim?

Nghe xong, nàng đáp lại:

– Thưa Tôn ông, con tim không phải lúc nào cũng chung thủy, em rất sợ cảnh chia ly với bạn tình.

Nhưng két ta là con vật khôn ngoan hiểu rõ mọi trò quyến rũ của nữ giới nên ngâm kệ này thử nàng thêm nữa:

626. Quả thật ta gần cất cánh xa,
Hỡi nàng thánh thót giọng ngân nga,
Đây là lời chối từ ta đấy,
Chắc chắn nàng đang khinh bỉ ta.

Nghe vậy, nàng thấy tim dường như muốn vỡ ra, nhưng trước mắt chàng, nàng làm như thể đang bừng cháy lên một tình yêu mới mẻ đối với chàng liền ngâm một vần kệ rưỡi như sau:

627. Không phước lành cho kẻ vội vàng,
Māṭhara, két lục khôn ngoan,
Ở đây cho đến khi triều kiến,
Chúa thượng và nghe tiếng dậy vang,
Của các trống chiêng khua đủ loại,
Và nhìn Đại đế đẹp huy hoàng.

Thế rồi lúc hoàng hôn xuống, chúng hưởng niềm vui đôi lứa, hòa hợp, hân hoan thích thú. Lúc ấy, két nghĩ thầm: "Nay nàng không giấu bí mật với ta nữa, ta phải hỏi nàng rồi ra đi."

Chàng bảo:

– Này nàng nhồng hỡi!

– Thưa chàng, có việc gì?

– Ta muốn hỏi nàng một vài chuyện, có nên nói chăng?

– Xin chàng cứ nói!

– Thôi được, không hề gì, hôm nay là ngày hội, để ngày kia sẽ xem lại sao.

– Nếu thuận tiện trong ngày hội xin chàng cứ nói, còn nếu không thì thôi đừng nói nữa, thưa chàng.

– Đúng ra chuyện này thuận tiện trong ngày hội.

– Vậy xin chàng nói đi!

– Nếu nàng muốn nghe, ta mới nói.

Rồi két hỏi chuyện bí mật trong một vần kệ rưỡi như sau:

628. Tiếng đồn này thật lớn truyền ra,
Khắp cả miền đất nước của ta,
Công chúa Pañcāla Đại đế,
Như sao rực sáng, được vua cha,
Gả cho vua xứ Videha,
Lễ thành hôn sắp đến đây mà.

Nghe vậy, nàng bảo:

– Này chàng ơi, trong ngày hội này mà chàng nói chuyện xui xẻo quá!

– Ta cho đó là chuyện may mắn, sao nàng lại bảo xui xẻo, thế là nghĩa gì?

– Thưa chàng, em không nói được đâu!

– Cô nương ơi, từ giờ phút nàng từ chối cho ta rõ bí mật mà nàng biết thì cuộc sống hòa hợp của đôi ta chắc phải đứt đoạn.

Nghe chàng nài nỉ, nàng liền đáp:

– Vậy thì chàng hãy nghe đây:

629. Đừng để cho ai, dẫu kẻ thù,
Tác thành hôn lễ, Māṭhara,
Giống như cách của hai vua ấy,
Pañcāla và Vedeha.

Két hỏi:

– Cô nương ôi, tại sao nàng bảo như vậy?

Nàng đáp:

– Xin hãy nghe đây, em sẽ nói mọi tai hại của việc này!

Rồi nàng ngâm kệ:

630. Vua hùng của xứ Pañcāla,
Sẽ quyến rũ Vua Vedeha,
Và sẽ giết vua kia lập tức,
Nàng đây chẳng phải bạn đâu mà.

Nàng kể mọi chuyện bí mật cho két khôn ngoan và con két khôn ngoan nghe vậy cứ khen ngợi Kevaṭṭa hết lời:

– Vị Đại sư thật là đa mưu túc kế, giết vua kia như vậy thật là diệu kế. Nhưng việc rủi ro nào sẽ xảy ra cho ta đây?

– Vậy giữ yên lặng là thượng sách.

Thế là cuộc hành trình của két đã đạt kết quả. Sau khi ở lại đó một đêm với nàng, két bảo:

– Cô nương ơi, ta phải về xứ Vua Sivi và tâu trình vua là ta đã tìm được một ái thê!

Rồi két từ giã nàng qua câu kệ:

631. Nay xin từ giã bảy đêm trường,
Ta sẽ tâu trình với Đại vương,
Của xứ Sivi, ta đã gặp,
Nàng nhồng và lập tổ uyên ương.

Lúc bấy giờ, chim nhồng dù không muốn xa két cũng không thể nào từ chối được liền ngâm kệ sau:

632. Em để chàng đi trong bảy đêm,
Sau nếu chàng không trở lại em,
Em sẽ tự mình tìm nấm mộ,
Chàng về em cũng sẽ quy tiên!

Két đáp lại:

– Cô nương ơi, sao nàng lại nói thế, nếu sau bảy ngày ta không gặp nàng, làm sao ta sống được?

Miệng nói thế nhưng trong lòng két nghĩ thầm: "Nàng sống hay chết ta đâu có quan tâm đến làm gì!" Két vươn cao đôi cánh, sau khi bay một khoảng ngắn về phía xứ Sivi, nó quay lại về hướng thành Mithilā rồi đứng trên vai của bậc Trí giả. Khi bậc Đại sĩ đem nó lên thượng lầu và hỏi tin tức, nó kể với ngài tất cả. Ngài ban thưởng nó trọng thể như trước kia.

***

Bậc Đạo sư giải thích chuyện này như sau:

633. Rồi Māṭhara két khôn ngoan,
Từ đó bay về kể ngọn nguồn,
Trình rõ Mahosadha biết,
Những lời đã được tỏ từ nhồng.

Chấm dứt phần *Con két.*

XVII. ĐƯỜNG HẦM VĨ ĐẠI

Nghe xong, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Nhà vua sẽ đi dù ta không muốn, và nếu ngài đi, ngài sẽ bị tiêu diệt ngay. Còn nếu ta cứ oán hận một vị vua đã ban cho ta nhiều phú quý vinh hoa như vậy mà không giúp ích ngài thì thật đáng hổ thẹn. Khi tìm được một người tài trí như ta, làm sao người bị tàn hại được? Ta sẽ khởi hành trước vua và sẽ gặp Vua Cūḷani, ta sẽ sắp đặt mọi việc chu đáo. Ta sẽ xây một kinh thành cho Vua Vedeha ngự với một lối đi nhỏ hơn dài một dặm[44] và một đường hầm lớn dài nửa do-tuần.[45] Ta sẽ làm lễ sắc phong công chúa của Vua Cūḷani làm vương hậu của vua ta, rồi ngay khi kinh thành bị một trăm lẻ một vương hầu cùng đạo binh mười tám đạo quân bao vây, ta sẽ cứu chúa như thể mặt trăng được cứu khỏi móng vuốt của thần Rāhu rồi đưa ngài về nước. Việc ngài hồi cung chỉ ở trong tay ta."

Khi ngài nghĩ như vậy, nỗi hân hoan tràn ngập khắp châu thân, rồi do niềm hân hoan thúc đẩy, ngài thốt lên ước nguyện này:

634. Con người luôn phải thực hành,
Vì quyền lợi của người mình thọ ân.

Sau đó, ngài tắm rửa, phục sức sang trọng đi vào cung, kính lễ vua rồi đứng sang một bên, tâu:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng sắp đến kinh thành Uttarapañcāla chăng?

– Phải đấy vương nhi, nếu trẫm không chiếm được công chúa Pañcālacaṇḍī thì vương quốc này có nghĩa gì đối với trẫm? Vương nhi đừng rời trẫm nữa, hãy

---

[44] 1 *gāvuta* = 5,12km.

[45] 1 *aḍḍhayojana* = ½ *yojana* = 2 *gāvuta* = 10,24km.

cùng đi với trẫm! Đến đó, trẫm sẽ được hai mối lợi lớn, trẫm sẽ được đệ nhất nữ báu và kết thân với vị vua kia.

Bậc Đại trí liền đáp:

– Tâu Chúa thượng, tiểu thần sẽ đi trước xây cung điện cho Chúa thượng ngự, Chúa thượng sẽ đến khi nào tiểu thần tâu trình về.

Nói xong, ngài ngâm hai vần kệ:

Thần sẽ ra đi trước Đại vương,
Đến kinh thành tráng lệ huy hoàng,
Pañcāla để xây cung điện,
Dâng Chúa Vedeha vẻ vang.

635. Khi nào thần đã dựng xây xong,
Dâng Chúa Vedeha mỹ lệ cung,
Thần sẽ tâu trình ngài đến ngự,
Hỡi vị Chúa tể đại anh hùng!

Vua nghe vậy rất đẹp lòng vì thấy ngài không bỏ mặc ông nên bảo:

– Này vương nhi, nếu con đi trước, con có cần gì chăng?

– Tâu Đại vương, tiểu thần cần một đạo binh.

– Vương nhi muốn đem bao nhiêu cứ tùy ý.

Bậc Trí giả nói tiếp:

– Tâu Chúa thượng, xin cho mở bốn ngục thất, phá xiềng xích cho các kẻ cướp bóc và cho họ cùng đi với tiểu thần.

Vua bảo:

– Vương nhi cứ làm như ý muốn.

Bậc Đại sĩ cho mở các cửa ngục, đem ra những kẻ anh hùng, dũng mãnh có thể làm phận sự khi được giao và bảo họ phụng sự ngài. Ngài trọng đãi những người này và đem theo mười tám đoàn thợ hồ, thợ rèn, thợ mộc, thợ sơn, những người có tài thủ xảo, mỹ thuật, trang bị đầy đủ lưỡi dao, rìu, xẻng cuốc và nhiều dụng cụ khác. Với đoàn tùy tùng rầm rộ như vậy, ngài rời khỏi kinh thành.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ sau:

636. Bậc Đại trí liền cất bước ra,
Đến thành hoa lệ Pañcāla,
Để xây dựng được nhiều cung điện,
Dâng chúa vinh quang Vedeha.

Trên đường đi, bậc Đại sĩ xây làng ở mỗi dặm đường, giao cho một viên quan ở lại đảm trách mỗi ngôi làng với lời căn dặn:

– Để dự phòng việc vua hồi cung cùng Công chúa Pañcālacaṇḍī, các ông phải chuẩn bị voi ngựa, chiến xa để đánh đuổi quân thù rồi tức tốc đưa đức vua về thành Mithilā.

Khi đến bờ sông Hằng, ngài gọi nam tử Ānanda đến và bảo:

– Này Ānanda, hãy đem ba trăm thợ mộc đến thượng lưu sông Hằng tìm loại gỗ thật tốt đóng ba trăm chiếc thuyền, bảo họ chặt thật nhiều gỗ tích trữ cho kinh thành, chở gỗ nhẹ cho đầy thuyền và mang về đây.

Ngài cũng đích thân đi thuyền vượt qua sông Hằng, từ chỗ ngài cập bến, ngài tính khoảng cách và nghĩ thầm: "Khoảng cách này chừng nửa do-tuần phải có một đường hầm lớn. Chỗ này phải xây thành cho vua ngự, từ chỗ này về cung xa chừng một do-tuần phải có lối đi nhỏ." Ngài đánh dấu chỗ đó xong rồi vào thành.

Khi Vua Cūḷani nghe tin Bồ-tát đến, ông rất hài lòng vì ông nghĩ: "Bây giờ tâm nguyện của ta đã thỏa mãn, gã ấy đã đến, chẳng bao lâu Vua Vedeha cũng đến. Thế là ta giết trọn cả hai và biến toàn cõi Diêm-phù-đề thành một quốc độ." Cả kinh thành sôi động lên: "Nghe nói đấy là bậc Trí giả Mahosadha, người đã đánh đuổi một trăm lẻ một vị vương hầu như thể con quạ bị ném hòn đá cho hoảng sợ bay đi."

Bậc Đại sĩ tiến vào cổng thành trong lúc dân chúng chiêm ngưỡng dung mạo tuyệt đẹp của ngài, rồi ngài xuống xe, nhờ người trình vua. Vua bảo:

– Đưa vị ấy vào!

Và ngài vào cung triều bái vua rồi ngồi xuống một bên. Vua chào đón ngài ân cần rồi hỏi:

– Này Vương tử, khi nào Đại vương đến?

– Tâu Chúa thượng, khi nào tiểu thần thỉnh cầu ngài.

– Nhưng cớ sao Vương tử đến đây?

– Thần đến để xây cung điện cho Đại vương của thần ngự, tâu Chúa thượng.

– Này Vương tử, thế thì tốt lắm!

Vua liền cho đãi đằng binh sĩ, trọng đãi bậc Đại sĩ rất hậu hĩ, ban cho ngài một tư thất rồi phán:

– Này Vương tử, cứ ở đây cho đến khi Đại vương ngự đến, nhưng đừng ăn không ngồi rồi mà phải làm những việc đáng làm.

Ngay khi ngài vào cung, đứng ở bậc thang gác, ngài quan sát và nghĩ thầm: "Ở đây phải làm cửa hầm nhỏ ấy." Ngài lại nghĩ đến điều này: "Nhà vua này bảo ta phải làm những việc cần làm, vậy ta phải cẩn thận để thang gác này khỏi sập trong khi ta đang đào hầm." Rồi ngài tâu vua:

– Tâu Chúa thượng, khi tiểu thần bước vào đứng bên chân cầu thang nhìn vào công trình mới xây này, tiểu thần thấy một khuyết điểm trong cầu thang

lớn này. Nếu Chúa thượng ưng thuận, xin phán bảo cho phép tiểu thần lấy gỗ về sửa sang lại cho đẹp.

– Này bậc Trí giả, tốt lắm, cứ làm đi!

Ngài quan sát chỗ ấy cẩn thận, định nơi làm lối ra của đường hầm rồi ngài dời cầu thang đi nơi khác và để cho đất chỗ ấy khỏi sụp, ngài đặt một sàn gỗ giữ cầu thang thật chắc chắn cho nó khỏi sụp. Nhà vua vô tình tưởng ngài làm việc này vì thiện ý cho mình. Bậc Đại sĩ ở đó một ngày xem xét việc sửa chữa rồi hôm sau trình vua:

– Tâu Chúa thượng, nếu tiểu thần được biết Đại vương của tiểu thần sẽ phải ngự ở đâu, tiểu thần sẽ xin thu xếp chu đáo việc đó.

– Này bậc Trí giả, tốt lắm, ngài cứ chọn nơi nào ngài muốn trong kinh thành này trừ cung điện trẫm ra thôi.

– Tâu Đại vương, chúng thần là ngoại nhân, Đại vương có nhiều binh sĩ, nếu chúng thần chiếm tư dinh của họ, họ sẽ gây chiến với chúng thần. Vậy chúng thần phải làm sao đây?

– Này bậc Trí giả, đừng nghe họ, cứ chọn nơi nào vừa ý ngài là được!

– Tâu Đại vương, họ sẽ đến kêu nài với Đại vương mãi, việc ấy sẽ không làm Đại vương hài lòng. Song nếu Đại vương ban phép, chúng thần sẽ đến canh giữ cho đến khi chiếm xong các tư thất ấy, họ sẽ không đi ra cửa được rồi phải bỏ đi thôi. Như vậy, cả Đại vương lẫn chúng thần đều được toại ý.

Vua chấp thuận. Bậc Đại sĩ liền cho quân hầu canh ở chân và đầu cầu thang, ở đại hoàng môn và khắp nơi, rồi ra lệnh không cho ai qua lại. Ngài lại ra lệnh cho quân hầu đến cung của thái hậu, làm như thể sắp phá cung. Khi họ bắt đầu gỡ ngói, gạch, đất sét khỏi cổng và tường, thái hậu nghe tin vội hỏi:

– Này các ngươi, sao lại phá sập cung của ta?

– Bậc Trí giả Mahosadha muốn phá cung này để xây cung khác cho đức vua của ngài ngự.

– Nếu vậy thì các ngươi cứ ở cung này cũng được.

– Đoàn tùy tùng của Đại vương chúng thần rất đông đảo, cung này không đủ, chúng thần phải xây cung rộng hơn cho ngài.

– Các ngươi không biết ta ư, ta là Thái hậu, ta sẽ đi báo cho vương nhi biết.

– Chúng thần đang thi hành lệnh vua, nếu Lệnh bà ngăn cản được thì cứ làm.

Thái hậu nổi giận bảo:

– Để ta xem cách gì trị các ngươi đây.

Rồi bà đến cung môn, nhưng họ không để bà đi vào.

– Này các khanh, ta là Thái hậu mà.

– Chúng thần không biết điều ấy, đức Vua ra lệnh không cho ai vào cả. Xin Lệnh bà lui ra.

Bà không vào cung được đành quay về đứng nhìn cung của mình. Một tên quân hầu bảo:

– Lệnh bà làm gì ở đây, xin lui ra!

Gã nắm lấy cổ bà ném xuống đất. Bà nghĩ thầm: "Chắc chắn phải có lệnh vua, nếu không chúng không dám làm vậy đâu. Ta phải tìm gặp bậc Trí giả mới được." Bà hỏi ngài:

– Này Vương tử Mahosadha, tại sao Vương tử phá sập cung của ta?

Song ngài không nói chuyện với bà. Một người đứng cạnh đó hỏi:

– Tâu Lệnh bà nói gì?

– Này nam tử, tại sao bậc Trí giả phá sập cung của ta?

– Để xây cung cho Vua Vedeha ngự.

– Cớ sao vậy này nam tử, trong kinh thành rộng lớn này ngài không tìm được một cung thất nào để vua ngự sao? Hãy nhận lễ vật mọn này, một trăm ngàn đồng tiền và thưa với ngài đi xây dựng cung khác!

– Tâu Lệnh bà, thế thì tốt lắm, chúng thần sẽ để yên cung của Lệnh bà, nhưng xin Lệnh bà chớ cho ai biết việc nhận lễ vật này để họ khỏi lo lót cho chúng thần để yên nhà của họ.

– Này nam tử, nếu họ kháo nhau rằng thái hậu phải cần lo lót thì nhục nhã cho ta biết bao! Ta không cho ai hay đâu.

Người kia bằng lòng nhận một trăm ngàn đồng tiền rồi rời cung. Sau đó, gã đến cung của Kevaṭṭa. Lão này vừa đến cửa cung đã bị cây tre quất vào lưng tét cả da thịt mà cũng không vào cung được nên cũng lo lót một trăm ngàn đồng tiền. Cứ bằng cách này, họ chiếm nhà khắp kinh thành để đòi của đút lót, họ thu được chín mươi triệu đồng tiền vàng. Sau đó, bậc Đại sĩ đi khắp kinh thành, rồi trở về cung. Vua hỏi ngài đã tìm ra chỗ chưa. Ngài bảo:

– Tâu Đại vương, dân chúng đều muốn dâng nhà cửa, nhưng khi chúng thần đến nhận gia sản, họ hết sức âu sầu, chúng thần không muốn gây nên sự bất mãn. Ngoài kinh thành khoảng một dặm, giữa kinh thành và sông Hằng có một nơi chúng thần có thể xây cung điện cho Đại vương của chúng thần.

Vua nghe vậy liền đẹp ý, rồi ông nghĩ thầm: "Đánh nhau trong kinh thành thật nguy hiểm vì khó phân biệt bạn thù, chứ ngoại thành thì dễ đánh, vậy ta sẽ đánh giết chúng ở ngoại thành." Thế là vua bảo:

– Được lắm, bậc Trí giả, cứ xây cung ở chỗ đã tìm được!

– Tâu Đại vương, xin vâng lệnh. Nhưng dân chúng không được đến nơi chúng thần xây cất để kiếm củi hay cây thuốc, nếu không chắc chắn sẽ có tranh chấp cãi cọ không hay gì cho Đại vương lẫn chúng thần.

– Tốt lắm, bậc Trí giả, cứ cấm hết lối ra vào phía ấy.

– Tâu Đại vương, bầy voi của chúng thần thích vui đùa dưới nước, nếu nước sông bị khuấy đục bẩn bùn và dân chúng than phiền vì Trí giả Mahosadha đến đây mà họ không có nước sạch để uống thì xin Đại vương lượng thứ việc ấy.

Vua đáp:

– Được, cứ cho voi xuống vui chơi!

Rồi vua truyền đánh trống ra lệnh:

– Kẻ nào đến chỗ bậc Trí giả Mahosadha đang xây cung điện sẽ bị phạt một ngàn đồng tiền.

Sau đó, bậc Đại sĩ tạ từ vua cùng đoàn tùy tùng ra ngoài thành bắt đầu xây một thành trì ở nơi đã được dành riêng ra. Bên kia sông Hằng, ngài đã xây một ngôi làng đặt tên là Gaggali, nơi đó ngài dự trữ voi ngựa, xe pháo, trâu, bò. Chính ngài đích thân thiết kế thành ấy và giao cho mỗi người một phận sự. Khi đã phân chia nhiệm vụ xong, ngài bắt đầu xây đường hầm lớn, miệng hầm ở trên bờ sông Hằng, có sáu ngàn quân sĩ đào hầm. Họ bỏ đất mới đào vào các bao da vứt xuống sông, hễ nơi nào đất được thả xuống thì bầy voi đến giẫm lên, khiến sông Hằng vẩn đục cả bùn. Dân chúng than phiền rằng từ khi ngài Mahosadha đến đây, họ không có nước sạch để uống, dòng chảy của sông Hằng bị khuấy động, vấy bùn, chuyện này là sao đây? Quân thám tử của bậc Đại sĩ bảo họ rằng bầy voi của ngài đang chơi đùa dưới nước làm khuấy bùn lên cho nên nước mới đục.

Lúc bấy giờ, mọi dự định của Bồ-tát đều được thành tựu, vì thế trong hầm mới, các rễ cây, khúc cây, sỏi đá đều chìm xuống đất. Lối vào đường hầm nhỏ ở bên trong kinh thành. Có ba trăm quân đang đào đường hầm, họ mang đất bằng bao da đổ vào thành, mỗi lần mang đến một đống, họ lại trộn với nước để xây tường thành hoặc dùng vào việc khác.

Còn lối vào đường hầm lớn nằm trong kinh thành có cửa vào, cao mười tám khuỷu tay, có máy móc để khi bấm một nút thì cửa ấy đóng chặt, bấm một nút thì cửa ấy mở ra. Hai bên hầm được xây bằng gạch và hồ vữa, mái lợp ván, trét hồ vữa và sơn trắng. Bên trong có tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, tất cả đều được đóng lại hoặc mở ra bằng một nút bấm. Hai bên có hàng trăm ổ đèn trang bị máy móc, để khi một đèn được bật sáng thì tất cả đều bật, khi một đèn được tắt thì tất cả đều tắt.

Mỗi phía có một trăm lẻ một gian phòng cho một trăm lẻ một chiến vương (Khattiya). Trong mỗi phòng đặt một sàng tọa đủ màu, trong đó lại có một trường kỷ lớn được che bằng lọng trắng, mỗi phòng lại có một chiếc ngai đặt gần trường kỷ lớn ấy một tượng mỹ nhân, nếu không sờ tay vào thì không ai có thể biết các tượng đó không phải người thật.

Ngoài ra, trong mọi phía hầm, các họa sĩ tinh xảo đã vẽ đủ loại tranh: Cảnh huy hoàng của Thiên chủ Sakka, các miền núi Sineru, vũ trụ, các biển cả cùng

đại dương bốn châu, dãy Tuyết Sơn, hồ Anotatta, núi Hồng Thổ, mặt trăng, mặt trời, cõi Tứ Thiên Vương với sáu tầng trời cõi dục và các thành phần trong đó. Tất cả đều hiện ra trong đường hầm này, nền đất rải cát trắng như một phiến bạc, nổi bật các hoa sen tươi thắm ở phía trên. Hai bên có lều quán đủ loại, rải rác các rèm hoa lơ lửng tỏa mùi thơm ngát. Như vậy, họ trang hoàng đường hầm rực rỡ chẳng khác nào thiên đình Sudhammā.[46]

Lúc bấy giờ, sau khi ba trăm thợ đóng ba trăm chiếc thuyền xong, họ liền chất đầy thuyền mọi dụng cụ sẵn sàng lúc cần đến rồi đem xuống sông Hằng và trình với bậc Trí giả. Ngài hướng dẫn họ cách sử dụng ở kinh thành, bảo họ giấu chúng ở một nơi bí mật để đưa chúng ra khi có lệnh ngài.

Trong kinh thành ngài cho đào ba hào, đó là hào nước, hào bùn và hào khô. Tường thành cao mười tám *cubit*, hoàng môn, tháp canh, cung thất cho vương tử và nhà dân chúng, chuồng voi, hồ nước đều đã xong xuôi. Như vậy, đường hầm lớn và đường hầm nhỏ cùng toàn kinh thành được xây xong trong bốn tháng. Sau đó, bậc Đại sĩ gửi sớ trình xin vua đến ngự.

Để giải thích điều này, bậc Đạo sư đã ngâm vần kệ:

637. Vương cung hoàn tất dựng xây nhanh,
Cho Vedeha rất nổi danh,
Đại sĩ cho người dâng sớ thỉnh,
Vua đang ở Mithilā thành:
"Đại vương, đã dựng xong cung thất,
Kính thỉnh giờ này, xin khởi hành!"

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

638. Vị Đại vương cùng bốn đạo binh,
Bấy giờ liền ngự giá du hành,
Cùng vô số cỗ xe hầu cận,
Đến viếng Kampilla hiển vinh.

Vào giờ đã định, vua đến sông Hằng, bậc Đại sĩ ra lệnh đón vua vào kinh thành ngài vừa xây xong. Vua vào cung hưởng một bữa tiệc cao lương mỹ vị và sau khi nghỉ ngơi một lát xong, vào buổi chiều, vua gửi thông điệp báo cho Vua Cūḷani biết ông đã đến.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

639-40. Khi đến nơi, vua nhắn gửi lời,
Với Brahma: "Kính lễ chân ngài,
Xin ban công chúa làm vương hậu,
Nữ báu dung nhan thật tuyệt vời,

---

[46] Sudhammā, còn gọi là Sudhammāsālā (善法堂, Thiện Pháp đường), một cung điện lớn ở cõi trời Tāvatiṁsa (Tam Thập Tam), nơi hội họp của chư thiên, thảo luận về các việc thiện ác ở cõi người và cõi trời. Tham khảo: *VvA*. 258.

Trang sức bằng vàng, trọn khả ái,
Được đoàn thị nữ hộ lên ngôi."

Vua Cūḷani hoan hỷ nhận được thông điệp, nghĩ thầm: "Các quốc thù của ta sẽ đến đây. Ta sẽ chặt đầu chúng ra và nâng chén khải hoàn." Nhưng ông chỉ làm ra vẻ hân hoan tiếp đón sứ giả rất trọng thể rồi ngâm kệ sau:

641. Cung nghênh Đại chúa Vedeha,
Hạnh ngộ ngày nay quả thật là,
Hãy chọn giờ lành mang hạnh phúc,
Trẫm đem công chúa tặng vương gia,
Nàng đầy vẻ đẹp yêu kiều ấy,
Được các cung tần hộ tống ra.

Sứ giả liền đi về trình Vua Vedeha:

– Tâu Chúa công, Đại vương truyền: "Hãy chọn giờ lành cho mối lương duyên này và trẫm sẽ kết duyên công chúa cho ngài."

Vua gửi sứ giả trở lại tâu:

– Hôm nay chính là giờ lành!

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

642-43. Vedeha chọn giờ lành xong,
Trình Brahmadatta Đại vương:
"Xin gả công nương làm ái hậu,
Nữ nhân diễm lệ tuyệt trần gian,
Phục trang vàng, trọn yêu kiều ấy,
Được các cung phi hộ tống nàng."

Đại đế Cūḷani đáp lại:

644. Ta ban ngài nữ báu siêu phàm,
Tô điểm nhiều trang sức rực vàng,
Mọi vẻ yêu kiều, đầy khả ái,
Được đoàn thị nữ hộ cho nàng.

Nhưng khi vua bảo: "Trẫm sẽ đưa công chúa vu quy ngay bây giờ", vua đã nói dối và ông ra lệnh cho một trăm lẻ một vị vương hầu kia: "Hãy chuẩn bị sẵn sàng ra trận với mười tám đạo binh của các vị và tiến lên, ta sẽ chặt đầu hai kẻ thù của ta và nâng chén khải hoàn!" Vua để Thái hậu Calākā ở lại trong cung cùng Hoàng hậu Nandā, Hoàng tử Pañcālacaṇḍa, Công chúa Pañcālacaṇḍī rồi ra đi.

Bồ-tát tiếp đãi rất nồng hậu đoàn đại binh cùng đến với Vua Vedeha, kẻ uống rượu, người ăn thịt, có kẻ nằm nghỉ mệt vì đường xa. Còn Vua Vedeha cùng với Senaka và các vị kia ngồi trên bảo tọa cùng với các cận thần. Nhưng Vua Cūḷani đã bao vây thành bốn vòng trong ba khoảng cách, thắp hàng trăm ngàn ngọn đuốc rực trời sẵn sàng chiếm lấy kinh thành ấy khi mặt trời mọc. Hay tin này, bậc Đại sĩ ra lệnh cho ba trăm chiến sĩ của ngài:

– Các ngươi hãy đi theo đường hầm nhỏ đưa thái hậu, hoàng hậu, hoàng tử và công chúa về đây qua đường hầm lớn, nhưng đừng để cho các vị ấy ra ngoài bằng cửa hầm lớn, mà phải bảo vệ các vị ấy an toàn trong đường hầm cho đến khi ta tới, rồi hãy đem các vị ấy ra khỏi hầm và dẫn các vị ấy vào đại sảnh!

Khi họ nhận chỉ thị xong, họ đi dọc đường hầm nhỏ, đẩy tấm sàng dưới cầu thang, bắt lấy quân canh ở đầu và chân cầu thang, trên thượng lầu, những tên gù cùng nhiều người khác, trói tay chân lại, nhét giẻ vào mồm họ rồi giấu họ rải rác đây đó xong ăn một số thức ăn được chuẩn bị cho vua, phá hủy số thức ăn còn lại rồi lên thượng lầu.

Lúc ấy, Thái hậu Calākā không biết việc gì sẽ xảy ra nên đã bảo Hoàng hậu Nandā cùng hoàng tử, công chúa đến nằm với bà trên giường. Ba chiến sĩ đứng ở cửa phòng gọi họ. Bà bước ra bảo:

– Việc gì thế các con?

Họ đáp:

– Tâu Lệnh bà, Đại vương đã giết Vua Vedeha và Mahosadha, rồi biến toàn cõi Diêm-phù-đề thành một đế quốc. Ngài đang được một trăm lẻ một vị vương hầu vây quanh nâng chén đại khải hoàn. Vì thế, ngài phái chúng thần đến đây rước Lệnh bà cùng các vị kia đến cùng ngài.

Các vị ấy đi xuống tới chân cầu thang. Khi quân sĩ đem họ vào hầm, họ bảo:

– Suốt đời ta sống ở đây, chưa từng đi đường này bao giờ.

Quân sĩ đáp:

– Người ta thường ít đi đường hầm này, đây là con đường hưởng lạc, vì hôm nay là ngày hội vui chơi nên Đại vương bảo chúng thần đưa các vị về lối này.

Họ tin lời ngay. Sau đó, vài quân sĩ dẫn bốn người đi, còn các người khác trở lại cung vua, phá cửa kho tàng mang đi hết mọi báu vật họ muốn lấy. Bốn vị kia đi vào đường hầm lớn, thấy chẳng khác nào sảnh đường huy hoàng của chư thiên nên cứ tưởng nơi này dành cho vua. Rồi họ được đưa đến một nơi không xa dòng sông, vào một cung thất đẹp trong đường hầm. Vài quân sĩ canh chừng họ, còn các kẻ khác đi tâu trình với Bồ-tát rằng họ đã đến.

Ngài nghĩ thầm: "Nay tâm nguyện của ta sẽ được viên mãn." Lòng đầy hoan hỷ, ngài bước vào yết kiến vua rồi đứng qua một bên. Vua đang nôn nao khát vọng, nghĩ thầm: "Ngay bây giờ ngài sẽ đưa công chúa của ta đến, ngay bây giờ ngài sẽ đưa công chúa của ta đến!" Rồi vua đứng dậy nhìn qua cửa sổ. Lúc bấy giờ, cả kinh thành đang rực sáng trong hàng ngàn bó đuốc và bị bao vây trong đạo binh rầm rộ ghê hồn. Đầy kinh hãi và nghi hoặc, vua kêu lên:

– Cái gì thế?

Và ông ngâm kệ với các Trí giả:

645. Voi, ngựa, cỗ xe, các đạo quân,
Mang bào giáp đứng cả đoàn đông,

Rực trời ánh đuốc đang bừng cháy,
Ý nghĩa gì chăng, các Trí nhân?

Senaka đáp:

– Xin Đại vương chớ sợ! Đám đuốc cháy rực, thần đoán là đức vua đang đem công chúa đến cho Đại vương.

Pukkusa lại nói:

– Chắc chắn vua ấy muốn đón Đại vương thật trọng thể nên đã đến đây với đoàn hộ tống.

Họ mặc tình tâu vua những điều họ thích. Nhưng vua nghe các hiệu lệnh:

– Để một chi đội ở đây, một đội phòng vệ đằng kia, hãy canh phòng cẩn mật!

Vua lại thấy quân sĩ cầm khí giới nên ông sợ mất hồn, mong nghe được một lời gì của bậc Đại sĩ liền ngâm kệ lần nữa:

646. Voi, ngựa, cỗ xe, các đạo quân,
Mang bào giáp đứng cả đoàn đông,
Rực trời ánh đuốc đang bừng cháy,
Họ định làm gì, các Trí nhân?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Trước hết ta phải làm cho hôn quân si ám này khiếp đảm một hồi đã rồi ta sẽ tỏ oai lực của ta và trấn an sau." Ngài liền nói:

647. Hoàng đế Cūḷani đại cường,
Đang vây ngài chặt, tấu Minh quân,
Brahmadatta chính người gian trá,
Vua ấy sẽ tàn sát Đại vương!

Nghĩ thế, mọi người đều kinh hoảng đến mất vía, cổ họng của vua khô cứng lại không còn nước bọt nữa, cơ thể ông như đang bị thiêu đốt, hoảng hồn như sắp chết, ông rên rỉ ngâm hai vần kệ sau:

648. Tim ta hồi hộp, miệng khô rang,
Lòng dạ ta nay thật bất an,
Ta giống một người bị đốt lửa,
Rồi đem phơi dưới nắng chang chang.

649. Như cháy bên trong lửa thợ rèn,
Bên ngoài chẳng có thể nào xem,
Lòng ta cũng vậy đang bừng cháy,
Nhưng chẳng một ai có thể nhìn.

Khi bậc Đại sĩ nghe lời than thở ấy, ngài nghĩ thầm: "Hôn quân ngu muội này thường chẳng nghe lời ta lúc trước, nay ta phải trừng phạt thêm nữa mới được." Ngài liền nói:

650. Ngài bị đắm say, hỡi Đại vương!
Không theo khuyến cáo, thiếu khôn ngoan,

Giờ đây xin các quân sư giúp,
Tài trí hộ ngài thoát hiểm luôn.

651. Ngài chẳng theo lời của đại thần,
Một người vì nghĩa, lợi Anh quân,
Vị vua thích thú theo bản ngã,
Cũng giống như nai dính bẫy rừng.

652. Như cá lúc nhìn thấy lưỡi câu,
Bọc ngoài miếng thịt, có ngờ đâu,
Cá kia ham muốn thịt tươi mới,
Chẳng biết là mồi, phải chết mau.

653. Cũng y như thế, tâu Đại vương,
Ngài chẳng biết rằng công chúa nương,
Con của Vua Cūḷanīya,
Khiến ngài chết tựa cá đau thương!

654. Nếu ngài đến xứ Pañcāla,
Sẽ bỏ mạng này, phút chốc sa,
Cũng tựa chú nai rong ruổi mãi,
Bên đường gặp đại nạn, nguy cơ.

655. Người nào có vẻ không hiền lành,
Như rắn bên hông, sẽ cắn mình,
Bậc Trí không làm bạn kẻ ấy,
Nếu thân kẻ xấu, khổ đau nhanh.

656. Đại vương dò xem, biết người nào,
Có đức hạnh đầy, trí rộng sâu,
Bậc Trí nên làm bạn với họ,
Nếu thân người tốt, an vui mau.

Rồi để nhấn mạnh sự khiển trách một người không nên đối xử với kẻ khác như thế, ngài nhắc lại những lời lẽ mà vua đã nói trước kia và nói tiếp:

657. Ngài điếc câm, ngu muội, Đại vương,
Khinh lời khuyên tối thượng từ thần,
Hỏi sao thần hiểu như người khác,
Khi lớn lên cày cấy ruộng đồng?

658. "Bắt lấy gã kia, tóm cổ mau,
Tống ra khỏi xứ sở ta nào,
Con người dám nói hòng ngăn cản,
Việc trẫm sắp đi lấy bảo châu!"

Sau khi ngâm hai vần kệ xong, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, làm sao một kẻ nông dân như thần lại biết được chuyện gì là tốt là hay như Senaka và các trí giả kia được? Chuyện đó không phải là tài

nghệ của thần, thần chỉ biết nghề cày sâu cuốc bẫm, còn chuyện này thì Senaka và phe nhóm của lão biết rõ lắm, họ là những trí giả. Vậy hôm nay xin để họ giải thoát ngài khỏi trùng vây của mười tám đạo quân hùng mạnh kia đang bao quanh ngài và xin ra lệnh cho họ tóm cổ thần vứt đi, tại cớ sao Đại vương lại hỏi han đến thần?

Ngài trách móc vua không tiếc lời như vậy. Vua nghe xong nghĩ thầm: "Bậc Trí giả đang kể lại những việc sai trái mà ta đã làm. Trước kia, ngài đã biết trước tai họa sắp đến nên nay ngài mới trách cứ ta gay gắt như vậy. Nhưng chắc ngài không bỏ phí thời giờ một cách phù phiếm đâu, chắc hẳn ngài đã sắp xếp cho ta được an toàn." Vì thế, vua ngâm kệ khiển trách ngài:

659. Bậc Trí không nhai chuyện đã qua,
Giữa hàm răng, hỡi Mahosadha,
Cớ sao khanh cứ rầy rà trẫm,
Như ngựa bị dây trói chặt à?

660. Nếu thấy được đường lối giải vây,
Cách an toàn thoát nạn giờ này,
Hãy mau làm trẫm yên lòng nhé,
Sao trút chuyện xưa xuống trẫm đây?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Vua này rất mê muội mù quáng, chẳng phân biệt được các hạng người trên đời. Vậy ta phải hành hạ một hồi rồi sẽ giải cứu vua." Và ngài đáp:

661. Hành động giờ đây quá muộn màng,
Vô cùng nguy hiểm lại gian nan,
Thần không giải cứu Quân vương được,
Ngài phải tự lo liệu số phần.

662. Có giống voi bay giữa cõi không,
Lực thần đầy đủ thật vinh quang,
Người nào có được loài voi ấy,
Có thể bay cùng chúng thoát thân.

663. Có giống ngựa bay giữa cõi không,
Lực thần đầy đủ thật vinh quang,
Người nào có được loài phi mã,
Có thể bay cùng chúng thoát nàn.

664-66. Có các loài chim hoặc quỷ thần,
Đủ tài bay bổng giữa không gian,
Còn nay quá muộn nên người tục,
Không thể làm vì quá khó khăn,
Thần chẳng thể nào cứu Đại vương,
Ngài cần quyết định việc riêng phần.

Nghe vậy, vua ngồi yên lặng không thốt một lời, nhưng Senaka nghĩ thầm: "Không ai cứu giúp được vua và bọn ta trừ bậc Trí giả. Tuy thế, vua lại quá kinh sợ nên không đáp lời ngài được. Vậy ta sẽ hỏi ngài xem." Rồi lão cầu xin ngài qua hai vần kệ:

667. Một người không thể thấy bờ xa,
Ở giữa đại dương rộng lớn mà,
Khi nó tìm ra nơi trú ngụ,
Đủ đầy hạnh phúc với hoan ca.

668. Cũng vậy với quân sĩ, Đại vương,
Ngài là đất trú ngụ an toàn,
Ngài là tối thượng quân sư báu,
Xin giải cứu toàn thể thoát nàn!

Bậc Đại sĩ quở trách lão qua vần kệ:

669. Hành động giờ đây quá muộn màng,
Vô cùng nguy hiểm lại gian nan,
Ta không giải cứu cho ngài được,
Ngài phải tự lo liệu số phần.

Vua không tìm được lối thoát và quá khiếp sợ cho mạng sống của mình nên không thể nói được lời gì với bậc Đại sĩ cả mà chỉ nghĩ rằng chắc lão Senaka có mưu kế liền ngâm kệ này:

670. Hãy lắng nghe lời trẫm nói vầy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Senaka, trẫm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

Senaka nghĩ thầm: "Nhà vua hỏi mưu kế, thôi dù hay dù dở, ta cũng phải nói ra một kế cho ngài." Lão liền ngâm kệ:

671. Ta hãy đốt lên ngọn lửa cao,
Ở bên cửa lớn lấy gươm dao,
Chúng ta cùng đả thương nhau chết,
Chốc lát ta không sống nữa nào,
Đừng để Brahmadatta ấy,
Giết ta bằng cái chết dài lâu!

Vua nghe vậy nổi cơn thịnh nộ, nghĩ thầm: "Cái đó thật xứng làm giàn hỏa cho ngươi cùng con cháu ngươi." Ngài lại hỏi Pukkusa và các người kia, kẻ nào cũng đều thưa trình theo kiểu ngu ngốc của mình, và đây là câu chuyện của họ. Vua hỏi:

672. Hãy lắng nghe lời trẫm nói vầy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,

Pukkusa, trẫm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

[Pukkusa đáp:]

673. Chúng ta uống thuốc độc từ trần,
Chốc lát ta không phải sống còn,
Đừng để Brahmadatta ấy,
Giết ta bằng cái chết dần mòn!

[Vua hỏi:]

674. Hãy lắng nghe lời trẫm nói vầy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Kāvinda, trẫm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

[Kāvinda đáp:]

675. Chúng ta thắt cổ họng lìa đời,
Chốc lát ta không sống nữa rồi,
Đừng để Brahmadatta ấy,
Giết ta bằng cái chết lần hồi!

[Vua hỏi:]

676. Hãy lắng nghe lời trẫm nói vầy,
Khanh nhìn thấy mối hiểm nguy này,
Devinda, trẫm hỏi khanh nhé,
Khanh nghĩ làm gì được ở đây?

[Devinda đáp:]

677. Ta hãy đốt lên ngọn lửa cao,
Ở bên cửa lớn lấy gươm dao,
Chúng ta cùng đả thương nhau chết,
Chốc lát ta không sống nữa nào,
Thần không thể cứu nguy chư vị,
Chỉ Đại Trí nhân có phép mầu!

Devinda nghĩ thầm: "Nhà vua đang làm gì thế? Ngọn lửa đây mà ngài lại đi thổi con đom đóm! Trừ Mahosadha ra, không ai giải cứu được chúng ta. Thế mà nhà vua lại bỏ ngài và hỏi kế chúng ta, làm sao chúng ta biết được?"

Nghĩ thế xong, lão không thấy ai có mưu kế gì, lão liền lặp lại mưu kế Senaka đã đưa ra, rồi ca ngợi bậc Đại sĩ qua hai câu. Trong đó, thể hiện mong muốn này:

– Tâu Đại vương, thần muốn tất cả chúng ta hỏi bậc Trí giả. Nếu như trong lúc hỏi mà Mahosadha không thể giải vây an toàn cho chúng ta thì khi ấy chúng ta sẽ làm theo lời của Senaka vậy.

Nghe vậy, vua nhớ lại mình đã bạc đãi Bồ-tát trước kia nên không thể nói gì thêm với ngài nữa, chỉ than thở khi lão nói vậy thôi:

678-79. Giống kẻ đi tìm chất nhựa thông,
Ở trong cây chuối hoặc cây bông,
Nên không thấy nhựa, như ta vậy,
Không thể tìm lời giải khó khăn.

680. Chỗ trú ta đây thật hãi hùng,
Như bầy voi ở chốn khô cằn,
Với người vô dụng và ngu xuẩn,
Chẳng biết làm gì để thoát thân.

681. Tim ta hồi hộp, miệng khô rang,
Lòng dạ ta nay thật bất an,
Ta giống một người bị đốt lửa,
Rồi đem phơi dưới nắng chang chang.

682. Như cháy bên trong, lửa thợ rèn,
Bên ngoài chẳng có thể nào xem,
Lòng ta cũng vậy đang bừng cháy,
Nhưng chẳng một ai có thể nhìn!

Nghe vậy, bậc Trí giả nghĩ thầm: "Nhà vua đã vô cùng lo sợ, nếu ta không trấn an ngài, chắc ngài sẽ vỡ tim ra mà chết." Thế là ngài trấn an vua.

***

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này qua các vần kệ:

683. Rồi Trí giả Mahosadha,
Bậc can đảm, thiện hướng bao la,
Khi ngài thấy mặt vua sầu thảm,
Ngài nói như vầy với đức vua:

684. "Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như trăng ra khỏi miệng La thần.

685. Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như vầng dương khỏi miệng La thần.

686. Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như voi khỏi lún chốn nhơ bùn.

687. Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Giống như giải rắn khỏi nơi thùng.

688. Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Như chim được thoát khỏi nơi lồng.

689. Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Giống như cá thoát lưới nơi sông.

690. Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ giải vây, phò Chúa thượng,
Cùng đoàn xa, tượng, mã, đoàn quân.

691. Xin đừng sợ hãi, tấu Anh quân,
Chúa tể đoàn xa mã đại hùng,
Thần sẽ đuổi Vua Pañcāla,
Như cầm đất ném quạ, chim ưng.

692. Có ích lợi gì tuệ thế kia,
Hoặc quân sư thuộc hạng tầm thường,
Không tài giải cứu, phò Minh chúa,
Ra khỏi khổ nguy, bước cuối đường?

Vua nghe vậy an lòng ngay: “Thế là ta được bình an rồi”, ông nghĩ thầm. Mọi người đều hoan hỷ khi Bồ-tát nói lớn như sư tử rống. Lúc ấy, Senaka hỏi:

– Thưa bậc Trí giả, làm thế nào ngài thoát ra cùng chúng thần đây?

Ngài bảo:

– Bằng một đường hầm được trang hoàng thật đẹp. Hãy chuẩn bị sẵn sàng!

Nói xong, ngài ra lệnh cho quân hầu mở đường hầm này. Có kệ rằng:

693. Hỡi các chàng trai, đến, khởi công!
Làm cho hầm tối được khai thông,
Vua Vedeha, quần thần thoát,
Bằng lối hầm này, vượt trọn xong.

Họ đứng lên mở cửa hầm, toàn đường hầm sáng ngời như cung điện được trang hoàng của chư thiên.

Bậc Đạo sư giải thích chuyện này như sau:

694. Lắng nghe lời ấy của Trí nhân,
Tất cả quân hầu vội nhanh chân,
Đi đến cửa hầm tìm cách mở,
Bật tung chốt cỗ máy gài ngang.

Họ trình bậc Đại sĩ rằng cửa đã mở và ngài bảo vua:

– Tâu Đại vương, đã đến thời, xin bước xuống khỏi thượng lầu!

Vua liền bước xuống và Senaka cởi khăn trùm đầu, buông áo ra. Bậc Đại sĩ hỏi lão làm gì, lão đáp:

– Thưa bậc Trí giả, khi đi qua đường hầm, ta phải cởi khăn trùm đầu và buộc áo quần quanh mình cho chặt.

Ngài đáp:

– Này Senaka, đừng tưởng là ông phải bò lết suốt đường hầm, nếu ông muốn cưỡi voi thì cứ cưỡi, hầm của ta cao ngất mười tám khuỷu tay, cửa rộng rãi, cứ mặc xiêm y tốt đẹp vào như ông muốn rồi đi trước đức vua.

Nói xong, Bồ-tát bảo Senaka đi trước, vua đi giữa, ngài đi cuối cùng. Lý do là gì? Vì nếu vua lo ngắm nhìn đường hầm được trang hoàng rất đẹp thì sẽ không đến nơi nhanh được. Trong hầm là cả một thế giới đồ ẩm thực, người ta vừa ăn uống vừa ngắm đường hầm. Nhưng bậc Đại sĩ đi sau vua, thúc giục ông bước nhanh, trong lúc ông chiêm ngưỡng đường hầm được trang hoàng đẹp như cung điện của chư thiên.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

695. Vị trước tiên là Senaka,
Sau cùng là Mahosadha,
Vua Vedeha ngự nơi giữa,
Các đại thần thì quanh đức vua.

Bấy giờ, khi được biết vua đã đến nơi, quân hầu đem thái hậu, hoàng hậu, hoàng tử, công chúa của vua kia ra khỏi đường hầm, để họ ở trước sân chầu rộng lớn. Vừa lúc ấy, vua cùng Bồ-tát bước ra khỏi hầm. Khi bốn vị kia trông thấy vua và bậc Trí giả, họ kinh hoàng đến chết cứng, hoảng sợ thét lên:

– Chắc chắn ta đã ở trong tay địch rồi, chắc chắn quân sĩ của bậc Trí giả đến bắt ta đấy!

Còn Vua Cūḷani sợ Vua Vedeha trốn thoát, lúc bấy giờ, Vua Cūḷani đang ở cách sông Hằng khoảng một dặm, nghe tiếng họ thét to trong đêm vắng, ông muốn bảo: "Hình như giọng của Hoàng hậu Nandā." Nhưng ông sợ bị cười nhạo vì nghĩ quẩn như thế nên không nói gì.

Lúc ấy, bậc Đại sĩ đặt Công chúa Pañcālacaṇḍī trên một khối trân bảo và ra lệnh rảy nước thánh lễ trong khi ngài nói:

– Tâu Đại vương, vì nữ nhân này, Đại vương đến đây. Vậy xin sắc phong nàng làm vương hậu!

Họ mang đến ba trăm chiếc thuyền, vua bước ra khỏi sân chầu rộng lớn, ngự lên một chiếc thuyền được trang hoàng lộng lẫy và bốn vị kia cùng bước lên với vua.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

696. Vừa khỏi đường hầm, theo lối riêng,
Vua Vedeha ngự lên thuyền,
Sau khi biết được vua an vị,
Mahosadha mới nhủ khuyên.

697. "Tâu Chúa thượng! Đây là quốc công,
Đây là quốc mẫu, tâu Quân vương!
Thế nào mẫu hậu được tôn quý,
Thế ấy đáp đền quốc mẫu nương.

698. Xin tâu Chúa tể đoàn binh xa,
Hãy quý Pañcālacaṇḍa,
Như thể em trai của Chúa thượng,
Người em cùng một mẹ và cha.

699. Đây là Pañcālacaṇḍī,
Công chúa mà ngài ước mọi khi,
Vương hậu là nàng, xin ái kính,
Xa binh Chúa tể, hãy luôn ghi!"

Vua chấp thuận ngay, nhưng tại sao bậc Đại sĩ không nói gì đến thái hậu? Chỉ vì bà ấy cũng đã già. Bồ-tát nãy giờ đứng trên bờ nói đủ mọi việc như thế. Vua vừa thoát khỏi đại nạn chỉ muốn ra khỏi ngay liền nói:

– Vương nhi nói chuyện mà vẫn đứng trên bờ thế?

Rồi vua ngâm kệ:

700. Nào hãy nhanh chân bước xuống đò,
Sao vương nhi mãi đứng trên bờ,
Ta vừa thoát được nơi nguy hiểm,
Ta hãy đi mau, Mahosadha!

Bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, thần đi cùng Đại vương thì chẳng thuận tiện.

Rồi ngài ngâm kệ:

701-02. Việc này không đúng, tâu Quân vương,
Thần thủ lãnh toàn thể đạo quân,
Nếu bỏ đoàn quân và tẩu thoát,
Vậy toàn quân lính ở trong làng,

Rồi đây thần sẽ đem về cả,
Nếu được lệnh Brahma thượng hoàng.

– Trong đám quân sĩ đi đường xa đến này, có kẻ mệt quá nên ngủ thiếp, có kẻ đang ăn uống, không biết ta khởi hành và có kẻ bị bệnh. Nhiều người ở đây đã làm việc cùng thần bốn tháng nay, họ giúp đỡ thần. Thần không thể bỏ lại một tên lính nào mà đi cả nên thần sẽ trở lui. Thần sẽ mang đi toàn quân sĩ ấy theo lệnh của Vua Brahmadatta mà không cần một trận đánh nào, xin Đại vương hãy lên đường thật nhanh, không được trì hoãn ở nơi nào! Thần đã sắp đặt những trạm voi và xe ngựa trên lộ trình nên Đại vương có thể để lại những con vật nào mỏi mệt, còn những voi, ngựa mạnh khỏe sẽ trở về Mithilā nhanh chóng.

Lúc ấy, vua ngâm kệ:

703. Một đoàn quân quá nhỏ nhoi,
Làm sao thắng nổi đoàn người đông hơn?
Đoàn quân yếu bị diệt vong,
Bởi đoàn quân mạnh, Trí nhân hỡi ngài!

Bồ-tát ngâm kệ tiếp:

704. Một đoàn quân quá ít ỏi,
Có minh sư vẫn thắng người đông hơn,
Họ không có vị dẫn đường,
Một vua thắng lắm quốc vương lẽ thường,
Khác gì với ánh triêu dương,
Đánh tan bóng tối, vinh quang mọi nhà.

Nói lời này xong, bậc Đại sĩ vái chào vua và tiễn ngài lên đường. Vua nhớ lại mình đã được giải cứu khỏi bàn tay kẻ thù như thế nào và chiếm được công chúa là đã đạt được tâm nguyện. Suy xét kỹ đến công đức của Bồ-tát, vua hân hoan diễn tả cho Senaka nghe những công đức ấy của bậc Trí giả qua vần kệ sau:

705. Quốc sư hỡi, Senaka,
Sống cùng người trí thật là lạc hoan!
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Mahosadha cứu ta đây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Senaka ngâm kệ khác vừa đáp lời vua vừa tán dương bậc Trí giả:

706. Muôn tâu Chúa thượng, chúng ta,
Sống cùng người trí thật lạc hoan!
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Mahosadha cứu ta đây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Lúc ấy, Vua Vedeha đã qua sông cách chừng một do-tuần. Ông thấy ngôi làng mà Bồ-tát đã dựng sẵn, quân hầu do Bồ-tát giao nhiệm vụ tại đó cung cấp voi, ngựa và các phương tiện chuyên chở khác rồi dâng thức ăn uống. Vua giao lại những voi, ngựa chuyên chở nào đã mệt mỏi rồi nhận các thứ khác và đi đến làng kế cận, cứ thế ông vượt qua cuộc hành trình dài hàng trăm do-tuần và sáng hôm sau về đến Mithilā.

Còn Bồ-tát khi đi đến cổng đường hầm, rút kiếm đeo trên vai ra đem giấu trong cát rồi ngài trở vào đường hầm đi đến kinh thành, tắm gội nước thơm, ăn uống cao lương mỹ vị xong, nghỉ ngơi trên bảo tọa, sung sướng nghĩ rằng tâm nguyện của ngài đã đạt thành. Khi đêm tàn, Vua Cūḷani ra lệnh quân sĩ vào kinh thành.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

707. Hoàng đế Cūḷani đại cường,
Đã canh giữ kỹ suốt đêm trường,
Rạng đông vừa đến thành Upakā,
Đang ngự trên lưng của tượng vương.

708-09. Mãnh tượng sáu mươi tuổi đã già,
Đại vương hùng dũng Pañcāla,
Quân trang vũ khí toàn châu báu,
Cung nắm trong tay cất tiếng ra.

Sau đó, vua miêu tả chúng đủ loại:

710. Truyền lệnh đại quân tề tựu ngay,
Lên voi vệ sĩ chiến xa này,
Các người thiện xạ và cung thủ,
Tất cả cùng nhau tụ họp đây.

Bấy giờ, vua ra lệnh họ bắt sống Vua Vedeha:

711. Đưa hết các voi chiến có ngà,
Sáu mươi tuổi thọ, giẫm tan ra,
Kinh thành mới dựng cao sang ấy,
Do chính Đại vương Vedeha.

712. Hãy bắn tên ra mọi phía này,
Từ bao cung nọ đám tên bay,
Như răng bò nghé đầu tên nhọn,
Đâm thủng tận xương bọn chúng ngay.

713. Anh hùng tiến tới, giáp bào mang,
Vũ khí cầm tay khéo điểm trang,
Dũng mãnh, can trường và tự nguyện,
Sẵn sàng đối diện với voi đàn.

714. Các gươm giáo được tẩm dầu trong,
Đầu nhọn lung linh tựa lửa hồng,
Lấp lánh như chùm sao hội tụ,
Cả trăm tinh tú giữa hư không.

715. Khi các anh hùng ấy tấn công,
Mang bào giáp, vũ khí hiên ngang,
Không hề tháo chạy bao giờ cả,
Làm sao Vedeha vương ấy,
Có thể tìm con đường tẩu thoát,
Cho dù bay lượn tựa chim muông?

716. Ba vạn chín ngàn chiến sĩ ta,
Ta chưa từng thấy thế bao giờ,
Toàn quân được chọn rất tinh nhuệ,
Tất cả hùng quân của nước nhà.

717-18. Hãy nhìn voi mạnh đủ đôi ngà,
Tô điểm cân đai đẹp mắt ta,
Tuổi thọ sáu mươi, lưng ngất ngưởng,
Các vương tử rực rỡ, xa hoa,
Trang hoàng lộng lẫy bao xiêm áo,
Như các thiên thần Nandana.

719. Gươm màu cá bạc tẩm dầu trơn,
Lấp lánh, anh hùng nắm vững vàng,
Bén nhọn, sáng ngời, hoàn hảo quá,
Được làm bằng thép luyện nhiều lần.

720-21. Gươm mạnh do bao dũng sĩ cầm,
Những người chiến đấu mãi không ngừng,
Kim hoàn vàng ánh, bao màu đỏ,
Gươm sáng lung linh lúc vẫy vùng,

722. Như chớp lòe trong mây xám ngắt,
Anh hùng mang giáp vẫy cờ tung,
Có tài dùng kiếm và khiên mộc,
Nắm chặt chuôi gươm, thiện chiến quân.

723. Bị vây bởi chiến sĩ anh hùng,
Như vậy trên lưng voi tấn công,
Ngươi chẳng có nơi nào tẩu thoát,
Ta không thấy một lực oai thần,
Giúp ngươi trở lại kinh thành cũ,
Ở Mithilā, ngươi biết chăng?

Vua này hăm dọa Vua Vedeha như vậy, nghĩ rằng sẽ bắt được vua kia lúc ấy ngay tại chỗ nên thúc voi đi nhanh hơn, ban lệnh quân sĩ bắt được là đánh và giết đi. Vua Cūḷani tiến vào thành Upakāri như dòng thác lũ.

Lúc ấy, các thám tử của bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra?" và những người hầu cận xúm xít quanh ngài. Ngay lúc này, Bồ-tát đứng dậy khỏi sàng tọa, quân hầu giúp ngài tắm rửa xong, ngài dùng điểm tâm rồi mặc xiêm y Kāsi trị giá cả trăm ngàn đồng, hồng y khoác lên một bên vai, mang gậy biểu thị tước vị của ngài có gắn bảy bảo vật. Đôi hài vàng mang ở chân, phe phẩy quạt sơn ngưu như một thiên thần được phục trang rực rỡ, bước lên thượng lầu được trang hoàng đẹp đẽ, mở cửa sổ xuất hiện trước Vua Cūḷani, đi đi lại lại với dáng điệu uy nghi của một vị Thiên chủ.

Còn Vua Cūḷani trông thấy dung sắc của ngài, không thể nào giữ được lòng bình thản mà vội lao lên mình voi, tưởng rằng có thể bắt được ngài ngay lúc đó. Bậc Trí giả nghĩ thầm: "Vua ấy vội đến chỗ kia vì tưởng Vua Vedeha sẽ bị bắt, mà không biết rằng chính các hoàng tử, công chúa đã bị bắt, còn Đại vương ta đã đi rồi. Ta sẽ xuất hiện như một tấm gương vàng chói và trực diện nói chuyện với vua này." Thế là đứng ở cửa sổ, ngài thốt lên những lời này với giọng ngọt ngào như mật:

724-25. Sao ngài thúc giục mãi con voi,
Ngài đến với khuôn mặt thật tươi,
Ngài nghĩ là ngài tròn ước muốn,
Ném cung ấy xuống, ném tên thôi,
Cởi ngay bào giáp kia ngời sáng,
Cùng với san hô, các ngọc trai.

Khi vua nghe lời ấy của ngài, ông nghĩ thầm: "Tên nông dân kia đang chế nhạo ta, hôm nay ta sẽ chứng kiến điều cần làm cho gã ấy." Rồi ông nói giọng hăm dọa:

726. Trông ngươi có dáng điệu vui tươi,
Ngươi nói lời ra với nụ cười,
Giờ chết của ngươi nay sắp đến,
Cho nên vẻ đẹp hiện ra ngoài!

Khi hai vị đang nói chuyện như trên, các quân sĩ chú ý đến tướng hảo của bậc Đại sĩ liền bảo nhau:

– Đại vương đang đàm đạo với bậc Trí giả Mahosadha. Các ngài đang bàn luận gì đây? Ta thử nghe xem sao.

Rồi họ đến gần vua, nhưng bậc Trí giả khi nghe vua nói xong liền đáp lại:

– Đại vương không biết ta là Trí giả Mahosadha, ta không để Đại vương giết ta đâu. Mưu kế Đại vương đã hỏng, những điều Đại vương cùng Kevaṭṭa đã nghĩ trong tâm không xảy ra đâu mà chỉ được nói đầu môi chót lưỡi.

Rồi ngài giải thích sự việc như sau:

727. Sấm sét của ngài thật uổng công,
Âm mưu đã hỏng, hỡi Quân vương!
Vua ta khó bắt cho ngài quá,
Như tuấn mã so với ngựa thường.

728. Vua ta đã vượt quá sông Hằng,
Vào tối qua cùng các cận thần,
Ngài sẽ giống như con quạ nọ,
Cố công săn bắt thiên nga vương!

Một lần nữa, như con sư tử giương bờm dũng mãnh, ngài phát họa một ảnh dụ qua các lời sau:

729. Chó rừng đang ở giữa đêm trường,
Nhìn thấy hoa cây phượng đỏ hồng,
Cứ tưởng hoa kia là miếng thịt,
Súc sinh hạ liệt họp từng đàn.

730. Khi các canh khuya ấy đã qua,
Mặt trời đã xuất hiện dần ra,
Chó nhìn cây phượng đầy hoa nở,
Thất vọng, súc sinh thật xấu xa!

731. Hỡi Đại vương, cũng giống các vua,
Đã bao vây Chúa Vedeha,
Sẽ tan hy vọng và đi mất,
Như lũ chó rừng tránh phượng hoa.

Khi vua nghe những lời lẽ can trường như vậy, nghĩ thầm: "Tên nông dân này nói năng thật bạo dạn, chắc chắn Vua Vedeha đã trốn thoát." Vua liền nổi cơn thịnh nộ, nghĩ thầm: "Xưa kia vì tên nông dân này mà ta chẳng còn mảnh vải che thân, nay cũng vì gã mà kẻ thù đã làm hại ta quá nhiều, ta phải trả thù gã cả hai chuyện mới được." Vua liền ban lệnh như sau:

732-33. Cắt hết tay chân, tai mũi ra,
Vì tên kia thả Vedeha,
Kẻ thù đã thoát tay ta đó,
Xẻo thịt đem chiên nấu chín mà,
Vì tên kia thả Vedeha,
Kẻ thù đã thoát khỏi tay ta!

734-35. Như tấm da trâu trải đất bằng,
Hoặc da sư, hổ được đem căng,
Bằng cây cọc, vậy ta mong muốn,
Căng nọc nó và lấy giáo đâm,
Vì thả Vedeha Chúa tể,
Kẻ thù ta thoát khỏi giam cầm!

Nghe vậy, bậc Đại sĩ mỉm cười nghĩ thầm: "Vua này không biết là hoàng hậu và hoàng gia đã được ta chở về Mithilā rồi nên mới ra lệnh bắt ta như vậy. Nhưng trong cơn thịnh nộ, vua ấy có thể lấy cung tên đâm xuyên thân ta, hay làm một chuyện gì đó cho hả dạ. Vậy ta phải làm cho vua ấy hoảng hốt đau buồn rồi ngất xỉu trên lưng voi khi ta kể chuyện cho vua nghe mới được." Ngài liền nói:

736-39. Nếu chặt tay chân, tai mũi ta,
Vedeha sẽ chặt Caṇḍa,
Caṇḍī, Hoàng hậu Nandā nữa,
Công chúa cùng hoàng tử cả nhà!

740-43. Nếu xẻo ta rồi xiên thịt ta,
Vedeha sẽ xẻo Caṇḍa,
Caṇḍī, Hoàng hậu Nandā nữa,
Công chúa và hoàng tử cả nhà!

744-47. Nếu đóng cọc ta, đâm giáo ta,
Vedeha đóng cọc Caṇḍa,
Caṇḍī, Hoàng hậu Nandā nữa,
Công chúa và hoàng tử cả nhà!
Vì việc kia đã được mật bàn,
Giữa ta và chính Vedeha.

748. Giống như tấm chắn bằng da thuộc,
Dày một trăm tầng được khéo làm,
Bởi các thợ da, là vật dụng,
Để phòng tên nọ bắn xuyên ngang.

749. Ta mang hạnh phúc tránh đau buồn,
Cho Chúa Vedeha vẻ vang,
Ta thoát âm mưu ngài dự tính,
Như khiên tránh khỏi mũi tên đâm.

Nghe thế, vua nghĩ thầm: "Tên nông dân này nói gì thế, nếu ta làm gì gã thì Vua Vedeha cũng sẽ làm thế cho gia quyến ta ư? Gã chẳng biết ta đã cho canh phòng thê tử ta rất cẩn mật nên cứ dọa ta như thế vì sợ chết ngay đây, ta không tin lời gã nói đâu." Bậc Đại sĩ đoán biết rằng vua tưởng ngài nói thế vì sợ chết nên ngài quyết định giải thích rõ. Ngài nói:

750. Đại vương xin hãy bước vào trong,
Các nội cung đều đã trống không,
Hoàng hậu, hoàng nhi cùng thái hậu,
Thảy đều được dẫn xuống đường hầm,
Chiến vương hỡi, họ được giao phó,
Vedeha giám sát hộ phòng!

Lúc ấy, vua nghĩ thầm: "Bậc Trí giả này nói có vẻ chắc chắn, ta đã nghe đêm qua bên sông Hằng có giọng của Hoàng hậu Nandā, bậc Trí giả này thật là tài tình, chắc đang nói sự thật đây." Vua thốt nhiên đau khổ ghê gớm, nhưng cố thu hết can đảm giấu nỗi buồn phiền, phán bảo thị vệ đi điều tra tin tức và ngâm bài kệ này:

751. Mau bước vào trong các nội cung,
Xem lời tên nọ đúng hay không?

Tên thị giả cùng quân hầu đi ra mở cửa cung bước vào, ở đó toàn kẻ tay chân bị trói, nhét giẻ vào mồm, treo trên cọc. Gã thấy quân canh hậu cung, những tên lùn, gù lưng đều bị như thế, chén bát đổ vỡ vung vãi khắp nơi cùng với thức ăn uống, cửa kho tàng đều bị mở tung, kho đã bị cướp phá sạch, các phòng ngủ mở toang cửa, bầy quạ bay qua cửa sổ mở vào trong chẳng khác nào một làng bỏ hoang hay bãi tha ma.

Gã thấy cung điện trong cảnh tiêu điều ấy liền báo tin cho vua:

752. Mahosadha đúng, Minh quân,
Nội điện hoàng cung đã trống không,
Như một làng bên bờ bến nước,
Được bầy quạ trú ẩn nương thân.

Vua run rẩy, buồn rầu sợ mất những người thân yêu liền nói:

– Ta gặp nỗi đau buồn này cũng do gã nông dân kia.

Rồi giống như con rắn bị đánh một gậy, ông hết sức phẫn nộ với Bồ-tát. Khi bậc Đại sĩ thấy dáng điệu của vua như vậy, ngài nghĩ thầm: "Nhà vua này đang được đại vinh hiển, nếu trong cơn thịnh nộ liền nói: 'Ta phải làm gì trước những việc như thế?' Vì lòng kiêu mạn của chiến sĩ, vua ấy có thể làm hại ta. Giả sử ta tả sắc đẹp của Hoàng hậu Nandā cho vua nghe, làm như thể ông chưa từng gặp được hoàng hậu, ông sẽ thương nhớ bà và hiểu rằng ông sẽ không bao giờ thấy lại được nữ báu ấy nếu giết ta đi. Như vậy, vì thương yêu hoàng hậu, vua sẽ không làm hại ta nữa."

Như được đứng trên thượng lầu để giữ mình được an toàn, ngài khoát cánh tay sắc vàng óng từ dưới vạt hồng y của ngài lên và chỉ về hướng hoàng hậu đã ra đi, ngài tả dung sắc của hoàng hậu như vầy:

753. Giai nhân có sắc đẹp toàn thân,
Đã bước lối này, hỡi Đại vương,
Giọng nói bà thiên nga trỗi nhạc,
Mông đầy tựa tấm kosambha (gỗ dấu dầu).

754. Giai nhân có sắc đẹp toàn thân,
Được dẫn lối này, hỡi Đại vương,
Đã khoác y hoàng kim lụa sẫm,
Đai lưng sáng rực kết vàng ròng.

755. Đôi chân hồng đỏ trông kiều diễm,
Đai kết vàng ròng với bảo trân,
Đôi mắt bồ câu, hình yểu điệu,
Đôi môi như trái bimba rừng.

756. Lưng eo thon nhỏ, dáng cao sang,
Như một cây leo giống cát đằng,
Hoặc cột trụ vàng cao, giữa hẹp,
Tóc dài đen nhánh, dưới cong cong.

757. Như nai tơ thuộc dòng cao quý,
Như ngọn lửa hồng giữa tiết đông,
Sông ẩn mình bên sườn núi đá,
Trong tre rừng, bé nhỏ xanh non.

758. Tuyệt sắc giai nhân hoàn hảo quá,
Ngực đầy như trái tinduka (cườm thị),
Cũng không ngắn quá, không dài quá,
Cũng chẳng nhiều lông, chẳng trụi lông.

Trong lúc bậc Đại sĩ ca tụng dung sắc diễm kiều của bà như vậy, vua cảm thấy như thể mình chưa gặp bà bao giờ cả, một tình yêu thương mãnh liệt khởi lên trong lòng ông. Bậc Đại sĩ nhận thấy thế, lại ngâm kệ sau:

759. Vậy ngài, Đại đế vinh quang,
Thấy Nandā chết, hân hoan trong lòng,
Thì Nandā sẽ cùng thần,
Đến trình diện trước Diêm vương bây giờ!

Bậc Đại sĩ ca tụng Hoàng hậu Nandā như vậy, chứ không ca tụng ba người kia, lý do là người ta không thương yêu ai bằng ái thê của mình. Ngài chỉ ca tụng bà, vì ngài nghĩ nếu vua nhớ đến bà, ông cũng sẽ nhớ đến mẫu hậu hoặc các con. Trong lúc bậc Đại sĩ đầy trí tuệ ca tụng bà bằng giọng ngọt như mật, Hoàng hậu Nandā như thể hiển hiện toàn thân ra trước mắt vua. Lúc ấy, ông nghĩ thầm: "Không ai ngoài Mahosadha có thể đem Ái hậu về cho ta." Nhớ đến bà, nỗi đau buồn lại dâng lên trong lòng ông. Bậc Đại sĩ nói:

– Tâu Đại vương, xin đừng sầu khổ, hoàng hậu, hoàng tử và thái hậu sẽ trở về đây với điều kiện duy nhất là thần được trở về trước, xin Đại vương hãy an lòng!

Ngài trấn an vua, và vua nói:

– Ta canh phòng kinh thành của ta thật cẩn mật, ta đã bao vây thành Upakāri này với đoàn quân sĩ thật đông đảo, thế mà kẻ tài trí này vẫn đem ra khỏi thành được canh giữ kỹ kia toàn thể hoàng hậu, công chúa, hoàng tử, thái hậu và đưa họ đến thành của Vua Vedeha. Trong lúc ta đang vây hãm thành này mà không một ai hay biết kẻ này lại đưa Vua Vedeha thoát đi cùng quân sĩ

và voi ngựa chuyên chở. Có thể rằng kẻ này có thần thông hay là có cách làm mờ mắt ta chăng?

Và ông hỏi ngài như sau:

760. Nhà ngươi có pháp thuật ư,
Hay là ngươi đã làm mờ mắt ta,
Nên ngươi cứu Vedeha,
Kẻ thù ta thoát tay ta giam cầm?

Nghe thế, bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Đại vương, tiểu thần có thần thông biến hóa, vì các trí giả học được phép thần thông sẽ giải cứu luôn bản thân cùng các người khác khi tai họa đến.

761. Tâu Đại vương, các Trí nhân,
Vẫn thường học phép thần thông ở đời,
Trí nhân đầy đủ kế tài,
Bản thân giải thoát ra ngoài gian lao.

762. Tiểu thần có các quân hầu,
Khéo tài phá vỡ các hào lũy ra,
Họ làm cách ấy giúp vua,
Vedeha đến Mithilā thành.

Câu này ám chỉ vua kia đã ra đi bằng đường hầm được trang hoàng như trên, vì thế vua hỏi:

– Đường hầm ấy ra sao?

Và vua muốn xem nó. Bậc Đại sĩ thấy vẻ mặt vua, biết rằng đây là chuyện vua muốn biết nên ngài sẵn sàng chỉ nó cho vua xem:

763. Đường hầm xây thật tài tình,
Ngự du, xin hãy thân hành, Đại vương!
Hầm to đủ chứa voi đàn,
Đoàn xe, bầy ngựa, hàng hàng lục quân,
Bên trong đèn thắp sáng trưng,
Một đường hầm quả kỳ công thực là!

Rồi ngài tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, xin ngự lãm đường hầm do trí tuệ thần xây dựng nên, sáng ngời như thể đôi vầng nhật nguyệt mọc lên trong đó, được trang hoàng thật lộng lẫy với tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, một trăm lẻ một loan phòng, hằng trăm ổ đèn. Xin Đại vương hoan hỷ ngự giá cùng tiểu thần và quân cận vệ đi vào kinh thành Upakāri!

Nói xong, ngài bảo mở toang cổng thành và vua cùng một trăm lẻ một vị vương hầu ngự vào. Bậc Đại sĩ bước xuống khỏi thượng lầu, triều bái vua và đưa ngài cùng đoàn tùy tùng vào trong đường hầm. Khi vua thấy đường hầm đẹp như kinh thành được trang hoàng của chư thiên, vua liền ca tụng Bồ-tát:

764. Lợi thay Chúa Vedeha,
Có nhiều người trí trong nhà như khanh,
Hoặc trong đất nước của mình,
Mahosadha thông minh tuyệt trần!

Sau đó, bậc Đại sĩ chỉ cho vua thấy một trăm lẻ một loan phòng, hễ mở một cửa thì tất cả đều mở và một cửa đóng thì tất cả đều đóng lại. Vua bước vào trước, chiêm ngưỡng đường hầm, bậc Đại sĩ theo sau, rồi tất cả quân sĩ đều vào trong hầm. Nhưng khi bậc Trí giả biết vua đã ra khỏi đường hầm, ngài liền ngăn đám người kia bước ra bằng cách đi đến một nút bấm và đóng cửa hầm lại. Thế là tám mươi cửa lớn và sáu mươi bốn cửa nhỏ, các cửa của cả trăm lẻ một loan phòng và cửa của hàng trăm ổ đèn đều đóng chặt lại, toàn thể đường hầm tối đen như địa ngục. Tất cả đám người đông đảo ấy đều kinh hoàng.

Bấy giờ, bậc Đại sĩ tuốt kiếm ra, cây kiếm mà ngài đã giấu dưới cát hôm qua khi ngài vào đường hầm. Từ dưới đất, ngài phóng mình lên không chừng mười tám *cubit*[47] rồi hạ xuống chụp lấy cánh tay của vua, vung kiếm ra và thét lên hăm dọa:

– Này Đại vương, tất cả vương quốc ở cõi Diêm-phù-đề thuộc về ai?

– Thưa bậc Trí giả, của khanh tất cả, xin tha mạng trẫm!

Ngài đáp:

– Xin Đại vương chớ sợ, thần không có ý gì lấy kiếm ra sát hại Đại vương đâu mà chỉ để bày tỏ trí khôn của thần đó thôi.

Rồi ngài trao kiếm cho vua, khi vua đã cầm kiếm xong, ngài lại nói:

– Tâu Đại vương, nếu ngài muốn giết thần xin hãy lấy kiếm này giết đi, còn nếu muốn tha cho thần, xin hãy tha cho!

Vua đáp:

– Này bậc Trí giả đừng sợ, trẫm hứa bảo toàn tánh mạng của khanh.

Thế là khi vua giơ kiếm lên, cả hai đều kết tình bằng hữu rất chân thật. Rồi vua bảo Bồ-tát:

– Này bậc Trí giả, hiền khanh thật nhiều tài trí, tại sao khanh không chiếm lấy vương quốc này?

– Tâu Đại vương, nếu thần muốn, chỉ nội hôm nay thần có thể thu trọn tất cả vương quốc ở cõi Diêm-phù-đề này và giết hại tất cả vị vua, nhưng một Hiền nhân không đạt vinh quang bằng cách giết hại kẻ khác.

– Này bậc Trí giả, đám đông đang khổ sở vì không đi ra được, vậy khanh hãy mở cửa đường hầm và tha mạng cho hết thảy.

Ngài mở cửa, cả đường hầm sáng lòa, mọi người đều bình tâm trở lại, vua

---

[47] 18 *cubit* tức khoảng 8m.

chúa cùng các đoàn tùy tùng bước ra đến gần bậc Trí giả đang đứng giữa sân chầu rộng lớn với vua, rồi các vua này bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ngài đã tha mạng cho tất cả chúng ta, nếu cửa đường hầm đóng lâu hơn chốc nữa, chắc cả đám chết hết rồi.

– Tâu các vị Chúa công, đây không phải lần đầu tiên các ngài được thần cứu giá đâu.

– Thế thì khi nào nữa, thưa bậc Trí giả?

– Các ngài còn nhớ khi tất cả vương quốc ở cõi Diêm-phù-đề đều bị chinh phục trừ kinh thành của tiểu thần và khi các vị đến thành Uttarapañcāla sẵn sàng nâng chén khải hoàn trong vườn thượng uyển chăng?

– Thưa bậc Trí giả, còn nhớ.

– Lúc ấy, chính vua này cùng lão Kevaṭṭa đã dùng độc kế đầu độc thức ăn, thức uống và mưu toan sát hại các vị, nhưng tiểu thần lại không muốn để các vị chịu một cái chết ngu si như vậy trước mắt thần nên thần cho người vào đánh vỡ hết chén bát nồi niêu, phá hỏng kế hoạch của họ, cứu mạng các vị đấy!

Các vua đều kinh hãi hỏi lại Vua Cūḷani:

– Tâu Đại vương, có thật vậy chăng?

– Thật vậy, các việc ta làm đều do lời bàn của Kevaṭṭa. Bậc Trí giả nói đúng thật đấy.

Thế là các vua đều ôm lấy bậc Đại sĩ và bảo:

– Thưa bậc Trí giả, ngài là vị cứu tinh của chúng ta, ngài đã giải cứu chúng ta.

Các vua ấy ban tặng vật trang sức cho ngài để tỏ lòng quý trọng.

Bậc Đại sĩ nói với Vua Cūḷani:

– Xin Đại vương chớ sợ, lỗi lầm này do kết giao với một kẻ ác! Xin Đại vương yêu cầu các vua kia lượng thứ cho!

Vua bảo:

– Ta đã làm như vậy vì một kẻ ác, đó là lỗi lầm của ta, xin các vị hãy khoan dung, ta không bao giờ tái phạm điều ấy nữa!

Vua này liền được các vua kia tha thứ, tất cả đều thú tội cho nhau nghe và trở thành thân hữu. Sau đó, vua truyền đem đến đủ thứ sơn hào hải vị, hương thơm, tràng hoa và suốt bảy ngày liền, họ liên hoan trong đường hầm, rồi vào kinh thành ban đại vinh hiển cho bậc Đại sĩ. Vua ngự trên ngai vàng, có cả một trăm lẻ một vị vương hầu vây quanh. Và ước mong giữ bậc Trí giả ở lại triều đình này, vua liền bảo:

765. Trẫm ban thế lực vinh quang,
Gấp đôi thực phẩm tiền lương công thần,
Và thêm nhiều thứ đặc ân,
Mong khanh hưởng thụ toàn phần tự do,

Đừng về với Vedeha,
Vua kia làm được gì cho khanh à?

Nhưng bậc Trí giả tìm lời lẽ chối từ:

766-67. Đại vương, rời bỏ chủ ta,
Chỉ vì lợi lộc thật là nhục thay,
Cho người kia lẫn ta đây,
Trong đời Vedeha này trị dân,
Thần không hầu hạ tha nhân,
Thần không thể sống giang sơn người ngoài.

Lúc ấy, vua bảo ngài:

– Này bậc Trí giả, được rồi, khi nào Đại vương của khanh lên chầu trời, xin hiền khanh hãy hứa đến đây với trẫm!

– Tâu Đại vương, nếu thần còn sống, thần xin đến đây.

Thế là vua tiếp đãi ngài trọng thể trong bảy ngày. Sau đó, khi ngài tạ từ, vua ngâm kệ hứa hẹn ban tặng ngài thứ nọ thứ kia:

768. Ban khanh ngàn nén vàng thoi,
Ở Kāsi đủ tám mươi ngôi làng,
Bốn trăm tỳ nữ gia nhân,
Một trăm thê thiếp, trẫm ban trọn phần,
Rồi đem tất cả đoàn quân,
Mahosadha lên đường bình an!

– Khi đức vua của thần trở về bổn quốc, thần có tâu ngài phải tiếp đãi Mẫu hậu Nandā như mẹ ngài, Hoàng tử Pañcālacaṇḍa như vương đệ của ngài và thần đã kết duyên công chúa cho ngài bằng nghi lễ rảy nước thánh. Chẳng bao lâu nữa thần xin đưa thái hậu cùng hoàng hậu, hoàng tử trở về.

– Tốt lắm!

Vua phán truyền ban hồi môn cho công chúa cùng thị vệ, nữ tỳ, xiêm y, nữ trang, ngọc vàng trân bảo, voi ngựa, vương xa trang hoàng rực rỡ. Rồi vua ra lệnh cho quân sĩ thi hành:

769. Hãy cho bầy ngựa, voi đàn,
Gấp đôi số thực phẩm ban ngày,
Toàn quân mở tiệc liên hoan,
Quản xa, lính bộ uống ăn thỏa lòng!

Nói vậy xong, vua truyền bậc Trí giả ra về với những lời này:

770. Lên đường, hỡi bậc Trí nhân,
Đoàn xe, voi ngựa, lục quân ra về,
Để cho Chúa Vedeha,
Thấy khanh trở lại Mithilā thành.

Vua tiễn đưa bậc Trí giả vô cùng trọng thể như thế. Cả một trăm lẻ một vị vương hầu cùng đưa tiễn ngài linh đình và trao quà tặng vô số.

Các thám tử theo phụng sự các vương hầu kia cũng đến vây quanh bậc Trí giả. Ngài rầm rộ lên đường, trên lộ trình ngài gửi người hầu đi thu lợi tức ở các ngôi làng mà Vua Cūḷani đã ban cho ngài rồi ngài trở về vương quốc Videha.

Bấy giờ, Senaka đã phái một người hầu lên đường để rình xem Vua Cūḷani có đến hay không và phi báo cho lão biết bất kỳ ai đến. Gã kia trông thấy bậc Đại sĩ cách ba do-tuần liền trở về báo cho lão biết bậc Trí giả đang cùng đoàn tùy tùng đông đảo rầm rộ trở về. Được tin ấy, lão liền đến hoàng cung. Vua cũng nhìn ra cửa sổ trên thượng lầu thấy một đám đông rầm rộ thì đâm hoảng sợ: "Đoàn tùy tùng của Trí giả Mahosadha ít lắm, còn đám này lại quá đông, phải chăng đích thân Vua Cūḷani đến đây?" Ngài liền hỏi như sau:

771. Ngựa voi, xe pháo, bộ binh,
Đạo quân rầm rộ hiện hình trước ta,
Bốn đoàn khủng khiếp lộ ra,
Việc này có ý nghĩa là sao đây?

Senaka đáp:

772. Hân hoan lớn nhất đời này,
Đại vương còn thấy vui vầy nào hơn?
Mahosadha bình an,
Trở về cùng cả đoàn quân của ngài.

Vua bảo:

– Này Senaka, quân sĩ của bậc Trí giả ít lắm mà đám này lại quá đông?

– Tâu Đại vương, ắt hẳn Vua Cūḷani đẹp ý vì ngài ấy lắm nên đã ban cho ngài ấy đoàn tùy tùng đông như vậy.

Vua liền cho lệnh truyền đi khắp nơi trong kinh thành bằng tiếng trống:

– Cả kinh thành hãy trang hoàng để nghênh đón bậc Trí giả trở về!

Dân chúng tuân lệnh, bậc Trí giả về thành liền vào cung vua. Lúc ấy, vua đứng dậy ôm hôn ngài rồi lui về ngai và hoan hỷ bảo ngài:

773-74. Giống như có bốn người trai,
Quăng thi thể nọ ở ngoài nghĩa trang,
Chúng ta để bậc Trí nhân,
Tại Kampilla ấy, nhanh chân trở về,
Nhưng khanh có đặc tính gì,
Lập mưu, phương tiện, cứu nguy an toàn?

Bậc Đại sĩ đáp:

775. Vedeha, tấu Đại vương,
Thần nhờ một đích phá tan địch thù,
Dùng quân cơ thắng quân cơ,

Và thần vây hãm vị vua đại cường,
Như là biển lớn, chiến vương,
Bao vây khắp cả giang sơn Diêm-phù.

Nghe thế vua rất đẹp lòng. Rồi bậc Đại sĩ kể cho vua nghe những tặng vật mà Vua Cūḷani đã ban:

776. Được ban ngàn nén vàng thoi,
Ở Kāsi đủ tám mươi ngôi làng,
Bốn trăm tỳ nữ gia nhân,
Một trăm thê thiếp được ban cho thần,
Rồi cùng tất cả đoàn quân,
Tiểu thần trở lại quê hương an toàn.

Lúc ấy, vua hết sức vui mừng, hoan hỷ thốt lời ca ngợi tán thán đầy cung kính trước tài đức của bậc Đại sĩ:

777. Thật là hạnh phúc muôn vàn,
Khi ta được sống cùng hàng Trí nhân,
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như cá thoát lưới lòng càng vui thay,
Mahosadha giải vây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Senaka đáp lại như sau:

778. Muôn tâu Chúa thượng, chúng ta,
Sống cùng bậc Trí thật là lạc quan,
Như chim thoát khỏi lồng giam,
Như con cá thoát lưới càng vui thay,
Mahosadha giải vây,
Khi ta còn ở trong tay quân thù.

Sau đó, vua cho trống hội đánh khắp kinh thành:

– Hãy làm hội hè trong bảy ngày, những kẻ nào có thiện ý với trẫm thì hãy phụng sự cung kính bậc Trí giả!

779. Hãy trỗi lên đi mọi sáo đàn,
Cùng bao trống lớn, nhỏ, rền vang,
Thổi tù và xứ Magadha,
Thêm trống định âm, tấu nhịp nhàng!

Dân chúng từ thành thị đến thôn quê đều ước ao tỏ lòng tôn kính bậc Đại sĩ, khi nghe công bố như vậy liền mở hội liên hoan cho thỏa thích.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

780. Công nương, hoàng tử mọi nhà,
Thương gia cùng vợ, các Bà-la-môn,

Đem đầy đủ thức uống ăn,
Đến dâng lên bậc Trí nhân làm quà.

781-83. Quản tượng, vệ sĩ, quản xa,
Bộ binh, tất cả đem quà đến dâng,
Toàn dân làng xã hợp quần,
Người người vui thấy Trí nhân khải hoàn,
Trong khi tiếp đón chào mừng,
Trên không phất phới khăn quàng vẫy tung.

Khi tan hội hè, bậc Đại sĩ vào cung và thưa:

– Tâu Đại vương, mẫu hậu, hoàng hậu và hoàng nam của Vua Cūḷani phải được đưa về nước ngay lập tức.

– Vương nhi, tốt lắm, con hãy đưa họ trở về!

Ngài liền cư xử rất cung kính với ba người kia và tiếp đãi ân cần những tùy tùng đã đi theo ngài. Rồi ngài đưa ba vị ấy về nước với đầy đủ đoàn hầu cận của ngài cùng một trăm thê thiếp và bốn trăm nữ tỳ mà vua kia đã ban cho ngài, ngài đều đưa về theo Hoàng hậu Nandā, và đoàn quân sĩ đã đến đây với ngài, ngài cũng cho về luôn.

Khi đoàn đại binh này đến thành Uttarapañcāla, vua hỏi mẫu hậu:

– Tâu Mẫu hậu, Vua Vedeha có tiếp đãi Mẫu hậu nồng nhiệt chăng?

– Này Hoàng nhi, con hỏi sao vậy? Ngài đã tiếp đãi ta vinh dự chẳng khác nào đón tiên nữ trên trời.

Rồi bà lại kể Hoàng hậu Nandā được tiếp đãi như bà mẹ ra sao và Pañcālacaṇḍa như một vương đệ thế nào. Việc này khiến vua rất hài lòng và truyền gửi nhiều tặng vật rất hậu hĩ. Từ đó, hai nước sống trong tình thân hữu mật thiết.

Chấm dứt phần *Đường hầm vĩ đại*.

XVIII. THỦY THẦN

Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Pañcālacaṇḍī rất được vua xứ Videha yêu quý. Năm sau nàng hạ sinh được một vương tử. Mười năm sau, Vua Vedeha từ trần. Bồ-tát giương chiếc lọng hoàng gia lên cho vương tử rồi xin giã từ ra về để đi đến với tổ phụ của vương tử là Vua Cūḷani. Vương tử bảo:

– Thưa bậc Trí giả, xin đừng bỏ trẫm lúc còn thơ ấu, trẫm sẽ tôn trọng ngài như cha trẫm vậy!

Hoàng hậu Pañcālacaṇḍī lại bảo:

– Thưa bậc Trí giả, xin đừng đi, không có ai bảo vệ mẹ con ta nếu ngài ra đi!

Nhưng ngài đáp:

– Thần đã hứa lời với vua của thần, vậy thần phải ra đi.

Thế là giữa đám đông kêu than thảm thiết, ngài ra đi cùng những người hầu cận đến thành Uttarapañcāla. Vua này hay tin ngài đến liền ra đón tiếp, đưa ngài vào thành rất trọng thể, ban cho ngài dinh cơ rộng lớn, ngoài tám mươi làng đã ban trước kia, lại ban thêm tặng vật khác và từ đó ngài phụng sự vua này.

Thời ấy, có một nữ tu sĩ tên là Bherī vẫn thường dùng cơm trong cung. Bà này thông thái tài trí và chưa hề tiếp kiến bậc Đại sĩ, nay nghe báo tin bậc Trí giả Mahosadha đang phụng sự vua. Ngài cũng chưa hề thấy bà bao giờ cả, nhưng ngài nghe rằng một nữ tu sĩ tên là Bherī thường ăn cơm cùng vua.

Lúc bấy giờ, Hoàng hậu Nandā không hài lòng Bồ-tát vì ngài đã làm bà mất tình yêu của vua khiến bà sinh lòng phiền muộn nên bà cho gọi năm tỳ nữ thân tín đến và dặn:

– Các ngươi rình tìm cho được lỗi lầm của bậc Trí giả, rồi ta cố làm cho gã bị thất sủng.

Thế là họ đi tìm cơ hội chống phá ngài. Một hôm, vị nữ tu sĩ ấy sau buổi ăn, đang đi ra ngoài thì gặp Bồ-tát trên sân chầu đến yết kiến vua. Ngài vái chào bà rồi đứng yên. Bà nghĩ thầm: "Họ bảo đây là một trí giả, vậy ta thử xem ngài có thật là một trí giả hay không." Bà liền hỏi ngài bằng cách ra dấu nắm tay lại rồi bà nhìn về phía Bồ-tát và mở bàn tay ra. Ý bà muốn hỏi vua có ân cần chu đáo với bậc Trí giả mà vua đã đưa về từ ngoại quốc chăng. Khi Bồ-tát thấy bà hỏi ngài bằng cách ra dấu, ngài đáp bằng cách nắm tay lại, ý ngài muốn nói: "Thưa hiền tỷ, nhà vua đem ta về đây để làm tròn một lời hứa, nay ngài nắm chặt tay lại, chẳng cho ta gì cả." Bà hiểu ý, giơ tay ra xoa đầu như muốn nói: "Hiền giả, nếu ngài không toại ý, cớ sao ngài không đi làm tu sĩ như ta." Thấy thế, bậc Đại sĩ vỗ bụng như muốn bảo: "Hiền tỷ, ta còn phải cấp dưỡng nhiều người nên ta chưa làm tu sĩ được." Sau lần chất vấn không lời ấy, bà trở về nơi ẩn cư. Bậc Đại sĩ chào bà và đến yết kiến vua.

Lúc bấy giờ, các kẻ tâm phúc của Hoàng hậu Nandā thấy rõ cảnh trên từ cửa sổ nên đến trình vua:

– Tâu Hoàng thượng, ngài Mahosadha đang âm mưu với nữ tu sĩ Bherī để chiếm vương quốc này, đó chính là kẻ thù của ngài.

Rồi họ vu khống cho ngài. Vua hỏi:

– Các ngươi đã nghe thấy gì?

Họ đáp:

– Tâu Hoàng thượng, khi nữ tu sĩ ra về sau buổi ăn, thấy bậc Đại sĩ, bà mở bàn tay ra như muốn bảo: "Ngài không thể đè bẹp nhà vua như lòng bàn tay này hay cái sàn đập lúa rồi chiếm lấy vương quốc này cho ngài sao?" Và ngài Mahosadha nắm tay lại như thể cầm thanh kiếm và bảo: "Vài ngày nữa ta sẽ chém đầu vua và cầm quyền." Bà ra dấu: "Hãy chém đầu vua!", bằng cách lấy tay xoa đầu. Bậc Đại sĩ lại ra dấu: "Ta sẽ chặt vua làm đôi!", bằng cách xoa bụng. Xin Hoàng thượng hãy đề phòng, phải giết Mahosadha ngay mới được!

Vua nghe vậy, nghĩ thầm: "Ta không thể làm hại bậc Trí giả được, ta phải hỏi lại nữ tu sĩ kia." Vì thế ngày hôm sau, lúc bà đang dùng cơm, vua liền đến hỏi:

– Này, hiền tỷ có gặp Trí giả Mahosadha chăng?

– Tâu Đại vương, hôm qua sau khi dùng cơm xong, thần có gặp.

– Thế các vị có đàm luận gì với nhau chăng?

– Đàm luận ư? Thưa không, nhưng vì thần nghe nói về tài trí của ngài nên để thử tài ngài, thần đã ra dấu hỏi ngài bằng cách nắm tay lại, xem thử đức vua có rộng rãi hay hẹp hòi đối với ngài, đức vua có ân cần đối với ngài chăng? Ngài nắm tay lại, ám chỉ rằng đức vua đã bảo ngài đến đây để làm tròn một lời hứa, nay chẳng ban cho ngài gì cả. Sau đó, thần xoa đầu để hỏi tại sao ngài không xuất gia tu hành nếu ngài không toại ý. Ngài vỗ bụng muốn bảo là ngài còn phải cấp dưỡng nhiều người và nuôi họ ăn uống đầy đủ nên chưa xuất gia được.

– Thế Mahosadha có phải là bậc Trí giả chăng?

– Quả thật vậy, tâu Đại vương, khắp thế gian này chẳng có ai tài trí như ngài ấy cả.

Sau khi nghe bà tường thuật, vua cho bà lui ra. Sau khi bà đi về, bậc Trí giả vào chầu. Vua hỏi:

– Này bậc Trí giả, khanh đã gặp nữ tu sĩ Bherī chưa?

– Tâu Đại vương, thần gặp bà ấy hôm qua trên đường về, bà hỏi thần bằng cách ra dấu, thần trả lời bà ấy ngay.

Rồi ngài kể lại câu chuyện như bà ấy đã kể trước đây. Vua đẹp lòng, ngay hôm ấy phong cho ngài chức Đại tướng quân và giao một mình ngài đảm trách chức vụ ấy. Vinh quang của ngài thật lừng lẫy, chỉ đứng sau vua mà thôi.

Ngài nghĩ thầm: "Nhà vua bỗng dưng ban cho ta vinh quang tột bực lẫy lừng, đây là chuyện vua chúa thường làm ngay cả khi họ muốn sát hại ai. Để ta thử xem nhà vua có thiện ý với ta hay không. Không ai có thể làm việc này trừ nữ tu sĩ Bherī đầy tài trí ấy và bà ấy sẽ có cách."

Thế là ngài đem hương hoa đến thăm nữ tu sĩ, sau khi vái chào bà liền bảo:

– Thưa hiền tỷ, từ khi hiền tỷ khen ngợi tài năng của ta với đức vua, ngài liền ban tặng ta nhiều bảo vật, nhưng ngài có thực tâm không thì ta chưa rõ. Vậy nếu hiền tỷ chịu khó tìm hiểu giùm cho ta về tâm ý đức vua thì hay quá.

Bà hứa sẽ làm thế và hôm sau bà vào cung, bà chợt nghĩ đến câu chuyện thủy thần Dakarakkhasa. Lúc ấy, bà suy nghĩ: "Ta không nên làm như một thám tử, ta phải tìm cơ hội hỏi chuyện này xem đức vua có thiện ý với bậc Trí giả chăng?" Rồi bà đi vào, sau buổi ăn bà ngồi yên. Vua vái chào bà và ngồi sang một bên, bà nghĩ thầm: "Nếu đức vua có ác ý với bậc Trí giả và khi ngài được hỏi vấn đề kia, ngài bày tỏ ác ý của ngài trước mặt nhiều người, điều ấy không có lợi gì, vậy ta phải hỏi riêng mới được." Bà liền bảo:

– Tâu Hoàng thượng, thần ao ước được đàm luận riêng với ngài.

Vua liền bảo cận thần lui ra, bà nói:

– Thần mong muốn hỏi Hoàng thượng một điều.

– Hiền tỷ cứ hỏi, nếu ta biết, ta sẽ đáp ngay.

Bà liền đọc vần kệ thứ nhất về chuyện thủy thần Dakarakkhasa:

Bảy người thân của hoàng cung,
Ngự du trên chốn ngàn trùng đại dương,
Quỷ thần đòi hỏi tế đàn,
Khi vừa chụp lấy thuyền vàng của vua,
Những ai ngài sẽ đưa ra,
Dần theo thứ tự để mà cứu nguy?

Vua liền đáp kệ hết sức chân thành:

Trước tiên mẫu hậu tức thì,
Kế là Hoàng hậu chánh phi Nandā,
Tiếp theo tiểu đệ hoàng gia,
Thứ tư thân hữu, năm Bà-la-môn,
Chính ta thứ sáu bản thân,
Nhưng ta không hiến Trí nhân của mình!

Như thế, nữ tu sĩ đã thấy rõ thiện tâm của vua đối với bậc Đại sĩ, nhưng tài trí của ngài chưa được công bố cho mọi người rõ nên bà liền nghĩ đến một chuyện khác nữa: "Trước công chúng, ta sẽ ca ngợi tài đức của nhiều người khác và để đức vua tán dương tài trí của bậc Trí giả, như vậy tài trí của ngài sẽ sáng tỏ như mặt trăng trên trời." Bà liền tập hợp tất cả mọi người ở trong hậu cung, trước mặt họ, bà cũng hỏi câu trên và được đáp lại như thế, rồi bà nói:

– Tâu Hoàng thượng, ngài bảo sẽ đem thái hậu ra tế lễ trước tiên, nhưng một bà mẹ có thật nhiều công đức. Hơn nữa, thái hậu lại chẳng giống các bà mẹ khác, thái hậu thật đắc dụng.

Rồi bà kể công đức của thái hậu trong hai vần kệ sau:

Lệnh bà dưỡng dục sinh thành,
Bao năm tận tụy nhiệt tình với con,
Khi Chambhī hại hoàng nam,
Khôn ngoan bà thấy việc làm lợi vua,
Đem người thế chỗ vương gia,
Nên ngài đã được chính bà cứu nguy,
Mẹ cho đời sống từ bi,
Chính bà mang nặng hoàng nhi trong lòng,
Vì đâu là các lỗi lầm,
Ngài đem hiền mẫu hiến dâng thủy thần?

Nghe vậy, vua liền đáp:

– Mẫu hậu rất nhiều tài đức, trẫm thừa nhận mẫu hậu có nhiều công đức với trẫm nhưng lỗi lầm của bà còn nhiều hơn nữa.

Rồi vua tả các lỗi lầm của mẹ trong hai vần kệ:

Giống như thiếu nữ còn xuân,
Bà đeo các món bội hoàn nữ trang,
Mà bà già chẳng nên mang,
Phi thời bà chế nhạo quân canh phòng,
Lại thường gửi điệp địch vương,
Mà không được lệnh của hoàng gia đây,
Chính vì các lỗi lầm này,
Nên ta đem hiến bà ngay thủy thần!

– Tâu Hoàng thượng, đã đành vậy, nhưng hoàng hậu cũng có nhiều tài đức.

Và bà kể tài đức của hoàng hậu:

Lệnh bà đệ nhất hồng quần,
Cực kỳ diễm lệ, nói năng ân cần,
Tràn đầy đức hạnh, nhiệt tâm,
Kề bên hoàng hậu uyên ương bóng hình,
Chẳng hề giận dỗi bất bình,
Khôn ngoan, thận trọng, chân thành lợi vua,
Vậy vì lầm lỗi đâu mà,
Ngài đem hoàng hậu hiến dâng thủy thần?

Vua liền kể các lỗi lầm của bà:

Nhờ bao vẻ đẹp mê hồn,
Bà hoàng đã khiến vương quân phục tòng,
Chịu nhiều ảnh hưởng bất nhân,
Và đòi những thứ bà không nên đòi,
Dành cho con của bà thôi,
Vì ta say đắm ban hoài đặc ân,
Ta ban những vật khó ban,
Về sau hối hận muôn vàn đắng cay,
Chính vì các lỗi lầm này,
Ta đem hoàng hậu tế ngay thủy thần!

Nữ tu sĩ đáp:

– Đã đành vậy, nhưng còn Hoàng đệ Tikhiṇamantī rất lợi ích cho Hoàng thượng. Vì lỗi gì ngài đem chàng cho thủy quái?

Và bà ngâm kệ:

Chàng đem phồn thịnh cho dân,
Khi ngài đang ở tha phương xứ người,
Chàng đưa Hoàng thượng tái hồi,

Chàng không hề bị cuốn lôi bạc vàng,
Anh hùng thiện xạ vô song,
Tikhiṇamantī tinh thông muôn phần,
Vậy đâu là các lỗi lầm,
Ngài đem hoàng đệ tế dâng thủy thần?

Vua kể lỗi lầm của chàng:

"Ta đem phồn thịnh cho dân,
Khi ngài đang ở tha phương xứ người,
Ta đưa hoàng thượng tái hồi,
Ta không hề bị cuốn lôi bạc vàng,
Ta là thiện xạ vô song,
Anh hùng vô địch tinh thông trí tài,
Ta tôn hoàng thượng lên ngôi."
Chàng suy nghĩ vậy, thế rồi về sau,
Chàng không đi đến cung chầu,
Như thường thuở trước chàng hầu bên ta,
Chính vì lầm lỗi kia mà,
Ta đem hoàng đệ tế dâng thủy tề!

Nữ tu sĩ bảo:

– Hoàng đệ nhiều lỗi lầm như thế, nhưng còn Hoàng tử Dhanusekha thương yêu ngài, rất tận tụy lại rất hữu ích.

Bà tả tài đức của chàng:

Ngài và Dhanusekha,
Cùng mang tên tộc Pañcāla mà,
Một đêm hai vị sinh ra,
Vừa là thân hữu vừa là đồng môn,
Suốt đời hầu cận minh quân,
Đồng cam cộng khổ vui buồn bên nhau.
Nhiệt tình, thận trọng bấy lâu,
Hết lòng phục vụ kể đâu đêm ngày,
Vậy thì lầm lỗi nào đây,
Ngài đem thân hữu tế ngay thủy thần?

Vua liền tả lỗi lầm của chàng:

Suốt đời, thưa nữ đạo nhân,
Chàng thường vui thú chung cùng bên ta,
Chính vì duyên cớ ấy mà,
Nay chàng hành động quá là tự do,
Nếu ta nói chuyện riêng tư,
Cùng hoàng hậu, cứ xông vô phi thời,

Mà không có lệnh ta đòi,
Cũng không thông báo cho người nào hay.

Nếu cho chàng một dịp may,
Làm điều bất kính, nhục đầy xấu xa,
Chính vì lầm lỗi ấy mà,
Ta đem thân hữu hiến cho thủy thần!

Nữ tu sĩ đáp:

– Lỗi lầm của chàng thật nhiều đấy, song còn vị tế sư rất hữu dụng cho Hoàng thượng.

Bà liền tả tài đức của vị này:

Tế sư quả thật tinh khôn,
Biết nhiều điềm triệu, thanh âm ở đời,
Chuyên môn đoán mộng vãng lai,
Am tường dấu hiệu đất trời, trăng sao,
Vậy thì do lỗi lầm nào,
Đại vương đem đạo sĩ trao thủy thần?

Vua giải thích lỗi lầm của vị ấy:

Dù ngay ở giữa quần thần,
Lão thường mở mắt trừng trừng nhìn ta,
Nên ta muốn hiến lão già,
Nhăn mày quỷ quái ấy cho thủy thần!

Lúc ấy, vị nữ tu sĩ nói:

– Tâu Hoàng thượng, ngài phán rằng ngài sẽ đem năm người này cho thủy quái và sẽ hy sinh thân mình cho bậc Trí giả Mahosadha mà không nghĩ gì đến ngai vàng vinh hiển của mình. Vậy Hoàng thượng thấy vị ấy có tài đức gì?

Và bà ngâm các vần kệ này:

Đại vương ở giữa triều thần,
Trong châu lục lớn, ngàn trùng biển xanh,
Thay vì thành lũy bao quanh,
Ngự trên đế quốc hùng anh đại cường,
Độc tôn Hoàng đế trần gian,
Thật là vĩ đại vinh quang vô vàn!

Nữ nhi một vạn sáu ngàn,
Điểm tô châu ngọc, nữ trang sáng ngời,
Giai nhân từ khắp mọi nơi,
Khác nào tiên nữ cao vời thiên cung.

Được dâng mọi thứ cần dùng,
Mọi điều ước nguyện cầu mong vẹn toàn,

Đại vương đã sống trường tồn,
Trong niềm hạnh phúc hân hoan tột cùng.
Đâu là duyên cớ nguyên nhân,
Hy sinh ngọc thể hộ phòng Trí nhân?

Nghe vậy, vua ngâm các vần kệ này ca tụng đức hạnh của bậc Trí giả:

Thưa bà, Trí giả đại thần,
Từ khi đến ở kế gần bên ta,
Ta không hề thấy bao giờ,
Con người khí phách tạo ra lỗi lầm,
Dù là một mảy cỏn con,
Nếu ta chết trước Trí nhân lúc nào,
Người đem hạnh phúc biết bao,
Cho đàn con cháu mai sau lâu dài,
Người thông minh mọi việc trên đời,
Dù là quá khứ, tương lai xa gần,
Người này không có lỗi lầm,
Ta không muốn tế thủy thần, quỷ ma.

Như vậy, chuyện tiền thân này đã đến hồi kết thúc tốt đẹp. Lúc ấy, vị nữ tu sĩ suy nghĩ: "Chuyện này vẫn chưa đủ để bày tỏ đức độ của bậc Trí giả, ta sẽ cho dân chúng khắp kinh thành biết rõ công đức của ngài như người ta rảy dầu thơm trên mặt biển." Thế là bà mời vua cùng bà đi xuống khỏi cung, soạn bảo tọa trên sân châu, mời vua ngự lên rồi triệu tập dân chúng lại, bà hỏi vua một lần nữa về chuyện thủy thần từ đầu, và khi vua trả lời như ở trên, bà liền bảo dân chúng:

Thần dân xứ Pañcāla,
Nghe lời này của Vua Cūḷani,
Bảo toàn bậc Trí giả kia,
Đức vua nào có kể chi mình vàng.
Cuộc đời của chính mẫu hoàng,
Em trai, hoàng hậu, thân bằng, bản thân,
Vua Pañcā thảy sẵn lòng,
Hy sinh tất cả hiến dâng thủy thần.
Diệu kỳ thay trí lực hùng,
Thông minh tài giỏi vô song như vầy,
Chỉ vì ích lợi đời này,
Cùng là hạnh phúc lâu dài đời sau!

Như vậy, bà đã đạt đỉnh cao trong sự chứng minh tài đức của bậc Đại sĩ, chẳng khác nào người ta đặt ngọn tháp cao chót vót lên một đống bảo vật.

Chấm dứt phần *Câu hỏi về thủy thần*.

***

Sau khi giảng xong pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải bây giờ Như Lai mới có đại trí mà trước đây Ta cũng đã có đại trí.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân: Uppalavaṇṇā là nữ tu sĩ Bherī, Suddhodana trước đây là người cha, Mahāmāyā là người mẹ, Bimbasundarī (tức Yasodharā) là Amarā, Ānanda là con két, Sāriputta là Cūḷani, Devadatta là Kevaṭṭa, Thullanandinī là Calākā, Sundarī là Pañcālacaṇḍī, Mallikā là chim nhồng, Ambaṭṭha là Kāminda, Poṭṭhapāda là Pukkusa, Pilotika là Devinda, Kassapa là Senaka, Maṅgalikā là Hoàng hậu Udumbarā và Lāḷudāyī là Vedeha, Mahosadha là Ta. Tiền thân này được hiểu như vậy.

§543. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ BHŪRIDATTA

(*Bhūridattajātaka*)[48] (*J.* VI. 157)

Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc Ngài trú tại thành Xá-vệ về việc các cư sĩ hành trì trai giới. Vào ngày trai giới, họ thức dậy thật sớm, phát nguyện hành trì giới luật, bố thí và sau khi thọ trai, họ đem hương hoa đến tinh xá Kỳ Viên, gặp thời thuyết pháp, họ đều ngồi xuống một bên nghe giảng.

Bậc Đạo sư đến tại pháp đường, ngồi xuống sàng tọa được trang hoàng dành cho Ngài xong liền quan sát hội chúng Tỳ-kheo. Lúc bấy giờ, đức Như Lai thường muốn đàm đạo với một vài vị này hay vị kia trong hội chúng khi bài thuyết giảng có liên quan đến họ. Vì thế, vào dịp này, Ngài biết rằng bài pháp thoại liên quan đến các bậc Đạo sư ngày xưa sắp được thuyết giảng cho các cư sĩ nên trong khi đàm đạo với họ, Ngài hỏi:

– Này các cư sĩ, các ông có hành trì trai giới chăng?

Khi các cư sĩ đồng thanh đáp có, Ngài bảo:

– Tốt lành thay! Này các cư sĩ, các ông đã làm rất tốt! Tuy nhiên, việc các ông có một vị Phật làm Đạo sư như Ta và hành trì trai giới thì không phải là chuyện lạ gì, vì các bậc Hiền trí ngày xưa chưa có bậc Đạo sư nào cũng đã từ bỏ mọi vinh quang của thế tục và giữ gìn ngày trai giới.

Nói xong, theo lời thỉnh cầu của các cư sĩ, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

I. THÁI TỬ BRAHMADATTA VÀ LONG NỮ

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì thành Ba-la-nại, ngài phong cho con trai làm phó vương. Nhưng khi ngài thấy thái tử đạt vinh quang lừng lẫy, ngài lại đâm ra hoài nghi một ngày kia thái tử sẽ chiếm trọn giang sơn. Vì thế, ngài bảo con:

---

[48] Xem *Cp.* 85, *Bhūridattacariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Bhūridatta*).

– Vương nhi hãy ra đi tìm chỗ cư trú nào mà thấy hợp ý trong lúc này, đến khi ta băng hà hãy về đây kế thừa vương nghiệp!

Thái tử vâng lệnh, giã từ vương phụ ra đi đến vùng núi Yamunā, dựng một cái chòi lá gần chỗ dòng sông giáp bờ biển và sống bằng rau quả qua ngày.

Lúc bấy giờ, có một long nữ dòng giống nāga ở dưới biển, mới mất chồng, lòng khao khát dục tình khi nhìn thấy các long nữ khác an vui cảnh chồng con nên bỏ lên địa giới, đi lang thang trên bờ biển, chợt thấy dấu chân của thái tử liền theo lối mòn đi đến chòi lá. Lúc ấy, thái tử đã đi ra ngoài kiếm trái cây. Long nữ bước vào chòi, thấy chiếc giường gỗ và đồ đạc trong chòi, nhủ thầm: "Đây là nơi cư trú của một ẩn sĩ, để ta thử xem vị này có thật là một vị chân tu không. Nếu vị đó là bậc chân tu, sống khắc kỷ, vị ấy sẽ không chịu nhận chiếc giường trang hoàng lộng lẫy của ta. Còn nếu đó là người với tâm tư mê đắm dục lạc, không phải là bậc chân tu tịnh tín thì vị đó sẽ nằm trên chiếc giường của ta rồi ta sẽ lấy vị đó làm chồng và ở lại đây."

Vì thế, long nữ vội trở về cõi của mình, góp nhặt hương hoa thần tiên, trang hoàng một sàng tọa toàn bằng hoa. Sau khi làm lễ cúng hương hoa, rắc phấn hương khắp chòi và trang hoàng cái chòi thật đẹp, nàng đi về cõi mình trú ngụ. Buổi chiều, khi thái tử trở về, chàng vào chòi thấy mọi vật như thế liền nói:

– Ai đã sắm sửa sàng tọa này?

Khi chàng ăn đủ loại trái cây xong, chàng lại kêu lên:

– Ôi, hoa thơm ngào ngạt, sàng tọa này êm ái quá!

Lòng chàng đầy hân hoan vì thật tâm chàng không phải là bậc chân tu khổ hạnh, chàng liền nằm xuống giường hoa và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, chàng thức dậy và cũng đi kiếm trái cây, chẳng nhớ quét dọn chòi lá. Vào lúc ấy, long nữ xuất hiện, thấy hoa héo úa liền hiểu ngay: "Kẻ này còn tham dục lạc, không phải là bậc chân tu, ta có thể bắt lấy được rồi." Thế là nàng lượm hết hoa cũ, đem hoa khác đến trải lên sàng tọa thật đẹp, trang hoàng cái chòi lá, rải hương hoa như trước trên thềm nhà rồi trở về cõi mình cư ngụ.

Thái tử lại ngủ một đêm nữa trên giường hoa và sáng hôm sau chàng tự nghĩ: "Ai đã trang hoàng chiếc chòi này?" Vì thế, chàng không đi hái trái nữa, đứng ẩn mình không xa túp lều. Long nữ thu lượm hoa xong đi đến lều của chàng. Thái tử chiêm ngưỡng dung nhan cực kỳ lộng lẫy của long nữ liền say mê nàng ngay và chàng lẳng lặng đi vào chòi trong khi nàng đang trang hoàng sàng tọa, và hỏi nàng là ai.

– Tâu đức ông, tiện thiếp là long nữ.

– Chẳng hay nàng đã có gia thất chưa?

– Tâu đức ông, trước đây tiện thiếp đã có gia thất, hiện giờ tiện thiếp là sương phụ không có chồng, chẳng hay chàng ở đâu?

– Ta là Thái tử Brahmadatta, con vua tại thành Ba-la-nại, nhưng còn nàng, tại sao lại đi phiêu bạt rời bỏ xứ sở của dòng giống nāga?

– Tâu đức ông, chỉ vì tiện thiếp trông thấy hạnh phúc của các nàng long nữ đã yên bề gia thất nên lòng chưa thỏa mãn về đường tình duyên đứt gánh, phải lang bạt đó đây tìm bóng tùng quân để nương tựa tấm thân bồ liễu.

– Ta cũng không phải là vị chân tu mà ta đến trú ngụ nơi đây chỉ vì cha ta đuổi ta đi. Vậy nếu nàng không chê ta, ta xin nguyện cùng nàng làm đôi vợ chồng sống hòa hợp ở nơi đây.

Tức thì long nữ bằng lòng và từ đó họ chung sống hòa hợp ở nơi ấy. Nhờ thần lực của long nữ, nàng biến hóa ra một ngôi nhà sang trọng có sàng tọa quý giá trong khuê phòng lộng lẫy. Từ đó, chàng không còn phải ăn hoa quả nữa mà được hưởng toàn cao lương mỹ vị của thần tiên. Sau một thời gian, nàng thụ thai và sinh được một con trai, họ đặt tên là Sāgara Brahmadatta. Khi ấu nhi đã chập chững biết đi, nàng lại hạ sinh được một con gái trên bờ biển nên được đặt tên là Samuddajā.

Lúc bấy giờ, một sơn nhân trú tại thành Ba-la-nại tình cờ đến nơi đây, gặp thái tử, chào hỏi xong thì nhận ra chàng nên sau khi ở lại đó vài ngày, gã nói:

– Tâu Thái tử, tiểu thần xin về thông báo với vương tộc biết ngài đang cư trú nơi đây.

Thế rồi gã ra về kinh thành. Lúc ấy, vua vừa băng hà, các đại thần làm lễ tang cho vua xong liền hội họp nhau lại sau đó bảy ngày, rồi họ quyết định:

– Đất nước không thể một ngày không có vua, nay chúng ta chẳng biết thái tử trú ngụ phương nào, còn sống hay chăng, để chúng ta đưa vương xa đến đón ngài về làm vua.

Vừa khi ấy, gã sơn nhân về thành, hay tin đó vội đến tìm các đại thần, báo cho họ biết trước khi đến đây, gã đã ở gần thái tử mấy ngày. Các đại thần rất trọng đãi gã rồi đi theo lời gã chỉ dẫn đến gặp thái tử. Sau khi chào hỏi thân tình xong, họ báo cho thái tử biết đức vua vừa băng hà và mời chàng về kế vị, chàng nghĩ thầm: "Ta muốn biết long nữ tính sao đây?" Chàng liền bảo vợ:

– Này hiền thê, vua cha ta vừa băng hà, các đại thần đã đến giương chiếc lọng hoàng gia lên cho ta, vậy đôi ta cùng đi về trị vì Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần, nàng sẽ thành chánh hậu trong số mười sáu ngàn cung phi ấy.

– Phu quân ôi, thiếp không thể nào đi theo chàng được.

– Tại sao vậy?

– Dòng giống của thiếp có thứ độc dược giết người và tánh khí lại dễ nóng giận vì chuyện không đâu, huống chi là việc hờn ghen trong cung cấm là chuyện hệ trọng, nếu thiếp gặp việc gì bất bình và chỉ cần đưa mắt giận dữ nhìn, tức thì tia mắt bắn ra như nắm trấu, vì thế thiếp không thể nào đi theo chàng được.

Ngày hôm sau, thái tử lại bảo nàng cùng đi, nàng đáp:

– Thiếp không thể nào đi được, nhưng các con của thiếp lại không phải thuộc nòi giống nāga, chúng là con của chàng, thuộc giống người, nếu chàng còn thương thiếp xin hãy chăm sóc lấy chúng! Nhưng vì chúng quen thói ở nước, rất yếu đuối, chúng sẽ chết nếu đi đường chịu dãi dầu nắng gió, vì vậy thiếp xin làm một con thuyền đổ nước vào để chúng chơi đùa trong nước và khi đến kinh thành, xin chàng cho lệnh đào một hồ nước cạnh hoàng cung cho chúng, như thế chúng mới khỏi khổ được.

Nói xong, nàng cung kính chào giã từ thái tử, đi vòng quanh chàng một cách kính cẩn, ôm các con vào lòng, hôn đầu chúng và giao con lại cho chàng, khóc lóc một hồi và biến đi về cảnh giới của nāga. Thái tử cũng nặng trĩu u sầu, giàn giụa nước mắt liền đến gặp các đại thần. Tức thì họ rảy nước thánh lên đầu chàng làm lễ phong vương và thưa:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương trở về thành.

Chàng ra lệnh cho họ đóng thuyền xong đặt lên xe và đổ nước vào:

– Hãy rảy hương hoa đủ màu sắc trên mặt nước vì các con ta tính ưa nước, thích vui đùa trong nước.

Các đại thần tuân lệnh. Khi tân vương về đến thành Ba-la-nại, ngài vào thấy kinh thành trang hoàng rực rỡ liền bước lên lầu an nghỉ, có mười sáu ngàn mỹ nữ ca múa vây quanh cùng các cận thần. Ngài cho mở đại yến trong bảy ngày xong, ra lệnh đào hồ nước cho các vương nhi để các vương nhi chơi đùa suốt ngày.

Nhưng một ngày kia, khi nước được dẫn vào hồ, một con rùa trôi vào theo, rồi không tìm thấy lối ra, nó lội trên mặt nước. Trong khi các vương nhi nô đùa, rùa hiện ra, thò đầu nhìn đám trẻ rồi lại lặn xuống nước. Đám trẻ thấy rùa, sợ hãi chạy đi báo với vua cha:

– Phụ vương ôi, một con dạ-xoa trong hồ làm chúng con sợ quá.

Vua ra lệnh bắt con rùa và một người thả lưới xuống bắt được rùa đem lại trình vua. Khi các vương nhi trông thấy rùa liền la to:

– Phụ vương ôi, nó là con quỷ.

Vì vua thương yêu con nên nổi giận với con rùa, ra lệnh cho quân hầu trừng trị nó. Một người bảo:

– Nó là quân thù của Đại vương, vậy phải bỏ nó vào cối mà giã nát ra thành cám.

Kẻ khác nói:

– Đem nấu nhừ ra mà ăn.

Kẻ khác nữa lại bảo:

– Đem nó nướng than đi.

Và kẻ khác nói:

– Bỏ nó vào nồi và đốt lò.

Nhưng có một đại thần rất sợ nước, bảo:

– Ném nó xuống vực xoáy của sông Yamunā, nó sẽ bị tiêu hủy hoàn toàn, không còn hình phạt nào nặng hơn nữa.

Rùa nghe thế liền rụt cổ lại bảo:

– Này hiền hữu, ta đã phạm tội gì khiến ông nói đến một hình phạt nặng nề như vậy dành cho ta? Các hình phạt kia ta còn chịu được, chứ hình phạt này thật vô cùng tàn bạo, xin ông đừng nhắc đến nữa.

Khi vua nghe được, ngài bảo:

– Phải hành hình nó như thế.

Và ngài ra lệnh ném nó vào vực xoáy của sông Yamunā, nơi đây nó tìm ra dòng nước đưa nó đến động nāga. Lúc bấy giờ, có vài tiểu long thuộc dòng vua rồng Dhataraṭṭha đang nô đùa trên dòng nước, thấy rùa liền bảo nhau:

– Bắt lấy tên tiểu nô kia!

Rùa nghĩ thầm: "Ta vừa thoát khỏi tay vua xứ Ba-la-nại lại rơi vào tay bọn quỷ nāga hung ác này, làm sao thoát được đây?" Nó liền nghĩ ra một kế, bịa ra một chuyện và bảo chúng:

– Tại sao các long tử thuộc dòng dõi triều đình Vua Dhataraṭṭha lại nói năng như vậy? Ta là linh quy tên Cittacūḷa, sứ giả của vua xứ Ba-la-nại đến yết kiến Vua Dhataraṭṭha, đức vua của ta muốn gả công chúa của ngài cho long vương Dhataraṭṭha, vậy hãy cho ta được bái yết ngài!

Chúng bằng lòng dẫn rùa đến, nhưng khi thấy rùa, vua không đẹp ý, bảo:

– Những kẻ có hình thù tồi tàn như vậy không thể nào làm sứ giả được.

Rùa nghe vậy liền đáp lại, nêu rõ các đức tính của nó cho vua biết:

– Tại sao Đại vương lại cần sứ giả cao như cây dừa làm gì? Hình dạng nhỏ bé hay cao lớn đâu có gì quan trọng? Điều quan trọng là khả năng hoàn thành sứ mạng được giao phó. Tâu Đại vương, vua của chúng thần có rất nhiều sứ giả. Con người thì làm việc trên đất liền, chim chóc thì làm việc trên không, tiểu thần thì ở dưới nước. Vì tiểu thần là kẻ được đức vua sủng ái tên gọi là Cittacūḷa, tiểu thần giữ một chức vụ đặc biệt, xin đừng nhạo báng tiểu thần.

Sau đó, Vua Dhataraṭṭha hỏi rùa tại sao được vua bảo đến đây, nó liền đáp:

– Đức vua của tiểu thần muốn bày tỏ tình thân hữu với mọi đức vua trên cõi Diêm-phù-đề và nay ngài muốn gả Công chúa Samuddajā để tỏ tình thân hữu với long vương Dhataraṭṭha, vậy xin Đại vương chớ chậm trễ, hãy lập tức gửi sứ giả đi cùng tiểu thần định ngày hôn lễ và đón công chúa về!

Vua rồng vô cùng đẹp ý, tán tụng rùa hết lời và ra lệnh cho bốn long tử cùng đi với rùa định ngày hôn lễ sau khi gặp vua kia rồi trở về xứ. Bốn chàng long tử cùng rùa từ giã động chúa rồng nāga. Rùa trông thấy một hồ sen giữa sông Yamunā và kinh thành Ba-la-nại nên muốn trốn đi liền bày kế nói:

– Này các long tử, đức vua cùng vương hậu, vương tử của ta đã thấy ta xuất hiện trên mặt nước khi ta đến cung vua nên các ngài bảo ta dâng lên vài hoa sen và củ sen, vậy ta phải đi hái đã. Các long tử hãy để ta đi một lát, hễ không thấy ta về thì cứ đi thẳng vào xin yết kiến đức vua, ta sẽ đến đó để gặp các chàng sau.

Họ tin lời để rùa ra đi, nó liền trốn biệt. Các chàng tiểu long không thấy rùa trở lại tưởng rằng nó đã đến chầu vua liền đi đến hoàng cung giả dạng các thanh niên. Đức vua tiếp đãi ân cần và hỏi họ từ đâu đến. Họ bảo:

– Tâu Chúa thượng, từ Dhataraṭṭha.

– Các công tử đến đây có việc gì chăng?

– Tâu Chúa thượng, chúng thần là sứ giả của long vương Dhataraṭṭha, xin kính chúc Chúa thượng ngọc thể an khang và đức vua của chúng thần xin kính tặng Chúa thượng bất cứ bảo vật nào Chúa thượng đẹp ý. Đức vua của chúng thần cũng cầu xin Chúa thượng gả Công chúa Samuddajā để làm vương hậu của ngài.

Rồi họ ngâm vần kệ thứ nhất để giải thích việc này:

784. Bất kỳ mọi bảo ngọc kim ngân,
Tích trữ trong cung điện chúng thần,
Đều của Đại vương, tùy thánh ý,
Xin trao công chúa đến long quân.

Vua nghe vậy liền đáp vần kệ thứ hai:

785. Từ trước chẳng hề có thế nhân,
Kết duyên con gái với long quân,
Sánh đôi vậy thật không tương xứng,
Sao trẫm nghĩ ra chuyện lạ lùng?

Các chàng tiểu long bảo:

– Nếu như việc kết giao với long vương Dhataraṭṭha không xứng đáng thì tại sao Chúa thượng lại sai sứ thần linh quy Cittacūḷa đến yết kiến Đại vương của chúng thần và ngỏ lời muốn gả Công chúa Samuddajā? Sau khi đã gửi sứ thần đi như vậy, Chúa thượng lại tỏ ra khinh mạn Đại vương của chúng thần. Nay chúng thần sẽ biết cách đối phó xứng đáng với thái độ khinh mạn ấy.

Nói xong, họ ngâm hai vần kệ để hăm dọa:

786. Ngài sẽ bỏ thân, hỡi Đại vương,
Ngài và đất nước nghĩa gì chăng?
Trước cơn thịnh nộ từ long chúa,
Vinh hiển thế nhân sẽ úa tàn.

787. Ngài kẻ yếu hèn, một thế nhân,
Phải suy tàn bởi tính kiêu căng,
Dám khinh Thái tử Yāmuna,
Con của Varuṇa Đại vương.

Vua liền đáp hai vần kệ:

788. Ta chẳng hề khinh bỉ Đại vương
Dhataraṭṭha hiển hách danh lừng,
Là vua bộ tộc nāga ấy,
Thừa hưởng vương quyền đúng lẽ chân.

789. Song dù ngài vĩ đại cao sang,
Sát-đế-ly dòng dõi xuất thân,
Chính thống Videha quý tộc,
Ngài đừng mơ tưởng đến công nương.

Mặc dầu các chàng tiểu long muốn giết vua ngay lập tức bằng một luồng khí độc, họ kịp suy nghĩ lại rằng họ được phái đi đến đây định ngày hôn lễ, cho nên giết vua rồi bỏ đi thì thật không phải lẽ, vì thế họ bảo:

– Chúng thần xin từ tạ để về tâu lại Đại vương của chúng thần rõ!

Rồi họ biến mất. Khi về, vua hỏi xem họ đã rước được công chúa chưa, họ giận dữ đáp:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương lại phái chúng thần đến đó mà chẳng có duyên cớ gì cả. Ví dụ Đại vương muốn giết chúng thần, xin giết ngay tại đây cho thỏa dạ. Vua nước ấy mạ lỵ, phỉ báng Đại vương, tôn con gái mình lên tột đỉnh và kiêu mạn về dòng dõi vương gia.

Cứ thế, họ thêu dệt thêm câu chuyện khiến vua nổi giận, ban lệnh họp quần thần binh lính lại, bảo:

790. Này Kambalassatarā,
Đứng lên báo cho chúng mãng xà,
Tiến đến Ba-la-nại khuấy động,
Song đừng làm hại trẻ hay già.

Các nāga hỏi:

– Nếu không cần phải hại ai cả thì chúng thần đến đó để làm gì?

Vua liền ngâm kệ bảo họ phải làm như sau:

791. Ở trên hồ nước, các hoàng thành,
Đường xá và trên các ngọn cành,
Trên các cung môn cần kết dải,
Đong đưa theo gió nhẹ, treo mình.

792. Mào trắng và thân trắng mãng xà,
Bao quanh thành thị của nhà vua,
Vòng vây ta xiết dần dần chặt,
Dân xứ Kāsi sẽ sợ ta.

Binh lính nāga tuân lệnh.

***

Bậc Đạo sư diễn tả quang cảnh xảy ra:

793. Nghe xong mệnh lệnh của long vương,
Các rắn đủ màu đã khẩn trương,
Hiện đến Ba-la-nại khuấy động,
Và không giết hại một dân thường.

794. Chúng treo mình khắp các ngôi nhà,
Hồ nước, lối đi, các ngã ba,
Bò tới ngọn cây thòng lủng lẳng,
Trườn lên vòm cổng, rướn mình ra.

795. Thấy bao nhiêu rắn hiện buông lơi,
Những phụ nữ la khóc khắp nơi,
Nhìn các rắn giương mào trỗi dậy,
Hoảng kinh, họ thở dập dồn hơi.

796. Thành Ba-la-nại rối thê lương,
Đã bị bủa vây rất thảm thương,
Dân chúng giơ tay lên khóc thét,
"Xin ban công chúa cho long vương!"

Trong lúc vua đang ngự trên long sàng, ngài nghe tiếng kêu khóc của các vương phi cùng nhiều thần dân khác và chính ngài cũng sợ chết vì những lời hăm dọa của bốn tiểu long kia nên ngài kêu to ba lần:

– Ta sẽ gả Công chúa Samuddajā cho Vua Dhataraṭṭha!

Khi các chúa nāga nghe được lời ấy liền rút quân lùi lại cách khoảng ba dặm đường và cắm trại tại đó, xây dựng lên một kinh thành giống cảnh của chư thiên rồi cho người mang lễ vật cầu hôn đến nhà vua:

– Xin Hoàng thượng gả công chúa như đã hứa!

Vua nhận lễ vật xong, ra lệnh cho các người đem lễ vật ấy lui về và ngài bảo:

– Các ngươi hãy ra về, trẫm sẽ cho các đại thần đưa công chúa đến!

Rồi ngài triệu công chúa lại, đưa nàng lên thượng lầu, mở cửa sổ ra bảo nàng:

– Này Công chúa, con hãy ngắm kinh thành tráng lệ kia, vua nọ cầu hôn con về làm chánh hậu tại đó. Kinh thành ấy không xa mấy, bao giờ con thấy nhớ nhà cứ về thăm cha, nhưng bây giờ con phải vu quy.

Sau đó, vua ra lệnh các cung nữ gội đầu, trang điểm cho công chúa đủ ngọc ngà trân bảo rồi đưa nàng lên loan xa che kín, có các đại thần hộ tống. Các chúa nāga ngự ra đón nàng theo lễ nghi rất trọng thể. Các đại thần vào thành, tiễn biệt công chúa và ra về được tặng vô số ngọc vàng. Công chúa được đưa vào hoàng cung, đặt nằm trên sàng tọa tráng lệ như cảnh tiên, và các thiếu nữ nāga cải dạng có lưng gù cùng những dị tật khác hầu hạ quanh nàng như thể thị nữ ở cõi nhân gian vậy. Khi công chúa vừa đặt lưng xuống sàng tọa thần tiên này,

nàng cảm thấy êm dịu lạ lùng và ngủ thiếp đi. Vua Dhataraṭṭha mang nàng biến khỏi chỗ đó cùng với hội chúng rồng về hiện nơi cảnh giới của loài nāga.

Khi công chúa thức dậy và thấy sàng tọa thần tiên trong cung điện xây bằng ngọc vàng châu báu cùng các hoa viên và hồ nước trong cảnh giới nāga chẳng khác nào kinh thành tráng lệ của thiên giới, nàng hỏi các thị nữ gù lưng quanh nàng:

– Kinh thành này thật tuyệt diệu, chẳng giống kinh thành của ta, vậy nó là của ai thế?

– Tâu Lệnh bà, đó là kinh thành thuộc quyền Chúa thượng của Lệnh bà, những kẻ thiếu đức không thể nào hưởng được cảnh vinh quang như thế này. Lệnh bà đã được vinh quang như vậy là nhờ công đức cao trọng của Lệnh bà.

Sau đó, Vua Dhataraṭṭha ra lệnh đánh chiêng trống khắp hoàng thành rộng năm trăm do-tuần, bố cáo với thần dân rằng kẻ nào để lộ tướng rồng tinh cho Công chúa Samuddajā thấy sẽ bị trừng trị ngay. Vì thế, không ai dám xuất hiện nguyên hình trước mặt nàng. Cho nên nàng hưởng cuộc sống rất êm ấm hòa hợp với nhà vua vì tưởng rằng đấy là cảnh giới nhân gian.

***

II. BẬC ĐẠI TRÍ DATTA

Theo thời gian, Vương hậu Dhataraṭṭha thụ thai và sinh hạ một vương tử có dung mạo khôi ngô nên được đặt tên là Sudassana. Sau đó, bà lại sinh hạ vương tử thứ hai đặt tên là Datta, đó chính là Bồ-tát. Rồi bà lại sinh vương tử thứ ba đặt tên là Subhaga và vương tử thứ tư tên Ariṭṭha. Dù đã sinh hạ bốn vương tử, bà vẫn chưa hề biết đây là cảnh giới của nāga. Nhưng một ngày kia, có người bảo Ariṭṭha:

– Vương hậu là giống người chứ không phải giống nāga.

Ariṭṭha tự nhủ: "Để ta thử mẹ xem sao." Một ngày kia, trong lúc đang bú sữa mẹ, vương tử xuất lộ nguyên hình rắn rồng, lấy đuôi ve lưng bàn chân mẹ. Khi hoàng hậu thấy rồng, kinh hãi thét lên ném con xuống đất, lấy móng tay cào vào mắt con đến chảy máu ra. Vua nghe tiếng thét hỏi lý do và khi vua nghe chuyện Ariṭṭha làm ra, ngài bước đến hăm dọa:

– Đem tên tiểu nô này giết đi!

Công chúa biết bản tính nóng nảy của vua liền lên tiếng bênh vực con:

– Tâu Chúa thượng, thần thiếp đã đánh vào mắt vương nhi rồi, xin Chúa thượng tha tội cho nó.

Vua nghe vương hậu nói vậy liền tha:

– Thôi, trẫm còn làm sao được nữa!

Rồi vua tha thứ cho con. Từ ngày đó, hoàng hậu mới biết đây là xứ rồng nāga và cũng từ đó Ariṭṭha được gọi là Kāṇāriṭṭha (Độc Nhãn Ariṭṭha).

Bấy giờ, các vương tử đã đến tuổi trưởng thành. Vua cha giao cho mỗi vị một vương quốc rộng chừng một trăm do-tuần vuông, vinh quang lừng lẫy và mỗi vị có mười sáu ngàn long nữ hầu hạ trong cung đình. Vương quốc của vua cha cũng chỉ một trăm do-tuần vuông. Các vương tử hằng tháng đều đến vấn an đức vua cùng hoàng hậu. Nhưng Bồ-tát cứ nửa tháng lại yết kiến cha mẹ một lần, ngài vẫn thường đưa ra một số vấn đề xảy ra ở cảnh giới nāga và vẫn thường cùng vua cha đến yết kiến Đại Thiên vương Virukkha[49] (Quảng Mục Thiên vương) để đàm đạo các vấn đề ấy.

Một ngày kia, Đại Thiên vương Virukkha cùng với hội chúng nāga lên cảnh giới chư thiên để chầu Thiên chủ Sakka, một vấn đề được đưa ra đàm đạo nhưng không có ai trong chư thiên giải đáp được trừ bậc Đại sĩ lúc ấy đang ngồi trên bảo tọa. Thế rồi, Thiên chủ tỏ lòng hâm mộ ngài, đem tặng hoa quả của cõi trời và bảo ngài:

– Này Hiền giả Datta, ngài có đại trí lớn như quả địa cầu, từ nay ta xin gọi ngài là Bhūridatta (Đại trí Datta).

Và Thiên chủ ban cho ngài danh hiệu ấy. Sau đó, bậc Đại sĩ bái yết Thiên chủ Sakka để tỏ lòng sùng kính và khi ngài ngắm vẻ huy hoàng tột đỉnh của thiên triều cùng các thiên nữ, ngài mơ ước được lên thiên giới: "Ta còn làm gì được với tướng nāga chuyên ăn ếch nhái này nữa? Thôi ta nguyện trở về thế giới nāga hành trì trai giới, tu tập công hạnh để được sinh lên cõi chư thiên."

Suy nghĩ như vậy xong, khi trở về xứ nāga, ngài liền xin cha mẹ:

– Tâu Phụ vương cùng Mẫu hậu, con nguyện hành trì trai giới.

– Này Vương nhi, con hãy hành trì, nhưng trong lúc hành trì con chớ ra ngoài, chỉ ở trong cung điện trống vắng trong xứ rồng ở đây thôi, vì khi ra ngoài loài rồng sẽ gặp sự kinh sợ.

Ngài tuân lệnh, từ đó ngài chỉ trì giới trong hoa viên của cung nāga vắng vẻ. Nhưng các long nữ vẫn cứ chầu chực quanh ngài, đàn ca múa hát mãi, khiến ngài nghĩ thầm: "Nếu ta ở đây, việc trì giới của ta sẽ không bao giờ thành tựu, vậy ta sẽ đến cõi nhân gian mà trì giới mới được." Rồi ngài sợ bị can ngăn nếu đem việc đó tâu với vua cha nên ngài bảo vương phi:

– Này Vương phi, nếu ta lên cõi nhân gian sẽ đến một cây đa trên bờ sông Yamunā, ta sẽ cuộn mình trên gò mối gần đó mà hành trì giới luật đủ bốn phép,[50] rồi ta sẽ nằm đó tu tập, trì giới suốt đêm. Sau đó, Vương phi hãy phái thị nữ cứ mỗi buổi sáng, lúc rạng đông, đến trang hoàng hương hoa cho ta rồi đàn ca múa hát rước ta về lại cảnh giới nāga.

Nói xong, ngài cuộn mình trên gò mối và nói to:

– Kẻ nào muốn cứ đến lấy máu thịt, xương da ta đi.

[49] Bản CST ghi Virūpakkha.

[50] Giới luật đủ bốn phép gồm có không đố kỵ, không uống rượu, không tham dục và không sân hận.

Rồi ngài trì giới gồm bốn phép, nằm đó với thân tướng chỉ gồm có đầu đuôi mà thôi. Đến rạng sáng ngày hôm sau, các long nữ đến và làm theo lệnh ngài đã ban, đưa ngài về lại cảnh giới nāga như cũ và cứ thế, ngài trì giới trong suốt một thời gian dài.

***

III. HAI CHA CON BÀ-LA-MÔN SĂN THÚ

Lúc bấy giờ, có một người Bà-la-môn sống ở một làng gần cổng thành Ba-la-nại, thường cùng con trai tên gọi Somadatta vào rừng đặt bẫy chông bắt thú rừng rồi gánh thịt đi bán để sinh nhai. Một ngày kia, gã chẳng bắt được con thú nào dù chỉ là một con tắc kè nhỏ, gã bảo con trai:

– Nếu ta về nhà tay không, mẹ con sẽ giận dữ, vậy ta cứ bắt lấy con gì cũng được.

Thế là gã đi về phía gò mối nơi Bồ-tát đang tĩnh tọa và quan sát dấu chân nai thường xuống dòng sông Yamunā để uống nước, gã bảo:

– Này con, đây là hang nai, con hãy đợi trong lúc cha bắt nai đến uống nước.

Và gã giương cung đứng dưới gốc cây chờ nai đến. Vào buổi chiều, một con nai đến uống nước liền bị bắn trọng thương, tuy nhiên nó chưa ngã xuống ngay nhưng vì mũi tên làm máu tuôn xối xả, nó liền chạy trốn. Hai cha con đuổi theo đến tận nơi nó ngã xuống, bắt lấy nó rồi ra khỏi rừng đến gốc cây đa thì mặt trời vừa lặn.

– Lúc này đi xa thì bất tiện lắm, thôi ta ở lại đây.

Nói xong, họ đặt con nai qua một bên rồi trèo lên cây, nằm trên cành. Gã Bà-la-môn thức giấc lúc rạng đông, cố nghe ngóng tiếng động của nai, vừa lúc đó các long nữ đến dâng sàng tọa hương hoa cho Bồ-tát. Ngài đã bỏ xác rồng và hiện hình thiên thần mang đủ bảo vật trang nghiêm ngồi trên sàng tọa sực nức hương hoa trong dáng điệu uy nghi của Thiên chủ Sakka.

Các long nữ thành kính cúng dường ngài vô số hương hoa rồi trỗi khúc nhạc thiên đường, đồng thanh ca múa. Khi gã Bà-la-môn nghe tiếng nhạc, gã tự hỏi: "Ai đây, ta phải xem sao mới được!" Gã liền gọi con trai nhưng cậu bé vẫn cứ ngủ say. Gã tự nhủ: "Thôi để nó ngủ. Nó còn mệt thì ta đi một mình vậy." Gã leo xuống đất tiến đến gần ngài. Các long nữ thấy gã liền độn thổ ngay cùng các nhạc khí, trở về cảnh giới nāga, chỉ còn Bồ-tát ngồi lại một mình. Gã Bà-la-môn đứng gần ngài ngâm hai vần kệ hỏi ngài:

797. Hồng nhãn thiếu sinh được thấy đây,
Là ai, tỏa rộng đôi bờ vai,
Mười nàng xuân nữ vây quanh nọ,
Đeo xuyến vàng, xiêm áo đẹp thay?

798. Chàng là ai ở giữa rừng xanh,
Như lửa thêm dầu mỡ mới tinh,
Có phải Sakka, thần đại lực,
Hay là rồng chúa đại oai danh?

Bậc Đại sĩ nghe vậy thầm nghĩ: "Nếu ta bảo là một vị Đế-thích, gã sẽ tin ngay vì gã là một Bà-la-môn, nhưng ta phải nói sự thật. Thế là ngài nói về nòi giống nāga của ngài:

799. Ta chúa nāga, lực đại hùng,
Với luồng khí độc mạnh vô song,
Đất nước phồn vinh, dân lớn bé,
Ta đây nổi giận giết tiêu vong.

800. Mẫu thân ta chính Samuddajā,
Chúa tể Dhataraṭṭha, thân phụ ta,
Em của Sudassana thái tử,
Tên ta là Bhūridatta.

Nhưng khi bậc Đại sĩ nói xong, ngài liền nghĩ: "Bà-la-môn này hung ác, gã có thể phản ta, tiết lộ ta với người bắt rắn và thế là cản trở việc trì giới của ta.Vậy ta đưa gã về vương quốc nāga, tiếp đãi gã trọng thể tại đó, như thế ta vẫn không gián đoạn việc hành trì giới luật." Thế là ngài bảo gã:

– Này hiền hữu Bà-la-môn, ta muốn tiếp đãi ông thật trọng thể, vậy bây giờ hãy theo ta đến xứ sở nāga đầy lạc thú!

– Tâu Chúa thượng, hạ thần còn một con trai, nếu hạ thần có đi, xin cho con trẻ đi cùng!

Bồ-tát đáp:

– Hiền hữu cứ đi tìm hiền điệt lại đây!

Rồi ngài tả nơi cư ngụ của ngài cho gã biết:

801. Hồ kia u tối thật kinh hoàng,
Sóng nước không ngừng, bão tố dâng,
Nhà của ta, thần dân trú ngụ,
Còn ai dám trái lệnh ta ban.

802. Hãy lặn chìm trong làn sóng xanh,
Đàn công, đàn hạc gọi đồng thanh,
Xuống đây tận hưởng niềm hoan lạc,
Dành sẵn cho ai giữ giới hành.

Gã Bà-la-môn đi tìm con, kể chuyện cho con nghe rồi đem con trở lại và bậc Đại sĩ liền đưa họ đến bên bờ sông Yamunā. Khi đứng đó, ngài bảo:

803. Hiền hữu cùng con chớ ngại ngùng,
Theo lời ta bảo, sống ung dung,

Vinh quang hạnh phúc trong cung điện,
Lạc thú ta ban đủ mọi phần.

Nói xong, bậc Đại sĩ dùng thần lực đưa hai cha con đến cảnh giới nāga, nơi đây họ hưởng cuộc sống thần tiên. Ngài ban cho họ phúc lạc của tiên giới, mỗi người có đến bốn trăm thiếu nữ nāga hầu hạ, vinh hoa phú quý thật không sao kể xiết. Bồ-tát vẫn tinh tấn hành trì giới luật, cứ nửa tháng ngài đi bái yết phụ vương, mẫu hậu và thuyết pháp; còn khi đến thăm gã Bà-la-môn, ngài thường vấn an gã và bảo:

– Hiền hữu cần gì cứ nói cho ta biết, xin cứ hưởng lạc thú, đừng để bất toại điều gì!

Rồi sau khi chào hỏi Somadatta ân cần, ngài trở về tu thất của ngài. Gã Bà-la-môn sau khi sống trong cảnh giới nāga được một năm, do trước đây thiếu tu tập công đức, dần dần cảm thấy không toại ý, chỉ muốn trở về nhân gian. Cảnh giới nāga đối với gã chẳng khác nào địa ngục. Cung điện được trang hoàng lộng lẫy chỉ giống như nhà tù, các cung nữ nāga được điểm trang vàng ngọc cũng tựa như bầy quỷ cái. Gã nghĩ thầm: “Ta chán lắm rồi, để ta hỏi thử xem Somadatta nghĩ sao.” Gã tìm con trai và hỏi:

– Con có được toại nguyện chăng?

– Làm sao con lại bất mãn được? Cha con ta không nên nghĩ như vậy. Còn thân phụ không toại nguyện chăng?

– Đúng vậy!

– Tại sao thế?

– Vì ta không gặp được mẹ con cùng anh em con, thôi ta cùng đi về xứ.

Người con bảo không muốn đi về, nhưng vì bị cha nài mãi nên cuối cùng cũng thuận. Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: “Con ta đã ưng thuận ra đi, nhưng nếu ta bảo với Hoàng tử Bhūridatta rằng ta không toại nguyện, hoàng tử sẽ ban cho ta thật nhiều ân huệ khác nữa và thế là ta không thể đi về. Mục đích của ta chỉ đạt được bằng một cách này thôi: Ta sẽ tả cảnh huy hoàng của ngài rồi hỏi ngài: ‘Tại sao ngài rời bỏ mọi vinh quang để lên nhân thế hành trì trai giới?’ Khi ngài đáp: ‘Để được lên thiên giới’, ta sẽ bảo ngài: ‘Chúng thần lại càng phải nên tu tập như thế hơn nữa vì chúng thần đã sống bằng nghề sát sinh hại mạng. Thần cũng muốn trở lại trần thế để thăm quyến thuộc xong rồi sẽ xuất gia sống đời khổ hạnh.’ Thế là ngài sẽ phải để ta đi!”

Sau khi quyết định xong, một ngày kia, Bồ-tát đến hỏi thăm gã xem có gì chưa toại ý chăng, gã liền vội trấn an ngài rằng không có điều gì gã mơ ước mà ngài không ban cho gã, rồi không hề nói gì đến ý định ra đi, trước tiên gã chỉ ngâm kệ tả cảnh phồn vinh thịnh vượng của xứ ngài:

804. Đất bằng trải rộng khắp nơi nơi,
Hoa trắng tagara nở rợp trời,

Tổ bọ yên chi màu đỏ thắm,
Rừng xanh rực rỡ phủ nền tươi.

805. Đền đài linh hiển khắp trong rừng,
Hồ lắm thiên nga đắm mắt trần,
Tô điểm lá sen tàn rải rác,
Khác nào các tấm thảm đang nằm.

806. Cung đình ngàn cột trụ nguy nga,
Tiên nữ bao nàng rộn múa ca,
Cột trụ dát toàn châu ngọc quý,
Tứ bề phản chiếu ánh trời xa.

807. Ngài có cung đình thật hiển vinh,
Chính nhờ công đức đã hoàn thành,
Mọi niềm ước nguyện đều viên mãn,
Ngay khi nguyện ước mới thành hình.

808. Ngài chẳng ước mơ điện Ngọc hoàng,
Thiên triều tráng lệ sánh sao ngang,
Cung ngài vinh hiển còn hơn thế,
Với cảnh huy hoàng chiếu ánh quang.

Bậc Đại sĩ đáp:

– Này hiền hữu Bà-la-môn, đừng nói thế, cảnh vinh quang của ta so với Thiên chủ Sakka chỉ như hạt cải bên cạnh núi Sineru (Tu-di). Chúng ta không bằng được quần thần của ngài nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

809. Ý dẫu tối cao chẳng dám mơ,
Vinh quang ngôi vị của Sakka,
Bốn Thiên vương ở trong triều đại,
Mỗi vị một miền được định ra.

Khi ngài nghe gã lặp lại: “Cung điện của ngài chẳng khác nào cung Thiên chủ Sakka”, ngài đáp:

– Ta đã nghĩ đến chuyện này từ lâu, chính vì ta muốn lên điện Vejayanta (Tối Thắng) mà ta thực hành sự tu tập trai giới.

Rồi ngài ngâm kệ nói rõ tâm nguyện mình:

810. Ta mong tha thiết cảnh cao đường,
Của các bậc tiên thánh vĩnh hằng,
Vì thế ta ngồi trên ổ mối,
Hành trì giới hạnh mãi không ngừng.

Gã Bà-la-môn nghe vậy thầm nghĩ: “Nay ta đã có cơ hội rồi đây”, và với lòng hân hoan, gã ngâm kệ xin phép ngài ra đi:

811. Thần đã cùng con trẻ bắt hươu,
Ngày xưa bôn tẩu chốn rừng sâu,
Bạn bè để lại nhà không biết,
Sống chết thần nay hiện ở đâu.

812. Bhūridatta, thần muốn đi,
Hỡi ngài minh chúa tộc Kāsi,
Chúng thần cất bước thăm lần nữa,
Quyến thuộc thân bằng ở chốn quê.

Bồ-tát đáp:

813. Ta muốn các ngài ở chốn đây,
Cùng ta hưởng hạnh phúc bao ngày,
Nơi nào trên chốn nhân gian ấy,
Ngài thấy bình an giống cảnh này?

814. Nhưng nếu ngài mong ở chốn kia,
Thì ngài hãy hưởng lạc tràn trề,
Rồi sau sẽ giã từ đi nhé,
Hạnh phúc ngài mong gặp bạn bè.

Rồi ngài suy nghĩ: "Nếu gã nhờ ta mà có được hạnh phúc chắc gã sẽ không tiết lộ ta với ai đâu, ta sẽ cho gã viên ngọc như ý (ban mọi điều ước)." Ngài liền tặng gã viên ngọc rồi bảo:

815. Kẻ được mang viên bảo ngọc thần,
Ngắm đàn con cháu với gia trang,
La-môn lấy ngọc và đi nhé,
Chẳng có bao giờ gặp bất an.

Gã Bà-la-môn đáp:

816. Hạ thần hiểu rõ những lời ngài,
Ngài thấy thần nay đã lão lai,
Thần sẽ đi theo đời khổ hạnh,
Nghĩa gì lạc thú ở trên đời?

Bồ-tát nói:

817. Nếu ngài chẳng giữ trọn lời thề,
Tìm thú thế nhân lần nữa kia,
Thì hãy đến tìm ta lại nhé,
Ta ban ngài lạc thú tràn trề.

Gã Bà-la-môn đáp:

818. Bhūridatta, cảm tạ muôn vàn,
Ân huệ mà ngài đã phát ban,
Ví thử thần tìm cơ hội tốt,
Sẽ về mong được hưởng hồng ân.

Bậc Đại sĩ thấy rằng gã không còn muốn ở lại đây nữa nên ngài ra lệnh bốn đồng tử nāga dẫn gã trở lại cõi trần.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

819. Bhūridatta lệnh truyền ban:
Bốn tiểu long thần, hãy bước chân,
Đem vị La-môn ta ủy thác,
Dẫn người trở lại chốn người mong.

820. Nghe lời xong, các vị long thần,
Lập tức lệnh ngài được phục tuân,
Họ dẫn Bà-la-môn đến chốn,
Rồi đi để lại gã đơn thân.

Trên đường về, lão Bà-la-môn bảo con:

– Này Somadatta, ta sẽ giết được con nai chỗ này và con lợn chỗ kia.

Rồi thấy một hồ nước, gã kêu lên:

– Này Somadatta, xuống tắm đi!

Thế là cả hai cha con cởi hết áo quần thần tiên ra cuộn thành một bó đặt trên bờ, xuống hồ tắm. Lập tức, áo quần biến mất về cảnh giới nāga, chỉ còn bộ áo quần nghèo khổ màu vàng xưa kia của họ mang lên người cùng với cung, tên, giáo hiện ra như ngày xưa ấy.

– Cha ơi, cơ nghiệp tiêu tan hết rồi!

Somadatta kêu gào lên thế. Nhưng cha cậu vội an ủi:

– Đừng lo gì, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn có kế sinh nhai.

Mẹ Somadatta nghe họ về, vội chạy ra đón vào nhà, thiết đãi cơm rượu thỏa thuê. Khi gã Bà-la-môn đã ăn xong và đi ngủ, người mẹ hỏi con:

– Lâu nay hai cha con đi đâu thế?

– Thưa mẹ, cha con và con được vua nāga là Bhūridatta mang đến xứ nāga thần tiên, nhưng vẫn không toại nguyện nên nay lại trở về.

– Thế con có mang về được món châu báu nào không?

– Thưa mẹ, không.

– Thế vị vua đó không cho con món châu báu nào sao?

– Thưa mẹ, Vua Bhūridatta đã tặng cho cha con một viên ngọc ban mọi điều ước, nhưng cha con từ chối.

– Vì cớ sao?

– Cha con bảo là muốn làm ẩn sĩ tu hành.

– Sao lâu nay đã vứt lại cho ta cả một gánh nặng con cái và đi ở xứ nāga, bây giờ lão đòi làm ẩn sĩ à?

Thế là bà nổi cơn thịnh nộ, đập vào lưng gã bằng chiếc thìa lâu nay vẫn dùng nó chiên cơm rồi mắng gã xối xả:

– Ông thật là thứ Bà-la-môn ác độc, tại sao ông bảo là sắp đi tu làm ẩn sĩ và từ chối báu vật? Rồi tại sao ông còn vác mặt về nhà mà không thực hiện nguyện ước tu hành? Hãy cút ra khỏi nhà ta ngay!

Nhưng gã bảo vợ:

– Này hiền thê, xin nàng chớ vội thịnh nộ, hễ còn hươu nai trong rừng là ta còn cấp dưỡng mẹ con nàng.

Thế là ngày hôm sau, gã cùng con trai vào rừng tiếp tục tìm kế sinh nhai bằng nghề cũ.

IV. VIÊN NGỌC THẦN VÀ GÃ BẮT RẮN

Lúc bấy giờ, có một con chim Garuḷa[51] sống trong cây bông vải ở vùng Tuyết Sơn gần đại dương miền Nam, bay lượn trên mặt nước rồi sà xuống vùng Tuyết Sơn chụp lấy đầu của một chúa rồng. Đây là thời kỳ chim Garuḷa chưa biết cách bắt rồng. [Chúng biết cách bắt này trong *Chuyện long vương Paṇḍara*[52]]. Vì thế, dù đã chụp được đầu rồng mà không làm bắn nước tung tóe, nó lại mang rồng toòng teng đến đỉnh núi Tuyết.

Một Bà-la-môn trước đây là dân xứ Kāsi, sống ẩn dật trên núi này trong một chòi lá, cuối lối đi có mái che là một cây đa lớn nên ban ngày ông vẫn cư ngụ dưới gốc cây. Chim Garuḷa mang rồng đến ngọn cây đa, con rồng cố thoát ra nên cuộn đuôi quanh một cành. Chim Garuḷa không biết việc này, lấy toàn lực bay vụt lên trời mang theo cây đa bật gốc. Chim thần mang rồng đến cây bông vải, dùng mỏ phanh bụng rồng ra, ăn hết mỡ rồi ném xác xuống biển.

Cây đa rớt xuống đánh ầm, chim thần không biết vì sao có tiếng động lớn như vậy liền nhìn xuống thấy cây đa, nó tự hỏi: "Cây này ta mang từ đâu lại?" Rồi nhận ra đó là cây đa ở cuối lối đi có mái che của ẩn sĩ kia, nó suy nghĩ: "Cây đa rất ích lợi cho vị ấy, không biết có tai họa gì giáng xuống cho ta chăng? Ta thử đi hỏi ông xem sao!"

Rồi nó giả dạng làm một tiểu sinh đến gặp ẩn sĩ trong lúc ông đang đập đất cho bằng phẳng lại. Thế là vương điểu đảnh lễ ẩn sĩ xong, ngồi qua một bên, hỏi thăm sự tình như thể nó không biết gì những việc đã xảy ra:

– Cây gì đã mọc ở chỗ ấy?

Vị ẩn sĩ đáp:

– Một con chim Garuḷa mang một con rồng đi ăn thịt, con rồng quấn đuôi quanh một cành cây để cố trốn thoát, nhưng con chim mạnh quá bay vút lên không làm cây bật gốc theo và đây là nơi cây đã bật lên.

---

[51] Garuḷa (金翅鳥, Kim Sí điểu): Chim thần Cánh Vàng.

[52] Xem *J.* V. 75, *Paṇḍarajātaka* (*Chuyện long vương Paṇḍara*), số §518.

– Thế con chim mắc phải tội gì?

– Nếu nó không biết việc nó làm thì đó chỉ là vô ý thức, không phải tội lỗi.

– Thế còn trường hợp của rồng thì sao?

– Nó không cuộn vào cây với ý định làm hư hại cây, cho nên nó cũng không có tội.

Chim chúa Garuḷa hài lòng với lời giải thích của ẩn sĩ liền nói:

– Này hiền hữu, ta chính là vương điểu Garuḷa, ta rất hài lòng với lời giải thích vấn đề của ông. Nay ông sống trong rừng này và ta lại biết thần chú Ālambāyana (thần chú bắt rồng rắn) quý vô giá. Ta sẽ tặng nó cho ông để đền đáp công ơn ông đã giải thích cho ta, mong ông nhận nó.

– Ta cũng đã biết nhiều thần chú lắm, hiền hữu cứ an tâm ra đi.

Nhưng chim chúa cứ nài ép mãi cuối cùng cũng năn nỉ được vị ẩn sĩ nhận lời nên nó trao bùa và chỉ những dược thảo cần thiết rồi tạ từ.

Lúc bấy giờ, ở Ba-la-nại có một Bà-la-môn nghèo khổ nợ nần tứ tung và bị các chủ nợ giày vò mãi, gã tự nhủ: "Sao ta lại cứ sống mãi như thế này? Ta thà vào rừng mà chết còn hơn!" Thế là gã bỏ nhà đi vào rừng, cứ đi như vậy cho đến khi gã đến lều ẩn sĩ. Gã vào xin ở lại và được ẩn sĩ vui lòng nhận vì gã siêng năng làm mọi phận sự. Vị ẩn sĩ tự nhủ: "Gã Bà-la-môn này giúp đỡ ta rất nhiều, vậy ta sẽ cho gã thần chú thiêng mà chim chúa đã cho ta."

Vì thế, ông bảo gã:

– Này hiền hữu Bà-la-môn, ta biết thần chú Ālambāyana, ta sẽ cho ông, mong ông nhận lấy.

Gã đáp:

– Hiền hữu hãy an tâm, ta chẳng cần bùa chú gì cả.

Nhưng vị ẩn sĩ nài ép mãi, cuối cùng cũng thuyết phục gã kia lấy bùa rồi chỉ bảo cho gã những loại cây thuốc cần thiết và cách sử dụng bùa. Gã Bà-la-môn tự nhủ: "Ta đã có kế sinh nhai rồi!" Thế là sau khi ở lại thêm vài ngày, gã lấy cớ bị chứng phong thấp và sau khi xin vị ẩn sĩ thứ lỗi, gã kính cẩn từ giã và đi khỏi khu rừng. Qua nhiều chặn đường, gã đến bờ sông Yamunā, đi dọc theo đường cái, miệng lầm thầm câu thần chú.

Ngay lúc bấy giờ, cả ngàn tiểu đồng nāga, vốn là thị giả của Bhūridatta đang mang viên bảo châu như ý ấy. Họ đã ra khỏi cảnh giới nāga, ngồi nghỉ chân và đặt bảo ngọc trên một đụn cát, rồi sau khi nô đùa suốt đêm dưới làn nước nhờ ánh sáng tỏa ra từ viên bảo châu ấy, họ mang hết mọi món trang sức lên mình lúc trời mới tảng sáng, thâu hào quang của bảo châu lại và ngồi canh chừng.

Gã Bà-la-môn đến đó ngay lúc gã đang lầm thầm câu thần chú, đám tiểu đồng nghe thần chú hoảng sợ vì tưởng đó là vương điểu Garuḷa liền độn thổ về cảnh giới nāga mà quên lấy viên bảo ngọc. Gã Bà-la-môn thấy bảo ngọc liền kêu to:

– Thần chú của ta đã linh nghiệm tức thì.

Gã vui mừng lượm bảo ngọc ra đi. Ngay lúc ấy, gã thợ săn Bà-la-môn đang cùng với Somadatta đi săn nai, chợt thấy viên bảo ngọc trong tay gã kia liền bảo con:

– Đó phải chăng chính là viên bảo ngọc mà Bhūridatta cho ta?

Người con đáp:

– Vâng, chính phải.

– Được, thế thì ta sẽ nói cho gã kia biết những tính tai hại của viên ngọc rồi đánh lừa gã để dành viên ngọc cho ta.

– Thưa cha, trước kia cha đã không lấy viên bảo ngọc khi Bhūridatta tặng cha, nay vị Bà-la-môn này chắc chắn sẽ dối gạt được cha cho mà xem. Cha nên yên lặng thì hơn.

– Cứ thế, con sẽ thấy ai dối gạt được ai hay nhất, gã ấy hay cha.

Rồi gã tiến đến gần Ālambāyana và bảo gã kia:

821. Từ đâu ông có bảo châu này,
Của báu tốt lành, như ý đây,
Viên đá có nhiều đặc tính quý,
Mà ông nắm giữ ở trên tay?

Ālambāyana đáp vần kệ sau:

822. Sáng nay ta rảo bước trên đường,
Ta thấy ngọc ngay chỗ nó nằm,
Vệ sĩ mắt hồng ngàn đứa chạy,
Để cho ta được miếng mồi ngon.

Gã thợ săn Bà-la-môn muốn đánh lừa gã kia liền nói thêm ba vần kệ kể những tai hại của viên bảo ngọc vì muốn giành phần cho mình:

823. Nếu được nâng niu, quý trọng nhiều,
Để dành cẩn thận, hoặc thường đeo,
Ngọc làm toại nguyện cho người chủ,
Dù lớn bao nhiêu đủ mọi điều.

824. Với người bất cẩn, chẳng lưu tâm,
Lúc bảo quản hay đeo ở thân,
Khi ấy bảo châu thành đá cuội,
Và mang tổn thất bởi sai lầm.

825. Nay ông chẳng có việc cần dùng,
Cũng chẳng có tài giữ bảo châu,
Vậy hãy đưa ta và đổi lấy,
Vàng ròng đây chẵn một trăm cân.

Ālambāyana liền đáp kệ:

826. Ta sẽ không đem bán bảo châu,
Dù bò hay ngọc quý ông trao,
Các điểm của nó ta tường tận,
Nó chẳng bao giờ bán được đâu.

Gã Bà-la-môn nói:

827. Nếu ngọc hay bò chẳng thể mua,
Ngọc kia ông có được bây giờ,
Giá nào ông bán ra viên ngọc,
Hãy nói ta nghe rõ thật thà.

Ālambāyana đáp:

828. Ai bảo cho ta biết chốn nào,
Tìm ra rồng chúa đại anh hào,
Ta cho người ấy ngay viên ngọc,
Tỏa sáng bốn bề rực rỡ sao.

Gã Bà-la-môn hỏi:

829. Có lẽ nào đây chính điểu vương,
Hôm nay giả dạng Bà-la-môn,
Đi tìm dấu vết săn mồi thịt,
Để bắt long vương lấy món ngon?

Ālambāyana đáp:

830. Ta quả thật không phải điểu vương,
Mắt ta chẳng thấy bóng chim thần,
Danh y, đạo sĩ là ta đấy,
Nọc rắn rồng là việc sở trường.

Gã Bà-la-môn nói:

831. Phải chăng ông có lực thần nào,
Hay đã học hành kỹ thuật cao,
Việc ấy khiến ông không nhiễm độc,
Khi cầm nọc rắn giết người sao?

Gã miêu tả năng lực của mình như sau:

832. Kosiya ẩn sĩ chốn rừng hoang,
Khổ hạnh dài lâu giữ vững vàng,
Chim chúa sau cùng đem tiết lộ,
Cho ngài bùa chú bắt long thần.

833. Bậc Thánh tối cao sống ẩn thân,
Trên sườn núi nọ thật cô đơn,
Nhiệt tình hầu hạ ngài, ta đã
Phụng sự ngày đêm chẳng nhọc nhằn.

834. Vì vậy, cuối cùng để thưởng công,
Cho ta hầu hạ những năm ròng,
Đạo sư khả kính ta tôn quý,
Tiết lộ cho ta mật chú thần.

835. Tin vào chú thuật vạn quyền năng,
Ta chẳng sợ rồng rắn cực hung,
Những nọc giết người, ta giải hết,
Ta là Trí giả Ālambāyana.

Trong khi nghe gã này nói, gã thợ săn Bà-la-môn nghĩ thầm: "Gã Ālambāyana này sẵn sàng trao bảo ngọc cho kẻ nào chỉ chỗ chúa rồng, vậy ta chỉ chỗ của long vương Bhūridatta cho gã rồi lấy bảo ngọc." Thế là gã ngâm kệ hỏi ý kiến con trai:

836. Con hỡi, ta tranh lấy bảo châu,
Soma, ta hãy vội đi mau,
Đừng làm lỡ vận như người dại,
Đập đĩa cơm bằng gậy bấy lâu.

Somadatta đáp:

837. Mọi hiển vinh ngài đã phát ban,
Khi cha đi đến ở tha phương,
Nay cha trở mặt và ăn cướp,
Như vậy là đền nghĩa đáp ân?

838. Ví dù cha muốn được giàu sang,
Đi tìm như trước ở long vương,
Xin ngài, ngài sẽ vui lòng tặng,
Mọi thứ cha mong ước thỏa lòng.

Gã Bà-la-môn đáp:

839. Những thứ được do bởi vận may,
Chén cơm nằm sẵn ở trong tay,
Ăn ngay đừng hỏi gì thêm nữa,
Con sẽ mất phần tặng thưởng này.

Somadatta nói:

840. Đất này đang há miệng chờ trông,
Lửa địa ngục nung nấu cực nồng,
Chờ đợi sau cùng người phản bội,
Hay cơn đói lả xé tan lòng,
Sống tàn, chết dở, con người ấy,
Kẻ dối lừa ngay bạn chí thân.

841. Hãy đi cầu Bhūridatta,
Nếu muốn giàu sang, ngài sẽ cho,

Điều nguyện ước hằng mong thỏa mãn,
Song cha gây tội lỗi này ra,
Con e tội ấy không lâu sẽ
Phát lộ cha ngay, thật đấy mà!

Gã Bà-la-môn đáp:

842. Song nhờ tế lễ thật cao sang,
Tội ác La-môn có thể mang,
Tuy thế về sau đều rửa sạch,
Chúng ta dâng đại lễ đăng đàn,
Như vầy sẽ được làm thanh tịnh,
Giải thoát tội kia thật dễ dàng!

Somadatta nói:

843. Cha hãy ngưng lời nói xấu xa,
Con không ở lại nữa bây giờ,
Lúc này chính lúc con từ biệt,
Con chẳng cùng cha bước nữa mà,
Vì sự đê hèn này cấu xé,
Đang làm thối nát trái tim cha.

Nói xong, chàng trai hiền đức kia bác bỏ lời cha dụ dỗ, thét vang lên bằng giọng sang sảng làm chấn động cả chư thần quanh vùng ấy:

– Ta không thể đồng hành với một kẻ tội lỗi như thế được!

Rồi chàng bỏ đi ngay trong khi người cha đứng lặng nhìn theo, sau đó chàng đi sâu vào rừng Tuyết Sơn, trở thành một ẩn sĩ, tu tập rồi chứng đắc các thắng trí cùng các thiền chứng, sau được sinh lên Phạm thiên giới.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua các vần kệ sau:

844. Chàng trai cao thượng ấy Soma,
Khiển trách cha đang đứng phía xa,
Làm rung động chư thần chốn ấy,
Rồi nhanh chân bước khỏi rừng già.

Gã thợ săn Bà-la-môn nghĩ thầm: "Soma đi đâu nếu không phải là về nhà?" Rồi khi thấy Ālambāyana hơi phật ý, gã vội bảo:

– Này Ālambāyana đừng ngại gì, ta sẽ đưa ông đến chỗ long vương Bhūridatta.

Thế là gã đem Ālambāyana đến nơi chúa rồng đang trì giới và khi thấy ngài đang nằm cuộn tròn trên gò mối, đầu thu lại, gã đứng tránh sang một bên, đưa tay chỉ ngài và đọc kệ sau:

845. Bắt chúa rồng nơi chốn nó nằm,
Chụp ngay viên ngọc quý muôn vàn,
Hào quang đỏ rực màu tươi sáng,
Như mão miệng trên chóp phượng hoàng.

846. Hãy nhìn gò mối ở đằng xa,
Rồng chúa nằm kia, trải rộng ra,
Không có ý gì lo sợ cả,
Giăng mình như một đống bông tơ,
Nơi kia bắt lấy ngay rồng ấy,
Trước lúc nó hay bạn đến mà.

Bậc Đại sĩ mở mắt ra nhìn gã thợ săn Bà-la-môn kia, ngài suy nghĩ: "Việc này sẽ gây tai hại cho ngày trai giới của ta, ta đã đem gã ấy đến cung thất nāga rồi cho gã hưởng vinh hoa tột bực. Gã không nhận viên bảo ngọc ta ban cho, thế mà giờ đây gã trở lại với người bắt rắn. Tuy nhiên, nếu ta phẫn nộ với gã vì việc làm phản trắc này thì công đức của ta bị suy giảm. Giờ đây bổn phận tối cao của ta là giữ ngày trai giới đủ bốn phép không được vi phạm, cho nên, ví dù gã Ālambāyana kia có phân thân ta ra từng mảnh hay đem ta nấu chín hoặc lấy xiên đâm ta và nướng đi, ta cũng không được căm hận gã về những việc ấy."

Thế rồi, ngài nhắm mắt lại, quyết giữ nhất tâm cao độ, ngài đặt đầu giữa đám mào rồi nằm hoàn toàn bất động.

***

V. BẬC ĐẠI TRÍ DATTA BỊ BẮT

Lúc ấy, gã thợ săn Bà-la-môn kêu lên:

– Này Ālambāyana, ông hãy bắt rồng này ngay rồi trao viên ngọc cho ta!

Gã Ālambāyana quá sung sướng khi nhìn thấy rồng chúa nên không chút lưu tâm đến viên bảo ngọc nữa, gã ném ngọc vào tay gã thợ săn bảo:

– Này hiền hữu Bà-la-môn, lấy ngọc đi!

Nhưng viên ngọc tuột ra khỏi tay gã và khi vừa rớt xuống đất liền biến mất vào cảnh giới nāga. Gã Bà-la-môn thấy mình mất hết cả ba thứ: Viên bảo châu, tình thân hữu với Bhūridatta và cả con trai nữa. Gã vừa đi về nhà vừa lớn tiếng khóc than:

– Ta mất hết cả rồi, ta đã không nghe lời con ta.

Còn gã Ālambāyana trước hết bôi khắp thân mình các loại thuốc thần, nhai một chút thuốc rồi phun lên mình, vừa đọc thần chú vừa đến cạnh Bồ-tát, nắm lấy đuôi kéo đầu ghì thật chặt, mở miệng ngài ra, phun vào nước miếng sau khi nhai thuốc. Rồng chúa nāga bản tính thuần tịnh không để cho mình nổi sân hận vì sợ vi phạm giới luật công hạnh, ngài cũng không trừng to mắt.

Sau khi gã dùng thuốc và đọc thần chú, gã nắm đuôi rồng, đầu dốc ngược, lắc mạnh cho rồng phun những thức ăn đã nuốt vào. Gã căng rồng nằm dài trên mặt đất rồi lấy tay đè mạnh thân rồng như thể đè chiếc gối. Gã chà xát cả bộ xương ngài, nắm đuôi, nện ngài như thể đập tấm vải. Bậc Đại sĩ không phẫn nộ mặc dù ngài đang chịu đau đớn như vậy.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua kệ sau:

847. Nhờ các thuốc men đủ lực thần,
Đọc thần chú có ác công năng,
Gã cầm rồng chúa không kinh hãi,
Và bắt buộc ngài phải phục tuân.

Sau khi làm bậc Đại sĩ tơi tả như vậy, gã sửa soạn một cái giỏ đựng cây leo bỏ ngài vào, lúc đầu thân mình đồ sộ của ngài không vào lọt trong giỏ, nhưng sau khi đá vài cái, gã cố nhét ngài vào. Rồi đến một làng kia, gã đặt giỏ giữa làng rao to:

– Ai muốn xem rồng chúa thì ra mà xem!

Cả làng đổ xô ra vây quanh. Gã liền gọi chúa rồng ra. Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Tốt hơn hết là hôm nay ta nên múa để làm hài lòng dân chúng, có lẽ gã kiếm được nhiều tiền sẽ thả ta ra, thôi gã bảo ta làm gì ta cũng làm cả." Thế là khi gã Ālambāyana đem ngài ra khỏi giỏ, bảo ngài phình ra, ngài liền phình lớn thân, khi gã bảo ngài thu nhỏ hay cuộn tròn hiện giáp sắt, hoặc hiện ra một mào, hai mào, ba mào, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi mào, một trăm mào, hoặc hiện mình cao thấp, hữu hình, vô hình, hoặc biến thành xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, hoặc phun nước hay phun khói cùng nước, ngài đều hiện đủ mọi hình dáng như gã ra lệnh và biểu diễn đủ tài nhảy múa. Người đứng xem không ai cầm được nước mắt và dân chúng đem tiền, vàng bạc, áo quần, đồ trang sức đủ loại nên chỉ trong làng ấy gã đã kiếm được cả một ngàn đồng tiền.

Lúc bấy giờ, thoạt đầu mới bắt được bậc Đại sĩ, gã có ý định thả ngài ra sau khi đã kiếm được một ngàn đồng tiền, nhưng khi đã kiếm được nhiều như thế, gã lại nói:

– Chỉ trong một ngôi làng nhỏ mà ta đã kiếm được chừng này, huống hồ đến kinh thành ta còn kiếm được bao nhiêu nữa.

Thế là sau khi để gia quyến ở lại đó, gã trang hoàng một cái giỏ bằng ngọc vàng thật đẹp, ném bậc Đại sĩ vào trong, gã lên một chiếc xe ngựa sang trọng cùng một đoàn tùy tùng rầm rộ. Cứ đến mỗi làng mạc, thị trấn, gã đều bắt ngài nhảy múa, sau cùng họ đến thành Ba-la-nại. Gã cho rồng chúa ăn mật và hạt ngũ cốc rang, lại giết ếch nhái cho ngài ăn, nhưng ngài không ăn vì sợ gã không chịu thả ngài ra. Nhưng dù ngài không ăn gì, gã vẫn bắt ngài diễn trò, bắt đầu tại bốn làng gần cổng thành, họ ở lại đó cả tháng ròng.

Rồi vào ngày rằm trai giới, gã tâu trình với vua rằng gã sẽ cho biểu diễn tài múa rồng hầu vua ngự lãm. Vì thế, vua ban lệnh bằng một hồi trống cho dân chúng tụ tập lại đông đủ và những tầng ghế sân khấu được dựng lên trước sân chầu.

***

VI. BẬC ĐẠI TRÍ DATTA ĐƯỢC GIẢI CỨU

Nhưng vào ngày Bồ-tát bị Ālambāyana bắt, mẹ của Bồ-tát nằm mơ thấy một người da đen mắt đỏ vung kiếm cắt tay bà mang đi, máu chảy ròng ròng. Bà kinh hoàng tỉnh giấc, sờ tay phải mới biết mình nằm mơ. Rồi bà suy nghĩ: "Ta đã thấy một giấc mơ hãi hùng, nó báo trước một tai họa nào đó sắp xảy ra hoặc cho bốn con ta, hoặc cho Đại vương Dhātaraṭṭha, hoặc cho chính ta."

Nhưng lập tức bà liên tưởng ngay đến Bồ-tát: "Hiện nay tất cả các con ta đều ở cảnh giới nāga trừ Bhūridatta lên cõi nhân gian quyết tâm hành trì giới luật với lời nguyện giữ ngày trai giới nên ta lo lắng không biết có kẻ bắt rắn hay chim Garuḷa nào bắt con ta chăng."

Bà cứ băn khoăn mãi về ngài như thế, nửa tháng trôi qua, bà rất u sầu, tự nghĩ: "Con ta không thể nào sống xa ta trong nửa tháng được, chắc có tai nạn gì xảy ra cho con ta rồi." Một tháng trôi qua không biết bao nhiêu lệ sầu đã tuôn ra từ mắt bà trong cơn đau buồn ấy, bà cứ ngồi nhìn con đường ngài thường trở về nhà, nói không ngớt:

– Chắc chắn bây giờ con ta phải trở về nhà, chắc chắn bây giờ con ta phải trở về nhà!

Lúc ấy, Thái tử Sudassana cùng một đoàn tùy tùng đông đảo đến yết kiến phụ vương và mẫu hậu sau một tháng xa cách. Sau khi để đoàn tùy tùng đứng ngoài điện, chàng bước lên nội cung đảnh lễ mẹ xong, đứng sang một bên, nhưng vì đang lo buồn chuyện Bhūridatta, bà không nói với chàng một lời nào cả. Chàng nghĩ thầm: "Trước kia, bất cứ khi nào ta về thăm mẹ, mẹ ta đều vui mừng tiếp đón ân cần niềm nở, thế sao hôm nay mẹ ta lại buồn thảm quá như vậy, vì cớ gì?" Thế là chàng hỏi mẹ:

848. Mẹ thấy con về đủ chiến công,
Mọi điều ước nguyện đã vuông tròn,
Tuy nhiên chẳng tỏ bày vui vẻ,
Khuôn mặt mẹ đầy vẻ tối sầm.

849. Như hoa sen được hái thô sơ,
Rũ xuống trong tay, chóng héo khô,
Có phải đây là cách mẹ đón,
Khi con trở lại tự phương xa?

Nghe hỏi vậy mà bà không nói gì. Sudassana nghĩ: "Không biết có ai làm cho mẹ giận hay đau lòng gì không?" Chàng ngâm kệ khác hỏi mẹ thêm:

850. Có kẻ nào la mắng mẹ không,
Hay là mẹ khổ não trong lòng,
Khiến cho mẹ mặt mày u ám,
Khi mẹ thấy con trở lại chăng?

Bà mẹ đáp như sau:

851. Mẹ đã thấy cơn ác mộng vầy,
Cách đây một tháng đúng hôm nay,
Một người đến cắt lìa tay phải,
Khi mẹ nằm sàng tọa ngủ say,
Rồi nó kéo đi tay vấy máu,
Lệ ta chẳng cản được người này.

852. Tràn ngập lòng ta nỗi hãi hùng,
Từ khi thấy cảnh tượng hung tàn,
Đêm ngày ta chẳng hề hay biết,
Một phút mừng vui hoặc lạc an.

Nói xong, bà lớn tiếng khóc than:

– Ta không biết con yêu quý của ta giờ đây ở đâu, chắc lại có tai họa gì xảy ra cho em con rồi.

Và bà nói to lên:

853. Vương nhi, bao mỹ nữ thanh xuân,
Ngày trước thường kiêu hãnh kế gần,
Trang điểm lưới vàng, tóc óng ả,
Datta con hỡi, vắng long quân!

854. Quanh chàng bao chiến sĩ oai hùng,
Lẫm liệt tuốt gươm, các hạ thần,
Như khóm kaṇikāra hoa chói sáng,
Ôi! Ta tìm kiếm đã hoài công!

855. Ta phải đi theo dấu vết chân,
Tìm nơi chàng đã định nương thân,
Hoàn thành nguyện ước đời tu sĩ,
Và tự biết chàng có vạn an.

Nói xong, bà cùng các thị vệ của chàng và các cung nữ của bà đi ra ngoài. Lúc bấy giờ, các vương phi của Bhūridatta không thấy ngài trên gò mối liền nghĩ rằng ngài về thăm mẹ nên họ không lo lắng, nhưng khi được tin bà đang khóc lóc vì không thấy con đâu, họ đều chạy ra đón bà và quỳ xuống chân bà đồng lớn tiếng kêu than:

– Ôi Mẫu hậu, cả tháng nay chúng thần thiếp chưa gặp đức phu quân.

***

Bậc Đạo sư diễn tả lại cảnh ấy như sau:

856. Các vương phi của vị long vương,
Nhìn mẫu hậu đang bước đến gần,
Họ khóc than vô cùng thảm thiết,
Và dang tay trước mặt bà hoàng.

857. "Long quân danh tiếng Bhūridatta,
Đi vắng nơi đâu một tháng qua,
Sống thác, chúng thần không thể biết,
Trong lòng tuyệt vọng, nói sao giờ."

Mẹ của Bhūridatta cùng các vương phi than khóc ở giữa đường rồi cùng nhau bước vào cung, nỗi sầu khổ của bà tuôn ra không nguôi khi bà nhìn thấy sàng tọa của con.

858. Giống như chim mẹ quá đơn côi,
Nhìn tổ vắng, con bị giết rồi,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta bặt tăm hơi.

859. Giống chim ó biển quá đơn côi,
Nhìn tổ vắng, con bị giết rồi,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta bặt tăm hơi.

860. Và giống như con ngỗng sắc hung,
Nơi hồ nhỏ cạn nước khô khan,
Cũng vậy sầu dâng hoài dạ mẹ,
Bhūridatta vẫn bặt tăm.

861. Thẳm nơi dạ mẹ nỗi bi thương,
Thiêu đốt lửa đang nóng đỏ bừng,
Như thể lò rèn của chú thợ,
Ngoài không thấy cháy, trong hừng hừng.

Trong lúc bà than khóc như vậy, cung thất của Bhūridatta vang dội lên một âm thanh như tiếng biển cả đang động. Không một ai có thể đứng yên. Cả cung thất như rừng cây sāla bị rung chuyển trong cơn bão thổi từ dãy núi Yugandhara.

***

Bậc Đạo sư diễn tả quang cảnh như sau:

862. Như sāla ngã dưới cơn dông,
Cành lá gãy lìa, rễ bật tung,
Cũng vậy vợ con và mẹ nữa,
Nằm trong nhà vắng vẻ tan hoang.

Cả hai hoàng đệ Ariṭṭha và Subhaga đến phụng dưỡng cha mẹ, nghe tiếng động này vội chạy vào cung của Bhūridatta và trấn an mẫu thân.

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh ấy như sau:

863. Ariṭṭha với Subhaga,
Nôn nóng đến an ủi mẹ già,
Nghe tiếng khóc than rền thảm thiết,
Tại nhà của Bhūridatta.

864. Xin mẹ an lòng, dứt khóc than,
Đây là số phận của trần gian,
Mọi loài đều phải qua sinh tử,
Quy luật vô thường vạn vật mang.

Samuddajā đáp:

865. Con ơi, mẹ biết luật rành rành,
Đây số phận muôn loại chúng sinh,
Nhưng mẹ muộn sầu, tâm chấn động,
Khi không nhìn thấy Bhūridatta.

866. Quả thật, nếu không thấy được con,
Bảo châu đem hỷ lạc tâm hồn,
Bhūridatta Đại trí thì ta sẽ,
Kết liễu đêm nay cuộc sống buồn!

Các vương tử vội bảo:

867. Đừng quá sầu bi, hỡi mẹ hiền,
Hãy làm dịu bớt nỗi u phiền,
Chúng con sẽ đón về vương đệ,
Xuyên suốt qua toàn cõi đất liền,
Ở khắp mọi nơi và mọi hướng,
Chúng con theo dõi vết chân em.

868. Băng qua đồi núi hoặc đồng bằng,
Thị trấn và khắp các xóm làng,
Cho đến khi tìm ra tiểu đệ,
Chỉ trong độ khoảng mươi ngày đàng,
Chúng con xin hứa cùng hiền mẫu,
Đem tiểu đệ về được vạn an.

Lúc đó, Sudassana suy nghĩ: "Nếu cả ba anh em ta cùng đi về một hướng e rằng chậm trễ mất, vậy chúng ta phải đi về ba xứ khác nhau: Một lên cõi thiên thần, một đến Tuyết Sơn, một lên cõi nhân gian. Nhưng nếu Kāṇāriṭṭha lên cõi nhân gian, em ta sẽ đốt hết làng xóm, thị trấn nào mà em ta tìm ra được Bhūridatta vì em ta bản tính độc ác, không nên để em ta lên đó."

Thế là chàng bảo em:

– Vương đệ Ariṭṭha, hãy lên cõi trời, xem có phải chăng Thiên chủ triệu vương đệ Bhūridatta để thuyết pháp cho các ngài thì hãy đưa vương đệ trở về.

Chàng lại bảo Subhaga:

– Vương đệ, hãy lên Tuyết Sơn tìm Bhūridatta trong cả năm con sông và đem về đây.

Còn chàng quyết định phần mình lên cõi nhân gian. Chàng suy nghĩ: "Nếu ta giả dạng kim đồng, dân chúng sẽ phỉ báng ta, thôi ta phải giả dạng một ẩn sĩ vì các vị khổ hạnh thường được người đời quý trọng, niềm nở chào đón." Thế là chàng cải trang làm một vị ẩn sĩ khổ hạnh, từ giã mẹ ra đi.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát có một cô em gái khác mẹ, tên gọi Accimukhī, rất yêu thương Bồ-tát. Khi nàng thấy Sudassana ra đi, nàng bảo:

– Vương huynh ôi, em rất lo ngại, cho em đi với!

Chàng đáp:

– Hiền muội, hiền muội không thể đi với ta được vì ta đã cải trang làm ẩn sĩ rồi.

– Thế thì tiểu muội xin biến thành con ếch nhỏ nằm trong mớ tóc bện lại của vương huynh.

Chàng ưng thuận, thế là nàng biến thành ếch con nằm trong mớ tóc bện lại của chàng. Sudassana quyết đi tìm em ngay từ manh mối đầu cho nên chàng hỏi vương phi xem vương đệ hành trì trai giới ở đâu để đi ngay đến đó. Khi chàng thấy vết máu ở nơi Bồ-tát bị Ālambāyana bắt và nơi Ālambāyana đã làm giỏ cây leo để đựng ngài, chàng chắc chắn rằng Bồ-tát đã bị người bắt rắn mang đi nên lòng chàng nặng trĩu u sầu, mắt đẫm lệ đi theo dấu chân Ālambāyana.

Khi chàng đến ngôi làng đầu tiên Bồ-tát biểu diễn tài múa, chàng hỏi dân chúng xem có phải một người bắt rắn đã diễn trò với một con rồng như vậy chăng.

– Đúng vậy, cách đây một tháng, Ālambāyana đã diễn trò như vậy.

– Thế gã có kiếm được gì lợi chăng?

– Gã kiếm được một ngàn đồng tiền chỉ nội nơi này.

– Thế bây giờ gã đi đâu?

– Gã đã đi đến làng nọ rồi.

Chàng lại ra đi, vừa đi vừa hỏi đường, cuối cùng chàng đến cung môn. Ngay lúc ấy, Ālambāyana đã đến nơi, tắm rửa, xức dầu thơm xong, mặc áo dài sang trọng rồi bảo người cung môn mang giỏ đựng rồng được trang hoàng vàng ngọc ấy ra. Dân chúng tụ tập rất đông, một chiếc cẩm đôn đặt sẵn dành cho vua và trong khi còn ở trong cung, vua đã truyền lệnh:

– Trẫm sắp giá đáo, hãy bảo long vương diễn trò đi!

Lúc ấy, gã Ālambāyana đặt cái giỏ đính châu ngọc ấy trên một tấm thảm sặc sỡ đủ màu, ra dấu hiệu bảo:

– Rồng chúa, ra đây!

Sudassana đang đứng trong đám đông lúc bậc Đại sĩ ngẩng đầu lên nhìn quanh dân chúng. Thời bấy giờ, loài nāga nhìn đám người vây quanh vì hai lý do: Một là để xem có chim Garuḷa nguy hại nào, hay là có người thân nào không. Nếu thấy chim Garuḷa thì chúng sẽ không múa vì sợ hãi, còn nếu có người thân nào thì chúng cũng không múa vì hổ thẹn.

Trong lúc nhìn quanh như thế, bậc Đại sĩ thấy anh mình trong đám đông liền cố ngăn dòng lệ đang tràn mi và bò ra khỏi giỏ, tiến đến anh mình. Đám đông thấy ngài đến gần, hoảng sợ bỏ chạy, chỉ còn lại một mình Sudassana, vì thế ngài đến gần anh, đặt đầu lên chân anh và khóc, Sudassana cũng khóc theo. Khóc xong, bậc Đại sĩ trở về chỗ và bò vào giỏ như cũ.

Ālambāyana nhủ thầm: "Chắc rồng này đã cắn ẩn sĩ kia, vậy ta phải an ủi vị đó mới được." Gã đến gần chàng và bảo:

869. Rồng vừa tuột khỏi bàn tay,
Chụp lấy chân ngài thật mạnh thay,
Nó cắn ngài chưa? Xin chớ sợ,
Không gì độc hại nọc rồng này.

Sudassana muốn nói chuyện với gã, vì vậy chàng đáp:

870. Rồng của ngài không thể hại ta,
Ta đây xứng hợp với rồng mà,
Hãy tìm khắp chốn, ngài không thấy,
Một kẻ như rồng rắn giống ta.

Ālambāyana không biết chàng là ai, vì vậy gã nổi giận nói:

871. Gã này giả dạng Bà-la-môn,
Thử thách lão đòi chuyện thiệt hơn,
Tất cả đám đông nghe lão nói,
Xử cho hai phía thật công bằng.

Sudassana liền đáp kệ:

872. Vô địch của ta chính nhái con,
Rồng kia vô địch của Tôn ông,
Hãy đem đánh cuộc năm ngàn chẵn,
Để bọn chúng ta trợ lực hùng.

Ālambāyana bắt bẻ:

873. Ta giàu phương tiện thật cao sang,
Mạt vận ông quê kệch xó làng,
Ai người làm chứng phe ông đó,
Và số tiền đâu đặt xuống bàn?

874. Có phần bảo đảm của ta đây,
Tiền cuộc, nếu ta mất vận may,

Năm ngàn đồng sẽ nêu uy lực,
Việc thử thách kia, đáp ứng ngay.

Sudassana nghe vậy liền bảo:

– Nào ta thử trổ tài để được năm ngàn đồng tiền!

Và chàng không nao núng bước vào cung vua, yết kiến đức vua chính là cửu phụ (cậu) của chàng và ngâm kệ:

875. Muôn tâu Chúa thượng, nghe lời thần,
Đừng bỏ dịp may hưởng phước phần,
Mong Chúa thượng vì thần bảo chứng,
Đem ra đánh cuộc giá năm ngàn!

Vua nghĩ thầm: "Ẩn sĩ này đòi một số tiền quá lớn, thế là nghĩa gì?" Vì thế, ngài liền đáp:

876. Thân phụ ngài trao lại nợ đời,
Hay là món nợ của riêng ngài,
Khiến ngài phải đến đây đòi trẫm,
Một món nợ nghe thật lạ tai?

Sudassana ngâm hai vần kệ:

877. Ālam muốn cuộc với long vương,
Đánh bại hạ thần lập chiến công,
Thần chỉ có đây con nhái bén,
Phá tan kiêu mạn Bà-la-môn.

878. Chúa thượng, xin ngài hãy giáng lâm,
Ngự du cùng với đoàn tùy tùng,
Và nhìn chiến cuộc nơi này nhé,
Đang đợi gã kia đấu với thần.

Vua ưng thuận ra đi cùng với vị ẩn sĩ. Khi Ālambāyana nhìn thấy vua, gã liền nghĩ: "Ẩn sĩ này kéo được nhà vua vào phe mình, chắc phải là thân hữu của vương gia rồi." Gã bỗng sinh ra sợ hãi, vội chạy theo chàng và nói:

879. Ta chẳng muốn đâu hạ nhục ngài,
Ta không một chút muốn khoe tài,
Nhưng ngài khinh thị rồng này quá,
Kiêu mạn sẽ làm thất bại thôi.

Sudassana đáp hai vần kệ:

880. Ta chẳng cầu mong hạ nhục ngươi,
Cũng không khinh kẻ muốn khoe tài,
Nhưng sao ngươi phỉnh phờ dân chúng,
Bằng loại rồng không giết hại ai?

881. Ví thử người ta biết tướng chân,
Như ta thấy nó rõ ràng ràng,

Nói gì đến chuyện vàng hay bạc,
Ngươi chỉ được ăn một bữa xoàng!

Ālambāyana nổi giận đáp:

882. Nhà ngươi khất thực khoác da lừa,
Dơ bẩn và trông vẻ xác xơ,
Ngươi dám khinh khi rồng của lão,
Nói rồng không biết cắn bao giờ!

883. Đến đây và thử việc rồng làm,
Học hỏi bằng kinh nghiệm nếu cần,
Ta bảo đảm dù không độc hại,
Nọc rồng sẽ biến bạn thành than!

Sudassana liền ngâm kệ chế nhạo gã:

884. Chuột hay rắn nước cắn người nào,
Chọc giận nó phun nọc độc sao,
Rồng đỏ đầu này không có hại,
Nó không cắn, dẫu biết phun cao.

Ālambāyana đáp hai vần kệ:

885. Ta đã được bao vị Thánh nhân,
Thực hành pháp khổ hạnh không ngừng,
Bảo người bố thí trong đời sống,
Sẽ đến cõi thiên lúc mạng chung.

886. Ta khuyên ngươi bố thí ngay liền,
Nếu thực ngươi còn chút của tiền,
Rồng sẽ biến ngươi thành cát bụi,
Ngươi không có thể sống lâu bền.

Sudassana lại nói:

887. Ta cũng nghe từ các Thánh nhân,
Những người bố thí đến thiên cung,
Vậy mau bố thí khi còn sống,
Nếu có vật gì để phát phân.

888-89. Nhái của ta không phải loại thường,
Sẽ làm ngươi hạ giọng kiêu căng,
Là công chúa của long vương đó,
Nàng ấy là bào muội chính tông,
Mồm của Acci phun ngọn lửa,
Hơi nàng cực độc, tiếng vang lừng.

Rồi chàng đứng giữa đám đông gọi to:

– Này hiền muội Accimukhī, em hãy ra khỏi tóc ta và ở trên tay ta!

Chàng đưa tay ra và khi nàng nghe chàng bảo liền thốt lên tiếng kêu ba lần như loài ếch lúc còn nằm trong tóc chàng, rồi nàng nhảy ra vai chàng, phun ra ba giọt nọc độc trên lòng bàn tay chàng rồi trở lại mái tóc chàng như cũ. Sudassana đứng cầm nọc rắn ấy nói lớn ba lần:

– Xứ này sẽ bị tiêu hủy!

Âm vang rền khắp Ba-la-nại đến mười hai do-tuần. Vua nghe tiếng ấy bèn hỏi:

– Tại sao xứ này sẽ bị tiêu hủy?

– Tâu Đại vương, thần chẳng thấy chỗ nào có thể thả nọc này xuống được.

– Đất này rộng lắm, cứ thả xuống đất đi!

– Tâu Đại vương, không thể thả xuống đất này được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

890. Nếu thần thả nó xuống đồng bằng,
Tâu Đại vương, nghe kỹ hạ thần,
Đám cỏ, cây leo và dược thảo,
Thảy đều tiêu diệt cháy khô cằn.

– Vậy thì hãy ném lên trời!

– Cũng không được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

891. Nếu hạ thần nghe lệnh Đại vương,
Ném tung nọc độc giữa không gian,
Trời không còn đổ mưa, rơi tuyết,
Trong khoảng thời gian đến bảy năm.

– Vậy thì hãy ném xuống nước!

– Cũng không được!

Chàng đáp bằng vần kệ sau:

892. Nếu vào trong nước, nọc này rơi,
Tâu Đại vương, nghe kỹ mấy lời,
Tất cả cá, rùa đều phải chết,
Muôn loài thủy tộc sống ngoài khơi.

Vua kêu lên:

– Trẫm cũng chẳng biết làm sao nữa! Ngài hãy chỉ cho trẫm cách nào để đất nước khỏi bị tiêu diệt.

– Tâu Đại vương, xin cho đào ba hố liền nhau.

Vua ra lệnh làm ngay. Sudassana đổ đầy thuốc độc vào hố giữa, phân bò vào hố thứ hai và thần dược vào hố thứ ba, rồi chàng thả nọc độc vào hố giữa, một ngọn lửa đầy khói bùng lên lan qua hố phân bò, bùng lên lần nữa rồi lan qua hố thuốc độc, thiêu rụi hết thuốc rồi mới tắt. Ālambāyana đứng gần hố ấy,

bị hơi nóng của nọc độc bắt phải, màu da liền biến dạng và gã thành tên hủi trắng. Gã kinh hoàng la lên ba lần:

– Ta sẽ thả rồng chúa ra!

Nghe thế, Bồ-tát liền bước ra khỏi giỏ dát ngọc vàng ấy, hiện hình sáng lòa mang đầy châu ngọc, sừng sững uy nghi trong dáng điệu của Thiên chủ Inda. Sudassana và Accimukhī cũng đứng nơi ấy.

Lúc đó, Sudassana hỏi vua:

– Đại vương có biết đây là các con của ai chăng?

– Trẫm không được biết.

– Đại vương không biết chúng thần, nhưng Đại vương biết chuyện vua xứ Kāsi gả Công chúa Samuddajā cho rồng chúa Dhataraṭṭha chứ?

– Trẫm biết rõ lắm, đó là tiểu vương muội của trẫm.

– Chúng thần là các con của công chúa ấy, Đại vương là cữu phụ của chúng thần.

Thế rồi, vua ôm lấy các cháu, hôn lên đầu và khóc xong lại đưa các cháu vào cung tiếp đãi rất trọng thể. Trong khi vua ân cần đón tiếp Bhūridatta, vua hỏi Bồ-tát bằng cách nào Ālambāyana đã bắt được ngài trong khi ngài có nọc thần vô địch như vậy. Sudassana liền kể hết đầu đuôi câu chuyện rồi bảo:

– Tâu Đại vương, một vị vua phải trị vì quốc độ như thế này.

Chàng liền thuyết pháp cho vua rồi chàng bảo:

– Tâu cữu phụ, mẫu hậu đang héo mòn vì vắng bóng Bhūridatta, chúng tiểu điệt không dám ở lâu hơn nữa.

– Phải lắm, các hiền điệt cứ ra về, nhưng trẫm cũng muốn gặp vương muội, vậy làm cách nào?

– Tâu cữu phụ, thế tổ phụ, Đại vương Kāsi đâu rồi?

– Ngài không thể sống thiếu vương muội nên ngài đã rời ngôi báu, đi làm ẩn sĩ, hiện đang sống trong rừng kia.

– Tâu cữu phụ, mẫu hậu cũng đang ao ước được gặp tổ phụ cùng cữu phụ. Chúng tiểu điệt xin đưa mẫu hậu đến lều ẩn sĩ của tổ phụ, lúc ấy cữu phụ sẽ gặp luôn mẫu hậu tại đó.

Thế là họ định ngày xong và rời khỏi cung. Sau khi từ giã các cháu trai, vua khóc lóc trở vào, còn họ liền độn thổ ra đi về cảnh giới nāga.

***

VII. GÃ THỢ SĂN BỊ TRỪNG PHẠT

Khi bậc Đại sĩ trở về với dân chúng như vậy, cả kinh thành đang rền vang những lời than khóc khắp nơi. Chính ngài cũng mệt mỏi vì cả tháng trời ở trong

giỏ nên đi nằm dưỡng bệnh và thần dân nāga tấp nập đến viếng thăm ngài đông vô số, khiến ngài lại mệt thêm vì phải chuyện trò cùng họ.

Trong lúc ấy, Kāṇāriṭṭha lên thiên giới tìm không gặp bậc Đại sĩ, là người trở về đầu tiên nên chàng được phân công làm thần canh cửa của bậc Đại sĩ, vì chàng được xem là người có tính tình nóng nảy, có thể xua tan hết đám đông nāga ấy.

Phần Subhaga, sau khi tìm khắp vùng Tuyết Sơn, cả đại dương cùng các sông ngòi mà cũng không gặp liền phiêu bạt đến vùng sông Yamunā để tìm kiếm. Lúc bấy giờ, gã thợ săn Bà-la-môn thấy Ālambāyana đã hóa thành người hủi, nghĩ thầm: "Gã ấy hóa hủi chỉ vì quấy phá Bhūridatta; nay ta cũng vậy, chỉ vì tham ngọc báu mà phản bội ngài dù ngài là ân nhân của ta, tội này ta sẽ phải mang. Vậy trước khi họa đến, ta phải xuống dòng sông Yamunā rửa sạch tội trong chỗ tẩy uế linh thiêng này."

Thế rồi gã xuống sông, tự cho là sẽ rửa sạch tội phản bội kia. Vừa lúc ấy, Subhaga đến nơi, nghe gã nói liền nghĩ thầm: "Gã khốn nạn tồi tệ này chỉ vì tham bảo ngọc mà phản bội anh ta, ngài đã ban cho gã mọi phú quý vinh hoa, ta không thể nào tha mạng gã được." Vì vậy, chàng cuộn đuôi quanh chân gã, kéo gã dìm xuống nước đến khi gã ngạt thở, chàng để yên gã một lát, gã ngẩng đầu lên, chàng lại dìm xuống, nhiều lần như thế cho đến cuối cùng gã thợ săn Bà-la-môn kia ngẩng đầu lên nói:

893. Ta đang tẩy tịnh chốn thiêng này,
Bãi Payāga linh hiển thay,
Hỡi kẻ nào lôi ta kéo xuống,
Chìm vào sóng nước Yamunā?

Subhaga đáp lời gã qua vần kệ sau:

894. Chuyện kể ngày xưa có vị thần,
Đến Kāsi đất nước kiêu căng,
Long vương thật hiển vinh danh vọng,
Hùng dũng cuộn tròn khắp núi sông,
Ta chính con ngài đang chụp lão,
Tên Subha, hỡi Bà-la-môn!

Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: "Em trai của rồng chúa Bhūridatta không muốn tha chết cho ta, nhưng ta thử làm động từ tâm của vị này bằng cách tán tụng phụ mẫu của họ rồi xin tha mạng xem sao!" Thế là gã ngâm kệ sau:

895. Kāsi vương tử thật oai linh,
Mẫu hậu sinh dòng giống hiển linh,
Ngài chớ để nô tài hạ đẳng,
Chết chìm trong sóng nước vô tình.

Subhaga nghĩ thầm: "Gã Bà-la-môn độc ác này cố đánh lừa ta để ta xiêu lòng mà tha nó, nhưng ta chẳng tha nó đâu." Thế là chàng đáp, nhắc lại các hành động của gã:

896. Một nai khát nước đến dòng sông,
Từ bụi cây, ngươi núp bắn cung,
Kinh hãi, đau thương nai chạy trốn,
Bỗng dưng tai họa giáng vào thân.

897. Ngươi thấy trong rừng nai ngã ra,
Ngươi đem đòn gánh vác nai qua,
Đến cây đa mọc đầy cành lá,
Chằng chịt bao quanh gốc rễ cha.

898. Sơn ca trỗi khúc nhạc du dương,
Anh vũ trên cây nhảy rộn ràng,
Đất trải cỏ xanh như thảm lót,
Hoàng hôn mời nghỉ bước an nhàn.

899. Mắt ngươi độc ác thấy anh ta,
Đang ẩn mình trong đám lá đa,
Mang sắc áo hè tươi rực rỡ,
Vui đùa cùng với các cung nga.

900-01. Hoan hỷ, anh ta chẳng hại ai,
Sao ngươi độc ác giết oan ngài,
Nạn nhân vô tội, nhìn đây nhé,
Tội ấy trên đầu ngươi tái lai,
Ta chẳng tha ngươi dù phút chốc,
Ngươi đành trả hận tối cao này.

Gã Bà-la-môn nghĩ thầm: "Vị này quyết không tha mạng ta, song ta phải tìm mọi cách thoát đi mới được." Rồi gã ngâm kệ sau:

902. Học hành, cầu nguyện để cúng dâng,
Làm tế lễ trong ngọn lửa thần,
Ba việc khiến La-môn được sống,
Không ai xúc phạm dẫu hờn căm.

Subhaga nghe gã nói đâm ra do dự, chàng nghĩ thầm: "Ta sẽ mang nó về cảnh giới nāga hỏi các vương huynh ra sao." Và chàng ngâm hai vần kệ:

903. Dưới dòng sông thánh Yamunā,
Trải tận chân đèo núi Tuyết xa,
Thủ phủ nāga chìm đáy nước,
Là nơi ngự trị chúa Dhatta.

904. Cũng là cung thất các vương huynh,
Ta sẽ đưa lời ngươi biện minh,
Tùy các vương huynh quyền định đoạt,
Xử ngươi tối hậu thật công bình.

Chàng liền lôi cổ gã đi xềnh xệch cùng lớn tiếng lăng mạ, phỉ báng gã cho đến cung môn của bậc Đại sĩ.

***

VIII. BẬC ĐẠI TRÍ BÁC BỎ VỆ-ĐÀ

Kāṇāriṭṭha đã trở thành thần giữ cửa đang ngồi đó, thấy gã kia bị kéo lôi đi một cách thô bạo như thế liền ra gặp họ và bảo:

– Này Subhaga, đừng làm gã bị thương, tất cả Bà-la-môn đều là con của đấng Đại Phạm thiên. Nếu ngài biết ta làm con ngài bị thương, ngài sẽ nổi giận và tiêu diệt thế giới nāga của ta. Trên thế gian này các Bà-la-môn có địa vị cao nhất và thụ hưởng đại vinh danh, vương huynh chưa biết uy danh của họ, nhưng tiểu đệ đã biết rõ lắm.

Vì chuyện kể rằng Kāṇāriṭṭha trong tiền kiếp ngay trước đời này đã sinh ra làm một Bà-la-môn tế tự nên chàng mới nói quả quyết như vậy. Hơn nữa, nhờ kinh nghiệm của đời trước, chàng rất thông thạo việc tế tự cho nên chàng bảo Subhaga cùng hội chúng nāga:

– Đến đây nào các bạn, ta sẽ giải thích cho các bạn biết đặc tính cao quý của các vị thực hiện tế lễ.

Rồi chàng bắt đầu ca ngợi việc tế lễ:

905. Các Vệ-đà và lễ tế đàn,
Những uy lực lớn ở trần gian,
Thuộc về số ít La-môn ấy,
Người chẳng thể cười họ, nhạo khinh.
Và nếu kẻ nào chê trách họ,
Sẽ tiêu tài, phạm luật, không an.

Rồi Kāṇāriṭṭha hỏi Subhaga có biết ai tạo ra thế giới này không, khi Subhaga bảo không biết, chàng liền ngâm kệ bảo rằng thế giới được tạo ra bởi đấng Phạm thiên, là vị tổ của các Bà-la-môn:

906. Ngài tạo La-môn để học hành,
Tạo dòng Sát-đế-lỵ điều binh,
Cày bừa Vệ-xá, và ngài tạo,
Nô lệ Thủ-đà phụng mệnh trên.
Như vậy, Chúa trời ban thượng lệnh,
Từ thời nguyên thủy đã hình thành.

Kế đó, chàng bảo:

– Các Bà-la-môn này có rất nhiều uy lực, ai thân cận với họ và cúng dường họ nhiều lễ vật thì sẽ được ngài định số phận cho khỏi tái sinh mà được lên ngay thiên giới.

Rồi chàng đọc kệ sau:

907. Kuvera, Soma, Varuṇa các thần,
Dhātā, Vidhātā cùng trời, trăng,
Bao phen đã cử hành đàn tế,
Ban các La-môn mọi phước ân.

908. Ajjuna vĩ đại giáng tai ương,
Chi chít ngàn tay mọc khắp thân,
Mỗi cặp tay cầm cung dọa nạt,
Dâng thần lửa lễ vật đầy tràn.

Chàng tiếp tục tả, ca ngợi các vị Bà-la-môn qua vần kệ:

909. Có vị vua xưa đã cúng dâng,
Lâu đài, đầy đủ vật uống ăn,
Với tâm tịnh tín và tùy hỷ,
Nên đã trở thành một vị thần.

Rồi chàng lại đọc vần kệ diễn tả việc thực hiện cúng dâng của vị vua này:

910. Vua Muja cúng thần lửa bơ,
Thần hảo sắc dung, nhận lượng to,
Nhờ việc dâng thần kính quý ấy,
Vua này đạt cõi thiên cao vời.

Rồi chàng ngâm các vần kệ này để chứng minh bài thuyết giáo của chàng:

911. Dujīpa sống trọn ngàn năm,
Xe ngựa, quân hầu thảy phục tuân,
Ngài chọn cuối cùng đời ẩn sĩ,
Từ am tranh đã đến thiên cung.

912. Sāgara chiến thắng khắp trần gian,
Dựng trụ vàng dâng lễ tế đàn,
Không ai thờ lửa hơn ngài cả,
Ngài cũng thăng thiên hóa vị thần.

913. Sữa, lạc, Aṅga chúa Kāsi,
Cúng dâng liên tục tưới tràn trề,
Làm ngập sông Hằng thành biển cả,
Cuối cùng triều Đế-thích ngài về.

914. Đại đế Sakka có tướng quân,
Dâng Soma tửu được vinh thăng,

Nay ngài nắm giữ bao thần lực,
Từ số phận như mọi thế nhân.

915. Phạm thiên, đại tạo hóa thành hình,
Ranh giới núi non tại tế đình,
Tuân lệnh ngài, sông Hằng chảy xuống,
Vinh quang ngài đạt bởi hy sinh.

916. Người đời đã nói rõ nguyên nhân,
Mālāgiri và Tuyết Sơn,
Linh Thứu cùng Sudassana,
Nisabha với Kākaneru,
Cộng các núi cao hùng vĩ khác,
Là nhờ các tế sư hình thành.

Rồi chàng hỏi anh:

– Này vương huynh, anh có biết tại sao biển cả thành muối mặn không uống được chăng?

– Hiền đệ Ariṭṭha, ta không được biết.

– Vương huynh chỉ biết làm tổn hại các Bà-la-môn thôi, này hãy nghe đây!

Rồi chàng ngâm vần kệ:

917. Chuyện kể một Hiền thánh thuở xưa,
Đang khi cầu nguyện ở bên bờ,
Bị chìm xuống biển, từ thời đó,
Nước biển không sao uống đến giờ!

Tất cả các Bà-la-môn đều như thế đấy. Rồi chàng đọc kệ khác:

918. Đế-thích xưa thành đấng Ngọc hoàng,
Đặc ân chiếu xuống Bà-la-môn,
Đông, Tây, Nam, Bắc đồng dâng lễ,
Nên được Vệ-đà, họ hưởng phần.

Cứ thế Ariṭṭha miêu tả các Bà-la-môn cùng các tế lễ hy sinh và kinh Vệ-đà cho hội chúng nāga. Nghe vậy, nhiều nāga tìm đến thăm Bồ-tát bên giường bệnh và bảo nhau:

– Vương tử đang kể chuyện cổ tích.

Rồi dường như có nguy cơ là họ chấp nhận tà thuyết ấy.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát đang nằm trên giường bệnh nghe hết câu chuyện xong, hội chúng nāga lại kể cho ngài nghe, ngài suy nghĩ: "Ariṭṭha đang kể một chuyện cổ sai lạc, ta phải ngắt lời thuyết giảng của em ta và đem chánh kiến lại cho hội chúng này." Rồi ngài trở dậy tắm rửa, trang hoàng châu báu xong liền ngồi trên bảo tọa, tụ tập hội chúng nāga lại. Ngài cho gọi Ariṭṭha đến bảo:

– Này Ariṭṭha, hiền đệ đã nói lời sai lầm khi diễn tả các Bà-la-môn và kinh Vệ-đà, vì các tế lễ hy sinh theo nghi thức của kinh Vệ-đà không phải là điều đáng mơ tưởng và nó không thể đưa lối đến thiên giới. Hãy nhìn kỹ đây những gì hư vọng trong lời nói của hiền đệ!

Thế rồi ngài ngâm các vần kệ này miêu tả các loại tế lễ hy sinh khác nhau:

919. Vệ-đà là bẫy kẻ khôn ngoan,
Lôi cuốn làm hư hỏng nạn nhân,
Ảo ảnh tạo mê lầm mắt tục,
Song bao bậc Trí vượt an toàn.

920. Kinh Vệ-đà không bí lực thần,
Cứu người hèn, phản bội, vô luân,
Lửa kia dù thắp bao năm tháng,
Vô vọng cuối cùng tên chủ nhân.

921. Dù cây toàn cõi đất chồng cao,
Để thỏa nguyện thần lửa khát khao,
Nó vẫn thèm thuồng, khao khát mãi,
Nãga mong đáp ứng làm sao.

922. Sữa thường cứ thế biến dần lên,
Bơ, sữa đông là chuyện tự nhiên,
Khao khát đổi thay vầy ngọn lửa,
Càng khơi động, nó mãi cao lên.

923-24. Lửa không cháy tự gỗ tươi, khô,
Lửa cần nhen nhúm mới bùng to,
Gỗ tươi, khô nếu đều bừng cháy,
Ắt hẳn rừng xanh hóa hỏa lò!

925. Kẻ chất củi, rơm đốt lửa cao,
Đạt nhiều công đức, khác đâu nào,
Đầu bếp nhen lò, hay thợ nguội,
Hoặc người thiêu xác chết kia sao.

926. Chẳng ai cầu nguyện, dẫu thành tâm,
Hoặc chất mồi lên đốt lửa hồng,
Được phước đức gì nhờ tế lễ,
Lửa cao ngất khói cũng tàn dần.

927. Lửa mà bạn nghĩ đáng tôn vinh,
Vậy phải ở cùng rác thối tanh,
Ăn xác chết, hân hoan độc ác,
Mọi người kinh tởm vội quay nhanh.

928. Có người tôn kính lửa như thần,
Giống bọn man di trọng nước sông,

Bọn chúng lạc ra ngoài chánh đạo,
Đều không xứng được gọi thần nhân.

929. Thờ lửa, tôi đòi của thế nhân,
Vô tình, mù điếc trước lời than,
Sống đời ích kỷ đầy lầm lỗi,
Mơ tưởng thiên đường có được chăng?

930. Bà-la-môn ấy muốn làm ăn,
Nên bảo Phạm thiên cúng lửa thần,
Sao tạo hóa làm ra vạn vật,
Lại thờ tạo vật chính tay làm?

931. Vì muốn được tôn kính, cao ngai,
Nên xưa họ thuyết lý khôi hài,
Hão huyền, khó hiểu về giai cấp,
Trước khi họ đạt lợi danh hoài.

932. "La-môn cao quý học hành chuyên,
Sát-lỵ làm vua nắm lực quyền,
Vệ-xá lo cày bừa ruộng đất,
Thủ-đà phục vụ cho người siêng,
Tầng nào phụ trách nơi tầng ấy,
Đấng tối cao từng tạo vậy nên."

933. Và thuyết này xem là lý chân,
Như điều đã nói bởi La-môn,
Chẳng sanh hoàng tộc, ngai không được,
Chẳng phải La-môn, chú chẳng rành,
Người khác không cày, chỉ Vệ-xá,
Thủ-đà phục dịch người luôn tuân.

934. Vọng ngữ, tham lam thuyết đảo điên,
Kẻ ngu tin tưởng chuyện hư huyền,
Ai người có mắt nhìn toàn cảnh,
Sao chẳng công bình, hỡi Phạm thiên?

935-36. Nếu quyền vô hạn khắp nơi nơi,
Sao chính tay ban phúc hiếm hoi,
Sao vật ngài sinh đều chịu khổ,
Sao không ban phúc đến muôn loài?

937-38. Lừa dối, ngu si ở khắp nơi,
Tràn đầy hư vọng, chánh chân vơi,
Phạm thiên là vị bất công quá,
Đã tạo thế gian lắm trái sai.

939. Những kẻ được xem là trắng trong,
Tha hồ giết nhái, rắn, trùng, ong,
Tục này man rợ, ta khinh ghét,
Như thể Kambo, bộ lạc rừng.

940. Nếu kẻ giết kia được trắng trong,
Nạn nhân cũng được đến thiên đàng,
La-môn hãy giết La-môn sạch,
Như vậy bọn này được lạc an,
Và cả những ai nghe thật kỹ,
Những lời chúng nói thật tà gian.

941. Chẳng thấy bò, dê muốn thiệt thân,
Để mong có cuộc sống cao hơn,
Chúng miễn cưỡng đi vào chỗ chết,
Vẫy vùng tuyệt vọng trút hơi tàn.

942. Bao phủ tế đàn chuyện sát sinh,
Tuôn lời bóng bẩy tuyệt tài tình,
"Tế đàn như thể con bò mập,
Bảo đảm bao tâm nguyện đạt thành."

943-44. Nếu củi chất quanh vật tế thần,
Chứa đầy kho báu, họ ca vang,
Bạc, vàng, châu, ngọc cho ta hưởng,
Cùng lạc thiên cung sẽ ngập tràn,
Hẳn họ tế đàn riêng họ hưởng,
Giữ cho mình sản nghiệp giàu sang.

945. Bọn dối lừa, ngu xuẩn, ác gian,
Chuyện dài thêu dệt phỉnh ngu dân,
"Dâng tiền, cắt móng và râu tóc,
Người sẽ được như nguyện thỏa lòng."

946-47. Thí chủ ngây ngô sẵn nhiệt tình,
Với hầu bao đến, chúng vây nhanh,
Như bầy quạ xúm quanh chim cú,
Tâm hướng về bao chuyện ác hành,
Khiến nạn nhân kia thành sạt nghiệp,
Cuối cùng bị lột sạch sành sanh,
Đồng tiền chắc chắn người kia có,
Đổi lấy hứa suông chẳng thực hành.

948-49. Như bọn lạ tham được lệnh vua,
Tịch thu tài sản của nông gia,

Bọn này cướp chỗ nào rình rập,
Tìm của với con mắt ác tà,
Không luật lệ nào lên án chúng,
Tuy nhiên chúng phải chết là vừa!

950-51. Tế sư phải nắm gậy palāsa,
Làm lễ tế đàn tự trước kia,
Nó được gọi thay Thiên chủ đấy,
Thế nhưng nếu thật vậy từ xưa,
Phải chăng Thiên chủ Inda đã,
Chiến thắng được yêu quỷ địch thù,
Tay của trời cho ngài ích lợi,
Có đâu làm quỷ sợ vu vơ?

952. Người đời đã nói rõ nguyên nhân,
Mālāgiri và Tuyết Sơn,
Linh Thứu cùng Sudassana,
Nisabha với Kākaneru,
Cộng các núi cao hùng vĩ khác,
Là nhờ các tế sư hình thành.

953. Mỗi rặng núi trong quốc độ kia,
Chính là lễ vật tự ngàn xưa,
Đặt lên đàn tế thành từng đống,
Tín chủ đưa tay nhẫn nại ra,
Chất lễ vật lên cao tựa núi,
Tuân theo lệnh Đại Phạm thiên mà.

954. Núi được chất cao với lễ dâng,
Nói như vậy đó các La-môn,
Khoe khoang huyễn hoặc, ôi ô nhục!
Đống gạch kia dù kiếm hết lòng,
Cũng chẳng chứa đâu nguồn mạch sắt,
Để người thợ mỏ phải hoài công.

955. Chuyện kể một Hiền thánh thuở xưa,
Đang khi cầu nguyện ở bên bờ,
Bị chìm xuống biển, từ thời đó,
Nước biển không sao uống đến giờ!

956. Sông đã nhận chìm các Thánh hiền,
Hằng trăm, mà nước vẫn bình yên,
Xuôi dòng chảy mãi không hề thối,
Sao chỉ biển xanh giữ hận hiềm?

957. Giếng nước người đào ở thế gian,
Theo dòng, có nước mặn tuôn tràn,
Phải đâu kéo xuống vào trong ấy,
Những vị La-môn, bởi lời đồn,
Thế mà loài rắn kia đã nói,
Nước này không thể uống vào đâu.

958. Trước tiên chẳng có nữ, nam nhân,
Trí óc làm nhân loại sáng dần,
Dòng giống ban đầu bình đẳng cả,
Nhưng vì thành bại đã bao lần,
Làm con người đổi thay ngôi thứ,
Chẳng phải vì xưa thiếu phước ân,
Những lỗi lầm ngày nay đã khiến,
Họ thành ưu thắng hoặc cùng bần.

959 Kẻ hạ đẳng kia dùng trí khôn,
Đọc kinh này, trí chẳng cao hơn,
La-môn tạo Vệ-đà làm hại,
Khi các tha nhân đạt trí thông.

960. Như vẹt, câu ca được thuộc lòng,
Khó quên vì nhịp điệu du dương,
Tối tăm ý nghĩa làm mê mẩn,
Ngu trí nuốt trôi thật bốc đồng.

961. Bà-la-môn chẳng giống thú hoang,
Sư tử, cọp, beo của núi ngàn,
Chúng với trâu, bò đồng một loại,
Khác loài nhưng trí vẫn ngu đần.

962. Nếu vua thắng trận dứt đao binh,
Và sống bình an với bạn mình,
Chế ngự dục tham, theo chánh đạo,
Muôn dân hạnh phúc sống phồn vinh.

963. Vệ-đà, Sát-đế-ly cầm quyền,
Độc đoán cả hai, lại hão huyền,
Mù quáng, chúng lần mò tiến bước,
Trên đường hồng thủy ngập liên miên.

964. Vệ-đà, Sát-ly nắm quyền năng,
Thâm nghĩa, chúng ta thấy nhận chân,
Rốt cuộc nhục vinh hay được mất,
Cùng chung số phận bốn giai tầng.

965. Như các chủ nhà muốn kiếm ăn,
Tính bao nghề tốt đẹp, an toàn,
La-môn nay gặp ngày tàn mạt,
Tìm kế sinh nhai đủ mọi đàng.

966. Chủ nhà lầm lạc bởi tham vàng,
Mù quáng đi theo dục dẫn đàng,
Bày đủ mọi trò lừa đảo ấy,
Kẻ ngu phải đọa, khác người khôn.

Bậc Đại sĩ đánh tan mọi luận thuyết của họ như vậy và chứng tỏ luận thuyết của mình. Khi hội chúng nāga nghe ngài thuyết giảng, tâm họ tràn đầy hoan hỷ. Bậc Đại sĩ cho thả tên thợ săn Bà-la-môn ra khỏi cảnh giới nāga mà không hề đá động gì đến gã, dù chỉ bằng một lời nói khinh miệt.

Vua Sāgara Brahmadatta cũng không lỗi hẹn, vội ngự du cùng binh lính đến nơi trú ngụ của vua cha.

Sau khi đánh trống báo cho thần dân biết ngài sẽ đi thăm ngoại tổ phụ và quốc cửu, bậc Đại sĩ du hành qua sông Yamunā với vẻ long trọng huy hoàng. Trước tiên, ngài ngự đến am ẩn sĩ của tổ phụ, theo sau ngài có đầy đủ các vương tử cùng phụ vương, mẫu hậu của ngài.

Lúc ấy, Vua Sāgara Brahmadatta chưa nhận ra bậc Đại sĩ khi ngài tiến đến cùng đoàn tùy tùng liền hỏi vua cha:

967. Chiêng trống nào đây, tiếng nói vang,
Trầm hùng hòa điệu giữa không gian,
Làm tâm Thánh thượng đầy hoan hỷ,
Đàn sáo, tù và, tiếng trống con?[53]

968. Ai là nam tử bước hiên ngang,
Nai nịt cung tên được điểm trang,
Vương miện quanh đầu đang chiếu sáng,
Khác nào ánh chớp tỏa hào quang?

969. Ai đó uy nghi bước đến gần,
Sáng ngời tướng mạo dáng thanh xuân,
Như cành phượng vĩ đang hồng đỏ,
Lò thợ rèn kia cháy sáng bừng?

970. Chiếc lọng của ai sáng sắc vàng,
Có khung sườn đẹp xinh cao sang,
Che tia ngọ nhật đang soi chiếu,
Ai đến hào quang tỏa rỡ ràng?

---

[53] Các câu kệ từ 967-71, xem *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532.

971. Ai người đầy phước báu dày sâu,
Có cả hai bên những kẻ hầu,
Cầm quạt đuôi trâu rừng mịn tốt,
Che ai đôi phía ở trên đầu?

972-74. Gậy vàng vung vẩy các đuôi công,
Hòa đủ màu bên cạnh mặt rồng,
Rực rỡ vòng tai tô điểm tóc,
Khác nào tia chớp lóe không trung?

975-76. Hào kiệt nào đây mắt sáng trong,
Mão long đội giữa đôi mày cong,
Răng trắng như chồi hoa, vỏ ốc,
Hoàn toàn đều đặn, thẳng ngay hàng?

977-78. Bàn tay hồng đỏ tựa sơn son,
Như đóa bimba thắm nở tròn,
Chàng trẻ sáng ngời như mặt nhật,
Như sāla nở rộ đầu non,
Inda Thiên chủ mang bào giáp,
Chiến thắng kẻ thù, thảy dẹp tan.

979. Ai vừa hiện trước nhãn quang ta,
Mở ví bên sườn, tuốt kiếm ra,
Chuôi nạm ngọc vàng đầy kỹ xảo,
Huy hoàng chiếu sáng dưới tay ngà?

980. Ai cởi hài vàng khỏi gót chân,
Hài thêu dệt gấm thật cao sang,
Cúi đầu trịnh trọng trang nghiêm lễ,
Bày tỏ lòng tôn kính Trí nhân?

Khi nghe con của ngài là Vua Sāgara Brahmadatta hỏi như vậy, vị ẩn sĩ xuất gia đã chứng đắc thắng trí cùng các thần thông liền trả lời:

– Này Vương nhi, đó là các vương tử của Vua Dhataraṭṭha, các nāga con của bào muội con đó.

Rồi ngài ngâm kệ sau:

981. Dhataraṭṭha vương tử các chàng đây,
Uy lực, vinh quang vĩ đại thay,
Tất cả đều tôn sùng chấp nhận,
Samuddajā mẫu hậu chung này.

Trong lúc các vị đang đàm đạo, hội chúng nāga đến nơi, đảnh lễ dưới chân vị ẩn sĩ rồi ngồi xuống một bên. Công chúa Samuddajā cũng đảnh lễ cha xong, khóc lóc một hồi rồi từ tạ, cùng hội chúng nāga trở lại thế giới của mình. Quốc

vương Sāgara ở lại đó vài hôm rồi trở về thành Ba-la-nại. Còn Công chúa Samuddajā về sau qua đời tại thế giới nāga.

Phần Bồ-tát vẫn giữ giới suốt đời và tu tập đủ mọi công hạnh trong ngày trai giới nên khi mạng chung, ngài cùng với hội chúng nāga đi lên thiên giới thật đông đảo.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư dạy:

– Như vậy các vị thiện nam, các bậc Hiền nhân ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã từ bỏ mọi vinh quang của quốc độ nāga và trang nghiêm hành trì các công hạnh trong ngày trai giới.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, gia tộc của Đại vương là cha mẹ Ta, gã thợ săn Bà-la-môn là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Somadatta là Ānanda (A-nan), Accimukhī là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), Sudassana là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Subhaga là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Kāṇāriṭṭha là Sunakkhatta và Bhūridatta chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

§544. CHUYỆN CANDAKUMĀRA (*Candakumārajātaka*)[54] (*J.* VI. 129)

Ngày xưa có một vị hôn quân...

Trong lúc trú tại Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu), bậc Đạo sư đã kể câu chuyện này liên quan đến Devadatta (Đề-bà-đạt-đa).

Nội dung câu chuyện có trong *Chương kẻ phá hòa hợp Tăng chúng* [thuộc Tạng luật]. Chuyện được Như Lai nói rõ kể từ khi vị này xuất gia đến khi mưu sát Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la). Ngay sau khi Devadatta đã lập mưu sát hại vua này, ông liền đi tìm Vua Ajātasattu (A-xà-thế) và nói:

– Tâu Đại vương, ý nguyện của ngài đã thành, nhưng ý nguyện của ta chưa thành.

Vua trả lời:

– Ngài muốn gì?

– Thật sự ta muốn cho người giết đấng Thập Lực và ta sẽ trở thành đức Phật.

– Vậy thì ta phải làm sao đây?

– Ta phải tập hợp các tay thiện xạ lại.

Vua chấp thuận, truyền triệu tập năm trăm người thiện xạ có thể bắn cung nhanh như chớp, trong số đó chỉ lựa ra ba mươi mốt người, đưa họ đến gặp Devadatta và bảo họ phải tuân lệnh ông. Ông gọi người trưởng đoàn ra dặn:

---

[54] Câu chuyện này trong bản Tích Lan và PTS: *Khaṇḍahālajātaka*, số 542; trong bản CST: Candakumārajātaka, số 544. Tham khảo: *Cp.* 77, *Candakumāracariya* (*Hạnh của Hoàng tử Canda*).

– Này hiền hữu, Sa-môn Gotama đang sống trên núi Linh Thứu, hằng ngày Ngài thường kinh hành trong tịnh thất vào một thời điểm nào đó. Vậy bạn hãy đến đó bắn Ngài với tên tẩm thuốc độc, khi đã giết hại Ngài xong, hãy trở về bằng con đường này!

Rồi ông lại cho hai người thiện xạ đi theo con đường kia, bảo họ:

– Các vị sẽ gặp một người trên đường đi, hãy giết người ấy và trở về bằng con đường này!

Ông lại cho bốn người thiện xạ đi đường kia với lời dặn dò như vậy. Sau đó, ông lại dặn thêm tám người, rồi mười sáu người thiện xạ như trên. Tại sao ông làm như vậy? Chính là để che giấu sự thâm độc của mình.

Thế rồi, người trưởng đoàn thiện xạ buộc kiếm bên sườn trái, bao đựng tên bên lưng, cầm lấy chiếc cung làm bằng sừng dê và đi đến chỗ đức Như Lai trú ngụ. Nhưng sau khi ông giương cung lên và nhắm mũi tên để bắn Ngài, lại không thể thả dây cung được, toàn thân cứng đờ như thể bị đè bẹp. Ông cứ đứng đó kinh hoàng với nỗi sợ chết.

Khi bậc Đạo sư nhìn thấy ông, Ngài liền nói với giọng dịu dàng:

– Đừng sợ, hãy đến đây!

Ông lập tức ném vũ khí và vừa nói vừa sụp người xuống đảnh lễ chân Thế Tôn:

– Bạch đức Thế Tôn, tội lỗi đã trấn áp con như một đứa trẻ, như một tên khùng hoặc một tên tội nhân. Trước đây con không biết công hạnh của Ngài, con đã đến theo lệnh của lão già điên rồ mù quáng Devadatta để lấy mạng của Ngài, con xin Ngài tha mạng cho!

Ông lạy cầu xin tha tội và ngồi qua một bên. Lúc ấy, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật cho ông nghe, khiến ông chứng quả Dự lưu. Ngài bảo ông trở về bằng con đường khác với con đường mà Devadatta đã dặn. Còn Ngài bước ra khỏi lối đi có mái che và ngồi xuống một gốc cây.

Trong khi người bắn cung thứ nhất chưa trở về, hai người kia đi trên con đường dự định gặp người này và băn khoăn không hiểu tại sao ông lại chậm trễ như vậy, cuối cùng họ nhìn thấy đức Phật. Khi đến đảnh lễ đức Phật xong, họ ngồi xuống bên Ngài. Ngài lại tuyên thuyết các sự thật cho họ nghe khiến cả hai người cùng chứng quả Dự lưu. Rồi Ngài bảo họ trở về bằng con đường khác với con đường mà Devadatta đã ra lệnh. Cứ như thế những tay thiện xạ kia lần lượt đi đến, ngồi xuống nghe Ngài thuyết pháp, được an trú vào quả Dự lưu và được Ngài bảo đi về bằng một con đường khác.

Rồi khi người thiện xạ đầu tiên trở về gặp Devadatta, ông nói:

– Bạch Sư trưởng, tôi không thể nào giết bậc Toàn Giác được, Ngài là đấng Toàn Năng, đức Thế Tôn đầy đủ mọi uy lực siêu phàm.

Như vậy, cả toán thiện xạ nhận ra là họ đã thoát chết nhờ bậc Toàn Giác nên họ xuất gia sống đời tu hành theo Ngài và trở thành các bậc A-la-hán. Sự kiện

này được cả hội chúng Tỷ-kheo biết và một ngày kia họ bắt đầu nói đến chuyện này trong pháp đường:

– Này các Tỷ-kheo, các vị có nghe chuyện Devadatta, vì thù ghét một người là đức Thế Tôn mà đã quyết tâm làm thiệt mạng nhiều người và rồi những người này lại được chính đức Thế Tôn cứu mạng như thế nào không?

Lúc ấy, bậc Đạo sư bước vào hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông đang ngồi nói chuyện gì đấy?

Khi chúng Tỷ-kheo đáp lại, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên mà trước đây kẻ ấy cũng đã quyết hại nhiều mạng người chỉ vì thù ghét Ta.

Rồi Ngài kể câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, thành Bà-la-nại có tên là Pupphavatī. Thái tử của Vua Vasavatti lên ngôi trị vì tại đó tên là Ekarāja và con của vua là Vương tử Canda làm phó vương. Một Bà-la-môn tên gọi Khaṇḍahāla là vị tế sư của vương tộc. Ông làm cố vấn cho vua trong mọi vấn đề thế sự cũng như thánh sự và vua rất tôn trọng tài trí của ông nên để ông làm phán quan. Nhưng ông lại thích hối lộ, thường nhận của đút lót và tước đoạt tài sản của nhiều người trao cho người khác làm chủ.

Một ngày kia, có người thua kiện, bước ra khỏi tòa án lớn tiếng than phiền, khi thấy Vương tử Canda đi ngang qua để bái yết vua cha, gã liền quỳ xuống. Vương tử hỏi sự tình, gã đáp:

– Tâu Chúa công, Khaṇḍahāla bóc lột các kẻ thưa kiện khi ông ta xử án, thần đã thua kiện mặc dù thần đã hối lộ ông ta rồi.

Vương tử bảo gã đừng sợ, rồi khi dẫn gã đến tòa án, chàng trả lại quyền sở hữu về các tài sản bị tranh tụng cho gã. Dân chúng reo hò hoan nghênh vang dội. Khi vua nghe được, hỏi lý do, họ đáp:

– Vương tử đã xử án phân minh một vụ kiện mà Khaṇḍahāla đã xử sai, vì thế có tiếng reo hò như vậy.

Khi vương tử đến chúc tụng, vua bảo:

– Này Vương nhi, dân chúng bảo con vừa xử án phân minh?

– Tâu Phụ vương, chính phải.

Vua liền trao tòa án cho vương tử và dặn vương tử từ nay được quyền xử án. Lợi lộc của Khaṇḍahāla giảm sút dần, từ đó ông ta sinh lòng thù ghét vương tử và rình rập cố tìm lỗi của chàng.

Lúc bấy giờ, vua rất ít tu tập nội tâm. Một buổi sáng kia, khi gần thức dậy, vua mơ thấy cõi trời Ba Mươi Ba với mái đình trang hoàng lộng lẫy, đường

sá lót vàng, cao cả ngàn do-tuần, được điểm tô bằng cung Vejayanta và nhiều cung khác cùng với tất cả vẻ huy hoàng của lạc viên Nandana và nhiều cánh rừng khác với hồ Nanda và nhiều hồ khác nữa, khắp nơi đông đảo chư thiên. Vua muốn lên cõi trời và nghĩ thầm: "Khi Sư trưởng Khaṇḍahāla đến, ta sẽ hỏi ngài con đường lên thiên giới và ta sẽ lên đó nhờ con đường ngài chỉ dẫn."

Sáng sớm hôm ấy, Khaṇḍahāla vào cung và vấn an vua xem ngài có được hưởng một đêm đầy mộng đẹp chăng. Vua liền truyền đem cẩm đôn cho ông ta ngồi rồi hỏi ngay vấn đề ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

982. Ngày xưa có một vị hôn quân,
Ở xứ Puppha, gặp lúc cần,
Liền hỏi tế sư hèn hạ ấy,
Nghiệp tà, danh chánh Bà-la-môn.

983. "Ngài là bậc Trí, mọi người đồn,
Thánh điển am tường đủ mọi môn,
Hãy nói công năng gì dẫn lối,
Đưa đường hành giả đến thiên cung?"

Đây là câu hỏi mà trừ đức Phật Đại Giác hoặc các đệ tử của Ngài ra, phải hỏi một vị Bồ-tát; nhưng ở đây, vua đã đem ra hỏi Khaṇḍahāla, chẳng khác nào một người lạc đường bảy ngày lại đi hỏi đường một kẻ đã đi lạc nửa tháng. Ông tự nhủ: "Đã đến lúc ta trừ khử được kẻ thù của ta rồi, ta sẽ giết Vương tử Canda, thế là toại nguyện." Ông liền nói với vua:

984. Hãy dâng nhiều lễ vật đầy tràn,
Giết những ai không đáng chết oan,
Nhờ vậy đạt công đức vĩ đại,
Người ta sẽ hưởng lạc thiên đàng.

Vua lại hỏi:

985. Những gì là lễ vật đầy tràn,
Những kẻ nào không đáng chết oan?
Ta sẽ giết người, dâng tế lễ,
Nếu ngài nói ý nghĩa cho tường.

Sau đó, ông giải thích ý nghĩa này:

986. Đem vợ con làm vật tế thần,
Phú thương quý tộc cũng tiêu vong.
Ngựa trâu tuyệt hảo, nòi cao quý,
Bốn loại tội đồ phải cúng dâng.

Như vậy, khi vua hỏi đường lên thiên giới, ông lại chỉ đường xuống địa ngục. Ông tự nhủ: "Nếu ta chỉ chọn một mình Vương tử Canda, mọi người sẽ nghĩ rằng ta làm thế vì thù ghét nó." Cho nên ông đặt chàng vào chung với một

số người khác. Khi vấn đề này được đem ra bàn tán, các vương phi nghe tin lòng đầy kinh hãi, đồng cất tiếng khóc than.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

987. Cung phi mỹ nữ biết tin này:
"Vương tử, vương phi phải đọa đày",
Khóc thét bỗng nhiên vì sợ hãi,
Vang rền mọi phía tận trời mây.

Cả vương cung náo loạn như thể rừng cây sāla bị gió bão rung chuyển vào giờ tận thế, khiến lão Bà-la-môn phải hỏi vua xem ngài có thể thực hiện được việc tế lễ ấy không.

– Sao ngài lại hỏi thế, này Sư trưởng? Nếu ta dâng tế lễ, ta sẽ được lên thiên giới mà.

– Tâu Đại vương, những kẻ nào yếu hèn, không quyết chí thì không thể nào tế lễ kiểu này được. Xin Đại vương triệu họ về đây cả rồi bần đạo sẽ dâng lễ vật ở huyệt tế thần.

Thế rồi, ông ta đem đủ lực lượng cần thiết ra khỏi thành, bảo họ đào huyệt tế lễ với đáy bằng, có hàng rào bao quanh vì các Bà-la-môn từ thời xưa đã ra lệnh phải làm hàng rào quanh đàn tế, sợ rằng các vị chân tu có thể đến ngăn cản buổi lễ. Vua cũng ban lệnh cho quần thần:

– Ta sẽ được lên thiên giới bằng cách đem hết vợ con ra cúng tế, vậy các khanh hãy đi báo tin cho chúng rõ rồi mang chúng về đây!

Lập tức, vua ra lệnh đem các vương tử đến:

988. Báo Canda, kế Suriya,
Lần lượt Bhaddasena, biết ý ta,
Rồi đến Sūra, Vāmagotta,[55]
Chúng đều phải chết, ý vua cha!

Trước hết, bọn họ đi tìm Vương tử Canda và nói:

– Tâu Điện hạ, đức vua muốn đem tế ngài để được lên thiên giới nên ra lệnh cho chúng thần đi triệu ngài về.

– Phụ vương ra lệnh bắt ta theo lời khuyến dụ của ai thế?

– Tâu Điện hạ, theo lệnh của Khaṇḍahāla.

– Ngài muốn bắt một mình ta hay còn ai khác nữa?

– Tâu Điện hạ, còn nhiều người khác vì ngài muốn dâng lễ tế đủ bốn loại lễ vật.

---

[55] Theo *Chú giải*, hai vị Hoàng tử Canda và Suriya là con của Chánh hậu Gotamidevī, còn ba vị Hoàng tử Bhaddasena, Sūra, Vāmagotta là những anh em cùng cha khác mẹ với hai vị hoàng tử ấy.

Vương tử nghĩ thầm: "Lão ấy không thù oán với những người kia, nhưng lão định cho họ chết chỉ vì thù oán ta đã ngăn chặn lão phạm tội ăn hối lộ qua việc xử án bất công của lão. Vậy ta có phận sự phải đi yết kiến vua cha xin ngài thả các người kia ra mới được." Rồi chàng bảo họ:

– Các ngươi cứ thi hành lệnh của phụ vương!

Họ liền đem chàng đến sân chầu ngồi một mình tại đó xong lại đem các người kia đến để gần chàng rồi tâu với vua. Sau đó, vua ra lệnh đem các công chúa đặt bên các người kia:

989. Upaseṇī, Kokilā,
Lần lượt Muditā, Nandā,
Bảo các công nương đều phải chết,
Thật là kiên định, ý vua cha!

Vì thế, họ liền đi đem các công chúa đang kêu gào đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngâm kệ ra lệnh bắt các vương phi:

990. Trước tiên Vương hậu Vijayā,
Erāvatī, Kesinī, Sunandā,
Với mọi sắc hương đầy diễm lệ,
Chúng đều phải chết, ý nguyện ta!

Họ liền đem các vương phi đang gào khóc đến đặt cạnh các vương tử. Rồi vua lại ngâm kệ ra lệnh bắt bốn phú thương của hoàng gia:

991. Puṇṇamukha, Bhaddiya,
Lần lượt Siṅgāla, Vaddha,
Bảo các phú thương nghe thượng lệnh,
Chúng đều phải chết, ý nguyện ta!

Đám thị vệ tuân lệnh ra đi. Khi các vương tử và vương phi bị bắt, dân chúng không nói gì. Nhưng các phú thương có rất nhiều quyến thuộc nên cả kinh thành náo động khi họ bị bắt và dân chúng la ó phản kháng việc đem họ ra tế lễ. Vì thế, họ cùng quyến thuộc kéo đến yết kiến vua. Lúc ấy, các phú thương được quyến thuộc vây quanh xin nhà vua tha mạng.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

992. Các phú thương kêu khóc não nùng,
Được vây quanh bởi các thân nhân:
"Đầu này xin cạo làm nô lệ,
Nhưng hãy tha cho mạng chúng thần!"

Nhưng dù họ van xin đến mức nào đi nữa, họ cũng không được vua thương xót. Các thị vệ của vua bắt những người quyến thuộc lui ra để kéo các phú thương đến cạnh các vương tử. Sau đó, vua ra lệnh đem voi ngựa và trâu dê đến:

993-94. Đem cả đàn vương tượng đến đây,
Sức voi vô địch, quý cao thay,
Ngựa, lừa chọn giống nòi ưu thắng,
Tất cả cùng dâng tế lễ này!

995. Hãy chọn ngưu vương loại đứng đầu,
Chúng là tặng vật quý dường bao,
Các thầy tế tự sắp hành lễ,
Sẽ có vật dâng cúng tối cao!

996-97. Hãy chuẩn bị cho tế lễ này,
Sẵn sàng ngay trước rạng ngày mai,
Bảo vương nhi đãi đằng như ý,
Thọ hưởng cuộc đời buổi tối nay!

Lúc bấy giờ, thái thượng hoàng và hoàng thái hậu vẫn còn sống nên dân chúng kéo đến tâu cho hai vị biết việc dự định tế lễ của vua. Hai vị xiết bao kinh hoàng vội đến khóc lóc với vua:

– Vương nhi hỡi, có thật con định làm một cuộc tế lễ như vậy chăng?

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

998. Mẫu hậu vội rời khỏi nội cung,
Việc kỳ quái vậy nghĩa gì chăng?
Bốn vương tôn thảy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn.

Vua đáp lại:

999. Khi mất Canda, mất hết rồi,
Nhưng con chịu mất chúng mà thôi,
Vì nhờ tế lễ này cao trọng,
Con sẽ được an trú cõi trời.

Mẫu hậu bảo:

1000. Đem cúng tế vương tử, hỡi con,
Chẳng bao giờ hưởng lạc thiên đường,
Đừng nghe lời dối gian như vậy,
Đây chính đường vào địa ngục môn.

1001. Con nên chọn đúng đạo minh quân,
Đem bố thí, dâng cả bạc vàng,
Đừng giết chúng sinh trên hạ giới,
Đây đường chắc chắn đến thiên đàng.

Vua đáp lại:

1002. Con phải vâng lời vị tế sư,
Giết con Canda, Suriya,

Chia lìa chúng thật đầy đau đớn,
Song được cõi trời, lợi lạc to!

Thế là hoàng thái hậu đành bỏ đi về, không thuyết phục được vua. Lúc ấy, thái thượng hoàng hay tin vội đến phản đối vua.

Bậc Đạo sư diễn tả việc xảy ra như sau:

1003. Đến lượt Vasavattī phụ vương,
"Hung tin làm hoảng hốt tâm can!
Bốn vương tôn thảy đều đem giết,
Cho đủ lễ dâng hiến bạo tàn?"

Vua đáp:

1004. Mất Canda và vương tử rồi,
Nhưng con chịu mất chúng mà thôi,
Vì nhờ tế lễ này cao trọng,
Con sẽ được an trú cõi trời.

Thái thượng hoàng bảo:

1005. Đem cúng tế vương tử, hỡi con,
Chẳng bao giờ hưởng lạc thiên đường,
Đừng nghe lời dối gian như vậy,
Đây chính đường vào địa ngục môn.

1006. Con nên chọn đúng đạo minh quân,
Đem bố thí, dâng cả bạc vàng,
Đừng giết chúng sinh trên hạ giới,
Đây đường chắc chắn đến thiên đàng.

Vua đáp:

1007. Con phải vâng lời vị tế sư,
Giết con Canda, Suriya,
Chia lìa chúng thật đầy đau đớn,
Song được cõi trời, lợi lạc to!

Cuộc đối thoại lại diễn ra như trên và cuối cùng vua cha không lay chuyển nổi con đành bỏ đi với lời từ biệt:

1008. Nên đem cho hết khả năng mình,
Đừng cố ý tàn hại hữu tình,
Để các vương tôn làm bảo vệ,
Hộ phòng đất nước khỏi điêu linh.

Lúc ấy, Vương tử Canda nghĩ thầm: "Thảm họa xảy đến cho nhiều người cũng chỉ vì ta, vậy ta hãy van xin phụ vương cho họ khỏi tội chết mới được." Vì thế chàng tâu với vua cha:

1009. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,

Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1010. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1011. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1012. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đày tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.

Vua nghe chàng than khóc lòng đau đớn vô cùng, nước mắt chứa chan nên vua ra lệnh tha hết vợ con. Vua bảo:

– Không ai được giết các con ta, ta không cần thiên giới nữa!

1013. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì ta!

Khi nghe vua nói vậy, thị vệ liền thả hết tội nhân ra, khởi đầu là các vương tử và sau cùng là bầy chim chóc. Lão Khaṇḍahāla đang bận rộn chuẩn bị việc đào huyệt tế lễ, có người đến mách lão:

– Này lão Khaṇḍahāla hung dữ kia, đức vua đã thả hết tất cả các vương tử rồi, vậy lão hãy đi giết hết lũ con lão mà lấy máu đem ra tế thần.

– Sao nhà vua làm gì vậy kìa?

Lão kêu lên và vội chạy đến tâu vua:

1014. Trước đây thần đã có tâu rằng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ cớ gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1015. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tế đàn,
Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Vua mù quáng nghe lời của lão Bà-la-môn đầy sân hận kia và tâm trí vua đã bị ám ảnh bởi vấn đề đạo giáo liền ra lệnh bắt vợ con lại. Lúc ấy, Vương tử Canda đem hết lẽ phải trái tâu với vua cha:

1016. Sao lúc sinh ra lũ chúng con,
Hão huyền chúc tụng Bà-la-môn,
Khi phần con trẻ là đành chết,
Vô tội nạn nhân của oán hờn?

1017. Sao cha tha mạng thuở thơ ngây,
Nhỏ dại biết đâu bất hạnh này?
Con trẻ hôm nay đành phải chết,
Giờ đang vui hưởng tuổi xuân đầy?

1018. Nghĩ lúc chúng con mặc giáp bào,
Trên voi ngựa, chiến trận xông vào,
Nay làm lễ vật dâng đàn tế,
Chẳng lẽ việc này hợp lý sao?

1019. Ở trong chiến địa hoặc rừng hoang,
Chống lại loạn thần, lũ chúng con,
Phục vụ thường xuyên, nay bảo giết,
Mà không lý lẽ hoặc nguyên nhân.

1020. Nhìn chim xây tổ ấm trên cây,
Ca hót líu lo suốt cả ngày,
Yêu dấu chim non chăm sóc kỹ,
Còn cha đem giết lũ con vầy?

1021. Cha đừng tưởng lão Bà-la-môn,
Phản bạn tha cha lúc vắng con,
Đến lượt cha theo con kế tiếp,
Chúng con không chỉ chết cô đơn!

1022. Vua thường ban đạo sĩ thôn làng,
Thành thị tối ưu chính đặc ân,
Trên mọi gia đình đều hưởng lợi,
Tạo nên tài sản thật cao sang.

1023. Chính bọn này đây, tâu phụ thân,
Sẵn sàng phản bội các ân nhân,
Bà-la-môn tộc, cha nên nhớ,
Là giống bất trung, lũ bội ân.

1024. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1025. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1026. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1027. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đày tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.

Vua nghe lời con oán trách liền kêu to:

1028. Những lời này tội nghiệp xin tha,
Làm trái tim ta tan nát ra,
Thả các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì ta!

Vua nói xong kệ này cũng thấy người nhẹ nhõm. Tế sư Khaṇḍahāla lại đến nói:

1029. Trước đây, thần đã có tâu rằng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ cớ gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1030. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tế đàn,
Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Nói xong, tế sư lại cố thực hiện. Vương tử bèn dùng lời thuyết phục vua cha:

1031. Nếu kẻ đem con trẻ tế đàn,
Thẳng lên thiên giới lúc lìa trần,
Để Bà-la-môn dâng con trước,
Sau đến lượt mình, tâu Phụ vương!

1032. Nếu kẻ đem con trẻ tế thần,
Thẳng lên thiên giới lúc lìa trần,
Tế sư sao chẳng hy sinh trước,
Đem chính các con của lão dâng?

1033. Khaṇḍahāla biết như vầy,
Sao chẳng giết con của lão đi?
Giết hết những người thân quyến ấy,
Và luôn cả lão, để làm chi?

1034. Ai tế lễ, hay khiến sai người,
Hoặc xem tế lễ dạ thích vui,
Việc hành cuộc lễ lớn như thế,
Họ sẽ đi vào địa ngục thôi!

1035. Nếu kẻ giết người được sạch trong,
Giết xong lại được lên tiên bồng,
Bà-la-môn hãy tương tàn giết,
Để tin vào điều họ mong!

Vương tử nói xong, thấy rằng không thể thuyết phục nổi cha liền quay qua dân chúng đang vây quanh vua và bảo họ:

1036-37. Làm sao các bậc mẹ cha này,
Đứng lặng yên nhìn, chẳng có ai,
Dù quý yêu con mình đến thế,
Cản ngăn vua giết các con ngài.

1038. Ta ao ước vương phụ vạn an,
Ta mong tâm các bạn hân hoan,
Nhưng không tìm được người nào để,
Phản đối nên lời trước phụ vương?

Nhưng vẫn không ai thốt một lời nào. Vương tử liền bảo các vương phi đến van xin vua tỏ lòng thương xót con:

1039. Này các vương phi hãy nguyện cầu,
Van xin sư trưởng, phụ vương mau,
Để tha vương tử này vô tội,
Khéo trổ tài chinh chiến biết bao.

1040. Hãy xin sư trưởng với minh quân,
Tha mạng vương nhi chẳng lỗi lầm,
Danh tánh đã vang lừng thế giới,
Là niềm vinh dự của non sông.

Bọn họ liền đến van xin vua tỏ lòng thương xót con nhưng vua chẳng chút quan tâm. Lúc ấy, vương tử quá tuyệt vọng nên bắt đầu than khóc:

1041. Nếu không sinh trưởng chốn triều đường,
Ở dưới mái tranh kẻ khốn cùng,
Hoặc thợ giày hay người quét rác,
Thì ta sẽ sống thật an toàn,

Đến tròn tuổi thọ không vong mạng,
Làm nạn nhân vua chúa bất thường!

Rồi chàng nói to:

1042-43. Đi mau tất cả các vương phi,
Đến trước Khaṇḍa, hãy lạy quỳ,
Bảo các nàng không làm hại lão,
Các nàng chẳng có tội tình gì!

Và em gái nhỏ nhất của Vương tử Canda tên là Selā cũng không thể chịu đựng được nỗi sầu khổ sau khi quỳ lạy dưới chân phụ vương nên đã than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này như sau:

1044. Selā khóc, thấy các anh nàng,
Bị kết tội oan bởi phụ vương,
"Người bảo đây là đàn tế lễ,
Vì cha ta muốn đến thiên đàng."

Nhưng vua cũng không quan tâm đến nàng. Đến lượt Vāsula, con của vương tử, thấy cha quá sầu thảm liền nói:

– Con sẽ cầu xin Thái thượng hoàng tha mạng cho cha.

Cậu bé quỳ xuống chân vua than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc như sau:

1045. Chập chững Vāsula bước chân,
Trên đường đi đến chiếc ngai vàng,
Xin tha mạng của cha con trẻ,
Đừng để chúng con mất phụ thân.

Vua nghe cậu bé than khóc, lòng đau như cắt liền ôm cháu vào lòng, giàn giụa nước mắt và bảo:

– Vương tôn hãy an tâm, ta sẽ trả phụ thân lại cho cháu đó.

Rồi vua ra lệnh:

1046. Này cha con đó, Vāsula,
Lời của trẻ thơ cảm hóa ta,
Tha các vương nhi cho chúng thoát,
Thôi đừng tế lễ nữa vì cha!

Một lần nữa, lão Khaṇḍahāla vội đến phản đối vua:

1047. Trước đây thần đã có tâu rằng,
Buổi lễ khó làm, khó thành công,
Giờ cớ gì ngài làm xáo trộn,
Lễ đàn được chuẩn bị gần xong?

1048. Người nào dâng lễ, bảo người dâng,
Luôn những người tùy hỷ tế đàn,

Tất cả người trong cuộc đại lễ,
Sẽ đều được đến cõi an nhàn.

Vị vua mù quáng lại nhượng bộ lão, ra lệnh bắt các vương tử như cũ. Lúc ấy, Khaṇḍahāla tự nhủ: "Nhà vua này lòng quá mềm yếu, khi thì đòi bắt các con, khi thì lại thả ra hết, bây giờ lại nghe theo lời trẻ con đòi thả chúng ra; thôi ta phải dẫn vua đến huyệt tế thần mới được."

Lão liền ngâm kệ thúc giục vua:

1049. Đàn tế lễ nay đã sẵn sàng,
Kho tàng lễ vật tuyệt cao sang,
Đại vương mau hãy đi dâng lễ,
Rồi hưởng thiên cung cực lạc tràn!

Khi họ đem Bồ-tát đi đến huyệt tế thần, các cung phi theo sau thành một đoàn dài.

***

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh ấy như sau:

1050. Bảy trăm cung nữ của Canda,
Rực rỡ yêu kiều giữa tuổi hoa,
Tóc xõa tơi bời, mắt đẫm lệ,
Theo anh hùng tận số đi xa.

1051. Nhiều phu nhân nhập bọn tùy tùng,
Trông dáng như tiên nữ giáng trần,
Với tóc tơi bời, mắt đẫm lệ,
Đi theo nối gót vị anh hùng.

Thế rồi, bọn họ đồng cất tiếng khóc than:

1052. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.

1053. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1054. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

1055. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,

Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.

1056. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1057. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

1058. Xưa ngự trên mình các thớt voi,
Oai phong lẫm liệt trước muôn người,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang bước lê chân cõi chết rồi.

1059. Xưa trên tuấn mã thật hiên ngang,
Theo kế là đàn mã hàng hàng,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang chịu khổ hình lê bước chân.

1060. Xưa trên xe quý thật oai phong,
Các cỗ xe theo cũng rất đông,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang phải lê chân bước nhọc lòng.

1061. Xưa lúc rời cung cưỡi ngựa sang,
Yên, cương, nai nịt điểm nhiều vàng,
Nay Canda, Suriya ấy,
Đang chịu khổ hình lê bước chân.

Trong lúc các vương phi đang khóc như vậy, thị vệ đem Bồ-tát ra khỏi kinh thành. Dân chúng cả kinh thành đều đi theo ngài trong cảnh đại hỗn loạn. Nhưng vì đám người quá đông đảo, cổng thành không đủ rộng cho họ đi ra nên lão Bà-la-môn sợ chuyện bất trắc có thể xảy ra liền ra lệnh đóng cửa thành lại. Vì thế, đám đông không thể đi ra được, nhưng có một khu vườn hoa gần cổng phía nội thành, họ tụ tập tại đó lớn tiếng khóc than số phận thảm thương của các vương tử, khiến một bầy chim nghe tiếng liền bay đến tụ tập trên trời rất đông. Dân chúng cùng cất tiếng kêu gào với đàn chim:

1062. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn vương nhi bởi ám mê.

1063. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn công nương bởi ám mê.

1064. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn vương phi bởi ám mê.

1065. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn chủ gia bởi ám mê.

1066. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn con voi bởi ám mê.

1067. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Cả bốn ngựa kia bởi ám mê.

1068. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Bò đực bốn con bởi ám mê.

1069. Chim hỡi, chim ăn thịt sống chăng?
Hãy bay đi đến phía Đông môn,
Hôn quân đang lập đàn dâng lễ,
Bộ bốn mỗi loài bởi ám mê.

Cứ thế, dân chúng than khóc mãi trong hoa viên. Rồi họ đi đến nơi ở của Bồ-tát, vừa trang nghiêm đi nhiễu quanh lâu đài nhiều vòng vừa cất tiếng khóc than qua các vần kệ trong khi họ ngắm các ngôi tháp, hoa viên trong nội cung, v.v…

1070. Lâu đài tráng lệ vẫn còn đây,
Điện ngọc, cung son vẫn thế này,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, hành hình ngay.

1071. Ngôi nhà nóc nhọn dát vàng ròng,
Bày trí đó đây đủ loại bông,

Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, mạng đời vong.

1072. Khu vườn thượng uyển rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.

1073. Vườn Vô Ưu[56] (Asoka) cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.

1074. Vườn muỗng hoàng yến thật xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.

1075. Vườn hoa chuông[57] cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.

1076. Khu vườn xoài cũng rất xinh tươi,
Luôn nở rộ hoa đủ các thời,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, phải lìa đời.

1077. Hồ đầy sen sắc trắng và hồng,
Rực rỡ thuyền vàng, điểm chuỗi bông,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án, mạng đời vong.

Họ cứ rên rỉ ở đó rồi đến gần chuồng voi,...

1078. Voi báu của chàng vẫn ở đây,
Đôi ngà thiên tượng vẫn uy nghi,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án hành hình ngay.

1079. Ngựa báu của chàng vẫn ở đây,
Móng nguyên, vụt gió chạy như bay,
Hoàng tử bốn chàng nay phải chịu,
Đưa đi thọ án hành hình ngay.

---

[56] Asoka (無憂, Saracaindica): Cây Vô Ưu.
[57] Pāṭali (喇叭花, Bignonia Suaveolens): Hoa loa kèn hay hoa chuông.

1080. Xe ngựa của chàng vẫn ở đây,
Đi như chim sáo hót thanh hay,
Điểm tô châu ngọc, xe rực rỡ,
Chàng ngự tựa thiên Nandana,
Bốn chàng hoàng tử nay phải chịu,
Bị bắt đưa đi hành quyết ngay.

1081. Hoàng tử như vàng, tướng đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nỡ,
Đem cả bốn chàng tế lễ dâng.

1082. Công chúa như vàng, vẻ đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nỡ,
Đem cả bốn nàng tế lễ dâng.

1083. Hoàng hậu, vương phi, vẻ đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nỡ
Đem cả bốn nàng tế lễ dâng.

1084. Gia chủ như vàng, tướng đẹp sang,
Thân mình bôi tẩm hương chiên-đàn,
Sao vua kia ám mê giờ nỡ
Đem cả bốn người tế lễ dâng.

1085. Phố thị, làng quê chẳng bóng người,
Như khu vườn rộng, vắng tanh thôi,
Thành Pupphavatī như thế,
Từ lúc Canda, Suriya bị tế rồi!

Vì không có cách nào ra khỏi thành được, dân chúng đành lang thang quanh quẩn trong thành khóc lóc tỉ tê. Trong lúc ấy, Bồ-tát được đưa đến đàn tế. Mẹ ngài, Hoàng hậu Gotamī, lăn lộn dưới chân vua, khóc lóc van xin vua tha mạng cho con:

1086. Thiếp sẽ khổ đau hóa dại khờ,
Đầy mình phủ bụi lấm bơ phờ,
Nếu Canda bị dâng thần chết,
Thiếp thở nghẹn ngào, Bệ hạ ơi!

1087. Thiếp sẽ khổ đau hóa dại khờ,
Đầy mình phủ bụi lấm bơ phờ,
Suriya bị dâng thần chết,
Thiếp thở nghẹn ngào, Bệ hạ ơi!

Bà than van như vậy nhưng vua không trả lời, bà ôm lấy bốn vương phi của vương tử, vừa khóc vừa bảo họ:

– Vương nhi phải đau đớn chia lìa các nàng. Sao các nàng không năn nỉ vương nhi ở lại?

1088. Sao chẳng nói năng, hỡi các dâu,
Oparakkhī, Ghaṭṭiyā,
Pokkharakkhī, Gāyikā,[58]
Bày tỏ đôi lời yêu mến nhau,
Múa quanh Canda, Suriya,
Cho đến khi chàng được hỷ hoan,
Vì các nàng đây giỏi hát múa,
Khắp nơi tài nghệ chẳng ai bằng.

Rồi thấy rằng không làm gì hơn được nữa, bà ngừng than khóc với các vương phi và bắt đầu nguyền rủa lão Khaṇḍahāla:

1089. Ta mong mẹ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé tim ta khi thấy cảnh,
Canda yêu quý chết hôm nay.

1090. Ta mong mẹ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé tim ta khi thấy cảnh,
Suriya yêu quý chết hôm nay.

1091. Ta mong vợ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé hồn ta khi thấy cảnh,
Canda yêu quý chết hôm nay.

1092. Ta mong vợ ác tế sư này,
Phải chịu bao đau khổ đắng cay,
Đang xé hồn ta khi thấy cảnh,
Suriya yêu quý chết hôm nay.

1093. Ta mong mẹ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử, những anh tài.

1094. Ta mong mẹ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử của muôn nhà.

---

[58] Bản CST viết là Bhārika.

1095. Ta mong vợ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử, những anh tài.

1096. Ta mong vợ của ác Khaṇḍa,
Đau xé trong lòng phải cách xa,
Chồng quý con yêu, vì chúng đã,
Giết đi hoàng tử của muôn nhà.

Sau đó, Bồ-tát van xin vua cha trong đàn tế:

1097. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ canh bầy voi, lũ ngựa,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1098. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân voi của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1099. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Con sẽ quét phân ngựa của lão,
Mang xiềng làm việc thỏa lòng sư.

1100. Xin làm nô lệ của Khaṇḍa,
Nhưng mạng chúng con, xin hãy tha,
Hoặc bắt làm nô lệ tặng ai,
Chúng con tùy thánh ý an bài,
Hoặc đày tất cả ra ngoài nước,
Cầu thực tha phương ở xứ người.

1101. Dù nghèo mong có được con trai,
Khao khát kia, người nữ nguyện hoài,
Với họ có người thôi phải bỏ,
Bởi vì không được đứa con trai.

1102. Họ nghĩ điều an ủi chính mình,
Con trai sinh cháu nối đời đời,
Giờ đây vô cớ, vì đàn tế,
Bệ hạ phán lời giết các con.

1103. Con trai có được bởi cầu xin,
Cha chớ giết đi con của mình,
Xin chớ đem con dâng lễ tế,
Đứa con cầu tự được trời ban.

1104. Con trai có được bởi cầu xin,
Cha chớ giết đi con của mình,
Xin chớ chia lìa tình mẫu tử,
Mẹ sinh con trẻ khổ vô cùng.

Khi chàng không thấy vua trả lời, chàng liền quỳ xuống than khóc dưới chân mẹ:

1105. Khó khăn mẹ nuôi nấng Canda,
Giờ đây con mẹ phải lìa xa,
Con xin đảnh lễ đôi chân mẹ,
Mong ước cha già đạt kiếp sau.

1106. Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chốn xa xăm ấy,
Làm vật tế đàn cho đức vua.

1107. Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chốn xa xăm ấy,
Để mẹ vương sầu ngập trái tim.

1108. Mẹ hãy ôm con thật thiết thân,
Cho con ôm mẹ để hôn chân,
Giờ con đến chốn xa xăm ấy,
Để mọi người sầu ngập trái tim.

Rồi mẫu hậu ngâm bốn vần kệ khóc than:

1109. Quý tử trên đầu hãy buộc lên,
Vòng vương miện kết lá hoa sen,
Và hoa campaka này tương xứng,
Vẻ đẹp oai hùng tuổi tráng niên.

1110. Lần cuối cùng con hãy tẩm hương,
Loại chiên-đàn ngát thật cao sang,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Con đẹp tươi và hương tỏa lan.

1111. Lần cuối cùng con khoác cẩm bào,
Lụa Kāsi mềm mịn dường nào,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Con khéo chỉnh trang, thật đẹp sao!

1112. Vòng chuỗi tay này con hãy mang,
Điểm trang ngọc báu, trân châu, vàng,
Ngày xưa lễ hội trong cung điện,
Với chuỗi vòng này, con quý sang.

Đến lượt chánh phi của chàng tên là Candā, quỳ xuống chân chàng than khóc thảm thiết:

1113. Đại vương, chúa tể của giang sơn,
Ý của ngài ban khắp nước non,
Ngài chẳng còn tình yêu phụ tử,
Với người duy nhất kế ngai vàng.

Vua nghe vậy liền đáp:

1114. Ta thương mến tất cả ông hoàng,
Ta cũng quý yêu chính bản thân,
Vương hậu các nàng thân thiết cả,
Ta đem con tế lễ đăng đàn,
Bởi vì ta muốn lên thiên giới,
Chẳng muốn đi vào địa ngục môn!

Nàng Candā kêu to:

1115. Chúa thượng giết con trước, đoái thương,
Kẻo niềm thống khổ xé tâm can,
Vương nhi được kết vòng hoa ấy,
Mọi vẻ chàng nay thật vẹn toàn.

1116. Giết chúng con trong hố tế đàn,
Nơi Canda đến, thiếp theo chàng,
Đại vương sẽ được công vô lượng,
Hồn trẻ lên thiên giới trú an.

Vua đáp lời:

1117. Nàng chớ ước mong chết trước thời,
Các vương đệ dũng cảm bao người,
Sẽ an ủi đấy, hồng nhan hỡi,
Khi mất chồng yêu quý ấy rồi!

Nàng nghe vậy đấm ngực than khóc, hăm dọa sẽ uống độc dược tự vẫn và cuối cùng nàng lại kêu gào thảm thiết. Bậc Đạo sư ngâm kệ sau:

1118-20. Cố vấn, thân bằng cạnh quốc vương,
Không ai dám nói để can ngăn,
Triều thần trung tín không ai cả,
Dám thuyết phục vua chớ giết con.

1121. Còn có các vương tử khác kia,
Thảy đều đầy đủ mọi oai nghi,
Hãy đem các vị lên đàn tế,
Và để Canda được thoát đi.

1122. Đem con xẻ thịt thành trăm mảnh,
Mang cúng bảy nơi, thỏa nguyện mình,

Xin chớ giết đi hoàng tử cả,
Vị kiêu hùng, tựa chúa sơn lâm.

1123. Đem con xẻ thịt thành trăm mảnh,
Mang cúng bảy nơi, thỏa nguyện mình,
Xin chớ giết đi hoàng tử cả,
Người mà toàn bộ thế gian mong.

Sau khi đã than khóc giãi bày mọi nỗi niềm đoạn trường mà vẫn không có gì an ủi được, nàng liền bước lên cạnh Bồ-tát, đứng khóc lóc mãi cho đến khi Bồ-tát bảo nàng:

– Này Candā, suốt đời ta đã biết bao lần tặng nàng ngọc ngà trân bảo trong các dịp yến tiệc hội hè, nay ta chỉ còn món báu vật cuối cùng trên mình ta để tặng nàng, xin nàng hãy nhận lấy!

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này như sau:

1124. Trang sức bảo châu đủ sắc màu,
Ngọc trai, ngọc bích, quý dường bao,
Tặng nàng những lúc tâm vui vẻ,
Nay vật cuối cùng ta gửi trao.

Nàng Candā lại bật khóc và ngâm các vần kệ sau:

1125. Chuỗi hoa rực rỡ nở xinh tươi,
Quàng ở trên vai của những người,
Nay đổi hoa kia bằng kiếm sắc,
Trên vai vị ấy phũ phàng rơi.

1126. Chuỗi hoa rực rỡ nở xinh tươi,
Quàng ở trên vai của những người,
Nay đổi hoa kia bằng kiếm sắc,
Trên vai vị ấy phũ phàng rơi.

1127. Phút chốc kiếm kia đến tận nơi,
Cổ chàng vô tội lướt qua rồi,
Ôi, đem dây sắt mau ràng buộc,
Kẻo trái tim ta sắp vỡ đôi!

1128. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.

1129. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1130. Vải lụa Kāsi khoác tuyệt sang,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

1131. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Theo lệnh vua đưa đến tế đàn.

1132. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến mẫu hậu dường nát ruột gan.

1133. Thọ bữa thịt cơm, tắm kỹ càng,
Đeo hoa tai, xức trầm, chiên-đàn,
Canda, Suriya lê bước,
Khiến cả dân đau xót ngập tràn.

Trong khi nàng than khóc như vậy, mọi người đã chuẩn bị nghi lễ xong xuôi trên huyệt tế thần. Họ đưa vương tử đến đặt vào một chỗ ngồi thích hợp với chiếc cổ vươn ra phía trước. Lão Khaṇḍahāla cầm chén vàng lại gần chàng, đưa kiếm lên, đứng thẳng người và nói:

– Ta sẽ cắt cổ nó!

Khi vương phi thấy vậy, nàng nghĩ thầm: "Ta không còn nơi nào để nương tựa, vậy ta sẽ cầu xin phước lành cho phu quân bằng sức mạnh của chân lý." Rồi nàng chắp tay lên đi giữa những người hành lễ, trang nghiêm thực hiện lời nguyện cầu chân lý.

***

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này như sau:

1134. Khi sửa soạn xong lễ tế đàn,
Canda ngồi đó đợi tai nàn,
Pañca công chúa đi vào giữa,
Quần chúng khắp nơi phát nguyện vang.

1135. "Quả nhiên đây vị Bà-la-môn,
Làm độc kế do tính dối gian,
Mong ước phu quân yêu dấu ấy,
Chẳng bao lâu nữa được an toàn!

1136. Mong các thần tiên, quỷ chốn đây,
Hãy nghe lời nói của con vầy,

Thực hành nhiệm vụ con giao phó,
Tái hợp con cùng thái tử này!

1137. Tất cả thần tiên ở chốn này,
Con xin quỳ xuống dưới chân ngài,
Hộ phù con trẻ không người giúp,
Thương xót nghe con cầu cứu đây!"

Thiên chủ Sakka nghe lời cầu xin của nàng và xem thấy sự tình xảy ra như vậy liền cầm một khối sắt sáng lòa hăm dọa nhà vua và đuổi tan đám đông dự lễ ấy.

***

Bậc Đạo sư diễn tả cảnh này như sau:

1138. Thiên thần nghe tiếng nọ kêu than,
Muốn giúp chánh nhân, vội giáng phàm,
Vung khối sắt lên lòe ánh sáng,
Làm tâm bạo chúa phải kinh hoàng.

1139. "Bạo chúa biết ta, Thiên đế chăng?
Hãy nhìn xem vũ khí ta mang,
Đừng làm hại trưởng nam vô tội,
Sư tử chúa trong bãi chiến trường!

1140. Tội ác này ai thấy chốn nào,
Vợ con bị giết cả nhà sao,
Cùng thần dân quý nhất thiên hạ,
Xứng đáng lên thiên giới tối cao?"

1141-42. Bạo chúa vội cùng vị tế sư,
Thả người vô tội nạn nhân ra,
Đám đông lấy đá và cây gậy,
Cuồng nhiệt say sưa, họ hét la,
Đánh chết Khaṇḍa ngay tại chỗ,
Đền bù bao tội ác gian tà.

Khi họ đã giết lão quốc sư xong, họ tìm cách bắt vua phải chết, nhưng Thiên chủ Sakka ôm vua lại không cho dân chúng giết vua. Khi ấy, đám đông mới tha mạng vua, nhưng họ nghĩ: "Ta không thể để vua này cai trị hay ở tại kinh thành nữa, ta phải bắt vua ra khỏi thành và ở một nơi do ta định đoạt."

Thế là họ lột hết cẩm bào của vua, bắt vua mặc áo vàng, trùm khăn vàng lên đầu làm một kẻ khốn cùng và bắt vua phải ở khu vực dành cho hạng khốn cùng. Còn tất cả những kẻ nào nhúng tay vào việc tế lễ này hay đồng tình ủng hộ đều bị trừng trị đích đáng và khi chết phải đọa địa ngục đúng theo số phần của họ.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ sau:

1143. Ai đã tạo nên tội ác vầy,
Thẳng đường vào địa ngục kia ngay,
Không ai được tái sinh thiên giới,
Khi đã mang lầm lỗi thế này.

Sau khi đã trừ bỏ được hai quái vật độc ác ấy, dân chúng liền mang lễ vật đến làm lễ đăng quang, rảy nước thánh lên đầu Thái tử Canda để chàng lên ngôi vua.

1144. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Các vua họp lại cùng nơi ấy
Quán đảnh Canda kế vị cha.

1145. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Công nương họp lại cùng nơi ấy,
Quán đảnh Canda kế vị cha.

1146. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Chư thiên họp lại cùng nơi ấy,
Quán đảnh Canda kế vị cha.

1147. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Thiên nữ họp lại cùng nơi ấy,
Quán đảnh Canda kế vị cha.

1148. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Các vua họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.

1149. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Công nương họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.

1150. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Chư thiên họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.

1151. Khi các tù nhân đã được tha,
Đám đông quần chúng đổ xô ra,
Thiên nữ họp lại cùng nơi ấy,
Tay vẫy vành khăn để chúc mừng.

1152. Khi các tù nhân đã được tha,
Mọi người mừng rỡ, hát hoan ca,
Phố phường tràn ngập trong chiêng trống,
Hạnh phúc, tự do đến mọi nhà.

Bồ-tát ra lệnh cung cấp mọi nhu cầu cho cha được đầy đủ, nhưng phế vương không được phép vào kinh thành và khi nào tiền cấp dưỡng đã cạn, ông thường tìm gặp Bồ-tát vào những dịp ngài dự hội hè ở công viên hay những nơi công cộng khác. Vào những lúc ấy, phế vương không chắp tay kính chào con mình vì ông nghĩ: "Ta mới thật là Đại vương" nên ông chào ngài:

– Vạn tuế Chúa công!

Và khi Bồ-tát hỏi ông cần gì, ông nói rõ vật ấy, rồi Bồ-tát ra lệnh đem tiền bạc lại cho cha.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Devadatta tìm cách giết hại nhiều người chỉ vì Ta mà trước kia kẻ ấy cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là Khaṇḍahāla, Mẫu hậu Mahāmāyā là Hoàng hậu Gotamī, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là Candā, Rāhula là Vāsula, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là Selā, Kassapa (Ca-diếp) thuộc dòng họ Vāma là Sūra, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Bhaddasena, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Vương tử Suriya và Vua Canda chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

§545. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ NĀRADA KASSAPA (*Mahānāradakassapajātaka*)[59] (*J.* VI. 219)

Một vì vua xứ Videha...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể khi Ngài trú ngụ tại lạc viên Laṭṭhivana (Rừng Mía) về việc quy y của Tôn giả Uruvela Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp).

Lúc bấy giờ, uy danh của bậc Đạo sư về việc hoằng dương Chánh pháp đã bắt đầu lừng lẫy. Sau khi Ngài giáo hóa các vị tu khổ hạnh khác cùng Tôn giả Uruvela Kassapa, Ngài liền đi đến lạc viên Laṭṭhivana với cả ngàn Tỷ-kheo vây quanh, các vị này trước đây là những đạo sĩ khổ hạnh. Ngài muốn thuyết phục vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà) giữ lời hứa cúng dường tinh xá Veḷuvana (Trúc Lâm). Và lúc ấy, vua nước Magadha cùng đến với đoàn triều thần đông đến mười hai vạn người.

Sau khi đảnh lễ đức Phật xong, vua ngồi xuống, rồi một vấn đề được đưa

[59] Chuyện này trong bản PTS và Tích Lan là số 544, trong bản CST là số 545.

ra tranh luận giữa các Bà-la-môn và các gia chủ trong đoàn tùy tùng của vua: "Phải chăng Tôn giả Uruvela Kassapa phục tùng sự giáo hóa của bậc Đại Sa-môn, hay là bậc Đại Sa-môn phục tùng sự hướng đạo tu hành của Tôn giả Uruvela Kassapa?" Lúc ấy, đức Thế Tôn nghĩ thầm: "Ta sẽ cho hội chúng thấy rằng Kassapa đã phục tùng sự giáo hóa của Ta." Rồi Ngài ngâm kệ này:

Thấy gì Hiền giả Kassapa,
Người ở rừng Uruvela,
Lừng lẫy tiếng tăm về khổ hạnh,[60]
Sao ông từ bỏ lửa thiêng xưa?
Kassapa hỡi, nghe Ta hỏi,
Sao bỏ tế đàn với lửa kia?

Lúc ấy, vị Trưởng lão đã hiểu rõ ý nghĩa câu hỏi của đức Phật liền đáp kệ này:

Tế lễ nói lên ngũ dục trần,
Sắc, thanh, hương, vị với giai nhân,
Và khi biết những điều như thế,
Chỉ thấy trong đời sống thế gian,
Đều bất tịnh, con không thích thú,
Tế đàn dâng lễ cúng thiên thần.

Rồi để tỏ ra mình là đệ tử Phật, vị Tỳ-kheo này đặt đầu lên chân đức Phật và nói:

– Đức Thế Tôn là Đạo sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Nói xong ông bay lên không bảy lần đến ngọn một cây cọ dừa (tāla), hai cây cọ dừa cho đến bảy cây cọ dừa rồi trở xuống đảnh lễ đức Thế Tôn và ngồi qua một bên. Hội chúng trông thấy việc hy hữu như thế liền tán thán uy danh của bậc Đạo sư, đồng nói to:

– Cao cả thay thần lực của đức Phật! Nên mặc dù đã tin tưởng vững chắc vào uy lực của mình, mặc dù tự cho mình là Thánh nhân, Tôn giả Uruvela Kassapa cũng đã phá bỏ mọi vọng chấp sai lầm và xin quy y với đức Như Lai.

Bậc Đạo sư đáp:

– Việc ấy cũng không kỳ diệu gì khi ngày nay Ta đã đạt thắng trí viên mãn và giáo hóa vị này, vì ngày xưa, khi Ta còn là một Bà-la-môn tên gọi Nārada và còn tham đắm dục lạc, Ta cũng đã phá tan mọi vọng chấp sai lạc của ông ấy và khiến ông ấy phải quy phục.

Rồi theo lời thỉnh cầu của thính chúng. Ngài kể câu chuyện sau đây.

***

[60] Xem *J.* I. 83; *Vin.* I. 36.

Ngày xưa, ở thành Mithilā trong quốc độ Videha có một vị minh quân trị vì rất đúng pháp tên là Aṁgati.[61] Lúc bấy giờ, chánh hậu của ngài đang mang thai một công chúa xinh đẹp đầy ân phúc tên gọi Rujā,[62] có công hạnh rất lớn và là người đã phát đại nguyện suốt một trăm ngàn kiếp. Mười sáu ngàn phi tần kia của ngài đều không có con. Vì thế, công chúa này rất được yêu quý nâng niu.

Hằng ngày, ngài thường ra lệnh ban cho nàng hai mươi lăm giỏ đầy hoa các loại và xiêm y lộng lẫy để nàng trang sức, lại ban cho nàng một ngàn đồng tiền để nàng bố thí các thức ăn uống tràn trề, mỗi tháng hai lần.

Lúc bấy giờ, ngài có ba vị cận thần tên gọi Vijaya, Sunāma và Alāta. Vào một ngày rằm tháng tư, cả kinh thành và cung điện được trang hoàng lộng lẫy như cảnh thiên giới. Sau khi đức vua đã tắm gội, xức dầu thơm và trang sức đủ loại ngọc ngà trân bảo, ngài cùng các cận thần ngự lên thượng lầu, mở cửa sổ nhìn mặt trăng tròn đang lên cao dần trên bầu trời quang đãng. Ngài bảo các cận thần:

– Đêm trăng này thật thú vị quá, các khanh muốn cùng ta hưởng lạc thú gì chăng?

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

1153. Một vì vua xứ Videha,
Tên gọi Aṁgati, thuở xưa,
Có lắm cỗ xe, tài sản quý,
Binh hùng tướng mạnh kể sao vừa.

1154. Một đêm trăng sáng ngày mười lăm,
Canh một sắp qua, ánh nguyệt rằm,
Tháng thứ tư mùa mưa mới đến,
Vua liền tụ họp các quần thần.

1155. Vijaya, tướng Alāta,
Cùng với đại thần Sunāma,
Là các Trí nhân, tươi nét mặt,
Thông minh, kinh nghiệm đủ phò vua.

1156. Videha hỏi chúng triều đình:
"Hãy nói ý mình muốn, mỗi khanh,
Nay đúng tháng tư, đêm mãn nguyệt,
Mây mờ không phủ ánh trăng thanh,
Đêm nay ta có gì vui thú,
Tiêu khiển thời giờ ấy thật nhanh?"

---

[61] Bản CST viết Aṅgati.

[62] Bản CST viết Rucā.

Cứ thế khi được vua hỏi đến, mỗi vị cận thần nói lên nguyện ước của lòng mình.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

1157. Tướng Alāta vội tâu liền:
“Bệ hạ! Xin cho tập hợp binh,
Tất cả vui tươi thêm khí thế,
Binh hùng, tướng mạnh, đấu tài tình.

1158. Theo ý hạ thần, ta chiến chinh,
Lượng đông vô số chàng hùng binh,
Ta đi thu phục người chưa phục,
Và xứ nào chưa phụ thuộc mình.”

1159. Vừa nghe lời của Alāta,
Sunāma bèn vội nói là:
“Bệ hạ! Kẻ thù tất cả đã,
Quy hàng, dưới trướng của ngài mà.

1160. Kẻ thù đã bỏ hết gươm đao,
Họ đã chịu theo, chịu cúi đầu,
Đại lễ hôm nay rất đặc biệt,
Hạ thần không thích đánh binh nhau.

1161. Xin hãy làm liền, khẩn cấp mang,
Thật nhiều ẩm thực, món cao sang,
Đại vương, xin hãy vui say dục,
Vũ điệu, hát ca, các loại đàn.”

1162. Nghe xong lời của Sunāma,
Vijaya bèn vội nói là:
“Tất cả dục thường luôn đủ sẵn,
Khi cần là phục vụ nhà vua.

1163. Bệ hạ thích vui các dục nào,
Thì ngài đạt được dễ làm sao!
Tuy rằng có chúng luôn không khó,
Nhưng ý đó thần nghĩ chẳng cao.

1164. Chúng ta nên hầu cận Sa-môn,
Hay vị Bà-la-môn hiểu thông,
Thánh điển am tường, rõ nghĩa lý,
Dẹp ngay nghi hoặc của ta xong.”

1165. Nghe xong lời của Vijaya,
Vua Aṁgati mới phán là:
“Theo ý Vijaya khẩn tấu,
Trẫm nay cũng thấy hỷ hoan ngay!

1166. Chúng ta nên hầu cận Sa-môn,
Hay vị Bà-la-môn hiểu thông,
Thánh điển am tường, rõ nghĩa lý,
Dẹp ngay nghi hoặc của ta xong.

1167. Tất cả thực thi ý kiến này,
Vậy hầu cận trí giả nào đây?
Vị mà thánh điển đầy thông hiểu,
Nghĩa lý am tường, dẹp mối nghi."

1168. Nghe lời Vua Videha khuyên,
Tướng Alāta bèn tấu liền:
"Vườn Lộc Uyển kia có đạo sĩ,
Được xem là bậc Trí tinh chuyên.

1169. Vị Guṇa dòng Kassapa,
Học cao, thuyết pháp thật tài ba,
Đông nhiều đệ tử, ngài nên đến,
Vị ấy phá tan nghi của ta."

1170. Nghe qua lời của Alāta,
Vua thúc giục liền quan thủ xa:
"Ngươi hãy đưa xa giá thắng sẵn,
Chúng ta đi Migadāya."

1171. Xa giá của vua được thắng nhanh,
Bằng ngà voi đẹp, bạc viền quanh,
Nhiều đồ bóng láng và tinh sạch,
Xa giá trắng xinh tựa mặt trăng.

1172. Tứ mã thắng đây là giống Sindh,
Sắc màu hoa súng trắng xinh xinh,
Chúng phi như gió và thuần thục,
Lại có đeo đai, lục lạc vàng.

1173. Sắc màu xa giá trắng tinh anh,
Lọng, mã, quạt cùng trắng bạch thanh,
Vua với đại thần cùng khởi tiến,
Ngài trông rực rỡ tựa vầng trăng.

1174. Nhiều kẻ theo hầu cho anh quân,
Đế vương vĩ đại thật oai hùng!
Bao nhiêu dũng sĩ trên lưng ngựa,
Mạnh mẽ bên mình mang giáo gươm.

1175. Đi trong chốc lát đến nơi kia,
Vị Khattiya bước xuống xe,

Vua Videha cùng các tướng,
Bộ hành tới lõa thể Guṇa.

1176. Lúc ấy tại đây tựu rất đông,
Có nhiều gia chủ, Bà-la-môn,
Nhưng vua cũng vẫn không ra lệnh,
Bảo họ lui ra khỏi đất vườn.

Ngài ngồi qua một bên, được vây quanh bởi thính chúng gồm đủ hạng người như vậy, rồi ngài làm lễ yết kiến vị ẩn sĩ kia.

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề này như sau:

1177. Sau đó vua ngồi ở một bên,
Dưới là một chiếc gối êm êm,
Đặt trên chiếc thảm nhiều màu sắc,
Nhẹ trải ra mời ngài ngự lên.

1178. Khi đã ngự an chỗ ấy xong,
Đức vua thân thiện hỏi thăm ông:
"Thưa ngài, nuôi sống ra sao vậy?
Thân được điều hay gió mạnh không?

1179. Nếp sống của ngài có khó khăn?
Việc đi khất thực đủ ngài ăn?
Bệnh đau ít ỏi phải không ạ?
Đôi mắt có suy giảm, yếu chăng?"

1180. Đạo sĩ Guṇa đáp hỷ hoan,
Khi Videha rất quan tâm,
"Đại vương, bần đạo mạng nuôi đủ,
Hai việc kia đều được ổn an.

1181. Xin hỏi Đại vương Videha,
Những vùng biên giới giương oai ra?
Các con vật kéo xe không bệnh?
Các cỗ xe đều nhanh, chạy xa?
Thân ngài không bệnh nào trầm trọng,
Mà khiến cho ngài khổ, thán ca?"

1182. Được hoan hỷ đáp, vua anh minh,
Thủ lãnh xa binh, yêu lý kinh,
Liên tục hỏi về nghĩa, giáo pháp,
Và phương cách áp dụng cho mình.

1183. "Kính thưa Tôn giả Kassapa,
Khi một con người đối mẹ cha,
Đối với vợ con, thầy dạy học,
Thế nào là đúng pháp, hài hòa?

1184. Cư xử thế nào với trưởng tôn,
Với Sa-môn, các Bà-la-môn,
Và quân binh với cả dân chúng,
Xin hỏi làm sao mới chánh chân?

1185. Thế nào người đúng pháp lâm chung,
Họ được đi về chốn phúc cung?
Còn những người tà pháp lúc chết,
Lại rơi địa ngục lúc sau cùng?"

Vì lúc ấy không có một vị Phật Chánh Đẳng Giác xuất hiện, cũng không có một vị Độc Giác Phật, một vị Thánh đệ tử của chư Phật hay một bậc đại trí nào nên vua hỏi liên tiếp các vấn đề đáng được nêu ra của một vị quốc vương cho một đạo sĩ lõa thể không hiểu biết gì và lại mù quáng tựa trẻ thơ. Vừa khi được hỏi như vậy, ông đã không trả lời phù hợp câu hỏi mà nhân cơ hội tâu ngay:

– Tâu Đại vương, xin Đại vương nghe đây!

Rồi ông tuyên thuyết tà pháp của mình như kẻ dùng cây đánh con bò trong khi nó đang đi, hay giống kẻ đang ném rác rưởi vào bát cơm.

***

Bậc Đạo sư giải thích vấn đề như sau:

1186. Nghe xong lời của Videha,
Đạo sĩ Kassapa nói là:
"Bệ hạ, xin nghe bần đạo đáp,
Đây điều chân thật, chẳng sai ngoa.

1187. Không hề có quả ác hay lành,
Cho những ai theo pháp thực hành,
Không có đời sau, tâu Bệ hạ!
Bởi ai từ đấy đến đây sanh?

1188. Tâu Bệ hạ! Không có tổ tông,
Từ đâu có mẹ, cha, hay ông?
Không người được gọi là thầy dạy,
Vì có ai thuần được kẻ ngông?

1189. Chúng sinh bình đẳng và tương đương,
Nên chẳng có người kính trưởng tôn,
Không có sức cường hoặc nỗ lực,
Từ đâu nhân loại khởi sinh, vươn?
Các chúng sinh thì theo định mệnh,
Như thuyền theo bánh lái mà nương.

1190. Con người được nhận phần nên nhận,
Như thế từ đâu quả thí sanh?

Bệ hạ! Không hề có quả thí,
Sự tinh tấn trở thành vô năng.

1191. Vật thí được người ngu phát ban,
Được người có trí nhận thu phần.
Những người bất lực, thực hành thí,
Kẻ ngốc nghĩ rằng mình Trí nhân.

Sau khi diễn giảng sự vô ích của bố thí, ông lại tiếp tục giải thích tội chướng không có công năng tạo nghiệp quả:

1192. Bảy uẩn thân bền, không vỡ, động,
Đó là hỏa, địa, thủy và phong,
Cộng thêm lạc, khổ, cùng đời sống,
Chẳng thấy điều làm chúng vỡ tung.

1193. Nếu dùng gươm chặt, xuyên bằng đao,
Giữa bảy uẩn thân cũng chẳng sao,
Không một thân nào bị sát hại,
Không điều làm chúng chết, rời nhau.

1194. Ai nắm đầu người rồi xuống tay,
Dùng thanh gươm bén chặt đầu ngay,
Cũng không phải chặt thân người ấy,
Quả ác từ đâu sanh khởi đây?

1195. Tám mươi bốn đại kiếp luân hồi,
Qua hết, chúng sanh sẽ sạch thôi,
Chưa đến thời gian đằng đẵng ấy,
Sạch trong chẳng được, dù rèn tôi.

1196. Dù đã làm nhiều điều tốt hay,
Thời chưa đến, họ chẳng trong ngay,
Dù cho làm ác nhiều đi nữa,
Họ cũng không qua thời hạn này.

1197. Tám mươi bốn đại kiếp trôi qua,
Lần lượt có trong sạch của ta,
Không thể nào ta vượt định mệnh,
Giống như biển chẳng vượt bờ xa.

Cứ thế, kẻ theo "thuyết Đoạn kiến" ấy đã dốc lòng bám quanh, củng cố lý lẽ riêng của chính mình.

1198. Nghe lời đạo sĩ nói vừa xong,
Alāta bèn vội mở lòng:
"Theo những lời mà Đại đức thuyết,
Thì tôi cũng thỏa niềm trông mong.

1199. Tôi nhớ kiếp vừa sống trước đây,
Trong luân hồi của bản thân này,
Tôi là một thợ săn thành phố,
Kẻ giết bò, tên Piṅgala.

1200. Tại thành Bārāṇasī giàu,
Tội ác tôi gây tạo biết bao,
Tôi đã giết đi nhiều mạng sống,
Các loài súc vật heo, dê, trâu.

1201. Chết từ nơi ấy, đến đây sinh,
Vào một gia đình tướng phú vinh,
Quả ác rõ ràng là chẳng có,
Tôi không đến địa ngục hành hình."

1202. Bấy giờ, nô lệ Bījaka,
Là gã nghèo hèn, rách rưới qua,
Đến chỗ của Guṇa đạo sĩ,
Gã này giữ Bố-tát ngày trai.

1203. Nghe xong lời của Kassapa,
Cả đáp lời từ Alāta,
Gã vội thở dài và bức xúc,
Khóc liền, nước mắt tuôn trào ra.

1204. Vua Vedeha hỏi gã nô:
"Vì sao ngươi khóc, nói nguyên do,
Điều chi ngươi đã nghe hay thấy,
Cảm thọ thế nào? Hãy đáp cho!"

1205. Nghe xong lời của Vedeha,
Nô lệ Bījaka đáp là:
"Cảm thọ khổ đau con chẳng có,
Đại vương! Xin hãy lắng nghe qua.

1206. Con nhớ kiếp rồi con được sanh,
Bản thân thọ sung sướng, vui an,
Con là triệu phú tên Bhāva,
Ở Sāketa, thích đức lành.

1207. Tâm thuần, con thích phát ban ra,
Đại phú, Bà-la-môn ngợi ca,
Con nhớ bản thân con rất rõ,
Chưa từng tạo nghiệp ác, điều tà.

1208. Tâu đức vua, từ đó chết đi,
Con vào trong bụng một nô tỳ,

Người này nghèo khổ, đội khuân nước,
Con lúc sanh ra đã khổ nguy.

1209. Dù phải lâm vào cảnh khó khăn,
Con đây nguyện sống cho công bằng,
Ai mà thiếu thốn, đang mong mỏi,
Con sớt chia liền nửa bữa ăn.

1210. Vào mùng mười bốn và mười lăm,
Luôn giữ gìn trai giới tịnh thanh,
Cũng chẳng giết sinh linh, hại chúng,
Cử kiêng trộm cắp, gắng tu tâm.

1211. Có lẽ là toàn hạnh nghiệp trồng,
Tích công bồi đức, quả bằng không,
Con cho là giới kia vô ích,
Như tướng Alāta nói xong.

1212. Có lẽ con đây vận xấu chê,
Như người lừa bịp chưa lành nghề,
Còn Alāta thì may mắn,
Bài bạc khéo chơi đã vững nghề.

1213. Con chẳng nhìn đâu thấy cửa đi,
Đến nơi cõi phúc, cảnh vui vầy,
Đại vương! Chính bởi nguyên do đó,
Nghe đạo sĩ xong, khóc lệ đầy."

1214. Nghe Bījaka trình tâu xong,
Vua Aṃgati liền phán rằng,
"Không có cửa vào cõi lạc phúc,
Bījaka chờ định mệnh mà mong!

1215. Dẫu là hạnh phúc hoặc bi ai,
Thật sự là do định mệnh bày,
Tất cả nhờ luân hồi được tịnh,
Thời chưa đến, chớ vội người ơi!

1216. Trẫm bận việc lành mãi, trước đây,
Bà-la-môn, phú gia trình hoài,
Trẫm còn chỉ phán xử nhiều việc,
Nên lãng quên bao dục lạc đầy."

Nói vậy xong, vua tạ từ ẩn sĩ:

– Thưa Tôn giả Kassapa, từ lâu nay trẫm thật là xao lãng, nhưng bây giờ trẫm đã tìm ra được một vị sư trưởng. Vậy từ nay trẫm sẽ tuân theo lời dạy của Tôn giả, trẫm sẽ an hưởng dục lạc mà thôi, dù có nghe thuyết pháp cũng không ngăn cản được trẫm đâu. Xin Tôn giả ở lại, trẫm đi đây!

Và vua nói:

1217. "Thưa Tôn giả, hẹn gặp ngài sau,
Nếu có dịp nào hội ngộ nhau."
Vua nói xong rồi liền cất bước,
Trở về cung điện Videha.

Thoạt tiên, khi vua đến viếng Guṇa, ngài chào vị này rất cung kính rồi nêu câu hỏi ra, nhưng khi ngài giã từ, ngài chẳng chào hỏi gì nữa. Vì Guṇa không đúng như danh truyền, vì bất xứng nên chẳng được đảnh lễ, vả lại càng ít được cúng dường thức ăn, v.v… Qua đêm đó, rạng sáng ngày hôm sau, vua triệu tập quần thần lại và bảo:

– Các khanh hãy chuẩn bị đủ mọi thứ dục lạc, từ nay trẫm sẽ chỉ theo đuổi dục lạc, các khanh đừng nói việc gì khác trước mặt trẫm, hãy để những vị này vị kia ra chấp chánh trị dân!

Và từ đó vua chìm đắm trong việc hưởng lạc.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

1218. Sau khi đêm ấy đã dần tan,
Vua Aṁgati lại vội vàng,
Cho triệu đại thần đến điện họp,
Và rồi vua khởi phán lời rằng:

1219. "Truyền bày biện tại Candaka,
Dục lạc luôn đầy cung điện ta,
Chớ để ai vào yết kiến, hỏi,
Dù là vì việc công hay tư.

1220. Vijaya với Sunāma,
Thêm một tướng tài Alāta,
Ba vị đều rành việc phán xử,
Nên ngồi giải quyết mọi kêu ca."

1221. Vedeha phán điều này xong,
Tràn ngập biết bao dục ở lòng,
Không phải bận phiền việc chấp chánh,
Không tìm gia phú, Bà-la-môn.

1222. Sau đó vào đêm mười bốn kia,
Có nàng công chúa tên Rujā,
Được Vua Vedeha yêu quý,
Công chúa bèn thưa nhũ mẫu là:

1223. "Xin hãy mau trang điểm giúp con!
Nô tỳ làm đẹp nhanh cho con!

Mai là thiên nhật, rằm, trăng sáng,
Con sẽ vào cung gặp phụ hoàng."

1224. Các nô tỳ đến, mang tràng hoa,
Lại có chiên-đàn quý giá thoa,
Ma-ni, xà cừ, trân bảo đẹp,
Và thêm tấm vải thắm nhiều màu.

1225. Công chúa ngồi trên chiếc ghế vàng,
Bao nhiêu tỳ nữ vây quanh nàng,
Điểm trang, phục sức cho công chúa,
Tôn dáng nàng thêm rực rỡ, sang.

1226. Rujā đầy đủ mọi tư trang,
Đi giữa các nô tỳ của nàng,
Khi tiến vào cung Candaka,
Tựa như ánh chớp giữa mây ngàn.

1227. Khi đến gần vua, nàng Rujā,
Là người chuộng luật, lễ vua cha,
Sau rồi an tọa kề bên ấy,
Trên một ghế xinh có khảm vàng.

1228. Và Vedeha thấy con ngoan,
Ở giữa các nô tỳ một đoàn,
Công chúa tựa thần tiên rạng rỡ,
Vua cha bèn nói những lời rằng:

1229. "Con thích cái hồ ở nội cung,
Có hay xuống giỡn vui, vừa lòng?
Họ thường đem đến con đầy đủ,
Các loại cao lương mỹ vị không?

1230. Thiếu nữ thường hay hái các bông,
Rồi xâu chúng lại thành từng vòng,
Tự làm nhà nhỏ, khu riêng biệt,
Thích thú vui đùa, giỡn chạy rông?

1231. Còn thứ gì con thiếu thốn chăng?
Bảo người lập tức mang cho con,
Này con, công chúa mặt thuần sáng,
Hãy nghĩ, dù cho tựa hái trăng!"

1232. Nghe xong lời nói Vedeha,
Công chúa Rujā mới đáp là:
"Toàn bộ thứ này đều đủ cả,
Vì con ở cạnh đức vua cha!

1233. Ngài mai thiên nhật, ngày mười lăm,
Xin bảo đem cho con một ngàn,
Có số tiền vua cha tặng ấy,
Con đây thí mọi kẻ bần hàn."

1234. Nghe xong lời nói của Rujā,
Vua Aṁgati vội bảo là:
"Lợi ích, quả sanh đâu chẳng thấy,
Vì con, bao của cải tiêu pha.

1235. Vào ngày trai giới, con hành trì,
Giữ giới, thường không ăn uống chi,
Việc chẳng uống ăn là luật định,
Kẻ không ăn uống, phước sanh gì?

1236. Thật sự, bản thân Bījaka,
Nghe xong lời của Kassapa,
Thở dài, bức xúc liền than khóc,
Nước mắt không ngừng lã chã sa.

1237. Rujā đang sống thì con ngoan,
Đừng bỏ thọ dùng các bữa ăn!
Con quý yêu, đời sau chẳng có!
Điều vô ích mà cực chi con?"

1238. Nghe Vedeha nói xong rồi,
Rujā, nàng công chúa rạng ngời,
Người biết việc nào sau hoặc trước,
Bèn trình lên phụ vương đôi lời:

1239. "Trước kia con có nghe điều này,
Con cũng đã từng chứng kiến đây,
'Ai hễ gần thân với kẻ dốt,
Trở thành như kẻ dốt, ngu si.'

1240. Đã ngu mà đến với người ngu,
Thì sẽ thêm ngu xuẩn, chẳng vơi,
Alāta và Bījaka,
Họ ngu là phải, Phụ vương ơi!"

Sau khi cả hai trách nhau như vậy, nàng giải thích để vua cha thoát khỏi tà kiến:

1241. Phụ vương, người có trí tuệ hơn,
Thông suốt, rõ rành về lý chơn,
Sao lại theo tà kiến kém cỏi,
Như là đứa trẻ, rất ngây thơ?

1242. Nếu trong sạch được qua luân hồi,
Thì Guṇa tu vô nghĩa rồi!
Kẻ muội ngu hành kiểu lõa thể,
Như thiêu thân thấy lửa vào thôi.

1243. Khi trước theo tà kiến nói rằng:
"Qua luân hồi sẽ được trong thanh"
Nhiều người vô trí làm không đúng,
Tai hại trói vậy, tội đã làm.
Bây giờ muốn thoát, quả là khó!
Tựa cá mắc câu dính chặt hàm.

Nàng đưa thêm ví dụ:

1244. Con sẽ nêu thêm ví dụ vào,
Phụ vương đạt lợi ích lớn lao,
Vì nhờ ví dụ mà người trí,
Hiểu được rõ ràng ý nghĩa sâu.

1245. Như con tàu của các thương buôn,
Chuyên chở nặng nề, vô lượng luôn,
Quá tải trọng tàu nên bị khiến,
Tàu chìm xuống đáy biển tan hoang.

1246. Và cũng vậy khi có một người,
Tích dần điều ác, chẳng buông lơi,
Đến khi điều ác kia nhiều quá,
Địa ngục phải vào, khổ chẳng nguôi.

1247. Xin tâu Chúa tể địa cầu này,
Tội ác Alāta chứa dày,
Ông chất chứa thêm nhiều ác nữa,
Theo đây ông đọa cảnh bi ai.

1248. Xin tâu Chúa tể địa cầu này,
Phước báu ông làm lúc trước đây,
Có quả sanh cho ông ấy hưởng,
Chính là ông được sướng vui vầy.

1249. Phước báu của ông cạn kiệt dần,
Do vui trong những việc vô lương,
Sau khi từ bỏ con đường chánh,
Ông đuổi theo sai hướng, trái đường.

1250. Như đòn cân ở thế thăng bằng,
Khi chẳng có gì trên đĩa cân,
Nhưng lúc đặt vào một vật nặng,
Đầu cân lập tức được nâng lên.

1251. Và cũng vậy khi có một người,
Tích dần điều thiện, chẳng buông lơi,
Như Bījaka hướng thiên giới,
Thích thú nhiều nơi quả tốt vui.

Việc hiện nay phải chịu thân phận nô lệ không phải từ quả của thiện nghiệp kia. Ở đây nên hiểu là việc ác đã làm trong quá khứ của người này dẫn đến thân phận nô lệ. Nàng giải thích ý nghĩa này như sau:

1252. Hiện nay nô lệ Bījaka,
Nhận thấy đau khổ của gã ta,
Là bởi ác hành trong quá khứ,
Đến giờ gã thọ quả sanh ra.

1253. Tội ác gã kia cạn kiệt đi,
Do vui vì giữ giới thường khi,
Đã đi đến chỗ Kassapa,
Cha hỡi, đừng theo tà đạo chi!

Rồi nàng lại tiếp tục phô bày tội chướng của việc gây ác nghiệp cùng lợi ích của việc thân cận bạn lành:[63]

1254. Khi ta thân cận một người nào,
Người tốt hay là xấu dẫu sao,
Có giới hay là không có giới,
Ta theo ảnh hưởng ấy dần sau.[64]

1255. Dẫu người bạn của ta như nào,
Và mức độ thân cận cạn, sâu,
Ta cũng trở thành người thế ấy,
Đồng hành, chung sống sẽ như nhau.

1256. Kẻ nào thân thiết những tha nhân,
Hay kẻ mà đang tiếp xúc gần,
Như mũi tên kia đã tẩm độc,
Làm lan cả bó trong bao tên.
Vì sợ nhiễm lây mà bậc Trí,
Không làm bạn với ác, tà gian.

1257. Nếu người bọc xác cá hôi ươn,
Với dải kusa, cỏ cát tường,
Cỏ sẽ có mùi hôi thúi ấy,
Cũng vậy kết giao kẻ dại cuồng.

---

[63] Xem *Cp.* 75, *Mahāsudassanacariyā* (*Hạnh của đức Bồ-tát Mahāsudassana*).

[64] Các câu kệ 1254-59, xem *J.* IV. 430, *Sattigumbajātaka* (*Chuyện anh vũ Sattigumba*), số §503; *It.* 67, *Sukhapatthanāsutta* (*Kinh Hy vọng được lạc*).

1258. Nhưng nếu người ta bọc cỏ hương,
Vào trong một chiếc lá thông thường,
Lá thơm mùi nhẹ nhàng êm dịu,
Cũng vậy kết giao bậc Trí nhân.

1259. Hiểu về cách lá bọc đồ hàng,
Biết ảnh hưởng nào cho bản thân,
Người trí chẳng đi theo kẻ ác,
Chỉ theo thân cận bậc Hiền lành.
Kẻ ác dẫn ta vào địa ngục,
Người hiền giúp đạt cõi vui an.

Sau khi thuyết pháp cho phụ vương qua sáu bài kệ ấy xong, công chúa bày tỏ nỗi khổ đau mà nàng phải chịu đựng trong các tiền thân xa xưa:

1260. Nhớ về chính bản thân luân hồi,
Bảy kiếp mà con đã nổi trôi,
Và vị lai, đi thêm bảy kiếp,
Khi nào con chết ở đây rồi.

1261. Đời thứ bảy xưa, tâu Phụ vương,
Con đây nam tử thợ rèn thường,
Sinh ra ở Rājagaha,
Thành phố thuộc vùng Magadha.

1262. Con đến bạn bè xấu, ác tâm,
Nên con làm việc ác nhiều lần,
Lại xâm phạm vợ người khác,
Cứ sống như là bất tử nhân.

1263. Nghiệp này được trữ và vùi yên,
Giống lửa dưới tro cháy dở dang,
Rồi cộng thêm vào bao nghiệp khác,
Con sanh ra tại nước Vaṁsa.

1264. Trong phú gia, thành Kosambī,
Nhà giàu, nhiều của, ít ai bì,
Con là nam tử độc duy ấy,
Thường được cưng chiều, rất quý yêu.

1265. Nơi đó con thân cận bạn lành,
Người này thích quả thiện lai sanh,
Đa văn túc trí, hay tương trợ,
Người đã giúp con có lạc an.

1266. Vào ngày mười bốn và mười lăm,
Trai giới nhiều đêm con trọn hành,

Nghiệp ấy được tàng lưu, tích trữ,
Như kho báu dưới nước, yên nằm.

1267. Rồi nhiều quả xấu ác sanh ra,
Từ nghiệp tạo nơi Magadha,
Quả dần xoay chuyển giờ con gặp,
Như đã uống ăn trúng độc tà.

1268. Chết đi từ đó, tâu vua cha,
Con đọa địa ngục Roruva,
Bị nấu nung lâu vì sở nghiệp,
Mỗi khi nhớ lại, tâm không an.

1269. Ngục kia con ở rất nhiều năm,
Phải chịu biết bao nỗi khổ nàn,
Con lại sanh làm dê đực thiến,
Tại Bheṇṇākaṭa,[65] Phụ hoàng!

Con dê đực nhỏ ấy có sức mạnh, bị người leo lên lưng và phải chở họ đi, nó cũng phải mang ách kéo cỗ xe nhỏ. Nàng nói rõ ý nghĩa này như sau:

1270. Con chở quý nam tử được cưng,
Bằng xe kéo với cả trên lưng,
Đó là bởi quả nghiệp không thiện,
Theo đuổi vợ người, con đã từng.

Sau khi chết ở đó, con đầu thai vào bụng một con khỉ trong rừng. Ngày con sinh ra đời, con được đem đến trình cho con khỉ đầu đàn, nó nắm lấy chặt và bảo: "Đưa cho ta, con trai!" Rồi nó cắn hạ căn của con cho đứt lìa dù con kêu thét lên.

Nàng diễn tả sự việc này qua vần kệ sau:

1271. Từ đó chết đi, con đến nơi,
Đầu thai làm khỉ rừng xa xôi,
Khỉ đầu đàn cắn hạ căn đứt,
Hậu quả do săn đuổi vợ người.

Kế đó, nàng thuật tiếp các tiền thân khác:

1272. Từ đó chết qua Dasaṇṇa,
Con làm bò đực, tâu vua cha,
Hiền lành, nhanh nhẹn, hạ căn thiến,
Chịu đựng lâu dài kéo cỗ xa.
Đây là quả của nghiệp khi trước,
Thân cận vợ người kiếp đã qua.

---

[65] Bản CST viết Bhinnāgata. Bản PTS và Tích Lan ghi Bheṇṇākaṭa

1273. Từ đó chết qua xứ Vajjī,
Làm con trong một danh gia kia,
Không là nam cũng chẳng là nữ,
Có được thân người chẳng dễ chi!
Đó là bởi quả nghiệp không thiện,
Theo đuổi vợ người, con xá chi.

1274. Rồi sanh ở Nandana viên,
Nơi đẹp tươi của Đao-lợi thiên,
Là một nữ thần xinh tuyệt thế,
Mỹ miều dung sắc như tâm nguyền.

1275. Xiêm áo của con rực đủ màu,
Bông tai ngọc báu điểm tô vào,
Con đây múa hát rất điêu luyện,
Theo Đế-thích làm một nữ hầu.

1276. Lúc con ở tại cung trời ấy,
Con nhớ rõ thông những kiếp này,
Và vị lai đi thêm bảy kiếp,
Khi nào con chết từ nơi đây.

1277. Điều tốt làm nơi Kosambī,
Chuyển xoay dần đến đúng thời kỳ,
Từ đây mà chết con sanh tới,
Thiên giới và nhân giới thường khi.

1278. Trong suốt bảy kiếp, thưa Phụ vương,
Con luôn được quý trọng, yêu thương,
Tuy trong kiếp thứ sáu con vẫn,
Không thoát khỏi thân phận nữ nương.

1279. Kiếp thứ bảy này như ước mong,
Trở thành thiên tử đại thần thông,
Con là thiên nam ở nơi ấy,
Uy thế tối cao, thiên chúng đông.

1280. Thiên nữ vẫn còn đang kết hoa,
Tại vườn thượng uyển Nandana,
Và rồi thiên tử tên Java,
Là vị nhận cho con chuỗi hoa.

1281. Thời gian một buổi trên trời bằng,
Mười sáu năm tròn cõi thế nhân,
Và một ngày đêm thiên giới ấy,
Bằng trăm năm chẵn của nhân gian.

1282. Nghiệp cứ đi như vậy với ta,
Cho dù vô số kiếp kinh qua,
Nghiệp kia dẫu thiện hay là ác,
Cũng vẫn không bị hủy hoại ra.

Rồi kế đó, nàng tuyên pháp tối thượng:

1283. Nam nhân muốn sẽ được thành người,
Mỗi kiếp sanh thân, mỗi một đời,
Nên tránh xa vợ của kẻ khác,
Tựa người chân sạch tránh bùn dơ.

1284. Nữ nhân muốn sẽ được thành người,
Mỗi kiếp sanh thân, mỗi một đời,
Nên kính trọng chồng cho đúng mực,
Như tỳ thiếp đối với thiên vương.

1285. Người ham của cải ở thiên đàng,
Hạnh phúc, thọ lâu, danh tiếng vang,
Thì phải lánh xa các việc ác,
Nên hành ba loại pháp đàng hoàng.

1286. Đó là thông qua ý, khẩu, thân,
Không phóng dật và hiểu rõ ràng,
Lợi lạc bản thân, sống ý nghĩa,
Cho dù là nữ hay là nam.

1287. Bất cứ một ai ở cõi này,
Có danh, mọi của cải tràn đầy,
Do hành ba pháp tốt khi trước,
Dù mỗi chúng sanh nghiệp khác sai.

1288. Thưa Phụ vương, xin tự gẫm suy,
Sao cha có những nữ nhân đây?
Trông như thần nữ khéo trang điểm,
Lại có áo choàng vàng thế này.

Nàng khuyên bảo vua cha như vậy.

***

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

1289. Như vậy, Rujā công chúa ngoan,
Đã làm cho phụ vương hài lòng,
Vì nàng giải thích đạo hay rõ,
Và pháp cho vua cha bất thông.

Sau khi đã giảng pháp cho vua cha nghe suốt đêm đến rạng sáng ngày hôm sau, nàng bảo:

– Tâu Phụ vương, xin đừng nghe lời kẻ tà thuyết lõa thể kia mà hãy theo lời bạn lành như con đây đang tâu với Phụ vương rằng có đời này và đời sau, có nghiệp quả thiện, ác! Xin Phụ vương đừng lạc vào tà đạo!

Tuy nhiên, nàng vẫn chưa đủ khả năng giải thoát vua cha khỏi tà thuyết của ngài. Ngài chỉ đẹp ý khi nghe những lời lẽ êm dịu của con, vì các bậc cha mẹ tự nhiên yêu thích lời lẽ của con cái họ, nhưng họ lại không chịu từ bỏ những ý kiến riêng của mình. Thế là trong kinh thành vang lên lời đồn đãi: "Công chúa Rujā đang cố đánh tan các tà kiến bằng cách giảng Chánh pháp." Và dân chúng rất hoan hỷ: "Công chúa hiền đức sẽ giải thoát vua cha khỏi tà thuyết và sẽ đem lại phồn vinh cho dân chúng."

Tuy nhiên, dù công chúa chưa đủ khả năng làm vua cha tỉnh ngộ, nàng vẫn không ngã lòng, thoái chí mà vẫn quyết tâm tìm phương tiện đem lại chân hạnh phúc cho vua cha. Nàng chắp tay lên đỉnh đầu lễ bái khắp mười phương, nàng nguyện cầu:

– Trong thế gian này có vị Sa-môn và Bà-la-môn chân chính phù hộ người đời, có chư thiên ngự trị khắp nơi, lại có các vị Đại Phạm thiên, kính xin các vị đến giúp cho vua cha của tiện nữ từ bỏ tà kiến hoặc nếu quý vị không có đủ tự lực, xin quý vị đến đây theo uy lực và công đức của tiện nữ để xua tan tà thuyết này và đem lại hạnh phúc cho toàn thể thế gian!

Lúc bấy giờ, Bồ-tát là vị Đại Phạm thiên tên gọi Nārada. Các vị Bồ-tát đầy lòng từ bi, lân mẫn và uy lực thỉnh thoảng hay phóng nhãn quang nhìn người thiện, kẻ ác trên thế gian. Ngày hôm ấy, ngài nhìn xuống thế gian thấy công chúa đang cầu nguyện chư thiên ngự trị khắp nơi đến giải thoát vua cha khỏi tà thuyết, ngài nghĩ thầm: "Trừ ta ra không ai có thể xua tan tà thuyết được, ta phải đến ngay hôm nay tỏ lòng từ ái với công chúa và mang lại hạnh phúc cho đức vua cùng dân chúng. Ta sẽ khoác bộ áo nào đây? Các ẩn sĩ tu hành thường được người đời yêu kính, lời lẽ của các vị ấy thường được xem là đáng tín thọ, vậy ta sẽ khoác áo ẩn sĩ."

Thế là ngài hóa ra hình tướng thế nhân rất khả ái với làn da như vàng ròng, mái tóc bện lại được ghim bằng cây kim vàng. Sau khi mặc y trong bằng vải nhuộm và y ngoài bằng vải thô từ sợi vỏ cây nhuộm, ngài lại khoác lên vai tấm da nai đen làm bằng bạc lấm tấm điểm sao vàng ánh, cầm bình bát khất thực bằng vàng đeo lủng lẳng bằng một chuỗi ngọc, trên vai ngài đặt chiếc đòn gánh bằng vàng có ba mấu, cầm bình nước bằng san hô được buộc bằng chuỗi ngọc trai. Với bộ trang phục ấy, ngài liền phi thân qua bầu trời chẳng khác nào vầng trăng sáng rực giữa không gian rồi bước vào thượng lầu của cung Candaka, đứng sừng sững trước mặt vua.

***

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

1290. Rồi Bồ-tát Nārada này,
Từ cõi Phạm thiên đến cõi người,
Quan sát xứ Jambudīpa,
Ngài nhìn thấy rõ Aṁgati.

1291. Ngài ngừng lại chỗ tòa lâu đài,
Phía trước nhà Vua Vedeha,
Khi thấy vị này đã đến chỗ,
Rujā lễ ẩn sĩ nơi đây.

Vua choáng váng trước vẻ huy hoàng của vị Phạm thiên nên không thể ngồi yên trên ngai vàng mà vội bước xuống đất, hỏi lý do ngài giáng lâm cùng danh hiệu, gia tộc của ngài.

Bậc Đạo sư giải thích sự việc như sau:

1292. Rồi vua liền xuống khỏi ngai mình,
Tâm trí ngạc nhiên đến thất kinh,
Để hỏi vị Nārada ấy,
Vua dùng lời lẽ sau thưa trình.

1293. Ngài đến từ đâu, dáng thánh thần,
Như vầng trăng chiếu sáng đêm trường,
Nói cho ta biết tên, gia tộc,
Người gọi là gì giữa thế nhân?

Nārada nghĩ thầm: "Vị vua này không tin tưởng có đời sau, vậy ta phải nói cho vua biết về đời sau." Rồi ngài ngâm kệ:

1294. Ta đến đây từ hội chúng thiên,
Như vầng trăng chiếu sáng đêm đen,
Ta nêu danh tánh cùng gia tộc,
Kassapa, Nārada, họ tên.

Vua nghĩ thầm: "Lát nữa ta sẽ hỏi ngài về đời sau, bây giờ ta hãy hỏi ngài về mục đích việc giáng trần vi diệu này."

1295. Điều như thế thật diệu kỳ thay,
Giữa khoảng không, ngài đi đứng tài!
Ta muốn hỏi ngài đây một việc,
Lý do ngài có thần thông này?

Nārada đáp:

1296. Chân thật, công bằng, chế ngự mình,
Rộng lòng bố thí đã lừng danh,
Nhờ công đức thực hành tinh tấn,
Như ý nguyện mình, ta lướt nhanh.

Ngay cả lúc ngài nói như vậy, vua cũng không thể tin vào đời sau bởi vì tà kiến đã ăn sâu, vua liền hỏi: "Có quả của phước thiện sao?" rồi ngâm kệ:

1297. Ngài đã nói điều kỳ diệu này
Là do phước thiện tựu thành đây,
Nếu điều này đúng như ngài nói,
Xin trả lời cho trẫm thẳng ngay!

Nārada đáp:

1298. Đây việc của ngài, hỡi Đại vương,
Hỏi ta điều cảm thấy nghi nan,
Hiển nhiên ta đáp cho ngài rõ,
Nhờ lý luận, bằng chứng rõ ràng.

Vua liền hỏi:

1299. Nārada, trẫm hỏi điều này,
Đừng trả lời sai câu hỏi đây,
Thật có chư thiên hay tổ phụ,
Đời sau như bọn chúng đồn vầy?

Nārada đáp:

1300. Thật có thiên thần với tổ tiên,
Đời sau như chúng vẫn nêu lên,
Nhưng người tham dục và mê đắm,
Không biết đời sau bởi đảo điên.

Khi nghe điều này, vua cười to và ngâm kệ:

1301. Nārada, nếu đã tin rằng,
Có cõi cho người chết trú thân,
Đưa trẫm năm trăm đồng bạc gấp,
Đời sau trẫm sẽ trả ngàn đồng.

Thế rồi bậc Đại sĩ đáp lời, khiển trách vua ngay giữa hội chúng:

1302. Ta đưa ngài đủ số năm trăm,
Nếu biết ngài hiền đức, rộng lòng,
Nhưng nếu ngài là người độc ác,
Đọa vào trong địa ngục đày thân,
Còn ai đòi được ngài đem trả,
Đời kế, ngàn đồng ấy được không?

1303. Khi một người thù ghét thiện lương,
Chỉ yêu tội lỗi lại hung tàn,
Trí nhân chẳng muốn cho vay mượn,
Kẻ nợ ấy không thể đáo hoàn.

1304. Khi người ta biết kẻ tài năng,
Đức hạnh, tinh chuyên lại rộng lòng,

Họ sẽ mời người kia mượn của,
Bằng nhiều lợi lạc họ đem dâng,
Khi người kia đã làm xong việc,
Người sẽ bồi hoàn nợ đã mang.

Vua bị quở trách như vậy vẫn chưa hiểu, còn hoang mang. Hội chúng rất hoan hỷ, reo to:

– Vị thiên có đại thần lực vi diệu sẽ giải thoát Đại vương khỏi tà kiến ngay hôm nay.

Và cả kinh thành chấn động lên. Rồi nhờ thần lực của bậc Đại sĩ, không một ai ở trong phạm vi bảy do-tuần quanh thành Mithilā không được nghe ngài thuyết pháp. Lúc ấy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Nhà vua đã quá chấp thủ tà kiến, ta sẽ làm cho vua hiểu nỗi kinh hoàng của địa ngục mà bỏ tà kiến đi, sau đó ta sẽ trấn an vua bằng cõi chư thiên." Rồi ngài bảo vua:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương không bỏ tà kiến ấy đi, Đại vương sẽ bị đọa vào địa ngục chịu thống khổ không ngừng.

Và ngài bắt đầu kể đến các loại địa ngục khác nhau:

1305. Đại vương, khi giã biệt đời này,
Ngài sẽ thấy diều, quạ cả bầy,
Vồ xé xác ngài trong địa ngục,
Và kên kên nữa, máu me đầy,
Còn ai bắt được ngài, đời kế,
Đem trả ngàn đồng ấy đã vay?

Sau khi tả địa ngục Diều Quạ xong, ngài nói tiếp:

– Nếu Đại vương không đọa vào đó, Đại vương phải ở trong địa ngục nằm giữa các cõi.

Rồi ngài ngâm kệ miêu tả địa ngục ấy:

1306. Ở đó tối tăm thật mịt mùng,
Và không vầng nhật hoặc vầng trăng,
Ngục này hỗn độn và kinh khủng,
Chẳng biết ngày đêm, chẳng tháng năm,
Còn kẻ nào mong đòi món nợ,
Ở nơi như vậy nữa hay chăng?

Sau khi tả địa ngục ở giữa các cõi ấy thật đầy đủ chi tiết, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương không chịu từ bỏ tà thuyết ấy, không những Đại vương phải chịu khổ hình này mà còn nhiều khổ hình khác nữa.

Rồi ngài ngâm kệ:

1307. Con chó Sabala dáng khổng lồ,
Cùng Sāma lực lưỡng nhào vô,

Dùng răng cắn xé người tan xác,
Kẻ đọa từ đây đến ngục tù.

Các địa ngục kế tiếp cũng có cùng một quy luật như vậy, vì thế các địa ngục này và các cai ngục được ngài mô tả qua các bài kệ thật súc tích, những ngôn từ tượng hình như trong các đoạn trên:

1308. Vậy khi ở ngục bị tan thân,
Vì thú dữ hành hạ bạo hung,
Thân xác tả tơi, dòng máu chảy,
Còn ai đòi trả nợ ngàn đồng?

1309. Với cung tên, nhọn hoắt giáo gươm,
Quản ngục Kāḷūpakāḷa,
Đâm chém trọng thương người phải đọa,
Trước kia phạm tội ở nhân gian.

1310. Trong khi kẻ ấy chạy lang thang,
Trong ngục, bị đâm ở bụng, sườn,
Gan ruột nát tan dòng máu chảy,
Ai mong đòi nó một ngàn đồng?

1311. Trời mưa xuống các loại tên, đao,
Các khí cụ hành tội, cọc, lao,
Đám lửa rơi như than cháy bỏng,
Trời mưa đá tảng trút ào ào.

1312. Luồng gió nóng ran thật hãi hùng,
Thổi vào trong ngục mạnh không cùng,
Không vì vui thú dù giây lát,
Nó chạy quanh không chốn trú thân.
Còn ai muốn bắt người kia trả,
Đời kế ngàn đồng ấy được không?

1313. Bị buộc vào xe đang chạy nhanh,
Trên nền đất rực lửa hoành hành,
Biết bao gậy nhọn dài kìm thúc,
Ai muốn đòi ngàn bạc cho đành?

1314. Khi trèo lên ngọn núi kinh hoàng,
Bừng cháy các dao xé nát thân,
Máu chảy đầm đìa, ai sẽ muốn,
Đời sau đòi nó một ngàn chăng?

1315. Khi nó trèo lên một đống than,
Đỏ hừng như núi lửa kinh hoàng,
Toàn thân cháy, thét gào đau khổ,
Ai muốn đòi ngàn bạc ấy chăng?

1316-17. Lớp cây dày đặc đến tầng mây,
Có cọc sắt đâm hút máu ngay,
Người nữ, nam săn vợ kẻ khác,
Phải trèo lên đó, bị từng bầy,
Quỷ Diêm-la chúa luôn xua đuổi,
Mang các giáo dài ở dưới tay.

1318-19. Khi nó trèo lên cây vải bông,
Toàn thân đầy máu chảy ròng ròng,
Lột da, bị cháy, khổ kinh khiếp,
Bức bối thở than, bám ngọn bông,
Để đền tội ác xưa như vậy,
Ai muốn đòi tiền nợ cũ không?

1320-21. Có những rừng cao đến đám mây,
Lá rừng là kiếm sắt tràn đầy,
Thiết đao uống máu người đày đọa,
Khi nó trèo lên đám lá cây,
Thân nó bị cưa bằng kiếm sắt,
Nát tan, máu chảy hãi hùng thay!
Ai mong đòi nó trong đời kế,
Trả nợ ngàn đồng nó đã vay?

1322. Khi nó vừa ra khỏi ngục này,
Phủ đầy lá sắt giữa rừng cây,
Liền vào sông Vetaraṇī,
Ai muốn đòi tiền nợ cũ đây?

1323-24. Dòng sông xiết Vetaraṇī,
Khốc liệt, nước sôi sục ngập tràn,
Bao phủ lá, hoa sen bén nhọn,
Trong khi nó bị đuổi trên sông,
Máu me bao phủ, tay chân đứt,
Dòng nước Vetaraṇī hãi hùng,
Chẳng có một nơi nào trú ẩn,
Ai mong đòi nợ nó hay không?

Và giờ đây, sau khi nghe bậc Đại sĩ mô tả về địa ngục, vua cảm thấy rất sợ hãi, muốn tìm nơi an trú nên nói với ngài:

1325. Trẫm sợ tựa cây đang bị cưa,
Hoang mang, không biết hướng cho vừa,
Giày vò vì sợ, sợ kinh khủng!
Khi được nghe ngài nói kệ qua.

1326. Vật cháy gặp dòng nước mát trong,
Như cù lao giữa biển bão, đầy dông,
Như đèn khi tối đen đêm đến,
Ngài chính là nơi trú trẫm mong.

1327. Xin dạy trẫm kinh và nghĩa hay,
Trẫm đây quá khứ tội tràn đầy,
Xin ngài chỉ trẫm đạo thanh tịnh,
Tránh địa ngục kia, khỏi đọa đày!

Sau đó, bậc Đại sĩ dạy vua con đường thanh tịnh bằng cách nêu gương các bậc tiên vương đã hành trì chánh đạo:

1328. Như các Vua Dhataraṭṭha,
Vessāmitta, Aṭṭhaka,
Yāmataggi và Sivi,
Luôn cả Vua Usinnara,
Trước đây họ hết lòng hầu cận,
Các Sa-môn và Bà-la-môn.

1329. Tất cả họ cùng những Đại vương,
Đã lên cõi Đế-thích thiên đường,
Đức vua hãy tránh xa tà pháp,
Và nỗ lực hành pháp chánh chân!

1330. Hãy cho người bưng các đồ ăn,
Ngay tại cung vua rồi báo rằng,
Thành phố này ai đang đói, khát?
Ai cần hoa đẹp, dầu thơm hương?
Đang có vải nhiều, màu sắc khác,
Ai không đồ đến nhận y choàng.

1331. Ai nhận dù, giày dép đẹp, mềm,
Đi đường thuận tiện mát và êm,
Hãy cho thông báo trong thành phố,
Từ buổi sáng rồi đến tối đêm.

1332. Xin chớ bàn giao việc nhọc, bừa,
Cho người, bò, ngựa già, như xưa,
Xin vua ban bố sự chăm sóc,
Vì lúc mạnh làm xong việc qua.

Như vậy, bậc Đại sĩ sau khi thuyết giảng cho vua về bố thí và đức hạnh, thấy rằng vua sẽ hoan hỷ khi được ví với một cỗ xe nên ngài tiếp tục thuyết pháp cho vua qua hình ảnh một cỗ xe như ý (ban mọi điều ước):

1333. Thân thể của vua là cỗ xe,
Ý tâm được nhẹ, người điều xe,

Lúc không hãm hại, trục xe chuyển,
Bố thí rộng lòng là mái che.

1334. Kiềm bước chân là vành bánh xe,
Kiềm bàn tay là cái khung xe,
Kiềm nơi bụng, ổ trục lăn nhẹ,
Kiềm khẩu thì không cót két xe.

1335. Lời chân là các phần xe cân,
Lời chẳng thọc đâm, điều khiển êm,
Lời dịu hòa, toàn phần tốt đẹp,
Lời cân nhắc, kết dính lâu bền.

1336. Khéo tạo bằng niềm tin, chẳng tham,
Khiêm cung, tay chấp, gọng xe ngang,
Càng xe, không cúi luồn, ương ngạnh,
Hộ trì giới luật, xe được ràng.

1337. Không sân giận, tức xe không rung,
Học rộng tạo thành ván dựa lưng,
Thiện pháp tạo nên cây lọng trắng,
Tâm kiên trì, miếng đệm ngồi an.

1338. Biết lúc nào, cần yếu của tâm,
Tự tin là cái chống ba chân,
Hạnh khiêm tốn tạo sợi dây buộc,
Không quá mạn thì ách nhẹ nhàng.

1339. Tâm chẳng thối lui tức nệm trường,
Tiến tu là sạch bụi đường mang,
Bậc Hiền trí có niệm, cây thúc,
Gắn bó, kiên trì, các sợi cương.

1340. Tâm thuần thục dẫn đúng đường đi,
Như cỗ xe kéo ổn định, hay,
Mong muốn, tham lam, đường sái quấy,
Tự mình thu thúc, con đường ngay.

1341. Xe lao đến sắc, thinh, hương, vị,
Trí tuệ ra tay trị, lái đi,
Tâu Bệ hạ, trong trường hợp ấy,
Bản thân là chính người điều xe.

1342. Nếu chiếc xe này được ổn an,
Được làm vững chắc và kiên gan,
Thì xe đem lại mọi điều ước,
Địa ngục không vào, khỏi khổ nàn.

– Như vậy, tâu Đại vương, ta đã dùng nhiều cách trình bày cho Đại vương đạo thanh tịnh mà ngài đã yêu cầu Nārada nói rõ để tránh đọa vào các địa ngục.

Sau khi thuyết giảng Chánh pháp cho vua và phá tan mọi tà kiến cùng an trú vua vào giới hạnh, ngài lại khuyên vua từ nay xa lánh bạn ác, thân cận với bạn lành và cẩn trọng trong mọi bước tiến. Rồi ngài tán thán mọi đức hạnh của công chúa, nói lời khuyến tu cho cả triều đình cùng các cung phi xong, ngài liền bay về Phạm thiên giới với thần lực vĩ đại siêu phàm.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, không những ngày nay mà từ xưa, Ta đã giáo hóa Uruvela Kassapa và phá tan lưới tà kiến vây chặt vị ấy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân qua các vần kệ cuối cùng:

1343. Devadatta chính Alāta,
Bhaddaji chính là Sunāma,
Sāriputta chính là Vijaya,
Moggallāna chính là Bījaka.

1344. Sunakkhatta, dân Licchavī,
Xưa lõa thể, là Guṇa đạo sĩ,
Rujā đã giáo hóa quân vương đó,
Chính là thị giả Ānanda.

1345. Uruvela Kassapa,
Là vị vua tà kiến xấu xa,
Đại Phạm thiên là Bồ-tát ấy,
Các ông ghi nhớ bổn sinh vầy.

§546. CHUYỆN BẬC ĐẠI TRÍ VIDHURA (*Vidhurajātaka*)[66] (*J.* VI. 255)

Yếu gầy, ái hậu lại xanh xao...

Bậc Đạo sư kể câu chuyện này khi Ngài trú ở Jetavana (Kỳ Viên), liên quan đến sự viên mãn của trí tuệ tối thắng.

Một ngày kia, các Tỷ-kheo đưa ra một vấn đề tranh luận tại pháp đường, bảo nhau:

– Này các Hiền giả, bậc Đạo sư đã đạt Đại trí, Quảng trí, Ngài thật tinh thông, ứng đối mau lẹ, nhạy bén, lý giải sắc sảo và có khả năng đánh đổ mọi biện luận của các đối thủ. Nhờ uy lực của thắng trí, Ngài đã phá tan những vấn đề nan giải do các trí giả Sát-đế-ly đưa ra, hàng phục họ và khiến họ hồi tâm. Sau khi an trú họ vào tam quy và ngũ giới, Ngài dạy họ con đường đưa đến Niết-bàn bất tử.

[66] Chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 545, trong bản CST là số 546.

Bậc Đạo sư đi vào, hỏi các Tỳ-kheo đang ngồi bàn luận đề tài gì và khi nghe vậy, Ngài bảo:

– Này các Tỳ-kheo, Như Lai sau khi đạt trí tuệ viên mãn đã phá tan mọi lý luận của các đối thủ và giáo hóa các vị vua Sát-đế-ly cùng nhiều vị khác, việc ấy chẳng phải kỳ diệu gì. Vì từ ngàn xưa, khi Ta còn đang tầm cầu trí tuệ tối thượng, Ta cũng đã đầy đủ trí tuệ để phá kiến của các đối thủ. Hơn thế nữa, chính vào thời Ta là Vidhura, ở trên đỉnh Hắc Sơn cao chừng sáu mươi do-tuần, nhờ uy lực thắng trí của Ta, Ta đã hàng phục đại tướng dạ-xoa Puṇṇaka, khiến y hồi tâm và hết lòng an trú vào năm giới.

Nói xong, Ngài kể lại một câu chuyện quá khứ.

***

I. TRAI GIỚI BỐN PHÁP[67]

Ngày xưa, tại quốc độ Kuru (Câu-lâu), ở thành Indapatta có vị quốc vương cai trị với danh hiệu Dhanañjaya Koravya. Ngài có vị đại thần tên gọi Vidhurapaṇḍita (Trí giả Vidhura) cố vấn cho ngài trong các thế sự cũng như thánh sự. Nhờ lời lẽ êm ái và biện tài siêu việt lúc thuyết pháp, ông lôi cuốn mọi quốc vương ở cõi Diêm-phù-đề (Jambudīpa, Ấn Độ) bằng những pháp thoại du dương, như các con voi say mê đàn, sáo êm dịu. Ông cũng không để cho các quốc vương trở về nước mình mà ở lại trong kinh thành đại vinh quang ấy và thuyết pháp cho dân chúng với thần lực của một bậc Giác ngộ.

Lúc bấy giờ, có bốn gia chủ Bà-la-môn giàu sang tại Ba-la-nại, vốn là thân hữu, đã thấy được cảnh khổ của mọi dục vọng nên bỏ vào vùng Tuyết Sơn sống đời ẩn sĩ khổ hạnh. Sau khi đã đạt được các thắng trí và các thiền chứng, các vị ấy vẫn tiếp tục tu hành tại đó, hằng ngày sống bằng các thứ củ quả rừng. Hôm đó, các vị ấy du hành để khất thực muối và các thứ gia vị, đến thành Kālacampā thuộc quốc độ Aṅga. Rồi có bốn gia chủ vốn là thân hữu với nhau, rất hoan hỷ trước oai nghi của các vị này, họ cung kính đảnh lễ xong, cầm lấy cái bình bát cúng dường các món ăn tuyệt hảo. Mỗi gia chủ đều mời các vị về nhà mình, tự nguyện sắp đặt nơi an trú cho các vị trong hoa viên.

Thế là bốn vị ẩn sĩ, sau khi thọ thực trong nhà bốn vị gia chủ liền đi nghỉ tránh nóng ban ngày. Một vị đi lên cõi trời Ba Mươi Ba, một vị xuống long cung, một vị đi đến cõi của Kim Sí điểu (supaṇṇa) và một vị đi đến ngự viên Migācira thuộc quyền của Vua Koravya.

Lúc bấy giờ, vị nghỉ ban ngày ở thiên giới, sau khi chiêm ngưỡng cảnh huy hoàng của Thiên chủ Sakka (Đế-thích), miêu tả thật đầy đủ chi tiết cho thí chủ của mình nghe. Vị xuống long cung và Kim Sí điểu cung cũng vậy, rồi vị đến ngự viên của Vua Dhanañjaya Koravya cũng lần lượt miêu tả cảnh huy hoàng của mỗi cung vua đã chứng kiến. Vì vậy cả bốn thí chủ đều nguyện cầu

[67] Tiêu đề của các phần nhỏ trong câu chuyện này được dịch theo bản CST.

được cộng trú với chư thiên nên sau khi thực hành bố thí cùng nhiều công đức khác, đến lúc mạng chung, một vị sinh làm Thiên chủ Sakka, một vị khác sinh làm long vương cùng với vợ con ở tại long cung, một vị nữa sinh làm Kim Sí điểu vương trong cung điện dưới hồ Simbali, còn vị thứ tư được nhập mẫu thai chánh hậu của Vua Dhanañjaya; trong lúc ấy, bốn vị ẩn sĩ duy trì tầng thiền một thời gian và được sinh lên Phạm thiên giới.

Vương tử Koravya lớn khôn, đến khi vua cha từ trần, lên ngôi trị vì rất đúng pháp, nhưng ngài còn lừng danh vì tài nghệ đánh xúc xắc. Ngài nghe lời khuyến giáo của Trí giả Vidhura chuyên tâm bố thí, giữ gìn giới hạnh và hành trì trai giới. Một ngày kia, sau khi hành trì trai giới xong, ngài vào ngự viên, nhất tâm tu tập thiền định, tĩnh tọa ở một nơi an tịnh, ngài thực hành giới hạnh của một vị xuất gia.

Thiên chủ Sakka cũng vậy, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy thiên giới có nhiều trở ngại cho việc tu tập liền đi xuống hoa viên ấy ở cõi nhân gian, tĩnh tọa ở một nơi an tịnh và hành trì Sa-môn hạnh.

Long vương Varuṇa cũng thế, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy long cung có nhiều trở ngại cho việc tu tập nên cũng lại vào hoa viên ấy, ngồi tĩnh tọa ở một nơi an tịnh và hành trì Sa-môn hạnh.

Điểu vương Supaṇṇa cũng vậy, sau khi hành trì trai giới, nhận thấy rằng điểu cung có nhiều trở ngại cho việc tu tập nên ngài đi vào ngự viên ấy, tĩnh tọa ở một nơi êm mát và hành trì Sa-môn hạnh.

Lúc bấy giờ, cả bốn vị ẩn sĩ vào buổi xế chiều, sau khi đứng dậy từ chỗ độc cư thiền định đến bên hồ nước của hoàng gia, nhìn nhau tâm đầy tình cố tri thân ái, cùng ngồi xuống chào hỏi rất niềm nở. Thiên chủ Sakka ngồi trên vương tọa, còn ba vị kia ngồi theo danh vị của mình. Lúc ấy, Thiên chủ Sakka liền hỏi:

– Chúng ta đây đều là bốn vị đế vương, vậy công đức đặc biệt nhất của mỗi vị là gì?

Long vương Varuṇa đáp lời:

– Đức hạnh của ta cao trọng hơn các Tôn giả.

Khi ba vị kia hỏi lý do, ngài đáp:

– Điểu vương Supaṇṇa này là cừu thù của ta, dù khi ta chưa ra đời hay ra đời rồi cũng vậy. Thế mà khi nhìn thấy một kẻ cừu thù tiêu diệt nòi giống của ta như thế, ta không hề có chút sân hận, cho nên đức hạnh của ta là cao hơn cả.

Rồi ngài đọc vần kệ đầu tiên trong *Chuyện bốn vị giữ trai giới*:[68]

Thiện nhân không cảm thấy hờn căm,
Đối với một ai đáng hận sân,
Không để nội tâm sân khởi dậy,
Vị nào dù lúc giận trong lòng,

[68] Xem *J.* IV. 14, *Catuposathikajātaka* (*Chuyện bốn vị giữ trai giới*), số §441.

Cũng không để lộ cho người thấy,
Người gọi đó là thanh tịnh nhân.

– Đặc tính của ta là như thế, cho nên đức hạnh của ta vượt lên trên các Tôn giả.

Điểu vương Supaṇṇa nghe vậy liền đáp:

– Loài rồng (nāga) là thức ăn chính của ta, nhưng nay dù thấy thức ăn kề tận miệng, ta cũng đành nhịn đói và quyết không làm ác vì miếng ăn, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Và ngài ngâm bài kệ:

Người nào chịu đói, bụng đau rần,
Ẩn sĩ tự điều phục món ăn,
Không phạm ác hành vì thực phẩm,
Vị này người gọi bậc Sa-môn.

Đến lượt Thiên chủ Sakka nói:

– Ta để lại đằng sau mình mọi vinh quang ở thiên giới, mọi nguồn an lạc dâng tận tay để xuống nhân gian thực hành công hạnh, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Rồi ngài ngâm kệ:

Sau khi bỏ mọi thứ vui chơi,
Không nói lời gian dối giữa đời,
Vị ấy ghét xa hoa, nhục dục,
Như vầy người gọi Sa-môn rồi.

Thiên chủ Sakka tự trình bày công đức của mình như vậy. Rồi Vua Dhanañjaya bảo:

– Nay ta đã rời triều đình cùng hậu cung với mười sáu ngàn phi tần có đủ tài ca múa, ta hành trì Sa-môn hạnh trong ngự viên này, vậy đức hạnh của ta cao hơn cả.

Rồi ngài ngâm kệ tiếp theo:

Bậc toàn trí bỏ hết hoàn toàn,
Mọi sở hữu và mọi dục tham,
Tự chế, kiên tâm, vô ngã chấp,
Vị này người gọi bậc Sa-môn.

Như vậy, cả bốn vị đều tự cho đức hạnh của mình là cao quý hơn cả, rồi Thiên chủ hỏi Dhanañjaya:

– Này Đại vương, có bậc Hiền trí nào trong triều có thể giải mối nghi này chăng?

– Này các Đại vương, có chứ, trẫm có Trí giả Vidhura đang giữ một chức vụ tối thượng trong triều, thường xuyên thuyết thế pháp cũng như thánh pháp cho trẫm. Vị ấy có thể giải quyết mối nghi này, chúng ta hãy cùng đi đến vị ấy!

Bốn vị vua tức thì đồng ý. Thế là bốn vị đều ra đi khỏi ngự viên, tiến về phía pháp đường, ban lệnh trang hoàng nơi ấy thật trang nghiêm xong hội chúng kính mời Bồ-tát ngồi trên bảo tọa, chào hỏi ngài thật thân hữu rồi ngồi qua một bên và nói:

– Thưa bậc Trí giả, một mối nghi vừa khởi lên trong tâm chúng ta, xin ngài giải quyết cho:

Xin hỏi đại thần thượng trí minh,
Trong khi đàm đạo, khởi phân tranh,
Nhờ khanh xét, giải nghi nan ấy,
Hội chúng thoát nghi hoặc bởi khanh!

Trí giả nghe xong liền bảo:

– Tâu các Đại vương, làm sao tiểu thần biết các Đại vương nói đúng hay sai về đức hạnh của các Đại vương, trong khi các ngài ngâm lời kệ qua cuộc tranh luận này?

Rồi ngài ngâm kệ:

Bậc Trí biết chân tướng việc đời,
Nói năng khôn khéo, đúng theo thời,
Nhưng dù Hiền trí, làm sao biết,
Ý nghĩa kệ chưa nói với tôi?
Vương tử Vinatā, Kim Sí điểu,
Long vương ấy nói thế nào rồi?
Gandhabba vương, tối cao hoàng thượng,
Của xứ Kuru, hãy mở lời!

Các vị vua liền ngâm kệ này với ngài:

Kham nhẫn, long vương thuyết giảng xong,
Vương tử Vinatā, Sí điểu vương,
Lại thuyết giảng về lòng tốt đẹp,
Gandhabba vương thuyết đoạn trừ tham,
Kuru chúa thượng ly triền cái,
Để đạt đến công hạnh vẹn toàn.

Sau khi nghe xong, bậc Đại sĩ đáp kệ này:

Tất cả lời này chánh đáng thay,
Không gì sai trái ở nơi này,
Người nào thích hợp lời như thế,
Giống các tăm xe ở trục quay,
Người được gọi Sa-môn chánh hạnh,
Đủ đầy các đức tính trên đây.

Như vậy, bậc Đại sĩ tuyên thuyết đức hạnh của các vị vua đều là một. Khi nghe xong, bốn vị vua đều rất hoan hỷ liền ngâm kệ tán thán ngài:

Khanh là bậc tối thắng, vô song,
Hộ pháp, tinh thông luật Trí nhân,
Khi hiểu vấn đề nhờ trí tuệ,
Với tài khéo cắt mọi nghi nan,
Giống như người thợ ngà voi nọ,
Cắt với lưỡi cưa thật dễ dàng.

Thế là cả bốn vị vua đều rất đẹp ý với lời giải thích vấn đề của ngài. Thiên chủ Sakka thưởng ngài chiếc thiên y bằng vải rất mịn, Kim Sí điểu vương tặng ngài tràng hoa bằng vàng, long vương Varuṇa tặng ngài hạt minh châu và Vua Dhanañjaya ban thưởng ngài một ngàn con bò cái, v.v... Rồi Vua Dhanãnjaya lại ngâm kệ với ngài:

Một ngàn bò cái, trẫm truyền ban,
Một thớt voi, bò đực một chàng,
Mười cỗ xe và đàn ngựa quý,
Thêm mười sáu đệ nhất thôn làng,
Bởi vì trẫm thật đầy hoan hỷ,
Cách giải vấn đề của Trí nhân!

Sau đó, Thiên chủ Sakka cùng các vị kia cung kính đảnh lễ bậc Đại sĩ và từ giã ra về cảnh giới của mình. Đến đây kết thúc phần *Trai giới bốn pháp*.

***

II. ƯỚC VỌNG CỦA CHÁNH HẬU VIMALĀ

Lúc bấy giờ, chánh hậu của long vương là bà Vimalā, khi thấy ngài không đeo hạt minh châu trên cổ liền hỏi thăm hạt châu ở đâu. Ngài đáp:

– Trẫm rất hài lòng khi nghe bài thuyết pháp của Trí giả Vidhura, vị nam tử của Bà-la-môn Canda nên đã tặng hạt minh châu cho vị ấy. Không những chỉ riêng trẫm mà Thiên chủ Sakka cũng cung kính tặng vị ấy chiếc thiên y bằng gấm trời, điểu vương tặng tràng hoa bằng vàng, còn Vua Dhanañjaya tặng một ngàn con bò cái cùng nhiều thứ khác nữa.

– Vậy thì thần thiếp đoán vị ấy là một bậc biện tài về Chánh pháp.

– Này Ái hậu, Ái hậu đang nói gì vậy? Vị này chẳng khác nào một vị Phật xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Hằng trăm vị vua ở khắp cõi Diêm-phù-đề đều say sưa với những lời lẽ êm dịu của vị ấy, không còn muốn trở về triều nữa, chẳng khác nào bầy voi rừng mê mẩn tiếng đàn mà chúng yêu thích. Đó là đặc điểm về tài hùng biện của ngài.

Khi bà nghe nói đến kỳ tài của ngài như vậy, bà ước mong nghe ngài thuyết pháp. Bà nghĩ thầm: "Nếu ta tâu rằng muốn nghe vị ấy thuyết pháp và xin triệu vị ấy về đây, chắc đức vua sẽ không thuận, chi bằng ta thử giả bệnh và than thở về nỗi ao ước của một nữ bệnh nhân." Bà liền ra hiệu cho thị nữ đem bà lên

sàng tọa. Khi vua không thấy bà vào dịp ngài đến vấn an và hỏi các thị nữ bà ở đâu, chúng tâu rằng bà bị bệnh, ngài liền đến thăm, ngồi bên giường xoa thân thể bà và ngâm kệ:

1346. Yếu gầy, Ái hậu lại xanh xao,
Dung sắc chẳng như trước chút nào,
Nào hỡi Vimalā, hãy đáp,
Nỗi đau này đến bởi vì sao?

Bà đáp lời ngài qua vần kệ sau:

1347. Có một bệnh riêng của nữ nhân,
Gọi là ước vọng, tâu long quân,
Thiếp mong đem đến đây không dối,
Tim của Vidhura Trí nhân!

Long vương bảo bà:

1348. Ái hậu ước trời, trăng, gió mây,
Gặp Hiền nhân ấy khó khăn thay,
Nào ai có đủ tài năng để,
Đem bậc Hiền nhân ấy đến đây?

Khi bà nghe nói vậy liền nói to:

– Nếu không được như ý, thần thiếp sẽ chết mất.

Rồi bà quay mặt đi, nghiêng lưng bà ra ngoài, lấy chiếc áo quay mặt lại. Vua trở về tư thất ngồi trên sàng tọa suy nghĩ, tìm hiểu vì sao hoàng hậu Vimalā lại muốn có trái tim của Vidhura: "Nàng sẽ chết nếu không ăn được tim vị ấy, vậy làm sao ta lấy được nó cho nàng?"

Lúc bấy giờ, công chúa Irandatī, một long nữ diễm kiều, trang sức đầy ngọc vàng trân bảo, bước vào cung kính đảnh lễ vua cha rồi đứng qua một bên. Nàng trông thấy vua cha có vẻ lo âu liền nói:

– Phụ vương có vẻ muộn phiền quá, vì duyên cớ gì?

1349. Thân phụ, sao cha dáng rối ren,
Long nhan như một đóa hoa sen,
Bị tay ngắt vụng, sao buồn khổ,
Bậc chiến thắng, xin chớ muộn phiền!

Nghe lời con gái, long vương đáp:

1350. Irandatī hỡi, mẫu thân con,
Ao ước trái tim bậc Trí nhân,
Diện kiến Vidhura thật khó,
Triệu ngài, ai có đủ tài năng?

Rồi ngài lại bảo nàng:

– Này con, không có một triều thần nào đủ sức triệu Trí giả Vidhura về cho

cha. Con hãy hy sinh vì mẫu hậu, đi tìm một vị phu quân đủ sức triệu Trí giả Vidhura về!

Thế là vua ra lệnh cho nàng lui ra bằng nửa vần kệ:

1351. Hãy tìm cho được một phu quân,
Chàng sẽ triệu hồi bậc Trí nhân.

Như vậy, lời của vua nói gợi lên sự hỷ dục, không phù hợp với một nàng công chúa. Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

Theo lệnh cha truyền, đêm tối ấy,
Nàng đi với dục vọng tuôn tràn.

Nàng đi hái các hoa trên Tuyết Sơn đủ màu sắc, hương vị. Sau khi trang hoàng toàn thể ngọn núi như một viên bảo ngọc, nàng trải sàng tọa bằng hoa trên núi rồi nhảy múa tưng bừng. Nàng trỗi giọng ca với một điệu rất êm ái du dương:

1352. Càn-thát-bà hay đại lực thần,
Long thần, quái vật hoặc tiên, nhân,
Bậc Hiền tài đủ ban điều ước,
Ai sẽ làm chồng tiện nữ chăng?

Lúc bấy giờ, cháu của Đại vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn), tên gọi Puṇṇaka, là một đại tướng dạ-xoa (*yakkha*, thần đại lực) đang phi thần mã Sindh dài ba dặm, băng qua ngọn Hắc Sơn để đến nơi hội họp của các thần dạ-xoa thì chợt nghe lời ca của nàng. Và lời ca của nữ nhân này chàng đã từng nghe trong đời vừa qua, nó xoáy sâu tận thịt da gân não của chàng, thấm vào tận xương tủy khiến chàng ngơ ngẩn say mê liền quay ngựa lại, ngồi trên lưng thần mã, chàng vội an ủi nàng:

– Ôi nương tử, ta xin vì nàng đem trái tim của Vidhura đến đây bằng trí lực của ta, bằng thần lực cũng như bằng tính trầm tĩnh của ta, xin nàng chớ lo ngại việc đó nữa!

Rồi chàng ngâm thêm kệ này:

1353. Long nữ có đôi mắt diệu huyền,
Hãy an tâm nhé, hỡi nàng tiên!
Quả nhiên tài trí ta như vậy,
Ta sẽ cùng nàng đẹp mối duyên.

Thế là Irandatī trả lời Puṇṇaka:

– Ôi, vậy thì xin chàng hãy đến đây, chúng ta cùng đi yết kiến cha của thiếp!

Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

1354. Nàng trả lời cho Puṇṇaka,
Theo như suy nghĩ thuở xưa xa,
"Đến đây cùng yết kiến cha thiếp,
Ngài sẽ giãi bày rõ việc mà!"

Và tướng Puṇṇaka đỡ lấy lưng nàng, đưa nàng bay qua ngọn núi rồi đưa tay ra cho nàng nắm. Nàng nắm tay thần dạ-xoa, nói rằng:

– Chàng ơi! Thiếp không phải trơ trọi có một mình mà cha thiếp là long vương Varuṇa, mẹ thiếp là long hậu Vimalā. Chàng đến đây, chúng ta cùng đi yết kiến cha thiếp, cha thiếp sẽ cho chàng rõ việc này và cho biết hôn phối của chúng ta ra sao.

Nói xong, nàng nắm tay thần dạ-xoa cùng đến gặp vua cha.

Bậc Đạo sư mô tả:

1355. Lộng lẫy điểm trang, y đẹp sang,
Đeo tràng hoa, xức dầu chiên-đàn,
Nắm tay thần dạ-xoa, nàng dẫn,
Vào điện vua và gặp phụ hoàng.

Yết kiến vua xong, thần dạ-xoa Puṇṇaka bèn xin cầu hôn Irandatī:

1356. Long vương nghe lấy lời cầu hôn,
Nhận sính lễ cân xứng quý nương,
Thần hỏi Irandatī ngọc nữ,
Hãy ban công chúa thuộc về thần!

1357. Một trăm voi với trăm con ngựa,
Trăm cỗ xe và la một trăm,
Ngọc đủ loại hàng, xin nhận hết,
Ban thần công chúa, tấu long quân!

Long vương liền phán bảo:

1358. Đợi ta hỏi ý kiến triều thần,
Quyến thuộc cũng như bằng hữu thân,
Các việc đã làm không hỏi trước,
Sau này sẽ hối hận, ăn năn.

Long vương vào cung, hỏi ý kiến vương hậu.

Bậc Đạo sư mô tả rằng:

1359. Sau đó, Varuṇa long vương,
Bước vào bảo điện của long cung,
Cho mời chánh hậu đến trao đổi,
Vua phán lời này với hậu vương.

1360. Có thần dạ-xoa Puṇṇaka,
Đến hỏi cầu hôn công chúa ta,
Sính lễ rất nhiều tài sản quý,
Hãy ban vị ấy đứa con ta!

Vimalā đáp:

1361. Dẫu bao châu báu và tiền vàng,
Chẳng sánh đổi bằng công chúa ngoan,

Nhưng nếu ai mang về hợp pháp,
Trái tim Trí giả, đến đây dâng,
Với tài sản ấy được công chúa,
Tài sản khác thêm ta chẳng màng.

Hỏi ý kiến vương hậu xong, long vương Varuṇa lại hội ý với Puṇṇaka.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

1362. Sau đó, long vương Varuṇa,
Từ nơi cung ấy lại đi ra,
Cho mời thần dạ-xoa vào gặp,
Và phán lời này trước dạ-xoa.

1363. Dẫu bao châu báu và tiền vàng,
Chẳng sánh đổi bằng công chúa ngoan,
Nhưng nếu ngươi mang về hợp pháp,
Trái tim Trí giả, đến đây dâng,
Với tài sản ấy được công chúa,
Tài sản khác thêm ta chẳng màng.

Puṇṇaka đáp lời:

1364. Ở đời, cách gọi khác nhau nhiều,
"Trí giả" là do một số kêu,
Số khác cho đây là "ngốc tử",
Vậy ai "trí giả" xin ngài nêu?

Long vương đáp:

1365. Nếu nghe danh tiếng Vidhura,
Quan của Vua Dhanañjaya,
Ở xứ Kuru, giỏi xét xử,
Ngươi đem Trí giả về cho ta,
Sao cho hợp pháp thì chắc chắn,
Công chúa, hiền thê của dạ-xoa.

Khi nghe long vương Varuṇa nói vậy, thần dạ-xoa rất vui mừng, tức thì bảo quân hầu cận của mình mang tuấn mã Sindh tới.

Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

1366. Nghe Varuṇa nói vậy xong,
Dạ-xoa bật dậy rất vui lòng,
Vội truyền hầu cận đang bên cạnh,
Tuấn mã thắng cương, dẫn đến ông!

1367. Hai tai tuấn mã bằng vàng ròng,
Các móng làm bằng ngọc sắc hồng,
Đeo yếm vàng tinh luyện rực rỡ,
Lấy từ sông Jambu lên nung.

Quân hầu vội đem tuấn mã Sindh đến. Puṇṇaka cưỡi tuấn mã, bay trên không về đến cung Vua Vessavaṇa, mô tả cho ngài nghe về long cung và kể những gì đã xảy đến với mình. Việc này được diễn tả như sau:

1368. Puṇṇaka cưỡi tuấn mã Sindh,
Đây là phương tiện chở thần tiên,
Mình trang sức đẹp, tóc râu gọn,
Bay thẳng lên không, giữa địa thiên.

1369. Lòng Puṇṇaka dục vọng đầy,
Khát khao có được nữ long này,
Đến Thiên vương Vessavaṇa,
Kuvera danh tiếng, tấu ngài.

1370. Bhogavatī, điện đại vương,
Gọi là cung thất hiệu Kim Đường,
Thành trì tạo dựng bằng vàng quý,
Đó chính thành đô của long vương.

1371. Các tháp canh như cổ lạc đà,
Làm bằng ngọc lục bảo, ru-bi,
Nơi đây cẩm thạch làm cung điện,
Lại có ngọc vàng phủ mái này.

1372. Các cây xoài, họ mè, hồng đào,
Hoa sữa, lộc vừng, ketaka,
Xoài ngát thơm, kê, hoàng yến đẹp,
Cùng cây thông, ngũ trảo nhiều loài.

1373. Cây lài cánh lớn, hoa campā,
Cây gáo, cây tên koliyā,
Cây táo đơm đầy hoa trái ngọt,
Long cung càng đẹp tươi, hài hòa.

1374. Lại có cây chà là ngọc quý,
Trổ nhiều hoa sắc vàng thường khi,
Tại nơi vua Varuṇa ngự,
Vị hóa sanh, đại lực đủ đầy.

1375. Hoàng hậu trẻ xinh của đại vương,
Hiệu Vimalā, sắc thân vàng,
Lịch thanh, dáng dây leo kālā,
Đầu ngực quả nimba đẹp sang.

1376. Tựa nhựa cây hoàng yến loại muồng,
Làn da hoàng hậu ửng màu hồng,
Lại thêm mềm mướt như hoa nở,
Đơm trĩu đầy cành dưới bóng râm.

Đi giống tiên trên tiên giới ấy,
Rạng ngời xuyên thấu mây bềnh bồng.

1377. Hoàng hậu đang ao ước lạ thay,
Khát khao tim của Vidhura,
Tâu vua, thần sẽ đưa tim ấy,
Họ gả cho thần công chúa ngay!

Vì không dám ra đi nếu không được lệnh của Đại vương Vessavaṇa nên thần dạ-xoa ngâm các bài kệ trên để xin phép. Đức vua lại không nghe được những lời này vì ngài đang bận dàn xếp một cuộc tranh chấp về một cung điện giữa hai vị thiên tử. Puṇṇaka biết rằng lời chàng nói không được vua để ý đến nên chàng lại gần một trong hai vị đang tranh chấp nắm phần thắng lợi trong cuộc. Vua Vessavaṇa sau khi đã quyết định xong, không để ý đến vị thiên tử bại cuộc mà chỉ bảo vị kia:

– Ngươi hãy đi, hãy an trú trong cung điện của ngươi!

Ngay khi ngài bảo: "Ngươi hãy đi!" Puṇṇaka liền gọi vài vị thiên tử làm chứng và nói nhỏ:

– Các vị xem thấy ta đã được cựu phụ phái đi rồi.

Lập tức chàng ra lệnh đem tuấn mã đến và leo lên yên ngựa khởi hành.

***

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1378. Sau khi xin Vessavaṇa,
Đại đế lừng danh của chúng sanh,
Thần dạ-xoa kêu người, xuống lệnh,
Thắng cương tuấn mã, đem đây nhanh!

1379. Hai tai tuấn mã bằng vàng ròng,
Các móng làm bằng ngọc sắc hồng,
Đeo yếm vàng tinh luyện rực rỡ,
Lấy từ sông Jambu lên nung.

1380. Puṇṇaka cưỡi tuấn mã Sindh,
Đây là phương tiện chở thần tiên,
Mình trang sức đẹp, tóc râu gọn,
Bay thẳng lên không, giữa địa thiên.

Trong lúc vân du, chàng nghĩ: "Trí giả Vidhura có đám cận vệ rất đông nên không dễ gì bắt được ông. Tuy thế, Vua Dhanañjaya lại thích đánh xúc xắc. Ta sẽ đánh thắng vua này qua trò xúc xắc rồi bắt lấy Vidhura. Hiện nay có rất nhiều ngọc quý trong kho của ngài, chắc ngài không đánh cuộc bằng giải hèn mọn đâu. Ta sẽ phải đem viên ngọc vô giá vì vua này không nhận viên ngọc tầm thường. Hiện nay có viên bảo châu vô giá thuộc quyền Vua Chuyển Luân

ở trong núi Vepulla gần thành Vương Xá, ta sẽ đến lấy bảo ngọc ấy và dụ vua chơi bài để thắng ngài." Rồi chàng thực hành ý định ngay.

***

Bậc Đạo sư kể sự việc này như sau:

1381. Thần dạ-xoa vào Vương Xá thành,
Kinh đô kiên cố nước Aṅga,
Dồi dào lương thực, đồ ăn uống,
Tựa Đế-thích thành, Masakka.

1382. Có bầy công, hạc rộn âm thanh,
Lảnh lót, bầy chim chuyền các cành,
Muôn loại chim ca, vườn tráng lệ,
Tuyết Sơn bao phủ đầy hoa quanh.

1383. Dạ-xoa lên núi Vepulla,
Nơi khẩn-na-la thường ghé qua,
Thần dạ-xoa tìm bảo ngọc quý,
Đến nơi giữa núi thì nhìn ra.

1384. Thấy viên ngọc quý chiếu hào quang,
Là ngọc ma-ni, như ý, sang,
Danh tiếng bay xa, ngời sáng rỡ,
Y như tia chớp rực không gian.

1385. Dạ-xoa bèn chụp bảo châu kia,
Như ý bảo châu, đại lực đầy,
Sắc tướng oai phong cưỡi tuấn mã,
Khởi cương phi thẳng giữa trời mây.

Như vậy, thần dạ-xoa lấy viên ngọc, bay thẳng lên trên không rồi về kinh thành kia. Bậc Đạo sư đã diễn tả như sau:

1386. Khi đến thành Indapatta,
Thần rời ngựa, đến triều Câu-lâu,
Không hề run sợ mà thách đấu,
Trăm vị hoàng thân dự điện chầu.

1387. Ai muốn chiếm phần thưởng đế vương?
Ai, ta sẽ thắng cuộc tranh hùng?
Vô song bảo ngọc nào ta đoạt?
Ai sẽ chiếm ưu hạng bảo trân?

Dạ-xoa nói lên bốn câu kệ thách thức Đại vương Koravya như vậy. Vua nghĩ thầm: "Ta chưa từng nghe một vị anh hùng nào mở lời như thế này, vậy vị này là ai đây?" Và ngài liền hỏi thần dạ-xoa qua vần kệ này:

1388. Công tử sinh ra quốc độ nào?
Lời này chẳng phải người Câu-lâu,
Ngươi hơn tất cả về hình tướng,
Cho biết quý danh, quyến thuộc mau!

Chàng suy nghĩ: "Nhà vua hỏi danh tánh của ta, hiện nay ta chỉ là tùy tướng phục dịch tên gọi Puṇṇaka, song nếu ta bảo ta là Puṇṇaka, vua sẽ nói: 'Gã kia chỉ là một tùy tướng, tại sao gã dám nói với ta quá bạo gan như vậy?' Và vua sẽ khinh thị ta, thôi ta sẽ nói cho ngài nghe danh tánh của ta trong đời sống vừa rồi." Thế là chàng ngâm kệ:

1389. Tiểu sinh tên gọi Kaccāna,
Người chẳng gọi tên khác xấu xa,
Thần đến đây chơi trò xúc xắc,
Thân bằng, quyến thuộc ở Aṅga.

Vua liền hỏi:

– Thế công tử định trao ta vật gì nếu công tử bại cuộc đánh xúc xắc? Công tử đã có những gì nào?

Rồi vua ngâm kệ:

1390. Ngọc gì công tử có trong tay,
Mà kẻ thắng mong được có ngay?
Một vị vua nhiều châu ngọc quý,
Ngươi nghèo sao dám thách như vầy?

Puṇṇaka đáp:

1391. Như ý ngọc làm đắm cõi lòng,
Ma-ni bảo ngọc tạo vinh quang,
Và đây tuấn mã phá tan địch,
Ai thắng, vật này được lấy mang.

Khi vua nghe chàng nói liền đáp:

1392. Một viên ngọc ích lợi gì không?
Một tuấn mã sao lập chiến công?
Vua chúa có nhiều viên ngọc quý,
Và nhiều tuấn mã tốc như phong.

***

III. BẢO CHÂU NHƯ Ý

Khi nghe lời vua phán, thần dạ-xoa thưa trình:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương lại nói vậy? Một thần mã này hóa thành cả ngàn, trăm ngàn tuấn mã; một bảo châu này hóa thành cả ngàn, trăm ngàn bảo châu. Thật sự, tất cả các con tuấn mã không được như vậy, xin Đại vương xem sức phi nhanh của nó đây!

Nói xong, chàng lên ngựa, phi trên đỉnh trường thành. Kinh thành bảy do-tuần này tựa hồ được vây quanh bởi bầy ngựa kề cổ nhau trùng trùng điệp điệp. Rồi chẳng bao lâu không còn phân biệt được đâu là ngựa, đâu là thần dạ-xoa nữa mà chỉ còn thấy dải lụa hồng trên lưng chàng như thể phủ khắp trường thành.

Rồi chàng xuống ngựa, tâu vua rằng bây giờ vua đã chứng kiến sức phi nhanh của thần mã, chàng lại xin vua chứng kiến một chuyện kỳ lạ khác. Chàng bảo thần mã phi nhanh trong hoa viên của kinh thành, trên mặt nước nơi hồ, ngựa phóng nhanh không ướt đến móng chân. Rồi chàng lại bảo ngựa dạo bước trên đám lá sen và khi chàng vỗ tay, xòe bàn tay ra, ngựa liền đến đứng trên lòng bàn tay chàng. Sau đó, chàng lại nói:

– Đây chính là ngựa báu, tâu Đại vương!

– Đúng vậy, thưa công tử.

– Giờ đây xin hãy để ngựa báu qua một bên, xin Đại vương hãy xem thần lực của bảo châu!

Nói xong, thần dạ-xoa kể về thần lực của viên bảo châu:

1393. Đây bảo châu này của tiểu sinh,
Xin mời Chúa thượng đích thân nhìn,
Thấy trong châu ngọc thân người nữ,
Cùng với thân người nam hiện hình.

1394. Các thân thú vật ở nơi đây,
Lại có chim muông tụ hội đầy,
Thêm điểu vương, long vương đủ cả,
Các loài hóa hiện trong châu này.

Thần dạ-xoa lại nói: "Còn điều khác nữa, xin mời ngài ngự lãm!" rồi ngâm vần kệ:

1395. Có trong châu ngọc bốn quân binh,
Nào tượng, mã, xa cùng bộ binh,
Chiến sĩ đều trang bị áo giáp,
Đại vương hãy ngự lãm nhiều hình!

1396. Cả đoàn điều tượng, điều xa sư,
Điều mã sư cùng quân thuật sư,
Tất cả đang bày binh bố trận,
Châu đây xin hãy ngắm binh thư!

1397. Và đây xuất hiện một kinh thành,
Bờ lũy đủ đầy, tường lớn quanh,
Giao lộ có hoa viên, cổng đẹp,
Đại vương hãy ngự lãm châu minh!

1398. Đại trụ trước thành, hào nước dài,
Nào thanh ngang chắn, các then cài,

Tháp canh cùng cổng thành cao chắc,
Hãy ngự lãm nơi châu ngọc này!

1399. Trong ngọc, đàn chim đủ loại, vùng,
Khắp trên đường phố, cổng vòng cung,
Thiên nga, công, hải âu, và hạc,
Gồm cả hồng nga, mời Đại vương!

1400. Nào công mào lớn, sơn ca xinh,
Lại có gà lôi, cu gáy quanh,
Phong phú đủ loài chim tụ hội,
Đại vương hãy ngự lãm châu minh!

1401. Ngài nhìn thành thị, tường cao xa,
Rất tuyệt đến kinh ngạc, sởn da,
Cờ xí rợp trời thật khả ý,
Nền thành bao phủ lớp kim sa.

1402. Hãy xem các hiệu buôn đầy hàng,
Được bố trí theo khu vực cân,
Sân bãi, cửa nhà, đường nhộn nhịp,
Các con hẻm nhỏ dọc và ngang.

1403. Lại thêm các tửu quán, trà đình,
Những tiệm bán cơm, nhà tể sinh,
Các gái giang hồ, trai phóng đãng,
Hiện trong bảo ngọc, mời ngài nhìn!

1404. Có người thợ giặt, kết hoa tràng,
Kẻ bán vật thơm, bán phục trang,
Thợ bạc, thợ vàng cùng ngọc quý,
Đại vương hãy thưởng lãm châu sang!

1405. Ngài xem đầu bếp, thợ làm bánh,
Kịch sĩ, vũ công, hát nổi danh,
Ca sĩ hát theo tay vỗ nhịp,
Nghệ nhân biểu diễn trống chum nhanh.

1406. Đầy đủ trống nhiều loại nhỏ, to,
Thanh la, chũm chọe phối thêm vô,
Các hình thức nhạc cụ đa dạng,
Hãy ngắm ngọc châu đang diễn phô!

1407. Chập chõa hòa đàn luýt nhịp nhàng,
Hát ca, khiêu vũ, thật du dương,
Cồng chiêng, bộ gõ, âm vang dội,
Hãy ngắm ngọc châu cảnh rộn ràng!

1408. Các nghệ sĩ nhào lộn, võ sư,
Người tung hứng, ảo thuật gia cừ,
Thầy mo, thợ cắt tóc râu nữa,
Hình ảnh trong châu, mời đức vua!

1409. Hội hè đông đúc ở nơi đây,
Dân chúng nữ nam tề tựu đầy,
Sân khấu hàng hàng lớp lớp ghế,
Đại vương ngự lãm ngọc châu này!

1410. Hội thi đô vật, họ lao vào,
Hai cánh tay cùng gập lại nhau,
Có kẻ thắng, người thua cuộc đấu,
Đại vương hãy ngự lãm minh châu!

1411. Kìa phong cảnh dốc núi, chân đồi,
Bầy thú rừng hoang đủ mọi loài,
Sư tử, cọp, heo, lại thêm gấu,
Và đàn linh cẩu, sói nhiều nơi.

1412. Bò tót và tê giác đó đây,
Đàn trâu, hồng lộc, chúa hươu nai,
Linh dương với lợn rừng lui tới,
Có lợn nhà cùng cừu cả bầy.

1413. Nào là hươu quý kadali,
Nào thỏ, nào mèo, sóc đến đi,
Tất cả muôn loài thú có mặt,
Hiện trong ngọc chẳng thiếu điều chi.

1414. Bến bờ xinh đẹp bên dòng sông,
Lấp lánh kim sa phủ khắp vùng,
Dòng nước mát trong nhè nhẹ chảy,
Từng đàn cá lượn bơi tung tăng.

1415. Thấy cá sấu cùng thủy quái xa,
Cả con sấu susumāra,
Có rùa, cá trích, pāvusa,
Muñja, cá hồi, valaja.

1416. Chim muông đa dạng trong châu này,
Chúng nhảy nhót trên các loại cây,
Sóng vỗ tảng lam ngọc róc rách,
Đại vương xem cảnh minh châu bày!

1417. Ngài ngắm trong châu có các ao,
Bốn phương cân đối khéo chia đào,

Các con cá lớn đang bơi lội,
Trên có nhiều loài chim hót ca.

1418. Và trái đất này biển phủ quanh,
Những nơi đầy nước ánh long lanh,
Điểm tô từng trảng rừng tươi mát,
Xin ngự lãm châu ngọc hiện tranh!

1419. Phía Đông là xứ Videha,
Tây có xứ Goyāniya,
Kuru cùng Jambudīpa,
Ngài xem châu ngọc cảnh bày ra.

1420. Lại có mặt trăng và mặt trời,
Bốn phương ánh sáng chiếu ngời ngời,
Chúng đi quanh núi Sineru,
Ngài ngắm trong châu cảnh khắp nơi.

1421. Tuyết Sơn và núi Sineru,
Các biển lớn, đồng bằng, thổ cư,
Tứ Đại Thiên Vương ngài cũng thấy,
Nơi châu ngọc hóa cảnh không ngờ.

1422. Những hoa viên, cụm rừng xanh rì,
Tảng đá đó đây rất phẳng lì,
Có khẩn-na-la lai vãng nữa,
Nhìn châu hiện chẳng thiếu điều gì!

1423. Các hoa viên Phārusaka,
Cittalatā, Missaka,
Nandana, Vejayanta,
Thảy đều trong ngọc, ngài xem qua!

1424. Đao-lợi thiên, cung Sudhammā,
Cây San Hô nở rộ đầy hoa,
Có thiên tượng Erāvaṇa,
Các cảnh trong châu, mời đức vua!

1425. Bệ hạ ngắm nhìn thiên nữ đây,
Đẹp ngời như chớp giữa trời mây,
Thướt tha nơi Nandana uyển,
Ngài ngắm ngọc châu cảnh đẹp thay!

1426. Vua xem thiên nữ cõi trời này,
Khiến các thiên nam rất đắm say,
Tất cả thiên nam đều thích thú,
Cảnh trong châu ngọc, xin mời ngài!

1427. Hơn một ngàn cung điện tuyệt vời,
Lát bằng ngọc lam đẹp ngời ngời,
Các cung điện ấy lung linh sắc,
Bệ hạ xem châu hiện tức thời!

1428. Chư thiên ở cõi Ba Mươi Ba,
Cõi Hóa Lạc, Đâu-suất, Dạ-ma,
Luôn cả cõi Tha Hóa Tự Tại,
Vua xem châu ngọc hóa hình ra!

1429. Các hồ tinh khiết, nước trong ngần,
Đủ loại san hô và thủy sinh,
Bông súng, sen hồng cùng điểm xuyến,
Ngọc châu biến hóa, Đại vương nhìn!

1430. Trên châu vân trắng muốt mười đường,
Xanh đậm thêm mười rất dễ thương,
Hăm mốt đường vân nâu đặc sắc,
Và còn mười bốn đường vân vàng.

1431. Lại có hai mươi vân ánh kim,
Hai mươi vân bạc sáng màu thêm,
Ngoài ra còn có vân tươi đỏ
Nổi bật ba mươi đường, hãy xem!

1432. Đây là mười sáu đường vân đen,
Đỏ sẫm hăm lăm, màu thảo thiên,
Xen lẫn hoa bandhuka đẹp,
Điểm tô thắm sắc xanh hoa sen.

1433. Ngọc châu chất lượng tuyệt muôn phần,
Đang chiếu rạng ngời, rực các phương,
Là giải thưởng cho người thắng cuộc,
Tâu vua, đấng tối cao toàn nhân!

***

IV. CUỘC CHƠI XÚC XẮC

Sau khi nói xong, Puṇṇaka liền hỏi:

– Tâu Đại vương, ví thử tiểu thần thua cuộc, tiểu thần xin dâng viên bảo ngọc này, song ví thử tiểu thần thắng cuộc, Chúa thượng ban vật gì cho tiểu thần?

– Ngoài thân ta cùng chiếc lọng trắng ra, tất cả những gì còn lại của ta đều đem ra treo giải được cả.

– Tâu Chúa thượng, xin đừng chậm trễ nữa vì tiểu thần từ phương xa lại đây, xin Chúa thượng ra lệnh chuẩn bị phòng đánh xúc xắc.

Thế là vua ra lệnh cho các đại thần. Họ nhanh chóng chuẩn bị phòng đánh xúc xắc, trải tấm thảm dệt đẹp nhất cho vua ngự, cùng bảo tọa cho các vị quốc vương khác. Khi đã sắp đặt một chỗ thích hợp cho Puṇṇaka, họ trình vua đã đến lúc chơi. Puṇṇaka liền tâu vua qua bài kệ sau:

1434. Đại vương, hãy đến đích cầu mong,
Ngài vẫn chưa giành được bảo trân,
Ta hãy thắng không nhờ bạo lực,
Và ta thắng bởi lẽ công bằng,
Khi ngài thất bại, xin đem đến,
Phần thưởng ngài ban tặng tiểu thần!

Vua liền đáp:

– Hỡi thiếu sinh, chàng đừng sợ ta là một vị đại vương, mọi sự thắng bại của ta đều theo lẽ công bình và không dùng bạo lực.

Nghe thế, Puṇṇaka ngâm kệ thỉnh cầu các vị vua kia chứng kiến sự thắng trận bằng lẽ công bình:

1435. Hỡi các Đại vương Pañcāla,
Sūrasena và Macchā,
Madda cùng với Kekaka,
Xin các Đại vương chứng cuộc cờ,
Không có dối gian hay phỉnh gạt,
Không ai không dự việc đôi ta.

Thần dạ-xoa đã thỉnh cầu các vua chứng kiến như vậy. Sau đó, vua được cả trăm vị vua khác hộ tống cùng Puṇṇaka vào phòng đánh xúc xắc, tất cả đều ngồi xuống các bảo tọa, đặt con xúc xắc vàng lên tấm bảng bằng bạc. Puṇṇaka vội tâu:

– Tâu Đại vương, có hai mươi bốn lần đổ xúc xắc gọi là mālika, sāvaṭṭa, bahula, santi và bhadra, v.v... xin Đại vương chọn con bài nào vừa ý.

Vua ưng thuận rồi chọn con bài bahula, Puṇṇaka chọn con bài sāvaṭṭa. Rồi vua bảo:

– Này thiếu sinh, ngươi đổ xúc xắc trước đi!

– Tâu Đại vương, lần đổ đầu tiên không phải của tiểu thần, xin Đại vương đi trước!

Vua chấp thuận. Lúc bấy giờ, mẫu thân của vua trong đời sống ngay trước đời này là thần hộ vệ của ngài nên nhờ thần lực của bà, ngài thắng cuộc. Bà đứng cạnh đó, vua vừa nhớ lại nữ thần vừa ca bài đánh xúc xắc rồi xoay con bài trong tay và ném lên không. Nhờ thần lực của Puṇṇaka, các con xúc xắc rơi xuống đúng cho chàng thắng vua.

Phần vua với tài chơi xúc xắc thiện xảo nhận ra rằng các con xúc xắc rơi

xuống khiến cho thua này không phải do ngài nên ngài chụp chúng lại, trộn đều chúng trên không rồi ném lên lần nữa, nhưng ngài vẫn thấy lần thứ hai chúng rơi xuống không đúng ý ngài nên vội chụp chúng lại trong lúc đang rơi.

Lúc ấy, Puṇṇaka nghĩ thầm: "Vị vua này đang chơi xúc xắc với một thần dạ-xoa như ta, vừa trộn xúc xắc khi chúng rơi xuống rồi lại chụp lấy chúng, tại sao như vậy chứ?" Khi biết có thần lực của nữ thần hộ vệ ngài, thần dạ-xoa mở trừng mắt như thể tức giận lắm nhìn nữ thần khiến bà kinh hoàng chạy đi trốn trên đỉnh núi Cakkavāḷa mà vẫn còn run rẩy.

Khi ném bài đến lần thứ ba, mặc dù vua biết chúng rơi xuống không đúng ý, ngài cũng không thể đưa tay ra chụp lấy chúng vì thần lực của Puṇṇaka nên chúng rơi xuống khiến ngài bị thua. Rồi Puṇṇaka biết vua bị thua liền vỗ tay và reo to ầm ĩ như sư tử rống ba lần:

– Tiểu thần đã thắng!

Tiếng chàng vang dội rung động cả cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ).

Bậc Đạo sư tả lại sự việc như sau:

1436. Vua Câu-lâu với Puṇṇaka,
Họ lạc mê hồn trận bạc bài,
Vua xứ Câu-lâu chịu thất bại,
Và bên thắng chính Puṇṇaka.

1437. Khi cả hai tranh xúc xắc này,
Các vua, nhân chứng hội nơi đây,
Dạ-xoa thắng vị vua nhân loại,
Nhiều tiếng reo hò vang dội ngay.

Vua không đẹp ý vì thua cuộc, và Puṇṇaka vội ngâm kệ an ủi ngài:

1438. Thắng bại thuộc về một phía thôi,
Giữa hai phe chiến đấu tranh tài,
Đại vương đã mất phần ưu thắng,
Chiến bại, xin trao giải thưởng tôi.

Sau đó, vua bảo chàng nhận giải qua vần kệ:

1439. Ngựa, voi, bò, ngọc quý, hoa tai,
Bất cứ gì ta có ở đời,
Hãy lấy món nào cao quý nhất,
Kaccāna, nhận rồi đi thôi.

Puṇṇaka đáp:

1440. Ngựa, voi, bò, ngọc quý, hoa tai,
Bất cứ gì ngài có ở đời,
Quan Vidhura là tối thắng,
Vua trao giải thưởng ấy cho tôi!

Vua phán bảo:

1441. Quan sánh thân ta, chỗ trú an,
Là hòn đảo, chốn náu nương thân,
Bạc vàng không thể bằng quan ấy,
Quan tựa cuộc đời của đại vương.

Puṇṇaka đáp:

1442. Chúng ta tranh chấp sẽ dài dòng,
Ta hãy đi tìm vị đại quan,
Hỏi vị ấy điều gì ước muốn,
Để quan quyết định vấn đề chung,
Những gì quan định phần tiên quyết,
Là bản án phân xử cuối cùng.

Vua phán:

1443. Công tử, chàng ăn nói chánh chân,
Quả chàng chẳng nói thiếu công bằng,
Chúng ta đi gặp quan và hỏi,
Theo đó cả hai sẽ đẹp lòng.

Nói xong, vua đưa cả trăm vị vua kia cùng đi. Puṇṇaka sung sướng vội vàng đến tòa án và bậc Trí nhân từ chỗ ngồi đứng dậy cung đón vua rồi ngồi xuống một bên. Sau đó, Puṇṇaka nói với bậc Đại sĩ:

– Thưa bậc Trí giả, ngài thật chí công, ngài không hề nói lời hư vọng dù có đổi cả sinh mạng đi nữa, đó là danh tiếng ngài lẫy lừng khắp thế giới này. Hôm nay tiểu sinh sẽ biết được ngài có thật chí công như vậy chăng?

Rồi chàng ngâm kệ sau:

1444. Thật chư thiên phái xuống phàm trần,
Đến xứ Kuru làm đại thần,
Cố vấn Vidhura chánh trực,
Ngài là quyến thuộc hoặc tùy tùng,
Của vương gia đấy, xin ngài nói,
Giá trị của ngài giữa thế nhân?

Bậc Đại sĩ nghĩ thầm: "Người này hỏi về ta, ta có thể cho người ấy biết được ta là quyến thuộc của vua, cũng là thượng nhân đối với vua, cũng chẳng có giá trị gì đối với vua cả. Trên thế gian này không có gì bảo đảm cho ta bằng sự thật, ta phải nói lên sự thật." Rồi ngài ngâm hai vần kệ chứng tỏ ngài không phải là quyến thuộc hay thượng nhân của vua mà chỉ là một trong bốn loại tùy tùng của vua:

1445. Một số nô tài thuở mẹ sinh,
Kẻ vì tiền phải bán thân mình,

Nhiều người tự nguyện làm nô lệ,
Kẻ khác nô tài bởi hãi kinh.
Đây bốn loại nô tài tất cả,
Ở trên trần thế giữa nhân sinh.

1446. Ta chính nô tài tự mẹ cha,
Dù sinh hay tử, thuộc vương gia,
Ta là nô lệ đức vua đó,
Cho dẫu ta theo kẻ khác mà,
Ngài có quyền đem ta tặng cậu,
Hỡi chàng nam tử tự phương xa!

Puṇṇaka nghe lời này vô cùng thích thú, vừa vỗ tay vừa nói:

1447. Hôm nay tôi chiến thắng lần hai,
Được hỏi, đại thần đã đáp ngài,
Thật vậy, Đại vương không đúng lý,
Việc này đã được quyết an bài,
Nhưng ngài không muốn đem trao trả,
Phần thưởng mà tôi thắng ván bài!

Nghe vậy, vua liền nổi giận với bậc Đại sĩ và bảo:

– Ngươi chẳng hề quan tâm đến ta là người đã ban vinh quang cho ngươi, lại quan tâm đến chàng thiếu sinh đang hiện diện mà thôi.

Rồi quay về phía Puṇṇaka, vua nói:

– Này công tử, nếu gã kia là một nô tài của trẫm thì hãy đem gã đi ngay!

Vua lại ngâm kệ sau:

1448. Nếu gã trả lời câu hỏi ta,
"Ta là nô lệ của vương gia,
Chứ không quyến thuộc" thì chàng nhận,
Bảo vật tối ưu này của ta,
Kaccāna, nhận ngay, chàng hỡi,
Rồi hãy đi đâu hợp ý mà.

***

V. CÂU HỎI VỀ ĐỜI SỐNG TẠI GIA

Nhưng khi nói vậy, ngài suy nghĩ: "Thiếu sinh này sẽ đem Đại Trí nhân đi đâu tùy ý, sau khi vị ấy đi rồi, ta tìm đâu ra được một buổi đàm đạo lý thú về các thánh sự. Vậy sao ta lại không thử thỉnh cầu vị ấy lên bảo tọa ngồi rồi ta hỏi vài câu liên quan đến cuộc sống cư sĩ tại gia?" Thế là vua bảo:

– Thưa bậc Trí giả, khi ngài đi rồi, trẫm sẽ khó tìm đâu ra được một buổi đàm đạo thú vị về các thánh sự. Vậy xin ngài ngồi xuống bảo tọa đã được trang

hoàng uy nghi đúng theo cương vị của ngài và giải thích cho trẫm một vấn đề liên quan đến cuộc sống cư sĩ tại gia có được chăng?

Bậc Đại sĩ liền ưng thuận, và sau khi ngồi xuống bảo tọa được trang hoàng uy nghi, ngài giải thích vấn đề vua hỏi, đó là vấn đề:

1449. Trẫm thưa Trí giả Vidhura,
Đời sống của cư sĩ tại gia,
Làm cách nào an, không sợ hãi,
Thực hành sao tử tế, hài hòa?

1450. Cách nào người trẻ hành chân ngữ,
Có trạng thái tâm không khổ ưu,
Trong kiếp này sang qua kiếp khác,
Người sau khi chết không than sầu?

Nghe xong, Trí giả giải đáp cho vua. Bậc Đạo sư đã diễn tả việc này như sau:

1451. Lúc này Vidhura thông minh,
Điềm tĩnh, hiểu thông, rõ sự tình,
Liễu tuệ pháp lành trong tất cả,
Vidhura vội cất lời trình.

1452. Chung chạ vợ người là chẳng nên,
Cao lương mỹ vị đừng dùng riêng,
Không theo kiến chấp vô nhân quả,
Dẫn đến không tăng thịnh tuệ hiền.

1453. Giữ giới và tròn bổn phận mình,
Không xao lãng thiện sự, thông minh,
Hạnh luôn khiêm tốn và tinh tế,
Thân ái, từ bi, hòa nhã gìn.

1454. Hỗ trợ các thân hữu, bạn lành,
Phát ban san sẻ, sắp bày nhanh,
Sẵn lòng dâng ẩm thực đầy đủ,
Đến Sa-môn, Bà-la-môn luôn.

1455. Cần cầu pháp, thính, nhớ ghi thường,
Tìm hiểu hỏi han đến tận tường,
Lui tới cận thân lòng kính quý,
Bậc đa văn túc trí mà nương.

1456. Như thế là đời sống tại gia,
Khi mà cư sĩ còn trong nhà,
Cách này an ổn, không lo sợ,
Hành vậy hòa vui, tử tế mà!

1457. Cách này người trẻ hành chân ngữ,
Có trạng thái tâm không khổ ưu,

Trong kiếp này sang qua kiếp khác,
Người sau khi chết không than sầu.

Như vậy, sau khi giải đáp câu hỏi liên quan đến cuộc sống cư sĩ, bậc Đại sĩ bước xuống từ bảo tọa và vái chào vua. Phần vua cũng đáp lễ ngài vô cùng cung kính rồi đi cùng với cả trăm vị vua khác hồi cung.

***

VI. ĐIỀM ĐOÁN TRƯỚC

Khi bậc Đại sĩ trở lại, Puṇṇaka nói:

1458. Ngài đến đây! Giờ ta khởi hành!
Đức vua ban tiểu sinh Hiền nhân,
Ngài vì lợi ích của ta đó,
Ấy chính luật người xưa định rành.

Bậc Trí giả Vidhura đáp lại:

1459. Ta biết rõ ta đã thuộc chàng,
Đức vua quyết chọn ta mà ban,
Chỉ xin chàng nghỉ ba ngày nữa,
Ta dạy các con ngoan kỹ càng.

Puṇṇaka nghe vậy nghĩ thầm: "Bậc Trí giả này đã nói chân thật, đó là một đại phúc cho ta. Ví thử ngài có mời ta ở lại bảy ngày hay nửa tháng, ta cũng nên nhận lời ngay lập tức." Thế là chàng đáp:

1460. Vậy đi! Ta ở lại ba ngày,
Những việc tại gia thực hiện ngay,
Ngài hãy dặn dò thê tử biết,
Khi ngài đi khỏi, họ vui may.

Nói xong, Puṇṇaka cùng bậc Đại sĩ đi về tư thất của ngài.

Bậc Đạo sư tả sự việc ấy như sau:

1461. Đồng ý rồi lòng háo hức đầy,
Dạ-xoa và Trí giả ra đi,
Có đoàn bảo tượng, mã theo họ,
Vào nội cung Hiền giả nhất này.

Lúc bấy giờ, bậc Đại sĩ có ba cung thất dành cho ba mùa, cung đầu tiên là Koñca, cung thứ hai là Mayūra, cung thứ ba là Piyaketa. Bài kệ sau đây nói về ba cung ấy:

1462. Chàng đã đến nơi chốn đại gia,
Koñca, Mayūra, Piyaketa,
Mỗi nơi một cảnh đầy hoan lạc,
Phong phú thức ăn uống cả nhà,

Trông giống thiên cung trên thượng giới,
Của Inda, Đại đế Sakka.

Sau khi ngài đến nơi, ngài ra lệnh dọn một phòng ngủ và một chiếc bệ cao trên tầng thứ bảy của cung thất trang hoàng tráng lệ, trải vương sàng và bày biện đủ cao lương mỹ vị xong, ngài chỉ cho chàng năm trăm mỹ nữ như tiên trên trời và bảo:

– Đây là những tỳ nữ của chàng, chàng cứ ở lại đây đừng lo ngại gì cả!

Rồi ngài trở về tư thất. Khi ngài đi rồi, các mỹ nữ đem nhạc khí đủ loại ra bắt đầu ca múa, hầu hạ chàng Puṇṇaka.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1463. Cung nữ điểm trang thật rạng ngời,
Trông như ngọc nữ ở trên trời,
Các nàng ca múa cùng trò chuyện,
Biểu diễn tài năng rất tuyệt vời.

1464. Ngài đãi đằng chàng ăn uống ngon,
Nữ nhân phục vụ múa ca xong,
Vị quan hộ pháp nghĩ ngay đến,
Đưa dạ-xoa vào gặp ái nương.

1465. Phu nhân xức nước thơm chiên-đàn,
Trang điểm thân kim, óng ánh vàng,
Ngài gọi: "Mắt nhung nâu, hãy đến!
Cho truyền nam tử, hỡi phu nhân!"

1466. Nghe phu quân gọi, Anujjā,
Vội bảo con dâu mắt ngọc ngà,
Có móng tay màu đồng đỏ sáng,
"Này con, đóa súng xanh, Cetā!
Hãy truyền cho các con ta đến,
Nam tử đang mang chiếc giáp bào."

Nàng ấy vâng dạ xong đi suốt cả cung thất, tập hợp các thân hữu cùng các công tử, công nương lại, bảo họ:

– Thân phụ quý vị cho gọi, muốn dặn dò quý vị đôi điều, nghe nói đây là lần cuối cùng quý vị gặp được ngài đấy.

Công tử Dhammapāla nghe vậy liền khóc, vội đi đến gặp thân phụ cùng các công tử em chàng. Khi bậc Trí giả thấy các con đến, không thể nào giữ được vẻ bình thản liền ôm các con mắt đầy lệ, hôn đầu các con và ghì lấy trưởng nam vào lòng một hồi lâu, ngài vỗ về các con an tâm rồi bước ra khỏi cung thất, ngồi xuống sàng tọa đặt trên chiếc bệ cao, ngài nhắn nhủ với cả ngàn công tử kia.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1467. Quan hộ pháp nhìn thấy các con,
Động lòng, vội vã hôn con ngoan,
Hỏi han rồi bảo ban con trẻ,
Vua đã đem cha ra tặng chàng.

1468. Nay thuộc chàng, cha thu xếp an,
Chàng mang cha đến đâu tùy chàng,
Giờ cha căn dặn các con kỹ,
Chưa bảo vệ con, sao bước đành?

1469. Nếu Đại vương Janasandha,
Nơi Câu-lâu, hỏi các con là,
"Điều gì xưa cổ trước đây biết?
Điều tối thượng gì học ở cha?

1470. Tất cả hãy ngồi ngang trẫm đây,
Các khanh ai chẳng quý cao thay!"
Các con tay chắp kính cung tấu,
"Đừng thế ngài! Không phải phép này!
Chúa tể là vua, thần hạ đẳng,
Làm sao có thể ngồi ngang ngai?"

Sau khi nghe thuyết giáo xong, các vị công tử, công nương, thân bằng, quyến thuộc, gia nhân, dân chúng đều không giữ được lòng bình thản, đồng khóc lớn khiến bậc Đại sĩ lại phải an ủi họ thêm nữa.

***

VII. CHỐN TRIỀU ĐÌNH

Rồi sau khi đến với mọi người và thấy họ đã giữ yên lặng, ngài nói:

– Này các con, đừng ưu tư làm gì, các sắc pháp đều vô thường, vinh quang cuối cùng lại gây tai họa. Tuy vậy, ta sẽ chỉ cho các con một cách đạt vinh quang, đó là chốn triều đình. Hãy chú ý lắng nghe cho kỹ!

Sau đó, nhờ thần lực của một vị Phật, ngài đưa họ vào một cảnh triều đình.

***

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1471. Vidhura tích cực suy tầm,
Rồi thuyết cho thê tử, bạn thân,
Cùng quyến thuộc, người quen biết nữa,
Bậc Hiền trí đã có lời rằng.

1472 "Nơi chốn triều đình, hãy đến ngay,
Hãy an tọa và lắng nghe này,

Sau khi đã đến triều đình ấy,
Làm thế nào danh tiếng đạt đây?

1473. Khi người vừa đến chốn triều đình,
Nào có ai hay, không hiển vinh,
Nếu kẻ này ngu si, nhát sợ,
Hay vô tâm, chẳng thể vang danh.

1474. Cho đến khi vua rõ hạnh lành,
Trí tài và cả sự liêm thanh,
Vua liền tin tưởng, không che giấu
Những bí mật gì của bản thân.

1475. Lúc đức vua ra mệnh lệnh gì,
Người không bối rối, ngại ngần chi,
Thăng bằng tựa cán cân ngay thẳng,
Trụ chốn triều đình mới vững y.

1476. Tất cả những điều bệ hạ giao,
Người đều đảm trách, sẵn sàng mau,
Thăng bằng tựa cán cân ngay thẳng,
Trụ chốn triều đình mới được lâu.

1477. Lúc đức vua ra mệnh lệnh gì,
Bậc Hiền trí chẳng ngại ngần chi,
Ngày hay đêm quốc sự tròn đủ,
Trụ chốn triều đình mới vững y.

1478. Tất cả những điều bệ hạ giao,
Bậc Hiền trí chẳng ngại, lo âu,
Ngày hay đêm quốc sự tròn đủ,
Trụ chốn triều đình mới được lâu.

1479. Lộ trình nào sắp xếp kỳ công,
Khéo léo trang hoàng cho đại vương,
Người chẳng bước vào dù được bảo,
Mới mong có thể ở triều cung.

1480. Đừng bao giờ hưởng như vua chúa,
Lạc thú trần gian khiến say sưa,
Mọi chốn người cần theo phục vụ,
Mới mong trụ được trong cung vua.

1481. Đừng dùng y phục như quân vương,
Cũng chẳng tràng hoa, dầu xức thơm,
Không giả dáng ngài hay tiếng nói,
Phục trang, cung cách riêng bình thường,

Người làm như thế thì đoan chắc,
Trụ chốn triều đình mới vững trường.

1482. Khi đức vua vui cùng cận thần,
Vây quanh là nữ cung, phi tần,
Cận thần Hiền trí không thân mật,
Gợi ý với cung tần nữ nhân.

1483. Người không tự đắc, trọng bề ngoài,
Biết tự chủ và cẩn thận hoài,
Lại có quyết tâm, kiên định nữa,
Mới mong trụ được trong cung ngài.

1484. Đừng đùa cợt với các cung phi,
Không đến chốn riêng trò chuyện chi,
Không lấy của từ ngân khố ấy,
Mới mong trụ được chốn triều nghi.

1485. Đừng bận tâm về việc nghỉ ngơi,
Đừng ham uống rượu nồng, buông lơi,
Không nên giết thú nơi vườn thượng,
Trụ chốn triều đình ổn, chẳng rời.

1486. Không ngồi bảo tọa lẫn long sàng,
Cũng chẳng dùng kim đôn, tượng, xa,
Đừng nghĩ đặc quyền mình được hưởng,
Mới mong trụ được chốn cung hoàng.

1487. Đừng giữ khoảng xa quá với ngài,
Cũng không gần quá sẽ không hay,
Người luôn trước mặt trực hầu sẵn,
Để đấng chúa công nhận thấy ngay.

1488. Đừng có xem vua giống bạn mình,
Cũng không phải mối kết giao tình,
Nhà vua dễ nổi cơn cuồng nộ,
Như mắt đụng râu thóc xốn nhanh.

1489. Đừng nghĩ rằng ta ân sủng đầy,
Là người Hiền trí thông minh đây,
Cả gan dám nói năng thô lỗ,
Giữa buổi thiết triều hội chúng vây.

1490. Nếu gặp vận may thì bắt lấy,
Người đừng tin tưởng, trông chờ ngài,
Nên phòng thân tựa như phòng hỏa,
Trụ chốn triều đình mới ổn hoài.

1491. Thấy đặc ân từ Sát-đế-ly,
Ban cho hoàng tử, đệ cùng huynh,
Các thôn làng lẫn thị thành nữa,
Hay tiểu quốc nào, xứ sở gì,
Người cũng bình tâm, giữ lặng thinh,
Đừng buông lời xét đúng sai chi.

1492. Đối với những người làm quản tượng,
Xa binh, vệ sĩ, bộ binh thường,
Họ hoàn thành tốt mọi công việc,
Vua quyết định rằng tăng bổng lương,
Người chẳng nên xen vào cản trở,
Mới mong trụ vững ở triều vương.

1493. Trí hiền giữ bụng lép như cung,
Lại uyển chuyển như tre uốn cong,
Không được làm gì trái ý chúa,
Trụ triều đình vững như lòng mong.

1494. Giữ gìn bụng lép như cây cung,
Như cá miệng im, chẳng lưỡi dùng,
Điều độ uống ăn, gan, thận trọng,
Tại triều đình ở được ung dung.

1495. Đừng lui tới các nữ nhân nhiều,
Vì sẽ làm cho sức lực tiêu,
Kẻ ngốc trở thành người bệnh hoạn,
Ho hen, đau nhức, yếu liêu xiêu.

1496. Đừng nên phát biểu quá nhiều lời,
Không phải lúc nào cũng lặng thôi,
Khi thuận tiện thì người phải nói,
Rõ ràng, cân nhắc, chẳng vòng vo.

1497. Đừng nóng giận hay kích nộ ai,
Dùng lời chân thật, dịu dàng, ngay,
Không gây chia rẽ, nói năng nhảm,
Nơi chốn triều đình mới trụ hoài.

1498. Người nên phụng dưỡng mẹ cùng cha,
Cung kính cao niên, trưởng tộc gia,
Lời nói dịu hòa và tử tế,
Tại triều đình ở được lâu xa.

1499. Rèn luyện, lành nghề, và tự chủ,
Nhiều kinh nghiệm, vững, tánh hòa nhu,

Thanh liêm, thận trọng, lại khôn khéo,
Nơi chốn triều đình mới được lưu.

1500. Với người trên đối xử khiêm cung,
Kính trọng đàng hoàng, thật quý tôn,
Tận tụy, thường vui hầu cận chúa,
Nơi triều đình ở mới thong dong.

1501. Nếu như sứ giả ngoại bang qua,
Người phải luôn luôn tránh họ ra,
Lưu ý đại vương mình thật kỹ,
Với vua khác chẳng bận tâm ta.

1502. Thấy Sa-môn với Bà-la-môn,
Các vị đa văn, đức hạnh tròn,
Người phải kính cung phụng sự họ,
Chốn triều đình trụ được lâu còn.

1503. Phải giữ ngày trai giới trọn lành,
Theo Sa-môn với Bà-la-môn,
Họ đầy đức độ, đa văn ấy,
Người ở triều đình mới ổn an.

1504. Với Sa-môn cả Bà-la-môn,
Các vị đa văn, đức hạnh tròn,
Cúng món uống ăn sao thích đáng,
Chốn triều đình trụ được lâu còn.

1505. Với Sa-môn cả Bà-la-môn
Các vị đa văn, đức hạnh tròn,
Biết tiếp cận và phụng sự khéo,
Ngưỡng mong mình tiến bộ dần hơn.

1506. Đừng bỏ đi truyền thống cúng dâng,
Đến Sa-môn với Bà-la-môn,
Cũng đừng tìm cách gì ngăn cản,
Việc bố thí cho kẻ khốn cùng.

1507. Bậc Trí am tường hiểu biết nhiều,
Rẽ rành cách sắp việc tròn đều,
Rõ khi nào đúng, thời cơ đến,
Người mới ở yên chốn cung triều.

1508. Cần mẫn với công việc phải làm,
Lại thêm nhanh nhạy và chu toàn,
Sắp lo, thực hiện việc thuần thục,
Người ở triều đình mới ổn an.

1509. Đến sân đập lúa chăm nom thường,
Các lán trại, gia súc, ruộng nương,
Cân thóc kỹ càng, cất vựa kín,
Trong nhà nấu nướng phải đong lường.

1510. Nếu nam tử hoặc đệ hay huynh,
Thiếu đức độ, tâm không ổn bình,
Họ dốt coi như không thiết yếu,
Giống y kẻ đã chết, còn hình,
Phải cho chúng phục trang, thực phẩm,
Chúng chỉ ngồi không mà nhận xin.

1511. Những hầu cận, bộc nô, làm công,
Phải đức hạnh và định tĩnh lòng,
Nghị lực, khéo tay, thường mẫn cán,
Giữ gìn, ứng phó cho tôn ông.

1512. Một người có đức độ, vô tham,
Tận tụy hộ trì cho đại vương,
Bên cạnh, ở xa đều tạo lợi,
Mới mong ở chốn triều đình an.

1513. Người phải biết rành ý của vua,
Phải theo tâm bệ hạ cho vừa,
Đừng nên hành xử nghịch lòng chúa,
Người ở triều đình được mến ưa.

1514. Thoa dầu thơm tắm đấng minh quân,
Đầu cúi xuống khi giúp rửa chân,
Nếu bị phạt chi không phẫn nộ,
Mới mong ở chốn triều đình an.

1515. Chắp tay khi thấy chiếc bình đầy,
Thấy quạ, ta nghiêng phải hướng vai,
Hà cớ minh quân, ta phải kính!
Ngài ban mọi dục lạc nơi đây.

1516. Ngài dâng sàng tọa cùng nhiều y,
Chỗ trú, tư dinh, phương tiện đi,
Rải của cải, tiền cho mọi chúng,
Tựa mưa chan xuống từ vầng mây.

1517. Ở chốn triều đình thế, quý vị!
Người theo cách ấy mà hành trì,
Sẽ mau được đức vua ân sủng,
Và chúa công ban thưởng, nể vì."

***

VIII. ĐOẠN GIỮA

Ba ngày trôi qua, bậc Đại sĩ thuyết giáo như vậy cho vợ con, thân tộc, bạn hữu cùng nhiều người khác đã xong. Khi biết thời hạn đã mãn, từ tinh sương, sau khi tắm và dùng bữa ăn đầy cao lương mỹ vị, ngài bảo:

– Ta sẽ tạ từ đức vua và ra đi cùng chàng thiếu niên này.

Rồi ngài đi đến cung vua cùng với đám quyến thuộc vây quanh, đảnh lễ vua rồi đứng sang một bên, nhắn nhủ đôi lời cần thiết, thích đáng.

***

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1518. Khi đã khuyên răn, nhắn nhủ vầy,
Đến thân bằng, quyến thuộc cùng hay,
Bậc Hiền trí bước cùng bằng hữu,
Tiến thẳng hoàng cung của đức ngài.

1519. Đê đầu đảnh lễ dưới chân vua,
Vai phải nghiêng nghiêng hướng đức vua,
Vidhura hai tay chắp lại,
Bậc Hiền trí tấu những lời sau.

1520. "Thiếu sinh này sẽ dẫn thần đi,
Sử dụng thần theo ý của y,
Thần muốn tâu trình vì quyến thuộc,
Cúi xin đấng chiến thắng nghe bày.

1521. Mong ngài trông đến các con thần,
Và của cải đang có tại gia,
Để lúc thần đi xa biệt dạng,
Không lo tổn quyến thuộc, người thân.

1522. Giống đi trên đất trượt bàn chân,
Người phải tựa đất mà đứng lên,
Cú trượt của thần đây cũng vậy,
Xin thừa nhận lỗi này nơi thần!"

Vua nghe vậy liền bảo:

– Này bậc Trí giả, trẫm không muốn khanh ra đi chút nào cả. Trẫm sẽ tìm cách triệu chàng thiếu sinh ấy đến rồi giết gã đi và lấy chiếu bó giấu xác.

Vua giải thích việc này qua vần kệ:

1523. Này khanh, không thể bước đi ra,
Đây chính điều cương quyết của ta.
Khi đã giết xong chàng trẻ ấy,
Khanh cần ở lại chốn này mà.

Đây là thượng sách cho ta đó,
Bậc Đại trí, xin chớ bỏ ta!

Bậc Đại sĩ nghe vậy liền kêu to:

– Tâu Đại vương, ý định như thế quả không xứng chút nào với Đại vương.

Rồi ngài nói thêm:

1524. Đừng để tâm vào việc bất công,
Hãy tinh cần luyện tập thân tâm,
Đúng theo thánh điển đầy thâm nghĩa,
Ô nhục thay là việc ác gian!
Khi đã làm xong điều tội lỗi,
Con người đọa địa ngục sau cùng.

1525. Chuyện này không phải lẽ công bằng,
Đây chẳng phải là việc đáng làm,
Tâu Chúa công, vua là tối thượng,
Quyền uy với kẻ dưới tôi tàn,
Muốn đem giết nó hay thiêu sống,
Thần giã từ không dám hận sân.

Nói xong, bậc Đại sĩ kính cẩn vái chào vua rồi khích lệ hoàng hậu, hoàng tử, các cung phi, quần thần đôi lời xong bước ra khỏi cung điện, trong khi họ không còn giữ được lòng can đảm, chịu đựng được nữa, cùng bật tiếng khóc to và dân chúng trong kinh thành đồng kêu lên:

– Bậc Đại trí đang ra đi cùng chàng tuổi trẻ, ta hãy đến tiễn ngài lên đường!

Họ nhìn theo ngài trong sân chầu, song ngài an ủi và khuyên răn họ:

– Đừng ưu tư nữa, vạn pháp đều vô thường, thân người giả tạm, cái gọi là danh tiếng cuối cùng rồi cũng tiêu tan, vậy các vị hãy nhiệt tâm bố thí và làm các thiện pháp.

Rồi họ trở lại, ai về nhà nấy. Lúc ấy, người con trai của bậc Hộ pháp, được các em trai vây quanh, nghĩ rằng mình phải đi đón cha nên bước ra khỏi cửa tư gia và gặp được cha. Trông thấy con, bậc Đại sĩ không thể bình tâm, ngài xúc động ôm con vào lòng vỗ về, rồi bước vào nhà.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1526. Đại sĩ ôm hôn vị trưởng nam,
Gắng đè nén nỗi đau trong lòng,
Mắt buồn với lệ tràn tuôn đẫm,
Hướng đại thất ngài tiến phía trong.

Lúc bấy giờ, có cả ngàn công tử, cả ngàn công nương, cả ngàn phu nhân, bảy trăm cung nữ cùng nhiều nô bộc nam nữ, cận vệ, thân bằng quyến thuộc quỳ xuống khắp nơi, cả cung thất chẳng khác nào vườn cây sāla ngả nghiêng trong cơn cuồng phong bão táp, báo hiệu giờ tận thế.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1527. Trong cung Trí giả Vidhura,
Thê tử buồn đau lăn khóc la,
Nhìn tựa vườn sāla ngã đổ,
Tả tơi trong bão táp phong ba.

1528. Cả ngàn người đến chính phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thảy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.

1529. Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thảy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.

1530. Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thảy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.

1531. Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thảy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung Trí giả Vidhura.

1532. Cả ngàn người đến chính phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
"Tại sao ngài bỏ chúng tôi đành?"

1533. Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
"Tại sao ngài bỏ chúng tôi đành?"

1534. Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
"Sao ngài bỏ chúng tôi đi xa?"

1535. Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
"Sao ngài bỏ chúng tôi đi xa?"

Sau khi an ủi quần chúng và hoàn tất mọi việc còn sót lại, bậc Đại sĩ nhắc nhở những người trong nội cung, ngoại cung và chỉ bảo cho họ những gì cần

chỉ bảo, ngài đến gặp Puṇṇaka và cho chàng hay rằng ngài đã làm xong mọi việc cần làm.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1536. Khi đã làm xong mọi việc nhà,
Những người mình đã chỉ bày qua,
Bạn bè quý mến, người hầu cận,
Thê tử, người thân trong tộc gia.

1537. Sắp đặt những công việc vẹn toàn,
Cho hay tài sản tại gia đàng,
Kho tàng và nợ nần cần trả,
Ngài nói dạ-xoa Puṇṇaka.

1538. "Ba ngày chàng ở tại cung ta,
Ta cũng đã xong mọi việc nhà,
Đã bảo ban thê tử rõ biết,
Giờ làm theo ý Kaccāna!"

Puṇṇaka đáp lại:

1539. Này quan xét xử, nếu ngài xong,
Đã dặn tùy tùng với vợ con,
Giờ hãy nhanh chân mau khởi tiến!
Hành trình dài phía trước đang còn.

1540. Ngài cũng không lo ngại, sợ chi,
Nắm đuôi tuấn mã này mà đi!
Và đây thật chính lần sau cuối,
Ngài thấy nhân gian, cuộc sống này.

Bậc Đại sĩ liền đáp lại:

1541. Ta chẳng sợ gì ai nữa đâu,
Ta không phạm lỗi, trái sai nào,
Thông qua cả ý và thân, khẩu,
Hà cớ ta đi cõi khổ đau?

Thế là bậc Đại sĩ không hề sợ hãi, can đảm như con sư tử kiêu hùng, lớn tiếng bảo:

– Đây là cẩm bào của ta, đừng cởi nó ra nếu ta không cho phép!

Rồi với Ba-la-mật quyết tâm cao độ, ngài thắt đai áo thật chặt, gỡ đuôi ngựa ra, hai tay nắm chặt lấy đuôi ngựa, thúc đôi chân vào hông ngựa và bảo chàng:

– Ta đã nắm đuôi ngựa rồi, này thiếu niên, thôi hãy đi đâu tùy ý chàng!

Lúc ấy Puṇṇaka ra lệnh cho con thiên ý mã kia, nó liền nhảy vọt lên bầu trời mang theo bậc Trí giả.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1542. Vidhura được mã vương mang,
Trực chỉ bay lên giữa khoảng không,
Nhanh đến Hắc Sơn nơi đỉnh núi,
Mà không va tảng đá, cành ngang.

Trong lúc Puṇṇaka đem bậc Đại sĩ đi như vậy, thê tử ngài cùng nhiều người đến chỗ ở của Puṇṇaka để chứng kiến. Khi họ không thấy bậc Đại sĩ đâu cả, họ liền khóc lóc thảm thiết, ngã sóng sượt như thể chân cẳng họ bị đứt lìa và lăn qua lộn lại.

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1543. Một ngàn người nữ là phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa thần,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi mất tăm!

Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa thần,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi mất tăm!

Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa ngoa,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi rất xa!

1544. Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Chính Puṇṇaka dạ-xoa ngoa,
Giả ra hình dạng La-môn ấy,
Mang bậc Trí hiền đi rất xa!

1545. Một ngàn người nữ là phu nhân,
Tỳ nữ đi cùng số bảy trăm,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Ngài đi đâu thế, bậc Hiền nhân?

Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,

Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Ngài đi đâu thế, bậc Hiền nhân?

Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Bậc Hiền! Ngài đã đi đâu xa?

1546. Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Họ thảy dang tay kêu khóc nói,
Bậc Hiền! Ngài đã đi đâu xa?

Kêu than như vậy rồi tất cả cùng với người dân khắp thị thành rên khóc đi thẳng vào hoàng môn. Vua nghe tiếng than khóc rền rĩ liền mở cửa sổ ra hỏi tại sao họ than khóc như vậy. Họ trình:

– Tâu Đại vương, chàng thanh niên đó thật ra chẳng phải là Bà-la-môn gì cả, mà chính thần dạ-xoa giả dạng Bà-la-môn đến mang bậc Trí giả đi mất rồi. Không có ngài, chúng thần không thiết sống nữa. Nếu ngài không trở về trong vòng bảy ngày nữa, chúng thần sẽ chất gỗ hàng trăm hàng ngàn xe, đốt cháy và vào đó tự thiêu cả cho rồi.

Họ tuyên bố điều này bằng vần kệ:

1547. Nếu từ đây tính bảy đêm rồi,
Bậc Trí chẳng về với chúng tôi,
Tất cả sẽ vào trong lửa đỏ,
Sống không còn ý nghĩa, than ôi!

Nghe họ nói xong, nhà vua an ủi:

– Thôi các khanh đừng ưu tư, đừng thương tiếc, đừng khóc than nữa! Bậc Trí giả có giọng nói êm dịu sẽ thuyết phục chàng trai kia bằng giáo pháp và sẽ khiến chàng quy phục dưới chân ngài, chẳng mấy chốc ngài sẽ trở về, khiến cho bộ mặt đẫm lệ của dân chúng toàn thành này cười tươi trở lại!

Rồi vua ngâm kệ:

1548. Thật đại tuệ là bậc Trí nhân,
Uyên thâm và đủ mọi tài năng,
Không lâu ngài tự tìm đường thoát,
Ngài sẽ trở lui, chớ hãi hùng.

***

IX. PHÁP CỦA THIỆN NHÂN

Sau khi đã đem bậc Đại sĩ lên đỉnh Hắc Sơn, Puṇṇaka liền nghĩ thầm: “Người này còn sống thì ta không vinh hiển được, vậy ta sẽ giết y lấy quả tim

đem về long cung dâng cho vương hậu Vimalā và sau khi chiếm được công chúa Irandatī, ta sẽ lên thiên giới."

***

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1549. Đến nơi xong dạ-xoa thầm tính,
Tư niệm thường cao, thấp khởi sinh,
Ngài sống, với ta không ích lợi,
Chi bằng ta giết lấy con tim.

Rồi dạ-xoa lại nghĩ: "Nếu chẳng cần giết y bằng chính tay ta, sao ta lại chẳng làm y chết đi vì kinh sợ bằng cách hiện ra hình thù khủng khiếp?" Thế là sau khi hiện hình ác quỷ, hắn đến gần hù dọa bậc Đại sĩ, ném ngài xuống đất, ngoạm ngài trong miệng giữa các răng nanh như thể sắp nuốt sống ngài nhưng bậc Đại sĩ chẳng hề dựng sợi tóc nào. Hắn lại hiện hình sư tử và voi lớn hung hăng, lấy răng và ngà dọa tấn công ngài. Khi ngài chẳng tỏ ra khiếp sợ, hắn liền hiện hình đại mãng xà to như chiếc thuyền lớn hình máng xối, đến gần ngài rít lên, cuộn thân quanh ngài, phủ đầu ngài bằng chiếc mào, ngài vẫn chẳng tỏ chút gì sợ hãi. Rồi hắn bảo:

– Ta sẽ để y đứng trên đỉnh núi và rơi xuống, làm y tan vụn ra từng mảnh.

Thế là hắn nổi trận cuồng phong, nhưng nó cũng chẳng lay động được đầu sợi tóc nào của ngài cả. Rồi hắn để ngài trên đỉnh núi, hiện hình con voi làm rung chuyển ngọn núi ngả nghiêng như thể cây chà là rừng. Nhưng dù vậy, hắn cũng không thể làm lay động được đầu sợi tóc nào của ngài cả. Sau đó, hắn bảo:

– Ta sẽ giết y bằng cách làm tim y vỡ ra vì khiếp đảm khi nghe một tiếng gầm kinh khủng.

Rồi hắn đi vào trong núi, rống lên một tiếng gầm khủng khiếp rền vang cả đất trời nhưng bậc Đại sĩ cũng chẳng tỏ ra khiếp sợ, vì ngài biết rằng dù hắn hiện hình dạ-xoa, sư tử, voi hay long vương, có làm mưa gió rung chuyển núi rừng hay vào trong núi gầm thét vang dội đi nữa, hắn cũng chỉ là một thanh niên, không là gì khác.

Dạ-xoa liền nghĩ thầm: "Ta không thể nào giết người này bằng cách tấn công bên ngoài, vậy ta chỉ còn cách giết bằng chính tay ta." Thế là hắn đặt bậc Đại sĩ lên trên đỉnh núi, còn chính hắn xuống chân núi đi lên từ lòng núi như thể hắn xuyên sợi chỉ màu nhạt qua hạt ngọc có soi lỗ với tiếng gầm lớn. Hắn thô bạo chụp hai chân bậc Đại sĩ tung lên xoay tít, dựng đầu ngài xuống phía dưới trong khoảng không chẳng có vật gì để ngài có thể nắm lấy được.

Cảnh ấy được miêu tả như sau:

1550. Sau khi đến đó, núi lưng chừng,
Thần dạ-xoa vào thẳng phía trong,

Hắn ác tâm mang ngài dốc ngược,
Ở nơi trống trải, chẳng đề phòng.

1551. Lơ lửng vực sâu, địa ngục nguy,
Vô cùng kinh khiếp, khó qua đi,
Quan hiền nhất Kuru không hãi,
Ngài bảo Puṇṇaka thế này.

1552. "Thánh thiện bề ngoài, sao đáng khinh,
Nhìn trông tự chế, lại không gìn,
Ngươi gây tai hại và điều ác,
Bản chất ngươi đây chẳng thiện chi!

1553. Muốn ném ta rơi vực hiểm nguy,
Làm ta chết, lợi cho ngươi gì?
Nay xem không giống loài người đấy,
Ngươi thuộc thiên nào? Hãy nói đi!"

Puṇṇaka đáp lại:

1554. Nghe đến dạ-xoa Puṇṇaka,
Đại thần của Vua Kuvera.
Long vương, lãnh chúa Varuṇa,
Cao quý, thanh liêm, hùng dũng, oai!

1555. Ta mơ công chúa, con ngài này,
Long nữ tên Irandatī,
Vì dáng yêu kiều khả ái ấy,
Nên ta quyết hại bậc Hiền đây.

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Thế giới này sụp đổ chỉ vì một việc hiểu lầm, tại sao một kẻ si tình long nữ lại muốn giết ta? Ta phải biết tất cả sự thật của câu chuyện này mới được." Rồi ngài ngâm kệ:

1556. Này chớ bị lừa, hỡi dạ-xoa,
Nhiều người bị hại bởi lầm to,
Việc chàng yêu quý nàng long nữ,
Nào có liên quan việc giết ta?
Này hãy mau lên, thần đại lực,
Kể ta nghe mọi chuyện kia mà.

Nghe vậy, Puṇṇaka liền đáp ngài:

1557-59. Vì yêu ái nữ đại long vương,
Ta hội ý thân tộc của nàng,
Và lúc ta cầu hôn thiếu nữ,
Nhạc gia đã nói với ta rằng,
Các ngài hiểu mối tình say đắm,
"Ta sẽ ban chàng vị quý nương,

Hình dáng yêu kiều, mắt diễm lệ,
Nụ cười tươi đẹp, ngát trầm hương.
Nếu chàng đem sính lễ vương gia,
Tim của Trí nhân Vidhura,
Chiếm được nhờ công bằng thắng trận,
Công nương được gả giá này mà,
Chúng ta không nhận quà gì khác."
Như vậy ta đâu bị đánh lừa?
Hỡi bậc chánh chân nghe thật kỹ,
Không gì lầm lẫn về phần ta!

1560. Long vương sẽ gả vị công nương,
Đổi trái tim nhờ thắng chánh chân,
Chính bởi điều này ta đã quyết,
Giết ngài theo cách chúng ta cần,
Nếu ta ném xác ngài trong vực,
Ta sẽ giết ngài lấy quả tim.

Khi bậc Đại sĩ nghe vậy, suy nghĩ: "Vương hậu Vimalā không cần trái tim của ta đâu. Vua Varuṇa sau khi nghe pháp thoại, đã tán thán ta và ban ta châu báu, có lẽ khi ngài về cung đã tả lại năng lực thuyết pháp của ta nên Vimalā cũng mong muốn nghe ta thuyết giảng. Puṇṇaka có lẽ đã nhận được lệnh của Varuṇa qua một sự hiểu lầm và hắn ta cũng chịu tác động của sự lầm tưởng riêng nên mới gây ra tai họa này. Vậy nay đặc tính của một bậc Trí như ta là có khả năng đưa ra ánh sáng và khám phá mọi chân lý. Nếu Puṇṇaka giết ta thì có ích gì? Nay ta giúp hắn hiểu rõ." Suy nghĩ xong, ngài bảo:

– Này thiếu sinh, ta biết chánh pháp mà thiện nhân phải tuân theo, vậy trước khi ta chết, hãy đặt ta trên đỉnh núi và nghe ta nói pháp lành của thiện nhân, sau đó chàng muốn làm gì tùy ý!"

Thế là ngài ngâm kệ trong khi lơ lửng giữa trời, đầu dốc ngược xuống dưới, để rồi sau khi thuyết pháp thiện nhân, ngài mặc cho chàng lấy mạng mình:

1561. Ngươi hãy mang ta lên tức thì,
Nếu ngươi cần trái tim ta chi,
Nay ta thuyết hết cho ngươi rõ,
Pháp của thiện nhân, hãy lắng nghe!

Puṇṇaka suy nghĩ: "Đây là pháp lành chưa hề được tuyên thuyết trước chư thiên và loài người. Vậy ta phải lập tức mang ngài lên và nghe pháp thiện nhân mới được." Thế là hắn nhấc bậc Đại sĩ lên và đặt ngài trên đỉnh núi.

***

Bậc Đạo sư miêu tả cảnh ấy như sau:

1562. Vị quan xử án nhất Câu-lâu,
Được dạ-xoa mang lên núi mau,
Được đặt ngay trên đỉnh núi ấy,
Và khi trông thấy ngài ngồi an,
Dạ-xoa cầu thỉnh bậc Hiền trí,
Quan xét xử đầy tuệ rộng cao.

1563. "Ta đưa ngài khỏi vực sâu này,
Ta rất cần tim ngài bữa nay,
Giờ hãy giảng cho ta tất cả,
Những gì gọi pháp thiện nhân đây!"

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đáp lại:

1564. Ngươi đưa ta khỏi vực sâu này,
Ngươi rất cần tim ta bữa nay,
Ta giảng giờ ngươi nghe tất cả,
Những gì gọi pháp thiện nhân đây!

Rồi bậc Đại sĩ bảo:

– Thân thể ta nhơ uế, cho ta tắm rửa ngay.

Thần dạ-xoa ưng thuận, mang nước đến và khi ngài đang tắm rửa, hắn liền đem thiên y cùng dầu thơm cho ngài. Sau khi ngài đã mặc y, chỉnh trang xong, hắn lại đem vật thực trên thiên giới cho ngài. Sau bữa ăn, bậc Đại sĩ cho trang hoàng đỉnh Hắc Sơn, lại cho chuẩn bị một sàng tọa, ngài ngồi xuống pháp tòa được bài trí đẹp đẽ và ngâm vần kệ, trình bày phận sự của một thiện nhân với vẻ uy nghi của một vị Phật:

1565. Ngươi hãy theo đường của cổ nhân,
Bàn tay ẩm tránh đốt khô lần,
Đừng bao giờ phản bội bằng hữu,
Đừng để dưới quyền ác nữ nhân.

Dạ-xoa không thể nào thấu triệt ý nghĩa của bốn qui tắc được diễn tả quá ngắn gọn như vậy liền hỏi thêm chi tiết:

1566. Theo đường của cổ nhân là gì?
Và đốt bàn tay ẩm nghĩa chi?
Ai ác nữ nhân, ai phản bạn?
Xin ngài nói rõ nghĩa này đi!

Bậc Đại sĩ đáp lại:

1567. Nếu thấy người chưa gặp, chẳng thân,
Ai mời người một chỗ ngồi an,
Ai mang lợi ích cho người ấy,
Bậc Trí gọi "theo đường cổ nhân."

1568. Ai trú một đêm ở thất người,
Dùng thêm món ăn uống người mời,
Đối người, không được nghĩ điều ác,
Phản bạn chính là "kẻ đốt tay."

1569. Cây có tàng che, bóng mát râm,
Nơi đây có thể ngồi hay nằm,
Thì không được bẻ cành cây ấy,
Phản bạn thật là kẻ ác tâm.

1570. Lấy quả đất đầy của cải dâng,
Cho người nữ đã chọn yêu thương,
Sau này có lúc nàng khinh bỉ,
Vậy chớ dưới quyền ác nữ nhân.

1571. Theo đường của cổ nhân là vậy,
Tránh đốt bàn tay ẩm nghĩa này,
Đó ác nữ nhân và phản bạn,
Hãy theo thiện pháp, bỏ hành sai!

Như vậy, bậc Đại sĩ đã thuyết pháp cho thần dạ-xoa với uy nghi cao cả của một vị Phật về bốn phận sự của thiện nhân.

***

X. HẮC SƠN

Puṇṇaka nghe xong pháp lành liền quán xét: "Trong bốn lời khuyên này, bậc Hiền trí chỉ cầu mong sự sống cho ngài, vì ngài thật sự đã tiếp đãi ta nồng hậu, dù ta còn là kẻ xa lạ trước đây. Ta ở lại trong nhà ngài ba hôm, được ngài quý trọng vô cùng. Thế mà ta đang tạo ác nghiệp chỉ vì một nữ nhân, hơn thế nữa, ta đang phản bội thân bằng, nếu ta làm hại bậc Trí giả này tức là ta không theo thiện nhân pháp, vậy ta cần gì long nữ chứ? Ta phải lập tức đem ngài trở lại thành Indapatta làm cho những khuôn mặt u sầu đẫm lệ của dân chúng tại đó được tươi vui và ta sẽ vào trong thính đường." Rồi hắn ngâm vần kệ:

1572. Nhà ngài ta ở đã ba hôm,
Ngài cấp cho ta thức uống ăn,
Bằng hữu ta ơi, ta thả đó!
Về theo ý Đệ nhất Hiền nhân!

1573. Dòng tộc long vương ta sẽ hủy,
Thôi, không long nữ nữa mà chi!
Nhờ lời hay đẹp của ngài ấy,
Bậc Trí thoát hình tử bữa nay!

Bậc Đại sĩ đáp lại:

– Này thiếu sinh, đừng đưa ta trở lại nhà mà cứ đem ta đến cung long vương đi.

Rồi ngài ngâm kệ:

1574. Giờ hãy đưa ta, hỡi dạ-xoa,
Đến thăm nhạc phụ của ngươi mà,
Để ta mang lợi cho ngài ấy,
Ta muốn viếng thăm rồng chúa qua,
Cùng với chốn long cung đẹp đẽ,
Nơi ta chưa được thấy bao giờ.

Nghe vậy, Puṇṇaka đáp:

1575. Bậc Trí không nên để mắt trông,
Những gì không lợi lạc thường nhân,
Tại sao bậc Trí hiền tôn quý,
Ước muốn đi vào chốn địch quân?

Bậc Đại sĩ đáp:

1576. Quả thật là ta cũng tuệ tri,
Trí nhân chẳng để mắt điều này,
Ta không phạm tội nơi đâu cả,
Nên đến chết thì chẳng ngại chi!

Ngài tiếp:

– Hơn nữa nhờ bài thuyết pháp của ta, một dạ-xoa độc ác như ngươi đây đã được điều phục và hồi tâm, nay ngươi lại nói: “Thôi, ta không cần long nữ nữa, ngài cứ trở về.” Nên phận sự của ta là phải làm dịu lòng long vương, cứ đem ta lại đó.

Nghe vậy, Puṇṇaka ưng thuận đáp:

1577. Quan xét xử này! Ta ngắm trông,
Chốn thần lực thật sự vô song!
Nơi long vương ấy đang vui trú,
Giữa điệu múa ca rộn rã cung,
Tựa Đại vương Vessavaṇa,
Ngự nơi Naḷiñña thành trung.

1578. Chốn có nhiều long nữ đẹp tươi,
Thâu đêm suốt sáng ở vui chơi,
Nhiều tràng hoa thắm đủ màu sắc,
Cung rực sáng như chớp giữa trời.

1579. Hải vị sơn hào, mỹ tửu đầy,
Tiếng ca, điệu múa, nhạc hòa hay,
Bao nhiêu long nữ yêu kiều dáng,
Lộng lẫy điểm trang và áo y.

Nói thế xong, Puṇṇaka đặt bậc Đại sĩ ngồi trên lưng thần mã bay hướng đến đó.

***

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

1580. Trí nhân đệ nhất xứ Câu-lâu
Được dạ-xoa đưa ngồi phía sau,
Quan xét xử tài cao lỗi lạc,
Được mang đến điện long vương mau.

1581. Long cung thần lực vô song đây,
Bậc Trí đứng sau Puṇṇaka,
Rồng chúa thấy hai người thuận hợp,
Bảo ngay phò mã lời xưa kia.

1582. Này khanh lên đến cõi nhân gian,
Để kiếm quả tim bậc Trí hiền,
Có phải khanh thành tựu trở lại,
Mang quan xử tuệ trí hoàn toàn?

Puṇṇaka đáp:

1583. Người mà ngài muốn đã về đây,
Hộ pháp mà thần đạt chính ngay,
Bệ hạ hãy nghe ngài thuyết pháp,
Gặp chân nhân được lạc lâu dài!

(Hết phần Hắc Sơn)

***

Long vương ngâm kệ khi thấy bậc Đại sĩ:

1584. Người này đang đứng ngắm nhìn ta,
Ngắm những gì chưa thấy trước kia,
Bị hoảng hốt vì lòng sợ chết,
Giờ không thể nói lời chào ra,
Với ta, trong lúc đầy kinh hãi,
Đây chẳng phải người đại trí mà!

Bậc Đại sĩ biết nhờ thượng trí của mình rằng long vương muốn được chào hỏi như vậy mà không nói thẳng ra là mình đã không chịu thi lễ vua, và bằng cách cư xử cao đẹp ngài nói với vua rồng: "Thần bị kết án tử mà thi lễ với người chăng?" rồi ngâm đôi vần kệ:

1585. Thần không sợ, tấu chúa rồng linh,
Bởi cái chết, thần chẳng hãi kinh,
Nhưng tội nhân không quyền được lễ,

Với đao phủ nọ sắp hành hình,
Và ngài cũng chẳng nên đòi hỏi,
Kẻ tội phạm kia thi lễ mình.

1586. Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!

Nghe như vậy, long vương liền ngâm hai kệ tán thán bậc Đại sĩ:

1587. Đúng như ngài nói, hỡi Hiền nhân,
Ngài nói chánh chân: Một tội nhân,
Không quyền thi lễ người hành quyết,
Người ấy cũng không hỏi tội nhân.

1588. Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!

Bấy giờ, bậc Đại sĩ ân cần nói với long vương:

1589. Cung điện diệu thần của đức ngài,
Huy hoàng, đầy lực, tấn sinh khai,
Lại không trường cửu, không miên viễn,
Thần hỏi long vương sự việc này,
Làm thế nào vua đã hưởng được,
Long cung lộng lẫy như vầy đây?

1590. Cung ngài hưởng chẳng bởi nhân duyên,
Tiết chuyển, trời ban, tự tạo nên?
Bệ hạ nói cho thần được rõ,
Cách nào ngài được hưởng cung đền.

Nghe vậy, long vương đáp lời:

1591. Cung này không phải chẳng nhân duyên,
Không tiết chuyển, trời ban, tạo nên,
Mà bởi nghiệp mình không bất thiện,
Chính do phước đức hưởng cung đền.

Bậc Đại sĩ lại nói:

1592. Ngài giữ nguyện gì, Phạm hạnh chi?
Hành nào tốt được quả lành này?
Long cung thần diệu, to ngài hưởng,
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai.

Long vương đáp lại:

1593. Trong lúc làm người ở thế gian,
Trẫm và vương hậu đức tin tràn,
Cả hai lo cúng thật chu đáo,
Dâng đến Sa-môn, Bà-la-môn,
Nhà trẫm tựa như giếng nước mát,
Khiến cho thỏa mãn các Hiền nhân.

1594. Nào những vòng hoa, hương, nước thơm,
Ánh đèn, phòng ở, chỗ ngồi, giường,
Áo y, đồ uống ăn vừa miệng,
Nơi ấy trẫm cung kính cúng dường.

1595. Trẫm giữ nguyện vầy, Phạm hạnh đây,
Thế hành tốt được quả lành này,
Đại cung thần diệu, thưa Hiền trí!
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai.

Bậc Đại sĩ bảo:

1596. Nếu hành như vậy được cung đây,
Ngài biết quả sanh bởi phước này,
Vậy hãy nhiệt tâm theo thiện pháp,
Sau thêm cung nữa trú như vầy.

Nghe thế, long vương đáp:

1597. Nơi đây không có các Sa-môn,
Cũng chẳng vị nào Bà-la-môn,
Để trẫm cúng dường vật thực, ẩm,
Vậy khanh hãy nói cho ta thông,
Làm sao có thể chu toàn hạnh,
Sau hưởng cung vầy như ước mong?

Bậc Đại sĩ bảo:

1598. Vì có nhiều rồng ở chốn cung,
Thê nhi, quyến thuộc, đoàn tùy tùng,
Đừng bao giờ có tâm hung ác,
Hại họ qua thân, khẩu Đại vương!

1599. Như vậy long vương chẳng ác tâm,
Hiền hòa khi nói và khi làm,
Ngài an trú ở chốn cung điện,
Đến lúc từ trần, thiên cảnh sanh!

Sau khi nghe pháp thoại của bậc Đại sĩ, long vương nghĩ thầm: "Bậc Hiền trí này không thể xa nhà quá lâu, vậy ta sẽ đưa ngài đến yết kiến Vimalā cho

nàng nghe chân ngôn của ngài để xoa dịu nỗi ước vọng khát khao của nàng bấy lâu; thế là ta sẽ làm đẹp lòng Vua Dhanañjaya và đưa bậc Hiền trí trở về là chuyện rất phải." Thế rồi ngài nói:

1600. Xa ngài chắc đức vua bi thương,
Ngài chính cận thần của Đại vương,
Ai bị khổ đau hay trọng bệnh,
Gặp ngài cảm thấy được an khương.

Nghe điều đó, Bậc Đại sĩ liền tán thán long vương:

1601. Quả thật long vương nói pháp lành!
Tuyệt hay, đem ích lợi khi hành,
Ngay trong những khổ nguy như thế,
Người giống thần đây được hiểu rành.

Nghe vậy, long vương càng thêm hoan hỷ liền ngâm kệ hỏi ngài:

1602. Hắn chiếm ngài không trả giá sao?
Hoặc hơn bài bạc nhờ tài cao?
Hắn tâu thắng cuộc công bình lắm,
Ngài thuộc dạ-xoa bởi cách nào?

Bậc Đại sĩ đáp:

1603. Puṇṇaka thắng cuộc tranh tài,
Với chúa thượng thần lúc đánh bài,
Ngài đã dâng thần vì chiến bại,
Công bằng hắn thắng chẳng gì sai.

Nghe vậy, long vương rất hài lòng.

***

Bậc Đạo sư diễn tả như sau:

1604. Long vương cảm thấy rất hân hoan,
Nghe được lời hay của Trí nhân,
Vua nắm lấy tay bậc Đại tuệ,
Vào cung vương hậu gặp ngay nàng.

1605. Vimalā hỡi! Ngài nơi đây,
Vì ngài mà vóc ngọc hao gầy,
Cao lương chẳng muốn hưởng chi cả,
Chẳng giống mình vàng như trầm vầy,
Bậc Trí hiền này có thể giúp,
Khiến xua bóng tối tan nhanh đi.

1606. Chính quả tim ngài nàng ước ao,
Vầng nhật phát quang sáng biết bao,

Nàng hãy lắng nghe lời bậc Trí,
Gặp ngài lần nữa khó làm sao!

Trông thấy ngài, Vimalā liền ân cần tiếp rước.

Bậc Đạo sư tả cảnh này như sau:

1607. Nàng Vimalā thấy Trí nhân,
Mười ngón tay thon chắp kính cung,
Tâm khởi hân hoan, vẻ hỷ lạc,
Thưa quan đệ nhất Câu-lâu rằng,

1608. "Khi trông thấy những gì chưa thấy,
Người hoảng hốt vì sợ chết đây,
Không thể hỏi chào, thi lễ nữa,
Trí hiền không phải là người này!"

1609. "Thần không sợ, nữ chúa rồng linh!
Vì cái chết, thần chẳng hãi kinh,
Nhưng tội nhân không quyền được lễ,
Với đao phủ nọ sắp hành hình,
Vị này cũng chẳng nên đòi hỏi,
Kẻ tội phạm kia thi lễ mình!

1610. Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!"

1611. "Đúng như ngài nói, hỡi Hiền nhân,
Ngài nói chánh chân: Một tội nhân,
Không quyền thi lễ người hành quyết,
Người ấy cũng không hỏi tội nhân.

1612. Được quyền thi lễ, lý do nào?
Bắt buộc người ta lễ, tại sao?
Lễ kẻ mà đang muốn giết ấy,
Việc này không thể xảy ra đâu!"

1613. "Cung điện diệu thần của quý ngài,
Huy hoàng, đầy lực, tấn sinh khai,
Lại không trường cửu, không miên viễn,
Thần hỏi hậu vương sự việc này,
Sao hậu vương đây đã hưởng được,
Long cung lộng lẫy, đẹp như vầy?

1614. Long cung hưởng chẳng bởi nhân duyên,
Tiết chuyển, trời ban, tự tạo nên?

Vương hậu nói cho thần được rõ,
Cách vương hậu được hưởng cung đền."

1615. "Cung này không phải chẳng nhân duyên,
Không tiết chuyển, trời ban, tạo nên,
Mà bởi nghiệp mình không bất thiện,
Chính do phước đức hưởng cung đền."

1616. "Ngài giữ nguyện gì, Phạm hạnh chi?
Hành nào tốt được quả lành này?
Long cung thần diệu to ngài hưởng,
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai."

1617. "Trong lúc làm người ở thế gian,
Ta và bệ hạ đức tin tràn,
Cả hai lo cúng thật chu đáo,
Dâng đến Sa-môn, Bà-la-môn,
Nhà của ta như giếng nước mát,
Khiến cho thỏa mãn các Hiền nhân.

1618. Nào những vòng hoa, hương, nước thơm,
Ánh đèn, phòng ở, chỗ ngồi, giường,
Áo y, đồ uống ăn vừa miệng,
Nơi ấy chúng ta kính cúng dường.

1619. Ta giữ nguyện vầy, Phạm hạnh đây,
Thế hành tốt được quả lành này,
Đại cung thần diệu, thưa Hiền trí!
Lộng lẫy, đầy năng lực, tấn khai."

1620. "Nếu hành như vậy được cung đây,
Ngài biết quả sanh bởi phước này,
Vậy hãy nhiệt tâm theo thiện pháp,
Sau thêm cung nữa trú như vầy."

1621. "Nơi đây không có các Sa-môn,
Cũng chẳng vị nào Bà-la-môn,
Để hậu vương dâng vật thực, ẩm,
Vậy ngài hãy nói cho ta thông,
Làm sao có thể chu toàn hạnh,
Sau hưởng cung vầy như ước mong?"

1622. "Vì có nhiều rồng ở chốn cung,
Thê nhi, quyến thuộc, đoàn tùy tùng,
Đừng bao giờ có tâm hung ác,
Hại họ qua thân, khẩu hậu vương!

1623. Như vậy hậu vương chẳng ác tâm,
Hiền hòa khi nói và khi làm,
Được an trú ở chốn cung điện,
Đến lúc từ trần, thiên cảnh sanh!"

1624. "Xa ngài chắc đức vua bi thương,
Ngài chính cận thần của Đại vương,
Ai bị khổ đau hay trọng bệnh,
Gặp ngài cảm thấy được an khương."

1625. "Quả thật hậu vương nói pháp lành!
Tuyệt hay, đem ích lợi khi hành,
Ngay trong những khổ nguy như thế,
Người giống thần đây được hiểu rành."

1626. "Hắn chiếm ngài không trả giá sao?
Hoặc hơn bài bạc nhờ tài cao?
Hắn tâu thắng cuộc công bình lắm,
Ngài thuộc dạ-xoa bởi cách nào?"

1627. "Puṇṇaka thắng cuộc tranh tài,
Với chúa thượng thần lúc đánh bài,
Vua đã dâng thần vì chiến bại,
Công bằng hắn thắng chẳng gì sai."

Nghe được lời giảng của bậc Đại sĩ, Vimalā thỏa nguyện vô cùng, cho người mang đến cho ngài một ngàn bình nước thơm để tắm; khi tắm, ngài được dâng thiên y, các tràng thiên hoa, v.v... lúc ngài đang chỉnh trang thì lại được đem đến vật thực của cõi trời. Trong khi bậc Đại sĩ dùng bữa thì họ tiến hành trang hoàng bảo tọa. Sau đó, ngài ngồi vào pháp tòa được bày trí trang nghiêm ấy mà thuyết pháp với dáng vẻ uy nghi của một vị Phật.

Bậc Đạo sư đã tả cảnh này:

1628. Cách nào Varuṇa long vương
Đã hỏi các câu nơi Trí nhân,
Thì chính cách này vương hậu hỏi,
Bậc Hiền trí giải cho am tường.

1629. Được hỏi, Trí nhân đã giải xong,
Thế nào long vương ấy hài lòng,
Thì như thế hậu vương vừa ý,
Khi hỏi Trí nhân giảng dạy thông.

1630. Bậc Trí thấy long vương, hậu vương,
Cả hai đều đã được vừa lòng,
Ngài không kinh sợ dựng lông tóc,
Mà nói với điều này với đại vương.

1631. "Đừng ngại! Thần là lợi phẩm đây,
Thân này Bệ hạ cứ tùy nghi,
Ngài cần tim, thịt để chi đó,
Thì cứ theo tâm ý, lệnh y!"

Long vương đáp:

1632. Tuệ chính là tim bậc Trí nhân,
Chúng ta quả thật rất hân hoan,
Là nhờ tuệ của bậc Hiền trí,
Nay để dạ-xoa đầy tiếng tăm,
Làm lễ thành hôn công chúa ấy,
Rồi đưa ngài trở về trong hôm.

Nói xong, long vương Varuṇa trao công chúa Irandatī cho Puṇṇaka, khiến hắn thỏa dạ liền thưa chuyện với bậc Đại sĩ.

Bậc Đạo sư tả lại sự việc như sau:

1633. Puṇṇaka phấn khởi, hài lòng,
Cưới Irandatī nữ long,
Hạnh phúc tràn trề, vẻ thích thú,
Thưa quan xử nhất Câu-lâu rằng.

1634. "Ngài đã giúp ta được vợ tiên,
Ta mong đền đáp xứng người hiền,
Ta trao ngài ngọc ma-ni quý,
Và rước ngài về xứ sở liền."

Lúc ấy, bậc Đại sĩ ngâm kệ khác tán dương chàng:

1635. Mong tình đôi lứa chẳng phai tàn,
Giữa Kaccāna với vợ ngoan,
Hoan hỷ, toại lòng, đầy hạnh phúc,
Thỏa nguyện mơ ước vui đầy tràn,
Sau khi ngươi tặng ma-ni quý,
Đưa ta về Indapatta.

Nghe vậy, Puṇṇaka làm y theo. Sự việc này được mô tả rằng:

1636. Vị quan đệ nhất xứ Câu-lâu,
Được dạ-xoa mang phía trước ngồi,
Quan xử án đầy đủ tuệ trí,
Về thành Indapatta mau.

1637. Tâm ý người đi nhanh thế nào,
Nhanh hơn thế ấy dạ-xoa lao,
Đưa quan đệ nhất Câu-lâu xứ,
Trở lại thành Indapatta.

Sau đó, dạ-xoa nói với ngài:

1638. Hãy ngắm thành đô trước mắt ngài,
Phố phường khả ái, các vườn xoài,
Nay ta được vợ tiên như ý,
Ngài trở về nhà thỏa nguyện thôi!

***

XI. VIDHURA TRỞ VỀ NHÀ

Rạng sáng ngày hôm ấy, vua nằm mộng thấy ngay tại cung môn có một cây đại thọ, thân cây là trí tuệ, cành lá là giới đức và kết quả là năm sản phẩm cao quý của bò cái (sữa tươi, sữa đông, bơ tươi, bơ chín, bơ đặc) với đàn voi, bò, ngựa, được trang hoàng rực rỡ vây quanh, cùng đám đông dân chúng chắp tay cung kính đảnh lễ cây đại thọ. Bỗng một hắc nhân thô ác mặc hồng bào, hoa tai đỏ, cầm khí giới trong tay đến chặt cây tận gốc mặc cho dân chúng khóc than và y kéo cây đi mất dạng; xong y lại trở lại trồng cây vào chỗ cũ rồi giã từ. Lúc ấy, vua hiểu mộng liền nghĩ thầm: "Bậc Trí giả Vidhura chứ không ai khác chính là cây đại thọ. Chàng thanh niên đem bậc Trí giả đi mất là không ai khác ngoài người chặt cây tận gốc dù cho dân chúng khóc than. Lại nữa, chàng trở lại trồng cây vào chỗ cũ rồi giã từ nghĩa là chàng sẽ đưa bậc Trí giả trở lại đặt ngài trước cửa Chánh Pháp đường rồi ra đi. Hôm nay ta sẽ được chiêm ngưỡng bậc Trí giả ấy."

Thế là ngài hoan hỷ ban lệnh cho cả kinh thành trang hoàng rực rỡ, chuẩn bị Chánh Pháp đường sẵn sàng cùng bảo tọa trong mái đình dát đầy trân bảo, còn ngài có cả trăm vị vua khác vây quanh cùng các cận thần, dân chúng từ thành thị đến thôn quê tụ tập lại đó, ngài nói lời an ủi họ:

– Các khanh đừng lo buồn gì, các khanh sẽ lại gặp bậc Hiền trí hôm nay.

Ngài ngồi trong Chánh Pháp đường mong đợi bậc Hiền trí trở về. Các vương hầu, cận thần, v.v... cũng ngồi nơi đó. Lát sau, Puṇṇaka đem bậc Đại sĩ đến đặt giữa đám đông ấy ngay cửa Chánh Pháp đường rồi cùng Irandatī trở về thiên giới của chàng.

***

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1639. Đệ nhất Câu-lâu bậc Trí hiền,
Được đưa xuống giữa giảng đường liền,
Dạ-xoa hảo tướng lên thần mã,
Hướng thẳng khoảng trời bay vút lên.

1640. Vua rất hân hoan thấy Trí nhân,
Vội vàng đứng dậy choàng tay ôm,

Chẳng hề ngần ngại nơi đông chúng,
Đặt Trí giả ngồi tọa trước gần.

Sau khi chào hỏi thân hữu xong, vua đón tiếp ngài ân cần và ngâm kệ:

1641. Khanh tựa cỗ xe buộc kỹ càng,
Và khanh dẫn chúng ta lên đàng,
Dân Câu-lâu gặp khanh vui sướng,
Giờ kể trẫm nghe việc rõ ràng,
Làm thế nào thanh niên trẻ ấy,
Bằng lòng giải thoát để khanh an?

Bậc Đại sĩ đáp:

1642. Chàng thiếu sinh kia, tâu Đại vương,
Từng thi lễ vua, chẳng người thường,
Hỡi anh hùng thế nhân cao quý!
Ngài chắc đã nghe qua tiếng xưng,
Thần dạ-xoa tên Puṇṇaka,
Cận thần Kuvera Đế vương!

1643. Long vương, lãnh chúa Varuṇa,
Cao quý, thanh liêm, hùng dũng, oai,
Chàng ước được con gái lãnh chúa,
Nữ long Irandatī này.

1644. Vì dáng yêu kiều khả ái kia,
Mà chàng quyết hại chết thần đây,
Và nay được vợ tiên như ý,
Cho phép thần về, được ma-ni.

– Long vương hài lòng lối thần giải đáp vấn đề liên quan đến bốn cứu cánh của con người nên ban cho thần vinh dự nhận lãnh một viên bảo ngọc. Khi ngài trở về long cung, vương hậu Vimalā hỏi ngài viên bảo ngọc của ngài để đâu rồi, ngài liền kể lại tài thuyết pháp của tiểu thần, khiến vương hậu ước ao được nghe pháp thoại ấy nên giả cách ước muốn trái tim tiểu thần. Long vương không hiểu rõ ước nguyện thật sự của bà nên bảo long nữ Irandatī: "Mẫu hậu của con đòi trái tim của Vidhura, vậy con hãy tìm cho được một hiệp sĩ có khả năng đem trái tim ấy về đây!" Trong khi công chúa đi tìm, nàng gặp thần dạ-xoa Puṇṇaka là cháu của Đại vương Vessavaṇa. Biết chàng ấy đang yêu nàng say đắm nên đem chàng về trình phụ vương, ngài liền bảo chàng: "Nếu chàng đủ khả năng đem về cho trẫm trái tim của Vidhura, chàng sẽ chiếm được công chúa."

Thế rồi chàng dạ-xoa ấy, sau khi tìm được trên núi Vepulla viên bảo châu của một vị Chuyển Luân Vương liền đi đến đây chơi bài xúc xắc và chiếm được thần nhờ thắng cuộc và chàng ở lại tư thất tiểu thần ba ngày. Rồi chàng bảo tiểu thần nắm lấy đuôi thần mã của chàng, ném tung tiểu thần lên không qua bao nhiêu cây cối, núi non ở vùng Tuyết Sơn, nhưng không giết được tiểu thần.

Chàng liền nổi trận cuồng phong trong đệ thất cảnh giới đầy cuồng phong ấy và tung tiểu thần lên đỉnh Hắc Sơn cao sáu mươi do-tuần, nơi đây chàng hiện hình sư tử cùng nhiều hình quái vật khác tấn công tiểu thần, nhưng cũng không giết được tiểu thần.

Cuối cùng, theo lời thỉnh cầu của chàng, tiểu thần bảo cho chàng biết cách giết được tiểu thần. Kế đó, tiểu thần thuyết giáo chàng về thiện nhân pháp. Khi nghe xong, chàng vô cùng hoan hỷ nên muốn đem tiểu thần trở về đây. Tiểu thần lại cùng chàng đi đến long cung, thuyết pháp cho long vương cùng vương hậu nghe, cả triều đình long vương đều thỏa dạ. Sau sáu ngày thần ở lại long cung, long vương liền gả công chúa Irandatī cho Puṇṇaka. Chàng thỏa nguyện khi đã cưới được nàng nên ban tặng thần viên ma-ni báu làm quà. Sau đó, long vương ra lệnh chàng đưa tiểu thần lên thần mã do ý chàng tạo ra, chàng ngồi giữa, công chúa ngồi phía sau, thần ngồi trước, chàng đem tiểu thần về đây đặt giữa hội chúng rồi cùng Irandatī bay về kinh thành của chàng.

Tâu Đại vương, như vậy là vì mỹ nữ chàng yêu, chàng đã dự định giết tiểu thần để cưới được nàng. Nhưng khi long vương nghe tiểu thần thuyết pháp xong, lại hoan hỷ cho phép thần ra về. Và Puṇṇaka lại trao tặng tiểu thần viên bảo châu như ý xứng đáng với một vị Chuyển Luân Vương, vậy xin Đại vương nhận lấy bảo châu này!

Nói xong, ngài dâng bảo ngọc lên vua. Sáng hôm sau, vua muốn thuật lại cho thần dân nghe về giấc mộng của mình liền kể câu chuyện như sau:

1645. Trước hoàng môn trẫm sum suê cây,
Thân trí tuệ, cành giới đức hay,
Cây đứng trưởng thành theo sự, lý,
Trái ngưu phẩm, ngựa bò voi vây.

1646. Trong cảnh đàn ca hát múa say,
Có người đến chặt cây mang đi,
Sau cây trở lại nơi cung điện,
Vậy mọi người nên cung kính cây.

1647. Những người hoan hỷ với ta đây,
Tất cả nay cùng thể hiện ngay,
Nào hãy đem nhiều tặng vật đến,
Và chiêm bái, kính lễ cây này.

1648. Những ai trong xứ bị giam cầm,
Sẽ được tự do, phóng thích nhanh,
Tương tự vị này được giải thoát,
Hãy cho thả hết khỏi cầm giam.

1649. Tháng này cất hết cày vui chơi,
Dâng cúng Bà-la-môn thịt, cơm,

Hãy uống rượu say nơi thích hợp,
Chén chum cứ rót tràn không vơi!

1650. Hãy mời kẻ đứng đường thường xuyên,
Hãy bố trí gìn quốc độ nghiêm,
Để khỏi làm phiền nhau, nhiễu hại,
Hãy chiêm bái, kính lễ cây liền!

Khi vua đã ra lệnh như vậy:

1651. Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Đem đủ đồ ăn, thức uống quý,
Đến dâng cúng cho Trí hiền nhân.

1652. Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Đem đủ đồ ăn, thức uống quý,
Đến dâng cho bậc Trí dùng qua.

1653. Thần dân khắp chốn thị thành qua,
Có cả các thôn quê kéo ra,
Đem đủ đồ ăn, thức uống quý,
Đến dâng cho bậc Trí dùng qua.

Đám đông hoan hỷ, chiêm ngưỡng bậc Hiền trí sau khi ngài xuất hiện.

1654. Khi thấy từ xa Trí hiền nhân,
Người dân chiêm ngưỡng đầy hân hoan,
Khi ngài đã đến gần nơi ấy,
Họ đón chào, reo vẫy khăn choàng.

Một tháng sau, hội hè kết thúc. Từ đó trở đi, Bậc Đại sĩ thực hiện các thiện pháp, cúng dường, bố thí, thuyết giáo cho dân chúng, khuyên cáo vua, v.v... như để hoàn thành Phật sự cho đến lúc hết tuổi thọ. Và khi mạng chung, ngài được lên thiên giới. Tuân theo lời dạy của ngài cùng theo gương vua, dân chúng xứ Câu-lâu đã thực hành thiện pháp, cúng dường, bố thí, v.v... nên khi mạng chung đều đi lên cộng trú với chư thiên thật đông đảo.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư nói:

– Này các Tỳ-kheo, không phải chỉ ngày nay mà ngay trước kia, Như Lai khi đã thành tựu trí tuệ và khéo léo tùy nghi phương tiện với cứu cánh.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, phụ mẫu của bậc Hiền trí chính là vương tộc ngày nay, chánh phi là mẹ của Rāhula (La-hầu-la), vị trưởng tử là Rāhula, Vimalā là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), long vương Varuṇa là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Kim Sí điểu

vương là Moggallāna (Mục-kiền-liên), Thiên chủ Sakka là Anuruddha (A-na-luật-đà), Vua Dhanañjaya là Ānanda (A-nan), Puṇṇaka là Channa (Xa-nặc), hội chúng lúc ấy là hội chúng của Như Lai và bậc Trí giả Vidhura chính là Ta.

§547. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG VESSANTARA

(***Vessantarajātaka***)[69] (*J.* VI. 479)

Phusatī, mỹ hậu huy hoàng...

Chuyện này bậc Đạo sư kể về một cơn mưa sen[70] khi Ngài đang trú trong vườn Nigrodha (Nigrodhārāma) gần thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc bậc Đạo sư đến thành Rājagaha (Vương Xá) để từng bước chuyển pháp luân, Ngài trải qua mùa đông ở đó, rồi Ngài đến thành Kapilavatthu trước tiên cùng với hai mươi ngàn vị Thánh đệ tử theo sau, có Trưởng lão Udāyi (Ưu-đà-di) dẫn đường; ngay lập tức, các vương tử dòng Sākya (Thích-ca) tụ tập lại để đón vị Trưởng tộc của họ. Họ quan sát nơi cư trú của đức Thế Tôn và bảo:

– Vườn Nigrodha này thật là một nơi an lạc, xứng đáng với một vị Thích-ca!

Rồi họ làm đủ mọi vật dụng thích hợp để bảo vệ nơi ấy, chuẩn bị sẵn sàng nghênh đón Ngài với những bó hoa thơm ngát trong tay. Trước hết, họ đưa các thiếu nhi, nam nữ trong thành mặc áo quần đẹp nhất, kế đó là các vương tôn, công chúa đến kính lễ đức Thế Tôn với hương hoa thơm ngát và theo hầu đức Thế Tôn đến tận vườn Nigrodha. Tại đó, đức Thế Tôn an tọa, được hai mươi ngàn vị Thánh đệ tử vây quanh bảo tọa dành cho Ngài.

Bấy giờ, dòng họ Thích-ca là một bộ tộc kiêu mạn và cứng đầu, họ nghĩ thầm: "Nam tử Siddhattha trẻ tuổi hơn ta, đó là em ta, cháu gọi ta bằng chú, bằng ông." Vì thế, họ bảo các vương tử trẻ tuổi:

– Các anh hãy kính lễ đức Thế Tôn, còn chúng ta sẽ ngồi sau các anh!

Trong khi họ ngồi yên đó không muốn làm lễ chào Ngài, đức Thế Tôn biết ý định của họ, nghĩ thầm: "Thân tộc Ta không kính lễ Ta, được rồi, Ta sẽ làm cho hội chúng kính lễ." Do đó, Ngài nhập tứ thiền làm nền tảng thi triển thần thông, vụt lên không trung thực hiện một phép thần kỳ như thần thông Song hành [nước và lửa đồng thời] dưới gốc cây xoài gaṇḍamba[71] (cây xoài có cục nu) như thể đang làm rơi bụi nơi bàn chân Ngài lên đầu họ.[72]

Vua cha thấy việc kỳ diệu này liền nói:

– Bạch Thế Tôn, vào ngày Đản sinh của Ngài, khi trẫm thấy chân Ngài đặt lên đầu Bà-la-môn Kāḷadevala đến kính lễ Ngài, trẫm đã kính lễ Ngài, đó là lần đầu. Vào ngày lễ Cày ruộng, khi Ngài ngự trên vương tọa dưới bóng cây hồng

---

[69] Xem *Cp.* 78, *Vessantaracariya* (*Hạnh của đức Bồ-tát Vessantara*).

[70] Theo *Chú giải*, *Pokkharavassaṃ*: Mưa sen, là mưa có tính chất như lá sen, ai muốn ướt thì sẽ ướt, ai không muốn ướt thì sẽ như lá sen, không bị thấm ướt.

[71] Bản CST viết kaṇḍamba.

[72] Xem *J.* IV. 264, *Sarabhamigajātaka* (*Chuyện lộc vương Sarabha*), số §483.

đào, trẫm thấy bóng cây ấy không lay động, trẫm cũng kính lễ dưới chân Ngài và đó là lần thứ hai. Và bây giờ nữa, trẫm thấy một phép mầu mà trẫm chưa từng thấy trước kia nên trẫm lại kính lễ chân Ngài, đây là lần thứ ba.

Khi vua cha đã kính lễ như vậy thì không một vị Sākya nào có thể ngồi yên được nữa, tất cả bọn họ đều kính lễ đức Thế Tôn.

Sau khi đã làm cho cả thân tộc kính lễ Ngài như vậy, đức Thế Tôn từ trên không hạ xuống ngồi trên chiếc bảo tọa đã soạn sẵn. Khi đức Thế Tôn đã an tọa, những người thân tộc của Ngài đã được sáng trí và cùng ngồi xuống với tâm an tịnh.

Lúc ấy, một vầng mây lớn nổi lên và trận mưa sen rơi xuống, nước mưa màu hồng đổ trút xuống ầm ầm. Những ai muốn ướt đều được ướt sũng, còn ai không muốn thì chẳng có giọt nào rớt trên mình. Mọi người thấy vậy đều rất kinh ngạc trước phép mầu và đồng kêu to với nhau:

– Thật kỳ diệu thay, thật hy hữu thay! Hãy nhìn thần lực của chư Phật! Cơn mưa lớn này đang trút xuống những người thân tộc của Ngài!

Nghe vậy, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên một trận mưa lớn trút xuống những người thân tộc của Ta.

Và rồi theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

I. KỆ NGÔN VỀ MƯỜI ĐIỀU ÂN HUỆ[73]

Một thuở nọ, vị vua có tên là Sivi ngự trị ở kinh thành Jetuttara trong vương quốc Sivi. Ngài có một vương tử là Sañjaya. Khi chàng đến tuổi trưởng thành, vua cha kết duyên cho chàng với Công chúa Phusatī,[74] con gái vua nước Madda, rồi giao vương quốc cho chàng và phong Phusatī làm chánh hậu.

Mối liên hệ đời trước của nàng với thế giới này như sau:

Cách đây chín mươi mốt kiếp, có một bậc Đạo sư ở thế gian danh hiệu là Vipassī (Tỳ-bà-thi). Trong lúc Ngài an trú tại vườn nai Khemā (Thái Hòa) gần thành Bandhumatī, một vị vua gởi tặng Vua Bandhumā một chuỗi vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền cùng khúc gỗ quý trầm hương (chiên-đàn).

Bấy giờ, vua ấy có hai con gái, và vì muốn tặng bảo vật cho hai con, vua ban khúc gỗ trầm hương cho cô chị và chuỗi vàng cho cô em. Nhưng cả hai cô đều không muốn dùng các tặng vật này cho mình và có ý định dâng chúng lên bậc Đạo sư để tỏ lòng tôn kính. Họ liền tâu vua cha:

– Tâu Phụ vương, chúng con muốn dâng gỗ trầm hương và chuỗi vàng này lên đấng Thập Lực (Dasabala).

---

[73] Tiêu đề của các phần nhỏ trong câu chuyện này dựa theo bản CST.

[74] Bản CST là Phussatī.

Vua cha thấp thuận việc này. Vì thế, công chúa chị nghiền bột gỗ trầm hương và đổ bột ấy vào một hộp bằng vàng. Còn công chúa em bảo lấy chuỗi vàng làm thành một vòng hoa che ngực và đặt vào một hộp bằng vàng. Sau đó, hai nàng cùng đi đến thảo am ẩn sĩ trong vườn nai, cô chị kính cẩn rảy bột trầm hương lên kim thân của đấng Thập Lực và rắc phần bột còn lại trong hương phòng của Ngài cùng cầu nguyện:

– Bạch Ngài, trong thời vị lai, tiện nữ ước mong được làm mẹ một vị Phật như Ngài!

Công chúa em kính cẩn đặt lên kim thân của đấng Thập Lực vòng hoa che ngực được làm từ chuỗi vàng ấy và phát nguyện:

– Bạch Ngài, tiện nữ ước mong món trang sức này không rời thân mình cho đến ngày tiện nữ đắc Thánh quả (A-la-hán).

Và bậc Đạo sư đã ban các điều nguyện ước ấy. Sau khi mạng chung, cả hai nàng đều tái sinh lên thiên giới. Cô chị từ thiên giới đến thế giới loài người rồi trở lại thiên giới, sau chín mươi mốt kiếp, nàng đã trở thành Vương hậu Māyā, mẹ của đức Phật.

Còn cô em cũng tái sinh liên tiếp như vậy, vào thời đấng Thập Lực Kassapa (Ca-diếp), nàng trở thành con gái Vua Kikī, lúc mới sinh trên ngực đã có phục sức vòng hoa che ngực, dung sắc diễm lệ như tranh vẽ và được đặt tên là Uracchadā. Khi nàng lên mười sáu tuổi, nàng nghe lời thuyết pháp của bậc Đạo sư lúc tùy hỷ công đức cúng dường bữa cơm và đắc Sơ quả (Dự lưu); kế đến cha của nàng cũng nhờ nghe lời thuyết pháp lúc tùy hỷ sự cúng dường này mà đắc Sơ quả; trong cùng ngày đó nàng đắc A-la-hán rồi thọ giới xuất gia và nhập Niết-bàn Vô dư y.

Bấy giờ, Vua Kikī có bảy nàng công chúa nữa tên là Samaṇī, Samaṇā, Tỳ-kheo-ni Guttā, Bhikkhudāsikā, Dhammā, Sudhammā và nàng thứ bảy là Saṁghadāsī. Vào thời đức Phật Gotama xuất hiện bảy chị em này là Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Gotamī, Dhammadinnā, Mahāmāyā và thứ bảy là Visākhā. Đây là các nữ đại đệ tử của Ngài.

Bấy giờ trong số này, nàng Phusatī chính là Sudhammā, chuyên làm thiện sự và bố thí. Và nhờ phước báu do cúng dâng gỗ trầm hương lên đức Phật Vipassī, thân nàng như được rảy trầm hương thượng hạng. Sau đó, nàng tái sinh qua lại giữa thiên giới và nhân giới, cuối cùng nàng trở thành chánh hậu của Thiên chủ Sakka. Vào thời số phận của nàng ở đấy đã mãn, năm tướng suy theo lệ thường hiện ra. Thiên chủ Sakka biết thọ mạng của nàng sắp tận nên tiễn đưa nàng vô cùng trọng thể vào thiên lạc viên Nandana. Trong khi nàng ngự trên bảo tọa được trang hoàng lộng lẫy, ngài ngự bên cạnh nàng và bảo:

– Này Ái hậu Phusatī, trẫm ban nàng mười điều ước, hãy chọn đi!

Cùng với những lời trên, ngài ngâm vần kệ đầu trong *Chuyện Đại vương Vessantara* này với gần một ngàn bài kệ:

1655. Phusatī, mỹ hậu huy hoàng,
Mười ước nguyện nay trẫm tặng nàng,
Hãy chọn điều gì nàng nhận thấy,
Được nàng quý báu giữa trần gian!

Như vậy, nàng đã được an trú trên thiên giới theo lời thuyết giáo Đại vương Vessantara. Nhưng nàng không biết cảnh giới sắp tái sinh của mình nên nàng hốt hoảng ngâm vần kệ thứ hai:

1656. Vạn tuế Sakka, đấng Ngọc hoàng,
Tội gì thần thiếp lỡ tay làm,
Khiến ngài đày thiếp xa thiên giới,
Như gió thổi cây nọ nát tan?

Thiên chủ nhận thấy vẻ thất vọng của nàng liền ngâm hai vần kệ:

1657. Nàng luôn được sủng ái từ xưa,
Tội lỗi nàng đâu có tạo ra,
Trẫm bảo phước trời nàng đã tận,
Bây giờ đến lúc phải chia xa.

1658. Tống biệt nàng nay đã đến thì,
Tử thần đang đến phút phân kỳ,
Trẫm ban Ái hậu mười điều ước,
Lâm mạng chung thời, hãy chọn đi!

Nghe những lời Thiên chủ nói, nàng tin mình sắp phải tận số nên nàng chọn các ước nguyện này:

1659. Thiên chủ Sakka, chúa chúng sanh,
Ban cho điều ước, thiếp tri ân,
Mong rằng thần thiếp đời sau sẽ,
Ở xứ Sivi được trú thân.

1660. Đôi mắt huyền mơ tựa mắt nai,
Như nhung đen nháy, cặp mày ngài,
Phusatī ấy là tên thiếp,
Thánh thượng, thiếp mong ước nguyện này.

1661. Thiếp mong có được một hoàng nam,
Vua chúa kiêng oai, tiếng lẫy lừng,
Hòa nhã, nhân từ, tâm rộng lượng,
Sẵn sàng đáp ứng mọi cầu ân.

1662. Trong khoảng thời gian thiếp có thai,
Ước mong giữ trọn tấm hình hài,
Bụng, eo thon thả luôn kiều diễm,
Như thể cành cung uốn mảnh mai.

1663. Đế-thích, thiếp mong ngực gợi tình,
Xin không nhuốm bạc mái đầu xanh,
Tấm thân bồ liễu luôn hoàn hảo,
Mong cứu tù nhân thoát tử hình.

1664. Giữa tiếng hạc rền, khổng tước vang,
Cung tần, hầu cận đẹp vây quanh,
Thi nhân, ca sĩ đồng xưng tụng,
Magadha dân khen ngợi nàng.

1665. Khi gõ cửa hoa tiếng nhẹ nhàng,
Lời mời mỹ tửu, cao lương vang,
Tâu ngài, thiếp ước mong nơi ấy,
Thiếp được ở ngôi chánh hậu hoàng.

Thiên chủ Sakka đáp:

1666. Mười ước nguyện kia, hỡi nữ hoàng,
Phải biết rằng ta đã tặng nàng,
Mỹ nương đến xứ Sivi nọ,
Mười ước nguyện kia sẽ thập toàn.

1667. Phán vậy Chúa tể các thiên thần,
Phu tướng Sujā,[75] Đại đế vương,
Được gọi Vāsava mỹ hiệu,
Hân hoan ban nguyện ước cho nàng.

Chấm dứt phần *Kệ ngôn về mười điều ân huệ*.

***

II. CA TỤNG CẢNH TUYẾT SƠN

Khi đã chọn xong mười ước nguyện như vậy, nàng từ giã thiên giới và nhập vào mẫu thai hoàng hậu của vua xứ Madda. Lúc nàng ra đời, thân thể nàng tỏa mùi thơm như được rảy phấn trầm hương nên nàng được đặt tên là Phusatī (được rảy hương). Nàng lớn lên giữa đông đảo cung tần, cho đến năm mười sáu tuổi, dung sắc nàng vượt hẳn lên tất cả.

Lúc bấy giờ, Vương tử Sañjaya, con vua xứ Sivi, được phong vương với chiếc lọng trắng; công chúa này được phong làm chánh hậu đứng đầu mười sáu ngàn cung phi. Do vậy, có chuyện kể:

Nơi ấy qua đời, nàng tái sinh,
Lọng giương, họ rước Phusatī,
Về thành tên Jetuttara,
Cùng Sañjaya kết mối tình.

---

[75] *Sujampati*: Phu quân của nàng Sujā, một danh hiệu của Thiên chủ Sakka.

Vua Sañjaya vô cùng sủng ái nàng. Bấy giờ, Thiên chủ Sakka nhớ lại thấy chín điều ước nguyện ngài ban cho Phusatī đã trọn vẹn, ngài nghĩ thầm: "Chỉ còn một điều ước chưa trọn đó là một thiện nam tử. Ta sẽ ban nguyện ước này cho nàng." Thời ấy, bậc Đại sĩ đang ở trên cõi trời Ba Mươi Ba và thọ mạng ngài đã tận, nhận thấy điều này, Thiên chủ đến gần ngài và bảo:

– Thưa Tôn giả, ngài phải sinh vào thế giới loài người, ngài phải nhập mẫu thai chánh hậu của vua xứ Sivi!

Cùng với những lời này, ngài yêu cầu bậc Đại sĩ chấp thuận và sáu mươi ngàn vị thiên tử cũng sắp được tái sinh, Thiên chủ trở về cung của ngài. Bậc Đại sĩ giáng trần và tái sinh tại đó, sáu mươi ngàn vị thiên tử tái sinh vào gia đình của sáu mươi ngàn triều thần. Khi bậc Đại sĩ nhập mẫu thai, Hoàng hậu Phusatī biết mình đã có thai liền ước nguyện xây sáu bố thí đường, mỗi nhà ở một trong bốn cửa thành, một nhà ở giữa kinh thành và một nhà ở ngay cửa cung của nàng. Mỗi ngày nàng muốn đại thí, phát sáu trăm ngàn đồng tiền. Vua biết được việc làm ấy của nàng liền cho mời các vị Bà-la-môn xem tướng số đến hỏi ý, họ đáp:

– Tâu Đại vương, chánh hậu đang mang thai một bậc chuyên tâm bố thí, ngài sẽ không bao giờ thỏa mãn với việc bố thí cả.

Nghe vậy, vua hoan hỷ, lệnh cho xây sáu bố thí đường và thực hành hạnh bố thí như trên. Từ lúc Bồ-tát nhập mẫu thai, phước lộc của nhà vua có thể nói là vô cùng tận; nhờ lòng nhân từ của vua ảnh hưởng lan rộng khắp nơi, các quốc vương ở toàn cõi Diêm-phù-đề đều dâng ngài cống vật.

Bấy giờ, lúc chánh hậu mang thai, nàng vẫn ở chung cùng các thị nữ hầu cận nàng. Sau mười tháng tròn, nàng muốn đi thăm kinh thành. Nàng tâu trình với vua, ngài truyền trang hoàng kinh thành như kinh thành chư thiên rồi đưa hoàng hậu ngự lên vương xa sang trọng và cử hành đám rước quanh kinh thành về phía hữu. Khi xe đến giữa khu phố Vessa (Vệ-xá, thương nhân), nàng thấy giờ lâm bồn chợt đến. Thị nữ liền trình vua và ngài truyền làm ngay một phòng bảo sinh tại đó và đưa nàng đến nơi, nàng liền sinh hạ một nam tử và vì thế có chuyện kể:

Trong lòng mười tháng mẹ mang con,
Đám rước ngày kia khắp phố phường,
Khi đến khu dân cư Vessa,
Vì con, mẫu hậu phải lâm bồn.

Bậc Đại sĩ từ lòng mẹ sinh ra không bị cấu uế, mở to mắt và một lát sau đưa tay cho mẹ, ngài nói:

– Thưa mẫu hậu, con muốn bố thí, có của cải gì cho họ không?

Bà mẹ đáp:

– Này vương nhi, con hãy bố thí như ý!

Rồi bà đặt túi tiền một ngàn đồng vào bàn tay đang đưa tới của con.

Có ba lần bậc Đại sĩ nói ngay khi mới sinh ra, đó là trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*,[76] trong câu chuyện này và trong đời cuối cùng của ngài.

Vào ngày lễ đặt tên, vì ngài sinh ra ở phố Vessa, ngài được đặt tên là Vessantara. Do đó có chuyện kể:

Tên ta chẳng phía mẹ đưa ra,
Cũng chẳng phát từ quý tộc cha,
Vì được sinh trên đường Vessa,
Nên tên ta gọi Vessantara.

Vào đúng ngày ngài ra đời, một con voi cái từ trên không trung mang một voi con toàn thân màu trắng được xem là có điềm lành vào chuồng voi của nhà vua và đặt con vào đó. Vì con voi này ra đời đáp ứng nhu cầu của bậc Đại sĩ, nó được đặt tên là Paccaya (phương tiện). Cũng trong ngày này, sáu mươi ngàn hài nhi cũng được sinh ra tại nhà của các vị triều thần.

Vua cha ban cho ngài sáu mươi bốn nhũ mẫu không quá cao cũng không quá thấp, không bệnh tật gì và có bầu ngực căng đầy sữa ngọt. Ngài cũng ban cho sáu mươi ngàn hài nhi kia mỗi hài nhi một nhũ mẫu. Vương tử lớn lên giữa đám sáu mươi ngàn ấu nhi vây quanh mình. Vua cha truyền làm cho vương tử một chiếc vòng đeo cổ trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Nhưng khi vừa lên bốn lên năm, ngài đã đem nó cho các nhũ mẫu và khi họ muốn đưa trả nó lại, ngài không muốn nhận. Họ tâu trình vua, ngài phán:

– Vật gì vương tử đã ban đều xứng đáng được ban cả dù đó là tặng vật dành cho một vị Bà-la-môn.

Và vua truyền làm chiếc vòng cổ khác. Nhưng trong thời thơ ấu, vương tử vẫn đem vòng ấy cho các nhũ mẫu cả đến chín lần như vậy.

Khi lên tám, ngài đi vào hoàng cung, trong lúc ngồi trên vương sàng, vương tử suy nghĩ: "Tất cả các vật ta cho đều có từ bên ngoài. Điều này không làm ta hài lòng. Ta muốn cho cái gì của chính thân ta. Nếu có người xin đầu ta, ta sẽ cắt đầu cho. Nếu ai xin quả tim ta, ta sẽ cắt lồng ngực và xé tim ra cho. Nếu ai xin đôi mắt, ta sẽ móc mắt ra cho. Nếu ai xin thịt, ta sẽ lóc hết thịt trên thân ta và cho họ. Nếu ai xin máu ta, ta sẽ lấy máu mà cho. Hoặc có ai nói: 'Mong kẻ tôi tớ là của tôi', ta sẽ tuyên bố làm kẻ tôi tớ cho họ." Ngài suy nghĩ như vậy với tất cả tâm hồn lẫn thể xác mình. Khi ngài đang suy nghĩ chân thành như vậy thì quả đất sâu hai trăm bốn mươi ngàn do-tuần này rúng động ầm ầm như một con voi khổng lồ điên loạn. Ngọn núi Sineru, chúa tể núi non, cúi rạp xuống như một mục măng trúc bị nấu sôi trong dòng nước nóng rồi đứng nghiêng mình về phía kinh thành Jetuttara. Giữa lúc quả đất rúng động, bầu trời sấm sét vang dội

[76] Xem *J.* VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

và đổ mưa, tia chớp sáng lòa, đại dương sôi sục lên. Thiên chủ Sakka vỗ tay, Đại Phạm thiên tán đồng, toàn thể chấn động lên đến Phạm thiên giới. Vì thế, có chuyện kể:

Khi ta còn trẻ, tuổi còn thơ,
Chỉ khoảng chừng lên tám tuổi dư,
Ta thượng vương tòa trong nội điện,
Nhân từ bố thí vẫn suy tư,
Nếu người nào đến hỏi xin cho,
Máu, thịt, tim và con mắt ta,
Ta sẽ cho thân, tim, máu, mắt,
Sẵn sàng ta cất tiếng kêu to.
Trong khi ta nghĩ ngợi trầm ngâm,
Như vậy cùng toàn thể bản thân,
Quả đất vững bền kia rúng động,
Chuyển cùng Sineru sơn lâm.

Vào năm mười sáu tuổi, Bồ-tát đã tinh thông mọi môn học thuật. Lúc ấy, phụ vương muốn cho ngài lên ngôi liền hỏi ý kiến hoàng hậu. Từ hoàng gia Madda tiến dâng Công chúa Maddī, em họ ngoại của ngài cùng mười sáu ngàn thị nữ. Vua phong nàng làm chánh hậu và cử hành lễ Quán đảnh phong vương cho ngài. Từ lúc lên ngôi, ngài vẫn thực hành đại bố thí, mỗi ngày phân phát sáu trăm ngàn đồng tiền. Sau đó, Chánh hậu Maddī sinh một vương tử, được đặt vào một chiếc võng bằng vàng vì thế vương tộc đặt tên là Vương tử Jāli. Vào thời vương tử chập chững biết đi, chánh hậu lại sinh một công chúa, được đặt vào một tấm da đen nên họ gọi tên cô là Kaṇhājinā. Mỗi tháng, bậc Đại sĩ ngự đến sáu bố thí đường sáu lần trên con voi lộng lẫy của ngài.

Lúc bấy giờ, ở quốc độ Kāliṅga có hạn hán, lúa không mọc được, nạn đói tràn lan, dân chúng không sống nổi sinh ra trộm cướp. Bị cơn túng quẫn bức bách, dân chúng tụ tập trước sân chầu và phỉ báng vua. Nghe vậy, vua hỏi:

– Có chuyện gì vậy các con?

Họ trình vua, ngài đáp:

– Được rồi, các con. Ta sẽ làm mưa xuống.

Rồi vua bảo họ ra về. Ngài phát nguyện sống đức hạnh và giữ ngày trai giới (*Uposatha*) nhưng vẫn không thể làm mưa xuống. Vì vậy, vua triệu tập dân chúng lại và bảo họ:

– Ta đã phát nguyện sống đức hạnh và giữ bảy ngày trai giới, tuy nhiên vẫn không làm mưa rơi. Vậy phải làm gì bây giờ?

Họ đáp:

– Tâu Chúa thượng, nếu ngài không thể làm mưa rơi thì có Đại vương Vessantara ở kinh thành Jetuttara, thái tử của Vua Sañjaya, chuyên tâm bố thí.

Ngài ấy có một vương tượng toàn trắng. Hễ nơi nào ngài ngự đến, mưa liền rơi xuống. Chúa thượng hãy phái các Bà-la-môn đến xin con voi ấy và đem nó về đây.

Vua chấp thuận, triệu các vị Bà-la-môn đến, chọn tám người trong số đó, ban lương thực cho họ đi đường và bảo:

– Các khanh hãy đi tìm voi báu của Vua Vessantara!

Họ đi dần đến đến thành Jetuttara, tại bố thí đường, họ được tiếp đãi ân cần. Rồi rảy bụi bặm và phết bùn dơ khắp thân mình, vào ngày trăng rằm, họ đi xin voi báu của vua và đến bố thí đường của vua tại cổng phía Đông. Từ sáng sớm, vua định đi đến bố thí đường nên đã tắm rửa bằng mười sáu bình nước hoa thơm và dùng điểm tâm đủ loại thượng vị rồi ngự lên lưng bảo tượng được trang hoàng rực rỡ tiến về cổng phía Đông. Các Bà-la-môn không tìm được cơ hội ở đó liền đi về cổng phía Nam, đứng trên một mô đất cao nhìn vua bố thí ở cổng phía Đông. Khi ngài đến cổng phía Nam, họ đưa tay ra và tung hô ba lần:

– Đại vương Vessantara vạn tuế!

Khi thấy các Bà-la-môn, bậc Đại sĩ thúc voi về phía họ đứng và ngâm vần kệ:

1668. Các đạo sĩ lông tóc rậm này,
Răng dơ, phủ bụi trên đầu đầy,
Cớ sao giơ các cánh tay phải,
Có ước mong gì ở trẫm đây?

Các Bà-la-môn đáp:

1669. Bảo vật chúng thần vẫn khát khao,
Bậc hưng thịnh Sivi, muôn tâu!
Con voi tối thượng xin ban tặng,
Ngà trắng to như càng gọng xa.

Bậc Đại sĩ nghe vậy, nghĩ thầm: "Ta đang muốn bố thí bất cứ vật gì của chính ta từ đầu trở xuống, thế mà họ đòi một vật ở ngoài thân ta. Thôi ta sẽ cho họ thỏa nguyện." Và từ lưng voi, ngài ngâm vần kệ thứ ba:

1670. Bố thí, ta không hề chối từ,
Vật kia đạo sĩ muốn ta cho,
Cao sang bảo vật phò vua ngự,
Dũng mãnh con voi có bộ ngà.

Và ngài chấp thuận.

1671. Xả thí tâm cao cả tuyệt vời,
Sivi chúa thượng xuống lưng voi,
Đức vua bố thí, lòng hoan hỷ,
Ban tặng La-môn vật họ đòi.

Các vật trang hoàng bốn chân voi trị giá bốn trăm ngàn đồng, các vật hai bên hông trị giá hai trăm ngàn, tấm vải che dưới bụng trị giá một trăm ngàn,

trên lưng là những tấm lưới đầy ngọc vàng, châu báu, ba tấm mạng trị giá ba trăm ngàn, hai tấm trên hai lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, trên lưng có tấm thảm trị giá một trăm ngàn, các món trang hoàng trên mắt trị giá một trăm ngàn, ba tấm phủ đầu trị giá ba trăm ngàn, các vật nhỏ trang hoàng lỗ tai trị giá hai trăm ngàn, các vật trang hoàng đôi ngà trị giá hai trăm ngàn, các món trang hoàng biểu hiện điềm lành trên vòi trị giá một trăm ngàn, bảo vật trang trí nơi đuôi trị giá một trăm ngàn, bàn đạp bước lên trị giá một trăm ngàn, máng thức ăn trị giá một trăm ngàn, ngoài ra còn các món trang hoàng quý báu đặt trên thân trị giá hai trăm hai mươi vạn đồng; tất cả trị giá nhiều như vậy, không dưới hai trăm bốn mươi vạn đồng.

Hơn nữa, các châu ngọc lớn trên lọng, trên vòng đội đầu, trên chuỗi đeo cổ, châu báu trong chiếc gậy thúc, châu báu trong chiếc vòng quanh cổ, châu báu trên mắt voi, tất cả sáu món này đều vô giá, con voi cũng vô giá, hợp lại thành thất bảo vô giá. Tất cả các vật này, ngài đều bố thí cho các Bà-la-môn. Ngoài ra còn có năm trăm quân hầu cùng nhiều quản tượng và người quét chuồng voi. Một cuộc tài thí lớn như vậy khiến quả đất rúng động cùng với các điềm hy hữu như đã kể trên.

***

Để diễn tả việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

1672. Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng,
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu,
Quả đất kinh hoàng phải chuyển rung.[77]

1673. Lúc ấy khắp nơi thật hãi hùng,
Người người cảm thấy rợn da lông,
Khi ngài bố thí con voi báu,
Tất cả kinh thành bị rối tung.

1674. Tiếng kêu gào thét thật kinh hoàng,
Toàn thể kinh thành bỗng dậy vang,
Chúa tể Sivi nuôi đất nước,
Ngài đem thí cả tượng vương luôn.

Chuyện kể rằng các Bà-la-môn ở cổng phía Nam nhận được voi báu xong liền cưỡi voi chen lấn trong đám người đông đúc đi qua giữa kinh thành. Đám dân chúng nhìn thấy họ liền la lớn:

– Này các Bà-la-môn ngất ngưởng trên lưng voi, tại sao các ông lấy voi của nước ta?

---

[77] Xem câu kệ 1807, 2119, 2280 trong câu chuyện này; *D.* II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*), số 16; *S.* I. 157, *Parinibbānasutta* (*Kinh Bát-niết-bàn*); *Thag.* v. 1018, *Ānandattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda*).

Bọn họ đáp:

– Đại vương Vessantara đã ban voi cho chúng ta. Còn các người là ai?

Bộ điệu họ hống hách với quần chúng như vậy, rồi họ băng qua kinh thành và ra khỏi cổng phía Bắc nhờ sự hỗ trợ của chư thần. Dân chúng kinh thành tụ tập tại cung môn, phẫn nộ với Bồ-tát, cất tiếng trách móc ầm ĩ. Do đó, có chuyện kể rằng:

Tiếng kêu gào thét thật kinh hoàng,
Toàn thể kinh thành bỗng dậy vang,
Chúa tể Sivi nuôi đất nước,
Ngài đem thí cả tượng vương luôn.
Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang,
Tai nghe như vậy thật kinh hoàng,
Khi vua bố thí con voi báu,
Dân chúng kinh thành thảy rối tung.
Tiếng thét lớn kia cứ vọng vang,
Tai nghe thật khủng khiếp bàng hoàng,
Sivi chúa thượng nuôi dân chúng,
Đem bố thí luôn đại tượng vương.

Tất cả dân chúng kinh thành rúng động trong lòng vì đại sự bố thí này liền đến trình vua cha. Do đó, có chuyện kể rằng:

1675. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quản tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa.

1676. Hết thảy người dân ở thị thành,
Và toàn xứ sở tụ vào nhanh,
Nhìn vương tượng bị dẫn đi mất,
Họ yết kiến vua để tấu trình.

1677. "Quốc độ tàn rồi, tấu đức vua!
Sao con ngài Vessantara,
Nỡ đem thí tượng chúng ta quý,
Bảo tượng mà dân chúng kính yêu?

1678. Sao nỡ đem cho vương tượng đi?
Tượng to ngà lớn như càng xe,
Toàn thân màu trắng thật ưu tú,
Trên mọi đấu trường thắng thế ngay.

1679. Thân tượng được choàng tấm sắc cam
Cao to, giẫm nát kẻ địch quân,

Cặp ngà điểm quạt lông bò mịn,
Trắng tuyết tựa Kelāsa sơn.

1680. Có che lọng trắng, có yên êm,
Có quản tượng, người chăm sóc thêm,
Phương tiện tối cao Bệ hạ ngự,
Lại mang tặng các Bà-la-môn."

Sau đó, dân chúng còn nói thêm:

1681. Chỉ cần ban thức uống, đồ ăn,
Y phục và nơi chốn trú thân,
Như vậy là dâng tặng thích hợp,
Là xứng đáng cho Bà-la-môn.

1682. Vị này là dòng dõi nhà vua,
Là vị làm hưng thịnh quốc gia,
Vậy lý nào Vessantara,
Lại ban tặng tượng ấy, tâu vua?

1683. Nếu như ngài chẳng muốn làm gì,
Theo những lời từ dân Sivi,
Thì đức vua cùng thái tử ấy,
Bị toàn dân chống đối ngay đây!

Nghe vậy, vua cha nghi ngờ họ muốn giết Vessantara nên ngài phán:

1684. Cho dù dân chúng không còn chi,
Hay quốc độ này bị mất đi,
Ta chẳng tự đày con khỏi xứ,
Theo lời của chúng dân Sivi,
Bởi vì thái tử chẳng hư đốn,
Chàng đúng là dòng chính thống này.

1685. Cho dù dân chúng không còn chi,
Hay quốc độ này bị mất đi,
Ta chẳng tự đày con khỏi xứ,
Theo lời của chúng dân Sivi,
Bởi vì thái tử chẳng hư đốn,
Chàng đúng là con của trẫm đây.

1686. Ta quyết không làm gì hại con,
Bởi chàng có giới đức thanh trong,
Việc này đối với ta ô nhục,
Có rất nhiều điều ác tạo cùng,
Làm thế nào ta cầm kiếm ấy,
Giết đi Vessantara vương?

Dân chúng Sivi đáp:

1687. Ngài đừng dùng kiếm, trượng hành hình,
Cũng chẳng đáng giam vào ngục chi,
Đày ải vị này ra khỏi xứ,
Sống nơi ngọn núi Vaṁka đi!

Vua phán:

1688. Nếu đây ý nguyện dân Sivi,
Trẫm sẽ không sao bỏ nguyện gì,
Hãy để chàng vui sống một tối,
Hưởng thêm dục lạc cõi trần này.

1689. Liền sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đày thái tử xa quê ngay!

Dân chúng đồng ý lời vua đề nghị chỉ một đêm thôi. Sau đó, vua bảo họ lui về và nghĩ đến việc gửi thông điệp cho con. Ngài giao trọng trách cho một sứ giả, người này liền đi đến cung của Thái tử Vessantara và trình mọi việc đã xảy ra.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy rằng:

1690. Hỡi sứ giả! Người hãy vội đi,
Gặp Vessantara vương nhi
Tâu rằng người Sivi căm phẫn,
Các thị dân đang tập hợp đầy.

1691. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quản tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Và dân Sivi toàn thành phố,
Họ đã cùng nhau tập hợp đông.

1692. Từ sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đày thái tử xa quê ngay!

1693. Sứ giả này theo lệnh đức vua,
Vội vàng đem sứ mạng đi ra,
Thoa đàn hương bột, áo y đẹp,
Tô điểm ngọc ngà nơi cánh tay.

1694. Sứ giả gội đầu bằng nước xong,
Tai trang sức ngọc ma-ni vòng,
Người lên đường đến thành xinh đẹp,
Và đến Vessantara cung.

1695. Sứ giả ngắm vương tử lạc an,
Tại đây, ngài ngự riêng kinh thành,
Quần thần hầu hạ quanh đông đúc,
Tương tự Thiên chủ Tam Thập Tam.

1696. Sứ giả đến nơi ấy vội vàng,
Tâu Vương tử Vessantara,
"Đức vua! Ngài có tin buồn khổ,
Xin chớ phiền sân với hạ thần!"

1697. Sứ giả bèn thi lễ, khóc thương,
Thưa trình cung kính đấng quân vương:
"Với thần, Bệ hạ chính là chủ,
Ban tặng dục trần mọi vị hương.

1698. Thần tâu Thái tử tin buồn đau,
Xin hãy bình tâm nghe việc sau,
Thái tử! Người Sivi phẫn nộ,
Thị dân đang tập hợp cùng nhau.

1699. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn,
Các kỵ mã và nhiều quản tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Và dân Sivi toàn thành phố,
Họ đã cùng nhau tập hợp đông.

1700. Từ sau khi mãn tối đêm nay,
Và ánh bình minh rạng buổi mai,
Toàn thể dân Sivi tập hợp,
Rồi đày thái tử xa quê ngay!"

Bậc Đại sĩ nói:

1701. Dân Sivi giận ta điều gì?
Ta thấy mình không phạm lỗi chi,
Sứ giả hãy tâu cho trẫm rõ,
Vì sao họ muốn đày ta đi?

Sứ giả đáp:

1702. Các vương tử với các con quan,
Cùng các thương nhân, Bà-la-môn

Các kỵ mã và nhiều quản tượng,
Lại thêm các bộ binh, điều xa,
Họ căm phẫn việc đem voi tặng,
Vì thế họ đòi trục xuất vương.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đầy hân hoan đáp:

1703. Ta có thể cho cả mắt, tim,
Sá chi của ở ngoài thân kia,
Dẫu là kho báu, vàng ròng quý,
Hay ngọc trai, lam ngọc, ma-ni!

1704. Nếu có người nào đến hỏi ta,
Ta cho luôn cả tứ chi mà,
Lòng không chút ngập ngừng gì cả,
Tâm ý ta hoan hỷ phát ban!

1705. Nếu muốn, toàn dân chúng Sivi,
Cứ đày, cứ giết hại ta đi,
Hoặc mang thân trẫm chặt làm bảy,
Trẫm cũng không dừng bố thí này!

Khi nghe vậy, sứ giả lại nói lên thông điệp không phải của vua cha hay của thần dân mà chính là ý riêng của mình:

1706. Thị dân Sivi hội bàn rằng:
"Vị đức hạnh này hãy khởi hành,
Đến cạnh dòng Kontimārā,
Sông bên núi Ārañjara,
Là nơi các kẻ lưu đày ấy,
Bị trục khỏi quê đến ở quanh."

Tương truyền, ông nói điều này theo sự tác động của một vị thần. Nghe vậy, Bồ-tát đáp:

– Được, ta sẽ đi theo con đường mà những kẻ phạm tội phải đi. Nhưng dân chúng không đuổi ta vì một tội nào cả mà họ đuổi ta vì sự bố thí voi báu. Do vậy, ta muốn làm lễ Đại bố thí bảy trăm món nữa và ta xin dân chúng gia hạn cho ta một ngày vì việc ấy. Ngày mai ta sẽ bố thí và ngày kế ta sẽ đi.

1707. Vậy ta sẽ chọn đi đường ấy,
Như những kẻ hay làm trái sai,
Nhưng hãy cho ta đêm tối nữa,
Đến khi ta bố thí xong ngay.

Vị sứ giả đáp:

– Tâu vâng, thần sẽ trình việc này với dân chúng.

Khi người ấy đi rồi, bậc Đại sĩ triệu một tùy tướng của ngài đến và bảo:

– Ngày mai ta sẽ làm lễ gọi là lễ Đại bố thí bảy trăm món. Khanh hãy sắp đặt sẵn sàng bảy trăm voi, bảy trăm ngựa, bảy trăm xe, bảy trăm con gái, bảy trăm bò cái, bảy trăm nô tỳ gái, bảy trăm nô tỳ trai và đủ mọi thức ăn uống ngay cả rượu nồng, đủ mọi vật xứng đáng đem bố thí.

Như vậy, sau khi đã chuẩn bị lễ Đại bố thí bảy trăm món, ngài bảo quần thần lui về rồi một mình ngài đi đến cung thất Vương hậu Maddī, tại đó trong lúc ngồi trên vương tọa, ngài tiếp tục nói chuyện với nàng.

***

Bậc Đạo sư diễn tả việc ấy như sau:

1708. Đức vua bèn phán bảo Maddī
Vương hậu tuyệt xinh, dáng mỹ miều:
"Những thứ gì ta đã tặng hậu,
Các tài sản và lúa gạo còn kia.

1709. Nào là kho báu hoặc nhiều vàng,
Nào ngọc trai hay là ngọc lam,
Cả của hồi môn cha đã tặng,
Hãy tìm cách cất hết đi nàng!"

1710. Rồi Maddī công chúa tuyệt trần,
Tâu trình đến đại vương lời rằng:
"Nơi nào thiếp sẽ cất tài sản?
Bệ hạ chỉ cho thiếp rõ ràng!"

Vua Vessantara đáp:

1711. Của cải này nàng đem cúng dâng,
Đến người giới đức xứng công hành,
Bởi vì đối với mọi sanh chúng,
Chẳng hộ trì nào hơn cúng dâng.

Nàng chấp thuận và ngài còn khuyên giáo nàng thêm theo hướng này:

1712. Maddī hãy quý yêu thương con,
Luôn cả cha và mẹ của chồng,
Với kẻ định là chồng sắp tới,
Nàng tôn kính phục vụ cho tròn.

1713. Nếu chẳng có ai theo cưới nàng,
Khi ta đã khuất bóng trên đường,
Hãy tìm chồng khác cho nàng nữa,
Đừng bởi vắng ta nàng úa tàn.

Lức ấy, Maddī nghĩ thầm: "Ta tự hỏi tại sao Vessantara lại nói một điều như vậy với ta." Và nàng hỏi ngài:

– Tâu Chúa thượng, tại sao ngài nói với thần thiếp những điều không nên nói?

Bậc Đại sĩ đáp:

– Này Vương hậu, dân chúng Sivi phẫn nộ vì ta đã bố thí con voi báu nên muốn đuổi ta ra khỏi đất nước. Vậy ngày mai ta sẽ làm lễ Đại bố thí bảy trăm món và ngày kế đó ta sẽ rời khỏi kinh thành.

Và ngài ngâm kệ:

1714. Ta phải đi vào một cánh rừng,
Có đàn thú dữ vây kinh hoàng,
Một mình ta giữa rừng to lớn,
Không biết ta còn sống được chăng?

1715. Nàng Maddī công chúa tuyệt trần,
Tâu trình đến đại vương lời rằng:
"Sao ngài lại nói lời vô lý?
Ngài đã nói lời thật bạo tàn!

1716. Việc ngài cất bước một mình đi,
Bệ hạ, điều này không đúng chi!
Bất cứ nơi nào chàng phải đến,
Thiếp đây cũng sẽ nguyện theo y.

1717. Nếu được cùng ngài mà chết chung,
Hoặc là sống cách xa nghìn trùng,
Thà cho thiếp chọn chết chung ấy,
Hơn phải xa ngài được sống còn.

1718. Lửa kia đã được thắp lên rồi,
Đến lúc lửa bừng cháy rực thôi,
Thà thiếp chết trong ngọn lửa đỏ,
Hơn xa ngài phải sống đơn côi.

1719. Như phía sau voi đực có ngà,
Là voi cái bước trong rừng già,
Lang thang qua núi khe nguy hiểm,
Giữa dốc gồ ghề lẫn đất bằng.

1720. Cứ như vậy thiếp sẽ theo hầu,
Và cũng mang con đi phía sau,
Thiếp sẽ dễ nuôi, chàng khỏi ngại,
Sẽ không khó chuyện uống ăn đâu!"

Sau những lời này, nàng bắt đầu ca tụng miền Tuyết Sơn như thể nàng đã từng thấy cảnh ấy:

1721. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong cụm rừng xanh ngồi thích thú,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.

1722. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong cụm rừng đùa vui chạy nhảy,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.

1723. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Trong chỗ ẩn cư thật tuyệt đẹp,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.

1724. Khi ngài thấy các con xinh ngoan,
Nghe chúng chuyện trò tíu tít vang,
Đùa giỡn tại nơi ẩn dật đẹp,
Ngài không nhớ thuở đã làm vương.

1725. Khi thấy các con được điểm trang,
Kết hoa xinh xắn mang từng tràng,
Ở nơi ẩn dật đẹp tươi ấy,
Ngài chẳng nhớ thời làm đại vương.

1726. Khi thấy các con được điểm trang,
Kết hoa xinh xắn mang từng tràng,
Đùa chơi ở chốn ẩn cư đẹp,
Ngài chẳng nhớ thời làm đại vương.

1727. Khi thấy các con nhảy múa vui,
Vai mang, đầu đội tràng hoa tươi,
Ở nơi ẩn dật đẹp tươi ấy,
Ngài chẳng nhớ thời làm đức vua.

1728. Khi thấy các con nhảy múa vui,
Vai mang, đầu đội tràng hoa tươi,
Đùa chơi ở chốn ẩn cư đẹp,
Ngài chẳng nhớ thời làm đức vua.

1729. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,
Đang bước đi trong rừng rậm ấy,
Ngài không nhớ thuở làm vua rồi.

1730. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,
Phiêu bạt lang thang chiều sáng ấy,
Ngài không nhớ thuở làm vua rồi.

1731. Khi ngài trông thấy một con voi,
Voi cỡ tuổi chừng sáu chục thôi,

Đi trước đàn voi cái lũ lượt,
Nó kêu tiếng rống thét vang to,
Ngài nghe tiếng rống của voi ấy,
Sẽ chẳng nhớ thời làm đức vua.

1732. Khi thấy rừng hai bên mở rộng,
Có đầy đủ mọi thứ mình mong,
Trong rừng nhiều thú hoang phong phú,
Ngài sẽ quên thời làm đại vương.

1733. Có cả hươu nai vào buổi chiều,
Đến sông Pañcamālina,
Lại thêm nhân điểu đang vui múa,
Chàng sẽ quên thời vua giữa triều.

1734. Khi nghe thấy tiếng reo lao xao,
Từ khúc sông kia vỗ rạt rào,
Và biết bao nhân điểu hát nữa,
Ngài không nhớ thuở mặc hoàng bào.

1735. Khi nghe tiếng cú hú xa vang,
Từ tận khe núi, vách đá, hang,
Giữa những âm thanh vang vọng ấy,
Ngài không nhớ thuở vua, ngai vàng.

1736. Khi nghe gầm rú thú rừng hoang,
Nào cọp, nào sư tử chúa lâm,
Nào các bò rừng, tê giác lớn,
Ngài không nhớ thuở vua, ngai vàng.

1737. Thấy chim công trống trên non cao,
Đang múa xòe đuôi rực rỡ màu,
Đứng giữa bầy chim công mái ấy,
Ngài quên một thuở đã làm vua.

1738. Thấy chim công trống noãn sanh kia,
Đang múa xòe đôi cánh đẹp xinh,
Đứng giữa bầy chim công mái ấy,
Ngài quên quyền tối cao triều đình.

1739. Trong lúc thấy chim công trống kia,
Cổ chim xanh thẫm và mào xinh,
Đang vui múa giữa bầy công mái,
Ngài quên quyền tối cao triều đình.

1740. Khi ngắm các cây đơm trổ hoa,
Tỏa hương ngào ngạt nhẹ đưa xa,

Giữa mùa đông đến nơi rừng núi,
Ngài sẽ quên thời làm đức vua.

1741. Khi thấy đất màu mỡ phủ xanh,
Các côn trùng, bọ cánh đỏ chung quanh,
Giữa mùa đông đến nơi rừng núi,
Ngài sẽ quên thời vua rạng danh.

1742. Khi ngắm các cây đơm trổ hoa,
Trắng mai chiếu thủy, đỏ tần bà,
Cây chè dung rợp bông ngà tím,
Hương tỏa ngạt ngào, thoảng nhẹ đưa,
Trong lúc mùa đông đang đến ấy,
Ngài quên một thuở đã làm vua.

1743. Khi thấy khu rừng rợp sắc hoa,
Rồi hoa kia rũ, lộc xanh ra,
Trong vòng tháng lập đông băng giá,
Ngài sẽ quên thời làm đức vua.

Như vậy, Maddī đã ca tụng vùng Tuyết Sơn qua các vần kệ này như thể nàng đang sống ở đó.

Chấm dứt *Lời ca tụng cảnh Tuyết Sơn*.

***

III. CHUYỆN BỐ THÍ

Lúc bấy giờ, Thái hậu Phusatī suy nghĩ: "Một bản án nặng nề đã áp đặt lên vai vương nhi. Con ta sẽ làm gì đây? Ta muốn đi xem sao." Bà liền ngự lên một chiếc xe được phủ kín, khi bà dừng trước cửa cung thất của con bà, bà nghe lọt câu chuyện ấy và bật tiếng than khóc thảm thiết.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1744. Khi nghe vương tử và vương phi,
Hai vị đang tâm sự hàn huyên,
Công chúa Phusa danh tiếng ấy,
Bật lên tiếng khóc lóc sầu bi.

1745. "Sao họ đày Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,
Ta thà dùng độc dược mà chết,
Hay nhảy lao từ dốc núi cao,
Hoặc thắt dây thòng lọng tự tử,
Điều này sẽ tốt hơn cho ta!

1746. Sao họ đày Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,

Tuệ thông, lại hết lòng dâng thí,
Không bỏn xẻn mà cứ phát ban,
Được các địch vương đều kính phục,
Vang danh tiếng tốt khắp gần xa.

1747. Sao họ đày Vessantara?
Con ta chẳng phạm lỗi lầm nào,
Chăm lo phụ mẫu luôn chu đáo,
Kính trọng hoàng thân trưởng lão cao.

1748. Vì lợi ích cho phụ mẫu vương,
Cùng bà con quyến thuộc thân bằng,
Vì quê hương, tất cả dân chúng,
Vô tội sao đày khỏi nước non?"

Sau lời khóc than bi thảm này, bà an ủi vương nhi và vương hậu, sau đó bà yết kiến nhà vua và tâu:

1749. Giống các tổ ong bị bỏ đi,
Như xoài rơi xuống đất ngoài kia,
Quê hương rồi cũng sẽ như vậy,
Khi khiến người vô tội bị đày!

1750. Tương tự thiên nga cánh gãy ngang,
Ở nơi hồ nhỏ nước khô cằn,
Khi quần thần bỏ rơi, xa cách,
Ngài sẽ một mình gặp khó khăn.

1751. Đại vương, thiếp tấu mọi điều rồi,
Đừng để phúc của ngài vuột trôi,
Đừng có theo lời dân Sivi,
Đày con vô tội phải chia phôi!

Nghe vậy, vua đáp:

1752. Ta tôn quân pháp ấy mà tuân,
So với mạng ta, pháp quý hơn,
Ta đã lệnh đày con thế đó,
Đành bỏ ngọn cờ của chúng dân!

Nghe lời này, thái hậu lại khóc than:

1753. Xưa các ngọn cờ kia của con,
Tựa muồng hoàng yến trổ đầy bông,
Con đi cờ cũng theo lồng lộng,
Nay lại một mình bước lạnh lòng!

1754. Xưa kia nhiều ngọn cờ bên con,
Tương tự muồng hoàng yến cả rừng,

Con bước các cờ theo phất phới,
Nay con đi chỉ trong cô đơn!

1755. Xưa các đoàn binh chủng của con,
Tựa muông hoàng yến trổ đầy bông,
Con đi họ cũng theo đông đúc,
Nay lại một mình bước lạnh lòng!

1756. Xưa nhiều binh chủng thuộc về con,
Tương tự muông hoàng yến cả rừng,
Con bước đoàn binh theo tất cả,
Nay con đi chỉ trong cô đơn!

1757. Xưa khoác hoàng bào Gandhāra,
Sắc vàng cam óng ánh huy hoàng,
Con đi họ cũng theo đông đúc,
Nay lại một mình bước chốn xa!

1758. Ngày xưa con ngự trên voi riêng,
Lại có vương xa hoặc kiệu khiêng,
Nay đức Vua Vessantara,
Bộ hành tiến bước thế nào đây?

1759. Ngày xưa con được tẩm chiên-đàn,
Được đánh thức bằng ca múa vang,
Nay khoác tấm da dê cứng nhám,
Lại mang giỏ, gậy, thế sao làm?

1760. Sao không dâng chiếc hoàng y nào,
Chẳng có da hươu quý bởi sao?
Con bước vào khu rừng rộng lớn,
Không mang y vỏ cây vì sao?

1761. Đức vua đang bị trục đi này,
Làm cách nào dùng y vỏ cây?
Rồi thế nào Công chúa Maddī,
Khoác y bằng cỏ cát tường đây?

1762. Xưa lụa Kāsi, len Khoma,
Thêm hàng gấm Kodumbara,
Nay sao có thể Maddī ấy,
Lấy cỏ cát tường y mặc vào?

1763. Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Trên đường khó nhọc bước chân lê?

1764. Nàng này chân yếu với tay mềm,
Được dưỡng nuôi trong nhung lụa êm,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Lên đường khó nhọc bước chân lê?

1765. Nàng này chân yếu với tay mềm,
Được dưỡng nuôi trong nhung lụa êm,
Mang loại hài vàng đẹp rực rỡ,
Tới lui nhè nhẹ, dáng yêu kiều,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Cất bước bộ hành trên lối quê?

1766. Xưa có cả ngàn nhi nữ theo,
Nàng đi phía trước, vòng hoa đeo,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Bước một mình vào rừng hút heo?

1767. Xưa kia nàng ở chốn an toàn,
Nghe tiếng chó rừng hú, hoảng hồn,
Giờ thế nào công chúa tuyệt mỹ,
Tánh tình nhút nhát vào rừng hoang?

1768. Nàng đây dòng dõi bậc cao sang,
Khi tiếng cú kêu la dội vang,
Nghe rú rền kia liền khiếp đảm,
Người run như bị thần, ma vào,
Giờ sao công chúa tuyệt xinh ấy,
Tánh nhút nhát vào rừng vắng hoang?

1769. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Mỗi khi đến thấy thành này vắng,
Thiếp bị đốt thiêu mãi khổ lòng!

1770. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ võ vàng, gầy yếu,
Con dấu yêu kia giờ chẳng còn!

1771. Chim mẹ lúc nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ chạy tìm cùng khắp,
Con dấu yêu kia giờ chẳng còn!

1772. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,

Mỗi khi đến thấy thành này vắng,
Thiếp bị đốt thiêu mãi khổ lòng!

1773. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ võ vàng, gầy yếu,
Con dấu yêu kia giờ chẳng còn!

1774. Như ó mẹ nhìn tổ trống trơn,
Người ta đã giết các chim non,
Thiếp đây sẽ chạy tìm cùng khắp,
Con dấu yêu kia giờ chẳng còn!

1775. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Mỗi lúc đến nhìn thành vắng vẻ,
Thiếp đây mãi bị đốt thiêu sầu!

1776. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Thiếp sẽ võ vàng, gầy yếu hẳn,
Con yêu dấu hỡi giờ còn đâu!

1777. Như hồng nga mẹ đứng bên hồ,
Bao nước hôm nay đã cạn khô,
Thiếp sẽ chạy đi tìm khắp chốn,
Con yêu dấu hỡi giờ còn đâu!

1778. Thiếp đã buồn như vậy khóc than,
Vua đày con biệt xứ vào rừng,
Đối vương nhi quả thật vô tội,
Thiếp nghĩ sẽ buông bỏ mạng đành!

Khi nghe mẫu hoàng than khóc, tất cả các cung phi xứ Sivi của Vua Sañjaya đã tề tựu lại và đồng khóc than. Nghe tiếng kêu khóc của họ, Bồ-tát đang ở trong cung cũng khóc than theo. Như vậy không một ai trong hai cung này có thể gắng gượng được, họ ngã xuống, lăn lộn, than khóc tựa như những cây sāla bị quật ngã, vùi dập bởi sức mạnh của gió bão.

Bậc Đạo sư diễn tả sự việc này:

1779. Nghe mẫu hoàng than khóc thảm thương,
Nhiều phi tần ở trong cung vương,
Các nhi nữ Sivi tề tựu,
Họ cũng dang tay lên khóc than.

1780. Trong cung của Vessantara,
Thê tử quỵ nằm dài liệt la,

Nhìn tựa vườn sāla ngã đổ,
Tả tơi trong bão táp phong ba.

1781. Các vương tử với các phi tần,
Có những thương gia, Bà-la-môn,
Họ thảy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung của Vessantara.

1782. Các quan điều tượng lẫn điều xa,
Các bộ binh và vệ sĩ vua,
Họ thảy dang tay kêu khóc suốt,
Trong cung của Vessantara.

1783. Và khi đêm ấy đã gần tàn,
Ngày rạng, mặt trời đã phát quang,
Khi ấy Vua Vessantara,
Bắt đầu ngự đến để dâng ban.

1784. Hãy ban y phục cho người cần,
Cho kẻ nghiện say phần rượu nồng,
Đem thức ăn cho người thiếu đói,
Hãy ban phát đúng, thỏa lòng mong!

1785. Những người xin đã đến nơi đây,
Đừng để họ thất vọng thứ gì,
Hãy cấp đồ ăn uống đủ cả,
Để người nể trọng khi ra đi.

1786. Và rồi ở đó các âm thanh,
Quần chúng rất đông náo nhiệt kinh,
"Do phát ban mà họ trục xuất,
Ngài đem tiếp vật phẩm dâng ban!"

1787. Giống như kẻ mệt mỏi, say sưa,
Người đến xin liền quỵ ngã dài,
Khi đại vương rời đi biệt xứ,
Bậc làm thịnh xứ Sivi này.

1788. Họ đốn cây đi thật, bạn này!
Cây đơm nhiều loại trái trên cành,
Giống khi họ trục khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.

1789. Họ đốn cây đi thật, bạn này!
Cây ban mọi ước nguyện tràn đầy,
Giống khi họ trục khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.

1790. Họ đốn cây đi thật, bạn này!
Cây mang mọi vị dục trần gian,
Giống khi họ trục khỏi quê ấy,
Vua vô tội Vessantara.

1791. Người già, người trẻ, kẻ trung niên,
Họ thảy giơ tay lên khóc than,
Khi đại vương đang rời khỏi chỗ,
Bậc làm hưng thịnh xứ Sivi.[78]

1792. Người bói toán và các hoạn quan,
Phi tần cung nữ của triều hoàng,
Đều giơ các cánh tay than khóc,
Khi họ thảy nhìn thấy đại vương,
Bậc khiến thịnh hưng Sivi xứ,
Đang rời đi khuất dạng dần dần.

1793. Tất cả nữ nhi ở thị thành,
Đều giơ các cánh tay than van,
Khi trông thấy đại vương đi khỏi,
Bậc khiến xứ Sivi thịnh hưng.

1794. Sa-môn cùng với Bà-la-môn,
Tất cả những hành khất rất đông,
Họ thảy giơ tay lên khóc lóc,
Than rằng: "Người hỡi, chẳng công bằng!"

1795. Như khi Vua Vessantara,
Dâng phát trong thành của chính vua,
Mà bởi vì lời dân Sivi,
Ngài đành biệt xứ, đến phương xa.

1796. Sau khi ban phát bảy trăm voi,
Rực rỡ nhờ nhiều thứ điểm tô,
Lại có dây đai vàng óng ánh,
Yên vàng, khăn đẹp phủ thêm vô.

1797. Mỗi một voi đều chở chú nài,
Với đồ móc, giáo ở trong tay,
Rồi Vua Vessantara ấy,
Phải biệt quê mình, chịu án đày.

1798. Bảy trăm ngựa được ngài ban dâng,
Rực rỡ nhờ nhiều thứ phục trang,

[78] Tham chiếu: *Xuất diệu kinh* "Vô thường phẩm" 出曜經無常品 (*T*.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* "Hữu vi phẩm" 法集要頌經有為品 (*T*.04. 0213.1. 0777a02).

Là giống ngựa Sindh, thuần chủng rặt,
Chở mang được nặng phi nhanh chân.

1799. Mỗi ngựa chở người kỵ mã quân,
Trong tay cầm sẵn kiếm và cung,
Rồi Vua Vessantara ấy,
Phải chịu lưu đày, biệt cố hương.

1800. Bảy trăm xe được ngài dâng ban,
Đầy đủ quân trang, cờ xí giăng,
Được trải trên xe da hổ, báo,
Đẹp xinh nhờ mọi thứ trang hoàng.

1801. Trên mỗi xe đều có quản xa,
Thân mang áo giáp, cung trong tay,
Rồi Vua Vessantara ấy,
Phải biệt quê mình, chịu án đày.

1802. Bảy trăm nhi nữ ngài dâng ban,
Trên mỗi cỗ xe đứng một nàng,
Nai nịt dây vàng thân lấp lánh,
Lại tô điểm các món kim hoàn.

1803. Với nữ trang và y phục vàng,
Đeo nhiều phục sức cũng màu vàng,
Đôi mi cong vút, cười tươi sáng,
Đầy đặn mông, vòng eo nhỏ thanh.
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày trục xuất khỏi giang san.

1804. Bảy trăm bò cái ngài dâng xong,
Tất cả các thùng sữa bạc ròng,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày trục xuất khỏi giang sơn.

1805. Bảy trăm tỳ nữ ngài đem cho,
Và bảy trăm nam bộc phát luôn,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày trục xuất khỏi giang sơn.

1806. Ngài đem cho ngựa, cỗ xe, voi,
Ban nữ nhân trang điểm tuyệt vời,
Rồi Chúa thượng Vessantara,
Bị đày biệt xứ, phải di dời.

1807. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm dựng tóc lông!

Vào lúc tiến hành lễ đại thí,
Đất bằng bỗng rúng động âm vang![79]

1808. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm dựng tóc lông!
Khi Chúa thượng Vessantara,
Chắp tay từ biệt rời quê hương!

Như vậy, ngài đã làm lễ Đại bố thí bảy trăm voi có trang sức vàng, cờ vàng giương, lưới vàng phủ; bảy trăm ngựa cũng tương tự; bảy trăm xe rợp cờ vàng, đính nhiều loại châu báu, trải da sư tử và các da thú khác; bảy trăm nhi nữ quý tộc có dáng vẻ cao sang mang đủ các nữ trang đẹp; bảy trăm nô bộc nam được huấn luyện thuần thục; bảy trăm nô tỳ nữ cũng tương tự; bảy trăm bò cái đầy sữa và bảy trăm đồ ăn thức uống vô hạn lượng. Khi ngài đang phân phát vật phẩm thì các Sát-đế-lỵ (quý tộc), Bà-la-môn (đạo sĩ), Vệ-xá (thương nhân), Thủ-đà (công nhân), v.v... đang sống ở thành Jetuttara đều khóc than: "Chúa thượng Vessantara ở xứ Sivi vì thí vật mà bị trục xuất, thế nhưng ngài vẫn cứ tiếp tục bố thí!" Việc này được kể rằng:

1809. Và rồi ở đó các âm thanh,
Quần chúng rất đông, náo nhiệt kinh,
Do phát ban mà họ trục xuất,
Ngài đem tiếp vật phẩm dâng ban!

Những người thọ thí nhận xong các vật phẩm thì ngã khuỵu xuống như bị chặt chân, rồi lăn lộn rên la lớn tiếng: "Giờ đây, Vua Vessantara không còn là nơi nương tựa cho chúng ta, ngài sẽ vào rừng và từ nay trở đi, chúng ta không thể diện kiến ngài được nữa!"

Bậc Đạo sư diễn tả rằng:

1810. Giống như kẻ mệt mỏi, say sưa,
Người đến xin liền quỵ ngã dài,
Khi đại vương rời đi biệt xứ,
Bậc làm thịnh xứ Sivi này.

Ngài vẫn đang phân phát thí vật thì trời tối, vì thế ngài trở về cung thất của mình. Ngài ngự trên chiếc vương xa lộng lẫy đến cung của cha mẹ để từ giã song thân rồi hôm sau lên đường. Nàng Maddī cũng đi cùng, đến xin phép hai vị cho nàng đi theo ngài. Bậc Đại sĩ kính lễ vua cha và thưa trình về việc ra đi của mình.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1811. Xin trình Minh chúa Sañjaya,
Một đại vương công chính, quý cao,

---

[79] Xem câu kệ 1672, 2119, 2280 trong câu chuyện này; *D.* II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*), số 16; *S.* I. 157, *Parinibbānasutta* (*Kinh Bát-niết-bàn*); *Thag.* v. 1018, *Ānandattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda*).

"Bệ hạ đã đày con biệt xứ,
Thì con sẽ đến núi Vaṁka.

1812. Bệ hạ, những ai đã được sanh,
Và luôn ai sẽ được sanh thành,
Khi không thỏa mãn với lòng dục,
Sẽ bị rơi vào lực tử thần.

1813. Vì con nên tội với thần dân,
Khi tại thành mình con cúng ban,
Nên bởi lời dân Sivi tấu,
Nay con bị trục khỏi giang san.

1814. Con sẽ đền ngay tội ấy đây,
Vào rừng thú dữ, hổ beo đầy,
Con làm các thiện sự, công đức,
Cha đắm bùn nhơ, nhiễm dục hoài!"

Bậc Đại sĩ ngâm bốn vần kệ này với vua cha rồi ngài đến gần mẹ kính chào từ giã và xin phép ra đi với các lời này:

1815. Xin phép mẹ hiền con xuất cung,
Ly gia xa xứ con hân hoan,
Vì con nên tội với dân chúng,
Khi tại thành mình con cúng ban,
Nên bởi lời dân Sivi tấu,
Nay con bị trục khỏi giang san.

1816. Con sẽ đền ngay tội ấy đây,
Vào rừng thú dữ, hổ beo đầy,
Con làm các thiện sự, công đức,
Mẹ đắm bùn nhơ, nhiễm dục hoài!

Mẫu hậu Phusatī đáp:

1817. Mẹ giờ cho phép con ly gia,
Cầu chúc con thành tựu, vạn an,
Còn Maddī công nương mỹ lệ,
Tay mềm chân yếu, dáng thon thanh,
Với con thơ trẻ đang yên ấm,
Phải ở rừng làm gì, được chăng?

Vessantara đáp:

1818. Nào phải đâu con muốn dẫn ai,
Dù là tỳ nữ, vào rừng này,
Nếu như nàng muốn thì theo bước,
Còn chẳng muốn thì ở lại đây!

Nghe lời thái tử nói, vua cha tìm cách thuyết phục nàng.

***

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

1819. Lúc này chúa thượng hướng công nương,
Tìm cách khuyên lơn, chỉ bảo nàng:
"Đừng để bụi dơ ẩm ướt lấm,
Tấm thân được tẩm ướt đàn hương!

1820. Đã mặc lụa tơ xứ Kāsi,
Con đừng đắp áo cỏ tranh chi,
Ở nơi rừng rất là gian khổ,
Con có phúc phần, đừng bước đi!"

1821. Maddī công chúa đẹp toàn thân,
Liền tấu lời này với phụ hoàng:
"Con cũng chẳng màng được diễm phúc,
Nếu không có Vessantara."

1822. Vua làm hưng thịnh xứ Sivi,
Lại nói với nàng nữa thế này:
"Này hãy lắng nghe hỡi Maddī,
Gian nan rừng thẳm sẽ như vầy,

1823. Nào những bọ sâu, gián, muỗi mòng,
Nào ruồi, nào bướm đêm và ong,
Chúng gây hại, đốt con nơi đó,
Có thể làm con khổ sở hơn.

1824. Lại nhiều tai họa khác đau thương,
Khi đến trú gần nơi bến sông,
Có loại rắn to không có độc,
Gọi là trăn, sức mạnh vô cùng,

1825. Hễ có người hay con thú rừng,
Nó đang phát hiện đến gần bên,
Thì liền quấn lấy nhiều vòng chặt,
Rồi tự nó mang kéo đến hang.

1826. Còn loài dã thú khác hung nguy,
Là gấu có lông đen phủ đầy,
Khi chúng thấy người là bắt lấy,
Dù cho người đã trèo lên cây.

1827. Dọc theo sông Sotumbarā,
Có những trâu rừng lui tới hoài,
Với cặp sừng to nhọn húc điếng,
Lại thường đến tấn công không ngờ.

1828. Trong những bầy đàn thú dữ này,
Có con bò lớn quanh rừng đây,
Như bò mẹ ngóng bê tìm kiếm,
Khi ấy con làm gì, Maddī?

1829. Thấy các con khỉ trên ngọn cây,
Chúng đang nhảy nhót trông ghê thay,
Maddī Công chúa sẽ kinh sợ,
Vì chẳng hề rành chốn dị kỳ.

1830. Xưa kia con ở chốn an toàn,
Nghe tiếng chó rừng hú, hoảng hồn,
Giờ thế nào Công chúa Maddī,
Đến mà trú tại Vaṁka sơn?

1831. Sao con muốn vào chốn như vầy?
Ngay cả lúc trời đang giữa ngày,
Khi các loài chim nghỉ lặng lẽ,
Mà khu rừng lớn vẫn ồn đây."[80]

1832. Maddī Công chúa đẹp toàn thân,
Liền tấu lời này đáp phụ vương:
"Về những điều cha đã chỉ rõ,
Thật là đáng sợ ở trong rừng,
Tuy nhiên con chịu mọi gian khó,
Và sẽ ra đi, tâu Phụ vương!

1833. Con băng lau, sậy, cỏ kusa,
Dải cỏ hương bài, may, cói bàng,
Ưỡn ngực vươn mình con tiến bước,
Sẽ không là gánh nặng cho chàng!

1834. Nữ nhân giữ được một người chồng,
Thật sự nhờ công dung hạnh ngôn,
Phải chịu được kiêng ăn, thiếu đói,
Lại thêm dáng vẻ cần chăm luôn.

1835. Nàng lo ngọn lửa thật siêng năng,
Và lọc sạch trong nước bản thân,
Song phải xa chồng đời khổ sở,
Thưa cha, con quyết đi theo chàng!

1836. Dù kẻ kéo tay ép buộc ngang,
Cũng không thể tận hưởng cùng nàng,

---

[80] Tham chiếu: *S.* I. 7, *Saṇamānasutta* (*Kinh Tiếng động rừng sâu*); *S.* I. 203, *Majjhanhikasutta* (*Kinh Giữa trưa*); *Tạp.* 雜 (*T.*02. 0099.1335. 0368b22); *Biệt Tạp.* 別雜 (*T.*02. 0100.355. 0490b03).

Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu Đại vương!

1837. Có khi bị nắm tóc lôi lên,
Rồi bị đẩy xô xuống đất nền,
Lúc đã gây ra nhiều khốn khổ,
Gã này cứ bỏ đi, bàng quan,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu Đại vương!

1838. Nàng da trắng bọn họ mong cầu,
Những kẻ thấy may mắn, tự cao,
Họ kéo lấy nàng và ép uổng,
Như bầy quạ kéo cú rên đau,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Con quyết ra đi, tâu đức Vua!

1839. Ngay cả trong nhà giàu có sang,
Bạc vàng sáng rỡ vẻ huy hoàng,
Không sao tránh khỏi lời cay đắng,
Từ các anh em hoặc bạn thân,
Khi góa phụ là đời khổ sở,
Thưa cha, con quyết đi theo chàng!

1840. Chẳng khác sông trơ trọi, cạn dòng,
Thiếu vua, quốc độ thành trơ không,
Dù sương phụ có mười anh ruột,
Cũng chỉ thân trơ trọi, trống lòng,
Khi góa phụ là đời khổ sở,
Thưa cha, con quyết đi theo chồng!

1841. Thấy cờ là biết cỗ xe ngay,
Thấy khói xông lên biết lửa đây,
Thấy đức vua là biết quốc độ,
Thấy chồng là biết vợ người này,
Cuộc đời quả phụ thật đau khổ,
Bệ hạ, lòng con đã quyết đi![81]

1842. Người vợ chia chung phận với chồng,
Dù giàu sang hoặc chịu bần cùng,
Danh nàng được các thần ca ngợi,
Quả thật nàng làm việc khó khăn!

1843. Con quyết tâm luôn nối gót chàng,
Dù mang y nhuộm màu cam vàng,

---

[81] Xem *S.* I. 41, *Rathasutta* (*Kinh Cỗ xe*).

Và khi trái đất chưa tan nát,
Đời quả phụ than ôi, trái ngang!

1844. Dù bờ biển chứa nhiều tài nguyên,
Các loại báu châu trên đất liền,
Con chỉ cần Vessantara,
Chẳng khi nào muốn xa chồng hiền!

1845. Quả thật là tàn nhẫn nữ nhân,
Khi lang quân khổ cực, gian nan,
Lại mong vui hưởng cảnh sung sướng,
Sao có thể là kẻ nhẫn tâm?

1846. Khi đại vương kia buộc phải đi,
Vị làm hưng thịnh xứ Sivi,
Con đây cất bước cùng chàng ấy,
Vì chàng ban mọi lạc tràn đầy!"

1847. Đại vương liền phán bảo lời này,
Với nữ nhân toàn mỹ Maddī:
"Hãy để lại đây hai đứa trẻ,
Kaṇhājinā với Jāli,
Khi nàng phước đức rời xa xứ,
Ta sẽ chăm nom chẳng thiếu chi!"

1848. Maddī công chúa đẹp toàn thân,
Liền tấu lời này với phụ hoàng:
"Bệ hạ, hai con yêu quý đó,
Jāli với Kaṇhājinā,
Khiến chúng con vui tại chốn vắng,
Nơi rừng rậm sống không buồn than."

1849. Vua làm hưng thịnh xứ Sivi,
Lại nói với nàng nữa thế này:
"Chúng đã quen cao lương mỹ vị,
Thịt thơm ngon với cơm sāli,
Giờ dùng các quả cây rừng dại,
Bọn trẻ thơ kia ăn kiểu gì?

1850. Chúng đã dùng tô bạc, chén vàng,
Giờ đây chỉ lá cây rừng hoang,
Thì làm sao bọn trẻ thơ đó,
Biết cách nào đâu để chúng ăn?

1851. Xưa lụa Kāsi, len Khoma,
Thêm hàng gấm Kodumbara,

Nay làm sao bọn trẻ thơ đó,
Mặc áo làm bằng cỏ kusa?

1852. Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Giờ phải làm sao bọn trẻ đó,
Chân trần đi chạy các vùng miền?

1853. Trước giờ chúng ngủ trong cung hoàng,
Cửa khóa then cài thật ổn an,
Nay đến cây rừng ngủ dưới gốc,
Thế nào trẻ ngủ được hay chăng?

1854. Trước giờ nằm ngủ trên giường cao,
Phủ thảm lông dài đủ sắc màu,
Nay phải ngả lưng trên thảm cỏ,
Thế thì bọn trẻ phải làm sao?

1855. Trước được tẩm thoa các nước thơm,
Bột chiên-đàn với bột trầm hương,
Nay bùn nhơ, bụi bặm lem luốc,
Làm được gì đây, bọn trẻ thơ?

1856. Xưa được dưỡng nuôi rất kỹ càng,
Đuôi trâu làm quạt, cả lông công,
Nay mòng và muỗi đốt cắn chúng,
Bọn trẻ thơ làm gì được chăng?"

Trong khi các vị bàn luận như vậy thì đêm tàn, mặt trời lên. Quân hầu mang một cỗ xe lộng lẫy cùng một đoàn bốn ngựa Sindh thuần chủng đến cho bậc Đại sĩ và đặt ở cửa. Maddī kính lễ song thân của Vessantara và chào từ biệt các bà phu nhân kia rồi ra đi cùng với hai con, chúng đến trước Vessantara và lên ngồi trong xe ấy.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích vấn đề này:

1857. Rồi Maddī diễm lệ công nương,
Liền nói lên vầy đáp phụ vương:
"Xin đừng than khóc nữa, cha hỡi,
Đừng nói lời ưu não, Phụ vương,
Hai trẻ đi theo cha mẹ chúng,
Dù cho sướng, khổ cũng đồng chung."

1858. Và Maddī công nương tuyệt xinh,
Thưa lời xong cất bước đăng trình,
Công nương phước đức mang con trẻ,
Tất cả theo đường Vua Sivi.

1859. Rồi Vessantara quốc vương,
Vị Khattiya cúng dường xong,
Ngài bèn đảnh lễ cha và mẹ,
Hữu nhiễu một vòng, chào kính cung.

1860. Ngài ngự lên xa giá lẹ làng,
Vương xa tứ mã kéo đi nhanh,
Ngài mang theo vợ con cùng tiến,
Đi đến tận vùng núi Vaṁka.

1861. Và đức Vua Vessantara,
Tới nơi có rất nhiều thần dân,
Ngài kêu: "Giờ chúng tôi đi nhé,
Cầu chúc bà con được khỏe an!"

Khi nói các lời này với quần chúng, bậc Đại sĩ khuyên nhủ họ tinh cần bố thí và làm các thiện sự. Khi ngài đã đi xa, mẹ Bồ-tát nói:

– Nếu vương tử muốn bố thí, hãy để con bố thí!

Rồi bà gửi cho ngài hai xe nhỏ đi kèm mỗi bên xe ngựa chứa đầy nữ trang gồm bảy báu vật. Trong mười tám lần ban phát, ngài phân chia cho đám hành khất mà ngài gặp trên đường đi tất cả những gì ngài có, luôn cả số đồ trang sức trên chính thân ngài.

Khi ngài đã rời kinh thành, ngài quay lại và muốn nhìn lui, vì thế thuận theo ý ngài, mặt đất nứt ra theo chiều chiếc xe và quay lại khiến cho xe đối diện với kinh thành, ngài liền chiêm ngưỡng nơi song thân ngài đang cư ngụ. Tiếp theo đó là đất chấn động và nhiều việc kỳ diệu khác. Vì vậy, có chuyện kể:

Khi ngài ra khỏi chốn kinh thành,
Ngài đã quay đầu lại ngắm nhìn,
Khi ấy đất bằng liền rúng động,
Cả rừng núi Tu-di rung rinh.

Trong lúc ngắm cảnh, ngài ngâm kệ thúc giục Maddī cũng nhìn lui:

1862. Này Maddī, nàng hãy ngắm nhìn!
Nơi thân yêu đó trông xinh xinh,
Có cung điện Đại vương Sivi,
Cũng chính quê cha đất tổ mình.

Sau đó, ngài nhìn về phía sáu mươi ngàn triều thần, những người sinh ra cùng lúc với ngài, nhìn quần chúng còn đó và ra hiệu cho họ lui về. Rồi trong khi tiếp tục lái xe đi, ngài bảo Maddī:

– Này Công nương, nàng hãy nhìn xem thử có kẻ cầu xin nào đang đi phía sau chăng?

Nàng liền nhìn ra. Bấy giờ, bốn Bà-la-môn không thể có mặt kịp trong lễ

Đại bố thí bảy trăm báu vật đã đến kinh thành, và thấy lễ phân phát đã xong, biết chắc là vương tử đã ra đi. Họ hỏi:

– Thế ngài có đem theo vật gì không?

– Vâng, có cỗ xe.

Vì thế họ quyết định đi xin bầy ngựa. Maddī thấy những người này đang tiến lại gần. Nàng nói:

– Tâu Chúa công, có các vị hành khất.

Bậc Đại sĩ dừng xe lại. Họ tiến đến xin bầy ngựa và bậc Đại sĩ cho ngựa.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả vấn đề này:

1863. Khi bắt kịp ngài, bốn La-môn,
Muốn xin bầy ngựa, họ van lơn,
Ngài ban bốn ngựa ngay nơi đó,
Hành khất mỗi người được một con.

Bầy ngựa được lấy đi rồi, dây cương của cỗ xe vẫn còn treo lơ lửng trên xe. Nhưng chẳng bao lâu sau khi các Bà-la-môn vừa đi thì bốn vị thần giả dạng bầy hươu đỏ tía đến kéo xe đi. Bậc Đại sĩ biết họ là thần linh liền ngâm kệ này:

1864. Này Maddī, hãy ngắm nhìn đi,
Nàng có thấy kia việc diệu kỳ,
Những con ngựa này tài ba quá,
Đội lốt hồng dương để kéo xe!

Nhưng khi ngài tiến lên thì một Bà-la-môn khác đến xin cỗ xe. Bậc Đại sĩ đưa vợ con xuống và cho ông ta cỗ xe. Khi ngài cho xe xong, các vị thần cũng biến mất.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc tặng cỗ xe này:

1865. Rồi kẻ thứ năm tiến đến đây,
Nói lời mong muốn cỗ xe này,
Ngài cho người ấy cỗ xe ngựa,
Chẳng chút bận tâm, ban phát ngay!

1866 Lúc đó, Vua Vessantara,
Phải đưa hết vợ con rời xe,
Ngài vui vẻ lấy cỗ xe ngựa,
Ban tặng Bà-la-môn muốn cần.

Sau đó, cả đoàn đều đi bộ. Bậc Đại sĩ bảo Maddī:

1867. Này Maddī, nàng bế Kaṇhā,
Vì nó là em gái, nhẹ hơn,
Jāli là anh trai nặng đấy,
Cho nên bồng nó để phần ta.

Sau đó, hai vị bế con lên và mang chúng bên hông.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1868. Đức vua thì bế con trai ngoan,
Con gái kia thì phần của nàng,
Tất cả họ hoan hỷ bước tiếp,
Cùng nhau trò chuyện đầy yêu thương.

Chấm dứt *Chuyện bố thí*.

***

IV. ĐI VÀO RỪNG

Khi gặp người nào trên đường, hai vị hỏi đường đi đến núi Vaṁka[82] và được biết còn rất xa. Vì thế, có chuyện kể:

1869. Bất cứ khi nào gặp được ai,
Dù đi xuôi hoặc ngược chiều ngài,
Họ đều có hỏi thăm phương hướng,
"Nơi chốn nào là núi Vaṁka?"

1870. Du khách nơi đây nghe hỏi han,
Ai nhìn cũng xót thương, than van,
Và cho biết rằng thật gian khổ,
Đường đến núi Vaṁka rất xa!

Đôi trẻ reo lên khi thấy đủ loại trái cây mọc hai bên đường. Nhờ thần lực của bậc Đại sĩ, cây cối rạp mình xuống đưa trái đến tầm tay họ hái được và hai vị hái những quả chín nhất đưa cho các con. Lúc ấy, Maddī reo lên:

– Thật kỳ diệu quá!

Vì thế, chuyện kể lại:

1871. Mỗi khi trẻ thấy giữa rừng xanh,
Có những trái cây ngon trĩu cành,
Hai trẻ liền kêu đòi khóc lóc,
Bởi vì chúng muốn trái ăn nhanh.

1872. Cây rừng cao vút cành sum suê,
Nhìn thấy trẻ thơ đang khóc kêu,
Bèn tự nghiêng mình cúi rạp xuống,
Vươn cành tới chỗ trẻ thơ liền.

1873. Khi nhìn điều diệu kỳ này xong,
Điều rất phi thường, dựng tóc lông!
Nàng Maddī công nương mỹ lệ,
Nói lên lời tán thưởng hài lòng.

---

[82] Bản CST và Tích Lan viết Vaṅka.

1874. "Quả là tuyệt diệu ở đời này,
Điều dựng tóc lông, rất lạ kỳ!
Nhờ lực của Vessantara,
Cây cao bỗng cúi rạp nghiêng dài."

Kể từ kinh thành Jetuttara, núi Suvaṇṇagiritāla cách đó năm do-tuần, sông Kontimārā lại cách đó năm do-tuần, núi Ārañjara lại cách đó năm do-tuần, ngôi làng Bà-la-môn Dunniviṭṭha lại cách đó năm do-tuần nữa và kinh thành của quốc cửu ngài cách đó mười do-tuần; như vậy tính từ thành Jetuttara, hành trình dài ba mươi do-tuần. Các vị thần rút ngắn quãng đường ấy, vì vậy chỉ trong một ngày, họ đã đến kinh thành của vị quốc cửu. Do đó, chuyện kể rằng:

1875. Thần dạ-xoa thâu ngắn dặm trường,
Vì thương con trẻ gặp tai ương,
Ceta quốc độ nay vừa đến,
Trước buổi hoàng hôn kịp bước đường.

Bấy giờ, các vị rời thành Jetuttara lúc rạng đông, buổi chiều đã đến vương quốc Ceta và vào thành của vị quốc cửu.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

1876. Cả đoàn đi đến xứ Ceta,
Gian khổ lộ trình quả thật xa,
Vương quốc tràn trề đồ ẩm thực,
Phú cường, thịnh vượng cõi sơn hà.

Bấy giờ, trong kinh thành của vị quốc cửu ấy có sáu mươi ngàn vị võ tướng Sát-đế-lỵ cư trú. Bậc Đại sĩ không vào thành mà chỉ ngồi trong sảnh đường ở cổng thành. Maddī phủi bụi trên chân bậc Đại sĩ và xoa bóp chân ngài, rồi với ý định thông báo việc ngài đến, nàng đi ra khỏi sảnh đường và đứng nơi cửa để người ta nhìn thấy. Vì thế, những phụ nữ vào ra thành trông thấy nàng và đến vây quanh.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1877. Nhìn thấy vương phi dáng tốt lành,
Đàn bà Ceta đứng vây quanh,
"Vị phu nhân quả thật hiền dịu,
Sao phải đi chân suốt lộ trình?"

1878. Xưa đi đây đó nhiều phương tiện,
Bước xuống xe và lên kiệu riêng,
Maddī nay ở rừng rậm vắng,
Bộ hành đây đó bước chân lê.

Quần chúng lúc ấy vừa thấy Maddī và Vessantara cùng hai con đến trông khổ sở liền đi trình vua. Rồi sáu mươi ngàn vị vương hầu đến gặp ngài và than khóc.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1879. Vương tộc Ceta đến chỗ ngài,
Họ nhìn rồi khóc lóc, than dài:
"Đức vua được cát tường muôn sự?
Long thể an khang không, đức ngài?
Và thái hoàng giờ vô bệnh chứ?
Toàn dân Sivi ổn an hoài?

1880. Quân sĩ ngài đâu, tâu Bệ hạ?
Và đâu chẳng thấy chiếc vương xa?
Không xe, không ngựa, đi như thế,
Nhọc mệt đường dài ngài trải qua?
Có phải quân thù gây chiến sự,
Khiến ngài phải đến tận phương xa?

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói cho các vương tử biết nguyên nhân ngài đến đây:

1881. Các thân vương hỡi, ta an khang,
Muôn sự cũng đều được cát tường,
Và thái hoàng giờ vô bệnh cả,
Toàn dân Sivi vẫn bình an.

1882. Ta tặng tượng vương quý báu này,
Tượng to ngà lớn như càng xe,
Toàn thân màu trắng thật ưu tú,
Trên mọi đấu trường thắng thế ngay.

1883. Thân tượng được choàng tấm sắc cam
Cao to, giẫm nát rất nhiều quân,
Cặp ngà điểm quạt lông bò mịn,
Trắng tuyết tựa Kelāsa sơn.

1884. Có che lọng trắng, có yên êm,
Có quản tượng, người chăm sóc thêm,
Phương tiện tối cao chúa thượng ngự,
Ta mang tặng các Bà-la-môn.

1885. Vì thế toàn dân đã hận sân,
Phụ vương xem đó là sai lầm,
Và ngài ra án lệnh đày đọa,
Ta phải đi đến núi Vaṁka,
Này các thân vương, cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ náu nương thân?

Các vương hầu đáp:

1886. Cung nghênh Chúa thượng đến nơi đây,
Ngài gặp an lành trong chuyến đi!

Tâu Bệ hạ, xin ngài cứ ngự,
Bất kỳ nơi thuận tiện, tùy nghi!

1887. Ngài tới đây rồi, ngài khách thượng!
Đại vương cứ thưởng thức cao lương,
Ngó sen, thịt, mật ong, rau củ,
Cơm nấu gạo sāli quý thơm.

Vessantara nói:

1888. Ta nhận quà trao từ các vị,
Kính thành dâng đủ món tràn đầy,
Thái hoàng ra án lệnh đày đọa,
Nay núi Vaṁka ta phải đi,
Xin các thân vương cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ náu nương đây?

Các vương hầu đáp:

1889. Đại vương cứ ở lại nơi này,
Tại quốc độ Ceta, tấu ngài,
Đến lúc dân Ceta khởi sự,
Gặp vua thưa hỏi và trình bày!

1890. Giải thích cho vua mọi sự tình,
Bậc làm hưng thịnh nước Sivi,
Dân Ceta tỏ lòng thành kính,
Hoan hỷ được nhân duyên hộ trì,
Họ nối gót ngài cùng tiến bước,
Xin trình Sát-đế-ly tin vầy.

Bậc Đại sĩ nói:

1891. Ta không muốn các vị lên đường,
Đến diện kiến, van xin phụ vương,
Lại giãi bày cho chúa thượng rõ,
Đức vua cũng chẳng có quyền hơn.

1892. Triều thần, thành thị, dân Sivi,
Tất cả mọi người phẫn nộ đầy,
Họ muốn hạ luôn cả chúa thượng,
Bởi vì cớ sự mà ta gây.

Các vương hầu đáp:

1893. Nếu xứ sở kia có xảy ra,
Việc như thế ấy thì tâu Vua,
Xin ngài ở lại làm hoàng thượng,
Được hộ bởi dân xứ Ceta.

1894. Đất nước phú cường và thịnh hưng,
Với dân chúng vĩ đại, hào hùng,
Cầu xin ngài hãy quyết tâm trụ,
Cai trị quốc gia, dạy chúng thần!

Vessantara nói:

1895. Thần dân Ceta, hãy nghe ta!
Vì bị lưu đày biệt xứ xa,
Ta chẳng mong cầu, chẳng quyết định,
Ở đây cai trị quốc an dân.

1896. Triều thần, thành thị, dân Sivi,
Tất cả họ đều sẽ bất bình,
Khi các vị tôn ta trị quốc,
Trong khi ta bị án lưu đày.

1897. Rồi đây các vị bất đồng nhiều,
Chỉ bởi vì ta cớ sự khêu,
Dân chúng Sivi lại cự cãi,
Ta không thích rẽ chia, tranh trêu!

1898. Sự gây cãi nọ ngày kinh ghê,
Không ít chiến tranh sẽ nổ thêm,
Chỉ bởi một mình ta tạo tác,
Mà nhiều người bị tổn thương theo.

1899. Ta nhận quà trao từ các vị,
Kính thành dâng đủ món tràn đầy,
Thái hoàng ra án lệnh đày đọa,
Nay núi Vaṁka ta phải đi,
Xin các thân vương cho biết rõ,
Trong rừng đâu chỗ náu nương đây?

Như vậy, dù có nhiều lời thỉnh cầu, bậc Đại sĩ vẫn chối từ vương quốc. Sau đó, các vương hầu ấy tiếp đón ngài trọng thể. Nhưng ngài không muốn đi vào thành, vì thế họ trang hoàng sảnh đường mà ngài đang ở, giăng màn quanh đó và soạn một chiếc sàng tọa lớn rồi họ canh phòng cẩn mật xung quanh.

Ngài cư trú trong sảnh đường ấy một đêm, được canh phòng cẩn mật. Đến hôm sau vào lúc tảng sáng, sau khi tắm rửa và dùng một bữa cơm đầy cao lương thượng vị, được các vị vương hầu hộ tống, ngài rời đi. Sáu mươi ngàn vị Sát-đế-ly ấy đưa tiễn ngài suốt hành trình dài mười lăm do-tuần rồi dừng lại ở lối vào khu rừng, họ nói về quãng đường mười lăm do-tuần còn lại của cuộc hành trình:

1900. "Vâng, chúng thần xin tâu đức Vua,
Trình bày rành rẽ mọi đường qua,
Nơi nào vua xuất thế cư trú,
Có lửa thiêng thờ, được tịnh an.

1901. Tâu Đại vương, kia là núi đá,
Gọi tên Gandhamādana,
Chính nơi Bệ hạ và con trẻ,
Cùng với hậu vương tạm gọi nhà!"

1902. Dân Ceta khuôn mặt thảm sầu,
Mắt người tuôn chảy những dòng châu,
Họ khuyên đại vương cứ đi thẳng,
Theo hướng Bắc mà đến núi cao:

1903. Rồi ngài thấy núi Vipula,
Đủ các loại cây tươi thắm xanh,
Phủ xuống bao nhiêu là bóng mát,
Nơi này thật đẹp xinh, trong lành!

1904. Khi vượt qua khỏi vùng núi non,
Thì ngài sẽ gặp một con sông,
Chính là dòng Ketumatī,
Nguồn bắt từ khe sâu núi tuôn.

1905. Nước đầy, nhiều cá lội nơi nơi,
Sông rất nên thơ cảnh dọc bờ,
Ngài có thể dùng uống, tắm mát,
Nô đùa, chơi giỡn với con thơ.

1906. Và rồi Chúa thượng sẽ tìm ra,
Trái chín ngọt nhiều trên cội đa,
Nơi đỉnh núi xinh đa đã mọc,
Tán che mát rượi, cành la đà.

1907. Và rồi Chúa thượng cũng tìm ra,
Một ngọn núi tên Nālika,
Đủ loại chim từng đàn khắp chốn,
Và vùng núi lắm khẩn-na-la.

1908. Đi tiếp miền Đông Bắc núi này,
Đến hồ tên Mucalinda,
Mặt hồ bao phủ đầy sen trắng,
Thêm súng trắng xen lẫn đó đây.

1909. Cánh rừng dày tựa mây vây quanh,
Cỏ mọc thường xuyên như thảm xanh,

Tương tự chúa sơn lâm kiếm thịt,
Ngài vào rừng ấy tìm dần dần,
Có cây đang trổ bông xinh xắn,
Lẫn các cây đơm trái trĩu cành.

1910. Nơi đó nhiều chim đủ sắc màu,
Hội về khi rừng rộ ngàn hoa,
Tiếng chim hót líu lo đây đó,
Rộn rã âm thanh ngọt dịu hòa.

1911. Nếu ngài theo lối loanh quanh non,
Cho đến khi lên tận suối nguồn,
Ngài sẽ thấy hồ sen phủ kín,
Cây sồi Ấn với kha tử bên hồ.

1912. Nước đầy, nhiều cá lội nơi nơi,
Cảnh rất nên thơ dọc các bờ,
Hồ có bốn bên đều đặn cả,
Thoảng đưa dễ chịu, dịu mùi thơm.

1913. Hướng Đông Bắc của vùng miền này,
Ngài sẽ dựng lên một thảo am,
Khi đã có am ngài cố gắng,
Dạo tìm vật thực sống qua ngày!

Như vậy, các vương tử báo cho ngài biết về cuộc hành trình dài mười lăm do-tuần ấy và tiễn ngài ra đi. Nhưng để đề phòng mọi hiểm nguy đối với Vua Vessantara và dự trù không để bất cứ địch thủ nào có thể lợi dụng tấn công, họ ra lệnh cho một người trong xứ Ceta, khôn ngoan và khéo léo, theo dõi bước đi của ngài cho đến tận lối vào rừng, rồi họ trở về kinh thành của mình.

Còn Vua Vessantara cùng vợ con tiến lên đỉnh Gandhamādana (Hương Sơn), ở lại đó ngày hôm ấy, sau đó hướng về phía Bắc đi qua chân núi Vipula, nghỉ chân tại bờ sông Ketumatī để dùng một bữa ăn ngon do người thợ rừng thiết đãi xong cả đoàn tắm rửa và uống nước rồi tặng người dẫn đường một cây trâm vàng.

Với tâm thanh thản, ngài vượt qua dòng sông, nghỉ chân một lát dưới gốc đa mọc trên đỉnh núi Sānupabbata. Sau khi ăn trái đa xong, ngài đứng lên và đi tiếp đến đồi Nālika. Vẫn tiếp tục tiến lên, ngài đi dọc theo bờ hồ Mucalinda về phía Đông Bắc. Từ đó nhờ con đường mòn hẹp, ngài đi sâu vào rừng rậm và xuyên suốt con đường quanh co trong núi cho đến đầu nguồn của dòng suối, rồi ngài gặp cái hồ tứ giác.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka nhìn xuống cõi trần và xem xét những việc đã xảy ra. Ngài suy nghĩ: "Bậc Đại sĩ đã vào Tuyết Sơn, người phải có nơi để cư trú." Vì thế, ngài ra lệnh cho Vissakamma (thần xây dựng):

– Hiền hữu hãy đi vào vùng thung lũng núi Vaṁka và xây ẩn am trên một địa điểm an lạc!

Vissakamma ra đi làm hai am tranh với hai lối đi có mái che, có phòng ban đêm và phòng ban ngày. Dọc các lối đi, vị ấy trồng các loại cây ăn trái và khóm chuối cùng sắp đặt mọi vật dụng cần thiết cho các ẩn sĩ. Rồi vị ấy ghi một câu: "Các vật này dành cho ai muốn làm ẩn sĩ." Và xua đuổi các loài phi nhân (ma quỷ) cùng các loài chim thú có tiếng kêu đáng sợ đi nơi khác, sau đó vị ấy trở về cõi của mình.

Khi nhìn thấy con đường mòn, bậc Đại sĩ biết chắc chắn nó phải dẫn đến khu vực của các ẩn sĩ cư trú. Ngài liền để Maddī và hai con ở trước cổng vào am tranh và tự bước vào. Khi thấy câu ghi chú kia, ngài nhận ra Thiên chủ Sakka đang để mắt đến ngài. Ngài mở cửa bước vào, đặt cung kiếm cùng xiêm áo mà ngài đang mặc xuống, khoác bộ áo tu hành của ẩn sĩ, ngài cầm cây gậy đi ra mái hiên đi kinh hành với vẻ thanh tịnh của một vị Độc Giác Phật và đến gần vợ con. Maddī quỳ xuống dưới chân ngài, mắt đẫm lệ rồi cùng ngài đi vào am, nàng đến am thất riêng của mình và khoác áo ẩn sĩ. Sau đó, hai vị bảo các con cùng làm như vậy. Thế là cả bốn vị Sát-đế-ly kia ở lại trong vùng thung lũng của núi Vaṁka. Bấy giờ, Maddī thỉnh cầu bậc Đại sĩ:

– Tâu Chúa thượng, xin chàng ở lại đây với các con, đừng ra ngoài hái quả dại, xin để thiếp đi thế!

Từ đó, nàng thường tìm các thứ quả rừng về nuôi cả ba. Bồ-tát cũng thỉnh cầu nàng:

– Này Maddī, bây giờ chúng ta là ẩn sĩ, và nữ nhân là mối bất tịnh. Vậy từ nay về sau xin nàng đừng đến gần ta phi thời!

Nàng ưng thuận ngay. Nhờ uy lực lòng từ bi của bậc Đại sĩ, ngay cả thú rừng trong vòng khoảng ba do-tuần đều có lòng thương xót lẫn nhau. Hằng ngày vào lúc rạng đông, Maddī thức dậy, đem nước uống, thức ăn cùng nước rửa và đồ chải răng để súc miệng, sau đó quét sạch thảo am. Rồi để hai con ở lại với cha chúng, nàng cầm thúng, xẻng, cây móc, đi vào rừng kiếm củ quả dại và chất đầy thúng. Buổi chiều, nàng trở về đặt quả rừng vào am, tắm xong liền tắm rửa các con và cả bốn người ngồi ở cửa am ăn trái cây. Sau đó, Maddī đem hai con lui vào trong nội thất của nàng. Theo cách này, họ sống trong vùng thung lũng của núi rừng được bảy tháng.

Chấm dứt phần *Đi vào rừng*.

***

V. BÀ-LA-MÔN JŪJAKA

Thời ấy, trong vương quốc Kāliṅga, tại làng Bà-la-môn Dunniviṭṭha có một người Bà-la-môn gọi là Jūjaka. Nhờ khất thực, lão đã kiếm được một trăm đồng tiền và gửi một gia đình Bà-la-môn kia giữ giùm rồi lại đi kiếm tiền thêm.

Trong khi lão đi xa, gia đình ấy tiêu hết số tiền. Khi lão trở lại liền mắng nhiếc họ, nhưng họ không thể trả nổi số tiền ấy, vì thế họ gả cô con gái tên Amittatāpanā cho lão. Lão đem cô gái cùng về làng Dunniviṭṭha ở Kāliṅga và sống tại đó. Cô gái Amittatāpanā săn sóc lão Bà-la-môn thật chu đáo. Một số thanh niên Bà-la-môn thấy nàng tận tụy như thế liền trách móc các bà vợ của họ:

– Hãy xem cô ta săn sóc lão già chu đáo thế kia, trong khi các bà thật vô tình đối với các anh chồng trẻ của mình!

Việc này khiến các bà vợ ấy quyết định đuổi nàng ra khỏi làng. Vì thế, họ tụ tập bên bờ sông và nhiều nơi khác để phỉ báng nàng.

Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1914. Bà-la-môn Jūjaka,
Trước đây ngụ tại quê Kāliṅga,
Vợ ông trẻ đẹp mặn mà,
Amittatāpanā danh xưng.

1915. Những đàn bà nọ ra sông,
Mang bình lấy nước lại mong luận bàn,
Cố làm ô nhục hồng nhan,
Nhiều người tụ tập, dọc ngang quây quần.

1916. “Mẹ cô quả thật cừu nhân,
Và cha cô nữa cũng oan gia mà,
Để cho một lão đã già,
Cưới xin vợ trẻ nõn nà như đây!

1917. Người thân cô chẳng tốt chi,
Âm mưu đen tối, tinh vi luận bàn,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nõn nà đang xuân!

1918. Người thân quả thật cừu nhân,
Âm mưu đen tối, luận bàn gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nõn nà đang xuân!

1919. Người thân cô thật sai lầm,
Đến đi chỗ vắng rắp tâm tính bày,
Để cho một lão đã già,
Cưới xin vợ trẻ nõn nà như đây!

1920. Người thân cô độc ác thay,
Âm mưu đen tối, tính bày gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nõn nà xinh tươi!

1921. Người thân cô thật chẳng vừa,
Âm mưu đen tối, luận bừa gần xa,
Để cho một lão đã già,
Cưới cô vợ trẻ nõn nà như bông!

1922. Đời cô thật chẳng toại lòng,
Khi cô sống với người chồng già nua,
Kết duyên với một lão già,
Ôi thôi, chết quách cũng là tốt hơn!

1923. Hỡi cô xinh xắn, đẹp tươi,
Sao cha mẹ chẳng tìm người khác đi,
Trong khi con độ xuân thì,
Họ đành đem gả chồng chi già khòm!

1924. Lễ dâng mùng chín không tròn,
Và ngày tế lửa không còn được dâng,
Trong khi con gái đang xuân,
Họ đành đem gả lang quân già khòm!

1925. Chắc cô phỉ báng chẳng tôn,
Bà-la-môn với Sa-môn tu hành,
Những người Phạm hạnh đa văn,
Thọ trì giới luật ở trần gian đây,
Nên khi cô tuổi xuân thì,
Phải theo chung sống ông chi già khòm!

1926. Không đau như bị dao đâm,
Không đau như rắn cắn nhằm nơi thân,
Thật là đau buốt tâm can,
Khi nhìn ông lão lang quân lõi đời!

1927. Với chồng đã quá già rồi,
Còn gì thích thú tươi cười nữa đâu?
Chuyện trò chẳng chút vui nào,
Khi cười, lão cũng nhăn nheo khó nhìn!

1928. Gái trai độ tuổi thanh niên,
Sống cùng nhau chốn tư riêng thắm nồng,
Dứt ngay mọi nỗi đau buồn,
Những gì tiềm ẩn trong lòng vấn vương.

1929. Cô là con gái còn xuân,
Xinh tươi, được đám đàn ông mơ hoài,
Thế sao ông lão già rồi,
Làm cô thích thú? Hãy lui về nhà!"

Khi nàng nghe họ nhạo báng, nàng liền mang bình nước về nhà và khóc.
– Tại sao nàng khóc?
Ông chồng hỏi và nàng trả lời qua vần kệ:

1930. Tôi không đi nữa, thưa ông!
Khi đi lấy nước nơi sông về nhà,
Đàn bà chế giễu tôi là,
Ông đây già quá, thưa Bà-la-môn!

Jūjaka đáp:

1931. Xin đừng làm nữa nàng ơi,
Không cần lấy nước cho tôi thế này,
Nàng ôi, đừng giận dỗi vầy,
Vì tôi sẽ lấy nước thay cho nàng!

Cô vợ đáp:

1932. Chàng đi lấy nước về nhà,
Đó không phải cách tộc gia tôi làm,
Tôi xin nói thật rõ ràng,
Nếu chàng làm vậy, tôi, chàng chia tay.

1933. Ngoại trừ mua một nô tài,
Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này,
Tôi xin nói rõ chàng hay,
Tôi thề không ở lại đây với chàng.

Jūjaka đáp:

1934. Làm sao mua nổi tiểu đồng?
Tôi không nghề ngỗng, bạc vàng, thóc ngô.
Thôi đừng giận dỗi, liễu bồ!
Tôi đi làm việc gia nô của nàng.

Cô vợ bảo:

1935. Giờ tôi muốn nói với chàng,
Những lời nghe được dân làng nói ra:
"Đằng kia trên đỉnh Vaṁka,
Có vì Vua Vessantara lưu đày."

1936. Giờ chàng hãy vội đi ngay,
Xin ngài cho được một tay tiểu đồng,
Vương gia chắc chắn bằng lòng,
Ban chàng những thứ chàng mong ước mà.

Jūjaka đáp:

1937. Tôi đây lụ khụ quá già,
Lòng e lắm nỗi đường xa gập ghềnh,

Xin đừng than khóc buồn tình,
Nay tôi chẳng có thân mình dẻo dai,
Nhưng đừng giận dỗi, nàng ôi,
Tôi nguyền làm việc chính tôi sẵn lòng.

Cô vợ bảo:

1938. Y như một kẻ ra quân,
Chưa vô trận chiến đã toan đầu hàng,
Chàng đây cũng vậy, La-môn,
Chưa đi mà đã bại vong chạy dài.

1939. Ngoại trừ mua một nô tài,
Hoặc là tỳ nữ làm ngay việc này,
Tôi xin nói rõ chàng hay,
Tôi thề không ở lại đây với chàng,
Chuyện này quả thật đáng buồn,
Đó là một chuyện đau thương cho chàng.

1940. Nhìn tôi hạnh phúc ngập tràn,
Trong tay của một tình lang khác rồi,
Áo quần lộng lẫy thắm tươi,
Theo mùa thay đổi, trăng trời chuyển luân.

1941. Khi chàng năm tháng tàn dần,
Còn tôi vắng bóng, chàng buồn khóc than,
Tóc chàng sẽ bạc trắng ngần,
Lưng còng thêm nữa, bội phần khổ đau!

Lão Bà-la-môn nghe nói vậy nên sợ hãi. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1942. Và bây giờ lão La-môn,
Lòng đầy sợ hãi phục tuân ý nàng,
Cuống cuồng theo lực ái tham,
Lão ta hồi đáp phu nhân lời rằng.

1943. "Cho tôi thực phẩm đi đường,
Làm cho tôi bánh mật ngon ngọt ngào,
Làm thêm lương thực khô nào,
Bánh mì lúa mạch nướng mau trên lò.

1944. Ta đây sẽ dẫn về cho,
Được hai đứa trẻ hầu lo đêm ngày,
Chúng cùng cấp với nàng đây,
Cần cù phục vụ nàng hoài chẳng than!"

Nàng nhanh chóng chuẩn bị lương thực và báo cho lão mọi sự đã xong. Trong lúc ấy, lão sửa lại các chỗ xiêu vẹo quanh túp lều, làm cửa ngõ chắc chắn, mang củi từ rừng về, kéo nước vào cái lu lớn và đổ đầy vào các nồi chảo.

Rồi lão vừa khoác chiếc áo của người tu khổ hạnh vừa dặn vợ lúc ra đi:

– Từ giờ trở đi, nàng đừng đi ra ngoài những lúc không thích hợp và hãy cẩn thận giữ mình cho đến khi ta về!

Vừa mang giày và đeo bao lương thực lên vai, lão vừa đi vòng quanh vợ về phía hữu rồi ra đi với đôi mắt đẫm lệ ròng ròng. Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ:

1945. Nói này xong, lão La-môn,
Mang giày rồi lại đứng lên tức thì,
Lão khuyên bảo ả nữ nhi,
Nghiêng về phía hữu chia ly vợ mình.

1946. Ra đi dáng vẻ khổ nàn,
Lệ rơi lã chã quanh vành mắt y,
Vội vàng đến nước Sivi,
Kinh đô trù phú để tìm gia nô.

Khi lão đến kinh thành này, lão hỏi đám đông đang tụ tập để biết nơi Vua Vessantara ở. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1947. Lão đi đến tận nơi xa,
Hỏi thăm dân chúng vào ra quây quần:
"Xin cho tôi biết Đại vương,
Vessantara ấy, tìm phương hướng nào?"

1948. Đáp ngay cho lão đôi câu,
Đám đông tụ họp cùng nhau trả lời:
"Ngài đành phải chịu tàn đời,
Chỉ vì quá cúng các người La-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi xong,
Đến Vaṁka núi, lưu vong nơi này.

1949. Ngài đành phải chịu tiêu ma,
Chỉ vì quá cúng cho Bà-la-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi luôn,
Đến Vaṁka núi, vợ con mang cùng."

– Thế là các ngươi đã hủy hoại Đại vương của ta, nay còn vác mặt đến đây nữa ư? Ngươi hãy đứng yên đấy!

Rồi lấy gậy gộc, sỏi đá, họ đánh đuổi lão ra. Nhưng lão được các vị thần dẫn vào đúng con đường đi đến núi Vaṁka. Bậc Đạo sư ngâm kệ diễn tả việc này:

1950. La-môn bị vợ khiến làm,
Trong lòng có sẵn dục tham tràn trề,
Lão vào rừng lớn kinh ghê,
Các loài thú dữ, báo, tê giác đầy.

1951. Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
Muỗng, bình tế lửa lão quày quả mang,
Vào rừng lớn bởi nghe rằng,
Nơi này bố thí đúng bằng ước mong.

1952. Đi vào rừng lớn lòng vòng,
Từng bầy chó sói vây tròn quanh y,
Sợ kinh lão thét tức thì,
Rồi đi hốt hoảng nào hay lạc đường.

1953. La-môn dục vọng vấn vương,
Lòng tham buông thả, dặm trường rối ren,
Vaṁka lối núi lạc thêm,
Lão ta nói kệ, ca ngâm theo vần.

1954. "Ai người cho biết anh quân,
Ông hoàng tối thắng Vessantara,
Ngài ban tịnh lạc, ổn an,
Giúp người sợ hãi vượt qua nỗi niềm?

1955. Ngài an trú kẻ cầu tìm,
Ví như đất đỡ muôn nghìn chúng sinh,
Ai người sẽ nói cho mình,
Vessantara đấng minh quân nào?

1956. Ngài là đích đến kẻ cầu,
Ví như biển cả, sông sâu đổ vào,
Nào ai nói với ta mau,
Vessantara như là đại dương?

1957. Như hồ lạc thú nên thơ,
Nước trong mát lạnh, bến bờ đẹp tươi,
Mặt hồ sen trắng khắp nơi,
Ngó tơ nhụy thắm điểm tô hài hòa,
Nào ai sẽ bảo cho ta,
Vessantara như là hồ trong?

1958. Như cây sung lớn bên đường,
Mọc lên làm chốn nghỉ chân an toàn,
Dành cho lữ khách nhọc nhằn,
Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
Nào ai sẽ bảo cho mình,
Vessantara ví hình ảnh đây?

1959. Như bên đường có cây đa,
Mọc lên làm chốn nghỉ qua an toàn,
Dành cho lữ khách nhọc nhằn,

Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
Nào ai sẽ bảo cho mình,
Vessantara như hình ảnh đây?

1960. Như bên đường có cây xoài,
Mọc làm thành chốn dặm dài nghỉ chân,
Dành cho lữ khách nhọc nhằn,
Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
Nào ai sẽ báo cho mình,
Vessantara như hình ảnh đây?

1961. Như bên đường có sāla,
Mọc lên làm chốn nghỉ qua an toàn,
Dành cho lữ khách nhọc nhằn,
Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
Nào ai sẽ bảo cho mình,
Vessantara như hình ảnh đây?

1962. Như bên đường có cội cây,
Mọc lên làm chốn dặm dài nghỉ chân,
Dành cho lữ khách nhọc nhằn,
Vội vàng đi đến dưới tàng lá xanh,
Nào ai sẽ bảo cho mình,
Vessantara như hình ảnh đây?

1963. Nào ai nghe tiếng ta than,
Chung quanh toàn cả rừng hoang hãi hùng,
Lòng ta xiết đỗi vui mừng,
Nếu ai cho biết vương quân nơi nào.

1964. Chung quanh toàn cả rừng sâu,
Ai nghe than thở, ta bao muộn phiền,
Nếu người cho biết được liền,
Một lời nói ấy phước nhiều lắm thay!"

Bấy giờ, người thợ săn dân Ceta đã được chia phiên đi rừng canh giữ ngài, nghe lời than vãn này liền suy nghĩ: "Đây là lão Bà-la-môn đang kêu ca tìm nơi trú ẩn của Vua Vessantara, lão đến đây không có mục đích gì tốt đâu. Lão muốn xin ngài cho Maddī hoặc hai trẻ kia, chắc chắn thế! Được rồi, ta sẽ giết lão!" Thế là y liền đến gần lão và rút cây cung ra hăm dọa lão:

– Này lão Bà-la-môn, ta sẽ không tha mạng lão đâu!

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

1965. Thợ săn Ceta đi rừng,
Lắng nghe lời lão thở than, nói rằng:

"Ngài đành phải chịu tiêu vong,
Chỉ vì quá cúng La-môn các người,
Ngài vừa bị đuổi đi rồi,
Ra ngoài xứ sở đến đồi Vaṁka!

1966. Ngài đành phải chịu tiêu ma,
Chỉ vì quá cúng cho Bà-la-môn,
Ngài vừa bị đuổi đi luôn,
Đến Vaṁka núi, vợ con mang cùng.

1967. Thật là vô dụng ngu đần,
Nếu ngươi rời xứ đến rừng nơi đây,
Để tìm vương tử cho ra,
Như con hạc kiếm cá bầy giữa sông.

1968. Thế thì đây, hỡi La-môn,
Mạng kia của lão, ta không tha vầy,
Tên ta sẽ hút máu đầy,
Khi ta bắn nó từ cây cung dài.

1969. Mũi tên sẽ giết ngươi ngay,
Xé con tim ấy đứt ngoài khỏi thân,
Ta đem tế lễ cho thần,
Chung cùng thịt lão La-môn tàn đời.

1970. Với phần thịt, mỡ của ngươi,
Và đầu kia của chính người La-môn,
Ta đem tim đã cắt xong,
Tế dâng tất cả lúc ông lìa đời.

1971. Sau khi cúng tế hợp thời,
Lễ dâng thịt của chính người La-môn,
Từ đây lão chẳng còn mong,
Tìm đường dẫn vợ và con của ngài."

Nghe những lời này, lão già sợ chết khiếp liền tìm cách trả lời dối trá:

1972. La-môn sứ giả, giết chi!
Dân Ceta hãy nghe đây trình bày,
Này là quy luật xưa nay,
Thấy người sứ giả không ai giết đành.

1973. Thần dân giờ đã bình tâm,
Vua cha thương nhớ kiếm tầm ước mong,
Mẹ ngài mòn mỏi đợi trông,
Mắt bà chóng yếu hiện đang mờ dần.

1974. Họ giao ta chức sứ thần,
Đem về Chúa tể Vessantara,

Dân Ceta hãy nghe ta,
Nếu người có biết, nói ra tỏ tường!

Lúc ấy, người kia hài lòng khi nghe lão đến để tìm Vua Vessantara về nên y vội vàng buộc bầy chó lại, gọi lão Bà-la-môn xuống và mời lão ngồi trên một đống củi, đưa cho thức ăn rồi ngâm vần kệ này:

1975. Ta yêu vương tử, sứ thần,
Và ta sẽ để ông thành công ngay,
Đây là hũ mật, đùi nai,
Ta xin chỉ rõ vùng này cho ông,
Chính nơi ngài sống lưu vong,
Vị hay bố thí theo mong ước người.

Chấm dứt phần *Bà-la-môn Jūjaka.*

***

VI. MÔ TẢ KHU RỪNG NHỎ

Như vậy, y cho lão Bà-la-môn thức ăn cùng một bầu mật ong và một đùi nai nướng rồi để lão lên đường, vừa đưa tay phải lên chỉ nơi bậc Đại sĩ đang ở, y vừa ngâm kệ:

1976. Đạo sĩ ôi, núi đằng xa,
Gandhamādana là Hương Sơn,
Nơi Vessantara vương,
Hiện đang sinh sống an thường với con.

1977. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

1978. Cây đằng xa đó, kìa trông,
Trĩu cành sai quả xanh um sườn đồi,
Trong khi đỉnh núi cao vời,
Thẫm đen đến tận mây trời ẩn thân.

1979. Keo cao, sāla, cát đằng,
Cùng nhiều cây khác nhẹ nhàng chuyển rung,
Khác nào một đám túy ông,
Lắc lư trong gió, người trông thấy hoài.

1980. Phía trên các nhánh cây cao,
Bầy chim lảnh lót hót ca, nhạc hòa,
Cu gáy, gà najjuha,
Chuyền cành nhảy nhót cây này cây kia.

1981. Lá cành xào xạc lắc lư,
Như mời gọi khách, đón mừng hoan nghênh,
Làm vui lòng kẻ dừng chân,
Chính nơi ngài trú giữa rừng hoang sơ,
An vui cùng với con thơ,
Vessantara đại vương xuất trần.

1982. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

Người này lại nói thêm để ca tụng vùng thảo am ấy:

1983. Nào xoài, nào quách, mít thơm,
Chiêu liêu, hồng táo, lại còn sāla,
Me rừng và mận anh đào,
Thêm cây vả với táo ta trĩu cành.

1984. Đây cườm thị ánh màu vàng,
Nào đa, nào táo rừng đang hương nồng,
Có cây cam thảo vị ngon,
Cây sung trái chín ngọt đơm la đà.

1985. Lại thêm cây thị, chuối dài,
Giàn nho tuyệt diệu, chà là đường tươm,
Nơi đây nhiều mật ong thơm,
Tự mình cứ lấy rồi ăn thỏa lòng.

1986. Vài cây xoài mới trổ bông,
Vài cây đậu trái đang đong đưa cành,
Vài cây trái chín, trái non,
Trái hai loại tựa ếch con xanh màu.

1987. Người nào đứng dưới cây xoài,
Hái bao nhiêu quả chín rồi nơi đây,
Thật ra dù sống, chín cây,
Sắc, hương, vị cũng đủ đầy, tuyệt ngon.

1988. Ôi! Làm ta phải reo lên,
Khi nhìn cảnh quá ngạc nhiên, phi thường,
Huy hoàng tựa cõi thiên đường,
Như Nandana, tức vườn Lạc Hoan.

1989. Cây dừa, thốt nốt hàng hàng,
Giao nhau tàu lá bạc ngàn rừng hoang,
Khác nào hoa chuỗi kết giăng,
Lại trông như các cờ tung cao vời,

Có hoa thắm đủ màu tươi,
Giống y vạn ánh sao trời điểm tô.

1990. Cây kuṭaji, mía dò,
Cây quao, nguyệt quế núi bông đang mùa,
Thêm cây nguyệt quế thơm lừng,
Lài tây, ban trắng một vùng đơm bông.

1991. Cây soma, gụ, trầm hương,
Mai dây vàng trĩu, cây thơm nhiều loài,
Cây dâu, cây dẻ, phượng hoa,
Các bông phủ rợp la đà cành cây.

1992. Mai chỉ thiên, salaḷa,
Keo tràm, gáo trắng, sa-kê, cọ phèn,
Sāla bông trổ đua chen,
Tựa như rơm chất ụ đầy vàng sân.

1993. Gần bên rừng có một vùng,
Cảnh nơi đó đẹp, hài lòng khách nhân,
Xinh xinh hồ nước trong ngần,
Súng, sen xanh trắng tràn bờ phủ lên,
Khác nào vườn các thần tiên,
Chính Nandana, lạc viên trên trời.

1994. Sơn ca, cu gáy hót hoài,
Làm cho khắp cả rừng, đồi âm vang,
Đắm say vì các hoa ngàn,
Nở ra theo đúng mùa màng quanh năm.

1995. Hãy nhìn mật ngọt âm thầm,
Rơi rơi từng giọt trên tàng sen đây,
Và nghe ngọn gió hây hây,
Lướt đi nhè nhẹ từ Tây, Nam về,
Đến khi cả phấn, nhụy sen,
Được mang theo gió rắc trên am đầy.

1996. Biết bao dâu, lúa chín muồi,
Mọc quanh vùng ấy thường rơi xuống hồ,
Từng đàn cua, cá, trạnh, rùa,
Phóng vào tìm kiếm say sưa miệt mài,
Mật tuôn từ củ sen tươi,
Như là bơ sữa tiết từ rễ sen.

1997. Từng làn gió nhẹ đưa ngang,
Cỏ cây đủ loại mùi hương thơm lừng,

Hình như toàn bộ khu rừng,
Đắm say với các hoa, hương rợp đồi,
Bầy ong bay lượn khắp nơi,
Vo ve quanh quẩn những mùi hoa thơm.

1998. Rồi đàn chim tới đông hơn,
Chim kia đủ sắc lượn vờn loanh quanh,
Líu lo ca hát hân hoan,
Nhiều chim theo mái bay vòng đùa vui.

1999. Chim nơi hồ nước bốn loài,
Hót ca các tiếng chúc ngài nơi non:
"Vui yêu", "vui sống với con"
"Con yêu" cùng "sống với con yêu" này.

2000. Muôn hoa giăng chuỗi viền quanh,
Như khi cờ xí tung hoành lượn bay,
Hoa đầy màu sắc đẹp thay,
Hương thơm ngào ngạt thoảng bay xa gần,
Nơi kia cùng với các con,
Vessantara ẩn thân xuất trần.

2001. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

Người dân xứ Ceta miêu tả nơi cư trú của Vua Vessantara như vậy, khiến Jūjaka thích thú đáp lễ và chào y qua vần kệ:

2002. Nhận đây bánh lúa mạch non,
Thảy đều được nhúng mật ong ngọt ngào.
Nhiều viên bánh mật khéo sao,
Ta nay đem biếu ông nào ăn đi!

Nghe vậy, người dân xứ Ceta đáp:

2003. "Cám ơn, tôi chẳng cần gì,
Giữ phần lương thực mà đi đường dài,
Lấy thêm lương thực tôi mời,
Rồi xin đạo sĩ đến nơi ông cần.

2004. Lối này ông hãy khởi hành,
Thẳng lên là tới thảo am ngay mà,
Ẩn nhân là Accuta,
Răng đen, đầu bẩn, ly gia xuất trần,
Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào.

2005. Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng,
Đến kia và hỏi con đường,
Rồi ngài sẽ chỉ cho tường, Tôn ông."

2006. Điều này nghe được vừa xong,
Lão quay bên phải đi vòng Ceta,
Rồi đi tìm Accuta,
Con tim rộn rã chan hòa hân hoan.

Chấm dứt phần *Mô tả khu rừng nhỏ*.

***

VII. MÔ TẢ KHU RỪNG LỚN

2007. Một hồi đi lão tới nơi,
Thấy người ẩn sĩ Accuta kia,
Thấy rồi lão tiến lại gần,
Như vầy lão vội ân cần hỏi thăm.

2008. "Thưa ngài, ngài được mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỡi ngài?

2009. Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng dễ chăng?"

Vị khổ hạnh đáp:

2010. Cám ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thưa ông.

2011. Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng được luôn.

2012. Biết bao nhiêu tháng năm ròng,
Mà ta đã sống trong vùng ẩn cư,
Những gì bệnh tật, ưu tư,
Ta không hề thấy khởi từ nội thân.

2013. Kính mừng ngài đến nơi này,
Một duyên hạnh ngộ, thưa Bà-la-môn,

Xin mời tiến bước vào trong,
Và xin hãy rửa chân xong, thưa ngài![83]

2014. Đây là cườm thị, mà-ca,
Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào![84]

2015. Nước này mát lạnh ngọt ngào,
Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
Xin mời uống, bậc La-môn,
Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Jūjaka nói:

2016. Tôi xin nhận vật ngài ban,
Và xin nhận lễ cúng dường, Tôn ông.
Tôi tìm con của vương quân
Sañjaya bị lưu vong lâu rày,
Dân Sivi phán lệnh đày,
Xin cho tôi biết nơi ngài ẩn thân.

Vị khổ hạnh đáp:

2017. Ông tìm Sivi đại vương,
Mà không có ý thiện lương trong đầu,
Chắc ông cố ý mong cầu,
Chiếm vương phi của ngài đâu khó gì,
Kaṇhā cùng với Jāli,
Làm gia nô với nữ tỳ nhà ông.

2018. Hay ông tìm mẹ lẫn con,
Rồi ông dẫn họ vòng ra khỏi rừng,
Bởi vì ngài chẳng bạc vàng,
Không tài sản cũng không lương thực gì.

Nghe vậy, Jūjaka nói:

2019. Tôi không có ý xấu chi,
Cũng không đến để cầu xin ơn ngài,
Song nhìn người thiện tuyệt vời,
Vui thay sống với các người thiện lương.

2020. Tôi chưa từng thấy quân vương,
Chính ngài đã bị thần dân lưu đày,

---

[83] Tham chiếu câu kệ 2094, 2273 trong câu chuyện này; *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

[84] Câu kệ 2014-15, đối chiếu với câu kệ 2094-95, 2274-75 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J.* IV. 430, *Sattigumbajātaka* (*Chuyện anh vũ Sattigumba*), số §503; *J.* V. 312, Sona-Nanda-jātaka (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 68, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

Tôi mong diện kiến vua này,
Xin ông cho biết nơi ngài ẩn cư.

Vị đạo sĩ kia tin lời lão:

– Được rồi, ngày mai ta sẽ nói với ông, chỉ cần ở lại đây với ta hôm nay.

Thế là vị ấy tiếp đãi lão đủ thứ củ quả rừng, và hôm sau, đưa tay phải ra chỉ đường cho lão. Vị ấy lại ngâm các vần kệ như trước:

2021. Đạo sĩ ôi, núi đằng xa,
Gandhamādana là Hương Sơn,
Nơi Vessantara vương,
Hiện đang sinh sống an thường với con.

2022. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

2023. Cây đằng xa đó, kìa trông,
Trĩu cành sai quả xanh um sườn đồi,
Trong khi đỉnh núi cao vời,
Thẫm đen đến tận mây trời ẩn thân.

2024. Keo cao, sāla, cát đằng,
Cùng nhiều cây khác nhẹ nhàng chuyển rung,
Khác nào một đám túy ông,
Lắc lư trong gió, người trông thấy hoài.

2025. Phía trên các nhánh cây cao,
Bầy chim lảnh lót hót ca, nhạc hòa,
Cu gáy, gà najjuha,
Chuyền cành nhảy nhót cây này cây kia.

2026. Lá cành xào xạc lắc lư,
Như mời gọi khách, đón mừng hoan nghênh,
Làm vui lòng kẻ dừng chân,
Chính nơi ngài trú giữa rừng hoang sơ,
An vui cùng với con thơ,
Vessantara đại vương xuất trần.

2027. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da vào,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

2028. Kareni nở từng chùm,
Tỏa lan vùng đất, um tùm đẹp tươi,

Cỏ non xanh mọc khắp nơi,
Chốn kia không có bụi rơi đâu nào.

2029. Cỏ xanh tựa cổ chim công,
Sờ vào êm dịu như bông khác nào,
Mọc không quá bốn tất cao,
Lúc nào cũng vậy, không bao giờ nhiều.

2030. Quách, xoài và mận hồng đào,
Chùm sung lủng lẳng không cao, chín muồi,
Mọi cây có quả tốt tươi,
Mọc lên trong cánh rừng đồi xinh sao.

2031. Trong thơm dòng suối ngọt ngào,
Xanh như ngọc bích rì rào chảy ngang,
Tung tăng cá lội từng đàn,
Vui đùa lên xuống khe ngàn lượn quanh.

2032. Gần bên rừng có một vùng,
Cảnh nơi đó đẹp, hài lòng khách nhân,
Xinh xinh hồ nước trong ngần,
Súng, sen xanh trắng tràn bờ phủ lên,
Khác nào vườn các thần tiên,
Chính Nandana, lạc viên thiên đàng.

2033. Có ba chủng loại liên hoa,
Trong hồ khoe sắc cho ta thấy nào,
Sắc màu thay đổi biết bao,
Xanh lơ, đỏ thắm, trắng sao trắng ngần.

Như vậy, vị ấy ca tụng hồ tứ giác kia và kế đó ca tụng hồ Mucalinda:

2034. Hoa kia êm dịu như len,
Hoa sen, súng trắng đua chen phủ đầy,
Điểm hoa cỏ kalamba,
Mucalinda chính tên của hồ.

2035. Ông nhìn sen nở thật to,
Nơi kia vô số lá hoa lục hồng,
Mùa hè hay dẫu mùa đông,
Đều cao đến tận gối ông đây này!

2036. Hoa nhiều màu sắc đẹp thay,
Theo làn gió nhẹ hương bay dịu dàng,
Rồi ông nghe tiếng rộn ràng,
Của bầy ong đến theo làn hương đưa.

2037. Chung quanh bến nước bờ hồ,
Đứng thành một dãy cây to theo hàng,

Kìa quao núi, nọ gáo vàng,
Đó cây ban trắng hoa giăng đầy cành.

2038. Nào là cây cọ, cây quăng,
Pārijañña khoe cùng các hoa,
Cây vayana, phượng hoàng,
Đứng hai phía Mucalinda hồ.

2039. Cỏ cây keo tỏa khí lành,
Thêm setapārisa, paddha,
Chân chim, ngũ trảo sắc tươi,
Lại cùng ban núi rạng ngời những hoa.

2040. Muồng hoàng yến, paṅgura,
Chùm ngây, sela, la đà trĩu hoa,
Rồi cây đậu khấu, keta,
Hòa cùng cây trúc đào hoa đầy cành.

2041. Trâm bầu hai dạng tranh nhau,
Mahānāma hoa màu thắm xinh,
Đầu cành rực rỡ hoa kìa,
Từ cây lâm vố đỏ tươi một vùng.

2042. Nào cây bạch diệp, cây rum,
Nào cây hoa sữa, chuối rừng ở đây,
Dhanu, điên điển bông đầy,
Cây ngư mộc với cẩm lai cũng đồng.

2043. Chùm ngây núi, thiến thảo đồi,
Hợp cùng trầm Ấn thơm ngời các hoa,
Lài tây, setageru,
Cam tùng hương, mía dò, kulāva.

2044. Cả cây cổ thụ, cây non,
Thảy đều thẳng tắp, đơm bông đầy cành,
Mọc hai bên phía thảo am,
Tại nơi thờ lửa chung quanh cũng nhiều.

2045. Và đây từ nước mọc lên,
Cây phaṇijjako chen hồ này,
Muggati, karati,
Hai loài đậu nước, rong, sīsaka.

2046. Gió xô làn nước vào bờ,
Ong ruồi hút mật hiṅgu bụi này,
Kia là cây dāsima,
Kañjaka, kalamba la đà.

2047. La-môn nhìn các cội cây,
Dây leo elamphura phủ cùng,
Hương thơm tỏa ngát bảy hôm,
Cứ bay theo gió mà không phai tàn.

2048. Đẹp sao Mucalinda,
Hai bên hồ ấy đầy hoa tuyệt vời,
Súng xanh tươi thắm rạng ngời,
Khu rừng xinh xắn, gọi mời dừng chân.

2049. Hương hoa gió thoảng thơm lừng,
Tỏa cùng nửa tháng không ngừng bay xa,
Nào là hoa trắng, hoa xanh,
Nào cây đậu biếc các nhành trĩu hoa,
Rừng này khắp chốn mọc đầy
Kalerukkha, tulsi hoắc hương.

2050. Từng làn gió nhẹ đưa ngang,
Cỏ cây đủ loại mùi hương thơm lừng,
Hình như toàn bộ khu rừng,
Đắm say với các hoa, hương rợp đồi,
Bầy ong bay lượn khắp nơi,
Vo ve quanh quẩn hoa thơm đậu vào.

2051. Có thêm ba loại bí đao,
Mọc lên ở giữa hồ ao thế này,
Quả bằng bình nước trong tay,
Quả kia thật lớn sánh tày trống canh.

2052. Nhiều hành, hạt cải, xanh um,
Cây gì như dáng cọ dừa xòe ra,
Điểm tô thêm những súng xanh,
Nhiều hoa đến nỗi ngắt ngay được liền.

2053. Lan hoàng dương kế cây lài,
Hắc chiên-đàn ngát hương bay ngọt ngào,
Hoa nho nhỏ của bí bầu,
Gần vô ưu với cây bồ công anh.

2054. Này là bụi thắm hoa vàng,
Bụi kia hoa đỏ xen cùng lài tây,
Này hoa lâm vố loại dây,
Leo lên trên những cành cây rỡ ràng.

2055. Bụi đây kaṭeruha,
Dây vāsantī, dây lài ngất ngây,

Dây nhu, lài đại, thảo tây,
Padumuttara cây đẹp ngời.

2056. Cây muồng hoàng yến hoa chào,
Cùng bông vải biển và quao núi này,
Đan xen như tấm lưới vàng,
Lại trông như lửa bùng ngang khu rừng.

2057. Bao nhiêu là loại hoa tươi,
Mọc ra trong nước hay trồi đất lên,
Chung quanh hồ nước thần tiên,
Hãy nhìn chúng sống đua chen quây quần.

2058. Nơi kia cá sấu vẫy vùng,
Mọi loài thủy tộc ẩn thân hồ này,
Đàn cá chép, naḷapī,
Cá sừng, lợn biển từng bầy tới lui.

2059. Mật ong, cam thảo ngọt thơm,
Kê vàng cùng các cây hương đậm đà,
Hai loài cỏ gấu, bạch hoa,
Lại thêm thảo dược tên lolupā.

2060. Còn nhiều những loại mộc hương,
Cây lài tây với loại cây thân trường,
Paddhaka, loại kim ngân,
Cam tùng thảo, đậu hòa lan, jhāma.

2061. Nghệ vàng và cỏ thạch thơm,
Cỏ hương hai loại vươn chồm lên cao,
Dạ hương, cây cọ lao xao,
Lại cam tùng thảo, si, long não kìa.

2062. Nơi kia sư tử, voi rừng,
Cọp vằn cùng với dạ-xoa mặt lừa,
Từng bầy hươu đỏ, hươu sao,
Linh dương, nai hoẵng dáng cao lẹ làng.

2063. Chó rừng và chó phốc hươu,
Chồn bay, sóc, chó lông màu cỏ lau,
Ba loài khỉ tới lao xao,
Linh dương ba loại chậm nhanh từng đàn.

2064. Tê ngưu, gấu với heo rừng,
Hai loài nai lớn, bò rừng nhiều thay,
Sóc đen và cáo cả bầy,
Thật là vô số tụ đây từng đàn.

2065. Chó săn, trâu với dã can,
Tắc kè, beo gấm, cả đàn vượn leo,
Các con nai đốm, kỳ đà,
Cũng đồng có mặt ở trong rừng này.

2066. Thỏ rừng, sư tử, diều hâu,
Gà lôi, chim quạ cùng đàn nai tơ,
Chim công, chim trĩ thiếu chi,
Thiên nga lông trắng, đến đi chốn này.

2067. Gà gô bên phía gà rừng,
Đàn voi cùng cất tiếng kêu đáp lời,
Chim cò, chim diệc, le le,
Kuñja cùng với vādika, hai loài.

2068. Diều hâu đỏ, pampaka,
Các loài chim khác như là đa đa,
Kula, kapiñjara,
Gà lôi tìm tới, chim ưng bay về.

2069. Maddālaka, bhaṇḍu,
Chim piṅgulā, chim loài đa đa,
Chim aṅgahetuka,
Celakedu, celābaka, godhaka.

2070. Chim cu, bồ cắt đến đây,
Cú mèo, ưng biển, thật là vui thay,
Khu rừng đông đúc đủ loài,
Líu lo giọng hót, miệt mài mê say.

2071. Nơi này xuất hiện thêm loài,
Chim màu lục sẫm, hót lời du dương,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.

2072. Nơi này có những chim trời,
Du dương âm giọng, là loài noãn sanh,
Lông đuôi nhiều sắc viền quanh,
Có đuôi mắt đẹp với vành trắng xinh.

2073. Nơi này có những con chim,
Du dương âm giọng, là loài noãn sanh,
Chim công vòng cổ lục xanh,
Cất lên tiếng hót, chuyện bàn đôi câu.

2074. Các con chim trĩ, sáo nâu,
Kulīra, gõ kiến, kadamba,

Pokkharasātaka,
Đại bàng đen, két, quạ cùng nhau kêu.

2075. Nơi này có rất là nhiều,
Chim naḷaka trắng, vàng, đỏ hung,
Diều hâu, chim két, chim cu,
Kadamba với hiṅgurāja.

2076. Chim ưng, ó biển, thiên nga,
Atibala, pākahaṃsa,
Chim parivadantika,
Bồ nông với dạng gà rừng, gà lôi.

2077. Có chim vầng nhật thiên nga,
Bồ câu, hồng hạc, nadīcara,
Uy nghi tinh tế đại bàng,
Ngày đêm cất giọng rộn ràng vang xa.

2078. Nơi này lại có thêm loài,
Chim nhiều màu sắc tới lui rất thường,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.

2079. Nơi này cũng có một loài,
Chim nhiều màu sắc tới lui rất thường,
Các chim hòa điệu du dương,
Líu lo hai phía Mucalinda.

2080. Nơi này karaviya,
Loài chim cu khác bay qua cũng thường,
Vui cùng chim mái dễ thương,
Cất lên tiếng hót yêu đương trao lời.

2081. Nơi này karaviya,
Loài chim cu khác bay qua cũng thường,
Tất cả hòa điệu du dương,
Líu lo hai phía Mucalinda.

2082. Khu rừng còn có loài voi,
Linh dương, các loại hươu nai thiếu gì,
Lòng thòng các loại dây leo,
Thấy loài nai quý lướt vèo đến đi.

2083. Nơi kia hạt cải, mía cây,
Nhiều loài lúa núi mọc dày cao vươn,
Lại thêm loại sắn dây rừng,
Lúa thơm sāli trồng không cần cày.

2084. Đằng kia có lối đường mòn,
Đưa ông đến chốn ẩn thân của ngài,
Nơi kia đói khát không ai,
Cũng không hề thấy mảy may chán chường,
Nơi kia cùng với các con,
Vessantara đại vương lánh trần.

2085. Mang hình dáng bậc La-môn,
Cán, thìa tế lễ, tóc đan bện vào,
Nằm trên đất, khoác tấm da,
Ngài thường tôn kính châm cao lửa hồng.

2086. Việc này khi đã nghe xong,
Quanh ngài bên phải, lão vòng bước ra,
Đi tìm Vessantara,
Tâm hồn rộn rã chan hòa niềm vui.

Chấm dứt phần *Mô tả khu rừng lớn*.

***

VIII. CHUYỆN VỀ HAI ĐỨA TRẺ

Jūjaka tiếp tục đi theo con đường ẩn sĩ Accuta đã chỉ cho lão và đến tận hồ tứ giác. Lão nghĩ: "Bây giờ là chiều tối rồi. Giờ này Maddī đã trở về từ rừng và đàn bà thường hay cản trở việc thí tặng. Ngày mai, khi bà ấy đã đi vào rừng, ta sẽ đến nơi ẩn cư gặp Vessantara và xin ngài các đứa trẻ kia, rồi trước khi bà trở về, ta phải đem chúng đi ngay." Thế là lão trèo lên ngọn đồi bằng phẳng không xa mấy và nằm xuống một nơi êm ái.

Bấy giờ, khoảng rạng sáng ngày hôm sau, Maddī nằm mộng thấy như vầy: Một người đàn ông da đen mặc hai y vàng, đeo vòng hoa đỏ, bước vào lều cỏ chụp lấy tóc trên đầu Maddī và lôi nàng ra ngoài, ném nàng nằm ngửa trên đất. Và trong lúc nàng kêu thét, gã móc hai mắt nàng ra, chặt hai tay, cắt xẻ lồng ngực nàng, kéo tim nàng ra máu chảy ròng ròng và đem quả tim nàng đi mất. Nàng kinh hoàng thức dậy và nghĩ: "Ta vừa thấy một cơn ác mộng. Ta không có ai ở đây trừ Vessantara giải thích mộng này, vậy ta phải hỏi ngài việc này." Rồi nàng đi đến lều của bậc Đại sĩ và gõ cửa.

– Ai đó?

– Tâu Chúa công, thiếp là Maddī đây.

– Này hiền thê, sao nàng đến đây phi thời và phá lời giao kết của chúng ta?

– Tâu Chúa công, thiếp đến đây không phải vì ham muốn gì mà vì thiếp vừa thấy ác mộng.

– Vậy nàng hãy nói cho ta biết, Maddī.

Nàng kể lại giấc mộng đã hiện ra. Bậc Đại sĩ hiểu ngay ý nghĩa giấc mộng này và suy nghĩ: "Sự bố thí của ta sắp thành tựu viên mãn. Hôm nay sẽ có người đến cầu xin các con ta. Ta sẽ an ủi Maddī và để nàng ra về." Vì thế, ngài bảo:

– Tâm trí nàng chắc hẳn bị xao động vì ngủ không an giấc hay ăn khó tiêu đó thôi. Đừng sợ gì cả!

Ngài giả vờ lấy cớ này an ủi nàng và để nàng đi ra. Khi trời sáng dần, nàng làm tất cả mọi việc xong, ôm hôn đầu các con và nói:

– Hôm qua mẹ gặp cơn ác mộng, các con hãy cẩn thận nhé!

Rồi đem hai con giao cho bậc Đại sĩ, nàng xin ngài chăm sóc các con rồi lấy thúng, cuốc, xẻng, lau nước mắt và đi vào rừng hái củ quả.

Còn Jūjaka nghĩ lúc ấy nàng đã đi rồi liền từ trên đồi đi xuống theo con đường mòn tiến về phía am lá. Bậc Đại sĩ vừa ra khỏi am và ngồi xuống trên một phiến đá như một bức tượng bằng vàng. Ngài suy nghĩ: "Bây giờ người cầu ân sắp đến rồi", như một người nghiện rượu đang thèm khát rượu và ngồi ngắm con đường mà kẻ kia sắp đến. Các con ngài đang chơi đùa quanh quẩn bên chân ngài. Và trong lúc ngài ngắm con đường, ngài thấy lão Bà-la-môn đang đến, như thể trọng trách bố thí trong suốt bảy tháng được đặt xuống nay ngài lại mang lên, ngài reo mừng:

– Này Bà-la-môn, hãy đến đây mau!

Rồi ngài ngâm kệ với bé trai Jāli:

2087. Jāli, hãy đứng lên con,
Ngắm xem kìa lão La-môn đến rồi,
Chính thời xưa đã tái hồi,
Làm ta tràn ngập niềm vui chan hòa.

Nghe vậy, cậu bé đáp:

2088. Vâng vâng, phải đấy thưa cha,
Con đang nhìn thấy lão Bà-la-môn,
Hình như lão đến cầu ân,
Hẳn là vị khách đang cần nhà ta.

Cùng với những lời này, cậu muốn bày tỏ lòng cung kính lão liền đứng lên từ chỗ ngồi và đi ra đón lão Bà-la-môn, xin xách giùm hành lý của lão. Lão Bà-la-môn nhìn cậu và nghĩ: "Đây hẳn là Jāli, con trai Vessantara, ngay từ đầu, ta phải nói năng thô lỗ với nó mới được." Thế là lão búng ngón tay ra phía cậu và thét to:

– Thôi cút đi! Cút đi!

Cậu bé suy nghĩ: "Bà-la-môn này, không biết người đâu mà thô lỗ thế?" Rồi nhìn kỹ thân lão, cậu nhận thấy lão có đủ mười tám dị tật của con người. Lão Bà-la-môn đến gần Bồ-tát và vừa cung kính chào ngài vừa nói:

2089. Thưa ngài, ngài được mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỡi ngài?

2090. Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng dễ chăng?

Bồ-tát từ tốn đáp lại:

2091. Cám ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thưa ông.

2092. Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng được luôn.

2093. Sống đây đã bảy tháng trường,
Chúng ta buồn bã trong rừng hoang sơ,
Chẳng hề từ trước đến giờ,
Được trông thấy một vị Bà-la-môn,
Như nay nhìn thấy Tôn ông,
Khác nào thấy được thần nhân thế này,
Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
Đồ dùng tế lửa muỗng, bình nước đây.

2094. Kính mừng ngài đến nơi này,
Một duyên hạnh ngộ, thưa Bà-la-môn,
Xin mời tiến bước vào trong,
Và xin hãy rửa chân xong, thưa ngài![85]

2095. Đây là cườm thị, mà-ca,
Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào![86]

---

[85] Xem câu kệ 2013, 2273 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

[86] Hai câu kệ 2095-96, đối chiếu với câu kệ 2014-15, 2274-75 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J.* IV. 432, *Sattigumbajātaka* (*Chuyện anh vũ Sattigumba*), số §503; *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

2096. Nước này mát lạnh ngọt ngào,
Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
Xin mời uống, bậc La-môn,
Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Nói lời này xong, bậc Đại sĩ suy nghĩ: "Chẳng phải lão Bà-la-môn đến khu rừng rậm này mà không có duyên cớ. Ta phải hỏi lão lý do ngay lập tức." Rồi ngài ngâm kệ:

2097. Nói cho ta biết nguyên nhân,
Lý do nào khiến Tôn ông lên đường,
Đẩy đưa ông tận rừng hoang,
Xin ông hãy nói rõ ràng ta hay!

Jūjaka đáp:

2098. Giống như hồng thủy ngập đầy,
Và không hề có một ngày nào vơi,
Thần nay muốn đến xin ngài,
Ban cho thần được cả hai con nhà.

Nghe điều này, bậc Đại sĩ hân hoan trong lòng như thể người dang tay đưa ra chiếc túi cả ngàn đồng tiền, rồi ngài ngâm kệ vang tới tận chân núi:

2099. Ban ân ta chẳng chần chừ,
Ông là chủ chúng, xin mời dẫn đi,
Sáng nay thì vắng vương phi,
Để tìm thực phẩm, chiều về đến đây.

2100. Xin ông ở lại đêm nay,
Sáng mai, ông sẽ đi ngay lên đường.
Tắm con, bà xức dầu thơm,
Và quàng cho chúng những tràng hoa tươi.

2101. Đêm nay ở lại, xin ông,
Sáng mai vừa hé vầng đông lên đường,
Hai con sẽ được điểm trang,
Với nhiều hoa đẹp mùi hương ngạt ngào,
Rồi ông đem chúng đi mau,
Cùng nhiều củ quả dồi dào thức ăn.

Jūjaka đáp:

2102. Thưa không, trình tấu Đại vương,
Thần đi, chẳng dám vấn vương nơi này,
E rằng trở ngại gì đây,
Sẽ ngăn cản bước chân ngay trên đường.

2103. Nữ nhân chẳng phải rộng lòng,
Phát ban thường vẫn cản ngăn cố tình,

Biết nhiều mưu kế thông minh,
Thường hay lạc lối, ác hành tạo nên.

2104. Người ban bố với niềm tin,
Đừng cho trẻ gặp mẹ nhìn băn khoăn,
Nếu không bà sẽ cản ngăn,
Tâu Quân vương, tiểu thần mong lên đường.

2105. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này,
Người ban bố, tín tâm đầy,
Thì công đức ấy càng ngày càng tăng.

2106. Xin ban vương tử, công nương,
Đừng cho trẻ thấy mặt vương phi này,
Người cho kẻ giống thần đây,
Đi lên thiên giới thẳng ngay tức thì.

Vessantara nói:

2107. Nếu không muốn thấy vương phi,
Trung thành tận tụy hiền thê quả là,
Hãy đưa Jāli, Kaṇhā,
Đi thăm tổ phụ vương gia trên đường.

2108. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt đến gần vương gia,
Ngài đầy hỷ lạc, chan hòa,
Sẽ ban cho lắm của quà đến ông.

Jūjaka đáp:

2109. Thần e làm hỏng hành trang,
Thần xin ngài, hỡi ông hoàng nghe đây,
Phụ vương trừng trị thần ngay,
Hoặc sai giết, bán thân này còn chi,
Không tiền của, chẳng nô tỳ,
Thì bà nội tướng cười chê trăm đường.

Vessantara nói:

2110. Khi nhìn đôi trẻ dễ thương,
Nói năng dịu ngọt đến gần vương quân,
Vị vua cấp dưỡng toàn dân,
Sivi quốc, vốn công bằng chánh chân,
Ngài sanh hỷ lạc ngập tràn,
Sẽ ban ông lắm bạc vàng khỏi lo.

Jūjaka đáp:

2111. Không, thần không thể nghe lời,
Làm điều này nọ mà ngài đưa ra,
Thần mong đem bọn trẻ thơ,
Để về hầu hạ vợ nhà đó thôi!

Đôi trẻ nghe những lời thô lỗ ấy liền sợ hãi lẩn trốn ra sau lều tranh rồi chạy khỏi lều giấu mình gần một bụi cây. Rồi chúng nghĩ Jūjaka cũng có thể đến chỗ này bắt mình đi. Chúng run sợ không thể đứng yên nơi nào cả mà cứ chạy loanh quanh cho tới khi đến bờ hồ tứ giác kia, chúng quấn chặt bộ áo vỏ cây quanh mình và nhảy xuống nước, đứng giấu đầu dưới đám lá sen.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2112. Jāli chạy tới chạy lui,
Cùng Kaṇhā, chúng đứng ngồi không an,
Trong niềm đau khổ muôn vàn,
Khi nghe lời nói hung hăng theo mình.

Và Jūjaka, khi chẳng thấy bóng dáng đôi trẻ đâu liền quở trách Bồ-tát:

– Này Vessantara, khi ngài vừa cho ta đôi trẻ, bây giờ ngay lúc ta bảo ngài là ta không muốn đến thành Jetuttara mà chỉ muốn dẫn đôi trẻ về hầu hạ vợ ta thì ngài ra hiệu cho chúng và khiến chúng chạy trốn mất rồi ngồi đó làm ra vẻ chẳng biết gì! Ta chắc trên đời chẳng có ai dối trá như vậy!

Bậc Đại sĩ thấy lòng xúc động: "Chắc chắn chúng nó đã chạy trốn." Ngài suy nghĩ và nói to:

– Đừng lo gì việc ấy, này Tôn ông, ta sẽ đem chúng về.

Thế là ngài đứng dậy đi ra sau am lá, nhận thấy chúng có lẽ đã trốn vào rừng, ngài đi theo dấu chân chúng dẫn đến bờ hồ, rồi vừa thấy dấu chân ở nơi chúng bước xuống hồ, ngài nghĩ chắc hẳn chúng đã lặn xuống nước, vì thế ngài gọi to:

– Này Jāli con ơi!

Và ngài ngâm hai vần kệ này:

2113. Con trai yêu, tới đây nhanh!
Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha,
Đến đây thánh hóa tim ta,
Hãy theo ý nguyện của cha đến cùng.

2114. Con làm thuyền vững băng dòng,
Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,
Đến bờ kia khỏi sự sinh,
Cha nguyền đưa cả nhân thiên thoát dòng.

Ngài kêu to:

– Này Jāli, hãy đến đây con ơi!

Cậu bé nghe giọng cha nghĩ thầm: "Cứ để lão Bà-la-môn làm gì ta mặc ý, ta không muốn cãi cọ với cha ta." Cậu bé ngẩng đầu lên, rẽ các lá sen và bước ra khỏi nước, nhào đến trên chân phải của bậc Đại sĩ, ôm chặt lấy chỗ mắt cá chân và khóc.

Sau đó, bậc Đại sĩ nói:

– Này con, em gái con đâu?

Cậu đáp:

– Mọi chúng sanh đều biết tự bảo vệ mình lúc gặp hiểm nguy.

Bậc Đại sĩ nhận ra rằng chắc hẳn các con đã giao kết với nhau rồi nên ngài kêu to:

– Đến đây Kaṇhā!

Và ngài ngâm hai vần kệ:

2115. Này con gái quý, tới nhanh!
Hãy làm đạo hạnh hoàn thành cho cha,
Đến đây thánh hóa tim ta,
Hãy theo ý nguyện của cha đến cùng.

2116. Con làm thuyền vững băng dòng,
Cho cha vượt biển sinh tồn bình yên,
Đến bờ kia khỏi sự sinh,
Cha nguyền kéo cả nhân thiên thoát dòng.

Cô bé cũng suy nghĩ: "Ta không muốn cãi cọ với cha ta", và chỉ chốc lát, cô bước ra khỏi nước, ngã vào chân trái của cha, nắm chặt chỗ mắt cá chân và khóc. Nước mắt hai trẻ thơ nhỏ xuống chân bậc Đại sĩ có màu như hoa sen nở lớn, và nước mắt ngài chảy xuống lưng chúng có màu như phiến vàng. Sau đó, bậc Đại sĩ nâng hai con lên và an ủi chúng:

– Này con trai Jāli, con không biết cha giàu lòng bố thí sao? Hãy làm thế cho ước nguyện của cha được thành tựu!

Và ngay lúc ấy, ngài định giá hai con như thể người ta định giá trâu bò. Ngài bảo con trai:

– Này con Jāli, nếu con muốn được tự do, con phải trả cho đạo sĩ này một ngàn đồng vàng. Còn em gái con đẹp lắm, nếu có người nào thuộc dòng hạ đẳng đưa cho đạo sĩ này một số tiền nhiều độ như thế, như thế để trả tự do cho em con thì người ấy sẽ phá hủy quyền quý tộc của nó. Không ai trừ nhà vua mới có thể ban tặng tất cả vật theo số trăm. Vì vậy, nếu em con muốn được tự do, phải trả cho đạo sĩ một trăm nô tài, một trăm nữ tỳ và voi, ngựa, bò đực, tiền vàng, mỗi thứ đều một trăm.

Ngài định giá hai con như vậy xong rồi an ủi vỗ về chúng và đưa chúng trở lại am tranh. Sau đó, ngài lấy nước trong bình ra, gọi đạo sĩ đến gần, vừa rót nước vừa cầu nguyện cho ngài đạt thành Chánh giác:

– Này Bà-la-môn, còn đáng quý hơn con trai ta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn lần là quả vị Chánh giác!

Ngài kêu lớn làm cho cõi đất vang dội rồi ngài đem hai con làm tặng vật quý báu cho lão Bà-la-môn. Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

2117. Bậc làm hưng thịnh xứ Sivi,
Bèn dẫn con Kaṇhā, Jāli,
Ngài tặng cả hai con trẻ ấy
Cho La-môn đạo sĩ mang đi.

2118. Bậc làm hưng thịnh xứ Sivi,
Bèn dẫn con Kaṇhā, Jāli,
Ngài tặng con, tài sản quý nhất,
Cho La-môn đạo sĩ mang đi.

2119. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm dựng tóc lông!
Vào lúc các con được tặng thí,
Đất bằng bỗng rúng động âm vang![87]

2120. Việc này thật sự khiến bàng hoàng!
Và việc này làm dựng tóc lông!
Khi bậc làm hưng thịnh Sivi,
Đại vương khởi chắp tay dâng ban,
Các con đang sống an vui ấy,
Đến trực tiếp cho Bà-la-môn.

Khi bậc Đại sĩ đã bố thí xong, ngài đầy hân hoan, nghĩ rằng tặng vật ngài ban thật tuyệt hảo làm sao trong khi ngài đứng nhìn hai con. Còn lão Jūjaka đi vào rừng, dùng răng cắn đứt một nhánh cây leo, lấy buộc tay bên phải cậu bé vào tay trái cô bé và vừa xua chúng đi vừa đánh chúng bằng đầu dây leo ấy.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2121. Lão đạo sĩ kia độc ác thay,
Dùng răng cắn đứt dây leo dài,
Buộc dây vào cánh tay đôi trẻ,
Lấy một đầu dây đánh chúng đi.

2122. Rồi đạo sĩ kia, gậy dưới tay,
Cầm dây leo ấy chặt trong tay,
Đánh bầy con trẻ và xua chúng,
Trước mắt nhìn theo của chính ngài.

---

[87] Xem câu kệ 1672, 1807, 2280 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *D.* II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*), số 16; *S.* I. 157, *Parinibbānasutta* (*Kinh Bát-niết-bàn*); *Thag.* v. 1018, *Ānandattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda*).

Nơi nào lão đánh chúng, da đều bị tét ra và chảy máu, chúng lảo đảo dựa lưng nhau mà đi, nhưng đến một chỗ gồ ghề, lão vấp té nhào. Bàn tay yếu mềm của đôi trẻ tuột ra khỏi sợi dây trói và chúng vừa khóc vừa chạy về phía bậc Đại sĩ. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2123. Đôi trẻ như vầy được thoát thân,
Chạy bay khỏi lão Bà-la-môn,
Bé trai nhìn mặt cha khi ấy,
Đôi mắt đong đầy dòng lệ tuôn.

2124. Bé trai lễ chân cha mà run,
Như gió thổi lay động lá sung,
Vừa lúc lễ cha xong, cậu ấy,
Nói cùng với vị cha lời rằng.

2125. "Sao cha muốn bỏ lũ con thơ,
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Cha đợi đến khi gặp được mẹ,
Lúc này cha hãy quyết lòng cho!

2126. Sao cha muốn bỏ lũ con thơ,
Trong lúc mẹ đang phải vắng nhà?
Đừng bỏ chúng con, cha kính quý,
Đợi khi mẹ trở lại, con chờ,
Rồi tùy ý đạo sĩ kia muốn,
Mặc lão bán hay giết trẻ thơ!

2127. Chân lão to dày, móng xỉn dơ,
Thịt u xệ xuống tựa bao da,
Môi trên dài trớt ra run rẩy,
Mũi gãy, đen sì thật khó ưa!

2128. Bụng như cái chậu, chiếc lưng còng,
Đôi mắt nhìn sao lé đứng tròng,
Đầy vết nhăn nheo và lốm đốm,
Râu màu hung đỏ, tóc hoe vàng.

2129. Mắt vàng đỏ láo liên như mèo,
Chân dị, dáng người gập quắt queo,
Thô lớn, áo da dê bó sát,
Không như người, khiến hãi kinh ghê!

2130. Lão là người hay quỷ dạ-xoa,
Máu uống, thịt ăn, giết chúng sanh,
Con quỷ tới làng, rừng vắng vẻ,
Xin cha bố thí của, ban ân?

2131. Khi quỷ dữ kia dắt chúng con,
Sao cha nhìn ngó dửng dưng lòng?
Phải chăng cha có tim bằng đá,
Buộc thêm sợi thép chặt mấy vòng?

2132. Người chẳng biết con bị La-môn,
Rất hung tợn, thấy của cầu mong,
Trói gô rồi đánh chúng con mãi,
Như trâu bò phải chạy long rong?

2133. Ít nhất, con xin cầu khẩn cha,
Cho em ở lại, bé Kaṇhā,
Em như nai nhỏ đang còn bú,
Chẳng biết gì, khóc do lạc nhà."

Nghe những lời này, bậc Đại sĩ không đáp lại tiếng nào. Sau đó, cậu bé lại khóc than vì cha mẹ mình:

2134. Con chẳng cho đây là khổ thân,
Vì là số phận mọi thường nhân,
Nhưng không thấy bóng hình từ mẫu,
Quả thật là điều đáng khổ buồn.

2135. Con chẳng cho đây là khổ thân,
Vì là số phận mọi thường nhân,
Nhưng không nhìn thấy hình thân phụ,
Quả thật là điều đáng khổ buồn.

2136. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Khi không gặp Kaṇhājinā,
Con gái dễ thương, đáng quý yêu.

2137. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Khi không gặp Kaṇhājinā,
Con gái dễ thương, đáng quý yêu.

2138. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
Khóc than suốt ở nơi am tranh,
Khi không gặp Kaṇhājinā,
Con gái dễ thương, đáng quý yêu.

2139. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
Khóc than suốt ở nơi am tranh,
Khi không gặp Kaṇhājinā,
Con gái dễ thương, đáng quý yêu.

2140. Chắc hẳn mẹ đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Nửa đêm hoặc lúc không an giấc,
Tương tự dòng sông sẽ cạn khô.

2141. Chắc hẳn cha đây sẽ rất sầu,
Khóc than trong suốt thời gian lâu,
Nửa đêm hoặc lúc không an giấc,
Tương tự dòng sông sẽ cạn khô.

2142. Những cây hồng táo, vedisa,
Cây ngũ trảo thường mọc ở đây,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại cả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!

2143. Cây sung, cây mít với cây đa,
Lại có tra bồ-đề tỏa ra,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại quả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!

2144. Đứng kia như một vườn nên thơ,
Dòng suối mát trôi thật lặng lờ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay giã biệt ta đi xa!

2145. Và có bao nhiêu là loại hoa,
Trổ đơm trên núi đồi gần xa,
Các hoa ta trước đây thường đội,
Nay giã biệt ta đi khỏi mà!

2146. Và có bao nhiêu loại quả ngon,
Kết trên đồi núi chín ngọt giòn,
Quả này ta trước đây hay thọ,
Nay giã biệt ta vượt núi non!

2147. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời!

Mặc dù cậu than khóc như vậy, lão Jūjaka vẫn đến xua đánh đem cậu đi cùng em gái. Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

2148. Hai con trẻ nói với người cha,
Trong lúc bị đưa đẩy thật xa:
"Mong mẹ hiền con được mạnh khỏe,
Và mong hạnh phúc đến cho cha!

VIII. ĐOẠN GIỮA

Ba ngày trôi qua, bậc Đại sĩ thuyết giáo như vậy cho vợ con, thân tộc, bạn hữu cùng nhiều người khác đã xong. Khi biết thời hạn đã mãn, từ tinh sương, sau khi tắm và dùng bữa ăn đầy cao lương mỹ vị, ngài bảo:

– Ta sẽ tạ từ đức vua và ra đi cùng chàng thiếu niên này.

Rồi ngài đi đến cung vua cùng với đám quyến thuộc vây quanh, đảnh lễ vua rồi đứng sang một bên, nhắn nhủ đôi lời cần thiết, thích đáng.

***

Bậc Đạo sư tả cảnh ấy như sau:

1518. Khi đã khuyên răn, nhắn nhủ vầy,
Đến thân bằng, quyến thuộc cùng hay,
Bậc Hiền trí bước cùng bằng hữu,
Tiến thẳng hoàng cung của đức ngài.

1519. Đê đầu đảnh lễ dưới chân vua,
Vai phải nghiêng nghiêng hướng đức vua,
Vidhura hai tay chắp lại,
Bậc Hiền trí tấu những lời sau.

1520. "Thiếu sinh này sẽ dẫn thần đi,
Sử dụng thần theo ý của y,
Thần muốn tâu trình vì quyến thuộc,
Cúi xin đấng chiến thắng nghe bày.

1521. Mong ngài trông đến các con thần,
Và của cải đang có tại gia,
Để lúc thần đi xa biệt dạng,
Không lo tổn quyến thuộc, người thân.

1522. Giống đi trên đất trượt bàn chân,
Người phải tựa đất mà đứng lên,
Cú trượt của thần đây cũng vậy,
Xin thừa nhận lỗi này nơi thần!"

Vua nghe vậy liền bảo:

– Này bậc Trí giả, trẫm không muốn khanh ra đi chút nào cả. Trẫm sẽ tìm cách triệu chàng thiếu sinh ấy đến rồi giết gã đi và lấy chiếu bó giấu xác.

Vua giải thích việc này qua vần kệ:

1523. Này khanh, không thể bước đi ra,
Đây chính điều cương quyết của ta.
Khi đã giết xong chàng trẻ ấy,
Khanh cần ở lại chốn này mà.

Dẫu đó gia nô nam hoặc nữ,
Hay người hầu hạ khác cho ta.

2157. Ta cũng tựa như con cá rồi,
Bị giam cầm giữa bẫy giăng mồi,
Ta không thể thấy con yêu dấu,
Bị lão mắng và đánh chẳng thôi.

Vì thương con, những tư tưởng này hiện ra trong trí bậc Đại sĩ, ngài không thể chịu được nỗi đau khổ khi nghĩ đến lão Bà-la-môn đánh đập tàn nhẫn con ngài như thế nào nên ngài định đi tìm lão và giết lão rồi đem các con về. Nhưng không, ngài lại nghĩ: "Làm thế là sai lầm. Bố thí rồi lại hối tiếc vì nỗi khổ của con trẻ quá lớn lao thì đó không phải là cách của người chân chánh."

Hai vần kệ sau đây chứa đựng những suy tư trên, soi sáng vấn đề này:

2158. Ồ, ta sẽ lấy theo cây cung,
Bên trái buộc thanh kiếm cạnh sườn,
Ta dẫn các con mình trở lại,
Cực hình con trẻ thật bi thương!

2159. Việc nghĩ rằng con sẽ mạng vong,
Ta mang khổ ấy là sai không,
Sau khi biết cách của người thiện,
Ai lại cho rồi tiếc của công?

Trong lúc có mặt bậc Đại sĩ, lão Jūjaka cũng đánh đập đôi trẻ kia khi lão dẫn chúng đi đường. Cậu bé lại than khóc:

2160. Lời thế này nghe được đúng thay,
Người đời một số nói như vầy,
"Người nào không mẹ mình bên cạnh,
Cha thế này, như chẳng có ai!"

2161. Đến đây em hỡi, bé Kaṇhā!
Rồi chúng ta đây sẽ chết mà,
Đời chẳng còn gì ý nghĩa nữa,
Khi vua tặng lão chúng ta vầy,
Bà-la-môn thật quá hung ác,
Xem tựa trâu bò, lão đánh ta.

2162. Những cây hồng táo, vedisa,
Cây ngũ trảo thường mọc ở đây,
Ôi! Cả rừng cây đủ loại cả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!

2163. Cây sung, cây mít với cây đa,
Lại có tra bồ-đề tỏa ra,

Ôi! Cả rừng cây đủ loại quả,
Từ nay giã biệt ta đi xa!

2164. Đứng kia như một vườn nên thơ,
Dòng suối mát trôi thật lặng lờ,
Nơi chốn ngày xưa đùa giỡn ấy,
Ngày nay giã biệt ta đi xa!

2165. Và có bao nhiêu là loại hoa,
Trổ đơm trên núi đồi gần xa,
Các hoa ta trước đây thường đội,
Nay giã biệt ta đi khỏi mà!

2166. Và có bao nhiêu loại quả ngon,
Kết trên đồi núi chín ngọt giòn,
Quả này ta trước đây hay thọ,
Nay giã biệt ta vượt núi non!

2167. Xinh xinh, nhỏ nhắn các đồ chơi,
Ngày trước ta đùa giỡn chúng hoài,
Bầy ngựa, trâu bò, voi đủ thứ,
Ngày nay ta cũng phải xa rời!

Lần nữa, lão Bà-la-môn lại ngã vào một nơi gồ ghề và sợi dây sút ra khỏi tay lão, hai đứa trẻ run rẩy như đôi chim bị thương chạy một mạch về phía cha. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2168. Lúc ấy Kaṇhā với Jāli,
Được La-môn nọ dẫn đường đi,
Thoát thân chúng vội vùng lên chạy,
Mải miết chúng bay biến tức thì.

Nhưng lão Jūjaka vội đứng lên ngay và đuổi theo chúng với dây và gậy trong tay, lão gầm thét như lửa phun vào ngày tận thế:

– Chúng bây có tài chạy khôn lanh thật đấy!

Rồi lão buộc tay chúng lại và đưa chúng đi đường như cũ.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2169. Rồi đạo sĩ kia, gậy dưới tay,
Cầm dây leo ấy chặt trong tay,
Đánh đàn con trẻ và xua chúng,
Trước mắt nhìn theo của chính ngài.

Trong lúc bị dẫn đi xa, Kaṇhājinā quay lại nhìn và than khóc với cha.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2170. Cô bé Kaṇhā nói thế này,
"Cha ơi, xem lão La-môn đây,

Coi con nô lệ xuất thân ấy,
Lấy gậy đánh con rất mạnh tay!

2171. Thường các La-môn sống chánh chân,
Lão này không phải Bà-la-môn,
Quỷ ma đội lốt La-môn đó,
Lão dẫn đi, ăn thịt chúng con,
Cha có thể ngồi yên ngắm nghía,
Chúng con bị quỷ bắt đi chăng?"

Trong khi con gái bé bỏng than khóc run rẩy bước đi, nỗi đau đớn xót xa bùng dậy trong lòng bậc Đại sĩ, tim ngài nóng bừng, mũi ngài không đủ sức để thở, vì thế từ miệng ngài thoát ra tiếng thở hổn hển và dòng lệ như những giọt máu tuôn ra từ mắt ngài. Rồi ngài suy nghĩ: "Tất cả nỗi đau đớn này đều do tình thân yêu chứ không vì cớ gì khác, ta phải xoa dịu tình cảm này và giữ bình thản." Như vậy là nhờ trí lực, ngài dứt được nỗi đau buồn sâu sắc này và ngồi yên như cũ. Trước khi đi đến lối vào trong ngọn núi, cô bé lại tiếp tục than khóc:

2172. Đau nhức đôi chân của trẻ thơ,
Đường dài thật khó bước đi qua,
Đạo nhân cứ giục đàn con trẻ,
Vầng nhật lặn dần ở phía xa.

2173. Chúng con tha thiết cầu thần linh,
Ở các núi đồi, rừng thắm xanh,
Và cúi lễ nơi hồ nước ấy,
Cùng ao có bến bờ xinh xinh.

2174. Thưa các cỏ, dây leo nói chung,
Các cây thuốc, ngọn núi, khu rừng,
Xin chư vị nói mẹ luôn khỏe,
Chúng con bị bắt bởi La-môn.

2175. Mong các ngài thông báo mẹ hay,
Maddī là mẹ chúng con đây,
Báo rằng nếu mẹ muốn theo trẻ,
Thì hãy theo nhanh dấu vết này.

2176. Nơi này có một lối đi riêng,
Thẳng hướng đi thì am đến liền,
Mẹ hãy men theo đúng lối ấy,
Nhanh tìm gặp chúng con bình yên!

2177. Hỡi ơi! Mẹ tóc bện thường khi,
Mang vác củ rừng với trái cây,
Khi trở lại am nhìn trống vắng,
Mẹ con sẽ khốn khổ, sầu bi.

2178. Hình như mẹ mất thời gian lâu,
Để kiếm cho được quả, củ, rau,
Chẳng biết chúng con đã bị trói,
Bởi La-môn hám của, tham sâu.

2179. Lão ta quá độc ác đi thôi,
Đánh đập chúng con như lũ bò,
Mong ước làm sao nay gặp mẹ,
Khi chiều tối mẹ về đem đồ.

2180. Thế nào mẹ cũng cho La-môn,
Những củ quả rừng trộn mật ong,
Khi đã được ăn no thỏa thích,
Lão không quá thúc ép gì con.

2181. La-môn thúc ép nhiều vô cùng,
Nên khiến chân con trẻ rất sưng,
Vì ngóng mẹ hiền lâu quá đỗi,
Các con đã thảm thiết kêu than!

Chấm dứt phần *Chuyện về hai đứa trẻ*.

***

IX. NÀNG MADDĪ

Bấy giờ, ngay lúc vua ban các con yêu quý cho lão Bà-la-môn, cõi đất chấn động vang rền dữ dội đến tận cõi trời Phạm thiên và thấu suốt tâm các vị thần cư ngụ ở Tuyết Sơn. Các vị này nghe tiếng đôi trẻ than khóc trong lúc lão kia dẫn chúng đi liền suy nghĩ: "Nếu Maddī về kịp tới lều tranh lúc này mà không thấy các con đâu, nàng sẽ hỏi Vessantara về chuyện này và nàng sẽ nôn nóng biết bao khi nghe chúng đã bị đem thí cho lão Bà-la-môn. Nàng sẽ chạy đi tìm chúng và sẽ gặp nhiều gian truân vất vả." Vì thế, các vị ấy căn dặn ba vị thần giả dạng sư tử, cọp và báo để cản đường nàng, không để nàng đi trở lại tìm con cho đến khi mặt trời lặn. Như vậy, nàng chỉ có thể đi về tới am dưới ánh trăng và giữ cho nàng bình an khỏi bị sư tử hay các dã thú khác tấn công.

Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2182. Vừa nghe lời trẻ thơ than van,
Các vị thần bèn căn dặn rằng,
Ba vị biến thành loài mãnh thú,
Là sư tử, cọp, báo rừng hoang.

2183. "Đừng cho trở lại vị công nương,
Chiều tối sau khi kiếm thức ăn,
Đừng để thú hoang kia sát hại,
Ở trong lãnh địa của rừng hoang.

2184. Nếu cọp, báo, sư tử hại nàng,
Sát tàn bà mẹ đẹp hiền lương,
Thì sao Vương tử Jāli ấy,
Cùng với Kaṇhā sẽ sống nương?
Rồi mẹ đẹp hiền sẽ bị mất,
Người chồng cùng các con yêu thương."

Các vị ấy đồng ý và vâng lệnh các thần linh, hóa thành sư tử, hổ, báo nằm cạnh con đường mà nàng phải đi qua.

Bấy giờ, Maddī tự nghĩ: "Hôm qua ta mơ thấy ác mộng. Ta phải thu lượm củ quả và về lều cho kịp giờ." Nàng run rẩy đi tìm củ quả, làm cái cuốc rơi khỏi tay nàng, cái dây đeo thúng từ trên vai rớt xuống, mắt bên phải của nàng giật mạnh. Các cây đầy quả dường như chẳng có quả nào, còn cây không quả thì lại giống như đầy quả, nàng không còn biết đầu đuôi ra sao nữa. Nàng nghĩ thầm: "Không biết chuyện lạ gì đây, trước giờ chưa từng có nay ta lại gặp, điềm gở gì sắp xảy ra cho ta, hoặc cho các con của ta, hoặc cho Vessantara." Và nàng ngâm kệ:

2185. Cuốc ta rơi xuống đất rồi,
Ta nghe mắt phải giật hoài giờ đây,
Cây đầy trái hóa không này,
Chung quanh vạn vật như quay như cuồng.

Sau khi than thở như vậy, nàng lại đi tiếp.

2186. Mỗi khi trời trở chiều hôm,
Là ta đã đến thảo am xong rồi,
Lúc vầng nhật khuất chân đồi,
Đường nhiều dã thú rình mồi kiếm ăn.

2187. Giờ vầng nhật xuống thấp dần,
Mà sao am ấy chẳng gần, còn xa,
Đồ ta mang vác đây ra,
Chính là những thức ăn gia đình dùng.

2188. Chắc là vương tử đang ngồi,
Một mình chờ đợi trong chòi lá tranh,
Con thơ chàng phải dỗ dành,
Ta chưa trở lại, con đành đói meo.

2189. Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!
Giờ này bữa tối phải dùng,
Chắc con như uống sữa xong, ngoan chờ.

2190. Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!

Giờ này bữa tối phải dùng,
Chắc con như uống nước xong, ngoan chờ.

2191. Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!
Chắc con ra đứng đón trông,
Như bê nhỏ dại đang mong mẹ về.

2192. Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!
Chắc con ra đón mẹ trông,
Như thiên nga đậu bên hồ nhỏ xinh.

2193. Các con bé bỏng của ta,
Ôi! Ta khốn đốn, khổ đau vô cùng!
Chắc con ra đứng đón trông,
Cách khu vực ẩn cư không xa nhiều.

2194. Con đường độc nhất là đây,
Chung quanh hang hố rẫy đầy hồ ao,
Ta không tìm thấy đường nào,
Bây giờ ta phải làm sao về nhà?

2195. Các ngài chúa thú rừng già,
Ta xin kính lễ chúa vua đại hùng,
Theo như lý, nghĩa đệ huynh,
Nên xin ngài hãy nhường đường cho ta!

2196. Ta là chánh hậu vương gia,
Vinh quang thái tử bị đưa đi đày,
Ta thờ chồng, chẳng chê bai,
Như Sitā trước thờ ngài Rāma.

2197. Buổi chiều tối trở về nhà,
Các ngài lại thấy con ra đón chờ,
Như Jāli với Kaṇhā,
Xin cho gặp mẹ khi ta quay về!

2198. Đây dồi dào củ quả tươi,
Có nhiều thực phẩm ta mời ngài ăn,
Ta đem một nửa xin dâng,
Để cho ta được an thân về nhà.

2199. Các con chúng được sanh ra,
Cha là thái tử, mẹ là con vua,
Theo như lý, nghĩa đệ huynh,
Nên xin ngài hãy nhường đường cho ta.

Khi ba vị thần này thấy đã đến giờ để nhường đường cho nàng về liền đứng lên và chạy khỏi. Bậc Đạo sư ngâm kệ giải thích việc này:

2200. Thú rừng kia đã lắng nghe,
Lời nàng than khóc não nề thảm thương,
Âm thanh êm ái dịu dàng,
Chúng liền chạy mất để nàng đi ngay.

Khi bầy dã thú đã đi rồi, nàng trở về lều lá. Bấy giờ là đêm trăng tròn, khi nàng vừa đến cuối lối đi có mái che, nơi nàng thường gặp các con, nay không thấy chúng đâu, nàng kêu to:

2201. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Như bê con đợi mẹ xa trở về.

2202. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Như bên hồ nhỏ thiên nga quây quần.

2203. Thường ngày khu vực chỗ này,
Trẻ thơ lấm bụi ra đây chờ mà,
Chúng ra đứng đón trông ta,
Cách khu vực ẩn cư xa không nhiều.

2204. Như nai bé vểnh tai ra,
Chúng thường vội đến đón ta trên đường,
Tràn đầy hạnh phúc vui mừng,
Líu lo, chạy nhảy tưng bừng quanh ta.
Nhưng Jāli với Kaṇhā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.

2205. Như con nai cái, sơn dương,
Như chim sổ cánh tự vươn khỏi lồng,
Như sư tử cái tìm mồi,
Ta vào rừng rậm và rời con thơ,
Nhưng Jāli với Kaṇhā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón đường.

2206. Gần nhà đây những dấu chân,
Giống như loài tượng ở trên núi đồi,
Đó đây những đống cát bồi,
Vẫn còn nằm đó cách chòi không xa,
Nhưng Jāli với Kaṇhā,
Hôm nay ta chẳng thấy ra đón mừng.

2207. Các con thường chạy tung tăng,
Phủ đầy bụi bặm đến gần mẹ đây,
Lấm lem đất cát mặt mày,
Nhưng ta chẳng thấy giờ đây đứa nào.

2208. Trẻ thơ thường vẫn đón chào
Mẹ mình, chúng chạy lao xao từ nhà,
Khi ta về tự rừng già,
Ta không thấy chúng đón ta giờ này.

2209.[89] Tựa như các loại thú con,
Sơn dương, nai mẹ về lon ton mừng,
Đón từ xa cứ ngó chừng,
Trẻ thơ vắng bóng, không ngừng dạ lo.

2210. Này là đồ chúng chơi thường,
Trái bầu nâu sắc nhạt vàng lăn đây,
Nhưng Jāli với Kaṇhā,
Ta không thấy chúng đón ta giờ này.

2211. Vú ta căng sữa đã đầy,
Ngực ta như muốn vỡ ngay bây giờ,
Nhưng Jāli với Kaṇhā,
Hôm nay không thấy đón ta ở nhà.

2212. Chúng thường bám chặt bên hông,
Mỗi con đeo một vú căng tươi cười,
Nhưng Jāli với Kaṇhā,
Hôm nay không thấy chạy ra đón tìm.

2213. Giờ này trời đã về đêm,
Chúng đầy bụi đất lấm lem hết rồi,
Chúng ra lẽo đẽo bên hông,
Giờ không thấy chúng ra trông đón đường.

2214. Trước đây am thảo rộn ràng,
Cứ như chốn hội vui an mỗi ngày,
Nhưng giờ chẳng thấy con đây,
Chốn này như thể cứ xoay vòng tròn.

2215. Tại sao am thảo lặng lờ,
Ít nghe tiếng động như tờ im vây,
Quạ kia cũng chẳng kêu bầy,
Các con chắc đã chết hay sao rồi?

---

[89] Bản tiếng Anh thiếu kệ 2209.

2216. Tại sao am thảo lặng lờ,
Ít nghe tiếng động như tờ im vây,
Chim kia cũng chẳng kêu bầy,
Các con chắc đã chết hay sao rồi?

Than khóc như vậy xong, nàng đến gần bậc Đại sĩ và đặt thúng trái cây xuống. Thấy ngài ngồi yên lặng và không có hai con bên cạnh, nàng nói:

2217. Sao chàng cứ lặng yên ngồi,
Thế mà ác mộng tái hồi trong tâm,
Quạ kia cũng bặt thanh âm,
Các con chắc đã vong thân mất rồi!

2218. Sao chàng cứ lặng yên ngồi,
Thế mà ác mộng tái hồi trong tâm,
Chim kia cũng bặt thanh âm,
Các con chắc đã vong thân mất rồi!

2219. Thiếp đây nghi ngại, chàng ôi,
Các con bị thú săn mồi bắt ăn,
Hay người nào chốn rừng hoang,
Dẫn con của thiếp đi lang thang rồi?

2220. Các con nói tiếng dễ thương,
Có làm sứ giả, hay dường ngủ say,
Chúng đi ra tận phía ngoài,
Mải mê chơi giỡn đùa hoài hay không?

2221. Thiếp không thấy bóng trẻ con,
Tay chân mặt mũi cùng là tóc tai,
Hay là chim chụp mất người?
Kẻ nào mang chúng đi rồi phải chăng?

Nghe vậy, bậc Đại sĩ vẫn không đáp lại. Sau đó, nàng hỏi:

– Này phu quân, sao chàng không nói gì với thiếp? Thiếp có lỗi gì chăng?

Và nàng ngâm kệ:

2222. Giống như tên bắn bị thương,
Và còn đau xót muôn vàn hơn xa,
Khi Jāli với Kaṇhā,
Cả hai không thấy có nhà hôm nay.

2223. Đây là tên mũi thứ hai,
Mà chàng bắn thiếp xuyên ngay vào lòng,
Thiếp không nhìn thấy các con,
Mà chàng lại chẳng nói năng một lời.

2224. Vậy thì vương tử, chàng ôi!
Đêm nay chàng chẳng đáp lời thiếp chăng?

Thiếp xem đời thiếp đã xong,
Sáng mai chàng thấy thiếp vong thân mà.

Bậc Đại sĩ nghĩ rằng ngài sẽ làm dịu nỗi đau mất con bằng cách nói năng gay gắt nên ngài ngâm vần kệ:

2225. Maddī, công chúa vương gia,
Tiếng danh nàng quả thật là lớn thay,
Đi tìm thực phẩm sáng nay,
Cớ sao trở lại giờ đây muộn màng?

Nàng đáp:

2226. Chàng nghe sư tử, hổ chăng?
Chúng vừa gầm thét vọng vang xa gần,
Khi đi uống nước hồ bên,
Chim muông nhốn nháo kêu lên tưng bừng.

2227. Thiếp đang rảo bước rừng hoang,
Bỗng nhiên dấu hiệu rõ ràng hiện ra,
Cuốc từ tay thiếp rơi xa,
Trên vai dây thúng kia đà rớt luôn.

2228. Trong lòng hoảng sợ, đau thương,
Thiếp liền lễ lạy các phương lần lần,
Mong sao mọi sự bình an,
Đôi tay của thiếp chắp ngang nguyện cầu.

2229. Đừng loài sư tử, báo nào,
Giết đi thái tử của ta lúc này,
Các con ta đó cả hai,
Sói, linh cẩu, gấu chớ vây bắt gì!

2230. Con sư tử, cọp, báo kia,
Là ba dã thú đang đi trong rừng,
Chúng ngăn cản thiếp giữa đường,
Cho nên thiếp đến nhà dường tối khuya.

Bậc Đại sĩ chỉ nói bấy nhiêu lời với nàng từ đó cho đến tảng sáng. Vì thế, nàng Maddī lại than vãn đủ cách:

2231. Phu quân và các con thơ,
Thiếp thường tận tụy chăm lo đêm ngày,
Như trò săn sóc ông thầy,
Thiếp hành Phạm hạnh, tóc hay bện thường.

2232. Tấm thân thiếp khoác da nai,
Vào rừng kiếm quả củ, vai mang về,
Đi đây đi đó ngày đêm,
Chỉ mong con trẻ được thêm no lòng.

2233. Mẹ mang củ nghệ vàng này,
Quả bầu nâu nhạt, trái cây chín đều,
Mẹ mang mẹ vác thật nhiều,
Để con thỏa dạ và tiêu khiển đùa.

2234. Củ sen, súng, đám ngó tơ,
Và đây củ ấu từ hồ ngọt ngon,
Thiếp thêm một ít mật ong,
Trộn rồi, chàng với các con dùng liền.

2235. Cho con gái súng trắng kia,
Sen xanh để tặng Jāli của chàng,
Rồi xem chúng múa ca vang,
Vòng hoa tô điểm, xin chàng gọi ngay!

2236. Đại vương ơi, hãy lắng tai,
Âm thanh thích thú tuyệt vời biết bao!
Kaṇhā nói giọng ngọt ngào,
Và con đang bước gần vào lều ta.

2237. Từ khi bị đuổi đày xa,
Buồn vui chàng thiếp chung hòa với nhau,
Ôi, chàng hãy trả lời mau,
Kaṇhā, Jāli, thấy đâu hỡi chàng?

2238. Hẳn bao nhiêu vị đạo nhân,
Thiếp đà xúc phạm lỗi lầm nặng sao,
Các ngài đức hạnh thanh cao,
Trí đầy kiến thức nhiệm mầu sâu xa,
Nên Jāli với Kaṇhā,
Thiếp không còn thấy ở nhà hôm nay!

Nghe nàng than thở như vậy, bậc Đại sĩ vẫn không đáp một lời. Vì ngài không nói gì, nàng run rẩy đi tìm các con dưới ánh trăng, hễ những nơi chúng thường tới chơi đùa, dưới các cây hồng táo, nàng đều đến vừa tìm chúng vừa khóc than:

2239. Cây hồng táo, vedisa,
Và cây ngũ trảo hài hòa mọc đây,
Cả rừng đủ các loại cây,
Mà sao không thấy được hai con này.

2240. Cây sung, cây mít, cây đa,
Gần bên lại có cây tra bồ-đề,
Cả rừng đủ quả sum suê,
Mà sao không thấy con về với ta.

2241. Đứng kia như một vườn hoa,
Và kìa suối mát trôi qua lặng lờ,

Nơi xưa chúng vẫn đùa chơi,
Nhưng nay không có trẻ thơ nữa rồi.

2242. Hoa rừng có đủ các loài,
Đơm đầy khoe sắc trên đồi gần xa,
Chúng thường kết đội các hoa,
Mà nay không thấy con ta nữa rồi.

2243. Quả ngon có đủ các loài,
Kết trên đồi núi đầy cây trĩu cành,
Quả này chúng trước hay ăn,
Mà nay con trẻ biệt tăm nơi nào.

2244. Các đồ chơi bé tí ti,
Chúng thường đùa giỡn là kia cả rồi,
Bầy bò, bầy ngựa, bầy voi,
Con thơ không thấy ở nơi chốn nào.

Nghe tiếng của tiếng bước chân, tiếng động của muông thú, chim chóc, nàng ngâm kệ rằng:

2245. Đây nhiều thỏ đế, cú mèo,
Nai đen cùng với hươu sao cả bầy,
Các con cùng giỡn thường ngày,
Giờ không thấy chúng ở đây nữa rồi.

2246. Thiên nga, cò diệc, chim trời,
Bầy công đuôi thắm đẹp tươi bung xòe,
Các con cùng giỡn chơi đùa,
Nhưng không thấy bóng trẻ thơ đây mà!

Không nhìn thấy các con thân yêu trong lều tranh, nàng đi vào khóm cây hoa, vừa tìm chúng quanh quẩn vừa ngâm kệ:

2247. Này đây các khóm rừng già,
Với muôn hoa trổ nở ra theo mùa,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.

2248. Các hồ khả ái lắng tai,
Khi đàn ngỗng đỏ gọi dài âm thanh,
Biết bao sen trắng sen xanh,
Và nhiều cây mọc như cành san hô,
Nơi con thơ vẫn chơi đùa,
Nhưng không còn chúng bây giờ ở đây.[90]

---

[90] Tham chiếu: *J.* IV. 355, *Sādhīnajātaka* (*Chuyện Đại vương Sādhīna*), số §494; *J.* VI. 35, *Mahājanakajātaka* (*Chuyện Đại vương Mahājanaka*), số §539.

Nhưng nàng cũng không thấy các con thân yêu đâu cả. Rồi trở lại bên bậc Đại sĩ, nàng thấy ngài ngồi mặt buồn rười rượi, nàng bảo:

2249. Sao chàng không bổ củi to,
Nước chàng không xách về cho từ hồ,
Lửa chàng không đốt không thờ,
Sao chàng ngồi đó đẫn đờ miên man?

2250. Mỗi khi gặp được người thương,
Bao nhiêu nhọc mệt kia dường biến đi,
Nay Kaṇhā với Jāli,
Thiếp không thấy chúng mọi khi nô đùa.

Nhưng bậc Đại sĩ vẫn ngồi im lặng, và nàng đau khổ vì sự im lặng ấy nên run rẩy như con chim bị thương, nàng lại đi quanh những nơi nàng đã tìm kiếm trước kia rồi trở về nói:

2251. Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Quạ kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàng vắng hoe!

2252. Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Chim kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàng vắng hoe!

Bậc Đại sĩ vẫn không nói lời nào. Còn nàng nóng lòng đi tìm con, lần thứ ba trở lại tìm con ở những nơi nàng đã tìm, nàng chạy nhanh như gió. Trong một đêm nàng đã đi qua một khoảng đường tìm con dài mười lăm do-tuần. Rồi bóng đêm nhường chỗ cho ánh bình minh, vừa lúc rạng đông, nàng lại đến trước bậc Đại sĩ và đứng than khóc.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2253. Khi nàng vội vã băng qua,
Đi tìm khắp chốn rừng già, núi non,
Trở về bên cạnh phu quân,
Nàng liền đứng lại khóc than từng hồi.

2254. "Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Quạ kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàng vắng hoe!

2255. Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Bị ai đã hại chết mà biệt tăm,
Chim kia cũng chẳng kêu vang,
Chắc con thơ chết, mọi đàng vắng hoe!

2256. Bệ hạ ôi, con chúng ta,
Rõ ràng ai hại chết mà còn đâu,
Thiếp đây đã kiếm hang sâu,
Đi bao núi, gốc cây, sầu tìm con."

2257. Maddī, vương hậu cao ngôi,
Công nương quý tộc buông lời khóc than,
Với đôi tay ấy vừa dang,
Nàng liền ngã xuống đất bằng mê man.

Bậc Đại sĩ run rẩy nghĩ thầm: "Ôi, Maddī chết! Đây không phải là nơi để cho Maddī chết! Nếu nàng chết ở thành Jetuttara thì tang lễ sẽ linh đình biết bao, vì cả hai vương quốc đều chấn động. Nhưng ở đây ta chỉ một mình trong rừng, ta biết làm gì bây giờ?" Nỗi lo âu tràn ngập lòng ngài, rồi cố trấn tĩnh đôi chút, ngài quyết định làm hết sức mình.

Ngài đứng lên đặt tay trên ngực nàng và thấy nó vẫn còn ấm, ngài liền lấy nước trong bình đến, và mặc dù bảy tháng qua ngài không đụng chạm thân nàng, nay gặp lúc nguy khốn, ngài không thể giữ giới hạnh mà nước mắt tuôn trào, ngài nâng đầu nàng lên đặt trên lòng mình, rảy nước và ngồi xoa mặt nàng cùng chỗ tim nàng.

Một lát sau, Maddī tỉnh dậy, bối rối vừa đứng lên vừa kính lễ bậc Đại sĩ và hỏi:

– Tâu Chúa thượng Vessantara, các con đi đâu rồi?

Ngài đáp:

– Hoàng hậu, ta đã đem chúng cho một Bà-la-môn nọ.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2258. Ngài liền rảy nước cho nàng,
Trong khi nàng ngã mê man lịm dần,
Vừa khi nàng mới tỉnh hồn,
Ngài liền cất tiếng khuyên lơn vỗ về.

Nàng hỏi ngài:

– Này phu quân, nếu chàng đem hai con cho một Bà-la-môn, tại sao chàng để thiếp than khóc đi tìm quanh quẩn suốt đêm mà không nói một lời?

Bậc Đại sĩ đáp lại:

2259. Ta không thể nói tức thì,
Vì ta không muốn hiền phi đau buồn.
Một người già yếu, đạo nhân,
Đến đây xin được cầu ân toại lòng.

2260. Ta đem bố thí con ngoan,
Maddī đừng sợ, bình tâm lại liền,
Xin nàng đừng quá ưu phiền,
Xin nàng ngước mắt nhìn lên ta này,

Ta đem con trẻ về ngay,
Rồi ta mạnh khỏe sum vầy sống an!

2261. Sau khi thấy kẻ cầu ân,
Thiện nhân ban tặng vật dâng đủ đồ,
Các con, thóc lúa, trâu bò,
Cùng tài sản khác trong kho trong nhà,
Maddī, xin hãy hân hoan,
Không gì hơn lễ cúng dường các con.

Maddī đáp lại:

2262. Thiếp nay quả thật hân hoan,
Không gì hơn lễ cúng dường các con,
Nhờ đây tâm trí bình an,
Xin chàng cứ mãi phát ban cúng dường.

2263. Vì chàng là vị đại vương,
Bậc làm Sivi giang sơn oai hùng,
Giữa đời ích kỷ nhân quần,
Riêng chàng đã thí La-môn rộng lòng.

Nghe vậy, bậc Đại sĩ đáp:

– Tại sao nàng nói thế, Maddī? Nếu ta đã không thể giữ tâm thanh thản sau khi bố thí các con thì những việc thần kỳ hy hữu kia đã không xảy ra.

Rồi ngài kể cho nàng nghe tất cả các cơn địa chấn cùng các sự kiện khác. Thế là Maddī ngâm kệ hân hoan, tùy hỷ việc thí tặng lúc nghe kể xong các việc thần kỳ ấy:

2264. Đất bằng đã phải chuyển rung,
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao,
Chớp lòe sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đồi cao bấy giờ.

2265. Nārada, Pabbata,
Cả hai thiên chúng cùng hòa niềm vui,
Mọi thiên thần cõi Ba Mươi,
Inda Thiên chủ cùng ngài Phạm thiên,
Vua Soma ở cõi tiên,
Cùng ngài Diêm chúa ở miền Dạ-ma,
Thiên vương Vessavaṇa,
Khi nghe tiếng vọng, đồng hòa niềm vui.

2266. Vậy là công chúa cao ngôi,
Maddī danh tiếng ngâm lời hân hoan,
Nàng tùy hỷ với đại vương,
Không gì hơn lễ cúng dường các con.

Bậc Đại sĩ mô tả việc bố thí của ngài như vậy và Maddī cũng lặp lại chuyện ấy, công nhận ngài đã ban một thí vật cao quý. Nàng ngồi đó hoan hỷ về việc bố thí kia.

Vì vậy, bậc Đạo sư đã ngâm lại vần kệ: "Vậy là công chúa cao ngôi..."

Chấm dứt phần *Nàng Maddī*.

***

X. SAKKA THIÊN CHỦ

Trong lúc hai vị đàm đạo cùng nhau như vậy, Thiên chủ Sakka suy nghĩ: "Hôm qua, Vua Vessantara đã cho Jūjaka cả hai con mình nên quả đất đã rúng động. Bây giờ, giả sử một kẻ xấu xa nào khác xuất hiện và xin ngài chính nàng Maddī, bậc đức hạnh vô song ấy, rồi đem nàng đi, để vua ở lại một mình, ngài sẽ bơ vơ khổ sở. Thôi được, thế thì ta sẽ giả dạng một Bà-la-môn đến xin Maddī. Như thế ta sẽ có thể giúp ngài đạt công hạnh tối thượng và do vậy nàng không thể bị đem cho bất cứ ai khác, rồi ta sẽ trả nàng về." Vậy là vào lúc rạng đông, Thiên chủ Sakka đến gặp ngài.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2267. Vậy khi đêm đã tàn xong,
Và trời vừa rạng hừng đông sáng dần,
Sakka giả dạng đạo nhân,
Lên đường thật sớm đến thăm thảo đường.

2268. "Thưa ngài, ngài được mạnh lành?
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không hỡi ngài?

2269. Ngài nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chẳng hay tìm hại, tránh chừng dễ chăng?"

Bậc Đại sĩ đáp:

2270. Cám ơn! Ta vẫn mạnh lành,
An khương, vô bệnh, sở hành hanh thông,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng thưa ông.

2271. Ta không phải bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng hay tìm hại, tránh chừng được luôn.

2272. Sống đây đã bảy tháng trường,
Chúng ta buồn bã trong rừng hoang sơ,
Chẳng hề từ trước đến giờ,
Được trông thấy một vị Bà-la-môn.
Như nay nhìn thấy Tôn ông,
Khác nào thấy được thần nhân thế này,
Gậy bầu nâu gỗ cầm tay,
Đồ dùng tế lửa muỗng, bình nước đây.

2273. Kính chào ngài đến nơi này,
Một duyên hạnh ngộ, thưa Bà-la-môn,
Xin mời tiến bước vào trong,
Và xin hãy rửa chân xong, thưa ngài![91]

2274. Đây là cườm thị, mà-ca,
Đây là xoài trắng, quả nào cũng ngon,
Trái cây như thể mật ong,
Chọn ngay hạng nhất, La-môn ăn nào![92]

2275. Nước này mát lạnh ngọt ngào,
Chảy từ hang núi rất sâu trong rừng,
Xin mời uống, bậc La-môn,
Nếu như ngài muốn thỏa lòng khát khao.

Trong khi hai vị chào hỏi ân cần như vậy, ngài hỏi lý do vị kia đến đây:

2276. Nói cho ta biết nguyên nhân,
Lý do nào khiến Tôn ông lên đường,
Đẩy đưa ông tận rừng hoang,
Xin ông hãy nói rõ ràng ta hay!

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, thần già rồi, nhưng thần đến đây xin ngài ban cho thần Vương hậu Maddī. Mong ngài ban nàng cho thần!

Và Thiên chủ ngâm vần kệ này:

2277. Giống như dòng nước ngập đầy,
Và không hề có một ngày nào vơi,
Đại vương thần đến van nài,
Xin ban vương hậu của ngài, thần mong!

Nghe vậy, bậc Đại sĩ không đáp: "Hôm qua ta đã cho một Bà-la-môn cả hai con ta rồi. Nay làm sao ta cho ông nàng Maddī để rồi phải ở lại một mình trong

---

[91] Xem câu kệ 2013, 2094 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J.* V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

[92] Hai câu kệ 2274-75, đối chiếu với câu kệ 2014-15, 2095-96 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *J.* IV. 432, *Sattigumbajātaka* (*Chuyện anh vũ Sattigumba*), số §503; *Sona-Nanda-jātaka* (*Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda*), số §532; *J.* VI. 77, *Sāmajātaka* (*Chuyện hiếu tử Sāma*), số §540.

rừng hoang?" Không, ngài như thể đang cầm cái túi đựng một ngàn đồng tiền đưa ra, bình thản, không tham luyến, không chút vướng mắc trong tâm tư, ngài làm cho núi rừng vang dội với lời kệ này:

2278. Ta ban ngay chẳng phiền lòng,
Điều ông cầu khẩn muốn mong bây giờ,
Ta không cất giấu, chần chừ,
Tâm ta hoan hỷ khi đưa dâng người.

Nói lời này xong, ngài nhanh chóng lấy nước trong bình ra đổ lên tay rồi trao Maddī yêu quý cho vị Bà-la-môn. Ngay lúc ấy, mọi việc thần kỳ đã xảy ra trước kia lại được nghe thấy lần nữa.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2279. Bậc làm hưng thịnh Sivi,
Vua cầm tay của Maddī hậu hoàng,
Lấy thêm bình nước vội vàng,
Vua trao tặng phẩm cho Bà-la-môn.

2280. Kinh hoàng khiến dựng tóc lông,
Đất dày chuyển động ngay trong lúc này,
Ngài đem trao tặng Maddī,
Vợ hiền cho khách viếng miền thảo am.[93]

2281. Maddī chẳng chút mày nhăn,
Nàng không khó chịu, khóc than bây giờ,
Lặng yên nhìn, dạ suy tư,
"Hẳn chàng biết rõ việc này quý cao."
"Khi dâng Jāli, Kaṇhā,
Và Maddī vợ hiền hòa thủy chung,
Ta không suy tính lợi cùng,
Chỉ vì Tuệ giác bồi vun thôi mà.
Vợ hiền ta chẳng khó ưa,
Và hai đứa trẻ con nhà cũng không,
Nhưng vì Tuệ giác viên thông,
Với tâm ta, thật bội phần thiết thân."[94]

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nhìn lên mặt Maddī để xem nàng có thái độ như thế nào thì nàng liền hỏi ngài tại sao nhìn nàng như thế và thét to với giọng sư tử hống: "Chúa công, sao chàng nhìn thiếp?" rồi ngâm các lời kệ sau:

---

[93] Xem câu kệ 1672, 1807, 2119 trong câu chuyện này. Tham chiếu: *D*. II. 72, *Mahāparinibbānasutta* (*Kinh Đại Bát-niết-bàn*), số 16; S. I. 157, *Parinibbānasutta* (*Kinh Bát-niết-bàn*); *Thag*. v. 1018, *Ānandattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Ānanda*).

[94] Xem *Miln*. 114, *Pathavicalanapañha* (*Câu hỏi về tính chất của đất*); *Miln*. 275, *Vessantarapañha* (*Câu hỏi về Vua Vessantara*).

2282. Vợ chàng từ thuở thanh xuân,
Chính chàng là chủ nhân ông suốt đời,
Tùy chàng muốn biếu cho ai,
Bán đi hoặc giết thân này được thôi.

Lúc ấy, Thiên chủ Sakka nhận thấy quyết định cao cả của nàng liền ca ngợi nàng. Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2283. Sakka khi ấy đáp lời,
Thấy bao nguyện ước họ vừa hướng tâm,
"Mọi điều chướng ngại dẹp xong,
Ngài đây đã thắng khắp trong trời, người!

2284. Đất bằng đã phải chuyển rung,
Âm thanh tràn ngập mọi tầng trời cao,
Chớp lòe sáng chói biết bao,
Sấm rền vang vọng đồi cao bấy giờ.

2285. Nārada, Pabbata,
Cả hai thiên chúng cùng hòa niềm vui,
Mọi thiên thần cõi Ba Mươi,
Inda Thiên chủ cùng ngài Phạm thiên,
Vua Soma ở cõi tiên,
Cùng ngài Diêm chúa ở miền Dạ-ma,
Thiên vương Vessavaṇa,
Khi nghe tiếng vọng, đồng hòa hân hoan.

2286. Khó ban mà họ đã ban,
Họ làm được việc khó làm biết bao,
Kẻ không thánh thiện khó theo,
Pháp nào của bậc thiện sao khó hành![95]

2287. Vậy khi thiện, ác lìa trần,
Giã từ cuộc sống cõi phàm nơi đây,
Ác nhân vào ngục chịu đày,
Thiện nhân đến cõi thiên thần tái sinh.

2288. Cỗ xe này thật cao minh,
Ở rừng mà hiến thê nhi cúng dường,
Nên không còn đọa bước đường,
Việc này mang phước quả trong cõi trời."

Khi Thiên chủ Sakka bày tỏ sự tán đồng như vậy xong, ngài nghĩ: "Bây giờ ta không được trì hoãn nữa mà phải trao trả lại nàng và ra đi." Rồi ngài ngâm kệ:

---

[95] Hai câu kệ 2286-87, tham chiếu: *J.* II. 86, *Duddadajātaka* (*Chuyện khó cho*), số §180; *J.* IV. 64, *Biḷārikosiyajātaka* (*Chuyện phú ông keo kiệt Biḷāri*), số §450; *S.* I. 18, *Maccharisutta* (*Kinh Xan tham*).

2289. Nay ta trả lại cho ngài,
Maddī hiền phụ tuyệt vời đẹp xinh,
Chỉ ngài xứng với vợ mình,
Và Maddī với ngài tình thanh cao.

2290. Y như sữa với vỏ sò,
Cả hai cùng có sắc màu trắng tươi,
Cũng vầy ngài với Maddī,
Đồng tâm hòa ý phu thê sắt cầm.

2291. Cả hai Sát-đế-lỵ dòng,
Đôi bên cha mẹ cũng đồng gia môn,
Nơi đây trong chốn thảo am,
Các ngài chung sống rừng hoang một mình,
Để rồi tiếp tục làm lành,
Cúng dường bố thí phước sanh thêm nhiều.

Nói vậy xong, ngài tiếp tục ban một điều ước:

2292. Ta là Thiên chủ Sakka,
Đến đây thăm viếng ngôi nhà Hiền nhân,
Chọn ngay điều ước, Minh quân,
Ta ban tám ước nguyện phần Hiền vương.

Ngài vừa nói vừa bay lên không, sáng ngời như ánh triêu dương. Lúc ấy, Bồ-tát chọn các điều ước qua các vần kệ:

2293. Sakka, Chúa tể chúng sanh,
Nếu ngài có ý ban phần thưởng ta,
Mong vương phụ chóng giải hòa,
Mong cha hãy sớm gọi ta về nhà,
Cho ta bảo tọa vương gia,
Đầu tiên nguyện ước ta mong đạt thành.

2294. Ta không kết án tử hình,
Dù ai có phạm tội tình ra sao,
Mong ta cứu tử người nào,
Bị tù đày, ấy nguyện cầu thứ hai.

2295. Mong toàn dân chúng mọi người,
Khi cần giúp đỡ đến nơi ta liền,
Trẻ già, lớn bé, trung niên,
Và đây là chính ước nguyền thứ ba.

2296. Ta không tìm vợ người ta,
Chỉ vừa lòng với vợ nhà thiết thân,
Không chiều theo ý nữ nhân,
Thứ tư ước nguyện ta mong mỏi hoài.

2297. Sakka Thiên chủ, xin ngài,
Ban cho quý tử sống đời dài lâu,
Chánh chân chinh phục toàn cầu,
Thứ năm nguyện ước ân sâu xin ngài.

2298. Mỗi khi vừa hết đêm dài,
Vầng đông vừa hé, ban mai tiếp liền,
Mong sao thực phẩm thần tiên,
Cũng vừa xuất hiện, ước nguyền sáu đây.

2299. Mong sao thí vật đủ đầy,
Tín tâm ban phát rộng tay không ngừng,
Thí rồi không tiếc trong lòng,
Đây nguyền thứ bảy ta mong ước hoài.[96]

2300. Mong sau khi thoát nơi này,
Ta đi thẳng đến cõi trời vùng riêng,
Từ đây không phải tái sinh,
Đây nguyền thứ tám ta xin cầu ngài.

2301. Sakka Thiên chủ cõi trời,
Đã nghe ngài nói, đáp lời như sau:
"Phụ vương ngài chẳng bao lâu,
Sẽ đi đến gặp con dầu rất xa."

Vừa nói lời này xong, Sakka trở về cõi của ngài.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này qua vần kệ:

2302. Sakka, Thiên chủ hùng oai,
Sujā phu tướng nói lời này xong,
Sau khi ban đủ đặc ân,
Trở về thẳng cõi thiên thần trú an.

Chấm dứt phần *Thiên chủ Sakka*.

***

XI. VỊ ĐẠI VƯƠNG

Bấy giờ, Bồ-tát và Maddī sống hạnh phúc cùng nhau trong thảo am mà Thiên chủ Sakka đã ban cho hai vị. Còn Jūjaka cùng đôi trẻ tiếp tục cuộc hành trình dài sáu mươi do-tuần. Các thần linh vẫn chăm sóc đôi trẻ.

Mỗi khi mặt trời lặn, Jūjaka thường lấy cây liễu gai buộc chúng lại và để chúng nằm trên mặt đất, còn chính lão lại sợ thú dữ nên trèo lên cây ngồi giữa các cành chĩa ba. Rồi một vị thần giả dạng Vessantara và một nữ thần giả dạng Maddī đến với đôi trẻ, mở dây cho chúng được tự do, xoa bóp tay chân, tắm

[96] Tham chiếu: *J.* IV. 239, *Akittijātaka* (*Chuyện Hiền giả Akitti*), số §480.

rửa, mặc quần áo cho chúng. Rồi họ cho chúng ăn món của thần tiên và ngủ trên chiếc giường thần tiên. Đến lúc rạng đông, họ lại đặt chúng nằm trong dây trói và biến mất. Như vậy, do sự giúp đỡ của thần linh nên đôi trẻ đi đường không bị thương tích gì. Jūjaka cũng được các vị thần dẫn đường, vì thế lão dự định đi đến vương quốc Kāliṅga, nhưng trong vòng mười lăm ngày, lão đến kinh thành Jetuttara.

Cùng đêm ấy, Vua Sañjaya của nước Sivi nằm mộng một giấc mơ như vầy: Trong khi ngài đang dự một buổi triều kiến quan trọng, có một người da đen đến đặt vào tay ngài hai đóa hoa. Ngài đeo chúng vào mỗi bên tai và phấn hoa rơi xuống ngực ngài. Sáng hôm sau, ngài thức dậy và hỏi các Bà-la-môn ý nghĩa giấc mơ ấy. Các vị đáp:

– Tâu Đại vương, các thân vương của ngài xa cách đã lâu, nay sắp trở về.

Thế là sáng hôm sau, khi đã thọ hưởng đủ thứ cao lương mỹ vị, chỉnh trang uy nghi, ngài ngự ra thiết triều, các vị thần nọ đưa lão Bà-la-môn này đến đặt trước sân chầu của cung điện. Trong chốc lát, vua nhìn thấy đôi trẻ và hỏi:

2303. Mặt ai đây chiếu ánh vàng,
Khác nào vàng khối chảy trong lửa bừng,
Như tiền vàng sáng đang nung,
Ở nơi miệng của lò lung linh này?

2304. Cả hai đều giống dáng người,
Cả hai có nét mươi mười giống y,
Một người thì tựa Jāli,
Người kia Kaṇhā, chẳng gì khác nhau.

2305. Tựa đôi sư tử hang sâu,
Bước ra bệ vệ đồng nhau vẹn toàn,
Ôi trông hai trẻ đứng gần,
Khác nào được đúc từ vàng thế kia.

Sau khi khen ngợi chúng như thế qua ba vần kệ, vua phái một triều thần đến dẫn lão Bà-la-môn và bọn trẻ vào cho ngài. Vị ấy nhanh chóng mang chúng vào và vua hỏi lão Bà-la-môn:

2306. Hiền nhân Bhāradvāja,
Từ đâu đem lũ trẻ thơ đến vầy,
Hôm nay đã tới xứ này,
Định đi đâu đó, hỡi Bà-la-môn?

Jūjaka đáp:

2307. Tâu Vua, lũ trẻ của thần,
Được cho với sự hân hoan hài lòng,
Từ ngày có lũ trẻ con,
Đến giờ nửa tháng đã tròn, Đại vương!

Vua hỏi:

2308. Nhờ tài dịu ngọt nói năng,
Hay lời chân thật khiến ông được lòng,
Ai cho ông các nhi đồng,
Thí tài đệ nhất Tôn ông nhận vầy?

Jūjaka đáp:

2309. Chính Vua Vessantara,
Sống trong rừng đã cho thần con ngoan,
Ngài luôn hộ kẻ cầu ân,
Tựa như đất mẹ đỡ nâng muôn loài.

2310. Chính Vua Vessantara,
Sống trong rừng đã cho thần con đây,
Kẻ cầu ân đến tìm ngài,
Như muôn sông đổ biển khơi ngàn trùng.

Nghe vậy, các triều thần chê bai Vessantara:

2311. Khi còn ở tại vương cung,
Vua kia quả thật hay làm điều sai,
Giờ sao cho cả con ngài,
Trong khi đang bị lưu đày rừng sâu?

2312. Hãy nghe ta, cả quần thần,
Thảy đang tề tựu ở trong cung đình,
Sao vua ban chính con mình,
Trong khi đang phải mưu sinh nơi rừng?

2313. Cứ cho nô lệ nữ, nam,
Ngựa, la và cỗ xe ban cho rồi,
Hoặc là thí cả bầy voi,
Sao đem con trẻ cả đôi dâng người?

Nhưng cậu bé nghe vậy, không chịu nhận lỗi của cha mình mà vung tay lên như thể nâng lấy núi Sineru bị cuồng phong đánh ngã, và cậu ngâm vần kệ này:

2314. Xin tâu đến Tổ phụ vương,
Người không sẵn có nô nam, nữ tỳ,
Xe, la, ngựa với voi bầy,
Làm sao có thể cho gì đến ai?

Vua đáp:

2315. Ta khen cha cháu ban ân,
Không lời chê trách lỗi lầm gì đâu,
Nhưng lòng vương phụ thế nào,
Khi cha trao các con vào kẻ xin?

Nghe vậy, cậu bé đáp:

2316. Lòng ngài nặng trĩu sầu bi,
Và nung nấu chẳng khác chi lửa nồng,
Mắt ngầu đỏ tựa cá hồng,
Không ngăn lệ thảm đôi dòng tuôn rơi.

Lúc ấy, cậu ngâm kệ giải thích:

2317. Cô bé Kaṇhā nói thế này:
"Cha ơi, xem lão La-môn đây,
Coi con nô lệ xuất thân ấy,
Lấy gậy đánh con thật mạnh tay!

2318. Thường các La-môn sống chánh chân,
Lão này không phải Bà-la-môn,
Quỷ ma đội lốt La-môn đó,
Lão dẫn đi, ăn thịt chúng con,
Cha có thể ngồi yên ngắm nghía,
Chúng con bị quỷ bắt đi chăng?"

Vua thấy lão Bà-la-môn không để cho chúng đi liền ngâm kệ:

2319. Mẹ thì công chúa cao sang,
Cha là thái tử huy hoàng trong cung,
Cháu xưa trèo bám lòng ông,
Sao bây giờ đứng xa trông, chẳng gần?

Cậu bé đáp:

2320. Mẹ là công chúa cao sang,
Cha là thái tử huy hoàng trong cung,
Cháu giờ tôi tớ La-môn,
Cho nên cháu đứng trông chừng xa xa.

Vua đáp:

2321. Cháu yêu đừng nói vậy mà,
Tim ta bị đốt cháy lan thiêu lòng,
Thân ta như lửa trên giàn,
Đang ngồi bảo tọa bất an bây giờ.

2322. Cháu yêu đừng nói vậy mà,
Làm ta thêm nỗi xót xa buồn rầu,
Ta mua lại cháu giá cao,
Thoát thân nô lệ, hãy mau cháu à.

2323. Nói cho ta rõ thật thà,
Rồi ta sẽ trả cho Bà-la-môn,
Giá nào cha đã định phần,
Khi cha đem cháu ban ân cúng dường?

Cậu bé đáp:

2324. Một ngàn đồng giá của con,
Phần em con muốn thoát thân nô tỳ,
Trăm voi và mọi thứ kia,
Một trăm mỗi thứ cha đà định luôn.[97]

Vua ra lệnh trả giá chuộc hai cháu:

2325. Cận thần, mau trả đạo nhân,
Đúng theo giá được định phần cháu ta,
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,
Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.

2326. Cận thần liền trả đạo nhân,
Ngay khi giá được định phần rõ ra,
Một trăm nam nữ gia nô,
Một trăm voi với đàn bò trăm con,
Một trăm con ngựa trong chuồng,
Một ngàn đồng chẵn tiền vàng đúng cân.

Sau đó, vua ban cho lão một cung thất bảy tầng, lão Bà-la-môn được đại vinh hiển. Lão đem cất mọi thứ tài sản rồi đi vào cung, đặt mình xuống sàng tọa sang trọng và hưởng cao lương mỹ vị.

Khi đôi trẻ được đem đi tắm rửa, ăn uống và mặc áo quần xong, tổ phụ liền ôm vào lòng một cháu và tổ mẫu ôm một cháu.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2327. Sau khi chuộc lại cháu thơ,
Đại vương xuống lệnh bảo người chăm lo,
Tắm rồi, ăn uống đủ đầy,
Điểm trang mọi thứ, đặt ngay vào lòng.

2328. Khi hai trẻ đã gội đầu,
Thay quần áo mới, mang nhiều phục trang,
Đức vua, tổ phụ vội vàng,
Bế hai cháu nhỏ vào lòng hỏi han.

2329. Hai trẻ đã được điểm trang,
Bằng nhiều trang sức với tràng hoa thơm,
Hoa tai vang tiếng leng keng,
Đức vua nói với Jāli lời rằng.

[97] Tham khảo: *Miln.* 275, *Vessantarapañha* (*Câu hỏi về Vua Vessantara*).

2330. "Jāli, phụ mẫu yêu thương,
Thảy đều vô bệnh, an khương vẹn toàn?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không cháu này?

2331. Song thân có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hay bầy dã thú thật hung,
Có đi tìm hại, tránh chừng dễ chăng?"

Cậu bé đáp:

2332. Cháu xin tâu Tổ phụ vương,
Song thân vô bệnh, an khương vẹn toàn,
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả, yên lòng nơi đây.

2333. Song thân không bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng,
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Chúng đi tìm hại, tránh chừng được luôn.

2334. Mẹ đào khoai, củ cải, hành,
Đi tìm củ takkala, táo ta,
Mang về hạt dẻ, bầu nâu,
Mẹ thường kiếm để cả nhà dành ăn.

2335. Và khi nào mẹ cưu mang,
Dù là củ quả rừng hoang loại gì,
Cả nhà đều đến tựu tề,
Và cùng ăn uống no nê đêm ngày.

2336. Mẹ con vàng võ, ốm gầy,
Bởi vì mang vác trái cây suốt ngày,
Dãi dầu mưa nắng gió lay,
Như hoa sen nọ trong tay tiêu điều.

2337. Tóc kia mỏng, xác xơ nhiều,
Vì lang thang giữa đìu hiu rừng già,
Những con thú dữ ngang qua,
Nào là tê giác, báo ra từng đàn.

2338. Dưới tay bám đất ướt đen,
Tóc bà bện lại kết đan gọn gàng,
Bà chăm nom ngọn lửa thiêng,
Áo y da thú nằm trên đất dày.

Sau khi miêu tả mọi nỗi gian lao nhọc nhằn của mẹ mình như vậy, cậu bé trách móc tổ phụ qua các lời kệ này:

2339. Thói thường ở thế gian này,
Mọi người yêu quý con trai trong nhà,
Nhưng trừ trường hợp này ra,
Hình như Tổ phụ bỏ qua việc này.

Vua liền công nhận lỗi của mình:

2340. Việc này ta thật trái sai,
Khi ta làm hại con trai từ đầu,
Ta nghe dân Sivi tâu,
Mà đành đày ải con vô tội tình.

2341. Vậy thì tài sản của mình,
Bạc vàng lúa thóc giữ gìn trong tay,
Thuộc quyền Vessantara,
Ta trao Sivi cho vua trị vì.

Cậu bé đáp:

2342. Không vì lời của ấu nhi,
Mà vương phụ sẽ chịu đi tái hồi,
Đích thân Tổ phụ mà thôi,
Thân hành ban phát của, ngôi con ngài!

Vua Sañjaya liền ra lệnh cho vị đại tướng như sau:

2343. Rồi Sañjaya đức vua,
Truyền cho đại tướng làm nhanh việc này:
"Tượng, xa, mã, bộ binh đây,
Binh đoàn nghiêm chỉnh đón ngài hồi cung,
Thị dân, quan tế La-môn,
Sẽ theo ta để đến cùng chỗ kia.

2344. Chiến binh có sáu mươi nghìn,
Dáng trông oai vệ, hãy trình diện mau,
Quân trang mang đủ các màu,
Cả đoàn chỉnh đốn giáp bào nghiêm trang.

2345. Nhiều binh mang giáp bào xanh,
Nhiều binh giáp trắng, giáp vàng cũng đông,
Có người khăn đội đỏ hồng,
Quân trang đủ sắc, chỉnh xong, mau trình!

2346. Tựa Gandhamādana,
Ngọn cao núi tuyết hương bay ngạt ngào,
Phủ nhiều cây cối đủ loài,
Là nơi trú của các thần, dạ-xoa.

2347. Những thiên thảo dược sanh ra,
Sáng ngời, thơm ngát tỏa hòa muôn phương,

Binh đoàn nghiêm gấp lên đường,
Rực ngời tỏa khắp các phương như vầy.[98]

2348. Và rồi binh tượng sắp bày,
Thắng yên mười bốn nghìn ngay tượng hùng,
Cân đai toàn thể bằng vàng,
Bộ yên, khăn phủ cũng vàng thật xinh.

2349. Chở quan điều tượng trên mình,
Tay cầm móc giáo, khiển binh thật tài,
Sẵn sàng nghiêm chỉnh như vầy,
Mau mau hãy đến nơi đây để trình!

2350. Và rồi hãy sắp mã binh,
Kỹ càng một vạn bốn nghìn thắng yên,
Chọn con thuần chủng ngựa Sindh,
Vốn luôn mạnh mẽ và phi tốc hành.

2351. Mỗi con chở một kỵ binh,
Hiên ngang cung kiếm bên mình sẵn mang,
Đoàn binh nghiêm chỉnh đàng hoàng,
Xong rồi liền đến đây nhanh để trình!

2352. Xa binh một vạn bốn nghìn,
Điểm tô thật đẹp đủ đầy yên cương,
Bánh bằng sắt khéo đúc khuôn,
Có viền vàng óng, sắc luôn sáng bừng.

2353. Phướn, cờ xe ấy sẵn giăng,
Phủ treo da mãnh thú rừng uy nghiêm,
Binh đeo giáp, giữ cung tên,
Bắn nhanh mạnh mẽ, gấp lên xe này!"

Vua phác họa việc điều binh của ngài như vậy xong, rồi ra lệnh san bằng đường sá từ thành Jetuttara đến núi Vaṁka có chiều rộng tám *usabha*[99] và trang hoàng đường ấy theo cách này cách nọ như sau. Ngài bảo:

2354. Hoa nhiều sắc với lāja,
Để dành tung rải, cùng hoa kết tràng,
Bột, dầu nước xức thơm hương,
Cột hoa lá dọc các đường vua qua.

2355. Mỗi thôn để rượu trăm vò,
Rượu men, rượu nấu, rót cho thật đầy,
Trăm bình rượu ấy đặt ngay,
Bên đường vương tử mai này hồi loan.

[98] Xem *Ap*. I. 162, *Padumapūjakattheraapadāna* (*Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka*).
[99] 8 *usabha* tức khoảng 512m.

2356. Hãy đem bánh, thịt, sữa đông,
Bánh đường, món cá ăn cùng thơm ngon,
Đem ra đặt ở vệ đường,
Ở ngay trên lối quân vương đi về.

2357. Bơ, dầu, sữa, rượu hạt kê,
Sữa chua, rượu các hạt men nhẹ nhàng,
Đem ra đặt chúng bên đường,
Ở ngay trên lối quân vương đi về.

2358. Hỏa đầu quân hãy tựu tề,
Người làm bánh mứt, làm hề, hát rong,
Người nhào lộn, các vũ công,
Những người đánh trống, đóng tuồng giải khuây.

2359. Các cây đàn luýt trỗi ngay,
Hòa thêm trống lớn cùng vài trống con,
Thổi tù và ốc miệng to,
Làm vang lên tiếng líu lo sáo huyền.

2360. Đàn tỳ trỗi giọng lên ngay,
Tù và, chũm chọe đủ đầy âm thanh,
Trống con, trống lớn khua rần,
Khắp nơi nhạc cụ thùng thùng dậy vang.

Vua phát họa cách chuẩn bị trang hoàng đường sá như vậy. Còn Jūjaka ăn uống quá nhiều, không tiêu hóa nổi nên chết ngay lập tức. Vua ra lệnh tổ chức tang lễ, gióng trống thông báo truyền đi khắp kinh thành nhưng không tìm ra thân quyến của lão nên tài sản của lão lại trở về tay vua!

Vào ngày thứ bảy, tất cả đạo quân tụ họp đầy đủ. Vua long trọng làm lễ xuất hành cùng với Jāli làm người dẫn đường.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2361. Đạo quân hùng hậu lên đường,
Đạo quân Sivi nước non quê nhà,
Đi về phía núi Vaṁka,
Jāli hướng dẫn đoàn ra trước liền.

2362. Voi già đã sáu mươi niên,
Rống lên một tiếng như kèn dậy vang,
Voi này gầm thét rộn ràng,
Trong khi được buộc dây cương chặt vào.

2363. Rồi bầy ngựa hí giọng cao,
Bánh xe dồn dập xôn xao lăn tròn,
Đại quân thẳng tiến miền non,
Mịt mù tung đám bụi hồng như mây.

2364. Nhu cầu cung cấp đủ đầy,
Đạo quân quyết chí đi ngay hàng hàng,
Jāli hướng dẫn cả đoàn,
Tiến về đồi núi bạt ngàn Vaṁka.

2365. Đi vào rừng rậm bao la,
Uốn quanh dòng nước, cỏ hoa muôn loài,
Với bao hoa nở nụ cười,
Với bao trái chín làm người mừng vui.

2366. Khi rừng đang độ hoa tươi,
Chim ca ngọt dịu, dễ thương, trong ngần,
Véo von hòa nhịp xa gần,
Đàn chim đủ sắc chuyền cành bay ngang.

2367. Ngày đêm thẳng tiến lên đường,
Cuối cùng chấm dứt đường trường nơi đây,
Tiến vào chốn núi rừng này,
Vessantara lâu rày ẩn thân.

Chấm dứt phần *Vị Đại vương*.

***

XII. SÁU VỊ SÁT-ĐẾ-LỴ

Trên bờ hồ Mucalinda, Vương tử Jāli bảo cả đoàn cắm trại, cậu đặt mười bốn ngàn cỗ xe hướng ra phía con đường họ vừa đến, vệ binh đứng rải rác canh phòng sư tử, cọp, báo và các loài dã thú khác. Lúc ấy, có tiếng voi rống to cùng nhiều tiếng ồn khác, bậc Đại sĩ nghe vậy sợ mất vía, nghĩ thầm: "Không lẽ kẻ thù đã giết phụ vương và đến đây tìm ta." Ngài liền đưa Maddī cùng leo lên một ngọn đồi và quan sát đoàn quân.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2368. Đoàn quân rầm rộ đến gần,
Vessantara nghe tiếng rần rần âm vang,
Ngài trèo lên ngọn đồi hoang,
Nhìn đoàn quân ấy, kinh hoàng lắm thay.

2369. "Maddī, hãy lắng nghe này,
Âm thanh gầm thét tràn đầy rừng hoang,
Tiếng bầy ngựa hí nghe vang,
Nhìn cờ phấp phới bay ngang ngọn đồi.

2370. Phải chăng bọn thợ săn mồi,
Với lao, lưới bẫy quanh nơi hố hầm,
Dồn xua dã thú trong rừng,
Và gào thét để giết, lùng mồi ngon?

2371. Chúng ta, những kẻ lưu vong,
Mặc dù vô tội ở trong rừng già,
Rơi vào tay giặc xấu xa,
Nàng nhìn họ giết kẻ cô sức hèn!"

Khi nàng nghe lời này, nàng nhìn đạo quân và tin rằng đó chính là quân đội của nước mình, nàng liền ngâm vần kệ an ủi ngài:

2372. Thảy đều tốt đẹp với ta,
Quân thù không hại vương gia đâu nào,
Không hề có ngọn lửa cao,
Đủ năng lực để tràn vào đại dương.

Do vậy, bậc Đại sĩ được an lòng cùng Maddī bước xuống đồi và ngồi trước lều cỏ. Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2373. Vessantara đại vương,
Nghe vậy bước xuống từ vườn đồi hoang,
Và ngồi ngay trước thảo am,
Sau khi ngài đã an tâm vững vàng.

Lúc ấy, Vua Sañjaya truyền đưa hoàng hậu đến và bảo bà:

– Này Ái hậu, nếu tất cả chúng ta đều đến đó sẽ gây chấn động lớn, vì vậy trẫm sẽ đi trước một mình. Khi nào bà cảm thấy các con đã lắng dịu và an lòng thì bà có thể đến với một đoàn tùy tùng nhé.

Một lát sau, ngài bảo Jāli và Kaṇhājinā đến. Ngài quay cỗ xe hướng về con đường sắp đi, đặt quân canh phòng nơi này nơi nọ xong rồi ngự lên mình voi được trang hoàng đẹp đẽ, đi đến chỗ vương tử.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2374. Điều hành quân đội sẵn sàng,
Cho xe hướng đến con đường sắp đi,
Phụ vương vào chốn rừng kia,
Nơi vương tử sống một mình ẩn cư.

2375. Và rồi vua ấy xuống voi,
Đại thần hộ tống, một vai y choàng,
Tay kia chắp lại nghiêm trang,
Ngài đi trao lại ngai vàng cho con.

2376. Nơi này ngài thấy con ngoan,
Dáng uy nghi đẹp, trong lòng bình an,
Ngồi ngay ở trước thảo am,
Không gì sợ hãi, thâm trầm tư duy.

2377. Vessantara, Maddī,
Thấy vua cha đến, dạ thì mong con,

Cả hai ra đón phụ vương,
Vội vàng thi lễ kính cung chào mừng.

2378. Khi Maddī lễ phụ vương,
Thành tâm đầu đặt nơi chân của ngài:
"Đại vương, con chính Maddī,
Hoàng phi xin lễ chân này của cha."
Ngài ôm choàng chặt cả hai,
Vỗ về, ve vuốt bằng tay ân cần.

Sau khi khóc than vì buồn tủi, vua cha bình tâm trở lại và thân mật hỏi thăm các con:

2379. Này con trai quý, thân thương,
Thảy đều tốt đẹp, an khương vẹn toàn?
Việc thường hái lượm sống còn,
Được nhiều củ quả hay không nơi này?

2380. Con nay có bị quấy rầy,
Bởi bò sát, muỗi, mòng vây nơi rừng?
Hoặc bầy dã thú thật hung,
Có đi tìm hại, tránh chừng dễ chăng?

Bậc Đại sĩ đáp lời phụ vương:

2381. Chúng con sống, tấu phụ thân,
Món gì cũng được uống ăn qua ngày,
Việc kiếm sống khổ cực đây,
Chúng con thu nhặt trái cây, củ rừng.

2382. Nghịch duyên thường luyện con người,
Như quan điều mã luyện loài ngựa hoang,
Chúng con trước chẳng rõ rành,
Giờ thuần thục bởi khó khăn trui rèn.

2383. Nhưng vì xa vắng song thân,
Chúng con cũng có đôi phần gầy đi,
Đại vương, cuộc sống lưu đày,
Nơi rừng hoang vắng sầu buồn bủa vây.

Sau đó, ngài hỏi cha về số phận của các con:

2384. Nhưng Jāli với Kaṇhā,
Vương tôn bất hạnh của cha nối dòng,
Cha thời là một quân vương,
Sivi một cõi quê hương hôm nào,
Thế mà hai trẻ thành nô,
Phục tùng cho vị La-môn bạo tàn,

Lão ta đánh đuổi con ngoan,
Y như hành hạ một đàn bò non.

2385. Nếu cha biết chút gì chăng,
Về đôi trẻ nhỏ, con công chúa này,
Như y sư chữa khéo thay,
Một người bị rắn cắn ngay tức thì.

Vua cha đáp:

2386. Cả Kaṇhā với Jāli,
Giờ đây đã được chuộc về hoàng cung,
Ta đem tiền trả La-môn,
Vậy đừng sợ, hãy yên lòng, con thương!

Bậc Đại sĩ được an tâm khi nghe điều này và vui vẻ đàm luận với vua cha:

2387. Phụ vương có được an khương,
Và thường vô bệnh, hanh thông vẹn toàn?
Phải chăng vương mẫu của con,
Mắt kia chẳng bị mờ trông kém dần?

Vua cha đáp:

2388. Phụ vương vẫn được an khương,
Vẫn thường vô bệnh, hanh thông vẹn toàn,
Và còn vương mẫu của con,
Mắt kia chẳng bị mờ trông kém dần.

Bậc Đại sĩ nói:

2389. Thú kia còn kéo vương xa?
Chúng đều mạnh mẽ, ổn an như thường?
Thần dân quốc độ thịnh cường?
Mùa mưa có đủ, tuôn tràn chẳng ngưng?

Vua cha đáp:

2390. Thú kia vẫn kéo vương xa,
Chúng đều mạnh mẽ, ổn an như thường,
Thần dân quốc độ thịnh cường,
Mùa mưa có đủ, tuôn tràn chẳng ngưng.

Trong khi hai vị nói chuyện với nhau như vậy, Hoàng hậu Phusatī cảm thấy tất cả mọi người hẳn đã trút hết lo âu nên bà đến thăm con trai cùng với một đoàn tùy tùng rầm rộ.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2391. Trong khi hai vị luận bàn,
Bấy giờ lại thấy mẫu thân đến gần,
Bước vào lối núi lên am,
Dù là hoàng hậu, chân trần sá chi.

2392. Vessantara, Maddī,
Thấy thân mẫu đến, dạ thì mong con,
Cả hai ra đón hậu vương,
Vội vàng thi lễ kính cung chào mừng.

2393. Khi Maddī lễ mẫu thân,
Thành tâm đầu đặt nơi chân mẹ hiền:
"Hậu vương, con chính Maddī,
Hoàng phi xin lễ dưới chân mẹ hiền."

2394. Maddī bất chợt nhìn lên,
Thấy hai con trẻ bình yên sờ sờ,
Như bê con thấy mẹ bò,
Từ xa chúng hét la to chạy mừng.

2395. Maddī thấy chúng bình an,
Như người quỷ ám và nàng run run,
Khiến cho bầu ngực phồng căng,
Hai dòng sữa tiết ra dâng tuôn trào.

Ngay lúc ấy, núi đồi vang động, quả đất rung chuyển, đại dương nổi sóng, núi Sineru, chúa tể của núi đồi cúi mình xuống, sáu cõi trời của chư thiên đồng vọng một âm thanh vĩ đại. Thiên chủ Sakka nhận thấy cả sáu vị trong hoàng gia cùng đoàn tùy tùng đều nằm bất tỉnh trên mặt đất và không ai có thể đứng lên rảy nước cho các người kia, vì vậy ngài quyết định đổ một cơn mưa lớn. Ngài làm mưa rơi xuống. Kẻ nào muốn ướt đều được ướt, kẻ nào không muốn thì không có một giọt mưa nào rớt xuống người họ mà nước lăn ra như thể từ ngọn lá sen. Cơn mưa ấy thật giống mưa rơi trên cụm lá sen.

Sáu người trong hoàng gia đã hồi tỉnh và tất cả mọi người đều reo to trước sự kiện diệu kỳ là mưa rơi trên những người trong hoàng tộc như thế nào, quả đất lớn chấn động ra sao.

Bậc Đạo sư giải thích việc này như sau:

2396. Ngay khi thân tộc tương phùng,
Âm thanh vĩ đại liền bùng nổ ra,
Các đồi núi vọng vang xa,
Đất bằng rung chuyển thật là mạnh thay.

2397. Trời liền đem một vầng mây,
Từ trên giáng xuống mưa đầy tuôn ra,
Khi Quân vương Vessantara,
Vừa cùng tái ngộ hoàng gia của ngài.

2398. Phụ vương, mẫu hậu, con trai,
Con dâu, các cháu đồng thời nơi kia,

Khi vừa sum họp một nhà,
Tóc lông dựng đứng, thịt da rợn người.

2399. Thần dân đồng chắp tay hoài,
Khóc, nêu nguyện ước một lời với vua,
Thỉnh cầu Vessantara,
Và Maddī, thảy cùng la vang lừng,
"Hãy làm chúa tể chúng thần,
Quốc vương, hoàng hậu, trị giang sơn này!"

Chấm dứt phần *Sáu vị Sát-đế-ly*.

***

XIII. VỀ LẠI KINH THÀNH

Lúc ấy, bậc Đại sĩ nói với vua cha:

2400. Phụ vương, quần chúng lâu nay,
Dân quê, thành thị lưu đày thần nhi,
Khi con đang ngự ngai kia,
Và đang theo cách trị vì chánh chân.

Vua cha đáp lời để xoa dịu nỗi giận hờn của con:

2401. Việc này ta thật trái sai,
Khi ta làm hại con trai từ đầu,
Khi nghe dân Sivi tâu,
Ta đành đày ải con vô tội tình.

Ngâm vần kệ này xong, ngài thêm một vần nữa để mong con xoa dịu nỗi sầu riêng của mình:

2402. Nỗi sầu của mẹ cùng cha,
Hoặc là em gái, muốn xoa dịu dần,
Nam nhi không chút ngập ngừng,
Cho dù ta phải hiến dâng cuộc đời.

Bồ-tát đã mong muốn trở lại vương vị, nhưng tránh nói nhiều để tạo niềm kính trọng đối với ngài, bây giờ mới đồng ý. Lập tức, sáu mươi ngàn quần thần, các bạn thân của ngài từ bé, đồng la lớn:

Đại vương, tắm rửa đến thời,
Tẩy cho sạch hết trần ai bấy giờ!

Nhưng bậc Đại sĩ đáp:

– Hãy đợi một lát!

Rồi ngài bước vào trong thảo am, cởi bộ áo ẩn sĩ ra và cất đi. Kế đó, ngài bước ra khỏi am và nói:

– Đây là nơi ta đã sống chín tháng rưỡi tu tập khổ hạnh và đã đạt pháp tối thượng về bố thí viên mãn khiến quả đất chấn động.

Ngài đi quanh am lá ba lần về phía hữu và quỳ lạy trước am với năm phần thân sát đất.[100] Rồi quần thần chải chuốt râu tóc ngài và rảy nước lên thân ngài để làm lễ Quán đảnh phong vương trong khi ngài sáng rực trong vẻ uy nghi như một vị Thiên đế. Vì vậy, chuyện kể:

2403. Thế rồi Vua Vessantara,
Tẩy cho thật sạch đất dơ, bụi trần,
Tẩy xong dơ bẩn bụi trần,
Vua mang sắc sáng, trắng ngần thanh cao.

Uy lực vinh quang của ngài thật vĩ đại! Ngài nhìn đến nơi nào thì nơi ấy rúng động, những ai khéo nói lời chúc lành đều lên tiếng phát biểu, dân chúng đem đến đủ loại nhạc cụ đàn sáo. Trong lòng đại dương có tiếng vang dậy như sấm sét. Quần thần đưa vào con voi báu đã được tô điểm cân đai rực rỡ. Ngài vừa đeo thanh bảo kiếm vào mình vừa ngự lên bảo tượng trong khi sáu mươi ngàn quần thần vây quanh ngài thành một cuộc dàn binh thật hùng tráng, huy hoàng và rảy nước làm lễ tấn phong hoàng hậu cho Maddī sau khi nàng đã được các tỳ nữ tắm gội, trang điểm thật đẹp. Họ vừa rảy nước vừa kêu to:

– Cầu mong Chúa tể Vessantara bảo vệ hoàng hậu!

Họ còn nói thêm nhiều lời chúc lành khác nữa.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2404. Đầu vừa được gội sạch xong,
Xiêm y lộng lẫy, trang hoàng oai phong,
Đeo vào thanh kiếm vô song,
Ngự lên bảo tượng, bạn đồng hành xưa.

2405. Sáu mươi ngàn bạn ấu thơ,
Đồng sanh một lượt, dáng người đẹp thanh,
Họ cùng nhau đến vây quanh,
Mang niềm hoan hỷ cho anh quân này.

2406. Cung nga tắm gội Maddī,
Và đồng cầu chúc vương phi vang lừng,
"Vessantara, hai con,
Sañja thái thượng bảo toàn nương nương!"

2407. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Trong lòng ngọn núi Vaṁka,
Họ cho mở hội, hát ca vui mừng.

2408. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,

---

[100] Năm phần thân (五體, ngũ thể) gồm có đầu, 2 tay và 2 đầu gối.

Maddī hạnh phúc chan hòa,
Gặp lại hai trẻ, hân hoan rạng ngời.

2409. Thế là mọi sự phục hoàn,
Và hồi tưởng nỗi đau buồn đã qua,
Maddī hạnh phúc chan hòa,
Vui cùng hai trẻ, hân hoan rạng ngời.

Trong niềm hạnh phúc ấy, nàng nói với các con:

2410. Mẹ ăn một bữa mỗi ngày,
Mẹ nằm ngủ mặt đất này trống trơn,
Đó là nguyện ước yêu thương,
Đến khi con được vuông tròn tìm ra.

2411. Lời nguyền đã đạt bây giờ,
Mẹ nay hội ngộ con thơ nhiệm mầu,
Điều lành gì tạo bấy lâu,
Ước mong bảo hộ ngày sau con nhờ,
Và mong Tổ phụ Sañja,
Luôn che chở các con nhà từ đây.

2412. Điều lành gì tạo bấy nay,
Bởi thân phụ hoặc chính tay mẹ mà,
Ước mong con trẻ không già,
Nhờ chân chính, các con thơ trường tồn.

Mẫu hậu Phusatī cũng bảo:

– Kể từ nay, vương phi sẽ mặc những xiêm áo này và mang các nữ trang này.

Và bà bảo người trao cho nàng các thứ ấy đựng đầy trong nhiều hộp.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2413. Vải bông, tơ lụa, áo quần,
Len Khoma, lụa Kodumbara,
Mẫu hoàng trao tặng dâu này,
Mặc vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.

2414. Tay trên có lắc ánh vàng,
Cổ thì vòng quý làm bằng ngọc sang,
Được trao tặng bởi mẫu hoàng,
Đeo vào sắc đẹp của nàng sáng hơn.

2415. Tay trên đeo lắc ánh vàng,
Cổ tay cũng vậy, đai bằng ma-ni,
Mẫu hoàng gửi tặng Maddī,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.

2416. Các đồ trang sức trán nàng,
Đủ nhiều màu sắc, làm bằng ma-ni,
Mẫu hoàng gửi tặng Maddī,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng bừng.

2417. Gửi vài trang sức cổ chân,
Cùng vòng đai thắt thêm phần đẹp xinh,
Mẫu hoàng gửi tặng dâu mình,
Đeo vào sắc đẹp vương phi sáng ngời.

2418. Nào dây chuỗi, lắc, vòng, đai,
Ngắm nhìn công chúa tuyệt vời vẻ vang,
Rỡ ràng, nàng chiếu ánh quang,
Khác nào các vị nữ thần Lạc viên.[101]

2419. Với đầu tẩm ướt tóc tiên,
Nữ trang, xiêm áo ngắm nhìn đẹp tươi,
Vương phi tỏa ánh sáng ngời,
Như là thiên nữ cõi trời Băm Ba.

2420. Trong vườn thiên giới Citta,[102]
Cây ba tiêu ngọn gió lùa nhẹ rung,
Đôi môi công chúa tuyệt trần,
Dáng nàng khả ái như thân cây trời.

2421. Như chim lông đẹp sáng ngời,
Lượn bay khắp mọi nẻo trời trên không,
Môi nàng xinh tựa đóa hồng,
Dung nhan làm ngẩn ngơ lòng thế nhân.

Sáu mươi ngàn quần thần mang lại cho nàng cưỡi một con voi ít tuổi, trưởng thành không bao lâu nhưng chịu được các lần tên mũi giáo, được phục trang tô điểm rất đẹp. Chuyện kể rằng:

2422. Họ dâng voi đẹp còn xuân,
Con voi dũng mãnh oai phong hùng cường,
Không hề biết ngại tên, thương,
Ngà dài, chẳng sợ chiến trường ba quân.

2423. Nàng lên voi nọ còn xuân,
Con voi dũng mãnh, oai phong hùng cường,
Không hề biết ngại tên, thương,
Ngà dài, chẳng sợ chiến trường giao tranh.

[101] Nandana (歡喜園): Vườn Hoan Hỷ, tên gọi một khu vườn trên cõi trời Tāvatiṁsa (Tam Thập Tam). Tham chiếu: *S*. I. 11; *J*. V. 392; *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.576. 0153c05).

[102] Cittalatāvana là tên gọi của một khu vườn ở cõi trời Tāvatiṁsa (Tam Thập Tam). Tham chiếu: *D*. III. 716; *DhA*. I. 271f; *Vv*. 37, 65; *VvA*. 94; *ThagA*. I. 365; *J*. I. 202; III. 250.

Như vậy, cả hai vị tiến về doanh trại trong cảnh đại huy hoàng. Vua Sañjaya và đoàn tùy tùng đông vô số bày đủ trò tiêu khiển cho hai vị ở trên núi và trong rừng suốt một tháng. Suốt thời gian ấy, nhờ uy danh của bậc Đại sĩ, không một dã thú hay chim muông nào gây hại gì trong khu rừng bao la ấy.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2424. Nhờ Vessantara chúa vang danh,
Xuyên qua suốt dải rừng xanh bạt ngàn,
Không loài dã thú đi hoang,
Làm gì hại chúng bạn, luôn làm lành.

2425. Nhờ Vessantara chúa vang danh,
Xuyên qua suốt dải rừng xanh bạt ngàn,
Không loài nào thuộc chim muông,
Làm gì hại chúng bạn, luôn làm lành.

2426. Và khi ngài phải đăng trình,
Thú rừng tề tựu đồng tình tiễn đưa,
Nơi này muông thú nhìn vua,
Bậc làm Sivi giang sơn hùng cường.

2427. Và khi ngài phải đăng trình,
Các chim tề tựu đồng tình tiễn đưa,
Nơi này chim chóc nhìn vua,
Bậc làm Sivi giang sơn hùng cường.

2428. Lặng im khung cảnh khu rừng,
Nơi này muông thú đã ngừng xôn xao,
Chúng không kêu một tiếng nào,
Khi ngài rời chốn rừng sâu lên đường.

2429. Lặng im khung cảnh khu rừng,
Nơi này chim chóc đã ngừng xôn xao,
Chúng không ca hót tiếng nào,
Khi ngài rời chốn rừng sâu lên đường.

Sau một tháng hội hè vui chơi, Vua Sañjaya triệu tập vị đại tướng quân vào bảo:

– Ta đã ở trong rừng này lâu rồi, thế con đường chuẩn bị cho vương nhi của ta trở về đã trang hoàng xong chưa?

Ông đáp:

– Tâu Chúa thượng, đã đến lúc ra đi.

Ngài liền nhắn lời đến Vua Vessantara và cùng quân đội khởi hành, theo sau là đoàn tùy tùng trên con đường sáu mươi do-tuần đã được trang hoàng từ lòng núi Vaṁka đến kinh thành Jetuttara.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2430. Đường vua đi mới được làm,
Với muôn hoa lá trang hoàng đẹp xinh,
Từ nơi ngài ở rừng xanh,
Xuôi dần đến Jetuttara thành.

2431. Chiến binh có sáu mươi ngàn,
Dáng người cao đẹp, quây quần vua đây,
Bậc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.

2432. Các vương tử, các phi tần,
Thương gia cùng với La-môn quanh ngài,
Bậc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi đăng trình.

2433. Nhiều đoàn tượng, mã, xa binh,
Cùng đoàn vệ sĩ bộ binh quanh ngài,
Bậc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.

2434. Đám đông dân chúng, thị dân,
Thảy đều đoàn kết quây quanh vua này,
Bậc làm hưng thịnh Sivi,
Vua Vessantara khi lên đường.

2435. Chiến binh mang mão áo da,
Quân mang bảo giáp sáng lòa kiếm thương,
Tiên phong bảo vệ quân vương,
Vessantara thẳng đường về kinh.

Nhà vua trải qua cuộc hành trình dài sáu mươi do-tuần trong hai tháng. Sau đó, ngài vào thành Jetuttara được trang hoàng để mừng đón ngài và ngài bước vào hoàng cung.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này:

2436. Đoàn quân vào đến thành đô,
Đẹp xinh hào lũy, cửa ô cao vầy,
Đàn ca múa hát vui thay,
Thức ăn, thức uống đủ đầy luôn luôn.

2437. Thần dân toàn thể hân hoan,
Từ nông dân đến thị dân mọi nhà,
Chào mừng trở lại quê cha,
Bậc làm Sivi quốc gia thịnh cường.

2438. Mọi người đều vẫy chiếc khăn,
Hoan nghênh chào đón ân nhân đến gần,

Ngài vào thành thị hân hoan,
Lệnh truyền đại xá ban ân muôn loài.

Như vậy, Vua Vessantara ban ân xá mọi sinh vật cho đến loài mèo. Và hôm ấy, ngài vào thành về buổi chiều tối, ngài suy nghĩ: "Khi vừa tảng sáng, những kẻ cầu ân nghe tin ta trở về sẽ đến đây. Vậy ta lấy gì cho họ đây?" Ngay lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Sakka bỗng nóng rực lên. Ngài xem xét và thấy rõ lý do, ngài liền đổ xuống một trận mưa gồm bảy báu vật chẳng khác gì trận mưa dông, tràn ngập cả mặt tiền lẫn hậu cung đến tận thắt lưng và khắp cả kinh thành ngập đến tận đầu gối.

Hôm sau, vua phân chia các phần đất này nọ cho nhiều gia đình và cho phép họ thu lượm châu báu, phần còn lại ngài truyền quân góp nhặt và cất vào kho tàng trong cung thất của ngài. Như vậy, ngài có sẵn các kho báu để phân phát trong tương lai.

Bậc Đạo sư diễn tả việc này như sau:

2439. Vessantara tái hồi,
Đại vương bảo hộ mọi người Sivi,
Trời cho mưa báu tràn trề,
Ở trên đất nước là quê hương này.

2440. Vessantara rộng tay,
Phát ban tặng vật đủ đầy toàn dân,
Cuối cùng ngài đã mạng chung,
Tràn đầy trí tuệ, thiên cung ngài về.

Chấm dứt phần *Về lại kinh thành*.

***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại *Chuyện Đại vương Vessantara* với gần cả ngàn bài kệ này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Jūjaka là Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), Amittatāpanā là nàng Ciñcā, Cetaputta là Channa (Xa-nặc), vị khổ hạnh Accuta là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Sakka là Anuruddha (A-na-luật), Vua Sañjaya là Vua Suddhodana (Tịnh Phạn), Phusatī là Vương hậu Mahāmāyā (Ma-da), Vương hậu Maddī là mẫu thân của Rāhula, Vương tử Jāli là Rāhula, Kaṇhājinā là Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc), thần dân là các đệ tử đức Phật và Đại vương Vessantara chính là Ta, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác.

- HẾT -

CHUYỆN TIỀN THÂN

PHỤ LỤC 1

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN THƯỢNG TỌA BỘ

1. ĐÁNH SỐ THEO PHIÊN BẢN CST

Các bản kinh được đánh số lại theo hệ thống của *Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka* (CST) nhằm hỗ trợ các học giả dễ dàng tra cứu khi đối chiếu các văn bản: Pāli, Anh, Việt hoặc các ngôn ngữ khác. Nguồn: www.tipitaka.org.

2. NGUỒN THAM KHẢO, ĐỐI CHIẾU HÁN VĂN

Nhằm hỗ trợ việc nghiên cứu các bản kinh, hoặc các đoạn kinh tương đương giữa bản Pāli và bản Hán, bộ *Đại Chánh tân tu Đại tạng kinh* (*ĐCT*) được sử dụng làm tài liệu chính để tham chiếu. Nguồn: http://cbeta.org/.

3. TÔN TRỌNG ÂM VẬN VÙNG MIỀN VÀ ĐẶC NGỮ CỦA MỘT SỐ DỊCH GIẢ

Ban Biên tập giữ nguyên âm vận và cách phiên âm do một số dịch giả có thẩm quyền sử dụng. Ví dụ: "Bản sư", "chính niệm", "chúng sinh"… đối với các dịch giả miền Bắc; "Bổn sư", "chánh niệm", "chúng sanh"… đối với các dịch giả miền Nam; Tỷ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu), Tỳ-kheo (đối với bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ), Tỳ-khưu (đối với bản dịch của Thượng tọa Chánh Thân), Tỷ-khiêu (đối với các dịch giả miền Bắc); Niết-bàn (đối với các dịch giả Bắc truyền), Níp-bàn (đối với một số dịch giả Nam truyền).

4. CHUẨN HÓA QUY CÁCH VIẾT HOA, VIẾT THƯỜNG, PHIÊN ÂM

Ấn bản lần này vẫn giữ nguyên văn từ, văn khí, văn mạch của dịch giả, chỉ hiệu chỉnh chính tả, dấu chấm câu; đồng thời chuẩn hóa quy cách viết hoa, viết thường, in nghiêng, cách sử dụng số từ, cách chú thích từ nguyên, từ phiên âm, dịch nghĩa.

4.1. Thuật ngữ, giai vị, giới phẩm, địa vị, chức vụ

4.1.1. Các thuật ngữ, thành ngữ, phương ngữ, khái niệm, học thuyết

- Viết thường toàn bộ các thuật ngữ. Ví dụ: phiền não, nghiệp báo, tâm, tâm sở, năm uẩn, năm thủ uẩn, năm triền cái, mười phiền não, v.v…

- Viết thường các số từ đứng trước thuật ngữ Phật học. Ví dụ: nhị đế, tam độc, tứ sinh, tứ niệm xứ, ngũ uẩn, ngũ căn, lục căn, lục độ, thất bảo, thất giác chi, bát công đức thủy, bát Thánh đạo, cửu thiền, thập pháp giới, v.v…

- Viết hoa chữ đầu của một học thuyết. Ví dụ: luận thuyết "Vô nhân luận", thuyết "Luân hồi tịnh hóa", v.v…

4.1.2. Các khái niệm, thuật ngữ từ tiếng nước ngoài: Viết thường và in nghiêng toàn bộ các thành tố. Ví dụ: tâm (*citta*), ý (*mana*), thức (*viññāṇa*), giới (*sīla*), định (*samādhi*), tuệ (*paññā*), v.v…

4.1.3. Các thuật ngữ phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết thường toàn bộ các thành tố và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: na-do-tha, do-tuần, yết-ma, thiền-na, đàn-việt, đàn-tín, kiết-già, v.v…

4.1.4. Các danh từ riêng vừa phiên âm vừa dịch nghĩa: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Ni-kiền-tử, Xá-lợi-tử, v.v...

4.1.5. Các từ chỉ quả vị đặc biệt, giai vị, địa vị, chức vụ, học vị: Viết hoa thành tố đầu. Ví dụ: Chánh đẳng giác, Nhất lai, Tôn giả, Hiền giả, Thiền sư, Pháp sư, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Sư cô, Trụ trì, Giáo sư, v.v… Nếu các từ được phiên âm từ tiếng nước ngoài thì giữa các thành tố có gạch nối. Ví dụ: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Vô dư Niết-bàn, v.v…

4.1.6. Đại từ chỉ đức Phật, Bồ-tát như Ta, Người, Ngài được viết hoa. Ví dụ: "Này các Tỷ-kheo, Ta nhắc các ông rằng…"

4.1.7. Viết hoa các đức hiệu của Phật. Ví dụ: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ,…

4.2. Danh từ riêng

4.2.1. Nhân danh, địa danh: Viết hoa toàn bộ các thành tố nhân danh, địa danh, địa vực, địa dư, địa chính trị, phương vị. Các từ chỉ loại hình địa danh thì viết thường. Ví dụ: Đại sư Trí Quang, thành phố Lạc Dương, vùng đất Giao Châu, châu Âu, miền Tây Nam, hướng Đông Bắc, phía Bắc.

4.2.2. Nhân danh, địa danh và tên một số cây, loài hoa, chim quý đặc biệt được phiên âm từ tiếng nước ngoài: Viết hoa thành tố đầu và giữa chúng có gạch nối. Ví dụ: Phật Thích-ca, Bồ-tát Di-lặc, Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, thành Xá-vệ, nước Ma-kiệt-đà, cội Bồ-đề, Sa-la song thọ, hoa Mạn-thù-sa, chim Ca-lăng-tần-già,...

4.2.3. Nhân danh, địa danh do phiên âm hoặc dịch nghĩa được đặt trong dấu ngoặc đơn ngay sau nhân danh, địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Ví dụ: Khi đêm đã gần mãn, Pañcasikha (Ngũ Kế) thuộc gandhabba (càn-thát-bà) đến thăm đức Phật tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

4.2.4. **Các danh từ phiên âm bị tỉnh lược "tiếp đầu ngữ" được viết lại chuẩn mực** để không bị phản nghĩa hoặc sai nghĩa (ngoại trừ làm thuận vần trong thi kệ). Ví dụ: "Di-đà" sửa thành "A-di-đà".

4.3. Mạo từ tôn xưng

Viết thường các mạo từ tôn xưng như "đức", "bậc", "đấng", thường đứng trước hồng danh Phật và Bồ-tát. Ví dụ: đức Phật, đức Thế Tôn, đấng Toàn Giác, bậc Chánh Đẳng Giác, bậc Vượt Bờ, bậc Chiến Thắng, bậc Thiện Thệ, bậc Đã Thấy Đã Biết.

4.4. Tựa kinh và tựa tác phẩm

4.4.1. Tựa kinh trong một bộ: Viết hoa chữ đầu và in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Căn bản pháp môn, Kinh Du hành.*

4.4.2. Tác phẩm: Viết hoa chữ đầu và danh từ riêng, đồng thời in nghiêng. Ví dụ: *Kinh Trường bộ, Kinh Dược Sư, Kinh A-di-đà, Luận Duy thức tam thập tụng, Đức Phật và Phật pháp, An Nam chí lược.*

4.4.3. Tác phẩm tiếng nước ngoài: Viết hoa các thực từ (danh từ, tính từ, động từ) và viết thường các hư từ (mạo từ, giới từ, liên từ). Ví dụ: *The Buddha and His Teachings, Buddhist Psychological Ethics* (*A Translation of the Dhammasaṅgaṇī*).

5. CÁCH VIẾT CHỮ VÀ SỐ TRONG VĂN BẢN

5.1. Viết bằng chữ các số trong chánh văn. Ví dụ: Tám thắng xứ, mười ba già-nạn, một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo.

5.2. Viết bằng số ở cước chú và trong các bài dẫn luận. Ví dụ: Có 15 pháp, tức là 5 căn (tín, tấn, niệm, định, tuệ) được thanh tịnh theo 3 cách.

5.3. Áp dụng số Ả-rập đối với ngày, tháng, năm sinh, năm mất của người và giữa ngày, tháng, năm có gạch nối ngắn. Ví dụ: Ngày 15-4-1963.

5.4. Ghi đầy đủ các con số chỉ năm sinh và năm mất của người. Ví dụ: Bồ-tát Thích Quảng Đức (1897-1963).

5.5. Tỉnh lược phần trùng lặp đầu đối với các con số chỉ khoảng thời gian trong cùng một thế kỷ hay thiên niên kỷ. Ví dụ: Không viết 1930-1932, mà viết 1930-32.

5.6. Tỉnh lược số kệ, số trang (trong cước chú)

- Các kệ từ 108-115 được viết 108-15.
- Trang 254-256 được viết là 254-56.
- *M.* I. 276-278 được viết là *M.* I. 276-78.

6. CÁCH CHÚ THÍCH

6.1. Chú thích theo ấn bản Pāli của PTS

6.1.1. Tên tập + (số tập) + số trang.

- *S.* I. 70 (*Saṃyutta Nikāya*, tập I, trang 70).
- *Sn.* 140 (*Suttanipāta*, trang 140).
- *J.* I. 389 (*Jātaka*, tập I, trang 389).

- *Vin*. II. 287 (*Vinaya*, tập II, trang 287).
- *Vbh*. 351 (*Vibhaṅga*, trang 351).
- *Kv*. 401 (*Kathāvatthu*, trang 401).
- *DA*. I. 41-2 (*Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā*, tập I, trang 41 đến 42).

6.1.2. Tên tập + số kệ

- *Dh*. v. 10 (*Dhammapada*, kệ số 10).
- *Sn*. v. 600 (*Suttanipāta*, kệ số 600).
- *Thag*. v. 1196 (*Theragāthā*, kệ số 1196).

6.1.3. Tên tập + nhóm + số thứ tự kinh + đoạn

- *S*. 56.25: 1 (*Saṃyutta Nikāya*, nhóm 56, kinh 25, đoạn 1).

6.2. Chú thích theo ấn bản tiếng Anh

Tất cả bản kinh, luật, luận bằng tiếng Anh được ghi trong Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ đều do PTS xuất bản. Các thông tin về người dịch, nơi xuất bản, nhà xuất bản, năm xuất bản, tham khảo ở phần Phụ lục.

- *GS*. II. 42 nghĩa là *The Book of the Gradual Sayings*, vol. II, p. 42.

- *PC*. 338, n. 1 nghĩa là *Points of Controversy* (*A Translation of the Kathāvatthu*), p. 338, note 1.

6.3. Chú thích tên bài kinh kết hợp với tên tập kinh cùng với (chương) + phẩm và số hiệu của bài kinh

Kinh Tham ái (*It*. I. I. §1) nghĩa là *Kinh Tham ái* này nằm trong *Kinh Phật thuyết như vậy*, chương I, phẩm I, kinh số 1.

Kinh Châu báu (*Sn*. II. §1) nghĩa là *Kinh Châu báu* này nằm trong *Kinh tập*, phẩm II, kinh số 1.

Kinh Bāhiya (*Ud*. I. §10) nghĩa là *Kinh Bāhiya* này nằm trong *Kinh Phật tự thuyết,* phẩm I, kinh số 10.

6.4. Chú thích tên kinh: Kết hợp ấn bản Pāli và tiếng Việt

- *D*. 22, *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta* (*Kinh Đại niệm xứ*). Nghĩa là *Trường bộ*, kinh số 22, tên kinh trong tiếng Pāli là *Mahāsatipaṭṭhāna Sutta,* tên tiếng Việt là "*Kinh Đại niệm xứ.*"

- *D*. I. 113, *Soṇadaṇḍa Sutta* (*Kinh Chủng Đức*). Nghĩa là *Trường bộ*, tập I, trang 113, *Kinh Soṇadaṇḍa Sutta* bằng tiếng Pāli và *Kinh Chủng Đức* bằng tiếng Việt.

6.5. Trật tự của chú thích trong kinh có nguồn gốc Pāli

Pāli (viết tắt là P.), Sanskrit (viết tắt là S.), Hán (viết tắt là H.), Anh (viết tắt là E.). Ví dụ: Quang Âm thiên (P. Ābhassara, S. Ābhāsvara, H. 光音天, E. The Radian gods).

6.6. Chú thích theo Hán văn

6.6.1. Tên kinh biệt dịch được nêu ra trước

- *Phạm võng lục thập nhị kiến kinh* 梵網六十二見經 (*T*.01. 0021. 0264a20). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0021 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0264, cột a, dòng thứ 20.

- *Phật thuyết Nguyệt dụ kinh* 佛說月喻經 (*T*.02. 0121. 0544b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0121 là số hiệu của kinh biệt dịch trên; trang 0544, cột b, dòng thứ 12.

6.6.2. Tên kinh trong bộ được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho bộ *Trường A-hàm kinh* và *Trung A-hàm kinh.*

- *Phạm động kinh* 梵動經 (*T*.01. 0001.21. 0088b12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 01; 0001 là số hiệu của bộ *Trường A-hàm kinh*, 21 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trường A-hàm kinh*; trang 0088, cột b, dòng thứ 12.

- *Cầu pháp kinh* 求法經 (*T*.01. 0026.88. 0569c23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 01; 0026 là số hiệu của bộ *Trung A-hàm kinh*, 88 là số thứ tự của kinh trong bộ *Trung A-hàm kinh*; trang 0569, cột c, dòng thứ 23.

6.6.3. Tên bộ kinh được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ *Tạp A-hàm, Biệt dịch Tạp A-hàm, Tăng nhất A-hàm*, vì nội dung kinh chỉ đề cập đến số thứ tự, không có tựa đề kinh.

- *Tạp*. 雜 (*T*.02. 0099.1136. 0299c06). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 1136 là số thứ tự của kinh trong bộ *Tạp A-hàm kinh*; trang 0299, cột c, dòng thứ 06.

- *Biệt Tạp*. 別雜 (*T*.02. 0100.111. 0414a18). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT,* tập 02; 0100 là số hiệu của bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*, 111 là số thứ tự của kinh trong bộ *Biệt dịch Tạp A-hàm kinh*; trang 0414, cột a, dòng thứ 18.

6.6.4. Tên kinh và phẩm được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ kinh có nhiều phẩm như *Pháp cú kinh* hoặc các bộ kinh Đại thừa.

- *Pháp cú kinh* "Nê-hoàn phẩm" 法句經泥洹品 (*T*.04. 0210.36. 0573a23). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 04, 0210 là số hiệu của *Pháp cú kinh*, "Nê-hoàn phẩm" thứ 36, trang 0573, cột a, dòng thứ 23.

6.6.5. Tên bộ luận được nêu ra trước. Phần lớn áp dụng cho các bộ luận.

- *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T*.26. 1536.12. 0416a22). Nghĩa là bộ luận này thuộc *ĐCT*, tập 26; 1536 là số hiệu của *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận*, phẩm thứ 12; trang 0416, cột a, dòng thứ 22.

6.6.6. Chú thích hai kinh liên tiếp và chi tiết hóa số dòng

- *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.11.7-8. 0566c22-0567a04). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0125 là số hiệu của *Tăng nhất A-hàm kinh*, 11 là số thứ tự

của "Bất đãi phẩm", số 7-8 là kinh số 7 và kinh số 8; 0566c22-0567a04 tức là từ trang 0566, cột c, dòng 22 đến trang 0567, cột a, dòng 4.

- *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.9-10. 0002a02-12). Nghĩa là kinh này thuộc *ĐCT*, tập 02; 0099 là số hiệu của bộ *Tạp A-hàm kinh*, 9-10 là kinh số 9 và kinh số 10; 0002a02-12 tức là trang 0002, cột a, từ dòng 2 đến dòng 12.

7. NHUẬN SẮC VÀ HIỆU CHỈNH

Bộ phận dò Thánh tạng nhuận sắc và bổ túc thêm một số từ, ngữ, đoạn vào chánh văn do đánh máy thiếu hoặc nhầm. Các từ, ngữ, đoạn được bổ túc cũng dựa theo cách dụng ngữ của chính dịch giả trong dịch phẩm.

Một số từ, đoạn được dịch giả thêm vào cho rõ ý nghĩa trước đây được đặt trong ngoặc đơn, nay Ban Biên tập thống nhất đặt chúng trong ngoặc vuông [ ] để phân biệt giữa kinh văn gốc và các từ, đoạn được thêm vào sau này.

Các chú thích có sẵn trong dịch phẩm vốn được dịch từ bản dịch tiếng Anh do các dịch giả PTS thực hiện được hiệu chỉnh cho đầy đủ, đồng thời cũng có bổ sung thêm nguồn tham khảo chữ Hán từ *Đại Chánh tạng* và *Nam truyền Đại tạng kinh.*

Trong mỗi bộ đều có tài liệu tham khảo ở phần Phụ lục, nhằm giúp các nhà nghiên cứu xác định được nguồn dịch và tham chiếu của các cước chú.

Về từ "Pāli" (theo hệ thống Kaccāyana) hoặc Pāḷi (theo hệ thống Moggallāna) đều được sử dụng trong *Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ*. Các nhà nghiên cứu và biên tập Tam tạng tại Tích Lan và PTS phần lớn đều dùng "Pāli" theo hệ thống đầu. Hòa thượng Thích Minh Châu cũng dùng "Pāli". Để nhất quán, chư Tôn đức Phật giáo Việt Nam sử dụng từ "Pāli" cho tất cả các bài liên hệ, riêng trong các dịch phẩm của Tỳ-khưu Indacanda, vẫn giữ cách dùng từ "Pāḷi" của dịch giả.

Tuy đã cẩn trọng nhưng không sao tránh khỏi sai sót, kính mong các bậc thức giả hoan hỷ rộng lượng chỉ giáo, góp phần cho sự hoàn thiện TTTĐPGVN.

Mọi sự góp ý, xin gởi về địa chỉ email của Viện: vncphvn@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

BAN BIÊN TẬP

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC TIỂU BỘ (KHUDDAKA NIKĀYA) CỦA CÁC ẤN BẢN

STT	VIỆT NAM (16 TẬP)	TÍCH LAN (17 TẬP)	MIẾN ĐIỆN, PTS & CST (18 TẬP)	THÁI LAN & CAMPUCHIA (15 TẬP)	CBETA (15 TẬP)
1	Tiểu tụng	Khuddakapāṭha	Khuddhakapāṭha	Khuddhakapāṭha	小誦經
2	Kinh Pháp cú	Dhammapada	Dhammapada	Dhammapada	法句經
3	Kinh Phật tự thuyết	Udāna	Udāna	Udāna	自說經
4	Kinh Phật thuyết như vậy	Itivuttaka	Itivuttaka	Itivuttaka	如是語經
5	Kinh tập	Suttanipāta	Suttanipāta	Suttanipāta	經集
6	Chuyện Thiên cung	Vimānavatthu	Vimānavatthu	Vimānavatthu	天宮事經
7	Chuyện Ngạ quỷ	Petavatthu	Petavatthu	Petavatthu	餓鬼事經
8	Trưởng lão Tăng kệ	Theragāthā	Theragāthā	Theragāthā	長老偈經
9	Trưởng lão Ni kệ	Therīgāthā	Therīgāthā	Therīgāthā	長老尼偈經
10	Chuyện Tiền thân	Jātaka	Jātaka	Jātaka	本生經
11	Diễn giải	Niddesa	Niddesa	Niddesa	義釋
12	Phân tích đạo	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	Paṭisambhidāmagga	無礙解道
13	Thánh nhân ký sự	Apadāna	Apadāna	Apadāna	譬喻經
14	Phật sử	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	Buddhavaṃsa	佛種姓經
15	Hạnh tạng	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	Cariyāpiṭaka	所行藏經
16		Nettipakaraṇa	Nettipakaraṇa		
17		Petakopadesa	Petakopadesa		
18	Milinda vấn đạo		Milindapañha		

PHỤ LỤC 3

THỐNG KÊ & ĐỐI CHIẾU SỐ KỆ CHUYỆN TIỀN THÂN GIỮA CÁC BẢN

CHƯƠNG / PHẨM	**BẢN VIỆT NAM (Giống với CTS)**		**BẢN PTS**	**BẢN TÍCH LAN**
	Số câu chuyện	**Số kệ**	**Số kệ**	**Số kệ**
CHƯƠNG I: MỘT KỆ (*EKANIPĀTA*)				
I. PHẨM KHÔNG LỖI LẦM (*Apaṇṇakavagga*)	1-10	1-10	1-9[1]	1-10
II. PHẨM GIỚI (*Sīlavagga*)	11-20	11-20	10-19	11-20
III. PHẨM SƠN DƯƠNG (*Kuruṅgavagga*)	21-30	21-30	20-29	21-30
IV. PHẨM TỔ CHIM CON (*Kulāvakavagga*)	31-40	31-40	30-39	31-40
V. PHẨM LỢI ÁI (*Atthakāmavagga*)	41-50	41-50	40-49	41-50
VI. PHẨM HY VỌNG (*Āsiṁsavagga*)	51-60	51-60	50-59	51-60
VII. PHẨM NỮ NHÂN (*Itthivagga*)	61-70	61-70	60-69	61-70
VIII. PHẨM CÂY VARAṆA (*Varaṇavagga*)	71-80	71-80	70-79	71-80
IX. PHẨM CHÚNG CON ĐÃ UỐNG (*Apāyimhavagga*)	81-90	81-90	80-89	81-90
X. PHẨM ĐÃ ĐƯỢC THOA (*Littavagga*)	91-100	91-100	90-99	91-100

[1] *Chuyện đấu gạo* (*Taṇḍulanālijātaka*, số §5) trong PTS không có kệ, trong khi các bản khác đều có.

XI. PHẨM HƠN MỘT TRĂM NGƯỜI (*Parosatavagga*)	101-110	101-110	100-108[2]	101-110
XII. PHẨM THIÊN NGA (*Haṁsivagga*)	111-120	111-120	109-116[3]	111-120
XIII. PHẨM THẦN CÂY CỎ KUSA (*Kusanāḷivagga*)	121-130	121-130	117-126	121-130
XIV. PHẨM KẺ VONG ÂN (*Asampadānavagga*)	131-140	131-140	127-136	131-140
XV. PHẨM CON TẮC KÈ (*Kakaṇṭakavagga*)	141-150	141-150	137-146	141-150
TỔNG	**150**	**150**	**146**	**150**
CHƯƠNG II: HAI KỆ (*DUKANIPĀTA*)				
I. PHẨM CỨNG RẮN (*Daḷhavagga*)	151-160	1-20	1-20	151-172
II. PHẨM THÂN GIAO (*Santhavavagga*)	161-170	21-40	21-38	173-192
III. PHẨM THIỆN PHÁP (*Kalyāṇadhammavagga*)	171-180	41-60	39-58	193-212
IV. PHẨM ASADISA (*Asadisavagga*)	181-190	61-80	59-78	213-232
V. PHẨM TẾ SƯ RUHAKA (*Ruhakavagga*)	191-200	81-100	79-96	233-252
VI. PHẨM NATAṀDAḶHA (*Nataṁdaḷhavagga*)	201-210	101-120	97-119	253-276
VII. PHẨM ĐÁM CỎ BĪRAṆA (*Bīraṇatthambhakavagga*)	211-220	121-140	120-139	277-296
VIII. PHẨM KĀSĀVA (*Kāsāvavagga*)	221-230	141-160	140-159	297-316
IX. PHẨM CHIẾC GIÀY (*Upāhanavagga*)	231-240	161-181	160-179	317-337
X. PHẨM CHÓ RỪNG (*Sigālavagga*)	241-250	182-201	180-199	338-357
TỔNG	**100**	**201**	**199**	**207**

[2] *Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương* (*Sabbasaṃhārakapañha*, số §110) được trình bày trong *Chuyện đường hầm vĩ đại* (theo PTS số §546, *Mahāummaggajātaka* và theo CST số §542, *Umaṅgajātaka*) có một bài kệ nhưng không được đánh số.

[3] Tương tự như trên, *Câu hỏi về con lừa* (*Gadrabhapañha*, số §111) và *Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā* (*Amarādevīpañha*, số §112) được trình bày trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*, mỗi chuyện có một bài kệ nhưng không được đánh số.

CHƯƠNG III: BA KỆ (*TIKANIPĀTA*)				
I. PHẨM TƯ DUY (*Saṁkappavagga*)	251-260	1-30	1-30	358-387
II. PHẨM KOSIYA (*Kosiyavagga*)	261-270	31-60	31-60	388-417
III. PHẨM KHU RỪNG (*Araññavagga*)	271-280	61-90	61-90	418-447
IV. PHẨM CHÍNH TRUNG (*Abbhantaravagga*)	281-290	91-120	91-120	448-477
V. PHẨM CÁI BÌNH (*Kumbhavagga*)	291-300	121-150	121-150	478-507
TỔNG	**50**	**150**	**150**	**150**
CHƯƠNG IV: BỐN KỆ (*CATUKKANIPĀTA*)				
I. PHẨM HÃY MỞ RA (*Vivaravagga*)	301-310	1-40	1-40	508-547
II. PHẨM CÂY PUCIMANDA (*Pucimandavagga*)	311-320	41-80	41-80	548-587
III. PHẨM KẺ ĐỐT LỀU (*Kuṭidūsakavagga*)	321-330	81-120	81-120	588-627
IV. PHẨM CHIM CU (*Kokilavagga*)	331-340	121-160	121-160	628-667
V. PHẨM CULLAKUṆĀLA (*Cullakuṇālavagga*)	341-350	161-200[4]	161-192	668-707
TỔNG	**50**	**200**	**192**	**200**
CHƯƠNG V: NĂM KỆ (*PAÑCANIPĀTA*)				
I. PHẨM BÔNG TAI BẰNG NGỌC (*Maṇikuṇḍalavagga*)	351-360	1-59	1-59	708-766
II. PHẨM SẮC ĐẸP (*Vaṇṇārohavagga*)	361-370	60-109	60-104	767-816
III. PHẨM MỘT NỬA (*Aḍḍhavagga*)	371-375	110-140	105-135	817-847
TỔNG	**25**	**140**	**135**	**140**

[4] Phẩm này có sự chênh lệch số kệ giữa *Chánh tạng* (200 kệ) và *Chú giải* (196 kệ). Trong *Chánh tạng*, *Chuyện Vua Kaṇḍarī* (*Kaṇḍarijātaka,* số §341) gồm 4 kệ (161-64) và *Chuyện vấn đề của vị thiên* (*Devatāpañhajātaka,* số §350) gồm 4 kệ (197-200), nhưng trong *Chú giải* được viết lược đi nên không hiện số kệ. Do đó, *Chú giải* đánh nhầm số thứ tự kệ từ câu chuyện 342-49 (kệ 161-96). Bốn kệ (161-64) là 4 kệ (310-13) trong *Chuyện chim chúa Kuṇāla* (*Kuṇālajātaka*, số §536).

CHƯƠNG VI: SÁU KỆ (*CHANIPĀTA*)				
I. PHẨM NGƯỜI LÁI ĐÒ (*Avāriyavagga*)	376-385	1-75	1-77	848-923
II. PHẨM SENAKA (*Senakavagga*)	386-395	76-139[5]	78-141	924-987
TỔNG	**20**	**139**	**141**	**140**
CHƯƠNG VII: BẢY KỆ (*SATTANIPĀTA*)				
I. PHẨM KUKKU (*Kukkuvagga*)	396-405	1-75	1-75	988-1061
II. PHẨM GANDHĀRA (*Gandhāravagga*)	406-416	76-160	76-160	1062-1146
TỔNG	**21**	**160**	**160**	**159**
CHƯƠNG VIII: TÁM KỆ (*AṬṬHANIPĀTA*)				
I. PHẨM KACCĀNI (*Kaccānivagga*)	417-426	1-95	1-95	1147-1241
TỔNG	**10**	**95**	**95**	**95**
CHƯƠNG IX: CHÍN KỆ (*NAVANIPĀTA*)	427-438	1-113	1-114	1242-1354
TỔNG	**12**	**113**	**114**	**113**
CHƯƠNG X: MƯỜI KỆ (*DASANIPĀTA*)	439-454	1-179	1-153	1355-1531
TỔNG	**16**	**179**	**153**	**177**
CHƯƠNG XI: MƯỜI MỘT KỆ (*EKĀDASANIPĀTA*)	455-463	1-120	1-117	1532-1649
TỔNG	**9**	**120**	**117**	**118**
CHƯƠNG XII: MƯỜI HAI KỆ (*DVĀDASANIPĀTA*)	464-473	1-132	1-87	1650-1781
TỔNG	**10**	**132**	**87**	**132**
CHƯƠNG XIII: MƯỜI BA KỆ (*TERASANIPĀTA*)	474-483	1-151	1-151	1782-1932
TỔNG	**10**	**151**	**151**	**151**
CHƯƠNG XIV: TẠP KỆ (*PAKIṆṆAKANIPĀTA*)	484-496	1-289	1-288	1933-2218
TỔNG	**13**	**289**	**288**	**286**

[5] *Chuyện cây kim* (*Sūcijātaka,* số §387) trong *Chánh tạng* gồm 6 kệ (82-7), *Chú giải* ấn bản CST đánh số 2 lần kệ 84. Bản Việt chỉ đánh số 1 kệ.

CHƯƠNG XV: HAI MƯƠI KỆ (*VĪSATINIPĀTA*)	497-510	1-386	1-343	2219-2604
TỔNG	**14**	**386**	**343**	**386**
CHƯƠNG XVI: BA MƯƠI KỆ (*TIṂSANIPĀTA*)	511-520	1-369	1-342	2605-2972
TỔNG	**10**	**369**	**342**	**368**
CHƯƠNG XVII: BỐN MƯƠI KỆ (*CATTĀLĪSANIPĀTA*)	521-525	1-245	1-241	2973-3217
TỔNG	**5**	**245**	**241**	**245**
CHƯƠNG XVIII: NĂM MƯƠI KỆ (*PAṆṆĀSANIPĀTA*)	526-528	1-182	1-182	3218-3399
TỔNG	**3**	**182**	**182**	**182**
CHƯƠNG XIX: SÁU MƯƠI KỆ (*CHAṬṬHINIPĀTA*)	529-530	1-134	1-134	3400-3532
TỔNG	**2**	**134**	**134**	**133**
CHƯƠNG XX: BẢY MƯƠI KỆ (*SATTATINIPĀTA*)	531-532	1-183	1-185	3533-3716
TỔNG	**2**	**183**	**185**	**184**
CHƯƠNG XXI: TÁM MƯƠI KỆ (*ASĪTINIPĀTA*)	533-537	1-494	1-490	3717-4211
TỔNG	**5**	**494**	**490**	**495**
CHƯƠNG XXII: ĐẠI PHẨM (*MAHĀNIPĀTA*)	538-547	1-2440	1-2469	4212-6796
TỔNG	**10**	**2.440**	**2.469**	**2.587**
TỔNG CỘNG	**547**	**6.652**	**6.514**	**6.796**

Lưu ý:

1) Tựa các phẩm và câu chuyện theo nguyên tác Pāli bản PTS.

2) Bản Tích Lan dựa vào bản của Tỳ-khưu Indacanda phổ biến trên trang www.tamtangpaliviet.net.

PHỤ LỤC 4

TIÊU ĐỀ CÁC CÂU CHUYỆN TIỀN THÂN GIỮA 4 BẢN

BẢN VIỆT NAM	BẢN PTS	BẢN TÍCH LAN	BẢN CST
CHƯƠNG I: MỘT KỆ	**EKANIPĀTA**	**EKAKANIPĀTO**	**EKAKANIPĀTO**
I. Phẩm Không Lỗi Lầm	**Apaṇṇakavagga**	**Apaṇṇakavaggo**	**Apaṇṇakavaggo**
1. Chuyện không lỗi lầm	Apaṇṇakajātaka	Apaṇṇakajātakaṃ	Apaṇṇakajātakaṃ
2. Chuyện bãi sa mạc	Vaṇṇupathajātaka	Vaṇṇupathajātakaṃ	Vaṇṇupathajātakaṃ
3. Chuyện người buôn ghè Seriva	Serivāṇijajātaka	Serivāvāṇijajātakaṃ	Serivavāṇijajātakaṃ
4. Chuyện tiểu triệu phú	Cullakaseṭṭhijātaka	Cullaseṭṭhijātakaṃ	Cūḷaseṭṭhijātakaṃ
5. Chuyện đấu gạo	Taṇḍulanālijātaka	Taṇḍulanāḷijātakaṃ	Taṇḍulanāḷijātakaṃ
6. Chuyện Thiên pháp	Devadhammajātaka	Devadhammajātakaṃ	Devadhammajātakaṃ
7. Chuyện nàng lượm củi	Kaṭṭhahārijātaka	Kaṭṭhahārijātakaṃ	Kaṭṭhahārijātakaṃ
8. Chuyện Vua Gāmani	Gāmanijātaka	Gāmaṇijātakaṃ	Gāmaṇijātakaṃ
9. Chuyện Vua Makhādeva	Makhādevajātaka	Makhādevajātakaṃ	Maghadevajātakaṃ
10. Chuyện Trưởng lão Sukhavihāri	Sukhavihārijātaka	Sukhavihārijātakaṃ	Sukhavihārijātakaṃ
II. Phẩm Giới	**Sīlavagga**	**Sīlavaggo**	**Sīlavaggo**
11. Chuyện con nai Lakkhaṇa	Lakkhaṇajātaka	Lakkhaṇamigajātakaṃ	Lakkhaṇamigajātakaṃ
12. Chuyện con nai Nigrodha	Nigrodhamigajātaka	Nigrodhamigajātakaṃ	Nigrodhamigajātakaṃ

13. Chuyện mũi tên	Kaṇḍinajātaka	Kaṇḍinajātakaṃ	Kaṇḍijātakaṃ
14. Chuyện con nai gió	Vātamigajātaka	Vātamigajātakaṃ	Vātamigajātakaṃ
15. Chuyện con nai Kharādiyā	Kharādiyajātaka	Kharādiyajātakaṃ	Kharādiyajātakaṃ
16. Chuyện con nai có ba cử chỉ	Tipallatthamigajātaka	Tipallatthamigajātakaṃ	Tipallatthamigajātakaṃ
17. Chuyện gió thổi	Mālutajātaka	Mālutajātakaṃ	Mālutajātakaṃ
18. Chuyện đồ cúng người chết	Matakabhattajātaka	Matakabhattajātakaṃ	Matakabhattajātakaṃ
19. Chuyện lễ cúng do có lợi	Āyācitabhattajātaka	Āyācitabhattajātakaṃ	Āyācitabhattajātakaṃ
20. Chuyện uống nước bằng cọng lau	Naḷapānajātaka	Naḷapānajātakaṃ	Naḷapānajātakaṃ
III. Phẩm Sơn Dương	**Kuruṅgavagga**	**Kuruṅgavaggo**	**Kuruṅgavaggo**
21. Chuyện con nai sơn dương	Kuruṅgamigajātaka	Kuruṅgamigajātakaṃ	Kuruṅgamigajātakaṃ
22. Chuyện con chó	Kukkurajātaka	Kukkurajātakaṃ	Kukkurajātakaṃ
23. Chuyện con ngựa thuần chủng	Bhojājānīyajātaka	Bhojājānīyajātakaṃ	Gojānīyajātakaṃ
24. Chuyện đôi ngựa nòi tốt	Ājaññajātaka	Ājaññajātakaṃ	Ājaññajātakaṃ
25. Chuyện bến tắm	Titthajātaka	Titthajātakaṃ	Titthajātakaṃ
26. Chuyện con voi Mahilāmukha	Mahilāmukhajātaka	Mahilāmukhajātakaṃ	Mahiḷāmukhajātakaṃ
27. Chuyện đôi bạn thân thiết	Abhiṇhajātaka	Abhiṇhajātakaṃ	Abhiṇhajātakaṃ
28. Chuyện con bò Nandivisāla	Nandivisālajātaka	Nandivisālajātakaṃ	Nandivisālajātakaṃ
29. Chuyện con bò đen	Kaṇhajātaka	Kaṇhajātakaṃ	Kaṇhajātakaṃ
30. Chuyện con heo Muṇika	Muṇikajātaka	Munikajātakaṃ	Munikajātakaṃ

IV. Phẩm Tổ Chim Con	**Kulāvakavagga**	**Kulāvakavaggo**	**Kulāvakavaggo**
31. Chuyện tổ chim con	Kulāvakajātaka	Kulāvakajātakaṃ	Kulāvakajātakaṃ
32. Chuyện múa ca	Naccajātaka	Naccajātakaṃ	Naccajātakaṃ
33. Chuyện sống hòa hợp	Sammodamānajātaka	Sammodamānajātakaṃ	Sammodamānajātakaṃ
34. Chuyện con cá	Macchajātaka	Macchājātakaṃ	Macchajātakaṃ
35. Chuyện chim cút	Vaṭṭakajātaka	Vaṭṭakajātakaṃ	Vaṭṭakajātakaṃ
36. Chuyện con chim	Sakuṇajātaka	Sakuṇajātakaṃ	Sakuṇajātakaṃ
37. Chuyện con chim trĩ	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Tittirajātakaṃ
38. Chuyện con cò	Bakajātaka	Bakajātakaṃ	Bakajātakaṃ
39. Chuyện người nô lệ Nanda	Nandajātaka	Nandajātakaṃ	Nandajātakaṃ
40. Chuyện hố than lửa cây keo	Khadiraṅgārajātaka	Khadiraṅgārajātakaṃ	Khadiraṅgārajātakaṃ
V. Phẩm Lợi Ái	**Atthakāmavagga**	**Atthakāmavaggo**	**Atthakāmavaggo**
41. Chuyện Trưởng lão Losaka	Losakajātaka	Losakajātakaṃ	Losakajātakaṃ
42. Chuyện chim bồ câu	Kapotajātaka	Kapotakajātakaṃ	Kapotajātakaṃ
43. Chuyện con rắn tre	Veḷukajātaka	Veḷukajātakaṃ	Veḷukajātakaṃ
44. Chuyện con muỗi	Makasajātaka	Makasajātakaṃ	Makasajātakaṃ
45. Chuyện nữ tỳ Rohiṇī	Rohiṇījātaka	Rohiṇījātakaṃ	Rohiṇijātakaṃ
46. Chuyện kẻ làm hại vườn	Ārāmadūsakajātaka	Ārāmadūsakajātakaṃ	Ārāmadūsakajātakaṃ
47. Chuyện rượu mạnh	Vāruṇijātaka	Vāruṇidūsakajātakaṃ	Vāruṇidūsakajātakaṃ
48. Chuyện Bà-la-môn Vedabbha	Vedabbhajātaka	Vedabbhajātakaṃ	Vedabbajātakaṃ
49. Chuyện các vì sao	Nakkhattajātaka	Nakkhattajātakaṃ	Nakkhattajātakaṃ

50. Chuyện những kẻ vô trí	Dummedhajātaka	Dummedhajātakaṃ	Dummedhajātakaṃ
VI. Phẩm Hy Vọng	**Āsiṁsavagga**	**Āsiṃsavaggo**	**Āsīsavaggo**
51. Chuyện Vua Sīlavā vĩ đại	Mahāsīlavajātaka	Mahāsīlavajātakaṃ	Mahāsīlavajātakaṃ
52. Chuyện Tiểu Janaka	Cūḷajanakajātaka	Cūḷajanakajātakaṃ	Cūḷajanakajātakaṃ
53. Chuyện bình rượu đầy	Puṇṇapātijātaka	Puṇṇapātijātakaṃ	Puṇṇapātijātakaṃ
54. Chuyện trái cây	Phalajātaka	Kiṃphalajātakaṃ	Kiṃphalajātakaṃ
55. Chuyện năm vũ khí	Pañcāvudhajātaka	Pañcāvudhajātakaṃ	Pañcāvudhajātakaṃ
56. Chuyện khối vàng	Kañcanakkhandhajātaka	Kañcanakkhandha-jātakaṃ	Kañcanakkhandhajātakaṃ
57. Chuyện khỉ chúa	Vānarindajātaka	Vānarindajātakaṃ	Vānarindajātakaṃ
58. Chuyện ba pháp	Tayodhammajātaka	Tayodhammajātakaṃ	Tayodhammajātakaṃ
59. Chuyện tiếng trống	Bherivādajātaka	Bherivādajātakaṃ	Bherivādakajātakaṃ
60. Chuyển thổi tù và	Saṁkhadhamanajātaka	Saṅkhadhamanajātakaṃ	Saṅkhadhamajātakaṃ
VII. Phẩm Nữ Nhân	**Itthivagga**	**Itthivaggo**	**Itthivaggo**
61. Chuyện chú thuật Asāta	Asātamantajātaka	Asātamantajātakaṃ	Asātamantajātakaṃ
62. Chuyện cô gái trên lầu bảy tầng	Aṇḍabhūtajātaka	Andhabhūtajātakaṃ	Aṇḍabhūtajātakaṃ
63. Chuyện Hiền sĩ Chà Là	Takkajātaka	Takkajātakaṃ	Takkapaṇḍitajātakaṃ
64. Chuyện người vợ khó hiểu	Durājānajātaka	Durājānajātakaṃ	Durājānajātakaṃ
65. Chuyện nỗi bất mãn	Anabhiratijātaka	Anabhiratijātakaṃ	Anabhiratijātakaṃ
66. Chuyện Hoàng hậu Từ Tâm	Mudulakkhaṇajātaka	Mudulakkhaṇajātakaṃ	Mudulakkhaṇajātakaṃ
67. Chuyện người đàn bà thôn quê	Ucchaṅgajātaka	Ucchaṅgajātakaṃ	Ucchaṅgajātakaṃ

68. Chuyện thành Sāketa	Sāketajātaka	Sāketajātakaṃ	Sāketajātakaṃ
69. Chuyện con rắn phun nọc độc	Visavantajātaka	Visavantajātakaṃ	Visavantajātakaṃ
70. Chuyện Hiền trí Cái Cuốc	Kuddālajātaka	Kuddālajātakaṃ	Kuddālajātakaṃ
VIII. Phẩm Cây Varaṇa	**Varaṇavagga**	**Varaṇavaggo**	**Varuṇavaggo**
71. Chuyện cây Varaṇa	Varaṇajātaka	Varaṇajātakaṃ	Varuṇajātakaṃ
72. Chuyện tượng vương đức hạnh	Sīlavanāgajātaka	Sīlavanāgarājajātakaṃ	Sīlavahatthijātakaṃ
73. Chuyện đúng vậy chăng	Saccaṁkirajātaka	Saccaṃkirajātakaṃ	Saccaṃkirajātakaṃ
74. Chuyện luật cây rừng	Rukkhadhammajātaka	Rukkhadhammajātakaṃ	Rukkhadhammajātakaṃ
75. Chuyện con cá	Macchajātaka	Macchajātakaṃ	Macchajātakaṃ
76. Chuyện người không sợ hãi	Asaṁkiyajātaka	Asaṅkiyajātakaṃ	Asaṅkiyajātakaṃ
77. Chuyện giấc mộng lớn	Mahāsupinajātaka	Mahāsupinajātakaṃ	Mahāsupinajātakaṃ
78. Chuyện vị triệu phú Illīsa	Illīsajātaka	Illīsajātakaṃ	Illisajātakaṃ
79. Chuyện tiếng trống ồn ào	Kharassarajātaka	Kharassarajātakaṃ	Kharassarajātakaṃ
80. Chuyện người thợ dệt Bhīmasena	Bhīmasenajātaka	Bhīmasenajātakaṃ	Bhīmasenajātakaṃ
IX. Phẩm Chúng Con Đã Uống	**Apāyimhavagga**	**Apāyimhavaggo**	**Apāyimhavaggo**
81. Chuyện uống rượu	Surāpānajātaka	Surāpānajātakaṃ	Surāpānajātakaṃ
82. Chuyện chàng trai Mittavinda	Mittavindajātaka	Mittavindajātakaṃ	Mittavindakajātakaṃ
83. Chuyện Kāḷakaṇṇī	Kāḷakaṇṇijātaka	Kālakaṇṇijātakaṃ	Kāḷakaṇṇijātakaṃ
84. Chuyện cửa ngõ hạnh phúc	Atthassadvārajātaka	Atthassadvārajātakaṃ	Atthassadvārajātakaṃ

85. Chuyện trái cây kimpakka	Kimpakkajātaka	Kiṃpakkajātakaṃ	Kiṃpakkajātakaṃ
86. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsanajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsakajātakaṃ
87. Chuyện điềm lành	Maṁgalajātaka	Maṅgalajātakaṃ	Maṅgalajātakaṃ
88. Chuyện con bò Sārambha	Sārambhajātaka	Sārambhajātakaṃ	Sārambhajātakaṃ
89. Chuyện kẻ lừa đảo	Kuhakajātaka	Kuhakajātakaṃ	Kuhakajātakaṃ
90. Chuyện kẻ vong ân	Akataññūjātaka	Akataññūjātakaṃ	Akataññujātakaṃ
X. Phẩm Đã Được Thoa	**Littavagga**	**Littavaggo**	**Littavaggo**
91. Chuyện đã được thoa	Littajātaka	Littajātakaṃ	Littajātakaṃ
92. Chuyện đại bảo vật	Mahāsārajātaka	Mahāsārajātakaṃ	Mahāsārajātakaṃ
93. Chuyện ngộ độc do luyến ái	Vissāsabhojanajātaka	Vissāsabhojanajātakaṃ	Visāsabhojanajātakaṃ
94. Chuyện nỗi kinh hoàng	Lomahaṁsajātaka	Lomahaṃsajātakaṃ	Lomahaṃsajātakaṃ
95. Chuyện Vua Đại Thiện Kiến	Mahāsudassanajātaka	Mahāsudassanajātakaṃ	Mahāsudassanajātakaṃ
96. Chuyện bát dầu	Telapattajātaka	Telapattajātakaṃ	Telapattajātakaṃ
97. Chuyện điềm lành của tên	Nāmasiddhijātaka	Nāmasiddhijātakaṃ	Nāmasiddhijātakaṃ
98. Chuyện người đi buôn lừa đảo	Kūṭavāṇijajātaka	Kūṭavāṇijajātakaṃ	Kūṭavāṇijajātakaṃ
99. Chuyện hơn một ngàn người	Parosahassajātaka	Parosahassajātakaṃ	Parosahassajātakaṃ
100. Chuyện sắc thân bất lạc	Asātarūpajātaka	Asātarūpajātakaṃ	Asātarūpajātakaṃ
XI. Phẩm Hơn Một Trăm Người	**Parosatavagga**	**Parosatavaggo**	**Parosatavaggo**
101. Chuyện hơn một trăm người	Parosatajātaka	Parosatajātakaṃ	Parosatajātakaṃ

102. Chuyện người bán rau	Paṇṇikajātaka	Paṇṇikajātakaṃ	Paṇṇikajātakaṃ
103. Chuyện kẻ thù	Verijātaka	Verījātakaṃ	Verijātakaṃ
104. Chuyện chàng trai Mittavinda	Mittavindajātaka	Mittavindajātakaṃ	Mittavindakajātakaṃ
105. Chuyện nhánh cây yếu ớt	Dubbalakaṭṭhajātaka	Dubbalakaṭṭhajātakaṃ	Dubbalakaṭṭhajātakaṃ
106. Chuyện múc nước	Udañcanijātaka	Udañcanījātakaṃ	Udañcanījātakaṃ
107. Chuyện nghề ném đá	Sālittakajātaka	Sālittakajātakaṃ	Sālittakajātakaṃ
108. Chuyện cô thôn nữ	Bāhiyajātaka	Bāhiyajātakaṃ	Bāhiyajātakaṃ
109. Chuyện bánh bột trấu đỏ	Kuṇḍakapūvajātaka	Kuṇḍapūvajātakaṃ	Kuṇḍapūvajātakaṃ
110. Câu hỏi về hỗn hợp đủ loại hương	Sabbasaṁhārakapañha	Sabbasaṃhārakapañho	Sabbasaṃhārakapañha-jātakaṃ
XII. Phẩm Thiên Nga	**Haṁsivagga**	**Haṃsavaggo**	**Haṃcivaggo**
111. Câu hỏi về con lừa	Gadrabhapañha	Gadrabhapañho	Gadrabhapañhajātakaṃ
112. Câu hỏi của Hoàng hậu Amarā	Amarādevīpañha	Amarādevīpañho	Amarādevīpañhajātakaṃ
113. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
114. Chuyện con cá Nghĩ Vừa	Mitacintijātaka	Mitacintijātakaṃ	Mitacintijātakaṃ
115. Chuyện con chim cái khuyên răn	Anusāsikajātaka	Anusāsikajātakaṃ	Anusāsikajātakaṃ
116. Chuyện người khó dạy bảo	Dubbacajātaka	Dubbacajātakaṃ	Dubbacajātakaṃ
117. Chuyện chim đa đa	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Tittirajātakaṃ
118. Chuyện chim cút	Vaṭṭakajātaka	Vaṭṭakajātakaṃ	Vaṭṭakajātakaṃ
119. Chuyện con gà gáy phi thời	Akālarāvijātaka	Akālarāvijātakaṃ	Akālarāvijātakaṃ

120. Chuyện giải thoát sự trói buộc	Bandhanamokkhajātaka	Bandhanamokkha-jātakaṃ	Bandhanamokkhajātakaṃ
XIII. Phẩm Thần Cây Cỏ Kusa	**Kusanāḷivagga**	**Kusanāḷivaggo**	**Kusanāḷivaggo**
121. Chuyện thần cây cỏ Kusa	Kusanāḷijātaka	Kusanāḷijātakaṃ	Kusanāḷijātakaṃ
122. Chuyện kẻ ngu	Dummedhajātaka	Dummedhajātakaṃ	Dummedhajātakaṃ
123. Chuyện cái cán cày	Naṅgalīsajātaka	Naṅgalīsajātakaṃ	Naṅgalīsajātakaṃ
124. Chuyện trái xoài	Ambajātaka	Ambajātakaṃ	Ambajātakaṃ
125. Chuyện người nô lệ Kaṭāhaka	Kaṭāhakajātaka	Kaṭāhakajātakaṃ	Kaṭāhakajātakaṃ
126. Chuyện tướng của kiếm	Asilakkhaṇajātaka	Asilakkhaṇajātakaṃ	Asilakkhaṇajātakaṃ
127. Chuyện người nô lệ Kalaṇḍuka	Kalaṇḍukajātaka	Kalaṇḍukajātakaṃ	Kalaṇḍukajātakaṃ
128. Chuyện con mèo	Biḷārajātaka	Biḷāravatajātakaṃ	Biḷāravatajātakaṃ
129. Chuyện kẻ thờ lửa	Aggikajātaka	Aggikajātakaṃ	Aggikabhāradvājajātakaṃ
130. Chuyện nữ Bà-la-môn Kosiya	Kosiyajātaka	Kosiyajātakaṃ	Kosiyajātakaṃ
XIV. Phẩm Kẻ Vong Ân	**Asampadānavagga**	**Asampadānavaggo**	**Asampadānavaggo**
131. Chuyện kẻ vong ân	Asampadānajātaka	Asampadānajātakaṃ	Asampadānajātakaṃ
132. Chuyện năm dục lạc	Pañcagarujātaka	Pañcagarukajātakaṃ	Bhīrukajātakaṃ
133. Chuyện lửa cháy	Ghatāsanajātaka	Ghatāsanajātakaṃ	Ghatāsanajātakaṃ
134. Chuyện sự tịnh hóa của thiền	Jhānasodhanajātaka	Jhānasodhanajātakaṃ	Jhānasodhanajātakaṃ
135. Chuyện ánh sáng của mặt trăng	Candābhajātaka	Candābhajātakaṃ	Candābhajātakaṃ
136. Chuyện thiên nga vàng	Suvaṇṇahaṁsajātaka	Suvaṇṇahaṃsajātakaṃ	Suvaṇṇahaṃsajātakaṃ
137. Chuyện con mèo	Babbujātaka	Babbukajātakaṃ	Babbujātakaṃ

138. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Godhajātakaṃ	Godhajātakaṃ
139. Chuyện cả hai mặt thất bại	Ubhatobhaṭṭhajātaka	Ubhatobhaṭṭhajātakaṃ	Ubhatobhaṭṭhajātakaṃ
140. Chuyện con quạ	Kākajātaka	Kākajātakaṃ	Kākajātakaṃ
XV. Phẩm Con Tắc Kè	**Kakaṇṭakavagga**	**Kakaṇṭakavaggo**	**Kakaṇṭakavaggo**
141. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Godhajātakaṃ	Godhajātakaṃ
142. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
143. Chuyện sự chiếu sáng	Virocanajātaka	Virocanajātakaṃ	Virocajātakaṃ
144. Chuyện cái đuôi bò	Naṅguṭṭhajātaka	Naṅguṭṭhajātakaṃ	Naṅguṭṭhajātakaṃ
145. Chuyện con vẹt Rādha	Rādhajātaka	Rādhajātakaṃ	Rādhajātakaṃ
146. Chuyện con quạ	Kākajātaka	Kākajātakaṃ	Samuddakākajātakaṃ
147. Chuyện áo vải màu đỏ	Puppharattajātaka	Puppharatajātakaṃ	Puppharattajātakaṃ
148. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
149. Chuyện cây một lá	Ekapaṇṇajātaka	Ekapaṇṇajātakaṃ	Ekapaṇṇajātakaṃ
150. Chuyện thanh niên Sañjīva	Sañjīvajātaka	Sañjīvajātakaṃ	Sañjīvajātakaṃ
CHƯƠNG II: HAI KỆ	**DUKANIPĀTA**	**DUKANIPĀTO**	**DUKANIPĀTO**
I. Phẩm Cứng Rắn	**Daḷhavagga**	**Daḷhavaggo**	**Daḷhavaggo**
151. Chuyện lời giáo giới cho vua	Rājovādajātaka	Rājovādajātakaṃ	Rājovādajātakaṃ
152. Chuyện con chó rừng	Sigālajātaka	Sigālajātakaṃ	Siṅgālajātakaṃ
153. Chuyện con heo rừng	Sūkarajātaka	Sūkarajātakaṃ	Sūkarajātakaṃ
154. Chuyện con rắn	Uragajātaka	Uragajātakaṃ	Uragajātaka
155. Chuyện nhảy mũi	Gaggajātaka	Gaggajātakaṃ	Bhaggajātakaṃ

156. Chuyện Hoàng tử Alīnacitta	Alīnacittajātaka	Alīnacittajātakaṃ	Alīnacittajātakaṃ
157. Chuyện công đức	Guṇajātaka	Guṇajātakaṃ	Guṇajātakaṃ
158. Chuyện con ngựa Suhanu	Suhanujātaka	Suhanujātakaṃ	Suhanujātakaṃ
159. Chuyện con công	Morajātaka	Morajātakaṃ	Morajātakaṃ
160. Chuyện con ngỗng Vinīlaka	Vinīlakajātaka	Vinīlakajātakaṃ	Vinīlajātakaṃ
II. Phẩm Thân Giao	**Santhavavagga**	**Santhavavaggo**	**Santhavavaggo**
161. Chuyện Ẩn sĩ Indasamānagotta	Indasamānagottajātaka	Indasamānagotta-jātakaṃ	Indasamānagottajātakaṃ
162. Chuyện mối thân giao	Santhavajātaka	Santhavajātakaṃ	Santhavajātakaṃ
163. Chuyện Vua Susīma	Susīmajātaka	Susīmajātakaṃ	Susīmajātakaṃ
164. Chuyện chim diều hâu	Gijjhajātaka	Gijjhajātakaṃ	Gijjhajātakaṃ
165. Chuyện con chuột rừng	Nakulajātaka	Nakulajātakaṃ	Nakulajātakaṃ
166. Chuyện Bà-la-môn Upasāḷha	Upasāḷhajātaka	Upasāḷhajātakaṃ	Upasāḷakajātakaṃ
167. Chuyện Trưởng lão Samiddhi	Samiddhijātaka	Samiddhijātakaṃ	Samiddhijātakaṃ
168. Chuyện chim diều hâu	Sakuṇagghijātaka	Sakuṇagghijātakaṃ	Sakuṇagghijātakaṃ
169. Chuyện Đạo sư Araka	Arakajātaka	Arakajātakaṃ	Arakajātakaṃ
170. Chuyện con tắc kè	Kakaṇṭakajātaka	Kakaṇṭakajātakaṃ	Kakaṇṭakajātakaṃ
III. Phẩm Thiện Pháp	**Kalyāṇadhamma-vagga**	**Kalyāṇadhamma-vaggo**	**Kalyāṇavaggo**
171. Chuyện thiện pháp	Kalyāṇadhammajātaka	Kalyāṇadhamma-jātakaṃ	Kalyāṇadhammajātakaṃ
172. Chuyện núi Daddara	Daddarajātaka	Daddarajātakaṃ	Daddarajātakaṃ

173. Chuyện con vượn	Makkaṭajātaka	Makkaṭajātakaṃ	Makkaṭajātakaṃ
174. Chuyện con vượn lừa dối	Dūbhiyamakkaṭajātaka	Dutiyamakkaṭajātakaṃ	Dubbhiyamakkaṭajātakaṃ
175. Chuyện đảnh lễ mặt trời	Ādiccupaṭṭhānajātaka	Ādiccupaṭṭhānajātakaṃ	Ādiccupaṭṭhānajātakaṃ
176. Chuyện nắm hạt đậu	Kalāyamuṭṭhijātaka	Kaḷāyamuṭṭhijātakaṃ	Kaḷāyamuṭṭhijātakaṃ
177. Chuyện cây tiṇḍuka	Tiṇḍukajātaka	Tindukajātakaṃ	Tindukajātakaṃ
178. Chuyện con rùa	Kacchapajātaka	Kacchapajātakaṃ	Kacchapajātakaṃ
179. Chuyện Bà-la-môn Satadhamma	Satadhammajātaka	Satadhammajātakaṃ	Satadhammajātakaṃ
180. Chuyện khó cho	Duddadajātaka	Duddadajātakaṃ	Duddadajātakaṃ
IV. Phẩm Asadisa	**Asadisavagga**	**Asadisavaggo**	**Asadisavaggo**
181. Chuyện Hoàng tử Asadisa	Asadisajātaka	Asadisajātakaṃ	Asadisajātakaṃ
182. Chuyện con voi thiện chiến	Saṁgāmāvacarajātaka	Saṅgāmāvacarajātakaṃ	Saṅgāmāvacarajātakaṃ
183. Chuyện nước lọc từ đồ tàn thực	Vālodakajātaka	Vāḷodakajātakaṃ	Vālodakajātakaṃ
184. Chuyện người luyện ngựa Giridanta	Giridantajātaka	Giridattajātakaṃ	Giridattajātakaṃ
185. Chuyện tâm bất tịnh	Anabhiratijātaka	Anabhiratijātakaṃ	Anabhiratijātakaṃ
186. Chuyện Vua Dadhivāhana	Dadhivāhanajātaka	Dadhivāhanajātakaṃ	Dadhivāhanajātakaṃ
187. Chuyện bốn vẻ đẹp	Catumaṭṭajātaka	Catumaṭṭhajātakaṃ	Catumaṭṭhajātakaṃ
188. Chuyện sư tử lai chó rừng	Sīhakoṭṭhukajātaka	Sīhakotthukajātakaṃ	Sīhakotthujātakaṃ
189. Chuyện tấm da sư tử	Sīhacammajātaka	Sīhacammajātakaṃ	Sīhacammajātakaṃ
190. Chuyện lợi ích của giữ giới	Sīlānisaṁsajātaka	Sīlānisaṃsajātakaṃ	Sīlānisaṃsajātakaṃ

V. Phẩm Tế Sư Ruhaka	**Ruhakavagga**	**Ruhakavaggo**	**Ruhakavaggo**
191. Chuyện Tế sư Ruhaka	Ruhakajātaka	Ruhakajātakaṃ	Ruhakajātakaṃ
192. Chuyện thiên nữ Siri và Kāḷakaṇṇī	Sirikāḷakaṇṇijātaka	Sirikālakaṇṇijātakaṃ	Sirikāḷakaṇṇijātakaṃ
193. Chuyện Hoàng tử Cullapaduma	Cullapadumajātaka	Cullapadumajātakaṃ	Cūḷapadumajātakaṃ
194. Chuyện kẻ trộm ngọc	Maṇicorajātaka	Maṇicorajātakaṃ	Maṇicorajātakaṃ
195. Chuyện hòn núi đẹp	Pabbatūpattharajātaka	Pabbatūpattharajātakaṃ	Pabbatūpattharajātakaṃ
196. Chuyện con ngựa bay	Valāhassajātaka	Valāhassajātakaṃ	Valāhakassajātakaṃ
197. Chuyện bạn và thù	Mittāmittajātaka	Mittāmittajātakaṃ	Mittāmittajātakaṃ
198. Chuyện con vẹt Rādha	Rādhajātaka	Rādhajātakaṃ	Rādhajātakaṃ
199. Chuyện người gia chủ	Gahapatijātaka	Gahapatijātakaṃ	Gahapatijātakaṃ
200. Chuyện giới hạnh tốt lành	Sādhusīlajātaka	Sādhusīlajātakaṃ	Sādhusīlajātakaṃ
VI. Phẩm Nataṁdaḷha	**Nataṁdaḷhavagga**	**Nataṃdaḷhavaggo**	**Nataṃdaḷhavaggo**
201. Chuyện nhà tù trói buộc	Bandhanāgārajātaka	Bandhanāgārajātakaṃ	Bandhanāgārajātakaṃ
202. Chuyện tánh nghịch ngợm	Keḷisīlajātaka	Keḷisīlajātakaṃ	Keḷisīlajātakaṃ
203. Chuyện tu tập từ tâm	Khandhavattajātaka	Khandhavattajātakaṃ	Khaṇḍajātakaṃ
204. Chuyện con quạ Vīraka	Vīrakajātaka	Vīrakajātakaṃ	Vīrakajātakaṃ
205. Chuyện cá sông Hằng	Gaṅgeyyajātaka	Gaṅgeyyajātakaṃ	Gaṅgeyyajātakaṃ
206. Chuyện con nai núi	Kuruṅgamigajātaka	Kuruṅgamigajātakaṃ	Kuruṅgamigajātakaṃ
207. Chuyện Vua Assaka	Assakajātaka	Assakajātakaṃ	Assakajātakaṃ
208. Chuyện con cá sấu	Suṁsumārajātaka	Suṃsumārajātakaṃ	Susumārajātakaṃ

209. Chuyện con chim mồi	Kakkarajātaka	Kakkarajātakaṃ	Kukkuṭajātakaṃ
210. Chuyện con chim gõ mõ	Kandagalakajātaka	Kandagaḷakajātakaṃ	Kandagalakajātakaṃ
VII. Phẩm Đám Cỏ Bīraṇa	**Bīraṇatthambhaka-vagga**	**Bīraṇatthambhaka-vaggo**	**Bīraṇathambhavaggo**
211. Chuyện chàng trai Somadatta	Somadattajātaka	Somadattajātakaṃ	Somadattajātakaṃ
212. Chuyện thức ăn thừa	Ucchiṭṭhabhattajātaka	Ucchiṭṭhabhattajātakaṃ	Ucchiṭṭhabhattajātakaṃ
213. Chuyện Vua Bharu	Bharujātaka	Bharujātakaṃ	Bharujātakaṃ
214. Chuyện con sông đầy nước	Puṇṇanadījātaka	Puṇṇanadījātakaṃ	Puṇṇanadījātakaṃ
215. Chuyện con rùa	Kacchapajātaka	Kacchapajātakaṃ	Kacchapajātakaṃ
216. Chuyện con cá	Macchajātaka	Macchajātakaṃ	Macchajātakaṃ
217. Chuyện con gái của người bán rau	Seggujātaka	Seggujātakaṃ	Seggujātakaṃ
218. Chuyện người đi buôn lừa đảo	Kūṭavāṇijajātaka	Kūṭavāṇijajātakaṃ	Kūṭavāṇijajātakaṃ
219. Chuyện đáng chỉ trích	Garahitajātaka	Garahitajātakaṃ	Garahitajātakaṃ
220. Chuyện Tế sư Dhammaddhaja	Dhammaddhajajātaka	Dhammaddhajajātakaṃ	Dhammadhajajātakaṃ
VIII. Phẩm Kāsāva	**Kāsāvavagga**	**Kāsāvavaggo**	**Kāsāvavaggo**
221. Chuyện tấm y vàng	Kāsāvajātaka	Kāsāvajātakaṃ	Kāsāvajātakaṃ
222. Chuyện con khỉ Cullanandiya	Cullanandiyajātaka	Cūḷanandiyajātakaṃ	Cūḷanandiyajātakaṃ
223. Chuyện thức ăn đi đường	Puṭabhattajātaka	Puṭabhattajātakaṃ	Puṭabhattajātakaṃ
224. Chuyện con cá sấu	Kumbhīlajātaka	Kumbhīlajātakaṃ	Kumbhilajātakaṃ
225. Chuyện đề cao tính kham nhẫn	Khantivaṇṇanajātaka	Khantivaṇṇanajātakaṃ	Khantivaṇṇajātakaṃ

226. Chuyện con chim cú	Kosiyajātaka	Kosiyajātakaṃ	Kosiyajātakaṃ
227. Chuyện con bọ ăn phân	Gūthapāṇajātaka	Gūthapāṇakajātakaṃ	Gūthapāṇajātakaṃ
228. Chuyện Bà-la-môn Kāmanīta	Kāmanītajātaka	Kāmanītajātakaṃ	Kāmanītajātakaṃ
229. Chuyện du sĩ Palāyi	Palāyijātaka	Palāsijātakaṃ	Palāyitajātakaṃ
230. Chuyện du sĩ Palāyi, thứ hai	Dutiyapalāyijātaka	Dutiyapalāsijātakaṃ	Dutiyapalāyitajātakaṃ
IX. Phẩm Chiếc Giày	**Upāhanavagga**	**Upāhanavaggo**	**Upāhanavaggo**
231. Chuyện chiếc giày	Upāhanajātaka	Upāhanajātakaṃ	Upāhanajātakaṃ
232. Chuyện cây đàn luýt	Vīṇāthūṇajātaka	Vīṇāthūṇajātakaṃ	Vīṇāguṇajātakaṃ
233. Chuyện mũi tên	Vikaṇṇakajātaka	Vikaṇṇakajātakaṃ	Vikaṇṇajātakaṃ
234. Chuyện nàng Asitābhū	Asitābhujātaka	Asitābhūjātakaṃ	Asitābhūjātakaṃ
235. Chuyện Ẩn sĩ Vacchanakha	Vacchanakhajātaka	Vacchanakhajātakaṃ	Vacchanakhajātakaṃ
236. Chuyện con cò	Bakajātaka	Bakajātakaṃ	Bakajātakaṃ
237. Chuyện thành Sāketa	Sāketajātaka	Sāketajātakaṃ	Sāketajātakaṃ
238. Chuyện một chữ	Ekapadajātaka	Ekapadajātakaṃ	Ekapadajātakaṃ
239. Chuyện con nhái xanh	Haritamātajātaka	Haritamātujātakaṃ	Haritamaṇḍūkajātakaṃ
240. Chuyện Vua Mahāpiṅgala	Mahāpiṅgalajātaka	Mahāpiṅgalajātakaṃ	Mahāpiṅgalajātakaṃ
X. Phẩm Chó Rừng	**Sigālavagga**	**Sigālavaggo**	**Siṅgālavaggo**
241. Chuyện vua chó rừng Sabbadāṭha	Sabbadāṭhajātaka	Sabbadāṭhajātakaṃ	Sabbadāṭhijātakaṃ
242. Chuyện con chó	Sunakhajātaka	Sunakhajātakaṃ	Sunakhajātakaṃ
243. Chuyện nhạc sĩ Guttila	Guttilajātaka	Guttilajātakaṃ	Guttilajātakaṃ

244. Chuyện ly dục	Vīticchajātaka	Vīticchajātakaṃ	Vigaticchajātakaṃ
245. Chuyện pháp môn căn bản	Mūlapariyāyajātaka	Mūlapariyāyajātakaṃ	Mūlapariyāyajātakaṃ
246. Chuyện lời phỉ báng	Telovādajātaka	Telovādajātakaṃ	Bālovādajātakaṃ
247. Chuyện Hoàng tử Pādañjali	Pādañjalijātaka	Pādañjalijātakaṃ	Pādañjalījātakaṃ
248. Chuyện thí dụ về cây kiṁsuka	Kiṁsukopamajātaka	Kiṃsukopamajātakaṃ	Kiṃsukopamajātakaṃ
249. Chuyện con khỉ Sālaka	Sālakajātaka	Sālakajātakaṃ	Sālakajātakaṃ
250. Chuyện con khỉ	Kapijātaka	Kapijātakaṃ	Kapijātakaṃ
CHƯƠNG III: BA KỆ	**TIKANIPĀTA**	**TIKANIPĀTO**	**TIKANIPĀTO**
I. Phẩm Tư Duy	**Saṁkappavagga**	**Saṅkappavaggo**	**Saṅkappavaggo**
251. Chuyện tư duy	Saṁkappajātaka	Saṅkappajātakaṃ	Saṅkapparāgajātakaṃ
252. Chuyện nắm hạt mè	Tilamuṭṭhijātaka	Tilamuṭṭhijātakaṃ	Tilamuṭṭhijātakaṃ
253. Chuyện vua rắn Maṇikaṇṭha	Maṇikaṇṭhajātaka	Maṇikaṇṭhajātakaṃ	Maṇikaṇṭhajātakaṃ
254. Chuyện con ngựa quý ăn cám gạo đỏ	Kuṇḍakakucchisindhava-jātaka	Kuṇḍakakucchisindhava-jātakaṃ	Kuṇḍakakucchisindhava-jātakaṃ
255. Chuyện con vẹt	Sukajātaka	Sukajātakaṃ	Sukajātakaṃ
256. Chuyện cái giếng cũ	Jarudapānajātaka	Jarūdapānajātakaṃ	Jarūdapānajātakaṃ
257. Chuyện người hầu cận Gāmaṇicaṇḍa	Gāmaṇicaṇḍajātaka	Gāmaṇicaṇḍajātakaṃ	Gāmaṇicandajātakaṃ
258. Chuyện Đại vương Mandhātu	Mandhātujātaka	Mandhātujātakaṃ	Mandhātujātakaṃ
259. Chuyện Ẩn sĩ Tirīṭavaccha	Tirīṭavacchajātaka	Tirīṭavacchajātakaṃ	Tirīṭavacchajātakaṃ
260. Chuyện sứ giả	Dūtajātaka	Dūtajātakaṃ	Dūtajātakaṃ

II. Phẩm Kosiya	**Kosiyavagga**	**Padumavaggo**	**Padumavaggo**
261. Chuyện hoa sen	Padumajātaka	Padumajātakaṃ	Padumajātakaṃ
262. Chuyện bàn tay mềm mại	Mudupāṇijātaka	Mudupāṇijātakaṃ	Mudupāṇijātakaṃ
263. Chuyện ít dục tham	Cullapalobhanajātaka	Cullapalobhanajātakaṃ	Cūḷapalobhanajātakaṃ
264. Chuyện Đại vương Mahāpanāda	Mahāpanādajātaka	Mahāpanādajātakaṃ	Mahāpanādajātakaṃ
265. Chuyện mũi tên	Khurappajātaka	Khurappajātakaṃ	Khurappajātakaṃ
266. Chuyện con ngựa quý Tốc Như Phong	Vātaggasindhavajātaka	Vātaggajātakaṃ	Vātaggasindhavajātakaṃ
267. Chuyện con cua	Kakkaṭajātaka	Kakkaṭakajātakaṃ	Kakkaṭakajātakaṃ
268. Chuyện kẻ làm hại vườn	Ārāmadūsakajātaka	Ārāmadūsakajātakaṃ	Ārāmadūsakajātakaṃ
269. Chuyện nàng Sujāta	Sujātajātaka	Sujātajātakaṃ	Sujātajātakaṃ
270. Chuyện con chim cú	Ulūkajātaka	Ulūkajātakaṃ	Ulūkajātakaṃ
III. Phẩm Khu Rừng	**Araññavagga**	**Araññavaggo**	**Udapānavaggo**
271. Chuyện kẻ làm bẩn giếng nước	Udapānadūsakajātaka	Udapānadūsakajātakaṃ	Udapānadūsakajātakaṃ
272. Chuyện con cọp	Vyagghajātaka	Vyagghajātakaṃ	Byagghajātakaṃ
273. Chuyện con rùa	Kacchapajātaka	Kacchapajātakaṃ	Kacchapajātakaṃ
274. Chuyện tham ăn	Lolajātaka	Lolajātakaṃ	Lolajātakaṃ
275. Chuyện con chim xinh xắn	Rucirajātaka	Rucirajātakaṃ	Rucirajātakaṃ
276. Chuyện Chánh pháp nước Kuru	Kurudhammajātaka	Kurudhammajātakaṃ	Kurudhammajātakaṃ
277. Chuyện chim bồ câu	Romakajātaka	Romakajātakaṃ	Romakajātakaṃ
278. Chuyện con trâu	Mahisajātaka	Mahisajātakaṃ	Mahiṃsarājajātakaṃ

279. Chuyện con hạc	Satapattajātaka	Satapattajātakaṃ	Satapattajātakaṃ
280. Chuyện kẻ phá hư giỏ	Puṭadūsakajātaka	Puṭadūsakajātakaṃ	Puṭadūsakajātakaṃ
IV. Phẩm Chính Trung	**Abbhantaravagga**	**Abbhantaravaggo**	**Abbhantaravaggo**
281. Chuyện Chính Trung	Abbhantarajātaka	Abbhantarajātakaṃ	Abbhantarajātakaṃ
282. Chuyện điều tốt hơn	Seyyajātaka	Seyyaṃsajātakaṃ	Seyyajātakaṃ
283. Chuyện con heo rừng của người thợ mộc	Vaḍḍhakisūkarajātaka	Vaḍḍhakīsūkarajātakaṃ	Vaḍḍhakīsūkarajātakaṃ
284. Chuyện vận may	Sirijātaka	Sirijātakaṃ	Sirijātakaṃ
285. Chuyện heo rừng trong hang thủy tinh	Maṇisūkarajātaka	Maṇisūkarajātakaṃ	Maṇisūkarajātakaṃ
286. Chuyện con heo Sālūka	Sālūkajātaka	Sālukajātakaṃ	Sālūkajātakaṃ
287. Chuyện chê bai lợi nhuận	Lābhagarahajātaka	Lābhagarahajātakaṃ	Lābhagarahajātakaṃ
288. Chuyện xâu cá	Macchuddānajātaka	Macchuddānajātakaṃ	Macchuddānajātakaṃ
289. Chuyện mong ước khác nhau	Nānacchandajātaka	Nānācchandajātakaṃ	Nānāchandajātakaṃ
290. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsakajātakaṃ
V. Phẩm Cái Bình	**Kumbhavagga**	**Kumbhavaggo**	**Kumbhavaggo**
291. Chuyện cái bát thần	Bhadraghaṭajātaka	Bhadraghaṭajātakaṃ	Surāghaṭajātakaṃ
292. Chuyện vua quạ Supatta	Supattajātaka	Supattajātakaṃ	Supattajātakaṃ
293. Chuyện thân hư hoại	Kāyavicchindajātaka	Kāyavicchandajātakaṃ	Kāyanibbindajātakaṃ
294. Chuyện con chim ăn trái đào	Jambukhādakajātaka	Jambukhādakajātakaṃ	Jambukhādakajātakaṃ
295. Chuyện loài hạ liệt	Antajātaka	Antajātakaṃ	Antajātakaṃ
296. Chuyện biển cả	Samuddajātaka	Samuddajātakaṃ	Samuddajātakaṃ

297. Chuyện dục tình nhảm nhí	Kāmavilāpajātaka	Kāmavilāpajātakaṃ	Kāmavilāpajātakaṃ
298. Chuyện trái sung	Udumbarajātaka	Udumbarajātakaṃ	Udumbarajātakaṃ
299. Chuyện Ẩn sĩ Komāyaputta	Komāyaputtajātaka	Komāyaputtajātakaṃ	Komāraputtajātakaṃ
300. Chuyện chó sói	Vakajātaka	Vakajātakaṃ	Vakajātakaṃ
CHƯƠNG IV: BỐN KỆ	**CATUKKANIPĀTA**	**CATUKKANIPĀTO**	**CATUKKANIPĀTO**
I. Phẩm Hãy Mở Ra	**Vivaravagga**	**Vivaravaggo**	**Kāliṅgavaggo**
301. Chuyện Tiểu vương Kāliṅga	Cullakāliṅgajātaka	Cullakāliṅgajātakaṃ	Cūḷakāliṅgajātakaṃ
302. Chuyện đại kỵ sĩ	Mahāassārohajātaka	Mahāassārohajātakaṃ	Mahāassārohajātakaṃ
303. Chuyện vị Thánh vương	Ekarājajātaka	Ekarājajātakaṃ	Ekarājajātakaṃ
304. Chuyện rắn thần Daddara	Daddarajātaka	Daddarajātakaṃ	Daddarajātakaṃ
305. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsanajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsanajātakaṃ
306. Chuyện Hoàng hậu Sujātā	Sujātajātaka	Sujātājātakaṃ	Sujātajātakaṃ
307. Chuyện thần cây hồng điệp	Palāsajātaka	Palāsajātakaṃ	Palāsajātakaṃ
308. Chuyện chim gõ kiến	Javasakuṇajātaka	Javasakuṇajātakaṃ	Sakuṇajātakaṃ
309. Chuyện người tiện dân	Chavakajātaka	Chavakajātakaṃ	Chavakajātakaṃ
310. Chuyện vị Quốc sư Sayha	Sayhajātaka	Sayhajātakaṃ	Seyyajātakaṃ
II. Phẩm Cây Pucimanda	**Pucimandavagga**	**Pucimandavaggo**	**Pucimandavaggo**
311. Chuyện cây Pucimanda	Pucimandajātaka	Pucimandajātakaṃ	Pucimandajātakaṃ
312. Chuyện Ẩn sĩ Kassapa chậm trễ	Kassapamandiyajātaka	Kassapamandiya-jātakaṃ	Kassapamandiyajātakaṃ

313. Chuyện đạo lý kham nhẫn	Khantivādijātaka	Khantivādijātakaṃ	Khantīvādījātakaṃ
314. Chuyện địa ngục Nồi Sắt	Lohakumbhijātaka	Lohakumbhijātakaṃ	Lohakumbhijātakaṃ
315. Chuyện miếng thịt	Maṁsajātaka	Maṃsajātakaṃ	Sabbamaṃsalābhajātakaṃ
316. Chuyện con thỏ	Sasajātaka	Sasajātakaṃ	Sasapaṇḍitajātakaṃ
317. Chuyện khóc người chết	Matarodanajātaka	Matarodanajātakaṃ	Matarodanajātakaṃ
318. Chuyện vòng hoa kaṇavera	Kaṇaverajātaka	Kaṇaverajātakaṃ	Kaṇaverajātakaṃ
319. Chuyện chim đa đa	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Tittirajātakaṃ
320. Chuyện dễ cho	Succajajātaka	Succajajātakaṃ	Succajajātakaṃ
III. Phẩm Kẻ Đốt Lều	**Kuṭidūsakavagga**	**Kuṭidūsakavaggo**	**Kuṭidūsakavaggo**
321. Chuyện kẻ đốt lều	Kuṭidūsakajātaka	Kuṭidūsakajātakaṃ	Kuṭidūsakajātakaṃ
322. Chuyện tiếng động mạnh	Daddabhajātaka	Daddabhajātakaṃ	Duddubhajātakaṃ
323. Chuyện Vua Brahmadatta	Brahmadattajātaka	Brahmadattajātakaṃ	Brahmadattajātakaṃ
324. Chuyện thầy tu mặc áo da	Cammasāṭakajātaka	Cammasāṭakajātakaṃ	Cammasāṭakajātakaṃ
325. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Godhajātakaṃ	Godharājajātakaṃ
326. Chuyện thiên hoa Kakkāru	Kakkārujātaka	Kakkārujātakaṃ	Kakkārujātakaṃ
327. Chuyện Hoàng hậu Kākāti	Kākātijātaka	Kākātijātakaṃ	Kākavatījātakaṃ
328. Chuyện không khóc người chết	Ananusociyajātaka	Ananusociyajātakaṃ	Ananusociyajātakaṃ
329. Chuyện con khỉ Kālabāhu	Kālabāhujātaka	Kāḷabāhujātakaṃ	Kāḷabāhujātakaṃ
330. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsajātakaṃ

IV. Phẩm Chim Cu	Kokilavagga	Kokākilavaggo	Kokilavaggo
331. Chuyện Trưởng lão Kokālika	Kokālikajātaka	Kokālikajātakaṃ	Kokilajātakaṃ
332. Chuyện chiếc gậy thúc xe	Rathalaṭṭhijātaka	Rathalaṭṭhijātakaṃ	Rathalaṭṭhijātakaṃ
333. Chuyện con kỳ nhông	Godhajātaka	Pakkagodhajātakaṃ	Pakkagodhajātakaṃ
334. Chuyện khuyến dụ Quốc vương	Rājovādajātaka	Rājovādajātakaṃ	Rājovādajātakaṃ
335. Chuyện chó rừng	Jambukajātaka	Jambukajātakaṃ	Jambukajātakaṃ
336. Chuyện Vương tử Chatta vĩ đại	Brahāchattajātaka	Brahāchattajātakaṃ	Brahāchattajātakaṃ
337. Chuyện cái sàng tọa	Pīṭhajātaka	Pīṭhajātakaṃ	Pīṭhajātakaṃ
338. Chuyện vỏ trấu	Thusajātaka	Thusajātakaṃ	Thusajātakaṃ
339. Chuyện xứ Bāveru	Bāverujātaka	Bāverujātakaṃ	Bāverujātakaṃ
340. Chuyện Trưởng giả Visayha	Visayhajātaka	Visayhajātakaṃ	Visayhajātakaṃ
V. Phẩm Cullakuṇāla	**Cullakuṇālavagga**	**Cūḷakuṇālavaggo**	**Cūḷakuṇālavaggo**
341. Chuyện Vua Kaṇḍarī	Kaṇḍarijātaka	Kinnarījātakaṃ	Kaṇḍarījātakaṃ
342. Chuyện con khỉ	Vānarajātaka	Vānarajātakaṃ	Vānarajātakaṃ
343. Chuyện con hạc	Kuntanijātaka	Kuntinījātakaṃ	Kuntinījātakaṃ
344. Chuyện người ăn trộm xoài	Ambacorajātaka	Ambacorajātakaṃ	Ambajātakaṃ
345. Chuyện con rùa lười biếng	Gajakumbhajātaka	Gajakumbhajātakaṃ	Gajakumbhajātakaṃ
346. Chuyện đạo sĩ Kesava	Kesavajātaka	Kesavajātakaṃ	Kesavajātakaṃ
347. Chuyện cái chày sắt	Ayakūṭajātaka	Ayakūṭajātakaṃ	Ayakūṭajātakaṃ
348. Chuyện chốn rừng hoang	Araññajātaka	Āraññajātakaṃ	Araññajātakaṃ

349. Chuyện lời gièm pha	Sandhibhedajātaka	Sandhibhedajātakaṃ	Sandhibhedajātakaṃ
350. Chuyện vấn đề của vị thiên	Devatāpañhajātaka	Devatāpañhajātakaṃ	Devatāpañhajātakaṃ
CHƯƠNG V: NĂM KỆ	**PAÑCANIPĀTA**	**PAÑCAKANIPĀTO**	**PAÑCAKANIPĀTO**
I. Phẩm Bông Tai Bằng Ngọc	**Maṇikuṇḍalavagga**	**Maṇikuṇḍalavaggo**	**Maṇikuṇḍalavaggo**
351. Chuyện bông tai bằng ngọc	Maṇikuṇḍalajātaka	Maṇikuṇḍalajātakaṃ	Maṇikuṇḍalajātakaṃ
352. Chuyện chàng Sujāta	Sujātajātaka	Sujātajātakaṃ	Sujātajātakaṃ
353. Chuyện cành cây tỏa rộng	Dhonasākhajātaka	Dhonasākhajātakaṃ	Venasākhajātakaṃ
354. Chuyện con rắn	Uragajātaka	Uragajātakaṃ	Uragajātakaṃ
355. Chuyện Vương tử Ghata	Ghatajātaka	Ghatajātakaṃ	Ghaṭajātakaṃ
356. Chuyện nam tử Kāraṇḍiya	Kāraṇḍiyajātaka	Kāraṇḍiyajātakaṃ	Koraṇḍiyajātakaṃ
357. Chuyện chim cút	Laṭukikajātaka	Laṭukikajātakaṃ	Laṭukikajātakaṃ
358. Chuyện Hoàng tử Dhammapāla	Culladhammapālajātaka	Culladhammapāla-jātakaṃ	Cūḷadhammapālajātakaṃ
359. Chuyện con nai vàng	Suvaṇṇamigajātaka	Suvaṇṇamigajātakaṃ	Suvaṇṇamigajātakaṃ
360. Chuyện Hoàng hậu Sussondī	Sussondijātaka	Susandhijātakaṃ	Suyonandījātakaṃ
II. Phẩm Sắc Đẹp	**Vaṇṇārohavagga**	**Vaṇṇārohavaggo**	**Vaṇṇārohavaggo**
361. Chuyện sắc đẹp	Vaṇṇārohajātaka	Vaṇṇārohajātakaṃ	Vaṇṇārohajātakaṃ
362. Chuyện thử thách giới đức	Sīlavīmaṁsajātaka	Sīlavīmaṃsajātakaṃ	Sīlavīmaṃsajātakaṃ
363. Chuyện hổ thẹn	Hirijātaka	Hirijātakaṃ	Hirijātakaṃ
364. Chuyện con đom đóm	Khajjopanakajātaka	Khajjopaṇakapañho	Khajjopanakajātakaṃ
365. Chuyện người luyện rắn	Ahiguṇḍikajātaka	Ahituṇḍikajātakaṃ	Ahituṇḍikajātakaṃ

366. Chuyện con quỷ Gumbiya	Gumbiyajātaka	Gumbiyajātakaṃ	Gumbiyajātakaṃ
367. Chuyện con sáo	Sāliyajātaka	Sāḷiyajātakaṃ	Sāḷiyajātakaṃ
368. Chuyện dây trói buộc	Tacasārajātaka	Tacasārajātakaṃ	Tacasārajātakaṃ
369. Chuyện chàng trai Mittavinda	Mittavindajātaka	Mittavindakajātakaṃ	Mittavindakajātakaṃ
370. Chuyện cây hồng phượng vĩ	Palāsajātaka	Palāsajātakaṃ	Palāsajātakaṃ
III. Phẩm Một Nửa	**Aḍḍhavagga**	**Aḍḍhavaggo**	**Aḍḍhavaggo**
371. Chuyện Hoàng tử con Vua Dīghiti xứ Kosala	Dīghitikosalajātaka	Dīghitikosalajātakaṃ	Dīghītikosalajātakaṃ
372. Chuyện chú nai con	Migapotakajātaka	Migapotajātakaṃ	Migapotakajātakaṃ
373. Chuyện con chuột	Mūsikajātaka	Mūsikajātakaṃ	Mūsikajātakaṃ
374. Chuyện chàng tiểu xạ thủ	Culladhanuggahajātaka	Culladhanuggahajātakaṃ	Cūḷadhanuggahajātakaṃ
375. Chuyện chim bồ câu	Kapotajātaka	Kapotajātakaṃ	Kapotajātakaṃ
CHƯƠNG VI: SÁU KỆ	**CHANIPĀTA**	**CHAKKANIPĀTO**	**CHAKKANIPĀTO**
I. Phẩm Người Lái Đò	**Avāriyavagga**	**Avāriyavaggo**	**Avāriyavaggo**
376. Chuyện người lái đò	Avāriyajātaka	Avāriyajātakaṃ	Avāriyajātakaṃ
377. Chuyện Bà-la-môn Setaketu	Setaketujātaka	Setaketujātakaṃ	Setaketujātakaṃ
378. Chuyện Bà-la-môn Darīmukha	Darīmukhajātaka	Darīmukhajātakaṃ	Darīmukhajātakaṃ
379. Chuyện núi Neru	Nerujātaka	Nerujātakaṃ	Nerujātakaṃ
380. Chuyện thiên nữ Āsaṁka	Āsaṁkajātaka	Āsaṅkajātakaṃ	Āsaṅkajātakaṃ
381. Chuyện chim thứu Migālopa	Migālopajātaka	Migālopajātakaṃ	Migālopajātakaṃ
382. Chuyện thiên nữ Siri và Kāḷakaṇṇī	Sirikāḷakaṇṇijātaka	Sirikālakaṇṇijātakaṃ	Sirikāḷakaṇṇijātakaṃ

383. Chuyện kê vương	Kukkuṭajātaka	Kukkuṭajātakaṃ	Kukkuṭajātakaṃ
384. Chuyện Pháp ấn	Dhammaddhajajātaka	Dhammadhajajātakaṃ	Dhammadhajajātakaṃ
385. Chuyện lộc vương Nandiya	Nandiyamigajātaka	Nandiyamigajātakaṃ	Nandiyamigarājajātakaṃ
II. Phẩm Senaka	**Senakavagga**	**Senakavaggo**	**Kharaputtavaggo**
386. Chuyện con lừa	Kharaputtajātaka	Kharaputtajātakaṃ	Kharaputtajātakaṃ
387. Chuyện cây kim	Sūcijātaka	Sūcijātakaṃ	Sūcijātakaṃ
388. Chuyện con heo Tuṇḍila	Tuṇḍilajātaka	Tuṇḍilajātakaṃ	Tuṇḍilajātakaṃ
389. Chuyện con cua vàng	Suvaṇṇakakkaṭakajātaka	Suvaṇṇakakkaṭaka-jātakaṃ	Suvaṇṇakakkaṭajātakaṃ
390. Chuyện chim Mayhaka	Mayhakajātaka	Mayhakajātakaṃ	Mayhakajātakaṃ
391. Chuyện vị tà thuật sư	Dhajaviheṭhajātaka	Dhajaviheṭhajātakaṃ	Vijjādharajātakaṃ
392. Chuyện củ sen và hoa sen	Bhisapupphajātaka	Bhisapupphajātakaṃ	Siṅghapupphajātakaṃ
393. Chuyện vật thực còn thừa	Vighāsajātaka	Vighāsajātakaṃ	Vighāsādajātakaṃ
394. Chuyện chim cút	Vaṭṭakajātaka	Vaṭṭakajātakaṃ	Vaṭṭakajātakaṃ
395. Chuyện con quạ	Kākajātaka	Kākajātakaṃ	Pārāvatajātakaṃ
CHƯƠNG VII: BẢY KỆ	**SATTANIPĀTA**	**SATTAKANIPĀTO**	**SATTAKANIPĀTO**
I. Phẩm Kukku	**Kukkuvagga**	**Kukkuvaggo**	**Kukkuvaggo**
396. Chuyện Kukku	Kukkujātaka	Kukkujātakaṃ	Kukkujātakaṃ
397. Chuyện sư tử Manoja	Manojajātaka	Manojajātakaṃ	Manojajātakaṃ
398. Chuyện hiếu tử Sutanu	Sutanojātaka	Sutanujātakaṃ	Sutanujātakaṃ
399. Chuyện chim thứu	Gijjhajātaka	Gijjhajātakaṃ	Mātuposakagijjhajātakaṃ
400. Chuyện Dabbhapuppha	Dabbhapupphajātaka	Dabbhapupphajātakaṃ	Dabbhapupphajātakaṃ

401. Chuyện lưỡi kiếm xứ Dasaṇṇaka	Dasaṇṇakajātaka	Dasaṇṇakajātakaṃ	Paṇṇakajātakaṃ
402. Chuyện túi da đựng bánh	Sattubhastajātaka	Sattubhastajātakaṃ	Sattubhastajātakaṃ
403. Chuyện Trí giả Aṭṭhisena	Aṭṭhisenajātaka	Aṭṭhisenajātakaṃ	Aṭṭhisenakajātakaṃ
404. Chuyện hầu vương	Kapijātaka	Kapijātakaṃ	Kapijātakaṃ
405. Chuyện Phạm thiên Baka	Bakabrahmajātaka	Bakabrahmajātakaṃ	Bakajātakaṃ
II. Phẩm Gandhāra	**Gandhāravagga**	**Gandhāravaggo**	**Gandhāravaggo**
406. Chuyện Quốc vương Gandhāra	Gandhārajātaka	Gandhārajātakaṃ	Gandhārajātakaṃ
407. Chuyện đại hầu vương	Mahākapijātaka	Mahākapijātakaṃ	Mahākapijātakaṃ
408. Chuyện người thợ gốm	Kumbhakārajātaka	Kumbhakārajātakaṃ	Kumbhakārajātakaṃ
409. Chuyện Vua Daḷhadhamma	Daḷhadhammajātaka	Daḷhadhammajātakaṃ	Daḷhadhammajātakaṃ
410. Chuyện voi con Somadatta	Somadattajātaka	Somadattajātakaṃ	Somadattajātakaṃ
411. Chuyện Vua Susīma	Susīmajātaka	Susīmajātakaṃ	Susīmajātakaṃ
412. Chuyện thần cây bông vải	Koṭisimbalijātaka	Koṭisimbalijātakaṃ	Koṭasimbalijātakaṃ
413. Chuyện người chăn dê Dhūmakāri	Dhūmakārijātaka	Dhūmakārijātakaṃ	Dhūmakārijātakaṃ
414. Chuyện người tỉnh thức	Jāgarajātaka	Jāgarajātakaṃ	Jāgarajātakaṃ
415. Chuyện phần cháo sữa chua	Kummāsapiṇḍajātaka	Kummāsapiṇḍajātakaṃ	Kummāsapiṇḍijātakaṃ
416. Chuyện cận thần Parantapa	Parantapajātaka	Parantapajātakaṃ	Parantapajātakaṃ

CHƯƠNG VIII TÁM KỆ	AṬṬHANIPĀTA	AṬṬHAKANIPĀTO	AṬṬHAKANIPĀTO
I. Phẩm Kaccāni	**Kaccānivagga**	**Kaccānivaggo**	**(Không có)**
417. Chuyện Hiền mẫu Kaccāni	Kaccānijātaka	Kaccānijātakaṃ	Kaccānijātakaṃ
418. Chuyện tám tiếng kêu	Aṭṭhasaddajātaka	Aṭṭhasaddajātakaṃ	Aṭṭhasaddajātakaṃ
419. Chuyện kiều nữ Sulasā	Sulasājātaka	Sulasājātakaṃ	Sulasājātakaṃ
420. Chuyện người giữ ngự viên Sumaṅgala	Sumaṅgalajātaka	Sumaṅgalajātakaṃ	Sumaṅgalajātakaṃ
421. Chuyện người hớt tóc Gaṅgamāla	Gaṅgamālajātaka	Gaṅgamālajātakaṃ	Gaṅgamālajātakaṃ
422. Chuyện Quốc vương Ceti	Cetiyajātaka	Cetiyajātakaṃ	Cetiyajātakaṃ
423. Chuyện các căn	Indriyajātaka	Indriyajātakaṃ	Indriyajātakaṃ
424. Chuyện ngọn lửa đốt cháy	Ādittajātaka	Ādittajātakaṃ	Ādittajātakaṃ
425. Chuyện những sự kiện không thể xảy ra	Aṭṭhānajātaka	Aṭṭhānajātakaṃ	Aṭṭhānajātakaṃ
426. Chuyện con báo	Dīpijātaka	Dīpijātakaṃ	Dīpijātakaṃ
CHƯƠNG IX: CHÍN KỆ	**NAVANIPĀTA**	**NAVAKANIPĀTO**	**NAVAKANIPĀTO**
427. Chuyện chim thứu	Gijjhajātaka	Gijjhajātakaṃ	Gijjhajātakaṃ
428. Chuyện ở Kosambī	Kosambījātaka	Kosambajātakaṃ	Kosambiyajātakaṃ
429. Chuyện đại anh vũ	Mahāsukajātaka	Mahāsukajātakaṃ	Mahāsuvajātakaṃ
430. Chuyện tiểu anh vũ	Cullasukajātaka	Cullasukajātakaṃ	Cūḷasuvajātakaṃ
431. Chuyện nam tử Hārita	Hāritajātaka	Hāritajātakaṃ	Haritacajātakaṃ
432. Chuyện cậu bé có tài nhận dấu chân	Padakusalamāṇavajātaka	Padamāṇavakajātakaṃ	Padakusalamāṇavajātakaṃ

433. Chuyện Ca-diếp, vị khổ hạnh nhiều lông tóc	Lomasakassapajātaka	Lomasakassapajātakaṃ	Lomasakassapajātakaṃ
434. Chuyện chim hồng nga	Cakkavākajātaka	Cakkavākajātakaṃ	Cakkavākajātakaṃ
435. Chuyện ước mơ chóng phai tàn	Haliddirāgajātaka	Haḷiddirāgajātakaṃ	Haliddirāgajātakaṃ
436. Chuyện cái hộp	Samuggajātaka	Samuggajātakaṃ	Samuggajātakaṃ
437. Chuyện chó rừng Pūtimaṁsa	Pūtimaṁsajātaka	Pūtimaṃsajātakaṃ	Pūtimaṃsajātakaṃ
438. Chuyện con gà gô	Tittirajātaka	Tittirajātakaṃ	Daddarajātakaṃ
CHƯƠNG X: MƯỜI KỆ	**DASANIPĀTA**	**DASAKANIPĀTO**	**DASAKANIPĀTO**
439. Chuyện bốn cổng thành	Catudvārajātaka	Catudvārajātakaṃ	Catudvārajātakaṃ
440. Chuyện Hiền giả Kaṇha	Kaṇhajātaka	Kaṇhajātakaṃ	Kaṇhajātakaṃ
441. Chuyện bốn vị giữ trai giới	Catuposathikajātaka	Catuposathikajātakaṃ	Catuposathiyajātakaṃ
442. Chuyện Bà-la-môn Saṁkha	Saṁkhajātaka	Saṅkhajātakaṃ	Saṅkhajātakaṃ
443. Chuyện Trí giả Cullabodhi	Cullabodhijātaka	Cullabodhijātakaṃ	Cūḷabodhijātakaṃ
444. Chuyện Hắc nhân Dīpāyana	Kaṇhadīpāyanajātaka	Kaṇhadīpāyanajātakaṃ	Kaṇhadīpāyanajātakaṃ
445. Chuyện Vua Nigrodha	Nigrodhajātaka	Nigrodhajātakaṃ	Nigrodhajātakaṃ
446. Chuyện cây hành	Takkaḷajātaka	Takkalajātakaṃ	Takkalajātakaṃ
447. Chuyện Đại nhân Dhammapāla	Mahādhammapālajātaka	Mahādhammapālajātakaṃ	Mahādhammapālajātakaṃ
448. Chuyện kê vương	Kukkuṭajātaka	Kukkuṭajātakaṃ	Kukkuṭajātakaṃ
449. Chuyện nam tử đeo vòng tai	Maṭṭakuṇḍalijātaka	Maṭṭakuṇḍalijātakaṃ	Maṭṭhakuṇḍalījātakaṃ
450. Chuyện phú ông keo kiệt Biḷāri	Biḷārikosiyajātaka	Biḷārakosiyajātakaṃ	Bilārakosiyajātakaṃ

451. Chuyện chim hồng nga	Cakkavākajātaka	Cakkavākajātakaṃ	Cakkavākajātakaṃ
452. Chuyện vấn đề trí tuệ	Bhūripañhajātaka	Bhūripaññajātakaṃ	Bhūripaññajātakaṃ
453. Chuyện điềm lành lớn	Mahāmaṅgalajātaka	Mahāmaṅgalajātakaṃ	Mahāmaṅgalajātakaṃ
454. Chuyện Trí giả Ghata	Ghatajātaka	Ghatapaṇḍitajātakaṃ	Ghaṭapaṇḍitajātakaṃ
CHƯƠNG XI: MƯỜI MỘT KỆ	**EKĀDASANIPĀTA**	**EKĀDASANIPĀTO**	**EKĀDASAKANIPĀTO**
455. Chuyện voi hiếu dưỡng mẹ	Mātiposakajātaka	Mātuposakajātakaṃ	Mātuposakajātakaṃ
456. Chuyện Vương tử Juṇha	Juṇhajātaka	Juṇhajātakaṃ	Juṇhajātakaṃ
457. Chuyện thiên tử Dhamma	Dhammajātaka	Dhammajātakaṃ	Dhammadevaputtajātakaṃ
458. Chuyện Vua Udaya	Udayajātaka	Udayajātakaṃ	Udayajātakaṃ
459. Chuyện ngụm nước uống	Pānīyajātaka	Pānīyajātakaṃ	Pānīyajātakaṃ
460. Chuyện Thái tử Yuvañjaya	Yuvañjayajātaka	Yudhañjayajātakaṃ	Yudhañcayajātakaṃ
461. Chuyện Đại vương Dasaratha	Dasarathajātaka	Dasarathajātakaṃ	Dasarathajātakaṃ
462. Chuyện Vương tử Saṁvara	Saṁvarajātaka	Saṃvarajātakaṃ	Saṃvarajātakaṃ
463. Chuyện Trí giả Suppāraka	Suppārakajātaka	Suppārakajātakaṃ	Suppārakajātakaṃ
CHƯƠNG XII: MƯỜI HAI KỆ	**DVĀDASANIPĀTA**	**DVĀDASANIPĀTO**	**DVĀDASAKANIPĀTO**
464. Chuyện tiểu điểu vương Kuṇāla	Cullakuṇālajātaka	Cūḷakuṇālajātakaṃ	Cūḷakuṇālajātakaṃ
465. Chuyện cổ thụ Cát Tường Sāla	Bhaddasālajātaka	Bhaddasālajātakaṃ	Bhaddasālajātakaṃ
466. Chuyện thương nhân trên biển cả	Samuddavāṇijajātaka	Samuddavāṇijajātakaṃ	Samuddavāṇijajātakaṃ

467. Chuyện dục tham	Kāmajātaka	Kāmajātakaṃ	Kāmajātakaṃ
468. Chuyện Đại vương Janasandha	Janasandhajātaka	Janasandhajātakaṃ	Janasandhajātakaṃ
469. Chuyện đại hắc thiên cẩu	Mahākaṇhajātaka	Mahākaṇhajātakaṃ	Mahākaṇhajātakaṃ
470. Chuyện phú ông keo kiệt Kosiya	Kosiyajātaka	Kosiyajātakaṃ	Kosiyajātakaṃ
471. Chuyện con dê	Meṇḍakajātaka	Meṇḍakapañhajātakaṃ	Meṇḍakapañhajātakaṃ
472. Chuyện Vương tử Paduma vĩ đại	Mahāpadumajātaka	Mahāpadumajātakaṃ	Mahāpadumajātakaṃ
473. Chuyện bạn và thù	Mittāmittajātaka	Mittāmittajātakaṃ	Mittāmittajātakaṃ
CHƯƠNG XIII: MƯỜI BA KỆ	**TERASANIPĀTA**	**TERASANIPĀTO**	**TERASAKANIPĀTO**
474. Chuyện trái xoài	Ambajātaka	Ambajātakaṃ	Ambajātakaṃ
475. Chuyện cây hồng phượng vĩ	Phandanajātaka	Phandanajātakaṃ	Phandanajātakaṃ
476. Chuyện thiên nga chúa thần tốc	Javanahaṁsajātaka	Javanahaṃsajātakaṃ	Javanahaṃsajātakaṃ
477. Chuyện tiểu đạo sĩ Nārada	Cullanāradajātaka	Cullanāradajātakaṃ	Cūḷanāradajātakaṃ
478. Chuyện sứ giả	Dūtajātaka	Dūtajātakaṃ	Dūtajātakaṃ
479. Chuyện Vua Kāliṅga và cây Bồ-đề	Kāliṅgabodhijātaka	Kāliṅgabodhijātakaṃ	Kāliṅgabodhijātakaṃ
480. Chuyện Hiền giả Akitti	Akittijātaka	Akittijātakaṃ	Akittijātakaṃ
481. Chuyện Hiền giả Takkāriya	Takkāriyajātaka	Takkāriyajātakaṃ	Takkāriyajātakaṃ
482. Chuyện lộc vương Ruru	Rurujātaka	Rurumigajātakaṃ	Rurumigarājajātakaṃ
483. Chuyện lộc vương Sarabha	Sarabhamigajātaka	Sarabhamigajātakaṃ	Sarabhamigajātakaṃ

CHƯƠNG XIV: TẠP KỆ	PAKIṆṆAKA-NIPĀTA	PAKIṆṆAKA-NIPĀTO	PAKIṆṆAKANUPĀTO
484. Chuyện cánh đồng lúa Sāli	Sālikedārajātaka	Sālikedārajātakaṃ	Sālikedārajātakaṃ
485. Chuyện đôi ca thần Canda	Candakinnarajātaka	Candakinnarajātakaṃ	Candakinnarījātakaṃ
486. Chuyện chim ưng chúa	Mahāukkusajātaka	Mahā-ukkusajātakaṃ	Mahāukkusajātakaṃ
487. Chuyện nam tử Uddālaka	Uddālakajātaka	Uddālakajātakaṃ	Uddālakajātakaṃ
488. Chuyện củ sen	Bhisajātaka	Bhisajātakaṃ	Bhisajātakaṃ
489. Chuyện Đại vương Suruci	Surucijātaka	Surucijātakaṃ	Surucijātakaṃ
490. Chuyện năm vị hành trì trai giới	Pañcūposathajātaka	Pañcuposathajātakaṃ	Pañcuposathikajātakaṃ
491. Chuyện đại khổng tước	Mahāmorajātaka	Mahāmorajātakaṃ	Mahāmorajātakaṃ
492. Chuyện lợn rừng Taccha	Tacchasūkarajātaka	Tacchasūkarajātakaṃ	Tacchasūkarajātakaṃ
493. Chuyện vị đại thương nhân	Mahāvāṇijajātaka	Mahāvāṇijajātakaṃ	Mahāvāṇijajātakaṃ
494. Chuyện Đại vương Sādhīna	Sādhīnajātaka	Sādhīnajātakaṃ	Sādhinajātakaṃ
495. Chuyện mười hạng Bà-la-môn	Dasabrāhmaṇajātaka	Dasabrāhmaṇajātakaṃ	Dasabrāhmaṇajātakaṃ
496. Chuyện cúng thực phẩm đúng cấp bậc	Bhikkhāparampara-jātaka	Bhikkhāparampara-jātakaṃ	Bhikkhāparamparajātakaṃ
CHƯƠNG XV: HAI MƯƠI KỆ	**VĪSATINIPĀTA**	**VĪSATINIPĀTO**	**VĪSATINIPĀTO**
497. Chuyện bậc Hiền trí Mātaṅga	Mātaṅgajātaka	Mātaṅgajātakaṃ	Mātaṅgajātakaṃ
498. Chuyện đôi bạn Citta và Sambhūta	Citta-Sambhūta-jātaka	Cittasambhūtajātakaṃ	Cittasambhūtajātakaṃ

499. Chuyện Đại vương Sivi	Sivijātaka	Sivijātakaṃ	Sivijātakaṃ
500. Chuyện thần nữ Cát Tường	Sirimandajātaka	Sirimandajātakaṃ	Sirīmantajātakaṃ
501. Chuyện lộc vương Rohanta	Rohantamigajātaka	Rohantamigajātakaṃ	Rohaṇamigajātakaṃ
502. Chuyện thiên nga chúa	Haṁsajātaka	Cūḷahaṃsajātakaṃ	Cūḷahaṃsajātakaṃ
503. Chuyện anh vũ Sattigumba	Sattigumbajātaka	Sattigumbajātakaṃ	Sattigumbajātakaṃ
504. Chuyện Đại vương Bhallāṭiya	Bhallāṭiyajātaka	Bhallāṭiyajātakaṃ	Bhallātiyajātakaṃ
505. Chuyện Vương tử Somanassa	Somanassajātaka	Somanassajātakaṃ	Somanassajātakaṃ
506. Chuyện long vương Campeyya	Campeyyajātaka	Campeyyajātakaṃ	Campeyyajātakaṃ
507. Chuyện sức cám dỗ mạnh	Mahāpalobhanajātaka	Palobhanajātakaṃ	Mahāpalobhanajātakaṃ
508. Chuyện năm vị Hiền nhân	Pañcapaṇḍitajātaka	Pañcapaṇḍitapañho	Pañcapaṇḍitajātakaṃ
509. Chuyện Hiền giả Hatthipāla	Hatthipālajātaka	Hatthipālajātakaṃ	Hatthipālajātakaṃ
510. Chuyện Vương tử Thiết Thất	Ayogharajātaka	Ayogharajātakaṃ	Ayogharajātakaṃ
CHƯƠNG XVI: BA MƯƠI KỆ	**TIṀSANIPĀTA**	**TIṂSATINIPĀTO**	**TIṂSANIPĀTO**
511. Chuyện mong muốn gì	Kiṁchandajātaka	Kiṃchandajātakaṃ	Kiṃchandajātakaṃ
512. Chuyện bình rượu	Kumbhajātaka	Kumbhajātakaṃ	Kumbhajātakaṃ
513. Chuyện Vương tử Jayaddisa	Jayaddisajātaka	Jayaddisajātakaṃ	Jayaddisajātakaṃ
514. Chuyện tượng vương ở hồ Chaddanta	Chaddantajātaka	Chaddantajātakaṃ	Chaddantajātakaṃ
515. Chuyện nam tử Sambhava	Sambhavajātaka	Sambhavajātakaṃ	Sambhavajātakaṃ

516. Chuyện khỉ chúa	Mahākapijātaka	Mahākapijātakaṃ	Mahākapijātakaṃ
517. Chuyện thủy thần	Dakarakkhasajātaka	Dakarakkhasapañho	Dakarakkhasajātakaṃ
518. Chuyện long vương Paṇḍara	Paṇḍarajātaka	Paṇḍarakajātakaṃ	Paṇḍaranāgarājajātakaṃ
519. Chuyện Hoàng hậu Sambulā	Sambulajātaka	Sambulājātakaṃ	Sambulājātakaṃ
520. Chuyện vị thần cây Tindu	Gaṇḍhatindujātaka	Gandhatindukajātakaṃ	Gandhatindukajātakaṃ
CHƯƠNG XVII: BỐN MƯƠI KỆ	**CATTĀLĪSA-NIPĀTA**	**CATTĀḶĪSA-NIPĀTO**	**CATTĀLĪSANIPĀTO**
521. Chuyện ba con chim	Tesakuṇajātaka	Tesakuṇajātakaṃ	Tesakuṇajātakaṃ
522. Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhaṅga	Sarabhaṅgajātaka	Sarabhaṅgajātakaṃ	Sarabhaṅgajātakaṃ
523. Chuyện thiên nữ Alambusā	Alambusajātaka	Alambusājātakaṃ	Alambusājātakaṃ
524. Chuyện long vương Saṁkhapāla	Saṁkhapālajātaka	Saṅkhapālajātakaṃ	Saṅkhapālajātakaṃ
525. Chuyện Tiểu Sutasoma	Cullasutasomajātaka	Cullasutasomajātakaṃ	Cūḷasutasomajātakaṃ
CHƯƠNG XVIII: NĂM MƯƠI KỆ	**PAṆṆĀSANIPĀTA**	**PAÑÑĀSANIPĀTO**	**PAṆṆĀSANIPĀTO**
526. Chuyện Công chúa Naḷinikā	Naḷinikājātaka	Nalinikājātakaṃ	Niḷinikājātakaṃ
527. Chuyện cô gái Ummadantī	Ummadantījātaka	Ummādantījātakaṃ	Ummādantījātakaṃ
528. Chuyện Hiền giả Mahābodhi	Mahābodhijātaka	Mahābodhijātakaṃ	Mahābodhijātakaṃ
CHƯƠNG XIX: SÁU MƯƠI KỆ	**CHAṬṬHINIPĀTA**	**SAṬṬHINIPĀTO**	**SAṬṬHINIPĀTO**
529. Chuyện Hiền giả Sonaka	Sonakajātaka	Soṇakajātakaṃ	Soṇakajātakaṃ
530. Chuyện Hiền giả Saṁkicca	Saṁkiccajātaka	Saṅkiccajātakaṃ	Saṃkiccajātakaṃ

CHƯƠNG XX: BẢY MƯƠI KỆ	SATTATINIPĀTA	SATTATINIPĀTO	SATTATINIPĀTO
531. Chuyện Đại đế Kusa	Kusajātaka	Kusajātakaṃ	Kusajātakaṃ
532. Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda	Sona-Nanda-jātaka	Soṇanandajātakaṃ	Soṇanandajātakaṃ
CHƯƠNG XXI: TÁM MƯƠI KỆ	**ASĪTINIPĀTA**	**ASĪTINIPĀTO**	**ASĪTINIPĀTO**
533. Chuyện tiểu thiên nga	Cullahaṁsajātaka	Cullahaṃsajātakaṃ	Cūḷahaṃsajātakaṃ
534. Chuyện đại thiên nga	Mahāhaṁsajātaka	Mahāhaṃsajātaṃ	Mahāhaṃsajātakaṃ
535. Chuyện thực phẩm thiên giới	Sudhābhojanajātaka	Sudhābhojanajātakaṃ	Sudhābhojanajātakaṃ
536. Chuyện chim chúa Kuṇāla	Kuṇālajātaka	Kuṇālajātakaṃ	Kuṇālajātakaṃ
537. Chuyện Đại Sutasoma	Mahāsutasomajātaka	Mahāsutasomajātakaṃ	Mahāsutasomajātakaṃ
CHƯƠNG XXII: ĐẠI PHẨM	**MAHĀNIPĀTA**	**MAHĀNIPĀTO**	**MAHĀNIPĀTO**
538. Chuyện Vương tử què câm	Mūgapakkhajātaka	Mūgapakkhajātakaṃ	Mūgapakkhajātakaṃ
539. Chuyện Đại vương Mahājanaka	Mahājanakajātaka	Mahājanakajātakaṃ	Mahājanakajātakaṃ
540. Chuyện hiếu tử Sāma	Sāmajātaka	Sāmajātakaṃ	Suvaṇṇasāmajātakaṃ
541. Chuyện Đại vương Nimi	Nimijātaka	Nimijātakaṃ	Nimijātakaṃ
542. Chuyện đường hầm vĩ đại[1]	Khaṇḍahālajātaka	Khaṇḍahālajātakaṃ	Umaṅgajātakaṃ
543. Chuyện bậc Đại trí Bhūridatta	Bhūridattajātaka	Bhūridattajātakaṃ	Bhūridattajātakaṃ
544. Chuyện Candakumāra[2]	Mahānāradakassapa-jātaka	Mahānāradakassapa-jātakaṃ	Candakumārajātakaṃ

[1] Ngoại lệ: Vì đánh số theo bản CST nên số của câu chuyện số 542 này cũng theo bản CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 546.

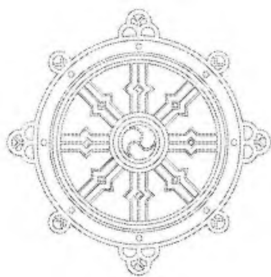
[2] Theo câu chuyện số 544 của CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 542.

545. Chuyện bậc Đại trí Nārada Kassapa[3]	Vidhurapaṇḍitajātaka	Vidhurajātakaṃ	Mahānāradakassapajātakaṃ
546. Chuyện bậc Đại trí Vidhura[4]	Mahāummaggajātaka	Ummaggajātakaṃ	Vidhurajātakaṃ
547. Chuyện Đại vương Vessantara	Vessantarajātaka	Mahāvessantarajātakaṃ	Vessantarajātakaṃ

Lưu ý:

1) Tựa các phẩm và câu chuyện theo nguyên tác Pāli bản PTS.

2) Bản Tích Lan đang đề cập dựa vào bản của Tỳ-khưu Indacanda phổ biến trên trang www.tamtangpaliviet.net.



[3] Theo câu chuyện số 545 của CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 544.
[4] Theo câu chuyện số 546 của CST, trong bản Tích Lan và PTS là số 545.

PHỤ LỤC 5

TÀI LIỆU THAM KHẢO PĀLI & TIẾNG ANH

(Được sử dụng trong bộ Tam tạng Thánh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ)

A. NGUYÊN BẢN PĀLI

Aṅguttara Nikāya, 6 vols., ed. by Morris, R., Hardy, E., Hunt, M. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1885-1910).

Aṅguttara Nikāya Aṭṭhakathā (*Manoratthapūraṇī*), 5 vols., ed. by Walleser, M. and Kopp, H. (London: PTS, 1924, etc.).

Apadāna, 2 vols., ed. by Lilley, M. E. (London: PTS, 1925-27).

Apadāna Aṭṭhakathā (*Visuddhajanavilāsinī*), ed. by Godakumbura, C. E. (London: PTS, 1954).

Buddhavaṃsa, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Buddhavaṃsa Aṭṭhakathā, ed. by Horner, I. B. (London: PTS, 1946).

Cariyāpiṭaka, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1974).

Cariyāpiṭaka Aṭṭhakathā, ed. by Barua, D. L. (London: PTS, 1939).

Cūlaniddesa, ed. by Stede, W. (London: PTS, 1918).

Cūlavaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1925-27).

Dhammapada, ed. by Sumangala, Venerable Suriyagoda (London: PTS, 1914).

Dhammapada Aṭṭhakathā, 5 vols., ed. by Smith, H., Norman, H. C., and Tailang, L. S. (London: PTS, 1906, etc.).

Dhammasaṅgaṇī, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dhammasaṅgaṇī Commentary, ed. by Müller, E. (London: PTS, 1985).

Dīgha Nikāya, 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1889-1910).

Dīgha Nikāya Aṭṭhakathā (*Sumaṅgalavilāsinī*), 3 vols., ed. by Rhys Davids, T. W. and Carpenter, J. E. (London: PTS, 1929-32).

Dīpavaṃsa, ed. and tr. by Oldenberg, H. (London: Williams and Norgate, 1879).

Itivuttaka, ed. by Windisch, E. (London: PTS, 1889).

Itivuttaka Aṭṭhakathā, 2 vols., ed. by Bose, M. M. (London: PTS, 1934-36).

Jātaka, 6 vols., ed. by Fausböll, V. (London: PTS, 1877-96).

Kathāvatthu, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1894-97).

Kathāvatthu Aṭṭhakathā, ed. by Jayawickrama, N. A. (London: PTS, 1979).

Khuddakapāṭha, ed. by Smith, H. (London: PTS, 1915).

Mahāvaṃsa, ed. by Geiger, W. (London: PTS, 1908).

Majjhima Nikāya, 3 vols., ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1888-99).

Majjhima Nikāya Aṭṭhakathā (*Papañcasūdanī*), 5 vols., ed. by Woods, J. H., Kosambi, D., and Horner, I. B. (London: PTS, 1922-38).

Mahāniddesa, 2 vols., ed. by Poussin, L. De La Vallée and Thomas, E. J. (London: PTS, 1916-17).

Milindapañha - Milinda Ṭikā, ed. by Trenckner, V. (London: PTS, 1880).

Nettipakaraṇa, ed. by Hardy, E. (London: PTS, 1902).

Niddesa Ṭikā (*Saddhammapajjoṭikā*), 3 vols., ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1939-40).

Paṭisambhidāmagga, 2 vols., ed. by Taylor, A. C. (London: PTS, 1905-07).

Paṭisambhidāmagga Aṭṭhakathā (*Saddhammappakāsinī*), 3 vols., ed. by Joshi, C. V. (London: PTS, 1933-47).

Paṭṭhāna, ed. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1908).

Petavatthu, ed. by Minayeff (London: PTS, 1888).

Vimānavatthu, ed. by Gooneratne, E. R. (London: PTS, 1886).

Puggalapaññatti, ed. by Moriss, R. (London: PTS, 1883).

Puggalapaññatti Aṭṭhakathā, ed. by Landsberg, G. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1914).

Saṃyutta Nikāya, 5 vols. and index, ed. by Peer, L. and Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1884-1904).

Saṃyutta Nikāya Aṭṭhakathā (*Sārattappakāsinī*), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1929-37).

Suttanipāta, ed. by Andersen, D. and Smith, H. (London: PTS, 1913).

Suttanipāta Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* II), 3 vols., ed. by Smith, H. (London: PTS, 1916-18).

Theragāthā - Therīgāthā, ed. by Oldenberg, H., and Pischel, R. (London: PTS, 1883).

Theragāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* V), 3 vols., ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1940-59).

Therīgāthā Aṭṭhakathā (*Paramatthajoṭikā* VI), ed. by Müller, E. (London: PTS, 1893).

Udāna, ed. by Steinthal, P. (London: PTS, 1885).

Udāna Aṭṭhakathā, ed. by Woodward, F. L. (London: PTS, 1926).

Vinaya Piṭaka, 5 vols., ed. by Oldenberg, H. (London: PTS, 1879-83).

Vibhaṅga, ed. by Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1904).

Vibhaṅga Aṭṭhakathā, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (London: PTS, 1923).

B. BẢN DỊCH TIẾNG ANH

A Buddhist Manual of Psychological Ethics, tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1900).

Buddhist Birth Stories, tr. by Rhys Davids, T. W. (London: Trübner and Co., 1880).

Compendium of Philosophy (The Summary of the Topics of Abhidhamma and Exposition of the Topics of Abhidhamma), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1910).

Cūlavaṃsa (Translation), 2 vols., tr. by Mrs. Rickmers, C. Mabel (London: PTS, 1929-30).

Dialogues of the Buddha, tr. by Rhys Davids, T. W., and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1899).

Divyāvadāna, ed. by Cowell, E. B. and Neil, R. A. (Cambridge: The University Press, 1886).

Points of Controversy (A Translation of the Kathāvatthu), tr. by Aung. S. Z. and Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1915).

Psalms of the Early Buddhists I - *Psalms of the Sisters* (A Translation of the Therīgāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1909).

Psalms of the Early Buddhists II - *Psalms of the Brethren* (A Translation of the Theragāthā), tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. (London: PTS, 1913).

The Book of the Discipline (A Translation of the Greater Part of the Vinaya Piṭaka), tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1881).

The Book of the Kindred Sayings, 5 vols., tr. by Mrs. Rhys Davids, C. A. F. and Woodward, F. L. (London: PTS, 1917-30).

The Book of the Gradual Sayings, 5 vols., tr. by Woodward, F. L. and Hare, E. M. (London: PTS, 1932-36).

The Collection of the Middle Length Sayings, 3 vols., tr. by Horner, I. B. (London: PTS, 1954-59).

The Jātaka or Stories of the Buddha's Former Births (A Translation of the Jātaka), 6 vols. and Index, tr. by Chalmers, R., Rouse, W. H. D., Francis, H. T., Neil, R. A., Cowell, E. B., and ed. by Cowell, E. B. (London: PTS, 1895-1913).

The Path of Purity, 3 vols., tr. by Pe, Maung Tin (London: PTS, 1922-31).

The Questions of King Milinda, tr. by Rhys Davids, T. W. (Oxford: The Clarendon Press, 1890).

C. SÁCH VÀ TẠP CHÍ TIẾNG ANH

Rhys Davids, C. A. F., *A Manual of Buddhism* (London: Sheldon Press, 1932).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism: A Study of the Buddhist Norm* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, C. A. F., *Buddhism* (London: PTS, 1912).

Rhys Davids, T. W., *American Lectures on Buddhism* (New York: G. P. Putnam'son, 1896).

Rhys Davids, T. W., *Buddhist India* (New York: G. P. Putnam'son; London: T. Fisher Unwin, 1903).

Tāranātha, *History of Buddhism in India*, tr. by Chipa, Lama; Chattopadhyaya, Alaka (from Tibetan), ed. by Chattopadhyaya, Debiprasad (Delhi: Motilal Banarsidass Publishers PVT. LTD., 1990 reprinted).

Warren, Henry Clarke, *Buddhism in Translations* (Cambridge Massachusetts: Hardvard University, 1922).

Journal of the Pali Text Society, ed. by Rhys Davids, T. W. (London: PTS, 1882, etc.).

Journal of the Royal Asiatic Society (London: Cambridge University Press, 1824).

D. TỪ ĐIỂN

Buddhist Hybrid Sanskrit Dictionary, by Edgerton, Franklin (Connecticut: Yale University, 1953).

Dictionary of the Pali Language, by Childers, R. C. (London: PTS, 1874).

A Critical Pali Dictionary, ed. by Trenckner, Vilhelm and Chalmers, Robert (Copenhagen Commissioner: Munksgaard, 1924).

Dictionary of Pali Proper Names, 2 vols., by Malalasekera, G. P. (London: John Murray, 1937-38).

Encyclopaedia of Buddhism, 6 vols., ed. by Malalasekera, G. P., Buswell, R. E., Weeraratne, W. G. and others (Government of Ceylon, 1961-99).

Encyclopedia of Religion and Ethics, ed. by Hastings, James (Edinburgh: T&T Clark, 1908-27).

English-Pāli Dictionary, ed. by Buddhadatta, Mahāthera A. P. (Ceylon: Colombo Apothecaries, 1955).

Pāli-English Dictionary, ed. by Rhys Davids, T. W. and Stede, William (London: PTS, 1921-25).

SÁCH DẪN TIẾNG VIỆT

A

B

C

D

Đ

G

H

K

L

M

N

P

Q

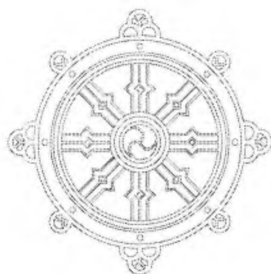
S

T

U

V

X



SÁCH DẪN PĀLI

A

Ā

I

Ī

U

E

O

K

KH

G

GH

C

CH

J

T

TH

D

DH

N

P

PH

B

BH

M

Y

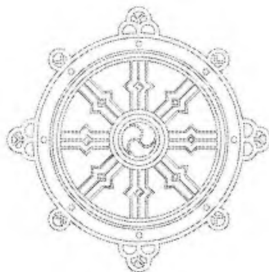
R

L

V

S

H



TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

CÚNG DƯỜNG PHÁP BẢO CAO QUÝ

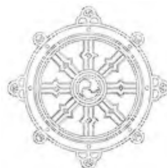
Trân trọng cảm niệm công đức của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử đã phát tâm trong sạch ủng hộ để bộ ***Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam*** được ấn tống cúng dường đến chư Tôn đức Giáo phẩm lãnh đạo GHPGVN, chư Tôn đức Tăng Ni trực thuộc các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh/ thành, các thư viện, các Tổ đình, tự viện tiêu biểu trong và ngoài nước. Sau đây là các đơn vị ủng hộ:

- Quỹ Thiện Tâm thuộc tập đoàn Vingroup: **3.000 bộ**.
- Quỹ Đạo Phật Ngày Nay: **1.500 bộ**.
- Quỹ Từ thiện Tu viện Tường Vân: **500 bộ**.
- Quỹ cúng dường ấn tống Pháp bảo cao quý tại văn phòng VNCPHVN do chư Tôn đức Giáo phẩm Tăng Ni, trụ trì, trụ xứ tại các Tổ đình, tự viện, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, quý Phật tử thiện hữu tri thức hữu danh, ẩn danh trong và ngoài nước đã góp phần hỗ trợ chi phí các mặt để việc ấn hành được thành tựu viên mãn.

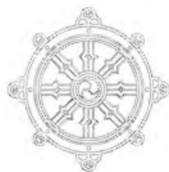
Thành kính cầu nguyện và hồi hướng quả lành của việc làm vô cùng giá trị, ý nghĩa này đến quý chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử, thân bằng quyến thuộc của quý vị luôn được tăng trưởng và thành tựu các phần phước báu đưa đến thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Cầu mong Phật pháp cửu trụ ta-bà, lợi lạc khắp nhân thiên.

Nam-mô Công Đức Lâm Bồ-tát Ma-ha-tát.



Thực hiện
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TAM TẠNG THÁNH ĐIỂN PHẬT GIÁO VIỆT NAM - TẬP 07
TAM TẠNG THƯỢNG TỌA BỘ - 07
KINH TIỂU BỘ (3)
(Khuddaka Nikāya)
Dịch giả: NGUYÊN TÂM – TRẦN PHƯƠNG LAN

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng Biên tập LÝ BÁ TOÀN

Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh

Sửa bản in
SC. Liên Kỉnh, Ngọc Thanh, Liên Ngọc,
Liên Nguyệt, Mỹ Hòa, Thủy Tiên

Trình bày
Đặng Thái Trung

Đối tác liên kết
VIỆN NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC VIỆT NAM
750 Nguyễn Kiệm - Phường 4 - quận Phú Nhuận - TP. Hồ Chí Minh

In: 7.000 bản, khổ: 19 x 27 cm, tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, Củ Chi, TP. HCM.
Số XNĐKXB: 2078-2021/CXBIPH/09-39/HĐ. Số QĐXB của NXB: 741/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 09 tháng 12 năm 2021. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-328-959-6

